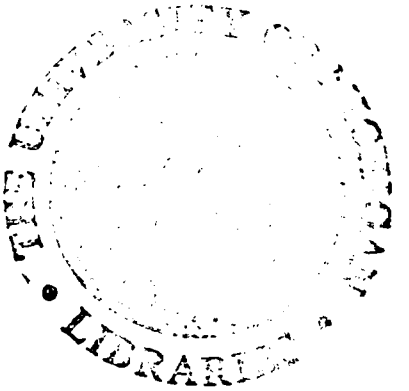


Digitized by Google

Digitized by Google

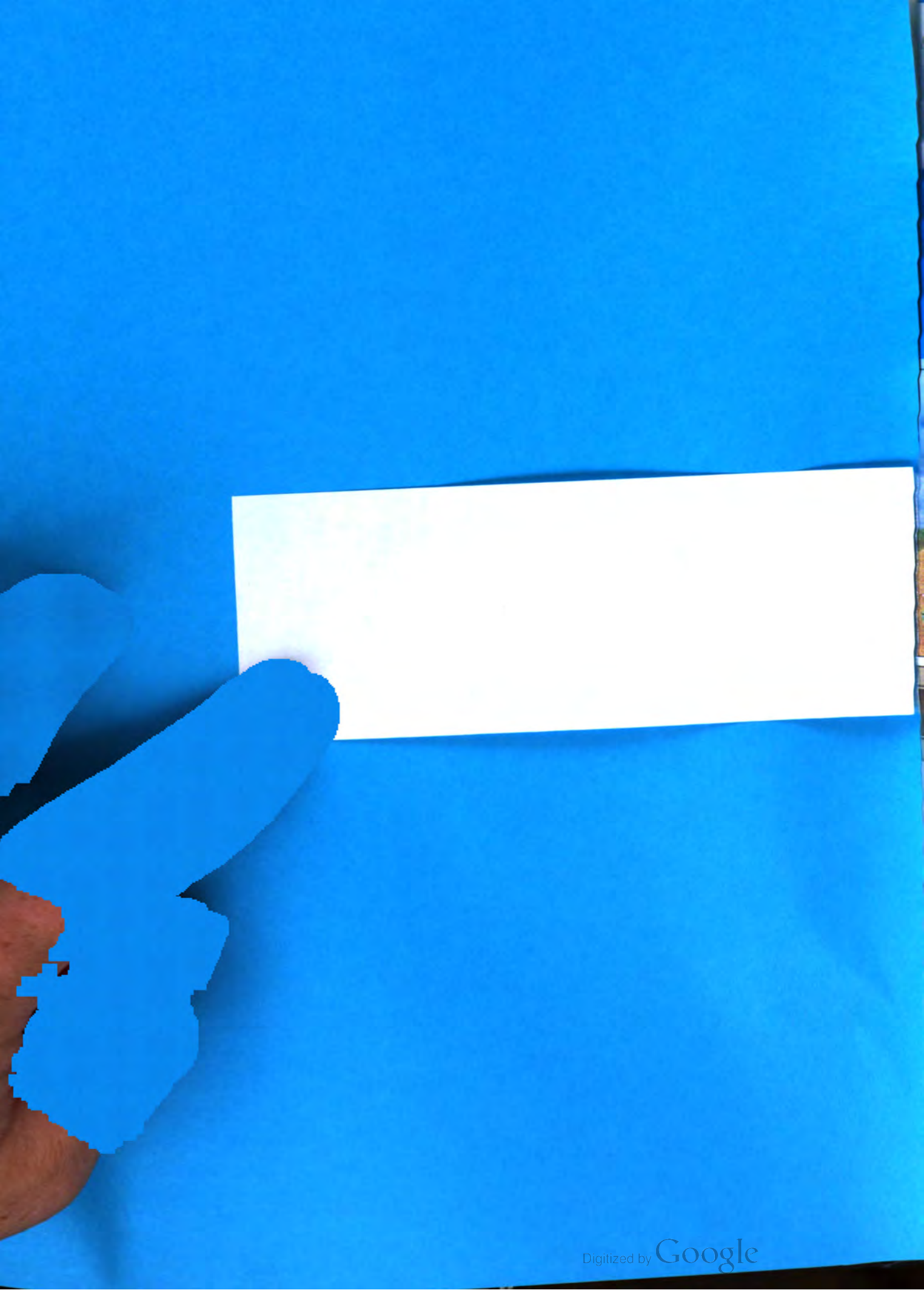
Digitized by Google

This volume is bound incomplete without

no. 12, 14-15, 19

which is/are unavailable

Digitized by Google


Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản







UNIV. OF MICH.
JUL 14 1997
CURRENT SERIALS

9
5-1997

Digitized by Google

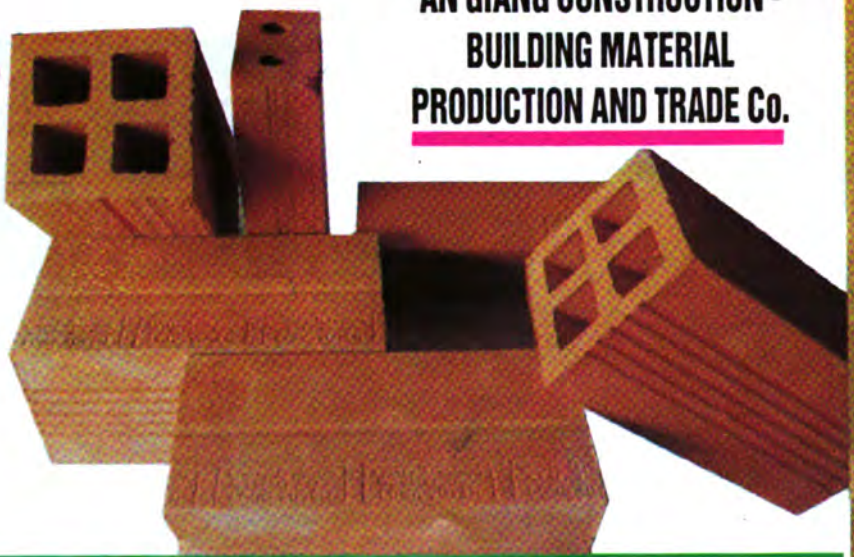
CÔNG TY XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG





Giám đốc : TRƯƠNG MINH TIẾN





AN GIANG CONSTRUCTION - BUILDING MATERIAL PRODUCTION AND TRADE Co.

A.G Constrcubmimex Co.

TRỤ SỞ : 316/1A TRẦN HƯNG ĐẠO, THỊ XÃ LONG XUYÊN - TỈNH AN GIANG
TEL : (076) 844487 - 843068 - 841609
FAX : 84.76.841280

CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG :

◘ Sản xuất :

NHÀ MÁY GẠCH NGÓI LONG XUYÊN
P. Bình Đức - thị xã Long Xuyên
Tel : (076) 836258.

Sản xuất ngói, gạch, gạch tàu, gạch trang trí, gạch 3 lỗ, gạch 10 lỗ... Máy chế biến, lò Tunel theo công nghệ Italy.

Tất cả sản phẩm đều đạt tiêu chuẩn quốc gia, được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang Singapore, Campuchia...

NHÀ MÁY XI MĂNG AN GIANG :
Xã Mỹ Thạnh - thị xã Long Xuyên.
Tel : 0.76.834328

Sản xuất xi măng đạt tiêu chuẩn PC 30 VN, công suất 100.000 tấn/năm.

Khai thác cát sông.

Nhận thầu xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, công trình chuyên dùng, công trình cấp, thoát nước, san lấp mặt bằng, trang trí nội thất...

◘ Kinh doanh :

- Xi măng, tấm lợp, sắt thép, gỗ tròn, gỗ xẻ
- và các loại vật liệu xây dựng khác.
- Kinh doanh phát triển nhà.
- Và các dự án đầu tư khác.

Công ty chúng tôi rất hân hạnh được đón tiếp và phục vụ quí khách hàng gần xa.

OPERATIONAL FUNCTIONS :

⊙ Production :

LONG XUYEN BRICKYARD
Binh duc ward, Long Xuyen town
Tel : (076) 836258.

Producing tiles, bricks, square floor tiles, decorative bricks, 3 hole, 10 hole bricks... Processing apparatuses and tunnel kiln are after Italian technology.

All products meet national standard, being consumed in domestic markets and exported to Singapore, Cambodia...

AN GIANG CEMENT PLANT :
My Thanh village, Long Xuyen town
Tel : (076) 834328.

Producing cement of VN PC 30 standard, capacity 100,000 tons/year.

- Exploiting river sand
- Contracting for construction of industrial, civil works, specialized works, water supply and drainage works, floor levelling, interior decoration...

⊙ Trade :

- Cement, roofing sheet, iron and steel, log, lumber and other building materials.
- Housing development trade.
- And other investment projects

It's our honor to welcome and serve customers far and near.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 519 — THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	VÕ NGUYÊN GIÁP - Một số nội dung trong tư tưởng nhân văn, đạo đức, văn hóa Hồ Chí Minh	3
	NGUYỄN VĂN TƯ - Mười năm đổi mới của công đoàn Việt nam	10
	NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Công tác xây dựng đảng trong các trường đại học và cao đẳng ở Hà nội	14
	LÊ HỮU NGHĨA - Kinh tế thị trường và công tác tư tưởng	19
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGUYỄN NGỌC TUẤN - Mười năm đổi mới kinh tế - nhìn lại và bước tiếp	23
	NHỊ LÊ - Về tính đa dạng của khả năng đi lên chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Các Mác	27
	TRẦN XUÂN SẦM - Mấy yêu cầu cơ bản về trình độ trí tuệ và phẩm chất cách mạng của người cán bộ hiện nay	31
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	LÊ VĂN DỸ - Thực hiện một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Bà rịa - Vũng tàu	36
	LÊ QUÝ ĐÔN - Phát triển dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở huyện Gia lâm, Hà nội	41
	LÊ THƯỚC - Để ngành xe đạp, xe máy đủ sức cạnh tranh và vươn lên làm chủ thị trường	43
	VŨ XUÂN KIỀU - Một vụ án - đôi điều suy ngẫm	48
ĐỌC SÁCH	ĐỖ ĐỨC THẢO - Văn hóa Mỹ qua con mắt của một nhà nghiên cứu Việt nam	51
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	HỒNG NGỌC - Đàm thoại	56
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	TRỊNH CƯỜNG - Tham nhũng và chống tham nhũng ở một số nước trên thế giới	57
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội nghị sơ kết rút kinh nghiệm xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh	60

Bìa 1 : Nông nghiệp và công nghiệp trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Ảnh : **TTXVN - ĐINH QUANG THÀNH**

11 80 AA XL2 03/99 02-013-01 GBC 813

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ВО НГУЕН ЗАП - Некоторое содержание гуманных идей, морали и культуры Хо Ши Мина. НГУЕН ВАН ТЫ - 10 лет обновления вьетнамских профсоюзов. НГУЕН ФУ ЧОНГ - Партийное строительство в университетах, учебных институтах и колледжах Ханоя. ЛЕ ХЫУ НГИЯ - Рыночная экономика и идеологическая работа. НГУЕН НГОК ТУАН - Обратный взгляд на 10 лет курса экономического обновления и его дальнейшие шаги. НИ ЛЕ - О разнообразии возможных путей к социализму, как выдвинутом в концепциях К. Маркса. ЧАН СУАН ШАМ - Некоторые главные требования к интеллектуальному уровню и революционным качествам нынешних кадров. ЛЕ ВАН ЗИ - Делать один шаг в индустриализации и модернизации в провинции Ба Риа - Вунг Тау. ВУ СУАН КИЕУ - Некоторое мышление над одним судебным делом. ДО ДЫК ТХАО - Культура США в глазах одного вьетнамского исследователя. ЧИНЬ КЫОНГ - Коррупция и борьба против коррупции в некоторых странах мира.

CONTENTS

VÕ NGUYÊN GIÁP - Some contents of Ho Chi Minh's humanistic ideas morality and culrure. NGUYÊN VĂN TƯ - Ten years of renovation of Vietnam's Trade Union. NGUYÊN PHÚ TRỌNG - The work of Party building in universities and colleges of Hanoi. LÊ HỮU NGHĨA - Market economy and the ideological task. NGUYÊN NGỌC TUÂN - Economic renovation over 10 past years - looking back and marching forwards. NHỊ LÊ - About the great possible number of the paths to Socialism as presented in Karl Marx's concepts. TRẦN XUÂN SẦM - Major requirements for intellectual level and revolutionary dignity of cadres at present. LÊ VĂN DỸ - Fulfilling a further stage of the industrialization and modernization in Ba Ria - Vung Tau province. VŨ XUÂN KIỂU - Thinking over a case. ĐỖ ĐỨC THẢO - Amercan culture as it is viewed by a Vietnamese cultural researcher. TRỊNH CƯỜNG - Corruption and the anti-corruption struggle in some countries.

SOMMAIRE

VÕ NGUYÊN GIÁP - Quelques contenus de la pensée humaine, morale et culturelle de Ho Chi Minh. NGUYÊN VĂN TƯ - Le Syndicat vietnamien après 10 ans de renouveau. NGUYÊN PHÚ TRỌNG - Le travail d'édification du Parti dans les universités et écoles supérieures de Hanoi. LÊ HỮU NGHĨA - L'économie de marché et le travail idéologique. NGUYÊN NGỌC TUÂN - 10 ans de renouveau économique - regard rétrospectif et chemin à parcourir. NHỊ LÊ - Sur la diversité de la capacité d'aller au socialisme dans la pensée de Karl Marx. TRẦN XUÂN SẦM - Quelques exigences de base du niveau intellectuel et de la qualité révolutionnaire d'un cadre à l'heure actuelle. LÊ VĂN DỸ - Un pas de la réalisation de l'industrialisation et de la modernisation à la province de Ba Ria - Vung Tau. VŨ XUÂN KIỂU - Quelques réflexions sur un procès. ĐỖ ĐỨC THẢO - La culture américaine sous les yeux d'un chercheur vietnamien. TRỊNH CƯỜNG - La corruption et la lutte anti-corruption dans certains pays du monde.

SOMARIO

VÕ NGUYÊN GIÁP - Algunos contenidos en el pensamiento humano, moral y cutural de Ho Chi Minh. NGUYÊN VĂN TƯ - Diez años de renovación de los Sindicatos de Vietnam. NGUYÊN PHÚ TRỌNG - El trabajo de construcción del Partido en las Universidades y Escuelas Superiores en Hanoi. LÊ HỮU NGHĨA - La economía de mercado y el trabajo ideológico. NGUYÊN NGỌC TUÂN - Diez años de la renovación económica - una mirada retrospectiva y su avance. NHỊ LÊ - Sobre la diversidad del posible avance hacia el socialismo en el pensamiento de Carlos Mark. TRẦN XUÂN SẦM - Algunas exigencias básicas del nivel intelectual y la cualidad revolucionaria del cuadro en la actualidad. LÊ VĂN DỸ - Un paso de industrialización y modernización en la provincia de Ba Ria - Vung Tau. VŨ XUÂN KIỂU - Un proceso - Algunas reflexiones. ĐỖ ĐỨC THẢO - La cultura norteamericana a los ojos de un investigador vietnamita. TRỊNH CƯỜNG - La corrupción y la anticorrupción en algunos países del mudo.

目錄

•武元甲：胡志明人文、道德、文化思想中的一些內容•阮文思：越南工會十年來的更新•阮富仲：河內高等院校中的建黨工作•黎右義：市場經濟與思想工作•阮玉詢：回顧十年來的經濟革新，並不斷向前邁進•貳黎：馬克思思想中有關向社會主義邁進的能力的多樣性•陳春岑：對當今幹部的素質與革命品質的一些基本要求•黎文已：在巴地一頭頓省進一步實現工業化、現代化•武春喬：一個案件，一些想法•杜德草：一位越南研究者眼里的美國文化•鄭強：世界上一些國家的貪污腐敗與反貪污腐敗問題

Digitized by Google

MỘT SỐ NỘI DUNG TRONG TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN, ĐẠO ĐỨC, VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH

Đại tướng VÕ NGUYÊN GIÁP

TRONG lịch sử tư tưởng nhân loại, từ xưa đến nay, đã có nhiều học thuyết, tư tưởng đề cập đến số phận con người, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của con người muốn được giải tỏa khỏi những bế tắc trong cuộc sống, giải thoát khỏi những hạn chế ràng buộc của tự nhiên, xã hội và của bản thân con người. Đó chính là tư tưởng nhân văn, nhân đạo được thể hiện ở những mức độ, trình độ khác nhau, tiếp cận từ những giác độ khác nhau.

Nhưng các tư tưởng nhân văn, nhân đạo ấy phần lớn chỉ dừng lại ở ước mơ, hoặc vạch ra con đường, phương pháp sai lầm, ảo tưởng để xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Điều này có thể thấy trong khá nhiều học thuyết, kể cả các tôn giáo.

Là một học thuyết mang tính cách mạng và khoa học, Mác - Ăng-ghen đã nâng chủ nghĩa xã hội không tưởng thành chủ nghĩa xã hội khoa học, vạch ra con đường giải phóng giai cấp vô sản và nhân dân lao động bị áp bức, giải phóng con người và loài người một cách triệt để. Chính vì vậy Mác đã gọi học thuyết của mình là "chủ nghĩa nhân đạo hiện thực".

Nghiên cứu cuộc đời và tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta thấy rất rõ ở Người chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân ái, truyền thống văn hóa Việt nam, tư tưởng nhân văn, nhân đạo trong văn hóa phương Đông, phương Tây, và sự phát triển chủ nghĩa nhân đạo hiện thực của chủ nghĩa Mác. Sự tổng hợp đó hình thành nên chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh - hiện thân cao nhất của chủ nghĩa nhân văn hiện thực của con người Việt nam trong thời đại cách mạng giải phóng dân tộc và xã hội chủ nghĩa.

*

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh biểu hiện ở tấm lòng thương yêu con người, thương yêu nhân dân hết sức rộng lớn, sâu sắc. Người đã từng khái quát về triết lý cuộc sống : "Nghĩ cho cùng, mọi vấn đề... là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ và bị áp bức"(1).

Trong lịch sử dân tộc và thế giới, đã từng xuất hiện biết bao tấm gương yêu nước, thương dân, thương số phận đau khổ của con người... Nhưng, ở Hồ Chí Minh, lòng yêu nước, thương dân, thương nhân loại mang một nội dung mới, sâu sắc, toàn diện hơn, thương yêu, quý trọng và tin tưởng vào sức mạnh con người, quyết tâm hành động để giải phóng con người.

Đó không phải là lòng thương hại của "bề trên" nhìn xuống, cũng không phải là sự động lòng trắc ẩn của người "đứng ngoài" trông vào, mà là sự đồng cảm của những người cùng cảnh ngộ. Là một người dân mất nước, Người nhận thức sâu sắc sự thống trị tàn bạo của đế quốc thực dân, khát vọng cháy bỏng được giải phóng của dân tộc bị áp bức. Trong cuộc đời, Người đã từng trải qua và chứng kiến biết bao nỗi đau thương ngang trái bất công. Đó là nỗi khổ đau của Người khi phải bế em đi xin sữa. Mẹ chết không được khóc, bố bị nỗi oan và bị đẩy đi xa. Đó là cảnh nghèo đói của dân quê Nghệ tĩnh, cảnh khổ sở của những dân phu làm đường Cửa rào, Trấn ninh. Đó là cảnh những phu xe gầy ốm, những người bán hàng rong lam lũ bên cạnh cuộc sống phè phỡn, xa hoa của bọn thống trị thực dân và vua quan cai trị, cảnh đấu tranh và bị đàn áp của nông dân chống thuế mà Người trực tiếp chứng kiến và giúp đỡ... Rồi đến những cảnh dân các thuộc địa khác bị đàn áp. Hình ảnh người dân da đen ở Đa-ca (Xê-nê-gan) bị đẩy xuống biển chết trong gió to sóng lớn, những phụ nữ bị hãm hiếp, trẻ em bị phơi đói ở Đa-hô-mây, và những người dân thuộc địa bị bắt lính đi chết thay cho "mẫu quốc". Đó là cảnh phân biệt chủng tộc

(1) Hồ Chí Minh : *Nhà nước và pháp luật*, Nxb Lao động, 1971, tr 138, 142

Digitized by Google

và đời sống khổ sở, bần cùng của người dân lao động ở các nước tư bản như đời sống của dân da màu ở Mỹ ; đời sống lam lũ của "xóm thợ, xóm nghèo, xóm người cùng khổ" Ê-pi-nét ngay giữa thủ đô Pa-ri mà Người đã tận mắt trông thấy. Những hình ảnh, những sự kiện đó đã tác động sâu sắc đến tình cảm, tư tưởng của Người.

Cũng như biết bao nhà nhân đạo chủ nghĩa khác, Hồ Chí Minh thương người cùng khổ. Nhưng, với Người, "Người cùng khổ" rất rộng bao gồm : Những người dân Việt nam và nhân dân các nước thuộc địa, bị mất nước, sống cuộc đời nô lệ, "không có tự do, công lý", bị "áp bức bóc lột", bị "đầu độc", bị "đẩy vào vòng ngu dốt, tối tăm", "bị bắt làm lao dịch, khổ sai và đi làm lính đánh thuê cho mẫu quốc", "sống nghèo đói, cực khổ"... và cả những người dân lao động ở các nước tư bản, những người trực tiếp sản xuất ra của cải nhưng sống đói nghèo, cùng khổ, thiếu thốn.

Hồ Chí Minh nói tới con người, "nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn, nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người". Là nhà cách mạng đứng về phía người cùng khổ nói về loài người, về con người rộng lớn, Người phân biệt : "Trừ bọn việt gian bán nước, trừ bọn phát xít thực dân, là những ác quỷ mà ta phải kiên quyết đánh đổ, đối với tất cả những người khác thì ta phải yêu quý, kính trọng, giúp đỡ... Phải thực hành chữ BÁC ÁI"(2).

Người khẳng định : "lòng thương yêu của tôi đối với nhân dân và nhân loại không bao giờ thay đổi". Tình cảm, tư tưởng đó thể hiện sâu sắc, phong phú trong suốt cuộc đời của mình. Trước lúc đi xa, trong Di chúc, Người viết : "Đầu tiên là công việc đối với con người" và "Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế".

Xưa nay, giai cấp thống trị thường coi khinh quần chúng lao động cho là đám người ngu dốt, tiêu cực, thụ động. Ngay với giai cấp vô sản chính quốc, tuy cũng là những người lao động, bị áp bức bóc lột, có mối quan hệ với các dân tộc thuộc địa, nhưng đến đầu thế kỷ XX rất nhiều người trong số họ vẫn quan niệm : "Người bản xứ là một hạng người thấp kém, không đáng kể, không có khả năng để hiểu biết được và càng không có khả năng hoạt động"(3).

Nhưng ở Hồ Chí Minh, lòng thương yêu nhân dân gắn liền với lòng tin mãnh liệt vào sức mạnh, tính chủ động sáng tạo của nhân dân. Đó chính là vì Người đã tiếp thu tư tưởng của Nguyễn Trãi coi sức dân mạnh như nước : "đẩy thuyền cũng là nước, lật thuyền cũng là nước", tiếp thu quan điểm mác xít về vai trò của quần chúng, và từ quan sát thực tiễn đã cho Người quan niệm như vậy. Người nói "Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân"(4). "Dân chúng biết nhiều cách giải quyết vấn đề một cách mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra". Vì vậy, những người cách mạng không phải chỉ lãnh đạo mà còn phải học tập quần chúng nhân dân. Từ đó, Hồ Chí Minh rất quan tâm tới việc giáo dục, giác ngộ quần chúng, tổ chức quần chúng, đem sức mạnh của quần chúng mà chiến thắng sức mạnh vật chất của giai cấp thống trị, của kẻ thù. Cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công chính là một minh chứng cho quan điểm này của Người.

Yêu quý con người là phải làm những việc thiết thực, có ích cho con người. Sau Cách mạng Tháng Tám, khi bàn đến những nhiệm vụ cấp bách của cả nước, Người đã nêu nhiệm vụ "chống giặc dốt", cùng với việc chống giặc đói và giặc ngoại xâm... Người chỉ rõ : Dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp, 90% đồng bào ta mù chữ, mà "một dân tộc dốt là một dân tộc yếu", nên cần phải phát động chiến dịch "chống giặc dốt", "xóa nạn mù chữ". Người nói : Chế độ thực dân đã đầu độc dân ta bằng rượu và thuốc phiện. Nó đã dùng mọi thủ đoạn để hủ hóa dân tộc chúng ta bằng những thói xấu lười biếng, gian xảo, tham ô và những thói xấu khác. Chúng ta phải làm sao cho dân tộc ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt nam độc lập.

Để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, Người chỉ rõ là phải "đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân...", phát động mạnh mẽ tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, hết sức coi trọng khoa học, kỹ thuật, trọng dụng và đào tạo nhân tài. Người yêu cầu : "Công nông phải trí thức hóa" và "tri thức phải gắn bó với công nông, ra sức phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 5, tr 644
(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, 1995, t 1, tr 64
(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, 1995, t 8, tr 276

Digitized by Google

Không chỉ quan tâm đến quyền lợi, nguyện vọng đời sống của cả dân tộc, Người còn quan tâm đến những nhu cầu, nguyện vọng riêng của mỗi lớp người, thậm chí mỗi người. Người luôn nhắc nhở phải chú ý đến đời sống tâm linh và nhu cầu tín ngưỡng của đồng bào có đạo, chú ý đến phụ nữ và "sự nghiệp giải phóng phụ nữ", chú ý đến lớp thanh niên "thế hệ kế tục tương lai" v.v. ... Trước lúc đi xa, trong Di chúc, Người đã dành trọn hai trang nói về những việc cần làm sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi. Trong đó, Người gợi ý Đảng, Nhà nước phải có chính sách và việc làm thiết thực đối với các lớp người. Chẳng hạn : Đối với những người đã hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần "tự lực cánh sinh".

Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta.

Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương... phải giúp đỡ họ có công ăn việc làm thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.

Đối với những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong, "Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta". v.v và v.v. Thậm chí, Người cũng không quên những nạn nhân của chế độ xã hội cũ như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu v.v. Đối với họ "thì nhà nước phải vừa dùng giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp đỡ họ trở nên những người lao động lương thiện".

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh rằng, muốn giải phóng triệt để con người thì phải xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng, "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa". Do đó, tư tưởng xây dựng con người, giải phóng con người về mặt phẩm chất, nhân cách cũng như về tài năng trí tuệ là một bộ phận quan trọng của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. Người vạch rõ : "Người ta ai cũng có tính tốt và tính xấu. Mỗi con người đều có thiện và ác trong lòng". Tuy nhiên, "thiện" và "ác" không phải tự nhiên mà có, mà "phần lớn do giáo dục mà ra". Vì vậy, thái độ của người cách mạng là "phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi"(5).

Trong việc giải phóng con người, Hồ Chí Minh chú ý kết hợp hài hòa giữa cá nhân và tập thể, cộng đồng. Trong bài "Đời sống mới", Người viết : "Do nhiều người nhóm lại mà thành làng. Do nhiều làng nhóm lại mà thành nước. Nếu người này cũng xấu, người kia cũng xấu, thì thành làng xấu, nước hèn. Nếu mỗi người đều tốt thì thành làng tốt, nước mạnh. Người là gốc của làng nước. Nếu mọi người đều cố gắng làm đúng đời sống mới, thì dân tộc nhất định sẽ phú cường"(6).

Người đặc biệt quan tâm và tôn trọng "tính cách riêng", "sở trường riêng", "đời sống riêng", quyền lợi riêng của mỗi người, nhằm phát huy đến mức cao nhất vai trò, khả năng của từng người, vì lợi ích riêng chính đáng của mỗi người và lợi ích của cả cộng đồng. Đối với những người lầm đường lạc lối hay phạm sai lầm, những binh sĩ địch, lòng thương yêu của Người mở rộng thành lòng "khoan dung" : "Năm ngón tay cũng có ngón dài ngón ngắn. Nhưng ngắn dài đều họp nhau nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này, thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ..."

Người lưu ý rằng, sự nghiệp giải phóng con người khỏi những ràng buộc, kìm hãm của các quan hệ xã hội lạc hậu, bảo thủ, của quan hệ phụ thuộc và đối lập với tự nhiên và của những lực lượng bản năng trong mỗi con người... là sự nghiệp "to lớn, nặng nề, phức tạp, mà cũng rất vẻ vang". Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này, "cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân".

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn khoa học, hiện thực cách mạng. Người ta thường cho rằng Hồ Chí Minh là một nhà triết học hành động thì cũng có thể nói nhà nhân văn Hồ Chí

(5) Xem Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, 1989, t 10, tr 666

(6) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, 1995, t 5, tr 98 - 99

Digitized by Google

Minh là một nhà nhân văn hành động - hành động nhằm giải phóng con người.

*

Hồ Chí Minh là một trong những nhà tư tưởng, những lãnh tụ cách mạng quan tâm nhiều đến vấn đề đạo đức và có nhiều cống hiến về tư tưởng đạo đức cách mạng. Không những thế, bản thân Người là một tấm gương mẫu mực về đạo đức cách mạng.

Trước hết, Người xem đạo đức cách mạng là cái gốc, là nền tảng của người cách mạng, Người nhấn mạnh : "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì"(7). Và "Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang"(8).

Người ca ngợi Lê-nin, không chỉ về mặt lý trí, về "sự thông thái", "thiên tài" mà chính là về đạo đức cao đẹp, vĩ đại của Lê-nin. Người viết : "Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi"(9).

Nhấn mạnh đạo đức là gốc, Hồ Chí Minh không coi nhẹ tài năng vì phải có tài năng, có tri thức mới hoàn thành tốt đẹp mọi nhiệm vụ. Năm 1959 Người nói với các giáo viên đang học lớp chính trị : "Có tài mà không có đức là hỏng. Có đức mà chỉ i tờ thì dạy thế nào ? Đức phải có trước tài"(10).

Trong tác phẩm "Đường cách mệnh" (năm 1927), mở đầu Người viết "Tư cách một người cách mệnh". Trong một tài liệu khác do Người soạn thảo năm 1940 để huấn luyện cán bộ, có 6 bài thì bài thứ 6 là "Tư cách người cán bộ cách mạng". Năm 1946 trong điều kiện vô cùng bận rộn, Người đã viết nhiều thư gửi các đồng chí Nghệ tĩnh, các đồng chí Bắc kỳ, Trung kỳ nhắc nhở phải giữ vững tư cách, đạo đức người cán bộ cách mạng, ngăn ngừa và kiên quyết khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong tư cách người lãnh đạo, người nắm chính quyền. Năm 1947 Người viết "Sửa đổi lối làm việc", trong đó Người căn dặn phải rèn luyện đạo đức cách mạng, ra sức chống những thói hư, tật xấu như lên mặt làm quan cách mạng, hẹp hòi, hủ hóa, tư túi... Tiếp đến những năm sau, Người viết các bài "Đạo đức cách mạng", "Cần kiệm liêm chính". Cho đến năm 1969 trước lúc đi xa, Người viết : "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân". Trong Di chúc, Người căn dặn : "Trước hết phải chỉnh đốn đảng", "phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ (đoàn viên và thanh niên Việt nam - VNG), đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa "hồng" vừa "chuyên".

Người đã vạch rõ đạo đức chúng ta xây dựng là đạo đức mới, đạo đức cách mạng ; nó tiếp thu, kế thừa truyền thống đạo đức cổ truyền như "lòng yêu nước, thương dân", "tinh thần tương thân, tương ái" v.v... nhưng nó khác về bản chất đạo đức cũ, đạo đức phong kiến, tư sản. Người viết : "Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất, chân chổng lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngẩng lên trời"(11). Đạo đức mới là đạo đức cách mạng, đạo đức cộng sản chủ nghĩa trong đó có sự kết hợp giữa đạo đức của giai cấp công nhân với truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa đạo đức nhân loại.

Trong khi đề cập đến những nội dung, những chuẩn mực cơ bản của đạo đức mới, Người có sử dụng một số mệnh đề cũ của đạo đức Nho giáo, một số thành ngữ dân gian... như "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư" ; "Trung hiếu" ; "Giàu sang không quyến rũ, nghèo khó không chuyển lay, uy vũ không khuất phục...", nhưng với một tinh thần mới là : vì nhân dân, vì Tổ quốc.

Người nêu những chuẩn mực chung, có ý nghĩa cơ bản và có tính phổ cập đối với mọi người, mọi tầng lớp

(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, 1995, t 5, tr 252 - 253

(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, 1996, t 9, tr 283

(9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, 1995, t 1, tr 295

(10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, 1996, t 9, tr 492

(11) Hồ Chí Minh : *Sđd*, 1995, t 6, tr 320 - 321

Digitized by Google

như : "... Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ. Nhân dân có *quyền lợi* làm chủ, thì phải có *nghĩa vụ* làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân, tức là :

- Tuân theo pháp luật nhà nước.
- Tuân theo kỷ luật lao động.
- Giữ gìn trật tự chung.
- Đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung.
- Hăng hái tham gia công việc chung.
- Bảo vệ tài sản công cộng.
- Bảo vệ Tổ quốc" (12).

Người còn nêu lên những chuẩn mực cụ thể đối với từng lớp người, từ thanh niên, phụ nữ, thiếu niên, tới các chiến sĩ trong lực lượng vũ trang... Đặc biệt, Người luôn luôn nói tới đạo đức của cán bộ, đảng viên, vì đây là vấn đề rất quan trọng. Người nói : "Nói tóm tắt, thì đạo đức cách mạng là :

Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất.

Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng.

Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc.

Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ"(13).

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú ý đến việc làm sao xây dựng được đạo đức cách mạng. Nắm vững đặc điểm và quy luật của sự hình thành đạo đức, Người nói "đạo đức không phải từ trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong."

Khác với sự hình thành và tác dụng điều chỉnh hành vi của pháp luật là bắt buộc, cưỡng bức, đạo đức chỉ có thể hình thành và phát triển trên tinh thần tự giác, tự nguyện, dựa vào lương tâm của mỗi người và dư luận của quần chúng. Vì vậy, Người yêu cầu cán bộ, đảng viên thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình. Phải gắn việc rèn luyện đạo đức với công tác thực tế. Người vạch rõ : "tư tưởng cộng sản với tư tưởng cá nhân ví như lúa với cỏ dại. Lúa phải chăm bón rất khó nhọc thì mới tốt được. Còn cỏ dại không cần chăm bón cũng mọc lu bù. Tư tưởng cộng sản phải rèn luyện gian khổ mới có được. Còn tư tưởng cá nhân thì cũng như cỏ dại, sinh sôi, nảy nở rất dễ"(14).

Nhấn mạnh sự nguy hại của chủ nghĩa cá nhân, Người luôn nhắc nhở phải kiên quyết đấu tranh khắc phục chủ nghĩa cá nhân vì : Chủ nghĩa cá nhân trái với đạo đức cách mạng, nếu còn lại trong mình ít thôi thì nó chờ dịp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng, để ngăn trở một lòng, một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng. "Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra hàng trăm thứ tính xấu như siêng ăn, biếng làm, kèn cựa, nghĩ đến mình không nghĩ đến đồng bào, tham danh lợi, địa vị v.v...". "Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian giảo, xảo quyệt, nó khéo dỗ dành ta đi xuống dốc. Mà ai cũng biết rằng xuống dốc thì dễ hơn lên dốc, vì thế càng nguy hiểm". Do đó "muốn có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, muốn có đạo đức cách mạng, phải gột rửa chủ nghĩa cá nhân".

Người thấy rất rõ vai trò của việc nêu gương, nhất là đối với người phương Đông "Một tấm gương sáng còn hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền". Do vậy, Người chủ trương phải nêu gương "người tốt, việc tốt". Theo Người, lấy gương "người tốt, việc tốt" để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Người hàng nghìn gương "người tốt, việc tốt" đã được phát hiện và giới thiệu trên các báo của trung ương, địa phương, của ngành. Năm 1969, các nhà xuất bản đã tập hợp, tuyển chọn in thành 6 tập : "Vì nước vì dân", "Dũng cảm đảm đang", "Thế hệ anh hùng", "Việc nhỏ nghĩa lớn"... và có tác dụng rất tốt.

Trong việc nêu gương, Người lại yêu cầu : "cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong mọi công việc", "đảng viên đi trước làng nước theo sau", "Mỗi đảng viên phải nhận rõ nhiệm vụ của mình là phải tiến bộ trong công tác, tiến bộ về tư tưởng, làm gương mẫu trong mọi công việc, đồng thời lấy tinh thần của người đảng viên cộng sản giúp đỡ anh em ngoài đảng cùng

---

(12) Hồ Chí Minh : *Sđd*, 1996, t 7, tr 452
(13) Hồ Chí Minh : *Sđd*, 1996, t 9, tr 285
(14) Hồ Chí Minh : *Sđd*, 1996, t 9, tr 448

Digitized by Google

tiến bộ". Còn bản thân Người là tấm gương sáng, là hiện thân của nền đạo đức cách mạng Việt nam, mãi mãi là ngọn đèn pha chiếu rọi con đường rèn luyện, phấn đấu để trở nên tốt hơn, đạt đến "chân, thiện, mỹ" của con người Việt nam ngày nay và mai sau.

*

Văn hóa là sự kết tinh những giá trị cao quý nhất, đẹp đẽ nhất của con người, của đời sống một dân tộc, một xã hội. Có thể nói, văn hóa nói chung là trình độ "Người", trình độ "Người" của những quan hệ xã hội, bao gồm tất cả những gì liên quan đến sáng tạo của con người, được hun đúc qua các thế hệ biến thành truyền thống bền vững, thành bản sắc của dân tộc, của xã hội, thành động lực cho sự phát triển của con người, của dân tộc và của xã hội loài người.

Là một nhà văn hóa lớn - như nhà thơ Ôxíp Man-den-stam nhận xét từ 1923 : "Từ Nguyễn Ái Quốc tỏa ra một nền văn hóa, không phải văn hóa châu Âu, mà có lẽ là nền văn hóa của tương lai [15]" - Hồ Chí Minh có những tư tưởng rất đặc sắc về văn hóa. UNESCO đánh giá về Người : "Sự đóng góp về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống hàng ngàn năm của nhân dân Việt nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau"[16].

Thực vậy, ngay từ những năm đầu cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, Hồ Chí Minh đã có ý thức rõ ràng về bản sắc và giá trị của văn hóa dân tộc. Hồ Chí Minh cho rằng, văn hóa của người Việt nam là điều đáng tự hào. Bằng chứng là - Người nói - chính ông toàn quyền Đông dương đã thừa nhận và tỏ lòng khâm phục "sự cần cù không mệt mỏi" của nhân dân Việt nam ; "cơ sở tổ chức đáng khen" ở khắp nông thôn và chốn kinh kỳ, nếp sống "trên kính dưới nhường, thờ phụng tổ tiên" của các gia đình Việt nam ; và "những câu châm ngôn làm vẻ vang cho nhân loại ở khắp các đền chùa"[17].

Người rất tâm đắc với sự đánh giá của nhà nghiên cứu Đờ-puốc-vin về văn hóa Việt nam : "Chúng ta thấy ở đây cả một nền văn minh, mọi thứ đều xây dựng từ lâu. Nghệ thuật, khoa học, kể cả khoa học quản lý nhà nước đều đã phát triển mạnh mẽ. Luật pháp, cổ phong, tôn giáo, văn học, tất cả đều đã hoàn chỉnh và hòa hợp với nhau, trải qua bao thế kỷ, đã được điều hòa và ngày càng hoàn hảo thêm. Những vết tích man rợ đã mất đi từ lâu, dân tộc này đã sống trong một xã hội thuần thục có tổ chức trong khi người phương Tây còn ở trình độ bán khai" và con người Việt nam : "Đó là yêu mến quê hương, quyến luyến gia đình, tôn kính tổ tiên, yêu chuộng công lý, tôn trọng chính nghĩa, ham thích khoa học, coi trọng lời nói thánh hiền, thương yêu nòi giống, tôn kính lẽ phải ; ghét xa hoa, không hám tiền tài, khinh ghét vũ lực, không sợ gian khổ, hy sinh". Hồ Chí Minh cho rằng lời thú nhận sau đây là đúng. "Xã hội cũ An nam tổ chức tốt như thế đã bị chúng ta phá hủy, chúng ta tìm cách thay thế nó bằng những tổ chức thô sơ theo kiểu Pháp nhưng vô hiệu.

Khắp nơi, người ta vi phạm luật lệ của người An nam, coi thường phong tục, cướp bóc tài sản... đến cái vẻ công lý cũng không còn ..."[18]

Hồ Chí Minh quan niệm "Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn[19]". Văn hóa là linh hồn, bản sắc, cốt tủy của dân tộc, là mục tiêu, động lực của cách mạng, là một mặt cơ bản của xã hội. Đối với Người, truyền thống văn hóa Việt nam, trước hết là *chủ nghĩa yêu nước Việt nam*. Đó là nguồn động lực chủ yếu, là sức mạnh tinh thần vô địch của dân tộc, là triết lý, đạo lý sống của mỗi con người Việt nam. Người cũng thường nhấn mạnh truyền thống *nhân ái, cố kết của cộng đồng dân tộc* trên tình cảm và trách nhiệm gia tộc, trên tình làng nghĩa xóm và tình nghĩa "đồng bào". Người cũng thường biểu dương tinh thần *cần cù lao động và trí thông minh sáng tạo* trong lao động xây dựng đất nước, chinh phục tự nhiên và tinh thần *anh hùng bất khuất, mưu trí sáng tạo* trong đánh giặc giải phóng và bảo vệ Tổ quốc của con người Việt nam.

Từ việc khẳng định giá trị của nền văn hóa truyền thống của Việt nam và sự cần thiết bảo vệ trước ảnh hưởng độc hại của văn hóa thực dân, Người nêu nhiệm

(15) Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử, Nxb Thông tin lý luận, Hà nội, 1992, t 1, tr 204

(16) Nghị quyết của UNESCO về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh

(17) Hồ Chí Minh : *Sđd*, 1995, t 1, tr 425

(18) Hồ Chí Minh : *Sđd*, 1995, t 1, tr 426

(19) Hồ Chí Minh : *Sđd*, 1995, t 3, tr 431

Digitized by Google

vụ : "Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng"(20).

Để trả lời cho câu hỏi : giữa văn hóa phương Tây và phương Đông, ta nên theo văn hóa nào ? Người nói : Ta phải "giữ cốt cách dân tộc", còn phương Đông hay phương Tây có cái gì hay, cái gì tốt ta phải học lấy để tạo ra nền văn hóa Việt nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hóa xưa và nay, trau dồi cho văn hóa Việt nam thật có tinh thần thuần túy Việt nam để hợp với tinh thần dân chủ. Người chỉ rõ : "Phải chú ý nghiên cứu toàn diện văn hóa của dân tộc khác để có thể tiếp thu nhiều hơn cho văn hóa của mình. Mặt khác : giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc chính là góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa thế giới". Cũng như vậy, trong cộng đồng các dân tộc Việt nam, Người nhấn mạnh phải tôn trọng tiếng nói, phong tục tập quán văn hóa của các dân tộc thiểu số và tăng cường sự giao lưu, bồi bổ lẫn nhau giữa các dân tộc để làm cho nền văn hóa của cộng đồng các đân tộc Việt nam phong phú, đa dạng, "làm cho vườn hoa văn hóa dân tộc ngàn sắc, muôn hương".

Người cũng luôn nhắc nhở : "Phát huy vốn cổ quý báu của dân tộc nhưng tránh phục cổ một cách máy móc và học tập văn hóa tiên tiến các nước nhưng phải có chọn lọc". Trong kế thừa di sản quý báu của văn hóa dân tộc phải có thái độ nghiêm túc, nghiên cứu, chọn lọc. "Khôi phục cái gì tốt, còn cái gì không tốt phải loại dần ra". Cần tránh "gieo vừng ra ngô" và phải "chèo cho ra chèo".

Người cũng chỉ rõ, di sản văn hóa truyền thống có những giá trị cơ bản, độc đáo, đặc sắc. Nhưng đó là nền văn hóa xây dựng trên cơ sở nền văn minh nông nghiệp, còn mang nhiều thiếu hụt, hạn chế. Do đó, phải "nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật", "phải xây dựng đời sống mới", "nền văn hóa mới", "con người mới", và tự tay Người đã viết tác phẩm "Đời sống mới" để hướng dẫn lối sống có văn hóa cho cán bộ, nhân dân.

Trong các quá trình xây dựng chế độ mới, Hồ Chí Minh xác định văn hóa là một mặt cơ bản quan trọng ngang với các mặt khác. "Trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cần phải chú ý đến, cũng phải coi là quan trọng ngang nhau : chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa". "Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa", và "phát triển kinh tế, văn hóa để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần (văn hóa) của nhân dân ta".

Trong vấn đề quan hệ giữa văn hóa và chính trị, Người nói : "Văn hóa có liên lạc với chính trị rất mật thiết. Cần làm thế nào cho văn hóa vào sâu trong tâm lý của quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa xa xỉ. Tâm lý của ta lấy tự do, độc lập làm gốc - văn hóa phải làm sao cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do". Và "văn hóa phải góp phần nâng cao đời sống tươi vui, lành mạnh của quần chúng". "Đối với xã hội, văn hóa phải làm thế nào cho mỗi người Việt nam ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc mà mình nên hưởng".

Người coi văn hóa cũng là một mặt trận. Trong kháng chiến, Người nêu khẩu hiệu "kháng chiến hóa văn hóa và văn hóa hóa kháng chiến". Đây là một quan niệm độc đáo, sâu sắc với ý nghĩa : văn hóa phải gắn với kháng chiến, phục vụ kháng chiến, phục vụ nhiệm vụ chính trị. Và mặt khác, kháng chiến giành độc lập, tự do cho Tổ quốc cũng là một sự nghiệp văn hóa - văn hóa với mục đích chân chính, chính nghĩa : giải phóng dân tộc, xã hội, con người.

Đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật, Người có những tư tưởng, quan điểm rất cơ bản, sâu sắc về chức năng, về đối tượng phục vụ, về tính tư tưởng, tính thẩm mỹ, tính sáng tạo.

Nói đến vấn đề này, không thể không đề cập đến những thành tựu, những đóng góp của Người. Tuy không phải là nhà văn, nhà thơ chuyên nghiệp, nhưng nhiều bài ký, bài văn, bài thơ của Người, tiêu biểu như "Bản án chế độ thực dân Pháp", tập "Nhật ký trong tù", bản "Tuyên ngôn độc lập", bản "Di chúc" v.v... là những tác phẩm vừa mang tính chiến đấu cao, vừa gần gũi quần chúng, vừa đạt đến giá trị cao về nghệ thuật, thẩm mỹ, trở thành những tài sản quý giá trong kho tàng văn hóa Việt nam.

Những quan điểm, tư tưởng của Người về văn hóa nói chung, về văn học, nghệ thuật nói riêng là những cống hiến cực kỳ quan trọng trong công cuộc xây dựng nền văn hóa, văn nghệ mới, trong sự phát huy sức mạnh to lớn của văn hóa Việt nam vào sự nghiệp kháng chiến chống xâm lược và xây dựng đất nước. ❑

(20) Hồ Chí Minh : *Sđd*, 1995, t 6, tr 173

Digitized by Google

MƯỜI NĂM ĐỔI MỚI CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN TƯ *

Đại hội VIII của Đảng đã khẳng định : "Nhìn một cách tổng quát, công cuộc đổi mới 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng". Sự đánh giá đó mang ý nghĩa khái quát và bao trùm lên mọi lĩnh vực, mọi vấn đề của đời sống xã hội nước ta. Công đoàn Việt nam, một tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân Việt nam, một thành viên của hệ thống chính trị, đang vận động và phát triển theo sự đổi mới chung của đất nước. Sự đổi mới của đất nước đã tác động mạnh mẽ tới sự đổi mới của Công đoàn ; ngược lại, sự đổi mới của Công đoàn đã góp phần quan trọng thúc đẩy sự đổi mới của đất nước. Đánh giá, rút ra những bài học của quá trình đổi mới của Công đoàn 10 năm qua là việc làm thiết thực góp phần chuẩn bị cho phương hướng tổ chức và hoạt động của Công đoàn trong thời gian tới, trước mắt là nhiệm kỳ Đại hội VIII Công đoàn Việt nam (1998 - 2003), đồng thời cũng là những hành động cụ thể của Công đoàn nhằm góp phần đưa nghị quyết Đại hội VIII của Đảng vào cuộc sống.

I - THÀNH TỰU VÀ BÀI HỌC

Mười năm qua, kể từ Đại hội VI Công đoàn Việt nam, tổ chức công đoàn đã trải qua nhiều thử thách gay go, phức tạp. Song, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự cố gắng vươn lên khắc phục mọi khó khăn của hàng triệu đoàn viên, sự vận động tự đổi mới của tổ chức công đoàn các cấp, phong trào công nhân và tổ chức công đoàn đã đứng vững và phát triển. Sự trưởng thành và phát triển đó thể hiện ở nhiều nội dung và trên nhiều mặt.

Trước hết, đây là thời điểm có số lượng đoàn viên được tập hợp đông đảo nhất so với toàn bộ quá trình hoạt động của Công đoàn. Đông đảo công nhân, lao động ở tất cả các thành phần kinh tế được tập hợp vào Công đoàn. Cho đến nay, Công đoàn đã có hơn 3 300 000 đoàn viên sinh hoạt ở 35 184 công đoàn cơ sở, trong đó có 5 044 công đoàn cơ sở thuộc khu vực ngoài quốc doanh với trên 340 000 đoàn viên. Chất lượng đoàn viên công đoàn cũng được nâng lên về mọi mặt : Về chính trị, tư tưởng, tuyệt đại đa số đoàn viên công đoàn ủng hộ sự nghiệp đổi mới của Đảng, nhận thức được rõ hơn trách nhiệm và quyền lợi của người lao động trong cơ chế mới. Họ ý thức được đầy đủ hơn về sự đóng góp của mình với đất nước, với xã hội. Chính sự thay đổi căn bản này đã làm cho đội ngũ công nhân lao động đứng vững và từng bước thích ứng với cơ chế thị trường. Nhận thức được vai trò, vị trí của mình trong sự nghiệp đổi mới, công nhân, lao động nước ta đã dũng cảm khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, vươn lên tìm tòi, sáng tạo đóng góp nhiều công sức cho sự phát triển sản xuất, ổn định đời sống và sự nghiệp đổi mới của đất nước. Cùng với sự phát triển chung, đời sống vật chất, tinh thần của công nhân lao động, đoàn viên công đoàn cũng được ổn định và từng bước được nâng cao hơn ; trình độ, tay nghề của đông đảo công nhân, lao động cũng được nâng lên một bước, đáp ứng được những yêu cầu của việc áp dụng khoa học, công nghệ mới vào sản xuất. Nhiều sản phẩm, hàng hóa của Việt nam sản xuất đã có chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng liên đoàn lao động Việt nam

Digitized by Google

Mười năm qua Công đoàn Việt nam đã tích cực đổi mới cả về tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động ; từng bước thực hiện được những chức năng của mình là vận động, giáo dục, tập hợp quần chúng, chăm lo bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, lao động, tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Thông qua việc thực hiện 7 nhiệm vụ và 3 chương trình hành động do Đại hội VII Công đoàn đề ra, tổ chức công đoàn đã cơ bản thực hiện được mục tiêu : "Đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chăm lo và bảo vệ lợi ích của công nhân, lao động". Đánh giá về hoạt động của Công đoàn trong thời gian qua, đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười khẳng định : "Tổ chức công đoàn của chúng ta luôn luôn tin tưởng và quyết tâm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng đề xướng và lãnh đạo, thể hiện ngày càng rõ hơn bản lĩnh chính trị vững vàng của tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân và lao động, chỗ dựa vững chắc của Đảng và Nhà nước ta"... Những thành tựu nói trên của phong trào công nhân và tổ chức Công đoàn là to lớn và rất đáng tự hào, cần được tiếp tục phát triển. Tuy vậy, phong trào công nhân và hoạt động công đoàn trong 10 năm qua cũng còn nhiều khó khăn, yếu kém cần khắc phục, đó là :

- Việc chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng cho công nhân lao động trong điều kiện nền kinh tế thị trường còn nhiều lúng túng. Điều này thể hiện tập trung ở chỗ giải quyết, xử lý mối quan hệ giữa các lợi ích, bảo đảm được quyền lợi của công nhân, song không ảnh hưởng đến lợi ích của tập thể, lợi ích của quốc gia, của dân tộc. Mối quan hệ giữa các lợi ích trên tổng thể là thống nhất, song trên thực tế vẫn thường xảy ra những mâu thuẫn, xung đột cụ thể, có lúc gay gắt mà Công đoàn chưa tìm được những giải pháp tháo gỡ thích hợp.

- Chức năng kiểm tra, giám sát của Công đoàn với các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế, xã hội thực hiện chưa tốt, vị trí của Công đoàn chưa được nâng cao do đó sự tin cậy của công nhân, lao động, đoàn viên vào tổ chức công đoàn chưa vững chắc.

- Hệ thống tổ chức của Công đoàn tuy đã được củng cố, đổi mới cho phù hợp với điều kiện của nền kinh tế thị trường, song ở một số khâu, một số cấp đang còn nhiều vướng mắc, ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình hoạt động.

- Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn của Công đoàn còn hạn chế, thiếu kịp thời ; việc dự báo tình hình chưa được nhiều và chưa thật chính xác cho nên hoạt động của Công đoàn còn lúng túng...

Nguyên nhân của những yếu kém, khuyết điểm trên có nhiều, song cơ bản là do chưa có một chiến lược cho hoạt động của Công đoàn trong thời kỳ mới ; đội ngũ cán bộ công đoàn còn yếu, chưa ngang tầm với những yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống ; mối quan hệ giữa Công đoàn với các cơ quan nhà nước còn có những vướng mắc, khó khăn làm cho cán bộ công đoàn lúng túng khi xử lý các mối quan hệ, thực hiện chức năng bảo vệ lợi ích cho người lao động.

Phân tích thành tựu và yếu kém về tổ chức và hoạt động của Công đoàn 10 năm qua, bước đầu rút ra một số bài học kinh nghiệm là :

1 - Trong quá trình đổi mới, Công đoàn phải luôn luôn giữ vững mục tiêu và nguyên tắc hoạt động. Mục tiêu hoạt động của Công đoàn từ trước đến nay chính là mục tiêu chung của toàn đảng, toàn dân ta : "Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội". Xoay quanh mục tiêu đó, tổ chức và hoạt động của Công đoàn luôn hướng đến sự ổn định, sự phát triển của dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động. Chính vì giữ vững được mục tiêu trong quá trình hoạt động, trong quá trình đổi mới, cho nên nhiều lúc gặp khó khăn, phức tạp, song Công đoàn vẫn đứng vững và ngày càng phát triển, là lực lượng mạnh, tin cậy trong hệ thống chính trị. Còn về nguyên tắc hoạt động, Công đoàn luôn luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ. Mở rộng dân chủ để tập hợp được sự đóng góp, tham gia của hàng triệu đoàn viên, công nhân, lao động vào việc tháo gỡ khó khăn, thực hiện những nhiệm vụ chính trị đề ra, song vẫn bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống

Digitized by Google

nhất, bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với hoạt động của Công đoàn.

2 - Chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp, thiết thân cho đoàn viên, công nhân lao động. Đây không chỉ là chức năng, nhiệm vụ hàng đầu của Công đoàn, mà còn là sức sống, là sự tồn tại của Công đoàn. Do vậy, sự đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của các cấp công đoàn phải hướng đến việc chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động ngày càng tốt hơn.

3 - Hiệu quả hoạt động của Công đoàn phụ thuộc rất nhiều vào phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức và trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ công đoàn, trong đó cán bộ công đoàn cơ sở, cán bộ công đoàn nửa chuyên trách có một vị trí đặc biệt quan trọng. Do đó, việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và xây dựng chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ công đoàn phải được quan tâm hàng đầu trong quá trình đổi mới của Công đoàn.

4 - Có mở rộng giao lưu quốc tế, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị thì Công đoàn mới có thêm sức mạnh và hoạt động có hiệu quả hơn.

5 - Điều kiện vật chất, kinh tế tài chính cũng là nhân tố rất quan trọng cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Công đoàn.

II - TIẾP TỤC ĐỔI MỚI ĐỂ TIẾN LÊN

Đại hội VIII của Đảng đã xác định mục tiêu chung của nước ta trong thời kỳ mới là : "Tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa". Đứng trước những yêu cầu mới đó, giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Việt nam phải tiếp tục đổi mới, khắc phục mọi khó khăn, vượt qua những thử thách, đóng góp nhiều công sức, trí tuệ cùng với nhân dân lao động cả nước biến mục tiêu trên thành hiện thực trong cuộc sống. Với nhận thức như vậy và xuất phát từ chức năng của công đoàn, mục tiêu của phong trào công nhân và hành động công đoàn trong thời gian tới là : *Xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

Mối quan hệ giữa nhiệm vụ xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là mối quan hệ biện chứng. Chỉ có xây dựng một đội ngũ công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh mới có điều kiện để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ngược lại, chỉ có tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giai cấp công nhân mới có điều kiện nâng cao về mọi mặt, mới đủ sức đảm nhận vai trò lãnh đạo cách mạng Việt nam thông qua đảng tiên phong của mình. Xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh, thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa là góp phần thiết thực nhất vào việc xây dựng đất nước, bảo vệ đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ nhà nước của nhân dân, bảo vệ lợi ích thiết thân của giai cấp công nhân và lợi ích của cả dân tộc.

Để thực hiện được mục tiêu nêu trên, trong thời gian tới Công đoàn cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau :

1 - Xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong thời kỳ mới.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng về xây dựng giai cấp công nhân, hoạt động của Công đoàn cần hướng đến xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh về mọi mặt : phát triển về số lượng, giác ngộ về giai cấp, nâng cao trình độ học vấn và tay nghề, có năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, có tác phong công nghiệp, có lương tâm nhà nghề và ý thức tổ chức kỷ luật, lao động đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, làm nòng cốt trong việc xây dựng khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

Thông qua việc xây dựng giai cấp công nhân, một mặt, Công đoàn cần quan tâm nhiều hơn đến các lợi ích thiết thực, trực tiếp của công nhân như việc làm, thu nhập, bảo hiểm lao động, bảo hiểm xã hội, các chính sách xã hội đối với công nhân ; mặt khác, phải phối hợp với nhà nước xây dựng chính sách, cơ chế để công nhân có cổ phần trong các doanh nghiệp cổ phần hóa và được làm chủ thực sự.

Digitized by Google

2 - Công đoàn cần tích cực góp phần trong việc xây dựng khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là phát triển kinh tế nông thôn.

Tại Hội nghị lần thứ V Ban chấp hành Tổng liên đoàn (khóa VII), đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã nói : "Xây dựng lực lượng, thực hiện khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, thì chúng ta nhất định giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Làm được như vậy thì chúng ta sẽ thắng, nhất định sẽ thắng".

Xây dựng khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức là trách nhiệm của toàn đảng, toàn dân. Song, vai trò của Công đoàn rất quan trọng, vì thực tiễn cách mạng nước ta đã khẳng định giai cấp công nhân là nòng cốt trong khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức. Với vị trí như vậy, đòi hỏi giai cấp công nhân phải là lực lượng chủ yếu, đi đầu, tập hợp các lực lượng khác xung quanh mình để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với trách nhiệm của mình, tổ chức công đoàn cần chủ động phối hợp với các tổ chức, đoàn thể khác để xây dựng khối liên minh này. Việc xây dựng khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức phải trên cơ sở tiếp tục phát huy những truyền thống tốt đẹp trước đây. Song hiện nay phải thực sự đổi mới, thực sự gắn với cuộc sống, đáp ứng lợi ích thiết thực giữa các lực lượng trong liên minh. Công đoàn phải có chương trình, hành động cụ thể, thiết thực đóng góp tích cực cho việc xây dựng khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức. Chỉ có đóng góp thực sự thiết thực vào xây dựng khối liên minh này, giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn mới lớn mạnh, mới đáp ứng được đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mới xứng đáng là lực lượng tiên tiến, lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt nam.

3 - Công đoàn cần tăng cường tham gia xây dựng, kiểm tra, kiểm soát hoạt động của đất nước, của xã hội. Thời gian tới, Công đoàn cần tập trung tham gia vào việc xây dựng luật pháp, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng, các luật pháp của Nhà nước, tham gia tích cực vào việc đấu tranh chống các hiện tượng tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, gây phiền hà cho nhân dân...

4 - Tiếp tục đổi mới tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Công đoàn, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Để đáp ứng được yêu cầu xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, tổ chức công đoàn phải tiếp tục đổi mới trên nhiều mặt, trong đó tập trung vào việc đa dạng hóa các hình thức tập hợp công nhân, tập hợp người lao động, làm tốt chức năng giáo dục vận động đoàn viên, công nhân lao động, giúp họ hiểu rõ được quyền lợi và trách nhiệm, cũng như vai trò sứ mệnh của mình đối với việc xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời kỳ mới ; chăm lo, bảo vệ một cách thiết thực lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và của người lao động, thông qua đó làm cho đoàn viên gắn bó với tổ chức công đoàn. Về phương thức hoạt động, cần dùng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, hướng mạnh về cơ sở, khắc phục từng bước bệnh quan liêu, hành chính. Tiếp tục đổi mới tổ chức theo hướng tinh gọn, bảo đảm được sự thống nhất, không chồng chéo, nhiều tầng lớp. Về cán bộ, cần tập trung lựa chọn, đào tạo bồi dưỡng để có một lực lượng cán bộ Công đoàn chuyên trách theo hướng ít mà tinh, đủ sức xây dựng lực lượng cán bộ bán chuyên trách đông đảo, nhất là ở cơ sở, đủ sức gánh vác, thực hiện các hoạt động của tổ chức công đoàn.

5 - Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

Mục tiêu của hoạt động đối ngoại là nhằm xây dựng mối quan hệ của tổ chức công đoàn Việt nam với công đoàn các nước, thông qua đó xây dựng mối liên hệ, hợp tác giữa giai cấp công nhân các nước, tạo ra sức mạnh chung của lao động thế giới, hướng đến cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Thông qua hoạt động đối ngoại nhằm học hỏi, trao đổi kinh nghiệm hoạt động công đoàn, đồng thời tạo cơ sở

(Xem tiếp trang 18)

Digitized by Google

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG Ở HÀ NỘI

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

Cho đến nay, ở Hà nội có 39 trường đại học và cao đẳng, trong đó có 35 trường quốc lập, 4 trường dân lập, bao gồm 14 vạn 8000 sinh viên, chiếm hơn 1/3 tổng số trường đại học và cao đẳng trong cả nước. Ở tất cả các trường đều có tổ chức đảng, trong đó có 1 đảng ủy cấp trên cơ sở (Đại học quốc gia), 34 đảng bộ cơ sở và 1 chi bộ cơ sở (Đại học đại cương). Trong tổng số 7300 đảng viên có hơn 5 000 là cán bộ giảng dạy có trình độ từ đại học trở lên (2 000 tiến sĩ, phó tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư) và hơn 800 là sinh viên.

Như vậy, chưa kể các viện nghiên cứu (112 viện nghiên cứu chuyên ngành), các trường trung cấp (41 trường dạy nghề), 12 vạn người có trình độ đại học, cao đẳng, 6 000 người có trình độ trên đại học, Hà nội đã là nơi tập trung nhiều trung tâm khoa học, nhiều trí thức và có mật độ chất xám đứng hàng đầu của nước ta.

Nhận rõ ý nghĩa quan trọng của công tác xây dựng Đảng trong các trường đại học và cao đẳng, nhiều năm qua Thành ủy Hà nội đã có những biện pháp cụ thể lãnh đạo, chỉ đạo mặt công tác này. Ngay sau Đại hội đảng bộ thành phố lần thứ XI (năm 1991), Thành ủy đã có chương trình xây dựng tổ chức cơ sở đảng (trong đó có các cơ sở đảng khối trường đại học), củng cố và tăng cường hoạt động của Ban cán sự đảng các trường đại học và cao đẳng như một ban chuyên môn của Thành ủy, giúp Thành ủy theo dõi, chỉ đạo công tác xây dựng Đảng trong các trường. Tháng 4 - 1993 Ban thường vụ thành ủy ban hành Quy định số 22/QĐ -TU về "chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng trong các trường đại học - cao đẳng ở Hà nội" nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương ba (khóa VII) về đổi mới chỉnh đốn Đảng và Quy định 51 của Ban bí thư trung ương Đảng (khóa VII) về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức cơ sở đảng. Tiếp sau đó, để giúp đảng bộ các trường cụ thể hóa Quy định 22, Thường trực thành ủy lại ban hành Quy định số 100/QĐ-TU về "chức năng, nhiệm vụ của chi bộ đảng trong đảng bộ các trường đại học và cao đẳng". Đồng thời có kế hoạch thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn các trường đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng.

SỰ CỐ GẮNG CỦA CÁC TRƯỜNG

Sau khi có Quy định 22 của Thành ủy, nhiều trường đã tổ chức quán triệt, thảo luận để đi đến thống nhất nhận thức và xây dựng các quy chế công tác cụ thể của đảng bộ nhà trường. Thực tế cho thấy nếu không cụ thể hóa các nghị quyết, quy định chung thành những quy chế của trường thì rất khó thực hiện. Trước đây các trường không phải không chăm lo công tác đảng, nhưng vì nhận thức chưa thống nhất, hoặc quy chế công tác không rõ cho nên nhiều khi hoạt động lúng túng, hiệu quả không cao, có khi còn có sự "lỉnh kỉnh" giữa đảng ủy và ban giám hiệu.

Chỉ sau một thời gian ngắn đã có khoảng 80% số đảng bộ các trường xây dựng được quy chế công tác. Đảng ủy các trường : Đại học thủy lợi, Đại học kinh tế quốc dân, Đại học sư phạm, Đại học xây dựng, Đại học nông nghiệp I, Đại học bách khoa, Đại học y khoa, Đại học luật... đã xây dựng và ban hành các quy chế về chức năng, nhiệm vụ, lề lối làm việc và mối quan hệ công tác giữa các bộ phận

* PGS, PTS, Ủy viên TU Đảng, Phó bí thư Thành ủy Hà nội

Digitized by Google

trong nhà trường. Một số trường như Đại học quốc gia, Đại học sư phạm ngoại ngữ, Đại học kiến trúc, Cao đẳng sư phạm... còn xây dựng các quy định về từng mặt công tác như : Quy định về quản lý đảng viên ; quy định về sinh hoạt chi bộ ; quy định về chế độ thông tin ; quy định về phát triển đảng ; quy định về công tác của văn phòng đảng ủy...

Cùng với việc xây dựng quy chế hoạt động của đảng bộ, chi bộ, nhiều trường còn xây dựng và hoàn thiện quy chế công tác của nhà trường như : Quy chế tuyển dụng cán bộ ; quy chế thi đua của giảng viên ; quy chế học tập và rèn luyện của sinh viên ; quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học ; quy chế đi công tác nước ngoài và đón tiếp khách nước ngoài ; nội quy ký túc xá ; nội quy giữ gìn vệ sinh môi trường...

Đương nhiên, không phải cứ có quy chế là giải quyết được mọi vấn đề. Có quy chế rồi lại phải chú trọng tổ chức học tập, phổ biến quy chế, giúp mọi người nắm vững quy chế, đồng thời có biện pháp cụ thể tổ chức thực hiện và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện. Nhiều trường đã lập các hội đồng tư vấn, thực hiện chế độ giao ban thường kỳ, kiểm tra phát hiện những mặt tốt và xử lý kịp thời các vi phạm.

Đến nay, sau hơn 4 năm thực hiện đổi mới, chỉnh đốn Đảng, tuy còn những mặt phải tiếp tục chấn chỉnh, nhưng nhìn chung công tác đảng trong các trường đại học và cao đẳng ở Hà nội đã được nâng lên một chất lượng mới. Vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong trường đã được tăng cường ; uy tín của Đảng được nâng cao. Hoạt động lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp công tác giữa tổ chức đảng, ban giám hiệu, các đoàn thể trong trường đã thành nền nếp và có hiệu quả rõ rệt.

Vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng thể hiện trên các mặt sau đây :

- Lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường, trong đó trung tâm là nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Đảng ủy lãnh đạo xây dựng và quyết định chiến lược phát triển nhà trường, kế hoạch năm học, khóa học, các chương trình và nhiệm vụ đào tạo quan trọng hoặc phức tạp (quy mô đào tạo, phương thức đào tạo, loại hình đào tạo, nội dung chương trình, giáo trình...). Hiệu trưởng và các ban chuyên môn của đảng ủy có trách nhiệm chuẩn bị để tổ chức đảng (đại hội hoặc ban chấp hành) thảo luận, ra quyết định. Sau mỗi học kỳ, mỗi năm học, đảng ủy đều thảo luận và thông qua báo cáo của hiệu trưởng, rút ra những kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy những mặt tốt và uốn nắn những lệch lạc, đề ra những chủ trương, biện pháp lớn cho thời gian tiếp theo.

Trên cơ sở nghị quyết của tổ chức đảng, hiệu trưởng điều hành, chỉ đạo thực hiện và chịu trách nhiệm về công việc của mình. Đảng ủy không trực tiếp giải quyết các công việc chuyên môn hằng ngày thuộc thẩm quyền của hiệu trưởng. Khi có những vấn đề lớn hoặc phức tạp nảy sinh, hiệu trưởng báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của đảng ủy hoặc thường vụ đảng ủy.

Đảng ủy lãnh đạo, động viên các chi bộ, đảng viên và các đoàn thể trong trường phấn đấu thực hiện tốt các chủ trương, kế hoạch công tác do hiệu trưởng điều hành. Đồng thời thường xuyên kiểm tra các hoạt động trong trường, bảo đảm thực hiện tốt mọi nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Với cách làm trên, đảng ủy các trường vừa thể hiện rõ được vai trò lãnh đạo công tác chuyên môn, vừa phát huy được trách nhiệm điều hành của hiệu trưởng (nhiều hiệu trưởng đã khẳng định như vậy). Nó bác bỏ ý kiến cho rằng đảng ủy, tổ chức đảng không có khả năng hoặc không nên lãnh đạo công tác chuyên môn.

- Đối với hoạt động lao động sản xuất, quản lý và sử dụng ngân sách, vốn tự có, các hoạt động đối ngoại... là những vấn đề mới nảy sinh, có cần phải có sự lãnh đạo của tổ chức đảng không ? Đây là vấn đề lúc đầu có không ít ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng đây là công việc cụ thể, thuộc trách nhiệm quản lý, điều hành của hiệu trưởng, không cần có sự lãnh đạo của tổ chức đảng. Nhưng thực tế không đơn giản như vậy. Mấy năm gần đây, trong xu thế đổi mới, mở cửa, một số trường đã

Digitized by Google

thành lập rất nhiều trung tâm (trung tâm nghiên cứu, trung tâm hoạt động kinh tế...) và mở rộng công tác đối ngoại. Đã có không ít cá nhân hoặc tổ chức tham gia các dự án quốc tế, tổ chức và tham dự các hội thảo quốc tế, cử cán bộ đi tham quan, học tập, trao đổi ở nước ngoài, đón các chuyên gia là người nước ngoài đến làm việc, giảng dạy ở trường, ... Các hoạt động đó nếu không có sự lãnh đạo và quản lý chặt chẽ thì rất dễ nảy sinh những vấn đề phức tạp. Thực tế ở một số trường, do không có sự lãnh đạo của tổ chức đảng, hoạt động kinh tế không công khai, nhất là không công khai phương án sử dụng và phân phối vốn, đã gây nên những dư luận, thắc mắc, nghi ngờ lẫn nhau, thậm chí mất đoàn kết nội bộ.

Ngược lại, ở nhiều trường như Đại học sư phạm, Đại học thương mại, Đại học thủy lợi, Cao đẳng sư phạm, Phân viện báo chí tuyên truyền, Đại học luật, ... do đảng ủy thường xuyên được báo cáo đầy đủ về các hoạt động kinh tế và kịp thời có ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo, thông qua các chủ trương về quản lý, sử dụng, phân phối vốn tự có cho nên mọi việc đều tiến triển tốt. Một số trường còn tổ chức phổ biến các chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, xây dựng quy chế công tác và kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các quy chế đó, nhất là về quan hệ giao tiếp với người nước ngoài, quản lý các đoàn ra, đoàn vào, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm. Nhờ thế ở những trường này, mặc dù quan hệ đối ngoại rộng nhưng chưa có điều đáng tiếc xảy ra.

- *Về lãnh đạo công tác tổ chức và cán bộ* : Đây là một nội dung lãnh đạo rất quan trọng. Theo phân cấp quản lý, đảng ủy các trường đã tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn đội ngũ cán bộ. Thông qua đại hội chi bộ và đại hội đảng bộ theo nhiệm kỳ, lựa chọn những người đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, có trình độ và uy tín chuyên môn tham gia cấp ủy. Cố gắng bố trí bí thư cấp ủy tương xứng yêu cầu lãnh đạo, có trình độ "ngang tầm" thủ trưởng đơn vị. Về bộ máy của trường, đảng ủy lãnh đạo sắp xếp lại theo hướng gọn nhẹ hơn, tinh giảm biên chế, bố trí cán bộ quản lý am hiểu công tác đào tạo, đồng thời có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ giảng dạy.

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đảng ủy thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ (theo thẩm quyền được phân cấp). Cụ thể là, căn cứ vào định hướng phát triển của nhà trường, hiệu trưởng chuẩn bị quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ khoa học của trường, báo cáo để tập thể đảng ủy thảo luận và quyết định. Hiệu trưởng điều hành tổ chức thực hiện. Hằng năm hoặc từng thời gian đảng ủy sơ kết, điều chỉnh, bổ sung. Đối với cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý, đảng ủy cùng với hiệu trưởng tổ chức lấy ý kiến của tập thể và các cá nhân có liên quan, trên cơ sở đó đề xuất phương án để cấp trên xem xét, quyết định.

Đối với cán bộ thuộc diện nhà trường quản lý, hiệu trưởng đề xuất để tập thể đảng ủy hoặc thường vụ đảng ủy thảo luận, quyết định. Trong trường hợp đảng ủy và hiệu trưởng chưa thống nhất ý kiến thì để lại nghiên cứu thêm trước khi cấp ủy biểu quyết, hoặc đảng ủy đưa ra vài ba phương án để hiệu trưởng lựa chọn.

- *Lãnh đạo công tác tư tưởng chính trị* : Các trường đã đổi mới cách thức truyền đạt các chỉ thị, nghị quyết, đa dạng hóa các hình thức sinh hoạt chính trị, tăng cường các hình thức hội thảo, sinh hoạt chuyên đề, đưa các chủ trương, quyết sách lớn của Đảng và Nhà nước vào nội dung chính khóa, mở rộng các hình thức giáo dục truyền thống... Mặt khác, có biện pháp nắm chắc những diễn biến tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của đảng viên và anh chị em ngoài đảng, từ đó có hướng giải quyết phù hợp. Trong các cuộc giao ban, hội ý hằng tuần, hằng tháng, các cấp lãnh đạo nhà trường đều có xem xét tình hình tư tưởng trong trường. Những chủ trương quan trọng trước khi quyết định, đảng ủy đều lấy ý kiến của các thành viên trong trường. Cố gắng giải quyết kịp thời những vướng mắc về tư tưởng, đời sống và sinh hoạt trong đơn vị, tránh để lâu, vì càng để lâu càng ngần ngại và khó giải quyết.

Digitized by Google

- *Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng :* Đảng ủy các trường đã chú ý phối hợp với cấp trên ngành dọc chuẩn bị nhân sự cán bộ chủ chốt ; góp ý kiến và thông qua chương trình, kế hoạch công tác của các đoàn thể, định kỳ nghe các đoàn thể báo cáo tình hình và có ý kiến chỉ đạo các nội dung, định hướng hoạt động. Đảng ủy cùng với ban giám hiệu tạo điều kiện thuận lợi (nhất là về cơ sở vật chất, kinh phí) cho Đoàn thanh niên và Hội sinh viên hoạt động, chú ý các phong trào, các hoạt động mang tính định hướng tư tưởng cho sinh viên (như phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Ánh sáng văn hóa hè"...) ; chăm lo cải thiện nơi ăn ở, điều kiện học tập cho sinh viên ; lập quỹ phát triển tài năng sinh viên, quỹ hỗ trợ sinh viên nghèo vượt khó.

- *Về công tác xây dựng tổ chức đảng :* Các đảng bộ đã đặc biệt coi trọng triển khai thực hiện Quy định số 100 của Thành ủy, chăm lo củng cố, xây dựng chi bộ vững mạnh. Đi đôi với việc sắp xếp lại các chi bộ, bảo đảm có số lượng đảng viên vừa phải (không đông quá, không ít quá), thuận lợi cho sinh hoạt, nhiều đảng ủy quan tâm lãnh đạo cải tiến, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Có hình thức theo dõi, quản lý sinh hoạt chi bộ, như : hình thức "Phiếu báo", hình thức "Đổi sổ ghi biên bản", hình thức "Báo cáo nhanh"..., tạo điều kiện để các chi bộ sinh hoạt có nền nếp và có nội dung thiết thực. Tổ chức một số lớp bồi dưỡng lý luận và nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cấp ủy viên, nhất là những đồng chí mới tham gia lần đầu.

Trong công tác phát triển đảng, sau hội nghị chuyên đề (tháng 4-1994) do Thành ủy tổ chức, các đảng bộ đã có những cố gắng đáng kể về mặt này. Từ năm 1993 đến cuối năm 1996 toàn khối đã kết nạp được 1020 đảng viên mới, trong đó có 352 cán bộ giảng dạy, 453 sinh viên. Riêng năm 1996 tăng 20% so với năm 1995. Điều đáng chú ý là, qua các lớp tìm hiểu về Đảng, qua không khí chính trị ở các trường, nhiều trí thức (kể cả cán bộ giảng dạy và sinh viên) bày tỏ nguyện vọng muốn gia nhập Đảng. Có 34 đồng chí có học hàm, học vị cao tuy tuổi đời đã trên 50, vẫn thiết tha xin vào Đảng ; và sau khi được kết nạp đã phát huy tác dụng tốt cả ở trong trường và ngoài xã hội.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CÁN SỰ ĐẠI HỌC THUỘC THÀNH ỦY

Có thể nói, việc thành lập Ban cán sự đảng các trường đại học và cao đẳng (gọi tắt là Ban cán sự đại học) là một sáng tạo của Hà nội. Nó xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn và dựa trên cơ sở tổng kết các mô hình tổ chức đảng cấp trên cơ sở của các trường đại học ở Hà nội trong nhiều năm. Từ tháng 8-1981 về trước, đảng bộ các trường đại học và cao đẳng ở Hà nội trực thuộc Thành ủy ; Thành ủy lãnh đạo đảng bộ các trường thông qua các ban của Đảng. Từ tháng 8-1981 đến tháng 4 - 1987, đảng bộ các trường đại học và cao đẳng được đưa về trực thuộc quận ủy, huyện ủy (trừ 4 trường : Tổng hợp, Bách khoa, Kinh tế quốc dân và Sư phạm I vẫn trực thuộc Thành ủy). Từ tháng 4-1987 đến tháng 7-1992, Thường vụ thành ủy thành lập Ban cán sự Đảng các trường đại học - cao đẳng trực thuộc Thành ủy để lãnh đạo, chỉ đạo đảng bộ các trường. Thực chất đây là cấp ủy cấp trên trực tiếp của đảng bộ các trường do Thành ủy chỉ định (căn cứ vào Điều 11 của Điều lệ Đảng).

Ba mô hình tổ chức trên đây tuy mỗi cái có những ưu điểm nhất định, phù hợp với một giai đoạn nhất định, nhưng cũng bộc lộ không ít nhược điểm, chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của đảng ủy cấp trên cơ sở. Từ tháng 7-1992, bắt đầu thực hiện đổi mới, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương ba (khóa VII), Thường trực thành ủy cho phép Ban cán sự đại học từng bước thử nghiệm đổi mới phương thức hoạt động của mình theo mô hình Ban cán sự đại học là một ban chuyên môn của Thành ủy. Sau hơn 2 năm thực hiện, từ thực tiễn, Ban thường vụ thành ủy đã ra quyết định chính thức khẳng định mô hình tổ chức này, cho đây là mô hình phù hợp và có tác dụng tốt trong việc giúp Thành ủy lãnh đạo các đảng bộ trường.

Với chức năng tham mưu và được Thường vụ thành ủy ủy quyền giúp Thành ủy chỉ đạo công tác xây dựng Đảng trong các trường đại học và cao

Digitized by Google

đảng, trong mấy năm qua Ban cán sự đại học của Thành ủy đã nắm khá chắc tình hình đảng bộ các trường, chủ động đề xuất xây dựng kế hoạch và chỉ đạo đảng bộ các trường thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Thành ủy, làm tốt công tác cán bộ ; đồng thời giúp Ban thường vụ thành ủy phối hợp với Ban cán sự đảng các bộ, ngành chủ quản để thống nhất chỉ đạo công tác của các trường, nhất là về công tác cán bộ, công tác kiểm tra, công tác chính trị tư tưởng, giải quyết có hiệu quả những vướng mắc, nổi cộm ở một số trường. Chính đây cũng là một nhân tố quan trọng tạo nên chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Thành ủy đối với công tác xây dựng Đảng trong các trường đại học và cao đẳng. Trong dịp tổng kết công tác xây dựng Đảng vừa qua, hầu hết đại biểu của các trường, các bộ, ngành chủ quản, các cơ quan có liên quan đều khẳng định điều đó, và nhấn mạnh rằng cho đến nay, mô hình tổ chức ban cán sự đại học của Thành ủy là mô hình thích hợp, có hiệu quả thiết thực hơn cả.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, đi lên, còn một số vấn đề về mô hình tổ chức cũng như về hoạt động của đảng bộ các trường đại học và cao đẳng ở Hà nội cần tiếp tục được nghiên cứu, tổng kết, cải tiến để ngày càng hoàn thiện hơn. Chẳng hạn như : vấn đề chức năng của Ban cán sự đại học, mối quan hệ giữa Ban cán sự đại học với các ban chuyên môn khác của Thành ủy có một vài điểm cần được điều chỉnh sao cho phù hợp hơn. Một số trường phải tiếp tục cụ thể hóa Quy định 22 của Thành ủy, phát huy mạnh mẽ vai trò lãnh đạo của đảng ủy, giải quyết tốt hơn nữa mối quan hệ giữa đảng ủy và ban giám hiệu, coi trọng hơn nữa chức năng kiểm tra và công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ trẻ...

Với những kinh nghiệm đã có và những nền nếp đã tạo ra được trong thời gian qua, hy vọng trong thời gian tới, các trường đại học và cao đẳng trên địa bàn Hà nội sẽ làm tốt hơn nữa công tác xây dựng Đảng, góp phần tạo ra động lực thực hiện thắng lợi các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương hai (khóa VIII) về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. ❑

MƯỜI NĂM...

(Tiếp theo trang 13)

cho việc dự báo cũng như xây dựng hướng hoạt động của công đoàn Việt nam trong tương lai tạo cho công đoàn nước ta có được sự ủng hộ về mọi mặt của công đoàn các nước.

6 - Đẩy mạnh hoạt động kinh tế, tài chính. Tài chính là điều kiện rất quan trọng bảo đảm cho hoạt động của Công đoàn có hiệu quả. Do vậy, mọi cấp công đoàn, mọi cán bộ, đoàn viên công đoàn phải thường xuyên chăm lo cho kinh tế, tài chính của Công đoàn ngày càng vững mạnh. Phương châm hoạt động kinh tế, tài chính công đoàn là phải tận dụng mọi nguồn thu ; chi tiêu tiết kiệm, thiết thực và có hiệu quả, tránh mọi hiện tượng tập trung quá mức hoặc phân tán đến mức không quản lý, không điều tiết được ; tuân thủ đầy đủ, nghiêm minh pháp luật nhà nước.

Để thực hiện được mục tiêu và những nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, Công đoàn phải bảo đảm sự lãnh đạo sát sao của các cấp ủy đảng, sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước của Mặt trận tổ quốc Việt nam và các tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội khác. Đồng thời mỗi cấp công đoàn phải chủ động, sáng tạo trong hoạt động, có kế hoạch, chương trình cụ thể cho từng giai đoạn, từng thời kỳ, chọn những khâu cơ bản nhất, để tập trung sức lực, trí tuệ làm có kết quả, và thông qua đó kéo theo sự chuyển động của tất cả các mặt hoạt động công đoàn, tạo cho tổ chức công đoàn Việt nam có một sự chuyển biến mới, đáp ứng được những yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng như sự tin cậy của hàng triệu đoàn viên, công nhân lao động. ❑

Digitized by Google

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

LÊ HỮU NGHĨA *

1 - Công tác tư tưởng là một trong những nội dung trọng yếu của công tác lãnh đạo của Đảng. Nó vừa bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng, vừa tạo điều kiện cho công tác chính trị, tổ chức... của Đảng. Nếu thiếu sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng, sự tác động về tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân một cách sâu rộng thì Đảng không thể thực hiện được vai trò lãnh đạo của mình đối với xã hội. Sự tác động vào tư tưởng, làm chuyển biến nhận thức, quan điểm, niềm tin của con người, từ đó làm chuyển biến hành động, đó chính là vai trò của công tác tư tưởng. Vì vậy, Đảng ta luôn xác định vị trí hàng đầu của công tác tư tưởng trong quá trình lãnh đạo cách mạng. Công tác tư tưởng trong lúc bình thường đã quan trọng, nhưng trong những bước ngoặt của lịch sử, chẳng hạn như trong sự nghiệp đổi mới của nước ta mang tính chất cách mạng do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo lại càng quan trọng.

Tổng kết những thành tựu trong 10 năm đổi mới trên lĩnh vực công tác tư tưởng, văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII viết : "Khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Ở những bước ngoặt của cách mạng, trước những diễn biến phức tạp của tình hình, Đảng kịp thời có định hướng tư tưởng chính trị đúng đắn, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, chống những luận điệu thù địch, tạo cơ sở cho sự thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng và trong nhân dân" (1).

Tuy nhiên, giai đoạn mới của cách mạng - giai đoạn thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược mà trọng tâm là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang đặt ra những yêu cầu mới to lớn hơn đối với công tác tư tưởng. Trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, mở cửa với bên ngoài, cán bộ, đảng viên và nhân dân hằng ngày, hằng giờ chịu sự tác động về tư tưởng, trong đó có cả những tư tưởng tiêu cực, sai trái, những tư tưởng thù địch với cách mạng, với Đảng. Vì vậy, cần phải giữ vững trận địa tư tưởng, bảo đảm an ninh tư tưởng cho sự nghiệp đổi mới.

2 - Việc thừa nhận và cho phép phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường là một bước ngoặt trong nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Kinh tế thị trường đã làm "bung ra", phơi bày mọi mối quan hệ xã hội, mọi vấn đề bị ẩn giấu lâu nay. Nó đặt lại rất nhiều vấn đề một cách cơ bản từ quan niệm lý luận về chủ nghĩa xã hội, công tác xây dựng Đảng, công tác tư tưởng - văn hóa, đến xây dựng con người, đạo đức, lối sống, nhân cách...

Kinh tế thị trường không hề hạ thấp yêu cầu của công tác tư tưởng, trái lại, nó đặt ra nhiều vấn đề mới, phức tạp hơn về tư tưởng và công tác tư tưởng.

Có ý kiến cho rằng : trong kinh tế thị trường không cần thiết phải tiến hành công tác tư tưởng, và nếu cứ nói mãi về công tác tư tưởng thì sẽ là giáo điều. Quan điểm đó có nhiều sai lầm, trước hết là sai lầm về thế giới quan và phương pháp luận. Đó chính là quan điểm của chủ nghĩa duy vật kinh tế tầm thường, sùng bái tính tự phát trong lĩnh vực phát triển kinh tế, không thấy được mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa kinh tế và tư tưởng. Xét cho cùng thì tồn tại xã hội, cơ sở kinh tế quyết định ý thức xã hội, quyết định

* GS, PTS triết học, Phó giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 136

Digitized by Google

tư tưởng. Nhưng ý thức lý luận, tư tưởng lại tác động trở lại tồn tại xã hội, tác động trở lại cơ sở kinh tế. Những lý luận, tư tưởng tiến bộ có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của xã hội, của kinh tế. Ngược lại, những lý luận tư tưởng lạc hậu, phản động lại kìm hãm sự phát triển của xã hội, của kinh tế.

Trong xã hội có giai cấp, để bảo vệ địa vị thống trị của mình trong lĩnh vực kinh tế, các giai cấp thống trị bao giờ cũng coi trọng việc truyền bá hệ tư tưởng của giai cấp mình và biến nó thành hệ tư tưởng thống trị trong xã hội. Điều đó đặc biệt quan trọng trong xã hội hiện đại. V.I. Lê-nin đã phê phán kịch liệt "phái kinh tế" ở Nga sùng bái tính tự phát trong phong trào công nhân. Người đã nêu rõ tác dụng cách mạng của lý luận tiền phong, tác dụng của tính tự giác trong phong trào công nhân và khẳng định : Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng. Theo V.I. Lê-nin, mọi sự sùng bái tính tự phát trong phong trào công nhân và quần chúng lao động đều tăng cường ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản đối với họ. Vì vậy, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của các đảng Mác - Lê-nin chống giai cấp tư sản và chế độ tư bản chủ nghĩa phải tiến hành đồng thời cả ba hình thức : *đấu tranh kinh tế, đấu tranh chính trị* và *đấu tranh tư tưởng*. Đấu tranh tư tưởng là : truyền bá hệ tư tưởng Mác - Lê-nin trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động, chống lại ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản, tuyên truyền sâu rộng mục tiêu cách mạng, chiến lược và sách lược cách mạng của đảng Mác - Lê-nin nhằm nâng cao trình độ giác ngộ của quần chúng, làm cho quần chúng đấu tranh một cách tự giác, biến đường lối cách mạng của Đảng thành hiện thực, lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, giành lấy chính quyền, xây dựng chính quyền cách mạng để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn của cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại và cách mạng Việt nam đã chứng minh quan điểm khoa học đúng đắn đó của Lê-nin.

Ngày nay, tình hình thế giới rất phức tạp. Sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu, bọn đế quốc và các thế lực thù địch tiếp tục chủ trương thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" ở các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, trong đó có nước ta. Chúng tiến hành cái gọi là cuộc chiến tranh "thầm lặng" hay "chiến tranh ngầm", "chiến tranh không có khói lửa" chủ yếu bằng các thủ đoạn kinh tế, chính trị và tư tưởng để "chuyển hóa Việt nam xã hội chủ nghĩa". Chúng rêu rao rằng chiến tranh lạnh đã chấm dứt, không còn sự chống đối giữa "hai phe" mà chỉ có sự hợp tác kinh tế, văn hóa để cùng phát triển nên không cần đến ý thức hệ. Chúng chủ trương "giải trừ ý thức hệ" mà thực chất là giải trừ hệ tư tưởng cách mạng và khoa học của giai cấp công nhân là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tăng cường hệ tư tưởng tư sản, thâm nhập vào các nước xã hội chủ nghĩa còn lại bằng phát triển thông tin hiện đại (như đài RFA của Mỹ) bằng những thủ đoạn tinh vi, thâm độc, truyền bá quan điểm tư sản về tự do, dân chủ, về nhân quyền, về đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập v.v. nhằm gây ra sự rối loạn về tư tưởng trong Đảng cộng sản và trong nhân dân. Với sự tiến công về tư tưởng cùng với sức ép về kinh tế, chính trị, chúng âm mưu tạo dựng ngay trong lòng các nước xã hội chủ nghĩa một lực lượng "ly tâm" xa rời và đối lập với đảng, với chính quyền, chuẩn bị thời cơ lật đổ chế độ bằng "diễn biến hòa bình" (kết hợp với gây bạo loạn lật đổ khi cần thiết) để đưa những nước này đi theo quỹ đạo chủ nghĩa tư bản. Chúng cho rằng Mỹ đã phạm sai lầm trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam, mất nhiều người tốn nhiều của nhưng bị thất bại. Ngày nay, chúng hy vọng rằng : Mỹ cần bỏ ra vài tỉ đô la để tiến hành cuộc cách mạng "nhung lụa" như đã làm ở Liên xô, Đông Âu là có thể "chiến thắng Việt nam trong hòa bình".

Trong bối cảnh lịch sử đó, Đảng ta vẫn kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa. Đảng chủ trương đổi mới toàn diện về nhận thức và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, trong thời kỳ quá độ, phù hợp với những đặc điểm vốn có ở nước ta. Đảng ta chủ trương đổi mới về kinh tế, đồng thời với đổi mới từng bước vững chắc về chính trị, giữ vững sự ổn định chính trị, tác động tốt đến đổi mới và phát triển kinh tế. Ngược lại, đổi mới và phát triển kinh tế có kết quả sẽ củng cố và tăng cường sự ổn định về chính trị. Về kinh tế, Đảng chủ trương xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành

Digitized by Google

theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng chủ trương đổi mới quan hệ đối ngoại, mở rộng và phát triển sự hợp tác đa phương, đa dạng, trước hết là hợp tác kinh tế với các nước kể cả các nước tư bản phát triển nhằm tranh thủ vốn, khoa học và công nghệ tiên tiến phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Sự hợp tác này vừa có lợi cho ta lại vừa là một thách thức, một nguy cơ nếu chúng ta không có tinh thần cảnh giác cách mạng sắc bén. Với đường lối trên, nền kinh tế thị trường mà Đảng chủ trương xây dựng phát triển không phải là nền kinh tế thị trường tự phát mà có định hướng rõ rệt, định hướng xã hội chủ nghĩa. Về thực chất, đây là cuộc đấu tranh giữa hai con đường, hai xu hướng phát triển xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong lĩnh vực kinh tế ở nước ta, lĩnh vực có ý nghĩa then chốt, quyết định sự thành công của chủ nghĩa xã hội vì đấu tranh chính trị, đấu tranh tư tưởng thực chất là đấu tranh kinh tế như Lê-nin từng nói : "Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế". Nếu nói rằng trong thời kỳ kinh tế thị trường không cần thiết phải tiến hành công tác tư tưởng có nghĩa là sùng bái tính tự phát trong kinh tế ; thủ tiêu công tác tư tưởng và đấu tranh tư tưởng trong lĩnh vực kinh tế, cũng có nghĩa là thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng trong địa hạt quan trọng này. Cái gì bảo đảm cho đường lối, chính sách kinh tế thâm nhập vào quần chúng để quần chúng thực hiện một cách tự giác ? Đó chính là công tác tư tưởng của Đảng. Theo Mác, lý luận tư tưởng tiên tiến khi thâm nhập vào quần chúng sẽ trở thành lực lượng vật chất to lớn để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Do đó, công tác tư tưởng là một động lực của sự nghiệp đổi mới đất nước. Qua thực tiễn 10 năm đổi mới đất nước, càng thấy được công tác tư tưởng rất cần thiết bởi kinh tế thị trường có nhiều mặt tích cực nhưng cũng không ít mặt tiêu cực : "Cơ chế thị trường đã phát huy tác dụng tích cực to lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Nó chẳng những không đối lập mà còn là một nhân tố khách quan cần thiết của việc xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác, cơ chế thị trường có những tác động tiêu cực mâu thuẫn với bản chất của chủ nghĩa xã hội. Vận dụng cơ chế thị trường đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của nhà nước, nhằm phát huy tác dụng tích cực đi đôi với ngăn ngừa, hạn chế và khắc phục những mặt tiêu cực" (2). Kinh tế thị trường giải phóng sản xuất, làm cho lực lương sản xuất phát triển, thúc đẩy ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế tăng trưởng nhanh. Tuy nhiên nó cũng là một trong những nguyên nhân gây ra sự băng hoại về đạo đức, lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, tăng khoảng cách giàu nghèo, các tệ nạn xã hội phát triển, con người cô đơn và lạnh lùng v.v.. Đó cũng chính là những mặt trái của kinh tế thị trường mà trận địa tư tưởng phải tiến công và bài trừ để xã hội ta tiến tới một xã hội công bằng, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

3 - Yêu cầu to lớn của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới cũng như những đặc điểm của kinh tế thị trường đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tư tưởng.

Trước hết cần phải có nhận thức đúng về vị trí, tầm quan trọng của công tác tư tưởng trong hoạt động lãnh đạo của Đảng cũng như trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân. Lĩnh vực tư tưởng là một lĩnh vực rất tinh tế, phức tạp của con người nên công tác tư tưởng phải cụ thể, tỷ mỷ, phù hợp với từng loại đối tượng, phù hợp với quy luật tư tưởng, quy luật tâm lý, nhận thức. Công tác tư tưởng cần coi trọng tính thiết thực, tính hiệu quả, tránh chủ quan áp đặt, giản đơn, ảo tưởng và chủ nghĩa hình thức. Cần phải nhạy bén, chủ động tấn công, phê phán các quan điểm, tư tưởng, lý luận sai trái, xuyên tạc đường lối quan điểm của Đảng, thù địch với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội, với sự lãnh đạo của Đảng, kiên quyết chống diễn biến hòa bình về tư tưởng của các thế lực thù địch.

Công tác tư tưởng không chỉ là công tác của các cấp ủy Đảng, hay của ban tư tưởng - văn hóa, ban tuyên huấn các cấp, mà còn là công tác chung của toàn bộ hệ thống chính trị của chúng ta (Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội). Việc ban hành các chính sách và pháp luật của nhà nước ta phải tính toán đến khía cạnh tư tưởng và hậu quả tư tưởng của chúng. Cần tránh tình trạng

(2) *Văn kiện đã dẫn*, tr 26 - 27

Digitized by Google

mâu thuẫn, chồng chéo giữa tư tưởng và chính sách. Ra một chính sách sai chẳng khác gì là sự phá hoại về tư tưởng.

Vì vậy, cần phải phát huy sức mạnh tổng hợp, đồng bộ của các yếu tố và các lực lượng làm công tác tư tưởng từ tuyên truyền cổ động, thông tin đại chúng, văn hóa văn nghệ đến nghiên cứu lý luận... Đặc biệt công tác lý luận là một nội dung quan trọng của công tác tư tưởng trong giai đoạn hiện nay. Cần làm tư tưởng không chỉ bằng kinh nghiệm, mà phải bằng lý luận và thông qua lý luận. Nhờ công tác lý luận sẽ nâng cao tính khoa học, tính thuyết phục, tính hiệu quả của công tác tư tưởng.

Công tác tư tưởng cần phải gắn với công tác kinh tế, phải thống nhất tư tưởng với kinh tế. Đúng như đồng chí Trường Chinh đã phân tích : "Bản thân công tác tư tưởng sẽ không có nội dung nếu tự nó tách ra khỏi kinh tế và đời sống. Một cơ chế kinh tế đúng, một chính sách kinh tế đúng sẽ là chỗ dựa để làm tốt công tác tư tưởng. Sai lầm trong công tác kinh tế sẽ làm mất chỗ dựa để làm tốt công tác tư tưởng, đồng thời còn phá hỏng những tư tưởng đúng, gây lộn xộn và tiêu cực về tư tưởng" (báo *Nhân dân*, ngày 19-3-1984). Đường lối, chính sách kinh tế của Đảng đúng đắn sẽ là chỗ dựa cho công tác tư tưởng và thông qua công tác tư tưởng, mọi chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng cùng hệ tư tưởng Mác - Lê-nin sẽ thâm nhập vào cán bộ, đảng viên, quần chúng và biến đường lối chính sách thành hiện thực tốt đẹp, công tác tư tưởng có nhiệm vụ làm rõ mô hình xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần..., làm rõ con đường, biện pháp xây dựng nền kinh tế đó. Đấu tranh chống các tàn dư của quan niệm, quan điểm kinh tế bao cấp để xây dựng quan niệm mới về kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Công tác tư tưởng góp phần đưa chủ trương chính sách, pháp luật kinh tế vào đời sống, tuyên truyền điển hình kinh tế, tổng kết thực tiễn kinh tế, hình thành và hoàn thiện lý luận kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Công tác tư tưởng chú ý cung cấp thông tin kinh tế cho người lao động, góp phần tháo gỡ những vướng mắc về tư tưởng của họ.

Khó khăn của công tác tư tưởng trong lĩnh vực kinh tế hiện nay là các tệ nạn tiêu cực trong đời sống kinh tế : tệ tham nhũng, lãng phí của công, buôn lậu... phổ biến nghiêm trọng và kéo dài. Công tác tư tưởng của Đảng phải tích cực đấu tranh và vận động cán bộ, đảng viên, nhân dân tham gia đấu tranh để đẩy lùi, khắc phục những tệ nạn đó, củng cố lòng tin của quần chúng đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Cán bộ, đảng viên phải bằng sự gương mẫu của mình, bằng sự thống nhất giữa nói và làm để làm tư tưởng cho quần chúng.

Công tác tư tưởng của Đảng không chỉ tiến hành trong lĩnh vực kinh tế mà phải được quán triệt và thực hiện trong mọi lĩnh vực. Phải quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng trong nhận thức lý luận và trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Công tác tư tưởng có nhiệm vụ ổn định chính trị và đoàn kết xã hội, góp phần tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. Công tác tư tưởng góp phần bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh về mặt tư tưởng, đấu tranh chống lại những tư tưởng lỗi thời, phản động.

Công tác tư tưởng phải phản ánh kịp thời, không né tránh những mâu thuẫn của đời sống xã hội, phải thực hiện tốt phương châm "dám nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, nói đúng sự thật". Lẽ dĩ nhiên sự thật đó phải được xem xét trên quan điểm khách quan và biện chứng và với một động cơ trong sáng.

Để phát huy vai trò công tác tư tưởng, cần phải chú trọng đội ngũ những người chuyên làm công tác tư tưởng. Những nhà tư tưởng phải am hiểu về lý luận, say mê với nghề nghiệp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, thành thạo về nghiệp vụ. Điều đó đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải quan tâm đến đội ngũ này, phải có chế độ đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ thỏa đáng. Hiện nay lĩnh vực công tác tư tưởng, công tác tuyên huấn là một trong những lĩnh vực khó khăn và ít người muốn làm. Nếu không có chính sách tốt sẽ không có cán bộ tốt. Đồng thời trong các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội cần phải có phần tham gia của công tác tư tưởng (kể cả về kinh phí). Cần tránh tình trạng để khi sự việc xảy ra rồi lúc đó mới đi tìm các nhà tư tưởng, mới cần đến ban tuyên huấn các cấp để giải quyết tư tưởng.❑

Digitized by Google

MƯỜI NĂM ĐỔI MỚI KINH TẾ : NHÌN LẠI VÀ BƯỚC TIẾP

NGUYỄN NGỌC TUÂN *

ĐẠI hội lần thứ VI của Đảng (tháng 12 năm 1986) đã khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện đất nước, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, *thực hiện những bước chuyển cơ bản có ý nghĩa chiến lược* trên bốn mặt có quan hệ hữu cơ với nhau từ mô hình kinh tế kế hoạch tập trung bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN với những hợp phần hợp lý của nó mang bản sắc Việt nam. Đó cũng chính là *thực chất, nội dung và mục tiêu* của đường lối đổi mới kinh tế ở nước ta. Những bước chuyển đó là :

1. Chuyển từ mô hình kinh tế hiện vật, nửa tự nhiên sang mô hình kinh tế hàng hóa.

Trong nhiều thập kỷ trước năm 1986, ở nước ta sản xuất hàng hóa thường bị coi là tàn dư của chủ nghĩa tư bản cần được loại trừ càng sớm càng tốt. Các quan hệ kinh tế - vì vậy - đều được *hiện vật hóa* ; còn giá cả luôn được xem là công cụ kế toán, nên chỉ là giá giả tạo. Chỉ đến cuối năm 1986, Đại hội VI mới chính thức thừa nhận - kinh tế XHCN ở nước ta là nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch, phát huy đầy đủ kinh tế hàng hóa là giai đoạn tất yếu không thể bỏ qua. Sự đột phá về lý luận ấy đã dẫn đến hàng loạt đổi mới táo bạo và có hiệu quả trong thực tiễn.

Năm 1988, đã có hơn *10 triệu hộ gia đình* làm đơn vị sản xuất kinh doanh cơ bản ở nông thôn thay cho *50 vạn hợp tác xã và tập đoàn sản xuất* với bộ máy cồng kềnh và kém hiệu quả ; qua đó tách *quyền sở hữu khỏi quyền kinh doanh ruộng đất*, biến các nông hộ thành những thực thể kinh tế độc lập để đáp ứng yêu cầu của sản xuất hàng hóa. Nông hộ được giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài : trước là 10 đến 15 năm, sau (1993) được nâng lên 20 năm đối với loại cây hàng năm và 40 năm đối với loại cây lâu niên. Nông hộ có quyền kế thừa, chuyển nhượng và thế chấp quyền sử dụng ruộng đất để vay vốn ngân hàng ; được tự chủ kinh doanh trên mảnh đất của mình, theo luật pháp của Nhà nước và có nghĩa vụ nộp thuế.

- Theo hướng cải cách thắng lợi trong nông nghiệp, chúng ta đã xóa dần cơ chế sản xuất theo hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh trong công nghiệp. Đầu những năm 1990, thực hiện thống nhất chỉ tiêu nộp thuế duy nhất đối với các xí nghiệp, một hệ thống thuế tương đối hiện đại được hình thành dần, gồm : thuế doanh thu (10-1990) thay cho thuế kinh doanh trước đó, thuế tiêu thụ đặc biệt (10-1990) thay cho thuế hàng hóa, thuế lợi tức (1-1991) thay cho trích nộp lợi nhuận, thuế thu nhập cá nhân (4 -1991). Để khắc phục tình trạng "thuế chồng lên thuế", không khuyến khích sản xuất hàng hóa phát triển sắp tới, sẽ thông qua luật áp dụng thuế trị giá gia tăng (VAT). Các sắc thuế khác, như thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế môi trường cũng lần lượt được đưa vào áp dụng. Chính sách thuế mới này vừa giúp cho xí nghiệp có thể dự đoán được những chi phí về thuế ; chân thực hóa được lợi nhuận phải đóng, góp phần khắc phục tình trạng "lời giả, lỗ thật" ; vừa giúp cho ngân sách nhà nước khỏi phụ thuộc một chiều vào nguồn thuế đơn nhất của các XNQD.

- Các quan hệ thị trường được sử dụng rộng rãi không chỉ với tư liệu tiêu dùng, mà cả với yếu tố sản xuất, từ vật tư, kỹ thuật đến sức lao động, sản phẩm khoa học, nhà đất v.v. những thứ một thời được khuôn vào vùng "cấm" của cơ chế cũ. Thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, hệ thống thị trường sơ bộ được hình thành, bao gồm nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức kinh doanh cùng tham gia cạnh tranh với nhau để mưu sinh và tồn tại. Quy luật giá trị, quan hệ cung cầu đã bắt đầu phát huy tác dụng của nó đối với sản xuất và lưu thông.

* Chuyên viên kinh tế Viện khoa học xã hội tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

- Cải cách hệ thống giá cả kế hoạch để đáp ứng đòi hỏi của cơ chế thị trường. Mục tiêu của cải cách giá cả, là kết hợp điều chỉnh với buông mạnh giá, tiến tới để cho cung cầu và cạnh tranh thị trường quyết định giá cả. Theo hướng đó, cơ chế hai giá được thực thi từ 1981 đã chuyển thành cơ chế một giá vào năm 1988. Từ đầu năm 1990, mô hình giá cả thị trường hầu như được áp dụng phổ biến trong cả nước.

- Khôi phục cạnh tranh - động lực nội tại của kinh tế hàng hóa, là sự tồn tại khách quan tất yếu giữa các xí nghiệp. C. Mác từng chỉ ra : các xí nghiệp sản xuất hàng hóa không thừa nhận quyền uy nào khác ngoài quyền cạnh tranh và sự cưỡng chế của chính bản thân họ. Thêm nữa, kinh nghiệm của nhiều nước còn cho thấy, một nền kinh tế không có cạnh tranh, dù có duy trì tỉ lệ tích luỹ cao cũng vẫn tăng trưởng chậm.

- Các thể chế tài chính, tín dụng cũng được cải đổi tích cực vào đầu năm 1990 theo hướng : a/ Biến các ngân hàng từ hệ thống đơn cấp phục vụ một cách thụ động cho cơ chế kế hoạch tập trung trước đó thành hệ thống hai cấp, gồm ngân hàng trung ương được tách riêng chuyên làm *chức năng quản lý* có trách nhiệm chính trong việc khống chế và kiểm soát lạm phát ; quản lý ngoại tệ, vàng, ổn định giá trị đồng tiền... và các ngân hàng thương mại chuyên làm *chức năng kinh doanh* ; b/ Xí nghiệp hóa hoạt động của các ngân hàng thương mại ; c/ Mở các công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân và cơ cấu tiền tệ phi ngân hàng khác ; phát triển thị trường vốn để thu hút các nguồn vốn cho nhu cầu đầu tư phát triển ; d/ Xây dựng thị trường hối đoái hợp pháp v.v... Nhờ đó, chính sách tài chính bước đầu có sự khởi sắc và ngân hàng đang dần phát huy được tác dụng của "bộ máy khởi động" đối với sản xuất ;

- Theo đà để phần lớn các hoạt động kinh tế cho thị trường điều tiết, quản lý nhà nước cũng chuyển dần từ việc lấy xí nghiệp làm đối tượng quản lý chính sang lấy xã hội làm đối tượng quản lý chính ; thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng chủ sở hữu tài sản quốc hữu.

2. Chuyển từ cơ cấu kinh tế "nặng" theo mô hình công nghiệp hóa truyền thống sang cơ cấu kinh tế "nhẹ".

Xuất phát từ trình độ phát triển thấp và không đều của lực lượng sản xuất giữa các ngành, vùng, từ sự phân công lao động quốc tế diễn ra mạnh mẽ sau chiến tranh thế giới thứ hai, Đại hội VI đã khẳng định : nước ta chưa thể đi ngay vào công nghiệp hóa với cơ cấu kinh tế quá thiên về công nghiệp nặng, lệch về quy mô lớn trong khi nông nghiệp và công nghiệp nhẹ còn rất lạc hậu. Từ đó, Đại hội đã đề ra cơ cấu kinh tế mới thể hiện ở ba Chương trình kinh tế lớn là *lương thực - thực phẩm - hàng tiêu dùng - hàng xuất khẩu*. Đây là cơ cấu kinh tế *"nhẹ"* phù hợp với quy luật khách quan của sự phát triển lực lượng sản xuất đối với một nước đứng ở điểm xuất phát thấp như nước ta, là sự thay đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế "nặng" không phù hợp trước đó. Nó chẳng những phản ánh được lợi thế so sánh của nước ta về nền nông nghiệp nhiệt đới phong phú, đa dạng, về nguồn lao động dồi dào với giá rẻ... trong cuộc cạnh tranh trên thị trường quốc tế ; mà còn đề cập trực tiếp tới việc giải quyết các nhu cầu thiết yếu của nhân dân sau chiến tranh và nhu cầu xuất khẩu để trang trải nhập khẩu (đến năm 1980, ta vẫn phải nhập tới gần 2 triệu tấn lương thực). Trong cơ cấu này, công nghiệp nặng không phải bị phủ định mà được *lựa chọn* xây dựng có *mức độ*, chủ yếu tập trung vào một số cơ sở trọng yếu và hết sức cần thiết để tạo lực đẩy trực tiếp cho sự phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, như năng lượng, xi măng, phân bón, giao thông vận tải v.v..., nhưng với quy mô vừa và có hiệu quả, chứ không "chôn" vốn vào những công trình quá lớn, tốn nhiều vốn, mà tỷ lệ sinh lời thấp, như gang thép, cơ khí... Cơ cấu kinh tế này đã thể hiện đậm nét mô hình công nghiệp hóa hiện đại có sự kết hợp *hướng nội* và *hướng ngoại* phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta sau chiến tranh.

3. Chuyển sang chế độ đa sở hữu, lấy công hữu làm chủ thể.

Quan điểm truyền thống chủ trương thực hiện những cuộc cải tạo quyết liệt để đơn nhất hóa càng sớm, càng tốt các hình thức sở hữu, kinh doanh đa dạng vốn có ; để quá độ từ sở hữu tập thể sang sở hữu toàn dân càng nhanh càng có CNXH ở trình độ cao hơn. Do đó, đã dẫn đến áp đặt một cơ cấu sở hữu *đơn nhất* và *đi trước* lực lượng sản xuất. Cơ cấu sở hữu này - đến lượt nó - đã gây tổn hại nghiêm trọng lực lượng sản xuất, đẩy không ít XNQD và hợp tác xã đến chỗ làm ăn thua lỗ, hoặc đứng trước ngưỡng giải thể. Đại hội VI đã phê

Digitized by Google

phán nghiêm khắc những sai lầm mang tính *không tôn trọng quy luật khách quan*, chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài cơ cấu sở hữu nhiều thành phần ; chỉ ra sự cần thiết phải giải phóng lực lượng sản xuất và phát huy cao độ tiềm năng của các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế công hữu là chủ thể - một trong những đặc trưng bản chất nhất của CNXH. Tương ứng với một tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất không chỉ có một quan hệ sản xuất nhất định. Và ngược lại, ứng với một quan hệ sản xuất, có thể có nhiều tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đan xen.

4. Chuyển từ chính sách kinh tế "khép" sang chính sách kinh tế "mở"

Đại hội VI đã khởi xướng chính sách "mở" để chuyển nền kinh tế hiện vật mang tính chất tự cấp, tự túc sang nền kinh tế hàng hóa. Đây vừa là điều kiện bắt buộc để phát triển kinh tế hàng hóa, vừa là hệ quả tất yếu của sự phát triển kinh tế hàng hóa. Chính sách "mở" bao gồm *mở cả nước* : mở vùng, mở tỉnh, mở ngành, mở thành phố với nông thôn, để xóa bỏ dần tình trạng chia cắt, cát cứ kiểu phong kiến, phát triển mạnh các quan hệ "ngang" là chính thay cho quan hệ "dọc" độc quyền trước đó, kết hợp quan hệ "ngang" với quan hệ "dọc" để khai luồng lưu thông, mở nguồn tiêu thụ, làm cho lưu thông hàng hóa được thông suốt và tác động tích cực trở lại đối với sản xuất. *Mở với bên ngoài*, thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với các nước - nhất là quan hệ kinh tế, nhằm tranh thủ vốn, công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý và kinh nghiệm tiếp thị, để đẩy nhanh nhịp độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và để từ góc độ kinh tế quốc tế, xem lại hiệu quả phát triển kinh tế của mình trên các mặt bố trí cơ cấu kinh tế, năng suất lao động, chất lượng và giá thành sản phẩm.

* *
*

Sau nhiều năm đổi mới - như Giô-na-than H.Ho-tơn, giáo sư Viện phát triển Quốc tế Ha-vớt (Mỹ) nhận xét "Việt nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kinh ngạc..., đã thực hiện được những bước chuyển to lớn, nhanh hơn cả Trung quốc (theo Wain, 1993) và có hiệu quả cao hơn cả Nga và Đông Âu vào cùng thời điểm" (Cải cách kinh tế ở Việt nam : bức tranh tổng quát, tr 33).

Tuy vậy, nước ta *chỉ mới ở trong quá trình chuyển tiếp từ mô hình, thể chế kinh tế cũ sang mô hình thể chế kinh tế mới*. Đặc trưng cơ bản của bước chuyển này, là : a/ Thể chế mới vừa được hình thành sơ bộ, trên những nét cơ bản, đã bắt đầu phát huy tác dụng của nó, nhưng chưa thể thay thế ngay và toàn bộ thể chế cũ. Thể chế cũ vì vậy còn tác động trong một thời gian và phạm vi nhất định. b/ Nhiều mâu thuẫn mới nảy sinh trong quá trình vận hành kinh tế đã không còn đơn thuần do thể chế cũ đẻ ra, mà có liên quan đến sự chưa hoàn thiện của thể chế kinh tế mới. c/ Thế và lực, cả cơ sở vật chất và tư tưởng của công cuộc đổi mới đã được tăng cường nhiều.

Do vậy, đi sâu đổi mới để "bồi da đắp thịt", nhằm hoàn thiện mô hình kinh tế mới cần được xem là quốc sách cơ bản trong mọi quốc sách. Mấy hướng hoàn thiện chính nên được tập trung lực lượng giải quyết là :

1. Hoàn thiện thể chế mới, chủ yếu là :

a/ Hoàn thiện thể chế xí nghiệp, làm cho xí nghiệp có sức sống - vì xí nghiệp là cơ sở vi mô của sản xuất hàng hóa. Xí nghiệp có sức sống, thì kinh tế hàng hóa mới sôi động, toàn bộ nền kinh tế quốc dân mới có sức sống. Muốn cho xí nghiệp có sức sống, ở nước ta - cũng như ở các nước XHCN từng theo mô hình kinh tế truyền thống - phải *cải biến quan hệ sản quyền mơ hồ* đã đang làm XNQD thiếu sinh khí, *coi đó là điểm đột phá* để minh xác quyền sở hữu pháp nhân về kinh tế của xí nghiệp và *tích cực tìm tòi những hình thức thực hiện mới thích hợp với kinh tế công hữu*. Trước mắt, cần xóa bỏ những đặc quyền và trở ngại đã làm chậm bước tiến của cổ phần hóa xí nghiệp. Đến nay mới có 10 trên tổng số hơn 6 nghìn doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa. Chủ động và tích cực đẩy mạnh việc cổ phần hóa để tận dụng những ưu thế vốn có ít được nhắc tới của nó, nhằm làm sống động xí nghiệp, mà không phải tư nhân hóa, như : nó cho phép minh xác quan hệ sản quyền, xác lập sở hữu chủ pháp nhân đích thực của doanh nghiệp để bảo toàn và gia tăng giá trị tài sản công hữu ; tách chức năng sở hữu khỏi chức năng kinh doanh, tách chính quyền với xí nghiệp để xóa bỏ cơ sở kinh tế đẻ ra sự can thiệp hành chính trực tiếp của cơ cấu chính quyền vào xí nghiệp, biến xí nghiệp từ một dạng của cơ quan chính quyền cấp vi mô luôn chấp hành mệnh lệnh cấp trên trong cơ chế cũ thành những

Digitized by Google

thực thể kinh tế tương đối độc lập, thành những người sản xuất kinh doanh hàng hóa tự chủ, có thể tạo cho mình sức sống nhờ đáp ứng tốt tín hiệu của thị trường; lợi dụng sự giám sát của các cổ đông và lựa chọn giám đốc của Hội đồng quản trị để ràng buộc hành vi của giám đốc, "cứng" hóa cơ chế tự ràng buộc của xí nghiệp. Qua đó ngăn chặn hành vi lạm quyền của giám đốc, "biến công vi tư" ; tiêu xài xa hoa tiền bạc của nhà nước, hay chuyển sản phẩm có doanh lợi và thị trường tiêu thụ của XNQD cho liên doanh của mình, hay cho xí nghiệp tư doanh để trục lợi, hình thành cơ chế kinh doanh mới - xí nghiệp tự chủ sản xuất kinh doanh, tự chịu lỗ lãi, tự ràng buộc, tự phát triển v.v.... Sở hữu cổ phần là đặc trưng chung của sở hữu hiện đại. Xí nghiệp cổ phần là hình thức chủ yếu của chế độ tổ chức xí nghiệp hiện đại : Nước Nhật hiện có trên 1 triệu xí nghiệp cổ phần. Cả nước Nhật - dưới con mắt của người phương Tây là một công ty cổ phần khổng lồ. Còn chính phủ Nhật là người thao túng thực sự công ty khổng lồ ấy. Ở Mỹ, từ năm 1962, số công ty cổ phần đã chiếm tới 78% tổng số xí nghiệp trong cả nước v.v... Cái khác nhau quan trọng nhất ở đây là cổ phần hóa ở nước ta không phải được thực hiện thông qua tư nhân hóa, mà được tiến hành trên cơ sở của chế độ công hữu ; Do đó, theo tôi tỷ trọng cổ đông cá nhân nắm cổ phần sẽ rất thấp. Ngược lại, tỷ trọng của các xí nghiệp pháp nhân nắm cổ phần của nhau sẽ rất cao. Hình thức cổ phần hóa này có lợi : *Một là*, nó cho phép hình thành quan hệ hiệp tác ổn định, có lợi cho việc thúc đẩy các tập đoàn kinh tế ra đời. *Hai là* , khống chế được tỷ lệ chia lời, tạo điều kiện thuận lợi cho công ty cổ phần cất bước. *Ba là*, nó phát huy được tác dụng của các tập đoàn kinh tế, làm "mềm" hóa sự can thiệp hành chính, có lợi cho việc tách chính quyền khỏi xí nghiệp để làm sống động xí nghiệp v.v... Đi đôi với cải biến ấy, cần đẩy tới cải cách các mặt : nhà ở, chế độ phúc lợi, chế độ trợ cấp chờ việc được trích từ quỹ lương xí nghiệp, để hình thành chế độ bảo hiểm xã hội có lợi cho việc di chuyển lao động và cạnh tranh, cũng như cho việc sáp nhập xí nghiệp và phá sản.

b/ Hoàn thiện thể chế thị trường, cần lấy thị trường hiện đại kết hợp với thị trường dưới sự chỉ đạo của kế hoạch làm mục tiêu, hoàn thiện các loại thị trường, thông qua việc kiện toàn và hoàn thiện pháp quy thị trường, đẩy nhanh việc hình thành thị trường thống nhất có tính cạnh tranh. Đặc biệt cần đặt trọng điểm vào việc hoàn thiện thị trường các yếu tố sản xuất, thông qua việc mở rộng phát hành cổ phiếu, trái phiếu để thúc đẩy thị trường này phát triển mau chóng. Trong khi thị trường cổ phiếu chưa phát triển, nên chủ động mở thí điểm *thị trường việc làm của giám đốc xí nghiệp,* để thực sự gắn việc làm và lợi ích của họ với kết quả kinh doanh của xí nghiệp, buộc họ phải nâng cao tố chất và hoạt động tích cực cho lợi nhuận tối đa của xí nghiệp. Điều này có nghĩa là trong thực tế sẽ hình thành một đội ngũ các nhà quản trị xí nghiệp có thể lưu động tự do. Nhà quản trị nào qua khảo nghiệm của thị trường cạnh tranh này tỏ rõ có thành tích, sẽ được hưởng lương cao hơn, được lưu nhiệm tiếp tục... Ngược lại, có thể bị thay thế bởi nhà quản trị khác - tức là họ cũng bị đặt trước áp lực giảm lương hay mất việc làm nếu kinh doanh không tốt.

c/ Ổn định và lành mạnh hóa chính sách kinh tế vĩ mô, cái chính là tránh chạy theo tốc độ cao một cách phiến diện, thực sự gắn tốc độ với hiệu quả. Tốc độ cao mà không có hiệu quả là tốc độ giả. Còn hiệu quả mà không có tốc độ, hay tốc độ quá thấp, sẽ bất lợi cho việc lợi dụng đầy đủ các yếu tố sản xuất, tăng thu nhập tài chính, cải thiện đời sống nhân dân... Kinh nghiệm những năm qua của Trung quốc cho thấy, nếu GNP tăng trưởng quá 10%/năm, công nghiệp tăng quá 15%/năm, thì nền kinh tế sẽ xuất hiện hiện tượng quá "nóng" và dẫn đến lạm phát. Để bảo đảm kinh tế phát triển ổn định, đề phòng quá "nóng", phải khống chế thường xuyên *cầu* quá mức hoặc tăng quá nhanh, bao gồm cả *cầu về đầu tư* và *cầu về tiêu dùng*. Tình trạng thâm hụt nặng cán cân thương mại của ta năm 1995 - 2,3 tỉ USD, năm 1996 - 4 tỉ USD - chiếm 16% GDP có nguyên nhân bắt nguồn từ việc buông lỏng sự khống chế này. Đây là dấu hiệu đáng quan ngại cho sự phát triển nhanh và ổn định của một quốc gia mới đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đi đôi với việc *duy trì tốc độ phát triển có hiệu quả,* cần lành mạnh hóa chính sách tiền tệ thông qua việc khống chế hữu hiệu lượng cung ứng tiền tệ cho lưu thông, chủ yếu là khống chế không để các khoản vay và cho vay tăng quá nhanh, thực hiện chính sách lãi suất đúng đắn, tức lãi suất danh nghĩa - theo kinh nghiệm của nhiều nước - nên cao hơn tỷ lệ tăng giá từ 2 - 4% là thích hợp.

(Xem tiếp trang 35)

Digitized by Google

VỀ TÍNH ĐA DẠNG CỦA KHẢ NĂNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG TƯ TƯỞNG CÁC MÁC

NHỊ LÊ

1- Yêu cầu của thời cuộc hiện nay.

Như một tất yếu và là một nhu cầu bức thiết, các nước muốn tiếp tục sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội không thể không trở lại với những tư tưởng của C. Mác về chủ nghĩa xã hội, vì "nếu đi theo bất cứ con đường nào khác thì... chỉ có thể đi tới dối trá và lẫn lộn", như V.I. Lê-nin cảnh báo. Nhưng, hiện nay, hơn bao giờ hết, trước sự đổ vỡ một bộ phận lớn của chủ nghĩa xã hội hiện thực thế giới, và trước những lời thóa mạ, thậm chí kết tội và phủ nhận C. Mác, chúng ta phải tiếp tục làm gì để hiểu đúng và phát triển tư tưởng của Người ? Đặc biệt, trước sự xuyên tạc, bôi nhọ C. Mác, trước "những lời phóng thuật tự do, những cách giải thích tùy tiện" tư tưởng C. Mác, chúng ta cần nỗ lực tìm và hiểu C. Mác đã nói gì và nói như thế nào về triển vọng đa dạng hóa phương thức, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và quan trọng hơn, vận dụng những điều ấy ra sao trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay ?

Trong sự nghiệp hoạt động lý luận khoa học và thực tiễn cách mạng của mình, C . Mác không bao giờ tự bó mình trong những khuôn khổ giáo điều cứng nhắc, chật hẹp, và Người cũng luôn nhắc nhở, yêu cầu chúng ta về điều đó. Chủ nghĩa xã hội khoa học, mà C. Mác là người đặt nền móng sở dĩ trở thành khoa học, trước hết vì nó đứng vững trên miếng đất hiện thực, "là biểu hiện khái quát của những quan hệ thực tại của một cuộc đấu tranh giai cấp hiện có, của một sự vận động lịch sử đang diễn ra trước mắt chúng ta" (1), và "là một phong trào *hiện thực*... xoá bỏ trạng thái hiện nay" (2). Một trong những vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng nhất, then chốt nhất và đồng thời cũng là nan giải nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học như C. Mác nhận định và tự mình tập trung kiến giải chính là vấn đề chủ nghĩa cộng sản được sinh ra như thế nào ?

2 - Khả năng thứ nhất...

Trên cơ sở nghiên cứu chủ nghĩa tư bản châu Âu, C. Mác thấy "sự vĩ đại và tính tất yếu nhất thời của bản thân chế độ tư sản" (3), đồng thời cũng khám phá ra rằng nó cũng chứa đựng vô vàn mâu thuẫn, tự thân không thể và không bao giờ đủ sức giải quyết ; và Người dự cảm tới một lúc nào đó cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ nổ ra, ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, mà tối thiểu cũng diễn ra đồng thời ở Anh, Pháp, Mỹ, Đức... Vào những năm 60 của thế kỷ XIX, C. Mác hình dung điều đó như một tương lai rất gần : giai cấp công nhân Anh phải chuẩn bị tốt về mọi mặt để gánh vác trọng trách, giai cấp vô sản Pháp sẽ đóng vai trò là đội quân tiên phong cách mạng, khi thời cơ đến thì người Pháp phát tín hiệu nổ súng và người Đức giải quyết chiến đấu. Không nghi ngờ gì, điều C. Mác đã quan tâm là, xã hội tư bản chuyển biến tất yếu thành xã hội cộng sản như thế nào hay chủ nghĩa tư bản phải sinh ra chủ nghĩa cộng sản ra sao. Nói cách khác, C. Mác đã giả định chủ nghĩa cộng sản được trực tiếp sinh ra một cách tất yếu từ xã hội tư bản phát triển cao.

C. Mác đã lấy chủ nghĩa tư bản phát triển một cách thuần túy làm tiền đề, làm điều kiện để khám

---

(1) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 4, tr 615

(2) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 3, tr 51

(3) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, t II, tr 662

Digitized by Google

phá, phát hiện về chủ nghĩa xã hội. Ở một loạt tác phẩm *"Nội chiến ở Pháp"* (1871), *"Phê phán cương lĩnh Gô-ta"* (1875)... được hoàn thành trên cơ sở những kết luận khoa học chủ yếu của bộ *"Tư bản"* (1867) và kinh nghiệm thực tiễn nóng hổi của Công xã Pa-ri (1871), C. Mác đã luận giải một cách hết sức chặt chẽ và đầy đủ giả định này. Đây không phải là một "dự đoán vu vơ" mà là một *giả định khoa học* được rút ra khi Người "đặt vấn đề chủ nghĩa cộng sản giống như một nhà tự nhiên học đặt, chẳng hạn, vấn đề tiến hóa của một giống sinh vật mới, một khi đã biết nguồn gốc của nó và định được rõ rệt hướng của những biến đổi của nó" (4), như V.I. Lê-nin chỉ rõ. Từ đây, C. Mác đưa ra kết luận về sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản trên cơ sở phát hiện những điều kiện cần thiết để thủ tiêu chủ nghĩa tư bản và khẳng định tính quy luật của việc thay thế nó bằng chủ nghĩa cộng sản, với hai giai đoạn chủ yếu là : giai đoạn thấp - "một xã hội cộng sản chủ nghĩa vừa *thoát thai* từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội, về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần - còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lọt lòng ra" (5) ; và giai đoạn cao - "xã hội cộng sản chủ nghĩa *đã phát triển* trên cơ sở của chính nó" (6). Sau này, Ph. Ăng-ghen gọi giai đoạn thấp ấy của chủ nghĩa cộng sản, theo cách hiểu của C. Mác, là chủ nghĩa xã hội. Rõ ràng, ở đây thực chất tư tưởng của C. Mác cho rằng, chủ nghĩa xã hội chính là kết quả của sự phát triển chín muồi *của* chủ nghĩa tư bản và *từ* chủ nghĩa tư bản.

Nhưng thực tế cho thấy, giả định khoa học trên của C. Mác về việc chủ nghĩa cộng sản sẽ xây dựng thành công ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao, cho đến nay đã hơn một thế kỷ, kể từ khi C. Mác mất, chưa trở thành hiện thực. Phải chăng, trong các giả định khoa học về tương lai của C. Mác có điểm nhầm lẫn ? Và phải chăng V.I. Lê-nin đã đi ngược lại tư tưởng của C. Mác ? Chính ở điểm này mà những người đang ra sức công kích, phủ nhận C. Mác, đem "đối lập" V.I. Lê-nin với Người. Thực ra, C. Mác không hề có sự "đối lập" nào với V.I. Lê-nin trong nhận thức và hành động ở luận điểm này, vì thực tế lịch sử chưa xảy ra chứ không phải sẽ không xảy ra theo giả định của C. Mác.

3 - Và khả năng thứ hai đi lên chủ nghĩa xã hội.

Điều đáng chú ý là, bên cạnh giả định trên, ở một góc độ khác, C. Mác còn nêu lên một giả định về xã hội cộng sản ra đời từ khởi điểm một xã hội kém phát triển, tiền tư bản chủ nghĩa - vấn đề mà sau này V.I. Lê-nin nỗ lực tiếp tục nghiên cứu và bước đầu thực hiện thành công. Sinh thời, C. Mác đã dành tâm sức, tập trung sự chú ý nghiên cứu kết cấu xã hội và tiến trình lịch sử của các nước lạc hậu phương Đông. Bởi chưa bao giờ quan niệm lịch sử sẽ đi đều bước như một cuộc diễu binh, nên khi nhìn sang phương Đông, C. Mác thấy các xã hội ở đây có những nét đặc thù và do ảnh hưởng khách quan của chúng mà nếu chỉ lấy sự ra đời và kế tiếp lẫn nhau một cách tuần tự của các hình thái kinh tế - xã hội (từ cộng sản nguyên thủy đến chiếm hữu nô lệ, lên phong kiến và tư bản chủ nghĩa) như các nước phương Tây đã trải qua, để kiến giải, thì chưa đủ. Trong những thư từ đã công bố trước năm 1855 và nhất là với công trình *"Sự thống trị của Anh ở Ấn độ"* (10-6-1853), C. Mác đã phân tích hết sức cơ bản, thấu triệt các nét đặc thù của những xã hội phương Đông, đi tới khái quát và rút ra hai điểm điển hình là : "Nhà nước chuyên chế phương Đông - chuyên chế châu Á" và "chế độ công xã nông thôn".

Khảo cứu nhà nước chuyên chế phương Đông, C. Mác viết : "Ở châu Á, từ những thời kỳ xa xưa, thường thường chỉ có ba ngành quản lý : Bộ tài chính hay là bộ cướp bóc nhân dân của chính nước mình, Bộ chiến tranh hay là bộ cướp bóc nhân dân các nước khác, và sau cùng là Bộ công trình công cộng" (7). Về công xã nông thôn và tính đặc biệt của nó, C. Mác nêu rõ : "... rải rác trên khắp lãnh thổ của đất nước, sống tập trung

(4) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t 33, tr 104

(5), (6) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t IV, tr 477

(7) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, 1981, t II, tr 554

Digitized by Google

trong những trung tâm nhỏ bé nhờ vào mối liên hệ có tính chất gia trưởng giữa lao động nông nghiệp và lao động thủ công nghiệp - cả hai tình hình đó, từ những thời kỳ xa xưa nhất, đã đẻ ra một chế độ xã hội đặc biệt gọi là *chế độ công xã nông thôn*, chế độ này đã đem lại cho mỗi đơn vị nhỏ bé đó cái tổ chức độc lập của nó" (8), và " là cơ sở bền vững của chế độ chuyên chế phương Đông" (9). Khám phá về chế độ sở hữu ở phương Đông, trong thư gửi Ph. Ăng-ghen đề ngày 2-6-1853, C. Mác viết : *"Nhà vua là kẻ sở hữu duy nhất tất cả mọi đất đai* trong quốc gia" và "... *tình hình không có chế độ tư hữu về ruộng đất*. Đó là chiếc chìa khóa thật sự ngay cả cho thiên giới phương Đông" (10). Tháng Giêng, năm 1859, trong tác phẩm *"Góp phần phê phán khoa học kinh tế - chính trị"* của mình, C. Mác đã chính thức sử dụng khái niệm "phương thức sản xuất châu Á" (11) với nội hàm được phát triển phong phú, với những nét riêng biệt của nó. Nhưng 9 năm sau đó, năm 1868, tiếp xúc với công trình khoa học *"Cơ cấu ma - cơ, nông thôn... của Đức"* của G.L. Von Mô-rơ (nhà sử học và luật học, 1790 - 1872), C. Mác thừa nhận : "những hình thức sở hữu châu Á hay Ấn độ là những hình thức ban đầu ở khắp nơi trên châu Âu" (12). Vậy là, ở đây có một sự tương đồng nào đó giữa phương Tây trước kia với phương Đông hiện thời C. Mác, những năm 70 của thế kỷ XIX.

Song điều đáng chú ý và cần nhấn mạnh là, vào chính thời điểm này, ở phương Đông đã xuất hiện ánh bình minh của cách mạng, như C. Mác nói, "một cuộc cách mạng *xã hội* hết sức vĩ đại" (13), đến mức "nếu không có một cuộc cách mạng căn bản trong các điều kiện xã hội của châu Á thì liệu loài người có thể hoàn thành được sứ mệnh của mình không" (14), trong khi đó thì ở châu Âu tình thế cách mạng của giai cấp vô sản đã tương đối im ắng. Cùng với thời gian, C. Mác kiên tâm dõi theo sự biến động với một góc nhìn đột phá, mới mẻ, đầy mẫn cảm và phát hiện thấy ở chính nơi đây đã lấp lánh tương lai của các xã hội này. Và như một tất yếu, vào năm 1881, trên cơ sở nghiên cứu thấu đáo thực tiễn lịch sử ở phương Đông, nhất là ở *nước Nga công xã*, C. Mác đã tìm thấy lời giải đáp cho giả định của mình về khả năng xã hội cộng sản có thể ra đời từ một xã hội tiền tư bản, thậm chí kém phát triển. Phân tích công xã nông thôn Nga, C. Mác viết : "Nó có thể trở thành *điểm xuất phát trực tiếp* của chế độ kinh tế mà xã hội hiện nay hướng tới; nó có thể đội lốt mà không phải bắt đầu bằng tự sát... Nó có thể đoạt lấy những thành quả do nền sản xuất tư bản chủ nghĩa làm giàu cho nhân loại mà *không phải trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa*" (Do tôi nhấn mạnh - N.L) (15). Thế là, giả định của C. Mác đã rõ ràng. Không dừng lại, C. Mác kiến giải rõ hơn : "Không kể đến tất cả những thống khổ đè nặng hiện nay lên "công xã nông thôn" Nga và chỉ xem xét tới hình thức cấu tạo của nó, thì ngay từ đầu ta thấy rõ ràng một trong những tính chất cơ bản của nó, chế độ sở hữu công cộng về ruộng đất, tạo nên cơ sở tự nhiên của sản xuất tập thể và chiếm hữu tập thể. Hơn nữa việc người nông dân Nga quen thuộc với các quan hệ ác-ten* sẽ giúp họ dễ dàng chuyển từ việc canh tác lẻ tẻ sang nền canh tác tập thể" (16). Về điểm này, Hồ Chí Minh cũng có một nhận định tương tự, sau khi Người phân tích một cách kỹ lưỡng các điều kiện kinh tế, chính trị, lịch sử... ở châu Á và kết luận : "Chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu" (17). Và cuối cùng, C. Mác kết luận : "Để cứu vãn công xã Nga phải có *một cuộc cách mạng Nga*" (Do tôi nhấn mạnh - N.L) (18). Một năm sau đó, 1882, C. Mác quả

---

(8), (9) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *sđd*, 1981, t II, tr 556 - 557, 559

(10) C. Mác - Ph. Ăng-ghen - V.I. Lê-nin : *Bàn về các xã hội tiền tư bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1975, tr 47 - 48

(11) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội 1981, t II, tr 638

(12) C. Mác - Ph. Ăng-ghen - V.I. Lê-nin : *Bàn về các xã hội tiền tư bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1975, tr 297 - 298

(13), (14) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, 1981, t II, tr 558, 560

15), (16) C. Mác - Ph. Ăng-ghen - V.I. Lê-nin : *Bàn về các xã hội tiền tư bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1975, tr 316

(17) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 1, tr 35

(18) C. Mác - Ph. Ăng-ghen - V.I. Lê-nin : *Bàn về các xã hội tiền tư bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1975, tr 322

* Ác-ten là một hình thức rất phổ biến ở nước Nga, một hình thức giản đơn nhất của sự hợp tác tự do mà đặc trưng quan trọng nhất của nó là các thành viên phải bảo đảm cho nhau trước người thứ ba, ban đầu là dựa trên những quan hệ dòng họ.

Digitized by Google

quyết : "Nếu cách mạng Nga báo hiệu một cuộc cách mạng vô sản... thì chế độ ruộng đất công cộng ở Nga hiện nay sẽ có thể là khởi điểm của một sự tiến triển cộng sản chủ nghĩa" (19). Và chính Ph. Ăng-ghen, vào tháng Giêng năm 1891, đã khẳng định thêm một lần nữa ý tưởng khoa học này của C. Mác : "Người Nga do có ác-ten và có chế độ sở hữu công xã về ruộng đất, nên là một dân tộc được chủ nghĩa xã hội tuyển lựa !" (20). Ta biết, về sau V.I. Lê-nin đã vận dụng tư tưởng lý luận này của C. Mác vào việc nhận thức xã hội Nga để tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước Nga và điều đó phủ nhận quan điểm cho rằng Lê-nin đi ngược lại tư tưởng của Mác. Nếu ở trên, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản là bước quá độ trực tiếp, thì ở đây chủ nghĩa cộng sản có thể được nảy nở từ các nước kém phát triển, mà sau này V.I. Lê-nin gọi là bước quá độ gián tiếp. Rõ ràng, có thể khẳng định đó cũng là ý tưởng của chính C. Mác.

Nói tóm lại, với các giả định trên lần đầu tiên C. Mác thực sự mở ra *triển vọng* đi lên chủ nghĩa xã hội *đối với tất cả các nước*, dù ở phương Tây tư bản chủ nghĩa, hay phương Đông lạc hậu, kém phát triển. Nói cách khác, ở đây, từ chiều sâu tư tưởng của C. Mác, có thể khẳng định rằng, trong thời đại ngày nay, *mọi* quốc gia, *mọi* dân tộc đều có thể và cần phải tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa theo những phương thức, con đường, bước đi không nhất thiết phải luôn luôn giống nhau ; nhưng phải phù hợp với quy luật khách quan và điều kiện lịch sử cụ thể. Với những mục tiêu chung, cơ bản của chủ nghĩa xã hội, dù ở các trình độ khác nhau, mọi quốc gia, dân tộc cuối cùng sẽ đi tới xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

4 - Kiên định đi theo tư tưởng của C. Mác.

Thực tiễn hơn 40 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam vừa qua, nhất là một thập kỷ đổi mới gần đây, ngày càng khẳng định ý nghĩa của những tìm tòi của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng của C. Mác. Một trong những thành công nổi bật nhất ở đây là Đảng đã lãnh đạo dân tộc ta giải quyết các mối quan hệ trong quá trình "đoạt lấy những thành quả do nền sản xuất tư bản chủ nghĩa làm giàu cho nhân loại mà không phải trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa", "nắm được những thành tựu của thời đại tư sản, nắm được thị trường thế giới và các lực lượng sản xuất hiện đại, và làm cho những cái ấy phải chịu sự kiểm soát chung..." (21). Tất nhiên, thực tiễn còn vô vàn điều khó khăn phức tạp, nhưng rõ ràng chúng ta càng trung thành với C. Mác thì càng có nhiều cơ hội phát huy sự năng động của mình trong công cuộc đưa nước ta "trở thành *điểm xuất phát trực tiếp* của chế độ kinh tế mà xã hội hiện nay đang hướng tới". Trong thực tế, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

Ngày nay, lịch sử đã không phát triển theo kiểu nước đầu đi trước, các nước khác tuần tự nối theo sau. Nếu trước đây, phải trải qua hàng trăm năm, thậm chí hàng nghìn năm mới có sự thay đổi trật tự các nước, thì ngày nay, chỉ cần vài ba chục năm để một nước đang ở vị trí thấp tiến lên vị trí cao, và ngược lại. Cho nên, trong việc "đoạt lấy thành quả" hay "mượn tiền đề của chủ nghĩa tư bản" hiện nay để thực hiện sự "rút ngắn và giảm bớt được những cơn đau đẻ" (22), như C. Mác nói, việc bỏ qua giai đoạn này hay khác một cách biện chứng là hợp quy luật. Điều quan trọng là, phải tìm ra được những giải pháp đúng đắn, thích hợp để đi lên. Sự rập khuôn, máy móc, du nhập mô hình nước ngoài một cách cứng nhắc sẽ dẫn đến thất bại. Bài học không thành công của nhiều nước công nghiệp hóa theo phương Tây mới đây đã cảnh báo rõ điều đó.

Rõ ràng, những luận điểm của C. Mác về một nước Nga lạc hậu có thể "trở thành *điểm xuất phát trực tiếp*" đi lên chủ nghĩa xã hội mà "không phải trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa" đã trở thành hiện thực ở Việt nam, Trung quốc, Cu ba, ... ngày nay. Sức sống của tư tưởng C. Mác về triển vọng đa dạng hóa những phương thức, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là bất diệt.❑

---

(19) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t I, tr 508

(20) C. Mác - Ăng-ghen : *Sđd*, 1983, t IV, tr 431

(21) C. Mác - Ăng-ghen : *Sđd*, 1981, t II, tr 570

(22) C. Mác - Ăng-ghen : *Sđd*, 1981, t III, tr 201

Digitized by Google

Mấy yêu cầu cơ bản về trình độ trí tuệ và phẩm chất cách mạng của người cán bộ hiện nay

TRẦN XUÂN SẦM *

MỤC tiêu thời kỳ mới của cách mạng nước ta là tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu trong vài chục năm tới đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Muốn thực hiện thắng lợi mục tiêu đó, đòi hỏi Đảng ta trước hết là đội ngũ cán bộ, phải không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, khả năng trí tuệ và phẩm chất cách mạng lên một trình độ mới về chất.

Bản lĩnh chính trị của cán bộ trong thời kỳ cách mạng hiện nay thực chất là trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng ; là kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ; là phấn đấu thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ; là giữ vững vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân...

Đương nhiên, muốn giữ vững và nâng cao bản lĩnh chính trị, phải đồng thời phê phán quan điểm thù địch chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ (khóa VII) của Đảng đã chỉ ra. Đây chính là cuộc đấu tranh quyết liệt trên bình diện rộng lớn trong mọi lĩnh vực, có thể nói là cuộc đấu tranh giai cấp với những nội dung mới và hình thức mới trong điều kiện mới, nhằm loại trừ những khuynh hướng, thế lực chống lại con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Muốn vậy, điều cốt yếu đòi hỏi mỗi cán bộ phải thường xuyên nâng cao trình độ trí tuệ và phẩm chất cách mạng, coi đây là cơ sở và động lực để giữ vững, nâng cao bản lĩnh chính trị.

Thời đại ngày nay là thời đại của nền văn minh tin học - thời đại của những phát minh khám phá lớn cả về số lượng và chất lượng. Nhiều phát minh đã làm đảo lộn nhận thức thông thường của con người. Hàm lượng trí tuệ trong các sản phẩm của xã hội ngày càng chiếm tỷ lệ cao. Do tính chất liên ngành và phân ngành sâu sắc của khoa học chi phối mà người ta không thể chỉ biết một lĩnh vực, một ngành mà làm tốt được công việc mình phụ trách. Họ phải có trình độ khái quát cao để có đủ sức dự báo cho sự phát triển của tương lai. Đó là điều kiện cần thiết nhất đối với người lãnh đạo quản lý trong xã hội hiện đại. Nhưng để đạt được yêu cầu đó lại phải có một khối lượng nhất định tri thức tổng hợp mà trước hết là nắm vững và không ngừng làm phong phú lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời tiếp thu những tri thức hiện đại và thực tiễn xã hội đương đại. Bởi vậy, yêu cầu đầu tiên của trí tuệ người cán bộ lãnh đạo là trình độ tư duy, đủ sức cắt nghĩa và tìm được những câu trả lời trước biến động phức tạp của thực tiễn đời sống xã hội. Yêu cầu đó đòi hỏi người cán bộ không những phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc, mà còn đấu tranh tích cực, phê phán, khắc phục khuynh hướng tư tưởng tư sản và tiểu tư sản, phong kiến còn rơi rớt, rình rập ở trong tổ chức đảng chờ thời cơ và môi trường thuận lợi, nhất là hoàn cảnh nền kinh tế thị trường hiện nay để phản kích lại mục tiêu và lợi ích của cách mạng.

* PGS, PTS, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Yêu cầu đó còn đòi hỏi mỗi cán bộ phải thường xuyên nâng cao trình độ lý luận để khắc phục bệnh chủ quan duy ý chí, mà nguyên nhân chủ yếu là kém lý luận, kém hiểu biết. Tầm cao trí tuệ của mỗi cán bộ chính là ở năng lực vận dụng sáng tạo và có hiệu quả những quy luật vào điều kiện cụ thể của cách mạng nước ta và những công việc mà họ đảm trách không máy móc, giáo điều.

Yêu cầu tiếp theo về trình độ trí tuệ của mỗi cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, là năng lực tổ chức thực tiễn. Người cán bộ phải nhìn nhận và đánh giá đúng, kịp thời những vấn đề của thực tiễn, từ đó đề ra các biện pháp, tổ chức thích hợp, tập hợp được lực lượng để thực hiện nhiệm vụ cách mạng trên cương vị của họ. Người lãnh đạo biết lôi cuốn, tập hợp, tổ chức quần chúng thành lực lượng cách mạng, đồng thời cùng kiểm tra, kiểm soát việc làm đó để phát huy cái đúng và ngăn ngừa cái sai. Trình độ trí tuệ cao chính là nghệ thuật khơi dậy và phát huy tiềm năng sáng tạo của nhân dân. Biết khơi dậy, phát huy năng lực tiềm tàng của nhân dân vào việc thực hiện nhiệm vụ cách mạng là thể hiện tổng hợp trình độ trí tuệ ở tầm cao của người cán bộ.

Thông qua mối quan hệ làm việc trực tiếp giữa người dân với cán bộ mà những người xung quanh sẽ thừa nhận hay phủ nhận vai trò, vị trí lãnh đạo của họ. Tất nhiên không phải chỉ trên lời nói mà chính là ở những việc làm cụ thể, gắn bó mật thiết với đời sống của họ. Muốn làm việc người lãnh đạo không thể thiếu những tri thức tổng hợp, những tri thức về tự nhiên, về xã hội, nhất là tri thức về con người, tri thức về lãnh đạo quản lý. Nhờ có tri thức đó mà người cán bộ biết lãnh đạo một cách dân chủ, tức là biết giáo dục thuyết phục, giải thích khích lệ hơn là mệnh lệnh, áp đặt, mà sự áp đặt, mất dân chủ thường là do trình độ thấp kém của người lãnh đạo gây nên. Trình độ lãnh đạo là trình độ biết dùng người - tức biết phát huy, khai thác trí tuệ của con người cho sự nghiệp cách mạng, cho nhiệm vụ cụ thể, ngày nay là nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nói tới trí tuệ không phải là trí tuệ chung chung trừu tượng mà trí tuệ được tiềm ẩn ở những con người cụ thể, biết khai thác tiềm ẩn đó chính là phản ánh trình độ trí tuệ của người lãnh đạo. Sẽ mãi mãi là tiềm năng, nếu như không được khai thác tốt, sử dụng đúng tiềm năng đó. Hoặc giả khi tiềm năng đó vì lẽ này, lẽ khác mà không sử dụng, hoặc sử dụng không kịp thời cũng sẽ mai một, đến khi sử dụng khai thác thì đã "quá thời" hiệu quả sẽ thấp. Cho nên phải biết "dụng nhân như dụng mộc", biết "sở trường, sở đoản" của từng người để lãnh đạo sử dụng đúng tài năng, phát huy được trí tuệ. Sử dụng sai sẽ gây những tác hại khôn lường, làm mất đi động lực hoặc làm kìm hãm người có tài thật sự, "lỡ thời" sẽ làm mất đi "tài sản quý" của đất nước mà nhiều khi không thể sửa chữa và bù đắp được.

Trí tuệ không phải bỗng dưng mà có. Muốn có trí tuệ phải biết tích lũy, biết đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình, kế hoạch và thông qua hoạt động thực tiễn cách mạng. Người lãnh đạo nếu tự phụ cho mình hơn những người xung quanh, người dưới quyền, sẽ không đánh giá đúng mình, không có ý chí để vươn lên nâng cao trình độ và đó cũng là biểu hiện của sự thấp kém về trí tuệ. Trình độ trí tuệ không phải khi nào và ở người nào cũng tỷ lệ thuận với chức vụ mà họ đảm nhiệm. Cho nên khi đã đảm nhận chức vụ do Đảng và nhân dân giao phó thì phải thường xuyên tìm cách để tự nâng cao trình độ. Ngày nay xu hướng gia tăng tri thức đã đến mức mà người đại diện cho cơ quan lãnh đạo, quản lý xã hội nhiều khi không còn đủ điều kiện là người đại biểu cho những người đã suy tôn họ, nếu như họ không thường xuyên trau dồi tri thức hiện đại. Thời đại xã hội hóa thông tin mở ra những khả năng cho nhiều người tham gia ngày càng nhiều và trực tiếp vào các quyết định chính trị. Quần chúng có học vấn ngày càng cao, họ có thể có những quyết định chính trị cho riêng họ - đó cũng là một đặc điểm của thời đại mà người lãnh đạo quản lý xã hội phải tính tới để biết cách điều chỉnh đúng hướng cho sự phát triển. Ngày nay vai trò của người lãnh đạo, quản lý xã hội có tầm quan trọng hơn trước kia nhiều

Digitized by Google

lần. Quyết định của người lãnh đạo, đúng hay sai, nhanh hay chậm và theo phương thức nào, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ phát triển xã hội, đến xu hướng nhân văn và dân chủ, đến đúng hướng hay chệch hướng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước. Trong nền văn minh nông nghiệp hoặc tiền công nghiệp, lao động nói chung còn thô sơ, nhịp độ thay đổi còn chậm chạp, lượng các quyết định của cơ quan quản lý xã hội còn ít, do đó, nói chung người lãnh đạo trình độ học vấn trung bình và có khi không cần chuyên môn sâu vẫn có thể điều hành được công việc mà mình đảm trách. Ngày nay do tính chất và nhịp độ phát triển của thời đại, cán bộ lãnh đạo quản lý đất nước không thể bằng lòng với trình độ vốn có mà phải trên nền tảng nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, vươn lên một trình độ học vấn khoa học cao. Tuy nhiên, cũng cần hiểu rằng xã hội hiện đại đã trở nên quá phức tạp đến nỗi mà mỗi người (dù là tài giỏi) cũng không thể thực hiện và cũng không thể kiểm soát vấn đề một cách hoàn toàn chắc chắn được. Điều quan trọng là ở trình độ biết quyết định và quyết định đúng lúc không chần chừ, do dự, bởi lẽ có khi chờ có đầy đủ những thông số bảo đảm thật chắc chắn thì rất có thể lại không còn những điều kiện để bảo đảm chắc chắn nữa ! Người nào đó vin vào cớ phải có đầy đủ thông tin để trốn tránh trách nhiệm xã hội phải giải quyết những vấn đề bức xúc đặt ra thì đó cũng là vi phạm phẩm chất cách mạng.

Phẩm chất cách mạng, động lực thôi thúc nội tâm của người cán bộ vượt lên mọi khó khăn để nâng cao trình độ trí tuệ. Không có động lực này thì khó có thể nâng cao được trình độ cho bản thân, hoặc nếu có thì rất có thể những hiểu biết và tài năng của họ được sử dụng nhiều khi không đúng mục đích mà Tổ quốc và nhân dân mong muốn. Trong giai đoạn hiện nay, phẩm chất cách mạng của người cán bộ, đảng viên trước hết phải là người có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, trên cương vị của mình phấn đấu tích cực góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Mục tiêu này không chỉ thực hiện bằng lời kêu gọi chung chung mà phải thấm vào từng con người, rung động từng trái tim, trở thành tình cảm và ý chí cách mạng. Bởi vậy, sự tự rèn luyện để có được tình cảm cách mạng nồng cháy của bản thân mỗi cán bộ quả thật là công việc khó khăn nhưng dứt khoát phải là công việc của chính mỗi người. Làm sao để trái tim mỗi cán bộ rung động trước niềm vui của dân tộc cũng như đau buồn trước cảnh nghèo nàn và lạc hậu của quần chúng nhân dân, coi đó như niềm vui và nỗi buồn của chính bản thân, gia đình mình. Chính nhờ có "ngọn lửa của trái tim" mà họ say sưa làm việc, tìm cách góp phần hoàn thành nhiệm vụ. Không có sự say sưa thì không thể có sự tìm tòi chân lý. Nhờ có ngọn lửa nhiệt tình cách mạng mà có sự say sưa với công việc và sáng tạo trong hành động, tìm kiếm những phương án tối ưu cho công việc. Các Mác cho rằng, say sưa vốn là đặc tính của người chiến sĩ, kẻ nào rút gươm ra một cách hững hờ thì rất ít có nhiệt tình đối với sự nghiệp mà mình bảo vệ. Nếu ít có nhiệt tình thì công việc được giao nhiều lắm cũng chỉ được thực hiện như một rô-bốt theo chương trình định sẵn một cách máy móc, bởi vì hành động đó không có trái tim. Đây là đòi hỏi đầu tiên về phẩm chất cách mạng của người đảng viên cộng sản. Nếu bất luận vì nguyên cớ gì mà để ngọn lửa nhiệt tình, lý tưởng, hoài bão tắt đi, chắc chắn không thể có điều kiện để nâng cao và thâu thái được tri thức. Ngọn lửa trái tim làm bừng lên ánh sáng trí tuệ. Giai đoạn cách mạng hiện nay, hơn bao giờ hết cần phải có nhiệt tình cách mạng một cách bền bỉ, lặng lẽ nhưng lại là sự đấu tranh quyết liệt với bản thân trước những điều kiện khách quan của cơ chế thị trường, thường làm triệt tiêu nhiệt tình cách mạng của mỗi người, làm tăng động lực cho chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, vị kỷ.

Say sưa, nhiệt tình cách mạng của người cán bộ chính là tính nhân văn cao cả. Để bảo vệ con người chống lại những hành vi "phi nhân tính",

Digitized by Google

người cán bộ không ngần ngại chấp nhận sự hy sinh. Tình cảm và ý chí cách mạng tạo cho người cán bộ lãnh đạo dũng cảm dám nhìn thẳng vào sự thật, đấu tranh bảo vệ cái đúng, chống lại cái sai, không vì lợi ích, địa vị cá nhân hoặc do sự áp đặt cá nhân độc đoán chi phối.

Trình độ hiểu biết kết hợp với nhiệt tình cách mạng sẽ là một trong những cơ sở, điều kiện tạo nên hành động của người cán bộ đảng viên. Chính bằng hành động, bằng những việc làm cụ thể, bằng tấm gương của họ sẽ thuyết phục, quy tụ tổ chức được mọi người xung quanh thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng và của Nhà nước. Sẽ là giả dối và lý thuyết suông nếu họ nói một đằng làm một nẻo, nói nhiều đến những điều viễn vông trừu tượng hơn là chú ý giải quyết những công việc đời thường. Nhiều khi có người rất hăng hái ủng hộ những điều to tát, chung chung ít liên quan đến lợi ích cá nhân họ, nhưng khi phải ủng hộ lẽ phải, bảo vệ lợi ích chân chính cho một con người cụ thể, nếu như sự việc đó đụng chạm đến lợi ích, địa vị của họ thì họ lại né tránh. Tất nhiên như vậy họ sẽ mất đi sự tín nhiệm và lòng tin đối với người xung quanh, với quần chúng nhân dân. Người Việt nam giàu tình cảm và rất thực tế, họ coi một tấm gương sáng của người lãnh đạo có giá trị gấp trăm, gấp nghìn lần lời lẽ tuyên truyền đẹp đẽ nhưng lại không thực tế và nhiều khi ngược lại với lời nói. Phẩm chất cách mạng có sức thuyết phục nhất của người cán bộ đảng viên hiện nay là tấm gương, là hành vi gương mẫu của mỗi người. Chúng ta coi tham nhũng như một "quốc nạn" và kiên quyết chống thì trước hết phải làm sao cho đội ngũ cán bộ cũng như gia đình họ không tham nhũng thì quần chúng mới tin tưởng và ủng hộ. Nếu không, chủ trương đúng đắn đó chỉ còn là những khẩu hiệu vô nghĩa. Mọi người chúng ta chắc còn nhớ vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Bác Hồ kêu gọi đồng bào cả nước mỗi tháng nhịn ăn 3 bữa để góp vào hũ gạo kháng chiến thì Bác là người thực hiện trước nhất. Dân tộc ta, nhân dân ta sống có tình nghĩa trước sau, biết trân trọng quá khứ tốt đẹp đối với người có công với nước, với dân. Họ biết rằng không có quá khứ tốt đẹp sẽ không thể có hiện tại và tương lai tốt đẹp. Nhưng họ cũng hiểu rằng không thể lấy quá khứ thay cho hiện tại được. Một con người ngày hôm qua được mọi người mến và trân trọng nhưng rất có thể ngày hôm nay không được sự yêu mến và tôn trọng nữa, nếu lòng dạ họ không còn trong sáng. Lòng dạ không còn trong sáng tức là phẩm chất đạo đức đã giảm sút, hành động không xuất phát từ trách nhiệm phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, mà đặt "cái tôi" lên trên tất cả. Cũng chính xuất phát từ cái tôi mang nặng chủ nghĩa cá nhân mà rất có thể dẫn đến những hành vi xấu như tham nhũng, quan liêu, buôn lậu, gây chia rẽ mất đoàn kết nội bộ, kèn cựa địa vị, bè phái cục bộ, xu nịnh, độc đoán... bề ngoài và trên lời nói thì cao đạo, khiêm tốn, dân chủ, nhưng thực chất vì lợi ích cá nhân mà có những thủ đoạn hành vi lắt léo, mất dân chủ, không tình nghĩa ngay đối với cả đồng chí, đồng đội. Hiện tượng mất đoàn kết kéo dài ở một số tổ chức đảng có nguồn gốc từ sự sa sút phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ lãnh đạo ở các tổ chức đó. Bởi vậy, một trong những tiêu chí quan trọng về phẩm chất cách mạng hiện nay của cán bộ đảng viên là phải chống chủ nghĩa cá nhân, tham nhũng, quan liêu. Đây là công việc vừa mang tính cấp bách vừa mang tính cơ bản trong chiến lược xây dựng và nâng cao chất lượng tổ chức đảng của mỗi cán bộ đảng viên, đặc biệt là những người giữ cương vị trọng trách trong hệ thống chính trị các cấp.

Đấu tranh để giữ vững và nâng cao phẩm chất cách mạng của người cán bộ trong giai đoạn cách mạng hiện nay là việc không đơn giản, nhưng không phải không làm được. Phải quy rõ trách nhiệm cá nhân để tránh tình trạng thành tích là của tôi còn khuyết điểm là của chúng ta ; phải lấy phê bình tự phê bình là vũ khí sắc bén trong sinh hoạt lý luận, tư tưởng của từng tổ chức và cá nhân các thành viên trong các tổ chức đó ; phải có cơ chế để quần chúng giám sát kiểm tra thường xuyên công việc của

Digitized by Google

cán bộ một cách thiết thực, không hình thức. Đồng thời phải có luật pháp bảo vệ quần chúng khi họ phát giác các cán bộ làm sai mà không bị trả thù. Người lãnh đạo phải thực sự chân thành, lắng nghe ý kiến của công dân, không thành kiến với họ, có thế mới có được những thông tin chính xác mà nhiều khi người trong cùng tổ chức khó thấy được.

Khi có vấn đề, những người lãnh đạo, nhất là người đứng đầu, phải quyết tâm xử lý nghiêm túc, công khai. Nhưng để làm được, thì điều đầu tiên và có ý nghĩa quyết định là người lãnh đạo phải gương mẫu để không bị vi phạm, nếu không thì "mở miệng mắc quai". Phải thực sự gương mẫu, lời nói đi đôi với việc làm, gương mẫu và nghiêm túc từ trong đảng ra quần chúng và từ trên xuống dưới. Cần khắc phục hiện tượng xử lý công, tội không rõ ràng, bao che, ô dù, không công minh, "xử lý nội bộ" để hợp thức hóa tội lỗi cho một tổ chức, hay một người nào đó. Không làm được như thế, quần chúng sẽ quay lưng lại và sẽ mất lòng tin. Một khi quần chúng mất lòng tin thì người cán bộ không còn chỗ dựa để nâng cao trình độ và phẩm chất cách mạng nữa, nói gì đến vai trò lãnh đạo của mình.

Biết nhận diện và dũng cảm đấu tranh có lý, có tình với hành vi của một số người nhân danh tổ chức, lãnh đạo, nhân danh lý tưởng cao đẹp, vì lợi ích của nhân dân, của dân tộc để đưa "cái tôi" vào một cách tinh vi nhằm củng cố địa vị cá nhân, lợi ích cá nhân và phe cánh, gây chia rẽ nội bộ... là biểu hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa trình độ trí tuệ và phẩm chất cách mạng của người cán bộ hiện nay.

Từ nhận thức đúng đến hành động đúng là một khoảng cách lớn. Người cán bộ hiện nay phải có bản lĩnh chính trị vững vàng và phẩm chất cách mạng cao mới có thể chuyển nhanh từ nhận thức sang hành động. Đời sống cách mạng hiện nay cần có những hành động cách mạng nhanh và đúng chứ không chỉ dừng ở nhận thức. Để có được điều đó hơn ai hết người cán bộ phải thống nhất trong mình trình độ trí tuệ và phẩm chất cách mạng. ❑

MƯỜI NĂM ĐỔI MỚI...

(Tiếp theo trang 26)

2. Hoàn thiện trật tự vận hành của thể chế mới. Trong quá trình phát triển của mình, các thành phần kinh tế cạnh tranh nhau nên bắt đầu xuất hiện ở chừng mực nhất định việc sáp nhập hoặc liên hợp với nhau dưới hình thức cổ phần. Đây là điều tất yếu, hoàn toàn có lợi cho việc tăng cường sức sống của nền kinh tế và điều chỉnh kết cấu kinh tế. Vì vậy, cần đẩy nhanh việc xây dựng trật tự vận hành mới của các thành phần kinh tế, chủ yếu là : a/ Xây dựng trật tự cạnh tranh, trong đó bao gồm việc xây dựng cơ chế và chính sách quy định hành vi cạnh tranh, nghiêm cấm mọi hành vi cạnh tranh bất chính và bất bình đẳng của các thành phần kinh tế ; b/ Xây dựng trình tự sáp nhập ; c/ Xây dựng trình tự liên hợp theo hình thức cổ phần, gồm xây dựng cơ chế và điều kiện có lợi cho sự liên hợp, quy định kết cấu tổ chức và quản lý của liên hợp, tạo môi trường xã hội cho việc thúc đẩy liên hợp v.v...

3. Hoàn thiện cơ chế điều tiết của thể chế mới. Cơ chế điều tiết của thể chế mới có đặc trưng là kết hợp điều tiết bằng thị trường với điều tiết bằng kế hoạch, trong đó có điều tiết thị trường là chủ thể. Cơ chế điều tiết này tự nó đòi hỏi : a/ Phải cải biến triệt để cơ chế kế hoạch truyền thống, xây dựng cơ chế kế hoạch mới dựa trên cơ sở sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường, khiến cho kế hoạch có được tính thống nhất nội tại và trở thành cơ chế điều tiết hữu hiệu sự vận hành kinh tế. b/ Cần căn cứ vào điều kiện đặc thù của các lĩnh vực kinh tế khác nhau để xây dựng hình thức kết hợp cụ thể giữa kế hoạch và thị trường, như hình thức kết hợp cụ thể của kế hoạch và thị trường trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, nông nghiệp v. v... c/ Hoàn cảnh kinh tế xã hội và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất có ảnh hưởng đến việc kết hợp kế hoạch và thị trường. Vì vậy, cần nghiên cứu tìm ra những hình thức kết hợp cụ thể giữa chúng trong các vùng có trình độ phát triển cao thấp khác nhau. ❑

Digitized by Google

THỰC HIỆN MỘT BƯỚC CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

LÊ VĂN DỸ *

Là tỉnh nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, Bà rịa-Vũng tàu có nhiều thuận lợi về vị trí địa lý, khí hậu và tài nguyên khoáng sản, có nhiều tiềm năng to lớn để phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp dầu khí, hải sản, dịch vụ hàng hải, cảng biển và thương mại, du lịch. Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (tháng 4-1992) và Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của đảng bộ tỉnh (tháng 3-1994) đã xác định phát triển nền kinh tế tỉnh nhà theo cơ cấu : công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Ngành công nghiệp được xác định là khâu quyết định, có vai trò định hướng trong cơ cấu các ngành kinh tế, là đầu tàu đưa toàn bộ nền kinh tế đi lên. Thời điểm năm 1994 (trước khi có Nghị quyết Trung ương 7 khóa VII) trên địa bàn của tỉnh, tỷ trọng ngành công nghiệp đã là 79,10%, còn lại kinh tế dịch vụ chiếm 15,32% và nông nghiệp chiếm 5,58%. Sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 của Đảng và Chương trình hành động số 15 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh, Bà rịa-Vũng tàu đã đạt được những kết quả quan trọng, tạo ra sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa :

Bảng : *Cơ cấu kinh tế của tỉnh Bà rịa-Vũng tàu (%)*

	1994	1995	1996
Công nghiệp	79,10	78,74	77,50
Dịch vụ	15,32	15,49	16,66
Nông nghiệp	5,58	5,77	5,84

Về mặt tỷ trọng trong cơ cấu giá trị sản phẩm thì ngành công nghiệp mấy năm qua có giảm đi chút ít, nhưng giá trị tuyệt đối lại tăng mạnh : Nếu năm 1995 tăng 104,52% so với năm 1994, thì năm 1996 tăng 115,59% so với năm 1995. Vấn đề là ở chỗ mỗi khi ngành công nghiệp đã đi vào thế ổn định thì sự tác động tích cực của nó tới các ngành kinh tế khác, đặc biệt là ngành dịch vụ thể hiện khá rõ nét. Bên cạnh sự tăng lên nhanh chóng về tỷ trọng, giá trị tuyệt đối của ngành cũng tăng mạnh - năm 1996 tăng 126,38% so với năm 1995. Tương tự tỷ trọng của ngành nông nghiệp tăng đều qua các năm, nhưng giá trị tuyệt đối tăng nhanh hơn - năm 1996 tăng 118,80% so với năm 1995. Một điều quan trọng là tỷ trọng lao động trong ngành nông nghiệp đang từng bước giảm dần, chứng tỏ năng suất của nó tăng lên : năm 1994 lao động nông nghiệp chiếm 66,36%, năm 1995 giảm xuống còn 64,03%, năm 1996 còn 61,42%.

Nhìn chung khi cơ cấu nền kinh tế được xác định một cách hợp lý thì sự tăng trưởng chung của cả nền kinh tế cũng trở nên vững chắc hơn. Trong mấy năm qua tổng sản phẩm nội địa (GDP) của Bà rịa-Vũng tàu tăng bình quân 16,4%/năm. Nhờ những kết quả trên mà thu nhập của người lao động cũng không ngừng được cải thiện. Năm 1994 bình quân đầu người là 1358 USD, năm 1995 là 1396 và năm 1996 là 1594 (nếu tách thu nhập dầu khí thì thu nhập năm 1996 đạt bình quân 400 USD/người). Bộ mặt thành thị và nhiều vùng nông thôn đã có những thay đổi rõ rệt. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được phát triển thêm đáng kể, đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của phần lớn đồng bào trong tỉnh đã được nâng lên... Bước đầu sơ kết việc thực hiện đường lối, chủ trương

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bà rịa-Vũng tàu

Digitized by Google

của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh chúng tôi rút ra một số vấn đề như sau :

1. *Làm tốt công tác điều tra cơ bản, quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng.* Những năm qua lãnh đạo tỉnh rất chú trọng công tác điều tra cơ bản làm cơ sở cho quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bà rịa -Vũng tàu đến năm 2010", trong đó Bà rịa -Vũng tàu được xác định là vùng công nghiệp quan trọng và ngành công nghiệp dầu khí là ngành mũi nhọn của đất nước, một trung tâm năng lượng và hải cảng quan trọng ở phía Nam. Bên cạnh việc xây dựng quy hoạch tổng thể, tỉnh cũng khẩn trương xúc tiến việc lập quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch 9 khu công nghiệp tập trung và vùng nông thôn, như hình thành thành phố Phú mỹ - Mỹ xuân, khu Long sơn, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội nông thôn trên địa bàn các huyện... Đến nay trên địa bàn tỉnh, ngoài lĩnh vực dầu khí, hàng loạt các nhà máy, như điện, đạm, xi măng, cán thép, hóa nhựa đã và đang được khởi công xây dựng và khẩn trương đi vào hoạt động.

Để thu hút vốn đầu tư có hiệu quả, tỉnh chú trọng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là giao thông. Từ cuối năm 1995, tỉnh đã có 6 cảng lớn với tổng chiều dài là 2 497mét, có thể đón tàu trọng tải từ 1 000 đến 30 000 tấn. Ngoài các cảng lớn như khu cảng Sao mai - Bến đình, hệ thống cảng sông Thị vải..., tỉnh đang xúc tiến quy hoạch một số cảng biển khác, như cảng Cái mép, cảng Bến đầm Côn đảo... Hệ thống vận tải hàng không từng bước phát triển và hoàn thiện dần, như sân bay Vũng tàu và Cỏ ống. Tuy nhỏ, nhưng các sân bay này đang được tăng cường phương tiện bay đáp ứng nhu cầu dịch vụ cho công tác thăm dò và khai thác dầu khí (doanh thu từ dịch vụ hàng không năm 1995 là 290 tỉ đồng). Hệ thống đường bộ được chú trọng đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới ở cả thành phố, thị trấn và các huyện. Trong số 36 công trình của tỉnh sử dụng vốn từ quỹ đất với tổng mức đầu tư 971 tỉ đồng, thì ngành giao thông vận tải có 20 công trình với tổng mức đầu tư gần 742 tỉ đồng (chiếm 76,42% vốn từ quỹ đất). Điều đáng nói ở đây là những công trình giao thông mới đầu tư đều theo hướng hiện đại hóa, đồng bộ, như các con đường : Thùy vân, Lê Hồng Phong, Trần Phú, Hạ long, Nguyễn Văn Trỗi (TP Vũng tàu), Bạch đằng (Bà rịa), đường liên huyện Mỹ xuân - Ngãi giao - Xuân sơn... Ngoài ra giao thông vận tải trên địa bàn còn có những dự án lớn : mở rộng quốc lộ 51 dài 90 km, rộng 33m, nối liền Vũng tàu với TP Hồ Chí Minh, xây dựng tuyến đường sắt Vũng tàu - TP Hồ Chí Minh (qua Biên hòa)... Theo đánh giá ban đầu, công tác điều tra, quy hoạch và phát triển hạ tầng cơ sở về giao thông vận tải những năm qua đã thực sự tạo cơ sở cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà.

2. *Quyết tâm đi thẳng vào công nghệ hiện đại trong việc phát triển các ngành công nghiệp.* Với quan điểm là các ngành công nghiệp (bao gồm cả công nghiệp do trung ương và do địa phương quản lý) đều có tác động qua lại lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau và thúc đẩy nhau cùng phát triển, nghĩa là phải xác định phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong một thể thống nhất, trong đó có những ngành không chỉ là trọng tâm của tỉnh mà còn là ngành mũi nhọn của cả nước, có tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Do đó, vấn đề tiếp thu công nghệ hiện đại là yêu cầu sống còn trong xu thế hiện nay. Nhờ áp dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại mà sản lượng khai thác dầu thô mỗi năm một tăng. Đến nay chúng ta đã đứng hàng thứ tư trong khu vực Đông - Nam Á (sau Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a) về khai thác dầu thô. Bên cạnh đó các dự án sử dụng khí đồng hành, khí thiên nhiên đang trong giai đoạn đi vào khai thác để cung cấp nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện : nhà máy nhiệt điện Bà rịa (công suất 272 Mw) với công nghệ hiện đại, sử dụng nguồn khí nên giá thành điện thương phẩm giảm 75% so với sử dụng dầu đi-ê-den. Trong tương lai gần khi cả hai nhà máy Phú mỹ I và Phú mỹ II đi vào hoạt động, thì cụm nhiệt điện Phú mỹ sẽ có tổng công suất lớn hơn thủy điện Hòa bình và gấp nhiều lần công suất thủy điện Trị an.

3. *Phát triển đồng bộ ngành dịch vụ đáp ứng tốt nhu cầu phát triển các ngành công nghiệp.* Mấy năm qua ngành dịch vụ có tốc độ tăng nhanh hơn cả.

Digitized by Google

Trong hoạt động thăm dò dầu khí đang mở ra nhiều lĩnh vực mới cung ứng dịch vụ trong ngành dầu khí, bao gồm từ cung cấp lao động giản đơn đến dịch vụ kỹ thuật cao. Ví dụ, trung bình chi phí cho một giếng khoan sâu 4 000 mét là khoảng 10 triệu USD, trong đó thuê giàn khoan 30%, dịch vụ địa vật lý giếng khoan 20%, tàu dịch vụ dầu khí 10%, vật tư khoan 10%, trục thăng để đổi ca 5 - 7%... Trên một giàn khoan đang hoạt động thường có 20 công ty dịch vụ khác nhau cùng làm việc. Ngoài công ty dịch vụ kỹ thuật dầu khí (PTSC) đang hoạt động, nhiều công ty dịch vụ khác đã đầu tư cho dịch vụ dầu khí và đã thu được những kết quả bước đầu. Bên cạnh dịch vụ dầu khí là hàng loạt các dịch vụ khác sẽ hình thành khi những trung tâm công nghiệp và các thành phố lớn nhỏ mọc lên. Ngành dịch vụ đang có tiềm năng lớn đầy hứa hẹn.

4. *Chú trọng phát triển công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn.* Địa bàn nông thôn của tỉnh bao gồm cả nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 90% diện tích với 65% dân số, trong khi đó lại chỉ chiếm tỷ trọng thấp trong thu nhập của tỉnh (5 - 6%), đại bộ phận dân cư nông thôn có đời sống ở mức trung bình và nghèo. Do đó, quan điểm của lãnh đạo tỉnh trong việc tìm giải pháp xóa đói, giảm nghèo là phải chú trọng phát triển nông nghiệp và tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân trên cơ sở phát huy mối quan hệ tương hỗ với các ngành công nghiệp, dịch vụ... Bản thân ngành nông nghiệp phải biết phát huy lợi thế gần thị trường tiêu thụ lớn, thu nhập của dân cư vùng công nghiệp lại cao, để áp dụng các thành tựu khoa học, phát triển các giống cây con đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, tăng tỷ trọng sản phẩm hàng hóa trong sản phẩm làm ra. Theo hướng đó ngành nông nghiệp của Bà rịa-Vũng tàu đã vươn lên với tốc độ nhanh (bình quân năm sau so với năm trước tăng 13,73%), vì thế tỷ trọng đã tăng từ 5,58% (năm 1994) lên 5,84% (năm 1996). Kết quả trên bắt nguồn từ việc đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào nông nghiệp như chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tăng chất lượng và giá trị hàng hóa, nạc hóa đàn lợn và sin hóa đàn bò... Thêm vào đó vấn đề cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp là khâu quyết định giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất của người nông dân. Đến nay về trang bị cơ giới toàn tỉnh đã đạt mức : 0,47 máy kéo lớn ; 1,26 máy kéo nhỏ ; 0,52 máy tuốt lúa/100 hộ.

Trong khai thác thủy sản tỉnh chú trọng khuyến khích hướng đầu tư chiều sâu, nâng cấp và mở rộng các cơ sở hiện có. Tổng vốn đầu tư cho khai thác thủy sản trong 2 năm qua ước đạt trên 140 tỉ đồng, trong đó chủ yếu là ngư dân tự huy động. Hiện nay ngành khai thác thủy sản của Bà rịa-Vũng tàu đứng thứ 3 ở Nam bộ (sau Kiên giang và Minh hải). Trên địa bàn tỉnh đang chú trọng phát triển các hình thức nuôi trồng thủy sản có áp dụng kỹ thuật mới, như nuôi cá ao hồ, tôm biển nước lợ trong ao cảnh quan cải tiến (năng suất 0,4 tấn/ha năm so với 0,08 - 0,11 tấn theo phương pháp cũ), nuôi tôm biển nửa thâm canh, cua nước lợ và đang thí điểm nuôi sò huyết, tôm kẹt bằng lồng, ba ba...

Giá trị của các loại sản phẩm nông nghiệp được nâng lên, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu là nhờ khâu chế biến. Đến năm 1994 toàn tỉnh có 6 cơ sở chế biến đông lạnh, công suất 30 tấn/ngày, nay đã có thêm 2 cơ sở nâng tổng công suất lên 40 tấn/ngày. Trước những đòi hỏi về các mặt hàng tươi sống của thị trường các cơ sở chế biến đã trang bị thêm tủ cấp đông, dây chuyền đông nhanh, đông rời... Năm 1994 toàn tỉnh mới chỉ chế biến được 30 - 50 loại hải sản, thì nay đã chế biến được hàng trăm loại hải sản khác nhau. Năm 1994 chế biến mới được 10 loại sản phẩm, thì nay đã chế biến được hơn 50 loại mặt hàng chất lượng cao, với hình thức mẫu mã, bao bì được cải tiến. Ngoài ra các nghề chế biến hải sản truyền thống, như nước mắm, thủy sản khô... cũng đang tiếp tục phát triển khá.

Kinh tế nông thôn phát triển kéo theo sự cải thiện rõ nét về cơ sở vật chất hạ tầng bằng các nguồn vốn huy động dưới hình thức "nhà nước và nhân dân cùng làm". Đến nay 100% số xã có điện và đường ô tô tới trung tâm, mạng lưới thông tin liên lạc quốc gia được trang bị tới tất cả các xã, xây dựng thêm trên 1000 phòng học, mở rộng số cơ sở y tế, xây dựng nhiều công trình phúc lợi dành cho con em nông dân... góp phần làm thay đổi bộ mặt các vùng nông thôn.

Digitized by Google

5. *Thu hút vốn đầu tư nước ngoài một cách hiệu quả.* Trên địa bàn tỉnh, tốc độ thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài 2 năm qua tăng bình quân 139%/năm. Tổng số dự án có vốn đầu tư nước ngoài đã là 60, tăng 1,76 lần so với năm 1994. Tổng số vốn đầu tư là 1,8 tỉ USD, tăng 5,66 lần so với năm 1994. Các dự án có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo được việc làm cho hơn 10 000 lao động, kéo theo một lượng lớn lao động dịch vụ khác có liên quan. Tỷ lệ góp vốn tính bình quân cho các dự án phía Việt nam là 33,4%, nước ngoài 66,6%. Mấy năm gần đây tiến độ góp vốn của các dự án nhanh hơn trước. Việc quản lý các dự án được cấp giấy phép đầu tư của các ngành hữu quan đồng bộ và chặt chẽ hơn. Ngoài ra còn có nhiều dự án tiền khả thi đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ kế hoạch và đầu tư duyệt. Tỉnh đã chủ động tham gia cộng đồng thương mại thế giới, các diễn đàn, tổ chức, các định chế... có bước đi thích hợp, tính toán hiệu quả sử dụng vốn vay và thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, bảo đảm thực hiện thành công các nhiệm vụ, mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

6. *Tăng cường công tác quản lý bảo vệ môi trường.* Sự phát triển nhanh lĩnh vực công nghiệp đang đặt ra nhiều vấn đề về bảo vệ môi trường sinh thái. Trước năm 1994 tỉnh chưa thực sự chú trọng nghiên cứu kỹ về mặt kinh tế, địa chất, chưa quy hoạch khai thác hợp lý, nên đã để xảy ra nhiều trường hợp khai thác bừa bãi, nhất là khai thác đá, cát xây dựng, lấp lấn ao hồ, phá các đồi cát tự nhiên, khai thác nước mặt và nước ngầm, gây tác động xấu đến cảnh quan và phá thế cân bằng về môi trường sinh thái... Môi trường biển bị ô nhiễm do các hoạt động thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí, khai thác cá... đang là vấn đề báo động. Bên cạnh đó sự phát triển các khu công nghiệp, hình thành các khu dân cư và quá trình đô thị hóa nhanh đang tạo ra nhiều vấn đề bức xúc về bảo vệ môi trường sống, đòi hỏi phải có sự triển khai đồng bộ giữa các cơ quan, tổ chức về việc chấp hành nghiêm chỉnh Luật bảo vệ môi trường và Nghị định 175/CP của Thủ tướng chính phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã có Thông tư 1420 chỉ đạo về bảo vệ môi trường trên địa bàn, theo đó các dự án đầu tư phải có sự tham gia thẩm định về công nghệ và môi trường. Tỉnh đang chỉ đạo sát sao việc điều tra xây dựng quy hoạch bảo vệ môi trường toàn địa bàn, nghiên cứu lập dự án thành lập trạm giám sát môi trường của tỉnh. Nếu năm 1994 tỉnh đầu tư 2 235 triệu đồng, thì 2 năm qua đã đầu tư gấp 2 lần (4 450 triệu đồng) cho hoạt động khoa học, bảo vệ môi trường, nhưng so với yêu cầu của sự phát triển và những vấn đề đang đặt ra trên địa bàn thì còn quá khiêm tốn.

Thực tế quá trình công nghiệp hóa ở Bà rịa-Vũng tàu trong mấy năm qua, bên cạnh những thành tựu và triển vọng như trên đã phân tích, công tác chỉ đạo điều hành trong thời gian tới, theo chúng tôi cần tập trung vào những vấn đề cụ thể như :

Một là, đẩy nhanh việc triển khai và tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, gồm quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết của tỉnh, thành phố, huyện, phường xã và các ngành, coi đây là bước mở đường cho việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ngay từ khi lập quy hoạch, cũng như các dự án đầu tư, các cấp các ngành phải thực sự quán triệt tinh thần bảo vệ môi trường sống, môi trường xã hội, kết hợp tốt an ninh, quốc phòng để tạo thế phát triển bền vững cho nền kinh tế xã hội của tỉnh.

Hai là, trước mắt cần dành một phần kinh phí, kết hợp với các nguồn vốn huy động khác để phát triển giao thông đường bộ thuộc các tuyến nông thôn, vùng sâu, vùng xa, coi đây là khâu đột phá trong công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn, vừa có ý nghĩa kinh tế, vừa có ý nghĩa xã hội. Vì thực tế giao thông nông thôn nhiều nơi xuống cấp trầm trọng, ảnh hưởng xấu đến kế hoạch phát triển sản xuất, lưu thông và đời sống nhân dân vùng còn có nhiều khó khăn. Bên cạnh một bộ phận dân cư thành thị và khu công nghiệp có thu nhập khá cao, thì phần lớn nông dân vùng nông thôn còn gặp nhiều khó khăn. Giao thông nông thôn, điện, nước sinh hoạt còn nhiều hạn chế (vẫn còn 55% hộ nông dân chưa được dùng điện sinh hoạt. Những nơi có điện lưới người nông dân còn phải chịu những khoản tiền chi phí quá cao so với khả năng thanh toán, do không được ký hợp

Digitized by Google

đồng trực tiếp với ngành điện như ở thành phố). Trong khi đó đầu tư cho khâu chế biến sản phẩm do nông dân làm ra chưa được chú trọng đúng mức, nên thị trường tiêu thụ còn gặp nhiều ách tắc, thiếu ổn định, giá cả thấp. Bên cạnh đó do thiếu vốn đổi mới trang thiết bị, nên công nghệ sản xuất của công nghiệp địa phương càng lạc hậu, sản phẩm làm ra phần lớn còn ở dạng nguyên liệu, sơ chế, giá trị xuất khẩu thấp, tính cạnh tranh kém, tỷ lệ sản lượng chế biến xuất khẩu hàng hải sản mới được khoảng 10% sản lượng khai thác, nên tiềm năng chưa được khai thác còn khá lớn.

Ba là, tiếp tục và khẩn trương hình thành các khu công nghiệp tập trung, trước hết cần nghiên cứu tổ chức ban quản lý các khu công nghiệp tập trung để bảo đảm về mặt pháp nhân cho việc vận hành khu công nghiệp tập trung, vì tỉnh có thế mạnh về phát triển các khu công nghiệp tập trung, nhưng các dự án triển khai còn chậm so với yêu cầu.

Bốn là, nghiên cứu mở rộng mạng lưới dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ dầu khí, vì đây đang là một ngành sinh lãi cao trên địa bàn và nhu cầu ngày càng lớn. Song phía Việt nam mới chiếm lĩnh được 25% thị trường dịch vụ, còn lại đều do các công ty nước ngoài đảm nhận. Nguyên nhân chủ yếu do cơ sở vật chất kỹ thuật của ta chưa đủ sức đảm đương. Nhưng điều đáng bàn là nhiều khâu dịch vụ các công ty trong nước có thể làm được, nhưng do thiếu sự phối hợp, gây cạnh tranh lẫn nhau, làm cho phía nước ngoài có thế để ép giá hưởng lợi. Việc phát triển hệ thống cảng biển là một thế mạnh của tỉnh, song hiện nay quy chế hoạt động và quản lý cảng của ngành giao thông vận tải chưa rõ ràng, thiếu sự phối hợp quản lý giữa các khâu. Dịch vụ cảng biển, dịch vụ hoa tiêu trên địa bàn có tình trạng cạnh tranh luồng tuyến dẫn tàu, dễ gây nên tai nạn giao thông trên biển.

Năm là, việc sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn còn nhiều lúng túng, số đơn vị làm ăn thua lỗ, nợ nần dây dưa trong nhiều năm chưa có giải pháp xử lý tích cực và dứt điểm. Trong khi đó nhiều đơn vị tình hình không có cải thiện, ngày càng khó khăn ảnh hưởng không tốt đến đầu tư chung trong tỉnh. Đáng tiếc là trong số các nguyên nhân làm ăn kém hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước phần đáng kể lại là do việc bố trí đề bạt cán bộ chủ chốt trình độ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu, cơ chế quản lý có chỗ hở bị lợi dụng, sự phối hợp giữa các ban ngành chưa chặt chẽ, tạo kẽ hở cho cách đề bạt theo cảm tính, xem nhẹ chất lượng cán bộ. Do đó, vấn đề trước mắt là phải tiếp tục rà soát, sắp xếp lại sản xuất, nghiên cứu chuyển một số doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần ; sắp xếp, bố trí lại lực lượng cán bộ chủ chốt trong các doanh nghiệp nhà nước căn cứ vào tiêu chuẩn, đạo đức năng lực, sở trường của từng người và đúng ngành, đúng nghề được đào tạo. Song song với vấn đề trên cần chú trọng công tác xây dựng đảng, xây dựng lực lượng chính trị mạnh mẽ ở các đơn vị, các địa phương.

Sáu là, chú trọng phát triển nguồn nhân lực. Tỉnh Bà rịa-Vũng tàu là một khu vực kinh tế trọng điểm, sức hút lực lượng lao động ngày càng tăng, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng đang có nhu cầu lớn cả về số lượng và chất lượng lao động. Trong khi đó thực trạng chất lượng lao động trên địa bàn tỉnh hiện còn bất cập. Bên cạnh một bộ phận công nhân đã tiếp cận được với công nghệ hiện đại, đảm đương được những công việc đòi hỏi trình độ kỹ thuật và tay nghề cao, thì tỷ lệ chung cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học trở lên còn chiếm tỷ lệ quá thấp. Tính chung toàn tỉnh là 0,74% (nếu không kể số cán bộ khoa học kỹ thuật của Liên doanh dầu khí Vietsovpetro, thì chỉ còn 0,56%), thấp hơn mức trung bình của cả nước (1,1%), so với các nước trong vùng còn thấp hơn nữa. Đây là điều đòi hỏi các cấp, các ngành phải cùng Bà rịa-Vũng tàu quan tâm giải quyết. Trước mắt cần chú trọng đầu tư mới cho giáo dục, đào tạo theo Nghị quyết Trung ương 2, nâng cao chất lượng các trường phổ thông, đại học, trên đại học và các trung tâm hướng nghiệp dạy nghề... để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của tỉnh. Bên cạnh đó cần có chính sách để phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng người tài, tìm cách hạn chế sự "rò rỉ chất xám" từ khu vực nhà nước sang các khu vực có vốn đầu tư hoặc liên doanh với nước ngoài. ❑

Digitized by Google

Phát triển dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở huyện Gia lâm - Hà nội

LÊ QUÝ ĐÔN*

Gia lâm là một huyện ngoại thành của Hà nội, nằm ở cửa ngõ Đông Bắc thủ đô, có giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy và đường hàng không, nối Hà nội với các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc. Diện tích đất tự nhiên của Gia lâm là 17 251 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 53%. Dân số trên 32 vạn người, số dân nông nghiệp, nông thôn chiếm 57%. Cùng với sự phát triển kinh tế năng động và đa dạng của Hà nội, Gia lâm đã có những thay đổi sâu sắc về kinh tế - xã hội. Nhiều nhà máy, khu công nghiệp của trung ương, địa phương và các công ty đầu tư, hợp tác liên doanh với nước ngoài được quy hoạch và xây dựng có quy mô lớn trên địa bàn là động lực thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hóa của huyện. Nhờ có những lợi thế đó, ngành dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp có điều kiện phát triển nhanh và vững chắc, đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng : công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp.

Xã hội càng phát triển thì quá trình chuyên môn hóa sản xuất ngày càng cao. Để sản xuất phát triển, đời sống của nhân dân ổn định, giải quyết việc làm tại chỗ thì dịch vụ và các ngành sản xuất phi nông nghiệp có tầm quan trọng đặc biệt. Dịch vụ tạo ra nhiều việc làm, sắp xếp lại lao động, gắn sản xuất với tiêu dùng, giải quyết mối quan hệ cung - cầu làm cho xã hội vận động, phát triển theo quy luật của nền kinh tế thị trường. Dịch vụ đã tham gia vào quá trình củng cố quan hệ sản xuất nhằm chuyên môn hóa, tiết kiệm nhân tài vật lực, hạ giá thành sản phẩm...

Từ nhận thức trên, kết hợp với vai trò, vị trí của huyện Gia lâm trong xu thế phát triển kinh tế của Thủ đô, việc phát triển ngành dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn là tất yếu, ảnh hưởng bởi những yếu tố khách quan và chủ quan.

Về khách quan : cơ chế thị trường cùng với quá trình đô thị hóa trên địa bàn vừa là yêu cầu, vừa là điều kiện để người lao động thay đổi ngành - nghề phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội đang biến chuyển nhanh chóng. Hơn nữa, ngành dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp tạo ra lợi nhuận cao hơn sản xuất nông nghiệp thu hút người lao động chuyển nghề. Ngoài ra, nhân tố đặc biệt quan trọng là trên địa bàn có nhiều nhà máy, xí nghiệp hoạt động tạo nên môi trường rất thuận lợi cho việc phát triển dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp, hình thành những cơ sở sản xuất làm "vệ tinh" xung quanh các nhà máy, xí nghiệp (đầu vào và đầu ra bảo đảm).

Về chủ quan : đó là sự nhận thức của cán bộ đảng và chính quyền các cấp trong huyện về yêu cầu, điều kiện phát triển ngành dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp của địa phương. Từ đó có những biện pháp cụ thể khuyến khích phát triển những ngành này. Bên cạnh đó Gia lâm là vùng đất có nhiều ngành nghề truyền thống, nghề phụ mà thị trường hiện nay vẫn có nhu cầu lớn.

Sự phát triển các ngành dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở Gia lâm trong những năm qua đã đạt được những thành tích đáng kể. Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 1991 đạt 61,5 tỉ đồng, đến năm 1995 tăng lên 158,4 tỉ đồng. Dịch vụ - thương mại hằng năm tăng 15,7%. Trong ngành dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp của huyện đến nay có trên 30 đơn vị và hơn 5 000 hộ kinh doanh thương nghiệp, 80 khách sạn, nhà nghỉ, trên 500 phương tiện ô tô dịch vụ vận tải đường bộ, 28 phương tiện vận tải đường thủy v.v... Các dịch vụ và ngành nghề phi nông nghiệp phát triển đa dạng phục vụ đời sống, phục vụ sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng. Đặc biệt phát triển mạnh là các dịch

* Bí thư huyện ủy Gia lâm

Digitized by Google

vụ vệ tinh phục vụ sản xuất như : may mặc, gỗ, diêm, da giày...

Trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp, khối lượng vật tư hằng năm rất lớn được khai thác và sử dụng phục vụ cho sản xuất gốm sứ Bát tràng gồm : đất, than, củi, hóa chất... Hàng triệu tấn vật tư các loại phục vụ nhu cầu sản xuất, xây dựng của các đơn vị quốc doanh và ngoài quốc doanh như sắt, thép, quặng, gỗ, chế biến nông, lâm sản, dược liệu... Trên lĩnh vực phục vụ đời sống, từ chỗ chỉ có một số điểm dịch vụ tập trung nay đã phát triển ở hầu khắp các thôn xóm, bao gồm hai hệ thống dịch vụ là hộ tư nhân và hợp tác xã mua bán. Đặc biệt là Gia lâm có một hệ thống chợ khá phát triển ở các trung tâm thị tứ, thị trấn hoặc ở những làng nghề. Vốn đầu tư chủ yếu do địa phương huy động, các hộ kinh doanh đóng góp để xây dựng, sửa chữa, tu bổ và sắp xếp ngành hàng hợp lý. Tiêu biểu là các chợ Ninh hiệp, Việt hưng, Keo, Trâu quỳ...

Do có một hệ thống dịch vụ tốt phục vụ đời sống và sản xuất lưu thông hàng hóa nên hiệu quả sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện đạt khá, các loại hình kinh tế đều phát triển với tốc độ tăng bình quân mỗi năm từ 15 đến 16%. Năm 1996 công nghiệp quốc doanh thuộc huyện quản lý tăng 43,3% so với cùng kỳ năm 1995.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp của Gia lâm vẫn còn nhiều tồn tại cần được khắc phục : thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán hoạt động chưa đáp ứng nhu cầu thiết yếu phục vụ nông nghiệp, nông thôn, hiệu quả kinh tế còn hạn chế. Các công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân và các hộ kinh doanh, các nghề truyền thống, lực lượng vận tải... tuy phát triển mạnh nhưng còn mang tính tự phát, ít quan tâm đến việc thông tin giá cả và tổ chức mạng lưới dịch vụ. Hơn nữa, Gia lâm chưa tận dụng được ưu thế của địa phương gần thị trường Hà nội rộng lớn trong việc đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường. Một số đơn vị cá nhân còn biểu hiện tranh mua, tranh bán, trốn lậu thuế hoặc gây phiền phức cho khách hàng. Trên thực tế, lĩnh vực này chính quyền các cấp chưa có những chính sách để quản lý, điều tiết nên nhiều khi gây nên tình trạng lộn xộn, mất cân đối và không quản lý chặt chẽ.

Từ thực tế hoạt động của ngành dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn của huyện, chúng tôi mạnh dạn nêu lên một số kiến nghị :

Một là, Đảng, nhà nước và chính quyền các cấp cần có những chính sách và giải pháp cụ thể nhằm chấn chỉnh, định hướng và hỗ trợ đối với lĩnh vực phát triển dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp. Đây chính là tiền đề cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Hai là, nhà nước phải chỉ đạo việc sắp xếp, chuyển đổi theo mô hình thích hợp để ngành dịch vụ hoạt động có hiệu quả ; đổi mới khu vực hợp tác xã và thực hiện cổ phần hóa từng phần hoặc toàn phần theo Nghị định 28/CP của Chính phủ đối với các doanh nghiệp nhà nước thông qua việc đổi mới quan hệ sản xuất để các đơn vị xây dựng phương án tổ chức kinh doanh theo hướng bảo đảm lợi ích cho người lao động. Trong nông nghiệp nông thôn, theo luật hợp tác xã, trên địa bàn một xã có thể tổ chức một số hợp tác xã dịch vụ cho kinh tế hộ, như dịch vụ điện, tưới tiêu, phân bón, làm đất... đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống cho nhân dân.

Ba là, đối với cơ sở hạ tầng của lĩnh vực kinh doanh thương mại dịch vụ, cần tiến hành sắp xếp lại trật tự ở các chợ. Khuyến khích các tập thể, cá nhân có tiềm năng trong và ngoài địa bàn (kể cả người nước ngoài) đầu tư vốn xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị, khu vực văn hóa - thể thao và các dịch vụ khác nhằm cải thiện cơ sở hạ tầng, phục vụ tốt đời sống vật chất và tinh thần ở nông thôn.

Bốn là, cần khuyến khích các tập thể cá nhân ở các lĩnh vực dịch vụ, ngành, nghề tự nguyện thành lập các chi hội, hợp tác xã cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân... để bảo đảm hoạt động theo cơ chế của pháp luật, định hướng chính sách của nhà nước và thuận lợi trong quản lý, điều hành.

Năm là, đối với các ngành nghề phụ, làng nghề truyền thống, nhà nước cần có quy hoạch định hướng rõ ràng, đặc biệt là trong chính sách xuất khẩu, tạo thuận lợi trong xuất khẩu hàng hóa đối với các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm truyền thống để khuyến khích sản xuất. Các ngành,

(Xem tiếp trang 55)

Digitized by Google

ĐỂ NGÀNH XE ĐẠP, XE MÁY ĐỦ SỨC CẠNH TRANH VÀ VƯƠN LÊN LÀM CHỦ THỊ TRƯỜNG

LÊ THƯỚC *

Đã một thời chúng ta nâng niu, chờ đón những sản phẩm của ngành xe đạp xe máy ; nhưng cũng một thời người tiêu dùng thờ ơ, dửng dưng trước những hàng hóa đó. Và trên thị trường, xe đạp ngoại, phụ tùng ngoại tràn ngập, lấn át xe đạp nội, phụ tùng nội. Nhiều người nhận xét : ngành xe đạp xe máy đã tự đánh mất mình và bị đè bẹp bởi hàng ngoại trong cơ chế thị trường. Vậy thực chất bức tranh chung của sản xuất xe đạp trong nước từ khi bước vào cơ chế thị trường đến nay như thế nào ? Làm gì để khôi phục và phát triển một ngành cơ khí phục vụ nhu cầu đi lại của đông đảo nhân dân ?

*

Xe đạp Việt nam được sản xuất từ những năm 40 của thế kỷ này, lúc đầu là lắp ráp và làm một số công đoạn về khung xe. Những năm 60 và 70, Hà nội trở thành trung tâm sản xuất xe đạp lớn nhất miền Bắc. Sản phẩm xe đạp đã giữ vị trí đáng kể cho đi lại và phục vụ sản xuất, chiến đấu của nhân dân ta lúc đó. Sau ngày thống nhất đất nước, ngành sản xuất xe đạp được thực sự đẩy mạnh với 4 trung tâm : Hà nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải phòng, Đà nẵng. Những năm 80, cả nước đã sản xuất khoảng 500 000 xe hoàn chỉnh và 5 000 tấn phụ tùng.

Liên hiệp các xí nghiệp xe đạp, xe máy Hà nội (LIXEHA) ra đời (1978) rồi đến các liên hiệp của TP. Hồ Chí Minh, Hải phòng, Thái bình, Hà nam ninh... Ở Hà nội, ngoài LIXEHA với 4 600 cán bộ công nhân viên, còn có 206 cơ sở hợp tác xã và tổ sản xuất với 6 200 lao động. Sản lượng hàng năm của LIXEHA đạt trên 100 000 xe hoàn chỉnh và trên 2 000 tấn phụ tùng. Cuối những năm 80, đầu 90 đến nay là giai đoạn có nhiều thử thách với các doanh nghiệp nói chung và đặc biệt với các doanh nghiệp cơ khí như ngành xe đạp nói riêng. Trong cơ chế thị trường, có sự cạnh tranh gay gắt, nhiều chính sách kinh tế thay đổi và không ổn định ; công nghệ kỹ thuật của ngành vốn lạc hậu lại chậm đầu tư đổi mới ; chính sách bảo vệ, nâng đỡ sản xuất trong nước không có. Hàng ngoại nhập lậu, hàng giả tràn ngập... đã làm cho sản xuất của ngành bị đình đốn, tiêu thụ hàng hóa giảm mạnh. Hai trung tâm Hải phòng và Đà nẵng hầu như không hoạt động ; ở TP. Hồ Chí Minh phải giải thể Liên hiệp xe đạp xe máy và chỉ còn một vài cơ sở tồn tại ; Hiệp hội xe đạp xe máy toàn quốc lúc mới thành lập (1991) có 96 thành viên, qua thử thách của thị trường đã không trụ được phải giải thể hoặc chuyển hướng sản xuất, nên đến nay chỉ còn 43 thành viên ở cả 3 miền. Chỉ ở Hà nội còn tồn tại Liên hiệp xe đạp xe máy là đơn vị quốc doanh lớn nhất. Nhưng sau một thời gian thích ứng, đến 1996 Liên hiệp mới sản xuất 51 000 xe đạp hoàn chỉnh và 1 500 tấn phụ tùng, chỉ bằng một nửa sản lượng của năm cao nhất trước đây.

Song những gì mà ngành xe đạp, xe máy đã đạt được, tuy còn nhỏ bé và bước đầu trong quá trình thích ứng với cơ chế thị trường, là không thể phủ nhận, trong đó nổi bật là LIXEHA với 12 đơn vị thành viên và trên 2 000 cán bộ công nhân viên.

Trong 5 năm qua, sản xuất kinh doanh của LIXEHA có mức tăng trưởng bình quân 20% năm. So với năm 1991 kim ngạch xuất khẩu năm

* Phó chủ tịch HĐQT Hiệp hội xe đạp, xe máy Việt nam, Tổng giám đốc LIXEHA

Digitized by Google

1995 gấp 4,5 lần ; xe đạp nguyên chiếc tăng gấp 2 lần. Mặt hàng nội thất gia đình và nội thất y tế là mặt hàng mới nhưng đã chiếm vị trí hàng đầu trong các sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước và năm 1995 đã chiếm 40% tổng doanh số của Liên hiệp. Số đơn vị sản xuất có lãi tăng dần : Năm 1991 có 6 đơn vị lỗ, 7 đơn vị hòa ; năm 1994 có 7 đơn vị lãi, 6 đơn vị hòa ; năm 1995 có 8 đơn vị lãi, 4 đơn vị hòa, 1 đơn vị lỗ và năm 1996 tất cả đều đã sản xuất có lãi. Bình quân thu nhập năm 1996 so 1993 tăng trên 2 lần. Đơn vị cao nhất là Công ty dịch vụ cơ điện (56 lao động) : 1 280 000 đồng/người/tháng và Công ty Xuân hòa (605 lao động) : 1 100 000 đồng/người/tháng.

Nhiều tổ chức nhân đạo và môi trường quốc tế đã chọn sản phẩm xe đạp của Việt nam để cung cấp cho các nước chậm phát triển. Xe đạp Việt Nam đã có mặt ở hàng chục nước, dần tạo chỗ đứng hòa nhập và thiết lập quan hệ lâu dài.

Chỉ tiêu	Đơn vị	1991	1992	1993	1994	1995	1996
1. Doanh thu	tỉ đồng	48,79	68,62	124,71	168,32	198,00	244,83
2. Nộp ngân sách	tỉ đồng	1,95	4,13	18,20	18,73	22,85	22,96
3. Giá trị xuất nhập-khẩu (rúp - đôla)	triệu	1,20	2,63	5,3	5,35	7,10	8,94
4. Lao động	người			2.108	2.038	2.080	2.022
5. Thu nhập bình quân người/tháng	ngàn đồng			350	570	620	729

Phân tích những kết quả đạt được, bước đầu có thể rút ra một số kinh nghiệm sau :

1. Bám sát thị trường, chuyển hướng sản xuất kinh doanh đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Mặc dù khó khăn, nhưng để tạo công ăn, việc làm và nhất là duy trì ngành hàng truyền thống phục vụ nhu cầu của nhân dân, đảng bộ LIXEHA đã xác định : "Phải coi trọng và giữ vững chất lượng sản phẩm truyền thống, ổn định tình hình sản xuất trong toàn Liên hiệp, bảo đảm sản xuất kinh doanh có hiệu quả..."

Sản phẩm của LIXEHA được lắp ráp từ nhiều chi tiết, phụ tùng khác nhau, được sản xuất ở nhiều cơ sở với nhiều công đoạn, công nghệ khác nhau từ đơn giản đến chính xác cao. Bởi vậy, để chống đỡ với sự nghiệt ngã của cơ chế thị trường. LIXEHA đã có những chủ trương :

- "Mi ni hóa tổ chức". LIXEHA đã giao quyền tối đa trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh cho cơ sở, tạo điều kiện chủ động, đồng thời phát huy tính tự chịu trách nhiệm của cơ sở, mở đường cho chuyển đổi kinh doanh, chuyển đổi mặt hàng ở nhiều đơn vị. Chia nhỏ từng bộ phận, tiếp cận thị trường, nắm yêu cầu thị hiếu của khách hàng. Tiếp tục giữ vững thị trường trong nước và mở rộng thị trường nước ngoài.

- Trong công tác chỉ đạo sản xuất kinh doanh, Liên hiệp đặc biệt chú trọng việc thông tin kinh tế nội bộ, giao ban hằng tháng, thực hiện hạch toán kế toán mới trong toàn Liên hiệp để chỉ đạo phối hợp các đơn vị thành viên được kịp thời.

- Đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu cải tiến mẫu mã nhiều loại xe đạp, tận dụng thiết bị máy móc để sản xuất các mặt hàng nội thất như dùng các ống tuýp xe đạp để sản xuất bàn, ghế, xe đẩy y tế... Năm 1996 đã tạo ra 68 sản phẩm mới được thị trường chấp nhận, trong đó có 9 sản phẩm về xe đạp. Mở rộng liên doanh liên kết để đa dạng hóa sản xuất. Tạo điều kiện để ngành hàng nội thất gia đình, nội thất y tế ra đời, phát triển. Đến nay có thể gọi là ngành hàng xe đạp, xe máy - nội thất - dịch vụ.

2. Từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng mặt hàng, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Khắc phục tình trạng tụt hậu về công nghệ sản xuất ngành hàng xe đạp, nâng dần khả năng cạnh tranh bằng chất lượng tốt, hạ thấp giá thành sản phẩm là mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài của LIXEHA. Bởi vậy, ngay sau hội nghị đảng bộ giữa nhiệm kỳ, Liên hiệp đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư đổi mới công nghệ, đẩy mạnh khai thác kinh doanh nhà đất để tạo vốn đầu tư. Trong 5 năm 1991-1995, Liên hiệp đã tranh thủ được 600 triệu đồng vốn cho các chương trình tiến bộ kỹ thuật và gần 2 tỷ đồng cho các dự án đầu tư vay không lãi có thu hồi, đồng thời vay 800 000 USD từ nguồn đầu tư của Đài loan. Phần lớn tiền thuê nhà xưởng (270 000 USD/năm) được dùng cho đầu tư. Tính đến hết năm 1995, Liên hiệp đã đầu tư 1,7 triệu USD và một số công trình đầu tư đã đi vào sản xuất có hiệu quả như : hệ thống uốn, hàn, sơn, đinh tán,

Digitized by Google

ống của Công ty Xuân hòa ; hệ thống cuốn ống INOX của Công ty dịch vụ cơ điện ; nhiệt luyện của Xí nghiệp bi ; ép nhựa của Công ty Đống đa và Công ty Nam thái. Bên cạnh đó Liên hiệp đã động viên, khuyến khích việc nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật công nghệ mới. Năm 1996 đã nghiên cứu 39 đề tài trong đó có 6 đề tài cấp thành phố, 116 sáng kiến. Các tập thể, cá nhân có đề tài và sáng kiến kỹ thuật được nhận phần thưởng với tổng số tiền thưởng là 131 triệu đồng. Nhờ có đầu tư đúng hướng nên chất lượng nhiều mặt hàng đã được nâng cao ; giá trị, uy tín sản phẩm của Liên hiệp dần được khẳng định. Tại Triển lãm hàng công nghiệp Việt nam, Liên hiệp đã có 16 sản phẩm được huy chương vàng và 19 sản phẩm được tặng bằng khen.

3. Nâng cao vai trò của tổ chức đảng – hạt nhân lãnh đạo trong toàn Liên hiệp cũng như ở từng đơn vị thành viên.

Một trong những nhân tố quyết định sự trụ lại được của LIXEHA vừa qua chính là vai trò lãnh đạo của đảng bộ. Hoạt động kinh tế theo mô hình liên hiệp, thực chất rất lỏng lẻo, trước phong ba của cơ chế thị trường. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Thành ủy Hà nội, đảng bộ LIXEHA đã có nhiều quyết tâm khẳng định vai trò lãnh đạo của mình. Bằng nhiều quyết định kịp thời, đúng hướng, sự lãnh đạo của Đảng thông qua đảng ủy đã giúp cho các đơn vị thành viên ổn định sản xuất, từng bước vươn lên hòa nhập, chiếm lĩnh thị trường. Những quyết định đáng ghi nhận như : Quyết tâm bảo toàn vốn, quyết tâm tạo ra việc làm, không để người lao động thất nghiệp, ổn định đời sống cán bộ công nhân viên ; khuyến khích cơ sở chủ động sáng tạo trong sản xuất kinh doanh đi đôi với việc tăng cường kiểm tra giám sát của tổ chức đảng. Để thật sự có sức mạnh trong lãnh đạo, đảng bộ đã làm tốt cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn đảng. Các tổ chức cơ sở đảng trong toàn Liên hiệp đã không ngừng tăng cường vai trò lãnh đạo của mình ở cơ sở, trước hết là lãnh đạo sản xuất kinh doanh, giữ vững nguyên tắc lãnh đạo tập trung dân chủ, phát huy năng lực, trí tuệ của cán bộ công nhân viên thông qua các tổ chức đoàn thể như công đoàn, thanh niên, hội phụ nữ... Hầu hết đảng viên và cấp ủy đã phát huy được vai trò tiền phong gương mẫu trong các lĩnh vực sản xuất và cuộc sống, tạo nên niềm tin yêu, gắn bó đoàn kết trong nội bộ đảng và giữa đảng với quần chúng.

Có thể nói, đến nay LIXEHA là đơn vị quốc doanh chủ đạo lớn nhất của ngành xe đạp, xe máy Việt nam, tiếp tục giữ vai trò hạt nhân của Hiệp hội xe đạp xe máy Việt nam. Hiện có 90% sản phẩm xe đạp của LIXEHA cung cấp cho khu vực phía Bắc (từ Quảng bình trở ra). Tuy nhiên mọi sự cố gắng cũng như kết quả đạt được mới chỉ là bước đầu của giai đoạn ứng phó với thị trường để tồn tại và duy trì ngành hàng. Làm thế nào để ngành xe đạp, xe máy Việt nam đủ sức cạnh tranh và vươn lên làm chủ thị trường. Đó là câu hỏi đang cần được giải đáp.

*

Trong những năm sắp tới, điều kiện phát triển giao thông ở miền núi, nông thôn tuy được cải thiện nhưng phương tiện xe đạp vẫn là nhu cầu rất lớn trong việc phục vụ đi lại, chuyên chở nhẹ và phù hợp với sức mua của đại đa số quần chúng nhân dân. Hiện nay, toàn quốc có khoảng 14-15 triệu xe đạp (bình quân mỗi gia đình Việt nam mới có 1 xe, trên thế giới có nước bình quân mỗi người 3 xe). Những năm gần đây xe máy tăng nhanh nhưng mới cơ bản ở thành phố lớn. Mặt khác, ngay ở khu vực đô thị lại xuất hiện nhu cầu xe đạp tập luyện - dã ngoại, xe có giá trị cao, xe lắp động cơ... và có xu hướng ngày càng tăng. Có thể khẳng định : nhu cầu xe đạp nội địa rất lớn, đặc biệt ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Theo tính toán của các nhà khoa học thì cả nước cần khoảng 600 ngàn - 800 ngàn xe đạp/năm, và nhu cầu phụ tùng thay thế tăng 2-3 lần hiện nay, mỗi năm khoảng 3-5 triệu bộ.

Về thị trường quốc tế, chúng ta đã có một số bạn hàng tin cậy như : Nga, Bun-ga-ri, Ru-ma-ni, An-giê-ri... Giá trị xuất khẩu đạt 2-3 triệu USD/năm. Đặc biệt với phương thức trả nợ thì xe đạp và phụ tùng là một mặt hàng được ưa chuộng và phù hợp với năng lực của ta... Xe đạp Việt nam cũng đã được nhiều nhà kinh doanh, nhiều tổ chức quốc tế để ý.

Như vậy, có thể thấy rằng xe đạp là một mặt

Digitized by Google

hàng ta sản xuất hoàn chỉnh được, thị trường trong nước là rất lớn, khả năng tham gia thị trường quốc tế là có triển vọng. Trong các hội nghị bàn về phát triển ngành xe đạp, Tổng bí thư Đỗ Mười và Thủ tướng Võ Văn Kiệt đều luôn luôn nhắc nhở : phải duy trì và phát triển cho được ngành hàng này theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thực tế chỉ rõ, muốn cho sản xuất trong nước phát triển được tốt, có hai vấn đề cơ bản : sự phát triển tự thân của ngành, mà trước hết là các doanh nghiệp nhà nước trong cơ chế thị trường và sự bảo hộ của nhà nước thông qua các chính sách, biện pháp vĩ mô. Ở đâu giải quyết tốt, hài hòa 2 vấn đề này thì ở đó tạo ra được sự phát triển mạnh mẽ và vững chắc. Để ngành xe đạp có thể tiếp tục đứng vững, phát triển mạnh mẽ hơn, đủ sức cạnh tranh với hàng ngoại chúng tôi thấy cần phải giải quyết một số vấn đề sau :

1) Khẩn trương đầu tư đổi mới công nghệ, kỹ thuật hiện đại

Đến nay, chúng ta đã có thể sản xuất toàn bộ một chiếc xe đạp hoàn chỉnh, nhưng công nghệ thì còn lạc hậu, máy móc già cỗi và không đồng bộ. LIXEHA có 8/12 đơn vị có thể sản xuất 18 loại phụ tùng chủ yếu của xe đạp với mức 100 000 - 200 000 sản phẩm/năm, trong đó có 12 loại sản phẩm được sản xuất trên hệ thống công nghệ do ta tự sáng tạo trên cơ sở kinh nghiệm thực tế hoặc học tập của Trung quốc, Đông Âu những năm 60 và 70. Chỉ có 6 loại sản phẩm là nhập công nghệ đồng bộ của Trung quốc, Pháp, Tiệp... nhưng đến nay không còn tiên tiến nữa. Đầu tư không đồng bộ làm giảm khả năng nâng cao hiệu quả sản xuất. Theo đánh giá của Bộ công nghiệp thì công nghệ sử dụng trong ngành xe đạp hiện nay vẫn là công nghệ của những năm 50. So với Đông Âu thì chi phí sản xuất 1 sản phẩm của ta về nguyên liệu chính gấp 1,7 lần, về năng lượng gấp 3,6 lần ; về thời gian gia công cơ khí gấp 10 lần ; trong khi đó công nghệ làm sạch, đẹp bề mặt sản phẩm không có, công nghệ hàn (là công nghệ chủ chốt và quan trọng) thì lạc hậu so với thế giới hiện nay. Sản phẩm của ta không thể có sức cạnh tranh được vì giá thành sản phẩm vẫn còn cao so với sản phẩm cùng loại được sản xuất trên thế giới và trong khu vực.

Mục tiêu phát triển của ngành xe đạp đến năm 2 000 là khôi phục sản lượng 500 000 chiếc/năm ; đến năm 2 010 đạt 1 triệu chiếc/năm ; chiếm lĩnh lại thị trường trong nước và phấn đấu xuất khẩu đạt 30-40% sản lượng xe. Đối với LIXEHA mục tiêu đến năm 2 000 là sản xuất từ 150 000 đến 200 000 chiếc xe đạt chất lượng trung bình và cao theo tiêu chuẩn thế giới và khu vực, xuất khẩu 30-40% ; góp phần tích cực ngăn chặn hàng nhập lậu từ nước ngoài. Đến năm 2 000 phải nâng cao một bước chất lượng xe và tối thiểu có 60% sản phẩm, phụ tùng được chế tạo trong nước, phấn đấu đạt tỷ trọng xuất khẩu trong Liên hiệp đạt 30% và năm 2 003 là 50%.

Rõ ràng, muốn thực hiện được mục tiêu nêu trên thì khâu có tính quyết định là phải đầu tư theo hướng công nghiệp hóa. Quá trình này phải hoàn thiện vào năm 2 000, chậm nhất là năm 2 002. Ngay từ năm 1997 phải gấp rút đầu tư đổi mới công nghệ, nếu không sẽ quá muộn, mất thời cơ để duy trì và phát triển ngành xe đạp trong nước. Trong việc đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ có 3 vấn đề phải được tính toán kỹ là hình thức đầu tư, lựa chọn trình độ công nghệ, tạo vốn và hiệu quả đầu tư.

2) Sớm củng cố tổ chức bộ máy để hoạt động có hiệu quả.

Có thể thấy tổ chức bộ máy của ngành vừa qua là chưa phù hợp. Mô hình liên hiệp với cơ chế lỏng lẻo chưa tạo ra được sức mạnh lãnh đạo, chỉ đạo điều hành nâng cao hiệu quả sản xuất và tạo điều kiện tập trung đầu tư. Hiệu lực lãnh đạo của Liên hiệp bị hạn chế nên sản xuất gặp khó khăn. thiếu đồng bộ, chưa cân đối vật tư, giá thành cao, các công nghệ sẵn có chưa được sử dụng hợp lý. Thị trường tiêu thụ bị chồng chéo, xuất hiện cạnh tranh không lành mạnh trong nội bộ. Một số thị trường tiêu thụ trong nước bị bỏ trống, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa. Việc điều phối, lãnh đạo chỉ đạo trong ngành về sản xuất, giao hàng xuất khẩu còn nhiều hạn chế và hiệu quả chưa cao. Vấn đề có ý nghĩa trước hết là phải sớm chuyển đổi mô hình sản xuất sang mô hình mới - Tổng công ty. Hiện nay tổ chức ở

Digitized by Google

các địa phương khác nhau (nơi thì liên hiệp, nơi công ty, nơi thuộc UBND tỉnh, nơi thuộc Sở công nghiệp...) nên chưa thể tổ chức được mô hình tổng công ty toàn quốc. Vậy nên phải tổ chức mô hình tổng công ty khu vực mà trước hết là Liên hiệp xe đạp, xe máy Hà nội phải được chuyển đổi kịp thời để làm nòng cốt cho liên hiệp và tổng công ty toàn quốc sau này. LIXEHA đã có tờ trình và luận chứng kinh tế kỹ thuật xin thành lập Tổng công ty gửi các cơ quan hữu quan. Năm 1995, UBND Tp Hà nội đã có văn bản dự án đề nghị Chính phủ nhưng đến nay vẫn chưa được duyệt. Chúng tôi xin đề nghị nhà nước sớm phê chuẩn để việc tổ chức sản xuất sớm được ổn định và có điều kiện để phát triển hơn.

Cùng với mô hình Tổng công ty, cần thiết phải củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của Hiệp hội xe đạp, xe máy toàn quốc, củng cố hoàn thiện Hiệp hội về mọi mặt : tổ chức, con người, quyền hạn... để làm tốt các nhiệm vụ sau :

- Xây dựng chiến lược đầu tư, bám sát thị trường, phối hợp phân công, phân nhiệm để các đơn vị đầu tư đúng hướng cũng như liên doanh liên kết.

- Bảo vệ thị trường, bảo vệ sản xuất trong nước.

- Phối hợp kỹ thuật công nghệ, thống nhất tiêu chuẩn, kiểm tra chất lượng trong toàn ngành.

- Thống nhất quản lý vật tư, đầu mối xuất, nhập khẩu.

- Phối hợp trao đổi kinh nghiệm, tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh, quản lý vốn, tài chính.

- Tập hợp ý kiến nguyện vọng, thắc mắc của ngành hàng... để kiến nghị với nhà nước và cùng các bộ, ngành tham gia chống hàng lậu, hàng giả.

Cùng với việc thành lập tổng công ty, tổ chức đảng cần tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn cho phù hợp với mô hình này để nâng cao vai trò lành đạo của Đảng đối với doanh nghiệp, trước nhất là lãnh đạo sản xuất kinh doanh, Đảng bộ phải chủ động lãnh đạo việc xác định chiến lược phát triển của tổng công ty, chiến lược ngành hàng, sản phẩm, phương hướng đầu tư, phương án tiền lương tiền thưởng, tổ chức cán bộ và các hoạt động của đoàn thể.

3) Hoàn thiện các chính sách vĩ mô hỗ trợ sản xuất trong nước.

Sản xuất xe đạp là một ngành sản xuất cơ khí, nhà nước nên có chính sách hỗ trợ ngành sản xuất xe đạp như đối với cơ sở hạ tầng. Xuất phát từ đó chúng tôi kiến nghị cụ thể những điểm cơ bản như sau :

- Nhà nước tạo nguồn vốn và có cơ chế vay thích hợp để ngành xe đạp được đầu tư lại. Theo tính toán của Bộ công nghiệp thì tổng mức đầu tư dự kiến cho toàn ngành xe đạp từ nay đến năm 2 000 cần khoảng 20 triệu USD, trong đó LIXEHA cần khoảng 12,5 triệu USD. Đây là con số không lớn trong dự kiến vốn đầu tư cho chương trình phát triển công nghiệp quốc gia (đến năm 2 010 là 3 tỷ USD, đến 2 020 là 70 - 75 tỷ USD). Vấn đề là ở chỗ sự quan tâm của các cấp, các ngành ủng hộ việc vay vốn ưu đãi hoặc vốn ODA.

- Có biện pháp thực sự hữu hiệu để chống nhập lậu xe đạp và phụ tùng xe đạp để bảo vệ sản xuất trong nước.

Thành phố và các cơ quan quản lý cần giúp LIXEHA chống hàng giả, hàng sản xuất trốn thuế để bảo vệ sản xuất chân chính, bảo đảm cạnh tranh công bằng.

- Có chính sách thuế ưu đãi những năm đầu cho các liên doanh với nước ngoài để cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện phát triển công nghiệp xe đạp ; cho giảm thuế nhập khẩu phụ tùng xe đạp (mà ta chưa sản xuất được) từ 60% xuống 20% để đủ sức cạnh tranh chống hàng lậu, đồng thời có chính sách thuế thích hợp để tạo đà cho ngành xe đạp trụ vững. Để thu hút đầu tư nước ngoài và ngoài quốc doanh vào lĩnh vực phát triển xe đạp, đề nghị cho miễn thuế lợi tức, thuế đất, thuế xuất khẩu xe đạp trong khoảng 8 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất.

- Đề nghị Chính phủ tạo điều kiện mở rộng thị trường tiêu thụ ở nước ngoài như qua ký kết các hiệp định, tiếp tục duy trì trả nợ trong vài năm tới để giữ thị trường, mở rộng quan hệ, nâng chất lượng và tạo đà tiến tới xuất nhập khẩu thanh toán trực tiếp. Bên cạnh đó là việc tiếp tục cho phép các doanh nghiệp lắp ráp xe máy dạng CKD (thậm chí có thể tiếp tục lâu dài phương thức này) để cạnh tranh và làm đối trọng với các liên doanh sản xuất xe máy của nước ngoài ở Việt nam.❑

Digitized by Google

MỘT VỤ ÁN - ĐÔI ĐIỀU SUY NGẪM

VŨ XUÂN KIỀU

TAMEXCO là một vụ án đầy kịch tính và lớn nhất từ trước đến nay đã khép lại qua hai lần xét xử sơ thẩm và phúc thẩm. Công lý đã y án tử hình đối với Phạm Huy Phước, Trần Quang Vinh, Lê Minh Hải, Lê Đức Cảnh và 16 bị cáo khác đã nhận mức án tương xứng với tội danh của chúng.

Ngay từ khi vụ án xảy ra, báo chí và công luận đã liên tiếp lên án mạnh mẽ, vạch trần tính chất gian xảo, xa hoa trụy lạc của những tên mọt dân hại nước. Dư luận xã hội bất bình, nhân dân lao động hết sức căm phẫn vì hậu quả do chúng gây ra hết sức nghiêm trọng. Tổng số tiền mà Phạm Huy Phước và đồng bọn ăn cắp và làm thất thoát còn lớn hơn tổng số tiền (300 tỉ đồng) mà ông Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt nam trao cho Ngân hàng nông nghiệp Việt nam (năm 1995) đưa vào quỹ cho vay xóa đói, giảm nghèo cho trên 500 huyện, thị của cả nước. Hơn thế nữa, cách sống, cách ăn chơi sa đọa của chúng đã tới đỉnh cao của những kẻ "phá gia chi tử", khiến cho nhiều người oán giận.

Những ai theo dõi vụ án Tamexco đều không khỏi bàng hoàng về cách tổ chức quản lý, bố trí, sử dụng cán bộ... của một số cơ quan đảng và chính quyền có liên quan đến vụ án này lại mơ hồ và vô trách nhiệm đến như vậy. Đã có nhiều bài báo phân tích lý giải khá sâu sắc, cụ thể về vấn đề này và đã rút ra bài học cho những ai đang bán rẻ lương tâm, chạy theo vòng xoáy của đồng tiền, mưu cầu lợi ích cá nhân, coi thường kỷ cương phép nước. Do vậy, trong khuôn khổ của bài báo này chỉ xin bình luận thêm một số vấn đề mà ai đó còn mơ hồ hoặc cố tình quên đi để rồi rơi vào con đường tội lỗi.

1 - Sự thoái hóa biến chất bao giờ cũng bắt nguồn từ sự hám danh lợi, hám tiền tài. Hám danh lợi, tiền tài không phải là bản chất vốn có của con người. Tuy nhiên, trong cuộc sống bình thường của mỗi con người cụ thể ai cũng muốn vươn tới danh lợi và làm ra đồng tiền bằng mồ hôi, công sức và trí tuệ của chính mình. Và trong mối quan hệ cộng đồng thì danh vọng, lợi ích của mỗi cá nhân phải được kết hợp hài hòa với lợi ích của cộng đồng, không vì danh vọng lợi ích cá nhân mà làm tổn hại đến danh dự, lợi ích của tập thể, lợi ích cá nhân phải phục tùng lợi ích cộng đồng. Do hám danh lợi, tiền bạc mà Phạm Huy Phước đã không từ một thủ đoạn nào, từ gian lận, dối trá đến mua chuộc, lôi kéo đồng bọn và một số cán bộ lãnh đạo của một số cơ quan hữu trách, rơi vào con đường lầm lỗi. Đã có không ít ý kiến phân tích, phê phán khía cạnh sai lầm của cơ quan quản lý Phước là : sơ hở trong công tác bồi dưỡng và cất nhắc cán bộ. Nhưng cũng không ít ý kiến phê phán rằng ngay từ thời điểm này (tức năm 1988 Phước được kết nạp vào Đảng và được cất nhắc làm chánh văn phòng quận ủy) Phước đã bộc lộ ít nhiều tính xảo quyệt, cơ hội, nhưng lãnh đạo đảng bộ quận Tân bình bỏ ngoài tai những ý kiến của một số đảng viên trung kiên, mà chỉ thấy ở Phước một "đảng viên tận tụy" phục vụ mọi yêu cầu của lãnh đạo. Mặc cho dư luận phê phán, con đường công danh của Phước vẫn "phơi phới" đi lên. Năm 1989, Phước chính thức làm giám đốc một cơ quan kinh tế quan trọng của Đảng. Có quyền và có tiền, Phước tha hồ thao túng (hầu như toàn bộ ngân sách của đảng bộ quận Tân bình đều do Tamexco bao chi). Dùng tiền của nhà nước để hối lộ và bao chi cho cán bộ cơ quan đảng và nhà nước hiện đang là phương sách tốt nhất của những kẻ hám danh lợi, hám tiền tài. Đây còn gọi là phương pháp "vén tay đốt nhà táng" hay "ném tiền qua cửa sổ" ; kẻ đi hối lộ thì chỉ có được (được thăng quan tiến chức, được cấp trên tin cậy và ra sức bảo vệ, che chắn và tháo gỡ khi chẳng may bị "xương mắc cổ"...), còn nhà nước thì mất nhiều (mất tiền, mất cán bộ và mất tín nhiệm với nhân dân). Từ thực tế trên cho thấy, mọi sơ hở sai lầm nếu bắt nguồn từ hám danh, hám lợi và bị chi phối bởi đồng tiền thì khó bề chạy chữa và tất yếu sẽ phải trả giá như Phạm Huy Phước và đồng bọn.

2 - Cơ chế kiểm tra và giám sát lỏng lẻo, kỷ cương phép nước bị xem thường là miếng đất tốt cho những kẻ tham nhũng sa đọa hoạt động. Như trên đã nói, hám danh lợi, tiền tài không phải là bản chất của con người nói chung, nhưng không ít trường hợp cụ thể tư tưởng hám danh, hám lợi, hám tiền luôn là yếu tố tiềm ẩn và chỉ chờ có cơ hội là nó sẽ bùng nổ. Sự bùng nổ tới

Digitized by Google

mức nào là tùy thuộc vào hai yếu tố : sự tự kiềm chế của mỗi cá nhân và cơ chế kiểm tra, giám sát. Nếu lên án Phạm Huy Phước và đồng bọn là coi thường kỷ cương phép nước thì chẳng hóa ra lên án cái đã rồi vì, bất kể một hành vi phạm tội nào cũng đều bắt nguồn từ việc coi thường kỷ cương phép nước. Điều mà chúng ta đáng nói ở đây là sự buông lỏng kỷ cương phép nước, buông lỏng sự kiểm tra kiểm soát lại diễn ra ngay trong một số cơ quan lãnh đạo quan trọng của Đảng và Nhà nước.

Theo luật doanh nghiệp nhà nước thì bất kể loại doanh nghiệp nào, hoạt động dưới hình thức nào cũng phải tuân theo pháp luật và chịu sự quản lý của nhà nước bằng pháp luật. Tamexco là một công ty kinh doanh trực thuộc Ban tài chính thành ủy và chịu sự quản lý trực tiếp của quận ủy Tân bình, giám đốc do quận ủy bổ nhiệm, hình thức tổ chức là doanh nghiệp nhà nước hay công ty trách nhiệm hữu hạn, các văn bản pháp lý làm cơ sở cho sự hoạt động theo luật công ty lại không rõ ràng. Thực tế đó dẫn đến tình trạng hoạt động của công ty như đứng ngoài pháp luật. Suốt 6 năm Tamexco không thực hiện quyết toán tài chính hằng năm, trốn tránh nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, không thực hiện nghiêm chỉnh pháp lệnh kế toán thống kê, lập hệ thống sổ sách riêng để dễ bề biển thủ công quỹ của nhà nước. Doanh nghiệp làm kinh tế của đảng bộ có nghĩa là vốn kinh doanh là do cơ quan đảng bộ bỏ ra và thu lãi (tất nhiên phần lãi thu được sau khi đã khấu trừ các khoản chi phí và cả thuế) ; cơ quan đảng có thể dự kiến bộ máy quản lý trong đó có giám đốc, nhưng việc bổ nhiệm giám đốc cũng như việc quản lý doanh nghiệp bằng pháp luật lại thuộc chức năng của nhà nước. Không phải doanh nghiệp làm kinh tế đảng trực thuộc cấp bộ nào thì cấp bộ ấy làm luôn cả chức năng quản lý nhà nước và các cơ quan pháp luật không có quyền thanh tra giám sát. Đảng lãnh đạo không có nghĩa là Đảng làm thay, bao biện, càng không phải nằm ngoài pháp luật vì pháp luật là sự thể hiện cao nhất đường lối, chính sách của Đảng và ý chí nguyện vọng của nhân dân. Cấp ủy đảng hay đảng viên coi thường pháp luật, làm trái pháp luật cũng có nghĩa là coi thường, làm trái đường lối, chính sách của Đảng. Doanh nghiệp làm kinh tế của Đảng càng phải gương mẫu chấp hành pháp luật và thực hiện bình đẳng trước pháp luật như các doanh nghiệp khác.

Pháp lệnh ngân hàng đã được ban hành từ năm 1990, tuy là văn bản dưới luật, nhưng cho đến nay nó vẫn là công cụ quan trọng nhất của ngành ngân hàng. Trên nhiều tờ báo đã phân tích phê phán khá đậm nét Thông báo 08/NH-TB ngày 8-4-1991 và nhắc tới chỉ thị số 53 ngày 6-5-1991 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt nam. Tuy nhiên muốn đánh giá mức độ đúng sai của hai văn bản này cần đứng trên quan điểm lịch sử cụ thể của những ngày đầu bước vào quá trình chuyển đổi từ cơ chế cũ sang cơ chế mới. Trong điều kiện lúc bấy giờ cũng như hiện nay có nhiều điều khoản ghi trong Pháp lệnh ngân hàng cần có sự điều chỉnh, hoàn thiện thì những sai sót về tính chính xác, mạch lạc, không chồng chéo của các chỉ thị, nghị quyết của Ngân hàng nhà nước Việt nam là điều khó tránh khỏi. Qua vụ án Tamexco, vấn đề cần rút kinh nghiệm đối với ngành ngân hàng là việc buông lỏng quản lý, kiểm soát ngăn chặn tình trạng các ngân hàng thương mại cho vay hàng chục triệu đô la mà không có thế chấp (hoặc có văn bản thế chấp nhưng không được kiểm tra xác minh cơ sở pháp lý), nhiều trường hợp cho vay không vì mục đích đầu tư phát triển sản xuất và nâng cao hiệu quả đồng vốn... Lại còn có không ít trường hợp do sức ép của "lệnh mồm", "thư riêng", đồng tiền buộc phải tung ra không có bất kỳ một sự bảo đảm nào và khi có sự cố thì kẻ thực hiện hoặc bị kỷ luật hoặc vào tù, còn người "hạ lệnh" thì phủi tay vô tội. Những việc làm này là trái với nguyên tắc quản lý và Pháp lệnh ngân hàng, cần có biện pháp uốn nắn kịp thời, đưa các ngân hàng thương mại đi vào hoạt động đúng hướng có hiệu quả. Bài học cần rút ra không những đối với ngành ngân hàng, mà ngay cả những người hoạch định chính sách cũng phải có sự cân nhắc thận trọng khi ra văn bản, chỉ thị, nghị quyết, tránh tình trạng cùng một chỉ thị, nghị quyết ai muốn hiểu và vận dụng như thế nào cũng được, tạo khe hở cho bọn xấu lợi dụng đục khoét tiền của của nhà nước.

Từ vụ án Tamexco đến vụ tham nhũng ở Công ty dệt Nam định cho thấy một tập thể lãnh đạo của một cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân người lãnh đạo cao nhất ở cơ quan mà thoái hóa biến chất, coi thường kỷ cương phép nước thì sẽ tạo nên vỏ thép bao bọc cho những kẻ tham nhũng thả sức hoành hành, phá tán của cải, tiền bạc của nhà nước, của nhân dân, cản trở sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng và tất yếu sẽ gây hậu quả hết sức nghiêm trọng.

3 - Phải xử lý công bằng giữa kẻ hối lộ và người nhận hối lộ. Cách đây 50 năm, Chính phủ Việt nam dân chủ cộng hòa đã rất quan tâm đến

Digitized by Google

việc làm trong sạch bộ máy nhà nước, kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Ngày 27-11-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 223 nhằm trừng trị các tội đưa hối lộ và nhận hối lộ. Điều 1 của Sắc lệnh ghi rõ : Tội đưa hối lộ cho công chức, tội công chức nhận hối lộ, hoặc phụ lạm, hoặc biển thủ công quỹ hay của công đều bị phạt khổ sai từ 5 năm đến 20 năm và phạt bạc gấp đôi tang vật hối lộ, phù lạm hay biển thủ.

Theo tinh thần Sắc lệnh trên, ngay từ những ngày đầu của chính quyền dân chủ còn non trẻ, Chính phủ đã đặt hình phạt tội hối lộ và nhận hối lộ ở mức quan trọng như nhau.

Ở các nước dựa trên chế độ sở hữu tư nhân thì các nhà doanh nghiệp tư nhân hối lộ cho các quan chức chính phủ để trốn thuế, lậu thuế hoặc được ưu đãi dự án này, dự án khác... Trong trường hợp này người hối lộ là tư nhân, họ chỉ mang tội hối lộ chứ không mang tội tham nhũng, do đó mức độ phạm tội có nhẹ hơn, còn quan chức nhà nước thì vừa mang tội nhận hối lộ vừa mang tội tham nhũng (nhũng nhiễu và lấy của) và phải mang tội danh nặng hơn.

Ở nước ta sở hữu nhà nước giữ vai trò chủ đạo, do đó hành vi hối lộ và nhận hối lộ diễn ra khá phổ biến trong các doanh nghiệp nhà nước với các quan chức nhà nước. Vì vậy, kẻ hối lộ và người nhận hối lộ đều mắc tội tham nhũng (kẻ tham nhũng này lấy tiền của nhà nước hối lộ cho kẻ tham nhũng khác).

Vụ án Tamexco kết thúc với 4 án tử hình thì trong đó có 3 là phạm trọng tội tham nhũng và đưa hối lộ, một phạm trọng tội nhận hối lộ và tham nhũng. Dư luận cho rằng : chẳng lẽ toàn bộ số tiền hối lộ chỉ rơi vào túi Nguyễn Đức Cảnh ? Còn những quan chức khác có dính líu (theo lời khai, Phước đã dành hơn 2 triệu USD cho việc biếu xén, quà cáp, bảo trợ các chuyến du lịch nước ngoài cho các quan chức, nhà báo có liên can...) thì phần lớn những kẻ nhận hối lộ chưa được tòa án "sờ" tới, một số đã xét xử dưới dạng tội danh "cố ý làm trái quy định". Và nhiều người đặt câu hỏi : họ cố ý làm trái quy định để làm gì, nếu không phải vì lợi lộc cá nhân ích kỷ của họ ?

Tình trạng hối lộ và nhận hối lộ hiện nay như là một phương tiện phổ biến để đi tới con đường danh lợi, tiền tài của một số cán bộ trong một số cơ quan của Đảng và Nhà nước. Chiếc "phong bì" oan nghiệt đã đến gõ cửa không ít quan chức lãnh đạo giữ vị trí trọng yếu trong một số cơ quan quan trọng. Dưới dạng, quà biếu "một chút tình cảm"... đồng tiền đã lấn dần từ ít thành nhiều, từ thưa đến dày và đến một lúc nào đó kẻ nhận hối lộ sẽ biến thành nô lệ cho kẻ hối lộ. Ông cha ta thường nói "miếng thịt bịt lấy miệng", đã nhận "phong bì" quà cáp thì phải ban chức ban quyền, hoặc bỏ qua, dung túng, phụ họa, tiếp tay cho kẻ hối lộ thực hiện hành vi tham nhũng. Trong trường hợp cụ thể vụ án Tamexco thì Phạm Huy Phước và đồng bọn vừa là kẻ trực tiếp thực thi hành vi tham nhũng và hối lộ, còn các quan chức nhận hối lộ thì gián tiếp thực thi hành vi tham nhũng. Song dù là tham nhũng trực tiếp hay gián tiếp chúng đều có chung hành vi chiếm đoạt tài sản, tiền bạc của nhà nước, của nhân dân để tiêu xài phung phí cho cá nhân và gia đình. Vì vậy, kẻ đưa hối lộ và kẻ nhận hối lộ (nếu là quan chức nhà nước) đều có tội danh như nhau, do đó chúng phải được xét xử công bằng và chịu mức án tương xứng.

Một lẽ phải thông thường mà ai cũng có thể hiểu được là nếu không có kẻ nhận hối lộ thì kẻ đưa hối lộ làm thế nào để có thể tồn tại được. Qua vụ án Tamexco cho thấy một thực tế hiện nay, kẻ đưa hối lộ và kẻ nhận hối lộ thường liên kết chặt chẽ với nhau, nương tựa, che chắn và bọc lót cho nhau thành từng dây, từng mảng dưới danh nghĩa tập thể, cơ quan cấp dưới với cơ quan cấp trên, bằng nhiều hình thức tinh vi, xảo quyệt rất khó phát hiện. Tuy nhiên, sự hoạt động của kẻ đi hối lộ nằm trong phạm vi không gian hẹp, khó hợp thức hóa, do đó các cơ quan chức năng dễ kiểm tra phát hiện. Trái lại kẻ nhận hối lộ thì hoạt động trên phạm vi không gian rộng (kể cả chiều dọc lẫn chiều ngang), nó chìm nghỉm, gậm nhấm bên trong rất khó phát hiện, do đó, người ta có cảm giác như tội nhận hối lộ ít nghiêm trọng và nhẹ hơn tội đưa hối lộ, kẻ đưa hối lộ thì vào tù nhưng nhiều kẻ nhận hối lộ thì còn nhởn nhơ nằm ngoài pháp luật.

Sắc lệnh về ấn định hình phạt tội đưa hối lộ và nhận hối lộ đã ban hành hơn 50 năm nhưng những điều quy định trong phạm lệnh này cho đến nay vẫn còn giá trị nóng hổi. Bộ luật hình sự của Nhà nước ta cũng đã quy định hình phạt nặng đối với tội đưa hối lộ và nhận hối lộ. Do vậy, ngoài việc hoàn thiện pháp luật (như sửa đổi một số điều của Bộ luật hình sự, ban hành pháp lệnh chống tham nhũng...) cho phù hợp với tình hình hiện tại, công luận đặt niềm tin vào những người cầm cán cân công lý vận dụng pháp luật xét xử nghiêm minh tội hối lộ và nhận hối lộ nhằm góp phần ngăn chặn kịp thời "quốc nạn" tham nhũng ở nước ta.❑

Digitized by Google

VĂN HÓA MỸ QUA CON MẮT CỦA MỘT NHÀ NGHIÊN CỨU VIỆT NAM

ĐỖ ĐỨC THẢO *

Cuốn sách "**Hồ sơ văn hóa Mỹ**" (1) ra đời đúng vào lúc Mỹ xóa bỏ lệnh cấm vận đối với Việt nam và quan hệ giữa hai nước đang trên đường bình thường hóa, nó đáp ứng nhu cầu của nhiều người, nhiều giới trong nước đang muốn hiểu biết về nước Mỹ.

Trong tâm thức người Việt nam, mỗi khi nhắc đến Mỹ, người ta lại liên tưởng đến cuộc chiến tranh Việt nam vừa qua. Tuy quan hệ Việt - Mỹ đã được cải thiện đáng kể nhưng cho đến nay, mặc dù cuộc chiến tranh do người Mỹ gây ra ở Việt nam đã chấm dứt 22 năm, song dấu ấn của nó vẫn chưa thể phai mờ trong tâm trí của người Việt, nhất là ở thế hệ những người 40 - 50 tuổi trở lên, đã trải qua cuộc chiến tranh đó. Đã có không ít giấy mực viết về đề tài chiến tranh của Mỹ ở Việt nam từ cả hai phía. (Về phía Mỹ, gần đây, cuốn sách "Nhìn lại quá khứ" của cựu Bộ trưởng quốc phòng Mắc Na-ma-ra đã được nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà nội dịch ra tiếng Việt, trong đó ông thú nhận cuộc chiến của Mỹ ở Việt nam là một thất bại, một sai lầm lịch sử). Nhưng những công trình, những cuốn sách giới thiệu về nền văn hóa Mỹ còn rất thưa thớt. Nói thế không phải là người Việt nam không có khái niệm gì về văn hóa Mỹ ; nhưng những hiểu biết về nó còn tản mạn thông qua một số bài viết rải rác trên báo chí, qua một số cuốn phim, tiểu thuyết tiêu biểu. Ở Việt nam tên tuổi các nhà văn nhà thơ Mỹ như Uyt-man (Whitman), Loong-phe-lâu (Longfellow), Bi-chơ Xtâu (Beecher Stowe), Giắc Lơn-đơn (Jack London), Hê-minh-uây (Heminhway), các diễn viên hoặc ca sĩ như Giên Phôn-đa (Jane Fonda), Ma-đô-na (Madona), Mai-cơn Giắc-xơn (Michael Jakson), những bộ phim như "Cuốn theo chiều gió", và gần đây là "Khiêu vũ với bầy sói"... được nhiều người biết. Nhưng văn hóa Mỹ là gì ? Diện mạo nó ra sao ? Nó có những đặc điểm gì, đã đóng góp gì cho văn hóa nhân loại và có mặt nào là tiêu cực ? Không phải dễ dàng trả lời câu hỏi này trong một lúc. Nhất là - như đã nói ở trên, từ nhiều năm nay chưa có một cuốn sách nào đề cập đến vấn đề này một cách toàn diện.

Chính vì thế, đứng về mặt thời điểm mà nói, cuốn sách "Hồ sơ văn hóa Mỹ" của tác giả Hữu Ngọc ra đời thật đúng lúc. Nó được coi là sách bán chạy nhất (best - seller) trong năm 1995.

"Hồ sơ văn hóa Mỹ" dày gần 900 trang, được chia thành 9 chương, bao gồm 184 mục nhỏ. Chương I (Nhập đề) mang một cái tên gợi tính tò mò của người đọc và gợi sự tranh luận : "Có một nền văn hóa Mỹ không ? "Chương này có 13 mục với những ý kiến đôi khi có vẻ như rất khác nhau. Trong quá trình làm sách, tác giả đã viết thư hỏi ý kiến nhiều người bạn Mỹ, Anh, Pháp, Bỉ, Ý... rồi giới thiệu những ý kiến này. Nếu nhà dân tộc học trẻ tuổi Ma-cut Pho-phan (Marcus Vorpahl-Đức) khẳng định "Không có một nền văn hóa Mỹ", ông nói rõ hơn : "Liệu có thể quan niệm toàn bộ các nền văn hóa thuộc các dân tộc khác nhau ở Hoa kỳ là một nền văn hóa dân tộc Mỹ không ? Tôi rất

* Trưởng Ban biên tập, Nhà xuất bản Thế giới

(1) *Hồ sơ văn hóa Mỹ*, Tác giả Hữu Ngọc, Nxb Thế giới, Hà nội, 1995

Digitized by Google

nghi ngại nếu quan niệm một nền văn hóa có thể tự khẳng định được chỉ với yếu tố lĩnh vực quốc gia". Gần như ngược lại, nhà văn, nhà báo, nhà soạn nhạc Bỉ, Giắc Bê-kớt (Jacques Bekaert) đã sống ở Mỹ những năm 60 và 70 lại quả quyết : "Có, có một nền văn hóa Mỹ. Một nền văn hóa trẻ trung, sống động, chống công thức, luôn luôn thay đổi". Nói chung, các ý kiến này dù khẳng định hay phủ định về sự tồn tại của một nền văn hóa Mỹ, đều gặp nhau ở một điểm : Đề cập đến tính đa dạng của nó. Dễ chấp nhận hơn cả là ý kiến của bà Cri-xtin Oai-tơ (Christine White), Giáo sư nghiên cứu Đông nam Á ở trường đại học Ha-oai, bà cho rằng : "xã hội chúng tôi có nhiều nền văn hóa với nhiều nhánh văn hóa". Còn bà Ma-ri Cao-ơn (Mary Cowan), người Anh, nhận xét : "Chúng ta thấy nổi lên từ Hoa kỳ một nền văn hóa vô cùng đa dạng và phức tạp". Để giải thích tình trạng trên, chúng ta có thể tham khảo ý kiến của nhà xã hội học Mỹ Giốc-giơ Cat-xi-ơ-phi-cát (George Katsia ficas) : "... *người Mỹ chúng tôi thuộc đủ các giống, các dân tộc, các chính kiến. Chúng tôi nói tất cả các ngôn ngữ trên mặt đất. Chúng tôi có cao, có thấp, có béo, có gầy. Không có người Mỹ thuần khiết nào (ngay cả người dân Mỹ bản xứ xưa kia cũng từ châu Á di sang)... Về mặt tiềm năng, bất cứ người nào cũng có thể là người Mỹ*" (2). Ông còn đưa ra một nhận xét khá thú vị như sau : *"Hoa kỳ là một đất nước đầy mâu thuẫn. Một nước tự do nhất từ trước đến nay, vậy mà nó đã được thành lập do sự diệt chủng thổ dân và được xây dựng trên sự nô lệ hóa người Phi... Chúng tôi tự do nhưng lại ngại đi lại ngoài phố vì sợ bọn gây tội ác"* (3)

Chương II của cuốn sách có tên là "Người Mỹ". Tác giả viết : "Vào thế kỷ XVIII, một người Pháp sống ở Mỹ là Cơ-re-vơ-cơ (Crevecoeur) đã tự hỏi "Vậy thì người Mỹ", "con người mới" ấy là ai ?... tôi có thể chỉ cho bạn một gia đình mà ông là người Anh, bà là người Hà lan, con trai lấy vợ Pháp mà bốn đứa con lấy vợ thuộc bốn dân tộc khác nhau. Ông ta là một người Mỹ, đã vứt lại đằng sau tất cả định kiến và phong tục cũ để tiếp nhận định kiến và phong tục mới của lối sống mới, chính phủ mới và vị trí xã hội mới" (4).

Muốn làm rõ tình trạng này, tác giả giới thiệu huyền thoại "nồi hầm nhừ" (melting pot). Theo định nghĩa của từ điển tiếng Anh BBC thì melting pot có nghĩa bóng là "một nơi, một tình trạng trong đó có những con người, những nền văn hóa và tư tưởng các loại trà trộn với nhau". Tác giả dẫn ý kiến của Giăng Pi-e Phi -su (Jean Pierre Fichou) cho rằng Hoa kỳ trở thành nước đa nguyên về sinh lý học và về văn hóa. Những cuộc hôn nhân giữa nhóm các dân tộc cũng phần nào giúp vào sự hòa đồng giữa những người A-ri-en, Do thái, da đen, da vàng... Con cái họ mang dấu ấn của hai cộng đồng bố mẹ và cả của cộng đồng chung Hoa kỳ qua giáo dục nhà trường. Tiếng Anh trở thành chiếc cầu nối chung.

Nhưng thời gian qua đi, huyền thoại "nồi hầm nhừ" có phần thay đổi. Ngày nay, người Mỹ đang trải qua một cuộc khủng hoảng về bản sắc. Các yếu tố dân tộc tưởng chừng đã hun đúc nhuần nhuyễn thì nay lại tách ra khỏi nhau, nước Mỹ ngày càng giống một thứ "mô-da-ích" (hình trang trí hoặc tranh khảm, ghép) các cộng đồng khác nhau. Có lẽ chính vì vậy mà mục sư Lu-thơ Kinh, khi sinh thời đã ví Hoa kỳ như một bát xúp rau, tùy ý ai muốn ăn riêng cà rốt, khoai tây, tỏi, đậu, hoặc ăn tất cả cũng được ! Tính đa dạng của người Mỹ được tác giả điểm qua một loạt những tiểu mục nhằm tìm hiểu lịch sử dân tộc thuộc quốc gia này.

Từ những phác họa có tính lịch sử ấy, tác giả dành hẳn phần B trong chương II để giới thiệu những sắc thái tính cách Mỹ, từ những hành vi, lề thói, tính cách điển hình Mỹ đến những nét khái quát về các thế hệ Mỹ từ những năm đầu thế kỷ XX tới nay : "thế hệ mất mát" những năm 20, "thế hệ Beat", "thế hệ im lìm" thập kỷ 50, thế hệ chống chiến tranh những

(2) *Sđd*, tr 31
(3) *Sđd*, tr 31
(4) *Sđd*, tr 58

Digitized by Google

năm 60, 70,... Khép lại phần này là cuộc đối thoại giữa tác giả và nhà xã hội học Mỹ Cat-xi-ơ-phi-cát ở Hà nội năm 1990, trong đó hai ông có đề cập đến sự kiện tết Mậu thân ở Việt nam năm 1968. Sự kiện này, theo đánh giá của ông Cat-xi-ơ-phi-cát đã có tác động không nhỏ tới thế hệ thanh niên và đời sống Mỹ hồi bấy giờ. Ông nói : "... Nhân dân Việt nam, hơn ai hết, là hiện thân tinh thần lịch sử thế giới 1968. Các bạn thừa hưởng gia tài của các cuộc cách mạng Pháp (1789), Mỹ (1776), Nga (1917). Trong những năm 60, kháng chiến chống ngoại xâm của các bạn xúc tác phong trào nổi dậy trên toàn thế giới. Cuộc đấu tranh kéo dài vì độc lập ở Việt nam đã làm tan vỡ huyền thoại "Hòa bình thế giới do Mỹ chủ trì" (Pax American)..." (5)

Chương 3 của cuốn sách mang tên Văn hóa - Tư tưởng - Tôn giáo - Khoa học. Nếu coi phần nhập đề là để khơi mào khái niệm về sự đa dạng của văn hóa Mỹ và người Mỹ, đã được trình bày trong 2 chương đầu thì có thể coi chương này là một bước chuyển để chuẩn bị cho người đọc tiếp cận với các chương sau. Đến chương III, tác giả đã có thể lý giải một cách cụ thể hơn vấn đề mà cuốn sách đặt ra, qua các tiểu mục Bản sắc văn hóa phương Tây, Văn hóa Mỹ là gì ? Những giá trị văn hóa Mỹ, Chủ nghĩa thực dụng, triết học Mỹ tiêu biểu.

Ba chương tiếp theo (chương IV - Cảnh quan một đất nước mang tính lục địa, chương V - Câu chuyện lịch sử 200 năm, chương VI - Những diện mạo xã hội) tác giả dẫn người đọc đi "tham quan" đất nước, con người, lịch sử Mỹ trong đó ông giới thiệu cả những ngóc ngách trong đời sống Mỹ : Nhà triệu phú Mỹ, chuyện ăn uống kiểu Mỹ, hệ thống giáo dục, bạo lực và tội phạm, quan hệ nam nữ và vấn đề tình dục, tổ chức gián điệp và phản gián CIA... Tác giả đã "dựng dậy" cả một đời sống Mỹ như nó đã và đang có : sôi động mà thực dụng ; có lý tưởng và theo đuổi lý tưởng tự do nhưng lại đầy rẫy bạo lực ; tiên tiến trong khoa học kỹ thuật nhưng lại có nhiều lỗ hổng về dân trí, giáo dục... Xin đơn cử một vài thí dụ : Ở Mỹ, tình dục thường gắn với bạo lực... Năm 1986, ở Mỹ có 130 000 vụ cưỡng dâm (được biết), nghĩa là cứ 4 phút có một vụ; trong suốt cuộc đời, cứ bốn người phụ nữ thì có một người phụ nữ Mỹ bị cưỡng dâm hay đe dọa bị cưỡng dâm. Năm 1988 có 2 triệu vụ bố dùng bạo lực để "ngủ" với con (năm 1970 chỉ có 669 000 trường hợp). Đáng ngạc nhiên hơn là trong một nước giàu có, tiên tiến nhất thế giới lại có tình trạng như sau "... Theo kết quả nghiên cứu, gần một nửa số người lớn ở Mỹ (khoảng 95,5 triệu) không thể điền vào phiếu gửi tiền ngân hàng hoặc tính toán số tiền cần thiết để lát thảm cho căn phòng. Chỉ có trời mới biết họ có tìm được điểm khởi hành vào ngày thứ bảy trên bản lịch trình xe buýt hay không ?..." (6). Đây cũng lại là một nét minh chứng về nền văn hóa Mỹ mà chúng ta đã tìm hiểu ở trên : nó đa dạng phức tạp và đầy mâu thuẫn !

Trong cuốn sách, tác giả Hữu Ngọc dành ra 2 chương (Chương VII và Chương VIII) để giới thiệu về văn học - nghệ thuật Mỹ, mỗi chương trên dưới 100 trang. Trong một lần trả lời phỏng vấn, khi được hỏi : "Văn hóa Mỹ có đóng góp gì cho thế giới không ?", ông Hữu Ngọc đã trả lời : "Có chứ, văn hóa Mỹ đóng góp cho thế giới ít nhất ở ba lĩnh vực : 1. *Điện ảnh*, một nghệ thuật gắn chặt với công nghiệp mà Mỹ là một xã hội công nghiệp hàng đầu. 2. *Âm nhạc* : nhạc Jazz Mỹ lan tràn thế giới. 3. *Văn học*, nhất là tiểu thuyết Mỹ..." Đây đúng là những mặt mạnh của văn hóa Mỹ. Tác giả có những hiểu biết khá sâu về những mặt này. Ông đã làm một bản "phác thảo" tuy chưa thực đầy đủ nhưng những khuôn mặt tiêu biểu, những dấu ấn nổi bật trong nền văn học và nghệ thuật Mỹ đều được ông nhắc tới. Người ta gặp ở đây từ Ai-rơ-ving (Irving), ông tổ của nền văn học Mỹ đến các tác giả nổi tiếng thế

(5) *Sđd*, tr 192
(6) *Sđd*, tr 478

Digitized by Google

giới như Bi-chơ Xtâu với các tác phẩm "Túp lều bác Tôm" đã quen thuộc với bạn đọc Việt nam, Giắc Lơn-đơn nhà văn vô sản, tác giả của "Gót sắt" và "Tiếng gọi nơi hoang dã". Hê-minh-uây, Xten-bếch (Steinbeck) rồi Phoóc-nơ (Faukner), tác giả của "Âm thanh và cuồng nộ", một bậc thầy của tiểu thuyết hiện đại phương Tây. Từ "chân trời văn chương", Hữu Ngọc tạt sang "chân trời nghệ thuật", giới thiệu với người đọc kinh đô điện ảnh Hô-ly-út với những "huyền thoại" : Chác-lốt, Gác-bô, Ma-ri-lin Mon-roi, Li-đơ Tay-lo. Bên cạnh lĩnh vực điện ảnh, tác giả còn cho chúng ta biết những nét chính của các lĩnh vực nghệ thuật khác : âm nhạc, sân khấu, kiến trúc, nghệ thuật tạo hình. Điều đó giúp người đọc có một cái nhìn toàn cảnh, đầy đủ hơn.

Chương cuối cùng của cuốn "Hồ sơ văn hóa Mỹ" mang một cái tên cũng khá hấp dẫn : *Duyên nợ Mỹ - Việt*. Lịch sử đôi khi có những bước thật trớ trêu. Tác giả gợi nhắc buổi đầu tiên, vào cuối thế kỷ XVIII, dự định tiếp xúc Việt - Mỹ không thành khi Gie-phơ-xơn (T.Jefferson), vị Tổng thống thứ ba của Hoa kỳ (lúc ấy còn đang là đại diện của Mỹ ở Pháp) muốn thông qua một chính khách Pháp, tìm mua giống lúa ở đàng Trong. Một thế kỷ sau, nhà nho cải cách Việt nam Bùi Viện hai lần sang Mỹ vào các năm 1873 và 1875 với sứ mệnh của Vua Tự Đức trao cho là tìm cách liên kết với một thế lực bên ngoài để đánh đuổi Pháp ra khỏi Việt nam. Lần thứ nhất, vận động mãi mới gặp được Tổng thống Mỹ đương nhiệm là Gran nhưng Bùi Viện không mang quốc thư ủy nhiệm (vì ông được vua cho phép lựa chọn nước mình đến và tùy ý quyết định vấn đề trao đổi thảo luận. Rời Việt nam sang tới Hồng công, Bùi Viện gặp một sứ giả của Mỹ, biết Mỹ là một xứ sở đã được giải phóng, có khả năng liên kết, giúp đỡ. Từ đó ông qua Nhật bản đi Mỹ, nên không kịp quay về lấy quốc thư). Lần thứ hai, mang được quốc thư sang thì tình hình ở Mỹ và trên thế giới đã biến chuyển, không còn thuận lợi cho dự định của ông và triều đình Tự Đức nữa. Như thế là "nhịp cầu hữu nghị" dù muốn đã không được nối để đến những năm 60, 70 của thế kỷ XX, người Mỹ mới tới Việt nam nhưng không phải với tư cách bè bạn mà - do sai lầm của mấy đời tổng thống Mỹ - với tư cách kẻ xâm lược ! Trong chương này, tác giả tập trung sự chú ý vào đời sống tinh thần của các lính Mỹ đã từng tham chiến ở Việt nam, nay trở về Mỹ và của Việt kiều ở Mỹ. Một đằng thì bị ám ảnh vì "hội chứng Việt nam", một đằng thì buồn chán, cô đơn trong cảnh tha hương. Nhưng ngòi bút của tác giả không bi quan, ông khép tập sách lại với tinh thần "hướng tới tương lai". Thật có ý nghĩa khi tiểu mục cuối cùng trong cuốn sách có tựa đề là "Làm phim hòa giải". Ông kể lại chuyện A-lếch Eo (Alex Well) một lính thủy đánh bộ Mỹ từng chết hụt ở Việt nam, mang nặng cảm giác của kẻ "đi lầm đường" trong cuộc chiến, năm 1991 đã quay lại để quay một cuốn phim mang tên "Tết Việt nam - Hòa giải". Người viết kịch bản phim là Phóc-mơn (Furman) đã phát biểu : "Nhiều người Mỹ, ngay cả những cựu chiến binh, không hiểu gì về chiến tranh Việt nam và Bắc Việt. Lần này, họ có thể tận mắt trông thấy đất nước và con người Việt nam. Tôi không muốn trình bày chiến tranh mà muốn phản ánh một cuộc sống thật"(7).

Có nhiều cách định nghĩa về văn hóa. Nếu hiểu văn hóa theo khái niệm của UNESCO thì văn hóa là một tổng thể những hệ thống biểu trưng (ký hiệu) chi phối cách ứng xử và sự giao tiếp trong một cộng đồng, khiến cộng đồng ấy có đặc thù riêng. Nó còn bao gồm cả một hệ thống những giá trị để đánh giá một sự việc, một hiện tượng (đẹp hay xấu, đúng hay sai...) theo cộng đồng ấy.

Trong *Lời cuối sách*, Hữu Ngọc kết luận : "... Rõ ràng cộng đồng người Mỹ có một nền văn hóa độc đáo ; nền văn hóa này bao gồm những giá trị văn hóa riêng và một hệ thống biểu trưng (ký hiệu) chi phối cách ứng xử và sự

(7) *Sđd*, tr 862

Digitized by Google

giao tiếp của 250 triệu người Mỹ thuộc cộng đồng Hoa kỳ, khiến cho cộng đồng ấy không giống những cộng đồng khác"(8)

Có thể tạm chia văn hóa Mỹ ấy thành hai tầng : ở trên và bao trùm là một tầng văn hóa chung cho tất cả các công dân Hoa kỳ ; còn ở tầng dưới có những chi văn hóa hạ tầng. Nó thực đa dạng, phức tạp, nhiều mâu thuẫn, tốt lẫn xấu.

Vấn đề là chúng ta tiếp thu văn hóa Mỹ như thế nào ?

Hiện nay chúng ta đang thực hiện chính sách mở cửa để đón nhận những những yếu tố tiến bộ từ bên ngoài. Quá trình phát triển của lịch sử và văn hóa dân tộc đã chứng tỏ người Việt biết tiếp thu những gì là tích cực, nhưng luôn đề cao và giữ gìn bản sắc dân tộc. Trong lịch sử thế giới đã từng có những thí dụ về những cuộc "xâm lăng văn hóa".

Để kết luận, chúng tôi xin mượn lời của bà Ma-ri Cao-ơn, người đã từng tham gia dịch Tuyển tập văn học Việt nam sang tiếng Anh. Bà nói : "Thời buổi chúng ta là thời buổi khoa học, máy móc, kinh tế... Những thành tựu vĩ đại của Hoa kỳ tiêu biểu cho giai đoạn phát triển này của nhân loại, khi văn hóa bị chi phối bởi những đòi hỏi của công nghiệp và kinh tế... Chính chúng ta là nhân dân thế giới, là những người phải đánh giá hiệu quả sự bùng nổ ấy của văn hóa Mỹ đối với chúng ta ; trong việc đánh giá ấy, chúng ta phải theo tiêu chuẩn của bản thân văn hóa chúng ta, vì ảnh hưởng văn hóa Mỹ có thể có hai mặt, tốt và xấu"(9)

Và chúng tôi cũng rất đồng ý với tác giả Hữu Ngọc, khi ông viết ở *lời cuối sách* : "Chúng ta không thể là con thiêu thân lao vào ngọn đèn Hoa kỳ". ❑

(8) *Sđd*, tr 864
(9) *Sđd*, tr 865

Phát triển...

(Tiếp theo trang 42)

nghề gia công, phụ liệu (các ngành nghề vệ tinh cho sản xuất công nghiệp) cũng cần có những quy hoạch và chính sách thỏa đáng để người lao động ở lĩnh vực này ổn định việc làm và bảo đảm về giá cả sản phẩm, tránh tình trạng "phập phù" như hiện nay.

Sáu là, để khuyến khích tạo điều kiện cho ngành dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp phát triển, nhà nước và các tổ chức tài chính tín dụng cần có chính sách đầu tư thích đáng về nguồn vốn, bao gồm các nguồn vốn tín dụng thương mại, tín dụng ưu đãi, vốn hỗ trợ và vốn ngân sách, để tạo ra cơ sở hạ tầng, đáp ứng vốn lưu động cho các ngành nghề đầu tư phát triển.

Bảy là, cần có chính sách cụ thể cho giáo dục đào tạo, đặc biệt là lĩnh vực dạy nghề theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2. Trong lĩnh vực đào tạo và dạy nghề, nhà nước phải đóng vai trò chủ đạo, có chính sách hỗ trợ thanh niên nông thôn học nghề để thoát ly dần sản xuất nông nghiệp, trang bị cho họ khả năng, kiến thức và tay nghề để đáp ứng nhu cầu lao động ở lĩnh vực dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp và các ngành kinh tế khác.

Tám là, do nhu cầu phát triển kinh tế, vì lợi ích chung nhà nước phải thu hồi một số diện tích đang canh tác chuyển sang sử dụng cho mục đích khác, việc thu hồi thực hiện đúng luật đất đai và chính sách đền bù, nhưng quan trọng là phải giải quyết cho số lao động nông nghiệp chuyển sang ngành nghề khác tương ứng với số diện tích thu hồi để nông dân yên tâm và tạo thuận lợi cho nhà nước. Nên chăng cần quy định trách nhiệm cho đơn vị nhận đất phải tạo điều kiện thu hút số lao động này.

Dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường. Dịch vụ là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, tham gia vào điều tiết cân bằng xã hội, là điều kiện đồng thời cũng là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Cần tổng kết thực tiễn để từ đó có cơ chế chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ngày càng phát triển.❑

Digitized by Google

ĐÀM THOẠI

HỒNG NGỌC

Một lần, sau khi kết thúc tốt đẹp chuyến công tác nước ngoài, trên đường về nước, chúng tôi phải quá cảnh ở một sân bay nước bạn. Mấy giờ ngồi chờ trong một phòng khách sang trọng, tâm trạng thật thoải mái và có phần phấn khích, ba anh em chúng tôi tán gẫu rất vui.

Chuyện đang rôm rả thì một anh bạn tôi bỗng dưng lái chủ đề sang hướng nghiêm túc. Anh ta triết lý : thế mới biết chính sách mở cửa hội nhập của ta hay thật. Nếu không có nó, nhất là nếu Liên xô chưa sụp đổ, còn chiến tranh lạnh, còn đối đầu như ngày xưa thì làm sao chúng mình biết được "chủ nghĩa tư bản giẫy chết" như thế nào !

Anh bạn khác họa thêm : trước đây gặp "chủ nghĩa tư bản" là phải cảnh giác, phải nhìn nhau "đằng đằng sát khí" chứ sao được trao đổi, cởi mở, bắt tay thân thiện như bây giờ !

Nói rồi anh ta quay sang người ngồi bên cạnh, một bác lớn tuổi dáng nho nhã và có vẻ như một nhà hiền triết. Tôi cảm thấy có một cái gì bất ổn trong lập luận của bạn mình. Có thể chúng tôi sẽ được một bài học, một cú chỉnh về mặt tư tưởng. Nhưng không.

Hình như câu chuyện của chúng tôi cũng được bác chú ý, nên khi bạn tôi gợi chuyện, bác nhập cuộc ngay. Với sự bình tĩnh và điềm đạm hiếm có, bác nói trầm ấm và khúc chiết, vừa như tranh luận, vừa như thuyết phục, lại vừa như giảng giải cho chúng tôi là bậc hậu sinh.

Bác nói đại ý rằng, nhận định của chúng tôi như vậy có chỗ đúng và có chỗ chưa đúng. Đúng là hiện nay cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và quá trình quốc tế hóa đời sống thế giới diễn ra mạnh mẽ, nhanh chóng ; vì thế việc chúng ta đổi mới, mở cửa hội nhập với các nước trong quan hệ bạn bè bình đẳng, cùng có lợi là điều tất yếu cần làm. Nhưng nếu từ đó lại suy ngược rằng, còn Liên xô thì không được thế này, hoặc cho Liên xô gây ra chiến tranh lạnh là không đúng. Nếu phân tích các dữ kiện lịch sử thì thấy ở nước Nga, ngay từ khi Cách mạng Tháng Mười vừa thành công Lê-nin đã đưa ra quan điểm chung sống hòa bình với chủ nghĩa tư bản. Nhưng điều ai cũng thấy là phương Tây đã không để cho Liên xô yên. Họ gây ra chiến tranh, gây ra cuộc đối đầu lịch sử, lập ra NATO, hối thúc chạy đua vũ trang để tiêu diệt chủ nghĩa xã hội. Vậy Liên xô và các nước khác buộc phải chấp nhận cuộc chiến tranh lạnh chứ họ đâu có muốn. Liên xô sụp đổ không phải là tất yếu mà là sự phức tạp của lịch sử, là thất bại đáng tiếc của chủ nghĩa xã hội. Nhưng đối với chúng ta hôm nay, nếu cứ sống bằng sự nuối tiếc để không làm gì cả, hoặc có làm cũng làm theo lối cũ, kiểu cũ là không được. Nhưng ngược lại, nếu không kiên định vững vàng, không biết định hướng tốt, không biết cái phức tạp và ẩn trong đó là cả những mưu toan của những tâm địa đen tối trong cái bao la bát ngát của quá trình hội nhập thì cũng là sai. Vậy nên cách tốt nhất là chúng ta phải đẩy mạnh đổi mới, công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, mở cửa hội nhập trên cơ sở kiên định hướng đi, hội nhập mà không hòa tan, mở cửa mà không đánh mất mình. Lịch sử có những dích dắc, nhưng nhất định sẽ tiến theo quy luật của nó !...

Bác nói thật dễ hiểu nhưng có ý tứ sâu xa. Chúng tôi đã không bị chỉnh, lại cảm thấy thoải mái khi tiếp nhận những lập luận mới. Thì ra, công tác tư tưởng đâu phải là sự đao to búa lớn. Nó có thể thông qua đàm thoại để thuyết phục nhau bằng lẽ phải.❑

Digitized by Google

THAM NHŨNG VÀ CHỐNG THAM NHŨNG Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

TRỊNH CƯỜNG

THAM nhũng là một tệ nạn không chỉ xảy ra ở một nước mà xảy ra ở nhiều nước khác nhau. Tham nhũng như một loại "siêu vi trùng" đang gặm nhấm "cơ thể" của một quốc gia, làm suy yếu nền kinh tế, làm tổn hại thanh danh của một nhà nước, thậm chí một chế độ. Vì thế, chống tham nhũng là một trong những mối quan tâm hàng đầu của nhiều quốc gia trên thế giới.

1 – Tham nhũng gắn liền với sự hình thành và phát triển của bộ máy nhà nước.

Tham nhũng là một hiện tượng đã có từ lâu đời. Nó ra đời và phát triển cùng với hệ thống bộ máy nhà nước. Nạn tham nhũng gặm nhấm bộ máy hành chính ở mọi cấp và trở thành một thói quen xấu không chỉ ở những người có chức quyền mà còn ở những viên chức cấp thấp có liên quan đến quyền lực. Có thể tìm thấy ví dụ về tham nhũng từ thời xa xưa trong bộ "Sử ký" nổi tiếng của nhà sử học cổ Trung quốc Tư Mã Thiên (sinh năm 145 trước CN). Trong thiên "Trần thừa tướng thế gia" có đoạn miêu tả : Trần Bình khi mới về theo Hán vương, được Hán vương cho làm "đô úy", cai quản các tướng. Sau đó có người báo với Hán vương rằng Trần Bình tham nhũng. Ai đưa nhiều vàng cho Bình thì được địa vị tốt, còn ai đưa ít thì phải ở địa vị xấu. Hán vương trách thì Bình nói : "Thần mình trần đến đây, nếu không lấy vàng (của các tướng) thì không có gì dùng...". Mặc dù không chủ định đề cập hoặc phê phán hành vi này, song Tư Mã Thiên đã đưa ra một ví dụ về tham nhũng và tâm lý trắng trợn của kẻ tham nhũng.

Ở Việt nam, ngay từ thời xa xưa, ông cha ta đã coi trọng việc chống tham nhũng. Năm 1447 vua Lê Thái Tổ ra chỉ dụ : "Nhà nước đã có lương bổng để khuyến khích kẻ liêm khiết, đã có phép thưởng để mọi người tuân theo. Nay có kẻ không chịu giữ phép, mượn tiếng công để làm việc tư, xét kiện tụng thì lấy của đút làm sai pháp luật, đã gây nên sự oán thán trong dân, xét về bệnh ấy không phải là nhỏ, các ngươi nên rửa sạch lòng, giữ mình liêm khiết, gắng sức việc công, yêu thương nhân dân. Ai còn mê muội không chừa, bị tố cáo hoặc bị phát giác thì bị trị tội theo pháp luật không tha"(1).

Cổ văn I-ran thế kỷ XIV ghi lại một nhận xét là chỉ những người nắm pháp luật và quyền lực trong tay mới là chủ thể nhận hối lộ. Họ nhận định rằng, tệ hối lộ gắn với tham nhũng và là nguyên nhân của những bất công xã hội, là mối đe dọa xã hội. Kinh thánh đạo Hồi cũng lên án mạnh mẽ tệ hối lộ.

Ngày nay, ở nhiều nước, tệ tham nhũng xảy ra nhiều trong các cơ quan nhà nước, thậm chí ở cả các cơ quan bảo vệ pháp luật. Báo chí nước ngoài cho biết, tệ tham nhũng ở Hy-lạp tập trung nhiều ở các cơ quan công tố và lực lượng cảnh sát chống tội phạm buôn lậu ma túy. Ở I-xra-en, tham nhũng và hối lộ không chỉ phổ biến trong nền kinh tế, không chỉ giới hạn trong hoạt động của chính phủ mà hiện đã xâm nhập vào chính trị và các lĩnh vực khác của đời sống đất nước.

2 – Tham nhũng ở các nước kém phát triển.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tham nhũng. Và tham nhũng tồn tại ở mọi mức độ phát triển của đời sống kinh tế và xã hội. Song theo một số nhà nghiên cứu, nền kinh tế kém phát triển và mức sống thấp là những yếu tố trước hết làm cho tệ tham nhũng phát sinh. Ví dụ, Ai-cập là một nước có nền kinh tế yếu kém, dân số ở mức cao, bộ máy nhà nước hoạt động quan liêu. Thêm vào đó, quân đội

(1) *An ninh thế giới*, số 20, ngày 11-4-1997

Digitized by Google

phát triển với số lượng lớn, làm thâm hụt ngân sách nhà nước, làm ảnh hưởng tới chế độ lương vốn đã thấp của công chức. Bởi vậy, tham nhũng thường xuyên phát sinh trong hoạt động của các viên chức chính phủ.

Lại có quan điểm cho rằng, cải cách kinh tế - xã hội đang diễn ra ở nhiều nước đã tạo những cơ hội mới cho tệ nạn này. Tệ tham nhũng trong bộ máy nhà nước tăng tỷ lệ thuận với sự tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, khi mới bắt đầu công cuộc cải cách kinh tế, cơ chế thị trường không còn phù hợp với cơ chế quản lý quan liêu, mệnh lệnh cũng tạo môi trường cho nạn tham nhũng phát triển.

Quản lý kém cũng là một nguyên nhân dẫn đến tham nhũng. Những dự án lớn cấp nhà nước nếu không được quản lý chặt chẽ thường là nơi phát sinh tham nhũng. Tham nhũng cũng tràn lan trong lĩnh vực thương mại và thuế.

3 – Tham nhũng ở các nước phát triển.

Ở các nước công nghiệp phát triển, trong những thập kỷ trước đây, tham nhũng không nhiều, nhưng gần đây có xu hướng nghiêm trọng và trở thành vấn đề thời sự. Tham nhũng hình thành từ ảnh hưởng thế lực của các quan chức và công chức nhà nước. Những người này thực hiện các công việc của nhà nước, song lại có mong muốn tìm kiếm lợi ích cá nhân. Ở Thụy điển, tháng 4-1994, xảy ra vụ một nghị sĩ quốc hội nhận hối lộ khoảng 8 000 USD từ cố vấn trưởng của một công ty nhằm giành được một bản hợp đồng kinh tế. Nhật bản gần đây xảy ra khá nhiều vụ tham nhũng với qui mô lớn như vụ hãng hàng không Nhật bản (1976), vụ bê bối Sở chứng khoán Tô-ky-ô có tới 76 quan chức, 44 nghị sĩ và nhiều bộ trưởng có liên quan. Vụ phá sản của tập đoàn Han-bô ở Hàn quốc mới đây đã làm chao đảo chính trường nước này. Báo chí Hàn quốc đưa tin có tới một nửa trong tổng số 299 nghị sĩ quốc hội có thể đã dính dáng đến tiền nong của Han-bô thông qua con đường hợp pháp và bất hợp pháp. Một số nghị sĩ bị nghi ngờ đã nhận hối lộ từ 10 triệu Uôn (khoảng 12 000 USD) đến 100 triệu Uôn (khoảng 120 000 USD) của tập đoàn Han-bô để gây áp lực với các ngân hàng giúp tập đoàn này vay khoản tín dụng khổng lồ 6 tỉ USD, trong đó có khoản vay 4,6 tỉ USD không phải thế chấp tài sản. Ở I-ta-li-a tham nhũng được thế giới biết đến qua hoạt động lũng đoạn của các tổ chức maphia. Ở Vương quốc Anh, trong những năm gần đây, nhiều vụ tai tiếng liên tiếp xảy ra đã gây mối nghi ngờ trong công chúng và giới kinh doanh, làm giảm các giá trị đạo đức xã hội

Nạn tham nhũng không chỉ giới hạn ở quy mô quốc gia mà còn xảy ra cả ở các tổ chức quốc tế như EU. Theo điều tra của tòa án I-ta-li-a, tham nhũng thường tập trung ở các cán bộ lãnh đạo, các ủy viên hội đồng. Tham nhũng cũng nảy sinh từ cán bộ trong các đảng phái chính trị của Bỉ, các quan chức cấp cao của Anh, Pháp và lãnh đạo các đảng phái của Đức. Mặc dù các nước châu Âu rất chú trọng tới vấn đề chống tham nhũng, song hằng năm ngân sách của họ vẫn bị thất thoát từ 2 - 10% do tệ nạn này gây ra.

4 – Luật pháp chống tham nhũng.

Ở hầu hết các nước trên thế giới, các tội danh liên quan đến tham nhũng tập trung trong bộ luật hình sự. Những bộ luật hình sự đầu tiên có xác định tội danh liên quan đến tham nhũng là Bộ luật hình sự năm 1853 và 1859 của I-ta-li-a, năm 1907 của Nhật bản v.v.. Bên cạnh Bộ luật hình sự, nhiều nước còn ban hành luật chống tham nhũng để tăng cường cơ sở pháp lý cho công tác chống tham nhũng và hối lộ.

+ Xác định tội danh liên quan đến tham nhũng.

Tham nhũng được hiểu khá thống nhất trong văn hóa pháp luật của nhiều quốc gia, đó là việc lợi dụng ảnh hưởng của vị trí quyền lực để trục lợi cá nhân. Mức độ và phạm vi của tham nhũng tùy thuộc vào từng thời kỳ, vào hoàn cảnh từng nước, nhưng có một số hành vi sau đây thì cho dù ở đâu hay lúc nào cũng đều bị coi là tham nhũng : tội hối lộ, tội lợi dụng chức vụ quyền hạn... và một số tội phạm khác tùy theo cách gọi của mỗi nước. Ở Lào, Hy lạp và một số nước, tham nhũng được quy định trong phần "các tội liên quan đến viên chức". Ở Tuy-ni-di, tham nhũng được quy định trong phần "tội phạm phá hoại trật tự nhà nước", chủ yếu nhằm vào các đối tượng là quan chức nhà nước. Ma-lai-xi-a quy định các tội nhận, đưa và đòi hối lộ. Trong phần "tội phạm chức vụ", luật quy định rõ hành vi hối lộ được thể hiện dưới dạng đưa hối lộ, môi giới hối lộ và đòi hối lộ. Trong trường hợp có hành vi hối lộ nhưng chưa có hậu quả xảy ra vẫn bị truy tố.

Digitized by Google

I-ta-li-a có những quy định cụ thể về tham nhũng. Pháp luật đặc biệt chú trọng tới các hành vi được coi là tham nhũng như tội công chức ga gẫm ăn hối lộ và tội công chức biển thủ, tham ô tài sản của nhà nước. Tham nhũng được quy định trong Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa năm 1979 với các tội danh : tham ô, hối lộ, lừa đảo. Đồng thời, Trung quốc xác định thêm một số tội danh được xem là tham nhũng như : chiếm đoạt công quỹ, che dấu các khoản tiết kiệm gửi ở ngân hàng của cán bộ nhân viên nhà nước, chiếm giữ bất hợp pháp quà tặng có giá trị lớn trong quan hệ quốc tế mà theo quy định phải nộp cho nhà nước v.v..

+ Quy định các hành vi tham nhũng có liên quan đến người nước ngoài.

Nhiều nước có Luật chống tham nhũng đối với cả các công dân nước ngoài phạm tội và công dân nước mình phạm tội ngoài lãnh thổ. Luật pháp Xin-ga-po quy định hối lộ là một tội danh không chỉ áp dụng đối với các quan chức nhà nước và viên chức chính phủ mà còn đối với các quan chức nước ngoài. Mỹ có đạo luật chống tham nhũng dành riêng cho người nước ngoài phạm tội. CHLB Đức không ban hành các quy định về việc tham gia tham nhũng của người nước ngoài bên ngoài lãnh thổ Đức, vì họ sợ ảnh hưởng đến chính sách ngoại thương qua việc mở rộng thẩm quyền tài phán. Thêm vào đó, bộ luật hình sự của Đức đề cao nguyên tắc tài phán theo lãnh thổ. Vì vậy, chỉ các hoạt động phạm tội ở Đức mới bị đưa ra xét xử.

+ Về tội phạm tẩy tiền.

Viên chức nhà nước và các đối tượng khi tham nhũng thường giàu lên một cách bất chính. Giống như các tội phạm maphia, chúng thường hợp pháp hóa đồng tiền có được do tham nhũng bằng cách đầu tư hoặc mua sắm bất động sản ở cả trong và ngoài nước. Bởi vậy, tẩy rửa tiền là một loại hình đặc biệt của tham nhũng vì có liên quan đến việc tiêu thụ những đồng tiền phạm pháp.

Ca-na-đa, Cộng hòa Séc và một số nước quy định tẩy tiền là tội phạm hình sự. Ở Anh, việc tẩy tiền được quy định trong Luật xét xử tội phạm 1993 và một số văn bản hướng dẫn. Luật chống việc tẩy tiền của CHLB Đức ban hành năm 1993. Luật này yêu cầu các ngân hàng phải ghi lại, xác định và sẵn sàng cung cấp bằng chứng cho nhà chức trách về những khoản tiền gửi lớn (trên 20 000 DM, khoảng 14 000 USD) xem chúng có liên quan tới các vụ ma túy và tội phạm có tổ chức hay không.

5 – Các hình phạt đối với tham nhũng.

Tham nhũng là một tội phạm nghiêm trọng nên thường bị trừng phạt nghiêm khắc. Ở hầu hết các nước, mức hình phạt dành cho tham nhũng được quy định tương ứng với giá trị thu lợi bất chính và mức độ thiệt hại tài chính. Ở một số nước khác thì tùy theo tính chất nghiêm trọng của tội phạm mà quy định mức hình phạt tương ứng.

+ Đối với tội tham ô, biển thủ công quỹ.

Hầu hết các nước đều coi tham ô và biển thủ công quỹ là một dạng tham nhũng và đều quy định mức hình phạt đối với tội này tùy theo số tiền bị tham ô hay biển thủ. Ở Trung quốc tham nhũng bị trừng phạt rất nghiêm khắc và được coi là phương thức để đẩy lùi tệ nạn này. Những năm gần đây, Trung quốc đã áp dụng hình phạt tử hình đối với những kẻ tham nhũng, đồng thời tập trung xử lý hàng loạt các vụ tham nhũng nghiêm trọng liên quan đến những người có chức vụ, quyền hạn và có cương vị cao trong tổ chức đảng.

+ Đối với tội hối lộ.

Các nước đều có quy định nhằm phân biệt hành vi gợi ý, thỏa thuận để nhận hối lộ (có thể bị tù đến 5 năm) ; các vật hối lộ sẽ bị tịch thu và sung vào công quỹ ; có những nước áp dụng mức độ hình phạt đối với người nhận hối lộ và người đưa hối lộ như nhau nếu mức độ nghiêm trọng có thể đến 6 năm tù. Đối với việc chiếm hữu, chuyển đổi, phân tán tài sản với ý định giấu giếm hoặc quy đổi sang loại hình tài sản khác (ví dụ như hành vi rửa tiền) có thể phải chịu hình phạt tới 10 năm.

Như vậy, dưới nhiều hình thức khác nhau, tham nhũng đã hoành hành ở nhiều nước và là một tệ nạn mang quy mô toàn cầu. Do tính chất nguy hiểm và hậu quả nghiêm trọng của nó mà chống tham nhũng không những là nhiệm vụ cấp bách riêng của từng nước mà còn mang tính toàn cầu, được nhiều tổ chức quốc tế quan tâm. Đã có nhiều diễn đàn, hội nghị ở quy mô quốc tế về đấu tranh chống tham nhũng ; đã có nhiều bộ luật với những hình phạt nghiêm khắc nhất dành cho kẻ tham nhũng, song có thể nói, tham nhũng chưa bị loại trừ mà vẫn tiếp tục phát triển.❑

Digitized by Google

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

HỘI NGHỊ SƠ KẾT RÚT KINH NGHIỆM XÂY DỰNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

Trong những ngày cuối tháng 3, đầu tháng 4 - 1997, tại Đồng nai, Đà nẵng và Hải phòng, Ban tổ chức trung ương Đảng đã tổ chức "Hội nghị sơ kết rút kinh nghiệm xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh và triển khai công tác chính sách cán bộ". Gần 400 đại biểu đại diện cho các tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu, các cấp ủy quận, huyện (và tương đương), các cấp ủy tỉnh, thành phố trong cả nước đã dự các hội nghị nói trên.

Đại biểu các hội nghị đã nghe : "Báo cáo sơ kết rút kinh nghiệm, tiếp tục tăng cường việc xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới" ; "Báo cáo một số vấn đề về chính sách cán bộ và những nhiệm vụ chủ yếu của năm 1997" của Ban tổ chức trung ương (do các đồng chí Lê Huy Ngọ - Ủy viên Ban chấp hành trung ương, Phó trưởng ban thường trực, Nguyễn Thị Kim Hồng - Ủy viên Ban chấp hành trung ương, Phó trưởng ban trình bày).

Tại Đà nẵng và Hải phòng đồng chí Nguyễn Văn An - Ủy viên Bộ chính trị, Trưởng Ban tổ chức trung ương đã dự và phát biểu với hội nghị. Đồng chí biểu dương các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đã có nhiều cố gắng, phấn đấu vươn lên làm tốt hai nhiệm vụ trung tâm và then chốt là lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng đảng. Đồng chí vạch rõ những yếu kém cần khắc phục để tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh với những yêu cầu cao hơn nhằm đáp ứng tình hình nhiệm vụ mới. Trên 80 đại biểu đại diện cho các cơ sở đã phát biểu ý kiến, đưa ra những thực tiễn sinh động, những bài học phong phú sâu sắc của quá trình phấn đấu vươn lên trở thành tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh. Các ý kiến đã tập trung vào một số vấn đề cơ bản là :

1 - Nghị quyết Trung ương 3 về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn đảng đã được các cấp từ trung ương đến cơ sở nghiên cứu, quán triệt, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc và hiệu quả. Xây dựng tổ chức cơ sở trong sạch, vững mạnh là một chủ trương đúng đắn, là một biện pháp quan trọng của đổi mới, chỉnh đốn đảng ở cấp cơ sở.

2 - Vượt qua thử thách, khó khăn, các tổ chức cơ sở đảng và cấp trên trực tiếp của cơ sở đã chủ động sáng tạo, đề ra nhiều biện pháp thiết thực, cụ thể, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của từng đảng bộ, lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng. Rõ ràng, ở những cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh vai trò lãnh đạo chính trị được tăng lên rõ rệt, khắc phục được tình trạng hạ thấp, buông lỏng lãnh đạo và lãnh đạo hình thức. Uy tín lãnh đạo của Đảng được tăng lên.

3 - Các đảng bộ trong sạch, vững mạnh đã thúc đẩy sự phát triển nội tại của cơ sở mình, góp phần thúc đẩy việc củng cố, đổi mới, chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng nói chung, làm tiêu chí, mô hình tốt cho các tổ chức cơ sở khác học tập.Ở đó đã bổ sung, làm phong phú thêm nội dung, phương pháp công tác đảng, đội ngũ cán bộ đảng, cán bộ kinh tế, cán bộ vận động quần chúng, cán bộ chính quyền đều trưởng thành.

4 - Các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đã trực tiếp hoặc gián tiếp tác động trở lại cấp ủy cấp trên cơ sở, làm cho cấp ủy cấp trên năng động hơn trong quá trình chỉ đạo.

5 - Hội nghị đã rút ra một số kinh nghiệm tổ chức và chỉ đạo xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh là :

Để mở rộng và nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, cấp ủy các cấp phải nắm vững yêu cầu, nội dung Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn đảng và hướng dẫn 416 HD-TC/TƯ về xây dựng các tổ chức cơ sở trong sạch, vững mạnh, phải chủ động tiến hành xây dựng chương trình, kế hoạch phấn đấu phù hợp với đặc điểm và nhiệm vụ của từng cơ sở.

Kết quả lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh được thể hiện ở sự vững mạnh của các cơ quan chính quyền, các tổ chức kinh tế - xã hội và các đoàn thể quần chúng. Biết dựa vào dân để xây dựng đảng.

Phải làm tốt công tác quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt, coi trọng việc xây dựng tập thể cấp ủy đoàn kết thống nhất, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, hoạt động theo quy chế, cán bộ chủ chốt gương mẫu về đạo đức, có năng lực, dám chịu trách nhiệm. Cấp ủy thường xuyên cải tiến phương pháp công tác, nâng cao chất lượng sinh hoạt, làm tốt công tác kiểm tra.

Cấp ủy cấp trên cơ sở phải chăm lo chỉ đạo từng cơ sở theo chương trình nội dung cụ thể từng thời gian, có phân công, có phối hợp các lực lượng, có chỉ đạo điểm và mở rộng điểm, thường xuyên kiểm tra, sơ kết, biểu dương, nhắc nhở, giúp đỡ, từng bước nâng độ đồng đều về chất lượng của các tổ chức cơ sở đảng ở các loại hình khác nhau.

6 - Về nhược điểm của quá trình tổ chức và chỉ đạo, nhiều ý kiến cho rằng trong phạm vi cả nước, những năm qua cơ sở đảng yếu kém vẫn còn nhiều. Tỷ lệ cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh trong các cơ quan chính quyền và các lĩnh vực trọng yếu như tài chính, ngân hàng v.v. còn chưa cao. Việc phân tích, đánh giá các cơ sở đảng còn thiếu chính xác do né tránh, nể nang, hành chính hóa.

7 - Mục tiêu sắp tới của cuộc vận động là giảm và tiến tới không còn cơ sở yếu kém, mở rộng cơ sở trong sạch, vững mạnh, nhằm nâng cao năng lực và sức chiến đấu của các cơ sở đảng, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị. Các cấp ủy cần rà soát, đánh giá lại từng cơ sở , từ đó căn cứ vào đặc điểm và nhiệm vụ cụ thể, cụ thể hóa nội dung cuộc vận động xây dựng cơ sở trong sạch, vững mạnh, phát huy ưu điểm, sửa chữa thiếu sót, vươn lên đáp ứng với tình hình và nhiệm vụ mới của toàn đảng là lãnh đạo thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

8 - Chính sách cán bộ là một bộ phận trọng yếu của công tác cán bộ. Làm tốt chính sách cán bộ sẽ tạo ra động lực thúc đẩy cán bộ phấn đấu và công tác tốt. Nhưng đây cũng là một vấn đề nhạy cảm, tế nhị đòi hỏi chúng ta phải đề cao trách nhiệm, thận trọng và tỉ mỉ. Những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương kịp thời về vấn đề này. Mặc dầu vậy chính sách cán bộ và việc thực hiện chính sách cán bộ còn nhiều khó khăn và yếu kém. Vấn đề đặt ra là các bộ phận làm công tác chính sách cán bộ bên cạnh việc tổ chức thực hiện đúng các chính sách đã có, cần phải tập trung, góp sức cùng Trung ương nghiên cứu để có hệ thống các chính sách cán bộ nhằm thu hút, động viên cán bộ các cấp, các thế hệ, an tâm làm việc và cống hiến.❑

NGUYỄN TUẤN PHONG *(thực hiện)*

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH AN GIANG
BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM AN GIANG BRANCH



Địa chỉ :
01 Hùng Vương,
Thị xã Long Xuyên,
An Giang.

Điện thoại :
(84.76) 843589 ;
843590 ; 842034

Telex : 812166 VCBAG.VI

Fax : (84.76) 841591

NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG AN GIANG THỰC HIỆN CÁC NGHIỆP VỤ SAU ĐÂY :

- Huy động tiết kiệm đồng Việt nam và ngoại tệ.
- Huy động kỳ phiếu Việt nam đồng và ngoại tệ.
- Nhận tiền gửi bằng đồng Việt nam và ngoại tệ đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Chiết khấu các chứng từ có giá.
- Chuyển tiền trong và ngoài nước.
- Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn bằng đồng Việt nam và ngoại tệ đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.
- Cho vay tài trợ hàng xuất khẩu với lãi xuất ưu đãi.
- Kinh doanh ngoại tệ, làm các nghiệp vụ thanh toán xuất nhập khẩu, dịch vụ ngân hàng và chi trả kiều hối.
- Đổi séc du lịch.
- Thanh toán thẻ tín dụng quốc tế như : VISA - MASTER - JBC - AMERICAN EXPRESS...
- Bảo lãnh các khoản vay và thanh toán của các pháp nhân, thế nhân trong và ngoài nước.

Là ngân hàng phục vụ công tác xuất nhập khẩu có quan hệ đối ngoại duy nhất trên địa bàn tỉnh An Giang, đã thiết lập đại lý trên 80 Ngân hàng nước ngoài trên thế giới.

VIETCOMBANK AN GIANG LUÔN MANG ĐẾN CHO BẠN SỰ THÀNH ĐẠT

Digitized by Google

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG
An Giang Fishery Import-Export Co.

Trụ sở : 1234 Trần Hưng Đạo, Thị xã Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Tel : (0.76) 852368 - 852939. Fax : (0.76) 852202





Giám đốc : **NGÔ PHƯỚC HẬU**

SẢN XUẤT CHẾ BIẾN KINH DOANH CÁC MẶT HÀNG:

- Thủy, hải sản xuất khẩu.
- Đặc biệt : - Cá Basa fillet đông lạnh.
  - Cá rô phi nuôi bè.
  - Tôm càng nguyên con.
- Các mặt hàng chế biến :
  - Mực nang, chả cá thác lác - thịt vịt fillet - hột vịt muối - cá các loại.
  - Nước mắm Chánh Hương cao đạm, nguyên liệu cá cơm Phú Quốc.
  - Các loại mắm : thái, các lóc, trèn, sặc.

TỔ CHỨC MẠNG LƯỚI CÔNG TY :

- Đông lạnh : Công suất chế biến cấp đông thành phẩm trên 7.500 tấn/năm.
- Nuôi cá bè : Cung cấp giống Basa nuôi cá bè với sản lượng trên 2.500 tấn/năm.
- Sản xuất nước mắm : Sản xuất nước mắm trên 1 triệu lít/năm.

THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ :

- Châu Âu : Pháp, Đức, Hà Lan, Thụy Sĩ, Bỉ, Đan Mạch, Thụy Điển, I-talia.
- Châu Á : Hồng Kông - Xingapo - Malaysia - Nhật - Thái Lan.
- Châu Mỹ : Mỹ - Canada.
- Châu Úc : Ôtxtrâylia.

PHƯƠNG THỨC KINH DOANH :

- Xuất nhập khẩu trực tiếp.
- Nhận xuất, nhập ủy thác các mặt hàng nông thủy sản, nguyên liệu, hàng tiêu dùng thiết yếu.

PRODUCING, PROCESSING AND TRADING :

- Aqua-sea products for export
- Special : - Frozen Pacific Dory fillet (pangasius)
  - Tilapia raised in raft cages
  - Whole scampi.
- Processed products :
  - Cuttle-fish, featherback pie, duck fillet, salted duck egg, assorted fish.
  - Chanh Huong fish-sauce high in protein made from Phu Quoc anchovy.
  - Assorted salted fish : "thai", snakehead, sheatwhiker, gouramy.

NETWORK ORGANIZATION :

- Frozen processing capacity of finished products : over 7,500 tons/yeas.
- Supplying Pacific Dory for raft rearing with output of over 2,500 tons/year.
- Making fish sauce : over 1 million liters/year.

CONSUMPTION MARKET :

- Europe : France, Germany, the Netherlands, Switzerland, Belgium, Denmark, Sweden, Italy.
- Asia : Hong kong, Singapore, Malaysia, Japan, Thailand.
- America : the United States, Canada.
- Australia.

TRADE OPERATIONS :

- Direct import-export
- Undertaking import-export on consignment of agro-aqua products, raw materials, and essential consumer goods.

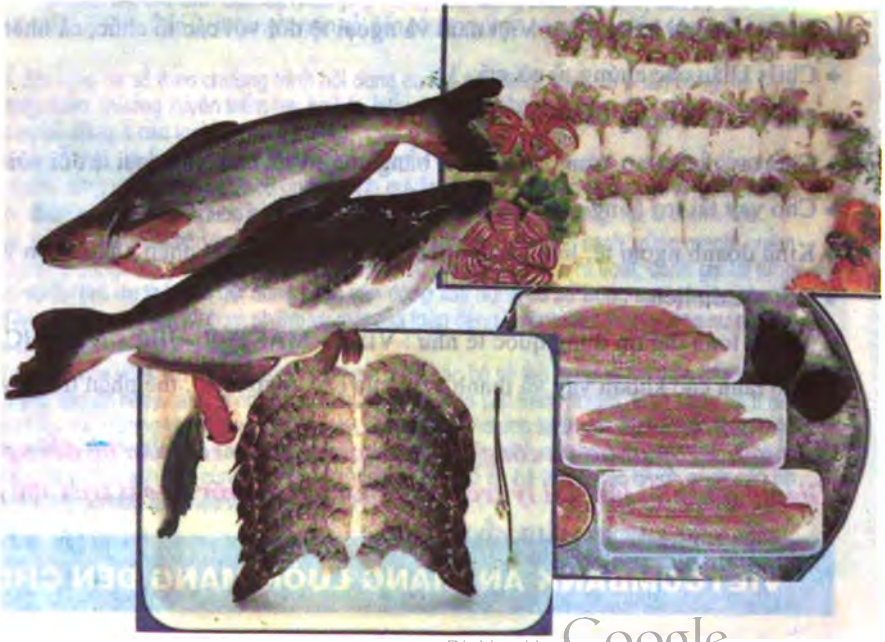
CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

❀ **XÍ NGHIỆP ĐÔNG LẠNH 7**
1234 Trần Hưng Đạo, Thị xã Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Tel : (076) 852368 - 852939.
Fax : (84-76) 852202

❀ **XÍ NGHIỆP ĐÔNG LẠNH 8**
Thị trấn An Châu, Châu Thành, An Giang
Tel : (076) 836221 - 836192 - 836121
Fax : (84-76) 836254

❀ **CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**
138 Ký Con, Quận 1, TP. HCM
Tel : (8) 8251100 - 8231822 - 8903875
Fax : (84-8) 8225022

❀ **XÍ NGHIỆP NUÔI CÁ BÈ VÀ NƯỚC MẮM**
Đường la Thành Thân, Bến xe Châu Đốc
Tel (076) 866365 - 867176
Fax : (84-76) 868384



Digitized by Google

CÔNG TY DƯỢC PHẨM

ĐỒNG THÁP

IMEXPHARM

CÔNG ty Dược phẩm Đồng tháp (tên giao dịch **IMEXPHARM-DPF**) là một trong mười doanh nghiệp nhà nước hàng đầu tại Việt nam.

IMEXPHARM là một đơn vị sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu dược và thuốc thành phẩm.

Chiến lược của **IMEXPHARM** là tạo ra các sản phẩm có mẫu mã hấp dẫn, chất lượng tốt và giá cả phải chăng.

Mục tiêu của **IMEXPHARM** là triển khai ứng dụng các kỹ thuật sản xuất tiên tiến, phương pháp kiểm tra chất lượng thuốc hiện đại để đảm bảo sự hài lòng của khách hàng.

IMEXPHARM mong muốn được hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước trên các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, sản xuất và kinh doanh dược phẩm.





TRỤ SỞ CHÍNH : 4 đường 30 tháng 4, Thị xã Cao lãnh, Đồng tháp
ĐT : (067) 851620 - 851414 - 851621 ★ Fax : (84-67) 851620

CHI NHÁNH TẠI TP. HCM :
4B - 5B đường số 2 Lữ gia, P.15, Q. 11, TP.HCM
ĐT : 8656090 - 8651149 - 8656103 ★ Fax : (84-8) 8659893

CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI :
31Láng hạ - Hà nội
ĐT : (04) 8351278

Digitized by Google

CÔNG TY THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ TP. HỒ CHÍ MINH

* ĐỊA CHỈ : 8 BIS PHẠM NGỌC THẠCH - Q. 3, TP. HỒ CHÍ MINH
* ĐIỆN THOẠI : 8230800 - 8295653 - 8292734 * FAX : 84 - 8 - 8295653

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

1 - Quản lý, duy tu, sửa chữa và xây dựng mới các công trình thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố và các tỉnh.

2 - Kinh doanh vật tư thiết bị chuyên ngành.

3 - Tư vấn dự án và khảo sát - thiết kế công trình thoát nước và xử lý nước thải.

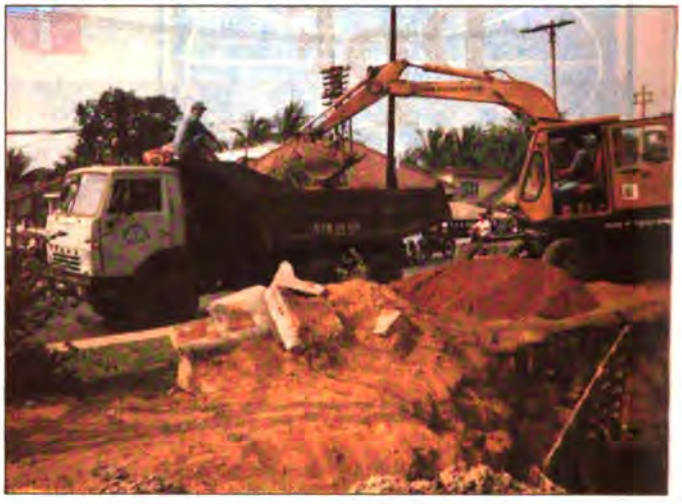
CÁC XÍ NGHIỆP TRỰC THUỘC :

1 - XN thoát nước khu Sài Gòn : 252 Cô Bắc, Q.1 - ĐT : 8395631.

2 - XN thoát nước khu Chợ Lớn : 88 Tôn Thất Thiệp, Q.11 - ĐT : 8557377.

3 - XN thoát nước khu Gia Định : 42 Bạch Đằng, Bình Thạnh - ĐT : 8994073.

4 - XN Tư vấn và khảo sát thiết kế : 151A Hai Bà Trưng, Q.3 - ĐT : 8295653.



Công trình thi công cống thoát nước ϕ 1500 đường Hùng Vương (cầu Phú Lâm) Q.6, TP Hồ Chí Minh.

CHUYÊN NHẬN :

- Hợp đồng khảo sát thiết kế xin giấy phép thi công lắp đặt mới các công trình thoát nước công cộng - dân dụng.
- Duy tu nạo vét, sửa chữa các hệ thống thoát nước theo yêu cầu của khách hàng.
- Gia công và cung cấp các cấu kiện bê tông, ống cống các loại : khuôn, nắp, màng lưới và các loại hầm ga - vận chuyển, san lấp mặt bằng.

KHU DU LỊCH SUỐI TIÊN - THỦ ĐỨC

CHÀO MỪNG

* *22 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam 30/4/1997.*
* *Ngày quốc tế lao động 1/5/1997*



Suối tiên - Kỳ Lân Cung

VỚI :

- NHIỀU LOẠI HÌNH HOẠT ĐỘNG PHONG PHÚ
- NHIỀU CÔNG TRÌNH QUY MÔ - HẤP DẪN - ĐỘC ĐÁO
- KHUNG CẢNH THIÊN NHIÊN THƠ MỘNG - ĐẦY MÀU SẮC

ĐẶC BIỆT :

* *KỲ LÂN CUNG : Một kỳ quan của Đông - Nam Á*

+ Kỳ Lân cung : Là một mô hình Văn hóa mang tính giáo dục cao.

+ Kỳ Lân cung : Với các tượng người cử động được, với cảnh sắc đầy ấn tượng là thước đo lòng dũng cảm của bạn.

- NGŨ HÀNH SƠN SƯƠNG MÙ BAO PHỦ
  VÀ THÁC NƯỚC CHÍN DONG

+ Lưu chảy từ độ cao 36 mét như một dải lụa mềm tôn thêm vẻ đẹp của Giếng Tiên huyền ảo.

* *Suối tiên là một vùng đất Tứ Linh với : LONG - LÂN - QUI - PHỤNG, là nơi đem lại an lành, hạnh phúc và may mắn cho gia đình bạn.*

Digitized by Google

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI

ĐC: A44 quốc lộ 30, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
ĐT: (067) 851452-851900.
Fax: (84-67) 851900.
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI TP.HCM
836 Trần Hưng Đạo, quận 5 TP.HCM
ĐT: 8354799 - Fax: (0-8) 8351016

Mời hợp tác liên doanh

- **Lĩnh vực liên doanh:**
  - May công nghiệp hàng xuất khẩu (trực tiếp).
  - Gia công, sản xuất kinh doanh tất cả các mặt hàng may mặc xuất khẩu.
- **Hình thức:**

Công ty sẵn sàng liên doanh, liên kết với các nhà đầu tư, khách hàng trong và ngoài nước dưới mọi hình thức: tham gia cổ phần; liên doanh bao tiêu sản phẩm, hoặc đầu tư thêm thiết bị để hợp tác sản xuất.

- **Khách hàng đang quan hệ:**

Khối EU, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Canada...

- **Năng lực sản xuất:**
  - Cơ sở : 5 xưởng may.
  - Thiết bị : 1.500 máy (Nhật).
  - Nhân lực : 2000 công nhân.
  - Sản lượng : 2 triệu sơ mi, 300.000 Jacket/năm.
  - Mặt hàng chính: sơ mi, jacket, pyjama, T.shirt, polo shirt, quần tây...

Add: A44 National Route 30, Cao Lanh town, Dong Thap province.
Tel: (067) 851452-851900.
Fax: (84-67) 851900.
HCMC REPRESENTATIVE OFFICE:
836 Tran Hung Dao st., dist. 5, HCMC.
Tel: 8354799 - Fax: (84-67) 8351016

Cooperation, joint-venture are welcome

- **Joint-venture scope:**
  - Garment for (direct) export industry.
  - Customizing, producing and trading all kinds of garment articles for export.
- **Form:**

The company is ready for joint-venture, association with investors, customers in-land and abroad in all forms : participation in joint-stock ; product inclusive purchase joint-venture or investment in more equipment to co-operate in production.

- **Current customers:**

EU bloc, S.Korea, Taiwan, Hong Kong, Canada...

- **Production capacity:**
  - Facilities : 5 garment factories.
  - Equipment : 1.500 sewing machines (Japan-made).
  - Manpower : 2,000 workers.
  - Productivity : 2 million shirts, 300,000 jackets/year.
  - Major trade articles: shirt, jacket, pyjamas, T-shirt, polo-shirt, pants...



SAO MAI
JOINT-STOCK Co.







Digitized by Google

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
Bank for Investment and Development of Vietnam

BIDV

VietindeBank



Chủ tịch HĐQT
NGUYỄN VĂN DOÃN



Tổng Giám đốc
TRỊNH NGỌC HỒ

Kỷ niệm 40 năm ngày thành lập:
26/4/1957 - 26/4/1997

- BIDV là một trong 4 ngân hàng thương mại Quốc doanh lớn nhất ở Việt Nam. Giữ vai trò chủ đạo và là Ngân hàng đứng đầu trong lĩnh vực đầu tư và phát triển
- BIDV có mạng lưới hoạt động rộng khắp cả nước, gồm 102 chi nhánh có đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm về thẩm định dự án và các dịch vụ Ngân hàng.
- BIDV có quan hệ đại lý với 455 ngân hàng, có tài khoản tiền gửi và quan hệ thanh toán với 55 ngân hàng lớn trên thế giới.
- VID PUBLIC Bank là Ngân hàng liên doanh giữa BIDV với PUBLIC Bank Berhad Malaysia.

BIDV kinh doanh đa năng tổng hợp

- Huy động vốn dưới mọi hình thức bằng Việt Nam đồng và ngoại tệ.
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn với mọi thành phần kinh tế; hùn vốn, liên doanh, liên kết, hợp tác, đồng tài trợ, bảo lãnh và tái bảo lãnh vay vốn trong và ngoài nước.
- Kinh doanh ngoại tệ, thanh toán nhanh qua mạng vi tính trong nước và quốc tế (SWIT)
- BIDV với **40** năm hoạt động, là ngân hàng quốc doanh đứng đầu trong lĩnh vực đầu tư phát triển

HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA KHÁCH HÀNG LÀ MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA BIDV

Trụ sở: 194 Trần Quang Khải - Số 2 Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: 8.268.318 - 8.266.966 - 8.266.963 ; Fax: 8.266.959 ; Telex : 8 411220 VIDB-VT

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

Digitized by Google



Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
JUL 14 1997
CURRENT SERIALS

10
5-1997

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
JUL 14 1997
CURRENT SERIALS

10
5-1997

Digitized by Google

CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

(TÊN CŨ : XÍ NGHIỆP BÊ TÔNG VÀ XÂY LẮP BƯU ĐIỆN)

ĐỊA CHỈ : CẦU DIỄN - TỪ LIÊM - HÀ NỘI
TEL : 8343255 - 8370362 - FAX : 8344816



Chúng tôi cung cấp cho quý khách hàng các loại ống cáp và các phụ kiện : nắp ống cáp, ống nối, keo chuyên dùng, giá định vị.

Đặc biệt là ống cáp 3 lớp (có lõi xốp ở giữa), một dề án được Tổng cục Bưu điện và Tổng Công ty BCVT đầu tư dây chuyền đồng bộ. Với công nghệ tiên tiến và hiện đại, sản phẩm được sản xuất theo Tiêu chuẩn TCN 68 - 144 - 1995 - Chuyên ngành Viễn thông. Sản phẩm này được Trung tâm Đo lường Tiêu chuẩn khu vực I đã cấp dấu chất lượng và được phép sử dụng trên mạng Viễn thông Việt nam.





- VỀ TIÊU CHUẨN - ĐO LƯỜNG - CHẤT LƯỢNG VÀ CÓ CÁC CHỈ TIÊU, MỨC CHẤT LƯỢNG ĐẠT VÀ VƯỢT MỨC CHẤT LƯỢNG ĐÃ ĐĂNG KÝ.
- ỐNG NHỰA PVC (HI) Φ11 112X7,1 VẪN GIỮ ĐƯỢC MỨC CHẤT LƯỢNG CAO, CÓ THỂ THAY THẾ ỐNG KIM LOẠI DÙNG CHO CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ CÁP NGẦM Ở NHỮNG NƠI CHỊU TẢI TRỌNG CAO.
- NHẬN BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI, GIAO HÀNG TẠI CHÂN CÔNG TRÌNH.
- PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN THUẬN LỢI CHO KHÁCH HÀNG.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 520 — THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768*

MỤC LỤC

	Xã luận - Quốc hội của chúng ta	3
KỶ NIỆM LẦN THỨ 107 NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19.5.1890 - 19.5.1997)	HÀ HUY GIÁP - Bác Hồ đem mùa xuân về cho dân tộc	6
	TÔ HUY RỨA - Hồ Chí Minh - nhân cách tiêu biểu của con người văn hóa tương lai	10
	HOÀNG TÙNG - Cán bộ - đầy tớ của dân	14
	Tư liệu - Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc	16
TIẾN TỚI ĐẠI HỘI PHỤ NỮ VIỆT NAM LẦN THỨ VIII	TRƯƠNG MỸ HOA - Một chặng đường hoạt động sôi động của phụ nữ Việt nam	19
	LÊ NGỌC THẮNG - Về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với phụ nữ	22
NHÂN KỶ NIỆM 40 NĂM HỘI NHÀ VĂN	HỮU THỈNH - Cảm nhận nhỏ trước 40 năm văn học	27
	NÔNG QUỐC CHẤN - Bốn mươi năm Hội nhà văn và sự phát triển đội ngũ văn học các dân tộc thiểu số Việt nam	29
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGUYỄN CHÍ MỸ - Xu hướng và các nhân tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế nhiều thành phần	33
	PHẠM NGỌC PHONG - An toàn và chất lượng tín dụng - nhìn từ góc độ vĩ mô	37
	PHẠM THẮNG - Công tác giám định hàng hóa trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta	41
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	PHẠM THANH PHONG - Long an chăm lo xây dựng và phát triển nguồn lực con người	45
	VÕ HỮU LỘC - Yếu tố quyết định hiệu quả sản xuất kinh doanh ở Công ty kính Đáp cầu	48
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	TRƯỜNG GIANG - Vấn đề tự học trong sự phát triển tài năng	50
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	VŨ PHÒNG - Đâu phải chuyện riêng	52
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	PHẠM THẾ LONG, ĐÀO KIẾN QUỐC - INTERNET : Cơ hội và thử thách	53
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	Phân phối công bằng sự thịnh vượng quốc gia cũng là một mặt bảo đảm nhân quyền	57
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Văn bản quản lý nhà nước và các hình thức của nó	59

Bìa 1 : *Bác Hồ với đại biểu phụ nữ các dân tộc (1961)* — *Ảnh :* **Tư liệu**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Передовая статья - Наш национальный ансамбль. ХА ТХУ ЗАП - Дя дя Хо принес нации весну. ТО ТХУ РЫА - Хо Ши Мин - типичная личность будущей культуры. ХОАНГ ТУНГ - Кадры являются слугами народа. ЧЫОНГ МУ ХОА - Один этап бурной и эффективной деятельности вьетнамских женщин. ЛЕ НГОК ТХАНГ - Об идеях Хо Ши Мина касающихя женских проблем. ХЫУ ТХИНЬ - Маленькое воспринятие перед 40-летней литературой. НОНГ КУОК ТЬЯН - 40 лет Ассоциации Вьетнамских Писателей и развитие рядов писателей малых национальностей Вьетнама. НГУЕН ТЬИ МЙ - Тенденции и факторы обеспечивающие социалистическую ориентанцию многосекторной экономике Вьетнама. ФАМ НГОК ФОНГ - Благополучие и качество кредитов, рассмотренные с точки зрения макроэкономики. ФАМ ТХАНГ - Работа по экспертизе товаров в курсе индустриализации и модернизации нашей страны. ФАМ ТХАНЬ ФОНГ - Провинция Лонг Ан заботится о формировании и расширении источников рабочей силы. ФАМ ТХЕ ЛОНГ и ДАО КИЕН КУОК - INTERNET - Возможность и вызов.

CONTENTS

Editorial - Our National Assembl. HÀ HUY GIÁP - Uncle Ho who brought the spring to the nation. TÔ HUY RÚA - President Ho Chi Minh - a personage typical of the future culture. HOÀNG TÙNG - Cadres are servants of the people. TRƯƠNG MỸ HOA - A stage full of effecient and enthusiastic activities of Vietnamese women. LÊ NGỌC THẮNG- Ho Chi Minh's thoughts on women problems. HỮU THỈNH - A personal perception of achievements of Vietnamese literature over last 40 years. NÔNG QUỐC CHẤN - Vietnamese Writers' Association over 40 years and the increase of ethnic minorities' writers. NGUYỄN CHÍ MỸ - Tendencies and factors ensuring socialist orientation for the multi-sector economy. PHẠM NGỌC PHONG - Quality and safety of credits from the point of view of macro-economy. PHẠM THẮNG - The work of goods inspection during the course of industrialization and modernization in Vietnam. PHẠM THANH PHONG - Long An province takes constant care for manpower development. PHẠM THẾ LONG - ĐÀO KIỂN QUỐC -INTERNET - opportunity and challenge.

SOMMAIRE

Editoriale - Notre Assemblée nationale. HÀ HUY GIÁP - L'Oncle Ho apporte le printemps à la nation. TÔ HUY RÚA - Ho Chi Minh - personnalité typique de l'homme de culture du futur. HOÀNG TÙNG - Cadres - serviteurs du peuple. TRƯƠNG MỸ HOA - Un itinéraire d'activités animées et efficaces des femmes vietnamiennes. LÊ NGỌC THẮNG - A propos de la pensés de Ho Chi Minh sur la femme. HỮU THỈNH - Quelques modestes réflexions sur 40 ans des belles lettres. NÔNG QUỐC CHẤN - 40 ans d'activités de l'Association des écrivains vietnamiens et le développement du contingent d'écrivains issus des ethnies minoritaires du Vietnam. NGUYỄN CHÍ MỸ - La tendance et les facteurs assurant l'orientation socialiste de l'économie à plusieurs composantes. PHẠM NGỌC PHONG - La sécurité et la qualité des crédits du point de vue macrocosmique. PHẠM THẮNG - Le travail d'évaluation des marchandises dans l'oeuvre d'industrialisation et de modernisation de notre pays. PHẠM THANH PHONG - La province de Long An édifie et développe ses ressources humaines. PHẠM THẾ LONG et ĐÀO KIỂN QUỐC - INTERNET : opportunités et épreuves.

SUMARIO

Editorial - Nuestra Asamblea Nacional. HÀ HUY GIÁP - El Tío Ho trae la primavera a la nación. TÔ HUY RÚA - Ho Chi Minh - la personalidad representativa del hombre de cultura del futuro. HOÀNG TÙNG - Los cuadros - servidores del pueblo. TRƯƠNG MỸ HOA - Un tramo de efervescentes y eficaces actividades de la mujer vietnamita. LÊ NGỌC THẮNG - El pensamiento de Ho Chi Minh sobre la mujer. HỮU THỈNH - Modestas impresiones sobre 40 años de la literatura. NÔNG QUỐC CHẤN - 40 años de actividades de la Asociación de Escritores de Vietnam y el desarrollo del contingente de los escritores minoritarias vietnamitas. NGUYỄN CHÍ MỸ - La tendencia y los factores de garantía de la orientación socialista de la economía de multicomponentes. PHẠM NGỌC PHONG - La seguridad y la calidad de los créditos vistas desde el macroángulo. PHẠM THẮNG - El trabajo de peritacion de mercancías en la obra de industrialización y modernización del país. PHẠM THANH PHONG - La provincia de Long An vela por construir y desarrollar el recurso humano. PHẠM THẾ LONG - ĐÀO KIỂN QUỐC - INTERNET : oportunidades y pruebas.

目錄

•社論：我們的國會•何輝甲：胡伯伯給民族帶來了春天•蘇輝若：胡志明主席——未來文化人的人格代表•黃松：幹部是人民的公仆•張美華：越南婦女沸騰、有效的活動里程•黎玉勝：胡志明思想有關婦女問題的論述•友請：值越南文學發展40周年有感•農國振：紀念作家協會成立40周年與越南少數民族文學隊伍的發展•阮志美：多種成份經濟的社會主義定向的趨勢及其保障因素•范玉峰：從宏觀調控角度看銀行信用的安全與質量•范勝：我國工業化、現代化事業中的商品鑒定工作•范清風：隆安省注重建設與發展人力資源•范世龍和陶建國：國際網絡：機遇與挑戰

Digitized by Google

Xã luận

QUỐC HỘI CỦA CHÚNG TA

Kỳ họp thứ 11, kỳ họp cuối cùng của Quốc hội khóa IX đã thành công tốt đẹp. Nhiệm kỳ Quốc hội khóa IX sắp kết thúc. Ngày 20-7-1997, cử tri nước ta sẽ tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội khóa X.

Được Đảng lãnh đạo và nhân dân hết lòng ủng hộ, Quốc hội khóa IX đã tiếp tục thể chế hóa Cương lĩnh chính trị và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế của Đảng ; cùng với toàn Đảng, toàn dân phấn đấu không mệt mỏi, đạt được những thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lớn trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội VII và Đại hội VIII, tiếp tục đổi mới sâu sắc, toàn diện đất nước.

Phát huy vai trò cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, 5 năm qua Quốc hội khóa IX đã góp phần to lớn vào việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Hoạt động của Quốc hội ngày càng sinh động và khởi sắc ; hiệu quả đạt được ngày càng thiết thực, rõ rệt. Các kỳ họp của Quốc hội đã thực sự trở thành sinh hoạt chính trị - dân chủ của đất nước, cổ vũ ý thức làm chủ của nhân dân, được cử tri trong nước, kiều bào ở nước ngoài và bạn bè quốc tế phấn khởi theo dõi, hoan nghênh.

Ba mặt hoạt động chủ yếu của Quốc hội là lập pháp, quyết định những công việc trọng đại của đất nước và thực hiện quyền giám sát tối cao, đã được Quốc hội khóa IX bao quát và triển khai đồng bộ.

Về mặt lập pháp, *trong nhiệm kỳ khóa IX, Quốc hội đã xây dựng và ban hành gần 40 luật và 43 pháp lệnh, trong đó có hai bộ luật lớn là bộ luật Lao động và Dân sự. Cùng với luật, bộ luật và pháp lệnh đã ban hành, Quốc hội cũng đã xem xét, cho ý kiến để chỉnh lý một số dự án luật khác. Những văn bản pháp luật này đã tạo ra khuôn khổ pháp lý phù hợp, bảo đảm điều chỉnh các quan hệ xã hội, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội, đổi mới hệ thống chính trị, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, lập lại trật tự kỷ cương, củng cố quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh mở cửa, hội nhập với bên ngoài ; đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia. Đây thực sự là hoạt động nổi bật, là cố gắng rất lớn của Quốc hội, được dư luận đánh giá như sự được mùa của việc thực hiện chương trình lập pháp.*

Quốc hội khóa IX đã thay mặt nhân dân ***quyết định nhiều vấn đề trọng đại của đất nước.*** *Từ các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán và phân bổ ngân sách nhà nước, đến các chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia, chính sách cơ bản về đối nội đối ngoại, từ việc xem xét quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai trong cả nước, phân vạch địa giới các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đến việc thành lập các cơ quan cấp cao của Nhà nước, Quốc hội đều đã có những quyết định đúng đắn, kịp thời. Trong nhiệm kỳ, Quốc hội đã ra*

Digitized by Google

nhiều nghị quyết quan trọng về các nhiệm vụ cụ thể từng năm. Đặc biệt để cụ thể hóa Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế đến năm 2000 và Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, lần đầu tiên Quốc hội đã ra Nghị quyết về nhiệm vụ kế hoạch dài hạn 5 năm 1996 - 2000, thể hiện trách nhiệm cao của mình trước sứ mệnh lịch sử, đưa đất nước tiến vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

***Công tác giám sát** của Quốc hội khóa IX đã thu được nhiều kết quả. Trong lĩnh vực kinh tế và ngân sách nhà nước, Quốc hội đã tập trung giám sát những vấn đề nóng bỏng, cấp bách nổi lên như thu chi ngân sách, các biện pháp tăng thu, tiết kiệm chi, giảm bội chi ngân sách, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, dồn vốn cho đầu tư phát triển, các hoạt động của ngân hàng, hoạt động xuất nhập khẩu, tình trạng nhập siêu quá lớn v.v.. Đồng thời, công tác giám sát của Quốc hội đã hướng vào việc tháo gỡ khó khăn, tạo động lực và điều kiện cho doanh nghiệp nhà nước hoạt động để phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, phát triển các thành phần kinh tế.*

Quốc hội cũng tăng cường giám sát việc thi hành pháp luật và hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật ; giám sát hoạt động quốc phòng - an ninh nhằm nâng cao chất lượng và sức chiến đấu của Quân đội và Công an, công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, việc cải thiện đời sống và điều kiện hoạt động của các lực lượng vũ trang, tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh Tổ quốc.

Gắn liền với ba mặt hoạt động chủ yếu trên đây, các mặt hoạt động khác như hoạt động đối ngoại, công tác tiếp dân, tiếp nhận và xử lý hàng nghìn kiến nghị của dân, giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân, hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp... cũng được Quốc hội khóa IX tăng cường, đẩy mạnh.

Sự đổi mới về hình thức, nâng cao chất lượng nội dung kỳ họp cũng như các hoạt động ngoài kỳ họp của các cơ quan của Quốc hội, các đoàn đại biểu Quốc hội ở các địa phương, cũng là mặt nổi trội của Quốc hội khóa IX. Nhân dân cả nước đặc biệt hứng thú theo dõi các phiên họp toàn thể, Quốc hội thảo luận, tranh luận về từng chi tiết nhỏ trong các dự luật ; các buổi trả lời chất vấn, hoặc tranh luận về các quyết định lớn liên quan đến quốc kế dân sinh. Nhân dân cảm kích và biết ơn những vị đại biểu Quốc hội đã tận tụy vì dân, gần gũi gắn bó với dân, chẳng quản đèo cao, biển sâu, đã đến từng bản làng, đảo nhỏ, để tìm hiểu tâm tư, sinh hoạt của dân, truyền đạt với dân các đạo luật và nghị quyết của Quốc hội. Thực sự xúc động và có ấn tượng hết sức tốt đẹp khi nghe nhiều đại biểu, trên diễn đàn kỳ họp, đã thẳng thắn nhìn vào sự thật, phản ánh đúng những vấn đề bức xúc của xã hội, nói lên nguyện vọng sâu sắc, nóng bỏng của nhân dân về việc học, việc làm, chữa bệnh, đời sống v.v.. Đồng thời nhân dân cũng băn khoăn, tỏ ý chưa hài lòng về những điều nhân dân mong muốn mà Quốc hội chưa làm được bao nhiêu như việc chống tham nhũng, bài trừ tệ quan liêu cửa quyền trong các cơ quan nhà nước, xử lý nặng và kịp thời những kẻ thoái hóa, biến chất, coi thường pháp luật ; như việc bảo hộ hàng nông sản, quan tâm đến lợi ích người nông dân, đầu tư thỏa đáng cho vùng núi, vùng nghèo, đồng bào dân tộc v.v..

Quả thực, bên cạnh những thành tích nổi bật, những mặt ưu điểm là chính, Quốc hội khóa IX cũng không tránh khỏi những hạn chế, bất cập. Đó là : công tác xây dựng pháp luật còn thiếu chủ động, thiếu đồng bộ ; việc xem xét, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước có lúc còn mang tính hình thức ; hiệu lực và hiệu quả giám sát chưa cao ; tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội và của đại biểu quốc hội còn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn. Những mặt hạn chế, bất cập này có khi do chưa xác

Digitized by Google

định thật rõ nội dung, đối tượng, phương thức và cơ chế hoạt động như trong công tác giám sát ; có khi do bị động với các cơ quan đệ trình dự án luật mà phải thay đổi chương trình như trong công tác lập pháp. Cũng có khi do công việc nhiều, nhưng thiếu phương tiện, thiếu người chuyên trách, nên chưa xử lý kịp thời một số kiến nghị của dân...

Dù còn một số mặt hạn chế như vậy nhưng có thể khẳng định rằng Quốc hội khóa IX đã làm được nhiều việc góp phần quan trọng đưa đất nước ta từ khủng hoảng kinh tế - xã hội sang thời kỳ ổn định, phát triển, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những việc làm của Quốc hội đã thể hiện ý chí nguyện vọng của nhân dân, tỏ rõ Quốc hội xứng đáng là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân. Vai trò Quốc hội khóa IX đã in dấu ấn đậm nét trong đời sống chính trị đất nước, để lại nhiều kinh nghiệm quý cho các khóa sau.

Kế thừa những thành tựu to lớn và những kinh nghiệm quý của Quốc hội khóa IX, Quốc hội khóa X có trọng trách tiếp tục thể chế hóa Cương lĩnh xây dựng đất nước và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 ; cụ thể hóa những quan điểm, nhiệm vụ mà Đại hội VIII của Đảng nêu ra ; động viên 75 triệu nhân dân cả nước thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm đầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa ; chuẩn bị cho đất nước ta sức vóc mới, tư thế mới, để bước vào thiên niên kỷ mới.

Trong nhiệm kỳ mới này, Quốc hội sẽ sửa đổi, bổ sung một số điều trong Hiến pháp 1992 và xây dựng nhiều luật mới phù hợp với yêu cầu phát triển của thời kỳ mới ; sẽ bầu các chức danh lãnh đạo của Quốc hội, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Chánh án tòa án nhân dân tối cao ; Quốc hội mới sẽ góp phần rất quan trọng vào việc hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Để Quốc hội khóa X hoàn thành trọng trách trên đây, chúng ta phải tổ chức tốt cuộc Tổng tuyển cử. Công tác bầu cử Quốc hội có ý nghĩa chính trị to lớn, góp phần phát huy quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân, tiếp tục thực hiện tốt tiến trình đổi mới, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Các cấp ủy đảng phải lãnh đạo chặt chẽ cuộc bầu cử theo quan điểm chỉ đạo của Bộ chính trị và văn bản hướng dẫn cụ thể của Chính phủ, làm cho cuộc Tổng tuyển cử tiến hành đúng Luật bầu cử đại biểu Quốc hội mà kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa IX đã thông qua, và Chủ tịch nước đã ký lệnh công bố ngày 17-4-1997.

Để cuộc bầu cử đạt kết quả tốt, có rất nhiều việc phải làm. Từ việc phân bổ số đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử và khu vực bỏ phiếu, lập các tổ phụ trách bầu cử đến việc hiệp thương, giới thiệu người ra ứng cử ; từ việc lên danh sách cử tri, thực hiện tốt các trình tự chuẩn bị đến việc bầu, việc kiểm phiếu và công bố kết quả... tất cả đều phải làm đúng luật. Mấu chốt thành công của cuộc bầu cử là ở chỗ sáng suốt tìm chọn được người hội đủ các tiêu chuẩn, có đạo đức cao, tài trí lớn, có quan điểm lập trường đúng đắn, có tâm huyết, nhiệt tình ra gánh vác việc nước, việc dân.

Với kinh nghiệm tổ chức bầu cử Quốc hội qua 9 nhiệm kỳ trước đây, với ý thức làm chủ đất nước của nhân dân hướng tới những mục tiêu cao cả năm 2000, 2020, của thời kỳ mới, chúng ta tin tưởng các cử tri sẽ chọn được những đại biểu thật xứng đáng, và cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X sẽ diễn ra trong cả nước thật sự dân chủ, đúng quy định của pháp luật, trở thành ngày hội tưng bừng của nhân dân.

Quốc hội của chúng ta, khóa sau kế tiếp khóa trước, sẽ không ngừng tiến lên làm tròn nhiệm vụ cao cả của mình, xứng đáng là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan đại biểu cao nhất của một dân tộc quyết chí vươn tới tầm cao của thời đại mới. ❑

Digitized by Google

BÁC HỒ ĐEM MÙA XUÂN VỀ CHO ĐÂN TỘC (*)

HÀ HUY GIÁP

Đất nước Việt nam ta mùa nào cây cối cũng xanh tươi, lại thuộc một dân tộc quật cường bất khuất trước thiên tai, địch họa. Rõ ràng đó là điều kiện tự nhiên và lịch sử rất thuận lợi cho ta xây dựng được trên dải đất gấm vóc này một thiên đàng mùa xuân vĩnh cửu.

Nhưng, hãy nhớ lại dưới ách thống trị của chủ nghĩa phong kiến mấy thế kỷ qua, đặc biệt là từ cuối thế kỷ thứ XIX, đầu thế kỷ XX, đế quốc Pháp và phong kiến đã đặt nước ta vào một cảnh bi kịch thê thảm.

Đã biết bao cuộc nổi dậy oanh liệt từ Nam đến Bắc, ngay từ khi thực dân Pháp đổ bộ lên Tổ quốc ta, như Trương Định, Đồ Chiểu, Phan Đình Phùng, Mai Xuân Thưởng, Hoàng Hoa Thám... làm cho giặc Pháp kinh ngạc, đã phải thốt lên rằng : "Trung tâm kháng chiến ở Việt nam được nhân lên vô cùng tận. Có thể nói mỗi người nông dân Việt nam là một ổ kháng chiến, mỗi gốc rạ, mỗi bụi ô-rô, mỗi bụi sậy là một ổ kháng chiến..."

Thế nhưng, rốt cuộc đều bị thất bại ! Nô lệ vẫn hoàn nô lệ ! Cụ Phan Bội Châu, một nhà yêu nước sục sôi máu nóng, đồng thời là một nhà cổ động lừng danh, từ tuổi thanh niên, cụ đã dùng văn học làm vũ khí đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc mà đã phải than thở :

Người rằng năm mới vui mừng
Riêng ta năm mới, dửng dưng thêm buồn
.....
Chiếc thân bảy thước râu mày
Mà ra vô dụng, xót thay phận mình

Khí phách của Cụ thì :

Xắn tay muốn kéo đất trời dọc ngang
.....
Ước có vạn tay vung vạn kiếm
Thảy bao ma ác quỷ tơi bời

Nhưng,

Biển trần man mác thảy sầu thương
Non nước nhìn xem những dở dang
Ta đã không nhà, người cũng trọ
Đầu hãy còn đây, chưa chỗ nằm
Năm canh hồn mộng vẫn tơ vương
.....

Cụ Đào Tấn, một quan lại triều đình có tâm huyết, một nhà thơ, một nhà sáng tác và cải biên tuồng (hát bộ) kiệt xuất, đã nói lên nỗi buồn, khi xuân tới :

Giữ người không ở
Ai muốn giữ xuân ở
Tơ hoa đầy trời
Như muôn sầu của người
Về nơi đâu ?
Xuân không có đường về
Chẳng phải là đường của người về

Thảm thương thay ! Thiệt đúng như nhà thơ Tố Hữu đã tả tình cảnh thời đó :

Phận nghèo, nước mất, dân nô lệ
Đêm tối, trời mây, chẳng ánh sao
.....

Chính trong cảnh đêm tối, mịt mù triền miên đó mà Bác Hồ của chúng ta đi tìm ánh sao, mặt trời, rước xuân về cho dân, cho nước. Bác đi theo hướng khác, không theo hướng các bậc đàn anh bấy giờ.

Năm ấy, Bác đi tìm đường cứu nước từ sau khi Bác tham gia phong trào chống sưu thuế ở Trung bộ hồi 1908 rồi bỏ trường Quốc học Huế,

* Bài trích trong tập Di cảo của đồng chí Hà Huy Giáp do gia đình của đồng chí gửi Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

đi theo ven biển vào Nam để kiếm tàu sang Tây. Khoảng cuối năm 1908 đầu năm 1909, Bác rời Huế, vào Quy nhơn, Phan thiết... rồi vào Sài gòn. Tới tháng 6 năm 1911 Bác mới tìm được tàu sang Tây. Bác bước vào tuổi thanh niên với hai bàn tay trắng. Bác làm bất cứ việc gì để sống và để đi, quyết tìm đường cứu nước. Bác đã đi nhiều nước ròng rã mười năm. Bác biết đến Lê-nin lãnh đạo Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi, hạ bệ một chế độ áp bức, bóc lột khổng lồ, đưa công nông từ nô lệ lên làm chủ một nước rộng 1/6 trái đất. Lê-nin rất quan tâm đến việc giải phóng các dân tộc và các thuộc địa, quan niệm vấn đề dân tộc và thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Cách mạng Tháng Mười Nga đã mở ra một kỷ nguyên mới cho sự nghiệp giải phóng loài người. Bác vô cùng sung sướng, nhạy bén thấy ở đây *"mặt trời soi sáng"* chúng ta, xua tan đêm tối lạnh lùng, đem lại mùa xuân cho Tổ quốc, cho thời đại.

Từ đó, Người càng hoạt động tích cực hơn trong phong trào công nhân quốc tế. Với những chứng cứ xác thực, Người nêu lên những nhận xét có tính nguyên tắc để chống lại những quan niệm tự ti hay coi thường khả năng cách mạng của các dân tộc và thuộc địa nhằm thực hiện khẩu hiệu của Lê-nin : "Vô sản tất cả các nươc và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại", sức mạnh để chiến thắng chủ nghĩa đế quốc, một lực lượng phản động quốc tế. Người đã đi đến kết luận : *"Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ".*

Ngày nay, yêu nước phải biết yêu chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, phải kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đó là chân lý của thời đại.

Trong khi cụ Phan Bội Châu đau đớn tâm tình :

Ôi dân nước ta thật lạ lùng
Nhìn anh tôi khóc
Anh chẳng xót thay
Nhìn anh tôi cười
Anh vẫn chẳng hay
Nhìn anh tôi giận
Anh vẫn trơ ra đấy
Nhìn anh tôi mắng
Anh vẫn như ngây
.....
Thương thay, thương thay, dân lành tội nghiệp

Thế rồi Cụ đi cầu viện nước ngoài...

Trong khi cụ Phan Châu Trinh, biết phê phán hủ nho nhưng rồi cũng không tìm ra đường cách mạng mà phải chủ trương cải lương...

Bác Hồ của chúng ta lại vô cùng tin tưởng ở nhân dân. Trong bản tuyên ngôn của "Hội liên hiệp thuộc địa" kêu gọi anh em ở các thuộc địa, Người nói : *Chỉ có bản thân nỗ lực đấu tranh mới mong giải phóng được...* (1922).

Và, sau này khi kháng chiến chống Pháp, Người lại nói :

... Cứu Tổ quốc, cứu đồng bào
Nhờ ơn chiến sĩ, nhờ vào toàn dân...

Ngay năm 1921, Người đã khẳng định :

"... Không, người Đông dương không chết, người Đông dương vẫn sống mãi. Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản, thực dân không thể làm tê liệt ý thức của người Đông dương... Người Đông dương đang che giấu một cái gì đang sục sôi, đang gầm thét và khi thời cơ đến, nó sẽ bùng nổ mãnh liệt. Những người tiên phong phải thúc đẩy cho thời cơ mau đến...

Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất, chủ nghĩa xã hội chỉ việc gieo hạt giống giải phóng nữa thôi..." (Tạp chí Cộng sản số 14, năm 1921, tiếng Pháp).

Cũng trong năm 1921 người đã viết trong Tạp chí Cộng sản số 15 và sau này tại Đại hội quốc tế Cộng sản lần thứ V năm 1924, Người đã phân tích tầm quan trọng chiến lược của phong trào giải phóng thuộc địa và phong trào công nhân ở chính quốc. Người so sánh diện tích và số dân 9 nước chính quốc với thuộc địa của họ. Người ta thấy lãnh thổ các thuộc địa rộng gấp 5 lần chính quốc và số dân chính quốc chỉ bằng 3/5 số dân thuộc địa... Người nói :

"... Vận mạng của giai cấp vô sản thế giới tùy thuộc phần lớn vào các thuộc địa. Thuộc địa là nơi cung cấp lương thực và binh lính cho các cường quốc đế quốc chủ nghĩa. Nếu chúng ta muốn đánh đổ các nước đế quốc đó thì trước hết

Digitized by Google

chúng ta phải làm cho chúng không còn thuộc địa nữa..."

"... Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Trong những nước thuộc địa, họ đã nhiều lần nổi dậy, lần nào cũng bị dìm trong bể máu. Nếu hiện nay, nông dân vẫn còn trong tình trạng tiêu cực thì nguyên nhân là vì họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và hướng dẫn họ đi tới cách mạng và giải phóng..."

Phải tổ chức họ lại và giác ngộ họ. Đó là vấn đề mấu chốt, chính vì thế mà Chủ tịch Hồ Chí Minh tới Quảng châu lập Hội "Việt nam Thanh niên cách mạng đồng chí" năm 1925. *"Hội rất tích cực tổ chức các lớp huấn luyện, đưa thanh niên từ Việt nam sang học, rồi sau khi được huấn luyện cẩn thận lại gởi về nước... Hội này nhằm cơ sở cho một Đảng lớn hơn..."* (Báo cáo của Nguyễn Ái Quốc ngày 5-3-1930).

Bác Hồ với sự cộng tác của một số đồng chí đã đào tạo được một đội ngũ tuyên truyền mấy trăm người, trong thời gian từ năm 1925 đến năm 1927. Sau cuộc chính biến phản động của Tưởng Giới Thạch, Bác phải lánh mặt, nhưng các lớp vẫn được tiếp tục mở cho tới năm 1929. Đội ngũ này về nước bị hy sinh một số do sự khủng bố của thực dân Pháp. Nhưng những đồng chí này đã kịp nhân lên hàng ngàn người, hình thành một mạng lưới của Hội Thanh niên cách mạng đồng chí khắp cả nước. Ảnh hưởng của Hội và uy tín của Bác Hồ ngày càng sâu rộng trong thanh niên, học sinh và công nông. Đảng Tân Việt mà lớp thanh niên tiến bộ đã đòi đi theo Hội Thanh niên cách mạng đồng chí và sau đó họ đã lập ra Đông dương cộng sản Liên đoàn để được gia nhập Đảng cộng sản Đông dương...

Khi Bác Hồ trở lại Hương cảng hợp nhất các nhóm cộng sản lại để thành lập Đảng cộng sản Việt nam, càng thấy rõ tác dụng và ảnh hưởng to lớn và quyết định của Bác và của Hội Thanh niên cách mạng đồng chí đối với sự hình thành Đảng. Đánh giá ảnh hưởng này, đồng chí Lê Duẩn đã nói : *"... Trong lịch sử cách mạng ở nước ta, phong trào thanh niên có những nét đặc biệt. Đảng ta ra đời và thành lập từ tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Điều đó có nghĩa là đã có một giai đoạn, trong đó thanh niên nắm vai trò là những người châm ngòi lửa đầu tiên cho phong trào cách mạng ở nước ta...* (Lê Duẩn, trong tập "Ta nhất định thắng, địch nhất định thua")... *Phong trào giải phóng dân tộc của các tầng lớp công nông và trí thức cách mạng bắt đầu hình thành trong Thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Phong trào này đã ăn sâu trong quảng đại quần chúng nhân dân và tiếp tục mãi tới bây giờ. Lập trường cách mạng giải phóng dân tộc của giai cấp công nhân đã thắng lợi..."* (Lê Duẩn trong "Một vài đặc điểm của cách mạng Việt nam").

Đánh giá việc thành lập Đảng, Bác Hồ nói :

"... Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt nam. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng...".

Đúng vậy. Trước đây biết bao phong trào đã bị thất bại, chính là chưa có điều kiện để có một đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, chưa có điều kiện để biết đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu... Công lao to lớn của Bác Hồ chính ở chỗ Bác đã sớm tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn : *Kết hợp giải phóng dân tộc với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản ; kết hợp tinh thần cách mạng bất khuất của nhân dân ta với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, khoa học cách mạng triệt để nhất của thời đại.*

Đảng ta lập ra và lớn lên trong lò lửa đấu tranh liên tục trước đây để giải phóng đất nước, ngày nay để xây dựng lại Tổ quốc. Ngay từ lúc mới ra đời, Đảng đã tổ chức và lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân đấu tranh gây nên một phong trào mạnh mẽ chưa từng có chống đế quốc và phong kiến trong cả nước mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ - tĩnh năm 1930. Phong trào tuy thất bại nhưng nó đã làm cho thực dân phong kiến run sợ, làm cho nhân dân ta tin tưởng ở năng lực lãnh đạo của Đảng và ở khả năng cách mạng của bản thân nhân dân. Đó là cuộc tập dượt cho Cách mạng Tháng Tám sau này.

Năm 1936, phối hợp với phong trào chống phát xít và nguy cơ chiến tranh thế giới, Đảng ta đã phát động một phong trào đấu tranh sâu rộng, lập Mặt trận dân chủ chống phát xít và phản

Digitized by Google

động thuộc địa ở Đông dương và lập các ủy ban hành động đòi các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống. Đảng đã kết hợp hoạt động hợp pháp và hoạt động nửa hợp pháp và bất hợp pháp, tạo cơ hội giác ngộ chính trị cho quảng đại quần chúng, nhân dân. Uy tín của Đảng càng lan rộng và ăn sâu trong nhân dân.

Đại chiến thế giới lần thứ hai bùng nổ. Nhật xâm chiếm Đông dương. Pháp đầu hàng. Chúng câu kết với nhau, tăng cường khủng bố nhân dân. Đảng kịp thời chuyển hướng hoạt động. Đảng đã tiên đoán chiến tranh sẽ diễn ra ác liệt nhưng cũng sẽ tạo cơ hội cho cách mạng thắng lợi ở nhiều nơi. Bác Hồ và Đảng đã chủ trương tập trung toàn lực vào cứu nước và lập Mặt trận Việt minh (1941) đoàn kết cả dân tộc nhằm chống đế quốc và tay sai bán nước, đồng thời lập ra những căn cứ địa cách mạng, chuẩn bị lực lượng khi thời cơ thuận lợi, phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền đi tới Cách mạng Tháng Tám thắng lợi (1945)... Nước Việt nam dân chủ cộng hòa ra đời - một nước độc lập, dân chủ đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Cả nước đã được giải phóng
Mùa Xuân đã về với đất nước.

Nhưng chưa được bao lâu thì thực dân Pháp với sự đồng tình của các đế quốc, trở lại xâm chiếm nước ta, bắt đầu ở miền Nam... Ở miền Bắc, quân đội Tưởng Giới Thạch nhảy vào mượn cớ giải giáp quân Nhật nhưng thực ra chúng muốn tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt minh, giúp bọn phản động đánh đổ chính quyền nhân dân, để lập một chính phủ phản động làm tay sai cho chúng.

Đứng trước tình hình cực kỳ gay go phức tạp ấy, chúng ta đã buộc phải nhân nhượng, giữ cho cách mạng phát triển một cách hòa bình. Nhưng chúng càng ngoan cố, buộc chúng ta phải đánh lại. Vậy là một cuộc kháng chiến trường kỳ bắt đầu và chúng ta chắc chắn rằng :

Nay tuy châu chấu đá voi
Nhưng mai voi sẽ bị lòi ruột ra

Quả thật. Chín năm kháng chiến toàn dân, toàn diện đã kết thúc bằng thắng lợi vĩ đại Điện biên phủ (1954) buộc thực dân Pháp phải ký kết hiệp định Giơ-ne-vơ công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt nam. Mùa xuân lại đến.

Bác Hồ nói : *"... Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh..."*.

Nhưng, bọn đế quốc lại phản bội hiệp nghị. Miền Bắc được giải phóng và tiến lên giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Còn ở miền Nam, Mỹ - ngụy lại tăng cường khủng bố nhân dân. Chúng cố tình biến miền Nam thành căn cứ để tiến công ra miền Bắc và phe xã hội chủ nghĩa ở phía này. Nhân dân miền Nam lại phải tiếp tục đấu tranh hoàn thành cách mạng giải phóng để hòa bình thống nhất đất nước. Thua ở miền Nam, Mỹ lại mở rộng chiến tranh ra miền Bắc hòng tiêu diệt miền Bắc.

Trước tình hình đó, nhân dân cả nước ta từ Bắc đến Nam phát huy truyền thống bất khuất của hàng nghìn năm văn hiến, được sự đồng tình, ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân tiến bộ thế giới, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, vượt mọi gian khổ hy sinh, kiên quyết giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Và, đến ngày 30-4-1975, với điểm cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, toàn quân, toàn dân ta đã thực hiện được trọn vẹn mong muốn và quyết tâm của Bác :

Vì độc lập, vì tự do
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào
Tiến lên chiến sĩ, đồng bào
Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn

Ngày nay cả nước đã độc lập và thống nhất. Cả nước đều tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy còn gặp vô vàn khó khăn, nhưng điều căn bản đã có, ta không phải "*ở trọ*" nữa, ta đã có *"nhà"* của ta, ta đã có đất cho *"xuân về"*. Chỉ cần nắm vững chuyên chính vô sản và đường lối của Đảng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện sáng tạo các nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước, trước mắt là *"tập trung cao độ lực lượng cả nước, tạo ra một bước phát triển vượt bậc của nông nghiệp"* để rước xuân về mãi mãi vui với đất nước, với con người. (Đây chỉ mới là trước mắt, những nhiệm vụ khác tùy theo từng bước phát triển của xã hội mà đặt ra).

Tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình biến đổi cách mạng, quá trình đổi mới, trẻ hóa, xuân hóa... ❑

Digitized by Google

HỒ CHÍ MINH - NHÂN CÁCH TIÊU BIỂU CỦA CON NGƯỜI VĂN HÓA TƯƠNG LAI

TÔ HUY RỨA *

Hồ Chí Minh là người Việt nam mang đậm cốt cách dân tộc, vị lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt nam, đồng thời là một danh nhân văn hóa thế giới. Mỗi bước đi lên của xã hội Việt nam, mỗi chiến công hiển hách của dân tộc ta trong thế kỷ XX đều gắn liền với tên tuổi của Người. Bác Hồ đã trở thành biểu tượng cho trí tuệ, truyền thống đoàn kết, ý chí tự lực tự cường, lòng nhân ái và sức mạnh vô địch của dân tộc. Bác là chiếc cầu nối truyền thống văn hóa Việt nam với nền văn hóa hiện đại Đông, Tây. Người đã bôn ba khắp năm châu bốn biển, tìm tới mọi tinh hoa văn hóa nhân loại, hấp thụ nó để làm giàu cho truyền thống, tạo thêm sức mạnh cho văn hóa dân tộc. Tinh hoa văn hóa Việt nam qua hàng ngàn năm văn hiến, những yếu tố nhân văn của văn hóa các dân tộc phương Đông và phương Tây, cả quá khứ và hiện tại đã tích tụ lại trong nhân cách văn hóa Hồ Chí Minh, tạo nên tầm vóc lớn lao và sức lan tỏa mạnh mẽ của Người : "Non song đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta và non sông đất nước ta" (1).

Theo con đường của Người, nhân dân Việt nam đã vùng dậy đánh đổ đế quốc, phong kiến giành lại độc lập tự do cho dân tộc, giành lại quyền làm người cho chính mình. Những chiến tích của cách mạng Việt nam trong thế kỷ XX đã được ghi vào lịch sử nhân loại với những trang vàng chói lọi về một dân tộc bất khuất, tự lực tự cường, "thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ". Ngày nay, vẫn theo đường lối và tư tưởng của Người, dân tộc ta đang ra sức phát huy năng lực nội sinh, tranh thủ những điều kiện thuận lợi của thế giới để đẩy nhanh sự phát triển, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng đất nước văn minh, giàu mạnh. Nhân cách Hồ Chí Minh vẫn đang là tấm gương để xây dựng những con người Việt nam mới. Bởi lẽ, Bác Hồ không chỉ là con người tiêu biểu cho văn hóa hiện đại, mà còn là con người tiêu biểu của nền văn minh trí tuệ, một nhân cách điển hình của nền văn hóa tương lai. Ở Người có đầy đủ phẩm chất tiêu biểu của con người văn hóa trong thế kỷ XXI. Đó là con người có tri thức toàn diện, biết kế thừa di sản tích cực của truyền thống và hấp thụ được những tinh hoa văn hóa của nhân loại. Đó là những "công dân của thế giới" trong cách nhìn, tầm hiểu biết và phạm vi thông tin. Họ không chỉ biết chắt lọc "nguồn chất bổ" từ cội rễ văn hóa quê hương mình mà còn biết làm giàu và bồi bổ thêm cho cội rễ đó. Đó là những con người biết mang những thành tựu văn hóa đậm đà bản sắc của dân tộc mình đóng góp vào nền văn hóa chung của nhân loại ; đồng thời biết làm giàu trí óc mình "bằng toàn bộ kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra". Hồ Chí Minh đã là một con người như vậy !

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình trí thức yêu nước, trên một miền quê nổi tiếng về truyền thống anh dũng chống ngoại xâm và hiếu học, ngay từ thuở ấu thơ, Nguyễn Ái Quốc đã hấp thụ được những nét tiêu biểu, tốt đẹp của văn hóa truyền thống Việt nam. Những giá trị văn hóa ấy được hình thành, hun đúc trong lịch sử dựng nước và giữ nước lâu dài của dân tộc ta. Là tiền đồn ở Đông-Nam Á, dải đất Việt nam vừa là cửa ngõ giao lưu kinh tế và

---

* Ủy viên trung ương Đảng, PGS, PTS, Phó giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Lê Duẩn : *Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, tr18

Digitized by Google

văn hóa Đông - Tây cũng vừa là nơi đối đầu với nhiều thế lực ngoại xâm và những tai họa khắc nghiệt của thiên nhiên. Để trụ vững và phát triển được, người Việt nam sớm biết đoàn kết gắn bó, đồng sức đồng lòng trong sản xuất và chiến đấu. Kiên cường chống ngoại xâm, văn hóa Việt nam luôn hướng tới những giá trị yêu nước, tự lực tự cường, "không có gì quý hơn độc lập, tự do". Chủ nghĩa anh hùng Việt nam là một giá trị to lớn xuyên suốt lịch sử dân tộc. Nguyễn Ái Quốc sinh ra trước cảnh dân ta đã một cổ đôi tròng, nước mất nhà tan. Người sớm canh cánh bên lòng nỗi đau mất nước, nỗi nhục lầm than của dân nô lệ. Người hiểu rõ những ưu tư của các trí thức yêu nước Việt nam đầu thế kỷ XX, sớm rút ra được bài học kinh nghiệm từ những thất bại của họ. Được tiếp xúc, học hỏi văn hóa hiện đại phương Tây ở trường Quốc học Huế, đọc sách phương Tây làm quen với những tác giả thời khai sáng của văn minh châu Âu như Đi-đơ-rô, Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Rút-xô và các tư tưởng dân chủ, các xu hướng tự do khác, Nguyễn Ái Quốc đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước. Người không đi theo con đường như các chí sĩ đầu thế kỷ đã đi mà theo một con đường khác - con đường phù hợp với văn minh của thế giới hiện đại, hội tụ các nền văn minh tiên tiến của nhân loại. Người đã đặt chân lên hầu hết các lục địa Á, Âu, Phi, Mỹ thấy nhiều điều mới lạ và lắm chuyện ngược đời trong xã hội hiện đại : từ các nước tiên tiến đến các nước lạc hậu, từ cuộc sống đói khổ của người lao động đến cuộc sống xa hoa phè phỡn của bọn chủ tư sản, từ trình độ văn minh cao mà nhân loại đã đạt được đến những cảnh tượng dã man tàn bạo như cảnh những người nô lệ bị hành hình theo kiểu Lin sơ của Mỹ. Trong đó, Người đặc biệt chú ý đến mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa thực dân, giữa các tầng lớp lao động nghèo khổ và giới chủ. Người sớm nhận ra mối quan hệ khăng khít giữa phong trào giải phóng dân tộc và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động ở chính quốc.

Quá trình bôn ba tìm đường cứu nước đã đưa Bác Hồ đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Với trí tuệ nhạy cảm tuyệt vời và tấm lòng tha thiết với dân, với nước, Người đã sớm nhận ra con đường cứu nước Việt nam phải gắn liền với cách mạng vô sản. Muốn có độc lập, tự do, muốn cho nhân dân ấm no hạnh phúc, cách mạng Việt nam phải đi theo con đường của chủ nghĩa Lê-nin "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*" (2), "chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"(3).

Những giá trị mới của chủ nghĩa yêu nước mà Bác Hồ đem lại đã được ấp ủ lâu dài chính trong cái nôi chủ nghĩa yêu nước Việt nam, là kết tinh truyền thống hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của nhân dân Việt nam. Mặt khác, trên đỉnh cao của truyền thống yêu nước ấy, Hồ Chí Minh đã học hỏi, gạn lọc các hạt giống trí tuệ cổ kim Đông, Tây, tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin - một thành tựu lý luận cách mạng và khoa học nhất trong lịch sử hiện đại, vào một đất nước cụ thể. Chủ nghĩa yêu nước Việt nam kết tinh trong nhân cách Hồ Chí Minh và đã đạt tới đỉnh cao mới nhờ sự đóng góp của Người.

Sống trên mảnh đất luôn luôn bị thiên tai đe dọa, cộng đồng người Việt nam cũng sớm biết đoàn kết gắn bó trong sản xuất, đấu tranh chống lại thiên tai. Truyền thống cộng đồng, lòng nhân ái, tình thương yêu đồng bào vốn là nét đẹp ngàn xưa của văn hóa Việt nam :

"Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng".

Bác Hồ từ thuở nhỏ đã được tắm mình trong truyền thống nhân ái đó. Chủ nghĩa nhân đạo trong văn hóa dân gian Việt nam đã quyện trong tâm hồn Bác ngay từ những lời hát ru của mẹ, trong điệu hò ví dặm quê hương. Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cũng là sự kế thừa biện chứng những thành tựu văn hóa nhân loại. Trong tư tưởng nhân đạo của Người có những yếu tố tích cực của Phật giáo, Lão giáo, cả tư tưởng nhân ái của đạo Thiên chúa. Người trân trọng tư tưởng từ bi cứu khổ cứu nạn của đạo Phật, tư tưởng bác ái "thương người như thể thương mình" của Thiên chúa giáo. Đó cũng là một tất yếu

---

(2), (3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t 8, tr 272, 701

Digitized by Google

vì từ rất lâu rồi những giá trị văn hóa ấy đã được dân tộc ta tiếp thu và cải biến, tổng hòa thành những giá trị tích cực bền vững của văn hóa Việt nam. Bởi vậy, tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh mang tính nhân loại cao, là sự kế thừa biện chứng nhiều giá trị nhân văn của văn hóa thế giới. Bản chất của chủ nghĩa nhân văn là đề cao con người, nâng cao phẩm giá, phát huy nhân cách của con người. Nó là hình thái cao nhất của triết lý và đạo lý về con người, là lý tưởng về chân, thiện, mỹ của con người. Chú trọng vấn đề con người và giải phóng con người là vấn đề cốt lõi nhất quán trong toàn bộ cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân. Trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân.(4). Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh chính là tư tưởng vì dân, vì nước, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội để giải phóng triệt để và vĩnh viễn cho con người trên cơ sở một lòng nhân ái mênh mông như trời biển : "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành" (5). Tư tưởng đó được bắt nguồn và nâng cao từ truyền thống nhân đạo của dân tộc. Đó là những tư tưởng trọng dân, thương dân mà Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu... đã thể hiện. Chỉ có điều, với Bác Hồ, đó không phải là lòng yêu thương nhân dân của bậc "bề trên", không chỉ cảm thông với nỗi khổ của "dân đen" mà đó là lòng nhân ái của lý tưởng giải phóng triệt để nhân loại cần lao và toàn xã hội ; thương dân gắn chặt với trách nhiệm phấn đấu cho hạnh phúc đầy đủ của nhân dân : "Nước lấy dân làm gốc, có lực lượng của dân việc to tát mấy, khó khăn mấy cũng làm được". Người luôn cho rằng : "Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải *hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi" (6). Theo Người, nhân dân không những là người hưởng thụ mà còn là người sáng tạo các giá trị văn hóa. Họ không chỉ tạo ra những của cải vật chất cho xã hội mà còn là người sáng tác các tác phẩm văn hóa tinh thần. Nền văn hóa tiên tiến mà Hồ Chí Minh chủ trương phải là nền văn hóa của dân, do dân và vì dân. Nó phải mang đậm đà bản sắc dân tộc, có tính đảng, tính khoa học và tính nhân dân sâu sắc.

Nhân cách Hồ Chí Minh không chỉ bao gồm sự kế thừa biện chứng các di sản văn hóa dân tộc, biết chọn lọc, hấp thu tinh hoa văn hóa nhân loại mà còn được tích tụ, cấu thành bởi những yếu tố nội tại, bởi ý chí và nghị lực phi thường của bản thân con người Hồ Chí Minh. Sức mạnh tinh thần, nội lực mạnh mẽ của Người biểu hiện trong cả cuộc đời hoạt động cách mạng và rõ nét nhất là ở những giai đoạn Hồ Chí Minh phải vượt qua cam go thử thách khắc nghiệt.

Ra đi từ thân phận người dân nô lệ ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, đến với miền đất khách quê người, vượt qua những khó khăn của bản thân về vật chất đâu sánh bằng những gian nan, dằn vặt về tinh thần. Anh thanh niên Nguyễn Tất Thành bươn trải, làm đủ nghề để sống, để có điều kiện tiếp xúc với nhân dân lao động các nước và qua đó cũng hiểu thêm thân phận người dân nước mình. Song đó cũng chưa phải là mục tiêu quan trọng. Niềm khát khao giải phóng cho dân tộc đã thôi thúc Người đi đến nhiều nơi, đến với nhiều bè bạn, tìm và tiếp cận với nhiều chính khách tìm thấy sự đồng cảm, đồng tình và để từ đó có thể gợi mở cho mình con đường cứu nước cứu dân.

Nỗi gian truân vất vả khi bôn ba tìm đường cứu nước ở hải ngoại và những tháng ngày hoạt động bí mật đã tôi luyện bản lĩnh của Người. Cả khi phải sống trong nhà tù tàn bạo của kẻ thù, chúng ta càng thấy ở Người thể hiện một tinh thần quả cảm và niềm lạc quan yêu đời vô hạn. Trong chúng ta ai có thể quên hình ảnh người tù (Nguyễn Ái Quốc) "Giữa đường đáp thuyền đi Ung ninh".

Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung ninh
Lủng lẳng chân treo tựa giảo hình

---

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 544

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 100

(6) Hồ Chí Minh : *Về đạo đức cách mạng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1993, tr 54

Digitized by Google

Làng xóm ven sông đông đúc thế
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh.

Phải có niềm lạc quan yêu đời đến thế nào mới bật ra được tứ thơ độc đáo, nhẹ tênh trong hoàn cảnh như vậy. Nhưng có lẽ ở Hồ Chí Minh, sức mạnh nội lực, ý chí kiên cường được mọi người khâm phục và kẻ thù cũng phải vị nể còn là ở những lúc Người phải đối mặt với tình huống bất ngờ, quyết định những vấn đề trọng đại của cách mạng trong hoàn cảnh phức tạp, mà ngay cả một số đồng chí và đồng bào cũng không thể hiểu ngay tính đúng đắn của quyết định này.

Trên những đoạn đường ghập ghềnh, chông gai của cách mạng trước những biến động nghiêng ngả của thời cuộc, ở Hồ Chí Minh luôn bật dậy sự mẫn cảm, nhạy bén, cách xử lý đầy tính sáng tạo, khéo léo, lòng kiên nhẫn biết dừng, biết chờ đợi để quyết giành cho được thắng lợi cuối cùng. Vì lẽ đó nhân dân tôn vinh Người như một vị thánh, một bậc hiền triết, bậc tiên tri đầy uy lực, huyền thoại. Song với quan điểm duy vật biện chứng, chúng ta hiểu đây chính là một năng lực trí tuệ tuyệt vời, lòng tự tin và tính tự quyết của bản thân Người được xây trên nền truyền thống tự lực, tự cường của dân tộc. Nó cũng thể hiện phương châm sống và hành động "dĩ bất biến ứng vạn biết" của Hồ Chí Minh trong mọi hoàn cảnh.

Nhân cách Hồ Chí Minh luôn tỏa ra một sức mạnh nêu gương to lớn, sức cảm hóa kỳ diệu. Hồ Chí Minh là con người hành động. Nói và làm, lý luận và thực tiễn gắn quyện vào nhau. Có kiến thức bách khoa, thạo nhiều thứ tiếng nhưng Người vẫn không ngừng trau dồi học tập. Người dạy "Học để làm việc, làm người, làm cán bộ, học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại" (7).

Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng chói về đạo đức cách mạng : Yêu nước thương dân, tận tụy phục vụ nhân dân, nguyện làm nô bộc, làm đầy tớ trung thành của nhân dân. Hô hào toàn dân chống giặc đói, tự Người mười ngày nhịn một bữa, bỏ gạo vào hũ cứu đói. Trong Di chúc, Người còn để lại bao tình cảm thương mến cho đồng chí, đồng bào, căn dặn đừng tổ chức điếu phúng linh đình, tốn kém tiền của của nhân dân. Đúng như câu thơ của nhà thơ Tố Hữu :

Bác để tình thương cho chúng con
Một đời thanh bạch chẳng vàng son
Mong manh áo vải hồn muôn trượng
Hơn tượng đồng phơi những lối mòn...

Trong suốt cuộc đời hoạt động, những phẩm chất đặc biệt của Bác Hồ thể hiện và quyện chặt vào nhau trên cả ba phương diện : *khả năng hấp thu, tiếp nhận nhanh nhạy, đúng đắn các tri thức và kho tàng kinh nghiệm thực tiễn của lịch sử dân tộc và nhân loại ; khả năng xử lý, chuyển hóa tri thức đó thành nguồn tri thức của chính bản thân ; khả năng vận dụng tri thức và kinh nghiệm đó vào hoạt động thực tiễn với một sức mạnh nêu gương hiếm thấy.*

Có thể nói, nhân cách Hồ Chí Minh hợp thành từ *tư tưởng vĩ đại*, từ *đạo đức trong sáng*, từ *phương pháp tư duy độc lập, sáng tạo, linh hoạt* và một *phong cách giản dị, gần gụi nhân dân.* Trong nhân cách đó, Người đã đạt được sự hài hòa *giữa cá nhân và cộng đồng, giữa con người và thiên nhiên, giữa tự do và tất yếu, giữa lý trí và tình cảm, trí tuệ và thể chất.* Phải chăng đó cũng chính là yêu cầu vươn tới của con người trong nền văn minh trí tuệ, con người văn hóa của tương lai.

Nhân cách Hồ Chí Minh tác động vào xã hội bằng sức mạnh văn hóa, sức mạnh của truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Người còn sống mãi trong lòng nhân dân tiến bộ thế giới. Đúng như tiến sỹ M.At-mét, Giám đốc UNESCO khu vực châu Á - Thái bình dương, đã nói về Người : "Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này"(8). ❑

(7) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1985, t 5, tr 287

(8) Hội thảo quốc tế *Chủ tịch Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc nhà văn hóa lớn.* UNESCO và UBKHXH Việt nam Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1990, tr 22

Digitized by Google

CÁN BỘ - ĐẦY TỚ CỦA DÂN

HOÀNG TÙNG

THAM nhũng đang là một tai họa lớn của đất nước, chế độ. Số của cải của nhân dân bị bọn sâu mọt đục khoét cộng lại đã lên đến hàng nghìn tỉ đồng. Bọn bị bỏ tù, kể đến hàng nghìn, bọn bị xử tử cũng không ít. Thế mà nạn tham nhũng đục khoét vẫn chưa bị đẩy lùi. Uy tín của chế độ bị tổn thương. Một cây lớn được nuôi dưỡng chu đáo nhưng để mối, sâu bệnh đục ruỗng tất phải đổ. Một chế độ cũng vậy. Bản chất tốt đẹp bị những con người xấu làm cho tha hóa, thì sự vững bền mất đi sự bảo đảm.

Lịch sử nước nhà đã nhiều lần đang thịnh chuyển thành suy vì những người cầm quyền thoái hóa. Các triều đại Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê đều có công lớn trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng đất nước.Sự hư hỏng của Lê Long Đỉnh, Lý Cao Tông, Trần Dụ Tông, Lê Hy Thục dẫn đến sự tan rã của các triều đại ấy. Vua hủ bại, quan thối nát, ngai vàng tất đổ. Những cuộc tranh giành quyền lực diễn ra nhiều khi đẫm máu. Nhưng người phải chịu những tai họa ấy trước hết là nhân dân do của cải bị bòn rút vì cuộc sống xa hoa, hư hỏng của vua quan.

Tàn dư chế độ phong kiến đã chấm dứt ở nước ta khi cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi. Người sáng lập chế độ mới của nhân dân ta - Hồ Chí Minh - đã khẳng định rằng nhà nước của ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Chính phủ của ta là công bộc của dân. Các công việc của chính phủ làm phải nhằm vào mục đích duy nhất là mưu tự do, hạnh phúc cho mọi người. Cho nên chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm, việc gì có hại cho dân thì phải tránh.

Suốt đời hoạt động cách mạng của mình, Bác Hồ thường xuyên chăm lo giáo dục những người cách mạng về đạo đức, khuyên bảo mọi người rèn luyện phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Chính Người nêu cao tấm gương đạo đức, phẩm chất cách mạng cao quý ấy. Trên 30 năm hoạt động gian khổ - chủ yếu là bí mật kể cả hai lần bị giam giữ dài ngày ở nước ngoài, trên 10 năm ở núi rừng Việt bắc, cũng như những năm ở Hà nội, bao giờ Bác Hồ cũng làm việc cần cù và sống giản dị như một người bình thường, ăn mặc vừa đủ, nhiều khi thiếu thốn, từng trải đói rét, bệnh tật. Khi đã là chủ tịch nước, Người chưa bao giờ cầm một đồng tiền, không bữa nào ăn quá hai món, quần áo chỉ có vài bộ xuềnh xoàng, ở một gian nhà nhỏ hoặc nhà sàn như mọi người đều biết. Người không có của cải riêng. Những quà tặng đều đưa hết vào kho nhà nước hoặc tặng lại đồng bào, chiến sĩ. Người đã hạ lệnh nghiêm trị những phần tử tham nhũng, sa đọa.

Nhờ sự giáo dục của Đảng và Bác Hồ cùng với việc quản lý nghiêm ngặt của nhà nước, số lớn cán bộ chúng ta đã giữ vững phẩm chất cách mạng trong suốt 30 năm kháng chiến chống xâm lược, vào sinh ra tử, sống gian khổ với đồng bào, chiến sĩ. Nhiều người anh dũng hy sinh cả tính mệnh của mình vì sự nghiệp giải phóng Tổ quốc. Cán bộ là lực lượng nòng cốt quyết định trực tiếp thành hoặc bại. Phẩm chất, đạo đức của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy là một sức mạnh to lớn của cách mạng. Vì có đạo đức, phẩm chất mới phát huy được trí tuệ, ý thức trách nhiệm, nêu cao tinh thần chí công vô

Digitized by Google

tư, sống cuộc sống trong sạch, xử lý công việc chỉ xuất phát từ lợi ích của cách mạng, không hề vụ lợi, ích kỷ hại dân, thiên lệch, lạm dụng quyền hành làm những điều trái đạo.

Khi độc lập, thống nhất nước nhà đi vào giai đoạn xây dựng cuộc sống mới phát triển kinh tế, văn hóa, đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước có nghĩa vụ nặng nề hơn vì phải có nghĩa vụ bảo vệ những thành quả cách mạng mà hàng triệu đồng bào, chiến sĩ đã hy sinh tính mệnh và do cuộc chiến đấu anh hùng của cả dân tộc mới giành được. Qua cuộc chiến đấu lâu dài, hậu quả chiến tranh kéo dài đối với từng gia đình, mất người, mất nhà, của cải khánh kiệt, đời sống của đồng bào ta vô cùng khó khăn, thiếu thốn. Thế mà trong khi đông đảo cán bộ cùng với nhân dân ta hết lòng phấn đấu vì nghĩa lớn, một bộ phận cán bộ lại lợi dụng quyền hành, xoay ra bòn rút của cải của dân mưu cuộc sống riêng xa hoa, trụy lạc, tức là sống vô liêm sỉ trên xương, máu của đồng bào. Những người như thế đâu còn là những người cách mạng, những người đầy tớ của dân. Họ khác nào bọn tham quan, ô lại ngày xưa. Tội ác lớn của họ là làm mất tín nhiệm của nhà nước cách mạng. Nhân dân coi họ là kẻ thù hút máu mủ của mình, là bọn hôi tanh. Nhà tù, trường bắn không thể rửa sạch tội ác, vết nhơ.

Vì sao dưới một chế độ không còn vua quan, không phải tư bản chủ nghĩa mà tệ tham nhũng lại phát triển ? Phải nói nguyên nhân trực tiếp là sai lầm của con người, của việc dùng người, tổ chức quản lý, chính sách đãi ngộ... Trên miếng đất tốt trồng lúa, trồng hoa, cỏ dại, cỏ độc vẫn phát triển nếu không thực hiện những biện pháp có hiệu quả ngăn ngừa, tiêu diệt.

Dùng người đúng thì thành, sai thì bại. Tài năng, nhân cách phải tương xứng với nhiệm vụ. Thiếu một là hỏng việc. Con người dễ biến đổi theo hoàn cảnh. Vì vậy, phải chịu sự ràng buộc, kiểm tra, kiểm soát. Đặc quyền dẫn đến lạm quyền mưu lợi ích riêng. Là chính quyền của dân, do dân, vì dân, mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân thì mọi chức vụ trong các cơ quan quyền lực các cấp, các ngành, đơn vị cơ sở đều thuộc quyền lựa chọn, giám sát, kiểm tra của quần chúng. Những người qua thi cử được giao những chức vụ chuyên môn cũng phải chịu sự kiểm tra, giám sát, không thể hành động ngoài vòng cương tỏa. Giáo dục bao giờ cũng quan trọng nhưng chỉ là một biện pháp mà thôi, không phải là liều thuốc trị bách bệnh.

Kinh tế thị trường là miếng đất nảy sinh tệ tham tiền, nhưng chớ nên cho rằng nó là nguyên nhân duy nhất, phải cam chịu như một định mệnh rồi buông trôi, chấp nhận sự bất lực để cho nó mặc sức hoành hành. Nhà nước tư bản chủ nghĩa nhiều khi chống tham nhũng có hiệu quả do tổ chức, quản lý của nó chặt chẽ, pháp luật nghiêm ngặt. Răn đe cũng là một biện pháp. Thời Lý đặt ra hội thề buộc những người làm quan phải cam kết. Hằng năm vào ngày 4 tháng Tư, tất cả các quan trong triều phải đến trước đền Đồng Tổ ở Kinh thành, trước mặt vua, thề rằng :

Làm tôi phải trung, làm quan phải trong sạch. Ai sai lời thì sẽ bị tru diệt.

Nhờ đó, bộ máy nhà nước trong sạch. Nhiều ông quan thanh liêm, được biểu dương. Để giữ vững đức liêm khiết, triều đình đặt ra lệ cho tiền để nuôi đức tính đó, gọi là tiền dưỡng liêm, đồng thời đặt ra chức quan liêm phóng để kiểm tra quan lại.

Ngày nay, chúng ta có thể bắt buộc những người cầm quyền, những người công bộc của dân phải cam kết giữ vững sự trong sạch khi được trao nhiệm vụ và quyết tâm thực hiện lời dạy của người sáng lập Nhà nước nhân dân : xứng đáng là đầy tớ của dân, thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư.

Làm được như vậy là điều phúc lớn trước hết đối với những công bộc ấy. ❑

Digitized by Google

Tư liệu

PHAN BỘI CHÂU VÀ NGUYỄN ÁI QUỐC

Lời BBT : *Nhân kỷ niệm lần thứ 107 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tạp chí Cộng sản xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc một tư liệu mới :* **Bức thư của Phan Bội Châu gửi Lý Thụy (Nguyễn Ái Quốc)** *(tháng 2-1925)*

Bức thư này do giáo sư Vĩnh Sính, Trường đại học An-bơc-ta (Ca-na-đa), tìm được trong Trung tâm Văn khố hải ngoại (C.A.O.M) ở Aix-en-Provence (Pháp). Giáo sư Vĩnh Sính đã gửi bức thư này về nước và bức thư được đăng ở số 38 **Tạp chí Xưa và Nay,** *cơ quan của Hội khoa học lịch sử Việt nam.*

Cũng nhân dịp này, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc bài báo của Nguyễn Ái Quốc đăng trên báo Le Paria số 36 - 37, tháng 9 và tháng 10-1925, nhan đề là : ***Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu.***

Bức thư của Phan Bội Châu và bài báo của Nguyễn Ái Quốc xuất hiện cùng năm 1925, chỉ cách nhau 8 tháng. Phan Bội Châu, qua bức thư gửi "người cháu rất kính yêu của bác", đã tìm thấy ở Nguyễn Ái Quốc "một tiểu anh hùng" và "mừng cho đất nước ta" "việc thừa kế nay đã có người, người đi sau giỏi hơn kẻ đi trước, trên tiền đồ đen tối sẽ xuất hiện ánh sáng ban mai". Còn Nguyễn Ái Quốc, qua bài báo của mình, tôn vinh Phan Bội Châu là "bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng".

BỨC THƯ CỦA PHAN BỘI CHÂU GỬI LÝ THỤY (NGUYỄN ÁI QUỐC)

"Người cháu rất kính yêu của bác,

Hôm trước anh Lâm Đức Thụ và anh Hồ Tùng Mậu gửi lại thư của cháu, trong thư có nói tường tận chuyện ông Hy Mã Phan Châu Trinh. Tuy thư dựa trực tiếp trên chuyện thật nhưng ngụ ý sâu sắc, mà lối lập luận lại dựa trên những ý tưởng lớn, nhân đó mới biết là học vấn, tri thức của cháu nay đã tăng trưởng quá nhiều, quả thật không phải như hai mươi năm về trước.

Nhớ lại hai mươi năm trước đây, khi đến nhà cháu uống rượu gõ án ngâm thơ, anh em cháu thảy đều chửa thành niên, lúc đó Phan Bội Châu này đâu có ngờ rằng sau này cháu sẽ trở thành một tiểu anh hùng như thế này. Bây giờ đem kẻ già này so với cháu thì bác thấy rất xấu hổ. Nhận được liên tiếp hai lá thư của cháu, bác cảm thấy vừa buồn vừa mừng. Buồn là buồn cho thân bác, mà mừng là mừng cho đất nước ta. Việc thừa kế nay đã có người, người đi sau giỏi hơn kẻ đi trước, trên tiền đồ đen tối sẽ xuất hiện ánh sáng ban mai. Ngày xế đường cùng, chỉ sợ không được thấy ngày đó, làm sao bác không cảm thấy buồn cho chính mình được ? Một đời tân khổ, gánh vác công chuyện một mình, được sức lớn của cháu giúp vào thì ắt sẽ có nhiều người hưởng ứng theo. Việc gây dựng lại giang sơn, ngoài cháu có ai để nhờ ủy thác gánh vác trách nhiệm thay mình. Có được niềm an ủi lớn lao như thế, làm sao bác không cảm thấy vui mừng được ?

Bác đang định tìm một dịp tốt về Quảng đông một chuyến để đàm luận với cháu, không biết cháu còn ở lại Quảng đông lâu mau, hoặc giả trong tương lai có định đi chỗ khác không ? Trong lòng bác có nhiều chuyện muốn hỏi ý kiến cháu nhưng không gặp mặt thì làm sao có thể bàn cho hết ý được ? Làm sao được ? Nếu không coi già yếu là đồ bỏ thì cháu viết thư nhiều cho bác, bác thành thật yêu cầu cháu đấy.

Cần nhắc lại là Phan Bội Châu lúc rời nước đã gần bốn mươi (ba mươi chín tuổi đến Nhật), lại không thể tránh khỏi những trách nhiệm này nọ đặng chuyên chú học hành, cho nên tri thức bây giờ cũng vẫn như xưa. Cháu học vấn rộng rãi và từng đi nhiều nơi, hơn bác cả chục, cả trăm lần. Tri thức và kế hoạch của cháu tất vượt sức đo lường của bác ; không biết cháu có thể chia sẻ cùng bác một hai việc ? Bác hết sức mong đợi, mong cháu không ngại. Vì nếu không có kế hoạch thì bất quá chỉ làm những khách tha hương than thở không đâu cho hồn cố quốc, chả giống ông Hy Mã thì cũng chỉ giống Phan Bội Châu mà thôi !

Thư bất tận ngôn, mong cháu hiểu giùm cả những ý không viết thành lời. Chúc cháu bình an.

Ngày 21 tháng 1 lịch ta 14 tháng 2, 1925 dương lịch, viết dưới ánh đèn dầu.

Chỗ bác ở đậu nơi đất khách thì Quốc Đống Hồ Tùng Mậu đã biết nên không ghi ở đây. Thư này nhờ Quốc Đống chuyển giúp.

Bác,
Thứ cụ (1)

(1) Một trong những bút hiệu Phan Bội Châu dùng

Digitized by Google

NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VAREN VÀ PHAN BỘI CHÂU *

NGUYỄN ÁI QUỐC

Do sức ép của công luận ở Pháp và ở Đông dương, ông Varen đã nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu. Ông hứa thế ; giả thử cứ cho rằng một vị toàn quyền Đông dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan toàn quyền Varen sẽ "chăm sóc" vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao.

Trước hết, ngài chỉ muốn chăm sóc đến khi nào yên vị thật xong xuôi ở bên ấy đã.

Nhưng ngài lại chỉ vừa mới xuống tàu, mà hành trình từ Mácxây đến Sài gòn kéo chừng bốn tuần lễ cơ. Như vậy có nghĩa là trong bốn tuần lễ đó, Phan Bội Châu vẫn bị giam trong tù.

*
* *

Đến Sài gòn thì ông Varen, có gì mà không lường trước được, sẽ bị quấn quýt lấy, lôi kéo đi, giằng co, ru vỗ, ấp ủ trong mớ bòng bong những buổi chiêu đãi, những cuộc tiếp với rước, những lời chúc với tụng. Tiếp đấy là một cuộc tuần du linh đình qua khu phố bản xứ, giữa hàng nghìn người da vàng đã được nước Pháp hàng phục bằng sức mạnh của lưỡi lê, nay giao phó vận mệnh trong tay quan toàn quyền. Và đó cũng là lần đầu tiên trong đời mình, hai con mắt của ông Varen được thấy hiển hiện cái huyền diệu của một thành phố Đông dương, dưới lòng đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm. Những cu li *xe* (1) kéo xe tay phóng cật lực, đôi bàn chân trần giẫm lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng ; những quả dưa hấu bổ phanh đỏ lòm lòm ; những xâu lạp xưởng lủng lẳng dưới mái hiên các hiệu cơm ; cái rốn một chú khách trưng ra giữa trời ; một viên quan uể oải bước qua, tay phe phẩy cái quạt, ngực đeo tấm bắc đẩu bội tinh(1) hình chữ thập. Thật là lộn xộn ! Thật là nhốn nháo !

Bỗng dưng tất cả dừng lại, dưới cây đũa thần, hay đúng hơn dưới ngọn roi gân bò mà viên đội xếp Tây vừa vung lên vừa quát tháo : "Cái giống tởm nhà mày ! Có cút đi không, cái giống tởm !". Thế là cái đám đông lúc nhúc đứng sắp hàng, vừa yên lại vừa lặng, hai bên lề đường. Gì thế nhỉ ? Xe ô tô quan toàn quyền sắp đi qua đấy... Xe kia rồi ! Lại cả ông Toàn quyền đây rồi !

- Quan có cái mũ hai sừng trên chóp sọ ! Một chú bé con thầm thì.
- Ồ ! Cái áo dài đẹp chửa ! Một chị con gái thốt ra.
- Ngài sắp diễn thuyết đấy ! Một anh sinh viên kêu lên.
- Đôi bắp chân ngài bọc ủng ! Một bác cu li xe thở dài.
- *Rậm râu, sâu mắt* 1*(2) ! Một nhà nho lẩm bẩm.

Thế là ô tô ông Varen chạy qua giữa hai hàng rào con người, lưng khom lại khi ngài đến gần. Cùng lúc; một tiếng rào rào nổi lên : *"Lạy quan lớn ! Bẩm lạy quan lớn ạ !"*(3)

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù

*
* *

Từ Sài gòn ra Hà nội, ông Varen sẽ dừng lại Huế. Triều đình An nam, do hoàng đế hay hình bóng hoàng đế dẫn đầu sẽ tất tưởi đi nghênh tiếp hiện thân tôn nghiêm của nước Pháp. Đức kim thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Varen thăm hoàng cung, và ông Varen sẽ vào. Hoàng thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Varen dự yến, và ông Varen sẽ ăn. Đến lúc tráng miệng, hoàng thượng đứng dậy, ngài uy nghi tiến đến gần quan toàn quyền ; đưa những ngón tay dài và mảnh, lấp lánh châu ngọc đỏ xanh, ngài cài lên ngực ông Varen loại tưởng lệ phong tặng cao quý nhất của hoàng triều : Nam long bội tinh, và thế là ông Varen được gắn mề đay.

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

*
* *

Nhưng chúng ta hãy theo dõi, theo dõi bằng đôi cánh của trí tưởng tượng, những trò lố chính thức của ông Varen. Hãy theo ông đến tận Hà nội, tận cổng nhà lao chính, tận xà lim, nơi người đồng bào tôn kính của chúng ta đang rên xiết.

Ôi thật là một tấn kịch ! Ôi thật là một cuộc chạm trán ! Con người đã phản bội giai cấp vô sản Pháp, tên chính khách đã bị đồng bọn đuổi ra khỏi tập đoàn, kẻ đã ruồng bỏ quá khứ, ruồng bỏ lòng tin, ruồng bỏ giai cấp mình, lúc này mặt đối mặt với người kia, con người đã hy sinh cả gia đình và của cải để xa lánh khỏi thấy mặt bọn cướp nước mình, sống xa lìa quê hương, luôn luôn bị lũ này săn đuổi, bị chúng nhử vào muôn nghìn cạm bẫy, bị chúng kết án tử hình vắng mặt, và giờ đây đang bị, vẫn chúng, đeo gông lên vai, đày đọa trong nhà giam, ngày đêm bị bóng dáng của máy chém như một bóng ma ám kể bên cổ.

---

* Bài đăng trên báo Le Paria số 36 - 37, tháng 9 và tháng 10-1925

(1) Trong nguyên bản, từ "xe" bằng tiếng Việt

(1) Tên quen gọi trước đây của một thứ huân chương của Pháp

1* "Rậm râu, sâu mắt" : Ngạn ngữ nước Nam, chỉ đồ bất lương (Chú thích của tác giả).

(2) Trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt, "Dậm dâu, sâu mắt" có dịch ra tiếng Pháp và giảng nghĩa trong chú thích của tác giả.

(3) Câu này trong nguyên bản cũng viết bằng tiếng Việt, nhưng dịch ngay ra tiếng Pháp.

Digitized by Google

Giữa kẻ phản bội nhục nhã và bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng, giữa hai con người đó xảy ra chuyện gì đây ?

- Tôi đem tự do đến cho ông đây ! Varen tuyên bố vậy, tay phải giơ ra bắt tay Phan Bội Châu, còn tay trái thì nâng cái gông to kệch đang xiết chặt Phan Bội Châu trong nhà tù ẩm đạm.

"Nhưng, có đi phải có lại, tôi yêu cầu ông lấy danh dự hứa với tôi là sẽ trung thành với nước Pháp, hãy cộng tác, hãy hợp lực với nước Pháp để tiến hành ở Đông dương một sự nghiệp khai hóa và công lý.

"Ông Phan Bội Châu, tôi biết rõ tâm hồn cao thượng và cuộc đời đầy hy sinh, nhiều nguy nan của ông, và chính tôi, tôi xin là người đầu tiên, với tư cách là toàn quyền Đông dương, được bày tỏ tấm lòng rất mực quý trọng ông. Song những ý tưởng hào hiệp nhất phải chăng bao giờ cũng hay nhất ? Phải chăng bao giờ cũng thực hiện được ? Than ôi, không đâu, ông ạ ! Vả lại, trời ơi ! Tại sao chúng ta lại cứ cố chấp cãi lộn nhau mãi thế này, trong lúc ông và tôi, tay nắm chặt tay, chúng ta có thể làm được biết bao công việc tốt đẹp cho xứ Đông dương này ? Chúng ta có thể cùng nhau làm cho nước ông trở thành một quốc gia tân tiến lớn, một xứ tự trị, một nước Pháp ở châu Á !

"Ô! Ông nghe tôi, ông Phan Bội Châu này ! Ông hãy để mặc đấy những ý nghĩ phục thù của ông, hãy từ bỏ đi những mưu đồ xưa cũ, và, thôi, chớ tìm cách xúi giục đồng bào ông nổi lên chống lại chúng tôi nữa ; trái lại, ông hãy bảo họ cộng tác với người Pháp, và, làm như vậy là ông sẽ được tất cả, được cho đất nước ông, được cho bản thân ông !

"Về chuyện này, tôi có thể kể ông nghe gương của một trong những trợ thủ cũ của ông, là ông Nguyễn Bá Trác ; ông biết đấy, ông này đã biết điều rồi và hiện nay thì đã đứng về phía chúng tôi. Nhưng nếu gương của người đồng bào ông, ông cho là chưa đủ, thì tôi xin kể gương đồng bào của chính tôi cho ông nghe, gương các bạn học của tôi từ hồi còn nhỏ, các chiến hữu của tôi, Guyxtavơ, Alếchxăng, Arixtit, Anbe, Pôn và Lêông[1*] (1). Những vị ấy, ngày nay lừng danh cả, đều đã lần lượt đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ và đang tôn thờ những cái mà mình đã đốt cháy. Như vậy các vị ấy có sao không ? Chẳng sao cả. Nền dân chủ của chúng tôi, nhờ Chúa ! Rất là tốt ! Thật thế, nền dân chủ hào hùng của nước Pháp, mà hôm nay tôi được vinh dự thay mặt giữa các ông, khoan dung với những người, như tôi, đã đoạn tuyệt với những lầm lạc của tuổi trẻ.

"Nhưng sao thế, ông hãy nhìn tôi này, ông Phan Bội Châu ! Trước tôi là đảng viên xã hội đấy, và giờ đây thì tôi làm toàn quyền... !"

Ừ thì Phan Bội Châu nhìn Varen. Nhưng, lạ chưa ! Những lời nói của Varen hình như lọt vào tai Phan Bội Châu chẳng khác gì "nước đổ lá khoai"[1*], và cái im lặng dửng dưng của Bội Châu suốt buổi gặp gỡ hình như làm cho Varen sửng sốt cả người.

Không phải vì một bên nói tiếng Nam, một bên nói tiếng Tây : đã có một viên quan ở đấy làm thông ngôn cơ mà. Nhưng cứ xét bình tĩnh, thì đó chỉ là vì Bội Châu không hiểu Varen cũng như Varen không hiểu Bội Châu.

* * *

Cuộc gặp gỡ chấm dứt ở đấy, hay ít ra là không ai biết được gì hơn nữa. Chỉ có anh lính dõng An nam bồng súng chào ở cửa ngục là cứ bảo rằng, nhìn qua chấn song, có thấy một sự thay đổi nhẹ trên nét mặt người tù lừng tiếng. Anh quả quyết - cái anh chàng ranh mãnh đó - rằng có thấy đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một chút rồi lại hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi.

Nếu quả thật thế, thì có thể là lúc ấy Bội Châu có mỉm cười, mỉm cười một cách kín đáo, vô hình và im lặng, như cánh ruồi lướt qua vậy[2*].

T.B - Một nhân chứng thứ hai của cuộc hội kiến Varen - Phan Bội Châu (xin chẳng dám nêu tên nhân chứng này) lại quả quyết rằng Bội Châu (1) đã nhổ vào mặt Varen ; cái đó thì cũng có thể.

1* Gustave Hervé, Alexandre Millerand, Aristide Briand, Albert Thomas, Paul Boncour, Léon Jouhaux (Chú thích của tác giả).

(1) Chỉ dùng tên trước để gọi một cách thân mật, nhấn mạnh sự quen biết nhau.

Với cách gọi thân mật không đầy đủ tính danh đó, có thể không biết đích xác là chỉ ai, nhưng tác giả đã ghi rõ là ai trong chú thích. Đó là một số chính khách, cũng như Varen, vốn là đảng viên Đảng xã hội Pháp nhưng đã phản bội quyền lợi của giai cấp công nhân, trở nên toàn quyền, thượng thư, thủ tướng, tổng thống, v.v..

1* Một ngạn ngữ mà nông dân Bắc kỳ ưa thích. Lá khoai trơn và không thấm nước, nước đổ lên chảy tuột đi ngay. Nông dân Pháp thì nói : "Không cắn câu" (Chú thích của tác giả).

2* "Cười ruồi" : lời ví von quen thuộc của người Nam, dùng để tả cái cười bí ẩn của người da vàng. Tiếng Pháp có nói : "cỡ cân ruồi", "chim ruồi, "tàu ruồi" (1) (chú thích của tác giả).

1) "Cỡ cân ruồi" chỉ loại nhẹ cân trong các đấu sĩ môn quyền Anh.

"Chim ruồi" Chỉ loại chim sâu rất nhỏ.

"Tàu ruồi" chỉ thứ tàu thủy nhỏ chạy chơi sông hồ.

1) Ở đoạn cuối, nhiều chỗ chỉ gọi Phan Bội Châu bằng Bội Châu. Trong khi đó, cũng không gọi Varen bằng ông nữa, mà gọi trống không Varen. Cũng cùng gọi trống không cho "thân" nhưng tác giả đã khéo sử dụng song song hai chữ thân có thể có trong cách xưng hô của Pháp : thân quý mến đối với Phan Bội Châu, thân coi thường đối với Varen.

Digitized by Google

MỘT CHẶNG ĐƯỜNG HOẠT ĐỘNG SÔI ĐỘNG CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM

TRƯƠNG MỸ HOA*

NGÀY 19-5-1997, kỷ niệm lần thứ 107 ngày sinh của Bác Hồ kính yêu, được chọn là ngày khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam (nhiệm kỳ 1997 - 2002). Đây chính là niềm mong đợi, phấn khởi, tự hào của các tầng lớp phụ nữ Việt nam chào đón ngày hội lớn của giới mình.

Đại hội phụ nữ lần này là sự kiện có ý nghĩa rất quan trọng. Đó là đại hội của thời kỳ chuyển tiếp giữa hai thế kỷ, kết thúc tốt đẹp thế kỷ XX với những chiến công hào hùng, oanh liệt của dân tộc ta, trong đó có công lao to lớn của các tầng lớp phụ nữ Việt nam ; chuẩn bị bước vào thế kỷ XXI, thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với thế và lực mới.

I - Những thành tựu đáng ghi nhận và bài học kinh nghiệm

Trong 5 năm qua (1992 - 1997), tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng, phát huy truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt nam, với tinh thần tự lực vượt khó, bằng trí thông minh, khả năng lao động sáng tạo, vươn tới bình đẳng phát triển, các tầng lớp phụ nữ đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua bao khó khăn, thử thách, ra sức thực hiện các chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, tích cực hưởng ứng các phong trào hành động cách mạng do Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam đề xướng, vươn lên tự khẳng định mình, có nhiều đóng góp to lớn vào những thành tựu của công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của cộng đồng và gia đình.

Mục tiêu chung và *5 chương trình công tác trọng tâm* mà Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ VII đề ra đã thu được những kết quả đáng phấn khởi. *Phương thức hoạt động theo chương trình công tác* là nét nổi bật trong việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Hội. Lần đầu tiên các cấp hội phụ nữ hoạt động theo các chương trình và là đoàn thể nhân dân đầu tiên thực hiện phương thức hoạt động mới này.

Tiềm năng to lớn và những phẩm chất tốt đẹp của các tầng lớp phụ nữ được phát huy, quy tụ trong các phong trào hành động như : "Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình", "Phụ nữ nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học", "Giỏi việc nước, đảm việc nhà", "Ngày tiết kiệm vì phụ nữ nghèo", các phong trào "đền ơn đáp nghĩa", các hoạt động "nhân đạo, từ thiện". Từ các phong trào đó, khối đoàn kết trong các tầng lớp phụ nữ được củng cố.

Hoạt động của các cấp hội đã được đổi mới với những nội dung và hình thức phong phú, đa dạng hơn. Nhiều hình thức hấp dẫn thu hút sự tham gia đông đảo không chỉ của phụ nữ mà cả nam giới.

Hoạt động vay vốn của các cấp hội đặc biệt sôi động và đạt kết quả cao như : hoạt động của "Quỹ tình thương", của các nhóm "Phụ nữ tiết kiệm"... đã tạo ra được một cơ chế quản lý bảo đảm an toàn nguồn vốn, sử dụng đồng vốn có hiệu quả, đoàn kết tương trợ giữa các thành viên trong nhóm. Đến nay, cả nước đã có trên 60 nghìn "nhóm phụ nữ tiết kiệm" và gần 80 nghìn "nhóm phụ nữ vay vốn". Đặc biệt là phong trào "ngày tiết kiệm vì phụ nữ nghèo" trên cơ sở vốn quỹ 40 000 USD do Tổng bí thư Đỗ Mười tặng. Phong trào đã nhanh chóng được sự hưởng ứng của đông đảo các tầng lớp phụ nữ cả nước. Đến cuối năm 1996, hội phụ nữ các cấp đã vận động được số tiền 42,8 tỉ đồng nguồn vốn vay cho phụ nữ nghèo. Tổng doanh số các nguồn vốn cho phụ nữ vay để sản xuất, kinh doanh đạt trên 1000 tỉ đồng ; gần 2 triệu lượt phụ nữ nghèo được vay vốn.

---

* Ủy viên trung ương Đảng, Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam

Digitized by Google

Các cấp Hội đã thực hiện có hiệu quả các chương trình phối hợp với các ngành chức năng như : y tế, giáo dục, khoa học - công nghệ - môi trường, dân số - kế hoạch hóa gia đình, Ủy ban chăm sóc và bảo vệ trẻ em v.v. Kết quả là, gần 30 triệu lượt phụ nữ được hướng dẫn, bồi dưỡng về kiến thức dân số - kế hoạch hóa gia đình, nuôi dạy con, chế độ dinh dưỡng ; 98% trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng phòng bệnh ; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 53% (năm 1991) giảm xuống còn 42% (năm 1995).

Qua việc thực hiện các chương trình trọng tâm, tổ chức Hội được củng cố và kiện toàn, cán bộ Hội ngày càng trưởng thành. Công tác vận động, tập hợp phụ nữ trong các đối tượng được quan tâm hơn ; nhất là việc vận động, tập hợp phụ nữ tôn giáo, phụ nữ các dân tộc thiểu số vào Hội có nhiều chuyển biến tích cực, đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực.

Công tác đối ngoại của Hội những năm qua đã được đổi mới, chủ động hơn, tích cực hơn và đạt được những kết quả to lớn : khôi phục, củng cố và phát triển quan hệ với các tổ chức phụ nữ, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các tổ chức thuộc hệ thống Liên hợp quốc, các tổ chức xã hội - nhân đạo, các tổ chức kinh tế - tài chính, các cơ quan nghiên cứu khoa học và một số nhân vật nổi tiếng trong khu vực và thế giới. Đến nay, Hội đã có quan hệ ở mức độ khác nhau với 192 tổ chức phụ nữ thuộc 33 quốc gia. Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam đã tham dự và có nhiều đóng góp vào sự thành công của Hội nghị thế giới lần thứ 4 về phụ nữ tại Bắc kinh (Trung quốc) tháng 9-1995.

Một thành tựu nổi bật của nhiệm kỳ vừa qua là : Đảng đoàn phụ nữ Trung ương đã tích cực tham mưu cho Đảng trong việc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 44 của Ban bí thư, xây dựng Nghị quyết 04 của Bộ chính trị, Chỉ thị 37, Chỉ thị 28 của Ban bí thư Trung ương Đảng (khóa VII). Qua đó, đã làm chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền cũng như của toàn xã hội đối với công tác phụ nữ và phong trào vận động phụ nữ.

Phải khẳng định rằng 5 chương trình công tác trọng tâm của Hội đã thực sự đi vào cuộc sống, phù hợp với tâm tư, tình cảm của các tầng lớp phụ nữ, đồng thời cũng phù hợp với sự quan tâm của toàn xã hội, góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về vấn đề giới, về vị trí, vai trò của phụ nữ Việt nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước ; đồng thời góp phần nâng cao uy tín và vị trí của tổ chức Hội trên trường quốc tế. Cho đến nay, 5 chương trình đó vẫn tiếp tục phù hợp và cần được phát huy hơn nữa trong hoạt động của Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam.

Từ thực tiễn hoạt động của các cấp Hội và phong trào phụ nữ trong 5 năm qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau :

1- Các cấp hội khi đề ra các chủ trương công tác phải bán sát mục tiêu vì sự bình đẳng phát triển của phụ nữ ; phải sáng tạo, nhạy bén, năng động vận dụng đúng đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

2 - Không tách rời việc giải quyết các vấn đề của phụ nữ với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội chung của đất nước, của từng địa phương, cơ sở. Thực hiện xã hội hóa công tác Hội trên cơ sở liên kết, phối hợp rộng rãi với các ngành, các đoàn thể, mở rộng hợp tác quốc tế.

3 - Trong chỉ đạo, phải cụ thể hóa các chủ trương công tác lớn thành chương trình, kế hoạch ; từng thời gian, thời điểm biết chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm để tập trung giải quyết ; coi trọng chỉ đạo điểm xây dựng mô hình.

4 - Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ và tổ chức Hội vững mạnh, đặc biệt chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở và tổ chức cơ sở.

II - Mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của phong trào phụ nữ Việt nam nhiệm kỳ 1997 - 2002

Trên cơ sở mục tiêu chung mà Đại hội VIII của Đảng đã đề ra, trên cơ sở kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ VII, xuất phát từ yêu cầu của phong trào phụ nữ trong thời kỳ mới, căn cứ vào *Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt nam đến năm 2000* và *Cương lĩnh hành động của Hội nghị thế giới về phụ nữ lần thứ 4* mà Chính phủ ta đã cam kết thực hiện, mục tiêu của phong trào phụ nữ Việt nam trong những năm tới là :

+ Đoàn kết rộng rãi, động viên các tầng lớp phụ nữ phát huy mọi tiềm năng, sức sáng tạo và những

Digitized by Google

phẩm chất tốt đẹp nhằm tiếp tục cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao kiến thức về mọi mặt, thực hiện nam nữ bình đẳng, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

+ Xây dựng người phụ nữ Việt nam yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có sức khỏe, có kiến thức, năng động, sáng tạo, biết làm giàu chính đáng, có lòng nhân hậu, quan tâm đến lợi ích của xã hội và của cộng đồng.

+ Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

+ Phát triển vững chắc đội ngũ cán bộ nữ trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội ; xây dựng, tổ chức đội ngũ cán bộ hội vững mạnh để phát huy có hiệu quả vai trò đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng của phụ nữ.

Căn cứ vào mục tiêu đã được xác định, *phương hướng nhiệm vụ* của phong trào phụ nữ Việt nam những năm 1997 - 2002 là :

1 - Động viên, tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tầng lớp phụ nữ nâng cao kiến thức về mọi mặt, phát huy tài năng trí tuệ, sức sáng tạo và ý chí tự lập, vượt khó, chủ động nghiên cứu, học tập ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào các lĩnh vực công tác, các chương trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Tiếp tục phát huy phong trào "Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình", đồng thời phát động phong trào "Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc", góp phần cùng toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội VIII của Đảng đã đề ra.

2 - Tổ chức, động viên phong trào phụ nữ xây dựng nếp sống lành mạnh, rèn luyện sức khỏe, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Tích cực tham gia phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống HIV/AIDS, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, góp phần bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục thực hiện công tác hậu phương quân đội, đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, hoạt động nhân đạo, từ thiện.

3 - Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu của Hội, đặc biệt ở cấp vĩ mô để tham mưu đề xuất và tham gia xây dựng các chính sách, luật pháp liên quan đến phụ nữ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết và Điều lệ Hội.

4 - Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội. Quan tâm xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp hợp lý, chặt chẽ với các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể, các ngành chức năng có liên quan để cùng giải quyết các vấn đề của phụ nữ ; xã hội hóa công tác vận động phụ nữ. Chú trọng phát triển hội viên cả về số lượng và chất lượng. Thúc đẩy sự phát triển đội ngũ cán bộ nữ, để cán bộ nữ thật sự là nòng cốt, phát huy được vai trò hạt nhân, phấn đấu cho sự bình đẳng của phụ nữ và tổ chức Hội.

5 - Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đối ngoại nhân dân nhằm củng cố và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tổ chức phụ nữ, tổ chức quốc tế, tổ chức chính phủ, tổ chức phi chính phủ và cá nhân trong cộng đồng quốc tế ; tham gia vào các hoạt động của Liên đoàn phụ nữ dân chủ quốc tế, Liên đoàn phụ nữ ASEAN ; từng bước khẳng định vị trí của Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam đối với khu vực và trên trường quốc tế.

Trên cơ sở các nhiệm vụ nêu trên, các cấp hội phụ nữ sẽ thực hiện các chương trình trọng tâm của Hội trong những năm 1997 - 2002 như sau :

- Chương trình giáo dục, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, trình độ và năng lực cho phụ nữ, góp phần nâng cao mặt bằng dân trí, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho xã hội đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cố gắng phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu quan trọng sau : Hoàn thành xóa mù chữ cho 100% cán bộ hội cơ sở miền núi ; phổ cập giáo dục tiểu học cho 100% cán bộ hội cơ sở miền xuôi ; hoàn thành xóa mù chữ cho phụ nữ trong độ tuổi 15 - 35 ; phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ có khoảng 60 - 70% phụ nữ được tiếp nhận các nội dung giáo dục truyền thống của Hội, riêng các tỉnh miền núi từ 40 - 50% ; thành lập Trung tâm thông tin, tư liệu và Trung tâm tư vấn pháp luật cho phụ nữ tại Trung ương Hội.

- Chương trình vận động phụ nữ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, hỗ trợ phụ nữ giúp nhau tạo việc làm, tăng thu nhập.

Digitized by Google

Các cấp hội cần vận động phụ nữ hưởng ứng phong trào phát huy sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, thực hành tiết kiệm trong lao động sản xuất ; tiếp tục phát triển chương trình tín dụng - tiết kiệm một cách bền vững, tạo điều kiện cho chị em được tiếp cận bình đẳng với các nguồn tín dụng, tài chính, phấn đấu 50 - 60% phụ nữ nghèo được tiếp cận tín dụng ; củng cố, phát triển "nhóm phụ nữ tiết kiệm", phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ đưa tổng số lên 150 000 nhóm ; phối hợp với Bộ lao động - thương bình và xã hội thử nghiệm chương trình tạo việc làm tại nhà cho phụ nữ...

- Chương trình chăm sóc sức khỏe phụ nữ, trẻ em, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng tiến bộ, hạnh phúc. Các chỉ tiêu cơ bản của chương trình này là : Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 30% ; giảm tỷ lệ tử vong khi sinh con xuống còn 0,05% ; góp phần thực hiện mục tiêu giảm nhịp độ phát triển dân số xuống dưới 1,8%...

- Chương trình xây dựng tổ chức hội vững mạnh, đội ngũ cán bộ thật sự có năng lực để hướng dẫn, tổ chức các phong trào cách mạng của phụ nữ trong thời kỳ mới ; mở rộng mặt trận liên hiệp, tập hợp đông đảo các tầng lớp phụ nữ vào Hội ; thực hiện tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ chuyên trách các cấp đạt 60 - 70%, riêng các tỉnh miền núi đạt từ 40% trở lên ; phấn đấu đạt 60% cán bộ hội chủ chốt các cấp được đào tạo, đào tạo lại ; tích cực bồi dưỡng và giới thiệu cho Đảng những cán bộ hội và phụ nữ ưu tú để Đảng bồi dưỡng, kết nạp, tạo nguồn cán bộ nữ.

- Chương trình nghiên cứu và kiểm tra giám sát. Mục tiêu của chương trình là nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu một số vấn đề cơ bản của phụ nữ ở cấp vĩ mô để không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội ; thực hiện tốt vai trò đại diện của tổ chức Hội trong việc tham gia xây dựng kế hoạch, luật pháp, chính sách của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến phụ nữ. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chế độ, chính sách có liên quan đến quyền lợi cơ bản, hợp pháp của phụ nữ ; tăng cường công tác kiểm tra thực hiện Nghị quyết và Điều lệ Hội. ❑

VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI PHỤ NỮ

LÊ NGỌC THẮNG *

I

TRÊN những bình diện, góc độ khác nhau đã có nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước bàn về quan điểm tư tưởng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với phụ nữ. Tuy nhiên đây vẫn còn là vấn đề cần được tiếp tục tìm hiểu, tổng kết vận dụng vào cuộc sống hiện nay.

1. Quan điểm tư tưởng về vấn đề phụ nữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống văn hóa dân tộc :

Trước khi xuất dương tìm đường cứu nước, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã sinh ra và lớn lên trong cái nôi văn hóa dân tộc. Với sự nhạy cảm của một tâm hồn và nhân cách lớn, Người sớm nắm bắt những tinh hoa văn hóa dân tộc trong đó có vấn đề phụ nữ. Đa số các nhà nghiên cứu đều có thiên hướng cho rằng những truyền thống văn hóa : "Thuận vợ, thuận chồng tát bể đông cũng cạn", "lệnh ông không bằng cồng bà", "Người chồng trị vì, người vợ cai quản"... là những hằng số văn hóa thể hiện vai trò, vị trí của người phụ nữ không dễ gì bị "lấn át" trong xã hội phong kiến, thực dân. Quan điểm về "Nguyên lý Mẹ" trong nền văn hóa Việt nam ngày càng được nhiều người quan tâm. Và chính truyền thống lịch sử dân tộc với những tấm gương của các anh hùng liệt nữ vì dân vì nước, vì độc lập dân tộc là bằng chứng hùng hồn không thể phủ nhận, có sức sống mạnh mẽ, trường tồn trong tâm thức, tâm hồn dân tộc... Đó chính là những yếu tố quan trọng của nền tảng

* PTS Sử học, Phó giám đốc Bảo tàng phụ nữ Việt nam

Digitized by Google

văn hóa dân tộc đã tác động và hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh đối với các vấn đề về phụ nữ.

Nhà sử học Mỹ, giáo viên trường đại học Phơ-lô-ri-đa Át-lăng-tích, Giô-xơ-phin Sten-sen (Josepphine Stensen) khi nhìn "Vai trò của Hồ Chí Minh trong lịch sử tiến bộ của phụ nữ" đã khẳng định Người trong số ít các lãnh tụ trên thế giới đã "thẳng thắn nói về chủ đề phụ nữ" và đã đi tìm câu trả lời từ "những năm tháng đầu tiên của cuộc đời Hồ Chí Minh". Bà viết : "Mặc dù phải trải qua những vất vả khó khăn, dường như là người mẹ của Hồ Chí Minh đã hỗ trợ cho hoạt động của chồng mình, là người yêu nước nồng nàn. Người con gái duy nhất của Bà đã bị kết án tù chung thân ở tuổi 14 do việc mua bán vũ khí. Như vậy, từ thuở thiếu niên của Hồ Chí Minh hai người phụ nữ trong gia đình của Người đã là nạn nhân của những tai họa và cả hai tai họa đó đều là hậu quả của bất công xã hội đối với phụ nữ. Chắc chắn là những tai họa này có một ảnh hưởng quan trọng và lâu dài đối với cuộc đời của Người khi trưởng thành" (1).

Truyền thống văn hóa xã hội và gia đình lúc sinh thời mà Người được chứng kiến là những lý do sâu xa và trực tiếp của sự hình thành quan điểm của Người đối với phụ nữ - điều mà không nhiều lãnh tụ trên thế giới cũng sớm ý thức và quan tâm đúng mức.

2. Thấu hiểu và đánh giá đúng sứ mạng cao cả và vai trò to lớn của phụ nữ : Trong diễn trình lịch sử - văn hóa của phụ nữ Việt nam, có thể nói từ thời đại Hồ Chí Minh phụ nữ mới thực sự được xem như một *lực lượng*, một *tổ chức* với tầm vóc lịch sử có vai trò quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh từ rất sớm khi đấu tranh cho quyền độc lập của dân tộc đã đấu tranh cho quyền sống, quyền hạnh phúc của người phụ nữ các nước thuộc địa. Trong những năm hai mươi của thế kỷ này, trong "Thư gửi quốc tế cộng sản", trong "Bản án chế độ thực dân Pháp", Người luôn luôn đề cập "Nỗi khổ nhục của người đàn bà bản xứ". Trên tờ báo *Người cùng khổ*, trong bài "Phụ nữ Việt nam và chế độ đô hộ của Pháp", Người viết : "Chế độ thực dân tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi. Bạo lực đó đem ra đối xử với trẻ em và phụ nữ lại càng bỉ ổi hơn nữa".

Từ cảm nhận sâu sắc nỗi "khổ nhục" của phụ nữ dưới chế độ thực dân phong kiến, Hồ Chí Minh càng ý thức hơn phụ nữ chính là một lực lượng, "một nửa" thành công của cách mạng. Trước khi có một chính Đảng ra đời, trên báo *Thanh niên* - cơ quan tuyên truyền của "Việt nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội" do Người phụ trách đã mở mục *Diễn đàn phụ nữ*. Trong báo cáo gửi Quốc tế cộng sản, ngày 3 tháng 6 năm 1926, Người đã tổ chức được "một tổ phụ nữ cách mạng" bắt đầu hoạt động từ tháng 4 năm 1926 gồm 12 hội viên. Trong một tác phẩn quan trọng viết sau đó, cuốn *Đường cách mệnh* (viết năm 1927), Nguyễn Ái Quốc khẳng định : "Việt nam cách mệnh phải có nữ giới tham gia mới thành công, mà nữ giới muốn cách mệnh thì phải theo phụ nữ quốc tế chỉ bảo".

Quan điểm tư tưởng nhìn nhận sâu sắc và đánh giá đúng vai trò quan trọng của phụ nữ trong lịch sử dân tộc là thường trực và xuyên suốt ở Người. Hơn thế nữa, Người còn tuyên truyền cho đồng bào, đồng chí hiểu về vấn đề đó. Năm 1941, sau khi về nước, trong số báo *Việt nam Độc lập* tại Việt bắc, Người đã viết :

"Việt nam phụ nữ đời đời
Nhiều người vì nước vì nòi hy sinh
Nghìn thu vang tiếng Bà Trưng
Ra tay cứu nước cứu dân đến cùng
Bà Triệu Âu thật anh hùng
Cưỡi voi đánh giặc anh hùng bốn phương."

Và sau này, trong *Lịch sử nước ta*, Người lại khẳng định một lần nữa cho đông đảo dân chúng và cán bộ : "Phụ nữ ta chẳng tầm thường. Đánh đông dẹp bắc làm gương để đời" (2).

Sau khi có Đảng ra đời và sau này, chúng ta thấy Người luôn luôn là trung tâm đoàn kết, luôn theo dõi sát sao và tạo mọi điều kiện cho phụ nữ tham gia vào sự nghiệp bảo vệ nền độc lập dân tộc và dựng xây nước nhà. Lớp lớp các thế hệ cán bộ và hội viên của Hội liên hiệp Phụ nữ Việt nam không bao giờ quên hình ảnh của Người với những ấn tượng và kỷ niệm thiêng liêng.

---

(1) - *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh* (Trích tham luận của đại biểu quốc tế). UNESCO và Ủy ban khoa học Xã hội Việt nam. Nxb Khoa học Xã hội, Hà nội 1990, tr 143

(2) - Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, tập I, Nxb Sự thật Hà nội 1980, tr 328

Digitized by Google

3. Quan điểm về giải phóng phụ nữ :

- Khái niệm "giải phóng phụ nữ" không chỉ hàm nội dung giải phóng phụ nữ thoát khỏi ách nô lệ, khỏi chế độ thực dân phong kiến trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ mà còn là xóa bỏ tư tưởng "trọng nam khinh nữ" từ gia đình ra xã hội, là tạo mọi điều kiện để phụ nữ phát huy tài năng sức lực của mình vào phát triển đất nước và của chính bản thân mình. Khái niệm trên đây chính là nhận thức và hành động trong suốt cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Dưới chế độ phong kiến và sau này là thực dân - phong kiến, đế quốc, người phụ nữ Việt nam hàng trăm năm sống trong triết lý Nho giáo "tam tòng, tứ đức", "nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô"..., quanh quẩn hoặc an phận với cuộc sống gia đình, với hạnh phúc nhỏ nhoi chật hẹp. Từ gia đình ra ngoài xã hội, họ bị những quan niệm trên "trói buộc" và chịu một thân phận "thiệt thòi"... Vì lẽ đó mà *giải phóng phụ nữ* là nội dung và chương trình cách mạng do Người và Đảng của Người tiến hành không chỉ là cuộc *cách mạng xã hội* gắn liền với giải phóng dân tộc mà còn là cuộc *cách mạng văn hóa, nhân văn sâu sắc.*

Truyền thống văn hóa, lịch sử của phụ nữ Việt nam đã tạo nên bản chất với "cá tính" vừa *dịu hiền* vừa *mãnh liệt* của các thế hệ phụ nữ. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người khơi dậy bản chất tốt đẹp đó của phụ nữ vừa để góp phần giải phóng dân tộc vừa để giải phóng cho chính phụ nữ nước nhà. Hơn thế nữa, trong cuộc cách mạng đó, Người đã đặt phụ nữ vào một *"vị thế" mới* trong *gia đình* và *cộng đồng*, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển.

- Giải phóng phụ nữ là từ gia đình. Phụ nữ là lực lượng to lớn trong xã hội, là một nửa gia đình, dân tộc. Bước ra từ xã hội phong kiến - thực dân, gia đình mới Việt nam không phải đã hoàn toàn "cắt đứt" với những triết lý, quan niệm Nho giáo về vị trí, vai trò phụ nữ trong gia đình và xã hội. Đây là vấn đề có tính "đấu tranh" lâu dài trong nhận thức của cộng đồng, nhưng trước hết là từ trong gia đình. Hồ Chí Minh ý thức, và thấu hiểu những "ràng buộc", mà người phụ nữ phải "gánh chịu". Giải phóng phụ nữ từ gia đình ra xã hội, thực chất là tạo quyền bình đẳng giữa nam và nữ ; vợ và chồng ; con trai và con gái. Tuy nhiên đó là công việc không đơn giản chút nào. Người viết : "Nhiều người lầm tưởng đó là việc dễ, chỉ : hôm nay anh nấu cơm, rửa bát quét nhà, hôm sau em quét nhà, nấu cơm rửa bát, thế là bình đẳng, bình quyền. Lầm to." (3)

Hồ Chí Minh lên án thái độ coi thường, không tin tưởng phụ nữ, lên án tệ đánh đập vợ, ngược đãi ép duyên con cái... Tư tưởng đó của Người rất quan trọng và luôn có ý nghĩa không chỉ cho vấn đề "giải phóng phụ nữ" mà còn là nhân tố cho hạnh phúc gia đình thực sự bền lâu và vì sự phát triển của mọi thành viên trong gia đình. Gia đình là tế bào của xã hội, nếu quan niệm chưa đúng đối với phụ nữ từ trong gia đình được "gột rửa" thì sẽ là môi trường tốt cho phụ nữ có điều kiện phát triển.

- Nếu như trong cách mạng dân tộc, dân chủ Hồ Chí Minh khẳng định "Việt nam cách mệnh phải có nữ giới tham gia mới thành công" thì trong thời kỳ hòa bình xây dựng đất nước Người lại nêu : "Nói phụ nữ là nói phần nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa" (4). Có thể nói quan điểm tư tưởng của Người đối với phụ nữ là giải phóng "sức chiến đấu" và "sức lao động" đặng tạo điều kiện tốt nhất để chị em đóng góp nhiều nhất cho đất nước và thông qua đó mà trưởng thành hơn lên.

- Giải phóng phụ nữ là sự kết hợp của *yếu tố bên ngoài* (môi trường khách quan, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, xã hội...) với *sự tự vươn lên của phụ nữ.* Đó là quan điểm sáng suốt và đúng đắn của Người có ý nghĩa và bài học chiến lược lâu dài. Trong bối cảnh của nền quản lý theo cơ chế "bao cấp" trước đây, cũng như trong thời kỳ đổi mới hiện nay, quan điểm trên vẫn tồn tại như là một giá trị không đổi. Chúng ta có thể hình dung theo công thức sau :

Giải phóng Phụ nữ và Phát triển của phụ nữ	=	Điều kiện, yếu tố bên ngoài	+	Sự tự vươn lên của phụ nữ.

(3) - *Hồ Chủ tịch với vấn đề giải phóng phụ nữ*, Hà nội 1970, tr 31

(4) - *Hồ Chí Minh Tuyển tập*, Tập II. Nxb Sự thật, Hà nội 1980, tr110 - 111

Digitized by Google

Từ khi có Đảng ra đời, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến công tác phát triển Đảng trong quần chúng phụ nữ. Khi làm việc với các cấp ủy đảng từ trung ương đến địa phương, Người luôn quan tâm đến số lượng cán bộ nữ. Khi làm việc với tỉnh ủy Nghệ an năm 1961, Người hỏi số lượng Ban chấp hành đảng bộ tỉnh. Khi nghe báo cáo thấy số lượng cán bộ nữ không được 10%, Người nhận xét : "Một là các cô không phấn đấu, hai là các chú còn - chừng nào thôi - trọng nam khinh nữ. Cái đó thấy từ trên xuống dưới. Ở trung ương cũng thế, ở các huyện xã chắc cũng thế"(5).

Sự nghiệp giải phóng và phát triển của phụ nữ thành công phụ thuộc vào các yếu tố khách quan và chủ quan. Nếu điều kiện khách quan tốt mà thiếu sự khắc phục, nỗ lực chủ quan, khắc phục tư tưởng "an phận thủ thường" của phụ nữ... thì sẽ không thành công. Với chức năng làm mẹ, làm vợ, làm dâu... người phụ nữ bị chi phối bởi nhiều mối quan hệ đời thường, nếu chị em không có sự nỗ lực cao thì sẽ hạn chế nhiều điều kiện hoạt động xã hội để chứng tỏ tài năng, đức độ của mình đóng góp vào sự phát triển của đất nước và bản thân. Trên quan điểm đó, Người nói : "Về phần mình, chị em phụ nữ không nên ngồi chờ Chính phủ, chờ Đảng ra chỉ thị giải phóng cho mình mà tự mình phải tự cường, phải đấu tranh" (6).

II

Trong thời kỳ đổi mới, hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước hiện nay việc nhìn nhận một vài quan điểm tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với phụ nữ cũng là dịp nhìn lại các yếu tố :

- Điều kiện khách quan (yếu tố bên ngoài)
- Sự nỗ lực vươn của phụ nữ (yếu tố chủ quan)

Nếu như trước đây, đó là những thành tố hợp thành hiệu quả của sự nghiệp "giải phóng phụ nữ" thì nay là thành tố hợp thành kết quả của sự *phát triển của phụ nữ*.

Chúng ta đang đứng trước thềm thế kỷ XXI, nhân loại đã bước qua giai đoạn văn minh công nghiệp và hậu công nghiệp. Nhưng có thể nói, quan điểm tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với phụ nữ vẫn là "kim chỉ nam" cho nhận thức và hành động của các thế hệ đồng chí, học trò và nhân dân của Người hôm nay. Phụ nữ Việt nam không chỉ "anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang" mà còn rất "tài năng" trong bảo vệ và xây dựng đất nước. Ngày nay, như Người đã nhận định, phụ nữ là lực lượng lao động to lớn có vai trò đặc biệt trong đời sống văn hóa, kinh tế gia đình và cộng đồng. Thấm nhuần tư tưởng, quan điểm của Người đối với sự nghiệp *giải phóng* và *phát triển* của phụ nữ, những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách quan trọng đối với sự trưởng thành của các thế hệ phụ nữ. Vấn đề phụ nữ đã được đưa vào *Hiến pháp* năm 1946, 1960, 1986, 1992 với những điều khoản cụ thể, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho mọi quyền và nghĩa vụ cho hoạt động của phụ nữ trên mọi lĩnh vực. Vấn đề phụ nữ cũng được đưa vào các *Bộ luật*, các *Luật* như *Bộ luật Hình sự* (1986), *Bộ luật dân sự* (1994), *Luật hôn nhân và gia đình* (1986), *Luật lao động* (1994)... đã có nhiều điều khoản quy định các quyền và bảo vệ quyền lao động, quyền sống, quyền hạnh phúc... của phụ nữ trong cộng đồng. Bên cạnh đó Đảng, Nhà nước, các cơ quan hữu quan đã có nhiều văn bản tạo điều kiện và bảo vệ phụ nữ trên nhiều lĩnh vực, nhằm tạo môi trường tốt cho phụ nữ có điều kiện phát triển. Đó là *Điều lệ về bảo hiểm xã hội* (1962) *Nghị quyết 31/CP* (8-3-1987), *Nghị định 42/CP* (10-3-1970) của Hội đồng Chính phủ, *Pháp lệnh nghĩa vụ và lao động nữ* (1988), *Chỉ thị 99/TTg* (13-10-1963), *Quyết định 163/HĐBT* (20-10-1988), *Nghị quyết 04*-NQ/TƯ của Bộ Chính trị (12-7-1993), *Chỉ thị số 28*-CT/TƯ (29-9-1993), *Chỉ thị số 37*-CT/TƯ (16-5-1994)... Các văn bản trên đây thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước ta trước trách nhiệm đối với sự nghiệp "giải phóng" và *phát triển* của phụ nữ. Đó cũng chính là sự kế thừa tư tưởng sáng suốt của Hồ Chí Minh được vận dụng, cụ thể hóa phù hợp với tình hình từng giai đoạn cách mạng, từng thời kỳ phát triển của đất nước.

Tuy nhiên thực tiễn cho thấy, các văn bản pháp lý, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề phụ nữ cần được các cấp, các ngành quan tâm nghiên cứu, áp dụng, quán triệt nhiều hơn nữa, làm cho các văn bản trên có sức sống mạnh mẽ trong đời sống xã hội. Thực

---

(5) - *Hồ Chủ tịch với quê hương*. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Nghệ an, 1970, trang 64

(6) - *Hồ Chí Minh. Tuyển tập*, Tập II - Sđd, trang 110, 111

Digitized by Google

trạng trên có thể thấy qua số lượng nữ đại biểu Quốc hội với tỷ lệ có chiều hướng giảm dần từ 1975 đến 1997 (7) :

Giai đoạn	Tổng số đại biểu Q.H.	Số đại biểu là nữ	Tỷ lệ % nữ so với tổng số
1975 - 1976	424	136	32%
1976 - 1981	492	133	27%
1981 - 1987	496	109	22%
1987 - 1992	496	89	18%
1992 - 1997	395	73	18,5%

Biểu trên cho thấy trong năm nhiệm kỳ của Quốc hội, trong vòng 20 năm, đất nước với nhiều biến đổi mạnh mẽ song đồng thời số lượng nữ đại biểu Quốc hội có thời kỳ cao nhất 32% giảm xuống 18% và 18,5%. Tuy nhiên vấn đề không phải là số lượng nữ đại biểu quốc hội nhiều hay ít mà là chất lượng, năng lực của đại biểu có ngang tầm nhiệm vụ hay không. Song con số trên, tỷ lệ trên khi liên hệ với tư tưởng của Hồ Chí Minh với phụ nữ cũng là điều khiến chúng ta cần suy nghĩ.

Từ tư tưởng của Người, những năm qua phụ nữ nước ta đã có nhiều chủ động, sáng tạo vươn lên trên nhiều lĩnh vực với tư cách là một tổ chức. Hội liên hiệp Phụ nữ Việt nam và nhiều cá nhân phụ nữ đã đạt được nhiều thành tựu trong lao động sáng tạo xây dựng đất nước. Trong bối cảnh đổi mới của đất nước, kể từ Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ VI đến nay, HLHPNVN đã có nhiều đổi mới trong phương thức hoạt động. Nếu như những năm trước đó Hội hoạt động theo các chương trình và phong trào thì nay hoạt động theo các chương trình rất cụ thể, rất thiết thực vì quyền lợi của hội viên và sự phát triển chung của phụ nữ cả nước. Qua mỗi kỳ Đại hội VI, VII và VIII sắp tới, các chương trình trên được nhìn nhận lại, đánh giá và bổ sung hoàn thiện hơn về nội dung và phù hợp với tình hình thực tiễn từng thời kỳ. Đó là các chương trình :

- Nâng cao kiến thức cho các tầng lớp phụ nữ.
- Tạo việc làm tăng thu nhập
- Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, trẻ em, thực hiện kế hoạch dân số kế hoạch hóa gia đình.
- Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh.
- Kiểm tra giám sát việc thực hiện các chính sách luật pháp liên quan đến phụ nữ, trẻ em.

Với sự nỗ lực của cá nhân và được sự quan tâm, đào tạo của Đảng, Nhà nước nhiều năm qua, phụ nữ đã vươn lên trên nhiều lĩnh vực. Một trong những biểu hiện sinh động đó là số phụ nữ có trình độ nghề nghiệp, trình độ học vấn ngày càng nhiều, càng cao so với những năm trong và sau chiến tranh. Nếu tính từ năm 1985 đến 1994, biểu dưới đây cho ta những nét khái quát tình

Trình độ	Tổng số	Tỷ lệ nữ	Tỷ lệ nam
1. Trên đại học :			
- Tiến sĩ	526	5,0%	95,5%
- Phó tiến sĩ	7986	12,3%	87,7%
- Giáo sư	589	3,9%	96,1%
- Phó giáo sư	2801	4,6%	95,4%
2. Đại học, Cao đẳng	678.100	36,4%	63,6%
3. Trung cấp chuyên nghiệp	1.190.100	55,7%	44,3%
4. Công nhân kỹ thuật	978.500	20,8%	79,2%

hình trên (8) :

Tỷ lệ nữ có trình độ nghề nghiệp, học vấn trên đây tuy còn thấp so với nam giới nhưng là những biểu hiện sinh động của người phụ nữ trong thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh, điều mà trước đây trong các xã hội cũ nhiều phụ nữ tài năng cũng không dám mơ ước.

*

* *

Nhìn lại chúng ta thấy quan điểm tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với phụ nữ là hệ thống các vấn đề thể hiện *nhãn quan chính trị, tâm hồn dân tộc* của một vị anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa. Và khi nói đến quan điểm tư tưởng đó của Người, chúng tôi, ngoài sự đồng tình với nhiều người thường gọi bằng thuật ngữ "giải phóng phụ nữ" còn muốn khẳng định thêm : *đó là sự thể hiện tầm triết học nhân văn sâu sắc của Người*. Trong bối cảnh mới của đất nước khái niệm "giải phóng phụ nữ" theo tư tưởng của Hồ Chí Minh phải chăng là phải nhìn nhận *phụ nữ trong phát triển*. Nghĩa là các cấp, các ngành cần quán triệt sâu sắc tư tưởng của Người, vận dụng sáng tạo nhằm góp phần thiết thực và có hiệu quả *vì sự tiến bộ của phụ nữ* trong thời kỳ *hiện đại hóa, công nghiệp hóa* đất nước.❑

(7) - Số liệu của Văn phòng Quốc hội

(8) - Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt nam : *Số liệu về Phụ nữ Việt nam 1985 - 1994*, Hà nội 1995, trang 42 - 82

Digitized by Google

CẢM NHẬN NHỎ TRƯỚC 40 NĂM VĂN HỌC

HỮU THỈNH *

TRONG những ngày cuối tháng 4 vừa qua, cả tòa soạn chúng tôi dốc sức làm số báo Văn nghệ đặc biệt kỷ niệm 40 năm Hội nhà văn Việt nam. Trong số bài vở gửi về, có khá nhiều những trang hồi ký của các bạn văn cùng thế hệ với tôi - thế hệ chống Mỹ. Quả là đã có không ít các sự kiện văn học từng xảy ra những năm chiến tranh và những năm hòa bình. Dưới cái nhìn của mình, cảm nhận cá nhân của các nhà văn sao mà phong phú và cảm động đến thế. Tôi thử làm một cuộc kiểm nghiệm bản thân, bằng cách tìm lại những cuốn nhật ký. Có thể nói là tôi không muốn rời những trang ghi chép của mình. Đã có thể đi đến một nhận xét : Ý nghĩ thì mỗi người một vẻ, nhưng thật giống nhau là kỷ niệm văn chương cứ quấn quýt với những kỷ niệm chiến trường, và thật khó gỡ ra đâu là tâm trạng nhà văn, đâu là tâm trạng của người lính. Tự hỏi, có phải đấy là một trong những nét đặc biệt của văn học ta trong 40 năm qua.

Ngẫm ra, trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc vừa qua, chẳng có nhà văn nào của chúng ta không phải đào hầm, luồn rừng, đội bom, chí ít cũng đôi ba lần giáp mặt với cái chết. Còn thiếu thốn, gian khổ thì khỏi phải nói. Trong sự khắc nghiệt của chiến tranh, để sống được, đứng vững được, đã là khó vô cùng, đằng này lại đèo thêm một việc nữa là sáng tác. Mà ai cũng hăm hở sáng tác. Các nhà văn có tên tuổi, các anh chị được vào Hội rồi, thì sáng tác có thể hiểu là làm trách nhiệm hội viên với Hội, điều đó đã đi một nhẽ. Còn phần đông những người lính chúng tôi ở khắp các quân binh chủng, chẳng ai giao nhiệm vụ gì thêm ngoài nhiệm vụ một người lính ở mặt trận. Ấy thế mà ai cũng hăm hở sáng tác. Mà ai cũng cảm thấy cái việc sáng tác ấy nó tự nhiên vô cùng. Chiếc xẻng đào hầm, khẩu súng bên vai và cây bút. Trang bị của nhà văn chỉ có như thế. Cả nước cũng là như thế. Ấy thế mà, từ trong các cánh rừng, những bài thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, ký sự nối nhau ra đời. Nó được bó gọn lại bằng một thứ vải tránh thấm nước để theo các chuyến xe tải, xe thồ trở về hậu phương lớn. Gửi đi rồi, cũng chẳng nghĩ nhiều đến việc cái mình vừa viết ra ấy có được in hay không được in, nhuận bút ít nhiều cũng chẳng cần biết đến, tâm trí lại dồn hết vào những cái định viết, sắp viết. Một công việc tự nhiên đến như thế, thuần khiết đến như thế, đã góp phần vào diện mạo văn học của đất nước, một nền văn học đã trở thành tài sản tinh thần của nhiều thế hệ Việt nam.

Tôi có một ý nghĩ chưa dám nói là đã chín chắn, rằng mỗi nền văn hóa đều mang trong mình nó khả năng tự vệ. Chống lại sự xói mòn là một khả năng tự vệ. Khả năng tự vệ tích cực hơn là làm ra các giá trị mới. Thí dụ như đội ngũ văn học của nước ta trên nửa thế kỷ qua thì luôn luôn mới. Các nhà văn đi trước luôn tự làm mới mình lên, bên cạnh đó có thêm *"những người mới đến"*, Hội nhà văn trong 40 năm qua đã làm nhiều việc để phát hiện, bồi dưỡng *"những người mới đến ấy"*. Đó là các cuộc thi văn học thường xuyên trên báo Văn nghệ, các lớp sáng tác ở Quảng bá, Trường viết văn Nguyễn Du, những đợt kết nạp hội viên mới, cả những lớp học ngắn ngày ở Liên xô trước đây. Đặc biệt, nhiều người còn giữ được kỷ niệm tốt đẹp về các Hội nghị nhà văn trẻ. Sau khi tham gia chiến dịch Đường chín - Nam Lào 1970 - 1971, tôi nhận được giấy mời về dự ***Hội nghị nhà văn trẻ*** lần thứ hai vào mùa hè năm 1971. Tôi giữ mãi tờ giấy triệu tập có chữ ký của anh Hoàng Trung Nho - Chánh văn phòng Hội. Tại đó, trong phòng họp ở số nhà 51 Trần Hưng Đạo, lần đầu tiên tôi được gặp

* Phó Tổng thư ký Hội nhà văn Việt nam, Tổng biên tập báo Văn nghệ

Digitized by Google

anh Chế Lan Viên. Lúc đó gia đình anh Chế Lan Viên ở ngay trong khu nhà này, tôi nhớ là có 2 phòng họp. Anh Chế Lan Viên bước vào phòng họp nhìn thấy tôi mặc quân phục, liền đi thẳng đến phía tôi, hỏi : *"em là Nguyễn Đức Mậu à ?"* Tôi rụt rè nói tên. Anh *"à"* lên một tiếng, rồi nói luôn : *"Cậu có một câu thơ tôi rất thích* ***"Núi một đầu khiêng pháo với ta chăng"****."* Tôi sung sướng bàng hoàng. Rồi anh hỏi tôi : *"Thế Duật (Phạm Tiến Duật) có ra không ?"* Tôi nói, *"Hôm qua họp đoàn của Quân đội, em vẫn chưa thấy Duật ra"*. Anh xuýt xoa, *"ồ, tiếc quá, tiếc quá, và mình cũng thích Mỹ Dạ, Mỹ Dạ có câu thơ hay lắm* ***"Mẹ em đi chợ về, bóng dài rồi lại ngắn"****. Hay không ? Thương lắm chứ"*. Rồi anh còn nói thêm : *"Lớp mình thì "thuộc" chống Pháp hơn, còn chống Mỹ là của các cậu"*. Suốt mấy ngày hội nghị, tôi còn nhiều lần được anh hỏi chuyện, và tôi quan sát, những anh em bộ đội, những anh em ở khu Bốn ra, được anh thăm hỏi nhiều nhất. Trong Hội nhà văn, biết bao những tình cảm đẹp như thế. Lớp trước đỡ lớp sau. Lớp sau kính trọng và học tập lớp trước. Trong sự nghiêm khắc, lớp trước đòi hỏi ở lớp sau là rất đúng. Bởi vì con đường văn học nó dài lắm và công việc cầm bút gian nan lắm, không thể dễ dãi, buông thả được. Cái lý là như thế, còn tình cảm (mà nhà văn thì quen sống nặng về tình cảm), tôi là lớp người đi sau vẫn thích, vẫn quý những gì ấm áp, như là kỷ niệm vừa nhắc ở trên. Một nền văn học có sức sống luôn tìm cách nối dài, đội ngũ của nó bằng những nguồn lực mới.

Do những hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, thế hệ các nhà văn chống Mỹ chúng tôi lo việc tự học trong đời sống nhiều hơn là được đào tạo trong nhà trường. Đó là một thiệt thòi. Nhưng bù lại, cũng có những mặt được của nó. Thí dụ như những gì chúng tôi tiếp thu được qua sách vở thì thấm rất sâu, bởi vì kiến thức đã được kết hợp với kinh nghiệm sống. Tôi luôn hình dung cuộc sống như một dòng sông lớn, vạm vỡ, có lúc chảy dềnh dàng, có đoạn dồn đuổi ráo riết. Nhà văn, dẫu cố gắng đến đâu cũng không hy vọng hiểu biết được tất cả. Do đó, mọi sự chểnh mảng, thờ ơ với đời sống là hết sức nguy hại đối với tâm hồn. Quan sát xã hội trong 10 năm đổi mới vừa qua, tôi cảm thấy một nét nổi bật là khả năng tạo lập và kiểm nghiệm các giá trị của xã hội là rất lớn. Đời sống năng động hơn, khả năng thích ứng mau hơn, năng lực điều chỉnh cũng nhanh hơn. Với một đời sống như thế, lại cộng với biết bao những chấn động, bên ngoài dội tới, việc nảy sinh những ý kiến khác nhau, dẫn đến các cuộc thảo luận, tranh luận trong văn học là có thể giải thích được. Nhưng văn học cũng giống cuộc đời, cái gì hợp lý, hợp quy luật, cái gì là phải, là ưu việt, là tiến bộ thì nó cứ phát triển, thì nó gạt mọi trở ngại để phát triển. Riêng tôi cảm thấy văn học cũng đã trả lời và kết luận được nhiều vấn đề, chỉ có điều là người ta có thừa nhận điều đó hay không.

Quan sát diện mạo văn hóa mấy năm gần đây, tôi chia sẻ ý kiến với những ai cho rằng văn hóa nghe nhìn phát triển, có phần lấn sân văn hóa đọc. Điều đó có nhiều nguyên nhân. Hệ thống thư viện thu hẹp, giá sách cao, tình trạng trung bình và làm vội khá phổ biến trong thơ và văn xuôi. Nếu bạn đọc quay lưng lại với những cuốn sách dở, đó là một cách phê bình nghiêm khắc đấy. Cả những cuốn sách ve vuốt cái tôi vụn vặt, chẳng liên quan gì tới ai, thì tốt nhất hãy để nó rơi vào im lặng theo quy luật của thời gian. Nhưng công bằng, thì tôi thấy vẫn có những cái để đọc, đáng đọc, những cuốn sách công phu, nghiêm túc thể hiện đẹp đẽ lương tâm nhà văn. Chỉ tiếc rằng việc giới thiệu những cuốn sách đó chúng ta làm chưa tốt. Tôi cảm thấy có phần thiếu sót là lâu nay trên báo Văn nghệ chưa tổ chức được các cuộc tọa đàm tác phẩm như mấy năm trước.

Thoắt đấy đã 22 năm Tổ quốc được thống nhất. Các nhà văn chống Mỹ giờ đã trên dưới 50 tuổi. Gần đây gặp nhau tôi bắt gặp một tâm trạng rộn rực rất đáng mừng. Ở lứa tuổi này, độ thấm với cái mới vẫn còn mạnh, mà vốn sống tích lũy được đang trở nên chín tới. Nhạy cảm với lợi thế của lứa tuổi, nhiều anh chị đang thu hẹp quảng canh, để đầu tư vào thâm canh. Tôi vẫn còn nguyên vẹn niềm tin vào khả năng gây bất ngờ của thế hệ này bằng những cuốn sách được tạo ra bằng lao động tổng lực của các nhà văn.❑

Digitized by Google

BỐN MƯƠI NĂM HỘI NHÀ VĂN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ VĂN HỌC CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

NÔNG QUỐC CHẤN *

Kỷ niệm 40 năm ra đời và hoạt động của Hội nhà văn Việt nam, việc nhìn lại quá trình hình thành đội ngũ người làm thơ, viết văn các dân tộc thiểu số, có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển nền văn học nhiều dân tộc ở Việt nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

I

Năm 1954, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Yêu cầu của cuộc sống xã hội cần được phát triển toàn diện. Chính sách của Đảng và Nhà nước là phục hồi kinh tế, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, cải tạo xã hội, tiến lên chủ nghĩa xã hội, củng cố miền bắc, chi viện cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trong thư của Ban chấp hành trung ương Đảng gửi Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ II (từ ngày 20 đến 24-2-1957), chỉ ra rằng : "Nền văn nghệ mới ở miền Bắc chúng ta trong giai đoạn này phải là một nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức".

Năm đặc trưng mới của văn hóa, văn học, nghệ thuật là : *một*, văn hóa lao động gắn với ý thức mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người ; *hai*, văn hóa giao tiếp bình đẳng ; *ba*, văn hóa gia đình hạnh phúc ; *bốn*, văn học, nghệ thuật miêu tả hiện thực xã hội nhiều nhân cách ; *năm*, văn hóa, văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số được tôn trọng, kế thừa, phát huy giá trị truyền thống, đồng thời giao lưu, tiếp thu, sáng tạo giá trị mới, hình thành nền văn hóa Việt nam nhiều dân tộc.

Từ tháng 8-1952, Nghị quyết của Bộ chính trị trung ương Đảng về chính sách đối với các dân tộc thiểu số, đã chỉ :

1... Tôn trọng tiếng nói và chữ viết của các dân tộc. Dân tộc nào có sẵn chữ viết rồi thì dùng chữ viết ấy mà dạy trong các trường của họ ở các lớp dưới (cấp I trường phổ thông). Đối với dân tộc không có chữ riêng thì dùng chữ quốc ngữ phiên âm tiếng địa phương... Nhưng, ... cần dạy tiếng phổ thông và chữ quốc ngữ.

2 - Tôn trọng tín ngưỡng, phong tục, tập quán của các dân tộc. Giúp đỡ các dân tộc thiểu số phát triển những phần tốt đẹp trong phong tục, tập quán cũ và giúp đỡ họ tự giác bỏ dần những cái có hại.

3 - Cần phát triển những hình thức văn nghệ, như : thơ, ca, nhạc, nhảy múa của các dân tộc... tổ chức việc trao đổi văn hóa giữa các dân tộc để tăng cường đoàn kết.

4 - Truyền bá vệ sinh và giúp nhân dân miền núi sửa đổi dần cách ăn ở cho sạch sẽ, giáo dục cho họ biết cách phòng bệnh, chữa bệnh.

5 - Việc vận động cải cách phong tục tập quán của đồng bào thiểu số, không nên làm hấp tấp vội vàng, tuyệt đối không được dùng mệnh lệnh bắt buộc. Phải hết sức thận trọng và tiến hành từng bước một".

Năm chính sách trên đây do Đảng nêu ra trong những năm kháng chiến giành được nhiều thắng lợi để chuẩn bị "... làm một Điện biên".

Nhắc lại một số điểm trong chính sách dân tộc trong kháng chiến, chúng tôi nghĩ đấy là những tiền đề của nền văn hóa, văn học, nghệ thuật mới, trong đó, văn nghệ các dân tộc thiểu số được tạo điều kiện phát triển.

---

* Nhà thơ

Digitized by Google

Mùa xuân 1957, Đại hội lần thứ I của các nhà văn Việt nam, diễn ra ở Hà nội. Trong đại hội này, đại biểu văn học các dân tộc thiểu số đã có mặt. Tiếng nói về thơ văn của một số dân tộc đã được coi như sự biểu hiện thành tựu bước đầu của chính sách dân tộc trong lĩnh vực văn hóa.

Đại hội này đã cụ thể hóa chính sách văn nghệ của Đảng nêu ra trong Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ II.

Đồng chí Trường Chinh, với cương vị Tổng bí thư của Đảng, đã phát biểu bài diễn văn quan trọng về *Phấn đấu cho một nền văn nghệ dân tộc phong phú, dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội.*

Về văn nghệ các dân tộc thiểu số, đồng chí Trường Chinh nói :

"Lần đầu tiên, văn nghệ các dân tộc thiểu số nước ta được vun trồng, chăm sóc. Một số nhà thơ dân tộc thiểu số đã trở thành những nhà thơ của chung nhân dân Việt nam. Có những áng văn chương, bài hát, điệu múa của các dân tộc miền núi bị mai một trong một thời gian khá lâu, nay đã sống lại. Văn nghệ của dân tộc này được giới thiệu với dân tộc khác, làm cho các dân tộc thêm hiểu biết, yêu mến nhau và đoàn kết với nhau hơn. Những nền văn học anh em cũng trao đổi, học hỏi lẫn nhau, làm cho nhau thêm phong phú...

Chúng ta mong có nhiều tác phẩm văn nghệ của các dân tộc anh em trên đất nước chúng ta, phản ánh cuộc đấu tranh bất khuất đầy hy sinh của các dân tộc thiểu số trong cả nước, và nói lên được những biến đổi kỳ diệu trong đời sống những dân tộc trước đây bị kìm hãm, chia rẽ và đầy đọa, ngày nay đoàn kết trong đại gia đình Việt nam để cùng nhau xây dựng một nước Việt nam tự do và giàu mạnh".

II

Văn học là một trong các bộ phận cấu thành nền văn hóa dân tộc. Từ văn học truyền miệng đến văn học thành văn, mỗi dân tộc đều có những người viết ra thành câu, thành bài, thành sách. Trong kho tàng văn học dân gian các dân tộc, từ ca dao, tục ngữ, truyện cổ tích, đến truyện thơ, trường ca, v.v.. đã được sưu tầm, chép lại, dịch ra chữ quốc ngữ, in, xuất bản, phát hành rộng rãi, thường được ghi là "khuyết danh" - không có tên tác giả. Thực ra, dù là một câu cũng có tác giả. Chỉ do hoàn cảnh lịch sử, có thể, những người viết chưa có thói quen, hoặc không có ý ghi tên mình, hoặc câu thơ, áng văn nào đó có tên người viết, đã bị mất mát...

Tác giả - ngữ nghĩa của hai từ này được hiểu là người viết (người làm ra tác phẩm). Nhưng, thực tế hiện nay, không phải mỗi người cầm bút viết được năm ba câu, hoặc nhiều câu nhiều bài được người đọc ưa thích, nhận là có giá trị của một tác phẩm. Do đó, đọc lịch sử văn học, chúng ta thấy sự thẩm định, sắp xếp các tác giả theo mức độ giá trị tư tưởng và nghệ thuật một cách nghiêm túc. Tất nhiên, vẫn chưa tránh được một số trường hợp thiếu nghiêm túc. Bởi điều đó còn tùy thuộc ở trình độ thẩm mỹ, ở cách nhìn, cách đánh giá của những người nghiêm túc, lý luận, phê bình và giảng dạy đối với mỗi tác giả và tác phẩm văn học.

Sự phát triển không đều về kinh tế - xã hội và một loạt điều kiện khác, như : nơi ở hẻo lánh, thiếu đường giao thông thuận tiện, thiếu sự giao lưu văn hóa, nạn mù chữ, v.v.. đó là những nguyên nhân kìm hãm phát triển dân trí, nâng cao học vấn, hạn chế nhịp độ đào tạo đội ngũ trí thức mới, đến nay, một số dân tộc vẫn chưa có người hoạt động văn học.

Từ *tập VI - Văn học các dân tộc thiểu số* trong toàn tập *Văn học Việt nam*, do Nhà xuất bản văn học, in năm 1960, đến *Tuyển tập văn học các dân tộc thiểu số* trong Văn học Việt nam sau Cách mạng Tháng Tám, do Nhà xuất bản văn học, in năm 1995, người đọc có thể thấy sự phát triển của đội ngũ và thể loại. Năm 1960, số người làm thơ viết văn có 10 người thuộc các dân tộc Dao, Thái, Tày, Nùng, Mường. Trong Tuyển tập năm 1995, số tác giả đã tăng lên 47 người làm thơ, và 17 người viết văn xuôi, thêm các dân tộc Ê đê, Ba na, Chăm, Khơ me, Cao lan, Pa dí, Dáy, H›mông... Đặc biệt, số người *viết văn xuôi* tăng lên, trong đó bổ sung nhiều nữ tác giả ở Tây nguyên và vùng người Khơ me (Sóc trăng) là nét mới trong văn học các dân tộc.

Việc phát hiện năng khiếu văn học từ lớp người tuổi trẻ để bồi dưỡng thành người sáng tác và hoạt động văn học trong các dân tộc thiểu số, là một

Digitized by Google

vấn đề cần có kế hoạch thực hiện. Kinh nghiệm thực tiễn trong nửa thế kỷ qua là từ chỗ phát hiện từng người có năng khiếu, các cá nhân và tổ chức đảng, đoàn thể nghề nghiệp có trách nhiệm theo dõi, tổ chức bồi dưỡng với tính chất cưu mang, kiên trì, tận tình. Người có năng khiếu bẩm sinh là rất đáng trân trọng, nâng niu. Nhưng, nếu người nào đó chỉ dừng ở bản năng thì dù có nhiệt tình, có trí thông minh cũng khó có đủ sức trở thành một nhà thơ, nhà văn, nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học. Để bồi dưỡng lâu dài về nghề nghiệp và nhân cách, thường do sự tự tu, tự học của bản thân nhà văn là chính, nhưng sự tác động của thực tiễn cuộc sống xã hội, sự động viên của nhân dân, của người đọc, sự giáo dục của Đảng, sự săn sóc của tổ chức nghề nghiệp - Hội nhà văn... đó là các yếu tố không thể thiếu của những người chuyên nghề cầm bút.

Trên đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các dân tộc thiểu số đi bằng cách nào là điều cần suy nghĩ, vừa làm, vừa tổng kết để bổ sung chính sách, biện pháp.

Những người làm thơ, viết văn các dân tộc cũng cần tìm tòi, suy nghĩ theo sự vận động cuộc sống xã hội trong cả nước và trên vùng đất mà đồng bào mình đang sống, tương lai sẽ phát triển như thế nào ?

III

Từ nay đến năm 2000, bước sang thế kỷ XXI, công việc phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ những người làm văn học trong các dân tộc thiểu số, tôi nghĩ, cần có quy hoạch theo quan điểm của Đảng : "Đào tạo, bồi dưỡng... toàn diện cả về lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và năng lực thực tiễn" (1).

1 - Chức năng của nhà văn là sáng tạo ra tác phẩm văn học. Thực hiện chức năng ấy, mỗi nhà thơ, nhà văn, nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình và giảng dạy văn học, là hội viên hay chưa hội viên, đều coi trọng công việc viết là nhiệm vụ cao quý. Tính sáng tạo của mỗi người cầm bút thể hiện đặc trưng ngành, nghề của mình. Nhưng người viết không chỉ hiểu biết, thông thạo việc "bếp núc" của văn chương, chữ nghĩa - vẫn biết thiếu chữ nghĩa sẽ không phải là nhà thơ, nhà văn. Tìm hiểu con người và tác phẩm của những nhà nghệ sĩ lớn, ta thấy các tài năng ấy đều có vốn kiến thức rộng, sâu về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ ; về tiếng nói chữ viết, họ thông thạo tiếng dân tộc mình, đồng thời, dùng được nhiều tiếng dân tộc khác.

Hướng đào tạo nhà văn dân tộc, cần đáp ứng với yêu cầu của người đọc trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mỗi tác phẩm văn học có sức mạnh truyền cảm sâu sắc đối với người đọc. Mỗi người đọc được cảm nhận mục tiêu và hành động theo và đạt cho được mục tiêu : "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Mỗi người đọc có ý thức tiếp thu các yếu tố tiên tiến của thế giới văn minh, đồng thời, biết nâng cao bản lĩnh để bảo tồn, phát huy bản sắc dân tộc.

2 - Phương thức đào tạo nhà văn là sau khi những người có năng khiếu theo học hết chương trình chung của nền giáo dục quốc dân từ trường phổ thông cơ sở đến bậc đại học, khoa học xã hội và nhân văn, họ cần được bồi dưỡng tiếp về chuyên nghiệp. Trường viết văn Nguyễn Du đã và đang thực hiện nhiệm vụ này.

Lớp nhà văn đến tuổi 60, 70, 80 xuất thân từ chiến sĩ vũ trang, cán bộ chính trị, đã qua các cuộc đấu tranh cách mạng và kháng chiến, họ phải học lại từ chương trình giáo dục phổ thông đến đại học ; tiếp đó, họ được bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm viết văn do Hội nhà văn mở lớp.

Lớp nhà văn độ tuổi 30, 40, 50, trải qua cuộc kháng chiến chống Mỹ, được học hành cơ bản tại nhà trường, được bồi dưỡng ở các lớp viết văn, trong khi vẫn có thể làm việc chuyên môn ở các ngành giáo dục, văn hóa, báo chí, y tế...

Lớp trẻ đang ngồi ghế nhà trường, đáng chú ý là học sinh các trường nội trú ở các tỉnh miền núi, đang là nguồn của những khả năng mới trong văn học các dân tộc. Việc phát hiện, bồi dưỡng những khả năng đó nên được làm ngay từ bây giờ.

Đối với nhà thơ, nhà văn, bằng cấp và học vị của họ, chủ yếu là sự thành công của tác phẩm và công trình được dư luận xã hội hoan nghênh.

---

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1996, tr 145

Digitized by Google

3 - Kiến nghị chính sách của Đảng và Luật pháp của Nhà nước đối với đội ngũ văn học các dân tộc thiểu số, là cổ vũ, khuyến khích, nâng đỡ, phát huy các tài năng để thực hiện "những tác phẩm đậm đà bản sắc dân tộc..., phấn đấu cho cái chân, cái thiện, cái mỹ trong văn học" (1).

Chính sách song ngữ là một trong các chính sách có ý nghĩa thúc đẩy các hoạt động sáng tác, in, xuất bản tác phẩm của nhà thơ nhà văn các dân tộc thiểu số. Chính sách song ngữ sẽ cổ vũ lòng tin yêu, thái độ quý trọng của các nhà thơ, nhà văn dân tộc thiểu số vừa viết bằng tiếng mẹ, vừa viết bằng chữ quốc ngữ khi thực hiện tác phẩm của mình. Chính sách song ngữ và Luật xuất bản, Luật báo chí sẽ bảo đảm cho tác phẩm chữ dân tộc thiểu số được in, dịch, xuất bản, phát hành và được đưa vào sách giáo khoa văn học, giảng dạy ở trường học miền núi.

Đối với các nhà thơ nhà văn (và các nghệ sĩ khác) là người Kinh sinh trưởng ở miền núi, hoạt động lâu năm ở vùng dân tộc thiểu số, Hội nhà văn, Hội văn hóa - văn nghệ các dân tộc thiểu số, cần có kiến nghị với Đảng và Nhà nước áp dụng chính sách đặc biệt cho họ được hưởng các tiêu chuẩn của nhà thơ nhà văn dân tộc thiểu số.

4 - Biện pháp bồi dưỡng, đào tạo, phát huy đội ngũ văn học các dân tộc thiểu số, cần được sự quan tâm của các tổ chức đảng, chính quyền các cấp, và sự sốt sắng thực hiện kế hoạch của các tổ chức Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, Hội nhà văn, Hội văn hóa - văn nghệ các dân tộc thiểu số. Để nghị Đảng, Chính phủ coi việc bồi dưỡng, đào tạo, phát huy đội ngũ văn học các dân tộc thiểu số, là một trong các yêu cầu thực hiện chính sách dân tộc.

Việc đào tạo các kiến thức khoa học cơ bản, như đã nói ở phần đầu, nhà văn cũng cần được đào tạo như các nhà khoa học, nhà quản lý kinh tế. Nhưng, do đặc trưng của công việc sáng tạo thường do năng khiếu của cá nhân nghệ sĩ, cho nên, khó có thể đào tạo hàng loạt, cấp bằng hàng loạt để thành nhà thơ nhà văn !

Vì vậy, biện pháp bồi dưỡng, đào tạo nhà văn, sau khi học cơ bản, cần học cụ thể, cần có sự suy nghĩ, rèn luyện trong sáng tạo của người viết. Với đặc trưng ấy, nhà văn cần có điều kiện sống trong các cơ sở thực tế, tạo thuận lợi trong công việc khi có rung cảm. Và, khi họ viết thành tác phẩm, cần được tạo điều kiện phổ biến tác phẩm ; họ được trả nhuận bút thỏa đáng để tiếp tục sống và viết.

Để giải quyết các yêu cầu cụ thể đó, Hội nhà văn cần tổ chức theo dõi, có quỹ sáng tác, có các cuộc thi sáng tác, có giải thưởng, có kế hoạch xuất bản.

Trong hoàn cảnh và điều kiện kinh tế của nước ta hiện nay, những người làm thơ, viết văn vẫn chưa thể sống nhờ ở tác phẩm. Khi làm thơ, viết văn, họ vẫn cần có một việc làm trong biên chế nhà nước, hoặc trong một tổ chức kinh tế, xã hội để có thu nhập đủ sống và nuôi cả gia đình.

Chỉ có một số chế độ đối đãi thỏa đáng của nhà nước, như : phát triển sự nghiệp xuất bản, nâng cao dần chế độ nhuận bút ngang với giá trị thực mà chất xám bỏ ra và có chế độ đi cơ sở... thì người sáng tạo mới có điều kiện phát huy tài năng của mình.

*

* *

Trong bài phát biểu về *văn học miêu tả cuộc sống và con người hướng tới cái đẹp* tại Đại hội nhà văn Việt nam lần thứ IV ngày 28-10-1989, đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười, đã khẳng định :

"Tôi rất vui mừng khi nhìn thấy ở Đại hội này có đủ các thế hệ nhà văn từ khắp các miền của đất nước, trong đó có những đồng chí nhà văn dân tộc, có nhiều đồng chí nữ. Đội ngũ nhà văn chúng ta hơn nửa thế kỷ qua có truyền thống hết sức đáng quý là một lòng một dạ gắn bó với dân với nước, gắn bó với Đảng, chiến đấu không khoan nhượng với các thế lực thù địch, đã đóng góp một phần to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập tự do của Tổ quốc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng một nền văn học phản ánh sâu sắc sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt nam...".

Tôi xin phép mượn đoạn văn của đồng chí Tổng bí thư kết thúc bài viết này. ❑

---

(1) Đỗ Mười : *Thể hiện khát vọng của nhân dân về chân - thiện - Mỹ*, Nxb Văn học, Hà nội, 1993, tr 76

Digitized by Google

XU HƯỚNG VÀ CÁC NHÂN TỐ BẢO ĐẢM ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN

NGUYỄN CHÍ MỸ *

I - HƯỚNG TỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI LÀ XU HƯỚNG KHÁCH QUAN

Sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học - công nghệ đã kéo theo những biến đổi mạnh mẽ sâu rộng trong cơ cấu xã hội - giai cấp, đang tạo ra xu hướng phát triển mới của nhân loại. Xu hướng này tồn tại khách quan ngay trong lòng mỗi xã hội, bên ngoài ý chí của các lực lượng cầm quyền. Xu hướng phát triển mới này do đâu mà có ?

Thứ nhất, thế giới ngày nay do phát triển lực lượng sản xuất, của khoa học - công nghệ mà giàu có rất nhanh, nhưng đi liền đó là bất công xã hội cũng mở rộng.

Trong cuốn "Chớp lấy thời cơ", chính cố tổng thống Mỹ Ních-xơn đã phải thừa nhận, nước Mỹ giàu nhất thế giới, chi phí y tế cao nhất thế giới tính theo bình quân đầu người mà 38 triệu người không được sự chăm sóc sức khỏe vì không có tiền ; nước giàu nhất thế giới mà lớp hạ đẳng tồn tại lâu dài làm cho những thành phố lớn của chúng ta mất an toàn và không sống yên ổn được (1). Nước Mỹ nói riêng và xã hội tư bản nói chung đã bị tụt xa so với những khả năng của họ để giải quyết sự bất công xã hội. Sự giàu có tăng lên đã không giảm đi sự bất công, mà trái lại trong chủ nghĩa tư bản bất công lại mở rộng. Giải quyết mâu thuẫn này, không có cách nào khác là khi tăng trưởng kinh tế, phải đi liền với giải quyết vấn đề công bằng xã hội. Nếu không, chính bất công xã hội sẽ là lực cản, là sự phá hoại tăng trưởng kinh tế. Công bằng xã hội đã trở thành đòi hỏi tất yếu của chính bản thân sự phát triển kinh tế. Công bằng để phát triển và phát triển để thực hiện công bằng không chỉ là khẩu hiệu mang tính đạo đức mà còn là động lực mạnh mẽ, thành yếu tố nội sinh của sự phát triển kinh tế. Đây không chỉ là khát vọng, lý tưởng, khẩu hiệu phấn đấu của người cộng sản mà còn là đòi hỏi tất yếu của sự phát triển kinh tế hiện đại. Tất nhiên, không phải sự công bằng được hiểu theo kiểu cào bằng "nhốt tất cả vào một rọ" sự siêng năng và biếng nhác, tích cực và tiêu cực, làm ăn có hiệu quả và kém cỏi... đều được hưởng như nhau, điều đó đã triệt tiêu động lực phấn đấu của con người mà một thời chúng ta mắc phải ở mức độ này hoặc mức độ khác.

Thứ hai, thế giới hiện nay đang có sự mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển xã hội nói chung.

Rất nhiều quốc gia tư bản, khi tăng trưởng kinh tế đã kèm theo khủng hoảng xã hội về đạo lý và đời sống tinh thần. Ngay ở nước Mỹ, một nghịch lý đã diễn ra là nước giàu nhất thế giới mà tội phạm cao nhất thế giới. Trong thời

* PGS, PTS, Phó trưởng ban tuyên giáo Thành ủy Hà nội

(1) Xem Richard Nixon *Chớp lấy thời cơ*, Nxb Ximôn và Xớt-xtơ, Bản dịch của Viện thông tin khoa học, Viện Mác - Lê-nin, tr 224

Digitized by Google

gian chiến tranh vùng vịnh Péc xích, số người Mỹ bị giết do tội ác ở Hoa kỳ gấp 20 lần số lính Mỹ bị chết trên chiến trường. Vẫn theo lời Níchxơn, "... nước Mỹ với 1/20 dân số thế giới đang tiêu phí vào những loại thuốc bất hợp pháp bằng toàn bộ thế giới cộng lại"... "Vấn đề xã hội của chúng ta là tội ác, thuốc phiện, sự ỷ lại và giáo dục đang xoáy vào những giá trị và phẩm chất đạo đức" (2).

Tăng trưởng kinh tế không có mục đích tự thân. Tăng trưởng kinh tế nhằm phát triển xã hội, phát triển con người. Tăng trưởng kinh tế làm xã hội và con người băng hoại thì làm sao kinh tế có cơ sở để phát triển liên tục. Tăng trưởng kinh tế mà đời sống tinh thần, đạo đức xuống cấp sẽ đe dọa ngay sự vững bền của phát triển kinh tế. Yêu cầu khách quan của cuộc sống hiện đại đặt ra, tăng trưởng kinh tế phải đi liền với tiến bộ xã hội. Tiến bộ xã hội là kết quả nhưng đồng thời cũng là động lực, yếu tố nội tại của sự phát triển kinh tế.

Thứ ba, thời đại ngày nay, tăng trưởng kinh tế đòi hỏi phải bảo vệ môi trường sinh thái.

Tăng trưởng kinh tế kiểu của chủ nghĩa tư bản vừa qua đã tàn phá môi trường, có nguy cơ phá vỡ môi sinh. Phá vỡ môi sinh tự nó đã đe dọa tăng trưởng kinh tế, gây hiểm họa cho tăng trưởng kinh tế. Liên hợp quốc đã có sự báo động toàn cầu về tình hình môi sinh hiện nay. Tăng trưởng kinh tế vững bền hiện nay chỉ có thể đi liền theo nó là sự giữ gìn, bảo vệ môi trường sinh thái. Những hành động đi ngược lại sẽ dẫn nhân loại đến tự sát.

Thứ tư, thế giới hiện nay cũng đang đặt ra vấn đề tăng trưởng kinh tế với sự phát triển lành mạnh của hệ thống chính trị của mỗi quốc gia.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học công nghệ đòi hỏi hệ thống chính trị, đòi lỏi giai cấp cầm quyền phải phát huy được dân chủ của đại đa số các thành viên trong cộng đồng xã hội. Phát triển kinh tế để thực hiện tốt hơn dân chủ và chính dân chủ lại thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Dân chủ phải cho số đông, cho đại đa số nhân dân chứ không phải chỉ cho một thiểu số trong xã hội. Điều này quan hệ mật thiết với việc làm lành mạnh hệ thống chính trị, khắc phục các căn bệnh phổ biến ở hầu hết các quốc gia là quan liêu, tham nhũng, lũng đoạn của giới tài phiệt.

Thứ năm, sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học - công nghệ hiện nay, đang có xu hướng quốc tế hóa đời sống nhân loại. Xu hướng này mở ra cả chiều thuận và chiều nghịch, cả mặt tích cực và tiêu cực tác động đến con người, đến các quốc gia. Xu thế này đòi hỏi sự giao lưu, hợp tác, hiểu biết lẫn nhau và hướng tới sự bình đẳng giữa các quốc gia, các dân tộc.

Thứ sáu, một dân tộc, một quốc gia không thể tồn tại và cũng không phải chỉ tồn tại bằng kinh tế. Không có kinh tế con người không tồn tại, nhưng trong thời đại ngày nay, văn hóa đã không chỉ là mục tiêu, động lực của sự phát triển mà còn trở thành yếu tố nội sinh của sự phát triển kinh tế.

Thực tiễn loài người chứng tỏ rằng, sự phát triển tư bản chủ nghĩa không thể khắc phục được những mâu thuẫn và đáp lại những đòi hỏi của lý trí loài người, mà chúng chỉ có thể được khắc phục khi loài người phát triển theo xu hướng khác, xu hướng xã hội chủ nghĩa.

II - CÁC NHÂN TỐ CHỦ QUAN BẢO ĐẢM ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN.

Chúng ta khẳng định rằng ở nước ta :

- Chỉ có phát triển nền kinh tế nhiều thành phần mới phù hợp với thực trạng của lực lượng sản xuất chưa đồng đều.

- Chỉ có phát triển nền kinh tế nhiều thành

(2) Sđd, tr 224

Digitized by Google

phần, chúng ta mới có khả năng giải quyết được công ăn việc làm trên đất nước chúng ta.

- Chỉ có phát triển kinh tế nhiều thành phần, chúng ta mới có khả năng huy động được mọi tiềm năng về vốn, kỹ thuật ; mới phát huy được mọi tiềm năng của con người Việt nam đẩy nhanh sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhu cầu khách quan, là xu thế phù hợp với thời đại ngày nay. Nhưng, xu thế khách quan chưa đủ bảo đảm để kinh tế thị trường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mà còn phải có các nhân tố chủ quan. Việc chuyển được khả năng khách quan thành hiện thực khách quan, khâu quyết định là ở các nhân tố chủ quan. Những nhân tố chủ quan đó là :

1 - Vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản cầm quyền

Kinh tế thị trường có thể tự phát theo con đường phát triển tư bản chủ nghĩa trong đó người với người trở thành chó sói, cá lớn nuốt cá bé.

Phát triển kinh tế nhiều thành phần ở Việt nam, một mặt giải phóng năng lực làm giàu để tăng trưởng kinh tế. Mặt khác phải lo "xóa đói giảm nghèo", "đền ơn đáp nghĩa", thực hiện dân chủ, công bằng, văn minh v.v. Như vậy, con đường này nhất thiết phải có "nhạc trưởng", phải có sự lãnh đạo của một đảng cách mạng tự giác nhận thức ra quy luật mà tổ chức toàn xã hội đi lên, chứ không phải tự phát.

Đảng cộng sản Việt nam, do quá trình lịch sử ở Việt nam, do truyền thống cách mạng Việt nam, do thành quả mà Đảng đem lại, đã có uy tín to lớn trong nhân dân. Cho đến nay, không một thế lực nào có thể cạnh tranh với Đảng cộng sản Việt nam về quyền lãnh đạo đất nước. Đảng lãnh đạo đất nước trước hết là xác định mục tiêu chính trị, định hướng cho sự phát triển của xã hội bằng cương lĩnh, đường lối, chiến lược phát triển, bằng những nguyên tắc và chính sách lớn trong đối nội và đối ngoại, bằng công tác tổ chức cán bộ, và kiểm tra cán bộ trong việc thực hiện đường lối của Đảng.

Cương lĩnh, đường lối của Đảng được nhà nước quán triệt và thể chế hóa thành hiến pháp, pháp luật để tất cả các tổ chức, mọi công dân trong xã hội thi hành. Đường lối của Đảng là linh hồn của hiến pháp và pháp luật. Khi đường lối, cương lĩnh của Đảng được thể chế hóa thành hiến pháp và pháp luật của nhà nước để quản lý xã hội, thì vai trò cầm quyền của Đảng không còn dừng ở học thuyết, cương lĩnh, mà đã trở thành công tác hàng ngày muôn màu muôn vẻ.

Đảng lãnh đạo xã hội thông qua nhà nước (tức là đảng cầm quyền). Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, đồng thời quản lý, điều chỉnh các quan hệ xã hội theo cách đặc trưng của nhà nước. Tất nhiên, là một thành tố của xã hội, Đảng cũng phải hoạt động trong khuôn khổ pháp luật.

Yêu cầu của sự phát triển kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Đảng phải có bản lĩnh vững vàng, có trí tuệ, năng động, sáng tạo ; phải có phẩm chất trong sáng, hoạch định các đường lối, chiến lược, sách lược, các khẩu hiệu khoa học, theo đúng quy luật, từng bước hiện đại hóa bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội trong cuộc sống. Tính bức thiết của vấn đề đặt ra là phải tiếp tục đổi mới lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, với xã hội mà khâu đặc biệt quan trọng là đối với nhà nước và nâng cao phẩm chất đảng viên trong cơ chế thị trường. Nếu đảng viên luôn luôn vì sự nghiệp, vì đảng, vì dân thì chúng ta có tất cả. Còn nếu như đảng viên sao nhãng sự nghiệp, thoái hóa

Digitized by Google

về chính trị, về đạo đức chạy theo đồng tiền thì sẽ mất tất cả.

2 - Một nhà nước của nhân dân vững mạnh, trong sạch, quản lý kinh tế - xã hội ngày càng có hiệu quả.

Chúng ta đang từng bước phải hoàn thiện hệ thống pháp luật đi liền với kiện toàn, củng cố, hoàn thiện bộ máy nhà nước, nâng cao hiệu quả các cơ quan thực thi pháp luật và nâng cao trình độ nhận thức và chấp hành pháp luật của các công dân.

Chúng ta đang cố gắng tạo ra một môi trường pháp lý thuận lợi để tất cả các thành phần kinh tế đua tranh phát triển, đồng thời phấn đấu để kinh tế nhà nước trở thành chủ đạo, và cùng với kinh tế hợp tác trở thành nền tảng của chế độ kinh tế mới. Kinh tế nhà nước nắm hầu hết các ngành then chốt và các tư liệu sản xuất quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân. Đất đai, khoáng sản, điện năng, hàng không, bưu chính - viễn thông, giao thông vận tải lớn... đều nằm trong tay kinh tế nhà nước. Tuy nhiên, để thực sự giữ vai trò chủ đạo, điều quan trọng là kinh tế nhà nước có tiêu biểu cho năng suất, chất lượng, hiệu quả hay không, có thúc đẩy mạnh mẽ sự tăng trưởng nền kinh tế quốc dân, có hướng dẫn, hỗ trợ cho các thành phần kinh tế khác cùng phát triển hay không ? Hiện nay kinh tế nhà nước nắm 3/4 tổng tài sản cố định quốc gia mà mới sản xuất ra 44% tổng sản phẩm của đất nước. Hiệu quả như vậy là chưa tương xứng.

Khu vực kinh tế hợp tác ở nước ta hiện nay cũng còn lúng túng. Số hợp tác xã hoạt động kém, hình thức còn nhiều. Đây là vấn đề bức xúc phải tháo gỡ để bảo đảm cho kinh tế nhiều thành phần phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

3 - Tinh thần làm chủ, ý thức cách mạng của nhân dân ta

Đó là một truyền thống quý báu của nhân dân Việt nam. Qua nhiều chục năm đấu tranh và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã xây dựng được một hệ thống các tổ chức quần chúng rộng khắp, vững chắc. Đó là Công đoàn, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên..., chỗ dựa, đồng thời là một lực lượng cách mạng vô cùng to lớn góp sức vào việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế nhiều thành phần. Để phát huy hơn nữa ý thức làm chủ, tinh thần cách mạng của nhân dân, Đảng, Nhà nước phải có nhiều chính sách hợp lý nhằm giải phóng mọi tiềm năng của đất nước, mọi năng lực của nhân dân. Toàn bộ hoạt động của Đảng, của Nhà nước, của hệ thống chính trị phải hướng tới phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện khẩu hiệu nhân dân là gốc của mọi quyền lực, là chủ thể của mọi quyền lực. Mọi chủ trương, chính sách liên quan tới lợi ích của nhân dân, của đất nước, phải để dân biết, dân bàn, dân kiểm tra.

Những năm đổi mới đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã tích cực phấn đấu, tạo ra nhiều phong trào cách mạng sôi động, tạo ra cục diện mới và thời cơ mới cho đất nước. Tuy nhiên, những biến cố dữ dội của thế giới với những yếu tố phức tạp, khó lường và tình trạng những "quốc nạn" chậm được khắc phục... không phải không có ảnh hưởng tới tâm trạng quần chúng. Nhân dân chưa thật sự bằng lòng với Đảng, Nhà nước về hiệu quả ngăn chặn và chống "quốc nạn". Tâm trạng nhân dân hiện nay lo lắng nhiều về sự biến chất trong nội bộ đảng, nhà nước do các "quốc nạn" gây ra. Thực tế cho thấy không một thế lực nào có thể làm mất uy tín của Đảng, của Nhà nước trước nhân dân, nếu Đảng và Nhà nước không tự mình đánh mất uy tín của chính mình.

Nhân dân tin Đảng, yêu Đảng, đi theo Đảng, bảo vệ Đảng, nhưng cũng yêu cầu Đảng và Nhà nước phải xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân. ❑

Digitized by Google

AN TOÀN VÀ CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG - NHÌN TỪ GÓC ĐỘ VĨ MÔ

PHẠM NGỌC PHONG *

TRONG những năm qua, cùng với thành tựu đổi mới của đất nước, hệ thống ngân hàng nước ta đã có những đổi mới sâu sắc, mà rõ nét nhất là đã tổ chức thành hệ thống ngân hàng hai cấp, xác định rõ chức năng quản lý nhà nước và chức năng kinh doanh tiền tệ, tín dụng và ngân hàng.

Hoạt động ngân hàng đã có những đóng góp tích cực vào việc kiềm chế lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với nhịp độ tương đối cao, góp phần vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nó đã phục vụ nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, hoạt động ngân hàng ở nước ta, bên cạnh sự đổi mới và phát triển, hiện nay đang gặp nhiều khó khăn và tồn tại, nhất là ở khâu kinh doanh tín dụng chưa an toàn, có nhiều rủi ro, chất lượng tín dụng chưa tốt, tỷ lệ nợ quá hạn trong tổng dư nợ còn khá cao... Hoạt động tín dụng chưa an toàn và chất lượng chưa cao đang là mối quan tâm không chỉ đối với giới quản lý và điều hành của hệ thống ngân hàng, mà còn là mối quan tâm của xã hội. Đây là tín hiệu tổng hợp nhất, vừa phản ánh trình độ hoàn thiện luật pháp hóa theo cơ chế thị trường trong quản lý kinh tế nói chung và trong quản lý hoạt động ngân hàng nói riêng ; vừa phản ánh sự lớn mạnh và những mặt còn bất cập trong quản lý và điều hành hệ thống ngân hàng ; đồng thời, trong chừng mực nhất định, cũng vừa phản ánh những mặt lành mạnh và cả chưa lành mạnh trong sự phát triển và chất lượng quản lý của nền kinh tế nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Một trong những vướng mắc lớn là, chất lượng tín dụng chưa cao và tiềm ẩn nhiều rủi ro thông thường được biểu hiện tập trung ở tỷ lệ nợ quá hạn so với tổng dư nợ tiền cho vay. Tuy có giảm so với trước, nhưng tỷ lệ này hiện nay vẫn còn ở mức 3 - 4%, tức là còn cao gấp đôi so với các nước trong khu vực. Trong cơ cấu nợ quá hạn thì nợ khó thu hồi phát sinh ngày càng cao. Trên thực tế không ít ngân hàng thương mại thực hiện thiếu nghiêm chỉnh các quy định của Pháp lệnh ngân hàng như : cùng cho vay một tổ chức kinh tế với khối lượng vốn lớn, vượt mức quy định tại điều 25 của Pháp lệnh ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính (phổ biến là vi phạm và tái phạm liên tục việc cho vay một khách hàng vượt quá 10% vốn tự có ; dư nợ 10 khách hàng lớn nhất vượt quá 30% tổng dư nợ) ; một số ngân hàng còn cho vay đối với các đối tượng ưu đãi vượt quá 5% vốn tự có ; nhiều ngân hàng thương mại cổ phần vốn tự có còn rất thấp so với quy định hiện hành. Nhiều tổ chức tín dụng chấp hành không đúng thể lệ tín dụng và quy định về thế chấp tài sản như : người vay không đáp ứng đủ các điều kiện quy định nhưng tổ chức tín dụng vẫn cho vay (thiếu vốn tự có, thiếu tài sản thế chấp, cầm cố, nhận bản sao giấy tờ về tài sản thế chấp, cầm cố, hoặc người vay đi mượn tài sản thế chấp xin vay) ; ngân hàng không kiểm tra đầy đủ hồ sơ và hiện vật trước khi quyết định cho vay ; một số cán bộ tín dụng và người vay thông đồng nâng giá trị tài sản cố định lên nhiều lần giá trị thực tế để vay được nhiều ; việc gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn chưa đúng

* PGS, PTS, Viện trưởng, Viện khoa học ngân hàng

Digitized by Google

quy định, đặc biệt là tình trạng đảo nợ khá nhiều làm cho việc đánh giá chất lượng tín dụng thiếu sát thực, dẫn đến nợ xấu chạy vòng quanh ; một số tổ chức tín dụng vi phạm quy chế quản lý và kinh doanh ngoại tệ, đặc biệt là trong việc bảo lãnh và tái bảo lãnh vay vốn nước ngoài, bảo lãnh mở L/c trả chậm với giá lớn gấp nhiều lần so với vốn tự có. Tuy đã có gần 500 văn bản pháp quy từ sau khi có hai pháp lệnh ngân hàng, nhưng nhìn chung luật lệ, cơ chế trong lĩnh vực hoạt động ngân hàng vẫn còn chưa đầy đủ và đồng bộ, hiệu lực pháp lý của một số văn bản chưa cao. Một số văn bản ban hành trước đây nay đang phải điều chỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hàng loạt bộ luật mới ra đời, nhất là các quy định về an toàn tín dụng. Trình độ nghiệp vụ của cán bộ ngân hàng tuy đã được nâng lên, nhưng nhìn chung vẫn còn bất cập ; một số có những sai phạm nghiêm trọng như tham ô, dùng vốn vay để chơi hụi, chơi đề... đã bị pháp luật xử lý.

Tình hình nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân trực tiếp là bản thân nghề kinh doanh tiền tệ dù ở bất cứ nước nào cũng đều là nghề kinh doanh phải gánh chịu nhiều rủi ro nhất. Đây là vấn đề "truyền thống", nhưng cũng là vấn đề "thời sự". Rủi ro tín dụng, xảy ra là do cả từ phía khách quan lẫn chủ quan. Vì vậy, việc lo toan, trăn trở để đối phó với rủi ro trong kinh doanh là nỗi lo "canh cánh" bên mình của tất cả những người làm nghề kinh doanh tiền tệ. Người kinh doanh tiền tệ phải luôn "tỉnh táo, cảnh giác" với mọi bất trắc có thể xảy ra và tìm ra những giải pháp thích hợp để đối phó kịp thời, có hiệu quả.

Một nguyên nhân khác nữa là do nền kinh tế nước ta đang trong giai đoạn đầu chuyển sang kinh tế thị trường, nên việc quản lý và điều hành kinh doanh không tránh khỏi lúng túng, va vấp, thậm chí còn phải trả giá trước những thách đố của thị trường. Chúng ta đang trong quá trình bố trí lại cơ cấu kinh tế, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước và chú trọng phát triển các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh..., trong khi chưa có đủ các điều kiện cần thiết về pháp lý, vốn, công cụ và trình độ quản lý. Ngân hàng là một trong những ngành trực tiếp chịu tác động của quá trình này. Rủi ro tín dụng có yếu tố rất quan trọng từ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp làm ăn yếu kém, bị thua lỗ nên không trả được nợ vay ; từ các hành vi làm trái pháp luật ; từ các thủ đoạn lừa đảo, gian lận trong kinh doanh.

Những thay đổi điều hành quản lý vĩ mô của nhà nước thời gian qua, trong mức độ khác nhau đã tác động đến hoạt động của các ngành kinh tế ; trong đó có ngân hàng như những quy định về đất đai, về điều hành xuất khẩu gỗ, gạo, nhập phân bón... mà vấn đề nổi cộm nhất là việc các tổ chức kinh tế dùng đất đai để thế chấp vay vốn ngân hàng.

Sự phối kết hợp giữa các ngành, các cấp trong xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại còn chưa đồng bộ như : giữa ngành tài chính và ngân hàng trong bảo lãnh các doanh nghiệp nhà nước vay vốn ngân hàng ; trong hướng dẫn Pháp lệnh ngân hàng về các chi phí thanh tra. Giữa các ngành nội chính trong kiểm tra, điều tra các vụ việc nổi cộm ở các tổ chức tín dụng và khách hàng vay vốn ngân hàng với việc xử lý giải tỏa các tài sản thế chấp.

Về tổ chức và hoạt động thanh tra của Ngân hàng nhà nước tuy đã được đổi mới một bước, nhưng vẫn còn nhiều bất cập về trình độ, về kỹ thuật thanh tra. Về quản lý điều hành các tổ chức tín dụng chưa sâu sát, chưa cụ thể, thậm chí còn buông lỏng quản lý ; có lúc, có nơi còn thiếu ý thức tuân thủ pháp luật và các quy chế ; chưa coi trọng đúng mức việc quản lý nghiệp vụ và quản lý con người.

Về phía khách hàng, thì các doanh nghiệp quốc doanh sau khi được sắp xếp lại vẫn chưa được cấp đủ vốn tự có cần thiết và còn không ít doanh nghiệp làm ăn thua lỗ (số vốn được cấp trước đây, đại bộ phận đã chuyển thành tài sản cố định) không đủ khả năng trả nợ. Tình trạng lừa đảo, gian lận trong kinh doanh, hụi, họ... diễn ra ở nhiều nơi. Đây là tồn tại và khuyết điểm của hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý xã hội, mà hậu quả của chúng đã tác động xấu và trực tiếp đến các mặt hoạt động ngân hàng.

Từ những tồn tại và nguyên nhân nêu trên, tôi có một số kiến nghị :

1 - *Đối với nhà nước, chính phủ và các cơ quan bộ, ngành*

- Nhà nước cần sớm ban hành Luật sở hữu tài sản, Luật phát hành và lưu thông hối phiếu, kỳ

Digitized by Google

phiếu thương mại và các văn bản dưới luật về xử lý phát mại tài sản thế chấp, cầm cố bảo lãnh, xử lý công nợ của các doanh nghiệp bị thua lỗ phá sản hoặc giải thể.

- Cần tăng cường biện pháp quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp như quy định rõ một cơ quan nhà nước có quyền cấp phép thành lập ; đăng ký kinh doanh doanh nghiệp ; điều kiện để cấp phép và thu hồi giấy phép kinh doanh ; quy định mức độ chịu trách nhiệm của cơ quan cấp giấy phép đối với doanh nghiệp ; quy định chặt chẽ biện pháp kinh tế, hành chính buộc doanh nghiệp chấp hành đúng Pháp lệnh kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán bắt buộc.

- Ban hành sớm các thông tư liên bộ giữa Bộ tư pháp và Ngân hàng nhà nước quy định về địa bàn được công chứng theo hộ khẩu để ngăn chặn hành vi lừa đảo của khách hàng ngân hàng bằng tài sản thế chấp.

- Có biện pháp cụ thể và kiên quyết ngăn chặn, xóa bỏ các tổ chức và cá nhân kinh doanh tiền tệ - tín dụng trái phép dưới mọi hình thức.

- Cho phép Ngân hàng nhà nước trong giai đoạn đầu thí điểm mô hình Quỹ tín dụng nhân dân được biệt phái và trả lương cho số cán bộ có năng lực về giúp các Quỹ tín dụng nhân dân và trợ giúp các phí tổn cho bộ máy kiểm soát của hệ thống này.

- Sớm ban hành Luật ngân hàng, Luật thương mại và Luật bảo hiểm đối với những rủi ro bất khả kháng do thiên tai, bão lụt và sâu bệnh gây ra... Cần có những văn bản cho phép thực hiện việc bảo hiểm tín dụng cho các ngân hàng thương mại và thành lập các công ty chuyên trách về bảo hiểm tín dụng. Ngân hàng thương mại được trích một tỷ lệ nhất định từ chi phí để thành lập quỹ dự phòng bù đắp rủi ro.

- Chấm dứt tình trạng ép buộc các ngân hàng thương mại phải cho vay các dự án có tính khả thi hạn chế, dù bằng hình thức nào.

- Làm tốt việc quy hoạch, phân vùng sản xuất, bảo đảm tính đồng bộ từ khâu sản xuất đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm tạo điều kiện cho hoạt động tín dụng đạt hiệu quả cao.

- Để bảo đảm an toàn cho các tổ chức tín dụng cần nghiên cứu sửa đổi những nội dung chưa thích hợp về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được giao đất, thuê đất (Nghị định 18/CP) quyền và nghĩa vụ của các tổ chức và cá nhân nước ngoài được thuê đất (Nghị định 11/CP).

- Đối với nghiệp vụ bảo lãnh và tái bảo lãnh : hằng năm trên cơ sở mục tiêu của chính sách tiền tệ, yêu cầu nguồn vốn ngoại tệ phục vụ nhu cầu nhập khẩu, triển khai các dự án mới... phù hợp với chính sách ngoại hối để xác định hạn mức cần vay vốn nước ngoài. Trên cơ sở đó thông báo chỉ tiêu hướng dẫn cho các ngân hàng thương mại và điều chỉnh kịp thời trong quá trình các doanh nghiệp trong nước tìm kiếm các đối tác nước ngoài cho vay vốn.

2 - *Đối với Ngân hàng nhà nước*

- Sớm ban hành cơ chế trích lập và sử dụng quỹ rủi ro trong kinh doanh tín dụng theo nguyên tắc hạch toán kinh doanh, lấy thu bù chi có lãi, phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Cần điều chỉnh sửa đổi và ban hành các cơ chế về thanh tra tín dụng, bảo lãnh phù hợp với tình hình mới như : điều chỉnh, bổ sung các điều kiện, nguyên tắc cho vay, quyền lựa chọn ngân hàng của khách hàng, cơ chế bảo lãnh vay vốn nước ngoài, bảo lãnh mua hàng trả chậm, bảo lãnh vay trong nước.

- Cho phép Ngân hàng nông nhiệp được trích lập quỹ rủi ro từ 0,5% đến 1% hằng năm trong mức lãi cho vay để tự bù đắp những rủi ro nhỏ, cục bộ, nghiệp vụ gắn với chế độ hạch toán kinh doanh theo nguyên tắc được bù đắp các khoản tổn thất.

- Cho phép các ngân hàng thương mại thực hiện nghiệp vụ thuê, mua đối với các tài sản xiết nợ là bất động sản, có thời hạn thuê mua phù hợp với thời gian khấu hao cơ bản tài sản cố định để doanh nghiệp có thể sản xuất kinh doanh bình thường, ngân hàng thu hồi vốn nhanh và chắc chắn.

- Cần có văn bản hướng dẫn cụ thể thủ tục xử lý tài sản thế chấp, xử lý nợ quá hạn, nợ tạm khoanh, nợ khê đọng của các ngân hàng thương mại. Kịp thời sửa đổi "Quy chế bảo đảm an toàn trong kinh doanh tiền tệ đối với các tổ chức tín dụng" về các điều khoản : cách xác định vốn tự có phải theo thông lệ quốc tế, xây dựng hệ số về

Digitized by Google

khả năng thanh toán (hệ số Cooke), quy định về phân chia rủi ro... Sửa đổi "Quy chế trích lập và sử dụng các quỹ dự trữ của tổ chức tín dụng" về các điều khoản : trích lập quỹ dự trữ đặc biệt và việc sử dụng quỹ này.

- Cần gắn chặt việc cho vay tái cấp vốn với kết quả giảm nợ quá hạn của các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng xuống dưới mức cho phép (như ở mức 2% tổng dư nợ chẳng hạn). Có quy chế cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm kiểm soát nội bộ các ngân hàng thương mại - tổ chức tín dụng để phát huy vai trò kiểm soát tại chỗ.

- Cần khai thác triệt để các nguồn thông tin đối với các đơn vị xin bảo lãnh cũng như các đối tác cho vay. Sự phối, kết hợp chặt chẽ giữa các tổ chức tín dụng với Ngân hàng nhà nước trong các khâu xem xét chấp nhận điều kiện vay, trả của đơn vị. Ban hành quy chế thế chấp, cầm cố và bảo lãnh vay vốn ngân hàng thay thế các quyết định trước đây (từ năm 1989) nay không còn phù hợp ; tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm thông tin tín dụng.

3 - *Đối với các ngân hàng thương mại*

a - Các ngân hàng thương mại phải phân tích được một cách có hệ thống và thực tế chất lượng số tài sản có, áp dụng kịp thời những biện pháp phòng ngừa và có sự thay đổi thích hợp trong chính sách cho vay của mình.

b - Để góp phần chống hiện tượng đánh đề, chơi hụi các ngân hàng thương mại cần :

+ Thực hiện tốt các chế độ thể lệ của Ngân hàng nhà nước quy định, thực hiện nghiêm túc quy trình nghiệp vụ tín dụng, coi trọng các phương án sản xuất kinh doanh để trả nợ ngân hàng.

+ Hướng dẫn thủ tục, hồ sơ thế chấp tài sản một cách chặt chẽ, ngăn chặn việc dùng một tài sản thế chấp vay vốn nhiều lần.

+ Tăng cường thanh tra nội bộ (phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền, công an...) để kịp thời nắm và xử lý các hành vi phạm pháp.

+ Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức của cán bộ ngân hàng.

c - Nghiệp vụ bảo lãnh và tái bảo lãnh được thực hiện chủ yếu từ các ngân hàng thương mại với các doanh nghiệp hoặc các ngân hàng thương mại bảo lãnh và tái bảo lãnh cho nhau trên nguyên tắc tự vay, tự trả. Ngân hàng nhà nước chỉ thực hiện bảo lãnh và tái bảo lãnh cho các doanh nghiệp trong một số trường hợp đặc biệt theo sự chỉ định của Chính phủ. Các tổ chức tín dụng vay vốn của các tổ chức nước ngoài cần được tập trung vào một đầu mối là hội sở chính của các ngân hàng thương mại để quản lý và kiểm soát chặt chẽ.

d - Tham gia vào hệ thống thông tin tín dụng của Ngân hàng nhà nước phải là quyền lợi và nghĩa vụ của các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng.

e - Các ngân hàng thương mại cổ phần cần :

+ Sớm chấn chỉnh tổ chức và hoạt động của hội đồng quản trị, ban kiểm soát.

+ Ngân hàng nào không có số cổ đông tối thiểu, không tăng được vốn điều lệ có thể giải quyết theo hai cách : thu hẹp phạm vi chức năng hoạt động, sáp nhập vào các ngân hàng khác hoặc thu hồi giấy phép hoạt động cho thanh lý giải thể.

4 - *Đối với các tổ chức kinh doanh* (khách hàng)

Một số doanh nghiệp do chưa nắm vững quy chế về bảo lãnh và tái bảo lãnh nên khi triển khai nghiệp vụ này còn lúng túng, thậm chí làm trái quy trình. Do vậy, ngân hàng thương mại cần xem xét chặt chẽ các điều kiện bảo đảm cho việc vay trả của món vay, chấp hành quy chế thực hiện và kiểm soát tài sản thế chấp khi thực hiện bảo lãnh và tái bảo lãnh.

Việc bảo đảm an toàn và nâng cao chất lượng tín dụng là vấn đề có tính "truyền thống" đối với hoạt động của tất cả mọi ngân hàng và tổ chức tín dụng, vì nó quyết định "sự sống" của chúng. Đối với hệ thống ngân hàng Việt nam, vấn đề này còn mang tính "thời sự, nóng bỏng và bức bách" không chỉ của riêng ngành ngân hàng, mà của cả nền kinh tế. Vì vậy, để xử lý tốt vấn đề này đòi hỏi phải có sự phối hợp đồng bộ, trước hết là ở sự quản lý vĩ mô. ❑

Digitized by Google

CÔNG TÁC GIÁM ĐỊNH HÀNG HÓA TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở NƯỚC TA

PHẠM THẮNG

Công tác giám định hàng hóa là hoạt động xem xét và kết luận về một hàng hóa nào đó theo yêu cầu của các bên mua bán hàng hóa hoặc được nhà nước ủy quyền. Hoạt động này gắn liền với sản xuất, trao đổi hàng hóa và trở thành hoạt động cực kỳ quan trọng, không thể thiếu được khi thương mại quốc tế phát triển ngày càng sâu rộng nhằm khai thác triệt để lợi thế so sánh của nước mình, tận dụng sức mạnh bên ngoài để bù đắp những thiếu hụt của nền kinh tế trong nước. Trong xu thế hội nhập và tham gia sự phân công hợp tác quốc tế, cùng với đầu tư nước ngoài gia tăng là sự xuất hiện xu hướng đổi mới công nghệ ở các nước với sự bất lợi thuộc các nước đi sau, chậm phát triển như nước ta. Khối lượng hàng hóa nhập khẩu, nhất là nguyên liệu, máy móc công nghệ... ngày càng nhiều, nếu không có sự kiểm tra giám định, kiểm nghiệm một cách chặt chẽ, trung thực và chính xác sẽ gây nhiều tổn hại cho nền kinh tế.

Về khái lược, công tác giám định, kiểm nghiệm có hai nội dụng. *Một là,* những quy định, thể chế, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa. *Hai là,* việc tổ chức kiểm tra, giám định hàng hóa, nhất là máy móc công nghệ nhập khẩu. Hai công việc này thường do những đơn vị khác nhau đảm nhận ; trong đó việc kiểm tra giám định hàng hóa xuất, nhập khẩu được thực hiện bởi một tổ chức độc lập, trung lập, chuyên nghiệp mà các doanh nghiệp yêu cầu hoặc nhà nước ủy quyền. Đây là một tất yếu trong quan hệ thương mại quốc tế. Để bảo đảm tính khách quan tổ chức này không bao gồm bên bán, bên mua, bên vận chuyển hay bên bảo hiểm ; không tham gia sở hữu, hoặc quản lý trực tiếp hay gián tiếp với bất kỳ loại hàng hóa nào (không có quyền lợi tài chính, thương mại...). Công tác kiểm tra giám định hàng hóa xuất nhập khẩu đòi hỏi phải có một tổ chức mạnh, bao gồm đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn cao mới có thể đánh giá một cách chính xác thực trạng, điều kiện thực tế của hàng hóa tại thời điểm và thời gian cụ thể, nhất là những hàng hóa có kỹ thuật, công nghệ cao, các dự án công trình đầu tư... Việc giám định cũng không chỉ dừng lại ở quan hệ mua bán trao đổi tức thời, mà còn cả quan hệ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa... Nói cách khác, công tác giám định không chỉ dừng lại ở việc kiểm tra, quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa, mà phạm vi của nó rất rộng : số lượng, chất lượng, giá cả, mẫu mã, điều kiện môi trường... Chẳng hạn như giám định hay thẩm định dự án đầu tư là một loại hình giám định tổng hợp bao gồm cả giám định thương mại thông thường và cả giám định ủy nhiệm theo luật định.

Vai trò và tác dụng của công tác giám định hàng hóa được thể hiện ở một số điểm sau đây :

- Là phương tiện thương mại làm thuận lợi quá trình trao đổi ; tư vấn cho cả bên bán, bên mua, bên vận tải, bên bảo hiểm phù hợp yêu cầu và lợi ích của mỗi bên. Giảm các thời gian vận chuyển và dịch vụ, góp phần thực hiện đúng hợp đồng thương mại quốc tế.

- Sự xác nhận của giám định là một nhân chứng công bằng trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế.

Digitized by Google

- Phục vụ tích cực cho các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện và quản lý việc thực hiện các quyết định pháp lý khác nhau liên quan tới hoạt động thương mại và đầu tư. Đặc biệt là vai trò tư vấn trong việc giám định thiết bị máy móc về kỹ thuật và cả về giá cả trong các dự án FDI.

- Góp phần tăng hiệu lực các văn bản pháp lý của nhà nước về thương mại ; bảo vệ và ngăn chặn buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới ; góp phần quản lý giám sát và tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp đồng xuất khẩu, đầu tư ; loại trừ các vi phạm cố ý hay vô ý của các bên tham gia hợp đồng thương mại quốc tế ; thúc đẩy quá trình sản xuất các hàng hóa có chất lượng cao trong nước, tăng uy tín sản phẩm của nước mình trên thị trường thế giới... qua đó, bảo vệ được chủ quyền và quyền lợi của đất nước.

Xuất phát từ vai trò quan trọng đó, hầu hết các nước đều hết sức chú trọng công tác giám định. Bên cạnh các quy định, thể chế, chế tài, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa cũng như tiêu chuẩn giám định là việc củng cố và xây dựng các tập đoàn làm nhiệm vụ giám định. Các đơn vị này có thể được tổ chức dưới dạng công ty tổng hợp nhiều ngành nghề hoặc chuyên ngành ; thuộc sở hữu nhà nước, tư nhân hay công ty cổ phần... nhưng đều được nhà nước tạo điều kiện phát triển mạnh, đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Nước ta đang trong quá trình tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, công tác giám định hàng hóa càng có ý nghĩa quan trọng và có tính bức xúc hơn vì :

Thứ nhất, bảo đảm chất lượng hàng hóa xuất khẩu, góp phần chiếm lĩnh thị trường thế giới, giữ vững uy tín của sản phẩm trong nước... từ đó hỗ trợ sản xuất trong nước và hội nhập nhanh vào nền kinh tế ghế giới.

Thứ hai, bảo đảm hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tránh nhập tràn lan không có sự chọn lọc, nhất là máy móc, thiết bị, công nghệ đã cũ, lạc hậu cũng như nguyên liệu, vật liệu kém chất lượng, những thứ đó chẳng những không kích thích được sản xuất trong nước, mà còn làm cho nước ta trở thành nơi chứa đựng công nghệ loại thải của các nước đổi mới công nghệ. Thực tế cho thấy, vừa qua đã có rất nhiều thiết bị cũ, công nghệ lạc hậu được đưa vào Việt nam. Việc giám định thí điểm một số dự án đầu tư của nước ngoài cho thấy giá của thiết bị máy móc nước ngoài đưa vào góp vốn ở quá nửa số dự án được giám định đã bị khai tăng trung bình 10 - 15%, thậm chí có dự án khai tăng tới 30% so với giá trị thật trên thị trường thế giới ; một số dự án có máy móc thiết bị hết sức thô sơ, chất lượng trình độ gia công cơ khí rất thấp kém.

Thứ ba, chúng ta chuẩn bị gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), việc giao lưu trao đổi hàng hóa với các nước ngày một tăng, đầu tư nước ngoài vào Việt nam ngày càng nhiều... càng đòi hỏi công tác giám định phải được đẩy tới một bước để bắt nhịp chung với thương mại quốc tế.

Có thể khẳng định rằng, công tác giám định đòi hỏi sự kết hợp tổng hòa của nhiều lĩnh vực, nhiều ngành khoa học, nhiều mối quan hệ tương tác và có ý nghĩa rất quan trọng trong việc góp phần bảo vệ quyền lợi của các doanh nghiệp Việt nam, bảo đảm chủ quyền đất nước và góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, phải nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này phục vụ đắc lực cho sự nghiệp đổi mới đất nước.

*

* *

Ở nước ta hiện nay có nhiều tổ chức giám định hàng hóa trong và ngoài nước hoạt động. Trong các tổ chức giám định trong nước thì Vinacontrol là một tổ chức giám định lớn nhất và hoạt động thống nhất trong toàn quốc với 5 chi nhánh và hệ thống các trạm tại các cảng và các khu vực kinh tế lớn. Vinacontrol đã qua 40 năm xây dựng và phát triển, có đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giám định viên đào tạo có hệ thống và có kinh nghiệm để thực hiện các vụ

Digitized by Google

giám định. Trong 6 năm gần đây (1991 - 1996) Vinacontrol đã có sự tăng trưởng về khối lượng hàng hóa giám định và doanh thu tăng hằng năm từ 20 - 25%.

Tuy nhiên, hoạt động của Vinacontrol nói riêng và của các công ty giám định Việt nam nói chung còn nhỏ bé, phạm vi hoạt động chủ yếu ở trong nước, trang thiết bị còn nghèo, đội ngũ cán bộ về lâu dài còn gặp nhiều khó khăn, nhất là còn thiếu cán bộ đầu ngành và chuyên gia giỏi trong từng lĩnh vực, đặc biệt là giám định có kỹ thuật cao.

Trong điều kiện đó, để nâng cao chất lượng công tác giám định, kiểm nghiệm hàng hóa, có những kiến nghị đề xuất nên ủy thác giám định toàn bộ hàng hóa nhập khẩu của nước ta cho một tập đoàn giám định mạnh của nước ngoài. Chúng tôi cho rằng ý kiến này không phù hợp, vì nếu làm như vậy, việc giám định toàn bộ hàng nhập (bao gồm cả máy móc, thiết vị, công nghệ...) sẽ hoàn toàn phụ thuộc vào nước ngoài. Nếu ủy thác cho một công ty nước ngoài nào đó sẽ khó có thể tạo ra một môi trường kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh, khó tránh khỏi những tác động bất lợi cho các hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu và đầu tư của Việt nam. Hơn nữa nước ta đã có tổ chức giám định được hình thành từ 40 năm nay, tuy có những mặt còn hạn chế nhưng nếu được đầu tư thích đáng thì có thể vươn lên đảm nhiệm công tác giám định, thông tin và quản lý xuất nhập khẩu một cách có hiệu quả.

Vấn đề ủy quyền giám định toàn bộ hàng nhập cho công ty nước ngoài là điều không khó. Cái khó hơn là ở chỗ phải đẩy nhanh quá trình hợp tác, liên doanh với nhiều công ty giám định mạnh của thế giới để tranh thủ vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm, uy tín của họ. Mặt khác, bằng thực lực của mình, các công ty giám định của Việt nam phải vươn lên để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám định theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm tới, quan hệ kinh tế đối ngoại ngày càng mở rộng. Nền kinh tế của đất nước sẽ có sự tăng trưởng nhanh, quan hệ trao đổi, thương mại quốc tế cũng như khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu cũng sẽ tăng cao. Luật thương mại ra đời và do đó công tác quan lý dịch vụ giám định sẽ đi vào nền nếp hơn. Nhiều tổ chức giám định sẽ xuất hiện và cạnh tranh gay gắt với nhau. Bên cạnh các tổ chức giám định trong nước sẽ có nhiều tổ chức giám định nước ngoài vào Việt nam tạo thành các liên minh "cặp đôi" "cặp ba"... để tạo sức mạnh trong cạnh tranh giành giật thị trường, giành giật khách hàng. Yêu cầu của khách hàng cũng như yêu cầu của công tác giám định ngày càng đòi hỏi chất lượng cao hơn.

Để nâng cao chất lượng công tác giám định của các công ty giám định trong nước, đáp ứng yêu cầu mới, chúng tôi thấy có một số vấn đề cần tập trung giải quyết kịp thời :

1. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa với chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức giám định. Cần phải thấy rằng các tổ chức giám định là một doanh nghiệp mang tính thương mại và có tính độc lập trong quan hệ thương mại giữa các bên mua, bên bán hàng hóa. Hoạt động giám định là hoạt động dịch vụ thương mại chức không phải là của cơ quan quản lý chất lượng hàng hóa. Vai trò quản lý nhà nước là nghiên cứu xây dựng các quy định, tiêu chuẩn pháp lý và xem xét các tổ chức giám định nào có khả năng nhất để ủy quyền thực hiện giám định cụ thể. Trên cơ sở đó tập trung đầu mối giám định theo một hệ thống chuyên ngành thống nhất. Hiện nay sự phân công trách nhiệm giữa sản xuất kinh doanh, thương mại, kiểm tra chất lượng sản phẩm, giám định hàng hóa chưa chặt chẽ. Có một số ngành hoạt động khép kín từ sản xuất đến kiểm tra, giám định và đưa ra thị trường. Bởi vậy, trách nhiệm của giám định bị cắt xén, không phát huy được sức mạnh, vai trò của công tác giám định.

2. Các công ty giám định Việt nam cần nhanh chóng vươn lên bắt kịp trình độ quốc tế, bảo đảm khách quan, giữ vị trí chủ đạo trên thị trường giám định Việt nam. Muốn vậy cần phải :

Digitized by Google

- Xây dựng tổ chức giám định mạnh để nâng cao sức cạnh tranh của mình. Các nước phát triển trên thế giới đều tập trung xây dựng nền giám định quốc gia mạnh, xây dựng các tập đoàn giám định lớn của quốc gia, tập trung vốn, kỹ thuật và thống nhất hành động để tạo ra sức cạnh tranh và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Ở nước ta cũng vậy, Vinacontrol phải được xây dựng thành một tổ chức giám định mạnh ngang tầm với các tổ chức giám định quốc tế để phục vụ có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Ngành giám định Việt nam mà nòng cốt là Vinacontrol cần mở rộng quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức kỹ thuật kể cả chuyên gia giỏi trong nước và chọn lựa đối tác, hình thức liên doanh với các tổ chức giám định nước ngoài để tranh thủ kỹ thuật, công nghệ, học tập kinh nghiệm cũng như hợp đồng ủy thác (với nước ngoài) để tiến hành giám định có hiệu quả tại Việt nam hoặc nước ngoài.

- Mở rộng và nâng cao chất lượng các loại hình giám định : loại hình có yêu cầu kỹ thuật cao, loại hình giám định truyền thống, thẩm định hàng nhập khẩu và các dịch vụ ở nước ngoài.

- Tập trung sức đầu tư, xây dựng đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất kỹ thuật để Vinacontrol trở thành tổ chức giám định đạt tiêu chuẩn cao của quốc tế. Vấn đề hàng đầu là phải tạo ra đội ngũ cán bộ có trình độ, có kỹ thuật và đặc biệt là có phẩm chất đạo đức trong sáng, khách quan vô tư, vì dân, vì nước.

3. Tăng cường và hoàn thiện vai trò quản lý nhà nước để bảo đảm hoạt động giám định có hiệu quả, theo đúng pháp luật, ngăn chặn tiêu cực và tham nhũng. Mặt khác, nhà nước cần có sự đầu tư, hỗ trợ cho ngành giám định, nhất là về cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện và môi trường cạnh tranh lành mạnh trong giám định tại Việt nam. Những nội dung cần lưu ý là :

- Hoàn thiện các mạng lưới thông tin, thống kê hải quan, thống kê ngoại thương, hệ thống thuế quốc gia hoàn hảo.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về chất lượng hàng hóa, các nghị định, thông tư hướng dẫn cần được bổ sung, hoàn thiện để làm căn cứ cho công tác giám định. Luật hóa công tác giám định, khắc phục kịp thời những lỗ hổng đang tồn tại trong các văn bản pháp lý hiện hành.

- Cho phép mở rộng liên doanh giữa các tổ chức giám định trong và ngoài nước để tạo sức mạnh trong cạnh tranh. Với những loại hàng mà ta chưa có đủ trình độ, điều kiện, phương tiện để giám định thì đấu thầu, thuê các công ty nước ngoài giám định từng lô hoặc cả chuyến hàng trên cơ sở hợp đồng thương mại và luật pháp quốc tế.

4. Từng bước thực hiện giải pháp giám định trước khi nhập khẩu. Đây chính là thỏa thuận giám định hàng hóa trước khi lên tàu của tổ chức thương mại quốc tế (WTO) để nhằm đánh giá đúng thuế nhập khẩu ; giảm tối đa sự cạnh tranh không công bằng gây bất lợi cho sản xuất trong nước, thủ tục hải quan thuận tiện và khuyến khích đầu tư nước ngoài ; bảo vệ ngoại hối bằng giảm tối đa việc đội giá và phát hiện các chênh lệch về số lượng, chất lượng hàng hóa.

Làm tốt công tác giám định tại bến đi ở 5 phương diện : số lượng, chất lượng, giá cả, phân loại hàng hóa theo mã số của biểu thuế xuất nhập khẩu, xem xét hàng có phù hợp với quy định nhập khẩu của Việt nam hay không (hàng cấm, hạn ngạch, các tiêu chuẩn về môi trường...). Về lâu dài, chúng ta đang khẩn trương chuẩn bị điều kiện để thực hiện toàn diện các nội dung này. Trước mắt cần làm tốt việc giám định hàng hóa theo thông lệ quốc tế, tức là thỏa thuận giữa người mua và người bán. Có thể thỏa thuận với người bán ở một số hàng nhất định là giám định tại bến đến sẽ là giám định cuối cùng để tăng trách nhiệm người bán. ❑

Digitized by Google

LONG AN CHĂM LO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC CON NGƯỜI

PHẠM THANH PHONG *

Đại hội lần thứ VIII của Đảng là dấu mốc quan trọng mở ra thời kỳ phát triển mới của cách mạng nước ta - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mục tiêu do Đại hội đề ra là phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Đó là nhiệm vụ quan trọng có tính quyết định xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Để thực hiện nhiệm vụ chiến lược đó, vấn đề phát huy nhân tố con người có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Con người phải được giáo dục và đào tạo để phát triển toàn diện, nắm được khoa học và công nghệ tiên tiến của thời đại để thực hiện tốt nhất quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định ý nghĩa then chốt đó Hội nghị lần thứ hai BCHTƯ (khóa VIII) đã ra Nghị quyết về định hướng chiến lược và mục tiêu nhiệm vụ đến năm 2000 trên hai lĩnh vực có tầm đặc biệt quan trọng trước mắt cũng như lâu dài là giáo dục - đào tạo và khoa học, công nghệ.

Quán triệt nghị quyết Trung ương 2, Tỉnh ủy Long an đã ra nghị quyết về chương trình hành động giáo dục - đào tạo và khoa học, công nghệ ở địa phương. Triển khai thực hiện tốt chương trình hành động này sẽ tạo nền tảng và động lực mạnh mẽ cho Long an chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ tỉnh nông - công nghiệp sang công - nông - dịch vụ vào sau năm 2000. Đó là điều kiện tiên quyết để tỉnh thoát khỏi nghèo nàn, vươn lên cùng cả nước thực hiện mục tiêu : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Về giáo dục - đào tạo

Trong mười năm đổi mới, nhất là thời kỳ 1991-1995, cùng với thành quả phát triển kinh tế, giáo dục - đào tạo tỉnh đã có bước phát triển đáng kể ở các cấp học, ngành học, cả học chữ và học nghề. Các loại hình trường lớp và số học sinh, sinh viên cả người lớn theo học tăng nhanh ở lĩnh vực phổ thông, đại học và dạy nghề, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, cung cấp nguồn nhân lực cho các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thành tựu này xuất phát từ cơ chế, chính sách của Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) và là kết quả sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của đảng bộ, chính quyền tỉnh và các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, sự ủng hộ của cha mẹ học sinh, sự nỗ lực của người đi học và của đội ngũ cán bộ giáo viên ngành giáo dục. Bên cạnh tiến bộ nói trên, ngành giáo dục - đào tạo của tỉnh vẫn còn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của thời kỳ phát triển, chưa thật sự đóng vai trò động lực, còn bất cập về trình độ kiến thức cơ bản, cả nhiều lĩnh vực chuyên sâu ; chưa kết hợp chặt chẽ giữa dạy chữ, dạy người để xây dựng chủ nghĩa xã hội ; có sự hụt hẫng mất cân đối lớn giữa tỉ lệ đại học, trung học chuyên nghiệp và công nhân lành nghề; chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo còn thấp. Còn nhiều biểu hiện tiêu cực, hoạt động giáo dục thiếu kỷ cương, nhà nước buông lỏng quản lý, đội ngũ giáo viên cũng bị phân hóa giàu nghèo trong cơ chế thị trường ; công bằng xã hội trong giáo dục - đào tạo chưa bảo đảm, con em diện gia đình chính sách, nhà nghèo vẫn còn nhiều khó khăn để học lên cao ; đội ngũ giáo viên vừa hụt về chất lượng vừa thiếu về số lượng ; trường lớp thiếu, phương tiện dạy và học nghèo nàn, lạc hậu. Tình trạng dạy chay, học chay còn phổ biến ; công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh còn yếu ; sự chênh lệch mặt bằng dân trí giữa vùng phía bắc và phía nam của tỉnh khá rõ rệt. Sách giáo khoa của các cấp học phổ thông thường bị thay đổi, gây khó

* Ủy viên trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy Long an.

Digitized by Google

khăn trong việc đầu tư cho con em học hành ; thu học phí dưới nhiều hình thức chưa có qui củ, không được kiểm soát chặt chẽ. Chưa có cơ chế để kết hợp chặt chẽ ba môi trường giáo dục. Nguyên nhân có nhiều, trong đó phải kể đến trước tiên là về cơ chế chính sách vĩ mô chưa thực sự khuyến khích phát triển giáo dục - đào tạo tương xứng với yêu cầu phát triển việc dạy và học nghề chưa được quan tâm đầy đủ. Về chủ quan, sự quan tâm của Tỉnh ủy và chính quyền tỉnh cũng như các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp cũng như xã hội chưa đủ sức đưa giáo dục - đào tạo lên vị trí là động lực của sự phát triển trong thời kỳ mới.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và Nghị quyết đại hội VI tỉnh đảng bộ, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục - đào tạo của tỉnh từ nay đến năm 2000 là tiếp tục nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà và chuẩn bị tạo điều kiện cho những bước phát triển mạnh hơn nữa vào thế kỷ XXI.

Để thực hiện nhiệm vụ đó đòi hỏi đảng bộ, chính quyền, nhân dân trong tỉnh phát huy những thành tựu đạt được, khắc phục nhanh chóng những mặt còn yếu kém, ra sức phát triển giáo dục - đào tạo cả về mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng hiệu quả. Trước mắt, từ nay đến năm 2000 cần tập trung thực hiện tốt các vấn đề sau đây :

Điểm xuất phát để Long an đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa rất thấp. Do vậy, trước hết phải phấn đấu nâng cao dân trí, khắc phục sự chênh lệch về trình độ dân trí giữa hai vùng hiện nay. Phải hoàn thành phổ cập tiểu học và xóa mù chữ vào năm 1998. Riêng thị xã Tân an, một số thị trấn, vùng phát triển công nghiệp tập trung và một số vùng ven TP Hồ Chí Minh phải hoàn thành phổ cập trung học cơ sở vào năm 2000. Đi đôi với việc phổ cập, phải huy động hết trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 và trên 95% trẻ em từ 6 tuổi đến 10 tuổi vào tiểu học. Vùng Đồng tháp mười khi xây dựng trường sở phải gắn với qui hoạch dân cư, bảo đảm chung sống với lũ để trẻ em có điều kiện đến trường trong mùa nước nổi. Việc đào tạo nghề là vấn đề bức xúc hiện nay và cho lâu dài của tỉnh, bảo đảm đến năm 2000 phải đạt từ 20-25% số lao động được đào tạo nghề so với tổng số lao động toàn tỉnh. Mỗi năm phải có 8000 lao động được đào tạo nghề. Tỉnh Long an giáp thành phố lớn bị sức hút mạnh về lực lượng cán bộ đại học và trên đại học, do vậy phải có kế hoạch đào tạo đủ lực lượng này để bù đắp sự hụt hẫng hiện nay. Việc đào tạo, tạo nguồn cho đội ngũ cán bộ cốt cán các loại cho tỉnh cũng là vấn đề bức xúc. Tỉnh đã xúc tiến ngay vấn đề bổ túc công nông tập trung, trước mắt bổ túc văn hóa đạt chuẩn cho đội ngũ cốt cán cơ sở, huyện kế đến bổ túc văn hóa cho con em gia đình cách mạng, con em lao động nghèo có phẩm chất tốt. Trong giáo dục - đào tạo chú ý kết hợp chặt chẽ giữa học chữ với học nghề, đào tạo một lớp người có lý tưởng thiết tha với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thiết tha với xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh, có ý chí quyết tâm xây dựng, bảo vệ đất nước, luôn giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong hoàn cảnh, hội nhập với thế giới và khu vực.

Để thực hiện thành công mục tiêu trên đây, cần phải gia tăng các nguồn lực đầu tư cho giáo dục - đào tạo, xem đầu tư giáo dục - đào tạo là đầu tư phát triển. Ngoài việc duy trì và tăng nguồn ngân sách của tỉnh, cần động viên mạnh mẽ các nguồn lực của nhân dân thông qua chế độ học phí và quỹ bảo trợ, qua việc đa dạng hóa các loại hình trường lớp, qua quỹ khuyến học các đoàn thể, tổ chức xã hội, qua đầu tư của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, qua quỹ tín dụng... Giải quyết tốt chính sách miễn giảm học phí cho học sinh nghèo và học sinh diện gia đình chính sách, thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục - đào tạo, chuẩn hóa chất lượng đội ngũ giáo viên, chuẩn hóa trường lớp, chương trình, giáo trình thi cử... Áp dụng các chính sách ưu đãi đối với giáo viên, giáo sinh sư phạm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 và chính sách hiện hành của tỉnh. Tạo động lực mạnh mẽ cho giáo viên và người học, tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh ủy, coi giáo dục là một nội dung quan trọng trong lãnh đạo của các cấp bộ đảng. Đầu tư thích đáng cho trường Cao đẳng sư phạm của tỉnh để đủ sức cung cấp lực lượng giáo viên đúng chuẩn cho tỉnh. Chấm dứt tình trạng thiếu giáo viên triền miên, nhất là vùng sâu, vùng xa trong thời gian qua. Sở giáo dục khôi phục ngay bộ phận công tác chính trị trường học, xây dựng đội ngũ giáo viên tốt về phẩm chất, vững vàng về chính trị,

Digitized by Google

quan tâm đúng mức việc phát triển đảng, xây dựng đảng, đoàn, đội trong trường học, tăng cường quản lý điều hành của chính quyền tỉnh, bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu đã được xác định.

Về khoa học và công nghệ

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động khoa học - công nghệ của tỉnh thời gian qua có bước chuyển biến đáng kể, phục vụ đắc lực cho chương trình khai mở vùng Đồng tháp mười, góp phần vào sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thành tựu đó bắt nguồn từ đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban, sự năng nổ của đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ và các cơ sở sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế và nhân dân trong tỉnh.

Bên cạnh đó khoa học - công nghệ của tỉnh cũng bộc lộ nhiều yếu kém bất cập. Hoạt động khoa học - công nghệ của tỉnh phát triển chậm, chưa tương xứng yêu cầu phát triển. Khoa học xã hội và nhân văn còn quá yếu, lực lượng ít lại phân tán, chưa đủ sức đáp ứng trong việc xây dựng con người tha thiết với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong điều kiện cơ chế thị trường, hội nhập với bên ngoài. Trình độ công nghệ thấp, chậm được đổi mới, lực lượng khoa học - công nghệ đã thiếu còn bị hút ra khỏi tỉnh. Nguyên nhân có nhiều, nhưng trước hết là cơ chế chính sách vĩ mô chưa đủ sức tạo ra thuận lợi cho phát triển khoa học và công nghệ. Mặt chủ quan là sự quan tâm của Tỉnh ủy về vấn đề này chưa tương xứng với yêu cầu phát triển của nó.

Cùng với giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ của tỉnh phải tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức để từ nay đến năm 2000 thực hiện đạt những mục tiêu mà Nghị quyết Trung ương 2 đề ra, để khoa học - công nghệ thực sự là động lực của sự phát triển, phấn đấu góp phần xây dựng con người Long an đủ bản lĩnh trụ vững và đi lên trong cơ chế thị trường, hội nhập với cả nước và thế giới, nêu cao tinh thần và lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, năng động sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đi đôi với công bằng và tiến bộ xã hội. Nhanh chóng đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chú trọng qui hoạch, đào tạo cán bộ khoa học xã hội và nhân văn, kỹ sư công nghệ, tin học và cán bộ có trình độ trên đại học. Phấn đấu đến năm 2000 tỉnh tăng gấp rưỡi số thạc sĩ hiện có. Đẩy nhanh việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, đồng thời tổng kết kịp thời kinh nghiệm sản xuất tiên tiến của nhân dân.

Để thực hiện được mục tiêu trên, ngoài việc gia tăng đầu tư nguồn ngân sách và xem đây là đầu tư phát triển cần động viên mạnh mẽ các thành phần kinh tế đầu tư vào khoa học - công nghệ bằng các chính sách theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 và mở rộng hợp tác với các tỉnh, với TP Hồ Chí Minh và nước ngoài trên những lĩnh vực có lợi cho nhu cầu phát triển theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Áp dụng các cơ chế và chính sách khuyến khích cán bộ khoa học - công nghệ, đi đôi với đổi mới phương thức quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư của nhà nước và của các thành phần kinh tế cho khoa học và công nghệ trên cơ sở lấy hiệu quả đầu tư làm tiêu chuẩn. Tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và quản lý điều hành của chính quyền tỉnh, xây dựng đội ngũ khoa học và công nghệ vừa hồng vừa chuyên phát triển đảng viên và xây dựng đảng trong lực lượng khoa học - kỹ thuật bảo đảm cho mục đích phát triển.

*

* *

Giáo dục - đào tạo là nền tảng ; khoa học - công nghệ là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Có chấn hưng được giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ thì mới có thể đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và mới thực hiện được các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Nghị quyết đại hội VI tỉnh đảng bộ đề ra. Để thực hiện được vấn đề này trước mắt có nhiều cơ hội, nhưng không ít khó khăn thách thức. Phát huy truyền thống "Long an trung dũng kiên cường, "Tháp mười anh hùng" trong kháng chiến cứu nước, đảng bộ và nhân dân tỉnh Long an quyết tâm ra sức đẩy mạnh phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 và thực hiện thắng lợi chương trình hành động của Tỉnh ủy về hai vấn đề này.❑

Digitized by Google

Yếu tố quyết định hiệu quả sản xuất kinh doanh ở Công ty kính Đáp cầu

VÕ HỮU LỘC *

Công ty kính Đáp cầu đã qua cơn "bĩ cực" nhưng chưa tới tuần "thái lai" bởi vì trước mắt chúng tôi vẫn là một con đường không ít chông gai.

Khó khăn lớn nhất đối với Công ty trong mấy năm qua là kính ngoại (đặc biệt là kính Trung quốc) tràn ngập thị trường Việt nam, ảnh hưởng lớn tới việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Đã có thời kỳ sản phẩm tồn kho tới trên một triệu mét vuông kính, vốn ứ đọng tới trên 20 tỉ đồng. Mặc dù được sự giúp đỡ, hỗ trợ tích cực của Tổng công ty thủy tinh và gốm xây dựng, Bộ xây dựng, Bộ kế hoạch và đầu tư, Bộ thương mại, Tổng cục hải quan, Tổng cục thuế... song Công ty vẫn phải giảm giá bán mới tiêu thụ được sản phẩm của mình.

Từ năm 1996, những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua cũng đã từng bước được khắc phục, khiến cho Công ty có được những kết quả đáng khích lệ : Giá trị sản lượng công nghiệp đạt 85 tỉ 694 triệu đồng. Sản lượng sản phẩm, chỉ tính riêng kính trắng đã đạt 4 787 371 m^2, bằng 104% kế hoạch, vượt 25% công suất thiết kế. Tổng doanh thu đạt 94 tỉ 494 triệu đồng, nộp ngân sách nhà nước 8 tỉ 902 triệu đồng. Cán bộ, công nhân viên có đủ việc làm, đời sống ổn định, thu nhập bình quân tính theo đầu người đạt 866 000 đ/tháng.

Có những kết quả nêu trên do nhiều yếu tố, song đáng chú ý nhất là những yếu tố sau đây :

1 - *Có sự chỉ đạo toàn diện, cụ thể của Tổng công ty thủy tinh và gốm xây dựng.* Ngay từ đầu năm, lãnh đạo Tổng công ty đã có những định hướng đúng về sản xuất, kinh doanh cho Công ty kính Đáp cầu. Đây là chỗ dựa cơ bản và chắc chắn cho hoạt động của Công ty.

2 - *Thực hiện triệt để chủ trương đa dạng hóa sản phẩm.* Chúng tôi đã huy động vốn nhàn rỗi của cán bộ công nhân viên để đầu tư mua thiết bị dây chuyền sản xuất gương N°1 và tự tổ chức thi công, xây lắp. Ngày 16-3-1996 tiến hành sản xuất thử. Sau ba tháng sản xuất ổn định, chất lượng sản phẩm tốt, đạt hiệu quả kinh tế cao, đến quý IV tiếp tục lắp đặt dây chuyền sản xuất gương N°2, đầu tháng 11 đi vào sản xuất. Đến nay cả hai máy đều sản xuất ổn định, chất lượng tốt. Kính gương Đáp cầu đang chiếm lĩnh thị trường cả nước. Năm 1996 sản xuất được 282 679 m^2. Tổng doanh thu sản phẩm gương đạt 7 tỉ 044 triệu đồng, đã góp phần đáng kể vào hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu của Công ty năm 1996. Bên cạnh dây chuyền sản xuất kính gương, dây chuyền sản xuất kính phản quang cũng đã được lắp đặt và sản xuất thử từ ngày 15-11-1996 và đến hết năm đã sản xuất được 10 582 m^2, đạt mức doanh thu 33 696 000 đồng. Sản phẩm kính phản quang đang được đưa đi bán ở cả ba miền đất nước để quảng cáo và chào hàng. Mặc dù là sản phẩm mới trên thị trường nước ta, nhưng dựa trên kết quả tiếp thị có thể dự báo sản phẩm này sẽ được người tiêu dùng ưa chuộng. Ngoài ra chúng tôi còn sản xuất kính an toàn dùng cho xe ô tô và các công trình xây dựng, dân dụng, kết quả cũng rất tốt và có nhiều hứa hẹn. Công ty đã ký hợp đồng hợp tác sản xuất kinh doanh với hãng NIPPON SHEET GLASS của Nhật để sản xuất kính ô tô cung cấp cho các liên doanh sản xuất ô tô tại Việt nam.

3 - *Gắn rất chặt sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.* Do kính Trung quốc tràn ngập vào thị trường Việt nam bằng nhiều con đường phần lớn là nhập tiểu ngạch, nhập lậu trốn thuế ; cho nên giá bán rẻ (45 000đ/m^2 kính loại 5 ly ; 27 000 đ/m^2 kính loại 3 ly). Phương thức bán cũng rất linh hoạt (hàng giao tại cửa hàng, sau 1, 2 tháng mới thu tiền). Tình hình đó đòi hỏi Công ty phải có phương hướng tích cực và tìm ra được những biện pháp cạnh tranh hiệu quả. Một mặt chúng tôi đề nghị nhà nước điều chỉnh giá tối thiểu để tính thuế nhập khẩu và áp dụng tối đa khung thuế nhập khẩu đối với kính trắng xây

* Giám đốc kiêm Bí thư đảng ủy Công ty kính Đáp cầu

Digitized by Google

dựng là 40% giá trị để bảo vệ sản xuất trong nước theo chủ trương của Đảng và Chính phủ. Mặt khác, chúng tôi bám sát thị trường, nắm chắc tình hình giá cả, khả năng tiêu thụ để có biện pháp quyết định đúng trong từng giai đoạn với nhiều phương thức khác nhau như : Áp dụng trợ giá vận chuyển cho từng thời điểm khác nhau ; xác định cơ cấu mặt hàng để sản xuất theo đúng yêu cầu của thị trường ; ổn định chế độ công nghệ để kéo kính dày 2,5 ly và 4,5 ly.

4 - *Không ngừng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.* Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã được toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty tích cực hưởng ứng. Chỉ tính riêng năm 1996 đã có tới 100 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất được áp dụng vào sản xuất kinh doanh, đem lại hiệu quả thiết thực. Tiêu biểu là các sáng kiến :

+ Dùng máy lạnh để kéo dài tuổi thọ của lò bể nấu kính. Trước kia, trong quá trình vận hành lò bể nấu kính thường xảy ra hiện tượng "trôi liệu" hoặc "dạt liệu" về mép tường lò bể, tạo ra sự ăn mòn nhanh tường lò, làm giảm tuổi thọ của lò. Vì thế, cứ sau một chu kỳ ba năm, lò bể nấu kính lại phải đại tu. Nay do áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới cùng với việc thực hiện nghiêm ngặt quy trình kỹ thuật sản xuất cho nên hiện tượng "trôi liệu" về mép tường lò đã giảm hẳn, làm cho tuổi thọ của lò được kéo dài ; chu kỳ đại tu không phải là 3 năm mà là 4 năm và có thể còn lâu hơn nữa. Điều này chẳng những tạo ra năng suất cao mà còn tiết kiệm được một khoản chi không nhỏ.

+ Nghiên cứu và sản xuất thành công trục rulôblốc theo biên dạng mới, khe hẹp bằng nguyên liệu trong nước để kéo loại kính mỏng theo yêu cầu của thị trường đạt công suất 80 tấn/ngày ; đồng thời giảm được đáng kể các số lần đứt băng kính trong quá trình sản xuất, góp phần đạt sản lượng cao, vượt mức kế hoạch năm 1996 là 4%.

+ Tự thiết kế, lắp đặt hệ thống cấp nguồn, tự động điều khiển động cơ giữ mép băng kính, bảo đảm chính xác, nhanh nhạy, giúp cho phân xưởng lò xử lý kịp thời các sự cố khi kéo kính, góp phần nâng cao sản lượng, giảm chi phí sản xuất.

+ Nghiên cứu, sản xuất đạt yêu cầu viên gạch mép bằng nguyên liệu trong nước (không phải mua của nước ngoài) tiết kiệm được hằng trăm triệu đồng/năm.

5 - *Quan tâm thỏa đáng tới người lao động.* Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, coi đó là động lực thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty đã mở rộng sản xuất để có thêm việc làm, tiếp nhận lao động dư thừa ngoài xã hội, đặc biệt ưu tiên vợ con và những người thân của cán bộ công nhân viên trong Công ty. Ổn định thu nhập hằng tháng cho cán bộ công nhân viên, phấn đấu năm sau thu nhập cao hơn năm trước. (Năm 1994 thu nhập bình quân tính theo đầu người : 453 000 đ/tháng, năm 1995 : 750 000 đ, năm 1996 : 866 000 đ). Ngoài ra, lãnh đạo Công ty cũng rất chú ý tới việc bảo đảm an toàn lao động trong sản xuất, giữ gìn vệ sinh môi trường, chăm sóc nhà máy lúc nào cũng sạch đẹp để tạo cảm giác thoải mái, phấn khởi cho người lao động...

6 - *Vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng được giữ vững ; đảng viên phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu.* Đảng bộ Công ty kính Đáp cầu có 11 chi bộ trực thuộc với 137 đảng viên. Điều đáng mừng là tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên của Công ty đã giữ vững được vai trò lãnh đạo, đoàn kết nhất trí và nêu cao được tinh thần trách nhiệm trước sự tồn tại và phát triển của Công ty.

Trước hết, cấp ủy đã xác định đúng được chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Một mặt cấp ủy không buông lỏng vai trò lãnh đạo, ghi rõ dấu ấn lãnh đạo của mình trên tất cả các mặt hoạt động của Công ty, không tự biến mình thành một cấp "lệ thuộc" ban giám đốc. Song mặt khác, cấp ủy cũng biết dừng lại ở giới hạn cần thiết, không can thiệp sâu vào những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của giám đốc, tạo điều kiện để đồng chí giám đốc có những quyết định đòi hỏi tính quyết đoán, kịp thời trong sản xuất, kinh doanh.

Cấp ủy đã thật sự làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, làm tốt công tác lãnh đạo các đoàn thể quần chúng, định hướng đúng hoạt động của các đoàn thể trong điều kiện hiện nay, do đó đã phát động được một phong trào quần chúng rộng rãi tích cực phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Công ty, trước nhất là các nhiệm vụ về sản xuất kinh doanh. Mỗi đảng viên thấy được trách nhiệm của mình, nêu cao tinh thần tiên phong gương mẫu, đoàn kết, tập hợp được quần chúng. Còn quần chúng thì tin tưởng hơn ở tổ chức đảng. Rất nhiều quần chúng tích cực có nguyện vọng được gia nhập đảng. Ở Công ty kính Đáp cầu không có tình trạng "nhạt đảng".

(Xem tiếp trang 51)

Digitized by Google

Vấn đề tự học trong sự phát triển tài năng

TRƯỜNG GIANG *

NHÌN những người có tài năng đặc biệt người ta hay nghĩ đến tư chất thông minh, nghĩ đến truyền thống gia đình. Điều đó có cơ sở. Nhưng nếu chỉ nghĩ đến như vậy thôi thì chưa đủ. Sự tự vận động của con người muốn vươn tới đỉnh cao của tài năng là hết sức quan trọng. Trong thực tế chẳng có một tài năng nào lại nảy nở và phát triển trên cơ sở một bộ óc lười nhác, một sự tiếp thu tri thức thụ động.

Quan sát kỹ, ta sẽ thấy rõ việc tự học, tự rèn luyện để thích nghi với yêu cầu công tác, với sự nghiệp, với lý tưởng phấn đấu là cơ sở thuận lợi cho sự bùng nổ tài năng. Thực tiễn đa dạng và luôn luôn biến động ; con người dẫu được học ở nhà trường đầy đủ mấy khi ra đời vẫn thấy thiếu hụt. Đặc biệt, hoàn cảnh nước ta còn nhiều khó khăn, chưa cho phép mọi người có thể cắp sách đến trường đến lớp cuối cùng, bậc học cuối cùng. Vả lại, nhà trường, kể cả nhà trường chuyên nghiệp cũng không thể nào đào tạo sát với yêu cầu công việc và ý muốn vươn tới của từng người. Do vậy mà việc tự học để củng cố, gắn liền tri thức đã học với cuộc sống và tiếp tục mở rộng hiểu biết bổ sung theo nhu cầu cuộc sống ngoài đời vẫn mãi mãi cần thiết bất luận ở lứa tuổi nào, nếu không nói là hết sức quan trọng, nhất là trong thời hiện đại.

Có người tự học để đáp ứng những yêu cầu cao trong sự nghiệp nghiên cứu sáng tạo ; có người tự học theo hướng thỏa mãn kịp thời những nhu cầu trước mắt của công tác và cuộc sống tinh thần. Do vậy, cách tự học cũng muôn màu muôn vẻ. Có người thực hiện nó bằng một chương trình lớn, dài ngày theo kế hoạch từng bước chặt chẽ. Song cũng có cách thức linh hoạt đối với đại đa số là tranh thủ những giờ trống đọc sách báo và ghi chép những điều cần thiết. Cách thứ hai này thường là thiếu nền nếp và sự tích lũy tri thức không được hệ thống. Do đó đòi hỏi phải có ý chí, phải tranh thủ, phải biết từ chối trước mọi sự rủ rê cám dỗ tầm thường, bảo đảm cho quá trình tự học được liên tục mới mong trau dồi có hiệu quả tiềm năng.

Đặc điểm của tự học là tự mình tiếp cận với tri thức không có thầy giáo thường xuyên giảng dạy. Nhưng khi cần, người tự học có thể tìm đến với nhiều thầy. Thầy của họ chỉ đơn giản là biết hơn họ điều họ cần hỏi - khái niệm thầy trò trong quá trình tự học là một khái niệm thông thoáng, dân dã. Đối với mỗi người, lúc này là thầy, lúc khác là trò ; mặt này là thầy, mặt khác là trò. Khi mặt bằng dân trí được nâng cao thì cả xã hội là một môi trường tự học lớn. Người làm thầy chuyên nghiệp cũng phải tự học, người đang ngồi trên ghế học đường cũng phải tự học, người có chức vụ bằng cấp cao cũng phải tự học.

Các nhà bác học, những người có tài năng lớn thường đều phải trải qua một quá trình tự học, tự rèn luyện kiên trì, gian khổ. Chẳng có thiên tài nào đột nhiên xuất hiện mà không có một quá trình tự đào luyện trước đó, và cũng chẳng có ai mới rời ghế nhà trường là nổi tiếng ngay. Các trạng nguyên, thám hoa, bảng nhãn ngày xưa và các tiến sĩ ngày nay trước khi đỗ đạt họ cũng phải trải qua một quá trình suy ngẫm, sáng tạo, học hỏi qua bạn bè, sách báo, tự mở mang thêm trí tuệ, chứ đâu chỉ nghe thụ giảng rồi học tầm chương trích cú mà thành. Cũng có những nhà văn hóa nổi tiếng ở nước ta như Hoàng Xuân Hãn, Đào Duy Anh, Đặng Thai Mai, Nguyễn Lân v.v... đã sáng tạo ra nhiều công trình văn hóa cao hơn mức bằng cấp họ có chính cũng là do họ có một quá trình tự học nghiêm túc và đầy năng động. Người thầy đối với họ là thực tiễn và tri thức của loài người. Nhìn rộng hơn nữa, ta thấy không ít người, ngay chung quanh chúng ta chẳng có bằng cấp gì cao nhưng vốn hiểu biết của họ, tác dụng hoạt động của họ thì thật tuyệt vời ; mọi người tin tưởng mến mộ, coi họ như bậc đàn anh. Những người này thường có ý chí và bản lĩnh tự học, họ đã tự học như chấp hành một mệnh lệnh của lương tri.

Đã đến lúc chúng ta phải nói thẳng một điều là việc tự học tuy đang diễn ra như một sự thật phổ biến vừa lặng lẽ vừa sôi động, rất cần thiết cho cuộc sống của từng cá nhân và cả cộng đồng, nhưng nhìn chung vẫn còn bị coi nhẹ.

Thị trường sách hiện nay khá phong phú nhưng loại sách hướng dẫn tự học, loại sách tự học về tri

* Nhà báo

Digitized by Google

thức nghề nghiệp, loại sách tự học nâng cao đúng với ý nghĩa thực chất của nó thì vẫn chưa có mấy. Việc tự học cũng phải trở thành một khoa học, cần có sự đúc rút kinh nghiệm thực tế, cần có sự nghiên cứu xây dựng thành bộ môn tự học pháp, bộ môn tâm lý học tự học.

Trong sự quản lý giáo dục của Nhà nước, cũng cần có những hình thức sát hạch thẩm định kết quả tự học đối với những trường hợp, cần có chính danh để đủ điều kiện pháp lý đăng ký nghiên cứu những công trình mới của đất nước hoặc giao lưu quốc tế. Có thể từ sự thẩm định các luận văn mà có chính sách đặc cách học vị chăng !

Cần tăng cường giáo dục tri thức một cách có hệ thống qua truyền hình, qua báo chí. Cần có chính sách khen thưởng, sử dụng, cất nhắc đối với những người tự học có kết quả.

Đặc biệt cần xây dựng một hệ thống thư viện thật tốt. Hệ thống thư viện nói chung và trong nhà trường nói riêng những năm gần đây có phần xuống cấp : sách báo ít, mất mát nhiều, nhà cửa hư hỏng ẩm thấp, mọt mối cắn nát, một số nơi đã xóa bỏ thư viện. Hai thư viện lớn của đất nước (thư viện quốc gia ở Hà nội, thư viện của TP Hồ Chí Minh) trong thời đại khoa học kỹ thuật phát triển và thông tin bùng nổ này cũng có vẻ bé lại, nghèo đi. Một trí thức người Việt ở Đức về thăm nước đã có lần phát biểu : "Sau 30 năm xa Tổ quốc, bây giờ về lại thấy cái gì và nơi nào cũng thay đổi theo hướng phát triển, trừ 2 cái thư viện lớn thì bây giờ không còn lớn nữa". Đây cũng là điều đáng lo ngại thực sự cho phong trào tự học.

Để cập vấn đề này, tôi không hề coi nhẹ việc học chính quy ở học đường hay việc mở các lớp học tập trung dài ngày, hoặc ngắn ngày mà muốn góp tiếng nói nhấn mạnh ý nghĩa thực tiễn to lớn của một loại hình học tập, ngõ hầu được các cấp tham khảo, coi trọng chỉ đạo nó, khuyến khích nó và tận dụng kết quả của nó.❑

YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH...

(Tiếp theo trang 49)

Lựa chọn mô hình bí thư cấp ủy cũng là vấn đề được đảng bộ Công ty quan tâm. Tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ở ta hiện nay thường có một số mô hình bí thư cấp ủy khác nhau. Tùy tình hình thực tế của từng doanh nghiệp mà tổ chức đảng ở đó lựa chọn mô hình này, hay mô hình khác. Có nơi chọn mô hình bí thư chuyên trách. Có nơi chọn mô hình giám đốc kiêm bí thứ, hoặc phó giám đốc kiêm bí thư. Thậm chí có nơi chọn các chức danh thấp hơn (trưởng phòng, quản đốc phân xưởng...) làm bí thư. Sau khi tham khảo kinh nghiệm của một số doanh nghiệp bạn và xuất phát từ tình hình thực tế của doanh nghiệp mình, chúng tôi đi đến quyết định lựa chọn mô hình *giám đốc Công ty kiêm bí thư đảng ủy*. Sở dĩ chúng tôi chọn mô hình này vì đảng bộ Công ty kính Đáp cầu không lớn, số lượng đảng viên vừa phải, đa số các cấp ủy viên đều có kinh nghiệm làm công tác đảng và đảng bộ đã xây dựng được quy chế hoạt động khá khoa học. Nếu hoạt động theo đúng quy chế đó thì chức năng của Ban giám đốc và cấp ủy vẫn được phân định rõ ràng vừa tránh được tình trạng dựa dẫm, buông lỏng lãnh đạo, vừa tránh được tình trạng bao biện làm thay. Thực tế mấy năm qua cho thấy đảng bộ chọn mô hình bí thư cấp ủy nêu trên là phù hợp.

Một điểm nữa cũng cần nhắc tới là đảng ủy và ban giám đốc Công ty thống nhất chủ trương phải có chế độ phụ cấp trách nhiệm thỏa đáng đối với những cán bộ kiêm nhiệm công tác của đảng (từ tổ trưởng đảng trở lên). Điều này được ghi rõ trong quy chế hoạt động của đảng bộ và được toàn thể cán bộ công nhân viên đồng tình. Khoản phụ cấp này được trích từ quỹ khen thưởng của Công ty. Mức phụ cấp có nhiều loại từ thấp đến cao, tùy theo công việc mà người cán bộ đảm nhiệm : tổ trưởng đảng hằng tháng được phụ cấp 10% mức lương tối thiểu hiện hành của nhà nước, bí thư chi bộ 20%, đảng ủy viên 30%, thường vụ đảng ủy đến bí thư đảng ủy 40%. Khoản phụ cấp này không lớn nhưng nó cũng góp phần động viên, khuyến khích và nêu cao được tinh thần trách nhiệm của những cán bộ làm công tác đảng.

Những kết quả đạt được của Công ty kính Đáp cầu trong năm 1996 đã tạo đà cho năm 1997 và những năm sau. Toàn thể cán bộ, đảng viên và công nhân viên của Công ty kính Đáp cầu đang tích cực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần nhỏ bé của mình vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

ĐÂU PHẢI CHUYỆN RIÊNG

VŨ PHÒNG

MỘT đồng chí ở thành phố Mỹ tho viết thư cho tôi, chân tình kể rằng : Cách đây hơn chục năm, anh còn ở trong quân ngũ, chị là giáo viên, thu nhập của vợ chồng anh tuy ít ỏi nhưng tạm đủ sống, gia đình êm ấm và hòa thuận. Sau đó anh chuyển ngành về làm ở một cơ quan đảng. Tưởng rằng gần vợ con gia đình càng thêm hạnh phúc, ai ngờ mấy năm gần đây lại trở nên lục đục. Vợ anh coi anh là người kém cỏi, không biết đua tranh với bạn để làm giàu, làm cho vợ con mát mặt. Sự lục đục đến mức "cao trào", vợ anh làm đơn ly dị. Anh tuổi đã cao, con thì nhỏ, không muốn vỡ tổ ấm gia đình nên tìm cách khuyên giải, thuyết phục vợ. Nhưng vợ anh không nghe nên gia đình luôn luôn cãi vã, to tiếng. Anh đã trình bày hoàn cảnh đó với chi bộ và xin ý kiến đóng góp, giúp đỡ, nhưng chi bộ coi đó là chuyện riêng. Đã thế chi bộ còn xếp anh vào loại đảng viên yếu. Anh đành chịu, làm sao đây để các đồng chí hiểu mình !

Một đồng chí khác ở tỉnh K lại than phiền rằng : chi bộ nơi anh hằng tháng sinh hoạt rất đều, nhưng các buổi họp ấy chỉ toàn đọc tài liệu, phổ biến nhiệm vụ rồi ra về. Chẳng ai tâm sự, thổ lộ với ai. Họ sợ mất thời gian và hình như còn tỏ ra lạnh nhạt trước những lời nói của đồng chí mình...

Gần đây, một trí thức trẻ ở thành phố H lại tâm sự rằng : sau giải phóng, gia đình anh di tản ra nước ngoài, chỉ còn mình anh ở lại. Anh hăng hái hoạt động, phấn đấu và được kết nạp vào Đảng. Xa những người ruột thịt, anh những mong chi bộ vừa là nơi sinh hoạt chính trị, vừa là nơi gắn bó tâm tình. Nhưng giờ đây có lúc anh lại buồn vì đảng viên trong chi bộ ít gần gũi, quan tâm giúp đỡ nhau trong đời sống sinh hoạt, công tác hằng ngày. Hết giờ làm việc mọi người lao đi làm thêm, tập trung vun vén cho đời sống cá nhân mình.

Tôi tự hỏi vì sao lại có tình trạng đó. Đã có một thời sinh hoạt trong Đảng thật chân tình, cởi mở, đầm ấm, đoàn kết thống nhất. Thời ấy tuy gian khổ, khó khăn nhưng lý tưởng cách mạng trong mỗi đảng viên luôn chói sáng. Tình đồng chí, đồng nghiệp, bạn bè thật trong lành, đẹp đẽ.

Mặt trái của kinh tế thị trường đang tấn công vào ngóc ngách cuộc sống của mỗi chúng ta. Từ chuyện tình yêu vợ chồng, cha con đến quan hệ đồng chí, quan hệ nhân viên và thủ trưởng... giờ đây hình như ít được trao đổi thân tình trong sinh hoạt đảng, trên tình đồng chí với nhau. Phải chăng đó là chuyện riêng, thuộc phạm vi cá nhân, tổ chức đảng không cần quan tâm đến ? Nếu nhận thức như vậy và để tình trạng như vậy thì tác hại vô cùng. Chính những chuyện riêng ấy không được giãi bày, không được tập thể giúp đỡ giải quyết, khắc phục kịp thời, sẽ làm nảy sinh nhiều vấn đề trong tư tưởng của đảng viên.

Đảng viên và chi bộ, đảng viên và đảng viên, đảng viên và cấp ủy trước nhất là mối quan hệ tình người, chân tình, tin cậy hơn ai hết. Nếu mối quan hệ này tổn thương sẽ làm cho chúng ta rời rạc, suy yếu.

Đội ngũ chúng ta bao gồm những người tiền phong gương mẫu trong cuộc sống, những người chan chứa tình yêu thương. Trong công tác đảng viên, chúng ta phải chú ý nhiều mặt từ việc rèn luyện nâng cao tư tưởng cách mạng đến xây dựng đạo đức cách mạng, kỷ luật và năng lực công tác. Nhưng muốn làm tốt công việc đó chúng ta phải lưu tâm giải quyết những tâm tư đang uẩn khúc trong lòng mỗi người. Bởi vậy, cấp ủy và từng đảng viên trong cuộc sống hằng ngày phải gần gũi, giúp đỡ nhau vượt qua ngay những ngáng trở ở trong từng người. Quan tâm lẫn nhau, quan tâm đến mọi người, đó là phẩm chất tốt đẹp của người đảng viên cộng sản trong giai đoạn mới. Và điều đó cũng phải là một trong những nội dung sinh hoạt của tổ đảng và chi bộ.❑

Digitized by Google

INTERNET : CƠ HỘI VÀ THỬ THÁCH

PHẠM THẾ LONG * - ĐÀO KIẾN QUỐC **

Chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên đầy biến động lớn lao. Bộ mặt của thế giới xung quanh thay đổi một cách mau lẹ từng giờ. Sự phát triển của máy tính điện tử (MTĐT) nói riêng và cuộc cách mạng công nghệ thông tin (CNTT) nói chung đã góp một phần không nhỏ vào những đổi thay đó. Nhiều học giả đã gọi nền văn minh nhân loại hiện nay, gắn liền với sự bùng nổ MTĐT, là *"Nền văn minh thông tin"*. Nếu các máy cơ khí chỉ có khả năng thay thế sức mạnh cơ bắp, thì MTĐT đã làm tăng gấp bội khả năng trí tuệ của con người. Một đặc trưng khác biệt của nền văn minh này là nó có tốc độ phát triển cực nhanh và ảnh hưởng hết sức sâu rộng tới mọi lĩnh vực đời sống chính trị và kinh tế, văn hóa và xã hội, khoa học và kỹ thuật, an ninh và quốc phòng.

Trong giai đoạn phát triển ban đầu, MTĐT xuất hiện như một trong nhiều loại công cụ lao động mới của con người. Tuy nhiên cùng với sự bùng nổ về thông tin trong vài thập kỷ qua, máy tính và CNTT đã trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu của mọi quốc gia trên thế giới. Bởi lẽ, nếu theo quan điểm truyền thống, ba nhân tố cơ bản của nền kinh tế là đất đai (bao gồm cả tài nguyên tự nhiên), lao động và tư bản, thì ngày nay người ta đã khẳng định rằng, có *bốn nhân tố* kinh tế then chốt - đó là *đất đai, lao động, tư bản* và *thông tin*. Rõ ràng là, trong các nhân tố trên thông tin là nhân tố mang lại giá trị gia tăng rất lớn. Trong giai đoạn hiện nay, sức mạnh của các cá nhân hay tổ chức phụ thuộc nhiều vào khả năng thu thập và trình độ xử lý thông tin phục vụ cho các quá trình ra quyết định. Chính vì vậy, việc sáng tạo và cải tiến hệ thống công cụ mới nhằm khai thác tốt nhất những tài nguyên thông tin đã có, đang có và sẽ tích lũy được là một trong những mối quan tâm hàng đầu của khoa học và công nghệ. Những đặc trưng ưu việt của MTĐT như : sức bền, độ tin cậy, khả năng lưu trữ thông tin lớn, tốc độ xử lý thông tin cao, giá thành ngày một hạ... đã khiến nó trở thành một công cụ không thể thiếu phục vụ cho việc khai thác, trao đổi thông tin trong xã hội hiện đại. Có thể nói không quá rằng, nó chính là yếu tố quyết định nhất của con người trong kỷ nguyên thông tin. Ngày nay các MTĐT đã xâm nhập vào mọi ngõ ngách đời thường của một xã hội văn minh.

Cùng với việc ứng dụng rộng rãi các MTĐT thế hệ mới, mà đại diện tiêu biểu là các máy vi tính (máy PC - máy tính cá nhân), các mạng máy tính có thể coi là bước phát triển tiếp theo trong lĩnh vực tự động hóa các quá trình thu thập và xử lý thông tin. Việc kết nối các máy tính thành mạng không chỉ đơn thuần là sự tích hợp vật lý các máy tính, cho phép người dùng có thể chia sẻ các tài nguyên của các máy tính đơn lẻ, mở rộng khả năng của các MTĐT, mà quan trọng hơn cả là nó cho phép người ta dễ dàng trao đổi thông tin, làm cho thông tin thật sự trở thành một tài nguyên có giá trị gia tăng. Bắt đầu từ chỗ chỉ là các mạng nhỏ, liên kết các máy tính trong một phạm vi địa lý hẹp (các mạng cục bộ - LAN), sau đó là việc kết nối các máy tính ở xa (các mạng diện rộng - WAN), từ chỗ chỉ dành cho một nhóm người dùng, mạng máy tính đã phát triển rộng khắp và bây giờ quy mô của nó đã phát triển bao trùm cả thế giới, liên kết các quốc gia lại trong một mạng thống nhất gọi là INTERNET. Có thể nói một cách nôm na INTERNET là mạng của các mạng, nó kết nối nhiều mạng và nhiều máy tính đơn lẻ lại với nhau thông qua hệ thống các đường truyền thông công cộng. Chỉ cần có một máy tính, một thiết bị biến đổi thông tin gọi là "*modem*" và

* GS,TS Toán học, Học viện kỹ thuật quân sự
** Đại học quốc gia Hà nội

Digitized by Google

một đường điện thoại là ta đã có thể kết nối vào INTERNET. Điểm khác biệt của nó với các mạng máy tính thông thường là ở chỗ, các mạng máy tính hoặc các máy đơn lẻ tham gia vào INTERNET một cách tự nguyện và bình đẳng. Khi đã gia nhập vào INTERNET, về mặt nguyên tắc, hai máy tính ở hai đầu quả đất cũng có thể kết nối để trao đổi thông tin thoải mái với nhau. Sự bùng nổ của INTERNET trong vòng hai năm trở lại đây cũng giống như khi TV xuất hiện vào đầu những năm 50. Số người tham gia mạng INTERNET tăng lên rất nhanh. Theo ước tính, số các địa chỉ của INTERNET tới năm 1998 sẽ đạt con số hơn 80 triệu(1).

2. INTERNET - Sự ra đời và phát triển

Ý tưởng xây dựng INTERNET nảy sinh trong thời kỳ "chiến tranh lạnh", vào năm 1968, trong sự lo sợ một cuộc chiến tranh thế giới mới có sức mạnh tàn phá ghê gớm gấp bội lần các cuộc chiến tranh trước đây của lịch sử loài người - chiến tranh hạt nhân. Người ta tìm cách nối các mạng máy tính trên cơ sở các mạng truyền thông công cộng để bảo đảm có thể truyền thông tin một cách tin cậy và linh hoạt, nếu một trong những kết nối mạng bị phá hủy thì việc lưu thông trên đó có thể được tự động chuyển sang liên kết khác(2). Năm 1969, một dự án có tên là ARPANET của Bộ quốc phòng Mỹ đã ra đời nhằm thực nghiệm xây dựng một mạng như trên nối Bộ quốc phòng với các nhà thầu nghiên cứu khoa học và quân sự, bao gồm một số lớn các trường đại học tiến hành các nghiên cứu khoa học quân sự được tài trợ. Đến năm 1970, đã có thêm hai mạng : Store-and-Forward và ALOHAnet. Năm 1972, hai mạng này đã được kết nối với ARPANET. Cũng trong năm 1972, Ray Tomlinson phát minh ra chương trình thư tín điện tử E-mail. Chương trình này đã nhanh chóng được ứng dụng rộng rãi để gửi các thông điệp trên mạng phân tán.

Kết nối quốc tế đầu tiên vào ARPANET từ University College of London (Anh) và Royal Radar Establishment (Na uy) được thực hiện vào năm 1973. Thành công vang dội của ARPANET đã làm cho nó nhanh chóng được phát triển, thu hút hầu hết các trường đại học tại Mỹ. Tới năm 1983 nó đã được tách thành hai mạng riêng : MILNET tích hợp với mạng dữ liệu quốc phòng (Defense Data Network) dành cho các địa điểm quân sự và ARPANET dành cho các địa điểm phi quân sự. Tuy nhiên, hai mạng vẫn liên kết với nhau nhờ các giao thức truyền tin TCP/IP (Transmission Control Protocol/Internet Protocol) và các giao thức này hiện nay cũng đang được coi là giao thức chuẩn dùng trên INTERNET. Nhờ các giao thức ấy mà các thông tin được số hóa, phân chia thành hàng loạt các "gói" (packet) để truyền đi tới đúng địa chỉ ngay cả khi một phần của mạng máy tính không làm việc và được "lắp ráp" tại nơi nhận. Sau một thời gian hoạt động, do một số lý do kỹ thuật và chính trị, kế hoạch sử dụng mạng ARPANET không thu được kết quả như mong muốn. Vì vậy, Hội đồng khoa học quốc gia Mỹ (National Science Foundation) đã quyết định xây dựng một mạng riêng NSFNET liên kết các trung tâm tính toán lớn và các trường đại học vào năm 1986. Mạng này phát triển hết sức nhanh chóng, không ngừng được nâng cấp và mở rộng liên kết tới hàng loạt các doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu và đào tạo của nhiều nước khác nhau. Cũng từ đó thuật ngữ INTERNET ra đời.

Về thực chất INTERNET là một công nghệ thông tin liên lạc mới, đồng thời là môi trường thông tin mà một xã hội phát triển trong kỷ nguyên thông tin chờ đợi. Nếu các phương tiện truyền tin khác như báo chí chỉ cung cấp các thông tin dưới dạng chữ viết, điện thoại chỉ cho phép trao đổi thông tin thông qua tiếng nói, TV cho chúng ta các thông tin dưới dạng trực quan hơn : âm thanh và hình ảnh, thì INTERNET lại đưa chúng ta vào một thế giới thông tin đa dạng và phong phú hơn nhiều. Trên INTERNET chúng ta có thể làm nhiều việc : viết thư, đọc báo, xem các bản tin, giải trí, tra cứu và thậm chí còn có thể thực hiện các hoạt động làm ăn buôn bán.

3. Mặt trái của INTERNET và một số biện pháp phòng ngừa

Thực tế cho thấy INTERNET đã làm tăng gấp bội hiệu quả lao động trí tuệ của con người.

(1) Nguồn : Network World 29/4/1996

(2) Thực tế cũng đã chứng tỏ khả năng đó. Trong cuộc chiến tranh Vùng Vịnh năm 1991, quân đội Mỹ đã không thành công trong việc phá hủy hệ thống chỉ huy của quân đội I-rắc do phía I-rắc đã sử dụng các bộ định hướng (router) mạng với công nghệ và định hướng chuẩn của INTERNET

Digitized by Google

Việc gia nhập INTERNET đem lại rất nhiều ích lợi lớn lao. Vì vậy, ở các nước phát triển không một trường đại học nào lại không sử dụng INTERNET, hơn nữa còn có những chính sách miễn phí (bao gồm các chi phí liên quan tới đường truyền và khai thác thông tin) cho sinh viên, cán bộ giảng dạy và các nhà khoa học. Hòa mạng INTERNET tạo cho chúng ta cơ hội tiến nhanh hơn tới một xã hội tin học. Chính vì vậy, thị trường INTERNET đang phát triển với tốc độ gần như gấp đôi hàng năm, tới năm 1998 tổng giá trị của nó có thể lên tới trên 31 tỉ đô la.

Tuy nhiên, cũng như nhiều sản phẩm trí tuệ khác, INTERNET có những mặt trái của nó. Bên cạnh những lợi ích to lớn, thì INTERNET lại đặt ra nhiều điều đáng lo âu, trong số đó, vấn đề an ninh và sự truyền bá các thông tin không lành mạnh, độc hại là những vấn đề nổi bật. Nhiều người đã lên tiếng cảnh báo về những tác động tiêu cực mà INTERNET có thể đem lại. Không ít kẻ đã dùng INTERNET làm công cụ tuyên truyền, khích động phục vụ cho những âm mưu chính trị hoặc những mưu đồ đen tối cá nhân. Nhiều thông tin, số liệu về các cơ quan nhà nước, các công ty... bị lộ bí mật. Không ít ngân hàng bị thất thoát nhiều triệu đô la vì các dịch vụ chuyển tiền không được bảo đảm đủ an toàn trên mạng. Hàng loạt sách báo, tạp chí đen về tình dục hoặc kích động bạo lực cũng xuất hiện trên INTERNET. Nói chung, các thông tin về văn hóa và chính trị thường là những yếu tố nhạy cảm với các quốc gia muốn giữ gìn sự ổn định và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc của mình. Trước tình hình ấy có thể có hai thái cực trong quan điểm đối với INTERNET. Một số người cho rằng INTERNET là hệ thống mở, ai muốn tùy tiện làm gì cũng được. Nhưng điều đó rõ ràng là không thể chấp nhận được, bởi lẽ, đúng như nhiều tác giả đã nhận xét, INTERNET là một phần của cuộc sống, do vậy nó cũng như bất kỳ hiện tượng xã hội nào, cần phải tuân theo những nền tảng pháp lý và các chuẩn mực đạo đức nhất định. Một số người khác thì lại cho rằng, phải kiểm soát thật gắt gao hoặc cấm đoán vô điều kiện việc sử dụng INTERNET. Cách nghĩ này làm cho INTERNET mất hết ý nghĩa và thực tế là kìm hãm sự phát triển của đời sống xã hội. Ở đây rất cần những giải pháp dung hòa, toàn diện và hợp lý. Trên thực tế nhiều nơi cũng đã và đang áp dụng những biện pháp phòng ngừa có hiệu quả. Cùng với những biện pháp hành chính dựa trên những quy định mang tính pháp chế, các nhà phát triển INTERNET cũng đã đưa ra các cơ chế khác nhau để kiểm soát thông tin trên mạng. Trong số đó cơ chế "bức tường lửa" (firewall) và cơ chế "ủy quyền" (proxy) là hai cơ chế được sử dụng rộng rãi. Trong cơ chế "bức tường lửa", địa chỉ của những máy chứa các thông tin có nội dung không phù hợp sẽ bị đưa vào các danh sách bị cấm nhờ một phần mềm cảnh báo chuyên dụng. Khi đó các thông tin này sẽ không thể được truy cập tới. Trong cơ chế "ủy quyền", người ta không đáp ứng ngay lập tức nhu cầu khai thác tin mà chuyển các thông tin lấy về vào một máy tính để kiểm soát trước khi chuyển cho người yêu cầu. Dĩ nhiên, các biện pháp an toàn đó chỉ có ý nghĩa khi muốn kiểm soát những trường hợp cụ thể, chứ không phải chúng đủ khả năng ngăn chặn hoàn toàn các thông tin mang nội dung xấu. Vấn đề ở đây cũng tương tự như trong các lĩnh vực sách báo, phim ảnh, điện tín, thư từ... Như ông George Yeo, Bộ trưởng thông tin - nghệ thuật và y tế Xin-ga-po đã nói một cách hình ảnh, thì "INTERNET cũng giống như một thành phố đang phát triển và mở rộng theo mọi hướng. Ở đó có những khu phố nguy nga, tráng lệ và rực rỡ ánh đèn, ở đó cũng có những ngõ hẻm tối tăm là nơi ngự trị của sự bẩn thỉu và tội ác". Song dù muốn hay không cũng phải thừa nhận rằng INTERNET là phương thức thông tin hết sức nhanh chóng, kinh tế và hiệu quả, là xu hướng phát triển của thế giới. Đó là điều phải tính đến trong các hoạch định phát triển CNTT của mỗi quốc gia.

4. Về sự phát triển INTERNET/ INTRANET ở Việt nam

Mấy năm trở lại đây có sự bùng nổ các mạng thông tin ở Việt nam. Bắt đầu từ mạng thư tín điện tử đầu tiên ở Việt nam (TNet) đến nay cả nước đã có hàng chục mạng diện rộng theo kiểu INTRANET, trong đó một số mạng có thể nối thông ra INTERNET quốc tế. Dưới đây là một số mạng đáng chú ý :

- Mạng VARENET, NETNAM tại Viện CNTT. Cả hai mạng này đều được nối với quốc

Digitized by Google

tệ thông qua một cổng đặt tại Đại học quốc gia Ốt-xtơ-rây-li-a. Mạng VARENET là mạng chuyên dùng trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và hiện tại chỉ thực hiện một chức năng chính là thư điện tử. Tuy nhiên là một mạng có sớm, mạng VARENET đã thu hút rất nhiều người sử dụng (khoảng hơn 1500 khách hàng tập thể, ước tính chừng 4000 địa chỉ cá nhân). Người dùng của mạng này, phần lớn là các nhà khoa học và cán bộ giảng dạy các trường đại học, chỉ phải trả một khoản cước phí nhỏ cho số lượng thông tin gửi và nhận. Mạng NETNAM là mạng dịch vụ (ngoài cước phí gửi và nhận thông tin, người dùng phải trả phí thuê bao hằng tháng), ngoài chức năng phân phối thư điện tử, còn mở thêm một số chức năng điển hình của INTERNET như diễn đàn, hội thảo từ xa, thư viện tệp. Thành viên của mạng này phần lớn là các công ty nước ngoài và các tổ chức phi chính phủ.

● Mạng TOOLNET của Trung tâm thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ khoa học - công nghệ và môi trường. Mạng này được nối với Hà lan. Nó cung cấp dịch vụ thư điện tử và các thông tin khoa học - kỹ thuật.

● Mạng VINANET (hiện được phát triển thành VETRANET) thuộc Bộ thương mại là mạng thông tin thương mại. Đây là mạng chuyên biên tập lại các thông tin thương mại từ nguồn tin của các hãng thông tấn như AP, UPI... và dịch ra tiếng Việt. Các thông tin ấy được cập nhật định kỳ 5 lần một ngày.

● Mạng VIETNET của Bưu điện Khánh hòa. Đây là mạng có đầy đủ các dịch vụ của INTERNET/INTRANET với ba máy chủ đặt tại Hà nội, TP Hồ Chí Minh và Nha trang. Trên mạng này đã phát hành tờ báo điện tử đầu tiên của Việt nam.

● Mạng VINET của Công ty 3C. Trên mạng này hiện nay đã được cập nhật đầy đủ tất cả các văn bản pháp quy của Việt nam từ năm 1945 tới nay. Các niên giám thống kê cũng đã được cập nhật thường kỳ. Một số tờ báo như Thời báo Kinh tế, Thời báo Quốc tế... đã được đưa lên VINET thành các báo điện tử.

● Mạng TTVN (Trí tuệ Việt nam) của Công ty FPT. Đây là mạng mới được khai trương gần một năm nay và mặc dù trên thực tế chỉ thực hiện chức năng thư điện tử và diễn đàn, song TTVN đã thu hút một lượng khá lớn người dùng do giao diện đơn giản và chính sách miễn phí đang được thực hiện. Có thể nhận được nhiều thông tin, trợ giúp kỹ thuật và các trao đổi khác trên mạng này. Toàn bộ công việc điều hành của FPT hiện đang được thực hiện thông qua TTVN.

Ngoài ra còn có thể kể thêm một số mạng khác của Đại học bách khoa và Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh (nối với Xin-ga-po), Sở Khoa học công nghệ và môi trường TP Hồ Chí Minh (nối với Mỹ), Đại học Cần thơ. Các Công ty tin học LACVIET, Phi bình, HiPT hiện đang triển khai một số tờ báo điện tử. Phần lớn các Công ty tin học lớn nước ngoài như IBM, ORACLE... đặt tại Việt nam đều có INTRANET và được kết nối với INTERNET thông qua một đường truyền thuê bao riêng. Công ty dịch vụ truyền số liệu (VDC) của Tổng công ty Bưu chính viễn thông cũng đã kết hợp với Công ty truyền số liệu SPRINT của Mỹ mở hai trạm INTERNET tại Hà nội và TP Hồ Chí Minh kết nối trực tiếp với Mỹ qua một đường truyền tốc độ cao. Về mặt kỹ thuật đây là mạng đầu tiên có khả năng thực hiện đầy đủ mọi dịch vụ của INTERNET.

Có thể thấy được con đường phát triển INTERNET/INTRANET của Việt nam khác nhiều với thông lệ quốc tế. Tại các nước, thường bắt đầu từ các mạng khoa học và giáo dục, sau đó mới mở rộng ra lĩnh vực thương mại ; các trường đại học và các viện nghiên cứu đi trước, sau đó mới tới các công ty. Ở Việt nam tình hình diễn ra lại ngược lại. Các cố gắng của các trường như Đại học bách khoa, Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, Đại học Cần thơ... chưa gây được những sức nặng đáng kể, chưa hỗ trợ được nhiều cho chính công tác đào tạo và nghiên cứu. Ngay cả VARENET là mạng chuyên trong lĩnh vực khoa học và giáo dục cũng mới chỉ hỗ trợ ở mức khá hạn chế. Cần phải nhấn mạnh rằng ở hầu hết các nước, nhà nước áp dụng chính sách miễn phí INTERNET cho khu vực nghiên cứu và giáo dục. Đó là điều đáng để cho chúng ta suy nghĩ.

Nhìn tổng thể, bức tranh INTERNET/INTRANET Việt nam hiện nay cũng khá đa dạng. Tuy nhiên con đường phát triển còn rất

(Xem tiếp trang 58)

Digitized by Google

PHÂN PHỐI CÔNG BẰNG SỰ THỊNH VƯỢNG QUỐC GIA CŨNG LÀ MỘT MẶT BẢO ĐẢM NHÂN QUYỀN

NGÀY 17-3-1997, **Tạp chí "Tuần tin tức"** Mỹ (Newsweek) đã đăng bài trả lời phỏng vấn của **Tổng thống In-đô-nê-xi-a Xu-hác-tô**. Xin giới thiệu cùng bạn đọc bài báo đó ; đầu đề là do chúng tôi đặt.

- *Hỏi :* Quan điểm của ông trước những lời chỉ trích về nhân quyền ở In-đô-nê-xi-a ?

- *Trả lời :* Đôi khi người ta đã bóp méo tin tức với dụng ý xuyên tạc tình hình nhân quyền ở In-đô-nê-xi-a. Bảo đảm nhân quyền không nên chỉ là những lời nói suông. Chúng tôi cho rằng, việc nâng cao chất lượng cuộc sống hàng ngày của nhân dân là minh chứng cho việc bảo đảm quyền con người.

- *Hỏi :* Ông có thể đưa ra một vài dẫn chứng được không ?

- *Trả lời :* Nguyên tắc cơ bản trong chính sách phát triển của chúng tôi là sự ổn định xã hội và phân phối phúc lợi một cách công bằng. Trong 10 năm qua, tăng trưởng kinh tế trung bình của In-đô-nê-xi-a là hơn 7,5% một năm. Một phần của chính sách phát triển là chương trình cấp quốc gia "Gia đình thịnh vượng" đã hạ mức tăng dân số hằng năm từ 2,5% xuống còn 1,6% như hiện nay và có thể đạt mức 1% vào những năm đầu thế kỷ XXI. Tuy nhiên, dân số In-đô-nê-xi-a vẫn là khoảng 220 triệu người vào năm nay, do 25 năm trước đây chúng tôi đã không chú trọng tới chính sách dân số.

Chúng tôi cũng đặc biệt chú trọng tới chính sách xóa đói giảm nghèo. Tất nhiên không thể có sự thành công tuyệt đối, song hãy nhìn vào con số : 25 năm trước, 60% dân số In-đô-nê-xi-a sống dưới mức nghèo khổ, hiện nay con số này là 11%, một kỷ lục đáng kể tại một nước hơn 200 triệu dân, một quốc gia lớn thứ tư trên thế giới.

- *Hỏi :* Điều gì đã tạo nên thành công này ?

- *Trả lời :* Ngay từ khởi đầu, chương trình dân số đã không phải là một chương trình bắt buộc mà dựa trên cơ sở tự nguyện. Chúng tôi ban hành chính sách khuyến khích giáo dục cho những cặp vợ chồng lựa chọn mô hình "gia đình nhỏ" (ít con). Tại một số nước, các nhà lãnh đạo thi hành chương trình dân số một cách không kiên định, chẳng hạn như vấn đề liên quan đến việc phòng tránh thai. Trái lại, In-đô-nê-xi-a có một chương trình dân số rộng rãi. Đối tượng của chương trình này là toàn thể nhân dân. Chúng tôi không tin rằng, càng có nhiều trẻ em càng được Chúa ban phúc lành. Để chương trình dân số được tiến hành một cách thuận lợi, chúng tôi đã cố gắng vận động toàn thể nhân dân chấp nhận khái niệm "gia đình nhỏ". Điều đó có nghĩa là con gái cũng có giá trị như con trai và nhân dân In-đô-nê-xi-a đã không phải có một gia đình đông con chỉ để đáp ứng mong muốn có con trai. "Gia đình nhỏ" làm giảm nhẹ gánh nặng kinh tế.

- *Hỏi :* Ông có thể giải thích thêm về sự phân phối công bằng thịnh vượng quốc gia ?

- *Trả lời :* Không có gì sai lầm khi khẳng định rằng các ngành kinh doanh được thu lợi nhuận từ sự tiến bộ của nền kinh tế quốc gia. Các ngành kinh doanh này cần phải góp phần vào phúc lợi hàng ngày của nhân dân. Đó là lý do vì sao chúng tôi chỉ ban hành chương trình xóa đói giảm nghèo. Chương trình này có điều khoản bắt buộc các ngành kinh doanh lớn phải đóng 2% lợi nhuận vào một quỹ xóa đói giảm nghèo đặc biệt - khoảng 50 000 USD một năm đối với một công ty. Số tiền thu được đã lên tới hơn 200 triệu USD, được dùng để giúp đỡ cho các gia đình có thu nhập rất thấp dưới dạng cho vay không lãi suất hoặc lãi suất thấp. Những khoản trợ giúp như vậy đã tạo điều kiện cho việc mở các xí nghiệp siêu nhỏ ở nông thôn và các vùng ngoại ô nghèo khổ. Đó cũng là một minh chứng khác về việc bảo đảm quyền con người.

- *Hỏi :* Theo ông, những người bên ngoài có hiểu được vấn đề này không ?

Digitized by Google

- *Trả lời :* Một số người đã cố tình phớt lờ những thành tựu của chúng tôi và đã xuyên tạc những thành tựu đó. Có ý kiến cho rằng chúng tôi chỉ chú trọng đến phát triển kinh tế mà bỏ qua lĩnh vực quyền con người và tăng trưởng kinh tế đã làm tăng khoảng cách giàu nghèo ở In-đô-nê-xi-a. Song nếu không có sự tham gia của các ngành kinh doanh lớn, một đất nước sẽ không thể phát triển. Nói thẳng ra là chúng tôi không bận tâm đến những lời chỉ trích. Đất nước chúng tôi đang mở cửa với bè bạn năm châu vì thế không thể tuyên truyền sai trái về chúng tôi được. Việc tiếp tục thổi bùng lên các vấn đề về nghèo khổ và khoảng cách thu nhập mà không có biện pháp giải quyết thực tế có thể sẽ khiến cho nhân dân bị kích động. Từ đó có thể sẽ dẫn tới sự náo loạn, phá hủy tài sản, thậm chí phá hủy cả các cơ cấu xã hội. Chúng tôi đã có kinh nghiệm về vấn đề này trong vài năm qua. Một kinh nghiệm cay đắng như vậy không thể tái diễn một lần nữa.

- *Hỏi :* Ưu tiên của In-đô-nê-xi-a trong thời gian tới là gì ?

- *Trả lời :* Chỉ còn 3 năm nữa là bước sang thế kỷ XXI. Đặc điểm nổi bật của thế kỷ tiếp theo sẽ là sự tự do hóa kinh tế và tự do thương mại nhiều hơn. Một quốc gia chỉ có thể tiến lên nếu nó đủ lực tham gia vào cuộc cạnh tranh thị trường toàn cầu. Chúng tôi không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc trở thành một nước làm chủ được khoa học, công nghệ và thông tin. Ngoài ra chúng tôi cũng nhận thức được đầy đủ các nguy cơ như lạm phát, móc ngoặc và các hoạt động phi pháp khác. Chúng tôi sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp kiên quyết để loại trừ tất cả mọi hoạt động vi phạm pháp luật. Chúng tôi đã thành lập Ủy ban quốc gia về quyền con người nhằm bảo vệ nhân dân, chống lại sự vi phạm các quyền con người cơ bản và nâng cao chất lượng các quyền này. Tuy nhiên cũng cần có thời gian để làm cho luật pháp có hiệu lực, làm lành mạnh hóa đời sống dân chủ và tôn trọng quyền con người. Phát triển có nghĩa là thay đổi theo hướng tiến bộ - đổi mới liên tục. Chúng tôi đã sẵn sàng trên con đường hướng tới tương lai. Cuối cùng, tôi tin rằng, thế hệ các nhà lãnh đạo hiện nay đã đóng một vai trò quan trọng nhằm bảo đảm rằng sự ổn định sẽ luôn luôn là đặc tính tiêu biểu của In-đô-nê-xi-a.❑

TRỊNH CƯỜNG *(lược dịch và giới thiệu)*

INTERNET :...

(Tiếp theo trang 56)

nhiều khó khăn. Trong số các khó khăn nổi lên phải kể tới vấn đề tạo ra một *hạ tầng thông tin* của Việt nam (các INTRANET của nội bộ các cơ quan) và hạ tầng thông tin đó phải kết nối được với nhau (hiện tại phần lớn các mạng đang có ở Việt nam lại chưa kết nối được với nhau!). Việc xây dựng hạ tầng thông tin này đang cần những chính sách mang tầm vĩ mô của nhà nước. Trong khuôn khổ Chương trình quốc gia về CNTT, năm 1996 nhà nước đã đầu tư khoảng 10 tỉ đồng để xây dựng mạng máy tính quốc gia, song phải thấy rằng đó mới chỉ là một con số khiêm tốn. Để so sánh chúng tôi xin nêu một ví dụ cụ thể, chẳng hạn Dự án nối mạng các trường đại học ở Thái lan kéo dài trong 3 năm (1998 - 2000) với khoản đầu tư 1 tỉ bạt (444 tỉ đồng Việt nam).

Dù muốn hay không, chúng ta cũng phải nhìn nhận một thực tế : INTERNET là xu thế của thời đại. Đó là một đại bách khoa toàn thư của tương lai đang được cập nhật thường xuyên, là kho tàng lưu trữ tri thức của toàn nhân loại. Các thông tin phản diện, độc hại chỉ là một phần nhỏ trong toàn bộ thông tin trên INTERNET. Do vậy, bằng những biện pháp an toàn thông thường, đặc biệt là việc quản lý kết nối INTERNET quốc tế qua một vài cổng chính, chúng ta có thể hạn chế tới mức tối đa các thông tin đó mà không cần áp dụng các chính sách "cứng" làm chậm quá trình khai thác INTERNET, và do vậy, cũng làm chậm sự phát triển của nhiều hoạt động có ích mà INTERNET đem lại. Việc ban hành Nghị quyết 49-CP ngày 6-8-1993 xác định chính sách quốc gia về phát triển công nghệ thông tin đến năm 2000, và quy định mới đây của Chính phủ ta về sử dụng mạng INTERNET đã tạo một hành lang pháp lý cho việc kết nối và khai thác INTERNET. Cùng với sự năng động vốn có của trí tuệ Việt nam, điều đó cho chúng ta cơ sở để tin rằng sự hội nhập này sẽ diễn ra một cách tích cực và thật sự đem lại nhiều ích lợi to lớn cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

VĂN BẢN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ CÁC HÌNH THỨC CỦA NÓ

● ***Văn bản quản lý hành chính nhà nước :*** Là văn bản do cơ quan nhà nước ban hành, nhằm bảo đảm cho hoạt động nhà nước được *thông suốt, nhất quán*, giúp cho khách thể quản lý *nắm đúng, nắm vững và chính xác* nội dung quản lý của cấp trên đối với cấp dưới, của nhà nước đối với nhân dân.

Văn bản quản lý hành chính nhà nước có những đặc trưng cơ bản :

- Trực tiếp biểu hiện ý chí của cơ quan hoặc người có thẩm quyền ban hành ;
- Luôn chứa đựng nội dung pháp lý, có tính chất bắt buộc đối với tất cả các đối tượng liên quan phải thực hiện ;
- Làm nảy sinh, thay đổi hoặc đình chỉ những quan hệ xã hội nhất định ;
- Thể hiện đầy đủ những mục tiêu khi ban hành ;
- Tất cả văn bản quản lý hành chính nhà nước đều được ban hành theo thể thức và thủ tục do pháp luật qui định.

Quyết định quản lý là sự lựa chọn các phương án trong tư duy - ý chí của chủ thể quản lý, nhưng phải thông qua trình tự và hình thức thể hiện ý chí của quyền lực nhà nước thì mới trở thành quyết định quản lý nhà nước. Có thể nói quyết định quản lý là nội dung, còn văn bản quản lý nhà nước là hình thức pháp lý của nó.

Quyết định quản lý nhà nước được thể hiện bằng hình thức văn bản hành chính nhà nước, là kết quả của sự thể hiện ý chí, quyền lực đơn phương của các cơ quan hành chính nhà nước nhằm định ra chủ trương, nhiệm vụ, hoặc đặt ra, sửa đổi, áp dụng, bãi bỏ các qui phạm pháp luật hành chính, làm thay đổi, phát sinh, chấm dứt các quan hệ pháp luật hành chính cụ thể để thực hiện chức năng của quản lý nhà nước.

Văn bản quản lý hành chính nhà nước được phân loại dựa trên các tiêu chuẩn : theo trình tự ban hành (văn bản thông qua theo chế độ tập thể và văn bản thông qua theo chế độ thủ trưởng) ; theo hiệu lực thời gian (lâu dài, ngắn hạn, một lần) ; theo chủ thể ban hành (Chính phủ, các bộ, ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan khác thuộc Chính phủ...) ; theo tính chất mệnh lệnh (cho phép và cấm đoán) ; theo nội dung pháp lý và tính chất pháp lý (văn bản pháp quy và văn bản cá biệt).

Văn bản quản lý hành chính nhà nước phải bảo đảm đúng quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, theo đúng thẩm quyền và ngôn ngữ phải chính xác, trong sáng, dễ hiểu.

● ***Các hình thức văn bản :***

+ *Nghị quyết* là văn bản ghi lại kết luận hoặc quyết định của một cơ quan lãnh đạo tập thể sau khi bàn bạc nhất trí về một hoặc nhiều vấn đề quan trọng trong quản lý. Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân có thẩm quyền ban hành Nghị quyết, nhưng ở mỗi cấp có thẩm quyền và chức năng khác nhau. Quốc hội thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chính sách tài chính tiền tệ, dự toán ngân sách nhà nước và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết để giải trình Hiến pháp, luật, pháp lệnh, giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, giám sát hướng dẫn hoạt động của các cơ quan nhà nước theo nhiệm vụ, quyền hạn và quyết định những vấn đề cụ thể khác theo thẩm quyền. Chính phủ ban hành Nghị quyết để bảo đảm thi hành Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước ; thông qua dự án kinh tế và ngân sách nhà nước trước khi trình Quốc hội ; phê duyệt điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch nhà nước, ngân sách nhà nước và các chủ trương, chính sách của Chính phủ. Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về các biện pháp thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật, về kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi địa phương.

+ *Nghị định* là văn bản quy phạm pháp luật do tập thể các thành viên của Chính phủ biểu quyết thông qua theo đa số dùng để quy định cụ thể việc thi hành luật của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nghị định ban hành các chế độ, thể lệ cụ thể để thi hành các quy định của Hiến pháp, luật, pháp lệnh về quản lý các mặt của đời sống xã hội ; về quyền và nghĩa vụ của công dân ; quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan của Chính phủ và hệ thống các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan quản lý ngành ở địa phương ; quyết định việc thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ban hành các điều lệ về quản lý hành chính Nhà nước.

+ *Quyết định* là văn bản do cơ quan nhà nước hoặc cá nhân có thẩm quyền do Hiến pháp qui định ban hành các chủ trương, biện pháp, chế độ, thể lệ thuộc thẩm quyền quản lý. Theo Hiến pháp 1992 những cá nhân hoặc cơ

Digitized by Google

quan nhà nước có thẩm quyền ban hành Quyết định là : Chủ tịch nước ; Thủ tướng Chính phủ ; bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ ; ủy ban nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp. Chủ tịch nước ra quyết định để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật qui định. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định các biện pháp lãnh đạo và điều hành hoạt động của Chính phủ, của hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở ; chế độ làm việc của các thành viên Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ; quyết định những chủ trương, chế độ, thể lệ thuộc thẩm quyền của Thủ tướng : bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, nghỉ hưu, khen thưởng, kỷ luật cán bộ thuộc thẩm quyền Thủ tướng, phê chuẩn việc bầu cử thành viên ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ quyết định, chỉ thị, thông tư của bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nghị quyết của hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trái với Hiến pháp, Luật và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và quyết định những vấn đề khác theo thẩm quyền đã được luật pháp qui định.

Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc chính phủ ban hành quyết định để ra biện pháp, thể lệ cụ thể để thực hiện luật pháp và các chủ trương, chính sách của chính phủ về quản lý ngành, lĩnh vực trong cả nước ; các tiêu chuẩn, qui trình, qui phạm, các định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc ngành ; thành lập, giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ ; quyết định, điều động, bổ nhiệm, bãi miễn, nghỉ hưu, khen thưởng, kỷ luật cán bộ thuộc thẩm quyền của bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ ; quyết định những vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo luật định hoặc ủy quyền của chính phủ.

Ủy ban nhân dân các cấp ban hành *quyết định* để bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của hội đồng nhân dân cùng cấp, quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, văn hóa, giáo dục, xã hội, an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội trong phạm vi địa phương.

+ *Chỉ thị* là văn bản pháp luật do cơ quan hoặc người có thẩm quyền ban hành dùng để qui định những qui tắc cụ thể nhằm nhắc nhở, đôn đốc hoạt động của các cơ quan trong việc thực hiện chính sách, pháp luật. Chỉ thị có giá trị pháp lý cao hoặc thấp tùy thuộc vào vị trí của cơ quan hoặc người có thẩm quyền trong bộ máy nhà nước ban hành. Những người hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành chỉ thị là : Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng các cơ quan thuộc chính phủ ; ủy ban nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ dùng để chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn, phối hợp hoạt động của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc thực hiện các chủ trương chính sách, luật pháp của nhà nước, các quyết định của Chính phủ. Chỉ thị của bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc chính phủ được ban hành dùng để chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc ngành, lĩnh vực trong việc thực hiện các văn bản pháp luật của các cơ quan nhà nước cấp trên và của bộ, ngành. Ủy ban nhân dân ban hành chỉ thị để chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước cấp trên, của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân.

+ *Thông tư* là loại văn bản dùng để giải thích, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ ; Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ ; hướng dẫn thực hiện những quy định về quản lý ngành, lĩnh vực do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ phụ trách.

Ngoài ra còn có :

- *Nghị quyết liên tịch* là văn bản do hội nghị liên tịch giữa một cấp chính quyền nhà nước (chính phủ, ủy ban nhân dân) với một cơ quan lãnh đạo đảng đoàn thể cấp tương đương đưa ra.

- *Thông tư liên bộ* là văn bản do nhiều bộ hoặc một số bộ (cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ) cùng quy định, để hướng dẫn, giải thích việc thực hiện một chế độ, chính sách của nhà nước.

- *Thông cáo* là công bố một sự kiện quan trọng về đối nội, đối ngoại của Chính phủ.

- *Thông báo* là thông tin về những hoạt động và về những quyết định quan trọng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- *Công văn hành chính* (công thư) là những văn bản giải quyết công việc giữa các tổ chức xã hội và công dân ; trình cấp trên một dự thảo văn bản, đề án hoặc để nghị một vấn đề cụ thể cần được cấp trên giải quyết ; giải quyết đề nghị của cấp dưới, hoặc để đôn đốc nhắc nhở cấp dưới thực hiện các quyết định của cấp trên.

- *Công điện* là những thông tin hoặc truyền lệnh của cơ quan tổ chức hoặc người có thẩm quyền. Công điện thường sử dụng trong trường hợp cần kíp.❑

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CÔNG TY BIA HÀ NỘI
HABECO



HABECO
- Nguồn nước duy nhất
- Công nhân lành nghề
- Bí quyết công nghệ
- Truyền thống lâu năm

CHUYÊN SẢN XUẤT
- Bia lon Hà Nội
- Bia chai Hà Nội
- Bia chai Hager
- Bia hơi Hà Nội

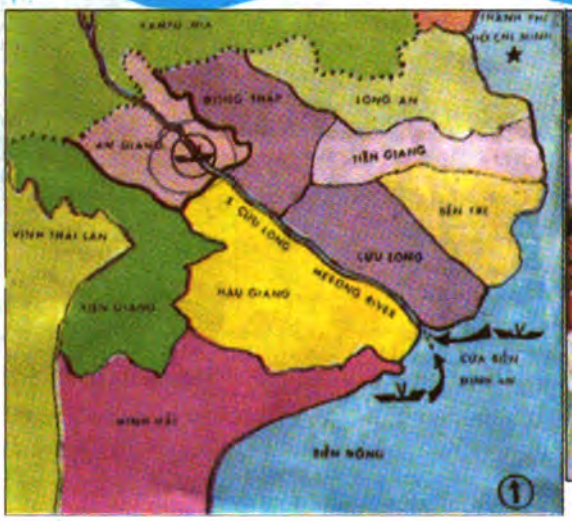
BIA CHAI
BIA LON
BIA HƠI

SỨC MẠNH CỦA NHỮNG CHÚ GẤU

Digitized by Google

Cảng MỸ THỚI

ĐC : Quốc lộ 91 xã Mỹ Thạnh
thị xã Long Xuyên
tỉnh An Giang
ĐT : (076) 834335 - 831129
Fax : (84-76) 831129
Add: National route 91, My Thanh
village, Long Xuyen town,
An Giang province
Tel : 831129
Fax : (84-76) 831129





- Cảng Mỹ Thới nằm trên tuyến sông Hậu, thuộc tỉnh An giang, cách thị xã Long Xuyên 4 hải lý về phía hạ nguồn, cách cảng Cần thơ 24 hải lý về phía thượng nguồn. Thuận lợi cho việc vận chuyển đường sông và đường bộ, là đầu mối quan trọng đi nước bạn Campuchia.
- Cầu cảng dài 76m, mớn nước thấp nhất 6,5m. Hệ thống cầu tàu, phao neo an toàn, thiết bị xếp dỡ phục vụ tốt cho tàu trong nước và tàu ngoài nước. Đảm bảo cho tàu 3.000 tấn cặp cầu và 6.000 tấn neo đậu ngoài phao an toàn.
- Hệ thống nhà kho sức chứa : 7.500 tấn
- Năng lực xếp dỡ 1.000 tấn/ngày/tàu.

CÁC DỊCH VỤ KHÁC

- Trao đổi cung ứng nhiên liệu.
- Cung cấp điện bờ - nước ngọt.
- Cung ứng mây bổ - cót lót.
- Cho thuê xe tải - xe du lịch.
- Phục vụ ăn uống, giải khát và các dịch vụ du lịch, nhà trọ...
- Nhận sửa chữa các phương tiện cơ giới và sửa chữa nhỏ tàu biển.

Cảng Mỹ thới sẵn sàng phục vụ tận tình, chu đáo, thuận lợi, nhanh chóng theo mọi yêu cầu của quí khách hàng.

- My Thoi port lies along Hau river in An Giang province, 4 nautical miles down-stream from Long Xuyen town, 24 nautical miles up-stream from Can Tho port. This port, convenient for the land and river transportation, also is an important base to travel to the friend coutry, Cambodia.
- The pier is 76m long, the lowest draught is 6.5m deep. The wharf system composing of safe anchorage buoys, loading-unloading equipment providing domestic and foreign vessels with good services as well as ensuring 3,000-ton ships to berth and 6,000-ton ships to anchor at the safe off-shore buoys.
- The warehouse capacity : 7,500 tons
- The freight handling capacity : 1,000 tons/day/ship

OTHER SERVICES

- Supply, exchange of fuel
- Supply of fresh water, on-shore electricity.
- Supply of woven bamboo and rattan layer
- Truck and tourist car rental
- Catering, tour, lodging services.

My Thoi port is always ready to provide devoted, thoughtful, favourable band fast services at customer's requets.

MY THOI Port





Digitized by Google



ĐC : Đường Hai Bà Trưng, thị xã Sa đéc
ĐT : (067) 861518

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

1. TRẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH :
23 Đường Trần Xuân Soạn, Nhà bè, TP.HCM
ĐT : 8728040

2. TRẠM KIÊN LƯƠNG :
Chợ Tròn, Kiên lương, Kiên giang
ĐT : 853092

3. XƯỞNG SỬA CHỮA TÀU TÂN XUÂN :
Xã Tân bình, huyện Châu thành, Đồng tháp
ĐT : 861240

CHUYÊN NGÀNH SẢN XUẤT :

- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy.
- Đóng mới và sửa chữa các loại sà lan và pong tong từ 300 tấn trở xuống.
- Sửa chữa các loại máy tàu thủy từ 300CV trở xuống.
- Với đội ngũ công nhân lành nghề.

Giá cả phải chăng, vừa lòng khách hàng

Giám đốc : Kỹ sư LÊ VĂN LONG

AFFILIATED UNITS :

1. HỒ CHÍ MINH CITY STATION :
23 Tran Xuan Soan St. Nha Be Dist. HCMC.
Tel : 8728040

2. KIEN LUONG STATION :
Tron Market, Kien Luong, Kien Giang province.
Tel :853092

3. TAN XUAN BOAT REPAIR WORKSHOP :
Tan Binh village, Chau Thanh Dist - Dong Thap province - Tel : 861240

SPECIALIZESIN :

- Commodity transport by water routes.
- Building and repairing assorted barges and pontoons from 300 DWT down.
- Repairing assorted water engines from 300 CV down.
- Staff of experiences and skilled workers.

Reasonable changes, catisfying clients

Director : Eng. LE VAN LONG

RIVER TRANSPORT COMPANY - DONG THAP PROVINCE

ADD : HAI BA TRUNG ST., SA DEC TOWN * TEL : (067) 861518





Digitized by Google

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG ĐỒNG THÁP

DONG THAP INDUSTRIAL - COMMERCIAL BANK

* *CHI NHÁNH TỈNH* : *Ngã tư Nguyễn Huệ - Lý Thường Kiệt, thị xã Cao lãnh Đồng tháp.*
ĐT : (067) 851501 - 851224 - 851817 - 851318 - 852401 Fax : (84-67) 851721

* *CHI NHÁNH CƠ SỞ* : *Số 18 Hương lộ 13, phường 1, thị xã Sa đéc, tỉnh Đồng tháp*
ĐT : (067) 861114 - 861647 - 861838 - 861839

* *PROVINCE BRANCH* : *Nguyen Hue, Ly Thuong Kiet crossroads, Cao lanh town, Dong thap*
Tel : (067) 850501 - 851224 - 851817 - 851318 - 852408 Fax : (84-67) 851721

* *MAIN BRANCH* : *No.18 Huong lo 13, ward 1, Sa dec town, Dong thap province*
Tel : (84-67) 861114 - 861647 - 861838 - 861839

CÁC PHÒNG GIAO DỊCH VÀ QTK TRỰC THUỘC :

- **PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 1**

QL 30, gần chợ Trần Quốc Toản, thị xã Cao lãnh. ĐT : (067) 859007

- **PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 2 :**

xã Tân Mỹ, huyện Thạnh hưng (cạnh phà Cao lãnh). ĐT : (067) 843172

- **PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 3 :**

18 đường Trần Hưng Đạo, phường 2, thị xã Sa đéc. ĐT : (067) 861841

- **PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 4**

Chợ Mới, thị trấn Hồng ngự, tỉnh Đồng tháp.
ĐT : (067) 837560

- **PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 5**

21 Phan Bội Châu, P.2 thị xã Cao lãnh, Đồng tháp





*** NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG**

- Huy động vốn dưới mọi hình thức
- Dịch vụ thanh toán chuyển tiền, bảo quản vật có giá.
- Chi trả kiều hối
- Nghiệp vụ bảo lãnh chiết khấu.
- Cầm cố, cầm đồ, cho vay tiêu dùng, cho vay trả góp.
- Đầu tư tín dụng ngắn hạn, trung hạn cho mọi thành phần kinh tế, mọi cá nhân sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đúng pháp luật.

*** PHONG CÁCH PHỤC VỤ**

- Thủ tục hồ sơ đơn giản đội ngũ cán bộ có trình độ vui vẻ tận tụy với công việc

Quý khách sẽ hài lòng khi quan hệ với NHCT Đồng tháp

Sự thành công của quí khách hàng
là sự thành công của chúng tôi

AFFILIATED SAVINGS AND TRANSACTION OFFICES :

- **TRANSACTION OFFICE NO.1**

National Route 30, near Tran Quoc Toan market, Cao Lanh town.
Tel : (067) 859007

- **TRANSACTION OFFICE NO.2**

Tan My village, Thanh Hung dist. (nearby Cao Lanh ferry).
Tel : (067) 843172

- **TRANSACTION OFFICE NO.3**

18 Tran Hung dao st., ward 2, Sa Dec town.
Tel : (067) 861841

- **TRANSACTION OFFICE NO.4**

Cho Moi, Hong Ngu town, Dong Thap province
Tel : (067) 837560

- **TRANSACTION OFFICE NO.5**

21 Phan Boi Chau st. ward 2, Cao Lanh town.

*** OPERATIONS :**

- Mobilizing capital in all forms.
- Payment, remittance valuable safekeeping services.
- Expatriates remittance payment
- Guarantee discount business
- Mortgage pawn consumption loan on installments.
- Credit invesstment shro-term medium-term to all economic components all individuals efficiently legally trade producing

*** SERVISE STYLE**

- Simple formallities skilled joyful devoted staff member

Dong Thap Industrial
Commerial Bank transactions
will be satisfying to clietele

Digitized by Google

CTY XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

SỐ 64C NGUYỄN THÁI HỌC, TX LONG XUYÊN
Điện thoại : 852813 - 852420



MUA VÉ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG :

- ÍCH NƯỚC LỢI NHÀ.
- NHIỀU GIẢI DỄ TRÚNG.
- CHI TRẢ THƯỞNG BẰNG NHIỀU HÌNH THỨC TÙY Ý KHÁCH HÀNG CHỌN : TIỀN MẶT, NGÂN PHIẾU THANH TOÁN HOẶC CHUYỂN KHOẢN ĐẾN BẤT KỲ NGÂN HÀNG NÀO TRONG CẢ NƯỚC.
- THỦ TỤC LÃNH GIẢI THƯỞNG DỄ DÀNG, NHANH GỌN VÀ CÓ UY TÍN NHIỀU NĂM.

NƠI LÃNH THƯỞNG :

SỐ 64C NGUYỄN THÁI HỌC, TX LONG XUYÊN, AN GIANG
SỐ 152 KÝ CON, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chúc các bạn may mắn !

Digitized by Google



NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Vietincombank

Chúc quý khách

An khang thịnh vượng

CHỦ TỊCH HĐQT
Vũ Xuân Sinh

TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Toán

ICB

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Luôn là địa chỉ đáng tin cậy của
Mọi người - Mọi nhà - Mọi doanh nghiệp.

VÌ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

ICB

Địa chỉ Hội sở
16 - Phan Đình Phùng
Hà Nội

ĐT : 8232009
Fax : 84.4.8233462
Telex : 412259 (ICBV.VT)

Quý khách có thể liên hệ với các cơ sở của NHCT trong cả nước để được đáp ứng nhu cầu - gửi vốn, vay vốn và các dịch vụ ngân hàng. NHCT sẵn sàng phục vụ quý khách một cách tận tình, chu đáo, văn minh, lịch sự đảm bảo tuyệt đối an toàn và hiệu quả cao.

Rất hân hạnh được đón tiếp !

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản







UNIV. OF MICH.
JUN 3 0 1997
CURRENT SERIALS

11
6-1997

Digitized by Google



QUÝ KHÁCH ĐẾN VỚI VINAPHONE NGOÀI DỊCH VỤ THOẠI QUÝ KHÁCH CÒN CÓ CÁC DỊCH VỤ GIA TĂNG

1. Dịch vụ Nhắn tin ngắn
2. Dịch vụ thư thoại
3. Dịch vụ Fax
4. Dịch vụ chuyển tiếp cuộc gọi
5. Dịch vụ giữ cuộc gọi
6. Dịch vụ cấm cuộc gọi
7. Dịch vụ chờ cuộc gọi
8. Dịch vụ nhận biết số chủ gọi
9. Dịch vụ thông báo tiền cước
10. Dịch vụ thuê bao đa số
11. Điều chỉnh sóng vô tuyến

Quý khách sẽ thực sự hài lòng khi sử dụng Vinaphone

MỌI CHI TIẾT XIN LIÊN HỆ TẠI CÁC TRUNG TÂM GIAO DỊCH CỦA BƯU ĐIỆN CÁC TỈNH THÀNH PHỐ CÓ VÙNG PHỦ SÓNG HOẶC GỌI GIẢI ĐÁP 116, 118

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 521 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Làm sáng tỏ hơn nữa lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	3
	PHẠM QUANG NGHỊ - Bước phát triển của báo chí trong quá trình đổi mới ở nước ta	9
	NGUYỄN VĂN THẢO - Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính	13
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	LÊ VĂN YÊN - Vận dụng tư tưởng đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay	18
	LÊ VĂN QUÁN - Bác Hồ với học thuyết Nho giáo	21
	NGUYỄN VĂN DOÃN - Đẩy mạnh huy động vốn cho đầu tư và phát triển	24
	NGUYỄN NHÂM - Khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung là một giải pháp về vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	28
	NGHIÊM HƯNG - Dân chủ : phương tiện hay mục đích ?	32
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN HỮU KHIỂN - Cán bộ xã, phường : vấn đề và giải pháp	35
	PHAN HÙNG - Những biến đổi quan trọng của nông nghiệp và nông thôn ở Quảng Ninh	38
	DƯƠNG VŨ và VÕ ĐĂNG THIÊN - Ý nghĩa thức tỉnh từ vụ án đường dây ma túy	41
ĐIỀU TRA	NGUYỄN SINH - Sự phân hóa giàu nghèo ở các tỉnh Tây Nguyên	46
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	PHAN DOÃN NAM - Thử nhìn vào châu Á trong thế kỷ XXI	51
	NGUYỄN HỮU CÁT - Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với các nước lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương hiện nay	55
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Xét xử và các cấp xét xử của tòa án	59

Bìa 1 : *Về Đất nước và tuổi thơ* *Ảnh :* TRẦN CHÍNH, ĐINH QUANG THÀNH, NGỌC NHƯNG

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ДЫК БИНЬ - Дальнейшее освещение теории о социализме и пути к социализму во Вьетнаме. ФАМ КУАН НГИ - Новое развитие пресса в курсе обновления нашей страны. НГУЕН ВАН ТХАО - Дальнейшее усиление курса административной реформы. ЛЕ ВАН ИЕН - Применение идей Хо Ши Мина об интернациональной солидарности в настоящем периоде. ЛЕ ВАН КУАН - Хо Ши Мин и Конфуцианство. НГУЕН НЬАМ - Зоны товарной переработки и экспорта и зоны промышленной концентрации являются решением для проблемы о капитале для индустриализации и модернизации страны. НГИЕМ ХЫНГ - Демократия : средство или цель ? НГУЕН ХЫУ ХИЕН - Сделать кадров коммун и городских ройонов государственными работниками - проблема и решение. ЗЫОНГ ВУ и ВО ДАНГ ТХИЕН - Пробудительное значение из судебного дела над линией торговцев героина. НГУЕН ШИНЬ - Дифференциация богатых и бедных на центральном плато Тай Нгуен. ФАН ЗОАН НАМ - Пробный взор на Азию в XXIом веке. НГУЕН ХЫУ КАТ - Внешняя политика США в отношении сильных стран "Азия - Тихий Океан" региона в настоящее время.

CONTENTS

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Further enlighment to the theory of Socialism and the path to Socialism in Vietnam. PHẠM QUANG NGHỊ - A new step of development of the Press during the renovation of the coutry. NGUYỄN VĂN THẢO - Continuously pushing up administration reformation. LÊ VĂN YÊN - Application of Ho Chi Minh's ideas of international solidarity at the present stage. LÊ VĂN QUÁN - Ho Chi Minh and Confucianism. NGUYỄN NHÂM - EPZs and Centralized Industrial Zones are the best solution for the problem of capital for the country's industrialization and modernization. NGHIÊM HƯNG - Democracy : Measure or Purose ? NGUYỄN HỮU KHIẾN - Making commune's and city district's cadres State officials : reality and solution. DƯƠNG VŨ & VÕ ĐẶNG THIÊN - The warning significance from the case of drug trafficking. NGUYỄN SINH - Differentiation of the rich and the poor in provinces of Tay Nguyen. PHAN DOÃN NAM - Try to have a look at Asia in the 21st century ! NGUYỄN HỮU CẢT - The US' foreign policy towards strong countries in the Asia - Pacific region at present.

SOMMAIRE

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Mieux éclaircir la théorie du socialisme et le chemin vers le socialisme au Vietnam. PHẠM QUANG NGHỊ - Un pas de développement de la presse dans le processus de renouveau de notre pays. NGUYỄN VĂN THẢO - Continuons à impulser la réforme administrative. LÊ VĂN YÊN - Sur l'application de la pensée de solidarité internationale de Ho Chi Minh dans l'étape actuelle. LÊ VĂN QUÁN - L'Oncle Ho et le Confucianisme. NGUYỄN NHÂM - Les zones de transformation pour l'exportation et les zones industrielles concentrées - une solution apportant du capital à l'industrialisation et la modernisation du pays. NGHIÊM HƯNG - La démocratie : moyen ou but ? NGUYỄN HỮU KHIẾN - La mise en statut de fonctionnaire pour les cadres de commune et de quartier : problèmes et solutions. DƯƠNG VŨ & VÕ ĐẶNG THIÊN - La signification de réveil de l'affaire de trafic de drogues. NGUYỄN SINH - La différenciation entre les riches et les pauvres dans les provinces des Hauts-Plateaux du Tay Nguyen. PHAN DOÃN NAM - L'Asie dans le XXIe siècle. NGUYỄN HỮU CẢT - La politique extérieure des Etats-Unis vis-à-vis les grands pays d'Asie-Pacifique à l'heure actuelle.

SUMARIO

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Esclarecer aún más la teoría sobre el socialismo y el camino hacia el socialismo en Vietnam. PHẠM QUANG NGHỊ - El desarrollo de la prensa en el proceso de renovación en Vietnam. NGUYỄN VĂN THẢO - Continuar impulsando la reforma administrativa . LÊ VĂN YÊN - Aplicación del pensamiento de la solidaridad internacional de Ho Chi Minh en el período actual. LÊ VĂN QUÁN - El Tío Ho y el Confucianismo. NGUYỄN NHÂM - Las zonas de procesamiento e industriales concentradas, una solución del capital para la industrialización y modernización del país. NGHIÊM HƯNG - Democracia : ¿ Medio u objetivo ? NGUYỄN HỮU KHIẾN - Poner a los cuadros de comuna y de barrio en el régimen de funci ón pública : problemas y soluciones. DƯƠNG VŨ & VÕ ĐẶNG THIÊN - El significado despertador tras el proceso de la red de contrabando de droga. NGUYỄN SINH - Polarización entre los ricos y los pobres en las provincias del Altiplano Tây Nguyên. PHAN DOÃN NAM - Una mirada al Asia en el siglo XXI. NGUYỄN HỮU CẢT - La política exterior de Estados Unidos para con los grandes países en Asia - el Pacífico actual.

目錄

• 阮德平：進一步明確有關社會主義和越南向社會主義邁進的理論 • 范光議：我國新聞報刊在革新進程中的發展 • 阮文草：繼續大力推動行政改革事業 • 黎文安：胡志明的國際團結思想 在現階段的運用 • 黎文貫：胡志明與儒家學說 • 阮壬：出口加工區、工業集中區是國家工業化、現代化解決融資的辦法 • 嚴興：民主：手段還是目的？ • 阮友遣：鄉坊幹部公職化：問題和解決辦法 • 楊武和武登天：從販毒線路案中敲響的警鍾 • 阮生：西原各省的貧富分化 • 潘尹南：展望二十一世紀的亞洲 • 阮友南：美國目前對亞太地區各大國的對外政策

Digitized by Google

LÀM SÁNG TỎ HƠN NỮA LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

NGUYỄN ĐỨC BÌNH

Lời BBT : *Ngày 10-5-1997, Hội đồng lý luận Trung ương đã mở Hội nghị triển khai các chương trình và đề tài khoa học xã hội cấp nhà nước giai đoạn 1996 - 2000. Chúng tôi xin trích giới thiệu với bạn đọc bài phát biểu của GS Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng.*

Bộ Chính trị đã nêu 3 phương hướng nghiên cứu lớn và đề ra 7 chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước giai đoạn 1996 - 2000. Thực hiện nhiệm vụ quan trọng và khó khăn, phức tạp này, phải dựa vào trí tuệ của toàn đảng. Đồng thời, 4 năm tới cần sử dụng tập trung nhất, hiệu quả nhất vốn kiến thức, kinh nghiệm, năng lực tư duy lý luận của các nhà khoa học và nhiều đồng chí đang làm công tác thực tiễn.

Bộ Chính trị giao cho 7 chương trình khoa học xã hội thực hiện mục tiêu tổng quát là *tiếp tục xây dựng, phát triển, cụ thể hóa, làm sáng tỏ hơn nữa lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam,* cung cấp cơ sở khoa học cho việc chuẩn bị những văn kiện lịch sử của Đại hội Đảng lần thứ IX. Tất cả 7 chương trình và 56 đề tài đều phải quán triệt và góp phần thực hiện mục tiêu tổng quát đó.

Đại hội VIII của Đảng nhận định "con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn". Đồng thời phải thấy hiện nay trên nhiều vấn đề khá căn bản, lý luận chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cách mạng. Mặt khác, đường hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội đang đòi hỏi phải được chứng giải có tính hệ thống về mặt lý luận. Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có nghĩa là sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn có ý nghĩa quyết định. Từ đó, nhiệm vụ xây dựng một hệ thống quan điểm, nhận thức lý luận tương đối hoàn chỉnh và cụ thể về mục tiêu và định hướng xã hội chủ nghĩa, về con đường, các bước đi, các giải pháp lớn nhằm đạt mục tiêu và đúng định hướng trở nên quan trọng và cấp thiết hơn bao giờ hết. Đây là *nhiệm vụ trung tâm của công tác lý luận và khoa học xã hội từ nay đến năm 2000.*

Vấn đề mục tiêu chủ nghĩa xã hội và con đường dẫn đến mục tiêu thật ra không phải bây giờ Đảng ta mới đặt ra. Vấn đề đã được đặt ra trên 70 năm nay. Từ những năm 20, sau nhiều năm tìm đường cứu nước, Bác Hồ đã đến với chân lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Người đã xây dựng chiến lược cho cách mạng Việt Nam, vạch rõ con đường đi lên của cách mạng là gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Từ hai phần ba thế kỷ nay, về thực chất, cách mạng Việt Nam phát triển theo "Đường cách mệnh", "Chính cương vắn tắt" và "Sách lược vắn tắt", "Luận cương chính trị" do Hồ Chủ tịch và Đảng ta vạch ra. Thực tiễn cách mạng Việt Nam vô cùng phong phú. Tư duy lý luận của Đảng không ngừng phát triển trong quá trình thực tiễn... Ở mỗi bước ngoặt của cách mạng, thực tiễn lại đặt ra hàng loạt vấn đề mới, phức tạp hơn, đòi hỏi làm sáng tỏ bằng hệ quan điểm vừa thể hiện quy luật chung

Digitized by Google

xuyên suốt của cách mạng Việt Nam, vừa thể hiện tính đặc thù của từng giai đoạn.

Trong khi tập trung thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, Cương lĩnh đầu tiên của Đảng vạch rõ cách mạng Việt Nam sẽ chuyển sang giai đoạn xã hội chủ nghĩa sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ. Song, quan niệm về chủ nghĩa xã hội khi đó còn rất chung.

Từ sau 1954, xây dựng chủ nghĩa xã hội trở thành nhiệm vụ trực tiếp, nhưng mới chỉ ở miền Bắc và trong thực tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội lúc đó nhất là từ giữa những năm 60 chủ yếu là xây dựng hậu phương lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, vì thế ở chừng mực nhất định, có thể nói về thời kỳ đó như một kiểu "chủ nghĩa xã hội thời chiến". Trong thời kỳ này, Đảng ta vẫn không sao nhãng việc tìm tòi con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với nước ta, nhất là từ những năm 70 việc nghiên cứu lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội được đẩy mạnh hơn.

Tuy nhiên, chỉ sau khi miền Nam được giải phóng, Tổ quốc thống nhất, xây dựng chủ nghĩa xã hội trở thành nhiệm vụ chung của cả nước, công tác lý luận của Đảng mới tập trung được vào nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội IV của Đảng (1976) đề ra đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước. Đại hội IV đánh dấu sự cố gắng thể hiện một ý tưởng lớn về con đường Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội một cách sáng tạo. Song từ nghị quyết vào thực tiễn, kết quả đạt được không như ý muốn. Bên cạnh những thành tựu đáng kể, đã xảy ra những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương và chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Từ cuối những năm 70 và những năm đầu thập kỷ 80, khi kinh tế - xã hội lâm vào khủng hoảng ngày càng trầm trọng, thì vấn đề do thực tiễn đặt ra không phải chỉ là điều chỉnh nhận thức trên các vấn đề cụ thể, mà là phải *đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội.*

Đại hội VI (1986) mở đầu bước ngoặt căn bản trong tư duy lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đại hội khẳng định cần kiên trì những nhận thức đúng, những thành tựu đã đạt được, đồng thời vạch rõ những quan điểm sai lầm chủ quan duy ý chí trước đó về chủ nghĩa xã hội.

Quan điểm, đường lối *đổi mới* do Đại hội VI vạch ra được Đại hội VII (1991) phát triển, cụ thể hóa trên nhiều phương diện và được thể hiện tập trung ở Cương lĩnh chính trị và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.

Đại hội VIII (1996) phát triển, cụ thể hóa thêm một bước đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhận định đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm mục tiêu đến khoảng năm 2020 đưa Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Đại hội VIII nhận định : "Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa" ; "tuy vậy trong quá trình thực hiện, chúng ta đã phạm một số khuyết điểm, lệch lạc lớn và kéo dài, dẫn đến chệch hướng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, ở mức độ này hay mức độ khác". Xét trên quan điểm lý luận, Đại hội VIII cho rằng "con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn".

Chúng ta sắp bước vào thế kỷ XXI mở đầu với Đại hội IX của Đảng. Đại hội sẽ quyết định những vấn đề lớn phát triển đất nước trên cơ sở tổng kết thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực tiễn 15 năm đổi mới. Trên cơ sở những thành tựu lý luận đã đạt được, phải tiến đến quan niệm tương đối hoàn chỉnh về mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về những bước đi, những giải pháp lớn phù hợp với thực tiễn Việt Nam và thời đại, bảo đảm đưa đất nước đi đúng định hướng, vượt qua mọi thử thách, đạt mục tiêu đã định. Do đó, từ nay đến Đại hội IX Đảng ta cần có những nỗ lực to lớn trong tư duy lý luận, trong tổng kết thực tiễn và sáng tạo lý luận.

Nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội không thể là những giáo điều ngưng đọng mà luôn phát triển, nhất là ở những bước ngoặt phức tạp của lịch sử. Trở lại với Cương lĩnh chính trị được thông qua tại Đại hội VII năm 1991, chúng ta đều nhớ chính Đại hội đã lưu ý rằng : "Đương nhiên, những gì mà nhận thức chúng ta đạt tới hôm nay sẽ còn được bổ sung, phát triển cùng với sự phát triển sau này của thực tiễn và của tư duy lý luận" (1). Từ đó đến nay, tình hình đã có thay đổi lớn, rất nhiều những diễn biến mới. Chẳng hạn, khi thông qua Cương lĩnh, Liên Xô vẫn tồn tại, nhưng sau đó không lâu Liên Xô đã sụp đổ, đặt ta vào tình thế xây dựng chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh quốc tế bị đảo lộn lớn.

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr 111

Digitized by Google

Thực tiễn Việt Nam đặt ra nhiều vấn đề rất mới chồng lên không ít vấn đề cũ chưa được giải quyết. Đến nay đã qua 10 năm đổi mới và đến Đại hội IX, có thực tiễn 15 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội theo quan niệm mới. Thế giới 10 năm qua cũng tiếp tục thay đổi rất nhiều, đầy những mâu thuẫn và chuyển biến phức tạp. Tất cả điều đó đòi hỏi phải được soi sáng về mặt lý luận để chuẩn bị tiến bước vững chắc vào thế kỷ mới. Hầu hết các quốc gia đều có những dự báo và sự chuẩn bị chiến lược cho thế kỷ XXI ; chúng ta càng cần một tầm nhìn như thế, để có thể chủ động trước mọi diễn biến thời cuộc, tranh thủ thời cơ thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn thách thức, vững bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn.

Nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội qua đổi mới cho đến nay căn bản là đúng, song vẫn còn ở những định hướng cơ bản. Công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu càng xuất hiện nhiều vấn đề cụ thể không dễ trả lời chỉ với định hướng chung hoặc chỉ dựa vào kinh nghiệm. Chúng ta nói phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, chống nguy cơ chệch hướng. Song định hướng xã hội chủ nghĩa là thế nào, biểu hiện ra sao trên từng lĩnh vực ? Thế nào là đúng hướng, thế nào là chệch hướng ? Chúng ta nói kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Song có phải thị trường với chủ nghĩa xã hội là không thể dung hợp với nhau ? Làm sao bảo đảm chủ nghĩa xã hội với thị trường không những hoàn toàn có thể tương dung mà còn phải chứng tỏ được rằng chỉ có làm đúng như thế mới có thể đẩy mạnh sự phát triển ? Nhà nước quản lý thế nào, quản lý cái gì, cái gì nắm, cái gì "buông" ? Kinh tế nhà nước chủ đạo là thế nào và phải làm sao để đóng được vai trò chủ đạo ? Giải quyết thế nào mối quan hệ giữa kế hoạch với thị trường ? Cổ phần hóa thế nào, tại sao làm khó và chậm ? Liên doanh liên kết giữa các thành phần kinh tế, giữa trong nước với ngoài nước thế nào ? Tổ chức kinh tế hợp tác ra sao ? Nông dân, thợ thủ công, tiểu thương không thể làm ăn cá thể mãi được, vì ngay cả dưới chủ nghĩa tư bản, phương thức kinh doanh nhỏ cá thể cũng biến dần và kinh tế hợp tác cũng đã là một hình thái tất yếu. Nhưng vấn đề là ở chỗ phải tìm cho được những hình thức thích hợp của kinh tế hợp tác phù hợp với nhu cầu phát triển của sản xuất, với trình độ của lực lượng sản xuất, với điều kiện Việt Nam định hướng tiến dần lên chủ nghĩa xã hội.

Phải chăng có thể khẳng định trong điều kiện nước ta quan điểm xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách sử dụng một cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với kinh tế nhà nước làm chủ đạo, vận hành theo cơ chế thị trường, thông qua con đường tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức khác nhau, đặt dưới sự kiểm kê, kiểm soát và hướng dẫn của Nhà nước của dân, do dân, vì dân dựa trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức do Đảng Cộng sản lãnh đạo, quan điểm ấy phải chăng được coi là học thuyết về xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Lê-nin là người khởi xướng và ngày nay thực tiễn đã cho phép chúng ta phát triển phong phú hơn nhiều ? Quan điểm lớn này đặt ra yêu cầu nhận thức lại, bổ sung, phát triển, đổi mới hàng loạt khái niệm, phạm trù. Có những quy luật đang chi phối hiện thực mà chưa được phát hiện hoặc tổng kết. Có những cái mới đã được chấp nhận trong thực tế, thậm chí được xác nhận bằng các chính sách, nhưng chưa được soi sáng về mặt lý luận, chẳng hạn vấn đề sức lao động có là hàng hóa trong xã hội ta hay không ?

Mới bắt tay vào công cuộc đổi mới chưa bao lâu không thể tránh khỏi những trường hợp phải mò mẫm, thử nghiệm, nhiều cái phải qua làm rồi mới biết. Những khái quát lý luận vội vàng khi thực tiễn chưa đủ độ chín có thể dẫn đến những hậu quả tai hại. Tất nhiên không thể kéo dài tình trạng mò mẫm, thiếu tự giác, vì điều đó sẽ dẫn đến hành động mù quáng, thiếu nhất quán, thậm chí có thể dẫn đến chệch hướng. Lê-nin nói đại ý : những ai bắt tay vào cái riêng mà không hiểu cái chung, không giải quyết trước vấn đề chung thì trên mỗi bước đi sẽ không sao tránh khỏi "vấp phải" những vấn đề chung một cách không tự giác, từ đó rất dễ dẫn đến dao động, mất tính nguyên tắc. Cũng có ý kiến cho rằng các vấn đề kinh tế và không chỉ kinh tế mà cả những vấn đề xã hội, văn hóa, hệ thống chính trị, và không chỉ ở ta mà cả trên thế giới, quá phức tạp, mới mẻ, đang trải qua những đảo lộn cực lớn thì làm sao có thể đi đến quan điểm lý luận chung thống nhất ? Tôi cho rằng chính vì công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu, chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa tính phức tạp và đa dạng của các quá trình và quan hệ kinh tế - xã hội ngày càng tăng ; chính vì thế giới đầy biến động, không yên, lại sắp bước vào thế kỷ XXI, chính vì tất cả điều đó nên càng phải ra sức cố gắng

Digitized by Google

để có được quan niệm đúng đắn, vững chắc, thấu suốt về con đường đi lên của đất nước. Coi nhẹ lý luận, làm đến đâu hay đến đấy, chỉ thấy hôm nay không thấy ngày mai, thấy hiện tượng mà không hiểu sâu bản chất, quy luật ; thấy bộ phận mà không hiểu đại cục thì có thể dẫn đến những vấp váp lớn. Nếu không ý thức rõ con đường lớn, sẽ dẫn đến tình hình là trong khi làm "được" một cái gì đó lại có thể làm "mất" đi nhiều, thậm chí dần dà mất hết mà không tự biết, đến khi biết ra thì đã quá muộn ! Mặt khác, không tự ý thức được thật sáng rõ con đường lớn phải đi thì cũng dễ sinh ra bị động, bảo thủ, thiếu tự tin, không dám chịu trách nhiệm, làm gì cũng sợ sai, sợ trật !

Chúng ta cũng cần chú ý tình hình đấu tranh tư tưởng - lý luận rất phức tạp hiện nay giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa cơ hội các loại. Đương nhiên cần phải kiên quyết bảo vệ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nhưng bảo vệ thế nào, đấu tranh sao cho có hiệu quả, có sức thuyết phục ? Trước hết, vấn đề là có thực sự tồn tại cuộc đấu tranh ấy hay đây chỉ là sự bày đặt giả tạo ? Đối với tất cả chúng ta, đối với mọi người mác-xít - lê-nin-nít và xã hội chủ nghĩa thì cuộc đấu tranh ấy không những có thực, mà còn diễn ra một cách gay gắt và phức tạp về mặt tư tưởng - lý luận mà chúng ta không thể lẩn tránh, vấn đề chỉ ở cách đấu tranh sao cho thích hợp và có hiệu quả. Chỉ có làm sáng tỏ về mặt lý luận và thực tiễn con đường đi lên của chúng ta mới tạo cơ sở vững chắc cho niềm tin vào nền tảng tư tưởng của chúng ta, vào mục đích cuối cùng của chúng ta, mới có thể góp phần ngăn ngừa, đẩy lùi, đánh bại những âm mưu thủ đoạn chống phá ta về tư tưởng - lý luận, trực tiếp góp phần vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Toàn bộ các chương trình, đề tài khoa học xã hội được triển khai nghiên cứu trên nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đương nhiên chúng ta không loại trừ mà hết sức trân trọng và biết sử dụng đúng đắn mọi thành tựu khác của trí tuệ loài người. Bản thân chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh cũng cần được tiếp tục nghiên cứu sâu sắc, sáng tạo, không kinh viện, giáo điều mà gắn chặt với thực tiễn, với lịch sử cụ thể, hướng vào làm rõ vì sao cách mạng Việt Nam, công cuộc đổi mới hiện nay, con đường tiến lên của đất nước phải lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Những thử thách nặng nề phải trải qua trong thập kỷ gần đây và ngay cả hiện nay có chứng tỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin không còn sức sống như một số kẻ tuyên bố ? Phải chăng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội đã lỗi thời ? Phải chăng lịch sử loài người đã kết thúc ở chủ nghĩa tư bản ? Phải chăng chủ nghĩa tư bản hiện đại đã không còn là chủ nghĩa tư bản, đã mất đi bản chất chế độ bóc lột lao động làm thuê và chủ nghĩa tư bản hiện đại là giải pháp cho mọi vấn đề đang đặt ra trước loài người, trước mọi quốc gia, dân tộc ? Phải chăng với sự sụp đổ của Liên Xô, không còn có thể nói đến thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ? Nếu chủ nghĩa tư bản hiện đại cũng đầy rẫy những mâu thuẫn nan giải, những ung nhọt, khuyết tật như ngay một số chính khách và học giả phương Tây cũng phải thừa nhận đó là sự "phản phát triển", là "một thế giới không thể chấp nhận"... thì đâu là lối thoát của loài người, nếu không phải là chủ nghĩa xã hội ? Liệu có hay không "con đường thứ ba" ?...

Tôi nghĩ rằng để luận chứng cho sự lựa chọn xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn duy nhất đúng đối với con đường phát triển đất nước ta, không thể không tiến hành một cuộc tổng kết sâu sắc, quy mô về lịch sử. Để có cơ sở vững chắc, không gì lay chuyển nổi cho niềm tin của nhân dân, ngay cả cho chính chúng ta, vào con đường xã hội chủ nghĩa ; để có cơ sở bác bỏ tận gốc những luận điệu dối trá, xuyên tạc, những sự phê phán vô căn cứ, những cái gọi là "học thuyết mới", "cách tiếp cận mới" nhưng thực chất vẫn là thiên kiến tư sản về con đường đi của nhân loại thời nay, tôi nghĩ đã đến lúc phải đặt lên bàn một loạt câu hỏi đại loại như trên đây để đi sâu nghiên cứu một cách thật nghiêm túc, công phu và triệt để - "triệt để có nghĩa là nắm tận gốc rễ sự vật" (C.Mác). Muốn thế, công tác lý luận phải cố gắng vượt bậc để làm một cuộc tổng kết lịch sử, tổng kết thực tiễn thật sự rộng lớn và sâu sắc.

Phải tổng kết lịch sử chủ nghĩa Mác, tất nhiên bao gồm cả giai đoạn Lê-nin và sau Lê-nin, từ đó có được những dự báo về tương lai chủ nghĩa Mác ở thế kỷ XXI. Ta biết hằng bao năm nay tương lai học phương Tây tung ra không biết bao nhiêu công trình dự báo về thế kỷ XXI, có những dự báo cả về số phận chủ nghĩa Mác mà về mặt này, bên cạnh một số ít tác giả cả quyết chủ nghĩa Mác đã "bị chôn vùi", đã có không ít tác giả cho rằng kết luận như vậy là quá ư nông cạn và vội vàng, thậm chí có người cho rằng tương lai thuộc về chủ nghĩa Mác, rằng không thể hình dung thế kỷ XXI mà không có

Digitized by Google

chủ nghĩa Mác, rằng chủ nghĩa Mác đang sống ngay trong nhiều trường đại học phương Tây. Tôi nghĩ, một công trình khoa học bàn về "Vận mệnh lịch sử của học thuyết Mác" xem ra có ý nghĩa rất thời sự hiện nay. Làm được đến đâu là do sức ta, nhưng có lẽ phải đặt vấn đề trên tầm mức như vậy, bởi đó là nhu cầu của thực tiễn cách mạng, là đòi hỏi của chính lịch sử.

Phải tổng kết lịch sử chủ nghĩa xã hội từ lý luận đến hiện thực với tất cả những thành tựu vĩ đại và cả những thất bại, những bài học nghiêm trọng trong ngót thế kỷ XX.

Phải nghiên cứu quá trình vận động của chủ nghĩa tư bản từ sau Lê-nin, đặc biệt giai đoạn hiện nay, làm sáng tỏ những đặc điểm mới, những gì nó đã có thể mang lại cho văn minh loài người mà thời Mác và Lê-nin chưa thể dự đoán ; đồng thời làm sáng tỏ chính ngay bước tiến mới ấy của văn minh lại làm sâu sắc hơn bao giờ hết những mâu thuẫn cực kỳ nan giải, xu thế phát triển tự phủ định và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Phải phân tích sâu sắc tính chất và nội dung cơ bản của thời đại ngày nay, khúc quanh lịch sử mà loài người đang trải qua, những đặc điểm của thế giới trong giai đoạn chúng ta đang sống, những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu và những xu thế tất yếu đang tác động lên quá trình phát triển thế giới sau "chiến tranh lạnh".

Tóm lại, một cuộc tổng kết thực tiễn có quy mô lịch sử và ở tầm thế kỷ là cần thiết, nếu chưa đủ khả năng đi thật sâu thì ít ra cũng hình dung cho được bức tranh lịch sử trên những nét lớn, bởi tất cả những vấn đề nêu trên đây đều liên quan đến toàn bộ 7 chương trình khoa học xã hội mà chúng ta phải thực hiện. Hơn nữa, về thực chất và trên mức độ nhất định, đó là nhiệm vụ khoa học trực tiếp đặt ra cho nhiều đề tài nằm trong các chương trình từ KHXH.01 đến KHXH.07. Những nội dung trên nếu được nhận thức một cách chính xác, khoa học thì đó là một tiền đề phương pháp luận rất quan trọng cho việc tiếp cận và giải quyết đúng đắn, có hiệu quả những vấn đề đặt ra trong các chương trình và đề tài khoa học xã hội nói chung.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn duy nhất đúng, là đường lối nhất quán của Đảng ta. Sự lựa chọn ấy là của chính lịch sử dân tộc từ cuối những năm 20, được Bác Hồ và Đảng ta nắm bắt và thể hiện trong "Đường cách mệnh", "Chính cương vắn tắt" và "Sách lược vắn tắt", trong "Luận cương chính trị" năm 1930 và được thực tiễn 70 năm chiến đấu thắng lợi của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng chứng minh là đúng đắn. Đương nhiên, khoa học cần phải làm sáng tỏ hơn nữa về mặt lý luận sự lựa chọn đó trong bối cảnh lịch sử phức tạp hiện nay. Bởi, khúc quanh lịch sử đầy sóng gió như đã diễn ra làm một số người đâm bối rối trước câu hỏi : dân giàu, nước mạnh bằng con đường nào? Câu hỏi hôm nay làm ta nhớ đến câu hỏi đặt ra đầu thế kỷ : cứu nước bằng con đường nào ?

Thế nghĩa là trong lựa chọn con đường vẫn còn vấn đề, bởi có người nói : độc lập dân tộc - đồng ý, nhưng chủ nghĩa xã hội thì không ! Đối với tất cả chúng ta thì vấn đề đã rõ và dứt khoát : "nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì" (Hồ Chí Minh) nghĩa là nhất thiết phải tiến lên chủ nghĩa xã hội mới thật sự có dân giàu (toàn dân chứ không phải chỉ một số người), nước mạnh, mới có độc lập thật sự và vững bền. Cho nên "dân giàu, nước mạnh" phải đi đôi với "xã hội công bằng, văn minh". Điểm căn bản, cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, không thể hiểu cách khác. Tư tưởng của Hồ Chí Minh sở dĩ trở thành tư tưởng Hồ Chí Minh - tài sản quý báu của cả dân tộc ta - chính vì chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam được kết tinh ở Hồ Chí Minh bắt gặp trào lưu tư tưởng xã hội tiến bộ nhất của thời đại là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tạo nên bước ngoặt lịch sử căn bản đưa sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, vì tự do và hạnh phúc của nhân dân ta đi đúng vào quỹ đạo của thời đại là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Quả thật vấn đề "hai con đường" vẫn đang tồn tại và tồn tại một cách khách quan trong thực tế đời sống, dù muốn hay không vẫn đang còn là vấn đề mà nhận thức chính trị và lý luận khoa học không thể né tránh. Ta đều biết, từ khi bắt đầu sự nghiệp đổi mới đến nay, trong cơ sở kinh tế nước ta diễn ra 4 chuyển đổi lớn : *thứ nhất*, từ một nền kinh tế công hữu thuần nhất dưới hai hình thức quốc doanh và tập thể chuyển sang một nền kinh tế nhiều thành phần ; *thứ hai*, từ một nền kinh tế về cơ bản là tự cấp, tự túc và mang quan hệ hiện vật chuyển sang một nền kinh tế hàng hóa ; *thứ ba*, từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp chuyển sang một nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, trong đó có kế hoạch ; *thứ tư*, từ một nền kinh tế gần như khép kín với các nước phương Tây chuyển sang một nền kinh tế mở rộng cửa với bên ngoài. Vấn đề "hai con đường" bắt

Digitized by Google

nguồn từ những điều kiện khách quan trong hiện thực mà các chương trình, đề tài của chúng ta không thể bỏ qua, vì nếu bỏ qua thì còn nói gì đến làm sáng tỏ hơn nữa lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cho nên, xét trực tiếp trên nội dung này thì chương trình KHXH.01 với các đề tài KHXH.01-04 (Tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản...), KHXH.01-05 (Mối quan hệ giữa giai cấp - dân tộc - nhân loại...), KHXH.01-06 (Về những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu và cách giải quyết...), KHXH.01-07 (Về định hướng xã hội chủ nghĩa...) là cực kỳ quan trọng. Toàn bộ chương trình KX.03 (Xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa...) là cực kỳ quan trọng. Ngay các chương trình KHXH.02 (Về công nghiệp hóa, hiện đại hóa...), KHXH.04 (Phát triển văn hóa và xây dựng con người...), KHXH.07 (Về quốc phòng, an ninh...) cũng không thể không tính đến vấn đề "hai con đường".

Đương nhiên nói "hai con đường", "đấu tranh hai con đường" chớ vấp lại sai lầm cũ. Trong điều kiện nước ta từ nông nghiệp lạc hậu muốn bỏ qua chế độ tư bản để đi dần từng bước lên chủ nghĩa xã hội, xét tiền đề vật chất, thì công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nội dung cơ bản và điều kiện then chốt bảo đảm thắng lợi cho con đường xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, vị trí của chương trình KHXH.02 là cực kỳ quan trọng. Nhưng lấy đâu ra máy móc, thiết bị, công nghệ, vốn liếng, kinh nghiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là khi không còn "bao cấp quốc tế" ? Tìm đâu ra những thứ đó nếu không sử dụng chủ nghĩa tư bản, tư bản trong nước và tư bản nước ngoài. Từ đó, việc sử dụng một cách rộng rãi và mạnh dạn hình thức kinh tế tư bản nhà nước kiểu đặc biệt như Lê-nin nói, nghĩa là kinh tế tư bản nhà nước dưới chính quyền nhân dân do giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản lãnh đạo là một tất yếu kinh tế. *Một là*, tất yếu để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ; *hai là*, tất yếu về mặt quan hệ sản xuất như những nấc thang trung gian, những nhịp cầu để quá độ dần từng bước lên chủ nghĩa xã hội ; *ba là*, để khống chế và kiểm soát tính tự phát tư bản chủ nghĩa, hướng nền sản xuất nhỏ đi vào con đường sản xuất lớn một cách tự nhiên và có tổ chức. Có điều cần lưu ý là với kinh tế tư bản nhà nước, cuộc đấu tranh hai con đường tất yếu diễn ra cực kỳ gay go và phức tạp. Nếu xét tận bản chất và tính quy luật của các quá trình kinh tế, chẳng phải thực tế đang diễn ra hằng ngày, hằng giờ trước mắt chúng ta là ai sử dụng ai giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đó sao ? Ai chuyển hóa ai ? Rốt cuộc con đường nào sẽ thắng ? Những câu hỏi đó làm sao tránh khỏi đụng đến khi đi sâu nghiên cứu. Ở đây chỉ nêu vấn đề, còn đi sâu phân tích và tìm kiếm giải pháp là nhiệm vụ các đề tài có liên quan.

Một vị trí đặc biệt quan trọng dành cho chương trình KHXH.04 bởi toàn bộ sự nghiệp xây dựng, sáng tạo xã hội mới xét cho cùng là vì con người và do con người. Còn văn hóa nói chung ngày nay cũng được nhận thức ở một tầm cao mới - nó không chỉ là mục tiêu, là động lực mà còn đóng vai trò một hệ điều tiết sự phát triển kinh tế và xã hội. Về chương trình KHXH.05 khỏi phải nói, ai nấy đều biết Đảng là người tổ chức và lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân, của dân tộc, xây dựng Đảng do đó là nhiệm vụ then chốt, mọi thắng lợi cách mạng, xét cho cùng, phụ thuộc một cách quyết định vào năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Điều quan trọng nhất đặt ra cho các chương trình KHXH.04, KHXH.05, cho các đề tài thuộc hai chương trình này là phải tổng kết thực tiễn sâu sắc, tổng kết có lý luận những vấn đề về phát triển văn hóa, xây dựng con người theo định hướng xã hội chủ nghĩa, về nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng không phải trong những điều kiện như trước đây mà trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, mở cửa với bên ngoài, dân chủ hóa đời sống xã hội, trong điều kiện dân trí ngày càng cao... Từ đó hình thành cho được hệ quan điểm và những giải pháp có tính chiến lược trong sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng con người, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới.

Chỉ còn hơn 3 năm nữa là bước sang thế kỷ mới. Quỹ thời gian khá eo hẹp, do đó, càng thúc bách chúng ta phải tận lực sử dụng với hiệu suất cao cho công việc của mình. Cần tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, đổi mới phong cách nghiên cứu lý luận, khâu quyết định nhất ở đây là tổng kết thực tiễn, tổng kết lịch sử với một phương pháp luận đúng đắn, thật sự mác-xít, để xây dựng quan niệm tương đối đầy đủ, hoàn chỉnh, có căn cứ khoa học về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - sản phẩm cuối cùng được kết tinh từ 7 chương trình KHXH mà Bộ Chính trị giao cho chúng ta. ❑

Digitized by Google

BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA BÁO CHÍ TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA

PHẠM QUANG NGHỊ *

Hòa nhịp với quá trình đổi mới từ những năm trước, hoạt động báo chí từ sau khi Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) ban hành Chỉ thị 08** tiếp tục phát triển, tạo nên những chuyển biến tích cực, tiến bộ và đã có những đóng góp xứng đáng vào thành tựu chung của đất nước.

Cho đến nay, cả nước ta có vừa tròn 500 tờ báo và tạp chí, trong đó báo chí trung ương có 284 tờ ; báo chí địa phương có 156 tờ. Báo chí chính trị, xã hội có 144 tờ ; báo chí kinh tế, khoa học - kỹ thuật có 138 tờ ; báo chí khoa học xã hội và nhân văn có 27 tờ ; báo chí văn hóa, văn nghệ, giáo dục, thể thao có 104 tờ ; báo chí dành cho thiếu niên, nhi đồng có 6 tờ ; báo chí bằng tiếng nước ngoài có 20 tờ. Trong số 450 cơ quan báo chí (tờ báo) nói trên, có hàng trăm tờ ra thêm từ một đến bốn, năm loại phụ trương, phụ bản, số chuyên đề. Nếu tính gộp lại, tổng số ấn phẩm báo chí lên tới trên 600 loại. Số lượng bản phát hành cũng tăng lên nhanh, từ 185 tờ báo, tạp chí phát hành 295 triệu bản vào năm 1993 đã tăng lên 450 tờ báo, tạp chí phát hành 490 triệu bản vào năm 1996.

Về báo nói và báo hình, có Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và 3 đài truyền hình khu vực (Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ), 61 đài phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố. Khoảng 70% dân số nước ta có thể thu được sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam, 60% thu được sóng của Đài Truyền hình Việt Nam.

Sự phát triển của báo chí trong những năm qua tuy không tính ra phần trăm như trong lĩnh vực kinh tế, nhưng chắc chắn đó là sự phát triển rất nhanh chóng. Nó vừa là kết quả những thành tựu chung của công cuộc đổi mới diễn ra hết sức sâu rộng trên đất nước ta ; đồng thời cũng là kết quả sự tự đổi mới, tiến bộ và trưởng thành vượt bậc của báo chí góp phần vào những thành tựu chung đó.

Lướt qua các quầy báo, những bạn đọc lâu năm có thể nhận biết ngay được những đổi mới rõ nét của báo chí nước ta. Báo chí đã nhanh chóng vượt lên những yếu kém của chính mình, như sự chậm trễ trong thông tin, thông tin một chiều, nặng về lễ tân, thông tin trùng lặp và không hấp dẫn, v. v...

Thừa hưởng truyền thống tốt đẹp của nền báo chí cách mạng nước ta, từ sau Đại hội VI, khi Đảng ta quyết định thái độ xem xét, đánh giá tình hình là "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật", hơn ai hết, báo chí tiếp nhận điều đó giống như người lính ra trận được trang bị một loại vũ khí mới, cực kỳ có hiệu quả. Nhà báo của chúng ta vẫn làm việc với cây bút và trang giấy, nhưng tầm nhìn, cách nghĩ, cách viết đã được nâng lên, giúp cho sự quan sát, phân tích các vấn đề sắc nét và chính xác.

Lĩnh vực thông tin hàng đầu mà báo chí đã có những đóng góp quan trọng, đó là tuyên truyền, giải thích quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, đưa thông tin đến với quần chúng nhân dân một cách kịp thời và sâu rộng. Nhiều cuộc điều tra dư luận xã hội cho biết khoảng 70% thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được nhân dân biết qua báo chí.

(*) Ủy viên Trung ương Đảng, PTS, Phó trưởng ban thường trực Ban tư tưởng - văn hóa Trung ương

(**) Chỉ thị 08 CT/TU ngày 31-3-1992 "Tăng cường sự lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác báo chí - xuất bản"

Digitized by Google

Báo chí là kênh thông tin quan trọng phản ánh tâm tư, nguyện vọng các tầng lớp nhân dân ; phát hiện và phản ánh các vấn đề bức xúc trong đời sống xã hội, giúp các cơ quan lãnh đạo nắm bắt và giải quyết kịp thời. Không thể kể hết những vấn đề mà nhờ có báo chí, và đôi khi cũng chỉ có báo chí mới nêu lên được, để hướng sự chú ý của Đảng, của Nhà nước và sự quan tâm của nhân dân, cùng tìm biện pháp giải quyết. Tệ nạn ma túy, đặc biệt là trong học đường mà báo chí phát hiện là một ví dụ tiêu biểu. Cuộc đấu tranh chống tham nhũng có được nguồn sinh khí và huy động được sức mạnh của dư luận như nó hiện có là có phần tham gia của báo chí.

Báo chí đã có những đóng góp tích cực vào công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tuyên truyền và bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ những nhân tố mới, điển hình mới trong các lĩnh vực hoạt động của xã hội, báo chí đã phát hiện, giới thiệu, đúc kết thành kinh nghiệm, phổ biến đến hàng triệu người. Cùng với việc thường xuyên biểu dương nhân tố mới, nêu gương người tốt, việc tốt, báo chí luôn luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội. Báo chí đã dũng cảm đưa ra trước công luận nhiều vụ việc mà những kẻ tham nhũng, tiêu cực và đồng bọn ra sức bưng bít, che giấu. Bằng việc tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh này, báo chí khẳng định tính chiến đấu của mình, góp phần làm trong sạch xã hội, củng cố và nâng cao lòng tin của quần chúng vào chế độ và sự lãnh đạo của Đảng.

Một điều dễ nhận thấy là mọi cuộc vận động lớn và các phong trào có tính quần chúng rộng rãi trong những năm qua đều có sự hưởng ứng, tuyên truyền, cổ vũ tích cực của báo chí. Báo chí đã làm tốt chức năng thông tin, giáo dục trong các đợt kỷ niệm, các sự kiện chính trị lớn của đất nước như Đại hội Đảng, các kỳ họp Quốc hội, các phong trào xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, cứu trợ đồng bào bị thiên tai, đấu tranh chống các tệ nạn xã hội... Sẽ không có gì là quá mức nếu nói rằng, nhờ sự tham gia tích cực của báo chí, chúng ta đã gặt hái được những kết quả quan trọng trong các phong trào có tính quần chúng sâu rộng như vừa qua. Có thể dẫn ra một số kết quả nổi bật nhờ có sự tham gia của báo chí nên đã giải quyết thành công những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, như cuộc vận động toàn dân không sản xuất, vận chuyển và đốt pháo ; việc xử lý những người xây dựng nhà trái phép trên đoạn đê Nhật Tân - Yên Phụ góp phần khôi phục sự vững chắc, an toàn không chỉ con đê ngăn lũ mà cho cả con đê khác, còn quan trọng hơn nhiều, đó là "con đê pháp luật"...

Báo chí đã tích cực đưa thông tin ra nước ngoài, giúp nhân dân thế giới, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có được những thông tin đúng đắn về tình hình đất nước, tranh thủ ngày càng rộng rãi sự đồng tình, ủng hộ của họ đối với công cuộc đổi mới và sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta ; vạch trần, phê phán các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch, làm chuyển biến nhận thức, tình cảm của nhiều người theo chiều hướng ngày càng tốt hơn.

Qua thực tiễn hoạt động báo chí, trước những biến động và chấn động, có lúc cực kỳ phức tạp và dữ dội, trước tác động của cơ chế thị trường, sức hút của đồng tiền, đại đa số những người làm báo chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp nước ta đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị và nghề nghiệp của mình, nhiệt tình ủng hộ đường lối đổi mới, gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân lao động, nhiều người được bạn đọc yêu mến và tín nhiệm. Nhiều người đã có những bài viết lay động lòng người, thuyết phục họ không chỉ bằng trí tuệ, bằng lương tâm trong sáng mà còn bằng tài năng của người cầm bút, thể hiện trong sự lôi cuốn, hấp dẫn của các bài báo, các sản phẩm thông tin.

Trong quá trình đổi mới, trưởng thành của báo chí, những kỹ thuật mới, hiện đại về truyền tin, in ấn, xuất bản, nhất là trong lĩnh vực truyền hình đã giúp cho việc đưa tin đến người dân nhanh hơn, rộng hơn và hấp dẫn hơn. Thời lượng phát sóng và diện phủ sóng của các đài phát thanh, đài truyền hình tăng lên đáng kể, đem đến cho quần chúng nhân dân lượng thông tin phong phú và bổ ích.

Digitized by Google

Bên cạnh những ưu điểm và tiến bộ nổi bật của báo chí, đông đảo công chúng nhận thấy trong hoạt động báo chí, vẫn còn những khuyết điểm, yếu kém đã được nêu trong Chỉ thị 08 của Ban Bí thư mà đến nay chưa được khắc phục có hiệu quả, đồng thời có những khuyết điểm, yếu kém mới xuất hiện.

Trước hết, đó là khuynh hướng thương mại hóa trong báo chí. Biểu hiện rõ nét nhất là khá nhiều cơ quan báo chí và người làm báo chí bị cơ chế thị trường lôi cuốn, đi tới coi nhẹ chức năng chính trị, giáo dục. Trong xử lý thông tin nhiều khi những người làm báo đã không cưỡng lại, không vượt lên được sự cám dỗ của lợi ích kinh tế cục bộ và đơn thuần, chạy theo thị hiếu tầm thường của một bộ phận độc giả, khán giả ; có lúc còn nhân danh "đáp ứng nhu cầu của quần chúng", thực ra là đáp ứng nhu cầu lợi ích kinh tế của tờ báo, của người viết báo. Sự kiện một diễn viên điện ảnh tự tử, một cô hoa hậu nước ngoài tăng trọng lượng quá nhanh bị một số báo chí lạm dụng, đăng tin, bài, ảnh quá nhiều để "câu" bạn đọc là những ví dụ điển hình của khuynh hướng thương mại hóa trong báo chí. Và nếu kể thêm, có thể nói những hình ảnh phụ nữ có tính khêu gợi, hở hang chưa bao giờ được trưng lên báo chí nhiều như hiện nay.

Trên một số báo, tạp chí, nhất là các số phụ, số chuyên đề đã khai thác quá nhiều đề tài giật gân, câu khách như về tình yêu, tình dục, vụ án, chuyện lý kỳ, có lúc cả chuyện nhảm nhí, bịa đặt. Đó là những thông tin hoàn toàn không có lợi cho giáo dục đạo đức, nâng cao nhận thức ; không vì Chân, Thiện, Mỹ.

Một biểu hiện khác của khuynh hướng thương mại hóa trong hoạt động báo chí là tình trạng quảng cáo quá nhiều ; hình ảnh, lời thuyết minh quảng cáo không phù hợp với chất lượng có thực của sản phẩm, hoặc không phù hợp với tâm lý, thẩm mỹ, truyền thống văn hóa dân tộc.

Trong nền kinh tế thị trường, quảng cáo là hoạt động không thể thiếu được. Nó cần thiết cho cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng. Qua quảng cáo, báo chí và người đọc, người xem cũng có phần được lợi, nhưng điều cần thiết là không được chạy theo quảng cáo để thu lợi bất chính. Đáng tiếc là quảng cáo trên báo chí đang bị lạm dụng và có cả biểu hiện tiêu cực do khuynh hướng thương mại hóa chi phối.

Nói khuynh hướng thương mại hóa không thể không kể đến hiện tượng một số cơ quan báo chí và một số người làm báo buông lỏng kiểm tra, quản lý, đã để cho "đầu nậu" hoặc một nhóm người chi phối nội dung tờ báo, đặc biệt là các phụ trương, phụ bản, đặc san... đăng các tin bài chỉ nhằm "câu" khách, chạy theo số lượng phát hành hoặc tính toán lỗ, lãi đơn thuần về kinh tế.

Một biểu hiện khá phổ biến ở nhiều tờ báo là sự xa rời tôn chỉ, mục đích và đối tượng phát hành đã được quy định trong giấy phép. Có hai nguyên nhân chủ yếu dẫn tới tình trạng này. Một mặt, nó cũng do khuynh hướng thương mại hóa chi phối. Nhưng mặt khác đáng quan tâm hơn là sự coi nhẹ tính chính trị, tư tưởng và tính chiến đấu của báo chí, như thường né tránh, hoặc đề cập rất qua loa, hời hợt các sự kiện, tin tức chính trị, những vấn đề có tính giáo dục, nêu gương người tốt, việc tốt, v.v... trong khi lại hết sức tranh thủ khai thác các đề tài giật gân, "câu" khách, thậm chí là các đề tài không có lợi.

Biểu hiện xa rời tôn chỉ, mục đích và đối tượng còn thể hiện ở chỗ ít phản ánh các đề tài chủ đạo, trọng tâm, những vụ việc, tình hình của giới, của ngành, của địa phương và tờ báo có trách nhiệm làm người tuyên truyền, hướng dẫn, phát ngôn, trong khi lại đăng quá nhiều tin, bài dịch của báo chí nước ngoài hoặc các vụ việc của địa phương khác, ngành khác... Hiện tượng đó nhiều người gọi là bỏ việc chính, làm việc phụ ; bỏ sân nhà chạy sang "đá" sân người khác.

Một hiện tượng mà dư luận xã hội tỏ ra lo lắng và đòi hỏi ở các nhà báo là phải tiến hành chống tiêu cực, làm trong sạch đội ngũ của mình. Bên cạnh số đông các nhà báo có ý thức trách nhiệm cao, có lương tâm, đạo đức trong sáng, được đông đảo nhân dân tin cậy và yêu mến, đã xuất hiện một số nhà báo có các hành vi tiêu cực, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, làm tổn hại đến uy tín, danh dự của báo chí. Trong đội ngũ 7500 nhà báo đã được cấp thẻ, có rất nhiều người quần chúng sẵn lòng trao gửi niềm tin. Nhưng tiếc thay, cũng đã có những người lợi

Digitized by Google

dụng hoạt động báo chí và danh hiệu nhà báo để làm những điều sai trái như dọa dẫm, đòi tiền. Khen, chê mang tính vụ lợi, cố ý thông tin sai sự thật vì động cơ sai trái... Có một số nhà báo tiêu cực đã liên kết, móc nối với nhau và móc nối với những người tiêu cực thuộc các ngành, các lĩnh vực khác để vu cáo, đả kích người này, đề cao, tâng bốc người kia hoặc rủ nhau đi "đánh quả". Những biểu hiện trên, tuy chỉ trong một bộ phận nhỏ, nhưng ảnh hưởng, tác động của nó trên các phương tiện truyền thông đại chúng, nên hậu quả không nhỏ, khiến những người tốt, trung thực bất bình, lo lắng.

Bạn đọc có thể thông cảm vì sơ suất mà trên báo chí có những thông tin không chính xác. Nhưng điều mà nhiều người không đồng tình là thái độ "cửa quyền" của một số người phụ trách báo chí. Thông tin sai mà không cải chính, không tôn trọng quyền trả lời theo đúng Luật báo chí, hoặc, cải chính không nghiêm túc. Một số tờ báo sử dụng hình thức "Đọc lại cho đúng" để bào chữa cho việc thông tin sai của mình. Và khi "đọc lại" vẫn tiếp tục sai !

Cuộc sống vốn phong phú, đa dạng và không ít việc vô cùng phức tạp. Người làm báo khó nắm bắt chính xác được mọi khía cạnh của các sự kiện, các hiện tượng của đời sống xã hội. Hơn nữa, sứ mạng báo chí yêu cầu phải nhanh chóng, kịp thời. Nghề nghiệp báo chí đòi hỏi người làm báo không ngừng rèn luyện, không chỉ nhanh mà còn phải nhạy, không chỉ khẩn trương, xông xáo mà còn phải rất sáng suốt. Xã hội còn đòi hỏi nhà báo phải có lương tâm, trách nhiệm và đạo đức. Ngoài những điều theo quy định của pháp luật, được phép hay không được phép, còn có rất nhiều điều phải xem xét nên hay không nên. Đó cũng là lý do mà Đại hội lần thứ VI Hội Nhà báo Việt Nam nhất trí thông qua Quy ước về đạo đức báo chí Việt Nam.

*

* *

Với từng thời điểm và với từng cơ quan báo chí, bạn đọc có thể nói về những ưu điểm và khuyết điểm khác nhau. Những vấn đề được đề cập trong bài viết này là việc cố gắng thu gọn và rút ra những gì là chung nhất.

Trong sự nghiệp đổi mới, báo chí đã có những đóng góp xứng đáng, làm tốt vai trò là ngọn cờ tư tưởng của Đảng, diễn đàn của nhân dân, góp phần tăng cường ổn định chính trị, tạo ra bầu không khí dân chủ, cởi mở trong xã hội ; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của nhân dân ; biểu dương người tốt, việc tốt ; đấu tranh phê phán các hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội ; phản công lại các luận điệu tuyên truyền thù địch ; mở rộng quan hệ, hợp tác với bạn bè trên thế giới ; nội dung, chất lượng, hình thức thông tin ngày càng phong phú, đa dạng, hấp dẫn. Những thành tựu đó được Đảng và nhân dân ta đánh giá cao.

Xuất phát từ đòi hỏi của tình hình nhiệm vụ mới đối với sự nghiệp phát triển báo chí, Báo cáo Chính trị tại Đại hội VIII của Đảng nhấn mạnh : "Phát triển đi đôi với quản lý tốt mạng lưới thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, điện ảnh và các hình thức nghệ thuật khác. Sớm hoạch định một chiến lược quốc gia về thông tin ; coi trọng việc nâng cao chất lượng thông tin đại chúng, tính chân thật, tính chiến đấu và tính đa dạng của thông tin ; coi trọng việc phát hiện và đề cao các nhân tố mới, đồng thời với việc phát hiện và phê phán các hiện tượng tiêu cực. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại"(1).

Chúng ta sắp tiến hành tổng kết công tác báo chí, xuất bản sau 5 năm thực hiện Chỉ thị 08 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII). Đây sẽ là dịp đánh giá sâu sắc và toàn diện lĩnh vực hoạt động cực kỳ quan trọng này. Trên cơ sở những kết luận mới và căn cứ vào nhiệm vụ, phương hướng phấn đấu của báo chí theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng ; trên cơ sở ra sức phát huy những thành tích và ưu điểm đã đạt được, kiên quyết khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm đang tồn tại cùng với những kinh nghiệm quý báu tích lũy được trong công tác lãnh đạo và quản lý báo chí, chúng ta tin rằng, báo chí sẽ có những đóng góp ngày càng to lớn hơn ; xứng đáng với niềm tin và sự mong đợi của Đảng và của nhân dân. ❑

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1996, tr 111 - 112

Digitized by Google

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

NGUYỄN VĂN THẢO *

Thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương lần thứ 8 khóa VI, vào những năm cuối của thập kỷ 80 (1986 - 1990) công cuộc cải cách kinh tế theo hướng xây dựng một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã bắt đầu có nhiều chuyển biến đáng khích lệ.

Vào thời điểm sau đó (1991 - 1992), Chính phủ đã thảo luận một chương trình tổng quát về cải cách hành chính để thúc đẩy thêm cải cách kinh tế, phát huy một bước nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đã quyết định một chương trình trước mắt tập trung vào khâu cải cách thủ tục hành chính, chú trọng tới các thủ tục trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh, lấy đó làm khâu đột phá để thực hiện các khâu khác trong chương trình cải cách hành chính.

Điều gì đã xuất hiện đòi hỏi bức xúc phải tiến hành cải cách hành chính ?

Trước hết, công cuộc cải cách kinh tế đã làm *xuất hiện các nhân tố mới.*

Sau vài năm thực hiện cải cách kinh tế, đã xuất hiện những nhân tố, tạo nên một áp lực đòi hỏi phải tiến hành đồng thời với cải cách kinh tế một cuộc cải cách về hành chính. Những nhân tố đó *có mặt tích cực* và cũng *có mặt tiêu cực.*

Sự chủ động và tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp nhà nước, sự đa dạng của các thành phần kinh tế, trong đó đã xuất hiện cả thành phần kinh tế tư nhân và tư bản nước ngoài làm cho các cơ quan hành chính, mà chủ yếu là các bộ, các ủy ban nhân dân địa phương và các cơ quan chuyên môn của ủy ban bị vượt khỏi tầm nhìn, năng lực quản lý và điều hành so với yêu cầu mới của nền kinh tế đã có một khoảng cách.

Một số cơ quan hành chính của nhà nước, trường đại học, viện khoa học, quân đội, công an, các đoàn thể, Mặt trận, Công đoàn, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, các hội đã tham gia vào hoạt động kinh doanh dưới nhiều hình thức, đan xen, hỗ trợ lẫn nhau, doanh nghiệp công liên kết với doanh nghiệp tư, làm cho các hoạt động sản xuất kinh doanh phong phú và tấp nập, đồng thời cũng làm cho sự quản lý của các cơ quan nhà nước phức tạp, khó khăn hơn trước nhiều. Các hiệp hội phi chính phủ, các tổ chức nhân đạo xuất hiện, một số vừa hoạt động xã hội, vừa hoạt động kinh doanh đã nhân lên tính phức tạp của thị trường và tình trạng kém hiệu lực của hành chính trong quản lý nền kinh tế.

Một số cán bộ, nhân viên nhà nước, quân đội đã nghỉ hưu hoặc chưa đến tuổi nghỉ, ra khỏi cơ quan, quân đội, lập nên các công ty, trong số này có nhiều cán bộ cao cấp, cả những người đã làm giám đốc các doanh nghiệp nhà nước, nhiều người đã thành chủ cửa hàng, giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn. Tình hình trên đây chứa đựng nhiều yếu tố tích cực cũng chứa đựng *nhiều điều đáng lo ngại đối với nền hành chính nhà nước.*

Trước hết, đó là tình trạng *không biết quản lý* nền kinh tế thị trường của một số đông cán bộ hành chính các cấp dẫn đến cả hai khuynh hướng buông lỏng sự quản lý và hạn chế sự phát triển kinh tế.

---

* Phó chủ tịch Hội đồng khoa học, Bộ Tư pháp

Digitized by Google

Tình trạng *lạm dụng quyền lực hành chính* - các viên chức hành chính ở các cấp đã lợi dụng thẩm quyền của mình để sách nhiễu, tham nhũng trong các lĩnh vực mà họ có thể làm được đối với các doanh nghiệp như cấp giấy phép, cho đăng ký, chứng thực, cấp vốn, phân bổ kế hoạch, thi cử, kiểm tra trật tự, cưỡng chế v.v..

Vấn đề bức bối khác của nền hành chính nhà nước là *sự gặm nhấm tài sản của nhà nước, bòn rút ngân sách dưới nhiều hình thức và việc các công ty tư nhân trong và ngoài nước núp bóng quốc doanh, dưới sự che chở của cơ quan hành chính* và một số quan chức chính quyền để làm những điều sai trái.

Tình trạng *tập trung quan liêu* của cấp hành chính trung ương đối với cấp tỉnh trong một số lĩnh vực, đồng thời *tình trạng phân tán*, do địa phương có quá nhiều quyền hành trong một số lĩnh vực cũng là những điều rất đáng quan tâm.

Tệ quan liêu trong hệ thống bộ máy với tệ quan liêu đối với nhân dân thường đi liền với nhau. Các thủ tục hành chính mà người dân phải thực hiện hết sức phiền hà, rắm rối, phức tạp tạo nên những bất bình không đáng có trong nhân dân.

Thực trạng đó, đòi hỏi bức bách phải cải cách hành chính để tạo nên một nguồn lực cho sự phát triển đất nước, cả kinh tế, xã hội và các lĩnh vực khác.

Chương trình tổng quát về cải cách hành chính được Chính phủ quyết định bao gồm 3 điểm lớn và 7 nhiệm vụ chung.

Ba điểm đó là cải cách thể chế, cải cách bộ máy hành chính, cải cách hệ thống công vụ. Dựa vào đó đã có một chương trình 7 nhiệm vụ :

- Cải cách thủ tục hành chính, giảm các thủ tục phiền hà trong các lĩnh vực quản lý hành chính, xem đây là khâu đột phá để giải quyết các nhiệm vụ khác ;
- Sắp xếp cơ cấu chính phủ và cơ cấu các bộ ;
- Thực hiện sự phân quyền đối với chính quyền địa phương ;
- Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ viên chức cốt cán ;
- Xây dựng quy chế viên chức và chế độ công vụ. Chấn chỉnh cách làm việc ở công sở ;
- Thiết lập tòa án hành chính ;
- Tăng cường quản lý tài chính công.

Cải cách thể chế :

Thể chế hành chính được thể hiện trong Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh và các văn bản pháp quy hành chính tạo ra khuôn khổ pháp lý cho các cơ quan hành chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

Cải cách thể chế hướng vào hai yêu cầu cơ bản nhằm giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nhà nước với nhân dân, giữa nhà nước với kinh tế thị trường :

Một là, xây dựng thể chế của nền hành chính dân chủ thực hiện quyền lực của dân, phục vụ lợi ích và đáp ứng nguyện vọng của dân, phát huy trí tuệ của dân, đòi hỏi nghĩa vụ ở dân và thiết lập trật tự, kỷ cương theo pháp luật trong đời sống xã hội.

Hai là, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường nhiều thành phần, thúc đẩy sự hình thành đồng bộ và vận hành thông suốt các yếu tố của thị trường, tạo sự thích ứng về thể chế đối ngoại với luật pháp và tập quán quốc tế.

Cải cách thủ tục hành chính được coi là khâu đột phá, vừa nhằm giải quyết một lĩnh vực nóng bỏng, đụng chạm trực tiếp đến nhân dân và các doanh nghiệp, vừa thông qua việc rà soát thủ tục mà phát hiện những chỗ cần đổi mới trong thể chế tổ chức bộ máy, quy chế làm việc và phối hợp giữa các cơ quan hành chính.

Chính phủ đã quyết định ban hành *thủ tục hành chính mới* trong nhiều lĩnh vực trọng điểm là : thủ tục đầu tư của người nước ngoài ; xuất nhập cảnh ; cấp giấy phép xây dựng và quyền sử dụng đất xây dựng ; khiếu nại, tố cáo của công dân, lĩnh vực hải quan, thủ tục thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh của các loại doanh nghiệp và một số thủ tục thuộc các lĩnh vực khác.

Cơ cấu tổ chức bộ máy chính phủ được điều chỉnh theo hướng giảm số cơ quan quản lý chuyên ngành trên cơ sở xóa bỏ dần cơ chế "chủ

Digitized by Google

quản" đối với doanh nghiệp nhà nước, tạo các chức năng quyền hạn mới cho các bộ.

Tiền đề cho việc điều chỉnh này là sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, thành lập một số tổng công ty và điều quan trọng phải làm tiếp là phân định những doanh nghiệp hoạt động hoàn toàn theo cơ chế kinh doanh và những doanh nghiệp làm chức năng dịch vụ công ích. Trên cơ sở đó, quy định chức năng quản lý của các bộ đối với từng loại doanh nghiệp, chấm dứt cơ chế "chủ quản" đối với các doanh nghiệp hoạt động hoàn toàn theo cơ chế kinh doanh.

Chính phủ đã sắp xếp các cơ quan trực thuộc trình Quốc hội hợp nhất một số bộ và cơ quan ngang bộ. Số lượng các bộ, cơ quan trực thuộc từ con số trên 40 nay còn 22 bộ, và một số cơ quan trực thuộc. Cơ cấu tổ chức bộ máy của từng bộ cũng đang được điều chỉnh hợp lý, khắc phục sự trùng chéo giữa các cục, vụ.

Cùng với việc điều chỉnh tổ chức, Chính phủ đang nghiên cứu vấn đề tăng cường trách nhiệm và thẩm quyền của bộ trưởng, thực hiện quy chế phối hợp giữa các bộ trong việc nghiên cứu, giải quyết những vấn đề có tính liên ngành, khắc phục tình trạng đùn đẩy công việc thuộc trách nhiệm và thẩm quyền giữa bộ và chính quyền địa phương trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước phù hợp với đặc điểm từng ngành. Trên cơ sở đó sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn thuộc chính quyền địa phương.

Quan hệ trung ương, địa phương trong hệ thống chính quyền là vấn đề lớn và phức tạp cả về lý luận và thực tiễn. Đã ban hành Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và các Pháp lệnh về chức năng quyền hạn Hội đồng nhân dân mỗi cấp, Luật về ngân sách, tạo nên khả năng vừa tập trung thống nhất vào sự quản lý của Chính phủ vừa phân quyền đầy đủ, cụ thể cho chính quyền mỗi cấp.

Vấn đề quản lý đô thị của các cấp chính quyền được đặt ra nghiên cứu một cách toàn diện để quản lý tốt hơn các đô thị trong điều kiện xu thế đô thị hóa đang phát triển.

Quy chế công chức và chế độ công vụ :

Những quy chế này đang được chuẩn bị để Quốc hội ban hành, làm cơ sở cho việc hoàn thiện hệ thống ngạch, bậc, tiêu chuẩn chức danh để đưa dần vào quy củ việc tuyển dụng, đề bạt, đào tạo, đãi ngộ nhằm xây dựng đội ngũ công chức.

Dựa vào quy chế của Quốc hội, Chính phủ sẽ ban hành quy chế tuyển dụng công chức qua thi tuyển hoặc kiểm tra sát hạch đối với người mới vào làm việc, người được đề bạt chức vụ.

Đi đôi với quy chế công chức, đang xây dựng chế độ công vụ theo nguyên tắc "công chức nhà nước chỉ được làm những việc do pháp luật quy định và cho phép".

Đào tạo lại công chức :

Chính phủ đang chỉ đạo việc soát xét đội ngũ công chức, bồi dưỡng và sắp xếp lại theo tiêu chuẩn chức danh và đang nghiên cứu chính sách giải quyết thỏa đáng đối với những người không đủ tiêu chuẩn và không có khả năng vươn lên. Kiên quyết sa thải những công chức thoái hóa, biến chất. Tăng cường biện pháp và phối hợp lực lượng đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí của công, cửa quyền ; làm trong sạch đội ngũ gắn với việc chấn chỉnh bộ máy hành chính và chỉnh đốn Đảng trong cơ quan hành chính ; tập trung chỉ đạo ở những điểm nóng nhất.

Chính phủ đang chỉ đạo việc sắp xếp lại hệ thống đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo công chức hành chính theo ngạch, và triển khai nhanh việc bồi dưỡng đội ngũ công chức trong một chương trình thống nhất do Ban tổ chức cán bộ Chính phủ và Học viện hành chính quốc gia phụ trách.

Cùng với việc xây dựng chế độ công vụ, một *quy chế công sở* áp dụng chung cho các công sở ở trung ương và địa phương đang được xây dựng.

Tòa án hành chính đã được Quốc hội quyết định thành lập từ cuối năm 1995 và bắt đầu hoạt động từ 1-7-1996. Học viện hành chính quốc gia và trung tâm đào tạo bồi dưỡng thẩm phán đã bồi dưỡng được 700 thẩm phán đương chức tại các tòa án để chuẩn bị cho hoạt động của Tòa án hành chính. Sắp tới sẽ tiến hành một đợt đào tạo các cử nhân luật mới ra trường, học các kiến thức

Digitized by Google

về tài phán hành chính để bổ sung cho Tòa án hành chính.

Nhìn tổng quát, chúng ta đã có nhiều tiến bộ đáng kể xét về mặt khả năng quản lý một nền kinh tế thị trường mở cửa. Những kiến thức và hiểu biết về hoạt động của nền kinh tế thị trường có thể làm cho những hoạt động hành chính tăng lên nhanh chóng. Chất lượng của việc lập kế hoạch, quản lý kinh tế và khả năng đưa ra những chính sách phù hợp, những quy định pháp luật có chất lượng được cải thiện. Tuy nhiên, cải cách kinh tế đã đi nhanh hơn cải cách hành chính, điều đó đặt ra những thách thức mới đối với chúng ta.

Tiếp tục tiến hành cải cách hành chính trong những năm tới.

Dựa vào Nghị quyết Trung ương lần thứ 8 (khóa VII) và Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, chương trình cải cách hành chính được tiếp tục, đặt ra trên *3 điểm* lớn :

+ Cải cách thể chế
+ Cải cách bộ máy
+ Cải cách công vụ

Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII) sắp tới sẽ dựa vào Nghị quyết Đại hội VIII để lựa chọn những việc then chốt, những "nút", những khâu quan trọng có khả năng tạo ra những chuyển biến mới trong nền hành chính nhà nước.

Những diễn biến mới, khả năng và những thách thức mới sau 5 năm thực hiện cải cách hành chính phải được đánh giá đầy đủ và sâu sắc để hoạch định một tiến trình cải cách có hiệu quả và có khả năng thực thi.

Thách thức mới của tiến trình cải cách hành chính và sự lựa chọn của chúng ta là :

1/ Đằng sau các thủ tục hành chính :

Khi tiến hành cải cách thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực, điều phát hiện ra nguyên nhân của những thủ tục phiền hà, rắc rối lại không phải là do chính bản thân các thủ tục đó, do những cơ quan đưa ra các thủ tục đó quan liêu, thiếu kiến thức mà là do một công việc có quá nhiều cơ quan tham gia giải quyết, công việc cơ quan này trùng lắp với cơ quan khác, nhiệm vụ chức năng chồng chéo, dẫm đạp lên nhau. Việc cho phép một doanh nghiệp, công ty trong nước hoặc nước ngoài kinh doanh phải qua nhiều cơ quan mà xét về trách nhiệm cũng như về thực tế thì có cơ quan không cần tham gia vào quá trình xét duyệt.

Bên cạnh nguyên nhân về sự trùng lắp chức năng của bộ máy, còn một nguyên nhân khác, *hết sức cơ bản và quan trọng* là vấn đề lợi ích của các nhân viên phụ trách thực hiện thủ tục hành chính. Nhiều cơ quan trùng lắp chức năng thì càng nhiều thủ tục rối rắm, chồng chéo, phức tạp, tạo nên sự phiền hà càng lớn đối với nhân dân. Họ chỉ còn biết nhờ vả các nhân viên hành chính có thẩm quyền, rút cục lại, đằng sau sự nhờ vả đó là lợi ích của những nhân viên đó.

Vấn đề được đặt ra là liệu những người có lợi ích trong việc thực hiện những thủ tục phiền hà lại có thể dũng cảm thay đổi thủ tục, thi hành nghiêm chỉnh những quyết định cải cách thủ tục của Chính phủ ?

Đó là một thách thức không nhỏ của tiến trình cải cách hành chính.

2/ Sự quá tải của nhà nước :

Sự hình thành các thành phần kinh tế và việc mở rộng quyền tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp nhà nước đã làm cho nền kinh tế có những khởi sắc, đời sống kinh tế - xã hội phát triển, mức sống nhân dân ở một số vùng được cải thiện rõ rệt.

Một số doanh nghiệp nhà nước đã kinh doanh tốt trong điều kiện của cơ chế thị trường, nhưng cũng không ít doanh nghiệp thua lỗ, nợ nần kéo dài, sản phẩm không tiêu thụ được, tình trạng thất thoát tài sản và công quỹ rất lớn. Số khác đang dẫm chân tại chỗ, không phát triển, không có công ăn, việc làm cho công nhân.

Nhà nước đang phải chịu một gánh nặng lớn, tiếp sức cho các doanh nghiệp đó, mặc dù nhiều cơ quan đã thấy trước tình trạng "kiệt sức" của số doanh nghiệp này.

Chất lượng lãnh đạo và quản lý nhà nước của cơ quan hành chính đối với các doanh nghiệp này lại như trở về thời kỳ bao cấp, đổ tiền, đổ của, đổ tài sản, ra lệnh ngân hàng cho vay, xem như là biện pháp cơ bản để cứu quốc doanh thua lỗ.

Digitized by Google

Thực tế, cỗ xe kinh tế quốc doanh đang bị quá tải, vì trên cỗ xe đó có quá nhiều "doanh nghiệp ký sinh".

Một tình trạng quá tải khác, mới xuất hiện trong vài năm gần đây là phong trào xây dựng trụ sở hành chính và mua sắm xe ôtô công loại sang. Diện tích trụ sở hành chính hiện có tuy chưa sử dụng hết nhưng vẫn tiếp tục xây mới với nội thất đắt tiền, kể cả cơ quan ở cấp tỉnh, đô thị.

Những lĩnh vực "tiêu tiền như nước" quá mức cần thiết làm tăng thêm tình trạng thâm hụt ngân sách, cũng ở đó các hiện tượng tiêu cực dễ dàng xuất hiện.

Các biện pháp cải cách kinh tế và cải cách hành chính đang cố gắng cải thiện tình hình ở những khâu kể trên, nhất là đối với doanh nghiệp nhà nước, nhưng gặp nhiều khó khăn, trong đó có những khó khăn của cơ chế cũ để lại, những khó khăn về cách xem xét và các giải pháp đối với quốc doanh còn có chỗ khác nhau. Tìm ra một giải pháp nào để có thể có được sự đồng thuận chung là điều rất đáng mừng, nhưng đôi khi lại ít đem lại hiệu quả mong muốn.

3/ Nhiều cơ chế không chính thức :

Trong hầu hết các ngành, các cấp của hệ thống hành chính, bên cạnh những cơ chế vận hành được quy định chính thức có khá nhiều "cơ chế ngầm", cơ chế tự đặt ra của mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức trong đó có những cơ chế rất có hiệu lực trong thực tế.

Tình trạng này không phải chỉ có ở các cơ quan quản lý kinh tế của nhà nước mà còn phổ biến ở các bệnh viện, trường học, cơ quan văn hóa, các cơ quan thuần túy hành chính.

Trong những "cơ chế ngầm" này, đáng chú ý là chúng ta có thể tìm thấy những hạt nhân hợp lý giống như một thời kỳ chúng ta đã tổng kết sự sáng tạo của nhân dân trong cơ chế quản lý nông nghiệp, công nghiệp.

Có hai việc phải làm trong việc *tìm kiếm những cơ chế vận hành cụ thể có hiệu ích :*

- Đánh giá cơ chế vận hành chính thức hiện nay của mỗi lĩnh vực, mỗi ngành, mỗi cấp, tìm ra mặt còn hợp lý, mặt không thích hợp.

- Đánh giá cơ chế vận hành không chính thức đang tồn tại ở các tổ chức cơ quan, đơn vị, từ đó xem có điểm nào hay, điểm nào tốt đưa vào cơ chế chính thức.

Điều này rất quan trọng cho việc tìm kiếm cơ chế vận hành mới, vì bất cứ một tổ chức thuộc ngành nào, cấp nào đều có hai cơ chế song song, trên thực tế mỗi cơ chế, cả chính thức và không chính thức đều có mặt hợp lý và không hợp lý, tích cực và tiêu cực.

Chủ trương về "xã hội hóa" trong hoạt động của một số ngành, một số lĩnh vực ghi trong Nghị quyết của Đại hội lần thứ VIII của Đảng mở cho cải cách hành chính các khả năng và điều kiện mới, tạo ra nhiều cơ chế mới sẽ xuất hiện.

Khu vực dân lập trong lĩnh vực giáo dục, y tế, và một số lĩnh vực khác sẽ phát triển, làm giảm bớt gánh nặng ngân sách của nhà nước. Nhà nước sẽ có nhiều điều kiện làm cho khu vực quốc lập kỷ luật và chất lượng công việc tốt hơn, các hiện tượng tiêu cực từng bước được ngăn chặn.

Xã hội hóa đang tạo ra những triển vọng rất lớn cho cải cách hành chính như : những triển vọng làm giảm nhẹ bộ máy hành chính, nhà nước và nhân dân cùng nhau sát cánh thực hiện các nhiệm vụ của xã hội.

Vấn đề đặt ra là phải biết lựa chọn thực hiện xã hội hóa ở những lĩnh vực nào có nhiều khả năng thực thi và được sự đồng thuận của các cơ quan và nhân dân.

4/ Vai trò, chức năng của Chính phủ và hệ thống hành chính :

Kinh tế thị trường đã làm thay đổi vai trò và chức năng của Chính phủ, của chính quyền địa phương trong quản lý kinh tế - xã hội, vai trò "chủ quản" đối với doanh nghiệp nhà nước, những thay đổi về hệ cấp thẩm quyền trong hệ thống hành chính.

Hệ cấp thẩm quyền hành chính, vị trí của hội đồng nhân dân, sự phân cấp đích thực cho chính quyền địa phương, cách tổ chức và quản lý các đô thị cũng đang là những vấn đề cấp bách của cải cách hành chính, cần đặt ra trong tiến trình cải cách những năm tới. ❑

Digitized by Google

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

LÊ VĂN YÊN *

Đoàn kết quốc tế là một tư tưởng lớn trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Thực tiễn cách mạng nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chứng minh tư tưởng đoàn kết quốc tế của Người đã trở thành tài sản tinh thần quý báu của Đảng và dân tộc. Tình hình thế giới và trong nước ở thời điểm tiếp nối giữa hai thiên niên kỷ có những chuyển biến nhanh chóng và sâu sắc. Sự hội nhập, liên kết, hợp tác và đấu tranh kinh tế giữa các nước trong mối quan hệ đa phương, đa cực vừa tạo ra những thuận lợi, vừa làm nảy sinh những khó khăn, thử thách gay gắt,vừa là thời cơ, vừa là nguy cơ đối với các quốc gia dân tộc. Tình hình trên đặt ra cho Đảng và dân tộc ta những vấn đề lớn trong việc phát triển đất nước trong xu thế chung của thế giới. Một trong những nội dung quan trọng trong giai đoạn hiện nay là vận dụng tư tưởng đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh một cách sáng tạo và phù hợp.

Trước hết, phải xác định rõ *mục tiêu đoàn kết* trong giai đoạn hiện nay của cách mạng nước ta. Mỗi giai đoạn cách mạng có một mục tiêu chiến lược. Mục tiêu đó quy định toàn bộ nội dung, phương pháp hoạt động của một chính đảng, một nhà nước. Suốt đời, Hồ Chí Minh dành phần lớn trí tuệ, tâm sức của mình và hướng sự nỗ lực trên phạm vi quốc gia và quốc tế cho mục tiêu độc lập, tự do dân tộc và đoàn kết, hữu nghị, bình đẳng tôn trọng lẫn nhau giữa các nước và các dân tộc trên thế giới. Trước lúc đi xa, Người còn căn dặn lại "*toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu* xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".

Hiện nay, đất nước ta đã chuyển sang giai đoạn mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh phải được coi là mục tiêu hàng đầu. Do vậy, cần khai thác mọi khả năng có thể có trên phạm vi quốc gia và quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, với những quan hệ đa chiều nhằm xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Từ mục tiêu đó, chúng ta phải gắn kết lợi ích dân tộc với lợi ích quốc tế, phải có những chủ trương, chính sách đúng đắn mới có thể tranh thủ và tận dụng được mọi khả năng, cơ hội để phát triển. Nếu như đối tượng đấu tranh trước đây là bọn thực dân, đế quốc xâm lược, thì đối tượng đấu tranh hiện nay là đói nghèo và lạc hậu. Những thập kỷ trước, Hồ Chí Minh đã khơi dậy được ở dân tộc Việt Nam và các dân tộc thuộc địa nỗi nhục mất nước, nỗi đau nô lệ, làm bừng lên ý chí độc lập, tự do, đánh thắng đế quốc, thực dân, phá sập hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc ; thì ngày nay chúng ta cần khơi dậy ở dân tộc ta cũng như các dân tộc khác nỗi nhục đói nghèo, nỗi đau lạc hậu, tăng cường tinh thần đoàn kết, hợp tác giữa các dân tộc cùng vươn tới hòa bình, ấm no, hạnh phúc và văn minh trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, cùng có lợi, chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa cường quyền, của sự can thiệp và áp đặt từ bên ngoài. Đã đến lúc, bằng mọi cách, bằng mọi kênh thông tin, chúng ta phải tập trung làm rõ mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nắm chắc mục tiêu đó, cần triển khai đồng bộ các chính sách, các giải pháp trên cả bình diện quốc gia và quốc tế về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế để làm cho mục tiêu sống động đó thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm

* PTS khoa học lịch sử, Nxb Chính trị quốc gia

Digitized by Google

và suy nghĩ của mọi người Việt Nam và bạn bè quốc tế.

Thứ hai, đoàn kết là phải *hội nhập với cộng đồng quốc tế*, vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình. Một quan điểm lớn trong tư tưởng đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh là coi cách mạng một nước là một bộ phận của cách mạng thế giới. Nhiều lần Người nói, cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, ai làm cách mạng trong thế giới đều là bạn của Việt Nam. Hoạt động đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh trước đây là gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, đặt cách mạng Việt Nam trong mối quan hệ quốc tế, tranh thủ được sự giúp đỡ quốc tế. Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám (1945) không lâu, Người đã nêu rõ : Việt Nam muốn "làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai" (1). Như thế, quan điểm mở cửa, hội nhập với thế giới, làm bạn với các nước đã có ở Hồ Chí Minh từ rất sớm. Trong giai đoạn hiện nay, vận dụng quan điểm đó của Người, chúng ta mở cửa, hội nhập, là bạn với tất cả các nước phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, với phương châm đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ quốc tế. Đa dạng hóa là triển khai hợp tác nhiều lĩnh vực, cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, cả về mặt đảng, nhà nước và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ với nhiều hình thức linh hoạt, trong đó kinh tế là ưu tiên. Đa dạng hóa quan hệ với các nước để phát triển nhanh kinh tế, rút ngắn khoảng cách với các nước tiên tiến, tránh tụt hậu, bảo đảm ổn định chính trị và an ninh quốc gia. Đa phương hóa quan hệ quốc tế là mở rộng quan hệ với tất cả các nước vì lợi ích hòa bình, độc lập và phát triển, chú trọng phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng và trong khu vực, tạo môi trường hòa bình và ổn định lâu dài cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đa phương hóa quan hệ quốc tế, chúng ta cần coi trọng mở rộng quan hệ với các nước lớn, các trung tâm chính trị, kinh tế lớn, các tổ chức quốc tế có tính toàn cầu..., vì đó là những nhân tố có ảnh hưởng và tác động đáng kể đến an ninh và phát triển của khu vực và của nước ta.

Vận dụng tư tưởng đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh trong mở cửa và hội nhập với thế giới là phải giữ vững và phát huy được cốt cách và truyền thống Việt Nam, phải làm cho nhân tố Việt Nam phát huy trên trường quốc tế. Nâng cao uy tín Việt Nam đối với quốc tế, đồng thời phải bảo đảm các nguyên tắc : kết hợp lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi, bảo đảm độc lập, chủ quyền dân tộc. Những nguyên tắc này sẽ chỉ đạo toàn bộ quá trình giải quyết các mối quan hệ giai cấp và dân tộc, quốc gia và quốc tế ; cho phép tìm kiếm, phát huy cái thống nhất, cái tương đồng ; khắc phục cái mâu thuẫn, cái dị biệt, cùng các quốc gia phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Hội nhập với cộng đồng quốc tế, chúng ta chủ trương hướng tới tương lai, tạo nên sự tin cậy với các nước, nhất là những nước đã có thời kỳ quan hệ với Việt Nam không được trôi chảy. Nhưng chúng ta kiên định mục tiêu của nước ta và mục tiêu của thời đại, chống sự "hội nhập" vô nguyên tắc, hội nhập đi đến hòa tan, đánh mất chủ quyền và bản sắc dân tộc. Thế giới ngày nay đứng trước cuộc bàn giao thế kỷ, nhưng các giai cấp đối kháng vẫn tồn tại, vấn đề đấu tranh giai cấp và tính giai cấp trong quan hệ quốc tế vẫn tiếp tục dưới những hình thức và biểu hiện mới. Giữa các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau, quá trình hợp tác và đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình tiếp tục diễn ra. Vì lợi ích chung của cách mạng thế giới, Việt Nam góp phần cùng với nhân loại tiến bộ đấu tranh bảo vệ quyền lợi chính đáng của các dân tộc, đấu tranh cho hòa bình, ổn định và phát triển, chống lại mọi sự nô dịch, áp bức và bất công. Hiện nay, nổi lên vấn đề toàn cầu liên quan đến sự sống còn và phát triển của các quốc gia như : hòa bình, nguy cơ chiến tranh hạt nhân hủy diệt, môi trường sinh thái, dân số, đói nghèo, bệnh tật v.v.. Hội nhập với thế giới, Việt Nam tích cực tham gia vào việc giải quyết những vấn đề đó, vì đây vừa là nghĩa vụ quốc tế, vừa là nhiệm vụ dân tộc.

Thứ ba, nêu cao *tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường*. Đây là một quan điểm và nội dung quan trọng trong tư tưởng đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh. Những năm bôn ba tìm đường cứu nước và tạo dựng mối quan hệ đoàn kết quốc tế, với tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, Người đã

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1984, t4, tr 431

Digitized by Google

nắm được bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Người đã xây dựng được mối quan hệ quốc tế rộng lớn, làm hậu thuẫn vững chắc cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Thực tiễn cách mạng Việt Nam với việc kết hợp độc lập tự chủ, tự lực tự cường và đoàn kết quốc tế đã làm nên những thắng lợi vẻ vang trong cách mạng giải phóng dân tộc, góp phần vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới là xóa bỏ chủ nghĩa thực dân. Trước kia đã như vậy, hiện nay càng phải như vậy. Không ai nghĩ và làm thay cho chúng ta, không thể trông chờ viện trợ, cho không từ nước ngoài. Hiện nay, viện trợ, hợp tác, làm ăn với nhau đều phải "có đi có lại", "các bên cùng có lợi" và bình đẳng, nhất thiết không thể trông chờ vào "lòng tốt" của chủ nghĩa đế quốc. Chúng ta xây dựng đất nước giàu mạnh, phải bằng chính sức lực và trí thông minh của ta, cũng giống như trước đây Hồ Chí Minh đã căn dặn chúng ta "công việc của ta phải do ta làm lấy", "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta". Đương nhiên, chúng ta cần hiểu đúng tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường. Độc lập tự chủ không phải là biệt lập và cô lập, co mình lại, khép kín, không quan hệ, hẹp hòi, biệt phái. Trong giai đoạn hiện nay, không một nước nào có thể phát triển mà không mở cửa, hội nhập với thế giới. Trước đây, Hồ Chí Minh đã khéo kết hợp yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế để đấu tranh giành độc lập, tự do, ngày nay chúng ta cũng làm như vậy. "Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của mình, chúng ta phải đặc biệt coi trọng kết hợp các yếu tố dân tộc và quốc tế, các yếu tố truyền thống và thời đại, sử dụng tốt mọi khả năng mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật với bên ngoài để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, và luôn luôn làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình đối với các nước anh em và bầu bạn" (2). Nhưng càng mở rộng quan hệ đoàn kết quốc tế, hợp tác quốc tế, chúng ta càng phải giữ vững độc lập tự chủ, tự lực tự cường, không lệ thuộc, ỷ lại vào bên ngoài. Khai thác tối đa mọi lợi thế và nguồn lực của đất nước là điều kiện cơ bản để mở rộng quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế có hiệu quả. Có độc lập tự chủ mới đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế có hiệu quả ; đa dạng hóa, đa phương hóa tốt sẽ góp phần củng cố, tăng cường thế độc lập tự chủ của chúng ta. Đó là hai mặt của một vấn đề, chúng tác động qua lại và quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong giai đoạn hiện nay, vận dụng tư tưởng đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh, chúng ta phải coi trọng bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Thứ tư, xây dựng Đảng vững mạnh làm hạt nhân đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Đây là quan điểm và là nguyên tắc cực kỳ quan trọng trong tư tưởng đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh. 67 năm qua, Đảng ta đã thực hiện đúng tư tưởng đó, đã đáp ứng được những yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng đặt ra cho từng thời kỳ. Ngày nay, công tác xây dựng Đảng càng phải ngang tầm với những đòi hỏi của thời kỳ mới, tập trung ở hai vấn đề chủ yếu sau :

Trước đây, trong quá trình xây dựng Đảng ta, Hồ Chí Minh rất chú ý xây dựng *bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng.* Hiện nay, chúng ta đang thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường thì vấn đề trên lại càng phải được coi trọng. Trong điều kiện mở cửa và hội nhập với thế giới, chúng ta phải kiên định mục tiêu và con đường đã lựa chọn : độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đại hội VIII của Đảng một lần nữa khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Bởi vì, chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho đến nay vẫn là học thuyết cách mạng và khoa học của thời đại chúng ta, vẫn là vũ khí tinh thần của giai cấp công nhân. Tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì ấm no, hạnh phúc của nhân dân, vì hòa bình, hữu nghị giữa các dân tộc, vì sự phát triển các giá trị văn hóa và nhân văn của thời đại. Vì vậy, phải kiên định và vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát đầy đủ từ thực tiễn Việt Nam và tình hình quốc tế, trên cơ sở đó, xây dựng đường lối, chủ trương đoàn kết quốc tế một cách đúng đắn

(Xem tiếp trang 31)

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1987, tr 31

Digitized by Google

BÁC HỒ VỚI HỌC THUYẾT NHO GIÁO

LÊ VĂN QUÁN *

PHẢI thừa nhận rằng từ rất lâu Nho giáo đã ảnh hưởng rất sâu rộng ở một số nước phương Đông như Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên v.v. Thời phong kiến, Nho giáo được xem như là học thuyết cơ bản nhất để tổ chức bộ máy của triều đại, quản lý đất nước cũng như chi phối mọi quan hệ xã hội. Trong học thuyết của Nho giáo có những cái hay nhưng cũng có nhiều hạn chế lịch sử làm cản trở sự tiến bộ xã hội. Bác Hồ là người hơn ai hết ở Việt Nam rất am hiểu Nho giáo và vận dụng một cách tài tình những điều hay, những tinh hoa của nó vào điều kiện cách mạng nước ta. Bác đã nói rõ : "Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học" (1) Bác còn khẳng định thêm : " Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu thái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại. Lê-nin dạy chúng ta như vậy" (2).

1 - Vận dụng trong việc rèn luyện đạo đức cách mạng

Trong việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng của cán bộ, Bác Hồ nhiều lần nhắc đến : *nhân, nghĩa, trí, tín, liêm, trung, dũng* và *cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư.* Bác không hề nhắc đến chữ *"lễ"* theo quan điểm của học thuyết Nho giáo. Duy có một lần khi nói về tư cách người công an cách mạng Bác dùng từ *lễ phép* : "Đối với nhân dân phải kính trọng, lễ phép". Lễ phép mà Bác dùng ở đây hoàn toàn không mang tư tưởng lễ giáo phong kiến mà là sự tôn trọng lẫn nhau trong quan hệ ứng xử theo truyền thống của dân tộc Việt Nam : mình tôn trọng người, người tôn trọng mình. Nói về nguyên tắc đạo lý, Bác thường trích dẫn những câu của Nho giáo với tư tưởng tích cực như "kỷ sở bất dục vật thi ư nhân". Nghĩa là "điều mà mình không muốn thì đừng làm cho người khác". Hay câu "tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc". Nghĩa là "lo thì lo trước mọi người, vui thì vui sau mọi người". Để mọi người hiểu đúng khi vận dụng học thuyết Nho giáo về đạo đức, Bác Hồ thường giải thích và uốn nắn rất cụ thể. Chẳng hạn, khi nói về đạo trung, đạo hiếu, Bác giải thích : "ngày xưa *trung* là trung với vua, *hiếu* là hiếu với cha mẹ mình thôi. Ngày nay, nước ta là dân chủ cộng hòa... *Trung* là trung với Tổ quốc, Hiếu là hiếu với nhân dân, ta thương cha mẹ ta, mà còn phải thương cha mẹ người, phải làm cho mọi người đều biết thương cha mẹ" (3).

Đạo đức cách mạng không phải là cái gì chung chung, mơ hồ, mà được Bác giải thích cụ thể là các đức tính *cần, kiệm, liêm, chính.* Trong buổi nói chuyện với nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Bác nói : "một bên cần, một bên kiệm, ở ta nó là mới nhưng thực ra nó rất xưa, ở sách đại học có câu : làm ra nhiều, tiêu thì ít, làm chóng tiêu chậm, tức là đầy

---

* PGS, PTS Đại học quốc gia Hà Nội

(1), (2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1985, t5, tr 368.

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 243

Digitized by Google

đủ". Câu nói này Bác dựa theo đạo Nho : "sinh tài hữu đại đạo : sinh chi giả chúng, thực chi giả quả, vi chi giả tật, dụng chi giả thủ, tắc tài hằng tác kỷ". Nghĩa là : muốn làm ra tiền của cũng phải có phương sách cơ bản : làm ra thì nhiều, tiêu thì ít, làm thì mau chóng, dùng thì thư thả, như thế tiền của thường đầy đủ. Có lần, Bác đã dẫn câu của Khổng Tử : "Người mà không liêm, không bằng súc vật" (4), và câu của Mạnh Tử : "Ai cũng tham lợi, thì nước sẽ nguy" (5).

Bác Hồ liên hệ đạo đức người cách mạng với đạo tam tài *trời - đất - người* trong sách Chu Dịch :

Trời có bốn mùa : Xuân, Hạ, Thu, Đông
Đất có bốn phương : Đông, Tây, Nam, Bắc
Người có bốn đức : Cần, Kiệm, Liêm, Chính
Thiếu một mùa, thì không thành trời
Thiếu một phương, thì không thành đất
Thiếu một đức thì không thành người

Sách Chu Dịch đề cập đến đạo tam tài là nói đến mối quan hệ và quy luật biến đổi của vũ trụ. Bác vận dụng sách này để nhấn mạnh đạo đức cần, kiệm, liêm, chính như các thành tố của đạo đức cách mạng. Thật là sáng tạo.

2 - Vận dụng trong việc học tập

Để giáo dục mọi người kiên trì chịu khó, siêng năng học tập, trau dồi kiến thức, Bác đã dùng câu nói của Khổng Tử : "Học không biết chán, dạy không biết mỏi". Người xưa đã lấy câu nói của Khổng Tử làm phương châm giáo dục : Học nhi bất yếm, hối nhi bất nguyện. Bác Hồ thì cho rằng việc dạy và học tuy hai mà một, không thể tách rời nhau. Bác khuyên : "khiêm tốn học tập các đồng chí giáo sư bạn, cái gì biết thì nói biết, không biết thì nói không biết. *Kiêu ngạo, tự phụ, tự mãn là kẻ thù số một của học tập*" (6). "Cái gì biết thì nói là biết, không biết thì nói là không biết" chính là Bác đã vận dụng câu nói của Khổng Tử trong sách *Luận ngữ* : "Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã". Đạo lý học không biết chán, dạy người không biết mỏi cũng như truyền thống hiếu học là một đạo lý đầu tiên để thành người. Bác nêu cao tinh thần cầu học, cầu tiến bộ đi đôi với khiêm tốn, đào sâu suy nghĩ, cần mẫn, trọng thầy, quý bạn, làm nên truyền thống học tập của dân tộc Việt Nam.

Bác vận dụng học thuyết Nho gia trong học tập là "đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân". Nghĩa là : con đường học rộng lớn, cốt ở đức trong sáng, cốt ở yêu thương nhân dân. Bác giải thích tóm tắt : "Minh minh đức tức là *chính tâm*. Thân dân tức là *phục vụ nhân dân*, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết. Nói một cách khác, tức là "Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc" (7).

Bác phê phán cách giáo dục của các nhà nho phong kiến trước đây là đi học chỉ dùi mài kinh sử để chờ khoa thi, thi đỗ thì ra làm quan, hưởng bổng lộc để "nhất tử thu quân ngâu, toàn gia tề thiên lộc", tức là " một người làm quan, cả họ được nhờ". Bác phê phán cách giáo dục xưa xa rời lao động sản xuất : "Trước kia thì đào tạo thành các cậu tú, cô tú xem khinh lao động..." . Trước kia có câu : "Vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao"... Đó là thứ phong kiến, học cốt để làm quan. Ngày nay phải vừa học vừa lao động" (8).

3 - Phê phán tư tưởng trọng nam khinh nữ

Tư tưởng coi thường phụ nữ trong Nho giáo đè nặng, ràng buộc biết bao phụ nữ trong lịch sử nhiều nước phương Đông.

---

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 244
(5) Hồ Chí Minh : Sđd, t 5, tr 244
(6) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Sđd, t 7, tr 792
(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 482
(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 469

Digitized by Google

Người phụ nữ chỉ được giáo dục trong phạm vi gia đình, không được học hành đến nơi đến chốn, không được tham gia công việc ngoài xã hội. Khổng Tử có hơn 3000 học trò và có 72 hiền tài nhưng mảy may không có một người nào là phụ nữ. Trong xã hội cũ, người phụ nữ suốt đời phải tuân theo đạo "tam tòng" của Nho giáo.

Bác Hồ rất hiểu thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Bác kêu gọi, khích lệ chị em vươn lên vượt ra khỏi lễ giáo phong kiến, bình đẳng với nam giới. Bác cũng thường nhắc nhủ mọi người, nhất là những người chồng, phải xóa bỏ nếp suy nghĩ theo kiểu các nhà nho "nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô" nghĩa là "một con trai là có, mười con gái là không". Để chống lại những tư tưởng hủ bại, lạc hậu của Nho giáo, một trong những luật mà Bác Hồ quan tâm chỉ đạo xây dựng ngay sau khi hòa bình là Luật hôn nhân và gia đình. Bác khẳng định *"Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người". "Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa"* (9). Sự nghiệp cách mạng mà Bác Hồ suốt đời phấn đấu, hy sinh là giải phóng dân tộc, đem lại tự do hạnh phúc cho nhân dân, trong đó Người không quên giải phóng phụ nữ thoát khỏi gông cùm của chế độ phong kiến, xây dựng một xã hội công bằng, mọi người thương yêu nhau, và nhất là phải tôn trọng phụ nữ. Điều đó hoàn toàn khác với đạo đức Nho gia.

4 - Phản đối chế độ đẳng cấp của Nho giáo

Trong xã hội phong kiến, Nho giáo phân chia xã hội thành nhiều đẳng cấp. Cùng với sự phân chia đẳng cấp này là những quyền uy to nhỏ, hưởng thụ vật chất khác nhau. Bác Hồ phản bác mãnh liệt chế độ đẳng cấp của Nho giáo và xác định người cán bộ cách mạng là đầy tớ của nhân dân. "Chính phủ, từ Hồ Chủ tịch cho đến các vị ủy ban đây, rồi các bộ trưởng, đến các cán bộ thôn, xã, gọi là chính quyền, gọi là chính phủ đều là đầy tớ của nhân dân. Không phải như khi trước nói hoàng đế, bệ hạ, rồi có những quan này, quan khác cao cao tại thượng" (10). Bác là người nêu gương sáng ngời về một người đầy tớ của nhân dân. Từ thuở ra đi tìm đường cứu nước, lặn lội khắp bốn biển năm châu cho đến khi giành lại được độc lập tự do cho dân tộc, xây dựng chế độ xã hội mới, Bác luôn luôn nêu tấm gương :

Giàu sang không thể quyến rũ
Nghèo khó không thể chuyển lay
Uy lực không thể khuất phục

Khi đã trở thành vị Chủ tịch một nước độc lập, Bác vẫn sống một cuộc đời vô cùng giản dị, gần gũi và gắn bó với nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân đến hơi thở cuối cùng. Trong tư tưởng, phẩm chất, phong cách của Bác Hồ có đầy đủ những yếu tố truyền thống tốt đẹp của văn hóa Đông - Tây kết hợp nhuần nhuyễn với học thuyết cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Để kết luận bài viết này, xin trích ra đây lời nhận xét của nhà sử học Giăng-xit-xnô tại Pari, trong lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh của danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh (1990) : Cụ Hồ Chí Minh là một nhà cách mạng xuất thân từ Khổng học, các bài viết của Cụ đầy những dấu ấn đạo Khổng, chẳng hạn trong việc đề ra đạo đức cách mạng. Nhưng điều đó không có nghĩa Cụ là một người sùng cổ, mà chỉ chứng tỏ rằng Cụ đã biết kết hợp truyền thống với đấu tranh cách mạng ngay trong bản thân Cụ. ❑

---

(9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 498
(10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 654

Digitized by Google

ĐẨY MẠNH HUY ĐỘNG VỐN CHO ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN VĂN DOÃN*

BẤT cứ nước nào, trong thời kỳ đầu công nghiệp hóa, cũng đều hết sức tiết kiệm trong tiêu dùng để tập trung vốn cho đầu tư và phát triển. Điều này hầu như là một hiện tượng phổ biến, mang tính quy luật, bởi lẽ nếu làm khác đi, đất nước không những không phát triển, mà sẽ rơi vào trì trệ, đình đốn. Mục tiêu cuối cùng của phát triển là tiêu dùng, song tiền đề của phát triển lại là tích lũy. Nhưng muốn tích lũy không thể không nâng cao tỷ lệ huy động vốn nội bộ trên cơ sở ra sức tiết kiệm. Trong việc huy động vốn, hệ thống ngân hàng có vai trò cực kỳ to lớn.

Một trong những thành tựu quan trọng nhất của công cuộc đổi mới ở nước ta là sự ra đời của hệ thống ngân hàng hoạt động theo cơ chế thị trường. Điều đó hoàn toàn phù hợp với đường lối phát triển của Đảng ta, với xu thế hội nhập của thời đại. Các Mác đã từng cho rằng hệ thống ngân hàng là "tạo phẩm tuyệt tác nhất và hoàn thiện nhất"(1) trong số các "tạo phẩm" của kinh tế thị trường. Vì vậy, ông đã dành cho vấn đề ngân hàng một chỗ xứng đáng trong học thuyết kinh tế của mình. Theo C.Mác, sự phát triển kinh tế và giao lưu hàng hóa đã tạo môi trường để hoàn thiện các loại hình ngân hàng. Trên cơ sở tự hoàn thiện đó, các ngân hàng lại tạo ra những điều kiện mới, thúc đẩy kinh tế phát triển, làm sầm uất thêm các tụ điểm thị trường - mảnh đất sản sinh và nuôi dưỡng ngân hàng ; đến lượt nó, các ngân hàng lại góp phần thúc đẩy thị trường phát triển, đưa nền kinh tế tiến lên những đỉnh cao mới. Ở nước ta, trong hệ thống ngân hàng hiện nay, có Ngân hàng nhà nước (ngân hàng trung ương) và một loạt ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng. Ngân hàng nhà nước là cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ và tín dụng trong cả nước, là cơ quan giúp Chính phủ hoạch định và tổ chức thực thi chính sách tiền tệ quốc gia. Nó có trách nhiệm quản lý và định hướng hoạt động cho toàn hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) và các tổ chức tín dụng (TCTD) hoạt động theo mục tiêu kế hoạch nhà nước bằng những công cụ của chính sách tiền tệ như lãi suất, tỷ giá, tỷ lệ dự trữ bắt buộc hạn mức tín dụng... Ngân hàng nhà nước không phải là một tổ chức kinh doanh tiền tệ.

Theo Pháp lệnh ngân hàng, hệ thống ngân hàng Việt Nam được tổ chức theo 2 cấp, trong đó, Ngân hàng nhà nước thực hiện vai trò của Ngân hàng trung ương, hoạch định chính sách và quản lý vĩ mô hệ thống tiền tệ và hệ thống ngân hàng. Các ngân hàng thương mại (Ngân hàng đầu tư và phát triển, Ngân hàng công thương, Ngân hàng ngoại thương, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn) và tổ chức tín dụng là các doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng. Các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng được tự chủ kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Ngoài ra còn có Công ty kinh doanh vàng bạc đá quý, Ngân hàng phục vụ người nghèo, các ngân hàng thương mại cổ phần và hệ thống quỹ tín dụng. Bên cạnh đó còn có các định chế tài chính như các công ty tài chính và các định chế tài chính phi ngân hàng như Tổng cục đầu tư và phát triển cùng hệ thống của nó, các quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển ; đồng thời, còn có các chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các ngân hàng liên doanh với nước ngoài tại Việt Nam. Trong hệ thống các ngân hàng và tổ chức tín dụng vừa kể, các ngân hàng thương mại quốc doanh vừa hoạt động như là các doanh nghiệp

* Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam

(1) C.Mác : *Tư bản*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1987, phần 2, t 3, tr 181

Digitized by Google

nhà nước kinh doanh tiền tệ tín dụng, vừa bình đẳng với các doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ khác. Các NHTM quốc doanh giữ vị trí chủ đạo theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong toàn hệ thống ngân hàng.

Như vậy, tuy nền kinh tế nước ta mới chuyển sang cơ chế thị trường, nhưng hệ thống ngân hàng đã phát triển tương đối đa dạng, với chức năng chủ yếu là huy động vốn và cho vay để phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.

Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam với tên gọi trong quan hệ giao dịch quốc tế là VietindeBank, viết tắt là BIDV. Đây là một doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt, là một trong 4 ngân hàng thương mại quốc doanh lớn nhất ở Việt Nam. Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam giữ vị trí chủ đạo trong tín dụng phục vụ đầu tư và phát triển ở Việt Nam, là ngân hàng chuyên ngành được thành lập sớm nhất ở Việt Nam.

Trải qua 40 năm hoạt động, xây dựng, trưởng thành và đổi mới BIDV đã trải qua những chặng đường lịch sử gắn liền với sự nghiệp cách mạng hết sức vẻ vang của dân tộc, gắn liền với những chuyển mình của đất nước. Nhất là từ năm 1990 trở lại đây - từ khi có 2 Pháp lệnh về ngân hàng, BIDV đã có những đổi mới rất cơ bản, đã phát huy được vai trò như là chỗ dựa và là công cụ có hiệu lực trong tay nhà nước để thực thi các mục tiêu kinh tế của nhà nước trong việc huy động vốn cho vay đầu tư và phát triển, kiềm chế lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và góp phần thực hiện các chính sách xã hội.

Nhìn lại thời gian qua, BIDV luôn đi đầu, thực hiện thử nghiệm các hình thức huy động vốn phục vụ đầu tư và phát triển. Đó là việc phát hành kỳ phiếu bảo đảm giá trị theo giá vàng, phát hành trái phiếu trong nước bằng đồng tiền Việt Nam và USD ; huy động tiết kiệm trong dân cư và kỳ phiếu dài hạn phục vụ đầu tư và phát triển ; huy động vốn ngoài nước dưới các hình thức vay thương mại, vay hợp vốn dài hạn, vay tài trợ xuất nhập khẩu, đồng tài trợ và bảo lãnh v.v...

Nhờ việc đa phương hóa và đa dạng hóa các hình thức, biện pháp huy động vốn trong nước và ngoài nước mà nguồn vốn để phục vụ đầu tư và phát triển của BIDV năm 1996 gấp 18,8 lần năm 1990, đưa tổng nguồn vốn các loại, kể cả vốn ủy thác lên 13 877 tỉ đồng, chiếm khoảng 17% tổng số vốn huy động của toàn ngành ngân hàng. Riêng dư nợ tín dụng các loại đạt 11 500 tỉ đồng, trong đó dư nợ dài hạn, trung hạn gấp 20 lần năm 1990. Năm 1996, BIDV đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, tổng nguồn vốn đạt 16 300 tỉ đồng, tăng 24% so với năm 1995, thực hiện một đồng vốn ngoài nước có 1,6 đồng vốn trong nước tương ứng. Vốn vay của BIDV góp phần quan trọng đưa nhiều dự án vào sản xuất, phát huy hiệu quả đầu tư, tạo ra hàng tỉ đồng giá trị sản lượng tăng thêm, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm ổn định cho hàng trăm ngàn lao động.

Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam mở rộng quan hệ hợp tác với các ngân hàng nước ngoài theo phương châm : rộng, sâu, thiết thực và hiệu quả. Đến nay, BIDV đã có quan hệ đại lý với 480 ngân hàng lớn trên thế giới, có quan hệ tiền gửi và thanh toán với 35 ngân hàng ; có quan hệ về tín dụng, thanh toán, bảo lãnh, hợp tác khoa học, đào tạo với 65 ngân hàng trên thế giới, khối lượng thanh toán quốc tế hằng năm đạt hàng trăm triệu USD.

Điều gặt hái được hết sức quan trọng trong hoạt động của BIDV là hiệu quả, an toàn trong hoạt động kinh doanh, là uy tín của BIDV đối với khách hàng, bạn hàng trong và ngoài nước.

Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam luôn coi hiệu quả sản xuất kinh doanh của khách hàng là hiệu quả kinh doanh của chính mình ; coi phục vụ đầu tư phát triển, tăng trưởng kinh tế là mục tiêu ; trên cơ sở đó, không ngừng tăng doanh lợi của ngân hàng, góp phần ổn định tiền tệ và kiềm chế lạm phát. BIDV thực hiện chiến lược kinh doanh đa năng tổng hợp, giữ vị thế là một trong những ngân hàng thương mại quốc doanh lớn nhất Việt Nam, giữ vai trò chủ đạo là ngân hàng quốc lập đứng đầu về lĩnh vực đầu tư phát triển. BIDV thực thi chiến lược đa phương hóa khách hàng thuộc các lĩnh vực, các thành phần kinh tế, khách hàng trong và ngoài nước, thực thi phương châm : khởi đầu từ khách hàng, không phải từ sản phẩm. BIDV coi tạo vốn là khâu

Digitized by Google

mở đường, tạo một mặt bằng vốn ngày càng tăng trưởng và vững chắc, thực hiện đa dạng hóa các hình thức và biện pháp huy động vốn, gắn chiến lược huy động vốn với chiến lược sử dụng vốn có hiệu quả cao nhất. Đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ và loại hình đầu tư kinh doanh, sử dụng tổng hợp các nguồn vốn, để hình thành lãi suất có tính cạnh tranh cao.

Nguyên tắc kinh doanh của BIDV là tuyệt đối không chạy theo doanh số, không thỏa hiệp với những rủi ro tiềm ẩn, coi chữ tín là hàng đầu trong mọi hoạt động kinh doanh.

Về mặt quan hệ đối ngoại, BIDV đa phương hóa, đa dạng hóa các lĩnh vực hợp tác, mở rộng quan hệ đối ngoại với các ngân hàng và các tổ chức tài chính tiền tệ trên thế giới. Mở rộng hợp tác quốc tế, phát triển các dịch vụ ngân hàng và phi ngân hàng đối ngoại. Mở rộng các hình thức hợp tác : cho vay vốn, hợp vốn, đồng tài trợ, tài trợ xuất nhập khẩu, liên doanh, liên kết, dịch vụ tư vấn đầu tư, dịch vụ tư vấn đầu tư trái phiếu và chứng khoán, dịch vụ thanh toán, bảo lãnh ; mở rộng sự hợp tác về đào tạo cán bộ, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu và hội thảo khoa học v.v...

*

Vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển sản xuất kinh doanh nói riêng là một trong những vấn đề cực kỳ quan trọng của nền kinh tế, tài chính nước ta. Đại hội VIII của Đảng đã chỉ rõ trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước chủ trương huy động mọi nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư phát triển, trong đó vốn trong nước có ý nghĩa quyết định, vốn ngoài nước có ý nghĩa quan trọng, kết hợp tiềm năng sức mạnh bên trong với khả năng có thể tranh thủ bên ngoài. Trong kinh tế thị trường, vốn cũng trở thành hàng hóa với đầy đủ các thuộc tính của nó. Vì vậy, cần có chính sách huy động vốn thích hợp để khai thác tối đa các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước, nhằm mục tiêu tăng trưởng và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản làm nên "kỳ tích Nhật Bản", một phần chủ yếu là nhờ chính sách huy động tiết kiệm ở mức cao nhất. Các con rồng châu Á sở dĩ có tốc độ tăng trưởng bình quân 8 - 9%/năm liên tục trong vòng từ 20 đến 25 năm cũng là nhờ huy động vốn từ nguồn tiết kiệm với tỷ lệ 30 - 35% GDP trong một thời gian dài.

Nước ta hiện nay đang đứng trước thách thức hết sức gay gắt, đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao và khả năng huy động vốn có hạn. Trong những năm tới, các nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng, vốn ODA, FDI tiếp tục tăng, nhưng không thể đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tế. Theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ năm 1996 đến năm 2000 do Đại hội VIII của Đảng thông qua, để đạt mục tiêu tăng trưởng 9 - 10%/năm, chúng ta phải nâng tỷ lệ đầu tư toàn xã hội lên tới 30 - 32% GDP vào năm 2000, gấp 1,5 lần so với thời kỳ 1991 - 1995. Như vậy, trong 5 năm 1996 - 2000, cần 41 - 42 tỉ USD (tính theo giá 1995), trong đó 50% huy động vốn trong nước, có nghĩa là mỗi năm cần huy động vốn trong nước khoảng 90 000 tỉ đồng, mà vốn từ ngân sách chỉ có khoảng 25%, còn lại phải huy động từ các nguồn khác, chủ yếu là vốn nhàn rỗi trong xã hội, kể cả vốn bằng lao động. Trong tổng số vốn cần thiết của toàn xã hội, ngành ngân hàng cố gắng đáp ứng trên 50%, tăng cường vốn trung và dài hạn để đầu tư và phát triển như đổi mới công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các dự án công - nông nghiệp quan trọng.

Để đáp ứng nhu cầu huy động vốn nói trên, BIDV sẽ tiếp tục đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, thực thi chính sách khách hàng hấp dẫn, vận dụng lãi suất hợp lý, phù hợp với cơ chế thị trường, bảo đảm lợi ích kinh tế của người cho vay, khuyến khích người vay sử dụng vốn vay có hiệu quả và bảo đảm hoàn trả vốn vay, tăng cường cho vay trung và dài hạn, tiếp tục hoàn thiện công nghệ ngân hàng nhằm tạo ra điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng yên tâm gửi vốn lâu dài tại BIDV. Năm 1997, BIDV cố gắng đạt 60% tổng nguồn vốn huy động trong nước, tạo ra một nguồn vốn trong nước ổn định vững chắc, tăng từ 20 đến 25% so với năm 1996.

Dựa trên cơ sở số vốn huy động trong nước và ngoài nước, năm 1997, BIDV sẽ triển khai tích cực mạnh mẽ tín dụng đầu tư cho các dự án theo định

Digitized by Google

hướng kế hoạch nhà nước, thực thi tín dụng trung hạn các dự án đã có thông báo danh mục ; phấn đấu dư nợ cho vay dài hạn tăng 18 - 20%, cho vay trung hạn tăng 30% so với năm trước.

Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam cố gắng nắm chắc tình hình sản xuất, kinh doanh tài chính hiện tại và dự kiến các năm tới của doanh nghiệp vay, nhu cầu thị trường của sản phẩm, của dự án dự kiến đầu tư để tham gia với nhà nước, với các bộ và các địa phương trong việc bố trí các dự án theo định hướng kế hoạch nhà nước, xem xét hiệu quả và khả năng vay trả của các doanh nghiệp trước khi quyết định cho vay vốn. Ưu tiên tập trung vốn cho các dự án trọng điểm của ngành, địa phương và nền kinh tế, nhằm thực hiện các chương trình kinh tế trọng điểm do Đại hội VIII nêu lên và Nghị quyết về đổi mới khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo của Hội nghị Trung ương hai (khóa VIII), đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt chú trọng các dự án đẩy mạnh việc làm, tăng xuất khẩu, tăng thu ngoại tệ và tăng ngân sách nhà nước.

*

Thông qua thực tiễn nhiều năm hoạt động tín dụng đầu tư phát triển, chúng tôi thấy rằng muốn thực hiện kế hoạch của nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm đạt kết quả, và việc sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả chúng ta cần giải quyết tốt các vấn đề quan trọng sau đây :

1 - *Nâng cao chất lượng và trách nhiệm của người phê duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật.* Nếu việc này thực hiện đúng quy định và quy rõ trách nhiệm của các cấp trong việc phê duyệt thì các khâu sau không phải kiểm tra lại ; hoặc việc kiểm tra lại sẽ nhanh hơn, tốt hơn. Cần xác định rõ trách nhiệm nguồn vốn cho dự án ; tổng dự toán, dự toán từng hạng mục công trình ; thẩm định chất lượng thiết bị, giá thiết bị, trình độ công nghệ của thiết bị ; trách nhiệm về môi trường khi dự án đi vào hoạt động ; về định hướng ngành, lãnh thổ, nguyên nhiên liệu cho sản xuất ; xác định chính xác thời gian xây dựng ; tính toán hiệu quả đầu tư; tính toán thời hạn vay, trả nợ, v.v...

2 - Cần thận trọng trong việc ghi các dự án vào kế hoạch đầu tư nhà nước. Chỉ ghi vào kế hoạch đầu tư năm 1997 những dự án đã thẩm tra kỹ luận chứng kinh tế - kỹ thuật, hiệu quả kinh tế đầu tư, và đã hoàn thành khâu chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị xây dựng và bắt đầu triển khai thực hiện được ngay. Kiên quyết không ghi vào kế hoạch đầu tư những dự án hiệu quả kinh tế thấp, không có khả năng trả nợ vay, không rõ nguồn vốn để đầu tư, chưa hoàn thành khâu chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị xây dựng. Những dự án sản xuất hàng hóa tiêu thụ trong nước, phải giảm được việc nhập khẩu hàng ngoại nhập hoặc phải có nguồn vốn ngoại tệ để trả nợ nước ngoài. Chỉ ghi vào kế hoạch những dự án đã xác định đủ vốn cho toàn bộ công trình và bố trí vốn đủ để hoàn thành xây dựng như thời gian xây dựng được duyệt trong luận chứng kinh tế - kỹ thuật, trong đó phải xem xét đến vốn để nhập thiết bị (đặc biệt thiết bị trả chậm). Kế hoạch cần ghi rõ nguồn vốn ngoại tệ để trả nợ nước ngoài. Nguồn vốn này được ghi vào cán cân thanh toán quốc tế hằng năm của nhà nước để có nguồn ngoại tệ trả nợ. Cần xác định chính xác nguồn vốn tự có của doanh nghiệp, khả năng nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ, nguồn vốn vay ngân hàng một cách đồng bộ. Tránh tình trạng ghi kế hoạch chỉ xác định nguồn vốn vay, còn các nguồn khác đến đâu hay đó.

3 - Gắn chỉ tiêu vốn đầu tư xây dựng cơ bản với kế hoạch xuất nhập khẩu hằng năm, trong đó cần chú ý nguồn vốn trả nợ thiết bị trả chậm, hoặc vốn doanh nghiệp vay trực tiếp của nước ngoài.

Các bộ, ngành chức năng phải quy định chặt chẽ việc quy hoạch ngành và quy hoạch vùng lãnh thổ, kiên quyết chỉ đạo thực hiện đúng hướng và quy hoạch được duyệt. Chỉ có như vậy mới tránh được tình trạng xây dựng trùng lặp, gây lãng phí lớn tiền vốn, nhân lực và tài sản xã hội.

*

Phát huy những thành tựu đã đạt được trong công cuộc đổi mới, nhất là từ năm 1990 đến nay, từ nay đến năm 2000, toàn hệ thống BIDV tiếp tục đổi mới toàn diện, sâu sắc ; khắc phục mọi thiếu sót và tồn tại chủ quan, nghiêm khắc xử lý những vi phạm và sai lầm ; tiến tới hội nhập các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới, đáp ứng cao nhất yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.❑

Digitized by Google

Khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung là một giải pháp về vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

NGUYỄN NHÂM *

MỤC tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng nêu lên, chỉ có thể đạt được bằng con đường phát triển và chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó vấn đề có tính quy luật đã được đúc kết qua những năm đổi mới, là : "giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại" (1). Tuy nhiên sự biểu hiện của nó trong từng loại hình kinh tế không hoàn toàn giống nhau. Đối với khu chế xuất và khu công nghiệp tập trung tính đặc thù càng thể hiện rõ nét.

Khu chế xuất là mẫu hình mở cửa giao lưu kinh tế được hưởng những chính sách đặc biệt, xuất hiện rất sớm ở Đài Loan từ năm 1966 (diện tích tổng cộng khoảng 198 ha, và tính đến nay các khu chế xuất của Đài Loan đã đem lại gần 30 tỉ USD quỹ dự trữ quốc gia). Thực tế đó chứng tỏ khu chế xuất là một loại hình kinh tế huy động vốn (tư bản) nước ngoài hữu hiệu. Tuy nhiên xu thế chung của cục diện quốc tế về đầu tư tư bản nước ngoài cũng đang đặt ra những vấn đề cần phải nghiên cứu.

Chúng ta biết rằng xuất khẩu vốn - tư bản là một đặc điểm kinh tế của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Quan sát "dòng chảy" của thị trường vốn vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ta thấy đó là một "dòng chảy thuận", tức là từ các nước tư bản phát triển "thừa" vốn sang các nước chậm phát triển, thiếu vốn nhằm mục tiêu, như V.I. Lê-nin đã mô tả một cách bóng bẩy là "giết bò để lấy hai lần da" hoặc thực hiện sự "bóc lột bình phương" đối với các nước nhập khẩu vốn. Nhưng vào những năm 60, 70 của thế kỷ này một "dòng chảy nghịch" đã xuất hiện. Tức là dòng vốn đầu tư ra nước ngoài của các nước lại chảy "ngược" vào các nước tư bản phát triển. Người ta đã thống kê được rằng, tư bản nước ngoài đầu tư vào Mỹ tăng rất nhanh, vượt cả tốc độ đầu tư của Mỹ ra nước ngoài, làm cho Mỹ trở thành nước tiếp nhận đầu tư trực tiếp (FDI) nhiều nhất. Đến năm 1989 tổng vốn đầu tư ra nước ngoài của Mỹ là 1 280 tỉ USD, nhưng Mỹ lại tiếp nhận vốn đầu tư của nước ngoài gần gấp đôi (2 288 tỉ USD), trong đó vốn đầu tư của các nước Tây Âu vào Mỹ là mạnh nhất : năm 1970 là 9,5 tỉ USD, năm 1980 là 43, 47 tỉ USD, năm 1990 là 256,5 tỉ USD ; tiếp đó là đầu tư của Nhật : năm 1990 là 83,5 tỉ USD và đứng thứ ba là nước Anh.

Nhật Bản là nước đầu tư sang các nước tư bản phát triển khá mạnh, nhưng so với đầu tư vào các nước đang phát triển thì tỷ trọng này vẫn nhỏ hơn. Điều đó một phần là do Nhật Bản phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu từ các nước đang phát triển. Tuy vậy, Nhật vẫn gia tăng mức tiếp nhận đầu tư nước ngoài từ các nước tư bản phát triển. Năm 1975 vốn của nước ngoài ở Nhật là 1,5 tỉ USD, trong đó Mỹ chiếm 60%, Tây Âu chiếm 21,1%. Đến năm 1980 riêng Mỹ đầu tư vào Nhật Bản là 6,27 tỉ USD ; năm 1990 đã lên 20,99 tỉ USD (2).

Theo thống kê của Liên hợp quốc năm 1995 luồng FDI của thế giới ước đạt hơn 300 tỉ USD, tăng 46% so với năm 1994 và được phân bố vào các nước phát triển 70%, các nước đang phát

* Viện chiến lược, Bộ Quốc phòng

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 84

(2) Xem : *Chủ nghĩa tư bản hiện đại* : Sự phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 3, tr 37

Digitized by Google

triển 30%. Chỉ riêng Mỹ đã thu hút 75 tỉ USD, bằng 25%.

Giải thích về hiện tượng này, các nhà nghiên cứu kinh tế cho rằng, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ làm cho hàm lượng khoa học, trí tuệ trong sản phẩm làm ra đóng vai trò quyết định đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng lợi nhuận, chứ không phải là nguyên liệu và giá nhân công hạ như trước đây. Do đó, cuộc "chiến tranh kinh tế" ắt phải diễn ra trên thương trường giữa các nước tư bản phát triển để tranh thủ kỹ thuật và công nghệ của nhau thông qua việc thu hút vốn đầu tư.

Trong bối cảnh đó, các nước đang phát triển phải tìm kiếm con đường để thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài, đặc biệt từ các nước tư bản phát triển để phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế. Đó là một trong những tác nhân chủ yếu làm nẩy sinh loại hình kinh tế mới, với nhiều tên gọi khác nhau : khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung, khu thương mại tự do, đặc khu kinh tế, khu công nghiệp kỹ thuật cao, khu đầu tư tự do, thành phố mở...

Cho đến nay trên thế giới đã có gần 300 khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung được xây dựng ở hơn 70 nước, trong đó châu Á có hơn 80 khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung. Chỉ riêng Thái Lan đã có 37 khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung. Đặc biệt là năm 1992, chính phủ Xri-lan-ca đã tuyên bố cả nước là một khu chế xuất, các nhà đầu tư nước ngoài ở bất kỳ nơi nào trên lãnh thổ Xri-lan-ca cũng được hưởng ưu đãi theo quy chế của khu chế xuất (3).

Với chính sách thuế quan ưu đãi, những điều kiện thuận lợi nhất về môi trường đầu tư như cơ sở hạ tầng, giá nhân công và nguyên liệu hạ... khu chế xuất và khu công nghiệp tập trung đã giúp một số nước gặt hái được những thành quả khả quan. Kinh nghiệm đó ngày càng được nhân rộng ra nhiều nước, kể cả ở các nước tư bản phát triển. Hình thức "khu công nghệ cao" cũng ra đời từ đó, với những đặc trưng là trung tâm kỹ thuật cao gắn liền với cơ sở công nghiệp nội địa, với hệ thống giáo dục, mạng lưới các trường đại học và cơ sở nghiên cứu.

Từ kinh nghiệm thế giới cho thấy khi khai thác nguồn vốn bên ngoài để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mà chủ yếu dựa vào nguồn viện trợ phát triển (ODA) như một số nước Mỹ la tinh đã làm, thì khó tránh khỏi hậu quả là lãi mẹ đẻ lãi con, nợ nần chồng chất, mất độc lập tự chủ, phụ thuộc vào các nước tư bản phát triển. Chẳng hạn như Mê-hi-cô đã từng phải dựa vào 30 tỉ USD viện trợ khẩn cấp của Mỹ (4) để tránh sự sụp đổ về kinh tế, chính trị.

Một khuynh hướng khác của một số nước châu Á vào những năm 50 - 60 của thế kỷ này là thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo mô hình hướng ngoại hoàn toàn, nên đã bóp chết nền kinh tế trong nước. Ngược lại mô hình hướng nội là chủ yếu cũng làm cho hàng hóa không có sức cạnh tranh quốc tế, kinh tế chậm phát triển. Kinh nghiệm thực tiễn thế giới đã cho thấy trong nhiều trường hợp, nguồn vốn FDI có lợi thế hơn nguồn vốn vay ODA không chỉ ở chỗ nguồn vốn của FDI lớn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, khả năng tiếp cận và mở rộng thị trường, mà còn ở chỗ là FDI ít đem lại rủi ro cho nước chủ nhà hơn. Tuy nhiên bất kể nguồn vốn nào, vấn đề cốt lõi là sử dụng như thế nào để đạt hiệu quả cao nhất.

Tóm lại, loại hình kinh tế khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung đã được nhiều nước trên thế giới ứng dụng thành công và đã được Hiệp hội khu chế xuất thế giới (WEPZA) tổng kết. Tại Hội nghị thượng đỉnh của các nước ASEAN lần thứ 5 tổ chức tại Băng-cốc (Thái Lan) tháng 11-1995 cũng đã dự báo về một nguy cơ giảm dòng đầu tư FDI vào khu vực của những năm sắp tới, do có cuộc cạnh tranh thu hút FDI trên thế giới ngày càng gay gắt. Để đối phó với nguy cơ đó, các nhà lãnh đạo ASEAN đã đưa ra tuyên bố về việc xây dựng "khu vực đầu tư ASEAN" (AIR). Mục tiêu của kế hoạch này là nhằm tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn để đẩy mạnh thu hút FDI vào khu vực và

---

(3) Xem : Kinh nghiệm thế giới đối với khu chế xuất (Vụ quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung biên soạn) ; và Khu chế xuất ở các nước trong khu vực châu Á. *Tạp chí khoa học kỹ thuật, kinh tế thế giới*, số 26, ngày 23-6-1994

(4) Tính đến năm 1995 tổng số nợ của các nước phát triển đã là 1714 tỉ USD (riêng Mỹ la tinh 550 tỉ USD, châu Phi 380 tỉ USD)

Digitized by Google

giữa các nước trong khu vực đầu tư vào nhau... (5). Điều đó càng chứng minh rằng, mặc dù còn có những khó khăn trở ngại ban đầu, nhưng việc thành lập các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung ở nước ta là một hướng đi đúng trong chiến lược huy động vốn của Đảng và Nhà nước ta. Hơn nữa, Đại hội VIII của Đảng cũng đã khẳng định việc "áp dụng phổ biến các hình thức kinh tế tư bản nhà nước" (6), nhằm mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với tư bản trong và ngoài nước, góp phần đắc lực vào việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực cho việc nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội cải thiện đời sống của nhân dân.

Nhằm thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đối với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. Chúng ta nhấn mạnh và coi nguồn vốn trong nước là quyết định, bởi vì nguồn vốn trong nước rất phong phú, đa dạng, đang tiềm tàng trong xã hội, mà chúng ta có thể nắm được để chủ động bố trí, sử dụng theo hướng chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trên cơ sở đó thu hút có hiệu quả các nguồn vốn từ bên ngoài. Tuy nhiên, theo tính toán của các nhà nghiên cứu thì từ nay đến năm 2000, để thực hiện được mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra, nước ta cần phải có 40 - 50 tỉUSD vốn đầu tư, nhưng khả năng huy động nguồn vốn trong nước chỉ có thể đạt tối đa là 50% nhu cầu. Do đó, chúng ta coi trọng vốn bên ngoài và chủ trương mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại thông qua đó mà thu hút nguồn vốn lớn, công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

Các nguồn vốn từ bên ngoài đầu tư vào nước ta bao gồm nhiều kênh, song về cơ bản là vốn tài trợ phát triển và đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Thực tiễn những năm qua cho thấy nguồn vốn đầu tư trực tiếp thường có tỷ trọng lớn hơn. Kể từ khi nước ta ban hành Luật đầu tư nước ngoài (năm 1987) đến nay chúng ta đã thu hút được gần 29 tỉ USD từ nguồn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, còn nguồn vốn tài trợ phát triển chỉ có gần 8,5 tỉ USD. Dự kiến trong những năm 1996 - 2000 nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào nước ta sẽ là khoảng 13 tỉ USD, còn nguồn vốn tài trợ phát triển chỉ 7 tỉ USD. Trong khi đó, nguồn vốn FDI thu hút vào các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung vẫn còn nhỏ (chỉ chiếm 8 - 10%).

Đến nay nước ta đã triển khai xây dựng 4 khu chế xuất (không kể 2 khu chế xuất là Nội Bài và Cần Thơ đã chuyển thành khu công nghiệp tập trung) và 25 khu công nghiệp tập trung nằm trên địa bàn các tỉnh : Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Sông Bé, Cần Thơ... Hiện có 27 khu công nghiệp tập trung và 3 khu chế xuất đã đi vào hoạt động với tổng diện tích 4 683 ha và tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng là 1,237 tỉ USD(7). Tuy các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung còn đang trong quá trình xây dựng, nhưng đã có hàng trăm nhà đầu tư nước ngoài đăng ký bỏ vốn xây dựng các xí nghiệp với tổng giá trị đầu tư (bao gồm cả vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng) là hơn 2,5 tỉ USD, chiếm hơn 9% tổng số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) vào nước ta.

Theo quy hoạch của Bộ Kế hoạch và đầu tư nước ta dự kiến dành 100 địa điểm cho xây dựng các khu chế xuất và khu công nghiệp tập trung. Theo dự kiến đó, từ nay đến năm 2000 nước ta sẽ có thêm từ 13 - 15 khu chế xuất và khu công nghiệp tập trung. Như vậy, bước vào đầu thế kỷ XXI nước ta sẽ có khoảng hơn 30 khu chế xuất và khu công nghiệp tập trung hoạt động với 3000 - 3500 xí nghiệp, thu hút hàng triệu lao động, hằng năm tạo ra nguồn hàng xuất khẩu với giá trị hàng chục tỉ USD, đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách.

Để những dự án đó biến thành hiện thực, làm cho khu chế xuất và khu công nghiệp tập trung đóng vị trí xứng đáng trong việc huy động vốn cho phát triển và tăng trưởng kinh tế, theo tôi, cần tập trung giải quyết tốt mấy vấn đề sau :

Một là, phải gắn vấn đề huy động vốn với việc thu hút khoa học, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến

---

(5) Báo *Việt Nam đầu tư nước ngoài*, số ra ngày 23 - 29 tháng 7 năm 1996

(6) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 92

(7) Báo *Đầu tư*, số 39, ngày 15-5-1997

Digitized by Google

vào phát triển khu chế xuất và khu công nghiệp tập trung. Trong bối cảnh có sự cạnh tranh thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên thế giới và khu vực thì vai trò khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung là rất quan trọng để chúng ta vừa tiếp tục gọi vốn đầu tư nước ngoài, vừa nâng cao chất lượng các dự án đầu tư, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, chứ không phải vì thiếu vốn đầu tư mà cho nhập bừa các loại sản phẩm hoặc công nghệ lạc hậu làm thiệt hại lớn cho nền kinh tế trước mắt cũng như lâu dài. Làm được như vậy vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung sẽ tạo ra hiệu quả cao cho nền kinh tế, vì nó vừa sớm khắc phục được tình trạng thấp kém về cơ sở hạ tầng của nước ta, vừa có thể tạo ra "cái nôi" công nghệ mới cho nền kinh tế.

Hai là, khung pháp luật và sự điều tiết của nhà nước đối với khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung phải rõ ràng và thật cụ thể, chặt chẽ. Làm thế nào để khi đầu tư vào khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung, các nhà đầu tư nước ngoài vừa phải tuân thủ quy luật cạnh tranh thị trường, vừa chịu sự ràng buộc bởi các quy chế, điều lệ của các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung, nhất là sự điều chỉnh về danh mục mặt hàng, loại công nghệ được khuyến khích phát triển... Có như vậy khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung không những là nơi có thể sớm *thu hút công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến* phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mà còn tạo cơ sở từng bước hiện đại hóa nền quốc phòng - an ninh.

Ba là, phát huy những lợi thế so sánh hiện có để thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung. Tận dụng lợi thế của nước đi sau và để phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam, Chính phủ ta đã ban hành Nghị định 192/CP (ngày 28-2-1994) kèm theo quy chế thành lập khu công nghiệp tập trung ở Việt Nam nhằm định hướng *phát triển mạnh hơn loại hình khu công nghiệp tập trung.* Gần đây nhất là Luật đầu tư nước ngoài (sửa đổi) đã được công bố ngày 23-11-1996 tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý, khuyến khích đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Loại hình khu công nghiệp tập trung cho phép các nhà đầu tư bán sản phẩm làm ra tại thị trường trong nước, tạo ra sự hấp dẫn cho các nhà đầu tư bởi một thị trường rộng lớn với hơn 70 triệu dân chưa được khai thác triệt để. Điều này không chỉ phù hợp với xu thế trong nước mà còn phù hợp với xu thế khu vực.❑

VẬN DỤNG...

(Tiếp theo trang 20)

và có hiệu quả cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới mối quan hệ quốc tế của Đảng ta. Người đã kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của các dân tộc trên thế giới vì mục tiêu giải phóng. Ngày nay, chúng ta góp phần vào cuộc đấu tranh chung của loài người vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Trước đây, Bác Hồ và Đảng ta tạo dựng được mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước. Ngày nay, vấn đề quan trọng là Đảng phải xây dựng và thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, vì hòa bình, hợp tác và phát triển phù hợp với xu thế của thời đại, tranh thủ đến mức cao nhất sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới cho sự nghiệp xây dựng đất nước ta giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Chúng ta có thể làm được như vậy vì Đảng Cộng sản Việt Nam có tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo, có tinh thần đoàn kết quốc tế thủy chung, trong sáng, vì Đảng ta là đảng mác xít - lê-nin nít , Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. ❑

Digitized by Google

DÂN CHỦ : PHƯƠNG TIỆN HAY MỤC ĐÍCH ?

NGHIÊM HƯNG

DÂN chủ đó là ước mơ lâu đời của con người. Khái niệm dân chủ có từ thời cổ đại và nó luôn là mục tiêu phấn đấu của nhân loại. Hàng ngàn năm lịch sử đã đi qua, mục tiêu đó luôn vẫy gọi loài người.

1 - Một sự "hiểu lầm" đáng tiếc

Gốc gác cổ đại của khái niệm dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân (nói chính xác là nhà nước hay quyền lực chính trị) chắc chẳng ai lại không công nhận. Do đó, đã bấy lâu nay một số người cho rằng vấn đề này đã "an bài" chẳng còn gì để nói nữa. Khi chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở một số nơi thì lại có người khẳng định rằng chỉ có nền dân chủ tư sản là tuyệt vời, là vĩnh cửu. Phải chăng là như vậy ? Qua nhiều biến động của lịch sử, chân lý "quyền lực thuộc về nhân dân" luôn luôn có sự bổ sung những nội dung mới. Nếu như từ thời cổ đại dân chủ được quan niệm là quyền lực thuộc về nhân dân thì đó là chân lý được công nhận ; chỉ có điều trong thực tế khái niệm nhân dân thường bị hiểu sai lệch, có khi bị đánh tráo một cách khéo léo. Thời nô lệ, từ nhân dân được hiểu là chủ nô và chỉ có chủ nô là đại diện chân chính cho xã hội. Khi chế độ phong kiến thay thế cho chế độ nô lệ thì nhân dân lại là giai cấp phong kiến quý tộc và có khi là tầng lớp tăng lữ. Khi chế độ tư bản chủ nghĩa thay thế chế độ phong kiến thì nhân dân được quan niệm là giai cấp tư sản có tiền, có của và là "đại diện chân chính" cho xã hội. Chỉ đến chủ nghĩa xã hội thì trong lý luận mác xít và trong thực tiễn, khái niệm nhân dân mới được trả lại nội dung chân chính. Nhân dân đó là đại đa số nhân dân lao động trong xã hội. Tầng lớp này chiếm hàng triệu, chục triệu, trăm triệu người trong xã hội. Đây chính là nền dân chủ triệt để nhất và cao nhất trong các bậc thang phát triển của lịch sử dân chủ của nhân loại.

Công bằng mà nói, trong lịch sử phát triển của dân chủ thì nền dân chủ tư sản quả thật là có thành tựu lớn hơn nhiều so với các chế độ trước đó. Nhưng khi giai cấp tư sản hết vai trò lịch sử thì dân chủ tư sản bộc lộ mọi nhược điểm của nó, dấu ấn này vẫn in sâu đậm ở chế độ dân chủ tư sản hiện đại ngày nay.

Đi sâu hơn vào quan niệm về dân chủ, ta thấy rằng, nếu chỉ nói "quyền lực thuộc về nhân dân" thì đúng nhưng chưa đủ, vì vấn đề cốt lõi là làm thế nào để quyền lực thuộc về nhân dân. Câu trả lời là : cần có một hệ thống chính trị thích hợp, đặc biệt là một nhà nước thích hợp, vì nhà nước là hạt nhân của chế độ chính trị hay nền dân chủ. Và chế độ tư sản hiện đại đã "chộp" lấy điều này, bám chặt vào đó và coi đây là chiếc phao cứu mệnh của mình. Chủ nghĩa tư bản quan niệm dân chủ là *một thể chế chính trị* trong đó nhà nước và hệ thống luật pháp là hiện thân của nền dân chủ, quyết định mọi mặt đời sống kinh tế, văn hóa, đạo đức... trong xã hội. Nhưng vấn đề là ở chỗ, toàn bộ hệ thống chính trị của nền dân chủ tư sản chỉ được sinh ra để phục vụ lợi ích cho giai cấp những người có của. Rõ ràng quan niệm của họ về dân chủ đã được cố ý nhào nặn một cách tinh vi. Người ta đã thay phương tiện cho mục tiêu lẽ ra thể chế chính trị chỉ là phương tiện thì đã biến thành mục đích, còn quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân lại trở nên thứ yếu. Tại sao qua bao thời gian và với bao bộ óc thông minh sáng tạo lại có sự nhào nặn như vậy. Chúng ta cũng dễ hiểu bởi : khái niệm dân chủ là giá trị chung của nhân loại, nhưng trong mỗi bậc thang của sự phát triển thì dân chủ luôn luôn có dấu ấn giai cấp. Vì lợi ích giai cấp, người ta luôn luôn cố tình hoặc làm biến tướng nội dung dân chủ, hoặc sử dụng dân chủ làm phương tiện để đạt mục đích bảo tồn chế độ bóc lột. Vì chỉ có sự dân chủ cho người giàu là chính nên họ không bao giờ nói rõ tính giai cấp của dân chủ. Chỉ có chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội là triệt để, là khoa học, nên đã xóa bỏ sự xuyên tạc thâm căn cố đế trong lịch sử và công khai thừa nhận tính giai cấp trong quan niệm dân chủ của mình.

Digitized by Google

2 - Một thực tế nửa vời

Do xuất phát từ nhận thức như đã nêu, trong công trình xây dựng nền dân chủ của chủ nghĩa tư bản nhất là chủ nghĩa tư bản hiện đại, thể chế chính trị được nghiên cứu cải tiến và hoàn thiện đến mức đáng khâm phục (!) Đặc biệt là vấn đề nhà nước và pháp luật, chủ nghĩa tư bản hiện đại đã đạt trình độ cao về tổ chức một nhà nước và hệ thống luật pháp chặt chẽ. Có thể nói họ có một phương tiện khá tuyệt vời, nhưng lại không đem nó để phục vụ mục tiêu. Nói dân chủ tư sản hiện đại là một nền dân chủ nửa vời không có nghĩa là ở chủ nghĩa tư bản không có chút nào dân chủ. Vấn đề là chỗ với trình độ kinh tế - văn hóa như hiện nay, lẽ ra họ có thể thiết lập một nền dân chủ gấp nhiều lần mà họ đang có. Và mặt khác, hoàn cảnh lịch sử bắt buộc họ phải có những "thích nghi" để phù hợp và sự thích nghi đó bao hàm cả những cải biến nhỏ giọt về dân chủ.

Quả thật, nhìn hình thức bề ngoài thì dân chủ tư sản khá hào nhoáng ; từ một đảng cầm quyền đến tồn tại nhiều đảng để tranh giành quyền lực trong xã hội. Từ nguyên tắc đầu phiếu phổ thông, bình đẳng, trực tiếp bỏ phiếu kín để bầu người đại diện tham gia nhà nước, đến bãi miễn các đại biểu nếu không còn tín nhiệm. Từ sự phân quyền hàng ngang (tam quyền phân lập) đến phân quyền hàng dọc giữa trung ương và địa phương rất chặt chẽ và khoa học. Từ sự thống nhất quyền lực giữa trung ương và địa phương đến sự thống nhất về hiến pháp và luật pháp. Họ đã làm được như vậy nhưng họ lại cố tình "bỏ quên" mục đích hoạt động của hệ thống chính trị "tuyệt tác" đó. Ở đây nhân dân không được nói đến một cách công khai và dứt khoát mà để cho mọi người tùy hiểu. Với một xã hội tuyệt đối hóa vai trò cá nhân, trong khi thước đo là sở hữu tư nhân, thì nhân dân lao động chỉ được coi là công dân hạng hai, còn hạng nhất phải là những ông lớn, bà cả có sở hữu sản vật, có tiền của. Bởi thế trong nền dân chủ tư sản, nếu hiểu "quyền lực thuộc về nhân dân" thì đó phải hiểu là "nhân dân" giàu có, giới chủ. Và ai có tiền, có của (nắm kinh tế) thì nghiễm nhiên lũng đoạn chính trị. Điều này trở thành tất yếu. Cho nên, trong xã hội tư sản cái được gọi là dân chủ chỉ dành cho người giàu, họ có cuộc sống sung sướng. Chỉ họ có sự tự do rộng rãi, dân chủ thực rộng rãi, bên cạnh cảnh thất nghiệp, đói khổ, bần cùng của nhân dân lao động.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa luôn có những ông chủ lắm tiền nhiều của tích cực hoạt động chính trị và có hàng chục triệu người mù chữ, đứng ngoài xã hội, hàng chục triệu người thất nghiệp được xếp vào loại "thứ dân" không thể có điều kiện và không thể nói đến chính trị được. Đó là chưa nói đến cảnh cướp bóc, giết người do vũ khí được bán tự do trên thị trường hằng ngày đang gia tăng... Nhưng những cảnh đó không ngăn cản một số người trong nước họ vẫn cao đạo chê bai chỗ này chỗ kia, nước này, nước nọ là thiếu dân chủ, kém nhân quyền. Họ quên rằng chính ở nước họ phải học và hiểu khái niệm dân chủ cho đến nơi đến chốn hơn. Trong nhận thức, họ đã lấy phương tiện thay cho mục đích. Trong quan hệ đối ngoại, họ lấy cái gọi là "dân chủ" "nhân quyền" làm phương tiện để tiến công các nước xã hội chủ nghĩa và các nước bất đồng chính kiến với họ. Họ muốn dùng cái gọi là dân chủ đó để xóa bỏ chế độ các nước này không cần chiến tranh. Tiếc thay có một vài người ngây thơ có khi lại bị họ lòe bịp để rồi hoang mang dao động.

Ngày nay bộ mặt kinh tế - xã hội ở một số nước tư bản đã thay đổi rất nhiều so với thời Mác - Ăng ghen cũng như Lê-nin còn sống. Những tiến bộ về khoa học - kỹ thuật và sự phát triển kinh tế ở các nước đó tiến bộ rất nhiều, nếu như họ hiểu dân chủ như một chân lý khách quan là mục đích, thì họ có thể thực hiện được nền dân chủ thực sự. Nhưng quả thật cái gọi là dân chủ tư sản hiện đại vẫn như lời Lê-nin đã từng nhận xét : là lừa bịp, là bị cắt xén, là rất hạn chế, là thứ dân chủ cho người giàu... Những nhận xét xác đáng đó của Lê-nin về nền dân chủ tư sản rõ ràng vẫn còn giá trị chứ không phải như ai đó đã cho rằng chủ nghĩa Mác - Ăng-ghen - Lê-nin, chí ít ở đây là về dân chủ, đã lỗi thời.

Ngày nay, câu nói của Ăng-ghen rằng : ở các nước tư bản cứ 4 năm một lần người ta lại xem xem nên bầu ai thay mặt mình để áp bức bóc lột mình ở nghị viện... Câu nói này vẫn không lỗi thời trong thời đại chủ nghĩa tư bản hiện đại, vì dưới con mắt của nhiều học giả tư sản, chủ nghĩa tư bản đang là một xã hội "không thể chấp nhận".

3. "Gấp triệu" lần hơn

Mấy chục năm xây dựng chủ nghĩa xã hội cho đến hôm nay không ai lại không nhận thấy cái tiến bộ, cái tốt đẹp của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Đã có nhiều năm, tính ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thể hiện sức mạnh và sự hấp dẫn của mình. Đó là một xã hội không còn áp bức bóc lột, người với người là bạn, nhân dân lao động được quyền tham gia công việc nhà nước bằng nhiều hình thức đa dạng phong phú. Lịch sử cho thấy chỉ mấy chục năm chủ nghĩa xã hội ra đời và phát triển, nó làm cho bộ mặt thế giới thay đổi, tiến lên nhanh chóng. Chính sự tồn tại của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa góp phần cho xã hội tư bản buộc phải tự điều chỉnh theo hướng tiến bộ hơn.

Thành quả tốt đẹp đó trước hết là trong quan niệm về dân chủ của chủ nghĩa xã hội có sự đúng đắn, triệt để hơn. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là một hệ thống chính trị của dân, đem lại quyền lực và lợi ích cho nhân dân lao động. Tính hơn hẳn của dân chủ xã hội chủ nghĩa so với dân chủ tư sản thể hiện ở quan niệm, và trong hiện thực của cuộc sống.

Nhưng cũng không thể không nhắc đến một sự thật là sau khi đạt được một số thành tựu quan trọng, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa nói riêng và chủ nghĩa xã hội nói chung có phần nào tự hài lòng với thành quả đó và nảy sinh trì trệ. Mục đích là quyền lực thuộc về nhân dân thì quá rõ ràng và nhất quán, xuyên suốt. Nhưng quả thật hệ thống chính trị nhất là nhà nước thì lại ít được chú ý nghiên cứu cải tiến và hoàn thiện, khi kinh tế xã hội đã có những tiến bộ... và sự xơ cứng này cộng thêm nhiều nguyên nhân nữa đã làm cho nó lâm vào khủng hoảng. Khi tiến hành cải tổ lại mắc nhiều sai lầm đáng tiếc, nên nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở một số nước đáng lẽ phải được củng cố, cải tiến sửa chữa thì lại bị kẻ thù lợi dụng tác động làm cho sụp đổ.

Nhưng không vì thế mà có thể vội vàng quy kết rằng dân chủ xã hội chủ nghĩa không còn nữa hay nó đã lỗi thời. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ và phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế đang trong thời kỳ thoái trào, nhưng chủ nghĩa xã hội đổi mới nói chung và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã và đang khẳng định sức mạnh của nó.

Trước hết nền dân chủ của chúng ta kế tục những thành quả của chủ nghĩa xã hội trước kia đã đạt được, có rút kinh nghiệm sửa chữa khuyết tật đặc biệt là sau đó thêm vào luồng sinh khí của thời hiện đại. Chúng ta hiểu dân chủ là hệ thống chính trị mà hạt nhân của nó là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Và dân chủ của chúng ta không chỉ là chính trị thuần túy mà bao hàm cả đời sống văn hóa, kinh tế - xã hội được bảo đảm... Một nhà nước của dân, do dân đem lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Tuy điều kiện kinh tế còn khó khăn, lại qua chiến tranh lâu dài và chịu ảnh hưởng sâu sắc cơ chế quan liêu máy móc của chủ nghĩa xã hội trước kia, đất nước ta đã thiết lập một nền dân chủ có tính ưu việt hơn một số nước có trình độ kinh tế phát triển hơn ta rất nhiều. Chúng ta có hệ thống chính trị tiến bộ do Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Ở nước ta cơ chế dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp và gián tiếp kết hợp hài hòa, từ đầu phiếu phổ thông, bình đẳng đến sự gặp gỡ tiếp xúc giữa cử tri và đại biểu quốc hội, từ đóng góp ý kiến vào công việc nhà nước thông qua phương tiện thông tin đại chúng và dưới nhiều hình thức phong phú đến góp ý trực tiếp vào nội dung luật pháp và các vấn đề quan trọng của đất nước... Những điều này đối với chúng ta có khi là thường nhật, nhưng những thế hệ đã sống qua chế độ phong kiến, thực dân chắc sẽ hiểu sâu hơn tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Chúng ta không thể tự cho rằng mình đã đạt đến đỉnh cao của dân chủ, bởi một lẽ đương nhiên là điều này phụ thuộc nhiều vào trình độ kinh tế - văn hóa - xã hội, khi mà chúng ta còn đang ở điểm xuất phát rất khiêm tốn. Nhưng chúng ta khẳng định chắc chắn những thành tựu mà chúng ta đạt được hơn hẳn so với dân chủ tư sản, đặc biệt so với các nước cùng trình độ kinh tế - xã hội nhưng khác về chế độ chính trị. Và điều này càng có căn cứ để ai đó muốn nói đến dân chủ, nhân quyền thì hãy nhìn lại nước họ và nhìn vào sự thật ở Việt Nam ta với một thái độ khách quan chân thực.

Dân chủ hiện đại là mối quan hệ biện chứng giữa phương tiện và mục đích, nếu tách nó ra thì chẳng còn gì để nói nữa. Ở nước ta mục đích và phương tiện luôn gắn bó với nhau, bổ sung tác động cho nhau, cho nên chân lý không bị bóp méo xuyên tạc và quá trình hiện thực hóa chân lý đó ngày càng có kết quả tốt đẹp.❑

Digitized by Google

CÁN BỘ XÃ, PHƯỜNG : VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN HỮU KHIỂN *

I- Trong kỳ họp thứ X Quốc hội khóa IX, vấn đề thiết kế lại cơ cấu cán bộ chính quyền cơ sở (cấp xã, phường) được nhiều đại biểu quan tâm. Các đại biểu đã đưa ra nhiều câu hỏi khác nhau xung quanh vấn đề này, tập trung lại có hai loại là :

1 - Tại sao Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 công nhận hệ thống chính quyền bốn cấp, nhưng ba cấp có công chức được tuyển dụng còn cấp xã, phường thì không có (hoặc chưa có).

2 - Có thể công chức hóa cán bộ xã, phường được không ? Nên giải quyết vấn đề này như thế nào ?

Những ý kiến trên thể hiện những trăn trở, trách nhiệm và mong muốn của các đại biểu nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của chính quyền cấp cơ sở trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Qua 10 năm đổi mới, cùng với đổi mới kinh tế và các lĩnh vực khác, chúng ta đã từng bước đổi mới hệ thống chính trị nói chung. Một trong những bước đổi mới đó là Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) đã trình bày có hệ thống những quan điểm cơ bản của Đảng ta về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nghị quyết đã đề cập những chủ trương giải pháp cụ thể và coi cải cách hành chính là bước đi cần thiết, đầu tiên của quá trình này. Vấn đề cải cách có hệ thống, đồng bộ nền hành chính nhà nước đòi hỏi sự tác động của chiến lược cải cách và không chỉ tập trung vào một khâu nào đó trong hệ thống. Không chỉ chú ý vào cải cách Chính phủ thông qua việc nhận thức về địa vị pháp lý, thẩm quyền của Chính phủ với tư cách là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, không chỉ xác định quan hệ của các bộ với Chính phủ, với chính quyền các cấp mà còn phải chú ý đến việc cải cách toàn bộ bộ máy hành chính với những bước đi thích hợp.

Song hành với cải cách bộ máy hành chính, vấn đề cải cách đội ngũ công chức, viên chức hành chính nhà nước - những người vận hành bộ máy - cũng được coi là vấn đề trọng tâm. Khái niệm công chức được định nghĩa lần đầu tiên trong Sắc lệnh ban hành ngày 20-5-1950 về "Quy chế công chức" do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký : "Công chức Việt Nam là những công dân Việt Nam được chính quyền nhân dân tuyển để giữ một chức vụ thường xuyên trong các cơ quan của Chính phủ ở trong hay ở ngoài nước" (1). Ý tưởng xây dựng một nền hành chính hiện đại, dân chủ, có hiệu lực, một đội ngũ công chức tinh thông, cần mẫn là công bộc của dân "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư" do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đề ra trong những năm đầu khi cách mạng thành công, bị hai cuộc chiến tranh làm gián đoạn. Sau này những vấn đề liên quan đến công chức, viên chức tiếp tục được đề cập. Văn bản đang có hiệu lực thi hành là Nghị định 169 HĐBT (1991) của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ). Nhưng thực tiễn quản lý cho thấy tác động của Nghị định này chưa đáng kể đối với việc điều chỉnh đội ngũ cán bộ rất đông đảo hiện đang điều hành, quản lý cấp chính quyền xã, phường. Về nguyên tắc, công chức nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải phục tùng và tuân theo sự lãnh đạo của Đảng, trung thành với Chính phủ, không trung lập về chính trị. Đội ngũ cán bộ công chức nhà nước là toàn bộ cán bộ công chức làm việc hay giữ một nhiệm vụ thường xuyên nhất định trong bộ máy nhà nước. Bộ máy nhà nước là một hệ thống, đội ngũ cán bộ công chức làm việc trong bộ máy nhà nước cũng hình thành theo hệ thống. Nó gồm cán bộ, công chức của các khu vực, các ngành, các cấp, các bộ phận có liên quan hữu cơ và tác động qua lại lẫn nhau. Cán bộ

* PTS, Học viện hành chính quốc gia

(1) Xem Quy chế công chức Việt Nam ban hành theo *Sắc lệnh* số 76-SL ngày 20-5-1950, Công báo năm 1950, số 6, tr 115

Digitized by Google

cấp xã, phường là tiểu hệ thống trong hệ thống cán bộ công chức nhà nước và có tầm quan trọng như các tiểu hệ thống khác. Đội ngũ cán bộ xã, phường đóng vai trò quan trọng trong nền công vụ ở chỗ hiệu quả quản lý của chính quyền cơ sở thể hiện rõ năng lực của chính phủ, hiệu quả quản lý của nhà nước. Nói cách khác, hiệu lực của bộ máy nhà nước nói chung và của hệ thống hành chính nói riêng một phần được quyết định bởi phẩm chất năng lực và hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở.

Vấn đề công chức hóa (một vài chức danh, hay phần lớn các chức vụ) ở cấp xã, phường trở thành bức xúc cả trên lĩnh vực lý luận và thực tiễn về cải cách hành chính.

Thứ nhất : hành chính là một chức năng cơ bản của nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật và theo pháp luật. Hành chính từ một mặt trong tổng hợp quyền lực của nhà nước, đã trở thành một nhánh quyền lực trong các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong nhà nước dân chủ hiện đại. Những quan điểm, học thuyết về sự phân định chức năng trong lịch sử nhà nước và pháp luật đã được bàn tới khá sớm. Song nó chỉ trở thành hiện thực và có hiệu quả từ khi thể chế dân chủ tư sản được hình thành. Các nhà nước tư sản sử dụng nó như một nguyên tắc phân quyền quan trọng trong tổ chức nhà nước.

Thứ hai : hành chính với tính cách là một quyền lực quản lý đặc biệt, có những đặc tính khác với các quyền lập pháp và tư pháp. Hành chính luôn luôn là một hoạt động có tính liên tục, tính thích ứng, tính thứ bậc và tính chuyên môn hóa. Ở đây (trong bài viết này) cần nhấn mạnh tính chất chuyên môn hóa trong quản lý hành chính nhà nước.

Tính chất chuyên môn hóa do đòi hỏi của đối tượng của quản lý hành chính nhà nước gồm rất nhiều lĩnh vực khác nhau như chính trị, kinh tế, văn hóa, tôn giáo, dân tộc v.v... Nếu các công chức hành chính chỉ được trao quyền lực, không được trang bị những kiến thức cơ bản cần thiết về chuyên môn thì không thể thực thi tốt quyền lực nhà nước, không thể hoàn thành tốt công vụ được giao. Công chức phải được giao đúng người, đúng việc, hơn nữa trong một lĩnh vực chuyên môn, có nhiều đẳng cấp khác nhau thì công chức phải được trang bị chuyên môn phù hợp với công việc được giao.

Trong khi hệ thống hành chính nhà nước có 4 cấp tính từ trung ương đến cơ sở (xã, phường) thì vấn đề cải cách trong đào tạo, tuyển dụng, sử dụng công chức lại chỉ để cập từ cấp huyện trở lên. Rõ ràng tính chất "không cần chuyên môn" trong quản lý hành chính cấp xã, phường thể hiện rất rõ. Đây là một thực tế cho thấy tại sao rất nhiều những vụ việc dân sự, hành chính, thậm chí hình sự ở các làng, xã đều phải chuyển lên cấp trên, và tình trạng "tồn đọng nhiều vụ việc" cứ kéo dài năm này qua năm khác.

Hội nghị Trung ương 8 (khóa VII) đã đề cập vấn đề "chuyên nghiệp hóa" đội ngũ công chức nhà nước ở cơ sở như một định hướng quan trọng. Tuy nhiên ở thời điểm đó, Nghị quyết Trung ương 8 được đặt trong khuôn khổ Hiến pháp 1992, cho nên một số quan điểm cụ thể còn khác nhau chưa được bàn kỹ. Cả một thời gian dài khái niệm công chức vẫn chưa được xác định rõ, vẫn đặt trong phạm trù "cán bộ" nói chung. Với quan niệm này tất cả những người làm trong các cơ quan đoàn thể, xí nghiệp tổ chức kinh tế - xã hội... của nhà nước đều là cán bộ công nhân viên chức nhà nước và được phân công, điều động sử dụng, thuyên chuyển dễ dàng. Với quan niệm này chúng ta chưa xây dựng được một đội ngũ công chức đúng với vị trí, vai trò, chức năng của nó. Hơn nữa, cơ sở pháp lý về việc xây dựng chính quyền cấp xã theo luật pháp hiện hành làm cho bộ máy lãnh đạo cấp xã, phường có sự thay đổi thường xuyên, tính ổn định tương đối chưa cao. Trong khi đó không có cơ chế nào có thể ổn định các chức danh ở bên dưới. Do sự thay đổi diễn ra đều đặn nên vừa không bảo đảm tính ổn định, tính thành thạo công việc (vốn là đặc tính quan trọng) của công tác quản lý hành chính, vừa bị những tác động tiêu cực. Một trong những biểu hiện tiêu cực là vấn đề vi phạm luật đất đai diễn ra khá phổ biến ở mọi cấp, trong đó cấp xã, phường chiếm một tỷ lệ lớn và ít có khả năng kiểm soát.

Từ thực tiễn và lý luận, vấn đề công chức hóa cán bộ hành chính cấp xã, phường đã nổi lên như một đòi hỏi của hiệu quả, hiệu năng quản lý hành chính. Để góp phần giải quyết nhiệm vụ bức xúc đó, theo chúng tôi cần làm rõ và thống nhất một số điểm sau :

1 - Để thực hiện việc công chức hóa cán bộ trong cơ cấu ủy ban nhân dân xã, phường trước hết cần bảo đảm yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, liên quan đến công vụ mà họ đảm trách, yêu cầu về kiến thức quản lý hành chính, quản lý xã hội của chính đội ngũ cán bộ này. Vì vậy, vấn đề công chức hóa chỉ có thể xem xét trong cơ cấu này (chủ tịch, các phó chủ tịch, các ủy viên ủy ban nhân dân

Digitized by Google

xã, phường và hệ thống các cán bộ khác của ủy ban nhân dân như cán bộ thuế, địa chính, văn hóa - xã hội v.v.).

2 - Nếu khái quát các cơ cấu trong hệ thống chính trị có ở cấp xã, phường vào khái niệm "chính quyền cơ sở" thì quá rộng. Như vậy nó sẽ được hiểu theo khía cạnh chính trị của vấn đề (nghĩa là nói sức mạnh của chính quyền ở cấp xã thì có thể hiểu đó là sức mạnh tổng thể của các cơ quan : nhà nước, cơ quan đảng, cơ quan đoàn thể hiện có ở cấp này).

Nhưng Hiến pháp quy định (tức là quy định dấu hiệu pháp lý của tổ chức) chính quyền cấp xã, phường trong chế định về hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân. Từ đó căn cứ vào cơ cấu bộ máy, đặc điểm chức năng của từng cơ quan trong bộ máy chính quyền nhà nước có thể coi đối tượng "công chức hóa" của cán bộ cấp xã, phường chỉ còn là một bộ phận trong hệ thống ủy ban nhân dân. Còn hội đồng nhân dân, với nguồn gốc hình thành, bản chất, chức năng của nó, không thể đưa vào khái niệm đó được. Từ đây cũng phải thống nhất cách hiểu và phân định rõ ràng là : công chức (thông thường) thì hưởng lương tùy theo công vụ của họ, nhưng không phải ai "ăn" lương nhà nước cũng là công chức.

3 - "Công chức hóa" một bộ phận hành chính ở cấp xã nhất thiết phải thông qua đào tạo, phải coi công chức là một nghề. Điều này tránh được quan niệm tạm bợ trong công việc của người trong bộ máy điều hành nhà nước. Được đào tạo, có nghề, công chức xã, phường sẽ tránh được các lỗi công vụ, tránh được tâm lý tự ti, tư tưởng ỷ lại, trốn tránh do "thiếu kiến thức, trình độ non kém". Mặt khác, khi được đào tạo, trở thành công chức, những cán bộ xã, phường đương nhiên thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về công chức. Như vậy trách nhiệm xã hội - pháp lý càng gắn chặt với mọi hoạt động của cán bộ hành chính cấp xã, phường.

II - Những vấn đề của thực tiễn và yêu cầu cải cách hành chính cho thấy việc hoạch định chính sách trong quản lý hành chính đang là một trong những điểm yếu của chúng ta hiện nay. Đại hội VIII của Đảng đã chỉ ra **"Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"**(2). Để thực hiện nhiệm vụ này đòi hỏi chúng ta phải có một đội ngũ công chức có đủ năng lực, phẩm chất và đủ mạnh từ trung ương đến cơ sở. Để phù hợp với chủ trương "từng bước chuyên nghiệp hóa một số vị trí công tác ở xã, phường" theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) chúng tôi thử đề xuất một vài giải pháp chuyên nghiệp hóa (hay "công chức hóa") một số cán bộ hành chính xã, phường với những loại công việc cụ thể sau :

1 - Chuyên nghiệp hóa cán bộ thuế. Hiện nay vấn đề thu chi quản lý ngân sách đã trở thành vấn đề bức xúc của đời sống. Có nguồn ngân sách ổn định và ngày càng tăng thì người làm công vụ liên quan đến vấn đề này không thể "nghiệp dư" được mà phải qua đào tạo. Chuyên nghiệp hóa sẽ làm cho sự kết hợp giữa kiến thức đào tạo và kinh nghiệm trở lên tốt hơn, tránh được tình trạng lấy người vào theo cảm tính, theo "gu" cá nhân (theo nghĩa tiêu cực), khắc phục được tình trạng thiếu cán bộ chuyên môn bằng cách điều chuyển cán bộ từ địa phương này sang địa phương khác. Chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ thuế có thể là giải pháp tránh được hiện tượng lấy lý do "không có chuyên môn" để tham nhũng như đã xảy ra ở nhiều địa phương.

2- Cần sớm chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ địa chính xã, phường. Đây là vấn đề rất quan trọng trong đời sống kinh tế, pháp lý và cuộc sống cộng đồng hiện nay. Một trong những lý do gây nên sự chậm trễ trong việc cấp sổ địa chính, trước bạ cho các hộ gia đình là do đội ngũ cán bộ địa chính trong cơ cấu chính quyền xã hiện nay không được đào tạo. Địa chính không chỉ đơn giản là đo đạc và ghi chép mà là lĩnh vực khoa học về đo đạc bản đồ, cần phải đào tạo có bài bản mới làm tốt được. Hơn nữa địa chính liên quan đến việc xác định lợi ích hợp pháp của nhân dân đối với bất động sản (yếu tố quan trọng trong đời sống dân sự) ; đối với đất thổ cư và đối với quyền sử dụng ruộng đất lâu dài trong sản xuất.

Đại hội VIII của Đảng đã chỉ rõ "nếu đội ngũ cán bộ không được đào tạo bồi dưỡng nhanh, không đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, thì đó chính là một trong những nhân tố làm mất thời cơ và tăng nguy cơ". Từ tầm vĩ mô, trình độ cán bộ xã, phường được nâng lên từng bước trong quản lý, cán bộ xã, phường có đủ trình độ năng lực sẽ bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhân dân. Từ đó sẽ tránh được những sai sót trong quản lý gây thiệt hại cho nhân dân. Tựu trung "công chức hóa" cán bộ hành chính cấp xã, phường phải bắt đầu từ công tác đào tạo và đào tạo lại.❑

---

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 82

Digitized by Google

NHỮNG BIẾN ĐỔI QUAN TRỌNG CỦA NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN Ở QUẢNG NINH

PHAN HÙNG *

SAU 3 năm nỗ lực thực hiện Nghị quyết 5 của Ban chấp hành trung ương khóa VII, đến nay kinh tế nông nghiệp và nông thôn Quảng Ninh đã có những chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn được chuyển đổi theo hướng sản xuất hàng hóa đa dạng, vừa khai thác lợi thế tiềm năng của các vùng trong địa phương, vừa tăng nhanh năng suất, chất lượng hiệu quả của các ngành nông - lâm - ngư nghiệp. Nhằm ưu tiên cho mục tiêu bảo đảm lương thực, tỉnh đã tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nông nghiệp, cấp I hóa và đưa giống lúa mới chiếm từ 85 đến 90% diện tích gieo trồng. Nhờ vậy, hằng năm sản lượng lương thực tăng từ 3 đến 4%. Năm 1996 tuy bị thiên tai nặng nề, sản lượng lương thực vẫn đạt trên 172 ngàn tấn, cao nhất từ trước tới nay, đưa mức lương thực trong khu vực nông thôn đạt bình quân 360kg/người/năm. Các loại cây màu như khoai lang, sắn được thay dần bằng các loại cây có giá trị hàng hóa cao hơn. Đặc biệt diện tích cây ăn quả tăng nhanh, đạt 3 000 héc ta. Huyện Đông Triều là địa phương dẫn đầu trong việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, phát triển mạnh kinh tế vườn đồi, chuyển hàng trăm héc ta rừng bạch đàn kém hiệu quả sang trồng vải, nhãn, na, bước đầu thu hoạch trên 1 000 tấn quả các loại, đạt giá trị hàng hóa trên 10 tỉ đồng, bằng 10% giá trị thu nhập về nông nghiệp. Trong 4 - 5 năm tới, huyện Đông Triều sẽ có từ 3 000 đến 4 000 héc ta cây ăn quả, tạo ra ưu thế mới trong cơ cấu hàng hóa nông nghiệp. Các huyện Hoành Bồ, thị xã Cẩm Phả, thành phố Hạ Long đã tăng nhanh diện tích rau, hoa, cây cảnh, đưa giá trị thu nhập từ 1 triệu đồng lên 3 - 4 triệu đồng/sào đất canh tác. Đàn gia súc mỗi năm tăng 3 - 4%. Nhiều giống mới đã được nuôi rộng rãi. Một số hộ gia đình đã nuôi hàng ngàn con gà theo hướng công nghiệp, nhiều hộ nuôi từ 80 đến 100 con lợn thịt hướng nạc. Vùng nông thôn ven biển phát triển nhanh việc nuôi hải sản như trai ngọc, sò huyết, bào ngư, cá song xuất khẩu, bước đầu mở ra triển vọng lớn ở lĩnh vực khai thác tiềm năng kinh tế biển. Diện tích nuôi thả hải sản đạt trên 15 000 héc ta góp phần tạo nguyên liệu chế biến xuất khẩu mỗi năm đạt 6 - 8 triệu USD.

Trong lâm nghiệp đang có hướng chuyển từ lâm nghiệp truyền thống sang lâm nghiệp xã hội, có chuyển biến tích cực về tổ chức quản lý và tạo vốn phát triển rừng. Trong 3 năm, toàn tỉnh đã trồng 17 113 héc ta rừng, bình quân mỗi năm trồng 5 700 héc ta rừng tập trung phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng và rừng kinh tế, làm tăng thêm độ che phủ của rừng từ 23% lên 30%.

Ngành thủy sản đang hướng mạnh khai thác tuyến khơi. Đến nay, toàn tỉnh có 4 000 phương tiện tàu thuyền gắn máy trong đó có 60 tàu lớn công suất từ 75 - 330 CV, có khả năng khai thác dài ngày trên biển.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn đã bước đầu phát triển. Một số địa phương đã làm sống lại các ngành

* Phó văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh

Digitized by Google

nghề truyền thống như sành sứ, thủy tinh, thủ công mỹ nghệ, phát triển phong phú dịch vụ vật tư kỹ thuật, làm đất, thu hoạch bằng cơ giới. Một số xí nghiệp chế biến nhựa thông, gỗ dán, chế biến ngọc trai, tôm, mực... đang mở rộng quy mô sản xuất, tạo thêm nhiều việc làm, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp.

Rõ ràng cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Quảng Ninh đã chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tính thuần nông. Đời sống nông thôn từng bước được đổi mới và cải thiện rõ rệt. Đến nay lưới điện quốc gia đã đến 12/13 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, bảo đảm cấp điện cho 62% số hộ nông thôn. Hệ thống giao thông từ tỉnh xuống trung tâm các huyện, thị xã đã được nâng cấp và rải nhựa. Trên 70% số xã được phủ sóng truyền hình và có máy điện thoại.

Ba năm qua, bằng nhiều biện pháp tích cực huy động vốn, tỉnh Quảng Ninh đã đầu tư cho khu vực nông nghiệp trên 430 tỉ đồng, vượt 40% mục tiêu đầu tư bình quân hằng năm, trong đó vốn đầu tư thủy lợi chiếm 26% bảo đảm tưới tiêu chủ động cho 65% diện tích gieo trồng. Vốn đầu tư cho giao thông chiếm 11,3%. Bằng nguồn vốn của tỉnh và huy động công sức của nhân dân thời gian qua, Quảng Ninh đã xây 46 trạm y tế, 33 trụ sở xã và 717 phòng học mới. Hệ thống y tế từ tỉnh xuống huyện được đầu tư nâng cấp, mua sắm thêm nhiều thiết bị hiện đại, 96% số xã có bệnh xá, gần 50% số bệnh xá có bác sĩ điều trị, thực hiện hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, hạn chế thấp nhất các loại bệnh xã hội như sốt rét, bướu cổ, phong, lao... góp phần làm cho đời sống nhân dân các dân tộc trong tỉnh ổn định và cải thiện. Tỷ lệ hộ đói nghèo từ 22% (1993) giảm xuống còn 15,2%, số hộ giàu chiếm 10,6%. Nhờ phát triển kinh tế cửa khẩu, đồng bào vùng giáp biên giới Trung Quốc có điều kiện làm dịch vụ và giao lưu hàng hóa, tiêu thụ sản phẩm. Một số hộ gia đình đã xuất khẩu quế, hồi và các loại hoa quả có thu nhập từ 200 đến 300 triệu đồng/năm, cá biệt có hộ tỷ phú. Trên phạm vi toàn tỉnh đã hình thành trên 100 chợ nông thôn, cùng với hệ thống thương nghiệp quốc doanh bảo đảm cung cấp nhiều loại hàng hóa đa dạng, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống cho đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Nhờ chủ trương mở rộng kinh tế đối ngoại, kim ngạch xuất khẩu tăng hằng năm bình quân 20%, nhập khẩu tăng 4%. Một số sản phẩm như chè, quế, hồi, tùng hương, giấy, mực, ngọc trai... đã mở thêm được thị trường xuất khẩu sang các nước Đông - Nam Á.

Những kết quả trên tuy mới là bước đầu, nhưng khẳng định những mục tiêu, biện pháp tổ chức thực hiện Nghị quyết là đúng đắn, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, góp phần tạo nên những chuyển biến tích cực trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp. Bộ mặt nông thôn được đổi mới, kinh tế gia đình phát triển, đời sống nhân dân ổn định. Nông dân thực sự yên tâm phấn khởi sản xuất, góp phần quan trọng ổn định tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy vậy, sản xuất nông nghiệp của Quảng Ninh về cơ bản vẫn ở trình độ thấp cả về kỹ thuật, năng suất, hiệu quả kinh tế - xã hội. Sản xuất hàng hóa vẫn còn ở trình độ thấp, chưa mở rộng và đồng đều giữa các vùng. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp nông thôn chỉ mới được xem như một ngành nghề phụ, tỷ trọng còn quá nhỏ bé. Hoạt động thương mại dịch vụ thâm nhập vào nông thôn còn rời rạc, tự phát. Công nghiệp hóa nông nghiệp chưa có bước phát triển đáng kể. Nguồn điện đưa vào nông thôn chủ yếu dùng để thắp sáng. Sản lượng điện dùng cho tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ mới đạt 7,5%, dùng cho nông nghiệp đạt 1,5%. Tài nguyên, môi trường chịu ảnh hưởng lớn của công nghiệp khai thác than, gây nhiều hậu quả xấu đối với trước mắt và lâu dài. Kinh tế hợp tác xã hạn chế, hiệu quả thấp, trên 50% số hợp tác xã thuộc loại yếu kém, tồn tại

Digitized by Google

trên hình thức, ít có tác dụng thúc đẩy sản xuất, chậm được củng cố, đổi mới cơ chế quản lý. Đời sống nhân dân, nhất là vùng núi cao còn khó khăn, có nơi tỷ lệ đói nghèo chiếm 50 - 60%, làm cho khoảng cách về thu nhập giữa nông dân nghèo và người dân thành thị ngày càng tăng. Con em nông dân và các dân tộc thiểu số khó có khả năng và điều kiện để học lên đại học.

Để khắc phục những tồn tại nảy sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết trung ương 5, Hội nghị tỉnh ủy Quảng Ninh họp vào cuối tháng 11-1996 đã chủ trương tiếp tục nâng cao nhận thức và hành động, bổ sung và điều chỉnh một số nội dung cho phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ mới. Tập trung lãnh đạo đổi mới một bước kinh tế - xã hội nông nghiệp và nông thôn theo hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, gắn với công nghiệp chế biến. Đổi mới quan hệ sản xuất cho phù hợp với lực lượng sản xuất. Tăng thu nhập và nâng dần mức sống của nông dân lên gấp đôi so với hiện nay. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10% ; khu vực miền núi xuống dưới 30%. Đây là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp từ nay đến năm 2000.

Giải pháp quan trọng là phát triển toàn diện nông nghiệp, nhằm khai thác mọi tiềm năng lợi thế sẵn có để chuyển mạnh sản xuất hàng hóa. Giảm dần tính thuần nông để đạt cơ cấu nông nghiệp 60%, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp 20%, dịch vụ 20%.

Ngoài việc ổn định vững chắc nhu cầu lương thực trong khu vực nông thôn, tỉnh tập trung chỉ đạo, tạo bước chuyển mới trong việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, chuyển các loại đất màu, đất trồng một vụ lúa không chắc ăn và cải biến những vùng đồi thấp đã trồng bạch đàn, dâu tằm kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả. Quy hoạch trồng tập trung cây công nghiệp dài ngày, vùng gỗ trụ mỏ, vùng sản xuất nguyên liệu giấy sợi, để từng bước mở rộng công nghiệp chế biến. Hạn chế khai thác rừng tự nhiên trong 1 - 2 năm, thực hiện nghiêm chỉnh quyết định đóng cửa rừng của Chính phủ, chủ yếu khai thác rừng trồng ; giữ vững và phát triển môi trường sinh thái bền vững, lâu dài.

Cùng với việc đưa công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp về nông thôn, từng bước mở rộng kinh tế biển, khai thác trên 6000 héc ta đất lấn biển, chủ yếu đưa vào nuôi hải sản. Phát triển rộng hình thức gia đình nuôi cá lồng, bè, nuôi trai ngọc trên biển... làm "vệ tinh" cho các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài. Phấn đấu đưa ngành hải sản trở thành một trong những mũi nhọn kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu.

Để từng bước công nghiệp hóa nông nghiệp, tỉnh ủy Quảng Ninh chủ trương tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, có sự kết hợp tốt giữa chương trình đầu tư của trung ương, vốn liên doanh hợp tác với nước ngoài và sự đóng góp công sức của nhân dân. Mỗi năm dành từ 15 đến 18% ngân sách của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội nông nghiệp và nông thôn. Tập trung đầu tư xây dựng thủy lợi, nâng cấp các hệ thống đê sông, đê biển ; thực hiện chương trình "kiên cố hóa hệ thống dẫn tưới của các đập thủy lợi", phấn đấu tưới chủ động cho trên 70% diện tích gieo trồng toàn tỉnh. Có kế hoạch khảo sát xây dựng hệ thống điện phục vụ công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp nông thôn. Tạo một bước tiến về thông tin vùng nông thôn miền núi, hải đảo, nối mạng quốc gia và quốc tế.

Để xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, các cấp ủy đảng và chính quyền tỉnh Quảng Ninh quyết tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ đổi mới hợp tác xã nông nghiệp. Quán triệt tinh thần Chỉ thị 68 của Ban bí thư trung ương Đảng (khóa VII) tỉnh Quảng Ninh tiến hành thí điểm đổi mới tổ chức các mô hình hợp tác xã trong nông - lâm - ngư nghiệp sát thực tế từng địa phương để rút kinh nghiệm chỉ đạo triển khai ra diện rộng trong năm 1997 và 1998.❑

Digitized by Google

Ý NGHĨA THỨC TỈNH TỪ VỤ ÁN ĐƯỜNG DÂY MA TÚY

DƯƠNG VŨ và *VÕ ĐĂNG THIÊN*

Sau những ngày làm việc vất vả, căng thẳng, chiều 14-5-1997, phiên tòa xét xử vụ án đường dây ma túy xuyên quốc gia của Vũ Xuân Trường và đồng bọn đã kết thúc với những bản án nghiêm khắc dành cho bọn tội phạm và những kẻ liên quan.

Đây là một trong những phiên tòa có số lượng bị cáo khá đông và đặc biệt tính chất, mức độ phạm tội của chúng cực kỳ nghiêm trọng. Vì vậy, hồ sơ vụ án dày nhất (trên 3 000 bút lục) ; thời gian xét xử dài nhất (10 ngày) ; số lượng bị cáo lĩnh án tử hình và chung thân cao nhất (8 tử hình và 8 chung thân trong số 22 bị cáo).

Đây cũng là một trong những phiên tòa được cả xã hội trông ngóng và quan tâm, bởi những hành vi phạm tội của bọn tội phạm không chỉ mang tính hình sự đơn thuần mà đã ảnh hưởng trực tiếp đến nền an ninh quốc gia. Nó chạm đến nỗi đau và sự mất mát khôn cùng của hàng vạn gia đình Việt Nam hiện nay.

Giải quyết vấn đề ma túy và tội phạm liên quan đến ma túy ngày nay được coi là vấn đề mang tính toàn cầu. Ma túy hơn bao giờ hết trở thành một thảm họa và cuộc đấu tranh để chống lại nó đang là mối quan tâm chung của toàn nhân loại, thành nhiệm vụ thường trực và bức xúc của tất cả các chính phủ, không phân biệt màu da, sắc tộc, chế độ chính trị.

Mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực của mỗi nước và sự phối hợp hành động mang tính quốc tế, nhưng cuộc đấu tranh chống ma túy giờ đây cũng mới chỉ thu được những kết quả hết sức hạn chế. Nạn kinh doanh, tàng trữ, vận chuyển và tiêu thụ ma túy vẫn đang có chiều hướng gia tăng ; quy mô cùng tính chất vụ việc ngày càng rộng lớn và phức tạp. Hiện nay số lượng ma túy buôn bán bất hợp pháp trên thế giới ước tính trên 500 tỉ đô la ; thu lợi do buôn bán ma túy hằng năm khoảng 300 tỉ đô la, nhiều hơn lãi do kinh doanh dầu mỏ và chỉ thua kinh doanh vũ khí. Điều đó cắt nghĩa vì sao bọn gian thương lao mạnh vào món hàng chết người này.

Ở Việt Nam sau năm 1954 và nhất là sau giải phóng miền Nam 1975, Đảng và Nhà nước ta đã tiến hành bài trừ kiên quyết tệ nạn ma túy với nhiều chính sách và biện pháp cụ thể. Số người nghiện ngập ngày một giảm. Cho đến cuối những năm 80, số tồn đọng chỉ còn rất ít ở một vài vùng núi xa xôi, hẻo lánh, những đối tượng lang thang, bụi đời ở thành thị. Song mấy năm gần đây, lời cảnh báo về "cuộc xâm lăng" của ma túy lại không ngừng dâng lên. Các cơ quan chức năng có nhiều cuộc khảo sát, điều tra và đã đi đến kết luận : "những cơn lốc đen", "những nàng tiên nâu", "những tử thần ma túy, những cái chết trắng" đang bùng lên ở nhiều vùng trong nước ta, giáng họa xuống đầu mọi người. Đặc biệt vài năm gần đây ma túy len lỏi vào các vùng đồng bằng, xâm nhập vào cả học đường, tấn công mạnh một bộ phận thơ ngây, tinh túy nhất của xã hội (từ học sinh tiểu học, trung học đến sinh viên các trường đại học). Theo con số mới nhất, cả nước có đến 180 000 người nghiện ma túy, trong đó có một tỷ lệ đáng kể học sinh, sinh viên đã vô thức hoặc ý thức sa vào vòng xoáy của "cơn lốc" này. Đáng chú ý hơn, nó thường kéo theo hàng loạt mối nguy hại khác : kinh tế đổ vỡ, gia đình khánh kiệt, phá sản ; tình cảm giữa người nghiện và người thân tổn thất nặng nề; trong cơn xung động thần kinh do thèm chất ma túy, nhiều kẻ (đặc biệt là thanh niên) đã gây ra những hành vi phạm tội nghiêm trọng, mất hết

Digitized by Google

nhân tính. Nạn diệt chủng âm thầm này còn gắn với hiện tượng lây nhiễm căn bệnh thế kỷ (AIDS) đã gây nên nỗi kinh hoàng, thất vọng và chán chường cho biết bao sinh linh. Do đó việc phát hiện, lôi ra ánh sáng và nghiêm trị bọn tội phạm ma túy, những kẻ táng tận lương tâm, gieo rắc thảm cảnh cho đồng loại, phè phỡn nhởn nhơ trên nỗi đau người khác, đã trở thành lời kêu gọi khẩn thiết, nóng bỏng.

Trong bối cảnh đó, việc đưa ra trước vành móng ngựa ổ tội phạm ma túy lớn nhất từ trước tới nay là một sự kiện rất có ý nghĩa.

Trước nhất, vụ án đã thể hiện ý chí và quyết tâm cao của Đảng và Nhà nước ta kiên quyết lập lại trật tự kỷ cương, lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, bài trừ tận gốc những tệ nạn xã hội nghiêm trọng, trong đó có ma túy.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có hàng loạt văn bản quan trọng chỉ đạo sát sao công tác phòng chống và kiểm soát ma túy. Nghị quyết 06 ngày 29-1-1993 của Chính phủ nêu rõ : "Hiện nay, ở nước ta nạn nghiện hút, tiêm chích và buôn lậu ma túy đang tăng lên. Tệ nạn này trái với đạo đức truyền thống của dân tộc, ảnh hưởng rất xấu đến phát triển kinh tế, gây hại lớn cho sức khỏe một bộ phận nhân dân, ảnh hưởng xấu tới nòi giống dân tộc, để lại hậu quả nghiêm trọng cho các thế hệ mai sau.

Đây là mối quan tâm, lo lắng của toàn xã hội. Cần phải đấu tranh kiên quyết chống tệ nạn này bằng các biện pháp tuyên truyền, vận động, giáo dục, kinh tế, xử lý hành chính và hình sự".

Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong kỳ họp gần đây cũng đã thảo luận, vạch rõ mối nguy hiểm của tệ nạn ma túy, đã quyết định mở rộng khung hình phạt, nâng mức hình phạt, bổ sung vào bộ luật hình sự, tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan tư pháp và hành pháp tấn công mạnh mẽ hơn nữa vào bọn tội phạm ma túy.

Nhưng những kẻ xấu, như những con thiêu thân hám lợi đã lao sâu vào con đường tội ác, gây hậu họa khôn lường cho dân tộc.

Đối với cán bộ nhà nước, Chính phủ cũng có Nghị định số 53 (ngày 28-6-1994) xử lý nghiêm khắc những người có hành vi liên quan đến mại dâm, ma túy, cờ bạc và say rượu bê tha. Song có những kẻ khoác áo công vụ, ăn lương nhà nước, thậm chí nằm trong lực lượng chuyên chính đáng tin cậy đã cố tình nhắm mắt làm ngơ ; với danh nghĩa công bộc của dân lại phản lại dân, gây bao mối thương tâm cho không ít gia đình.

Vì vậy bọn tội phạm không thể thoát được "lưới trời lồng lộng" ; chúng phải bị truy nã trong vòng vây của pháp luật. Để thực hiện Nghị quyết 06 của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã ra chỉ thị về tăng cường công tác phòng chống và kiểm soát ma túy. Hàng loạt các ngành chức năng nội chính củng cố lại tổ chức, vạch chương trình kế hoạch phối hợp để phòng chống tệ nạn này và đã lập được những thành tích đáng kể : bắt giữ hàng trăm vụ buôn bán vận chuyển trái phép ma túy với hàng chục đối tượng phạm pháp, thu hàng nghìn cân thuốc phiện và các chất ma túy khác.

Đội phòng chống buôn lậu ma túy thuộc Phòng cảnh sát kinh tế của công an Hà Nội được lập ra tháng 6-1992 cũng đã hoạt động mạnh. Và việc khởi tố vụ án Vũ Xuân Trường là một trong những thành tích của công an Thủ đô. Lần này vụ tàng trữ, vận chuyển, buôn bán chất ma túy theo đường dây từ Tây Bắc về Hà Nội diễn ra cực kỳ phức tạp và nguy hiểm. Tính nguy hiểm của nó thể hiện :

- Đây là vụ buôn bán ma túy với khối lượng lớn và diễn ra trong một thời gian dài (từ 1992 đến 1996). Chỉ trong 3 năm, từ 1992 - 1994 đường dây ma túy Vũ Xuân Trường - Đào Xuân Xe đã đưa trót lọt vào Việt Nam hơn 300 kg hêroin. Theo các chuyên gia y tế, một liều hêroin có trọng lượng 0,055 gam đủ biến một thanh niên khỏe mạnh thành con nghiện, thành một kẻ tàn phế cả thể chất lẫn tinh thần. Thử hỏi với 300 kg hêroin, nếu để tiêu thụ trong nước bọn "đao phủ" sẽ giết dần giết mòn bao công dân của chúng ta ?

- Đây là một tổ chức tội phạm có trung tâm chỉ đạo : có mối dây liên hệ rộng khắp, được cài

Digitized by Google

cắm cả ở thành thị và nông thôn, móc nối cả với người nước ngoài ; phương thức hoạt động khôn khéo, tinh vi, tạo ra những phương tiện để làm ăn lâu dài (thùng xăng hai ngăn, thành xe hai lớp), tránh sự kiểm tra kiểm soát của các lực lượng bảo vệ pháp luật.

- Đối tượng hoạt động là những tay "bợm buôn" sừng sỏ, nhiều kinh nghiệm, thậm chí có tên đã bị xử án về tội buôn bán thuốc phiện như Đào Xuân Xe. Nhưng đặc biệt nghiêm trọng ở đây là bọn tội phạm đã xảo quyệt chui sâu vào lực lượng công an, bộ đội biên phòng của ta, lung lạc những cán bộ đang trực tiếp làm công tác chuyên trách chống ma túy, một mặt để tha hóa, lôi kéo họ vào vòng tội lỗi, mặt khác tạo ra vỏ bọc chắc chắn cho đường dây hoạt động. Từ đây, vụ án càng thêm rắc rối và phức tạp.

Tuy vậy, khi công an quận Hoàn Kiếm, Hà Nội có quyết định ngày 4-7-1996 khởi tố bị can thì các cơ quan chức năng, được sự chỉ đạo chung đã nhanh chóng bước vào cuộc đấu tranh.

Ban chuyên án do một thứ trưởng Bộ Nội vụ làm trưởng ban, huy động sự hỗ trợ tối đa của các lực lượng, chỉ đạo và điều hành trực tiếp công tác phá án. Trong quá trình điều tra, Ban chuyên án thường xuyên nhận được ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Đảng và Chính phủ.

Chính sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, thống nhất, kịp thời từ trên xuống dưới đã tạo ra động lực mạnh mẽ góp vào thành công của vụ án. Trong vòng hơn 10 tháng, kể từ ngày phát lệnh bắt giữ đối tượng đầu tiên đến ngày đưa bọn tội phạm ra trước công đường, buộc chúng phải cung khai những sự thật tội lỗi, buộc chúng phải "khẩu phục" "tâm phục" và cúi đầu nhận sự trừng phạt thích đáng của pháp luật đâu phải là quá trình trơn tru, suôn sẻ. Kẻ nhẫn tâm và tham lam, đến chết cái nết vẫn không chừa, loanh quanh, vòng vo, chối người, chối việc, chối tội... Các chiến sĩ trung kiên trong lực lượng chuyên chính của chúng ta đã phải kiên gan đấu trí, bình tĩnh vượt qua gian khổ để bắt bọn tội phạm nhận ra lẽ phải, cúi đầu nhận tội.

Tòa án nhân dân Hà Nội, từ khi nhận được hồ sơ truy tố do Viện kiểm sát chuyển sang đến phút khai mạc phiên tòa, chỉ vẻn vẹn có 18 ngày. Trong thời gian ngắn ngủi như vậy, Hội đồng xét xử phải soát xét, nghiên cứu hàng nghìn bút lục ; chuẩn bị đầy đủ chứng cớ, chứng lý, tang vật, hiện vật, chuẩn bị mọi đòn tiến công, phản công trước bọn tội phạm ngoan cố (phần nào thông thuộc nghiệp vụ) này.

Mười ngày như nén lại trong không khí ngột ngạt căng thẳng của đầu hè, Hội đồng xét xử do nữ thẩm phán Hoàng Tân Thanh chủ tọa vẫn luôn giữ bình tĩnh, sáng suốt, lần lượt bẻ gẫy mọi ý chí chống đối của các bị cáo, giữ cho phiên tòa diễn ra suôn sẻ, nghiêm minh, đúng trình tự pháp luật, tuyên án đúng người, đúng tội.

Sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ và có hiệu quả giữa ba cơ quan tiến hành tố tụng : Công an, Viện kiểm sát, Tòa án theo sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo liên ngành góp phần quyết định vào việc đẩy nhanh tiến độ điều tra, hoàn tất hồ sơ để đưa ra xét xử và xét xử trong thế thắng của công lý. Đây thực sự là bước trưởng thành đáng mừng của ngành tư pháp, hành pháp của chúng ta. Tuy vậy trong cơ chế thị trường, trước những đổi thay lớn lao của thế giới, trước những mưu mô ngấm ngầm phá hoại của các thế lực thù địch, trong bộn bề công việc của sự nghiệp đổi mới đất nước, không cho phép ta một phút nào chủ quan, thỏa mãn và lơi lỏng. Phương hướng và kết quả xét xử vụ án Trường - Xe và đồng bọn làm chúng ta thêm tin tưởng hơn vào khả năng lãnh đạo của Đảng, vào trình độ quản lý xã hội của Nhà nước mà ở đây thể hiện cụ thể ở quan điểm, thái độ, phương pháp, hiệu quả hành động của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Một điều có lẽ còn lớn hơn, *khiến mọi người phấn khởi hơn là ý nghĩa thức tỉnh nhân tâm của vụ án.*

Đây đâu phải lần đầu tiên ở nước ta có phiên tòa xét xử những kẻ phạm pháp buôn bán ma túy và cũng không phải bây giờ lưỡi dao công lý mới vung lên trừng phạt bọn tội phạm, nhưng vụ án Vũ Xuân Trường và đồng bọn thực sự là vụ án lớn nhất về mọi phương diện. Vì vậy hệ quả và dư âm của nó mang một ý nghĩa thức tỉnh rất lớn.

Digitized by Google

Vụ án tựa như hồi chuông hối thúc mạnh mẽ toàn xã hội hãy cảnh giác với ma túy và bọn tội phạm ma túy ! Hãy cùng nhau đồng tâm hiệp lực, phối hợp mọi hành động lên án và kiên quyết chống lại tệ nạn ma túy.

Mỗi công dân Việt Nam ý thức trước pháp luật, ý thức trước sự tồn vong của dân tộc, hãy góp phần nhỏ của mình, làm người lính xung kích trên mặt trận chống ma túy. Và trước hết tự mình không tham gia và vận động người khác không tham gia vào đội quân cung, cầu ma túy. Kinh nghiệm thực tế cho thấy chỉ có dựa vào quần chúng nhân dân, giáo dục nâng cao dần nhận thức của nhân dân, biết tổ chức nhân dân tự giác cùng với nhà nước đứng ra bảo vệ pháp luật thì nền pháp chế xã hội chủ nghĩa của chúng ta mới tạo được sức mạnh vô địch, đủ khả năng đè bẹp mọi hành vi phạm tội. Vụ án Vũ Xuân Trường là cơ hội tốt để xã hội dấy lên một phong trào quần chúng mạnh mẽ hơn nữa tấn công và tấn công liên tục vào các tệ nạn xã hội, trong đó có tệ nạn ma túy.

Đường dây ma túy Trường - Xe đã bị chặt đứt. Con rắn độc đã bị đứt đầu, nhưng vết nhơ của nó thì chắc chắn chưa hết. Một câu hỏi đặt ra : có phải trên thực tế chỉ có một đường dây ma túy Trường - Xe ? Chắc chắn không phải. Con bạch tuộc ma túy vẫn còn ngày đêm rình rập, ám ảnh cuộc sống yên lành chúng ta bằng cái vòi gớm ghiếc của nó. Bằng chứng là ngay trong vụ án này, nhiều tên tội phạm vẫn ngoan cố, chưa chịu thành thực cung khai những cơ sở tiêu thụ ma túy. Dấu hỏi lớn vẫn còn day dứt trước các cơ quan chức năng bảo vệ pháp luật vì biết rằng đây sẽ là "mầm mống gây bệnh" mà hậu quả của nó thật khôn lường. Tất nhiên, một vụ án không giải quyết được tất cả. Song chúng ta ý thức được rằng, trận chiến đấu chống "kẻ thù ma túy" vẫn và sẽ còn đang tiếp diễn. Đây mới chỉ là bước khởi đầu tốt đẹp của "cuộc trường chinh" chống tệ nạn xã hội của nhân dân ta, nhà nước ta. Cuộc đấu tranh sẽ dai dẳng, gian khổ và quyết liệt. Bởi vậy việc đầu tiên có lẽ ai cũng nhận thấy là ngành nội chính, các cơ quan tư pháp, hành pháp cần xóc lại tổ chức, bố trí lại đội hình, đặc biệt chú trọng đến lực lượng vũ trang (công an, bộ đội biên phòng...), công cụ đắc lực của chuyên chính cách mạng, đội ngũ tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân chịu trách nhiệm đứng gác trong nền kinh tế mở cửa.

Phải nói rằng, bên cạnh niềm tự hào và kính trọng của nhân dân với bao chiến công thầm lặng của hàng vạn chiến sĩ công an, biên phòng đang ngày đêm bám trụ trên vị trí công tác của mình, chẳng quản hy sinh quyết bảo vệ cuộc sống bình yên cho mọi nhà thì nhân dân cũng rất chua xót nhận thấy trong hàng ngũ những kẻ tội phạm hôm nay lại có Vũ Xuân Trường và hàng loạt sĩ quan, chiến sĩ khác trong lực lượng vũ trang của chúng ta. Một kẻ như Vũ Xuân Trường đã từng có nhiều tai tiếng làm ăn bất chính ở cơ quan công an Lai Châu, năm 1992, do nhu cầu riêng cần thiết lập đường dây mở rộng kinh doanh ma túy hắn đã đường hoàng chuyển về Bộ Nội vụ, để rồi lại len lách vào Đội cảnh sát đặc nhiệm... Ở vị trí mới có lẽ nhiệm vụ ngầm của hắn (kinh doanh ma túy) đã "hoàn thành xuất sắc" còn nhiệm vụ nhà nước trao, nhân dân trao (của một sĩ quan cảnh sát) trong 5 năm liền hắn không hoàn thành và đã bị đơn vị xếp vào loại "dôi dư". Hơn nữa, hắn còn là kẻ sinh hoạt bừa bãi, trác táng, cờ bạc, đề đóm đến mức tàn bạo, với sự bốc lên giàu có bất minh, nhơn nhơn trước mắt mọi người. Thậm chí những nghi vấn về hoạt động ma túy của Trường đã được cơ quan chức năng đặt vấn đề từ tháng 9-1994 (theo lời khai của Vũ Hữu Chỉnh trước tòa). Ấy vậy mà Vũ Xuân Trường với hàm đại úy vẫn ung dung tự tại, sống vô can cho đến ngày bị công an Hà Nội bắt.

Vũ Phong Mã, nguyên đại úy trưởng phòng hậu cần công an Lai Châu, trình độ văn hóa lớp 7, ngay từ lúc làm phó phòng đã hai lần bị kỷ luật nhưng sau đó thật trớ trêu, y vẫn được thăng quan tiến chức. Y giàu có tới mức ngạo mạn tuyên bố đủ tiền mua cả xã (quê hương y) và một lúc khoát tay chi 300 triệu đồng cho người thân xây nhà. Những việc đó chẳng hiểu cơ quan chủ quản không biết hay cố ý lờ đi ?

Digitized by Google

Một trạm biên phòng cửa khẩu Tây Trang với 15 cán bộ chiến sĩ được giao nhiệm vụ trấn giữ cửa ngõ cực kỳ trọng yếu, ngăn chặn sự xâm nhập ma túy và các loại hàng lậu khác thì 3 người chỉ huy (trạm trưởng, trạm phó, tổ trưởng kiểm soát) đã trở thành lũ bảo kê cho đường dây ma túy. Kiểm điểm lại 4 năm liền giữ trọng trách mà trạm chẳng túm được một gam ma túy nào. Tệ hại hơn là hai trong số họ (trạm trưởng và trạm phó) lại trở thành xâu chuỗi của đường dây ma túy. Theo lời khai của Trần Ngọc Dương thì sự quản lý của chỉ huy bộ đội biên phòng Lai Châu chỉ dừng lại ở mức lâu lâu mới họp hành "nhắc nhở" anh em các trạm cửa khẩu "chú ý đề phòng sự xâm nhập của ma túy". Rõ thật trớ trêu !

Hãy nhìn lại, xuyên suốt thời gian, không gian và liên hệ đến nhiều vụ khác, càng tiếc thương bao nhiêu Lê Thanh Á và hàng chục chiến sĩ công an khác đã ngã xuống, chúng ta càng căm giận bọn người xấu xa, khoác áo cán bộ, đội lốt "đồng chí" để rồi nhẫn tâm biến mình thành kẻ làm thuê cho bọn tội phạm, làm ô danh cả một lớp người, một thế hệ !

Đất nước bước vào cơ chế thị trường, những tác động, những hiệu ứng của nó có mặt này mặt khác, mà đáng chú ý nhất là sự gia tăng một số tệ nạn, trong đó có ma túy. Trong tình hình như vậy đương nhiên lực lượng tội phạm sẽ xuất hiện không ít, thủ đoạn và hành vi phạm tội cũng khốc liệt và tàn bạo hơn. Thực tế cho thấy, chúng ta chưa kịp chuẩn bị đầy đủ để đương đầu với tình hình đó. Lực lượng công an, lực lượng biên phòng cũng có nơi có lúc chưa chuẩn bị đầy đủ cả về đội ngũ, vật chất, tinh thần. Vì vậy, có sự len lỏi, xâm nhập của bọn xấu thậm chí dẫn đến lưu manh hóa một bộ phận cán bộ là điều có thể hiểu được. Song trên lĩnh vực quản lý, nếu như trước đây có thời chúng ta quá khe khắt, cứng nhắc trong đánh giá cán bộ, thậm chí có lúc đã đồng nhất vấn đề thuộc về cá tính, tác phong vào phạm trù đạo đức, chính trị, thì nay lại có chiều hướng : buông trôi, bỏ mặc, làm ngơ... thậm chí nhìn nhận những điều trái đạo lý, trái luân thường vẫn cho là bình thường. Một cán bộ nhà nước (lại là cán bộ trong lực lượng vũ trang), bất ngờ giàu lên, xây biệt thự trị giá nhiều tỉ đồng ngay giữa thủ đô, làm sao có thể coi là chuyện bình thường ? Làm sao có thể gọi là "không có vấn đề gì" khi một chiến sĩ trong đội đặc nhiệm đánh bạc, đánh đề, ăn nhậu say sưa lu bù, tiền cược đề đến hàng mấy chục triệu ?

Cố nhiên, không ai phủ nhận lao động của chiến sĩ công an là thứ lao động đặc biệt, hiểm nguy, nặng nhọc ; và đã đành chính sách đãi ngộ hiện nay trên thực tế so với cuộc sống thường nhật, người chiến sĩ công an vẫn còn bao cam go, vất vả. Đã có người không đủ bản lĩnh, không đủ cứng rắn trước sức mạnh cám dỗ của đồng tiền, trước khoản hối lộ hào phóng êm ru mà bọn tội phạm sẵn sàng dâng hiến. Song người lính, bỏ đội ngũ chân chính, bán rẻ lương tâm danh dự của mình chạy sang hàng ngũ những kẻ phản lại nhân dân, thì điều đó hoàn toàn phi lý và trên thực tế họ đã chết từ lâu trong lòng nhân dân.

Vụ án Vũ Xuân Trường còn có ý nghĩa thức tỉnh ngay những người lãnh đạo, những cơ quan quản lý trong các ngành nội chính. Công luận không những đòi phải trừng phạt thích đáng đối với cán bộ "tay trót nhúng chàm", mà còn mong muốn đặt trách nhiệm, quy trách nhiệm rất cao và rất rõ đối với người lãnh đạo, các cơ quan tổ chức trực tiếp quản lý cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật. Quản lý con người, nhất là con người trong cơ chế mới, quả là điều không đơn giản, nhưng giờ đây nếu buông lơi quản lý, không thường xuyên giáo dục rèn luyện cán bộ, đảng viên thì nhiệm vụ Đảng và nhân dân trao cho đã không thể hoàn thành mà ngay vị trí của những người lãnh đạo cấp trên cũng khó mà giữ nổi. "Gậy ông lại đập lưng ông", bài học đó chắc ai cũng hiểu.

Tổng Bí thư Đỗ Mười khi trả lời phỏng vấn báo "Thanh niên" về tình hình tội phạm và tham nhũng đã khẳng định : "Mất của đã tiếc, mất người còn tiếc hơn". Đó chắc hẳn là niềm khắc khoải, trăn trở của đồng chí Tổng Bí thư, cũng là lời nhắn nhủ mọi người. ❑

Digitized by Google

SỰ PHÂN HÓA GIÀU - NGHÈO Ở CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN

NGUYỄN SINH *

TÂY Nguyên là một trong 7 vùng kinh tế của nước ta, bao gồm 4 tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắc Lắc và Lâm Đồng. Những nét đặc trưng của vùng này là đất rộng : 56 199 km^2, chiếm 16,9%, người thưa 3,3 triệu người, chiếm 4,4% của cả nước. Mật độ dân số chỉ có 58 người/km^2 (của cả nước là 219 người/km^2 và đồng bằng sông Hồng là 1 124 người/km^2). Đây là vùng cao nguyên rộng lớn giàu tiềm năng với hơn 2 triệu ha đất đỏ ba dan, rất thích hợp với cây cà phê, cao su, tiêu, điều, chè... Rừng Tây Nguyên giàu cả về diện tích, thảm thực vật và trữ lượng (diện tích chiếm 33%, trữ lượng gỗ chiếm 44% của cả nước). Đất và rừng Tây Nguyên giàu, nhưng mới khai thác ở mức độ thấp, áp lực dân số chưa lớn. Từ sau ngày giải phóng (1975) đến nay, Tây Nguyên tiếp nhận ngày càng nhiều người đến xây dựng vùng kinh tế mới (có tổ chức và không có tổ chức). Đây là vùng có tốc độ tăng dân số 4% năm, cao nhất nước (chủ yếu tăng cơ học). Năm 1996, dân số ở Tây Nguyên đã tăng hơn 3 lần so với năm 1975. Cơ cấu dân cư cũng có biến động lớn, tỷ lệ người Kinh tăng dần và nay đã chiếm trên 70%, còn lại là người Thượng và các dân tộc thiểu số khác (Tày, Nùng) từ các tỉnh miền núi phía Bắc di cư vào sau năm 1975.

Trong những năm đổi mới, kinh tế và xã hội Tây Nguyên đã có khởi sắc, đời sống các dân tộc được cải thiện. Từ một nền kinh tế tự nhiên, tự cung tự cấp, phổ biến là "kinh tế hái lượm", ngày nay Tây Nguyên đã và đang trở thành vùng sản xuất hàng hóa với nhiều ngành, nghề đa dạng gắn với xuất khẩu như cà phê, cao su, chè, lâm sản... Song so với cả nước, Tây Nguyên vẫn là vùng nghèo, kinh tế tăng trưởng chậm. Tỷ trọng GDP mới chiếm 3% của cả nước, tốc độ tăng bình quân hằng năm 7,8%, GDP bình quân đầu người bằng 71,9%, thu nhập bình quân nhân khẩu bằng 98,4% so với cả nước, cơ cấu kinh tế vẫn còn lạc hậu, tỷ trọng nông nghiệp trên 70%. Chênh lệch giữa các vùng, các dân tộc về kinh tế và đời sống còn lớn.

I - THỰC TRẠNG PHÂN HÓA GIÀU - NGHÈO

Theo số liệu điều tra về mức sống của dân cư do Tổng cục thống kê mới công bố năm 1996, thu nhập thuần túy bình quân nhân khẩu ở các tỉnh Tây Nguyên là 173,7 nghìn đồng/tháng (cả nước 176,5 nghìn đồng). Nếu phân các hộ điều tra thành 5 nhóm thu nhập theo thông lệ quốc tế thì thu nhập bình quân của 20% số hộ giàu là 465 nghìn đồng/người/tháng so với 20% của nhóm hộ nghèo là 50 nghìn đồng/người/tháng. Hệ số chênh lệch giữa hai nhóm hộ giàu - nghèo toàn vùng là 9,27 lần so với 6,78 lần của cả nước, 7,9 lần ở Đông Nam Bộ, 5,46 lần ở duyên hải miền Trung, 11 lần ở Ma-lai-xi-a, 8 lần ở Thái Lan, 7 lần ở Phi-líp-pin. Như vậy, hiện nay, *Tây Nguyên là vùng có sự phân hóa giàu - nghèo trong nội bộ dân cư lớn nhất* trong 7 vùng sinh thái ở nước ta.

Nếu phân theo tiêu chuẩn Việt Nam, thì Tây Nguyên có 18% hộ giàu và 27,7% hộ nghèo (thành thị 11%, nông thôn 32,5%). Những nét đặc trưng của phân hóa giàu - nghèo ở Tây Nguyên hiện nay là : quá trình phân hóa diễn ra nhanh, mức độ phân hóa lớn, địa bàn và đối tượng phân hóa chủ yếu là

* PTS, Tổng cục Thống kê

Digitized by Google

nông thôn và nông dân. Nguyên nhân dẫn đến phân hóa là sự phát triển không đều trong sản xuất nông nghiệp do điều kiện tự nhiên và trình độ dân trí chênh lệch khá xa giữa các vùng, các dân tộc. Năm 1989, Tây Nguyên có 10% hộ giàu, 55% hộ nghèo, hệ số chênh lệch giàu - nghèo về thu nhập là 8,2 lần. Đến nay số hộ giàu tăng, số hộ nghèo giảm (cả về số tuyệt đối và tỷ lệ), nhưng mức độ phân hóa thu nhập cao hơn.

So với các vùng khác, ở Tây Nguyên sự phân hóa giữa thành thị với nông thôn không lớn : 1,49 lần (của cả nước là 1,82 lần, miền núi phía Bắc 1,95 lần). Ngược lại, ở khu vực nông thôn có sự phân hóa nhanh hơn và rõ nét hơn ; mức thu nhập của hộ giàu ở Tây Nguyên cao hơn 4,5% còn của hộ nghèo thấp hơn 22% so với mức thu nhập của hai loại hộ tương ứng cả nước.

Hộ giàu ở Tây Nguyên trước hết là những chủ trang trại sản xuất cà phê, cao su, các hộ sản xuất kinh doanh tổng hợp liên quan trực tiếp đến trồng, chế biến, tiêu thụ cà phê, cao su, tiêu, điều. Các hộ chăn nuôi kiểu trang trại, quy mô lớn và những hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thương mại ở thành phố, thị xã, thị trấn, vùng ven đô. Hầu hết hộ giàu là người Kinh đã đến làm ăn sinh sống ở Tây Nguyên nhiều năm nay và một số hộ người dân tộc thiểu số, chủ yếu là người Ê Đê, Gia Rai, người Việt gốc Hoa. Thành phần xuất thân các hộ giàu ở Tây Nguyên chủ yếu là nông dân. Ngoài ra còn có các hộ tiểu thương, tiểu chủ, công nhân của các nông, lâm trường, cán bộ, bộ đội..., đã nhiều năm gắn bó và am hiểu lợi thế về đất của Tây Nguyên. Thực tế cho thấy những hộ giàu lên nhanh trong cơ chế mới là những người có kiến thức, có kinh nghiệm sản xuất hàng hóa, có vốn, biết sử dụng lao động gia đình và lao động làm thuê một cách hợp lý. Ở nông thôn, hộ giàu phần lớn là những "lão nông tri điền". Họ được cơ chế khoán và chính sách giao đất, giao rừng đến hộ cùng với các chính sách khuyến khích sản xuất và kinh doanh khác của Đảng và Nhà nước hỗ trợ. Họ đã bỏ vốn và lao động để khai hoang, phục hóa, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi làm giàu từ sản xuất và dịch vụ nông nghiệp (chủ yếu là kinh doanh, chế biến cà phê). Những điển hình làm giàu từ nông - lâm nghiệp theo các mô hình kinh tế : vườn đồi, vườn rừng, nông - lâm kết hợp, sản xuất với chế biến rất đa dạng. Ví dụ : Hộ ông Trần Bốn Phương nhận trồng 2 ha cà phê, kết hợp chăn nuôi lợn thịt, dịch vụ vận tải, sử dụng lao động gia đình là chính và một phần lao động làm thuê, thu nhập hàng chục triệu đồng/năm. Hộ ông Lưu Văn Sô, có trang trại cà phê trên 2 ha, nhưng hoạt động chính là chế biến, phân loại, đánh bóng cà phê xuất khẩu theo hình thức doanh nghiệp cổ phần. Điều đáng chú ý là hộ này đã thuê hàng chục lao động với tiền công thỏa đáng. Thu nhập của các cổ đông và người lao động cao và ổn định các tháng trong năm, giữa các năm dù giá cà phê biến động thất thường. Kinh nghiệm làm giàu của hai ông chủ trang trại cà phê trên đây là kinh doanh tổng hợp, gắn trồng trọt, chăn nuôi với chế biến và dịch vụ, đầu tư chiều sâu về vốn và công nghệ để có hiệu quả kinh tế cao.

Ở Tây Nguyên hộ làm giàu từ chăn nuôi tuy chưa nhiều, nhưng đã hình thành mô hình trang trại. Hộ bà Hứa Thị Thúy (thị xã Plây cu) làm giàu từ nuôi lợn thịt tăng trọng 15 kg/tháng/con, xuất chuồng 30 con/năm, thu hàng chục triệu đồng/năm. Nhiều hộ làm giàu từ nuôi trâu, bò với quy mô hàng trăm con theo hình thức trang trại. Điều đáng chú ý là không ít hộ ở thành thị nhưng lại làm giàu từ nông nghiệp thông qua đầu tư vào các vườn cà phê, kinh doanh vật tư nông nghiệp, vận tải phục vụ sản xuất cà phê. Thu nhập của dân cư thành thị là từ nông lâm nghiệp chiếm 34%. Những năm gần đây, thực hiện chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, ở Tây Nguyên đã xuất hiện một số mô hình mới làm giàu từ công nghiệp chế biến nông - lâm sản. Ở thị xã Plây cu có 3 công ty trách nhiệm hữu hạn chế biến gỗ cao cấp phục vụ xuất khẩu mà chủ doanh nghiệp đều là kỹ sư trẻ, có vốn đầu tư khoảng 2 triệu USD. Riêng công ty Hoàng Anh, có 700 lao động, 14 kỹ sư, doanh thu 1,8 triệu USD/năm, lương kỹ sư cao nhất là 4 triệu đồng/tháng, thấp nhất là 1,2 triệu đồng/tháng,

Digitized by Google

lương công nhân trung bình là 550 nghìn đồng/tháng. Đó là thí dụ cụ thể về trí thức làm giàu ở Tây Nguyên.

Ở Tây Nguyên không phải chỉ có người Kinh làm giàu mà cả người Ê Đê, Gia Rai, Hoa. .. cũng đang vươn lên làm kinh tế giỏi. Nói đến địa phương giàu có nhanh trong cơ chế mới phải nói tới Ea Tul. Xã Ea Tul, huyện Cư M'ga (Đắc Lắc) có 280 hộ giàu (23,3%) chủ yếu người Ê Đê ; 90% số hộ có máy cày, máy thu hình, 50% có nhà ngói nhờ phát triển cà phê. Số hộ giàu là công nhân nông - lâm trường cũng ngày một nhiều hơn do chính sách khoán trong nông nghiệp đi vào cuộc sống. Nó đã khơi dậy tiềm năng lao động của mọi người, mọi nhà để khai thác tiềm năng đất đai giàu có của Tây Nguyên.

Hộ giàu ở Tây Nguyên thật đa dạng, song nguồn gốc làm giàu chủ yếu vẫn từ nông nghiệp, phương thức làm giàu là kinh doanh tổng hợp, bản chất họ là người lao động, phương pháp làm giàu chính đáng. Phần lớn số hộ giàu ở Tây Nguyên là nông dân, mới giàu lên trong những năm đổi mới. Địa bàn có nhiều hộ giàu là thị xã, thị trấn, vùng ven đường giao thông, gần thị trường, vùng du lịch Đà Lạt, vùng sản xuất tập trung cà phê, cao su, dâu tằm, rau, hoa xuất khẩu. Hộ giàu ở Tây Nguyên đang có xu hướng tăng dần cả về số lượng và mức độ giàu. Đó là hiện tượng đáng mừng và hợp quy luật, cần khuyến khích.

Hộ nghèo ở Tây Nguyên sau những năm đổi mới tuy có giảm nhiều so với trước, nhưng đến nay vẫn chiếm tỷ lệ cao so với cả nước. Tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất ở Tây Nguyên là Kon Tum. Gia Lai hiện nay còn 50 000 hộ nghèo ở các mức độ khác nhau. Đắc Lắc và Lâm Đồng, tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn Gia Lai và Kon Tum, nhưng số hộ nghèo vẫn còn nhiều. Đặc điểm của hộ nghèo ở Tây Nguyên là tập trung vào những hộ sống ở vùng sâu, vùng biên giới, vùng dân tộc ít người, cơ sở hạ tầng yếu kém. Ở những nơi này, không có điện, không có đường, thiếu cả nước sạch và lương thực ; trình độ dân trí rất thấp, cuộc sống của người dân chủ yếu dựa vào đốt nương làm rẫy (phát, đốt, chọc, trỉa, du canh du cư). Hộ nghèo cũng rất đa dạng : chủ yếu là dân tộc ít người như Sê Đăng, Ba Na ở vùng sâu, vùng kinh tế mới, vùng di dân tự do. Xã Ea Xeng, huyện Krông Pách (Đắc Lắc) là điển hình của vùng nghèo ở Tây Nguyên. Xã có 96% số hộ nghèo, trong đó hơn 70% thuộc diện đói, chủ yếu là dân tộc Sê Đăng, nguồn sống chính là hái lượm các sản phẩm từ rừng, lương thực thiếu triền miên, thu nhập của dân cư rất thấp, chỉ bằng 39% mức trung bình của huyện, mức chi tiêu của các hộ nghèo chỉ bằng 30% mức trung bình toàn huyện và bằng 1/10 mức trung bình của hộ giàu. Về đời sống tinh thần lại càng thấp, số người mù chữ và trẻ em thất học chiếm tỷ lệ cao.

Hộ nghèo ở Tây Nguyên tuy khác nhau về mức độ, song có nét chung là nghèo cả vật chất và tinh thần. Thực tế cho thấy, các vùng nghèo đều tồn tại từ lâu đời do nhiều nguyên nhân : đất đai xấu, thiếu nước, địa hình phức tạp, cơ sở hạ tầng yếu kém, nhất là thiếu đường giao thông, thiếu điện, trình độ dân trí thấp, một bộ phận lớn còn lười lao động, tập quán sản xuất nặng về sản xuất giản đơn và sinh hoạt lạc hậu, hủ tục ma chay, cưới xin nặng nề.

Bên cạnh các đối tượng nghèo là đồng bào các dân tộc ở vùng sâu, vùng cao nói trên, Tây Nguyên còn có nhiều hộ nghèo mới bổ sung từ lực lượng di dân tự do từ các địa phương đi xây dựng kinh tế mới. Số hộ nghèo mới đến lập nghiệp ở Tây Nguyên phần lớn là hộ ít vốn, thiếu lao động, thiếu kinh nghiệm làm ăn ở quê cũ. Do vậy, nhiều vùng kinh tế mới ở Tây Nguyên hiện nay, nhất là vùng di dân tự do có tỷ lệ hộ nghèo cao.

Trong những năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ các tỉnh Tây Nguyên xóa đói giảm nghèo, nên trung bình mỗi năm tỷ lệ hộ nghèo của Tây Nguyên giảm 2%. Nhiều hộ nghèo đã vươn lên hộ trung bình và cả hộ giàu nhờ có đất, được vay vốn, hướng dẫn kỹ thuật để sản xuất. Mức nghèo của các hộ nghèo cũng giảm. Tình trạng thiếu đói ở vùng sâu đã được thu hẹp.

II - QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP

A - Quan điểm :

Xuất phát từ bản chất và đặc điểm sự phân hóa giàu nghèo ở Tây Nguyên, việc xử lý vấn đề này cần quán triệt một số quan điểm sau :

Digitized by Google

a) Quan điểm toàn diện : Tây Nguyên có vị trí đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng, môi trường đối với cả nước, nên giải quyết vấn đề giàu nghèo ở đây phải đạt được mục tiêu thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững. Trên cơ sở đó, Tây Nguyên phát huy thế mạnh của mình về cây công nghiệp lâu năm và công nghiệp chế biến nông - lâm sản, nhằm mục tiêu ổn định chính trị - xã hội. Từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cộng đồng các dân tộc, nhất là cộng đồng người Thượng ở vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng, vùng biên giới, giữ vững an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường nước, không khí, đất, chủ yếu là bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng nguyên sinh. Quan điểm này không cho phép tồn tại phương thức khai thác tài nguyên đất, rừng và nước của Tây Nguyên vô tổ chức, "bóc ngắn cắn dài", đốt phá rừng bừa bãi như những năm qua. Vấn đề hiệu quả đầu tư, kể cả đầu tư xóa đói giảm nghèo cần được xem xét toàn diện cả kinh tế, xã hội, môi trường.

b) Quan điểm kinh tế mở : Tây Nguyên là vùng sản xuất nông - lâm sản hàng hóa tập trung và còn nhiều tiềm năng chưa khai thác. Hộ giàu và phương thức làm giàu ở Tây Nguyên đều gắn liền với sản xuất hàng hóa theo mô hình trang trại. Hộ nghèo ở Tây Nguyên hầu hết là kinh tế tự cấp, tự túc. Bởi vậy, muốn thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo ở vùng này cần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở các vùng nghèo. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi ở mỗi vùng, mỗi địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa. Ở mỗi địa bàn địa phương cần gắn vùng nghèo với vùng giàu, hộ giàu với hộ nghèo bằng mối quan hệ kinh tế, làm cho hộ giàu càng giàu hơn, hộ nghèo và mức nghèo giảm, từng bước vươn lên đủ ăn và làm giàu. Kinh tế mở sẽ giúp Tây Nguyên vươn ra giao lưu với cả nước, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

c) Quan điểm lịch sử và dân tộc : Phân hóa giàu nghèo ở Tây Nguyên có tính lịch sử và tính dân tộc, nên giải quyết vấn đề này cũng phải xuất phát từ quan điểm lịch sử và dân tộc. Tây Nguyên có nhiều dân tộc anh em được hình thành và phát triển cùng với lịch sử dựng nước và giữ nước. Sự khác nhau về phong tục tập quán, trình độ dân trí, kinh nghiệm làm ăn cũng như địa bàn sinh sống đã dẫn đến sự chênh lệch khá xa về thu nhập và đời sống. Sự chênh lệch đó không đồng nghĩa với phân loại giàu nghèo, càng không phải là phân hóa giai cấp. Bởi vậy, giải quyết vấn đề này hiện nay phải dựa trên quan điểm của Đảng : mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc. Đối với Tây Nguyên cần đảm bảo tính lịch sử và phong tục tập quán của các dân tộc đang sinh sống ở Tây Nguyên (tập quán tổ chức sản xuất theo hình thức đại gia đình ở vùng cao). Mặt khác, từng bước nâng cao dân trí, đưa văn minh công nghiệp đến với vùng sâu, vùng cao để xóa bỏ dần các hủ tục lạc hậu đang kìm hãm sự phát triển xã hội.

Vấn đề lịch sử và dân tộc ở Tây Nguyên, chúng ta cần xử lý thận trọng, không thể nóng vội theo ý muốn chủ quan sẽ dẫn đến duy ý chí. Mọi xu hướng quá tả hoặc quá hữu đều có thể dẫn đến sai lầm nghiêm trọng, vi phạm chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, cần khuyến khích các hộ gia đình làm giàu chính đáng, chống mọi biểu hiện đố ky, phân biệt đối xử giữa các hộ của các dân tộc trên địa bàn.

B - Giải pháp

Quán triệt những quan điểm trên, giải pháp cho vấn đề phân hóa giàu - nghèo ở Tây Nguyên phải bảo đảm tính đồng bộ và tính khả thi, có giải pháp lâu dài và giải pháp trước mắt.

- *Về lâu dài :* Huy động mọi nguồn lực trong nước và nước ngoài đầu tư vào Tây Nguyên nhằm nâng cấp cơ sở hạ tầng : thủy lợi, đường giao thông, điện, trường học, bệnh xá, thông tin, tuyên truyền, ưu tiên vùng sâu vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, vùng biên giới để phát triển kinh tế hàng hóa, tiến kịp với các vùng kinh tế khác trong cả nước. Vùng nghèo, hộ nghèo ở Tây Nguyên không chỉ nghèo về cơ sở vật chất mà còn nghèo về dân trí. Vì vậy, Đảng và Nhà nước cần quan tâm đúng mức đến hai vấn đề cơ bản đó trong

Digitized by Google

chiến lược ổn định và phát triển kinh tế từ nay đến năm 2000.

Trong điều kiện hiện nay, với nguồn ngân sách trung ương có hạn, đề nghị Nhà nước cho phép các tỉnh Tây Nguyên thực hiện các chính sách thuế ưu đãi đặc biệt và "đổi đất lấy cơ sở hạ tầng" để thu hút nhiều hơn các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Cùng với vốn, ở Tây Nguyên cần khoa học và công nghệ phục vụ cho sản xuất. Vì vậy, Nhà nước cần đầu tư mở rộng và nâng cấp Đại học Tây Nguyên trở thành trung tâm chuyển giao công nghệ lớn nhất, toàn diện nhất của vùng. Đồng thời, cần có chính sách khuyến khích các cán bộ khoa học giỏi lên Tây Nguyên làm việc ổn định lâu dài. Để chuẩn bị cho các dự án đầu tư theo hướng đó, vấn đề quan trọng hàng đầu là Nhà nước cần nghiên cứu và phê duyệt quy hoạch dài hạn phát triển kinh tế, xã hội ở Tây Nguyên với đầy đủ các luận chứng kinh tế - kỹ thuật.

- Về trước mắt, cần tập trung vào mấy điểm :

1 - Giải quyết thỏa đáng quan hệ đất đai ở Tây Nguyên theo hai hướng :

Một là, thực hiện giao đất, giao rừng đến tận hộ sản xuất để phát huy quyền tự chủ của kinh tế hộ, ổn định quy mô sản xuất, hình thành các mô hình trại rừng, trại vườn, bảo đảm đất, rừng đều có chủ cụ thể, hạn chế và xóa bỏ tệ nạn đốt phá rừng.

Hai là, rà soát lại quỹ đất của các nông, lâm trường và chuyển giao quỹ đất các nông lâm trường không sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả cho các hộ nghèo, hộ di dân xây dựng vùng kinh tế mới còn quá ít đất nông nghiệp.

2 - Đổi mới nội dung hoạt động của các nông lâm trường theo hướng chuyển mạnh sang dịch vụ kinh tế hộ và mở rộng cổ phần hóa khi có đủ điều kiện. Thực hiện phương thức cho thuê hoặc đấu thầu máy móc và các tư liệu sản xuất khác để tăng hiệu quả sử dụng. Khuyến khích các hộ công nhân viên nông, lâm trường xây dựng các mô hình sản xuất trang trại để mở rộng sản xuất, tạo ra nhiều nông, lâm sản hàng hóa. Đồng thời, cần tạo thêm việc làm để thu hút nông dân nghèo thiếu vốn, thiếu kiến thức (kể cả đồng bào các dân tộc ngoài doanh nghiệp) vào quỹ đạo sản xuất hàng hóa. Đối với các nông, lâm trường làm ăn thua lỗ triền miên, có nhiều hộ nghèo cần tổ chức lại theo mô hình thích hợp. Đối với Tây Nguyên sự tồn tại của các nông, lâm trường là rất cần thiết, vì nó bảo đảm phát triển kinh tế, với ổn định chính trị, xã hội và an ninh quốc phòng. Đương nhiên sự tồn tại đó phải góp phần thúc đẩy vùng kinh tế này phát triển.

3 - Trong những năm trước mắt, các chương trình và dự án quốc gia và quốc tế cần có sự ưu tiên cho Tây Nguyên nói chung, các vùng nghèo nói riêng để tạo ra những "cú huých" đầu tiên thức dậy những tiềm năng về đất đai, khí hậu tại địa phương. Kinh nghiệm những năm qua cho thấy, những vùng có các dự án 327, xóa đói giảm nghèo, trồng rừng PAM, nuôi bò đàn... chính là những vùng có tốc độ xóa đói giảm nghèo nhanh nhất.

4 - Đối với các hộ giàu ở Tây Nguyên, Nhà nước cần khuyến khích về cơ chế, chính sách vốn, công nghệ và thị trường để họ yên tâm đầu tư chiều sâu nhằm phát triển sản xuất, tăng chất lượng nông sản xuất khẩu, nhất là cà phê, cao su, dâu tằm. Thực tế cho thấy có nhiều hộ giàu, có nhiều mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả sẽ góp phần làm cho Tây Nguyên giàu, cho đất nước giàu và tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho hộ nghèo.

5 - Cần khắc phục và xóa bỏ tình trạng di dân tự do để ổn định các vùng dân cư, vùng kinh tế, theo quy hoạch và kế hoạch nhà nước. Việc di dân đến xây dựng các vùng kinh tế mới ở Tây Nguyên là cần thiết, nhưng nhất thiết phải có tổ chức chặt chẽ, chuẩn bị địa bàn nơi đi, nơi đến theo quy hoạch thống nhất.

6 - Thực hiện tốt các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước đối với Tây Nguyên nhất là chính sách dân tộc, hỗ trợ vùng căn cứ kháng chiến cũ, phổ cập giáo dục, phòng chống bướu cổ, bài trừ tệ nạn xã hội và các hủ tục, định canh định cư, giảm tỷ lệ tăng dân số... Đề nghị Nhà nước nghiên cứu bổ sung chính sách thuế, trong đó nên miễn các loại thuế và mọi loại đóng góp đối với các vùng nghèo và hộ nghèo và coi đó như là một hướng đầu tư xóa đói giảm nghèo.❑

Digitized by Google

THỬ NHÌN VÀO CHÂU Á TRONG THẾ KỶ XXI

PHAN DOÃN NAM

VÀO cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, ba cuộc chiến tranh lớn với ba tính chất khác nhau đã diễn ra ở châu Á. Cuộc chiến tranh thứ nhất (1894 - 1895) giành quyền thống trị Triều Tiên giữa Nhật Bản và Trung Quốc. Thứ hai là cuộc chiến tranh thôn tính thuộc địa của Mỹ đối với Phi-líp-pin (1899-1901). Thứ ba là cuộc chiến tranh giữa một cường quốc châu Á (Nhật) với nước Nga Sa hoàng, lúc bấy giờ được xem như là một cường quốc châu Âu (1904 - 1905) giành quyền kiểm soát miền Bắc Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên.

Ba cuộc chiến tranh nổ ra trong lúc nhân dân châu Á đang chìm đắm trong giấc ngủ triền miên dưới ách nô lệ của chủ nghĩa thực dân phương Tây và sự nghèo đói, nó đã báo hiệu cho các dân tộc ở châu Á biết rằng trước mắt chỉ có hai con đường : hoặc là tiếp tục chìm sâu vào cuộc đời nô lệ hoặc là phải vùng dậy để tự cứu mình. Các dân tộc châu Á đã chọn con đường thứ hai. Bằng những nỗ lực của chính bản thân mình, trong thế kỷ XX, đặc biệt từ sau chiến tranh thế giới thứ II, các dân tộc châu Á đã lập được nhiều kỳ tích lịch sử, xác lập lại vị thế của mình trong đời sống kinh tế.

- Hệ thống thuộc địa thế giới mà các nước đế quốc phương Tây xây dựng hàng trăm năm đã sụp đổ tan tành trong vòng chỉ hai thập kỷ, bắt đầu từ châu Á. Châu Á là nơi chôn vùi mộng xâm lược và bá chủ thế giới của các thế lực đế quốc hung hãn nhất. Hai trong ba liên minh quân sự lớn nhất thế giới của phương Tây đã bị phá sập và sự suy yếu của các cường quốc phương Tây đều bắt nguồn từ những thất bại ở châu Á.

- Bằng cuộc đấu tranh của mình, các dân tộc châu Á đã góp phần quan trọng vào quá trình dân chủ hóa quan hệ quốc tế. Những tư tưởng về hòa bình, chống chiến tranh hạt nhân, chấm dứt chạy đua vũ trang, cùng tồn tại hòa bình, đoàn kết và hợp tác quốc tế để cùng phát triển đều được nảy sinh tại châu Á.

- Từ một lục địa bị bóc lột và đói nghèo, ngày nay châu Á cùng với Thái Bình Dương trở thành khu vực có nền kinh tế phát triển năng động nhất với tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới. Trong thế kỷ trước, có người không muốn xem mình là người châu Á hoặc cố dính líu đến châu Á, vì điều đó có nghĩa là liên quan đến sự đói nghèo và nô lệ, thì ngày nay quá trình "châu Á hóa" đang rất được ngưỡng mộ. Nhiều nhân vật cao cấp trong chính giới phương Tây và Mỹ la tinh rất tự hào về nguồn gốc châu Á của mình. Ô-xtơ-rây-li-a, Niu Di-lân trước đây tự xem mình là thuộc phương Tây thì nay lại thiết tha muốn được xem là một nước châu Á. Bản thân nước Nhật, một nước châu Á 100%, trước đây xem mình thuộc thế giới phương Tây nay đang thực hiện một chiến lược gọi là "châu Á hóa trở lại" (Reasianisation).

Rõ ràng ngày nay chúng ta may mắn hơn các thế hệ cha ông cách đây một thế kỷ ở chỗ đã có thể ngẩng cao đầu khi bước vào thế kỷ XXI.

Trước ngưỡng cửa của thế kỷ XXI, tình hình thế giới đã thay đổi một cách cơ bản có tính chất bước ngoặt. Sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học - công nghệ làm cho lực lượng sản xuất của thế giới lớn mạnh chưa từng thấy, từ đó làm thay đổi tư duy con người về chiến tranh và hòa bình, về tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, cũng như về lợi ích quốc gia và quan hệ quốc tế. Tuy còn nhiều điều chưa chắc chắn và bất trắc trong thời kỳ chuyển tiếp nhưng có thể thấy rằng hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển là dòng chảy nổi trội của thế giới trong thời đại mới.

Digitized by Google

Là một bộ phận quan trọng của thế giới, châu Á cũng nằm trong dòng chảy đó.

Với trên dưới 50 quốc gia lớn nhỏ, nằm trên một dải đất bao la gồm hàng trăm dân tộc, sắc tộc và có nhiều nền văn hóa, nhiều tôn giáo khác nhau thì sự va chạm, xung đột là điều không thể tránh khỏi. Các cuộc va chạm, xung đột này còn kéo dài, nhưng cũng như trên toàn thế giới, khả năng bùng nổ chiến tranh lớn, nhất là chiến tranh hạt nhân hủy diệt ở châu Á đã bị đẩy lùi một bước. Vì lợi ích khác nhau, một số nước châu Á chưa sẵn sàng tham gia "Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện" nhưng điều đó chưa hẳn có nghĩa là họ chuẩn bị để gây ra chiến tranh hạt nhân.

Khác với châu Âu, nền an ninh châu Á chưa được thể chế hóa bằng các công ước về an ninh và hợp tác cho toàn châu lục và chắc chắn cũng còn lâu mới được thể chế hóa theo kiểu này. Nhưng châu Á là cái nôi của các nguyên tắc về tồn tại hòa bình như : Năm nguyên tắc cùng tồn hòa bình và mười nguyên tắc Băng-đung, và nhất là các nguyên tắc nối tiếp của Hiệp ước Ba-li về thân thiện và hợp tác (T.A.C) v.v.. Nếu như trong 50 năm của chiến tranh lạnh nền an ninh châu Âu được bảo đảm bằng sự cân bằng quân sự chiến lược giữa hai khối đối lập, thì ở châu Á, nền an ninh đã sớm bắt nguồn từ nguyên tắc vừa đấu tranh vừa hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình, trước tiên là giữa các nước lớn. Phải chăng đây là khởi điểm tốt cho nền hòa bình và an ninh của châu Á trong thế kỷ tới.

Tuy nhiên điều được người ta nói nhiều về châu Á trong thế kỷ XXI là vấn đề phát triển kinh tế. Ngay từ đầu thế kỷ XX, Thê-ô-đo Ru-dơ-ven (Theodore Roosevelt) đã tiên đoán thế kỷ XXI sẽ là "Thế kỷ châu Á - Thái Bình Dương". Trong vài chục năm lại đây do sự phát triển thần kỳ của Nhật Bản, các nước NIC và một số nước châu Á khác, lời tiên đoán này được người ta nhắc lại như điều chắc chắn sẽ tới. Điều này cho thấy sự lạc quan về tiền đồ kinh tế của châu Á. Sự lạc quan đó có cơ sở không những từ tính năng động và tốc độ phát triển cao của nền kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, mà còn từ sự ổn định tương đối về chính trị của châu lục này sau chiến tranh lạnh, nhất là ở Đông Á. Quá trình hội nhập về kinh tế và sự hợp tác về chính trị đã diễn ra nhanh chóng và có hiệu quả trên nhiều khu vực của châu Á. Trên bình diện liên khu vực, có APEC đang thu hút ngày càng đông thành viên và đang từng bước được thể chế hóa qua các cuộc hội nghị thượng đỉnh hằng năm cũng như các cuộc hội nghị chuyên đề cấp bộ trưởng và chuyên viên. Ở cấp khu vực có Hội đồng hợp tác vùng vịnh ở Tây - Nam Á, SAARC ở Nam Á và nhất là ASEAN và AFTA ở Đông - Nam Á. Rõ ràng sự liên kết khu vực này là một nhân tố làm cho sự phát triển của châu Á có tính tương đối bền vững và làm cho châu Á - Thái Bình Dương ngày nay là một trong ba trung tâm kinh tế - thương mại lớn nhất trong thế kỷ tới. Cho đến nay chưa có ai phủ nhận điều này.

Khi nhìn về tương lai của châu Á, vấn đề chính là cần nghiên cứu xem trong thế kỷ XXI, nền kinh tế châu Á còn giữ được tốc độ phát triển cao, đều khắp và tính năng động như hiện nay hay không. Tất cả các công trình nghiên cứu của các tổ chức quốc tế lớn như WB, IMF, OECD và của các học giả hàng đầu thế giới đều khẳng định xu thế này của châu Á gắn liền với Thái Bình Dương. Có khác nhau chăng chỉ là vấn đề tốc độ tăng trưởng chậm hay nhanh hơn mà thôi. Sự khẳng định này là có cơ sở. Nếu châu Á và Thái Bình Dương kết hợp với nhau (chắc chắn là như vậy) thì trong thế kỷ XXI, hầu như tất cả các nền kinh tế lớn (trừ châu Âu) đều tập trung ở khu vực này : Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật, Mỹ, Nga, In-đô-nê-xi-a, v.v... Chỉ riêng ba nền kinh tế - thương mại của Trung Quốc, Mỹ, Nhật hợp lại cũng đã làm cho cán cân kinh tế - thương mại thế giới nghiêng hẳn về châu Á - Thái Bình Dương.

Tuy nhiên con đường đi đến tương lai không bao giờ thẳng tắp và đó là một quy luật.

Giờ đây trước ngưỡng cửa của thế kỷ XXI, thế giới an bình hơn, dân chủ hơn, nhưng vẫn còn đầy dẫy mâu thuẫn và phức tạp. Tính không chắc chắn và không thể lường trước được là điều

Digitized by Google

đáng lo ngại lớn đối với những ai quan tâm đến quan hệ tương lai thế giới. Chiến tranh lạnh chấm dứt không đồng nghĩa với sự chấm dứt các cuộc tranh giành giữa các cường quốc. Hệ thống thế giới cũ dựa trên thế hai cực đã sụp đổ, nhưng hệ thống thế giới mới vẫn đang trong quá trình định hình. Người ta thường nói đến một thế giới đa cực. Nhưng đa cực như thế nào thì vẫn còn là một ẩn số. Trong thế giới đa cực đó, vai trò của Hoa Kỳ và siêu cường duy nhất còn lại sẽ như thế nào ? Liệu Hoa Kỳ có chịu chấp nhận mình là một đối tác xây dựng bình đẳng với các đối tác khác không, hay Hoa Kỳ nhất thiết cứ phải giữ cho được vai trò lãnh đạo thế giới mà họ vẫn tự ban cho mình. Việc Mỹ và các nước phương Tây khăng khăng đòi mở rộng NATO sang phương Đông và đòi áp đặt cho các nước khác, nhất là các nước châu Á, những chuẩn mực về nhân quyền và dân chủ theo lối phương Tây đang đặt thế giới trước nguy cơ một cuộc chiến tranh lạnh mới. Trung Quốc, Nhật, Nga sẽ đi theo con đường nào ? Vai trò của các nước trung bình và nhỏ hơn trong việc định đoạt các vấn đề quốc tế lớn sẽ như thế nào ? Rõ ràng hệ thống quan hệ quốc tế hiện nay là không ổn khi mà những vấn đề quốc tế lớn liên quan đến nền chính trị và an ninh các dân tộc lại chỉ do 5 nước (thậm chí 1 nước) hội viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc quyết định, còn về các vấn đề liên quan đến nền kinh tế thế giới chỉ do một nhóm các nước gọi là công nghiệp hóa giàu nhất quyết định.

Đây là những vấn đề mà tất cả mọi người đều quan tâm, nhưng cho đến nay chưa tìm ra được một câu trả lời thỏa đáng. Tình hình đó không thể không ảnh hưởng đến số phận của lục địa châu Á khi bước vào thế kỷ mới.

Chúng ta biết rằng mọi sự vật đều tuân theo những quy luật nhất định. Xu thế là sự biểu hiện tập trung nhất của sự tương tác của các quy luật trong lúc vận động. Lịch sử của thế kỷ XX cho ta thấy rõ hơn sự hưng vong của mỗi quốc gia, đặc biệt là các cường quốc, phụ thuộc vào con đường phát triển của quốc gia đó có phù hợp với xu thế thời đại hay không. Đi đúng xu thế thì tồn tại và phát triển, đi ngược xu thế thì tàn lụi, tiêu vong. Chúng ta có cơ sở khoa học để tin rằng trong thế kỷ XXI, châu Á sẽ có một vai trò lớn hơn tương xứng với tầm cỡ của nó. Để được như vậy, vấn đề quan trọng hàng đầu là phải xây dựng một hệ thống quan hệ quốc tế mới ở châu Á trong đó mỗi một thành viên nếu chưa phải là một đối tác bình đẳng và xây dựng thì ít nhất cũng là một đối tác vừa cạnh tranh, vừa hợp tác với các đối tác khác trong cùng tồn tại hòa bình. Tất nhiên đây là một quá trình lâu dài, khó khăn và phức tạp, phải xây dựng từng bước. Do tính chất đa dạng và phức tạp của châu Á, chúng ta không thể bắt chước một cách máy móc, rập khuôn theo kinh nghiệm của châu Âu trong việc ký một định ước an ninh và hợp tác kiểu Hen-xinh-ki. Tuy nhiên, hiện nay chúng ta lại có những cơ hội mà trước đây châu Âu không có. Đó là các diễn đàn song phương giữa ASEAN với từng nước lớn như Trung Quốc, Nhật v.v.. Giữa các nước lớn trong và ngoài châu Á cũng đã hình thành các diễn đàn song phương, thậm chí là các quan hệ liên minh chiến lược cho thế kỷ XXI. Nếu như tại các diễn đàn này người ta thỏa thuận được với nhau, dù chỉ là trên cơ sở song phương, về các nguyên lý xử sự mới trên cơ sở vừa hợp tác vừa cạnh tranh trong hòa bình, thì ý nghĩa của nó cũng hết sức quan trọng đối với tương lai của châu lục chúng ta và thế giới nói chung.

Thành tích kỳ diệu nhất của châu Á trong thế kỷ XX là sự thức tỉnh về mặt chính trị. Tuy có tốc độ phát triển cao và sống động nhất trong giai đoạn hiện nay và trong nhiều thập kỷ tới, nhưng về cơ bản châu Á vẫn là một châu lục đang phát triển về mặt kinh tế. Trừ khoảng trên một chục nước nằm trên bờ Thái Bình Dương được xếp vào loại các nước công nghiệp phát triển, hay công nghiệp mới, còn lại đại bộ phận châu lục chúng ta là những nước đang phát triển. Vì vậy, một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng khác là làm thế nào đưa toàn bộ châu lục thành một châu lục có nền kinh tế công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Đây là một nhiệm vụ hết sức nặng nề đối

Digitized by Google

với chính phủ tất cả các nước. Điều thuận lợi cơ bản của châu Á trong công cuộc phát triển kinh tế là việc tiến hành công nghiệp hóa và hiện đại hóa trùng hợp vào thời kỳ bùng nổ của cách mạng khoa học và công nghệ ; đặc biệt là cách mạng tin học và xu thế hợp tác khu vực và toàn cầu hóa đã trở thành một quy luật khách quan. Nếu biết kết hợp tiềm năng phát triển của châu lục, đặc biệt là nguồn nhân lực vô tận và sự giàu có về tài nguyên thiên nhiên với việc áp dụng những công nghệ mới nhất thì quá trình đuổi kịp các nước tiên tiến có thể được rút ngắn. Theo tính toán của các nhà kinh tế thế giới, trước đây Anh mất 58 năm để tăng gấp đôi sản lượng tính theo đầu người, Mỹ mất 47 năm, Nhật mất 33 năm, nhưng Hàn Quốc chỉ mất 11 năm và Trung Quốc chỉ mất 10 năm. Trong những năm 90 của thế kỷ này, trong 5 nền kinh tế lớn nhất thế giới thì 4 thuộc châu Á. Và đến năm 2000 châu Á sẽ chiếm 40% sản lượng thế giới. Châu Á sẽ là nơi diễn ra cuộc cạnh tranh dữ dội nhất về kinh tế. Tuy nhiên, châu Á cũng đang đứng trước những thách thức vô cùng to lớn. *Thứ nhất*, đây là châu lục có nhiều người, nhưng vốn và công nghệ lại quá thiếu. Trừ Nhật Bản và một số nước công nghiệp hóa mới (sắp tới có thể là Trung Quốc), đại bộ phận các nước châu Á đều phải dựa vào vốn và công nghệ tiên tiến, chủ yếu là châu Âu và Bắc Mỹ. Như vậy, trong một thời gian dài nữa châu Á còn phụ thuộc vào sự chuyển giao vốn và công nghệ từ các nước này. Điều đáng lo ngại là Mỹ và các nước công nghiệp phát triển có xu hướng ngày càng giảm viện trợ ra nước ngoài, đặc biệt là viện trợ phát triển chính thức (ODA), và ngày càng tăng cường việc kiểm soát việc chuyển giao công nghệ. Trong lúc đó hạ tầng cơ sở của đại đa số các nước châu Á rất yếu kém, nếu không có sự trợ giúp của nước ngoài thì khó lòng mà vực lên được trong một thời gian ngắn. *Thứ hai*, sự chênh lệch giàu nghèo giữa các nước nhất là vùng Đông Á, khu vực kinh tế phát triển năng động nhất, vẫn còn quá lớn. Đây sẽ là một cản trở cho quá trình nhất thể hóa khu vực, kể cả việc biến châu Á thành một khu vực buôn bán tự do, bước đầu tiên trong quá trình nhất thể hóa kinh tế. Tình hình này đòi hỏi các nước nghèo có những nỗ lực to lớn theo hướng "thắt lưng buộc bụng" để sớm thu hẹp hố ngăn cách, mặt khác cũng là trách nhiệm của các nước giàu hơn trong vai trò "đầu tàu" để kéo toàn bộ nền kinh tế châu lục lên ngang tầm với vị trí chính trị của nó. Đây không phải là điều không thực hiện được. Theo một tài liệu nghiên cứu gần đây người ta dự báo rằng nếu 10 nước và lãnh thổ Đông Á (chưa kể Nhật) gồm Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Công, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan, Việt Nam, Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng vừa phải là 6%/năm, thì trong 2 thập kỷ nữa tổng GDP của 10 nước này sẽ lớn gấp đôi GDP của Bắc Mỹ hiện nay.

Một vấn đề khác ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phát triển kinh tế của châu Á là vấn đề dân số. Tính đến giữa thế kỷ XXI chỉ riêng dân số hai nước Trung Quốc và Ấn Độ cũng đã bằng 1/2 dân số thế giới hiện nay. Tất nhiên dân số đông thì lực lượng lao động lớn, nhưng xuất hiện nhiều nghịch lý. Việc hạn chế sinh đẻ hiện nay ở nhiều nước là đúng. Song bên cạnh đó cũng có nhiều vấn đề nảy sinh. Mặt khác do điều kiện sống ngày càng tốt hơn, tuổi thọ trung bình của dân châu Á sẽ cao hơn. Như vậy số người cao tuổi nằm ngoài lực lượng lao động sẽ ngày càng tăng. Theo số liệu, hiện nay ở Trung Quốc đã có trên 400 triệu người cao tuổi. Trong lúc đó vấn đề phát triển dân số ở các nước phát triển, đặc biệt ở châu Âu và Bắc Mỹ lại theo hướng giảm dần. Nếu tình hình này cứ tiếp tục thì khó có thể ngăn chặn một đợt sóng di cư mới từ châu Á và châu Phi sang các lục địa này trong thế kỷ tới. Đó là những vấn đề đặt ra cho các nhà hoạch định chính sách của tất cả các nước.

Bên cạnh những thách thức về phát triển đặt ra cho châu Á trong thế kỷ XXI, thì vẫn tồn tại những vấn đề an ninh đang đe dọa nền hòa bình và ổn định của khu vực này. Ở châu Á những mối đe dọa tiềm tàng đối với nền an ninh của châu lục và đối với từng nước có thể chia làm ba loại. Một loại xuất phát từ những mâu thuẫn nội

Digitized by Google

bộ ở từng nước (giai cấp, sắc tộc, tôn giáo...). Loại thứ hai xuất phát từ những hành động can thiệp từ bên ngoài dưới nhiều hình thức vũ trang bạo lực, tư tưởng văn hóa, dân chủ, nhân quyền... nhưng đều nhằm một mục đích là làm mất ổn định chế độ chính trị cầm quyền hoặc lật đổ nó. Loại thứ ba xuất phát từ các cuộc tranh chấp lãnh thổ, biên giới...

Tất nhiên, để đối phó với các nước đe dọa có nguồn gốc khác nhau cần phải có cách đề cập và giải quyết khác nhau. Song ở châu Á tình hình phức tạp hơn. Có những mối đe dọa đối với an ninh xuất phát từ những mâu thuẫn nội bộ nhưng nó đã bị quốc tế hóa, hoặc có thể lôi kéo sự dính líu của các nước lớn, hoặc ít nhiều liên quan đến lợi ích an ninh của các nước này như vấn đề bán đảo Triều Tiên, vấn đề Đài Loan... Đáng lẽ ra việc giải quyết vấn đề Triều Tiên hay vấn đề thống nhất Trung Quốc - Đài Loan là hoàn toàn thuộc thẩm quyền của nhân dân Triều Tiên và nhân dân Trung Quốc, nhưng trên thực tế lại không phải như vậy. Một ví dụ khác là các cuộc tranh chấp lãnh thổ ở biển Đông. Tuy Nhật và Mỹ không dính líu đến các vụ tranh chấp này, nhưng họ có lợi ích bảo vệ an ninh của các con đường giao thông trên biển, nhất là ở gần khu vực quần đảo Trường Sa (Spratly).

Do đó, khi đề cập đến vấn đề an ninh châu Á, chúng ta cần có một cách nhìn toàn diện, thấy được tất cả những khía cạnh phức tạp của vấn đề để có những bước đi đúng đắn.

Trước hết là phải từ bỏ tư duy cũ về an ninh cho rằng, an ninh của một nước chỉ có thể được bảo đảm bằng sự thiếu an ninh của nước khác hoặc thành lập các khối liên minh chiến lược đối lập nhau hoặc để làm đối trọng. An ninh kiểu này là an ninh trong sự căng thẳng và đề phòng lẫn nhau, dẫn đến việc chạy đua vũ trang.

Thứ hai là phải xem an ninh và phát triển như hai nhánh quyện vào nhau. Không có an ninh thì không có phát triển và sẽ không có phát triển nếu không có an ninh. Do đó, bất cứ một chính sách nào làm nguy hại đến môi trường phát triển đều không phải là chính sách có tầm nhìn xa, và trái lại cũng vậy. Trong thời đại mới khi mà sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế đã trở thành một điều kiện tiên quyết cho công cuộc phát triển của toàn thế giới và của từng nước thì việc giữ gìn nền an ninh chung là nhiệm vụ hàng đầu của mỗi quốc gia vì chính lợi ích của bản thân mình, nó không cho phép sự can thiệp của bất cứ nước nào vào công việc nội bộ của nước khác. Hiện nay theo sáng kiến của các nước ASEAN, diễn đàn khu vực châu Á (ARF) đã trở thành nơi để tất cả các nước có liên quan trao đổi với nhau về những vấn đề an ninh ở châu Á - Thái Bình Dương. Tuy nhiên ARF chỉ mới dừng lại ở khu vực Đông Á và dù sao nó cũng chỉ mới là một diễn đàn. Tất nhiên thời gian tới cần có những biện pháp xây dựng lòng tin cụ thể hơn trên cơ sở song phương hoặc đa phương. Từ những trao đổi tại ARF có thể tiến đến một thỏa thuận khung chung về các nguyên tắc xử sự trong việc giải quyết các vấn đề tranh chấp quốc tế ở châu Á. Điều này đòi hỏi cố gắng của tất cả các nước vì lợi ích an ninh chung trong đó mình là một thành viên.

Nói đến châu Á ngày nay người ta thường nói đến sự biến đổi kỳ diệu ở Đông-Nam Á. Ngày nay Đông-Nam Á, nhất là ASEAN có một vai trò lớn trong nền an ninh và phát triển ở châu Á - Thái Bình Dương. Một Đông-Nam Á hòa bình, ổn định và phát triển cũng chắc chắn sẽ có ảnh hưởng tích cực đến đời sống quốc tế. Vấn đề lớn nhất hiện nay ở Đông-Nam Á làm cho mọi người chưa an tâm là việc tranh chấp ở biển Đông, nhất là chung quanh quần đảo Trường Sa. Trong lúc chờ đợi một giải pháp chung, chúng ta tin rằng nếu tất cả các bên có liên quan biết tự kiềm chế vì lợi ích chung và tôn trọng những nguyên tắc đã được ASEAN đề ra tại Hội nghị Ma-ni-la (1992) thì các cuộc tranh chấp có thể kiểm soát được. Bất cứ một sự bùng nổ nào ở đây cũng sẽ ảnh hưởng tiêu cực không những đối với nền hòa bình ổn định ở Đông-Nam Á, mà còn tác hại đối với sự phát triển kinh tế của toàn khu vực và tất cả các nước có liên quan. Đây là một vấn đề đòi hỏi không những các nhà vạch chính sách mà cả các nhà học giả, các chuyên viên nghiên cứu của quan hệ quốc tế, đặc biệt ở Đông-Nam Á cần suy nghĩ và đưa ra các đề nghị, giải pháp.❑

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA MỸ ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC LỚN Ở KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG HIỆN NAY

NGUYỄN HỮU CÁT *

Dự báo thế kỷ XXI là thế kỷ của châu Á - Thái Bình Dương ngày càng có những căn cứ thực tiễn. Để đón nhận cả thời cơ và những thách thức của khu vực năng động và quan trọng nhất của thế giới này, các nước lớn trong khu vực (đặc biệt là Mỹ) đã và đang điều chỉnh hoặc đưa ra những chính sách mới của mình. Bài viết này trình bày những nét cơ bản trong chính sách đối ngoại của Mỹ đối với các nước lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Tự coi là một siêu cường duy nhất trên thế giới, Mỹ cho rằng muốn đứng ra "lãnh đạo thế giới" thì trước tiên phải khống chế được khu vực châu Á - Thái Bình Dương - được xem như là khu vực ảnh hưởng đương nhiên của Mỹ sau Mỹ la tinh. Sự chuyển ảnh hưởng từ khu vực châu Âu sang châu Á - Thái Bình Dương được nhất trí khá cao trong ban lãnh đạo nước Mỹ từ khi chiến tranh lạnh kết thúc. Trong bài viết của mình "Đối với Hoa kỳ không nơi nào quan trọng bằng châu Á - Thái Bình Dương", ông Uyn-xtơn Lót (Winston Lord) trợ lý Bộ trưởng ngoại giao đặc trách Đông Á - Thái Bình Dương đã nêu rằng chưa bao giờ kể từ sau chiến tranh Việt Nam, Mỹ lại có sự nhất trí rộng rãi trong hai đảng đến thế về các chính sách nổi bật ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương ; và đó là điều góp phần rất lớn làm nên thành công của Mỹ. Sự điều chỉnh này cũng được các nhà quan sát nước ngoài khẳng định. Tờ báo *Matichon* của Thái Lan ngày 22-11-1996 đã viết "Trong con mắt ông B. Clin-tơn có thể thấy các nhà lãnh đạo Mỹ quan tâm nhiều hơn tới khu vực này. Bởi đây được đánh giá là khu vực có tốc độ phát triển kinh tế cao, có xu hướng trở thành trung tâm kinh tế thế giới, châu Á sẽ ổn định và phát triển lâu bền". Châu Á rất quan trọng với Mỹ vì có tới 40% giá trị thương mại của Mỹ là với các nước châu Á, có khoảng 2-3 triệu công nhân Mỹ làm các công việc có liên quan tới hàng xuất khẩu châu Á. Châu Á là một nguồn việc làm, thu nhập, bạn hàng và tạo ra sự lớn mạnh cho nước Mỹ.

Do sự thay đổi của tình hình thế giới và khu vực châu Á - Thái Bình Dương nên Mỹ không chỉ điều chỉnh về chính sách khu vực mà nội dung của chính sách của Mỹ đã khác trước. Nếu như thời "chiến tranh lạnh" hai lĩnh vực chính trị và quân sự được coi trọng thì hiện nay Mỹ thi hành một chính sách toàn diện hơn, đồng bộ hơn cả về kinh tế, chính trị và an ninh. Ngày 25-5-1993 ngoại trưởng Mỹ nêu rõ : "Những quan tâm về kinh tế là trung tâm trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Tăng cường quan hệ ngoại giao và mậu dịch với châu Á - Thái Bình Dương là thiết yếu của sự phồn vinh lâu dài của Mỹ". Ngày 28-7-1995, Cri-xtô-phơ (W.Christopher) lại nói : "Để cho một châu Á - Thái Bình Dương hòa bình và thịnh vượng cần dựa vào 4 phần cơ bản là : củng cố các liên minh của Mỹ ; đính líu với các cường quốc hàng đầu của châu Á - Thái Bình Dương ; xây dựng các cơ chế bền vững cho sự hợp tác khu vực ; ủng hộ dân chủ và nhân quyền".

Triển khai chiến lược này, trước hết Mỹ tiếp tục củng cố và phát triển mối quan hệ đã có từ trước với các đồng minh trong khu vực, đặc biệt với những quốc gia ở những vị trí chiến lược quan trọng như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ô-xtơ-rây-li-a, Phi-líp-pin, Thái Lan. Báo cáo "chiến lược an ninh châu Á - Thái Bình Dương của Bộ quốc phòng Mỹ công bố tháng 5-1995 nêu rõ : "Mỹ có sáu cam kết về an ninh khu vực châu Á - Thái

* PTS, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Bình Dương trong đó có các Hiệp ước an ninh với Nhật Bản (8-9-1951), Cộng hòa Triều Tiên (1-10-1953), Ô-xtơ-rây-li-a (1-9-1951), Cộng hòa Phi-líp-pin (30-8-1951), Thái Lan (8-9-1954) và Hiệp ước liên kết tự do với Cộng hòa quần đảo Mác San, Liên bang các nước Mi-crô-nê-si-a (4-11-1986). Các cam kết tay đôi này vẫn là bất khả xâm phạm và sự chấm dứt chiến tranh lạnh đã không làm suy giảm tầm quan trọng của chúng".

Với các nước lớn trong khu vực, Mỹ thực hiện chính sách vừa hợp tác để lôi kéo các nước này tham gia giải quyết các vấn đề ở khu vực, đồng thời vừa đấu tranh để kiềm chế ảnh hưởng của họ. Với Trung Quốc, trong Tuyên bố tháng 6-1996, ngoại trưởng Mỹ đã nêu 3 nguyên tắc. *Thứ nhất*, Trung Quốc phát triển trở thành một quốc gia ổn định, mở cửa và thịnh vượng là phù hợp với lợi ích của Mỹ. *Thứ hai*, ủng hộ một cách toàn diện và tích cực việc Trung Quốc tham gia vào các công việc quốc tế. *Thứ ba*, khi giải quyết các tranh chấp với Trung Quốc, Mỹ vận dụng phương pháp tiếp xúc và đối thoại. Về phía Trung Quốc, trong quan hệ với Mỹ họ nêu chủ trương "tăng cường tín nhiệm, giảm bớt phiền phức, phát triển hợp tác, không đối kháng nhau". Sở dĩ quan hệ Trung - Mỹ có chiều hướng tốt lên như vậy vì hai bên dù có những điểm mâu thuẫn, bất đồng nhưng có những lợi ích chung và những điểm tương đồng lớn. Xét về lợi ích kinh tế, Trung Quốc là thị trường lớn nhất trong số 10 thị trường mới của Mỹ. Trong khi đó, Mỹ có nền kinh tế hùng hậu, khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đang là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Trung Quốc. Ngoài ra, sau "chiến tranh lạnh", Mỹ trở thành siêu cường duy nhất trên thế giới, giữ vị trí quan trọng trong đời sống chính trị thế giới, và Trung Quốc cũng là một nước lớn, tuy kinh tế chưa thật mạnh nhưng tiềm lực quốc phòng vào loại đứng đầu khu vực. Do đó, mối quan hệ Trung - Mỹ mang tính chất bổ sung, hỗ trợ cho nhau.

Mặc dù quan hệ Mỹ - Trung Quốc có tính chất hợp tác nhiều hơn nhưng những bất đồng cũng tồn tại không ít và khó giải quyết. Trước hết, bởi hai nước có sự khác nhau về chế độ xã hội và hình thái ý thức hệ nên thực chất quá trình hợp tác này để Mỹ mong muốn chuyển hóa nền chính trị của Trung Quốc. Ông Uyn-xtơn Lót đã bộc lộ Mỹ cần phải có một chính sách tế nhị đối với Bắc kinh cho đến khi xuất hiện một chế độ nhân đạo hơn. Xa lánh Trung Quốc không phải là một sự lựa chọn. Mỹ cần cả hai để lên án đàn áp và duy trì mối quan hệ với các lực lượng tiến bộ đang là nền tảng cho các mối quan hệ dài hơn. Mới đây, ngày 14-5-1997, tại một cuộc nói chuyện tại Trường đại học quốc phòng Trung Quốc, Chủ tịch tham mưu liên quân Mỹ Giôn Sa-li-ca-svi-li nói : "Tổng thống B. Clin-tơn nói rằng Mỹ muốn có một Trung Quốc ổn định về chính trị, mở cửa về kinh tế, tôn trọng nhân quyền và luật pháp, và trở thành một đối tác tích cực trong việc xây dựng một trật tự thế giới mới".

Vấn đề Đài Loan cũng là trở ngại khác trong quan hệ Trung - Mỹ. Có thể nói quan hệ Mỹ - Trung phát triển đến đâu tùy thuộc rất lớn vào thái độ của Mỹ đối với Đài Loan. Nhìn vào quá trình quan hệ Mỹ - Trung Quốc ta thấy sự không ổn định. Trong 20 năm kể từ sau năm 1949, hai nước không có quan hệ. Từ 1971 đến 1989, quan hệ giữa hai nước gần như là quan hệ chiến lược. Sau vụ Thiên An Môn (1989) quan hệ hai nước xấu đi do Quốc hội Mỹ gây sức ép về vấn đề nhân quyền và gần đây là vấn đề Đài Loan. Tuy nhiên, cả Mỹ và Trung Quốc vì lợi ích của mình nên đều mong muốn một châu Á ổn định và phát triển. Do đó, cả hai chính đảng của Mỹ đều thấy rằng không thể gây xung đột hoặc cô lập mà phải hợp tác với Trung Quốc, vì lợi ích của Mỹ.

Về quan hệ của Mỹ với Cộng hòa Liên bang Nga. Sau khi Liên Xô sụp đổ, Nga là đại diện hợp pháp duy nhất kế thừa vị trí của Liên Xô, đã không còn khả năng thực hiện những cam kết trước đây của Liên Xô với các nước đồng minh trong khu vực. Chớp lấy cơ hội này, Mỹ đã mở rộng ảnh hưởng của mình ở những "khoảng trống" hoặc những "vùng tranh chấp". Trong quan hệ với Nga, điểm nổi bật dễ nhận thấy đầu tiên là Mỹ đã chuyển từ quan hệ đối đầu, thù địch với Liên Xô trước đây sang quan hệ bạn bè với Liên bang Nga. Sự chuyển hướng này đã dẫn đến việc hai nước đã hợp tác với nhau giải quyết một số cuộc khủng hoảng ở các điểm nóng trong khu vực như vấn đề Cam-pu-chia, vấn đề Triều Tiên, Áp-ga-ni-xtan. Hai nước đều muốn thiết lập một cơ chế hiệp thương an ninh ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, mà trước hết ở Đông-Bắc Á bao gồm 4 nước lớn là Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên bang Nga và hai miền Nam-Bắc Triều Tiên. Chủ trương của Mỹ bắt tay với Nga không có nghĩa là Mỹ muốn giúp Nga mạnh lên trở thành một cường quốc (đặc biệt là về kinh tế) như

Digitized by Google

Nga mong muốn. Nếu như vào cuối "chiến tranh lạnh", Mỹ và phương Tây càng sốt sắng bao nhiêu với những hứa hẹn hấp dẫn để giúp Nga phát triển thành một quốc gia giàu có như các nước phương Tây thì bây giờ dường như ngược lại. Sau nhiều lần đề nghị, các nước G7 chỉ giúp đỡ Nga một cách thận trọng, nhỏ giọt, mang ý nghĩa tượng trưng mà thôi. Hơn nữa số tiền ít ỏi phương Tây giúp đỡ cho Nga là có điều kiện. Theo họ, số tiền này phải sử dụng vào 4 mục đích : không cho chủ nghĩa cộng sản quay trở lại nắm quyền ; thủ tiêu nốt phần còn lại của kho vũ khí hạt nhân ; giải quyết việc làm, nhà ở cho số quân nhân thất nghiệp trở về từ Đông Âu và góp phần thúc đẩy tư nhân hóa. Do đó, thực chất quan điểm của Mỹ đối với Nga là muốn nước Nga không cộng sản, không mạnh nhưng cũng không yếu quá.

Mặc dù về quan hệ song phương, Mỹ thường dựa trên sức mạnh của mình để lấn át Liên bang Nga, nhưng với những vấn đề chung ở khu vực và quốc tế, Mỹ tỏ ra khá thận trọng trước thái độ phản ứng của Liên bang Nga vì Mỹ cho rằng nước Nga vẫn là một ẩn số, những gì biểu hiện ra bên ngoài của Nga mấy năm qua chưa phản ánh hết thực lực của họ. Do đó, những ý kiến từ phía Nga đưa ra trước một vấn đề gì đều được Mỹ xem xét một cách cẩn thận. Hiện nay Nga đang bất đồng ý kiến xung quanh ý đồ Mỹ và các nước phương Tây mở rộng NATO sang phía Đông. Trong vấn đề này lợi thế đang nghiêng về phía Mỹ, nhưng chắc chắn bản thân việc đó và việc Mỹ đề nghị Nga tiếp tục giải trừ vũ khí hạt nhân theo hiệp định START II đang bị Quốc hội Nga phản đối sẽ là những trở ngại lớn giữa hai bên trong thời gian tới.

Tuy là đồng minh quan trọng nhất của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương như lời Tổng thống Mỹ Bin Clin-tơn nói tại Hội nghị Xít-tơn (Mỹ) năm 1993 "quan hệ giữa Mỹ với Nhật Bản là hạt nhân trong chính sách của Mỹ với cộng đồng Thái Bình Dương", nhưng quan hệ Mỹ - Nhật ở trong trạng thái phức tạp, đầy kịch tính, trong đó thể hiện rõ nhất là : về chính trị, an ninh thì hai nước là đồng minh của nhau, đặc biệt Nhật Bản phải dựa vào Mỹ, nhưng về kinh tế thì là kẻ thù của nhau, trong đó Nhật Bản thường giành được những lợi thế. Vấn đề này thoạt nhìn tưởng như một nghịch lý nhưng đó là kết quả hợp lôgíc tự nhiên do chính Mỹ là người đặt nền móng từ sau chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Với chủ trương "tọa sơn quan hổ đấu", Mỹ đã dùng kế hoạch "Mác San" để khôi phục Cộng hòa Liên bang Đức và Nhật chống lại Liên Xô thời "chiến tranh lạnh" đã làm cho Nhật Bản nhanh chóng phục hồi nền kinh tế. Nếu như sau chiến tranh thế giới thứ hai, GNP của Mỹ chiếm 40% của thế giới và Mỹ hơn cả Tây Âu, Nhật Bản cộng lại, thì ngày nay nền kinh tế Mỹ đã sa sút nghiêm trọng, chỉ chiếm 16-18% GNP của thế giới. Người ta tính rằng với thực trạng nền kinh tế hai nước như hiện nay thì đến đầu thế kỷ XXI, giá trị tuyệt đối GNP của Nhật Bản sẽ vượt Mỹ. Nhật Bản thành nước xuất khẩu tư bản và viện trợ nước ngoài lớn nhất thế giới. Tài sản cố định hiện nay của Nhật Bản ở nước ngoài gần 400 tỉ USD. Trong khoa học - kỹ thuật và công nghệ, Nhật Bản đã vượt Mỹ một số lĩnh vực mũi nhọn như vật liệu mới, linh kiện bán dẫn tính năng cao. Hiện nay gần một nửa đề án phát minh sáng chế trên thế giới là của các công ty Nhật Bản và số đề án xin cấp bằng sáng chế gấp 2,7 lần so với Mỹ. Sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế Nhật Bản đã làm cho Mỹ lo lắng và cuộc đấu tranh giữa hai nước này nhằm giành quyền chủ đạo kinh tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương ngày càng diễn ra gay gắt. Sau nhiều năm đàm phán nhằm giảm thâm hụt cán cân thương mại của Mỹ với Nhật Bản (năm 1992 : thâm hụt mậu dịch của Mỹ với Nhật Bản là 49 tỉ USD, năm 1993 là 60 tỉ, năm 1994 là 66 tỉ) hai bên đã đạt được một thỏa thuận là Nhật phải mở cửa cho hàng chế tạo của Mỹ vào Nhật Bản. Theo thỏa thuận này, những hãng sản xuất ô tô lớn của Mỹ như Ford, General Motor, Chrysler sẽ bán số xe vào thị trường Nhật Bản gấp 4-5 lần hiện nay trong thời gian tới. Ngoài ra, chương trình kinh tế trọn gói của Chính phủ Nhật Bản với 137 tỉ USD đã kích thích nhu cầu đầu tư và tiêu dùng của Nhật Bản dưới tác động của đồng Yên tăng giá so với đồng USD đã trở nên rất có lợi cho các nhà xuất khẩu Mỹ. Những cố gắng của Mỹ đã có hiệu quả rõ ràng, từ quý 2-1995, nhập siêu của Mỹ với Nhật Bản đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ đầu thập kỷ 90 (13,5 tỉ USD).

Nếu như chính sách về kinh tế - thương mại của Mỹ đối với Nhật Bản là rất chặt chẽ, quyết liệt và không khoan nhượng thì về chính trị - đối ngoại có chiều hướng ngược lại. Mặc dù sau "chiến tranh lạnh", xu hướng ly tâm với Mỹ diễn ra khá mạnh mẽ giữa các đồng minh của Mỹ ở

Digitized by Google

khu vực châu Á - Thái Bình Dương (như một số nước ASEAN, Ô-xtơ-rây-li-a, Niu Di-lân, Hàn Quốc) nhưng quan hệ giữa Nhật Bản và Mỹ vẫn khá chặt chẽ. Lý giải cho mối quan hệ này có lẽ từ nhu cầu cần thiết của Nhật Bản. Trong mấy thập kỷ vừa qua Mỹ đã là lá chắn để cho Nhật Bản phát triển kinh tế. Hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ năm 1951 được tiếp tục duy trì cũng vì lẽ đó. Ngoài ra, còn hai lý do khác rất quan trọng khiến Mỹ có thể khống chế được Nhật Bản. *Thứ nhất*, do đặc điểm nền kinh tế Nhật tuy phát triển nhưng lại lệ thuộc chủ yếu vào nước ngoài, đặc biệt là nguồn nguyên, nhiên liệu, vật liệu và thị trường tiêu thụ. Trong khi đó chỉ có Mỹ là nước có đủ tiềm lực quân sự để cân bằng so sánh lực lượng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và khả năng để can thiệp khi cần thiết vào các khu vực. Do đó, sự hợp tác về an ninh với Mỹ được Nhật đặt lên tầm chiến lược sống còn của Nhật. *Thứ hai*, về đặc điểm địa lý và lịch sử để lại, Nhật Bản có nhiều vấn đề phức tạp với các nước trong khu vực mà rõ nhất là giữa Nhật Bản với Liên bang Nga, Trung Quốc, Bắc Triều Tiên và các quốc gia Đông-Nam Á. Mặc dù gần đây chính phủ Nhật Bản đã tỏ rõ thiện chí của mình (đặc biệt về kinh tế) với các nước này mong họ quên đi những lỗi lầm trước đây của Nhật Bản, nhưng sự hưởng ứng rất dè dặt. Do đó, duy trì sự gần gũi với Mỹ để làm đối trọng với các nước này vẫn là vấn đề cần thiết đối với Nhật Bản.

Tóm lại, chính sách đối ngoại của Mỹ đối với các nước lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương thể hiện tương đối cơ bản, khá linh hoạt và đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng sẽ gặp phải không ít khó khăn mà dấu hiệu rõ nhất là một số nước lớn đã có sự liên minh lại với nhau (chẳng hạn giữa Liên bang Nga và Trung Quốc) để hạn chế ảnh hưởng của Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ, phê phán thái độ trịch thượng của Mỹ về vấn đề áp đặt chính sách kinh tế - thương mại với vấn đề dân chủ, nhân quyền, về các đạo luật chống Cu Ba, I-Rắc, Li Bi... Ngoài ra những khó khăn trong nước (đặc biệt về kinh tế) cũng sẽ tác động không nhỏ đến việc thực hiện chính sách của Mỹ đối với các nước lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. ❑

Tìm hiểu khái niệm

XÉT XỬ VÀ CÁC CẤP XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN

Xét xử : là hoạt động do tòa án tiến hành theo pháp luật tố tụng, trong đó tòa án, sau khi nghiên cứu một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ các tình tiết của vụ án, tiến hành giải quyết và xử lý vụ án bằng việc ra bản án và các quyết định cần thiết có liên quan.

Thông thường xét xử được tiến hành theo các bước sau :

- Xét xử sơ thẩm (xét xử lần đầu).
- Xét xử sơ chung thẩm (xét xử sơ thẩm đồng thời là chung thẩm).
- Xét xử phúc thẩm (xét lại bản án hay quyết định của tòa án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật).
- Xét xử giám đốc thẩm.
- Xét xử tái thẩm.

Việc xét xử ở tòa án được tiến hành bởi hội đồng xét xử, bao gồm tập thể các thẩm phán và hội thẩm nhân dân. Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm một thẩm phán và hai hội thẩm nhân dân. Trong trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp thì hội đồng xét xử sơ thẩm có thể gồm hai thẩm phán và ba hội thẩm nhân dân. Hội đồng xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm gồm ba thẩm phán và hai hội thẩm nhân dân. Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm ba thẩm phán và trong trường hợp cần thiết có thể thêm hai hội thẩm nhân dân. Hội đồng xét xử tái thẩm gồm các thành viên của ủy ban thẩm phán tòa án nhân dân cấp tỉnh, ủy ban thẩm phán tòa án quân sự cấp quân khu, tòa hình sự tòa án nhân dân tối cao, tòa án quân sự trung ương, ủy ban thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, hoặc hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Thẩm phán là người được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật để thực hiện việc xét xử các vụ án, một chức danh của nhà nước trong tòa án các cấp. Thẩm phán phải là người trung thành với Tổ quốc, có trình độ đại học pháp lý hoặc tương đương, có phẩm chất, đạo đức tốt. Thẩm phán các tòa án do Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Nhiệm kỳ của thẩm phán là 5 năm. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, điều khiển phiên tòa và hoàn toàn độc lập khi xét xử.

Hội thẩm nhân dân là một chức danh chỉ những người cùng tham gia với thẩm phán trong hội đồng xét xử. Trong các phiên tòa xét xử cần có 2 hội thẩm tham gia. Hội thẩm nhân dân ngang quyền với thẩm phán. Hội thẩm nhân dân có trong tòa án nhân

Digitized by Google

dân các cấp, hội thẩm quân nhân có trong tòa án quân sự các cấp. Hội thẩm nhân dân Tòa án Nhân dân tối cao, hội thẩm quân nhân Tòa án Quân sự trung ương do Ủy ban thường vụ quốc hội cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Hội thẩm nhân dân tòa án nhân dân địa phương do hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Hội thẩm quân nhân tòa án quân sự quân khu và tương đương do Chủ nhiệm Tổng cục chính trị cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Hội thẩm quân nhân tòa án quân sự khu vực do chủ nhiệm chính trị quân khu, quân đoàn, quân chủng, tổng cục hoặc cấp tương đương cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Xét xử sơ thẩm : là quá trình xét xử lần đầu một vụ án của tòa án. Bản án hoặc quyết định của tòa án sơ thẩm sau khi tuyên án 15 ngày, nếu không có kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật thì có hiệu lực pháp luật và được thi hành. Đối với các vụ án hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự quy định thẩm quyền xét xử : tòa án nhân dân cấp huyện, tòa án quân sự khu vực xét xử sơ thẩm những tội phạm mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt từ 7 năm tù trở xuống, trừ một số tội phạm, do pháp luật quy định. Tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án quân sự quân khu xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về những tội phạm không thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân cấp huyện, tòa án quân sự khu vực hoặc những vụ án thuộc thẩm quyền cấp dưới, nhưng cần đưa lên để xét xử. Tòa hình sự Tòa án Nhân dân tối cao, Tòa án Quân sự cấp cao xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm những vụ án đặc biệt nghiêm trọng phức tạp.

Xét xử sơ - chung thẩm : là thẩm quyền xét xử của Tòa hình sự Tòa án Nhân dân tối cao, Tòa án Quân sự trung ương với các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp.

Theo quy định của pháp luật, những vụ án đặc biệt nghiêm trọng phức tạp cần được đưa ra xét xử theo thủ tục sơ - chung thẩm phải hội tụ những điều kiện sau đây :

- Bị cáo phạm những tội đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm an ninh, chính trị, tài sản xã hội chủ nghĩa, hoặc tài sản công dân, làm cho nhân dân rất căm phẫn và yêu cầu chính trị của địa phương là phải trừng trị nghiêm khắc, kịp thời ;
- Bị cáo là những tên phản cách mạng, lưu manh, côn đồ, những tên chuyên làm ăn phi pháp, những cán bộ nhân viên sa đọa biến chất ;
- Có chứng cứ rõ ràng, đầy đủ, không còn nghi vấn gì về tội phạm ;
- Mức độ tội của bị cáo đặc biệt nghiêm trọng, cần phải trừng trị bằng hình phạt cao nhất.

Do tính chất đặc biệt của vụ án, pháp luật quy định hình thức xét xử sơ - chung thẩm nhằm răn đe và phòng ngừa đối với loại tội phạm này. Xét xử sơ - chung thẩm khác xét xử sơ thẩm ở chỗ : sau khi xét xử, bản án sơ thẩm đồng thời là chung thẩm có hiệu lực pháp luật ngay, không được kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm nữa.

Xét xử phúc thẩm : là việc tòa án cấp trên trực tiếp xét lại những bản án và quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật, bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật, nhằm kiểm tra lại tính hợp pháp, tính có căn cứ của bản án và quyết định sơ thẩm, sửa những sai lầm và vi phạm mà tòa án sơ thẩm đã vấp phải, nhằm bảo đảm việc thực thi pháp luật một cách thống nhất. Việc xét xử phúc thẩm chỉ phát sinh khi có kháng nghị của viện kiểm sát cùng cấp hoặc trên một cấp, hoặc kháng cáo của những người có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Bản án và quyết định của tòa án cấp phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án. Bản án cấp phúc thẩm có quyền quyết định : bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm ; sửa bản án sơ thẩm, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại ; hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Xét xử giám đốc thẩm : là quá trình xem xét lại bản án hoặc quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị do phát hiện có sự vi phạm pháp luật trong quá trình xử lý vụ án.

Những căn cứ để kháng nghị bản án hoặc quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm :

- Việc điều tra, xét hỏi tại phiên tòa phiến diện hoặc không đầy đủ ;
- Kết luận trong bản án hoặc quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án ;
- Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc áp dụng Bộ luật hình sự.

Người bị kết án, các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân có quyền phát hiện những vi phạm pháp luật trong các bản án và quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật với chánh án tòa án cấp tỉnh, cấp quân khu và viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp quân khu trở lên. Nếu phát hiện thấy những vi phạm pháp luật trong bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật, viện kiểm sát và tòa án phải báo cáo cho người có quyền kháng nghị. Những người có quyền kháng nghị bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật có quyền quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án hoặc quyết định đó. Trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày nhận được kháng nghị, phiên tòa xét xử giám đốc thẩm phải được tiến hành. Hội đồng xét xử giám đốc thẩm phải xem xét lại toàn bộ vụ án không chỉ hạn chế trong nội dung kháng nghị và có quyền ra một trong những quyết định sau :

- Không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên bản án đã có hiệu lực pháp luật ;
- Hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án ;
- Hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra hoặc xét xử lại ;
- Sửa bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Nếu ra quyết định sửa bản án thì hội đồng giám đốc thẩm không có quyền tăng nặng hình phạt hoặc áp dụng điều khoản của Bộ luật hình sự về tội nặng hơn, nhưng có quyền sửa hình phạt và áp dụng điều khoản về tội nhẹ hơn đối với những người bị kháng nghị và cả những người không bị kháng nghị.

Xét xử tái thẩm : là xét lại bản án và quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì có những tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án hoặc quyết định mà tòa án không biết được khi ra bản án hoặc quyết định đó.

Kháng nghị theo thủ tục tái thẩm thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao ; Viện trưởng Viện Kiểm sát Quân sự trung ương ; Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân cấp tỉnh ; Viện trưởng Viện Kiểm sát Quân sự cấp quân khu. Xét xử tái thẩm thuộc thẩm quyền của : Ủy ban thẩm phán Tòa án Nhân dân cấp tỉnh ; Tòa hình sự Tòa án Nhân dân tối cao ; Ủy ban thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao ; Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao.❑

Digitized by Google

CÔNG TY THIẾT KẾ BƯU ĐIỆN

- **Địa chỉ : Đường chùa Láng, Láng Thượng, Đống Đa - Hà Nội**
- **Tel : 04.8344082 - 8352635 - 8345063**
- **Fax : 84.8.8344341**
- **Giấy phép hành nghề số 86/BXD-CSXD ngày 24-4-1996 do Bộ Xây dựng cấp**



Giám đốc công ty
NGUYỄN TRỊNH PHỊ



Các đơn vị thành viên

* Xí nghiệp Xây lắp và trang trí nội ngoại thất - Tel : 04.8352634 - Fax : 04.8344341
* Trung tâm thiết kế II tại số 2 Nguyễn Thị Minh Khai TP. Đà Nẵng
- Tel : 051.894079 - Fax : 051.894079
* Trung tâm thiết kế III tại 116 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh. Tel : 08.8445970 - Fax : 08.8445970

Công ty Thiết kế Bưu điện hơn 40 năm kinh nghiệm trong nghề tư vấn xây dựng

- Công ty có đội ngũ Chuyên gia, Kỹ sư Viễn thông, Kỹ sư xây dựng, Kiến trúc sư và Kỹ sư kinh tế đông đảo, nhiều kinh nghiệm tư vấn để vốn đầu tư đạt hiệu quả cao, bằng nhiều thiết bị hiện đại, phần mềm chuyên dụng luôn cho kết quả nhanh chính xác.

Công ty nhận các công việc sau :

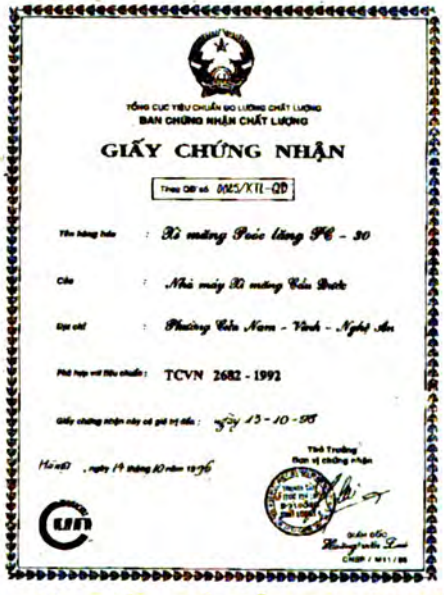
- Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình thông tin Bưu chính Viễn thông, tin học.
- Khảo sát địa hình, địa chất, hiện trạng, điều kiện kỹ thuật các công trình thông tin Bưu chính Viễn thông tin học và dân dụng.
- Thiết kế quy hoạch chuyên ngành thông tin Bưu chính Viễn thông và tin học.
- Thiết kế và lập Tổng dự toán các công trình thông tin Bưu chính Viễn thông tin học đến nhóm A, các công trình dân dụng nhóm B, C.
- Thẩm định dự án đầu tư xây dựng thiết kế kỹ thuật các công trình thông tin Bưu chính Viễn thông và tin học.
- Thực hiện trang trí nội ngoại thất đặc biệt mang tính nghệ thuật do Công ty thiết kế.
- Thi công xây dựng các công trình Bưu chính Viễn thông và dân dụng.

Phạm vi hoạt động trong cả nước

XI MĂNG CẦU ĐƯỚC

(NGHỆ AN) Xin kính chào quý khách





TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BAN CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

Theo QĐ số 0025/XTL-QĐ

Tên hàng hóa : Xi măng Poóc lăng PC - 30

Của : Nhà máy Xi măng Cầu Bước

Địa chỉ : Phường Cửa Nam - Vinh - Nghệ An

Phù hợp với tiêu chuẩn : TCVN 2682 - 1992

Giấy chứng nhận này có giá trị đến : ngày 13 - 10 - 95

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 1990

Thủ Trưởng
Đơn vị chứng nhận

Địa chỉ liên hệ :
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ VINH

Điện thoại :
0 38.842634

Giám đốc nhà máy
Kỹ sư HÀ LÊ

RẤT HÂN HẠNH
ĐÓN TIẾP
QUÝ KHÁCH

Sau những quá trình liên tục đổi mới thiết bị và công nghệ cho đến nay sản phẩm xi măng PC-30 (TCVN 1682-1992)của Nhà máy xi măng Cầu Đước đã chính thức được Nhà nước hợp chuẩn quốc gia. Như vậy sản phẩm xi măng PC-30 của nhà máy xi măng Cầu Đước là một trong 7 nhà máy xi măng lò đứng của cả nước (trong số 53 nhà máy xi măng lò đứng toàn quốc) và cùng 4 nhà máy xi măng lò quay Hoàng Thạch, Bỉm Sơn v.v... được hợp chuẩn quốc gia tương đương nhau về chủng loại xi măng PC-30 với giá cả hợp lý (thấp hơn trung ương 140.000 đến 150.000 đồng/1tấn) bán trên địa bàn Nghệ An - Hà Tĩnh.

Sản phẩm xi măng PC-30 được hợp chuẩn quốc gia sẽ làm hài lòng quý khách và góp phần giảm giá thành công trình mà chất lượng vẫn tương đương xi măng lò quay. Với 4 năm liền được thưởng Huy chương vàng và Cờ chất lượng cao của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam về xi măng PC-30 (Tiêu chuẩn Việt Nam 2682-1992) và với dây chuyền lò đứng hiện đại, có đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân dồi dào kinh nghiệm chúng tôi sẽ luôn luôn đáp ứng yêu cầu về mọi mặt đảm bảo chất và lượng của xi măng. Chúng tôi sẵn sàng mở rộng đại lý và hợp đồng bao tiêu sản phẩm.

Digitized by Google

CÔNG TY VIỄN THÔNG QUỐC TẾ

(VIETNAM TELECOM INTERNATIONAL)

Trụ sở : 12 Láng Trung - Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại : (04) 8365967 - Fax : (04) 8357393

Là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, đơn vị duy nhất có chức năng xây dựng quản lý khai thác mạng lưới và kinh doanh các dịch vụ viễn thông quốc tế của Việt Nam



Đội ngũ cán bộ kỹ thuật Công ty Viễn thông quốc tế lắp trạm VSAT phục vụ các chiến sĩ quần đảo Trường Sa.

Với các dịch vụ viễn thông quốc tế :

1 - Điện thoại quốc tế :
- ❋ Gọi tự động (IDD)
- ❋ Gọi qua điện thoại viên :
  - Gọi số,
  - Tìm người,
  - Giấy mời,
  - Người bị gọi trả tiền (Collect Call)

2 - Facsimile, Telex, Điện báo quốc tế

3 - Kênh thuê riêng đi quốc tế (IPLC)

4 - Thu phát hình quốc tế

5 - VSAT : kênh liên lạc trực tiếp qua vệ tinh



Một trong những trung tâm kỹ thuật mới xây dựng của VTI : Trạm Mặt đất Thông tin vệ tinh Bình Dương

QUÍ KHÁCH SẼ THẤY THẾ GIỚI GẦN GŨI HƠN

Chúng tôi luôn sẵn sàng phục vụ quí khách. Xin liên hệ đến :

- **Hà Nội :** ***Trung tâm Viễn thông quốc tế Khu vực 1***
  12 Láng Trung - Đống Đa. Điện thoại : (04) 8410003 - Fax : (04) 8410009
- **TP. Hồ Chí Minh :** ***Trung tâm Viễn thông quốc tế Khu vực 2***
  18 - Đinh Tiên Hoàng - Q1. Điện thoại : (08) 298238 - Fax : (08) 8810333
- **Đà Nẵng :** ***Trung tâm Viễn thông quốc tế Khu vực 3***
  1B - Lý Tự Trọng. Điện thoại : (051) 825128 - Fax : 8357393

Digitized by Google

CÔNG TY
LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM VĨNH LONG
VINH LONG CEREAL AND FOOD IMPORT - EXPORT COMPANY

TRỤ SỞ CHÍNH :
Số 38 đường 2/9,
phường 1, Thị xã
Vĩnh Long,
Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : (84.070)
822512 - 822516

Fax : (84.070) 823773

CHI NHÁNH tại số 31
Nguyễn Kim, Quận 5,
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.088)
564162 - 566489

Fax : (84.088) 564968



(VINH LONG FOOD)



Digitized by Google

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ ĐỒNG THÁP

DONG THAP MEDICAL IMPORT - EXPORT COMPANY

DOMESCO

DOMESCO

Công ty hoạt động xuất nhập khẩu trực tiếp và kinh doanh các mặt hàng thuộc ngành y tế.

▪ XUẤT NHẬP KHẨU TRỰC TIẾP :

Dược phẩm, nguyên liệu làm thuốc từ dược liệu, tinh dầu, và thực phẩm chế biến từ ngũ cốc.

▪ NHẬP KHẨU TRỰC TIẾP :

Thuốc, nguyên phụ liệu làm thuốc, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm..., vật tư trang thiết bị y khoa và công nghiệp dược.

▪ KINH DOANH TRONG NƯỚC :

Mua, bán sỉ và lẻ : thuốc nội ngoại nhập, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm, nước hoa, mỹ phẩm và thực phẩm chế biến.

Cần đối tác với các đơn vị trong và ngoài nước để đầu tư, liên doanh hợp tác với các lãnh vực nêu trên để phát triển việc lưu thông phân phối và sản xuất.

ĐC : 03 LÊ LỢI, TX. CAO LÃNH, ĐỒNG THÁP
ĐT : (067) 851975
852008 - 851950
FAX : (84-67) 851270

CHI NHÁNH TẠI TP. HCM :
ĐC : 136A TÔ HIẾN THÀNH, QUẬN 10, TP HỒ CHÍ MINH
ĐT : 8652599
8655287 - 8654185
FAX : (84-8) 8650447

Direct import-export and trade of medical commodities

▪ DIRECT EXPORT :

Pharmaceuticals, pharmaceutical materials, essential oils, processed foodstuffs.

▪ DIRECT IMPORT :

Medicine, pharmaceucial raw materials, medical instrument, test chemicals... Medical materials and medical equipment and pharmaceutical industry.

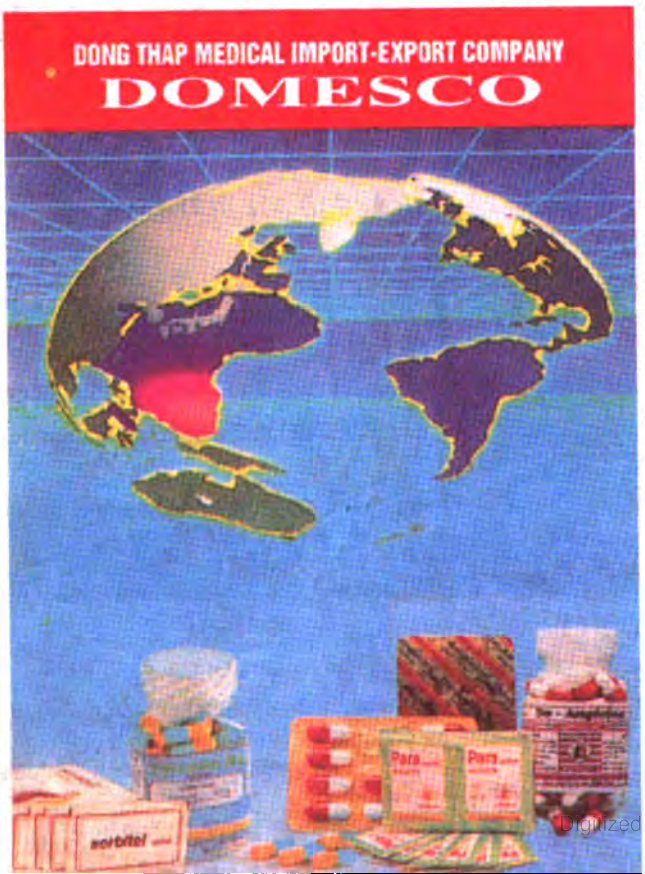
▪ DOMESTIC TRADE :

Buying, retailing and wholesaling domestic and foreign medicines, medical instruments, test chemicals, perfumes, processed foodstuffs.

Seeking cooperation, joint-venture with foreign and domestic economic units for investing in the above fields to develop the distribution & production.

ADD : 03 LE LOI, CAO LANH TOWN, DONG THAP PROVINCE
TEL : (067) 851975
852008 - 851950
FAX : (84-67) 851270

BRANCH IN HCM CITY :
ADD : 136A TO HIEN THANH ST., DIST. 10, HOCHI MINH CITY
TEL : 8652599
8655287 - 8654185
FAX : (84-8) 8650447



Digitized by Google

Công ty Xổ Số Kiến Thiết
ĐỒNG THÁP

- Kết quả mở số vào lúc 16 giờ 30 phút ngày thứ hai hàng tuần.
- Mua vé số Đồng Tháp là góp phần xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, sự nghiệp giáo dục, y tế tại địa phương.
- Những vé trúng thưởng được lãnh bằng tiền mặt một lần tại Công ty Xổ số Kiến thiết Đồng Tháp.
- Khách trúng thưởng đến công ty sẽ được đón tiếp nồng hậu, lãnh thưởng dễ dàng nhanh chóng.



Ban Giám Đốc và CBNV Công ty

Kính chúc quí khách nhiều may mắn



ĐỊA CHỈ : 86/10 BẾN XE SA ĐÉC
ĐIỆN THOẠI : (067) 861745 - 861746 * FAX: (84-67) 861750

Digitized by Google

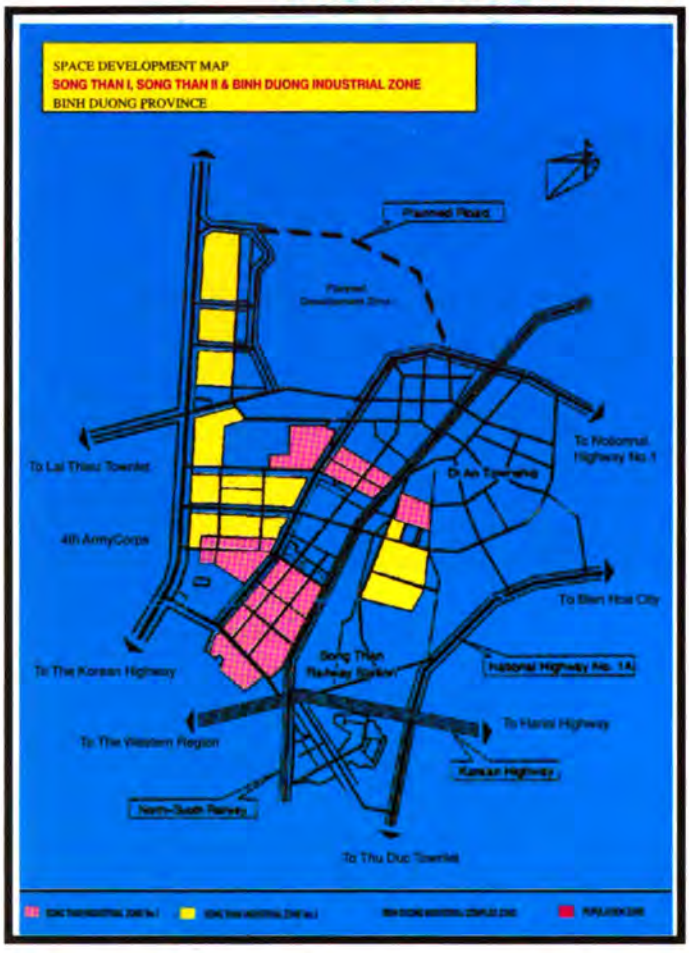
5/30

HIỆP HỘI ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP TỈNH BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

THANH LỄ

63 Yersin, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương - ĐT : (065) 823559 - Fax : (065) 824112



Khu Công nghiệp Sóng Thần II có diện tích 486 ha tại thị trấn Dĩ An và xã Tân Đông Hiệp, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương (có khả năng mở rộng thêm 300 ha) được bố trí như sau :

- Đất giao thông	46 ha
- Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp	289 ha
- Đất xây dựng kho hàng	24 ha
- Trung tâm điều hành	13 ha
- Công trình kỹ thuật hạ tầng	8 ha
- Cây xanh, công viên	62 ha

Sóng Thần II là một khu công nghiệp hoàn chỉnh và đa ngành, các ngành công nghiệp được bố trí thành 3 cụm A, B, C với diện tích công nghiệp là 313 ha.

Sóng Thần II nằm ở cực Nam tỉnh Bình Dương, cạnh vành đai TP. Hồ Chí Minh, cách :

- Trung tâm TP. HCM 20km về hướng Tây Nam
- Trung tâm TP. Biên Hòa 15km về hướng Đông Bắc.
- Trung tâm TX. Thủ Dầu Một 20 km về hướng Tây Bắc.
- Sân bay Tân Sơn Nhất 15km về hướng Tây Nam.
- Cạnh tuyến đường sắt Thống Nhất, giáp ga Sóng Thần (đã được quy hoạch mở rộng thành đường xuyên Á).
- Phía Nam giáp xa lộ Đại Hàn, phía Tây giáp tuyến đường quân sự (nối thẳng tỉnh lộ 743 về gặp xa lộ Đại Hàn).

Đất đai khá bằng phẳng, độ dốc dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam, trung bình 1%; độ cao trung bình 25-30m so với mực nước biển; độ chịu nén >2kg/cm^2 thuận lợi cho xây dựng cơ bản.

Song Than II Industrial Zone with an area of 486 hectares at Di An Town and Tan Dong Hiep Hamlet, Thuan An District, Binh Duong Province (possibly to be expanded up to more 300 hectares), arranged for use as follows :

- Land for traffic routes	46 hectares	- Infrastructural Technical works	8 hectares
- Lands for building plans, factories	289 hectares	- Green trees, parks	62 hectares
- Lands for building warehouses	24 hectares	- Traffic land for external affairs,	
- Controlling Center (management Office)	13 hectares	re- allocating resident	44 hectares

Song Than II is a perfect industrial zone for multibranches. Industries are grouped in 3 clusters A, B, C covering an area of 313 hectares.

Song Than II lines in the Southern end of Binh Duong Province, next to Ho Chi Minh City belt.

- 20km to the South-West of central HoChiMinh City.
- 15km to the North-East of central Bien Hoa City
- 20km to the North-East of central Thu Dau Mot Town.
- 15 km to the South-East of TanSonNhat Airport.
- Along the Thong Nhat railroad from Di An Station to Song Than
- Bordering on Korean Highway Southerly, the military route Westerly (joining provincial route 743 to Korean Highway).

The land is fairly smooth, leaning gradually from the North-East to the South-West, the average gradient is 15, average altitute : 25-30m above the sea level, pressure degree : >2kg/cm^2 suitable for basic construction.

Chúng tôi rất vui mừng chào đón các bạn - We are glad to welcome you

THANH LE JOINT STOCK CORPORATION FOR DEVELOPMENT OF INDUSTRIAL ZONES

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

Digitized by Google

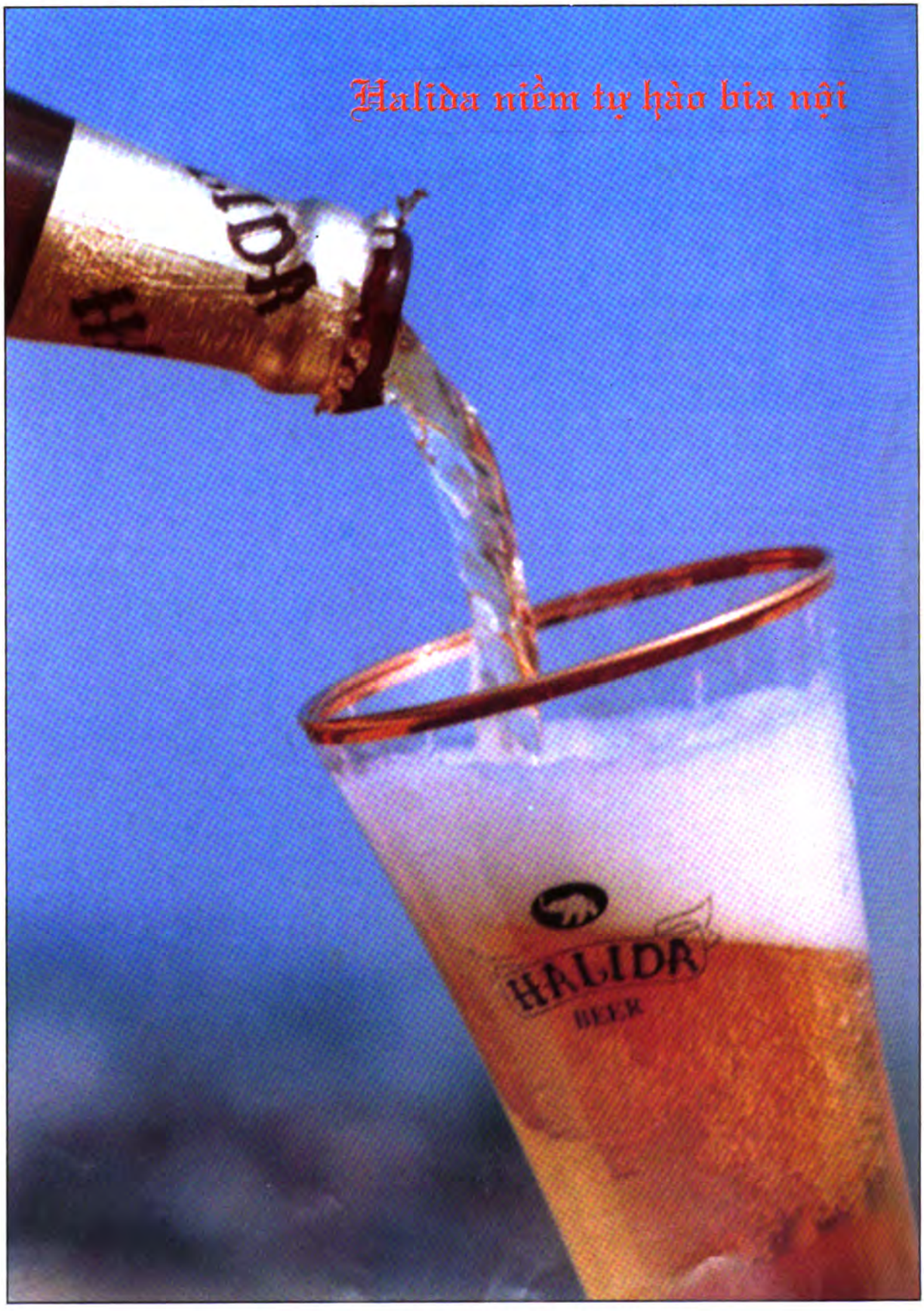
HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản



13
7-1997

UNIV. OF MICH.
AUG 0 5 1997
Digitized by Google
CURRENT SERIALS



NHÀ MÁY BIA ĐÔNG NAM Á

ĐỊA CHỈ 167 MINH KHAI, HÀ NỘI - ĐT : 8631871 - FAX : 8631307

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

SỐ 523 — THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768*

MỤC LỤC

HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VIII)	Xây dựng Nhà nước và đội ngũ cán bộ	3
	ĐỖ MƯỜI - Tăng cường xây dựng nhà nước và đội ngũ cán bộ vững mạnh, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	4
KỶ NIỆM LẦN THỨ 85 NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ NGUYỄN VĂN CỪ (9-7-1912 - 9-7-1997)	NGUYỄN TRỌNG THỤ - Nguyễn Văn Cừ - nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta	13
	TƯ LIỆU - Tự chỉ trích	17
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	TÔ HUY RỨA - Chăm lo "công việc gốc của Đảng"	20
	TIẾN HẢI - Đức và tài, tiêu chuẩn và cơ cấu trong công tác cán bộ	24
	TRƯƠNG GIANG LONG - Xem xét nhân tố người lao động trong cấu trúc của lực lượng sản xuất	27
	DƯƠNG BÁ PHƯỢNG - Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ	30
	NGUYỄN TOÁN - Đổi mới quan niệm về thể dục, thể thao	35
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	TRẦN NGỌC HIÊN - Kinh nghiệm về đô thị hóa ở các nước và sự vận dụng vào nước ta	40
	HÀ QUANG NGỌC - Thu hút và sử dụng trí thức trẻ ở nông thôn và miền núi	44
	TRỊNH GIA BAN - OSC Việt Nam 20 năm thử thách, trưởng thành	47
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	LÊ VĂN LÝ - Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng như thế nào ?	50
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	PHÚ HỔ - Thế nào là đoàn kết ?	51
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN HUY QUÝ - Hồng Công - lịch sử sang trang	52
	NGUYỄN THỊ HOA - Về những cuộc bầu cử vừa qua	56
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	Nga không chấp nhận thế giới một cực dưới sự lãnh đạo của Mỹ	58

Bìa 1 : *Thị trấn Sapa* — *Ảnh :* **TTXVN**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Строительство государства и контингента кадров. ДО МЫОЙ - Усилить строительство прочного государства и сильного контингента кадров, успешно выполнить курс индустриализации и модернизации. НГУЕН ЧОНГ ТХУ - Нгуен Ван Кы - выдающийся руководитель нашей партии. ТО ТХУ РЫА - Забота о "корневой работе партии". ТИЕН ХАЙ - Мораль и талант, критерии и структура кадровой работы. ЧЫОНГ ЗАНГ ЛОНГ - Рассмотрение фактора "рабочего человека" в структуре производственных отношений. ЗЫОНГ БА ФЫОНГ - Развитие средних и маленьких предприятий. НГУЕН ТОАН - Обновление представлений о спорте и физической закалке. ЧАН НГОК ХИЕН - Опыт урбанизации стран мира и его применение в нашей стране. ХА КУАНГ НГОК - Привлечение и использование молодых интеллигентов в деревенских и горных районах. НГУЕН ТХУ КУЙ - Гонг Конг - новая страница истории.

CONTENTS

Building up the state and cadre contingent. ĐỖ MƯỜI - Promoting the building up of powerful State and strong cadre contingent for the sake of successful implementation of the Nation›s industrialization and modernization. NGUYỄN TRỌNG THỤ - Nguyễn Văn Cừ - an outstanding Party's leader. TÔ HUY RỨA - Constant care should be taken to "the Party's fundamental task". TIẾN HẢI - Virtue and talent - standard and structure of the cadre work. TRƯƠNG GIANG LONG - Human factor in the structure of production forces. DƯƠNG BÁ PHƯỢNG - Developing medium and small enterprises. NGUYỄN TOÁN - Renewal of viewpoint over sports and physical training. TRẦN NGỌC HIÊN- Experiences of urbanization in the world and their application in Vietnam. HÀ QUANG NGỌC - Attraction and use of young intellectuals in rural and mountainous areas. NGUYỄN HUY QUÝ - Hongkong - a new page of its history.

SOMMAIRE

L'édification de l'Etat et du contigent de cadres. ĐỖ MƯỜI - Renforçons l'édification d'un Etat et d'un contingent de cadres solides, capables de mener à bien l'oeuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. NGUYỄN TRỌNG THỤ - Nguyễn Văn Cừ - un éminent dirigeant de notre Parti". TÔ HUY RỨA - Occuponsnous du "travail radical du Parti". TIẾN HẢI - La vertu morale et le talent, les critères et la structure dans le travail à l'intention des cadres. TRƯƠNG GIANG LONG - Examiner le facteur de travailleur dans la structure des forces productives. DƯƠNG BÁ PHƯỢNG - Développer les entreprises moyennes et petites. NGUYỄN TOÁN - Le renouvellement de la conception relative à l'éducation physique et aux sports. TRẦN NGỌC HIÊN - L'expérience de l'urbanisation à l'étranger et son application au Vietnam. HÀ QUANG NGỌC - Sur l'attraction et l'emploi des jeunes intellectuels à la campagne et dans les montagnes. NGUYỄN HUY QUÝ - Hongkong - une nouvelle page de l'histoire.

SUMARIO

Edificación del Estado y del contingente de cuadros. ĐỖ MƯỜI - Consolidar la edificación de Estado y del contingente de cuadros por realizar exitosamente la obra de industrialización y modernización de país. NGUYỄN TRỌNG THỤ - Nguyễn Văn Cừ - un inminente dirigente de nuestro Partido. TÔ HUY RỨA - Velar por el "trabajo de la raíz d'el Partido". TIẾN HẢI - La virtud y el talento, las normas y la estructura del trabajo de cuadros. TRƯƠNG GIANG LONG - Examinar el factor de trabajador en la estructura de las fuerzas productivas. DƯƠNG BÁ PHƯỢNG - Desarrollar las empresas de mediana y pequeña envergadura. NGUYỄN TOÁN - Renovación del criterio sobre la educación física y los deportes. TRẦN NGỌC HIÊN - Experiencias de la urbanización en otros países y su aplicaci ón en Vietnam. HÀ QUANG NGỌC - Sobre la captación y la utilización de los jóvenes intelectuales en el campo y las regiones montañosas. NGUYỄN HUY QUÝ - Hong Kong - una nueva página de la historia.

目录

• 建设国家和干部队伍 • 杜梅：增强建设强大的国家和干部队伍，胜利地实现国家工业化、现代化事业 • 阮仲授：我党的杰出领导人阮文渠 • 苏辉若：切实做好“党的根本工作” • 进海：德才兼备是干部工作的标准和机构 • 张江龙：看生产力结构中的劳动者的因素 • 杨伯凤：发展中小型企业 • 阮算：革新关于体育的观念 • 陈玉轩：各国都市化的经验及其运用于我国 • 何光玉：吸引和采用农村和山区的年轻知识份子 • 阮辉贵：香港——历史翻过新的一页

Digitized by Google

XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ

Ngày 18-6-1997. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra thông báo như sau :

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp từ ngày 9 đến ngày 18 tháng 6 năm 1997, tại Hà Nội.

Hội nghị đã thảo luận, thông qua hai nghị quyết quan trọng:

- Nghị quyết về "Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh".

- Nghị quyết về "Chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".

Hội nghị đã phân tích sâu sắc, đánh giá tình hình đổi mới trên lĩnh vực xây dựng Nhà nước và công tác cán bộ trong mười năm qua, khẳng định những thành tựu to lớn đã đạt được ở hai lĩnh vực trên. Hội nghị cũng kiểm điểm nghiêm túc, thẳng thắn nêu lên những khuyết điểm, yếu kém cần giải quyết, đặc biệt là tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, cửa quyền, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân ở một số cấp chính quyền và tổ chức kinh tế, trong một bộ phận cán bộ các cấp, làm suy giảm lòng tin của nhân dân, kìm hãm quá trình phát triển của đất nước.

Hội nghị nhất trí thông qua phương hướng, nhiệm vụ, đề ra những giải pháp lớn nhằm tiếp tục phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng bộ máy Nhà nước trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai Nghị quyết mà Hội nghị Trung ương thông qua là sự phát triển sâu sắc thêm đường lối xây dựng và phát triển đất nước, xây dựng Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương đã bầu bổ sung hai đồng chí Lê Hồng Anh và Đặng Ngọc Thanh làm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Đồng chí Tổng Bí thư nhấn mạnh: Điều quan trọng hàng đầu là phải thu hút nhân dân, đặc biệt là công nhân, nông dân, trí thức, lực lượng vũ trang tham gia quản lý Nhà nước, sử dụng trên thực tế quyền lực của người làm chủ; cùng với việc từng bước áp dụng các hình thức dân chủ trực tiếp, phải phát huy hơn nữa các hình thức dân chủ đại diện thông qua bộ máy do nhân dân trực tiếp bầu ra và chịu sự giám sát của nhân dân; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước đi đôi với thực hiện tốt sự kiểm tra, giám sát của nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ phải trên cơ sở giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, có chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng hiền tài. Giáo dục, rèn luyện và quản lý tốt đội ngũ cán bộ là biện pháp quan trọng nhất để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta; trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, Đảng phải đặc biệt chăm lo giáo dục, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh cho cán bộ, giữ gìn đoàn kết và bảo vệ chính trị nội bộ; đấu tranh kiên quyết chống tham ô, lãng phí, quan liêu, trù dập cấp dưới, ức hiếp nhân dân, hối lộ, buôn lậu, làm giàu phi pháp, chống lối sống thực dụng, xa hoa, hưởng lạc.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân hãy phát huy vai trò người chủ thật sự của đất nước, chủ động, tích cực tham gia xây dựng Nhà nước và đội ngũ cán bộ, biến nghị quyết của Đảng thành hiện thực cuộc sống, góp phần xây dựng, bồi đắp những nhân tố bảo đảm thắng lợi của công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ VỮNG MẠNH, THỰC HIỆN THẮNG LỢI SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC *

ĐỖ MƯỜI
Tổng Bí thư BCHTƯ Đảng Cộng sản Việt Nam

Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí,

TẠI Hội nghị lần này, để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Ban Chấp hành Trung ương sẽ bàn và quyết định các vấn đề: Tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, một số việc cần làm để bảo đảm lãnh đạo tốt cuộc bầu cử Quốc hội khóa X vào tháng 7 năm nay. Đây là những vấn đề vừa có tầm quan trọng cơ bản, lâu dài, vừa có những việc cấp bách cần làm ngay trong thời gian tới.

Bộ Chính trị đã chỉ đạo việc chuẩn bị các văn kiện, từ khâu dự thảo đến tổ chức nhiều cuộc tham khảo ý kiến rộng rãi của các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương và cơ sở, các nhân sĩ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các vị lão thành cách mạng, các nhà khoa học trong cả nước. Nhiều ý kiến phong phú và xác đáng đã được tiếp thụ để chỉnh lý, bổ sung dự thảo trình Hội nghị Trung ương.

Các văn kiện đã được gửi trước theo đúng quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương để các đồng chí có thời gian nghiên cứu, chuẩn bị. Trước khi Trung ương thảo luận, tôi xin phát biểu một số ý kiến sau đây.

Thưa các đồng chí,

TỪ khi giành chính quyền trong hơn nửa thế kỷ qua, ở mọi giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn luôn coi việc xây dựng, tăng cường, kiện toàn Nhà nước là một nhiệm vụ hàng đầu, làm cho nhà nước ta thực sự là trụ cột của hệ thống chính trị, là một công cụ chủ yếu, vững mạnh của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những năm gần đây, trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới,việc tăng cường, phát huy vai trò của Nhà nước lại càng được Đảng ta đặc biệt quan tâm. Hội nghị Trung ương 2 khóa VII đã bàn về xây dựng Nhà nước, cho ý kiến chỉ đạo việc chuẩn bị và ban hành Hiến pháp 1992; tiếp đến Hội nghị Trung ương 8 khóa VII đã nêu lên những quan điểm, nguyên tắc xác định bản chất giai cấp của Nhà nước ta; đề ra những quyết sách nhằm từng bước thực hiện một cuộc cải cách về tổ chức bộ máy nhà nước, đáp ứng yêu cầu bức thiết của công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ mà Đại hội toàn quốc lần thứ VI và lần thứ VII đã đề ra.

Đến nay, nhìn lại chặng đường mười năm đổi mới, trong lĩnh vực xây dựng Nhà nước, chúng ta đã thu được những thành tựu bước đầu, góp phần quan trọng đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo ra thế và lực để chuyển sang một thời kỳ mới: thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đóng góp chủ yếu của bộ máy nhà nước ta là đã tổ chức đưa đường lối đổi mới của Đảng đi vào cuộc sống, trước hết là đổi mới về kinh tế, mở ra bước ngoặt trong quá trình chuyển nền kinh tế từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh quốc tế phức tạp và tình hình trong nước có nhiều khó khăn, Đảng ta đã sáng suốt chủ trương vừa tập trung giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội cấp bách, vừa giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh, quốc phòng, thi hành chính sách đối ngoại rộng mở. Thực hiện chủ

---

* Bài phát biểu tại buổi khai mạc Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII) ngày 9-6-1997.

Digitized by Google

trương của Đảng, bộ máy nhà nước đã từng bước chuyển đổi cơ chế điều hành các lĩnh vực của đời sống xã hội thông qua thực hiện cuộc cải cách lớn hệ thống thể chế, trước hết là thể chế kinh tế, thể hiện bước tiến bộ về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các bộ phận chủ yếu từ lập pháp đến hành pháp và tư pháp đều được điều chỉnh một bước đáng kể; chất lượng, hiệu quả hoạt động được nâng cao rõ rệt, góp phần quan trọng hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành trong cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, giải phóng các năng lực sản xuất, huy động khả năng tiềm tàng của đất nước; dân chủ xã hội chủ nghĩa tiếp tục được mở rộng, được thể chế hóa trên nhiều mặt từ kinh tế, chính trị đến các lĩnh vực khác; phát huy tính năng động, cổ vũ, khơi dậy mạnh mẽ nhiệt tình lao động sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân.

Những thành tựu trên chứng tỏ Đảng ta có đủ bản lĩnh, năng lực lãnh đạo, phát huy sức mạnh và hiệu lực của Nhà nước trong việc tổ chức, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng vì lợi ích của nhân dân, vì sự phồn vinh của đất nước. Đảng cầm quyền lãnh đạo toàn xã hội chủ yếu thông qua Nhà nước và Nhà nước với một hệ thống bộ máy quyền lực được tổ chức rộng khắp ở tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực, các địa bàn trên cả nước là chỗ dựa quan trọng nhất để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ xã hội.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong việc xây dựng Nhà nước, chúng ta phải thẳng thắn thừa nhận còn không ít khuyết điểm và những vấn đề tồn tại khiến mọi người đang băn khoăn, lo lắng; nhất là tình trạng tham ô, lãng phí, quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, ức hiếp dân không những chưa bị ngăn chặn, giảm bớt mà ngược lại, có nơi, có lúc, có việc còn trở nên trầm trọng hơn, gây bất bình trong dư luận, làm giảm lòng tin của nhân dân, làm nản lòng những nhà đầu tư, kinh doanh muốn làm ăn hợp pháp và chính đáng, kìm hãm quá trình phát triển của đất nước. Một công tác trọng tâm của Đảng và Nhà nước ta trong thời gian tới là phải tìm mọi biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn này. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định: "Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Chủ trương lớn trên đây cần được quán triệt và thực hiện tích cực trong suốt quá trình đi lên của đất nước.

Hội nghị Trung ương lần này sẽ thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của Đảng về xây dựng Nhà nước trong mười năm đổi mới, trước hết là kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 và Trung ương 8 (khóa VII), rút kinh nghiệm, đề ra biện pháp triển khai thực hiện chủ trương của Đại hội Đảng lần thứ VIII nhằm **xây dựng Nhà nước ta thật sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực và hiệu quả;** phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, làm tròn chức năng, nhiệm vụ là một công cụ trụ cột, chủ yếu của nhân dân trong thời kỳ mới.

Thưa các đồng chí,

NHÀ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc. Thực hiện nguyên tắc đó, Nhà nước ta phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa; mọi hoạt động quản lý, điều hành đều dựa trên những nguyên tắc và phương pháp dân chủ. Tuy nhiên, trong thực thi quyền lực, trong quan hệ với dân, có không ít trường hợp các cơ quan nhà nước chưa thể hiện được điều đó. Tình trạng mất dân chủ xảy ra không chỉ ở cấp trên mà ở cả cấp cơ sở, nơi chính quyền ở ngay trong lòng dân. Mặt khác, lại đang diễn ra tình trạng phân tán, cục bộ, kỷ luật lỏng lẻo, phép nước không nghiêm, kỷ cương xã hội lơi lỏng. Cả hai hiện tượng trên đây đều trái với bản chất của Nhà nước trong chế độ mới.

Điều quan trọng hàng đầu là phải thu hút nhân dân, đặc biệt là công nhân, nông dân, trí thức, lực lượng vũ trang tham gia quản lý nhà nước, sử dụng trên thực tế quyền lực của người làm chủ. Khi thực sự thu hút được sự tham gia của nhân dân vào quản lý nhà nước, sức mạnh của Nhà nước sẽ nhân lên gấp nhiều lần như Lê-nin từng nói : Chúng ta đã nói nhiều về điều này, song còn thiếu những biện pháp, những việc làm cụ thể, nhất là vai trò kiểm kê, kiểm soát của nhân dân chưa được coi trọng.

Trong điều kiện hiện nay, việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát do các cơ quan nhà nước thực hiện theo thẩm quyền là cần thiết, nhưng cần được bổ sung, hay nói đúng hơn, cần phối hợp với thanh tra, kiểm tra, giám sát bằng lực lượng đông đảo nhân dân có mặt ở khắp nơi, với trăm tai ngàn mắt, nhìn thấu mọi việc, biết

Digitized by Google

được mọi nhẽ, tường tận mọi điều. Nhân dân là lực lượng hùng hậu trong sự nghiệp chấn hưng đất nước, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ mới, ngăn chặn, đẩy lùi mọi biểu hiện tiêu cực trong các cơ quan và nhân viên nhà nước. Cần sớm nghiên cứu, soạn thảo và ban hành các thể lệ, quy chế về các hình thức nhân dân tham gia công tác thanh tra, kiểm sát, giám sát. Phương châm: "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đã tổng kết sâu sắc quá trình thực hiện quyền dân chủ ở cơ sở. Nhân dân thực hiện quyền lực kiểm kê, kiểm soát từ sản xuất đến phân phối, đặc biệt là về tài chính, bảo đảm cho sự phát triển lành mạnh và đúng hướng.

Đảng có trách nhiệm lãnh đạo Nhà nước và tổ chức tốt việc nhân dân tiến hành thanh tra, giám sát, kiểm kê, kiểm soát. Đồng thời, bản thân các cấp bộ đảng, mặt trận và các đoàn thể phải trực tiếp tiến hành việc giám sát, kiểm kê, kiểm soát theo hệ thống của mình đối với các cấp chính quyền, các cơ quan sự nghiệp, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn, không phân biệt do Trung ương hay địa phương quản lý.

Cùng với việc từng bước áp dụng các hình thức dân chủ trực tiếp, phải phát huy hơn nữa các hình thức dân chủ đại diện thông qua bộ máy do nhân dân trực tiếp bầu ra và chịu sự giám sát của nhân dân, trước hết là Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp. Chính quyền của nhân dân phải do nhân dân thực hiện, thông qua những đại biểu do mình bầu ra. Bản thân các cơ quan nhà nước không tự có quyền mà là được nhân dân ủy nhiệm theo thẩm quyền cụ thể do pháp luật quy định. Đồng thời, để phòng ngừa tình trạng mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức, khi người đại diện vi phạm quyền dân chủ của cử tri đã bầu mình, cần có cơ chế trực tiếp kiểm tra, giám sát hữu hiệu từ phía nhân dân. Vì vậy, phối hợp chặt chẽ dân chủ đại diện với dân chủ trực tiếp là yêu cầu rất quan trọng, không thể thiếu được. Có như vậy mới bảo đảm quyền lực của nhân dân được thực hiện một cách vững chắc trong đời sống xã hội.

Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường kỷ luật, kỷ luật trong bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể và kỷ luật ngoài xã hội. Nói đến nhà nước là nói đến pháp luật, kỷ cương, trật tự; phải kiên quyết lập lại trật tự, kỷ cương trong xã hội, trước hết trong bộ máy nhà nước.

Quyền làm chủ của cộng đồng, tức là quyền của số đông, chỉ được thực thi khi mỗi thành viên đều làm theo ý chung chứ không tùy tiện làm theo ý riêng của mình; làm ngược lại sẽ là vô chính phủ. Cả vô chính phủ lẫn độc đoán chuyên quyền đều trái với bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, xét về thực chất, dân chủ gắn liền với kỷ cương, có khuôn khổ, trong vòng trật tự. Không thể có dân chủ mà lại thiếu pháp luật, kỷ luật, kỷ cương. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa càng đòi hỏi phải xác định khuôn khổ, phạm vi của dân chủ và tự giác hành động trong khuôn khổ. Trong phạm vi quốc gia, khuôn khổ ấy là Hiến pháp và pháp luật. Theo tinh thần đó, chúng ta càng thấy sự bức xúc thiết lập trật tự, kỷ luật trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội, tạo điều kiện thực hiện dân chủ đúng đắn, bảo đảm tự do cho mỗi người và cho cả cộng đồng.

Kỷ luật, pháp luật, trật tự, kỷ cương phải được thiết lập nghiêm ngặt trong toàn xã hội, trước hết trong bộ máy nhà nước, đảng, đoàn thể, trong chính ngay các cơ quan pháp luật.

Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường nhất thiết phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước. Có nhiều việc đã, đang và sẽ phải làm để thể chế hóa điều khẳng định đó.

Một số ý kiến cho rằng chỉ trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, khi bộ máy nhà nước là người trực tiếp tổ chức và điều khiển nền sản xuất xã hội với hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh và mệnh lệnh hành chính thì mới cần đến vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước, còn trong cơ chế thị trường thì cứ để cho các thành phần kinh tế phát triển, thị trường sẽ định hướng, dẫn dắt cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng. Suy nghĩ giản đơn, sai lầm đó tất yếu dẫn đến tình trạng buông lỏng quản lý Nhà nước, xuất hiện tình trạng thả nổi, vô chính phủ, để những mặt tiêu cực của kinh tế thị trường phát triển, tạo cơ hội cho những kẻ thoái hóa, biến chất và các thế lực xấu lũng đoạn thị trường, đục khoét tài sản của Nhà nước và nhân dân, thực hiện âm mưu và hành động chống phá cách mạng trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Mặt khác, tình trạng quan liêu, cửa quyền, thủ tục rườm rà, qua nhiều khâu, nhiều nấc vẫn đang tiếp tục hạn chế sự phát triển của lực lượng sản xuất và năng lực sáng tạo của nhân dân, gây ra tệ hối lộ khá phổ biến. Chúng ta vẫn đang còn nắm quá chặt những cái cần mở rộng; đồng thời lại đang buông lỏng những cái cần phải nắm. Đó là một bài học kinh nghiệm lớn thu được trong quá trình đổi mới. Từ bài học đó, Đảng ta nhận thức sâu sắc phải thường xuyên quan tâm, chăm lo xây dựng chính quyền, sử dụng và phát huy nó

Digitized by Google

một cách đúng đắn để khắc phục cả hai mặt trên đây nhằm phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội vì lợi ích của đất nước, của nhân dân.

Đương nhiên, vấn đề đặt ra là chúng ta rất cần đến vai trò Nhà nước, nhưng không phải như trong cơ chế cũ, can thiệp sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội bằng biện pháp hành chính, hạn chế tính năng động, sáng tạo của nhân dân lao động. Quá trình chuyển đổi cơ chế hiện nay không cho phép chúng ta tiếp tục quản lý theo lối cũ mà đòi hỏi phải đổi mới nhận thức, quan niệm cũng như tổ chức và phương thức hoạt động của Nhà nước.

Trong khi khẳng định bản chất của Nhà nước ta, chúng ta cũng đồng thời thấy rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước phải biểu hiện qua sự vận hành của một cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động tương ứng với trình độ của lực lượng sản xuất và trình độ dân trí, phù hợp với nhu cầu quản lý xã hội trong từng hoàn cảnh, giai đoạn lịch sử. Kinh nghiệm cho thấy, mức độ thành công của công cuộc đổi mới phụ thuộc vào tính đúng đắn của đường lối, đồng thời còn trực tiếp phụ thuộc vào khả năng tìm kiếm, lựa chọn các phương thức tổ chức và hoạt động thích hợp.

Để xác định đúng đắn vai trò của Nhà nước chúng ta luôn nhớ lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ thì nhân dân không ai dẫn đường".

Theo tinh thần đó, Nhà nước phải tạo môi trường lành mạnh cho sản xuất, kinh doanh; khẩn trương nhưng vững chắc thiết lập đồng bộ các yếu tố của thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa để ngay từ đầu và trên từng bước đi hình thành cho được cơ chế thị trường hoạt động hữu hiệu. Đồng thời, Nhà nước phải định hướng phát triển xã hội thông qua việc hoạch định chính sách phát triển lâu dài, được cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch xây dựng kinh tế - xã hội nhằm thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ đi đôi với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp trong từng thời kỳ; tạo lập các cân đối lớn; xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật; đổi mới một cách cơ bản cơ chế kế hoạch hóa, xử lý tốt mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường; và điều rất cơ bản là phải tạo cho được động lực phát triển, khơi dậy mọi sáng kiến, lòng hăng hái, nhiệt tình, óc sáng tạo của các tổ chức và từng cá nhân, giải phóng mọi năng lực sản xuất, khai thác mọi tiềm năng trong nhân dân. Khuyến khích mọi người hăng hái thực hành tiết kiệm, phát triển sản xuất, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước, tích cực tham gia công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trên cơ sở đó mà tăng thu nhập, làm giàu hợp pháp, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo. Phát triển có trọng điểm đi đôi với quan tâm thích đáng đến sự tiến bộ của các vùng trên cả nước; người giỏi giúp người kém, người giàu giúp người nghèo, vùng phát triển nhanh giúp vùng phát triển chậm hơn.

Cùng với chức năng tạo điều kiện và định hướng phát triển kinh tế trong cơ chế thị trường, chức năng điều tiết của Nhà nước là đặc biệt cần thiết. Chức năng điều tiết phải nhằm bảo đảm công bằng và tiến bộ xã hội ngay trong từng bước phát triển, hạn chế phân hóa giàu nghèo ; ngăn ngừa, khắc phục các hiện tượng tiêu cực, các mặt trái của kinh tế thị trường; kiểm soát chặt chẽ và xử lý nghiêm minh những hành vi phạm pháp.

Song song với việc thực hiện chức năng quản lý xã hội, Nhà nước ta còn là người đại diện cho nhân dân thực hiện vai trò sở hữu đối với tài sản thuộc sở hữu toàn dân. Đây là chức năng đặc thù của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, nắm giữ những bộ phận then chốt có vai trò chi phối nền kinh tế. Tài sản đó là lực lượng vật chất mà nhà nước phải biết sử dụng một cách có hiệu quả để định hướng và điều tiết thị trường, trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực có tác động thúc đẩy và dẫn dắt nỗ lực của toàn dân nhằm đưa kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, giải quyết các vấn đề xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng hoạt động đối ngoại.

Để làm tốt chức năng trên đây, phải đổi mới, điều chỉnh cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Nhà nước một cách kịp thời. Trong đó, cần khẳng định phương thức hàng đầu là quản lý kinh tế, xã hội bằng pháp luật; xác lập môi trường, khuôn khổ pháp lý; một mặt nhằm phát huy quyền tự chủ của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, tính năng động của các thành phần kinh tế, tháo gỡ các ràng buộc, giải phóng các nguồn lực, phát huy các động lực, khơi dậy các tiềm năng; mặt khác hạn chế tác động tiêu cực, ngăn chặn các mặt trái của kinh tế thị trường.

Đồng thời, Nhà nước cũng cần giảm việc can thiệp quá sâu vào quyền điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở và các quan hệ dân sự để tập trung hướng mạnh vào xây dựng thể chế, sử dụng các công cụ điều hành vĩ mô, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương và sự phân công, phân cấp cho chính quyền địa phương, cơ sở. Xử lý kịp thời những vấn đề bức xúc như đẩy lùi lạm phát, khắc phục suy thoái...;

Digitized by Google

xác định đúng khâu then chốt để tập trung giải quyết trong từng thời điểm.

Theo chức năng của mình, Nhà nước vừa là người dẫn đường cho dân, lại vừa là người phục vụ cho mọi hoạt động của xã hội. Cần quan niệm rõ ràng và có phương thức đúng đắn xử lý mối tương quan đó. Chẳng hạn như xã hội hóa một số mặt: y tế, giáo dục, thể thao, cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp là chủ trương rất quan trọng được Đại hội VIII đề ra trên cơ sở tổng kết thực tiễn 10 năm đổi mới. Song xã hội hóa không đồng nghĩa với phi nhà nước hóa và càng không phải là tư hữu hóa. Phương châm cơ bản ở đây vẫn là "Nhà nước và nhân dân cùng làm"; trong đó Nhà nước có vai trò nòng cốt, thực hiện quản lý nhà nước, tổ chức cho dân làm và trong điều kiện cụ thể, tham gia cùng làm với dân; không làm thay dân, cũng không khoán trắng.

Hiện nay, quy định về thẩm quyền của từng thiết chế trong bộ máy nhà nước còn nhiều điều cần làm rõ, mối quan hệ giữa trách nhiệm tập thể với trách nhiệm cá nhân thủ trưởng và cán bộ, viên chức chưa được quy định cụ thể, thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, qua khá nhiều tầng nấc. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, viên chức còn yếu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thiếu rèn luyện. Thể chế còn nhiều mặt bất cập cộng với những yếu kém về năng lực và sự thoái hóa của một bộ phận cán bộ đang ảnh hưởng không nhỏ đến việc tăng cường hiệu lực của bộ máy nhà nước.

Mục tiêu chung của cải cách, đổi mới cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của từng cơ quan cũng như cả bộ máy nhà nước là làm cho Nhà nước ta thực sự trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả. Các yêu cầu đó quan hệ khăng khít với nhau, bổ sung cho nhau, chi phối lẫn nhau và phải được tiến hành một cách tích cực, đồng bộ trên cả ba mặt lập pháp, hành pháp, tư pháp với những biện pháp cụ thể và bước đi vững chắc.

Đối với Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, hình thức chủ yếu thực hiện quyền dân chủ đại diện của nhân dân, phải tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động. Tiếp tục làm tốt hơn nữa chức năng lập pháp, chủ động đề ra chương trình xây dựng pháp luật hàng năm và cả nhiệm kỳ, không những chỉ về số lượng văn bản mà cần coi trọng chất lượng, bao gồm cả tính khả thi của luật; đồng thời đặt trọng tâm vào yêu cầu thi hành luật. Các văn bản luật và pháp quy khác được ban hành ngày càng nhiều; vì vậy, cần có chương trình phổ biến và giáo dục về luật, để dân biết, dân hiểu, dân tin, sống và làm theo luật pháp. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác giám sát tối cao của Quốc hội đang là một khâu cần tăng cường trong hoạt động của Quốc hội hiện nay. Quyền quyết định của Quốc hội về các vấn đề quan trọng thuộc quốc kế dân sinh phải được phát huy một cách thực chất, nhất là trong lĩnh vực kế hoạch và ngân sách.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách nền hành chính nhà nước mà mục tiêu là xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, năng động, hoạt động thông suốt theo đúng chức năng và quyền hành pháp, tiếp tục đổi mới và từng bước hiện đại hóa bộ máy nhà nước, bảo đảm hoạt động có hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật, hướng vào phục vụ dân, bảo vệ lợi ích của dân, huy động sức dân một cách hợp lý và chịu sự giám sát của dân.

Từng bước tổ chức nền hành chính nhà nước phù hợp với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, thực hiện đầy đủ chế độ tuyển chọn, đào tạo và xây dựng đội ngũ viên chức có phẩm chất tốt, thành thạo nghiệp vụ và có ý thức công vụ cao. Trong điều kiện mới, xác định rõ chức năng, thẩm quyền, sắp xếp hợp lý cơ cấu tổ chức của chính phủ, của các bộ, cơ quan ngang bộ, làm rõ chức năng, thẩm quyền và tổ chức của các cấp chính quyền địa phương. Đó là quá trình xây dựng nền hành chính dân chủ, sát dân, sát cơ sở, xóa bỏ mọi thủ tục phiền hà, dành thuận tiện cho dân, đáp ứng mọi yêu cầu, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của dân.

Phải phân cấp rành mạch trách nhiệm và thẩm quyền giữa các cấp chính quyền: trên cơ sở bảo đảm thống nhất thi hành pháp luật trong cả nước, chính quyền trung ương quản lý tập trung một số lĩnh vực theo ngành dọc được xác định từ yêu cầu thực tế. Đối với một số lĩnh vực khác, Trung ương trực tiếp quản lý một phần, còn một phần phân cấp cho địa phương quản lý. Một số khác nữa ngoài những lĩnh vực trên thì giao quyền chủ động cho các cấp chính quyền địa phương theo luật định. Đối với tất cả các lĩnh vực, để bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước, thiết lập kỷ cương xã hội, cần tăng cường tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra theo cả chiều dọc và chiều ngang. Chính quyền trung ương thống nhất quản lý, kiểm tra theo chiều dọc; chính quyền địa phương thực hiện kiểm tra theo chiều ngang trên địa bàn đối với các cơ quan sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, không phân biệt do trung ương hay địa phương quản lý.

Digitized by Google

Tiếp tục cải cách tư pháp là một yêu cầu cấp bách. Nhân dân đòi hỏi các cơ quan và nhân viên tư pháp phải mẫu mực tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, thể hiện tính dân chủ, công khai, đại diện cho công lý của chế độ, phải thật sự trong sạch, công minh. Phải xác định rõ thẩm quyền của mỗi cấp tòa án và các cơ quan tư pháp khác; bảo đảm thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử; xây dựng cơ chế tuyển chọn, bồi dưỡng cán bộ tư pháp theo chức danh; quan tâm giáo dục phẩm chất, đạo đức và đào tạo nghề nghiệp. Kiện toàn các tòa chuyên môn cả về thẩm quyền và về tổ chức, nhân sự, bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu đổi mới tư pháp. Kiện toàn các viện kiểm sát theo hướng tập trung làm tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Chấn chỉnh công tác thi hành án theo hướng tập trung vào một đầu mối. Sớm kiện toàn các tổ chức bổ trợ tư pháp như tổ chức luật sư, tư vấn pháp luật, công chứng, giám định tư pháp..., làm cho các hoạt động này thực sự trở thành những trợ thủ đắc lực cho nền tư pháp trong điều kiện dân chủ hóa sinh hoạt mọi mặt của xã hội ta.

Cải cách bộ máy Nhà nước, nghiên cứu, ban hành hệ thống pháp luật phù hợp với điều kiện cụ thể nước ta theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân là một quá trình phức tạp và lâu dài; đòi hỏi sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy đảng, có những biện pháp đồng bộ về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, pháp luật... Chỉ có như vậy, tổ chức bộ máy nhà nước, pháp luật, chính sách mới có tác dụng thiết thực, thúc đẩy sự phát triển về mọi mặt trong từng bước đi lên của đất nước.

Thưa các đồng chí,

Tôi xin chuyển sang phần thứ hai: **về Chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.** Đảng ta đã nhiều lần khẳng định: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng đảng là then chốt. Trong xây dựng đảng thì công tác cán bộ là quan trọng nhất, là khâu then chốt của vấn đề then chốt. Bác Hồ đã chỉ rõ: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc", "công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém".

Đảng ta là Đảng cầm quyền, lãnh đạo đất nước và toàn bộ hệ thống chính trị. Vì vậy, Đảng lo cán bộ không chỉ cho bản thân mình, mà còn cho cả hệ thống chính trị, cho toàn xã hội, trên tất cả các lĩnh vực. Chỉ có chủ động xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ vững mạnh, Đảng mới đủ khả năng lãnh đạo, tổ chức toàn dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực tế chứng minh, trong gần 50 năm tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ, trải qua quá trình hoạt động bí mật và công khai, hợp pháp và không hợp pháp, đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, tiến hành các cuộc vận động cách mạng rộng lớn và sâu sắc gắn liền với phong trào cách mạng sôi sục của nhân dân, Đảng ta và Bác Hồ đã đào tạo, xây dựng nên một đội ngũ cán bộ đông đảo, trung thành với sự nghiệp cách mạng, hăng hái, nhiệt tình, năng động và sáng tạo. Hàng vạn cán bộ được rèn luyện, thử thách qua đấu tranh cách mạng và kháng chiến, không ít đồng chí đã hy sinh, nhiều người đã trưởng thành. Ngay trong những năm tháng chiến tranh gian khổ, Đảng ta đã nhìn xa, chăm lo đào tạo hàng vạn cán bộ quản lý nhà nước, quản lý sản xuất kinh doanh, cán bộ khoa học và công nghệ, nguồn vốn quý của Đảng và nhân dân ta. Đây là một bài học kinh nghiệm lớn thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng về công tác cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của sự nghiệp cách mạng.

Hiện nay, đất nước ta đang chuyển sang thời kỳ phát triển mới; xuất hiện những vận hội, thời cơ lớn cần ra sức tận dụng, đi liền với những khó khăn, thử thách mà chúng ta nhất định phải vượt qua. Có những tồn tại từ cơ chế cũ phải tiếp tục khắc phục, có cả những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình chuyển sang cơ chế mới cần giải quyết, có yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại và kinh tế đối ngoại, hội nhập với khu vực và thế giới. Tình hình đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ của chúng ta phải có đầy đủ phẩm chất chính trị và kiến thức, phải hết sức kiên định, vững vàng, đồng thời rất thông minh, sáng tạo.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ hiện nay, cả về chất lượng, số lượng và cơ cấu đều có nhiều mặt chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vừa qua, tuy có nhiều cố gắng trong công tác cán bộ, nhưng không ít việc còn mang tính chất ứng phó; chưa xây dựng được chiến lược cán bộ trong giai đoạn mới. Ban Chấp hành Trung ương chưa có nghị quyết chuyên đề về cán bộ. Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Bộ Chính trị tuy dành nhiều thời gian cho công tác cán bộ, nhưng chủ yếu là xử lý những việc cụ thể, chưa có lúc nào bàn chuyên sâu về cán bộ và công tác cán bộ ở tầm chiến lược.

Vì vậy, việc *xây dựng chiến lược cán bộ cho thời kỳ mới là vấn đề cực kỳ hệ trọng, rộng lớn và*

Digitized by Google

phức tạp; vừa cơ bản lại vừa cấp bách. Hội nghị Trung ương lần này cần đánh giá chính xác thực trạng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ hiện nay; dự báo đúng sự phát triển của tình hình và yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới; trên cơ sở đó vạch ra phương hướng cơ bản của việc xây dựng đội ngũ cán bộ đến năm 2020; đề ra chương trình, kế hoạch để thực hiện theo phương hướng đó ngay từ bây giờ, chuẩn bị cho Đại hội IX; xác định các quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu, chính sách và giải pháp lớn.

Đánh giá đúng thực trạng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ hiện nay là vấn đề rất quan trọng, là cơ sở để xác định mục tiêu, phương hướng cho thời gian tới. Trong quá trình tiến hành tổng kết công tác xây dựng đảng những năm qua, cũng như trong việc chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần này, còn không ít ý kiến khác nhau về đánh giá cán bộ và công tác cán bộ của Đảng.

Tôi nghĩ rằng, tùy theo vị trí công tác và nhiệm vụ được giao, tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá đội ngũ cán bộ trước hết là khả năng, trình độ xác định đường lối chính trị đối với cấp trên và năng lực tổ chức thực hiện đường lối ấy đối với cán bộ thừa hành cấp dưới. Chính nhờ sự đóng góp của một đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực mà chúng ta đã đạt được thành tựu to lớn trong sự nghiệp đổi mới hơn mười năm qua. Trước sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, trước yêu cầu chuyển từ cơ chế cũ sang cơ chế mới, đội ngũ cán bộ tiếp tục có bước phát triển và trưởng thành trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học, giáo dục, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý, đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức tự chủ, tự lực tự cường, năng động và sáng tạo; có kiến thức, trình độ và năng lực hoạt động thực tiễn, trưởng thành trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, thích nghi dần với cơ chế mới. Số đông vẫn giữ được lối sống lành mạnh, chăm lo sự nghiệp chung. Đây là mặt mạnh cơ bản của đại bộ phận cán bộ cần được khẳng định.

Mặt khác, cũng cần nhìn thẳng vào sự thật là trong đội ngũ cán bộ hiện đang có nhiều vấn đề đáng lo ngại cả về phẩm chất và năng lực. Kiến thức, trình độ hiểu biết về lý luận và thực tế của nhiều cán bộ chưa theo kịp yêu cầu của tình hình hiện nay. Một bộ phận không nhỏ cán bộ đã thoái hóa về chính trị và phẩm chất, đạo đức, lợi dụng chức quyền để tham ô, lãng phí, quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, cơ hội và thực dụng. Không ít cán bộ bị giảm sút uy tín, không còn là công bộc của dân, thậm chí trù dập, ức hiếp dân. Cần sớm khắc phục tình hình này, nếu để kéo dài và phát triển thì sẽ dẫn tới nguy cơ không lường hết được. Nguyên nhân của tình trạng này là do một mặt, khi đi vào cơ chế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, trước sự cám dỗ của tiền tài, vật chất, trước những đòn tiến công hiểm độc của các thế lực thù địch, nhiều cán bộ đã lơi lỏng tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu, né tránh tự phê bình và phê bình nên bị chủ nghĩa cá nhân lấn át. Mặt khác, công tác cán bộ của nhều cấp ủy và tổ chức đảng bị buông lỏng, yếu kém, và có những sai phạm cả về quan điểm và phương pháp.

Từ thực tiễn công tác cán bộ thời gian qua, từ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của thời kỳ mới, việc xây dựng chiến lược cán bộ hiện nay cần đặc biệt chú ý những vấn đề trọng yếu sau đây.

Một là, phải luôn nắm vững và thực hiện đúng những quan điểm và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ. Chủ động có tầm nhìn xa, dự báo đúng tình hình, bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị để có quy hoạch, kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, chuẩn bị không chỉ cho trước mắt mà cho cả một thời kỳ tương đối dài.

Đường lối chính trị bao giờ cũng quyết định đường lối tổ chức và cán bộ. Công tác cán bộ phải luôn bám sát nhiệm vụ chính trị, xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và phục vụ nhiệm vụ chính trị. Có một đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực xây dựng đường lối chính trị đúng đắn và tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối đó là vấn đề cốt tử của lãnh đạo, là sinh mệnh của Đảng cầm quyền.

Vì vậy, đồng thời với việc xây dựng đường lối chính trị và chiến lược kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, phải xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ. Trong đó, đặc biệt chú trọng đội ngũ cốt cán các cấp, trước hết là ở cấp chiến lược và cơ sở, nhất là người chủ trì phải thật sự vững vàng, có đủ bản lĩnh, phẩm chất và năng lực giải quyết các nhiệm vụ trong thời kỳ mới, kể cả khi gặp những tình huống phức tạp.

Một trong những nội dung quan trọng nhất của chiến lược cán bộ là *phải tạo được nguồn cán bộ, xây dựng được quy hoạch và chăm lo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.* Càng đi vào kinh tế thị trường, càng hội nhập với khu vực và thế giới, trong thời đại của trí tuệ, bùng nổ thông tin thì nhiệm vụ cách mạng ngày càng khó khăn, phức tạp; công việc càng mới mẻ. Trong bối cảnh đó, Đảng và

Digitized by Google

Nhà nước ta càng phải ý thức sâu sắc tầm quan trọng quyết định của vấn đề cán bộ, ra sức chăm lo xây dựng, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Đương nhiên phải hiểu đúng, làm đúng và có biện pháp tiến hành quy hoạch sao cho thiết thực và có hiệu quả.

Hai là, xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ phải trên cơ sở giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, có chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng hiền tài.

Quán triệt quan điểm giai cấp công nhân trong công tác cán bộ là vấn đề có tính nguyên tắc. Đảng và Nhà nước ta phải đào tạo, lựa chọn và sử dụng những người thật sự trung thành với lý tưởng và sự nghiệp của giai cấp công nhân, với lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Những người được bố trí vào các cương vị lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trước hết phải được đào tạo và thử thách trong hoạt động thực tiễn, trong phong trào cách mạng của nhân dân, thể hiện rõ bản lĩnh, trình độ, phẩm chất cách mạng, hết lòng vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Điều đó hoàn toàn phù hợp với bản chất của chế độ ta, với yêu cầu tăng cường vai trò lãnh đạo và tính chất giai cấp công nhân của Đảng.

Đương nhiên, chúng ta không hiểu quan điểm giai cấp một cách đơn giản, cứng nhắc, dẫn đến biệt phái, hẹp hòi, thành phần chủ nghĩa. Quan điểm giai cấp đúng đắn và sâu sắc mà Bác Hồ đã vận dụng nhuần nhuyễn là phải đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng nhân tài không phân biệt dân tộc, tôn giáo, trong đảng hay ngoài đảng, đồng bào trong nước hay người Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Cũng không định kiến với những người có quá khứ sai lầm nay đã thực sự hối cải và tiến bộ.

Đối với những cán bộ cốt cán, cán bộ lãnh đạo, đặc biệt ở cấp chiến lược, phải đòi hỏi nghiêm ngặt về quan điểm của giai cấp công nhân về phẩm chất và bản lĩnh chính trị, được kiểm nghiệm qua hoạt động thực tiễn.

Đối với các chuyên gia, cán bộ khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật, sản xuất, kinh doanh thì ai có tài năng, có sáng kiến đều được trọng dụng, miễn là họ tán thành đường lối đổi mới, toàn tâm, toàn ý phụng sự đất nước, phụng sự nhân dân. Theo gương Bác Hồ, chúng ta phải dày công bồi dưỡng, vun trồng, trọng dụng những cán bộ có tâm đức và tài năng, có triển vọng thuộc mọi tầng lớp xã hội; thu hút, cảm hóa, tập hợp được những trí thức giỏi nhất của đất nước trên mọi lĩnh vực; tuyên truyền, giác ngộ để bổ sung vào đội ngũ cán bộ của Đảng.

Quan tâm đổi mới, trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Trên cơ sở tiêu chuẩn và có sự chuẩn bị chu đáo, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa và phát triển của đội ngũ cán bộ, giữ vững ổn định chính trị, kết hợp yêu cầu phục vụ nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

Ba là, phải có quan điểm và phương pháp đánh giá, sử dụng cán bộ một cách công tâm, khách quan, khoa học. Xử lý đúng đắn các mối quan hệ giữa đức và tài, giữa giai cấp và dân tộc, giữa nghĩa vụ và quyền lợi, giữa cống hiến và đãi ngộ, giữa tiêu chuẩn và cơ cấu, giữa năng lực thực tế và bằng cấp, giữa đào tạo ở nhà trường và rèn luyện trong thực tiễn qua phong trào cách mạng của nhân dân.

Đánh giá cán bộ là vấn đề hệ trọng, rất nhạy cảm và phức tạp. Đây là khâu mở đầu quyết định, nếu đánh giá đúng thì bố trí, sử dụng đúng cán bộ; nếu đánh giá sai thì bố trí sử dụng sai và có thể gây ra những tâm tư, thắc mắc, mất đoàn kết nội bộ. Muốn đánh giá đúng cán bộ, phải có quan điểm và phương pháp thật sự khoa học, khách quan, công tâm, theo một quy trình chặt chẽ, tuân theo lời dạy của Bác Hồ: "Nhận xét cán bộ không nên chỉ xét ngoài mặt, chỉ xét một lúc, một việc, mà phải xét kỹ toàn bộ công việc của cán bộ".

Muốn đánh giá và bố trí, sử dụng đúng phải dựa trên các căn cứ chủ yếu sau đây:

- Phải nắm vững và dựa vào tiêu chuẩn cán bộ. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, tiêu chuẩn chung đối với người cán bộ là: Có phẩm chất chính trị tốt, vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có tinh thần năng động, sáng tạo, phấn đấu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, dám đấu tranh với những quan điểm sai trái. Có ý thức tổ chức, kỷ luật, giữ gìn đoàn kết nội bộ. Có quan hệ mật thiết với nhân dân. Có năng lực, trình độ và sức khỏe phù hợp với nhiệm vụ công tác được giao. Có phong cách làm việc khoa học, đưa lại hiệu quả thiết thực. Các mặt đó có quan hệ mật thiết với nhau, tạo nên phẩm chất của người cán bộ trong thời kỳ mới. Chung quy lại, người cán bộ phải có phẩm chất và năng lực, có đức và tài, trong đó "đức là cái gốc của người cán bộ" như Bác Hồ từng nhấn mạnh.

- Phải lấy hiệu quả công tác và sự đóng góp thực tế làm thước đo phẩm chất và năng lực cán bộ. Mọi bằng cấp, danh hiệu và chức vụ, năng

Digitized by Google

khiếu đều phải được kiểm nghiệm qua thực tiễn. Phải dựa vào dân để phát hiện, đánh giá, kiểm tra cán bộ.

- Phải đặt cán bộ trong môi trường và điều kiện cụ thể, trong mối quan hệ biện chứng với đường lối, chính sách, tổ chức và cơ chế quản lý để xem xét toàn diện trong cả quá trình phát triển của cán bộ. Cán bộ tốt, vững vàng, đủ năng lực thì xác định được đường lối đúng, xây dựng được cơ chế, chính sách và tổ chức hợp lý. Ngược lại, cán bộ kém thì gây tác hại đến đường lối, chính sách và tổ chức. Đường lối đúng, cơ chế, chính sách và tổ chức hợp lý, khoa học là điều kiện thuận lợi cho cán bộ phát huy tài năng để cống hiến cho đất nước. Ngược lại, khi đường lối, cơ chế, chính sách và tổ chức không thích hợp thì dễ dẫn đến làm cho cán bộ bị suy thoái phẩm chất và thui chột tài năng.

- Phải bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ để bố trí đúng người, đúng việc, đúng lúc và đúng chỗ. Mọi vấn đề về chủ trương, chính sách, đánh giá, sử dụng cán bộ nhất thiết phải do tập thể có thẩm quyền quyết định sau khi lắng nghe đầy đủ ý kiến của các cơ quan có liên quan và ý kiến đóng góp của nhân dân tại cơ sở. Kết hợp đúng đắn giữa chế độ tập thể và trách nhiệm cá nhân, tập trung và dân chủ. Muốn thực hiện tốt vấn đề này, lại phải thể chế hóa, quy định các khâu, các việc phải làm rất cụ thể.

Bốn là, trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, Đảng phải đặc biệt chăm lo giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh cho cán bộ, giữ gìn đoàn kết và bảo vệ chính trị nội bộ; đấu tranh kiên quyết chống tham ô, lãng phí, quan liêu, trù dập cấp dưới, ức hiếp nhân dân, hối lộ, buôn lậu, làm giàu phi pháp, lối sống thực dụng, xa hoa hưởng lạc.

Phải đề cao việc học tập rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác Hồ; thường xuyên tự phê bình và phê bình, kết hợp với việc tổ chức để nhân dân giám sát, phê bình, góp ý kiến cho cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý. Cán bộ ở cấp càng cao thì càng phải gương mẫu, càng phải giữ gìn phẩm chất, đạo đức, thực hiện tốt "tu thân, tề gia", "cần kiệm liêm chính".

Giáo dục, rèn luyện và quản lý tốt đội ngũ cán bộ là biện pháp quan trọng nhất để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Lúc này bảo vệ cán bộ chính là bảo vệ phẩm chất chính trị, quan điểm, đạo đức, lối sống, giữ cho cán bộ trung thành, trung thực, không thoái hóa sa ngã. Sớm xây dựng, hoàn chỉnh nội quy, quy chế kiểm tra cán bộ trong làm ăn kinh tế, trong giao dịch, tiếp xúc với người nước ngoài.

Thường xuyên chăm lo xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong đội ngũ cán bộ, khắc phục bằng được những hiện tượng mất đoàn kết ở một số nơi. Giáo dục cho mọi cán bộ nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình với Đảng, với đất nước, với công việc chung. Mỗi người phải biết vượt lên lợi ích cá nhân, cục bộ, đặt lợi ích chung của nhân dân, của dân tộc trên hết và trước hết; tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng. Thực hiện các chính sách cán bộ một cách nhất quán, công tâm, công bằng. Bố trí đúng người đứng đầu và cán bộ lãnh đạo chủ chốt là một điều kiện quan trọng để bảo đảm đoàn kết nội bộ.

Năm là, Đảng phải thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, tôn trọng pháp luật Nhà nước và điều lệ của các tổ chức quần chúng.

Đảng cầm quyền phải trực tiếp nắm vấn đề cán bộ, chuẩn bị cán bộ cho cả hệ thống chính trị, trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; thông qua đảng viên và các tổ chức đảng (ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy...) để thực hiện đường lối, chính sách cán bộ.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy là nhân tố quyết định sự thành công của công tác cán bộ. Ở đâu và lúc nào cấp ủy và tổ chức đảng, trước hết người lãnh đạo chủ chốt, có quan điểm đổi mới đúng đắn, thực sự dân chủ, khách quan, công tâm thì ở đó, lúc đó công tác quy hoạch, đào tạo, lựa chọn, xây dựng đội ngũ cán bộ thu được kết quả tốt. Khắc phục tình trạng một số cấp ủy, tổ chức đảng không trực tiếp làm công tác cán bộ, chỉ khoán trắng cho cơ quan tổ chức, tham mưu. Đồng thời phải tăng cường chất lượng các cơ quan tham mưu, giải quyết tốt mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tham mưu về công tác cán bộ.

Trên đây là một số ý kiến báo cáo với Trung ương để góp phần vào việc thảo luận và quyết định của Hội nghị.

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII. Mong các đồng chí đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc xây dựng Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này, bảo đảm cho Hội nghị thành công tốt đẹp.

Digitized by Google

NGUYỄN VĂN CỪ - NHÀ LÃNH ĐẠO XUẤT SẮC CỦA ĐẢNG TA

NGUYỄN TRỌNG THỤ

TRONG lịch sử vẻ vang hơn 67 năm qua của Đảng ta, biết bao người con ưu tú của Đảng đã nêu cao khí phách và trí tuệ của người cộng sản, cống hiến cả cuộc đời mình cho cách mạng. Trong số đó, có đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng bí thư của Đảng những năm 1938 - 1940.

1 - Nguyễn Văn Cừ là *một chiến sĩ cộng sản kiên cường, tận trung với Đảng, tận hiếu với dân.*

Xuất thân từ một gia đình nhà nho nghèo ở thôn Phù Khê, huyện Từ Sơn (nay là huyện Tiên Sơn) tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Văn Cừ đã giác ngộ cách mạng từ rất sớm. Lúc 16 tuổi, khi đang học tại trường Bưởi (Hà Nội), đồng chí đã tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Do những hoạt động yêu nước, chống Pháp, đồng chí bị đuổi học. Rời ghế nhà trường, được tiếp xúc nhiều với thực tế cuộc sống tủi nhục của nhân dân ta, lại được sự giúp đỡ, dìu dắt của đồng chí Ngô Gia Tự, lúc đó là Bí thư tỉnh bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội tỉnh Bắc Ninh, đồng chí càng quyết tâm hiến thân cho cách mạng. Cuối năm 1928, Nguyễn Văn Cừ được tổ chức phân công đi "vô sản hóa" ở khu mỏ Vàng Danh, nơi có nhiều khó khăn, gian khổ nhất. Đồng chí đã "cùng ăn, cùng ở, cùng làm việc" với anh chị em công nhân và tìm mọi cách giác ngộ họ. Tháng 6-1929, khi Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời, đồng chí là một trong những đảng viên đầu tiên của Đảng. Sau khi các tổ chức cộng sản ở nước ta được hợp nhất, Đảng ta chính thức ra đời (3-2-1930), đồng chí được cử làm Bí thư đầu tiên của đặc khu Hồng Gai - Uông Bí. Tháng 2-1931, đồng chí bị bắt, bị kết án khổ sai và đầy ra Côn Đảo. Bọn thực dân đã giam đồng chí vào "banh" II trong khu vực cấm cố, nơi chuyên giam những tù chính trị mà chúng coi là "nguy hiểm" nhất. Trong chốn địa ngục trần gian đó, vượt lên mọi thứ đòn thù độc ác nhất, đồng chí luôn luôn nêu cao khí tiết và niềm tin của người cách mạng. Ngoài những giờ lao động khổ sai, đồng chí đã cùng anh chị em tù chính trị chăm lo học tập văn hóa, lý luận và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh cách mạng.

Do cao trào đấu tranh của nhân dân ta và do thắng lợi của Mặt trận bình dân Pháp, tháng 9-1936, bọn phản động thuộc địa Pháp ở Đông Dương buộc phải trả tự do cho một số tù chính trị, trong đó có Nguyễn Văn Cừ. Được tự do, đồng chí trở về Hà Nội tiếp tục hoạt động bí mật. Đồng chí đã cùng các đồng chí Lương Khánh Thiện, Tô Hiệu, Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt v.v... ra sức khôi phục cơ sở đảng, xây dựng và đẩy mạnh phong trào cách mạng. Cuối tháng 8-1937, đồng chí được Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ cử làm đại diện đi dự Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng họp tại Hóc Môn (Gia Định) bàn về công tác tổ chức Đảng. Tại Hội nghị này, đồng chí được cử vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Tháng 3-1938, tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng bàn việc mở rộng hơn nữa Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương (gọi tắt là Mặt trận dân chủ Đông Dương), đồng chí được bầu làm Tổng bí thư của Đảng. Với nhiệm vụ vẻ vang và nặng nề đó, đồng chí đã cùng Trung ương Đảng lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam giành những thắng lợi hết sức quan trọng trong cuộc đấu tranh đòi tự do, dân chủ. Tháng 1-1940, đồng chí bị địch bắt tại đường Nguyễn Tấn Nghiêm (Sài Gòn) cùng với một số đồng chí

Digitized by Google

khác. Biết đồng chí là người đứng đầu tổ chức của Đảng, thực dân Pháp đã dùng mọi thủ đoạn từ mua chuộc dụ dỗ đến tra tấn cực hình, nhưng không thể lung lạc nổi tinh thần của đồng chí. Chúng kết án tử hình đồng chí, và ngày 28-8-1941, cùng với các đồng chí Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Thị Minh Khai v.v... đồng chí đã bị xử bắn tại Bà Điểm, Hóc Môn. Tại pháp trường, đồng chí đã xé tấm băng bịt mắt và hô lớn những khẩu hiệu cách mạng trước khi gục xuống vì làn đạn địch. Đồng chí hy sinh lúc 29 tuổi, để lại cho dân, cho Đảng lòng tiếc thương và niềm khâm phục sâu sắc.

2- Nguyễn Văn Cừ là *một cán bộ cộng sản có tài lãnh đạo và chỉ đạo chiến lược.*

Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Đảng ta đã tìm được hình thức mặt trận thích hợp, đó là Mặt trận dân chủ Đông Dương. Mặt trận dân chủ Đông Dương không chỉ bao gồm những lực lượng có tinh thần phản đế mà còn mở rộng đến các tầng lớp tư sản, địa chủ, các đảng phái cải lương ít nhiều tiến bộ, các thủ lĩnh dân tộc, tôn giáo, tán thành đấu tranh vì tự do, cơm áo, hòa bình. Mặt trận không chỉ bao gồm những người tán thành dân chủ thuộc ba nước ở Đông Dương, mà còn bao gồm cả những ngoại kiều, những người Pháp tán thành các khẩu hiệu đó. Trong điều kiện khó khăn và phức tạp của tình hình lúc bấy giờ, chủ trương thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương là chủ trương đúng, thu hút được rộng rãi mọi lực lượng. Vì vậy, trong những năm 1938-1939, phong trào đấu tranh của quần chúng tiếp tục phát triển và giành được những thắng lợi quan trọng. Trình độ giác ngộ của quần chúng cao hơn, trình độ tổ chức và lãnh đạo của các tổ chức đảng vững vàng hơn, các khẩu hiệu đấu tranh chính xác, sát hợp hơn. Tháng 5-1938, lần đầu tiên ở Đông Dương, lễ kỷ niệm Ngày quốc tế Lao động được tổ chức công khai. Riêng ở Hà Nội, cuộc biểu dương lực lượng ngày 1-5 đã có trên 25 000 người tham dự. Thắng lợi lớn đó đã nói lên khả năng huy động, tổ chức và lãnh đạo quần chúng của Đảng.

Trên cơ sở phân tích đúng đắn tình hình cụ thể lúc bấy giờ, đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Cừ cũng rất quan tâm đến hình thức đấu tranh nghị trường. Đồng chí đã đề ra nhiệm vụ của Đảng là cùng với việc đẩy mạnh những hình thức đấu tranh bất hợp pháp, còn cần phải cử người tham gia các nghị viện của chính quyền thực dân, dùng đó làm nơi tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng. Đồng chí đã cùng xứ ủy Bắc Kỳ chỉ đạo trực tiếp thành ủy Hà Nội đưa cán bộ cộng sản tranh cử vào Viện dân biểu Bắc Kỳ (7-1938) và Hội đồng thành phố Hà Nội (12-1938). Tất cả các ứng cử viên cộng sản đều đạt số phiếu tín nhiệm cao và đều trúng cử. Giữa năm 1938, Khâm sứ Trung Kỳ cùng với chính phủ bù nhìn đưa ra bản dự án tăng thuế và buộc Viện dân biểu phải thông qua. Đảng ta, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã phát động phong trào kết hợp đấu tranh trong nghị trường, đấu tranh của quần chúng và đấu tranh trên mặt trận báo chí đòi bác bỏ dự án tăng thuế. Kết quả là ngày 16-9-1938, Viện dân biểu đã quyết định bác bỏ dự án tăng thuế thân, và sau đó bác bỏ cả dự án tăng thuế điền thổ.

Ngày 22-7-1938, không cần xin giấy phép của bọn cầm quyền thuộc địa, Đảng ta xuất bản công khai ở Sài Gòn tờ báo *Dân chúng*, cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng. Cùng với việc đấu tranh đòi dân chủ, dân sinh, tờ báo đã có nhiều bài đòi tự do báo chí. Trước sự hưởng ứng mạnh mẽ của quần chúng đối với tờ báo của Đảng, ngày 30-8, tức là khoảng một tháng sau khi báo *Dân chúng* ra đời, bọn thống trị buộc phải thực hiện luật tự do báo chí ở Nam Kỳ.

Từ đầu năm 1939, trước nguy cơ cuộc chiến tranh thế giới ngày càng đến gần và phát xít Nhật lăm le nhảy vào Đông Dương, xuất phát từ lợi ích của các dân tộc Đông Dương và lợi ích chung của nhân dân toàn thế giới, Trung ương Đảng ta, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Nguyễn Văn Cừ, đã đề ra chủ trương phòng thủ Đông Dương. Đó là một chủ trương đúng đắn nhằm phát động quần chúng nâng cao cảnh giác đối với âm mưu xâm lược của phát xít Nhật, chống bọn thực dân thỏa hiệp với Nhật đàn áp cách mạng, đòi bọn cầm quyền Pháp phải vũ trang cho nhân dân và phải mở rộng việc thi hành những cải cách về dân chủ, dân sinh để nhân dân có khả năng tham gia phòng thủ.

Digitized by Google

Sau khi Đa-la-đi-ê lên cầm quyền ở Pháp, chính phủ Pháp ngày càng đi vào con đường phản động. Bọn phản động thuộc địa nhân cơ hội tăng cường bóc lột nhân dân, đàn áp phong trào đấu tranh của quần chúng. Không khí khủng bố lan tràn khắp Đông Dương. Thực hiện chính sách nhân nhượng của chính phủ Đa-la-đi-ê, chúng làm ngơ trước âm mưu xâm lược của phát xít Nhật đối với Đông Dương. Đảng ta đã liên tiếp ra tuyên ngôn phân tích tình hình thế giới và tình hình Đông Dương, chỉ rõ họa phát xít đang đến gần, kêu gọi nhân dân thống nhất hành động chống bọn phản động thuộc địa và chống nguy cơ chiến tranh. Đồng thời, với nhận định đúng đắn rằng thời kỳ hoạt động hợp pháp đã chấm dứt, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã cùng Trung ương Đảng chủ trương để Đảng ta rút vào bí mật, hoạt động không hợp pháp, chuẩn bị cho sự chuyển hướng chiến lược và sách lược của thời kỳ mới. Chủ trương rút vào bí mật tương đối kịp thời, thể hiện sự nhận định sáng suốt của Đảng ta, đã tránh được cho Đảng những tổn thất lớn lao, bảo vệ được lực lượng của Đảng để chuẩn bị bước vào cao trào đấu tranh mới chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa.

3 - Nguyễn Văn Cừ còn là *một nhà lý luận xuất sắc*.

Ngoài những văn kiện có tính lý luận sâu sắc của Đảng mà đồng chí là người khởi thảo, ngoài những bài viết có nội dung phong phú của đồng chí đăng trên các báo *Tin tức*, *Dân chúng*, v.v... đồng chí còn có cống hiến lớn về lý luận, đó là tác phẩm "Tự chỉ trích" một tác phẩm lý luận về tự phê bình, phê bình và về Mặt trận dân chủ Đông Dương, một văn kiện có ý nghĩa và tác dụng quan trọng trong cuộc đấu tranh tư tưởng trong Đảng ta lúc bấy giờ.

Trong những năm 1937-1938, Mặt trận dân chủ Đông Dương đã giành được thắng lợi trong các cuộc bầu cử Hội đồng dân biểu ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Nhưng trong cuộc bầu cử Hội đồng quản hạt Nam Kỳ năm 1939, Mặt trận dân chủ đã không thu được thắng lợi mong muốn. Tình hình đó khiến cho một số cán bộ, đảng viên có những nhận xét không đúng về đường lối của Đảng, thậm chí còn công kích đường lối của Đảng. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ, với bút danh Trí Cường, đã viết cuốn "Tự chỉ trích" nhằm trình bày rõ thái độ tự phê bình, phê bình đúng đắn của người đảng viên, và chính sách mặt trận của Đảng trong thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương, qua đó đấu tranh chống những nhận thức tư tưởng sai để giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất của Đảng. Được Ban chấp hành Trung ương Đảng và một số cán bộ nòng cốt của Đảng nhất trí thông qua, cuốn sách đã được in và phát hành rộng rãi.

Trong tác phẩm của mình, sau khi khẳng định lý tưởng của Đảng đã rõ ràng, đường lối của Đảng là đúng đắn, đảng viên của Đảng đã kiên quyết và tận tụy bênh vực quyền lợi của giai cấp và dân tộc, đồng chí Nguyễn Văn Cừ cho rằng vì Đảng ta còn trẻ tuổi cho nên có thể còn phạm sai lầm, khuyết điểm, Đảng luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình bôn sê vích để sửa chữa. Đồng chí nêu rõ "Công khai, mạnh dạn, thành thực vạch những lỗi lầm của mình và tìm phương châm sửa đổi, chống những xu hướng hoạt đầu, thỏa hiệp như thế không phải làm yếu Đảng mà là làm cho Đảng được thống nhất mạnh mẽ. Làm như thế không sợ địch nhân lợi dụng, chửi rủa, vu cáo cho Đảng, không sợ "nối giáo cho giặc". Trái lại, nếu "đóng kín cửa bảo nhau, giữ cái vỏ thống nhất và bề trong thì hổ lốn một cục đầy rẫy một bọn hoạt đầu, đó mới chính là để cho quần thù chửi rủa, hơn nữa, đó tỏ ra không phải là một đảng tiên phong cách mạng, mà là một đảng hoạt đầu cải lương". Mặt khác, đồng chí Nguyễn Văn Cừ cũng đã nhấn mạnh phương hướng đúng đắn của tự phê bình và phê bình : "Tự chỉ trích bôn sê vích không phải là công kích Đảng, mạt sát Đảng, đặt danh dự cá nhân lên trên tất cả quyền lợi của Đảng, của cách mạng." Tự chỉ trích bôn sê vích "là để huấn luyện quần chúng và giúp đảng viên tự huấn luyện, để làm tăng uy tín và ảnh hưởng của Đảng, để cho Đảng được càng thống nhất và củng cố, đưa phong trào phát triển lên, đưa cách mạng tới thắng lợi ; chớ không phải đặt cá nhân mình lên trên Đảng, đem ý kiến riêng - dù cho đúng - đối chọi với Đảng, vin vào

Digitized by Google

một vài khuyết điểm mà mạt sát Đảng, phá hoại ảnh hưởng của Đảng, gieo mối hoài nghi, lộn xộn trong quần chúng, gây mầm bè phái chia rẽ trong hàng ngũ Đảng".

Trên cơ sở những nguyên tắc đó, đồng chí cũng đã phân tích những nguyên nhân thất bại của cuộc tranh cử vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ. Đó một phần là do chính sách đàn áp của kẻ thù đối với những người ứng cử của Đảng cộng sản và Mặt trận dân chủ, do thái độ lừng chừng, hèn nhát của các phần tử cải lương, nhưng phần quan trọng là do những nhược điểm và khuyết điểm chủ quan của Đảng. Đảng chưa đủ mạnh, chưa lãnh đạo tốt đông đảo quần chúng, thúc giục các đảng phái, các nhân vật cấp tiến liên hiệp hành động ; Mặt trận dân chủ chưa được xây dựng thật vững chắc và rộng rãi v.v... Đồng chí cũng đã phê phán những nhận thức và quan điểm lệch lạc của một số cán bộ, đảng viên về chính sách mặt trận dân chủ của Đảng, đồng thời làm rõ đường lối đúng đắn và những kinh nghiệm lớn của Đảng trong quá trình xây dựng và lãnh đạo mặt trận. Đồng chí vạch rõ, chủ trương của Đảng lúc bấy giờ là liên hiệp với các đảng phái cách mạng, các đảng phái cải lương tán thành cải cách, không phân biệt giai cấp, đảng phái, tôn giáo, dân tộc, chứ không thể liên hiệp với các đảng phái phản động làm tay sai cho đế quốc phát xít. Đồng chí cũng nêu rõ chính sách mặt trận của Đảng là chính sách vừa liên minh bên trên, vừa liên minh bên dưới, cô lập bọn phản động, tranh thủ những người tiến bộ và lừng chừng, tranh thủ đông đảo quần chúng trong các đảng phái cải lương. Tuy Đảng liên minh với các đảng phái cải lương, nhưng nếu trong đó có lãnh tụ phản động thì vận động quần chúng đánh đổ những lãnh tụ phản động đó về mặt chính trị. Đảng không liên minh với đảng phái phản động nhưng phải thức tỉnh và tranh thủ những quần chúng lầm đường, lạc lối trong đảng phái ấy. Trong quá trình liên minh với các đảng phái và lãnh tụ tư sản, Đảng phải giữ thái độ đúng mức, không khinh thường xua đuổi họ nhưng cũng không tâng bốc họ một cách quá đáng, vừa đoàn kết, vừa phê phán mặt lừng chừng, hèn nhát, dao động của họ. Đảng phải nắm quyền lãnh đạo mặt trận, và phải luôn luôn giữ vị trí độc lập về chính trị, về tổ chức. Đảng cũng cần phân biệt kẻ thù nguy hiểm nhiều với kẻ thù nguy hiểm ít. Sự phân biệt ấy cốt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, biết phân hóa chúng để tập trung mũi nhọn chống kẻ thù nguy hiểm nhất, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, chứ không phải để "tâng bốc hay theo đuôi kẻ nguy hiểm ít để ôm ấp mãi cái nguy hiểm ít".

Những quan điểm, tư tưởng trong cuốn "Tự chỉ trích" không những soi sáng cuộc đấu tranh của Đảng trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, mà còn có ý nghĩa sâu sắc lâu dài đối với chính sách đoàn kết toàn dân của Đảng. ❑

LỜI CÁM ƠN

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 72 **Ngày báo chí Việt Nam (21-6)**, nhiều cơ quan, đoàn thể, cá nhân ở trung ương và địa phương đã gửi thư, thiếp và trực tiếp đến Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản chúc mừng. Chúng tôi chân thành cám ơn những tình cảm quý báu và sự quan tâm, động viên của các đồng chí và các bạn.

Tạp chí Cộng sản sẽ phấn đấu để xứng đáng với sự tin cậy và lòng mong mỏi của bạn đọc.

BAN BIÊN TẬP TCCS

Digitized by Google

TƯ LIỆU

TỰ CHỈ TRÍCH

Lời BBT : *Tháng 7 năm 1939, với bút danh* ***Trí Cường****, đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng bí thư của Đảng, đã viết tác phẩm* ***Tự chỉ trích*** *nhằm trình bày rõ thái độ tự phê bình, phê bình đúng đắn của người đảng viên, phê phán những nhận thức và quan điểm lệch lạc của một số cán bộ về chính sách Mặt trận dân chủ của Đảng, đồng thời làm sáng tỏ đường lối và những kinh nghiệm lớn của Đảng trong quá trình thực hiện mặt trận.*

Nhân kỷ niệm lần thứ 85 ngày sinh đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tạp chí Cộng sản trân trọng giới thiệu với bạn đọc lời mở đầu và phần đầu của tác phẩm.

Thêm vài bài học quan trọng của cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt. Thư thảo luận về ý kiến "đánh đổ Đảng lập hiến" của anh Nguyễn Văn T. và chủ trương "không đánh đổ một giai cấp nào, một đảng phái nào của người bản xứ" của anh TB.

TRÍ CƯỜNG

SAU cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt, các lớp nhân dân có quan tâm đến thời cuộc trong xứ đều đương bàn luận về kết quả cuộc tuyển cử, về những nguyên nhân đã làm cho số Mặt trận dân chủ của nhóm "Dân chúng" đưa ra bị thất bại, còn số tờ-rốt-kít Thâu, Hùm, Thạch được đắc cử ở quận nhì ; thì bài chỉ trích của anh Nguyễn Văn T. đăng ở "Đông phương tạp chí" số 6 và những bài của anh T. B. đăng ở "Dân chúng" số 67, 68, 69 đã đem thêm một mớ tài liệu cho cuộc thảo luận kia, đồng thời đặt ra một vài vấn đề mà dư luận độc giả, quốc dân, nhất là các đồng chí cộng sản vẫn đang xôn xao bàn luận.

Những vấn đề ấy là chủ trương "đánh đổ Đảng lập hiến" của anh T. và chủ trương "Không đánh đổ một đảng phái nào, một giai cấp nào của người bản xứ" của anh T.B.

Người viết bài này không thể giữ thái độ lãnh đạm hay mù mờ với những việc xảy ra trên kia. Cũng như tất cả các đồng chí cộng sản khác, tôi thấy có bổn phận phải phân tích xác thực hoàn cảnh, không bi quan hoảng hốt mà cũng không đắc chí tự mãn để tìm ra những nguyên nhân thất bại và nghiên cứu phương pháp sửa lỗi và tiến thủ. Cũng như tất cả các đồng chí khác, tôi thấy có trách nhiệm phải tham gia vào cuộc thảo luận của anh T.B. với anh T, phải định rõ thái độ đối với những ý kiến mà các anh ấy đã đưa ra.

Thấy rằng những bài phân tích kinh nghiệm cuộc tuyển cử còn bỏ sót nhiều bài học quan trọng, nên tôi vội viết bài bổ khuyết. Không đồng ý với bài phê bình của anh T. mà tôi cho là đầy lòng tự ái và có xu hướng tả khuynh, cô độc ; và cũng không thể thừa nhận chủ trương của anh T.B. mà tôi cho là có nhiều xu hướng thỏa hiệp hữu khuynh, mặc dầu anh T. B. đã đưa ra nhiều nguyên tắc rất đúng, đã trích nhiều câu nói rất hay của Lê-nin - Xta-lin, nhưng anh ta đã đem ứng dụng một cách sai lầm. Vì thế sau khi đọc hết bài của anh T. ở "Đông phương tạp chí" số 6 và bài anh T. B. ở "Dân chúng" số 67, 68, 69, tôi lại viết một bài thảo luận về những ý kiến của các anh ấy đưa ra. Cả hai bài, bài trước viết cách đây đã gần hai tháng, bài sau cách đây hơn 1 tháng, tôi đều gửi cho tòa soạn báo "Dân chúng" nhờ đăng vì tôi nghĩ đăng ở "Dân chúng" thì có thể dễ thảo luận với anh T. B. và anh T, với độc giả và các đồng chí đang phân vân thảo luận. Nhưng không hiểu vì bài vở thất lạc hay vì lẽ gì, điều mong mỏi của tôi không thực hiện được. Bất đắc dĩ tôi phải gửi in cuốn này vào "Tập sách dân chúng". Sự quyết định của tôi, tuy có miễn cưỡng nhưng cần thiết, vì :

Digitized by Google

a) Vấn đề còn trong phạm vi thảo luận, ý kiến phê bình của anh T và chủ trương "không đánh đổ giai cấp nào, đảng phái nào của người bản xứ" của anh T.B. chỉ có thể coi như ý kiến của cá nhân phát biểu ra, chứ chưa phải ý kiến thống nhất của toàn Đảng, vì chủ trương của Đảng không phải thế, vậy mỗi đảng viên có quyền tự do thảo luận, tự do chỉ trích, miễn là sự thảo luận luôn luôn giữ theo tinh thần bôn sê vích, không làm giảm uy tín của Đảng.

b) Không thể chờ lâu hơn nữa vì các độc giả, các đồng chí trong xứ đương xôn xao thảo luận, nhiều người phân vân lộn xộn, vậy phải góp thêm ý kiến cho rộng đường thảo luận.

c) Những cuộc thảo luận điều khiển một cách đúng đắn là cần thiết để thống nhất tư tưởng, một sự thống nhất thực sự, mạnh mẽ, dựa trên sự giác ngộ và trung thành của mọi người.

d) Nhân dịp cuộc thảo luận này, tôi thử giãi bày cái cốt yếu của chiến sách Mặt trận dân chủ mà Đảng cộng sản đề xướng và đang thực hành.

Chính vì những lý do đó nên tôi quyết định đem in cuốn "Tự chỉ trích" này : một phần lớn vẫn giữ nguyên văn bài đã gửi cho báo "Dân chúng", chỉ có sửa đổi vài chỗ và thêm một vài đoạn cho thích hợp hơn.

Cũng chính vì những lý do đó nên những kẻ nghịch chớ vội hí hởn tìm ở đây một sự chia rẽ hay mầm bè phái gì giữa những người cộng sản mà uổng công. Vì sau khi thảo luận rõ ràng rồi, bao giờ trong hàng ngũ chúng tôi thiểu số cũng phải phục tùng đa số và chừng ấy chỉ có một ý chí duy nhất là ý chí của Đảng, ngàn người sẽ như một để thực hành ý chí ấy.

Tôi chắc chắn bạn T.B. và bạn T. là những chiến sĩ có trách nhiệm cũng đồng ý như thế.

Sau hết, một điều cần chú ý là tôi chỉ có thể nói được ở đây mấy chỗ cốt yếu của chiến sách Mặt trận dân chủ mà phạm vi bài này cho phép. Còn muốn phô bày một cách rõ ràng, có hệ thống về chiến sách Mặt trận dân chủ thì phải cả một cuốn sách. Đó là vấn đề chính trị trung tâm ở xứ ta trong lúc này. Tôi hứa với các bạn sẽ thử bàn cái vấn đề đặc biệt quan trọng ấy trong một cuốn sách sẽ xuất bản nay mai.

Viết ngày 20 tháng 7 năm 1939

TRƯỚC HẾT PHẢI NHẬN THẾ NÀO LÀ TỰ CHỈ TRÍCH BÔN SÊ VÍCH

Tự chỉ trích bôn sê vích không phải là công kích Đảng, mạt sát Đảng, đặt danh dự cá nhân lên trên tất cả quyền lợi của Đảng, của cách mạng, như lối anh T. đã viết trong "Đông phương tạp chí". Anh T. lấy ý kiến không rõ ràng trong một bài báo của một bạn nào viết mà sau đó không thấy cải chính, cho đó là ý kiến chính thức của Đảng rồi công kích Đảng, đối chọi với Đảng. Cử chỉ như thế không có gì giống với một người bôn sê vích chân chính biết trọng uy tín của Đảng, coi nó là cốt yếu, luôn luôn làm cho nó được tăng gia. Đối với uy tín của Đảng, thì danh dự cá nhân mình không có nghĩa lý gì, hay nói đúng ra không có nữa, vì một người đảng viên cộng sản chỉ biết lấy uy tín, lấy danh dự chung của toàn Đảng làm danh dự của mình thôi.

Đây chưa bàn gì đến ý kiến của anh T. đúng hay không đúng, chỉ mới nói về cái lối chỉ trích không bôn sê vích của anh. Đảng cộng sản Đông Dương có con đường chính trị xác đáng, đã cương quyết tận tụy bênh vực quyền lợi cho dân chúng, điều này đã hẳn và được chứng tỏ. Nhưng cũng chắc rằng Đảng vì còn trẻ tuổi còn phạm nhiều khuyết điểm, nhiều sự sai lầm ; điều ấy Đảng luôn luôn tự chỉ trích thành thật và mạnh dạn công nhận để sửa đổi. Mỗi đảng viên có quyền tự do thảo luận và tự chỉ trích, nhưng phải có nguyên tắc như trên đã nói.

Hơn nữa, theo những điều kiện đặc biệt về hoạt động ở xứ ta, Đảng cộng sản chưa được công khai tổ chức ; chính sách phản động thuộc địa đàn áp ; do đó sự thống nhất ý chí và hành động gặp nhiều sự khó khăn, vì vậy, căn cứ theo tinh thần những báo cáo và nghị quyết của Đại hội thứ VII của Quốc tế cộng sản, một sự "bớt tập trung" (décentralisation) là có thể và cần thiết. Phải cần để cho sáng kiến và sự hoạt động do theo sáng kiến (activité autonome) của các đảng viên được phát triển. Phải cần làm cho các đảng viên giác ngộ rõ ràng và đầy đủ trách nhiệm của mình, biết xoay phương hướng trong những hoàn cảnh khó khăn nghiêm trọng, biết tự chỉ trích đúng và kịp thời những khuyết điểm sai lầm : đồng thời Đảng phải tìm cách củ soát một cách thiệt sự hơn những hành động của mỗi đảng

Digitized by Google

viên. Vậy nếu anh T. thấy ý kiến của một đồng chí nào có chỗ mù mờ, lộn xộn hay sai lầm, anh có quyền và cần chỉ trích, và nói cho cùng ra nếu Đảng ta có chỗ sai mà anh T. sáng suốt hơn, thấy trước được, anh cũng có thể đem ra chỉ trích và nếu anh chỉ trích đúng thì Đảng rất hoan nghênh. Nhưng bao giờ sự chỉ trích cũng là tự chỉ trích bôn-sê-vích, nghĩa là để huấn luyện quần chúng và giúp đảng viên tự huấn luyện, để làm tăng uy tín và ảnh hưởng của Đảng, để cho Đảng được càng thống nhất và củng cố, đưa phong trào phát triển lên, đưa cách mạng tới thắng lợi ; chớ không phải đặt cá nhân mình lên trên Đảng, đem ý kiến riêng - dù cho đúng - đối chọi với Đảng, vin vào một vài khuyết điểm mà mạt sát Đảng, phá hoại ảnh hưởng của Đảng, gieo mối hoài nghi, lộn xộn trong quần chúng, gây mầm bè phái chia rẽ trong hàng ngũ Đảng. Anh T. và mấy anh chủ trương bộ biên tập "Đông phương tạp chí", có lẽ đã dư biết điều này, tôi rất mong các anh thành thật nhận cái sai lầm về chỗ chỉ trích sai nguyên tắc ấy.

Còn anh T.B. trong khi chỉ trích hành động của anh T. và bênh vực công cuộc của Đảng đã tỏ ra một chiến sĩ biết đặt quyền lợi của Đảng, của cách mạng lên trên hết, điều đó đáng hoan nghênh. Nhưng anh nói anh T. đã "nối giáo cho giặc", chúng tôi sợ có thể làm cho độc giả hiểu lầm : hơn nữa, dùng câu ấy hình như chính anh T.B. cũng chưa nhận rõ vấn đề chỉ trích. Công khai, mạnh dạn, thành thực vạch những lầm lỗi của mình và tìm phương châm sửa đổi, chống những xu hướng hoạt đầu, thỏa hiệp như thế không phải làm yếu Đảng mà là làm cho Đảng được thống nhất, mạnh mẽ. Làm như thế không sợ địch nhân lợi dụng, chửi rủa, vu cáo cho Đảng, không sợ "nối giáo cho giặc". Trái lại, nếu "đóng kín cửa bảo nhau", giữ cái vỏ thống nhất mà bề trong thì hỗ lốn một cục đầy dẫy bọn hoạt đầu, đó mới chính là để cho quân thù chửi rủa, hơn nữa, đó tỏ ra không phải là một đảng tiên phong cách mạng, mà là một đảng hoạt đầu cải lương.❑

THỰC HIỆN....

(Tiếp theo trang 50)

và đảng viên ý thức giác ngộ kém thì nguyên tắc tập trung dân chủ sẽ bị vô hiệu hóa hoặc khi thực hiện kết quả sẽ ngược lại. Vì thế, trước hết phải giải quyết các vấn đề trên đây, đặc biệt là đổi mới cấp ủy. Đa số trong cấp ủy và người bí thư có tốt thì nguyên tắc tập trung dân chủ mới được chấp hành đúng đắn.

Những năm gần đây do nhận thức chưa đúng cho nên ở một số nơi có một số biểu hiện lệch lạc trong việc quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ ví dụ như :

- Có nơi, cấp ủy quyết định không giới thiệu một đồng chí cấp ủy viên vào danh sách để cử cấp ủy mới. Nhưng đến đại hội, đồng chí đó vẫn được đề cử và tự mình không xin rút. Nên xử lý vấn đề này thế nào ? Cấp ủy có quyền không giới thiệu một cấp ủy viên vào danh sách bầu cử. Thậm chí, cấp ủy có thể trình bày trước đại hội về sai lầm, khuyết điểm của đồng chí đó để đại hội cân nhắc khi bầu. Nhưng cấp ủy không có quyền bắt đồng chí đó phải rút tên khỏi danh sách khi được đại hội đề cử. Vì đại hội là cơ quan lãnh đạo cao hơn ban chấp hành. Đồng chí cấp ủy viên đó không rút tên khỏi danh sách để cử, không hề vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ. Nếu cấp ủy kỷ luật đồng chí đó thì chính cấp ủy lại vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ. Điều lệ Đảng quy định mọi đảng viên chính thức đều có quyền ứng cử,đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp bộ đảng. Vì thế, việc làm của cấp ủy nêu trên đã vi phạm Điều lệ Đảng.

- Có địa phương, ban thường vụ cấp ủy ra nghị quyết trái Hiến pháp, pháp luật, buộc đồng chí ủy viên thường vụ cấp ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân phải thi hành. Đồng chí chủ tịch không thi hành. Cấp ủy đề nghị phải xử lý kỷ luật đối với đồng chí đó vì cho rằng như thế là ý thức tổ chức kém, không tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ. Vậy, điều đó đúng hay sai ? Điều lệ Đảng ghi : "Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên". Như vậy, chính Ban thường vụ cấp ủy của địa phương đó đã vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ chứ không phải đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Trên đây là một số nét về quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng trong tình hình hiện nay. Tôi mạnh dạn trình bày một số suy nghĩ của mình để trao đổi. Vấn đề này cần được tổng kết thực tiễn để có sự chỉ dẫn và hướng dẫn thực hiện cụ thể nhằm quán triệt Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng với chất lượng tốt nhất.❑

Digitized by Google

CHĂM LO "CÔNG VIỆC GỐC CỦA ĐẢNG"

TÔ HUY RỨA *

Hội nghị Trung ương lần thứ ba (khóa VIII), với việc thông qua Chiến lược cán bộ, đã trả lời một trong các câu hỏi lớn : Đảng ta cần và phải làm gì để có được đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành ngang tầm đòi hỏi của nhiệm vụ, có đủ bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng, năng lực trí tuệ và khả năng tổ chức thực tiễn để lãnh đạo, thực hiện thành công sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước từ nay đến năm 2020.

Ở đây, tôi xin đề cập một số vấn đề về nhiệm vụ đào tạo cán bộ. Theo tôi, chúng ta cần đặt công tác đào tạo cán bộ - trước hết là các cán bộ lãnh đạo, quản lý - đúng tầm chiến lược, ***coi việc đào tạo cán bộ là một bộ phận không thể thiếu của chiến lược cán bộ***, đưa nó từ vị trí "nhân tố bảo đảm" như quan niệm lâu nay lên thành ***khâu đầu tiên*** với yêu cầu nâng cấp một cách cơ bản trình độ mọi mặt của từng cán bộ và cả đội ngũ cán bộ. Trong khi tiếp tục rà soát, sắp xếp lại, sử dụng một cách hợp lý, bổ túc thêm những tri thức cần thiết đối với lực lượng cán bộ hiện có, phải nghĩ tới việc chuẩn bị lớp cán bộ mới có trình độ mọi mặt cao hơn hẳn cho bộ máy Đảng và Nhà nước đáp ứng được yêu cầu trong thế kỷ XXI.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt vấn đề : nếu xem "cán bộ là cái gốc của mọi công việc"(1), thì "huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng"(2). Người cũng yêu cầu "Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu"(3). V.I.Lê-nin cũng chỉ rõ : "Trong lịch sử chưa hề có một giai cấp nào giành được quyền thống trị, nếu nó không đào tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiền phong có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào"(4). Các vương triều phong kiến hưng thịnh ở nước ta trước đây cũng như các thể chế chính trị đương đại ở các nước phát triển đều rất chăm lo đào tạo, chuẩn bị lực lượng rường cột của chế độ, những chính trị gia chuyên nghiệp của giai cấp mình. Ngày nay chúng ta đang sử dụng cán bộ từ trong tất cả các giai cấp, tầng lớp lao động để gánh vác sự nghiệp chung của dân tộc, vì vậy càng phải coi trọng việc đào tạo, huấn luyện cán bộ. Nếu nói đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực là loại đầu tư cơ bản nhất cho sự phát triển, thì đầu tư cho đào tạo các cán bộ lãnh đạo, quản lý là việc đầu tư then chốt nhất, đáng giá nhất và cũng công phu nhất. Đào tạo lực lượng cán bộ lãnh đạo chính trị và quản lý Nhà nước chủ chốt chính là đào tạo nguồn nhân lực đặc biệt, đào tạo nhân tài thuộc loại quan trọng hàng đầu cho đất nước.

Cán bộ trưởng thành từ phong trào, từ thực tiễn. Điều đó đúng, nhưng đúng với ý nghĩa thực tiễn cách mạng là nơi thử thách, đào luyện, cung cấp kinh nghiệm công tác cho người cán bộ. Tuy nhiên chỉ với kinh nghiệm, hoạt động của người cán bộ chưa đạt tới trình độ tự giác, chủ động, càng chưa đủ để có khả năng sáng tạo. Sự nghiệp cách mạng của nước ta, sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước và cả xã hội đòi hỏi người lãnh đạo phải có trình độ trí tuệ cao - từ trình độ kiến thức lý luận, năng lực tư duy, những tri thức cần thiết khác, sự hiểu biết cuộc sống, đến năng lực tổ chức thực tiễn. Vì vậy, trong khi đề cao sự rèn luyện trong thực tiễn, việc tự học thường xuyên của mỗi cá nhân, người cán bộ lãnh đạo, quản lý nhất thiết phải được đào tạo một cách cơ bản, có

* Ủy viên Trung ương Đảng, PGS, PTS, Phó giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1), (2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, t 4, tr 487

(3) Hồ Chí Minh : Sđd, t4, tr 492

(4) V.I.Lê nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 4, tr 473

Digitized by Google

hệ thống qua trường đảng. Thời gian học ở trường là sự tiếp nối trong quá trình công tác liên tục, nhưng là bước "nâng cấp" rất quan trọng, bước "nhảy vọt" về năng lực tư duy, trình độ trí tuệ, khả năng tập hợp và thuyết phục quần chúng để giải quyết tốt những vấn đề thực tiễn đặt ra... tạo sức vươn xa - thậm chí vượt bậc - của người cán bộ.

Trường đảng không chỉ là cơ quan đào tạo, mà còn là ***công cụ tổ chức của Đảng***. Người đến học là do tổ chức đảng chọn cử đi học theo quy hoạch, có chủ đích rõ ràng. Mục tiêu đào tạo được xác định rõ là đào tạo những cán bộ có triển vọng đảm đương những cương vị chủ chốt ở cấp cao hơn trong bộ máy đảng, nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và các doanh nghiệp lớn của nhà nước. Tuyệt đại bộ phận cán bộ qua đào tạo sẽ được bố trí vào các vị trí lãnh đạo, quản lý cụ thể đã được dự kiến từ trước. Như vậy đào tạo ở trường đảng không đơn thuần là "nâng cao trình độ kiến thức", mà là một công việc nằm trong quy hoạch tổ chức của Đảng. Mỗi khóa, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cho ra trường vài trăm cán bộ trung cao cấp ; các phân viện của Học viện đào tạo ra hơn 1000 cán bộ chủ chốt cấp huyện và tương đương ; các trường chính trị tỉnh, thành phố đào tạo ra ngót mười nghìn cán bộ chủ chốt cấp cơ sở. Đây là những "hạt giống quý", nếu được đào tạo tốt và bố trí hợp lý, họ sẽ là những người giữ các vị trí trọng yếu trong cấp ủy đảng, cơ quan chính quyền và lãnh đạo đoàn thể ở các cấp. Trong số những người tốt nghiệp các khóa đào tạo cán bộ lãnh đạo ở Học viện, nhiều người ít năm sau là bộ trưởng, thứ trưởng, bí thư hoặc phó bí thư tỉnh ủy, chủ tịch hoặc phó chủ tịch tỉnh... Những gì được trang bị trong thời gian học tập thực sự là cái vốn rất quý, là hành trang không thể thiếu để từng người thực hiện các nhiệm vụ được Đảng giao phó.

Từ trước đến nay, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất quan tâm đến công tác đào tạo cán bộ. Hệ thống các cơ sở đào tạo của Đảng trong nhiều thập kỷ qua đã cung cấp cho Đảng lớp lớp cán bộ đông đảo phục vụ sự nghiệp cách mạng của đất nước qua các thời kỳ. Tuy nhiên, trước yêu cầu của thời kỳ mới, đối chiếu với chiến lược cán bộ trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công tác đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý còn nhiều bất cập. Hiện đang có sự lẫn lộn giữa đào tạo và bồi dưỡng, tức là chưa có sự phân biệt giữa việc đào tạo, chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận cho các chức danh lãnh đạo, quản lý chủ chốt, với việc bồi dưỡng, bổ túc thêm kiến thức lý luận cho những cán bộ lãnh đạo đương chức chưa có điều kiện học lý luận có hệ thống mà nay tuổi đã cao, không nên bố trí đi học dài hạn. Đồng thời, cũng có sự lẫn lộn về phương thức đào tạo : người đáng học tập trung, chính quy thì lại bố trí đi học tại chức. Mấy năm gần đây có tình trạng đáng lo ngại là cử sai đối tượng, học không đúng hệ. Đặc biệt là các ngành, các địa phương không cử được đủ số chỉ tiêu đi đào tạo tập trung, dài hạn, trong khi đó lại xin mở các lớp tại chức ở địa phương ; một số cán bộ ngại đi học dài hạn, nhưng lại muốn có bằng để "tiêu chuẩn hóa" ! Hiện tượng này chưa đến mức phổ biến, nhưng rõ ràng là không lành mạnh.

Về phần mình, hệ thống trường đảng - từ Học viện, các phân viện của Học viện đến các trường chính trị tỉnh, thành phố - những năm gần đây đã có nhiều cố gắng, nhiều tiến bộ được ghi nhận, tuy vậy cũng còn tồn tại nhiều yếu kém. Nội dung đào tạo còn chưa thực hiện được thật tốt sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, giữa trang bị kiến thức với rèn luyện bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức. Phương pháp đào tạo chưa có sự cải tiến thích ứng với trình độ ngày một nâng cao của người học và với sự phát triển mới của thời đại. Cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật cho hoạt động dạy và học còn lạc hậu. Thông tin tài liệu vừa thiếu, vừa chậm được bổ sung những cái mới. Nhiều cấp ủy và lãnh đạo các ngành cử cán bộ đi học không biết cán bộ của mình học tập, rèn luyện ra sao. Tình hình đó làm hạn chế đáng kể chất lượng, hiệu quả đào tạo. Tuy số lượt cán bộ qua đào tạo, số lớp được mở hằng năm đều tăng, chi phí của Trung ương và các địa phương cho đào tạo cán bộ không ít, nhưng kết quả thu được còn chưa tương xứng.

Digitized by Google

Để tạo được bước chuyển căn bản trong công tác đào tạo cán bộ nói chung, trong hoạt động đào tạo của hệ thống các trường đảng nói riêng, chúng ta cần thống nhất quan điểm chỉ đạo trên một số vấn đề chủ yếu sau :

1. Trước hết cần khôi phục lại quy định chỉ bố trí vào cương vị lãnh đạo cao cấp (bộ trưởng, thứ trưởng ; ủy viên thường vụ tỉnh, thành ủy ; chủ tịch, phó chủ tịch tỉnh và tương đương) những người đã tốt nghiệp hệ đào tạo cơ bản tập trung dài hạn (cử nhân chính trị) tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ; chỉ bố trí vào các chức vụ chủ chốt cấp huyện, cấp vụ, viện, trường đại học, giám đốc doanh nghiệp nhà nước... những cán bộ đã qua hệ đào tạo cơ bản ở các phân viện thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ; chỉ bố trí vào làm cán bộ chủ chốt cấp cơ sở những người đã tốt nghiệp hệ trung cấp chính trị của các trường chính trị tỉnh, thành phố. Đây là một điều kiện bắt buộc ; dù người đó đã có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn khác nhưng còn thiếu điều kiện này cũng không đưa vào danh sách bầu cử, không bổ nhiệm, đề bạt.

2. Việc chọn người đi đào tạo phải được tiến hành một cách nghiêm túc, phải nằm trong quy hoạch. Ban cán sự Đảng và lãnh đạo bộ, tập thể thường vụ tỉnh ủy, thành ủy phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương cân nhắc, xét duyệt kỹ lưỡng từng người, bảo đảm người được chọn đi học có đủ các điều kiện cần thiết về phẩm chất và năng lực, để sau khi được đào tạo, bồi dưỡng có thể đảm trách những chức vụ lãnh đạo quan trọng mà thực tiễn cách mạng đòi hỏi. Ngoài việc dựa vào những tiêu chuẩn cơ bản của người cán bộ như Nghị quyết của Trung ương về Chiến lược cán bộ đã nêu, đối với việc tìm chọn cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng, có thể và cần nhấn mạnh thêm các mặt sau đây : Người cán bộ lãnh đạo phải có năng lực trí tuệ tổng hợp thể hiện ở khả năng phát hiện sớm các vấn đề nảy sinh trong hoạt động thực tiễn ; có khả năng phân tích nhạy bén ; biết tổ chức lực lượng, có khả năng thuyết phục và lôi cuốn quần chúng giải quyết vấn đề đặt ra một cách có hiệu quả. Những năng lực ấy sẽ được củng cố, nâng cao trên cơ sở được đào tạo về lý luận, về phương pháp luận và phương pháp tư duy, phong cách làm việc khoa học, sáng tạo. Những khả năng đó không thể có được ngay trong một sớm một chiều mà thường là kết quả trong cả quá trình hoạt động thực tiễn cụ thể. Bởi vậy, Đảng và Nhà nước ta cần tập trung xây dựng cơ chế phát hiện nhân tài, tạo nguồn tuyển sinh cơ bản và chắc chắn cho công việc đào tạo ở các trường đảng, các trung tâm đào tạo cán bộ lãnh đạo ở các địa phương trên cả nước. Trên cơ sở đó, xây dựng quy hoạch cán bộ một cách cơ bản, dự kiến bố trí công việc cụ thể để phát huy cao nhất năng lực của đội ngũ cán bộ sau khi được đào tạo. Kết hợp chặt chẽ việc đào tạo với sử dụng cán bộ để vừa nâng cao được chất lượng công tác đào tạo, vừa tăng cường tính tự giác, hiệu quả của hoạt động thực tiễn.

3. Nội dung, chương trình đào tạo cần được đổi mới theo hướng thống nhất được các yêu cầu vừa nâng cao trình độ kiến thức lý luận trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, rèn luyện phương pháp luận và phương pháp tư duy khoa học, khả năng thực hành, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, xây dựng phong cách công tác đúng đắn. Chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo chính trị của Đảng và Nhà nước phải là chương trình mang tính đặc thù cả về nội dung tri thức, cả kết cấu chương trình và quy trình đào tạo. Bởi lẽ, chính trị vừa là một khoa học lại vừa là một nghệ thuật - nghệ thuật vận dụng các khả năng trong hoạt động thực tiễn cách mạng. Khó có thể lấy nguyên một chương trình đào tạo đại học của một chuyên ngành khoa học cụ thể nào để đào tạo cán bộ lãnh đạo chính trị chủ chốt của Đảng. Đó cũng không thể là các chương trình đào tạo sau đại học mà ta đang áp dụng, bởi lẽ các chương trình đó, các quy trình đào tạo ấy chưa đủ để tạo ra một năng lực trí tuệ tổng hợp, một bản lĩnh chính trị nhạy bén, sớm biết phát hiện và giải quyết vấn đề của người cán bộ lãnh đạo chính trị chủ chốt. Có lẽ ở đây đòi hỏi sự vận dụng tổng hợp nhiều chương trình đào tạo của nhiều ngành khoa học khác nhau. Song, dù thế nào, để đào tạo cán bộ lãnh đạo chính trị chủ chốt, việc rèn luyện, nâng cao năng lực phát hiện vấn đề, năng lực thuyết phục, tổ chức, lôi cuốn quần chúng

Digitized by Google

vào hoạt động thực tiễn để giải quyết các vấn đề bao giờ cũng là yêu cầu số một đối với mỗi chương trình đào tạo. Vì lẽ đó, trường học đào tạo cán bộ lãnh đạo có thể coi là nơi nối dài thực tiễn, tiếp tục hoạt động thực tiễn ở môi trường mới, bằng dạng thức mới.

Nội dung chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo chính trị chủ chốt cần bao gồm ba bộ phận chủ yếu : tri thức lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin tạo ra nền tảng vững chắc về thế giới quan, phương pháp luận trong nhân cách người cán bộ lãnh đạo ; các tri thức khoa học cơ sở giúp cho việc nâng cao năng lực tổ chức, quản lý của người lãnh đạo (như xã hội học, chính trị học, nhà nước và pháp luật, thu thập, xử lý thông tin, tuyên truyền và cổ động v.v...) ; những vấn đề thuộc tri thức khoa học chuyên ngành như xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, công tác quần chúng v.v... Ba mảng tri thức đó có quan hệ hữu cơ với nhau, bổ sung cho nhau trong việc xây dựng nhân cách người cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Công tác tổ chức, thực hiện quy trình đào tạo ở đây đòi hỏi phải phát huy cao nhất năng lực độc lập suy nghĩ, chủ động tìm tòi, sáng tạo của người học. Đó là quy trình biến quá trình đào tạo của nhà trường thành quá trình tự đào tạo cua của mỗi người học. Các tri thức cung cấp cho người học vừa phải cơ bản, có hệ thống và cập nhật, vừa gợi mở vấn đề, kích thích học viên đào sâu nghiên cứu, tìm cách giải quyết một cách sáng tạo. Quy trình đó phải hết sức chú trọng các báo cáo thực tế và kinh nghiệm thực tiễn ; có nhiều bài tập tình huống và các chỉ dẫn thực hành. Thông qua việc thực hiện các bài tập, các phương án giải quyết vấn đề đặt ra trong thực tiễn để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của mỗi người. Quá trình thực hiện quy trình đào tạo ấy cũng là quá trình xây dựng mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên giữa nhà trường với các tổ chức đảng, chính quyền ở các địa phương, cơ sở để phối hợp đào tạo cán bộ, bố trí sử dụng hợp lý cán bộ đã đào tạo và tuyển chọn những người sẽ cử đi đào tạo tiếp theo.

Đa dạng hóa các loại hình đào tạo đang là xu thế phổ biến trong giáo dục đào tạo hiện nay. Đào tạo cán bộ lãnh đạo chính trị chủ chốt cũng nên có nhiều hình thức : tập trung, tại chức, dài hạn, ngắn hạn, theo các chuyên đề v.v... Đào tạo tập trung, cơ bản là hình thức đào tạo không thể thiếu, đồng thời phải rất coi trọng việc đào tạo lại, việc bồi dưỡng ngắn hạn hằng năm để thường xuyên cập nhật được những kiến thức mới, nhất là trong thời đại "bùng nổ thông tin" ngày nay. Dù đào tạo ở hình thức nào cũng phải coi trọng chất lượng hơn số lượng. Không vì hình thức học tại chức mà cắt gọt bớt chương trình, hạ thấp yêu cầu kiểm tra, thi cử... Các lớp bồi dưỡng ngắn ngày theo chuyên đề phải thực sự nhằm vào những vấn đề cấp bách, thiết thực phải được chuẩn bị chu đáo về nội dung chương trình, đội ngũ giảng viên, cách thức học tập, để các lớp bồi dưỡng vừa là nơi thu nhận tri thức, thông tin, định hướng thực tiễn mới, vừa là diễn đàn trao đổi kinh nghiệm thực tiễn của người học với nhau và với cán bộ nghiên cứu, giảng dạy của Học viện.

4. Hết sức chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên trường đảng. Có chế độ các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Trung ương Đảng, các bộ trưởng, trưởng ban của Trung ương, bí thư tỉnh, thành ủy đến giảng bài, báo cáo thực tế, chủ trì thảo luận, dự tọa đàm, hướng dẫn học viên làm luận văn tốt nghiệp... với tư cách là giảng viên kiêm chức của Học viện. Học viện cần được giúp đỡ trong việc bổ sung những cán bộ giỏi, có năng lực nghiên cứu, giảng dạy lý luận, xây dựng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ đào tạo cán bộ.

5. Tăng cường cung cấp thông tin, hiện đại hóa các trang thiết bị dạy học, bảo đảm điều kiện sinh hoạt cho Học viện. Chúng ta không thể so sánh với điều kiện cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại của những trung tâm đào tạo lớn ở các nước bạn vì nước ta còn nghèo. Tuy nhiên nếu tính toán chặt chẽ, giảm bớt những chi tiêu lãng phí không nhỏ, chắc chắn chúng ta sẽ lo chỗ ăn, ở, học tập cho mấy trăm học viên khá hơn nhiều. Đầu tư cho đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý trung cao cấp là đầu tư đích đáng nhất và có hiệu quả nhất cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhà nước ta. ❑

Digitized by Google

ĐỨC VÀ TÀI, TIÊU CHUẨN VÀ CƠ CẤU TRONG CÔNG TÁC CÁN BỘ

TIẾN HẢI

Lâu nay, trong công tác cán bộ, mối quan hệ giữa các yếu tố đức và tài, tiêu chuẩn và cơ cấu là những vấn đề đã có nhiều dịp bàn tới. Song, cả về mặt lý luận và thực tiễn chưa phải đã đạt được sự thống nhất cao. Vẫn còn nhiều ý kiến tranh luận xung quanh vấn đề này, thậm chí có những ý kiến trái ngược nhau. Thí dụ :

Về vấn đề đức và tài, có người cho rằng đó là một chỉnh thể thống nhất đến mức không thể tách bạch được, bởi vì trong chừng mực nhất định, đức cũng là tài và ngược lại. Một số ý kiến khác thì cho rằng phải tôn trọng cả đức cả tài, không nên và không thể xem nhẹ một yếu tố nào; song, cũng không thể đánh đồng, đặt ngang bằng một cách tuyệt đối giữa hai yếu tố đó. Theo những ý kiến này thì đức và tài đều quan trọng nhưng đức vẫn là gốc, là yếu tố quyết định. Để nhấn mạnh, những người theo quan điểm này còn gọi đức là *yếu tố cứng*, tài là *yếu tố mềm* ; đức là yếu tố quyết định, tài chỉ là yếu tố quan trọng. Và như thế có nghĩa là yếu tố tài có thể hiểu và vận dụng một cách hết sức mềm dẻo, linh hoạt. Lại còn có cả một số ý kiến rất cực đoan. Những người theo quan điểm này cho rằng trước kia ta nhấn mạnh yếu tố đức thì có thể chấp nhận được ; nhưng nay, trong thời đại văn minh tin học thì phải đặc biệt nhấn mạnh tới yếu tố tài; cứ lặp đi lặp lại mãi bài ca về đức thì thật là lạc hậu, cổ hủ và như thế thì chỉ kéo lùi lại bước tiến của xã hội mà thôi. Họ còn cho rằng không thể mài đức ra để ăn hoặc uống được ; thời buổi này không có "tài", không biết xoay xở thì chỉ có đói.

Về vấn đề tiêu chuẩn và cơ cấu cũng vậy. Có người nhấn mạnh đến mức tuyệt đối hóa yếu tố tiêu chuẩn, xem nhẹ yếu tố cơ cấu. Ngược lại, có người lại quá coi trọng yếu tố cơ cấu, câm chước đến mức không thể chấp nhận được những đòi hỏi cơ bản về mặt tiêu chuẩn.

Đứng trên góc độ phương pháp luận mà xem xét thì khi nào tuyệt đối hóa mặt này hay mặt khác đến mức cực đoan đều mắc phải sai lầm. Trong phạm vi bài viết nhỏ này, tôi chỉ dám góp thêm đôi điều xung quanh vấn đề đức và tài, tiêu chuẩn và cơ cấu.

1 - **Đức và tài** là những khái niệm rất quen thuộc, đã được dùng từ lâu. Trước kia, cũng có lúc ta dùng khái niệm *hồng* và *chuyên* nhưng với nghĩa hẹp hơn ; sau đó dùng khái niệm *phẩm chất* và *năng lực*. Dù gọi thế nào đi nữa thì các khái niệm trên đều là những khái niệm "cùng bậc, cùng trình độ", có nghĩa là nội hàm của nó giống nhau.

Trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay, Đảng và Nhà nước ta yêu cầu người cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt các cấp, các ngành phải có đầy đủ những tư chất cần thiết thích ứng với công cuộc đổi mới. Hay nói một cách khái quát là phải *có đức, có tài*.

Nói người cán bộ phải có đức, có tài tức là muốn đề cập tới những khía cạnh rất cụ thể như : phẩm chất chính trị ; phẩm chất đạo đức ; trình độ học vấn nói chung ; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nói riêng ; năng lực quản lý, điều hành ; khả năng đoàn kết, tập hợp quần chúng ; thái độ và tác phong công tác, v.v... Trong các khía cạnh nêu trên, ta có thể xếp phẩm chất

Digitized by Google

chính trị, phẩm chất đạo đức nằm trong phạm trù đức ; còn trình độ học vấn nói chung ; trình độ chuyên môn nghiệp vụ nói riêng ; năng lực quản lý điều hành ; khả năng đoàn kết tập hợp quần chúng... nằm trong phạm trù tài. Tất nhiên việc phân định như thế cũng chỉ mang tính tương đối mà thôi, bởi vì ngay trong từng khía cạnh cụ thể, nhiều khi nó đã bao chứa cả hai nội dung đức và tài rồi.

Nói người cán bộ phải có đức, có tài là muốn nói tới những tiêu chuẩn chung nhất của người cán bộ. Song tiêu chuẩn chung đó lại phải được cụ thể hóa đối với từng loại cán bộ, từng cấp cán bộ, thậm chí từng chức danh cán bộ. Cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ khoa học, cán bộ quản lý kinh doanh... mỗi loại đều có những đòi hỏi về đức và tài mang tính đặc thù. Thí dụ : *Đối với cán bộ lãnh đạo* thì nhất thiết phải có quan điểm chính trị thật vững vàng, am hiểu sâu sắc về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối quan điểm của Đảng. Có khả năng định hướng sự phát triển, tổng kết thực tiễn, tham gia xây dựng đường lối, thuyết phục nhân dân. Có ý thức và khả năng đấu tranh bảo vệ, quan điểm đường lối của Đảng. Gương mẫu về lối sống và đạo đức. Gương mẫu đấu tranh chống tham nhũng. Có tác phong dân chủ, có khả năng đoàn kết, tập hợp quần chúng... *Đối với cán bộ quản lý nhà nước*, nhất thiết phải có kiến thức về khoa học quản lý nhà nước. Có năng lực điều hành và tổng kết thực tiễn. Có khả năng thể chế hóa các chỉ thị và nghị quyết của Đảng, tinh thông về chính sách và pháp luật. Giữ gìn đạo đức và lối sống. Tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tích cực đấu tranh chống tham nhũng... *Đối với cán bộ khoa học* phải có ý thức sâu sắc về phụng sự nhân dân, phụng sự Tổ quốc. Có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học... *Đối với cán bộ quản lý kinh doanh* phải có hiểu biết sâu sắc về các quan điểm kinh tế của Đảng. Nắm vững chính sách và pháp luật của Nhà nước. Có đạo đức kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Có kiến thức sâu rộng về kinh tế thị trường. Có khả năng quản trị doanh nghiệp. Có ý thức chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động...

Nghị quyết của Đảng chỉ rõ rằng, trong việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ, phải coi trọng cả đức và tài, đức là gốc. Nói *đức là gốc* không có nghĩa là tuyệt đối hóa yếu tố đức, xem nhẹ yếu tố tài. Nói như thế chỉ có nghĩa là muốn đặc biệt nhấn mạnh tới vị trí, tầm quan trọng của yếu tố đức trong chỉnh thể đức tài. Trong điều kiện Đảng ta chủ trương thực hiện nền kinh tế thị trường, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại thì tài của người cán bộ là rất quan trọng, không có tài thì sẽ không xử lý nổi những vấn đề mới mẻ, khó khăn và phức tạp đặt ra ; nhưng tài đó phải có cơ sở vững chắc là đức. Có tài nhưng đức kém thì nhiều khi lại dẫn tới thoái hóa, biến chất hoặc lệch hướng, làm sai lệch đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, gây hại cho cách mạng.

Như trên đã nói, đức và tài là hai yếu tố có mối liên hệ biện chứng với nhau, thậm chí trong một số trường hợp cụ thể nó gần như thống nhất làm một. Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân sáng ngời của chân lý đó. Ở Người, đức và tài là một ; đức là biểu hiện của tài và tài cũng là biểu hiện của đức. Chúng ta đều biết, mọi chủ trương, đường lối của Người nêu ra đều thể hiện sự nắm vững một cách rất thấu đáo những quy luật khách quan đang vận động trong hiện tại và khả năng dự báo một cách chính xác sự vận động của nó trong tương lai. Những chủ trương đường lối mà Người nêu ra còn thể hiện sự am hiểu sâu sắc tình hình thực tế của đất nước, tâm tư nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân... do đó nó nhanh chóng đi vào cuộc sống, được nhân dân đồng tình hưởng ứng và khi thực hiện thường đem lại hiệu quả cao. Đó chính là kết quả tổng hợp của hai yếu tố đức và tài trong con người Hồ Chí Minh.

2 - **Tiêu chuẩn và cơ cấu** cũng là hai yếu tố không thể thiếu được khi thiết kế bộ phận lãnh đạo của bất cứ một tổ chức nào. Nói tới tiêu chuẩn tức là muốn nói tới những khía cạnh như đã đề cập ở phần trên. Đó chính là phẩm chất chính trị ; phẩm chất đạo đức ; trình độ học vấn nói chung ; trình độ chuyên môn nghiệp vụ nói riêng ; năng lực quản lý điều hành ; khả năng đoàn kết, tập hợp quần chúng ; lề lối làm việc và tác phong công tác... Còn nói tới cơ cấu tức là

Digitized by Google

muốn nói tới những khía cạnh cụ thể như : độ tuổi, giới tính, thành phần xuất thân, dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp...

Ban lãnh đạo của bất kỳ một tổ chức nào nếu nó bao gồm những thành viên có đầy đủ tiêu chuẩn mà tổ chức đó yêu cầu ; đồng thời lại được thiết kế theo một cơ cấu thật khoa học, hợp lý thì sức mạnh của nó sẽ được tăng lên gấp bội và hiệu quả hoạt động của nó sẽ rất cao. Thí dụ, sắp tới, cử tri cả nước ta sẽ lựa chọn những đại biểu thật xứng đáng để bầu vào Quốc hội - cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lựa chọn những đại biểu thật xứng đáng tức là khi cầm lá phiếu để bầu, cử tri phải cân nhắc thật đầy đủ tới cả hai yếu tố : tiêu chuẩn và cơ cấu. Tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội đã được ghi rõ trong Luật bầu cử đại biểu Quốc hội. Đó là :

- Trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ;

- Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật ; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng và các hành vi vi phạm pháp luật.

- Có trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

- Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

- Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội.

Những tiêu chuẩn nêu trên là rất cần thiết và rất phù hợp với tình hình thực tế của đất nước ta hiện nay. Các đại biểu Quốc hội có được đầy đủ những tiêu chuẩn này thì chúng ta sẽ có một Quốc hội mạnh, mang tính trí tuệ cao. Song, trên cơ sở những tiêu chuẩn đã được xác định rõ ràng như thế, rất cần thiết phải tính đến một cơ cấu thật hợp lý thể hiện được đầy đủ khối đại đoàn kết toàn dân. Vì vậy, ngoài việc tăng tỷ lệ công nhân, nông dân, trí thức trong Quốc hội, chúng ta còn phải chú ý tới những đại biểu trực tiếp làm việc ở cơ sở ; đại biểu là người dân tộc thiểu số ; bảo đảm có nhiều thành phần dân tộc có đại biểu trong Quốc hội; đồng thời phải tăng số đại biểu thuộc giới nữ và người ngoài Đảng... Nếu Quốc hội của chúng ta mà các đại biểu bảo đảm tiêu chuẩn đồng thời lại có một cơ cấu hợp lý, khoa học thì chắc chắn hiệu quả hoạt động sẽ rất cao, đáp ứng được lòng mong mỏi của nhân dân.

Tiêu chuẩn và cơ cấu là hai yếu tố nằm trong cùng một hệ thống, tạo thành một chỉnh thể. Không nên tách rời chúng theo lối cơ học. Cũng không nên tuyệt đối hóa mặt này hay mặt khác. Tiêu chuẩn là yếu tố quyết định, song phải đặt nó trong một cơ cấu hợp lý. Cơ cấu là yếu tố quan trọng, song cơ cấu phải trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn. Chỉ có nhìn nhận vấn đề một cách biện chứng như vậy thì tiêu chuẩn và cơ cấu mới có ý nghĩa và có giá trị đích thực.

Mỗi tổ chức có những yêu cầu về tiêu chuẩn và cơ cấu khác nhau. Do đó, không thể có một mẫu biểu chung nào cho tất cả các loại hình tổ chức. Thực tế cũng không thể làm như vậy được. Thí dụ, các cấp ủy đảng có những yêu cầu về tiêu chuẩn và cơ cấu khác với Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng. Ngay đối với các cấp ủy đảng thì tiêu chuẩn và cơ cấu của Ban chấp hành Trung ương cũng có những điểm khác và có yêu cầu cao hơn đối với cấp tỉnh, thành phố. Đối với Ban chấp hành Trung ương thì các ủy viên nhất thiết phải hết sức vững vàng về quan điểm chính trị, có trình độ trí tuệ cao, có năng lực lãnh đạo chính trị và có phẩm chất đạo đức trong sáng. Còn về cơ cấu thì phải đặc biệt chú ý tới sự hài hòa giữa ba độ tuổi, giữa lãnh đạo địa phương và các ngành trung ương, chú ý tới các ngành và các lĩnh vực đặc biệt quan trọng. Ngoài ra, còn phải chú ý tới các đại biểu là nữ, bởi vì đội ngũ cán bộ nữ của chúng ta không thiếu những người có đức, có tài. Chị em lại là đội quân hùng hậu, có tiềm năng to lớn và có những cống hiến xuất sắc đối với sự nghiệp cách mạng.

Tóm lại, mỗi tổ chức khác nhau có những yêu cầu cụ thể khác nhau về tiêu chuẩn và cơ cấu. Xác định tiêu chuẩn và cơ cấu phải phù hợp với yêu cầu của mỗi tổ chức. Nếu không làm được như thế thì hiệu quả hoạt động của tổ chức sẽ không cao. ❑

Digitized by Google

XEM XÉT NHÂN TỐ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CẤU TRÚC CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

TRƯƠNG GIANG LONG *

NGÀY nay, đề tài con người và vấn đề tích cực hóa nhân tố con người, khai thác mọi tiềm năng của con người trong phát triển xã hội có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Vấn đề đó đã trở thành đối tượng nghiên cứu chuyên tâm của nhiều ngành khoa học và đến nay trên thực tế vẫn còn nhiều ý kiến cần được trao đổi.

Ở đây, chúng tôi muốn xem xét nhân tố người lao động trong lực lượng sản xuất, một phạm trù chúng ta đã có những nhận thức mới, nhất là trong chuyển đổi cơ chế của nền kinh tế, đất nước ta đã thu được một số thành tựu bước đầu.

Khái niệm *Người* được hiểu như là đại diện của loài người với những đặc trưng riêng, phân biệt về chất giữa người với động vật. Con người là sản phẩm kỳ diệu nhất và cao nhất của sự phát triển toàn bộ thế giới vật chất và tinh thần, chịu sự chi phối của các quy luật tự nhiên (khí hậu, địa lý, môi trường, đặc biệt là quy luật sinh học). Nhưng xét cho cùng, các quy luật xã hội bao giờ và ở đâu cũng vẫn giữ vai trò chủ đạo.

Khái niệm nhân tố con người trong nghiên cứu có nhiều cách tiếp cận khác nhau, xuất phát từ nhiều ngành nghiên cứu khác nhau. Song tựu trung lại, khi xác định nội dung nhân tố con người, phần lớn cách hiểu đều tập trung nhấn mạnh vào mặt hoạt động của con người, coi đó là cơ sở bản chất, quyết định mọi biểu hiện đặc trưng và thuộc tính của nó. Đó cũng là yếu tố mang tính "động", yếu tố trí tuệ, sáng tạo thuộc về *Người* và chỉ ở *Người* mới có.

Cũng như vai trò của con người, sự tác động của nhân tố con người có ý nghĩa quyết định đến toàn bộ tiến trình phát triển của lịch sử. Với tư cách là nguồn động lực có tầm quan trọng đặc biệt, nhân tố con người vừa là phương tiện sáng tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần, sáng tạo và hoàn thiện ngay cả chính bản thân mình, vừa đồng thời là chủ nhân sử dụng có hiệu quả mọi nguồn tài sản vô giá ấy. Trên bình diện đó, vai trò của nhân tố người lao động trong lực lượng sản xuất không phải là toàn bộ nhân tố con người nói chung. Vai trò của nhân tố người lao động chỉ giới hạn trong khuôn khổ của sản xuất vật chất. Nói cách khác, nhân tố người lao động trong lực lượng sản xuất được hiểu như là bộ phận năng động và sáng tạo nhất của quá trình sản xuất. Nhờ có nó mà công cụ và phương tiện sản xuất ngày càng được đổi mới, sản xuất phát triển với năng suất và chất lượng cao, đời sống tinh thần và bộ mặt của xã hội có nhiều tiến bộ.

Mác là người đầu tiên có công xây dựng nội dung khoa học của khái niệm lực lượng sản xuất. Theo Mác, lực lượng sản xuất được cấu thành bởi tư liệu sản xuất, người lao động và đồng thời ông dự báo cách mạng khoa học - kỹ thuật cũng sẽ như là một bộ phận trực tiếp của lực lượng sản xuất. Nội dung của khái niệm lực lượng sản xuất do Mác vạch ra đã được cuộc sống khẳng định. Tư tưởng cơ bản ấy thấm vào nhận thức và vật hóa thành cơ sở vật chất tạo nên động lực của mọi sự biến đổi. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển sản xuất, không phải lúc nào con người cũng hiểu đúng về vị trí, vai trò của từng bộ phận trong cấu trúc của lực lượng sản xuất. Thực tế có lúc chúng ta đã tuyệt đối hóa vai trò của nhân tố con người, ngược lại cũng có lúc chỉ tuyệt đối hóa vai trò của công cụ và phương tiện sản xuất, xem con người trong lực lượng sản xuất như một yếu tố thụ động, yếu tố lệ thuộc vào trình độ phát triển của công cụ và phương tiện sản xuất. Nhận thức như vậy thực chất là không hiểu đúng vị trí của từng bộ phận trong lực lượng sản xuất. Đặc biệt không thấy rõ

* PTS, Trường Đại học kinh tế, TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

vai trò của nhân tố con người. Mác đã rất thích câu nói nổi tiếng của B. Phran-clin : "Người là động vật biết chế tạo công cụ lao động". Điều đó đã chỉ ra rằng con người không phải chỉ với ý nghĩa là sản phẩm của hoàn cảnh mà còn là chủ thể sáng tạo ra hoàn cảnh, sáng tạo ra tất cả những gì loài người hiện có, trong đó quan trọng hơn cả là lực lượng sản xuất của xã hội - tiêu chuẩn quan trọng nhất đánh giá trình độ văn minh của nhân loại. Do đó, có thể nói đặc trưng của chủ thể sáng tạo trong lực lượng sản xuất có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Phân tích tư liệu sản xuất, Mác đã chia thành đối tượng lao động và tư liệu lao động. Đối tượng lao động là toàn bộ những vùng của tự nhiên được con người đưa vào sản xuất. Nó trước hết là những sản phẩm có sẵn của bản thân giới tự nhiên như đất đai, rừng, sông ngòi, biển, khoáng sản, lâm sản, hải sản ... sau đó là những sản phẩm không có sẵn trong tự nhiên được con người chế tạo ra như sợi tổng hợp, hóa chất, chất hợp kim, các loại nguyên, nhiên vật liệu và cây, con mới ... Tất cả các loại sản phẩm nói trên, kể cả những sản phẩm thuần túy tự nhiên cũng không thể chuyển hóa từ cái tự nó thành cái cho con người và vì con người, nếu không có vai trò lao động sáng tạo của con người. Bằng cách nào loài người tìm thấy và khai thác sử dụng có hiệu quả những sản phẩm của giới tự nhiên ? Bằng cách nào con người có thể tạo ra được những nguyên liệu mới cho quá trình sản xuất, mà những nguyên vật liệu ấy trong tự nhiên không có ? Câu trả lời duy nhất chỉ có một. Những sản phẩm ấy không có gì khác ngoài sự sáng tạo của lao động trí tuệ - sự vật hóa của vai trò nhân tố con người, sản phẩm mang ý nghĩa *Người* của con người.

Tư liệu lao động là những vật hay phức hợp những vật thể được con người sử dụng nối giữa con người với đối tượng lao động. Trong tư liệu lao động, Mác tách bộ phận có nhiệm vụ dẫn truyền lực tác động trực tiếp từ con người đến đối tượng lao động gọi là công cụ sản xuất, và xem đây là nhân tố quan trọng có ý nghĩa quyết định nhất. Bộ phận còn lại được gọi là phương tiện lao động - những trang thiết bị và phương tiện được con người sử dụng phục vụ trực tiếp cho quá trình sản xuất. Phân tích tư liệu lao động, chúng ta thường nhấn mạnh khía cạnh kế thừa trong quá trình phát triển nhiều hơn sự sáng tạo ra cái mới. Coi trọng tư liệu lao động với tư cách là sản phẩm của các thế hệ trước để lại mà không thấy rõ sự liên kết giữa nó với lao động sống của con người. Chính lao động sống và những kỹ năng kinh nghiệm thành thạo trong quá trình sử dụng công cụ và phương tiện lao động của con người đã tham gia quyết định vào quá trình lượng hóa các nhân tố ấy thành động lực vật chất. Mỗi thế hệ người lao động là sản phẩm của lực lượng sản xuất do các thế hệ trước tạo ra, nhưng đồng thời họ lại là chủ nhân, đóng vai trò tác động trực tiếp mà nếu thiếu nó thì công cụ và phương tiện sản xuất sẽ trở thành vô nghĩa.

Qua sự phân tích trên ta thấy yếu tố tư liệu sản xuất không phải là những vật vô tri, vô giác mà mang trong nó đậm nét nhân tố con người.

Bộ phận quan trọng thứ hai trong lực lượng sản xuất mà Mác đề cập đến là người lao động. Lê-nin khẳng định "lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là người công nhân, là người lao động".(1)

Chi tiết hóa tư tưởng trên đây của Mác và Lê - nin, chúng ta thường chỉ chú trọng đến yếu tố kỹ năng, kỹ xảo, và những kinh nghiệm thành thạo của người lao động. Nhận thức như vậy không sai, nhưng nếu chỉ dừng lại ở đó chúng ta chưa lĩnh hội được hết tinh thần của Mác. Con người trong lực lượng sản xuất, theo Mác phải vừa là con người phát triển cao về trí tuệ, khỏe mạnh về thể chất, giàu có về tinh thần, trong sáng về đạo đức... Trong đó trí tuệ không phải là những tri thức trừu tượng mà trước hết phải là năng lực chuyên môn được đào tạo và qua đào tạo lại trình độ tay nghề và các thao tác thuộc về kỹ năng cần thiết không thể thiếu được của người lao động. Thể chất không chỉ là sự phát triển đơn thuần cường tráng về thể lực mà còn bao hàm trong đó cả sự phát triển tốt về trí lực, tư chất thông minh, sự nhạy bén của thần kinh , cả tâm lý và tính sáng tạo cao trong lao động. Đạo đức cũng không phải chỉ là lương tâm, danh dự, trách nhiệm nói chung mà trước hết những cái đó được gắn với nghề nghiệp của mỗi người. Nó là cái nền mà trên đó định hướng giá trị mọi hành động cụ thể của con người với xã hội... Tất cả những yếu tố trên đây trong nội dung khái

(1) Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t38, tr 430

Digitized by Google

niệm người lao động đều hòa quyện vào nhau, tạo thành động lực thuộc về những giá trị riêng của nhân tố người. Thiếu một trong các yếu tố ấy, không thể có nhân tố người lao động một cách hoàn thiện.

Bộ phận thứ ba như Mác dự đoán đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp - cách mạng khoa học - kỹ thuật. Ngày nay, trước những đổi thay mạnh mẽ của các ngành khoa học, phạm vi của bộ phận thứ ba này cần phải được mở rộng cả sang lĩnh vực công nghệ mới - cách mạng khoa học - kỹ thuật và công nghệ. Tuy là một bộ phận của lực lượng sản xuất, nhưng trình độ của khoa học và công nghệ trước hết là một hình thức của ý thức xã hội. Tự nó tinh thần và ý thức không thể tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Muốn khoa học - kỹ thuật và công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, nhất thiết phải thông qua hoạt động sáng tạo, tự giác và có tổ chức cao của con người. Bản thân khoa học - kỹ thuật và công nghệ không phải chỉ là một bộ phận đơn thuần, riêng biệt của lực lượng sản xuất, độc lập đối với các bộ phận khác. Nó phải được con người vật hóa vào tất cả các công cụ, phương tiện, trang thiết bị, nguyên, nhiên liệu của nền sản xuất. Chuyển hóa thành năng lực chuyên môn, thao tác kỹ thuật, kỹ năng, kỹ xảo của chính nhân tố người lao động. Không có quá trình nhận thức đúng đắn nhằm tổ chức chuyển hóa từ cái thuần túy là sản phẩm của ý thức thành cái vật hóa trong mọi thiết bị kỹ thuật, phương tiện và công cụ sản xuất, nguyên, nhiên vật liệu, năng lực sáng tạo, trình độ chuyên môn, kỹ năng, kỹ xảo... của người lao động thì bản thân khoa học - kỹ thuật và công nghệ không thể phát huy tác dụng, không thể trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Với ý nghĩa ấy, khoa học - kỹ thuật và công nghệ trước hết phải là sản phẩm trí tuệ của con người. Sau đó, để nó trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khoa học - kỹ thuật và công nghệ phải được con người chủ động vật hóa nó thành tất cả các yếu tố của lực lượng sản xuất xã hội. Ở đây, vai trò của nhân tố người đã hiển nhiên tồn tại như là động lực quyết định hình thành những sản phẩm trí tuệ và chuyển hóa nó cùng với những năng lực của chính mình thành sản phẩm hữu ích cho xã hội. Do đó, nếu khoa học - kỹ thuật và công nghệ là một trong những bộ phận quan trọng nhất trong lực lượng sản xuất, là nhân tố bảo đảm cho sự tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động thì con người là hạt nhân của khoa học - kỹ thuật và công nghệ. Mác đã nhiều lần phân tích về vai trò của khoa học - kỹ thuật và lao động trí óc trong quá trình sản xuất. Người khẳng định : "Khoa học là một động lực lịch sử, là một lực lượng cách mạng"(2). Từ cách tiếp cận trên đây chúng ta có thể đưa ra kết luận : Xét về mặt tổng thể, lực lượng sản xuất xã hội là sự vật hóa bởi lao động trí tuệ của chính con người.

Nhận thức đúng ý nghĩa và tầm quan trọng của nhân tố người lao động, Đảng ta coi việc phát huy nhân tố con người như là một nguồn lực quan trọng nhất của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những kết quả đạt được và mọi đổi thay đang diễn ra từng ngày trong nền kinh tế thị trường hiện nay là bằng chứng sinh động nói lên điều đó.

Để phát huy tốt nhất vai trò của nhân tố người lao động trong lực lượng sản xuất xã hội phục vụ thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, theo chúng tôi cần tập trung tốt nhất vào các hoạt động sau đây :

Thứ nhất : Cần thể chế và cụ thể hóa nội dung cơ bản Nghị quyết Đại hội VIII và Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII) về định hướng chiến lược giáo dục - đào tạo, bảo đảm để giáo dục và đào tạo giữ vai trò là động lực thúc đẩy quá trình tạo ra một thế hệ những người lao động mới, đủ sức làm chủ các thiết bị hiện có, đồng thời có khả năng tiếp thu cái mới. Chỉ có giáo dục mới t2hực sự là một tác nhân tích cực và có hiệu quả nhất nhằm gia tăng mọi giá trị và năng lực lao động sáng tạo của con người. Giáo dục vừa hình thành, vun đắp và hoàn thiện con người với ý nghĩa là mục tiêu, vừa đóng góp xây dựng con người với ý nghĩa là phương tiện bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Thứ hai : Trong chiến lược hình thành thế hệ những người lao động mới, không thể không tính đến sự phát triển đồng bộ của tất cả các yếu tố trong khái niệm nhân tố người lao động, trong đó cần đổi mới nội dung và chương trình đào tạo theo hướng hình thành kiến thức rộng nhưng chuyên môn sâu. Năng lực thực hành điêu luyện, tinh xảo, đủ sức tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao cạnh tranh thắng lợi. Chú trọng công tác kế hoạch

(2) C.Mác-Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1983, t5, tr 662

Digitized by Google

hóa gia đình, chính sách giáo dục và chăm sóc trẻ em. Đầu tư có chiều sâu bảo đảm trong thời gian ngắn nhất chống nạn suy dinh dưỡng. Tạo cho được một thế hệ lao động khỏe mạnh, thông minh, đủ sức làm chủ công nghệ và tri thức tiên tiến của thế kỷ XXI. Cải tiến một bước nội dung giáo dục lý tưởng, giáo dục ý thức cộng đồng, đề cao trách nhiệm công dân, lòng tự trọng và tự hào dân tộc, trân trọng những di sản của quá khứ. Xây dựng lối sống trung thực, có trách nhiệm, biết bảo vệ lẽ phải, chân lý, sống nhân ái vì mọi người.

Thứ ba : Phải tạo ra một môi trường pháp lý thuận lợi, bảo đảm cho mọi công dân không phân biệt địa vị, thành phần kinh tế, đều bình đẳng, tự do lao động sáng tạo cao nhất, làm giàu chính đáng cho bản thân, cho xã hội. Định hướng cho quá trình ấy là sự thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước. Chính sách này sẽ cho phép khơi dậy mọi tiềm năng, mọi nỗ lực tìm tòi sáng tạo của mỗi cá nhân cũng như cả cộng đồng. Khai thác tối ưu mọi nguồn lực tài năng phục vụ những ngành kinh tế quan trọng nhằm khai thác tốt những nguồn chất xám hiện có cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ở trên tầm vĩ mô, Đảng cần xác lập hệ thống chính sách xã hội, thể chế hóa quan điểm "tất cả cho con người, vì con người". Trong hệ thống chính sách xã hội vừa đặt đúng con người vào vị trí trung tâm của mọi động lực phát triển, vừa thực hiện nhất quán quan điểm tôn trọng lợi ích cá nhân, xem lợi ích cá nhân là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Kết hợp giữa kích thích lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần. Bảo đảm luật hóa những quyền cơ bản của con người, quyền tự do cá nhân, quyền công dân trong khuôn khổ luật pháp xã hội chủ nghĩa. Tạo ra một cơ chế kích thích lao động sáng tạo, kích thích nguồn cảm hứng say mê công việc để mọi người hăng hái làm giàu chính đáng cho mình và cho xã hội.

. Mọi hoạt động đều nhằm vào việc khai thác nhân tố người lao động một cách tốt nhất. Chỉ trên cơ sở vì con người, cho con người, mới có thể có được phương án tối ưu nhằm sử dụng có hiệu quả nhân tố người. Quên điều đó con người không thể trở thành động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.❑

PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

DƯƠNG BÁ PHƯỢNG *

Chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đã cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ của tất cả các thành phần kinh tế khác nhau hình thành và phát triển. Bên cạnh việc củng cố khu vực doanh nghiệp nhà nước nhằm hình thành các doanh nghiệp lớn trong một số ngành kinh tế-kỹ thuật quan trọng, Đảng và Nhà nước cũng khuyến khích và tạo điều kiện thúc đẩy phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ ở cả nông thôn và thành thị.

1 – Khái niệm và loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Khi phân loại doanh nghiệp theo quy mô (vốn, lao động, sản lượng, doanh thu, lợi nhuận ...) người ta phân thành doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ.

Chưa có định nghĩa chung, thống nhất về doanh nghiệp vừa và nhỏ đối với các nước khác nhau. Nhưng tựu trung lại, những doanh nghiệp được coi là vừa và nhỏ, thường có tổng số vốn pháp định hoặc tổng giá trị tài sản dưới 1 triệu USD và số lao động thường xuyên dưới 500 người.

Ở nước ta, cho đến nay vẫn chưa có văn bản pháp lý quy định những chỉ tiêu và tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá phân loại doanh nghiệp vừa và nhỏ. Một số cơ quan và một số nhà nghiên cứu đã đưa ra các chỉ tiêu và tiêu chuẩn cụ thể để phân loại doanh nghiệp vừa và

* PTS, Viện kinh tế học, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

nhỏ, song chưa có sự thống nhất. Theo chúng tôi, nên đồng thời sử dụng 3 chỉ tiêu sau đây để phân loại quy mô doanh nghiệp ở nước ta :

1 - Tổng số vốn của doanh nghiệp

2 - Tổng số lao động thường xuyên của doanh nghiệp

3 - Tổng doanh thu (sản lượng) hằng năm của doanh nghiệp.

Nếu chỉ dùng một chỉ tiêu sẽ không phản ánh chính xác quy mô doanh nghiệp. Xuất phát từ đặc điểm tình hình, trình độ phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay, qua kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, cùng với ý kiến của một số ngành, địa phương và của nhiều chuyên gia, chúng tôi cho rằng : *doanh nghiệp vừa và nhỏ là những doanh nghiệp có tổng số vốn dưới 10 tỷ đồng, lao động thường xuyên dưới 200 người và doanh thu hằng năm dưới 50 tỉ đồng ;* trong đó những doanh nghiệp có tổng số vốn dưới 1 tỉ đồng, lao động thường xuyên dưới 50 người, doanh thu dưới 5 tỉ đồng là doanh nghiệp nhỏ.

Xét về phương diện sở hữu và hình thức pháp lý của doanh nghiệp, ta thấy doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nước ta có đủ các loại hình thuộc các thành phần khác nhau trong nền kinh tế quốc dân. Nó bao gồm các doanh nghiệp nhà nước, các hợp tác xã - tổ hợp tác, các doanh nghiệp tư nhân, các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, các trang trại và các hộ kinh doanh cá thể - tiểu chủ... Trong đó, chiếm số đông là các hộ kinh doanh cá thể - tiểu chủ, các hợp tác xã - tổ hợp tác, rồi đến các doanh nghiệp tư nhân. Các loại hình còn lại chiếm số lượng chưa nhiều.

Về phương diện cơ cấu ngành nghề, doanh nghiệp vừa và nhỏ gồm có các ngành sản xuất nông nghiệp (theo nghĩa rộng) công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Trong nông nghiệp, ngoài một số nông, lâm trường quốc doanh của nhà nước, các hợp tác xã vừa sản xuất nông nghiệp vừa làm dịch vụ, đang xuất hiện một số trang trại trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tư nhân ở những nơi có điều kiện đất đai, đầm phá khá nhiều. Trong công nghiệp, chiếm ưu thế là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy, hải sản, trong đó chủ yếu là xay xát, chế biến lương thực, sản xuất đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ, chế biến tôm cá (mắm, muối). Các doanh nghiệp chế biến các loại thực phẩm và rau quả chưa mấy phát triển. Tiếp theo công nghiệp chế biến là công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ của công nghiệp cơ khí chế tạo phụ tùng, máy móc nhỏ cũng đang được hình thành và phát triển khá ...

2 – Thực trạng các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nước ta.

Đến tháng 6-1996, cả nước có 20 000 doanh nghiệp tư nhân với tổng vốn là 3400 tỉ đồng, 8300 công ty trách nhiệm hữu hạn với tổng vốn là 6500 tỉ đồng, 186 công ty cổ phần với tổng vốn là 2200 tỉ đồng. Hiện có khoảng 800 nghìn cơ sở sản xuất công nghiệp quy mô nhỏ và 6000 hợp tác xã công nghiệp và dịch vụ. Trong khi đó cả nước có 6400 doanh nghiệp nhà nước với tổng vốn là 70 nghìn tỉ đồng, trong đó trung ương quản lý 1800, địa phương quản lý 4600 và 350 doanh nghiệp đoàn thể, với tổng vốn là 1800 tỉ đồng. Đại bộ phận nằm trên địa bàn thành thị. Gần 90% doanh nghiệp nhà nước và gần 100% các hợp tác xã - tổ hợp tác, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, các trang trại, các hộ kinh doanh cá thể - tiểu chủ là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Hiện nay chưa có số liệu thống kê chính xác về các trang trại, các hợp tác xã nông nghiệp còn tồn tại, hoặc đã chuyển đổi phương thức hoạt động, hoặc đang tái lập lại - bộ phận chủ yếu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn. Tuy vậy, qua điều tra, nghiên cứu, phân tích và đánh giá sơ bộ cho thấy :

Một là, các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong cả nước đã thể hiện rõ vai trò rất quan trọng trong việc đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng kinh tế, giải quyết số lượng lớn việc làm cho người lao động. Đặc biệt đối với những vùng nông thôn đất đai canh tác hạn hẹp, thời gian lao động nhàn rỗi nhiều, nó góp

Digitized by Google

phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút khá nhiều vốn trong dân và tạo điều kiện phát triển năng động nền kinh tế góp phần vào công nghiệp hóa nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người lao động, giảm bớt đói nghèo.

Hai là, mặc dù các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong cả nước thời gian qua có sự tăng mạnh về số lượng, tham gia ngày càng nhiều vào lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, nhưng sự phát triển của chúng vẫn chỉ tập trung chủ yếu ở thành thị, ở một số thành phố lớn như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Nam, Đà Nẵng ... Ở nông thôn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa phát triển đúng với tiềm năng của nó, chúng chiếm tỷ trọng ít hơn nhiều so với thành thị. Hơn nữa, phần lớn lại được hình thành sau năm 1990, cho nên còn rất non trẻ so với các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở thành thị cả về trình độ, quy mô phát triển lẫn kinh nghiệm và năng lực kinh doanh.

Ba là, đại bộ phận các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nước ta đều có quy mô vốn và lao động rất nhỏ, trình độ công nghệ - thiết bị quá lạc hậu, năng lực kinh doanh của các chủ doanh nghiệp và kỹ năng tay nghề người lao động thấp. Nhìn chung, năng suất lao động và hiệu quả sản xuất - kinh doanh thấp kém. Bên cạnh đó nếu so với các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở thành thị, thì ở nông thôn chúng lại có quy mô nhỏ hơn rất nhiều, công nghệ - thiết bị lạc hậu hơn, doanh thu và lợi nhuận tạo ra hằng năm thấp hơn, song tỷ suất lợi nhuận nhiều khi lại cao hơn.

Các cuộc điều tra cho thấy, đại bộ phận các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn có tổng vốn dưới 1 tỉ đồng, thậm chí có khá nhiều doanh nghiệp có số vốn dưới 100 triệu đồng. Ở Hải Hưng năm 1995 bình quân tổng số vốn của các doanh nghiệp là 737 triệu đồng, 80,6% tổng số doanh nghiệp có số vốn dưới 1 tỉ đồng. Bình quân lao động là 36 người, doanh thu đạt 2355 triệu đồng, lợi nhuận đạt 71,6 triệu đồng. Trong đó, 91,7% số doanh nghiệp có số lao động thường xuyên dưới 100 người và năm 1995 88,9% số doanh nghiệp có mức doanh thu dưới 5 tỉ đồng, 11,1% số doanh nghiệp có mức lợi nhuận đạt dưới 10 triệu đồng và khoảng gần 10% số doanh nghiệp bị lỗ vốn. Tuy nhiên, trong khi tỷ suất lợi nhuận bình quân của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở thành thị chỉ đạt 19,1% thì tỷ suất lợi nhuận bình quân của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn đạt tới 59,7%.

Khoảng 90% các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngoài quốc doanh sử dụng trang thiết bị cũ kỹ, lạc hậu từ 10 - 20 năm do các doanh nghiệp nhà nước ở thành thị thanh lý, thải loại. Số lượng thiết bị tiên tiến hầu như không có. Số máy móc do nước ngoài sản xuất chiếm 38%, nhưng số được sản xuất sau năm 1990 chỉ chiếm có 8,3%. Còn tới 8,3% số doanh nghiệp sử dụng 100% công cụ cầm tay. Số liệu điều tra cũng cho thấy tuổi đời của các chủ doanh nghiệp chiếm số đông là từ 40 - 50 tuổi (47,2%), dưới 40 tuổi chỉ 28,7%, nữ giới chỉ 11,2%. Số có trình độ trung cấp và đại học chiếm 22,2%, số đông có trình độ văn hóa cấp II (44,5%). Số có kiến thức quản lý qua các khóa đào tạo từ 3 tháng trở lên chiếm 19,4%, số qua lớp đào tạo dưới 3 tháng 11,1%, còn đại bộ phận (69,5%) quản lý bằng kinh nghiệm. Về người lao động, số đông có trình độ văn hóa cấp II (40%), khoảng 45% lao động có kỹ thuật, còn lại là lao động phổ thông.

Bốn là, sự hình thành, tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nước ta nói chung, ở nông thôn nói riêng, trong những năm qua có một số thuận lợi rất cơ bản, nhưng còn gặp nhiều khó khăn, như hệ thống luật pháp thiếu đồng bộ và nhất quán, triển khai thi hành thiếu thống nhất, thủ tục phiền hà, sách nhiễu, chính sách thuế, hỗ trợ đầu tư thiếu công bằng và kém hiệu quả, giao thông không thuận lợi ... Ở nông thôn, bên cạnh những khó khăn chung, trở ngại lớn nhất mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang gặp phải là thị trường tiêu thụ, thiếu vốn để mở rộng quy mô sản xuất - kinh doanh và đổi mới trang thiết bị, chất lượng lao động thấp, thiếu lao động kỹ thuật có tay nghề và học vấn cao, cùng với mặt

Digitized by Google

bằng sản xuất - kinh doanh chật hẹp, khó thực hiện những giải pháp đồng bộ về môi trường sinh thái ... Những khó khăn đó đang cần có sự giúp đỡ, tháo gỡ của các cấp chính quyền nhà nước và các cơ quan hữu quan.

3 – Một số giải pháp thúc đẩy sự phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ :

Với quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần để huy động các nguồn lực trong nước phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là đối với nông nghiệp và nông thôn, qua nghiên cứu chúng tôi thấy trước mắt cần có những giải pháp sau :

– *Thực hiện nhất quán và hợp lý chính sách phát triển các thành phần kinh tế.* Đây là chính sách có ý nghĩa lớn trong việc khuyến khích, thúc đẩy mạnh mẽ sự hình thành và phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nền kinh tế thị trường. Trên cơ sở nhận thức đúng vị trí và triển vọng của mỗi thành phần kinh tế, xây dựng các chính sách nhằm bảo đảm môi trường kinh tế ổn định và môi trường pháp lý bình đẳng, phát triển mối quan hệ hợp lý giữa các thành phần kinh tế.

– *Giải quyết các vấn đề liên quan đến chính sách đất đai để thúc đẩy sự xuất hiện các mô hình kinh tế trang trại và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.* Thực hiện triệt để việc giao đất lâu dài và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ theo đúng luật đất đai. Quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, tạo điều kiện thuận lợi cho người đã được giao quyền sử dụng đất nhưng không muốn trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp được chuyển nhượng cho người khác. Cho phép các doanh nghiệp được quyền thuê đất lâu dài.

– *Thực hiện đồng bộ hóa chính sách thị trường và hỗ trợ các doanh nghiệp mở rộng thị trường.* Sớm xác định một chính sách hỗ trợ và bảo hộ thích hợp. Quy định thị phần khống chế, kiểm soát giá cả và tiêu thụ của các doanh nghiệp lớn. Xây dựng quy chế riêng đối với các doanh nghiệp độc quyền. Làm tốt công tác thông tin, tư vấn giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận, vươn tới thị trường ở các địa phương khác và ở ngoài nước. Phát triển các trung tâm thương mại (có thể là huyện hay liên xã) hình thành các tụ điểm thương mại, dân cư, các thị tứ. Đồng thời, chính quyền các cấp tiến hành các biện pháp tác động để nâng cao mức sống dân cư nông thôn.

– *Giúp đỡ, hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn một cách tích cực và có hiệu quả.* Tập trung vào một số biện pháp như : huấn luyện, đào tạo tại chỗ ngắn ngày theo chương trình phù hợp với công nghệ được chuyển giao. Phát triển công tác thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, dịch vụ tư vấn về chuyển giao công nghệ. Hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia triển lãm, hội chợ. Lựa chọn công nghệ mẫu thích hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, từ đó nhân rộng ra áp dụng cho các nơi khác.

– *Đổi mới chính sách tài chính, tín dụng nhằm hỗ trợ tạo lập và tăng cường vốn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn.* Thành lập hệ thống tín dụng ngân hàng thương mại rộng khắp (đến từng huyện, xã). Giảm lãi suất ngân hàng tới mức cần thiết phù hợp để doanh nghiệp còn có lãi. Đơn giản hơn nữa thủ tục vay vốn. Nghiên cứu sửa đổi quy định về thế chấp tài sản khi vay vốn cho sát hợp với từng loại hình doanh nghiệp. Thành lập hệ thống tín dụng có tính chất hỗ trợ ưu đãi của nhà nước như "Quỹ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ" ở từng địa phương. Hình thành hệ thống tín dụng nhân dân rộng khắp, hình thành quỹ tín dụng tư nhân ở những nơi có nhu cầu và có điều kiện. Hoàn thiện hệ thống pháp luật ngân hàng, tăng cường bộ máy kiểm tra giám sát đủ năng lực, có chính sách và biện pháp bảo hiểm thị trường vốn. Ổn định chính sách thuế, công bằng trong thu thuế. Có chính sách miễn giảm thuế lợi tức trong những năm đầu mới thành lập, cũng như đối với lợi nhuận tái đầu tư, làm

Digitized by Google

hàng xuất khẩu, sử dụng nhiều lao động, giải quyết chính sách xã hội.

– *Thúc đẩy sự liên kết giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn với nhau và với các doanh nghiệp lớn ở thành thị.* Có những chương trình khuyến khích thành lập các hiệp hội của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong từng làng, xã, huyện, tỉnh và toàn quốc. Cho phép các hiệp hội được lập quỹ tín dụng chung và bảo lãnh vay vốn ở ngân hàng. Hiệp hội toàn quốc được tham gia vào hoạch định chính sách có liên quan đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Xây dựng các chương trình liên kết kinh doanh đỡ đầu của các doanh nghiệp lớn ở thành thị cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn. Nghiên cứu và từng bước thành lập các loại công ty lớn theo kiểu "tập đoàn kinh doanh" cấp quốc gia, bao gồm nhiều doanh nghiệp có quy mô khác nhau, với nhiều hình thức sở hữu và đa dạng hóa ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh.

– *Tăng cường đầu tư và đổi mới chính sách phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở nông thôn.* Tiếp tục mở rộng, hoàn thiện mạng lưới công trình phân phối điện quốc gia đến các vùng nông thôn, tiêu chuẩn hóa mạng lưới điện hạ thế đến từng hộ dân và cơ sở sản xuất - kinh doanh. Phát triển hệ thống các công trình giao thông, phân cấp quản lý khai thác hệ thống công trình giao thông nông thôn gắn với thu lệ phí và bảo vệ, cải tạo công trình. Tăng cường cơ sở thông tin liên lạc, bưu điện.Hỗ trợ tạo lập mặt bằng sản xuất - kinh doanh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Xây dựng các công trình xử lý, bảo vệ môi trường ở nông thôn.

– *Sử dụng các quan hệ và thể chế cộng đồng làng, xã ở nông thôn.* Thể chế xã hội nông thôn với ba thông số cơ bản là gia đình, dòng họ và làng, thôn. Ở Việt Nam gia đình thực sự là đơn vị sản xuất và kinh doanh rất cơ bản trong lịch sử, hiện tại và tương lai. Doanh nghiệp gia đình có sức cạnh tranh bởi tính linh hoạt của nó. Sử dụng quan hệ dòng họ sẽ góp phần ổn định xã hội nông thôn, thực hiện tín chấp, giúp nhau về vốn, chuyển giao công nghệ, mở doanh nghiệp, xóa đói giảm nghèo. Làng Việt truyền thống là tổ chức cộng đồng tự quản, tự điều chỉnh bằng hương ước, luật tục, dư luận, luân lý và đạo đức. Nó cũng là kênh thông tin, chuyển giao công nghệ, không gian tìm việc làm và tạo dựng doanh nghiệp.

– *Phát hiện, tổ chức đào tạo đội ngũ các nhà doanh nghiệp và lực lượng lao động cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn.* Đào tạo các doanh gia đang quản lý doanh nghiệp phải đạt cho được hai mục tiêu : 1) Cung cấp những kiến thức cơ bản về cách thức tổ chức doanh nghiệp, những hiểu biết về pháp luật. 2) Những kiến thức nâng cao kỹ năng kinh doanh, các phương pháp nghiên cứu thị trường, tiếp thị ... Phát hiện, đào tạo những người có nhu cầu thành lập doanh nghiệp để họ mạnh bạo bước vào thành lập doanh nghiệp và quản lý kinh doanh tốt. Đào tạo lực lượng lao động cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ dưới các hình thức khác nhau. Có biện pháp nâng cao giáo dục phổ thông cho toàn dân, thiết lập cơ chế gắn kết cơ quan giáo dục và doanh nghiệp. Hỗ trợ một phần kinh phí cho đào tạo lực lượng lao động ở nông thôn.

– *Hoàn thiện môi trường pháp lý, đổi mới và tăng cường các biện pháp quản lý trên tinh thần hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển là chính.* Nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện các văn bản pháp luật đã ban hành. Ban hành các văn bản pháp luật mới, chú ý tới luật về các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Xem xét lại thủ tục xin phép thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh. Cần xác định rõ những ngành, nghề nào phải có chứng chỉ hành nghề mới được phép thành lập doanh nghiệp.

Đăng ký nhãn hiệu, lĩnh vực kinh doanh phải trở thành nội dung mở. Cần tập trung vào một đầu mối quản lý các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thẩm quyền để kiểm tra giúp đỡ các doanh nghiệp. Ở cấp cơ sở nên giao cho chính quyền phường, xã trực tiếp quản lý hành chính - kinh tế đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. ❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI QUAN NIỆM VỀ THỂ DỤC, THỂ THAO

NGUYỄN TOÁN

Sự đổi mới các quan niệm thể dục thể thao (TDTT) chủ yếu dựa vào hai đặc trưng cơ bản vừa có ý nghĩa chung vừa có ý nghĩa chuyên biệt của TDTT. Thứ nhất là yêu cầu của nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Thứ hai (cũng có liên quan đến điểm trên) là sự cạnh tranh (hay đua tranh).

Phong trào TDTT nước nhà giờ đây đang đặt ra nhiều vấn đề phải từng bước lý giải một cách đúng đắn, từ đó xây dựng nên một hệ thống lý luận, quan niệm chỉ đạo có hiệu quả công cuộc đổi mới trong lĩnh vực này. Tuy quá trình trên còn rất dài, phức tạp nhưng dù sao cũng có thể khẳng định rằng : đặc tính đua tranh để phát triển đã và sẽ ngày càng xuyên suốt trong toàn bộ các quan niệm mới về TDTT của chúng ta. Dưới đây chỉ xin nêu lên một số suy nghĩ bước đầu :

I - Quan niệm về tính đa chức năng của TDTT

Chúng ta đã có một khẩu hiệu gọn, khái quát và cổ vũ được lòng người : "Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". Giờ đây càng thấy rõ hơn, TDTT không chỉ nâng cao cái khỏe về thể chất và tinh thần cho con người Việt Nam, mà còn có tác dụng tốt trong giao lưu, đoàn kết quốc tế, phục vụ đắc lực cho chính trị - kinh tế - xã hội - giáo dục, nâng cao đời sống văn hóa, giải trí... của toàn thể cộng đồng. Trình độ TDTT nâng cao và mở rộng đã trở thành tiêu chí có ý nghĩa về trình độ phát triển của một quốc gia, một địa phương...

Do đó, muốn đánh giá đúng, đủ tiềm năng của TDTT không chỉ xem xét, phân tích từ các góc độ, tầng bậc về y - sinh học mà còn cả về xã hội học, giáo dục học, tâm lý học, kinh tế học...

Trước đây, cũng đã có một giai đoạn chúng ta học tập máy móc một số nước anh em, nhấn mạnh quá cứng, quá "tả" : TDTT là một biện pháp quan trọng để giáo dục chủ nghĩa cộng sản. Giờ đây, trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần và mở cửa, chúng ta đã chú trọng thu hút càng đông đảo càng tốt các tầng lớp nhân dân với mức độ giác ngộ khác nhau vào sự nghiệp này, miễn là yêu thích, muốn tham gia, đóng góp nhất định vào một hoạt động thể dục thể thao nào đó và tuân theo pháp luật hiện hành. Quan niệm đó đã phát huy tối đa cái tương đồng, hạn chế, thậm chí tạm gác cái dị biệt, giúp tập hợp được quần chúng rộng rãi và khai thác được tiềm năng phát triển của TDTT rất nhiều. Về điều này, đường lối công tác mặt trận của Đảng hiện nay cũng đáng để cho chúng ta suy ngẫm và vận dụng.

Ngày nay, kỹ thuật, sản xuất và dịch vụ TDTT cũng có chỗ đứng trong nền kinh tế thị trường ; nó góp phần làm nổi rõ chức năng kinh tế của TDTT. Tuy vậy cũng có ý kiến cho như thế sẽ dễ hạ thấp, làm suy yếu chức năng chính trị - giáo dục của TDTT.

Những việc làm điển hình thành công gần đây cho thấy : nếu giữ được định hướng chính trị - giáo dục rõ và vững, biết khéo kết hợp với chức năng kinh tế thì chúng lại hỗ trợ cho nhau và làm tốt được đồng thời cả hai chức năng trên. Ví dụ một số cuộc thi xe đạp, chạy... mang ý nghĩa lịch sử, có kết hợp với quảng cáo trên một số khía cạnh, đã mang lại cả hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

Ngày càng có nhiều nhà lãnh đạo các quốc gia nhạy cảm và thấy rõ rằng : TDTT còn có chức năng xã hội quan trọng trong tác động rộng rãi, điều hòa tình cảm, tâm thế... của quần chúng. Nếu tốt, thuận, nó làm cho dân thêm tự hào, tin tưởng, phấn chấn... còn ngược lại có thể đẩy đến hỗn tạp, phá phách, giảm sút khí thế.

II - Về đạo đức thể thao

Thi đấu thể thao (TDTT) (đặc biệt ở thể thao đỉnh cao) thường rất gay go, căng thẳng ; vận động viên (VĐV) phải dốc sức cao nhất, vượt qua nhiều

Digitized by Google

thử thách khắc nghiệt mới mong giành thắng lợi. Đó là lúc thể hiện đạo đức của VĐV rõ nhất. Do đó, không thể đánh giá đạo đức của VĐV tách khỏi hoạt động đặc thù này cùng tác động nhiều mặt của nó.

Đã qua lâu rồi cái quan niệm cho đạo đức thể thao chỉ ở chỗ thi đấu "lịch sự", không "va chạm" với đối phương, nhất là trong các môn thể thao đối kháng trực tiếp (như bóng đá, võ thuật...) hay tự an ủi, bằng lòng với mình ở mức "tham gia, hữu nghị là thứ nhất ; thắng thua trên tỷ số, thứ bậc là thứ hai". Quan niệm trên chỉ có thể tạm gọi là thích hợp trong một giai đoạn trình độ chúng ta còn thấp kém, hãy cố gắng tham gia để hòa nhập, phá thế bị bao vây. Nhưng dần dà cứ giữ tình trạng ấy sẽ thành tự ru ngủ, trói buộc và dễ bị "hòa tan". Trong thi đấu ngày nay, VĐV phải dũng cảm, xả thân đến cùng để đạt thành tích cao nhưng không thể giành thắng lợi bằng bất cứ giá nào (bạo lực, sát thương đối phương trên sân hay móc ngoặc, "mua bán" nhau nơi hậu trường...). Trận chung kết bóng đá quốc gia vừa qua ở Đồng Tháp phần nào nhắc nhở chúng ta điều này. Ngày nay, trong phạm vi đạo đức và luật lệ cần khuyến khích VĐV thi đấu hết mình, trung thực để nâng cao thành tích, đồng thời cũng có thái độ văn minh, tôn trọng đối thủ, trọng tài, người xem... và cả huấn luyện viên, đồng đội của mình. Đó chính là nội dung cơ bản của luật "chơi đẹp" (Fair play) trong thể thao của bất cứ quốc gia nào. Trong thể thao không thể đơn giản "thắng bại luận anh hùng" ; chẳng phải cứ thắng là đúng, tốt hết ; còn thua là sai, hỏng hết. Nhận định thắng thua cho biện chứng và sát hợp với từng tình huống, yêu cầu cụ thể sẽ có tác dụng giáo dục đạo đức, ý chí cho VĐV.

Thực tế cho thấy, không thể chỉ nâng cao đạo đức cho VĐV bằng cách quy trách họ trong TĐTT, mà thực ra còn phải tìm nguyên nhân, xác định trách nhiệm, biện pháp nhiều mặt, trong một hệ thống tác động rộng hơn. Có một thời chúng ta đã rất chú trọng đến vấn đề này, tuy có nơi, có lúc còn thô bạo, quy chụp đơn giản. Nhưng rồi sau đó lại có phần lơi lỏng, né tránh không xử lý triệt để những mặt tiêu cực xảy ra. Trong động viên thường nặng về khuyến khích vật chất mà có phần nhẹ về phát huy yếu tố tinh thần. Gần đây, dư luận đòi hỏi phải có sự quan tâm, chỉ đạo đồng bộ, có hệ thống, bài bản và thường xuyên trên vấn đề này.

III - Nhân tài trong TDTT

Hiển nhiên, nhân tài là vốn quý, là lực lượng cốt cán của TDTT nước ta. Họ không chỉ là VĐV, HLV, mà còn là cán bộ quản lý, nhà khoa học, giáo viên thể chất, cán bộ hướng dẫn phong trào TDTT quần chúng... Do yêu cầu và đặc điểm, nên chúng ta dễ thấy rõ hơn vai trò và sự cần thiết của VĐV trong thi đấu đỉnh cao. Nhưng xét cho cùng, trình độ tài năng của VĐV là tổng hợp của năng khiếu, sự cố gắng của bản thân họ với bao nhiêu tài sức đóng góp của nhiều khâu, nhiều người khác.

Điều kiện, trình độ phát triển chung của đất nước cũng như TDTT ngày càng cao cho nên quan niệm, yêu cầu, sự đánh giá về người tài trong TDTT cũng ngày càng nghiêm ngặt hơn. Trong lĩnh vực thể thao đỉnh cao, chúng ta đã chú trọng đến các yếu tố năng khiếu bẩm sinh về hình thái, sinh lý... cùng với tâm lý, ý chí, đạo đức, hiểu biết... Bài học của Sở TDTT Hà Nội trong tuyển chọn chặt chẽ và tập trung đào tạo với chất lượng cao để có thành tích trong một số nội dung thi đấu điền kinh ở SEA Games 18 vừa qua đáng được ghi nhận. Đáng tiếc, yếu tố năng khiếu, khả năng trong đào tạo cán bộ quản lý, khoa học chưa được coi trọng như với VĐV.

Sự đua tranh trong thể thao càng sít sao thì càng đòi hỏi cao về các khâu tuyển chọn, đào tạo có hệ thống, khoa học và tạo đầy đủ điều kiện (cả về chế độ, chính sách tương ứng). Do đặc điểm đua tranh mạnh mẽ, khẩn trương nên càng phải khuyến khích sự phấn đấu gian khổ và sáng tạo của những người tài trên lĩnh vực của mình.

Muốn phát huy được tiềm năng của những người tài trong TDTT, còn phải khắc phục tình trạng "thập nhị sứ quân", phân vùng cát cứ, sở hữu người tài TDTT theo kiểu phong kiến, sản xuất nhỏ. Đáng mừng, với tinh thần đặt lợi ích phong trào cả nước lên trên hết, chúng ta đang từng bước tháo gỡ, xây dựng cơ chế để các bên đều có lợi tương ứng, tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện bồi dưỡng và sử dụng (thậm chí lưu chuyển) tốt các người tài về TDTT.

Digitized by Google

IV - Quan niệm về chi phí, đầu tư cho TDTT và sự đóng góp của TDTT với xã hội

Đời sống của dân ta tuy còn thấp so với nhiều nước nhưng đã được nâng lên, rõ nhất ở các thành thị, vùng kinh tế phát triển. Trong cấu trúc đời sống của nhiều người dân thuộc các vùng trên, người ta đã bắt đầu có khái niệm, nhu cầu và chi phí nhất định cho hoạt động này về thời gian, sức lực và tiền bạc. TDTT đối với họ là một biện pháp cần thiết để góp phần xây dựng lối sống lành mạnh, khoa học, văn minh cho từng người, gia đình, tập thể lao động. Từ chỗ trước đây không ít người quan niệm có hay không có TDTT cũng được thì bây giờ đã dần tiến lên với vị thế rõ : "không có không được" và phải có ở mức thích đáng. Hoạt động TDTT không phải chỉ là chuyện "ăn chơi, không thiết thực" mà nên có sự quan tâm, bù đắp, đầu tư thích đáng từ cả phía nhà nước và xã hội. Bản thân ngành TDTT cũng có thể hạch toán, tự trang trải ở mức cho phép.

Trong những năm đổi mới gần đây, nguồn đầu tư cho TDTT từ chỗ nhất nguyên hóa (chỉ có một nguồn bao cấp hầu như một kênh của nhà nước) đã chuyển dần sang có nhiều nguồn đa dạng, phong phú từ xã hội, phối hợp chức năng giữa các ngành ; tuy nguồn từ nhà nước vẫn là chủ yếu.

Trong điều kiện cơ chế thị trường, các chi phí đầu tư về vật chất và tinh thần cho TDTT đều có thể cần và được bù trả nhất định. Hơn nữa, đã xuất hiện quy luật cung cầu trong hoạt động TDTT. Vì vậy, chúng ta cần tranh thủ đưa dần hoạt động này phù hợp với cơ chế mới. Hiện nay cũng đã dần hình thành một loại hình sản nghiệp về TDTT. Những hiểu biết, kỹ thuật và dịch vụ TDTT cũng được lưu chuyển trên thị trường nước ta, mở ra một lĩnh vực tiêu thụ mới, đáp ứng những thay đổi trong đời sống của nhân dân, từ đó góp phần thúc đẩy phát triển các ngành : công nghiệp thực phẩm, công nghiệp dệt, giao thông, tham quan du lịch, thương mại... và sản xuất các dụng cụ TDTT.

Dù muốn hay không, sự phát triển TDTT cũng phải dựa và gắn với sự phát triển của nền kinh tế hiện nay ở nước ta. Một thời gian dài, kỹ thuật và dịch vụ TDTT thường bị đặt ngoài nền sản xuất hàng hóa. Giờ đây tình hình đang thay đổi dần dần. Chúng ta đang tìm hiểu và thử nghiệm vận dụng sáng tạo các quy luật giá trị và cung cầu cùng đòn bẩy kinh tế để đẩy mạnh quá trình phát triển TDTT.

Xuất hiện ngày càng nhiều việc làm, hình thức hoạt động mới : thu vé vào tập luyện, xem thi đấu, tham quan... dưới nhiều dạng ; có chính sách, chế độ và cả phần thưởng cho các VĐV tham gia thi đấu (chú ý tới cả lúc lập thành tích xuất sắc) ; tiến hành trưng bầy, quảng cáo nhiều sản phẩm, dịch vụ, kỹ thuật, tư vấn, thông tin... thông qua TDTT và của TDTT ; nhất là qua các phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, báo chí... về các cuộc thi đấu hấp dẫn và quan trọng.

Nhiều xí nghiệp, công ty, tổ chức kinh tế lớn trong và ngoài nước đã bảo trợ hoặc tài trợ cho các VĐV, đội thể thao, giải thi đấu... Điều đó không chỉ do sự yêu thích, hảo tâm với TDTT mà còn nhằm quảng cáo, cạnh tranh trong sản xuất, kinh doanh có lợi cho họ. Kết hợp được đúng đắn các lợi ích này trong khi vẫn bảo đảm được chức năng chính trị - giáo dục hàng đầu của TDTT (mà không sa vào thương mại hóa) là yêu cầu then chốt hiện nay.

Thiết nghĩ, cũng cần có quan niệm đứng đắn giữa nghĩa vụ và lợi ích ; không thể chỉ trọng "nghĩa" mà khinh "lợi" hay ngược lại hoặc đối lập cực đoan giữa chúng với nhau. Ngẫm cho kỹ, thực ra cái "lợi" hợp lý cũng là phù hợp với cái "nghĩa" ; cũng có phần nào giống như mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân chính đáng và lợi ích chung vậy. Một xu thế tất yếu và dễ hiểu, việc quản lý các công trình thi đấu và tập luyện TDTT tất phải chuyển từ hình thức đơn thuần về hành chính, bao cấp sang kinh doanh có hạch toán, cố nhiên không phải chỉ vì lợi nhuận đơn thuần.

V - Khoa học hóa TDTT

Từ kinh nghiệm của mình, chúng ta thấy sự phát triển của TDTT nước nhà cũng phải kết hợp nhuần nhuyễn ba yếu tố : cách mạng hóa (chính trị, tư tưởng), khoa học hóa và xã hội hóa. Có thế TDTT mới phát triển đúng hướng, ổn định và đem lại hiệu quả chắc chắn.

Sự phát triển khoa học TDTT ở nước ta (xét cả về tạo tiềm lực cơ bản, mũi nhọn và phục vụ thực tế) quả là còn chậm và yếu. Ít nhất cũng ở hai khía cạnh :

Digitized by Google

- Trong toàn hệ thống, còn đánh giá thấp, coi nhẹ khoa học - kỹ thuật TDTT (xét trong toàn hệ thống điều khiển, đầu tư về nhân lực, tài lực và vật lực). Công bằng mà nói, có lúc, chúng ta đã gửi gắm quá nhiều vào khoa học, nhưng lại không kèm theo điều kiện tương ứng (thực chất cũng là sự đơn giản hóa) nên về sau không đạt được mong muốn sinh ra bi quan, coi nhẹ. Có không ít người lãnh đạo, huấn luyện viên ủng hộ về hình thức, nhưng thực chất vẫn còn "kính nhi viễn chi", chờ xem, thậm chí cho rằng khoa học chỉ làm phiền toái, cản trở, hoặc phá vỡ các nền nếp, đường mòn vốn có của mình. Bên cạnh đó cán bộ khoa học có phần chưa sát, chưa hiểu đúng thể thao (nhất là thể thao đỉnh cao) và thực chất cũng chưa đủ sức giải quyết những vấn đề của nó.

Ngày nay, trình độ thể thao càng cao (thậm chí có kỷ lục khó tưởng tượng nổi), kỹ thuật càng chuyên sâu, nên lập thành tích, phá kỷ lục càng khó. Nhiều nước đều biết tuyển chọn những VĐV có năng khiếu và kích thích họ khổ luyện bằng các biện pháp mạnh mẽ về vật chất và tinh thần. Trong xu thế đó, tương lai của TDTT phụ thuộc ngày càng nhiều vào yếu tố khoa học - kỹ thuật, đặc biệt trong đào tạo VĐV cấp cao và điều khiển phong trào TDTT nói chung.

So với thực tế của nội dung và yêu cầu phục vụ, khoa học - kỹ thuật của ta còn không ít biểu hiện hình thức, chưa bám sát và phục vụ có hiệu quả cho phong trào. Cái cốt lõi có giá trị đích thực và trường tồn nhất của khoa học (dù nó được trình bày dưới hình thức nào) chính là chất xám sáng tạo giúp đỡ trực tiếp cho việc tháo gỡ những khó khăn trong hoạt động thực tiễn.

Hiện nay, công tác đào tạo cán bộ và TTTĐ đỉnh cao là hai mảnh đất đang cần đầu tư chất xám nhất. Và xét cho cùng những tiêu chí chủ yếu để đánh giá trình độ khoa học hóa của nền TDTT nước ta là : trình độ văn hóa - khoa học của đội ngũ cán bộ TDTT ; mức ứng dụng KHKT rộng rãi và thành quả của nó trong nhiều lĩnh vực của TDTT, mà trong đó khâu quản lý đóng vai trò dẫn dắt và nòng cốt.

VI - Quan niệm về xã hội hóa TDTT

Cuộc hội thảo đầu năm 1996 về vấn đề này do Ủy ban Ô-lim-pích Việt Nam tổ chức cho thấy : Đó là một trong những khâu đột phá quan trọng, đang có nhiều biến động mới trong phong trào TDTT nước ta hiện nay ; từ chỗ quá tập trung, hầu như chỉ dựa vào sự bao cấp và hoạt động của hệ thống chuyên quản của nhà nước (Tổng cục TDTT) sang kết hợp khai thác, sử dụng ngày càng nhiều tiềm năng của xã hội vào hoạt động này (như tham gia luyện tập thi đấu, tổ chức hoạt động...). Nói cách khác, đó là phát huy tiềm năng của toàn xã hội trong tổ chức hoạt động ; sáng tạo, phân phối và hưởng thụ những giá trị về TDTT, một thành quả chung của toàn dân. Qua đó mà nâng cao nhận thức về TDTT của cộng đồng, mở rộng số lượng người tập, nội dung và hình thức hoạt động đa dạng ; đưa TDTT rộng sâu vào trong mọi tầng lớp, lĩnh vực của đời sống xã hội, phục vụ tốt cho sự phát triển của đất nước.

Hiện nay, chúng ta vẫn vừa làm vừa thăm dò thử nhằm tìm ra cách xã hội hóa TDTT thích hợp ở nước mình. Do ảnh hưởng của cơ chế điều hành bao cấp, hành chính trong một thời gian dài nên không dễ chuyển hẳn sang tư duy mới. Vẫn còn bộ phận, tầng cấp sợ như thế sẽ dẫn đến cạnh tranh, làm ảnh hưởng đến quyền lực độc tôn của mình nên không dám và muốn phân quyền, hoặc có xu hướng cực đoan ngược lại, biến thành tự do tùy tiện. Bởi vậy, cần có nghiên cứu toàn diện về quá trình xã hội hóa TDTT ở nước ta (trên cơ sở tổng kết khoa học các kinh nghiệm của Việt Nam cũng như học tập có chọn lọc những kinh nghiệm thích hợp của nước ngoài) về lý luận, chính sách, quan niệm, biện pháp, bước đi sao cho TDTT trở thành sự nghiệp thực sự của toàn dân.

Trong đà phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, TDTT cũng đang dần trở thành một lĩnh vực hoạt động văn hóa - xã hội tương đối đặc thù và độc lập. Nó phản ánh một xu thế và thực trạng TDTT : cấu trúc và chức năng ngày càng phức tạp và đa dạng ; mối liên hệ giữa các bộ phận bên trong TDTT với nhau, hoặc giữa TDTT với các mặt văn hóa - xã hội khác càng chặt chẽ và biến hóa. Mặt khác, xã hội hóa cũng là một thuộc tính cơ bản của TDTT hiện đại. Ngay nước ta hiện nay cũng xuất hiện ngày càng nhiều những cá nhân VĐV, đội thể thao, tổ chức hình thức hoạt động có liên quan, được tài trợ, bảo trợ vô tư của các tổ chức kinh tế trong

Digitized by Google

ngoài nước. Đồng thời, TDTT cũng đi dần vào từng tế bào xã hội - gia đình, góp phần tạo nên những biến đổi lành mạnh về lối sống, phong tục, tập quán trong toàn xã hội.

VII - Vai trò đối ngoại của TDTT (trước hết ở khu vực Đông-Nam Á)

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành TDTT là hoạt động nhằm tăng cường tình cảm hữu nghị, hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc. Nó có trách nhiệm vươn ra thế giới để trao đổi, hợp tác, phát triển, tiến tới những đỉnh cao thể thao, trước hết là ở khu vực. Có một đường lối, chính sách đối nội kết hợp với đối ngoại về TDTT đúng sẽ giúp ta có sức phát triển mạnh hơn.

Ngày nay, nhiều môn thể thao đã được chuẩn hóa, quốc tế hóa về phương thức hoạt động và cả ngoại ngữ giao lưu. Điều kiện kinh tế và thể thao, phương tiện giao thông và thông tin tiện lợi làm cho thời gian và không gian "thu" lại, mật độ và tần số tiếp xúc quốc tế về thể thao tăng rất nhanh. Một số môn thể thao dân tộc của một số nước (Usu, Kabadi, đua ghe, đá cầu...) cũng dần được phổ biến ra quốc tế với các mức độ khác nhau.

Bản thân nền TDTT của chúng ta cũng kết hợp đồng thời hai xu thế quốc tế hóa và dân tộc hóa, mở rộng ra toàn xã hội trong nước kết hợp với mở cửa ra thế giới. Trong điều kiện đó, muốn hợp tác, phát triển, củng cố được uy tín quốc gia, chúng ta phải đào tạo được những VĐV có hạng, trước tiên ở tầm khu vực ; tích cực tham gia và tổ chức các cuộc thi đấu quốc tế, cải tiến và phổ biến dần các môn thể thao dân tộc của mình...

Tất nhiên, việc mở cửa cũng phải có chủ đích, tính toán kế hoạch và rất cụ thể (từ lịch, điều kiện, chuẩn bị tham gia thi đấu... cho đến những phối hợp hoạt động, tiếp thu những thành tựu khoa học - kỹ thuật TDTT mới, kể cả những phương tiện vật chất cần thiết). Vấn đề mời chuyên gia thể thao (chủ yếu là huấn luyện viên) nước ngoài là rất cần, nhưng còn nhiều điều đáng bàn về các cách chọn mời, chất lượng phối hợp và sử dụng để đạt hiệu quả tối ưu ; sao cho dần biến thành của ta, ta làm lấy là chính.

Ngày nay, tính chất cạnh tranh quốc tế của TDTT ngày càng rõ và mạnh. Không thể chỉ dựa vào một vài ngành, địa phương (cho dù là dẫn đầu như các thành phố Hồ Chí Minh, Hà nội...) mà có thể đương đầu trước những thách thức đó. Phải với tinh thần cả nước như một bàn cờ, đồng tâm hiệp lực tạo nên một sức mạnh tổng hợp tối ưu mới mong đạt được thành tựu đối ngoại về TDTT. Hơn nữa, chúng ta lại đang ở bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ, trình độ phát triển của đất nước nói chung cũng như mức độ thực hiện các chức năng của TDTT vẫn còn nhiều hạn chế. Bởi vậy, sự xác định mục tiêu, các mũi đột kích và bước đi trong chiến lược phát triển TDTT cần được cân nhắc thật kỹ, không bảo thủ, cũng không duy ý chí, nóng vội. Rõ ràng, cần có sự kết hợp khéo léo (chứ không phải tách rời, hoặc lệch chiều) giữa chiến lược về TDTT cho toàn dân với chiến lược thể thao đỉnh cao trước mắt là ở các SEA Games (tạm chưa nói đến trình độ châu Á và thế giới) ; chiến lược khoa học - kỹ thuật TDTT với chiến lược đào tạo nhân tài TDTT ; chiến lược phối hợp giữa TDTT với các mặt kinh tế, xã hội, khoa học, giáo dục, văn hóa... khác. TDTT đã và đang trở thành một bộ phận và nội dung quan trọng, hữu cơ trong quy hoạch phát triển tổng thể của đất nước.

Sự nghiệp TDTT không phải là đóng cửa, rập khuôn và tất cả phải chạy theo vết của người khác. Trên cơ sở tôn trọng quy luật khách quan và thực tế, chúng ta sẽ dần sáng tạo lấy đường đi thích hợp cho mình. Thời đại bây giờ, chỉ ai có những cái đặc sắc của mình mới mong chiến thắng đối phương, có chỗ đứng đáng kể trong cộng đồng quốc tế. Mở cửa trong TDTT của ta cũng để đón gió lành nhưng không thể tuyệt đối chẳng có gió độc lẫn vào. Chỉ có điều, nếu bản lĩnh ta cao thì thu hút được gió lành nhiều nhất, hạn chế gió độc đến mức ít nhất ; cái được nhiều hơn cái mất.

Thật ra cũng có những tranh luận nhất định về sự tiến vượt của TDTT so với kinh tế. Nói rõ hơn, trong điều kiện kinh tế còn lạc hậu, ta có thể giành được thứ hạng cao về thể thao trong khu vực được không ? Nhìn chung, cũng dễ thấy quy mô và tốc độ, phát triển TDTT một nước nói cho cùng phụ thuộc vào điều kiện (trình độ) kinh tế. Thế nhưng TDTT không ỷ lại, thụ động dựa vào kinh tế. Trên một cơ sở vật chất nhất định nếu quyết tâm cao và biết làm tập trung thì có thể làm cho TDTT tiến nhanh hơn. ❑

Digitized by Google

KINH NGHIỆM VỀ ĐÔ THỊ HÓA Ở CÁC NƯỚC VÀ SỰ VẬN DỤNG VÀO NƯỚC TA

TRẦN NGỌC HIÊN *

Các đô thị đã ra đời và phát triển theo chiều dài của lịch sử hàng nghìn năm. Trong quá trình lịch sử ấy, có hai bước ngoặt quan trọng đối với các đô thị. Đó là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ I vào thế kỷ XVIII và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ III vào cuối thế kỷ XX kéo dài cho đến đầu thế kỷ XXI. Ở bước ngoặt thứ nhất, các đô thị là những trung tâm hình thành nền văn minh công nghiệp vừa qua. Ở bước ngoặt thứ hai hiện nay, các đô thị là điểm xuất phát của nền văn minh hậu công nghiệp sắp tới.

Trong hai bước ngoặt phát triển ấy, đô thị đã thay đổi căn bản với ý nghĩa cách mạng, cả về lý thuyết phát triển đô thị và chức năng của nó. Do đó đô thị thay đổi cả sự phân bố về mặt địa lý, cả về cơ sở hạ tầng, giáo dục, văn hóa, y tế, môi trường.

Hiện nay, Việt Nam vẫn là nước đang phát triển ở trình độ thấp (trong chừng mực nào đó có thể nói là chưa trải qua cách mạng công nghiệp lần thứ I), nhưng đã đón nhận những tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ III (hậu công nghiệp).

Bối cảnh ấy đặt các đô thị Việt Nam trước những cơ hội lớn và thách thức lớn trong mối quan hệ ngày càng chặt chẽ giữa Việt Nam và thế giới. Vì vậy, Việt Nam có nhu cầu tìm hiểu những vấn đề lý luận và kinh nghiệm phát triển đô thị trên thế giới nhằm làm sáng tỏ vấn đề "xu hướng phát triển sắp tới của các đô thị hiện có như thế nào ?".

Mặt khác, phải khảo sát các đô thị Việt Nam vốn có bề dày lịch sử (Hà Nội gần 1000 năm, TP Hồ Chí Minh 300 năm), nhưng còn lạc hậu ở mức tiền công nghiệp. Khảo sát này nhằm làm rõ đặc điểm, quá trình, bước đi của các đô thị Việt Nam trong điều kiện mở cửa và tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ III.

I - Những vấn đề lý thuyết về đô thị hóa

Trong khuôn khổ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ I, sự phát triển đô thị lấy *tăng trưởng làm trọng tâm*. Ở những đô thị lớn, sự phát triển dựa theo những lý thuyết sau đây :

Thứ nhất : Lý thuyết về các cực tăng trưởng. Người đặt nền móng cho lý thuyết này là Phrăng-xoa Pê-ru với quan điểm "thuyết kinh tế chủ đạo". Lý thuyết này cho rằng, tăng trưởng kinh tế của một quốc gia *không thể* diễn ra đồng đều ở mọi nơi mà chỉ ở một số vùng nhất định, trong đó đô thị trở thành nơi tập trung các ngành công nghiệp có sức bành trướng mạnh, có tác động quyết định thúc đẩy toàn vùng, đó là nơi có khả năng tăng trưởng lớn nhất.

Những đô thị ấy là các cực tăng trưởng. Gọi là cực tăng trưởng, vì chính nơi đây đã hội tụ về mặt không gian các ngành công nghiệp then chốt, các ngành có vai trò "động lực", có tốc độ tăng trưởng cao. Hơn nữa nó có sức liên kết với các ngành hình thành *một cơ cấu kinh tế*, có sức truyền dẫn hiệu ứng phát sinh từ trung tâm tới tất cả các đơn vị kinh tế trong vùng hay khu vực.

Thứ hai : Lý thuyết phát triển đô thị dựa vào xuất khẩu. Trong lịch sử kinh tế thị trường, các

* GS, PTS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

quốc gia phát triển nhanh thường dựa vào kinh tế xuất khẩu trong đó, kinh tế xuất khẩu phát triển mạnh nhất, tốt nhất ở các đô thị lớn, vì ở đó có các điều kiện về khoa học, công nghệ, lao động có tay nghề, có một nền giáo dục tiến bộ, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ tốt v.v... Vì vậy, người ta còn gọi các ngành kinh tế xuất khẩu, các công ty xuất khẩu là một *nhân tố kiến tạo đô thị.*

Lý thuyết phát triển đô thị dựa vào kinh tế xuất khẩu cho rằng : mức độ tăng trưởng kinh tế xuất khẩu là một chỉ số phát triển đô thị. Nguồn thu để phát triển đô thị phụ thuộc vào hiệu quả kinh tế của hoạt động xuất khẩu và dịch vụ.

Hai lý thuyết chủ yếu trên đây về phát triển đô thị đã phát huy tác dụng to lớn trong suốt chiều dài phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế thị trường từ thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XX.

Trong thời kỳ phát triển đô thị *lấy tăng trưởng kinh tế làm trọng tâm*, các *tổ hợp công nghiệp* đóng vai trò động lực của sự phát triển đô thị. Các tổ hợp công nghiệp này ngày càng coi trọng thị trường bên ngoài. Vì thế mọi chính sách phát triển và cơ chế quản lý đô thị đều phải phục tùng yêu cầu tăng trưởng kinh tế mà các tổ hợp công nghiệp là đại diện. Sự phát triển phiến diện như vậy, một mặt đạt các chỉ số về kinh tế rất cao (GNP, GDP/đầu người...). Nhưng mặt khác các chỉ số về xã hội lại kém đi, tình trạng tội phạm gia tăng, giao thông đô thị bế tắc, môi trường đô thị và vùng lân cận bị ô nhiễm nặng. Người ta gọi đó là "khủng hoảng xã hội thành thị".

Tình hình đó chỉ rõ rằng : tiềm năng tăng trưởng kiểu ấy đã tới hạn. Sự thay đổi phương hướng phát triển đô thị ngày càng trở thành vấn đề cấp bách. Sự thay đổi ấy được bắt đầu từ quan điểm lý thuyết mới.

Lý thuyết mới về phát triển đô thị gắn liền với sự phát sinh và phát triển cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ III. Cuộc cách mạng công nghiệp này càng tiến tới thì càng mâu thuẫn với hiện trạng các đô thị. Cách giải quyết mâu thuẫn này nằm trong lý thuyết mới về phát triển đô thị.

Thứ ba : Lý thuyết phát triển đô thị theo hướng kết hợp chính sách tăng trưởng kinh tế với chính sách phúc lợi xã hội.

Lý thuyết này nhằm giữ vững tăng trưởng kinh tế đồng thời thích nghi, hòa hoãn những mâu thuẫn nảy sinh về xã hội và môi trường.

Sự phát triển khá ngoạn mục của các nước công nghiệp (kể cả các nước công nghiệp mới) từ thập kỷ 60 đến thập kỷ 80, trong đó các đô thị đóng vai trò chủ yếu, cho thấy tác dụng của lý thuyết này. Những tiến bộ về xã hội cho đến đầu thập kỷ 90 mà Liên hợp quốc nêu ra, đều nằm trong thời kỳ các nước công nghiệp áp dụng lý thuyết này. Đó là : tỷ lệ xóa nạn mù chữ cho người lớn đạt 69% ; tỷ lệ dân cư được dùng nước sạch là 70% ; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm xuống 35% ; tuổi thọ trung bình của dân cư nâng lên 65,6 tuổi.

Các nước vận dụng lý thuyết kết hợp chính sách tăng trưởng kinh tế với chính sách phúc lợi đều được hưởng một thời kỳ phát triển và tương đối ổn định. Giới nghiên cứu đã đề xuất những phạm trù mới như "nền kinh tế thị trường xã hội" ở Đức và Bắc Âu ; "cơ chế thị trường hỗn hợp" ở Nhật Bản, ở các nước công nghiệp mới.

Tuy chính sách phúc lợi có làm dịu bớt một số vấn đề xã hội nhưng trong chế độ tư bản chủ nghĩa, mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế với vấn đề xã hội và môi trường cứ tiếp tục phát triển ở mức độ cao hơn, khủng hoảng sâu sắc hơn.

Thứ tư : Lý thuyết phát triển lấy con người làm trung tâm.

Thực chất mâu thuẫn giữa yêu cầu tăng trưởng kinh tế với yêu cầu về xã hội và môi trường là "mối quan hệ giữa tăng trưởng và con người".

Trong các giai đoạn trước, khi coi tăng trưởng là chủ yếu của sự phát triển quốc gia, thì con người chỉ là phương tiện của tăng trưởng. Đó là một thời kỳ lịch sử mà nhân loại phải trải qua. Ngày nay, ở độ cao của tăng trưởng kinh tế, người ta nhận ra rằng lối thoát ra khỏi cuộc "khủng hoảng xã hội đô thị" chỉ có thể là thay đổi quan niệm phát triển, tức là lấy con người

Digitized by Google

làm trung tâm, với tính cách là *động lực* và *mục tiêu* của sự phát triển bền vững.

Nhận thức đó đang trở thành một xu thế mạnh mẽ, đòi hỏi sự tăng trưởng kinh tế phải hướng vào *cuộc sống của số đông*, tiến tới hướng vào hạnh phúc của mọi người.

Tuy vậy, trong thực tế cuộc sống việc lấy con người làm trung tâm trong sự phát triển phải dựa trên một *thế giới quan khoa học*, nghĩa là :

a) Không được dừng lại ở nhận thức "lấy con người làm trung tâm" chỉ như một tư tưởng nhân văn vốn nảy sinh từ tình trạng nghèo đói và đau khổ của số đông nhưng bất lực trong việc giải quyết tình trạng đó.

b) Phân biệt rành mạch giữa quan điểm "đặt con người ở vị trí động lực và mục tiêu" với quan điểm bao cấp, trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu.

c) Nhân tố con người chỉ trở thành động lực và mục tiêu khi *gắn liền từng bước* với sự phát triển kinh tế, văn hóa và chính trị. Chỉ khi hội đủ các điều kiện kinh tế, văn hóa, chính trị thì con người mới bộc lộ được sức mạnh chân chính của nó.

Ngày nay, thế giới quan khoa học về con người đang dần dần chiếm ưu thế, tạo ra xu hướng *phát triển đồng thời* các mặt của đời sống con người, hình thành "con người kinh tế" cùng với "con người văn hóa" và "con người chính trị". Chiến lược phát triển đồng thời như vậy đang là thách thức hàng đầu đối với tất cả các thể chế kinh tế và chính trị hiện có trên thế giới. Và ở đây, một lần nữa, chúng ta thấy rõ những kinh nghiệm và những mặt hạn chế khó vượt qua được của chế độ tư bản chủ nghĩa.

II. Những kinh nghiệm xây dựng đô thị theo yêu cầu phát triển bền vững

1 - Đổi mới chỉ tiêu đánh giá đô thị :

Trước đây, đánh giá đô thị thường dựa vào các chỉ tiêu : quy mô dân số, quy mô kinh tế, quy mô xây dựng. Ngày nay đánh giá đô thị theo chỉ tiêu *chất lượng cuộc sống.*

Theo quan niệm mới sự phát triển bền vững của đô thị thể hiện ở sự đáp ứng các yêu cầu của con người về làm việc, sống và nghỉ ngơi.

Chất lượng cuộc sống là một chỉ tiêu tổng hợp liên quan nhiều mặt của con người (theo tổ chức CRG ở Luân Đôn thì gồm có 42 yếu tố).

Chỉ tiêu mức sống cao là tốt nhưng không đầy đủ như chỉ tiêu chất lượng cuộc sống.

Chỉ tiêu đánh giá đô thị kiểu mới cùng đi liền với các chỉ tiêu đánh giá một quốc gia văn minh từ nay trở đi là chỉ tiêu về HDI do Liên hợp quốc đề ra.

2 - Kinh nghiệm về phân bố phát triển đô thị.

Chỉ tiêu mới đánh giá đô thị là cơ sở để phân bố quy hoạch đô thị. Việc phân bố phát triển đô thị ngày nay càng gắn chặt với phân vùng, nhằm giải quyết dần mối quan hệ hài hòa giữa thành thị với nông thôn.

Chính vì thế, theo kinh nghiệm của CHLB Đức, tham gia vào quy hoạch đô thị không chỉ có chính quyền, mà còn có người tiêu dùng, người dịch vụ, nhà doanh nghiệp và đại diện các tổ chức xã hội, tôn giáo.

3 - Nhận thức về chức năng đô thị.

Đô thị có các chức năng về kinh tế, về xã hội, về văn hóa, về quản lý. Nếu trước đây, tất cả các chức năng đô thị chỉ phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế, trong đó chủ yếu cho các doanh nghiệp, thì ngày nay, chức năng đô thị là vì sự phát triển bền vững, tức là phải phát triển đồng thời về kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường và chính trị. Trong các chức năng đô thị, thì chức năng quản lý là bao trùm, làm điều kiện cho sự thực hiện các chức năng khác.

Trong chức năng quản lý này, CHLB Đức có nhiều kinh nghiệm hay cần tham khảo, như :

a) Quản lý đô thị bắt đầu từ pháp luật. Đó là điều kiện khung của xây dựng đô thị. Bộ luật xây dựng của Đức ra đời từ năm 1960, được bổ sung, sửa đổi nhiều lần vào những năm 1976, 1979, 1986 cho đến Luật xây dựng thống nhất vào năm 1990. Ngoài luật xây dựng chung, còn có Luật xây dựng đô thị đặc biệt.

b) Thành lập Hiệp hội đô thị. Đây là tổ chức

Digitized by Google

đại diện lợi ích cho các đô thị trong quan hệ với chính phủ và các bộ. Nó có vai trò phản biện đóng góp xây dựng về luật cũng như chính sách. Nó tuyên truyền giải thích pháp luật đô thị trong dân cư. Nó còn làm nhiệm vụ trao đổi thông tin, kinh nghiệm giải quyết các vấn đề đô thị đặt ra.

c) Thành lập Công ty phân vùng (IBA). Đây là tổ chức hướng dẫn, thực hiện các dự án đô thị, về mấy mặt :

- Bảo vệ và tạo thêm giá trị của môi trường (IBA của Đức đề ra 10 tiêu chuẩn môi trường).

- Cải tạo, sử dụng các cơ sở cũ, khu công nghiệp cũ.

- Chuyển khu công nghiệp cũ thành khu công nghiệp mới.

- Cải tạo các vùng có điều kiện sản xuất và môi trường phức tạp.

d) Quản lý đô thị theo hướng kết hợp các chức năng đô thị với nhau, nhằm tạo ra chất lượng cuộc sống con người bao gồm làm việc, sống, nghỉ ngơi.

Chắc chắn là các nước còn nhiều kinh nghiệm hay trong quá trình chuyển đổi từ trạng thái đô thị thế kỷ này sang yêu cầu đô thị thế kỷ sau mà nước ta cần tham khảo.

III - Một số gợi ý vận dụng vào điều kiện Việt Nam

Hiện nay, Việt Nam bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong thời kỳ hậu công nghiệp của thế giới nên quá trình đô thị hóa sẽ diễn ra với quy mô lớn, tốc độ nhanh. Chất lượng đô thị hóa như thế nào trong giai đoạn này sẽ ảnh hưởng quyết định tốc độ và chất lượng phát triển đất nước hiện nay và mai sau. Điều cần nhận rõ là quá trình đô thị hóa ở nước ta gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cho nên không thể và không nên sao chép máy móc kinh nghiệm nước ngoài.

Để bảo đảm việc phát triển đô thị ở Việt Nam phù hợp với những yêu cầu mới và mang bản sắc dân tộc, ngay từ bây giờ phải thật sự quan tâm đến mấy vấn đề sau đây :

1 - Đổi mới nhận thức về vị trí vai trò của đô thị trong sự phát triển vùng và cả nước. Xây dựng đô thị phát triển bền vững, trong đó có hai nội dung quan trọng :

- Chuyển từ nhận thức đô thị của người tiểu nông sang nhận thức đô thị của nhà doanh nghiệp, nhà văn hóa trong kinh tế thị trường văn minh.

- Nhận thức rõ những tiêu chuẩn của đô thị phát triển bền vững và vận dụng sáng tạo vào mỗi giai đoạn phát triển của mình.

2 - Nên sớm chuẩn bị Bộ luật xây dựng đô thị, như điều kiện khung thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống đô thị. Trong bộ luật này cần quan tâm :

- Những quy định cải tạo đô thị cũ (hiện có hơn 500 đơn vị) thành đô thị theo tiêu chuẩn mới (gồm cả kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, lối sống...).

- Những quy định xây dựng đô thị hoàn toàn mới, gắn với các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Bộ luật xây dựng đô thị phải có liên hệ mật thiết với Luật đầu tư nước ngoài.

3 - Dân chủ hóa, khoa học hóa quá trình xây dựng quy hoạch đô thị, không dừng lại ở các cấp chính quyền và các công ty xây dựng, cần củng cố và đề cao vai trò của Hiệp hội đô thị mới ra đời, làm cho nó hoạt động có hiệu quả dựa trên những người hiểu biết.

4 - Đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý đô thị. Trước hết cần huấn luyện cán bộ theo phương hướng xây dựng đô thị phát triển bền vững.

Đổi mới tổ chức theo hướng vừa hình thành các chức năng đô thị, vừa kết hợp các chức năng ấy trong hoạt động quản lý. Chỉ có như vậy mới xóa dần cơ chế hành chính quan liêu. Việc cải tiến theo kiểu "một cửa một dấu" không thay thế được đổi mới tổ chức quản lý và cơ chế hoạt động.

Tất cả các vấn đề trên đều nằm trong chiến lược phát triển nước ta đến đầu thế kỷ XXI. Hơn nữa, sau 10 năm chuyển sang cơ chế thị trường, vấn đề đô thị đã trở thành cấp bách trong sự phát triển toàn diện của đất nước. ❑

Digitized by Google

THU HÚT VÀ SỬ DỤNG TRÍ THỨC TRẺ Ở NÔNG THÔN VÀ MIỀN NÚI

HÀ QUANG NGỌC*

NÔNG thôn (bao gồm cả miền núi) giữ một vị trí hết sức quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội của nước ta. Hiện nay nông thôn vẫn chiếm 90% diện tích, 80% dân số, 70% lao động của cả nước.

Xuất phát từ vị trí chiến lược của nông thôn và miền núi, trong quá trình đổi mới và phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước đã có nhiều nỗ lực huy động các nguồn lực cho sự phát triển của nông thôn và miền núi, như nguồn lực về vốn, phương tiện vật chất - kỹ thuật, đặc biệt là nguồn lực con người. Việc xây dựng đội ngũ trí thức, nhất là lớp trí thức trẻ cho nông thôn, miền núi, từ lâu đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Tuy vậy trong thực tế, việc huy động nguồn nhân lực này cho nông thôn và miền núi gặp phải rất nhiều khó khăn. Phần lớn những trí thức trẻ được đào tạo từ các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp không muốn sống và công tác trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh, trường học, bệnh viện ở nông thôn, miền núi, dù rằng họ từ đó ra đi và được đào tạo cho những ngành nghề gắn với môi trường đó. Họ muốn sống và làm việc trong các thành phố và thị xã. Chính vì vậy hiện nay ở nông thôn, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, cán bộ có trình độ đại học và cao đẳng đang thiếu trầm trọng. Nhiều nơi không có một kỹ sư, bác sĩ, hoặc giáo viên có trình độ đại học. Trong khi đó hàng chục ngàn trí thức trẻ sau khi tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng (nhất là ngành y và sư phạm) vẫn đang không có việc làm, hoặc làm không đúng nghề tại các thành phố lớn và thị xã trong cả nước. Tình hình đó tạo nên sự mất cân đối nghiêm trọng trong việc phân bổ, sử dụng và phát huy tài năng của trí thức trẻ, gây ra sự lãng phí lớn cả về vật chất lẫn trí tuệ, cũng như những khó khăn và sự lộn xộn cho xã hội.

Có thể có nhiều nguyên nhân giải thích cho tình hình này như : đời sống vật chất, tinh thần ở các vùng nông thôn, miền núi còn hết sức khó khăn, tỷ lệ trí thức trẻ xuất phát từ nông thôn, miền núi thấp, bản thân trí thức trẻ chưa xác định được vai trò trách nhiệm của mình đối với đất nước quê hương, thiếu nhiệt tình, ngại khó khăn gian khổ v.v... Nhưng có lẽ nguyên nhân sâu xa của tình hình ấy, cũng như của chính những nguyên nhân nêu trên nằm trong nội dung của hệ thống những chính sách đào tạo, đãi ngộ, thu hút và sử dụng của nhà nước đối với lực lượng trí thức trẻ ở các vùng nông thôn, miền núi. Trong tương lai tỷ lệ đội ngũ trí thức được đào tạo cho nông thôn, miền núi có thay đổi hay không, cũng như nông thôn, miền núi có được sức hấp dẫn đối với họ sau khi tốt nghiệp ra trường hay không sẽ phụ thuộc rất nhiều vào những chế độ chính sách được ban hành.

Thực ra, từ nhiều năm nay, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn miền núi, các vùng dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn. Trong một loạt các biện pháp chủ trương, chính sách, những quy định chung bao giờ, ở mức độ này, mức độ khác cũng có ưu đãi nhất định cho những học sinh vùng nông thôn có khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Điều đó thể hiện ở việc xây dựng chương trình, chế độ tuyển sinh, xây dựng các điều kiện vật chất cho nhà trường, bảo đảm đời sống vật chất, nâng cao trình độ giáo viên, đời sống vật chất của học sinh, cũng như sự ưu đãi khi tổ chức thi và xét tốt nghiệp. Ở bậc đào tạo đại học, từ việc tuyển chọn (hạ điểm đầu vào) hỗ trợ về

* PTS, Ban Tổ chức và cán bộ Chính phủ

Digitized by Google

điều kiện vật chất (miễn giảm học phí, cho vay tiền ở ngân hàng) tới việc mở ra nhiều hình thức học, nhiều loại trường đa dạng (tại chức, giáo dục từ xa, tự học có hướng dẫn, quốc học, bán công, tư thục v.v...) tạo khả năng hiện thực cho việc nâng cao trình độ và nhận bằng cấp đại học cho nhiều đối tượng khác nhau xuất thân từ nông thôn, miền núi, nhất là đối với các đối tượng là người dân tộc ít người, có nhiều khó khăn về thời gian, tài chính và cả trình độ. Nhờ vậy đã góp phần tăng cường cả về số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ trí thức cho các vùng đó. Nhà nước cũng ban hành nhiều chế độ chính sách ưu đãi nhằm huy động được nhiều hơn trí thức trẻ về sống và làm việc ở các vùng đó. Các chính sách này được thể hiện trên các lĩnh vực thu nhập, bảo hiểm và điều kiện lao động dành cho họ.

Ngày 2-11-1993 Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị 525 TTg trong đó chỉ rõ : Ban tổ chức cán bộ Chính phủ cùng Bộ lao động - thương binh - xã hội nghiên cứu gấp các chính sách toàn diện đối với cán bộ giáo viên miền núi, nhất là cán bộ, giáo viên miền xuôi lên công tác ở vùng cao, khuyến khích cán bộ, giáo viên miền xuôi lên công tác ở miền núi. Học sinh tốt nghiệp các trường đại học, trung cấp... nhận công tác ở miền núi được hưởng 100% lương trong thời gian tập sự, nghiên cứu tiếp các chế độ khuyến khích như tăng các loại phụ cấp để thu nhập gấp hai lần lương cơ bản, tăng thời gian nghỉ phép năm gấp đôi...

Trên tinh thần đó, các cơ quan làm chính sách của Nhà nước đã ban hành các quy định về các khoản phụ cấp đối với những người sống và công tác ở nông thôn và miền núi. Các chế độ nghỉ phép năm, thời gian tính thâm niên công tác trong bảo hiểm xã hội cũng được xem xét ở mức cao hơn điều kiện bình thường đối với các vùng đó.

Có thể nói mặc dù còn rất nhiều khó khăn, nhưng để thúc đẩy sự phát triển đời sống kinh tế - xã hội đối với vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao hẻo lánh, Nhà nước luôn dành sự ưu đãi cho những người đã và sẽ phục vụ tại các vùng đó bằng một loạt các chính sách cụ thể. Các chính sách ấy hợp thành một hệ thống khá hoàn chỉnh, bao quát được nhiều mặt của đời sống vật chất tinh thần cho những người tới làm việc ở các miền đó, nhằm thu hút ngày càng nhiều trí thức trẻ tới làm việc, vừa góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội vùng ở nông thôn, miền núi, vừa giảm sức ép về nạn thừa lao động đang diễn ra ở các thành phố, thị xã trong cả nước, sử dụng có hiệu quả tiềm năng của đội ngũ trí thức trẻ.

Tuy nhiên khi gắn những chính sách đó với tình hình thực tế chúng ta có thể nhận thấy rằng :

1 - Các chính sách của Chính phủ và các cơ quan nhà nước nhằm phát triển giáo dục, tăng cường đội ngũ cán bộ cho nông thôn, miền núi, mặc dù khá hoàn chỉnh nhưng chưa đủ sức hấp dẫn mạnh mẽ. Đó là chưa kể việc giải quyết chế độ cho những trí thức tình nguyện, hoặc được điều đến công tác ở các vùng này có khi còn phiền hà, rắc rối. Các chế độ ưu đãi và thu hút cán bộ trí thức đã được ban hành, nhưng mức độ ưu đãi chưa đủ để bù đắp cho những thiệt thòi về vật chất và tinh thần của người trí thức khi họ phải về sống và làm việc ở nông thôn, miền núi, các vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn. Hơn nữa còn sự chênh lệch quá xa không chỉ về thu nhập mà cả về chất lượng cuộc sống giữa người trí thức sống ở thành phố với người trí thức sống ở nông thôn miền núi, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo. Những người trí thức hiện đang sống và làm việc ở những vùng đó không có những điều kiện để tiếp tục học tập, phát triển nghề nghiệp và vị trí xã hội... Vì vậy, không chỉ những trí thức sinh ra ở thành phố, mà cả những người sinh từ nông thôn và miền núi, có cả những người đã được xắp xếp vào các cương vị lãnh đạo được cử đi học cũng không muốn quay về công tác trên chính quê hương mình.

2 - Nhà nước còn thiếu những quy định về cơ chế sử dụng đội ngũ trí thức trẻ khi họ về công tác tại nông thôn, miền núi. Hiện nay, trên thực tế chưa có một văn bản nào của Nhà nước quy định rõ nếu một trí thức trẻ có đủ trình độ cần thiết (trừ giáo viên và nhân viên y tế), về địa phương công tác thì phải được sắp xếp và tạo điều kiện làm việc như thế nào ? Không ít cán bộ trở về địa phương không được sử dụng, hoặc sử dụng không đúng với chuyên môn đào tạo, đôi khi chỉ vì tâm lý kèn cựa của cán bộ sở tại, dẫn đến chỗ vừa lãng phí công sức đào tạo của xã hội, vừa gây tâm lý chán nản ở

Digitized by Google

những người có ý định trở về công tác tại các địa phương.

3 - Một nguyên nhân nữa là việc phổ biến, tuyên truyền các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước tới người trí thức trẻ còn rất hạn chế. Sinh viên, học sinh ra trường phần lớn không nắm được, hoặc hiểu biết không đầy đủ các chế độ chính sách dành cho họ. Vì vậy, họ không tìm được quyết định đúng đắn sau khi ra trường, không dám trở về sống và làm việc ở nông thôn, miền núi. Họ làm theo xu hướng chung, giống như bạn bè là ở lại thành phố để kiếm việc làm.

Chính vì vậy, để có thể tạo nguồn đào tạo, thay đổi tỷ lệ cơ cấu thành phần đội ngũ trí thức, huy động và sử dụng tốt hơn đội ngũ trí thức trẻ cho sự phát triển của nông thôn, miền núi, thực hiện tốt chiến lược giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ của Đảng, theo tôi, cần phải làm một số việc như sau :

1 - Kiểm tra lại việc thực hiện các quy định về chế độ, chính sách của Nhà nước đối với việc thúc đẩy sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn, miền núi cao, xa xôi hẻo lánh, cũng như việc thực hiện các chế độ ưu đãi đối với cán bộ trí thức sống và làm việc ở các vùng đó. Tìm ra các nguyên nhân, yếu tố gây ách tắc, cản trở đối với sự nghiệp phát triển, đào tạo cán bộ và thu hút trí thức trẻ cho các địa phương.

2 - Trên cơ sở kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chế độ, chính sách đã có, cần xem xét lại, nâng cao hơn nữa mức độ ưu đãi đối với trí thức về công tác ở nông thôn, miền núi.

Về đào tạo, việc tạo nguồn đào tạo cán bộ trí thức là người địa phương phải được coi là một nhiệm vụ quan trọng. Bên cạnh việc sửa đổi bổ sung những chế độ ưu đãi trong đào tạo, cần thực hiện tốt hơn nữa phương thức đào tạo theo địa chỉ, gắn đào tạo với sử dụng, thông qua chính sách tuyển cử, mở lớp đào tạo ngay tại địa phương, đưa giáo viên về dạy, để giảm bớt khó khăn cho người đi học, giữ gìn sự gắn bó của người đi học với công việc và với địa phương.

Về chế độ sử dụng, bên cạnh việc nâng cao hơn nữa chế độ đãi ngộ cho những người sống và làm việc ở nông thôn, miền núi nói chung, cần xây dựng chế độ thu hút đặc biệt với mức thu nhập cao, không phải chỉ gấp 2 lần lương cơ bản cho trí thức mới ra trường, mà có thể phải gấp nhiều lần, để học sinh, sinh viên khi tốt nghiệp tới các vùng khó khăn công tác sau một thời gian (có thể từ 3 đến 5, 7 năm) có thể quay trở về hòa nhập được với cuộc sống thành phố, vùng xuôi và tiếp tục học tập nâng cao trình độ. Đồng thời cần ưu tiên trong việc tìm việc làm và học tập nâng cao trình độ cho họ. Chính sách này cần phải được xây dựng linh hoạt theo yêu cầu công việc phù hợp với mỗi khu vực và thời điểm nhằm đạt hiệu quả tối đa về sức huy động và kinh tế.

3 - Cần có những chương trình phát triển kinh tế - xã hội làm cơ sở xây dựng kế hoạch thu hút huy động, xác định chế độ ưu đãi, cũng như tổ chức hình thức huy động trí thức trẻ một cách cụ thể. Qua các chương trình đó có thể biết được cần huy động bao nhiêu trí thức, yêu cầu trình độ ra sao, sử dụng trong bao lâu, hình thức tổ chức đội ngũ đó theo cách nào, nên thực hiện mức độ ưu đãi ra sao. Đó là cách thiết thực nhằm khắc phục tình trạng hiện nay là huy động trí thức trẻ thiếu chặt chẽ, thiếu hiệu quả, mang tính hình thức.

4 - Cần tổ chức tuyên truyền sâu rộng cho thanh niên về lý tưởng, nghĩa vụ và đặc biệt là các chính sách ưu đãi để học sinh, sinh viên biết. Có thể hằng năm trước ngày mãn khóa, các trường đại học và cao đẳng cần bố trí thời gian để phổ biến các chính sách hiện hành tới học sinh, sinh viên. Tổ chức để họ học tập, thảo luận, và đi tới có quyết định tìm việc một cách đúng đắn. Các ban quản lý chương trình, các địa phương muốn huy động, sử dụng trí thức trẻ cần đến trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và giải đáp các thắc mắc cho những người sắp ra trường. Đối với các em sẵn sàng về công tác ở các vùng khó khăn, xa xôi hẻo lánh cần phải đầu tư để động viên và gắn kết các em với công việc sắp tới. (Tất nhiên cũng cần có quy định chặt chẽ để tránh chuyện mất tiền đầu tư mà chẳng được người).

Như vậy việc thu hút và sử dụng trí thức trẻ ở nông thôn miền núi phụ thuộc vào một hệ thống các chính sách là biện pháp tổ chức, nhưng quan trọng hơn cả là chế độ, chính sách đãi ngộ. Giải quyết được vấn đề này sẽ gỡ được "nút" cơ bản đối với việc huy động tiềm năng trí tuệ và sức lực đội ngũ trí thức trẻ, thúc đẩy sự phát triển nông thôn, miền núi, thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà. ❑

Digitized by Google

OSC VIỆT NAM 20 NĂM THỬ THÁCH, TRƯỞNG THÀNH

TRỊNH GIA BAN

CÔNG ty Du lịch dịch vụ dầu khí Việt Nam, với cái tên thân thuộc - **OSC** (1) **Việt Nam**, tiền thân là Công ty Du lịch phục vụ dầu khí Vũng Tàu - Côn Đảo, được thành lập vào ngày 23 tháng 6 năm 1977, đúng vào lúc mà đất nước bắt đầu chuyển mình từ chiến tranh sang công cuộc hòa bình xây dựng.

Tổ chức kinh tế này ra đời xuất phát từ nhu cầu phục vụ một nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, là triển khai việc thăm dò khai thác dầu khí tại thềm lục địa phía Nam của Tổ quốc.

Trong hoàn cảnh chung của đất nước vừa kết thúc một cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài và tàn khốc, OSC Việt Nam ra đời từ một cơ sở vật chất rất nghèo ; các khách sạn, biệt thự phần lớn bị hư hỏng nặng từ trong chiến tranh, và cơ sở hạ tầng nhìn chung không đáp ứng được yêu cầu phục vụ chuyên gia dầu khí nước ngoài. Đội ngũ của Công ty chỉ có gần 100 cán bộ, công nhân viên được tập hợp từ nhiều nơi, nhiều ngành, phần lớn chưa có kinh nghiệm trong lĩnh vực đối ngoại - giao dịch quốc tế, trong khi đối tượng phục vụ lại là người ở những nước công nghiệp phát triển, thuộc nhiều quốc tịch khác nhau, có mức sống cao đã giao lưu nhiều trên thế giới.

Sau nhiều năm bươn trải, lấy phát triển và hiệu quả làm quan điểm chủ đạo, OSC đã từng bước lớn lên và trải rộng các hoạt động kinh doanh của mình trong phạm vi cả nước, trên 4 lĩnh vực kinh doanh chủ yếu : dịch vụ dầu khí, du lịch, xây dựng, ngoại thương - xuất nhập khẩu, với trên 15 ngành nghề kinh doanh khác nhau. Địa bàn hoạt động chính tại Vũng Tàu và có các chi nhánh ở các thành phố lớn như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh.

OSC Việt Nam có 12 đơn vị trực thuộc, 10 đơn vị liên doanh quốc tế, các đơn vị 100% vốn Nhà nước có tổng tài sản gần 100 tỉ với các cơ sở chính 12 khách sạn (trong đó có 2 khách sạn 3 sao), 36 biệt thự, tổng cộng 700 phòng và nhiều phương tiện, thiết bị chuyên dùng cùng các kho hàng và trạm trại khác ; các liên doanh quốc tế với tổng vốn đầu tư 60 triệu USD, vốn pháp định 25 triệu USD, trong đó OSC Việt Nam góp 25,3%, tương đương 6,3 triệu USD.

Về tổ chức đảng, OSC Việt Nam có đảng bộ cơ sở gồm 15 chi bộ trực thuộc (trong đó có chi bộ của các đơn vị liên doanh với nước ngoài), với hơn hai trăm đảng viên. Đảng bộ OSC hình thành và phát triển qua nhiều chặng đường đầy thử thách cùng với sự ra đời và không ngừng lớn lên của Công ty.

Bộ máy Công ty (không kể liên doanh) có 1500 CBCNV trong đó đại học trở lên chiếm 15%, lao động kỹ thuật chiếm 50%.

Quy mô hoạt động của OSC Việt Nam hiện nay có mức tổng doanh số là 300 tỉ đồng, lợi nhuận 17 tỉ đồng, nộp ngân sách 30 tỉ đồng ; hằng năm phục vụ trên 300 000 ngày khách ; và khâu lữ hành khai thác trên 25 000 ngày khách ; phục vụ tốt các dịch vụ dầu khí trên đất liền và ngoài biển.

Trước hết, về dịch vụ dầu khí : OSC Việt Nam luôn luôn xác định đây là nhiệm vụ chiến lược, cơ bản và lâu dài. Hiện nay Công ty đáp ứng các dịch vụ cho 16 công ty dầu khí nước ngoài (tại khu dịch vụ dầu khí Lam Sơn - một cơ sở dịch vụ tương đối hoàn chỉnh tại Vũng Tàu đã được xây dựng từ năm 1977). Công ty còn trúng thầu trọn gói dịch vụ sinh hoạt một số dàn khoan thăm dò dầu khí ngoài biển.

Cùng với nhiệm vụ phục vụ dầu khí, đến năm 1980, OSC Việt Nam đã tiếp nhận thêm một số cơ sở và chức năng du lịch, giao tế từ Công ty du lịch tỉnh Đồng Nai, phát triển giao tế, du lịch từ nội địa đến quốc tế, bao gồm cả lữ hành ; (công suất buồng giường luôn đạt bình quân 60%, cao hơn mức bình quân trong khu vực). Từ năm 1992 đến nay phục vụ 800 000 ngày khách trong đó 500 000 khách quốc tế.

OSC Việt Nam đã có quan hệ và hợp tác trên 30 hãng du lịch trong khu vực và trên thế giới. Trong kết quả chung, OSC Việt Nam ngoài chức

(1) Oil Services Company

Digitized by Google

năng kinh doanh, đã làm tốt nhiệm vụ giao tế đối với Trung ương Đảng, Nhà nước và cả với địa phương.

Kinh doanh xây dựng là một trong những hoạt động năng động và sáng tạo của Công ty. Trong vòng 10 năm phấn đấu, lĩnh vực này đã thực hiện một khối lượng lớn công việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các cơ sở của Công ty để có được một cơ ngơi như ngày nay. Công ty còn đưa cán bộ kỹ thuật, công nhân thi công cùng với vật tư cần thiết giúp cho một số đơn vị trong và ngoài ngành như : Cải tạo khách sạn Hòa Bình là một khách sạn lớn của Công ty du lịch Hà Nội, Nhà khách 60 Nguyễn Du (Hà Nội), Nhà khách Minh Tâm (Đà Lạt) của Bộ Nội vụ, Bệnh viện Thống Nhất (TP Hồ Chí Minh) của Bộ Y tế, Khách sạn du lịch Long An, v.v... Đến nay hoạt động xây dựng của OSC ngày càng đa dạng, phong phú hơn (phân xưởng gia công, lắp ráp cửa nhôm cao cấp đã cung ứng cho nhiều công trình trong cả nước, có uy tín về chất lượng), đã từng bước vững chắc đi lên trong cơ chế đấu thầu, tiếp cận với công nghệ và vật liệu mới.

Nhiệm vụ kinh doanh xuất nhập khẩu lúc đầu được mở ra do yêu cầu thực tế phát triển của bản thân OSC, được nhà nước cho phép để lấy lãi bù lỗ cho khâu dịch vụ dầu khí. Đồng thời thông qua hoạt động xuất nhập khẩu để nhập các vật tư, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu bức thiết xây dựng cơ sở vật chất để phục vụ dầu khí tại Vũng Tàu và cho cả ngành du lịch. Nhằm thực hiện đúng chương trình 3 mục tiêu (sản xuất hàng nông nghiệp, hàng hóa xuất khẩu và hàng tiêu dùng), theo Nghị quyết Đại hội V của Đảng, OSC đã đầu tư 4,3 triệu USD và 3,6 tỉ đồng Việt Nam vào các nhà máy, nông trường ở một số địa phương trong cả nước.

Hai mươi năm qua, tuy có những lúc tưởng chừng như không vượt qua được, như thời kỳ 1989 - 1991 là lúc nền kinh tế đất nước chuyển cơ chế, nhưng Công ty luôn đạt và vượt kế hoạch của nhà nước giao ; cơ sở vật chất, đội ngũ, chức năng ngành nghề, phạm vi hoạt động đều có những bước tiến bộ đáng kể.

Sau thời kỳ đầy khó khăn gian khổ ấy, với tổng giá trị tài sản lúc đó gần 100 tỉ trong đó vốn tự bổ sung trên 50 tỉ, từ năm 1992 đến 1996, toàn bộ hoạt động của Công ty đã được thực hiện trên doanh số 1050 tỉ đồng, lợi nhuận 94,3 tỉ đồng, nộp nghĩa vụ cho nhà nước 121 tỉ đồng ; trong đó, các đơn vị có 100% vốn nhà nước doanh thu 581 tỉ đồng, lợi nhuận 33 tỉ đồng, nghĩa vụ với nhà nước 73 tỉ đồng. Ngày nay OSC đã từng bước thích ứng với cơ chế mới. Đáng chú ý là OSC đã đóng góp phần mình vào lĩnh vực dầu khí - là ngành kinh tế mũi nhọn non trẻ của đất nước, và là một trong những đơn vị góp phần khai thác những tấn dầu đầu tiên của Tổ quốc.

Quá trình hình thành, hoạt động và phát triển của Công ty luôn gắn chặt với đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, với sự quan tâm chỉ đạo, động viên của các cơ quan lãnh đạo đảng, nhà nước, của đảng bộ và chính quyền địa phương, của Tổng cục du lịch, các bộ, ngành liên quan, và với sự hợp tác giúp đỡ của đông đảo bầu bạn, khách hàng. Đặc biệt trong suốt 20 năm hoạt động, Công ty có vinh dự lớn là được sự tận tình chỉ dạy của các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước.

OSC Việt Nam cũng được Đảng và Nhà nước ghi nhận những thành quả đã đạt được bằng các phần thưởng cao quý : Huân chương Độc lập hạng ba, Huân chương Lao động hạng nhì và nhiều huân chương khác cho các đơn vị trực thuộc và cá nhân trong Công ty.

Nhìn lại hai mươi năm qua, OSC Việt Nam rút ra được một số bài học chủ yếu như sau :

Thứ nhất, Phải nắm vững và thực hiện nhiệm vụ chính của đơn vị. Đối với OSC, dịch vụ dầu khí và kinh doanh du lịch là hai nhiệm vụ xuyên suốt, quan trọng nhất không bao giờ được xa rời, song, lại phải biết kết hợp chặt chẽ giữa việc thực hiện nhiệm vụ chính yếu với việc năng động đa dạng hóa ngành nghề, kinh doanh tổng hợp. Thực tế cho thấy trong nhiều trường hợp, nhiều tình huống phức tạp tưởng chừng như không vượt qua nổi, nếu không năng động, không biết lấy dịch vụ dầu khí làm nền tảng, dù nó còn rất khó khăn, không biết phát huy dịch vụ du lịch để hỗ trợ cho dịch vụ dầu khí, và không đa dạng hóa ngành nghề để hỗ trợ lẫn nhau, thì khó tránh khỏi bế tắc, chao đảo (chẳng hạn như thời kỳ chuyển đổi cơ chế 1989 - 1991). Tuy nhiên, thực tiễn của nền kinh tế nước ta cũng chỉ ra rằng nếu quá say sưa để đạt lợi nhuận tối đa với việc đa dạng hóa tràn lan, xa rời chức năng và nhiệm vụ chính thì sẽ dẫn tới đổ vỡ thảm hại. Đây là bài học kinh nghiệm sâu sắc không chỉ riêng đối với OSC Việt Nam mà đối với cả các doanh nghiệp nói chung.

Digitized by Google

Thứ hai, Bên cạnh việc mở rộng quy mô, đa dạng hóa ngành nghề sản xuất - kinh doanh, phải luôn luôn định hướng phát triển theo chiều sâu, luôn coi trọng công tác xây dựng cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị và ngày một hiện đại hóa trong các khâu dịch vụ. Có thời kỳ Công ty đã xác định công tác này là trọng tâm cốt tử, trong đó lấy công tác kiến thiết cơ bản làm nhiệm vụ hàng đầu, luôn đi trước một bước. Thực thi định hướng phát triển theo chiều sâu, chỉ tính riêng từ 1992 đến nay, Công ty đã đầu tư các nguồn vốn vào xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật là gần 100 tỉ đồng.

Hằng năm, dù kinh doanh có nhiều thuận lợi hay gặp phải khó khăn, Công ty vẫn giải quyết hài hòa giữa lợi nhuận, vốn đầu tư và đời sống của 1 500 cán bộ công nhân viên chức ; do vậy đã bổ sung một lượng vốn đầu tư thích đáng vào cơ sở vật chất, nâng cấp trang thiết bị.

Thứ ba, Là một doanh nghiệp nhà nước, Công ty ý thức được rằng phải luôn luôn gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách đó vào thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhằm làm cho OSC Việt Nam ngày một phát triển vững chắc, đóng góp vào việc khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế quốc dân.

Để góp phần khẳng định vai trò và vị trí của kinh tế quốc doanh trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Công ty đã ý thức rõ là phải không ngừng cải tiến và đổi mới về mọi mặt, trước hết là luôn đổi mới về hoạt động sản xuất - kinh doanh, về mô hình tổ chức Công ty, về cơ chế quản lý và phương thức điều hành nội bộ một cách năng động, phù hợp với từng thời kỳ phát triển, tập trung sức lực vào các khâu trọng yếu nhằm tạo ra hiệu quả cao.

OSC Việt Nam là một doanh nghiệp có quy mô lớn, cho nên phải kết hợp chặt chẽ, giữa tổ chức điều hành của toàn Công ty với việc phân cấp quản lý điều hành của các đơn vị trực thuộc. Tùy theo tính chất ngành nghề, năng lực cán bộ, Công ty phân cấp để cấp dưới phát huy hết quyền và trách nhiệm, phát huy tối đa cơ sở vật chất, vốn, nhân lực ; tạo điều kiện để các đơn vị trực thuộc thực hiện quyền chủ động về tài chính, quyền ký hợp đồng kinh doanh, khai thác vật tư hàng hóa, quyền thưởng, phạt. Tuy nhiên Công ty vẫn giữ vai trò điều hành các hoạt động có tính chất chiến lược, về tổ chức, cán bộ và về tài chính để huy động được sức mạnh toàn Công ty, không bị chệch hướng và bảo đảm cho sự phát triển toàn diện.

Các giải pháp để huy động các tiềm năng từ nội bộ là quyết định, song Công ty cũng đã xác định huy động nguồn lực bên ngoài qua hợp tác, trao đổi liên doanh, liên kết, mở rộng hợp tác quốc tế là quan trọng. Và trong quá trình ấy luôn luôn xây dựng một quan hệ tốt, bình đẳng, cùng có lợi, giữ chữ tín với khách hàng và bạn kinh doanh.

Thứ tư là vấn đề con người và đội ngũ. Ngay từ đầu mới thành lập, OSC Việt Nam đã có một chủ trương nhất quán về vấn đề tập hợp, đào tạo bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ từ cán bộ lãnh đạo đến người lao động, trong đó nổi bật là việc trọng dụng nhân tài. Các kiến trúc sư nổi tiếng, những người quản lý khách sạn giỏi từ thời thuộc Pháp cho đến các chuyên gia kinh tế, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội..., được mời về vừa làm việc, vừa đào tạo đội ngũ cho Công ty.

Cùng với sự chăm lo phát triển đào tạo nghề nghiệp và đời sống tinh thần cho người lao động, Công ty đã nâng cao không ngừng các phúc lợi tập thể, chăm sóc chu đáo đời sống vật chất (từ nhà ở đến thu nhập hằng tháng) mỗi người từ cán bộ, nhân viên, đến từng gia đình và từng cháu nhỏ... làm cho mọi người gắn bó với tập thể, với Công ty.

Thứ năm, là phải luôn luôn chăm lo xây dựng đảng bộ vững mạnh, bảo đảm vai trò hạt nhân chính trị trong quá trình phát triển. Trong nhiều năm liên tục, đảng bộ OSC Việt Nam và các chi bộ trực thuộc đều đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh. Đảng bộ luôn luôn chăm lo đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giữ vững đoàn kết nội bộ và phối hợp tốt giữa các đoàn thể ; Công ty đã thực hiện tốt việc triển khai các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, coi trọng xây dựng và giáo dục truyền thống, thực hiện nguyên tắc tập trung cao và dân chủ rộng rãi. Công ty cũng đã xây dựng và thực hiện tốt cơ chế hoạt động, phối hợp giữa tổ chức đảng với chính quyền và các đoàn thể. Chính trên nền tảng đó đã giữ vững được đoàn kết nội bộ, cả từ các đơn vị trực thuộc đến toàn Công ty. Có thể nói rằng suốt 20 năm qua, đoàn kết là một truyền thống đáng tự hào của OSC Việt Nam, nhờ đó đã đưa Công ty ngày một phát triển vững mạnh như ngày nay.❑

Digitized by Google

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong đảng như thế nào ?

LÊ VĂN LÝ *

NGUYÊN tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản, chỉ đạo xây dựng tổ chức và hoạt động của Đảng ta. Đó là cơ sở bảo đảm cho Đảng thống nhất ý chí và hành động ; tạo nên sức mạnh vô địch của đảng cách mạng. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ là vấn đề thuộc về bản chất của Đảng, là nội dung quan trọng thể hiện bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tình hình hiện nay cần đặc biệt chú ý tới hai khía cạnh rất quan trọng. Đó là *nhận thức đúng* và *thực hiện tốt.*

Những năm gần đây, có ý kiến đề nghị đổi nguyên tắc tập trung dân chủ thành nguyên tắc dân chủ tập trung. Lập luận là : Trước đây ta nhấn mạnh tập trung, xem nhẹ dân chủ nên dẫn tới quan liêu, độc đoán, mệnh lệnh, gia trưởng. Nay cần nhấn mạnh dân chủ hơn nên phải đổi thành nguyên tắc dân chủ tập trung. Quan niệm như vậy dễ đối lập tập trung với dân chủ. Sự thật, tư tưởng nhất quán của Đảng ta vẫn là sự thống nhất tập trung với dân chủ. Đảng cộng sản muốn chiến thắng được giai cấp tư sản, phải hết sức tập trung. Tập trung là tập trung trí tuệ, tập trung lực lượng, tập trung sức mạnh, tập trung hành động. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói : Đảng ta tuy nhiều người nhưng khi tiến đánh phải như một người. Nếu không tập trung ý chí và hành động không thể nào tạo ra được sức mạnh để giành thắng lợi.

Song, bản chất sự tập trung của Đảng cộng sản đối lập với tập trung quan liêu, vì tập trung gắn liền với dân chủ, tập trung trên cơ sở dân chủ. Như vậy, chỉ có thể đem đối lập nguyên tắc tập trung dân chủ với tập trung quan liêu chứ không thể đối lập tập trung với dân chủ trong nguyên tắc tập trung dân chủ. Tập trung và dân chủ khi nó là hai khái niệm độc lập, tách rời nhau thì có thể đối lập nhau. Điều đó đúng. Nhưng trong nguyên tắc tập trung dân chủ, đấy không phải là hai mặt đối lập. Nguyên tắc tập trung dân chủ cũng không phải là con số cộng hai khái niệm tập trung và dân chủ. Tập trung và dân chủ trong nguyên tắc tập trung dân chủ bao giờ cũng tỷ lệ thuận với nhau, chứ không thể tỷ lệ nghịch. Tập trung càng cao thì dân chủ càng rộng và ngược lại. Khi tập trung cao mà dân chủ hạn chế thì lúc đó đã trượt sang tập trung quan liêu, không còn là tập trung dân chủ nữa. Hoặc, khi mở rộng dân chủ nhưng lại hạn chế tập trung thì đó là thứ dân chủ vô chính phủ. Thứ dân chủ đó rất xa lạ với nguyên tắc tập trung dân chủ. Chấp nhận thứ dân chủ đó là phá hoại sức mạnh của Đảng. Do đó, khi thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ phải đề phòng, khắc phục cả hai thiên hướng lệch lạc nêu trên.

Sáu nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ ghi trong Điều lệ Đảng vừa là tập trung, vừa là dân chủ, không có nội dung nào chỉ là tập trung hoặc chỉ là dân chủ đơn thuần. Thí dụ, nội dung "thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức", bao gồm cả tập trung và dân chủ chứ không phải chỉ có tập trung. Nếu quan niệm đó chỉ là tập trung thì sẽ không cần quy trình dân chủ bàn bạc, thảo luận, tập hợp trí tuệ tập thể để quyết định đúng đắn trước khi bắt thiểu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phải phục tùng cấp trên. Và như vậy dễ dẫn tới tập trung quan liêu.

Quá trình thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ cần chú ý tạo cơ sở, điều kiện và tiền đề bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc. Giả dụ, trong một tập thể lãnh đạo, đa số tốt, thiểu số cơ hội, tham nhũng, thoái hóa biến chất thì thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ mới loại bỏ được những phần tử cơ hội, tham nhũng, thoái hóa biến chất ra khỏi Đảng. Nhưng nếu ở một tập thể nào đó đa số cơ hội, tham nhũng, thoái hóa biến chất chỉ có thiểu số tốt trong sáng, liêm khiết, thì thực hiện nguyên tắc đó kết quả sẽ ngược lại. Những người tốt, trong sáng, liêm khiết thường bị loại.

Nguyên tắc tập trung dân chủ rất quan trọng nhưng nếu hiểu không đúng hoặc thực hiện không đúng sẽ gây hậu quả tai hại. Do đó cần có những quy định cụ thể về những cơ sở, điều kiện thực hiện nguyên tắc để để phòng và ngăn chặn tình trạng lợi dụng nguyên tắc tập trung dân chủ nhằm thực hiện ý đồ cá nhân của một số người.

Nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ có thể thực hiện đạt kết quả tốt đối với những tổ chức cơ bản tốt, đa số tốt. Ở những tổ chức nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng, đa số thành viên trong cấp ủy yếu kém, lệch lạc

(Xem tiếp trang 19)

* PGS, Viện trưởng Viện xây dựng Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Thế nào là đoàn kết ?

PHÚ HỒ

Nói tới sự đoàn kết, dường như ai cũng dễ dàng nhất trí cho rằng, đó là sự liên hiệp lại những phần tử rời rạc, những cá nhân lẻ, những bộ phận biệt lập, khép kín thành một khối đồng tâm, nhất trí, một chỉnh thể chặt chẽ và hoàn bị. Nói một cách dung dị, đó là sự cố kết nhân tâm, thống nhất chí nguyện một cách tự giác, là sự tổ chức các thành viên một cách có nguyên tắc tạo nên sự gắn bó hữu cơ từ bên trong. Đó chính là kết quả và là biểu hiện cao nhất, trọn vẹn nhất của tinh thần cộng đồng, tính tự tôn của dân tộc. Nó là nguồn gốc của sức mạnh nội sinh sâu xa nhất, là chất kháng thể kỳ diệu nhất của mọi tổ chức xã hội có sức sống ; đồng thời, cũng là một nhu cầu nội tại, một tất yếu khách quan đối với bất cứ quốc gia, dân tộc nào, nếu muốn tồn tại, phát triển và lớn mạnh.

Dân tộc ta vốn có truyền thống đoàn kết. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, khối đại đoàn kết dân tộc càng được phát huy, trở thành chỗ dựa, là bí quyết, là động lực mạnh mẽ đưa đất nước ta vượt qua những cơn hiểm nghèo của lịch sử, tiếp tục tiến lên phía trước. Ý nghĩa của sự đại đoàn kết thì bất cứ ai cũng nhận ra. Nhưng, hiểu thế nào là đoàn kết lại chẳng phải dễ dàng. Thực tế cho thấy, không ít trường hợp, ngỡ là đoàn kết hoặc được xem là đoàn kết, kỳ thực bên trong là chia rẽ, lục đục, rối ren ; ngược lại, nhiều nơi nhìn bề ngoài có vẻ mất đoàn kết thực ra lại là thật sự gắn bó.

Có không ít cơ quan, đơn vị đã giữ đoàn kết bằng cách xử thế "dĩ hòa vi quý", "chín bỏ làm mười", "xấu chàng hổ ai", cổ vũ cho những giải pháp "đẹp đẽ phô ra, xấu xa đậy lại", "không vạch áo cho người xem lưng", "đóng cửa trong nhà bảo nhau"... Kỷ luật cơ quan thì được thực thi bằng sự "giơ cao đánh sẽ", "xử lý nội bộ", thậm chí tấn phong, để bạt cả làng cốt sao giữ cho "trong ấm ngoài êm", "trên thuận dưới hòa". Thế là ai ai dù có ấm ức trong lòng, cũng bấm gan "ngậm miệng ăn tiền", "mũ ni che tai", "mi không động tới ta, ta không động tới mi", cố giữ lấy cái vẻ hòa khí bằng mặt. Và hễ người nào làm trái những điều ấy thì lập tức bị phản đối, bị kỷ luật vì "tội" : "gây rối nội bộ", "chia rẽ cơ quan", "không có thái độ và tinh thần xây dựng khối đoàn kết" (!).

Cũng không hiếm nơi và không ít những người đứng đầu đơn vị cố sức xây dựng sự đoàn kết theo kiểu "đoàn kết với thủ trưởng". Ở nơi đó, cấp dưới mất đoàn kết với nhau không sao, các bộ phận kéo bè kết cánh cũng không hề gì, miễn sao mọi người thuộc cấp, các bè mảng ấy đều tôn phù thủ trưởng là được. Lắm khi do sự lắt léo của thứ "chủ nghĩa cơ hội giấu mặt", có thủ trưởng còn phù phép tạo dựng những mâu thuẫn nào đó, rồi đứng ra giải quyết theo kiểu cân bằng, điều hòa, tạo nên cho mình cái vị thế "trung tâm đoàn kết" và nặn ra sự đoàn kết cho riêng mình. Cách thức điều hòa, cân bằng thường gặp là, kẻ có công và người có năng lực thì kìm giữ một chút để phòng bệnh "kiêu ngạo", "công thần" ; người thường thường bậc trung hoặc yếu kém thì đẩy lên một chút gọi là để khích lệ, động viên. Qua mỗi lần như vậy, thủ trưởng lại bước lên cao một bước trong cái gọi là "uy tín qui phục nhân tâm", "năng lực thu phục con người".

Rõ ràng, từ những kiểu được xem là đoàn kết đó, sự thật là đoàn kết bằng phe giáp, đoàn kết bằng sự bao che tội lỗi và khuyết điểm cho nhau, và đoàn kết bằng sự quy tập ngôi thứ, phẩm trật nhưng lại muôn người... muôn ý chí. Rốt cuộc, nhờ vào những lối "đoàn kết" ấy mà những mưu đồ đen tối được dung dưỡng và có đất hoành hành, không ít người bấu víu vào đó để "dối dưới lừa trên" ; và khối kẻ núp sau đó để mưu dựng cho mình cái gọi là "uy tín", "tiếng tăm" để kiếm chác ngôi vị, thăng tiến chức quyền. Và cũng chính vì những kiểu đó mà bao người bị giáng chịu tai ương, bị triệt hạ hay bỏ quên ; bao cơ quan, đơn vị bị lũng đoạn, có xác không hồn, thậm chí bị giải thể.

Nhưng thực tế lại cho thấy, rất nhiều địa phương, đơn vị nếu nhìn bề ngoài có vẻ là "mất đoàn kết" hay "thiếu sự đoàn kết", bởi nội bộ thường xuyên có những cuộc tranh luận, thậm chí cả những cuộc đấu tranh gay gắt. Thực ra, chính thông qua điều đó một cách đúng đắn (không phải vì động cơ cá nhân), con người hiểu biết và thông cảm với nhau hơn, phân định rõ ràng hơn đúng sai, tốt xấu, tổ chức được củng cố, sức mạnh được nhân lên. Lưỡi gươm phê bình và tự phê bình tự nó cạo bỏ ung nhọt, chữa lành mọi vết thương, mọi sự khuất tất bị che giấu. Cuộc sống mách bảo và cảnh báo chúng ta thật rõ ràng : Khi nào và ở đâu, sự thảo luận và đấu tranh vì chân lí, lẽ phải không còn đất sống thì lúc đó, ở đó, lập tức sự phân liệt, rã rời lũng đoạn, thói đố kỵ, tệ độc quyền và áp đặt lên ngôi. Đoàn kết là đấu tranh một cách có nguyên tắc và là một nghệ thuật. Nếu làm khác đi, thì đó chỉ là một trò chơi nguy hiểm có hại cho việc cố kết con người, làm tàn lụi sức sống của tổ chức.

Vậy, thế nào là đoàn kết ? Đó vẫn là một câu hỏi lớn. Mà sự gợi mở trên đây, ngõ hầu chỉ hy vọng góp một tiếng nói rất nhỏ, một cái nhìn rất hẹp, ở một vài khía cạnh mà thôi.❑

Digitized by Google

HỒNG CÔNG - LỊCH SỬ SANG TRANG

NGUYỄN HUY QUÝ*

ĐÚNG 12 giờ đêm 30 tháng 6, cũng là 0 giờ ngày 1 tháng 7 năm 1997, buổi lễ chuyển giao chủ quyền đã mở đầu trang sử mới cho Hồng Công. Mảnh đất thuộc địa cuối cùng của nước Anh ở châu Á đã trở về với Trung Quốc với tên gọi mới : "Khu hành chính đặc biệt Hồng Công". Đây không những là một sự kiện lịch sử trọng đại của cư dân Hồng Công, của nhân dân Trung Quốc, mà đồng thời là một sự kiện thu hút sự chú ý, quan tâm của cộng đồng quốc tế.

"Hiện tượng Hồng Công"

Nhìn vào dải bờ biển rất dài của Trung Quốc trên bản đồ thế giới, Hồng Công chỉ là một chấm nhỏ khó nhận ra. Thế mà trong thế giới ngày nay, Hồng Công như một con tuấn mã đã cởi bỏ dây cương, vùng phóng nước đại, vươn lên hàng đầu các quốc gia và khu vực đang phát triển, trở thành một khu vực công nghiệp phát triển mới rất độc đáo của thế giới tư bản, được một số nhà kinh tế gọi là "điển hình của chủ nghĩa tư bản tự do đương đại" (1).

Lãnh thổ Hồng Công ngày nay có diện tích 1074 km^2, dân số 6,2 triệu người, gồm đảo Hồng Công, bán đảo Cửu Long, khu Tân Giới và khoảng 230 đảo nhỏ xung quanh.

Đảo Hồng Công là trung tâm kinh tế và hành chính của Hồng Công. Đảo Hồng Công đã bị triều đình Mãn Thanh cắt "nhượng" cho đế quốc Anh năm 1842 sau cuộc chiến tranh Nha phiến lần thứ nhất. Sau cuộc chiến tranh Nha phiến lần thứ hai, năm 1860, đế quốc Anh lại bắt triều đình Mãn Thanh cắt "nhượng" khu vực phía Nam bán đảo Cửu Long. Trước kia, giao thông giữa đảo Hồng Công và bán đảo Cửu Long bằng tầu biển, nay có thêm đường ngầm dưới đáy biển. Năm 1898 đế quốc Anh lại gây sức ép bắt triều đình Mãn Thanh cho "thuê" khu vực phía Bắc bán đảo Cửu Long, về sau gọi là khu Tân Giới, với thời hạn 99 năm (mãn hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 1997). Khu Tân Giới chiếm khoảng 92% toàn bộ diện tích Hồng Công, với khoảng 60% dân số Hồng Công.

Qua hơn một thế kỷ cai trị, nước Anh đã biến vùng đất hoang sơ thành "hòn ngọc Viễn Đông" của mình. Trong mấy chục năm gần đây, nhờ điều kiện thuận lợi về địa lý và vị trí trong quan hệ quốc tế, Hồng Công đã tạo được thế mạnh kinh tế của mình. Năm 1995, GDP của Hồng Công là 143,7 tỉ USD. Hồng Công trở thành một thương cảng lớn nhất thế giới, trung tâm ngân hàng lớn thứ 5, thị trường vàng lớn thứ 4, thị trường ngoại tệ lớn thứ 5, thị trường cổ phiếu lớn thứ 8 trên thế giới.

Thời gian gần đây Hồng Công phát triển mạnh ngành thương mại, dịch vụ, tỷ lệ sản xuất công nghiệp trong GDP chỉ còn khoảng 10%. Năm 1995, riêng khu vực dịch vụ đã chiếm tới 72% GDP. Tính đến cuối năm 1994, quy mô vốn trên thị trường chứng khoán Hồng Công là khoảng 600 tỉ USD, chiếm gần 50% tổng quy mô giá trị các thị trường chứng khoán ở châu Á. Năm 1994 Hồng Công đầu tư ra nước ngoài 30 tỉ USD. Hồng Công có một hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, một hệ thống quản lý ngân hàng, tài chính tiên tiến, đặc biệt là cách thức tổ chức thị trường chứng khoán.

Từ hơn nửa thế kỷ nay, nước Anh thực thi chế độ trực trị đối với mảnh đất thuộc địa Hồng Công. Toàn quyền Hồng Công do Nữ hoàng Anh phái tới nắm toàn bộ quyền lực chính trị. Về mặt văn hóa, Hồng Công là một xã hội mở. Ở đây văn hóa Đông - Tây giao lưu đã hơn một thế kỷ, và lối sống phương Tây đã có phần lấn át lối sống phương Đông. Cộng đồng người Hoa chiếm 96% cư dân Hồng Công ; nói tới xã hội Hồng Công, chủ yếu là nói về xã hội người Hoa ở đây. Họ thuộc đủ mọi tầng lớp, từ nhà tỷ phú đến kẻ ăn mày, từ giáo sư đến kỹ nữ, một số rất ít dân bản địa, còn tuyệt đại đa số là mới đến đây làm ăn sinh sống trong quá trình phát triển của Hồng Công từ hơn trăm năm nay. Mấy thập kỷ trước, Hồng Công đã từng bị gọi là "sa mạc văn hóa", nghĩa là nơi chỉ

* PGS. Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Trung Quốc

(1) Dương Kỳ (chủ biên) : *Hồng Công khái luận*. Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc. Bắc Kinh, 1990, tl, tr4

Digitized by Google

biết làm ăn kinh tế, còn đời sống văn hóa thì như một sa mạc khô cằn. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai tới nay, nhất là mấy thập kỷ gần đây, đời sống văn hóa Hồng Công đã khởi sắc. Tuy nhiên, nơi giao duyên văn hóa Đông - Tây có hoa thơm trái ngọt, nhưng cũng lắm hỗn tạp rác rưởi. Đời sống văn hóa ở Hồng Công rất tự do và nặng tính chất thương mại, giống như một bến cảng mậu dịch tự do vậy ! Chính quyền Hồng Công hầu như không can thiệp vào đời sống văn hóa.

"Thời kỳ quá độ" chuẩn bị chuyển giao chủ quyền

Tháng 4 năm 1982, Thủ tướng Anh Ét-uốt Hít (Edward Heath) và Đặng Tiểu Bình gặp nhau ở Bắc Kinh, hai bên cho rằng đã đến lúc suy nghĩ về việc giải quyết vấn đề Hồng Công. Bấy giờ Đặng Tiểu Bình và các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã có chủ trương "hòa bình thống nhất, một nước hai chế độ" để giải quyết vấn đề Đài Loan, Hồng Công, Ma Cao. Nhưng giai đoạn đầu của cuộc đàm phán Trung - Anh về vấn đề Hồng Công diễn ra khá gay gắt. Lập trường của người kế nhiệm thủ tướng Ét-uốt Hít là bà Mác-gơ-rít Thát-chơ (Margaret Thatcher) rất cứng rắn. Bà Thát-chơ cho rằng những hiệp ước triều đình Mãn Thanh ký với Vương quốc Anh vẫn có hiệu lực, có thể sửa đổi chứ không thể xóa bỏ. Chủ trương của chính phủ Anh là "lấy chủ quyền đổi lấy quyền quản trị". Cụ thể là phía Anh sẵn sàng công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với toàn bộ Hồng Công, mặc dù đảo Hồng Công và khu nam bán đảo Cửu Long đã được cắt "nhượng" cho Anh quốc, với điều kiện là Trung Quốc vẫn để cho Anh "cai quản" toàn bộ Hồng Công. Bà thủ tướng Anh tư duy theo kiểu "tách quyền sở hữu với quyền kinh doanh". Phía Trung Quốc đã kiên quyết bác bỏ yêu sách đó. Đặng Tiểu Bình đã nói thẳng với M.Thát-chơ rằng nếu kế hoạch hòa bình thu hồi Hồng Công vào năm 1997 bị cản trở, thì Trung Quốc sẽ "thu hồi Hồng Công vào một thời điểm và bằng một phương thức khác"(2), có nghĩa là sẽ thu hồi sớm hơn bằng phương thức sử dụng sức mạnh.

Rồi cái gì đến cũng đến, ngày 19 tháng 12 năm 1984, Thủ tướng Trung Quốc Triệu Tử Dương và Thủ tướng Anh M.Thát-chơ đã ký bản tuyên bố chung về vấn đề Hồng Công, khẳng định việc nước Anh sẽ trao trả chủ quyền Hồng Công cho Trung Quốc vào ngày 1-7-1997.

Trong tuyên bố chung, Chính phủ Trung Quốc đã trình bày phương châm chính sách cơ bản đối với Hồng Công sau ngày thu hồi chủ quyền, với những nội dung chủ yếu như sau :

- Thiết lập Khu hành chính đặc biệt Hồng Công trực thuộc Chính phủ CHND Trung Hoa.

- Ngoài công việc quốc phòng và ngoại giao do chính phủ trung ương trực tiếp nắm, Khu hành chính đặc biệt Hồng Công được hưởng quyền tự do cao độ, bao gồm quyền quản lý hành chính, quyền lập pháp, quyền tư pháp độc lập và quyền chung thẩm.

- Thể chế kinh tế và thể chế chính trị, luật pháp hiện hành và lối sống truyền thống sẽ không thay đổi.

Chính sách cơ bản đó của Chính phủ CHND Trung Hoa đối với Hồng Công sẽ không thay đổi suốt 50 năm. Ngày 4-4-1990, Đại hội đại biểu nhân dân Trung Quốc đã thông qua " Luật cơ bản về Khu hành chính đặc biệt Hồng Công của nước CHND Trung Hoa", khẳng định về mặt pháp lý những cam kết của Chính phủ Trung Quốc về tương lai của Hồng Công.

Thời kỳ quá độ 12 năm (1985 - 1997), và nhất là trong nhiệm kỳ của toàn quyền Hồng Công cuối cùng là ông Crít Pát-tơn (Chris Patten), từ 1992 đến 1997, quan hệ Trung Quốc - Anh vẫn còn nhiều trắc trở, nhưng tới nay việc chuẩn bị cho Hồng Công "hồi quy" cũng đã được hoàn tất. Hội đồng bầu cử được thành lập và cuối năm 1996 đã bầu ra Trưởng khu hành chính đặc biệt Hồng Công là ông Đổng Kiến Hoa, "vua tầu biển" của Hồng Công và là nhà hoạt động chính trị - xã hội có uy tín, có chân trong Hội nghị hiệp thương chính trị Trung Quốc. Một "Hội đồng lập pháp lâm thời" cũng đã ra đời, mặc dầu có sự phản đối quyết liệt của phía Anh.

Triển vọng Hồng Công

Hầu như tất cả mọi người đều mong muốn sau ngày "Châu về Hợp Phố", Khu hành chính đặc biệt Hồng Công vẫn duy trì được sự phồn vinh về kinh tế và sự ổn định về chính trị - xã hội, vì điều đó thiết thân với lợi ích của nhân dân Hồng Công, của nhân dân Trung Quốc và của các quốc gia có liên quan trong khu vực và trên thế giới. Nhưng liệu Hồng Công trong tương lai có tiếp tục duy trì được phồn vinh ổn định hay không thì trong dư luận Hồng Công

(2) Từ Bân : *Sóng gió trên đường Hồng Công trở về Trung Quốc*, Nxb Nhiếp ảnh, Cát Lâm, 1996, tr 109

Digitized by Google

và quốc tế có những cách nhìn, cách nghĩ khác nhau. Một số ít dư luận khẳng định Hồng Công sẽ sa sút. Một số khác khẳng định Hồng Công vẫn ổn định, phồn vinh. Số đông dư luận có khuynh hướng "chờ xem".

Sự thành công của ý tưởng "một nước hai chế độ" còn phải đợi thực tiễn chứng minh. Nhưng bằng phương pháp lịch sử và lô gic chúng ta có thể dự đoán những nét chủ yếu về tương lai Hồng Công.

Trước hết cần khẳng định quyết tâm của Chính phủ Trung Quốc trong việc duy trì sự phồn vinh ổn định của Hồng Công.

Hiện nay GDP của Hồng Công chiếm gần 20% GDP của Trung Quốc. Tính từ sau ngày cải cách mở cửa tới nay khoảng 60% ngoại thương của Trung Quốc, khoảng 75% nguồn tài chính quốc tế của Trung Quốc được thực hiện thông qua Hồng Công ; 60 tập đoàn hàng đầu của Hồng Công dự kiến sẽ đầu tư vào Trung Quốc lục địa 20 tỉ USD mỗi năm. Đồng thời, tính đến cuối năm 1995 Trung Quốc đã đầu tư 25 tỉ USD vào Hồng Công (chiếm 80% đầu tư ra ngoài của Trung Quốc). Trung Quốc đã thành lập khoảng 4000 công ty ở Hồng Công với tổng giá trị tài sản 42,5 tỉ USD. Hiện nay các công ty Đại lục chiếm khoảng 25% buôn bán với nước ngoài của Hồng Công. Ba ngân hàng quốc doanh của Trung Quốc hoạt động chính thức ở Hồng Công. Ngân hàng nhân dân Trung Quốc nắm 28% tín dụng ở Hồng Công và được phép phát hành đồng đô la Hồng Công. Những con số trên cho chúng ta rút ra hai kết luận : *Một là*, kinh tế Hồng Công cực kỳ quan trọng đối với kinh tế Trung Quốc ; *hai là*, mấy năm qua Trung Quốc đã chuẩn bị vai trò của mình trong nền kinh tế Hồng Công. Người ta hoàn toàn có cơ sở để tin rằng, Trung Quốc không bao giờ muốn "thịt con gà đẻ trứng vàng" của mình, và có khả năng nuôi con gà đó tiếp tục béo khỏe. Xét từ góc độ chính trị, tương lai của Khu hành chính đặc biệt Hồng Công, có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với việc thu hồi chủ quyền Ma Cao năm 1999, và đặc biệt quan trọng là tạo tiền lệ để tiến tới giải quyết vấn đề Đài Loan một cách hòa bình. Vì những lẽ trên, Chính phủ Trung Quốc sẽ rất kiên quyết, rất thận trọng và linh hoạt trong khi giải quyết các vấn đề có liên quan tới tương lai của Hồng Công.

Sự phồn vinh kinh tế của Hồng Công cũng rất quan trọng đối với lợi ích thiết thân của nhiều quốc gia có liên quan. Anh và Mỹ, mỗi nước đều có trên 1000 công ty và doanh nghiệp hoạt động ở Hồng Công. Anh có hơn 100 tỉ USD cổ phần chứng khoán ở Hồng Công, còn Mỹ thì có số vốn đầu tư khoảng 14 tỉ USD và khoảng 50 tỉ USD trong các ngân hàng Hồng Công. Có khoảng một nửa khối lượng buôn bán giữa Mỹ và Trung Quốc theo Hiệp định ký kết năm nay là thông qua khâu trung chuyển Hồng Công. Hồng Công cũng rất quan trọng trong quan hệ kinh tế đối với Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Ca-na-đa, các quốc gia Tây Âu và Đông - Nam Á, đặc biệt quan trọng đối với Đài Loan (kim ngạch thương mại Đài Loan - Hồng Công năm 1995 là 28 tỉ USD, Hồng Công đóng vai trò trung chuyển thương mại giữa Đài Loan và lục địa. Đài Loan còn thông qua Hồng Công đầu tư vào lục địa khoảng 12 tỉ USD). Nếu chính trị Hồng Công hỗn loạn, kinh tế Hồng Công suy sụp thì chẳng có lợi cho ai, ngược lại sẽ gây tổn thất lớn cho nhiều quốc gia và khu vực là chủ đầu tư và bạn hàng buôn bán.

Do vậy, tuy có những tính toán chính trị khác nhau, nhưng các quốc gia có liên quan đều mong muốn nền kinh tế Hồng Công tiếp tục phồn vinh và ổn định.

Cư dân Hồng Công chủ yếu là người Hoa thuộc nhiều tầng lớp khác nhau, nói chung là ủng hộ việc Trung Quốc thu hồi chủ quyền và mong muốn được tiếp tục sống trong một xã hội phồn vinh và ổn định. Trong một bài phát biểu ngày 1 tháng 5 năm nay, ông Đổng Kiến Hoa cho biết kể từ khi được bầu làm Trưởng khu hành chính đặc biệt Hồng Công, ông đã gặp gỡ tiếp xúc với hàng nghìn các tổ chức đoàn thể quần chúng, các công ty, nghiệp đoàn để tham khảo ý kiến về tương lai của Hồng Công, có ít nhất 80% dân chúng Hồng Công tin vào tương lai tốt đẹp của Hồng Công. Cộng đồng người Hoa ở đây, tuy thuộc nhiều tầng lớp và chính kiến khác nhau, nhưng họ đều có một ý thức dân tộc chung, họ vui mừng khi trở về với Tổ quốc Trung Hoa. Tuy nhiên, do lập trường chính trị và lợi ích kinh tế khác nhau, nên thái độ đối với tương lai của Hồng Công cũng có sự khác biệt. Người Anh và các cộng đồng người nước ngoài đang làm ăn sinh sống ở Hồng Công nói chung lo lắng và do dự trước việc Trung Quốc thu hồi Hồng Công, nhưng rồi cũng dần dần bình tĩnh lại và giữ thái độ "chờ xem". Dân Hồng Công bỏ ra nước ngoài nhiều nhất sau năm 1989, sau đó số lượng người ra đi giảm dần. Theo Viện quản lý các nguồn nhân lực của Hồng Công, trong năm 1996 cứ

Digitized by Google

100 người ra đi thì có 60 người quay trở lại, thường là với hộ chiếu nước ngoài của họ.

Chúng ta có cơ sở để dự đoán rằng nền kinh tế Hồng Công sau ngày Trung Quốc thu hồi chủ quyền vẫn tiếp tục giữ được đà phát triển. Theo đánh giá của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) tình hình kinh tế Hồng Công như sau :

Năm	1996	1997	1998
GDP tăng (%)	4,7	5,5	5,3
Tỷ lệ lạm phát (%)	6,0	7,0	5,6

Về mặt chính trị, Trung Quốc đã có sự chuẩn bị nghiêm ngặt và khôn khéo để bảo đảm sự ổn định chính trị và an ninh xã hội sau ngày khôi phục chủ quyền. Tuy nhiên, cũng như ở một số quốc gia và khu vực khác, những xáo động nhỏ về chính trị xã hội ở Hồng Công là khó tránh khỏi. Người Hồng Công đã quen với nếp sống phương Tây. Một số những luật lệ đã và sẽ được thay đổi, do vậy không thể tránh khỏi những sự phản ứng của một bộ phận dân cư. Tuyên bố chung Trung Quốc - Anh quy định luật pháp hiện hành "về cơ bản" không thay đổi, nghĩa là có thể có những chỗ thay đổi. "Luật cơ bản" nói rõ hơn : những luật pháp của Hồng Công có từ trước, vẫn được bảo lưu, trừ những luật trái với "Luật cơ bản" hoặc được cơ quan luật pháp của Khu hành chính đặc biệt Hồng Công sửa chữa. Hội nghị toàn thể lần thứ 8 của Ủy ban trù bị tiếp quản Hồng Công họp tại Bắc Kinh cuối tháng 1 năm nay đã thông qua việc bãi bỏ một số điều luật hiện hành ở Hồng Công, trong đó có điều lệ quy định về tổ chức các đoàn thể và điều lệ về an ninh công cộng. Trong khi đó, những thế lực bất đồng chính kiến tại Hồng Công, trước hết là đảng Dân chủ, cho tới gần ngày chuyển giao chủ quyền Hồng Công, vẫn tổ chức những cuộc mít tinh biểu tình có tính chất chống đối về chính trị. Có lẽ dân chúng Hồng Công phải cần có một khoảng thời gian mới thích nghi được với những gì sẽ thay đổi. Theo tinh thần của tuyên bố chung và "Luật cơ bản", Hồng Công có quyền tự trị cao độ, nhưng "cao độ" không có nghĩa là "hoàn toàn" ; "công việc của Hồng Công do người Hồng Công cai quản", nhưng Khu hành chính đặc biệt Hồng Công là một đơn vị hành chính trực thuộc Chính phủ CHND Trung Hoa.

Nói tóm lại, hàm nghĩa của từ "không thay đổi" trong vấn đề Hồng Công là Chính phủ Trung Quốc không áp đặt thể chế chính trị và thể chế kinh tế, những luật lệ và lối sống xã hội chủ nghĩa vào Hồng Công. "50 năm" là một khoảng thời gian lâu dài. Ở đây không có nghĩa là xã hội Hồng Công sẽ được 50 năm "bất biến" và sau 50 năm sẽ có "đột biến". Mọi sự vật đều thay đổi, không có gì là "bất biến". Chúng ta hy vọng Hồng Công sẽ thay đổi theo chiều hướng phồn vinh hơn và ổn định hơn, vì hạnh phúc của cư dân Hồng Công, vì lợi ích của toàn Trung Quốc, vì lợi ích của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới có quan hệ với Hồng Công.

Trong tương lai gần, sau ngày chuyển giao chủ quyền, tình hình kinh tế Hồng Công sẽ không có xáo động lớn. Nếu vì chuyển giao chủ quyền mà có sự xáo động, thì nó đã diễn ra từ mấy năm nay rồi. Theo dự đoán của nhiều cơ quan kinh tế thế giới, trong đó có Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) triển vọng kinh tế Hồng Công trong những năm tới là lạc quan. Ngay đến ông Toàn quyền đương nhiệm Crít Pát-tơn, một chính khách có nhiều quan điểm bất đồng với Trung Quốc, khi trả lời câu hỏi "Ông sẽ ở trong trạng thái nào khi rời Hồng Công vào nửa đêm 30 tháng 6 năm 1997 trên chiếc du thuyền Bri-ta-ri-a của Hoàng Gia ?", cũng đã phải thừa nhận rằng : "Tôi sẽ rất buồn vì như vậy 5 năm tạm gọi là hạnh phúc của tôi đã kết thúc. Nhưng tôi vẫn tin rằng thành phố tuyệt vời này sẽ tiếp tục phồn vinh !" (3).

Việt Nam và Hồng Công vốn có quan hệ lịch sử từ lâu. Chúng ta hy vọng sau ngày Trung Quốc khôi phục chủ quyền đối với Hồng Công, quan hệ giao lưu hợp tác giữa Việt Nam với Trung Quốc và với Khu hành chính đặc biệt Hồng Công sẽ tiếp tục phát triển theo hướng tốt đẹp.❑

(3) Báo "Tấm gương" CHLB Đức, số 52, 1996

SỬA LẠI :

Tạp chí Cộng sản số 12 tháng 6-1997, trong bài Hồng Công trang 58, cột 2, dòng 10 in nhầm GDP bình quân đầu người của Hồng Công là 241 000 USD ; cột 2 dòng 11 in là 65,1 tỉ USD và cột 2 dòng 12 (từ trên xuống) in là đứng thứ 7 trên thế giới. Nay xin sửa đúng là : 24 000 USD ; 63 tỉ USD và đứng thứ 4 trên thế giới.

Thành thật xin lỗi bạn đọc

TCCS

Digitized by Google

VỀ NHỮNG CUỘC BẦU CỬ VỪA QUA

NGUYỄN THỊ HOA

Có thể nói, sáu tháng đầu năm nay là "mùa" bầu cử. Chỉ tính riêng trong tháng 5 và tháng 6, đã diễn ra một loạt những cuộc bầu cử ở các nước châu Âu, châu Á và châu Phi. Tuy nhiên, do thể chế chính trị mỗi nước khác nhau nên các cuộc bầu cử mang những nét khác nhau.

Ngày 1-5 vừa qua đã đi vào lịch sử nước *Anh* như một sự kiện chính trị quan trọng : Chủ tịch Công đảng Anh Tô-ni Ble đã giành được đa số ghế tuyệt đối trong cuộc tổng tuyển cử Quốc hội, trở thành Thủ tướng mới của Vương quốc Anh, nhiệm kỳ 5 năm. Nét mới của cuộc bầu cử lần này trước hết là thắng lợi lớn trong lịch sử 165 năm của Công đảng trước đảng Bảo thủ. Nó còn là chiến thắng vang dội của thế hệ mới (tân thủ tướng lên ngôi ở tuổi 44) đối với thế hệ được coi là già cỗi, bảo thủ, cầm quyền suốt 18 năm qua ; là chiến thắng của một đường lối hợp lý, hứa hẹn nhiều thay đổi quan trọng về chiến lược, phương thức hoạt động. Chương trình vận động tranh cử của Công đảng đã tranh thủ được cảm tình và sự ủng hộ của đông đảo quần chúng bởi lẽ nó kết hợp khôn khéo ý nguyện của dân với lợi ích của đất nước. Ông Ble đã tuyên bố : "Tôi là một người Anh yêu nước. Tôi sẽ đặt những lợi ích của đất nước tôi lên đầu tiên". Chiến lược của Công đảng chủ yếu chuyển sang tập trung vào các vấn đề trong nước như : cải cách nền giáo dục quốc gia, y tế ; giải quyết hài hòa, cân bằng giữa việc làm và đời sống gia đình ; mở rộng và thúc đẩy buôn bán với nước ngoài... nhằm mục tiêu xây dựng một nước Anh giàu mạnh, thịnh vượng, đoàn kết gắn bó với châu Âu và thế giới.

Trong cuộc bầu cử Quốc hội *Pháp* vừa qua (từ 25-5 đến 1-6), các đảng cánh tả đã giành được thắng lợi với 318 ghế trong tổng số 577 ghế, đánh bại liên minh trung hữu cầm quyền. Đảng xã hội thu được 252 ghế, Đảng cộng sản được 38 ghế (tăng 14 ghế). Liên minh trung hữu cầm quyền gồm Đảng tập hợp vì nền cộng hòa (RPR) và Liên minh Dân chủ Pháp (UDF) bị mất gần một nửa số ghế (từ 474 ghế xuống còn 257 ghế). Đảng mặt trận Quốc gia (cực hữu) chỉ được 1 ghế.

Kết quả cuộc bầu cử ở Pháp phản ánh nguyện vọng và mong mỏi của đông đảo cử tri muốn có một sự định hướng lại, một sự thay đổi thật sự. Cuộc bầu cử vừa qua không những là sự thẩm định lại vai trò và uy tín của chính phủ, mà còn là dịp thể nghiệm niềm tin và hy vọng của người dân vào một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Bằng lá phiếu của mình, các cử tri Pháp đã bày tỏ sự phản ứng về việc chính phủ đã không thực hiện được các cam kết (chống thất nghiệp, tăng việc làm và giảm thuế) cũng như về các biện pháp, chính sách thắt lưng buộc bụng nhằm đáp ứng và thực hiện những cam kết tham gia tiến trình liên minh kinh tế và đồng tiền chung châu Âu.

Mấy năm cầm quyền của liên minh cánh hữu đã đem lại bức tranh kinh tế không mấy sáng sủa cho nước Pháp : tỷ lệ thất nghiệp gần 13% với khoảng 4 triệu người (chủ yếu là thanh niên) ; các khoản thuế gia tăng ; trợ cấp và phúc lợi bị cắt giảm... Đảng xã hội trong chiến dịch tranh cử đã tranh thủ lòng tin của người dân bằng các cam kết sẽ tạo ra 700 nghìn việc làm trong vòng 3 năm, giảm thời gian làm việc mỗi tuần từ 39 giờ xuống 35 giờ mà không giảm tiền lương... Đồng thời, Đảng xã hội đã khai thác tối đa mặt mạnh của mình, vạch ra những sai lầm trong chủ trương, chính sách khắc khổ của Thủ tướng A. Giuýp-pê.

Sự chiến thắng của lực lượng cánh tả (mà đại diện là Đảng xã hội và Đảng cộng sản) trong cuộc bầu cử Quốc hội Pháp vừa qua là kết quả của sự đánh giá, nhìn nhận của cử tri Pháp đối với lực lượng cánh tả, một lực lượng không thể xem thường đã vừa lấy lại sức mạnh và vị thế của mình trong công cuộc điều hành đất nước.

So với cuộc bầu cử Quốc hội ở Anh, Pháp thì cuộc bầu cử tổng thống ở *Mông Cổ* lại mang những đặc thù riêng. Những năm qua, một thời kỳ khó khăn mới về kinh tế và xã hội đã đặt ra những thách thức về sự phát triển cho đất nước Mông Cổ. Giành thắng lợi trong cuộc bầu cử Quốc hội tháng 6-1996, Chính phủ của Thủ tướng M. En-khơ-xai-khan đã bắt đầu thực hiện một chương trình hành động để

Digitized by Google

vực đất nước đi lên. Song, các "liệu pháp sốc" vẫn không mang lại kết quả như mong muốn. Thực trạng kinh tế và đời sống xã hội sa sút nghiêm trọng. Ở Mông Cổ có tới 250 nghìn người không có việc làm ; một phần ba số dân thiếu ăn, hàng nghìn trẻ em lang thang không nhà cửa. Tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 3% (1996) so với mức 6% (1995) ; giá cả hàng tiêu dùng tăng 7,3% một tháng (cuối năm 1996).

Người dân Mông Cổ tỏ ra thất vọng, bất bình trước hiện trạng kinh tế - xã hội đất nước. Nhiều người cảm thấy bức bối và tiếc nuối cuộc sống tốt đẹp trước kia. Chính vì vậy trong cuộc bầu cử Tổng thống ngày 18-5 vừa qua, người dân Mông Cổ đã nói lên nguyện vọng của mình bằng những lá phiếu. Với 60,79% số phiếu bầu, ông N. Ba-ga-ban-đi, ứng cử viên của Đảng Nhân dân cách mạng Mông Cổ đã giành thắng lợi áp đảo ở 115 trên tổng số 119 khu vực bầu cử. Tổng thống đương nhiệm P. O-chi-rơ-bát, ứng cử viên của Liên minh dân chủ cầm quyền, chỉ thu được 29,8% số phiếu. Thắng lợi của ông Ba-ga-ban-đi còn được xem như là "một sự phản ứng" của nhân dân chống lại những cuộc cải cách thị trường tự do quá nhanh của liên minh cầm quyền.

Trong cuộc bầu cử Quốc hội ở *In-đô-nê-xi-a* ngày 29-5, Đảng Golkar, đảng cầm quyền lớn nhất trong số ba đảng ra tranh cử là Đảng Phát triển thống nhất (PPP), Đảng Dân chủ In-đô-nê-xi-a (PDI) và Đảng Golkar, đã tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo của mình bằng thắng lợi vang dội. Vai trò lãnh đạo của Đảng Golkar gắn liền với những thành tựu kinh tế của In-đô-nê-xi-a trong các năm qua. GDP tăng trung bình 7,5%/năm. Đời sống nhân dân được cải thiện. Tờ "Tuần báo châu Á" (Asia week) ngày 30-5 đã cho rằng Đảng Golkar đã đem lại nhiều phúc lợi. Hầu hết các làng quê đều đã có điện, đường sá, dịch vụ y tế và trường học. Do vậy, chính phủ của Đảng Golkar tiếp tục giữ được sự ủng hộ của đông đảo cử tri.

Ở *An-giê-ri,* cuộc bầu cử Quốc hội diễn ra vào thời điểm nền kinh tế - xã hội nước này lâm vào khủng hoảng trầm trọng, kéo dài từ gần 6 năm nay kể từ khi Quốc hội bị giải tán (1-1992). Các lực lượng đối lập đã tiến hành các hoạt động bạo lực chống phá chính quyền. Khủng bố luôn là nỗi kinh hoàng thường trực đè nặng lên tâm trí và đời sống nhân dân. Tính từ 5 năm trở lại đây đã có tới 60 000 người dân thiệt mạng vì các vụ đánh bom, tàn sát hàng loạt. Do vậy, ước vọng bấy lâu nay của người dân An-giê-ri là có một cuộc sống hòa bình, ổn định để dựng xây và phát triển đất nước.

Theo kết quả bầu cử ngày 5-6, các đảng thân Chính phủ đã giành được đa số phiếu, trong đó Đảng Tập hợp dân chủ quốc gia (RND) thân Tổng thống được nhiều phiếu nhất (32% phiếu bầu). Thắng lợi này củng cố niềm tin của nhân dân đối với Chính phủ An-giê-ri trong việc tiếp tục tiến hành những cải cách kinh tế - xã hội, ổn định tình hình an ninh - chính trị, xây dựng một đất nước An-giê-ri hòa bình, phát triển, đoàn kết và hòa hợp dân tộc.

Các cuộc bầu cử trên thế giới vừa qua đã chiếm lĩnh nhiều trang báo trong và ngoài nước, là những sự kiện chính trị thu hút sự quan tâm của dư luận.

Kết quả của những cuộc bầu cử ở Anh, Pháp, Mông Cổ, An-giê-ri..., đã cho thấy một xu hướng đang lên, mang tính tất yếu : xu hướng nhân dân tham gia vào đời sống chính trị.

Nguyện vọng chung của tuyệt đại đa số nhân dân là bầu cho một tương lai tươi sáng, tốt đẹp hơn. Và chính nhân dân là người quyết định lựa chọn sự đi hay ở đối với quyền lực của người lãnh đạo, là người quyết định con đường đi của đất nước mình. Do vậy, muốn tồn tại và phát triển, những người lãnh đạo phải thực sự đem lại sự tiến bộ, công bằng và hạnh phúc cho người dân. Điều đặt ra đối với các chính phủ mới được bầu không những là làm gì, làm như thế nào mà còn là việc làm đó có thuận chiều với lợi ích của đa số nhân dân lao động hay không.

Đối với các chính phủ mới, trước mắt khó khăn sẽ nhiều và thách thức không ít. Ngoài vấn đề chính quyền đó có đủ khả năng, quyết tâm và nghị lực biến những cam kết trên giấy tờ và những lời hứa khi tranh cử trở thành hiện thực, thì vấn đề giữ được chính quyền và định hướng phát triển kinh tế - xã hội còn khó khăn, phức tạp hơn.

Kết quả bầu cử chưa phải là tất cả, vì những gì mà người dân thực sự quan tâm không phải là sự chuyển giao quyền lực, những "lời hứa gió bay" mà phải là những thay đổi có lợi cho dân, là khả năng, tính hiệu quả giữa lời nói và việc làm. Người ta chờ mong những gì sẽ đến sau bầu cử.

Qua các cuộc bầu cử đó, chúng ta thấy cuộc đấu tranh giữa các khuynh hướng chính trị khác nhau - tả và hữu - vẫn còn mang tính chất gay gắt, quyết liệt. Xu thế chính trị của châu Âu đang nghiêng về tả có phần rõ nét. Lực lượng cánh tả hiện đang cầm quyền hoặc tham gia cầm quyền tại 12 trong số 15 nước thuộc Liên hiệp châu Âu. ❑

Digitized by Google

NGA KHÔNG CHẤP NHẬN THẾ GIỚI MỘT CỰC DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA MỸ

Dưới đầu đề trên, Báo Độc lập (Nga) ngày 14-3-1997 đã viết bài bình luận với nội dung chủ yếu như sau :

TRONG ý kiến xã hội Nga và trong giới chính trị Nga hình thành một sự nhất trí hiếm thấy đối với việc mở rộng NATO về phía Đông. Ngoại trừ một nhóm rất nhỏ những nhà chính trị "siêu tự do" như E. Gai-đa, A. Cô-đu-rép, S. Iu-sen-cốp, K. Bô-rô-vôi, còn lại - từ những người dân chủ đến những người cộng sản, những người mang tư tưởng yêu nước, quốc gia và dân tộc chủ nghĩa - đều cho rằng, việc mở rộng NATO là đi ngược lại lợi ích của Nga. Họ đưa ra những lời giải thích khác nhau, các đánh giá khác nhau về ý định của NATO, về hậu quả của việc mở rộng cũng như các biện pháp đáp lại "tương ứng" của Nga.

Ngoài sự nhất trí về vấn đề trên, ở Nga còn hình thành sự nhất trí về nhiều vấn đề quốc tế khác.

Thế giới một cực dưới sự chỉ đạo của Mỹ là không thể chấp nhận đối với Mát-xcơ-va. Điều gì tốt đối với Mỹ không nhất thiết phải tốt đối với Nga. Thậm chí, cả khi nền dân chủ ở Nga tiếp tục phát triển và kinh tế thị trường được hình thành, thì sự hợp tác với Mỹ trong các lĩnh vực kinh tế, quân sự và chính trị hoàn toàn không có nghĩa là lợi ích của hai nước giống nhau. Vẫn có những bất đồng sâu sắc trong một số vấn đề. Nếu Nga không kiên quyết bảo vệ lợi ích của mình thì không ai làm hộ điều đó. Sự nhượng bộ cần được thực hiện không phải vì tình hữu nghị hay vì nguyên tắc trừu tượng nào đó, mà là để đáp lại những bước có giá trị tương ứng của phía bên kia. Mỹ có phải là kẻ thù của Nga hay không thì đó là vấn đề còn phải tranh cãi ; nhưng rõ ràng Mỹ không phải là đồng minh của Nga trong một tương lai có thể nhìn thấy trước. Quan hệ của Nga với Mỹ từ thế yếu sau "chiến tranh lạnh" còn tồi tệ hơn so với kỷ nguyên đối đầu, khi vũ khí hạt nhân là "dấu ngang bằng vĩ đại".

Nga cho rằng lãnh thổ Liên Xô (cũ) là ưu tiên chủ yếu trong chính sách đối ngoại, là khu vực những lợi ích "quan trọng sống còn" đặc biệt của Mát-xcơ-va. Điểm đặc biệt của các nước cộng hòa thuộc Liên Xô (cũ) là, mới chỉ 5 năm trước đây các nước đó cùng với Nga là một hệ thống kinh tế, năng lượng, giao thông và quân sự thống nhất. 25 triệu người Nga bỗng nhiên nằm ngoài tổ quốc của mình. 1/4 biên giới mới của Nga liền với các nước trên hầu như không được bảo vệ. Lợi ích sống còn, kể cả Ca-ạa-đa và Mê-hi-cô, đối với Mỹ là không thể so sánh được với tầm quan trọng của các nước cộng hòa thuộc Liên Xô (cũ) đối với Nga. Phương Tây không muốn Nga liên kết với các nước thuộc Liên Xô (cũ), kể cả việc liên kết kinh tế thuần túy trên cơ sở tự nguyện. Số phận những người nói tiếng Nga và cả nền dân chủ ở các nước thuộc Liên Xô (cũ) không hề làm những người bảo vệ quyền con người phải quan tâm. Họ chỉ quan tâm đến những chế độ mới ở đâu trung thành với Mỹ và đồng minh của Mỹ là được. Cần chống lại sự gia tăng ảnh hưởng của Mỹ, Đức, Thổ Nhĩ Kỳ, Áp-ga-ni-xtan và Pa-ki-xtan đối với

Digitized by Google

các khu vực thuộc Liên Xô (cũ), dù sự can thiệp của họ có ý định tốt đẹp đến đâu.

Phương Tây coi việc giải quyết xung đột ở Nam Tư và hoạt động gìn giữ hòa bình ở Ban-căng là thành công lớn và là mô hình cho tương lai. Nga thì coi việc đó là cuộc thử nghiệm không thành công, nếu không nói là thất bại thảm hại của chính sách đối ngoại của Nga. Sự ngoan ngoãn đi theo gót Mỹ cho đến tận mùa thu năm 1995 đã làm giảm nghiêm trọng uy tín của Nga trong con mắt của phương Tây và cả của Nam Tư. Các cuộc ném bom dồn dập của NATO vào các khu của người Xec-bi-a và Bốt-xnia từ mùa hè 1995 cho thấy không phải các cuộc đàm phán kiên nhẫn mà sức mạnh mới là công cụ ngoại giao chủ yếu. Người ta chỉ sẵn sàng đồng ý với quan điểm của Mát-xcơ-va khi nó không mâu thuẫn với đường lối của Mỹ. Huyền thoại về bản chất phòng thủ thuần túy của NATO đã tiêu tan trong con mắt của đa số dân Nga. Việc Nga ký Hiệp định Đây-tơn có tính ép buộc đối với người Xec-bi-a và sự tham gia của quân Nga trong thành phần nhóm quân Mỹ đã ghi nhận vai trò phụ thuộc của Nga ở Ban-căng. Nga rút ra bài học : ít nhất là cần bảo vệ quan điểm của mình, không quá dựa dẫm vào Liên hợp quốc hay vào thiện chí của các nước khác trong trò chơi ngoại giao.

...

Về siêu cường Trung Quốc đang ngày càng lớn mạnh, thì trong thời gian tới Bắc Kinh được coi là một đồng minh không chính thức của Nga. Trung Quốc là một trong những bạn hàng chủ yếu của Nga, nước mua nhiều vũ khí của Nga. Cả hai nước đều tìm cách bảo đảm an ninh cho hậu phương của mình, đã ký hiệp định về hoạch định biên giới và chuẩn bị hiệp định về cắt giảm quân đội ở khu vực biên giới. Nhưng đồng thời, trong điều kiện khủng khoảng kinh tế và dân chúng bỏ đi khỏi vùng Xi-bê-ri và Viễn Đông, Nga lo lắng trước sự lớn mạnh về kinh tế và quân sự của Trung Quốc. Trong khung cảnh đó, sức ép di dân từ phía Trung Quốc đang gây nên mối sợ hãi của Nga cho tương lai của những vùng giàu tài nguyên ở Viễn Đông. Chính sách chung của Nga cần mở rộng sự hợp tác trong tất cả các lĩnh vực, nhưng không được ảo tưởng và phải sẵn sàng đối phó trước những thay đổi nguy hiểm trong tương lai.

Trong quan hệ với Nhật Bản, chỉ có quan điểm duy nhất là "không một tấc đất nào của Nga" đổi lấy việc đầu tư của Nhật Bản. Ít ai tin rằng Nhật Bản sẽ đầu tư vào Nga, khi ở đó chưa tạo ra cơ sở thuận lợi về luật pháp cũng như an ninh cho việc đầu tư. Nhiều người sợ rằng, Nhật Bản sẽ hút hết tài nguyên của Nga như từ một nước nửa thuộc địa và không đền bù gì cho việc đó. Về mặt chính trị, Nga cho rằng nếu Nhật Bản sợ Trung Quốc, thì họ hãy mềm mỏng hơn trong chính sách của mình đối với Nga. Gần như tất cả các nhà chính trị Nga hoan nghênh sự hợp tác vô điều kiện với Hàn Quốc.

Nói chung, viện trợ kinh tế của phương Tây cho Nga thông qua ngân hàng thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) được đánh giá khác nhau. Phương Tây cho rằng đó là sự từ thiện vĩ đại, chỗ dựa quan trọng nhất cho cải cách thị trường của Nga, một mắt xích của sự phụ thuộc của Nga. Ở Nga thì ngược lại : ngoài nhóm Gai-đa và một số nhân viên chính phủ, các nhà chính trị có đánh giá hoàn toàn khác về sự giúp đỡ trên. Họ không gắn liền tín dụng của nước ngoài với sự phát triển kinh tế, mà với việc thực hiện mô hình cải cách kinh tế nhất định. Và đa số các nhà chính trị cho rằng mô hình đó phá hoại kinh tế và nhà nước Nga. Bởi vì, nó kích thích tham nhũng và tội phạm, phá vỡ quốc phòng, y tế, giáo dục, khoa học và văn hóa, khuyến khích sự ăn cắp tài sản dân tộc để làm giàu cho một nhóm nhỏ, trong khi đó lại làm bần cùng hóa đa số nhân dân. Những khoản tín dụng hằng năm của IMF kèm theo các điều kiện trói buộc chỉ bằng một phần nhỏ số tư bản của Nga chuyển ra nước ngoài.

Digitized by Google

Khác với quan niệm của phương Tây, ít người ở Nga coi tín dụng nước ngoài là điều tốt.

Về quân đội Nga thì có sự nhất trí rằng, Nga không cần như trước kia phải ngang với Mỹ về mọi phương diện. Nhưng cũng không được cắt giảm quân đội ngang với tầm các nước châu Âu, mặc dù tổng sản phẩm quốc dân và ngân sách quốc phòng của Nga giảm xuống chỉ bằng các nước đó. Ưu tiên hàng đầu là sự kiềm chế hạt nhân, công nhận sự cần thiết duy trì công nghiệp và khoa học quốc phòng tiên tiến, tính hiệu quả của lực lượng quân sự Nga và ký kết các hiệp định về giải trừ quân bị.

Các hiệp định hiện nay về giải trừ quân bị cũng là một trong những chủ đề gây tranh cãi. Tuy nhiên, ở đây có nhận thức được rằng đó là một trong những cách củng cố an ninh của Nga. Sự thay đổi về địa - chính trị, chiến lược hay tài chính (sự tan rã của Hiệp ước Vác-sa-va và Liên Xô, việc mở rộng NATO, khủng hoảng ngân sách) được thừa nhận là cơ sở đủ để xem xét lại các hiệp định hiện hành, trong trường hợp cần thiết, ngừng không thực hiện hay hủy bỏ chúng. Chính sách thay đổi của Mỹ đối với hiệp định về phòng thủ tên lửa chống đạn đạo hay mưu toan mở rộng NATO về phía Đông bất chấp tinh thần Hiệp định năm 1990 về không bố trí lực lượng NATO trên phần phía Đông của nước Đức, đã thúc đẩy những quan điểm nêu trên ở Nga.

Đối với việc xuất khẩu công nghệ và vật liệu hạt nhân, việc cung cấp kỹ thuật tên lửa và nói chung là buôn bán vũ khí, thì có ý kiến cho rằng phương Tây đang tìm cách đẩy Nga ra khỏi thị trường truyền thống của Nga bằng việc mời chào vũ khí của mình, thông qua các lệnh trừng phạt của Liên hợp quốc, hay gây áp lực về chính trị (Trung Âu, Bắc Triều Tiên, Li-bi, I-rắc, Nam Tư, I-ran, Ấn Độ và Cu Ba). Đồng thời phương Tây ngăn cản không để Nga thâm nhập thị trường các nước thân phương Tây (ở Mỹ la - tinh, Đông - Nam Á, vùng Vịnh và ở Síp) và đã áp dụng không chỉ các biện pháp cạnh tranh thị trường trong việc này.

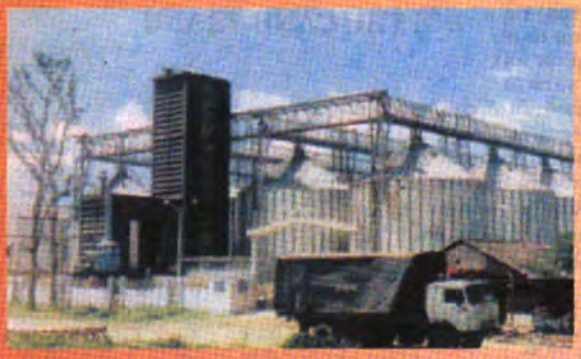
Từ đây có quan điểm phổ biến ở Mát-xcơ-va cho rằng, phương Tây muốn loại trừ Nga ra khỏi thị trường công nghệ cao và dành cho Nga vai trò một nước cung cấp dầu khí, gỗ, khoáng sản - một trong những cách đẩy nước Nga quay trở lại thời kỳ trước công nghiệp. Vì thế kết luận chung là, Nga cần bằng mọi cách khuyến khích sự xuất khẩu vũ khí, công nghệ và vật liệu hạt nhân, đặt lên hàng đầu lợi ích kinh tế và chính trị của mình, sau đó mới tính đến việc không truyền bá vũ khí hạt nhân và tên lửa cũng như hạn chế chạy đua vũ trang ở những khu vực xung đột trên thế giới. Lãnh đạo chính trị Nga không quên việc Mỹ nhắm mắt làm ngơ trước chương trình hạt nhân của I-xra-en và đã giành của Nga quyền cung cấp các lò phản ứng hạt nhân cho Bắc Triều Tiên.

Có thể không nhất trí với một số quan điểm nêu ở trên, nhưng cần hiểu rằng chúng không phải tự dưng xuất hiện. Chúng hình thành trong quá trình trao đổi hoàn toàn dân chủ và dưới tác động của thực tiễn trong mấy năm qua. Như vậy chúng có tính dài hạn và sẽ tác động lên chính sách đối ngoại của Nga mà không phụ thuộc vào sự thay đổi của chính phủ hay của các bộ trưởng. Tiếc rằng Mỹ và các cường quốc phương Tây khác không biết và không muốn biết về những quan điểm đó. Khi những điều đó diễn ra, thì họ lại đổ tội cho chủ nghĩa cộng sản hay chủ nghĩa dân tộc. Phương Tây không thể và không muốn xem xét các hành động của mình qua lăng kính của Nga. Sự quá tự tin vào sức mạnh là bản chất chính sách hiện nay của phương Tây đối với Nga. Nó sẽ phá hoại quan hệ của phương Tây với Nga, thậm chí còn dẫn đến xung đột. Trong một số vấn đề, việc tìm kiếm thỏa hiệp sẽ khó khăn hơn so với lúc Liên Xô trong thời kỳ "chiến tranh lạnh". Bởi vì, lúc đó Crem-li không coi mình là yếu kém và không phải tính đến ý kiến của quốc hội, báo chí và những cuộc bầu cử sắp tới. ❑

Digitized by Google

CÔNG TY LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM SÓC TRĂNG
SOC TRANG FOOD COMPANY (SOFOOD. CO.)

- Địa chỉ : số 18 đường Trần Hưng Đạo, phường 2, TX Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại : (079) 824350 - 822492 - Fax : 84 - 79 - 821115



- Trạm đại diện : Số 310 đường Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
- Các đơn vị trực thuộc :
  + Xí nghiệp Chế biến Lương thực Tân Thạnh.



- Chuyên kinh doanh :
  + Xuất nhập khẩu lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, các mặt hàng nông sản khác và vật tư, thiết bị phục vụ nông nghiệp.
  + Gia công, chế biến và cung ứng các loại gạo xuất khẩu.
  + Sản xuất sợi PP cao cấp.



Hân Hạnh Được Đón Tiếp Quý Khách



+ Xí nghiệp Chế biến Lương thực Ngã Năm.
+ Nhà máy xay gạo xuất khẩu Sóc Trăng.
+ Xí nghiệp Chế biến Lương thực Sóc Trăng.
+ Xí nghiệp sản xuất sợi PP.

Digitized by Google

DASO

DẦU GỘI DASO PRO-BIO

NẾU CHỈ CÓ VITAMIN B5 THÌ MỚI NHU MỘT CHIẾC XE KHÔNG XĂNG, NHỜ CÓ **BIOTIN** (VITAMIN H) RẤT ĐẮT GIÁ CHIẾC XE SẼ ĐƯA BẠN ĐẾN ĐÍCH : MÁI TÓC HUYỀN TUYỆT ĐẸP, VÌ **DASO PRO-BIO** LÀ DẦU GỘI NUÔI DƯỠNG VÀ KÍCH THÍCH PHÁT TRIỂN MÁI TÓC, CHỐNG RỤNG TÓC.

DASO PRO-BIO SỬA LẠI SAI LẦM CỦA ĐỐI THỦ CẠNH TRANH

*** Kính thưa quí Công ty Daso**

Là một công dân bình thường như bao công dân khác sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh. Hằng ngày sống trong bầu không khí bị ô nhiễm nặng của một Thành phố lớn cộng thêm nghề của tôi là lái xe ôm, do tính chất nghề nghiệp, hàng ngày tôi phải tiếp xúc với nắng, mưa, cát, bụi... nên tóc và da đầu tôi trở nên xơ xác và rất rít cùng với sự hiện diện của gàu làm tôi ngứa ngáy, khó chịu mặc dù tôi rất năng tắm rửa hàng ngày. Một hôm, do tình cờ không đủ tiền để mua một sản phẩm ngoại mà tôi đã mua sản phẩm của Daso vì giá rẻ hơn hàng ngoại gần một nửa. Tôi nghĩ : tiền nào của đó, tiền ít thì tất nhiên sản phẩm không tốt nhưng tôi đã lầm, chỉ sau hai tuần liên tục gội Daso mà tóc tôi trở nên bóng mượt và hết hẳn gàu, hơn hẳn sản phẩm của ngoại mà tôi dùng trước đây.

* Đứng trên phương diện của một khách hàng đã sử dụng qua nhiều sản phẩm dầu gội nội, ngoại nếu tôi chê các sản phẩm dầu gội khác, không phải của Daso là không tốt thì chắc chắn tôi phản ánh không trung thực vì các sản phẩm đó nếu không tốt sẽ không có người mua, đúng không ? Nhưng đối với sản phẩm Daso tôi thấy có ba lợi điểm : giá thành rẻ, hợp với túi tiền người lao động, cộng với chất lượng hơn hẳn hàng ngoại lại rất phù hợp với khẩu ngữ "Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam" nên tôi tin rằng sản phẩm của Daso biết đâu sau đó sẽ có chân trên thị trường Quốc tế.

Cảm ơn quí Công ty đã lắng nghe ý kiến của tôi và một lần nữa xin cảm ơn sản phẩm Daso đã cho tôi mái tóc đẹp tuy không bằng người mẫu quảng cáo trên T.V nhưng cũng hơn hẳn người bình thường khác không dùng Daso.

Trân trọng kính chào.

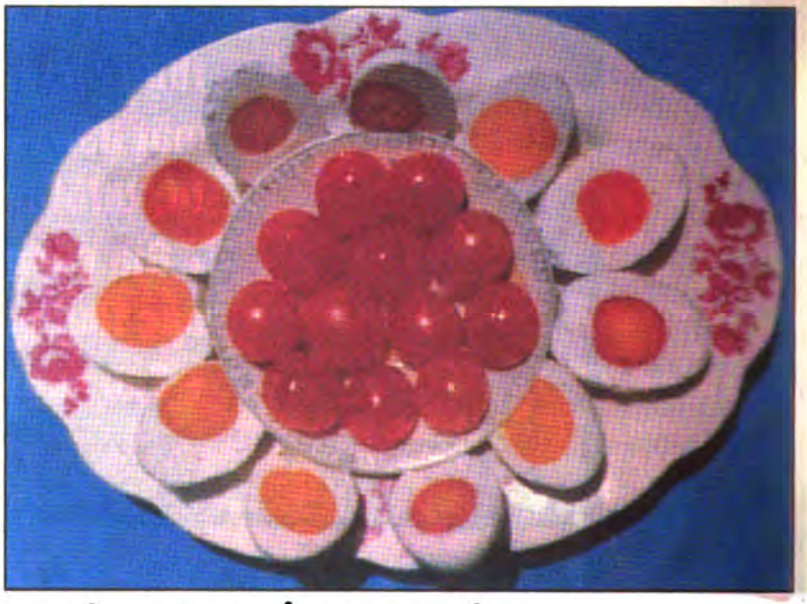
Nguyễn Thái Hơn



CÔNG TY NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Địa chỉ :

- 152 - 154 Trần Hưng Đạo
  TP. Cần Thơ
- Tel : 71-835542 - 71-835544
- Fax : 84-71-32060



KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU TRỰC TIẾP :

- Sản xuất trứng vịt muối xuất khẩu
- Xuất khẩu : lương thực, nông sản, thực phẩm thủy sản chế biến, tiểu thủ công mỹ nghệ.
- Nhập khẩu : Các loại vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất và các loại hàng tiêu dùng thiết yếu.
- Nhận ủy thác xuất nhập khẩu.
- Các liên doanh với nước ngoài, hoạt động có hiệu quả : Xí nghiệp Lông vũ MeKo ; Xí nghiệp may mặc ; Xí nghiệp gia cầm ; Xí nghiệp thủ công mỹ nghệ ; Xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc, xí nghiệp thuộc da MeKo...

Hân hạnh đón tiếp quý khách.

Digitized by Google

PETROLIMEX

CÔNG TY XĂNG DẦU HÀ SƠN BÌNH

Petrolimex HaSonBinh





Trụ sở công ty

Trụ sở chính : Phố Trần Phú,
Thị xã Hà Đông, Hà Tây.

Điện thoại : 826286, 826287,
826290, 827393,

Fax : 84.34.825208.

Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu, gas và bếp gas.

- Các dịch vụ kỹ thuật và dịch vụ thương mại.

- Kinh doanh tổng hợp.

Thị trường kinh doanh : Trong và ngoài nước.

Giám đốc công ty : **Trần Hùng Nông**



Cửa hàng xăng dầu số 28 - Đồng Mai

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU CHƯ SÊ

CHUSE RUBBER COMPANY

Địa chỉ : Km 506 - QL 14
Huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai
Tel : 059.851159
Fax : 059.851244
Tài khoản : 7301-05221
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai



Nhà máy chế biến mủ cao su Iaglai công ty cao su Chư Sê.

Hoạt động : Đầu tư trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm.

- Dịch vụ cho việc phát triển cao su tiểu điền, trong khu vực như : khai hoang, cung cấp giống, vật tư phân bón, thuốc phòng trừ sâu bệnh, chế biến và tiêu thụ.

Diện tích đất tự nhiên : 23.000 ha

Diện tích trồng cao su : 14.000 ha

Đã trồng : 4.600 ha

Sản lượng : Năm 1996 : 1.200 tấn. Dự kiến đến năm 2000 > 3.000 tấn

Nhà máy : Nhà máy chế biến cao su IAGLAI, công suất giai đoạn I 3.000 tấn/năm, với quy trình công nghệ tiên tiến nhất khu vực Tây Nguyên.

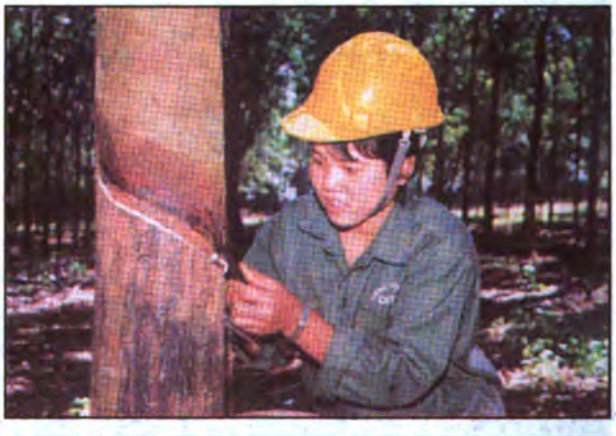
Sản phẩm : RSS, CSV các loại có chất lượng cao.

Thị trường : Sản phẩm được tiêu thụ trong và ngoài nước.

Công ty rất hân hạnh được đón tiếp sự hợp tác, liên doanh, liên kết đầu tư và tiêu thụ sản phẩm của các doanh nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

Đến với Công ty Cao Su Chư Sê - Cơ hội lớn của các nhà đầu tư và kinh doanh





Công nhân cạo mủ CVT cao su Iah lốp.



Chăm sóc vườn ươm.

Digitized by Google

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

CHI NHÁNH TỈNH AN GIANG



MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1/Nhận tiền gởi :

Ngắn hạn và trung hạn dưới nhiều hình thức ở tất cả các thành phần kinh tế và trong dân cư.

+ Bằng tiền đồng Việt Nam gồm :

- Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn
- Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và có kỳ hạn (3 tháng, 6 tháng, 12 tháng)
- Kỳ phiếu có mục đích : loại 3 tháng, 4 tháng, 6 tháng, 12 tháng và trên 1 năm.
- Trái phiếu Ngân hàng : loại ký danh, loại vô danh, tài khoản trái phiếu.

+ Bằng ngoại tệ :

- Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và có kỳ hạn (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng).
- Kỳ phiếu loại 1 năm, 2 năm.

2/ Cho vay :

- Ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam và Ngoại tệ đối với các doanh nghiệp Nhà nước. Mở L/C thanh toán quốc tế và cho vay thanh toán L/C nhập khẩu.
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam đối với các hộ sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.
- Cho vay trả góp theo ngày, tuần và tháng.

3/ Dịch vụ Ngân hàng :

- Cầm cố chứng chỉ có giá, vàng, các loại động sản (máy móc, thiết bị, xe gắn máy, Tivi, đầu máy Video...)
- Kiểm đếm tiền .
- Dịch vụ thanh toán, chuyển vốn, chuyển tiền nhanh trong và ngoài tỉnh qua mạng vi tính trên phạm vi toàn quốc.
- Thực hiện việc thu đổi ngân phiếu lấy tiền mặt và ngược lại.
- Thu đổi và kinh doanh ngoại tệ.
- Dịch vụ chi trả kiều hối.

Đặc biệt có nhận và phát phiếu nhắn tin đi Mỹ và Canada miễn phí.

- Bảo lãnh cho khách hàng đối với quan hệ mua bán trong và ngoài nước.

* Phương châm phục vụ : *An toàn - uy tín - nhanh chóng và hiệu quả nhất cho khách hàng.*

* Sự thành đạt và nhu cầu ngày càng cao của khách hàng là mục tiêu của chúng tôi.

* Đến với Ngân hàng Nông nghiệp An Giang Quý khách sẽ thật sự hài lòng với thái độ phục vụ niềm nở, tận tình và chu đáo.

Rất hân hạnh được Quý khách chọn làm người phục vụ.

Ngân hàng Nông nghiệp Tỉnh An Giang

Digitized by Google

5730

BƯU ĐIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG



ĐỊA CHỈ : 18 TRẦN PHÚ - ĐÀ LẠT
ĐIỆN THOẠI : 063. 822571 - 824652
FAX : 063. 823567

Mạng lưới bưu chính viễn thông hiện đại, đồng bộ.

Sẵn sàng phục vụ và thỏa mãn mọi nhu cầu về bưu chính viễn thông.

NGOÀI CÁC DỊCH VỤ TRUYỀN THỐNG, CÒN CÓ NHIỀU DỊCH VỤ MỚI :

- *Nhắn tin toàn quốc.*
- *Điện thoại di động*
- *Điện hoa (Chúc mừng, chia buồn).*
- *Dịch vụ thông tin kinh tế, xã hội (108).*
- *Dịch vụ chuyển phát nhanh (EMS).*
- *Dịch vụ chuyển tiền nhanh.*
- *Thu điện tử.*
- *Fax*
- *Và nhiều dịch vụ được áp dụng cho tổng đài điện tử EWSD.*

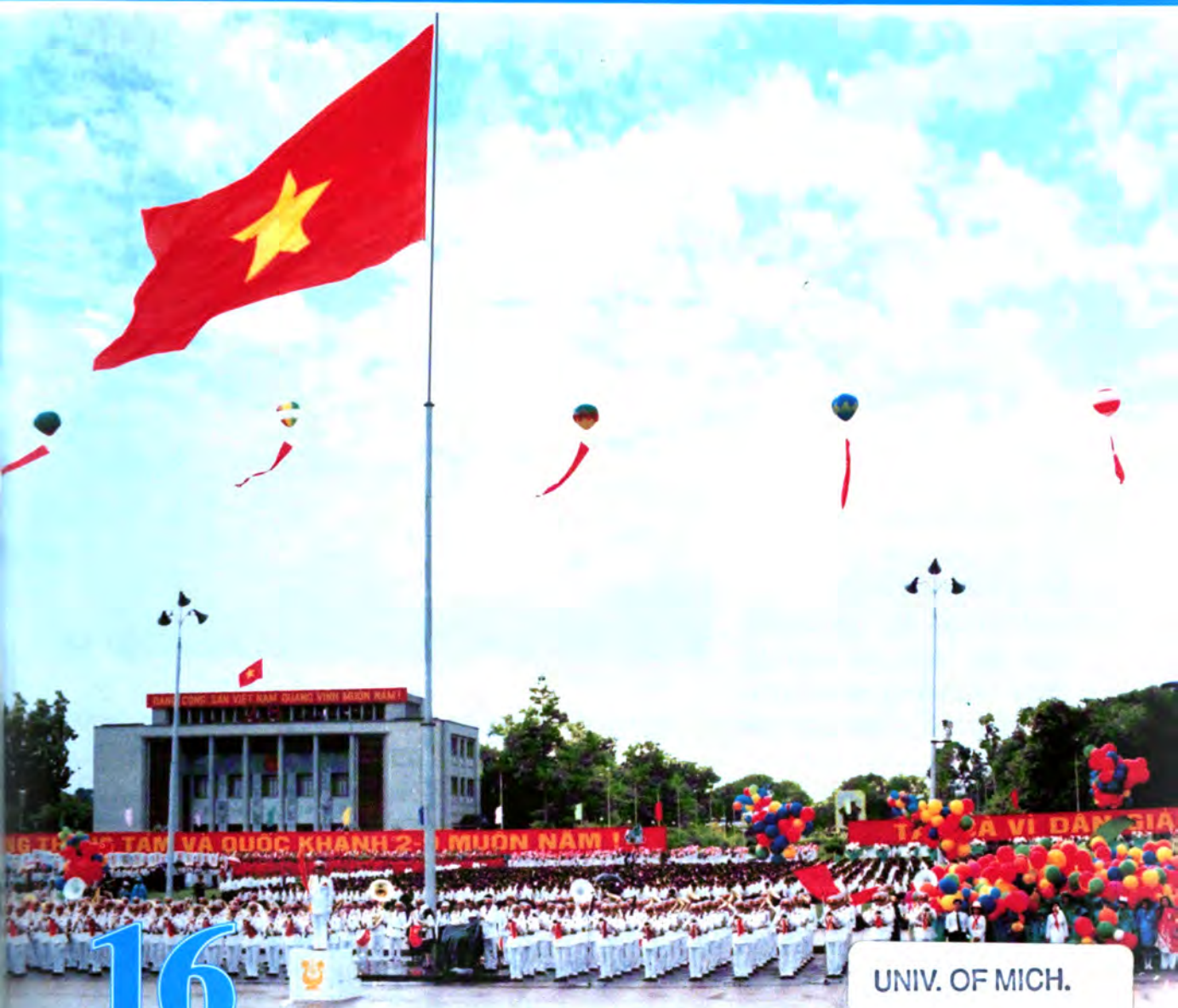


IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản



16
8 - 1997

UNIV. OF MICH.
SEP 15 1997
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN

ĐỊA CHỈ : CHÂN CẦU SÀI GÒN - P.22 - BÌNH THẠNH ★ ĐT : 8.990.706

- Công ty Tân cảng Sài Gòn (BTL Hải Quân) được thành lập lại ngày 13/07/1993 theo Quyết định số 352/TTg của Thủ tướng Chính phủ.
- Ngành nghề kinh doanh : Xếp dỡ hàng hóa - Dịch vụ cảng biển kho bãi.
- Hệ thống cầu tàu dài hơn 700m cho phép tiếp nhận các tàu container có mức nước tối đa 9,5m, trọng tải đến 12.000 tấn. Có đội tàu kéo, ca-nô, hệ thống chiếu sáng đảm bảo cho các tàu cập, rời bến an toàn trong mọi điều kiện thời tiết.
- Hệ thống bãi chứa container rộng trên 150.000m^2 cho phép tiếp nhận 600.000 TEU/năm container qua cảng.
- 11 kho có mái che (DT gần 20.000m^2) có điều kiện tối ưu để bảo quản, lưu giữ các loại hàng hóa khác nhau.
- Thiết bị xếp dỡ, vận chuyển hiện đại, đồng bộ (cẩu nổi 100T, cẩu khung, xe nâng các loại, đầu kéo...) bảo quản xếp dỡ, vận chuyển container các loại từ 20 - 40 - 53 feet (xếp cao 4 tầng).



Trụ sở Công ty Tân cảng Sài Gòn



Cầu Container

- Đội ngũ Cán bộ - CNV quản lý điều hành tinh thông nghiệp vụ, tận tình, vui vẻ phục vụ khách hàng 24/24 giờ.
- Các năm vừa qua, Tân cảng luôn từng bước phát triển vững chắc, lượng hàng qua cảng, và các chỉ tiêu chất lượng khai thác cảng năm sau cao hơn năm trước từ 20 - 30%.

Hàng năm, Công ty còn chi trên 200 triệu đồng cho các hoạt động "đền ơn, đáp nghĩa" và từ thiện xã hội khác (trích từ quỹ phúc lợi và CB - CNV đóng góp). Tính từ 1993 đến nay, đã nhận phụng dưỡng suốt đời 52 Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, 2 mẹ Liệt sĩ, xây 13 nhà tình nghĩa, sửa chữa lớn 4 nhà tình nghĩa, tặng nhiều sổ tiết kiệm cho đối tượng chính sách.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 526 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	LÊ XUÂN TÙNG - Xây dựng từng bước quan hệ sản xuất mới	3
	NGUYỄN DUY QUÝ - Giá trị bền vững của học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội	10
	PHẠM HƯNG - Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của ngành tòa án nhân dân	14
NHÂN KỶ NIỆM LẦN THỨ 52 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9 (1945 - 1997)	BÙI NGỌC THANH - Công tác tổ chức của Đảng sau ngày Tổng khởi nghĩa (19-8-1945)	20
	TRẦN ĐÌNH HUỲNH - Tăng cường bản chất cách mạng của Nhà nước ta trong tình hình mới	24
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	QUANG CẬN - Về đặc điểm nổi bật và xu thế chủ yếu của thế giới ngày nay	27
	LƯU HÀ VỸ - Sở hữu và phát triển	30
	VŨ HIỂN - Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân	35
	TỪ SƠN - Cần có một chiến lược về văn hóa	38
	NGUYỄN THẾ THẮNG - Một số vấn đề về tôn giáo hiện nay	41
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	BÙI THIỆN TÍCH - Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh trên đà phát triển	45
	NGUYỄN HUY DIẾN - Đảng bộ huyện Đông Anh với chương trình nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các chi bộ đảng	48
	LÊ TRỌNG - Từ thực tế một xã, suy ngẫm về sự đóng góp của nông dân	51
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NGUYỄN TRỌNG THỤ - Một kiểu giữ ghế	54
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN ĐÌNH BIN - Hội nghị cấp cao lần thứ 7 của Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp	55
	TRỊNH ĐÌNH TỪ - Cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc hiện nay	58
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	- Thuế thu nhập cá nhân	61
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Bắc Ninh tổ chức hội nghị xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh	61

Bìa 1 : *Ảnh TTXVN*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ СУАН ТУНГ - Формирование шаг за шагом новых производственных отношений. НГУЕН ЗУЙ КУЙ - Прочное значение теории К. Маркса о социально - экономической формации. ФАМ ХЫНГ - Дальнейшее обновление организации и деятельности народных судов. БУЙ НГОК ТХАНЬ - Организационная работа после Дня Всенародного Восстания (19 ого Августа 1945 ого года). ЧАН ДИНЬ КУИН - Увеличить революционную натуру нашего государства в новой обстановке. КУАНГ КАН - Об отличительных чертах и главных тенденцях современного мира. ЛЫУ ХА ВЙ - Собственность и развите. ВУ ХИЕН - Проблема ведения коммунистами частного хозяйства. ТЫ ШОН - Нужно иметь культурную стратегию. НГУЕН ТХЕ ТХАНГ - Некоторые религиозные проблемы на данном этапе. БУЙ ТИЕН ТИК - XI ый район города Хо Ши Мина набирает темпы равития. НГУЕН ДИНЬ БИН - VII ая высшая конференция сообщества стран использующих Французский язык (Франкофони). ЧИНЬ ДИНЬ ТЫ - Акционерование части государственных предприятий в Китае в настоящее время.

CONTENTS

LÊ XUÂN TÙNG - Building step by step new production relations. NGUYỄN DUY QUÝ - Sustainable value of K. Marx's theory on socio-economic structure. PHẠM HƯNG - The further renovation of organization and operation of the sytem of people's courts. BÙI NGỌC THANH - The Party's organization work after the General Insurrection (August 19, 1945). TRẦN ĐÌNH HUỲNH - Increasing revolutionary nature of the State in the new situation. QUANG CẬN - About contemporary distinctive characteristics and major tendencies of the world. LƯU HÀ VĨ - Ownership and development. VŨ HIỀN- The issue of conducting private economy by party members. TỪ SƠN - A cultural strategy is needed. NGUYỄN THẾ THĂNG - Some religious problems at present. BÙI THIỆN TÍCH - The 11th district of Ho Chi Minh City speeds up development tempo. NGUYỄN ĐÌNH BIN - The VIIth summit conference of the community of French - speaking countries Francophony. TRỊNH ĐÌNH TỪ - A equitization of part of State-owned enterprises in China at present.

SOMMAIRE

LÊ XUÂN TÙNG - Edifier pas à pas de nouveaux rapports de production. NGUYỄN DUY QUÝ - La valeur durable de la théorie marxiste sur la forme socio-économique. PHẠM HƯNG - Continuer de renouveler l'organisation et les activités des Tribunaux populaires. BÙI NGỌC THANH - Le travail d'organisation du Parti après l'Insurrection générale (19 Août 1945). TRẦN ĐÌNH HUỲNH - Renforcer l'essence révolutionnaire de notre Etat dans la nouvelle conjoncture. QUANG CẬN - Sur le trait caractéristique et la tendance essentielle du monde d'aujourd'hui. LƯU HÀ VỸ - La propriété et le développement. VŨ HIỀN - L'économie privée pratiquée par les membres du Parti. TỪ SƠN - Il nous faut une stratégie culturelle. NGUYỄN THẾ THĂNG - Sur quelques problèmes religieux d'aujourd'hui. BÙI THIỆN TÍCH - Le 11e district de Ho Chi Minh-ville sur son élan de développement. NGUYỄN ĐÌNH BIN - Le VIIe Sommet de la Francophonie. TRỊNH ĐÌNH TỪ - La mise en actionnariat de certaines entreprises d'Etat en Chine à l'heure actuelle.

SUMARIO

LÊ XUÂN TÙNG - Edificar gradualmente las nuevas relaciones de producción. NGUYỄN DUY QUÝ - El sólido valor de la doctrina marxista sobre la forma socio-económica. PHẠM HƯNG - Proseguir renovando la organización y las actividades de la rama de la fiscalía popular. BÙI NGỌC THANH - El trabajo organizativo del Partido después de la Sublevación General (19-8-1945). TRẦN ĐÌNH HUỲNH - Intensificar la naturaleza revolucionaria de nuestro Estado en la nueva situación. QUANG CẬN - Sobre la característica relevante y la tendencia natural del actual mundo. LƯU HÀ VỸ - Propiedad y desarrollo. VŨ HIỀN - Sobre la participación del militante del Partido a la economía individual. TỪ SƠN - La necesidad de disponer de una estrategia sobre la cultura. NGUYỄN THẾ THĂNG - Algunos problemas actuales sobre la religión. BÙI THIỆN TÍCH - El distrito 11 de Ciudad Ho Chi Minh en su desarrollo. NGUYỄN ĐÌNH BIN - La Séptima Cumbre de los países franco-parlantes. TRỊNH ĐÌNH TỪ - Convertir una parte de empresas estatales en empresas accionistas en China en la actualidad.

目录

•黎春松：逐步建立新的生产关系•阮维贵：马克思学说关于经济、社会形态的稳固价值•范兴：深化革新人民法院系统的组织和活动的若干措施•裴玉清：总起义后（1945年8月19日）党的组织工作•陈庭荧：增强国家在新形势下的革命本质•光近：当今世界显著特点和主要趋势•刘河伟：所有制形式和发展•武贤：关于党员从事私人经济的问题•慈山：必须制定一项有关文化的战略•阮世胜：目前的一些宗教问题•裴善积：胡志明市第11郡的发展趋势•阮庭兵：法语国第七次首脑会议•郑庭慈：目前中国部份国有企业股份化的情况

Digitized by Google

XÂY DỰNG TỪNG BƯỚC QUAN HỆ SẢN XUẤT MỚI

LÊ XUÂN TÙNG *

I. YÊU CẦU TẤT YẾU

Xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất luôn luôn là yêu cầu tất yếu đặt ra cho mọi chế độ xã hội. Đối với nước ta, do điểm xuất phát định hướng lên chủ nghĩa xã hội còn thấp cả về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, việc xây dựng từng bước quan hệ sản xuất mới để thúc đẩy lực lượng sản xuất và xã hội phát triển lại càng quan trọng. Quan hệ sản xuất được thể hiện ở ba mối quan hệ cơ bản : quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất ; quan hệ tổ chức quản lý sản xuất (cơ chế quản lý) ; quan hệ phân phối sản phẩm.

Quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất quy định mục đích của sản xuất, hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, phương thức quản lý, cách thức phân phối sản phẩm ; quyết định cơ cấu giai tầng xã hội. Giai cấp nào nắm quyền sở hữu những tư liệu sản xuất chủ yếu, thì giai cấp đó không những nắm quyền tổ chức quản lý sản xuất và phân phối tổng sản phẩm xã hội, mà còn nắm quyền chi phối chế độ chính trị - xã hội. Giai cấp nào nắm quyền sản xuất các giá trị vật chất thì giai cấp đó cũng sẽ nắm quyền thống trị sản xuất các giá trị tinh thần của xã hội. Quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất, vì thế, quy định bản chất của quan hệ sản xuất, luôn chi phối và thống nhất với quan hệ tổ chức quản lý sản xuất (cơ chế quản lý) và quan hệ phân phối kết quả sản xuất. Đồng thời cơ chế quản lý và phân phối sản phẩm là biểu hiện trực tiếp, cụ thể của quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất. Cơ chế quản lý và quan hệ phân phối sản phẩm góp phần củng cố quan hệ sở hữu cũng như có thể làm xói mòn, biến dạng quan hệ sở hữu. Cơ chế quản lý biểu hiện cụ thể địa vị người lao động và sự trao đổi hoạt động với nhau, còn quan hệ phân phối sản phẩm biểu hiện quan hệ lợi ích trực tiếp giữa những người tham gia vào quá trình sản xuất. Ba mặt của quan hệ sản xuất có quan hệ thẩm thấu nhau, tạo thành một hệ thống với cấu trúc đồng bộ, tương hợp. Nếu thiếu sự thẩm thấu, tương hợp, quan hệ sản xuất sẽ không vận hành và phát triển bình thường được. Bởi vậy, khi nói vai trò quyết định của quan hệ sở hữu mà không thấy sự tương tác, thống nhất của các mặt sẽ rơi vào cách nhận thức siêu hình. Sự gắn kết chặt chẽ ba mặt cơ bản của quan hệ sản xuất mới tạo ra được động lực mạnh mẽ để thúc đẩy sự phát triển lực lượng sản xuất nói riêng và xã hội nói chung. Chính vì vậy, khi nói về mục tiêu phấn đấu đến năm 2020, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp, về mặt quan hệ sản xuất, Đại hội VIII đã khẳng định : "Về *quan hệ sản xuất*, chế độ sở hữu, cơ chế quản lý và chế độ phân phối gắn kết với nhau, phát huy được các nguồn lực, tạo ra động lực mạnh mẽ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội" (1).

Lực lượng sản xuất phát triển tất yếu dẫn đến sự thay đổi quan hệ sản xuất. Nhưng quan hệ sản xuất có tính độc lập tương đối, không phải phụ thuộc một cách máy móc vào sự thay đổi của lực lượng sản xuất. Sự thay đổi của quan hệ sản xuất thường diễn ra chậm hơn, thậm chí trở thành sức cản lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất cũng có thể đi quá nhanh trên một vài mặt, dẫn đến hậu quả làm đình trệ lực lượng sản xuất. Do đó,

---

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 81

Digitized by Google

phải chủ động đổi mới quan hệ sản xuất từng bước, không để nó trở thành sức cản do nó phát triển chậm hơn hay nhanh hơn (về hình thức) tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

Đổi mới quan hệ sản xuất cho phù hợp với tính chất và trình độ lực lượng sản xuất cũng có tác dụng thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Chỉ riêng sự thay đổi quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tư liệu sản xuất cũng đã tạo nên sự phát triển của lực lượng sản xuất. Do đó, để phát triển sản xuất thì không chỉ nhấn mạnh yếu tố lực lượng sản xuất, mà còn phải hết sức coi trọng các yếu tố của quan hệ sản xuất, nhưng lâu nay chúng ta đã coi nhẹ vấn đề này.

Quan hệ sản xuất cũng có thể tự phát hình thành, nhưng rất lâu dài, nếu có thành công cũng phải trải qua nhiều mất mát, tổn thất. Sự hình thành tự phát quan hệ sản xuất thường xảy ra những lệch lạc, chệch hướng. Do vậy, phải chủ động từng bước đổi mới quan hệ sản xuất.

Củng cố, đổi mới quan hệ sản xuất không chỉ có ý nghĩa đối với phát triển kinh tế, mà còn góp phần củng cố thượng tầng kiến trúc xã hội chủ nghĩa, củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa. Nếu giả định quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa không thống trị trong nền kinh tế quốc dân thì quan hệ sản xuất khác sẽ thế chỗ ; và để phù hợp với cơ sở kinh tế đó, sẽ xuất hiện một thượng tầng kiến trúc khác.

Tuy nhiên, chủ động đổi mới quan hệ sản xuất không thể tùy tiện, mà phải trên cơ sở nhận thức đúng đắn tính quy luật khách quan. Trước đây ta đã chủ động xây dựng quan hệ sản xuất mới, nhưng bên cạnh những cái được cũng có nhiều cái sai, mà cái sai chủ yếu là đưa quan hệ sản xuất nhảy vọt lên trước một cách hình thức, gò ép, duy ý chí, do đó đã làm tổn hại đến sự phát triển của lực lượng sản xuất. Nay chúng ta sửa sai thì lại có tình trạng buông lỏng việc xây dựng quan hệ sản xuất, thiếu quan tâm lãnh đạo quá trình này, vì vậy những xu hướng lệch lạc diễn ra khá phổ biến. Bên cạnh đó chúng ta còn có tình trạng lúng túng trong việc xây dựng quan hệ sản xuất mới. Nghị quyết Đại hội VIII chỉ rõ : **"Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng vừa buông lỏng.** Chậm tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách để tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhà nước nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Việc thí điểm cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước làm chậm. Chưa quan tâm tổng kết thực tiễn, kịp thời chỉ ra phương hướng, biện pháp đổi mới kinh tế hợp tác, để hợp tác xã ở nhiều nơi tan rã hoặc chỉ còn là hình thức, cản trở sản xuất phát triển, chưa kịp thời đúc kết kinh nghiệm, giúp đỡ các hình thức kinh tế hợp tác mới phát triển. Chưa giải quyết tốt một số chính sách để khuyến khích kinh tế tư nhân phát huy tiềm năng, đồng thời chưa quản lý tốt thành phần kinh tế này. Quản lý kinh tế hợp tác liên doanh với nước ngoài có nhiều sơ hở" (2).

Khi nêu đề phòng nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, Nghị quyết Đại hội VIII cũng không loại trừ nguy cơ đó cả trên lĩnh vực xây dựng quan hệ sản xuất mới. Cần phê phán các quan điểm và nhận thức không đúng về xây dựng quan hệ sản xuất mới, cho rằng, quan hệ sản xuất chỉ là phương tiện, vì vậy quan hệ sản xuất nào cũng được ; hoặc bác bỏ vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, hoặc quá đề cao vai trò của kinh tế tư nhân, cho rằng chỉ có kinh tế tư nhân mới phát triển nhanh, từ đó đòi tư nhân hóa nền kinh tế một cách ồ ạt, hoặc coi cổ phần hóa là tư nhân hóa, v.v.

Trong phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và đổi mới quan hệ sản xuất, Đại hội VIII đã chỉ ra những quan điểm cơ bản sau đây :

a - Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Lấy việc giải phóng sức sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu.

b - Chủ động đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác. Kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng, tạo điều kiện kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà kinh

(2) *Văn kiện đã dẫn*, tr 65 - 66

Digitized by Google

doanh tư nhân yên tâm đầu tư làm ăn lâu dài. Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước và các thành phần kinh tế khác cả trong và ngoài nước. Áp dụng phổ biến các hình thức kinh tế tư bản nhà nước.

c - Xác lập, củng cố và nâng cao địa vị làm chủ của người lao động trong nền sản xuất xã hội, thực hiện công bằng xã hội ngày một tốt hơn.

d - Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu ; đồng thời phân phối trên mức đóng góp và phân phối thông qua phúc lợi xã hội. Thừa nhận sự tồn tại lâu dài của các hình thức thuê mướn lao động nhưng không để biến thành quan hệ thống trị, dẫn đến sự phân hóa xã hội thành hai cực đối lập.

đ - Tăng cường hiệu lực quản lý vĩ mô của nhà nước, khai thác triệt để vai trò tích cực đi đôi với khắc phục và ngăn ngừa, hạn chế những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trước pháp luật của mọi doanh nghiệp và cá nhân không phân biệt thành phần kinh tế.

e - Giữ vững độc lập, chủ quyền và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc trong quan hệ kinh tế với bên ngoài.

II - NỘI DUNG CƠ BẢN

Nội dung cơ bản của việc đổi mới quan hệ sản xuất thể hiện trên các lĩnh vực sau :

1 - Đổi mới kinh tế nhà nước.

Kinh tế nhà nước bao gồm các doanh nghiệp nhà nước, các tài sản thuộc sở hữu nhà nước (đất đai, hầm mỏ, ngân sách, các nguồn dự trữ...) và phần vốn nhà nước góp vào các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác. Ở đây cần chú ý phân biệt phạm trù kinh tế quốc doanh với kinh tế nhà nước. Phạm trù kinh tế nhà nước rộng hơn kinh tế quốc doanh. Không phải kinh tế thuộc sở hữu nhà nước đều là kinh tế quốc doanh. Quốc hữu không đồng nhất với quốc doanh. Đây là một bước phát triển nhận thức của chúng ta và các ý nghĩa thực tiễn to lớn. Kinh tế nhà nước theo chủ trương của Đại hội VIII, cần tập trung vào những ngành, những lĩnh vực trọng yếu như : kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội ; hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm ; những cơ sở sản xuất và thương mại, dịch vụ quan trọng ; doanh nghiệp phục vụ an ninh - quốc phòng. Nói chung là những doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn, công nghệ tiến bộ, kinh doanh có hiệu quả, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách.

Kinh tế nhà nước phải đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, điều này thể hiện chủ yếu ở các mặt như sau : tiêu biểu cho năng suất, chất lượng và hiệu quả, đẩy nhanh tăng trưởng nền kinh tế quốc dân ; hướng dẫn, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển ; là lực lượng vật chất để Nhà nước thực hiện chức năng điều tiết và quản lý vĩ mô ; cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân và chế độ xã hội mới.

Để khu vực kinh tế nhà nước phát huy vai trò chủ đạo, bên cạnh sử dụng tổng hợp lực của các bộ phận cấu thành khác, phải đặc biệt chú ý đến các doanh nghiệp nhà nước. Chúng ta đã và đang sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước. Năm 1989 cả nước có 12 300 doanh nghiệp nhà nước, đến cuối năm 1995 còn 6052, trong đó 2337 doanh nghiệp trung ương (30,3%) và 4215 doanh nghiệp địa phương (69,7%). Tài sản doanh nghiệp nhà nước chiếm 3/4 tổng sản phẩm cố định quốc gia, nhưng mới làm ra 44% tổng sản phẩm của đất nước. Hiệu quả như vậy là chưa tương xứng. Tuy nhiên, nó đã đóng góp 30 đến 35% ngân sách nhà nước. Còn khu vực ngoài quốc doanh chiếm 56% GDP, nhưng chỉ đóng góp 15% thu ngân sách. Doanh nghiệp nhà nước ở nước ta tuy còn hạn chế về nhiều mặt, song nó đang nắm giữ cơ sở vật chất chủ yếu, huyết mạch của nền kinh tế quốc dân. Đây là nơi tập trung chủ yếu giai cấp công nhân và cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý của đất nước, nơi đưa lại nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước.

Chủ trương của Nhà nước là tiếp tục sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước. Vì trong nền kinh tế vẫn còn nhiều doanh nghiệp quy mô nhỏ (gần 50% số doanh nghiệp nhà nước có vốn dưới 1 tỉ đồng, trong đó có gần 1/2 có số vốn dưới 500 triệu đồng), thêm nữa, có nhiều doanh nghiệp

Digitized by Google

kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ, thậm chí lâm vào tình trạng phá sản (chiếm khoảng 16,5%). Những doanh nghiệp nhà nước nhỏ hoặc làm ăn thua lỗ kéo dài nói trên có thể được sáp nhập với doanh nghiệp nhà nước khác, chuyển sang hình thức sở hữu khác hoặc giải thể theo luật doanh nghiệp nhà nước.

Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII, chúng ta đang khẩn trương tiến hành phân loại doanh nghiệp nhà nước theo hai hình thức : doanh nghiệp kinh doanh thu lợi nhuận và doanh nghiệp công ích không vì mục tiêu lợi nhuận. Loại thứ nhất hoạt động như các chủ kinh doanh khác, cạnh tranh trên thị trường và lấy suất sinh lời trên vốn để đánh giá hiệu quả kinh doanh. Loại thứ hai nói chung lấy thu bù chi, có loại doanh nghiệp ngân sách phải bù lỗ để làm tốt các dịch vụ công cộng. Ở đây tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả là thực hiện các chính sách xã hội.

Đại hội VIII cũng nêu nhiệm vụ "Tổ chức hợp lý các tổng công ty, bảo đảm vừa tránh phân tán lực lượng, vừa chống độc quyền, hoặc trở thành cấp hành chính trung gian" (3). Đây là chủ trương đã được thực hiện từ năm 1994. Đến nay đã có 18 tổng công ty lớn được thành lập. Còn ở các tỉnh, thành hiện nay đang thành lập tổng công ty nhỏ hơn.

Một vấn đề quan trọng để đổi mới doanh nghiệp nhà nước là cổ phần hóa doanh nghiệp. Chủ trương này đã được đặt ra từ mấy năm nay, nhưng việc triển khai còn rất chậm và lúng túng. Nguyên nhân của tình hình đó có nhiều : nhận thức về cổ phần hóa chưa thống nhất, một số chính sách cổ phần hóa chưa phù hợp vì nhiều nguyên nhân khác nhau, một số giám đốc và công nhân chưa muốn cổ phần hóa, việc đánh giá tài sản doanh nghiệp còn nhiều mắc mớ, phần lớn doanh nghiệp định cổ phần hóa khả năng sinh lợi chưa hấp dẫn người mua, lãi suất tín dụng ngân hàng và kho bạc còn cao v.v.

Đại hội VIII yêu cầu phải "triển khai tích cực và vững chắc việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước... Bên cạnh những doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sẽ có nhiều doanh nghiệp nhà nước nắm đa số hay nắm tỷ lệ cổ phần chi phối. Gọi thêm cổ phần hoặc bán cổ phần cho người lao động tại doanh nghiệp, cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp tùy từng trường hợp cụ thể ; vốn huy động được phải dùng để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh"(4).

Như vậy, các hình thức thực hiện cổ phần hóa rất đa dạng, kể cả việc kết hợp một số hình thức đó với nhau : cổ phần hóa toàn bộ doanh nghiệp nhà nước ; doanh nghiệp nhà nước bán một phần cổ phiếu cho người lao động của doanh nghiệp ; doanh nghiệp nhà nước bán một phần cổ phiếu cho cả người trong và ngoài doanh nghiệp ; doanh nghiệp nhà nước phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn ; doanh nghiệp nhà nước thành lập bằng cách phát hành cổ phiếu ngay từ đầu ; cổ phần hóa từng phần doanh nghiệp nhà nước ; tách một phần vốn của doanh nghiệp và kêu gọi cổ phần của người lao động trong và ngoài doanh nghiệp để thành lập cơ sở mới.

Mấy năm qua, chúng ta đã tiến hành cổ phần hóa dưới hình thức toàn bộ 10 doanh nghiệp nhà nước. Kết quả bước đầu nhìn chung là khả quan. Chúng ta cũng đã và đang phát triển mạnh hình thức cổ phần hóa từng phần doanh nghiệp và xây dựng cơ sở mới bằng vốn của doanh nghiệp nhà nước và người lao động trong và ngoài doanh nghiệp.

Đại hội VIII cũng chỉ rõ nhiệm vụ phải đổi mới doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực phân phối lưu thông ; đặc biệt là thương nghiệp quốc doanh còn bỏ trống một số trận địa quan trọng, chưa phát huy tốt vai trò chủ đạo trên thị trường. Hiện nay thương nghiệp nhà nước mới chiếm tỷ trọng khoảng 22% thị trường bán lẻ xã hội.

Doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp phải đóng được vai trò trung tâm kinh tế, khoa học công nghệ, văn hóa - xã hội đối với các vùng nông nghiệp và nông thôn.

2 - Đổi mới kinh tế hợp tác và hợp tác xã.

Phong trào hợp tác hóa ở nước ta xuất hiện từ cuối những năm 50. Nó đã đóng góp rất quan trọng trong cuộc kháng chiến cứu nước. Nhưng

(3) *Văn kiện đã dẫn*, tr 94 - 95
(4) *Văn kiện đã dẫn*, tr 94

Digitized by Google

hợp tác xã với mô hình cũ khi chuyển sang kinh tế thị trường đã bộc lộ rõ nhiều khuyết tật, nhược điểm. Vì vậy, nhiều hợp tác xã đã tan rã hoặc tồn tại hình thức. Từ năm 1988 đến năm 1994 cả nước đã có 2 958 hợp tác xã nông nghiệp (hơn 17% tổng số hợp tác xã) và 33 804 tập đoàn sản xuất nông nghiệp giải thể (bằng 93% tổng số tập đoàn). Có tỉnh không còn hợp tác xã và tập đoàn sản xuất.

Tình hình hợp tác hóa trong lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp... cũng không mấy sáng sủa. Có trê 42 000 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, vận tải, xây dựng, dịch vụ, tín dụng cũ không còn hoạt động. Trước đây, Hà Nội là một trong những nơi có phong trào hợp tác hóa tiểu thủ công nghiệp mạnh nhất cả nước. Năm 1985, Hà Nội có 929 hợp tác xã và 1 270 tổ sản xuất chuyên nghiệp, thu hút hơn 70 000 lao động, nhưng đến năm 1993 chỉ còn 234 hợp tác xã và 700 tổ sản xuất, với hơn 12 000 lao động.

Về hợp tác xã nông nghiệp, từ đầu những năm 80, Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương đổi mới cục bộ, sau đó, tiến hành khoán hộ. Những thay đổi đó đã có tác dụng to lớn đối với sự phát triển nông nghiệp. Nhưng mặt khác có tình trạng kinh tế tập thể dần dần yếu đi, nhiều nơi trở nên lu mờ, thậm chí không còn tác dụng.

Theo phân loại vào cuối năm 1994, có 3 loại hợp tác xã như sau :

- Loại hợp tác xã phát huy được vai trò của kinh tế tập thể. Loại này chiếm khoảng 10%. Các hợp tác xã này tổ chức các hình thức dịch vụ đáp ứng yêu cầu của các hộ nông dân, tổ chức thêm các ngành nghề mới.

- Loại hợp tác xã còn hoạt động được một vài khâu. Loại này chiếm 40%. Nhưng hợp tác xã hoạt động rất khó khăn, vì cơ sở vật chất và vốn liếng không còn, do đã chi hết cho xã viên. Để có vốn lập quỹ hoạt động hợp tác phải thu một tỷ lệ sản phẩm nhất định theo đơn vị diện tích từ hộ xã viên.

- Loại hợp tác xã chỉ còn tồn tại trên hình thức. Loại này chiếm trên 43%. Tuy vẫn còn ban quản trị và chủ nhiệm, nhưng hợp tác xã không còn hoạt động về kinh tế, ở nhiều nơi đang lúng túng, chưa giải thể được và cũng chưa chuyển đổi sang hình thức khác.

Do hợp tác xã kiểu cũ hoạt động không còn phù hợp nên vừa qua nhiều hợp tác xã và tổ sản xuất đã tự tiến hành đổi mới tổ chức và quản lý. Nhưng vì không có sự hướng dẫn thống nhất, nên bên cạnh sự đổi mới đúng vẫn còn nhiều nơi tiến hành chắp vá, không đúng với quy luật, như : chia nhỏ hợp tác xã quy mô toàn xã thành hợp tác xã quy mô thôn ; lồng ghép hợp tác xã nông nghiệp với chính quyền, chủ tịch xã kiêm chủ nhiệm hợp tác xã, đội trưởng sản xuất kiêm trưởng thôn, trưởng xóm ; bỏ đội sản xuất, thay vào đó là đấu thầu khoán cho tư nhân (trong nghề cá)...

Mặt khác, có những hình thức đổi mới tiến bộ, đúng đắn, như để phát triển sản xuất, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, hạn chế sự thao túng, chèn ép của tư thương, một nhu cầu hợp tác mới đã xuất hiện. Nhiều nơi nông dân đã tự nguyện lập ra các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng như : tổ đường nước ; tổ liên gia vay vốn ngân hàng ; các tổ, hội nghề nghiệp ; hợp tác góp vốn, góp sức xây dựng kết cấu hạ tầng mới ở nông thôn (đường điện, kênh mương dẫn nước, đường sá...) ; tổ hợp tác dịch vụ đầu vào, đầu ra cho sản xuất ; tổ hợp tác góp vốn, góp sức sản xuất và chế biến...

Các hình thức hợp tác nói trên không chỉ tồn tại dưới dạng tổ, nhóm mà còn dưới dạng hợp tác xã, tuy chưa nhiều. Nói chung, hợp tác hóa kiểu mới phát triển chưa thành một phong trào mạnh mẽ và còn nhiều mặt chưa hoàn thiện.

Chính vì vậy Đại hội VIII đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế hợp tác. *"Kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã* là hình thức liên kết tự nguyện của những người lao động nhằm kết hợp sức mạnh của từng thành viên với sức mạnh tập thể để giải quyết có hiệu quả hơn những vấn đề của sản xuất, kinh doanh và đời sống... Kinh tế hợp tác với nhiều hình thức đa dạng, từ thấp đến cao, từ tổ nhóm hợp tác đến hợp tác xã ; tuân

(5) *Văn kiện đã dẫn*, tr 95

Digitized by Google

thủ nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ "(5).

Đó là những nguyên tắc chung của kinh tế hợp tác. Điều khác trước là lần này Nghị quyết Đại hội VIII đề ra yêu cầu cao hơn : "Hợp tác xã được tổ chức trên cơ sở đóng góp cổ phần và sự tham gia lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, mỗi xã viên có quyền như nhau đối với công việc chung"(6).

Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII, cần khẳng định một số nội dung chủ yếu sau :

- Tuy kinh tế hộ xã viên có vai trò rất quan trọng nhưng đồng thời phải phát triển kinh tế hợp tác để khắc phục sự hạn chế của kinh tế hộ.
- Trong các hình thức hợp tác đa dạng phải coi trọng kinh tế hợp tác xã cổ phần như là nòng cốt của kinh tế hợp tác.
- Phải tổ chức kinh tế hợp tác theo các hình thức từ thấp tới cao. Sự liên minh tự nguyện (có hướng dẫn, hỗ trợ) giữa các hộ xã viên là con đường để tìm kiếm, lựa chọn những hình thức mới của kinh tế hợp tác.

Ở những nơi còn khó khăn, nơi vùng sâu, vùng xa, kinh tế chủ yếu là tự nhiên, tự cấp tự túc, thì có thể tạm thời duy trì hình thức sản xuất cá thể. Những nơi hợp tác xã chỉ còn tồn tại trên hình thức, thì tùy điều kiện cụ thể và theo nguyện vọng của người lao động, có thể tổ chức tổ, nhóm hợp tác hoặc hợp tác xã kiểu mới. Đối với những hợp tác xã hiện nay còn hoạt động tốt thì từng bước chuyển sang hợp tác xã cổ phần. Có thể từ các hợp tác xã chuyên ngành tiến lên xây dựng hợp tác xã liên ngành, liên khu vực, không phân biệt địa giới hành chính.

3 - Phát triển kinh tế tư bản nhà nước.

Trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, tồn tại nhiều thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế tư bản tư nhân từ chế độ cũ chuyển sang. Mặt khác, với chính sách khuyến khích tự do trao đổi hàng hóa, khuyến khích làm giàu (chính đáng), tất yếu sẽ làm nảy sinh một tầng lớp tư sản mới. Không thể dùng sắc lệnh để loại bỏ được thành phần kinh tế này, cách tốt nhất là hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước. Ngoài sự kết hợp giữa tư bản tư nhân ở trong nước với nhà nước xã hội chủ nghĩa, còn có sự kết hợp giữa tư bản nước ngoài với nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Lê-nin coi chủ nghĩa tư bản nhà nước có các ưu việt là "tính tập trung, được kiểm soát và được xã hội hóa". Nó là "mắt xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, là phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng lực lượng sản xuất lên". Nói một cách khác, "trong một nước tiểu nông... phải đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội". Thời kỳ của Lê-nin, vì nhiều lý do khác nhau, chủ nghĩa tư bản nhà nước được áp dụng một cách hạn chế. Ở nước ta trước đây cũng áp dụng hạn chế chủ nghĩa tư bản nhà nước với quan điểm để cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhằm nhanh chóng xóa bỏ kinh tế tư bản tư nhân.

Ngày nay, Đảng và Nhà nước ta chủ trương áp dụng một cách rộng rãi, phổ biến các hình thức kinh tế tư bản nhà nước để phát triển lực lượng sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Đại hội VIII viết : *"Kinh tế tư bản nhà nước* bao gồm các hình thức hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước và hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản nước ngoài"(7).

Từ khi có Luật đầu tư nước ngoài (1988) đến cuối năm 1996, ước tính tổng số vốn đăng ký của nước ngoài đầu tư vào nước ta đạt trên 28 tỉ đô la, trong đó gần 1/3 tổng số vốn đã và đang được thực hiện. Kinh tế tư bản nhà nước trong quan hệ với đầu tư trực tiếp của phía nước ngoài được thực hiện dưới 3 hình thức chính : - đầu tư 100% vốn nước ngoài ; - đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh ; - đầu tư liên doanh (hình thức chủ yếu). Ngoài ra có hình thức đầu tư xây dựng - khai thác - chuyển giao (hay còn gọi là BOT), xây dựng - chuyển giao (BT)..., viện trợ đầu tư phát triển của các chính phủ và các tổ chức quốc tế. So với thời Lê-nin, ngày nay các hình thức cụ thể đầu tư của phía nước ngoài vào nước ta đa dạng và phong phú hơn nhiều. Tuy nhiên, trong hợp

(6) *Văn kiện đã dẫn*, tr 95
(7) *Văn kiện đã dẫn*, tr 95

Digitized by Google

tác liên doanh với nước ngoài, cần nâng dần tỷ lệ đầu tư của phía Việt Nam cao hơn nữa ; tranh thủ công nghệ tiên tiến hiện đại ; hạn chế những sơ hở gây thua thiệt cho phía Việt Nam : bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động.

Đảng ta chủ trương áp dụng rộng rãi kinh tế tư bản nhà nước. Nghị quyết Đại hội VIII viết : "Áp dụng nhiều phương thức góp vốn liên doanh giữa nhà nước với các nhà kinh doanh tư nhân trong nước nhằm tạo thế, tạo lực cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển, tăng sức hợp tác và cạnh tranh với bên ngoài"(8). Sau Đại hội VIII của Đảng, ở nhiều tỉnh và thành phố bắt đầu tiến hành thí điểm các hình thức khác nhau liên doanh giữa nhà nước và tư nhân. Các liên doanh này đang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, chế biến, thương nghiệp.

Nhà nước, dưới hình thức một công ty hoặc doanh nghiệp có thể liên doanh với một hoặc nhiều công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân. Trong nhiều trường hợp, sự tham gia của các ngân hàng thương mại vào liên doanh đóng một vai trò quan trọng. Tuy trước mắt còn một số trở ngại cho sự phát triển các liên doanh trong nước, nhưng triển vọng của nó rõ ràng là to lớn. Làm được điều này không chỉ là một phương tiện để tăng lực lượng sản xuất lên, mà còn là một bảo đảm cho sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

4 - Phát triển các thành phần kinh tế khác.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ được Đại hội VIII xác định có vị trí quan trọng, lâu dài. Đó là tầng lớp lao động bằng thủ công là chính, sản xuất và kinh doanh phân tán, mục đích kinh doanh chủ yếu là để nuôi sống mình. Còn tầng lớp tiểu chủ thì bản thân vừa lao động trực tiếp, vừa sử dụng một số ít lao động làm thuê theo thời vụ hoặc thường xuyên.

Nghị quyết Đại hội VIII nêu rõ : nhà nước cần giúp đỡ kinh tế cá thể, tiểu chủ về vốn, về khoa học và công nghệ, về thị trường tiêu thụ sản phẩm. Tuy vậy, kinh tế cá thể và tiểu chủ dù cố gắng đến bao nhiêu cũng không thể loại bỏ được những hạn chế cố hữu của mình. Vì vậy, cần "hướng dẫn kinh tế cá thể, tiểu chủ, vì lợi ích thiết thân và nhu cầu phát triển của sản xuất, từng bước đi vào làm ăn hợp tác một cách tự nguyện, hoặc làm vệ tinh cho các doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã"(9).

Kinh tế tư bản tư nhân trong những năm đổi mới vừa qua phát triển nhanh. Tính đến 30-6-1995 đã có 22 445 doanh nghiệp thuộc thành phần này, trong đó có 16 064 doanh nghiệp tư nhân, 6 226 công ty trách nhiệm hữu hạn, 148 công ty cổ phần. Đa số là những doanh nghiệp nhỏ. Một số ít là doanh nghiệp lớn có số lao động từ 5 000 đến trên dưới 10 000 người. Số doanh nghiệp này tập trung đông nhất trong ngành dịch vụ (chiếm 64%) ; nông, lâm, ngư nghiệp (chiếm 17,6%) ; công nghiệp (chiếm 9,8%) ; xây dựng (chiếm 9,2%). Tổng giá trị sản phẩm tạo ra bằng khoảng 9% GDP của cả nước. Như vậy, kinh tế tư bản tư nhân là một lực lượng đáng kể góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước. Chính sách của Đảng ta là : "Khuyến khích tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất, yên tâm làm ăn lâu dài ; bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi đi đôi với tăng cường quản lý, hướng dẫn làm ăn đúng pháp luật, có lợi cho quốc kế dân sinh"(10).

Mặt khác, khuyến khích tư bản tư nhân đi vào con đường liên doanh với nhà nước, bán cổ phần cho người lao động trong doanh nghiệp, tạo dựng mối quan hệ hợp tác cùng có lợi giữa chủ và thợ.

*

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ta nhằm phát triển lực lượng sản xuất nhất thiết phải đi đôi với quá trình từng bước đổi mới quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là hai mặt của cùng một quá trình thống nhất, diễn ra song song. Chỉ có như vậy chúng ta mới đứng trên hai chân vững chắc. Đó là nhiệm vụ cơ bản, vừa lâu dài, vừa trước mắt của tất cả các ngành, các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức sản xuất kinh doanh. ❑

---

(8) *Văn kiện đã dẫn*, tr 95 - 96
(9) *Văn kiện đã dẫn*, tr 96
(10) *Văn kiện đã dẫn*, tr 96

Digitized by Google

GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA HỌC THUYẾT MÁC VỀ HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

NGUYỄN DUY QUÝ*

Từ khi chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, các thế lực thù địch của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, của chủ nghĩa xã hội càng có dịp vu cáo, xuyên tạc hòng bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trong đó học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội là một trọng điểm lý luận bị công kích từ nhiều phía. Hơn lúc nào hết, những người cách mạng phải đấu tranh với các quan điểm thù địch nhằm bảo vệ sự đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin nói chung và học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội nói riêng.

Quan điểm duy vật lịch sử và khái niệm hình thái kinh tế - xã hội.

Trước Mác, các nhà xã hội học, triết học đã không thể giải thích một cách khoa học sự vận động theo quy luật khách quan của lịch sử hay vấn đề phân kỳ lịch sử xã hội v.v.. Chẳng hạn : Nhà xã hội học I-ta-li-a là Vicô (1668-1744) đã phân chia các thời kỳ lịch sử như phân chia các giai đoạn của một vòng đời : thơ ấu, thanh niên, thành niên và tuổi già. Nhà triết học duy tâm Đức Hêghen (1770-1831) lại phân chia lịch sử loài người thành ba thời kỳ chủ yếu là thời kỳ phương Đông, thời kỳ cổ đại và thời kỳ Giec-ma-ni. Nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp Phuriê (1771-1837) đã chia tiến trình lịch sử thành bốn thời kỳ : thời kỳ mông muội, thời kỳ dã man, thời kỳ gia trưởng và thời kỳ văn minh. Nhà nhân chủng học Mỹ Hăng-ri Mooc-găng (1818-1881) lại phân chia lịch sử thành ba thời kỳ chính : thời kỳ mông muội, thời kỳ dã man và thời kỳ văn minh.

Những cách phân kỳ như vậy, không đem lại cách nhìn khoa học về một xã hội cụ thể. Đến Mác, dựa trên những kết quả nghiên cứu lý luận và tổng kết quá trình lịch sử, Mác đã nêu ra quan điểm duy vật về lịch sử và hình thành học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội với những nội dung chính sau đây :

1 - Quan điểm thừa nhận sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội.

Sự sản xuất xã hội là hoạt động đặc trưng riêng có của con người và xã hội loài người, đó là cái phân biệt "sự khác nhau cơ bản giữa xã hội loài người và loài súc vật". Sản xuất xã hội bao gồm sản xuất vật chất, sản xuất tinh thần và sản xuất ra bản thân con người. Trong hiện thực, ba quá trình này của sản xuất không tách biệt với nhau, trong đó sản xuất vật chất giữ vai trò nền tảng, là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội, và xét đến cùng thì sản xuất vật chất quy định và quyết định toàn bộ đời sống xã hội.

2 - Quan điểm về mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Mác viết : "Những quan hệ xã hội đều gắn liền mật thiết với những lực lượng sản xuất. Do có được những lực lượng sản xuất mới, loài người thay đổi phương thức sản xuất của mình, và do thay đổi phương thức sản xuất, cách kiếm sống của mình, loài người thay đổi tất cả những quan hệ xã hội của mình. Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa, cái cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp" (1).

Như vậy, theo Mác, lực lượng sản xuất, xét đến cùng, đóng vai trò quyết định trong việc thay đổi phương thức sản xuất, dẫn đến thay đổi toàn bộ các quan hệ xã hội.

---

* GS, TS, Giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 187

Digitized by Google

3 - Quan điểm về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.

Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng thể hiện ở chỗ, cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, mặc dù kiến trúc thượng tầng có khả năng tác động trở lại đối với cơ sở hạ tầng. Mác viết : "Không thể lấy bản thân những quan hệ pháp quyền cũng như những hình thái nhà nước, hay lấy cái gọi là sự phát triển chung của tinh thần của con người, để giải thích những quan hệ và hình thái đó, mà trái lại, phải thấy rằng những quan hệ và hình thái đó bắt nguồn từ những điều kiện sinh hoạt vật chất... Nếu ta không thể nhận định được về một con người mà chỉ căn cứ vào ý kiến của chính người đó đối với bản thân, thì ta cũng không thể nhận định được về một thời đại đảo lộn như thế mà chỉ căn cứ vào ý thức của thời đại ấy. Trái lại, phải giải thích ý thức ấy bằng những mâu thuẫn của đời sống vật chất, bằng sự xung đột hiện có giữa các lực lượng sản xuất xã hội và những quan hệ sản xuất xã hội" (2).

Từ những quan điểm cơ bản trên, Mác đi đến một kết luận hết sức khái quát là : "Trong sự sản xuất xã hội ra đời sống của mình, con người có những quan hệ nhất định, tất yếu, không tùy thuộc vào ý muốn của họ - tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất vật chất của họ. Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy họp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cái cơ sở hiện thực trên đó dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị và những hình thái ý thức xã hội nhất định tương ứng với cơ sở hiện thực đó" (3).

Từ đó có thể đi tới định nghĩa hình thái kinh tế - xã hội là một khái niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, "dùng để chỉ xã hội ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất và một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy (4).

Ý nghĩa khoa học và cách mạng của học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội.

Xét trong bối cảnh lịch sử của khoa học xã hội nói chung và triết học nói riêng có thể nói học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội của Mác ra đời là một cuộc cách mạng thực sự. Khác với tất cả các lý luận duy tâm, thần bí hay siêu hình trước đó, nó đã chỉ ra rằng, động lực của lịch sử không phải là một thứ tinh thần thần bí nào, mà chính là hoạt động thực tiễn của con người, mà hoạt động đó lại xuất phát từ "cái sự thật hiển nhiên... là trước hết con người cần phải ăn, uống, ở và mặc, nghĩa là phải *lao động*, trước khi có thể đấu tranh để giành quyền thống trị, trước khi có thể hoạt động chính trị, tôn giáo, triết học v.v.." (5).

Khác với các lý luận trước đó không thấy được tính quy luật, những biểu hiện phổ biến tồn tại trong tất cả các chế độ xã hội, lý luận của Mác đã làm nổi bật những quan hệ xã hội vật chất, tức là những quan hệ sản xuất, những quan hệ cơ bản, ban đầu và quyết định tất cả mọi quan hệ khác và bằng cách này, đã cung cấp cho khoa học xã hội một tiêu chuẩn hoàn toàn khách quan để thấy được các quy luật xã hội : "... Có thể đem những chế độ của các nước khác nhau khái quát lại thành một khái niệm cơ bản duy nhất là *: hình thái xã hội.* Chỉ có sự khái quát đó mới cho phép chuyển từ việc mô tả (và từ việc đánh giá theo quan điểm lý tưởng) những hiện tượng xã hội sang việc phân tích hiện tượng đó một cách hết sức khoa học" (6).

Tính khoa học và cách mạng của học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội còn là ở chỗ khi phân tích quy luật vận động của một hình thái nhất định, học thuyết này chỉ ra những mâu thuẫn bên trong và chính sự vận động của mâu thuẫn này cuối cùng dẫn đến sự chuyển hóa từ một hình thái kinh tế - xã hội này sang một hình thế kinh tế - xã hội khác. Do đó, một mặt khẳng định tính tất yếu của trật tự hiện thời (trật tự của chế độ tư bản chủ nghĩa), mặt khác Mác cũng chứng minh luôn cả tính tất yếu của một trật tự cao hơn mà hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa nhất thiết phải chuyển sang.

---

(2), (3) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 13, tr 14 - 15

(4) Xem cuốn : *Một số vấn đề về chủ nghĩa Mác – Lê-nin trong thời đại hiện nay*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 18

(5) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 19, tr 166

(6) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 1, tr 163

Digitized by Google

Những năm gần đây, những người muốn phủ định học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội nêu ra một nhận định là cách tiếp cận hình thái đã lạc hậu so với thời cuộc và họ muốn thay vào đó cách tiếp cận bằng các nền văn minh. Họ cho rằng dường như cách tiếp cận hình thái chỉ nhấn mạnh yếu tố quan hệ sản xuất và vấn đề giai cấp, mà không thấy biểu hiện phổ biến hơn, khái quát hơn, là nền văn minh.

Sự phê phán ấy có đúng không ?

Có thể nói một cách khách quan rằng : phương pháp tiếp cận bằng các nền văn minh (văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp và văn minh hậu công nghiệp) cũng có những giá trị nhất định, nhưng cách tiếp cận này đã phạm sai lầm căn bản là chỉ coi trình độ phát triển khoa học - công nghệ, lực lượng sản xuất là yếu tố quyết định duy nhất, bỏ qua vai trò của quan hệ sản xuất, các mối quan hệ giai cấp và đấu tranh giai cấp và do đó không thấy được một cách đầy đủ, nhất quán các mặt phức tạp của mỗi xã hội, từ các vấn đề của hạ tầng đến thượng tầng, từ vấn đề kinh tế đến vấn đề tinh thần, chính trị, tôn giáo v.v.. Vì vậy, xét theo góc độ khoa học, không thể đem phương pháp tiếp cận theo các nền văn minh thay thế học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội để phân tích lịch sử và nhận thức các vấn đề xã hội.

Hiểu thế nào về sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là quá trình lịch sử - tự nhiên ?

C. Mác viết : "Tôi coi sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên" (7). Lê-nin giải thích thêm : "... Chỉ có đem quy những quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất, và đem quy những quan hệ sản xuất vào trình độ của những lực lượng sản xuất thì người ta mới có được một cơ sở vững chắc để quan niệm sự phát triển của những hình thái xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên. Và dĩ nhiên là không có một quan điểm như thế thì không thể có một khoa học xã hội được" (8).

Chúng ta đều biết, quy luật của đời sống xã hội có đặc điểm là tác động thông qua con người. Song không phải vì thế mà nó không mang tính khách quan. Ngược lại, xã hội vận động theo những quy luật không những không phụ thuộc mà còn quyết định cả ý chí, ý thức và ý định của con người.

Nhìn chung cho đến nay, lịch sử nhân loại đã trải qua bốn hình thái kinh tế - xã hội kế tiếp nhau : cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và đang quá độ sang xã hội xã hội chủ nghĩa - giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Nhưng xét từng quốc gia dân tộc thì do những đặc điểm về lịch sử, không phải quốc gia nào cũng phải trải qua tất cả các hình thái kinh tế - xã hội theo một sơ đồ chung. Nghiên cứu lịch sử các nước cho thấy, có những nước đã bỏ qua một hình thái kinh tế - xã hội nào đó trong tiến trình phát triển của mình. Thí dụ như các nước I-ta-li-a, Pháp, Tây Ban Nha... chế độ phong kiến đã bắt đầu hình thành trong lòng chế độ nô lệ. Trong khi đó các nước Nga, Ba Lan, Đức... chế độ phong kiến ra đời không phải từ chế độ nô lệ. Ở Mỹ do đặc điểm lịch sử của mình, chế độ tư bản hình thành trong điều kiện xã hội không trải qua chế độ phong kiến. Ngay ở Việt Nam trong tiến trình lịch sử phát triển của mình đã không trải qua chế độ nô lệ.

Các nước không qua hình thái này hay hình thái khác là sự thật lịch sử và là quá trình lịch sử - tự nhiên của các quốc gia đó. Sở dĩ có tình hình ấy là vì sự vận động của xã hội diễn ra không đều giữa các quốc gia, giữa các vùng. Lịch sử thường xuất hiện những trung tâm phát triển cao hơn về sản xuất vật chất, về kỹ thuật hoặc về văn hóa và chính trị... Sự giao lưu, xâm nhập, tác động qua lại các trung tâm đó làm xuất hiện khả năng một số nước đi sau có thể rút ngắn tiến trình lịch sử mà không lặp lại tuần tự các quá trình phát triển của lịch sử nhân loại. Đây chính là vai trò và ý nghĩa của thời đại đối với sự phát triển các quốc gia trong từng thời kỳ lịch sử nhất định

Như vậy, quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển xã hội chẳng những diễn ra bằng con đường phát triển tuần tự mà còn bao hàm cả

(7) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*.t 23, tr 21
(8) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 1, tr 163

Digitized by Google

trường hợp bỏ qua một hình thái kinh tế - xã hội nhất định trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể nhất định.

Từ lâu (và ngay cả hiện nay), có một số người không nhận thức được vấn đề này hoặc với dụng ý xấu hòng phủ định con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đã nói rằng con đường mà chúng ta đã lựa chọn dường như trái với lý luận của C. Mác về "quá trình lịch sử - tự nhiên". Họ cho rằng ở nước ta, quá trình lịch sử - tự nhiên nhất thiết phải phát triển tuần tự và tất nhiên hướng trước mắt phải là chủ nghĩa tư bản. Thật là phi lịch sử, và không phù hợp với quan niệm của Mác về quá trình lịch sử - tự nhiên !

Việt Nam có thể đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa được không ?

Lý luận về sự phát triển lịch sử - tự nhiên của các hình thái kinh tế - xã hội không mâu thuẫn với lý luận về sự phát triển bỏ qua (hay sự phát triển rút ngắn) mà các nhà kinh điển đã đề ra.

Để có thể phát triển bỏ qua hay rút ngắn lên chủ nghĩa xã hội, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho rằng đối với các nước tiền tư bản chủ nghĩa phải có tấm gương của một cuộc cách mạng vô sản đã thắng lợi. Đối với Việt Nam, cho đến nay, những bài học cả về thành công và thất bại của các cuộc cách mạng vô sản đều hết sức bổ ích.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin chỉ ra rằng cần phải có sự giúp đỡ tích cực của các nước tiên tiến đã xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì các nước tiền tư bản chủ nghĩa mới có thể rút ngắn được con đường đi tới chủ nghĩa xã hội, thì ở Việt Nam cũng có điều kiện này. Trước đây, chúng ta có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa để xây dựng đất nước ta theo con đường xã hội chủ nghĩa. Từ sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, tính chất của sự giúp đỡ quốc tế đã ít nhiều có sự thay đổi. Nhưng sự hợp tác và giúp đỡ quốc tế giờ đây, trong những khía cạnh nào đó lại đa dạng và có qui mô to lớn hơn trước. Và đây chính là một trong những nguyên nhân đã tạo nên những thành tựu to lớn có ý nghĩa rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước ta.

Chúng ta đang sống trong thời đại của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. Cuộc cách mạng này vừa tạo ra thời cơ thuận lợi cho phép một quốc gia có thể phát triển nhảy vọt trong một thời gian khá ngắn, như thực tế nhiều quốc gia đã chứng minh. Nếu chúng ta tận dụng được thời cơ và vượt qua được thách thức thì có thể tạo ra được những cơ sở để thực hiện sự phát triển rút ngắn, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa trên con đường đi tới chủ nghĩa xã hội.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin luôn luôn nhấn mạnh vai trò của Đảng, của giai cấp công nhân, như là một yếu tố không thể thiếu được trong việc lãnh đạo cách mạng nói chung và trong việc thực hiện quá trình phát triển rút ngắn đi lên chủ nghĩa xã hội ở các nước tiền tư bản. Điều này đã thể hiện rất rõ ở Việt Nam. Là một đảng giàu tinh thần cách mạng, sáng tạo, gắn bó với quần chúng, trong những thời điểm phong trào xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có sự khủng hoảng, Đảng vẫn kiên định lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, vượt qua những hiểm nghèo, đưa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước tiến lên một cách vững chắc.

Sau hơn nửa thế kỷ đấu tranh và xây dựng xã hội mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, khuynh hướng chính trị bỏ qua chế độ tư bản, tiến lên chủ nghĩa xã hội đã trở thành sức mạnh vật chất bám rễ sâu trong xã hội Việt Nam. Yếu tố chính trị rất đáng kể này có vai trò rất quan trọng trong việc thu hút và chuyển hóa nhân tố thời đại thành nguồn lực bên trong để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Những cơ sở kinh tế, kỹ thuật và tài nguyên quốc gia mà chúng ta giành lại được từ tay các thế lực đế quốc, thực dân, cùng với những cơ sở vật chất đã xây dựng được nhờ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa trước đây và những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới hiện nay cũng là những tiền đề kinh tế, kỹ thuật cho bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta.

Tóm lại chúng ta có cơ sở khoa học để nói rằng Việt Nam có thể quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Và đó là con đường phát triển hợp với thời đại hiện nay.❑

Digitized by Google

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH TÒA ÁN NHÂN DÂN

PHẠM HƯNG *

NGHỊ quyết Trung ương 8 (khóa VII) ngày 23-1-1995 về "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" đã đề ra những quan điểm cơ bản và những phương hướng tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tháng 6-1997, Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương (khóa VIII) lại ra Nghị quyết về "Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh". Tôi xin có một số ý kiến trao đổi về "đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân" góp phần nghiên cứu và triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết 3 của Trung ương (khóa VIII) trên cơ sở quán triệt và tiếp tục thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương (khóa VII).

Ra đời cùng với sự ra đời của Nhà nước, Tòa án là biểu hiện tập trung của quyền tư pháp - nơi mà kết quả của hoạt động điều tra, công tố, bào chữa v.v... được kiểm tra, xem xét một cách công khai thông qua thủ tục tố tụng do luật định để đưa ra những phán quyết cuối cùng mang tính chất quyền lực nhà nước ; nơi phản ánh một cách đầy đủ và sâu sắc nhất bản chất nền công lý của chế độ ta.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, đặc biệt trong mười năm vừa qua kể từ khi Đảng ta khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, ngành tòa án đã từng bước đổi mới tổ chức và hoạt động, đã đạt được những thành tựu bước đầu đáng ghi nhận.

Hệ thống cơ quan Tòa án nhân dân được thành lập hoàn chỉnh từ trung ương đến địa phương, Tòa án quân sự cũng được thành lập từ trung ương đến quân khu và khu vực, Tòa án quân sự trung ương nằm trong cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân tối cao. Để đáp ứng yêu cầu của sự phát triển các quan hệ xã hội, từ năm 1994, 1995 trở lại đây trong cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân cấp tỉnh được thành lập thêm ba Tòa chuyên trách mới là Tòa kinh tế (thay cho Trọng tài kinh tế Nhà nước), Tòa lao động và Tòa hành chính để giải quyết cách tranh chấp kinh tế, tuyên bố phá sản doanh nghiệp, giải quyết các tranh chấp lao động, giải quyết việc đình công và giải quyết các khiếu kiện của tổ chức và công dân đối với quyết định hành chính của cơ quan nhà nước, hoặc hành vi hành chính của viên chức cơ quan nhà nước xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức hoặc công dân.

Công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ được chú trọng, đồng thời thực hiện chế định của Chủ tịch nước bổ nhiệm thẩm phán thay cho chế định bầu cử theo luật định về tiêu chuẩn thẩm phán tòa án từng cấp với cơ chế tuyển chọn chặt chẽ. Do đó đã từng bước nâng cao trình độ, phẩm chất năng lực và uy tín của thẩm phán. Cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ cho hoạt động xét xử của Tòa án đã được chú trọng hơn và từng bước nâng cao.

Công tác thi hành án dân sự được chuyển giao sang Chính phủ với tổ chức cơ quan chuyên trách và đội ngũ chấp hành viên từng bước được đào tạo và bổ sung đã có chuyển biến tích cực, phát huy hiệu quả của công tác xét xử.

Trong tổ chức và hoạt động của tòa án đã từng bước thể hiện tính nhân dân, mở rộng dân chủ như : khi xét xử sơ thẩm có Hội thẩm nhân dân tham gia, quyền bào chữa của bị cáo, của đương sự được bảo đảm. Công tác giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân cũng như của Mặt trật Tổ quốc và các đoàn thể thành viên của Mặt trận đối với công tác xét xử của tòa án ngày một tăng cường.

---

* Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

Digitized by Google

Trong quá trình xây dựng và phát triển, đặc biệt trong những năm gần đây, tòa án đã phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật đưa ra truy tố, xét xử, trừng trị nghiêm khắc, đúng mức những vụ án xâm phạm an ninh quốc gia như hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, hoạt động tình báo gián điệp, lợi dụng quyền tự do dân chủ, tuyên truyền xuyên tạc chính sách, kích động chống đối chính quyền, chia rẽ nhân dân, đồng thời trừng trị thích đáng những hành vi tham nhũng, buôn lậu, tệ nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc và những hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự, trị an xã hội như cướp của, giết người, trộm cắp v.v... Cùng với việc xét xử những vụ án hình sự, các tòa án các cấp hằng năm đã giải quyết hàng chục vạn vụ tranh chấp về dân sự, hôn nhân gia đình và các tranh chấp về kinh tế v.v...

Bằng kết quả hoạt động xét xử, tòa án đã góp phần quan trọng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ, củng cố chính quyền nhân dân, góp phần thực hiện quyền dân chủ và công bằng xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Bên cạnh những thành tựu nói trên, cần thấy rằng việc đổi mới tổ chức và hoạt động của tòa án trong thời gian qua vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn đổi mới của đất nước. Nhìn chung tổ chức và hoạt động của ngành Tòa án còn nhiều hạn chế và bất cập.

Đội ngũ cán bộ tòa án trước hết là đội ngũ thẩm phán tòa án các cấp còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, không cân xứng với khối lượng công việc quá lớn và tính chất phức tạp ngày càng gia tăng. Chính sách đối với cán bộ tòa án có những điểm chưa phù hợp với tính chất, yêu cầu của công tác tòa án. Bên cạnh những thẩm phán, cán bộ tòa án liêm khiết, chí công vô tư, một số cán bộ, nhân viên tòa án đã thoái hóa, tham nhũng, sinh hoạt bê tha, làm mất uy tín chung của cơ quan bảo vệ công lý. Tòa án cấp huyện là tòa án tiếp cận trực tiếp với nhân dân nhiều nhất, giải quyết hầu hết các án kiện dân sự, hôn nhân gia đình, tranh chấp đất đai và những vụ án hình sự mà luật quy định có khung hình phạt từ 7 năm tù trở xuống, nhưng chưa được quan tâm đúng mức. Thẩm quyền xét xử về hình sự của tòa án cấp huyện còn hạn chế, phần lớn những vụ án hình sự vẫn do tòa án cấp tỉnh xét xử sơ thẩm. Tòa án nhân dân tối cao còn phải xét xử phúc thẩm quá nhiều, ảnh hưởng đến chức năng chủ yếu của Tòa án nhân dân tối cao là cấp xét xử giám đốc thẩm, tổng kết kinh nghiệm xét xử và hướng dẫn các tòa án áp dụng thống nhất pháp luật.

Việc lập Tòa kinh tế, Tòa lao động và Tòa hành chính là cần thiết, nhưng do những quy định về tố tụng chưa phù hợp và chưa có sự phối hợp đồng bộ với các cơ quan hữu quan như Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Thanh tra Nhà nước, nên chưa phát huy được hiệu quả hoạt động của những tòa án này. Các tổ hòa giải ở cơ sở không được duy trì và củng cố, nhiều vụ việc tranh chấp nhỏ trong nhân dân cũng phải đưa ra xét xử ở tòa án, khối lượng công việc mà tòa án phải giải quyết ngày một tăng nhất là ở những nơi tập trung dân cư, kinh tế thị trường phát triển, trong khi cán bộ và phương tiện hoạt động của tòa án còn hạn chế dẫn đến việc giải quyết không kịp thời.

Công tác quản lý về tổ chức tòa án nhân dân địa phương. Tòa án quân sự quân khu và khu vực do Bộ Tư pháp đảm nhiệm còn nhiều ý kiến khác nhau, nhưng chưa được tổng kết để khẳng định về mô hình và cơ chế quản lý thích hợp.

Chất lượng xét xử còn thấp, một số vụ hình sự xử chưa nghiêm minh, có trường hợp còn để lọt kẻ phạm tội, hoặc xử oan người vô tội. Việc phối hợp giữa cơ quan công an, tòa án và chính quyền địa phương trong công tác thi hành án phạt tù và các hình phạt tù án treo, cải tạo không giam giữ chưa chặt chẽ, để một số người có án phạt tù chạy trốn, hoặc không bị bắt thi hành án, có kẻ lại tiếp tục phạm tội, gây ảnh hưởng không tốt trong nhân dân.

Nhiều vụ án dân sự để dây dưa kéo dài, hoặc xét xử không chính xác, phải xử đi, xử lại nhiều lần.

Tình trạng vi phạm pháp luật về tố tụng như để quá hạn luật định về thời hạn phải xét xử sơ thẩm cũng như phúc thẩm, thời hạn phải giao bản án đã có hiệu lực cho cơ quan thi hành án v.v... còn xảy ra ở nhiều tòa án.

Để khắc phục những tồn tại và hạn chế nói trên của ngành tòa án, chúng tôi xin đưa ra một số giải pháp tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của ngành tòa án trong thời gian tới như sau :

Digitized by Google

a - Xây dựng đội ngũ cán bộ tòa án trong sạch, vững mạnh.

Trong bài diễn văn khai mạc Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười sau khi nói rõ mục tiêu chung của cải cách, đổi mới cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của từng cơ quan cũng như cả bộ máy nhà nước đã nhấn mạnh : "Tiếp tục cải cách tư pháp là một yêu cầu cấp bách. Nhân dân đòi hỏi các cơ quan và nhân viên tư pháp phải mẫu mực tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, thể hiện tính dân chủ, công khai, đại diện cho công lý của chế độ, phải thật sự trong sạch, công minh".

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo nói trên, công cuộc đổi mới và hoạt động của tòa án phải tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp, lấy giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh làm trọng tâm. Hoạt động của tòa án là biểu hiện công lý của chế độ. Do đó cán bộ tòa án đặc biệt thẩm phán tòa án các cấp phải là người có phẩm chất đạo đức tốt, liêm chính, trung thực, có kiến thức pháp lý, thành thạo nghiệp vụ, mẫu mực tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, có tinh thần kiên quyết bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tòa án nhân dân tối cao ngoài việc rà soát đội ngũ cán bộ của mình cần có sự phối hợp với Bộ Tư pháp, và cấp ủy địa phương có kế hoạch tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ các tòa án địa phương để có kế hoạch và quy hoạch đào tạo, đào tạo lại đội ngũ thẩm phán. Qua rà soát, cần biểu dương, khen thưởng những cán bộ liêm chính, hoàn thành tốt nhiệm vụ, kiên quyết xử lý những cán bộ thoái hóa, tham nhũng, vi phạm pháp luật để loại ra khỏi ngành tòa án, bảo đảm cho tòa án thật sự trong sạch, xứng đáng là cơ quan công lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Để tạo điều kiện cho tòa án hoạt động có hiệu quả, đồng thời tăng thêm uy tín trong nhân dân, chúng tôi kiến nghị Đảng và Nhà nước quan tâm thích đáng đến cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động cho các tòa án, nhất là tòa án cấp huyện. Sớm khắc phục tình trạng còn khá nhiều tòa án huyện hiện nay còn làm việc trong vài gian nhà cấp 4, có nơi còn là nhà tranh ; phương tiện làm việc vừa thiếu vừa lạc hậu ; kinh phí rất hạn hẹp, tiền lương quá thấp (bình quân lương thẩm phán huyện chưa được 350 000đ/người/tháng, cán bộ 200 000đ/người/tháng), đời sống cán bộ tòa án nói chung rất khó khăn.

b - Tổ chức tòa án.

Tổ chức tòa án tuân thủ nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất có phân công và phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện ba quyền *lập pháp, hành pháp, tư pháp* dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo đảm sự giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đối với hoạt động của cơ quan tư pháp nói chung, tòa án nói riêng. Do đó, hệ thống tòa án nhân dân tổ chức thành 3 cấp theo cấp hành chính là phù hợp để bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự giám sát của Quốc hội (đối với Tòa án nhân dân tối cao) của Hội đồng nhân dân đối với tòa án địa phương cùng cấp, đồng thời bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước nói chung và cơ quan tư pháp nói riêng.

Việc tổ chức tòa án theo cấp hành chính không những bảo đảm được nguyên tắc cơ bản nói trên mà còn bảo đảm sự ổn định về tổ chức và hoạt động cho tòa án cấp huyện, không nên căn cứ vào trình độ, cán bộ và số lượng vụ án nhiều hay ít để vừa tồn tại tòa án cấp huyện, vừa thành lập tòa án mang tính chất khu vực (ghép 2 - 3 tòa án ít việc thành một tòa án).

Quán triệt quan điểm xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, cần tính toán để khi quyền và lợi ích hợp pháp của dân bị xâm phạm, thì người dân có điều kiện thuận lợi nhất để yêu cầu tòa án bảo vệ. Việc lấy số lượng vụ án và mật độ dân cư để lập tòa án khu vực không những trái với nguyên tắc cơ bản nói trên mà còn nghịch lý là trong cuộc sống hiện nay ở những nơi dân cư đông đúc, số lượng vụ án nhiều thì địa bàn lại hẹp, giao thông thuận tiện, đi lại dễ dàng. Còn ở những nơi dân cư thưa thớt, số lượng vụ án ít thì địa bàn lại rộng lớn, giao thông không thuận lợi, đi lại rất khó khăn (phổ biến là ở những huyện miền núi, hải đảo). Lập tòa án khu vực ở những nơi này thì rất khó khăn cho dân khi có việc cần đến tòa án và bản thân tòa án cũng rất khó khăn khi phải xuống cơ sở để điều tra, hòa giải những án kiện dân sự, hôn nhân gia đình.

Từ thực tiễn của nước ta, chúng tôi cho rằng việc thành lập tòa án nhân dân theo cấp hành chính hiện nay là phù hợp mà trung tâm là xây dựng tòa án cấp huyện là tòa án cấp sơ thẩm của hệ thống cơ quan tòa án của nước ta với việc đổi mới về thẩm quyền xét xử của từng cấp tòa án.

Digitized by Google

c - Thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân cấp huyện và tòa án quân sự khu vực.

Từ thực tiễn đấu tranh chống tội phạm và giải quyết các tranh chấp trong nội bộ nhân dân, rút ra kết luận là quy định của pháp luật tố tụng nhất là tố tụng hình sự hiện hành về thẩm quyền xét xử của các cấp tòa án không còn phù hợp. Thẩm quyền xét xử về hình sự của tòa án cấp huyện quá hẹp (chỉ được xét xử những tội phạm mà Luật hình sự quy định phạt đến 7 năm tù) cho nên tòa án cấp tỉnh phải đảm nhiệm xét xử sơ thẩm nhiều, do đó Tòa án nhân dân tối cao cũng phải xét xử phúc thẩm nhiều (hằng năm phải xét xử phúc thẩm khoảng trên dưới 5000 vụ án các loại). Thẩm quyền xét xử theo trình tự giám đốc thẩm của tòa án cấp tỉnh và Tòa án nhân dân tối cao cũng cần được xem xét đổi mới cho thích hợp. Vấn đề mấu chốt là đổi mới thẩm quyền xét xử của tòa án cấp huyện. Việc mở rộng thẩm quyền xét xử của tòa án cấp huyện phải đồng thời đổi mới tổ chức và thẩm quyền của cơ quan điều tra và công tố (Viện kiểm sát) cấp huyện.

Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ đã tổ chức khảo sát 240 đơn vị tòa án, công an, viện kiểm sát cấp huyện ở 3 vùng trong cả nước, xác định có khoảng 215 đơn vị (chiếm 90% đơn vị được khảo sát) có đủ điều kiện để tiếp nhận việc điều tra, truy tố, xét xử những vụ án có khung hình phạt đến 12 hoặc 15 năm tù và về cơ bản có thể thụ lý để xét xử hầu hết các vụ án về dân sự, hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào kết quả khảo sát cũng như tính chất phức tạp của các loại vụ án, chúng tôi đề nghị từ nay đến năm 2005 nên mở rộng thẩm quyền xét xử của tòa án cấp huyện như sau :

- Về hình sự : Tòa án nhân dân cấp huyện, tòa án quân sự khu vực có thẩm quyền xét xử sơ thẩm các tội phạm mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội đó là 15 năm tù, trừ những tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia, tội phá hoại hòa bình, chống loài người, tội phạm chiến tranh.

- Về dân sự : Tòa án cấp huyện xét xử sơ thẩm các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, trừ những vụ tranh chấp về sở hữu trí tuệ, tranh chấp về hàng hải, hàng không. Các vụ án kinh tế, lao động và hành chính là loại việc mới và chưa nhiều nên giữ như qui định của pháp luật tố tụng hiện hành.

Tuy nhiên khi thực hiện, không làm đồng loạt mà Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc hướng dẫn thực hiện cho sát với điều kiện tòa án cấp huyện từng vùng.

Thực hiện quy định nói trên tạo ra một sự đổi mới khá cơ bản mà Nghị quyết Trung ương đề ra là : việc xét xử sơ thẩm được thực hiện chủ yếu ở tòa án cấp huyện, tòa án cấp tỉnh chủ yếu xét xử phúc thẩm, Tòa án án nhân dân tối cao chủ yếu xét xử giám đốc thẩm, tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn các tòa án áp dụng thống nhất pháp luật. Bỏ thủ tục xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm.

Về tổ chức và thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm, tái phẩm. Theo quy định của pháp luật hiện hành thì có 4 cấp có quyền xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Đó là Ủy ban thẩm phán tòa án nhân dân cấp tỉnh, các tòa án chuyên trách của Tòa án nhân dân tối cao ; Ủy ban thẩm phán tòa án nhân dân tối cao và Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Thực tiễn xét xử cho thấy rằng hằng năm tòa án cấp huyện xét xử một lượng án rất lớn, nhất là về dân sự, hôn nhân gia đình, trong số đó có khoảng trên dưới 50% không có kháng cáo hoặc kháng nghị. Nhưng cũng có một số vụ sau khi án có hiệu lực lại phát hiện có sai lầm. Việc phân cấp cho Ủy ban thẩm phán tòa án cấp tỉnh xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm các bản án, quyết định của tòa án cấp huyện có hiệu lực pháp luật bảo đảm việc sửa bản án, quyết định của tòa án cấp huyện được nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc yêu cầu xem xét lại bản án, quyết định của tòa án cấp huyện đã hiệu lực nhưng phát hiện có sai lầm ; đồng thời tránh việc dồn "gánh nặng" không đáng có cho Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên cần nghiên cứu bổ sung luật về tổ chức thủ tục xét xử giám đốc thẩm để nâng cao chất lượng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân tối cao để bỏ thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm và tái thẩm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

d - Đổi mới công tác tuyển chọn, bổ nhiệm thẩm phán tòa án các cấp.

Chế định Chủ tịch nước bổ nhiệm thẩm phán tòa án các cấp được thực hiện thay cho chế định bầu cử thẩm phán trước đây, tỏ rõ tính ưu việt, vì đội

Digitized by Google

ngũ thẩm phán được tiêu chuẩn hóa, qua việc bổ nhiệm đã được sàng lọc kỹ, nên nhìn chung thẩm phán phấn khởi trước trọng trách cao cả mà Đảng, Nhà nước giao phó. Vì vậy, đề nghị giữ nguyên như hiện nay, không nên theo nhiệm kỳ 5 năm bổ nhiệm một lần để đội ngũ thẩm phán ổn định, yên tâm công tác. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, qua kiểm tra giám sát hoạt động của các thẩm phán nếu phát hiện thẩm phán có vi phạm phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ yếu kém thì xem xét miễn nhiệm hoặc cách chức vào bất kỳ lúc nào.

Về Hội đồng tuyển chọn thẩm phán, chúng tôi đề nghị đổi mới theo hướng :

+ Bỏ Hội đồng tuyển chọn thẩm phán cấp tỉnh do Bộ trưởng Bộ Tư pháp làm chủ tịch. Trao nhiệm vụ này cho Hội đồng tuyển chọn thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm Chủ tịch Hội đồng. Như vậy, Hội đồng tuyển chọn thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tuyển chọn trình Chủ tịch nước bổ nhiệm thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thẩm phán Tòa án quân sự Trung ương, thẩm phán tòa án nhân dân cấp tỉnh, thẩm phán tòa án quân sự quân khu và khu vực.

+ Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn thẩm phán cấp huyện do Chánh án tòa án nhân dân cấp tỉnh làm chủ tịch.

+ Ngoài các thành viên của Hội đồng tuyển chọn thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thẩm phán cấp huyện như hiện nay, cần tăng thêm một số thành viên thuộc Tòa án nhân dân tối cao đối với Hội đồng tuyển chọn thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thuộc tòa án cấp tỉnh đối với Hội đồng tuyển chọn thẩm phán cấp huyện, nhằm nâng cao chất lượng tuyển chọn thẩm phán các cấp.

đ - Đổi mới việc quản lý tòa án nhân dân địa phương, tòa án quân sự quân khu và khu vực về tổ chức.

Để có thể xây dựng ngành tòa án vững mạnh, ngoài việc cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quan tâm của Nhà nước trong việc đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ tòa án, đặc biệt đội ngũ thẩm phán tòa án các cấp, cần đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết và kinh phí hoạt động của tòa án cũng như vấn đề chế độ chính sách đãi ngộ với cán bộ làm công tác xét xử. Vấn đề có tính chất quyết định là việc quản lý, tổ chức mà trung tâm là quản lý con người. Nghị quyết 8 của Trung ương (khóa VII) đề ra nhiệm vụ phải tổng kết thực tiễn công tác quản lý tòa án địa phương, xác định rõ trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong việc quản lý các tòa án địa phương về tổ chức và cán bộ.

Thực tế trong hơn 10 năm thực hiện Điều 16 Luật tổ chức tòa án nhân dân giao cho Bộ Tư pháp quản lý các tòa án địa phương về mặt tổ chức đã bộc lộ một số nhược điểm :

- Xuất phát từ quan điểm của Đảng ta trong xây dựng tổ chức và cán bộ : "cơ quan nào chịu trách nhiệm về quản lý công việc thì đồng thời có trách nhiệm về quản lý cán bộ". Do đó, việc quản lý công tác chuyên môn và công tác tổ chức đối với tòa án nhân dân địa phương nên giao cho một cơ quan đảm nhiệm, tránh tình trạng chồng chéo, "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược". Căn cứ vào nhiệm vụ chính trị, hiệu quả công tác, với hoàn cảnh, điều kiện cụ thể và đặc thù của nước ta chúng tôi thấy nên chuyển giao nhiệm vụ này cho Tòa án nhân dân tối cao đảm nhiệm.

- Tòa án nhân dân tối cao thông qua việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình có điều kiện hiểu rõ và nắm vững được tình hình tổ chức, cán bộ của tòa án cấp dưới, biết được tình hình tổ chức và hoạt động của mỗi tòa án cụ thể và như vậy mới có được sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời cũng như có kế hoạch cụ thể đáp ứng được các yêu cầu của tòa án cấp dưới, bảo đảm cho các tòa án các cấp thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình.

- Tham khảo kinh nghiệm của một số nước như ở Trung Quốc, chúng tôi thấy về tổ chức nhà nước có nhiều điểm tương đồng với nước ta : quyền lực Nhà nước là tập trung thống nhất, có sự phân công trong việc thực hiện ba quyền : lập pháp, hành pháp và tư pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, thì việc quản lý tòa án địa phương do Tòa án tối cao đảm nhiệm. Đối với các nước theo chế độ tam quyền phân lập thì mô hình tổ chức và quản lý tòa án địa phương cũng rất khác nhau, có nơi giao cho Tòa án tối cao quản lý, có nơi giao cho Bộ Tư pháp quản lý.

- Về ý kiến cho rằng, nếu để Tòa án nhân dân tối cao quản lý tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức thì sẽ hình thành hệ thống tòa án khép kín,

Digitized by Google

không bảo đảm nguyên tắc "khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật".

Theo quy định của pháp luật và thực tế thì trong mọi trường hợp, mọi lúc, mọi nơi, tổ chức và hoạt động của tòa án nhân dân đều có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phải chịu sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân cùng cấp, có sự kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát, có sự tham gia tố tụng của luật sư và của ngay những bị cáo, những đương sự và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan, việc xét xử được tiến hành công khai, nên không thể "khép kín" được. Ngay cả việc xây dựng cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động cũng phải theo đúng quy định chung của Nhà nước. Có thể nói, không một ngành nào trong bộ máy nhà nước trong hoạt động của mình mà có nhiều tổ chức và người giám sát như hoạt động xét xử của tòa án.

Vậy việc giao cho Tòa án nhân dân tối cao quản lý tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức có làm ảnh hưởng đến nguyên tắc "khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" hay không ? Thực tế đòi hỏi của nguyên tắc "độc lập khi xét xử" trước hết là sự độc lập quyết định từng vấn đề khi xét xử giữa hội thẩm nhân dân, thẩm phán. Thứ hai là nghiêm cấm mọi tác động và can thiệp vào công tác xét xử của thẩm phán, hội thẩm nhân dân từ mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân chứ không phải giữa tòa án cấp này với tòa án cấp khác. Sự hướng dẫn công tác xét xử của Tòa án nhân dân tối cao đối với các tòa án nhân dân địa phương là hết sức cần thiết, bảo đảm cho việc áp dụng thống nhất pháp luật, đường lối xét xử chung trong phạm vi cả nước. Nếu có vụ án nào đó khi tòa án cấp dưới tranh thủ ý kiến của tòa án cấp trên, thì cũng chỉ là trao đổi ý kiến về nghiệp vụ, tòa án cấp trên chỉ hướng dẫn giải quyết những điểm vướng mắc về nghiệp vụ, những văn bản pháp luật cần áp dụng, để tòa án cấp dưới giải quyết vụ án cho đúng pháp luật, chứ không phải áp đặt ý kiến cụ thể về việc giải quyết vụ án đó.

Qua khảo sát và thu thập ý kiến của khá nhiều cấp ủy địa phương cũng như cán bộ tòa án địa phương là người biết rõ hơn ai hết việc ai quản lý tòa án địa phương thì tốt hơn, thuận lợi hơn, hầu hết trả lời là Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan quản lý công tác xét xử thì nên giao cho Tòa án nhân dân tối cao quản lý cả về tổ chức tòa án nhân dân địa phương.

e - Tiếp tục sửa đổi, bổ sung pháp luật.

Để làm cơ sở cho việc đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung, tòa án nói riêng, cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung luật pháp trực tiếp liên quan đến hoạt động của cơ quan tư pháp như các Luật về tổ chức tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan điều tra, luật sư, công chứng, giám định tư pháp ; sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật dân sự. Khẩn trương soạn thảo ban hành Bộ luật tố tụng dân sự, sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh tố tụng về hành chính. Đi đôi với việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các bộ luật, luật nói trên, cần đặc biệt quan tâm việc giải thích luật của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và sự hướng dẫn thi hành luật của các cơ quan có trách nhiệm của Trung ương, bảo đảm việc hiểu và áp dụng thống nhất pháp luật trong các cơ quan tiến hành tố tụng. Các việc làm nói trên là một trong những yếu tố rất quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp, đồng thời là một trong những yếu tố quyết định để thực hiện được nguyên tắc "khi xét xử thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật".

Xúc tiến nghiên cứu tổ chức lực lượng cảnh sát tư pháp để làm nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, dẫn giải bị can, bị cáo, đương sự (khi cần thiết) ra tòa, thi hành quyết định của hội đồng xét xử bắt giam bị cáo hoặc người có hành vi gây mất trật tự nghiêm trọng tại phiên tòa, phục vụ công tác thi hành án và có thể giao một số nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Tòa án là một trong những cơ quan bảo vệ pháp luật bằng cách áp dụng những biện pháp do pháp luật quy định để xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, giải quyết các tranh chấp xảy ra trong đời sống xã hội, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của công dân. Hiệu lực và hiệu quả hoạt động của tòa án góp phần quan trọng củng cố và tăng cường quyền lực nhà nước trong đời sống xã hội.

Vì vậy, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của tòa án là bộ phận hữu cơ của nhiệm vụ tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh. ❑

Digitized by Google

CÔNG TÁC TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG SAU NGÀY TỔNG KHỞI NGHĨA (19-8-1945)

BÙI NGỌC THANH *

Hầu như đã trở thành tính quy luật, sau khi cách mạng vô sản thành công ở bất kỳ một nước nào thì các thế lực đế quốc bên ngoài và phản động bên trong cũng đều lồng lộn lên và bằng mọi thủ đoạn, câu kết với nhau hòng đè bẹp ngay chính quyền non trẻ ở đó.

Cũng như vậy ở nước ta từ cuối tháng 8, đầu tháng 9 năm 1945, hơn 20 vạn quân Tưởng, vin vào quyết định của Hội nghị Pốt-xđam (tháng 7-1945), đã ùa vào chiếm đóng Hà Nội và hầu hết các thành phố, thị xã từ biên giới Việt - Trung đến vĩ tuyến 16. Ngày 6-9-1945 quân Anh lấy danh nghĩa "Đồng minh" đã tiến vào miền Nam nước ta, kéo theo là các đơn vị bộ binh và xe bọc thép của quân đội Pháp. Ngày 23-9 năm ấy, quân Pháp được quân Anh và quân Nhật yểm trợ đã nổ súng xâm lược đánh chiếm Sài Gòn, sau đó tiến công các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Bọn phản động Việt Quốc, Việt Cách nấp bóng quân Tưởng đã đánh chiếm nhiều thị xã ở phía bắc... và lập chính quyền phản động ở Vĩnh Yên, Yên Bái và Móng Cái. Chúng đã gây ra vô vàn tội ác (bắt cóc, tống tiền, in bạc giả, giết người man rợ... và mưu toan đảo chính). Sau ngày 28-2-1946, hơn 4000 quân Pháp trước đó trốn chạy sang Trung Quốc, đã trở lại nước ta. Chúng ngang nhiên chiếm đóng Lai Châu. Tàu chiến của Pháp từ Sài Gòn chở quân ra vịnh Bắc Bộ sẵn sàng đổ bộ lên cảng Hải Phòng. Chúng liên tiếp hành quân càn quét "bình định" ở Nam Bộ, thành lập xứ "Nam Kỳ tự trị" và lén lút lập chính phủ bù nhìn. Chúng đánh úp một số vị trí của ta ở Nam Trung Bộ và âm mưu lập xứ "Tây Kỳ tự trị". Ở Bắc Bộ chúng lấn chiếm Sơn La, Hòn Gai, Bắc Ninh, Tiên Yên... âm mưu lập xứ "Thái" và xứ "Nùng" tự trị... Ngày 20-11-1946 chúng đánh chiếm Lạng Sơn và gây ra xung đột ở Hải Phòng, rồi đến các nơi khác ở miền biển và biên giới. Ngày 17-12-1946, quân Pháp đã nổ súng vào quân ta ở phố Hàng Bún, Hà Nội và hôm sau ngày 18 tháng 12, chúng đưa tối hậu thư đòi tước vũ khí các lực lượng vũ trang của ta tại thủ đô...

Cánh mạng nước ta ngày ấy như "ngàn cân treo sợi tóc", thù trong giặc ngoài hung hãn, uy hiếp. Thêm vào đó "di căn" nạn đói năm 1945 do Pháp - Nhật gây ra còn nặng nề. Trong hơn một năm trời hết lũ lụt, vỡ đê ở 9 tỉnh Bắc Bộ, lại đến hạn hán kéo dài, 50% ruộng đất bị bỏ hoang. Công nghiệp non trẻ bị đình đốn vì địch phá hủy, hàng vạn công nhân mất việc. Ngân sách tài chính bị bọn Quốc dân đảng vơ vét sạch, Ngân hàng Đông Dương vẫn nằm trong tay tư bản Pháp. Quân Tưởng tung tiền quan kim ra thị trường gây rối loại nền kinh tế...

Trước những khó khăn chồng chất, những rối ren phức tạp, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với bản lĩnh cách mạng, tài trí thông minh, đã phân tích tình hình một cách biện chứng, đánh giá chính xác cái mạnh, cái yếu của từng kẻ thù và mối quan hệ của chúng ; lợi dụng mâu thuẫn của kẻ thù mà phân hóa chúng, có sách lược, chiến thuật đối với từng đối tượng. Trong bộn bề công việc trọng đại khác nhau nhưng với tài tổ chức cao, Đảng ta đã sắp xếp từng công việc liên tục kế tiếp đan xen nhau, hướng vào mục tiêu cao cả. Đó là "Toàn thể dân

* PTS, Phó chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội

Digitized by Google

tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập" (1)

Để đạt được mục tiêu giữ vững nền độc lập tự do non trẻ, Đảng ta đã vận dụng, tổ chức thực hiện rất sáng tạo những nguyên tắc của cách mạng :

- Trước hết Đảng đã tự tăng cường tiềm lực, nâng cao uy tín của Đảng bằng việc chấn chỉnh, củng cố Đảng thật vững mạnh, đủ sức lãnh đạo nhân dân kháng chiến, kiến quốc theo Chỉ thị của Trung ương ngày 25-11-1945. Đảng có mạnh thì mới bảo đảm và phát huy được các thành quả cách mạng vừa mới giành được, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Trên khắp các vùng, miền trong cả nước, các tổ chức đảng được củng cố và phát triển, đặc biệt là các cơ sở đảng ở các hầm mỏ, các xí nghiệp. Đảng duy trì hệ thống tổ chức bí mật và phối hợp nhịp nhàng, đúng đắn giữa hoạt động bí mật với hoạt động công khai ; tiếp tục tuyên truyền sâu rộng đường lối của Đảng trong quần chúng nhân dân.

- Tiếp tục đập tan bộ máy thực dân, trấn áp bọn phản cách mạng. Ngày 5-9-1945, Chính phủ lâm thời ra Sắc lệnh giải tán "Đại Việt quốc gia xã hội đảng" và "Đại Việt quốc dân đảng". Ngày 12-9-1945, Chính phủ ra tiếp Sắc lệnh bắt đi an trí những người hoạt động nguy hiểm cho nền dân chủ cộng hòa Việt Nam và lập tòa án quân sự trừng trị bọn phản cách mạng hung hăng ngoan cố. Với sự chỉ đạo sát sao, chặt chẽ của Đảng và tài mưu lược của các lực lượng an ninh, ngày 12-7-1946 công an nhân dân và tự vệ đã đưa ra ánh sáng tội ác đẫm máu của bọn Quốc dân đảng bí mật câu kết với thực dân Pháp mưu toan đảo chính lật đổ Chính phủ lâm thời vào ngày 14-7-1946.

Đảng ta đã tiến hành hai loại việc hệ trọng nói trên là hoàn toàn đúng với luận điểm của Lê-nin "Một cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi nào nó biết tự vệ"(2).

Cũng trong những ngày tháng cam go ấy Đảng đã lãnh đạo, tổ chức thiết lập nên hệ thống các cơ quan nhà nước đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ngày 25-8-1945, Ủy ban dân tộc giải phóng được cải tổ thành Chính phủ lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Ngày 1-1-1946 Chính phủ lâm thời tự cải tổ thành Chính phủ liên hiệp. Ngày 22-11-1945 Chính phủ lâm thời đã ban hành Sắc lệnh về tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các địa phương và ngày 21-12-1945, ban hành Sắc lệnh về tổ chức chính quyền nhân dân ở các thị xã và thành phố.

Ngày 6-1-1946 cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên được tiến hành, nhân dân cả nước đã bầu ra các đại biểu Quốc hội đại diện cho mình. Trong kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khai mạc ngày 2-3-1946, Chính phủ kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã được thành lập. Như vậy, chỉ trong vòng 5 tháng sau ngày Tổng khởi nghĩa, hệ thống các cơ quan Nhà nước (Quốc hội, Chính phủ, chính quyền các cấp) đã được thiết lập trên căn bản.

- Đi đôi với việc hình thành bộ máy nhà nước, Đảng đã lãnh đạo công tác tổ chức và phát triển các lực lượng cách mạng sâu rộng trong quần chúng. Đó là các đoàn thể cứu quốc trong mặt trật Việt Minh (Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc...). Công tác tổ chức đã tạo ra các lực lượng cách mạng sâu rộng trong nhân dân. Các cuộc mít tinh, tuần hành của quần chúng diễn ra liên tục trong cả nước, từ khắp các thị thành đến thôn quê hừng hực khí thế cách mạng, tỏ rõ sự đoàn kết xung quanh Đảng và Hồ Chủ tịch. Đặc biệt là cuộc biểu tình, tuần hành ngày 4-10-1945 của 30 vạn nhân dân thủ đô, hàng ngũ chỉnh tề, qua nhiều đường phố, dõng dạc hô vang các khẩu hiệu "Nước Việt Nam của người Việt Nam ; ủng hộ Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa ; ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh...".

Từ các đoàn thể cứu quốc, Đảng tiếp tục tổ chức các đơn vị tự vệ, dân quân du kích ở khắp các thôn xã, phố phường, rồi từ đó hình thành

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 4

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 37, tr 145

Digitized by Google

những đơn vị bộ đội tập trung. Đường lối xây dựng và tổ chức các lực lượng vũ trang từ những lực lượng chính trị của quần chúng đã bảo đảm cho các lực lượng vũ trang phát triển nhanh chóng, có chất lượng, làm tròn sứ mệnh là công cụ bạo lực bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng từ trung ương đến cơ sở từ khi ấy cho đến bây giờ.

- Mặc dù trong hoàn cảnh hết sức căng thẳng, từng giờ, từng phút phải chiến đấu với thù trong giặc ngoài, nhưng chỉ trong vòng 16 tháng (tính đến ngày toàn quốc kháng chiến 19-12-1946) với sự lãnh đạo của Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh là phải điều hành nhà nước và quản lý xã hội theo pháp luật, Quốc hội và Chính phủ đã soạn thảo, thông qua và ban hành một khối lượng văn bản đồ sộ. Đó là Hiến pháp (Quốc hội thông qua ngày 9-11-1946) ; Luật lao động (được thông qua ngày 8-11-1946) ; năm sắc lệnh về tổ chức tổng tuyển cử bầu Quốc hội và hơn mười sắc lệnh về tổ chức chính quyền địa phương các cấp đã được Chính phủ phê duyệt và ban hành. Đây quả là một kỳ tích trong lịch sử của công tác tổ chức xây dựng pháp luật của Nhà nước do Đảng lãnh đạo.

- Song song với việc phát triển các lực lượng cách mạng, Đảng ta đã rất lưu tâm đến việc tổ chức tạo ra các nguồn vật chất để kháng chiến kiến quốc. Với sự khéo léo nhanh nhạy của Đảng, có những việc được thực hiện nhanh chóng trong một số ngày, có những việc phải tiến hành ba, bốn tháng, nhưng kết quả rất khả quan. Tuần lễ vàng và Quỹ độc lập được thực thi theo Sắc lệnh ngày 4-9-1945 đã động viên đúng lúc, kịp thời ý nguyện của nhân dân vì nền độc lập của Tổ quốc bằng những hành động cụ thể. Đồng bào cả nước đã đóng góp được 370 kg vàng, 60 triệu đồng vào Quỹ độc lập và đảm phụ quốc phòng. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, của Bác Hồ "thực túc binh cường" , "tấc đất tấc vàng" , "không một tấc đất hoang", người người đều tăng gia sản xuất. Kết quả là nạn đói đã bị đẩy lùi. Theo số liệu của Bộ Canh nông, chỉ tính riêng ở Bắc Bộ sản lượng thóc hai vụ chiêm và mùa năm 1946 đã đạt 1 925 000 tấn, bằng 78% sản lượng thóc toàn quốc năm 1940 và hoa màu đạt 617 000 tấn, gấp 3 lần so với năm 1940.

Tổ chức cho toàn xã hội làm việc có hiệu quả trong điều kiện "nước sôi, lửa bỏng" là một tài nghệ tổ chức của Đảng. Kết quả to lớn đó chẳng những tạo điều kiện vật chất cho kháng chiến kiến quốc mà còn có ý nghĩa chính trị và lòng tin sâu sắc của nhân dân vào cách mạng. Cùng với kết quả của các ngành kinh tế khác, đến ngày 23-11-1946, Quốc hội đã quyết định cho in và lưu hành đồng tiền Việt Nam trong cả nước và đến ngày toàn quốc kháng chiến, đồng tiền này đã căn bản thay thế đồng tiền Đông Dương trên toàn cõi Việt Nam...

Mặc dù chỉ hơn một năm, nhưng thật khó có thể thống kê hết được những công việc mà Đảng ta đã tổ chức, đặt nền móng cho một xã hội mới. Có những việc tưởng như bình thường nhưng 50 năm nay vẫn là vấn đề chiến lược đầy ý nghĩa. Ví dụ như diệt giặc đói phải đi đôi với diệt giặc dốt. Với tinh thần : "vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo..." (3), trong khoảng một năm chỉ tính ở Trung Bộ và Bắc Bộ đã có 2,5 triệu người biết đọc, biết viết. Tiếng Việt được chính thức dạy trong hệ thống các trường học. Vấn đề văn hóa, nghệ thuật, ngay từ ngày ấy trong hoàn cảnh vận mệnh đất nước bị đe dọa nghiêm trọng, vẫn được Đảng và Nhà nước ta lưu ý đầy đủ, với quan điểm thật chuẩn xác "Văn hóa có liên lạc với chính trị rất là mật thiết. Phải làm thế nào cho văn hóa vào sâu trong tâm lý của quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, được lười biếng, phù hoa, xa xỉ... Văn hóa phải làm thế nào cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do" (4). Cũng cần phải nói thêm rằng, cho đến nay những vấn đề về giáo dục, văn nghệ vẫn được tổ chức thực hiện trên nền tảng đó.

Đúng như nhận định của Đảng ta, các thế lực đế quốc phải dàn xếp thỏa hiệp với nhau "Anh, Mỹ, Tàu đồng ý nhân nhượng với Pháp về vấn

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, t 4, tr 29
(4) *Văn kiện lịch sử Đảng*, Trường đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, t 4, tr 74

Digitized by Google

đề Đông Dương, để quân Pháp vào Đông Dương thay quân Tàu" (5). Bằng sách lược đúng đắn, mềm dẻo của Đảng, các kẻ thù lần lượt bị gạt khỏi Việt Nam. Đầu tháng 6-1946, quân Tưởng bắt đầu rút khỏi nước ta (lẽ ra chúng phải rút từ 31-3 theo Hiệp ước Hoa - Pháp). Bọn tay sai, phản động ra vẻ cách mạng, nay bộ mặt thật bị phơi bày, mất chỗ dựa, hoang mang trước nguy cơ bị tiêu diệt, đã cuốn gói chạy theo quân Tưởng, hoặc tìm đường chạy trốn. Kẻ thù chính còn lại là thực dân Pháp. Mặc dù Đảng, Chính phủ và nhân dân ta rất thiện chí muốn giải quyết các vấn đề bằng đàm phán hòa bình và thực hiện các cam kết của Hiệp định sơ bộ ký ngày 6-3-1946, nhưng thực dân Pháp với tham vọng muốn nhanh chóng lập lại ách thống trị của chúng ở Việt Nam nên đã không chịu thực hiện các cam kết, mà tiếp tục mở rộng chiến tranh. Mọi mưu đồ của chúng không ngoài dự báo của Đảng ta : "Không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng phải nhất định đánh Pháp" và ..."Phải tự tin rằng tuy kém về kỹ thuật, vũ khí nhưng với tinh thần dẻo dai bền bỉ, mình nhất định sẽ thắng..." (6).

Trong một thời gian rất ngắn (hơn một năm), Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đã thực hiện một khối lượng công việc to lớn : tăng cường sự vững mạnh của Đảng ; "thiết kế" và xây dựng một hệ thống chính quyền cách mạng từ trung ương đến địa phương ; trừ khử và gạt bỏ nhiều kẻ thù nguy hiểm ; xây dựng Hiến pháp và ban hành một hệ thống luật pháp ; xây dựng lại một nền kinh tế lành mạnh, một nền văn hóa giáo dục mới..., chuẩn bị cơ sở vật chất, tinh thần cho một cuộc kháng chiến lâu dài. Tất cả những kỳ tích đó đều bắt đầu từ bộ óc tổ chức, đường lối chiến lược, sách lược và nghệ thuật lãnh đạo cách mạng của Đảng. Có thể có nhiều bài học của một thời đoạn lịch sử, nhưng trên giác độ tổ chức, có thể rút ra *ba bài học* chủ yếu, bổ ích sau đây :

- *Một là*, trong bất kỳ tình huống gay cấn, phức tạp nào cũng phải vững giữ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Công tác tổ chức phải làm cho cán bộ, đảng viên vững vàng về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược. Nhượng bộ, sai lầm về nguyên tắc sẽ dẫn đến tổn thất, thất bại lớn nhất ; thiếu tính mềm dẻo, linh hoạt, thiếu sáng tạo trong tổ chức công việc sẽ khó có thể vượt qua được những khó khăn cho dù là những khó khăn nhỏ bé.

- *Hai là*, trong tổ chức công việc cụ thể, tùy điều kiện, tùy hoàn cảnh mà có thể nhân nhượng, có thể hòa hoãn, nhưng dứt khoát trong tư tưởng là tiến công "một bước hòa, hai bước tiến" ; phải luôn luôn nhằm mục tiêu chủ yếu là thắng lợi cuối cùng, vì chỉ là một mắt khâu của cả chiều dài lịch sử nhưng nó lại quyết định đến vận mệnh, tương lai của cả đất nước, của cả dân tộc. Nếu là cuộc cờ giải trí thì người ta có thể chơi ván này, chơi tiếp ván khác ; ván này có thể thua nhưng ván khác có thể được ; còn "cuộc cờ chính trị" thì hoàn toàn khác, đã thua là mất, không có ván thứ hai ; rất khó lặp lại cuộc cờ khác để hòng thắng lại đối phương. Do đó tổ chức để chiến thắng là cực kỳ hệ trọng trong cách mạng.

- *Ba là*, cùng với đường lối và sự lãnh đạo của Đảng, nhất thiết phải tổ chức tập hợp được đông đảo các lực lượng quần chúng cách mạng. Bởi vì, có sức mạnh áp đảo của quần chúng mới cô lập được kẻ thù, mới nêu cao được vai trò lãnh đạo của Đảng, mới làm cơ sở cho chính quyền phát triển vững mạnh (vì mất chính quyền là mất tất cả). Do đó, việc mở rộng và tăng cường mặt trận, đoàn kết toàn dân là việc thường xuyên phải được chăm lo.

Ba bài học trên đây không chỉ cho 16 tháng sau Cách mạng Tháng Tám, trước ngày toàn quốc kháng chiến, mà đó là những bài học mà Đảng ta đã phát huy, nhân rộng và ngày càng hoàn thiện trong cả tiến trình cách mạng, đặc biệt là trong những lúc quyết liệt nhất và trong những thời kỳ bão táp thế giới để đạt đến những thành tựu lớn lao và vững mạnh như ngày nay. ❑

(5) *Cách mạng Tháng Tám*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1955, tr 58

(6) Nghị quyết của Đảng về quân sự chuẩn bị kháng chiến (19-10-1946)

Digitized by Google

TĂNG CƯỜNG BẢN CHẤT CÁCH MẠNG CỦA NHÀ NƯỚC TA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

TRẦN ĐÌNH HUỲNH *

1 - Cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đem lại chính quyền về tay nhân dân. Với bản Tuyên ngôn độc lập (2-9-1945), Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam mới xuất hiện với tư cách là người đại diện của một quốc gia độc lập. Tiếp liền sau đó, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên (6-1-1946) và Quốc hội khóa I thông qua Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (9-11-1946) đã khẳng định về mặt pháp lý tính hợp hiến, phù hợp với công pháp quốc tế của Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam. Nhà nước ấy, về cơ bản, thực sự đã là một nhà nước pháp quyền đầu tiên xuất hiện ở nước ta và ở Đông - Nam Á. Về mặt chính thể, chương thứ nhất, điều I Hiến pháp 1946 ghi : "Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể dân nhân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo".

Từ bấy tới nay, trải qua 52 năm xây dựng và trưởng thành, Nhà nước ta đã thực sự là công cụ của toàn thể nhân dân Việt Nam, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Song nhà nước là một phạm trù lịch sử ; nó tuyệt nhiên không phải là một hình thái tổ chức "đứng im", "nhất thành bất biến" mà luôn luôn vận động và phát triển cùng với sự phát triển của đời sống kinh tế - xã hội, và do cơ sở kinh tế của xã hội quyết định. Nhìn vào lịch sử phát triển của Hiến pháp Việt Nam (tới nay, nước ta đã có bốn bản Hiến pháp : 1946, 1959, 1980 và 1992) chúng ta dễ dàng nhận thấy mối quan hệ biện chứng giữa sự phát triển của đời sống kinh tế - xã hội với sự biến đổi của nhà nước. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, theo Hiến định (Hiến pháp 1992) là sự phát triển liên tục và là một sự đổi mới vượt bậc của Nhà nước dân chủ ở Việt Nam. Mặc dầu vậy, với cách nhìn lịch sử, cụ thể và phát triển, Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và nhân dân Việt Nam không coi nhà nước của ta hiện nay đã là một nhà nước thực sự hoàn chỉnh. Như thế có nghĩa là nó đòi hỏi phải luôn luôn được xây dựng, tăng cường và kiện toàn. Phát biểu mới đây của Tổng bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ ba (khóa VIII) đã khẳng định : "Từ khi giành chính quyền trong hơn nửa thế kỷ qua, ở mọi giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn coi việc xây dựng, tăng cường, kiện toàn nhà nước là một nhiệm vụ hàng đầu, làm cho Nhà nước ta thực sự là trụ cột của hệ thống chính trị, là một công cụ chủ yếu, vững mạnh của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

Quan điểm trên là một định hướng quan trọng để cải cách Nhà nước Việt Nam trong tình hình hiện nay. Cải cách nhà nước chính là tiếp tục tăng cường *bản chất cách mạng* của Nhà nước ta.

2 - Bản chất nhà nước là một vấn đề tưởng như đã cũ nhưng trên thực tế nó lại luôn luôn là vấn đề thời sự, luôn luôn mới. Chúng ta, ai cũng biết, từ khi giai cấp tư sản bước lên vũ đài chính trị, họ đã nhân danh nhân dân, tập hợp mọi lực lượng chống lại chế độ phong kiến chuyên chế độc tài. Họ lớn tiếng đòi "tất cả quyền lực thuộc về nhân dân". Họ nêu ra khẩu hiệu "tự do, bình đẳng, bác ái", nhà nước "của dân, do dân, vì dân".... Nhưng nhân dân ở đây là ai ? Và họ có vị thế gì trong xã hội ? Nhân dân trong cuộc cách mạng tư sản và dưới chế độ tư bản là tất cả những người lao động, vô sản và hữu sản, bị phụ thuộc, chi phối, vận động trong quỹ đạo của giai cấp tư

* PGS. Học viện Hành chính quốc gia

Digitized by Google

sản, do giai cấp tư sản thống trị bằng một hệ thống luật lệ của chính giai cấp ấy sản sinh ra. Nhà nước tư sản, nền dân chủ của nó thực chất là dân chủ đối với một số ít người, là tự do, bình đẳng cho những kẻ giàu có. Giai cấp tư sản đã nhân danh nhân dân để làm chủ đất nước, định đoạt vận mệnh quốc gia.

Nhưng cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản là một giai cấp vô sản ngày càng trưởng thành. Cùng với những người lao động khác (nông dân, trí thức, các nhà kỹ thuật...) họ không chấp nhận thứ dân chủ tư sản, dân chủ của một thiểu số, của "một phần triệu" dân cư trong cả nước, còn đa số dân cư vẫn chỉ là kẻ phụ thuộc và nô dịch. Họ mong muốn có một nền dân chủ của đa số dân cư, vì thế họ đã liên tục đấu tranh để quyền lực xã hội thực sự thuộc về số đông dân chúng (công nhân, nông dân, trí thức, các nhà kỹ thuật và các tầng lớp lao động khác) do chính đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Một nhà nước như vậy, theo V.I. Lê-nin, đó là một nhà nước của số đông, một nền dân chủ "triệu lần hơn" nền dân chủ tư sản.

Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay từ buổi đầu dựng nền dân chủ cộng hòa đã khẳng định *dân chủ là bản chất của nhà nước ta :* "Nước ta là nước dân chủ", "Chính quyền từ xã đến chính phủ trung ương *do dân cử ra*", "Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*", "Bao nhiêu lợi ích đều vì dân", "Quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân". Trong nhiều bài nói và viết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích rõ thêm : dân chủ là nhân dân lao động làm chủ do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Như vậy, Nhà nước ta là nhà nước dân chủ kiểu mới, một nhà nước thực sự do nhân dân tự tổ chức ra với chế độ bầu cử tự do, trực tiếp và bỏ phiếu kín, mọi công dân Việt Nam đều đã được hưởng quyền dân chủ của mình.

Một nhà nước như vậy mới thực sự do dân cử ra, là công bộc của nhân dân và vì nhân dân phục vụ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : "Chính phủ Cộng hòa Dân chủ là gì ? Là đầy tớ chung của dân, từ Chủ tịch toàn quốc đến làng. Dân là chủ thì Chính phủ phải là đầy tớ. Làm việc ngày nay không phải là để thăng quan phát tài. Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ. Nhưng khi dân dùng đầy tớ làm việc cho mình thì phải giúp đỡ Chính phủ. Nếu Chính phủ sai thì phải phê bình, phê bình nhưng không phải là chửi" (1). Đó chính là nội dung cơ bản thuộc về bản chất cách mạng của Nhà nước ta. Cải cách nhà nước trong tình hình hiện nay là nhằm không ngừng tăng cường nó, làm cho nó thực sự là "quyền uy có tổ chức của nhân dân", là công cụ để nhân dân làm chủ. Nó phải hoạt động vì lợi ích của nhân dân. Tăng cường bản chất cách mạng của nhà nước cũng có nghĩa là phải khắc phục về cơ bản tệ quan liêu, xa dân. Đối lập với dân chủ là "quân chủ", là quan liêu.

Quan liêu và tham nhũng thường đi liền với nhau và nó ra đời cùng với nhà nước, là thuộc tính cố hữu của tất cả các nhà nước cũ, do các giai cấp bóc lột thống trị. Ranh giới phân biệt một cách đơn giản, dễ hiểu nhất giữa nhà nước dân chủ thực sự của nhân dân với tất cả các nhà nước kiểu cũ là ở chỗ bộ máy quan chức cũ chỉ có một mục đích là làm sao vinh thăng để kiếm nhiều bổng lộc, để phát tài ; là tham ô, lãng phí, mưu "vinh thân phì gia"... Còn bộ máy công chức của nhà nước mới là tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân, thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Chính vì vậy mà một trong những vấn đề cơ bản của Nhà nước Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo là thường xuyên và kiên quyết chống quan liêu, tham ô, lãng phí. Về vấn đề này, lời dặn sau đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ những năm đầu của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tới nay vẫn đang có ý nghĩa thời sự nóng hổi : "Hiện nay, có những cuộc khai hội, những lễ kỷ niệm, những đám yến tiệc tốn hàng vạn, hàng chục vạn. Cần phải chấm dứt nạn *phô trương, lãng phí* ấy. Trong lúc công nghệ cần phải xây dựng, đồng bào đang bị thiếu thốn, chúng ta không thể tha thứ những việc phô trương, lãng phí như vậy" (2)

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 60

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 500

Digitized by Google

3 - Để tăng cường bản chất cách mạng của Nhà nước ta, cần phải tiến hành cải cách nhà nước trên tất cả các mặt, các bộ phận cấu thành của nó. Các cơ quan thực thi quyền lập pháp (Quốc hội), quyền hành pháp (Chính phủ) và quyền tư pháp (Viện kiểm sát và Tòa án) cần được đổi mới một cách cơ bản và toàn diện để sao cho quyền lực Nhà nước ta không bị phân chia, phân lập, cũng không tập trung quan liêu, chuyên chế mà là một thực thể thống nhất, có sự phân công và phối hợp trong việc thực hiện ba quyền (lập pháp, hành pháp, tư pháp). Sự phân công và phối hợp ấy bảo đảm cho hoạt động của Nhà nước có hiệu lực và hiệu quả, thực sự xứng đáng là "trụ cột của hệ thống chính trị", là công bộc của nhân dân.

Dưới đây, chúng tôi xin đề cập sâu hơn tới một vài vấn đề cơ bản của cải cách hành chính có liên quan trực tiếp tới vấn đề tăng cường bản chất cách mạng của Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Nền hành chính nhà nước có ba yếu tố cấu thành :

Một là, *hệ thống thể chế* để quản lý xã hội theo luật pháp, bao gồm Hiến pháp, luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật khác (dưới luật) của cơ quan hành chính. Đó là *thể chế của nền hành chính nhà nước* hoặc *thể chế nhà nước*. Thể chế của nền hành chính có những văn bản thuộc thẩm quyền của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Quốc hội (Hiến pháp, luật, bộ luật, pháp lệnh). Chính phủ đảm nhiệm phần lớn việc xây dựng luật (trình Quốc hội) và dự thảo pháp lệnh (trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội) thông qua. Khi luật và pháp lệnh được ban hành, Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành trong đó có các văn bản để cụ thể hóa và hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh.

Hai là, *cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành* của bộ máy hành chính các cấp, các ngành, từ chính phủ đến chính quyền cơ sở.

Ba là, *đội ngũ cán bộ, công chức hành chính* bao gồm những người thực thi công vụ trong bộ máy hành chính công quyền, trong đó có cả một số cán bộ dân cử, kể cả chính quyền xã và số đông là công chức được tuyển dụng, bổ nhiệm (không kể những người làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước).

Nghị quyết 08/TU (khóa VII) và Nghị quyết 03/TU (khóa VIII) đã khẳng định vai trò trụ cột của Nhà nước trong hệ thống chính trị và đánh giá cao công lao to lớn của Nhà nước ta trong hơn nửa thế kỷ đã qua, đồng thời cũng chỉ rõ : "Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong việc xây dựng nhà nước, chúng ta phải thẳng thắn thừa nhận còn không ít khuyết điểm và những vấn đề tồn tại khiến mọi người đang bân khoăn, lo lắng ; nhất là tình trạng tham ô, lãng phí, quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, ức hiếp dân không những chưa bị ngăn chặn, giảm bớt mà ngược lại có nơi, có lúc, có việc còn trở nên trầm trọng hơn, gây bất bình trong dư luận, làm giảm lòng tin của nhân dân, làm nản lòng những nhà đầu tư, kinh doanh, muốn làm ăn hợp pháp và chính đáng, kìm hãm quá trình phát triển của đất nước" (Báo Nhân dân ngày 19-6-1997).

Nền hành chính nhà nước phải chịu trách nhiệm chính về những tồn tại, yếu kém nói trên. Có thể nhận thấy nền hành chính nhà nước của ta đã và vẫn đang có 5 vấn đề nổi cộm sau đây : bệnh quan liêu, xa dân, xa cấp dưới và cơ sở ; tình trạng phân tán, thiếu trật tự, kỷ cương trong hệ thống hành chính và trong xã hội ; nạn tham nhũng và lãng phí của công ; bộ máy hành chính cồng kềnh, nặng nề, vận hành trục trặc ; đội ngũ cán bộ công chức thiếu kiến thức, thiếu năng lực, một bộ phận không nhỏ kém phẩm chất, thậm chí hư hỏng.

Đó là những căn bệnh trầm trọng trong nền hành chính của ta hiện nay, đòi hỏi Nhà nước và nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng phải có quyết tâm, đường hướng và biện pháp hữu hiệu để khắc phục. Đó cũng chính là những nội dung cần xác định rõ trong quá trình cải cách nền hành chính ở nước ta.

Cải cách hành chính có những mục tiêu cơ bản, lâu dài và cũng có yêu cầu cụ thể trong từng giai đoạn. Theo tôi, cải cách hành chính ở nước

(Xem tiếp trang 44)

Digitized by Google

VỀ ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT VÀ XU THẾ CHỦ YẾU CỦA THẾ GIỚI NGÀY NAY

QUANG CẬN

ĐẠI hội VIII của Đảng đã nêu lên một cách chính xác 5 đặc điểm nổi bật và 5 xu thế chủ yếu của thế giới ngày nay. Tôi nhất trí và không nói lại. Chỉ xin góp phần phân tích thêm để cùng trao đổi.

1 - Nhắc lại đôi điều về chủ nghĩa duy vật lịch sử mác xít.

Có lẽ Mác và Ăng-ghen suýt nữa thì nhầm lẫn khi viết : "Lịch sử xã hội loài người là lịch sử đấu tranh giai cấp". Nhưng liền ngay đó, hai ông chú thích thêm (trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản) đó là "lịch sử thành văn". Về sau - như chúng ta đều biết - Mác đã nêu rõ "đấu tranh giai cấp chỉ là một hiện tượng lịch sử của xã hội loài người". Có nghĩa là trong lịch sử loài người đã từng có thời đại chưa xuất hiện giai cấp và đấu tranh giai cấp ; chỉ đến một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất (LLSX) mới xuất hiện giai cấp và đấu tranh giai cấp ; khi LLSX tiếp tục phát triển lên một trình độ rất cao như thế nào đó thì giai cấp và đấu tranh giai cấp sẽ không còn (tất yếu phải thông qua một Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân mà Mác khái quát trong thuật ngữ "chuyên chính vô sản").

Do vậy, không nên nghĩ rằng "lịch sử loài người là lịch sử đấu tranh giai cấp", rằng "động lực phát triển của xã hội loài người là đấu tranh giai cấp". Cần bổ sung ngay bằng quan điểm mác xít : đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội loài người *có giai cấp* - điều đang diễn ra hiện nay và còn rất rất lâu nữa.

Vậy động lực phát triển của xã hội loài người nói chung là gì ? Theo quan điểm nêu trên của Mác, đó là *lao động sản xuất*, là *LLSX* do con người sáng tạo ra. Lao động sáng tạo ra con người và đưa loài người phát triển từ thấp lên cao, dẫn đến từ chưa có giai cấp đến có giai cấp và đấu tranh giai cấp rồi giai cấp và đấu tranh giai cấp lại mất đi.

Cũng cần nói rõ ngay ở đây *quan niệm mác xít về LLSX, về lao động*, rất liên quan đến những biến đổi mới hiện nay.

Lao động luôn luôn là sự kết hợp giữa lao động chân tay và lao động trí óc - kể cả của người nguyên thủy trong hái lượm và săn bắt. Sự phát triển của LLSX dần dần đưa đến sự hình thành giai cấp và sự tách rời, đối lập giữa lao động chân tay với lao động trí óc. Cũng do sự phát triển của LLSX mà dần dần sự tách rời và đối lập giữa lao động chân tay với lao động trí óc cũng không còn ; loài người sẽ chuyển sang kỷ nguyên lao động trí óc là chủ yếu, do được giải phóng khỏi việc sản xuất trực tiếp ra của cải của xã hội mà tập trung vào nghiên cứu khoa học và sáng tạo nghệ thuật ; giai cấp và đấu tranh giai cấp cũng dần dần mất đi trong CNCS.

Trình độ phát triển của LLSX được đánh dấu bằng những phát minh mới về kỹ thuật, về khoa học và công nghệ, thể hiện trong sự phát triển ngày càng cao của công cụ SX (ngày nay là những máy vi tính và siêu vi tính, những công cụ trí tuệ, "thông minh"). Do vậy, cách phân chia những nấc thang trong lịch sử loài người bằng những phát minh mới về kỹ thuật, về khoa học và công nghệ, là một cách phân chia có phần khoa học của nó.

Tuy nhiên, đó mới chỉ căn cứ vào sự phát triển của LLSX. Con người, loài người chỉ trở thành người, thành loài người khi sống thành "xã hội" ;

Digitized by Google

con người, loài người lao động, phát triển LLSX trong mối quan hệ người - người - cái mà Mác gọi là *quan hệ SX* (QHSX). Do vậy, cách phân chia lịch sử xã hội loài người chỉ căn cứ vào LLSX là một cách phân chia phiến diện và trở thành không khoa học. Ở đây chúng ta thấy rõ phát hiện vĩ đại của Mác - chủ nghĩa duy vậy lịch sử mác xít về *mối quan hệ giữa LLSX và QHSX*, gọi là *phương thức SX* (PTSX), thể hiện thành các hình thái kinh tế - xã hội kế tiếp nhau. Đây mới là cách tiếp cận khoa học triệt để và cách mạng nhất để phân tích lịch sử và giải thích các vấn đề của xã hội loài người.

Cũng không nên quên, khi phân tích về mối quan hệ giữa LLSX và QHSX, Mác luôn luôn cho rằng LLSX là yếu tố cách mạng nhất, quyết định nhất ; QHSX có tính độc lập tương đối, tác động trở lại với LLSX nhưng phụ thuộc vào LLSX. Giai cấp và đấu tranh giai cấp chính là từ đó mà sinh ra. Khi xã hội loài người hình thành giai cấp, khi đấu tranh giai cấp trở thành động lực phát triển của xã hội loài người có giai cấp, thì cái cơ bản quyết định vẫn là sự vận động của *phương thức SX* bao gồm LLSX và QHSX, mà LLSX là cái quyết định nhất và thể hiện vai trò quyết định của nó thông qua QHSX.

Cần xuất phát từ quan điểm duy vậy lịch sử mác xít nói trên để phân tích đặc điểm và xu thế của thế giới ngày nay mới hiểu rõ được bản chất của tình hình cùng những biểu hiện cụ thể của nó.

2 - Đặc điểm giai đoạn hiện nay của thời đại mới

Thời đại mới của xã hội loài người - mở đầu bằng cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại - đã trải qua một giai đoạn cực kỳ quan trọng trong phần lớn thời gian của thế kỷ XX.Đó là sự ra đời của Liên Xô, nước XHCN đầu tiên và sự hình thành hệ thống XHCN thế giới, làm nòng cốt cho thế tiến công chiến lược của cách mạng thế giới, đánh lui từng bước, đánh đổ từng bộ phận CNĐQ, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và CNXH. CNTB đế quốc từ một hệ thống thống trị hành tinh thế kỷ XIX bị phá vỡ từng mảng. Xuất hiện hình thái thế giới chia thành hai hệ thống đối lập : CNXH và CNĐQ, và diễn ra cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt giữa hai hệ thống đó.

Vì thế, trong giai đoạn hiện nay khác với giai đoạn đã qua, đặc điểm nổi bật đầu tiên dễ thấy nhất là Liên Xô và nhiều nước XHCN khác sụp đổ, CNXH thế giới lâm vào thoái trào, từ đó hình thành trở lại sự thống trị hành tinh của CNĐQ thế giới - đương nhiên trên cơ sở những điều kiện - hoàn cảnh của thế giới cuối thế kỷ XX, rất khác thế kỷ XIX.

Nếu trung thành với chủ nghĩa duy vật mác xít như đã nêu ở trên thì phải thấy rằng đặc điểm tình hình nêu trên đây lại diễn ra trong hoàn cảnh mà *LLSX đã phát triển lên một trình độ mới về chất* - biểu hiện trong cuộc cách mạng khoa học và công nghệ mới, đưa nhân loại tiến vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên này, xét riêng về mặt LLSX, gọi là *kỷ nguyên thông tin* (còn gọi là nền văn minh trí tuệ). Trình độ xã hội hóa của LLSX đã vượt qua ranh giới quốc gia - dân tộc và phát triển trên quy mô hành tinh. Thế giới ngày nay đã trở thành một tổng thể (un tout), trong đó các quốc gia - dân tộc, các giai cấp, các lục địa... có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau rất khăng khít trong sự phát triển của mình...

Phải chăng đây chính là cái mà từ đó, đã có sự khái quát về *xu thế toàn cầu hóa* và gắn liền với nó là xu thế khu vực hóa, xu thế hòa bình và phát triển, xu thế vừa hợp tác vừa đấu tranh, xu thế tăng thêm tính độc lập của quốc gia - dân tộc để đối phó và thích ứng nhằm mục đích phát triển...

Song điều quan trọng nhất cần rút ra từ tình hình nói trên là, trong khi LLSX phát triển lên một trình độ mới như vậy thì *QHSX giữ địa vị chi phối, và hiện đang giữ địa vị chi phối ngày càng mạnh do thoái trào của CNXH thế giới, là và vẫn còn là QHSX TBCN* ! Do đó *mâu thuẫn giữa LLSX tiên tiến và QHSX lỗi thời trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết*. Đó là nguồn gốc sâu xa làm sâu sắc hơn bao giờ hết - chứ không phải làm mờ đi những cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp ở mỗi nước, trong các khu vực và trên cả hành tinh ; làm cho những mâu thuẫn cơ bản của thời đại mới ngày nay - có những sự vận động mới khác với giai đoạn trước đây - nhưng không hề phủ định tính chất không thay đổi của thời đại mới. Những xu thế chủ yếu của thế giới ngày nay mà Đại hội VIII nêu ra chính là bắt nguồn từ đây, từ *đặc điểm cơ bản* này !

Digitized by Google

Nếu như trong giai đoạn trước đây mâu thuẫn cơ bản giữa CNXH và CNĐQ nổi lên hàng đầu thì trong giai đoạn hiện nay, xét trên toàn cầu nó vẫn là một mâu thuẫn cơ bản của thời đại, nhưng đã lùi xuống hàng thứ yếu do thoái trào của CNXH.

Tuy nhiên không nên quên nó vẫn là một mâu thuẫn cơ bản và nổi trội đối với những nước XHCN còn lại. CNĐQ đang dốc sức và bằng mọi thủ đoạn - vừa thâm độc vừa trắng trợn - tìm cách thanh toán nốt những nước XHCN này hòng xóa bỏ hoàn toàn CNXH trên cả hành tinh.

Quan hệ sản xuất TBCN vẫn thống trị trong điều kiện LLSX phát triển ngày càng cao, dẫn đến một biến đổi mới, nổi bật của CNTB hiện đại là sự ra đời của các tập đoàn tư bản độc quyền xuyên quốc gia (TĐTBĐQXQG), đặc biệt là các tập đoàn tư bản tài chính, và sự chi phối của các tập đoàn tư bản đó trong đời sống của các quốc gia - dân tộc. Chính điều này làm nổi lên những mâu thuẫn khác của thời đại.

Đó là mâu thuẫn sâu sắc hơn bao giờ hết giữa các nước tư bản phát triển với các nước chậm và đang phát triển - thực chất là mâu thuẫn giữa CNĐQ với các nước dân tộc vốn từng là thuộc địa, nửa thuộc địa và phụ thuộc của CNĐQ.

Đó là mâu thuẫn sâu sắc giữa các nước tư bản phát triển, giữa những tập đoàn tư bản độc quyền xuyên quốc gia, đặc biệt là những tập đoàn tư bản tài chính không lồ tranh giành nhau thống trị thế giới. Đương nhiên vì thế mâu thuẫn giữa tư bản và vô sản trong mỗi nước đó cũng tăng thêm.

Những mâu thuẫn dân tộc, sắc tộc, tôn giáo... vốn tiềm tàng ở giai đoạn trước nhưng không lộ rõ (khi nổi lên hàng đầu mâu thuẫn cơ bản giữa CNXH và CNĐQ), thì ngày nay lại bột phát ở nhiều nơi, trên nhiều khu vực, ngay ở những nơi lâu nay vốn được coi là ổn định.

Những mâu thuẫn rất sâu sắc trên đây đan xen và liên quan chặt chẽ với nhau nhưng trong quan hệ quốc tế lại biểu hiện thành một hình thái mới là vừa hợp tác vừa đấu tranh trên nhiều mặt trận mới, không phải vũ trang là chính. Vì thế, đã gây ảo tưởng một chiều về xu thế hòa bình và phát triển, chỉ thấy thống nhất không thấy mâu thuẫn, chỉ thấy hợp tác không thấy đấu tranh, chỉ thấy đối thoại không thấy đối đầu, thậm chí mơ hồ thù bạn...

Có lẽ cần thiết phải làm rõ hơn một đặc điểm và cũng là *một xu thế cực kỳ quan trọng liên quan đến tiền đồ của CNXH thế giới nói chung* mặc dù hiện đang lâm vào thoái trào.

Đó là xu thế đổi mới, cải cách ở những nước XHCN còn lại nhằm đưa CNXH thoát khỏi khủng hoảng và tiếp tục tiến lên trên con đường XHCN theo tư duy mới trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và phù hợp với điều kiện - hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước và của thế giới hiện đại.

Ở những nước XHCN đã sụp đổ, đang diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt và phức tạp giữa việc tiếp tục chuyển mạnh sang CNTB và việc khôi phục những giá trị của CNXH qua nhiều sự tìm tòi và lựa chọn khác nhau, tất yếu còn quanh co và phải có thời gian.

Cuộc đấu tranh cho CNXH ở những nước tư bản phát triển, cùng với sự lựa chọn con đường XHCN ở những nước đang phát triển, mặc dù cho đến nay dường như chưa thành một hiện thực trực tiếp, nhưng tất yếu cũng sẽ diễn ra theo quy luật khách quan của nó, dù sớm hay muộn và chắc chắn theo nhiều cách thức và những con đường khác nhau.

Từ đó có thể dự báo *một giai đoạn mới của CNXH* sau khi CNXH thế giới lâm vào khủng hoảng trong mô hình cũ của giai đoạn trước đây - tạm gọi là giai đoạn "CNXH mô hình Liên Xô". CNXH đang tìm tòi con đường tiến lên *giai đoạn CNXH hiện đại* với nhiều mô hình khác nhau phù hợp với mỗi quốc gia - dân tộc trong thế giới hiện đại, hội nhập vào thế giới hiện đại, vừa hợp tác vừa đấu tranh với CNTB hiện đại, để cuối cùng giải quyết mâu thuẫn cơ bản nhất của thời đại, giành thắng lợi cho CNXH và CNCS.

Đặc điểm này - cũng có thể nói là xu thế này, cùng các đặc điểm khác và những xu thế khác, chứng tỏ thế giới hôm nay có những biến đổi khác thường, cả những đảo lộn quan trọng so với thế giới hôm qua. Tuy nhiên những mâu thuẫn cơ bản của thời đại mới vẫn tồn tại và phát triển, và do đó, tính chất của thời đại mới vẫn không thay đổi, tuy đang có một bước quanh co khá trớ trêu nhưng cũng thường diễn ra trong lịch sử loài người, lịch sử các thời đại .❑

Digitized by Google

SỞ HỮU VÀ PHÁT TRIỂN

LƯU HÀ VỸ *

Chưa bao giờ chủ đề phát triển (PT) cuốn hút sự quan tâm đặc biệt của đông đảo loài người như hiện nay. Điều đó dễ hiểu bởi vì kể từ khi - trên quy mô hành tinh - nguy cơ hủy diệt hạt nhân từng bước bị đẩy lùi, xu thế đối đầu chuyển dần sang đối thoại và quá trình quốc tế hóa, toàn cầu hóa diễn ra với tốc độ nhanh chóng trong thời đại bùng nổ thông tin - văn minh trí tuệ. Cũng dễ hiểu khi hàng loạt lý thuyết PT đã, đang và sẽ ra đời trong bối cảnh có tính bước ngoặt này. Từ giữa thập niên 70 trở đi, trong điều kiện vẫn còn tồn tại đối kháng giai cấp xen lẫn các đối kháng dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, cộng thêm "đối kháng mới" giữa con người khai thác tự nhiên bừa bãi với tự nhiên "trả thù" lại con người, thì vấn đề thật sự cộm lên giữa các lý thuyết PT phải chăng là : trước hết phải xuất phát từ lập trường và thế giới quan các giai cấp nào để tiếp cận vấn đề PT.

Sẽ là bịp bợm nếu ai đó ngụy biện cho rằng, mọi lý thuyết và chương trình PT đều "vô tư" và "nhân danh lợi ích chung" của mọi người hay mọi dân tộc ! Chẳng có gì khó khăn hay phức tạp lắm khi phải vạch ra đây đó những hạn chế giai cấp trong các lý thuyết PT của các học giả hay chính khách tư sản. Chính lợi ích sống còn cùng với các thiên kiến giai cấp chi phối cách này hay cách khác lối tiếp cận phiến diện của họ, dẫn tới tuyệt đối hóa một vài mặt nào đó như là "cứu cánh" của PT, chẳng hạn : các chỉ tiêu khoa học - công nghệ, GDP, chỉ số ICOR, mức sống, hoặc cái gọi là "những giá trị chung nhân loại"...

Hình thành tất yếu từ giữa thế kỷ XIX với ba bộ phận cơ bản hợp thành (triết học - kinh tế chính trị học - chủ nghĩa cộng sản khoa học), chủ nghĩa Mác - vũ khí tư tưởng khoa học và cách mạng triệt để nhất của giai cấp vô sản cùng toàn thể những người lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới - hoàn toàn xứng đáng được coi là HỌC THUYẾT GIẢI PHÓNG và PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TỔNG QUÁT, vì rằng cả ba bộ phận ấy đều dành ưu tiên hàng đầu để cập tới những quy luật và động lực PT cơ bản của xã hội, và theo đó vạch ra chương trình cải tạo xã hội phù hợp với quy luật khách quan.

Phát triển là một nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật mác xít, được hiểu là khuynh hướng vận động chủ đạo của toàn bộ thế giới (tự nhiên, xã hội và tư duy) từ thấp đến cao, từ giản đơn đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện. PT gắn liền với động lực đấu tranh để giải quyết mâu thuẫn giữa các đối lập, với phương thức xen kẽ những biến thiên tiệm tiến về lượng có những bước nhảy gián đoạn về chất, với khuynh hướng nối tiếp nhau của những "vòng khâu phủ định của phủ định" theo "đường xoắn ốc" đi lên. PT, hiểu một cách biện chứng như vậy, đã được bản thân hiện thực sinh động và các khoa học chứng minh như "sợi chỉ đỏ" xuyên suốt lịch sử tiến hóa vũ trụ.

Có thể nói những thành tựu khoa học vĩ đại của Mác bắt đầu từ việc phát hiện ra mối quan hệ giữa người với người trong sản xuất và tái sản xuất - đó là các quan hệ sản xuất cùng với các lực lượng sản xuất, nó tạo thành hai mặt đối lập biện chứng của "phương thức sản xuất" ; chúng tác động qua lại với nhau tạo nên quy luật cơ bản nhất của lịch sử : quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ, tính chất và những nhu cầu phát triển của lực lượng sản xuất. Ở đây đương nhiên " sự phù hợp" của quan hệ sở hữu giữ vai trò chi phối "sự phù hợp" chung của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất. Không phải ngẫu nhiên vấn đề sở hữu in dấu ấn hết sức sâu sắc trong hàng loạt tác phẩm nổi tiếng của Mác - Ăng-ghen - Lê-nin, bởi vì sở hữu không chỉ giữ vai trò nền tảng quyết định các quan hệ

* PTS triết học, Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

tổ chức, quản lý và phân phối trong chỉnh thể quan hệ sản xuất, mà còn tác động trực tiếp mạnh mẽ tới lực lượng sản xuất cũng như kiến trúc thượng tầng. Các đối kháng giai cấp thực chất bắt nguồn trực tiếp từ trong quan hệ sở hữu ; đấu tranh giai cấp (và cả đấu tranh dân tộc) thực chất cũng xoay quanh địa bàn sở hữu ; những lợi ích cơ bản xung đột nhau trên mọi lĩnh vực cũng trực tiếp nảy sinh từ địa bàn số một đó!

Tính phức tạp của vấn đề sở hữu thực sự tăng lên rõ rệt bởi sự đan xen hai khía cạnh khách quan với chủ quan trong tổng thể các quan hệ tất yếu khác như giai cấp, nhà nước, pháp luật, hàng hóa - thị trường. Một mặt, sở hữu vốn là quan hệ vật chất - khách quan bị quyết định bởi lực lượng sản xuất, sở hữu lại mang dấu ấn chủ quan từ phía thượng tầng kiến trúc mà biểu hiện tập trung là tư tưởng chiến lược về sở hữu. Chế độ sở hữu phản ánh lợi ích cơ bản và ý chí của giai cấp thống trị "được nâng lên thành luật" như khẳng định của Mác. Một kiểu sở hữu tiến bộ phải là phù hợp giữa những nỗ lực chủ quan với những đòi hỏi giải phóng và phát triển tăng tốc của lực lượng sản xuất. Đó cũng là tiền đề xã hội số một cho tiến bộ xã hội. Một kiểu sở hữu tiến bộ là nhân tố cốt lõi của một kiểu quan hệ sản xuất tiến bộ, một kiểu phương thức sản xuất và trao đổi tiến bộ, một kiểu hình thái kinh tế - xã hội tiến bộ. Một kiểu sở hữu là tiến bộ, khi nó phù hợp không chỉ với trạng thái tĩnh (đo bằng trình độ và tính chất) mà chính yếu là với trạng thái động (đo bằng mức độ đáp ứng những nhu cầu PT khách quan chín muồi) của lực lượng sản xuất trong những điều kiện lịch sử - cụ thể nhất định. Thực chất của sự phù hợp đó là tạo ra một địa bàn rộng rãi và thuận lợi cho phép kết hợp tối ưu người lao động với các tư liệu sản xuất, cho phép tận dụng tối đa các thành tựu mới về trí tuệ và công nghệ đương thời, góp phần quyết định nhân cách hóa con người lao động lên từng nấc thang trên con đường làm chủ tự nhiên, xã hội và bản thân [1].

Lịch sử PT loài người đã lần lượt chứng kiến và khảo nghiệm tính đa dạng và tính nhất thời của tất cả các hình thức, các kiểu sở hữu từng xuất hiện.

Lịch sử các kiểu sở hữu tư nhân (của chủ nô, phong kiến, tư sản) theo sự xác nhận hùng hồn của các khoa học lịch sử và chính bản thân lịch sử, ngày càng rút ngắn "tuổi thọ nhất thời" của chúng. Với ý nghĩ tương đối có thể nói rằng, "tuổi thọ" các kiểu sở hữu tư nhân "tỷ lệ nghịch" với trình độ, tính chất và các nhu cầu giải phóng - phát triển của lực lượng sản xuất. Trạng thái lực lượng sản xuất càng "động" bao nhiêu thì các kiểu sở hữu tư nhân càng trở nên "nhất thời" bấy nhiêu. Thật vậy, để hoàn thành sứ mệnh thiêng liêng của mình, sở hữu cộng sản nguyên thủy buộc phải tồn tại hàng triệu năm tương ứng với trình độ mông muội của lực lượng sản xuất và cuộc sống hoang sơ của người nguyên thủy mà điểm xuất phát là sự thoát thai từ giới động vật ; sở hữu đó vừa bảo đảm cho sự cưu mang - cố kết đặc biệt trong nội bộ các cộng đồng, vừa chống nguy cơ quay lại thế giới động vật, và kích thích từng bước một chậm chạp thoát khỏi sự lệ thuộc quá đáng vào tự nhiên. Trái lại, sở hữu tư nhân chỉ mới xuất hiện cách đây 5 - 6 ngàn năm (sớm nhất ở Ai Cập) nhưng đã trải qua hai cuộc lột xác lịch sử từ chiếm hữu nô lệ đến phong kiến và từ phong kiến đến tư sản, để rồi từng bước xuất hiện sở hữu xã hội chủ nghĩa từ thế kỷ chúng ta. Có thể dễ dàng ghi nhận sự tăng tốc ngày càng ngoạn mục của tiến trình vận động, PT và "lột xác" các kiểu sở hữu tư nhân đã trải qua mà "tuổi thọ giảm dần" một cách rõ rệt theo "đồ thị lịch sử" : Chiếm hữu nô lệ 4 - 5 ngàn năm, sở hữu phong kiến 1 - 2 ngàn năm, sở hữu tư sản 4 - 5 trăm năm.

Chủ nghĩa Mác ngay từ khi mới ra đời đã sớm ghi nhận một cách khách quan : sở hữu tư sản và trật tự tư sản nói chung cũng giống như mọi "tấm huân chương" đều có hai mặt. Một mặt tính năng động cách mạng của phương thức sản xuất và trao đổi tư bản chủ nghĩa được Mác - Ăng-ghen ghi nhận trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" : "Giai cấp tư sản không thể tồn tại, nếu không luôn luôn cách mạng hóa công cụ

(1) Xem : "Nhận thức lại cốt lõi một quy luật", *Tạp chí Cộng sản*, số 2-1995

Digitized by Google

sản xuất, do đó cách mạng hóa những quan hệ sản xuất, nghĩa là cách mạng hóa toàn bộ những quan hệ xã hội" (2) ; và "Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước gộp lại" (3). Song mặt khác, chủ nghĩa Mác cũng không hề lý tưởng hóa sở hữu tư sản cùng trật tự tư sản như các giá trị hay "định mệnh" vĩnh hằng ! Ngay từ "Bản thảo kinh tế và triết học" (1844), Mác đã sớm nhận ra ngay thực trạng tha hóa của lao động làm thuê gắn chặt với sở hữu tư sản. Và lối thoát duy nhất khả thi khỏi thực trạng phi nhân tính đó không thể nào có thể khác hơn là cải tạo xã hội bằng cách mạng xóa bỏ sở hữu tư bản và mọi chế độ tư hữu nói chung, cái đã sinh ra và duy trì sự tha hóa con người.

Tuy nhiên, trong kho tàng tư tưởng mác xít, chưa bao giờ người ta tìm được dấu vết chứng tỏ rằng Mác - Ăng-ghen, - Lê-nin "truy" mọi quan hệ bóc lột, áp bức và bất bình đẳng ở "cái gốc là chế độ tư hữu" như một số người đã từng ngộ nhận, để rồi khi cầm quyền thì sẵn sàng dùng các sắc lệnh để ồ ạt công hữu hóa bất chấp thực trạng và trạng thái lực lượng sản xuất ! Hai ông quả quyết rằng, việc thực thi hấp tấp xã hội hóa các tư liệu sản xuất chắc chắn sẽ xô đẩy xã hội vốn còn nghèo nàn thiếu thốn tới chỗ bắt đầu trở lại một cuộc đấu tranh để giành giựt những cái cần thiết, thế là người ta không tránh khỏi rơi vào cũng sự ti tiện như trước đây. Nhưng dù sao thì "ngay đến 70 ông Mác" - như cách nói của Lê-nin - cũng không hình dung được sự PT chi tiết tiếp theo của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Càng về cuối đời, Mác - Ăng-ghen đã nhìn rõ những phân hóa sâu sắc từ nội bộ lãnh đạo phong trào công nhân và những đòn tấn công hiểm độc từ nhiều hướng của giai cấp tư sản quốc tế. Tương quan giai cấp bất lợi làm trì hoãn và đẩy lùi cách mạng vô sản sang thế kỷ XX, ngoài dự kiến ban đầu của Mác có thể nổ ra - và hơn nữa, nổ ra đồng loạt ở mức phát triển nhất ở Tây Âu. Tính năng động vốn có của phương thức sản xuất và trao đổi tư bản chủ nghĩa đã "tự mở đường" qua các hình thức sở hữu tư bản độc quyền và sau đó là độc quyền nhà nước để thích ứng với các tiến bộ mới trong lực lượng sản xuất và những nhu cầu tích lũy - tập trung tư bản trong thời kỳ mới, đế quốc chủ nghĩa.

Trong thời đại của mình, với bản lĩnh và thiên tài sáng chói, Lê-nin vĩ đại đã đề xướng Chính sách kinh tế mới (NEP) tại Đại hội X Đảng Bôn-sê-vích Nga (3-1921), quyết định giải thoát cuộc khủng hoảng trong thời gian ngắn nhất (hơn 3 năm). Bí quyết của "phép mầu" (NEP) chính là thiết lập một hệ thống sở hữu hợp quy luật làm cơ sở cho các thành phần kinh tế còn tồn tại khách quan, giải phóng tối đa lực lượng sản xuất thông qua sản xuất và trao đổi hàng hóa, nhờ đó cứu được giai cấp vô sản cùng liên minh công - nông trong điều kiện mới, cứu chính quyền Xô viết khỏi tình thế cực kỳ khó khăn. NEP không chỉ có ý nghĩa tình thế, mà còn là một chiến lược PT quan trọng trong bước quá độ phi tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Chính Mác đã từng dạy : "Nếu giai cấp công nhân không có đầy đủ quyền lực tiêu diệt ngay sở hữu tư nhân thì nó có thể thực hiện được các biện pháp có liên quan đến tình trạng quá độ..." (4). Chủ nghĩa tư bản nhà nước dựa trên sự kết hợp sở hữu của nhà nước và tư sản chiếm vị trí đặc biệt như "cầu dẫn" từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản. Cả trước và sau Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin vẫn kiên trì bảo vệ quan điểm cho rằng, chủ nghĩa tư bản nhà nước là "một bước tiến tới chủ nghĩa xã hội", "là phòng chờ của chủ nghĩa xã hội", là "3/4 chủ nghĩa xã hội"... Lê-nin khẳng định : Sẽ là tốt hơn chăng, nếu chúng ta đi lên chủ nghĩa tư bản nhà nước sớm hơn, mà cũng sau đó - để lên chủ nghĩa xã hội. Là một trong những thành tố quan trọng nhất của NEP, chủ nghĩa tư bản nhà nước vận động trong giới hạn của chuyên chính cách mạng sẽ là trường học "huấn luyện" và "sát hạch" những người cách mạng giàu nhiệt tình

(2) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập* : Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, t 4, tr 600 - 601

(3) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 603

(4) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : Toàn tập, t 16, tiếng Nga, M, tr 384

Digitized by Google

nhưng ấu trĩ về kinh nghiệm tạo dựng trật tự xã hội mới. Những người cách mạng chân chính hãy biết trả "món học phí" từ những "bài học vỡ lòng" ở giai cấp tư sản và các chuyên gia tài ba của họ về tổ chức - quản lý và khoa học - kỹ thuật trong buổi bình minh của một nhà nước kiểu mới.

Từ sau khi Lê-nin qua đời đến khoảng giữa những năm 80, mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đã tích tụ quá nhiều mâu thuẫn chín muồi nhưng lại không được phát hiện, giải quyết. Mâu thuẫn chủ yếu ở đây chính là mâu thuẫn giữa hệ thống công hữu tràn lan, xơ cứng, là "phản đề" của mọi cải cách kinh tế và chính trị với toàn bộ lực lượng sản xuất đòi giải phóng và PT theo các quy luật kinh tế khách quan trong tình hình mới. Sự thật đó bác bỏ một luận điểm sai lầm, cực đoan, cường điệu "mâu thuẫn chủ yếu giữa quan hệ sản xuất tiên tiến với lực lượng sản xuất lạc hậu". Theo một ý nghĩa nhất định, hệ thống công hữu tràn lan, xơ cứng cùng chế độ kinh tế chỉ huy tập trung - quan liêu - bao cấp dần dần trở thành hệ thống các quan hệ phi kinh tế áp đặt lên đời sống kinh tế. Nếu sở hữu tư nhân vốn chứa đựng đối kháng, nên là "nhất thời" như lịch sử từng chứng minh, thì chế độ công hữu xác lập trực tiếp từ "các sắc lệnh" tất yếu dẫn đến sự phân hóa, tha hóa, đối kháng mới và lại càng "nhất thời" hơn. Hiện tượng mất khả năng tăng trưởng và lâm vào trì trệ từ giữa thập niên 70 xác nhận "tính nhất thời" của một mô hình chủ nghĩa xã hội không phù hợp với quy luật phát triển của phương thức sản xuất.

Ngày nay mặc dù ở phía đã trở thành lỗi thời, chủ nghĩa tư bản hiện đại tiếp tục tỏ ra khôn ngoan trong việc thể hiện triết lý tồn tại của nó mà Mác - Ăng-ghen từng tổng kết từ giữa thế kỷ trước : không ngừng cách mạng hóa công cụ sản xuất, do đó không ngừng cách mạng hóa các quan hệ sản xuất và các quan hệ xã hội - dù không bao giờ vượt khỏi trật tự tư sản. Song những bệnh tật cố hữu vẫn không buông tha cơ thể xã hội dựa trên sự nô dịch của thiểu số đối với đa số. Những "con rồng" bay lên đây đó ở vùng "ngoại vi" không che khuất được bức tranh toàn cảnh đầy bi kịch và xung đột ở "thế giới thứ ba" chậm phát triển - con nợ khổng lồ 3000 - 4000 tỉ đô la không trả nổi ! Vùng "trung tâm" của chủ nghĩa tư bản hiện đại cũng không thể có tương lai khi lực lượng sản xuất vượt hẳn lên với nền văn minh hậu công nghiệp, trí tuệ hóa, tin học hóa hoàn toàn tương phản với sự thống trị của sở hữu tư nhân. Tốc độ tăng trưởng chập chờn 1 - 2% ở "vùng trung tâm" chỉ có thể tạm thời vỗ béo một đám các tập đoàn tư bản độc quyền đa quốc gia và xuyên quốc gia, phản ánh sự lãng phí khổng lồ của biết bao nguồn lực đòi giải phóng mà chưa được giải phóng.

Chủ nghĩa lạc quan lịch sử của những người cộng sản nhìn nhận cơ sở vật chất - kỹ thuật không chỉ cho chủ nghĩa xã hội - mà cả cho chủ nghĩa cộng sản - đang thực sự được tạo ra và chín muồi trong lòng chủ nghĩa tư bản hiện đại, dù rằng Mác - Ăng-ghen và cả Lê-nin chưa hình dung đến thực tế đó. Nhưng triết lý sâu sắc của Lê-nin đầu thế kỷ - "Chủ nghĩa xã hội đang nhìn sang chúng ta từ tất cả những ô cửa của chủ nghĩa tư bản hiện đại" càng có ý nghĩa gấp bội đối với định hướng xã hội chủ nghĩa từ điểm xuất phát chậm phát triển. Các chủ thể của định hướng xã hội chủ nghĩa có thể và cần phải khai thác qua tất cả "các ô cửa" của chủ nghĩa tư bản hiện đại, dân chủ và nhân đạo. Đơn cử hiện tượng cổ phần hóa cho hàng chục triệu người lao động từ vài thập niên lại đây cũng đáng được quan tâm. Tất nhiên chỉ hiện tượng đó không hề tạo nên một kiểu "chủ nghĩa tư bản nhân dân" như một số người rêu rao. Song, chừng nào nỗ lực chủ quan của giai cấp vô sản còn chưa đủ sức đoạt lấy một nền chuyên chính cho đa số, thì phải chăng tính tất yếu về xã hội hóa đã và sẽ phải "tự mở đường" qua "một lối rẽ" tạm thời như vậy, để làm dịu các xung đột vốn có giữa sở hữu tư nhân vẫn còn thống trị với tính chất xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất ở trình độ hậu công nghiệp - trí tuệ hóa - tin học hóa. Định hướng xã hội chủ nghĩa có thể tìm thấy ở "lối rẽ"

Digitized by Google

tự phát đó một gợi mở cho ý tưởng chiến lược về những chủ thể sở hữu đích thực bằng xương bằng thịt với tư cách những người lao động " lên ngôi" kết hợp tối ưu với các tư liệu sản xuất một khi nhà nước thuộc về đa số và tỷ lệ cổ phần ở các tế bào kinh tế cũng nghiêng dần về đa số.

Những thành tựu đầy ấn tượng trong sự nghiệp cải cách ở Trung Quốc và đổi mới ở Việt Nam thực chất bắt đầu từ sự đột phá vào hệ thống công hữu xơ cứng, tràn lan duy ý chí, thiết lập trở lại hệ thống sở hữu đa dạng và hợp quy luật theo mô hình NEP trong những điều kiện cụ thể của đất nước và tương quan mới với thế giới đương đại. Chính hệ thống sở hữu này là tiền đề xã hội số một tất yếu tuyệt đối để mở ra địa bàn tổ chức - quản lý và phân phối mới hợp lý, mở ra địa bàn sản xuất và trao đổi hàng hóa theo các kênh vốn có của kinh tế thị trường, tạo ra hệ thống kích thích - lợi ích vật chất mà trong đó lợi ích cá nhân vừa là cơ bản, vừa là trực tiếp, khai thác ngày càng hiệu quả các nguồn lực của dân tộc và thời đại. Tác động đó của hệ thống sở hữu mới có ý nghĩa quyết định sâu xa từ hạ tầng cơ sở đối với quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị kiểu mới nói chung ở thượng tầng kiến trúc. Gắn liền với hệ thống sở hữu mới còn là một cơ cấu giai cấp mới cùng với đấu tranh giai cấp và liên minh giai cấp theo tinh thần NEP của Lê-nin - trong đó, nguyên tắc phương pháp luận hàng đầu không thể là "thanh toán các mặt đối lập" mà phải là "kết hợp các mặt đối lập" để giải quyết những vấn đề nảy sinh giữa chúng, đương nhiên kết hợp "một cách nghiêm túc", "có nguyên tắc".

Các nguy cơ lớn mà Đảng ta cảnh báo (tụt hậu xa hơn về kinh tế, chệch hướng, diễn biến hòa bình, tham nhũng - hối lộ, quan liêu...) đều có liên hệ sâu sắc tới những gì còn bất cập và chưa nhất quán ở địa bàn sở hữu. Chỉ một TAMEXCO nhức nhối và đầy tội ác cũng đủ đặt ra hàng loạt câu hỏi trước hết quanh cái "tiền đề xã hội số một" cho sản xuất kinh doanh, cũng như cho giải quyết các vụ án kinh tế là phải xác lập một hệ thống sở hữu như thế nào để góp phần ngăn chặn từ gốc những bi kịch tương tự ? Chừng nào và ở đâu còn những rối loạn ở địa bàn sở hữu, thì tất còn rối loạn quản lý và phân phối, rối loạn lợi ích và động lực, rối loạn cấu trúc xã hội ở cấp độ này hay cấp độ khác. Nguy cơ "đánh mất" định hướng xã hội chủ nghĩa bắt nguồn chính từ những "rối loạn dây chuyền" như vậy.

Trước sau thì chủ nghĩa Mác vẫn giữ quan niệm "sở hữu là điều kiện của sản xuất". Và dù Tuyên ngôn của Đảng cộng sản từng khẳng định cách đây 150 năm rằng, xóa bỏ chế độ tư hữu (5) là "công thức duy nhất" để "tóm tắt toàn bộ lý luận" của mình, thì Mác - Ăng-ghen và Lê-nin vẫn nhiều lần căn dặn các thế hệ cộng sản tương lai : phải giải quyết vấn đề sở hữu hết sức thận trọng, không vượt ra ngoài biện chứng khách quan giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất. Phát triển toàn diện tự do của con người - mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản khoa học, khát vọng chân chính của nghìn đời các thế hệ loài người, như hình dung khái quát của Mác, chỉ đạt được trên nền tảng các thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại nhất và sự liên hiệp tự nguyện của những người lao động tự do. Trong đó "sự liên hiệp tự nguyện của những người lao động tự do" trước hết được hiểu là sự liên hiệp tự nguyện trong sở hữu dần dần phát triển và chín muồi song hành với lực lượng sản xuất, dưới sự dẫn dắt hợp quy luật của Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Có lẽ "tả" khuynh hay "hữu" khuynh trong lựa chọn hệ thống sở hữu, như chính sử biên niên đầy thăng trầm của chủ nghĩa xã hội hiện thực chỉ rõ, là những sai lầm đáng sợ và khó khắc phục hơn cả so với các sai lầm loại khác đối với các đảng cầm quyền. Đã và sẽ có một "rừng" lý thuyết khoa học về các lĩnh vực khác nhau phục vụ cho các chiến lược phát triển. Thời cơ và các thách thức bên thềm thế kỷ XXI đối với mọi dân tộc không phân biệt chế độ chính trị và trình độ phát triển đòi hỏi một cách khách quan phải phân tích và xử lý kịp thời các vấn đề chín muồi của sở hữu. ❑

(5) Xem C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 611

Digitized by Google

VẤN ĐỀ ĐẢNG VIÊN LÀM KINH TẾ TƯ NHÂN

VŨ HIỀN

TRONG Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Đảng ta đã xác định : Đảng viên phải là người có lao động, không bóc lột ; đảng viên không được làm hoặc mượn danh nghĩa người thân để làm kinh tế tư bản tư nhân. Sự khẳng định như vậy là đúng đắn và cần thiết.

Tuy nhiên, trong thực tiễn cuộc sống, vấn đề tưởng như đương nhiên, như đã ngã ngũ đó khi đi vào xử lý những trường hợp cụ thể lại gặp những gay cấn, mắc mớ khiến nhiều nơi, nhiều lúc rất lúng túng. Có nhiều câu hỏi vẫn tiếp tục được nhắc lại, vẫn đang được nêu lên một cách nghiêm túc như : Thế nào là bóc lột ? Thế nào là kinh tế tư bản tư nhân ? Đảng viên được làm kinh tế tư nhân mức nào là vừa, mức nào thì thành tư bản tư nhân ? Đảng viên có được làm chủ doanh nghiệp tư bản tư nhân không ?...

Tranh luận về những vấn đề trên có nhiều ý kiến khác nhau, tựu trung lại có ba loại ý kiến :

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng, đảng viên có thể làm kinh tế tư nhân nhưng chỉ đến mức là tiểu chủ, không được làm chủ doanh nghiệp tư bản tư nhân. Lý do mà loại ý kiến này đưa ra là :

- Nếu cho đảng viên làm chủ doanh nghiệp tư bản tư nhân thì vô hình trung đã tạo ra một tầng lớp tư sản trong Đảng, làm cho Đảng thành đảng của giới chủ, bị giới chủ chi phối dần chuyển hóa thành đảng xã hội dân chủ chứ không phải là đảng cộng sản nữa.

- Đảng viên là người suốt đời phấn đấu cho lý tưởng cộng sản xóa bỏ áp bức, bóc lột, bất công. Làm kinh tế tư bản tư nhân là trái với Điều lệ Đảng, trái với lý tưởng của Đảng vì trước sau cũng bị tha hóa, biến chất, không còn giữ được cốt cách của người đảng viên cộng sản.

- Quy định đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân không có nghĩa là buộc đảng viên cứ phải nghèo khó hoặc kìm hãm không cho đảng viên phát huy được năng lực làm kinh tế. Đảng viên vẫn có thể phát huy tài năng, làm giàu cho mình và cho xã hội bằng nhiều cách khác, ở những doanh nghiệp không phải tư bản tư nhân hoặc môi trường khác.

- Không sợ rằng không cho đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân thì mọi người không tin vào chủ trương chính sách của Đảng, không yên tâm và không dám đầu tư, vì vấn đề đó chính là do bản thân nội dung chính sách, luật pháp và lợi ích mà người đầu tư thấy được quyết định.

Loại ý kiến thứ hai có chiều ngược lại : không nên hạn chế đảng viên làm kinh tế tư nhân chỉ ở mức tiểu chủ (doanh nghiệp nhỏ), không nên quy định giới hạn mà cứ cho họ làm thoải mái, không có gì đáng sợ... Cơ sở của sự lập luận đó như sau :

- Đảng ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài việc phát triển kinh tế nhiều thành phần, động viên mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, đảng viên phải gương mẫu, đi đầu trong việc thực hiện chủ trương đó của Đảng. Như vậy là "đảng viên đi trước, làng nước theo sau", động viên mọi người và tạo niềm tin để mọi người cùng làm, dám làm, xóa bỏ tâm lý băn khoăn, mặc cảm. Vả chăng, nếu không cho đảng viên làm theo đúng pháp luật, thì họ cũng vẫn làm, nhưng phải làm chui, rất khó kiểm soát.

Digitized by Google

- Đảng viên làm kinh tế tư nhân thì có lợi là chính, quy mô lớn thì càng có lợi vì Nhà nước không phải đầu tư mà vẫn có nhiều sản phẩm cho xã hội, giải quyết công ăn việc làm, làm giàu thêm cho đất nước, đóng góp cho Đảng, thu hút được quần chúng. Đó cũng góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc.

- Nhà nước vững mạnh hoàn toàn có thể điều tiết thu nhập của doanh nghiệp tư nhân, kiểm soát và định hướng sản xuất của họ. Nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa không phải là chủ yếu do việc cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân mà chính do sự yếu kém của bộ máy nhà nước, của một số cán bộ lãnh đạo và quản lý.

- Khi đã giả định rằng đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân trước sau cũng sẽ đi vào con đường bóc lột, bị thoái hóa biến chất ; thì tại sao không có một giả định ngược lại : cho càng nhiều đảng viên có phẩm chất đạo đức tốt làm kinh tế tư nhân sẽ làm lành mạnh hơn thành phần kinh tế này, sẽ càng dễ dẫn dắt thành phần kinh tế này theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vả chăng bộ phận đảng viên làm chủ doanh nghiệp tư nhân cả hôm nay và trong tương lai cũng không thể có số lượng lớn, không thể chiếm tỷ lệ lớn trong Đảng nên không có gì đáng ngại.

Loại ý kiến thứ ba nhất trí là đảng viên không được bóc lột, không được làm kinh tế tư bản tư nhân nhưng vấn đề đặt ra là phải quan niệm lại thế nào là bóc lột và thế nào là kinh tế tư bản tư nhân. Loại ý kiến này đề cập tới một số khía cạnh :

- Người đảng viên làm kinh tế tư nhân khác hẳn nhà tư bản, bởi tuy có thuê công nhân và có mục tiêu vì lợi nhuận nhưng họ sống và làm việc ở chế độ của ta, quan hệ giữa họ với công nhân là quan hệ bình đẳng theo pháp luật và theo Luật lao động. Vả lại, họ vừa là người bỏ vốn nhưng vừa là người lao động.

- Khi người đảng viên có vốn, họ đầu tư cho sản xuất tất nhiên là có lợi cho xã hội hơn việc họ gửi tiết kiệm hoặc mua cổ phiếu để hưởng lợi tức. Không thể cho rằng hưởng lợi tức thì không phải là bóc lột, còn đầu tư sản xuất lại là bóc lột ; quy định như vậy là mâu thuẫn.

- Sự phân biệt giữa tiểu chủ với chủ doanh nghiệp tư nhân tư bản chủ nghĩa cũng là tương đối và mang tính phiến diện. Thật thiếu căn cứ khoa học khi cho rằng thuê quá một số lượng nào đó công nhân thì từ tiểu chủ trở thành nhà tư bản, từ người không bóc lột trở thành kẻ bóc lột, từ người được phép trở thành người không được phép.

Rõ ràng là vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân về lý luận còn nhiều điều cần tiếp tục thảo luận để làm rõ. Một điều cũng đáng được quan tâm nữa là nắm bắt và phân tích tình hình thực tế hoạt động của các doanh nghiệp do đảng viên làm kinh tế tư nhân như thế nào.

Những năm qua, bên cạnh kinh tế quốc doanh và tập thể, kinh tế hộ gia đình và kinh tế tư nhân cũng được khuyến khích và phát triển. Hàng chục nghìn công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn đã được thành lập và hoạt động trong nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh trên khắp mọi miền đất nước. Trong số đông đảo các nhà doanh nghiệp đó, nhiều đảng viên đang có những hoạt động và đóng góp tích cực. Hiện nay chưa có số liệu chính xác là có bao nhiêu doanh nghiệp tư nhân do đảng viên lập ra nhưng điều chắc chắn là ở địa phương nào cũng có.

Qua trực tiếp tìm hiểu, tiếp xúc, nghe báo cáo và nghiên cứu những tư liệu của hơn 40 công ty trách nhiệm hữu hạn và xí nghiệp do các đảng viên làm giám đốc, hoạt động tại các tỉnh, thành phố : Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bình Dương, Cần Thơ, Thanh Hóa, Nghệ An, Bắc Ninh, Nam Định, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đắc Lắc... cho thấy :

Một là, tuyệt đại bộ phận các doanh nghiệp có số vốn tự có không lớn. Ví dụ Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) bao bì Thăng Long (Hà Nội), vốn tự có là 248 triệu đồng, Xí

Digitized by Google

nghiệp gồm 1-5 Thuận An (Bình Dương) : 85 triệu đồng, Công ty TNHH Thanh Xuân (Cần Thơ) : 150 triệu ... Trong các số vốn nói trên, số vốn do bản thân chủ doanh nghiệp (giám đốc) bỏ ra còn nhỏ hơn nữa. Bởi vậy, dù là những công ty có thuê hàng chục và thậm chí hàng trăm công nhân, thì những chủ doanh nghiệp ở đây cũng khó có thể coi là những chủ tư bản.

Hai là, tất cả các chủ doanh nghiệp ở những công ty, xí nghiệp này đều là những người trực tiếp tham gia quản lý sản xuất. Họ là những đảng viên xuất ngũ từ quân đội, đảng viên đã công tác ở cơ quan nhà nước nay đã nghỉ hưu hoặc một số ít người tuổi còn trẻ nhưng có những kinh nghiệm quản lý kinh doanh. Thành phần xuất thân của họ tuyệt đại bộ phận là từ cán bộ, công nhân, nông dân và bản thân họ đều là người lao động. Mục đích của số đông là làm để kiếm sống, có thêm thu nhập, đồng thời có ý thức đối với xã hội. Trong số họ có nhiều người được công nhận là chiến sĩ thi đua và có cả người là Anh hùng lao động như Phan Xuân Yên, giám đốc Công ty Tân Lập, Hải Phòng.

Ba là, hoạt động có hiệu quả của các doanh nghiệp này có lợi cho xã hội trên nhiều mặt. Đó là việc thúc đẩy sản xuất, thúc đẩy phân công lao động xã hội, tăng thêm sản phẩm hàng hóa cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Với quy mô vừa và nhỏ, họ sản xuất kinh doanh những mặt hàng mà các doanh nghiệp nhà nước không làm và các hộ sản xuất tiểu thủ công cũng không đủ điều kiện. Mặc dù việc sản xuất và kinh doanh còn nhiều khó khăn, những doanh nghiệp này cũng có đóng góp nhất định vào ngân sách nhà nước. Theo thống kê chưa đầy đủ, chỉ tính 47 doanh nghiệp dạng này năm 1996 đã nộp thuế là 18 453 triệu đồng. Mặt khác, loại hình doanh nghiệp này với số vốn đưa vào kinh doanh rất khiêm tốn, công nghệ lạc hậu nhưng góp phần tích cực trong việc giải quyết công ăn việc làm cho người lao động và thực hiện chính sách xã hội. Xin nêu một ví dụ về Công ty Hoàng Gia (Thị xã Thủ Dầu Một). Công ty đã bảo đảm việc làm ổn định cho 9019 lao động với lương tháng bình quân 588 000 đ. Cũng công ty này đã nhận nuôi dưỡng 24 bà mẹ Việt Nam anh hùng, xây 20 nhà tình nghĩa, nâng cấp bệnh viện tỉnh với 21 phòng điều trị và 1 phòng mổ, xây dựng bệnh viện 200 giường cho quân đội, góp 2 tỉ đồng để xây dựng trường phổ thông trên địa bàn dân cư...

Từ những vấn đề lý luận và thực tiễn nảy sinh xung quanh việc đảng viên làm kinh tế tư nhân như đã nêu trên, xin được kiến nghị :

1 - Chúng ta cần nghiên cứu một cách nghiêm túc và có kết luận rõ ràng về vấn đề này. Bản thân việc phải nhắc lại nhiều lần, đặt vấn đề nhiều lần đã đủ thấy tính phức tạp và hệ trọng của nó.

2 - Về mặt lý luận, chúng ta cần mở rộng trao đổi để đi tới thống nhất một số vấn đề quan trọng liên quan đến việc định hướng chính sách như : quan niệm thế nào là bóc lột trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay ? Xác định thế nào là kinh tế tư nhân và kinh tế tư bản tư nhân, những tiêu chí chính để phân biệt giữa chúng ? Quy định đảng viên được làm kinh tế tư nhân đến mức nào, hình thức ra sao ? Đảng viên có được làm chủ doanh nghiệp tư bản tư nhân không ?

3 - Về mặt thực tiễn, cần tiến hành khảo sát, phân tích đánh giá tình hình đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân hiện nay, nhất là những doanh nghiệp lớn. Cần xem doanh nghiệp nào là tư bản tư nhân, xem yếu tố tích cực và cả tiêu cực của nó đối với xã hội ra sao ? việc thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước như thế nào ? Quan hệ chủ thợ trong doanh nghiệp có biểu hiện bóc lột và bị bóc lột hay không ? Đánh giá của người lao động về doanh nghiệp đó, về người quản lý doanh nghiệp thế nào ?. Điều quan trọng nữa là cần so sánh xem doanh nghiệp tư nhân có chủ doanh nghiệp là đảng viên cộng

(Xem tiếp trang 40)

Digitized by Google

Cần có một chiến lược về văn hóa

TỪ SƠN

NGHỊ quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) "Về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt" đề ra từ tháng 1-1993 đến nay đã được năm năm.

Năm năm qua, các tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết đã và đang thực sự tác động có hiệu quả vào đời sống văn hóa, văn nghệ của cả nước với những nét nổi bật đáng chú ý như sau :

- Các hoạt động văn hóa văn nghệ tiếp tục đổi mới và phát triển đúng hướng, sôi động, phong phú, gắn chặt chẽ việc xây và chống, lấy xây làm chính, trong đời sống văn hóa. Hoạt động văn hóa ngày một hướng về cơ sở, hướng về nhân dân lao động đang góp phần tích cực vào việc tạo ra một môi trường văn hóa lành mạnh hơn, có trật tự và kỷ cương hơn.

- Giới nghệ sĩ, các nhà văn, nhà hoạt động văn hóa tiếp tục lao động sáng tạo trong tinh thần trách nhiệm cao với dân tộc và thời đại ; trong nhiệt tình gắn bó với đời sống xã hội và sự nghiệp đổi mới.

- Công tác lãnh đạo, quản lý văn hóa, văn nghệ của Đảng và Nhà nước tiếp tục đổi mới và nâng cao. Nguồn đầu tư tài trợ cho sự nghiệp văn hóa văn nghệ ngày một tăng, tuy còn chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của sự phát triển.

- Nhân dân đang góp phần quan trọng trong việc xã hội hóa các hoạt động văn hóa, văn nghệ. Công chúng nghệ thuật ngày càng hướng về các giá trị dân tộc đích thực, thị hiếu lành mạnh đang dần dần trở lại trong đời sống tinh thần. Mức hưởng thụ văn hóa của toàn dân được nâng cao thêm một bước, đặc biệt là thông qua sự chuyển tải các giá trị văn hóa bởi hệ thống xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình và các đội thông tin lưu động trên toàn quốc.

- Hợp tác, giao lưu quốc tế về văn hóa, văn nghệ được đẩy mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng, đổi mới và phát triển nền văn hóa dân tộc.

Mặt được đã nêu tóm tắt ở trên là cơ bản, là xu thế phát triển theo hướng tích cực, phù hợp với lòng mong muốn của toàn Đảng, toàn dân ta.

Tuy vậy, thực tiễn xây dựng, đổi mới và phát triển nền văn hóa dân tộc thời gian qua đang đặt ra nhiều vấn đề bức xúc cần giải quyết. Có những vấn đề thuộc về mục tiêu, chất lượng của một nền văn hóa như : làm sao cho trong kho tàng văn hóa dân tộc hôm nay và mai sau ngày càng có nhiều giá trị cao được sáng tạo bởi những tài năng lớn của dân tộc... Có những vấn đề thuộc về việc xây dựng một đời sống tinh thần mới, xác lập những giá trị chuẩn mực mới phù hợp với truyền thống dân tộc và các yêu cầu phát triển của thời đại... Có những vấn đề thuộc về trình độ, chất lượng lãnh đạo, quản lý văn hóa, văn nghệ của Đảng và Nhà nước đi đôi với đường lối, chủ trương, chính sách, chế độ nên có và cần phải có trước mắt và lâu dài... Bao trùm lên tất cả các vấn đề của sự nghiệp xây dựng nền văn hóa dân tộc trong tương lai chắc chắn phải là vấn đề con người trên nhiều phương diện của văn hóa : sáng tạo, thưởng thức, hưởng thụ... sao cho nền văn hóa phải tạo ra được nhiều thế hệ con người Việt Nam biết sống đúng hơn, tốt hơn, đẹp hơn trong một xã hội và một thời đại còn không ít nguy cơ làm cho con người dễ đánh mất cái gốc, cái đạo làm người, dễ bị đắm lạc vào những môi trường sống phi nhân bản, được che đậy bởi nhiều cái vỏ ngụy tạo, giả dối.

Sẽ là quá muộn nếu chúng ta không sớm có một chiến lược về văn hóa mang tầm cao mới khi bước chân của lịch sử dân tộc và nhân loại đang đặt lên quãng đường rất ngắn để đi vào thế kỷ XXI - một thế kỷ mà trí tuệ, văn hóa đứng ở vị trí hàng đầu quyết định tương lai con người. Chắc chắn rằng không chỉ dân tộc ta mà là cả loài người đang trăn trở rất nhiều về nền văn hóa tương lai đang tới. Nếu con người nắm bắt được đúng quy luật và các điều kiện phát triển của nó

Digitized by Google

thì bao mơ ước ngàn đời về hạnh phúc, công bằng sẽ trở thành hiện thực. Nếu làm ngược lại sẽ dẫn tới những nguy cơ và hiểm họa khó lường.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi không dám có tham vọng nêu ra một chiến lược văn hóa. Đây là công trình khoa học có phạm vi bao quát rất rộng, đòi hỏi công sức nghiên cứu của nhiều ngàn bộ óc uyên bác về lý luận và thực tiễn văn hóa Việt Nam, văn hóa thế giới trong nhiều năm tháng. Ở đây, chúng tôi chỉ xin mạnh dạn nêu ra những suy nghĩ còn hết sức nông cạn của một người có quan sát, nghiên cứu ít nhiều các vấn đề văn hóa, văn nghệ trong một số năm vừa qua. Hy vọng của chúng tôi chỉ là được góp tiếng nói trao đổi đôi điều gợi ý về mặt phương pháp luận.

Để hình thành một chiến lược văn hóa, công việc đầu tiên là phải có quan điểm lý giải giàu sức thuyết phục về một số vấn đề rất cơ bản của văn hóa, văn học nghệ thuật đang xuất hiện trong đời sống xã hội của dân tộc và thời đại.

Nghị quyết Trung ương 4 (khoá VII), tháng 1-1993 - tuy đã đề ra một số tư tưởng chỉ đạo mang tính chiến lược, nhưng về cơ bản mới tập trung định hướng chỉ đạo giải quyết một số vấn đề trong "những năm trước mắt" với 8 biện pháp lớn khá cụ thể. Chiến lược văn hóa mà chúng ta xây dựng có phạm vi rộng lớn hơn về thời gian, dung lượng các vấn đề văn hóa của chiến lược sẽ rất lớn và sẽ tạo ra một "trường tác động" mạnh mẽ tới toàn bộ đời sống tinh thần của dân tộc trong nhiều thập kỷ, thậm chí nhiều thế kỷ tương lai.

Chính vì vậy nên khâu đột phá của lý luận phải đóng vai trò quyết định chất lượng của chiến lược. Lý luận phải được rút ra từ quá trình tổng kết, đánh giá một cách khoa học các giá trị văn hóa và đời sống tinh thần dân tộc từ xưa đến nay ; các bài học thành công và thất bại của việc xây dựng nền văn hóa mới hơn nửa thế kỷ qua ; tổng kết, nắm bắt đúng xu thế phát triển của nền văn hóa dân tộc trong bối cảnh mới của dân tộc và thời đại hiện nay ; nắm vững các quy luật xã hội để đưa ra những dự báo, những định hướng khoa học về con đường và tương lai nền văn hóa dân tộc, chỉ rõ những thuận lợi, những khó khăn, thử thách trong quá trình xây dựng và phát triển v.v... Trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ đặt ra đó, chúng ta sẽ gặp phải hàng loạt vấn đề lý luận cần có kiến giải rõ ràng, cụ thể và chuẩn xác. Ví dụ như các vấn đề : truyền thống và hiện đại ; mối quan hệ văn hóa giữa quốc gia với cộng đồng quốc tế trong thời đại bùng nổ thông tin toàn cầu ; vấn đề giai cấp, dân tộc trong các mối quan hệ tương tác và trong bối cảnh đầy biến động của thời đại ; các chuẩn mực giá trị tinh thần cần gìn giữ của truyền thống và những giá trị mới cần bổ sung, phát triển trong xã hội hiện đại v.v. và v.v...

Chiến lược văn hóa không thể hình thành trong một sớm, một chiều. Trong khi đó, đời sống tinh thần cùng các hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật vẫn phải đáp ứng liên tục các nhu cầu, đòi hỏi ngày một phong phú, phức tạp của đời sống xã hội. Tình hình này dễ dẫn đến cách xử lý các vấn đề văn hóa, văn nghệ chỉ lo dồn sức giải quyết các vụ, việc "có vấn đề" theo kiểu dỡ bỏ các lều quán, nhà cửa mọc lên bừa bãi trong khi chưa có quy hoạch và pháp lý đầy đủ về trật tự, kỷ cương của việc xây dựng, phát triển đô thị. Hậu quả là có khi dẹp đầu này lại mọc đầu kia, thậm chí có khi có lều quán ấy lại xuất hiện trở lại ngay trên mảnh đất nó đã bị dỡ bỏ. Vấn đề lớn đặt ra trong lãnh đạo, quản lý văn hóa, văn nghệ hiện nay là muốn xử lý đúng đắn những vấn đề phát sinh cần phải đặt chúng trong một tổng thể có quy hoạch với những hành lang pháp luật tạo điều kiện cho sự phát triển lành mạnh và đủ sức ngăn cản, triệt tiêu các yếu tố độc hại làm suy yếu nền văn hóa dân tộc. Nói một cách khác, trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ không thể cắt khúc mối liên hệ hữu cơ giữa cái *trước mắt* và cái *lâu dài*. *Đề cương văn hóa (1943)* ra đời xuất phát từ yêu cầu đấu tranh nóng bỏng trên mặt trận văn hóa của Đảng ta lúc bấy giờ, nhưng không chỉ dừng ở đó. *Đề cương* đã chỉ rõ tiêu chí và tính chất của một nền văn hóa mới dựa trên quan điểm khoa học mác xít. Nhờ vậy, hơn nửa thế kỷ qua, hướng đi của nền văn hóa cách mạng Việt Nam - một nền văn hóa dân tộc trong thời kỳ lịch sử đã được xây dựng và phát triển vững mạnh. *Đề cương* vẫn tươi nguyên giá trị chỉ đạo các vấn đề cơ bản của văn hóa, văn học nghệ thuật không chỉ hôm qua mà còn rất bổ ích cho hôm nay và cả mai sau.

Digitized by Google

Đời sống văn hóa văn nghệ nước ta từ sau Đại hội VI đã có bước phát triển mạnh theo chiều hướng tích cực rất đáng ghi nhận. Trên chặng đường đã qua chúng ta có thể tìm thấy những dấu vết của sự vấp váp, những vết chân đi còn chệch choạc hoặc nghiêng ngả. Đó là điều khó tránh khỏi. Trên chặng đường đi tới, bầu trời văn hóa Việt Nam chắc không chỉ toàn nắng đẹp và trời trong xanh. Hãy còn đó nhiều chặng gập ghềnh và đâu đó trên bầu trời còn lơ lửng đôi đám mây đen : mặt tiêu cực của cơ chế thị trường đang xói mòn đạo đức xã hội, đang làm ô nhiễm môi trường văn hóa ; sự ly tán niềm tin của một bộ phận không nhỏ trong đời sống tâm linh ; sự "xâm lăng" về tư tưởng văn hóa của các thế lực thù địch thông qua chiến lược "diễn biến hòa bình" ; thái độ thờ ơ với các giá trị truyền thống dân tộc và tâm lý "vọng ngoại" mù quáng của một bộ phận lớp trẻ ; các biểu hiện tiêu cực trong lối sống, nếp sống ; sự buông lơi vai trò giáo dục và bảo vệ đạo đức của gia đình và một số đoàn thể xã hội v.v...

Ngoài những trở ngại vừa nêu sơ lược ở trên, chúng ta cần kể ra thêm một số khó khăn, trở ngại do chính chúng ta tạo ra hoặc còn chưa khắc phục được bao nhiêu như : chất lượng và số lượng đội ngũ những người làm công tác văn hóa còn chưa đáp ứng được nhu cầu của sự phát triển ; ngân sách dành cho sự nghiệp văn hóa vừa quá ít vừa được sử dụng kém hiệu quả nên chưa tạo được bước đột biến trong đời sống tinh thần của nhân dân ; chính sách, luật pháp trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ còn chưa đầy đủ và đồng bộ ; mô hình hoạt động của các tổ chức, thiết chế văn hóa còn chưa phù hợp với bối cảnh xã hội đang có nhiều thay đổi ; trình độ lãnh đạo, quản lý còn chưa tương xứng với các yêu cầu, đòi hỏi cao, phong phú, phức tạp của sự nghiệp văn hóa, văn nghệ ; đang có sự lúng túng trong việc giao lưu, hòa nhập với cộng đồng thế giới về văn hóa và trong sự huy động công sức, trí tuệ và tiền của của toàn xã hội cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trước mắt và lâu dài v.v...

Các khó khăn, thử thách và trở ngại chúng tôi vừa điểm sơ lược ở trên chắc hẳn không chỉ nằm trong phạm vi những vấn đề cần xử lý trước mắt. Bởi vì, muốn xử lý đúng các vấn đề trên, chúng ta cần nhanh chóng nghiên cứu để sớm đưa ra được những quan điểm và biện pháp mang tính chiến lược tạo điều kiện cho nền văn hóa dân tộc vươn mạnh tới những đỉnh cao mà chúng ta hằng mong muốn. Làm được như vậy, chúng ta sẽ khắc phục được tình trạng có nơi, có lúc đã xảy ra là : người hoặc cơ quan lãnh đạo, quản lý văn hóa, văn nghệ thường mất quá nhiều công sức vào các vụ việc cụ thể cho nên có những biểu hiện, những khuynh hướng, những vấn đề cần nắm vững để đề ra chủ trương, biện pháp thích hợp lại không làm được đầy đủ hoặc bỏ qua. Ngược lại có những điều cần bỏ qua thì lại tốn công sức tìm hiểu, can thiệp một cách không cần thiết.❑

VẤN ĐỀ...

(Tiếp theo trang 37)

sản có khác với doanh nghiệp có chủ là người ngoài đảng không ?

4 - Đối với trường hợp đã xác định rõ là doanh nghiệp tư bản tư nhân do đảng viên là chủ thì tổ chức đảng cần xem xét giải quyết như thế nào, để họ tiếp tục sản xuất như vậy hay hướng dẫn giúp họ chuyển đổi thành dạng công ty cổ phần có sự tham gia của người lao động, của nhà nước hoặc thành kinh tế hợp tác. Vấn đề cấp thiết đặt ra là dù để tồn tại hay chuyển hóa các doanh nghiệp tư nhân thì cũng cần quan tâm chăm lo đến chúng, không nên để tình trạng tự phát và thả nổi như hiện nay. Đã đến lúc cần lập ra các tổ chức quản lý loại hình doanh nghiệp này. Động viên, khuyến khích, giáo dục, thuyết phục đi đôi với quản lý, kiểm tra sẽ làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hướng sự hoạt động của chúng ngày càng có nhiều đóng góp hữu ích cho xã hội.❑

Digitized by Google

Một số vấn đề về TÔN GIÁO HIỆN NAY

NGUYỄN THẾ THẮNG *

TRÊN thế giới, mấy chục năm nay, tôn giáo đã gây nên nhiều sự quan tâm. Cùng với sự tiếp tục tồn tại các tôn giáo cũ, hàng loạt các giáo phái mới ra đời. Nhiều phong trào xã hội, chính trị xuất hiện mang màu sắc tôn giáo. Nhiều cuộc xung đột lớn hoặc chiến tranh nổ ra trong đó có nguyên nhân vì khác biệt hoặc mâu thuẫn về tôn giáo. Chẳng hạn : cuộc xung đột giữa người Ấn Độ theo đạo Hin-đu với người Pa-ki-xtan theo đạo Hồi, xu hướng ly khai Tây U-crai-na là sự bất đồng giữa người theo công giáo và chính thống giáo. Cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn giữa những người theo Hồi giáo với những người theo chính thống giáo hoặc công giáo trên đất Nam Tư cũ v.v.. Đặc biệt là sự bùng nổ các phong trào Hồi giáo trong cuộc cách mạng ở I-ran, Mặt trận cứu nguy Hồi giáo (FIS) ở An-giê-ri, Tổ chức hội nghị Hồi giáo (OCI), Chủ nghĩa chính thống Hồi giáo, v.v..

Từ các hiện tượng tôn giáo sôi động, xuất hiện nhiều cách lý giải khác nhau về vai trò, ảnh hưởng của tôn giáo trong xã hội ngày nay và thái độ cần có đối với nó. Việt Nam ta là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo, lại nằm trong khu vực có nhiều tôn giáo thế giới hoạt động, nên cũng chịu tác động của tình hình tôn giáo thế giới, tuy có đặc điểm riêng của mình.

Chính sách của Nhà nước ta là tôn trọng tự do tín ngưỡng. Các tôn giáo được bảo đảm sinh hoạt bình thường trên cơ sở pháp luật và chính sách đại đoàn kết của Nhà nước ta. Trong hơn chục năm qua, hàng chục ngàn đình chùa, nhà thờ, đền đài, thánh thất, miếu mạo được tôn tạo, tu sửa, qua đó, có những giá trị truyền thống, văn hóa, đạo đức được khôi phục, nhưng đồng thời, cũng trỗi dậy những mặt tiêu cực. Đây đó xuất hiện sự lộn xộn, mất trật tự an ninh. Một số hiện tượng cuồng tín, mê tín, dị đoan nảy sinh, dẫn đến những vụ việc làm hại tiền của, sức khỏe con người và thuần phong mỹ tục. Không những vậy, những thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội vẫn muốn tiến hành ráo riết "diễn biến hòa bình" qua con đường tôn giáo, làm cho vấn đề tôn giáo càng trở nên phức tạp thêm.

Có nhiều khuynh hướng đánh giá khác nhau đối với tôn giáo, nhưng đáng chú ý là hai khuynh hướng có tính cực đoan sau đây :

Một là đề cao và tuyệt đối hóa vai trò của tôn giáo trong xã hội. Hai là cho rằng tôn giáo cản trở xã hội tiến lên.

Muốn hiểu được sự tồn tại và phát triển của tôn giáo cần nhận thức tất cả các mặt tích cực và tiêu cực trái ngược nhau vốn có của tôn giáo và đặt nó trong các mối quan hệ xã hội cơ bản để đánh giá, coi vấn đề nhận thức tôn giáo là một hiện tượng xã hội có quan hệ đến một bộ phận lớn trong nhân dân có tác động trực tiếp đến sự nghiệp xây dựng đất nước để có thái độ đối xử đúng đắn, khoa học.

Trước hết, chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh phát hiện đúng được mặt tích cực của tôn giáo, thấy được ở tôn giáo niềm khát vọng tự do và hạnh phúc của những người bị áp bức và đau khổ, thấy được nét tương đồng nhân đạo giữa lý tưởng bình đẳng, tự do, bác ái trong các tôn giáo lớn với lý tưởng xã hội chủ nghĩa của phong trào công nhân. Ăng-ghen cho rằng : "Cả đạo Cơ đốc lẫn chủ nghĩa xã hội công nhân đều tuyên truyền sự giải phóng con người trong tương lai khỏi cảnh nô lệ và nghèo khổ ; đạo Cơ đốc tìm sự giải thoát ấy trong cuộc sống trên trời, ở thế giới bên kia sau khi chết, còn chủ nghĩa xã hội thì tìm nó ở thế giới này" (1). Mục đích của Mác, Ăng-ghen là tổ chức lại thế giới

* PTS, Phân viện Chính trị quốc gia Hà Nội

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 22, tr 663

Digitized by Google

này bằng cách mạng xã hội chủ nghĩa, làm cho con người trở thành người chủ xã hội, tự nhiên và bản thân mình, để cho con người thật sự thoát khỏi mọi ảo tưởng, sợ hãi, trở thành người tự do.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng ca ngợi lý tưởng đạo đức, bình đẳng, từ bi, nhân ái của các vị sáng lập ra các tôn giáo lớn như chúa Giê-su, Phật Thích ca, Đức Khổng Tử v.v.. Người đã từng khuyến khích đồng bào noi theo tinh thần hy sinh cao thượng của các bậc chí tôn đó, đoàn kết một lòng chống lại đế quốc, thực dân xâm lược. Trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở rằng Kinh thánh dạy : "ý dân là ý chúa" ; Phật dạy "Lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha" (2). Khổng Tử dạy nhân nghĩa... Cho nên đồng bào Phật giáo, Thiên chúa giáo và toàn dân ta cần phải đoàn kết nhau lại đóng góp công sức vào sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Người khẳng định *một nguyên tắc có tính quy luật trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta là : **"Tổ quốc độc lập tôn giáo mới tự do"*** (3), "Nước có thật độc lập dân mới thật tự do tín ngưỡng" (4). *Chỉ có đóng góp tích cực vào sự nghiệp bảo vệ độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc ấm no của nhân dân, tôn giáo mới tồn tại được trong lòng dân tộc.*

Cũng là nhìn nhận mặt tích cực trong tôn giáo, nhưng những ý kiến đề cao quá đáng đi đến chỗ tuyệt đối hóa vai trò tôn giáo trong xã hội ngày nay, vô tình đã biến một việc từ có lý thành phi lý. Người ta đã coi tôn giáo là hiện thân của cái thiện và là cái đặc trưng quan trọng của nền văn minh, cái cốt yếu của bản sắc dân tộc, một phương diện cứu vớt con người trong thời đại ngày nay, là một yếu tố có sức ảnh hưởng lớn hơn cả hệ tư tưởng, chính trị, kinh tế và văn hóa, thậm chí coi thế kỷ XXI là thế kỷ của tôn giáo. Dù là vô tình hay hữu ý, thì luận điểm trên đã làm một việc là "ném cát" để che lấp đi một chân lý giản đơn là con người đã sáng tạo ra tôn giáo, chứ không phải tôn giáo sáng tạo ra con người. "Cái sự thật giản đơn mà đã bị những lớp tư tưởng phủ kín cho đến ngày nay là : con người trước hết cần phải ăn, uống, ở và mặc đã, rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo, v.v. Vì vậy, việc sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt vật chất trực tiếp và do đó, mỗi một giai đoạn phát triển kinh tế nhất định của một dân tộc hay một thời đại, tạo thành một cơ sở trên đó người ta phát triển các thể chế nhà nước, các quan điểm pháp quyền, nghệ thuật và thậm chí cả những quan niệm tôn giáo của những con người nhất định và vì vậy phải xuất phát từ cơ sở đó mà giải thích những cái này, chứ không phải ngược lại, như từ trước đến nay người ta đã làm" (5). Có nhà quan sát phương Tây đã nhận xét rằng : tôn giáo là một vấn đề truyền thống, nó có tính bảo thủ và sức sống dai dẳng, đương nhiên là vậy. Nhưng, những cơn bùng nổ dữ dội của nó không hẳn là sự phục hưng, mà thường là sự phản ứng trước nguy cơ bị đổ vỡ, bị tiêu diệt, là sự vùng dậy của hoảng loạn và bối rối. Trong một đời sống bình thường, nhu cầu tôn giáo ngay ở những người ngoan đạo cũng còn đứng sau hàng loạt các nhu cầu khác trong đời sống xã hội. Cho nên ngược lại với những nhận định về sự trỗi dậy của tôn giáo, giáo sư Mat-thêu Đâu-gân (Mattei Dogan) của đại học Ca-li-pho-ni-a (Mỹ), qua kết quả điều tra xã hội học đã đi đến kết luận : "Từ khoảng 30 năm nay, người ta nhận thấy có sự suy giảm tín ngưỡng tôn giáo ở tất cả các nước Tây Âu... Sự xói mòn tín ngưỡng đã diễn ra từ lâu ở một số nước, nhưng mấy chục năm gần đây nó đã gia tăng với một nhịp độ cao đến nỗi nó đã trở nên dễ nhận thấy qua những cuộc thăm dò dư luận ở những khoảng thời gian cách nhau không xa" (6).

---

(2) Có nghĩa là : Đem lại lợi ích và vui sướng cho mọi người, quên mình vì mọi người

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 342

(4) *Hồ Chí Minh Về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*, Nxb khoa học xã hội, 1996, tr 195

(5) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1983, t 5, tr 662

(6) Le déclin des Croyances religieuses en Europe occidentale. Revue Internationale des Scienes sociales 9-1995, No 145, p 461

Digitized by Google

Quả thực, trong khoảng hơn hai ngàn năm qua, vai trò của tôn giáo chỉ đạt được đỉnh cao vào thời kỳ Trung cổ. Sau đó thì chính các nhà tư tưởng duy vật khai sáng và cách mạng tư sản Pháp đã giáng cho nhà thờ và tôn giáo nói chung một đòn quyết định. Từ đó tới nay, tôn giáo bị tách dần ra khỏi nhà nước và trường học ở đa số các quốc gia trên thế giới. Các nhà nước đều cần dựa vào nhân dân là chính chứ không phải dựa vào thần thánh. Các nhà nước có thể chi phối tôn giáo. Vai trò của tôn giáo giảm dần với xã hội. Trong khi đó, vai trò của khoa học, công nghệ, giáo dục, văn hóa ngày càng tăng nhanh trong đời sống mỗi nước. Cho nên, trái ngược với cách nhìn nhận trên lại xuất hiện một cách nhìn nhận tiêu cực, hạ thấp vai trò của tôn giáo. Có những người duy vật chủ nghĩa ở nhiều nơi có ý muốn nhanh chóng xóa bỏ tôn giáo, giải phóng con người khỏi những yếu ớt, những an ủi mơ hồ ảo tưởng của tôn giáo. Thực chất đó là quan điểm của những người duy vật vô thần máy móc đã làm tổn hại đến tôn giáo.

Người Việt Nam ta đối với tôn giáo rất khoan dung, không quá sùng tín cũng không quá hạ thấp. Với quan niệm "có thực mới vực được đạo", người Việt Nam ta quan niệm về tôn giáo rất phù hợp với quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về tôn giáo. Đứng trên quan điểm nhân đạo cộng sản chủ nghĩa là giải phóng con người, vì hạnh phúc của con người, chúng ta đã nhận thức và giải quyết đúng đắn vấn đề tôn giáo. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã từng phê phán khuynh hướng "tả" nôn nóng muốn xóa bỏ ngay tôn giáo khi cơ sở kinh tế xã hội, nhận thức, tâm lý, v.v.. sinh ra nó vẫn còn. Trước đây Ăng-ghen đã từng phê phán Đuy-rinh là đã tung các cảnh sát tương lai của mình ra để truy kích tôn giáo. Tuy nhìn rõ tính chất duy tâm, thần bí của tôn giáo, nhưng những người mác xít cho rằng, không thể xóa bỏ, mà phải khắc phục ảnh hưởng tiêu cực của nó trên cơ sở cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Nền văn minh của thế giới ngày nay mới đưa chúng ta đến bước đầu của thời kỳ con người đi đến vương quốc của tự do. Còn xa con người mới lấp hết các khoảng trống trong nhận thức về thế giới tự nhiên vô cùng tận, cũng như mọi bí hiểm khác nhau trong đời sống xã hội và tư duy, cho nên tôn giáo còn tồn tại lâu dài. Tôn giáo vẫn đang là một hiện tượng xã hội có khả năng ràng buộc, cố kết con người với nhau trong cùng một cộng đồng, có chung niềm ước vọng, hạnh phúc và sự giải thoát. Tuy có nhiều yếu tố mơ hồ, hư ảo nhưng tôn giáo vẫn đang là nguồn an ủi thiêng liêng của một bộ phận không nhỏ cộng đồng người. Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta là tôn trọng đầy đủ quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân. Tin theo hay không tin theo một tôn giáo nào là quyền tự do của mỗi công dân. Nhà nước ta bảo đảm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo, mong muốn các tôn giáo theo truyền thống khoan dung "hòa nhi bất đồng", đoàn kết của dân tộc ta, chống lại các khuynh hướng chia rẽ, bè phái, cuồng tín, xung đột trong đời sống tôn giáo.

Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta cho thấy : kẻ thù xâm lược thường dùng tôn giáo làm vũ khí tư tưởng để ru ngủ, cai trị nhân dân ta. Nhưng, Đảng và Nhà nước ta, đặc biệt là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân biệt rõ ràng tôn giáo với kẻ lợi dụng tôn giáo để chia rẽ dân tộc, xâm lược, cai trị nước ta. Bằng hàng trăm bài báo sinh động đăng trên nhiều báo chí châu Âu từ những năm 20 - 30, Chủ tịch Hồ Chí minh đã cho thế giới biết được một sự thật là : "Người nông dân An nam bị hành hình vừa bằng lưỡi lê của nền văn minh tư bản chủ nghĩa vừa bằng cây thánh giá"(7). Đồng thời Người đã giương cao ngọn cờ đoàn kết dân tộc, không phân biệt tôn giáo, đảng phái, đại đoàn kết toàn dân đấu tranh vì đại nghĩa dân tộc là độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Nhân dân các dân tộc, các tôn giáo của nước ta nghe theo Người đoàn kết chung quanh Đảng

(7) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t1, tr 229

Digitized by Google

đánh đuổi thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng Tổ quốc, thống nhất đất nước, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay các thế lực đế quốc, phản động trên thế giới âm mưu lợi dụng tôn giáo như một thứ vũ khí lợi hại trong "diễn biến hòa bình" để kích động, gây hận thù, chia rẽ các giáo phái, các dân tộc nhằm phá hoại hòa bình, phá hoại chủ nghĩa xã hội. Năm 1982, Ri-gân trong bài "Lời khiêu chiến đối với chủ nghĩa cộng sản", đã kêu gọi : Phải huy động tất cả các tổ chức phi chính phủ có thể lợi dụng được, kể cả các tổ chức tôn giáo, tham gia vào cuộc tấn công hòa bình chống chủ nghĩa cộng sản. Bởi vậy, trong cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình", chúng ta cần làm rõ để đồng bào theo đạo hiểu, không để cho các thế lực thù địch lợi dụng.

Trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước của chúng ta ngày nay, Đảng ta luôn luôn chủ trương xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh. Trong đó, mọi tổ chức, mọi công dân, mọi tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, có đầy đủ quyền và nghĩa vụ xây dựng nhà nước và tham gia quản lý đất nước. Đồng bào theo đạo và chức sắc tôn giáo đều có trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, sống "tốt đời đẹp đạo", nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời, Nhà nước quản lý các tôn giáo cũng như các tổ chức khác bằng pháp luật. Quản lý bằng pháp luật không phải là dùng pháp luật để hạn chế các tôn giáo sinh hoạt, mà là lấy pháp luật bảo đảm cho các tôn giáo sinh hoạt bình thường theo chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng. Dùng pháp luật là để hạn chế, xóa bỏ mọi vi phạm chính sách tôn giáo, cũng như mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng tôn giáo, gây chia rẽ dân tộc, phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.❑

TĂNG CƯỜNG...

(Tiếp theo trang 26)

ta trong tình hình hiện nay cần hướng vào các mục tiêu cụ thể sau đây :

Một là, xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, sáng suốt và năng động, vận hành thông suốt theo đúng chức năng và quyền hành pháp.

Hai là, tiếp tục đổi mới và hiện đại hóa bộ máy nhà nước, bảo đảm hoạt động có hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật hướng vào phục vụ dân, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân ; huy động sức dân một cách hợp lý và chịu sự giám sát của nhân dân.

Ba là, từng bước tổ chức nền hành chính nhà nước phù hợp với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường, làm chức năng quản lý nhà nước đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, thực hiện đầy đủ, nền nếp, nghiêm túc chế độ tuyển chọn, đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất tốt, thành thạo nghiệp vụ và có ý thức công vụ cao.

Năm là, xác định rõ chức năng, thẩm quyền, sắp xếp hợp lý cơ cấu tổ chức của Chính phủ, của các bộ, cơ quan ngang bộ ; thu hẹp, giảm bớt các cơ quan trực thuộc Chính phủ ; làm rõ chức năng, thẩm quyền và tổ chức của các cấp chính quyền địa phương.

Cải cách nền hành chính thực chất là một quá trình xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, sát dân, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì tự do và hạnh phúc của toàn dân. Đó cũng chính là quá trình xây dựng và tăng cường bản chất cách mạng của Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay. ❑

Digitized by Google

QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN

BÙI THIỆN TÍCH *

CÙNG với sự phát triển chung của TP Hồ Chí Minh và cả nước, trong những năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Quận 11 có những bước tiến vượt bậc. Trước đây, Quận 11 là một quận ven đô nay trở thành một quận nội thành sầm uất nằm trong cụm trung tâm kinh tế - dân cư phát triển ở Chợ Lớn. Nhiều năm liền, Quận 11 luôn đứng đầu thành phố về sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, đồng thời còn là một trung tâm văn hóa, du lịch hấp dẫn không những đối với nhân dân trong thành phố, mà cả đối với nhân dân trong cả nước và nhiều du khách nước ngoài.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và Nghị quyết về hiện đại hóa và phát triển công nghiệp của Đảng bộ TP Hồ Chí Minh, Quận 11 đã đạt được những thành tựu bước đầu hết sức quan trọng. Những kết quả đó thể hiện tính đúng đắn trong việc xác định rõ những mục tiêu chính yếu, những lĩnh vực được coi là mũi nhọn ; đồng thời thể hiện sự biết chọn lựa những bước đi và giải pháp phù hợp với tiềm năng, đặc điểm và thế mạnh của Quận. Có thể nêu một số lĩnh vực chủ yếu mà Quận 11 đã làm được như :

1 - Phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Đây là một thế mạnh sẵn có mang tính truyền thống của Quận. Đặc biệt giai đoạn 1991 - 1995, thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ của quận đã đi vào ổn định và có bước tăng trưởng hơn trước. Đầu tư mới cho sản xuất trong giai đoạn này là 485 tỉ, nhịp độ phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 22%/năm.

Về các ngành sản xuất, tính đến cuối năm 1995, ngoài các cơ sở kinh tế do trung ương và thành phố quản lý, trên địa bàn quận có 4 xí nghiệp quốc doanh, 2 hợp tác xã sản xuất, 84 công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân, 3 663 cơ sở sản xuất (theo Nghị định 66), 31 783 lao động trong khu vực tiểu thủ công nghiệp. Sản lượng hàng hóa công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 609,05 tỉ đồng (tính theo giá cố định năm 1989). Riêng năm 1996, sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 1 234 tỉ đồng, so với năm 1995 tăng 10,3%. Tổng số vốn đầu tư mới trong năm 1996 là 80 tỉ đồng, tổng số cơ sở sản xuất là 3 700 (trong đó có 120 công ty, doanh nghiệp tư nhân), tổng số lao động là 34 400 người.

Về thương mại - dịch vụ có 8 đơn vị quốc doanh, 210 doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn, 6 300 cơ sở thương mại dịch vụ nhỏ, nhịp độ phát triển hằng năm tăng trên 20%. Ngoài việc phục vụ các yêu cầu đời sống hàng ngày của dân cư, thương mại dịch vụ đã có tác động tốt đến việc phát triển kinh tế của quận và địa bàn khu vực. Năm 1996 doanh số thương mại - dịch vụ đạt 5 467 tỉ đồng, tăng hơn 50% so với năm 1995. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn quận đã phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất một khối lượng hàng hóa khá lớn, đa dạng phục vụ cho yêu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, chất lượng hàng hóa có nhiều tiến bộ. Một số mặt hàng xuất khẩu đã thâm nhập được vào thị trường Tây Âu, Mỹ, Nhật Bản như hàng dệt, may, giày dép, bao bì, thực phẩm...

* Bí thư quận ủy Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Nhiều mặt hàng tiêu dùng đã cạnh tranh được với hàng ngoại. Nhờ sản xuất phát triển, số lao động có công ăn việc làm tăng thêm, thu nhập và đời sống của các tầng lớp dân cư được nâng lên, bộ mặt văn hóa - xã hội của quận có nhiều khởi sắc. Các trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch hấp dẫn được hình thành như khu vui chơi giải trí du lịch Đầm Sen, Công ty du lịch Phú Thọ, Thương mại - Dịch vụ 3/2, Lãnh Binh Thăng v.v...

Tuy nhiên, sự phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn quận cũng còn bộc lộ nhiều nhược điểm : Cơ sở sản xuất nhiều nhưng đa số là các cơ sở nhỏ, manh mún. Máy móc, thiết bị nhiều nhưng phần lớn cũ kỹ, công nghệ lạc hậu. Khối lượng hàng hóa sản xuất ra ngày càng tăng, chất lượng có nhiều tiến bộ, song nhìn chung chất lượng, mẫu mã hàng hóa vẫn còn thua kém so với các nước của khu vực và thế giới. Trình độ văn hóa, khoa học của lực lượng sản xuất trên địa bàn quận nói chung còn thấp, còn nhiều hạn chế và lúng túng về phương thức hoạt động quản lý.

2 - Chú ý đến công tác quy hoạch đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tạo điều kiện đồng bộ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể mặt bằng, trong những năm qua Quận 11 đã đầu tư thích đáng vào việc quy hoạch đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng cho trước mắt và lâu dài. Công tác xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà ở khu vực nhà nước và trong nhân dân phát triển khá mạnh. Những năm qua, nhịp độ đầu tư vào lĩnh vực này là 62%/năm, do đó đã làm thay đổi hẳn bộ mặt đường phố ở một số khu vực, góp phần cải thiện đời sống nhân dân và tạo thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh. Quận đã tiến hành xây dựng quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết theo từng phường. Trong 5 năm qua, quận đã đầu tư 133 tỉ đồng cho việc cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông và sửa chữa một số công trình cơ bản. Quận thường xuyên chú ý đến vấn đề môi sinh, môi trường, cung cấp nước sạch cho dân, giải tỏa các điểm bị lấn chiếm, xi măng hóa nhiều đường hẻm nhỏ ở các phường, dãn dân đô thị, từng bước chuyển các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra xa khu tập trung dân cư. Tuy vậy, công tác xây dựng cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế. Tình trạng lấn chiếm vi phạm trật tự lòng, lề đường còn xảy ra. Việc quy hoạch sắp xếp lại dân cư ở một số khu vực như Trường đua Phú Thọ, Công viên Đầm Sen, Chùa Gò. .. tiến triển còn chậm.

3 - Quan tâm chăm lo đến việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.

Đặt con người ở vị trí trung tâm, quận đã đầu tư thích đáng cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo. Mạng lưới trường, lớp trong quận về cơ bản đã được sắp xếp. Công tác xóa mù và phổ cập tiểu học cơ bản hoàn thành. Tỉ lệ huy động học sinh vào lớp 1 hằng năm của quận đạt trên 90%. Số lượng học sinh các ngành học, cấp học đều đạt chỉ tiêu kế hoạch. Số học sinh nghỉ, bỏ học, giáo viên nghỉ việc qua các năm giảm dần, chất lượng dạy và học được nâng lên, nhu cầu học Hoa ngữ của con em đồng bào Hoa được quan tâm, giải quyết. Quận đã tổ chức Đại hội toàn dân chăm lo sự nghiệp giáo dục, ban hành Quy định về trợ cấp học bổng, khen thưởng cho học sinh giỏi. Trong những năm tới, quận tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác giáo dục, đa dạng hóa trường lớp, coi trọng kết hợp 3 môi trường giáo dục : nhà trường - gia đình - xã hội, trong đó chú trọng giáo dục trong gia đình. Phấn đấu đến năm 2000, toàn quận cơ bản hoàn thành mục tiêu phổ cập trung học trên cơ sở, giữ vững mục tiêu phổ cập tiểu học, hoàn chỉnh mạng lưới trường lớp bao gồm mầm non, tiểu học, trung học cơ sở ; tách riêng trường tiểu học và trung học cơ sở.

Quận còn chú ý đến việc xây dựng lại trung tâm dạy nghề, củng cố mạng lưới dạy nghề đáp ứng yêu cầu trước mắt của các doanh nghiệp ; đồng thời tính toán đến yêu cầu phát triển lâu dài, chú ý bồi dưỡng kỹ thuật các nghề truyền thống, các ngành nghề kỹ thuật cao, tạo điều kiện cho đội ngũ quản lý và công nhân kỹ thuật đi tu nghiệp, tham quan, học tập ở nước ngoài.

Nhằm đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa lành mạnh cho các tầng lớp nhân dân, quận đã đầu tư xây dựng các trung tâm, công trình văn hóa, thể dục, thể thao như Khu Đầm Sen, Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu niên... đẩy mạnh các loại hình hoạt động văn hóa, thể thao xuống tận cơ sở, coi trọng các giá trị văn hóa truyền thống, giáo dục nếp sống lành mạnh.

Digitized by Google

4 - Coi trọng công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Gắn liền với sắp xếp lại các phòng, ban theo hướng tinh gọn, hiệu quả là công tác sắp xếp, bố trí, đề bạt cán bộ tương xứng. Quận đã mạnh dạn đề bạt cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người Hoa ; kịp thời tăng cường, điều chỉnh cán bộ ở một số đơn vị yếu kém. Việc đánh giá, sử dụng cán bộ dựa trên sự kết hợp nhiều mặt : thành phần xuất thân, bằng cấp, quá trình công tác, đào tạo, năng lực, trong đó lấy đức là gốc, lấy hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu. Đặc biệt quận coi trọng bồi dưỡng cán bộ nữ, số cán bộ chủ chốt là nữ hiện chiếm khoảng 30%.

Trong những năm qua, Đảng bộ và nhân dân Quận 11 đã không ngừng phấn đấu vươn lên đạt được những kết quả đáng kể, tạo đà cho sự phát triển trong giai đoạn tiếp theo. Từ thực tiễn hoạt động vừa qua, trên cơ sở đánh giá phân tích những việc đã làm được, cũng như nhận rõ những vấn đề còn tồn tại và những yếu kém, bước đầu chúng tôi xin nêu một số kinh nghiệm.

Một là, cùng với việc xác định rõ những nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể, sát hợp, lãnh đạo Quận ủy và Ủy ban nhân dân quận phải có quyết tâm và có những biện pháp tổ chức thực hiện phù hợp. Để thực hiện tốt đường lối đổi mới của Đảng, cần có sự chỉ đạo sâu sát của Thành ủy, UBND, các ban ngành và các sở của thành phố, cần có sự vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của trên vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, bám sát thực tiễn, bám sát những đòi hỏi phát sinh từ cuộc sống, để tìm ra những giải pháp thích hợp. Việc bám sát thực tiễn, lấy thực tiễn làm nơi kiểm nghiệm tính đúng đắn của các giải pháp, chính là điều kiện để đảng bộ phát huy năng lực, chủ động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước nhân dân.

Hai là, cùng với việc đề ra các chủ trương đúng và có giải pháp tổ chức thực hiện thích hợp, việc tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức và cá nhân đảm nhiệm những công việc cụ thể là yếu tố vô cùng cần thiết bảo đảm cho thắng lợi. Chỉ có sự chỉ đạo tập trung, có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, kiểm tra, đôn đốc thường xuyên, thậm chí cả việc điều chuyển, bố trí cán bộ kịp thời thì các chủ trương đề ra mới thực hiện có hiệu quả.

Ba là, trong khi phấn đấu nhằm ổn định và phát triển kinh tế, cần tăng cường các biện pháp giữ vững ổn định chính trị và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Những mặt trái của cơ chế thị trường và những thủ đoạn thâm độc của kẻ thù trong âm mưu "diễn biến hòa bình" sẽ được ngăn chặn khi ý thức cảnh giác được đề cao, khi nội dung và hình thức hoạt động của cả hệ thống chính trị không ngừng được đổi mới, sức mạnh của lực lượng an ninh, lực lượng vũ trang được nâng cao. Trong các năm qua, Quận 11 vừa chủ trương khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển, vừa thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế sự phân hóa giàu nghèo, đấu tranh ngăn chặn sự phát sinh các biểu hiện tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường. Những tình trạng thiếu ý thức cảnh giác, thái độ thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng cần được xem xét, phân tích và giải quyết. Khắc phục các mặt tồn tại yếu kém trong công tác vận động quần chúng, công tác xây dựng đảng và chính quyền.

Bốn là, luôn luôn xây dựng và củng cố khối đoàn kết thống nhất trong đảng bộ, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, xác định công tác xây dựng Đảng là "khâu then chốt", là nhân tố quyết định đối với sự ổn định, phát triển trên mọi lĩnh vực.

Là một quận nội thành của một thành phố lớn vốn rất nhạy cảm với những tác động trong mọi lĩnh vực đời sống, kinh tế - xã hội, trong lãnh đạo quản lý đảng bộ đã có nhiều thành tích trên các lĩnh vực hoạt động, nhưng cũng không tránh khỏi những vấp váp. Nhưng do thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, bình tĩnh phân tích và thẳng thắn đấu tranh phê phán cái sai, ủng hộ cái đúng, chia sẻ trách nhiệm vì lợi ích chung, mà mối quan hệ nội bộ trong đảng bộ ngày càng được củng cố.

Năm là, cùng với việc nắm bắt và khai thác có hiệu quả những tiềm năng và lợi thế, cần tận dụng và kết hợp với sức mạnh của thời đại, của dân tộc, của thành phố và các địa phương khác, tạo nên sức mạnh tổng hợp để khai thác triệt để những lợi thế của mình, từng bước xây dựng Quận vững mạnh toàn diện, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.❑

Digitized by Google

Đảng bộ huyện Đông Anh với chương trình nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các chi bộ đảng

NGUYỄN HUY DIỄN *

I. Đông Anh là một huyện ngoại thành, nằm ở phía tây bắc thủ đô Hà Nội. Đảng bộ có 8 478 đảng viên, sinh hoạt ở 77 tổ chức cơ sở đảng (bao gồm 455 chi bộ, trong đó có 19 chi bộ cơ sở và 436 chi bộ dưới cơ sở). Sau 5 năm phấn đấu theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới chỉnh đốn Đảng, các chi bộ đảng ở huyện Đông Anh đã có những bước tiến đáng khích lệ.

Hầu hết các chi bộ đảng đã khẳng định được vị trí và vai trò lãnh đạo của mình ở các cơ sở. Các chi bộ được bố trí và sắp xếp phù hợp với yêu cầu lãnh đạo sản xuất và tổ chức đời sống ở các khu vực dân cư. Đội ngũ chi ủy được kiện toàn một bước. Các chi bộ đã tổ chức sinh hoạt thường xuyên nền nếp với các nội dung phong phú và thiết thực ; 83% đảng viên được phân công công tác ; đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không đủ tư cách ; trong 5 năm đã kết nạp được 691 đảng viên. Hiện nay số chi bộ vững mạnh đạt 57%, chi bộ khá 36,4%, chi bộ yếu kém 6,6%.

Kết quả trên đã góp phần thúc đẩy sự phát triển về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện, tạo đà cho đảng bộ huyện vững vàng chuyển sang giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên nghiêm túc kiểm điểm, đảng bộ thấy rằng sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của nhiều chi bộ vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ mới. Việc xác định nội dung lãnh đạo của từng loại hình chi bộ (nông thôn, doanh nghiệp, cơ quan) vẫn còn nhiều lúng túng. Nhiều chi bộ sinh hoạt chưa có nền nếp, hoặc sinh hoạt vẫn mang tính hình thức, nội dung không rõ. Nhiều chi bộ chưa xây dựng được quy chế phối hợp giữa Đảng và chính quyền, đoàn thể. Không ít chi bộ vi phạm các nguyên tắc sinh hoạt của Đảng, tự phê bình và phê bình yếu. Cá biệt, có chi bộ hàng chục năm không kết nạp được đảng viên mới.

II. Đảng bộ Đông Anh nhận thức rằng, chi bộ là tế bào của Đảng, là nơi trực tiếp quản lý đảng viên, nơi chuyển tải mọi chủ trương, chính sách của Đảng tới nhân dân, nơi trực tiếp tổ chức quần chúng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Nếu thỏa mãn với kết quả đổi mới và chỉnh đốn vừa qua thì các chi bộ vẫn chưa thể tạo ra được bước tiến căn bản và chưa thật đủ sức để làm hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở. Bởi vậy, ở vào giai đoạn mới của cuộc vận động đổi mới chỉnh đốn Đảng, đảng bộ dồn trọng tâm vào việc tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các chi bộ đảng.

Sau nhiều lần khảo sát, kiểm tra và dự thảo nội dung chương trình tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các chi bộ, được các chi bộ thảo luận và nhất trí cao, huyện ủy đã xác định các nội dung cơ bản là : nâng cao phẩm chất, năng lực, sức chiến đấu của cán bộ, đảng viên ; xác định đúng nội dung lãnh đạo của chi bộ ; rà soát lại toàn bộ đội ngũ cán bộ, đảng viên, qua đó sắp xếp, kiện toàn tổ chức các tổ chức đảng, để thực hiện tốt các nghị quyết của đại hội Đảng ; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch đội ngũ cán bộ từ nay đến năm 2000 ; tăng cường công tác phát triển Đảng ; nâng cao chất lượng của cấp ủy, nhất là đội ngũ bí thư chi bộ.

Với quyết tâm xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ mới, đảng bộ huyện

* Bí thư Huyện ủy Đông Anh

Digitized by Google

Đông Anh tiếp tục chỉ đạo xây dựng chi bộ vững mạnh theo các hướng chủ yếu sau :

1. Nâng cao nhận thức cho toàn đảng bộ thấy rõ chi bộ là nơi trực tiếp lãnh đạo quần chúng, là hạt nhân chính trị của Đảng ở cơ sở. Do vậy, xây dựng chi bộ vững mạnh phải gắn vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị mình ; làm công tác vận động quần chúng và công tác phát triển Đảng, kiểm tra thi hành kỷ luật đảng viên ; thu nộp đảng phí và họp thường lệ mỗi tháng một lần.

2. Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của từng loại hình chi bộ được ghi trong Điều lệ Đảng, xây dựng quy chế hoạt động chi bộ. Quy chế phải bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, và phải được đảng ủy phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

3. Tiếp tục sắp xếp lại tổ chức chi bộ ở những nơi có trên 30 đảng viên cho phù hợp. Điều động, bồi dưỡng, tăng số đảng viên ở những đơn vị độc lập, không còn chi bộ ghép và cơ sở trắng.

4 - Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, bảo đảm thời gian sinh hoạt định kỳ hằng tháng, mỗi buổi sinh hoạt ít nhất có trên 2/3 số đảng viên tham gia. Xác định và chuẩn bị kỹ nội dung cần bàn bạc trong buổi sinh hoạt, chú ý đi vào những vấn đề thiết thực trong cuộc sống hằng ngày để sinh hoạt chi bộ sống động, có tính giáo dục cao.

5 - Phải xác định thật rõ trách nhiệm lãnh đạo của chi bộ trong việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội và chuyên môn ở đơn vị. Mọi hoạt động của chi bộ đều phải hướng vào các chỉ tiêu, biện pháp cụ thể về kinh tế, xã hội, an ninh trật tự, văn hóa ở đơn vị mình ; gắn công tác đảng với công tác chính quyền, đoàn thể, chuyên môn.

6 - Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của chi ủy. Tiến hành rà soát lại đội ngũ chi ủy để thực hiện phân công lồng ghép cho phù hợp ; xây dựng đội ngũ chi ủy theo hướng kết hợp các độ tuổi (chú ý hướng trẻ hóa chi ủy). Phấn đấu xây dựng đội ngũ bí thư chi bộ đáp ứng đòi hỏi cao hơn, hoặc tương đương thủ trưởng chuyên môn, chính quyền; đồng thời phải kịp thời thay thế những bí thư chi bộ không đủ uy tín, năng lực lãnh đạo, hoặc độc đoán, gia trưởng, mất đoàn kết.

7 - Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên. Trước hết, chi bộ phải thực hiện việc giáo dục, quản lý đảng viên một cách thường xuyên, cung cấp đủ và kịp thời thông tin cần thiết cho đảng viên. Tất cả đảng viên trong chi bộ phải được phân công công tác. Phấn đấu để từng tổ, từng cụm dân cư, có đảng viên phụ trách.

Xét miễn sinh hoạt, công tác cho đảng viên già yếu, có hoàn cảnh khó khăn, song vẫn bảo đảm cung cấp thông tin và quan tâm chu đáo tới các đồng chí đó. Thực hiện nghiêm việc xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên sai phạm ; thực hiện việc phân loại đảng viên hằng năm gắn với khen thưởng đảng viên và có biện pháp với đảng viên loại 3 - 4. Quan tâm phát triển đảng viên mới, có biện pháp giáo dục, giúp đỡ cụ thể để mỗi chi bộ kết nạp được ít nhất 1 đảng viên mới trong một nhiệm kỳ.

8 - Chỉ đạo tốt công tác đoàn thể quần chúng. Chi bộ phải phân công đồng chí cấp ủy phụ trách công tác này. Tạo điều kiện thuận lợi và đổi mới phương thức lãnh đạo của chi bộ với các đoàn thể theo hướng phát huy dân chủ, bảo đảm kỷ cương pháp luật. Thường xuyên và định kỳ nghe báo cáo về công tác này nhằm nắm bắt cụ thể các vấn đề mới nảy sinh, các nhu cầu chính đáng của quần chúng để kịp thời xử lý, nhất là ở các chi bộ thôn, xóm, khối phố.

9 - Xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh và họp đại hội chi bộ đúng với Điều lệ Đảng. Cụ thể hóa 5 tiêu chuẩn của tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh vào từng loại hình chi bộ, để đánh giá phân loại cho sát hợp. Phấn đấu tăng số chi bộ vững mạnh, xóa chi bộ yếu kém.

10 - Tăng cường trách nhiệm quản lý, kiểm tra của cấp trên chi bộ. Các đảng ủy cơ sở phải phân công cấp ủy phụ trách chi bộ, hằng tháng phải dự sinh hoạt cùng chi bộ, phổ biến thông tin, hướng dẫn sinh hoạt, kịp thời uốn nắn các sai sót. Mặt khác đảng bộ cấp huyện cần phải thường xuyên xuống tận chi bộ nắm tình hình, cùng chi bộ tháo gỡ khó khăn, khắc phục hiện tượng quan liêu, chủ quan áp đặt, xa dân.

III - Những nội dung cơ bản của chương trình và 10 giải pháp chính trên đây đã được Huyện ủy triển khai quán triệt tới tất cả các đồng chí bí thư đảng ủy, chủ tịch xã, giám đốc của 77 tổ chức cơ sở đảng và 455 bí thư chi bộ trong toàn huyện.

Digitized by Google

Huyện ủy đã chỉ đạo chặt chẽ việc rà soát, phân loại các tổ chức cơ sở đảng, phân loại đảng viên, xác định rõ nguyên nhân yếu kém của từng cơ sở, tìm ra những biện pháp sửa chữa thích hợp và kịp thời.

Tuy vậy, thực tế cho thấy còn nhiều vấn đề đang đặt ra cần được giải quyết cụ thể như : Về chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng loại hình chi bộ đã đúng, phù hợp chưa ? Vấn đề phụ cấp cho các bí thư chi bộ ở các thôn xóm, khối phố ? Vấn đề đào tạo, bồi dưỡng và sắp xếp cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt theo quy hoạch ? v.v.

Phân tích quá trình nâng cao năng lực và sức chiến đấu của các chi bộ đảng ở huyện Đông Anh, bước đầu chúng tôi rút ra một số nhận xét :

1 - Trước hết phải coi nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ là nhiệm vụ then chốt, trọng tâm của công tác xây dựng Đảng. Chi bộ phải xác định đúng và chỉ đạo thực hiện các phương hướng, nhiệm vụ chính trị, những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thật cụ thể, phù hợp với thực tiễn cuộc sống. Chi bộ phải sâu sát nắm chắc tình hình cơ sở, nhất là những vấn đề mới nảy sinh để có biện pháp tháo gỡ kịp thời và chính xác. Mỗi chi bộ, mỗi đảng viên phải nắm vững phương pháp công tác cơ bản của Đảng đối với quần chúng là giáo dục và thuyết phục ; động viên và tổ chức quần chúng tham gia xây dựng Đảng, góp ý kiến cho hoạt động của chi bộ, phát hiện những người không đủ tư cách đảng viên để đưa ra khỏi Đảng và giới thiệu những quần chúng ưu tú để kết nạp vào Đảng.

2 - Các chi bộ phải chủ động xây dựng kế hoạch đổi mới và chỉnh đốn. Trước hết chi bộ phải định ra được quy chế hoạt động và phải vạch ra được kế hoạch công tác hằng quý, hằng tháng ; thực hiện phân công công tác cho từng đảng viên một cách cụ thể, coi trọng công tác quản lý đảng viên, thường xuyên kiểm tra đánh giá, phân loại đảng viên.

3 - Muốn xây dựng chi bộ vững mạnh, phải chú trọng xây dựng cho được đội ngũ chi ủy vững mạnh, đoàn kết thống nhất, đặc biệt là bí thư chi bộ. Bí thư chi bộ phải có trình độ phẩm chất và năng lực tương đương với thủ trưởng quản lý ở cơ sở, đơn vị đó. Muốn vậy phải thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng kiến thức lý luận, nghiệp vụ lãnh đạo và quản lý kinh tế cho đội ngũ bí thư chi bộ, mặt khác phải kiên quyết thay những bí thư chi bộ kém về phẩm chất và năng lực.

4 - Đi đôi với việc chủ động đổi mới của các chi bộ cơ sở, cần có sự kiểm tra, hướng dẫn thường xuyên, sâu sát của cấp trên. Đảng bộ huyện Đông Anh đã phân công các đồng chí ủy viên thường vụ huyện ủy và huyện ủy viên trực tiếp theo dõi từng cụm cơ sở, từng cơ sở, nắm thực tế ở cơ sở, giúp cơ sở tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, cũng như đề xuất với các cấp kịp thời giải quyết nhanh, chính xác và dứt điểm những vấn đề mà thực tiễn cuộc sống đang đòi hỏi.❑

KHÁCH THĂM

Nhận lời mời của Ban biên tập **Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Cầu Thị**, cơ quan lý luận của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã cử Đoàn đại biểu gồm 6 người, do đồng chí Vương Mậu Hoa, Phó tổng biên tập, dẫn đầu sang thăm và làm việc tại Việt Nam. Trong thời gian ở Việt Nam từ 4 đến 13-8-1997, Đoàn đã có cuộc hội đàm với Ban biên tập **Tạp chí Cộng sản**. Hai bên đã thông báo cho nhau về tình hình hai nước, trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ và bàn biện pháp tăng cường quan hệ giữa hai Tạp chí. Đoàn đã được đồng chí Hữu Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tiếp và nói chuyện thân mật. Đoàn đã đi thăm một số nơi ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và các tỉnh : Quảng Ninh, Hải Dương, Tây Ninh.

Digitized by Google

TỪ THỰC TẾ MỘT XÃ, SUY NGẪM VỀ SỰ ĐÓNG GÓP CỦA NÔNG DÂN

LÊ TRỌNG *

TRONG 10 năm đổi mới và liên tiếp được mùa trong nông nghiệp, đời sống vật chất và văn hóa của nông dân khắp các vùng, miền, nhìn chung đã được nâng lên một bước khá rõ. Bộ mặt nông thôn mới, xét về mặt điện, đường, trường, trạm, nhà ở và phương tiện đi lại, nghe nhìn, đã có những đổi thay đáng kể.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, qua điều tra tình hình kinh tế nông thôn ở một số xã thuộc vùng đồng bằng sông Hồng (VĐBSH) chúng tôi thấy có nhiều điều băn khoăn về thực trạng đời sống kinh tế của nông dân với những khoản mà họ phải đóng góp quá mức. Sau đây xin được lấy ví dụ ở xã B, nơi chúng tôi trực tiếp tiến hành điều tra. Tuy số ruộng đất ở xã này tương đối ít so với mức bình quân VĐBSH, song những điều kiện sản xuất và tình hình đóng góp của nông dân thì có nhiều nét khá điển hình. Để nêu được cái chung mà không nhằm chỉ trích cá nhân các đồng chí lãnh đạo địa phương, xin được phép nêu tên tắt mà không nêu tên thật của xã này.

I - VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, THU NHẬP VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA NÔNG DÂN :

Nói đến sản xuất nông nghiệp, điều kiện tiên quyết để hoạt động là nông dân có ruộng. Nhưng ruộng đất nông nghiệp hiện nay, bình quân trên nhân khẩu nông nghiệp cả nước có xu hướng giảm xuống rõ rệt. Trong khi đó nhân khẩu và lao động nông nghiệp không ngừng tăng lên (chiếm 80% nhân khẩu và hơn 75% lao động cả nước). Đặc biệt VĐBSH là nơi đất hẹp, người đông, nhiều xã số ruộng chia cho một nhân khẩu chỉ có trên dưới 500m^2. Ở xã B, mỗi nhân khẩu chỉ được chia 1,05 sào (378m^2/khẩu). Và mỗi người trong độ tuổi lao động được nhận làm thêm ruộng khoán đất công điền (công ích) của xã từ 86 - 90m^2. Như vậy, một lao động chính và một người ăn theo được nhận số ruộng có diện tích là 842m^2 (378 + 86 + 378). Tình trạng đất đai như vậy, còn tình trạng lao động thì sao ? Do điều kiện và trình độ lao động nông nghiệp hiện nay, một số công việc của nông dân phải thuê, khoán như làm đất (cày, bừa), thủy lợi, tuốt lúa... Do đó, người nông dân làm số ruộng đất được giao trong 3 vụ (xuân, mùa và một ít vụ đông) thì số nhân công cộng dồn chỉ hết từ 3 đến 4 tháng trong năm. Nếu kể cả chăn nuôi, làm thêm ruộng khoán và chăm sóc cây con trong ao, vườn (nếu có) thì cần thêm hơn 1 tháng nữa. Như vậy, hiện nay lượng lao động dư thừa ở ĐBSH là 50 - 60%. Trong khi đó, nghề phụ, nghề truyền thống thủ công mỹ nghệ chưa được phục hồi và phát triển. Xã B mà chúng tôi mới đến khảo sát (tháng 5-97) là nơi có nghề truyền thống làm mây đan xuất khẩu, nhưng nay trong mỗi thôn lẻ tẻ chỉ còn 3 - 4 hộ làm. Nguyên nhân là do giá gia công rẻ mạt. Trước đây giá nhân công tính theo sản phẩm là 6 000 đ/m^2, nay chủ gia công ép, hạ xuống còn 3 000 đ/m^2. Song để làm được 1m^2 mây đan xuất khẩu, một người có tay nghề khá phải làm từ 7 giờ sáng đến 10 giờ tối (trừ giờ ăn cơm). Tính ra làm 1 giờ chỉ được 200đ. Thế nhưng cả tháng cũng chỉ có việc làm 15 ngày, vì không có đầu ra.

Gần đây một số hộ đã chuyển sang học và làm nghề khâu nón, trồng quất - cây cảnh, hoa, có 4 - 5 hộ học nghề nuôi rắn, ba ba và nuôi cá lồng bên bờ sông Đún, nhưng đều không thành công.

Chúng tôi đến tìm hiểu và nhận thấy chưa có nghề nào giải quyết được căn bản về nguồn lao động dư thừa ở nông thôn VĐBSH. Dĩ nhiên là đó đây có một số làng nghề thành công, nhưng mới chỉ là số rất nhỏ và cũng khó nhân lên.

Như vậy, hiện nay vấn đề tạo việc làm để giải quyết nguồn lao động dư thừa trong nông nghiệp nói chung - đặc biệt ở VĐBSH là vấn đề nổi cộm nhất. Thiếu việc làm thì rất khó tăng thu nhập, ảnh hưởng đến việc cải thiện đời sống cho nhân dân và phát triển nông thôn.

Do những khó khăn khách quan và chủ quan trong việc phát triển ngành nghề ở nông thôn, nông dân xã B chủ yếu vẫn tập trung sức thâm canh lúa, và năng suất lúa đạt từ 10 đến 13 tấn/ha/năm. Bình quân đạt 2 tạ/vụ/sào, 4 tạ/năm/sào Bắc Bộ.

Nhưng để được 4 tạ thóc đó, họ đã phải chi cho sản xuất và nộp cho xã (UBND) là bao nhiêu ? Xin đưa ra số liệu của nhóm gia đình loại khá để thấy mức

* PGS, PTS, Trường đại học Kinh tế quốc dân

Digitized by Google

thu nhập và đời sống thực tế của nông dân (xem bảng sau) :

Bảng : Tính thu nhập của nông dân trên 1 sào ruộng được giao

Đơn vị tính : sào (= 360m^2) và kg thóc.

Tổng hợp các khoản thu, chi và thu nhập	Vụ xuân	Vụ mùa	Cả năm
Thu nhập của nông dân trên 1 sào ruộng được giao :	(kg/sào)	(kg/sào)	(kg/sào)
- Tổng thu hoạch	200	200	400
- Chi sản xuất : giống, phân, thuốc trừ sâu, thuê máy cày bừa, tuốt	48	48	96
- Chi giao nộp sản phẩm cho UBND xã* (gồm cả thuế đất và thủy lợi phí)	45	31	76
- Cộng chi trên sào	93	79	172
- Thu nhập thực tế của nông dân	107	121	228
- Thu nhập bình quân của nông dân (người / tháng)			19

Trên số ruộng nông dân nhận làm khoán công điền của xã (90m^2/người, ở tuổi lao động) thì trên 1 sào ruộng này, ngoài các khoản phải nộp cho xã (76 kg) như đã tính trên biểu, *còn phải nộp thêm cho xã 100 kg thóc nữa* (tức là 2 vụ trong năm phải nộp cho xã là 76 kg + 100 kg = 176 kg). Như vậy, trên một sào ruộng nhận khoán (tính ở năm được mùa) nông dân chỉ thu được gần 2 kg thóc/ngày lao động. Nhưng nông dân buộc phải chấp nhận để có thêm việc làm, thêm thu nhập. Thậm chí, một số nông dân bốc bùn đắp lên ven bờ sông, bờ ngòi, tạo ra 1 - 2 thước đất để cấy lúa bị xã tính thu 65 kg thóc/sào/vụ (với lý do đây là quốc gia công thổ).

Từ đó chúng ta sẽ thấy kết quả thu nhập thực tế của nông dân ở loại nông hộ khá và trung bình khá (60 - 70% số nông hộ) mỗi tháng mỗi người chỉ có 19 kg thóc, tính thành tiền là 28 400đ (1 500 đ/kg x 19 kg). Nếu tính thêm các khoản thu nhập khác (như làm thêm ruộng khoán, chăn nuôi, cây ăn quả...) thì được thêm 10 - 13 000 đ/người/tháng. Nhưng số thu nhập này chưa phải để cho cuộc sống mà còn phải đóng các khoản :

Điện : Ngoài việc đóng tiền xây cột điện, mắc dây dẫn... còn phải trả tiền tiêu dùng điện từ 1 000 - 1 200 đ/kw/h (1 số).

Đường : Đường làm trong xã và liên xã bằng bêtông cũng do dân đóng góp. Nhưng có nơi xã đã ăn chặn một phần tiền này của dân. Thậm chí như xã B, có thôn đã thu tiền làm đường 1 đến 2 vụ rồi mà đường vẫn chưa được làm.

Trường học : Mỗi lần làm mới, sửa chữa đều phân bổ cho dân đóng góp.

Tiền viện phí : Thu rất tùy tiện. Nhiều người bệnh nặng không dám đến viện, vì sợ không có tiền đóng viện phí, trả tiền thuốc v.v.

Các khoản đóng góp trên, nếu ai khó khăn chưa đóng được thì coi như nợ sản phẩm và xã tiến hành rút bớt phần ruộng được giao để khoán cho người khác. (Ở một số xã còn thành lập Ban thu hồi sản phẩm đến tận nhà xúc thóc, bắt lợn, lấy đồ... gây căng thẳng trong quan hệ giữa chính quyền với nhân dân).

Học phí : Ngoài những quy định học sinh phải nộp, còn thu của học sinh cấp I thi lên cấp II là 15 000 đ (5 000 đ cho 3 tờ giấy thi và 10 000 đ tiền giáo viên coi thi). Học sinh thi hết cấp I thì phải nộp tiền là 8 000đ (3 000 đ giấy thi và 5 000 đ cho giáo viên coi thi).

Từ thực trạng như đã trình bày (qua ví dụ ở xã B) ở trên, có thể *rút ra mấy kết luận :*

Một là, với điều kiện lao động không có đủ việc làm và thu nhập như trên, lại phải đóng góp quá nhiều cho xã, nên đời sống của nông dân rất khó khăn. Hơn nữa trong cuộc sống hàng ngày, họ phải trang trải cho biết bao nhiêu khoản chi nữa (thăm người thân ốm, giỗ tết, hiếu hỉ v.v.). Do vậy, mặc dầu đây là đất hiếu học, nhưng nhiều nhà đã buộc phải cho con thôi học từ cấp II, vì không có tiền đóng học phí. Thực tế này đã diễn ra ở xã B, như trong năm học 1996 - 1997 đã có 92 em học sinh cấp II phải nghỉ học. Và số người mù chữ (theo độ tuổi quy định) còn tới 10%.

Hai là, do thiếu việc làm, lại đóng góp cho xã quá nhiều khoản (kể cả những khoản trái với luật), kết quả thu nhập về thóc và tiền còn quá ít, dễ dẫn đến tăng số lượng hộ nghèo đói nếu gặp thiên tai.

Nông dân thuộc loại khá ở VĐBSH (đã dẫn ở trên), tiền thu nhập thực tế chỉ hơn 40 000 đ/tháng/người, còn loại đói nghèo thì ít hơn nhiều. Do vậy, kinh nghiệm cho thấy, lực lượng dự trữ lương thực và tiền trong dân kể cả VĐBSH là không đáng kể. Bởi thế, ở miền Bắc, khi xảy ra mất mùa thường diễn ra đói giáp hạt trên diện rộng. Chẳng hạn năm 1996, sản lượng lương thực ở nước ta đã đạt 29,14 triệu tấn quy thóc và đã xuất khẩu gạo 3,033 triệu tấn. Nhưng do thiên tai dồn dập : mưa bão, úng

* Xã thu bình quân từ 13 đến 21 khoản (có bản "phiếu khoán" ghi thu cho từng hộ, do chủ tịch xã ký, đóng dấu), gồm : thuế tư điền, thủy lợi phí, quỹ công điền, công nhà nước, công xã, công HTX, công xã hội, thiên tai, quỹ xây dựng xã, quỹ tuổi thơ, quỹ an ninh, mẫu giáo, nhà trẻ, quốc gia công thổ, thuế công điền, phạt nghĩa vụ quân sự, thủy lợi phí "tạo nguồn" (nông dân tát nước sông, ao chuôm...), thu cấp quyền sử dụng đất, v.v.

Digitized by Google

lụt làm cho vụ mùa năm 1996 ở nhiều địa phương của miền Bắc, miền Trung và cả Tây Nguyên, bị thất thu nặng. Do đó, vụ đói, giáp hạt vào đầu năm 1996 đã diễn ra trên diện rộng ở 21 tỉnh, có 4 triệu người thiếu đói nhà nước phải cứu trợ.

II - KIẾN NGHỊ :

Một là : Nhà nước nên tổ chức một lực lượng cán bộ trực tiếp tới cơ sở khảo sát với phương châm gần dân, sát dân, ăn ở trong dân và lắng nghe ý kiến của dân để điều tra, tìm hiểu một số chính sách và luật pháp xuống đến xã đã được thực hiện đối với nông dân, đối với nông hộ đói nghèo như thế nào ? Theo tôi tập trung điều tra việc thi hành luật đất đai, Nghị định 64 CP và những chính sách khác đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đặc biệt là đối với hộ nghèo sao cho sát, đúng. Trên cơ sở đó kịp thời phát huy những mặt tốt (nếu có), đồng thời và chủ yếu là nghiên cứu những việc xã làm sai luật... mà những sai trái đó theo kết quả nghiên cứu bước đầu của chúng tôi, suy cho cùng, *đều thuộc diện tham nhũng.* Nông dân là người biết rất rõ và rất bất bình về một số khoản thu không đúng. Họ đã có ý kiến, kiến nghị lên những cấp cao hơn, song đều không được giải quyết.

Tôi thiết nghĩ, đây là vấn đề kinh tế - xã hội... cấp bách có tầm quan trọng đặc biệt mà trung ương phải thanh tra và có giải pháp giải quyết triệt để.

Hai là, căn cứ Luật đất đai 1993 của Quốc hội và Nghị định 64CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ, đề nghị Quốc hội và Chính phủ có biện pháp kịp thời xử lý nghiêm các vụ vi phạm Điều 45 của Luật đất đai.

Điều 45 của Luật đã nói : "Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mỗi xã được để lại một quỹ đất *không quá 5% đất nông nghiệp* (tôi gạch dưới - LT) để phục vụ cho nhu cầu công ích của địa phương. Chính phủ quy định cụ thể việc sử dụng đất này". Thực hiện điều này, trong Nghị định 64/CP, ở điều 14 nói về đất dành cho nhu cầu công ích của xã cũng đã quy định : "Căn cứ vào quỹ đất đai, đặc điểm và nhu cầu của địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tỷ lệ đất được để cho mỗi xã *không quá 5% đất nông nghiệp*" (tôi gạch dưới - LT). Nhưng, nhiều năm nay phần lớn các tỉnh đồng bằng sông Hồng, khu IV, ven biển miền Trung đã để từ 15 đến 20%, cá biệt có nơi để tới 25% đất nông nghiệp, để "phát canh thu tô" với nông dân một cách không hợp lý.

Thực chất, qua điều tra vấn đề này ở xã B và tìm hiểu qua một số xã khác cho thấy : hành vi tham nhũng ở một số địa phương hiện nay là bằng cách : *lấy đất của nông dân để bóc lột lại nông dân.* Vì thực tế cho thấy, tất cả các hoạt động xây dựng nông thôn mới như làm đường, điện, trường, trại... đều vận dụng phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm - mà chủ yếu là dân đóng góp. Vậy mà nhiều xã đã để trên dưới 20% đất nông nghiệp tức là để gấp 4 lần luật định. Trong khi đó nhiều xã ở VĐBSH (như ở xã B) đã thu của nông dân (2 vụ trong năm) tới 176 kg thóc/sào. Trong đó nếu trừ hai khoản thuế đất và thủy lợi phí cả năm là 32 kg thóc thì xã đã thu không (lấy không) của nông dân đến 142 kg thóc - trong số ruộng mà lẽ ra phải giao cho nông dân được quyền sử dụng.

Ta giả định rằng, bình quân mỗi xã có chừng 1000 mẫu ruộng, thì lẽ ra chỉ được để không quá 50 mẫu, nhưng nhiều xã đã để đến 200 mẫu, và đã cho nông dân làm khoán, nộp tô như trên. Tính số ruộng, số thóc ra tiền trên 150 mẫu ruộng này (lẽ ra đó là quyền lợi của nông dân được hưởng) thì xã đã lấy không của nông dân là : 319,5 triệu đồng/năm (1500 đ/kg x 142 kg/sào x 1500 sào). Chẳng những thế trên một sào ruộng nông dân được giao quyền sử dụng, đáng ra nông dân chỉ phải nộp 32 kg thóc/sào (gồm 2 khoản thuế đất và thủy lợi phí cho 2 vụ trong năm) nhưng họ phải nộp tới 76 kg/sào/năm (xã đã thu khống của họ 44 kg thóc/sào). Vì không có làm dịch vụ gì khác nữa cho nông dân mà thu như vậy nếu tính ra tiền trên tổng số diện tích giao của một xã thì đó là một khoản lạm thu lớn. Và nếu khoản lạm thu đó không được đưa vào ngân sách để chi tiêu cho việc công ích mà lại để lọt vào túi cá nhân hoặc chi tiêu bừa bãi, thì đó phải được coi là khoản tham nhũng rất lớn.

Cần nói thêm rằng, trong số 21 khoản xã B ghi thu hằng vụ của nông dân thì tùy loại hộ mà chỉ thu từ 10 đến 17 khoản, nhưng trong đó có đến 4 khoản : thu công nhà nước 15 công/người trong độ tuổi (1 công = 2 kg thóc) ; thu công xã 1 công/người trong độ tuổi (2 kg thóc) ; thu công hợp tác xã một người trong đội tuổi là 3 ngày công (6 kg thóc) ; thu công xã hội 1 công/người trong độ tuổi (2 kg thóc). Đây cũng là vấn đề cố ý thu sai Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích của Nhà nước đã công bố ngày 10-11-1988. Vì theo Điều 5 của Pháp lệnh thì : "Số ngày công lao động công ích hằng năm của mỗi công dân là *không quá mười ngày công,* kể cả ngày đi và về" (tôi gạch chân - LT). Ở Điều 8 còn ghi : "Người trực tiếp tham gia lao động công ích hằng năm được trợ cấp theo định mức lao động...". Ngoài ra còn thấy nhiều khoản thu sai khác, chẳng hạn : việc thu 64 kg/sào/vụ trên đất bà con bốc bùn đắp lên mép bờ sông để tận dụng đất cấy lúa, hoặc khoản thu 6 kg thóc/sào ruộng nông dân tự tát nước ở sông lên hoặc nước ở các ao chuôm của họ, mà xã gọi là thu "nước tạo nguồn" (!?). Thiết nghĩ, xã tìm đủ cách để thu những khoản này là quá đáng đối với tình cảnh nông dân đang còn quá nghèo khó !❑

Digitized by Google

Một kiểu giữ ghế

NGUYỄN TRỌNG THỤ

LÂU lắm rồi tôi mới được về thăm tỉnh X, nơi tôi đã từng có khá nhiều năm công tác. Gặp lại những bạn bè một thời "gối đất nằm sương, sắn khoai trừ bữa", chuyện trò thật rôm rả. Chuyện sức khỏe, chuyện gia đình, chuyện công tác của từng người và của cả những bạn bè không có mặt. Chợt một anh bạn cao giọng : "Này, cậu có nhớ Q. hồi trước cùng tiểu đội với chúng mình không ? Anh ta đang phụ trách một ngành quan trọng ở tỉnh này, nhưng bây giờ khác lắm. Cánh thanh niên thuộc quyền anh ta thường nói nửa đùa nửa thật : Dưới trướng của ông Q. thì bằng cấp, ngoại ngữ v.v... đều vô dụng hết, chỉ cần lý lịch ghi là người cùng huyện với ông ta thì rất dễ được trọng dụng !"...

Thấy tôi tỏ vẻ ngạc nhiên, một anh bạn khác giải thích : "Nguyên do là thế này : lúc mới được cử phụ trách ngành, Q. cũng là người tốt, năng nổ. Nhưng mấy năm sau, lóa mắt trước quyền lực, bổng lộc và những tiêu chuẩn đãi ngộ, anh ta tìm cách "bảo vệ" lâu dài cái ghế của mình, không phải bằng cách trau dồi phẩm chất, phát huy năng lực, mà bằng cách tạo chỗ dựa, gây vây cánh. Bắt đầu là việc để bạt một loạt cán bộ người cùng huyện vào các cương vị chủ chốt các cấp trong ngành. Lúc đó, nghe anh ta giải thích rằng đấy là những người anh ta biết rõ đức tài, cần được cất nhắc, ai cũng nghĩ đó là chuyện bình thường trong trách nhiệm một cán bộ lãnh đạo. Nhưng về sau việc đó cứ diễn đi diễn lại. Các bộ phận, các cơ sở trong ngành cần bổ sung người vào ban phụ trách ư ? Trong danh sách những người được đưa lên để anh ta quyết định, anh ta thường chỉ chọn những người cùng huyện. Thậm chí anh ta còn cử những người "đồng hương huyện" đến phụ trách các cơ sở của ngành ở các huyện khác, lấy cớ tăng cường cán bộ. Đến lượt mình, những cán bộ được anh ta cất nhắc cũng theo vết xe của "quan thầy", chỉ chú trọng tuyển dụng để bạt, nâng bậc, nâng lương những người cùng huyện. Bất chấp việc phản đối của những người cùng cấp, họ cứ làm bừa, vì đã có "ô dù" là anh ta. Tình hình đã đến mức khiến cho đông đảo cán bộ, đảng viên trong ngành bất bình, cho nên mới có câu nói chua chát của đám thanh niên và cả không ít những câu ca dao cay độc khác. Không ít người chán nản, lơ là việc học tập, phấn đấu, nghĩ rằng đã trót sinh khác huyện với vị đầu ngành này thì khó mà được cất nhắc, để bạt.

- Thế các đồng chí trong cấp ủy, trong ban lãnh đạo cao nhất của tỉnh cũng đành bó tay à - tôi liền hỏi.

- Phải nói rằng Q. rất khôn ngoan, biết lấy lòng những cán bộ chủ chốt trong cấp ủy. Đối với con em của các vị này, anh ta sẵn sàng o bế, dành cho những thuận lợi, những ưu đãi, vì thế cũng dễ qua mắt các vị ấy. Với lại, mỗi khi tỉnh chủ trương lấy ý kiến nhận xét cán bộ lãnh đạo thì hầu hết những "cốt cán" trong ngành đều là tay chân của anh ta, đều nói tốt cho anh ta. Đó là chưa nói đến bệnh nể nang, bao che cho nhau mà cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh cũng rất dễ mắc.

Ngừng một lát, anh bạn đó nói tiếp : "Nay thì chắc cấp trên đã biết, vì hàng loạt đơn thư tố cáo đã gửi lên trên, chuyện trong ngành đã lan truyền toàn tỉnh. Trước sau thì anh ta cũng sẽ bị xử trí. Nhưng điều nguy hiểm là ở chỗ đã "quá mù ra mưa". Anh ta có "đổ" thì vây cánh của anh ta vẫn còn, vẫn nắm các cương vị trong ngành. Đó sẽ là một thách thức không nhỏ cho bất cứ ai được cử để thay thế anh ta. Tình hình trong ngành còn lâu mới ổn định, phong trào còn lâu mới vực dậy được".

Nghe mấy ông bạn nói, tôi buồn nhiều. Tôi nghĩ đến những suy thoái không thể ngờ tới của một số cán bộ có chức, có quyền, làm hại không nhỏ đến uy tín và sự nghiệp của Đảng. Xã hội nào thì cũng phải đặt ra các chức vụ, và đã có chức thì ắt phải có quyền và phải được đãi ngộ đúng tiêu chuẩn để thực thi chức trách. Nhưng trong xã hội ta, chức quyền chỉ là phương tiện để cán bộ có điều kiện phát huy tốt phẩm chất, năng lực và trí tuệ, cống hiến nhiều hơn cho dân, cho nước. Khi ai đó coi chức quyền, coi "cái ghế" là một cứu cánh, một mục đích nhằm thỏa mãn những dục vọng và mưu đồ ích kỷ của cá nhân, họ có thể phạm rất nhiều tội lỗi mà cách làm của anh Q. chỉ mới là một mặt. Họ còn có thể lừa dối, tung "hỏa mù" đối với cấp trên, mua chuộc cấp trên, tìm những "ô dù" có giá, trấn áp cấp dưới, lôi kéo người xấu, gây nên cảnh bè phái phân liệt, thậm chí dùng bạo lực bịt miệng quần chúng, hãm hại người tài, "hạ độc thủ" những ai mà họ cho là nguy cơ làm lung lay chiếc ghế của họ v.v và v.v... Vì vậy, tôi nghĩ đến việc phải thường xuyên kiểm tra một cách hữu hiệu những người đương chức, đương quyền, trước hết bằng phát huy hơn nữa dân chủ trong Đảng, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, thật lòng lắng nghe ý kiến của quần chúng, kiên quyết chống tệ "ô dù", bè cánh, đầu óc địa phương cục bộ, kiên quyết loại trừ ngay những kẻ "sâu mọt" để từng bước làm trong sạch nội bộ, từng bước phục hồi những phẩm chất truyền thống tốt đẹp của đội ngũ Đảng.❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ CẤP CAO LẦN THỨ 7 CỦA CỘNG ĐỒNG CÁC NƯỚC CÓ SỬ DỤNG TIẾNG PHÁP

NGUYỄN ĐÌNH BIN *

Hội nghị những người đứng đầu Nhà nước và Chính phủ (gọi tắt là "Hội nghị cấp cao") lần thứ 6 của Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp họp tại thành phố Cô-tô-nu, nước Cộng hòa Bê-nanh, tháng 12-1995 đã nhất trí giao cho Việt Nam trách nhiệm và vinh dự tổ chức Hội nghị cấp cao lần thứ 7 của Cộng đồng. Tháng 11 năm nay (1997), thủ đô Hà Nội sẽ thay mặt cả nước nghênh đón những sứ giả cao cấp nhất của các thành viên Cộng đồng lần đầu tiên đến họp Hội nghị cấp cao ở một nước thành viên châu Á. Trong quá trình phát triển của Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp, Hội nghị cấp cao Hà Nội có một vị trí đặc biệt quan trọng : cùng với việc chính thức thông qua Hiến chương của Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp, chuyển tổ chức Hợp tác văn hóa - kỹ thuật (ACCT) thành Tổ chức của Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp, Hội nghị sẽ bầu ra Tổng thư ký đầu tiên của Cộng đồng. Đây là sự kết thúc của một quá trình cải cách thể chế đã được nghiên cứu, chuẩn bị trong nhiều năm qua, nhằm tăng cường tình đoàn kết, hiệu quả hợp tác và nâng cao vai trò, vị trí quốc tế của Cộng đồng. Cũng tại Hội nghị này, chúng ta hy vọng rằng việc thảo luận và xem xét những biện pháp thiết thực để cụ thể hóa chủ đề về hợp tác phát triển do nước ta đề xuất và được các nước thành viên của Cộng đồng tán thành, đóng góp ý kiến sẽ góp phần thúc đẩy những nỗ lực chung nhằm thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng là hòa bình, hợp tác và phát triển.

1 - Vài nét về sự ra đời và phát triển của Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp.

Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng và độc lập dân tộc sau chiến tranh thế giới lần thứ 2 đã làm thay đổi sâu sắc bộ mặt của thế giới, thúc đẩy quá trình phi thực dân hóa. Hàng loạt nước thuộc địa và phụ thuộc đã giành được độc lập và trở thành chủ thể của quan hệ quốc tế bình đẳng. Cùng với sự phát triển sâu rộng của nền kinh tế và thương mại thế giới và cuộc chạy đua về khoa học - kỹ thuật, tất cả các nước đều phải đương đầu với những thách thức của cạnh tranh và phát triển trong một thế giới ngày càng tùy thuộc lẫn nhau, ngày càng đòi hỏi sự hợp tác và liên kết trong những tập hợp nhất định để bảo vệ, củng cố độc lập dân tộc và phát triển. Trong bối cảnh đó, những nước cùng chia sẻ việc sử dụng chung một ngôn ngữ và do đó có sự gần gũi nhất định về mặt văn hóa có điều kiện thuận lợi để tập hợp thành Cộng đồng có mẫu số chung về lợi ích.

Đối với những nước có sử dụng tiếng Pháp, từ những năm 60, xu hướng tập hợp thành Cộng đồng đã hình thành. Đầu tiên là sự hợp tác trên một số lĩnh vực cùng với sự ra đời của các tổ chức quốc tế tương ứng dựa trên việc sử dụng chung ngôn ngữ Pháp như Hội nghị Bộ trưởng giáo dục (CONFEMEN - 1960) ; Hiệp hội các trường đại học (AUPELF - 1961) ; Liên minh các nghị sĩ (AIPLF - 1967) ; Liên đoàn các giáo viên (FIPF - 1969)... Quá trình phát triển này

* Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Phó Chủ tịch Ủy ban quốc gia tổ chức Hội nghị cấp cao lần thứ 7 của các nước có sử dụng tiếng Pháp

Digitized by Google

được các vị lãnh đạo của nhiều nước, nhất là Tổng thống Lê-ô-pôn Xê-đa Xen-go của Xê-nê-gan, Ha-ma-ni Di-ô-ri của Ni-giê và Ha-bip Buốc-ghi-ba của Tuy-ni-di, nhiệt tình thúc đẩy đã đưa đến việc ra đời vào tháng 3-1970 tại Ni-a-mây (Ni-giê) Tổ chức Hợp tác văn hóa - kỹ thuật (gọi tắt là ACCT) với 26 nước thành viên. ACCT là một tổ chức liên chính phủ. Như tên gọi của nó đã chỉ rõ, ACCT chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực hợp tác về văn hóa, khoa học - kỹ thuật và ngôn ngữ. Sau nhiều năm hoạt động, tuy ACCT và các tổ chức nói trên đã mở rộng dần các lĩnh vực hợp tác và đáp ứng ngày càng nhiều, càng cao yêu cầu của các nước thành viên, song phạm vi hợp tác vẫn mang tính chất nghề nghiệp và kỹ thuật, chưa đáp ứng được nguyện vọng của các nước thành viên là muốn có một tổ chức có tầm vóc chính trị và vị trí xứng đáng trong quan hệ quốc tế. Chính yêu cầu này đã dẫn đến sự hưởng ứng và ủng hộ của các nước có sử dụng tiếng Pháp đối với sáng kiến hợp thời của cố Tổng thống Pháp Phơ-răng-xoa Mít-tơ-răng triệu tập Hội nghị các vị đứng đầu nhà nước và chính phủ để nâng sự cam kết và gắn bó của các thành viên Cộng đồng ở cấp cao và đề ra những quyết định có tầm chính sách đối với hoạt động của Cộng đồng. Hội nghị cấp cao lần thứ nhất (Pa-ri, 1986) với sự tham dự của gần 40 vị đứng đầu nhà nước và chính phủ đã thành công. Sự kiện này đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự trưởng thành của Cộng đồng. Việc họp Hội nghị cấp cao đã được thể chế hóa 2 năm một lần và từ Hội nghị cấp cao lần thứ 4 đã có chủ đề cho mỗi Hội nghị.

Hơn 10 năm qua, Cộng đồng đã tiến hành sáu kỳ họp. Mỗi lần họp, (như lần thứ nhất) các vị đứng đầu các nhà nước và chính phủ tập trung vào những vấn đề chủ chốt như thiết lập và tăng cường sự hợp tác giữa các nước trong Cộng đồng trên nhiều lĩnh vực ; đẩy mạnh sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội của các nước đang phát triển ; ủng hộ hòa bình, lên án chế độ phân biệt chủng tộc, bảo vệ môi trường... Những lần khác lại bàn đến việc tôn trọng quyền con người và các quyền khác gắn với phát triển ; kêu gọi Cộng đồng ủng hộ những cố gắng cải cách của các nước đang phát triển ; nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc thống nhất trong đa dạng ; khuyến khích đa dạng và đa phương hóa trong các mối quan hệ quốc tế.

Nhiều Hội nghị nhấn mạnh đến chức năng của Cộng đồng trong việc tìm ra phương hướng và giúp đỡ nhau cùng phát triển trên nhiều lĩnh vực thông tin trao đổi, đào tạo... Nội dung hoạt động của Cộng đồng ngày càng được mở rộng sang các lĩnh vực chính trị, xã hội, kinh tế và pháp luật... Diện hợp tác cũng được tăng cường và thể chế hóa đối với các tổ chức quốc tế và các tổ chức khu vực hữu quan. Đối với những diễn đàn toàn cầu quan trọng, sự phối hợp lập trường đã cho phép Cộng đồng có tiếng nói chung có trọng lượng. Sự phát triển của Cộng đồng đòi hỏi một sự cải cách về thể chế và Hội nghị cấp cao lần thứ 6 (1995) đã ra Nghị quyết về vấn đề này và sẽ được thực hiện tại Hội nghị cấp cao lần thứ 7 tại Hà Nội. Có thể nói Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp ngày nay với 49 thành viên thuộc tất cả các khu vực trên thế giới đã trở thành một thực thể chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật không ngừng phấn đấu để khẳng định bản sắc và vai trò của mình trong đời sống quốc tế.

2 - Vai trò và vị trí quốc tế của Cộng đồng.

Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp chiếm 9% dân số, 10% thu nhập quốc dân và 13,4% thương mại của thế giới (số liệu năm 1996). Cứ 4 nước trên thế giới có 1 nước là thành viên của Cộng đồng. Những thành viên này có mặt ở hầu hết các khu vực địa lý : Tây Âu, Đông Âu, Bắc Mỹ, Ca-ri-bê, Trung Đông, Bắc Phi, châu Phi dưới Xa-ha-ra, Ấn Độ Dương, Đông - Nam Á, Thái Bình Dương... Nhiều thành viên của Cộng đồng là thành viên của những nhóm, tổ chức khu vực khác như Liên hợp châu Âu, Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ, Hiệp hội các nước Đông - Nam Á, Liên đoàn Ả rập, Khối thịnh vượng chung. Những đặc điểm đó vừa nói lên tính nhiều vẻ vừa

Digitized by Google

khẳng định sức mạnh của Cộng đồng là ở sự thống nhất trong đa dạng, ở tình đoàn kết hợp tác giữa các nước có vị trí quốc tế khác nhau, ở sự tôn trọng lẫn nhau giữa những bản sắc văn hóa dân tộc phong phú. Mặc dù sức nặng kinh tế của đa số thành viện Cộng đồng còn khiêm tốn, nhưng trên những vấn đề lớn mang tính toàn cầu, khả năng của 1/4 các nước trên trái đất có những quan hệ đối tác với các nhóm, khu vực khác có thể tạo thành một sức mạnh đáng kể, sức mạnh của đối thoại, phối hợp và hợp tác.

3 - Việt Nam và Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp.

Việt Nam đã tham gia ACCT từ những năm 1970 và đã tham gia từ đầu các Hội nghị cấp cao của Cộng đồng. Từ sau Hội nghị cấp cao lần thứ nhất đến nay, Việt Nam luôn tham gia với tư cách là thành viên đầy đủ. Việt Nam là một thành viên có quan hệ hợp tác tích cực với ACCT và các tổ chức quốc tế Pháp ngữ khác, đồng thời cũng nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ nhiệt tình của các tổ chức nói trên, nhất là trên các lĩnh vực đào tạo, giáo dục, chuyển giao kỹ thuật... Đối với những vấn đề lớn của Cộng đồng, chúng ta luôn luôn có sự đóng góp nghiêm túc và có trách nhiệm, coi trọng hình thức đối thoại và tham khảo ý kiến, nhằm đạt được kết quả phù hợp với lợi ích chung. Việc nước ta nhận đăng cai Hội nghị cấp cao lần này thể hiện trách nhiệm đối với Cộng đồng và phù hợp với chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ của Đảng và Nhà nước ta. Trách nhiệm đó còn được thể hiện ở việc đề xuất chủ đề của Hội nghị cấp cao có nội dung kinh tế và phát triển nhằm góp phần nâng cao tình đoàn kết và nội dung hợp tác giữa các thành viên của Cộng đồng trên một lĩnh vực thiết thân đối với các nước thành viên đang phát triển.

Từ năm 1995, Việt Nam đã có một Ủy ban quốc gia trù bị Hội nghị cấp cao. Đến tháng 3 năm 1996, Chính phủ ta đã có quyết định chính thức thành lập Ủy ban quốc gia tổ chức Hội nghị cấp cao lần thứ 7, do một phó thủ tướng làm chủ tịch và các thành viên khác bao gồm một số đại diện là lãnh đạo các bộ ngành cùng Ủy ban nhân dân TP Hà Nội.

Ủy ban có 7 tiểu ban phụ trách các việc : đón tiếp, nội dung hội nghị, cơ sở vật chất, an ninh, văn hóa thông tin, đào tạo và ngân sách. Chính phủ cũng quyết định xây dựng và nâng cấp một số công trình phục vụ trực tiếp việc tổ chức Hội nghị. Song điều quan trọng nhất vẫn là chuẩn bị gấp và lập một chương trình rộng lớn về đào tạo một lực lượng không nhỏ nhân viên phục vụ Hội nghị và một hệ thống cán bộ quản lý đủ trình độ quản lý một trung tâm Hội nghị quốc tế.

Việc Hội nghị cấp cao lần thứ 7 Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp họp tại Hà Nội là sự khẳng định ý chí hội nhập với thế giới của ta và góp phần nâng cao vị trí quốc tế của nước ta. Bản thân quá trình chuẩn bị và tổ chức Hội nghị là một sự tập dượt, đào tạo để nâng cao năng lực tổ chức cũng như bổ sung những khả năng về cơ sở vật chất và hậu cần cần thiết cho việc đăng cai các Hội nghị quốc tế lớn sau này ở Việt Nam. Đây cũng là một dịp tốt để bạn bè quốc tế hiểu biết thêm về đất nước, con người, văn hóa Việt Nam cũng như những thành tựu trong công cuộc đổi mới của nhân dân ta. Đồng thời, những hoạt động về văn hóa, kinh tế, giáo dục... của các tổ chức của Cộng đồng để hưởng ứng Hội nghị cấp cao 7 sẽ góp phần tăng cường sự giao lưu văn hóa và hiểu biết lẫn nhau giữa nước ta và các nước thành viên khác trong Cộng đồng. Về mặt kinh tế, việc chuẩn bị và tổ chức Hội nghị cấp cao 7, sẽ tạo thêm điều kiện thuận lợi cho nước ta mở rộng quan hệ hợp tác cùng có lợi với các nước thành viên.

Ý nghĩa quan trọng của Hội nghị cấp cao lần thứ 7 Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp tổ chức tại Hà Nội (tháng 11-1997) chính là sự khẳng định và phát huy đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng, đa phương hóa quan hệ và vị thế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta trong sự nghiệp đổi mới. ❑

Digitized by Google

CỔ PHẦN HÓA MỘT BỘ PHẬN DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở TRUNG QUỐC HIỆN NAY

TRỊNH ĐÌNH TỪ

Về quan niệm cơ bản : Trung Quốc luôn cho rằng việc đổi mới doanh nghiệp nhà nước (DNNN), trong đó có việc chuyển đại bộ phận DNNN thành công ty và thực hiện cổ phần hóa là dựa trên những luận điểm cơ bản của Mác. Mác từng cho rằng, kinh tế cổ phần là sản phẩm tất yếu của sự vận động của mâu thuẫn giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất ; gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế hàng hóa và hoạt động tín dụng ; là hình thức tổ chức sản xuất và kinh doanh có hiệu quả đã từng thúc đẩy kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa phát triển. Trung Quốc đã vận dụng những tư tưởng quan trọng nói trên vào việc xây dựng công ty cổ phần trong nền kinh tế của mình. Trung Quốc đặt vấn đề cổ phần hóa một bộ phận DNNN là một phần hữu cơ trong toàn bộ việc cải cách DNNN, coi cải cách DNNN là yếu tố then chốt của cải cách kinh tế. Trung Quốc nhấn mạnh : cải cách kinh tế bao gồm cấu trúc lại cơ cấu ngành và cơ cấu sản xuất vĩ mô và vi mô, đổi mới quản lý sản xuất và kinh doanh nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao. Muốn vậy, *một mặt* phải chuyển đổi DNNN thành doanh nghiệp hiện đại, trong đó có sự tách biệt giữa sở hữu và kinh doanh, giữa nhà nước và doanh nghiệp. *Mặt khác*, đẩy mạnh việc cổ phần hóa một bộ phận DNNN. Đồng thời coi tiền đề cải cách doanh nghiệp là xây dựng đồng bộ cơ chế thị trường. Trong tổng thể đó, mỗi khâu đều có vị trí quan trọng của nó, không cô lập và tách rời nhau, khi tiến hành khâu này phải đồng thời tiến hành khâu kia, không thể "nhất bên trọng, nhất bên khinh". Việc xây dựng doanh nghiệp hiện đại, trong đó mô hình công ty là hình thức chủ yếu với tất cả các yếu tố hợp thành của nó, là một chiến lược cơ bản được nêu lên trong Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Trung Quốc và được tuyên truyền liên tục, được quán triệt sâu rộng.

Về tiến trình cổ phần hóa : Ngay từ năm 1984, Trung Quốc đã chính thức chủ trương cho thành lập công ty cổ phần, tuy nhiên chỉ coi đó là hình thức kinh doanh chủ yếu của *kinh tế hợp tác* ở các thành phố và DNNN loại nhỏ. Năm 1991, việc cổ phần hóa một bộ phận DNNN được chính thức phát triển. Khi đó cả nước có 3 220 doanh nghiệp cổ phần thí điểm, không kể các doanh nghiệp cổ phần hợp tác thuộc kinh tế hương trấn. Năm 1993, 10 300 doanh nghiệp cổ phần đã phát hành cổ phiếu trị giá 400 tỉ nhân dân tệ (NDT). Năm 1994, 47% cổ phiếu được bán cho công nhân viên chức trong doanh nghiệp, 46% thuộc quyền sở hữu của pháp nhân có trách nhiệm hữu hạn, chỉ có 7% cổ phiếu được phát hành ra ngoài xã hội. Đến năm 1995, cả nước đã có trên 12 nghìn công ty cổ phần có sở hữu hỗn hợp, trong đó nhà nước sở hữu 40%, các pháp nhân 40%, cá nhân 20%. *Điều đáng chú ý là dù công nhân viên chức trong doanh nghiệp hoặc cá nhân (tổ chức) ngoài xã hội, nếu muốn mua cổ phiếu đều phải trả bằng tiền của mình, không có bất kỳ một sự ưu tiên nào như miễn giảm giá, trả chậm, dùng quỹ phúc lợi.* Điều đó cho thấy Trung Quốc đặc biệt coi trọng việc bảo vệ chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa và vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Nhà nước Trung Quốc còn quy định những tài sản tăng thêm do sự cố gắng của bản thân doanh nghiệp vẫn thuộc sở hữu nhà nước, doanh nghiệp chỉ có quyền lợi pháp nhân. Tuy nhiên, để khuyến khích việc gia tăng vốn doanh nghiệp, Nhà nước cho phép trên sổ sách được ghi riêng phần vốn do Nhà nước đầu tư và phần vốn do doanh nghiệp tự mình tích lũy và cho phép doanh nghiệp có thể được linh hoạt và chủ động hơn trong việc sử dụng và thu lợi đối với bộ phận tài sản tăng thêm đó. Tuy Nhà nước quy định chặt chẽ như vậy, nhưng công nhân viên chức vẫn tích cực và tự nguyện mua cổ phiếu, thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa phát triển lành mạnh. Năm 1995, tỷ lệ lạm phát ở Trung Quốc là 15% so với năm 1994 là trên 20%, lãi suất tín dụng là 12%/năm. Trong khi đó cổ tức chỉ đạt trên

Digitized by Google

dưới 10%/năm, nhưng việc bán cổ phiếu vẫn rất chạy. Sở dĩ như vậy là vì người ta quan tâm đến thị giá cổ phiếu hơn là cổ tức. Lúc đó mệnh giá cổ phiếu của Công ty xe đạp Phượng hoàng (Thượng Hải) là 1 NDT, nhưng trên thị trường chứng khoán Thượng Hải, thị giá cổ phiếu này lên tới 14,5 NDT. Điều đó cho thấy, việc cổ phần hóa phải dựa trên tiền đề là hiệu quả kinh tế, uy tín của doanh nghiệp cổ phần hóa và sự phát triển của thị trường chứng khoán. Riêng năm 1992, nhiều công ty cổ phần bán cổ phiếu cho người nước ngoài và thu về trên 1 tỉ USD.

Ở Trung Quốc , đại bộ phận DNNN loại lớn và vừa(1) khi đã đủ điều kiện cổ phần hóa, có thể chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn 100% vốn Nhà nước, chỉ có một chủ sở hữu là Nhà nước ; cũng có thể chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần hữu hạn nếu có nhiều chủ sở hữu. Trường hợp chuyển thành công ty cổ phần hữu hạn có phát hành cổ phiếu ra xã hội, phải xét duyệt chặt chẽ và chỉ giới hạn trong một số lượng nhất định. Cần căn cứ vào tính chất ngành nghề và mức độ phân bổ sở hữu cổ phần để quyết định tỷ lệ cổ phần của kinh tế nhà nước. Những công ty sản xuất những sản phẩm đặc biệt và công nghệ quốc phòng cần phải do Nhà nước độc quyền kinh doanh. Những ngành sản xuất trụ cột và những ngành sản xuất cơ bản do Nhà nước nắm cổ phần chi phối, đồng thời thu hút các thành phần ngoài quốc doanh tham gia cổ phần. Theo công bố chính thức, kinh tế Nhà nước cần phải giữ vai trò quyết định trong các ngành : quốc phòng, dầu mỏ, năng lượng nguyên tử, hàng không, cấp nước, điện lực, bưu chính, đường sắt, tiền tệ, in giấy bạc. Nhà nước cần giữ vai trò chi phối trong các ngành công nghiệp cơ bản như năng lượng, nguyên vật liệu, hóa dầu, cơ khí, ô-tô, điện tử... Còn đối với các ngành chế biến thông thường và có tính chất cạnh tranh trên thị trường, có thể phát hành cổ phiếu rộng rãi, thu hút mọi thành phần xã hội tham gia đầu tư, trong đó, nhà nước cũng có thể tham gia cổ phần chi phối hoặc cổ phần thông thường. Như vậy, kinh tế nhà nước trong công nghiệp có thể chiếm 25-30% tổng giá trị ngành này.

Từ thực tiễn, Trung Quốc luôn khẳng định việc đổi mới doanh nghiệp chủ yếu là để tìm kiếm một cơ chế quản lý kinh doanh có hiệu quả nhất, chứ không phải là tìm kiếm các hình thức sở hữu khác nhau. Bởi lẽ, về chế độ sở hữu, Trung Quốc đã khẳng định : kinh tế nhà nước là chủ đạo, kinh tế công cộng - bao gồm kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác - là chủ thể. Chủ đạo là định tính, chủ thể là định lượng. Việc cổ phần hóa tuyệt đối không thể làm tổn hại đến nguyên tắc đó. Điều quan trọng trong điều hành vĩ mô là lựa chọn đúng đắn ngành nào, doanh nghiệp nào cần duy trì một chủ đầu tư là nhà nước ; ngành nào, doanh nghiệp nào do Nhà nước nắm cổ phần chi phối ; ngành nào, doanh nghiệp nào có thể phát hành cổ phiếu rộng rãi ra ngoài công chúng. Cho nên, cổ phần hóa không phải là mục đích tự thân, không thể làm ồ ạt, bất chấp điều kiện khách quan. Xét đến cùng, cổ phần hóa là để đổi mới quản lý kinh doanh, đổi mới thiết bị công nghệ, đổi mới cách huy động và sử dụng vốn, thật sự nâng cao hiệu quả kinh tế. Cổ phần hóa phải đi đôi với sự hình thành thị trường chứng khoán. Điều tối kỵ trong cổ phần hóa là, khi đánh giá và kiểm kê vốn làm thất thoát vốn và tài sản của nhà nước, hoặc sử dụng vốn vào những hoạt động phi pháp nhằm thu lợi bất chính. Những doanh nghiệp cổ phần hóa nào chỉ bị động chịu sức ép một bề của xu hướng phân chia cổ tức, mà không chủ động trong phương án kinh doanh hiệu quả thì nhất định sẽ thất bại.

Sẽ là lệnh lạc khi đánh giá vốn, nếu chỉ nhấn mạnh một chiều đến những hư hao, hoặc cường điệu tính lạc hậu của tài sản cố định. Nhiều người lấy lý do tài sản cố định của DNNN phần lớn "lạc hậu mấy thế hệ" để hùa nhau thanh lý, chia chác, "đục nước béo cò". Một xu hướng khá phổ biến là tính giá trị thấp hơn giá được ghi trong sổ sách, không tính phần tăng giá do lạm phát. Kết quả, giá trị tài sản cố định bị tính giá thấp hơn nhiều so với giá trị vốn có, số thất thoát đó được chuyển dịch sang những chủ sở hữu cổ phần ngoài quốc doanh. Theo thống kê, từ năm 1991 đến tháng 6-1994, do tính giá vốn thấp, đã để thất thoát 80 tỉ NDT vốn của Nhà nước.

Gần đây Trung Quốc đưa ra chủ trương "nắm lớn nới nhỏ" ("tróc đại phóng tiểu"), có nghĩa là tập trung làm tốt việc cải cách đổi mới các DNNN nòng cốt loại lớn và loại vừa, trong đó có việc cổ phần hóa một bộ phận. "Nắm lớn, nới nhỏ" không có nghĩa đơn thuần là "cổ phần hóa doanh nghiệp lớn, bán hết những doanh nghiệp nhỏ". Trung Quốc có chủ trương bán đấu giá

(1) Trung Quốc hiện có hơn 23000 doanh nghiệp lớn và vừa, trong đó doanh nghiệp nhà nước là 16000, Trung Quốc chọn được 110 doanh nghiệp lớn làm nòng cốt, trong đó có 500 đơn vị đặc biệt lớn. Tuy số đơn vị này chỉ chiếm 0,22% tổng số doanh nghiệp nhà nước, nhưng có giá trị tài sản trên 2857 tỉ NDT, chiếm trên 36% toàn bộ tài sản doanh nghiệp nhà nước.

Digitized by Google

những DNNN loại nhỏ, nhưng khi tiến hành cần xuất phát từ thực tế khác nhau để chuyển đổi sang nhiều hình thức khác nhau như cấu trúc lại, hợp doanh, sáp nhập, cổ phần hợp tác, cho thuê, khoán kinh doanh và bán, trong đó, số đem bán chỉ là rất ít. Rất nhiều DNNN loại nhỏ sau khi cấu trúc lại vẫn giữ vững sở hữu nhà nước hoặc sở hữu hợp tác ; chỉ có một số rất ít DNNN loại nhỏ được bán cho các chủ tư nhân hoặc cá nhân. Tính đến giữa năm 1994, Trung Quốc đã thành lập xong những "trung tâm trao đổi sở hữu" tại các thành phố lớn. Những trung tâm này thực hiện các chức năng môi giới có liên quan đến việc xử lý các doanh nghiệp nhỏ. Các doanh nghiệp muốn bán đấu giá trước hết phải nộp đơn xin phép bán quyền sở hữu của mình ; doanh nghiệp cần mua phải cung cấp tài liệu để khẳng định vốn tài chính của mình và khả năng quản lý kinh doanh có hiệu quả đối với tài sản mới. Sau đó, trung tâm tổ chức việc mua và bán đấu giá.

Để bảo đảm duy trì vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, Trung Quốc chú trọng hình thức công ty cổ phần do Nhà nước nắm cổ phần chi phối (CPCP). Trung Quốc cho rằng Công ty cổ phần do Nhà nước nắm CPCP là hình thức hợp lý để chắp nối mối quan hệ giữa chính phủ và doanh nghiệp, giữa kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân. Đồng thời đó cũng là hình thức tổ chức có thể đưa các DNNN tham gia cạnh tranh quốc tế có hiệu quả, là đội quân chủ lực của Nhà nước nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia trên thị trường quốc tế. Trung Quốc thực hiện hình thức này trong các ngành kinh tế quan trọng, những doanh nghiệp lớn, trụ cột của một ngành - những nơi không thể để cho chủ đầu tư nước ngoài nắm CPCP một cách rộng rãi. Thực tế cho thấy, trong quan hệ với nước ngoài hình thức CPCP có liên quan tới lợi ích của hai bên và hơn thế nữa, có quan hệ đến việc bảo vệ sản xuất nội địa và an toàn kinh tế của đất nước.

Kết quả khảo sát cho thấy, tính đến tháng 5-1995, các DNNN được cổ phần hóa trong những ngành chế tạo, chế biến, dịch vụ thương mại và công ích đã vươn lên hàng đầu về năng suất lao động nói chung và về lợi nhuận tính theo đầu người ; đã nộp thuế đầy đủ và đã bảo đảm thu nhập cho người lao động cũng như cổ tức cho chủ cổ phần. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp này vẫn than phiền nhiều về sự can thiệp không cần thiết của cơ quan chủ quản cũ. Riêng về các doanh nghiệp đã cổ phần hóa, nhất là các doanh nghiệp do Nhà nước nắm CPCP, Trung Quốc đang tập trung giải quyết các vấn đề còn tồn tại như : xác định quan hệ pháp nhân và quan hệ quyền sở hữu tài sản giữa công ty mẹ và công ty con ; bảo đảm không biến công ty cổ phần do nhà nước nắm CPCP thành một "phiên bản" của công ty hành chính do cơ quan chủ quan cũ chi phối như thời bao cấp trước kia. Quan niệm như thế nào là đúng đối với một bên là vai trò quyết định của Chính phủ với tư cách là chủ sở hữu, với bên kia là vai trò tự chủ kinh doanh của pháp nhân doanh nghiệp trong các tập đoàn công ty. Đó là chưa kể những khó khăn do lịch sử để lại như trong quá trình cải cách kinh tế 15 năm qua, các DNNN đã phải đóng góp rất lớn để bảo đảm thu cho ngân sách nhà nước, phải chi rất nhiều để làm công tác xã hội(2). Những đóng góp đó đã trực tiếp và gián tiếp góp phần tạo điều kiện cho nền kinh tế ngoài quốc doanh phát triển mạnh mẽ như hiện nay. Đồng thời, đó cũng là một phần nguyên nhân khiến khá nhiều DNNN hiện nay làm ăn thua lỗ, nợ nần quá nhiều, hiệu quả thấp, bộ máy hành chính phục vụ quá lớn, khiến tiến trình chuyển đổi thành công ty và cổ phần hóa gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Ngoài ra còn có những hiện tượng như đại hội cổ đông và hội đồng quản trị do không hoạt động theo đúng điều lệ nên không phát huy được vai trò điều hành của mình, rơi vào tình trạng hữu danh vô thực, doanh nghiệp hoạt động trì trệ, không sinh lợi. Cũng có nơi quá nhấn mạnh số lượng cổ phần chi phối của kinh tế nhà nước, ảnh hưởng tiêu cực đến sự tham gia của các thành phần kinh tế khác. Trong vấn đề vai trò đại diện của chủ sở hữu Nhà nước - đại diện của Tổng cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp - có gì khác với vai trò của cơ quan chủ quản trước đây cũng còn nhiều vướng mắc...

Tất cả những khó khăn, trở ngại và các vấn đề còn tồn tại nói trên đang đòi hỏi giới lý luận cùng với các nhà hoạt động thực tiễn phải nhanh chóng đưa ra những giải pháp hữu hiệu hơn. ❑

(2) Theo thống kê chưa đầy đủ, các DNNN trong cả nước có 29000 bệnh viện, trạm y tế riêng, bằng 65,2% số đơn vị cùng loại của Bộ Y tế. Số trường trung cấp chuyên nghiệp của DNNN chiếm 19,4% số cùng loại cả nước, số trường công nhân kỹ thuật - chiếm 28% ; số người làm việc trong các đơn vị dịch vụ xã hội trực thuộc các DNNN lên tới gần 1,5 triệu ; tiền lương 26,4 tỉ NDT (1995) chiếm 12,6% tổng quỹ lương ; số người nghỉ hưu do các DNNN ngành công nghiệp chịu trách nhiệm trả chi phí lúc bắt đầu nghỉ hưu là 10,23 triệu người, chiếm 23,1% tổng số công nhân viên chức. Ngoài ra hầu hết các DNNN có những cơ sở riêng về đào tạo, giáo dục, y tế, văn nghệ, dịch vụ xã hội, kiểm tra, thanh tra, bảo vệ...

Digitized by Google

Tìm hiểu khái niệm

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Thuế thu nhập cá nhân là loại thuế căn cứ theo mức thu nhập của cá nhân đạt tới mức giới hạn chịu thuế. Thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với người có thu nhập cao, gọi tắt là thuế thu nhập. Thu nhập chịu thuế bao gồm *tiền lương, tiền thưởng, các khoản coi như lương, quà tặng, quà biếu*... Cá nhân có thu nhập chịu thuế phải tự giác đăng ký, kê khai thu nhập chịu thuế, nộp thuế thu nhập qua các tổ chức ủy nhiệm thu hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Cá nhân nộp thuế chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của số liệu đã kê khai.

Đối tượng nộp thuế thu nhập : Mọi công dân trong nước và người nước ngoài có thu nhập phát sinh ở nước sở tại, không phân biệt nghề nghiệp, địa vị xã hội đều phải đóng thuế thu nhập. Ở các nước thu nhập chịu thuế bao gồm các khoản chủ yếu như : thu nhập về tiền lương, tiền công, các khoản thu nhập có tính chất tiền lương, tiền công, tiền thưởng của những người làm công ăn lương ; các khoản thu nhập khác như lợi tức công thương nghiệp, lợi tức nông nghiệp, thừa kế tài sản, lãi cổ phần, lãi trái phiếu, lãi tiết kiệm, quà biếu, quà tặng, thu nhập về hành nghề tư nhân (nghề bác sĩ, luật sư, gia sư...). Về biểu thuế thu nhập được áp dụng theo lũy tiến từng phần, gồm nhiều bậc thuế từ 4% đến 60% trên thu nhập chịu thuế (Nhật là 15 bậc, Đài Loan là 14 bậc, Pháp là 13 bậc, Thái Lan là 12 bậc, Ô-xtrây-li-a là 7 bậc...). Thuế thu nhập đã áp dụng khá lâu ở nhiều nước trên thế giới : Ở Anh áp dụng năm 1811, Nhật - 1887, Đức - 1899, Mỹ - 1903, Pháp - 1914, Nga - 1922...

Phương pháp tính thuế thu nhập : Căn cứ vào thu nhập thực tế của cá nhân để tính thuế. Phương pháp này được áp dụng phổ biến ở hầu hết các nước trên thế giới như : Anh, Thụy Điển, Nga, Hung, C.H Séc, Nhật, các nước châu Phi. Căn cứ tính thuế trên có ưu điểm là đơn giản, dễ làm bảo đảm thu kịp thời cho ngân sách nhà nước . Ở mỗi nước có một giới hạn chịu thuế khác nhau, nhưng đối tượng thu thuế hầu như giống nhau. Thuế thu nhập ở nhiều nước là nguồn thu của ngân sách địa phương, được dùng vào xây dựng các công trình phúc lợi, các nhu cầu công ích của địa phương. Sở dĩ, các nước đều thực hiện chính sách thuế thu nhập, vì một bộ phận dân cư có thu nhập cao cần được điều tiết, động viên một phần thu nhập của họ vào ngân sách nhằm thực hiện công bằng xã hội.

Ở nước ta, các cơ quan chức năng của Nhà nước đã xây dựng Dự án Luật thuế thu nhập cá nhân để trình Quốc hội khoá X thông qua. Trước mắt, chúng ta đang thực hiện Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao nhằm tăng nguồn ngân sách cho nền kinh tế (áp dụng trong phạm vi toàn quốc kể từ ngày 18-2-1997). Theo pháp lệnh này, thu nhập chịu thuế được phân làm 2 loại : Một là, thu nhập thường xuyên như tiền lương, tiền công, tiền thù lao ; các khoản thưởng bằng tiền và hiện vật từ các nguồn khác nhau ; các khoản thu nhập khác do tham gia các hiệp hội kinh doanh, hội đồng quản trị. Hai là, thu nhập không thường xuyên như quà biếu, quà tặng bằng tiền hoặc bằng hiện vật do các tổ chức, cá nhân từ nước ngoài gửi về cho cá nhân dưới mọi hình thức ; về chuyển giao công nghệ theo từng hợp đồng ; tiền bản quyền các tác phẩm văn học nghệ thuật ; về thiết kế kỹ thuật xây dựng, công nghệ và các dịch vụ khác ; trúng xổ số. Biểu thuế thu nhập được áp dụng theo lũy tiến từng phần gồm 6 bậc thuế suất từ 0% đến 60% trên thu nhập chịu thuế (đối với công dân Việt Nam và cá nhân khác định cư tại Việt Nam). Loại thứ hai có 6 bậc, thuế suất từ 0% đến 50% (đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam và công dân Việt Nam đi công tác lao động tại nước ngoài). Thuế thu nhập không thường xuyên bao gồm 6 bậc thuế suất (từ 0% đến 30%).

Để thực hiện chính sách nhân đạo xã hội, nước ta không xếp những khoản như : trợ cấp, cứu tế, phụ cấp độc hại, tiền bồi thường bảo hiểm, lãi suất tiền gửi tiết kiệm, lãi trái phiếu, tín phiếu, cổ phiếu, công tác phí... vào thu nhập chịu thuế. Việc thực hiện thu thuế thu nhập theo 2 cách : Đối với loại thu nhập thường xuyên, cơ quan, xí nghiệp sẽ khấu trừ khi trả lương, rồi trực tiếp nộp vào ngân sách. Đối với thu nhập không thường xuyên : cơ quan xí nghiệp sẽ khấu trừ trước khi trả thu nhập này rồi nộp trực tiếp cho ngân sách; hoặc người có thu nhập tự kê khai và đem nộp cho ngân sách không quá giới hạn quy định kể từ khi phát sinh thu nhập.

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

BẮC NINH TỔ CHỨC HỘI NGHỊ XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

Ngày 24-7-1997, tại thị xã Bắc Ninh, tỉnh ủy lâm thời Bắc Ninh tổ chức hội nghị toàn tỉnh để quán triệt và triển khai nghị quyết của tỉnh ủy về "Xây dựng tổ chức cơ sở (TCCS) đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố cơ sở đảng yếu kém". Hội nghị do đồng chí Bí thư tỉnh ủy Ngô Đình Loan trực tiếp chủ trì và chỉ đạo.

Các đại biểu đã sôi nổi thảo luận và tham gia ý kiến về những giải pháp chủ yếu nhằm xây dựng TCCS đảng. Hội nghị khẳng định : muốn xây dựng được các TCCS đảng trong sạch vững mạnh, củng cố được các cơ sở đảng yếu kém, cần thực hiện tốt một số điểm chủ yếu sau đây :

1 - Phải tiến hành khảo sát, phân tích, đánh giá chính xác thực trạng các TCCS đảng hiện nay, tránh tình trạng báo cáo không trung thực, chạy theo thành tích, dẫn đến hiện tượng "mạnh giả, yếu thật".

2 - Trên cơ sở các chỉ thị, nghị quyết và các văn bản hướng dẫn của trung ương, của tỉnh, các TCCS đảng phải xây dựng kế hoạch phấn đấu (chương trình hành động) thiết thực , cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị mình.

3 - Sắp xếp lại các TCCS đảng và chọn mô hình bí thư cấp ủy thích hợp.

4 - Xây dựng đội ngũ cán bộ nòng cốt của cơ sở, trước hết là các chức danh cán bộ chủ chốt có phẩm chất và năng lực. Thực tế cho thấy, ở các cơ sở yếu kém, có khi chỉ thay đổi một vài cán bộ chủ chốt là phong trào có thể được khôi phục, sau đó ổn định và phát triển. Đồng thời cũng phải có chế độ, chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với cán bộ cơ sở.

5 - Phải không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Muốn thế phải thường xuyên đẩy mạnh công tác giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo ; tăng cường sinh lực mới cho Đảng (phát triển đảng) và sàng lọc chất liệu đảng viên (kiểm tra, xử lý...).

6 - Đổi mới phương thức lãnh đạo của TCCS đảng. Trước hết phải giữ vững nền nếp sinh hoạt chi bộ, sau đó đổi mới nội dung sinh hoạt, bảo đảm cho sinh hoạt chi bộ thể hiện được đầy đủ tính lãnh đạo và tính chiến đấu ; hướng mọi hoạt động của TCCS đảng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

7 - Có cơ chế bảo đảm cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng một cách thiết thực, hiệu quả, không mang tính hình thức.

8 - Gắn chặt công tác xây dựng Đảng với xây dựng chính quyền vững mạnh.

9 - Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của cấp ủy cấp trên cơ sở .

P.V

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CHÀO MỪNG 50 NĂM NGÀY THÀNH LẬP CÔNG ĐOÀN BƯU ĐIỆN VIỆT NAM : (30/8/1947 - 30/8/1997)

CÔNG TY BƯU CHÍNH LIÊN TỈNH VÀ QUỐC TẾ (VPS)

ĐỊA CHỈ : SỐ 8, NGÕ HÀNG BỘT - HÀ NỘI
TEL : 84.4.7330910 - FAX : 84.4.7330709



Giám đốc : HOÀNG THỌ THÁI

NHIỆM VỤ CHÍNH

- ❒ Trung tâm đầu mối giao dịch, khai thác, vận chuyển bưu phẩm, bưu kiện, báo chí, chuyển phát nhanh (EMS) trong nước và quốc tế.
- ❒ Chịu trách nhiệm đối soát thanh toán toàn bộ dịch vụ bưu chính Việt Nam với nước ngoài.
- ❒ Trung tâm điều phối, đối soát, cân đối và thanh toán chuyển tiền trong nước và quốc tế.

CÁC DỊCH VỤ CỦA CÔNG TY

- ❒ Chuyển phát bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa đi trong nước và quốc tế.
- ❒ Dịch vụ chuyển phát nhanh - EMS.
- ❒ Thư điện chuyển tiền, chuyển tiền nhanh, kiều hối, thu đổi ngoại tệ.
- ❒ Dịch vụ bưu chính ủy thác - chuyển hàng với khối lượng lớn theo yêu cầu từ người gửi đến thẳng người nhận.
- ❒ Dịch vụ Datapost - tự động nhận thông tin từ người gửi dưới dạng dữ liệu, in ấn và chuyển phát tới một loạt khách hàng một cách nhanh nhất, đảm bảo an toàn, bí mật thông tin.

CÁC CHI NHÁNH :

TRUNG TÂM BƯU CHÍNH KHU VỰC I :
75 Đinh Tiên Hoàng - Hà Nội.
Tel : 4-865638 - 4-8262852
TRUNG TÂM BƯU CHÍNH KHU VỰC II
270 Bis, Lý Thường Kiệt - TP HCM
Tel : 8-8651638 - 8-8651646
TRUNG TÂM BƯU CHÍNH KHU VỰC III
Quy Nhơn - Bình Định
Tel : 56-8.27128 - 8.27118
TRUNG TÂM CHUYỂN TIỀN :
75 Đinh Tiên Hoàng - Hà Nội.
Tel : 4-8269611 - 4-8256956
XN SỬA CHỮA Ô TÔ : Yên Viên - Hà Nội
Tel: 4-8271604





QUÝ KHÁCH ĐẾN VỚI CHÚNG TÔI SẼ ĐƯỢC PHỤC VỤ :

Vừa lòng - Phải chăng - Sớm nhất

Digitized by Google

CÔNG TY DU LỊCH TỈNH LÂM ĐỒNG

Dalattourist

PATA

Trụ sở chính	: 35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt	Tel : 063.822520	Fax : 84.63.822661
Chi nhánh tại TP. HCM	: 21 Nguyễn An Ninh - Q1	Tel : 8230227 - 8230485	Fax : 84.8.8222347
Chi nhánh tại Vũng Tàu	: 35 Nguyễn An Ninh	Tel : 64.833445	Fax : 84.64.833445



Nhà hàng khách sạn Xuân Hương



Phòng ngủ Nhà hàng khách sạn Xuân Hương

THƯỜNG XUYÊN TỔ CHỨC CÁC CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH :

- TRONG NƯỚC : Tham quan các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng ở Đà Lạt - Lâm Đồng và các Tỉnh trong cả nước.
- NƯỚC NGOÀI : Tổ chức tham quan thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa, khảo sát thị trường các nước Thái Lan, Singapore, Malaysia, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Hongkong.
- CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC BIỆT :
- Du lịch thể thao : chơi Golf, leo núi cắm trại tại Đà Lạt.
- Các chương trình du lịch xuyên Tây Nguyên : Tham quan thắng cảnh, thăm chiến trường xưa, nghiên cứu văn hóa các dân tộc thiểu số và thảm động thực vật, nghiên cứu chim ở Tây Nguyên và trong cả nước. Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học và giới thiệu các cơ hội kinh doanh.
- Với 22 khách sạn, Nhà hàng tại Đà Lạt bao gồm : Sofitel Dalat Palace, Novotel Dalat, Ngọc Lan, Anh Đào, Duy Tân .v.v... Sân Golf Đà Lạt, Khu du lịch Prenn, Datanla, thác Cam Ly và đoàn xe Du lịch đời mới, đội ngũ hướng dẫn viên giàu kinh nghiệm, tận tình, chu đáo.

TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH - HƯỚNG DẪN
Địa chỉ : 07 Đường 3/2 Thành phố Đà Lạt
Tel : 822125 - 821731 Fax : 84.63.828330

Dalattourist sẽ mang lại cho quý khách niềm vui và sự mát lành !

AG PPS

CÔNG TY DỊCH VỤ BẢO VỆ THỰC VẬT AN GIANG
THE ANGIANG PLANT PROTECTION SERVICE COMPANY

Kính Chúc Bà Con Nông Dân Được Mùa

Digitized by Google

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÀ TÂY

TRỤ SỞ : 39 BÀ TRIỆU - THỊ XÃ HÀ ĐÔNG - TỈNH HÀ TÂY
TEL : 034-824483 FAX : 84.34824817





Giám đốc : **LÊ VĂN SỞ**

- ❒ Có 14 NHNo & PTNT huyện, thị xã - 24 NHNo loại 4 và 70 ngân hàng lưu động nông thôn
- ❒ Được thành lập theo QĐ số 280 ngày 15/10/1996 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- ❒ Thành tích : Năm 1995 được tặng thưởng huân chương lao động hạng 3 của Chủ tịch nước. Năm 1996 là đơn vị lá cờ đầu toàn ngành Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

- ❒ Nhận tiền gửi các loại và phát hành kỳ phiếu có mục đích bằng tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ USD.
- ❒ Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn bằng tiền VNĐ và ngoại tệ USD với tất cả các thành phần kinh tế, lãi suất cho vay theo đúng khung nhà nước quy định.
- ❒ Cho vay các nguồn tài trợ IE, WB... để phát triển sản xuất kinh doanh tạo lập công ăn, việc làm đối với các thành phần kinh tế.
- ❒ Hùn vốn liên doanh liên kết bằng tiền VNĐ và ngoại tệ.
- ❒ Các dịch vụ kinh doanh vàng bạc, mua bán thu đổi ngoại tệ, dịch vụ cầm đồ, TD thuê mua.
- ❒ Chuyển vốn và tiền mặt nhanh chóng toàn quốc bằng hệ thống máy vi tính hiện đại.



Sự lớn mạnh không ngừng của chi nhánh NHNo & PTNT Hà Tây trong các hoạt động ngân hàng là niềm tin của các doanh nghiệp, của mỗi gia đình trong sản xuất kinh doanh.

Quý khách đến với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tây sẽ hài lòng vì :

"TIỀN GỬI BẢO ĐẢM CHU CHUYỂN VỐN NHANH, VAY VỐN THUẬN LỢI, CÁC DỊCH VỤ PHONG PHÚ, ĐA DẠNG PHÙ HỢP VỚI YÊU CẦU CỦA MỌI LOẠI HÌNH KINH TẾ VÀ CÁC TẦNG LỚP DÂN CƯ".

Digitized by Google

CÔNG TY DỊCH VỤ CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG SÂN BAY MIỀN NAM
SOUTHERN AIRPORTS SERVICES COMPANY

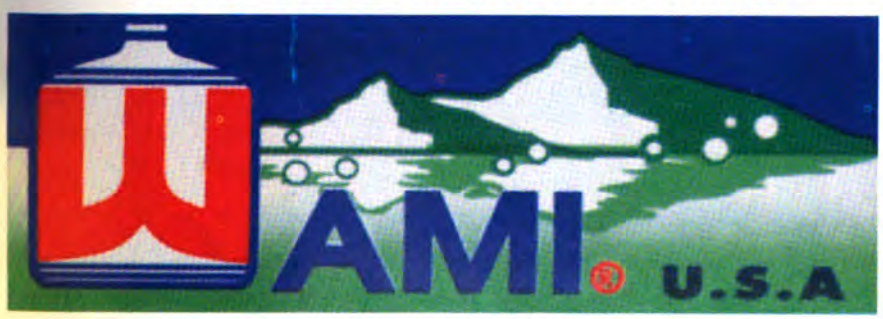
HEAD OFFICE : TAN SON NHAT AIRPORT HOCHIMINH CITY - TEL : 8448358 - FAX : SASCO 84 8 8447812







PURIFIED DRINKING WATER



MobiFone 777

MobiFone 777

NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT

Purified for Your Health

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG CHỨNG NHẬN TỐT CHO ĂN UỐNG

Digitized by Google

5730

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Bank for Investment and Development of Vietnam

BIDV

Với **40** năm hoạt động, là ngân hàng giữ vai trò chủ đạo trong lĩnh vực đầu tư phát triển thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước



* BIDV là một trong 4 ngân hàng thương mại Quốc doanh lớn nhất ở Việt Nam.
* BIDV có mạng lưới hoạt động rộng khắp cả nước, gồm 102 chi nhánh có đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm về thẩm định dự án và các dịch vụ ngân hàng.
* BIDV có quan hệ đại lý với 480 ngân hàng, có tài khoản tiền gửi và quan hệ thanh toán bảo lãnh, đồng tài trợ với 65 ngân hàng lớn trên Thế giới.
* VID PUBLIC Bank là ngân hàng liên doanh giữa BIDV với PUBLIC Bank Berhad Malaysia.

BIDV KINH DOANH ĐA NĂNG TỔNG HỢP

* Huy động vốn trong và ngoài nước dưới mọi hình thức.
* Cho vay dài hạn, trung hạn, ngắn hạn với mọi thành phần kinh tế ; hùn vốn, liên doanh, liên kết, hợp tác, đồng tài trợ, bảo lãnh và tái bảo lãnh vay vốn trong và ngoài nước.
* Kinh doanh ngoại tệ, thanh toán nhanh qua mạng vi tính trong nước và quốc tế (SWIFT).

HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA KHÁCH HÀNG LÀ MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA BIDV

Trụ sở : 194 Trần Quang Khải - Số 2 Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : 8.268.318 - 8.242.210 - 8.266.966 ; Fax : 8.266.959 ; Telex : 8.411.220 VIDB - VT

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000đ

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
SEP 30 1997
CURRENT SERIALS

17
9-1997

Digitized by Google

CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH XNK BÌNH MINH

BINH MINH IMPORT - EXPORT PRODUCTION & TRADE CO., LTD



Nhà máy được xây dựng trên một khuôn viên đẹp, ngay tại nguồn nước lấy từ độ sâu 450m, xử lý và đóng chai trên dây chuyền hiện đại, tự động hoàn toàn của ITALY.

Deluging from 450 meters deep with health improving mineral contens. Retreshing Vital brings you survival. On site bottled in Tien Hai - Thái Bình with ITALY - technology. Water quality is according to EEC quality requirements.



Kiểm tra chất lượng nước khoáng

- **Vital** có 2 loại không ga và có ga, Vital cung cấp cho các bạn một hàm lượng khoáng rất có lợi cho sức khỏe, tăng cường hoạt động của hệ tuần hoàn máu, tiêu hóa, bài tiết, phát triển trí tuệ, phù hợp với mọi lứa tuổi.

- **Vital** được Hội người tiêu dùng Việt Nam tặng bằng khen tại Hội chợ hàng tiêu dùng Việt Nam năm 1997.

- **Vital** được Cục Sở hữu công nghiệp Việt Nam bảo hộ độc quyền mẫu mã sản phẩm. Vital được sử dụng hệ thống mã số, mã vạch của tổ chức EAN Việt Nam và thế giới.

- **Vital** tiêu chuẩn châu Âu, được kiểm tra và giám sát chặt chẽ bởi trung tâm

FdTITALY
CHEMICAL ANALYSIS CARRIED OUT IN FdT MILANO ITALY

- **Vital** có :

• CALCIUM	3,80 MG/L
• MAGNESIUM	1,35 MG/L
• SODIUM	185 MG/L
• CHLORIDES	90 MG/L
• POTASSIUM	3,95 MG/L
• NITRATE	2 MG/L
• MANGANESE	0,02 MG/L
• PH	6,8



ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH :

• Thị xã Thái Bình : km^2, Đường Quang Trung

TEL : 036.831674

FAX : 036.834010

HÀ NỘI :

2A Láng Hạ - Ba Đình

TEL : 04.8311791

FAX : 04.8351475

Vital®

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 527

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ◆ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	HÀ ĐĂNG - Chiến lược cán bộ	3
	Bộ trưởng Trần Hồng Quân trả lời phóng viên Tạp chí Cộng sản : "Nghiêm túc lắng nghe để không ngừng hoàn thiện các chủ trương đổi mới trong giáo dục - đào tạo"	9
	TRẦN QUANG MINH - HÀ QUANG NGỌC - Mấy vấn đề về đào tạo cán bộ cho các cơ quan hành chính nhà nước	14
	PHAN XUÂN DŨNG - Phát triển nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	18
KỶ NIỆM LẦN THỨ 95 NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ LÊ HỒNG PHONG (1902 - 1997)	NGUYỄN TRỌNG THỤ - Lê Hồng Phong, người lãnh đạo chủ chốt của Đảng những năm 1932 - 1938	21
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NHỊ LÊ - Xu thế vận động tất yếu của chủ nghĩa xã hội hiện thực ngày nay	24
	NGUYỄN HÒA - Thời đại ngày nay và vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc	28
	VÕ ĐĂNG THIÊN - Xã hội hóa giáo dục và bài toán tăng nguồn lực cho giáo dục	33
	VŨ HIỀN - Thế nào là bóc lột ?	37
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN VĂN Ý - Đảng bộ Yên Bái lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội ở vùng cao	42
	NGUYỄN NGHĨA VỤ - Lào Cai xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở vùng cao	45
	NGUYỄN THƯỜNG LẠNG - Vấn đề thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam	47
	LÊ XUÂN ĐÌNH - Về chính sách tiền lương	53
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	MAI NINH - Nhưng...	57
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	PHƯƠNG NAM - Cuộc khủng hoảng tiền tệ ở một số nước ASEAN và sự cảnh báo đối với Việt Nam	58

Bìa 1 : *Trường Đại học Sư phạm Vinh* *Ảnh : TTXVN*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ХА ДАНГ - Стратегия о кадрах. ••• Министр Образования и Подготовки Чан Хонг Куан отвечает интервью корреспондента журнала "Коммунист". ЧАН КУАН ВИНЬ и ХА КУАН НГОГ - Некоторые проблемы в подготовке кадров для государственных административных органов. ФАН СУАН ЗУНГ - Развитие ресурсов рабочей силы во имя индустриализации и модернизации. НГУЕН ЧОНГ ТХУ : Ле Хонг Фонг - ключевой руководитель Партии в 1932 - 1938 ых годах. НЬИ ЛЕ - Неизбежная двигательная тенденция реального социализма в настоящее время. НГУЕН ХОА - Современная эпоха и проблема оригинальности национальной культуры. ВО ДАНГ ТХИЕН - Обобществление образования и задача о пополнении образование новыми силами. ВУ ХИЕН - Что означает эксплуатация ? НГУЕН ВАН Й - Партийный коммитет провинции Йен Бай руководствует социально - экономическим развитием в горных районах. НГУЕН НГИА ВУ - Провинция Лао Каи формирует контиигент кадров первичных организаций в горных районах. НГУЕН ТХЫОНГ ЛАНГ - Проблема привлечения прямой иностранной инвестиции во Вьетнаме. ФЫОНГ НАМ - Монетарный кризис в некоторых странах АСЕАНА и его предупредительное значение для Вьетнама.

CONTENTS

HÀ ĐĂNG - Strategy on cadres. ••• Minister of Education and Training Tran Hong Quan answers the interview of the reporter of "Communist" Magazine. TRẦN QUANG MINH, HÀ QUANG NGỌC - Some problems regarding the training of cadres for State administrative bodies. PHAN XUÂN DŨNG - Improving manpower resources for the cause of industrialization and modernization. NGUYỄN TRỌNG THỤ - Le Hong Phong - a key Party leader during 1932 - 1938. NHỊ LÊ - Inevitable moving tendeycy of the present real socialism. NGUYỄN HÒA - The era and the problem of national cultural identities. VÕ ĐĂNG THIÊN - Socialization of education and the task of filling up education with new forces. VŨ HIỂN - What does exploitation mean ? NGUYỄN VĂN Ý - Yen Bai province's Party Committee leads the socio-economic development in the highland areas. NGUYỄN NGHĨA VỤ - The formation of the contingent of grassroots cadres. NGUYỄN THƯỜNG LẠNG - The attraction of foreign direct investment in Vietnam. PHƯƠNG NAM - Monetary crisis in some ASEAN countries and the warning for Vietnam.

SOMMAIRE

HÀ ĐĂNG - La stratégie du travail à l'intention des cadres. ••• Interview du Ministre de l'Education et de la Formation accordée à la Revue "Communiste". TRẦN QUANG MINH, HÀ QUANG NGỌC - Quelques questions de la formation de cadres pour les institutions administratives d'Etat. PHAN XUÂN DŨNG - Développer la ressource humaine pour l' œuvre d'industrialisation et de modernisation. NGUYỄN TRỌNG THỤ - Le Hong Phong - un des grands dirigeants de notre Parti de 1932 à 1938. NHỊ LÊ - La tendance d'évolution inévitable du socialisme réaliste d'aujourd'hui. NGUYỄN HÒA - L'époque actuelle et l'identité culturelle nationale. VÕ ĐĂNG THIÊN - La socialisation de l'éducation et l'augmentation des ressources destinées à l'éducation. VŨ HIỂN - Qu'est-ce que l'exploitation ?. NGUYỄN VĂN Ý - La direction du Comité du Parti de Yên Bái pour le développement socio-économique de la haute région. NGUYỄN NGHĨA VỤ - L'édification du contingent de cadres à la province de Lào Cai. NGUYỄN THƯỜNG LẠNG - L'attraction de l'investissement direct étranger au Vietnam. PHƯƠNG NAM - La crise monétaire dans certains pays de l'ANSEA et l'alerte pour le Vietnam.

SUMARIO

HÀ ĐĂNG - La estrategia de cuadros. ••• Entrevista del corresponsal de la Revista del *Comunismo* con el ministro de Educación y Formación Trần Hồng Quân. TRẦN QUANG MINH, HÀ QUANG NGỌC - Algunos problemas sobre la formación de cuadros para los órganos administrativos estatales. PHAN XUÂN DŨNG - Desarrollar el recurso humano para la obra de industrialización y modernización NGUYỄN TRỌNG THỤ - Lê Hồng Phong, el principal dirigente del Partido en los años 1932 - 1938. NHỊ LÊ - La inexorable tendencia de movimiento del actual socialismo realista. NGUYỄN HÒA - La actual época y el problema de los matices de la cultura nacional. VÕ ĐĂNG THIÊN - La socialización de la educación y el problema de aumentar el recurso humano para la educación. VŨ HIỂN - ¿ Cómo es la explotación ? NGUYỄN VĂN Ý - La organización del Partido de la provincia de Yên Bái dirige el desarrollo socio-económico en la región alta. NGUYỄN NGHĨAVỤ - Lào Cai edifica su contingente de cuadros de base en la región alta. NGUYỄN THƯỜNG LẠNG -El problema de captación del capital extranjero de inversión directa en Vietnam. PHƯƠNG NAM - La crisis monetaria en algunos países de la ASEAN y la advertencia para Vietnam.

目录

•何登: 有关干部的战略•教育和培训部部长陈红军答《共产杂志》记者问•陈光明和何光玉: 关于培训国家行政机关干部的问题•潘春勇: 为工业化、现代化事业而发展人力资源•阮仲援: 黎鸿峰是我党1932年一1938年的主要领导人•二黎: 当今现实社会主义的必然运动趋势•阮和: 当今时代与民族文化本色的问题•武登迁: 社会化教育与为教育增强源力的算题•武贤: 什么是剥削?•阮文意: 安沛省党部指导发展高山区经济社会•阮义务: 老街省建立高山区基层干部队伍•阮常谅: 关于吸引外国对越南直接投资的问题•方南: 东盟一些国家的货币危机与对越南的警钟

Digitized by Google

CHIẾN LƯỢC CÁN BỘ

HÀ ĐĂNG *

HAI bản Nghị quyết của Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đang được triển khai nghiên cứu và tổ chức thực hiện trong toàn Đảng, toàn dân. Nghiên cứu Nghị quyết "Về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", có nhiều câu hỏi đặt ra : Đây thật sự là một chiến lược cán bộ hay chỉ là một định hướng chiến lược của công tác cán bộ, hay nói một cách khác, là Nghị quyết về công tác cán bộ có tầm chiến lược ? Những câu hỏi này có liên quan đến sự nhận biết về chiến lược, và cả về bản thân bản nghị quyết.

Vậy thế nào là chiến lược ? Và chiến lược cán bộ là gì ? Đâu là những thành tố cơ bản hay nội dung cơ bản của chiến lược ?

Chiến lược - hay chiến lược cách mạng, - theo cách hiểu thông thường, là phương châm và kế hoạch có tính chất toàn cục, xác định mục tiêu chủ yếu và sự sắp xếp lực lượng trong suốt cả một thời kỳ của cuộc đấu tranh cách mạng. Chiến lược cách mạng dân tộc - dân chủ nhân dân hay chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa đều được hiểu theo nghĩa chung đó.

Trong chiến lược cách mạng nói chung, có những chiến lược cho từng lĩnh vực cụ thể như chiến lược kinh tế, chiến lược quân sự, chiến lược ngoại giao, ... Chiến lược cán bộ là chiến lược cụ thể của một lĩnh vực cụ thể. Cũng giống như mọi chiến lược trên những lĩnh vực khác, chiến lược cán bộ được thể hiện thành phương hướng cơ bản và một kế hoạch toàn cục nhằm chuẩn bị cán bộ cho suốt cả một thời kỳ cách mạng. Ở Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 lần này, chúng ta tìm thấy một chiến lược cán bộ được vạch ra cho suốt thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, một thời kỳ kéo dài vài, ba thập niên, cho đến năm 2020. Nội dung chiến lược đó bao gồm :

- *Một là* , sự đánh giá có tính khái quát cao về thực trạng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ, những thành tựu, khuyết điểm và nguyên nhân cùng những bài học kinh nghiệm rút ra từ công tác cán bộ của Đảng. Không có sự đánh giá đúng đắn đó thì không thể đưa ra được một tầm nhìn chiến lược về cán bộ cho thời kỳ mới.

- *Hai là,* hệ thống, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng đội ngũ cán bộ. Hệ thống quan điểm này được hình thành trên cơ sở tổng kết thực tiễn công tác cán bộ nhiều thập kỷ qua và việc dự báo chiều hướng phát triển của tình hình trong nhiều thập kỷ tới.

- *Ba là,* phương hướng cơ bản, mục tiêu chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ đến năm 2020 và tiêu chuẩn cán bộ cho thời kỳ mới.

- *Bốn là,* hệ thống giải pháp và chính sách lớn nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược đã đề ra.

Như vậy, những yếu tố cơ bản của một chiến lược đã hội đủ. Đây thật sự là một chiến lược cán bộ ; không thể nói chỉ là định hướng chiến lược, càng không thể nói chỉ là nghị quyết thông thường về công tác cán bộ.

---

* Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

Then chốt của then chốt

Trước nay, Đảng ta vẫn hiểu rõ và đánh giá đúng vai trò của đội ngũ cán bộ và vị trí của công tác cán bộ trong sự nghiệp cách mạng. Chúng ta đã nói, đang nói và sẽ còn nói : Cán bộ quyết định tất cả. Chúng ta nói điều đó với sự hiểu biết rằng điều có ý nghĩa sống còn của một đảng chính trị là đường lối chính trị và đường lối tổ chức của đảng. Đường lối đúng là cái quyết định nhất. Nhưng sau khi đã có đường lối đúng, thì cán bộ lại là cái quyết định. Bác Hồ nói : "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc", "công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém". Tại Hội nghị Trung ương 3 mới đây, đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười nói : "Đảng ta đã nhiều lần khẳng định : phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt. Trong xây dựng Đảng thì công tác cán bộ là quan trọng nhất, là *khâu then chốt của vấn đề then chốt*".

Đánh giá *đội ngũ cán bộ*, Đảng ta nêu lên cả mặt mạnh và mặt yếu kém. Mặt mạnh là cơ bản, nhưng mặt yếu kém cũng rất đáng lo ngại.

Mặt mạnh là : Cán bộ được rèn luyện, thử thách trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, nhất là cấp chiến lược, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu và con đường đã lựa chọn ; năng động sáng tạo, hăng hái thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước. Trình độ, kiến thức và năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội ngày càng được nâng cao. Số đông cán bộ giữ được đạo đức, phẩm chất cách mạng, lối sống lành mạnh, giản dị, gắn bó với nhân dân.

Mặt yếu kém là : Một số cán bộ dao động, giảm sút niềm tin, nhận thức mơ hồ về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội, hoài nghi đường lối của Đảng, có người bất mãn cá nhân đi đến phản bội Đảng và lợi ích nhân dân. Một bộ phận thoái hóa biến chất về đạo đức, lối sống, lợi dụng chức quyền để tham nhũng ; quan liêu ức hiếp dân, gia trưởng độc đoán ; có tham vọng cá nhân, kém ý thức tổ chức kỷ luật, gây mất đoàn kết nội bộ. Nhiều cán bộ lãnh đạo không nghiêm túc tự phê bình và tiếp thu phê bình, tính chiến đấu kém. Đội ngũ cán bộ tuy đông nhưng không đồng bộ, vẫn còn tình trạng "vừa thừa, vừa thiếu".

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ hiện nay, xét về chất lượng, số lượng và cơ cấu có nhiều mặt chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đánh giá *công tác cán bộ*, Đảng ta cũng nêu lên những ưu điểm và khuyết điểm.

Ưu điểm là đã bước đầu huy động được các cấp, các ngành cùng các cơ quan có chức năng làm tham mưu trực tiếp xây dựng đội ngũ cán bộ. Việc đánh giá, sử dụng cán bộ dân chủ, tập thể hơn trước. Đã từng bước tiêu chuẩn hóa cán bộ, kết hợp các độ tuổi, các loại, các thế hệ cán bộ. Đã đào tạo và bồi dưỡng hàng vạn cán bộ cả về lý luận chính trị, quân sự, về quan điểm đường lối của Đảng, về quản lý hành chính, quản lý kinh tế, khoa học, luật pháp, văn hóa, nghệ thuật. Đã có những đổi mới bước đầu về cơ chế, chính sách...

Khuyết điểm thể hiện tập trung ở việc đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ nhiều khi còn chủ quan, chưa thật công tâm, chưa hợp lý, thiếu dân chủ hoặc dân chủ hình thức. Những chính sách đối với cán bộ, nhất là chính sách tiền lương, nhà ở, phương tiện đi lại, điều kiện làm việc còn nhiều bất hợp lý, thiếu công bằng, thực hiện không thống nhất và đồng bộ, chưa tạo được động lực và phát huy tài năng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa gắn với yêu cầu, tiêu chuẩn và quy hoạch sử dụng cán bộ. Nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, quản lý công tác cán bộ và nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được cụ thể hóa.

Điều đáng nói là bước vào thời kỳ mới, các cấp ủy Đảng chưa dự báo được những tình huống mới, chưa hiểu đầy đủ nội dung, yêu cầu mới đối với cán bộ. Ban chấp hành Trung ương Đảng chưa có nghị quyết chuyên đề về công tác cán bộ, chưa xây dựng được chiến lược cán bộ.

Digitized by Google

Rõ ràng thực trạng đội ngũ cán bộ, với những mặt mạnh và mặt yếu kém của nó, đã là tấm gương phản chiếu khá sắc nét những ưu điểm và khuyết điểm trong công tác cán bộ của Đảng.

Chiến lược trong chiến lược

Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đã nêu lên mục tiêu chiến lược của Đảng và nhân dân ta là từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Nghị quyết cũng đã nêu lên những định hướng có tính chiến lược cho việc phát triển các lĩnh vực chủ yếu trong thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong một chừng mực nhất định và với ý nghĩa chung nhất, Nghị quyết Đại hội VIII có thể được coi là *chiến lược tổng thể của Đảng ta đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Chúng ta còn cần có nhiều chiến lược cụ thể nữa. Yêu cầu của Đại hội VIII là "sớm xây dựng chiến lược cán bộ của thời kỳ mới". Và như vậy, nếu đặt trong chiến lược tổng thể nói trên thì chiến lược cán bộ do Hội nghị Trung ương 3 đưa ra phải được coi là *chiến lược trong chiến lược*.

Chiến lược cán bộ thời kỳ mới được xây dựng trên cơ sở một *hệ thống quan điểm chỉ đạo* có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Thứ nhất : Phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội mà xây dựng đội ngũ cán bộ và đổi mới công tác cán bộ. Mặt khác, qua thực tiễn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước mà rèn luyện, tuyển chọn và đào tạo cán bộ, nâng cao phẩm chất, kiến thức, năng lực của đội ngũ cán bộ

Thứ hai : Quán triệt quan điểm giai cấp công nhân của Đảng, phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc. Thường xuyên giáo dục bồi dưỡng lập trường, quan điểm, ý thức tổ chức của giai cấp công nhân cho đội ngũ cán bộ ; tăng cường số cán bộ xuất thân từ công nhân ; đồng thời đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng nhân tài, không phân biệt đảng viên hay người ngoài Đảng, dân tộc, tôn giáo, người ở trong nước hay người Việt Nam ở nước ngoài....

Thứ ba : Gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng tổ chức và đổi mới cơ chế chính sách. Có nhiệm vụ chính trị mới lập tổ chức, có tổ chức mới bố trí cán bộ, không vì cán bộ mà lập ra tổ chức. Mỗi cán bộ trong tổ chức phải có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm rõ ràng.

Thứ tư : Thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng của nhân dân, nâng cao trình độ dân trí để tuyển chọn, giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng cán bộ. Mọi phẩm giá và bằng cấp, danh hiệu và chức vụ, tài năng và cống hiến đều phải được kiểm nghiệm qua hoạt động thực tiễn. Phong trào cách mạng là trường học lớn của cán bộ. Phải dựa vào dân để phát hiện, kiểm tra và giám sát cán bộ.

Thứ năm : Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị. Đảng phải trực tiếp chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cho cả hệ thống chính trị, trên mọi lĩnh vực.

Chiến lược cán bộ thời kỳ mới đề ra *mục tiêu cơ bản và lâu dài* là :

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp từ trung ương đến cơ sở, đặc biệt là cán bộ đứng đầu, có phẩm chất và năng lực, có bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở lập trường giai cấp công nhân, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục và vững vàng giữa các thế hệ cán bộ nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ vững độc lập, tự chủ, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bảo đảm có đủ nguồn cán bộ để mỗi nhiệm kỳ có thể đổi mới khoảng 30% - 40% số cán bộ lãnh đạo đảng, nhà nước, đoàn thể các cấp, cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang. Phấn đấu

Digitized by Google

đến năm 2020 số người có trình độ đại học, cao đẳng trở lên khoảng 4% dân số cả nước.

Trước mắt, chuẩn bị tốt nhân sự hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, đại hội đảng các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Hệ thống tiêu chuẩn cán bộ trong thời kỳ mới là điều mà chiến lược cán bộ đặc biệt quan tâm. Đảng ta chủ trương đào tạo cán bộ không phải một cách bất kỳ, tùy tiện mà theo những tiêu chuẩn rõ ràng, nghiêm ngặt. Có tiêu chuẩn chung cho mọi loại cán bộ và có tiêu chuẩn riêng cho từng loại cán bộ. Đội ngũ cán bộ được khái quát thành bốn nhóm chủ yếu : cán bộ lãnh đạo đảng, nhà nước, đoàn thể nhân dân ; cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang ; cán bộ khoa học, chuyên gia ; cán bộ quản lý kinh doanh.

Tiêu chuẩn chung cho mọi loại cán bộ là :

- Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

- Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước ; có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực và sức khỏe để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Nói gọn lại, đó là những tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực, về đức và tài của cán bộ. Quan điểm của Đảng ta là *coi trọng cả đức và tài, đức là gốc.*

Giải pháp của giải pháp

Để bảo đảm thực hiện được mục tiêu chiến lược về cán bộ và tiêu chuẩn cán bộ trong thời kỳ mới, Nghị quyết Trung ương 3 đề ra những giải pháp lớn, rất cơ bản, bao gồm từ việc xây dựng quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xây dựng các quy chế công tác cán bộ đến việc đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính sách cán bộ, đổi mới và chỉnh đốn tổ chức bộ máy làm công tác cán bộ. Công bằng mà nói, nếu như chiến lược cán bộ chỉ dừng lại ở việc đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, xác định quan điểm chỉ đạo, mục tiêu chiến lược và những tiêu chuẩn cán bộ của thời kỳ mới, thì đó cũng chỉ mới là một định hướng chiến lược mà chưa thành một chiến lược thật sự.Ở đây sở dĩ định hướng chiến lược đã phát triển thành chiến lược chính là nhờ việc đưa ra được một hệ thống giải pháp có căn cứ khoa học. Hệ thống giải pháp này được xây dựng không phải bằng tư duy chủ quan của những người làm công tác tổ chức mà là bằng sự tổng kết thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm từ cái làm được và cái chưa làm được trong công tác tổ chức của Đảng nhiều thập kỷ qua.

Xây dựng quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được coi là giải pháp lớn đầu tiên.

Phải chăng lâu nay chúng ta đã từng nhiều lần nói đến xây dựng quy hoạch cán bộ và cũng đã không ít lần nhận rằng chúng ta chưa làm được bao nhiêu, hoặc cũng chưa mấy thành công trong công tác quy hoạch cán bộ. Không ít ý kiến cho rằng quy hoạch cán bộ là việc làm chủ quan, không thực tế, và làm không tốt thì chỉ gây thêm sự lục đục và tính cơ hội trong số cán bộ "được quy hoạch". Điều đó là có thật. Song cũng có một sự thật hiển nhiên là nếu để đội ngũ cán bộ tự phát hình thành thì chúng ta sẽ không bao giờ có được đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Làm công tác cán bộ, không thể theo kiểu "nước chảy bèo trôi", "gặp chăng hay chớ" ! Và cũng đừng nghĩ rằng, quy hoạch cán bộ chỉ là quy hoạch dành riêng cho những người có chức, có quyền, những chức danh lãnh đạo cao. Nghị quyết Trung ương 3 nêu rõ : "Quy hoạch cán bộ là một nội dung trọng yếu của công tác cán bộ, bảo đảm cho công tác cán bộ đi vào nền nếp, chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu

Digitized by Google

dài". Nghị quyết cũng khẳng định : "Phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ tổ chức, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ công chức hiện có ; dự kiến nhu cầu và khả năng phát triển của đội ngũ cán bộ, công chức để chủ động có phương hướng đào tạo bồi dưỡng. Đặc biệt chú trọng *tạo được nguồn cán bộ dồi dào, đủ tiêu chuẩn* để kịp thời đáp ứng yêu cầu, tập trung vào cán bộ lãnh đạo đảng, nhà nước, đoàn thể nhân dân các cấp, cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang, cán bộ khoa học và chuyên gia, cán bộ quản lý kinh doanh".

Phải xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho từng loại cán bộ. Phấn đấu chậm nhất từ năm 2005 trở đi, nói chung, những cán bộ chủ chốt dưới 45 tuổi từ cấp huyện trở lên phải có trình độ đại học về chuyên môn, cao cấp về lý luận chính trị. Lấy tiêu chuẩn cán bộ làm căn cứ xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng thống nhất trong hệ thống các trường. Kết hợp việc đào tạo chính quy với các hình thức đào tạo khác cho từng loại cán bộ. Kết hợp việc đào tạo tại các trường lớp với việc rèn luyện qua thực tiễn công tác, trong lao động sản xuất và trong phong trào quần chúng. Kiện toàn hệ thống đào tạo và bồi dưỡng cán bộ.

Giải pháp tiếp theo là xây dựng các quy chế công tác cán bộ.

Nghị quyết Trung ương 3 nêu lên mười loại quy chế về các công việc khác nhau : về đánh giá cán bộ, về tuyển chọn cán bộ, về bầu cử, về bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ, về luân chuyển cán bộ, về chế độ học tập, về việc nhân dân tham gia xây dựng và giám sát cán bộ, về chế độ kiểm tra, về bảo vệ chính trị nội bộ, về phân công, phân cấp quản lý cán bộ.

Các quy chế đó bảo đảm cho công tác cán bộ được tiến hành theo đúng quy tắc, quy trình. Thí dụ :

- Việc đánh giá cán bộ phải làm hằng năm, trước khi kết thúc nhiệm kỳ, hoặc chuyển công tác, căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ, hiệu quả công việc thực tế, có tính đến môi trường, điều kiện công tác, mức độ tín nhiệm của nhân dân.

- Việc tuyển chọn cán bộ, công chức phải được tiến hành theo chế độ dân chủ, công khai, bảo đảm tuyển chọn đúng những người có đủ tiêu chuẩn theo từng chức danh.

- Việc bầu cử phải thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Đảng, đoàn thể. Người được bầu vào các chức vụ cấp trưởng phải đề xuất được đề án, chương trình công tác trong nhiệm kỳ, cam kết hoàn thành nhiệm vụ, giữ gìn phẩm chất, đạo đức. Cán bộ đứng đầu từ cấp huyện, quận trở lên không giữ một chức vụ quá hai nhiệm kỳ ở cùng một đơn vị, địa phương.

- Thực hiện chế độ bổ nhiệm có thời hạn. Trong thời hạn đảm nhiệm chức vụ, người nào vì việc công, lý do sức khỏe, hoàn cảnh cá nhân được từ chức, miễn chức ; người không hoàn thành nhiệm vụ, có sai phạm, uy tín giảm sút thì tùy theo mức độ mà bị miễn chức, hoặc cách chức kịp thời.

- Thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý giữa các vùng, các ngành, các cấp nhằm sử dụng có hiệu quả và tạo nên sự đồng đều trong đội ngũ cán bộ ; bồi dưỡng toàn diện cán bộ, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ có triển vọng, cán bộ trong quy hoạch được rèn luyện trong thực tiễn ; khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng ngành, từng địa phương, từng tổ chức.

- Thực hiện chế độ học tập bắt buộc nhằm nâng cao trình độ mọi mặt, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn đội ngũ cán bộ.

- Có cơ chế để nhân dân phát hiện, tiến cử những người có đức, có tài cho các cơ quan lãnh đạo đảng, nhà nước và đoàn thể ; lựa chọn, bầu cử những người lãnh đạo trực tiếp của mình...

- v.v...

Giải pháp thứ ba là đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính sách cán bộ, bao gồm chính sách đào tạo, bồi dưỡng ; chính sách sử dụng và quản lý, chính sách bảo đảm vật chất và động viên tinh thần.

Digitized by Google

Một số điểm đáng chú ý là : Đầu tư thích đáng cho việc đào tạo, bồi dưỡng những người ưu tú trở thành cán bộ chủ chốt. Bồi dưỡng tài năng ngay từ các trường phổ thông, đại học và trung học chuyên nghiệp. Bố trí và sử dụng cán bộ phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn, phù hợp với sở trường. Đề bạt cán bộ phải đúng lúc, đúng người, đúng việc. Có chế độ quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ, theo đó, các cấp ủy, thủ trưởng cơ quan phải nắm chắc từng cán bộ cả về đức, tài và tình trạng sức khỏe, có kế hoạch sử dụng, đề bạt, giúp đỡ khen thưởng đúng mức những cán bộ có thành tích, xử lý kịp thời và nghiêm minh những cán bộ vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tinh giản biên chế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động, chống tham nhũng, lãng phí, mở rộng bảo hiểm xã hội, tăng tỷ lệ động viên thu nhập quốc dân vào ngân sách nhà nước ; đổi mới cơ bản chính sách bảo đảm lợi ích vật chất cho từng loại cán bộ, trước hết là chế độ tiền lương, nhà ở và phương tiện đi lại. Tiếp tục có các hình thức thích hợp để tôn vinh những người có công với nước, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, những người có tài, có đóng góp lớn cho sự nghiệp đổi mới. Chú trọng giáo dục lý tưởng cách mạng cho cán bộ, coi đó là động lực lớn nhất để thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của từng cán bộ.

Giải pháp thứ tư là đổi mới chỉnh đốn tổ chức bộ máy làm công tác cán bộ.

Việc xây dựng đội ngũ cán bộ phải tiến hành đồng thời với việc đổi mới và củng cố tổ chức đảng, bộ máy nhà nước, các đoàn thể nhân dân, các đơn vị sản xuất kinh doanh, sự nghiệp, công tác ; đổi mới cơ chế, chính sách, phương thức, lề lối làm việc ; trong đó chú trọng đổi mới các tổ chức, bộ máy làm công tác cán bộ.

Có thể đối với những giải pháp lớn nêu trên trong chiến lược cán bộ, lòng mong muốn và sự đòi hỏi của chúng ta còn lớn hơn. Song cái đã đạt được thực sự có ý nghĩa. Nếu ta coi chiến lược cán bộ như là một giải pháp của nhiều chiến lược chính trị, kinh tế, xã hội khác thì các giải pháp nêu trong chiến lược này chính là giải pháp của giải pháp. Chúng ta cần nắm lấy những giải pháp này để giải quyết bài toán cán bộ. Và chắc chắn trong quá trình thực hiện, những giải pháp đó sẽ ngày càng được bổ sung, nâng cao.

*

Sẽ là một thiếu sót lớn nếu nói đến "Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" mà lại không nói đến phần cuối cùng của Nghị quyết Trung ương 3 : Nhiệm vụ công tác cán bộ từ nay đến Đại hội IX.

Nhiệm vụ chung là tiếp tục đổi mới cán bộ và công tác cán bộ, rà soát, sắp xếp, sử dụng tốt đội ngũ cán bộ hiện có ; khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, sớm hình thành đội ngũ cán bộ kế cận có phẩm chất và năng lực, chuẩn bị tốt nhân sự hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Những nhiệm vụ cụ thể là : 1) Rà soát, sắp xếp, bổ sung, sử dụng tốt đội ngũ cán bộ, tích cực chuẩn bị nhân sự đại hội đảng các cấp và kiện toàn cơ quan nhà nước. 2) Xây dựng và ban hành một số quy chế về công tác cán bộ. 3) Đổi mới chính sách tiền lương, nhà ở. 4) Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình. 5) Đẩy mạnh đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng. 6) Xúc tiến việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch cán bộ.

"Có chiến lược cán bộ đúng đắn, xây dựng được đội ngũ cán bộ có đủ đức, tài là điều kiện quyết định để chuẩn bị cho Đảng và dân tộc ta đi vào thế kỷ XXI, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giành những thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa".

Đó là lời khẳng định của Hội nghị Trung ương 3.

Đó cũng là niềm tin vững chắc của chúng ta.❑

Digitized by Google

BỘ TRƯỞNG TRẦN HỒNG QUÂN TRẢ LỜI PHÓNG VIÊN TẠP CHÍ CỘNG SẢN :

"NGHIÊM TÚC LẮNG NGHE ĐỂ KHÔNG NGỪNG HOÀN THIỆN CÁC CHỦ TRƯƠNG ĐỔI MỚI TRONG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO"

Lời BBT : *Nhân dịp sắp bước vào năm học mới 1997 - 1998, phóng viên của* ***Tạp chí Cộng sản*** *đã có cuộc phỏng vấn* ***đồng chí Trần Hồng Quân,*** *Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo. Sau đây là nội dung cuộc phỏng vấn.*

Phóng viên (PV) : Thưa Bộ trưởng, ngành giáo dục - đào tạo vừa kết thúc năm học 1996 - 1997, năm học đầu tiên thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 về giáo dục - đào tạo. Vậy xin Bộ trưởng đánh giá khái quát về những kết quả đã đạt được trong năm học vừa qua và nêu những nhiệm vụ lớn trong năm học mới.

Bộ trưởng Trần Hồng Quân (BT THQ) : Sự kiện quan trọng nhất trong năm học 1996 - 1997 vừa qua là Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành Trung ương Đảng bàn về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. Nghị quyết của Hội nghị đã tạo ra một cơ hội phát triển mới, tạo ra những động lực mới thúc đẩy sự nghiệp giáo dục - đào tạo của đất nước.

Tuy nhiên, năm học vừa qua, cũng nảy sinh một số khó khăn có tác động không nhỏ đến giáo dục. Đó là tình trạng thiên tai, lũ lụt xảy ra liên tiếp trên khắp mọi miền của đất nước, gây nên những thiệt hại nghiêm trọng về người và của, trong đó ngành giáo dục cũng phải hứng chịu những hậu quả nặng nề. Hàng nghìn phòng học bị phá hủy, hàng triệu học sinh ở những vùng thiên tai phải nghỉ học dài ngày... Sự kiện chia tách một số tỉnh, thành kéo theo những xáo trộn về bộ máy hành chính cũng đã tác động đến ngành giáo dục. Hiện tượng ma túy xâm nhập học đường trở thành nỗi lo chung của toàn xã hội. Bên cạnh đó là những khó khăn kéo dài của ngành giáo dục từ nhiều năm nay chưa được khắc phục...

Trong bối cảnh đó, cần phải khẳng định những cố gắng, nỗ lực của toàn thể đội ngũ giáo viên, học sinh, sinh viên cán bộ quản lý trong toàn ngành giáo dục dưới sự lãnh đạo của đảng ủy các cấp, sự tham gia, góp sức của toàn dân để tạo nên những kết quả đáng ghi nhận trong năm học vừa qua.

Sau Hội nghị Trung ương 2, theo sự chỉ đạo của Chính phủ, ngành giáo dục đã khẩn trương triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội nghị. Trước hết là tổ chức nghiên cứu quán triệt Nghị quyết trong toàn ngành, từ cấp cán bộ chủ chốt đến các trường đại học, cao đẳng, các sở, phòng giáo dục địa phương, đến từng giáo viên. Tất cả các cấp quản lý của ngành đều phải tiến hành kiểm điểm nghiêm túc những ưu, khuyết điểm trong quá trình hoạt động của mình, đồng thời xây dựng chương trình hành động cụ thể thực hiện những nội dung của Nghị quyết Trung ương 2 theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình. Riêng Ban cán sự và lãnh đạo Bộ cũng đã tổ chức kiểm điểm sâu sắc quá trình thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý ngành ; đồng thời xây dựng một chương trình hành động gồm 28 điểm trình Chính phủ. Đến nay, hầu hết các sở giáo dục - đào tạo đã trình lên Bộ báo cáo về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2.

Digitized by Google

Mới đây, tại hội nghị "Đánh giá 6 tháng thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 và năm học 1996 - 1997, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học 1997 - 1998", việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 trong ngành giáo dục - đào tạo được đánh giá là khẩn trương, nghiêm túc, theo đúng tinh thần chỉ thị số 12/CT-TƯ của Bộ Chính trị và chỉ đạo của Chính phủ. Chính phủ thời gian qua cũng đã làm việc thường xuyên, khẩn trương với ngành để triển khai Nghị quyết Trung ương 2. Tuy nhiên, việc xây dựng các đề án, các văn bản trình Chính phủ để thể chế hóa các nội dung Nghị quyết Trung ương 2 theo tôi cần phải khẩn trương hơn. Vấn đề này liên quan đến một loạt các ngành hữu quan khác. Dễ nhận thấy một thực tế là, sự chuyển biến thể hiện bằng hành động sau Hội nghị Trung ương 2 ở bên dưới (cấp cơ sở và địa phương), rõ hơn bên trên (cấp trung ương), ở trong ngành giáo dục chuyển nhanh hơn các ngành khác.

Việc thực hiện những nhiệm vụ của năm học 1996 - 1997 có thể nêu khái quát mấy điểm : Quy mô các ngành học, bậc học đều tăng, đặc biệt là trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên. Chất lượng, hiệu quả giáo dục có chuyển biến rõ rệt, nhất là ở giáo dục mầm non và tiểu học. Những biểu hiện tiêu cực, thiếu kỷ cương trong trường học đang được khắc phục ; nền nếp dạy và học có nhiều chuyển biến ; công tác thi cử được đổi mới, bảo đảm nghiêm túc, được xã hội thừa nhận ; nhiều tỉnh đã bước đầu ngăn chặn được nạn dạy thêm tràn lan và khắc phục những khoản thu không đúng quy định trong nhà trường ; công tác phòng chống AIDS và ma túy học đường được đẩy mạnh. Tình trạng thiếu giáo viên được tích cực giải quyết bằng nhiều biện pháp. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, trường lớp, xã hội hóa giáo dục công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể trong nhà trường được tiếp tục đẩy mạnh.

Tuy nhiên, những chuyển biến trên mới chỉ là bước đầu, những yếu kém của giáo dục - đào tạo như Nghị quyết Trung ương 2 nêu ra cần phải được khắc phục trong năm học mới.

Năm học mới, chúng ta có một thuận lợi hết sức cơ bản là những chuyển biến tích cực mà Nghị quyết Trung ương 2 đã tạo ra. Sự quan tâm và trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với giáo dục được nâng cao rõ rệt. Hy vọng ngân sách Nhà nước dành cho giáo dục được tăng đáng kể so với năm học trước. Đời sống giáo viên cũng sẽ được cải thiện nhờ chế độ lương mới sắp được Chính phủ quyết định theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2.

Tuy nhiên, những khó khăn, thách thức cũng không nhỏ. Tình trạng tiêu cực, mất trật tự, kỷ cương trong trường học tuy đã được khắc phục bước đầu nhưng còn có thể diễn biến phức tạp với nhiều biến tướng tinh vi đòi hỏi các cấp quản lý giáo dục và chính quyền địa phương phát huy hơn nữa tinh thần trách nhiệm để kiên quyết ngăn chặn. Ngân sách đành cho giáo dục dù có tăng nhưng vẫn chắc chắn không vượt lên được sự gia tăng về quy mô, số lượng người học. Bên cạnh đó, cùng với chủ trương tăng lương cho giáo viên và miễn học phí cho sinh viên ngành sư phạm, nếu ngân sách không có phần bù tương ứng thì sẽ thu hẹp các khoản chi cho hoạt động giảng dạy, học tập và cải thiện điều kiện vật chất - kỹ thuật của giáo dục...

Từ sự phân tích trên, chúng tôi xác định nhiệm vụ cơ bản của năm học 1997 - 1998 là : tiếp tục quán triệt và triển khai khẩn trương hơn nữa việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 về giáo dục - đào tạo, phát huy những tiến bộ đã đạt được củng cố và tăng cường công tác quản lý, lập lại trật tự, kỷ cương, đẩy lùi tiêu cực ; sắp xếp và củng cố hệ thống trường lớp, phát triển quy mô, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, tạo tiền đề phát triển cho các năm tiếp theo và phát triển mạnh vào đầu thế kỷ XXI.

PV. Thưa Bộ trưởng, thời gian qua, dư luận xã hội đặc biệt chú ý đến hai đổi mới quan trọng của ngành giáo dục, đó là chủ trương "phân ban bậc trung học phổ thông" và "đào tạo đại học hai giai đoạn". Vậy xin Bộ trưởng cho biết những cơ sở khoa học và thực tiễn cùng những nội dung cơ bản của hai chủ trương này.

BT THQ : Trước hết, xin nói về trung học chuyên ban. Trong thời đại bùng nổ thông tin, khối lượng kiến thức trong xã hội tăng lên từng ngày, từng giờ. Trong khi đó quỹ thời gian học tập của một học sinh lại không thể tăng lên. Vậy chương trình giáo dục phải có sự thay đổi, phải kết hợp giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội theo hướng phân hóa về kiến thức ở các lớp cuối bậc trung

Digitized by Google

học. Một phần những kiến thức phổ thông, học sinh sẽ tự thu nhận qua các kênh thông tin ngoài xã hội và trong quá trình tự hoàn thiện sau này trong cuộc đời. Còn nhà trường chỉ dạy phần kiến thức quan trọng nhất, cơ bản nhất và cần thiết nhất. Bậc trung học cũng là bậc học cuối cùng của chương trình phổ thông, nhà trường phải tích cực chuẩn bị cho các em vào đời. Với quy mô và thực tế như hiện nay, các trường đại học, cao đẳng trong toàn quốc hằng năm chỉ thu nhận được khoảng 1/5 số học sinh tốt nghiệp trung học. Vậy 4/5 còn lại phải được hướng nghiệp như thế nào ? Từ đó xuất hiện nhu cầu hướng nghiệp cho học sinh trung học, tạo nên sự phân luồng, liên thông, giữa giáo dục phổ thông với giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề. Chủ trương phân ban phổ thông trung học bắt nguồn từ đó. Đây là một chủ trương đã được nghiên cứu, cân nhắc cẩn thận, có tham khảo kinh nghiệm rộng rãi của nhiều quốc gia trên thế giới, đồng thời có sự điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế của nước ta trên cơ sở thực nghiệm ở diện hẹp rồi mở rộng dần một cách thận trọng và thích hợp trong những năm qua. Trung học chuyên ban là một mô hình đã được áp dụng hầu khắp các quốc gia trên thế giới, nhưng chương trình ở mỗi nước có sự khác nhau rất lớn theo các tiêu chí : rộng - hẹp, sớm - muộn, cứng - mềm. Qua quá trình thảo luận cân nhắc, cuối cùng chúng ta chọn phương án : phân ban *sớm* (từ lớp 10), phân ban *rộng* (chỉ có 3 ban : A (tự nhiên), B (kỹ thuật), C (xã hội)) và phân ban *mềm* (không có ranh giới cứng nhắc giữa các ban và có sự vận dụng linh hoạt tùy theo đặc điểm của từng vùng miền, từng trường) nhằm bảo đảm ba yêu cầu : *tính phổ thông, tính phân hóa và tính hướng nghiệp*. Cơ cấu chương trình phân ban gồm ba phần : 1) Các môn chung mà cả ba ban đều học giống nhau (chương trình, thời lượng) ; 2) Các môn *chính ban* ; 3) Các môn *chéo ban* (*chính* của ban này là *chéo* của ban kia). Điểm khác nhau duy nhất giữa các ban chỉ là phần trội của các môn chính ban). Chương trình phân ban của chúng ta hoàn toàn khác với chương trình phân ban trung học thời Pháp thuộc trước năm 1945 và ở miền Nam trước năm 1975 là phân ban hẹp và cứng. Ngay ở Pháp hiện nay, chương trình phân ban trung học có đến 10 ban.

Một số ý kiến phản đối cho rằng chủ trương "trung học chuyên ban" trái với nguyên lý giáo dục phổ thông, không bảo đảm kiến thức phổ thông, toàn diện cho học sinh, khuyến khích kiểu học lệch một cách có thực dụng để đi thi vốn đã từng bị phê phán trước đây. Điều đó không đúng, bởi trong quá trình lựa chọn phương án và thiết kế chương trình chuyên ban, chúng tôi kiên trì nguyên tắc bảo đảm tính phổ thông, toàn diện, trên cơ sở đó tạo khả năng lựa chọn, mở rộng kiến thức cho học sinh bằng cách chọn phương án phân ban rộng và mềm. Nếu chỉ lo bảo đảm tính phổ thông, chúng ta sẽ quên mất yêu cầu phân hóa và hướng nghiệp vốn là những yêu cầu hết sức thực tế và chính đáng của bậc học này. Ngay trong mỗi gia đình, khi cho con vào trung học, bố mẹ cũng phải nghĩ ngay đến hướng vào đời cho con sau khi tốt nghiệp.

PV. Quá trình thí điểm trung học chuyên ban đến nay đã được thực hiện như thế nào, thưa Bộ trưởng ?

BT THQ. Có thể khẳng định rằng, về mặt chất lượng ở các trường được chọn làm thí điểm chương trình chuyên ban là khả quan. Điều đó được thể hiện rõ qua kỳ thi tốt nghiệp vừa rồi. Nếu dư luận xã hội, do nhiều lý do khác nhau, chẳng hạn như chưa hiểu sâu về nội dung chương trình, mà lo lắng về tính phổ thông, toàn diện của chương trình chuyên ban thì chúng tôi, những người trong cuộc, lại có nỗi lo khác : đó là bên cạnh ban A và ban C với chất lượng được nâng cao tương đối rõ, đang tồn tại nhiều trục trặc ở ban B (ban kỹ thuật). Theo thiết kế chương trình và mong muốn trong định hướng, đây sẽ là ban thu hút đông học sinh nhất (khoảng 50% (ở Trung Quốc, ban B chiếm 59% học sinh)) bởi mục tiêu hướng nghiệp chủ yếu của ban này là kỹ thuật, kỹ thuật ứng dụng và học nghề. Nhưng trong thực tế, phụ huynh và học sinh lại không hưởng ứng ban B mà dồn hết vào hai ban A và C. Thực trạng này có nhiều nguyên nhân. Về phía ngành giáo dục, chương trình ban B chưa được thiết kế hoàn thiện, đội ngũ giáo viên và những điều kiện về trang thiết bị dạy học còn thiếu nghiêm trọng. Học kỹ thuật mà học sinh chủ yếu vẫn phải "học chay". Liên thông với ban B là hệ thống dạy nghề đang là khâu yếu nhất của nền giáo dục quốc dân, khiến cho điều kiện để học sinh ban B học lên cao hơn chưa thuận lợi bằng các ban khác. Bên cạnh đó, về mặt xã hội, nhu cầu về đội

Digitized by Google

ngũ lao động kỹ thuật trong tương lai có thể rất lớn nhưng ngay trước mắt thì chưa cao, làm ảnh hưởng không nhỏ đến sự lựa chọn hướng vào đời của học sinh. Còn một nguyên nhân xã hội khác, đó là tâm lý chuộng bằng cấp. Nhiều bậc phụ huynh chỉ muốn con vào đại học, nên ngại cho con vào ban B. Thực ra đây là một định kiến sai lầm. Học ban B vẫn có mục tiêu vào đại học, ngoài ra còn mở rộng phổ lựa chọn cho học sinh.

Đó là những vấn đề nổi cộm của chủ trương "trung học chuyên ban" mà chúng tôi phải có hướng khắc phục, điều chỉnh trong thời gian tới.

Xin được chuyển sang chủ trương "đào tạo đại học hai giai đoạn".

Phải nói rằng, cốt lõi của vấn đề là phân toàn bộ kiến thức kỹ năng được đào tạo ở đại học thành hai khối : khối đại cương (cơ bản) và khối chuyên ngành và chỉ đạo mối tương quan, tỷ trọng giữa hai khối đó. Còn chia hai giai đoạn chỉ là cách làm mà thôi.

Chủ trương đào tạo đại học hai giai đoạn ra đời nhằm khắc phục nhược điểm cố hữu của mô hình đại học của ta trước đây : đào tạo sinh viên theo chuyên ngành hẹp, nặng về trang bị kiến thức ứng dụng chuyên sâu mà coi nhẹ trang bị phương pháp, trang bị kiến thức cơ bản, liên ngành. Mô hình này có thể phù hợp với nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung, nhưng trong nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, nó càng ngày càng trở nên lạc hậu trước một thị trường sức lao động luôn biến động, đòi hỏi sự dịch chuyển, thích nghi cao độ về chuyên môn, ngành nghề, đòi hỏi mỗi sinh viên ra trường phải có khả năng lựa chọn rộng. Việc trang bị quá nhiều kiến thức ứng dụng chuyên sâu khiến cho một sinh viên ra trường có thể làm việc được ngay nhưng cũng sẽ nhanh chóng tụt hậu trước sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, sự gia tăng từng ngày của khối lượng kiến thức ứng dụng trong xã hội. Nếu người cán bộ thiếu phương pháp, thiếu cái nền kiến thức cơ bản thì sẽ không có khả năng tự cập nhật kiến thức. Có thể quan niệm rằng phần kiến thức ứng dụng chuyên sâu chỉ là phần "vỏ", phải thay đổi thường xuyên, còn phần kiến thức cơ bản, nền tảng mới là phần "nhân", có tính vạn năng chậm thay đổi.

Với sự tham gia của tất cả các trường đại học trong cả nước, Bộ đã xây dựng một chương trình đổi mới đào tạo đại học theo hướng mở ngành rộng, tăng cường trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên, bằng cách phân chia hai giai đoạn đào tạo, xây dựng một khung kiến thức khoa học cơ bản, sắp xếp lại các ngành đào tạo thành 7 nhóm ngành, mỗi nhóm ngành có chung một khối kiến thức cơ bản được gọi là chương trình đại học đại cương ở giai đoạn 1. Còn giai đoạn 2 là giai đoạn đào tạo chuyên sâu của các khoa, các ngành. Cùng với những đổi mới trong nội dung, cơ cấu chương trình là việc sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, thành lập 2 đại học quốc gia và các đại học vùng đa ngành, đa lĩnh vực. Có thể nói rằng, đây là chủ trương phù hợp với xu thế mới nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đại học, đáp ứng nhu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

PV. Chắc Bộ trưởng cũng biết, chủ trương đào tạo đại học hai giai đoạn đã được đưa ra thảo luận khá sôi nổi trên báo chí với nhiều ý kiến khác nhau. Tựu trung lại, những vấn đề mà dư luận còn nhiều băn khoăn là : - Cơ cấu chương trình đại cương chưa hợp lý. Do phân nhóm theo ngành rộng, thời lượng lại hạn chế nên kiến thức bị "rải mành mành", nhiều học phần học sinh chỉ được học theo lối "cưỡi ngựa xem hoa", kém hiệu quả ; - Việc phân chia cứng nhắc, tách rời cả về thời gian và chương trình giữa hai giai đoạn cũng nảy sinh nhiều bất hợp lý. Giữa hai giai đoạn thiếu sự gắn kết hữu cơ, liền mạch, chương trình bị trùng lặp gây lãng phí về thời gian. Trong khi đó, nhiều ý kiến lại cho rằng, thời lượng của giai đoạn 2 không đủ để trang bị kiến thức chuyên ngành cho sinh viên.

BT THQ. Những ý kiến trên cũng có những khía cạnh đúng cần tiếp thu để điều chỉnh. Sắp tới có thể tính toán, sắp xếp lại cơ cấu chương trình đại cương theo hướng phân nhóm ngành hẹp hơn, có thể là 10 thay vì 7 nhóm ngành như hiện nay. Việc chia giai đoạn cũng không nhất thiết phải cứng nhắc, máy móc mà cần mềm hóa, tạo nên sự gắn bó hữu cơ giữa hai khối chương trình đại cương và chuyên ngành. Chẳng hạn giai đoạn 1 và giai đoạn 2 có thể đan xen nhau trong quá trình thực hiện. Vấn đề là bố trí sắp xếp sao cho hợp lý, bảo đảm dạy đủ kiến thức cho sinh viên. Tôi cho rằng vấn

Digitized by Google

đề này không thuộc chủ trương của Bộ mà là thẩm quyền và trách nhiệm của các trường.

Còn những ý kiến lo ngại, việc tăng cường phần kiến thức cơ bản khiến cho giai đoạn 2 không đủ để trang bị kiến thức chuyên ngành cho sinh viên, tôi cho rằng ở đây có vấn đề tâm lý. Giáo viên của ta đã quen với mô hình trước đây ở trường đại học quá coi trọng trang bị kiến thức chuyên ngành ứng dụng nên lo sinh viên sẽ thiếu kiến thức chuyên ngành sau khi tốt nghiệp. Nhưng trong chủ trương đổi mới thì đó là phần kiến thức mà sinh viên phải và có thể tự trang bị, tự cập nhật sau khi ra trường. Chúng ta đào tạo những cử nhân có trình độ đại học chứ không phải đào tạo nghề bậc cao.

PV. Như vậy, Bộ chủ trương cho phép các trường tự điều chỉnh, tự sắp xếp lại chương trình đào tạo hai giai đoạn ?

BT THQ. Bộ cho phép các trường làm điều đó nhưng việc điều chỉnh, sắp xếp phải tạo ra một chương trình hiệu quả hơn sao cho khung kiến thức cơ bản mà Bộ đã đưa ra là yêu cầu tối thiểu phải đạt được. Cần mềm hóa việc phân chia giai đoạn, đối với những môn chính của các ngành khoa học cơ bản, nên sắp xếp lại cơ cấu chương trình giữa hai giai đoạn theo lối tuyến tính, liên thông, thay vì sắp xếp theo lối đồng tâm, cứng nhắc như hiện nay.

PV. Trong chủ trương đào tạo hai giai đoạn còn một vấn đề gây khá nhiều thắc mắc, thậm chí phản ứng. Đó là vấn đề thi chuyển giai đoạn mà sinh viên vẫn quen gọi là "thi vượt rào". Xin Bộ trưởng cho biết ý kiến về vấn đề này ?

BT THQ. Việc sàng lọc trong quá trình đào tạo là yêu cầu tất yếu. Nhưng do tâm lý của đa số các bậc phụ huynh lâu nay đã quen với việc con cái đã vào được đại học là yên tâm sẽ tốt nghiệp ra trường. Hơn nữa, việc thi vào đại học hiện nay còn rất khó khăn, nên một sinh viên nếu bị trượt thi chuyển giai đoạn thì bản thân và gia đình sẽ bị "sốc" mạnh. Cũng phải thừa nhận rằng tấm chứng chỉ đại học đại cương hiện chưa có giá trị trong xã hội, nên những sinh viên bị trượt thi chuyển giai đoạn khó tìm nơi tiếp nhận. Đó là một thực tế. Chủ trương của Bộ trong thời gian tới là tăng tỷ lệ tuyển thẳng, giảm tỷ lệ bị loại qua các kỳ thi này ; đồng thời tạo nên sự liên thông giữa đại học đại cương và đào tạo cao đẳng để tạo "đầu ra" cho những sinh viên bị trượt trong kỳ thi chuyển giai đoạn.

PV. Xin được hỏi Bộ trưởng câu cuối cùng : chủ trương đào tạo đại học hai giai đoạn có mâu thuẫn với chủ trương trung học chuyên ban và có mâu thuẫn với chủ trương đào tạo đại học theo tín chỉ, vốn được coi là mô hình đào tạo đại học tiên tiến và hiện đang được thử nghiệm có kết quả tại Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh ?

BT THQ. Nói đào tạo đại học hai giai đoạn mâu thuẫn với trung học chuyên ban là nói theo lô gích hình thức, thuần túy trên câu chữ, còn về thực chất, hai chủ trương này không có gì mâu thuẫn. Trung học chuyên ban chính là sự chuẩn bị tốt nhất cho đại học hai giai đoạn. Các ban ở trung học gắn với các nhóm ngành ở đại học. Giai đoạn 1 với 7 nhóm ngành như hiện nay có thể coi là sự tiếp tục phân ban sau trung học phổ thông. Đó là sự "phân ban rộng" để tiếp đó sẽ "phân ban hẹp" theo các chuyên ngành ở giai đoạn 2.

Còn giữa đào tạo hai giai đoạn và đào tạo theo tín chỉ, hai mô hình này sẽ đi đến chỗ thống nhất trong tương lai. Tổ hợp toàn bộ các tín chỉ đại cương chính là giai đoạn 1. Như vậy, phải chấp nhận quá trình tích lũy tín chỉ một cách linh hoạt và sự phân chia thời gian một cách cứng nhắc sẽ không còn ý nghĩa.

Cũng cần phải khẳng định rằng quan điểm trước sau như một của Bộ Giáo dục - Đào tạo là kiên trì những chủ trương đổi mới nêu trên. Việc kiên trì các chủ trương đúng cũng chính là trách nhiệm đối với xã hội. Hai chủ trương này, trong quá trình triển khai thực hiện đã được đưa ra trưng cầu ý kiến rộng rãi của nhiều nhà quản lý giáo dục, nhiều nhà khoa học, nhà giáo trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài. Đại đa số ý kiến được hỏi đều đồng tình về mặt chủ trương và có nhiều đóng góp, đề nghị sửa đổi, bổ sung về mặt tổ chức thực hiện. Lập trường của Bộ là nghiêm túc tiếp thu mọi ý kiến đóng góp xây dựng của dư luận trong và ngoài ngành để có những sửa đổi, điều chỉnh cần thiết, đồng thời tổ chức nghiên cứu, điều tra tỷ mỷ để giúp Chính phủ có sự thẩm định, đánh giá, kết luận cuối cùng. Chúng tôi tin rằng hai chủ trương này sẽ được Chính phủ chính thức công nhận.

PV. Xin chân thành cảm ơn Bộ trưởng về cuộc trao đổi này.❑

P.V

Digitized by Google

MẤY VẤN ĐỀ VỀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ CHO CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

TRẦN QUANG MINH * - HÀ QUANG NGỌC **

TRONG quá trình cải cách hành chính, cùng với việc điều chỉnh cải cách thể chế, cơ cấu bộ máy hành pháp về phương diện tổ chức và thiết chế, vấn đề đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ nhà nước có một vị trí hết sức quan trọng. Nó là nhân tố bảo đảm cho việc quản lý đất nước theo pháp luật và bằng pháp luật, là điều kiện để thực hiện khoa học công nghệ quản lý và là nhân tố quyết định cho sự thắng lợi của công cuộc cải cách hành chính. Đào tạo một đội ngũ cán bộ công chức nhà nước có năng lực, phẩm chất đạo đức đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn là một nhiệm vụ được xem là một bộ phận không thể tách rời của công cuộc cải cách hành chính và của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1 - Về đội ngũ cán bộ nhà nước hiện nay.

Đội ngũ cán bộ quản lý và công chức nhà nước của chúng ta hiện nay so với trước có những thay đổi căn bản về số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý và công chức nhà nước (không tính số công chức sự nghiệp) trên số dân đã tăng lên gấp nhiều lần so với những ngày đầu lập nước và đã tiến gần tới tỷ lệ của các nước trong khu vực. Về chất lượng, đa số cán bộ quản lý và công chức nhà nước được đào tạo, có trình độ đại học và trên đại học. Nếu nhìn lại chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý và công chức nhà nước ta từ khi thành lập nước cho đến nay, trải qua bao sự cố gắng, xây dựng thì những thành tựu đạt được là đáng tự hào. Tuy nhiên chất lượng này còn chưa được phủ đều trong tất cả các khối. Số cán bộ quản lý và công chức nhà nước có trình độ tập trung chủ yếu ở các cơ quan trung ương sau đó đến tỉnh và huyện. Càng xuống địa phương số cán bộ, công chức có trình độ càng giảm. Phần đông cán bộ cơ sở có trình độ học vấn rất thấp. Không ít cán bộ là người dân tộc, vùng sâu, vùng xa còn ở tình trạng mù chữ. Số liệu điều tra thí điểm mới nhất của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ ở hai bộ và 8 tỉnh, thành đã chứng tỏ điều đó. Ở cấp bộ, số cán bộ có trình độ đại học và trên đại học chiếm 83,29%, số có trình độ trung học là 8,69%, sơ học là 7,55%. Còn ở địa phương, số cán bộ có trình độ đại học và trên đại học là 30,22%, trung học là 36,27% và sơ học là 30,5% (1)

Song song với những hạn chế về mặt trình độ chung, do chiến tranh và cơ chế tập trung, bao cấp kéo dài, số đông cán bộ công chức nhà nước không được đào tạo, bồi dưỡng những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước, về pháp luật, về hành chính và kỹ năng quản lý hành chính - những kiến thức và kỹ năng phục vụ cho nghiệp vụ chính mà họ đang đảm nhận. Số còn lại, trừ cán bộ chủ chốt và ở các cơ quan trung ương, tuy được bồi dưỡng, đào tạo nhưng các kiến thức họ thu nhận được không đầy đủ, chắp vá, vì chủ yếu là chỉ qua các lớp bồi dưỡng ngắn ngày. Các kiến thức tin học và ngoại ngữ cũng mới chỉ được trang bị hạn chế cả về mặt trình độ lẫn số lượng. Việc đào tạo, bồi dưỡng ở một số đối tượng - cán bộ lãnh đạo cơ sở và khu vực miền núi còn chưa được quan tâm đúng mức. Về mặt này cũng

* PTS, Cục phó Cục đào tạo, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ
** PTS, Viện KH - TC Nhà nước, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ

(1) Số liệu điều tra 1996

Digitized by Google

trong đợt điều tra của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, các kết quả đã chỉ rõ : ở khối trung ương có 30,2% số cán bộ được đào tạo lý luận chính trị cao cấp, 6,53% có kiến thức quản lý nhà nước, 52,7% biết ngoại ngữ và 39,88% có kiến thức tin học. Còn ở phần địa phương số có trình độ lý luận chính trị cao, trung cấp là 4,7% ; quản lý nhà nước 1,7% ; quản lý kinh tế 1,02% và ngoại ngữ là 7,5% (2). Như vậy, nhìn chung trình độ học vấn của đội ngũ cán bộ quản lý và công chức đã được nâng lên, nhưng những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực nhà nước và quản lý nhà nước thì rất yếu và thiếu. Hơn thế, đội ngũ này lại thường di động từ quản lý nhà nước sang làm kinh tế, hoặc đoàn thể và ngược lại. Tình trạng đó đã làm cho đội ngũ cán bộ quản lý và công chức nhà nước có nguy cơ tụt hậu không đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới, làm cho chất lượng hoạt động quản lý nhà nước không theo kịp với những đòi hỏi của công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước, của sự chuyển đổi nền kinh tế, của tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền và mở cửa hội nhập với khu vực và thế giới. Có thể nhận thấy điều đó qua sự cồng kềnh, chồng chéo kém hiệu lực với những thủ tục hành chính rườm rà của bộ máy quản lý nhà nước hiện nay.

Trong một vài năm trở lại đây, do bức xúc của tình hình mới, công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước đã được thúc đẩy và tăng cường lên một bước. Ngoài những lớp đào tạo bồi dưỡng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Hành chính quốc gia, các bộ, ngành, trung ương và địa phương đã tích cực chủ động tiến hành mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước do mình quản lý. Một loạt các lớp đào tạo ngắn và dài hạn về chính trị, kinh tế, ngoại ngữ, tin học, tổ chức và quản lý hành chính đã được mở ở các địa phương và ở các bộ, ngành trung ương, thu hút được một số lượng đáng kể cán bộ quản lý và công chức nhà nước theo học, góp phần nâng cao nhận thức và trình độ quản lý của đội ngũ này. Nhằm tăng cường công tác quản lý nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước hiện nay, ngày 20-11-1996, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 874/TTg về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước. Bằng quyết định đó một phương hướng mới về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước đã được mở ra.

2 - Về việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

Trong thực tế, công việc đào tạo cán bộ và công chức nhà nước có tiến bộ, nhưng vẫn đang còn nhiều hạn chế. Việc đào tạo, bồi dưỡng mới đáp ứng được ở quy mô nhỏ (15% số cán bộ cần được đào tạo), hơn nữa lại chưa được tiến hành theo một kế hoạch khoa học, thống nhất. Quá trình đào tạo, bồi dưỡng chưa được gắn chặt với việc phân bổ sử dụng, chưa tạo thành chế độ của nhà nước. Vì vậy, nó còn phụ thuộc nhiều vào sự quan tâm của cấp ủy và thủ trưởng đơn vị. Nơi nào cấp ủy và lãnh đạo quan tâm thì vấn đề đào tạo được mở rộng, số cán bộ được cử đi học đông, việc phân bổ sử dụng sau khi đào tạo cũng tương đối hợp lý. Nơi nào lãnh đạo và cấp ủy thiếu quan tâm thì việc nâng cao trình độ cán bộ trở nên lơi lỏng và bị thả nổi. Điều đó giải thích tại sao trong khi có rất nhiều cán bộ công chức còn nợ các tiêu chuẩn ngạch bậc thì nhiều cán bộ công chức được gọi về các lớp đào tạo về quản lý hành chính nhà nước khi kết thúc lại quay sang làm những việc khác, hoặc không ít người được cử đi đào tạo chỉ để nhằm giải quyết những khó khăn ở cơ sở như vướng mắc về nhân sự, biên chế, nên học xong thì chuyển sang làm công tác khác hoặc nghỉ hưu. Điều đó dẫn đến tình trạng người cần học thì không được đi học và không có chỗ để học, người không cần học lại cử đi, gây ra sự lãng phí xã hội không nhỏ. Ngoài lãng phí tiền của, cái lãng phí lớn nhất là mất công đào tạo mà không làm tăng được số cán bộ có trình độ đáp ứng nhu cầu xã hội đang đặt ra.

Việc quản lý đào tạo cũng chưa được chặt chẽ. Đôi khi việc đào tạo không phải vì nâng cao trình độ mà là để tìm cách nhận bằng, nhận giấy chứng nhận hợp thức hóa ngạch bậc và chức vụ.

(2) Số liệu điều tra năm 1996

Digitized by Google

Tình hình trên đây không đáng có trong việc đào tạo cán bộ quản lý và công chức nhà nước.

Mặt khác, hệ thống các trường đào tạo cán bộ quản lý và công chức nhà nước trong thời gian qua chưa được kiện toàn đồng bộ. Các cơ sở đào tạo của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các bộ, ngành trung ương chưa có sự quản lý thống nhất về mặt nhà nước, nên địa vị pháp lý của các cơ sở đó chưa rõ ràng. Tình hình đó dẫn đến sự chia cắt, chồng chéo cả về cơ sở vật chất, nguồn kinh phí, chương trình đội ngũ giáo viên và đối tượng đào tạo. Các văn bằng, chứng chỉ không thay thế được nhau. Nhiều cán bộ vừa học xong trường, lớp này đã lại phải theo học ở trường, lớp khác với những nội dung không khác nhau là bao nhiêu. Trong khi đó hầu hết các trường chưa được trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết cho việc dạy và học ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình hiện nay. Đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu còn thiếu cả số lượng và yếu cả chất lượng. Thậm chí một số cán bộ giảng dạy quản lý hành chính nhà nước cũng chưa được đào tạo một cách cơ bản về lĩnh vực này. Việc xác định nội dung chương trình nhìn chung vẫn nặng về lý luận chung và trùng lặp, chưa thật đi sâu vào khoa học hành chính, kỹ năng nghiệp vụ quản lý nhà nước. Các kiến thức được giảng dạy cũng chưa bám vào khả năng tác nghiệp điều hành của công chức trong hoạt động quản lý hằng ngày. Thiếu những kiến thức của phương thức quản lý kinh tế mới, những tri thức và kỹ năng xử lý và sử dụng phương tiện thông tin hiện đại. Vì vậy, cán bộ được đào tạo ra, ở trình độ cao thì chưa đạt tầm chuyên gia hoạch định chính sách, còn ở mức thấp thì không thích ứng ngay được với công việc thực tiễn. Những vấn đề xây dựng thái độ hành vi ứng xử của người công chức trong quá trình công tác cũng ít được chú trọng. Phương thức đào tạo chậm được cải tiến. Trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nội dung kỹ năng, nghiệp vụ hành chính còn ít mà chủ yếu tập trung giới thiệu, phổ biến các nghị quyết, các văn bản pháp luật, nghị định mới ban hành. Chính vì vậy mà hiệu quả đào tạo nói chung trong thời gian qua còn thấp, chất lượng cán bộ quản lý và công chức nhà nước trong bộ máy hành chính đôi khi chưa thật sự được nâng cao. Đó chính là một trong những nguyên nhân góp phần tạo nên những trì trệ trong nền hành chính đất nước để cho những hiện tượng quan liêu cửa quyền, tham nhũng tồn tại và phát triển trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước.

Dưới ánh sáng của những quan điểm cơ bản của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII) của Đảng về giáo dục đào tạo - khoa học công nghệ và Quyết định số 874 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước, thời gian sắp tới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước phải hướng tới mục tiêu trang bị cho được những kiến thức cơ bản các vấn đề về nhà nước và pháp luật, tổ chức quản lý hành chính nhà nước, những kỹ năng làm việc như : soạn thảo và quản lý văn bản, tổ chức hội họp, đàm phán, v.v. các chuẩn mực đạo đức tác phong của người công chức, hình thành ở họ sự nhận thức và các phẩm chất của người công chức nhà nước : có bản lĩnh chính trị, khả năng tư duy và định hướng công việc, khả năng tổ chức, điều hành và thực thi công vụ theo chức trách của mình một cách khoa học và hệ thống, quyết đoán và kiên định trong xử lý các tình huống ; tôn trọng và biết làm việc với cấp trên, đồng sự và nhân dân ; thích ứng với tình hình và nhiệm vụ mới ; góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc cải cách hành chính và sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

3 - Một số giải pháp cần thiết.

Để đạt được mục tiêu đã nêu trên, cần tiến hành gấp những công việc cụ thể sau :

- Nhanh chóng hoàn thành chiến lược về cán bộ công chức nhà nước, về cơ cấu đội ngũ cán bộ. Xác định số lượng các loại, tiêu chuẩn cần đạt được cho mỗi loại ngạch bậc công chức, viên chức trong bộ máy hành chính nhà nước, lấy đó làm cơ sở cho việc tạo dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, dần dần chấm dứt tình trạng đào tạo, bồi dưỡng tách rời với việc phân bổ sử dụng, cũng như việc bổ nhiệm, tuyển dụng không qua đào tạo, bồi dưỡng hoặc đào tạo, bồi

Digitized by Google

dưỡng mang tính chiếu lệ, hình thức làm giảm giá trị những văn bằng, gây khó khăn cho việc đánh giá, sử dụng, cất nhắc cán bộ. Hình thành quy chế thống nhất về đào tạo với mỗi loại trường. Có chính sách rõ ràng trong việc tuyển chọn người đi học và sử dụng sau khi tốt nghiệp.

- Tiếp tục hoàn thiện tăng cường nội dung kiến thức chính trị, quan điểm đường lối chính sách mới của nhà nước, những kiến thức kinh tế phản ánh tình hình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, các kiến thức hành chính, pháp luật đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước. Chú trọng những kiến thức và rèn luyện kỹ năng tác nghiệp hành chính như soạn thảo văn bản, tổ chức điều hành lao động, hội họp trong công sở, khả năng giao tiếp và phát biểu với cấp trên, nhân viên và nhân dân. Đặc biệt phải quan tâm tới vấn đề đạo đức công chức, coi đây là một trong những đặc điểm mang dấu ấn về tính ưu việt của nền hành chính xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng. Sớm đưa lý luận và các chuẩn mực về đạo đức công chức vào chương trình đào tạo, nhằm tạo ra những người cán bộ công chức nhà nước giỏi về lý luận, kỹ năng nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức trong sạch, thực sự là những người "đày tớ thật trung thành của nhân dân". Phải tính đến việc làm quen với phương pháp quản lý bằng công nghệ tin học hiện đại của thế giới ; chuẩn bị dần cho tương lai về mặt này.

- Tiến hành các phương thức đào tạo linh hoạt, đa dạng trong giai đoạn trước mắt, bao gồm cả bồi dưỡng ngắn hạn nhằm sớm giải quyết tình trạng "thất học" về quản lý hành chính của đội ngũ cán bộ công chức nhà nước trong tương lai. Chú trọng cải tiến phương pháp đào tạo bồi dưỡng thích ứng với một đội ngũ học viên là người lớn tuổi, đã qua nhiều trường lớp nhằm phát huy khả năng sáng tạo của người học. Hoàn thiện nội dung và phương pháp sát hạch, thi cử cho phù hợp. Chú trọng đào tạo cả nhân lực và nhân tài, cả tài rộng lẫn chuyên sâu.

- Kiện toàn hệ thống đào tạo cán bộ công chức nhà nước. Mở rộng quy mô đào tạo và phân công phân cấp giữa các cơ sở đào tạo để có thể thỏa mãn được nhu cầu đào tạo đa dạng và chuyên sâu của đội ngũ công chức và nền hành chính nhà nước. Kiện toàn hệ thống đào tạo, bồi dưỡng, phân cấp đào tạo để ngoài việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên viên các loại còn đào tạo cử nhân, thạc sĩ, phó tiến sĩ khoa học hành chính. Tất cả các văn bằng cần được nhà nước thể chế hóa để có sự thống nhất và đem lại giá trị xã hội cho các văn bằng đó, chấm dứt sự đào tạo chồng chéo không cần thiết. Chú trọng cả việc nâng cấp vật chất - kỹ thuật của các cơ sở đào tạo lẫn trình độ, năng lực đội ngũ giảng viên, nghiên cứu khoa học. Có chế độ thích đáng để phát triển đội ngũ giảng viên trong các lĩnh vực khoa học quản lý nhà nước. Xây dựng bộ giáo trình chuẩn cho các trình độ và đối tượng, giúp cho việc đào tạo các loại công chức nhà nước đạt chất lượng, hiệu quả.

- Quan tâm trên tất cả các mặt tới các vùng sâu, vùng xa, các miền có nhiều khó khăn, các đối tượng dân tộc. Chú trọng đầu tư cả về trường sở, kinh phí, chính sách hỗ trợ cho người đi học và sử dụng sau khi ra trường. Cần đầu tư đào tạo có trọng điểm, gắn với đặc điểm của địa phương và đối tượng, đào tạo có "địa chỉ" để phát triển và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ đặc thù này.

- Mở rộng hơn nữa hợp tác quốc tế nhằm tận dụng khả năng đầu tư và tiếp thu có chọn lọc công nghệ quản lý tiên tiến, nâng dần trình độ cán bộ, công chức nhà nước ngang tầm quốc tế, làm cho nền công vụ của ta tương xứng với nền công vụ của các nước trong quá trình hội nhập khu vực và thế giới.

Kết quả của việc quản lý nhà nước phụ thuộc rất nhiều vào đội ngũ công chức mà năng lực và phẩm chất của đội ngũ này lại phụ thuộc rất nhiều vào việc đào tạo họ như thế nào, sử dụng họ sau đào tạo ra sao. Điều đó cho thấy việc đầu tư vào khâu đào tạo công chức là rất quan trọng. Việc lơi lỏng sẽ đưa lại những hậu quả khó lường. Nhận thức rõ điều đó Đảng và Nhà nước ta đã và đang có chính sách đúng đắn về vấn đề này.❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHO SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

PHAN XUÂN DŨNG*

Chúng ta đang bước vào thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã khẳng định : "Cùng với giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội"(1). Phát triển nguồn nhân lực là chiếc "chìa khóa"của thành công trong giai đoạn mới của cách mạng. Hơn thế nữa phát triển nguồn nhân lực lại còn là yếu tố quan trọng của sự phát triển nhanh và bền vững.

Kinh nghiệm cho thấy rằng, hiện đại hóa nền kinh tế ở các nước phát triển thực chất là thay đổi cơ cấu công nghiệp, dựa trên các ngành công nghệ cao, trong đó những công nghệ cũ, tiêu hao nhiều tài nguyên và lao động, dựa trên nền tảng điện - cơ khí được thay thế bởi những ngành công nghiệp cao cấp, dựa trên nền tảng cơ - điện tử, giảm suất tiêu hao các nguồn lực tính trên một đơn vị tổng sản phẩm, trong đó trí tuệ có tính sáng tạo sẽ là nền tảng sự giàu có của mỗi quốc gia và được thể hiện qua nguồn nhân lực của bản thân quốc gia đó. Nghĩa là yêu cầu cách mạng đang đòi hỏi không ngừng nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, phù hợp với yêu cầu mới của nền văn minh trí tuệ.

Một trong những nguồn nhân lực quan trọng bậc nhất của đất nước là đội ngũ trí thức. Theo thống kê năm 1995 của Bộ Khoa học , Công nghệ và Môi trường cho thấy, so với một nước có thu nhập thấp như nước ta thì lực lượng lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo ở Việt Nam là tương đối lớn. Nước ta hiện nay có khoảng 9 300 tiến sĩ và phó tiến sĩ, 930 000 người có trình độ đại học, cao đẳng, trên 3,5 triệu cán bộ kỹ thuật và công nhân kỹ thuật.

Đội ngũ trí thức Việt Nam cùng với đông đảo quần chúng nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã có những cống hiến to lớn, trong cuộc Cách mạng Tháng Tám, trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, và đang góp phần tích cực trong công cuộc xây dựng đất nước ngày nay. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ nước ta thông minh, khiêm tốn, hiếu học có khả năng tiếp thu và ứng dụng công nghệ mới nhanh. Điều đó được các chuyên gia nước ngoài đánh giá rất cao. Nhiều công trình kỹ thuật hiện đại, phức tạp của thế giới như trong các lĩnh vực điện tử, viễn thông, dầu khí hoặc lắp đặt những công trình công nghiệp lớn (thủy điện, nhiệt điện, xi măng...) cán bộ khoa học và công nghệ cũng như công dân nước ta đã tiếp thu và vận hành một cách có hiệu quả, đồng thời còn cải tiến, nâng cao. Tóm lại, nước ta là một nước có tri thức cao.Đất nước sẽ không thua kém bất cứ một nước nào trên thế giới nếu đội ngũ trí thức Việt Nam được sử dụng hợp lý. Theo đánh giá mới đây nhất là 1/3 giá trị gia tăng GDP hằng năm của nền kinh tế nước nhà là do hoạt động của khoa học và công nghệ mang lại. Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã đánh giá : "Hoạt động khoa học và công nghệ gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thích nghi dần với cơ chế thị trường". (2)

Qua những phân tích, đánh giá vai trò và thực trạng nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ trí thức hiện tại, ta thấy : đội ngũ trí thức đã góp phần làm biến chuyển cuộc sống chúng ta. Sự xuất hiện và gia tốc của kỷ nguyên mới, kỷ nguyên thông tin, làm cho những khái niệm cũ trong lịch sử, coi đất và đá với những kho tàng quý giá vùi sâu trong lòng nó là các nguồn lực, ngoài ra không còn gì nữa đã trở nên vô cùng lạc hậu. Ngày nay, nguồn lực lớn nhất của đất nước lại nằm ngay trong chúng ta, là sự thông minh, tính sáng tạo, khả năng của trí tuệ con người. Đó là một nguồn lực đặc biệt. Mọi hoạt động của chúng ta đều phải dựa trên những cơ sở khoa học thực thụ.

---

* TS khoa học kỹ thuật, Ban Khoa giáo Trung ương

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr59

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr59

Digitized by Google

Bên cạnh những mặt mạnh của các nguồn nhân lực ở nước ta, thực trạng đội ngũ cán bộ trí thức Việt Nam, đặc biệt là trí thức bậc cao, đang đặt ra một số vấn đề cần phải giải quyết :

- Sự già hóa của đội ngũ trí thức. Trong các viện và trung tâm khoa học tuổi bình quân của tiến sĩ là 52,8, phó tiến sĩ 48,1, giáo sư 59,5, phó giáo sư 56,4, cấp viện trưởng là 55, cấp viện phó 50 (số liệu điều tra 1-7-1995). Như vậy, đến năm 2000 hơn 80% số người có học hàm, học vị hiện nay đã đến tuổi về hưu. Từ đó gây nên tình trạng hẫng hụt cán bộ khoa học kế cận. Sự già hóa quá nhanh của đội ngũ cán bộ giáo dục ở các trường đại học và cao đẳng ở nước ta có thể dẫn tới sự hụt hẫng cán bộ giáo dục vào cuối thế kỷ XX, nhất là đội ngũ cán bộ đầu đàn. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục - Đào tạo, đến năm 2000 ở Đại học Tổng hợp Hà Nội (thuộc Đại học quốc gia), 50% số cán bộ đầu đàn có học vị trên đại học sẽ về hưu, số thay thế cả về số và chất lượng chỉ đáp ứng khoảng 20%. Ở Đại học Bách khoa Hà Nội, 100% giáo sư, 83% phó giáo sư, 77,4% tiến sĩ và 54,4% phó tiến sĩ ở độ tuổi trên 50. Tình trạng này ở các trung tâm giáo dục và đào tạo khác cũng không mấy sáng sủa hơn. Như vậy, sau năm 2000 nguồn nhân lực có trình độ cao cấp của chúng ta đang là một vấn đề báo động.

- Việc đầu tư cho khoa học, công nghệ cũng như giáo dục và đào tạo chưa đủ để phát triển nguồn nhân lực. Vì vậy, muốn mau chóng trở thành một nước công nghiệp, muốn tiến lên phía trước, muốn hòa nhập vào thế giới phát triển, Đảng và Nhà nước ta coi giáo dục, đào tạo nhân lực, nhân tài là quốc sách hàng đầu. Chính phủ đã có nhiều cố gắng tăng nguồn đầu tư tài chính cho giáo dục - đào tạo, đưa tỷ trọng ngân sách nhà nước chi cho giáo dục - đào tạo hằng năm tăng khá trong những năm gần đây : từ 5,83% (năm 1986) tăng lên 8,0% (năm 1990) và 10,08% (năm 1996). Mặc dầu vậy, tỷ lệ này còn thấp so với các nước trên thế giới và khu vực (Mỹ 15,5%, Pháp 12,3%, Xin-ga-po 11,5%, Thái-lan 20%, Hàn Quốc 16,5%, Hồng Công 17,4%, Trung Quốc 12,8%(+)). Do đó, mặc dầu giáo dục và đào tạo không ngừng phát triển về số lượng và chất lượng (học sinh cấp III năm học 1984-1985 : 12 triệu, năm học 1994-1995 : 14,5 triệu ; sinh viên đại học, năm học 1984-1985 : 12 4000, năm học 1994-1995 : 367 000 v.v...) nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu cấp bách của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Cơ cấu nguồn lực của nước ta hiện nay chưa hợp lý. Tháp cơ cấu nguồn nhân lực của ta lúc này là : 1 đại học/1,6 trung học chuyên nghiệp/3 công nhân. Trong khi đó ở các nước trong khu vực tỷ lệ này là 1/4/10. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo ở nước ta mới chỉ đạt 10% so với tổng số lao động là còn quá thấp.

Việc phân bố cán bộ theo ngành nghề cũng còn bất cập. Cơ cấu cán bộ khoa học - công nghệ có trình độ tiến sĩ và phó tiến sĩ theo các ngành khoa học ở nước ta hiện nay như sau : tự nhiên : 38% ; xã hội và nhân văn : 20% ; công nghệ : 27% ; y dược : 8% ; nông nghiệp : 7%. Hơn thế nữa đội ngũ này nằm trong các cơ quan trung ương tới 94,4%, ở các cơ quan địa phương chỉ 5,4%. Còn trong các doanh nghiệp, cán bộ đại học và cao đẳng chỉ chiếm 32%, (ở Hàn Quốc là 48%, Nhật Bản 64,4%, Thái-lan 58,2%). Như vậy, cơ cấu và phân bổ nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu mới của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đòi hỏi phải có sự sắp xếp lại và đào tạo bổ sung.

- Hiện tượng chảy chất xám diễn ra ngay trong đội ngũ trí thức là do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng chủ yếu là do sự chênh lệch và mức thù lao lao động. Điều đó dẫn tới một bộ phận cán bộ khoa học, công nghệ không còn hào hứng với công việc của mình xin được chuyển sang những ngành nghề không phải được đào tạo, phần lớn đấy là những người khỏe, trẻ (dưới 45 tuổi) và có năng lực. Còn sinh viên ra trường thì không muốn vào các viện nghiên cứu, trường học hoặc các cơ quan của Đảng và Nhà nước. Các luồng chuyển dịch lao động, đặc biệt là chảy chất xám đang tạo ra tình trạng bất lợi cho khu vực nhà nước, đòi hỏi phải có những giải pháp kịp thời để thu hút nhân tài cho khu vực này, nhằm duy trì vai trò chủ đạo về mặt trí tuệ nguồn nhân lực trong nền kinh tế quốc dân.

Trước thực tế trên, theo chúng tôi, trước mắt cần phải thống nhất một số quan điểm, giải pháp nhằm củng cố và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nước nhà như sau :

Một là, về nhận thức : Phải nhận rõ rằng, chiến lược trong cạnh tranh quốc tế gay gắt là vấn đề nhân tài. Sự cạnh tranh tổng hợp của một đất nước trong thời đại hiện nay không tách rời với việc bồi dưỡng nhân tài khoa học - công nghệ cao, càng không tách rời với việc nâng cao phát huy năng lực nội sinh, tố chất trí tuệ của hàng triệu người lao động ở tuyến đầu sản xuất. Vì thế trước hết phải làm tốt công tác cán bộ, để họ có nhận thức đầy đủ và đúng đắn. Người cán bộ phải biết vị trí nhiệm vụ cần tập trung trí tuệ của mình, không được sợ cấp dưới giỏi hơn, phải biết tôn trọng họ, học hỏi họ vì lãnh đạo cũng chỉ là một nghề, và càng không thể coi mình là quan cách mạng, là cấp trên của dân, ban ơn cho dân, cửa quyền với dân.

Hai là, cần phải gấp rút đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là cán bộ đầu đàn, để bước vào thế kỷ XXI chúng ta không bị hẫng hụt về chất lượng và số lượng nguồn nhân lực. Nâng

(+) Theo số liệu năm 1990

Digitized by Google

cao chất lượng giáo dục - đào tạo ở tất cả các bậc học để từng bước đạt trình độ khu vực và quốc tế. Cần phát hiện sớm các tài năng, có các hình thức đào tạo phù hợp để nhanh chóng bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Phải cấp tốc có chính sách lựa chọn và gửi người có đức, có tài đi học khoa học, công nghệ ở các nước phát triển.

Ba là, tạo công bằng văn minh trong sử dụng nguồn nhân lực là yếu tố cơ bản để phát hiện và đào tạo nhân tài. Nhân tài là do thông minh và rèn luyện gian khổ mới nên, không phải từ trên trời rơi xuống. Đảng đã có nhiều nghị quyết về vấn đề này. Các bộ, ngành phải thực hiện một cách nghiêm túc và cần có thể chế thuận lợi cho quá trình phát triển đất nước dựa trên khoa học - công nghệ cũng như giáo dục - đào tạo, trong cơ chế thị trường, trong nền kinh tế nhiều thành phần. Không để tình trạng nói là coi trọng khoa học, công nghệ và giáo dục, đào tạo nhưng thực tế thì coi nhẹ, coi đầu tư cho của cải vật chất hơn là đầu tư cho con người... Thí dụ, chính sách bình quân về mức lương mà ta đang thực hiện mấy năm gần đây. Không có một nước nào trên thế giới mức lương kỹ sư, thạc sĩ, phó tiến sĩ, tiến sĩ ở mức khởi điểm đều như nhau (hệ số 1,78) và cứ 2-3 năm lên lương một lần. Chính sách này là một trong những yếu tố cơ bản làm già hóa đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao hiện nay. Trớ trêu thay, có một số những tiến sĩ, phó tiến sĩ trẻ, tài năng hăm hở từ nước ngoài trở về phục vụ Tổ quốc, lại chỉ được hưởng một mức lương như của một lái xe hay nhân viên phục vụ của chính cơ quan đó. Đó chính là lý do vì sao sinh viên, cán bộ khoa học trẻ có năng lực hiện nay ít người say sưa nghiên cứu mà chỉ lo học tiếp thị và ngoại ngữ để đi làm thuê cho các công ty nước ngoài. Vì tương lai của đất nước, để có một đội ngũ cán bộ khoa học đầu đàn, và một dân tộc có trí thức cao, cần sớm khắc phục những bất hợp lý trong chính sách đãi ngộ đối với cán bộ khoa học như hiện nay. Nghĩa là để có đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ trẻ, đủ năng lực cần phải có cơ chế, chính sách, động viên thanh niên học tập, rèn luyện vươn lên tầm cao mới của khoa học và công nghệ.

Bốn là, cấp bằng, chứng chỉ phải được đưa vào nền nếp, coi đó như là biện pháp tôn vinh nguồn nhân lực đã được đào tạo thực sự. Không thể chấp nhận tình trạng có nhiều cán bộ thời còn học tiểu học, trung học là học sinh trung bình, thế mà nay, khi đã ngoài 40, 50 tuổi, trong bộn bề công việc chỉ cần một thời gian ngắn học hàm thụ đã có bằng đại học, bằng thạc sĩ hay cao hơn. Các em sinh viên thông minh, nhanh nhẹn, miệt mài kinh sử 4-5 năm trời mới có được một tấm bằng sẽ suy nghĩ như thế nào đối với những thước đo giá trị ấy trong hệ thống bằng cấp ? Liệu những cá nhân có những tấm bằng dễ như vậy có còn tôn trọng và thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực trong nước hay không ? Để thế hệ trẻ tôn trọng chúng ta, để lành mạnh đội ngũ trí thức, theo tôi, nên có một cuộc rà soát thật cụ thể tình trạng xuống cấp của các thủ tục cấp bằng ở các trung tâm đào tạo và phải thu hồi lại tất cả những bằng cấp sai quy định, có biện pháp xử lý nghiêm các cá nhân có liên quan.

Năm là, tăng cường đầu tư tài chính của Nhà nước cho hoạt động tạo nguồn nhân lực cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời phải tăng cường công tác quản lý, kiểm tra tổ chức sử dụng một cách hợp lý. Hội nghị Trung ương lần thứ hai (khóa VIII) đã định hướng đầu tư cho khoa học và công nghệ tăng dần đến năm 2000 là 2% GDP và đối với giáo dục và đào tạo là 15% tổng chi ngân sách Nhà nước là rất đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại. Hiện nay còn một số hiện tượng "xin" và "ban" một số đề tài và dự án gây nhiều tiêu cực và lãng phí tiền của của Nhà nước, của nhân dân, cần sớm chấn chỉnh để làm lành mạnh các hoạt động đầu tư nâng cấp cho khoa học, công nghệ cũng như giáo dục, đào tạo.

Sáu là, đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực từ giai cấp công nhân - lực lượng chủ đạo của cách mạng Việt Nam. Mô hình tháp lao động nước ta hiện nay là 88% lao động không lành nghề, 5,5% lao động lành nghề, 3,5% chuyên viên kỹ thuật, 2,7% kỹ sư, 0,3% nhà khoa học và chuyên gia. Trong khi đó, tháp lao động của các nước công nghiệp thường 35% lao động không lành nghề, 35% lao động lành nghề, 24,5% chuyên viên kỹ thuật, 5% kỹ sư và 0,5% nhà khoa học và chuyên gia. Vậy muốn thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đội ngũ này cần phải khẩn trương được đào tạo, nhất là nguồn nhân lực trẻ, để hoàn thành sứ mệnh lịch sử giao phó. Đó là việc làm vừa có tính cấp bách, vừa có tính chiến lược, để bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới.

Tóm lại, chúng ta phải tạo một môi trường tốt cho phát huy nguồn lực trong nước, làm tốt công tác cán bộ, công tác dự báo, kế hoạch đào tạo, tổ chức, sử dụng, đãi ngộ và bảo vệ nguồn nhân lực. Tìm tất cả những giải pháp có thể có để xây dựng bằng được năng lực nội sinh đủ mạnh về khoa học và công nghệ của chúng ta vì một đất nước Việt Nam giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Đất nước ta đang trong giai đoạn cách mạng mới, yêu cầu và đòi hỏi đối với vai trò, vị trí và nhiệm vụ của đội ngũ trí thức Việt Nam nói riêng và nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung ngày càng to lớn. Đội ngũ trí thức, phải cùng với mọi tầng lớp xã hội đưa giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phát vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng nước nhà.❑

Digitized by Google

LÊ HỒNG PHONG, NGƯỜI LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CỦA ĐẢNG NHỮNG NĂM 1932 - 1938

NGUYỄN TRỌNG THỤ

TRONG thập kỷ 30, cùng với tên tuổi của Trần Phú, Nguyễn Văn Cừ v.v., lịch sử còn ghi đậm tên tuổi của Lê Hồng Phong, nhà lãnh đạo đã có đóng góp lớn cho Đảng những năm1932 - 1938.

Lê Hồng Phong, tên thật là Lê Huy Doãn, quê ở làng Thông Lạng (nay thuộc xã Hưng Thông), huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Tháng 1-1924, lúc chưa đầy 22 tuổi, được giác ngộ cách mạng, đồng chí cùng Phạm Hồng Thái sang Xiêm (nay là Thái-lan), rồi sang Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 4-1924, cùng Phạm Hồng Thái gia nhập Tâm Tâm xã, một tổ chức cách mạng do Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn thành lập. Năm 1925, Lê Hồng Phong được dự lớp huấn luyện chính trị do đồng chí Nguyễn Ái Quốc phụ trách. Sau đó, theo sự giới thiệu của Nguyễn Ái Quốc, Lê Hồng Phong được vào học trường võ bị Hoàng Phố, rồi sang Liên Xô học trường Đại học Phương Đông.

Cống hiến lớn nhất của Lê Hồng Phong là đã *góp phần quan trọng phục hồi và thúc đẩy hoạt động của Đảng khi cách mạng gặp bước thoái trào.*

Sau cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931), cách mạng Việt Nam bị địch khủng bố cực kỳ ác liệt, phải chịu những tổn thất lớn. Hàng chục vạn cán bộ, đảng viên và chiến sĩ yêu nước bị bắn giết hoặc bị tù đày. Các cơ sở đảng tan vỡ hàng loạt. Thực dân Pháp ở Đông Dương còn câu kết với đế quốc Anh ở Hương Cảng và bọn quân phiệt ở Trung Quốc, Thái-lan, truy lùng cán bộ của Đảng ta đang hoạt động ở ngoài nước. Ngày 6-6-1931, đồng chí Nguyễn Ái Quốc, lãnh tụ của Đảng bị nhà cầm quyền Anh bắt giam trái phép ở Hương Cảng. Đảng ta đứng trước những nguy cơ lớn.

Trước tình hình đó, cuối năm 1931, sau khi tốt nghiệp trường Đại học Phương Đông, Lê Hồng Phong đã tìm đường về nước với nhiệm vụ nặng nề : chỉ đạo việc tổ chức khôi phục và phát triển các tổ chức đảng, tiếp tục đưa phong trào cách mạng tiến lên. Đến vùng gần biên giới Việt - Trung, đồng chí đã chắp nối liên lạc với các đồng chí trung kiên của Đảng như Hoàng Đình Giong, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Văn Nọn, Lương Văn Chi v.v. tìm cách xây dựng lại hệ thống tổ chức của Đảng. Tháng 6-1932, nhằm kịp thời ổn định tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng, bộ phận lãnh đạo tạm thời của Đảng công bố bản *Chương trình hành động của Đảng* do Lê Hồng Phong khởi thảo. Văn kiện chính trị quan trọng đó đã chỉ rõ đường lối đề ra trong *Luận cương chính trị* năm 1930 là đúng đắn, những tổn thất, khó khăn mà Đảng đang gặp phải chỉ là tạm thời, không thể vì thế mà hoảng hốt, bi quan, thất vọng. Sau khi khẳng định rằng chỉ có đấu tranh dưới ngọn cờ của Đảng thì nhân dân lao động mới có thể tiến hành cách mạng thành công, *Chương trình hành động* đã vạch rõ phương hướng đấu tranh cách mạng, nêu rõ những yêu cầu chung của Đảng và của các tầng lớp quần chúng trong cuộc đấu tranh đó.

Digitized by Google

Chương trình hành động đã mang lại cho cán bộ, đảng viên và quần chúng niềm tin vững chắc vào tiền đồ cách mạng, đẩy lùi tư tưởng hoang mang, dao động, tạo điều kiện cho việc khôi phục nhanh chóng hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào quần chúng. Dựa vào nội dung *Chương trình hành động*, Lê Hồng Phong đã cùng một số đồng chí mở nhiều lớp đào tạo cán bộ cho phong trào trong nước. Sau khi học xong, các cán bộ đó trở về nước, từng bước xây dựng lại các tổ chức của Đảng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh theo mục tiêu của *Chương trình hành động*. Nhờ đó, đầu năm 1933, Xứ ủy Nam Kỳ được tổ chức lại. Năm 1934, Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ được thành lập, tiếp đó là Xứ ủy Trung Kỳ. Một số tỉnh ủy, thành ủy cũng đã được xây dựng lại.

Đầu năm 1934, Ban lãnh đạo của Đảng ở nước ngoài (lúc đó gọi là Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng), do đồng chí Lê Hồng Phong đứng đầu được chính thức thành lập tại Ma Cao (Trung Quốc). Dưới sự chỉ đạo của Lê Hồng Phong, Ban lãnh đạo đã liên hệ với các tổ chức đảng trong nước, lập lại cơ sở ở những nơi bị vỡ, xây dựng cơ sở ở những nơi chưa có, tiến tới thống nhất lực lượng cách mạng trong cả nước. Ban lãnh đạo của Đảng ở nước ngoài cũng đã xuất bản tạp chí *Bôn-sơ-vic*, cơ quan lý luận bí mật của Đảng, làm nhiệm vụ tuyên truyền và hướng dẫn cán bộ, đảng viên hành động theo đường lối, chủ trương của Đảng. Tạp chí này được đưa về phát hành đều kỳ trong nước và được các địa phương sao chép lại để phổ biến rộng rãi. Khi các tổ chức đảng trong nước, đặc biệt là các xứ ủy đã được chấn chỉnh, Ban lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Lê Hồng Phong, đã quyết định triệu tập Hội nghị cán bộ gồm đại biểu các đảng bộ trong nước tới họp ở Ma Cao (Trung Quốc) để cùng thống nhất nhận định tình hình, đề ra chủ trương mới nhằm củng cố Đảng, khôi phục và phát triển các tổ chức quần chúng và chuẩn bị Đại hội lần thứ I của Đảng.

Đầu năm 1935, Lê Hồng Phong dẫn đầu đoàn đại biểu của Đảng đi Mát-xcơ-va dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế cộng sản. Đoàn gồm 3 đồng chí : Lê Hồng Phong, Hoàng Văn Nọn và Nguyễn Thị Minh Khai. Công việc chuẩn bị Đại hội Đảng được giao lại cho các đồng chí Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên v.v... Tại Đại hội lần thứ VII Quốc tế cộng sản (họp từ 25-7 đến 21-8-1935), Lê Hồng Phong đã đọc bản tham luận quan trọng về phong trào cách mạng Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng lập. Cũng tại Đại hội này, Đảng ta được công nhận là một phân bộ chính thức của Quốc tế cộng sản, và đồng chí Lê Hồng Phong, với bí danh Hải An, được bầu làm ủy viên Ban chấp hành Quốc tế cộng sản. Điều đó nói lên ảnh hưởng và uy tín của Đảng ta trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Sự phục hồi lại hoạt động của Đảng tạo ảnh hưởng tốt đẹp trong nước và trong phong trào cộng sản quốc tế, dĩ nhiên có nguồn gốc chủ yếu là lòng trung thành vô hạn, ý chí phấn đấu kiên cường, bất khuất của đông đảo cán bộ, đảng viên, nhưng trong đó vai trò tổ chức và lãnh đạo của Lê Hồng Phong là nhân tố có ý nghĩa quan trọng.

Một cống hiến lớn khác của Lê Hồng Phong là đã *có những đóng góp quan trọng trong việc khởi xướng và chỉ đạo cuộc đấu tranh vì dân chủ và dân sinh ở nước ta những năm 1936 –1938.*

Khi Đại hội lần thứ VII của Quốc tế cộng sản kết thúc, Lê Hồng Phong trở lại Thượng Hải (Trung Quốc) thì Đại hội toàn quốc lần thứ I của Đảng ta đã tiến hành trước đó mấy tháng (họp từ ngày 27 đến 31-3-1935). Đại hội lần thứ I của Đảng đã có những thành công quan trọng, đã khôi phục lại cơ quan lãnh đạo Trung ương, từ đó phục hồi lại hệ thống tổ chức của Đảng, quy tụ các phong trào trong toàn quốc vào một mối duy nhất. Nhưng Đại hội cũng phạm một số thiếu sót trong nhận định, đánh giá tình hình trong nước và trên thế giới, do vậy chưa đề ra được chủ trương và phương pháp đấu tranh thích hợp, khi mà trên thế giới bọn đế quốc phát xít đang ráo riết chuẩn bị

Digitized by Google

chiến tranh. Nhận thức được điều đó, với cương vị ủy viên Ban chấp hành Quốc tế cộng sản, đồng chí Lê Hồng Phong, cùng với Trung ương Đảng đã triệu tập và chủ trì Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng vào tháng 7-1936 tại Thượng Hải. Căn cứ vào diễn biến của tình hình thế giới và tình hình Đông Dương, Hội nghị đã quyết định chuyển hướng mục tiêu và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng, xác định rõ mục tiêu trực tiếp là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh đế quốc, đòi dân chủ, dân sinh và hòa bình. Kẻ thù chủ yếu trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai. Chĩa đúng mũi nhọn vào chúng sẽ có tác dụng phân hóa kẻ thù, cô lập bọn phản động, trung lập hóa những kẻ có thể trung lập. Theo đề nghị của Lê Hồng Phong, Hội nghị quyết định thành lập một mặt trận rộng rãi, lấy tên là *Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương* bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở Đông Dương để cùng nhau tranh đấu đòi những điều dân chủ sơ đẳng. Cùng với việc chuyển hướng về nhiệm vụ cách mạng, Hội nghị quyết định thay đổi *các hình thức tổ chức và phương pháp đấu tranh của quần chúng*, từ tổ chức bí mật, đấu tranh bất hợp pháp là chủ yếu chuyển sang tổ chức và đấu tranh công khai hợp pháp và nửa hợp pháp là chủ yếu.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị cán bộ toàn quốc, lại được Mặt trận nhân dân Pháp khích lệ, phong trào đòi dân chủ, dân sinh lan rộng khắp Đông Dương. Mở đầu là phong trào *Đông Dương đại hội* với hàng trăm ủy ban hành động được thành lập ở các nơi. Các cuộc biểu tình, bãi công đòi dân chủ, dân sinh, đòi thả tù chính trị diễn ra sôi nổi, tiêu biểu là các cuộc bãi công của hàng vạn công nhân mỏ Hòn Gay - Cẩm Phả. Báo chí tiến bộ, trong đó có nhiều tờ báo của Đảng, xuất bản công khai. Sức mạnh đấu tranh của quần chúng đã buộc chính quyền thuộc địa phải ban bố một số quyền tự do, dân chủ và thả hơn 1000 tù chính trị.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng trong nước, cuối năm 1937, Lê Hồng Phong về nước, hoạt động bí mật tại Sài Gòn để trực tiếp cùng Trung ương Đảng chỉ đạo phong trào. Thời gian này, người bạn đời của đồng chí là Nguyễn Thị Minh Khai cũng về nước tham gia Xứ ủy Nam Kỳ kiêm bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Nắm sát tình hình thực tế, Lê Hồng Phong đã cùng với Trung ương Đảng quyết định chuyển *Mặt trận nhân dân phản đế* thành *Mặt trận dân chủ* nhằm tập hợp rộng rãi hơn nữa đông đảo quần chúng, tranh thủ hơn nữa mọi lực lượng có thể tranh thủ. Giữa lúc chủ trương đúng đắn đó đang được sự hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân, thúc đẩy họ đấu tranh giành nhiều thắng lợi mới, thì Lê Hồng Phong bị thực dân Pháp bắt ngày 22-6-1938. Bọn mật thám dùng mọi thủ đoạn tra tấn, dụ dỗ nhưng đồng chí nhất quyết không khai. Không đủ chứng cớ để buộc tội, tòa án của đế quốc Pháp đành kết án đồng chí 6 tháng tù giam và ba năm quản thúc. Thế nhưng, khi chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, dù thời gian quản thúc chưa hết, Lê Hồng Phong lại bị bắt vào giam ở Sài Gòn. Cuối năm 1940, khi đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai bị bắt, đế quốc Pháp đã đê hèn ghép thêm tội cho Lê Hồng Phong và đầy ra Côn Đảo. Biết Lê Hồng Phong là cán bộ lãnh đạo của Đảng và là chồng của Nguyễn Thị Minh Khai, bọn trùm thực dân Pháp ở Nam Kỳ đã ra lệnh cho bọn chúa đảo phải tìm mọi cách hãm hại. Những đòn thù tàn ác, dã man đã làm Lê Hồng Phong kiệt sức dần và mất ngày 5-9-1942. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, Lê Hồng Phong còn nói to lời trăng trối cho bạn tù ở các phòng bên : "Nhờ các đồng chí nói với Đảng rằng, tới giờ phút cuối cùng, Lê Hồng Phong vẫn một lòng tin ở thắng lợi vẻ vang của cách mạng".

Lòng tin vững chắc đó, nguyên nhân quan trọng tạo nên những cống hiến to lớn của Lê Hồng Phong đối với Đảng, đối với nhân dân, mãi mãi là nguồn sức mạnh cho các thế hệ đảng viên trong cuộc đấu tranh vì sự nghiệp cao cả của Đảng. ❑

Digitized by Google

XU THẾ VẬN ĐỘNG TẤT YẾU CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC NGÀY NAY

NHỊ LÊ

TRÁI với sự phỏng đoán của nhiều người, khi "trận động đất lịch sử của chủ nghĩa xã hội" xảy ra, tới mức "không dự đoán trước được hậu quả chính trị, kinh tế và xã hội của nó sẽ trầm trọng đến mức nào" (1), hôm nay, các nước xã hội chủ nghĩa còn lại vẫn tiếp tục tồn tại và lớn mạnh. Cách mạng ở Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba... đã chứng minh tính hiện thực của các cuộc cách mạng dưới ngọn cờ xã hội chủ nghĩa.

Hiện thực ấy có một ý nghĩa đặc biệt to lớn. Nó vạch rõ vận mệnh và xu thế vận động mới của chủ nghĩa xã hội. Nó chứng minh một cách xác đáng về tính chất của thời đại ngày nay - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Nhìn lại lịch sử, nhất là hai thập kỷ bi hùng vừa qua, từ những tầng sâu thẳm, phức tạp, đầy thử thách của thực tiễn, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã ngày càng khẳng định một xu thế vận động mới, tiếp tục đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

1 – Chủ nghĩa xã hội không thể phát triển và tự bảo vệ mình nếu không liên tục cải cách, đổi mới toàn diện một cách có nguyên tắc – con đường tất yếu để giữ vững độc lập dân tộc, ổn định đất nước và đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội là một phong trào hiện thực vận động trên cơ sở khoa học nên không thể không tự làm giàu thêm những tri thức mới, thâu thái những kinh nghiệm mới ; đồng thời phải thay thế, loại bỏ những kết luận, những bài học đã bị thực tiễn lịch sử vượt qua. V.I. Lê-nin đã từng nói : "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm ; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu với cuộc sống" (2). Theo ý nghĩa đó, cải cách, đổi mới chính là nhằm đáp lại đòi hỏi, yêu cầu và thách thức ấy về mặt lý luận của chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, dưới góc độ thực tiễn thì xã hội xã hội chủ nghĩa không phải là một xã hội hoàn chỉnh ngay một lúc, mà cũng như mọi chế độ xã hội khác, nó cần phải được xem xét trong sự biến đổi và cải tạo thường xuyên. Do đó, đổi mới, cải cách đối với chủ nghĩa xã hội càng là một nhu cầu, một tất yếu trong quá trình phát triển của chủ nghĩa xã hội.

Nói cách khác, đổi mới đối với chủ nghĩa xã hội là một *nhu cầu kép*, một *tất yếu thép* về sự đòi hỏi phát triển lý luận tư tưởng và thực tiễn ; đồng thời, là con đường duy nhất đúng, hàm chứa phép biện chứng của nhận thức và phép biện chứng của thực tiễn, có khả năng tìm ra các mâu thuẫn xã hội, xác lập chủ trương giải quyết đúng đắn chúng, để tạo động lực thúc đẩy quá trình phát triển xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội được đổi mới, cải cách mới có thể tự mở đường lịch sử cho sự phát triển của chính nó và nhân loại tiến

(1) *Thông tin những vấn đề lý luận*, số 19-1993, tr 6
(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t 4, tr 232

Digitized by Google

bộ, mới có thể đáp ứng phù hợp với yêu cầu của thời đại nhằm đưa loài người ra khỏi vực thẳm nghèo đói, bệnh tật và lạc hậu, đem lại tự do, công lý và quyền được tôn trọng cho con người. Nhân loại vốn có quyền được hưởng và bảo đảm một cuộc sống tốt đẹp hơn và đang tiếp tục đấu tranh không mệt mỏi vì mục tiêu đó. Chủ nghĩa xã hội đổi mới chính là nhằm kiên trì và nỗ lực thực hiện mục tiêu cao cả ấy.

Xét về nguyên tắc, từ yêu cầu của công cuộc đổi mới, cải cách, không một quốc gia xã hội chủ nghĩa nào lại không hướng tới việc bảo vệ bản sắc dân tộc của mình, bảo vệ những gì đã giành được, những lý tưởng của chủ nghĩa xã hội và những khát vọng của nhân loại tiến bộ ; nghiền ngẫm lại mục tiêu và mô hình chủ nghĩa xã hội, hướng đi và những bước trung gian, hình thức và nhịp độ chuyển hóa xã hội, con đường dẫn tới mục tiêu đó sao cho phù hợp với lợi ích xã hội, với những dự án phát triển đất nước và phù hợp với sự phát triển của nhân loại... Đó là một nhu cầu nội tại đối với sự phát triển. Đồng thời, dù trong xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa hiện nay, nhưng vẫn còn đó chủ nghĩa tư bản - một hệ thống thế giới, đang tấn công quyết liệt vào chủ nghĩa xã hội và xu thế tiến bộ của thời đại cũng mang tính chất thế giới. Cho nên đối lại với sự thách thức đó phải có sức mạnh của chủ nghĩa xã hội và các lực lượng tiến bộ khác, phải có sự kết hợp những mối ràng buộc, phụ thuộc lẫn nhau trong vấn đề toàn cầu hóa và sự gắn bó giữa các "đối tác xã hội" và "đối tác dân tộc". Bản thân thế giới là một, nhưng lại rất đa dạng nên cần thiết phải xây dựng một chủ nghĩa quốc tế mới của các dân tộc đối lại chủ nghĩa tư bản thế giới. Mặc dù trong tình thế chủ nghĩa xã hội có tổn thất một bộ phận quan trọng ở Liên Xô và Đông Âu, nhưng tính chất của cuộc đấu tranh vẫn không thay đổi. Cố nhiên, chúng ta không thể trở lại con đường cũ, mà phải đổi mới nhằm xây dựng có ý thức một hình thái kinh tế - xã hội mới để chấm dứt "thời tiền sử của loài người". Chủ nghĩa xã hội hiện thực phải tiếp tục đáp lại, xứng đáng với thách thức và đòi hỏi ấy của lịch sử. Vì thế, đổi mới và bảo vệ một cách có nguyên tắc trở thành đường lối phát triển cơ bản và quan trọng nhất của chủ nghĩa xã hội, là một tất yếu, một nhu cầu nổi bật, đặc biệt trong vòng gần hai thập kỷ nay.

2 – Mỗi nước càng xuất phát từ thực tế của mình, tự vạch cho mình con đường đi phù hợp với mình bao nhiêu, trên cơ sở tuân theo chủ nghĩa xã hội khoa học, thì thực lực và cơ hội phát triển càng lớn bấy nhiêu.

Những dấu hiệu và sự khởi phát của cuộc cải cách đổi mới kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa đã được đẩy tới mạnh mẽ vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 ở những mức độ khác nhau.

Dù ở mức độ này hay khác, không đều nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa, nhưng thoạt đầu không một nước nào coi nhẹ mục đích chung của tất cả các cuộc đổi mới, là nhằm ổn định và phát triển. Trên cơ sở đó, mỗi nước tùy thuộc vào tình hình kinh tế, chính trị, điều kiện địa lý, cơ cấu dân cư và đặc điểm dân tộc cố gắng lựa chọn những phương pháp và bước đi thích hợp cho đất nước mình. Nghĩa là, mỗi nước đều nỗ lực trả lời các câu hỏi có tính chất bao trùm : ta là ai ? Xuất phát từ đâu và đi tới đâu ? Đi như thế nào và đạt được những gì, một cách hiệu quả nhất ?

Thực tế công cuộc đổi mới, cải cách ngày càng đòi hỏi cần phải có cách nhìn uyển chuyển đối với cách đi của mỗi dân tộc. Đi theo con đường nào, cách thức tiến hành ra sao, đó là công việc riêng của mỗi nước và phải do nhân dân nước đó tự quyết định. Với mục đích thống nhất nhưng sự lựa chọn những con đường, giải pháp khác nhau là hoàn toàn tự nhiên. Mọi sự dịch chuyển mô hình, kinh nghiệm một cách giáo điều chỉ đem lại sự thất vọng và việc "đốt cháy" thời gian, cải cách, cải tổ một cách nóng vội chỉ là ảo vọng mà thôi. Bài học trở nên rõ ràng và đầy thuyết phục là, nếu không xuất phát từ chính mình, từ "cơ sở xuất phát" đến các truyền thống văn hóa, dân

Digitized by Google

tộc, xã hội... để lựa chọn phương thức, con đường, tốc độ cải tổ, đổi mới phù hợp thì không thể tiếp tục tiến lên.

Những cuộc cải tổ, cải cách ở Liên Xô và Đông Âu là bằng chứng về sự "nhảy cực", tự "ly thân" với cả chính mình. Mọi ý định tốt đẹp đã không diễn ra trên thực tế, do không có những cơ sở lý luận được luận chứng một cách khoa học và một cương lĩnh thực thi hiệu quả. Sự phê phán không mang tính xây dựng, cùng với sự lừa mị xã hội bằng các "huyền thoại" đã chuyển thành cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và làm lật nhào tất cả. Kết cục là, chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa ở các nước này bị sụp đổ. Sau sự đổ vỡ, các nhà cải tổ đau đớn nhận xét rằng, họ đã đi chệch khỏi những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội trong cải cách kinh tế. Vai trò định hướng của nhà nước và sự ổn định về chính trị là vô cùng quan trọng nhưng lại bị coi nhẹ. Mức sống chung của toàn dân, đặc biệt là người lao động cần được quan tâm thì không được đối xử thỏa đáng và thiếu những dự án hữu hiệu. Công cuộc cải tổ toàn diện là một quá trình đòi hỏi sự thận trọng thì lại biến thành hành động vội vã trong vài ba năm...

Trong khi đó, các nước xã hội chủ nghĩa Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba... tiến hành cải cách, đổi mới lại theo một mô thức, giải pháp khác.

Những luận điểm then chốt, quan trọng về mô hình "chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc" sớm được xác lập, định hình. Con đường đi lên của Trung Quốc không rập khuôn máy móc mô hình nước ngoài, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm tư tưởng chỉ đạo, xuất phát từ tình hình cụ thể của mình, Trung Quốc xác định đang ở giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội mà giai đoạn này kéo dài cả trăm năm. Trong thời gian này, Trung Quốc phải giải phóng lực lượng sản xuất, xóa bỏ bóc lột, giảm khoảng cách giàu nghèo, nhiệm vụ trung tâm hàng đầu là xây dựng kinh tế, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, hoàn thiện chế độ hội đồng nhân dân, chế độ hợp tác với nhiều đảng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trung Quốc xác định rõ : cơ sở tư tưởng, chính trị của công cuộc cải cách là kiên trì bốn nguyên tắc : kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa ; kiên trì củng cố dân chủ nhân dân ; kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc và kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Mao Trạch Đông. Như một nhà nghiên cứu của Trung Quốc nói : "Người Trung Quốc nhìn nhận chủ nghĩa xã hội theo một cách hoàn toàn khác và đang xây dựng chủ nghĩa xã hội theo cách riêng của mình" (3).

Cuộc cải cách "vì chân lý và lẽ phải" ở Cu Ba được bứt phá từ điểm xuất phát của "năm chạm đáy", "năm ở cuối đường hầm" - 1993. Đảng và Nhà nước Cu Ba nhạy cảm đối với những vấn đề cốt lõi : giải phóng sức sản xuất, thừa nhận vai trò của kinh tế ngoài quốc doanh và sự linh hoạt trong chính trị cũng như ngoại giao. Ngay sau tháng 7-1993, Cu Ba ban hành một loạt biện pháp cải cách kinh tế : cải tiến quản lý nông nghiệp, mở rộng ngành nghề cá thể, mở cửa hơn nữa cho đầu tư nước ngoài và phát triển du lịch, hợp thức hóa việc sử dụng ngoại tệ trong nhân dân, lành mạnh hóa nền tài chính quốc gia... Thực chất đây là quá trình điều chỉnh các quan hệ sản xuất cho phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Cuối năm 1994, Cu Ba thực hiện thành công một biện pháp cải cách táo bạo : mở chợ tự do trao đổi các sản phẩm nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Tuy xác định kinh tế là lĩnh vực ưu tiên nhưng Cu Ba cũng từng bước cải cách hành chính, chính trị nhằm kiện toàn và phát triển thể chế dân chủ ; đồng thời, điều chỉnh đường lối, chính sách đối ngoại năng động nhằm phá thế bị bao vây, cấm vận.

Ở nước ta, từ năm 1986, Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Qua mỗi chặng đường, xuất phát từ chính mình, Đảng và nhân dân ta kịp thời phát

(3) Ly Feng Lin : "Bàn về vấn đề cải cách ở Trung Quốc", Tạp chí *Thông tin khoa học xã hội*, số 2-1997, tr 21

Digitized by Google

hiện vấn đề, sơ kết, tổng kết kinh nghiệm, điều chỉnh bước đi phù hợp nhằm tăng cường năng lực nội sinh, thâu thái sức mạnh bên ngoài, từng bước tiến lên vững chắc theo con đường xã hội chủ nghĩa. Từ thực tiễn một thập kỷ đổi mới : sáu nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới, sáu đặc trưng của xã hội và bảy phương hướng thực hiện sáu đặc trưng đó luôn được Đảng và nhân dân ta tìm tòi và thực hiện một cách thận trọng, hiệu quả. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, như Đảng ta chỉ ra, ngày càng được xác định rõ hơn.

Các nước Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba... tiếp tục ổn định và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa rõ ràng là *bằng, trong* và *nhờ* công cuộc cải cách, đổi mới một cách có nguyên tắc từ suy nghĩ độc lập sáng tạo, thông qua những con đường, phương pháp, cách thức tiến hành phong phú, năng động.

Rõ ràng, bản chất chung và những quy luật chung của chủ nghĩa xã hội, trong những trường hợp khác nhau, cần phải được thực hiện một cách khác nhau thông qua những con đường khác nhau phù hợp với khuôn khổ điều kiện và thời gian khác nhau, trên cơ sở lịch sử và sự tồn tại của các nước không giống nhau nằm trong tiến trình thúc đẩy chung sự phát triển độc lập của chủ nghĩa xã hội khoa học ở từng nước. Đó là một nét tiêu biểu trong xu thế vận động của chủ nghĩa xã hội hiện thực ngày nay.

3 – Dù lâm vào thoái trào, dù bị sụp đổ nơi này hay nơi khác nhưng tất yếu chủ nghĩa xã hội tiếp tục tồn tại, phục hồi và phát triển, chủ nghĩa Mác – Lê–nin vẫn hàm chứa sức sống bất diệt.

Lịch sử là dòng chảy liên tục, đa tuyến và không thuần nhất. Tuy nhiên, có những lúc, ở những tuyến nào đó có sự đổi dòng. Nói như Ph. Ăng-ghen, "sự phát triển biện chứng biểu hiện trong giới tự nhiên và trong lịch sử, - tức là mối liên hệ nhân quả của sự vận động tiến lên từ thấp đến cao thông qua tất cả những sự vận động chữ chi và những bước thụt lùi tạm thời" (4). Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội vừa qua không nằm ngoài quy luật đó. Sự đòi hỏi khách quan đối với sự nghiệp đổi mới, là mục đích phải rõ ràng, con đường dẫn đến đó phải được xác lập đúng đắn, phải hình dung chính xác về tình hình thực tế trong mỗi thời kỳ nhất định và những nhiệm vụ trước mắt của thời kỳ ấy, hay giản dị như điều mà người Xô viết đương thời quan niệm, cải tổ là phải để cho chủ nghĩa xã hội sống "một cuộc đời thứ ba" (*) của V.I. Lê-nin. Nhưng thực tiễn không phải nước nào cũng đạt được như vậy. Hiện nay, trên thực tế, sau hai thập kỷ, chủ nghĩa xã hội hiện thực trở nên hết sức phức tạp, thậm chí có những bộ phận tan vỡ do những sai lầm gây ra, tạo nên diện mạo chung của chủ nghĩa xã hội vào cuối thế kỷ này gồm những mảng sáng, tối chen lẫn nhau, và có những tuyến, những phân hệ nào đó đổi dòng, trở hướng hoặc rẽ ngang. Việc các quốc gia xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô để mất chế độ và chuốc lấy một nền kinh tế bi đát thì thật khó chứng tỏ rằng những con đường cải tổ của họ là đúng đắn.

Sự thất bại có tính lịch sử này là cái cớ để người ta bấu víu vào mà tung hô luận điểm về cái gọi là sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin (!). Song, bên cạnh đó, do đạt được sự "thận trọng và chính xác" cần thiết nên cuộc cải cách, đổi mới ở các nước Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba... đã giành được những kết quả quan trọng trái với sự mong đợi của ai đó về "sự sụp đổ định mệnh của chủ nghĩa xã hội".

Vậy là đã rõ, chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ có một, nhưng có nhiều con đường đến với nó, có nhiều mô hình thể hiện nó. Sự sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu chỉ là sự sụp đổ của một loại mô hình trên con đường đi tìm cách thực hiện lý tưởng cộng sản mà thôi. Cho nên, sự suy luận từ thất bại của một bộ phận, rồi đánh đồng

(4) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1984, t 6, tr 399

(*) Cuộc đời thứ nhất : Khi V.I. Lê-nin còn sống ; cuộc đời thứ hai : sau khi V.I. Lê-nin mất, sự dựng lại lịch sử của Người bằng mọi cách ; và cuộc đời thứ ba : Tư tưởng, phương pháp, phong cách V.I. Lê-nin phải được sống lại chân thật trong công cuộc cải tổ.

Digitized by Google

với sự sụp đổ của một học thuyết khoa học cũng vô lý như sự suy luận từ một dòng sông cụt rồi nói, lý thuyết về mọi con sông đều không tồn tại hoặc không đổ về biển vậy. Lịch sử vốn phức tạp và chưa bao giờ phát triển theo con đường thẳng tắp. Việc lý tưởng cộng sản bị đẩy lùi ở nơi này hay nơi khác không có nghĩa là nó bị xóa bỏ hoặc vĩnh viễn bị loại ra khỏi kho tàng lý luận và trí tuệ của nhân loại. Ph. Hê-ghen, người tiền bối trực tiếp của C. Mác về phép biện chứng, nói rằng : "Triết học hiện đại là kết quả của tất cả các nguyên lý có từ trước đó ; như vậy, không có một hệ thống nào bị lật đổ. Không phải nguyên lý của triết học đó bị lật đổ mà chỉ có sự giả định rằng nguyên lý đó là định nghĩa tuyệt đối cuối cùng *bị lật đổ* mà thôi" (5). Nếu không như thế, nói như C. Mác, thì việc áp dụng lý luận vào bất cứ một thời kỳ nào của lịch sử có lẽ dễ dàng hơn là việc giải đáp một phương trình đơn giản bậc nhất.

Chính vì vậy, chủ nghĩa xã hội dù có lâm vào thoái trào, bị tổn thất một bộ phận nào đó, nhưng không có nghĩa là đã bị diệt vong. Ngay ở Liên Xô và các nước Đông Âu, ngày nay, cũng đang có sự hồi phục của phong trào cộng sản và sự kiên trì đấu tranh cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa, điều khiến cho nhiều nhân vật chống cộng không thể không thừa nhận. Hai học giả phương Tây nổi tiếng là M. Hê-lơ và E.rai-ghen phải thốt lên rằng, chủ nghĩa xã hội là "con rắn bảy đầu", và trong những năm qua, "con rắn" ấy đã hy sinh một vài cái đầu để cứu cả cơ thể của nó" (6). Rõ ràng, từ trong tâm lý hoảng hốt ấy, đã chứa đựng sự thừa nhận trước một sự thật hiển nhiên là, lý tưởng cộng sản không thể bị thủ tiêu, chủ nghĩa xã hội tiếp tục tồn tại và phát triển ; và do đó, chủ nghĩa Mác - Lê-nin vẫn hàm chứa một sức sống bất diệt. Chủ nghĩa xã hội vẫn là xu thế của thời đại mà loài người đang hướng đến. ❑

(5) Dẫn theo tạp chí *Triết học*, số 3-1993, tr 6

(6) Vũ Hiên - Ngô Mạnh Lân : *Vấn đề dân tộc, giai cấp và nhân loại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 62

THỜI ĐẠI NGÀY NAY VÀ VẤN ĐỀ BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC

NGUYỄN HÒA *

1 Sống trong thời đại cách mạng khoa học và công nghệ, loài người được chứng kiến biết bao kỳ tích mà cách đây không lâu mới chỉ là những ước mơ. Khoa học và công nghệ đã nối dài cánh tay con người, giúp họ với tới mặt trăng và khám phá ra những bí ẩn tưởng như bất khả tri. Công nghệ tin học và công nghệ sinh học, mạng INTERNET và sinh sản vô tính... thật sự đã chứng tỏ năng lực phi thường của trí tuệ con người. Song chỉ trong vài thập kỷ, khát vọng thái quá về "chiếc đũa thần kinh tế" đã làm con người sao lãng việc phải hoàn thiện chính bản thân mình và một bộ phận lớn nhân loại đang điêu đứng khi phải đối mặt với nghịch lý sinh tử của sự tăng trưởng đời sống vật chất và sự suy giảm đời sống tinh thần. Sau năm thế kỷ, điều Ra-bơ-le nói : "khoa học mà không có lương tâm chỉ làm bại hoại tâm hồn" đã được kiểm chứng. 300 năm công nghiệp hóa không có trật tự, con người đã phá hoại tự nhiên một cách ghê gớm. Nạn hồng thủy lấp ló ở chân trời ; hẳn Phe-rơ-đây cũng không ngờ rằng hiệu ứng lồng kính lại diễn ra ở tầm vĩ mô làm thủng tầng Ô-dôn và nhiệt độ trái đất tăng dần. Môi trường tự nhiên ô nhiễm nặng nề, dân số gia tăng, cùng các bệnh tật hiểm nghèo... không phải là những nguy cơ

* Học viện Chính trị - Quân sự

Digitized by Google

ngụy tạo. Chúng liên quan tới sự sống còn của mọi quốc gia, rộng hơn là sự sống còn của loài người.

2. Quốc tế hóa về kinh tế và đời sống xã hội ngày nay đang là một đòi hỏi của lịch sử. Cách mạng khoa học và công nghệ tạo ra tiền đề, tạo ra cơ hội cho mỗi dân tộc tiến bước trên lộ trình phát triển. Tuy nhiên, để có thể tiến bước, mỗi dân tộc (đặc biệt là các dân tộc chậm phát triển) cần tỉnh táo vì trước hết những ưu thế về vốn và thị trường lại nằm trong tay các nước công nghiệp, các công ty đa quốc gia. Theo tạp chí "FORTUNE" (Mỹ), doanh thu của 10 tập đoàn kinh tế hùng mạnh nhất thế giới đạt tới con số cao hơn giá trị tổng thu nhập quốc dân của nước Pháp và 20 tập đoàn kinh tế hàng đầu có doanh số một năm lớn hơn thu nhập của 80 quốc gia thuộc thế giới thứ ba cộng lại. Cuộc đổ bộ toàn cầu của các tập đoàn kinh tế gắn liền với tình trạng ngày càng có nhiều các "sản phẩm quốc tế hóa" xuất hiện trên thị trường. Chúng đáp ứng một cách ồ ạt, nhanh chóng các nhu cầu, thị hiếu của toàn nhân loại không phân biệt sắc tộc, màu da. Có mặt trên thương trường, mọi sản phẩm bao giờ cũng hàm chứa trong đó một ý nghĩa tinh thần, bao giờ cũng nhằm phục vụ lợi ích của người làm ra chúng. Từ đồng hóa trong đời sống vật chất đến đồng hóa trong đời sống tinh thần khoảng cách có đâu xa. Cho nên, dù ý thức hay không thì với ưu thế về vốn và hàng hóa người ta cũng đã làm đảo lộn văn hóa của không ít dân tộc ; đến mức đã xuất hiện những thế hệ không biết mình là ai và quên mất mảnh đất dưới chân - nơi mình đang đứng !

Điều trớ trêu là tình trạng mất cân đối đang xảy ra ở các quốc gia được coi là phát triển nhất khi "cái tôi công nghệ" lấn át "cái tôi xã hội" và "công nghệ hiện đại thấm vào toàn bộ các mặt của đời sống con người, làm đảo lộn một cách căn bản các lối sống và tạo ra một kiểu người có nghề nghiệp nhưng bị tha hóa, không có khả năng ý thức được những tài sản nội tại và phát triển chung" (PETER BERGER). Vào cuối thế kỷ, văn minh kỹ trị và tiêu thụ đã mất đi vẻ hào nhoáng, quyến rũ và lộ diện với những khuyết tật kỳ quái. Giết người hàng loạt, tự sát tập thể, lạm dụng tình dục trẻ em... lạ thay lại xảy ra ở các quốc gia giầu có. Bơ vơ trong một xã hội chỉ biết có kiếm tiền và chạy theo lạc thú, con người trở nên cô đơn, họ tự an ủi bằng hêrôin, bằng côcain hay đặt niềm tin vào các giáo lý hoang đường do các dị nhân truyền bá. Không có gì ngạc nhiên, một quốc gia phát triển như nước Mỹ lại có tới hơn 2000 giáo phái khác nhau. Và trong cuốn sách "Ngoài vòng kiểm soát - sự rối loạn toàn cầu bên thềm thế kỷ XXI" tác giả Brê-din-xki đưa ra tới 20 khiếm khuyết của xã hội Mỹ ; ông cho rằng chỉ có đạo đức (xin nhấn mạnh - N.H) mới là phương tiện duy nhất giúp xã hội Mỹ vượt thoát khỏi những khủng hoảng tinh thần. Hóa ra, trong khi ước mơ về một siêu cường có "ảnh hưởng văn hóa toàn cầu với một nền văn hóa đại chúng" thì người ta cũng đang tự biết lo ngại khi xem xét lại mình !

3. Những hiểm họa có nguồn gốc từ cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị ở các xã hội, tình trạng chênh lệch giầu nghèo trong một quốc gia hay giữa các quốc gia, sự căng thẳng giữa khoa học và lương tâm, giữa kỹ thuật và đạo đức đang ngày càng gia tăng và thực sự là mối đe dọa không loại trừ bất cứ dân tộc nào. Toàn cầu hóa về kinh tế và bản thân kinh tế thị trường luôn đi kèm theo một hiệu ứng khó tránh khỏi là làm phai mờ những ranh giới văn hóa dân tộc. Trên con đường đi tìm ý nghĩa của tồn tại, loài người đã thức tỉnh và văn hóa trở về với vị trí là nền tảng tinh thần của xã hội. Hôm nay, "những kích tấc văn hóa của phát triển" đã trở thành một quan niệm phổ biến ; đã đến lúc cần phải nhận thức rằng mỗi dân tộc cần hòa nhập lịch sử và văn hóa vào quá trình phát triển của mình. Không thể phát triển dân tộc nếu cắt đứt mối liên hệ với lịch sử, với văn hóa dân tộc. Nghĩa là phát triển phải được đặt trong tiến trình lịch sử và môi

Digitized by Google

trường văn hóa dân tộc. Trong hoàn cảnh ấy, bản sắc văn hóa dân tộc nổi lên như một yếu tố quan thiết hàng đầu và mỗi dân tộc không thể lẩn tránh việc tìm ra đáp số cho bài toán "hòa nhập nhưng không hòa tan". Không thể đóng cửa tự trị, phải hòa đồng vào với nhân loại và điều đáng quan tâm nhất là hòa nhập nhưng không thể đánh mất mình. Nhiều tình huống có thể xảy ra trong khi hòa nhập về văn hóa, kinh tế và ngay ở châu Á này cũng có những bài học để chúng ta tham khảo.

Mấy chục năm qua, "sự thần kỳ Nhật Bản" là một biểu tượng được thế giới ngưỡng mộ bởi người Nhật khá thành công khi đặt ra và giải quyết công thức "Văn hóa Nhật Bản + kỹ thuật phương Tây". Chỉ trong một thời gian ngắn làm cho mức sống, thu nhập quốc dân, trình độ khoa học công nghệ nhảy vọt mà những yếu tố của truyền thống văn hóa vẫn được duy trì quả là điều đáng khâm phục. Nhưng nay mọi việc dường như đã có biến động. Trong toàn cảnh •xung đột văn hóa Đông - Tây, văn hóa phương Tây đang tỏ ra lấn lướt mạnh mẽ. Tình dục, ma túy và ROCK N' ROLL mê hoặc lớp trẻ trong xu thế đồng nhất hóa đã buộc người Nhật phải chống đỡ một cách vất vả. Bi kịch là ở chỗ : trong khi máy ảnh CANON và đồng hồ SENCO, ôtô TOYOTA và T.V SANYO đang thống trị trên "sân khách" thì tại "sân nhà" các đấu sĩ SUMO lại phải chiến đấu quyết liệt với giáo phái Aum, với tình trạng KAROSI (chết vì làm việc quá nhiều), với hiện tượng ENJO KOSAI (những cuộc gặp gỡ có bồi dưỡng hay một kiểu mại dâm của nữ sinh trung học Nhật Bản)... Ngoài các sản phẩm kỹ thuật, người Nhật không thể đem sân khấu Nô, thơ HAICU, trà đạo ra nước ngoài. Họ tự giới thiệu mình ra thế giới bằng Ka-ra-ô-kê (một sản phẩm duy nhất của văn hóa đại chúng Nhật Bản) và các bộ Man-ga (truyện tranh) mà trong đó chiếm tỷ lệ không nhỏ là các siêu quái, siêu quậy bắp thịt gân guốc, dữ dằn với các pha đánh đấm, giết chóc. Chỉ tính riêng năm 1996, tại Hồng Công có tới 20 bộ truyện tranh Nhật Bản đã dịch và in sang tiếng Hoa bị cấm lưu hành vì có quá nhiều cảnh tượng, chi tiết "SEX" và bạo lực. Tương tự như vậy, ông CHOI JIN (quan chức phụ trách thanh niên của Bộ Văn hóa Thể thao Hàn Quốc) nhận xét : "Khi Hàn Quốc mở cửa thị trường nước mình, đủ loại văn hóa có hại đã thâm nhập vào đời sống lớp tuổi thiếu niên - đặc biệt là những ấn phẩm chui của truyện tranh Nhật Bản". Những sản phẩm kể trên chưa từng có mặt trong văn hóa Nhật Bản truyền thống. Chúng khai sinh trong thời hiện đại và đang làm cho các bậc phụ huynh Nhật Bản lo lắng, có nguy cơ trở thành "biểu tượng của văn hóa Nhật Bản ngày nay", như ông HAYAO KAWAI (Giám đốc Trung tâm nghiên cứu quốc tế về những vấn đề Nhật Bản) đã cảnh báo. Thế là, một cường quốc có ý thức rất rõ ràng về đạo lý và các giá trị của dân tộc mình mà cũng không lường trước được những tác động ngược chiều từ quá trình hội nhập kinh tế, văn hóa. Tình hình đó đòi hỏi chúng ta cần có cách nhìn chính xác và đầy đủ hơn về vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc.

4. Ở buổi hồng hoang của lịch sử, khi con người bắt đầu tụ hợp xây dựng nên những cộng đồng sơ khai đầu tiên thì văn hóa cũng mạnh nha xuất hiện. Giữa các cộng đồng tuy có sự khác nhau ở thời điểm ra đời, tuy có những bước tiến văn hóa nhanh chậm khác nhau thì vẫn cùng hướng tới một mục đích là xây dựng văn hóa riêng của cộng đồng. Văn hóa cộng đồng là kết quả của quá trình thích nghi với tự nhiên, hoàn thiện cộng đồng và liên tục được trao truyền giữa các thế hệ. Đến lượt nó, mỗi thế hệ lại làm cho văn hóa cộng đồng ngày càng phong phú hơn, ngày càng thấm đậm ý nghĩa nhân văn hơn. Thông qua văn hóa, phẩm chất tinh thần, trình độ trí tuệ và giá trị của cộng đồng được thể hiện. Vì thế, văn hóa luôn là một dòng chảy liên tục từ quá khứ, hiện tại đến tương lai và sự thống nhất giữa làm chủ văn hóa quá khứ với sáng tạo

Digitized by Google

những giá trị văn hóa mới là một phương diện cực kỳ quan trọng của quá trình văn hóa cộng đồng. Văn hóa cộng đồng luôn gắn với một dân tộc và như một sự lựa chọn tất yếu từ những điều kiện sinh tồn riêng của dân tộc mà văn hóa cộng đồng đã quyết định sự ra đời một bản sắc văn hóa dân tộc.

Bản sắc văn hóa dân tộc là khái niệm bao quát một cách uyển chuyển, linh hoạt những đặc điểm tạo nên diện mạo, sắc thái văn hóa riêng của dân tộc. Về nội hàm, bản sắc văn hóa là tổng hòa các giá trị, các yếu tố vừa đa dạng, vừa lâu dài của một dân tộc. Bản sắc văn hóa không ra đời một cách ngẫu nhiên. Nó hình thành, khẳng định và phát triển như sản phẩm của hoàn cảnh kinh tế, địa lý, của quá trình dựng nước và giữ nước, của quá trình sáng tạo những giá trị văn hóa nội sinh kết hợp với tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa ngoại sinh. Bản sắc văn hóa vừa gắn với những giá trị cơ bản, cốt lõi của một dân tộc, vừa được biểu thị trong sinh hoạt hằng ngày. Để có những giá trị thiêng liêng tạo nên một bản sắc văn hóa, dân tộc ta phải đổ mồ hôi và đổ cả máu mới có được. Một nhà nghiên cứu văn hóa đã viết : "Muốn chuyển từ một nước nghèo đói sang giầu có chỉ mất vài chục năm, nhưng muốn xây dựng một văn hóa có bản sắc riêng phải mất một nghìn năm".

Xây dựng và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc là yêu cầu khách quan của mọi dân tộc khi gia nhập vào cộng đồng văn hóa nhân loại. Song sự nghiệp đó phải được kết hợp với tính tích cực năng động của nhân tố chủ quan để bảo đảm cho bản sắc văn hóa luôn là bộ phận hữu cơ của sự phát triển dân tộc. Khi một dân tộc quay lưng với truyền thống văn hóa, đánh mất bản sắc văn hóa thì tâm lý sùng ngoại sẽ hoành hành và khả năng bị nô dịch về kinh tế, chính trị là khó tránh khỏi. Đánh mất bản sắc văn hóa là cắt đứt sợi dây thiêng liêng liên kết với quá khứ, để lại hậu quả không thể lường hết. Trước những thách thức của thời đại, bản sắc văn hóa dân tộc là động lực khơi dậy nguồn sinh lực từ lòng tự tôn dân tộc và chính bản sắc văn hóa sẽ tạo ra tính bản thể của sự phát triển dân tộc.

5. Tuy nhiên, bản sắc văn hóa cũng cần phải được nhìn nhận với một thái độ khoa học trên cơ sở của quy luật phủ định biện chứng. Bản sắc văn hóa do nguồn gốc đa dạng của nó, có thể được tạo nên bởi nhân dân lao động, cũng có thể được tạo nên bởi giai cấp thống trị vào thời kỳ lợi ích còn gắn gũi với lợi ích dân tộc, thậm chí còn được tạo nên bởi bộ phận nhân dân lao động bị tha hóa trong điều kiện lịch sử - xã hội nhất định. Trong các yếu tố được xem là bản sắc có cả cái tích cực, có cả cái tiêu cực, đôi khi cái tích cực của quá khứ lại là cái tiêu cực đối với hiện tại. Bản sắc văn hóa dân tộc phải được lựa chọn để tiếp thu yếu tố tinh hoa, cấp cho yếu tố tinh hoa hơi thở của thời đại. Không thể vì giữ gìn bản sắc mà phục hồi những giá trị đã lỗi thời, lạc hậu. Đặc biệt, trong khi nhấn mạnh bản sắc văn hóa cần chú ý tới hai xu hướng : *Một là* dựa trên kinh nghiệm thuần túy, tự ti mà nghi ngại, không chủ động tiếp thu cái mới. *Hai là* đề cao bản sắc văn hóa của dân tộc mình, xem thường văn hóa dân tộc khác theo tinh thần của chủ nghĩa Sô vanh. Về vấn đề này ông MAYOR (nguyên Tổng thư ký UNESCO) có viết : "Văn hóa phải trở thành ký ức của tương lai, rộng mở với người khác, tự phong phú không ngừng, bất tận bằng cách phát huy những nhân tố nội tại, tiếp thu các nhân tố ngoại lai và pha trộn các yếu tố đó một cách hài hòa".

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong điều kiện thời đại đang có những chuyển biến phức tạp thì việc tạo ra một bản sắc văn hóa Việt Nam mới là một vấn đề quan trọng. Muốn vậy, cần nhận thức và xử lý một cách khoa học quan hệ giữa truyền thống văn hóa và tính hiện đại của văn hóa. Giải quyết đúng đắn quan hệ này là một tiền đề quan trọng cho tính liên tục của văn hóa. Là những giá trị văn hóa hình thành và luôn được bổ sung để trở thành phẩm chất văn hóa một dân

Digitized by Google

tộc, truyền thống văn hóa tự thân là một khái niệm có tính biện chứng, nó chuyển tải trong nội hàm hành vi sáng tạo văn hóa và cả hành vi truyền bá những kết quả của sự sáng tạo văn hóa. Truyền thống văn hóa là bộ mặt vật chất, tinh thần của một xã hội trong những thời kỳ lịch sử nhất định. Căn cứ vào truyền thống văn hóa có thể nhận biết các giá trị, phẩm chất các giá trị của một dân tộc. Nhưng phải thừa nhận rằng trong truyền thống văn hóa thường có xu hướng bảo thủ, níu kéo văn hóa trở về với quá khứ, làm văn hóa khó thích nghi khi thời đại lịch sử có thay đổi. Xu hướng bảo thủ của truyền thống văn hóa có mặt tích cực của nó khi tạo ra khả năng tự vệ có hiệu quả trước mọi cuộc xâm lăng văn hóa mà mặt tiêu cực biểu hiện ở chỗ dễ làm cộng đồng dị ứng với các tác động văn hóa từ bên ngoài, dù là những tác động tích cực. Bên cạnh đó, văn hóa là một dòng chảy liên tục mà nguồn gốc sâu xa của động thái này là sự không ngừng gia tăng về chất lượng và số lượng của nhu cầu văn hóa. Đặc tính phát triển không ngừng của nhu cầu văn hóa quy định văn hóa luôn có tính hiện đại, nghĩa là trên cơ sở một truyền thống văn hóa đã được chọn lọc phải thường xuyên bổ sung những yếu tố mới làm sao cho truyền thống văn hóa phù hợp với sự phát triển của thời đại. Tính hiện đại của văn hóa có hai nguồn gốc : từ hoạt động sáng tạo của chủ thể văn hóa dân tộc và từ sự tiếp thu qua giao lưu văn hóa ngoài dân tộc. Tính hiện đại không chỉ giúp truyền thống văn hóa thích nghi với sự phát triển mà còn giúp văn hóa dân tộc thỏa mãn tốt nhất những nhu cầu văn hóa mới nảy sinh trong sinh hoạt xã hội. Giá trị văn hóa hiện đại chỉ thích hợp với truyền thống văn hóa khi nó đáp ứng được nhu cầu văn hóa chân chính của dân tộc, được sự thừa nhận của số đông, trở thành thói quen trong tư duy và hành vi sáng tạo của chủ thể văn hóa dân tộc. Mặt khác, không phải bất cứ giá trị văn hóa nào nảy sinh trong thời đại cũng có thể tiếp thu. Đây là một sự tiếp thu có chọn lọc để giá trị tích cực có thể cộng sinh cùng truyền thống văn hóa. Do vậy, truyền thống văn hóa chỉ có thể phát triển khi không ngừng được bổ sung những giá trị tiên tiến của thời đại, cũng có nghĩa là truyền thống văn hóa và tính hiện đại không tách rời nhau. Chúng thống nhất hữu cơ trong một chỉnh thể, ở đó, truyền thống văn hóa là nền tảng và tính hiện đại phải là sự củng cố cho nền tảng ấy ngày càng bền vững, sự thống nhất phải đạt đến mức tính hiện đại gia nhập và trở thành yếu tố của truyền thống văn hóa. Đây cũng là lịch sử phát triển mang tính quy luật của văn hóa.

Trong thời đại mới, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được xác định là một trong các đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam. Đối với chúng ta, đây là nền văn hóa lý tưởng sẽ và phải được hiện thực hóa trong đời sống xã hội. Nền văn hóa mới là kết quả của quá trình nhận thức, nắm bắt quy luật tiến hóa của văn hóa, đồng thời nhằm thỏa mãn một yêu cầu cao hơn về văn hóa, nó giữ vai trò là nội dung có tính định hướng cho văn hóa. Hơn lúc nào hết, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc đang là một trong những nhiệm vụ cấp bách của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bản sắc văn hóa hôm nay không phải là bản sao của văn hóa quá khứ. Nó là một sự thích nghi, lựa chọn trong không gian và thời gian của CNXH. Bản sắc văn hóa dân tộc phải có một sức sống mạnh mẽ, mang tính hiện đại và "bảo thủ" một cách tích cực theo những nội dung và dưới những hình thức mới. Cần xây dựng cho bản sắc văn hóa thực sự trở thành bản lĩnh, cốt cách của văn hóa mới để văn hóa Việt Nam không thể hòa lẫn với văn hóa dân tộc khác. Bản sắc văn hóa phải tham gia, trở thành bộ phận cấu thành văn hóa XHCN, phải là động lực để từng bước hiện thực hóa các giá trị của CNXH ở Việt Nam. Đây là nhiệm vụ khó khăn nhưng không thể thoái thác vì một lẽ đơn giản : Đánh mất bản sắc văn hóa là đánh mất chính mình và một dân tộc đánh mất chính mình thì không còn gì để tự hào, không còn gì để hy vọng.❑

Digitized by Google

XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC VÀ BÀI TOÁN TĂNG NGUỒN LỰC CHO GIÁO DỤC

VÕ ĐĂNG THIÊN

Mấy năm qua, nền giáo dục nước ta đã có những biến đổi sâu sắc. Từ một nền giáo dục được Nhà nước bao cấp 100% đang dần chuyển sang một nền giáo dục xã hội hóa. Cùng với đà cất cánh của nền kinh tế, nhu cầu học tập, nhu cầu nâng cao dân trí, đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực đang gia tăng mạnh mẽ. Trong khi đó, ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục lại rất hạn chế, không theo kịp quá trình mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Cùng với sự gia tăng đột biến số lượng người học là tình trạng quá tải đối với hệ thống giáo dục công lập, tạo nên những bất bình đẳng sâu sắc về cơ hội giáo dục giữa các nhóm xã hội, các vùng miền trong cả nước. Tất cả những bất cập nêu trên, qua kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới cho thấy, chỉ có thể được giải quyết bằng chủ trương *xã hội hóa, dân chủ hóa giáo dục.*

Lâu nay, một số người vẫn hiểu một cách đơn giản về xã hội hóa giáo dục là Nhà nước san sẻ bớt gánh nặng tài chính cho giáo dục sang phía người dân, quá nặng về khai thác tính chất dịch vụ của giáo dục, dẫn đến những tiêu cực, lệch lạc bị dư luận xã hội phê phán gay gắt như : dạy thêm, tuyển sinh tràn lan vượt quá khả năng cho phép, mua bán bằng cấp, đặt ra nhiều khoản thu phí giáo dục v.v. Tất nhiên, thu hút nguồn lực là một phần quan trọng nhưng nhìn một cách tổng quát, xã hội hóa giáo dục có một nội dung rộng lớn hơn nhiều. Về thực chất, đó là quá trình vận động toàn dân, toàn xã hội tham gia tích cực vào toàn bộ sự nghiệp giáo dục. Điều này được thể hiện trên mấy khía cạnh :

1 - Tạo lập phong trào học tập sâu rộng trong toàn xã hội, vận động toàn dân, trước hết là những người trong độ tuổi lao động thực hiện học tập suốt đời, thiếu cái gì học cái ấy, làm cho xã hội ta trở thành một xã hội mọi người đều học tập.

2 - Tạo lập môi trường giáo dục lành mạnh, vận động toàn dân chăm sóc thế hệ trẻ, phối hợp chặt chẽ các lực lượng cùng tham gia giáo dục : nhà trường - gia đình - xã hội. Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đoàn thể, tổ chức xã hội, kinh tế... đối với sự nghiệp phát triển giáo dục.

3 - Bên cạnh việc củng cố loại hình trường công lập, lấy đó làm nòng cốt, chủ đạo, mở ra nhiều hình thức khác, phát triển các loại hình ngoài công lập : bán công, dân lập, tư thục... ; tạo cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng trong xã hội bằng việc đa dạng hóa nội dung, chương trình, mục tiêu, mềm hóa quy trình đào tạo, áp dụng đào tạo theo học phần, tín chỉ trong các trường đại học, phát triển đại học mở và giáo dục từ xa. Bên cạnh đó, xây dựng cơ chế đánh giá kiểm tra khách quan, khoa học để bảo đảm chất lượng.

4 - Khai thác triệt để và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong xã hội để phát triển giáo dục. Cùng với việc tăng thêm ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục, coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, cần cải tiến chế độ học phí, huy động sự đóng góp bằng nhiều hình thức (hỗ trợ, cho vay, đầu tư...) của các tổ chức, đoàn thể, đơn vị sản xuất kinh doanh, tranh thủ viện trợ quốc tế (chính phủ và phi chính phủ), tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục...

Cuối cùng là xây dựng các thể chế, chủ trương, chính sách, quy định để công cuộc xã hội hóa giáo dục phát triển đúng hướng và đạt hiệu quả mong muốn.

Như vậy, xã hội hóa giáo dục có nguồn gốc sâu xa từ bản chất công bằng, nhân văn của giáo dục nhằm xây dựng một nền giáo dục của toàn dân. Xã hội hóa cũng là một xu hướng phát triển tất yếu của giáo dục nhằm hướng tới một nền giáo dục của xã

Digitized by Google

hội tương lai với những yêu cầu đổi mới cơ bản cơ cấu bên trong của giáo dục theo hướng hiện đại, tăng cường nội lực, tăng cường tính năng động xã hội của giáo dục.

Để xã hội hóa giáo dục, cần nâng cao trách nhiệm của toàn dân đối với giáo dục nhưng đồng thời cũng đòi hỏi giáo dục phải phục vụ toàn dân, bảo đảm tốt công bằng xã hội, vừa khai thác lại vừa bồi dưỡng sức dân, khai thác để phục vụ được tốt hơn.

Quá trình xã hội hóa cũng là quá trình xem xét lại toàn bộ những vấn đề, những yếu tố đan xen, tác động qua lại bên trong và bên ngoài hệ thống giáo dục, tăng cường nội lực hiện có của hệ thống giáo dục, chú ý mối quan hệ giữa 3 yếu tố : quy mô - chất lượng - hiệu quả. Trong khi không ngừng mở rộng quy mô, tăng số lượng người học, đáp ứng nhu cầu học tập đào tạo đa dạng của xã hội thì vấn đề chất lượng, hiệu quả cần được đặt lên hàng đầu. Trong hiệu quả giáo dục có *hiệu quả bên trong* và *hiệu quả bên ngoài.*

Hiệu quả bên trong là hiệu quả của các chương trình mục tiêu, hiệu quả của đội ngũ giáo viên... Ở đây nổi lên hai vấn đề : đầu tư và quản lý. Cần phải có sự đầu tư đủ mạnh, tương xứng với quy mô, vai trò của các mục tiêu đầu tư và tăng cường trách nhiệm, tăng cường hiệu lực của công tác quản lý để bảo đảm cho các nguồn đầu tư được sử dụng một cách có hiệu quả. Chính việc nâng cao hiệu quả bên trong là cơ sở quan trọng cho việc bảo đảm hiệu quả bên ngoài, tức là đóng góp của giáo dục vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Cần phải đặt giáo dục vào trung tâm của sự phát triển, tăng cường công tác nghiên cứu hoạch định chính sách chiến lược, tăng cường công tác dự báo... nhằm hướng sự phát triển của giáo dục vào việc đáp ứng tốt những nhu cầu phát triển trước mắt và lâu dài của đất nước. Việc điều chỉnh cơ cấu giáo dục, khắc phục tình trạng mất cân đối nghiêm trọng trong tỷ lệ giữa các ngành nghề đào tạo, giữa đào tạo nghề, đào tạo trung học chuyên nghiệp với đào tạo đại học hiện nay... có một vai trò rất quan trọng. Gần đây trong trào lưu đổi mới giáo dục, xuất hiện câu nói mang đậm tính thị trường : "dạy cái mà xã hội cần chứ không phải dạy cái mà nhà trường có". Điều này không sai, nhất là xét ở thời điểm ra đời của nó. Nó đã giúp cho các trường thoát khỏi sức ỳ của cơ chế cũ, hòa nhập vào công cuộc đổi mới, gắn đào tạo với những nhu cầu của xã hội. Nhưng hiểu theo một nghĩa nào đó thì nó đã khuyến khích các cơ sở đào tạo chạy theo những nhu cầu học tập thời thượng, khiến người học chỉ đổ xô vào những ngành nghề đang được coi là "mốt", có thể đem lại hiệu quả tức thì, mà bỏ rơi những ngành nghề quan trọng chưa mang lại hiệu quả ngay. Kết quả là các ngành khoa học cơ bản và một số ngành kỹ thuật như : cơ khí, luyện kim, chế tạo máy, nông nghiệp v.v... ở các trường đại học đang trong tình trạng sa sút, thậm chí ngắc ngoải vì ít người học, giáo viên đông hơn sinh viên. Điều đáng ngại là sự sa sút của những ngành, nghề nêu trên nếu không có biện pháp khắc phục kịp thời sẽ để lại những hậu quả khó lường cho sự phát triển của khoa học và kinh tế nước nhà. Bởi vậy, nhìn nhận vấn đề xã hội hóa giáo dục ở đây cần có quan điểm toàn diện và chiến lược.

Vấn đề công bằng xã hội cũng là một ưu tiên hàng đầu của xã hội hóa giáo dục với yêu cầu là làm sao để mọi người dân, dù ở bất cứ địa vị, hoàn cảnh kinh tế, xuất thân, địa bàn cư trú nào cũng có thể tiếp cận các cơ hội giáo dục.

Trong các nội dung xã hội hóa giáo dục nêu trên, vấn đề đa phương hóa nguồn lực là một vấn đề quan trọng, trực tiếp và cấp bách nhất hiện nay, bởi nó liên quan đến việc giải bài toán về ngân sách để duy trì và phát triển ngành giáo dục. Sự gia tăng nhanh chóng về quy mô giáo dục do sự gia tăng dân số và nhất là nhu cầu học tập, đào tạo đang lên cao trong xã hội, cùng những đòi hỏi nâng cao chất lượng, nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất để bắt kịp sự phát triển của kinh tế và khoa học - công nghệ đang đặt giáo dục trước một vấn đề nan giải : thiếu tiền. Xin dẫn ra một số vài con số : năm 1996 tổng yêu cầu chi của giáo dục là 13 144 tỉ đồng, nhưng ngân sách nhà nước chỉ cấp 6 935 tỉ đồng, còn thiết hụt 6 259 tỉ đồng ; dự kiến năm 1997, yêu cầu chi là 16 413 tỉ đồng, khả năng ngân sách cấp là 8 070 tỉ đồng, còn thiếu 8 343 tỉ. Như vậy, trong mấy năm qua, dù đã có rất nhiều cố gắng, nhưng ngân sách nhà nước cũng chỉ mới đáp ứng xấp xỉ trên dưới 50% nhu cầu của giáo dục. Tình trạng "ăn đong", "giật gấu vá vai" vẫn đang là căn bệnh kinh niên của ngành, bởi trên

Digitized by Google

thực tế ngân sách chỉ vừa đủ trả lương. Điều đó đã và đang là trở lực chính cho việc thực hiện các chương trình mục tiêu giáo dục. Vậy thì phải san sẻ cái khoản thiếu hụt khổng lồ về ngân sách giáo dục nói trên cho các lực lượng xã hội khác như thế nào ? Vấn đề đặt ra là : có thể và cần phải chia sẻ với nhà nước đến chừng mực nào ? Ai chia sẻ và chia sẻ dưới hình thức gì ? Vấn đề cần được xem xét một cách hết sức nghiêm túc, có định lượng rõ ràng, cùng các chính sách, thể chế đồng bộ kèm theo nhằm bảo đảm tính công bằng, công khai để làm sao sự hỗ trợ về kinh phí cho giáo dục phát huy được hiệu quả và không trở thành gánh nặng quá lớn đè lên vai mỗi gia đình khi có con em đến trường.

Theo số liệu điều tra xã hội học năm 1996, chi phí trung bình hằng năm của một hộ gia đình cho một học sinh ở thành thị là : tiểu học 260 899 đ ; trung học cơ sở 487 519 đ ; trung học phổ thông 787 537 đ. Ở khu vực nông thôn, con số này thấp hơn : 104 832 đ cho một học sinh tiểu học ; 202 696 đ cho một học sinh trung học cơ sở và 503 228 đ cho một học sinh trung học phổ thông. Gánh nặng chi phí giáo dục tăng lên theo bậc học. Ở bậc tiểu học chiếm 9% so với chi tiêu trung bình một năm của một thành viên gia đình ; trung học cơ sở chiếm 18%, trung học phổ thông 40% và còn cao hơn nữa ở bậc đại học. Những con số nêu trên có thể còn thấp xa so với thực tế, bởi các điều tra thường chỉ thống kê được những khoản nộp công khai, theo quy định, nhưng chúng cũng cho thấy một điều : đây là con số không nhỏ đối với các hộ gia đình nghèo, nhất là ở nông thôn, nơi hộ nghèo còn chiếm đa số. Khả năng chi trả và tính công bằng trong cơ cấu chi phí cha mẹ đóng góp cho con đi học là một vấn đề quan trọng. Việc lựa chọn chính sách có thể tác động trực tiếp đến khả năng đi học của trẻ em nghèo. Bởi vậy, chủ trương "chia sẻ gánh nặng chi phí giáo dục" sang phía người học và gia đình cần được tính toán một cách hợp lý.

Từ một góc nhìn khác, xem xét toàn bộ chi phí giáo dục bao gồm cả phần chi của ngân sách nhà nước và phần đóng góp của người học và gia đình, ta có tỷ lệ : tiểu học, phần gia đình chi trả là 44,5% ; trung học cơ sở : 48,7%, trung học phổ thông : 51,5% ; còn ở đại học là 30,7%. Như vậy, ở bậc đại học, tỷ lệ đóng góp của gia đình còn thấp so với các bậc học dưới. Đó cũng là một căn cứ cho việc tăng học phí : bậc học càng cao thì nghĩa vụ đóng góp càng lớn.

Theo tính toán của Bộ Giáo dục - Đào tạo, nguồn thu từ quỹ học phí hiện nay mới chỉ đạt 167 tỉ đồng ở khối phổ thông và 172 tỉ đồng ở khối đào tạo, cộng lại 339 tỉ đồng. So với con số ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục, năm 1996 là 6 935 tỉ đồng thì quỹ học phí chỉ mới chiếm xấp xỉ 5%, còn so với tổng nhu cầu chi của ngành thì mới chỉ đạt xấp xỉ 2,5%. Một tỷ lệ quá nhỏ bé. Thực trạng của học phí hiện nay là vừa thấp lại vừa bình quân một cách máy móc tuyệt đối giữa các nhóm đối tượng và các vùng miền trong cả nước, vừa chưa tương xứng với hai chữ "học phí" lại vừa tạo nên những bất công giữa đóng góp và hưởng thụ trong giáo dục. Vừa qua Bộ Giáo dục - Đào tạo đã trình lên Chính phủ 3 phương án học phí. Xem bảng sau :

Đơn vị tính : đồng/tháng

Khung học phí / Cấp học	Phương án 1	Phương án 2	Phương án 3
Trung học cơ sở	4 000 - 10 000	4 000 - 20 000	4 000 - 40 000
Trung học PT	8 000 - 15 000	8 000 - 30 000	8 000 - 50 000
THCN-DN	20 000 - 50 000	20 000 - 75 000	20 000 - 100 000
ĐH-CĐ	50 000 - 100 000	50 000 - 120 000	50 000 - 150 000

(Khối phổ thông mỗi năm thu 9 tháng, khối đào tạo thu 10 tháng)

Với 3 phương án trên, phương án 1 mỗi năm thu được 587 tỉ đồng, phương án 2 thu được 882 tỉ và phương án 3 thu được 1 191 tỉ đồng. Đặc điểm chung của cả 3 phương án trên là đều quy định khung học phí dải rộng, giữ một mức sàn tối thiểu như nhau và khác nhau ở mức tối đa nhằm chống

Digitized by Google

bình quân, tạo điều kiện khai thác tối đa nguồn thu từ học phí. Trên cơ sở khung học phí dải rộng do Chính phủ quy định, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sẽ quy định mức đóng góp cụ thể căn cứ vào mức sống, thu nhập, khả năng đóng góp của dân cư trên địa bàn. Theo thông tin từ Bộ Giáo dục - Đào tạo nếu không có gì thay đổi phương án học phí mới sẽ bắt đầu được thực hiện từ năm học 1997 - 1998.

Như vậy chủ trương tăng học phí đã được khẳng định. Nhưng học phí là một vấn đề rất nhạy cảm, đụng chạm đến mọi gia đình. Bởi vậy, việc tăng học phí sẽ không khỏi gây nên những chấn động. Cần có những chính sách đi kèm để làm giảm thiểu những chấn động đó. Tăng học phí ở những khu vực kinh tế phát triển, thu nhập cao trên mức trung bình cả nước nhưng đồng thời lại phải có chính sách giảm, miễn học phí, trợ cấp học bổng đối với các địa phương, các đối tượng nghèo bảo đảm những học sinh, sinh viên có năng lực không phải bỏ học vì lý do kinh tế. Trên thực tế, "gánh nặng giáo dục" đang ngày càng trở nên quá tải đối với đa số nhân dân, nhất là đối tượng nông dân và những người lao động làm công ăn lương bình thường. Nhưng điều đáng nói hơn là học phí lại không phải là phần chính trong gánh nặng đó mà phần chính lại thuộc về những khoản "lệ phí" được các trường định ra một cách tùy tiện những khoản "phí ngầm". Chẳng hạn, một học sinh phổ thông cơ sở ở Hà Nội hiện nay, học phí chỉ có 5 000đ/tháng, nhưng riêng tiền học thêm một môn tối thiểu cũng đã 5 000đ/tháng và có đến 7-8 môn phải học thêm. Rõ ràng học phí ở đây chỉ chiếm một phần quá nhỏ bé trong các khoản tiền mà các em "tróc nã" bố mẹ hằng ngày. Để việc tăng học phí không làm tăng thêm gánh nặng giáo dục cho người dân, ngành giáo dục cần tăng cường trách nhiệm quản lý, thiết lập trật tự kỷ cương trong nhà trường, kiên quyết loại bỏ các "lệ phí", "phí ngầm" ngoài quy định, chấm dứt tình trạng dạy thêm cưỡng ép...

Theo những phương án học phí nêu trên, trong trường hợp cao nhất, trong những năm học tới quỹ học phí cũng chỉ thu được trên 1000 tỉ đồng. Một nguồn thu quan trọng khác từ người học là nguồn đóng góp xây dựng trường sở (theo quan điểm của Bộ Giáo dục - Đào tạo, học phí không thể thay thế được nguồn này), mỗi năm thu được khoảng 480 tỉ đồng. Ngoài ra còn nguồn thu từ xổ số kiến thiết (nguồn này không ổn định và chưa có cơ chế điều hành) được khoảng 376 tỉ đồng mỗi năm ; việc mở rộng khu vực giáo dục ngoài công lập (tư thục, bán công, dân lập) trong thời gian tới (chiếm 1/5 quy mô học sinh) cũng có thể chia sẻ được với ngành giáo dục một khoản kinh phí hằng năm gần 800 tỉ đồng. Còn một nguồn thu hết sức quan trọng cho giáo dục nhưng hiện mới chỉ nằm trong dự kiến, chưa có những quyết định, chính sách, cơ chế cụ thể của Chính phủ và cũng đang có nhiều ý kiến bàn luận là nghĩa vụ đóng đảm phụ giáo dục của các đơn vị, tổ chức sản xuất kinh doanh với tư cách là người sử dụng lao động đã qua đào tạo. Nếu nguồn thu từ đảm phụ giáo dục được đưa vào Luật giáo dục và được Chính phủ quy định cụ thể trong thời gian tới thì theo tính toán của các chuyên gia giáo dục, tổng kinh phí đóng góp theo nghĩa vụ mà xã hội "chia sẻ" với Nhà nước trong gánh nặng ngân sách giáo dục có thể lên tới trên 6000 tỉ đồng. Đây là con số dự báo lạc quan nhất cho năm 2000 với những cơ chế và chính sách đồng bộ, thích hợp.

Trong khi đó theo dự báo của Bộ Tài chính, năm 2000, tổng nhu cầu chi cho giáo dục là 28 250 tỉ đồng, khả năng đáp ứng cao nhất của ngân sách thời điểm đó là 12 921 tỉ đồng, cộng với 6000 tỉ đồng nói trên thì con số thiếu hụt vẫn là gần 10 000 tỉ đồng.

Như vậy, khả năng huy động sự đóng góp có tính nghĩa vụ của xã hội cho giáo dục không phải là vô tận, nếu không nói là khá hạn chế, chưa thể giải quyết một cách cơ bản những thiếu hụt ngân sách cho giáo dục. Việc bù đắp con số 10 000 tỉ đồng nêu trên xem ra vẫn là một bài toán khó giải, một thách thức gay gắt cho việc thực hiện các mục tiêu giáo dục năm 2000 và những năm sau đó. Đó là một thực tế cần được nhận thức rõ để có những định hướng và chính sách thích hợp nhằm hướng

(Xem tiếp trang 60)

Digitized by Google

THẾ NÀO LÀ BÓC LỘT ?

VŨ HIỀN

CHUNG quanh vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân, trong thảo luận cũng như khi giải quyết những trường hợp cụ thể, một trong những nguyên nhân gây ra sự lúng túng, thậm chí bế tắc là chưa có quan niệm thống nhất và đầy đủ về vấn đề bóc lột.

Chúng ta dễ dàng nhất trí với nhau về việc đảng viên phải có lao động, không được bóc lột, nhưng hiểu thế nào là bóc lột thì lại không đơn giản. Có khi cùng xem xét một doanh nghiệp do đảng viên làm kinh tế tư nhân, người thì đánh giá là đơn vị tích cực cần được khuyến khích, nhân rộng, người lại coi đó là hiện tượng tiêu cực, là quan hệ bóc lột cần phải xử lý kịp thời.

Do vấn đề phức tạp như vậy, người viết bài này xin được nêu một cách tiếp cận để bước đầu đưa ra một quan niệm về bóc lột trong điều kiện nước ta hiện nay.

1 - Bóc lột trước hết phải được xem là một phạm trù lịch sử, xuất hiện cùng với việc xuất hiện giai cấp. Trong cuốn sách "Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và nhà nước", Ăng-ghen viết : "Cùng với chế độ nô lệ là chế độ đã đạt tới mức phát triển cao nhất trong thời đại văn minh, thì cũng diễn ra sự phân chia lớn đầu tiên của xã hội thành giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột. Sự phân chia đó cứ tiếp tục tồn tại trong suốt thời đại văn minh. Chế độ nô lệ là hình thức bóc lột đầu tiên, mà chỉ riêng thế giới thời cổ mới có ; chế độ nông nô kế tiếp nó trong thời Trung cổ, và chế độ làm thuê trong thời hiện đại. Đó là ba hình thức nô dịch lớn đặc trưng cho ba thời đại lớn của văn minh" (1).

Sự khác nhau căn bản giữa sự bóc lột thời nô lệ với bóc lột thời phong kiến và bóc lột tư bản chủ nghĩa là biểu hiện mức độ trắng trợn của hành vi bóc lột. Mức độ trắng trợn nhất, dã man nhất của bóc lột nô lệ là sự chiếm đoạt hoàn toàn, cả tự do cá nhân, cả sản phẩm mà người nô lệ làm ra. Người nô lệ như một thứ đồ vật, như một công cụ lao động hoặc như kiếp ngựa trâu. Đến chế độ phong kiến, nông nô có phần được tự do thân thể hơn và bị địa chủ, lãnh chúa bóc lột bằng tô tức. Chế độ tư bản chủ nghĩa do có sự phát triển xã hội - kinh tế, hình thức bóc lột tinh vi hơn, có bộ mặt mới mẻ hơn và người bị bóc lột được tự do cá nhân, tự do thân thể, tự do bán sức lao động cho nhà tư bản. Mặt khác, hình thức bóc lột mang tính cưỡng chế, chiếm đoạt một cách phi kinh tế ở chế độ tư bản có phần hạn chế hơn. Nếu như kẻ bị bóc lột trước chủ nghĩa tư bản hoàn toàn là người bị cưỡng đoạt thì đến chế độ tư bản chủ nghĩa, cũng người làm thuê nhưng có vẻ như "bình đẳng", "thuận mua vừa bán" hơn, kiểu cách bóc lột văn minh hơn !

2 - Các Mác là người khám phá ra sự kỳ lạ, tinh vi của hành vi bóc lột. Sự giải thích mácxít về bóc lột bắt nguồn từ học thuyết giá trị. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, sản xuất dựa trên cơ sở lao động làm thuê. Nhà tư bản tìm thấy trên thị trường một thứ hàng hóa mà sự tiêu dùng nó lại tạo ra một giá trị lớn hơn giá trị của nó vốn có. Sức lao động trở thành hàng hóa đặc biệt có đặc tính phù hợp với yêu cầu của người đang tìm kiếm nó. Giá trị của hàng hóa sức lao động được thể hiện bằng giá trị của những phương tiện sinh sống cần thiết cho việc duy trì cuộc sống của người thợ và gia đình của họ. Giá trị này được đo bằng thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra phương tiện ấy. Nhưng giá trị và sức lao động khi nó vận hành lại được tạo ra đại lượng lớn hơn nhiều, và chính sự chênh lệch giá trị này mà các nhà tư bản đã tìm kiếm, sử dụng và chiếm đoạt. Sự chênh lệch đó là điều kiện tiên quyết và cần thiết của sự bóc lột tư bản chủ nghĩa.

Đặc trưng bóc lột của chủ nghĩa tư bản là sự bóc lột giá trị thặng dư. Giá trị thặng dư là giá trị mà người lao động làm thuê tạo ra vượt quá giá trị sức lao động của họ. Giá trị đó nhà tư bản được

(1) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, t 6, tr 269 - 270

Digitized by Google

chiếm hữu không phải trả tiền. Ngày công của người công nhân làm cho nhà tư bản được chia làm hai phần : Thời gian lao động cần thiết (dùng để người lao động tái tạo sức lao động của mình) và thời gian lao động thặng dư (là thời gian tạo ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản). Theo Mác, thời gian lao động cần thiết là để duy trì bản thân người lao động, tái sản xuất sức lao động, trong đó có cả việc duy trì thế hệ kế tiếp của người lao động ; và thời gian lao động thặng dư chính là để sản xuất ra các phương tiện cho người sở hữu tư liệu sản xuất (giới chủ thuê mướn lao động), hoặc là phục vụ một phần cho phúc lợi công cộng để rồi sau đó người lao động sẽ hoặc là được hưởng gián tiếp, hoặc được hưởng trực tiếp. Tuy nhiên, dù người lao động có nhận lại một phần m dưới các dạng khác nhau, có thể là sự "quan tâm" của giới chủ, thì những chi phí đó phải tỷ lệ thuận với phần m thuộc về lợi ích của giới chủ. Điều đó khẳng định cho dù chế độ tư bản có tô son điểm phấn bằng phúc lợi xã hội cho mọi người thì cũng luôn thể hiện trước hết phục vụ cho những kẻ chiếm đoạt giá trị thặng dư.

Mác và Ăng-ghen quan niệm rằng, tư bản không phải là tiền, không phải là một vật thể mà chính là một quan hệ xã hội. Nó mang tính lịch sử và tạm thời. Nó cũng mang tính ảo tưởng, che lấp bằng mối quan hệ giữa các vật (những tư liệu sản xuất và hàng hóa) và chính nó là nguồn gốc tạo ra sự sùng bái hàng hóa. Mác cho rằng giá trị thặng dư được tạo ra bởi các bộ phận cấu thành có những vai trò hết sức khác nhau.

Quan điểm của Mác và Ăng-ghen về bản chất của bóc lột là khoa học và chính xác. Điều đó thể hiện rất đặc trưng trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh.

Đến giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền - nhà nước, bên cạnh việc sản xuất, trao đổi ngang giá theo đúng quy luật giá trị, còn có việc trao đổi không ngang giá do sự không chế, thao túng của các tổ chức độc quyền. Vì thế, trong giai đoạn này, ngoài các hình thức bóc lột giá trị thặng dư tuyệt đối và tương đối, còn có thêm hình thức bóc lột siêu ngạch độc quyền cao.

Trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, ở những nước tư bản phát triển có hiện tượng là một số nhà tư bản trả công cho công nhân đầy đủ giá trị sức lao động, và hình như ở đó không còn bóc lột. Nếu đi sâu vào bản chất, như phân tích của Mác, ngay cả khi giá trị sức lao động được trả đầy đủ thì hiện tượng bóc lột vẫn cứ xảy ra. Vả lại, không phải ngẫu nhiên mà giai cấp tư sản có lòng tốt đối với người làm công ăn lương mà chính do sự đấu tranh có tổ chức của họ đã buộc nhà tư bản phải nhượng bộ. Giai cấp tư bản do thu được những nguồn lợi nhuận khổng lồ nên bớt một phần để xoa dịu những mâu thuẫn giữa tư bản và lao động. Bù lại, những người kinh doanh tư sản bóc bột nặng nề hơn đội ngũ đông đảo người làm thuê ở nơi khác, nước khác với những giá công vô cùng rẻ mạt.

Một hiện tượng khác ở các nước phát triển hiện nay là có những xí nghiệp hoàn toàn tự động hóa hoặc rô-bốt hóa. Ở đó không có lao động làm thuê, không có tư bản khả biến thì có sự bóc lột không ? Chúng ta biết rằng, ngay cả trong xưởng máy hoàn toàn tự động hoặc hoàn toàn do rô-bốt thì những thiết bị tự động đó cũng do lao động của người công nhân đã làm ra trước đó. Vả lại, do mục tiêu lợi nhuận, nhà tư bản chỉ trang bị tự động hóa hoặc rô-bốt hóa ở những nơi cần thiết nhất, còn lại họ vẫn sử dụng lao động làm thuê. Nhưng điểm quan trọng hơn là giá trị của hàng hóa như ta đã biết, không phải do chi phí sản xuất cá biệt quyết định mà do toàn xã hội quyết định, nghĩa là có sự bình quân hóa giá trị thặng dư. Giá trị thặng dư trong sản phẩm của xưởng máy đã tự động hóa cũng chính là bộ phận giá trị được phân phối lại giữa các xí nghiệp khác nhau. Từ đó, chúng ta càng thấy rõ hơn là sự bóc lột luôn mang tính đối kháng giai cấp sâu sắc, toàn bộ giai cấp tư bản bóc lột toàn bộ giai cấp công nhân, chế độ tư sản là chế độ bóc lột.

Vậy bản chất của sự bóc lột là gì ? *Theo nghĩa chung nhất của từ này, bóc lột có thể quan niệm là một hành vi mà những người này chiếm đoạt những sản phẩm lao động của người khác ; tập đoàn người hay giai cấp này chiếm đoạt lao động, sản phẩm lao động của tập đoàn người khác hoặc giai cấp khác. Bóc lột là một hiện tượng mà những người làm ra sản phẩm thặng dư bị người chiếm hữu tư liệu sản xuất chiếm đoạt.*

Kẻ bóc lột dù cá nhân, tập đoàn hoặc giai cấp những kẻ chiếm hữu tư liệu sản xuất cũng đều chung một cách thức là dùng nó để chiếm đoạt không bồi hoàn những sản phẩm lao động thặng

Digitized by Google

dư, đôi khi cả một phần lao động cần thiết của những người sản xuất trực tiếp. Sự bóc lột ra đời cùng với sự xuất hiện sản phẩm thặng dư, chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự phân chia xã hội thành những giai cấp đối kháng nhau. Sự bóc lột là quan hệ vốn có của những hình thái kinh tế - xã hội dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Tính chất của quan hệ sản xuất chiếm địa vị thống trị trong xã hội cũng quyết định cả những hình thức bóc lột tương ứng.

Người bị bóc lột - là cá nhân, tập đoàn hoặc giai cấp những người không có tư liệu sản xuất trong tay, phải lệ thuộc hoàn toàn hoặc một phần, phải làm thuê cho những người có tư liệu sản xuất để kiếm sống. Theo từng hình thái kinh tế - xã hội, tính chất, mức độ bóc lột khác nhau nên hoàn cảnh của đội ngũ những người bị bóc lột cũng khác nhau.

Bóc lột và bị bóc lột là những phạm trù kinh tế - chính trị, đồng thời cũng là phạm trù đạo đức. Bóc lột, thậm chí cả hình thức bóc lột cưỡng bức phi kinh tế như sự bóc lột ở chế độ nô lệ và phong kiến, không phải bao giờ cũng bị coi là xấu xa và bị lên án. Mỗi hình thái bóc lột của chủ nô, của chúa đất phong kiến, của nhà tư bản đều đã từng đóng vai trò tích cực, đóng góp vào sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội, đã từng xem là tiến bộ và được chấp thuận. Bất kể bóc lột dưới hình thái nào cũng tạo điều kiện để sức lao động có thể sử dụng công cụ lao động tác động vào đối tượng lao động. Từ đó mới tạo cho xã hội có sản phẩm. Nếu không có sự kết hợp đó, xã hội không thể phát triển, công cụ lao động không thể được cải tiến và trình độ sản xuất, quản lý không được nâng lên. Một hình thái bóc lột nhất định chỉ bị lên án về mặt đạo đức, bị xem là xấu xa, bệnh hoạn, phi lý, khi mà phương thức sản xuất chứa đựng hình thức bóc lột ấy đã lỗi thời về mặt lịch sử. Muốn xóa bỏ một hình thức bóc lột cụ thể, hoặc xóa bỏ mọi hình thức bóc lột nói chung, nhất định phải có những điều kiện nhất định dựa trên sự phát triển rất cao của lực lượng sản xuất. Do đó, cần phải có quan điểm lịch sử khi đánh giá các hiện tượng bóc lột, không phải với sự bóc lột nói chung mà với từng trường hợp cụ thể.

Quan niệm về bóc lột nguyên gốc là bắt nguồn và nằm trong phạm vi khu vực sản xuất vật chất. Có người mua sức lao động và lại có người bán sức lao động để thực hiện một quá trình sản xuất cho ra một bộ phận sản phẩm thừa, khi ấy mới có bóc lột. Nhưng do sự phát triển phức tạp của sản xuất và những biến động nhiều vẻ của xã hội, quan hệ chủ thợ không còn đơn lẻ mà thành quan hệ giữa các giai tầng khác nhau, giai cấp khác nhau làm cho phạm vi bóc lột cũng không hạn chế trong lĩnh vực sản xuất. Ở các lĩnh vực khác như phân phối, lưu thông, dịch vụ... cũng đều xuất hiện hình thức bóc lột mới, đa dạng.

3 - Với tư cách là một chế độ xã hội, chế độ ta là chế độ dân chủ, công bằng, văn minh, không có bóc lột. Nhưng trong thời kỳ quá độ, về mặt khách quan vẫn có những cơ sở nảy sinh bóc lột, và về mặt chủ quan, chúng ta chấp nhận sự tồn tại trong một chừng mực nhất định của quan hệ bóc lột. Vì thế, việc đánh giá, nhìn nhận, quan niệm về bóc lột trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay là hết sức phức tạp. Vấn đề bóc lột phụ thuộc vào ba yếu tố : cơ chế thị trường, vận động của nhiều thành phần kinh tế, sự điều tiết vĩ mô của nhà nước của nhân dân, vì nhân dân, cho nhân dân theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Do ba yếu tố trên, những hình thái biểu hiện của bóc lột không thể giống hẳn với hình thái truyền thống và vì thế, quan niệm về bóc lột cũng không thể cứng nhắc như quan niệm truyền thống. Quan niệm bóc lột trong tình hình như vậy cần rộng hơn và mềm dẻo hơn.

- *Quan niệm mở rộng :* Dựa trên luận cứ bản chất nhất của hành vi bóc lột. Bản chất gốc gác thì có một nhưng hình thức bóc lột bao giờ cũng có biến thiên, đổi dạng theo thời gian và không gian, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội. *Cái chung nhất, bản chất nhất của bóc lột là hành vi, thủ đoạn, cách thức của một người, nhóm người hoặc giai cấp này chiếm đoạt của cải, tài sản của người khác, nhóm khác hoặc của chung xã hội. Sự chiếm đoạt biểu hiện là sự vượt quá giá trị mà lẽ ra người đó được hưởng.* Tiêu chí để phân biệt có bóc lột hay không có bóc lột là ở chỗ kẻ có thu nhập cao có phải do lao động, do năng lực, cống hiến hay không và có ích cho xã hội hay không ? Nếu quan

Digitized by Google

niệm như thế thì ta thấy rõ ngoài những hình thức bóc lột trong sản xuất, lưu thông, bóc lột trực tiếp hoặc gián tiếp người lao động ; còn có dạng bóc lột khác là hành vi tham nhũng, lợi dụng chức quyền để có thu nhập bất chính - đó là những kẻ mà thu nhập của chúng không có nguồn gốc từ lao động hoặc vượt quá nhiều so với sức lao động và của cải mà chúng bỏ ra. Đây là dạng bóc lột phi lý nhất, có hại cho bất kể xã hội nào. Đối với nước ta hiện nay, dạng này càng có hại vì nó không hề có một tác động tích cực nào đến sản xuất và các mặt đời sống xã hội.

Vậy, nếu mở rộng quan niệm thì mọi hành vi tham lam và chiếm quá giới hạn, "ngồi mát ăn bát vàng", không làm có hưởng đều thuộc phạm trù bóc lột. Từ đó, có thể chỉ tên những kẻ tham nhũng, bòn rút của cải Nhà nước hoặc của tư nhân đều là những kẻ bóc lột. Những hành vi này đồng thời là tội phạm.

- *Quan niệm mềm dẻo :* Như trên đã phân tích, bóc lột là quan hệ xã hội, quan hệ giữa người với người trong sản xuất và sinh hoạt đời sống. Quan hệ xã hội chịu sự chi phối của chế độ xã hội và quan hệ sản xuất. Trong tình hình nước ta hiện nay có điểm khác nhau căn bản giữa kinh tế thị trường ở nước ta với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Đó là sự khác nhau về tính chất của chế độ sở hữu tuy cũng là nhiều thành phần kinh tế nhưng khác nhau về định hướng và mục tiêu kinh tế. Do sự khác biệt như vậy, quan hệ bóc lột cũng không thể hiểu cứng nhắc như trong chủ nghĩa tư bản.

Hành vi bóc lột điển hình nhất trong chế độ tư bản - chế độ người bóc lột người - là bóc lột lao động làm thuê. Ở nước ta hiện nay, do tồn tại nhiều thành phần kinh tế nên một thời gian dài vẫn còn kinh tế tư nhân và vẫn có lao động làm thuê. Trong điều kiện đó, quan hệ bóc lột không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, nếu nhìn cẩn trọng hơn, ta thấy việc thuê mướn nhân công tuy có can dự vào hành vi bóc lột, nhưng đối với nước ta hiện nay, không phải mọi trường hợp đều là bóc lột nguyên nghĩa hoặc đầy đủ. Một mặt, việc thuê mướn nhân công ngay cả của tư bản tư nhân cũng phải tuân thủ pháp luật của nước ta nên hành vi bóc lột bị hạn chế đi nhiều. Nếu như luật pháp của các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu là để bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản thì ngược lại, luật pháp của nước ta phục vụ và bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động. Mặt khác, hiện tại có nhiều cơ sở sản xuất tư nhân tạo công ăn việc làm cho người trong gia đình mình, họ hàng thân thích. Ở đó, quan hệ chủ thợ không rõ ràng, ăn chia sản phẩm không mang tính chất bóc lột. Thành bại của các cơ sở kinh tế như thế này đều có gắn bó mật thiết giữa người chủ sản xuất và người sản xuất.

Để phân định rõ trong các trường hợp này có hay không có bóc lột, có lẽ cần phân tích công thức $C + V + m$ trong điều kiện hiện nay. Theo Mác, nhà tư bản xuất tiền để tiến hành sản xuất, đã mua hai loại hàng hóa trên thị trường là tư liệu sản xuất (C) và sức lao động (V). Cả C và V đều mua bán đúng giá thì sau quá trình sản xuất, người chủ vẫn thu về được m. M là giá trị thặng dư mà nhà tư bản có toàn quyền bỏ túi, chi dùng cho sản xuất mở rộng ra hoặc để sinh hoạt. Nhưng nếu như m thu được của các chủ sản xuất hiện nay lại chia tách ra những phần khác nhau như : để tái sản xuất mở rộng, nộp thuế, bảo hiểm, đóng góp phúc lợi xã hội, thưởng cho công nhân... và cả để bỏ túi người chủ, thì tính chất của m đã khác trước. Ngoài phần m bỏ túi người chủ, phần còn lại, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp là thuộc về người lao động. Vậy là ngoài V là tiền lương ra, người lao động còn được hưởng cả một phần của m, như thế quan hệ ở đây không thể hoàn toàn là quan hệ bóc lột.

Tính mềm dẻo trong quan niệm về bóc lột không phủ định quan niệm truyền thống, nhưng cần có phân định từng trường hợp cụ thể. Cụ thể ở xã hội nước ta hiện nay có yếu tố mới là thuê nhân công chưa chắc đã phải là bóc lột. Hành vi cũng gọi là thuê mướn nhưng đã khác chế độ tư bản rất nhiều.

Tính mềm dẻo trong quan niệm bóc lột còn căn cứ vào quan hệ giao tiếp, ứng xử. Nếu người thuê và người bị thuê có quan hệ bình đẳng thỏa thuận và tôn trọng lẫn nhau thì tính chất lại hoàn toàn khác. Ví dụ hiện tượng thuê người nội trợ trong gia đình, thuê người trông trẻ, thuê người dạy dỗ con cái... đang phát triển hiện nay ở các thành phố lớn. Ở đây không thể gọi là bóc lột và bị bóc lột và không thể gọi là quan hệ chủ thợ, mà là công ăn việc làm và sự phân phối lại thu nhập.

Digitized by Google

- Những biến thể của quan niệm về bóc lột :

Bản chất ăn bám và thối nát nhất của chủ nghĩa tư bản là tư bản cho vay thuần túy ăn lãi. Nhưng đối với chúng ta hiện nay, dơ bản chất chế độ xã hội có khác, quan niệm về vấn đề này cũng phải khác. Ví dụ vấn đề gửi tiết kiệm, mua tín phiếu kho bạc, thậm chí cả xổ số kiến thiết, về bản chất không phải là hành vi bóc lột. Mục tiêu của công việc này là phục vụ lợi ích toàn xã hội, trong đó mọi thành viên đều có phần đóng góp và có phần hưởng thụ. Vậy nên nếu xét trên phương diện toàn xã hội thì những vấn đề trên là "ích nước lợi nhà".

Quan niệm truyền thống và quan niệm của chúng ta hiện nay đều khẳng định : ở các doanh nghiệp nhà nước không có bóc lột. Vì đó là sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước nên những người làm ở đây vừa là làm để lấy tiền công do nhà nước trả, vừa là đóng góp cho xã hội do mình là chủ. Tuy nhiên, trong thực tế đã nảy sinh những khía cạnh mới mà nếu không khắc phục và ngăn chặn, cũng sẽ nảy sinh những hành vi bóc lột : *Một là,* nhiều doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa, nên có thành phần sở hữu tư nhân ; *Hai là,* ở nhiều nơi thu nhập của người lao động không đủ so với giá trị sức lao động ; Ba là, một số kẻ lợi dụng chức quyền, tự ban hành chế độ thu nhập cho riêng mình vượt xa công sức bỏ ra và vượt quá xa người lao động, có không ít nhà quản lý kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước tự coi mình như ông chủ mới.

4 - Việc xác định có bóc lột hay không có bóc lột đối với đảng viên làm kinh tế tư nhân phải dựa trên những căn cứ và tiêu chí cụ thể, xác thực.

Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam vừa thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân, đồng thời phải chấp hành Nghị quyết của Đảng và tuân thủ Điều lệ Đảng. Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là một chủ trương lâu dài nhằm thu hút mọi lực lượng, mọi tiềm năng vào guồng máy hoạt động sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân. Nhiều đảng viên của chúng ta có khả năng làm kinh tế giỏi và có vốn. Đảng viên có thể làm việc ở doanh nghiệp nhà nước và cũng có thể làm doanh nghiệp tư nhân. Như vậy, việc đảng viên làm kinh tế trong đó có cả kinh tế tư nhân cũng là thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, Đảng không chỉ cho phép mà cần khuyến khích.

Tuy nhiên, đã là đảng viên thì không được bóc lột. Khi đảng viên làm kinh tế tư nhân, muốn xem có bóc lột hay không bóc lột không nên chỉ căn cứ vào số vốn pháp định và số lao động thuê mướn như quy định hiện nay (mặc dù đây là những căn cứ rất quan trọng) mà cần dựa vào một số tiêu chí khác nữa như :

Một là, mục tiêu lập doanh nghiệp và hoạt động của doanh nghiệp cũng như hành vi có chính đáng hay không, có lợi cho xã hội hay không. Điều này có thể xác định được theo mấy khía cạnh : ý đồ lập doanh nghiệp là để làm giàu cho cá nhân hay góp phần hữu ích cho xã hội, là để kiếm lợi nhuận hay giải quyết công ăn việc làm cho người lao động ; là làm ăn nghiêm chỉnh hay là thủ đoạn tinh vi để bòn rút của cải, tài sản của nhà nước ; người chủ doanh nghiệp có tham gia lao động hay chỉ bỏ vốn thuê người làm để kiếm lời.

Hai là, quan hệ phân phối giữa người chủ doanh nghiệp với người lao động như thế nào. Trước hết quan hệ này phải dựa trên cơ sở Luật lao động. Có bóc lột hay không thể hiện ở thời gian lao động, cường độ lao động và thu nhập của người lao động so với các xí nghiệp cùng lĩnh vực, so với địa bàn khu vực đó là thấp hay cao. Có bóc lột hay không còn thể hiện ở thu nhập của chủ doanh nghiệp có phù hợp và đúng mức hay vượt quá mức được hưởng. Quan hệ này còn thể hiện ở việc bảo đảm những lợi ích của người lao động ngoài lương, ở thái độ của người chủ doanh nghiệp đối với người lao động...

Ba là, tư cách đảng viên của chủ doanh nghiệp biểu hiện như thế nào trong việc thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước về thuế, tham gia giải quyết các vấn đề xã hội, đóng đảng phí... Doanh nghiệp của đảng viên nhất định phải gương mẫu hơn, tích cực hơn, hữu ích hơn các doanh nghiệp tư nhân khác. ❑

Digitized by Google

ĐẢNG BỘ YÊN BÁI LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VÙNG CAO

NGUYỄN VĂN Ý *

Yên Bái là tỉnh miền núi có diện tích tự nhiên trên 6 800km^2, dân số 70 vạn người, gồm 31 dân tộc anh em (người Kinh 53%, Tày 17,2%, Dao 10%, Mông 9%, các dân tộc khác 9,8%). Tỉnh có 9 huyện, thị, 178 xã, phường ; trong đó vùng cao có 70 xã với 596 thôn, bản được phân bổ trên 7 huyện. Hai huyện Mù Căng Chải và Trạm Tấu được xếp loại là huyện trọng điểm vùng cao của các tỉnh miền núi phía Bắc.

Vùng cao Yên Bái có vị trí rất quan trọng, chiếm 67% diện tích tự nhiên và trên 30% dân số toàn tỉnh. Đó là nơi sinh sống lâu đời của đồng bào các dân tộc thiểu số, nơi có tiềm năng phong phú và đa dạng, với 70% diện tích đất lâm nghiệp. Đó còn là nơi đầu nguồn sinh thủy của sông Hồng, sông Đà, sông Chảy có ảnh hưởng lớn đến môi sinh, môi trường trong tỉnh và các tỉnh đồng bằng trung du Bắc Bộ. Vùng cao của Yên Bái có nhiều đường giao thông thuận lợi qua các tỉnh biên giới phía Bắc để đi Lào và Trung Quốc.

Với vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng như vậy, cho nên trong những năm qua và nhất là 5 năm gần đây đảng bộ Yên Bái đã tập trung mọi nỗ lực vào việc lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội vùng cao và đã đạt được những kết quả bước đầu rất đáng khích lệ :

Cuộc vận động đồng bào các dân tộc vùng cao định canh, định cư, bỏ trồng cây thuốc phiện gắn với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa đã thu được kết quả quan trọng. Trên 10 ngàn hộ (chiếm gần 60% số hộ và nhân khẩu vùng cao) đã ổn định sản xuất, đời sống. Yên Bái đã phá bỏ được gần như toàn bộ số diện tích trồng cây thuốc phiện trước đây và thay thế vào đó là những cây công nghiệp, hoặc cây ăn quả có giá trị kinh tế cao. Một bộ phận đồng bào vùng cao đã bước đầu tiếp thu được tiến bộ kỹ thuật trong thâm canh tăng vụ trên ruộng lúa và nương màu.

Kinh tế lâm nghiệp có tiến bộ rõ rệt. Thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng của Đảng, Nhà nước, tỉnh Yên Bái đã trồng mới được 24 000 ha rừng, khoanh nuôi tái sinh 46 000 ha rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng nguyên liệu giấy. Nhiều hộ nhân dân từ lâu có thói quen chặt phá rừng, nay đã trở thành các hộ gương mẫu trong bảo vệ và phát triển vốn rừng. Nạn cháy rừng đã giảm nhiều so với trước đây. Việc khai thác rừng đã đi vào nền nếp và được quản lý chặt chẽ.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của vùng cao được xây dựng và phát triển nhanh chóng. 100% số xã vùng cao có trường tiểu học và bệnh xá. Tỉnh có 8 trạm phát lại truyền hình ở các khu vực xã vùng cao. Huyện lỵ vùng cao Mù Căng Chải, Trạm Tấu được xây dựng khá hoàn chỉnh. Tỉnh có 7 trường phổ thông dân tộc nội trú, tuyển chọn và nuôi dưỡng gần 2000 học sinh từ trung học cơ sở trở lên là con em dân tộc vùng cao.

Các huyện, xã vùng cao của tỉnh được xây dựng và củng cố vững chắc về an ninh và quốc phòng.

Toàn bộ 70 xã vùng cao của tỉnh đã có tổ chức cơ sở đảng, trong đó 48 xã có đảng bộ cơ sở, 28 xã có chi bộ và tất cả các thôn bản đều có đảng viên. Năm 1996, số đảng viên mới tăng trên 30% so với năm 1992. Trình độ văn hóa của đảng viên các xã vùng cao được nâng lên rõ rệt. Năm 1996 số có trình độ văn hóa cấp III chiếm 17,59%, tăng 29,8% ; cấp II chiếm 41,04%, tăng 51,5% ; cấp I chiếm 40,8%, tăng 7,9% so với năm 1992. Trình độ chuyên môn và lý luận chính trị của cán bộ đảng viên đều có tiến bộ nổi bật. Trên 10% số đảng viên ở cơ sở đã có trình độ chuyên môn từ sơ cấp trở lên, trên 60% đã qua các lớp lý luận chính trị.

* PTS, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Yên Bái

Digitized by Google

Đội ngũ cán bộ, đảng viên của các xã vùng cao trưởng thành nhanh chóng. Năm 1996, qua kết quả khảo sát và lấy phiếu tín nhiệm cho thấy : trên 80% đảng viên đạt loại tốt, 17% trung bình, loại yếu kém chỉ trên dưới 2%.

Cùng với những thành tựu nêu trên, kinh tế - xã hội vùng cao Yên Bái cũng còn một số tồn tại, cần được tiếp tục quan tâm giải quyết. Thí dụ :

Tiến bộ đạt được nhìn chung còn chậm và thấp hơn so với tiềm năng, mức đã đầu tư và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng cao trong quá trình đổi mới của đất nước. Kinh tế chậm phát triển, tính tự nhiên, tự cấp, tự túc còn phổ biến, gần 40% số hộ và số dân còn du canh, sản xuất còn lạc hậu, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Những ưu thế về đất đai, nghề rừng chưa được khai thác đầy đủ. Một số tập tục lạc hậu về mặt xã hội chậm được khắc phục. Cuộc vận động xóa bỏ cây thuốc phiện, thanh toán nạn nghiện hút và lưu thông thuốc phiện tuy đạt được kết quả bước đầu, nhưng chưa vững chắc. Trình độ dân trí thấp, số người chưa biết chữ và chưa biết tiếng phổ thông ở vùng cao còn tới 60 - 70% dân số, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên quá cao (trên 3,5%).

Kết cấu hạ tầng ở mức độ thấp. Đường giao thông, trường học, bệnh xá, trụ sở của các xã v.v... đã có, nhưng phần lớn còn đơn sơ. Công nghiệp, thủ công nghiệp, thương mại ở mức sơ khai, nghèo nàn.

Hệ thống chính trị tuy đã được kiện toàn và củng cố qua các kỳ đại hội và qua bầu cử, nhưng nhìn chung năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, sự điều hành của chính quyền và hoạt động của các đoàn thể quần chúng còn nhiều hạn chế. Đội ngũ cán bộ cơ sở nói chung có uy tín, có nhiệt tình, song còn thiếu tri thức trong thực thi các nhiệm vụ mà vùng cao đòi hỏi.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị, Nghị định 72 và 960 của Chính phủ, đại hội 14 Đảng bộ tỉnh Yên Bái đã xác định rõ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng cao đến năm 2000 với những nội dung cơ bản sau đây :

1 - Tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng cao theo hướng sản xuất hàng hóa ; liên kết chặt chẽ với các vùng trong tỉnh và khu vực.

Những năm trước mắt phải tập trung vào sản xuất nông - lâm nghiệp, trong đó trọng tâm vẫn phải sản xuất lương thực để bảo đảm đời sống, xúc tiến nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa. Giải quyết lương thực ở vùng cao theo quan điểm kinh tế hàng hóa là kết hợp giữa sản xuất lương thực trên diện tích đất ruộng, nương hiện có với việc phát huy thế mạnh về các sản phẩm từ rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả, dược liệu, chăn nuôi. Đưa 30% diện tích lúa ruộng một vụ lên 2 vụ đi đôi với thâm canh, đưa giống lúa, ngô mới vào gieo trồng, phấn đấu đưa năng suất lúa lên 6,5 tấn/ha cả năm, ngô 2,5 tấn/ha để có thể tăng gấp 2 lần sản lượng hiện nay, đáp ứng 80% nhu cầu lương thực và 20% lương thực được thay thế bằng việc chuyển đổi từ các sản phẩm lâm nghiệp và nông nghiệp khác. Trong 5 năm tới sẽ phát triển thêm 1 500 ha chè trên núi cao có chất lượng cao, sạch ; trồng trên 1000 ha cây ăn quả bao gồm cả quả sơn tra để chế biến nước giải khát và rượu vang. Nhiệm vụ trọng tâm của lâm nghiệp là tiếp tục giao đất, giao rừng để tất cả đất rừng đều có chủ ; lấy khoanh nuôi tái sinh rừng hỗn giao hiện có làm chủ yếu, kết hợp với trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất với các cây bản địa (quế, trám, vạng, lát, tre, nứa, vầu) và các cây dược liệu khác. Các xã vùng cao phấn đấu nâng mức tán che phủ của rừng từ 20% hiện nay lên trên 40% vào năm 2000. Cải tạo đàn gia súc hiện có, tiếp tục tổ chức đưa khoa học công nghệ mới vào lai tạo đàn bò, đàn trâu, đàn dê, đàn ngựa để cho số lượng nhiều, sản lượng cao, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu của thị trường tiêu thụ. Phát triển mạng lưới công nghiệp, thủ công nghiệp chế biến và các cơ sở dịch vụ, lưu thông hàng hóa, bao gồm cung ứng tư liệu sản xuất, hàng hóa tiêu dùng và tiêu thụ sản phẩm. Trước mắt, xây dựng một số cơ sở chế biến chè loại nhỏ (5 tấn/ngày) sơ chế hoa quả và các loại dược liệu, củng cố các cửa hàng vật tư phục vụ nông nghiệp, ngân hàng phục vụ người nghèo, các cửa hàng thương mại và các chợ ở huyện lỵ và cụm xã vùng cao.

2 - Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng tạo điều kiện để kinh tế phát triển và củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Mở mang giao thông nông thôn, nối liền các thôn, bản, xã với huyện lỵ và các trục đường quốc lộ theo phương châm lấy nhân lực tại chỗ, vật liệu tại chỗ và kỹ thuật phổ cập là chính. Phấn đấu đến năm 2000 có 80% số xã và cụm xã có đường ô tô đi qua trung tâm, trên 60% hộ nông dân có điện tiêu dùng, có nước sạch sinh hoạt và 1/3 số xã vùng cao có điện thoại.

3 - Hoàn thành cơ bản việc định canh định cư, xóa bỏ triệt để việc trồng cây thuốc phiện.

Digitized by Google

Để giúp đồng bào yên tâm định canh, định cư cần có quy hoạch giao đất, giao rừng cho họ, giúp đỡ họ về giống, phân bón, kỹ thuật sản xuất, phương pháp quản lý chi tiêu trong gia đình, cho vay lương thực khi giáp vụ, tạo thêm việc làm để có thu nhập, bảo đảm mức sống hằng ngày.

4 - Phát triển sự nghiệp giáo dục - y tế, văn hóa - xã hội, nâng cao dân trí là yêu cầu cấp bách để phát triển kinh tế - xã hội vùng cao.

Tỉnh chủ trương mở rộng các loại hình trường lớp phổ thông bán trú, nội trú cho phù hợp với tình hình, đặc điểm của vùng cao. Động viên 75% trẻ em từ 6 đến 10 tuổi đến trường, 50% trẻ em 5 tuổi được học chương trình mẫu giáo trước khi vào lớp 1. Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục phổ thông và bổ túc văn hóa, xóa mù chữ cho những người trong độ tuổi. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các xã với nội dung thiết thực, dễ tiếp thu. Kết hợp dạy ở trường với đi học thực tế trong và ngoài địa phương. Nhà nước giúp đỡ các xã vùng cao xây dựng trường lớp bán kiên cố và kiên cố với phương châm xã lo vật liệu tại chỗ, nhà nước hỗ trợ toàn bộ chất lợp, cung cấp đủ giáo viên, sách vở cho học sinh. Thông qua mạng lưới trạm y tế xã, cán bộ y tế xã thuộc biên chế nhà nước tổ chức tốt việc vận động giáo dục nhân dân phòng bệnh, chữa bệnh, sử dụng các loại thuốc của y tế cung cấp và thuốc khai thác từ các nguồn dược liệu tại địa phương. Tích cực tuyên truyền vận động thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, giảm tỷ lệ tăng dân số 0,09%/năm. Tiếp tục xây dựng thêm các trạm phát lại truyền hình, cung cấp máy thu thanh, thu hình, mở rộng phát hành báo đảng địa phương, bản tin nội bộ và các báo, tạp chí của trung ương xuống các xã bản, nhằm tăng mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân..

Để thực hiện được những nội dung nêu trên Đảng bộ tỉnh Yên Bái chú trọng thực hiện 5 giải pháp cơ bản :

Một là, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh đủ sức lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở vùng cao. Trước hết, tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng. Củng cố, kiện toàn chính quyền các cấp, nhất là chính quyền các xã và các thôn bản. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, động viên và tổ chức quần chúng đoàn kết thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, phát động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng khu dân cư mới, khắc phục các tập tục lạc hậu để xây dựng đời sống mới.

Hai là, đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, trước hết là sản xuất nông - lâm nghiệp để tạo ra năng suất, sản lượng cao. Bảo đảm cuộc sống cho nhân dân, nâng cao dần trình độ dân trí, đẩy lùi bệnh tật, xóa các tệ nạn xã hội.

Ba là, thực hiện đồng bộ các giải pháp tài chính, tín dụng, huy động được nhiều nguồn lực của các thành phần kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội đối với vùng cao. Sử dụng tốt các nguồn vốn thuộc chương trình dự án trong nước và nước ngoài tài trợ, dành một phần hợp lý nguồn ngân sách của tỉnh để trợ giúp đồng bào phát triển sản xuất, trợ giá cho thu mua tiêu thụ sản phẩm, miễn giảm thuế theo luật cho các đơn vị, các cơ sở sản xuất - kinh doanh ở vùng cao.

Bốn là, thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, tạo điều kiện cho vùng cao có bước phát triển nhanh về kinh tế. Có chính sách ưu tiên để khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất kinh doanh ở vùng cao như : ưu tiên vay vốn, về thời gian được miễn thuế, hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng nhà xưởng, cửa hàng, kho, trạm trại. Ngoài ra còn được ưu tiên về quy hoạch đất đai để nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất v.v...

Năm là, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Với địa bàn rộng, núi non hiểm trở, đi lại khó khăn, để bảo đảm xã hội ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững, đối với vùng cao cần tăng cường giáo dục pháp luật cho nhân dân để mọi người dân tự giác sống và làm việc theo pháp luật, khắc phục tình trạng làm theo những luật lệ riêng của bản, của dòng họ trái với pháp luật quy định. Đồng thời xây dựng cơ sở thôn, bản vững mạnh, đủ sức giải quyết được những vấn đề nảy sinh ở cơ sở, không để kẻ địch lợi dụng tuyên truyền, cài cắm, móc nối gây mất ổn định. Truy quyết bọn tội phạm hình sự, bài trừ các tệ nạn xã hội làm cho môi trường cuộc sống ở thôn bản, cụm dân cư lành mạnh, nhân dân yên tâm lao động sản xuất và tổ chức tốt đời sống xã hội.

*

Phát triển kinh tế - xã hội vùng cao là vấn đề lâu dài, gian nan và phức tạp. Qua thực tế của tỉnh Yên Bái chúng tôi thấy nếu có định hướng đúng, có phương pháp tổ chức thực hiện phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng dân tộc, nhất định sẽ mang lại kết quả mong muốn. ❑

Digitized by Google

LÀO CAI XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CƠ SỞ VÙNG CAO

NGUYỄN NGHĨA VỤ *

Là một tỉnh miền núi, vùng cao biên giới phía Bắc của Tổ quốc, Lào Cai có những đặc điểm mang tính chất chung của miền núi, vùng cao, đồng thời còn có những đặc điểm riêng mang tính đặc thù. Lào Cai có diện tích tự nhiên 8 050 km^2, bao gồm 180 xã, phường, thị trấn, trong đó có 152 xã vùng cao. Lào Cai có vị trí chiến lược quan trọng, có cửa khẩu quốc tế và quốc gia. Vùng cao phía Bắc tập trung 31/54 dân tộc của cả nước, thì ở Lào Cai có tới 26 dân tộc. Quy mô một xã vùng cao rất lớn, diện tích nhiều xã vùng cao của Lào Cai bằng cả một huyện vùng đồng bằng. Các làng bản trong xã thường cách xa nhau, giao thông kém phát triển, hiện tại vẫn còn 33 xã vùng cao chưa có đường ô tô về tới trung tâm xã.

Các thiết chế trong xã hội truyền thống ở làng, bản có ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc củng cố và xây dựng bộ máy chính quyền cơ sở ở vùng cao Lào Cai. Đáng chú ý nhất là thiết chế cộng đồng dòng họ và cộng đồng làng bản. Trong quan hệ dòng họ, nổi bật là vai trò trưởng họ. Đó là những người hiểu biết về phong tục tập quán của địa phương, có uy tín, có điều kiện kinh tế khá giả. Họ là những người thay mặt dòng họ giao tiếp với dòng họ khác, đưa người của dòng họ mình ứng cử vào các tổ chức : hội đồng nhân dân và chính quyền cơ sở ; đồng thời là người có tác động nhiều đến chính quyền cũng như bộ máy đảng, đoàn thể ở địa phương. Nét đáng chú ý nữa ở vùng cao Lào Cai là cấp xã tuy là cấp hành chính, nhưng mọi sinh hoạt văn hóa, kinh tế, xã hội mang tính cộng đồng đều thể hiện ở thôn, bản.

Các dân tộc ở vùng cao Lào Cai chiếm 80% dân số toàn tỉnh, thường sống xen kẽ nhau. Xã có dân số đan xen ít nhất là 2 dân tộc, một số xã đan xen từ 3 đến 5 dân tộc. Cư trú đan xen thường dẫn đến hai khuynh hướng có phần đối lập nhau : đoàn kết, đùm bọc, che chở, giúp đỡ nhau, hiềm khích, xích mích, xung đột cục bộ.

Phải thấy hết những đặc điểm nêu trên thì việc xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở vùng cao của Lào Cai mới đạt được kết quả tốt đẹp.

Đội ngũ cán bộ cơ sở vùng cao của Lào Cai trong những năm gần đây có bước tiến bộ đáng kể. Họ đang là lực lượng nòng cốt thực hiện sự nghiệp đổi mới ở địa phương. Năm 1985, trong đợt khảo sát cán bộ chủ chốt ở vùng cao biên giới, có tới 20% cán bộ chỉ biết một chữ ký, không thảo được văn bản, 70% cán bộ mới có trình độ từ lớp 1 đến lớp 3. Vừa qua khảo sát 422 cán bộ chủ chốt ở cơ sở (bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch) kết quả như sau :

Chức danh	Tổng số	Lớp 1-2		Lớp 3-4		Cấp 2		Cấp 3	
		Số người	%	Số người	%	Số người	%	Số người	%
Bí thư	138	28	20	31	22,6	60	43,4	19	13,7
Chủ tịch	130	20	15	34	26,1	71	54,6	11	8,4
Phó chủ tịch	154	23	19	41	26,6	73	47,4	16	10,3

Tuy nhiên, việc xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở vùng cao tỉnh Lào Cai vẫn còn nhiều khó khăn phải tiếp tục giải quyết. Mặc dù số lượng cán bộ người địa phương hiện nay có tăng hơn những năm 80 là 5,7%, song trong hàng ngũ cán bộ còn thiếu đồng bộ, đang hẫng hụt, sự kế tiếp giữa các thế hệ cũ - mới, già - trẻ còn chưa thích ứng. Phần lớn cán bộ hiện nay là già ; số dưới 30 tuổi mới chiếm tỷ lệ 9,8%, trong số này chủ yếu là cán bộ mới bổ sung sau khi tách tỉnh (10-1991). Đời sống cán bộ cơ sở vùng cao còn gặp nhiều khó khăn. Hiện có tới 85% số cán bộ khó khăn về đời sống kinh tế. Vì vậy vẫn

* PTS, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Lào Cai

Digitized by Google

còn tình trạng cán bộ cơ sở bỏ việc (chiếm 1%), mà chủ yếu là do khó khăn về kinh tế.

Sở dĩ có tình hình trên có những nguyên nhân : Một thời gian dài chúng tôi chậm quy hoạch cán bộ. Sự quan tâm của các cấp ủy, các ngành đối với công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở chưa đồng đều, thường xuyên. Có lúc, có nơi còn buông lỏng, thiếu chủ động, chưa nhận thức đúng vị trí, tầm quan trọng của nó. Nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng chưa đổi mới ; sự nghiệp giáo dục chậm phát triển. Một số chính sách chế độ đào tạo, bồi dưỡng và quá trình chuyển đổi cơ chế chưa phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương.

Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở ở vùng cao có những điểm khác với vùng trung du và đồng bằng. Đối với vùng cao Lào Cai, chúng tôi chú ý trước hết tới nguồn cán bộ tại chỗ, người địa phương. Đó là những người am hiểu sâu sắc địa bàn và dân cư. Ngoài ra có thể điều động những cán bộ ở địa bàn vùng núi nơi khác hoặc cán bộ vùng xuôi đến, khi cơ sở vùng cao chưa đủ cán bộ. Đó là những cán bộ chính trị được tăng cường (phái viên), cán bộ y tế, giáo viên, cán bộ kỹ thuật, cán bộ địa chính v.v... Đồng thời phải tăng cường đào tạo, bồi dưỡng để ngày càng có nhiều cán bộ tại chỗ đủ tiêu chuẩn. Trong đội ngũ cán bộ tại chỗ đối với vùng cao, có thể vận động đưa già làng, trưởng bản vào trong đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị cơ sở. Thực tế cho thấy, nếu già làng, trưởng bản cũng đồng thời là cán bộ của đảng bộ, chính quyền, đoàn thể thì phong trào ở địa phương hoạt động hiệu quả hơn. Phải kết hợp thật tốt cán bộ tại chỗ và cán bộ tăng cường đến cơ sở. Cán bộ nơi khác phái đến trình độ thường cao hơn, kinh nghiệm nhiều hơn ; nhưng cán bộ tại chỗ lại hiểu rõ nhân dân, am hiểu tình hình địa phương, quen thuộc công việc hơn. Hai loại cán bộ đó phải giúp đỡ nhau, bồi đắp cho nhau thì công việc mới có hiệu quả. Việc đào tạo một đội ngũ cán bộ ở vùng cao thực sự tâm đầu ý hợp với nhau là rất cần thiết, nhưng cũng cần phải ngăn ngừa tính cục bộ địa phương, họ hàng. Không chú ý điều này trong công tác cán bộ dễ xảy ra tình trạng bè cánh, mất đoàn kết. Do vậy, cùng với việc thường xuyên coi trọng công tác giáo dục phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, mục tiêu lý tưởng cho cán bộ, cần đưa cán bộ vào hoạt động thực tiễn trong phong trào cách mạng của quần chúng để rèn luyện, thử thách và từ đó để chọn lọc cán bộ.

Một vấn đề hết sức quan trọng nữa là chọn nguồn để đào tạo cán bộ cho vùng cao. Nguồn đào tạo chủ yếu của chúng tôi là từ trường dân tộc nội trú. Chúng tôi đào tạo qua 2 mô hình : đào tạo liên tục có hệ thống hoặc tuyển chọn từ thực tiễn cử đi học theo yêu cầu của từng loại cán bộ. Đồng thời đưa số quân nhân người địa phương đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự vào bồi dưỡng. Đây là hướng cần thiết để tạo nguồn cán bộ lâu dài cho các cơ sở vùng cao.

Cũng cần phải có chính sách đãi ngộ thỏa đáng về vật chất và tinh thần đối với cán bộ cơ sở vùng cao, nhất là cán bộ chủ chốt. Để thu hút và giữ được lâu dài đội ngũ cán bộ cho địa bàn miền núi vùng cao, phải đổi mới hệ thống chính sách, đặc biệt là chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ cấp xã. Thu nhập của cán bộ xã có ý nghĩa quyết định đến tinh thần và chất lượng công tác của họ. Thu nhập của cán bộ xã hiện nay chủ yếu từ sinh hoạt phí và từ hoạt động kinh tế gia đình, tập thể. Về chế độ sinh hoạt phí cho cán bộ xã, phường, thị trấn do Chính phủ ban hành tại Nghị định số 50/CP ngày 26-7-1995 nhằm từng bước góp phần cải thiện đời sống cán bộ là thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với cơ sở. Song qua thực tế, thi hành chế độ sinh hoạt phí này chúng tôi thấy bộc lộ một số hạn chế : Các tỉnh vùng cao phía Bắc, đất thường rộng, người thưa, địa hình chia cắt phức tạp, trụ sở xã xa nơi ở, xa trung tâm huyện. Vì vậy, cán bộ xã xuống các cụm dân cư để chỉ đạo, họp hành hay về huyện nhận chỉ thị công tác hết sức khó khăn. Định mức sinh hoạt phí như hiện nay không thể đáp ứng được nhu cầu tối thiểu. Mặt khác, hầu hết các xã vùng cao, nguồn thu ngân sách xã gặp khó khăn. Do vậy, ngân sách xã vốn đã eo hẹp lại càng eo hẹp. Vì thế, vấn đề chi trả sinh hoạt phí hoặc trợ cấp cho cán bộ xã hoạt động càng gặp nhiều khó khăn. Trong tình hình như vậy rõ ràng cần phải tiếp tục nghiên cứu, cải tiến chế độ sinh hoạt phí của cán bộ cấp xã nói chung, vùng cao nói riêng. Ở đây chúng tôi xin

(Xem tiếp trang 52)

Digitized by Google

Vấn đề thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam

NGUYỄN THƯỜNG LẠNG*

CHÍNH sách mở cửa nền kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam đã tạo ra bước chuyển biến quan trọng trong sự phát triển kinh tế, góp phần đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và bước vào thời kỳ phát triển mới. Một trong những nhân tố quan trọng tạo ra sự chuyển biến tích cực đó là việc thu hút có kết quả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Sự di chuyển vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam thể hiện nỗ lực rất to lớn và có hiệu quả thực tế của Việt Nam trong việc thu hút các nguồn lực bên ngoài để khai thác các lợi thế so sánh của đất nước. Những kết quả quan trọng bước đầu của việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam đánh dấu một bước chuyển biến về chất trong tư duy hoạch định chính sách khai thác các nguồn lực bên ngoài phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước trong điều kiện xu hướng quốc tế hóa đời sống kinh tế đang diễn ra sâu rộng và cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại đang tạo ra sự thay đổi vượt bậc trong cơ sở vật chất của nền kinh tế thế giới.

Kể từ khi Việt Nam có Luật đầu tư nước ngoài (1988), lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam gia tăng cả về số dự án, số vốn đăng ký và số vốn thực hiện. Theo thời gian, Luật đầu tư được sửa đổi, bổ sung (1990, 1992 và 1996) theo hướng cụ thể, rõ ràng và hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài và bảo đảm tương thích với luật pháp của các nước trong khu vực. Đồng thời, các quy chế về khu công nghiệp, khu chế xuất đã được xây dựng và áp dụng. Những kết quả của đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam được thể hiện :

Thứ nhất, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam tăng khá đều đặn qua các năm (kể từ năm 1988 đến hết năm 1996). Tính đến ngày 16-6-1997, cả nước đã có 1 647 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với gần 27 900 triệu USD vốn đầu tư. Trong đó có 810 dự án đầu tư đối với lĩnh vực công nghiệp nặng, khai thác dầu khí, xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm với tổng số vốn đầu tư đăng ký hơn 10 934 triệu USD. Nghĩa là gần 50% số dự án và gần 40% số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp. Điều này cho thấy thị trường ngành công nghiệp Việt Nam là một thị trường đầu tư có triển vọng hơn so với thị trường các ngành khác. Đồng thời, cho đến nay, cả nước đã có khoảng 40 khu công nghiệp và khu chế xuất được cấp giấy phép hoạt động.

Thứ hai, quy mô trung bình của các dự án tăng lên. Từ những dự án có số vốn hàng chục triệu đô la, đã xuất hiện những dự án có số vốn hàng trăm triệu đô la. Những dự án lớn này là những dự án có sức hút mạnh đối với các nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực có khả năng sinh lợi cao như lĩnh vực dầu khí, thông tin liên lạc viễn thông, các dự án khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu đô thị mới. Quy mô của các dự án đầu tư lớn tạo điều kiện khai thác tốt hơn các nguồn lực trong nước ở quy mô lớn. Nhiều dự án đầu tư đã hướng vào lĩnh vực xây dựng và lĩnh vực kinh doanh bất động sản là những lĩnh vực ít được chú ý đầu tư trước đây.

Thứ ba, đầu tư trực tiếp nước ngoài đã tạo điều kiện chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt Nam. Đây là một trong những mục tiêu quan trọng của việc đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Những dự án quan trọng trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí, lắp ráp ô tô, các sản phẩm điện tử, chế tạo các sản phẩm cơ khí, xi măng, lắp ráp hàng điện tử, vô tuyến viễn thông... là những khâu trung gian chuyển giao công nghệ tiến bộ vào Việt Nam có hiệu quả.

* PTS kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Digitized by Google

Thứ tư, đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam, tạo thêm công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động. Theo số liệu gần đây cho thấy, số lao động Việt Nam làm việc trong các dự án có vốn đầu tư nước ngoài hiện nay đã lên tới trên 13 vạn người và hàng chục vạn người làm các công việc phục vụ khác. Mục tiêu giải quyết công ăn việc làm và cải thiện thu nhập cho người lao động đã thực hiện được phần nào.

Thứ năm, đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần cải thiện cán cân thanh toán quốc tế và thúc đẩy hoạt động xuất khẩu do dòng vốn đầu tư trực tiếp di chuyển vào Việt Nam và hoạt động xuất khẩu được mở rộng. Tính đến hết năm 1996, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất khẩu đạt 11% kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Thứ sáu, đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần hoàn thiện môi trường thể chế ở Việt Nam, đặc biệt là hệ thống luật pháp. Việc ban hành các văn bản dưới luật, cơ chế quản lý kinh tế theo hướng chuyển đổi, thủ tục hành chính được cải tổ từng bước và đang có những triển vọng để tạo ra tác phong giải quyết các loại thủ tục theo hướng nhanh chóng, tinh giản, gọn nhẹ và tương thích với cơ chế quản lý mới của đất nước trong điều kiện hội nhập vào nền kinh tế thế giới và phân công lao động quốc tế.

Thứ bảy, đẩy mạnh hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài là cơ sở để đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế và các cán bộ quản trị kinh doanh, cán bộ kỹ thuật, công nhân trong điều kiện chuyển đổi cơ chế.

Thứ tám, đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần đẩy nhanh việc chuyển nền kinh tế sang vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và tạo khả năng để đổi mới tiếp tục nền kinh tế, phát huy thế mạnh của các thành phần kinh tế, tạo động lực cạnh tranh phát triển có hiệu quả giữa các doanh nghiệp và giữa các thành phần kinh tế cũng như tăng cường khả năng cạnh tranh với nước ngoài.

Thứ chín, đầu tư trực tiếp nước ngoài đã tạo điều kiện cho nền kinh tế Việt Nam và các doanh nghiệp Việt Nam, các nhà hoạch định chính sách quản lý cũng như đội ngũ doanh nhân Việt Nam thử nghiệm và tự đánh giá được khả năng thực tế của mình, rút ra những bài học cần thiết cho việc hoạch định chính sách đầu tư phát triển trong giai đoạn tiếp theo. Đầu tư trực tiếp nước ngoài còn tạo ra những tác động tích cực trong việc hình thành tác phong kinh doanh năng động, nhạy bén, sáng tạo trong cơ chế thị trường cho đội ngũ cán bộ quản lý Việt Nam.

Bên cạnh những mặt tích cực được đề cập trên đây, đầu tư trực tiếp nước ngoài thời gian qua đã bộc lộ những hạn chế :

Một là, dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam chủ yếu tập trung vào các thành phố lớn như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh , Đồng Nai... Ba tỉnh và thành phố này chiếm khoảng 70% cả về số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký và số vốn thực hiện tại Việt Nam. Còn các vùng sâu, vùng xa, những vùng điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, cơ sở hạ tầng lạc hậu, thị trường chưa phát triển thì lượng vốn đầu tư rất hạn chế. Điều đó làm mất cân đối đáng kể cơ cấu đầu tư giữa các vùng trong nước, có ảnh hưởng không tốt đến chiến lược chuyển dịch cơ cấu kinh tế đất nước. Đây còn là bài học lớn cho việc hoạch định chính sách và cơ chế điều chỉnh dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo ngành và vùng lãnh thổ của Việt Nam. Mặt khác, việc chưa phân luồng, phân tuyến đầu tư giữa khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, khu vực các doanh nghiệp nhà nước và khu vực tư nhân dẫn đến sự cạnh tranh lẫn nhau giữa các chủ thể kinh tế . Một tình trạng phổ biến hiện nay là trong cùng một thời gian có quá nhiều đối thủ cùng cạnh tranh trên một thị trường chật hẹp. Chẳng hạn, trong lĩnh vực kinh doanh du lịch - khách sạn, hầu hết các thành phần kinh tế đều tham gia, cả thành phần kinh tế nhà nước , tư nhân và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Sự chen lấn quá lớn giữa các thành phần này đã làm giảm mức hấp dẫn của thị trường du lịch - khách sạn Việt Nam.

Hai là, nhiều nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao vào Việt Nam công nghệ lạc hậu với giá cả cao. Theo kết quả thẩm định các dự án đầu tư đã được công bố, chỉ có trong lĩnh vực vô tuyến viễn thông, lĩnh vực khai thác dầu khí, công nghệ được chuyển giao được đánh giá là công nghệ tiên tiến. Còn trong các lĩnh vực khác như lĩnh vực công

Digitized by Google

nghiệp cơ khí, xi măng... phần lớn công nghệ chuyển giao vào Việt Nam chưa phải là công nghệ tiên tiến. Cá biệt có trường hợp công nghệ được chuyển giao vào Việt Nam là công nghệ của những năm trước chiến tranh thế giới thứ hai. Nước ta vẫn chưa có biện pháp hữu hiệu để có thể thu hút được những công nghệ "gốc". Các công nghệ lạc hậu chuyển giao vào Việt Nam vừa gây thua thiệt về hiệu quả kinh tế vừa gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

Ba là, thị trường đầu tư chưa được quy hoạch nhất quán theo phương châm nhà nước hướng dẫn thị trường, thị trường điều tiết hoạt động đầu tư. Công tác quy hoạch của bên Việt Nam hiện chưa gắn trực tiếp và có hiệu quả với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài. Cho đến nay, hầu hết các địa phương trong cả nước chưa có quy hoạch tổng thể được duyệt đối với hoạt động đầu tư nước ngoài. Điều này đã gây ra không ít khó khăn trong việc cấp đất, giải phóng mặt bằng và mở rộng hoạt động kinh doanh cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Bốn là, trách nhiệm của các cán bộ trực tiếp quản lý hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa được coi trọng, thủ tục hành chính chưa tinh gọn và cơ chế "xin - cho" vẫn còn phổ biến. Các loại quy định về thủ tục xin giấy phép đầu tư, sử dụng đất, xây dựng doanh nghiệp, tín dụng, ngân hàng, thuế, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, chính sách lao động tiền lương đối với khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, quy chế "một cửa"... cần có sự bổ sung, hoàn thiện. Việc cải cách thủ tục hành chính đang làm phát sinh nhiều vấn đề mới phải tiếp tục tháo gỡ, đặc biệt là việc phân cấp thẩm định dự án cho các dự án có vốn đầu tư nước ngoài cho các địa phương còn nhiều hạn chế.

Năm là, việc triển khai dự án gặp nhiều khó khăn, không đúng hạn, vi phạm luật pháp của Việt Nam .

Về khách quan, thị trường đầu tư tại nước ta chưa phải là một thị trường có sức mua lớn. Thu nhập bình quân của dân cư rất thấp, kể cả thu nhập của dân cư ở các thành phố lớn trong nước. Vì vậy, tính kinh tế theo quy mô của hoạt động đầu tư thấp, khả năng sinh lợi của đồng vốn đầu tư vừa không cao, vừa không có triển vọng lâu dài. Đây là nhân tố làm hạn chế rất lớn mức độ hấp dẫn của việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam hiện nay. Mặt khác hạ tầng cơ sở của nước ta chưa đáp ứng được yêu cầu mở rộng đầu tư, nhất là hệ thống giao thông, sân bay, bến cảng, hệ thống điện, nước, chất lượng dịch vụ...

Một lý do nữa là tình hình đầu tư quốc tế trên thế giới và trong khu vực có những chuyển biến phức tạp, nhanh chóng, khó có thể dự báo được chính xác, cho nên việc sửa đổi hệ thống luật pháp, chính sách, khó có thể theo kịp được với những thay đổi nhanh chóng của thực tiễn kinh doanh. Bên cạnh đó, tình trạng cạnh tranh khá gay gắt để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của các nước trong khu vực đặc biệt là Trung Quốc, Mi-an-ma, Phi-lip-pin, Thái-lan, Ma-lai-xi-a... đã làm ảnh hưởng lớn đến việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

Trong một số trường hợp, việc nhà đầu tư nước ngoài không thiện chí đầu tư và làm ăn lâu dài ở Việt Nam là nguyên nhân làm cho các dự án đầu tư không thể triển khai, hoặc triển khai nhưng không có kết quả.

Ngoài những yếu tố khách quan làm hạn chế khả năng mở rộng hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, chúng ta không thể không thấy những nguyên nhân chủ quan về môi trường luật pháp, chính sách và cơ chế quản lý áp dụng đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài còn mới, chưa đồng bộ, hoàn thiện và không ổn định, khiến cho các nhà đầu tư nước ngoài còn có những băn khoăn do dự...

Trong thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh đòi hỏi phải có sự xem xét đầy đủ và toàn diện hơn nữa vai trò của việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, đồng thời, cần áp dụng các giải pháp có hiệu quả để huy động tốt hơn nữa nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước. Trong điều kiện hiện nay, các giải pháp chủ yếu cần được coi trọng là :

Giải pháp 1 : Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư theo xu thế cạnh tranh với các nước trong khu vực

Mặc dù môi trường đầu tư của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể so với những ngày đầu thực

Digitized by Google

hiện thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhưng so với các nước trong khu vực, môi trường đầu tư nước ngoài tại Việt Nam vẫn còn rất nhiều điểm phải hoàn thiện theo xu hướng phát triển chung của việc thu hút vốn đầu tư của các nước trên thế giới. Dưới góc độ cạnh tranh, môi trường đầu tư phải có độ hấp dẫn cao hơn hoặc phải có tính khác biệt lớn hơn so với các nước có điều kiện tương tự để có thể thu hút tốt hơn các nhà đầu tư nước ngoài. Theo cách xem xét đó, để đuổi kịp sự phát triển của các nước trong khu vực, cần phải có phương án cải thiện môi trường đầu tư theo xu hướng cạnh tranh với các nước trong khu vực cả trong ngắn hạn và dài hạn. Trên thị trường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện nay, trong khu vực châu Á, những đối thủ cạnh tranh chủ yếu với Việt Nam là Trung Quốc, Thái-lan, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma, Phi-lip-pin... Do đó, luật pháp và các loại chính sách xây dựng để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vừa phải phù hợp với định hướng phát triển của Việt Nam, vừa phải so sánh, đối chiếu với các nước trong khu vực để tạo ra độ hấp dẫn cao hơn. Hệ thống luật pháp nên được xem xét đầy đủ hơn, lâu dài hơn và gắn với điều kiện cạnh tranh với các nước trong thu hút vốn. Hệ thống này, khi xây dựng cần chú trọng đến các yếu tố có tính chất quyết định như độ "trong suốt", rõ ràng, hấp dẫn, tính ổn định và mức độ khuyến khích đối với các nhà đầu tư trong tương quan với các nước trong khu vực. Việc tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư cần chú trọng đến việc giảm bớt các hoạt động kinh tế "ngầm". Đồng thời, sự ổn định về mặt an ninh - xã hội (trong đó có việc xét xử nghiêm minh các vụ án kinh tế và các vụ án hình sự) là yếu tố để làm lành mạnh và ổn định môi trường kinh doanh hiện nay. Việc cải thiện môi trường đầu tư này còn liên quan đến việc phát huy hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước và việc khuyến khích các hoạt động đầu tư trong nước.

Giải pháp 2 : Bảo hộ nền sản xuất trong nước một cách hợp lý và coi trọng việc bảo hộ đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài xuất khẩu khối lượng lớn

Việc bảo hộ nền sản xuất trong nước là hết sức cần thiết do hàng hóa nước ngoài đang cạnh tranh gay gắt với hàng nội địa và đang loại dần một số hàng nội địa ra khỏi thị trường. Tuy nhiên, gắn với việc bảo hộ nền kinh tế nói chung cần có những công cụ và biện pháp bảo hộ có chọn lọc đối với các ngành sản xuất quyết định lớn đến tiềm lực kinh tế của Việt Nam trong tương lai cũng như đến chiến lược phát triển kinh tế hướng ngoại. Trong điều kiện như vậy, việc bảo hộ đối với các doanh nghiệp xuất khẩu khối lượng lớn là một phương hướng chính sách cần được quan tâm hiện nay. Mục đích của việc làm này là nhằm bảo đảm vừa thúc đẩy xuất khẩu, vừa bảo hộ được những sản phẩm quan trọng trong nền kinh tế. Nhờ được bảo hộ, các doanh nghiệp xuất khẩu khối lượng lớn sẽ có điều kiện để tiếp thu công nghệ hiện đại và có phương án để khuyếch trương hoạt động nghiên cứu thị trường, tăng cường cạnh tranh quốc tế và đẩy mạnh khai thác các lợi thế có hiệu quả. Bảo hộ đối với các doanh nghiệp xuất khẩu khối lượng lớn là cơ sở để xác định phương hướng bảo hộ trong điều kiện nước ta đang từng bước tham gia vào các liên kết kinh tế khu vực và các tổ chức quốc tế. Các hàng rào thuế quan và phi thuế quan được loại trừ dần và tính "trong suốt" của luật pháp trong quan hệ kinh tế và kinh doanh quốc tế phải được xây dựng cũng như phải tuân thủ nghiêm túc các thông lệ quốc tế. Việc sử dụng công cụ bảo hộ cần kết hợp giữa bảo hộ thuế quan và bảo hộ phi thuế quan, bảo hộ thông qua chính sách hối đoái theo từng khu vực cần được khuyến khích phát triển hoặc hạn chế. Trong điều kiện của Việt Nam hiện nay, cần coi trọng nghiên cứu các biện pháp bảo hộ thông qua điều chỉnh tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam với ngoại tệ.

Giải pháp 3 : Cải tổ hệ thống kinh doanh tiền tệ và ngân hàng, phát triển các thị trường tài chính

Những yếu kém của các hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài muốn cải thiện tốt cần sử dụng có hiệu quả các công cụ tài chính - tiền tệ. Vì vậy, việc cải tổ hệ thống kinh doanh tiền tệ và ngân hàng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng cho việc tạo đà phát triển. Để xác định phương hướng cải tổ hệ thống này, cần chú trọng đến việc tìm thị trường đầu tư của ngân hàng và nâng cao vai trò tư vấn của ngân hàng đối với các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường kinh doanh thường xuyên biến

Digitized by Google

đổi. Việc mở rộng hợp tác đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng là một yếu tố quan trọng để cải tiến hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, để khai thác có hiệu quả những tác động quan trọng của hệ thống ngân hàng hiện nay, cần phải chú trọng đầu tư vào việc khai thác các tác động tích cực của các tham số kinh tế vĩ mô như lãi suất, cung về tiền, tỷ giá hối đoái... Việc cải tổ hệ thống ngân hàng cần thực hiện theo hướng phát huy vai trò của hệ thống ngân hàng đối với các hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế. Hạn chế tối đa việc dùng tiền mặt trực tiếp trong lưu thông để tạo điều kiện quản lý tốt các giao dịch tiền tệ và điều tiết tốt hơn các tham số vĩ mô của nền kinh tế. Thực hiện chế độ tín dụng ưu đãi đối với hoạt động đầu tư để xuất khẩu và chế độ tỷ giá hối đoái có quản lý linh hoạt. Gắn với việc cải tổ hệ thống ngân hàng là việc phát triển thị trường vốn ở Việt Nam, đặc biệt là thị trường chứng khoán. Đây là điều kiện cực kỳ quan trọng để các nhà đầu tư nước ngoài tiến hành các hoạt động đầu tư một cách đa dạng vào nhiều lĩnh vực khác nhau trong đó có lĩnh vực tài chính, ngân hàng và từng bước hình thành thị trường vốn quốc tế ở Việt Nam.

Giải pháp 4 : Đầu tư vào công tác quy hoạch để tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài

Việc quy hoạch cần được thực hiện trên phạm vi mỗi địa phương và cả nước. Sự kết hợp giữa việc phát huy có hiệu quả nguồn vốn tài trợ phát triển chính thức (ODA) với đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong công tác quy hoạch sẽ tạo ra cơ hội để thu hút tốt hơn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tuy nhiên, quy hoạch tổng thể đầu tư trực tiếp nước ngoài cần gắn chặt với chiến lược phát triển của từng vùng, từng địa phương, từng khu vực kinh tế theo chiến lược phát triển trong từng giai đoạn. Những vùng động lực phát triển và các thành phố lớn như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh cần được quy hoạch thành những vùng trọng tâm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Ngoài ra, việc quy hoạch sản phẩm xuất khẩu, quy hoạch công nghệ chuyển giao cần được coi trọng.

Giải pháp 5 : Đào tạo đội ngũ cán bộ

Đào tạo đội ngũ cán bộ là một giải pháp cực kỳ quan trọng hiện nay khi hoạt động đầu tư nước ngoài đang từng bước đi vào chiều sâu và mức độ cạnh tranh giữa các nhà đầu tư ngày càng lớn hơn. Các bên Việt Nam và các bên nước ngoài đã phần nào biết được cách thức kinh doanh của nhau, biết được kiến thức, kỹ năng quản lý và việc xử lý tình huống cũng như khả năng khai thác các quan hệ kinh doanh trong và ngoài nước. Vì vậy, việc đầu tư vào đội ngũ cán bộ là một vấn đề có tầm quan trọng chiến lược. Để thực hiện tốt chiến lược này, cần xuất phát từ mục đích, nội dung, thực trạng của việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài để hình thành tư chất đội ngũ cán bộ trong cơ chế thị trường, mở cửa nền kinh tế, cạnh tranh gay gắt cả trong nước và quốc tế. Trước hết, xét về cơ cấu cán bộ, các cán bộ được đào tạo hiện nay không chỉ có cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ quản trị kinh doanh mà còn cả các cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề. Xét về chất lượng cán bộ, các cán bộ cần có đủ kiến thức, kinh nghiệm quản lý để bước ra cạnh tranh bình đẳng với các nhà đầu tư nước ngoài. Bản lĩnh kinh doanh, hiểu biết luật pháp trong nước và quốc tế, có khả năng thích nghi với cạnh tranh và giỏi ngoại ngữ là những tiêu chuẩn không thể thiếu đối với các cán bộ quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài hiện nay. Các cán bộ này đồng thời phải là những người có phẩm chất chính trị kiên định và có hiểu biết tốt về các vấn đề chính trị - xã hội, có khả năng tập hợp, tổ chức, liên kết và điều hành tốt các công việc. Để có đội ngũ này, cần chủ động xây dựng môi trường đào tạo và rèn luyện cán bộ theo cơ chế cạnh tranh.

Giải pháp 6 : Tiếp tục cải tiến chính sách thu hút và sử dụng công nghệ

Công nghệ cần được thu hút từ nhiều phía bao gồm công nghệ tiên tiến và công nghệ trung gian nhưng cần phải bảo đảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường và bảo vệ môi trường sinh thái. Rõ ràng, công nghệ tốt hay xấu còn phụ thuộc vào chính sách và con người sử dụng. Đối với nước ta, khi nền kinh tế có điểm xuất phát thấp và trình độ tiêu dùng thấp cho nên công nghệ quá cao thường vượt quá khả năng thanh toán và sử dụng công nghệ. Cần có chính sách khu vực công nghệ, chính sách công nghệ theo ngành và chính sách thế hệ công nghệ. Gắn với chính sách công nghệ là chính sách đào tạo các chuyên gia về công nghệ thích hợp với từng lĩnh vực thu hút công nghệ.

Digitized by Google

Giải pháp 7 : Chú trọng thực hiện việc đầu tư ra nước ngoài

Trong điều kiện nước ta thiếu vốn nhưng không phải vì vậy mà không chú trọng đầu tư vào những thị trường có khả năng sinh lợi cao ở nước ngoài mà chúng ta có quan hệ (như các nước trong khu vực hoặc các nước Đông Âu và Liên Xô (cũ)). Nếu chỉ chú trọng vào thu hút vốn đầu tư nước ngoài có nghĩa là chúng ta mới chỉ khai thác được "một nửa" hoặc chỉ mới xem xét một chiều các lợi thế do hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài mang lại. Việc khai thác các lợi thế kinh tế do mở rộng quy mô kinh doanh ra nước ngoài có thể là một giải pháp để rèn luyện con người và cho phép cứu nguy cho các doanh nghiệp trong các điều kiện khó khăn. Khi hệ thống tài chính và thị trường trong nước chưa thật lành mạnh thì việc coi trọng khai thác thị trường này ở nước ngoài (có môi trường tài chính tiền tệ lành mạnh hơn) là hoàn toàn cần thiết.

Gắn với đầu tư ra nước ngoài là việc tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư. Xây dựng hệ thống và mạng lưới thông tin về đầu tư nước ngoài và khai thác triệt để các mối quan hệ kinh tế hiện có để hình thành các kênh thông tin nhanh, mạnh, nhiều chiều và đa dạng để đánh giá tốt hơn khả năng đầu tư của các đối tác.

Giải pháp 8 : Tăng cường phát triển các mối quan hệ quốc tế

Việc chú trọng ký kết các hiệp định liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài và phát triển các mối quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế, phát triển các mối quan hệ với các công ty đa quốc gia, khai thông quan hệ với các thiết chế tài chính quốc tế khu vực và toàn cầu là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt hiện nay. Đây là quá trình hình thành khung pháp lý quốc tế, tạo hành lang rộng lớn cho hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài. Việc phát triển các mối quan hệ quốc tế theo phương châm chú trọng hiệu quả và chất lượng sẽ tạo điều kiện tốt để mở rộng các mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước, mở rộng quan hệ giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nước ngoài, tạo ra các quan hệ kinh tế từ trong ra ngoài và từ ngoài vào trong với quy mô và cường độ lớn hơn để thu hút có hiệu quả hơn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. ❑

LÀO CAI...

(Tiếp theo trang 46)

kiến nghị một số hướng cải tiến chế độ sinh hoạt phí như sau : Ngoài việc Nhà nước nâng phụ cấp phù hợp với lao động đặc thù của cán bộ cơ sở vùng cao, cần có sự hỗ trợ thỏa đáng để họ có điều kiện phát triển kinh tế hộ gia đình. Cụ thể là :

- Hỗ trợ về ruộng đất dưới hình thức dành một phần ruộng gần, ruộng tốt cho các gia đình cán bộ xã có hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho họ trong quá trình canh tác. Thực chất của vấn đề này là ở chỗ giúp họ đạt được năng suất cao, nhưng chi phí lao động lại thấp để họ có thể vượt qua những khó khăn, ổn định đời sống.

- Hỗ trợ về vốn. Đối với cán bộ cơ sở vùng cao, Nhà nước nên áp dụng chế độ cho vay với lãi suất thấp, đúng cơ hội, đúng yêu cầu.

- Về chính sách nhà ở và bảo hiểm xã hội. Nên hình thành và phát triển "quỹ nhà ở" một phần từ nguồn ngân sách, một phần quan trọng là huy động qua các doanh nghiệp, các đơn vị có điều kiện. Sử dụng phù hợp quỹ này, có sự quan tâm đúng mức đến cán bộ cơ sở vùng cao sẽ tạo điều kiện cho họ yên tâm công tác lâu dài. Về xã hội, ngoài sự chăm sóc về y tế, đời sống văn hóa tinh thần, tổ chức tham quan, du lịch, nghỉ ngơi, điều dưỡng, cần có chế độ bảo hiểm đối với cán bộ cơ sở vùng cao giúp họ giảm bớt khó khăn khi ốm đau hoặc gặp phải những trường hợp rủi ro thiệt hại đến tính mạng như bị lũ cuốn, bị sốt rét giữa rừng v.v...

Đất nước ta đã qua chặng đường 10 năm đổi mới, đạt được nhiều thành tựu quan trọng và đang chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở nói chung và cán bộ cơ sở cho vùng cao nói riêng đang là một yêu cầu bức xúc. Nó là vấn đề vừa có tính chiến lược vừa có tính cấp bách. Lào Cai hy vọng sẽ sớm kiện toàn, nâng cao được chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở vùng cao, từng bước tiến kịp miền xuôi, cùng cả nước thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. ❑

Digitized by Google

VỀ CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG

LÊ XUÂN ĐÌNH *

CHÍNH sách tiền lương luôn có tác dụng kích thích rất lớn tới sự phát triển kinh tế, một mặt vì tiền lương là sự thể hiện phần đóng góp của từng cá nhân, cũng như của từng ngành, tổ chức, đơn vị vào kết quả chung của xã hội, mặt khác, tiền lương có tác dụng gắn bó trách nhiệm cá nhân với công việc được giao. Tiền lương là yếu tố quan trọng trong chính sách đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực nói chung, cũng như cán bộ nói riêng. Chính sách tiền lương phải đạt được hai mục tiêu chính là sự quan tâm thiết thân của cá nhân và tinh thần trách nhiệm cá nhân. Ngay từ thời kỳ thi hành chính sách kinh tế mới ở nước Nga V.I.Lê-nin đã nhấn mạnh rằng toàn bộ chính sách kinh tế mới đòi hỏi phải phân biệt hai cái đó hết sức rõ ràng, hết sức chính xác : "... phải xây dựng mọi ngành kinh tế quốc dân quan trọng trên cơ sở sự quan tâm thiết thân của cá nhân. Thảo luận thì thảo luận chung, nhưng trách nhiệm là của từng người"(1). Tại Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã nhấn mạnh đến việc xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa "nghĩa vụ và quyền lợi", "cống hiến và hưởng thụ" trong chính sách cán bộ và khi đánh giá, sử dụng cán bộ phải công tâm, khách quan, khoa học.

Trong cơ chế thị trường nói chung, tiền lương là hình thức biểu hiện của giá trị và giá cả sức lao động, thể hiện dưới dạng thù lao lao động. Tùy theo cấp độ của từng đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp mà tiền lương được hình thành từ quỹ lương của các chủ thể quản lý tương ứng. Đối với nhà nước tiền lương là hình thức cơ bản phân phối quỹ lương - quỹ tiêu dùng cá nhân, giữa những người lao động tương ứng với phần đóng góp của họ vào tổng lao động xã hội, được nhà nước thiết lập một cách có kế hoạch phù hợp với số lượng và chất lượng lao động, đáp ứng nhu cầu về vật chất và văn hóa của người lao động. Như vậy, khi tính sự tham gia của các cá nhân vào quỹ tiêu dùng chung thì cơ sở của tổ chức tiền lương là phân phối theo sự đóng góp lao động. Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta các hình thức phân phối cũng rất đa dạng. Vì vậy, tiền lương vừa có tính chất là hình thức biểu hiện của giá trị và là giá cả sức lao động, vừa tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động. Đại hội VIII của Đảng đã nhấn mạnh : "Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội, đi đôi với chính sách điều tiết hợp lý, bảo hộ quyền lợi của người lao động"(2).

Như vậy, phân phối không chỉ theo sự đóng góp lao động một cách chung chung, mà phải tính đến kết quả của lao động và hiệu quả kinh tế. Dưới sự chi phối của các quy luật kinh tế thị trường kết quả và hiệu quả ấy lại chỉ có thể được xác định sau khi thực hiện sản phẩm, nghĩa là có sự chấp nhận của thị trường. Bởi vậy, trong quan hệ xã hội tính chất thị trường của tiền lương thể hiện khá rõ nét, còn trong nội bộ từng chủ thể quản lý thì quá trình phân phối quỹ tiền lương phải tính đến mức độ tham dự, đóng góp lao động của các thành viên trong một "cộng đồng nhỏ". Đó là chưa kể các doanh nghiệp thi hành chính sách thuê mướn lao động - trả thù lao theo hợp đồng và sự thỏa thuận giữa chủ doanh nghiệp với các cá nhân hay tập thể người lao động. Trong các trường hợp đó, sức lao động đương nhiên là hàng hóa. Ngoài ra, các hình thức phân phối theo mức đóng góp của các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh, như vốn, công nghệ... thực chất là phân phối lợi nhuận.

Trong khi đó, ở khu vực của những người làm công ăn lương (công chức nhà nước), tính chất phân phối theo lao động thể hiện rõ ở chỗ quỹ tiền lương được trích ra từ ngân sách, phân phối cho từng cá nhân bằng hệ thống ngạch bậc (hệ thống

---

* PTS kinh tế

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến Bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 207

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 113-114

Digitized by Google

này ngầm định là có tính đến sự đóng góp kết quả lao động của từng người, nghĩa là thể hiện số lượng và chất lượng của lao động). Về mặt lý thuyết trong bản thân khu vực làm công ăn lương này tính chất thị trường thể hiện ở mức độ thấp, vì dù có làm việc ở tổ chức nào, là công chức nhà nước, người lao động đều có bậc lương của mình theo thang bảng lương chung do nhà nước quy định. Nhưng trên thực tế giữa khu vực làm công ăn lương này với các khu vực kinh tế khác, tính chất thị trường bộc lộ rõ nét ở quan hệ cung - cầu sức lao động, nghĩa là nơi giá cả (tiền lương - giá cả sức lao động) thấp thì người lao động có xu hướng chuyển dịch đến nơi có giá cả sức lao động cao hơn, theo quy luật cạnh tranh thị trường. Do đó, bên cạnh một bộ phận người lao động hưởng lương theo giá cả sức lao động, thì đối với người làm công ăn lương trong khu vực nhà nước tiền lương vừa mang tính chất phân phối theo lao động, lại vừa chịu sự chi phối của quy luật thị trường, chính sách tiền lương đang có nhiều ý kiến khác nhau.

Thực tế chính sách tiền lương ở nước ta qua các thời kỳ.

Về đại cục chính sách tiền lương bị khống chế bởi hai yếu tố cơ bản là ngân sách nhà nước chi cho quỹ tiền lương và nhu cầu tối thiểu (theo tính toán) để duy trì tái sản xuất sức lao động. Bởi vậy, trong thời kỳ bao cấp đại đa số người lao động đều chịu sự chi phối của quan hệ phân phối tập trung. Người dân thường cũng như nhà nước thường lấy đơn vị đo là gạo để tiện so sánh. Ví dụ, lương tối thiểu hằng tháng vào thời điểm các năm, như : năm 1946 giá trị bằng 72 kg gạo ; năm 1947 bằng 60 kg ; năm 1948 bằng 55 kg ; năm 1949 bằng 35 kg ; năm 1953 bằng 43 kg. Sau khi miền Bắc được giải phóng (năm 1954) Nhà nước ta tiến hành cải cách tiền lương và mức lương tối thiểu là 75 kg gạo. Đến năm 1980 mức lương tối thiểu là 80 kg... Các nhà kinh tế đã thống kê được 15 lần Nhà nước ta tiến hành cải cách chính sách tiền lương. Lần cải cách gần đây nhất (ngày 1-4-1993) lấy mức lương tối thiểu là 120 ngàn đồng, tương đương 60 kg gạo (theo giá thị trường lúc bấy giờ).

Mức lương tối thiểu này đã được tính toán dựa theo mức khống chế của các nhu cầu tối thiểu cho phép phục hồi sức khỏe để tái sản xuất giản đơn sức lao động, nghĩa là bảo đảm khoảng 2100 calo/ngày, và ước lượng mức chi dùng cho nhu cầu về ăn uống chiếm khoảng 60% mức lương tối thiểu. Căn cứ vào mức khởi điểm tối thiểu này để tính lương cho từng loại lao động tùy theo mức độ nặng nhọc, độc hại, lao động giản đơn, lao động phức tạp...

Khi tính các bậc lương cụ thể, chính sách lương mới đã tiền tệ hóa các khoản bao cấp trước đây, như tiền nhà, tiền nghỉ phép hàng năm, một phần tiền bảo hiểm xã hội, tiền nghỉ ngơi giải trí... Đây là một bước tiến bộ, đoạn tuyệt với phương pháp phân phối hiện vật và bao cấp. Chính sách lương mới cũng đã tiền tệ hóa được phần trách nhiệm, khắc phục được phần nào tình trạng lên chức là lên bậc lương, đồng nhất thang bậc giá trị xã hội với thang bậc chức vụ.

Những hạn chế của chính sách lương ban hành năm 1993 :

1. Theo tính toán ban đầu của chính sách lương mới sự tác động của các yếu tố thị trường chỉ dừng lại ở sự thay đổi mức lương tối thiểu tùy theo mức trượt giá thực tế. Thế nhưng từ thời điểm áp dụng nó đến nay giá đã trượt gần 40%, nếu tính riêng các mặt hàng thiết yếu nhất cho cuộc sống như lương thực, thực phẩm thì thời gian qua giá đã trượt gần 200%, làm cho tiền lương thực tế giảm đi rất đáng kể. Những người lương thấp các khoản chi tiêu cho các mặt hàng thiết yếu trong gia đình chiếm tỷ lệ cao do đó, tiền lương thực tế càng bị giảm nhiều (trong khi Nhà nước mới nâng mức lương tối thiểu lên 20% = 144.000 đồng). Nguyên nhân chính là do ngân sách quá hạn hẹp, nên điều chỉnh theo chỉ số trượt giá thị trường đến nay vẫn chưa thực hiện được bao nhiêu. Trong khi đó Điều 56 Luật lao động đã ghi rõ : "Khi chỉ số giá sinh hoạt tăng lên làm cho tiền lương thực tế của người lao động giảm sút, thì Chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu để đảm bảo tiền lương thực tế".

2. Sức ỳ của chủ nghĩa bình quân vẫn còn lớn trong chế độ lương mới, mặc dầu số bậc lương đã doãng ra (lương tối đa gấp 10 lần lương tối thiểu), nhưng vì số bậc lương quá lớn, hệ số tăng lương giữa các bậc quá ngắn, mỗi lần được xét lên lương hằng tháng cũng chỉ được thêm "mươi" ngàn đồng, chưa đủ mức khuyến khích người lao động phấn đấu cải thiện cuộc sống bằng lên lương (cụ thể nhân viên hệ số lương tăng giữa hai bậc là 0,09 bằng 12 960 đồng ; cán sự - 0,12 bằng 17 280 đồng ; lái xe cơ quan - 0,11 bằng 15840 đồng...). Đã vậy, người có thành tích xuất sắc, năng lực làm việc cao, cũng không có chế độ nâng lương trước niên hạn, mà chỉ "đến hạn mới lên". Trong khi đó thì sự "đến hạn mới lên" này lại rất cào bằng, thước đo mức độ hoàn thành công việc chưa cụ thể, lại còn bị ảnh hưởng của cách đánh giá theo lối cảm tính

Digitized by Google

và của cơ chế cũ, chưa thực sự thích nghi được với cơ chế thị trường. Cho nên nhiều cơ quan coi việc nâng lương như là trách nhiệm của cấp trên, mà không thấy được sự phấn đấu, thi đua nâng cao năng suất, chất lượng lao động trong sản xuất và công tác. Tính chất cào bằng còn thể hiện ở chỗ người tốt nghiệp ra trường, nếu được tuyển dụng vào cơ quan nhà nước, thì dù là kỹ sư, thạc sĩ, phó tiến sĩ hay tiến sĩ, mức lương khởi điểm vẫn như nhau, là 1,78 lần lương tối thiểu. Trong khi đó bằng cấp vốn xưa nay vẫn là cơ sở khoa học rõ ràng nhất để đánh giá chất lượng lao động (còn chất lượng của ngành giáo dục - đào tạo đang có nhiều vấn đề phải xem xét lại là một chuyện khác). Đó là chưa kể nhiều bất hợp lý giữa các khu vực địa lý, giữa hành chính sự nghiệp với các doanh nghiệp nhà nước, giữa giới khoa học với giáo viên v.v. Nghĩa là mục tiêu của Nhà nước về phát triển chung chưa gắn kết được với động lực khuyến khích bằng lợi ích vật chất cho cá nhân thông qua các đòn bẩy trong chính sách tiền lương. Thực tế đã vậy, Nhà nước lại chưa có thể chế rõ ràng về các yêu cầu số và chất lượng lao động của từng vị trí công việc, từ đó tuyển dụng lao động có trình độ tương ứng, đồng thời có chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với người lao động. Bởi vậy, vấn đề phải được tháo gỡ từ hai phía. Một là, người lao động có bằng cấp cao phải tự tìm đến những công việc phù hợp sở trường, thi thố tài năng. Hai là, nhà nước phải có cơ chế thi tuyển, đánh giá khách quan trình độ lao động của người lao động trong việc bố trí sắp xếp và tuyển dụng, cũng như chính sách đãi ngộ cán bộ phù hợp.

3. Tiền lương trong cơ chế thị trường là giá cả sức lao động, nhưng chế độ lương mới lại không tính đến yếu tố cung cầu và cạnh tranh thị trường. Do đó, khi có sự chênh lệnh quá lớn về thu nhập giữa khu vực nhà nước với các thành phần kinh tế khác thì tình trạng chuyển dịch lao động, đặc biệt là nạn chảy chất xám đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả lao động của khu vực nhà nước. Những chuyên gia giỏi của các ngành đã được nhà nước đào tạo công phu, nay do bức bách của cuộc sống vật chất đành phải bỏ nghề đi làm trong các thành phần kinh tế khác để có thu nhập cao hơn, cải thiện cuộc sống. Các ngành khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn cũng đang trong tình trạng tương tự. Những ngành này nếu không có Nhà nước "bao tiêu" sản phẩm, thì không thể phát triển bình thường được. Trong khi đó có những nhà khoa học đầu ngành phải rời bỏ cơ quan tìm cách đi ra nước ngoài làm thuê kiếm sống dưới nhiều hình thức khác nhau, còn những người "cầu an" lại muốn vào biên chế nhà nước để trú ngụ, hoặc người có chút năng nổ thì lại "chân trong chân ngoài". Tình trạng "vào được biên chế là khó ra", đã cất nhắc lên cán bộ lãnh đạo là khó xuống trong khu vực nhà nước đang làm giảm dần hiệu suất lao động. Đã vậy, số lượng công nhân viên chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước không những không giảm như ý đồ ban đầu của các nhà hoạch định chính sách, mà trên thực tế lại đang tăng. Nếu lấy năm 1993 là 100% thì năm 1994 tăng 104,6% ; năm 1995 tăng 108,6% và năm 1996 tăng 113,3%. Trong thời gian thi hành chính sách lương mới bình quân biên chế năm sau so với năm trước tăng 4,25%.

4. Tình trạng không quản lý nổi thu nhập của cán bộ công nhân viên cũng đang là một thực tế. Thử hỏi hiện nay có ai sống chỉ bằng đồng lương của mình ? Phải chăng đó chủ yếu là những người về hưu, già cả, là cán bộ công nhân viên của một số ít ngành "cách ly" với thương trường và cuộc sống của họ gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, không ít cán bộ, công nhân viên tại chức đang chạy theo nhiều cách "kiếm ăn" như : cơ quan nào cũng có quỹ, không ít thì nhiều, từ các khoản cho thuê công sở để chia chác theo kiểu "tự cứu trước khi trời cứu" ; một số cơ quan thả nổi, tạo điều kiện để cho cán bộ công nhân viên chạy ngoài "đánh quả", số còn lại duy trì công việc cơ quan và hưởng phần trích nộp của số chạy ngoài ấy ; một số cán bộ có chức quyền phạm tội ăn hối lộ, móc ngoặc, tham nhũng tập thể nhưng chưa sa lưới pháp luật (đời sống của họ giàu sang rất rõ nét). Đó là chưa nói đến việc một số ngành có vị thế độc quyền thì tìm lý do để nâng giá, tăng lãi suất... và nâng mức thu nhập trung bình của cán bộ công nhân viên gấp 5-10 lần mức lương trung bình của xã hội. Hậu quả của tình trạng không quản lý nổi thu nhập này là rất xấu, điều dễ nhận thấy trước mắt là nó gây bất công, bất hợp lý ngay trong khu vực nhà nước, làm giảm các nguồn thu ngân sách và cản trở việc thực hiện các bước tiếp theo của chính sách tiền lương, nhằm hướng tới việc người lao động sống bằng chính nghề nghiệp và công việc của mình.

Vậy muốn đạt được yêu cầu khuyến khích sự quan tâm thiết thân của cá nhân người lao động trong cơ chế thị trường, đồng thời thực thi được trách nhiệm cá nhân một cách rõ ràng, thì trước tiên tiền lương phải đoạn tuyệt với cơ chế bao cấp, công khai hóa thu nhập của công chức và bảo đảm

Digitized by Google

được sự công bằng xã hội ở ngay trong khu vực nhà nước. Xin đề xuất mấy kiến nghị như sau :

Một là, quan điểm về tiền lương phải thống nhất với quan điểm về xây dựng con người, bởi vì tiền lương là vấn đề tổng hợp, không chỉ đơn thuần là vấn đề kinh tế, mà là kinh tế - chính trị - xã hội - nhân văn rất nhạy cảm. Trong khi chúng ta đã xác định lấy con người làm trung tâm của mọi sự tăng trưởng và phát triển, thì vấn đề cải cách tiền lương xem ra còn chưa đáp ứng kịp. Do đó, có lúc dường như đã có sự mâu thuẫn giữa mục đích và phương tiện trong chính sách sử dụng lao động. Đó là chưa kể trong cơ chế thị trường tiền lương dù là trong khu vực nhà nước cũng phải thích nghi đồng bộ với các yếu tố của nó, đặc biệt là cạnh tranh sức lao động có trình độ tay nghề với các thành phần kinh tế khác. Đành rằng không thể đòi hỏi khu vực Nhà nước phải nhạy cảm về giá cả sức lao động như tư nhân, nhưng lại phải biết phát huy lợi thế so sánh của mình, mà tư nhân không thể có được như tính ổn định, địa vị xã hội... Ở Xin-ga-po lương công chức nhà nước vẫn thấp hơn khu vực tư nhân, nhưng sự chênh lệch đó không lớn, đủ để thu hút người tài đức vào làm việc cho khu vực nhà nước.

Hai là, mỗi bước cải cách tiền lương phải đi liền với quản lý thu nhập của hệ thống công nhân viên chức nhà nước mới bảo đảm được công bằng xã hội ngay trong khu vực nhà nước. Trên thực tế nếu chỉ tính riêng tiền các cơ quan nhà nước lấy công sở cho thuê cũng đã bỏ ngoài ngân sách hàng trăm tỉ đồng. Tình trạng quản lý lỏng lẻo này, bên cạnh sự thất thoát các nguồn thu, đồng thời cũng đang gây ra tình trạng chi tiêu lãng phí. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị về việc tiết kiệm - "là quốc sách", nhưng tình trạng lãng phí vẫn chưa có dấu hiệu giảm. Một phần là do chưa xây dựng được chế độ quản lý, kiểm soát chi tiêu một cách khoa học thích ứng với cơ chế thị trường. Thể hiện rõ nét là hệ thống các văn bản, chế độ chi ngân sách còn mang nặng tính bao cấp, lại thiếu đồng bộ trong cơ chế thị trường, nên tính pháp lý không cao, chuẩn mực thiếu rõ ràng - dẫn đến tình trạng nơi thiếu vẫn thiếu, nơi thừa vẫn thừa, các cơ quan cấp dưới vẫn duy trì lề lối cũ : "con không khóc, mẹ không cho bú", tìm cách chạy chọt để được ngân sách rót cho. Mặt khác, do chính bản thân một số cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm, không thực hành cần, kiệm, liêm, chính, coi của nhà nước là thứ "của chùa", "nồi cơm chung"... Chính vì vậy tình trạng lãng phí, kém hiệu quả trong việc chi tiêu ngân sách là một trong những yếu tố gây cản trở quá trình cải cách tiền lương. Cần lưu ý rằng vấn đề cải cách chế độ tiền lương hợp lý trong điều kiện hiện nay có tác động lớn - thu hút được người tài vào khu vực nhà nước, huy động được đông đảo quần chúng tham gia đấu tranh chống tham nhũng. Kinh nghiệm của các nước cho thấy không công khai hóa được thu nhập thì không quản lý được nó. Đã không quản lý được thu nhập thì khó lòng thành công trong việc chống tham nhũng và khó có thể góp phần đắc lực vào chính sách đào tạo và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ cho sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Ba là, phải có cơ chế kinh tế rõ ràng kết hợp với cải cách hành chính trong việc giảm biên chế, nâng cao hiệu suất công tác. Nhiều năm nay ý đồ của các nhà hoạch định chính sách về giảm biên chế đã không thực hiện được. Quá trình tách - nhập, nhập - tách đã chẳng mấy đem lại hiệu quả trong quản lý, lại còn tăng thêm gánh nặng cho ngân sách ở các cấp về xây trụ sở, mua xe ô tô con, sắm trang thiết bị cho các tổ chức mới được thành lập từ trung ương đến từng địa phương và đơn vị cơ sở. Ước tính hằng năm tiêu tốn lĩnh vực này lên tới hàng ngàn tỉ đồng. Vấn đề cốt yếu là nâng cao hiệu quả quản lý hành chính, chống quan liêu, cửa quyền, chống tham nhũng, lãng phí lại không thực hiện được bao nhiêu. Bởi vậy, theo chúng tôi nên áp dụng nguyên lý *xác định chi phí chức năng* (hay còn có cách gọi là khoán quỹ lương), nghĩa là tùy theo từng chức năng công việc của vận hành bộ máy mà xác định tỷ trọng chi phí ngân sách (trong đó có quỹ tiền lương). Trên cơ sở đó các địa phương không nhất thiết phải lặp lại các ban, ngành giống như ở trung ương. Ngân sách tùy theo chức năng, căn cứ theo yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng mà cấp kinh phí, chứ không phải là tùy theo biên chế một cách đơn thuần để rồi người vẫn thừa, mà lúc nào cũng thiếu người làm được việc. Có như vậy mới khuyến khích được các cơ quan giảm biên chế, tránh tình trạng thiếu giả tạo, tạo động lực để áp dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quản lý nhà nước, kinh tế và xã hội, góp phần tăng năng suất lao động, gắn trách nhiệm cá nhân với chức năng nhiệm vụ phân công. Đồng thời người thực sự làm được việc sẽ có cơ hội cải thiện cuộc sống bằng chính công sức lao động của mình đóng góp cho xã hội.❑

Digitized by Google

NHƯNG...

MAI NINH

Thủ trưởng X. có thói quen hay dùng chữ *nhưng*. *Nhưng*, theo Từ điển tiếng Việt là "*từ* biểu thị điều sắp nêu ra ngược với ý do điều vừa nói đến có thể gợi ra". Thí dụ : việc nhỏ nhưng có ý nghĩa lớn. Muốn đi xem nhưng không có vé. Muốn cười nhưng không mở miệng được, v.v.. Xét về mặt này, cái thói quen dùng chữ *nhưng* của thủ trưởng là không có gì đáng nói. Thế nhưng... trong đánh giá cán bộ, thủ trưởng lại dùng chữ *nhưng* trong những trường hợp thật khó hiểu.

- ***Trường hợp thứ nhất :*** Để đề bạt một chức vụ lãnh đạo, trong cơ quan có hai cán bộ có tuổi tác, năng lực và phẩm chất gần như nhau. Đối với người thứ nhất, thủ trưởng nói : Anh này làm được việc, có đạo đức tốt, *nhưng* phải cái tuổi hơi cao. Đối với người thứ hai, thủ trưởng lại nói : Anh này tuổi hơi cao, *nhưng* được cái làm được việc, có đạo đức tốt... Thế là, chỉ việc đảo ngược hai vế trước và sau chữ *nhưng*, thủ trưởng đã làm thay đổi cả thước đo giá trị người được chọn và sự lựa chọn của mình. Ở trường hợp thứ nhất, ông dùng chữ *nhưng* để gạt người tuổi hơi cao. Ở trường hợp thứ hai, ông lại dùng chữ *nhưng* để chọn người có tuổi. Giá như sự đánh giá và lựa chọn cán bộ nêu trên lại diễn ra ở hai thời điểm khác nhau, với những chức vụ khác nhau, thì có lẽ chẳng có gì đáng phải nói. Song ở đây là sự lựa chọn cho một chức vụ nhất định, ở vào một thời điểm nhất định. Cho nên chữ *nhưng* (hay là sự nhấn mạnh) mà thủ trưởng dùng một cách chủ quan là có ý đồ rõ ràng : gạt người tuổi hơi cao mà mình không thích và chọn người tuổi hơi cao mà mình thích. Cái đáng nói là ở đấy !

- ***Trường hợp thứ hai :*** Để xem xét kỷ luật cán bộ, trong cơ quan có hai người có cùng khuyết điểm như nhau. Đối với người thứ nhất, thủ trưởng nói : Anh này tuy thiếu tinh thần trách nhiệm, làm việc tắc trách *nhưng* mới phạm khuyết điểm lần đầu, cho nên cần châm chước. Đối với người thứ hai, thủ trưởng lại nói : Anh này tuy mới phạm khuyết điểm lần đầu *nhưng* thiếu tinh thần trách nhiệm, làm việc tắc trách, cho nên không thể châm chước... Thế là, cũng chỉ một việc đảo về trước và sau chữ *nhưng*, thủ trưởng đã có một quyết định xoay ngược 180° : cần châm chước và không thể châm chước.

Xin có mấy lời bình luận : Chữ *nhưng* trong tiếng Việt có giá trị như mọi từ ngữ khác, tự nó không có ý đồ. Song sử dụng chữ *nhưng* một cách lắt léo như kiểu vị thủ trưởng nói trên thì đó quả là nghệ thuật biến méo ra tròn, chuyển vuông thành lệch. ❑

Digitized by Google

CUỘC KHỦNG HOẢNG TIỀN TỆ Ở MỘT SỐ NƯỚC ASEAN VÀ SỰ CẢNH BÁO ĐỐI VỚI VIỆT NAM

PHƯƠNG NAM *

Cuộc khủng hoảng tiền tệ của các nước ASEAN bắt đầu từ ngày 2-7-1997 cùng với việc Ngân hàng trung ương Thái-lan quyết định thả nổi đồng Bạt với mục đích cho phép các lực lượng thị trường điều tiết giá đồng Bạt nhằm gây tác động trở lại đối với nền kinh tế đang bị thâm hụt nặng và thiểu phát kéo dài. Một ngày sau khi phá giá, giá đồng Bạt giảm xuống còn 29,25 Bạt/USD so với mức 25,65 Bạt/USD của ngày 1-7, mấy ngày sau đó giá đồng Bạt tiếp tục giảm, và đến ngày 30-7-1997 đã tụt xuống 32,34 Bạt/USD, tức là đã mất giá 26%.

Trong điều kiện liên kết kinh tế giữa các nước ASEAN hiện nay khá chặt chẽ, việc đồng Bạt giảm giá lập tức tác động đến đồng tiền các nước khác trong khu vực. Sau đồng Bạt Thái là đồng Pê-xô của Phi-lip-pin cũng giảm giá 10% USD. Cuộc khủng hoảng tiền tệ như cơn lốc làm rung chuyển các đồng tiền được coi là khá ổn định như đồng đô-la Xin-ga-po bị sức ép giảm giá 2-2,5% làm chao đảo 5%, đồng Rinh-ghít của Ma-lai-xi-a giảm giá 5-6%, đồng Ru-pi giảm giá 6,78% liên tục trong tháng 7 mà chưa có dấu hiệu dừng lại. Và hậu quả nặng nề của sự mất giá đồng tiền các nước ASEAN đã đi ngược lại mục đích ban đầu của việc phá giá đồng Bạt.

Trước hết, tính ổn định về thị trường chứng khoán trong khu vực đã trở thành quá khứ, làm mất lòng tin của cả các ngân hàng và các nhà đầu tư nước ngoài. Tại Thái-lan, trong tháng 7 năm 1997 giá cổ phiếu và trái phiếu đã giảm có thời điểm đến 23% so với ngày trước phá giá đồng Bạt và là mức thấp nhất trong vòng 14 năm qua ở nước này. Tại Phi-lip-pin, việc đồng Pê-xô giảm giá và lãi suất vẫn giữ ở mức cao làm cho thị trường trái phiếu mất ổn định và khó có triển vọng khôi phục như cũ. Còn tại các nước khác trong khu vực, thị trường chứng khoán cũng bị cú sốc lớn trước ảnh hưởng lan truyền của thị trường chứng khoán Thái-lan. Không chỉ các nước ASEAN mà ở cả châu Á, thị trường trái phiếu cũng xuất hiện xu hướng uể oải vì dường như các nhà đầu tư đã cảm nhận được tiềm ẩn những yếu tố không ổn định ở châu lục này, mà trước đây họ từng cho là thị trường lý tưởng.

Thứ đến, khủng hoảng tiền tệ của một số nước ASEAN vừa qua có phần làm nản lòng các nhà đầu tư nước ngoài tại khu vực này và châu Á. Theo ông En-driu Sây-dơ, một quan chức của Ngân hàng Liên bang Thụy Sĩ tại Hồng Công, thì các nhà đầu tư ở châu Âu và Mỹ thường có cái nhìn toàn cục theo học thuyết đô-mi-nô, sự bất ổn về tài chính và tín dụng ở một nước, tất yếu sẽ kéo theo sự bất ổn của các nước trong khu vực. Nhiều quan chức ngân hàng tại thị trường chứng khoán Hồng Công nhận định, cú sốc xuất phát từ Thái-lan có thể làm cho các nhà đầu tư nước ngoài từ Âu, Mỹ rút khỏi thị trường châu Á nói chung, ASEAN nói riêng để chuyển sang các khu vực khác của châu Âu như Đông Âu và Mỹ la-tinh có vẻ ổn định hơn. Một số nhà kinh doanh tài chính ở Hồng Công cho rằng, rồi đây, các nhà đầu tư sẽ chuyển sang Trung Quốc, Hồng Công và Ấn Độ, là những nơi ít chịu ảnh hưởng của cú sốc Băng-cốc.

Dù khả năng nào sẽ trở thành hiện thực trong tương lai, thì trước mắt vẫn có thực tế đáng lo ngại là : nguồn vốn đầu tư vào ASEAN có thể sẽ bị ngừng lại, không loại trừ một số nguồn vốn sẽ đội nón ra đi. Sự bất ổn về tài chính thường kéo theo sự xáo trộn về kinh tế và thậm chí cả về mặt chính trị. Việc Thống đốc Ngân hàng trung ương Thái-lan cùng Bộ trưởng Tài chính nước này phải từ chức sau cú sốc của đồng Bạt là một minh chứng. Nhiều nguyên thủ quốc gia và

* PGS, PTS kinh tế

Digitized by Google

các chính khách đã tỏ ra lo lắng thực sự và đang theo dõi chặt chẽ diễn biến của thị trường tài chính khu vực với thái độ bình tĩnh nhưng cảnh giác. Ngày 30-7, Thủ tướng Mai-lai-xi-a Ma-ha-thia Mô-ha-mát nêu đích danh nhà tỷ phú Mỹ G.Xô-rốt đã can thiệp vào thị trường tiền tệ ASEAN, khiến đồng tiền các nước trong khu vực giảm giá mạnh. Ông tố cáo một số người trong nước tiếp tay cho giới đầu cơ quốc tế, nhằm vào đồng tiền Rinh-ghít để kiếm lời bất chính, làm cho giá đồng tiền quốc gia giảm mạnh. Thống đốc Ngân hàng trung ương Phi-lip-pin Ga-bri-en Sic-sơn dự đoán, việc phá giá đồng Pê-xô sẽ làm cho tỷ lệ lạm phát của nước này trong tháng 9 năm 1997 có thể lên tới 7,5% chứ không phải là 4,5% như 6 tháng đầu năm 1997. Còn đối với "con rồng" Xin-ga-po, trong tháng 7 năm 1997 giá cổ phiếu giảm xuống mức thấp nhất trong vòng hơn một năm nay, chỉ số chứng khoán straits giảm 15,43 điểm (0,78%), kéo theo sự chững lại về xuất khẩu và tốc độ tăng trưởng kinh tế. Dự báo tốc độ tăng trưởng GDP của nước này năm 1997 sẽ vào khoảng 5 - 6% so với 7% của năm 1996. Thái-lan, cường quốc xuất khẩu gạo số 1 thế giới, năm 1997 này sẽ giảm số lượng gạo xuất khẩu xuống còn 4,6 triệu tấn so với mức 5 triệu tấn dự tính đầu năm và 5,28 triệu tấn năm 1996. Nguyên nhân của tình hình này là sự mất giá của đồng Bạt đã làm tăng giá phân bón, thuốc trừ sâu, trong khi giá gạo xuất khẩu không tăng, nông dân Thái-lan không muốn mở rộng diện tích và thâm canh lúa.

Còn ở Ma-lai-xi-a, việc giảm giá đồng Rinh-ghít đã tác động xấu đến nhiều ngành kinh doanh, trong đó các ngân hàng quốc gia sẽ giảm lợi nhuận 13% trong năm nay.

Rõ ràng là khủng hoảng tiền tệ của một số nước ASEAN đã tác động xấu đến thị trường đầu tư, thị trường tài chính, cán cân xuất nhập khẩu, kéo theo sự giảm sút về tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước trong vùng. Lòng tin của thế giới vào khu vực kinh tế được coi là năng động và ổn định nhất, tăng trưởng nhanh nhất trong những năm cuối của thế kỷ 20 đã bị thuyên giảm.

Hiện còn nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau về nguyên nhân của cuộc khủng hoảng tiền tệ của một số nước ASEAN. Các ý kiến đó được xem xét từ các góc độ khác nhau. Theo ý kiến chúng tôi, nguyên nhân sâu xa và cơ bản vẫn xuất phát từ bản thân nền kinh tế các nước trong khu vực vốn có nhiều vấn đề nổi cộm nhưng lâu nay chưa có dịp bộc lộ.

Trước hết, đó là nền kinh tế "quá nóng". Hầu hết, các nước ASEAN đều có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới trong hàng chục năm nay, trong đó có những "con rồng" đã nổi lên thành huyền thoại. Nền kinh tế "quá nóng" nhưng lại phát triển trong điều kiện tài nguyên thiên nhiên có hạn, trình độ khoa học kỹ thuật còn hạn chế, kinh tế nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong GDP (trừ Xin-ga-po) và kỹ thuật canh tác vẫn lạc hậu. Công nghiệp tăng trưởng nhanh chủ yếu dựa vào khai thác các tài nguyên thiên nhiên hiện có (rừng và biển) theo phương thức "bóc ngắn cắn dài". Công nghiệp chế tạo nặng về gia công lắp ráp, phụ thuộc vào các nước phát triển (Nhật, Mỹ, Tây Âu). Dịch vụ du lịch phát triển mất cân đối và kém bền vững.

Thứ hai, cơ cấu đầu tư không hợp lý, quá say mê vào thị trường bất động sản và khách sạn, nhà hàng để thu lợi nhanh và trước mắt, trong khi đó lại xem mhẹ đầu tư vào các ngành sản xuất vật chất, nhất là công nghiệp chế biến và nông nghiệp. Gần đây thị trường bất động sản của các nước ASEAN đã xuất hiện xu hướng bão hòa, hiện tượng giảm giá đất, giá nhà, thừa khách sạn du lịch không còn là cá biệt mà có tính phổ biến. Hệ số sử dụng buồng của các khách sạn du lịch ở Thái-lan, Phi-lip-pin, Ma-lai-xi-a và cả Xin-ga-po đều có xu hướng giảm. Và sự giảm sút này tất yếu có tác động đến tâm lý và lợi ích các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Các dự án và số vốn đầu tư vào ASEAN, nhất là vào lĩnh vực bất động sản giảm, kéo theo sự giảm sút trong quan hệ thanh toán, làm cho tỷ giá đồng tiền các nước trong khu vực so với USD cũng giảm.

Cuối cùng, một nguyên nhân khác cũng không thể bỏ qua, đó là tác động của một số thế lực tài chính ở phương Tây. Họ muốn làm giảm giá đồng tiền các nước ASEAN nhằm đạt hai mục đích : một là, nâng giá trị đồng USD để có lợi về kinh tế cho các nước giàu, trước hết là Mỹ ; hai là, thông qua khủng hoảng tiền tệ của các nước ASEAN, làm mất ổn định kinh tế của khu vực này, từ đó dễ bề thúc ép các nước ASEAN chuyển đổi cơ cấu kinh tế (và cả chính trị) theo quỹ đạo của các nước công nghiệp phát triển, nhất là Mỹ. Điều này đúng như sự tố cáo của Thủ tướng Ma-lai-xi-a đối với các thế lực bên ngoài trong cuộc khủng hoảng tiền tệ của ASEAN.

Để thoát ra khỏi khủng hoảng, các nước trong khu vực đã và đang tìm các giải pháp kinh tế - tài chính phù hợp với điều kiện của mình. Song với tiềm lực có

Digitized by Google

hạn, nên nước nào cũng cần sự hỗ trợ của các tổ chức tài chính quốc tế. Chính phủ Thái-lan đã đàm phán để vay các ngân hàng nước ngoài 5 tỉ USD, và thu thêm 5 tỉ USD nữa thông qua bán trái phiếu. Đầu tháng 8 năm 1997, IMF và Ngân hàng xuất nhập khẩu Nhật Bản dự kiến sẽ cho Thái-lan vay khẩn cấp 8 tỉ USD vào ngay cuối tháng 8. Các ngân hàng lớn của Nhật, Mỹ và các nước khác ở Đông-Nam Á cũng sẵn sàng đóng góp vài tỉ USD giúp Thái-lan vượt qua cuộc khủng hoảng này theo kế hoạch của IMF, nhằm rút ngòi nổ cho cuộc khủng hoảng tiền tệ.

Thực tế nguyên nhân và hậu quả của cuộc khủng hoảng tiền tệ các nước ASEAN là một bài học cảnh báo đối với nước ta. Việt Nam là thành viên của ASEAN. Về kinh tế - tài chính, nước ta hiện nay thuộc loại kém so với các nước Thái-lan, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a và có khoảng cách xa với Xin-ga-po. Nhìn người lại ngẫm đến ta, các nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng tiền tệ ở Thái-lan và các nước khác trong vùng đã và đang có ở Việt Nam. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải hết sức cẩn trọng. Tuy nhiên, tình hình nước ta có những điểm khác.

Việt Nam có Đảng Cộng sản lãnh đạo, có Nhà nước xã hội chủ nghĩa đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quản lý kinh tế - tài chính sau 10 năm đổi mới. Chúng ta đã vững vàng trong xử lý các vấn đề nhạy cảm trong lưu thông tiền tệ và đã có được một chiến lược phát triển kinh tế vững chắc. Thực tế cho thấy, có lúc đã có không ít ý kiến cho rằng cần phá giá đồng tiền để khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu, thu hút vốn đầu tư v.v. Rất may, điều đó đã không xảy ra. Và giờ đây, chúng ta vẫn giữ được ổn định trong khi các nước xung quanh đang chao đảo vì sự biến động của tiền tệ. Song để cho sự ổn định đó được bền vững, chúng ta phải làm ngay nhiều việc như : kích thích sản xuất phát triển, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, hoàn thiện các chính sách vĩ mô, xử lý vấn đề xuất nhập khẩu và chống thiểu phát, tăng cường đầu tư theo chiều sâu, tiết kiệm trong chi tiêu ngân sách hơn nữa, thực hiện thuế giá trị gia tăng... Điều quan trọng là cần tăng sức đề kháng đối với các loại "vi-rút" nguy hiểm đang rập rình từ bên ngoài và âm mưu của kẻ thù phá hoại về nhiều mặt, trong đó không loại trừ về kinh tế. ❑

XÃ HỘI HÓA...

(Tiếp theo trang 36)

việc đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục vào thực hiện nhiệm vụ giải bài toán ngân sách.

Trước hết, cần thực hiện việc tăng tỷ lệ đầu tư ngân sách nhà nước cho giáo dục tương xứng với vai trò "quốc sách hàng đầu", cụ thể là tăng lên đến 15% tổng chi ngân sách vào năm 2000 như Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) đã ghi rõ. Đồng thời ban hành một hệ chính sách thể chế đồng bộ, thích hợp trong việc huy động nghĩa vụ đóng góp của người học và xã hội cho giáo dục, nhằm biến con số 6000 tỉ đồng nêu trên thành hiện thực.

Hơn lúc nào hết, ngành giáo dục cần tăng cường vai trò và trách nhiệm quản lý của mình đồng thời phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan, quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn kinh phí đã có. Cần khắc phục tình trạng hiện nay, như trong một số báo cáo của ngành giáo dục đã thừa nhận : ngân sách eo hẹp, quỹ học phí ít ỏi nhưng lại quản lý không chặt chẽ, chưa có cơ chế phân bổ và sử dụng hợp lý, còn bị rò rỉ, thất thoát, bị cắt xén, sử dụng sai chức năng, sai mục đích. Tình trạng này đã xảy ra khá nghiêm trọng ở một số địa phương, và ngành giáo dục cần có biện pháp giải quyết kịp thời.

Cuối cùng là cần ban hành những cơ chế và chính sách thích hợp để động viên khuyến khích tối đa sự đóng góp tự nguyện của toàn dân, của các tổ chức, đoàn thể xã hội, các đơn vị sản xuất kinh doanh vào sự nghiệp phát triển giáo dục dưới nhiều hình thức : hỗ trợ (cho không), đầu tư, cho vay..., thành lập các loại quỹ học bổng, quỹ khuyến học, quỹ trợ giúp sinh viên nghèo vượt khó v.v. Đi kèm theo là chính sách ưu đãi về thuế đối với các doanh nghiệp tham gia các hoạt động trên, khuyến khích các doanh nghiệp mở trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp và cả cao đẳng đối với các tổng công ty lớn của Nhà nước. Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ các nguồn viện trợ chính phủ và phi chính phủ cho giáo dục, sử dụng một phần vốn ODA đầu tư cho giáo dục với quan điểm đầu tư phát triển. ❑

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CÔNG TY BÁNH KẸO HẢI CHÂU

HAI CHAU CONFECTIONERY COMPANY

ĐỊA CHỈ : PHỐ MINH KHAI - QUẬN HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI.
ĐIỆN THOẠI : (84-4) 8624826, 8621664. FAX : (84-4) 8621520



CÔNG TY BÁNH KẸO HẢI CHÂU là một doanh nghiệp trực thuộc TCTy Mía đường 1, Bộ Nông Nghiệp và PTNT, Chuyên sản xuất các mặt hàng bánh kẹo, thực phẩm với hơn 30 năm không ngừng phát triển, liên tục đổi mới công nghệ, đầu tư thiết bị hiện đại nhất của CHLB Đức, Hà Lan, Đài Loan, Trung Quốc. Tất cả các sản phẩm Hải Châu : Bánh quy, bánh kem xốp, bột canh, đặc biệt các sản phẩm mới kẹo cao cấp Hải Châu... đều được sản xuất trên các dây chuyền thiết bị công nghệ hiện đại, từ những nguyên liệu chất lượng cao, chọn lọc kỹ lưỡng. Sản phẩm Hải Châu luôn bảo đảm chất lượng, chủng loại phong phú, giá bán hợp lý, bao bì mẫu mã đẹp, đã được tặng thưởng nhiều huy chương vàng tại các kỳ hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam, đồng thời đã chiếm được cảm tình tốt đẹp của người tiêu dùng và khẳng định vị trí vững chắc trên thị trường.

Công ty bánh kẹo Hải Châu có hệ thống đại lý ở khắp các tỉnh, thành phố và mong muốn mở rộng quan hệ với các bạn hàng trong, ngoài nước.

SẢN PHẨM HẢI CHÂU - CHỈ CÓ CHẤT LƯỢNG VÀNG



Digitized by Google

XÍ NGHIỆP CHÈ BÀU CẠN



GIÁM ĐỐC : NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC

Địa chỉ : Xã Thắng Hưng - Huyện Chư Prông - Gia Lai ✻ Tel : 059 - 823996



QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG :

* Xí nghiệp đã được thành lập với đội ngũ cán bộ có kỹ thuật cao với kinh nghiệm dày dạn.

* Sản xuất với máy móc hiện đại của Pháp với công suất 13,5 tấn/ngày.

Xí nghiệp chế biến chè :

* Chè nội tiêu cung cấp cho các tỉnh : Gia Lai, Bình Định, Đà Nẵng...

* Chè ĐEN xuất khẩu sang : Singapore, Đài Loan, Pháp...





NHIỆM VỤ - CHỨC NĂNG :

* Trồng chè, chăm sóc chè và chế biến chè.

* Từ năm 1995 xí nghiệp đã trồng thêm cây cà phê.

Xí nghiệp sẵn sàng liên doanh - liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Digitized by Google

LÂM TRƯỜNG NAM NUNG



Trụ sở : Xã Nam Nung
Huyện Krông Nô tỉnh DakLak
Điện thoại : 050.884198

Là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo QĐ 654/UB ngày 27-10-1992

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu :

1 - Bảo vệ và xây dựng vốn rừng
2 - Khai thác lâm sản kết hợp
3 - Kinh doanh ngành lâm sản kết hợp
4 - Chế biến đũa sơ, tinh chế xuất khẩu
5 - Trồng và chăm sóc cao su định hình đến năm 2002 - 1000ha

Hiện nay đã trồng được 150 ha cây cao su
Có diện tích tự nhiên 20.410 ha



Lâm trường kính mong được sự hợp tác liên doanh liên kết với mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

Thủ tục pháp lý, đơn giản, phù hợp với pháp luật.

Kỹ sư giám đốc lâm trường
PHẠM ĐÌNH BỘ
ĐT nhà riêng : 050-868627





Digitized by Google

CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 DAKLAK

DAKLAK CONSTRUCTION COMPANY No.1

Add : 15 Thong nhat,
Buon Ma Thuot City
Tel : (050) 854263 - 852258
Director : PHAM DUC DUNG



Trụ sở Ban Dân vận Huyện ủy Cưmpa do Công ty xây dựng số 1 thi công

Công ty Xây dựng số 1 Daklak được thành lập năm 1992 trên cơ sở sáp nhập 3 đơn vị: Cty Xây lắp, Xí nghiệp Xây dựng Krông Bông, và Xí nghiệp Xây dựng Ba Sup.

NHIỆM VỤ CHÍNH : Thi công xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, trang trí nội ngoại thất, lắp đặt thiết bị điện nước và cung ứng vật liệu xây dựng.

Qua nhiều năm hoạt động, Công ty đã phát triển được đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và đội ngũ công nhân lành nghề, trang thiết bị thi công chuyên dùng hiện đại, đủ khả năng thực hiện thi công hoàn thành các loại công trình dân dụng và công nghiệp.

Với mục tiêu "*CHẤT LƯỢNG - UY TÍN*", Công ty chúng tôi đã và đang làm hài lòng các khách hàng.

Chúng tôi rất mong muốn được ký hợp đồng thi công xây lắp với các chủ đầu tư trong và ngoài tỉnh.



Daklak Construction Company N°.1 was founded in 1992 by the integration of the Construction Installation Company, Krong Bong and Ba Sup Construction Enterprises.

SCOPE OF OPERATIONS :

Constructing and installing civil and industrial works. Undertaking interior and exterior decoration, installing electric and water equipment, supplying construction materials.

Through many operational years, the Company has had a staff of competent managers, technicians and skillful workers, modern specialized equipment for the implementation of civil and industrial works.

To follow the guideline "*QUALITY - PRESTIGE*", the Company has been satisfying customer's demand.

We expect to do business with investors in and out of the province.

Digitized by Google

LIÊN DOANH DẦU KHÍ VIETSOVPETRO

Trụ sở chính : 95A, Lê Lợi, TP. Vũng Tàu
Điện thoại : (84) - 64-839871/72. Fax : (84) - 64-839855/56/57



Liên doanh Dầu khí VIETSOVPETRO là Liên doanh đầu tiên thăm dò, khai thác dầu khí giữa Việt Nam với Liên Xô (cũ), nay Liên Bang Nga kế thừa. VIETSOVPETRO là cơ sở khai thác dầu khí lớn nhất hiện nay của Việt Nam. Liên doanh thực hiện nhiệm vụ thăm dò, khai thác dầu, khí trên thềm lục địa Nam Việt Nam. Bạch Hổ và Rồng là 2 mỏ hoạt động chính. Liên Doanh Dầu khí VIETSOVPETRO đang phấn đấu khai thác tấn dầu thứ 50 triệu vào cuối năm 1997 kể từ khi bắt đầu khai thác mỏ Bạch Hổ.

Sản lượng khai thác dầu hiện nay đạt trung bình 26 - 27 ngàn tấn/ngày ; đầu quí 2 năm 1997 sản lượng đưa khí vào bờ đạt 2 triệu mét khối/ngày, cung cấp cho các tổ máy nhiệt điện Bà Rịa và Phú Mỹ. Sản lượng khai thác dầu năm 1996 đạt 8,22 triệu tấn, vượt kế hoạch 468.000 tấn. Tiền bán dầu của năm 1996 đạt 1,2 tỉ USD. Nộp Ngân sách Nhà nước Việt Nam : 700 triệu USD.

Kế hoạch dự kiến 1996 - 2000 : khai thác 49 triệu tấn dầu, 4 - 5 tỉ mét khối khí đồng hành, trong đó, năm 1997 sẽ khai thác 9 triệu tấn.

VIETSOVPETRO có căn cứ dịch vụ tổng hợp trên bờ bao gồm : Cảng chuyên dùng có khả năng đón tàu trọng tải 1 vạn tấn cập bến an toàn ; Căn cứ đội tàu và công tác lặn ; Các bãi lắp ráp cấu kiện kim loại xây dựng các công trình dầu khí biển ; Bãi bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị khoan, khai thác ; Xí nghiệp sửa chữa cơ-điện ; Hệ thống kho và cung ứng vật tư ; Trung tâm an toàn-bảo vệ môi trường. Căn cứ tổng hợp này đủ sức dịch vụ cho khai thác hàng năm từ 12 đến 15 triệu tấn dầu thô, 1 - 1,2 tỉ mét khối khí.

VIETSOVPETRO sẵn sàng dịch vụ cho các công ti dầu khí khác có nhu cầu trong các lĩnh vực : thiết kế và xây lắp các công trình khai thác dầu khí biển, khoan thăm dò và khai thác, dịch vụ bến cảng, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí biển, vận tải cung ứng vật tư, thu gom dầu tràn, cứu hộ ngoài khơi...

Trong những năm qua, VIETSOVPETRO đã hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trên 35 tỉ đồng dùng vào xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học, tặng nhà tình nghĩa cho một số gia đình trong diện chính sách, nuôi dưỡng 20 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng...

Kì họp XIX Hội Đồng Xí Nghiệp Liên Doanh VIETSOVPETRO vào cuối năm 1996 đã nhất trí tiếp tục tài trợ kinh phí cho tỉnh dùng vào xây dựng cơ sở hạ tầng.

Với các địa phương khác trong cả nước, VIETSOVPETRO thường xuyên giúp đỡ hàng chục tỉ đồng cho đồng bào bị thiên tai, tôn tạo các di tích lịch sử, xây dựng nhà tình nghĩa, nhận nuôi dưỡng 40 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng ở Quảng Trị, Quảng Nam.

Digitized by Google

5730

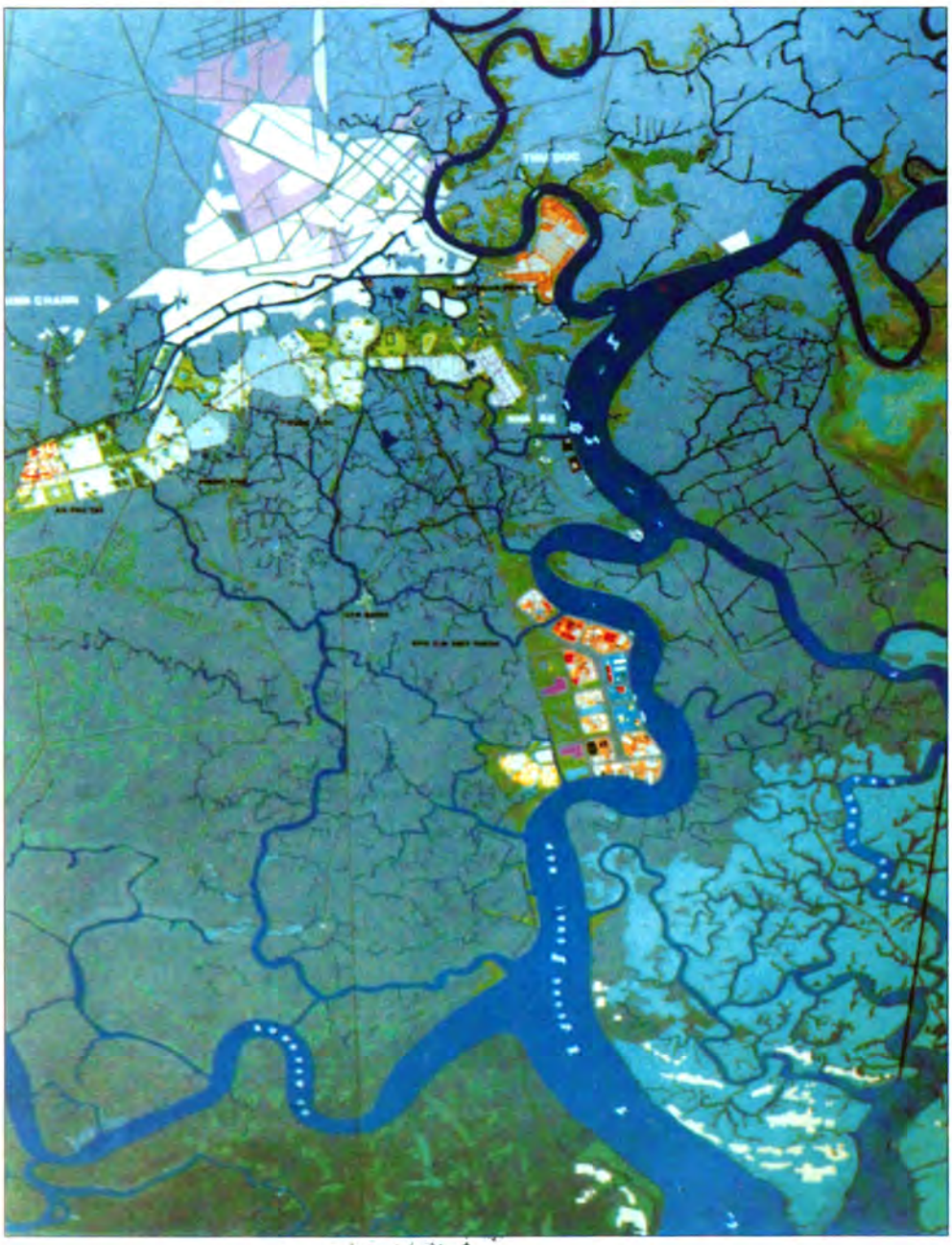
CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TÂN THUẬN

WHOM TO CONTACT
THE TAN THUAN INDUSTRIAL PROMOTION COMPANY

Head office : 210 - 212 Le Hong Phong St. District 5 - Ho Chi Minh City Vietnam

Phone : (84.8) 350 780 Fax : (84.8) 351 564

President : PHAN CHANH DUONG



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU :

Theo quyết định số 183/QĐ-UB ngày 27-9-1993 của UBND Thành phố

- Kế thừa chức năng của Chương trình Công nghiệp Xuất Khẩu Tân Thuận.
- Đối tác bên Việt Nam trong Công ty Liên Doanh Tân Thuận (xây dựng và kinh doanh Khu Chế Xuất Tân Thuận) và Công ty Liên doanh Phú Mỹ Hưng (xây dựng - kinh doanh tuyến đường Nhà Bè Bình Chánh và 05 cụm phát triển).
- Dịch vụ cung cấp cho khu chế xuất các loại vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm, thực phẩm, lao động và các dịch vụ khác như vệ sinh công cộng, công viên cây xanh, thu gom và vận chuyển phế liệu phế phẩm...
- Dịch vụ tư vấn đầu tư.
- Tổ chức thực hiện, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực :

* Hàng xuất khẩu, vật liệu xây dựng.

* Xây dựng hạ tầng cơ sở.

* Kinh doanh nhà ở (theo quy hoạch, quy định và được phép của UBND Thành phố).

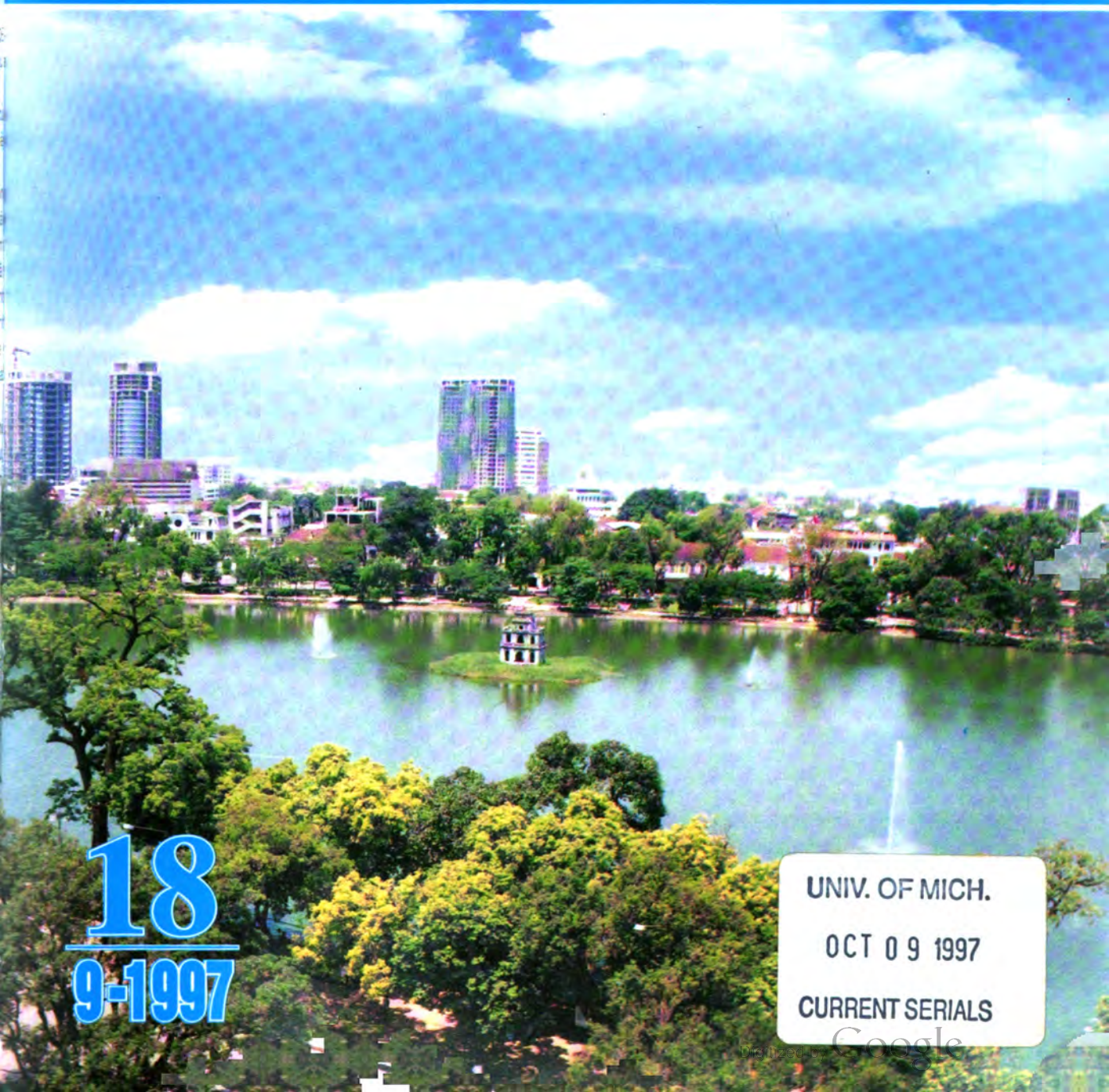
* Sản xuất, kinh doanh và gia công nghiền đá xây dựng với dây chuyền thiết bị hiện đại của Mỹ.

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



18
9-1997

UNIV. OF MICH.
OCT 09 1997
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

PMC

XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ XĂNG DẦU

PETROLIMEX MECHANIC COMPANY

THUỘC TCTY XĂNG DẦU VIỆT NAM - BỘ THƯƠNG MẠI



Dây chuyền sản xuất thùng 18; 20 và 25 lít

- ĐỊA CHỈ : 446 NƠ TRANG LONG - Q. BÌNH THẠNH - TP. HỒ CHÍ MINH
- TEL : 8432325 - 8433597 - FAX : 84-8-8432329

CHUYÊN SẢN XUẤT, KINH DOANH :

* Các loại bao bì chứa đựng xăng dầu, dầu thực vật, sơn và hóa chất.
* Sản xuất thùng phuy thép 200 lít ; thùng 18 lít, 20 lít và 25 lít.
* Sản xuất lắp đặt các loại ô tô xi-téc chở xăng dầu, nhựa đường nóng bỏng.
* Đóng mới, sửa chữa tàu, sà lan.
* Đóng mới, lắp đặt và sửa chữa xe PCCC.
* Thiết kế xây dựng các cửa hàng bán lẻ xăng dầu và các kho xăng dầu.
* Sửa chữa, kinh doanh các thiết bị phục vụ chuyên ngành xăng dầu.
* Thiết kế chế tạo khung kho, nhà xưởng bằng thép có khẩu độ theo yêu cầu của khách hàng.

ĐẶC BIỆT :

- Xí nghiệp đã đầu tư một dây chuyền sản xuất thùng 18; 20 và 25 lít (bằng tôn thiếc) hiện đại do hãng SARGIANI (Italia) chế tạo có công suất 700 thùng/giờ. Các sản phẩm này được sản xuất theo công nghệ tiên tiến, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Thùng được in theo logo của khách hàng trên dây chuyền in tự động của Đức.
- Sản phẩm xe bồn chở nhựa đường nóng lỏng loại 10.000 lít và 18.000 lít được sản xuất lần đầu tiên tại Việt Nam, có bộ gia nhiệt và bơm rót hiện đại, xuất nhựa đường qua hệ thống khí nén



Xe bồn chở nhựa đường nóng lỏng dung tích 18.000 lít.

RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 528 — HAI THÁNG RA MỘT KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ◆ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

MỤC LỤC

	Xã luận - Chào mừng Quốc hội khóa X	3
HỘI NGHỊ BÁO CHÍ - XUẤT BẢN TOÀN QUỐC	*** - "Tiếp tục đổi mới và phát triển báo chí - xuất bản vì sự nghiệp CNH, HĐH đất nước"	5
	ĐỖ MƯỜI - Nâng cao chất lượng chính trị, văn hóa và khoa học của báo chí - xuất bản	7
	NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Nắm vững các quan điểm cơ bản về công tác báo chí - xuất bản	11
NHÂN KỲ HỌP THỨ NHẤT QUỐC HỘI KHÓA X	NGUYỄN VĂN THẢO - Quốc hội trong điều kiện phát triển mới của đất nước	16
	BÙI NGỌC THANH - Một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giám sát của Quốc hội	20
PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	HOÀNG ĐỨC NGHI - Thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu để vùng dân tộc và miền núi đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa	26
	LÊ QUANG THƯỞNG - Công tác xây dựng Đảng ở các trường học	31
NHÂN KỶ NIỆM 50 NĂM XUẤT BẢN TÁC PHẨM : "SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC" (1947 - 1997)	NGUYỄN TRỌNG PHÚC - Đọc tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" của Chủ tịch Hồ Chí Minh	34
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGUYỄN ĐÌNH BÍCH - Quản lý nhà nước về giá cả	38
	HIỂN ANH - Vài suy nghĩ về tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội	42
	NGUYỄN XUÂN OÁNH - Xây dựng cơ cấu hạ tầng ngành Ngân hàng và Tài chính	46
	NGUYỄN THẾ NGHĨA - Thực trạng bức xúc về mặt xã hội, văn hóa và nhân văn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	49
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	VŨ NGỌC ẤN - Thay đổi việc cưới, việc tang ở một vùng quê	52
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	CÔNG VŨ - Chuyện "quan lộ"	54
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN HỮU CÁT - Việt Nam với AFTA	55
	TAM NHÂN - Cam-pu-chia, theo dòng sự kiện	58
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	61

Bìa 1 : *Hà Nội* — *Ảnh :* **TTXVN**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ СТАТЬЯ - Теплое приветствие Национальному Собранию 10ой Сессии. *** "Дальнейшее обновление и развитие прессы и издательской работы во имя индустриализации и модернизации страны". ДО МЫОЙ - Повышение качества произведений прессы и издательств в политическом, культурном и научном смыслах. НГУЕН ДЫК БИНЬ - Твердое усвоение существенных пунктов журналистической и издательской работы. НГУЕН ВАН ТХАО - Национальное Собрание в новых условиях развития страны. БУЙ НГОК ТХАНЬ - Некоторые мероприятия по улучшению контрольной деятельности Национального Собрания. ХОАНГ ДЫК НГИ - Выполнение некоторых главных задач во имя индустриализации и модернизации в горых районах и районах малых национальностей. ЛЕ КУАНГ ТХЫОНГ- Партийное строительство в школе. НГУЕН ДИНЬ БИК - Управление цены государством. ХИЕН АНЬ - Некоторые мнения об экономическом росте и социальной справедливости. НГУЕН СУАН ОАНЬ - Создание инфраструктуры банков и финансовых организаций. НГУЕН ХЫУ КАТ - Вьетнам и AFTA. ТАМ НЯН - Камбоджа, по течению событий.

CONTENTS

EDITORIAL - Warmest greetings to the National Assembly of the 10th Session. *** "To continue to renovate and develop the press and publication work for the sake of the contry's industrialisation and modernisation". ĐỖ MƯỜI - Improving publications of the press and publishing houses in political, cultural and scientific aspects. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Firmly grasp the principal points of the work of the press and publication. NGUYỄN VĂN THẢO - National Assembly in the new development situation of the country. BÙI NGỌC THANH - Some measures for enhancing the National Assembly's supervision. HOÀNG ĐỨC NGHI - Fulfilment of some main tasks for the sake of industrialization and modernization in mountainous areas and areas of ethnic minorities. LÊ QUANG THƯỜNG - The work of building up the Party in shools. NGUYỄN ĐÌNH BÍCH - State management over price. HIỀN ANH - Some thoughts about economic growth and social justice. NGUYỄN XUÂN OÁNH- The building of infrastructure of banks and financial organizations. NGUYỄN HỮU CẢT - Vietnam and AFTA. TAM NHÂN - Cambodia, following the course of events.

SOMMAIRE

EDITORIAL - Salutations à l'Assemblée nationale (Xe législature). *** "Continuons de renouveler et de développer la presse et les éditions pour l'oeuvre d'industrialisation et de modernisation du pays". ĐỖ MƯỜI - Elevons la qualité politique, culturelle et les scientifique de la presse et des publications.NGUYỄN ĐỨC BÌNH -Tenons-nous fermement aux points de vue essentiels sur le travail de la presse et des éditions. NGUYỄN VĂN THẢO -L'Assemblée nationale dans les nouvelles conditions de développement du pays. BÙI NGỌC THANH - Quelques solutions pour améliorer la qualité des activités de supervision de l'Assemblée nationale. HOÀNG ĐỨC NGHI - Quelques tâches à réaliser afin d'orienter les régions montagneuses peuplées d'ethnies minoritaires vers l'industrialisation et la modernisation. LÊ QUANG THƯỜNG - Le travail d'édification du Parti dans les écoles. NGUYỄN ĐÌNH BÍCH - La gestion de l'Etat dans le domaine des prix . HIỀN ANH -Quelques réflexions sur la croissance économique et la justice sociale. NGUYỄN XUÂN OÁNH- L'édification des infrastructures de la Banque et des Finances. NGUYỄN HỮU CẢT -Le Vietnam et l' AFTA. TAM NHÂN - Le Cambodge au fil des événements.

SUMARIO

EDITORIAL - Felicitación a la Décima Legislatura de la Asamblea nacional. *** "Proseguir la renovación y el desarrollo de la prensa y las ediciones por la obra de industrialización y modernización del país". ĐỖ MƯỜI - Elevar la calidad política, cutural y científica de la prensa y las ediciones. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Dominar bien los puntos de vista esencial sobre el trabajo de prensa y ediciones. NGUYỄN VĂN THẢO - La Asamblea nacional en las nuevas condiciones del desarrollo del país. BÙI NGỌC THANH - Algunas soluciones para elevar la calidad de las actividades de supervisión de la Asamblea nacional. HOÀNG ĐỨC NGHI - Realizar algunas tareas principales para orientar las regiones étnicas y de montaña hacia la industrialización y modernización. LÊ QUANG THƯỜNG - La edificación del Partido en las escuelas. NGUYỄN ĐÌNH BÍCH - La gestión del Estado sobre el precio. HIỀN ANH - Algunas reflexiones sobre el crecimiento económico y la justicia social. NGUYỄN XUÂN OÁNH- Edificar la infraestructura de la rama bancaria y financiera. NGUYỄN HỮU CẢT - Vietnam y la AFTA. TAM NHÂN - Cambodia, al curso de los acontecimients.

目录

•社论: 祝贺十届国会•*** 为实现国家工业化、现代化而继续更新和发展新闻、出版业•杜梅: 提高新闻、出版刊物的政治、文化和科学质量•阮德平: 掌握新闻、出版工作的基本观点•阮文草: 国家新发展时期的国会•裴玉清: 提高国会监督工作质量的措施•黄德仪: 为少数民族和山区走向工业化、现代化而实现的一些主要任务•黎光赏: 党的建设在学校中•阮庭碧: 国家对价格的管理•贤英: 关于经济增长和社会公平的思考•阮春莹: 建设银行与财政部门的下层基础•阮友吉: 越南与东盟自由贸易组织•三仁: 柬埔寨形势动态

Digitized by Google

Xã luận

CHÀO MỪNG QUỐC HỘI KHÓA X

NGÀY 20-9-1997, Quốc hội khóa X sẽ họp kỳ thứ nhất tại thủ đô Hà Nội.

Đây là khóa Quốc hội được 99,5% cử tri cả nước bầu ngày 20-7-1997 một cách trực tiếp, dân chủ, và đúng pháp luật. So với khóa trước, Quốc hội khóa này có độ tuổi trung bình trẻ hơn, có trình độ học vấn cao hơn, có thành phần nữ, dân tộc thiểu số tham gia đông hơn và có nhiều người ngoài Đảng đã trúng cử.

Nhân dân ta rất phấn khởi trước thắng lợi có ý nghĩa chính trị to lớn của cuộc bầu cử, nhiệt liệt chào mừng các vị đại biểu có đức độ cao, tài trí lớn, được cử tri tín nhiệm, ủy thác ra gánh vác việc nước trong nhiệm kỳ này.

Kế thừa sứ mệnh lịch sử của Quốc hội các khóa trước đây, đặc biệt là kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm quý báu của Quốc hội khóa VIII, khóa IX - các khóa đã có những đổi mới rõ rệt trong hoạt động, gây được ấn tượng tốt đẹp trong nhân dân, - Quốc hội khóa X có sứ mệnh tiếp tục sự nghiệp đổi mới đất nước theo đường lối của Đại hội VIII ; động viên 75 triệu nhân dân cả nước tiến vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, chuẩn bị hành trang cho đất nước ta bước vào thế kỷ XXI với thế lực mới, tầm vóc mới.

Là cơ quan đại biểu cao nhất, quyền lực cao nhất, tiêu biểu cho ý chí và quyền lực nhà nước thống nhất, cho khối đại đoàn kết toàn dân, Quốc hội khóa X có trọng trách tiếp tục thể chế hóa Cương lĩnh và Chiến lược của Đảng ; cụ thể hóa những quan điểm, nhiệm vụ mà Đại hội VIII và Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) nêu ra, đặc biệt là những quan điểm, nhiệm vụ về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh.

Để thực hiện sứ mệnh lịch sử, trọng trách cao cả đó, trong kỳ họp thứ nhất này Quốc hội sẽ nghe báo cáo kết quả cuộc Tổng tuyển cử vừa qua ; bầu và phê chuẩn nhân sự cấp cao của nhà nước, bầu nhân sự các cơ quan của Quốc hội ; nghe báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri cả nước kiến nghị với Quốc hội, và một số báo cáo quan trọng khác. Đây là bước khởi đầu cho cả nhiệm kỳ hoạt động 5 năm của Quốc hội khóa X. Nhân dân ta hăm hở theo dõi và tin tưởng sâu sắc vào sự thành công của kỳ họp có ý nghĩa rất quan trọng này. Đồng thời, nhân dân ta cũng bày tỏ ước vọng : Trong nhiệm kỳ mới này, Quốc hội sẽ đáp ứng nhiều hơn nữa, hiệu quả hơn nữa những điều nhân dân hằng mong đợi.

1 - Về lập pháp. *Nhiệm kỳ khóa IX đã nỗ lực lớn, ban hành được nhiều đạo luật và pháp lệnh. Chúng ta mong, nhiệm kỳ này, Quốc hội tăng cường hơn nữa việc xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cố gắng đến năm 2000, về cơ bản ban hành đủ các đạo luật cần thiết để điều chỉnh mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Tích cực cải tiến chương trình làm luật. Nâng cao chất lượng luật : sát cuộc sống, cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện ; giảm dần việc ban hành các luật và pháp lệnh chỉ dừng ở những quy tắc chung. Chúng ta cũng mong Quốc hội có những biện pháp hữu hiệu, để khi ban hành, các đạo luật nhanh chóng đi vào cuộc sống, đến tận người dân, được hướng dẫn thực thi một cách thống nhất và nghiêm chỉnh trong cả nước.*

2 - Về công tác giám sát. *Khắc phục những hạn chế của các khóa trước, chúng ta mong khóa này Quốc hội có chương trình giám sát toàn diện, đồng bộ, trước hết tập trung vào những vấn đề bức xúc, trực tiếp liên quan đến quyền dân chủ, lợi ích cuộc sống của nhân dân, đến ngân sách nhà nước và hoạt động của các cơ quan tư pháp. Mong Quốc hội xây dựng được cơ chế giám sát, đổi mới nội dung và phương thức giám sát qua hình thức chất vấn tại các kỳ họp với việc giám sát thường xuyên của các cơ*

Digitized by Google

quan Quốc hội, các đoàn đại biểu Quốc hội và từng đại biểu Quốc hội. Sớm ban hành luật về hoạt động giám sát của Quốc hội và pháp lệnh về hoạt động giám sát của nhân dân, để Quốc hội vừa thực hiện tốt quyền giám sát tối cao, không hình thức đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước, lại vừa kết hợp phát huy được hoạt động giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể quần chúng và sự giám sát trực tiếp của nhân dân.

3 - Về quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. *Thay mặt nhân dân, Quốc hội khóa IX và các khóa trước đã quyết định nhiều vấn đề trọng đại thuộc quốc kế dân sinh. Chúng ta mong trong nhiệm kỳ mới, căn cứ vào những định hướng phát triển mà Đảng ta đã nêu lên trong các văn kiện và căn cứ vào thực tiễn hoạt động giám sát, Quốc hội khóa X sẽ đưa ra nhiều quyết định mới đối với các kế hoạch kinh tế - xã hội lớn, các công trình trọng điểm của quốc gia, đối với chính sách tài chính - tiền tệ, đối với tăng cường khả năng an ninh, quốc phòng và đối ngoại... Chúng ta mong Quốc hội trực tiếp nắm, phân bổ, và quyết định cụ thể về ngân sách nhà nước theo Luật ngân sách, để ngân sách nhà nước không bị thất thoát, được phân bổ công bằng hợp lý cho các ngành và các địa phương.*

Quốc hội ta phần đông kiêm nhiệm, lại hoạt động trên lãnh thổ trải dài 3000 km nên thông tin tầm vĩ mô trong nhiều đại biểu thường bị hạn chế. Để Quốc hội quyết định những công việc hệ trọng của đất nước thật chuẩn xác, chúng ta mong các cơ quan chức năng của Chính phủ và Mặt trận Tổ quốc, các trung tâm khoa học và các nhà khoa học lớn có nhiệt tâm cung cấp cho các đại biểu Quốc hội, các hội đồng và ủy ban của Quốc hội những thông tin mới mẻ, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

4 - Về tiếp tục đổi mới tổ chức hoạt động, *nâng cao chất lượng kỳ họp và công tác tiếp dân, giải quyết các kiến nghị của dân. Mấy năm gần đây, nhất là trong nhiệm kỳ khóa IX, tổ chức hoạt động và chất lượng kỳ họp đã bước đầu được đổi mới và nâng lên đáng kể, gây được sự hứng thú theo dõi của nhân dân trong nước và kiều bào ở nước ngoài. Chúng ta mong Quốc hội khóa mới tiếp tục đổi mới và nâng cao hơn nữa chất lượng các hoạt động này, từ quy trình chuẩn bị kỳ họp của Quốc hội đến phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, từ các cuộc họp của Hội đồng dân tộc, các ủy ban của Quốc hội đến sinh hoạt của các đoàn đại biểu Quốc hội giữa hai kỳ họp,... Việc tiếp xúc cử tri trước sau mỗi kỳ họp và việc tiếp dân hàng ngày cũng sẽ có những cải tiến mới. Các cơ quan giúp việc tạo điều kiện thuận lợi nhiều hơn nữa để đại biểu Quốc hội tiếp xúc rộng rãi với cử tri, để các cử tri khi cần có thể trực tiếp gặp trao đổi, đề bạt ý kiến với người đại biểu của mình trong cơ quan đại biểu cao nhất của đất nước.*

Xã hội ta đang vận động, phát triển, với tốc độ nhanh trong nền kinh tế mở. Nhiều vấn đề mới nảy sinh hàng ngày, hàng giờ, nên yêu cầu xử lý và kiến nghị về cách xử lý gửi tới Quốc hội ngày càng nhiều. Riêng kỳ họp thứ 11 (khóa IX) đã có tới 550 ý kiến tập trung vào 29 vấn đề liên quan đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Điều đó, một mặt nói lên ý thức làm chủ đất nước, trình độ dân trí đã được nâng cao, mặt khác cũng thể hiện sự tín nhiệm lớn, kỳ vọng lớn của nhân dân đối với Quốc hội.

Trong khóa mới này, chúng ta mong Quốc hội có nỗ lực mới, quyết tâm mới, xử lý dứt điểm các vấn đề nóng bỏng, bức xúc, không để lưu niên. Đặc biệt, chúng ta mong Quốc hội có biện pháp thật mạnh mẽ, thật kiên quyết đề đẩy lùi, tiến tới diệt trừ tận gốc nạn tham nhũng, hối lộ, và tệ quan liêu cửa quyền. Đây là một tệ nạn nguy hiểm, đang ngày đêm đầu độc và gây nhức nhối bầu không khí xã hội, làm xói mòn nguồn động lực tinh thần của nhân dân ta.

Trọng trách đặt lên vai Quốc hội khóa X thật nặng nề ! Nhưng được Đảng tăng cường lãnh đạo, với sự lãnh đạo không ngừng đổi mới, được cử tri và các tầng lớp nhân dân cả nước hết lòng ủng hộ, nhất định Quốc hội khóa X sẽ làm tròn sứ mệnh lịch sử : cùng Trung ương Đảng và Chính phủ, đưa nhân dân nước ta nắm thời cơ mới, vận hội mới, đẩy lùi các nguy cơ, vượt qua các khó khăn, hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ của chặng đầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ! Làm cho đất nước ta phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, cùng các quốc gia tiên tiến trong khu vực và trên thế giới vững bước vào thiên niên kỷ mới ! ❑

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

"TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN BÁO CHÍ - XUẤT BẢN VÌ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC"

Với chủ đề trên, trong 3 ngày, từ 22-8 đến 24-8-1997, Hội nghị báo chí - xuất bản toàn quốc đã được tổ chức trọng thể tại Hà Nội. Hội nghị do Thường vụ Bộ Chính trị và Thường trực Chính phủ triệu tập nhằm đánh giá, tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 08 của Ban Bí thư (khóa VII) về báo chí, xuất bản và phương hướng, biện pháp để tiếp tục đổi mới và phát triển sự nghiệp báo chí trong thời kỳ mới.

Đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách khối tư tưởng, văn hóa, khoa giáo cùng đồng chí Nguyễn Khánh, Phó Thủ tướng Chính phủ, trực tiếp tham dự và chủ trì ; đồng chí Hữu Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Văn hóa - Thông tin điều hành hội nghị. Dự Hội nghị có gần 600 đại biểu và khách mời, bao gồm lãnh đạo các cơ quan chỉ đạo và quản lý báo chí xuất bản ở trung ương và các địa phương, các ngành, đoàn thể, đại diện các ban của Trung ương Đảng và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ; các đồng chí lãnh đạo thành ủy, tỉnh ủy của các địa phương : Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thừa Thiên - Huế, Lâm Đồng, là những nơi hoạt động báo chí - xuất bản đang rất sôi động ; hơn 270 tổng biên tập báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình trung ương và địa phương, 40 giám đốc các nhà xuất bản và một số giám đốc công ty in, phát hành báo chí.

Hội nghị đã nghe báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chỉ thị 08/CT-TU về báo chí - xuất bản và những nhiệm vụ cần tiếp tục thực hiện trong thời kỳ tới của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương do đồng chí Hữu Thọ, Trưởng Ban, trình bày ; báo cáo công tác quản lý nhà nước về báo chí - xuất bản do Bộ trưởng Nguyễn Khoa Điềm trình bày.

Hội nghị vui mừng đón đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười tới dự và phát biểu ý kiến, biểu dương những thành tựu đã đạt được của báo chí - xuất bản sau 10 năm đổi mới và 5 năm thực hiện Chỉ thị 08 của Ban Bí thư, chỉ rõ những phương hướng, nhiệm vụ của báo chí - xuất bản trong thời kỳ mới của cách mạng nước ta. (Toàn văn bài phát biểu đăng trên Tạp chí số này).

Với tinh thần thiết thực và hiệu quả, Hội nghị đã dành nhiều thời gian để các đại biểu thảo luận, đóng góp ý kiến, 22 bản tham luận và phát biểu trong hội nghị đã phân tích sâu nhiều vấn đề cụ thể trên những lĩnh vực cụ thể, nêu nhiều ý kiến và đưa ra nhiều giải pháp với tinh thần trách nhiệm cao nhằm phấn đấu nâng cao hơn nữa chất lượng của báo chí - xuất bản trong thời gian tới.

Đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị phát biểu ý kiến tổng kết hội nghị. (Bài phát biểu đăng trên Tạp chí số này).

Qua những báo cáo tổng kết, những lời chỉ dẫn của các đồng chí lãnh đạo và những ý kiến đóng góp của các đại biểu, Hội nghị đi tới sự nhất trí cao trên một số vấn đề sau :

Digitized by Google

Một là, khẳng định ý nghĩa to lớn của Chỉ thị 08/CTTU cũng như sự cần thiết của việc tổng kết 5 năm thực hiện chỉ thị. Chỉ thị 08 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã thực sự dẫn lối cho báo chí - xuất bản đổi mới và vươn tầm ; đã giúp cho hoạt động của báo chí - xuất bản ngày càng mạnh mẽ, sôi động, phát triển cả theo bề rộng lẫn chiều sâu và đúng hướng. Sự cần thiết của việc tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 08/CTTU thể hiện trên hai khía cạnh : *thứ nhất* là thời gian 5 năm là vừa đủ để chúng ta có thể nhìn nhận, không quá dài và cũng không thật ngắn ; *thứ hai,* qua tổng kết giúp chúng ta đánh giá đúng thực trạng báo chí, xuất bản, rút ra những bài học kinh nghiệm về chỉ đạo, quản lý, đề ra phương hướng phấn đấu phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục có hiệu quả những khuyết điểm và hạn chế, tiếp tục đổi mới và phát triển sự nghiệp báo chí.

Hai là, khẳng định rõ hơn vị trí, vai trò cũng như những thành tựu to lớn của báo chí - xuất bản trong thời gian qua. Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định, báo chí - xuất bản là vũ khí sắc bén để tuyên truyền, tập hợp, tổ chức và vận động nhân dân. Báo chí cũng là diễn đàn của nhân dân, là công cụ để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Báo chí - xuất bản luôn có mặt trong mọi hoạt động thường ngày của đất nước và nhân dân ta. Qua hơn 10 năm đổi mới, đặc biệt là hơn 5 năm thực hiện Chỉ thị 08, hệ thống báo chí - xuất bản đã có những bước phát triển mới ; đã đi đầu trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội ; đã tạo nên dư luận xã hội lành mạnh, góp phần xây dựng bầu không khí dân chủ trong xã hội ; góp phần tăng cường sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần của toàn xã hội. Qua thực tế hoạt động, đội ngũ đông đảo hàng ngàn các nhà báo cũng như cán bộ làm công tác xuất bản ngày thêm trưởng thành, có phẩm chất chính trị tốt, có kiến thức chuyên môn khá, có đạo đức tác phong tốt, gắn bó với sự nghiệp cách mạng.

Ba là, chỉ rõ những mặt tồn tại trong hoạt động của báo chí - xuất bản cũng như của đội ngũ người làm công tác xuất bản - báo chí. Những khuyết điểm và thiếu sót chủ yếu trong hoạt động và quản lý báo chí - xuất bản như : xu hướng thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích ; phê phán một chiều mặt khuyết điểm, yếu kém, tiêu cực ; coi nhẹ việc giới thiệu, cổ vũ, biểu dương nhân tố mới ; các cơ quan chỉ đạo, quản lý công tác báo chí - xuất bản chưa thường xuyên hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra công tác báo chí - xuất bản. Bên cạnh những người làm báo, làm công tác xuất bản nêu cao phẩm chất và giữ trọn đạo đức nghề nghiệp, cũng còn một số sa sút về phẩm chất, đạo đức, chạy theo đồng tiền và lợi ích cá nhân...

Bốn là, thống nhất ý chí và thống nhất hành động để tiếp tục đổi mới và phát triển sự nghiệp báo chí - xuất bản. Cơ sở lý luận và thực tiễn để đi tới thống nhất ý chí và hành động chính là những quan điểm cơ bản : Báo chí - xuất bản đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật ; báo chí là phương tiện thông tin, giáo dục và chỉ đạo ; báo chí - xuất bản phải không ngừng phát triển nhưng phát triển phải đi đôi với quản lý tốt ; người làm báo, biên tập trong các cơ quan báo chí - xuất bản phải là chiến sĩ xung kích trên mặt trận tư tưởng - văn hóa.

Nắm vững và vận dụng những quan điểm trên vào hoạt động thực tiễn phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa báo chí - xuất bản trên cơ sở nâng cao chất lượng chính trị, chất lượng văn hóa và khoa học, phải thực hiện thật tốt chức năng người tuyên truyền, cổ vũ, tổ chức tập thể các phong trào hành động cách mạng của nhân dân, là phương tiện để các tầng lớp nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ đất nước. ❑

Digitized by Google

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA VÀ KHOA HỌC CỦA BÁO CHÍ - XUẤT BẢN*

ĐỖ MƯỜI
Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam

TÔI hoan nghênh các đồng chí tổ chức Hội nghị báo chí - xuất bản toàn quốc để tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 08 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) nhằm đánh giá đúng đắn thực trạng báo chí - xuất bản ở nước ta, rút ra những bài học kinh nghiệm về chỉ đạo và quản lý; đề ra phương hướng phấn đấu phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục có hiệu quả những khuyết điểm và hạn chế; tiếp tục đổi mới và phát triển sự nghiệp báo chí - xuất bản, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn coi báo chí - xuất bản là vũ khí sắc bén để tuyên truyền, tập hợp, tổ chức và vận động nhân dân. Hoạt động báo chí trong các thời kỳ vận động thành lập Đảng, chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền, trong các cuộc kháng chiến trước đây, cũng như trong giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay đã thu được nhiều kinh nghiệm hết sức phong phú. Trong đó, vốn quý nhất là đội ngũ đông đảo hàng ngàn nhà báo và cán bộ làm công tác xuất bản có phẩm chất chính trị tốt, có kiến thức và trình độ chuyên môn khá, đã kinh qua hoạt động thực tiễn, gắn bó với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Qua hơn 10 năm tiến hành công cuộc đổi mới, nhất là từ khi Chỉ thị 08 được ban hành, hệ thống báo chí và xuất bản nước ta đã có những bước phát triển đáng mừng cả về số lượng và chất lượng, cả về nội dung cũng như hình thức. Báo chí - xuất bản đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp nâng cao dân trí, bảo vệ và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc; động viên các phong trào hành động cách mạng sôi nổi và rộng khắp của nhân dân; giới thiệu những điển hình tốt, những kinh nghiệm hay ở các địa phương, cơ sở. Các phương tiện thông tin đại chúng luôn luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác; phản ánh tình cảm, nguyện vọng và những ý kiến đóng góp của các tầng lớp nhân dân với Đảng và Nhà nước, tạo nên dư luận xã hội lành mạnh, góp phần xây dựng bầu không khí dân chủ trong đời sống xã hội. Báo chí - xuất bản cũng đã có những đóng góp quan trọng vào công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, hình thành và từng bước hoàn chỉnh lý luận của sự nghiệp đổi mới, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; tham gia tích cực cuộc đấu tranh chống các luận điệu, thủ đoạn hòng thực hiện âm mưu phá hoại cách mạng nước ta. Nhìn chung, báo chí - xuất bản đã hoạt động đúng định hướng của Đảng, Nhà nước; thực hiện ngày càng tốt hơn vai trò diễn đàn của nhân dân, góp phần tăng cường ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, làm phong phú thêm đời sống văn hóa - tinh thần của toàn xã hội. Các phương tiện thông tin đại chúng là kênh giao lưu quan trọng, là cầu nối mở rộng quan hệ

* Đầu đề là của Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

hữu nghị, hợp tác với bè bạn trên thế giới. Nói tóm lại, trong mọi hoạt động thường ngày của đất nước và nhân dân ta, thật khó hình dung nếu thiếu vắng những hoạt động phong phú và sôi động của báo chí - xuất bản. Đạt được những thành tựu tạo ra diện mạo khởi sắc hôm nay của nền báo chí - xuất bản nước nhà là nhờ có chủ trương, chính sách đúng đắn và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, của các ban, ngành, đoàn thể ở trung ương và địa phương; nhờ sự ủng hộ, tham gia tích cực của nhân dân; đặc biệt là có sự đóng góp trí tuệ và công sức to lớn của hơn 7500 nhà báo, của hàng nghìn cán bộ xuất bản và đội ngũ đông đảo các cộng tác viên, thông tin viên, công nhân viên đang làm việc tại gần 450 cơ quan báo chí và 40 nhà xuất bản. Thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt biểu dương những thành tích xuất sắc của đội ngũ các nhà báo và những người làm công tác xuất bản trong cả nước.

BÊN cạnh những thành tích đã đạt được, hoạt động báo chí - xuất bản cũng bộc lộ những khuyết điểm và yếu kém, trong đó có những khuyết điểm khá nghiêm trọng, mà các đồng chí đều biết rõ. Chúng ta phải nghiêm túc tiếp thụ những ý kiến phê bình xác đáng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân về những thiếu sót, khuyết điểm đã xảy ra ở một số cơ quan báo chí - xuất bản và một số cán bộ làm công tác báo chí - xuất bản. Báo cáo tổng kết trình bày tại Hội nghị đã nêu những khuyết điểm và thiếu sót chủ yếu trong hoạt động và quản lý báo chí - xuất bản, như xu hướng thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích của hoạt động báo chí - xuất bản, nặng về miêu tả, phê phán một chiều mặt khuyết điểm, yếu kém, tiêu cực; coi nhẹ việc giới thiệu, biểu dương, cổ vũ người tốt việc tốt, những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến nảy nở trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước; thiếu nghiêm khắc đối với những khuyết điểm và những hành vi tiêu cực, vi phạm phẩm chất đạo đức của một số nhà báo và cán bộ xuất bản; các cơ quan chỉ đạo, quản lý công tác báo chí, kể cả cơ quan chủ quản của các báo chưa thường xuyên hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra công tác báo chí.

Nhìn chung, chưa có nhiều ấn phẩm sâu sắc về chính trị, tư tưởng; còn ít đề cập việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và quan hệ sản xuất mới; chưa nêu bật được những thành tích của công nhân, nông dân và trí thức trong sự nghiệp đổi mới đất nước; còn một số chương trình, ấn phẩm không lành mạnh, trái với truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc... Điều đáng suy nghĩ là không ít thiếu sót, khuyết điểm đã được đề cập và uốn nắn trong chỉ thị của Đảng từ 5 năm trước nhưng chậm được khắc phục, thậm chí có mặt còn trầm trọng hơn. Chúng ta cần đi sâu phân tích, xác định nguyên nhân và tìm ra giải pháp khắc phục một cách có hiệu quả để công tác báo chí - xuất bản tiếp tục phát triển vững chắc và mạnh mẽ hơn.

Nhân dịp này, tôi muốn gợi lên một số vấn đề để các đồng chí thảo luận, phân tích, làm rõ thực trạng, nguyên nhân và điều đặc biệt quan trọng là thống nhất ý chí và phương hướng hành động nhằm phục vụ đắc lực và có hiệu quả hơn nữa sự nghiệp cách mạng của Đảng ta và dân tộc ta trong thời kỳ mới.

Như các đồng chí đã rõ, báo chí - xuất bản là một bộ phận trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Trong giai đoạn mới hiện nay, báo chí là một lá cờ cách mạng, tập hợp, đoàn kết, cổ vũ toàn dân hăng hái tiến hành thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà. Người làm báo, làm công tác xuất bản là những chiến sĩ cách mạng, giữ vai trò xung kích trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng. Do vậy, hơn ai hết, người làm báo, làm công tác xuất bản phải cùng vui với niềm vui của toàn dân trước mỗi thành công và tiến bộ, trước mỗi người tốt, việc tốt xuất hiện trong cuộc sống; lo lắng, chia sẻ những khó khăn, gian khổ với nhân dân, đất nước, kiên quyết đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, quan liêu, buôn lậu và các tệ nạn xã hội khác; chống xu hướng thương mại hóa trong hoạt động báo chí - xuất bản. Cái đức của người làm công tác báo chí - xuất bản ngày nay là như vậy.

Digitized by Google

Nghề gì cũng cần lấy đạo đức làm gốc. Nghề làm báo, làm xuất bản càng phải coi trọng đạo đức. Có như vậy sách báo mới đi vào lòng người, mới có sức cảm hóa, thuyết phục cao.

Bên cạnh số đông người làm báo chí - xuất bản trung thực, có tiến bộ nghề nghiệp, có tấm lòng trong sáng, cũng có một số sa sút về phẩm chất và đạo đức; có người xuất phát từ lợi ích cá nhân đã thông tin và bình luận thiếu khách quan, trung thực; có người tự tách mình ra ngoài cuộc để giành quyền nhận xét, khen chê một cách chủ quan, thiếu tinh thần xây dựng. Trong lĩnh vực báo chí - xuất bản còn thiếu nhiều cán bộ đủ trình độ và năng lực đảm đương nhiệm vụ ở các cơ quan báo chí - xuất bản và các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương. Trình độ, năng lực và phẩm chất của không ít cán bộ chưa được nâng lên ngang tầm nhiệm vụ.

ĐẨY mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa là một sự nghiệp vĩ đại, tiếp nối sự nghiệp lâu dài của cha ông, nhằm bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, trở nên giàu mạnh, văn minh, nhân dân tự do, hạnh phúc, biến giấc mơ của bao thế hệ người Việt Nam chúng ta thành hiện thực. Sự nghiệp đó phù hợp quy luật phát triển tất yếu của thời đại, thuận lòng dân, do đó được nhân dân đồng tình, ủng hộ và hăng hái thực hiện. Đồng thời, công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng là sự nghiệp mới mẻ, bên cạnh những nhân tố thuận lợi, còn có vô vàn khó khăn, thử thách. Để giành thắng lợi, chúng ta phải huy động được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, động viên cao độ trí thông minh, lòng dũng cảm, tinh thần lao động sáng tạo, cần kiệm của con người Việt Nam, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên mà tổ tiên ta bao đời đã gây dựng và giữ gìn, kết hợp với những nhân tố thuận lợi của thời đại, của mối quan hệ hợp tác quốc tế ngày càng được mở rộng, đưa đất nước đến phồn vinh. Trong sự nghiệp trọng đại đó, báo chí - xuất bản phải trở thành người tuyên truyền, cổ vũ, tổ chức tập thể các phong trào hành động cách mạng của nhân dân; trở thành phương tiện để các tầng lớp nhân dân, nhất là người lao động, thực hiện quyền làm chủ đất nước. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nêu rõ chủ trương tiếp tục phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân. Báo chí - xuất bản phải phấn đấu làm tốt hơn nữa chức năng là diễn đàn để nhân dân bày tỏ ý chí và nguyện vọng, phát biểu ý kiến góp phần giải quyết những vấn đề đặt ra cho đất nước; hình thành dư luận xã hội lành mạnh, tạo ra sự nhất trí cao trong suy nghĩ và hành động của toàn xã hội. Các cơ quan báo chí - xuất bản cần đặc biệt chú trọng thu hút tài năng, trí tuệ và ý kiến của các tầng lớp nhân dân, của đồng bào trong nước, hoặc đang định cư ở nước ngoài đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao tính nhân dân của báo chí và xuất bản cũng là tăng cường quyền kiểm tra, giám sát của người dân đối với hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể và toàn xã hội; góp phần đắc lực vào cuộc đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu, buôn lậu và các tệ nạn xã hội. Đồng thời việc phát huy quyền dân chủ, khả năng sáng tạo vô tận của nhân dân, cũng là nguồn sinh khí tiếp thêm sức mạnh cho báo chí - xuất bản tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

Để nâng cao chất lượng của hoạt động báo chí - xuất bản, cần thực hiện tốt phương châm phát triển phải đi đôi với quản lý tốt. Bố trí, sắp xếp lại một cách hợp lý các cơ quan báo chí - xuất bản để tránh tình trạng vừa thừa, vừa thiếu như hiện nay. Cái đang thiếu hiện nay là các tờ báo, các ấn phẩm, các chương trình phát thanh và truyền hình có chất lượng cao, có nội dung lành mạnh, bổ ích, hình thức thể hiện phong phú, đa dạng, hấp dẫn, không chỉ phục vụ tốt các tầng lớp nhân dân ở thành thị, mà còn đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của đông đảo công nhân, nông dân, nhất là đồng

Digitized by Google

bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng trước đây.

Tại Hội nghị lần này, các đồng chí cần tập trung vào những vấn đề then chốt nhất nhằm *nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng. Đó là chất lượng chính trị, chất lượng văn hóa và chất lượng khoa học*. Làm rõ bản chất giai cấp và tính nhân dân; nâng cao tính chiến đấu và tính tổ chức, tính dân tộc và tính thời đại của báo chí - xuất bản. Mỗi dòng tin, mỗi bài báo, trang sách, mỗi hình ảnh được đăng, phát.... đều phải lựa chọn, cân nhắc nhằm đạt hiệu quả tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của mọi người. Người làm báo, làm sách phải ghi nhớ lời dạy của Bác Hồ, thường xuyên tự đặt cho mình câu hỏi : viết cho ai, viết để làm gì và viết như thế nào để luôn luôn khẳng định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của mọi người, mọi nhà; luôn luôn gắn bó với công nhân, nông dân, trí thức, cổ vũ toàn dân hăng hái phấn đấu thực hiện mục tiêu cao cả đó. Báo chí phải góp phần xây dựng con người mới, nêu cao tính cộng đồng, chống chủ nghĩa cá nhân, khuyến khích cổ vũ mọi người sống lành mạnh, nhân hậu, thủy chung, không chạy theo tiền tài để làm điều bất nhân, phi nghĩa; chăm lo giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc. Đánh giá thành tựu , bàn giải pháp khắc phục các mặt yếu kém, khuyết điểm, hay đề ra phương hướng phấn đấu nâng cao chất lượng hoạt động báo chí - xuất bản đều phải tập trung vào những vấn đề then chốt đó. Phải có quan điểm chính trị vững vàng , có tầm vóc văn hóa tương xứng, có tính khoa học cao thì hoạt động báo chí - xuất bản mới ngang tầm và phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhân tố quyết định nâng cao chất lượng công tác báo chí - xuất bản là đội ngũ các nhà báo và những người làm công tác xuất bản. Vì vậy, các cấp ủy đảng, các cơ quan thông tin đại chúng, các nhà xuất bản cần tổ chức tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ. Mỗi nhà báo, cán bộ các cơ quan báo chí - xuất bản phải thường xuyên rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng kiên định vững vàng, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đề cao tự phê bình và phê bình, tu dưỡng đạo đức gương mẫu trong cuộc sống, phấn đấu xứng đáng là nhà báo của nhân dân. Mặt khác, cần thống nhất quản lý, chỉ đạo công tác đào tạo, nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ làm công tác báo chí - xuất bản. Các cơ quan chủ quản báo, đài, nhà xuất bản phải làm đầy đủ trách nhiệm trong việc chỉ đạo hoạt động của các báo, tạp chí, nhà xuất bản do mình phụ trách. Kiện toàn các cơ quan chỉ đạo, quản lý lĩnh vực công tác này ở các cấp, bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh và có hiệu quả đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước cũng như các quy chế quản lý của ngành về hoạt động báo chí - xuất bản.

ĐẢNG, Nhà nước và nhân dân ta đánh giá cao những đóng góp to lớn của báo chí - xuất bản trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Bước vào thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vai trò và nhiệm vụ của báo chí - xuất bản càng nặng nề, song rất vẻ vang. Những người làm báo, làm công tác xuất bản hãy tiếp tục phấn đấu, đem hết tài năng và tâm huyết phản ánh một cách trung thực và sinh động cuộc sống chiến đấu và lao động sáng tạo, cổ vũ lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam và chủ nghĩa nhân văn cao quý của nhân dân ta. Mỗi tờ báo, tạp chí, quyển sách, mỗi bản tin, chương trình phát thanh, truyền hình phải góp phần viết nên cuốn biên niên sử sống động và vĩ đại về bản lĩnh, trí tuệ, sức mạnh của cả dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, vươn tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chúc Hội nghị của các đồng chí thành công tốt đẹp.

Digitized by Google

NẮM VỮNG CÁC QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC BÁO CHÍ - XUẤT BẢN

NGUYỄN ĐỨC BÌNH

Lời BBT : *Bài phát biểu tổng kết của đồng chí Nguyễn Đức Bình gồm ba phần. Phần I đánh giá thành tựu và khuyết điểm của công tác báo chí - xuất bản. Phần II và III đề cập các quan điểm chỉ đạo và phương hướng, nhiệm vụ của công tác báo chí - xuất bản thời gian tới. Sau đây là phần II và III của bài phát biểu. Đầu đề là của chúng tôi.*

ĐẠI hội VIII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới là "nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa". Mục tiêu đặt ra cho công cuộc đổi mới của chúng ta là xây dựng, phát triển đất nước có "đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh"(1).

Đại hội VIII của Đảng cũng đã chỉ ra thời cơ và những thách thức trong thời kỳ mới của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Chúng ta đang có những thuận lợi cơ bản của hòa bình, ổn định, của những tiền đề kinh tế - xã hội đã được tạo ra, của những kinh nghiệm, bài học đã được tổng kết qua 10 năm đổi mới. Tuy nhiên, những khó khăn thách thức cũng rất lớn. Đó là sức ép của bốn nguy cơ như Đảng ta đã nêu lên, trong khi chưa đẩy lùi và ngăn chặn được các tệ nạn tiêu cực, tham nhũng, chủ nghĩa cá nhân, tình trạng suy thoái đạo đức ở một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên. Trong khi đó, có những thế lực xấu vẫn tiếp tục mưu toan chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Cũng cần phải nhắc tới một thực tế phức tạp đã và đang hình thành từ quá trình phát triển bùng nổ và toàn cầu hóa thông tin. Sách, báo, phát thanh và nhất là truyền hình ngày càng mở rộng quy mô thông tin, tác động mạnh vào mọi mặt đời sống xã hội không trừ quốc gia nào. Mạng Internet, vệ tinh địa tĩnh, sóng phát thanh truyền hình đang thật sự phá vỡ các "biên giới cứng cỏ điển". Tiến trình này một mặt tác động tích cực vào đời sống văn hóa - xã hội - kinh tế, tạo ra sự hiểu biết lẫn nhau rộng rãi giữa các dân tộc, giúp ta nhanh chóng hòa nhập, bắt kịp bước đi của thời đại cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ. Mặt khác, nó cũng tạo ra nguy cơ nếu chúng ta không tỉnh táo, không vững vàng, không đủ bản lĩnh. Đó là nguy cơ xâm lăng văn hóa và cả xâm lăng chính trị một cách hòa bình.

Trong điều kiện ấy, nhiệm vụ đặt ra cho sự nghiệp thông tin, báo chí, xuất bản càng nặng nề và phức tạp. Báo chí - xuất bản có nhiệm vụ không chỉ phản ánh và cổ vũ sự nghiệp của nhân dân, tham gia tổng kết thực tiễn, tuyên truyền phát huy các giá trị tích cực của chế độ, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng thông tin, góp phần tích cực vào quá trình thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội, mà còn phải đấu tranh, vạch trần những luận điệu phá hoại, xuyên tạc, đối trá phản động; phát hiện kịp thời, phê phán sâu sắc và đề xuất các giải pháp khắc phục có hiệu quả những tệ nạn tiêu cực xã hội. Báo chí - xuất bản không chỉ góp phần nâng cao dân trí, định hướng đúng đắn nhận thức của nhân dân về thời cuộc, mà còn phải đóng vai trò một động lực phát triển xã hội; không chỉ đề cao các giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, làm giàu nền văn hóa Việt Nam, tiếp thụ có chọn lọc các giá trị văn hóa tinh thần tốt đẹp của các dân tộc khác, mà còn

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 80

Digitized by Google

phải ngăn chặn, loại trừ khỏi đời sống xã hội những mầm hại, cỏ độc xâm nhập nước ta theo các kênh thông tin.

Để có thể gánh vác được nhiệm vụ nặng nề, chúng ta cần phải nắm vững những quan điểm cơ bản đã được nêu lên trong báo cáo của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương. Ở đây tôi chỉ nhấn mạnh hai điểm:

1 - Đảng lãnh đạo báo chí - xuất bản là nguyên tắc hàng đầu, bất di bất dịch. Chính trong điều kiện mới của nền kinh tế nhiều thành phần, cơ chế thị trường và mở cửa, sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí - xuất bản càng cần thiết hơn bao giờ hết. Xã hội càng phát triển, thông tin báo chí càng có vai trò to lớn. Với nội dung thông tin có định hướng đúng đắn, chân thật, có sức thuyết phục, báo chí, xuất bản có khả năng hình thành dư luận xã hội dẫn đến hành động xã hội phù hợp sự vận động của hiện thực theo những chiều hướng có chủ định. Báo chí, xuất bản không chỉ là vũ khí tư tưởng sắc bén, lợi hại mà còn là người cổ động tập thể, người tổ chức tập thể, điều này càng đúng trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay.

V.I.Lê-nin nhấn mạnh: "Báo chí phải trở thành các cơ quan của các tổ chức của Đảng. Các nhà văn nhất thiết phải tham gia các tổ chức của Đảng. Các nhà xuất bản và các kho sách, các hiệu sách và các phòng đọc sách, các thư viện và các nơi bán sách báo - tất cả những cái đó đều phải thành của Đảng, chịu trách nhiệm trước Đảng"(2). Còn Bác Hồ thì căn dặn chúng ta: "Chính trị phải làm chủ. Đường lối chính trị đúng thì những việc khác mới đúng được. Cho nên các báo chí của ta đều phải có đường lối chính trị đúng". Cái cốt lõi của chính trị mà Bác Hồ nói đến là "báo chí phục vụ ai?", và Người trả lời "Báo chí của ta cần phải phục vụ nhân dân lao động, phục vụ chủ nghĩa xã hội, phục vụ cho đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, cho hòa bình thế giới" (Bài nói tại Đại hội II Hội Nhà báo Việt Nam).

Nguyên tắc Đảng lãnh đạo báo chí - cũng gọi là tính đảng của báo chí - được hình thành trên cơ sở đúc kết những kinh nghiệm xương máu trong quá trình đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của đảng vô sản. Thật ra, cả cách mạng lẫn phản cách mạng đều hiểu tác dụng lợi hại vô cùng, vô kể của báo, đài. Điều đó được chứng minh hùng hồn bằng toàn bộ thực tiễn đấu tranh cách mạng và những biến cố quốc tế trong suốt thế kỷ XX, kể cả những bài học đắt giá của sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở một số nước còn nóng hổi mới đây thôi.

Có những kẻ từ nước ngoài công kích chúng ta không có tự do báo chí. Một số người tin tưởng một cách ngây thơ vào những lời hoa mĩ về "tự do báo chí", về "dân chủ vô giới hạn", về "công khai không có vùng cấm". Từ lâu, V.I.Lê-nin đã bác bỏ thẳng thừng: "Tự do báo chí nào? Để làm gì? Cho giai cấp nào? Chúng tôi không tin vào những cái tuyệt đối". Lê-nin vạch rõ: "Trong tất cả các nước có bọn tư bản, tự do báo chí là tự do **mua** báo chí, tự do **mua** các nhà văn, tự do **mua chuộc**, tự do **mua** và chế tạo ra "dư luận" **có lợi cho giai cấp tư sản**"(3). Xin dẫn ra ở đây sự thú nhận "khách quan" của nhà tương lai học người Mỹ khá nổi tiếng Alvin Toffler. Ông ta viết "... trong xã hội thông tin, các phương tiện thông tin đại chúng có một ảnh hưởng lớn đến nền chính trị, chúng quyết định chương trình nghị sự cũng như một trật tự tranh luận. Vấn đề nan giải là ở chỗ nếu kiểm soát các phương tiện này sẽ bị coi là bịt mồm nền dân chủ, còn cứ để chúng nói gì thì nói, thì nền dân chủ sẽ thuộc về các ông chủ của các phương tiện thông tin đại chúng. Bởi vậy, trong những thời kỳ hỗn loạn, có khi nhóm thiểu số người lại thâu tóm quyền lực rất lớn". Trong cuốn "Chiến tranh và chống chiến tranh", Alvin Toffler khẳng định rằng trong tương lai - làn sóng thứ ba, nếu có chiến tranh xảy ra thì các phương tiện thông tin đại chúng vẫn là "vũ khí quan trọng hàng đầu".

Vậy nếu Đảng lãnh đạo thì báo chí - xuất bản có tự do không? Tất nhiên là có, hơn nữa đó là điều kiện tất yếu để có và có đầy đủ tự do trong mục đích và sự nghiệp cao quý vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh; vì tự do, ấm no, hạnh phúc, sự phong phú tinh thần của con người; vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Và như vậy cũng có nghĩa là không có và không thể có tự do báo chí cho những kẻ đi ngược, chống lại mục đích và sự nghiệp cao cả ấy của dân tộc, của nhân dân.

Nói Đảng lãnh đạo báo chí - xuất bản là nói trên ba mặt: vạch ra chiến lược phát triển và định hướng thông tin tuyên truyền; công tác tổ chức, cán bộ; hoạt động kiểm tra, uốn nắn kịp thời những sai lầm lệch lạc. Ba mặt này quan hệ chặt chẽ, làm tiền đề

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến Bộ, Mát-xcơ-va, 1979, T12, Tr 123, 124.

(3) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t44, tr96.

Digitized by Google

cho nhau trong đó xây dựng chiến lược và định hướng thông tin tuyên truyền là vấn đề cơ bản; công tác tổ chức cán bộ là khâu then chốt có tính quyết định và việc uốn nắn kịp thời những lệch lạc là nhiệm vụ cần được quan tâm thường xuyên.

Nói Đảng lãnh đạo báo chí - xuất bản cũng có nghĩa là khẳng định trách nhiệm của các cấp ủy đảng từ trung ương đến địa phương thể hiện ở hai mặt: quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện cho báo chí, xuất bản phát triển; đồng thời theo dõi, kiểm tra, uốn nắn kịp thời các khuyết điểm nảy sinh. Trách nhiệm lãnh đạo trực tiếp đối với từng tờ báo, từng nhà xuất bản trước hết thuộc về cơ quan chủ quản, thuộc về tổng biên tập tờ báo và giám đốc nhà xuất bản, thuộc về tổ chức đảng tại nơi đó. Điều này là rõ ràng, dễ hiểu nhưng khuyết điểm là lâu nay chúng ta thực hiện chưa nghiêm, nhất là đối với cơ quan chủ quản, đối với tổ chức đảng nằm trong tòa soạn mỗi tờ báo, mỗi nhà xuất bản.

2- Tôi muốn bàn thêm về quan điểm "***Phát triển đi đôi với quản lý tốt***". Đây là một phương châm chỉ đạo quan trọng đối với hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng mà Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã đề ra.

Trước hết cần thấy rằng, sự phát triển nói đây không chỉ đơn thuần về mặt số lượng. Sự phát triển báo chí, xuất bản bao gồm cả tăng thêm số lượng, mở rộng quy mô, phạm vi tác động và cả nâng cao chất lượng thông tin. Việc tiếp tục mở rộng quy mô của báo chí - xuất bản trong phạm vi toàn xã hội là một yêu cầu đương nhiên. Xã hội luôn phát triển, dân trí ngày càng cao, tất yếu dẫn tới nhu cầu thông tin, giao tiếp tăng lên. Chính thực tiễn xã hội đặt ra những đòi hỏi mở rộng quy mô thông tin của từng cơ quan báo chí - xuất bản, cũng như cho sự ra đời của những tờ báo, bản tin, chương trình phát thanh, truyền hình, nhà xuất bản mới.

Có ý kiến cho rằng sách báo của chúng ta đã quá nhiều. Lại có ý kiến cho rằng báo chí ta còn quá ít chưa đủ đáp ứng yêu cầu thông tin của xã hội. Có lẽ nói đúng hơn cả là vừa thừa vừa thiếu. Thừa ở đây là sự trùng lặp về nội dung giữa nhiều tờ báo, là thừa những thông tin vô bổ, là sự tập trung quá nhiều vào các thành phố lớn như Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Thiếu là thiếu những thông tin bổ ích, thiếu những bài có chất lượng cao, ngay tính đa dạng, phong phú tuy đã có bước tiến rõ nhưng vẫn còn thiếu; kỹ thuật, phương tiện nghề nghiệp hiện đại còn rất thiếu; một bộ phận cư dân nông thôn, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn rất thiếu đói thông tin.

Tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh **mặt chất lượng của báo chí - xuất bản.** Đại hội VIII của Đảng chỉ rõ phải: "coi trọng việc nâng cao chất lượng thông tin đại chúng, tính chân thật, tính chiến đấu và tính đa dạng của thông tin"(4). Đây là một quan điểm nhất quán của Đảng ta. Ngay trong Chỉ thị 08 của Ban Bí thư khóa VII đã nhấn mạnh: "Phát triển sự nghiệp thông tin báo chí - xuất bản theo hướng nâng cao chất lượng".

Vậy thế nào là một nền báo chí - xuất bản có chất lượng? Trong điều kiện mới, có thể nói rằng nền báo chí - xuất bản có chất lượng là một hệ thống hợp lý các cơ quan báo chí - xuất bản với các sản phẩm tương ứng có khả năng cung cấp thông tin bổ ích, đúng đắn, đầy đủ, kịp thời, đáp ứng nhu cầu tinh thần to lớn không ngừng tăng lên của nhân dân. Hệ thống thông tin báo chí - xuất bản này phải đủ trình độ và bản lĩnh để nhận thức và phân tích một cách chính xác, kịp thời các sự kiện, những diễn biến phức tạp của thời cuộc, đủ sức hình thành và hướng dẫn một cách đúng đắn dư luận xã hội và có sức tập hợp, động viên xã hội hành động theo những mục tiêu và định hướng của Đảng và Nhà nước. Chất lượng của nền thông tin báo chí - xuất bản bao hàm cả sự phong phú, đa dạng về nội dung cũng như hình thức thông tin, khả năng dự báo, phát hiện cái mới, sự sắc sảo và nhạy bén chính trị trong nhận thức thực tiễn và trong hoạt động sáng tạo; cũng cần tính đến cả chất lượng kỹ thuật, tính hấp dẫn, sức thuyết phục của các sản phẩm. Điểm hội tụ của toàn bộ những tiêu chí trên chính là ở cái chất chính trị - tư tưởng, là sự trung thành với mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, là khả năng lôi cuốn quần chúng rộng rãi nhất vào sự nghiệp đó, là khả năng đấu tranh chống sự phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, bảo vệ chế độ, đóng góp tích cực vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân, của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Điều đó có nghĩa là trong toàn bộ các tiêu chí tạo thành chất lượng của nền báo chí, xuất bản thì tiêu chí hàng đầu, quan trọng nhất là ở mặt **nội dung và cách thể hiện nội dung,** nếu nói nôm na là viết, nói, truyền hình... sao cho đúng, cho hay, cho đẹp, từ đó có sức hấp dẫn lớn và đưa lại hiệu suất và hiệu quả cao về tư tưởng, chính trị và nhận thức xã hội.

(4) *Văn kiện đã dẫn*, tr112.

Digitized by Google

Tôi cho rằng nếu đánh giá trên tiêu chí cơ bản này thì tình hình thực tế hiện nay của báo chí - xuất bản đang đòi hỏi chúng ta phải có những nỗ lực cực kỳ lớn nhằm nâng cao chất lượng, do đó phải coi đây là **hướng phấn đấu chính** chứ không phải đặt lên hàng đầu mặt số lượng đầu báo và nhà xuất bản, càng không nên cứ để bung ra thiếu cân nhắc những số phụ, số chuyên đề.

Đồng thời và nhằm đáp ứng với yêu cầu phát triển là đòi hỏi cao về quản lý. Phát triển báo chí - xuất bản nếu được hiểu một cách toàn diện như trên càng đòi hỏi sự quản lý tốt. Nói tăng cường quản lý không có nghĩa là "xiết chặt" là "dẹp bớt" một cách đơn giản về số lượng. Quản lý tốt là cốt để tạo điều kiện cho báo chí, xuất bản phát triển toàn diện cả về số lượng, quy mô, phạm vi tác động, cả về chất lượng, hiệu quả, mà tiêu chí chất lượng, hiệu quả phải đặt hàng đầu. Nói đến quản lý là nói đến toàn bộ quá trình tổ chức bộ máy vận hành của cả hệ thống, hình thành hành lang pháp lý đủ mức cần thiết và thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, uốn nắn, sửa chữa kịp thời những sai lầm, thiếu sót trong hoạt động. Tăng cường quản lý báo chí - xuất bản cũng chính là tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Bởi sự lãnh đạo của Đảng được thể hiện thông qua chính hoạt động quản lý của bộ máy nhà nước các cấp, các ngành, các địa phương. Chỉ có thể phát huy sức mạnh của báo chí - xuất bản khi tiến hành quản lý chúng một cách có hiệu quả.

Trong việc tăng cường quản lý, vấn đề hàng đầu cần quan tâm là nhanh chóng kiện toàn bộ máy và sớm hình thành cơ chế thích hợp cho bộ máy vận hành, tăng cường số lượng, chất lượng cán bộ và các điều kiện hoạt động cho bộ máy. Giải quyết vấn đề này cũng chính là khắc phục một nguyên nhân cơ bản dẫn đến những thiếu sót, khuyết điểm vừa qua trong hoạt động báo chí - xuất bản.

Mặt khác, cần thường xuyên hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động thông tin báo chí - xuất bản. Sự phát triển liên tục của báo chí - xuất bản đòi hỏi phải kịp thời và không ngừng bổ sung, cụ thể hóa, chi tiết hóa các chế định pháp lý cho phù hợp với điều kiện mới. Trên thực tế, một số quy định cụ thể trong các văn bản dưới luật không còn hợp lý song chưa được điều chỉnh. Một số hoạt động cụ thể chưa được đưa vào phạm vi chi phối của luật pháp, chế độ. Mặt khác, ngay cả khi đã có luật, có chế độ, uy định song ta lại không xử lý, hoặc xử lý không nghiêm, không kịp thời những trường hợp vi phạm.

Phát triển đi đôi với quản lý cần được hiểu rằng phải bảo đảm cho sự tăng trưởng về số lượng, về quy mô của báo chí - xuất bản phù hợp với nhu cầu, điều kiện và khả năng thực tế. Đồng thời, khả năng quản lý phải được tăng cường để bảo đảm các điều kiện cho hệ thống báo chí - xuất bản hoạt động có hiệu quả, toàn diện. Muốn vậy, cần tăng cường, hoàn thiện, hình thành một bộ máy đủ mạnh từ cấp bộ, cấp sở đến từng ban biên tập báo, nhà xuất bản đủ sức vận hành, kiểm tra, kiểm soát hệ thống báo chí - xuất bản trên thực tế. Tóm lại, vấn đề là phải thường xuyên bảo đảm tính hợp lý, sự cân đối, hài hòa giữa phát triển và quản lý sao cho không có sự phát triển nào không được quản lý tốt và không có sự phát triển hợp lý nào bị hạn chế do hoạt động quản lý yếu kém, bất cập.

CÁC báo cáo tổng kết và các ý kiến thảo luận tại hội nghị đã đề cập những nhiệm vụ quan trọng mà chúng ta cần tập trung thực hiện trong những năm tới. Ở đây xin nhấn mạnh mấy việc bức xúc nhất:

- Quán triệt sâu sắc đường lối mà Đại hội VIII đã đề ra, thấm nhuần các quan điểm của Đảng về báo chí - xuất bản, phát huy những thành tựu đã đạt được, kiên quyết khắc phục những thiếu sót khuyết điểm như khuynh hướng thương mại hóa, xa rời tôn chỉ mục đích, vi phạm đạo đức nghề nghiệp v.v..., thực hiện tốt chức năng phương tiện thông tin, giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao dân trí.

- Xúc tiến xây dựng chiến lược truyền thông quốc gia.

- Rà soát, sắp xếp lại hệ thống các cơ quan báo chí-xuất bản trong cả nước, kiên quyết giảm bớt những tờ báo chất lượng thấp, không đủ điều kiện hoạt động theo luật định, nhất là các số phụ, số chuyên đề không đúng quy định giấy phép. Hướng các cơ sở báo chí, xuất bản hoạt động theo đúng tôn chỉ mục đích đã ghi trong giấy phép.

- Đẩy mạnh việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ; tổ chức lại trên cơ sở thống nhất chỉ đạo và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả các cơ sở đào tạo bồi dưỡng cán bộ báo chí - xuất bản.

- Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan chủ quản; củng cố sự lãnh đạo của Đảng, của các tổ chức đảng trong các cơ quan báo chí, xuất bản. Kiện toàn, tăng cường năng lực tổ chức thực hiện của hệ

Digitized by Google

thống cơ quan tham mưu, chỉ đạo và quản lý hoạt động báo chí - xuất bản từ trung ương đến cơ sở với sự phân cấp quyền hạn trách nhiệm rõ ràng.

Những nhiệm vụ quan trọng trên đây đã được các ý kiến nhất trí cao. Ở đây, chúng tôi muốn nói rõ hơn mấy điểm:

Trước hết cần hình thành sớm một quy chế làm việc rõ ràng, cụ thể, giữa Ban Tư tưởng-Văn hóa Trung ương với Bộ Văn hóa - Thông tin, có sự tham gia của Hội Nhà báo Việt Nam, giữa ban và sở ở cấp tỉnh, thành phố cũng như giữa trung ương với địa phương, giữa cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan chủ quản, giữa cơ quan chủ quản với ban biên tập các báo, ban giám đốc các nhà xuất bản. Cơ chế này phải bảo đảm sự điều hành thống nhất, có khả năng giải quyết nhanh và dứt điểm các vụ việc đồng thời kiểm soát được liên tục hoạt động báo chí - xuất bản, tránh hiện tượng đánh trống bỏ dùi, dễ làm khó bỏ, đùn đẩy công việc cho nhau, trách nhiệm không rõ ràng. Cơ chế làm việc này phải sớm được thể chế hóa thành văn bản pháp quy, làm chỗ dựa pháp lý cho việc vận hành toàn bộ bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động báo chí - xuất bản. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin và Hội Nhà báo Việt Nam sớm nghiên cứu, hình thành một đề án trình Thường vụ Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Tôi muốn một lần nữa đặc biệt nhấn mạnh nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Hiện nay, các bộ phận tham mưu, quản lý báo chí-xuất bản ở cả trung ương và các địa phương đều quá mỏng so với nhiệm vụ công tác. Đơn cử ví dụ, hiện nay, các bộ phận tham mưu quản lý báo chí ở trung ương khó có thể đọc hết được số sách, báo nộp lưu chiểu. Trong khi đó còn phải giải quyết hàng bao nhiêu công việc khác... Không đủ đội ngũ cán bộ bảo đảm chất lượng, các cơ quan này không thể tổ chức thực hiện được các nhiệm vụ to lớn đã đề ra. Đội ngũ phóng viên, biên tập viên càng phải được hết sức quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đặc biệt là đội ngũ tổng biên tập và cán bộ kế cận.

Tôi muốn trao đổi với các đồng chí về vai trò cực kỳ quan trọng của tổng biên tập các báo, đài. Họ có trách nhiệm chính trị rất lớn. Họ là linh hồn của mỗi tờ báo. Đương nhiên bên cạnh tổng biên tập có vai trò tập thể của chi bộ đảng, của chi ủy và có thể có tổ chức như Ban cán sự đảng đối với một số tờ báo quan trọng mà chúng ta đang đề nghị. Tuy nhiên, tổng biên tập vẫn là một chức năng không thay thế được. Đúng sai, tốt xấu, hay dở của tờ báo được quyết định trước hết nơi tổng biên tập. Tổng biên tập là người thế nào trong quan điểm chính trị và tư tưởng, trong đạo đức nghề nghiệp thì đội ngũ tòa soạn được hình thành theo hướng đó và tờ báo đi theo hướng đó. Vì vậy, trong đào tạo bồi dưỡng phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng các tổng biên tập. Đương nhiên muốn có tổng biên tập giỏi và tốt phải có cái nền rộng những phóng viên, biên tập viên có tài, có đức mà đức là gốc như đồng chí Tổng Bí thư đã nhấn mạnh trong bài nói của mình với Hội nghị.

*

TÓM lại, trong thời kỳ vừa qua, hệ thống báo chí - xuất bản nước ta đã phát triển nhanh chóng và có đóng góp to lớn vào công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng. Có thể nói không có bất cứ thành tựu kinh tế-xã hội quan trọng nào không có công lao đóng góp của các phương tiện thông tin đại chúng. Mặc dù còn không ít khuyết điểm và yếu kém song những hạn chế ấy không làm giảm tầm vóc, ý nghĩa những đóng góp to lớn của lĩnh vực này.

Chúng ta đã trải qua một thời kỳ đầy khó khăn phức tạp, song thời kỳ mới cũng không kém phần phức tạp khó khăn. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo hướng xã hội chủ nghĩa vừa tạo điều kiện cho sự phát triển của báo chí, xuất bản, đồng thời và trước hết đặt ra cho nó những nhiệm vụ hết sức nặng nề. Sứ mệnh người chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng đòi hỏi từng cơ quan, từng cán bộ phụ trách, từng phóng viên, biên tập viên báo chí, xuất bản phải ý thức đầy đủ trách nhiệm chính trị - xã hội của mình. Cần trang bị vững chắc cho mình nền tảng tư tưởng, là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, thấm nhuần sâu sắc đường lối, quan điểm của Đảng, không ngừng trau dồi tri thức và năng lực chuyên môn, để sử dụng một cách hiệu quả nhất công cụ cực kỳ lợi hại là các phương tiện thông tin đại chúng mà Đảng, Nhà nước và nhân dân trao vào tay chúng ta để góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Digitized by Google

QUỐC HỘI TRONG ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN VĂN THẢO *

Cải cách bộ máy nhà nước là một bộ phận quan trọng của công cuộc đổi mới toàn diện do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo.

Cải cách bộ máy nhà nước xét về chủ trương đã được tiến hành trước đổi mới kinh tế. Nhưng từ khi có chủ trương đổi mới kinh tế (1986), cải cách bộ máy nhà nước được gắn bó chặt chẽ với đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị.

Quốc hội ta nằm trong tiến trình đổi mới đó. Những đổi mới quan trọng về hoạt động lập pháp và hệ thống pháp luật nước ta là một bộ phận của đổi mới bộ máy nhà nước, gắn với mười năm đổi mới kinh tế theo các Nghị quyết của Đại hội lần thứ VI, VII và VIII. Hoạt động sôi nổi, khẩn trương và dài ngày của các kỳ họp Quốc hội gần đây so với tất cả các kỳ họp Quốc hội trước, đã đạt kết quả quan trọng, có ý nghĩa lớn về nhiều mặt.

Là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Quốc hội đã vươn lên tầm cao mới trong hoạt động lập pháp, xử lý nhiều vấn đề khá phức tạp và rất hệ trọng trong quá trình lập pháp, chuẩn bị cho một hệ thống pháp luật phục vụ các mục tiêu lớn ; xây dựng một xã hội bảo đảm cho các quyền công dân được thực hiện đầy đủ ; xây dựng nhà nước pháp quyền, tạo nguồn lực cho sự phát triển đất nước, cho việc thực hiện một xã hội dân chủ, đặc biệt là việc xây dựng các thể chế kinh tế nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động kinh tế.

Về chương trình lập pháp (luật, pháp lệnh), Quốc hội đã thực hiện một trình tự đổi mới.

Những năm trước chương trình lập pháp do cơ quan Thường trực của Quốc hội quyết định (trước Hiến pháp 1992 là Hội đồng Nhà nước), nay do Quốc hội quyết định. Theo Hiến pháp 1992 và Luật Tổ chức Quốc hội chương trình lập pháp sẽ được Quốc hội cân nhắc xem xét văn bản nào là luật, văn bản nào là pháp lệnh, giới hạn lại những vấn đề được quy định bằng pháp lệnh của cơ quan Thường trực Quốc hội. Với quá trình đổi mới hoạt động lập pháp này, Nhà nước sẽ dần dần quản lý các lĩnh vực của *đời sống xã hội chủ yếu bằng các đạo luật.*

Việc soạn thảo các dự luật, pháp lệnh cũng được cải tiến. Sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chủ trì soạn thảo (phần lớn là các bộ) với các ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp chặt chẽ hơn. Nhiều dự luật biên soạn được đưa ra hội thảo khoa học, làm cho các dự luật có thêm luận cứ về lý luận, thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng biên soạn, bảo đảm tính khả thi.

Hoạt động thẩm định các dự luật của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội cũng được tiến hành ngay từ khi soạn thảo nên các báo cáo của Ủy ban Pháp luật được sự đồng tình của Quốc hội. Một mặt, xem xét tính hợp hiến của các dự luật, mặt khác, xem xét tính phù hợp với thực tiễn, với nguyện vọng, ý chí của nhân dân, tính khả thi của các điều khoản quy phạm. Việc cân nhắc cả những ý kiến khác nhau trong quá trình soạn thảo làm cho hoạt động thẩm định ngày một phong phú.

Tuy nhiên, điều quan trọng vẫn là nội dung đổi mới của các chế định pháp luật.

Hiến pháp 1992, một thành tựu bước đầu của nền lập hiến Việt Nam, đã tạo ra một *cơ sở pháp lý* cho chế độ sở hữu nhiều thành phần, *một hành lang an toàn* được bảo đảm bằng pháp luật cho các hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, *một nguyên*

* Luật sư

Digitized by Google

tắc hiến định cho các mối quan hệ giữa lập pháp, hành pháp, tư pháp, *một định chế tiến bộ* về các quyền công dân.

Các luật, pháp lệnh, văn bản dưới luật bảo đảm cho tiến trình cải cách kinh tế đã được ban hành như Luật về doanh nghiệp tư nhân, Luật công ty, Luật đầu tư, các luật thuế, Luật doanh nghiệp nhà nước, Bộ luật lao động, Bộ luật dân sự, Luật về phá sản, v.v...

Luật đất đai đã trao một số quyền định đoạt về đất đai cho cá nhân và hộ gia đình như các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thừa kế, thế chấp... về quyền sử dụng. Các định chế đó được nhân dân hoan nghênh, thực hiện.

Mối quan hệ giữa lập pháp, hành pháp, tư pháp, đã được thể hiện bằng nhiều luật, pháp lệnh và quy chế về tổ chức. Cải cách hành chính, cải cách tư pháp đang được triển khai gắn liền với tiến trình cải cách kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị. Nhiều dự luật, pháp lệnh trong lĩnh vực này đã được ban hành như Luật về thẩm quyền và trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp, mối quan hệ giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ với Hội đồng nhân dân.

Các quyền công dân ghi trong Hiến pháp đã được một số luật, pháp lệnh cụ thể hóa như Pháp lệnh về hợp đồng lao động, điều chỉnh các quan hệ giải quyết việc làm, Luật bầu cử Quốc hội bảo đảm các quyền chính trị, Luật báo chí và Luật xuất bản bảo đảm các quyền tự do ngôn luận, báo chí, xuất bản. Hiện nay nhiều đạo luật khác trong lĩnh vực này cũng đang được chuẩn bị : đạo luật về lập hội, cách thức hoạt động của các hội ; sửa đổi về cơ bản Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự nhằm bảo đảm hơn nữa các quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tài sản, nhà ở, thư tín... của công dân.

Một bức tranh sinh động về đổi mới hoạt động lập pháp từ nội dung của pháp luật đến cách thức xây dựng pháp luật đã được khắc họa rõ trong các kỳ họp gần đây của Quốc hội.

Khoa học lập pháp là một khoa học có nội dung tổng hợp liên quan chặt chẽ với nhiều lĩnh vực, nhiều khoa học khác, là phương tiện chủ yếu của hoạt động lập pháp.

Sự phân công và thiết lập mối quan hệ giữa các cơ quan cấp cao nhất của Nhà nước trong hoạt động lập pháp, "Quy trình công nghệ" của một đạo luật từ soạn thảo đến thông qua, công bố... là một quá trình gồm rất nhiều khâu, mỗi khâu có một cơ quan phụ trách đều phải hoạt động nhịp nhàng và ăn khớp theo nguyên tắc của khoa học tổ chức.

Việc soạn thảo, biên tập các văn bản luật thuộc về các chuyên gia, được gọi là nhà làm luật gồm các cán bộ luật học, kinh tế học, xã hội học, hành chính học... Công việc đó cũng đòi hỏi các nhà làm luật phải nắm vững tiến trình phát triển của các lĩnh vực, thể hiện chặt chẽ nội dung các quy phạm, tuân theo nghiêm ngặt các quy tắc của kỹ thuật lập pháp nhằm làm cho mỗi đạo luật thể hiện được chính sách lớn của Đảng, hợp với lòng dân, đúng với thực tiễn, sáng sủa, dễ hiểu, có khả năng đi vào cuộc sống.

Đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện của đất nước, hoạt động lập pháp của Quốc hội chắc chắn sẽ tiếp tục có những đổi mới mạnh mẽ hơn nữa vì đó là một bộ phận quan trọng của cải cách bộ máy nhà nước đang được thực hiện.

*

Hoạt động lập hiến, lập pháp chi phối mạnh, trực tiếp tới hoạt động hành pháp, tư pháp nên được coi như là một *hoạt động ở đỉnh cao của quyền lực nhà nước,* hoạt động cơ bản nhất điều chỉnh mọi quan hệ trong cuộc sống. Vì lẽ đó, đặt Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là phản ánh đúng mối tương quan giữa các quyền lực.

Trong hoạt động của mình, Quốc hội thay mặt nhân dân, theo nguyên tắc tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, đưa ra những quy tắc như là thước đo hành động chung cho xã hội, vạch ra một hành lang an toàn cho mọi hành động ; con người tự do nhưng không xâm phạm đến tự do của người khác, cả nước phải phục tùng pháp luật mà Quốc hội ban hành. Hoạt động lập hiến và lập pháp là *hoạt động cơ bản nhất* điều chỉnh mọi quan hệ xã hội diễn ra giữa con người với con người, con người với thiên nhiên, con người với cộng đồng, con người với nhà nước. Ở hoạt động này, Quốc hội thể hiện rõ vai trò, vị trí, thực quyền của mình, không ai có thể thay thế. Trên phương diện đó, Quốc hội là cơ quan cao nhất về quyền lực điều chỉnh mọi hoạt động xã hội. Thực quyền của Quốc hội nằm trong hoạt động lập hiến, lập pháp.

Các hoạt động khác của Quốc hội như nghị quyết về các chính sách quan trọng về đối nội, đối ngoại, thông qua kế hoạch ngân sách những nhiệm vụ quyền

Digitized by Google

hạn khác của Quốc hội đã ghi trong Hiến pháp cũng cần xem đó là hoạt động lập pháp của Quốc hội. Nếu xét về hiệu lực và vị trí của nghị quyết, về thủ tục thảo luận thông qua, công bố thì nó cũng là một đạo luật.

Hoạt động của Quốc hội, suy cho cùng, đều là hoạt động lập hiến và lập pháp.

Theo Cương lĩnh của Đại hội lần thứ VII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội được thông qua tại Đại hội về sự thống nhất quyền lực Nhà nước, phân công rành mạnh, phối hợp chặt chẽ ba quyền *lập pháp, hành pháp, tư pháp,* với quan niệm trên có thể hiểu Quốc hội là *cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước ta.* Quyền lập hiến, lập pháp chi phối hoạt động của bộ máy lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Thông qua việc ban hành Hiến pháp, Quốc hội quy định sự phân công phối hợp giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Mọi tổ chức và hoạt động của bộ máy lập pháp, hành pháp, tư pháp đều phải tuân theo quy định của Hiến pháp và luật, cũng có nghĩa là tuân theo quyết định của Quốc hội. Về mặt này, Quốc hội đã thực hiện sự thống nhất quyền lực, nhưng sự thống nhất không có nghĩa là Quốc hội thực thi cả ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã làm rõ hơn về sự thống nhất quyền lực và phân công phối hợp quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nguyên tắc Hiến pháp 1992 và các luật về tổ chức nhà nước đã ghi rõ :

- Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất,
- Chủ tịch nước là người đứng đầu nhà nước,
- Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất,
- Tòa án tối cao là cơ quan xét xử cao nhất.

Xét theo quan niệm đó, rất cần thiết phải tăng cường hoạt động lập pháp của Quốc hội, thực hiện đầy đủ nguyên tắc Hiến pháp vì Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến, lập pháp.

Trước hết, cần có một cơ chế *phân biệt quyền lập pháp của Quốc hội và quyền lập quy của Chính phủ.* Những năm trước đây, do yêu cầu cấp bách của tình hình, Chính phủ ban hành một số văn bản lập quy có nội dung quy phạm của luật. Chính phủ đã có nhiều cố gắng để phân biệt văn bản lập pháp và văn bản lập quy nhưng phải nói đây là một vấn đề khó và phức tạp. Khó ở chỗ chúng ta đã nghiên cứu vấn đề này mấy chục năm mà vẫn chưa có các tiêu chí cụ thể để phân định. Ở các nước cũng vậy, mỗi nước người ta có cách phân định giữa lập pháp, lập quy theo một tiêu chuẩn riêng của họ. Phức tạp, là ở chỗ, đây chính là một trong những điểm quan trọng nhất để phân biệt quyền của Quốc hội, quyền của Chính phủ, quyền lập pháp với quyền hành pháp.

Theo kinh nghiệm truyền thống, quyền lập pháp bao gồm :

- Sáng kiến lập pháp : Những người có quyền đưa ra đề nghị làm một đạo luật.
- Chương trình làm luật : Việc tập hợp các sáng kiến lập pháp trong một chương trình thông qua Quốc hội.
- Soạn thảo dự luật.
- Thẩm định các dự luật.
- Thông qua các dự luật.
- Công bố luật.

Quá trình lập pháp cho thấy Quốc hội là cơ quan duy nhất lập pháp, thông qua các đạo luật nhưng *vai trò của Chính phủ* trong việc xây dựng chương trình làm luật, soạn thảo các dự luật cũng khá lớn. Vai trò đó cho thấy có một *mối quan hệ* rất chặt chẽ giữa quyền lập pháp với quyền lập quy, vị trí của Quốc hội và vị trí Chính phủ.

Một vấn đề được nêu ra trong nhiều năm nay là vấn đề gì phải được quy định thành đạo luật, vấn đề gì ban hành bằng nghị định.

Các tiêu chí được nêu ra gồm có :

- Những vấn đề có liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân.
- Những vấn đề có ý nghĩa chung cho toàn xã hội.
- Những vấn đề về sở hữu và quyền sở hữu.
- Những vấn đề về hình sự và tố tụng hình sự.
- Những vấn đề về thuế.
- Những vấn đề đối ngoại quan trọng.

Ngoài ra, còn lại là thuộc thẩm quyền lập quy.

Về thẩm quyền lập quy của Chính phủ hiện nay cũng chưa quan niệm rõ rệt.

*

* *

Bên cạnh hoạt động lập pháp của Quốc hội, hoạt động giám sát của Quốc hội thể hiện rõ hơn nữa vị trí

Digitized by Google

quyền lực cao nhất. Để phân biệt với hoạt động kiểm sát, hoạt động kiểm tra, hoạt động thanh tra, Hiến pháp đã sử dụng khái niệm *giám sát tối cao.*

Theo Hiến pháp, hoạt động giám sát tối cao hiện nay bao gồm :

- Sự chất vấn của Quốc hội đối với Chính phủ, Tòa án, Viện kiểm sát.

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các ủy ban và hội đồng của Quốc hội, đại biểu Quốc hội đi nắm tình hình tại chỗ.

- Quốc hội thực hiện quyền bãi bỏ văn bản của Chính phủ, hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Ba hoạt động kể trên cần được cụ thể hóa để Quốc hội thực hiện chức năng giám sát tối cao của mình.

Thực tiễn vận hành bộ máy của Quốc hội có một số câu hỏi đặt ra :

- Nếu Quốc hội không thỏa mãn với nội dung trả lời của Chính phủ về những chất vấn của mình thì có thể tỏ thái độ tín nhiệm hoặc không nhiệm ?

- Việc đi nắm tình hình tại chỗ của các cơ quan Quốc hội, ngoài tác dụng động viên, úy lạo đồng bào địa phương còn có tác dụng gì thiết thực cho hoạt động giám sát tối cao ?

- Việc kiểm tra các văn bản của Chính phủ, hội đồng nhân dân cấp tỉnh được thực hiện như thế nào ? Bộ máy nào đảm nhiệm công việc này có điều kiện để thực hiện thường xuyên và có hiệu quả không ?

- Việc giám sát tính hợp hiến các đạo luật, pháp lệnh được đặt ra như thế nào ?

- Nếu Tòa án nhân dân tối cao ra một phán quyết có sai lầm ở cấp giám đốc thẩm thì Quốc hội có thẩm quyền gì đối với phán quyết đó ?

- Nếu Viện kiểm sát nhân dân tối cao ra một quyết định công bố hoặc một văn bản lập quy có sai lầm thì Quốc hội có thẩm quyền gì đối với quyết định đó ?

Những câu hỏi đó đặt ra hàng loạt vấn đề cần nghiên cứu để *nâng cao hơn nữa* vai trò giám sát tối cao, *cụ thể hơn nữa* các nhiệm vụ phải làm, *phân biệt rõ hơn nữa* với hoạt động kiểm tra và kiểm soát, có *đầy đủ quyền hạn hơn nữa* để thực hiện đúng vị trí quyền lực cao nhất của Quốc hội.

Tổ chức hoạt động của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với tư cách là một *bộ máy thường trực* của Quốc hội là một cơ cấu cần thiết, hợp lý.

Điều đáng quan tâm là, trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền, cần tìm kiếm một cơ chế hoạt động của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bảo đảm cho nó vận hành *rất đúng vị trí,* không đứng trên Quốc hội, không điều khiển Quốc hội, không biến thành một cơ quan có tính chất điều hành, chỉ huy.

Những vấn đề cần đặt ra để phân tích, tìm kiếm một cơ chế hợp lý là :

- Các tiêu chí để phân biệt trường hợp nào thì Quốc hội ban hành luật, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh.

- Giá trị pháp lý của pháp lệnh có bằng một đạo luật không ?

- Các ủy ban của Quốc hội chịu hoàn toàn sự chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hay có thể phát biểu ý kiến độc lập của mình trước Quốc hội ?

- Nên điều khiển các phiên họp của Quốc hội như thế nào ?

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nên chỉ đạo hoạt động của hội đồng nhân dân không ?

Các đại biểu Quốc hội mới đã được bầu và chuẩn bị hoạt động theo chức năng của mình vào kỳ họp sắp tới.

Kinh nghiệm các khóa trước và theo tình hình hiện nay, cần có quy chế mới về đại biểu Quốc hội, quy chế đó cần khẳng định :

- Đại biểu Quốc hội có nên hoạt động chuyên trách trong suốt thời gian được bầu không ? Nếu hoạt động chuyên trách thì các chức vụ đang giữ của họ sẽ được giải quyết như thế nào ?

- Những trường hợp nào có thể giữ chế độ kiêm nhiệm ?

- Trong hai vị trí : đại biểu cho cử tri địa phương với đại biểu cho toàn thể nhân dân, đại biểu Quốc hội đặt lợi ích nào lên trên ? Những ý kiến của họ hợp với lợi ích chung nhưng trái với lợi ích địa phương có bị cử tri đã bầu ra họ lên án không ?

- Hoạt động của họ được độc lập đến mức nào, phụ thuộc vào đoàn đại biểu địa phương đến mức nào ? ❑

Digitized by Google

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI

BÙI NGỌC THANH *

Tại khoản 2, Điều 84 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 và tại khoản 2 Điều 3 Luật Tổ chức Quốc hội hiện hành đã quy định : Quốc hội *"Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội ; xét báo cáo hoạt động của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ;"*. Tương tự như vậy, tại khoản 3 Điều 91 của Hiến pháp và tại khoản 5 Điều 6 của Luật Tổ chức Quốc hội đã quy định nhiệm vụ giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Còn tại các Điều 20, 23, 24, 25, 26, 27, 28, và 29, Luật Tổ chức Quốc hội đã quy định rõ nhiệm vụ giám sát theo phạm vi hoạt động cho Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

Với sự chỉ đạo thường xuyên, chặt chẽ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên mọi phương diện hoạt động, Quốc hội khóa IX đã phấn đấu với trách nhiệm cao và đã từng bước đạt được những thành tựu ngày càng lớn rất đáng khích lệ, trong đó hoạt động giám sát có những tiến bộ khá rõ nét. Trong 11 kỳ họp, Quốc hội khóa IX đã nghe và thảo luận 76 báo cáo của Chủ tịch nước, của Chính phủ, các cơ quan chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao. Trong đó có nhiều vấn đề hệ trọng của đất nước như tình hình kinh tế - xã hội ; quốc phòng - an ninh từng năm ; định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 ; vốn đầu tư xây dựng cơ bản ; phân bổ thu, chi ngân sách các năm ; Công trình đường dây tải điện 500 KV Bắc - Nam ; tổng thanh toán nợ giai đoạn 2 ; tình hình vay và trả nợ nước ngoài ; chính sách tài chính quốc gia ; cải cách chế độ tiền lương ; danh mục các công trình quan trọng ; tình hình huy động vốn và cho vay của ngân hàng ; phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc ít người ; công tác đấu tranh chống tham nhũng và buôn lậu ; hoạt động của tòa án và viện kiểm sát ; quản lý tòa án và công tác thi hành án ; đánh giá hoạt động trong nhiệm kỳ của các cơ quan nhà nước... Tất cả những vấn đề trên đều được Quốc hội thảo luận khá kỹ và có những kết luận thể hiện trong các nghị quyết ở từng kỳ họp.

Trong 59 phiên họp của mình, ngoài việc chuẩn bị các dự án luật, quyết định thông qua các Pháp lệnh, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã nghe, thảo luận hơn 80 báo cáo của các cơ quan chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, trong đó có nhiều vấn đề bức xúc như : Tình hình lũ lụt ở các vùng và biện pháp khắc phục ; chủ trương hóa giá nhà ở đô thị ; tình hình giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân ; tình hình phát triển công tác đối ngoại ; tình hình xử lý các vụ tham nhũng lớn ; chấn chỉnh công tác quản lý xuất bản và xuất nhập khẩu văn hóa phẩm ; tình hình thi hành luật đất đai ở một số địa phương ; định hướng quy hoạch, sử dụng đất đai đến năm 2010 ; việc điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh ; tình hình thi hành Bộ luật lao động ; kết quả hoạt động kiểm toán... Nhìn chung những đánh giá, kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các vấn đề trên đã làm cơ sở cho Quốc hội xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và đã góp phần quan trọng vào việc khắc phục những thiếu sót, định hướng

* PTS, Phó Chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội

Digitized by Google

xử lý và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công việc đó, giải quyết kịp thời hơn một số công việc, nhất là những công việc của các cơ quan hành pháp.

Cũng trong nhiệm kỳ khóa IX, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các ủy ban Quốc hội đã thực hiện 200 cuộc giám sát tại các địa phương và cơ sở (riêng Ủy ban Thường vụ thực hiện 49 cuộc). Nội dung giám sát khá phong phú và đa dạng gồm nhiều vấn đề về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh, đã được Hiến pháp, pháp luật, nghị quyết của Quốc hội quy định cùng nhiều chế độ chính sách do Chính phủ ban hành. Địa bàn giám sát cũng khá rộng, có thể nói ở hầu khắp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đều có đoàn giám sát đến làm việc. Nhiều đoàn đã đến nhiều nơi thuộc miền núi, hải đảo như Hà Giang, Lai Châu, Cao Bằng, Trường Sa, Bạch Long Vĩ, Phú Quốc, Thổ Chu, Côn Đảo... để xem xét, nghiên cứu tình hình thực tiễn. Các đoàn đều dành nhiều thời gian thăm hỏi, tiếp xúc trực tiếp với nhân dân. Thông qua các cuộc giám sát ở địa phương, cơ sở, chúng ta có thể rút ra một vài vấn đề đáng chú ý về việc thực thi Hiến pháp, pháp luật và các chế độ, chính sách như sau :

- Người dân quan tâm nhiều nhất, sát sườn nhất là những việc liên quan đến cuộc sống thường ngày. Ai cũng thấy dễ chịu hơn, được tự do làm ăn chính đáng theo khả năng công sức, vốn liếng của mình. Nhiều bà con ở các tỉnh phía Nam tâm sự rằng, sau chiến tranh cũng phải đến năm, bảy năm Nhà nước chưa có chính sách đổi mới nên người dân làm việc gì cũng thấy khó, nhiều việc có thể làm được mà không được làm. Nhưng chục năm lại đây thì khác lắm rồi. Nhà nước có chính sách giải phóng sức lao động, cho phát triển các kiểu làm ăn đa dạng, chính đáng, ai muốn làm ở đâu, làm như thế nào là tùy điều kiện, hoàn cảnh của mình ; việc sản xuất, kinh doanh được Nhà nước quan tâm, tạo điều kiện phát triển, vấn đề là có đủ sức lực, tài năng hay không.

Như vậy trên giác độ của cơ quan giám sát, chúng ta thấy rất rõ là nhân dân nhất trí cao với *"chế độ kinh tế"* ghi trong Hiến pháp (năm 1992), trong đó họ tâm đắc với Điều 16, mục đích kinh tế của Nhà nước là làm cho dân giàu, nước mạnh, phát huy cao độ tiềm năng của các thành phần kinh tế.

- Đi đôi với việc đổi mới các chính sách kinh tế, Đảng và Nhà nước đã rất quan tâm đến một số chính sách xã hội cấp bách và những chính sách đó đã được luật pháp hóa. Đó là các chính sách tạo việc làm thể hiện trong Bộ luật lao động ; ưu đãi xã hội thể hiện trong Pháp lệnh về người có công và Pháp lệnh phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* ; xóa đói giảm nghèo, cứu trợ xã hội thể hiện trong các quyết định của Chính phủ... Theo ý kiến của đông đảo cử tri mà các đoàn giám sát đã tiếp xúc thì các chính sách xã hội này dù còn nhiều việc phải bàn nhưng đã rất nhanh chóng đi vào lòng người, được toàn dân đón nhận một cách trân trọng và phấn khởi. Chính sách xóa đói, giảm nghèo được nhiều người cho là chính sách cứu nguy đối với các tầng lớp khó khăn nhất về đời sống kinh tế. Ở không ít gia đình, số tiền được vay không lớn nhưng vừa được vay vốn, vừa được chuyển giao công nghệ, được hướng dẫn cách thức làm ăn, từ đó nhiều hộ nghèo đi lên dần, có bát ăn, bát để. Còn chính sách cứu trợ xã hội thì đồng bào ở một số vùng bị thiên tai lớn đã nói rất cảm động rằng : Nếu ở chế độ cũ, bà con chúng tôi có thoát chết sau lũ lụt, lốc xoáy thì rồi cũng chết đói, chết dịch, chết bệnh, còn bây giờ đã thoát nạn là chắc sống vì được Nhà nước cứu tế, trợ giúp vốn khôi phục sản xuất. Riêng chính sách đối với người có công thì kết quả các cuộc giám sát và thực tế đều cho thấy, do Đảng và Nhà nước quan tâm đặc biệt đến các đối tượng này nên đã động viên kịp thời được khí thế cách mạng của các gia đình chính sách và toàn dân. Đến nay từ thành thị đến nông thôn, mọi người đều tự nguyện, hào hứng tham gia phong trào đền ơn, đáp nghĩa. Có thể nói trong nhiều chính sách cần phải được xã hội hóa thì đây là chính sách sớm đạt được kết quả sâu rộng nhất.

Chúng ta có thể nói những luật pháp, chính sách phản ánh đúng thực tiễn khách quan, diễn đạt đúng nguyện vọng chính đáng của nhân dân thì nhanh chóng vào cuộc sống, vào lòng người và tạo ra sức mạnh to lớn.

Digitized by Google

Trong nhiệm kỳ này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Quốc phòng và An ninh, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban về các vấn đề xã hội... đã thực hiện một số cuộc giám sát ở các tuyến biển - đảo (cả ở phía Bắc, miền Trung và phía Nam) và ở một số tỉnh, huyện biên giới. Kết quả các cuộc giám sát đều cho thấy đồng bào và chiến sĩ ở hải đảo và biên giới còn nhiều thiếu thốn, khó khăn về vật chất cũng như tinh thần, nhưng đã thực hiện với tinh thần cao nhất Điều 44 của Hiến pháp *"Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh quốc gia..."*. Khi lên đến các tuyến biên giới, các chốt tiền tiêu, các đồn biên phòng và đặc biệt khi tiếp xúc với *"lính đảo"*, nhất là ở Trường Sa, chúng ta hoàn toàn yên tâm về thế hệ trẻ trong mọi công việc, cho dù là công việc gian lao vất vả, nặng nhọc nhất. Chúng ta thấy thôi thúc trong lòng, phải suy nghĩ cải tiến hoặc xây dựng mới những chính sách thiết thực đáp ứng nhu cầu cuộc sống, chiến đấu, bảo vệ đất nước của đồng bào và chiến sĩ ở những địa bàn đặc biệt khó khăn này.

Với 200 cuộc giám sát trong 5 năm, các đoàn của các ủy ban của Quốc hội đã có mặt ở hầu khắp các tỉnh, thành phố, các vùng, miền trong cả nước. Quá trình giám sát cho thấy rằng, luật pháp, chính sách xuống đến người dân ở các vùng, miền không đều, mức độ hiểu biết luật pháp của nhân dân rất khác nhau. Ở các thành phố, thị xã, các vùng ven đô, do thông tin đại chúng đầy đủ hơn, việc tuyên truyền giới thiệu luật pháp khá hơn, nên dân chúng nắm luật và làm theo luật tốt hơn. Các cấp chính quyền điều hành mọi hoạt động kinh tế - xã hội có phần thuận lợi hơn. Ngược lại ở những nơi xa xôi, vùng sâu, vùng núi cao, trình độ dân trí đã thấp, sóng phát thanh,truyền hình lại chưa phủ khắp, việc tuyên truyền luật pháp không thực hiện được bao nhiêu, cho nên không ít người kém hiểu biết về pháp luật. Thậm chí có cán bộ xã, bản cũng không biết những luật pháp sát với hoạt động kinh tế - xã hội hằng ngày. Bởi vậy, có những trường hợp phạm luật ngoài ý muốn chủ quan. Thực tiễn này nói lên rằng công tác tuyên truyền luật pháp, chuyển tải đầy đủ nội dung cơ bản của các luật, chính sách đến từng người dân ở các vùng là vô cùng cấp bách và quan trọng. Có làm được như vậy thì khẩu hiệu *"Sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật"* mới trở thành hiện thực ở mọi miền của đất nước...

Trong quá trình thực thi công cuộc đổi mới, ở địa phương, cơ sở xuất hiện nhiều vấn đề thực tiễn yêu cầu phải giải quyết sớm, nhưng một số cơ quan hữu trách chưa nắm bắt và chưa xử lý kịp thời, nên tốc độ triển khai các công việc có phần chậm lại. Một số chế độ, chính sách thể hiện trong các nghị định, quyết định, thông tư, nghị quyết kể cả luật, pháp lệnh có những điều khoản chưa thật phù hợp với thực tiễn, vì vậy khi thực hiện có nhiều mắc mứu. Trong khi đó có một số doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp liên doanh, một số hộ sản xuất, kinh doanh... lại tìm khe hở của luật pháp, chính sách để lợi dụng, nhiều báo cáo, kiến nghị của các đoàn giám sát với các cơ quan hành pháp, tư pháp đề nghị khắc phục sớm những khiếm khuyết trong chỉ đạo, điều hành hoặc sửa đổi những bất hợp lý trong chính sách, chế độ nhưng nhìn chung việc khắc phục, sửa đổi, bổ sung chậm chạp so với yêu cầu thực tế. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu lực của hoạt động giám sát...

Để nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội, trong đó có việc nâng cao chất lượng công tác giám sát, chúng ta phải thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ. Về hoạt động giám sát, Đảng ta đã có định hướng, chủ trương chỉ đạo khá rõ "Nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội... phân định rõ tính chất, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau giữa hoạt động giám sát của Quốc hội... với hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm sát của các cơ quan và tổ chức khác" (1). Theo định hướng trên, chúng ta có thể thực hiện một số giải pháp sau :

1 - Trước hết, nhất thiết phải nhanh chóng nâng cao chất lượng các văn bản luật pháp, chính sách đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới. Một trong những nội dung giám sát là phải xem luật pháp, chế độ, chính sách của Nhà nước có xuống đến cơ sở hay không và nếu có thì tính khả thi có cao không ? Mỗi chế độ, chính sách, luật pháp có

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 130

Digitized by Google

"độ thẩm thấu" vào nhân dân khác nhau và trong nhiều nguyên nhân tạo ra *"độ thẩm thấu"* khác nhau đó, có nguyên nhân về chất lượng. Nhìn chung những luật pháp, chế độ, chính sách, phản ảnh khách quan giải quyết được nhiều vấn đề cụ thể mà thực tiễn đặt ra và phù hợp với nguyện vọng chính đáng của nhân dân thì có "độ thẩm thấu" cao ; ví dụ như phần lớn các điều khoản của Luật đất đai, Pháp lệnh người có công, Bộ luật dân sự, Bộ luật lao động, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, chính sách về việc làm, xóa đói giảm nghèo, an toàn lương thực, chương trình xây dựng các trung tâm cụm xã miền núi... Giám sát ở đâu thì những luật pháp, chính sách đó cũng được quan tâm sâu sắc. Ngược lại những luật pháp, chính sách, chế độ chỉ dừng lại ở những nguyên tắc chung, hoặc lạc hậu với thực tiễn, không tháo gỡ được những ách tắc... thì rất khó được triển khai thực hiện đầy đủ. Thực tế cho thấy có một số chính sách mới triển khai đã phải gác lại những điều khá quan trọng ; hoặc có luật, pháp lệnh sau khi công bố hằng năm, thậm chí vài năm vẫn chưa đủ văn bản hướng dẫn thi hành. Trong những trường hợp như thế thì hoạt động giám sát khó đi sâu hơn vào các nội dung, hiệu quả của luật pháp và chính sách. Vì vậy, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 (khóa VIII) đã yêu cầu "Các luật ban hành cần bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, quy định cụ thể để giảm bớt tình trạng phải chờ đợi quá nhiều văn bản hướng dẫn mới thi hành được".

2 - Phải khẩn trương hoàn thiện bộ máy của Quốc hội đáp ứng các yêu cầu hoạt động, trong đó có hoạt động giám sát. Hai trong nhiều nguyên tắc hoàn thiện bộ máy nói chung cần phải được chú ý đầy đủ là : bộ máy phải tinh, gọn, giữa các bộ phận phải có sự ăn khớp chặt chẽ để đạt hiệu lực cao (khi "vận hành" toàn bộ hệ thống phải chuyển động, không cần đến tác động ngoại lực). Mặt khác bộ máy đó phải bảo đảm làm hết việc và việc nào cũng nâng cao được hiệu quả (không thể gọn nhẹ mà lại bỏ bớt nhiều việc).

Bộ máy của Quốc hội nhìn chung là đang trong quá trình vận động, phát triển cùng với việc đổi mới chế độ làm việc (từ chỗ gần như kiêm nhiệm hoàn toàn dần dần chuyển sang tăng cường chế độ làm việc chuyên trách và nâng cao chất lượng hoạt động) nên bộ máy hiện hành chưa thật hoàn chỉnh (chứ không phải ở dạng quá lớn so với công việc mà phải thu gọn lại).

Phải phân biệt phạm vi công việc giữa hoạt động giám sát với thanh tra, kiểm sát... Hoạt động thanh tra hiện nay chủ yếu là trong lĩnh vực hành pháp ; hoạt động kiểm sát thì phạm vi có rộng hơn (không chỉ trong lĩnh vực hành pháp mà cả ở lĩnh vực tư pháp) nhưng chủ yếu là theo *"chuyên đề"* kiểm sát tuân theo pháp luật, thực hành công tố. Còn hoạt động giám sát của Quốc hội thì bao gồm cả ba lĩnh vực (lập pháp, hành pháp và tư pháp). Mặc dù thanh tra, kiểm sát về phạm vi không rộng như giám sát, nhưng hệ thống tổ chức bộ máy và cán bộ là tương đối hoàn chỉnh (Viện Kiểm sát có bộ máy gồm cả dân sự và quân sự từ trung ương đến huyện, quận hoặc từ trung ương đến các khu vực ; thanh tra có hệ thống từ Thanh tra Nhà nước, thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ đến thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thanh tra sở, thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thanh tra xã, phường, thị trấn và thanh tra nhân dân). Tổ chức bộ máy hoàn thiện của thanh tra và kiểm sát như vậy là đúng đắn, vì khi nền kinh tế được vận hành theo cơ chế thị trường thì có yêu cầu khách quan là phải tăng cường thanh tra, kiểm sát.

Trở lại hoạt động giám sát của Quốc hội, ta thấy phạm vi rất rộng, nhưng bộ máy hiện hành rất khó bảo đảm hoạt động trải rộng và đều khắp. Mặt khác, các cơ quan dân cử từ Quốc hội đến hội đồng nhân dân các cấp lại không phải là một hệ thống dọc về tổ chức. Chính vì vậy, việc kiện toàn bộ máy và nâng cao hiệu lực hoạt động của các tổ chức của Quốc hội là rất cần thiết và cấp bách. Việc kiện toàn có thể theo các hướng sau :

- Một số ủy ban cần được chuẩn xác lại chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động cho vừa tầm. Tổ chức các ủy ban của Quốc hội không nhất thiết như tổ chức bộ máy các bộ, cơ quan ngang bộ của Chính phủ, nhưng mỗi ủy ban của Quốc hội chỉ nên tương ứng với vài ba bộ của Chính phủ thì mới bao quát nổi công việc. Điều đáng lưu ý là mỗi bộ, mỗi cơ quan ngang bộ có bộ máy rất hoàn hảo, có đầy đủ các cục, vụ, viện, ban, phòng và đội ngũ cán bộ sung sức. Khi Chính phủ giao

Digitized by Google

xây dựng một dự án luật, hoặc giúp Chính phủ ban hành một chính sách (hay tự ban hành theo thẩm quyền) thì người ta đã nghiên cứu, khảo nghiệm rất công phu "chắc ăn" rồi mới trình. Trong khi đó bộ máy của một số ủy ban của Quốc hội với vài chục thành viên (kiêm nhiệm là chính) và một số cán bộ văn phòng giúp việc (chưa hẳn trình độ đã cao hơn) nhưng lại phải thẩm định các dự án luật, pháp lệnh và những chính sách có yêu cầu phải thẩm định. Mà một số ủy ban của Quốc hội không phải chỉ có quan hệ tương ứng với một bộ mà là nhiều bộ (hiện nay chỉ riêng Ủy ban Kinh tế và Ngân sách phải quan hệ công việc với tất cả các bộ có nội dung kinh tế công - nông - thương mại, du lịch, dịch vụ, giao thông vận tải, bưu điện và tài chính, tiền tệ của Chính phủ. Một số ủy ban khác cũng tương tự, hơn nữa còn phải song song làm việc với Tòa án, Viện kiểm sát.

Thẩm định luật pháp, chính sách trước khi ban hành đã không đơn giản, nhưng giám sát việc thực hiện sau khi công bố lại càng khó khăn. Với vài chục thành viên kiêm nhiệm ở mỗi ủy ban mà luật pháp, chính sách thì khá nhiều, địa bàn là cả nước, mặc dù các ủy ban đã rất cố gắng trong hoạt động giám sát (mở rộng diện và đi sâu vào các chuyên đề) nhưng cũng khó có thể nói là đã làm đủ mọi việc với chất lượng cao. Do đó việc xác định phạm vi và nội dung hoạt động của mỗi ủy ban cho chuẩn xác vừa tầm hơn là một yêu cầu thực tiễn.

- Mỗi ủy ban phải có đủ số thành viên cần thiết theo yêu cầu công việc, từ đó mới có thể tổ chức được nhiều đoàn, thực hiện được nhiều cuộc giám sát. Để nâng cao chất lượng công việc thì rất cần thiết phải tăng thêm số đại biểu chuyên trách (khóa VIII chỉ có 1% đại biểu chuyên trách, khóa IX là 5,31% ; ở khóa X nên chăng phải 10% trở lên). Thực tế cho thấy cán bộ được chuyên tâm vào một loại việc thì thường có hiệu quả hơn kiêm nhiệm quá nhiều việc.

- Khi tiến hành các cuộc giám sát, nhất là ở địa phương, các ủy ban phải tăng cường hơn nữa sự phối hợp chặt chẽ, đặc biệt là ở những mảng công việc *"giao thoa"* vừa là công việc của ủy ban này nhưng cũng lại là công việc của ủy ban khác để tiết kiệm thời gian, công sức của mình và tránh phiền hà cho địa phương.

3 - Tất cả các cuộc giám sát ở các bộ, ngành hoặc ở các địa phương đều cần được xác định mục tiêu thật rõ (không sa đà vào nắm tình hình chung chung và chỉ dừng lại ở đó). Thời gian mỗi cuộc giám sát phải được bố trí thích đáng để có thể đạt được mục tiêu. Mặc dù các đoàn giám sát của các cơ quan Quốc hội sau khi giám sát không phải ra các quyết định, các kháng nghị như cơ quan kiểm sát ; cũng không phải quyết định kê biên tài sản, niêm phong tài liệu, đình chỉ việc làm... như một số cuộc thanh tra ; nhưng nhất thiết phải báo cáo kết quả và kiến nghị giải quyết công việc (nếu có). Để có tình hình chính xác và kiến nghị đúng đắn không thể chỉ một, hai buổi làm việc mà đề ra hàng loạt các đầu việc đại sự. Có thể coi đây là một kinh nghiệm của khóa IX nửa nhiệm kỳ sau (mỗi cuộc giám sát chỉ xem xét một, hai việc cho đến nơi, đến chốn).

4 - Phải tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho đại biểu Quốc hội. Đại biểu Quốc hội phải là những con người tương đối toàn diện cả hai mặt đức, tài. Về đức, nhất thiết phải là người tốt ; cái tốt ở đây không chỉ là người *"hiền từ, khuôn phép"*, mà đúng như Điều 3 Luật bầu cử Quốc hội số 01-1997/QH9 đã quy định *"Trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh"*. Đại biểu nào chưa qua các trường lớp chính trị thì cần được tổ chức nghiên cứu, học tập những nội dung cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại biểu ngoài Đảng càng cần phải nghiên cứu. Có thể coi đây là yêu cầu tối thiểu về đức. Về tài thì khoản 3 Điều 3 của Luật này đã xác định *"Có trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước"*. Đại biểu Quốc hội càng hiểu sâu, biết rộng nhiều chuyên môn nghiệp vụ càng tốt. Nếu chia ra hai loại kiến thức (pháp lý và các chuyên môn khác) thì đại biểu nào có cả kiến thức pháp lý, lại biết một số kiến thức khoa học khác thì rất tốt, nhưng ít nhất

Digitized by Google

phải có "một thứ", hoặc là pháp lý, hoặc là một lĩnh vực kinh tế, quân sự, khoa học - kỹ thuật nào đó. Ngoài các công việc khác, chỉ riêng hoạt động giám sát, người giám sát ít nhất phải biết ba việc. *Một là*, luật pháp, chính sách xuống đến cơ sở với mức độ nông sâu như thế nào ; *hai là*, các luật pháp, chính sách đó được thực hiện ra sao, có phù hợp, có phản ánh được thực tiễn công cuộc đổi mới không và có hiện tượng vi phạm không ; *ba là*, còn những hành vi, sự kiện, yếu tố nào... cần thiết phải sửa đổi, bổ sung mà luật pháp, chính sách chưa điều chỉnh, chưa phản ánh . Rõ ràng là tham gia xây dựng luật pháp, chính sách đã khó, việc giám sát xem luật pháp, chính sách tác động, điều chỉnh hoạt động kinh tế - xã hội như thế nào lại càng khó hơn. Mặc dù nhiệm kỳ chỉ 5 năm (không phải *"vô thời hạn"* như cán bộ chuyên môn ở các cơ quan hành pháp) nhưng việc bồi dưỡng nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức là rất cần thiết, mà thực tế khóa IX bước đầu đã làm có kết quả. Điều đáng mừng là đại biểu Quốc hội có trình độ đại học và trên đại học các khóa gần đây tăng rất nhanh (khóa VIII là 11,11% ; Khóa IX 56,2% và khóa X là 91,33%). Tuy nhiên đại học hay trên đại học cũng chỉ là một chuyên môn hẹp, vấn đề là phải mở rộng tầm nhìn, mở rộng kiến thức. Ngoài ra các đại biểu hoạt động kiêm nhiệm phải nghiêm chỉnh thực hiện đúng luật tổ chức Quốc hội là dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc để làm nhiệm vụ đại biểu.

5 - Như điểm 1 đã nói, khi chuẩn xác lại chức năng, nhiệm vụ và tổ chức lại hoạt động của các ủy ban hiện có cho vừa tầm thì sẽ còn một số lĩnh vực, một số công việc phải có các tổ chức mới đảm nhiệm. Vì vậy rất cần thiết phải "nghiên cứu thành lập thêm một số ủy ban của Quốc hội" (2).

6 - Tăng cường bộ máy giúp việc cho Quốc hội : Tổ chức bộ máy của Quốc hội có nét rất đặc thù. Nếu ở Chính phủ, mỗi bộ, mỗi cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có một bộ máy riêng, một trụ sở riêng ; mỗi cơ quan đó đều đó một văn phòng, mà các văn phòng đó chỉ chuyên lo cơ sở vật chất, điều kiện hoạt động và chương trình làm việc của cơ quan mình (phần chuyên môn do các vụ nghiệp vụ đảm nhiệm) thì ở Quốc hội từ Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy ban Thường vụ đến Hội đồng dân tộc và các ủy ban, duy nhất chỉ có một văn phòng phục vụ chung. Đó là Văn phòng Quốc hội. Đã thế, Văn phòng Quốc hội không chỉ lo cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, chương trình làm việc mà còn phải lo tham mưu phục vụ các nội dung nghiệp vụ công việc của tất cả các tổ chức của Quốc hội, kể cả cho Văn phòng. Tất cả các ủy ban, các tổ chức của Quốc hội cũng chỉ có một trụ sở làm việc. Có thể nói Quốc hội là cơ quan quyền lực tối cao nhưng cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, bộ máy công tác lại chưa tương xứng. Vì vậy, nhiệm kỳ khóa IX, Quốc hội có làm được những công việc đáng kể và các hoạt động có nét tiến bộ chính là sự khắc phục khó khăn, là cố gắng lớn của các cơ quan Quốc hội và bộ máy giúp việc của Quốc hội.

Việc tăng cường bộ máy giúp việc có rất nhiều việc phải làm, nhưng trước mắt phải nhằm phục vụ cho hai nhiệm vụ then chốt là xây dựng luật pháp và giám sát thực hiện.

7 - Các địa phương, các đơn vị được giám sát cần thực hiện nghiêm chỉnh các kiến nghị xác đáng của các đoàn giám sát, nhất là các kiến nghị khắc phục việc vi phạm pháp luật, thực hiện không đúng các chính sách, chế độ của Nhà nước. Cần loại trừ suy nghĩ sai trái, nông cạn, mơ hồ cho rằng bản án đã có hiệu lực của tòa án còn chưa vội thi hành thì kiến nghị của thanh tra, kiểm sát, giám sát... vội gì. Tư tưởng này là một trong những *"chính danh thủ phạm"* của sự trì trệ, kìm hãm công cuộc đổi mới, kìm hãm cải cách hành chính. Thanh tra, kiểm sát, giám sát tuy có khác nhau về phạm vi và mức độ quyền hạn nhưng có một mục tiêu giống nhau là đều phải bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ và bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân theo luật định... Vì vậy, các cơ quan, các đơn vị, các địa phương được giám sát nhất thiết phải thực hiện nghiêm túc các kiến nghị đúng đắn của các đoàn giám sát để góp phần thực hiện cho được mục tiêu cao cả trên.

Chúng ta tin tưởng rằng Quốc hội khóa X sẽ tiếp thu được kinh nghiệm của các khóa trước và sẽ thực hiện có hiệu quả quyền giám sát tối cao mà Hiến pháp đã quy định. ❑

(2) *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 50

Digitized by Google

THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU ĐỂ VÙNG DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI ĐI LÊN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

HOÀNG ĐỨC NGHI *

Từ trước đến nay, đặc biệt là mấy năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, giải pháp chính sách và đã tập trung chỉ đạo các chương trình, dự án nhằm đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi. Các cấp ủy đảng và chính quyền đã tích cực triển khai và vận động đồng bào thực hiện các chủ trương, chính sách đó, tạo được bước chuyển biến đáng mừng. Kinh tế có mức tăng trưởng khá, các mặt sản xuất có nhiều tiến bộ, một bộ phận đồng bào dân tộc vốn quen sản xuất tự cấp tự túc đã biết chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi hình thành một số vùng kinh tế hàng hóa, hạn chế nạn đốt phá rừng ; đã xây dựng được một số mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả, ngày càng có nhiều hộ làm kinh tế giỏi ; cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội được cải thiện ; trật tự xã hội, an ninh quốc phòng được giữ vững ; không ngừng củng cố và tăng cường đoàn kết các dân tộc, đời sống văn hóa tinh thần cũng không ngừng phát triển... Những chuyển biến này đã tạo đà cho vùng dân tộc và miền núi phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ cao hơn, bền vững trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, vùng dân tộc miền núi cùng cả nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những *khó khăn mang tính đặc thù :*

- Tuy mức tăng trưởng kinh tế khá, nhưng do điểm xuất phát của kinh tế vùng dân tộc và miền núi quá thấp kém nên phần lớn vùng dân tộc và miền núi kinh tế vẫn lạc hậu, chậm phát triển so với cả nước, khoảng cách với miền xuôi đang có xu hướng doãng ra. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, trong GDP của các tỉnh miền núi nông - lâm nghiệp vẫn chiếm 50 - 70%, công nghiệp, dịch vụ nhỏ bé (trừ tỉnh Quảng Ninh, Thái Nguyên) ; phần lớn các nhà máy chế biến lại không nằm ở vùng nguyên liệu nên hiệu quả tổng thể kinh tế hàng hóa miền núi càng thấp.

- Địa hình hiểm trở, đa dạng, phức tạp ; *cơ sở hạ tầng còn rất thấp kém* : mạng lưới giao thông miền núi phần lớn được hình thành trong thời kỳ chiến tranh, mấy năm gần đây mới nâng cấp được rất ít, phần lớn bị hư hỏng nặng ; đường đi một số huyện vùng cao chưa thông suốt trong mùa mưa, còn hơn 400 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm ; giao thông nông thôn phát triển chậm ; số xã có điện dùng ở miền núi phía Bắc là 37% và ở Tây Nguyên 32% ; đáng chú ý là mới có khoảng 40% số dân miền núi đủ nước dùng cho sinh hoạt ; hệ thống thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất ; hằng năm bị hạn hán, lũ lụt phá hoại mùa màng.

- *Đời sống còn khó khăn, dân trí còn thấp :* Tỷ lệ đói nghèo toàn vùng trên 30%. Ở Lai Châu, Cao Bằng, Hà Giang trên 45%. Có một số vùng hộ đói nghèo chiếm 50 - 60% (bình quân cả nước là 18,7%). Tỷ lệ mù chữ cao : ở Lai Châu, Hà Giang khoảng 50%, huyện Bảo Lạc (Cao Bằng) 73%, dân tộc Mông ở biên giới Cao Bằng mù chữ 88%. Đời sống dân tộc ít người còn tồn tại theo lối sống hoang dã, săn bắn, hái lượm như người Rục, La Hủ, Phù Sá, Si La,...

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi

Digitized by Google

- Cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc và phía Tây Nam trước đây còn để lại *hậu quả khá nặng nề :* Nhiều công trình chưa được khôi phục, rừng bị hủy hoại, hàng ngàn ha đất chưa được rà phá bom mìn, nên có hàng vạn dân chưa trở về sinh sống, làm ăn... Đến nay ở nhiều vùng biên giới đồng bào các dân tộc vẫn ở trong tình trạng không ổn định sản xuất và đời sống.

Nhận rõ những khó khăn mang tính đặc thù trên đây, Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã xác định chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chính sách phù hợp, nhằm đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng này. Báo cáo chính trị Đại hội VIII đã ghi : *Dành nguồn lực thích đáng cho việc giải quyết những nhu cầu cấp bách, đặc biệt là về kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, để những vùng còn kém phát triển, như là vùng cao, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng có bước phát triển nhanh hơn, dần dần bớt sự chênh lệch quá lớn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng ; coi đây là một trọng tâm chỉ đạo của các ngành, các cấp.*

Giờ đây, khi cả nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc đã mang một nội dung mới là thực hiện toàn diện, đồng bộ các nhiệm vụ : phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, tăng cường đoàn kết các dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng, tương trợ và cùng phát triển, bảo vệ bền vững môi trường sinh thái ở vùng dân tộc và miền núi. Đó chính là thước đo để đánh giá hiệu quả tổng hợp các chương trình, dự án thay cho cách đánh giá hiệu quả kinh tế thuần túy đối với vùng kinh tế - xã hội đặc thù này. Từ thực tiễn tổ chức chỉ đạo mấy năm gần đây, từ những mô hình phát triển sản xuất kinh doanh và tổ chức cuộc sống có hiệu quả ở vùng dân tộc và miền núi cho thấy phải lựa chọn đúng mục tiêu, huy động tổng hợp các nguồn lực, lồng ghép các chương trình dự án, đầu tư đủ độ, tới tầm, dứt điểm từng địa bàn, làm đổi thay rõ rệt bộ mặt kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi. Chỉ thị 393/TTg ngày 10-6-1997 của Thủ tướng Chính phủ đã giao cho các ngành, các cấp thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu phù hợp với đặc trưng vùng dân tộc và miền núi, chuẩn bị tiền đề cho vùng này cùng cả nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trước hết là xây dựng cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi trong thời gian gần đây đã lựa chọn giao thông là khâu đột phá, đi trước một bước cho quá trình phát triển, đã đưa ra mục tiêu : "phấn đấu năm 2000 các tuyến đường trục chính lên miền núi được nhựa hóa, các tuyến đường từ tỉnh đến huyện có thể đi lại thông suốt cả bốn mùa, có đường ô tô đến các trung tâm cụm xã". Thủ tướng Chính phủ đã giao cho các ngành, các cấp triển khai khẩn trương một số nhiệm vụ : phân công, phân cấp và có biện pháp hữu hiệu, phù hợp để quản lý và xây dựng hệ thống đường ra biên giới, các tuyến đường phục vụ an ninh - quốc phòng ; tạo ra một cao trào làm giao thông nông thôn miền núi bằng sức dân là chính, kết hợp với sự hỗ trợ của nhà nước (về thuốc nổ, dầm thép, ray cũ, cáp làm cầu treo và một số lương thực). Đồng thời Chính phủ đã cấp cho một số huyện vùng cao, biên giới mỗi huyện một bộ thiết bị gồm máy ủi cỡ nhỏ, một máy lu 6 - 8 tấn và một xe bel để cơ động bảo đảm giao thông và giúp dân làm đường dân sinh.

Công việc và mục tiêu tiếp theo là đến năm 2000 hoàn thành việc kéo lưới điện quốc gia đến các tỉnh ly, huyện ly, các trung tâm cụm xã đã xây dựng và 60% số xã có điện dùng. Mục tiêu này được thực hiện trên cơ sở tập trung đầu tư kéo điện lưới về các địa phương kết hợp với hỗ trợ một phần kinh phí tại các chương trình dự án cho đồng bào ở những nơi xa xôi hẻo lánh, phát triển thật mạnh thủy điện nhỏ, cực nhỏ và các nguồn năng lượng khác để vùng đồng bào dân tộc và miền núi sớm được dùng điện trong sản xuất và đời sống.

Để phát triển kinh tế - xã hội (ở vùng này) còn phải khẩn trương xây dựng các công trình thủy lợi, các hồ chứa nước có kỹ thuật và quy mô phù hợp bảo đảm tưới tiêu cho các vùng cây công nghiệp. Xây dựng một số công trình thủy điện gắn với phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường sinh thái, quy hoạch dân cư, sắp xếp sản xuất. Kết hợp giải quyết nước sản xuất với nước sinh hoạt, ưu tiên đưa

Digitized by Google

chương trình nước sạch vào phục vụ đồng bào dân tộc và miền núi, bảo đảm đến năm 2000, có 60% số dân được dùng nước sạch, cũng như phải bảo đảm đủ nước cho các đồn biên phòng.

Do đặc điểm địa hình phức tạp, đã chia cắt miền núi vùng cao thành những tiểu vùng gồm 3 - 5 xã có đặc điểm tự nhiên kinh tế - xã hội và trình độ phát triển tương đồng. Sau nhiều năm đầu tư phát triển, ở một số địa phương đã hình thành một số trung tâm cụm xã chưa hoàn chỉnh, thường manh nha từ chợ khu vực. Qua tổng kết thực tiễn và chỉ đạo làm thử một số điểm, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 35/TTg ngày 31-1-1997 phê duyệt chương trình xây dựng trung tâm cụm xã miền núi vùng cao với mục tiêu năm 2000 hoàn thành 500 trung tâm cụm xã ở khu vực III (khó khăn nhất) và phần khó khăn ở khu vực II (khó khăn vừa hay còn gọi là tạm thời ổn định). Năm 1996, Nhà nước đã đầu tư làm thử 3 điểm ở Hà Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng ; năm 1997, Nhà nước đầu tư tiếp để khởi công xây dựng trên 40 điểm. Nhiều địa phương đã huy động các nguồn lực để xây dựng thêm một số điểm tương tự.

Có thể nói, xây dựng trung tâm cụm xã giữ vị trí cực kỳ quan trọng trong việc thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng dân tộc và miền núi. Nó được xây dựng do đòi hỏi khách quan của quá trình phát triển kinh tế - xã hội tiểu vùng ; khi đã được hình thành, trung tâm cụm xã trở thành động lực tác động tích cực thúc đẩy kinh tế - xã hội tiểu vùng phát triển. Trung tâm cụm xã là trung tâm kinh tế - xã hội - văn hóa, là nơi giao lưu kinh tế, văn hóa của đồng bào trong tiểu vùng với ngoài vùng, với huyện, và với tỉnh ; có các cơ sở vật chất làm tiền đề cho phát triển kinh tế tiểu vùng như : chợ khu vực, cửa hàng thương nghiệp, phòng khám đa khoa và chữa bệnh, trường học, phát thanh, truyền hình, nhà văn hóa, cơ sở khuyến nông, khuyến lâm, cơ sở công nghiệp chế biến, hệ thống giao thông, điện phục vụ sản xuất và đời sống, cấp thoát nước... Trung tâm cụm xã là tiền thân của các thị tứ, thị trấn hạt nhân ở vùng đồng bào dân tộc và miền núi.

Do tầm quan trọng của nó khi xây dựng trung tâm cụm xã cần chú trọng một số vấn đề : Lựa chọn địa điểm vừa thuận lợi giao lưu kinh tế văn hóa trong vùng, lại vừa nối liền với đường giao thông, điện lưới của tỉnh, của huyện. Quy mô, kỹ thuật của từng công trình tại trung tâm phải xuất phát từ việc tính toán quá trình phát triển của từng lĩnh vực của tiểu vùng cho giai đoạn trước mắt và lâu dài. Quy hoạch trung tâm phải phân định từng khu chức năng, có dư địa để sắp xếp dân cư trước mắt và lâu dài, gắn trung tâm với quy hoạch vành đai vườn đồi, vườn rừng, vùng cây trồng, vật nuôi hàng hóa... Mặt khác, phải biết tận dụng, nâng cấp hoàn chỉnh những công trình đã có để hình thành trung tâm cụm xã ; biết huy động tổng hợp các nguồn lực để xây dựng các công trình ở trung tâm cụm xã.

Khi chưa trở thành thị trấn, trung tâm cụm xã không phải là một cấp hành chính, thì các cơ sở : trường học, bệnh viện, phát thanh truyền hình, khuyến nông, khuyến lâm... do các ngành của huyện chỉ đạo và quản lý.

Ở đây cần nhấn mạnh một điểm, các công trình đường giao thông, đường điện, thông tin liên lạc... sẽ nối các tỉnh, huyện, thị trấn, trung tâm cụm xã thành hệ thống hạ tầng làm nền tảng, điều kiện cho quá trình phát triển vùng dân tộc và miền núi. Đó cũng chính là cái "cốt vật chất" hết sức quyết định tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng khó khăn này.

Đối với vùng dân tộc và miền núi cần phải hết sức chú ý một điều nữa là khi xây dựng cơ sở hạ tầng phải gắn liền với *quy hoạch và bố trí dân cư.* Đây là nhiệm vụ bức thiết có ý nghĩa quyết định đối với việc phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc ở miền núi. Quy hoạch bố trí dân cư phải tuân thủ các nguyên tắc : phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đến năm 2010 và 2020 ; phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng dân tộc. Công bố quy hoạch dân cư đã được duyệt để đồng bào tự nguyện, chủ động định liệu việc xây dựng cơ ngơi làm ăn sinh sống lâu dài ; bám sát quy hoạch các tuyến đường giao thông, các thị trấn, thị tứ, trung tâm cụm xã đã có và sẽ xây dựng, để bố trí dân cư ; gắn liền với quy hoạch phát triển các vùng nguyên liệu, các cơ sở chế biến, các khu công nghiệp khác ; chú trọng rà phá bom mìn đưa dân về sinh sống và sản xuất ở vùng biên giới. Đối với vùng quy hoạch xây

Digitized by Google

dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, vùng ngập nước... phải bố trí dân cư vào những nơi đã được quy hoạch để ổn định nơi cư trú và sinh sống lâu dài cho đồng bào.

Để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở vùng dân tộc và miền núi phải xác định những nơi cần chuyển đi là : những hộ sống rải rác ở vùng cao, du canh du cư, đời sống quá khó khăn, suất đầu tư quá cao, không thể giải quyết được nước sinh hoạt ; những hộ trước đây đã di chuyển khỏi vùng biên giới, nay cần vận động trở lại ; di dân khỏi vùng lũ quét, khỏi vùng lòng hồ để xây dựng thủy điện. Sau đó là phải bố trí dân cư vào các vùng theo thứ tự ưu tiên : trước hết là vùng biên giới ; sau đó sắp xếp vào các trung tâm cụm xã, thị trấn, thị tứ, khu công nghiệp, vùng hàng hóa, vùng nguyên liệu cho công nghiệp, các nông lâm trường, các mô hình vườn đồi, vườn rừng, trang trại, ven các trục lộ có điều kiện sản xuất ; điều chỉnh xen ghép vào các làng xã có điều kiện phát triển ; và cuối cùng là chủ động chuyển dân vào bố trí lại sản xuất (cho Tây Nguyên) một cách hợp lý và có hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.

Quy hoạch bố trí dân cư không chỉ dựa vào hiệu quả kinh tế thuần túy, mà phải quan tâm đến các vấn đề xã hội, an ninh quốc phòng và bảo đảm đoàn kết, bình đẳng các dân tộc. Không được để xảy ra tình trạng kinh tế hàng hóa phát triển, các dân tộc lại phải dịch vào vùng cao, vùng sâu cùng với sự nghèo khó cùng cực. Do vậy, phải thực hiện có hiệu quả việc giao đất, khoán rừng, giải quyết vấn đề tranh chấp đất đai, bảo đảm những điều kiện thuận lợi cho sản xuất và đời sống như đất canh tác, nước sinh hoạt và các cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ; có cơ chế chính sách mang tính đặc thù cho những hộ trở lại sinh sống ở vùng biên giới...

Cùng với việc quy hoạch và bố trí các cụm dân cư, tăng cường cơ sở hạ tầng, phải phối hợp chặt chẽ với *việc sắp xếp sản xuất* ở vùng dân tộc và miền núi. Sau hơn 10 năm đổi mới, tiếp cận với thị trường, cấp ủy và chính quyền các địa phương, đồng bào các dân tộc đã nhìn rõ hơn tiềm năng thế mạnh và bước đầu tìm được lối ra, bước đi cho nền kinh tế địa phương. Đến nay, hầu hết các tỉnh đã hoàn thành quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 và 2020; đã xác định được cơ cấu kinh tế và một số giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, phù hợp với đặc điểm của địa phương. Vấn đề mấu chốt còn lại là : tổ chức sắp xếp sản xuất như thế nào để phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, có hiệu quả và bền vững, tiến dần theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từng tỉnh cần chú trọng tới việc khai thác các khu vực giàu tiềm năng và có lợi thế, những ngành mũi nhọn, các mặt hàng chủ lực kết hợp với các nguồn lực khác để phát triển ; dồn sức mạnh của tỉnh để hỗ trợ đồng bào dân tộc ở vùng khó khăn, sắp xếp sản xuất theo hướng phát triển hàng hóa và ổn định đời sống. Có thể theo mô hình lấy hộ gia đình làm đơn vị kinh tế tự chủ, xác định quyền sử dụng đất đai lâu dài cho hộ, sắp xếp sản xuất theo hướng sản xuất kinh doanh tổng hợp gắn nuôi trồng, chế biến, tiêu thụ trên từng địa bàn xã, liên xã, tiểu vùng, huyện... để tạo ra hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Có thể đưa ra các dạng hình tổ chức sắp xếp sản xuất đáng chú ý như : ở xã Suối Giàng (Văn Chấn - Yên Bái) đã gắn cơ sở chế biến tiêu thụ chè sạch với vùng đồng bào Mông trồng chè thông qua hợp đồng kinh tế ; tỉnh Đắc Lắc với Công ty đầu tư phát triển Buôn Za Wăm là mô hình hợp tác sản xuất kinh doanh giữa nhà nước với các hộ đồng bào dân tộc Êđê từ trồng trọt, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm, đã làm chuyển biến vùng sâu này thành vùng kinh tế hàng hóa phát triển mạnh, hiệu quả cao ; hoặc nông trường 1-5 làm dịch vụ hai đầu cho 250 hộ ở xã Nghĩa Bình (Nghĩa Đàn, Nghệ An) làm trang trại, có trang trại 1 hộ, cũng có khi 3 - 4 hộ làm một trang trại trồng cam quýt, cà phê, cao su. Vùng này cũng đã hình thành Công ty đầu tư phát triển vùng dân tộc miền núi Nghĩa Đàn, kinh doanh tổng hợp, giữa nhà nước với các trang trại, các hộ gia đình đồng bào dân tộc. Những mô hình sản xuất này đang được nhân rộng tạo ra một số vùng kinh tế trù phú.

Kinh nghiệm gần đây cho thấy, đầu tư phát triển những nhiệm vụ trên và thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc và miền núi không thể áp dụng nhất loạt với các địa phương miền núi, mà phải *vận dụng chính sách sát hợp với từng khu vực theo trình độ phát triển*. Ủy ban Dân tộc và Miền núi đã công bố tiêu chí và có Quyết

Digitized by Google

định số 42/QD-UB ngày 23-5-1997 nhằm phân định miền núi vùng cao thành ba khu vực, Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho các bộ ngành liên quan xây dựng hệ thống chính sách phù hợp với từng khu vực cụ thể.

- Khu vực I : Khu vực bước đầu phát triển, chiếm 30,02% dân số miền núi, đã có thể đi cùng nhịp với cả nước bước vào công nghiệp hóa hiện đại hóa. Ở đây có thể áp dụng khung chính sách chung của cơ chế thị trường, được hỗ trợ một phần để xây dựng cơ sở hạ tầng và có các chính sách phát triển mạnh kinh tế hàng hóa, tạo điều kiện hình thành các vùng hàng hóa lớn các cơ sở công nghiệp, dịch vụ với hiệu quả cao.

- Khu vực II : Khu vực tạm thời ổn định, chiếm 44,18% dân số miền núi. Khu vực này là nơi tiếp xúc với vùng sản xuất hàng hóa của khu vực I, nhưng hàng hóa còn ít, tiếp giáp với khu vực khó khăn (khu vực III) nhưng điều kiện tự nhiên có thuận lợi hơn ; cái mạnh, cái tiến bộ chưa đủ thắng cái yếu, cái lạc hậu. Do đó thực hiện các chương trình, dự án, chính sách ở khu vực này phải theo phương châm "khuyến phú phù bần" ; thông qua dân chủ công khai chọn đúng đối tượng "áp" đúng chính sách ; được nhà nước đầu tư các cơ sở hạ tầng, thực hiện lồng ghép các chương trình dự án những hộ khó khăn được vay vốn với lãi suất ưu đãi hợp lý và thực hiện các chính sách xã hội.

- Khu vực III : Khu vực khó khăn, chiếm 25,8% dân số miền núi. Đây là vùng sâu, vùng cao, biên giới, khó khăn nhất của cả nước ; được ưu tiên tăng cường cơ sở hạ tầng, quy hoạch bố trí dân cư, sắp xếp sản xuất, thực hiện các chương trình, dựa án ; hay được ưu tiên thực hiện các chính sách xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn, trợ giá, trợ cước... được vay vốn không có lãi, hoặc lãi xuất ưu đãi thấp nhất để phát triển sản xuất.

Đối với vùng đồng bào dân tộc sinh sống ở đồng bằng, Ủy ban Dân tộc - Miền núi cũng đang tiến hành phân định thành ba khu vực theo trình độ phát triển và thực hiện các giải pháp, chính sách phù hợp như đối với các địa phương miền núi vùng cao.

Chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc do Đại hội VIII của Đảng đã xác định là nhằm vực dậy khu vực III và phần khó khăn của khu vực II, vùng dân tộc và miền núi, để tạo điều kiện cho vùng khó khăn này đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát triển kinh tế, ổn định và cải thiện đời sống đồng bào phải gắn liền với *nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực* để có thể đi tắt đón đầu tiếp thu và vận dụng sáng tạo những thành tựu về khoa học - công nghệ để đưa vùng dân tộc và miền núi tiến nhanh và vững chắc vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa với hiệu quả cao.

Có thể coi *phát thanh và truyền hình* là lĩnh vực có thể thực hiện sớm nhất để thu hẹp khoảng cách miền núi với các vùng khác trong cả nước. Do đó, cần lựa chọn thiết bị phù hợp xây dựng các trạm phát hình, phát thanh tại các trung tâm cụm xã, các tụ điểm dân cư, sản xuất những máy thu thanh giản đơn bán rẻ hoặc không thu tiền đối với đồng bào đặc biệt khó khăn. Tăng thời lượng phát thanh, phát hình bằng tiếng dân tộc với nội dung thiết thực để đồng bào tiếp thu và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục phát huy bản sắc văn hóa dân tộc bằng nhiều hình thức hoạt động : lễ hội, chợ phiên... làm cho cùng với sự phát triển kinh tế bản sắc văn hóa các dân tộc này đậm đà, tinh túy hơn.

Đồng thời với các việc nêu trên là hình thành hệ thống *trường học, cơ sở khám chữa bệnh* ở tỉnh, huyện, trung tâm cụm xã, bản làng với quy mô, hình thức phù hợp. Đặc biệt chú trọng đầu tư xây dựng trường bán trú ở xã, trường phổ thông dân tộc nội trú ở tỉnh, huyện, trung tâm cụm xã, bảo đảm có đủ trường lớp, điều kiện dạy và học và đội ngũ giáo viên yên tâm dạy học lâu dài ở vùng dân tộc và miền núi, nhanh chóng xóa nạn mù chữ.

Một trong những nguyên nhân quan trọng hạn chế kết quả đầu tư phát triển vùng dân tộc và miền núi là *đội ngũ cán bộ* còn thiếu và yếu kém trong việc chỉ đạo thực hiện các chủ trương chính sách, chương trình, dự án. Kinh nghiệm một số địa phương thực hiện dự án có vốn nước ngoài, bao giờ cũng bắt đầu từ đào tạo cán bộ tại chỗ, tập huấn cho dân biết thực thi dự án. Do vậy, trong cơ cấu

(Xem tiếp trang 37)

Digitized by Google

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG Ở CÁC TRƯỜNG HỌC

LÊ QUANG THƯỞNG *

TRONG những năm qua, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, công tác xây dựng Đảng ở các trường học đã được nhiều cấp ủy quan tâm hơn trước, tạo nên những chuyển biến tích cực trong sự nghiệp giáo dục - đào tạo, góp phần vào những thành tựu chung của công cuộc đổi mới.

Tuy nhiên, tới nay công tác xây dựng đảng ở các trường học vẫn còn một số vấn đề cần được tiếp tục quan tâm giải quyết. Nhiều trường học ở các cấp (nhất là cấp phổ thông cơ sở trở xuống), các vùng (nhất là các tỉnh, thành phố miền Nam, Tây nguyên, vùng miền núi, ven biển, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo...) chưa có đảng viên, chưa lập được chi bộ. Tỷ lệ đảng viên trong giáo viên ở các trường phổ thông cơ sở, tiểu học, mầm non và trong học sinh, sinh viên còn thấp. Sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng ở trường học có nơi bị giảm sút, có nơi tê liệt.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là công tác xây dựng Đảng, công tác giáo dục chính trị tư tưởng và công tác vận động quần chúng ở những nơi đó chưa được tăng cường.

Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo và Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ trong thời kỳ mới đòi hỏi công tác xây dựng đảng ở các trường học phải *tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, củng cố các tổ chức đảng và đoàn thể, tích cực tạo nguồn phát triển đảng, bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ về đào tạo con người mới mà Đảng ta đã đề ra, nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Để có thể thực hiện tốt các yêu cầu nêu trên, chúng tôi thấy công tác xây dựng đảng ở các trường học trong thời gian tới cần triển khai thực hiện tốt mấy vấn đề lớn sau đây :

1 - Các cấp ủy đảng cần nhận rõ ràng, trường học là tế bào của ngành giáo dục. Hiệu quả hoạt động đào tạo của mỗi trường học tạo nên hiệu quả hoạt động của toàn ngành giáo dục và của xã hội. Bởi vậy, cơ sở đảng trong các trường học có vị trí, vai trò lãnh đạo rất quan trọng. Xây dựng được các cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh ở tường học là tạo nên hạt nhân lãnh đạo của Đảng ở trường học, góp phần làm cho đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách về phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước ta được quán triệt, thực hiện đầy đủ, nghiêm túc. Xây dựng Đảng ở các trường học phải được coi là công việc chung của toàn ngành giáo dục và cao hơn nữa là của toàn bộ hệ thống chính trị từ cơ sở đến trung ương, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là cấp ủy các cấp.

2 - Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và rèn luyện đạo đức cách mạng trong đội ngũ giáo viên, học sinh, sinh viên và công nhân viên ở các trường học. Tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở mỗi trường học phải xây dựng và triển khai thực hiện tốt chương trình, kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo một cách toàn diện theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), phù hợp với yêu cầu của mỗi cấp, mỗi loại trường và lớp học có đặc điểm khác nhau. Cần phát huy trách

* Phó ban Tổ chức Trung ương

Digitized by Google

nhiệm tổng hợp của hiệu trưởng, hội đồng khoa học, chủ nhiệm khoa, chủ nhiệm lớp, đội ngũ giáo viên, các đoàn thể, các khoa Mác - Lê-nin, phòng chính trị, ban quản lý khu ký túc xá... trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng ở các trường. Đồng thời, bồi dưỡng ý thức tự giác của giáo viên, học sinh, sinh viên trong học tập, nâng cao nhận thức chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng. Phấn đấu xây dựng mỗi giáo viên là một chiến sĩ cách mạng trên mặt trận giáo dục, là tấm gương cho học sinh, sinh viên noi theo. Coi trọng việc lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí đúng đội ngũ giáo viên chính trị, giáo viên dạy các môn khoa học xã hội, văn học, nghệ thuật, giáo dục công dân ; giữ vững nền nếp và từng bước nâng cao chất lượng các bài giảng về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, về truyền thống yêu nước và cách mạng của dân tộc ta. Chăm lo củng cố tổ chức và phát huy vai trò hoạt động của các đoàn thể trong nhà trường (Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp thanh niên, Hội Sinh viên...) để các đoàn thể này cùng với ban lãnh đạo nhà trường làm tốt công tác tập hợp, đoàn kết, giáo dục đoàn viên, hội viên nâng cao giác ngộ về lý tưởng cách mạng, rèn luyện đạo đức và lối sống lành mạnh ; tích cực tham gia các phong trào dạy tốt, học tốt ; đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao ; xây dựng trường, lớp, ký túc xá văn minh, sạch đẹp và các hoạt động xã hội ở từng địa phương.

Ban cán sự Đảng ngành giáo dục - đào tạo kết hợp chặt chẽ với Ban tuyên giáo của cấp ủy các cấp tổ chức các lớp bồi dưỡng theo định kỳ (nghỉ hè và bồi dưỡng thường xuyên) về chính trị, nghiệp vụ chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cho các cấp ủy viên, hiệu trưởng, hiệu phó, chủ nhiệm khoa, giáo viên, cán bộ đoàn thể ở các trường.

Cấp ủy huyện, quận tăng cường chất lượng hoạt động của các trung tâm bồi dưỡng chính trị ; mở những lớp chuyên đề bồi dưỡng về Đảng đối với những người là đối tượng, cảm tình đảng, nâng cao trình độ lý luận và kinh kinh nghiệm công tác cho các cấp ủy viên và đảng viên dự bị ở các chi bộ, đảng bộ nhà trường.

Cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp và ngành giáo dục dành thì giờ kiểm tra công tác chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng tổ chức đảng và đoàn thể các trường học, trực tiếp đối thoại đối với quần chúng, giải thích đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước và trả lời chất vấn của quần chúng trường học khi có yêu cầu.

3 - Tích cực tạo nguồn để làm tốt công tác phát triển Đảng trong học sinh, sinh viên, cán bộ, giáo viên ở các trường hiện còn ít hoặc chưa có đảng viên. Ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, cần tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác phát triển Đảng trong đội ngũ giáo viên, cán bộ công nhân viên nói chung ; đồng thời có kế hoạch tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phát động các phong trào thi đua học tập, rèn luyện và công tác xã hội của sinh viên, học sinh, lựa chọn học sinh, sinh viên ưu tú để tiếp tục bồi dưỡng, tạo nguồn cho công tác phát triển Đảng, từng bước nâng cao tỷ lệ đảng viên trong học sinh, sinh viên. Ở các trường phổ thông trung học cơ sở, tiểu học và mầm non hiện nay còn ít hoặc chưa có đảng viên, cần phối hợp với Ban cán sự đảng ngành giáo dục ở các tỉnh, thành sớm có kế hoạch cử đảng viên là cán bộ, giáo viên ở các trường có đông đảng viên đến tăng cường cho các trường này, tiến hành công tác vận động quần chúng, đẩy mạnh hoạt động của các đoàn thể, qua đó mà lựa chọn các giáo viên ưu tú để phát triển Đảng, tiến tới năm 2000, ở tất cả các trường học hiện nay chưa có đảng viên sẽ có đảng viên, có tổ đảng, chi bộ đảng. Thực hiện tốt các chế độ chính sách đãi ngộ về vật chất và tinh thần, bảo đảm cuộc sống ổn định cho những cán bộ, đảng viên, giáo viên được điều động đến công tác ở trường học trong các vùng còn có nhiều khó khăn.

4 - Xây dựng chi bộ, đảng bộ nhà trường trong sạch, vững mạnh. Các tổ chức đảng nhà trường cần sơ kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện quy định số 51 QĐ/TU ngày 19-11-1992 của Ban bí thư (khóa VII) về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trường học ; xây dựng, bổ sung quy chế hoạt động ; phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng đối với các hoạt động của nhà trường. Trong tình hình hiện nay, các tổ

Digitized by Google

chức đảng trường học cần coi trọng các mặt : lãnh đạo nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo toàn diện cho học sinh, sinh viên ; lãnh đạo nghiên cứu khoa học, phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân ; kiểm tra giám sát việc thu, chi tài chính, ngân sách của nhà trường theo đúng luật pháp ; lãnh đạo và quản lý đội ngũ cán bộ ; làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, giữ gìn an ninh trật tự trong nhà trường ; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình, phát huy quyền làm chủ của quần chúng ; chống quan liêu, tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác. Ở các trường dân lập, cấp ủy cấp trên trực tiếp cần kiểm tra số đảng viên hiện có ; nếu có đủ 3 đảng viên chính thức trở lên thường xuyên làm việc tại trường thì sớm ra quyết định thành lập chi bộ, hướng dẫn chi bộ hoạt động theo các quy định của Điều lệ Đảng phù hợp với cơ chế quản lý trường dân lập. Đồng thời cần tổ chức các hội nghị đảng viên là giáo viên ở các trường quốc lập hoặc đảng viên nguyên là giáo viên đã về hưu nay đến trường dân lập dạy thêm để các đồng chí này tham gia ý kiến và đóng góp công sức vào việc xây dựng nhà trường vững mạnh, bảo đảm thực hiện tốt quan điểm đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác đào tạo.

5 - Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các trường học. Ban cán sự Đảng ở bộ, ngành, sở (thuộc hệ thống giáo dục - đào tạo) cùng với cấp ủy địa phương tiến hành việc nhận xét, đánh giá chất lượng cán bộ lãnh đạo chủ chốt, (hiệu trưởng, bí thư đảng ủy, chủ tịch công đoàn, bí thư Đoàn thanh niên, chủ tịch hội sinh viên,...) theo định kỳ hàng năm ; thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống và năng lực quản lý chuyên môn của đội ngũ cán bộ chủ chốt ; kịp thời thay thế những cán bộ không đủ tiêu chuẩn quy định.

Cấp ủy cấp trên của tổ chức đảng trường học cần chú trọng chỉ đạo việc kiện toàn nhân sự, nâng cao chất lượng cấp ủy qua các kỳ đại hội đảng bộ, chi bộ trường học. Bí thư chi bộ, bí thư đảng ủy phải có đủ tiêu chuẩn như Điều lệ Đảng (khóa VIII) quy định.

6 - Tăng cường và cải tiến sự chỉ đạo của các cấp ủy đối với công tác tổ chức đảng ở các trường học. Các cấp ủy địa phương (tỉnh, thành phố, quận, huyện, xã, phường) có kế hoạch sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng ở các trường học của địa phương mình trong thời gian qua, chủ yếu là từ khi có Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng đến nay, đề ra kế hoạch chỉ đạo tăng cường công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng trường học từ nay đến năm 2000. Trong kế hoạch hành động sắp tới, cần xác định rõ mục tiêu phấn đấu từng năm và trọng điểm chỉ đạo đối với mỗi loại trường học có đặc điểm khác nhau. Nơi chưa có đảng viên và tổ chức đảng thì tập trung chỉ đạo công tác điều động cán bộ, đảng viên có chất lượng tăng cường cho những nơi đó để vận động quần chúng, phát triển Đảng, tiến tới có tổ chức Đảng. Nơi đã có tổ chức Đảng thì tập trung nâng cao chất lượng lãnh đạo, đổi mới phương thức hoạt động của cấp ủy, chi bộ ; đồng thời thường xuyên quan tâm công tác phát triển Đảng, nhất là trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, sinh viên ưu tú ở các trường học. Theo tinh thần đó, các chi bộ, đảng bộ trường học cần kiểm điểm tình hình công tác xây dựng Đảng ở các trường trong thời kỳ vừa qua ; lập chương trình công tác xây dựng đảng ở các cơ sở từ nay đến năm 2000. Hàng năm, cấp ủy, chi bộ nhà trường sơ kết rút kinh nghiệm, bổ sung biện pháp phấn đấu đạt các mục tiêu đã đề ra. Các cơ quan có trách nhiệm cần nghiên cứu, bổ sung một số chế độ, chính sách đối với các trường học như chính sách tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng, chú trọng cả hai mặt phẩm chất chính trị và kiến thức học vấn của thí sinh ; chính sách trợ cấp cho sinh viên giỏi, con em các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, gia đình nghèo ; chế độ phụ cấp cán bộ hoạt động công tác đảng, đoàn thể ; chế độ chi tiêu ngân sách của nhà trường bao gồm chi cho các hoạt động của tổ chức Đảng ở các trường. ❑

Digitized by Google

ĐỌC TÁC PHẨM "SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC" CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TRỌNG PHÚC *

TRONG bộn bề của công việc lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến, tháng 10-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm **"Sửa đổi lối làm việc"**. Tên tác phẩm khiêm nhường như vậy, song đây thực sự là một tác phẩm quan trọng thể hiện nổi bật những tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng ta đã nắm chính quyền. Đó là những vấn đề : Tư cách của Đảng chân chính cách mạng ; vấn đề phê bình và sửa chữa lối làm việc của Đảng ; ngăn ngừa, sửa chữa những khuyết điểm, những căn bệnh trong Đảng và của từng đảng viên, cán bộ ; vấn đề cán bộ và sử dụng cán bộ ; mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân ; cách lãnh đạo của Đảng ; vấn đề phẩm chất đạo đức và hiểu biết lý luận v.v. của cán bộ đảng viên.

Về tư cách của Đảng chân chính cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra 12 điều.

"1 - Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng.

2 - Cán bộ của Đảng phải hiểu biết lý luận cách mạng và lý luận cùng thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau.

3 - Khi đặt ra khẩu hiệu và chỉ thị, luôn luôn phải dựa vào điều kiện thiết thực và kinh nghiệm cách mạng ở các nước, ở trong nước và ở địa phương.

4 - Phải luôn luôn do nơi quần chúng mà kiểm soát những khẩu hiệu và chỉ thị đó đúng hay không.

5 - Phải luôn luôn xem xét lại tất cả các công tác của Đảng. Mọi công tác của Đảng luôn luôn phải đứng về phía quần chúng. Phải đem tinh thần yêu nước và cần, kiệm, liêm, chính mà dạy bảo cán bộ, đảng viên và nhân dân.

6 - Mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc và phải liên hợp chặt chẽ với dân chúng. Nếu không vậy, thì chẳng những không lãnh đạo được dân chúng mà cũng không học được dân chúng.

Chẳng những không nâng cao được dân chúng, mà cũng không biết ý kiến của dân chúng.

7 - Mỗi công việc của Đảng phải giữ vững tính cách mạng của nó, lại phải khéo dùng những cách thức thi hành cho hoạt bát.

Nếu không vậy thì không biết nắm vững các cách thức tranh đấu và các cách thức tổ chức, không biết liên hợp lợi ích ngày thường và lợi ích lâu dài của dân chúng.

8 - Đảng không che dấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Đảng phải nhận khuyết điểm của mình mà tự sửa chữa, để tiến bộ, và để dạy bảo cán bộ và đảng viên.

9 - Đảng phải chọn lựa những người rất trung thành và rất hăng hái, đoàn kết họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo.

10 - Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hóa ra ngoài.

11 - Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới.

Kỷ luật này là tư tưởng phải nhất trí, hành động phải nhất trí.

Kỷ luật này do là lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng.

12 - Đảng phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hóa ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng.

Muốn cho Đảng được vững bền
Mười hai điều đó chớ quên điều nào" (1)

Để Đảng ta luôn luôn là một đảng chân chính cách mạng, trong tác phẩm, Hồ Chí Minh đã nêu rõ : *"Việc chỉnh đốn Đảng"*. Nhiệm vụ chỉnh đốn Đảng có nhiều, song Người tập trung phân tích kỹ về sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm, phòng ngừa những căn bệnh đã và đang gây tác hại làm suy yếu Đảng. Đó là các bệnh như tham lam, lười biếng, kiêu ngạo,

* PGS, PTS Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 249 - 250

Digitized by Google

hiếu danh, thiếu kỷ luật, hẹp hòi, địa phương, óc lãnh tụ, bệnh "hữu danh vô thực", kéo bè kéo cánh, bệnh "cá nhân" v.v... Mọi người còn nhớ, ngay sau Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có bức thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng (10-1945). Trong thư Người đã chỉ ra 6 căn bệnh trong bộ máy chính quyền của ta cần phải nghiêm túc sửa chữa. Ngày 1-3-1947 trong thư gửi các đồng chí Bắc Bộ Người lại chỉ thị phải sửa ngay 8 căn bệnh đang phương hại đến nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc. Lần này, trong tác phẩm **"Sửa đổi lối làm việc"**, Người không chỉ phân tích, tác hại của những biểu hiện hư hỏng trong cán bộ, đảng viên mà còn chỉ ra các nguyên nhân và cách khắc phục.

Hồ Chí Minh chỉ rõ : "Những tật bệnh đó khiến cho Đảng xệch xoạc, ý kiến lung tung, kỷ luật lỏng lẻo, công việc bê trễ. Chính sách không thi hành được triệt để, Đảng xa rời dân chúng" (2). Hồ Chí Minh cho rằng Đảng cần phải thẳng thắn khi có sai lầm khuyết điểm ; "một đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một đảng hỏng. Một đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế mới là một đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính". (3)

Hồ Chí Minh đặt ra những câu hỏi : Những khuyết điểm sai lầm vì sao mà có và tự đâu mà đến ? Khuyết điểm đâu mà nhiều thế ? Người cho rằng : "Đảng ta là một đảng rất to lớn, bao gồm đủ các tầng lớp trong xã hội. Vì vậy có nhiều tính cách rất trung thành, rất kiên quyết, rất vĩ đại. Song cũng không tránh khỏi những tập tục, những tính nết, những khuyết điểm của xã hội bên ngoài, lây và ngấm vào trong Đảng" (4). Nhưng không vì thế mà kinh sợ. Ta đã thấy rõ những bệnh ấy thì ta tìm được cách chữa. Người nêu rõ sự cần thiết phải có thái độ đúng đắn, trung thực khi nhìn nhận những sai lầm khuyết điểm. "Có người thì cho rằng : trong Đảng việc gì cũng tốt, không có khuyết điểm gì đáng lo. Có người lại cho rằng : trong Đảng cái gì cũng kém, đầy những khuyết điểm. Vì vậy mà họ bi quan, thất vọng. Hai cách nhận xét đó đều không đúng". (5)

Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý Đảng có khuyết điểm là một thực tế mà : "Bọn phản động thì lợi dụng những khuyết điểm đó và tô vẽ thêm để phá hoại Đảng ta" (6). Người cũng phê phán những cán bộ "sao cũng mặc kệ, sao xong chuyện thì thôi. Không phê bình, không tự phê bình. Đó là thái độ của những đảng viên và cán bộ ươn hèn yếu ớt". Đồng thời Hồ Chí Minh cũng phê phán những biểu hiện thô bạo, cực đoan "đối với những người có khuyết điểm và sai lầm đó, như đối với hổ mang, thuồng luồng. Họ đòi phải đuổi bọn kia ra khỏi Đảng ngay. Nếu Đảng không làm như thế thì họ cho rằng : Thôi hỏng hết cả rồi ! Do đó, họ đâm ra chán nản, thất vọng. Hoặc họ không làm gì nữa hết. Thậm chí họ bỏ Đảng" (7). Những điều mà Hồ Chí Minh nêu ra 50 năm trước đến nay vẫn đang là một thực tế. Ở đây, Bác không chỉ sâu sắc trong nhận định đánh giá thực trạng, mà còn chỉ dẫn cho ta một thái độ, một phương pháp đánh giá đúng đắn, khoa học khách quan. Chỉ có như vậy mới phát huy được ưu điểm và khắc phục có hiệu quả những khuyết điểm mắc phải.

Về vấn đề cán bộ, Hồ Chí Minh lưu ý, cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành, đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu để đặt chính sách cho đúng. "Vì vậy, cán bộ là cái gốc của mọi công việc.

Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng" (8), Đảng cần phải huấn luyện cán bộ. Theo Hồ Chí Minh cần huấn luyện nghề nghiệp, huấn luyện chính trị, huấn luyện văn hóa, huấn luyện lý luận cho cán bộ.

Hồ Chí Minh chỉ rõ : "Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém.

Vì vậy, Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu. Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta" (9). Về tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ Người đưa ra mấy điểm chính :

"a - Những người đã tỏ ra rất trung thành và hăng hái trong công việc, trong lúc đấu tranh.

b - Những người liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng. Luôn luôn chú ý đến lợi ích của dân chúng. Như thế, thì dân chúng mới tin cậy cán bộ và nhận cán bộ đó là người lãnh đạo của họ.

c - Những người có thể phụ trách giải quyết các vấn đề, trong những hoàn cảnh khó khăn.

Ai sợ phụ trách và không có sáng kiến thì không phải là người lãnh đạo.

Người lãnh đạo đúng đắn cần phải : Khi thất bại không hoang mang, khi thắng lợi không kiêu ngạo. Khi thi hành các nghị quyết kiên quyết, gan góc không sợ khó khăn.

d - Những người luôn luôn giữ đúng kỷ luật.

Đó là những khuôn khổ để lựa chọn cán bộ, chúng ta phải theo cho đúng". (10)

---

(2) (3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 258, 261
(4) (5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 261, 263
(6) (7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 264
(8) (9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 269, 273
(10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 275

Digitized by Google

Trong chính sách cán bộ, Hồ Chí Minh cho rằng cần phải hiểu biết cán bộ, khéo dùng cán bộ, cất nhắc cán bộ, thương yêu cán bộ và phê bình cán bộ. Trong tác phẩm, Người đã phân tích sâu sắc từng vấn đề đó. Về hiểu biết cán bộ, Hồ Chí Minh nêu rõ, biết người cố nhiên là khó, tự biết mình cũng không phải là dễ. "Đã không tự biết mình thì khó mà biết người, vì vậy muốn biết đúng sự phải trái ở người ta, thì trước phải biết đúng sự phải trái của mình. Nếu không biết sự phải trái ở mình, thì chắc không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu". (11)

Trong đánh giá cán bộ : "Người ta thường phạm những chứng bệnh sau này :

1 - Tự cao tự đại,

2 - Ưa người ta nịnh mình,

3 - Do lòng yêu, ghét của mình mà đối với người,

4 - Đem một cái khuôn khổ nhất định, chật hẹp mà lắp vào tất cả mọi người khác nhau". (12)

Về dùng cán bộ, Bác cho rằng nhiều người đã phạm vào những chứng bệnh sau đây :

"1 - Ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn, cho họ là chắc chắn hơn người ngoài.

2 - Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình, mà chán ghét những người chính trực.

3 - Ham dùng những người tính tình hợp với mình, mà tránh những người tính tình không hợp với mình". (13)

Về cất nhắc cán bộ, Bác nhấn mạnh : "Cất nhắc cán bộ, phải vì công tác, tài năng, vì cổ động cho đồng chí khác thêm hăng hái. Như thế, công việc nhất định chạy". (14)

Sự lãnh đạo của Đảng cũng như công tác cán bộ, Hồ Chí Minh đã nêu một kinh nghiệm là "phải nâng cao sáng kiến và lòng hăng hái". Bác cho rằng sở dĩ cán bộ, đảng viên ít sáng kiến, ít hăng hái vì nhiều lẽ mà trước hết là vì : *Cách lãnh đạo của ta không được dân chủ, cách công tác của ta không được tích cực.*

Nếu ai nói chúng ta không dân chủ, thì chúng ta khó chịu. Nhưng nếu chúng ta tự xét cho kỹ, thì thật có như thế.

Đối với cơ quan lãnh đạo, đối với những người lãnh đạo, các đảng viên và các cán bộ dù có ý kiến cũng *không dám nói,* dù muốn phê bình cũng sợ *không dám phê bình.*

Thành thử cấp trên với cấp dưới cách biệt nhau. Quần chúng với Đảng xa rời nhau. Trên thì tưởng cái gì cũng tốt đẹp. Dưới thì có gì không dám nói ra" (15).Hồ Chí Minh nhấn mạnh : *"Dân chủ, sáng kiến, hăng hái,* ba điều đó rất quan hệ với nhau. Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến. Những sáng kiến đó được khen ngợi, thì những người đó càng thêm hăng hái và người khác cũng học theo" (16). Như vậy, lãnh đạo bằng những phương thức dân chủ là rất quan trọng mà Bác Hồ luôn luôn quan tâm rèn luyện Đảng ta.

Về quan hệ giữa Đảng và nhân dân, Bác cho rằng dân chúng rất khôn khéo, rất hăng hái, rất anh hùng. Chúng ta phải học dân chúng, phải hỏi dân chúng, phải hiểu dân chúng. "Vì vậy, mỗi một khẩu hiệu, mỗi một công tác, mỗi một chính sách của chúng ta, phải dựa vào ý kiến và kinh nghiệm của dân chúng, phải nghe theo nguyện vọng của dân chúng".

"Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được

Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên". (17)

Hồ Chí Minh chỉ rõ : "Kinh nghiệm trong nước và các nước tỏ cho chúng ta biết : có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra". (18)

Hồ Chí Minh chỉ rõ, chúng ta phải kiên quyết bỏ sạch lối quan liêu, lối chật hẹp, lối mệnh lệnh. Chúng ta phải kiên quyết thực hành theo những nguyên tắc sau đây :

"1 - Việc gì cũng phải học hỏi và bàn bạc với dân chúng, giải thích cho dân chúng.

2 - Tin vào dân chúng. Đưa mọi vấn đề cho dân chúng thảo luận và tìm cách giải quyết. Chúng ta có khuyết điểm, thì thật thà thừa nhận trước mặt dân chúng. Nghị quyết gì mà dân chúng cho là không hợp thì để họ để nghị sửa chữa. *Dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức* của ta.

3 - Chớ khư khư giữ theo "sáo cũ". Luôn luôn phải theo tình hình thiết thực của dân chúng nơi đó và lúc đó, theo trình độ giác ngộ của dân chúng, theo sự tình nguyện của dân chúng mà tổ chức họ, tùy hoàn cảnh thiết thực trong nơi đó, và lúc đó, đưa ra tranh đấu.

4 - Chúng ta *tuyệt đối không nên theo đuôi quần chúng.* Nhưng phải khéo tập trung ý kiến của quần chúng, hóa nó thành cái đường lối để lãnh đạo quần chúng. Phải đem cách nhân dân so sánh, xem xét, giải quyết các vấn đề, mà hóa nó thành cách chỉ đạo nhân dân.

---

(11) (12) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 5, tr 277

(13) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 5, tr 279

(14) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 5, tr 281

(15) (16) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 5, tr 243, 244

(17) (18) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 5, tr 293, 295

Digitized by Google

5 - "Phải đưa chính trị vào giữa dân gian". Trước kia việc gì cũng từ "trên dội xuống". Từ nay việc gì cũng phải từ "dưới nhoi lên".

Làm như thế, chính sách, cán bộ và nhân dân sẽ nhất trí, mà Đảng ta sẽ phát triển rất mau chóng và vững vàng". (19)

Hồ Chí Minh đòi hỏi *mọi cán bộ, đảng viên phải học tập lý luận.* Có những cán bộ chỉ làm việc theo kinh nghiệm và "mắc phải cái bệnh coi khinh lý luận". "Có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ... cần phải nghiên cứu thêm lý luận, mới thành người cán bộ hoàn toàn" (20). Người nêu rõ : "Lý luận do kinh nghiệm cách mạng ở các nước và trong nước ta, do kinh nghiệm từ trước và kinh nghiệm hiện nay gom góp phân tích và kết luận những kinh nghiệm đó thành ra lý luận" (21). Lý luận là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính".

"Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế.

Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi". (22)

Trong tác phẩm, Hồ Chí Minh viết nhiều về *đạo đức cách mạng.* Đạo đức cách mạng là *nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm. Nhân* là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. *Nghĩa* là ngay thẳng không có tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu đảng. *Trí* vì không có việc tư túi nó làm mù quáng, cho nên đầu óc trong sạch sáng suốt. Dễ hiểu lý luận. Dễ tìm phương hướng. Biết xem người, biết xem việc. *Dũng* là dũng cảm, gan góc, gặp việc phải có gan làm. *Liêm* là không tham địa vị. Không tham tiền tài. v.v.. Người nhấn mạnh : "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân". (23)

Nửa thế kỷ qua, sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta không ngừng phát triển và giành nhiều thắng lợi to lớn. Tình hình, nhiệm vụ cách mạng hiện nay đã có điểm khác với thời điểm tác phẩm ra đời. Song càng đọc lại nhiều lần, nghiên cứu và nghiền ngẫm kỹ những điều Bác Hồ đã viết chúng ta vẫn thấy nó còn giữ nguyên những giá trị lý luận và thực tiễn về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.❑

(19) (20) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 297 - 298, 234

(21) (22) (23) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 272, 233 - 234, 252 - 253

THỰC HIỆN MỘT SỐ...

(Tiếp theo trang 30)

vốn đầu tư của các chương trình dự án, cần dành một khoản kinh phí, soạn thảo chương trình phù hợp để đào tạo cán bộ huyện, xã và tập huấn cho dân. Đặc biệt chú trọng nguồn cán bộ cho trước mắt và lâu dài từ các trường phổ thông dân tộc nội trú. Có chính sách khuyến khích đào tạo con em dân tộc học lên đại học rồi trở về công tác tại địa phương. Số con em đồng bào dân tộc không lên được đại học thì có lớp bồi dưỡng ngắn ngày trên các lĩnh vực cấp thiết để phục vụ ngay tại địa phương mình. Các trường đảng, trường hành chính cấp tỉnh sớm đưa các nội dung đào tạo cán bộ công tác ở vùng dân tộc và miền núi về các lĩnh vực : quản lý nhà nước, vận động quần chúng, phát triển kinh tế xã hội... Tiếp tục hình thành, mở rộng, nâng cao các trung tâm giáo dục bậc đại học, trung học và dạy nghề ở các vùng núi : Tây bắc, Đông bắc, miền Trung và Tây Nguyên, tạo điều kiện cho con em các dân tộc thiểu số học lên đại học, trung học.

Thực tế chỉ cho thấy đội ngũ cán bộ công tác ở vùng dân tộc và miền núi gặp quá nhiều khó khăn, đòi hỏi các ngành các cấp quan tâm giải quyết các chính sách về tiền lương, phụ cấp, công tác phí, chính sách thu hút, chính sách khuyến khích tài năng, vấn đề nhà ở, đất sản xuất phụ... bảo đảm đủ điều kiện để họ và gia đình họ yên tâm sinh sống và công tác lâu dài.

Vùng đồng bào dân tộc và miền núi nước ta vốn có truyền thống cách mạng anh dũng, kiên cường trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước. Ngày nay đứng trước thời cơ và thách thức mới giải pháp tốt nhất là phải phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động tối đa mọi nguồn lực, tạo ra một cao trào cách mạng rộng khắp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường an ninh - quốc phòng, đoàn kết các dân tộc để thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, đưa vùng đồng bào dân tộc và miền núi cùng cả nước đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.❑

Digitized by Google

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ CẢ

NGUYỄN ĐÌNH BÍCH*

CÔNG tác quản lý nhà nước về giá cả trong hơn 10 năm qua đã góp phần rất quan trọng vào những thành tựu của đổi mới. Siêu lạm phát đã được khống chế và sự ổn định tương đối dần dần của giá cả thị trường từ năm 1992 trở lại đây là một trong những yếu tố mang tính chất tiền đề để nền kinh tế đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong những năm gần đây.

Trong một năm rưỡi qua, việc điều tiết giá cả thị trường của Chính phủ và các ngành hữu quan có nhiều cố gắng, song hiệu lực còn hạn chế. Mặc dù giá lúa của nông dân được Thủ tướng Chính phủ quy định ở mức cao, nhưng giá lúa trên thị trường giảm mạnh. Trong khi đó, giá điện, giá xăng dầu liên tục tăng, gây không ít khó khăn cho sản xuất. Có thể khẳng định rằng, trong thực trạng nhịp độ tăng trưởng kinh tế có xu hướng chậm lại trong 18 tháng qua, đặc biệt là khu vực kinh tế quốc doanh, "sốt lạnh" lại xuất hiện sớm hơn ở nhiều ngành hàng rất quan trọng của nền kinh tế. Đồng tiền của ngân hàng cũng bị "sốt lạnh" như là một hệ quả tất yếu. Nhiều mặt hàng công nghiệp không có sức cạnh tranh ngay trên thị trường nội địa, cho nên nhiều doanh nghiệp hiệu quả sản xuất - kinh doanh giảm sút. Vì vậy, công tác quản lý nhà nước về giá cả cũng cần có giải pháp để thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Hai nghịch lý giá cả

Trong nền kinh tế nước ta, việc điều tiết giá cả đã làm tích tụ và hình thành hai nghịch lý giá cả sau đây :

- *Thứ nhất, xét trên tổng thể, sản xuất càng phát triển thì giá sản phẩm càng đắt.* Điều này hoàn toàn trái với quy luật thông thường của kinh tế thị trường : sản xuất càng phát triển thì giá sản phẩm càng phải rẻ. Các số liệu thống kê dưới đây là những chứng cứ cụ thể (xem bảng 1).

Bảng 1 : *Tổng sản phẩm trong nước và tỷ giá VNĐ/USD**

Đơn vị : tỉ VNĐ và %

Chỉ số \ Năm	1991	1992	1993	1994	1995	1996
1 - GDP						
a) Giá so sánh 1989	31 286	33 991	36 735	39 982	43 797	47 888
- Chỉ số liên hoàn	100,0	180,6	108,1	108,8	109,5	109,34
- Chỉ số định gốc	100,0	108,6	117,73	127,73	139,86	152,92
b) Giá hiện hành	76 707	110 535	136 571	170 258	222 840	258 609
- Chỉ số liên hoàn	100,0	144,1	123,5	124,7	130,9	116,0
- Chỉ số định gốc	100,0	144,1	177,96	221,92	290,49	336,97
2 - Tỷ giá VNĐ/USD	12 550	10 650	11 832	11 050	10 984	11 025
- % so với kỳ gốc	100,00	84,86	94,05	88,05	87,52	87,85

* Nguồn Tổng cục Thống kê (số liệu năm 1996 là ước tính)

Những số liệu trên đây cho thấy, khối lượng hàng hóa đưa ra thị trường năm 1996 chỉ tăng 16 602 tỉ đồng, so với năm 1991 tăng 52,92% (tính theo giá so sánh năm 1989). Nhưng do đồng Việt Nam (VNĐ) mất giá nhiều so với hàng hóa, cho nên khối lượng hàng hóa này tăng tới 181 902 tỉ VNĐ, hay tăng thêm 236,97%. Nói cách khác, nếu VNĐ năm 1996 vẫn giữ được giá như năm 1991 tính theo giá so sánh năm 1989, thì khối lượng hàng hóa đưa ra thị trường năm 1996 chỉ là 117 300,34 tỉ VNĐ, nhưng do mất giá như trên cho nên đã tăng thêm 141 308,66 tỉ VNĐ nữa.

Trong khi đó, do USD năm 1996 chỉ còn 87,85% giá trị so với VNĐ năm 1991, cho nên nó còn mất giá rất nhiều so với hàng hóa. Cụ thể, tính theo giá hiện hành, tổng khối lượng hàng hóa năm 1996 trị giá tới 23,456 tỉ USD (258 609 tỉ VNĐ : 11 025 VNĐ/USD), trong khi tính theo giá năm 1991 thì nó chỉ là 10,639 tỉ USD (117 300,34 tỉ VNĐ : 11 025 VNĐ/USD), tức là USD đã mất giá

* Chuyên viên kinh tế, Bộ Thương mại

Digitized by Google

12,817 tỉ USD thông qua việc mất giá VNĐ ; hay chỉ là 9,346 tỉ USD (117 300,34 tỉ VNĐ : 12 550 VNĐ/USD), tức là mất giá thêm 1,293 tỉ USD nữa do sự xuống giá của USD so với VNĐ.

Trong thực tiễn nền kinh tế nước ta hiện nay, việc có hàng loạt hàng công nghiệp và cả một số dịch vụ có giá rất cao so với giá thế giới dẫn đến thực trạng hàng hóa và dịch vụ "Made in Vietnam" không đủ sức cạnh tranh ngay cả trên thị trường nội địa đang ngày càng trở nên phổ biến là những biểu hiện sống động hết sức đáng lo ngại của nghịch lý này.

Thứ hai, xét trong nội bộ nền kinh tế, khu vực nào có tốc độ tăng trưởng càng lớn thì cũng có tốc độ tăng giá càng cao, hoặc ngược lại. Điều này cũng hoàn toàn trái với quy luật thông thường của kinh tế thị trường. Các số liệu thống kê ở dưới đây là những chứng cứ (xem bảng 2).

Bảng 2 : *Tổng sản phẩm trong nước phân theo ngành kinh tế* *

Đơn vị : tỉ VNĐ và %

Chỉ số \ Năm	1991	1992	1993	1994	1995	1996
1 - GDP nông nghiệp						
a) Giá so sánh 1989	12 264	13 132	13 634	14 169	14 841	15 551
- Chỉ số liên hoàn	100,0	107,1	103,8	103,9	104,7	104,43
- Chỉ số định gốc	100,0	107,1	111,17	115,50	120,93	126,29
b) Giá hiện hành	31 058	37 513	40 796	48 865	61 387	70 334
- Chỉ số liên hoàn	100,0	120,8	108,7	119,8	125,6	114,6
- Chỉ số định gốc	100,0	120,8	108,7	119,8	197,58	226,43
2 - GDP công nghiệp						
a) Giá so sánh 1989	7 228	8 242	9 324	10 631	12 114	14 002
- Chỉ số liên hoàn	100,0	114,0	113,1	114,0	113,9	115,60
- Chỉ số định gốc	100,0	114,0	128,93	146,98	167,41	193,53
b) Giá hiện hành	18 252	30 135	39 472	50 481	67 075	79 501
- Chỉ số liên hoàn	100,0	165,1	131,0	127,9	132,9	118,5
- Chỉ số định gốc	100,0	165,1	216,28	276,62	367,63	435,64
3 - GDP dịch vụ						
a) Giá so sánh 1989	11 794	12 617	13 777	15 182	16 842	18 335
- Chỉ số liên hoàn	100,0	107,0	109,2	110,2	110,9	109,19
- Chỉ số định gốc	100,0	107,0	116,84	128,76	142,80	155,92
b) Giá hiện hành	27 397	42 887	56 303	70 912	94 378	108 774
- Chỉ số liên hoàn	100,0	156,5	131,3	125,9	133,1	115,2
- Chỉ số định gốc	100,0	156,5	205,48	258,70	344,34	396,67

* Nguồn Tổng cục Thống kê (số liệu năm 1996 là ước tính)

Những số liệu trên đây cho thấy tổng sản phẩm trong nước của khu vực nông nghiệp năm 1996 chỉ tăng thêm 26,29% so với năm 1991 (tính theo giá so sánh năm 1989), nhưng do cộng thêm với yếu tố giá tăng rất mạnh, cho nên giá trị của nó tăng thêm 126,43%, thì các con số tương ứng của khu vực dịch vụ là 55,92% và 296,67%, tức là đều tăng gấp hơn hai lần. Còn của khu vực công nghiệp đã lên tới 93,53% và 335,64%, tức là hầu như đều tăng gấp ba lần so với mức tăng của nông sản. Thực tế cho thấy tỷ trọng của tổng sản phẩm trong nước của khu vực nông nghiệp trong tổng sản phẩm trong nước của toàn nền kinh tế năm 1996 đã giảm từ 32,5% (tính theo giá so sánh năm 1989) xuống 27,2% (tính theo giá hiện hành), còn của khu vực công nghiệp và dịch vụ thì lại tăng từ 29,2% lên 30,7% và từ 38,3% lên 42,1%.

Do sự tăng lên rất không đều của yếu tố giá cả, cơ cấu tổng sản phẩm trong nước ngày càng bị biến dạng theo hướng nông dân bị thua thiệt ngày càng nhiều trong trao đổi nông sản lấy hàng công nghiệp và dịch vụ.

Những hệ quả tất yếu

Như đã nói ở trên, do giá cả hàng hóa và dịch vụ nói chung bị đẩy lên quá cao, trong đó giá hàng công nghiệp và dịch vụ lại tăng mạnh hơn nhiều ; giá nhiều loại hàng công nghiệp và dịch vụ đã cao hơn mức giá thế giới khiến cho sức cạnh tranh của nhiều loại hàng công nghiệp và dịch vụ trở nên quá yếu ngay trên thị trường nội địa. Việc trao đổi nông sản lấy hàng công nghiệp và dịch vụ nông dân bị thua thiệt ngày càng nhiều. Thực trạng đó đã và đang dẫn đến những hệ quả tất yếu sau đây :

1 - *Nhập siêu gia tăng.* Trong hơn sáu năm qua, do giá hàng hóa và dịch vụ trong nước bị đẩy lên quá cao trong khi giá hàng xuất khẩu, nhập khẩu lại bị giảm, sau đó mới nhích lên và do tỷ giá USD và VNĐ vẫn còn thấp đã dẫn tới tình trạng càng nhập khẩu càng lãi và càng xuất khẩu càng lỗ. Các số liệu thống kê dưới đây sẽ chứng minh điều đó (xem bảng 3).

Digitized by Google

Bảng 3 : *Chỉ số giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, giá hàng xuất khẩu, giá hàng nhập khẩu và tỷ giá VNĐ/USD.* *

Đơn vị : %

Chỉ số \ Năm	1991	1992	1993	1994	1995	1996	6 tháng 1997
1 - Chỉ số giá liên hoàn :							
- Hàng hóa và dịch vụ	100,0	117,6	105,2	113,1	112,7	104,5	100,1
- Hàng xuất khẩu	100,0	96,5	98,5	105,9	113,1	103,5	-
- Hàng nhập khẩu	100,0	94,8	100,4	103,1	107,3	104,8	-
- Tỷ giá VNĐ/USD	12 550	10 650	11 832	11 050	10 924	11 025	-
2 - Chỉ số giá định gốc							
- Hàng hóa và dịch vụ	100,0	117,6	123,7	139,9	157,6	164,7	166,6
- Hàng xuất khẩu	100,0	96,5	95,05	100,6	113,8	117,8	-
- Hàng nhập khẩu	100,0	94,8	95,18	98,22	105,3	110,4	-
- Tỷ giá VNĐ/USD	100,0	79,6	80,12	82,99	83,14	87,85	-
- Hàng xuất khẩu có tính trượt giá USD	100,0	81,89	89,61	88,56	99,64	103,5	-
- Hàng nhập khẩu có tính trượt giá USD	100,0	80,45	89,73	86,48	92,24	97,03	-

* Nguồn Tổng cục Thống kê (số liệu năm 1996 là ước tính)

Những số liệu đó cho thấy, trong sáu năm rưỡi qua, do giá hàng hóa và dịch vụ trong nước tăng quá mạnh, tổng cộng tới 66,60% (nếu chỉ tính đến năm 1996 cũng đã tăng tới 64,79%), trong khi giá hàng xuất khẩu chỉ tăng 17,83%, còn giá hàng nhập khẩu lại chỉ tăng 10,45%, dẫn đến khoảng cách mức tăng giá giữa hàng hóa và dịch vụ trong nước với hàng xuất khẩu và nhập khẩu ngày càng lớn. Điều đó có nghĩa là xuất khẩu ngày càng lỗ, bởi vì chỉ có thể mua được ngày càng ít hàng hóa và dịch vụ trong nước. Còn nhập khẩu thì ngày càng lãi, vì hàng hóa nhập khẩu vào bán ở thị trường trong nước ngày càng được giá hơn.

Mặt khác, do tỷ giá USD/VNĐ bị nén xuống quá thấp trong một thời gian quá dài, dẫn đến tình trạng mất giá của hàng xuất khẩu và tình trạng được giá của hàng nhập khẩu lại càng lớn hơn. Có thể nói sự biến động của giá cả và tỷ giá ở nước ta trong sáu năm qua đã không tạo ra động lực đáng kể để tăng mạnh xuất khẩu, nhưng nó lại làm cho nền kinh tế trở thành cái bơm cực mạnh hút hàng nhập khẩu. Trong năm 1996 mức nhập siêu tới xấp xỉ 3,9 tỉ USD và gần 54% là một minh chứng. Ở đây, cần lưu ý hai điều : *Thứ nhất,* mức nhập siêu chỉ còn 1 432,8 triệu USD, hay 34,95% trong 6 tháng đầu năm 1997 không chỉ do tác động của việc tăng đáng kể tỷ giá USD/VNĐ trong mấy tháng qua, mà còn chịu sự tác động rất lớn của các giải pháp thắt chặt nhập khẩu khác, kể cả lệnh cấm nhập khẩu rất nhiều mặt hàng quan trọng, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu. *Thứ hai,* nguy cơ tái nhập siêu lớn vẫn đang tồn tại, bởi những nguyên nhân kinh tế dẫn đến nhập siêu nói trên về cơ bản vẫn chưa được khắc phục.

2 - *Buôn lậu, gian lận thương mại vẫn gia tăng.* Xét cho cùng, buôn lậu và gian lận thương mại là những hoạt động kinh tế có mục tiêu chủ yếu và trước hết là lợi nhuận. Do đó, với khả năng thu lợi quá lớn như đã nói ở trên, việc buôn lậu và gian lận thương mại từ lâu đã được coi là quốc nạn, nhưng dường như càng chống lại càng phát triển. Trong năm 1996 và sáu tháng đầu năm 1997, tổng số vụ cũng như tổng giá trị hàng hóa buôn lậu và gian lận thương mại so với cùng kỳ vẫn gia tăng. Một khi động lực kinh tế dẫn đến buôn lậu và gian lận thương mại chưa bị thủ tiêu thì chúng ta khó lòng chống buôn lậu và gian lận thương mại một cách có hiệu quả. Bởi vì, chúng ta không thể có đủ lực lượng để dàn trải trên tất cả các địa bàn để chống buôn lậu và gian lận thương mại ráo riết như chống buôn lậu ma túy. *Buôn lậu và gian lận thương mại sẽ bị triệt tiêu khi động lực kinh tế của nó không còn, khi hàng hóa trong nước đủ sức cạnh tranh.*

3 - *Áp lực cung - cầu trên thị trường nội địa ngày càng gia tăng.* Sau hơn 10 năm đổi mới, dường như nền kinh tế nước ta đã chuyển từ hàng hóa nông sản "thiếu" thành hàng hóa nông sản "thừa". Trên thị trường không chỉ có tình trạng bão hòa nông sản hàng hóa như một số năm trước đây, mà từ năm 1996 trở lại đây đã xuất hiện tình trạng "sốt lạnh" rất nhiều ngành hàng công nghiệp và dịch vụ. Đó chính là hệ quả trực tiếp của việc giá hàng công nghiệp và dịch vụ bị đẩy lên quá cao như đã nói ở trên. Hơn thế, đến lượt nó, các hệ quả nhập siêu, buôn lậu và gian lận thương mại nói trên cũng lại trở thành nguyên nhân hết sức quan trọng làm cho áp lực cung - cầu hàng hóa trên thị trường ngày càng căng thẳng hơn. Đến lượt nó, cung lớn hơn cầu lại trở thành nguyên nhân dẫn tới tình trạng hàng hóa và dịch vụ ứ đọng, giá giảm, sản

Digitized by Google

xuất đình đốn và tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại.

Những nguyên nhân chính

Có thể khẳng định rằng, thực trạng nói trên của nền kinh tế bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó có hai nguyên nhân chính sau đây :

1 - *Nghịch lý giá cả là giá đầu vào tăng, giá đầu ra giảm.* Việc tăng mạnh giá điện vừa qua, dường như nền kinh tế nước ta sẽ lại bị đẩy vào một vòng xoáy tăng giá mới, giống như việc liên tục tăng mạnh giá xăng dầu và cả tăng giá điện trong năm 1996. Giá điện tăng sẽ làm tăng giá chất đốt, giá dịch vụ v.v. Giá điện, giá chất đốt, giá dịch vụ... tăng sẽ làm cho giá tất cả các đầu vào khác của toàn bộ nền sản xuất xã hội đều tăng. Nếu những kết quả tính toán của một công trình nghiên cứu ở Tổng cục Thống kê là đúng, thì mức tăng giá chung của toàn bộ nền kinh tế do tác động của riêng giải pháp tăng mạnh giá điện vừa qua sẽ là 3%. Song nghịch lý là ở chỗ, trong khi giá đầu vào của mọi ngành sản xuất đều tăng rất mạnh, nhưng giá đầu ra của nhiều ngành sản xuất lại giảm, hoặc tăng không đáng kể.

Căn cứ vào thống kê chỉ số giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ của Tổng cục Thống kê trong 18 tháng qua, có thể thấy rằng, trong khi giá chất đốt, giá dịch vụ và giá điện, nước đã tăng lần lượt là 27,8%, 14,8% và 13,5%, thì giá lượng thực lại giảm 7,3%, giá vật liệu xây dựng giảm 2,7%, giá nhóm hàng văn hóa, giáo dục giảm 0,2% và giá các nhóm hàng dược phẩm, đồ dùng gia đình, may mặc chỉ tăng rất ít.

Những sự biến động trái chiều nhau như nói trên của các loại giá cả có nghĩa là lợi nhuận của các nhà sản xuất bị giảm sút. Trong đó, khu vực kinh tế nào có tỷ suất lợi nhuận càng thấp và tiêu dùng càng nhiều xăng dầu, điện và dịch vụ thì sản xuất càng gặp khó khăn, tốc độ phát triển sản xuất càng chậm lại. Việc khu vực doanh nghiệp nhà nước có tỷ suất lợi nhuận vốn đã thấp, lại vẫn ở trong xu thế tiếp tục suy giảm, có tốc độ tăng trưởng chậm lại trong sáu tháng đầu năm 1997 này là một minh chứng.

Bên cạnh đó, nông dân và nông nghiệp là khu vực dân cư và kinh tế đã phải gánh chịu những hậu quả có lẽ là lớn nhất do những sự biến động trái chiều nhau của các loại giá cả như đã nói trên. Một mặt, họ phải chịu thiệt lớn (riêng trong năm 1996 có con số tính toán tới 3 000 tỉ đồng) do giá lúa giảm quá mạnh so với năm 1995. Mặt khác, họ phải bỏ ra nhiều tiền hơn để mua cùng một lượng xăng dầu, điện năng cho tưới tiêu, xay xát, vận chuyển. Theo cách nói mộc mạc của nông dân Nam Bộ, thay vì đổi hai lúa lấy một dầu trong năm 1995, thì họ đã phải đổi bốn lúa lấy một dầu trong năm 1996 và trong vụ đông xuân vừa qua. Nghiêm trọng hơn, do giá lúa tụt dốc quá mạnh vào những tháng thu hoạch rộ mà phần đông nông dân là những người nghèo lại bị buộc phải bán lúa vào thời điểm này, cho nên chính bộ phận dân cư này là bộ phận chủ yếu gánh chịu những thua thiệt to lớn kể trên. Hệ quả trực tiếp của tình trạng này là sự phân hóa giàu nghèo trong nông thôn và giữa nông thôn với thành thị lại càng sâu sắc hơn. Hệ quả thứ hai, gián tiếp, là sức mua hàng công nghiệp của họ giảm mạnh. Có thể khẳng định rằng, trong khi chưa đủ sức vươn ra thị trường thế giới, thì nền công nghiệp nước ta không thể phát triển nếu như thị trường nông thôn với gần 80% dân cư không tăng được sức mua một cách đáng kể so với hiện nay. Đây cũng chính là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng thị trường hàng công nghiệp bị bão hòa hiện nay.

2 - *Trình độ công nghệ thấp kém là nguyên nhân mấu chốt.* Theo đánh giá của Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường, trình độ công nghệ của nước ta nói chung là lạc hậu tới 50 - 100 năm so với các nước tiên tiến trên thế giới và 20 năm so với các nước trong khu vực. Chính vì sự lạc hậu đó, mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng trong nền kinh tế nước ta cao gấp 1,5 - 2 lần. Ngân hàng thế giới đã xếp trình độ hiệu quả sử dụng năng lượng của nước ta ở vị trí thứ 138 trong tổng số 170 nước trên thế giới. Riêng mức tiêu hao nguyên liệu trong sản xuất ở nước ta cao hơn 50% so với thế giới.

Xét cho cùng, đây *là nguyên nhân mấu chốt nhất* dẫn đến tình trạng rất nhiều loại hàng công nghiệp của nước ta không đủ sức cạnh tranh ngay trên thị trường nội địa. Trong bối cảnh đó, việc tăng mạnh giá điện, giá xăng dầu, giá dịch vụ... lên bằng, thậm chí cao hơn mức giá trong khu vực là không phù hợp. Có thể nói hiện thời, nền kinh tế - xã hội nước ta không thể chịu đựng nổi mức giá đó.

Một số kiến nghị

Để tháo gỡ những khó khăn hiện nay của nền kinh tế theo tôi cần áp dụng đồng bộ những giải pháp sau đây :

Digitized by Google

Một là, chủ trương giữ giá nông sản, đặc biệt là giá lúa cho nông dân là một chủ trương hợp lẽ và sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ rất kịp thời gắn với tình hình thực tế của đất nước. Đáng tiếc là hiệu quả thực tế vẫn còn thấp so với mong muốn, trong đó, giá mua lúa của nông dân rất thấp, kéo dài và giá gạo xuất khẩu có chiều hướng giảm sút là những vấn đề nổi cộm, chứng tỏ sự bất cập trong hoạt động lưu thông nông sản hàng hóa nói chung và lúa gạo nói riêng của nước ta. Trong lĩnh vực này cần có những đổi mới nhằm tăng cường yếu tố cạnh tranh trong khâu mua nông sản hàng hóa của nông dân. Nghĩa là, việc mua nông sản cần bảo vệ lợi ích của nông dân, khuyến khích nông nghiệp phát triển và thông qua đó để mở rộng thị trường hàng công nghiệp đang bị co hẹp như hiện nay. Mặt khác, cần kiểm soát một cách có hiệu quả giá nông sản xuất khẩu nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia.

Hai là, trong bối cảnh trình độ công nghệ của nền kinh tế còn quá thấp, có nhiều loại hàng công nghiệp sản xuất trong nước không đủ sức cạnh tranh trên thị trường nội địa, tỷ suất lợi nhuận của khu vực doanh nghiệp nhà nước và cả của nông dân còn quá thấp và giá cả thị trường vẫn đang còn "đóng băng" như hiện nay thì việc giảm giá các đầu vào của nền sản xuất xã hội là giải pháp có thể cứu nguy cho hàng loạt doanh nghiệp đang trên bờ vực phá sản. Việc khắc phục tình trạng giá "đầu vào" liên tục tăng mạnh, trong khi giá "đầu ra" thì bị "đóng băng" như nói trên sẽ góp phần để sản xuất có lãi và tăng sức mua của xã hội.

Ba là, cùng với việc bổ sung vốn lưu động cần khẩn trương sắp xếp lại các doanh nghiệp thực hiện tích cực việc cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước. Đầu tư thỏa đáng cho đổi mới công nghệ các doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm đưa ra thị trường những sản phẩm hàng hóa đủ sức cạnh tranh, làm tròn nhiệm vụ nộp ngân sách nhà nước và nhằm góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Bốn là, trong bối cảnh khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã chiếm gần 27% GDP công nghiệp trong sáu tháng vừa qua, nhưng tỷ trọng xuất khẩu của khu vực này trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước lại giảm xuống (8,8% so với 9,5% trong cùng kỳ 1996). Việc kiểm tra thực hiện nghiêm túc các cam kết xuất khẩu và khuyến khích họ tăng cường xuất khẩu cũng là một vấn đề bức xúc nhằm nhanh chóng giảm bớt áp lực cung - cầu trên thị trường nội địa đang quá lớn hiện nay. ❑

Vài suy nghĩ về tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội

HIỀN ANH

TRONG khi xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta chủ trương sử dụng mọi nguồn lực để tăng trưởng kinh tế, đồng thời luôn tìm mọi giải pháp để bảo đảm công bằng xã hội. Tuy nhiên, việc bảo đảm công bằng xã hội trong khi vận dụng cơ chế thị trường để tăng trưởng kinh tế đâu phải lúc nào cũng "thuận buồm xuôi gió", bởi chúng ta không chỉ bị đau khổ do cơ chế thị trường gây ra mà còn đau khổ nhiều hơn nữa bởi nó chưa thật phát triển. Có nhiều câu hỏi đang đặt ra như : Thực hiện công bằng xã hội có kìm hãm tăng trưởng kinh tế không ? Làm thế nào để vừa tăng trưởng kinh tế, vừa có công bằng xã hội ?

Tăng trưởng kinh tế (TTKT) và công bằng xã hội (CBXH) là những phạm trù kinh tế - chính trị - xã hội được sử dụng từ lâu, nhưng nội dung của nó luôn mang tính thời sự. Nói một cách vắn tắt, TTKT là sự thay đổi về số lượng, kích thước vật chất của nền kinh tế. CBXH là sự thể hiện mối quan hệ giữa các thành viên trong xã hội dựa trên nguyên tắc thống nhất giữa cống hiến và hưởng thụ. Từng thành viên gắn bó với cộng đồng xã hội trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thông qua sự cống hiến theo khả năng trí tuệ, sức lực của mình cho sự phát triển xã hội và được xã hội chăm sóc, bù đắp trở lại một cách tương ứng.

Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội luôn có mối quan hệ tác động qua lại, trong đó TTKT có vai trò to lớn không thể phủ nhận. Kết quả của

Digitized by Google

TTKT có thể là điều kiện để giải quyết CBXH. Tuy nhiên việc có bảo đảm CBXH hay không trước hết lại tùy thuộc vào chế độ xã hội, trình độ phát triển, quan hệ sản xuất và điều kiện lịch sử - truyền thống văn hóa - xã hội. Nếu như bản chất chế độ xã hội là công bằng - văn minh thì TTKT sẽ trực tiếp tác động tích cực đến CBXH. Ngược lại, ở chế độ người bóc lột người thì tình hình không như thế.

Nếu nhìn một cách tổng thể, thế giới này đã có những bước TTKT mạnh mẽ, nhưng đâu phải đã có sự công bằng. Chỉ tính trong 3 thập kỷ gần đây, tổng sản phẩm của toàn thế giới đã tăng gần 6 lần, từ 4 ngàn tỉ USD lên 23 ngàn tỉ USD, thu nhập bình quân đầu người hằng năm tăng 3 lần. Trong khi đó trái đất này vẫn còn 1,3 tỉ người nghèo, cứ 5 người thì có 1 người sống dưới mức nghèo khổ, 60% số người nghèo chia nhau 2,3% tổng thu nhập toàn thế giới.

Để giải quyết mối quan hệ giữa TTKT và CBXH, người ta sử dụng những hệ chính sách và giải pháp theo những khuynh hướng và quan điểm khác nhau.

Quan điểm và khuynh hướng thứ nhất chú trọng đến TTKT, cho rằng cứ TTKT trước, sau đó sẽ tính đến CBXH. Thực ra những luận điểm đó chỉ để bao che và phục vụ cho giai cấp những người giàu có, bảo vệ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa. Vậy nên ở những nước được coi là phát triển nhất, chênh lệch giữa TTKT và CBXH là rất lớn. Các nước OECD có thu nhập bình quân đầu người là 20 000 USD, nhưng lại có khoảng 100 triệu người sống ở mức nghèo khổ. Ở Mỹ có khoảng 35 triệu người sống dưới mức nghèo khổ, trong khi đó 1% số người giàu nhất sở hữu 50 - 70% thu nhập của nền kinh tế. "Chạy theo lợi nhuận, xã hội loài người đã đưa những bất bình đẳng kinh tế đến đỉnh cao... làm tan rã xã hội, xé nát các mô hình đoàn kết" (1). Những dẫn chứng nêu trên cho thấy ở các nước phương Tây, việc thực hiện CBXH thực sự tụt hậu khá xa so với TTKT ; đồng thời đó cũng là minh chứng phủ định quan điểm mà nhiều nước từng theo đuổi : hy sinh CBXH cho mục tiêu tăng trưởng, TTKT tự nó sẽ giải quyết CBXH.

Hậu quả của việc thực hiện theo quan điểm đó đã gây ra những bất bình đẳng xã hội ngày càng rõ rệt và mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc thêm. Vì vậy, các nước thực hiện theo khuynh hướng này phải có những điều chỉnh nhất định. Tuy nhiên, những điều chỉnh đó không thể vượt ra khỏi khuôn khổ của chế độ xã hội dựa trên nền tảng tư hữu về tư liệu sản xuất.

Đối lập với khuynh hướng trên là quan điểm và khuynh hướng đề cao quá mức CBXH. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu trước đây, về đại thể đã thực hiện theo phương thức đó với những nét đặc trưng : Các hình thức phân phối mang tính ban phát bình quân, về cơ bản không có sự phân hóa giàu nghèo. Trợ cấp cũng mang tính chất bình quân, tỷ lệ giữa trợ cấp và lương trung bình lớn gấp đôi các nước Tây Âu. Duy ý chí, chủ quan trong việc thực hiện CBXH, không tính đến khả năng chịu đựng của nền kinh tế, cộng với thói quen dựa vào nhà nước, không phát huy tính độc lập, sáng tạo của người dân đã làm cho nền kinh tế và ngân sách nhà nước quá tải ; đồng thời làm mất ý nghĩa cũng như hiệu quả kinh tế của việc phân phối và trợ cấp. Việc thực hiện CBXH một cách cực đoan như vậy đã làm suy yếu đi động lực phát triển kinh tế.

Một hướng khác để giải quyết quan hệ giữa TTKT và CBXH là cách làm của Thụy Điển. Mức độ bảo đảm xã hội cao là "viên đá tảng" của mô hình này. Tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất thế giới, mức độ trợ cấp thất nghiệp cao (70 - 90% mức lương trước khi thất nghiệp), hệ thống y tế không mất tiền, mức độ trợ cấp lương hưu cao. Sau một thời gian dài, việc duy trì mức bảo đảm xã hội cao cho mọi công dân đã trở thành gánh nặng của nền kinh tế, mặc dù Thụy Điển có nền kinh tế phát triển, thu nhập của người dân thuộc vào loại cao nhất thế giới. Hơn thế, chính sự bảo đảm cứng nhắc, thiếu căn cứ của nhà nước đã ảnh hưởng tiêu cực đến động lực của nhân viên, không kích thích tính tích cực làm việc của mọi người, không động viên được những người đang làm việc và không thúc đẩy những người thất nghiệp tìm việc làm. Đến đầu thập kỷ 90, Thụy Điển rơi vào khủng hoảng. Đó cũng là một lý do mà đảng Dân chủ xã hội phải rời bỏ vị trí cầm quyền của mình.

Như vậy, tuyệt đối hóa TTKT hay tuyệt đối hóa CBXH dù trên nền kinh tế phát triển cao hay thấp đều dẫn tới mất ổn định, hạn chế TTKT.

(1) Economie Journal số 1 - 1991

Digitized by Google

Các nước công nghiệp mới (NIC) và các nước đang trỗi dậy ở châu Á đã có nhiều cố gắng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa hai phạm trù này. Ngay từ đầu, các nước NIC đã chú trọng vào giảm tỷ lệ tăng dân số, xóa đói giảm nghèo, cải cách nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đầu tư phát triển nguồn nhân lực, khuyến khích học tập, giải quyết việc làm và coi đây là điều kiện quan trọng để mọi người có cơ hội được hưởng thành quả TTKT. Tuy nhiên, cho đến nay theo đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu, ở các nước đó đã có nhu cầu điều chỉnh lại thu nhập. Lợi nhuận do sự phát triển kinh tế không phải lúc nào cũng được phân chia đồng đều, những khác biệt lớn về thu nhập giữa các vùng và các tầng lớp dân chúng có thể gây ra những bất ổn định về kinh tế và xã hội. Chẳng hạn, Thái-lan tuy được WB xếp số 1 thế giới về phát triển kinh tế giai đoạn 1985 - 1994 (GDP tăng mỗi năm 7,8%, thu nhập bình quân đầu người tăng từ 84 USD (1961) lên 2270 USD (1995)), nhưng hiện nay chính phủ nước này đã phải thừa nhận hai sự bất bình đẳng quan trọng : phát triển chỉ tập trung ở Băng-cốc và sự cách biệt thu nhập giữa tầng lớp thiểu số giàu và rất giàu với đại đa số nghèo mỗi lúc thêm sâu sắc. Hố cách biệt mở rộng và bất quân bình cơ hội hưởng thành tựu kinh tế sẽ là tác nhân tiêu cực kìm hãm Thái-lan phát triển kinh tế dài hạn.

Thực tế đã và đang diễn ra trên thế giới cho thấy CBXH không tự nhiên mà có, nếu cứ để tự phát. CBXH không tăng tương xứng với TTKT. Cơ chế thị trường, tự do cạnh tranh bên cạnh những tác động tích cực đến TTKT cũng gây ra những hậu quả tai hại như thất nghiệp, lạm phát, bất công trong thu nhập... Chính vì vậy việc thực hiện CBXH phụ thuộc rất nhiều vào bản chất chế độ xã hội và trực tiếp là quản lý điều hành của Nhà nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định : "Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và CBXH ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển". Chúng ta chủ trương giải quyết mối quan hệ này ngay từ đầu giai đoạn phát triển một cách tự giác, hợp lý, không chạy theo khối lượng của sự phát triển, mà quan tâm đến cơ cấu và chất lượng phát triển. Đây cũng chính là tiêu chí quan trọng để khẳng định bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Với mục đích như vậy, chúng ta không có con đường mở sẵn, mà phải tự tìm cách đi cho riêng mình.

Hiện nay, ở nước ta để thực hiện CBXH có thể khai thác một số thuận lợi cơ bản :

- Quá trình đổi mới kinh tế đã đạt được những thành tựu to lớn. TTKT đạt mức cao trong nhiều năm, lạm phát đã được kiểm soát, đời sống của đa số nhân dân được cải thiện ; xã hội ổn định.

- Hình thức công hữu về tư liệu sản xuất giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế mà quan hệ sở hữu lại chi phối quan hệ phân phối. Nói cách khác, hình thức công hữu sẽ quy định mục tiêu của TTKT là nâng cao mức sống và chất lượng sống cho đại đa số nhân dân.

- Trong khi giải quyết mối quan hệ giữa TTKT và CBXH, chúng ta có thể tham khảo kinh nghiệm của các nước trên thế giới và ngay cả kinh nghiệm của chúng ta thời bao cấp.

- Đất nước hàng nghìn năm văn hiến của chúng ta đã vun đắp những giá trị văn hóa truyền thống với những nét đẹp nhân cách có tác động tích cực đến việc thực hiện CBXH như : tính cộng đồng, tôn trọng nghĩa vụ, trách nhiệm, thương người như thể thương thân, lá lành đùm lá rách, uống nước nhớ nguồn, tình làng nghĩa nước...

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi nêu trên, việc bảo đảm CBXH vẫn còn gặp không ít khó khăn :

- Nước ta vẫn còn nghèo, điều kiện vật chất để thực hiện CBXH còn nhiều hạn chế và còn ở mức thấp. Trong khi đó, số đối tượng hưởng chính sách xã hội - do hậu quả chiến tranh để lại - là rất lớn so với tổng số dân.

- Tăng trưởng kinh tế tuy đạt mức cao trong những năm qua, nhưng chưa thực sự ổn định và vững chắc.

- Đã có những biểu hiện rõ nét về sự phát triển mất cân đối giữa các vùng. Khả năng và mức độ thu hút đầu tư của các vùng rất khác nhau làm cho vận tốc và trình độ phát triển kinh tế - xã hội cũng như thu nhập bình quân của người dân ở các vùng có khác nhau.

- Tỷ lệ tăng dân số vẫn còn cao tạo ra sức ép rất lớn đối với nhiều vấn đề kinh tế, xã hội ; đặc biệt là giải quyết việc làm. Tốc độ tăng số người bước vào độ tuổi lao động cao hơn mức gia tăng việc làm, nên trong vài năm gần đây tuy tỷ lệ thất nghiệp có giảm, nhưng trị số tuyệt đối lại gia tăng.

Digitized by Google

- Sự phân hóa giàu nghèo có xu hướng gia tăng. Ở nông thôn vẫn còn khoảng 25% - 30% hộ nghèo. Có năm vẫn còn 1,5 đến 2 triệu người bị đói. So sánh bình quân thu nhập đầu người giữa rất giàu và rất nghèo thì khoảng cách chênh lệch có nơi lên tới 30 lần.

- Những yếu kém, sơ hở trong quản lý và điều hành vĩ mô, tình trạng độc quyền của một số doanh nghiệp nhà nước trong một số lĩnh vực vẫn chưa được kiểm soát một cách hữu hiệu đã gây nên những thất thoát lớn về vốn, tài sản, tạo ra nguồn thu nhập không chính đáng, mức chênh lệch về thu nhập khá lớn giữa các xí nghiệp, ngành, khu vực...

- Những tiêu cực trong xã hội vẫn chưa được ngăn chặn như nạn tham nhũng cùng với những hành vi sai phạm về kinh tế như buôn lậu, trốn thuế, làm hàng giả... đã gây ra những bất bình đẳng trong xã hội, gây cản trở đối với việc giải quyết CBXH.

- Tiền lương - một hình thức phân phối thu nhập rất quan trọng, một tiêu chí rất dễ thấy để đo CBXH còn nhiều bất hợp lý, chưa khuyến khích việc tăng năng suất lao động, nâng cao trình độ chuyên môn, chưa đánh giá đúng năng lực làm việc của mỗi người. Bởi vậy, khi tiền lương trong khu vực nhà nước không đủ để đáp ứng nhu cầu tối thiểu, đã làm nảy sinh nhiều hiện tượng : một số người có trình độ chuyển sang làm việc ở nơi khác, ở các xí nghiệp tư nhân, liên doanh, công ty nước ngoài ; tinh thần và hiệu quả làm việc sa sút.

Từ thực trạng nêu trên, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra hàng loạt các chính sách để vừa khuyến khích TTKT vừa bảo đảm CBXH : công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng khu công nghiệp ở vùng chậm phát triển để tạo đà đi lên ; tăng chi ngân sách cho giáo dục, coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển ; xóa đói, giảm nghèo, ban hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, từ thiện ; đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng... Đây là những giải pháp kinh tế - xã hội tổng thể nhằm thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và sự chênh lệch giữa nông thôn, thành thị, giữa các vùng, nâng cao mặt bằng mức sống của người dân nói chung.

Theo báo cáo về phát triển nguồn nhân lực của UNDP, chỉ số HDI của Việt Nam năm 1997 là 0,557 so với 0,540 năm 1996, xếp thứ 121/175. Việc Việt Nam là 1 trong 10 nước có thứ hạng chỉ số HDI cao hơn ít nhất 20 bậc so với thứ hạng GDP đã chứng tỏ, ở Việt Nam TTKT đồng nghĩa với cải thiện đời sống của nhân dân và gắn với việc giải quyết CBXH.

Tuy nhiên, đây mới chỉ là kết quả bước đầu. Trước mắt, vẫn phải chấp nhận những bất công ở mức độ nhất định do hoàn cảnh khách quan, vì khắc phục được chúng cần phải có thời gian, cần nguồn kinh phí lớn, mà điều này lại phụ thuộc rất nhiều vào TTKT. Bởi vậy, bên cạnh những giải pháp lớn nêu trên, cần khai thác những biện pháp khác không phụ thuộc nhiều vào TTKT như : tranh thủ tài trợ của cộng đồng quốc tế, thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội ; thực hiện chế độ phân phối một cách hợp lý, trong đó quan trọng nhất là cải tiến chế độ tiền lương ; động viên, giáo dục tinh thần tương thân, tương ái, ý thức tiết kiệm, chống xa hoa lãng phí, phô trương hình thức...

Để TTKT và bảo đảm CBXH một nhiệm vụ trọng yếu nữa cần được thực hiện tốt hơn là công tác dân số kế hoạch hóa gia đình. Tỷ lệ sinh ở nước ta trong những năm qua tuy có giảm nhưng vẫn ở mức cao, nhất là ở nông thôn, miền núi... Nếu xu hướng này cứ tiếp tục phát triển, sự bất công sẽ ngày càng lớn, vì số trẻ em sinh ra ở vùng nghèo, gia đình nghèo ngày càng đông. Do đó, số trẻ em không được học hành, không có cơ hội có việc làm và không có cơ hội hưởng thành tựu kinh tế ngày càng đông.

Giải quyết được vấn đề dân số sẽ góp phần giảm sức ép đối với nhiều vấn đề kinh tế - xã hội. Trong khi đó đầu tư cho công tác dân số là hình thức đầu tư rất có lãi. Người ta đã đưa ra một con số để so sánh : 1 đồng vốn đầu tư cho dân số bằng 8 đồng vốn đầu tư cho các lĩnh vực khác...

Trên đây là một vài suy nghĩ bước đầu về TTKT, CBXH và việc giải quyết mối quan hệ giữa chúng. Thực tế cho thấy có TTKT chưa hẳn đã có CBXH và ngược lại, nếu quan tâm thái quá đến CBXH thì có khi lại kìm hãm TTKT. Để vừa có TTKT vừa bảo đảm CBXH, con đường duy nhất đúng đối với chúng ta là : Thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.❑

Digitized by Google

Xây dựng cơ cấu hạ tầng ngành Ngân hàng và Tài chính

NGUYỄN XUÂN OÁNH *

QUÁ trình phát triển nền kinh tế nước ta từ một khởi điểm thấp, lại qua nhiều thập niên thực hiện cơ chế tập trung bao cấp nên phải qua ít nhất hai giai đoạn chính.

Trong mười năm qua, chúng ta đã thành công bước đầu đổi mới kinh tế. Các chỉ số sản xuất kinh doanh, từ công nghiệp, nông nghiệp đến dịch vụ đều gia tăng một cách đáng kể : công nghiệp cả nước tăng 14%, nông nghiệp từ năm 1989 trở về trước là một nước thiếu lương thực triền miên đã có sản lượng hơn 29 triệu tấn năm 1996 (xuất khẩu gạo đứng thứ ba trên thế giới), dịch vụ đạt khoảng 15% tổng sản phẩm quốc dân. Khai thác, sản xuất dầu khí đã tạo cho nền kinh tế một sắc khí mới với gần 8 triệu tấn dầu thô năm 1996 (tương đương 660 triệu thùng dầu), có khả năng vượt lên 16 triệu tấn năm 2000. Các loại xe gắn máy, xe du lịch và xe tải được hầu hết các công ty sản xuất lớn nhất của Nhật, Đức, Mỹ đua nhau vào lắp ráp. Điều đáng chú ý là nhịp độ tăng trưởng của nền kinh tế đã tăng liên tục đạt bình quân 8,2%/năm (từ 1991 đến 1996), với áp lực lạm phát không đáng kể.

Những thành tựu kinh tế trong những năm qua quả thật là phi thường ! Nhiều tư tưởng mới về quản lý kinh tế, về đổi mới trong các ngành sản xuất kinh doanh đã được cải tiến nhằm tạo điều kiện để sản xuất kinh doanh trong nước phát triển. Nhờ sự hỗ trợ khá tích cực của các nước, công cuộc đổi mới ở nước ta đã chuyển nền kinh tế từ cơ chế tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Nhìn trở lại ta thấy Việt Nam đã xây dựng thành công một số chương trình cải cách cơ bản về quản lý hành chính, chỉnh đốn một bước ngành Tài chính, Ngân hàng, Thương mại... và sau cùng Quốc hội đã thông qua, sửa đổi một số luật về kinh tế trong đó có Luật đầu tư nước ngoài có thể gọi là "thoáng" so với các nước Đông - Nam Á. Chúng ta đã tiến hành sắp xếp lại kinh tế quốc doanh, tạo điều kiện cho lĩnh vực tư doanh và quản lý cá nhân mau trưởng thành, góp phần vào trong sản xuất và kinh doanh của cả nước. Việc thực hiện tư hữu các vật tư sản xuất cũng đã được xác định một cách mạnh dạn. Đổi mới từ tư duy đến sắp xếp toàn diện cơ cấu kinh tế đã tạo cho đất nước ta một bộ mặt mới, một khí thế mới tại châu Á và thế giới.

Cùng với những thành tựu ban đầu, chúng ta cần nhận thức rõ nguy cơ dậm chân tại chỗ, tụt hậu so với các nước khu vực. Muốn duy trì tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao hiện nay cũng như những năm tiếp theo, chúng ta cần xây dựng phát triển cơ cấu hạ tầng tài chính và tiền tệ tín dụng, tạo một bối cảnh thuận lợi cho quá trình lập và tạo vốn để phát triển. Mặc dù chúng ta đã nhận được cam kết khoảng 18 tỉ USD từ đầu tư nước ngoài trong nhiều năm qua, thêm vào đó có trên 6 tỉ USD khác trong ba năm gần đây do các định chế quốc tế và các nước bạn giúp đỡ, song số tiền này quả thật còn quá nhỏ,

* Tiến sĩ kinh tế, TP. Hồ Chí Minh

Digitized by Google

(khoảng 1/3 số vốn cần thiết là 40 tỉ USD theo ước tính của Nhà nước). Các nước công nghiệp phát triển đã ước tính ở Việt Nam cần khoảng 50 - 60 tỉ USD để cất cánh. Chiến lược thúc đẩy một nền kinh tế thị trường phát triển nhằm đạt một nhịp độ tăng trưởng cao đòi hỏi phải tạo điều kiện cho thiết lập và tạo vốn (sau khi nền kinh tế đã kinh qua thành công giai đoạn đầu nói trên). Đây là một quá trình không thể thiếu được. Nó cần được xúc tiến một màng lưới các cơ chế tài chính tiền tệ trung gian ngoài phạm vi dịch vụ hạn hẹp của các ngân hàng thương mại. Có thể hiểu quá trình này có ba chức năng :

Một là, tạo điều kiện thuận lợi cho sự chuyển nhượng các loại vốn, các tích sản nói chung, các phiếu nợ một cách nhanh chóng, tự do với phí thấp nhất. Sự chuyển nhượng này là việc mua bán hằng ngày các loại phiếu nợ mà các cơ quan tài chính trung gian phát hành trong một khuôn khổ pháp định minh bạch, công khai và chặt chẽ. Cần hiểu rằng khi các công cụ tích sản, các phiếu nợ này được mua bán rộng lớn bao nhiêu thì tích lũy lại càng được khuyến khích bấy nhiêu, vì khi chuyển nhượng qua thị trường các cơ quan tài chính trung gian lãi suất bao giờ cũng cao hơn.

Hai là, sự chuyển tay hàng ngày số vốn và các phiếu nợ khổng lồ này cũng là một sự lựa chọn của toàn cộng đồng kinh doanh đưa số vốn này vào các cơ hội đầu tư với hiệu quả cao nhất. Đây cũng là chức năng của cơ chế thị trường chọn lọc việc sử dụng vốn đầu tư cho nền kinh tế mà đầu tư được coi là động lực mạnh nhất của phát triển.

Ba là, cơ chế thị trường tự do là nơi mà rủi ro cao cho nên sử dụng vốn được phân chia cho toàn thể các thành phần kinh tế, mà việc phân chia càng lớn bao nhiêu thì rủi ro càng nhỏ bấy nhiêu.

Hiện nay, chúng ta chưa có một cơ quan tài chính trung gian nào. Điều này khác hẳn với các nước công nghiệp phát triển trên thế giới. Ở các nước đó có hàng chục cơ quan tài chính trung gian và cả trăm chi nhánh song song hoạt động nên tạo điều kiện thuận lợi cho việc tạo lập vốn. Các cơ quan này có một số vốn, phiếu nợ cực kỳ to lớn của một nền kinh tế được mua bán hằng ngày. Nói cách khác, các cơ quan tài chính trung gian có vai trò vừa là người mua các phiếu nợ mà cũng là người bán các phiếu này cho mọi thành phần của cộng đồng kinh doanh trong một nền kinh tế thị trường với hiệu quả cao nhất. Tóm lại, một thị trường vốn tương đối phát triển rất cần thiết để bảo hộ sự tạo lập vốn cho một nền kinh tế mở cửa.

Nhu cầu bức xúc trước mắt là các định chế trung gian tài chính phải được thiết lập khuếch trương ngoài phạm trù hoạt động của các ngân hàng thương mại, bao gồm các thị trường vốn tại các khu vực và khi được sáp nhập lại sẽ thành thị trường chứng khoán của cả nước. Những khoản tín dụng to lớn không nghi ngờ gì nữa sẽ tăng nhanh cả trăm triệu đô la trong nhiều lĩnh vực, như các khoản tài trợ cho xây dựng cơ cấu hạ tầng chẳng hạn. Điều cần chú ý là sự bảo đảm cho những tích sản tài chính công và tư phải được chuyển nhượng tự do, công khai qua những cơ chế các thị trường vốn tại các địa phương, trong các ngành nghề.

Sự xác lập thị trường thứ cấp cũng là một nhu cầu bức xúc. Khi ta nhận thức rằng các thị trường này chỉ có thể hoạt động trợ giúp có hiệu quả các loại dịch vụ liên quan đến tạo lập vốn khi có một sự quản lý nghiêm chỉnh các rủi ro, mà tạo lập vốn được đặt trong một khung cảnh có quy định điều chỉnh chặt chẽ.

Về quá trình tạo lập vốn hiện nay, nếu muốn nền kinh tế nước ta cất cánh trong 10 - 15 năm

Digitized by Google

tới, chúng ta cần bắt đầu chuyển biến mạnh từ ngành ngân hàng. Chúng ta không thể để tiền mặt chiếm khối lượng tiền tệ lưu thông hiện nay (gần như vẫn còn hoàn toàn là tiền mặt). Cần tạo điều kiện cho mọi hoạt động kinh doanh sử dụng càng nhiều càng tốt các loại "chuẩn" tiền (quasi money), như các loại thương phiếu, trái phiếu, cổ phiếu, trái phiếu kho bạc, giấy nợ... thay thế cho tiền mặt. Điều quan trọng là tạo ra nhiều loại công cụ tín dụng có thể chuyển đổi mua bán giữa các cá nhân, các công ty. Các định chế tín dụng công cũng như tư phải được phát triển ra ngoài các ngân hàng thương mại sang một loạt các thị trường vốn cho từng ngành, như công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp hóa và nhựa, công nghiệp nhỏ và trung và cho các địa phương, các đầu mối tài chính lớn hơn như TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng..., để một ngày nào đó được đi vào chuyển nhượng tại thị trường chứng khoán quốc gia.

Quá trình tạo vốn qua việc xây dựng cơ cấu hạ tầng tín dụng tài chính gồm nhiều bước. Gần đây chúng ta đã nhiều lần tung trái phiếu ra thị trường trong nước thu được cả nghìn tỉ đồng. Song thật ra đây mới chỉ có vài chục triệu đô la Mỹ, còn quá nhỏ đối với nhu cầu vốn để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế nước ta. Nhu cầu bức xúc trước mắt còn là tung trái phiếu ra thị trường vốn quốc tế. Song đột phá vào thị trường vốn quốc tế trước hết cần chuyển biến cơ cấu hạ tầng tài chính tiền tệ hiện nay thành một cơ chế thật sự thoáng, có nghiệp vụ cao. Nó đòi hỏi có một thị trường vốn tự do trong một nền kinh tế được tiền tệ hóa với đầy đủ các công cụ tín dụng. Trong một nền kinh tế được tiền tệ hóa rộng rãi thì việc "trình làng" với cộng đồng tài chính quốc tế, chỉ cần qua một cơ quan chuyên nghiệp quốc tế. Việc ước tính một cách công khai trên thị trường quốc tế mức độ tín dụng của ta đối với cộng đồng tài chính quốc tế là vô cùng quan trọng để tự giới thiệu ta với các tổ chức vốn quốc tế. Một phiếu tín dụng tương đối tốt sẽ tạo điều kiện cho ta tung trái phiếu, nhất là trái phiếu trung và dài hạn, vay vốn ở thị trường vốn quốc tế. Thông thường ta có thể sử dụng một trong nhiều công ty chứng khoán chuyên nghiệp và qua sự ủng hộ của họ xâm nhập vào cộng đồng tài chính quốc tế, vay vốn cả trăm triệu, có thể cả tỉ đô la Mỹ. Chúng ta cũng có thể khoán hẳn cho các công ty này thay ta gọi vốn với sự bão lãnh của chính họ.

Chúng ta không ngại vay vốn bên ngoài, nếu những món nợ đó thật sự góp phần tăng sức sản xuất của cả nước, thúc đẩy sản xuất phát triển với hiệu quả cao. Đây là một đòi hỏi bức xúc để nước ta từng bước cạnh tranh với các nước khu vực và quốc tế, nhằm giành lấy một thị phần ngày càng lớn về xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, tín dụng.

Nhìn lại quá trình phát triển của bốn con rồng châu Á (Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Công, Xin-ga-po) và một số nước trong khối ASEAN (Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Thái-lan, Phi-líp-pin) ta không ngạc nhiên thấy họ đã trưởng thành trong quá trình công nghiệp hóa kinh qua chặng đường vừa mô tả trên : tạo lập vốn qua xây dựng phát triển cơ cấu hạ tầng ngành ngân hàng và tài chính.

Việc phát triển thực hiện tốt đòn bẩy kinh tế về ngân hàng, tài chính là giai đoạn thứ hai không thể thiếu được sau khi ta đã thắng lợi to lớn trong giai đoạn đầu để đạt một nhịp độ phát triển kinh tế cao, trên dưới 10% năm. Tuy nhiên, để thúc đẩy nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao, điều cốt yếu là phải bảo đảm tình hình chính trị - xã hội ổn định, ngành ngân hàng, tài chính và các công ty tài chính, tổ chức tín dụng cần giữ chữ tín đối với nhân dân và bạn bè trên thế giới.❑

Digitized by Google

THỰC TRẠNG BỨC XÚC VỀ MẶT XÃ HỘI, VĂN HÓA VÀ NHÂN VĂN TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

NGUYỄN THẾ NGHĨA *

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng nước ta hiện nay là : Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa với tính cách là một cuộc cách mạng sâu sắc và toàn diện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, để đưa nước ta thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu và nhanh chóng đạt tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Đại hội cũng đã chỉ ra những thuận lợi căn bản, thời cơ lớn và những nguy cơ thách thức đối với đất nước trên con đường phát triển.

Quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa luôn gắn với quá trình đô thị hóa, quá trình di dân, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội..., do đó tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội. Từ hơn một trăm năm trước, ngay trong Tuyên ngôn của Đảng cộng sản C.Mác đã nhận xét rằng : nền sản xuất công nghiệp sẽ tạo ra một sự đảo lộn ghê gớm, làm rung chuyển toàn bộ các quan hệ xã hội, cùng với tất cả những quan niệm và tư tưởng vốn được tôn sùng từ nghìn xưa kèm theo những quan hệ ấy đang tiêu tan. Có thể nói rằng, sự tác động này là tổng hợp, đa diện và đa cấp độ ; trong đó luôn có sự đan xen, thâm nhập và tác động lẫn nhau giữa các yếu tố : cũ và mới, truyền thống và hiện đại, tiêu cực và tích cực, phản giá trị và giá trị... Chính vì vậy, bên cạnh những cái được là cơ bản, con người phải biết chấp nhận và vượt qua thách thức, thậm chí đôi khi phải trả giá đắt cho sự phát triển.

Việc nhận thức đúng và đủ cả thuận lợi, thời cơ, và cả những khó khăn, thách thức trên con đường phát triển, là một trong những cơ sở khoa học góp phần hoạch định và thực hiện một cách có hiệu quả các chính sách của Đảng trong thực tiễn. Chúng ta còn nhớ, sinh thời V.I.Lê-nin luôn nhắc nhở rằng, người cộng sản phải học được cách đánh giá khoa học, khách quan các sự kiện của đời sống xã hội ; và không có sai lầm nào lớn hơn đối với Đảng cộng sản, là khi xây dựng sách lược của mình chỉ dựa trên mong muốn chủ quan (1). Trên tinh thần cố gắng học tập và vận dụng lời dạy của Người, chúng tôi xin đề cập đến một số thách thức về mặt xã hội, văn hóa và nhân văn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

Thứ nhất, tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa với việc xây dựng, phát triển các trung tâm kinh tế công nghiệp và đô thị lớn, luôn đòi hỏi một nguồn nhân lực đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu ngành nghề và mạnh về chất lượng. Đó là một thách thức hay gọi là một đòi hỏi gay gắt đối với thực trạng thấp kém của lực lượng lao động nước ta. "Hiện nay nước ta còn 9% dân số mù chữ, chưa phổ cập được giáo dục tiểu học ; tỷ lệ sinh viên trên dân số còn thấp ; tỷ lệ lao động qua đào tạo mới đạt hơn 10%, nền kinh tế quốc dân còn thiếu nhiều lao động và cán bộ có tay nghề và trình độ kỹ thuật, nghiệp vụ cao (2). Trong tổng số người lao động, chỉ có 1,65% có trình độ cao đẳng trở lên ; 2,9% tốt nghiệp phổ thông trung học ; còn 54% chưa tốt nghiệp phổ thông cơ sở.

* PTS triết học, Giám đốc Trung tâm triết học, Viện KHXH tại TP Hồ Chí Minh

(1) Xem V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, t31, tr.352 (tiếng Nga)

(2) *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 23

Digitized by Google

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm của cả nước, hằng năm sản xuất hơn 50% sản lượng lương thực, 80% lượng gạo xuất khẩu, hơn 60% sản lượng thủy sản cả nước. Thế nhưng ở đây còn 18% dân số mù chữ, chỉ có 2% dân số học hết phổ thông trung học, 0,39% dân số có trình độ cao đẳng trở lên. Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế công nghiệp, thương mại lớn nhất của cả nước, nhưng cũng chỉ có khoảng 100 000 người có trình độ cao đẳng trở lên. Đa số các viện nghiên cứu khoa học và các nhà khoa học làm việc ở Hà Nội.

Rõ ràng là, nguồn nhân lực với tính cách là nhân tố cơ bản của sự phát triển ở nước ta vừa thiếu lại vừa yếu. Trong khi đó, ngành trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực lại "còn nhiều yếu kém bất cập cả về quy mô, cơ cấu, và nhất là về chất lượng và hiệu quả" (3).

Như vậy, nguồn nhân lực thực sự cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn thiếu về số lượng, bất hợp lý về cơ cấu ngành nghề và kém về chất lượng. Trong khi đó các hiện tượng tiêu cực (tham nhũng, lãng phí, tội phạm, thất nghiệp, thất học, nghèo đói, bệnh tật và tệ nạn xã hội...) đang làm thui chột tiềm năng sáng tạo và hủy hoại lực lượng lao động. Có thể nói rằng, đây là thách thức lớn nhất, gay gắt nhất đối với chúng ta hiện nay.

Thứ hai, việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mà trước hết là xây dựng, phát triển các khu công nghiệp và đô thị lớn yêu cầu phải áp dụng triệt để "phong cách công nghiệp" trong tất cả các lĩnh vực : lãnh đạo, tổ chức quản lý sản xuất, lưu thông, phân phối ; tổ chức quản lý đô thị, điều hành các hệ thống về kinh tế, về hành chính, về văn hóa... Tạo dựng cho được một tư duy mới, một phong cách công nghiệp trong toàn xã hội quả là một thách thức, một cuộc đấu tranh nhằm chiến thắng đối với sức ì và những mặt hạn chế, tiêu cực trong di sản truyền thống của con người ở những nước lạc hậu như nước ta.

Mọi người đều biết rằng, lịch sử dựng nước và giữ nước đã hun đúc nên những giá trị truyền thống của con người Việt Nam như *"tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, ý chí tự lập tự cường..., truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, nhạy cảm với cái mới..."* (4). Đồng thời, cũng chính lịch sử ấy với nền kinh tế tiểu nông đã để lại trong di sản truyền thống những mặt hạn chế và dấu ấn tiêu cực như *"tính cục bộ, địa phương, tâm lý bình quân chủ nghĩa gắn với thái độ "cào bằng", ghen ghét, đố kỵ... tác phong tùy tiện, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, lối làm ăn nhỏ, manh mún..."*(5)

Chúng ta cũng chưa thể quên là, sinh thời V.I.Lê-nin thường cảnh báo về tác hại của sức ì, tâm lý, thói hư tật xấu dai dẳng của kinh tế tiểu nông, mà theo ông, cần phải cải tạo chúng một cách kiên trì qua nhiều thế hệ. Còn Bác Hồ thì nhấn mạnh rằng : Thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to, nó ngấm ngầm cản trở cách mạng tiến bộ. Chúng ta lại không thể trấn áp nó, mà phải cải tạo nó một cách rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài. Rõ ràng, những mặt tiêu cực kể trên đã và đang là vật cản lớn trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ ba, nước ta ở thời kỳ mới phát triển nền kinh tế thị trường, không tránh khỏi hiện tượng mà các nước mới phát triển đã vấp phải là việc đề cao quá mức mục tiêu kinh tế, theo đuổi lợi nhuận đơn thuần, không chú ý, hoặc chú ý không đúng mức đến những mục tiêu về môi trường sinh thái, về xã hội, về văn hóa, nhân văn. Đó là một thách thức lớn đối với việc bảo vệ, duy trì và phát triển cộng đồng dân tộc, bảo vệ tính mạng, bảo vệ lợi ích vật chất và nhân phẩm của con người Việt Nam nói chung và người lao động nói riêng.

Hiện nay, trong các thành phố và các khu công nghiệp lớn ở nước ta đang có tình trạng khá phổ biến là các doanh nghiệp (nhất là các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài và các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài...) thường tập trung các nguồn lực để giải quyết mục tiêu là lợi nhuận tối đa. Chính vì vậy, chi phí không đúng mức cho các vấn đề bảo vệ môi trường, văn hóa, xã hội vệ sinh và an toàn lao

(3) *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 22-23

(4) *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 47

(5) *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 47-49

Digitized by Google

động... ; đồng thời trả lương thấp trong khi đó lại tìm mọi cách để tăng cường độ lao động của công nhân. Điều đó, đã bắt đầu gây ra những hậu quả đáng cảnh báo về mặt xã hội, văn hóa, nhân văn. Chỉ riêng ở TP Hồ Chí Minh đã cho thấy : Từ năm 1991 đến 1995 đã xảy ra 105 vụ tai nạn lao động làm chết 140 công nhân. Riêng năm 1996 xảy ra 41 vụ, làm chết 40 người và bị thương 27 người. Nguyên nhân bao gồm : 28% số vụ do thiết bị lao động không an toàn ; 42% do vi phạm quy trình, quy phạm kỹ thuật. Trong những năm 1992 -1996 có 114 vụ công nhân đình công (đa số xảy ra trong các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và liên doanh với nước ngoài) ; nguyên nhân bao gồm : 80% số vụ do giới chủ bóc lột công nhân nặng nề, 35% số vụ do giới chủ và chuyên gia xúc phạm đến thân thể và nhân phẩm công nhân, 30% số vụ do sa thải công nhân sai luật. Chưa có vụ đình công nào mà giới chủ và chuyên gia không có lỗi.

Đây là một vấn đề đang tiềm ẩn, một vấn đề xã hội khá phức tạp và bức xúc đáng quan tâm.

Bên cạnh quá trình phát triển tất yếu các khu công nghiệp, đô thị lớn, các khu du lịch, giải trí, tất yếu làm nảy sinh những vấn đề xã hội, văn hóa gay gắt (thất nghiệp, thất học, trộm cướp, đói nghèo, bệnh tật, rượu chè, cờ bạc, ma túy).

Kinh nghiệm ở các con rồng châu Á cho thấy, cùng với quá trình phát triển mạnh các khu công nghiệp, đô thị, tăng trưởng kinh tế cao và sự giàu có vật chất của một bộ phận dân cư, là quá trình nảy nở, lây lan các tệ nạn xã hội nói trên ngày một trầm trọng. Ở nước ta, chỉ mấy năm gần đây trong xã hội đã xuất hiện hai xu hướng mang tính tự phát : trong khi ở thành thị có một bộ phận dân cư quay lưng lại với truyền thống, coi thường văn hóa dân tộc, sống chỉ vì tiền, đạo đức bị xói mòn, các tệ nạn xã hội gia tăng, thì ở nông thôn lại có xu hướng quay về với truyền thống, khôi phục lại tất cả các lễ hội, thậm chí cả những hủ tục, truyền thống lạc hậu, mê tín, cờ bạc, rượu chè, đình đám (6). Những hiện tượng này đã và đang là thách thức và làm nhức nhối đối với chúng ta hôm nay và cả trong toàn bộ tiến trình xây dựng xã hội giàu mạnh, văn minh mai sau.

Thứ tư, trong điều kiện thị trường và cạnh tranh, việc phát triển nhanh các khu công nghiệp và đô thị hóa với tốc độ cao cùng với việc mở cửa về kinh tế - xã hội... để tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn minh nhân loại là cần thiết, lại đưa đến tình trạng có một bộ phận nhân dân ngày càng ít quan tâm đến di sản văn hóa dân tộc. Hiện nay ở nước ta, số người quan tâm thăm viếng các di tích lịch sử và công trình văn hóa chỉ dưới 10%, số người ưa thích các loại hình nghệ thuật truyền thống chiếm tỷ lệ khá khiêm tốn : dân ca và nhạc dân tộc 30%, chèo 18,59%, múa rối nước 11,63%, tuồng 6,8% (7).

Đáng tiếc, hiện nay có một bộ phận trong nhân dân, trong đó số đông là thanh niên thờ ơ hoặc coi thường các giá trị truyền thống dân tộc. Kết quả điều tra trên 1 800 thanh niên ở TP Hồ Chí Minh (năm 1995) cho thấy : có tới 60% trả lời sai, hoặc không trả lời được tên của 5 di tích lịch sử (hoặc di tích văn hóa) trên địa bàn TP Hồ Chí Minh, 23% kể sai hoặc không kể được tên của 5 danh tướng (hoặc danh nhân văn hóa) dân tộc. Trong khi đó, họ nhớ rất rõ tiểu sử các ca sĩ, diễn viên, điện ảnh thế giới ; 18% khẳng định "có tiền là có tất cả" ; 21% cho rằng chỉ nên làm việc thiện khi biết chắc rằng mình sẽ nhận được sự đáp đền. Ở đây, quan hệ tình làng nghĩa xóm "tối lửa tắt đèn có nhau"... được thay bằng lối sống thực dụng, ích kỷ, chỉ biết hưởng thụ, thích ăn quả mà không muốn trồng cây.

Trên đây mới chỉ nêu lên một số thực trạng bức xúc có ý nghĩa như những thách thức về mặt xã hội, văn hóa, nhân văn đã và đang tồn tại, dưới nhiều sắc thái khác nhau trong cuộc sống ở nước ta trong thời kỳ đổi mới, nhất là mấy năm gần đây. Chúng đòi hỏi mỗi chúng ta (đặc biệt là các nhà lãnh đạo, tổ chức và quản lý, các nhà doanh nghiệp...) phải nhận thức được sâu sắc và đầy đủ, từ đó có chương trình, kế hoạch, phương pháp khoa học để vượt qua các thách thức này, thực hiện thành công quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.❑

---

(6). Xem *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 57

(7). Xem *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 54-55

Digitized by Google

Thay đổi việc cưới, việc tang ở một vùng quê

VŨ NGỌC ẤN *

Việc hiếu, hỷ ở nước ta xưa nay đều in đậm phong tục tập quán của dân tộc. Bên cạnh những nét đẹp mang tính truyền thống, trên thực tế, nhiều vùng quê còn rơi rớt những mặt tiêu cực, những hủ tục pha trộn với khuynh hướng thương mại hóa, khiến nhân dân lao động vừa là người trong cuộc vừa là nạn nhân bởi những khó khăn và phiền toái mà tự mình không thoát ra được.

Ở huyện Thanh Miện (tỉnh Hải Dương) chúng tôi có lẽ cũng như các vùng quê khác, cưới xin, ma chay, cải mả, xây mồ... còn mang nhiều thủ tục nặng nề, ăn uống linh đình, chi tiêu tốn kém vượt quá khả năng kinh tế cho phép. Một đám cưới, đám tang "tần tiện" cũng chi phí tới dăm bảy triệu đồng ; trong khi đó thu nhập kinh tế từ nội huyện chia bình quân cho đầu người năm cao nhất cũng chỉ xấp xỉ 2 triệu 400 ngàn đồng. Một đám cưới, riêng cỗ cho người dựng rạp ngày hôm trước và dỡ rạp hôm sau cũng ngốn đến vài chục mâm ; bữa chính xoàng ra cũng phải 90 đến 100 mâm. Đám tang cũng tương tự như vậy ; sau khi đưa tang, con cháu người quá cố thường đứng chặn các ngả đường, mời bằng được người đến đưa tang về ăn cỗ. Vì thế, những nhà có việc thường phải chạy vạy, vay dật trước. Khi xong công việc, với những gia đình có "máu mặt", quan hệ rộng, tiền "phong bao" có khả năng hòa hoặc lãi, còn hầu hết các gia đình dân thường đều bị thâm hụt, cái "nợ miệng" kéo dài đến mấy năm sau còn chưa trả được. Thảm cảnh này không chỉ đến với các gia chủ mà còn xảy ra với cả khách nữa. Nhận được thiếp hoặc lời mời, người ta "nửa mừng, nửa lo" rằng nên đi bao nhiêu cho đủ "rộng người cười, hẹp người chê" và cái "khoản ấy" lấy ở đâu ? Không ít người phải đi "dật nóng" hoặc vay lãi để có tiền đi mừng, đi phúng. Thậm chí đã có người ghi trong giấy bỏ vào phong bì là "mừng chịu" để đến mùa sẽ trả bằng thóc. Gia đình họ tộc to tiếng, lục đục nhiều khi cũng chỉ vì chuyện ấy.

Thế là, việc hiếu việc hỷ thể hiện đạo lý của con người, biểu lộ thuần phong mỹ tục, những nét đẹp văn hóa làng xã từ ngàn xưa nay ẩn dấu những toan tính, thành nỗi lo, một gánh nặng cho bao gia đình. Nhưng khốn thay nó đã thành "lệ làng", thành "luật chơi" rồi chẳng ai dám đương đầu xóa bỏ.

Nếu cứ để tình trạng đó tiếp diễn thì làng quê và đời sống của những người dân ở đây sẽ ra sao ? Câu hỏi nhức nhối đó luôn day dứt các đồng chí lãnh đạo huyện Thanh Miện chúng tôi.

Và thế rồi trong liên tiếp các hội nghị tổng kết cuối năm 1996 của Đảng, chính quyền và các đoàn thể, vấn đề "Đổi mới, thực hiện tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, cải mả, xây mồ..." được nêu lên thành nội dung quan trọng đầu đầu mọi người cũng thảo luận. Sau các hội nghị này, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện đã ra nghị quyết phát động toàn Đảng toàn dân thực hiện tiết kiệm, lành mạnh hóa việc cưới, việc tang, coi đây là nội dung quan trọng trong xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa. Huyện đã giao cho Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và đảng viên làm nòng cốt thực hiện cuộc vận động này với nội dung cụ thể như sau :

- Về việc cưới : Đôi trai gái phải tự nguyện và thực hiện đúng theo Luật hôn nhân gia đình, đồng thời vận động họ

* Bí thư huyện ủy Thanh Miện, tỉnh Hải Dương

Digitized by Google

nâng độ tuổi kết hôn lên 25 tuổi đối với nam và 22 tuổi đối với nữ. Khi đăng ký kết hôn cam kết không tổ chức đám cưới quá cầu kỳ tốn kém và phải bảo đảm vui tươi lành mạnh, phù hợp với hoàn cảnh kinh tế gia đình. Không làm cỗ mời cả làng xã để lấy tiền mừng.

- Về việc tang : Khi có người qua đời, gia đình phải kịp thời báo cho chính quyền, ban tang lễ có trách nhiệm cùng gia đình tổ chức theo đúng quy định. Người chết không được để quá 48 tiếng đồng hồ mới chôn cất, không kèn trống quá 10 giờ đêm. Chỉ nên làm cơm cho con cháu và thân nhân phục vụ, không làm cỗ mời cả làng, xã ăn để thu tiền phúng viếng.

- Việc cải táng chỉ được thực hiện khi người chết ít nhất đã được 3 năm. Sau cải táng phải lấp hố và chôn cất các vật dụng của người chết để giữ vệ sinh chung. Nếu xây mộ phải bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm đất.

Từ chủ trương đến nghị quyết và tổ chức thực hiện là quá trình chuyển biến nhận thức để đi đến thống nhất hành động. Trong cán bộ, ngoài nhân dân không hẳn đã hoàn toàn tán thành nhất trí. Trong số 3760 đảng viên tham gia học tập thảo luận thì 90 người còn băn khoăn thắc mắc. Huyện ủy đã trực tiếp họp với các đồng chí bí thư chi bộ thôn và cụm dân cư để truyền đạt nghị quyết, thảo luận các biện pháp tổ chức thực hiện. Tất cả các chi bộ đã dành riêng buổi sinh hoạt để phổ biến chuyên đề này. Các đoàn thể quần chúng từ huyện đến xã, xóm tổ chức thảo luận để từng đoàn viên, hội viên nắm vững tinh thần nghị quyết. Hệ thống đài truyền thanh thường xuyên thông báo đến từng thôn xóm những quy định để mọi người nắm được.

Vì có sự nhất trí cao trong Đảng lại hợp lòng dân và được tuyên truyền sâu rộng, nên cuộc vận động tiết kiệm lành mạnh trong việc cưới việc tang ở huyện Thanh Miện đạt được kết quả đáng kể. Từ 1-4-1997 (ngày bắt đầu thực hiện) đến 31-5-1997 toàn huyện có 64 đám cưới, 41 đám tang thì chỉ có 7 đám không nghiêm túc thực hiện các quy định và đã bị dư luận của bà con dân làng phê phán.

Mọi người ước tính : nếu thực hiện nghiêm túc các quy định ban hành thì mỗi đám sẽ giảm được từ một nửa đến 2/3 số tiền chi phí so với trước, tiết kiệm thấp nhất 3 - 4 tấn thóc (bằng sản lượng cấy 2 - 3 mẫu ruộng).

Cũng không ít người nghĩ rằng : đám cưới, đám tang sẽ mất đi sự vui vẻ, đông đủ ấm áp khi bị giảm phần xôi thịt. Nhưng thực tế cho hay, người đến mừng đám cưới, đưa đám tang vẫn rất đông đủ, chu đáo nhiệt tình, các nghi thức vẻ đẹp văn hóa làng quê vẫn giữ được. Trên thực tế, văn hóa xã hội chủ nghĩa đang từng bước đẩy lùi tàn dư của xã hội cũ và uốn nắn lệch lạc của cơ chế thị trường.

Từ thực tế một huyện ở vùng sâu, vùng xa của tỉnh Hải Dương chúng tôi, có thể rút ra kết luận :

Những năm gần đây, nhờ thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, bộ mặt ở các vùng nông thôn đã thay đổi, nhiều nơi đã khởi sắc, các lĩnh vực kinh tế, xã hội phát triển, đời sống nhân dân (vật chất, tinh thần) đã được cải thiện và nâng cao. Bên cạnh những thành tựu to lớn ấy thì mặt trái của cơ chế thị trường đã làm nảy sinh những tệ nạn xã hội rất đáng lo ngại như mê tín dị đoan, nghiện hút, cờ bạc, đặc biệt là tệ ăn uống lãng phí, thương mại hóa trong cưới xin ma chay đang lan tràn, phát triển. Chính nó là kẻ thù của công cuộc "xóa đói giảm nghèo", hủy hoại đạo lý, những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc vì vậy phải nhanh chóng tẩy trừ. Làm được điều đó chúng tôi nghĩ rằng các cấp bộ đảng phải kiên quyết, có chủ trương đúng đắn, biện pháp thích hợp và điều quan trọng không thể thiếu được là phải dựa vào dân, hợp lòng dân. Đúng là :

Dễ trăm lần không dân cũng chịu

Khó vạn lần dân liệu cũng xong.❑

Digitized by Google

Chuyện "Quan lộ"

CÔNG VŨ

Đã khá lâu tôi mới gặp K. Anh vui vẻ mời tôi đi uống bia và báo tin vừa được đề bạt một chức vụ tương đương vụ trưởng ở một cơ quan nọ. Chẳng to tát gì, nhưng như anh nói, cũng phải "vất vả" lắm mới đạt được. Tôi thật lòng mừng cho anh.

Thời học đại học, anh học giỏi, có thiên hướng nghiên cứu, có tư duy tốt. Thầy giáo và bạn bè dự đoán sau này anh sẽ là một nhà chuyên môn xuất sắc, một nhà khoa học có tên tuổi. Anh cũng mơ ước như vậy. Anh thường tâm sự rằng sau này khi ra công tác, điều hạnh phúc nhất là được làm công việc chuyên môn mình yêu thích, được phát huy hết khả năng về lĩnh vực mà mình học. Còn chuyện chức tước này nọ, anh không màng. Vả lại, anh nói : "Mình không có mã làm quan, không có chất làm quản lý, làm lãnh đạo".

Ấy vậy mà sự đời lại xoay chuyển. Sáu, bảy năm sau khi về giảng dạy ở một trường đại học, anh tham gia tranh chức trưởng khoa. Anh có uy tín với sinh viên, có bằng phó tiến sĩ, nhưng khi bầu anh còn thiếu phiếu. Thế rồi, xảy ra chuyện mâu thuẫn phe cánh. Anh đứng về phe đối lập, muốn lật trưởng khoa để kế nhiệm. Việc không thành, anh không ở lại trường mà xin về một viện nghiên cứu. Do có năng lực chuyên môn, anh được đề bạt làm viện phó. Nhưng anh chưa hài lòng, lại lao tiếp vào một cuộc vận động để tranh chức viện trưởng khi viện trưởng đến tuổi về hưu. Lần này anh lại thất bại. Một số người cùng cánh với anh bị chuyển đi chỗ khác. Anh cũng xin chuyển về một cơ quan ngang bộ. Vừa là để thoát khỏi nơi cũ nay đã thành khó chịu, vừa là nhắm một chức vụ trưởng còn khuyết. Và quả nhiên, sau một thời gian, bây giờ anh đã đạt mục đích.

Nhân chuyện vui, tôi hỏi thật : "Tại sao cậu cứ phải vất vả với cái chức vụ, là điều mà trước kia cậu không thích ? Tại sao cậu không phát triển theo con đường chuyên gia mà cậu đã từng mơ ước ?". Anh mở to mắt : "Cậu ngây thơ quá. Trước kia tớ cũng nghĩ như cậu, nhưng thực tế dạy rằng, sự đời không diễn ra theo ý mình, và buộc tớ phải nghĩ lại. Cậu thử nghĩ xem, phát triển theo con đường chuyên gia có phải cứ tài giỏi là được đâu ? Phải có thông tin, được trao đổi học thuật trong nước, ngoài nước, tham gia hội đồng này, chương trình kia... thì mới có điều kiện trở thành chuyên gia vào loại đầu đàn được. Mà những điều đó, một giảng viên bình thường, một nghiên cứu viên bình thường, dù có bằng cấp cũng khó hoặc rất ít khi có được. Những chuyến đi nước ngoài trao đổi, hay chủ trì công trình nghiên cứu, nhất là công trình cấp nhà nước, ngồi hội đồng chấm luận án v.v... thường rơi vào người có chức vụ, ít nhất thì cũng từ trưởng khoa, viện trưởng, vụ trưởng trở lên. Mặt khác, nếu cậu cứ "tuần tự nhi tiến" từ trợ lý giảng viên đến giảng viên, hay từ tập sự nghiên cứu đến nghiên cứu viên, hoặc từ cán sự đến chuyên viên, chuyên viên chính v.v... thì có giỏi lắm đến hết đời cậu cũng chỉ ăn lương đến cấp chuyên viên 4, 5 là cùng. Trong khi đó có những người cứ mỗi lần được đề bạt chức vụ lại được xếp lương mới, có khi nhảy 2, 3 bậc một lúc. Và sau đó chẳng bao lâu, anh ta đã bỏ xa những nhà chuyên môn thuần túy có cùng thâm niên công tác. Đó là chưa kể những thứ bổng lộc khác mà anh ta được hưởng, chẳng hạn như nhà cửa, đất đai, xe hơi, phương tiện làm việc, hay quà cáp, biếu xén, phong bì v.v.. Và biết đâu một ngày nào đó anh ta còn được bầu hay đề bạt vào các cương vị cao hơn.

Bia vào, lời ra. Anh như được dịp dốc bầu tâm sự, nói một thôi dài. Nhân lúc anh tạm dừng, tôi thử nêu vấn đề : "Tôi công nhận những điều anh nói là có thật. Nhưng những người như vậy, chắc hẳn họ cũng phải có tài năng lãnh đạo thì mới được đề bạt chứ. Làm lãnh đạo đâu cứ phải chuyên môn giỏi, lại càng không nhất thiết phải giỏi nhất so với anh em. Vấn đề là họ có năng lực tổ chức, có phẩm chất của người lãnh đạo, biết cách làm việc với mọi người từ cấp trên đến cấp dưới...". Không để tôi nói hết, anh đã ngắt lời : "Nhưng ít nhất về mặt chuyên môn, họ cũng phải đạt mức cần thiết cho mỗi chức vụ chứ ! Đằng này ở những chỗ mình biết, đâu phải như vậy. Thế mới ức chứ !". Cả hai chúng tôi im lặng trong ít phút. Bất chợt anh cười vỗ vai tôi và nói : "Nói thật với cậu, từ khi ra trường, bước vào trường đời, mình còn nhận ra một điều này nữa : hình như trong mỗi người chúng ta, ít nhất là những kẻ có chút học hành, bằng cấp - kể cả cậu nữa - đều có chút ít máu làm quan. Trước đây tớ từng nghe một vị giáo sư giải thích, đó là vì xã hội chúng ta là xã hội ảnh hưởng Nho giáo nặng nề, xã hội đề cao quan chức, khuyến khích học để ra làm quan. Hồi ấy mình không tin sự giải thích ấy, bây giờ thì mình tin. Vì vậy, cậu chớ có ngạc nhiên vì sao tớ cố lao vào tranh lấy một cái chức mà bỏ chuyên môn. Vả lại tớ có bỏ mơ ước cũ đâu, chẳng qua là giành lấy cái điều kiện tốt hơn để có thể trở thành chuyên gia hàng đầu đấy chứ".

Không biết bạn đọc nghĩ sao, chứ tôi, mặc dù không đồng ý với K, cũng phải thừa nhận rằng nhiều điều anh nói là có thật. Chính sách cán bộ của chúng ta còn nhiều điều bất hợp lý, cả trong chế độ đãi ngộ, sử dụng và đề bạt. Giá mà những điều bất hợp lý ấy được khắc phục thì chắc hẳn những người như K không phải vất vả với những điều không hợp sở trường của mình. Và cũng không đến nỗi trở nên hư hỏng, ít nhất là sa sút về phẩm chất. ❑

Digitized by Google

VIỆT NAM VỚI AFTA

NGUYỄN HỮU CÁT*

Đầu thập kỷ 90 các nước ASEAN cho rằng để đẩy mạnh hợp tác kinh tế cần phải có hình thức hợp tác mới. Nhiều sáng kiến được đưa ra như : Ma-lai-xi-a đề nghị thành lập nhóm kinh tế Đông Á (EAEG), In-đô-nê-xi-a đề xướng thỏa thuận về thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT), Phi-líp-pin cho rằng cần phải thiết lập thị trường chung ASEAN thông qua việc các nước thành viên ký một Hiệp ước kinh tế (AET) và Thái lan đề nghị thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA). Những đề án trên được các nước xem xét kỹ lưỡng và đã chọn đề nghị thành lập AFTA và sử dụng CEPT là công cụ chính để thực hiện.

Trước đây đối trọng buôn bán và nguồn đầu tư quan trọng nhất của ASEAN là các nước ngoài khu vực, đặc biệt là các nước lớn. Các nước này đã tạo điều kiện cho hàng hóa xuất khẩu của ASEAN nên tốc độ phát triển ngoại thương và GNP của các nước ASEAN tăng nhanh. Nhưng hiện nay do xu hướng bảo hộ mậu dịch và lập khối riêng ở các khu vực đã làm cho ASEAN và nhiều nước khác ở châu Á - Thái Bình Dương gặp khó khăn về thị trường, nguồn vốn từ châu Âu và Mỹ. Với việc thành lập AFTA, các nước ASEAN hy vọng sẽ góp phần tăng cường thương mại nội bộ ASEAN, thay thế cho phần xuất khẩu sang các thị trường lớn ngoài khu vực như Bắc Mỹ, châu Âu có thể bị thu hẹp lại. Ngoài ra, các nước ASEAN còn mong muốn khi AFTA ra đời, từ sự liên kết của nền kinh tế với tổng số dân 340 triệu người và GDP trên 300 tỉ USD sẽ tăng cường khả năng cạnh tranh nhằm thu hút FDI vào ASEAN với các khu vực khác như miền Nam Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ-la tinh, là những nơi có cơ cấu kinh tế tương đối giống ASEAN nhưng đông dân và giá nhân công rẻ hơn ASEAN.

Mặc dù ở thời điểm thành lập AFTA, Tổ chức thương mại thế giới (WTO) chưa ra đời, nhưng quá trình thúc đẩy tự do hóa thương mại thế giới thông qua GAAT (một tổ chức kinh tế liên chính phủ thành lập tháng 10-1947) đã góp phần quan trọng cho sự ra đời của AFTA. Bởi vì, các nước ASEAN đều là thành viên của GAAT nên các nước này sớm hay muộn sẽ phải mở cửa thị trường của họ và loại bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan.

Tóm lại, AFTA ra đời trong bối cảnh quốc tế và khu vực có những biến đổi sâu sắc về chính trị và kinh tế. Nó phản ánh xu hướng phát triển tất yếu của tình hình kinh tế thế giới và nhu cầu phát triển nội tại của ASEAN.

Nội dung của Hiệp định : Hội nghị thượng đỉnh lần thứ tư của các nước ASEAN (1-1992) họp tại Xin-ga-po đã quyết định thành lập AFTA với công cụ thực hiện chủ yếu là chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT). Hiệp định gồm 10 điều mà nội dung cơ bản là, từ nay đến năm 2003 thông qua hai chương trình : giảm thuế bình thường, tức là các nước ASEAN sẽ giảm mức thuế đánh vào sản phẩm do các nước này làm ra xuống còn 0-5% vào năm 2000 đối với những mặt hàng hiện có mức thuế từ 20% trở xuống và vào năm 2003 đối với các mặt hàng có mức thuế trên 20%. Đối với những mặt hàng hiện thuế trên 20% thì mức thuế sẽ giảm còn 20% vào năm 1998. Chương trình giảm thuế nhanh là sẽ giảm thuế 15 mặt hàng của khối ASEAN bao gồm : hóa chất, xi măng,

* PTS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

điện tử, phân hóa học, sản phẩm cao su, dầu thực vật, đá quý và kim hoàn, bột giấy và giấy, sản phẩm gỗ và mây tre, ca tốt đồng, nhựa, sản phẩm gốm và thủy tinh, sản phẩm da, dệt, dược phẩm. Việc giảm thuế xuống 0 -5% sẽ có hiệu lực vào năm 1998 đối với các mặt hàng hiện có mức thuế từ 20% trở lên và vào năm 2000 đối với những mặt hàng có mức thuế dưới 20%. Theo nguyên tắc "6-x" tức là 6 thành viên trừ 1 (nay là 7-1) thì một thành viên của ASEAN có thể loại bỏ bất kỳ sản phẩm nào trong danh mục CEPT, đồng thời hàng hóa xuất khẩu cùng loại của nước này sẽ không được hưởng ưu đãi theo CEPT. Những trường hợp như vậy các nước này có thể thay thế bằng mức thuế tối huệ quốc (MFN).

Trong chương trình CEPT có hai loại trừ : Danh mục *loại trừ hoàn toàn* bao gồm các hàng hóa không thể đưa vào chương trình CEPT. Đó là các loại sản phẩm nông nghiệp thô chưa qua chế biến và các loại hàng hóa tương tự đã được chế biến sơ qua. Danh mục này còn bao gồm các loại hàng hóa có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, đạo đức xã hội, bảo vệ sức khỏe và cuộc sống của con người, động thực vật, các vật phẩm có giá trị lịch sử, nghệ thuật và khảo cổ học.

Danh mục *loại trừ tạm thời* bao gồm những mặt hàng nhạy cảm mà một thành viên ASEAN cho rằng chưa đủ điều kiện cho vào chương trình. Loại hàng hóa này sẽ được xem xét lại vào năm 2000 để có thể đưa ra quyết định cuối cùng cho danh sách loại trừ.

Cơ hội và những vấn đề đặt ra khi Việt Nam tham gia AFTA.

Theo số liệu thống kê của Bộ Tài chính Việt Nam thì hiện nay nước ta có 57% trong tổng số các mặt hàng thuộc 15 nhóm nói trên đã có thuế suất từ 0-5% (trong đó 52% có thuế suất bằng 0). Do đó, trong giai đoạn đầu tham gia AFTA, các mặt hàng Việt Nam chọn làm danh mục giảm thuế đầu tiên sẽ không chênh lệch nhiều với biểu thuế trong áp dụng CEPT và sự thất thu từ tiền thu thuế các mặt hàng này sẽ không lớn lắm. Mặt khác, có thể bù vào sự thâm hụt đó bằng cách rút bớt diện thuế thấp (từ 0-2%) và nâng diện thu từ 3 - 5% lên để cân đối với số thâm hụt. Những mặt hàng đang thu thuế nhập khẩu cao nay phải hạ thấp sẽ được điều chỉnh bằng thuế tiêu thụ đặc biệt.

Tham gia AFTA, Việt Nam sẽ có một số thuận lợi sau :

Thứ nhất, hiệu quả hợp tác kinh tế đối với Việt Nam sẽ cao hơn. Bởi vì khi thị trường khu vực rộng lớn mở ra sẽ thúc đẩy nhanh quá trình chuyên môn hóa giữa các ngành công nghiệp, từ đó làm tăng các hoạt động thương mại giữa các ngành như đã được kiểm nghiệm qua thực tế hội nhập của châu Âu. Giảm thuế quan dẫn tới cạnh tranh trong nước sẽ làm tăng năng suất lao động và đẩy mạnh đổi mới công nghệ, thông tin ở các xí nghiệp trong nước.

Thứ hai, Việt Nam sẽ có một thị trường thương mại với gần 500 triệu dân rộng lớn hơn nhiều so với trước đây. Theo thống kê của Bộ Thương mại, từ năm 1990 đến nay hoạt động thương mại giữa Việt Nam với các nước ASEAN tăng 26,8% một năm. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước ASEAN chiếm từ 30 - 40% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Các nước ASEAN là đối tác quan trọng đã thay thế vị trí của Liên Xô (cũ) trong cán cân buôn bán xuất nhập khẩu của Việt Nam. Sự hấp dẫn của thị trường Việt Nam đã làm cho các công ty ô tô và công nghiệp điện tử lớn nhất thế giới như Metxedec, Mitsubishi, SONY, NISAN, JVC, Samsung... có mặt tại Việt Nam. Một vấn đề khác với trước đây là, ngày nay những công ty này không chỉ liên doanh với Việt Nam ở hình thức lắp ráp các linh kiện, phụ tùng để bán mà còn chú ý đến việc xây dựng các nhà máy sản xuất những mặt hàng này với những dự án tổng số vốn lớn, thời gian liên doanh dài từ 50 đến 70 năm, góp phần tạo thêm công ăn việc làm ổn định cho công nhân Việt Nam và đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ ba, tham gia AFTA sẽ giúp Việt Nam có điều kiện thu hút được nhiều vốn đầu tư trực tiếp từ các nước không phải là ASEAN vào Việt Nam. Bởi vì, theo quy định của AFTA, một sản phẩm được hưởng ưu đãi của AFTA nếu có 40% hàm lượng giá trị xuất xứ từ một nước ASEAN. Do đó, các dự án đầu tư vào Việt Nam không chỉ

Digitized by Google

được các nhà đầu tư xem xét căn cứ vào thị trường tiêu thụ ở Việt Nam mà còn quan tâm tới thị trường các nước ASEAN khác. Một lý do khác nữa để chứng minh khả năng nguồn vốn từ các nước ngoài ASEAN tăng vào Việt Nam là các nhà đầu tư còn xem thị trường Việt Nam là một bộ phận của thị trường ASEAN để xây dựng chiến lược đặt các cơ sở sản xuất ở các nước ASEAN một cách hợp lý nhất nhằm khai thác tối ưu lợi thế so sánh ở từng quốc gia và đi vào chuyên môn hóa.

Thứ tư, nguồn đầu vào nguyên liệu của Việt Nam sẽ rẻ hơn. Các nước ASEAN khác sẽ cung cấp cho những công ty trong nước dùng nguồn đầu vào rẻ hơn và có chất lượng tốt hơn do được hưởng mức thuế thấp và những điều kiện thương mại ưu đãi khác đối với loại đầu vào đó. Đây là điều kiện rất quan trọng vì Việt Nam nhập phần lớn nguồn nguyên, vật liệu và hàng hóa trung gian từ ASEAN. Do đó, nguồn nguyên, vật liệu mà Việt Nam cần nghiễm nhiên đã có sẵn.

Thứ năm, do giảm hàng rào thuế quan nên thị trường Việt Nam có nhiều hàng hóa rẻ, chất lượng tốt sẽ có lợi cho người tiêu dùng và cũng chính từ việc nguồn hàng nhập khẩu rẻ hơn buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải tăng sức cạnh tranh của mình ngay ở thị trường trong nước, tích cực đầu tư, đổi mới công nghệ, tận dụng các lợi thế so sánh của Việt Nam về tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý, nguồn nhân lực để tạo ra hàng hóa có chất lượng cao, có sức cạnh tranh ở trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

Thứ sáu, việc Việt Nam gia nhập ASEAN và tham gia AFTA đáp ứng xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa, ưu tiên cho xây dựng và phát triển kinh tế hiện nay. Sự tham gia vào AFTA sẽ có ý nghĩa mở đầu một cuộc tập dượt để Việt Nam tham gia vào tổ chức kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương (APEC), vì từ AFTA đến APEC là quá trình hướng tới vòng tròn đồng tâm mở rộng và chúng cùng chia sẻ mục tiêu tự do hóa mậu dịch và đầu tư ở một phần cũng như toàn bộ khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Ngoài ra, với việc tham gia AFTA, Việt Nam sẽ có điều kiện tham gia vào các hình thức hợp tác tiểu khu vực, các tam tứ giác đang phát triển ở Đông Nam Á.

Một ý nghĩa khác của việc Việt Nam gia nhập ASEAN và tham gia AFTA là : tiếp theo Việt Nam, năm 1997 một số nước còn lại ở khu vực Đông Nam Á trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN. Do đó, việc Việt Nam đi trước trong sự hội nhập khu vực giúp cho các nước này rút kinh nghiệm và học tập. Bởi vì, đây còn là mô hình rất mới mẻ và chưa diễn ra trong lịch sử. Các nước trong khối EU giống nhau về thể chế chính trị và trình độ phát triển kinh tế. Các nước trong NAFTA tuy trình độ kinh tế không đồng đều, nhưng cũng cùng một thể chế chính trị. Trong khi đó, với sự tham gia của Việt Nam, ASEAN đã trở thành mô hình mới của sự hội nhập khu vực (Việt Nam là nước có trình độ kinh tế phát triển thấp hơn một số nước khác trong ASEAN và là nước xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo). Đặc trưng này chứng minh càng rõ nét tính thống nhất trong đa dạng của thế giới hiện nay. Đại gia đình ASEAN với đặc trưng nổi bật là : đa dạng về thể chế chính trị, tiềm năng kinh tế, thị trường, sức lao động, trình độ phát triển sẽ góp phần làm cho Đông Nam Á hòa bình, ổn định hơn, tốc độ tăng trưởng cao hơn, bền vững hơn, những khuyết tật của từng nước sẽ được khắc phục, bổ sung thông qua sự hợp tác, giúp đỡ của các thành viên trong Hiệp hội. Sức mạnh của AFTA sẽ tạo cho ASEAN khả năng cạnh tranh với các nước lớn và các khối kinh tế trong và ngoài khu vực.

Như vậy, tham gia AFTA, Việt Nam có nhiều cơ hội để phát triển kinh tế. Nhưng do xuất phát từ một nền kinh tế lạc hậu, mới chuyển sang nền kinh tế thị trường... nên Việt Nam cũng đứng trước những khó khăn không nhỏ.

Một là, việc giảm thuế nhập khẩu theo CEPT của AFTA sẽ ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách. Bộ Tài chính cho biết hiện nay thuế nhập khẩu của nước ta chiếm khoảng 12% tổng nguồn thu ngân sách. Chỉ riêng nguồn thu thuế nhập khẩu từ các nước ASEAN đã lên tới 10 ngàn tỉ đồng. Do đó, có thể giả định rằng kim ngạch nhập khẩu năm 2006 giữ nguyên mức năm 1995 thì khi thực hiện giảm thuế theo các danh mục

Digitized by Google

và lịch trình thoáng nhất, ngân sách Nhà nước sẽ thất thu khoảng 2134 tỉ đồng, còn theo danh mục và lịch trình thận trọng Nhà nước cũng phải thất thu 935 tỉ đồng (tương đương 9% kim ngạch xuất khẩu). Tất nhiên, đó chỉ là những tính toán mang tính chất dự báo và có tính ước lệ. Bởi vì, sự thay đổi về số lượng thu được của thuế nhập khẩu phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chương trình giảm thuế của Việt Nam đã công bố ; về kim ngạch xuất khẩu giữa Việt Nam và ASEAN ; về biểu thuế nhập khẩu ; kim ngạch nhập khẩu những mặt hàng đáp ứng yêu cầu về xuất xứ...

Hai là, so với các nước ASEAN khác, khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế của Việt Nam còn chênh lệch khá lớn. Do đó, một số ngành sản xuất của Việt Nam liên quan đến CEPT sẽ gặp khó khăn. Khi áp dụng CEPT các thành viên ASEAN khác có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc nâng cao về chất lượng, số lượng, chủng loại, mẫu mã và giá cả so với hàng của Việt Nam. Ngoài ra, các thành viên này còn được lợi thế về giá cả và các thủ tục hải quan so với hàng hóa của các nước ngoài ASEAN như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc,... cùng cạnh tranh trên thị trường Việt Nam.

Ba là, quá trình tham gia AFTA cho thấy Việt Nam còn thiếu cán bộ kinh tế và nghiệp vụ có trình độ tương đương với các đồng nghiệp trong các nước ASEAN khác. Nhất là cán bộ có trình độ tiếng Anh tốt, dẫn tới hạn chế trong quá trình hợp tác kinh tế. Sự khác biệt về hệ thống pháp luật cũng gây khó khăn cho Việt Nam tham gia AFTA. Gần đây chúng ta đã tích cực xây dựng và sửa đổi hệ thống luật cho phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế thị trường, nhưng các nhà đầu tư, kinh doanh vẫn phàn nàn về các loại thủ tục giấy tờ và các yêu cầu về cơ chế thế chấp, cầm cố, cách giải quyết tranh chấp.

Vấn đề tài chính cũng là một khó khăn cho Việt Nam. Gia nhập ASEAN và tham gia AFTA, Việt Nam phải tham dự gần 300 cuộc họp hằng năm ở các cấp và chúng ta phải tự túc về kinh phí. Do đó, việc lựa chọn nên tham gia những cuộc họp nào, không tham gia những cuộc họp nào cũng là một vấn đề phải quan tâm. ❑

CAM-PU-CHIA, THEO DÒNG SỰ KIỆN

TAM NHÂN

NHỮNG tháng gần đây, tình hình Cam-pu-chia trở lên sôi động. Dư luận thế giới hết sức chú ý theo dõi những sự biến xảy ra ở đây. Bên trong và bên ngoài đất nước Chùa Tháp, nhiều cuộc vận động chính trị được tiến hành. Theo dòng sự kiện, thử xem những gì đã diễn ra.

Cuối năm 1996, đầu năm 1997

Từ những tháng cuối năm 1996, đầu năm 1997, các đảng phái chính trị ở Cam-pu-chia (hiện có 20 đảng phái) đã thực sự lao vào cuộc chạy đua tiến tới bầu cử cấp chính quyền cơ sở cuối năm 1997 và Quốc hội tháng 5-1998. Những cuộc bầu cử này đều nằm trong khuôn khổ Hiến pháp Cam-pu-chia. Năm 1993, do kết quả của Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia, một cuộc tổng tuyển cử dưới sự giám sát của Liên hợp quốc đã được tổ chức, đưa đến việc thành lập một chính phủ liên hiệp, trong đó gồm hai thế lực mạnh nhất của đất nước là Đảng Nhân Dân (CPP) và Đảng Bảo Hoàng (FUNCINPEC). Chính phủ Hoàng Gia Cam-pu-chia, như báo chí nước ngoài gọi, là một chính phủ hai đầu (hai thủ tướng) - Thủ tướng thứ nhất của FUNCINPEC và Thủ tướng thứ hai của CPP. Sau mấy năm hợp tác, sự rạn nứt trong Chính phủ liên hiệp, đặc biệt là giữa hai đồng thủ tướng ngày càng bộc lộ sâu sắc. Cho đến những tháng đầu năm 1997, tình hình trở nên phức tạp hơn và chứa đựng những nguy cơ khó lường. Có ba việc mà báo chí phương Tây nêu lên : 1) Âm mưu của Khơ-me đỏ trút bỏ vỏ ngoài diệt chủng để trở lại vai hợp pháp trên sân khấu chính trị ở Cam-pu-chia. 2) Một số thế lực của FUNCINPEC do N.Ra-na-rít đứng đầu mưu toan làm suy yếu thế và lực của Đảng CPP và "hạ bệ" vai trò Thủ tướng thứ hai trong Chính phủ liên hiệp. 3) Trên thực tế, đang hình thành sự "câu kết" giữa các thế lực của N.Ra-na-rít với nhóm cầm đầu Khơ-me đỏ để chống CPP và phá vỡ Chính phủ liên hiệp.

Quyết định của N.Ra-na-rít bắt tay với lực lượng Khơ-me đỏ, theo báo chí nước ngoài đánh

Digitized by Google

giá, là một hành động phiêu lưu, một trò chơi dao hai lưỡi. Ngày 18-6 tại tỉnh Pray-ven, Thủ tướng thứ hai Hun-xen đã chỉ trích đích danh Thủ tướng thứ nhất N.Ra-na-rít là đã hành động trái với luật "đặt Khơ-me đỏ ra ngoài vòng pháp luật" do Quốc hội Cam-pu-chia thông qua năm 1994. Nhưng ông Ra-na-rít vẫn tiếp tục tăng cường các hoạt động bất hợp pháp, làm nung nóng thêm tình hình vốn đã nóng bỏng ở Cam-pu-chia. Sự việc bị đẩy tới đỉnh điểm thì chiều ngày 4-7, ông Ra-na-rít lên máy bay rời Phnôm Pênh đi Pháp, để cho những người thân tín được tự do hành động.

Sự kiện ngày 5-7

Sáng mùng 5-7, xung đột vũ trang đã nổ ra. Lực lượng của Chính phủ đã thực hiện việc truy quét lực lượng Khơ-me đỏ đội lốt "quân bảo vệ" ra khỏi Phnôm Pênh. Các trận đánh kéo dài đến hết ngày 6-7. Lực lượng trung thành với ông N.Ra-na-rít và Khơ-me đỏ đã bị đẩy lùi ra khỏi thủ đô.

Lý giải cụ thể về những sự kiện này, ngay sáng ngày 5-7 trong tuyên bố của mình, ông Hun-xen đã nêu lên những hành động vi phạm pháp luật của N. Ra-na-rít và một số người thân cận của ông ta :

1 - Đã tiến hành việc thương lượng bất hợp pháp với bọn đầu sỏ Khơ-me đỏ ở An-long-veng mà không được phép của Chính phủ. Sự thiệt hại về binh sĩ, quan chức dân sự và một máy bay trực thăng của Chính phủ là một sai lầm (N.Ra-na-rít đã cử một phái đoàn bay tới vùng Khơ-me đỏ kiểm soát để "thương thuyết" - nhưng cả phái đoàn bị bắt giữ, 10 người trong số đó bị bắn ngay khi vừa tơi nơi), trách nhiệm này hoàn toàn thuộc về Ra-na-rít và một số người thân cận của ông. Việc đàm phán với Khơ-me đỏ chỉ là "màn kịch chính trị" nhằm đầu độc bầu không khí chính trị - xã hội Cam-pu-chia. Đây là hoạt động vi phạm thô bạo luật đã được Quốc hội thông qua, và nó tạo ra cơ sở pháp lý để khôi phục vai trò chính trị của Khơ-me đỏ - một hành động nguy hiểm, tiếp tay cho sự phục hồi của Khơ-me đỏ (gắn liền với sự diệt chủng).

2 - Đã lén lút liên tục nhập vũ khí bất hợp pháp, bằng cách giả mạo giấy tờ coi đó là nhập phụ tùng thay thế, trong mục đích gây nên nội chiến dẫn đến thảm họa dân tộc. Sau khi bị phát hiện ba tấn vũ khí nhập lậu ở Kông-pông Xom, phía N.Ra-na-rít thừa nhận số vũ khí chiến lược này được nhập theo lệnh của Thủ tướng thứ nhất. Đây vừa là hành vi phạm pháp cụ thể và cũng là sự phản bội chính trị không thể chấp nhận được.

3 - Đã lén lút chuyển quân từ các căn cứ Phnôm Pênh, vi phạm Nhật lệnh của đồng Tổng tư lệnh lực lượng vũ trang Cam-pu-chia ký ngày 26-2-1997 và Tuyên bố ngày 29-4-1997 của Ủy ban hỗn hợp giải quyết tình hình bất thường của Chính phủ... Cùng với sự tăng lên của lực lượng vũ trang bất hợp pháp là sự gia tăng các hoạt động cướp giật có vũ trang, giết người, bắt cóc tống tiền. N.Ra-na-rít đã triển khai quân dọc theo quốc lộ 5 thuộc huyện Po-nhia Lư thuộc tỉnh Con-đan, một số ở huyện Ou-đông tỉnh Kông-pông-xpư và ở quận Đông keo, thủ đô Phnôm Pênh... Do vậy, Phnôm Pênh nằm trong tình trạng cực kỳ nguy hiểm.

4 - Một số người thân cận của N.Ra-na-rit trong Chính phủ và trong lực lượng vũ trang đã sử dụng quyền lực và lực lượng vũ trang để bảo vệ những hành động phạm pháp như buôn lậu ma túy, ăn cắp tài sản văn hóa quốc gia, cướp tàu trên biển và che dấu những phần tử tội phạm... gây ra những cản trở trong quá trình xây dựng Cam-pu-chia thành một nhà nước pháp quyền.

Đáp lại những ý kiến cho rằng sự kiện ngày 5-7 là một cuộc đảo chính, ông Hun-xen khẳng định : "Đây không phải là xung đột giữa một đảng phái chính trị này đối với đảng phái chính trị kia, và đây cũng không phải là một cuộc nội chiến mà nó là một hành động cần thiết không thể không làm nhằm trấn áp các tội phạm có tính chất chính trị, quân sự... là sự thực thi pháp luật đối với các hành động phạm pháp do Ra-na-rít và một số phần tử cực đoan gây ra".

Sau sự kiện 5-7

Sự kiện ngày 5-7 gây nên một sự chấn động lớn ở trong nước và ngoài nước. Câu hỏi đặt ra trong dư luận là :

Sự kiện ngày 5-7-1997 có đưa tới việc xóa bỏ Chính phủ liên hiệp, xóa bỏ Quốc hội, xóa bỏ Hiến pháp hay không ? Và cuộc bầu cử Quốc hội vào tháng 5-1998 có còn được tiến hành nữa không ? Tóm lại, là Hiệp định Pa-ri có còn được tôn trọng hay không.

Với những cố gắng của Chính phủ, sau những ngày căng thẳng mùng 5 và mùng 6-7, tình hình ở thủ đô Phnôm Pênh lắng dịu dần. Các sinh hoạt trở lại bình thường. Sáng 10-7, Chính phủ Cam-pu-chia đã họp lại phiên đầu tiên kể từ sau ngày 5-7 (có 16 bộ trưởng của FUNCINPEC tham

Digitized by Google

gia cuộc họp này), và ông Hun-xen cho biết chế độ quân chủ lập hiến và vua Xi-ha-núc vẫn được duy trì, Hiến pháp được hoàn toàn tôn trọng, Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan quyền lực khác tiếp tục làm việc. Ngày 16-7 cả hai phái trong FUNCINPEC đã họp và nhất trí cử Ngoại trưởng Ung Huốt - Ủy viên ban chấp hành Đảng FUNCINPEC vào chức Thủ tướng thứ nhất thay ông Ra-na-rít. Sự việc này khẳng định tuyên bố trước đây của FUNCINPEC là gạt bỏ N.Ra-na-rít và bắt tay với CPP. Và sau đó, ngày 6-8, Quốc hội Cam-pu-chia với 86 phiếu thuận trong tổng số 99 phiếu, đã bầu ông Ung Huốt làm Thủ tướng thứ nhất (Quốc hội Cam-pu-chia có 120 thành viên, ông Ung Huốt đã đạt trên 2/3 số phiếu cần thiết). Trong bài phát biểu ngay sau cuộc bỏ phiếu kín của Quốc hội, ông Ung Huốt đã cam kết duy trì Chính phủ liên hiệp, hợp tác lành mạnh với CPP và ông Hun-xen, và sẽ hành động vì lợi ích của đất nước và nhân dân Cam-pu-chia. Hai đồng thủ tướng Ung Huốt và Hun-xen đã phối hợp trong việc điều hành đất nước và chuẩn bị cho cuộc bầu cử vào tháng 5-1998 và khẳng định rằng thời gian cuộc bầu cử vẫn giữ như đã ấn định.

Chiến sự ở Cam-pu-chia từ những ngày giữa tháng 7 diễn ra tập trung ở một số vùng gần sát với biên giới Thái-lan, đặc biệt là ở Ô-sa-mach (O›smach). Ngày 17-7 quân chống Chính phủ bị đánh bật khỏi tỉnh Xiêm-riệp. Ngày 17-8, các lực lượng quân Chính phủ Cam-pu-chia đã tấn công các ngả đường dẫn vào thị trấn biên giới Ô-sa-mách, vị trí cố thủ cuối cùng của các lực lượng đối lập. Phó tổng tham mưu trưởng quân đội Chính phủ Cam-pu-chia nói rằng Ô-sa-mach sụp đổ là điều không thể tránh khỏi vì lực lượng của Chính phủ ở thế áp đảo.

Thế giới với vấn đề Cam-pu-chia

Sau ngày 5-7, N.Ra-na-rít một mặt tuyên bố tiếp tục "tổ chức cuộc kháng chiến" chống Chính phủ Phnôm Pênh, mặt khác bôn ba tới nhiều nơi để vận động tranh thủ sự ủng hộ : Liên hợp quốc, Mỹ, châu Âu, Thái-lan, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin... Ông ta đòi cắt viện trợ cho Chính phủ, đòi khôi phục lại tình hình và "địa vị hợp pháp" của ông ta trước ngày 5-7.

Phản ứng của các nước đối với tình hình Cam-pu-chia rất khác nhau. Có nước gây sức ép đòi giữ vị trí Thủ tướng của Ra-na-rít, không công nhận thủ tướng mới. Có nước tuyên bố tạm đình hoãn viện trợ để chờ tình hình sáng tỏ. Có những nước muốn đứng ra làm trung gian hòa giải. Số đông bày tỏ sự quan tâm đến tình hình Cam-pu-chia, nhưng không muốn trực tiếp can thiệp. Chính phủ Phnôm Pênh cũng đòi hỏi các nước phải tôn trọng chủ quyền của Cam-pu-chia và không can thiệp vào công việc nội bộ nước này. Ông Tổng thư ký Liên hợp quốc C.An-nan đã không gọi sự kiện 5-7 là một cuộc đảo chính, mà chỉ nói "chúng tôi sẽ xem xét và có quyết định xem Liên hợp quốc sẽ hành động như thế nào".

Trong khi quyết định tạm hoãn kết nạp Cam-pu-chia vào ASEAN như dự định trước đây, các nước ASEAN đều có những hoạt động thúc đẩy và mong muốn tình hình Cam-pu-chia sớm ổn định. Ông Ba-đa-uy, Ngoại trưởng Ma-lai-xi-a, khẳng định "Cam-pu-chia có thể gia nhập ASEAN trong một "tương lai gần".

Nhật Bản từng đưa ra bốn điều kiện, trong đó có việc đòi Chính phủ Cam-pu-chia phải tuân thủ thỏa thuận của Hiệp định Pa-ri, duy trì Hiến pháp và thể chế liên hiệp hiện hành, nay đã tuyên bố nối lại viện trợ ODA cho Cam-pu-chia.

Về phía Việt Nam, ngay sau khi xảy ra sự kiện 5-7, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao ta đã tuyên bố rõ lập trường của mình : "... Việt Nam coi đây là công việc nội bộ của Cam-pu-chia... Việt Nam mong các bên Cam-pu-chia kiềm chế và cố gắng tìm kiếm giải pháp hòa bình cho tình hình hiện nay để nhân dân Cam-pu-chia có hòa bình và ổn định đất nước. Lập trường nhất quán của Việt Nam là tôn trọng độc lập chủ quyền của Cam-pu-chia và không can thiệp vào công việc nội bộ của Cam-pu-chia...".

*
* *

Tình hình Cam-pu-chia tuy còn phức tạp nhưng đang tiếp tục tiến triển theo chiều hướng ngày càng tốt lên. Ngày 31-8, Quốc vương Xi-ha-núc đã về nước. Ngày 1-9, ông làm lễ cầu siêu cho nền hòa bình ở Cam-pu-chia. Ngày 2-9, Quốc vương đã gửi thư cho Tổng thư ký Liên hợp quốc C.An-nan, khẳng định rằng sẽ cử Thủ tướng thứ nhất Ung Huốt và Thủ tướng thứ hai Hun-xen đại diện cho Cam-pu-chia tới dự khóa họp Đại hội đồng Liên hợp quốc lần thứ 52 vào ngày 16-9 sắp tới. Như hãng Roi-tơ bình luận, điều này có nghĩa là Quốc vương đã công nhận chính phủ hiện nay ở Cam-pu-chia.❑

Digitized by Google

THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU

Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (thuế xuất nhập khẩu) là một loại thuế gián thu, áp dụng đối với hàng hóa được phép xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu, qua biên giới. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ở các nước gọi là thuế quan. Thuế quan là một bộ phận quan trọng trong chính sách kinh tế đối ngoại gắn liền với cơ chế quản lý xuất nhập khẩu của một quốc gia.

Ở các nước trên thế giới, thuế quan đánh vào các loại hàng hóa xuất nhập khẩu và quá cảnh. Nó có thể chia ra hai hình thức thu : *một là*, thu theo mức thuế tuyệt đối trên một đơn vị sản phẩm hàng hóa ; *hai là*, thu theo tỉ lệ phần trăm (%) trên giá trị hàng hóa. Ở Mỹ áp dụng hình thức thu theo mức thuế tuyệt đối. Ở các nước Châu Âu và Nhật áp dụng hình thức thu thuế theo tỷ lệ phần trăm. Đặc điểm quan trọng của thuế quan ở các nước tư bản phát triển là hàng hóa chịu thuế chủ yếu là hàng nhập khẩu, vì nó bắt nguồn từ chính sách khuyến khích xuất khẩu hàng hóa và chính sách chống lại sự thâm nhập của hàng hóa nước ngoài tràn vào. Việc điều chỉnh chính sách kinh tế đối ngoại thông qua thuế xuất nhập khẩu có liên quan đến phát triển sản xuất trong nước và sự cạnh tranh với hàng ngoại nhập. Hiện nay, xu hướng chung là thuế xuất nhập khẩu được hạ thấp ở các nước, vì do nhu cầu giao lưu kinh tế và phát triển quan hệ mậu dịch giữa các nước với nhau. Ngay từ năm 1958 khối các nước Thị trường chung châu Âu (EEC) đã thỏa thuận bãi bỏ thuế quan giữa các nước trong khối và áp dụng biểu thuế quan thống nhất trong quan hệ thương mại với các nước khác. Năm 1992 khối các nước ASEAN cũng có khu vực mậu dịch tự do AFTA. Nước ta cũng là thành viên của khối này. Về tỷ trọng thuế xuất nhập khẩu chiếm vị trí không đáng kể trong hệ thống thuế của các nước (từ 2% đến 8% trong tổng số thu ngân sách nhà nước). Chẳng hạn tỷ trọng này ở Pháp là 9%, Đức là 3%, Nhật Bản trên 2%, Mỹ gần 2%... Tuy chiếm vị trí không cao so với tổng số thuế của nền kinh tế, nhưng thuế xuất nhập khẩu luôn là mối quan tâm của nhiều chính phủ và các doanh nghiệp của các nước.

Ở nước ta, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 10 thông qua (26-12-1991) ; có hiệu lực thi hành từ 1-4-1992. Luật thuế này đã qui định : Về đối tượng chịu thuế : tất cả hàng hóa được phép xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu qua biên giới Việt Nam trong các trường hợp sau đều là đối tượng chịu thuế xuất khẩu hoặc thuế nhập khẩu : Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các tổ chức kinh tế Việt Nam thuộc các thành phần kinh tế được phép mua bán, trao đổi, vay nợ với nước ngoài. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các tổ chức kinh tế nước ngoài, của các hình thức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Hàng hoá được phép xuất khẩu vào các khu chế xuất tại Việt Nam và hàng hóa của các xí nghiệp trong khu chế xuất được phép đưa vào thị trường Việt Nam. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để làm hàng mẫu, quảng cáo dự hội chợ triển lãm; hàng viện trợ hoàn lại và không hoàn lại ; hàng hóa vượt quá tiêu chuẩn hành lý được miễn thuế mang theo người của cá nhân người Việt Nam và người nước ngoài khi xuất nhập cảnh qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam ...

Về đối tượng không chịu thuế : Hàng vận chuyển quá cảnh tức là hàng hóa xuất nhập khẩu của một nước với một nước thứ ba qua lãnh thổ Việt Nam. Hàng vận chuyển mượn đường của một nước lân cận Việt Nam, nhưng vì lý do đặc biệt không thể đi thẳng trực tiếp từ vùng này sang vùng khác của nước đó mà phải đi qua lãnh thổ Việt Nam. Hàng vận chuyển từ nước ngoài nhập vào khu chế xuất và hàng từ khu chế xuất xuất khẩu ra nước ngoài, hoặc hàng từ khu chế xuất này sang khu chế xuất khác ở trong nước. Hàng chuyển khẩu bao gồm các hình thức chuyển thẳng từ cảng nước xuất khẩu đến cảng nước nhập khẩu không đến cảng Việt Nam ; hàng chuyển đến cảng Việt Nam nhưng không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và đi luôn tới cảng nước nhập khẩu ; hàng đưa vào kho ngoại quan rồi chuyển đến nước khác không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam theo quy chế quản lý kho ngoại quan. Hàng viện trợ nhân đạo bao gồm hàng viện trợ của các tổ chức Liên hợp quốc viện trợ nhà nước theo các chương trình dự án viện trợ đã được ký kết và các khoản viện trợ đột xuất của các chính phủ, tổ chức nước ngoài để khắc phục thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

Về đối tượng nộp thuế : tất cả các tổ chức, cá nhân có hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế đều là đối tượng nộp thuế xuất khẩu. Trường hợp xuất nhập khẩu ủy thác thì tổ chức nhận ủy thác chịu trách nhiệm nộp thuế. Cư dân, các doanh nghiệp tham gia mua bán hàng hóa, xuất nhập các mặt hàng được phép xuất nhập khẩu tiểu ngạch, biên giới theo đúng quy định đều là đối tượng nộp thuế xuất nhập khẩu.

Về cách tính thuế, dựa trên cơ sở : *Một là*, tính thuế trên số lượng từng mặt hàng xuất nhập khẩu ghi trong tờ khai hàng của các tổ chức, cá nhân có hàng xuất khẩu. *Hai là*, giá tính thuế đối với hàng xuất nhập khẩu : đối với hàng xuất khẩu là giá bán tại cửa khẩu theo hợp đồng ; đối với hàng nhập khẩu là giá mua tại cửa khẩu nhập, kể cả phí vận tải, phí bảo hiểm, theo hợp đồng ; tỷ giá (giữa đồng Việt Nam với tiền nước ngoài) dùng để định giá tính thuế là tỷ giá mua vào do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm tính thuế. *Ba là*, thuế suất của mặt hàng xuất nhập khẩu gồm thuế suất thông thường và thuế suất ưu đãi. Căn cứ vào chính sách thuế xuất nhập khẩu trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định biểu thuế theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, mặt hàng. Thuế ưu đãi được quy định thấp hơn, nhưng không quá 50% so với thuế suất thông thường của từng mặt hàng. Số thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu bằng số lượng từng mặt hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu nhân với giá tính thuế nhân với thuế suất của từng mặt hàng ghi trong biểu thuế.

Ngày 28-7-1995 nước ta đã là thành viên chính thức của ASEAN. Nước ta đã cam kết sẽ thực hiện mọi *tuyên bố, hiệp định* và *thỏa thuận* của ASEAN, trong đó về lĩnh vực kinh tế quan trọng nhất là Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập Khu vực mậu dịch tự do của ASEAN (AFTA). Căn cứ vào những quy định của CEPT/AFTA nước ta phải thực hiện cắt giảm thuế quan và tiếp theo đó là xóa bỏ các biện pháp hạn chế số lượng và các biện pháp phi thuế quan khác. Việc thực hiện cam kết này sẽ phải điều chỉnh kinh tế để phù hợp với những thay đổi về chính sách thuế quan. Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trình Quốc hội khóa X sẽ sửa đổi theo hướng : không đánh thuế xuất khẩu để khuyến khích tối đa xuất khẩu, nếu có chỉ đánh đối với một số mặt hàng cần thiết. Về nhập khẩu, giảm số lượng thuế suất nhập khẩu để từng bước thực hiện đơn giản đối với loại thuế này. Giảm mức thuế suất phù hợp với việc đánh thuế giá trị gia tăng vào hàng nhập khẩu; phù hợp với việc Việt Nam gia nhập Khối mậu dịch tự do AFTA và Tổ chức thương mại quốc tế. ❑

Digitized by Google

CÔNG TY ĐỒ HỘP HẠ LONG
NHÀ CUNG CẤP THỰC PHẨM

HALONGCANFOCO

CHI NHÁNH
TP. HỒ CHÍ MINH :

211/2A XÔ VIẾT
NGHỆ TĨNH,
BÌNH THẠNH
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐT : 8997518

FAX : 8991961



BƯU ĐIỆN TỈNH LONG AN

ĐỊA CHỈ: 55 TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH, PHƯỜNG 1, THỊ XÃ TÂN AN - TỈNH LONG AN
ĐIỆN THOẠI: 826234 - 826278 - 826462 FAX: 826630

● Tập trung nguồn kinh phí đầu tư trên 100 tỷ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị kỹ thuật, công nghệ mới. Toàn tỉnh có 31 bưu cục (2+3) phục vụ đến các cụm kinh tế, thị tứ trong tỉnh.

● 100% huyện, thị, 9 bưu cục khu vực được trang bị tổng đài điện thoại điện tử kỹ thuật số EWSD, tổng dung lượng lắp đặt trên 20.000 số, sử dụng trên 15.000 số. Các nhà thuê bao hoàn toàn được thỏa mãn thông qua các dịch vụ đặc biệt của tổng đài EWSD; tự động quay số nội tỉnh, trong nước, quốc tế.

● Hệ thống vi ba số được trang bị đồng bộ với hệ thống Tổng đài. Hiện nay đang chuẩn bị trang bị thêm đường truyền cáp quang nội tỉnh. Bước vào thế kỷ 21 với xa lộ thông tin rộng mở.

- Năm 1996 đã đầu tư gần 700 triệu đồng phục vụ cho thông tin để chống lũ lụt, góp phần hạn chế hậu quả lũ lụt gây ra: 100% xã, đồn trạm biên phòng, trên tuyến biên giới có máy điện thoại, phục vụ tốt cho ANQP và phát triển nông thôn, vùng kháng chiến cũ.

● Với tinh thần tận tụy, vì khách hàng, bảo đảm chất lượng, từng bước hạ giá thành lắp đặt thuê bao, cho khách hàng trả chậm, đáp ứng nhu cầu lắp đặt điện thoại của mọi người, mọi nhà.

● Tất cả các dịch vụ: Bưu phẩm, bưu kiện, báo chí, chuyển tiền nhanh, điện hoa, EMS, điện báo, điện thoại, Fax, Telex, Gentex, di động, truyền số liệu, nhắn tin, 108 ... đáp ứng cho các cơ quan, đơn vị và nhân dân thỏa mãn nhu cầu, phong phú về chủng loại, chất lượng ngày càng được nâng cao.

● **Các chỉ tiêu chính trong năm 1997:** Doanh thu: 40 tỷ đồng. Nộp ngân sách hơn 2,4 tỷ đồng. Máy điện thoại phát triển mới: 4.000 máy. Điện thoại: 1,3 máy/100 dân. 100% xã và hơn 70% chi bộ trong tỉnh có 3 loại báo Đảng (Nhân Dân, Long An, Tạp chí Cộng sản). Là người bạn đọc đồng hành thân thiết gắn bó từng ngày, từng giờ, Bưu điện Long An kính chúc quý khách hàng:

SỨC KHỎE - HẠNH PHÚC - AN KHANG - THỊNH VƯỢNG



Digitized by Google

CÔNG TY SẢN XUẤT DỊCH VỤ ĐÔNG HƯNG

- Địa chỉ : QL1A, cạnh Hội chợ Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Q.12, TP.HCM
- Điện thoại : 8914626 - 8911005 - 8912474

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG :

Sản xuất :

- May mặc xuất khẩu quần áo, túi xách du lịch.
- Xây dựng công nghiệp, dân dụng.
- Nhà máy nước đá.

Dịch vụ :

- Dịch vụ du lịch, khách sạn, xe du lịch.
- Khu thể thao và giải trí, sân Tennis, hồ bơi nổi, billard.
- Cho thuê xưởng sản xuất, kho bãi.
- Cung ứng các loại vật tư, VLXD, trang trí nội thất.



XÍ NGHIỆP NÔNG - CÔNG NGHIỆP CHÈ BIỂN HỒ GIA LAI

Địa chỉ : Xã Nghĩa Hiếu H Chư Mỹ - Gia Lai (Km 13 Quốc lộ 17 Pleiku - Kon Tum)
Giám đốc : Bùi Ngọc Dung

NHIỆM VỤ VÀ CHỨC NĂNG :

* Sản lượng chè búp tươi hàng năm từ 1.200 - 1.600 tấn.
* Nhà máy chế biến với các thiết bị đồng bộ, công suất từ 15 - 20 tấn chè búp tươi/ngày.
* Sản phẩm gồm : chè đen XK và nội tiêu.
* Ngoài sản phẩm chè, xí nghiệp còn sản xuất và kinh doanh cà phê. Từ năm 1995 xí nghiệp đã trồng 250 ha cà phê.

KINH DOANH VÀ XUẤT KHẨU

* Xí nghiệp cung ứng trà cho VINATEA.
* Xí nghiệp đã và đang được thị trường thế giới Liên Xô (cũ), các nước Đông Âu, Tây Âu, Đài Loan, Xin-ga-po... và trong nước ưa chuộng.

MỤC TIÊU DỰ ÁN : từ năm 1997 đến năm 2000:

* **Chè** : mở rộng diện tích trồng mới 200 ha.
* **Cà phê** : mở rộng diện tích trồng mới 500 ha.

Xí nghiệp sẵn sàng liên doanh - liên kết với doanh nghiệp trong và ngoài nước.









Xí nghiệp là đơn vị sản xuất kinh doanh chè có truyền thống trên 60 năm qua.

Digitized by Google

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

CHI NHÁNH TỈNH KON TUM

BIDV

Địa chỉ : 01 TRẦN PHÚ - KON TUM
Điện thoại : 060 862339 Fax : 060 864150
Giám đốc : PHẠM QUỐC HÙNG



PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CHI NHÁNH KONTUM

"TẤT CẢ VÌ SỰ THÀNH ĐẠT CỦA QUÝ KHÁCH"

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG :

- Nhận tiền gửi thanh toán, tiền gửi tư nhân, tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và có kỳ hạn.
- Cho vay ngắn, trung và dài hạn đối với tất cả các thành phần kinh tế.
- Thực hiện thanh toán trong nước và quốc tế nhanh chóng, an toàn.
- Thực hiện bảo lãnh vay vốn, nhận thầu...
- Dịch vụ kiều hối, thu đổi ngoại tệ, tư vấn đầu tư...



GĐ Phạm Quốc Hùng

Chi nhánh KonTum luôn đáp ứng mọi yêu cầu về nguồn vốn cho các dự án kinh tế có hiệu quả.

HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP VÀ PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

CÔNG TY XÂY LẮP ĐIỆN 2

Địa chỉ: 81 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
ĐT: 8295397 - 8225160. Fax: (848) 8221655

ELECTRICITY OF VIETNAM

Power Construction Company No. 2

81 Nguyen Dinh Chieu Street, District 3, Ho Chi Minh City
Tel: 8295397 - 8225160. Fax: (848) 8221655

Công ty Xây lắp Điện 2 (Tổng Công ty Điện lực Việt Nam) có 6 xí nghiệp, 7 đội xây lắp và 2 trung tâm trực thuộc.

Hoạt động sản xuất của công ty:

1. Bao thầu xây dựng các công trình lưới điện (đường dây tải điện và trạm biến áp) ở tất cả các cấp điện áp: 500, 220, 110, 35, 22, 15KV theo phương thức "Chìa khóa trao tay".
2. Sản xuất trụ điện bê-tông ly tâm các đường dây tải điện 15, 35, 110KV và các trụ điện hạ thế. Sản xuất ống nước bê-tông cốt thép chịu áp lực cao.
3. Chế tạo cột thép cho các đường dây tải điện và trạm biến áp 110, 220, 500KV. Gia công các kết cấu kim loại trụ thép cho các công trình xây dựng.
4. Sản xuất vật liệu xây dựng: cát, đá các loại.
5. Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành: điện, xây dựng, cơ khí.
6. Xây dựng dân dụng và công nghiệp.
7. Vận chuyển vật tư và thi công cơ giới các công trình.
8. Tổ chức đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Công ty thi công ở miền Nam và một phần miền Trung Việt Nam:

- 40 tuyến đường dây cao thế 110, 220, 500KV với chiều dài trên 2.460 km, và 20 trạm biến áp với tổng công suất 2.503.000KVA.
- Hệ thống tải điện 500KV Bắc - Nam:
  - Cung đoạn Buôn Ma Thuột - Phú Lâm dài 321 km.
  - Trạm biến áp 500KV Phú Lâm công suất 1.090.000KVA.

Năm 1996, 1997 Công ty 2 lần được giải thưởng Quốc tế Vòm Sao Vàng châu Âu



Thi công dây 110 KV Nhà Bè - Phú Định



Hoàng hôn trên đường dây 500KV

Digitized by Google

5/30

CÔNG TY KINH DOANH & PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN TÂN BÌNH

(THE COMPANY OF HOUSING TRADING & DEVELOPMENT OF TAN BINH DIST)

- **ĐỊA CHỈ : 205-207-209 LÝ THƯỜNG KIỆT - QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
- **ĐIỆN THOẠI : 8641033 - 8640129**
  FAX : 8653290
  GIÁM ĐỐC : NGUYỄN PHỤNG THIỀU

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TY

- XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CÁC LOẠI NHÀ DÂN DỤNG - CÔNG NGHIỆP.
- XÂY DỰNG VÀ NÂNG CẤP CÁC LOẠI CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, MỞ ĐƯỜNG MỚI, LÀM NỀN MẶT ĐƯỜNG VỚI CÁC LOẠI KẾT CẤU VÀ QUI MÔ XÂY DỰNG.
- THỰC HIỆN VIỆC KHẢO SÁT THIẾT KẾ CÁC LOẠI CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG, QUI HOẠCH CHI TIẾT NHÓM NHÀ Ở ; THIẾT KẾ, CẢI TẠO VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT...
- SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH CÁC LOẠI VẬT LIỆU XÂY DỰNG

MAIN ACTIVETIES OF THE COMPANY

- BUILD AND SELL ALL TYPES OF CIVILLIAN AND INDUSTRIAL HOUSES.
- BUILD AND UPGRADE COMMUNICATION WORKS, OPEN NEW ROAD, MAKE ROAD PAVEMENT WITH VARIOUS TYPES OF STRUCTURE AND SCALES OF CONTRUCTION.
- CARRY OUT THE STUDY AND PLANNING OF CIVILIAN WORKS, MAKE DETAILED PLANNING FOR CIVILIAN HOUSES, CARRY OUT THE PLANNING, RECONSTRUCTION AND INTERIOR DECORATION.
- PRODUCE AND SELL CONSTRUCTION MATERIALS.



Chung cư Hoàng Hoa Thám

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÔNG TY

- XÍ NGHIỆP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ NHÀ
- XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
- XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG
- CÁC ĐỘI CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG



IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản



20
10-1997

UNIV. OF MICH.
DEC 03 1997
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

Bưu điện Cần Thơ
Can Tho Post Office



Add: 02 Hoa Binh - Can Tho City
Tel: (071) 821194 - 825922 - 824444
Fax: (071) 820888

- High quality operations providing by a team of courteous and devoted staff
- With state-of-the-art equipment and advanced technology, the Can Tho Post Office is ready to provide customers with the most efficient services including
- Postal services
- Special services such as EMS, DHL etc.
- Flower telegraph (teleflorist)
- Newspaper and magazine distribution
- Emergency telegraphic transmission service
- Mobile phone service (VINAPHONE)
- VSAT ground satellite station leasing
- Networking database transmission service

Our alltime motto:

"Swiftness - Safety - Precision - Convenience"

Với thái độ phục vụ ân cần tận tình và chu đáo
Với thiết bị công nghệ hiện đại tiên tiến sẽ mang đến hiệu quả làm vừa lòng khách hàng

Bưu điện Cần Thơ sẵn sàng phục vụ quý khách các dịch vụ sau đây:

- Các dịch vụ bưu chính
- Các dịch vụ đặc biệt EMS, DHL...
- Điện hoa
- Dịch vụ phát hành báo chí
- Điện báo chuyển phát nhanh khẩn
- Điện thoại di động VINAPHONE
- Dịch vụ thuê bao trạm vệ tinh mặt đất VSAT
- Dịch vụ truyền số liệu mạng



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 530 — THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	PHAN VĂN KHẢI - Định hướng chương trình hành động của Chính phủ trong nhiệm kỳ mới	3
	NGUYỄN KHÁNH - Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa ở Việt Nam	11
	HOÀNG VĂN NGHIÊN - Thủ đô Hà Nội trên đường đổi mới	13
	ĐẶNG THÀNH HỌC - Cà Mau hướng tới năm 2000	18
	BÙI HỮU HẢI - Vĩnh Phúc phát huy truyền thống vững bước đi lên	22
KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA (7-11-1917 - 7-11-1997)	HỒNG LONG - Cách mạng Tháng Mười Nga và thế giới hiện đại	24
	ĐỖ TƯ - V.I.Lê-nin trong sinh hoạt nội bộ đảng và đời thường	29
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Sự phát triển của các quan hệ sản xuất trong công cuộc đổi mới hiện nay	32
	TRẦN ĐỨC - Con đường phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở nước ta	35
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	XUÂN HẢI - HÀ NHÂN - Đôi điều rút ra từ tình hình phức tạp ở một số địa phương tỉnh Thái Bình	40
	NGUYỄN THỊ VY - Mấy kinh nghiệm quản lý rút ra từ một vụ án trọng điểm	47
PHÓNG SỰ ĐIỀU TRA	VŨ HIỀN - PHẠM THẮNG - Đồng bằng sông Cửu Long mùa này, con nước...	52
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	MAI NINH - "Dân trước, nước sau"	58
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	Nước và vấn đề sử dụng nước quá tải	59

Bìa 1 : *Thị xã Đồng Hới (Quảng Bình) ngày một đổi mới* — *Ảnh :* **TTXVN**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ФАН ВАН ХАЙ - Ориентации действующих програм правительства в новый срок полномочий. НГУЕН ХАНЬ - Интернациональное десятилетие культурного развития во Вьетнаме. ХОАНГ ВАН НГИЕН - Столица Ханой по пути развития. ДАНГ ТХАНЬ ХОК - Провинция Ка Мау смотрит на 2000ый год. БУЙ ХЫУ ХАЙ - Провинция Винь Фу твердо шагает вперёд укреплая традиции. ХОНГ ЛОНГ - Российская Октябрьская Революция и современный мир. ДО ТЫ - В.И. Ленин во внутренней партийной жизни и в будни. ЧАН СУАН ЧЫОНГ - Развитие производственных отношений в нынешнем курсе обновления. ЧАН ДЫК - Перспективы развития сельских кооперативов нового типа в нашей стране. СУАН ХАЙ - ХА НЬАН - Уроки извлеченные из сложной ситуации прошедшей в нескольких местах провинции Тхай Бинь. НГУЕН ТХИ ВИ - Некоторый опыт касающийся управленческой работы через важное судебное дело. ВУ ХИЕН - ФАМ ТХАНГ - "Кыу Лонг" дельта в нынешнем сезоне больших вод...

CONTENTS

PHAN VĂN KHẢI - Orientations of action programs of the Goverment in its new office term. NGUYỄN KHÁNH - International Decade of cultural development in Vietnam. HOÀNG VĂN NGHIÊN - Capital Hanoi on the path of renovation. ĐẶNG THÀNH HỌC - Ca Mau province looks towards the year 2000. BÙI HỮU HẢI - Vinh Phuc province steadily steps forwards strengthening its traditions. HỒNG LONG - The Russian October Revolution and the modern world. ĐỖ TƯ - V.I. Lenin in the inner Party life and in daily life. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - The development of production relations in the current renovation cause. TRẦN ĐỨC - Developmental prospects of new kind agricultural cooperatives in our country. XUÂN HẢI - HÀ NHÂN - Lessons drawn from the troublesome case in some localities in Thai Binh province. NGUYỄN THỊ VY - Some experience regarding management learnt from a significant law case. VŨ HIỂN - PHẠM THẮNG - Cuu Long river delta in this reason of great waters...

SOMMAIRE

PHẠN VĂN KHẢI - L'orientation du programme d'action du Gouvernement pendant son nouveau mandat. NGUYỄN KHÁNH -La décennie internationale du développement culturel au Vietnam. HOÀNG VĂN NGHIÊN - La capitale Hanoi en voie de renouvellement. ĐẶNG THÀNH HỌC - Ca Mau au seuil de l'an 2000. BÙI HỮU HẢI - La province de Vinh Phuc fait valoir ses traditions pour s'avancer à pas sûrs. HỒNG LONG - La Révolution d'Octobre russe et le monde d'aujourd'hui. ĐỖ TƯ - V.I. Lénine dans les activités internes du Parti et dans la vie quotidienne. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Le développement des rapports de production dans l'oeuvre de renouveau actuelle. TRẦN ĐỨC - La voie de développement des coopératives agricoles de type nouveau dans notre pays. XUÂN HẢI - HÀ NHÂN - Quelques expériences tirées de la situation complexe de certaines localités de Thai Binh. NGUYỄN THỊ VY - Quelques expériences dans la gestion tirées d'une affaire grave. VŨ HIỂN - PHẠM THẮNG - La delta du Mékong, cette saison de crues...

SUMARIO

PHAN VĂN KHẢI - La orientación del programa de acción del Gobierno en el nuevo mandato. NGUYỄN KHÁNH - El decenio internacional del desarrollo cultural en Vietnam. HOÀNG VĂN NGHIÊN - La capital Hanoi en su vía de renovación. ĐẶNG THÀNH HỌC - Ca Mau se dirige hacia el año 2000. BÙI HỮU HẢI - La provincia de Vinh Phuc despliega sus tradiciones por avanzarse con seguros pasos. HỒNG LONG -La Revolución Rusa de Octubre y el mundo actual. ĐỖ TƯ - V.I. Lenin en las actividades internas del Partido y la vida cotidiana. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - El desarrollo de las relaciones de producción en la obra de renovación actual. TRẦN ĐỨC - La vía de desarrollo de las cooperativas agrícolas de nuevo tipo en Vietnam. XUÂN HẢI - HÀ NHÂN - Algunas experiencias extraídas de la compleja situación en ciertas localidades de la provinicia de Thai Binh. NGUYỄN THỊ VY - Algunas experiencias en la gestión sacadas de un grave proceso. VŨ HIỂN - PHẠM THẮNG - El delta del Río Cuu Long en esta estación de crecidas...

目 录

•潘文凯: 政府新任期施政纲要的定向•阮庆: 发展文化国际10年在越南•黄文研: 革新道路上的首都河内•邓成学: 金瓯省正向2000年迈进•裴友海: 永福省发扬传统, 稳步向前迈进•鸿龙: 俄国十月革命与当代世界•杜斯: 列宁在党的组织生活和日常生活中•陈春长: 目前革新事业中生产关系的发展•陈德: 我国发展农业合作社新模式的道路•春海: 从太平省一些地方的复杂情况得出的启示•阮氏薇: 从一个要案中得出的一些管理经验•武贤、范胜: 九龙江平原此季节, 此水.....

Digitized by Google

ĐỊNH HƯỚNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NHIỆM KỲ MỚI *

Thủ tướng **PHAN VĂN KHẢI**

... THAY mặt các thành viên Chính phủ vừa được Quốc hội giao trách nhiệm, tôi xin chân thành cảm ơn các vị đại biểu Quốc hội về sự tín nhiệm dành cho tập thể Chính phủ nhiệm kỳ mới.

Đây là nhiệm kỳ mở đầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong tình hình quốc tế đang nổi lên xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, song còn nhiều diễn biến phức tạp; cuộc chạy đua kinh tế toàn cầu diễn ra sôi động cùng với tiến trình hội nhập đang mở rộng trong từng khu vực và trên thế giới.

Chuyển sang thời kỳ phát triển mới, chúng ta được kế thừa những thành tựu to lớn và kinh nghiệm quý báu của hơn 10 năm đổi mới theo đường lối của Đảng. Mặt khác, trên bức tranh toàn cảnh về kinh tế, xã hội, đang còn những mảng tối và điểm tối chưa được khắc phục hoặc mới xuất hiện. Tình hình tới đây chắc chắn sẽ đặt ra cho chúng ta những vấn đề mới và khó khăn mới. Những diễn biến không thuận trong tình hình kinh tế, xã hội thời gian gần đây báo hiệu rằng thời kỳ mới đòi hỏi sự tỉnh táo cùng với những nỗ lực vượt bậc thì mới duy trì được đà tăng trưởng cao một cách bền vững.

Cuộc sống đang đặt trách nhiệm nặng nề cho Đảng và Nhà nước ta phải nâng tầm lãnh đạo và quản lý đất nước, cả về chủ trương, chính sách cũng như về sự chỉ đạo thực hiện để phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2000, tạo tiền đề cho bước tiến nhanh và bền vững hơn sau năm 2000.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với trách nhiệm và thẩm quyền được giao theo Hiến pháp và pháp luật, Chính phủ quyết tâm cùng toàn dân, toàn quân và toàn thể bộ máy nhà nước đưa Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng vào cuộc sống, phấn đấu thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại đã và sẽ được đề ra trong các Nghị quyết của Quốc hội.

Chính phủ tiếp tục thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ mà Đại hội lần thứ VII và lần thứ VIII của Đảng đã đề ra. Trong thời kỳ mới, các hoạt động đối ngoại phải góp phần củng cố vững chắc hơn môi trường quốc tế hòa bình, ổn định, thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, phấn đấu từng bước giải quyết bằng đối thoại hòa bình những vấn đề tồn tại giữa nước ta và các nước, đặc biệt là các nước trong khu vực. Công tác ngoại giao phải kết hợp chặt chẽ với các hoạt động kinh tế đối ngoại, hướng mạnh vào phục vụ sự phát triển kinh tế và bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Chính phủ sẽ thường xuyên chăm lo củng cố và tăng cường khả năng quốc phòng, giữ gìn an ninh quốc gia, kết hợp chặt chẽ công tác an ninh - quốc phòng với sự phát triển kinh tế, xã hội và hoạt động đối ngoại để bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; tiếp tục cải thiện trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm môi trường chính trị - xã hội ổn định cho sự phát triển của đất nước và cuộc sống yên bình của nhân dân.

Nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ hướng vào phát triển kinh tế, xã hội nhằm đáp ứng những mong muốn và đòi hỏi mà các tầng lớp nhân dân trong cả nước đã bày tỏ trong nhiều dịp,

* Trích Báo cáo tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa X

Digitized by Google

gần đây nhất là những ý kiến đóng góp với Quốc hội khóa X đã được đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổng hợp và trình bày tại kỳ họp này của Quốc hội. Những mong muốn và đòi hỏi của nhân dân tập trung vào mấy điều chủ yếu:

Một, được nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần.

Hai, được tạo mọi điều kiện thuận lợi để tìm việc làm, đầu tư sản xuất kinh doanh, làm giàu cho mình và cho đất nước.

Ba, được sống trong môi trường xã hội lành mạnh, an toàn, có kỷ cương theo pháp luật và trong môi trường thiên nhiên được gìn giữ, không bị ô nhiễm, bị tàn phá; tệ quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn xã hội bị đẩy lùi.

Bốn, trẻ em, thanh niên được học hành, người đau yếu được chữa bệnh, người nghèo khổ được giúp đỡ.

Năm, nền kinh tế tăng trưởng cao và bền vững, đất nước phát triển toàn diện, có đóng góp và có vị trí xứng đáng trong khu vực và trên thế giới.

Toàn bộ chương trình hành động của Chính phủ phải nhằm huy động mọi khả năng và tạo mọi điều kiện đáp ứng những đòi hỏi ấy thông qua việc vận dụng đúng đắn đường lối, chủ trương của Đảng thể hiện trong Nghị quyết Đại hội VIII và các hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương, với những nội dung quan trọng được đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười nêu rõ trong bài phát biểu trước Quốc hội tại kỳ họp này.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII đã chỉ rõ, để tăng cường động lực cho việc thực hiện nhiệm vụ nặng nề, phức tạp hơn trong thời kỳ phát triển mới, phải **"đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ"** trên cơ sở bảo đảm sự ổn định chính trị - xã hội và bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia.

Thực tế cuộc sống đặt ra **ba yêu cầu** lớn cho công cuộc đổi mới trong thời gian tới:

Một là, phải đáp ứng yêu cầu **phát triển lực lượng sản xuất kết hợp với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp,** hướng vào phát huy mọi nguồn lực trong xã hội và nguồn lực thu hút từ bên ngoài để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hình thành đồng bộ và phát huy tính năng động của cơ chế thị trường đi đôi với nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước **theo định hướng xã hội chủ nghĩa.**

Hai là, phải tiến hành đồng thời và **kết hợp chặt chẽ đổi mới kinh tế - xã hội với cải cách bộ máy nhà nước,** gắn với đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đẩy mạnh cải cách nền hành chính, làm cho Chính phủ và hệ thống hành chính gọn mà mạnh, trong sạch, gần nhân dân, sát thực tế, bám chắc vào cuộc sống, thể hiện được sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ của nhân dân.

Ba là, tiến trình đổi mới bên trong phải đi kịp và **gắn với tiến trình hội nhập quốc tế nhằm phục vụ tốt mục tiêu phát triển đất nước, giữ vững độc lập, tự chủ.**

Ba yêu cầu đó gắn kết với nhau nhằm chung một hướng là thực hành dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, phát huy trí tuệ, phẩm chất, công sức, của cải của cả cộng đồng dân tộc và của mỗi người Việt Nam, đồng thời tận dụng mọi cơ hội tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thành sức mạnh tổng hợp đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Để thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu phấn đấu lâu dài và đến năm 2000 đã được Đại hội VIII của Đảng xác định, xuất phát từ những căn cứ nêu trên, tôi xin thay mặt Chính phủ báo cáo với Quốc hội và đồng bào cả nước những công tác chính và giải pháp lớn về kinh tế, xã hội và hành chính, vừa kế tục công việc của Chính phủ trong nhiệm kỳ trước, vừa có những nội dung theo yêu cầu của tình hình mới, để định hướng cho việc hoạch định chương trình hành động hằng năm của Chính phủ trong nhiệm kỳ mới.

I - NÂNG CAO HIỆU QUẢ VÀ SỨC CẠNH TRANH CỦA NỀN KINH TẾ

Sau nhiều năm liên tục đạt được mức tăng trưởng kinh tế khá cao, thách thức gay gắt nhất đối với chúng ta hiện nay là phải **nâng cao được chất lượng của sự tăng trưởng, thể hiện ở hiệu quả và sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ, của các doanh nghiệp cũng như toàn bộ nền kinh tế Việt Nam.** Điều này có ý nghĩa quyết định nhịp độ và tính bền vững của sự phát triển, nhất là khi chúng ta đang xúc tiến hội nhập kinh tế với khu vực (AFTA) và chuẩn bị điều kiện để gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), song đây lại chính là chỗ yếu của nền kinh tế nước ta hiện nay.

Vì vậy, một nhiệm vụ kinh tế rất quan trọng trong những năm tới là phải tạo được bước tiến rõ

Digitized by Google

nét trong sự **chuyển dịch cơ cấu kinh tế** với nội dung cốt lõi là hướng tới một cơ cấu sản xuất và đầu tư năng động của nền kinh tế cho phép tận dụng được lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý và nhất là về nguồn lực con người của đất nước ta, tạo được nhiều việc làm, đồng thời khắc phục những mặt yếu, nhất là về công nghệ, về quản lý và tiếp thị, để nâng cao được sức cạnh tranh trên cả thị trường quốc tế và nội địa, vừa phục vụ và khai thác tiềm năng của thị trường trong nước với sức tiêu thụ ngày càng tăng của gần 80 triệu dân, vừa ra sức mở rộng thị trường bên ngoài.

Với tinh thần ấy, đi đôi với các biện pháp trước mắt mà Chính phủ đang chỉ đạo thực hiện nhằm ổn định và phát triển sản xuất, ổn định tài chính-tiền tệ, cần có bước đổi mới sâu rộng hơn về chủ trương và chính sách:

1- Phát triển nhanh chóng các ngành công nghiệp chế biến có khả năng cạnh tranh cao, đặc biệt là chế biến xuất khẩu, đồng thời thúc đẩy các ngành sản xuất năng lượng, nguyên liệu, đặc biệt là nông, lâm, hải sản, cũng như hoạt động khoa học - công nghệ và các ngành dịch vụ phát triển theo. Giảm tỉ lệ xuất khẩu nguyên liệu và sản phẩm thô, tăng nhanh tỉ lệ sản phẩm xuất khẩu đã qua chế biến, nhất là chế biến sâu.

Chính phủ có chính sách ưu đãi, dành ưu tiên cao nhất về đất, vốn, thuế, lao động được đào tạo... cho việc đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, sản xuất hàng xuất khẩu (kể cả sản xuất nguyên liệu, vật liệu để làm hàng xuất khẩu. Bổ sung quy chế nghiêm ngặt về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa và yêu cầu bảo đảm sức cạnh tranh, nhất là đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước và dự án đầu tư nước ngoài. Trên cơ sở đó, soát xét lại và điều chỉnh quy hoạch phát triển và kế hoạch đầu tư của các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các dự án đầu tư mới. Quy hoạch đầu tư của Nhà nước về xây dựng kết cấu hạ tầng và một số ngành công nghiệp cơ bản cũng sẽ được tập trung hơn nữa vào phục vụ tốt sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế hướng về xuất khẩu.

Việc thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) phải hướng mạnh vào phát triển các ngành công nghiệp chế biến đạt trình độ quốc tế, bảo đảm sức cạnh tranh của sản phẩm và tỉ lệ hàng hóa xuất khẩu, nâng dần tỉ lệ giá trị được tạo ra ở Việt Nam trong sản phẩm. Chính phủ Việt Nam hoan nghênh và tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi hơn cho mọi nhà đầu tư nước ngoài có kế hoạch làm ăn lâu dài ở Việt Nam, mang theo những dự án hướng về xuất khẩu và có công nghệ cao.

Đẩy nhanh việc xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao để tạo mặt bằng có kết cấu hạ tầng thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài xây dựng các cơ sở công nghiệp chế biến, nghiên cứu hình thành đặc khu kinh tế, khu mậu dịch tự do ở một số địa bàn ven biển và hải đảo để tạo ra những cửa ngõ giao lưu kinh tế thông thoáng hơn nữa với thị trường khu vực và thế giới.

2 - Tạo môi trường thúc đẩy cạnh tranh

Hoàn chỉnh khung pháp lý tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đi đôi với cơ chế kiểm soát độc quyền kinh doanh.

Áp dụng chính sách bảo hộ sản xuất trong nước một cách hợp lý, có lựa chọn và với mức độ giảm dần, nhằm phát huy năng lực sản xuất hiện có, đồng thời có lộ trình chủ động điều chỉnh từng bước thuế nhập khẩu và hàng rào phi quan thuế phù hợp với thời gian hội nhập AFTA; lộ trình này được công bố rõ để các doanh nghiệp có kế hoạch vươn lên nâng cao sức cạnh tranh. Bổ sung các chủ trương, biện pháp nhằm nâng cao hiệu lực chống buôn lậu trên các tuyến biên giới, vùng biển và cả trên thị trường nội địa, chống làm hàng giả.

3 - Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho xuất khẩu, tích cực thâm nhập thị trường thế giới

Thể chế và thủ tục xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh phải tạo thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp phát triển hoạt động kinh tế đối ngoại, khuyến khích xuất khẩu và kiểm soát được nhập khẩu, giảm tỷ lệ nhập siêu. Mọi doanh nghiệp có hàng, có bạn hàng và thị trường ngoài nước đều được trực tiếp hoạt động xuất khẩu. Cơ quan nhà nước phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp hình thành tổ chức khuếch trương xuất khẩu.

Xúc tiến việc chuẩn bị điều kiện gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và ký kết hiệp định thương mại với Mỹ, duy trì và phát triển thị

Digitized by Google

trường đã tạo được chỗ đứng, tìm thêm thị trường mới, đa phương hóa quan hệ thương mại, giảm sự tập trung cao vào một loại đối tác, thu hẹp việc mua bán qua thị trường và đối tác trung gian.

4 - Xây dựng đội ngũ doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, có các nhà kinh doanh và quản lý năng động và sáng tạo, nhạy bén với thị trường, tâm huyết với sự nghiệp chấn hưng kinh tế nước nhà.

Nhà nước tiếp tục hoàn thiện môi trường kinh doanh theo pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư phát triển của các doanh nghiệp và nhân dân. Cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước và phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước; mở rộng nhiều hình thức kinh tế tư bản nhà nước; khuyến khích các hình thức kinh tế hợp tác; phát triển kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân.

Loại bỏ các trở lực trong thể chế và tạo ra bầu không khí xã hội thuận lợi cho đầu tư phát triển dưới mọi hình thức. Mọi loại hình kinh doanh có lợi cho quốc kế dân sinh, bất kể thuộc thành phần nào, với quy mô nào, mọi doanh nhân và nhà quản trị doanh nghiệp hoạt động theo pháp luật, đều được Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu đối với tài sản, thu nhập và lợi nhuận hợp pháp, được hưởng chính sách ưu đãi trong những lĩnh vực được khuyến khích.

5- Tăng đầu tư của Nhà nước và từ nhiều nguồn khác cho việc **nghiên cứu khoa học - công nghệ,** hình thành các ngành công nghệ mũi nhọn, đặc biệt là trên các lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ tin học, công nghệ tự động hóa và công nghệ vật liệu mới; nâng cao trình độ công nghệ quản lý. Bổ sung cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện cho các nhà khoa học - công nghệ đem tâm huyết và hiểu biết của mình vào việc cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm hoặc tạo ra những sản phẩm mới có chỗ đứng vững trên thị trường, nhất là thị trường thế giới. Sản phẩm nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới là hàng hóa đặc biệt phải được trả giá tương xứng với hiệu quả mà nó mang lại. Hoàn thiện và nâng cao hiệu lực thực hiện thể chế bảo hộ sở hữu công nghiệp. Nhà nước có chính sách ưu đãi cụ thể, trước hết là về vốn, lãi suất, thuế, để khuyến khích và trợ giúp các doanh nghiệp đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ.

Chính phủ khuyến khích và bảo trợ sự hợp tác giữa các nhà khoa học - công nghệ và các nhà quản trị doanh nghiệp và doanh nhân, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài, các nhà khoa học - công nghệ và doanh nhân Việt Nam ở nước ngoài để thu hẹp nhanh khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế - công nghệ so với các nước xung quanh, bảo đảm độc lập, tự chủ về kinh tế trong tiến trình hội nhập quốc tế.

II - PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

Cùng với sự phát triển kinh tế hộ là nhân tố chủ yếu đưa tới sự tăng trưởng nông nghiệp trong thời gian qua, chúng ta phải tạo ra những động lực mới để có bước tiến về chất trong sự phát triển kinh tế và cải thiện đời sống, nâng cao sức mua của gần 80% đồng bào cả nước đang sống ở nông thôn. Với diện tích đất canh tác bình quân một nhân khẩu nông thôn chỉ còn hơn 800m², riêng miền bắc chỉ còn trên 500m², sự lựa chọn duy nhất đúng mà nhân dân đã chủ động thực hiện ở nhiều nơi, là phải đẩy tới một bước sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, cơ cấu ngành, nghề và lao động nông thôn. Chính phủ cần hướng dẫn, giúp đỡ sự chuyển dịch đó bằng những chính sách khuyến khích đầu tư, đẩy mạnh hoạt động tiếp thị và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa, đưa công nghệ mới về nông thôn và phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trong nông, lâm, ngư nghiệp.

1- Để đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với phân công lại lao động ở nông thôn, Chính phủ sẽ chú trọng hơn nữa đến việc xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn (trước hết là nước, đường, điện, trường học, trạm y tế, chợ...), ban hành các chính sách ưu đãi về vốn và thuế, xóa bỏ mọi thủ tục phiền hà để tạo thuận lợi cho dân tự đầu tư mở mang sản xuất nông nghiệp và các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, kể cả đầu tư nước ngoài, vào địa bàn nông thôn; chú ý tới các vùng sâu, vùng xa.

Tăng cường đầu tư phát triển và nâng trình độ thâm canh của các vùng chuyên canh, các cây trồng và vật nuôi có quy mô xuất khẩu tương đối lớn và thị trường ổn định, tạo cho được một số mặt hàng nông, lâm, hải sản xuất khẩu chủ lực, đặc biệt là sản phẩm đã qua chế biến sâu. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến theo nhiều quy

Digitized by Google

mô, nhiều tầng công nghệ trên địa bàn nông thôn, gắn kết đơn vị chế biến với vùng nguyên liệu, tạo ra sự thông suốt từ sản xuất của nông dân, ngư dân đến chế biến và thị trường tiêu thụ.

Chính sách hạn điền cần được xem xét phù hợp với điều kiện đất đai ở các vùng khác nhau, không cản trở bước tiến ban đầu sang nền nông nghiệp sản xuất lớn, đồng thời ngăn chặn việc cưỡng đoạt ruộng đất của nông dân nghèo bằng các thủ đoạn chèn ép. Phát triển mạnh nền nông nghiệp hàng hóa và các ngành, nghề khác ở nông thôn để giúp hộ nông dân thiếu đất lập nghiệp mới hoặc có việc làm và thu nhập.

Quản lý và sử dụng rừng, đất rừng thành một thế mạnh; bảo đảm cho các hộ nhận đất, nhận rừng có điều kiện sinh sống trước mắt để trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng.

Phát triển nghề cá theo hướng chuyển mạnh sang đánh bắt xa bờ; xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế biển một cách đồng bộ và có kế hoạch thực hiện từng bước nhằm phát huy lợi thế lớn của nước ta.

2 - Thực hiện cơ chế lưu thông thuận lợi, thông suốt trên thị trường đối với tất cả các loại vật tư và sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp nông thôn với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế; phát triển các hình thức liên kết giữa thương nghiệp nhà nước với các lực lượng thương nghiệp nhỏ và nông dân.

Đổi mới cơ chế, chính sách lưu thông và xuất khẩu lúa gạo và một số nông sản chủ yếu theo hướng tạo thị trường ổn định tiêu thụ hết nông sản hàng hóa, bảo đảm lợi ích của nông dân, đáp ứng lợi ích thỏa đáng của người chế biến, tiêu thụ nông sản, thực hiện được sự kiểm soát và chi phối của Nhà nước để cân đối cung cầu, tránh những biến động bất thường. Khuyến khích và giúp đỡ xây dựng các quỹ bảo hiểm sản xuất để bù đắp thiệt hại cho nông dân khi mất mùa hoặc giá xuống quá thấp.

3 - Tăng nhanh trang bị kỹ thuật và ứng dụng công nghệ mới trong nông, lâm, ngư nghiệp thông qua chính sách ưu đãi về vốn, thuế, về khuyến nông và đào tạo nguồn nhân lực. Khuyến khích sản xuất cơ khí trong nước và nhập khẩu phương tiện cơ khí ta chưa tự chế tạo được, đồng thời có chính sách tín dụng giúp cho hộ nông dân và ngư dân mua sắm được máy.

4 - Trên cơ sở tiếp tục phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ, cần **phát triển mạnh các hình thức kinh tế hợp tác ở nông thôn,** từ hình thức hợp tác giản đơn đến tổ chức hợp tác xã để nông dân có thêm nguồn lực phát triển, hạn chế rủi ro và tránh bị chèn ép trong kinh tế thị trường. Chấn chỉnh, chuyển đổi các hợp tác xã cũ theo nội dung và phương thức hoạt động mới; giải thể các đơn vị kém nát và không có khả năng chuyển đổi để mở đường cho các hình thức hợp tác kiểu mới. Mở rộng các hình thức liên kết giữa doanh nghiệp nhà nước với nông dân, ngư dân và các tổ chức hợp tác, nhất là trên các khâu dịch vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

III - ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH KHU VỰC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Đây là vấn đề then chốt và cấp bách để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1 - Tập trung kiện toàn và nâng cao hiệu quả các doanh nghiệp lớn và tương đối lớn trong những ngành và lĩnh vực then chốt, trước hết là các tổng công ty nhà nước (bao gồm cả các doanh nghiệp thành viên).

Đánh giá cụ thể năng lực hoạt động và hiệu quả thực tế của từng doanh nghiệp để có biện pháp chấn chỉnh, tạo điều kiện cần thiết cho các doanh nghiệp chủ động sản xuất kinh doanh, có sức cạnh tranh trên thị trường, nâng cao dần hiệu quả; đặc biệt chú ý lành mạnh hóa tài chính của doanh nghiệp : giải quyết vốn, xử lý công nợ dây dưa, đổi mới chế độ phân phối, đưa vào nền nếp chế độ kế toán, kiểm toán và công khai hóa tài chính doanh nghiệp. Xây dựng một số DNNN đầu đàn về công nghệ và chất lượng sản phẩm, có năng lực cạnh tranh cao, có sức mạnh liên kết với các thành phần kinh tế khác. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổng công ty nhà nước theo hướng kinh doanh đa sản phẩm và hoạt động đa ngành, kết hợp quan hệ liên kết ngang với liên kết dọc, làm rõ quan hệ giữa tổng công ty với các doanh nghiệp thành viên.

Đối với các doanh nghiệp công ích hoạt động trong những ngành sản xuất, dịch vụ mà các thành phần kinh tế khác chưa đủ sức hoặc không muốn đầu tư, Nhà nước ưu tiên đầu tư đủ vốn và có sự hỗ trợ tùy theo yêu cầu cần thiết về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực cụ thể.

Đối với các DNNN hoạt động theo cơ chế kinh doanh, có quy mô vừa và lớn hoạt động có

Digitized by Google

hiệu quả và có khả năng phát triển, cần xúc tiến chủ trương đa dạng hóa sở hữu, huy động thêm vốn thông qua cổ phần hóa; tùy tính chất và khả năng thu hút vốn của từng doanh nghiệp mà quy định tỷ lệ cổ phần thuộc Nhà nước, tỷ lệ cổ phần bán cho người trong và ngoài doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức kinh tế ở trong nước và nước ngoài. Nhà nước không xóa nợ, không bù lỗ cho DNNN hoạt động theo cơ chế kinh doanh.

Các DNNN còn tồn tại hoặc mới phát triển đều hoạt động như công ty trách nhiệm hữu hạn (kể cả doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước) hoặc công ty cổ phần. Quy định cụ thể cơ chế đại diện chủ sở hữu Nhà nước và quyền của pháp nhân doanh nghiệp. Phân định trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại doanh nghiệp với trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan hành chính thực hiện một phần chức năng đại diện chủ sở hữu theo ủy nhiệm của Chính phủ; giải quyết cụ thể mối quan hệ giữa hội đồng quản trị và giám đốc doanh nghiệp.

2 - **Xử lý dứt điểm các doanh nghiệp không có vai trò quan trọng, làm ăn thua lỗ,** hầu hết thuộc loại nhỏ và quá nhỏ, chiếm khoảng một nửa số lượng DNNN. Tùy từng doanh nghiệp mà lựa chọn áp dụng hình thức xử lý thích hợp, như hợp nhất với doanh nghiệp khác, cổ phần hóa, đấu thầu công khai để bán, cho thuê, giao khoán kinh doanh, giải thể hoặc cho phá sản theo luật... Chủ trương dứt khoát nhưng cách làm tránh ồ ạt và phải có biện pháp giải quyết hệ quả để giữ được sự ổn định kinh tế - xã hội.

Số tiền thu được (do cổ phần hóa, bán, cho thuê, thanh lý tài sản DNNN...) được sử dụng trước hết để giải quyết việc làm, thực hiện chính sách xã hội cho số lao động dôi ra và góp phần bổ sung vốn pháp định cho các DNNN cần được ưu tiên củng cố và phát triển.

IV - ĐỔI MỚI VÀ LÀNH MẠNH HÓA HỆ THỐNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

Ổn định kinh tế vĩ mô, trong đó có việc kiểm soát lạm phát (kể cả ngăn ngừa giảm phát), và bảo đảm sự vận hành an toàn của hệ thống tài chính - tiền tệ là một trong những chức năng hàng đầu của Chính phủ về quản lý kinh tế.

Trong những năm tới, phải tiếp tục đổi mới mạnh hơn chính sách tài chính - tiền tệ hướng vào phục vụ phát triển kinh tế, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp, bảo đảm nguồn thu của Nhà nước, đồng thời tăng sức cạnh tranh và độ an toàn trong quá trình hội nhập về kinh tế và tài chính - tiền tệ với khu vực và thế giới.

1 - Bổ sung cơ chế, chính sách để thực hành nghiêm ngặt tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng, tăng nhanh tích lũy đầu tư phát triển trong cả ba khu vực nhà nước, doanh nghiệp và dân cư.

2 - Cải cách chính sách và hệ thống thu thuế, bảo đảm nguồn thu ngân sách với tỷ lệ động viên hợp lý; đổi mới cơ cấu chi ngân sách theo hướng xác định rõ phạm vi chi của ngân sách đi đôi với đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa, nhà nước và nhân dân cùng làm, phát huy trí tuệ, công sức và của cải của dân, nhất là trong việc phát triển các lĩnh vực sự nghiệp và xây dựng đời sống văn hóa - tinh thần. Tăng độ vững chắc trong cân đối thu - chi ngân sách, khống chế mức bội chi dưới 5% GDP.

Chính phủ quy định nguyên tắc khống chế mức tối đa trong việc huy động sức dân, đi đôi với cơ chế quản lý công khai, minh bạch việc chi tiêu, chấm dứt tình trạng động viên quá sức dân và chi tiêu mờ ám.

3 - Xây dựng thể chế tài chính công khai, minh bạch, trước hết là trong việc chi tiêu ngân sách nhà nước, sử dụng của công; có quy chế rõ ràng thực hiện điều này trong tất cả các tổ chức, đơn vị từ trung ương tới cơ sở có sử dụng vốn ngân sách và tài sản công (các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, tổ chức đảng, đoàn thể, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp...).

4 - Kiện toàn thể chế và lành mạnh hóa, hiện đại hóa hệ thống tín dụng, ngân hàng; phát triển và bảo đảm sự vận hành an toàn của thị trường vốn, bao gồm cả thị trường chứng khoán trong bước đầu hình thành. Thực hiện chính sách lãi suất và tỷ giá linh hoạt theo cung cầu, phù hợp với cơ chế thị trường và sức mua thực tế của đồng tiền; tăng dự trữ ngoại tệ, tích cực tạo điều kiện cho đồng tiền Việt Nam có giá trị chuyển đổi đầy đủ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện chủ trương trên đất Việt Nam chỉ tiêu tiền Việt Nam. Nghiên cứu sâu cuộc khủng hoảng tiền tệ đang diễn ra ở một số nước trong khu vực để rút bài học cho chính sách tài chính - tiền tệ của nước ta và có đối sách với những tác động bất lợi.

5 - Kiểm soát chặt chẽ việc vay nợ nước ngoài của nhà nước cũng như của các doanh nghiệp; hoàn thiện chính sách, cơ chế quản lý vay và trả

Digitized by Google

nợ nước ngoài, bảo đảm sử dụng vốn vay có hiệu quả và trả được nợ đúng hạn; chấm dứt sự giảm sút và nâng dần mức tín nhiệm của nước ta trong quan hệ tài chính quốc tế.

V - KẾT HỢP TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VỚI PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỰC HIỆN CÔNG BẰNG VÀ TIẾN BỘ XÃ HỘI, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thực tiễn của nước ta và kinh nghiệm của thế giới cho thấy rõ sự kết hợp này là một điều kiện rất cơ bản cho sự phát triển bền vững của đất nước. Sự phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường cần được Nhà nước quan tâm đầu tư, song nhất thiết phải phát huy mạnh mẽ sức dân tự làm hoặc cùng làm với Nhà nước, tiến hành xã hội hóa bằng nhiều hình thức; bên cạnh việc huy động những nguồn lực vật chất, cần chú trọng phát huy các giá trị tinh thần, truyền thống văn hóa cộng đồng tốt đẹp của dân tộc ta. Đó là phương châm hành động của Chính phủ trong việc giải quyết một số vấn đề văn hóa, xã hội cấp bách.

1 - Thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia **giải quyết việc làm**, lồng ghép với các chương trình có liên quan và kết hợp chặt chẽ với việc nâng cao chất lượng giáo dục, đẩy mạnh công tác đào tạo nghề và phát triển đồng bộ các yếu tố bảo đảm sự hoạt động có tổ chức của thị trường lao động. Nhà nước chú trọng đổi mới cơ chế, cải thiện môi trường cho đầu tư phát triển, tạo thuận lợi để người dân lập nghiệp, tự tạo ra, tự tìm và giúp đỡ nhau lo liệu công ăn việc làm; nguồn lực có hạn của Nhà nước được ưu tiên dành cho việc giúp đỡ những nơi, những người có nhiều khó khăn, những gia đình có công với nước.

2 - Cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao sức mua của xã hội phải đi đôi với đẩy mạnh thực hiện chương trình quốc gia gắn với cuộc vận động **xóa đói, giảm hộ nghèo, xã nghèo và vùng nghèo** ; phát huy tinh thần tương thân, tương ái trong nhân dân; kết hợp các nguồn lực của Nhà nước với vai trò của các đoàn thể xã hội, tổ chức quần chúng cũng như sự trợ giúp nhân đạo của các nước, các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ ở nước ngoài. Nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình mục tiêu về kế hoạch hóa gia đình.

Chính phủ tiếp tục quan tâm và có biện pháp hữu hiệu hơn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội các vùng sâu, vùng xa, miền núi, ven biển và hải đảo, nhất là các vùng biên giới và căn cứ cách mạng cũ.

3 - Phát triển và nâng cao chất lượng công tác **giáo dục, đào tạo** theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa kết hợp với tăng đầu tư của Nhà nước, bảo đảm thu nhập của giáo viên và nâng cao đạo đức sư phạm, chăm lo việc học ở vùng nghèo và của con em nhà nghèo, khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong học tập, thi cử.

4 - Mở rộng mạng lưới **y tế** công lập và dân lập, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cả về chuyên môn và y đức, khuyến khích phong trào **thể dục thể thao** rộng rãi để chăm lo và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

Sửa đổi chế độ viện phí hợp lý đi đôi với phát triển nhanh quỹ bảo hiểm y tế và các quỹ cứu trợ cho người nghèo được khám và chữa bệnh một cách bình đẳng.

5 - Phát triển các hoạt động **văn hóa, nghệ thuật, thông tin, báo chí** gắn với cuộc vận động toàn dân xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh, tiến bộ; vun đắp các giá trị đạo đức và tinh thần của dân tộc; hun đúc chủ nghĩa yêu nước mang nội dung phù hợp với thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thi đua phát triển kinh tế.

Tích cực phòng ngừa, ngăn chặn, kết hợp với đấu tranh, truy quét, bài trừ các tệ nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc, mê tín dị đoan và các hủ tục, tệ nạn cũ và mới trong việc ma chay, cưới xin.

6 - Đổi mới phương thức triển khai thực hiện các chương trình quốc gia trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường. (Ngoài các nội dung đã nêu trên, còn có các chương trình, kế hoạch phủ sóng phát thanh và truyền hình, cung cấp nước sạch cho nông thôn, bảo vệ và cải thiện môi trường, chăm sóc người có công với nước, người già cô đơn, trẻ em mồ côi, tàn tật...).

Trừ một số ít chương trình chuyên ngành do trung ương trực tiếp quản lý, trách nhiệm chính trong việc thực hiện các chương trình quốc gia nhằm giải quyết các vấn đề văn hóa, xã hội, môi trường thuộc về các địa phương. Chính phủ sẽ phân bổ công bằng các nguồn lực thuộc ngân sách Nhà nước để chính quyền địa phương thực hiện dưới sự hướng dẫn và thanh tra của các bộ và sự giám sát của cơ quan dân cử địa phương.

Digitized by Google

VI - XÂY DỰNG MỘT NỀN HÀNH CHÍNH DÂN CHỦ, TRONG SẠCH, CÓ NĂNG LỰC VÀ CÓ HIỆU LỰC

Việc tiến hành cải cách hành chính thời gian qua tuy có thu được một số kết quả nhưng chưa đáp ứng được đòi hỏi của nhân dân và yêu cầu quản lý nhà nước. Trong nhiệm kỳ mới của Quốc hội và Chính phủ, phải đẩy tới một bước cuộc cải cách bộ máy nhà nước nói chung và hệ thống hành chính nói riêng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

1 - Định hướng mạnh mẽ mọi hoạt động Nhà nước nói chung, của nền hành chính nói riêng vào việc phục vụ dân và doanh nghiệp, phát triển kinh tế, xã hội và giữ gìn trật tự kỷ cương theo luật pháp.

Chính phủ sẽ dành nhiều công sức cho việc tiếp tục, xây dựng các thiết chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; hình thành đầy đủ, đồng bộ thể chế kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, đẩy lùi kinh tế và thị trường ngầm, tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh giữa mọi doanh nghiệp; cải cách mạnh hơn nữa theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, hạn chế trong phạm vi thật sự cần thiết những việc mà dân và các doanh nghiệp phải xin phép chính quyền mới được làm; quy định cụ thể việc công khai hóa các hoạt động của Nhà nước.

2 - Xác định cụ thể những lĩnh vực và ngành cần bảo đảm nhất quán sự quản lý tập trung thống nhất của trung ương, đồng thời phân cấp mạnh mẽ cho các cấp chính quyền địa phương trên các lĩnh vực khác; thực hiện sự kết hợp quản lý theo ngành và theo lãnh thổ phù hợp với đặc điểm từng lĩnh vực công tác; loại bỏ sự trùng lắp, chồng chéo về trách nhiệm và thẩm quyền giữa các cấp chính quyền nhằm phát huy đầy đủ trách nhiệm và tính chủ động, sáng tạo của mỗi cấp. Thẩm quyền quản lý nhà nước được phân định lại theo nguyên tắc: việc gì chính quyền cấp dưới không đủ sức gánh vác thì mới giao cho chính quyền cấp trên liền kề; cấp trên hướng dẫn, giúp đỡ và thanh tra cấp dưới thi hành thể chế. Đi đôi với đẩy mạnh phân cấp, phải bảo đảm kỷ cương hành chính giữa các cấp chính quyền.

3 - Tập thể Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chuyển mạnh sang chăm lo tốt hơn các vấn đề cơ bản trong công tác quản lý vĩ mô. Trách nhiệm và thẩm quyền điều hành, giải quyết từng vụ, việc được giao nhiều hơn cho các bộ và UBND các cấp đảm nhận.

Trong chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội, bộ máy hành chính trung ương tập trung làm tốt hơn việc hoạch định chính sách và thể chế, xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch, hướng dẫn giúp đỡ và thanh tra việc thực hiện thể chế trong toàn xã hội.

Chăm lo kiện toàn và củng cố chính quyền địa phương, đặc biệt là chính quyền cơ sở. Quy định cụ thể bằng thể chế các hình thức dân chủ trực tiếp phải được áp dụng ở cơ sở. Hội đồng nhân dân phải được bầu ra một cách thực sự dân chủ, được tổ chức thiết thực, có thực quyền về tài chính, về quy hoạch và đầu tư công cộng ở địa phương, về tổ chức và giám sát bộ máy hành chính địa phương. Cơ quan hành chính địa phương phải được tinh giản, điều hành thông suốt, quản lý có hiệu lực, hiệu quả theo chế độ thủ trưởng và trách nhiệm cá nhân trên cơ sở phát huy trí tuệ tập thể và tăng cường đoàn kết nội bộ.

4 - Cải cách căn bản chế độ công vụ, bảo đảm tính chuyên nghiệp, liên tục và ổn định của nền hành chính nhà nước, chống quan liêu, cửa quyền. Xây dựng đội ngũ công chức trong sạch về phẩm chất, tinh thông về nghiệp vụ hành chính, công tâm và tận tụy phục vụ người dân và doanh nghiệp. Chính phủ sẽ tăng cường biện pháp chấn chỉnh thái độ phục vụ tại các công sở hành chính và đòi hỏi tất cả các công chức cung cấp cho nhân dân những dịch vụ hành chính tốt nhất.

Trên cơ sở nâng cao hiệu quả của nền kinh tế và cải thiện tình hình ngân sách, tiếp tục cải cách chế độ lương của công chức hành chính kết hợp với việc tinh giản bộ máy và đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực sự nghiệp; cải thiện chế độ đãi ngộ đối với cán bộ dân cử và cán bộ chuyên môn ở cơ sở.

5 - Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng một cách thiết thực, kiên quyết và có hiệu quả bằng sự kết hợp các giải pháp đồng bộ; hoàn thiện thể chế, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đưa chế độ công khai hóa tài chính công và công tác thanh tra, công tác kế toán, kiểm toán vào nền nếp; tạo điều kiện cho dân thực hiện quyền giám sát đối với cơ quan, công chức nhà nước; cải cách tiền lương; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm bao gồm cả hình thức xử phạt về kinh tế. Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan hành chính và các cơ quan kiểm sát, tòa án trong việc phát hiện, điều tra, truy tố và xét xử tội phạm tham nhũng...

Digitized by Google

THẬP KỶ QUỐC TẾ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

NGUYỄN KHÁNH

Nhìn lại một cách tổng quát sau 10 năm nước ta tham gia Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa, chúng ta thấy điểm nổi bật của Thập kỷ là những nhà văn hóa, khoa học, trí thức có uy tín của UNESCO, của thế giới đã thấy và nêu ra được một cách khá sáng tỏ từ giữa những năm 80 về vai trò của văn hóa, chỉ rõ sự bức bách của vấn đề chấn hưng văn hóa, phát triển văn hóa trong cuộc sống vật chất, cuộc sống tinh thần của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc và của toàn nhân loại.

UNESCO đã nêu ra các ý tưởng và quan niệm đúng đắn về mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển, giữa giao lưu văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc. Các ý tưởng, quan niệm này đã tác động sâu sắc đến nhận thức, hành động của nhiều nhà lãnh đạo các quốc gia và của nhân dân thế giới.

Có thể thấy rằng qua 10 năm (1988 - 1997) ở nhiều nước đã có những thay đổi quan trọng về nhận thức, về hành động trên lĩnh vực văn hóa, về sự gắn kết phát triển văn hóa với phát triển kinh tế, phát triển đất nước. Mười năm qua chúng ta đã đọc, nghe và thấy trên thế giới người ta nói ngày càng nhiều, càng rõ, càng đậm nét về yếu tố văn hóa trong sự phát triển, về vai trò của văn hóa dân tộc đối với sự phát triển lành mạnh và bền vững của các quốc gia.

Gần đây chúng ta thấy các nhà khoa học, các nhà văn hóa, các chính khách ở các tổ chức quốc tế và ở các nước thảo luận rất nhiều và nêu ra những khuyến nghị sắc sảo về xây dựng và thực hiện các chính sách để phát triển con người, phát triển nguồn nhân lực. Từ thực tế cuộc sống, người ta đã nêu ra được những quan niệm mới, chỉ tiêu mới, chuẩn mực mới về phát triển xã hội, như các chỉ số về phát triển con người (HDI), về mức độ nghèo khổ của con người (HPI) và đòi hỏi các nhà lãnh đạo, những người có trách nhiệm và thẩm quyền vạch chính sách, điều hành quản lý các nhà nước, các quốc gia phải thực sự chăm lo phát triển văn hóa, giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, phát triển nhân tố con người.

Các quan niệm mới về sự phát triển đúng đắn, lành mạnh, bền vững nêu trên đã có tác dụng hướng dẫn, phê phán và khắc phục những khuynh hướng hạn hẹp trước đây về phát triển, không thấy rõ nhân tố văn hóa trong sự phát triển bền vững mà chỉ thấy yêu cầu phát triển kinh tế, phát triển cơ sở vật chất, tưởng rằng cứ tăng trưởng kinh tế thì sẽ giải quyết được mọi vấn đề xã hội. Các quan niệm, ý tưởng đúng của Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa đã góp phần nâng cao nhận thức, làm sáng tỏ thêm những quan niệm về giao lưu văn hóa trong điều kiện quan hệ quốc tế hiện nay, đã giúp các dân tộc có thêm nghị lực và hiểu biết để ngăn chặn, hạn chế khuynh hướng đồng dạng hóa các nền văn hóa thế giới theo mô hình của một số nước tư bản phát triển.

Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa do Liên hợp quốc phát động 10 năm qua đã thực sự tác động tốt vào Việt Nam. Chúng ta tiếp thu được những giá trị mới của Thập kỷ qua sự tham gia tích cực của chúng ta vào hoạt động của UNESCO, các tổ chức khác của Liên hợp quốc và qua những tài liệu, thông tin về tình hình phát triển văn hóa ở nước ta. Đây là kết quả hoạt động của hàng trăm quốc gia ở các lục địa tham gia Thập kỷ. Thái độ đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, của các nhà văn hóa Việt Nam và nhân dân Việt Nam là tiếp thu một cách trân trọng và có chọn lọc những giá trị,

Digitized by Google

những kinh nghiệm tốt của các nền văn hóa trên thế giới. Sự hưởng ứng và tham gia tích cực của nước ta vào Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa thể hiện tư tưởng chỉ đạo, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta về giao lưu văn hóa, về phát triển văn hóa Việt Nam.

Việc lập Ủy ban quốc gia Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa của Việt Nam với thành phần tiêu biểu là các đại diện có uy tín của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức nghiên cứu khoa học, nghiên cứu văn hóa, các hội văn hóa nghệ thuật, các đoàn thể nhân dân là phương thức tổ chức và hoạt động phù hợp, có hiệu quả. Ủy ban đã hoạt động đều đặn, nghiêm túc, có phương pháp, với 13 hội nghị mở rộng và các hoạt động khác trong 7 năm qua. Việc làm có ý nghĩa nhất của Ủy ban là đã dựa vào những gợi ý của Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa mà lựa chọn những vấn đề, những đề tài sát đúng, phù hợp với yêu cầu thực tế và nóng bỏng của nền văn hóa Việt Nam, của sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay và những năm sắp tới để đưa vào chương trình hành động và nội dung các cuộc họp chính của Ủy ban. Chính những vấn đề, những đề tài được đặt ra sát với sự quan tâm sâu sắc của các nhà văn hóa, các nhà khoa học, các nhà quản lý đã là cơ sở, làm cho các cuộc thảo luận trong 13 hội nghị Ủy ban có chất lượng cao. Chính vì vậy hoạt động của Ủy ban quốc gia Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa đã tác động tích cực đến sự chấn hưng và phát triển nền văn hóa Việt Nam trong thời gian qua.

Có sự trùng hợp thú vị là 10 năm của Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa (1988 - 1997) cũng là 10 năm đổi mới đầy tính năng động, sáng tạo và phát triển với tốc độ nhanh của nước ta. Chính trong thời gian này, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý của Chính phủ và các cấp chính quyền trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học đã có bước tiến rõ nét về nhận thức, phương thức chỉ đạo, về chính sách, về tổ chức. Các Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, VII, VIII, Nghị quyết 4 của Ban chấp hành Trung ương khóa VII, Nghị quyết 2 của Ban chấp hành Trung ương khóa VIII, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 và nhiều nghị quyết của Bộ Chính trị, Quốc hội, nhiều nghị định của Chính phủ đã xác định ngày càng rõ hơn vai trò động lực của văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ trong sự phát triển đất nước, mối quan hệ hữu cơ giữa phát triển văn hóa và phát triển kinh tế. Đại hội VIII của Đảng đã khẳng định : muốn phát triển đất nước, muốn xây dựng Việt Nam giầu mạnh, xã hội Việt Nam công bằng, văn minh, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất thiết phải xây dựng được một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tôi cho rằng sự phát triển mới về nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng về văn hóa, giáo dục, khoa học kể từ Hội nghị Trung ương 4 khóa VII đến nay là sản phẩm của sự tích lũy kinh nghiệm, năng lực sáng tạo của Đảng ta trên mặt trận tư tưởng và văn hóa cũng như trên các mặt trận kinh tế, quốc phòng và đối ngoại.

Cùng với nguyên nhân cơ bản dẫn đến những kết quả, thành tựu, tiến bộ trên mặt trận văn hóa là sự lãnh đạo của Đảng trong quá trình đổi mới, chúng ta ghi nhận sự tác động, ảnh hưởng của Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa.

Giờ đây, ở các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, từ người lãnh đạo đến cán bộ nhân viên và các tầng lớp nhân dân ở thành thị, nông thôn, nhận thức về các vấn đề văn hóa, văn hóa và phát triển, văn hóa dân tộc, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc và giao lưu văn hóa đã được nâng lên hơn trước nhiều. Sự tiến bộ về nhận thức và ý thức đi liền với bước phát triển đáng kể của các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thông tin, giáo dục, khoa học, thể thao. Không thể không thừa nhận có sự tiến bộ rõ về mức hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của nhân dân, sự tham gia rộng rãi và hào hứng của nhân dân vào sinh hoạt văn hóa, sáng tạo văn hóa. Cũng có sự tiến bộ rõ về chính sách và quản lý của Đảng và Nhà nước đối với các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học, về xây dựng cơ sở vật chất cho các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học trong cả nước. Cố nhiên sự tiến bộ ấy chưa đạt mức mà nhân dân mong muốn, mà sự nghiệp phát triển văn hóa Việt Nam đòi hỏi. Chúng ta đang chứng kiến một phong trào khá mạnh của nhân dân đòi hỏi phải chấn hưng nền văn hóa Việt Nam, phải giữ gìn những truyền thống văn

(Xem tiếp trang 31)

Digitized by Google

THỦ ĐÔ HÀ NỘI TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI

HOÀNG VĂN NGHIÊN *

Thời gian và kết quả

Một mùa thu mới lại đến. Bốn mươi ba năm sau ngày giải phóng là quãng thời gian rất ngắn so với gần 1000 năm lịch sử của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. Từ một thành phố có quy mô nhỏ bé với nền kinh tế nghèo nàn, nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp hầu như chưa có gì, ngày nay Hà Nội đã đổi khác rất nhiều cả về quy mô và tầm vóc. Đặc biệt từ khi có đường lối đổi mới của Đảng, Hà Nội đã có sự phát triển vượt bậc về mọi mặt.

Mười năm qua, đặc biệt là 5 năm trở lại đây nền kinh tế của Hà Nội luôn đạt tốc độ tăng trưởng cao. Giá trị công nghiệp trên địa bàn lãnh thổ hằng năm tăng bình quân 14,4%, nông nghiệp tăng 3,9%, GDP tăng bình quân 11,9%/năm. Cơ cấu kinh tế phát triển theo định hướng : công nghiệp - thương mại - du lịch dịch vụ - nông lâm nghiệp với tỷ lệ thành phần công nghiệp ngày càng tăng. Tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế chiếm 30,49% năm 1990 đã tăng lên 35,1% năm 1996. Tỷ trọng nông - lâm nghiệp đã giảm từ 7,2% xuống còn 5%. Khu vực kinh tế nhà nước hiện chiếm 72,6% trong GDP, nhưng tỷ lệ của thành phần kinh tế ngoài quốc doanh trong GDP có chiều hướng tăng nhanh.

Nền công nghiệp của Thủ đô với các xí nghiệp được xây dựng chủ yếu từ thời kỳ phát triển kinh tế sau hòa bình (1954), lại bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh phá hoại, các máy móc, thiết bị hầu hết đã quá cũ, lạc hậu. Trong mấy năm vừa qua một số xí nghiệp đã được cải tạo, đầu tư thêm những máy móc, thiết bị mới. Nhiều sản phẩm của công nghiệpThủ đô đã lấy lại được thị trường, đẩy lui dần sự cạnh tranh gay gắt của hàng nhập ngoại.

Hà Nội có nhiều cố gắng trong việc giải quyết những yếu kém về cơ sở hạ tầng, xây dựng và mở rộng thêm nhiều hệ thống đường giao thông, trạm điện, nhà máy nước, phát triển mạng lưới thông tin viễn thông hiện đại. Thành phố cũng đã tiến hành một số cải cách về thủ tục hành chính, bổ sung nhiều chính sách mới để hoàn thiện dần hành lang pháp lý, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Hà Nội hiện đang đứng thứ hai trong cả nước về số dự án và số vốn đầu tư đã được cấp phép. Tính đến tháng 6-1997 Hà Nội đã tiếp nhận 268 dự án đầu tư với số vốn pháp định 6 662 triệu USD.

Hoạt động thương mại nội địa và thương mại quốc tế phát triển khá. Kim ngạch xuất nhập khẩu của Hà Nội tăng bình quân hàng năm 17,1%.

Nền nông nghiệp của Hà Nội cũng đã có những bước phát triển mới. Nhiều thành tựu khoa học kỹ thuật đã được áp dụng. Đã hình thành các vùng chuyên canh rau sạch, cây ăn trái, chuyên trồng hoa, cây cảnh, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo phương pháp công nghiệp. Sản phẩm lương thực, thực phẩm ngày càng dồi dào, đa dạng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của nhân dân Thủ đô.

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, đời sống của nhân dân Hà Nội đã được nâng lên một bước

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội

Digitized by Google

đáng kể. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội có tiến bộ. Hà Nội đã có nhiều cố gắng để thực hiện những chính sách xã hội như giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Hà Nội cũng là nơi thực hiện tốt chính sách đối với người có công với cách mạng. Phong trào "đền ơn, đáp nghĩa" đã được các cấp, các ngành triển khai sâu rộng, thực sự trở thành phong trào quần chúng rộng khắp và đã mang lại nhiều hiệu quả thiết thực. Trong 3 năm (1994 - 1996) Hà Nội đã xây dựng mới 620 nhà tình nghĩa, sửa chữa 1 181 nhà cũ, đã trao tặng 11 195 sổ tiết kiệm với số tiền gần 4 tỉ đồng. Đã tổ chức chi trả kịp thời, chu đáo cho trên 15 vạn người có công đến tuổi được hưởng chế độ ưu đãi. Tổ chức tốt việc nuôi dưỡng, chăm sóc 131 Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Đã hỗ trợ trên 23 tỉ đồng cho 28 687 hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất. Số hộ nghèo và số người nghèo trên địa bàn thành phố đã giảm dần, số hộ gia đình khá giả ngày càng tăng. Thành phố cũng đã thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế cho người nghèo, miễn giảm học phí cho con em các gia đình có nhiều khó khăn, giúp đỡ con em các gia đình nghèo học giỏi có điều kiện theo học các trường cao đẳng, đại học.

Sự nghiệp giáo dục được đầu tư nhiều hơn. Đã sửa chữa, nâng cấp và xây thêm nhiều trường, lớp mới, bảo đảm đủ chỗ cho 100% trẻ em đến tuổi đi học. Tổ chức chăm sóc tốt các mầm non tài năng. Học sinh Hà Nội là lực lượng nòng cốt trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế và luôn dẫn đầu với nhiều giải thưởng cao. Hà Nội cũng là đơn vị đầu tiên trong cả nước đạt chỉ tiêu 100% số phường và 60% số xã đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Các lĩnh vực y tế, thể dục thể thao, các phong trào phòng chống các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa, phong trào bảo vệ môi trường Thủ đô xanh, sạch, đẹp v.v... đều có những bước phát triển tốt.

Do quy mô và nhịp độ tăng trưởng nhanh diện tích đô thị ngày càng mở rộng. Từ 4 quận nội thành cũ, Hà Nội đã thành lập thêm quận Tây Hồ, quận Thanh Xuân, quận Cầu Giấy. Cả Hà Nội đang là một công trường lớn, khắp nơi là các khu nhà cao tầng, các biệt thự... đang được xây dựng. Các nhà máy, công trường các khu vui chơi giải trí, đặc biệt là các khu đô thị mới khang trang đang biến đổi từng ngày.

Những mục tiêu mới

Trên cơ sở những định hướng lớn của Đảng và Chính phủ, Nghị quyết Đại hội đảng bộ thành phố lần thứ 12 đã xác định những mục tiêu tổng quát định hướng phát triển cơ bản của thành phố đến năm 2000 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau :

- Tốc độ tăng GDP hàng năm 15%.
- GDP bình quân đầu người tăng 11%/năm. Đến năm 2000 đạt 1 100USD/người.
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp từ 19 - 20%/năm
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp từ 4 - 4,5%/năm

Để đạt được các mục tiêu trên, các cấp, các ngành của thành phố đã xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cho từng ngành mình, cấp mình. Thành phố đang tập trung chỉ đạo những nhiệm vụ phát triển kinh tế chủ yếu :

1 - Tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào địa bàn Hà Nội

Để tạo môi trường đầu tư thuận lợi, Hà Nội đang tập trung giải quyết nhiều vấn đề về cơ sở hạ tầng. Đang đẩy nhanh quá trình hình thành và xây dựng những khu công nghiệp tập trung, khu công nghệ cao, khu chế xuất... Hiện đã hình thành 5 khu công nghiệp tập trung, trong đó có những khu đã ổn định và đi vào sản xuất, số còn lại đang trong giai đoạn khẩn trương hoàn thiện việc xây dựng cơ sở hạ tầng. Nhiều khu công nghiệp mới có quy mô nhỏ do cấp huyện tổ chức, quản lý cũng đang được hình thành.

Thành phố đang tiến hành việc sắp xếp lại các doanh nghiệp, tổ chức các tổng công ty, kiên quyết giải thể một số xí nghiệp yếu kém, làm ăn thua lỗ kéo dài, đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp, tăng cường vốn cho các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả v.v.. Những biện pháp trên nhằm phát triển năng lực nội sinh của nền kinh tế Thủ đô, đặc biệt là trong công nghiệp để đẩy mạnh tốc độ phát triển sản xuất, đồng thời tạo ra nhiều đối tác Việt Nam đủ

Digitized by Google

mạnh, có khả năng liên doanh, tiếp thu sự đầu tư nước ngoài một cách có hiệu quả nhất.

2 - Phát triển khoa học - công nghệ xứng đáng với tầm vóc của Thủ đô.

Thực hiện tinh thần Nghị quyết hai của Ban chấp hành Trung ương khóa VIII, Hà Nội đã xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ đến năm 2010, 2020. Hà Nội sẽ tập trung phát triển những ngành công nghiệp có trình độ kỹ thuật và công nghệ cao, tạo ra những sản phẩm chất lượng tốt mà không gây ô nhiễm môi trường như tin học, điện tử viễn thông, cơ khí chính xác, quang học, lắp ráp, chế tạo ô tô, chế biến lương thực, thực phẩm, chế tạo vắc xin và các loại dược phẩm cao cấp v.v...

Hà Nội sẽ tập trung làm tốt việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nhân lành nghề, trẻ hóa và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có đủ đức, tài ; kiện toàn hệ thống tổ chức, tăng cường cơ sở vật chất, phấn đấu đến năm 2020 đạt trình độ công nghệ tiên tiến trong khu vực ở các ngành then chốt, và sẽ có một số phòng thí nghiệm hiện đại, các viện nghiên cứu, các trường đại học đạt trình độ khu vực và quốc tế.

3 - Phát triển du lịch, dịch vụ trên địa bàn Thủ đô

Ngành du lịch Thủ đô đang trên đà phát triển. Hiện nay tổng doanh thu trực tiếp của ngành du lịch đã chiếm 5 - 6% tổng GDP của thành phố, giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động trực tiếp và gián tiếp. Du lịch sẽ trở thành một ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế của thành phố vào thế kỷ tới.

Từ nay đến năm 2000 cố gắng đảm bảo mức tăng trưởng của ngành du lịch từ 15 - 17%/năm, sẽ đón 1 - 1,2 triệu lượt khách nước ngoài, khoảng 2 triệu lượt khách trong nước. Doanh thu của du lịch quốc tế sẽ đạt khoảng 300 - 400 triệu USD.

Với những mục tiêu đó, ngành du lịch đang tổ chức, sắp xếp lại lực lượng. Nhiều công trình phục vụ du lịch, vui chơi, giải trí với quy mô lớn đã và đang chuẩn bị triển khai như công trình hồ Tây, hồ Trúc Bạch, công viên Lê-nin, hồ Ba Mẫu, công viên Mễ Trì, khu di tích Cổ Loa, khu Thủy cung Thăng Long v.v... sẽ góp phần làm phong phú thêm và tăng sức hấp dẫn đối với du khách. Đồng thời thành phố sẽ củng cố, sắp xếp. nâng cấp các hệ thống khách sạn, nhà hàng, tạo những điều kiện tốt nhất về đưa đón, ăn, ở, đi lại, giao tiếp nhằm tạo cho khách quốc tế cũng như trong nước những điều kiện tham quan, nghỉ ngơi giải trí thoải mái và bổ ích.

Trong tương lai ngành du lịch - dịch vụ Thủ đô phải vươn tới vị trí là trung tâm của cả nước về các dịch vụ về tài chính, ngân hàng, dịch vụ đầu tư, xuất nhập khẩu, dịch vụ chuyển giao công nghệ mới v.v...

4 - Phát triển và mở rộng kinh tế đối ngoại

Mục tiêu của ngành kinh tế đối ngoại Thủ đô là củng cố và phát triển những mối quan hệ sẵn có, đặc biệt coi trọng việc khôi phục các mối quan hệ truyền thống với các nước, các thành phố trong khối SNG, các nước Đông Âu (cũ). Tiếp tục tăng cường quan hệ hợp tác thương mại với các nước trong khối ASEAN, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kông, các nước khu vực Bắc Âu, các nước trong khối EU. Trong thời gian tới sẽ tăng cường mối quan hệ hợp tác hữu nghị với các thành phố trong khu vực Bắc Mỹ, Ca-na-đa, Nam Mỹ, các nước châu Phi, vùng Trung Đông v.v...

5 - Xây dựng và phát triển nền nông nghiệp hiện đại

Hà Nội đang đẩy nhanh quá trình chuyển đổi hợp tác xã sang hoạt động theo luật hợp tác xã mới để thay đổi phương thức quản lý, mở rộng chức năng hoạt động của các hợp tác xã, tạo điều kiện cho các hợp tác xã có khả năng đầu tư chiều sâu, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong trồng trọt, chăn nuôi. Mặt khác công tác nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất nông nghiệp cũng được đầu tư nhiều hơn, tập trung vào việc lai tạo để tìm những giống cây, con mới cho năng suất, chất lượng cao. Tiếp tục củng cố và phát triển các vùng chuyên canh rau sạch, cây ăn trái, trồng hoa, cây, cá cảnh. Phát triển những ngành chăn nuôi mang lại lợi nhuận cao như dê, bò sữa, rắn, ba ba v.v...

Digitized by Google

Tiếp tục các chương trình nghiên cứu khoa học nhằm hiện đại hóa, cơ khí hóa dần nền nông nghiệp thủ đô để tạo ra khối lượng lương thực, thực phẩm dồi dào, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đời sống của Thủ đô với số dân khoảng 5 triệu người vào năm 2020. Chương trình hiện đại hóa nền nông nghiệp Thủ đô cũng nhằm mục đích nâng cao dần mức sống của nông dân, giảm dần sự cách biệt giữa vùng nội và ngoại thành.

Quyết tâm vượt qua những thách thức

Trên con đường đổi mới, Hà Nội có nhiều lợi thế, nhiều thuận lợi rất quan trọng song cũng có những khó khăn, thử thách rất nặng nề. Có thể nêu lên ở đây mấy vấn đề là :

1 - Vấn đề dân số và phát triển

Hà Nội là thành phố đông dân nhất ở khu vực phía Bắc và đứng thứ 2 trong cả nước. Nhiều năm qua tốc độ tăng dân số cơ học rất nhanh. Từ năm 1986 đến nay bình quân mỗi năm dân số Hà Nội tăng thêm 55 000 người, trong đó số di cư về Hà Nội chiếm tới 22 000 người. 3/4 tổng số này di cư vào khu vực nội thành. Hằng năm các cơ quan trung ương tuyển dụng và điều động cán bộ từ các tỉnh về Hà Nội với số lượng lớn. Chỉ tính từ năm 1992 đến tháng 6-1997, số lao động nhập khẩu về Hà Nội theo con đường này tới 17 154 người, đồng thời kéo theo số lượng lớn nhân khẩu ăn theo. 2/3 số cơ quan trên địa bàn Hà Nội là thuộc trung ương với số cán bộ làm việc trong các cơ quan trung ương chiếm 70% số cán bộ trên toàn thành phố (265.280/388.450). Mặt khác lực lượng lao động di dân tự do ngày càng tăng. Năm 1992 mới có khoảng 12 000 lao động về Hà Nội tìm việc làm, năm 1996 con số này đã lên tới 30 000 người. Ngoài ra còn có khoảng 50 000 người ngoại tỉnh về Hà Nội sinh sống tự do không đăng ký hộ khẩu.

Ở Hà Nội hiện có khoảng 180 000 người và gia đình hưởng pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, chiếm tỷ lệ khá lớn trong số dân của toàn thành phố. Từ năm 1992 đến nay cũng có khoảng 1 400 thương binh có hạng và khoảng 4 000 thân nhân liệt sĩ chuyển về Hà Nội...

Với thực trạng như trên, mặc dù trong những năm qua thành phố có sự hỗ trợ của Trung ương đã giành tỷ lệ đầu tư rất lớn để cải tạo và phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng thêm nhiều công trình công cộng, nhiều khu dân cư mới, đã hết sức cố gắng giải quyết công ăn việc làm cho hàng chục vạn lao động, thực hiện tốt nhiều chính sách xã hội, tuy nhiên những cố gắng đó còn rất xa mới đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Diện tích bình quân nhà ở tại Hà Nội từ 6,7m^2/1 người (năm 1954), đến nay đã giảm xuống chỉ còn 5m^2/người (năm 1996). Thành phố hiện vẫn còn 4 461 hộ gia đình rất khó khăn về nhà ở, 594 hộ chưa có nhà, 11 781 hộ có nhà dột nát cần sửa chữa. Tình trạng thiếu điện, nước tiêu dùng, cống rãnh tắc nghẽn... khá phổ biến, nhiều điểm giao thông ách tắc trong các giờ cao điểm, hiện tượng úng lụt tràn lan khắp trong nội thành mỗi khi có mưa bão, sự ô nhiễm môi trường ở nhiều nơi đã đạt đến mức độ báo động v.v... Những tồn tại đó đang là những vấn đề nhức nhối hằng ngày đối với mỗi cư dân sống trên địa bàn Thủ đô. Đảng, Chính phủ, các ngành, các cấp của trung ương và Hà Nội cũng như mọi người dân Việt Nam đều mong muốn, đều đòi hỏi và cũng đều sẵn lòng góp phần làm cho Thủ đô khang trang, sạch đẹp, văn minh, vì Hà Nội là bộ mặt của cả nước. Do vậy, đã đến lúc cần có một nghị định hay một chính sách về Thủ đô được Quốc hội hoặc Chính phủ thông qua nhằm thể chế hóa yêu cầu cũng như quyền hạn, trách nhiệm của toàn dân đối với sự phát triển của Thủ đô. Với sự góp sức của cả nước, của các ngành trung ương Hà Nội sẽ có thêm những điều kiện thuận lợi để thể hiện được vai trò của mình, đáp ứng yêu cầu và sự mong đợi của nhân dân cả nước.

2 - Vấn đề quản lý đô thị :

Quá trình đô thị hóa diễn ra rất nhanh nhưng công tác quy hoạch thành phố làm còn quá chậm và lại thay đổi nhiều lần. Chỉ riêng việc quản lý nhà, đất đã có nhiều chuyện phức tạp do một thời gian dài đã bị buông lỏng. Nhiều chính sách vĩ mô của nhà nước, của thành phố về vấn đề này chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, thậm chí mỗi thời kỳ một khác, đôi khi còn mâu thuẫn hoặc

Digitized by Google

chồng chéo nhau. Hậu quả là sự lấn chiếm đất, sử dụng đất tùy tiện, không đúng mục đích xảy ra tràn lan. Nhân dân (và cả cơ quan nhà nước) xây dựng không phép, sai phép, không theo quy hoạch nên nhiều ao hồ, cống rãnh bị lấn chiếm, bị san lấp. Hè phố, đường sá bị đào lên, lấp xuống nhiều lần gây lãng phí trầm trọng và sự bất bình trong nhân dân. Hiện tượng tranh chấp, khiếu kiện về nhà ở, đất ở diễn ra thường xuyên và kéo dài.

Việc đưa công tác quản lý đô thị trở lại trật tự là một công việc hết sức khó khăn, phức tạp do phải giải quyết nhiều vấn đề lịch sử để lại. Xuất phát từ thực tế đó, thời gian qua Hà Nội đã tập trung trí tuệ xây dựng một loạt các quy định nhằm từng bước tháo gỡ vấn đề nóng bỏng này. Thành phố đã ban hành quy định mới cải tiến việc cấp phép xây dựng, phân loại đất, khung giá đất và các chính sách đền bù, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, tổ chức cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở v.v... Trong những quy định này đã cố gắng thể hiện tính công khai, dân chủ, thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", nhằm mục đích để nhân dân trực tiếp giám sát cán bộ điều hành, hạn chế những hành vi tiêu cực, giảm bớt phiền hà cho nhân dân. Tuy nhiên vấn đề nhà, đất nói riêng và quản lý đô thị nói chung là rất phức tạp. Các quy định đã ban hành chắc chắn chưa thể giải quyết được mọi vấn đề. Vì vậy sự hỗ trợ của các cơ quan trung ương, của các cấp, các ngành trong lúc này để chỉ đạo, triển khai, rút kinh nghiệm là một yếu tố rất quan trọng, giúp cho Hà Nội tháo gỡ dần những khó khăn trong vấn đề bức xúc này.

3 - Vấn đề cán bộ, đảng viên :

Công nghiệp hóa - hiện đại hóa là sự nghiệp cách mạng vĩ đại của toàn Đảng toàn dân ta trong giai đoạn hiện nay. Do nhận thức đúng nên tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên đã thực hiện tốt các chủ trương chính sách đã ban hành.

Riêng trong lĩnh vực quản lý đô thị, hàng ngày trên địa bàn thành phố xuất hiện nhiều vấn đề phải giải quyết về đất đai, di dân, giải phóng mặt bằng, đền bù, hỗ trợ, cấp đất cho khu định cư mới v.v... Những vấn đề đó liên quan trực tiếp đến quyền lợi của từng người, từng gia đình, từng cơ quan. Thực tế vừa qua cho thấy ở nơi nào cán bộ, đảng viên có nhận thức đúng, chí công vô tư, gương mẫu thực hiện và vận động nhân dân cùng thực hiện thì ở nơi đó dù gặp phải những khó khăn rất lớn nhưng rồi cũng giải quyết được. Nhân dân yên tâm, tin tưởng vào đảng, vào chính quyền. Ngược lại, ở một số nơi, một số cán bộ, đảng viên (kể cả cán bộ, đảng viên thuộc các cơ quan trung ương trên địa bàn Hà Nội) do nhận thức chưa đầy đủ hoặc do những động cơ cá nhân, tư lợi đã không gương mẫu chấp hành. Một số cán bộ, đảng viên có chức có quyền vì mục đích tư lợi đã xử lý thiếu công bằng, sách nhiễu nhân dân, tham ô, hối lộ... gây sự phẫn nộ trong dân, dẫn đến những vụ kiện tụng kéo dài. Ở một số nơi khi có những tình hình khó khăn xảy ra, vai trò của chính quyền, tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng rất mờ nhạt, cán bộ, đảng viên đôi khi còn lẩn tránh, thậm chí có trường hợp còn giấu mặt xúi dục quần chúng chống lại hoặc gây khó khăn cho việc thực hiện các chủ trương, chính sách. Những hành vi đó làm xói mòn lòng tin của dân, làm phương hại đến uy tín của Đảng, làm giảm hiệu lực của chính quyền nhà nước.

Trước thực trạng đó, nhiệm vụ quan trọng của các cấp bộ đảng, chính quyền Thủ đô hiện nay là kịp thời đề ra các chủ trương thích hợp và các biện pháp thực thi có hiệu quả. Trước hết đảng bộ thành phố và các cấp tăng cường giáo dục, tuyên truyền để nâng cao giác ngộ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, yêu cầu họ trước hết phải gương mẫu thực hiện tốt các chủ trương chính sách. Với những cán bộ, đảng viên cố tình vi phạm hoặc lợi dụng chức quyền để tư lợi, tham nhũng sẽ có biện pháp xử lý kiên quyết, kịp thời.

Nhìn lại sự phát triển Thủ đô, nhân dân Hà Nội phấn khởi, tự hào về những đổi thay lớn lao của Hà Nội. Nhiệm vụ trước mắt còn rất nặng nề và khó khăn nhưng dưới sự lãnh đạo và quan tâm trực tiếp của Trung ương Đảng, Chính phủ, đảng bộ và nhân dân Hà Nội quyết tâm vững bước trên con đường đổi mới, thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa để Hà Nội mãi mãi xứng đáng là Thủ đô của đất nước Việt Nam anh hùng. ❑

Digitized by Google

CÀ MAU HƯỚNG TỚI NĂM 2000

ĐẶNG THÀNH HỌC *

THỰC hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX, tỉnh Cà Mau được tách từ tỉnh Minh Hải, đi vào hoạt động theo đơn vị hành chính mới từ ngày 1-1-1997.

Ở cực nam của Tổ quốc, Cà Mau là tỉnh thuộc vùng nhiệt đới cận xích đạo ; khí hậu ôn hòa, rất thuận lợi cho việc phát triển nền kinh tế nông nghiệp đa dạng, với các thế mạnh : nông - lâm - nghiệp, thủy - hải sản và công nghiệp chế biến. Tỉnh Cà Mau có 7 đơn vị hành chính ; thị xã Cà Mau là trung tâm tỉnh ly ; diện tích tự nhiên là 5 204 km^2 ; có bờ biển dài 254 km ; số dân gần 1,1 triệu người.

Cà Mau nằm trong vùng trọng điểm lương thực, thực phẩm, thủy - hải sản và kinh tế biển của cả nước, có nhiều thuận lợi về diện tích đất đai, dân số và nguồn tài nguyên đa dạng ; có trữ lượng hải sản rất lớn. Quỹ đất nông nghiệp, nguồn lao động dồi dào còn cho phép khai thác nhiều hơn, hiệu quả lớn hơn nếu được đầu tư vốn, khoa học - công nghệ phù hợp và đúng mức. Công nghiệp chế biến thủy sản phát triển khá. Nền kinh tế, xã hội phát triển tương đối ổn định, tạo được một số cơ sở vật chất ban đầu, quốc phòng, an ninh được giữ vững ; nội bộ đoàn kết nhất trí, bộ máy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân được củng cố và phát triển.

Tuy nhiên, những khó khăn mà đảng bộ, quân và dân Cà Mau phải phấn đấu vượt qua trong thời gian tới cũng hết sức nặng nề. Đó là cơ cấu kinh tế chung chủ yếu vẫn là kinh tế nông nghiệp, tỷ trọng kinh tế công nghiệp và dịch vụ còn rất nhỏ. Trình độ sản xuất, trình độ dân trí còn thấp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội rất thấp kém, đã hạn chế không nhỏ khả năng thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài. Tài nguyên rừng bị suy thoái nặng nề, môi trường bị ô nhiễm tới mức đáng báo động. Sự chênh lệch về mọi mặt giữa các vùng, các khu vực còn một khoảng cách khá xa. Thủy sản có giá trị kinh tế đáng kể của tỉnh là tôm nuôi, bị dịch bệnh kéo dài nhiều năm, đến nay phục hồi chậm, chưa ổn định. Một số nông sản hàng hóa thị trường tiêu thụ còn bấp bênh. Về mặt chủ quan, cũng còn những non yếu, hạn chế trong lãnh đạo và quản lý nền kinh tế, xã hội vận hành theo cơ chế mới ; tổ chức kinh tế hợp tác và hợp tác xã trên một số lĩnh vực vẫn chưa được quan tâm đúng mức, v.v...

Xuất phát từ tình hình trên, thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, kế thừa Nghị quyết Đại hội X của đảng bộ tỉnh Minh Hải, đảng bộ và nhân dân Cà Mau xác định nhiệm vụ, mục tiêu tổng quát từ nay đến năm 2000 là : Giữ vững ổn định chính trị, kiên định mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội, nắm bắt thời cơ, vượt qua những thách thức, khai thác những thuận lợi để phát triển kinh tế với nhịp độ nhanh, vững chắc, có hiệu quả hơn ; tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa , hiện đại hóa và phát triển toàn diện nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Tạo chuyển biến mạnh về văn hóa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Bảo vệ vững chắc quốc phòng, an ninh. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của bộ máy Nhà nước góp phần cùng cả nước thực hiện đạt và vượt các nhiệm vụ mục tiêu do Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đề ra, tạo tiền đề cho bước phát triển nhanh hơn trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Đến năm 2000, tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) bình quân đầu người khoảng 350 - 400 USD. Nhịp độ tăng GDP bình quân hằng năm 9 - 9,5%, sản

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Cà Mau

Digitized by Google

xuất nông - lâm nghiệp tăng 7%, thủy - hải sản 5,5%, công nghiệp 12%, dịch vụ 12%. Sản lượng lương thực khoảng 850 000 tấn, sản lượng thủy - hải sản 160 000 tấn ; kim ngạch xuất khẩu khoảng 140 triệu USD. Hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp là 60%, công nghiệp, xây dựng 20%, dịch vụ 20%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hạ xuống còn khoảng 1,8%.

Để thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu trên, đảng bộ và quân dân Cà Mau phải tiến hành rất nhiều việc, trong đó nhiệm vụ cấp bách là tập trung đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; trước hết là phát triển toàn diện nông nghiệp và nông thôn ; tăng cường công tác xây dựng Đảng.

Năm 1997, về sản xuất nông nghiệp, nhân dân Cà Mau đã và đang tích cực đổi mới và chuyển mạnh cơ cấu giống vật nuôi và cây trồng, cơ cấu mùa vụ, nhất là đẩy mạnh tiến độ khảo nghiệm, phổ biến và sử dụng giống lúa phẩm cấp cao, có giá trị xuất khẩu, tạo dựng và mở rộng mô hình sản xuất lúa đông xuân, đưa màu xuống ruộng, cải tạo vườn tạp. Việc chỉ đạo kiểm tra công tác quản lý bảo vệ rừng ngập mặn, bãi bồi, phòng chống cháy rừng tràm được tăng cường một bước quan trọng. Tỉnh đã tích cực xử lý các vụ vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng, nên kỷ cương từng bước được lập lại. Nghề khai thác biển xa bờ có chuyển biến quan trọng. Một số địa phương bước đầu đã quan tâm tổ chức lại sản xuất nghề cá, hình thành một số hợp tác xã nhằm huy động vốn, tay nghề của ngư dân, cùng với sự hỗ trợ tín dụng dài hạn của Nhà nước, đóng mới phương tiện lớn vươn ra đánh bắt ngoài khơi. Mấy năm nay, tình trạng tôm nuôi chết hàng loạt gây thiệt hại cho dân trong tỉnh hàng ngàn tỉ đồng. Để khắc phục tình trạng này, bằng các biện pháp tổng hợp, địa phương đã tích cực xử lý các vụ chặt phá rừng, lấn chiếm bãi bồi, nhất là từng bước trả lại môi trường tự nhiên vùng bãi bồi Đất Mũi - nơi được coi là "mỏ tôm giống" của cả vùng ; tăng cường các biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ ; tích cực vận động nhân dân trồng lại rừng ; đẩy mạnh công tác khuyến ngư, ứng dụng khoa học - kỹ thuật trong nuôi trồng, kiểm soát nguồn tôm giống nhập để tránh dịch bệnh... Nhờ vậy, tôm nuôi đang có xu hướng hồi phục, góp phần bảo đảm nguyên liệu cho hàng chục nhà máy đông lạnh của khu vực tiếp tục hoạt động ổn định. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm nay có khả năng đạt mức 100 triệu USD.

Nổi bật trong phong trào xây dựng nông thôn thời gian qua là phong trào "toàn dân làm giao thông". Cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, phát động nhân dân, huy động nguồn lực lao động và sự đóng góp phối hợp tại chỗ là chính, có sự hỗ trợ một phần của nhà nước xây dựng giao thông nông thôn kết hợp với thủy lợi, thủy nông nội đồng và xây dựng khu dân cư. Phong trào này đã được nhân dân tích cực hưởng ứng, trong đó đông đảo các lực lượng đoàn thanh niên, quân đội tham gia làm nòng cốt. Số người tham gia, số ngày công và khối lượng đất đào đắp kênh, đường, làm cầu... gấp nhiều lần so với các năm trước, đã tạo nên những công trình có chất lượng phục vụ sản xuất, đời sống, trực tiếp góp phần đổi mới bộ mặt nông thôn. Những địa phương có phong trào khá là các huyện Cái Nước, Đầm Dơi, U Minh và thị xã Cà Mau.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện chính sách xã hội có nhiều chuyển biến tốt. Đặc biệt, trong dịp kỷ niệm 50 năm ngày thương binh - liệt sĩ, Tỉnh ủy đã chỉ đạo cấp ủy, chính quyền, mặt trận, đoàn thể nhân dân các cấp mở đợt tuyên truyền sâu rộng trong toàn đảng, toàn quân, toàn dân truyền thống cách mạng vẻ vang, sự hy sinh anh dũng vì sự nghiệp độc lập, tự do của Tổ quốc, của nhân dân ta, nhất là các thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ. Tiếp tục phát huy truyền thống "đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" của dân tộc, tỉnh đã mở đợt vận động xây dựng quỹ "đền ơn đáp nghĩa" và kết quả thu được 3,5 tỉ đồng, đã tiến hành sửa chữa, xây dựng mới trên 300 căn nhà tình nghĩa, nâng cấp nghĩa trang, sửa sang mộ liệt sĩ, thực hiện tốt chính sách với thương binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng.

Về công tác xây dựng Đảng, đảng bộ đã tập trung sắp xếp ổn định bộ máy của các cơ quan đảng, nhà nước, các đoàn thể nhân dân và các doanh nghiệp nhà nước ngay sau khi tái lập tỉnh,

Digitized by Google

đã đi vào hoạt động nhịp nhàng. Tiếp tục cử cán bộ đi đào tạo, đào tạo lại tại các trường ở trung ương, mở các lớp trung cấp chính trị tập trung, tại chức, bồi dưỡng phát triển đảng ở các trường đảng tỉnh, huyện, thị cho hàng ngàn học viên ; đã kết nạp được gần 400 người vào Đảng, thực hiện đúng tiến độ việc học tập và quán triệt Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, các nghị quyết Hội nghị Trung ương tới cán bộ, đảng viên và các đoàn thể nhân dân. Tập trung lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X và bầu bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong tỉnh đúng luật định và đạt kết quả cao...

Thời kỳ từ nay đến năm 2000, trong điều kiện kinh tế nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu của nền kinh tế của tỉnh, thì trọng tâm tiến hành công nghiệp hóa , hiện đại hóa nền kinh tế là tiếp tục đẩy mạnh tiến độ công nghiệp hóa , hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn cả về bề rộng lẫn chiều sâu, nhất là ở những mắt xích, những khâu quan trọng. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa sản xuất, chế biến theo hướng đa dạng hóa nền kinh tế nông nghiệp với mức tăng trưởng cao, bền vững. Phát triển một cách hợp lý về cơ cấu và gắn kết hài hòa giữa nông, lâm nghiệp với thủy sản trong nền kinh tế chung, cũng như trên từng vùng, tiểu vùng sinh thái, để chúng không triệt tiêu nhau, mà còn hỗ trợ nhau phát triển liên tục, bền vững, làm tăng giá trị, hiệu quả nền kinh tế nông nghiệp, nông thôn, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Hướng công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn ở Cà Mau trong những năm tới là xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái ; tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ sinh học để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao hàm lượng chế biến ; phát triển dịch vụ cung ứng phục vụ sản xuất, mở rộng mạng lưới tiêu thụ và xuất khẩu ; đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, tăng vụ kết hợp đa canh với phát triển chuyên canh các vườn cây ăn trái, tăng diện tích trồng màu và phát triển mạnh chăn nuôi ; chuyển từng bước việc nuôi tôm, cá theo quy hoạch ; chủ động tạo nguồn giống và đưa tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất ; phát triển đánh bắt ngoài khơi... tạo ra nguồn nguyên liệu lớn tại chỗ phục vụ cho phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, nâng giá trị gia tăng của sản phẩm và nâng cao thu nhập.

Để thực hiện hiệu quả chủ trương đó, đảng bộ chúng tôi xác định giải pháp quan trọng nhất là phải huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực hiện có và chắc chắn sẽ có. Trước hết tỉnh quy hoạch, khai thác sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất đai, rừng, biển, lực lượng lao động nói chung và lực lượng cán bộ khoa học, kỹ thuật nói riêng, nguồn vốn và kinh nghiệm quản lý, kinh doanh của các thành phần kinh tế. Trong ba năm tới, cần chọn lựa, đầu tư tập trung và thực hiện với hiệu quả cao một số chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng : điện khí hóa nông thôn, thủy lợi gắn với giao thông, trường học, bệnh viện, trạm y tế và nước sinh hoạt. Để tạo thế cho nông nghiệp có bước nhảy vọt trong vài ba năm tới, cần ưu tiên thực hiện đồng bộ các công trình thuộc vùng ngọt hóa Quản lộ Phụng Hiệp, đưa nước ngọt về huyện Thới Bình, một phần thị xã Cà Mau, công trình hồ rừng U Minh, nâng cấp hệ thống đê biển, đê sông vùng lúa đặc sản xuất khẩu Cái Nước, Trần Văn Thời ; ưu tiên đầu tư tương xứng công nghệ sinh học, cơ giới hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Hiện nay hệ thống giao thông bộ của tỉnh còn rất yếu kém. Một số tuyến đường quan trọng bị địch đánh phá, hoặc ta chủ động phá để ngăn chặn địch trong thời kỳ chiến tranh, nay vẫn chưa được nối lại. Quốc lộ 1A trên địa bàn tỉnh chỉ có 13 km được trải thảm nhựa. Ngoài thị xã Cà Mau, sáu huyện còn lại chưa có đường ô tô đến huyện. Do vậy, cần đầu tư thích đáng cho việc phát triển giao thông, nối liền các trung tâm huyện, xã, khu dân cư với các tuyến giao thông chính, kết hợp kinh tế với quốc phòng, tạo điều kiện thuận lợi khai thác hiệu quả các vùng nhiều tiềm năng như Ngọc Hiển, Cái Nước, Trần Văn Thời, U Minh... Chúng tôi kiến nghị nhà nước tập trung đầu tư sớm hoàn thành quốc lộ 1A đoạn Cà Mau - Năm Căn, đẩy nhanh tiến độ xây dựng quốc lộ 63 nối Cà Mau - Kiên Giang ; nâng cấp, mở rộng sân bay Cà Mau, khôi phục sân bay Năm Căn.

Là vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ địa suốt cả hai cuộc kháng chiến chống thực dân, cơ sở

Digitized by Google

trường lớp cho con em học đang gặp nhiều khó khăn. Đến nay, toàn tỉnh vẫn còn 50% số trường lớp xây dựng tạm bợ, gần 500 lớp học ca ba. Sau khi tái lập tỉnh thiếu hàng ngàn giáo viên các cấp, cán bộ trung cấp quản lý kinh tế, kỹ thuật nhưng ở Cà Mau không có trường cao đẳng sư phạm, trường trung học quản lý kinh tế - kỹ thuật. Chủ trương của địa phương là phải làm sao trong thời gian ngắn nhất huy động tích cực sự đóng góp của nhân dân, cùng với nhà nước phấn đấu xây dựng thêm trường kiên cố, bán kiên cố, đồng thời xây dựng trường lớp bằng vật liệu địa phương nhưng phải bảo đảm chắc chắn, cao ráo, thoáng mát ; đầu tư thêm trang thiết bị cần thiết cho trường học các cấp. Chúng tôi mong muốn nhà nước sớm đầu tư cho tỉnh xây dựng trường cao đẳng sư phạm, trung tâm đào tạo kỹ thuật nông - lâm - ngư nghiệp và công nghệ thông tin.

Hiện nay, phần lớn nhà ở của nhân dân trong tỉnh, nhất là vùng nông thôn sống chủ yếu ven các tuyến kênh rạch, còn nhiều khó khăn. Để giải quyết hiệu quả vấn đề cấp bách đó, trên cơ sở quy hoạch tỉnh tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân tiết kiệm, tích lũy tiền vốn, hợp tác thực hiện chương trình nhà ở nông thôn ; đồng thời, phát động phong trào đưa dần hộ dân ở nơi hẻo lánh ra các tuyến, cụm dân cư tập trung, thúc đẩy quá trình đô thị hóa nông thôn.

Đảng bộ Cà Mau luôn xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt. Đó cũng là yêu cầu có tính tất yếu xuất phát từ sự phát triển của thực tiễn ở Cà Mau. Vì vậy, phải tiếp tục tăng cường công tác xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ mới. Trước mắt chúng tôi tập trung đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nhằm nâng cao năng lực và sức chiến đấu của đảng bộ các cấp, xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo.

Đảng bộ chúng tôi đặc biệt dành sự quan tâm thích đáng nhằm xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược con người, chiến lược cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 và 3. Bởi lẽ, không có gì khác hơn nguồn lực con người là quý báu nhất, công tác cán bộ và cán bộ có vai trò quyết định bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa , hiện đại hóa ở Cà Mau. Ngay từ bây giờ, chúng tôi tiếp tục tiến hành một cách hệ thống công tác bồi dưỡng, giáo dục và đào tạo nhằm xây dựng một lớp người mới giàu lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có đức, có tài, có nhân cách cao đẹp, có bản lĩnh ngang tầm với sự nghiệp đổi mới của đất nước, có ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho quê hương, đất nước. Trên cơ sở đó, đảng bộ các cấp sẽ lựa chọn, sử dụng, đề bạt những người có đức, có tài, trọng dụng nhân tài trong và ngoài Đảng, nhất là cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc... phục vụ cho yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng.

Song song với công tác đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đảng bộ chúng tôi hết sức chú trọng đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, củng cố quan hệ giữa Đảng với nhân dân theo ý nghĩa là quan hệ máu thịt, coi đây là một trong những bài học to lớn quyết định sự thành bại đối với công cuộc đổi mới ở Cà Mau. Giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, truyền thống cách mạng ; tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước phải trở thành những công việc thường trực, liên tục, tiến hành dưới mọi phương thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở. Thông qua các tổ chức đoàn thể chính trị phát động phong trào cách mạng sôi nổi, liên tục trong quần chúng thi đua lao động sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn ; thiết thực giúp nhau xóa đói giảm nghèo, chăm sóc gia đình chính sách ; xây dựng và thực hiện tốt phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư.

Những nhiệm vụ và giải pháp nêu trên có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội Cà Mau từ nay đến năm 2000. Nó đòi hỏi toàn thể đảng bộ đoàn kết một lòng, phát huy trí tuệ của toàn đảng, toàn dân ra sức khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và các mục tiêu kinh tế - xã hội của đảng bộ tỉnh đề ra, tạo tiền đề vững chắc để Cà Mau cùng với cả nước bước vào thế kỷ XXI.❑

Digitized by Google

VĨNH PHÚC PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VỮNG BƯỚC ĐI LÊN

BÙI HỮU HẢI*

VĨNH Phúc - hai từ đẹp đẽ ấy được hình thành từ khi hai tỉnh Vĩnh Yên và Phúc Yên sáp nhập với nhau năm 1950.

Vĩnh Phúc nơi có kinh đô của Trưng nữ Vương từ đầu thiên niên kỷ thứ nhất sau công nguyên, một vùng quê có bề dầy lịch sử chống giặc ngoại xâm, giàu trí sáng tạo trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; nơi có khu nghỉ mát Tam Đảo nổi tiếng, nơi có nhiều tiềm năng để khơi dậy, phát triển trong thời kỳ xây dựng mới.

Gần 29 năm hợp nhất với tỉnh Phú Thọ cùng xây dựng tỉnh chung Vĩnh Phú, cán bộ và nhân dân Vĩnh Phúc đã không quản khó khăn, luôn đồng tâm hợp sức làm cho tỉnh Vĩnh Phú ngày càng thay da đổi thịt, góp phần xứng đáng vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đầu năm 1997 tỉnh Vĩnh Phúc được tái lập. Nhìn lại mình sau 10 năm đổi mới, nhất là từ năm 1990 lại đây, Vĩnh Phúc đã có những tiến bộ đáng mừng, nhưng cũng còn nhiều khó khăn, yếu kém. Những tiến bộ nổi rõ là : kinh tế phát triển liên tục, tương đối toàn diện với tốc độ khá cao. Nông nghiệp đã giải quyết khá vững chắc về lương thực với mức bình quân trên 300kg/người, đang chuyển sang sản xuất hàng hóa và nâng cao giá trị thu nhập. Công nghiệp quốc doanh bước đầu được sắp xếp lại thích ứng dần với cơ chế thị trường ; công nghiệp ngoài quốc doanh năng động và đa dạng hơn ; công nghiệp có vốn nước ngoài gần đây được đầu tư khá, tạo tiền đề đẩy nhanh nhịp độ phát triển và thay đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh trong thời gian tới. Cơ sở hạ tầng có bước phát triển khá : 97,3% số xã với 77,8% số hộ được dùng lưới điện quốc gia ; 128/148 xã, phường đã có máy điện thoại ; tuyến giao thông chính và một số cầu quan trọng được nâng cấp, cải tạo ; giao thông nông thôn đang từng bước phát triển. Giáo dục phổ thông tăng nhanh, mạng lưới y tế và công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân thuận lợi hơn, đời sống nhân dân được cải thiện nhiều mặt. Trong bối cảnh có nhiều phức tạp, nhưng an ninh chính trị được giữ vững, công tác xây dựng Đảng, Nhà nước và hoạt động của các đoàn thể nhân dân từng bước được đổi mới. Tuy nhiên, về cơ bản Vĩnh Phúc vẫn là một tỉnh nghèo, mang tính thuần nông, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển chậm, chất lượng kém. Đời sống nhân dân còn khó khăn, thu nhập tính theo đầu người còn thấp xa so với bình quân chung của cả nước, thu ngân sách mới trang trải được 40% kế hoạch chi. Tỉnh mới tái lập nhu cầu đầu tư xây dựng rất lớn, song nguồn lực để đáp ứng rất khó khăn. Nguồn nhân lực qua đào tạo còn thấp, đội ngũ cán bộ còn mỏng. Hệ thống chính trị chưa được củng cố, xây dựng ngang tầm với nhiệm vụ đặt ra.

Bước vào thời kỳ mới - thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Vĩnh Phúc có những thuận lợi, nhưng cũng có không ít khó khăn. Xuất phát từ thực tiễn của tỉnh, từ nhiệm vụ chung của cả nước, Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Phúc không có sự lựa chọn nào khác là phải tăng cường đoàn kết, phát huy truyền thống tốt đẹp đã có, tranh thủ thời cơ, năng động sáng tạo, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, nhất là đối với công nghiệp, sớm thoát khỏi tình trạng thuần nông, tạo tiền đề cho sự phát triển vững chắc, ổn định sau năm 2000, thu hẹp khoảng cách so với bình quân chung cả nước ; chuyển nền kinh tế theo cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp và dịch vụ. Phát triển kinh tế đi liền với bảo vệ môi trường sinh thái, phát huy tiềm lực của các thành phần kinh tế để khai thác được mọi tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Kết hợp tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, giải quyết tốt hơn việc làm, nâng cao đời sống nhân dân, xóa hộ đói, giảm hộ nghèo. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc

Digitized by Google

quốc phòng, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội.

Những năm tới, tỉnh Vĩnh Phúc sẽ tập trung mọi nguồn lực để giải quyết tốt những vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội sau đây :

- Phát triển nông nghiệp theo hướng bảo đảm an toàn lương thực, đồng thời chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa trên cơ sở thâm canh, nâng cao tính hiệu quả và bền vững. Trong sản xuất lương thực cần thâm canh cao trên diện tích lúa 2 vụ chắc chắn, mở rộng diện tích màu vụ đông. Chuyển mạnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi sang các cây con có giá trị kinh tế cao, phát triển mạnh cây ăn quả vùng đồi, hướng nông nghiệp phục vụ cho thị trường đô thị, khu công nghiệp và vùng Tây Bắc. Chú trọng đưa các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nhất là chế độ canh tác, các biện pháp sinh học, công tác thủy lợi, từng bước cơ khí hóa nông nghiệp. Khuyến khích phát triển kinh tế hộ đi đôi với phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, đổi mới và tổ chức lại các hợp tác xã nông nghiệp cũ, củng cố và phát huy vai trò của các đơn vị kinh tế quốc doanh trực tiếp tác động với nông nghiệp.

- Tập trung phát triển công nghiệp với tốc độ cao theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tốc độ phát triển kinh tế của Vĩnh Phúc trong năm tới phụ thuộc rất lớn vào sự tăng trưởng của công nghiệp. Trong điều kiện của một tỉnh còn nghèo, cần phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để các đối tác ở tỉnh ngoài, nước ngoài vào đầu tư, vận dụng sáng tạo và có chính sách cụ thể khuyến khích công nghiệp, thủ công nghiệp ngoài quốc doanh phát triển ; tiếp tục củng cố, sắp xếp lại công nghiệp quốc doanh đi liền với đổi mới thiết bị, công nghệ trên cơ sở khẳng định rõ tính hiệu quả.

Bên cạnh công nghiệp, du lịch dịch vụ là ngành kinh tế có điều kiện phát triển và có vị trí quan trọng đối với tỉnh Vĩnh Phúc cần được tập trung chỉ đạo.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng và đô thị đang là đòi hỏi bức xúc. Hướng tập trung chủ yếu là thị xã Vĩnh Yên, các khu công nghiệp, du lịch. Các ngành cần đầu tư là giao thông đô thị, các tuyến đường chiến lược ; tăng thêm nguồn điện đi liền với cải tạo nâng cấp và mở rộng mạng chuyển tải ; giải quyết việc cấp, thoát nước cho đô thị, các khu công nghiệp và du lịch ; phát triển nhanh bưu chính viễn thông, bảo đảm thông tin thông suốt liên tục trong nước và với quốc tế ; đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục, y tế, từng bước xây dựng công sở cho các cơ quan, trụ sở giao dịch cho các đơn vị kinh tế.

- Tập trung phát triển mạnh sự nghiệp giáo dục đào tạo. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đồng thời chú trọng xây dựng những vùng, những trường trọng điểm chất lượng cao. Mở quy mô bệnh viện đa khoa tỉnh và các bệnh viện khác phù hợp với yêu cầu của tỉnh mới. Củng cố mạng lưới y tế cơ sở, tăng thêm thiết bị hiện đại cho ngành y tế đi liền với nâng cao trách nhiệm và chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân, mở rộng và thực hiện tốt công tác bảo hiểm y tế. Thực hiện tốt hơn công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tích cực phát triển đi liền với quản lý chặt chẽ sự nghiệp văn hóa, thông tin vừa đáp ứng yêu cầu hưởng thụ ngày càng cao của quần chúng, vừa đảm bảo tính lành mạnh của xã hội. Một vấn đề quan trọng cần phải được thường xuyên quan tâm đó là việc thực hiện chính sách đối với người có công, là sự giúp đỡ của nhà nước và cộng đồng với người nghèo, là các hoạt động nhân đạo, từ thiện đối với những người gặp hoàn cảnh khó khăn.

Để thực hiện được nhiệm vụ và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội nêu trên, vấn đề quan trọng là nguồn vốn và yếu tố con người. Dự kiến nhu cầu đầu tư từ nay đến năm 2000 trên địa bàn tỉnh cần tới 5 - 6 ngàn tỉ đồng trong đó phải thu hút được nguồn vốn từ nước ngoài (chiếm khoảng 50 - 60%). Phải sử dụng cơ chế, chính sách để động viên, khai thác vốn trong dân đầu tư vào sản xuất, dịch vụ ; tăng nhanh nguồn vốn tín dụng, dành tỷ lệ ngày càng cao trong chi ngân sách cho xây dựng cơ bản và sự nghiệp kinh tế, tranh thủ vốn tập trung của Nhà nước và sự giúp đỡ của các ngành trung ương ; vốn ODA, FDI ; vốn viện trợ, tài trợ của các tổ chức quốc tế.

Để đảm bảo nguồn nhân lực của thời kỳ mới phải kết hợp đồng bộ giữa giáo dục - đào tạo và sử dụng, tạo việc làm cho người lao động. Phấn đấu đến năm 2000, có 18% số lao động được đào tạo và đào tạo lại. Vấn đề nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, kiến thức kinh tế, pháp luật cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành, các doanh nghiệp đang được đặt ra cấp bách.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, thử thách trong bước đường đi tới, nhưng với những kết quả đã đạt được những lợi thế có thể khai thác, với trách nhiệm của tập thể và của mỗi người, nhất định Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Phúc sẽ vượt qua được mọi trở ngại, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.❑

Digitized by Google

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA VÀ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

HỒNG LONG

Với Cách mạng Tháng Mười Nga, quyền sống và tự do hạnh phúc của người lao động là giá trị mới mở đầu thế kỷ XX.

Ngày nay, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đang được một số người xem như sự phủ định Cách mạng Tháng Mười. Họ không nhìn thẳng được vào giá trị to lớn của Cách mạng Tháng Mười ở quá khứ sôi động làm nên đặc điểm của thế kỷ cũng như ở ngay hiện thực đang kết thúc thế kỷ XX và mở ra thế kỷ XXI.

Điểm đột phá lịch sử

Quyền sống và tự do hạnh phúc của con người là đề tài của mọi thời đại của loài người trên trái đất.

Song quyền sống và tự do hạnh phúc của người lao động không phải ở thời đại nào và bất cứ lúc nào cũng được đặt ra và xem xét đúng đắn.

Chủ nghĩa tư bản ra đời là bước phát triển mới của xã hội loài người, vừa thực hiện công cuộc giải phóng người lao động từ chế độ nô lệ phong kiến, vừa tạo ra khối lượng của cải to lớn và nền văn minh của xã hội loài người. Chủ nghĩa tư bản lại đưa người lao động vào những quan hệ mới, quan hệ tự do bán sức lao động, quan hệ lạnh lùng của uy lực đồng tiền.

Nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản, Mác đã phát hiện ra quy luật giá trị thặng dư, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xây dựng học thuyết về chủ nghĩa xã hội khoa học, đấu tranh cho sự ra đời của một chế độ xã hội mới vượt lên trên những hạn chế của bản thân chủ nghĩa tư bản và cách mạng dân chủ tư sản.

Những thập kỷ cuối của thế kỷ XIX và mở đầu của thế kỷ XX vừa là bước phát triển mới của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới với chủ nghĩa đế quốc, vừa là cuộc đấu tranh mới của các lực lượng tiến bộ xã hội trong chính yêu cầu về phát triển những luận điểm của Mác về chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Tháng Mười Nga thành công đã thức tỉnh những người bị áp bức, bị bóc lột, thức tỉnh giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và loài người tiến bộ về quyền sống và tự do, hạnh phúc chân chính của con người, của người lao động của các dân tộc. Cách mạng Tháng Mười đã lập nên kiểu nhà nước mới của người lao động, đặt nền móng ban đầu cho việc xây dựng một chế độ xã hội mới vì quyền sống và tự do hạnh phúc ấy. Cách mạng Tháng Mười đã tạo nên những giá trị văn hóa tinh thần mới, những giá trị đạo đức và nhân văn mới trong mối quan hệ "người với người là bạn", xua đi những lo âu tích lũy từ ngàn đời về những số phận nghiệt ngã hầu như không có lối thoát...

Điều lớn hơn cả là, Cách mạng Tháng Mười Nga vừa là thắng lợi của cuộc đấu tranh lịch sử như phát hiện của Mác được Lê-nin nối tiếp, vừa là *điểm đột phá lịch sử* vào trật tự xã hội đã được chủ nghĩa tư bản an bài trên số phận của con người, của người lao động, của nhiều dân tộc, nhiều quốc gia trên toàn thế giới, mở ra thời đại mới của lịch sử loài người trên trái đất : thời đại không phải chỉ có chủ nghĩa tư bản mà còn có một chế độ xã hội mới đang ra đời và đang được xây dựng, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

Chủ nghĩa tư bản là hệ thống kinh tế - xã hội với quá trình phát sinh, phát triển không đơn giản ở mỗi quốc gia dân tộc cũng như trên toàn thế giới. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn mới với những *tập đoàn tư bản tài chính* thực hiện *độc quyền nhà nước*, mở rộng phạm vi ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc, xuất khẩu tư bản và thực hiện quyền uy của chủ nghĩa tư bản ở khắp mọi miền trên trái đất. Từ trật tự kinh tế - xã hội đã hình thành như thế với những thể chế và sức mạnh của bộ máy thống trị được xây dựng hàng thế kỷ, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga có vị trí *bước ngoặt* trong lịch sử. Thứ nhất là *trật tự kinh tế xã hội* được chủ nghĩa tư bản xác lập trên toàn thế giới với sức mạnh "bất khả xâm phạm" của nó, bị phá vỡ trên một không gian rộng lớn và bộ phận dân cư chiếm số đông trên thế giới. Thứ hai là *lực lượng xã hội trên cơ sở liên minh công nông với kiểu nhà nước mới của người lao động được hình thành* mở đầu quá trình xây dựng chế độ xã hội mới - chế độ xã hội chủ nghĩa.

Song, chủ nghĩa xã hội không phải là chế độ xã hội có thể có ngay với việc giành được chính quyền về tay nhân dân lao động, mà là "phong trào hiện thực" đấu tranh và lao động sáng tạo. Chủ nghĩa xã hội cũng không phải là sự đối lập siêu hình với chủ nghĩa tư bản mà trái lại, nó chỉ có thể sinh ra từ chính những điều kiện "xã hội hóa sức lao động" mà chủ nghĩa tư bản đã tạo ra. Chủ nghĩa xã hội cũng không phải là tự phát hoặc chủ quan duy ý chí, mà là quá trình sáng tạo có ý thức của giai cấp công nhân, của đông đảo nhân dân lao động tuân theo quy luật phát triển khách quan từ chính những điều kiện lịch sử của mỗi quốc gia, dân tộc. Quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội cũng không thể là thời gian ngắn, hoặc tạm thời theo ý muốn chủ quan nhiều loại, mà là cả một thời kỳ lịch sử theo quy luật vận động của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thích hợp xác định. Đặc trưng cơ bản của thời kỳ quá độ là sự xen kẽ và tác động biện chứng giữa những yếu tố khác nhau của chủ nghĩa tư bản và những yếu tố mới sinh ra về sự ra đời của chế độ xã hội cao hơn chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa - chế độ xã hội chủ nghĩa.

Cuộc khủng hoảng những năm 70 - 80

Cuộc khủng hoảng những năm 70 - 80 của thế kỷ là cuộc khủng hoảng của toàn thế giới nảy sinh từ sự phát triển của sức sản xuất xã hội ở trình độ mới trong mối quan hệ với những quan hệ sản xuất không thích ứng. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật mới, toàn diện, sâu sắc ở những thập kỷ 50 - 60, kết quả của trí tuệ loài người, của trình độ phát triển của sức sản xuất và đời sống kinh tế - xã hội đã tạo ra bước phát triển mới của sức sản xuất.

Song, tính chất và nội dung của cuộc khủng hoảng lại rất khác nhau đối với chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

Ở các nước tư bản phát triển, cuộc khủng hoảng 1973 - 1975 vượt xa quy mô và mức độ cuộc khủng hoảng lịch sử 1930 - 1932, không phải chỉ là khủng hoảng kinh tế, tổng khủng hoảng mà là khủng hoảng về cơ cấu của chủ nghĩa tư bản. Riêng ở Mỹ, so sánh cuộc khủng hoảng 1973 - 1975 với các cuộc khủng hoảng trước, độ kéo dài trước chỉ từ 6 đến 8 tháng, nay kéo dài 16 tháng ; mức suy giảm GDP từ 0,4% này là 4,1%, tỷ lệ thất nghiệp trước từ 6 - 7% nay là 9%. (1) Nghiên cứu về khủng hoảng cơ cấu ở Mỹ, có nhà kinh tế nhấn mạnh rằng "Những chấn động mang tính chất cơ cấu diễn ra trong suốt cả thập kỷ 70 như sự gia tăng của giá cả, tình hình năng lượng gay cấn, những yêu cầu về sự đổi mới các quá trình công nghệ, sự suy giảm của năng suất lao động và các quá trình tích lũy... là những nhân tố làm cho các cuộc khủng hoảng chu kỳ 1980 - 1982 có tỷ lệ thất nghiệp lên tới 10,8%. (2)

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, khủng hoảng nảy sinh và kéo dài không phải ở mỗi quốc gia riêng rẽ mà đối với cả hệ thống thế giới của chủ nghĩa xã hội ; không phải chỉ về mặt kinh tế - xã hội, mà ở ngay lý luận về chủ nghĩa xã hội. Cuộc khủng hoảng có những nguyên nhân chung của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, song lại có nhiều nguyên nhân khác nhau đối với mỗi nước,

(1) Đặc điểm chu kỳ khủng hoảng kinh tế ở Mỹ, Tạp chí *Khoa học kỹ thuật kinh tế* 31-8-1995

(2) Đặc điểm phát triển chu kỳ của nền kinh tế Mỹ..., Tạp chí *Thông tin khoa học xã hội* 1-1985

Digitized by Google

dẫn đến những mức độ khác nhau và sự đổ vỡ dây chuyền ở Đông Âu và Liên Xô.

Nguồn gốc và kết cục của cuộc khủng hoảng cũng không phải như nhau đối với hai chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Ở các nước tư bản cũng như cả hệ thống thế giới của chủ nghĩa tư bản, đó là cuộc khủng hoảng chu kỳ sinh ra từ bản chất của chủ nghĩa tư bản. Cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản cuối thế kỷ XIX là bước chuyển biến của chủ nghĩa tư bản sang giai đoạn mới của chủ nghĩa tư bản *độc quyền nhà nước*, kết thúc cả lịch trình dài của chủ nghĩa tư bản tự do. Trong cuộc khủng hoảng lần này, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn phát triển cao hơn của độc quyền tư bản tài chính với sự xuất hiện của các công ty *độc quyền xuyên quốc gia và siêu quốc gia* mở ra giai đoạn mới của *chủ nghĩa tư bản hiện đại.*

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, khủng hoảng có nguồn gốc từ việc các đảng cộng sản và công nhân không xây dựng được *vị trí làm chủ của nhân dân, của người lao động* trong việc *xây dựng kiểu nhà nước mới của người lao động.* Cách mạng Tháng Mười Nga có những đặc thù riêng trong điều kiện lịch sử cụ thể của mình. Song ý nghĩa phổ biến, ý nghĩa quốc tế của Cách mạng Tháng Mười Nga là nó mở đầu cho thời kỳ chuyển biến mới của lịch sử loài người - thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội như Mác đã dự đoán : "Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, trong đó Nhà nước không thể là cái gì khác hơn là *chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản"*. Ở Mác và kế tiếp theo là Lê-nin, cách mạng vô sản cũng như chuyên chính vô sản được sử dụng trong sự đối sánh với cách mạng tư sản và chuyên chính tư sản về căn bản là xây dựng *quyền làm chủ, trước hết là quyền làm chủ về kinh tế của người lao động* trải qua những cải biến cách mạng từ xã hội tư bản sang xã hội mới, xã hội chủ nghĩa. Trải qua trên nửa thế kỷ từ Cách mạng Tháng Mười, trong những chuyển biến phức tạp của lịch sử, cùng với những thành tích cơ bản đã giành được về chủ nghĩa xã hội, vì quyền sống và tự do hạnh phúc của người lao động, một bộ phận những người cộng sản ở vị trí then chốt của sự nghiệp cách mạng đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng, đối lập với quyền làm chủ của người lao động dưới danh nghĩa sai lầm về chuyên chính vô sản, không thực hiện được nhiệm vụ xây dựng kiểu nhà nước mới của người lao động theo nội dung đúng đắn của Mác về chuyên chính vô sản. Những sai lầm tích tụ dần dẫn đến khủng hoảng và đổ vỡ.

Sự đổ vỡ ở Liên Xô và Đông Âu làm thay đổi tình hình cơ bản đã được xác lập từ Cách mạng Tháng Mười, gây nên những nhận định và phán đoán do dự, bi quan, sai lạc về tình hình và khuynh hướng phát triển của thế giới hiện đại. Người thì viết "Tuyên ngôn cho một sự kết thúc của thế kỷ đen tối" (Max Gallo 1989), người thì cho rằng thế giới đang quay lại thời kỳ Trung thế kỷ và viết "Trung thế kỷ mới" (Alain Minc 1993), người thì tỏ ra bối rối, mất phương hướng nhận định và viết "Ngoài vòng kiểm soát, sự rối loạn toàn cầu bên thềm thế kỷ XXI"(Brezezinski 1993), người thì đi tìm lý thuyết mới như "Tổ quốc Địa cầu" (Morin 1993), "Sáng tạo một nền văn minh mới" (Toffler 1995)...

Tuy đổ vỡ nhưng vẫn còn những đất nước trụ lại như Trung Quốc, Cu Ba, Việt Nam... Ngay ở những đất nước đã đổ vỡ, những thành tựu, những giá trị có được từ Cách mạng Tháng Mười không thể mất đi dễ dàng. V.Pri-tu-la, phóng viên báo Pra-vđa viết: "...Chủ nghĩa xã hội vẫn sống, và những kẻ mong muốn chôn cất nó, rõ ràng đã quá vội vã". (3) Ngay ở Mỹ, nhiều học giả Mỹ không chấp nhận chủ nghĩa tư bản, trong đó có cả chủ nghĩa tư bản của Mỹ. Họ có cùng ý muốn phát triển và củng cố nền tảng lý thuyết của chủ nghĩa xã hội, và họ rất tin tưởng ở tương lai của chủ nghĩa xã hội" (4). Đại hội VIII của Đảng ta khẳng định : "Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại : loài người vẫn

(3) *Nhân dân chủ nhật*, ngày 4-9-1994

(4) *Nhân dân chủ nhật*, ngày 18-6-1995

Digitized by Google

đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội".

Từ khủng hoảng và chấn động lớn được tạo ra với sự sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu, một số người muốn phủ định mọi giá trị to lớn của Cách mạng Tháng Mười, làm ngơ trước hiện thực tự nó là sức mạnh khách quan bác bỏ mọi suy tính chủ quan và những mưu đồ lạc lõng ở thời điểm sôi động ngày nay của thế kỷ.

Sau Cách mạng Tháng Mười mọi con người, mỗi người lao động, các dân tộc bị áp bức, bị bóc lột, bị giam hãm trong mọi cảnh khốn cùng ở châu Âu, châu Á, châu Phi, Mỹ la tinh được thức tỉnh. Vì có sự thức tỉnh ấy mà đã có bao nhiêu đổi thay về cuộc sống của người lao động và nhiều dân tộc trên hành tinh. Cuộc khủng hoảng và sự đổ vỡ bản thân nó lại là bài học hiện thực và quý giá đưa sự thức tỉnh ấy lên tầm mới đi tiếp bước đi vững chắc hơn của lịch sử.

Sau Cách mạng Tháng Mười, sự đột phá quyết định trong trật tự xã hội và trật tự thế giới do chủ nghĩa tư bản xác lập trong lịch trình hàng bao nhiêu thế kỷ, làm thay đổi quan hệ quốc tế cơ bản giữa lao động và tư bản, giữa các dân tộc và quyền uy của chủ nghĩa tư bản, đưa vị trí của người lao động, của công nhân, nông dân, trí thức lên vị trí mới của lịch sử, làm nên đặc điểm nổi bật của thế kỷ. Từ khủng hoảng và sự đổ vỡ vừa qua, nhiều người nhẹ dạ bị dao động, ngập ngừng, do dự không đủ sức tỉnh táo để nhận thức đúng hiện thực. Nhưng lại có những người xấu, không những phủ định giá trị to lớn ấy của Cách mạng Tháng Mười mà còn ra sức xuyên tạc về cách mạng, về cách mạng vô sản, cách mạng xã hội chủ nghĩa, về chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Song lịch sử là cái khách quan trong chính hiện thực vận động xã hội với những sức mạnh riêng của nó. Khủng hoảng và sự đổ vỡ không thể xóa đi được sự đột phá ấy của Cách mạng Tháng Mười dẫn đến những thay đổi lớn trên hành tinh với những vị trí được xác lập của người lao động và nhiều dân tộc. *Ngày nay tương quan lực lượng đang được sắp xếp lại trong một thế trận mới, trong bước đi tiếp thuận chiều của lịch sử,* với những quanh co lịch sử "ngoài vòng kiểm soát". Những bài học được mở ra từ Cách mạng Tháng Mười được nhân lên theo chiều dài của bao nhiêu sự kiện đã diễn ra dưới ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của Cách mạng Tháng Mười là hiện thực và ghi dấu ấn sâu sắc trong nhiều lớp người và nhiều dân tộc không thể nào phai nhạt. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội có sức mạnh trong chính cuộc sống hiện thực sôi động ngày nay của thế kỷ từ chính quyền sống và tự do hạnh phúc của người lao động, của các dân tộc.

Cách mạng Tháng Mười và hệ quả của nó đã tạo lên sức mạnh của con người, làm nên lịch sử trong biện chứng lịch sử tạo ra con người. Trong khủng hoảng và sự đổ vỡ, người ta muốn phủ định Cách mạng Tháng Mười và tấn công vào các lực lượng cách mạng đã được tạo ra, với việc giành chính quyền và việc xây dựng kiểu nhà nước mới của nhân dân lao động. Họ phủ định dưới nhiều danh nghĩa như "bác bỏ chuyên chính vô sản, vì con người và vì các dân tộc không cần đến lý thuyết về giai cấp, nêu cao nhà nước pháp quyền không cần có Đảng, bác bỏ mô hình xô viết theo kiểu Đảng lãnh đạo nhà nước. ...".

Song hiện thực lại vô cùng bướng bỉnh từ chính những bài học được rút ra từ khủng hoảng và đổ vỡ đang tạo nên sức mạnh mới.

Thế giới hiện đại - Chủ nghĩa tư bản hiện đại và con đường Cách mạng Tháng Mười đã mở ra.

Sau khủng hoảng và đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội, thế giới đang được sắp xếp lại. Nhưng theo trật tự nào, theo hướng nào, và ai sắp xếp ? Cũng rất rõ là không thể quay lại trật tự cũ dưới sự thống trị của chủ nghĩa tư bản, và cũng rất rõ là số phận của thế giới, của mỗi quốc gia dân tộc, của người lao động, của con người ngày nay không phải nằm trong tay một siêu cường hay nhiều siêu cường. Thế giới ngày nay là thế giới hiện đại với những thành tựu ngày càng kỳ diệu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ - thông tin do con người khám phá và thực hiện. Song thế giới hiện đại cũng không có nghĩa là chỉ có chủ nghĩa tư bản hiện đại, kỹ thuật hiện đại và mọi thành quả có được chỉ từ chủ nghĩa tư bản hiện đại, mà còn quyền sống của con người, của người

Digitized by Google

lao động, của các dân tộc hiện đại. Thế giới hiện đại được hình thành trong điều kiện xác định bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong đó nổi lên những điều mới trong quan hệ quốc tế :

Quyền sống và tự do hạnh phúc của con người, của người lao động ngày càng thức tỉnh lương tri của loài người.

- Các quốc gia lớn nhỏ ngày càng khẳng định được quyền độc lập của mình và có vị trí mới trong quan hệ và trong hoạt động quốc tế vì quyền độc lập của mình.

- Nhiều vấn đề có tính toàn cầu cũng như có tính khu vực được đặt ra và đòi hỏi được giải quyết thỏa đáng vì chính cuộc sống của con người, của người lao động, của các dân tộc.

Những điều ấy đã được mở ra từ Cách mạng Tháng Mười, đồng thời cũng là thành quả của cuộc đấu tranh của các dân tộc, của các lực lượng tiến bộ vì hòa bình, độc lập và tiến bộ xã hội. Thế giới hiện đại đang phát triển theo quy luật vận động khách quan của nó, trong đó mỗi quốc gia dân tộc và lực lượng tiến bộ xã hội, trước hết là công nhân, nông dân, trí thức, những người lao động đang tự khẳng định đường đi của mình làm nên cái phong phú và sức sáng tạo mới của con người và loài người.

Chủ nghĩa tư bản có đặc trưng riêng của mình trước hết là ở sự xuất hiện và khẳng định vị trí của các *công ty xuyên quốc gia và siêu quốc gia,* những thế lực *độc quyền tài chính* nắm trong tay việc chi phối, điều khiển và quyết định quyền lực của các *ngân hàng trung ương* của những quốc gia xác định. Quan hệ và hiệu lực của thế cân bằng thế giới mới không phải chỉ phụ thuộc vào các công ty độc quyền mà phụ thuộc vào hiệu quả các công ty độc quyền này tham gia vào việc tạo ra sự giàu có và nền văn minh thế giới trên cơ sở tôn trọng vị trí của người lao động và quyền độc lập của các quốc gia dân tộc như thế nào, cũng như phụ thuộc vào khả năng bảo vệ vị trí của người lao động và đấu tranh cho độc lập của các quốc gia, của mỗi quốc gia dân tộc cũng như mọi lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới như thế nào.

Từ khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội và sự đổ vỡ ở Liên Xô, Đông Âu, chủ nghĩa xã hội đang ở thời kỳ thoái trào, chủ nghĩa tư bản đang có những ưu thế nhất định. Song giữa chủ nghĩa tư bản và những người lao động và các dân tộc đang có nhiều điều mới mẻ không giống như cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Lương tri loài người ngày càng đứng về phía quyền sống và tự do hạnh phúc của người lao động. Xu thế đấu tranh cho độc lập dân tộc và lợi ích của người lao động đang nổi lên như dòng chủ lưu của thế giới hiện đại. Mâu thuẫn giữa các thế lực độc quyền tài chính và giữa các cường quốc là điều không thể tránh được từ chính cuộc chạy đua vì độc quyền. Vì vậy, ngày nay các tập đoàn tài chính Mỹ cũng không thể độc quyền là tác nhân chủ yếu thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa kinh tế, tổ chức lại nền kinh tế toàn cầu, phân chia lại thị trường và khu vực ảnh hưởng tạo ra sự phân công quốc tế mới về lao động và sản xuất. Các công ty xuyên quốc gia có sức mạnh lớn với "mạng lưới gồm 4 vạn công ty mẹ và 28 vạn chi nhánh chi phối và kiểm soát 2/3 thương mại thế giới, 4/5 nguồn vốn đầu tư trực tiếp ở nước ngoài và 9/10 kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ", song cũng không thể buộc thế giới và mọi dân tộc phụ thuộc vào nó. Ở thế giới hiện đại, mỗi dân tộc độc lập đều có thể có điều kiện từ vị trí và sức mạnh của mình, cũng như của khu vực để xác lập mối quan hệ cùng có lợi với nhiều hình thức và mức độ khác nhau với các công ty độc quyền mà không phải tiêu cực chấp nhận sự phụ thuộc như ở các thập kỷ trước đây.

Con đường đi lên giàu có và văn minh của người lao động và các dân tộc có nhiều điều mới mẻ. Song, quyền sống và tự do hạnh phúc của người lao động và của các dân tộc là *giá trị lớn nhất* được mở ra từ đầu thế kỷ. Đó cũng là giá trị làm nên *sức mạnh mới* trong bước phát triển đi lên của lịch sử kết thúc thế kỷ XX đi vào thế kỷ XXI. Những bài học rút ra được từ Cách mạng Tháng Mười vẫn là điều có ích làm nên sức mạnh mới ấy và đó cũng là điều không thể phủ định được vị trí lịch sử của Cách mạng Tháng Mười Nga, của một chế độ xã hội mới thực sự vì quyền sống của con người, vì hạnh phúc của nhân dân - chế độ xã hội chủ nghĩa.❑

Digitized by Google

V.I.LÊ-NIN TRONG SINH HOẠT NỘI BỘ ĐẢNG VÀ ĐỜI THƯỜNG

ĐỖ TƯ *

Lúc sinh thời, Lê-nin có nhiều bạn chiến đấu và cũng có nhiều kẻ thù tư tưởng hơn cả C.Mác và Ph.Ăng-ghen trước kia. Theo Người, "chẳng có gì mà phải sợ đấu tranh đến như vậy : cuộc đấu tranh có thể sẽ làm cho một số người tức giận, nhưng nó lại làm cho bầu không khí được trong sạch, xác định được chính xác và thẳng thắn những mối quan hệ, - xác định được những bất đồng nào là cơ bản, những bất đồng nào là thứ yếu, xác định được đâu là những người thực sự đi theo một con đường hoàn toàn khác và ở đâu là những đồng chí ở trong cùng một đảng chỉ bất đồng với nhau về những chi tiết" (1) mà thôi.

Đấu tranh có mức độ, nhưng kiên định về nguyên tắc, đấu tranh cho tính Đảng, chống lại lề thói tiểu tổ hẹp hòi, thiển cận, đấu tranh cho những nguyên tắc cách mạng về tổ chức, chính trị, tư tưởng, chống lại mọi mưu toan cơ hội chủ nghĩa ; đấu tranh để làm sáng tỏ được vấn đề, mà nếu không làm sáng tỏ được vấn đề thì không thể có bước tiến nào về nhận thức chân lý, do đó không thể có sự thống nhất vững chắc về tư tưởng ; phê phán mọi xu hướng "dĩ hòa vi quý", mọi mưu toan "xóa nhòa" bất đồng có thật về nguyên tắc đảngv.v... Đó là những nét thể hiện tính cách của Lê-nin trong sinh hoạt nội bộ đảng.

Người cho rằng tôn trọng nguyên tắc là đức tính cơ bản của mỗi đảng viên và cán bộ. Nhưng, những người lãnh đạo các cấp bộ đảng không thể cứ lấy danh nghĩa "nguyên tắc đảng" mà áp chế những người dưới quyền mình ; cần quán triệt mọi "nguyên tắc đảng để xây dựng, bảo vệ đội ngũ cán bộ và tổ chức đảng, nhưng không thể biến mọi "nguyên tắc đảng" thành những thủ đoạn đặc quyền của người lãnh đạo để đối xử với cấp dưới theo định kiến của mình.

Ví dụ : Trong thư gửi cho G.E.Di-nô-vi-ép vào tháng chín 1921, Lê-nin cho biết ở Pê-trô-grát lúc ấy không hề có những bất đồng nào về nguyên tắc, càng không thấy có ở một vài cán bộ mà theo Lê-nin, là rất đáng tin cậy về phương diện tôn trọng nguyên tắc. Nhân sự kiện này, Lê-nin đã phê bình Di-nô-vi-ép là đã không nhận thấy đa số đảng viên trẻ, cương trực, có tâm huyết, muốn trở thành "đa số" và để "thay thế cái nhóm mà Di-nô-vi-ép đang dùng để chỉ huy họ. Lê-nin khẳng định : "Người ta đã trưởng thành và điều đó cũng đã khiến cho nguyện vọng của họ trở thành chính đáng. Không nên đẩy họ vào khuynh hướng lệch lạc bằng cách nói đến "những bất đồng về nguyên tắc". Phải thực hiện một cách thận trọng việc lãnh đạo tư tưởng, tạo đầy đủ khả năng cho đa số mới trở thành đa số và lãnh đạo". Lê-nin cho rằng "không nên đi tìm "âm mưu" hoặc "sự chống đối" ở những người có sự suy nghĩ khác hoặc làm theo cách khác, mà cần phải coi trọng những người có đầu óc độc lập" (2). Chẳng lẽ đó lại không phải là tinh thần bảo vệ nguyên tắc đảng của Lê-nin hay sao ?

Một trong những đồng chí, đồng sự thân cận nhất của Lê-nin là N.I. Bu-kha-rin - Tổng biên tập báo "Sự thật", Ủy viên Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga, Ủy viên Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản - là người nhiều lần phản đối những quan điểm cụ thể nào đó của Lê-nin và cũng nhiều lần bị Lê-nin phê phán vì những khuyết điểm khuynh "tả" hoặc khuynh hữu. Song, Lê-nin vẫn đánh giá Bu-kha-rin la một trong những cán bộ xuất sắc, một trong những đảng viên ưu tú của Đảng. Nhưng sau khi Lê-nin từ trần, trong thời gian Xta-lin làm Tổng Bí thư, vào năm 1937, Bu-kha-rin đã bị kết tội "chống Đảng" và bị

* GS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, t 46, tr 64

(2) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 54, tr 96

Digitized by Google

khai trừ khỏi Đảng. Năm mươi năm sau vào ngày 4 tháng Hai 1988, tòa án tối cao của Liên Xô (cũ) đã phục hồi danh vị và minh oan cho Bu-kha-rin. Lẽ phải đã thắng, cũng có nghĩa là Lê-nin đã thắng trong việc đánh giá bản chất con người Bu-kha-rin. Lẽ phải ấy đã được chứng minh thêm bằng báo cáo của Bu-kha-rin tại phiên họp tưởng niệm 5 năm ngày mất của Lê-nin. Mãi đến năm 1988, bản báo cáo này mới được đăng trong số 2 tạp chí "Người cộng sản" (Liên Xô cũ). Trong báo cáo này, Bu-kha-rin đã khẳng định Lê-nin là người thầy và là vị lãnh tụ của giai cấp công nhân và nhân dân Xô viết, đã giải thích rõ thực chất luận điểm của Lê-nin viết trong bài báo "Bàn về chế độ hợp tác xã". Luận điểm ấy nói rằng "chúng ta buộc phải thừa nhận là toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản". Về thực chất sự thay đổi căn bản đó không phải là quay lại con đường phát triển chế độ tư bản chủ nghĩa, mà chỉ là ở chỗ nếu trước kia đã đặt và không thể không đặt trọng tâm công tác vào đấu tranh chính trị, vào việc giành chính quyền, thì đến lúc này trọng tâm ấy đã chuyển sang công tác hòa bình tổ chức văn hóa.

Để kết thúc báo cáo, Bu-kha-rin viết : "... Cách đây 5 năm, vào một ngày đông yên tĩnh, nhà thiên tài của cách mạng vô sản đã vĩnh biệt chúng ta, nhiều người trong chúng ta đã có diễm phúc được làm việc cùng với Người, với "ông già" sắt đá này, như chúng ta đã gọi, là người thầy, nhà cách mạng, nhà bác học."

*

Trong đàm thoại, đối thoại và trong quan hệ bằng thư từ, Lê-nin luôn luôn giữ vững tinh thần "nguyên tắc là nguyên tắc, tình cảm là tình cảm". Những bức thư của Lê-nin viết gửi A.M.Goóc-ki đã chứng minh rõ điều này, những bức thư mang những lời lẽ thẳng thắn, chân tình, có sức mạnh thuyết phục cả về lý trí, cả về tình cảm. Ví dụ những bức thư đề ngày 31-7-1919 và ngày 15-9-1919 gửi cho A.M.Goóc-ki, Lê-nin đã xem Gooc-ki thật sự vừa là đồng chí, vừa là tri âm. Tôi không muốn buộc đồng chí phải nghe theo những lời khuyên của tôi, nhưng tôi không thể không nói với đồng chí rằng cần làm thay đổi hẳn môi trường sống... bằng không thì cuộc sống có thể làm cho đồng chí hoàn toàn ghê tởm... Đồng chí sẽ chết mất nếu không dứt ra được khỏi bầu không khí... của các nhà trí thức tư sản ! Hoài phí bản thân mình trong việc nghe sự khóc than của bọn trí thức thối rữa và không viết nữa - đối với nghệ sĩ - đó không phải là cái chết ư[3] ? Những lời nói chí tình trên đây đã giúp Goóc-ki thoát khỏi tâm trạng bi quan, dao động trong vòng vây của những phần tử trí thức tư sản bất mãn và "nổi giận" với chế độ Xô viết để sau này vẫn xứng đáng là một nhà văn của giai cấp những người cần lao.

Lê-nin luôn luôn quan tâm đến các đồng chí, đồng sự của mình, cụ thể là đến điều kiện sinh hoạt, công tác, sức khỏe và tâm tư, tình cảm của họ. Người cho rằng việc phát triển những mối quan hệ mới mẻ trên tình đồng chí và tương trợ lẫn nhau là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác giáo dục tư tưởng của Đảng, không phải chỉ là của cấp trên đối với cấp dưới, mà là của toàn thể những người đảng viên bình thường đối với nhau.

Rất nhiều trường hợp, Người nhắc nhở cán bộ cơ quan của đảng và nhà nước cần có tinh thần tháo vát, khẩn trương trong khi thực hiện các nhiệm vụ, biết tập trung sự chú ý vào những nhiệm vụ chủ yếu, tiến hành đến cùng những công việc đã bắt đầu cho đến khi có kết quả cụ thể.

Những hiện tượng quan liêu, giấy tờ, lỏng lẻo trong công vụ v.v... đều làm cho Người bất bình. Người đòi hỏi các cán bộ phải chăm chú xem xét các đơn khiếu kiện của dân về những hành vi sai trái của các cơ quan và của những người có chức, có quyền. Bản thân Lê-nin là một tấm gương sáng cho thấy cần phải đáp ứng nhanh chóng như thế nào đối với các đơn khiếu kiện của dân. Ví dụ : Ngày 18 tháng giêng 1919, Người ra lệnh cho chánh văn phòng Hội đồng Bộ trưởng phải báo cáo ngay cho Người rõ về các đơn khiếu tố đã gửi đến Hội đồng Bộ trưởng dân ủy và phải tổ chức công tác kiểm soát chặt chẽ việc thi hành những nghị quyết về những đơn khiếu tố đó.

Lê-nin đề nghị phải nghiêm khắc trừng trị những cán bộ địa phương nào đã trù dập những người gửi đơn khiếu tố. Người chỉ thị phải kiên quyết đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, ăn hối lộ, lãng phí của công. Người đòi hỏi tất cả các cơ quan Xô viết, tất cả các cán bộ phải nghiêm chỉnh tuân theo pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa. Người xác định : "Toàn bộ công việc của tất

(3) Xem V.I.Lê-nin: *Sđd*, t 51, tr 62

Digitized by Google

cả các cơ quan kinh tế của chúng ta bị khốn khổ trước hết vì tệ quan liêu... Nếu có cái gì sẽ làm tiêu vong chúng ta thì chính là cái đó. Mà đối với Ngân hàng nhà nước thì bệnh quan liêu lại càng nguy hiểm hơn cả" (4). Nhận định này của Lê-nin còn nguyên vẹn giá trị thực tiễn đối với công tác quản lý kinh tế ở nước ta hiện nay.

Trong đời thường, Lê-nin là người dễ gần, nghiêm khắc nhưng khiêm tốn, sâu sắc mà giản dị. Người luôn luôn tìm cách tạo ra những điều kiện thời gian để có thể tiếp xúc trực tiếp với đông đảo công nhân, nông dân, trí thức và nam, nữ thanh niên, đó vừa là điều kiện để Người hiểu biết thêm chiều sâu cuộc sống quần chúng.

Lê-nin thường có nhiều thư riêng cảm ơn những ai đã có những ý kiến nhận xét các bài viết, bài nói của Người, hoặc xin lỗi người này, người khác về những thiếu sót của mình trong quan hệ với họ.

Những cuộc gặp mặt trực tiếp với dân cho thấy sự quan tâm đặc biệt của Lê-nin đối với đông đảo các tầng lớp. Đối với Người, rất lý thú là những khi được đàm thoại với các "lão nông tri điền" để tìm hiểu về tình hình nông thôn, về nông nghiệp. Có lần Lê-nin đã yêu cầu Tổng biên tập báo "Nông dân nghèo" báo cáo đều đặn cho Người biết tòa báo đã nhận được bao nhiêu thư của nông dân gửi đến, trong các bức thư có những gì quan trọng và mới mẻ, tâm trạng của nông dân như thế nào... Lê-nin đánh giá cao hình thức kết nghĩa giữa các chi bộ đảng ở thành phố và các chi bộ đảng ở nông thôn. Đối với nông nghiệp cũng như công nghiệp và các lĩnh vực khác, Lê-nin coi việc tổng kết và đúc rút kinh nghiệm tiên tiến của các cơ sở, các địa phương là nhiệm vụ quan trọng của các cơ quan có trách nhiệm và của báo chí.

*

Qua thực tiễn hoạt động cách mạng, các cuộc tranh luận nội bộ đảng, các báo cáo chính trị đại hội, các văn kiện và các tác phẩm đã viết, các cuộc đàm luận với nhiều đối tượng khác nhau, hình ảnh cuộc sống, những thiên hướng và thói quen, tóm lại là tính cách của Lê-nin đã được thể hiện sinh động trong các mối quan hệ xã hội, tính cách của một vĩ nhân đồng thời cũng là của một con người bình thường. ❑

(4) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 54, tr 235

THẬP KỶ...

(Tiếp theo trang 12)

hóa tốt đẹp của dân tộc trước ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế thị trường, trước sự xâm nhập và tác hại của các loại văn hóa độc hại từ bên ngoài vào và nẩy sinh ở cả trong nước ta. Sự phê phán gay gắt của nhân dân, của công luận đối với các tư tưởng, hành vi, khuynh hướng lệch lạc trong hoạt động và sinh hoạt văn hóa chứng tỏ rằng nhận thức và ý thức về văn hóa được nâng cao, năng lực nội sinh về văn hóa của nhân dân ta đã mạnh hơn.

Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa sắp kết thúc. Nội dung hoạt động Thập kỷ ở Việt Nam gần như phù hợp hoàn toàn với các công việc mà Đảng, Nhà nước ta đang làm trong sự nghiệp phát triển văn hóa. Chúng ta đã tiếp thu những nhân tố tích cực, có giá trị trong nội dung hoạt động của Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa, chuyển thành các kế hoạch, biện pháp hành động cụ thể của các cơ quan, tổ chức quản lý nhà nước, các hội văn hóa nghệ thuật, của các đoàn thể. Nhiệm vụ của Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa đã hoàn thành và đến cuối năm 1997 Ủy ban quốc gia Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa ở Việt Nam sẽ không hoạt động nữa. Nhưng những mục tiêu, nội dung của Thập kỷ sẽ được tiếp tục thực hiện bằng những hoạt động thường xuyên của các cơ quan đảng, chính phủ, trước hết là Bộ Văn hóa - Thông tin, các đoàn thể nhân dân, các hội văn hóa nghệ thuật của nước ta.

Tới đây, Ủy ban quốc gia UNESCO cùng Bộ Văn hóa - Thông tin sẽ tiếp tục theo dõi, hướng dẫn chung các công việc sau Thập kỷ. Với trách nhiệm và điều kiện thuận lợi của mình trong công tác quản lý, trong quan hệ quốc tế, trong quan hệ gần gũi với UNESCO, các cơ quan này cần tiếp tục khai thác thông tin, tiếp thu các quan niệm, tư tưởng tiến bộ của UNESCO, của các nước trên thế giới theo các mục tiêu của Thập kỷ để phổ biến, gợi ý, hướng dẫn các cơ quan, đoàn thể của nước ta, tiếp tục tổ chức việc nghiên cứu và các hoạt động cụ thể để góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển văn hóa, kết hợp chặt chẽ các hoạt động văn hóa Việt Nam với văn hóa thế giới theo định hướng của Đảng ta. ❑

Digitized by Google

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC QUAN HỆ SẢN XUẤT TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

TRẦN XUÂN TRƯỜNG *

TÍNH quy luật về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất luôn luôn là cơ sở phương pháp luận cho tư duy đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước. Bất cứ một sự phiến diện nào, coi nhẹ mặt này hay mặt khác đều dẫn đến những hiệu quả tiêu cực đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Trong một số năm lại đây, trong tư duy kinh tế của một số người ở cả cấp vĩ mô và vi mô, dường như đã có một xu hướng thiên về những vấn đề của lực lượng sản xuất mà có phần nhẹ về những vấn đề quan hệ sản xuất xã hội ; hoặc chỉ chú ý đến một bộ phận nào đó của quan hệ sản xuất như vấn đề chuyển sang cơ chế thị trường, có phần sao nhãng những vấn đề về định hướng xã hội chủ nghĩa của các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay.

Những thành tựu to lớn về kinh tế, sự phát triển của các lực lượng sản xuất xã hội trong hơn 10 năm đổi mới là do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân kinh tế hàng đầu là sự phát triển phù hợp của các quan hệ sản xuất xã hội, được Đảng ta tự giác điều chỉnh. Nội dung cơ bản của sự phát triển phù hợp đó là việc khôi phục và phát triển trở lại cơ cấu kinh tế nhiều thành phần mà trước đây chúng ta đã vội vã xóa bỏ một cách duy ý chí ; là việc thay đổi quan hệ tổ chức quản lý, chuyển cơ chế vận hành của nền kinh tế từ tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước ; là việc đa dạng hóa các hình thức quan hệ phân phối, lấy phân phối theo lao động là cơ sở nhưng kết hợp với phân phối theo tài sản, theo tư bản, theo các hình thức vốn đóng góp vào kinh doanh. Cơ sở khoa học của sự điều chỉnh của Đảng ta là việc nhận thức lại quy luật QHSX phải phù hợp với tính chất và trình độ của LLSX trong thời kỳ quá độ ở nước ta ; áp dụng một cách sáng tạo lý luận của Lê-nin về vai trò tích cực của kinh tế cá thể, kinh tế tư bản và tư bản nhà nước, về việc sử dụng các quan hệ hàng hóa - tiền tệ ; về việc quan tâm đến lợi ích vật chất cá nhân của người lao động, coi đó như động lực trực tiếp phát triển kinh tế - xã hội để xây dựng CNXH ở một nước kinh tế lạc hậu, kém phát triển như ở nước ta.

Ngày nay, cùng với việc đẩy mạnh CNH, HĐH, đưa lực lượng sản xuất của đất nước phát triển mạnh mẽ trong bước chuyển giữa hai thế kỷ thì vấn đề tiếp tục điều chỉnh các quan hệ sản xuất xã hội ở nước ta có cần đặt ra không và đặt ra như thế nào ?

Hiện nay, một số nhà tư tưởng và chính khách phương Tây đang "lo lắng" hộ công cuộc đổi mới của chúng ta ! Căn cứ vào một số hiện tượng kinh tế ở nước ta như có một sự giảm sút nào đó của các dự án đầu tư của nước ngoài, đặt trong bối cảnh cuộc khủng khoảng tiền tệ trong khối ASEAN..., họ vẽ nên một tương lai có phần ảm đạm của công cuộc đổi mới, cho rằng công cuộc đó đang hết đà, tốc độ chậm dần, đi đến suy thoái. Họ cho rằng cần phải có một sự "đổi mới mới", đổi mới như vừa qua là nửa vời, rằng cần phải đổi mới triệt để hơn nữa theo hướng tự do hóa hoàn toàn nền kinh tế cả về đối nội cũng như đối ngoại. Cả đến một ngoại trưởng của một nước tự cho mình nhiệm vụ chăm lo đến mọi chuyện toàn cầu mà cũng quan tâm đến việc làm ăn thua lỗ của các doanh nghiệp nhà nước của chúng ta, khuyến cáo chúng ta cần giải thể các DNNN. Đài VOA lo hộ cho nông dân ta "lại sắp phải vào các hợp tác xã" (!).

Chúng ta đồng ý rằng để đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, tình trạng của các quan hệ sản xuất như hiện nay có nhiều mặt còn chưa phù hợp với yêu cầu phát triển mạnh mẽ hơn nữa các lực lượng sản xuất xã hội. Các quan hệ sản xuất đó cần phải có bước phát triển mạnh mẽ hơn nữa mới đáp ứng yêu cầu của CNH, HĐH ; nhưng hướng phát triển đó phải đi theo phương hướng đường lối đổi mới của Đảng, với

* GS, Trung tướng, Giám đốc Học viện Chính trị - Quân sự

Digitized by Google

những mô hình cơ cấu kinh tế và cơ chế vận hành của nền kinh tế đã được thiết kế về cơ bản là đúng. Đổi mới hơn nữa chính là triển khai triệt để hơn nữa, không nửa vời, ngập ngừng, do dự các cơ cấu và cơ chế đó, làm cho chúng ngày càng hoàn thiện hơn, mở đường rộng rãi hơn nữa cho lực lượng sản xuất phát triển. Đổi mới hơn nữa chính là tăng động lực cho đoàn tầu kinh tế Việt Nam đã được đặt đúng trên đường ray tiến về mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, chứ không phải là bẻ ghi cho đoàn tầu đó sang một quỹ đạo khác.

Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một tập hợp của những thành phần kinh tế khác nhau tương ứng với những lực lượng sản xuất khác nhau, những thành phần vừa đấu tranh với nhau vừa hợp tác với nhau trong một nền kinh tế quốc dân thống nhất. Điều quan trọng là ***mỗi thành phần đóng một vai trò kinh tế xác định mà có phát huy được vai trò đó thì toàn bộ cơ cấu mới đóng được vai trò thúc đẩy đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, làm cho dân giầu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, vững bước tiến lên CNXH.***

Kinh tế nhà nước với hai bộ phận, bộ phận đóng vai trò quản lý vĩ mô và bộ phận các doanh nghiệp nhà nước phải đóng vai trò ***chủ đạo*** theo nghĩa chi phối, ảnh hưởng tác động chủ yếu được đến toàn bộ nền kinh tế ; nhất là các doanh nghiệp nhà nước có nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường với tiềm lực và lợi thế so sánh của mình phải làm đầu tầu về mặt chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đáng tiếc là cho đến hiện nay, kinh tế nhà nước tuy đã thể hiện vai trò chủ đạo của mình, nhưng vai trò đó còn chưa vững chắc, đặc biệt là vai trò của các doanh nghiệp nhà nước. Sau một thời kỳ được "cởi trói", "bung ra", được mở rộng quyền tự chủ và sắp xếp lại một bước, nhiều doanh nghiệp nhà nước đã thích ứng với cơ chế mới, làm ăn năng động và có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, nhìn chung, sự biến đổi trong các quan hệ sở hữu và sử dụng tư liệu sản xuất, trong quản lý và phân phối sản phẩm bên trong các doanh nghiệp nhà nước diễn ra còn chậm chạp, tình trạng vô chủ trên thực tế vẫn tồn tại, việc cổ phần hóa chưa làm được bao nhiêu. Tình trạng làm ăn thua lỗ, chiếm dụng vốn lẫn nhau, nợ đọng, móc ngoặc, làm ăn kiểu chụp dựt còn tương đối phổ biến. Sự kiểm kê, kiểm soát của người lao động trong nội bộ xí nghiệp chưa được triển khai có hiệu lực. Tầng lớp giám đốc có nhiều quyền nhưng lại ít chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh. Vai trò và hoạt động của nhà nước với tư cách là chủ sở hữu và người quản lý nhà nước về kinh tế còn có mặt yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu. Tất cả những cái đó làm cho năng suất, chất lượng và hiệu quả trong khu vực kinh tế này còn nhiều yếu kém. Củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất hiện nay, công việc hàng đầu chính là phải củng cố và phát triển khu vực kinh tế nhà nước nói chung và các doanh nghiệp nhà nước nói riêng, dọn đường cho các lực lượng sản xuất ở khu vực này được phát triển mạnh mẽ, xứng với tiềm năng và vai trò của nó. Các tập đoàn kinh tế mạnh, các tổng công ty của kinh tế nhà nước chỉ có thể ra đời và thực sự phát huy tác dụng khi các tế bào, các bộ phận hợp thành của nó đã trở nên lành mạnh, có sức sống mới.

Kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác xã phải kết hợp chặt chẽ với nhau và trở thành ***nền tảng*** của nền kinh tế quốc dân. Đó là một yêu cầu có tính quy luật của sự vận động của nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, với việc xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, nền kinh tế tập thể với các hợp tác xã kiểu cũ trên thực tế không còn, hoặc có còn thì cũng hoạt động yếu ớt. Từ *khoán 100* và *khoán 10*, kinh tế hộ gia đình đã chuyển lên đóng vai trò chủ thể tích cực trong việc thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Hiện nay, hình thức kinh tế đó vẫn có tác dụng tích cực, cần được tiếp tục phát huy và sẽ còn tồn tại lâu dài. Tuy nhiên, sự phát triển của nông nghiệp, của CNH, HĐH nông thôn đang đòi hỏi cấp bách kinh tế hộ gia đình phải được phát triển song hành và kết hợp với những hình thức kinh tế hợp tác kiểu mới và tất cả các hình thức kinh tế này (cả gia đình và hợp tác) phải được kinh tế nhà nước và nhà nước giúp đỡ tích cực. Sự chậm trễ trong việc ra đời và phát triển của những quan hệ sản xuất kiểu mới trong nông nghiệp đang bắt đầu gây trở ngại cho các LLSX trong nông nghiệp và nông thôn. Hộ gia đình tuy năng động, có sức sống nhưng đó vẫn là sản xuất nhỏ, quá nhỏ, sớm muộn nó cũng phải chuyển lên sản xuất lớn. Đang diễn ra và sẽ diễn ra quá trình phát triển của kinh tế tư bản tư nhân trong nông nghiệp và nông thôn : các trang trại lớn có máy móc và lao động làm thuê, các doanh nghiệp thủ công và công nghiệp nhỏ, vừa làm sản xuất và dịch vụ trong kinh tế nông thôn... Điều đó là đúng quy luật, có lợi cho quốc kế dân sinh. Chúng ta không cản trở mà phải khuyến khích quá trình đó. Thế nhưng nếu chỉ có một con đường phát triển đó là không tốt, thậm

Digitized by Google

chí là chệch hướng. Do đó, cần phải triển khai con đường phát triển kinh tế hợp tác với các hình thức thích hợp, từ thấp lên cao, tích tụ và tập trung vốn và lao động theo một cách khác, tập hợp những người lao động trong những hình thức kinh tế hợp tác thực sự có năng suất và hiệu quả, hạn chế sự bóc lột tư bản chủ nghĩa, sự phân hóa giầu nghèo quá những giới hạn cho phép. Trên thực tế, trong vài năm gần đây, quần chúng nông dân do nhu cầu bức bách đã tự phát lập ra những tổ chức kinh tế hợp tác của mình. Đảng và Nhà nước cần phải nhạy bén tổng kết, hoạch định chính sách đưa yếu tố tự giác vào trong phong trào, tạo ra một đà phát triển mới của các lực lượng sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ trong nông thôn.

Kinh tế tư bản nhà nước là liên minh và hợp tác kinh tế giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản trong nước và nước ngoài dưới những hình thức từ thấp đến cao. Đó là một thành phần kinh tế đóng vai trò rất quan trọng trong thời kỳ quá độ ở nước ta. Ở đây, tồn tại sự khác nhau thậm chí xung đột nhau về lợi ích nhưng lại cần được điều tiết để các lợi ích đều được thỏa mãn và điều quan trọng nhất là góp phần vào việc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Hiện nay, liên minh kinh tế giữa kinh tế nhà nước và kinh tế tư bản trong nước chưa phát triển đúng mức và đúng hướng. Cần phải nhanh chóng đưa thành phần kinh tế tư bản trong nước vào quỹ đạo của kinh tế tư bản nhà nước, hạn chế tính tự phát có hại của nó đối với nền kinh tế quốc dân. Trong những năm qua, sự liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản nước ngoài đã có sự phát triển mạnh mẽ, đem lại những hiệu quả tích cực : vốn tư bản được đầu tư ngày càng tăng vào nước ta, du nhập những công nghệ và kinh nghiệm quản lý mới, hòa nhập vào thị trường thế giới và khu vực, góp phần vào tốc độ tăng trưởng GDP tương đối cao của nước ta. Tuy nhiên, để phát huy tiềm lực của khu vực kinh tế tư bản nhà nước này, cần phải hoàn thiện hơn nữa những chính sách và biện pháp quản lý nhà nước theo hai hướng tác động, làm cho quan hệ sản xuất ở khu vực này tồn tại và phát triển đúng với tính chất của nó là tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta : một mặt, cần phải dọn dẹp những trở ngại, tạo hành lang thông thoáng thu hút đầu tư của tư bản nước ngoài vào nước ta mạnh mẽ hơn nữa ; mặt khác, cần phải tăng cường kiểm kê kiểm soát, làm cho khu vực kinh tế này phát triển phù hợp với những lợi ích của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chú ý những vấn đề chủ quyền quốc gia, môi trường sinh thái và tài nguyên, lợi ích của kinh tế nhà nước và của người lao động trong liên doanh.

Trên cơ sở chủ đạo của kinh tế nhà nước, ***kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân*** đóng vai trò không nhỏ trong thời kỳ quá độ. Cái mới trong nội dung kinh tế của đường lối đổi mới của Đảng ta là khuyến khích các thành phần kinh tế này phát triển có lợi cho quốc kế dân sinh. Trong những năm qua, khu vực kinh tế này đã có sự phát triển nhất định, có tác động tích cực đến nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, sự phát triển đó còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, có mặt chưa đúng hướng, chưa có lợi cho quốc kế dân sinh. Tích tụ và tập trung tư bản của kinh tế tư bản tư nhân trong nước còn chậm chạp, với quy mô chủ yếu là nhỏ và vừa, kinh doanh chủ yếu ở khu vực thương nghiệp, dịch vụ, mua đi bán lại lòng vòng, ít đầu tư vào sản xuất, nhất là sản xuất chân chính, ổn định, lâu dài. Nhiều hoạt động của kinh tế tư bản tư nhân trong nước chệch hướng, có tác dụng tiêu cực, thậm chí phá hoại đối với nền kinh tế quốc dân : đầu cơ, buôn lậu, sản xuất hàng giả, trốn và lậu thuế... ; những hoạt động có tính chất "tầm gửi", móc ngoặc, đục khoét và làm hư hỏng kinh tế nhà nước và các cơ quan nhà nước ; hình thành kinh tế ngầm, mầm mống của sự ma-phi-a hóa trong kinh tế. Những mặt tích cực và tiêu cực của kinh tế tư bản tư nhân đều gắn liền với bản chất kinh tế của nó, nhưng việc phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực lại thuộc về nguyên nhân quản lý vĩ mô của nhà nước ta. Sự quản lý của nhà nước ta còn nhiều điều chưa thỏa đáng, chưa tạo ra sự cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, chưa tạo ra hành lang pháp lý và tâm lý thông thoáng cho các nhà tư sản dân tộc mạnh dạn đầu tư phát triển. Tuy nhiên, sự quản lý đó cũng có nhiều sơ hở và buông lỏng, đặc biệt và chưa tổ chức được hệ thống kiểm kê kiểm soát, huy động được toàn dân tham gia vào hoạt động này, như Lê-nin đã căn dặn. Trong môi trường kinh doanh như hiện nay, vì lợi nhuận, các nhà tư sản có xu hướng thiên về kinh doanh ngoài định hướng của nhà nước ; nếu thiết lập được sự kiểm kê kiểm soát có hiệu lực, các nhà tư sản lại vì lợi nhuận mà giã từ làm ăn phi pháp để đi vào con đường làm giầu chân chính. Sự thay đổi đó là một bước ngoặt cơ bản trong sự phát triển của lực lượng sản xuất ở nước ta, điều kiện cơ bản để nguồn vốn trong nước trở thành nguồn vốn quyết định để CNH, HĐH đất nước ta.

Digitized by Google

Cơ chế vận hành của nền kinh tế cũng là một vấn đề cấp bách hiện nay. Quan điểm cơ chế thị trường dưới sự quản lý vĩ mô của Nhà nước của Đảng ta là đúng. Đó là một quan điểm mới về kinh tế xã hội chủ nghĩa, về thời kỳ quá độ, không dị ứng mà chấp nhận và sử dụng rộng rãi những quan hệ thị trường để xây dựng CNXH. Đó cũng là một quan điểm đang chiếm ưu thế trong kinh tế học hiện đại của thế giới, kết hợp bàn tay vô hình và hữu hình trong điều kiện xã hội hóa đã diễn ra sâu rộng trên quy mô toàn cầu và chủ nghĩa tự do mới đã tỏ ra lỗi thời.

Trong những năm qua, chúng ta đã bước đầu chuyển thành công sang cơ chế thị trường không có những cú sốc lớn về kinh tế và xã hội, bước đầu đã phát huy tác dụng tích cực, nền kinh tế năng động hơn. Tuy nhiên, những quan hệ thị trường hiện nay cả về cơ cấu, cơ chế vận hành vẫn tồn tại những bất cập, chưa phù hợp. Trạng thái sơ khai và hoang dã của thị trường vẫn đang tồn tại, thậm chí mở rộng, những nhân tố của một thị trường hiện đại, văn minh phát triển còn chậm chạp. Mối quan hệ giữa thị trường và kế hoạch chưa được xác lập một cách đúng đắn trên thực tế. Trong khi những biểu hiện tàn dư của cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp vẫn chưa được khắc phục triệt để thì cũng đã xuất hiện một quan điểm sùng bái, đề cao một chiều cơ chế thị trường, hạ thấp vai trò của kế hoạch hóa và sự quản lý vĩ mô của nhà nước đối với nền kinh tế. Sự buông lỏng quản lý nhà nước với thị trường, sự rút lui quá mức độ trên mặt trận lưu thông, đặc biệt trên lĩnh vực thương nghiệp, nhất là trong quan hệ kinh tế giữa thành thị và nông thôn đã để lại những tác động tiêu cực đến sự phát triển của nền kinh tế.

Lâu nay, với tư duy kinh tế hiện vật, người ta nghĩ rằng phân phối là mắt xích cuối cùng, đồng nhất phân phối với tiêu dùng. Ngày nay, với tư duy kinh tế thị trường thì phân phối chưa đồng nhất với tiêu dùng, từ phân phối đến tiêu dùng còn cả một loạt những hoạt động kinh tế - xã hội. Cần phải nắm vững hơn nữa luận đề của Mác coi tái sản xuất xã hội như một quá trình không ngừng lặp lại của các khâu sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng. Cần phải khắc phục thái độ coi nhẹ khâu tiêu dùng trong lãnh đạo và quản lý nền kinh tế nước ta. Cần phải coi vấn đề tiêu dùng như một trong những vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay.

Trong những năm qua, sự tăng trưởng kinh tế đã tác động tích cực đến tiêu dùng của nhân dân ta cả về số lượng và chất lượng, quy mô và cơ cấu tiêu dùng. Tuy nhiên, cũng còn nhiều điều chưa hợp lý và trong một nền kinh tế thị trường mà vai trò của cầu tác động trở lại đối với cung cực kỳ mạnh mẽ thì những điều chưa hợp lý đó tác động tiêu cực trở lại đối với sản xuất kinh doanh. Trong khi một bộ phận của dân cư còn tiêu dùng ở mức độ nghèo khổ thì ở một bộ phận không nhỏ khác, sự tiêu dùng đã quá mức độ mà trình độ phát triển kinh tế cho phép, vi phạm đến mối quan hệ giữa tích luỹ và tiêu dùng trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH. Tiêu dùng của dân cư, đặc biệt ở một bộ phận không ít dân cư thành thị đã có xu hướng mô phỏng, bắt chước tiêu dùng của xã hội tiêu thụ phương Tây. Phương thức tiêu dùng này ngay ở các xứ sở sản sinh ra nó đã bộc lộ rõ tính chất phi lý của nó đến mức những bộ óc tỉnh táo của phương Tây đã đặt ra vấn đề phải chăng con người sẽ sống tốt hơn nếu điều tiết và tạo ra một quan hệ tiêu dùng hợp lý hơn. Phương thức đó được du nhập vào nước ta do có nhu cầu của một bộ phận giàu xổi và chủ yếu do tác động của quảng cáo trong một nền kinh tế thị trường toàn cầu hóa, càng trở nên phi lý hơn ở một đất nước đang còn chậm phát triển, chưa vượt khỏi ngưỡng nghèo. Tìm ra một mô hình tiêu dùng Việt Nam có căn cứ khoa học trong những năm tới đây và đưa mô hình đó vào cuộc sống sẽ tác động tích cực đến CNH, HĐH cả về mục tiêu kinh tế, công nghệ, cơ cấu lẫn vấn đề nguồn lực bên trong.

Như vậy, công cuộc xây dựng CNXH trên đất nước ta, đặc biệt là sự nghiệp CNH, HĐH đang đặt ra một vấn đề cơ bản và cấp bách là kết hợp chặt chẽ sự phát triển của các lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất Việt Nam. Cần phải đặt lên hàng đầu sự phát triển của các lực lượng sản xuất nhưng không bao giờ được sao nhãng sự phát triển của các quan hệ sản xuất. Cần phải đổi mới không ngừng các chính sách kinh tế của chúng ta sao cho các quan hệ sản xuất luôn luôn phát triển, đóng vai trò tích cực thúc đẩy các lực lượng sản xuất, hạn chế và triệt tiêu các tác động kìm hãm ; làm cho toàn bộ nền kinh tế của đất nước luôn giữ đúng quỹ đạo độc lập dân tộc và CNXH. ❑

Digitized by Google

Con đường phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở nước ta

TRẦN ĐỨC

1 - MÙA xuân năm 1988, Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị được ban hành, đánh dấu một bước ngoặt trên con đường phát triển nông thôn, hộ nông thôn trở thành đơn vị kinh tế tự chủ, nền kinh tế tự cấp tự túc chuyển dần sang kinh tế hàng hóa.

Kinh tế nông hộ nói chung bao gồm nhiều loại hộ. Để tìm hiểu thực trạng và sự diễn biến, cần xem xét xu hướng phát triển của từng loại. Chu Văn Vũ và cộng tác viên trong một công trình nghiên cứu (1), đứng trên giác độ kinh tế hàng hóa, đã chia các nông hộ ở nước ta làm ba loại :

- Loại A bao gồm những hộ sản xuất không đủ tiêu dùng, không bảo đảm được tái sản xuất giản đơn ;

- Loại B bao gồm những hộ sản xuất chỉ đủ tiêu dùng, không có hay chỉ có một lượng sản phẩm hàng hóa không đáng kể ;

- Loại C bao gồm các hộ làm ra sản phẩm chủ yếu để bán.

Trong ba loại thì loại A chiếm khoảng trên 40%, loại B khoảng 35% và loại C trên 20% tổng số nông hộ của cả nước. Mỗi loại hộ trên có xu hướng phát triển riêng. Nông hộ loại A sản xuất không đủ tiêu dùng, quá trình tích lũy là sự thiếu hụt ngày càng gia tăng cả về tiêu dùng sản xuất và tiêu dùng sinh hoạt so với mức tiêu dùng tối thiểu cho sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Nông hộ loại B sản xuất sản phẩm tiêu dùng trực tiếp và xu hướng phát triển là sẽ chuyển sang sản xuất hàng hóa. Trên thực tế, loại hộ này có xu hướng duy trì lâu dài kinh tế tự cấp tự túc. Nông hộ loại C sản xuất nông sản hàng hóa ; xu hướng của nó là duy trì lâu dài sản xuất hàng hóa nhỏ. Xu hướng phát triển của từng loại nông hộ trên đây cấu thành xu hướng phát triển chung, xu hướng phát triển hàng hóa.

Những năm qua, trong sự nghiệp đổi mới nền kinh tế, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, các chương trình phủ xanh đất trống đồi trọc, tạo việc làm, đưa tín dụng về tận nông hộ, chuyển giao kỹ thuật, các chính sách xóa đói giảm nghèo v.v... đều có tác dụng giảm tỷ lệ của các nông hộ loại A, loại B và nâng dần tỷ lệ nông hộ loại C làm cho nông thôn thay da đổi thịt. Để đẩy mạnh kinh tế nông hộ, có nhiều giải pháp bức xúc như xem xét lại Luật đất đai 1993 qua lăng kính của cơ chế thị trường, nâng cao quy mô kinh tế và năng suất lao động của các loại hộ, vận dụng thích hợp các hình thức tương trợ hợp tác trong nông thôn, tạo môi trường chính sách hữu hiệu như cải cách hệ thống lưu thông phân phối, đa dạng hóa các thành phần kinh tế trong nông nghiệp, tăng cường khả năng tiếp cận với trong và ngoài nước...

2 - Dưới đây, chúng tôi xin đề cập các hình thức tương trợ hợp tác trong nông thôn dưới ánh sáng của Luật hợp tác xã mà Quốc hội nước ta đã thông qua tháng 5 năm 1996.

Trước tiên là *bản chất kinh tế – xã hội của hợp tác xã.*

Theo Luật hợp tác xã, hợp tác xã kiểu mới dựa trên quyền tự chủ kinh doanh của mỗi nông hộ trên mảnh đất được chính quyền giao cho sử dụng lâu dài nhằm mục đích phát triển sản xuất nông nghiệp (kể cả lâm nghiệp và nuôi trồng

(1) Xem *Kinh tế hộ trong nông thôn Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr 99 - 119

Digitized by Google

thủy sản) dựa vào sự góp vốn cổ phần, góp sức và quyền biểu quyết ngang nhau của xã viên, cùng hưởng thụ kết quả hoạt động và cùng chia sẻ rủi ro của hợp tác xã để vừa tăng sức mạnh kinh tế của mỗi hộ, vừa tạo sức mạnh kinh tế mới cho hợp tác xã. Trong khi đó, hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ dựa trên cơ sở tập thể hóa quyền sử dụng đất đai và các tư liệu sản xuất khác của các nông hộ, xóa bỏ tư cách chủ thể kinh doanh của mỗi nông hộ, biến người lao động trong mỗi nông hộ thành người làm thuê cho hợp tác xã. So sánh hai loại hợp tác xã thì hợp tác xã kiểu mới là một tế bào của kinh tế thị trường, nó sinh ra vì kinh tế nông hộ chứ không phải để thay thế kinh tế hộ. Đó là cơ sở tồn tại của hợp tác xã kiểu mới. Hợp tác xã kiểu mới phải thực hiện có hiệu quả các khâu dịch vụ đầu vào và đầu ra cho kinh tế nông hộ vì nếu cứ để cho nông hộ tự làm thì hiệu quả kinh tế sẽ thấp hơn. Chính điều này giúp cho kinh tế nông hộ đứng vững được trong nền kinh tế thị trường tuy nhiều hấp dẫn nhưng không kém cam go.

Với những lý do trên, mục tiêu tối cao của hợp tác xã kiểu mới là vì sự hoạt động có hiệu quả của kinh tế nông hộ trong cơ chế thị trường chứ không phải chỉ vì thực hiện lợi nhuận cho bản thân hợp tác xã. Nói như vậy không có nghĩa là hợp tác xã kiểu mới từ bỏ các hoạt động vì lợi nhuận như kinh doanh dịch vụ sản xuất và đời sống cho cư dân nông thôn không phải là thành viên của hợp tác xã, trong các lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp...

Do những điểm khác biệt với hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ nêu trên, hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới phân phối thu nhập và lợi nhuận làm ra hằng năm không chỉ theo lao động mà còn theo vốn cổ phần và mức độ sử dụng dịch vụ của mỗi xã viên.

Ở đây, một câu hỏi tự nhiên được đặt ra. Trong hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới, xã viên cùng đóng góp vốn cổ phần và cùng được chia lợi nhuận theo vốn cổ phần, vậy nó có khác gì so với công ty trách nhiệm hữu hạn hay công ty cổ phần ? Xã viên góp vốn cổ phần không phải nhằm mục đích chia lợi nhuận tối đa mà chỉ để tạo điều kiện tài chính cho hợp tác xã thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho kinh tế của xã viên. Trong khi đó, công ty trách nhiệm hữu hạn hay công ty cổ phần lại nhằm mục đích chia lãi ở mức tối đa. Hợp tác xã còn quy định "ở mọi thời điểm, vốn cổ phần không vượt quá 30% tổng số vốn Điều lệ của hợp tác xã" (Điều 24) bởi lẽ trong trường hợp vốn cổ phần quá lớn, một khi xã viên ra khỏi hợp tác xã và rút vốn cổ phần thì tài chính của hợp tác xã sẽ không bị đảo lộn.

Trong hợp tác xã mức góp cổ phần của xã viên có thể khác nhau nhưng họ đều có quyền biểu quyết ngang nhau, không như trong công ty : mỗi cổ phần đều tương ứng với một lá phiếu, ai có nhiều cổ phần thì người đó sẽ chi phối hoạt động kinh doanh của công ty.

Một câu hỏi nữa được đặt ra là trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp đều bình đẳng trước pháp luật, tại sao Luật hợp tác xã lại quy định Nhà nước cần "ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hợp tác xã về đất đai, thuế, tín dụng... giảm hoặc miễn thuế lợi tức đối với hợp tác xã" (Điều 50). Như trên đã nói, mục đích của hợp tác xã không nhằm thực hiện lợi nhuận cho bản thân mà chỉ hướng vào phát triển kinh tế hộ, tăng thu nhập cho kinh tế hộ xã viên. Vì vậy, Nhà nước có thể miễn, giảm thuế đối với hợp tác xã ; còn đối với xã viên có nhiều thu nhập thì họ vẫn phải nộp thuế nhiều hơn theo luật định, giống như các loại hình doanh nghiệp khác. Nếu hợp tác xã hoạt động kinh doanh vì lợi nhuận, kể cả dịch vụ sản xuất đối với người ngoài, do thu phí dịch vụ theo giá thị trường thì hợp tác xã vẫn phải nộp thuế như các doanh nghiệp khác.

3 – Thực tế đã diễn ra như thế nào ?

Xin giới thiệu một số hợp tác xã :

Hợp tác xã Bình Hòa Bắc (huyện Đức Huệ, tỉnh Long An) được thành lập với sự hỗ trợ của Công ty lương thực : cổ phần do đóng góp vốn của nông dân và vốn hỗ trợ ban đầu được chuyển hóa vào thóc giống, phân bón và thu mua lúa xuất khẩu. Ngoài ra, vốn hoạt động của hợp tác xã còn do nguồn trích 30 - 50 đ/kg thóc và 30 đ/kg phân bón khi xã viên bán thóc, và mua

Digitized by Google

phân của Công ty lương thực tỉnh. Do hợp tác xã tiêu thụ hết thóc và phân phối vật tư có lợi cho nông dân, lãi được chia theo đóng góp của mỗi người nên nông dân tin tưởng. Từ 50 hộ làm đơn tự nguyện lên đến 78 hộ khi họp đại hội thành lập hợp tác xã và sau đại hội, đã có tất cả 382 hộ xin vào hợp tác xã. Trong thời gian 3 tháng, hợp tác xã đã đem lại hiệu quả thiết thực : tiêu thụ 200 tấn thóc hàng hóa ứ đọng (làm cho nông dân rất phấn khởi), đồng thời trực tiếp cung ứng 32 tấn phân bón cho nông dân và 400 tấn gạo (quy thóc) cho Công ty lương thực tỉnh. Trong 3 tháng đã thu lãi 75 triệu đồng, nhờ đó mua được 2 rơ moóc, xây nhà kho và trả lương cho cán bộ hợp tác xã.

Hợp tác xã Tân Trường (xã Tân Trường II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương) mới thành lập tháng 5 năm 1997, kinh doanh về giống cây ăn trái. Chủ nhiệm là ông Hai Tân vốn là một chủ trang trại có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh, đã có công xây dựng cơ sở hạ tầng (1 ha sản xuất giống có dàn tưới phun, 5 km đường lô, đường trục). Hợp tác xã có 312 ha diện tích canh tác (xoài cát, bưởi, sầu riêng hạt lép), 127 lao động, 291 nhân khẩu và 56 hộ xã viên. Mỗi xã viên góp tối thiểu 500 000 đ/ha, còn thiếu khoảng 1,5 tỉ đồng, hợp tác xã đề nghị được sự hỗ trợ của Nhà nước bằng nguồn vốn trung hạn, cam kết trả 100% vào năm 1999.

Huyện Cẩm Giàng (tỉnh Hải Dương) tiến hành đổi mới hợp tác xã trong tình hình phần lớn vốn của các hợp tác xã đều cạn kiệt, hoạt động dịch vụ kinh doanh thua lỗ, công nợ ngày càng tăng, tổ chức bộ máy cồng kềnh, kém hiệu quả. Đóng góp của xã viên căn cứ vào nhu cầu vốn của một chu kỳ sản xuất (6 tháng), mỗi cổ phần 50 000 đ, người trực tiếp quản lý phải thế chấp tài sản và góp cổ phần cao 40 - 50 lần (so với cổ phần một xã viên) để bảo đảm tính pháp lý trong sản xuất kinh doanh. Hầu hết hợp tác xã đều thực hiện từ 1 đến 4 khâu dịch vụ, cao nhất là 6 khâu. Qua kiểm tra năm 1996 và vụ xuân năm 1997, tất cả các hợp tác xã dịch vụ đều làm ăn có lãi, bảo tồn vốn, chống được bao cấp.

Ở xã Đào Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, do sáng kiến của 3 cựu chiến binh, một hợp tác xã có 23 xã viên được thành lập. Từ đầu năm đến nay hợp tác xã nhận khoanh nuôi, bảo vệ 160 ha rừng đầu nguồn, kinh doanh 40 ha rừng, trồng 30 ha rừng đầu nguồn và 25 ha quế, đã thu hoạch được 20 tấn thóc, 37 tấn ngô sắn và 1 tấn lợn hơi, mua sắm được 2 máy phát điện loại nhỏ. Trên cơ sở 25 ngày công/tháng, tổng sản phẩm thu được sẽ trích 10% làm vốn lưu động, 10% cho công lao động gián tiếp, số còn lại đem chia đều theo ngày công lao động, bình quân đầu người 6000-7000 đ/ngày. Hợp tác xã đang nghiên cứu chuyển thành nhiều trang trại nhỏ và làm dịch vụ giải quyết đầu vào và đầu ra cho các trang trại.

Hiệp hội mía đường Lam Sơn (Thanh Hóa) gồm 63 hội viên gắn nhà máy đường với các nông trường, hộ nông dân, chủ trang trại, tổ hợp (đơn vị nhận đất xã đấu thầu trồng mía) và ngân hàng với mục đích hỗ trợ, thúc đẩy, nâng cao hiệu quả các hoạt động sản xuất thành viên của các hộ thành viên. Cơ chế của Hiệp hội là ứng trước giống, phân bón và làm đất cho các hộ sản xuất nếu họ yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch mía, các thành viên bán mía cho nhà máy và thanh toán công nợ ; ngân hàng cấp vốn vay thông qua nhà máy ; nhà máy còn chịu trách nhiệm chuyển giao kỹ thuật gieo trồng đến các hộ trồng mía, khuyến khích khai hoang, ứng dụng giống mới và cuối cùng là định giá thu mua hợp lý. Hiệp hội mía đường Lam Sơn là một hình thức hợp tác cao nhất trong nông nghiệp và nông thôn, kết hợp các thành phần kinh tế, gắn sản xuất nông nghiệp với chế biến công nghiệp, gắn tài chính, tín dụng với thương nghiệp quốc doanh.

Mấy nét chấm phá trên đây phản ảnh phần nào hiện trạng hợp tác hóa từ những vùng sản xuất hàng hóa truyền thống đến những nơi thị trường đang ở trình độ thô sơ, từ những hình thức tương trợ hợp tác giản đơn qua các hợp tác cổ phần tới hình thức hợp tác cao nhất. Đó là sự tham gia của mọi thành phần kinh tế có cả quốc doanh, tập thể các hộ nông dân tự cấp và các trang trại sản xuất hàng hóa.

Digitized by Google

4 - Để mở đường tiến lên, cần sắp xếp lại các loại thể chế. Hiện nay, các loại thể chế đang đan xen vào nhau, cũ có, mới có, về tổ chức cũng như về chính sách và đang trong tình trạng khủng hoảng. Luật hợp tác xã là một đột phá khẩu để vượt qua cuộc khủng hoảng về thể chế.

Bên cạnh các hợp tác xã kiểu mới có rất nhiều hợp tác xã kiểu cũ khi chuyển sang kinh tế thị trường không thích nghi được với tình hình mới nên hầu hết đã bị tan rã, gây nên một sự nhức nhối, dai dẳng lâu ngày trong lòng nông thôn. Điều 46 của Luật hợp tác xã đã đề cập tới hai hình thức xử lý "tự nguyện" và "bắt buộc" với nhiều thủ tục và biện pháp giải quyết các vấn đề kinh tế - tài chính theo luật và các văn bản dưới luật khác. Tình trạng không ít hợp tác xã đã ngừng hoạt động lâu rồi nhưng xã viên vẫn nộp thóc đâu sào để trả công quản lý cho ban chủ nhiệm từ nay chấm dứt.

Lại có hợp tác xã có "sáng kiến" khoán vốn cho chủ nhiệm hay ban quản trị. Cơ chế này lúc đầu có tác dụng bảo vệ, phát huy tài sản hay tiền vốn của hợp tác xã kiểu cũ ; nhưng nay đem đối chiếu với Luật hợp tác xã thì rõ ràng họ đã đi chệch hướng vì chỉ chạy theo mục tiêu lợi nhuận mà sao nhãng nhiệm vụ hoạt động dịch vụ cho kinh tế xã viên. Việc hợp nhất, chia tách hợp tác xã cũng được đề cập đến trong các điều 44, 45. Từ nay trở đi, việc mở rộng hay thu hẹp quy mô hợp tác xã không được tiến hành theo cảm tính mà phải dựa vào yêu cầu khách quan của sản xuất và tuân thủ các thủ tục theo luật định, khắc phục khuynh hướng tùy tiện và đề phòng những lệch lạc do tính bè phái, địa phương, dòng họ... có thể đưa tới.

Trong phong trào đổi mới, nhiều nông, lâm trường quốc doanh đang tìm cách "lột xác" bằng cách khoán các đồi cây, vườn rừng cho công nhân để thoát khỏi tình trạng trì trệ trong sản xuất và thua lỗ trong kinh doanh, song lại không mạnh dạn biến họ thành trang trại và tự mình chuyển sang làm dịch vụ. Do đó, các khu đất nhận khoán chưa được cấp "bìa đỏ" ảnh hưởng không ít đến việc thâm canh tăng năng suất và bảo vệ môi trường, môi sinh.

Với nhiều quy định cụ thể, Luật hợp tác xã đã khai thông con đường tiến lên hợp tác xã kiểu mới. Nhưng trong những năm trước mắt, Luật hợp tác xã chỉ tác động đến những vùng sản xuất hàng hóa giữa một bể nông dân cá thể. Nước ta mỗi năm xuất khẩu vài ba triệu tấn gạo, chiếm vị trí hàng đầu trên thương trường quốc tế ; nhưng nông nghiệp Việt Nam chưa ra khỏi sản xuất nhỏ. Trong nhiều năm trước mắt, hình thức tổ chức sản xuất trực tiếp tác động đến người nông dân là các tổ đổi công, vần công, các tổ dịch vụ về thủy lợi, làm đất, các tổ đoàn kết vay vốn, các tổ cung ứng vật tư kỹ thuật, các tổ khuyến nông, khuyến lâm. Luật hợp tác xã sẽ mở rộng phạm vi hoạt động trên cơ sở hàng hóa phát triển và có tiền đồ rất lớn từ thập kỷ đầu của thế kỷ XXI.

Các loại hình kinh tế hợp tác đơn giản này - (điều 2 của Luật hợp tác xã gọi là các "tổ hợp tác") xuất hiện từ rất lâu trong nông thôn nước ta và hiện nay sau 3 thập kỷ tập thể hóa nông nghiệp, chúng xuất hiện trở lại với mức độ và phạm vi có phần thu hẹp khá nhiều (năm 1958, số hộ tham gia đổi công có từ 60 đến 65% tổng số nông hộ còn hiện nay ở các địa phương, nơi cao nhất cũng chỉ dưới 30%). Điều này do quy mô bình quân đất đai của các nông hộ giảm xuống, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ở nhiều vùng hiện nay ít đa dạng và phong phú, ít thu hút lao động hơn. Nói cách khác, chính sức ép về lao động thừa đã làm cho hiệp tác lao động giản đơn vẫn cần thiết [2].

Hiện nay, các "tổ hợp tác" chưa có bộ máy tổ chức chặt chẽ, chưa có tài sản độc lập và hoạt động theo Luật dân sự. Một khi hoạt động có hiệu quả, nhất là giải quyết được đầu vào cho các hộ nông dân phần lớn thuộc loại A và loại B dưới sự chi phối của Luật dân sự, thì các "tổ hợp tác" sẽ được mở rộng, phát triển cho đến khi hình thành các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới. Đó là con đường phù hợp với quy luật. Nhà nước cần có chính sách khuyến khích, chẳng hạn đào tạo miễn phí cán bộ quản lý, hướng dẫn cách làm ăn có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ

(2) Xem *Sđd* : tr 131-132

Digitized by Google

hợp tác của nông dân đăng ký thành lập hợp tác xã nông nghiệp.

Các hợp tác xã kiểu mới hình thành khác với các tổ hợp tác không chỉ ở đầu vào (quy mô lớn hơn, cơ cấu phong phú hơn và tính chất hiện đại hơn) mà cả ở đầu ra đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sinh hoạt. Nhu cầu này ngày càng tăng lên và đến một lúc nào đó, các quan hệ kinh tế - tài chính trở nên phức tạp hơn, các thị trường trở nên đa dạng hơn, không gian cũ không đáp ứng nhịp độ tăng trưởng mới, nó đòi hỏi mở rộng những ranh giới hành chính vượt phạm vi của huyện, của tỉnh, cuối cùng vươn tới phạm vi toàn quốc. Hình thức tổ chức cũng mở rộng mang tên liên hiệp hợp tác xã, tổ chức liên minh của hợp tác xã theo các điều 48, 49 của Luật hợp tác xã. Xu hướng phát triển sản xuất hàng hóa xuất khẩu sẽ dẫn tới sự hợp tác quốc tế trong nông nghiệp. Xu hướng này diễn ra chậm chạp do đại bộ phận nông hộ loại C (trang trại) chưa có khả năng tham gia hợp tác quốc tế. Mặt khác nhà nước chưa tạo ra điều kiện thuận lợi để nông dân trực tiếp tham gia xuất khẩu. Đề án nghiên cứu trang trại các vùng đồi núi thuộc huyện Yên Bình (tỉnh Yên Bái) trong chương trình Việt Nam - Hà Lan (VNRP) có làm một sự so sánh giữa hai tỉnh Sông Bé (cũ) và Yên Bái và đã đưa ra một nhận xét : Ở tỉnh Sông Bé (cũ) quy mô các trang trại rộng hơn, vốn lớn hơn, cơ sở hạ tầng xây dựng được nhiều hơn và sức hút đối với các thành phần kinh tế cũng mạnh hơn. Rõ ràng tỉnh Sông Bé (cũ) nay tách ra thành hai tỉnh mới có đầy đủ những điều kiện để hình thành những trang trại lớn với những nhà doanh nghiệp có tầm cỡ để hoạt động trên thương trường quốc tế.

Nhìn vào bức tranh toàn cảnh của sự phát triển các nông hộ và phong trào tương trợ hợp tác trong nông thôn, chúng ta thấy hiện nay các hợp tác xã cổ phần tập hợp các nông hộ loại C (sản xuất hàng hóa) thường nảy sinh ở các vùng sản xuất hàng hóa ở miền Nam, như đồng bằng sông Cửu Long, nhất là ở những vùng bình quân ruộng đất cao, những miền đất mới ở các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Long An... các vườn cao su, cà phê ở miền Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, một số địa phương có đồi núi ở phía Bắc. Ở đồng bằng sông Hồng, các hợp tác xã cổ phần thường xuất hiện trong các lĩnh vực ngoài sản xuất lương thực, còn ở các vùng lúa thì nông dân ít vốn để tham gia các hợp tác xã cổ phần.

5 - Tìm hiểu con đường phát triển của hợp tác xã kiểu mới, *không thể chỉ dừng lại ở Luật hợp tác xã* mà nên bắt đầu từ thực trạng và diễn biến của kinh tế nông hộ, tình hình phân bố đất đai và các nguồn lực khác, sự hình thành và phát triển của các vùng nông sản hàng hóa và các chính sách lớn tác động đến nông nghiệp và nông thôn nước ta. Có đặt vấn đề một cách toàn diện như vậy mới thấy được những quy luật chi phối con đường phát triển của hợp tác xã kiểu mới, ngăn ngừa và khắc phục được những xu hướng sốt ruột, mệnh lệnh, máy móc, dập khuôn bất chấp thực tế khách quan. Chuyển đổi hợp tác xã kiểu cũ sang hợp tác xã kiểu mới là cả quá trình, không thể nôn nóng đưa ra những quyết định vội vã. Luật hợp tác xã ban hành là một khâu quan trọng để giải quyết những vướng mắc tồn đọng về thể chế đã âm ỉ lâu nay. Điều quan trọng là phải nắm được bản chất kinh tế - xã hội của hợp tác xã kiểu mới có gì khác với hợp tác xã kiểu cũ, trong điều kiện nào thì chuyển sang hợp tác xã kiểu mới, còn trong điều kiện nào thì duy trì và phát huy các hình thức tương trợ hợp tác giản đơn. Cái nông dân cần trước tiên là làm thế nào giúp họ tháo gỡ khó khăn đã tích tụ lâu đời như giải quyết nợ nần, xử lý các mối quan hệ giữa hợp tác cũ với nông dân xã viên ; sau đó họ bàn bạc trao đổi với nhau để lựa chọn hình thức tổ chức thích hợp. Trong quá trình này, Đảng giữ vai trò lãnh đạo, đưa ra các định hướng nhưng không làm thay các cơ quan chức năng của chính quyền.

Kinh tế nông hộ và kinh tế hợp tác cùng song song phát triển có sự định hướng bằng những chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước với sự chủ đạo của kinh tế quốc doanh, kinh tế nhà nước ở nước ta là sự bảo đảm thành công trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

ĐÔI ĐIỀU RÚT RA TỪ TÌNH HÌNH PHỨC TẠP Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH THÁI BÌNH

XUÂN HẢI - HÀ NHÂN

THỜI gian qua, đặc biệt từ đầu tháng 5-1997 trở đi, ở nông thôn Thái Bình đã xảy ra tình hình khá phức tạp. Bà con nông dân của một số xóm, xã đã tổ chức thành từng đoàn đông người lên xã, lên huyện, lên tỉnh đòi thanh tra kinh tế và tố cáo những cán bộ xã nghi có : *tham nhũng, mất dân chủ, lối sống xa lạ với cộng đồng.* Bà con còn yêu cầu huyện và tỉnh phải xử lý nghiêm đối với những cán bộ có tiêu cực.

Lợi dụng tình hình trên, một số nơi kẻ xấu đã "khoác áo dân", núp dưới danh nghĩa chống tham nhũng để trả thù cá nhân, gây ra những hành động vi phạm pháp luật một cách trắng trợn.

Cũng lợi dụng tình hình trên, một số cơ quan thông tin phương Tây và những kẻ xấu bên ngoài làm ầm lên rằng đây là cuộc nổi dậy của nông dân chống Đảng và chống chế độ.

Do thiếu thông tin, nhiều lời đồn đoán không có căn cứ đã lan truyền, gây phân tâm trong dư luận.

Với loạt bài điều tra *"Vì sao xảy ra những vụ việc phức tạp ở Thái Bình"* đăng trên các số báo 8, 9, 10 và 11 tháng chín vừa qua, Báo Nhân Dân đã đưa ra một bức tranh khá khách quan về tình hình Thái Bình, nêu lên sự thật về những vụ việc xảy ra và nguyên nhân của nó cùng một số bài học bước đầu về sự lãnh đạo, chỉ đạo của địa phương.

Với sự cố gắng của các cấp ủy đảng và chính quyền ở Thái Bình, nhiều biện pháp xử lý tích cực đã và đang được thực hiện khẩn trương để tình hình sớm trở lại ổn định.

Đã đến lúc cần nhìn lại sự việc một cách khách quan. Trong bài báo này, chúng tôi không có ý định tường trình lại toàn bộ tình hình đã xảy ra, mà chỉ cố gắng *đi sâu phân tích thực chất của vấn đề và cuối cùng rút ra đôi điều cần thiết cho việc lãnh đạo và chỉ đạo.*

I - THỰC CHẤT CỦA VẤN ĐỀ

Trước hết, cần khẳng định rằng Thái Bình là một địa phương giàu truyền thống cách mạng. Từ tiếng trống Tiền Hải những năm 1930 - 1931, nông dân Thái Bình đã vùng lên đi theo tiếng gọi của Đảng làm cách mạng. Trải qua Cách mạng Tháng Tám rồi hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhân dân Thái Bình đã cùng với nhân dân cả nước lập nên những chiến công to lớn. Thái Bình còn là cái nôi của phong trào phấn đấu đạt 5 tấn rồi 10 tấn thóc/ha. Đặc biệt, những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, cùng với cả nước, đảng bộ và nhân dân Thái Bình đã giành được nhiều thành tựu to lớn và có ý nghĩa quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội : Sản xuất nông nghiệp thắng lợi toàn diện ; sản lượng lương thực mấy năm liền đạt trên 1 triệu tấn/năm. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ổn định và đang trên đà khởi sắc. Nhiều công trình xây dựng cơ bản lớn đã được hoàn thành như cầu Thái Bình, cầu Triều Dương, Cảng Diêm Điền, Cống Lân 2, nhà văn hóa công nhân, nâng cấp các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ... Với phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm", phong trào xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn như điện, đường, trường, trạm, nước sạch, thông tin... được nhân dân hưởng ứng tích cực, đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân, làm thay đổi cơ bản bộ mặt nông thôn, được trung ương và các tỉnh bạn đánh giá cao, rút kinh nghiệm chung cho cả nước.

Như vậy không có lý do gì để nói nông dân Thái Bình chống lại chế độ do chính mình lựa chọn, chống lại sự nghiệp do chính mình tạo dựng, chống lại Đảng và chính quyền đã lãnh đạo mình làm nên sự nghiệp.

Tuy nhiên, cũng cần phân tích cụ thể để thấy rõ thực chất của sự việc khiếu kiện xảy ra ở Thái Bình và tính chất nghiêm trọng của nó.

Digitized by Google

Vấn đề không phải mới phát sinh trong năm nay. Từ năm 1994, nhân dân một vài xã của các huyện Quỳnh Phụ, Thái Thụy, đã làm đơn khiếu tố lên xã, huyện và tỉnh về việc cán bộ xóm, xã sử dụng quỹ đất sai mục đích ; điều chỉnh lại ruộng đất của Quỳnh Phụ không thống nhất trong tỉnh ; hà lạm công quỹ và vốn xây dựng điện, đường, trường, trạm ; quan liêu, hách dịch đối với dân ; lối sống xa lạ với cộng đồng... Sự việc sẽ không bùng to, lan rộng nếu như những đơn thư đó được giải quyết kịp thời và dứt điểm. Song, thay vì phải làm như thế thì huyện lại *"kính chuyển"* lên tỉnh, để rồi tỉnh lại *"đẩy"* xuống huyện và huyện lại *đưa về* xã. Sự "kính chuyển" theo cái vòng khép kín ấy đã làm cho việc giải quyết những khiếu tố bị ngưng đọng lại, làm cho bà con nông dân nghi ngờ về sự công minh của pháp luật, cho rằng cấp trên bao che, né tránh, vì thế họ đã tỏ ra bất bình, mất lòng tin vào nhiều cấp ủy đảng và chính quyền địa phương. Sự dồn nén lâu ngày đã bùng nổ vào giữa năm nay như chúng ta đã thấy.

Vậy sự việc phức tạp ở Thái Bình để đến tình trạng như hiện nay còn do đâu ?

Có ý kiến cho rằng, đó là do sự đóng góp của nông dân quá nặng nề, quá sức chịu đựng. Sự thật, không hoàn toàn như vậy. Đúng là trong việc xây dựng nông thôn mới, tỉnh Thái Bình có chủ trương đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường, trạm, nước sạch, thông tin... và chủ trương ấy đã kích thích sự ganh đua ở các huyện, xã. Do đó, ở nhiều nơi, mức huy động sức dân khá lớn. Song đó vẫn chưa phải là nguyên nhân chính. Cùng một mức độ huy động sự đóng góp như nhau, nhưng ở những xã chủ trương huy động để làm công trình xây dựng cơ bản được đưa ra bàn kỹ càng trong hội đồng nhân dân và trong dân nói chung thì chẳng những dân không khiếu kiện mà còn vui vẻ chấp hành. Cũng có xã, tuy bàn bạc không đến nơi đến chốn, nhưng trong việc chi tiêu ngân sách và đồng vốn xây dựng, có ghi chép rõ ràng, sổ sách minh bạch, không có hiện tượng cán bộ tham ô, xà xẻo của công thì ở đó, cũng không có sự khiếu kiện. Cũng có xã tuy có khiếu kiện, nhưng được lãnh đạo và đảng bộ bàn giải quyết thỏa đáng, những cán bộ có sai phạm biết nhận lỗi trước dân, xin hoàn trả của tham nhũng và nhận kỷ luật trước đảng bộ và chính quyền, thì ở đó, cũng không xảy ra tình hình phức tạp.

Nhìn một cách tổng quát, tình hình phổ biến ở các xã có vấn đề phức tạp là :

- Sự tham nhũng trong cán bộ biểu hiện dưới nhiều mức độ khác nhau, có nơi nghiêm trọng. Có những trường hợp cán bộ có chức, có quyền giàu lên rất nhanh, xây được nhà cao, cửa rộng và mua sắm phương tiện sang trọng, cá biệt có người để cho vợ con sống xa hoa, cách biệt với bà con chung quanh.

- Những biểu hiện mất dân chủ khá nặng nề. Những ý kiến của nhân dân thắc mắc về cán bộ quan liêu, hách dịch, chuyên quyền, làm việc không hỏi dân cùng những khiếu kiện về tham nhũng, xà xẻo của dân đều không được trả lời thỏa đáng ; có nơi chẳng những "phớt lờ" ý kiến của dân mà còn quy chụp người khiếu kiện là "bôi nhọ cán bộ", "chống lại chính quyền", là "không thi hành pháp luật", là "gây rối", v.v...

Quan liêu tham nhũng và mất dân chủ là những căn bệnh làm nảy sinh mâu thuẫn trong nội bộ xã, thôn ; giữa dân với một số cán bộ ; giữa cán bộ này với cán bộ khác, giữa cán bộ đương chức với cán bộ hưu. Những mâu thuẫn ấy có lúc có nơi đã bùng nổ và khi nó diễn ra trên diện rộng, lại thêm bàn tay của kẻ xấu xen vào, thì không khỏi gây nên những hậu quả tai hại và làm cho việc đánh giá đúng tình hình trở nên phức tạp hơn. Vì vậy, muốn giải quyết một cách tốt đẹp tình hình ở Thái Bình, phải đánh giá đúng thực chất của vấn đề, nhìn thẳng vào những căn bệnh nói trên, đấy cũng là nguyên nhân trực tiếp, không đổ lỗi cho khách quan, không thể coi mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân là mâu thuẫn địch - ta, lên án xử lý những hành động phá hoại, đồng thời phải thực hiện tự phê bình và phê bình nghiêm khắc, xử lý các vụ việc tiêu cực xảy ra trong lãnh đạo và chỉ đạo ở địa phương.

II - ĐÔI ĐIỀU RÚT RA

1 - Xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân

Đây là vấn đề lớn, hệ trọng, vừa cơ bản vừa cấp bách liên quan đến vận mệnh của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng ta khẳng định : "Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ" và "toàn bộ tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền

Digitized by Google

lực thuộc về nhân dân". "Xây dựng và thực hiện nền dân chủ xã hội không chỉ là mục tiêu lâu dài mà còn là phương thức, phương pháp cơ bản để lôi cuốn nhân dân vào sự nghiệp xây dựng và phát triển mọi mặt đời sống xã hội. Đó cũng là một phương thức, phương pháp cơ bản, cấp bách để tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh chống tiêu cực, nhằm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh ở nước ta" (phát biểu của đồng chí Đỗ Mười tại buổi khai mạc kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa X).

Theo tinh thần đó, đảng bộ và chính quyền Thái Bình những năm qua đã làm nhiều việc để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, nhờ vậy đã huy động được sức mạnh to lớn của nhân dân vào công cuộc đổi mới của tỉnh, tạo ra những tiền đề mới, quan trọng để Thái Bình tiến vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cùng cả nước đi lên. Nhưng trong khí thế chung đó, lãnh đạo các cấp trong tỉnh đã tỏ ra chủ quan, thỏa mãn với những điều làm được, không sớm phát hiện ngăn chặn ngay các biểu hiện quan liêu, tham nhũng, độc đoán, mất dân chủ của một bộ phận cán bộ các thôn xã.

Một là : Nếu ta coi "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" là cơ chế để bảo đảm quyền làm chủ trực tiếp của dân thì ở đây, có *ba vấn đề* đáng nói. Dân chưa *được biết* hết các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, có liên quan đến dân, dân chưa *được bàn* kỹ các công việc hệ trọng liên quan đến dân và đặc biệt chưa có cơ chế bảo đảm *quyền kiểm tra của nhân dân*. Bằng chứng rõ nét nhất của sự vi phạm dân chủ này chính là chủ trương huy động quá nhiều khoản đóng góp của nhân dân vào việc xây dựng đường, điện, trường, trạm... nhiều nơi nhân dân không được bàn kỹ, chi tiêu quỹ xã, thôn... không công khai, minh bạch mà nhân dân không được kiểm tra, hiểu rõ.

Hai là : Khiếu nại, tố cáo chính đáng là quyền hợp pháp của dân. Đảng và Nhà nước ta đã ban hành pháp lệnh khiếu tố, nhưng nhiều cấp từ xã đến huyện và tỉnh đều chưa coi trọng. Các khiếu nại, tố cáo của dân ít nơi được giải quyết, thường bị "kính chuyển" vòng vo, làm mất lòng tin của dân.

Ba là : Dân chủ không thể có nếu không có pháp luật duy trì. Bởi vậy, muốn bảo đảm quyền làm chủ đầy đủ cho nhân dân phải có sự thi hành đầy đủ pháp luật ở nông thôn. Đáng tiếc là việc tuyên truyền giáo dục pháp luật còn yếu, việc kiểm tra, giám sát thi hành pháp luật lỏng lẻo. Cán bộ đảng, chính quyền, viện kiểm sát, công an, tòa án, thanh tra... nắm pháp luật chưa vững, cho nên khi có các sự kiện khiếu kiện tập thể thì lúng túng, bị động, để xảy ra tình trạng một số kẻ xấu lợi dụng khiếu kiện có thái độ cực đoan, vi phạm pháp luật trắng trợn mà không trừng trị kịp thời.

Bốn là : Một bộ phận cán bộ cơ sở thoái hóa biến chất, đã tham ô tài sản của nhân dân còn hống hách trước dân, trù úm nhân dân.

Phân tích những biểu hiện về mất dân chủ nói trên, chúng ta có thể rút ra nhận xét bổ ích là :

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngày nay quyền làm chủ của nhân dân đã và đang được đề cao hơn bao giờ hết. Càng ngày, nhân dân ta càng có những đòi hỏi cao hơn về quyền làm chủ của mình. Xây dựng và bảo đảm đầy đủ, trọn vẹn quyền làm chủ của nhân dân là một quá trình biến đổi cách mạng to lớn, đòi hỏi phải phấn đấu bền bỉ, không thể nóng vội, giản đơn. Quyền làm chủ của dân phải được thực hiện từng bước vững chắc dựa trên điều kiện thực tế của đất nước về phát triển kinh tế, nâng cao dân trí, ý thức chính trị của nhân dân và năng lực lãnh đạo của Đảng và tổ chức quản lý của Nhà nước, khả năng tập hợp động viên của các đoàn thể nhân dân.

Nội dung, hình thức thể hiện quyền dân chủ của nhân dân rất phong phú và sinh động. Ngoài dân chủ đại diện, ngày nay cần thực hiện tốt hơn quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân. Dân chủ trực tiếp sẽ huy động mạnh mẽ tính sáng tạo của nhân dân vào mọi công việc của nhà nước, xã hội. Nhưng bên cạnh mặt tích cực đó dân chủ trực tiếp nếu không được tổ chức hướng dẫn tốt, không nằm trong khuôn khổ pháp luật thì dễ dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật, trở thành dân chủ cực đoan, vô chính phủ. Bởi vậy tổ chức đảng và chính quyền phải quan tâm lãnh đạo và phát huy đầy đủ quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân. Nhân dân ta, nhất là nông dân, vốn cùng sống trong làng xã, có truyền thống thương yêu nhau, có kinh nghiệm lâu đời về việc tổ chức đời sống xã hội cộng đồng. Ngày nay được sự lãnh đạo của Đảng, nhất định các truyền thống tốt đẹp ấy sẽ được phát huy cao độ vào công cuộc xây dựng nông thôn mới. Đã đến lúc cần phải xây dựng cơ chế cụ thể để bảo đảm quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân ở từng cơ sở, biến phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đối với mọi công việc của Đảng và Nhà nước có liên quan đến dân ở các thôn, xã, huyện, tỉnh, thành

Digitized by Google

hiện thực. Cần nêu lên những quy định cụ thể, xây dựng thành những quy ước, hương ước của từng làng xóm cộng đồng, phát huy truyền thống đạo lý Việt Nam. Ngày nay sản xuất nông nghiệp cũng là sản xuất hàng hóa, nông thôn cũng là thị trường, nông thôn phải thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tất cả những biến đổi đó là hoàn toàn mới mẻ đối với nông dân và chính quyền thôn xã. Có những điều nông dân còn chưa hiểu, có những việc chính quyền làm mà nhân dân chưa thông, cho nên việc nông dân hỏi hoặc nêu thắc mắc, thậm chí khiếu kiện để đi đến lẽ phải, công bằng phải được coi là việc làm chính đáng. Chính quyền các cấp cần nêu cao trách nhiệm tiếp dân, giải quyết các khiếu kiện của dân. Phải tìm hiểu chính xác nguyện vọng của dân, phân loại nhanh chóng các nội dung khiếu kiện (khiếu kiện về thực hiện chính sách, khiếu kiện cán bộ tham ô ức hiếp, khiếu kiện về những việc trong nội bộ nhân dân...). Giải quyết khiếu kiện cần thực hiện đúng pháp luật, có thái độ bình tĩnh, thận trọng, nhưng giải quyết khẩn trương, kiên quyết, dứt điểm, sớm công bố trả lời dân.

Pháp luật phải tạo điều kiện để nhân dân thực hiện quyền làm chủ xã hội của mình. Xây dựng hệ thống pháp luật là cần thiết nhưng tạo ra một nền nếp thực hiện pháp luật là điều quan trọng không kém.

2 - Chống tham nhũng

Tệ quan liêu và nạn tham nhũng là một trong bốn nguy cơ lớn đối với sự nghiệp đổi mới của chúng ta.

Tham nhũng đã và đang làm xói mòn uy tín và hiệu lực lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của Nhà nước. Chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân dân ta. Rất tiếc là trong quá trình cuộc vận động chống tham nhũng ở Thái Bình, bênh cạnh nhiều cố gắng cụ thể, đã có những sự yếu kém :

Một là : Các cấp lãnh đạo nắm không chắc tình hình cơ sở, để không ít cán bộ hà lạm công quỹ kéo dài. Khi nhân dân phát hiện thì không giải quyết dứt điểm, xử lý không công minh, kiên quyết, coi nhẹ việc kết hợp thực hiện các biện pháp về tổ chức, kinh tế, hành chính và pháp luật.

Hai là : Mục tiêu của chống tham nhũng là làm trong sạch bộ máy chính quyền nhân dân, xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân, ấy vậy mà không ít nơi, qua việc "chống tham nhũng" đã chống phá, làm tê liệt các hoạt động của bộ máy đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị ở xã. Chống tham nhũng không đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã để số kẻ xấu lợi dụng, gây nên các hành động phá hoại, vô chính phủ vi phạm pháp luật.

Ba là : Để đạt được mục tiêu đề ra, chống tham nhũng nhất thiết phải đặt dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và nằm trong khuôn khổ pháp luật ; nơi nào cấp ủy cấp dưới đã phạm vào tham nhũng, dân chưa tin thì còn có tập thể đảng ủy, cấp ủy cấp trên. Nhưng ở một số nơi việc "chống tham nhũng" làm sai, đã ra ngoài khuôn khổ đó.

Thực tế ở Thái Bình một lần nữa giúp ta nhận rõ hơn sự cần thiết phải dựa vào nhân dân, phát động nhân dân chống tham nhũng, phải loại bỏ phần tử cơ hội, tiền án, tiền sự, hận thù cách mạng ra khỏi các tổ chức thanh kiểm tra, đồng thời giữ vững kỷ luật, kỷ cương, bảo đảm nguyên tắc lãnh đạo của Đảng. Các vụ việc tham nhũng phải được xử lý nghiêm minh. Phải sử dụng đồng bộ các biện pháp giáo dục, kinh tế, hành chính và luật pháp.

3 - Xây dựng chính quyền nông thôn trong sạch, vững mạnh

Công bằng mà nói, trong những năm đổi mới vừa qua, đảng bộ và nhân dân Thái Bình đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng và kiện toàn chính quyền cơ sở ở nông thôn. Tỉnh đã nhiều lần rút kinh nghiệm về mô hình, bộ máy và nội dung hoạt động của chính quyền cấp xã, xây dựng quy chế cụ thể về các mối quan hệ giữa chính quyền xã, đảng ủy và các tổ chức đoàn thể nhân dân, các mối quan hệ giữa xã và thôn... Tỉnh có chương trình đào tạo, huấn luyện cán bộ xã và sớm đổi mới chính sách đãi ngộ. Nhờ đó nhìn chung, đã có một bộ máy chính quyền xã tương đối gọn nhẹ và đội ngũ cán bộ xã tháo vát. Nhưng cùng với quá trình phát triển, đặc biệt là trong điều kiện cơ chế thị trường, trong tổ chức và hoạt động của mình, cấp chính quyền xã cũng bộc lộ những thiếu sót và bất cập. Một số cán bộ không cưỡng nổi sự cám dỗ về lợi ích, tiền tài đã thoái hóa biến chất. Bệnh ham địa vị, ham thành tích nảy nở. Chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng, chăm lo tăng trưởng kinh tế là đúng nhưng những việc làm đó nhiều khi không đi liền với việc chăm lo đời sống văn hóa và tinh thần ở nông thôn. Hoạt động của không ít chính quyền xã đã nặng về "quyền hành", xử phạt, cấm đoán, nhẹ về vận động, hướng dẫn, thuyết phục, giáo dục. Hoạt động của hội đồng nhân dân xã nặng về hình thức, hiệu lực của các

Digitized by Google

nghị quyết không cao, nhiều khi, nhiều việc được đưa ra thảo luận không đúng phạm vi quy định, không phản ánh đúng ý nguyện chính đáng của dân. Mối quan hệ giữa hội đồng nhân dân xã và ủy ban không rõ ràng, nhiều việc của hội đồng nhân dân, ủy ban xã bao làm ; nhiều việc ủy ban xã làm không đúng nghị quyết của hội đồng vẫn bỏ qua. Bằng chứng cụ thể là : những vấn đề đất đai ; trật tự trị an ; chống các tệ nạn xã hội ; quản lý các hoạt động kinh tế, xã hội, văn hóa ; xây dựng quy hoạch ; xóa đói giảm nghèo, thu thuế, ngân sách xã... nhiều khi không được bàn kỹ lưỡng trong hội đồng nhân dân, không lấy ý kiến nhân dân.

Cấp dưới của chính quyền xã là thôn xóm, nhưng ở đó, các chủ trương, biện pháp về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cũng không được cấp xã phổ biến thấu đáo. Vấn đề đặt ra là : làm sao để xây dựng chính quyền xã, thôn ngang tầm với nhiệm vụ quản lý nông thôn trong tình hình mới, phát huy hết mặt tích cực và hạn chế được mặt tiêu cực của kinh tế thị trường.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh đã nêu lên những quan điểm rõ ràng, đúng đắn chung quanh vấn đề này.

Xã là đơn vị hành chính gắn liền với cộng đồng dân cư trên một địa bàn tương đối hẹp, có những lợi ích và nhu cầu chung trong cuộc sống, có truyền thống lâu bền về văn hóa, ý thức tự quản và tính cộng đồng cao của làng xã Việt Nam. Chính quyền xã hằng ngày trực tiếp với dân. Đây là nơi có thể áp dụng nhiều hình thức dân chủ trực tiếp, thể hiện rõ nét, sinh động về bản chất chính quyền của dân, do dân, vì dân.

Để kiện toàn chính quyền cấp xã, phải chăng chúng ta cần tập trung cao độ vào việc phát huy đầy đủ vai trò của hội đồng nhân dân xã trong việc *xem xét, quyết nghị* về những vấn đề hệ trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh trật tự, đời sống nhân dân, ngân sách xã. Phát huy hơn nữa *vai trò giám sát* đối với việc điều hành của ủy ban nhân dân, các ủy ban nhân dân cũng phải tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả.

Xây dựng chính quyền xã theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả. Nên quy định rõ số lượng, chức danh cán bộ xã, có thể chuyên nghiệp hóa một số chức danh chuyên môn như : cán bộ tư pháp, địa chính, kế toán, tài chính, văn phòng... chăm lo đào tạo và có chính sách thỏa đáng đối với cán bộ cấp xã, thôn.

4 - Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh

Đây là một nội dung quan trọng của Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII về "Đổi mới và chỉnh đốn Đảng". Đảng bộ Thái Bình là một trong những đảng bộ sớm triển khai có kết quả nhiệm vụ này. Tổng kết 5 năm đổi mới và chỉnh đốn, đảng bộ Thái Bình có 57,8% cơ sở đảng được công nhận là cơ sở trong sạch, vững mạnh, cơ sở yếu kém chỉ còn 2,8%. Những câu hỏi đặt ra là :

Vì sao ở nơi có tỷ lệ cơ sở đảng trong sạch vững mạnh cao như vậy mà tình trạng phức tạp lại xảy ra ? Vì sao trước tình hình đó, nhiều đảng viên lại đứng ngoài cuộc, thậm chí có đảng viên lại đầu têu, phù họa với các phần tử xấu vi phạm pháp luật ? Và vì sao một số cấp ủy, và tổ chức cơ sở đảng được coi là "vững mạnh" dễ dàng để mất vai trò lãnh đạo khi tình hình phức tạp xảy ra ? Về những câu hỏi đó, chúng ta không thể đưa ra những câu trả lời giản đơn. Phải nhìn lại và đánh giá đúng, có chiều sâu quá trình củng cố, kiện toàn cơ sở đảng ở Thái Bình với các mặt công tác chủ yếu như : công tác chính trị tư tưởng, công tác tổ chức, công tác cán bộ và đảng viên, công tác kiểm tra...

Phải chăng công tác chính trị tư tưởng ở cơ sở còn nặng về hình thức ; các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước chỉ được phổ biến qua loa mà không đi sâu nghiên cứu, quán triệt. Trong sinh hoạt đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ không được giữ vững, tự phê bình và phê bình không được coi trọng, dẫn đến mất đoàn kết ở không ít các xã, huyện và có cả ở cấp tỉnh.

Công tác đảng viên và công tác cán bộ nhiều nơi chưa làm tốt. Cấp ủy chưa nắm chắc đảng viên, cấp trên chưa nắm chắc cán bộ cấp dưới. Có tình trạng một số nơi vẫn bổ nhiệm, thăng cấp, sử dụng số cán bộ đã có sai phạm, biến chất, mất tín nhiệm với quần chúng.

Công tác kiểm tra nói chung còn lơi lỏng. Việc đánh giá đảng viên, đánh giá cơ sở đảng chưa thường xuyên, nghiêm túc, trung thực. Còn có hiện tượng nương nhẹ, bao che cho cơ sở yếu kém, sợ mất thành tích.

Digitized by Google

Công tác vận động quần chúng thiếu chiều sâu. Mặt trận và các đoàn thể không nắm chắc đoàn viên, hội viên, phản ánh chưa kịp thời nguyện vọng của dân, thụ động trước những cấp ủy có nhiều cán bộ chủ chốt sai phạm, do vậy quần chúng không tin, không dựa vào tổ chức của mình.

Nêu lên những điều đó không phải là để mất lòng tin đối với tổ chức đảng ở cơ sở mà là để nhận thức đúng, nâng cao hơn nữa quyết tâm "đổi mới và chỉnh đốn" để có nhiều cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh thật sự. Về lâu dài, việc "đổi mới và chỉnh đốn Đảng", xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh phải được tiến hành trên cơ sở quán triệt các mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc và phương châm mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, khóa VII và các nghị quyết tiếp theo của Trung ương đã đề ra. Trước mắt ở những nơi có tình hình phức tạp, nên tập trung làm tốt các việc :

1 - Chấn chỉnh ngay các hoạt động của đảng bộ, đưa sinh hoạt đảng trở lại bình thường. Tiến hành tốt đợt sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình trong Đảng từ tỉnh xuống cơ sở. Tự phê bình và phê bình phải nhằm đạt mục đích : ổn định tình hình, thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị từng cơ sở ; nâng cao ý chí chiến đấu, phẩm chất cách mạng cho từng đảng viên ; tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa đảng và nhân dân. Tự phê bình và phê bình phải khách quan, nêu đúng mức ưu điểm, khuyết điểm, nói rõ nguyên nhân chủ quan khách quan,làm rõ trách nhiệm của các tổ chức đảng và các cá nhân phụ trách... nhằm phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, xử lý nghiêm minh những sai phạm để tiến lên.

2 - Lãnh đạo tiến hành khẩn trương các hoạt động kiểm tra, thanh tra, có kết luận rõ ràng về các vụ, việc bị khiếu kiện, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm. Những cán bộ, đảng viên mắc khuyết điểm về tham nhũng, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân phải nhận lỗi trước dân và trả lại của tham nhũng ; phạm tội nặng thì tùy theo mức độ mà bị xử lý kỷ luật hay đưa ra trước pháp luật. Đồng thời cũng xử lý nghiêm minh số kẻ xấu lợi dụng "chống tham nhũng" vi phạm pháp luật trong các vụ việc xảy ra ở nhiều xã vừa qua.

3 - Chấn chỉnh đội ngũ cán bộ chủ chốt xã thôn theo hướng thực sự trong sạch, đủ đức, đủ tài, được quần chúng tín nhiệm. Hiện nay cán bộ những nơi có "điểm nóng" đang trải qua thử thách lớn, có sự sàng lọc, sẽ nảy sinh nhiều tâm tư, trong đó có người chán nản, muốn bỏ việc. Bởi vậy, cần phải thông qua tự phê bình và phê bình mà có sự đánh giá thật khách quan. Những cán bộ tốt phải được bảo vệ. Đối với mỗi người, không chỉ phê bình khuyết điểm mà phải nêu được cả mặt tốt, khơi dậy ý chí phấn đấu, quyết tâm làm trọn nhiệm vụ của người cán bộ, đảng viên trong hoàn cảnh mới. Cấp ủy cấp trên cần nêu cao trách nhiệm của mình với cơ sở, không làm thay nhưng phải có kế hoạch lãnh đạo cụ thể, giúp cơ sở vượt qua những thử thách. Tăng cường cho các cơ sở yếu những cán bộ đảng có kinh nghiệm về công tác tư tưởng,tổ chức, kiểm tra và vận động quần chúng để giúp đỡ cấp ủy cơ sở tiến hành tốt các nhiệm vụ hiện nay.

4 - Song song với việc chấn chỉnh nội bộ, cần củng cố lại các tổ chức quần chúng. Đảng viên phải phát huy tốt vai trò nòng cốt của mình trong sinh hoạt và hoạt động trong các tổ chức ấy. Tiếp tục thực hiện tốt các cuộc vận động chính trị - xã hội như : xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế gia đình, xây dựng nếp sống văn hóa... Tất cả nhằm lôi cuốn nhân dân vào các hoạt động chính trị kinh tế - xã hội, xây dựng cuộc sống mới.

5 - Cấp trên đối với cơ sở

Sẽ không đúng nếu nói rằng tình hình phức tạp xảy ra ở Thái Bình chỉ là vấn đề của cơ sở và trách nhiệm cũng chỉ thuộc về cơ sở. Không. Đó là vấn đề, là trách nhiệm của cả cấp trên, nhất là các cấp trên trực tiếp, cấp huyện và cấp tỉnh.

Sự thật của Thái Bình là sự thật về cả hai mặt. Một mặt, đó là sự thay đổi đáng kể bộ mặt nông thôn (như trên đã nói) mà sự thay đổi đó không tách rời với những cố gắng của lãnh đạo tỉnh và huyện trong việc quán triệt và vận dụng đường lối, quan điểm chính sách của Trung ương về phát triển nông nghiệp và nông thôn vào địa phương, hướng về cơ sở và chăm lo cho cơ sở. Mặt khác, tình hình phức tạp xảy ra và lan rộng cũng có liên quan trực tiếp đến trách nhiệm chỉ đạo và quản lý của tỉnh và huyện. Có phải mọi chủ trương về xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội do tỉnh, huyện đề ra đều đúng, chỉ có sai ở khâu thực hiện hay không ? Tại sao tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân và tham nhũng kéo dài mà không phát hiện hoặc thấy rồi mà không xử lý ? Tại sao việc giải quyết những kiến nghị và các

Digitized by Google

khiếu kiện của nhân dân lại chậm trễ ? Tại sao khi các vụ việc phức tạp xảy ra thì xử lý lại ngập ngừng, bị động và lúng túng kém hiệu quả, kéo dài ? Trả lời các câu hỏi đó sẽ làm rõ phần nào trách nhiệm của tỉnh và huyện. Ở đây, nhân dân đòi hỏi ở cấp tỉnh và huyện một sự kiểm điểm nghiêm túc, một thái độ thật sự cầu thị để làm rõ mọi việc cần làm, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân ở từng cấp, từng ngành, trước hết là Thường vụ và Tỉnh ủy Thái Bình.

Đối với sự lãnh đạo và quản lý ở tầm vĩ mô, điều nhân dân mong muốn nhất là có được những chủ trương và chính sách lớn, đúng đắn, trong đó có hai loại chính sách có quan hệ trực tiếp đến cuộc sống của mình : *một là* những chính sách chung về nông nghiệp, nông thôn và nông dân ; *hai là* những chính sách đối với tổ chức, bộ máy của xã và đối với cán bộ xã.

Có thể khẳng định rằng, những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn nhằm khuyến khích phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) là một thí dụ nổi bật. Đại hội lần thứ VIII của Đảng, cùng với việc xác định nhiệm vụ "đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn", đã nêu lên chương trình số 1 trong 11 chương trình phát triển lớn trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 là "Chương trình phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn". Cùng với các chủ trương lớn đó, đã có hàng loạt chính sách về đầu tư cho nông nghiệp, tổ chức kinh tế hợp tác, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, lập ngân hàng cho người nghèo.v.v. Các chủ trương và chính sách đó đi vào cuộc sống đã góp phần to lớn vào việc thay đổi bộ mặt nông thôn và đời sống nông dân, trong đó có nông thôn và nông dân tỉnh Thái Bình. Tuy vậy, xem xét từ cơ sở, chúng ta vẫn thấy các chủ trương và chính sách đó cũng còn nhiều mặt cần được bổ sung và hoàn thiện, nhất là trong quá trình tổ chức thực hiện. Vẫn còn một khoảng cách nhất định giữa các chính sách kinh tế (được chú trọng nhiều hơn) với các chính sách xã hội và văn hóa (chưa được chú ý đầy đủ) ; giữa việc phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn với việc xây dựng giai cấp nông dân ; giữa việc động viên sức dân với việc bồi dưỡng sức dân. Việc động viên sự đóng góp của nông dân trong từng chủ trương cụ thể là phải chăng, nhưng tổng hợp lại các loại đóng góp theo nghĩa vụ, kể cả các khoản đóng góp do địa phương nêu lên, thì quả là không phù hợp với sức dân theo hướng cần khoan thư. (Xin mở ngoặc ở đây để đưa ra một thông tin mới. Tại một cuộc nói chuyện với cán bộ tỉnh, huyện, xã ở Hải Dương ngày 24-9 vừa qua, đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười nói : Trung ương sẽ ra chỉ thị về một số công việc ở nông thôn hiện nay... Các địa phương cần chấn chỉnh việc huy động sức dân, rà soát các khoản thu và đóng góp do các cấp chính quyền và đoàn thể đặt ra trên tinh thần khoan thư sức dân, tính toán cân đối hợp lý giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa đầu tư phát triển và cải thiện đời sống, giảm nhẹ các khoản thu quá nặng, xóa bỏ những khoản thu và đóng góp không cần thiết và trái pháp luật... *Báo Nhân Dân, ngày 1-10-1997).*

Xã, thôn là cơ sở, là nơi trực tiếp với nhân dân, nơi đón nhận và đưa các chủ trương, chính sách của cấp trên đến cho dân, cũng là nơi thi hành và thể nghiệm tính đúng đắn của các chủ trương, chính sách đó, nơi cán bộ, đảng viên trực tiếp chịu sự kiểm tra và kiểm soát của nhân dân. Hướng về cơ sở và chăm lo cho cơ sở là một chủ trương đúng đắn. Thế nhưng nhiều chính sách cho cơ sở chưa được xác định rõ. Thí dụ như chính quyền cơ sở là một cấp trong hệ thống tổ chức của nhà nước ta thì chính sách với cán bộ cơ sở như thế nào cho phù hợp ? Những chức danh nào nên là công chức ? Lương và phụ cấp ra sao ? Hệ thống đảng và các đoàn thể ở xã và chính sách đối với loại cán bộ này như thế nào ? Từ các vấn đề tổ chức bộ máy, các chính sách đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng, đã nảy sinh không ít tâm tư trong hàng ngũ cán bộ xã, thôn, đòi hỏi phải có sự giải quyết tận gốc. Cho nên, nói vấn đề ở Thái Bình không chỉ là vấn đề của cơ sở mà còn là vấn đề của cấp trên là như vậy.

*
* *

Đánh giá đúng tình hình và thực chất của vấn đề, nêu rõ nguyên nhân, rút ra được những bài học cần thiết cho sự lãnh đạo và chỉ đạo, đó là những yếu tố rất quan trọng để ổn định và phát triển. Các cấp tỉnh, huyện, xã ở Thái Bình đang làm việc đó thông qua đợt sinh hoạt chính trị lớn - tự phê bình và phê bình. Chúng ta tin rằng Thái Bình sẽ đạt được kết quả mong đợi, tiếp tục tạo đà và tạo thế để tiến lên. ❑

Digitized by Google

MẤY KINH NGHIỆM QUẢN LÝ RÚT RA TỪ MỘT VỤ ÁN TRỌNG ĐIỂM

NGUYỄN THỊ VY

Vụ xét xử sơ thẩm tên Dương Văn Khánh (tức Khánh "trắng") và đồng bọn do Tòa án nhân dân Hà Nội tiến hành giữa tháng 9-1997 là một vụ án lớn nhằm xét xử lại nhiều vụ án trước đây đã tuyên nhưng còn để lọt người, lọt tội, và xét xử thêm những vụ trước đây vì những lý do tiêu cực đã bị đình chỉ điều tra. 24 tên bị Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố trong nhóm lưu manh do Khánh cầm đầu đã phạm vào 11 tội : cướp của ; giết người ; trốn thuế ; hiếp dâm ; che dấu tội phạm ; lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản công dân ; vi phạm quản lý đất đai ; cố ý gây thương tích ; làm sai lệch hồ sơ vụ án ; nhận hối lộ và tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng. Tòa đã tuyên 2 án tử hình đối với 2 tên đầu sỏ và 228 năm tù giam cho các tên còn lại, chưa kể xử phạt bằng tiền.

Các phương tiện thông tin đã kịp thời phản ánh mọi diễn biến và bình luận về vụ án. Nhận thấy, đây là một án trọng điểm, kẻ phạm tội có tổ chức hoạt động theo băng nhóm rất nguy hiểm, thời gian gây án kéo dài trong nhiều năm, hành vi gây án rất tàn bạo, làm thiệt hại đến tính mạng và tài sản lớn của nhân dân, làm thất thu lớn cho Nhà nước, trắng trợn thách thức pháp luật, gây nên nỗi lo lắng cho đồng bào ở Thủ đô, nhất là những người trực tiếp kinh doanh, dịch vụ ; cho nên, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn điểm lại một số vụ điển hình, để từ đó rút ra một số vấn đề về quản lý trật tự an toàn xã hội, nhằm bảo đảm cuộc sống yên bình cho mọi tầng lớp nhân dân.

*

* *

Ở Thủ đô, nói tới Khánh "trắng", nhiều người biết đó là tên lưu manh đã có 5 lần bị bắt, bị phạt tù và tập trung cải tạo về các tội trộm cắp, cưỡng đoạt, cố ý gây thương tích. Năm 1985 ra trại, y đạp xích lô ở khu vực cầu Long Biên, rồi tụ tập một số "đàn em" có tiền án tiền sự hoạt động với danh nghĩa "tổ bốc xếp". Với danh nghĩa này, y đã nâng giá, ép giá, phạt "vi cảnh" khách hàng, làm bảo kê cho nhà hàng, khách sạn, quán bar, vũ trường ; mở rộng tầm hoạt động sang cả địa bàn chợ Đồng Xuân - Bắc Qua và các khu phụ cận, để gây thanh thế và thu lợi bất chính. Chỉ 5 năm hoạt động kiểu này, từ một kẻ đạp xích lô kiếm sống, y đã trở thành "thủ lĩnh" của bọn bất hảo, trở thành "ông chủ" bóc lột bọn "đàn em" và dân buôn bán, thành tỉ phú, có xe hơi, nhà lầu sang trọng, có tiền cho vay lấy lãi hoặc để làm từ thiện, hối lộ, nhằm tạo vỏ bọc lót cho mình.

Ngày 24-3-1991, do xích mích cá nhân giữa hai nhóm người làm ăn ở chợ, Khánh "trắng" đã dùng dao đâm chết anh Thắng (tức Đạt). Nhờ tài móc nối xoay xở, Khánh được điều tra viên Nguyễn Ngọc Minh (người thụ lý điều tra vụ án) làm sai lệch hồ sơ, khiến cho người giết Đạt là Dũng, chứ không phải là Khánh. Và Dũng cũng được Minh ghi là chỉ giết Đạt "do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng" chứ không phải cố ý. Bởi thế, tại các phiên xét xử sơ thẩm năm 1991 và phúc thẩm năm 1992, Tòa án nhân dân Hà Nội và Tòa án nhân dân tối cao đã phạt Dũng một năm tù, còn Khánh "trắng" thì vô can, và y tiếp tục vơ vét ở chợ, gian lận trốn thuế, xúi dục bọn đàn em bành trướng, làm càn, tiếp tục gây thêm những vụ án mới. Mãi tới nay, 5 - 6 năm sau, sự thật bộc lộ rõ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã có đủ cơ sở để kháng nghị, yêu cầu Tòa án xử lại đúng người đúng tội.

Vụ giết Nguyễn Thanh Hà ngày 5-10-1994 tại buồng 15A trại giam Hà Nội, là vụ một nhóm phạm nhân đã đánh chết một phạm nhân không chịu "làm luật" ở cùng buồng. Tháng 9-1995, Tòa án nhân dân Hà Nội đã xử 2 án tử hình, 2 án chung thân, nhưng vì Khánh "trắng" che dấu tội phạm và giỏi

Digitized by Google

lo lót nên điều tra viên Ngô Duy Ân, người được phân công trực tiếp điều tra đã làm sai lệch hồ sơ vụ án rất tinh vi, để bỏ ra ngoài 2 tên giết người nữa là Đặng Đức Thắng (tức Thắng "ngựa") và Nguyễn Tiến Thắng (tức Thắng "trố") em ruột cùng mẹ khác cha với Khánh. Bởi vậy, tuy phiên tòa đã khép, án đã thi hành, vẫn có đơn tố giác thêm 2 tên còn sót, nên cơ quan điều tra cùng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã nghiên cứu lại hồ sơ vụ án này và thu thập thêm tài liệu mới. Thấy có dấu hiệu điều tra viên làm sai lệch hồ sơ, để lọt tội phạm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã khởi tố 2 tên Nguyễn Tiến Thắng (Thắng "trố") và Đặng Đức Thắng (Thắng "ngựa") tội giết người ; khởi tố Ngô Duy Ân tội làm sai lệch hồ sơ vụ án để lần này đưa ra xét xử.

Tiếp theo hai vụ giết người trên đây, ngày 24-7-1995, tên Đào Công Huy còn tổ chức vụ hiếp dâm một em bé 15 tuổi và 3 cô tiếp viên khác ở nhà nghỉ Hiệp Thành (Gia Lâm). Dương Văn Khánh đã dùng "uy thế" của mình can thiệp, và điều tra viên Nguyễn Ngọc Minh nhận hối lộ đã làm sai lệnh hồ sơ, chuyển từ hiếp dâm thành tự nguyện giao cấu, nên vụ án được đình chỉ điều tra, biến kẻ phạm tội hình sự thành vô sự.

Chưa đủ. Chỉ chưa đầy một năm sau, ngày 22-5-1996, Khánh "trắng" đã lên kế hoạch và trực tiếp chỉ huy vụ cướp ngày nổi tiếng tại hai khách sạn 71D và 71E Kim Mã. Đây là hai khách sạn kinh doanh hợp pháp mà chủ của nó trước đây đã vay của nhóm Khánh "trắng" một số tiền khoảng 250 triệu nhưng chưa trả hết, nay chúng lấy danh nghĩa "xiết nợ", đã cướp mất 450 triệu (theo lời khai). Vụ cướp có quy mô lớn kéo dài gần 6 tiếng đồng hồ, tụ tập nhiều tên lưu manh, hành động trắng trợn giữa "thanh thiên bạch nhật", ở một khu phố đông đúc ngay giữa trung tâm Thủ đô, gây sự công phẫn tột độ trong nhân dân, gây dư luận xôn xao cả thành phố. Trớ trêu, nó lại diễn ra gần trụ sở công an phường, và đáng buồn giữa hiện trường nhốn nháo ấy lại có mặt 2 cảnh sát bỏ sắc phục công vụ, vận thường phục, đi lại, đứng ngồi như thể để khuyến khích, động viên...

Như trên đã nói, những vụ giết người cướp của trên đây, cùng với một số vụ án kinh tế như trốn thuế hàng tỉ đồng, chiếm dụng đất công v.v. đều đã được Tòa án nhân dân Hà Nội xét xử công minh giữa tháng 9 - 1997 và áp dụng mức hình phạt thích đáng, cân xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Vụ án đã khép lại, nhưng bàn luận về nguyên nhân của nó thì chưa dừng lại. Tùy từng góc độ, công luận có thể rút ra những kết luận khác nhau. Ở bài này, chúng tôi muốn nêu lên một vài nguyên nhân, cũng có thể gọi là những *bài học kinh nghiệm* về quản lý cần rút ra trong lĩnh vực giữ gìn an ninh, trật tự.

1 - Quản lý tiền án tiền sự chưa tốt, tạo kẽ hở cho những kẻ bất hảo tụ tập thành băng nhóm, lợi dụng danh nghĩa tập thể lao động này nọ để gây án hình sự và trốn thuế. Như mọi người đã biết, vụ án có 24 bị cáo, thì 15 tên trước đây đã từng có từ 2 đến 5 tiền án tiền sự, từng bị bắt giam về các tội ăn cắp, cố ý gây thương tích, chiếm đoạt tài sản công dân, tài sản xã hội chủ nghĩa và đánh bạc. Công an là cơ quan chức năng có trách nhiệm phối hợp với chính quyền cơ sở tiếp tục theo dõi, giám sát, giáo dục họ, để họ thực sự hối cải mà làm ăn lương thiện. Nhưng đáng tiếc sự thể đã ngược lại. Chẳng những bọn tiền án tiền sự trên đây sau khi ra tù, ra trại đã không làm ăn lương thiện mà tiếp tục vi phạm pháp luật, tiếp tục gây án nặng hơn. Đáng chú ý là, từng tên trong bọn chúng, những năm vừa qua không còn hành động một cách tự phát, đơn lẻ nữa, mà chúng cấu thành băng nhóm, có thủ lĩnh, có kế hoạch hành động thống nhất, điều hành nghiêm ngặt. Bề ngoài chúng là một tổ chức lao động hợp pháp, mang những tên gọi đáng mến như "Đội trật tự", "Nghiệp đoàn dịch vụ" v.v.. Thủ lĩnh của chúng được suy tôn là "nhà từ thiện", là "ủy viên" này, "chủ tịch" nọ nhưng về thực chất chúng là một băng xã hội đen, mà những gì chúng làm thì qua phiên tòa, chúng ta đều đã biết.

Để cho những tên có tiền án tiền sự tiếp tục gây án nặng hơn đã là một khuyết điểm trong việc quản lý con người. Để chúng cụm lại trên một địa bàn phức tạp vào bậc nhất ở Thủ đô mà tiến hành gây án có tổ chức, lại càng mất cảnh giác, nếu không muốn nói là một khuyết điểm nghiêm trọng về quản lý. Chúng ta không thành kiến với những kẻ có tiền án tiền sự. Chúng ta sẵn sàng khoan dung những kẻ phạm tội đã được cải tạo, hết lòng giúp đỡ họ trở vệ cuộc sống lương thiện. Cơ quan công an, chính quyền cơ sở thu xếp việc làm cho họ sau khi ra tù, ra trại là điều tốt, thậm chí có thể sử dụng họ

Digitized by Google

để "lấy độc trị độc". Nhưng giúp đỡ, sử dụng thế nào phải có nguyên tắc và phương pháp đúng. Giúp đỡ mà buông lỏng quản lý để họ vận động theo kiểu "ngưu tầm ngưu, mã tầm mã", họp thành tổ chức đông đảo, mở rộng địa bàn, khuyếch trương thanh thế, thách thức pháp luật và gây tội ác thì đấy là một sai lầm nghiêm trọng.

Kinh nghiệm xưa nay cho thấy những kẻ dính vào tiền án tiền sự như trộm cướp, cờ bạc, quậy phá, đánh người... khi ra khỏi trại cải tạo, rất ít khi tự mình thoát khỏi cảnh "ngựa quen đường cũ", nếu như không có sự kèm cặp, giáo dục thường xuyên của người thân và tập thể tốt. Khi ra khỏi nhà tù hoặc trại cải tạo, nếu không có công ăn việc làm thì dễ "nhàn cư vi bất thiện" đã đành ; song tìm được việc làm, mà thiếu sự quản lý, giáo dục thường xuyên lại sống trong một môi trường có nhiều người đã từng là tội phạm thì dễ dẫn tới chứng nào lại trở về tật ấy. Tập hợp đông đảo những kẻ từng mắc vào tội trộm cướp và gây rối, cho làm việc hằng ngày giữa một trung tâm thương nghiệp đầy ắp hàng, tiền, lại còn giao cho làm nhiệm vụ bảo vệ, giữ trật tự, rồi thả nổi không giám sát, kiểm tra, - thậm chí khi đã có những tín hiệu xấu liên quan đến trọng án từ năm 1991, - mà vẫn không có biện pháp "chia cắt ra" để kèm cặp giáo dục, ngăn chặn, trái lại để họ tụ tập ngày càng đông hơn rồi gây án nặng hơn thì quả là một sai lầm.

2 - Quản lý viên chức, công chức trong cơ quan bảo vệ pháp luật, nhất là trong khâu điều tra chưa tốt, nên làm sai lệch hồ sơ vụ án, dẫn đến xử lý sai, bỏ lọt tội phạm giảm lòng tin của nhân dân, và gây bất bình trong công luận. Công chúng theo dõi phiên tòa xét xử băng lưu manh côn đồ do Khánh "trắng" cầm đầu vừa qua tỏ ra hết sức bất bình trước sự thoái hóa về đạo đức, đến mức bất lương, của những điều tra viên được giao nhiệm vụ điều tra vụ án như Ngô Đuy Ân và Nguyễn Ngọc Minh. Đây là những cán bộ, nhân viên đã ở trong ngành công an nhiều năm, có những đóng góp nhất định, nhưng vì thoát ly sự giám sát, kiểm tra, giáo dục thường xuyên của tập thể nên sa sút về phẩm chất đạo đức : vòi vĩnh, nhận hối lộ của đối tượng hình sự, đang tâm biến người không có tội thành trọng tội, biến kẻ trọng tội thành vô tội. Trong vụ án giết anh Đạt ở phố Hàng Chiếu, Minh giúp Khánh "trắng" dàn dựng một hồ sơ giả bằng cách ép cung buộc các bị can phải thống nhất khai vào cung rằng "thằng Dũng đâm chết anh Đạt". Song sự thật, kẻ đâm chết Đạt là Khánh "trắng" ! Có bản cung Minh đọc cho bị can viết theo ý mình. Có bản thì Minh tự viết rồi bắt bị can phải ký. Để nhẹ tội cho Dũng vốn là bọn "đàn em" được Khánh bố trí đứng ra nhận tội thay mình, Minh cũng chỉ ghi Dũng đâm chết Đạt là "việc giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng" (nghĩa là "nhỡ" mà giết chứ không phải giết người cố ý). Đây là một xảo thuật, vô cùng nguy hiểm, làm cho Khánh "trắng" thoát án tử hình, còn Dũng, kẻ nhận tội thay cũng chỉ chịu 1 năm tù tượng trưng, rồi được tha để tiếp tục gây án lớn. Cũng kiểu cách này, sau khi đã nhận hối lộ 2000 USD, 1 áo da 300 USD, và 1 200 000 đồng làm trước bạ xe máy, điều tra viên Nguyễn Ngọc Minh đã cùng Khánh "trắng" làm xảo thuật để Đào Công Huy - kẻ phạm tội hiếp dâm được vô can.

Còn Ngô Duy Ân, được giao điều tra vụ giết anh Nguyễn Thanh Hà thì dùng xảo thuật để làm sai lệch hồ sơ. Do có quan hệ chặt chẽ với Khánh "trắng", nên khi Thắng "trố" là em ruột Khánh "trắng" chủ mưu đánh chết anh Hà trong buồng 15A (như đã tóm tắt ở phần đầu) Ân đã tìm nhiều cách ghi khéo vào bản cung của các bị can khác để đưa Thắng "trố" ra ngoài vụ án ngay từ đầu. Khi hỏi cung các bị can, nếu ai không khai đúng ý "chỉ đạo" của Ân thì bị Ân hù dọa, bắt khai lại theo ý mình. Nếu ai khai cho Thắng "trố" đánh chết Hà thì Ân gạt đi, viết theo ý mình rồi bắt phạm nhân ký nhận mà không cho họ đọc lại lời khai, nên sự thật bị đảo lộn khiến cho vụ việc đã được xét xử cách đây 2 năm, nay phải đem ra xử thêm tên giết người Thắng "trố".

Hành vi phạm tội làm sai lệch hồ sơ vụ án và nhận hối lộ một cách trâng tráo của những nhân viên điều tra như Ân, như Minh *"đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và uy tín của bộ máy Nhà nước ta, xâm phạm đến tính khách quan của công tác điều tra, không bảo đảm tính công minh của pháp luật, và xâm phạm nghiêm trọng đến quyền được bảo vệ sự thật của công dân"*. Sự thoái hóa về đạo đức, những tiêu cực xã hội quả thật đang xâm nhập sâu vào quá trình tố tụng xét xử. Hiện tượng mớm cung, ép cung một cách trắng trợn, hiện tượng bán rẻ lương tâm và công lý cho đồng tiền hối lộ, đề đảo

Digitized by Google

lộn phải trái, gỡ tội cho người này và gán tội cho người khác không còn là hiện tượng hiếm hoi. Điều cần ghi nhận là trong ngành công an và tư pháp ở cơ sở, số người tốt, có lương tâm nghề nghiệp, có trách nhiệm cao trước pháp luật, trước dân, vẫn là số đông. Cho nên, khi dân còn oan khuất, những tên tội phạm như Khánh "trắng", Thắng "trố" đã lọt tội trong các phiên tòa những năm trước đây, đã được mang ra xét xử và nhận hình phạt cao nhất. Có được phiên tòa xét xử tên trùm Khánh "trắng" và đồng bọn trong băng xã hội đen vừa qua, công lao hàng đầu thuộc về cơ quan điều tra của Bộ Nội vụ và Viện kiểm sát nhân dân tối cao, những người đã kiên trì, nhẫn nại truy tìm chứng cớ một cách khách quan trong mớ bòng bong phức tạp những người và việc, để lần này tòa xét xử một cách công bằng, đúng người, đúng tội. Mặc dầu vậy, để cho những kẻ như Ân, Minh trong nhiều năm tháng làm nhiệm vụ điều tra nhiều vụ án lớn, theo chúng tôi, đó quả là một khuyết điểm lớn về quản lý cán bộ, mà ngành chủ quản cần rút kinh nghiệm và có biện pháp khắc phục.

3 - Quản lý địa bàn dân cư chưa tốt, không những chưa động viên được quần chúng nhân dân tham gia mà còn đặt họ vào thế bị động, không dám đấu tranh, để cho bọn côn đồ mặc sức hoành hành.

Ba Đình và Hoàn Kiếm là hai quận trung tâm, có những vị trí đặc biệt quan trọng về chính trị, quân sự, kinh tế và đối ngoại ở Thủ đô Hà Nội. An ninh chính trị mấy chục năm qua ở đây luôn luôn được giữ vững, kể cả trong thời kỳ chiến tranh phá hoại rất ác liệt. Đó là thành tích nổi bật của ngành công an, quân đội và nói chung là các ngành bảo vệ pháp luật. Để xảy ra tình trạng vừa qua thật đáng tiếc. Đáng lẽ với những nơi này các ngành chức năng phải có kế hoạch phối hợp với nhau, dựa vào chính quyền và nhân dân sở tại phân công nhau kiểm soát thường xuyên và cụ thể, nhất là ở những chỗ giáp ranh giữa quận này với quận kia, phường này với phường nọ, thì tệ nạn xã hội sẽ hạn chế đến mức thấp nhất. Thực tế vụ án vừa qua cho thấy, việc quản lý địa bàn còn lỏng lẻo. Tại khu vực Đồng Xuân - Long Biên, đội bốc xếp của Khánh "trắng" đông tới 500 người, chính quyền, công an không có hướng dẫn sinh hoạt. Quan hệ giữa Khánh "trắng" với những người trong đội bốc xếp do y đứng đầu là quan hệ giữa chủ và thợ, giữa đám "đàn em" với "đại ca". Chúng mặc sức lạm thu, mỗi ngày bỏ túi hàng chục triệu đồng tiền mặt mà chính quyền không biết, phòng thuế không biết. Chúng trốn thuế hàng tỉ vẫn cứ như không ! Để cho một tổ chức "nghiệp đoàn" sinh hoạt nửa như băng đảng, nửa như phường hội, không có quy chế, mất dân chủ cũng không ai có ý kiến hay nhắc nhở.

Địa bàn giáp ranh, ở đâu cũng hay có tình trạng bên nọ cứ tưởng bên kia quản lý, nên thường bỏ sót. Quận Hoàn Kiếm và Ba Đình có hai trung tâm thương nghiệp lớn Đồng Xuân - Bắc Qua - Long Biên liền kề, xen kẽ nhau nên cũng mắc phải tình trạng đó. Nhưng phố Kim Mã, phường Kim Mã thì rõ ràng thuộc hẳn quận Ba Đình, không thể lẫn lộn với ai. Thế mà khi dân gặp sự biến, cầu cứu công an và phường thì không giải quyết. Chạy lên nhờ công an quận, thì quận lại bảo phải có báo cáo của phường, chứ không giải quyết "vượt cấp" !

Lập luận của công an phường và quận cho rằng đây là vụ xiết nợ, mang tính chất tranh chấp dân sự, là việc nội bộ của hai bên không gây ra xô xát đổ máu, nên chính quyền không can thiệp. Đây là một ngụy biện nếu không nói là cố ý bao che cho Khánh "trắng". Trước một vụ cướp ngày trắng trợn theo kiểu "sạch sành sanh vét cho đầy túi tham" kéo dài 5 - 6 giờ đồng hồ, gây náo động cả khu phố, mà *chính quyền, công an ở cạnh đấy vẫn "án binh bất động", không làm phận sự của mình, bỏ mặc cho sự việc xảy ra, để gây tai họa cho dân, thì thật đáng chê trách.* Phiên tòa đã xử phạt những người thiếu trách nhiệm trong vụ án này. Song dư luận vẫn rất bất bình, muốn yêu cầu cơ quan chủ quản cần kiểm điểm rút kinh nghiệm nghiêm túc hơn nữa. Bởi lẽ, những vị "công bộc" của dân này hiểu rõ hơn ai hết : sống, làm việc theo pháp luật, thì có nghĩa là trong mọi quan hệ dân sự và hình sự đúng, sai đã có pháp luật điều chỉnh, mọi người phải tuân theo và hành động trong khuôn khổ luật pháp. Nhà nước ta đã ban hành Bộ luật hình sự và Bộ luật dân sự, còn cả Luật tố tụng nữa. Giá như hiểu được chức trách của mình là làm "công bộc" cho dân, biết dựa vào dân mà quản lý địa bàn, thì khi nhận được tín hiệu vụ việc đã vượt ra ngoài khuôn khổ vay, trả bình thường, hành động của bọn côn đồ đã lên tới mức phá hoại an ninh trật tự, chúng ta phải trấn áp, bắt giữ ngay những tên tội phạm tại chỗ, ngăn chặn kịp thời được hậu quả xảy ra. Như vậy, sẽ hạn chế được sự thiệt hại, bảo đảm an ninh trật tự ở Thủ đô, đề cao được sức mạnh chuyên chính của Nhà nước.❑

Digitized by Google

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
MÙA NÀY, CON NƯỚC...*

VŨ HIỂN - PHẠM THẮNG

III. NÔNG DÂN NGHÈO KHỔ - VÌ SAO ?

Đồng bằng sông Cửu Long vốn được thiên nhiên ưu đãi, vốn được coi là vựa lúa với khối lượng lương thực hàng hóa cao nhất nước. Thế nhưng không phải là không có người nghèo, thậm chí cả đói ; đặc biệt ở những vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến và vùng đồng bào dân tộc ít người.

Nghèo đói ở nước ta đang là một thực tế cần được giải quyết trong quá trình thúc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Xóa đói giảm nghèo là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Từ sau Đại hội VIII của Đảng, chủ trương này đã trở thành chương trình với nhiều dự án triển khai rộng khắp trong cả nước. Mặc dù do kết quả của việc trên, tỷ lệ hộ đói nghèo trong cả nước đã giảm đáng kể, từ trên 26% (1993) còn 23,3% (1994) ; 20,39% (1995) và 19,2% (1996), nhưng sự nghèo đói vẫn cứ dai dẳng đeo bám một bộ phận dân cư, đặc biệt là nông dân trong đó có nông dân ở ĐBSCL. Có nhiều cách nhìn nhận và xem xét khác nhau trước thực trạng này ở từng nơi, từng địa phương. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở những con số báo cáo thì chưa đủ mà phải khảo sát thực tiễn mới thấy hết những gì đang diễn ra để có hướng giải quyết cụ thể.

1. Từ con số đến tiếp cận thực tại

Theo các kết quả điều tra, nghiên cứu của Trường Đại học Cần Thơ thì ở ĐBSCL còn 21,64% khẩu sống ở mức nghèo đói ; 33,56% ở mức nghèo ; 18,06% ở mức trung bình ; 20,64% ở mức khá và chỉ có 6,1% đạt mức giàu. Tuy mức thu nhập danh nghĩa của nông dân ĐBSCL có cao hơn so với các nơi khác trong cả nước, nhưng theo sự tính toán của Ngân hàng thế giới với tiêu thức là mức sống thực tế thì số dân ĐBSCL sống ở mức nghèo đói lại tăng lên là 24,06%.

Kết quả điều tra về hoàn cảnh nghèo khổ của các hộ nghèo đói cho thấy : số hộ nghèo thiếu ăn 3 tháng/năm là 22% ; 4 - 5 tháng/năm là 59% ; 6 - 7 tháng/năm là 21% và trên 7 tháng/năm là 16%. Về điều kiện sinh hoạt của hộ nghèo thì chỉ có 2,6% có nhà kiên cố, 74,5% là nhà tranh vách lá và đặc biệt 22,9% nhà cửa còn tạm bợ. Đồ dùng sinh hoạt trong các gia đình hết sức nghèo nàn đơn sơ, tính bình quân cứ 100 hộ có 11 hộ có máy thu thanh, 29 hộ có tủ các loại, 45 hộ có bàn ghế, 12 hộ có đồng hồ treo tường và mỗi hộ có bình quân 1 chiếc giường đơn sơ.

Tỷ lệ mù chữ của nông dân nghèo ĐBSCL là 40,1%, nơi thấp nhất là tỉnh Đồng Tháp 38% và nơi cao nhất là tỉnh Sóc Trăng 44,14%. Phổ biến nông dân nghèo có trình độ văn hóa tiểu học (52 - 55%), trình độ văn hóa phổ thông trung học không quá 2%.

Ở tỉnh Đồng Tháp, số hộ nghèo khoảng 13 - 14% (năm 1995 : 13,7%) so với tổng số hộ. Số hộ nghèo khó, không có đất ở một số nơi tăng khá nhanh. Điển hình như huyện Tam Nông, Tân Hồng, số hộ nghèo chiếm tới 38,2%, hộ trung bình 27,2%, hộ khá và giàu là 34,6%. Sau khoảng 1 giờ ngồi "bo bo" vòng quanh theo dòng kênh đã bị ngập trắng, chúng tôi tới xã Phú Thành B, giữa vùng trời nước mênh mông, chúng tôi hiểu rõ hơn vì sao cả xã chỉ có 3 em học cấp 2 và ngày khai giảng phải lùi lại không theo nhịp chung của cả nước. Ở đây dân cư thưa thớt, sinh sống và đi lại 6 tháng mùa khô theo bờ kênh, và 6 tháng mùa

* Xem *Tạp chí Cộng sản* từ số 19 - 1997

Digitized by Google

nước thì chạy xuống. Người chết trong mùa lũ phải đi mua đất ở chỗ khác để chôn và phải chở xuống đi xa 20 - 30 km. Tỷ lệ tăng dân số ở đây mặc dù được tuyên truyền vận động riết rao vẫn ở mức 2,81%.

Ở tỉnh Vĩnh Long, mặc dù năm 1996 đã xóa đói giảm nghèo cho 2 313 hộ, nay vẫn có 30 400 hộ nghèo đói (17,86%) sống dưới mức quy định tối thiểu. Huyện Bình Minh nằm trải dài bên bờ sông Hậu, trung tâm huyện lỵ có quốc lộ 1A và quốc lộ 54 chạy qua, cách không xa khu chế xuất và thành phố Cần Thơ, vậy mà vẫn có 38,98% số hộ nghèo, đói ; 36,14% hộ trung bình và 24,55% hộ khá, giàu.

Tỉnh Sóc Trăng nằm cuối lưu vực sông Hậu, có 72 km bờ biển, người Khơ me chiếm 27,9% dân số, người Hoa chiếm 7,2% ; số hộ giàu đạt 14,48%, hộ trung bình khá 58,95%, hộ nghèo có 26,07% và không có hộ đói. (Từ năm 1992 trở về trước có khoảng 27,7% số hộ thiếu đói, thường xuyên tỉnh phải cứu đói). Tình hình nghèo đói trong đồng bào Khơ me còn nghiêm trọng hơn : chỉ có 0,97% hộ giàu, 34,91% hộ khá trong khi hộ nghèo chiếm 44,44% và hộ nghèo đói có tới 19,68%. Tỷ lệ nhà ở kiên cố của nông dân ở tỉnh là 4,19%, nửa kiên cố 13% và nhà tranh vách lá là 81,39%. Tỷ lệ tương ứng ở đồng bào Khơ me là 3,48% ; 11,22% và 85,3%. Điều tra ở 2 huyện Vĩnh Châu và Thạnh Trị thì số hộ nghèo là 29,18%, rất nghèo là 16,02% ; nhà ở kiên cố là 7,49% và nhà khác chiếm 71,75%.

Chị Nguyễn Thị Như Thủy, Chủ tịch Hội phụ nữ tỉnh đưa chúng tôi tới ấp Chông Nô xã An Ninh huyện Mỹ Tú (cách thị xã không bao xa theo đường chim bay nhưng chỉ đi xe ôm mới tới được) - nơi Hội phụ nữ tỉnh triển khai dự án cho vay xóa đói giảm nghèo cho đồng bào Khơ me. Ấp có 276 hộ người Khơ me, bình quân mỗi hộ 3 con và có 40 hộ không có đất. Ở đây có rất nhiều nhà "bốn bề gió thổi". Thậm chí có hộ giá trị ngôi nhà không quá 50 ngàn đồng với tài sản chỉ có chiếc nồi sứt miệng. Đời sống quả là khó khăn, tài sản của nhiều hộ là con số âm (bởi số nợ tuy chỉ vài trăm nhưng còn lớn hơn cả ngôi nhà), nhiều người phải đi làm thuê làm mướn nhiều năm như chị Lý Thị Binh 50 tuổi có 3 con...

Tỉnh Bạc Liêu, vùng trời biển từ xưa được coi là trù phú, đồng ruộng thẳng cánh cò bay, có "công tử Bạc Liêu" nổi tiếng ăn chơi một thời, tình hình cũng như các tỉnh khác. Nhà ở kiên cố của nông dân là 15,2%, bán kiên cố 33,6% và nhà đơn sơ chiếm 51,2%. Đồng chí Nguyễn Văn Út, Bí thư tỉnh ủy cho biết : Ở Bạc Liêu đời sống người dân gắn với đất là chính. Biển có nhưng chưa khai phá nhiều. Hầu hết nông dân đã được chia ruộng, nhưng nay số nông dân không đất, thiếu đất còn nhiều, trong đó chủ yếu là đồng bào Khơ me. Theo đồng chí thì con số thống kê 17% hộ nghèo là không sát, thực tế điều tra là 30%, bởi phải tính đến cả chi tiêu của các hộ nông dân, so với thành thị chứ không đơn giản chỉ căn cứ vào thu nhập.

Ở Cần Thơ, nơi trung tâm của vùng ĐBSCL cũng tương tự. Số hộ nghèo đói chiếm 15,2%, số hộ nghèo cần vay vốn để thoát khỏi cảnh đói nghèo chiếm 22,25% số hộ, 1 836 hộ đói giáp hạt phải trợ cấp.

Có thể nói đến đâu cũng thấy sự phát triển không đều ở nông thôn các tỉnh, trong tỉnh cũng như ngay trong một huyện. Sự phát triển không đều ấy đã tạo ra giữa các vùng cũng như giữa các hộ, có sự chênh lệch nhau về kinh tế - xã hội cũng như cuộc sống. Một số vùng ven thành thị, ven sông lớn, gần đường giao thông thì kinh tế, xã hội đều phát triển. Còn các vùng sâu, vùng xa, vùng kháng chiến cũ và đồng bào ít người thì đời sống kinh tế của nông dân có nhiều khó khăn, đời sống văn hóa tinh thần còn nghèo nàn lạc hậu. Ngay trong cùng địa bàn như xã Phú Đức và xã Phú Thành B của huyện Tam Nông, Đồng Tháp, mặc dù ở liền nhau nhưng do Phú Đức có đường ôtô đi lại được, lại gần huyện, nên đời sống kinh tế cũng như bộ mặt xã hội hơn hẳn xã Phú Thành B.

Điều đáng nói nữa là tình trạng nghèo đói bước đầu có giảm do các chương trình xóa đói giảm nghèo tác động, nhưng cái nghèo vẫn còn nan giải. Với những hộ nghèo thường tài sản không có gì, thiếu ruộng, thiếu vốn làm ăn lại đông con... thì việc cầm cố rồi sang nhượng ruộng đất, thậm chí có trường hợp cầm cố cả bằng chứng nhận thuộc diện chính sách cũng đã xảy ra. Số hộ có vốn, có lao động, có kinh nghiệm làm ăn thì cuộc sống ổn định và giàu lên. Nhìn tổng hợp số hộ giàu chưa thật nhiều cả về mức độ và số lượng, nhưng khoảng cách chênh lệch giữa hộ giàu và hộ

Digitized by Google

nghèo có xu hướng ngày một tăng, sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn ĐBSCL đã là một thực tế, chỉ có điều đây không phải là sự tích tụ theo 2 cực như trong chủ nghĩa tư bản.

Lại nữa, ở những hộ nghèo thì cái nghèo kéo theo nhiều cái khổ : khổ con cái không được học hành, chữa bệnh không được chu đáo, khổ vì ít được giao tiếp, học hành đi lại khó khăn. Đặc biệt ở vùng Đồng Tháp Mười, mùa lũ đến phải sống chung với lũ. Hằng năm cứ mỗi khi lũ tới, bà con trong vùng chịu rất nhiều cơ cực : nhà cửa tài sản bị cuốn trôi, không nơi ở, thậm chí lũ còn đe dọa cả tính mạng con người... Một cán bộ tỉnh Đồng Tháp nhận xét : "Đê vỡ, lúa trôi, điện cúp.. đủ cái khổ !".

2. Đâu là nguyên nhân ?

Qua khảo sát, trao đổi cũng như các tư liệu của các cuộc điều tra có liên quan, chúng tôi sơ bộ rút ra một số nguyên nhân cơ bản dẫn tới tình trạng nghèo khó của nông dân đồng bằng sông Cửu Long như sau :

Một là, những khắc nghiệt của thiên nhiên. Bên cạnh những ưu đãi mà thiên nhiên đã mang lại cho ĐBSCL như đất đai trù phú, màu mỡ, bình quân diện tích canh tác cao... thì ở đây cũng là vùng luôn bị ngập úng do lũ các sông tràn về. Dường như thiên nhiên không cho không bao giờ. Nơi đây thiên nhiên cho cũng nhiều mà đôi khi lấy đi cũng không ít.

Theo điều tra của Bộ Xây dựng, hiện có hơn 9,1 triệu dân ĐBSCL sống trong vùng ngập lũ, chiếm 55,6% dân số toàn vùng, trong đó có 1,4 triệu người sống trong vùng sâu ngập hơn 3 mét, chủ yếu ở 2 tỉnh An Giang và Đồng Tháp. Bốn năm liền từ 1994 đến nay, lũ tràn về gây bao thiệt hại cho người dân nơi đây. Để bảo vệ mùa màng, hằng năm nhà nước và nhân dân đã tốn bao công sức cũng như tiền của. Chỉ riêng tỉnh Đồng Tháp, từ đầu năm đến nay đã đào đắp 5 triệu m^3 đê bao.

Để ĐBSCL có thể thâm canh tăng năng suất và có sản lượng lương thực cao nhất nước, nhà nước đã tập trung đầu tư rất lớn để khai phá Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên ; xây dựng hệ thống thủy lợi, cải tạo chua phèn, ngọt hóa đồng đất nơi đây - cũng như các dự án để hỗ trợ người dân sống cùng với lũ, chế ngự lũ.

Tuy nhiên, điều kiện về cơ sở hạ tầng, giao thông vẫn còn nhiều hạn chế đòi hỏi nhà nước tiếp tục đầu tư để nâng cao hiệu quả sản xuất của cả vùng.

Hai là, hệ thống sản xuất nông nghiệp tuy đa dạng, nhưng sản xuất còn mang tính độc canh lương thực, thực phẩm ; chăn nuôi có tiềm năng nhưng chưa phát triển tương xứng, ngành nghề chưa phát triển, công nghiệp chế biến còn có nhiều hạn chế, đặc biệt ở khâu chế biến, bảo quản sản phẩm. Có thể thấy tuy khối lượng hàng hóa lớn nhưng chưa mở rộng giao lưu, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất với chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu... Bởi vậy, sự giàu có của cả vùng cũng như từng hộ chưa cao, đặc biệt khó khăn đối với các hộ nghèo, không có ruộng.

Theo các nhà nghiên cứu thì cơ cấu thu nhập của một hộ nông dân vùng ĐBSCL là : thu từ nông - lâm - ngư chiếm 40,7%, tiền công 22,9% và thu từ phi nông nghiệp là 33,5% (con số này ở ĐBSH là 36,5%). Thất nghiệp là đặc trưng chủ yếu của hộ nghèo ở ĐBSCL (66,1% số hộ nghèo khó khăn trong tìm kiếm việc làm), bởi hộ nghèo vừa thiếu vốn, lại ít kinh nghiệm, nên không thể phát triển công nghiệp hay các ngành nghề khác. Trong cơ cấu thu nhập của hộ nghèo chỉ có 3,6% từ chăn nuôi, 3,4% từ ngành nghề. Ngay trong ngành trồng trọt, các hộ nghèo cũng khó có thể thâm canh để năng suất lao động lên cao.

Thực tế sản xuất nông nghiệp đã chỉ ra rằng nếu chỉ sản xuất lương thực thì khó có thể làm giàu được. Theo báo cáo của Tỉnh ủy Sóc Trăng, giá thành sản xuất lúa ở đây là 1 063 đồng/kg (với năng suất 4 tấn/ha). Bởi vậy, đòi hỏi phải tập trung đầu tư ứng dụng khoa học - kỹ thuật để thâm canh tăng năng suất hơn nữa.

Rõ ràng, ở đây cần phải có sự đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, mở rộng ngành nghề, đặc biệt sản xuất phải gắn với thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu thì mới có thể vừa giải quyết sức ép về lao động, việc làm, vừa tạo ra giá trị hàng hóa cao, từ đó nâng cao thu nhập của cả vùng cũng như từng hộ.

Ba là, thiếu các điều kiện để thâm canh phát triển sản xuất, đặc biệt là thiếu vốn, thiếu ruộng, thiếu tư liệu sản xuất. Có thể thấy thiếu vốn là đặc trưng chủ yếu của hộ nghèo ở ĐBSCL. Trong khi

Digitized by Google

đó, phần vay từ nhà nước không đủ để thâm canh, nên hoặc là chịu năng suất thấp, hoặc là phải vay ngoài nặng lãi với lãi suất cao làm cho chi phí sản xuất tăng lên. Trong trường hợp nào thì thu nhập của người nông dân cũng thấp, đã thế giá cả nông sản phẩm lại biến động thì phần thua thiệt chắc chắn rơi vào người nông dân làm cho đời sống của họ gặp nhiều khó khăn. Ở đây cho thấy cần phải có sự đầu tư cũng như mở rộng các nguồn vay cho nông dân giúp họ sản xuất có hiệu quả hơn để từ đó cải thiện đời sống vật chất cũng như tinh thần.

Bốn là, nguyên nhân thuộc về bản thân nông dân. Hiện nay dân số của ĐBSCL tăng nhanh, tỷ lệ tăng chung là 2,2% năm. Điều đó đã tạo ra tình trạng nhiều nhân khẩu mà thiếu lao động. Lại nữa, trình độ dân trí còn thấp. Tỷ lệ các chuyên ngành được đào tạo của nông dân ĐBSCL chỉ chiếm 11,05% so với cả nước (ở ĐBSH là 31, 28%). Thêm vào đó, do cuộc sống thiên nhiên phóng khoáng, ưu đãi nên nông dân cũng có tâm lý, tính cách phóng khoáng ; thiếu căn cơ trong tính toán làm ăn, chưa thật ham làm giàu. Thậm chí còn có một số hộ nông dân thích đi làm thuê hơn là tự mình quản lý lấy ruộng đất. Có thể thấy những hộ có kinh nghiệm, có điều kiện thì năng động và dễ bứt lên để làm giàu. Còn phần lớn những hộ nghèo thì khó xoay xở và cuộc sống càng nhiều khó khăn.

Điều đó dẫn đến một hệ quả tất yếu là kinh nghiệm làm ăn, kỹ thuật sản xuất của nông dân, đặc biệt là các hộ nghèo rất hạn chế. Có tới gần 20% số hộ nghèo ở ĐBSCL là do không có kinh nghiệm làm ăn. Từ đó có thể thấy vai trò của các tổ chức đảng, đoàn thể trong nông thôn, đặc biệt là vai trò của hợp tác xã trong việc hỗ trợ hướng dẫn nông dân làm ăn có hiệu quả, đã trở nên đặc biệt quan trọng.

Năm là, nguyên nhân thuộc về cơ chế chính sách của Nhà nước. Có thể thấy nhiều chính sách về nông nghiệp, nông dân chưa thỏa đáng, chưa hợp lý như : tín dụng, khuyến nông, bảo trợ giá vật tư và nông sản, chưa thật đúng mức và đúng lúc còn thả nổi giá cả, thương nghiệp quốc doanh không tham gia điều tiết thị trường, người nông dân bị tư thương "ép cấp", "ép giá", nên chịu thiệt và không được hưởng những ưu đãi mà nhà nước chủ trương dành cho họ. Có thể thấy ngay rằng, ngay sau khi thu hoạch, mặc dù giá cả nông sản thấp, người nông dân và đặc biệt là nông dân nghèo đã phải bán sản phẩm của mình, thậm chí còn bán từ khi chưa thu hoạch để trả nợ, trả lãi ngân hàng, chủ nợ để sao cho chu kỳ sản xuất sau lại tiếp tục được vay. Đến khi Nhà nước nâng giá thu mua thì người nông dân nghèo không còn sản phẩm để bán ; thành thử Nhà nước tốn hàng ngàn tỉ đồng để trợ giá cho nông dân, nhưng nông dân lại được hưởng rất ít. Vậy nên, mọi sự vận hành của cơ chế chính sách đối với nông dân đều phải nhằm tới mục tiêu là bảo đảm người nông dân được hưởng và bảo đảm cho người nông dân từ nghèo đói vươn lên thành khá, từ khá vươn lên thành giàu có và văn minh.

Sáu là, trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn, chúng ta đã tạo ra những tiền đề cơ bản rất quan trọng cho việc phát triển sản xuất và xây dựng nông thôn mới. Phải thấy rằng Nhà nước đã đầu tư rất nhiều, nhưng sự huy động đóng góp của nông dân cũng rất lớn. Theo điều tra của Tỉnh ủy Cần Thơ thì hiện nay ở Cần Thơ có tới trên 20 loại quỹ, phí và lệ phí của các cấp từ trung ương đến tỉnh, huyện nhằm vào người dân (trong đó có 5 quỹ do trung ương ban hành mang tính bắt buộc, 8 quỹ do trung ương ban hành mang tính vận động...).

Đồng chí Hồng Nhân - Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp cho biết : Nhiều xã tuy cơ ngơi rất khang trang, cơ sở hạ tầng tốt, nhưng nông dân lại nghèo, nhà cửa lụp xụp quá. Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với nông dân thì họ không được hưởng, còn các thành phần khác lại hưởng và giàu lên. Hệ quả của đầu tư cho nông nghiệp chưa đủ tầm... Trong khi đó, người nông dân còn phải đóng nhiều khoản.

Đây cũng là vấn đề bức xúc hiện nay của nông dân cả nước. Điều đáng bàn trước hết là phải rà soát các loại quỹ, lệ phí, phí đối với nông dân, cái nào cần giữ thì giữ, còn những phí, lệ phí chưa cần thiết thì xóa bỏ, tạo điều kiện cho người nông dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống của mình.

Những nguyên nhân trên tác động tới đời sống kinh tế - xã hội của nông thôn, nông dân vùng

Digitized by Google

ĐBSCL và tạo ra sự nghèo đói của nông dân ở đây. Còn riêng với nông dân nghèo thì có thể thấy một số nguyên nhân trực tiếp như thiếu vốn sản xuất, thiếu ruộng, đông con, thiếu lao động, thiếu kiến thức và không có nghề gì khác ngoài việc làm thuê, bệnh tật ốm đau, tai nạn rủi ro.

Vấn đề xóa đói giảm nghèo cho nông dân cả nước cũng như ở ĐBSCL là vấn đề phức tạp, lâu dài. Giải quyết triệt để vấn đề này đòi hỏi phải có cả một hệ thống các biện pháp đồng bộ liên quan tới nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, từ trung ương đến địa phương.

IV. LÒNG DÂN VÀ CÁC GIẢI PHÁP VÌ DÂN

Tỉnh đầu tiên mà chúng tôi đến công tác đợt này là Đồng Tháp. Đã đọc, đã nghe, đã biết phần nào về khu tưởng niệm có một không hai của Việt Nam ta, nhưng khi đến viếng Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng tôi đã không nén nổi xúc động bởi ân nghĩa của đồng bào ta lớn lao và sâu nặng quá. Vô cùng biết ơn nhân dân và Đảng bộ Đồng Tháp, nhân dân Nam Bộ đã không quản gian lao bảo vệ phần mộ Cụ, nay tôn tạo, xây dựng thật khang trang, mười phần tươi đẹp để cho mãi mãi con cháu được đến viếng thăm.

Chúng tôi muốn nhấn mạnh điều này để một lần nữa nói đến những người nông dân. Nhân dân - nông dân ĐBSCL anh hùng của miền Nam thành đồng Tổ quốc đi trước về sau luôn gắn bó với cách mạng, tin tưởng tuyệt đối vào Đảng và Nhà nước ta. Đồng bào trong vùng luôn khẳng định : có Đảng lãnh đạo mới có độc lập tự do. Nếu không có sự quan tâm của Đảng và Nhà nước thì diện mạo của từng xóm ấp, làng xã, của cả Đồng Tháp Mười và ĐBSCL không thể được như ngày nay.

Nhân dân tin vậy nhưng trước thực trạng nông dân không có đất canh tác, thực trạng nghèo khổ và những thiệt thòi do một số chính sách chưa đủ độ, chưa thấu đáo, nông dân ĐBSCL không khỏi có những tâm trạng và cả những băn khoăn. Trao đổi với chúng tôi về những nỗi cộm hiện nay ở đây, các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long, Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu đều có chung những nhận định rất sâu sắc. Hiện nay cơ chế, chính sách của chúng ta nhìn chung là tốt, nhưng vẫn còn có những điểm chưa thật trọn vẹn với nông dân. Nhà nước thả nổi giá cả, chưa bao tiêu được đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp. Chúng ta hô hào nhà nước và nhân dân cùng làm nhưng trong không ít công việc, nông dân cùng nhau làm là chính. Đã thế, nông dân phải đóng góp nhiều quá, có nơi tới gần 30 khoản nên dân nghèo lắm. Nông dân đóng góp nhiều cho cách mạng, cho công cuộc xây dựng đất nước nhưng đầu tư trở lại cho nông nghiệp chưa thật tương xứng. Vấn đề liên minh công nông hiện nay ít được đề cập đến...

Tiếp xúc với nhiều nông dân ở một số tỉnh mà chúng tôi đến, mọi người có chung những tâm tư : quan hệ giữa các cơ quan của nhà nước với nông dân chưa bình đẳng. Ngân hàng khi vay của dân thì thủ tục rất đơn giản, dân đến nộp tiền và chỉ nhận lại cuốn sổ hoặc tờ giấy biên nhận. Thế nhưng khi nông dân vay tiền của ngân hàng thì quá nhiêu khê, thủ tục vay rất phiền hà và khó thực hiện. Nông dân bao đời sống ở nhà mình làm gì có giấy tờ hợp lệ để làm thủ tục thế chấp. Vậy nên họ đành vay ngân hàng qua khâu trung gian và phải chịu một khoản phụ chi. Đã thế, ngân hàng lại chỉ cho vay vốn ngắn hạn làm cho nông dân rất khó xoay xở. Ngành xăng dầu cũng vậy. Xăng dầu có phí phụ thu để xây dựng đường sá, cầu cống, giao thông vận tải. Nông dân mua xăng để chạy máy nổ, máy nông nghiệp chứ đâu phải để đi dạo phố mà phải chịu khoản phụ thu đó. Bà con nông dân rất hóm hỉnh đố nhau, cũng là để hỏi ngành điện : "Cây gì mà trồng mãi không ra bông ?". - Đó là cây cột điện. Ngành điện bán điện cho nông dân nhưng nông dân phải góp tiền 1 triệu đồng mua 1 cột điện mà mãi chưa thấy điện sáng...

Nông dân cũng không khỏi băn khoăn về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện và công tác quản lý. Vừa qua Chính phủ đã ban hành một số chủ trương, chính sách rất hợp lòng dân như : Chương trình xóa đói giảm nghèo, chính sách trợ giá lương thực, chính sách phát triển khoa học - công nghệ... Tuy nhiên, khi thực hiện còn nhiều vấn đề nan giải. Như việc Nhà nước chi tới cả ngàn tỉ đồng để bù giá lương thực, nhưng do không nắm được hệ thống thương nghiệp nên tư thương vừa ép giá của nông dân, vừa đón giá của ngành lương thực và có lợi nhất. Lợi nữa là những người giàu chủ động khi nào mới bán. Còn dân nghèo chẳng lợi gì vì họ đã bán hết khi giá lúa còn đang thấp.

Digitized by Google

Đồng chí Thanh Vận, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cần Thơ cho rằng, vai trò quản lý, hướng dẫn của Nhà nước đối với nông dân chưa thật rõ nét. Nhiều cơ quan đua nhau về nông thôn nhưng ít người chơi đến cùng với nông dân. Trồng nhãn, trồng vải, trồng mía, trồng hạt điều, trồng chuối... nông dân làm nhưng cuối cùng chẳng bán được cho ai, hoặc có bán cũng bị o ép giá. Ai cũng nhân danh Nhà nước nhưng chẳng ai lo hẳn cho dân. Chính sách khoa học - kỹ thuật đối với nông thôn không thấu đáo. Hiện nay ở nông thôn cả xã không có được một kỹ sư nông nghiệp chuyên trách. Ở nơi dân đang cần nhất mà nhà nước không có biên chế cán bộ kỹ thuật.

Những tâm trạng và đòi hỏi của nông dân phải nói rất chính đáng. Vấn đề đặt ra là chúng ta phải tìm được lời giải, đưa ra được những giải pháp thỏa đáng cho việc phát triển nông nghiệp, nông thôn, giải quyết những vấn đề nổi cộm trong nông dân. Qua trao đổi với nhiều đồng chí lãnh đạo các tỉnh, các nhà khoa học trong đó có giáo sư, tiến sĩ Trần Phước Đường, Hiệu trưởng trường Đại học Cần Thơ, Tiến sĩ Nguyễn Tri Khiêm..., bước đầu chúng tôi nêu một số giải pháp chính yếu :

Một là, cần phải tiếp tục tổng điều tra, khảo sát và từng bước hoàn thiện quy hoạch tổng thể phát triển vùng ĐBSCL, từ đó mới có thể đưa ra những kế hoạch đầu tư chiều sâu vào các lĩnh vực và các khu vực trong vùng.

Hai là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ĐBSCL với những bước đi vững chắc, cụ thể, trước hết hướng vào việc xây dựng các cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường học, trạm y tế, chợ nông thôn, nước sạch nông thôn, điện thoại... cùng với việc thực hiện và đưa vào sử dụng nhanh các công trình thoát lũ, những dự án để nông dân có thể sống chung với lũ. Chú trọng đưa tiến bộ khoa học và công nghệ vào nông thôn như giống cây, giống con mới, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi ; phát triển công nghệ sau thu hoạch như sấy lúa, xay xát, bảo quản và chế biến nông sản phẩm.. Khoa học kỹ thuật đưa vào cần đồng thời với cán bộ hướng dẫn. Nhà nước cần có biên chế cho ngành nông nghiệp đủ kỹ sư và cán bộ khoa học trực tiếp làm việc ở xã, ấp.

Ba là, phát triển sản xuất, mở mang ngành nghề, đẩy mạnh việc phân công lao động xã hội để giải quyết lao động dư thừa, tăng thu nhập cho nông dân ; góp phần xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc nông dân thiếu đất canh tác ; góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất toàn ngành, toàn vùng.

Bốn là, Nhà nước cần có chính sách đồng bộ và có sự hướng dẫn tổ chức thực hiện, kiểm tra đôn đốc cụ thể. Trong các chính sách đó, cần đặc biệt chú trọng đến việc trợ giá lương thực và nông sản hàng hóa, cần thực hiện bù giá ngày từ đầu vụ. Nên miễn giảm thuế đối với những hộ quá khó khăn tiến tới khi có điều kiện, miễn hẳn thuế nông nghiệp. Cải tiến việc cho vay vốn bằng các khoản vay trung hạn, thủ tục vay chặt chẽ nhưng không phiền phức để nông dân dễ thực hiện. Tiếp tục thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo với các hình thức, bước đi có hiệu quả. Chính xác hóa việc thống kê sản lượng lương thực hằng năm. Cần có kế hoạch xuất khẩu nông sản, đặc biệt là gạo ngay từ đầu năm để nông dân và các địa phương có thể chủ động hơn.

Năm là, hướng nông dân tham gia hợp tác xã với những hình thức, nội dung, quy mô thích hợp cho từng nơi trên cơ sở tự nguyện, cùng có lợi...

Chúng tôi biết rằng những điều chúng tôi đã nêu trên có thể là ôm đồm và cũng có khi còn phiến diện chưa đầy đủ. Bởi háo hức từ lúc đi và say mê khi đã đến ĐBSCL, chúng tôi muốn ghi lại những gì đã nghe, đã thấy và cũng đã suy ngẫm ít nhiều. Đồng bằng sông Cửu Long đang ngày càng giàu có sung túc nhưng cũng còn không ít vấn đề đang nổi cộm rất cần được phân tích sáng tỏ hơn. Bắt đầu từ nông dân và cuối cùng cũng là vì nhân dân, toàn bộ chính sách và các giải pháp thực hiện cũng là để đánh thức và khơi dậy những tiềm năng của vùng đất đặc biệt này. Đồng bằng sông Cửu Long đó, nơi chúng tôi đã tới và nhiều lần nữa sẽ tới. Đồng bằng sông Cửu Long mùa này, con nước đang lên. Đất trời mênh mang như lòng người dân nơi đây luôn hào hiệp và rộng mở. ❑

Digitized by Google

"DÂN TRƯỚC, NƯỚC SAU"

MAI NINH

Tôi cảm thấy lạ tai khi nghe Bí thư Huyện ủy Kim Bảng (Hà Nam) nói về hai khẩu hiệu mà anh lấy làm thích thú : "Dân trước, nước sau" và "Dưới trước, trên sau". Tại sao lại tách rời dân với nước và đặt nước sau dân ? Tại sao lại đảo lộn ngôi thứ xã hội và đặt dưới trước, trên sau ? Tôi thử nêu câu hỏi và bí thư bỗng hào hứng hẳn lên. Anh bắt đầu câu chuyện :

"Đồng chí đã đi qua mấy xã của huyện rồi đó. Và đây là xã Nhật Tân, tức làng Lưu Xá cũ. Chắc đồng chí đã thấy : xã xây dựng được những nhà trường khang trang (đã có 2 nhà trường nhiều tầng và sắp xây xong một nhà trường mới như thế nữa). Đã xây dựng được cơ sở y tế khá tốt (có nhà đổ mái bằng). Đã kéo được điện về tận nhà dân ; và trước mặt đồng chí là một cột điện cao áp bởi sắp tới, xã sẽ thay cả hệ thống cột điện cho mặt đường rộng ra. Xã cũng đã làm được đường bê tông vào từng xóm, từng ngõ (hơn 28km). Và mới đây, đã xây dựng được trạm nước sạch, gồm ba trạm cấp nước, lấy nước ngầm ở độ sâu gần 60m (2000/2800 hộ trong xã đã dùng nước máy). Tất cả đều do nhà nước và nhân dân cùng làm, nhiều khâu dân làm là chủ yếu. Còn cái trụ sở xã, cứ tạm như thế đã, chưa xây dựng mới vội. Đó, "dân trước, nước sau" là như vậy. Phải lo cho đời sống của dân cái đã. Đời sống của dân khá rồi thì việc xây trụ sở xã cho to, cho đẹp, dân sẽ ủng hộ ngay. Cứ chăm bẵm lo xây dựng cơ quan nhà nước trước mà không lo đời sống của dân thì dân sẽ có ý kiến.

... Còn nói "dưới trước, trên sau" là nói trên phải lo cho dưới trước rồi mới lo cho mình sau. Có nghĩa là xã phải lo cho thôn, xóm trước rồi mới lo cho xã sau ; huyện thì phải lo cho xã trước rồi mới lo cho huyện sau. Kim Bảng có 21 xã, phần lớn đều thuộc vùng trũng. Mà đồng chiêm trũng vốn là cái nôi của sự nghèo khổ. Bây giờ thì vấn đề thủy lợi cơ bản được giải quyết. Nông nghiệp đã có ba vụ. Nông thôn mới được xây dựng ; bộ mặt đổi thay, với việc ngói hóa nhà ở, với điện, đường, trường, trạm, nước sạch... Xã khá lên rồi thì việc xây dựng huyện cho khang trang sẽ được dân đồng tình. Cái trụ sở huyện mà đồng chí vừa đến đó là một trụ sở có bề thế. Hôm khánh thành, chúng tôi mời các cụ lão thành cách mạng và đại biểu nhân dân các xã về dự. Các cụ không phê chúng tôi làm to mà lại bảo : ừ, phải làm thế mới xứng bộ mặt của huyện mình chứ. Cái chữ "mình" là giá trị lắm. Nếu các cụ mà lại bảo huyện "chúng nó" thì mình chết toi. Sở dĩ dưới đồng tình với trên vì trên đã lo cho dưới trước rồi...

Câu chuyện của Bí thư huyện ủy Kim Bảng giúp tôi hiểu ra rằng, chữ *nước* anh nói trong câu "dân trước, nước sau" không phải là đất nước, mà là cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước. Còn chữ *dưới* và *trên* trong câu "dưới trước, trên sau" hoàn toàn không nói về quyền lực mà nói về lợi ích và trách nhiệm. Nếu cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước mà không lo cho dân trước khi lo cho mình thì đâu còn là chính quyền của dân, công bộc của dân ? Nếu cấp trên mà không lo cho cấp dưới trước mà lại lo cho mình trước thì cấp trên đâu còn là người đại biểu và đại diện của cấp dưới là cấp bầu ra mình, trông cậy ở mình ? Tư tưởng của các đồng chí lãnh đạo huyện Kim Bảng, xét cho cùng, là gần gũi với tư tưởng mà Tổng Bí thư Đỗ Mười hay nêu lên để nhắc nhủ cán bộ : "gái có công, chồng không phụ". Cán bộ hãy chăm lo cho lợi ích của nhân dân, tận tâm tận lực phục vụ nhân dân ; có vậy thì nhân dân mới không phụ mình, sẽ nuôi nấng mình, bảo vệ mình, vun đắp cho mình. Còn nếu như cán bộ chỉ vì lợi ích riêng tư mà lo thu vén cá nhân xà xẻo của nhà nước, đục khoét của dân lại có hành động "đè đầu cưỡi cổ" nhân dân thì hãy coi chừng đấy : "đẩy thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân".❑

Digitized by Google

NƯỚC VÀ VẤN ĐỀ SỬ DỤNG NƯỚC QUÁ TẢI *

Quản lý nguồn nước thiên nhiên là vấn đề có tính quan trọng bậc nhất đối với cuộc sống loài người cũng như sự sống trên hành tinh chúng ta. Thực chất của vấn đề này không chỉ được nhận thức bởi chính phủ hay các nhà làm kế hoạch, các nhà làm chính sách. Khắp nơi trên thế giới, con người đã bắt đầu nhận ra tính chất đặc biệt nguy kịch của thực tế nguồn nước đối với sự tồn tại và phát triển của mình trong tương lai.

Tại nhiều nơi trên thế giới, những vấn đề liên quan tới nước đã trở nên đặc biệt trầm trọng, thậm chí nguy kịch. Ở một vài nơi, chúng trở thành nguyên nhân gây ra sự không ổn định xã hội và là một nguy cơ cần đến sự bảo vệ quốc tế. Với áp lực của việc gia tăng dân số và việc kinh doanh nước như hiện nay, vấn đề này sẽ trở nên ngày càng sâu sắc hơn, vì vậy sẽ tạo nên sự bất ổn định hơn. Sau những thập kỷ lãng phí nước, làm ô nhiễm nước và bất lực trong việc cung cấp nước thiết yếu tới những vùng khó khăn, ngày nay chúng ta phải thay đổi cơ bản cách nghĩ về quản lý nguồn nước.

Chúng ta không được phép duy trì cách nghĩ cho rằng nước là một nguồn dồi dào và rẻ rúng, có thể lạm dụng và phung phí mà không ảnh hưởng tới tương lai hạnh phúc của loài người.

Một khi nước sạch đã trở nên khan hiếm, nghĩa là không đủ để thỏa mãn mọi nhu cầu, thì sự cạnh tranh sẽ tăng lên. Bên cạnh đó, chúng ta biết rõ những căng thẳng quốc tế do khan hiếm nguồn nước cung cấp, thậm chí trong nhiều trường hợp còn xảy ra tranh chấp về nước giữa các nước, các vùng. Ví dụ như sự tranh chấp về sử dụng nước ở những vùng nông nghiệp với vùng phi nông nghiệp như các thành phố (bao gồm khu công nghiệp và chế xuất) và các môi trường khác (khu giải trí, khu dân cư). Đặc biệt các nước đang phát triển phải đối mặt với những thử thách ngày càng tăng trong những thập kỷ tới do sự tranh chấp nước tưới tiêu nông nghiệp. Một mặt phải chia sẻ với nhu cầu tăng về thức ăn và sản phẩm ngành dệt để đạt mục đích ổn định và nâng cao đời sống nhân dân ; mặt khác, kéo theo đó là nguy cơ thiếu nước do đó cạnh tranh tăng lên giữa tiêu dùng, công nghiệp và các khu vực khác. Tình trạng này ngày càng xấu đi, bởi khả năng tài chính eo hẹp cho tiêu dùng cùng với giá vốn của hệ thống tưới tiêu mới tăng lên.

Ủy ban tư vấn kỹ thuật của nhóm chuyên gia nghiên cứu nông nghiệp thế giới (CGIAR) cho rằng giữa năm 1987 và 1989 giá trị hằng năm của toàn bộ sản phẩm cây trồng ở các nước phát triển khoảng 364 tỉ USD. Trong đó 104 tỉ USD giá trị sản phẩm cây trồng (28,5% giá trị của toàn bộ sản phẩm) đã được tạo ra trên đất tưới tiêu (bởi các con sông, kênh mương...). Có thể khoảng 46,5% toàn bộ lượng ngũ cốc và 57% toàn bộ giá trị của lương thực cơ bản chủ yếu được sản xuất tại vùng đất được tưới nước.

---

* *Nguồn*: Theo Tạp chí "D & C", Đầu đề là của người dịch

Digitized by Google

Sự cần thiết của các chính sách mới về nước.

Vì có sự cạnh tranh tăng lên do khan hiếm nguồn nước, chính phủ và các nhà lãnh đạo buộc phải thay đổi các chính sách về nước. Mục đích của chính sách mới là giảm nhu cầu và thay đổi nhu cầu. Tưới tiêu cho nông nghiệp là nguồn sử dụng quan trọng sẽ bị ảnh hưởng rất mạnh bởi sự thay đổi chính sách này.

Mục tiêu của chính sách mới về nước bị ảnh hưởng bởi nguyên tắc cơ bản từ hội nghị khoa học về nước và môi trường tháng giêng năm 1992, nguyên tắc đó khẳng định rằng "Nước có giá trị kinh tế trong tất cả các sử dụng, và được thừa nhận là một sản phẩm hàng hóa". Nông nghiệp trong tương lai sẽ không dôi thừa nước như trước đây. Nông dân sẽ phải trả tiền cho việc sử dụng nước của họ, giá sẽ tăng lên đều đều trong những năm tới. Điều này sẽ làm giảm vai trò của nhà nước trong các dự án nước nông nghiệp và tăng tầm quan trọng của nhóm sử dụng nước theo vùng. Do vậy, yêu cầu nông dân phải được tổ chức trong một mối liên kết với những người sử dụng khác đủ để thực hiện chức năng mới của họ và được bảo đảm trong thời gian sử dụng đất, trồng trọt và tưới tiêu. Trong thập kỷ này, nhu cầu nước cho tưới tiêu mùa màng giảm xuống trong khi đó nhu cầu phi nông nghiệp tăng lên. Thực tế này đặt ra yêu cầu mạnh mẽ cho việc xây dựng chính sách là phải duy trì nước tưới cần thiết cho mùa màng, để phân phối một cách có hiệu quả nguồn nước cho các vùng, và theo những nhu cầu nhất định, ngược lại, làm giảm nhu cầu nước bao gồm những đường phân nước tưới tiêu và số lượng nước.

Vậy thì vấn đề cần xem xét là những chính sách nào về nước có thể dẫn tới việc tăng hiệu quả của sản phẩm cần tưới nước trong khi đó lại giảm được diện tích cần tưới nước ở các nước đang phát triển, giải phóng nguồn nước cho nhu cầu tăng lên ở khu vực phi nông nghiệp ? Những chính sách gì có thể giữ mức nước sử dụng của vùng phi nông nghiệp để giảm sự cạnh tranh giữa các vùng ?

Những vấn đề phải được giải đáp.

Để đặt ra được những chính sách có hiệu quả đáp ứng được yêu cầu của thực tế trên, trước hết cần phải giải đáp những vấn đề sau:

1 - Những yếu tố gì làm tăng sự cạnh tranh giữa vùng nông nghiệp và phi nông nghiệp do khả năng và hiệu suất của nước tưới cho nông nghiệp.

2 - Áp dụng các luật lệ, chính sách giá nước, chính sách thuế chống ô nhiễm, và các yếu tố khác như thế nào để khuyến khích bảo vệ nguồn nước kiểm soát ô nhiễm tại các khu công nghiệp và sinh hoạt gia đình.

3 - Sản phẩm, sự hợp lý, mức lương trung bình và lợi nhuận gì ảnh hưởng tới sự lựa chọn cơ cấu phân phối nước ở vùng kinh tế nông nghiệp và môi trường khan hiếm khác. Những chi phí quản lý và đầu tư gì liên quan tới các cơ cấu khác nhau. Điều gì ảnh hưởng tới phương thức phân phối nguồn nước sử dụng, kiểu cây trồng, sản lượng cây trồng, năng suất và các sử dụng đầu vào khác, những đầu tư chính, lợi nhuận đất nông nghiệp, và sự thoái hóa môi trường.

4 - Điều gì liên quan tới việc lựa chọn giữa cơ cấu phân phối nước và nguyên nhân của môi trường mở rộng ảnh hưởng tới tưới tiêu bao gồm : tốc độ, độ mặt của nước, xung quanh việc tự đổi mới theo chu kỳ thiên nhiên, và xung quanh việc khai thác.

Trong điều kiện của sự tăng cạnh tranh về nước như hiện nay, điều quan trọng của các nhà lập chính sách ở các nước phát triển là phải tạo ra một chính sách tổng hợp hữu hiệu, hợp lý, nhằm tạo ra môi trường phân phối nguồn nước tới những khu tiêu dùng ngày càng hiệu quả hơn. Để đạt được những điều này cần chú trọng tới sự cần thiết của công việc nghiên cứu.❑

***HÀ TRUNG** dịch thuật*

Digitized by Google

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

CHI NHÁNH LONG AN

VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT LONG AN BRANCH

**** Thành lập theo Quyết định số 280/QĐ.NH5 ngày 15 tháng 10 năm 1996 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trên cơ sở Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam - Chi nhánh Long An.***

**** Với các ngân hàng cơ sở ở các huyện, thị xã và các khu vực kinh tế trong tỉnh.***

**** Thực hiện các nghiệp vụ:***

- ***Huy động vốn các loại bằng tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ, bằng vàng đối với các thể thức phù hợp với nhu cầu của mọi thành phần kinh tế, tổ chức đoàn thể - xã hội, cá nhân.***
- ***Tiếp nhận vốn tài trợ, ủy thác của các tổ chức kinh tế - đoàn thể - xã hội, các tổ chức tín dụng tiền tệ trong nước và quốc tế.***
- ***Cho vay ngắn, trung, dài hạn với mọi thành phần kinh tế.***
- ***Thanh toán nhanh, an toàn, hiệu quả qua mạng vi tính.***
- ***Chi trả kiều hối, thu đổi ngoại tệ, tài trợ nhập khẩu.***
- ***Và các dịch vụ Ngân hàng.***

Địa chỉ : **136 - 138 Nguyễn Trung Trực, phường 1 - thị xã Tân An.**
Điện thoại : 826724 - 826224 - 829299.
Fax : (0.72) 824150.



CÔNG TY VẬN TẢI ÔTÔ CẦN THƠ



DIRECTOR: PHAM VAN PHUC

Add : 107 - 109 Tran Hung Dao - Can Tho City
Tel : (071) - 832200 - 832203

With a team of experienced drivers and a fleet of hundreds of transport vehicles the company is able to meet an abundance of customer requirements for transportation services including China and Laos.

- Freight and passenger transportation (including transport on contract basic).
- Trading in auto tyres & inner tubes, automobile spare parts and construction materials.
- Building and repair of various types of automobile.

We'll keep you rollinger

- Công ty vận tải đường bộ tỉnh Cần Thơ với đội ngũ lái xe giàu kinh nghiệm cùng với hàng trăm xe các loại Công ty có khả năng phục vụ trên mọi miền đất nước kể cả Trung Quốc và Lào.
- Vận tải hàng hóa, hành khách, du lịch, tham quan, thuê bao...
- Kinh doanh vỏ, ruột, phụ tùng ô tô và vật liệu xây dựng.
- Đóng mới và sửa chữa các loại xe.



Hân hạnh phục vụ quý

Digitized by Google

Can Tho Housing Development Company
CÔNG TY PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ CẦN THƠ


The company's head office


Director Le Hong Phat

Add : 9 Nguyen Thi Minh Khai - Can Tho City
Tel : (071) 822082 - 822083 - 820173
Fax : (071) 820173

Main functions :
- Trading in land and housing (including leasing houses to foreigners)
- Construction material trading
- Construction investment service
- New residential area planning

Nhiệm vụ :
- Kinh doanh nhà đất, cho người nước ngoài thuê.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Đầu tư, thi công xây dựng.
- Quy hoạch các khu dân cư mới.

Công ty sẵn sàng liên doanh liên kết hợp tác đầu tư trên linh vực nhà đất và đầu tư xây dựng !
The company is willing to cooperate with and form JVs with other enterprises in land, housing and construction investment fields !

CÔNG TY DU LỊCH BÌNH DƯƠNG

ĐỊA CHỈ : 87 QUỐC LỘ 13
THỊ XÃ THỦ DẦU MỘT - BÌNH DƯƠNG
ĐIỆN THOẠI : (065) 822636 - 822373

Du lịch Bình Dương với 3 tuyến điểm trong tỉnh :

1. Cỡi voi dự lễ hội cồng chiêng tại huyện Bù Đăng (2 ngày 1 đêm).

2. Thăm lại chiến khu xưa tại huyện Bình Long-Lộc Ninh (2 ngày 1 đêm).

3. Đi chơi vườn cây trái Lái Thiêu (cầu Ngang) (trong ngày).

* Liên kết với các công ty bạn, tổ chức đưa khách đi du lịch các nước Malaixia, Thái lan, Trung Quốc, Xingapo.

* Có hệ thống phục vụ ăn uống, khách sạn bao gồm : 5 cửa hàng phục vụ ăn uống, 1 nhà hàng nổi và hai khu du lịch lớn : Cầu Ngang, hồ Bình An. Đội ngũ tiếp viên phục vụ tận tình, vui vẻ, lịch sự :

- Có chức năng vận chuyển đưa đón khách và tham gia xuất nhập khẩu.


Một góc khu du lịch hồ Bình An

Digitized by Google

CÔNG TY SỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH DAKLAK

ĐỊA CHỈ : 02 ĐINH TIÊN HOÀNG * ĐIỆN THOẠI : 853655, 852379

GIÁM ĐỐC : ÔNG TRẦN THÀNH NAM



NGUỒN VỐN THU ĐƯỢC TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT ĐƯỢC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHỮNG CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI CÔNG CỘNG. ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC VÀ Y TẾ CỦA TỈNH.

Uy tín - Trung thực - Khách quan

LÀ PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG TÔI



Digitized by Google

CÁC DỰ ÁN GỌI VỐN CỦA TỈNH



Đặc sản quê hương "Xoài Hòa Lộc"

1. Dự án chế biến rau quả các loại.
2. Dự án nhà máy chế biến thủy sản.
3. Dự án nhà máy chế biến thức ăn gia súc - gia cầm.
4. Dự án sản xuất các chế phẩm từ dừa
5. Dự án nhà máy hương vị và thực phẩm công nghiệp.
6. Dự án sản xuất và lắp ráp máy nổ, xe máy.
7. Dự án nhà máy sợi và dệt
8. Dự án sản xuất các sản phẩm từ da - giả da.
9. Dự án sản xuất dược liệu, dược phẩm, mỹ phẩm.
10. Dự án khách sạn 3 sao.
11. Dự án xây dựng khu du lịch Đồng Tâm, Thới Sơn.
12. Dự án xây dựng, nâng cấp các chợ, trung tâm thương mại.
13. Dự án đầu tư phát triển vùng lúa đặc sản năng suất cao.
14. Dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu
15. Dự án nuôi gia súc, gia cầm công nghiệp.
16. Dự án nuôi trồng thủy hải sản.
17. Dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Tiền Giang.
18. Dự án sản xuất VLXD và trang trí nội thất.



May gia công xuất khẩu
Xí nghiệp may Mỹ Tho

Digitized by Google

ĐẦU TƯ TIỀN GIANG



Thu hoạch khóm (dứa) tại Nông trường Tân Lập.

19. **Dự án Xây dựng và kinh doanh nhà, công trình kiến trúc.**
20. **Dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng Cảng Mỹ Tho.**



Dây chuyền nước quả của nhà máy rau quả Long Định (LHCXN Rau quả Xuất khẩu Tiền Giang)



Mùa gặt ở Tiền Giang.

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU
PHÚ RIỀNG



Giám đốc Công ty HÀ NGUYÊN CÁT

Địa chỉ: Phú Riềng - Phước Long- Bình Phước
Điện thoại: 065.877715-065.877767
Fax: 065.877758



VĂN PHÒNG CÔNG TY PHÚ RIỀNG



GIÁM ĐỐC CÔNG TY HƯỚNG DẪN ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG VĂN CAO, TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY THĂM VÀ KIỂM TRA VƯỜN CÂY.

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 300

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản



21
11-1997

UNIV. OF MICH.
DEC 01 1997
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

Công ty Xây dựng Bến Tre

BẾN TRE
Construction Company

Add: 14C1 - Hamlet III - Phu Khuong Commune - Highway 60 - Ben Tre Town
Tel: (84-75) 829672 - 822388 - 829616
Fax: (84-75) 822388
Director: Nguyen Van Hong



Ben Tre Taxation Department built the company



Ben Tre Branch of the Bank for Investment and Development of Vietnam built by the company



Industrial and Commercial Bank of Vietnam, Ben Tre Branch built by the company



Dong Khoi Victory Monument

1) Khảo sát, thiết kế các công trình dân dụng.
2) Thi công các công trình nhóm B:
   - Thủy lợi.
   - Dân dụng, công nghiệp.
   - Vận chuyển san nền các công trình dân dụng, công nghiệp
3) Thi công các công trình giao thông nông thôn.
4) Cung ứng vật liệu xây dựng, trang trí nội, ngoại thất các công trình dân dụng, công nghiệp

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 531 — THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA (7-11-1917 – 7-11-1997)	NGUYỄN DUY QUÝ - Cách mạng Tháng Mười và ý nghĩa thời đại của nó	3
	BÙI NGỌC THANH - Cách mạng Tháng Mười và bài học cho hôm nay	7
	HOÀNG CÔNG - Bài học từ Cách mạng Tháng Mười - xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân	10
	NHỊ LÊ - Giá trị Cách mạng Tháng Mười - qua những hệ giá trị quy chiếu và dưới góc nhìn ngược phía phản diện	13
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	HOÀNG TÙNG - Nền dân chủ nào ?	19
	QUANG CẬN - Một cách tiếp cận về sở hữu xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa	22
	TRẦN MẠNH DŨNG - Tiếp tục hoàn thiện các điều kiện tiền để để thiết lập thị trường chứng khoán ở Việt Nam	26
	DƯƠNG QUANG TUNG - Về chế độ bộ chủ quản và cấp hành chính chủ quản đối với doanh nghiệp nhà nước	29
	NGUYỄN MẠNH HƯỞNG - Vài suy nghĩ về truyền thống dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa	34
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN VĂN ÚT - Bạc Liêu ổn định và tiếp tục phát triển	38
	NGUYỄN VĂN HÙNG - VÕ VĂN PHÚC - Phát triển du lịch Thừa Thiên - Huế thành ngành kinh tế mũi nhọn	42
	TRẦN NGỌC QUẾ - Công ty giấy Bãi Bằng gắn chặt công tác xây dựng Đảng với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh	46
	VĂN HẢI - Cánh sóng Hà Nội vươn lên trong đổi mới	50
	NGUYỄN XUÂN KÍNH - Một chặng đường nghiên cứu văn hóa ở nước ta trong "thập kỷ thế giới phát triển văn hóa"	53
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	DỊ THẢO - Lòng người đo được	57
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	LÝ GIA TRUNG - Đại hội XV của Đảng Cộng sản Trung Quốc - một đại hội xuyên thế kỷ	58
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	- Thuế nhà, đất	62

Bìa 1 : *Vi Lê-nin phát biểu ý kiến tại Đại hội II Các Xô-viết toàn Nga (8-11-1917)* *Tranh :* **V. XÊ-RỐP**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ЗУЙ КУЙ - Октябрьская Революция и её эпохальное значение. БУЙ НГОК ТХАНЬ - Октябрьская Революция и урок для сегодняшнего дня. ХОАНГ КОНГ - Урок из Октябрьской Революции - содание государства творённого народом, действующего за благо народа и принадлежащего народу. НЬИ ЛЕ - Ценность Октябрьской Революции рассмотренная под углами систем оценок и с точки зрения противников. ХОАНГ ТУНГ - Какая демократия ?. КУАНГ КАНЬ - Один подход к социалистической собственности и социалистической демократии. ЧАН МАНЬ ЗУНГ- Дальнейшее совершенствование предпосылок для формирования биржевого рынка во Вьетнаме. ЗЫОНГ КУАНГ ТУНГ - О системе главных руководствующих министерств и административных руководствующих уровней для государственных предприятий. НГУЕН МАНЬ ХЫОНГ - Некоторое мышление над национальными традициями в тенденции глобализации. НГУЕН ВАН УТ - Провинция Бак Лиеу стабилизируется и держит дальнейшее развитие. ЛИ ЗА ЧУНГ - 15ый Съезд Коммунистической Партии Китая - Трансвековый съезд.

CONTENTS

NGUYỄN DUY QUÝ - The October Socialist Revolution and its epochal significance. BÙI NGỌC THANH - The October Revolution and the lesson for today. HOÀNG CÔNG - Lesson from the October Socialist Revolution - to build the State of the people, by the people and for the people. NHỊ LÊ - The value of the October Socialist Revolution considered from the prospects of the evaluation systems and from the point of view of opponents. HOÀNG TÙNG - Which democracy ?. QUANG CẬN - One approach to socialist ownership and socialist democracy. TRẦN MẠNH DŨNG - Further completion of prerequisites for the formation of stock market in Vietnam. DƯƠNG QUANG TUNG - Regarding the system of main leading ministries and leading administrative levels for state-owned enterprises. NGUYỄN MẠNH HƯỞNG - Some thoughts on national traditions in the trend of globalisation. NGUYỄN VĂN ÚT - Bac Lieu province is stabilised and further develops. LÝ GIA TRUNG - The 15th Congress of the Communist Party of China, a transcentury Congress.

SOMMAIRE

NGUYỄN DUY QUÝ - La Révolution d'Octobre et sa signification d' époque. BÙI NGỌC THANH - La Révolution d'Octobre et la leçon pour aujourd'hui. HOÀNG CÔNG - Une leçon tirée de la Révolution d'Octobre - édifier un Etat du peuple, par le peuple et pour le peuple. NHỊ LÊ - La valeur de la Révolution d'Octobre à travers le système de valeurs de référence et sous l'angle de vue négatif de la partie opposante. HOÀNG TÙNG - Quelle démocratie ? QUANG CẬN - Une approche de la propriété socialiste et de la démocratie socialiste. TRẦN MẠNH DŨNG - Continuer de perfectionner les premières conditions pour la création de la Bourse au Vietnam. DƯƠNG QUANG TUNG - Sur le régime de ministère de tutelle et la tutelle administrative à l'égard des entreprises. NGUYỄN MẠNH HƯỞNG - Quelques réflexions sur les traditions nationales dans la tendance de mondialisation. NGUYỄN VĂN ÚT - La province de Bac Lieu se stabilise et continue son développement. LÝ GIA TRUNG - Le XVe Congrès national du Parti communiste chinois - un Congrès trans-siècle.

SUMARIO

NGUYỄN DUY QUÝ - La Revolución de Octubre y su significación de época. BÙI NGỌC THANH - La Revolución de Octubre y la lección de hoy. HOÀNG CÔNG -La lección extraída de la Revolución de Octubre : edificación del Estado del pueblo, por el pueblo y para el pueblo. NHỊ LÊ - Los valores de la Revolución de Octubre a través de los sistemas de valor de referencia y bajo el ángulo de la mirada inversa de la parte opuesta. HOÀNG TÙNG - ¿Cuál es la democracia. QUANG CẬN - Una forma de acercamiento a la propiedad y la democracia socialistas. TRẦN MẠNH DŨNG - Proseguir a perfeccionar las condiciones de premisa para establecer la Bolsa en Vietnam. DƯƠNG QUANG TUNG - Sobre el régimen del ministerio e instancia administrativa en cargo para con las empresas de Estado. NGUYỄN MẠNH HƯỞNG - Algunas reflexiones sobre la tradición nacional en la tendencia de la globalización. NGUYỄN VĂN ÚT -Provincia de Bạc Liêu en su proceso de estabilización y continuo desarrollo. LÝ GIA TRUNG - El XV Congreso del Partido Comunista de China, un congreso que atraviesa el siglo.

目录

•阮维贵: 十月革命及其时代意义•裴玉清: 十月革命及当代所要汲取的经验•黄公: 从十月革命中得出的经验——建设“民有、民治和民享”的国家•二黎: 通过规纳对照价值观和从反面角度看十月革命的价值•黄松: 何种民主?•光近: 关于社会主义所有制和社会主义民主的看法•陈孟勇: 进一步完善各个前提条件, 以便在越南设立证券市场•杨光嵩: 有关国有企业的主管部门和主管行政级的制度•阮孟享: 在全球化趋势中关于民族传统的一些看法•阮文吾: 薄辽省趋于稳定并不断发展•李家忠: 跨世纪的中共十五大

Digitized by Google

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VÀ Ý NGHĨA THỜI ĐẠI CỦA NÓ

***NGUYỄN DUY QUÝ** **

CÙNG với nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới, chúng ta kỷ niệm 80 năm Cách mạng XHCN Tháng Mười Nga vĩ đại (7-11-1917 - 7-11-1997), khi sự nghiệp đổi mới của đất nước ta đang được triển khai mạnh mẽ và giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Lịch sử nhân loại 80 năm qua đã diễn ra với biết bao thăng trầm, những bước quanh co, nhưng Cách mạng Tháng Mười với những giá trị bất diệt của nó vẫn đang tiếp tục tác động mạnh mẽ đến toàn bộ sự nghiệp của cách mạng thế giới và công cuộc đổi mới của chúng ta.

Cách mạng Tháng Mười Nga đã đóng một dấu son không thể hoen mờ trong lịch sử hiện đại. Đó là một cuộc cách mạng "chưa từng có" trong thế kỷ XX này, cuộc cách mạng mở đầu "một sự nghiệp mới mẻ" - "sự nghiệp sáng tạo ra một ***kiểu*** chế độ nhà nước xưa nay chưa từng có", "đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử thế giới"(1). Lịch sử nhân loại đã từng có không ít các cuộc cách mạng có ảnh hưởng tới sự phát triển xã hội, song Cách mạng Tháng Mười Nga là một cuộc cách mạng mang ý nghĩa lịch sử toàn cầu. Nó là cột mốc đánh dấu thời kỳ đấu tranh cách mạng mới vì những mục tiêu thời đại trên phạm vi toàn thế giới là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Ngay từ đầu thế kỷ XX, ở nước Nga các điều kiện khách quan và chủ quan đã chín muồi cho một cuộc cách mạng xã hội - cuộc cách mạng của đông đảo công nhân, nông dân và trí thức, những lực lượng không chỉ có yêu cầu lật đổ chế độ Nga Sa Hoàng, xóa bỏ chế độ nông nô mà còn tiến lên lật đổ nhà nước tư sản, thiết lập nhà nước xã hội chủ nghĩa. Cách mạng Tháng Mười là một tất yếu lịch sử và lần đầu tiên những ước mong về một xã hội công bằng và bình đẳng đã "trở thành một hiện thực trong xã hội, có sức mạnh vô cùng to lớn lôi cuốn hàng nghìn triệu người vào hành động cách mạng, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội" (2). Cách mạng Tháng Mười là câu trả lời lịch sử của loài người tiến bộ cho cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản. Nó chứng tỏ chủ nghĩa tư bản sớm muộn cũng phải bị thay thế bằng một chế độ xã hội tốt đẹp hơn - chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thực tế phát triển của lịch sử thế giới 80 năm qua, với các cuộc đấu tranh mãnh liệt vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội, với xu thế sâu rộng diễn ra ở khắp các châu lục Âu, Á, Phi, Mỹ la tinh lựa chọn con đường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã chứng tỏ Cách mạng Tháng Mười là một sự kiện mang ý nghĩa thời đại của thế kỷ XX, có tác động mạnh mẽ đến toàn bộ quá trình phát triển của thế giới. Đó không chỉ là thắng lợi vĩ đại của giai cấp vô sản và nhân dân các dân tộc Nga, mà còn là thắng lợi của giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Chính Lê-nin đã khẳng định : "Không thể có bức tường ngăn cách giữa những chiến thắng của Cách

---

* GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, t 44, tr 184, 185

(2) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 303

Digitized by Google

mạng Tháng Mười và những chiến thắng của cách mạng xã hội chủ nghĩa quốc tế" (3). Khẳng định đó của Lê-nin đã được thực tiễn lịch sử minh chứng. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, một thời đại mới đã được mở ra. Nó tạo cơ hội cho nhân loại thực hiện bước quá độ lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Bước quá độ ấy bao hàm cả khả năng quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đối với các nước đang phát triển, nơi dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, nhân dân lao động đã giành được quyền làm chủ đất nước, đã xây dựng được nhà nước của dân, do dân và vì dân. Đó chính là những thuận lợi khách quan mà thời đại mới đã tạo ra. Đó là điều đã được thực tiễn xác nhận và là điều không thể phủ nhận được cho dù những cuộc biến động đầy bi kịch đã và đang diễn ra ở những thập niên cuối thế kỷ này làm chậm lại tiến trình phát triển của lịch sử xã hội.

Xét trên bình diện lịch sử toàn thế giới, Cách mạng Tháng Mười Nga, như Lê-nin khẳng định, đã ***"mở đầu*** một thời đại mới trong lịch sử thế giới, thời đại thống trị của một giai cấp ***mới***, giai cấp bị áp bức trong tất cả các nước tư bản và ở khắp nơi đều đang tiến tới một cuộc đời mới, tới chỗ chiến thắng giai cấp tư sản, tới chỗ thành lập chuyên chính vô sản, tới chỗ giải phóng nhân loại khỏi ách tư bản, khỏi những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa" (4). Như vậy, theo quan điểm của Lê-nin, nội dung của thời đại mới này là thời đại thống trị của giai cấp mới tức giai cấp công nhân, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, thiết lập chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đây là một quá trình lịch sử lâu dài, một xu hướng phát triển tất yếu của lịch sử nhân loại, nhưng không phải là con đường thẳng tắp, phẳng phiu mà là con đường gập ghềnh đầy khó khăn, phức tạp.

Sau nhiều thập niên tồn tại, giờ đây chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã không còn tồn tại, song điều đó không có nghĩa là con đường đi tới chủ nghĩa xã hội đã bị chặn lại. Trên phạm vi toàn thế giới, nhiều quốc gia, nhiều dân tộc vẫn phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, theo lý tưởng của Cách mạng Tháng Mười. Điều đó cho phép chúng ta khẳng định rằng đi tới chủ nghĩa xã hội là quy luật tiến hóa của xã hội loài người mà Cách mạng Tháng Mười Nga là mốc son đánh dấu thời đại, là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa xã hội. "Thắng lợi đầu tiên đó *chưa phải là một thắng lợi cuối cùng*", nhưng nó đã mở ra một thời đại mới, một sự nghiệp mới trong lịch sử nhân loại - sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới. Cách mạng Tháng Mười có vinh dự là đã bắt đầu sự nghiệp ấy, còn "bao giờ và trong thời hạn nào thì những người vô sản nước nào sẽ hoàn thành được sự nghiệp ấy, điều đó không quan trọng. Điều quan trọng, chính là băng đã tan, đường đã mở, lối đi vạch ra rồi" (5).

Trong bài viết cho báo Pravđa nhân kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Mười Nga, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định : "Giống như mặt trời chói lọi, Cách mạng Tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu hàng triệu người bị áp bức, bóc lột trên trái đất. Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế" (6).

Thật vậy, lịch sử thế giới sẽ không thể nào xóa bỏ được Cách mạng Tháng Mười - một cuộc cách mạng "đã làm rung chuyển thế giới", đã phá tung một khâu yếu nhất của sợi dây chuyền đế quốc chủ nghĩa, mở đầu một thời đại mới, hình thành một hình thái kinh tế - xã hội hoàn toàn mới, khác về chất so với hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa.

Gần 80 năm sau Cách mạng Tháng Mười, nhân loại đã chứng kiến nhiều biến động dữ dội trong đời sống chính trị của thế giới. Sự đổ vỡ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu cùng với sự chững lại của phong trào cộng sản quốc tế đã ảnh hưởng không tốt đến sự nghiệp cách mạng của các dân tộc đang đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Tuy tổn thất đó có làm chậm bước tiến của chủ nghĩa xã hội trên thế giới, song không thể vì thế mà phủ nhận ý nghĩa lịch

(3) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 36, tr 615
(4) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 44, tr 184 - 185
(5) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 44, tr 187 .
(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 300

Digitized by Google

sử vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười. Tổn thất nặng nề này dẫu khiến cho cách mạng xã hội chủ nghĩa rơi vào giai đoạn thoái trào, song không thể vì thế mà có thể coi chủ nghĩa xã hội là "một quái thai, dị dạng" ; còn cách mạng xã hội chủ nghĩa như cuộc cách mạng "cực đoan", "bạo loạn", như cuộc cách mạng diễn ra "không theo đúng quy luật khách quan", " không theo đúng tiến trình phát triển lịch sử - tự nhiên" của xã hội loài người, như những phần tử chống chủ nghĩa xã hội thường rêu rao. Mác đã khẳng định "các cuộc cách mạng đều là những đầu tầu của lịch sử". Cách mạng xã hội chủ nghĩa - đó không phải là một sự "tàn phá" tiêu cực, một "cơn sốt của cơ thể xã hội", một bước "đi chệch" ra ngoài con đường phát triển "bình thường" của xã hội, không phải là "kết quả tai hại" của các hành động "thái quá và sai lầm", mà ngược lại, nó là kết quả tất yếu khách quan của tiến trình phát triển lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người. "Chủ nghĩa xã hội đang đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co ; song, ***loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội, vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử"*** (7).

Thêm vào đó, sự đổ vỡ chế độ xã hội chủ nghĩa dẫu có là một tổn thất nặng nề, nhưng nó không có nghĩa là sự phủ nhận những thành quả và ảnh hưởng to lớn của Cách mạng Tháng Mười. Cũng không thể phủ nhận được một sự thật là Liên Xô, thành quả vĩ đại, con đẻ của Cách mạng Tháng Mười, từ một nước tư bản trung bình sau một thời gian xây dựng đã trở thành một siêu cường, là lực lượng chủ yếu nhất đã cứu nhân loại thoát khỏi thảm họa của chủ nghĩa phát-xít trong chiến tranh thế giới thứ hai, tạo điều kiện cho một loạt nước Đông Âu và châu Á, sau đó là tây bán cầu tiến hành thắng lợi cách mạng giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Tháng Mười đã phá vỡ một mảng của thế giới tư bản chủ nghĩa, đã mở ra thời kỳ sụp đổ của chủ nghĩa thực dân, tạo điều kiện cho hàng trăm quốc gia vốn là thuộc địa đã giành được độc lập dân tộc và một số quốc gia từ đó đi lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Tháng Mười không chỉ đánh dấu sự ra đời của Nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới, mà còn đặt nền móng cho một chế độ xã hội phù hợp nhất với các lợi ích cơ bản của con người. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười đã khai phá con đường đi tới chủ nghĩa xã hội, con đường dẫn tới khả năng sáng tạo to lớn và triệt để nhất nhằm thực hiện lý tưởng giải phóng đông đảo quần chúng lao động bị áp bức, xóa bỏ tình trạng người bóc lột người, đưa con người đến "vương quốc của tự do". Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười cho thấy sức mạnh sáng tạo của con người, của giai cấp vô sản và quần chúng nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh tự giải phóng và mở đầu một sự nghiệp kiến tạo xã hội mới chưa từng có khuôn mẫu trong lịch sử hiện thực của nhân loại. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười cho thấy trong thời đại ngày nay, sự kết hợp tất yếu và tự nhiên giữa cuộc đấu tranh vì dân chủ và cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội, giữa dân chủ và chủ nghĩa xã hội chẳng những là mục tiêu mà còn là động lực mạnh mẽ thúc đẩy tiến bộ xã hội, đưa xã hội loài người tới tự do, công bằng, bình đẳng và văn minh.

Tám mươi năm qua, kể từ sau thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười Nga, sức mạnh và thành tựu của chủ nghĩa xã hội thế giới đã đem lại nhiều lợi ích cho nhân dân, giữ gìn hòa bình thế giới, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, thúc đẩy phong trào đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên phạm vi toàn thế giới trong thế kỷ XX này.

Đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười, Việt Nam đã làm nên Cách mạng Tháng Tám, mở ra kỷ nguyên mới cho đất nước - kỷ nguyên độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược của các đế quốc sừng sỏ của thế kỷ XX, nêu gương sáng cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do của các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Có được những thắng lợi hết sức lớn lao trong tiến trình cách mạng của nước ta, trước hết là nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng luôn luôn kiên định lấy chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm

(7) *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 8

Digitized by Google

nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng của nước ta. Đảng đã sáng suốt lựa chọn con đường phát triển của cách mạng Việt Nam trong quỹ đạo của cách mạng vô sản, trong lôgic tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, xu thế tất yếu do thời đại mới đã được mở ra từ Cách mạng Tháng Mười.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - người cộng sản Việt Nam đầu tiên đến với chủ nghĩa Mác-Lê-nin đã khẳng định : "Cách mạng Tháng Mười mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc và cả loài người, mở đầu một thời đại mới trong lịch sử, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới (8).

Dưới ngọn cờ của Cách mạng Tháng Mười, Đảng Cộng sản Việt Nam, một đảng giàu tinh thần cách mạng, sáng tạo, gắn bó với quần chúng, luôn luôn là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Trong những thời điểm phong trào xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có sự khủng hoảng, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, Đảng ta vẫn vững vàng lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, vượt qua những hiểm nghèo đưa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước của nhân dân ta tiến lên một cách vững chắc.

Sau hơn nửa thế kỷ tôi luyện và thử thách, khuynh hướng chính trị bỏ qua chế độ tư bản, tiến lên chủ nghĩa xã hội đã trở thành một sức mạnh vật chất bám rễ sâu trong xã hội Việt Nam. Yếu tố chính trị này có vai trò quyết định trong việc thu hút và chuyển hóa nhân tố thời đại thành nguồn lực bên trong để xây dựng và bảo vệ đất nước.

Thắng lợi của công cuộc đổi mới đã đưa nước ta thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nhiều năm, tạo điều kiện thuận lợi đưa đất nước ta bước vào thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Hơn 100 năm trước, Mác đã khẳng định cách mạng có thể bị thất bại, nhưng cách mạng không bao giờ bị tiêu diệt. Điều mà Mác nói về Công xã Pa-ri vẫn hoàn toàn đúng khi chúng ta nói về ý nghĩa thời đại của Cách mạng Tháng Mười. Lý tưởng của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại đã và đang soi sáng con đường của thời đại, con đường dẫn tới hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Tháng Mười tròn 80 tuổi, song đó không phải là thắng lợi đã thuộc về quá khứ của nhân loại. Cách mạng Tháng Mười và lý tưởng cao đẹp của nó vẫn sống, vẫn đang thực hiện và nhất định sẽ thực hiện thành công chức năng của nhân tố thúc đẩy lịch sử nhân loại phát triển theo đúng quỹ đạo của nó. Cách mạng Tháng Mười vẫn đang và sẽ cổ vũ nhân loại tiến lên trên con đường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh nghiệm thực tiễn của Cách mạng Tháng Mười, của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội 80 năm qua cho chúng ta thấy rõ không trở ngại nào, không xu hướng đối lập nào có thể ngăn chặn sự phát triển tiến bộ của nhân loại trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Tháng Mười "đã đi vào lịch sử với tính cách là một thành quả của chủ nghĩa xã hội", và vì thế nó không thể bị lãng quên, bị gạt bỏ cho dù "cách mạng xã hội chủ nghĩa quốc tế sẽ có trải qua những đột biến gian khổ đến mấy đi nữa". Với Cách mạng Tháng Mười và với lý tưởng cao đẹp của nó, "cách mạng quốc tế tương lai sẽ xây dựng lên lâu đài xã hội chủ nghĩa của mình" (9).

Với tư cách là một cuộc cách mạng sâu sắc và triệt để nhất, cuộc cách mạng khai phá một con đường phát triển mới trong lịch sử nhân loại - con đường phát triển xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Cách mạng Tháng Mười Nga vẫn là biểu tượng sáng ngời, là "mặt trời chói lọi" của thời đại hiện nay. Ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười Nga không bao giờ tắt. Cách mạng Tháng Mười Nga không chỉ mang ý nghĩa của một cuộc cách mạng chính trị, mà còn là thành quả của văn hóa, văn minh nhân loại. Với tư cách đó, tinh thần Cách mạng Tháng Mười Nga sẽ sống mãi với xã hội loài người, với sự nghiệp đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Ý nghĩa thời đại của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại là ở đó - ở chính vị trí tiên phong và vai trò mở đường của nó, ở ý nghĩa lịch sử toàn cầu của nó, ở tinh thần nhân văn, nhân đạo chủ nghĩa của nó, ở giá trị vĩnh hằng của nó. ❑

(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 301

(9) V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 36, tr 473

Digitized by Google

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VÀ BÀI HỌC CHO HÔM NAY

BÙI NGỌC THANH *

BẰNG sự kiện chặt đứt một mắt xích rệu rão nhất của hệ thống chủ nghĩa đế quốc và từ đó làm xuất hiện một hình thái kinh tế - xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa, Cách mạng Tháng Mười Nga đã viết lên hàng trăm bài học về thực tiễn cũng như lý luận hết sức phong phú và sinh động. Có thể chia các bài học đó thành bốn loại :

Một là những bài học chuẩn bị cho cách mạng, trong đó tiêu biểu nhất là các bài học xây dựng các lực lượng vũ trang sắc bén làm công cụ bạo lực của cách mạng ; chỉ ra các nguyên nhân cùng khổ và quẫn bách của các giai cấp bị áp bức, bóc lột, từ đó mà tập hợp, giáo dục nhân dân kết thành một khối có sức mạnh vô biên và biến cách mạng thành ngày hội của quần chúng...

Hai là những bài học khởi nghĩa chọn thời cơ cách mạng và sự chỉ đạo nhạy bén, kiên quyết, quả cảm, dứt điểm và chắc thắng..., trong đó chọn thời cơ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng : "Lịch sử sẽ không tha thứ cho những người cách mạng có thể thắng lợi hôm nay (và chắc chắn sẽ thắng lợi hôm nay) mà lại để chậm trễ ; vì để đến ngày mai, không khéo họ sẽ mất nhiều, không khéo họ sẽ mất tất cả". (1)

Ba là những bài học sau thắng lợi của cách mạng vô sản, trong đó có bài học cốt lõi là bảo vệ đảng, bảo vệ chính quyền của nhân dân...

Bốn là những bài học chung cho tất cả các giai đoạn cách mạng và chung cho tất cả những nước làm cách mạng vô sản mà then chốt nhất là các bài học phải có một chính đảng của giai cấp công nhân kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vững vàng trong mọi bão tố cách mạng và sáng tạo trong những hoàn cảnh cụ thể của nước mình...

Trong thời đại ngày nay, loại bài học thứ nhất và thứ hai chủ yếu dành cho những nước đang và sẽ làm hoặc làm lại cách mạng vô sản. Còn loại bài học thứ ba - những bài học sau thắng lợi của cách mạng vô sản, đó là những bài học thời sự nhất, cấp bách nhất dành cho những nước mà ở đó cách mạng vô sản đã thành công, đảng cộng sản đã giành được chính quyền đang lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những người cộng sản chân chính chắc chắn không bao giờ quên những tổng kết có tính thuyết phục cao và đầy tính thực tiễn của Lê-nin. Đó là, cách mạng vô sản giành được chính quyền mới chỉ là bắt đầu ; giành được chính quyền đã khó, giữ được chính quyền lại càng khó hơn ; nếu không xây dựng được một nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa thì tất cả những thành quả, tất cả những thắng lợi đã giành được trong việc lật đổ bọn đế quốc bóc lột chỉ là vô ích và sự phục hồi chế độ cũ là không thể tránh khỏi ; trong một cuộc cách mạng ta và địch, nếu ta không chủ động tấn công thì địch sẽ tấn công và cách mạng sẽ bị tổn thất ; nếu không củng cố, không tăng cường được sự thống nhất, không phản ánh được nguyện vọng của nhân dân thì đảng cộng sản sẽ không lãnh đạo được giai cấp vô sản, giai cấp vô sản sẽ không lôi cuốn được quần chúng theo mình và tất cả bộ máy sẽ tan rã v.v... và v.v...

---

* PTS, Phó chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 34, tr 571

Digitized by Google

Những bài học đó thật là sâu sắc, bổ ích và thiết thực. Rất tiếc là một số đảng cộng sản đã không nắm vững hoặc đã phủ định những bài học đó, đã đi ngược lại con đường của Lê-nin và đã hành động phiêu lưu dẫn đến thảm họa tan rã đảng, sụp đổ đất nước. Đúng như Lê-nin đã cảnh báo.

*

* *

Niềm hạnh phúc lớn lao cho nhân dân ta, dân tộc ta là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã tổng kết những bài học to lớn của Cách mạng Tháng Mười Nga một cách ngắn gọn, đầy đủ, súc tích trong tác phẩm "Đường cách mệnh" xuất bản lần đầu tiên vào năm 1927. Thiên tài của Bác là với 13 câu hỏi và đáp trong 6 trang sách đã làm cho người đọc có thể hiểu một cách cơ bản về cách mạng Nga. Đặc biệt chỉ 4 câu (từ câu 9 đến câu 13) Bác đã chuyển tải được toàn bộ nội dung cốt lõi nhất của Cách mạng Tháng Mười đến nhân dân. Bài học đầu tiên (ở phần chung về cách mạng) Bác viết "Trước hết phải có đảng cách mệnh" và "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin" (2). Ở phần chốt lại về Cách mạng Tháng Mười, Bác khẳng định "Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lê-nin" (3). Điều đáng lưu ý là vào những năm 1924 - 1927 mà Bác đã tổng kết được những bài học to lớn và những bài học đó được thử thách bằng cả thời gian dài hơn 7 thập niên và ngày càng chứng tỏ tính đúng đắn, vững bền của những tổng kết đó, thì quả thật đây là một tư duy cách mạng rất hiếm có trên thế giới. Vạch ra con đường cách mạng, đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, chính Bác và Đảng ta đã trực tiếp lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám thành công rực rỡ và kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ xâm lược thắng lợi huy hoàng. Giờ đây đọc lại những văn kiện xây dựng phong trào cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang, lệnh tổng khởi nghĩa, phương châm chỉ đạo đánh chiếm các cứ điểm chắc thắng trong những ngày sôi sục của Cách mạng Tháng Tám và những nhật lệnh, chỉ thị tiến quân "Thần tốc, táo bạo, bất ngờ", "Thần tốc, thần tốc, thần tốc nữa" trong các cuộc tổng tiến công Điện Biên Phủ và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chúng ta càng thấy sáng rõ sự vận dụng hết sức sáng tạo, đúng đắn, nhuần nhuyễn và tinh tế 5 vấn đề có tính quy luật của khởi nghĩa vũ trang giải phóng dân tộc :

1 - "Không bao giờ được đùa với khởi nghĩa, và một khi đã bắt đầu khởi nghĩa thì cần nắm chắc một điều là phải tiến hành đến cùng.

2 - Phải tập hợp, ở một điểm quyết định, trong một thời cơ quyết định, những lực lượng có ưu thế lớn, nếu không thì địch được chuẩn bị kỹ hơn và có tổ chức hơn sẽ tiêu diệt những người khởi nghĩa.

3 - Một khi đã bắt đầu khởi nghĩa thì phải hết sức quyết tâm hành động và dù sao cũng phải tuyệt đối chuyển sang tấn công. "Phòng ngự là con đường chết của khởi nghĩa vũ trang".

4 - Phải cố gắng đánh bất thình lình vào địch, cố gắng nắm đúng thời cơ khi quân địch còn phân tán.

5 - Mỗi ngày (ở thành phố là mỗi giờ) phải thu được thắng lợi dù là thắng lợi không lớn lắm, đồng thời nhất thiết phải giữ cho bằng được "ưu thế tinh thần" (4)

Giờ đây trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, hơn 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện do Đảng đề xướng và lãnh đạo, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và bước vào một thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn...

Một trong những nguồn gốc của những thành tựu có ý nghĩa trọng đại đó là Đảng ta kiên trì,

---

(2), (3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 2, tr 267 - 268, 280

(4), V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 34, tr 502

Digitized by Google

đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười, con đường của chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà Bác Hồ đã tuyên bố từ năm 1927 "Chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin".

Sau này Bác đã nhiều lần khẳng định lại sự kiên định đó : "Nhân dân Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội dưới ngọn cờ vẻ vang của chủ nghĩa Mác - Lê-nin" và "Cách mạng Tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc" (5). Tuân theo tư tưởng của Người, Đảng ta, nhân dân ta tỏ rõ quyết tâm "Kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn" và "khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng" (6). Chúng ta có thể rút ra một vài bài học về những "hành động của Đảng" vận dụng nhuần nhuyễn những tổng kết của Lê-nin sau Cách mạng Tháng Mười vào hoàn cảnh hiện nay :

- Ổn định chính trị là một thành tựu to lớn của Đảng ta mà thành tựu này thì không thể biểu diễn được bằng tỷ lệ phần trăm, cũng không lượng hóa được bằng các con số tuyệt đối, nhưng về ý nghĩa thì nó có liên quan trực tiếp đến vận mệnh của một đất nước. Bọn phản động và bọn thù địch lúc nào cũng có âm mưu gây mất ổn định ở các nước để dễ bề thao túng và vào những năm 1988 - 1991 chúng đã thực hiện được mưu đồ đó ở một số nước. Nhưng cũng vào thời gian thế giới biến đổi khôn lường đó, Đảng ta với tư duy chính trị nhạy bén và sáng suốt đã đánh giá rất chính xác tình hình thế giới và trong nước và đã xác định "điều kiện tiên quyết là phải luôn luôn giữ vững sự ổn định về chính trị. Có ổn định về chính trị mới có điều kiện để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội..". Đến nay nhận định đó đã trở thành sự thật hiển nhiên, có lẽ không phải bàn luận gì nhiều nữa, mà đáng chú ý là ổn định chính trị để xây dựng kinh tế - xã hội, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã trở thành mục tiêu cấp bách, số một của đại bộ phận các nước, các dân tộc trên thế giới. Bởi vì, nếu không ổn định thì không thể làm gì được, cho dù là việc nhỏ bé nhất.

- Chỉnh đốn đảng, gắn bó máu thịt giữa đảng với dân, đây là bài học xương máu của đảng cầm quyền. Vì vậy, Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam ở nhiệm kỳ nào cũng ghi ngay ở phần đầu để đảng viên luôn nhớ : "Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, chịu sự giám sát của nhân dân ; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng ; đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng". Trở lại lời cảnh báo của Lê-nin : "Chỉ khi nào biểu hiện được đúng ý nguyện của nhân dân thì chúng ta mới quản lý nhà nước được. Nếu không, đảng cộng sản sẽ không lãnh đạo được giai cấp vô sản, giai cấp vô sản sẽ không lôi kéo được quần chúng theo mình, và tất cả bộ máy sẽ tan rã" (7). Ý thức đầy đủ, sâu sắc được tư tưởng của Lê-nin, từ khi ra đời, Đảng ta đã chăm lo, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất, coi trọng sự gắn bó với nhân dân như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Vừa qua tổng kết lại công tác xây dựng Đảng, nói rõ những mặt làm được, những tồn tại, khuyết điểm, Đảng ta đã đề ra 7 giải pháp cho thời gian tới là : Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng ; nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên ; củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ ; nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng ; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ; đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng (8). Tất cả đều nhằm thực hiện ý nguyện cao cả của nhân dân là xây dựng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

- Xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa vững mạnh. Đây không chỉ là mong muốn chính đáng của nhân dân mà chính là một mục tiêu quan trọng bậc nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bác Hồ đã dạy : Có độc lập, tự do mà dân

(Xem tiếp trang 37)

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 300

(6) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 136

(7) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 134

(8) Xem *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 139 - 150

Digitized by Google

BÀI HỌC TỪ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI - XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

HOÀNG CÔNG

CHÍNH QUYỀN THỰC SỰ VỀ TAY CÔNG NÔNG

Để chuẩn bị cho giai cấp công nhân Nga cầm quyền, trong nhiều năm, đặc biệt từ tháng 2 đến tháng 10 năm 1917 (và cả sau Cách mạng Tháng Mười), Lê-nin đã khẩn trương nghiên cứu các vấn đề về nhà nước. Trong nhiều bài báo, nhiều văn kiện của Đảng, nhất là trong tác phẩm "Nhà nước và cách mạng", "Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-xky"... Lê-nin đã làm rõ một loạt vấn đề về bản chất, hình thức, nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa, về chuyên chính và dân chủ v.v... Trung thành với Mác, Ăng-ghen, Lê-nin cho rằng, để đoạt tuyệt với chế độ người bóc lột người giai cấp công nhân phải đập tan nhà nước cũ, nghĩa là không để lại một dấu vết nào của nhà nước tư sản. Nhưng khác với những người vô chính phủ đòi phá hủy ngay lập tức nhà nước, người mác-xít thực sự chủ trương giai cấp công nhân phải xây dựng một nhà nước của riêng của mình. Nhà nước này thực hiện chuyên chính với giai cấp tư sản và dân chủ với công nhân và nhân dân lao động. Về hình thức của nhà nước, để đảm bảo quyền lực thực sự thuộc về công nhân và nhân dân lao động, bảo đảm được nền chuyên chính và dân chủ của mình, nhà nước đó phải được tổ chức theo kiểu Công xã Pa-ri.

Lê-nin viết : "Từ cuối thế kỷ XIX, những thời đại cách mạng đã đưa ra được một kiểu nhà nước dân chủ *cao hơn*, một nhà nước mà theo cách diễn đạt của Ăng-ghen thì, về một số phương diện nào đó, không còn là nhà nước nữa, "không phải là nhà nước theo nghĩa đen của danh từ ấy". Đó là nhà nước kiểu Công xã Pa-ri" (1).

Vì thế Lê-nin khẳng định Cương lĩnh của những người bôn-sê-vic Nga là : "Đảng của giai cấp vô sản không thể lấy làm thỏa mãn với một chế độ cộng hòa đại nghị dân chủ - tư sản đang duy trì và cố gắng duy trì vĩnh viễn ở khắp nơi trên thế giới những công cụ của chế độ quân chủ dùng để áp bức quần chúng, như : cảnh sát, quân đội thường trực, giới quan lại có đặc quyền.

Đảng đấu tranh cho một chế độ cộng hòa công nông dân chủ hơn, trong đó cảnh sát và quân đội thường trực sẽ hoàn toàn bị loại bỏ và thay thế bằng việc vũ trang toàn dân, bằng một đội dân cảnh của toàn dân, tất cả những người giữ trọng trách không những sẽ được bầu lên, mà còn có thể, bất cứ lúc nào, bị bãi chức nếu đa số cử tri yêu cầu ; lương bổng của tất cả những người giữ trọng trách, không trừ một ai sẽ không được cao quá số tiền lương trung bình của một công nhân thành thạo ; những cơ quan của chế độ đại nghị sẽ dần dần được thay thế bằng các xô-viết đại biểu nhân dân (do các giai cấp và các nghề nghiệp, hoặc còn do các địa phương bầu lên), các xô-viết này sẽ thảo ra pháp luật và đồng thời sẽ bảo đảm thi hành luật pháp.

Hiến pháp của nước Cộng hòa dân chủ Nga phải bảo đảm : "Chuyên chế của nhân dân ; toàn bộ quyền lực tối cao trong nước phải thuộc về các đại biểu của nhân dân, do nhân dân bầu ra, có thể bị nhân dân bãi chức bất cứ lúc nào và các đại biểu đó hợp thành một quốc hội duy nhất, một nghị viện duy nhất...". (2)

Chính quyền xô-viết Nga sau Cách mạng Tháng Mười đã được tổ chức như thế.

---

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, t 31, tr 197

(2) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 32, tr 194

Digitized by Google

NHÀ NƯỚC CÔNG NÔNG ĐẦU TIÊN TRÊN THẾ GIỚI VÀ NHÀ NƯỚC CÔNG NÔNG ĐẦU TIÊN Ở ĐÔNG-NAM Á - NHỮNG ĐIỂM GIỐNG VÀ KHÁC NHAU

Nhà văn Mỹ, Giôn-Rít đã gọi cuộc Cách mạng Tháng Mười là "10 ngày rung chuyển thế giới". Kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Mười Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá : "Giống như mặt trời chói lọi, Cách mạng Tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu, hàng triệu người bị áp bức, bóc lột trên trái đất. Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế". (3)

Chính là dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và Cách mạng Tháng Mười, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước. Đó là con đường của cách mạng vô sản ở một nước thuộc địa nửa phong kiến. Hồ Chí Minh viết rằng : khi đọc Luận cương của Lê-nin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa, Người đã xúc động đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi như đang nói to lên như nói trước quần chúng đông đảo : "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta" (4). Bằng hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc và những người cộng sản Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra đời và lãnh đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông-Nam Á.

Giữa nhà nước xô-viết Nga sau Cách mạng Tháng Mười 1917 và nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sau Cách mạng Tháng Tám 1945 có điểm gì giống và khác nhau ?

Điểm giống nhau, trước tiên là hai nhà nước đều đặt dưới sự lãnh đạo của đảng của những người cộng sản chân chính : Đảng cộng sản (Bôn-sê-vic) Nga và Đảng Cộng sản Việt Nam. Cả hai đều theo đuổi mục đích xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Cả hai nhà nước đều là sản phẩm hoàn toàn mới của cuộc cách mạng, hoàn toàn đoạt tuyệt với nhà nước của giai cấp bóc lột trước đó. Đặc biệt là bộ máy cảnh sát, quân đội thường trực hoàn toàn bị thay thế bởi quân đội công nông và nhân dân vũ trang.

Bản chất của cả hai nhà nước là thực hiện dân chủ với công nhân và nhân dân lao động, đều dựa trên nền tảng của liên minh công nông.

Về hình thức cả hai đều là nhà nước dân chủ cộng hòa, tổ chức quyền lực tập trung, thống nhất mà không theo kiểu tam quyền phân lập. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về cơ quan đại biểu của nhân dân : ở Nga là Xô-viết, ở Việt Nam là Quốc hội do Tổng tuyển cử bầu ra. Chính phủ do Quốc hội bầu ra và là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực và là cơ quan hành chính cao nhất của đất nước.

Tuy nhiên, hai nhà nước có những điểm khác nhau, xuất phát từ chỗ Cách mạng Tháng Mười là cuộc cách mạng vô sản ở một nước tư bản chủ nghĩa, còn Cách mạng Tháng Tám là cuộc cách mạng vô sản ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Nhà nước xô-viết ở Nga lấy chủ nghĩa xã hội là mục tiêu trực tiếp, do đó thực hiện nền chuyên chính triệt để, liên tục, lâu dài với giai cấp tư sản và địa chủ Nga. Còn nhà nước công nông ở Việt Nam đặt mục tiêu trước mắt là thực hiện các yêu cầu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ tiến tới cách mạng xã hội chủ nghĩa. Do vậy, ngay sau Cách mạng Tháng Tám và nhiều năm sau, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa chỉ chuyên chính với tư sản và phong kiến phản động, thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng với bước đi hợp lý, phù hợp với yêu cầu của cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập dân tộc.

Cũng xuất phát từ đặc điểm, mục tiêu của cách mạng, nhà nước công nông ở Việt Nam đã thể hiện tính đoàn kết, thống nhất dân tộc rất rộng rãi. Không chỉ trong thành phần của Quốc hội (có lúc Quốc hội chấp nhận dành 75 ghế cho các đảng phản động đối lập, không qua bầu cử), mà ngay trong thành phần Chính phủ cũng bao gồm đại diện các đảng phái, tôn giáo, nhân sĩ, trí thức tham gia.

Nhà nước công nông ở Việt Nam sau cách mạng cũng là nhà nước hợp hiến, hợp pháp. Chỉ mấy tháng sau cách mạng, trong điều kiện rất khó khăn, phức tạp, đã tổ chức Tổng tuyển cử thành công, lập ra Quốc hội và Chính phủ mới, xây dựng Hiến pháp mới, đặt cơ sở pháp lý vững chắc cho sự tồn tại của nhà nước. Ngày nay, nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang kế thừa và phát huy những truyền thống, kinh nghiệm của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trong việc xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập và phồn vinh.

---

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 12, tr 300

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 471

Digitized by Google

BẢO VỆ NHỮNG THÀNH QUẢ CUỘC CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI - BÀI HỌC CHO VIỆC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

Sự thành lập nên nhà nước công nông là thành quả đầu tiên của Cách mạng Tháng Mười, là bước khởi đầu cho việc xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước Nga. Sau hơn 70 năm tồn tại, phát triển, trải qua biết bao khó khăn, thử thách, và đạt được những thành tựu vô cùng lớn lao, nhà nước xô-viết đã bị tan rã. Sự chấm dứt của nó lại là bước khởi đầu cho sự phục hồi của một chế độ chính trị xã hội đã bị Cách mạng Tháng Mười đánh đổ. Đó là sự thật. Và người ta sẽ còn phải mất rất nhiều công sức và giấy mực để giải thích về nguyên nhân, bản chất của sự việc này. Riêng về mặt nhà nước, chúng ta rất cần rút ra từ đây những bài học kinh nghiệm để tiếp tục xây dựng nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ngày càng vững chắc hơn.

Điều đầu tiên là phải luôn cảnh giác với âm mưu và các thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực đế quốc. Rõ ràng âm mưu này nguy hiểm hơn rất nhiều so với các cuộc chiến tranh trực diện hòng tiêu diệt chế độ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xô-viết mà các thế lực đế quốc đã thực hiện trước đó. Chừng nào còn sự cùng tồn tại của hai chế độ chính trị xã hội khác nhau, thì dù có hòa bình và hợp tác, chủ nghĩa xã hội sẽ vẫn là mục tiêu mà chủ nghĩa đế quốc tập trung nhằm xóa bỏ. Tùy theo đặc điểm và xu hướng của thời đại, phương thức, thủ đoạn có khác nhau, nhưng mục tiêu đó không hề thay đổi.

Thứ hai là, trong khi nâng cao sức mạnh tổng hợp của đất nước về mọi mặt : kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao... phải lấy kinh tế làm nền tảng, chính trị là yếu tố quan trọng hàng đầu. Suy cho cùng sức mạnh của nền kinh tế dựa trên phương thức sản xuất tiên tiến là yếu tố quyết định sự chiến thắng của một chế độ xã hội. Do vậy, phải coi xây dựng, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm và lâu dài của nhà nước, phải đưa ra được kiểu tổ chức lao động với năng suất cao hơn, phải nâng cao năng lực của nhà nước, trước hết là chính phủ trong việc điều hành, quản lý nền kinh tế, năng lực giải quyết các mâu thuẫn, trì trệ trong sự phát triển... Đó là những điều mà Lê-nin luôn nhắc nhở những người cộng sản. Nhưng thực tiễn của nhà nước xô-viết sau Cách mạng Tháng Mười cũng cho thấy, một nhà nước có thể chưa có đủ sức mạnh kinh tế, chưa có đủ sức mạnh quân sự vẫn có thể tồn tại nếu nó có sức mạnh chính trị, và đứng vững trên nền tảng chính trị của mình. Đối với nhà nước cách mạng, nhà nước xã hội chủ nghĩa, đó là liên minh giai cấp công nhân và nông dân, là việc thực hiện quyền lực của công nhân và nông dân. Nhưng để thực sự là nhà nước của nhân dân lao động, phải có hình thức tổ chức và phương thức hoạt động nhà nước thích hợp, phải thực hiện dân chủ và chuyên chính đúng đắn. Để duy trì được liên minh công nông phải thực hiện những chính sách, đặc biệt là chính sách kinh tế phù hợp với lợi ích của cả hai giai cấp. Việc thay chính sách trưng thu lương thực trong thời kỳ nội chiến bằng chính sách thuế lương thực do Lê-nin đề xuất là một ví dụ điển hình. Nhờ đó liên minh giai cấp công nhân và nông dân được củng cố, làm nền tảng chính trị, xã hội vững chắc cho nhà nước xô-viết. Ngược lại, sự sụp đổ của chế độ xô-viết và nhà nước xô-viết sau này phải chăng có một trong những nguyên nhân là nhà nước tự đánh mất chỗ dựa chính trị của mình là nhân dân lao động ?

Thứ ba, coi trọng việc củng cố cơ sở tinh thần, đạo đức của nhà nước, bảo đảm có một đảng cộng sản thực sự chân chính lãnh đạo nhà nước.

Cơ sở tinh thần của nhà nước xã hội chủ nghĩa là hệ tư tưởng Mác - Lê-nin, là lý tưởng xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn, không có người bóc lột người. Sự thống nhất về tư tưởng và tinh thần tạo nên sự thống nhất về hành động trong toàn xã hội, trong bản thân các cơ quan nhà nước, trong hệ thống chính trị. Ngược lại, sự xa rời cơ sở tinh thần, tư tưởng chung, chấp nhận đa hệ tư tưởng trong hoạt động nhà nước và hệ thống chính trị sẽ dẫn đến thiếu nhất trí và tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược", sự tan rã của hệ thống chính trị. Kết quả là nhà nước xô-viết bị chuyển hóa thành một nhà nước khác.

Việc củng cố cơ sở tinh thần, đạo đức của nhà nước rõ ràng phụ thuộc vào việc đảng cầm quyền giữ vững bản chất giai cấp công nhân và trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin đến mức nào. Trong điều kiện một đảng cầm quyền, mọi thắng lợi hay thất bại, sự đứng vững hay không của nhà nước tùy thuộc trực tiếp vào sự sáng suốt và bản lĩnh của đảng cầm quyền. Thực tiễn của nước Nga trước và sau Cách mạng Tháng Mười cũng chứng minh điều này. Đó là khi Lê-nin và những người bôn-sê-vic làm cho giai cấp công nhân Nga thấy rõ sứ mệnh lịch sử của mình, đoạt tuyệt với chính phủ tư sản và những phần tử tiểu tư sản (xã hội chủ nghĩa - cách mạng, men-sê-vic...) mới làm cho các xô-viết đã được thành lập trước đó thực sự trở thành chính quyền của giai cấp công nhân và nông dân. Và chỉ có Lê-nin và những người bôn-sê-vic lãnh đạo xô-viết thì chính quyền của công nông mới tồn tại và đứng vững. ❑

Digitized by Google

GIÁ TRỊ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI - QUA NHỮNG HỆ GIÁ TRỊ QUY CHIẾU VÀ DƯỚI GÓC NHÌN NGƯỢC PHÍA PHẢN DIỆN

NHỊ LÊ

Có thể đo lịch sử thế giới nói chung, vị trí thật sự của sự kiện này hay khác nói riêng bằng những hệ giá trị quy chiếu khác nhau : hoặc bằng thời đại, hoặc bằng hình thái kinh tế - xã hội, hoặc bằng các chỉ số phát triển khác...

Và mặt khác, cũng có thể đo sự phát triển của nhân loại nói chung, tầm vóc và ý nghĩa của cuộc cách mạng này hay khác, nhất là các cuộc cách mạng có tầm vóc làm rung chuyển thế giới nói riêng, bằng cách không phải được xác định ngay, xác định một lần mà phải trải qua một quá trình, thập kỷ, thế kỷ ; qua các cuộc thẩm định thậm chí lên xuống tới mức trái ngược nhau, mà nếu càng lùi xa thời gian càng hiển hiện ý nghĩa của nó, càng thấm thía những vấn đề và ý nghĩa rút ra từ đó đối với mỗi quốc gia, dân tộc và đối với lịch sử loài người.

Cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 chính là một sự kiện như vậy, là một cuộc cách mạng như vậy ; và nó phải được thẩm định bằng nhiều hệ giá trị quy chiếu, cần được xem xét dưới nhiều góc độ, qua nhiều tầng thời gian đồng đại hay lịch đại. Nhưng kinh nghiệm từng chỉ rõ, những mưu toan sử dụng chiếc "chìa khóa vạn năng" dưới hình thức là một triết luận lịch sử chung chung mà tính chất cao nhất là tính siêu lịch sử của nó [1], đã thất bại. Bởi lẽ, những cái gì không đúng theo hình thái kinh tế lại có thể đúng theo ý nghĩa lịch sử toàn thế giới [2].

I

Nghiên cứu toàn bộ tiến trình lịch sử nhân loại, C.Mác đã khái quát nó qua sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội kế tiếp nhau một cách tự nhiên và biện chứng. Theo tất yếu ấy, chủ nghĩa tư bản phải bị chủ nghĩa xã hội thay thế. Nhưng, thay thế bằng cách nào và như thế nào ?

Cố nhiên, là bằng nhiều phương pháp và dưới nhiều cách thức. Nhưng sự phát triển của lịch sử thế giới thường cho thấy, ở mỗi bước ngoặt đánh dấu thời đại, lịch sử luôn hiện ra bằng những thay đổi mang tính cách mạng đời sống xã hội. Nói một cách xác đáng, mỗi thời đại đều được nảy sinh từ những cơn lốc cách mạng. Bởi thế, rõ ràng các cuộc cách mạng lớn đều gắn với thời đại, đều mang tính tất yếu và hoàn toàn không phải là biến cố ngẫu nhiên hay tùy hứng của lịch sử. Chỉ cần nhìn hẹp trong mấy thế kỷ nay cũng thấy hết sức sáng trong điều sơ giản ấy.

Quá trình chuyển từ xã hội phong kiến lên xã hội tư bản chủ nghĩa là quá trình nổ ra hàng loạt các cuộc cách mạng tư sản trong hàng trăm năm : Cách mạng Anh năm 1688, các cuộc cách mạng Pháp vào các năm 1789 -

(1) Xem C.Mác - Ph. Ăngghen : *Toàn tập*, t 19, tr 121 (bản tiếng Nga)
(2) Xem C.Mác - Ph. Ăngghen : *Sđd*, t 21, tr 184

Digitized by Google

1794, 1830, 1848... Không thể phủ nhận được ý nghĩa to lớn của các cuộc cách mạng dân chủ tư sản cổ điển là, chúng đã xóa bỏ về cơ bản chế độ chuyên chế phong kiến, phát quang mảnh đất xã hội hiện thực cho chủ nghĩa tư bản phát triển tự do, thay thế chế độ quân chủ bằng chế độ dân chủ. Các cuộc cách mạng tư sản đã tạo một bước phát triển vĩ đại trong lịch sử loài người, mở ra một thời đại mới, thời đại văn minh hiện đại. Thử hỏi, liệu có thể có thời đại của chủ nghĩa tư bản hay không nếu thiếu đi những cuộc cách mạng tư sản ấy ? Rõ ràng, đó là những cuộc cách mạng vạch thời đại - thời đại tư bản chủ nghĩa. Và do đó, thế giới trước năm 1917, không còn nghi ngờ gì, là thế giới của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu sau khi chiến thắng các chế độ chuyên chế phong kiến, và đã bành trướng ra khắp thế giới. Các nước tư bản phát triển trở thành trung tâm vũ trụ, chi phối và làm mưa làm gió mọi mặt đời sống quốc tế.

Nhưng cũng vào chính những đêm trước năm 1917 ấy, lịch sử thế giới dưới sự thống trị và nhào nặn của chủ nghĩa tư bản cũng đang âm ỉ và hàm chứa những tiền đề, những dữ kiện báo hiệu một thế giới đang rạn vỡ, cấp bách đòi hỏi cần phải đổi mới cơ cấu, chất lượng và hình thức phát triển. Chủ nghĩa tư bản đã cố sức làm nhưng không thể làm khác được, tự nó bộc lộ ra rõ nhất những mắt xích, những khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền của chính nó. Sự rạn vỡ của thế giới, sự phát triển không đồng đều của hệ thống tư bản chủ nghĩa với những mâu thuẫn cố hữu, phức tạp mà chính nó không đủ sức giải quyết... đã làm đảo lộn tư duy, chỉnh đốn lại lực lượng cách mạng thế giới, làm xuất hiện những tình thế cách mạng mới.

Trước tình hình đó, trong lúc không ít các nhà dân chủ - xã hội Nga cho rằng, trước hết, cần tạo ra những tiền đề văn minh cho chủ nghĩa xã hội đã, sau đó giai cấp công nhân mới có thể giành chính quyền và xây dựng chủ nghĩa xã hội... thì V.I. Lê-nin đã kiên quyết đề nghị thay đổi lại trật tự thông thường đó bằng việc, trước tiên giai cấp công nhân giành lấy chính quyền, rồi sau đó, dựa vào chính quyền của mình thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội theo con đường xã hội chủ nghĩa. Sự vận động thực tế của nước Nga đương thời đã thừa nhận lời đề nghị đó của V.I. Lê-nin. Khẩu hiệu "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng" là khẩu hiệu đầy sáng tạo, đầy khoa học và cách mạng. Một đặc điểm của lịch sử thế giới, tới thời khắc này, thêm một lần nữa được nhấn mạnh và khắc sâu : các cuộc chiến tranh thường là nguồn gốc hoặc là ngòi nổ của những cuộc cách mạng. Nếu năm 1871, với cuộc cách mạng "tấn công lên trời" của Công xã Pa-ri thực sự là tiếng vọng của cuộc chiến tranh Pháp - Phổ ; cuộc cách mạng Nga năm 1905 được thúc đẩy bởi sự chém giết giữa binh lính Nga và Nhật Bản ; thì tương tự thế, cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) đã gây bão táp ở châu Âu để cho Cách mạng Tháng Mười trở thành đỉnh cao của cơn bão táp ấy. Và là một tất yếu, Cách mạng Tháng Mười năm 1917 đã nổ ra và thắng lợi.

Sự đột phá Tháng Mười mở đầu cho một xu thế phát triển mới của lịch sử thế giới. Nếu trước Cách mạng Tháng Mười, chế độ tư bản chủ nghĩa hiện diện tưởng như một định mệnh, như một trật tự vĩnh hằng, thì sau Tháng Mười - 1917, không ai không thấy, cái "then" hãm thế giới ấy đã bị nổ tung, cái định mệnh ấy thành ảo tưởng, cái trật tự ấy bị lật nhào, tạo ra phản ứng dây chuyền cho hàng loạt cuộc đấu tranh giải phóng có quy mô to lớn và chiều sâu cách mạng chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại, trên khắp hành tinh. Và cũng từ sau Cách mạng Tháng Mười, chủ nghĩa xã hội thế giới hiện diện với tư cách là "một phát minh lịch sử vĩ đại nhất", và như lời thừa nhận của chính cố Tổng thống Mỹ, ông R. Nich-xơn : "là sự kiện quan trọng nhất của thế kỷ XX", đã trở thành tấm gương lớn đối với các quốc gia, dân tộc vừa thoát khỏi ách nô dịch của chủ nghĩa thực dân đã thường lựa chọn và đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Và từ những tầng sâu thẳm của thực tiễn cách mạng đã làm *bật lên những luận đề lý luận mác xít :* quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản và từ đó tìm ra khâu yếu nhất của nó ; khả năng thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một số nước và thậm chí ở một nước là đúng đắn và sáng tạo ; v.v... Rõ ràng, Cách mạng Tháng Mười là *cuộc cách mạng mở đường thời đại mới,* là *cột mốc lịch sử* báo hiệu một chiều hướng phát triển mới của nhân loại - quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Đó là cuộc cách mạng mang *ý nghĩa lịch sử toàn thế giới.*

Bất cứ ai cũng thấy, cách mạng tư sản Pháp và Cách mạng Tháng Mười Nga đều có vị trí khách quan trong tiến trình lịch sử nhân loại, ở chỗ, các cuộc cách mạng đó đều mở ra những giai đoạn mới, cao hơn xét dưới những nấc thang phát triển của xã hội loài người. Nhưng Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại lại khác hẳn với cuộc Đại cách mạng Pháp, ở chỗ, quá trình biến đổi xã hội sâu sắc tới tận gốc rễ do nó mở ra không phải đã kết thúc mà mới chỉ bắt đầu. Sự bắt đầu cơ bản nhất, quan trọng nhất là ở chỗ chủ nghĩa xã hội được *hiểu và thể hiện một cách toàn vẹn :* đó là một học thuyết khoa học, một phong trào và một chế độ xã hội cụ thể, từ đó chấm dứt tình trạng mà nhân loại tiến bộ trong quá khứ đang vật vã tìm lời giải : lịch sử thiếu triết học là lịch sử mù quáng, còn triết học thiếu lịch sử là thứ triết học trống rỗng. Quá trình do Cách mạng Tháng Mười mở ra là quá trình được *chỉ dẫn* bởi những nguyên tắc cơ bản của học thuyết Mác - Lê-nin - học thuyết về con người, cho con người và vì sự nghiệp tối cao là giải phóng con người đã trở thành hiện thực. Thử hỏi, nếu không có Cách mạng Tháng Mười, làm sao có các nước xã hội chủ nghĩa, có phong trào cộng sản công nhân quốc tế lớn mạnh, có sự sụp đổ hoàn toàn của hệ thống thuộc địa, giải phóng hàng loạt nước trên thế giới, làm thay đổi hẳn dung mạo chính trị thế giới, buộc chủ nghĩa tư bản tự điều chỉnh nó và không có quyền làm mưa làm gió thế giới như trước đây. Và vì thế, dù đã trọn 80 năm trôi qua, Cách mạng Tháng Mười vẫn vẹn nguyên, vẫn nóng hổi ý nghĩa khởi nguyên từ năm 1917 - ý nghĩa lịch sử toàn thế giới với tính cách là cuộc cách mạng vạch thời đại và là cuộc cách mạng sống mãi cùng lịch sử.

II

Tám mươi năm, kể từ Cách mạng Tháng Mười, chưa có một cuộc cách mạng nào gây chấn động thế giới đến thế và giai cấp tư sản thế giới lại sợ hãi sự thật về Cách mạng Tháng Mười như thế ! Tám mươi năm qua người ta tính được giai cấp tư sản đã ba lần "đánh giá", "phán xét lại" về Cách mạng Tháng Mười.

Khi cuộc cách mạng vừa bùng nổ và thắng lợi, mọi tin tức về nó đều bị người ta ngăn chặn, bưng bít và cấm đoán. Dường như ai cũng biết, nếu đã đọc thiên phóng sự "Mười ngày rung chuyển thế giới" viết về Cách mạng Tháng Mười, Giôn Rít - một nhà báo Mỹ - đã phải giấu bản thảo tác phẩm đó của mình trong đống vỏ gỗ đựng xà phòng mới có thể đem lọt nó về xứ sở của bức tượng thần tự do. Để xuất bản và phát hành được thiên phóng sự này, Giôn Rít bị bắt giam cả thảy tới 20 lần. Lần thứ 20, vì không có tiền chuộc mình, Giôn Rít buộc phải ký vào bản cam đoan rằng, chỉ hành nghề sáng tạo nghệ thuật chứ "không được tiếp tục tuyên truyền những tư tưởng có tính chất tà đạo".

Lại nữa, nếu theo giai cấp tư sản, Cách mạng Tháng Mười đó chỉ là một cuộc bạo động của một nhúm nông dân và binh lính Nga say rượu, thì hà cớ gì họ phải phát động một cuộc thập tự chinh kéo dài từ biển Hắc Hải tới miền Viễn Đông của đủ loại tướng, tá bạch vệ, với sự tiếp tay của 14 nước tư bản chủ nghĩa để chống lại nó ? Thì ra, nói như Tô-gli-a-ti - một người cộng sản I-ta-li-a nổi tiếng. - chỉ vì "Cách mạng Tháng Mười đã phá bỏ cái trật tự quái gở mà theo đó, chỉ những kẻ giàu có mới có quyền được thống trị thế giới, và chứng minh rằng giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân bị áp bức, bóc lột có thể

Digitized by Google

giành được chính quyền, thực hiện sứ mệnh vẻ vang của mình là làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn, công bằng hơn so với cuộc sống trong các xã hội của giai cấp bóc lột"(3).

Đó hẳn là lý do vì sao khiến cho giai cấp tư sản thế giới vô cùng sợ hãi, và không chỉ là sợ hãi như "một bóng ma lởn vởn châu Âu" ngót một trăm năm trước 1917, mà là nỗi kinh hãi hiện thực đe dọa chính số phận của nó. Và do đó, giai cấp tư sản đã không từ một thủ đoạn nào hòng ngăn chặn ảnh hưởng, mưu toan bóp chết tiến trình lịch sử do Cách mạng Tháng Mười vĩ đại mở ra, trong suốt các thập kỷ thứ ba, tư và thứ năm của thế kỷ XX.

Đó là lần thứ nhất giai cấp tư sản thế giới "phán xét" Cách mạng Tháng Mười.

Theo con đường lớn Tháng Mười, chủ nghĩa xã hội trở thành hiện thực không phải ở một Liên Xô mà còn hiện diện ở nhiều châu lục khác, với sức lôi cuốn không gì cản nổi. Chủ nghĩa xã hội đã trở thành đối trọng mất còn của chủ nghĩa tư bản. Chính nhờ có đối trọng này mà thế giới vừa qua có sự cân bằng nhất định, loài người và nền văn minh nhân loại thoát khỏi thảm họa diệt chủng bởi con quái vật lịch sử là chủ nghĩa phát xít trong thế chiến thứ hai. Chủ nghĩa xã hội hiện thực không chỉ là nhân tố cần thiết cho hòa bình, ổn định thật sự của thế giới mà còn là điều kiện không thể thiếu để các nước nhỏ có được độc lập, tự do thật sự. Cách mạng Tháng Mười đã làm cho ngay các nước chủ nghĩa tư bản cũng phải có sự điều chỉnh lớn để bảo tồn chính nó : một mặt, thay đổi một số chính sách xã hội để giảm bớt mũi nhọn đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, thậm chí có lúc phải thừa nhận và du nhập những nhân tố kinh tế - xã hội có tính chất xã hội chủ nghĩa ; mặt khác, tiếp tục bao vây, phong tỏa, cấm vận toàn diện các nước xã hội chủ nghĩa và đàn áp đẫm máu các phong trào giải phóng dân tộc, nhất là các phong trào có xu hướng xã hội chủ nghĩa. Phụ họa với sự "phán xét" bằng vũ lực, giai cấp tư sản thế giới dùng bộ máy tuyên truyền quảng cáo rùm beng những cái gọi là "khoa học lịch sử" sặc mùi chống cộng nhằm bôi nhọ và công kích vai trò lịch sử của Cách mạng Tháng Mười. Người ta thấy nhan nhản ở chợ trời tư tưởng phương Tây những ấn phẩm, đại loại như : "Tháng Mười đỏ" của Đê-ni-xơ, "Bọn Bôn-sê-vich cướp chính quyền" của Ra-bi-nô-vích, "Cách mạng Nga" của Xem-béc-lin...

Đó là lần thứ hai cuộc Cách mạng Tháng Mười được giai cấp tư sản phán xét lại.

Tới những năm 80 và đặc biệt hiện nay, lợi dụng tình thế các chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, người ta được dịp tung hô : "Chủ nghĩa xã hội - không cần nữa !", "Tự do, chứ không phải là chủ nghĩa xã hội" (!). Có những người vừa mới hôm qua, tán dương cổ vũ Cách mạng Tháng Mười thì hôm nay quay đầu lưỡi thổi phồng tính chất và ý nghĩa cuộc "Cách mạng tháng Hai", coi đây mới là cuộc cách mạng hợp quy luật, là sáng tạo và nhân đạo. Họ coi cuộc Cách mạng Tháng Mười là một cuộc thể nghiệm sai lầm, là cuộc cách mạng phi lý, không tưởng, kéo lùi sự phát triển của xã hội loài người (!). Ở phương Tây, các thế lực đế quốc ra rả các luận điệu : sự biến ở Liên Xô và Đông Âu mới chính là những cuộc cách mạng chống lại Cách mạng Tháng Mười, Cách mạng Tháng Mười đã bị lịch sử loại bỏ (!) v.v...

Đây là lần thứ ba các học giả tư sản và những cái loa của họ "phán xét" về Cách mạng Tháng Mười.

Rồi sẽ có lần thứ tư, thứ năm nữa. Lịch sử vốn không bằng phẳng thì điều ấy chẳng có gì làm lạ cả. Cách mạng vốn là đầu tàu của lịch sử. Và vì thế, dù trước hay sau, Cách mạng Tháng Mười vẫn là cái đầu tàu vĩ đại của một tiến trình lịch sử nhân loại tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cho nên, có lẽ không cần biện hộ và cũng chẳng cần tranh luận với các luận điệu ấy, mà chỉ xin quả quyết rằng, các học giả tư sản và những người "đồng hội đồng thuyền"

(3) P. Tô-gli-a-ti : *Cách mạng Tháng Mười và phong trào công nhân quốc tế*, M., 1988, tr 247

Digitized by Google

với họ, dù cố ý không đọc, không nghe nhưng chắc chắn không thể không biết ít nhất một trong ba câu này : "Sự phát triển quan trọng nhất của thế kỷ XX không phải là chủ nghĩa thực dân tuyên cáo kết thúc hoặc chủ nghĩa dân chủ có bước tiến lên, mà là chủ nghĩa cộng sản cực quyền vùng dậy" (4). Đây là câu nói của cố Tổng thống Mỹ, ông R. Nich-xơn, trong cuốn "1999 - chiến thắng không cần chiến tranh". Câu nói thứ hai, cũng có một người Mỹ, ông Bao-lô-xu-ây-xi, trong quyển sách "Vấn đề chủ nghĩa xã hội thế giới đương đại", rằng : "... Nếu chủ nghĩa xã hội dùng trí lực của nhân loại - giống như C.Mác đã nói - thế thì, rất rõ ràng, ngoài chủ nghĩa xã hội không có sự cứu thế nào khác" (5). Và câu cuối cùng, của một người Nga, ông giáo sư - tiến sĩ sử học V.Cô-lô-mi-xép : "Cách mạng Tháng Mười, cũng như cách mạng ở Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Triều Tiên và Cu-ba đã chứng minh tính hiện thực của các cuộc cách mạng dưới ngọn cờ xã hội chủ nghĩa" (6).

Những câu nói ấy là hợp lý, hợp lý đến mức không thể chối cãi được về một chân lý rõ ràng : tất yếu *chủ nghĩa xã hội* mà Cách mạng Tháng Mười là *cái đầu tàu mở đường thời đại ấy* - thời đại nhân loại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Do đó, lẽ hiển nhiên là, đứng trước chân lý, ai biết về nó mà cố tình lảng tránh thì tất bị chân lý hạ nhục, còn kẻ nào cố tình hạ nhục chân lý thì kẻ ấy tự hạ nhục chính mình.

III

Có một điều tưởng như trớ trêu là, chế độ xã hội chủ nghĩa xô-viết sụp đổ ngay trên mảnh đất quê hương của Cách mạng Tháng Mười. Cái sự thật nghiệt ngã này đã khiến cho không ít người ngỡ ngàng, dao động, thậm chí mất phương hướng ; và ngược lại, làm cho lắm kẻ hí hửng, mừng vui, được dịp đoán bừa về cái gọi là "sự sụp đổ định mệnh của chủ nghĩa xã hội" (!). Nhưng kỳ thực, đó lại là lẽ khó tránh khỏi trong sự vận động của lịch sử nói chung và chủ nghĩa xã hội nói riêng. Bởi lịch sử vốn không đơn giản và thuần nhất, vì "sự phát triển biện chứng trong giới tự nhiên và trong lịch sử - tức là mối liên hệ nhân quả của sự vận động tiến lên từ thấp đến cao thông qua tất cả những sự vận động chữ chi và những bước lùi tạm thời" (7). Cho nên, lịch sử của chủ nghĩa xã hội, vì thế, nói như C.Mác, lịch sử đi đúng hướng tuy không nhanh như ta mong đợi. Nói một cách khác, sự phát triển của chủ nghĩa xã hội nói riêng không nằm ngoài quy luật phát triển của lịch sử nhân loại nói chung được biểu hiện bằng sự phát triển thống nhất trong liên tục và gấp khúc, giữa tiến lên và giật lùi, giữa ngưng đọng và nhảy vọt, v.v...

Nhìn rộng ra, chủ nghĩa tư bản cũng không khác thế. Trong quá trình thay thế chế độ chuyên chế phong kiến, giai cấp tư sản thế giới đã phải trải qua vô vàn cuộc đấu tranh khốc liệt, chen lẫn giữa nụ cười và máu đổ, giữa tiến bộ và phản động, giữa thất bại và thành công một cách chồng chéo, hỗn loạn và phức tạp. Ở Anh, giai cấp tư sản phải mất 200 năm, qua hai cuộc nội chiến rồi cuộc đấu tranh phục hồi và chống phục hồi, giằng co quyết tử lúc bại lúc thành, mới xây dựng được chính quyền quân chủ lập hiến. Ở Pháp, tình thế còn quyết liệt hơn. Phải mất 86 năm, kể từ Đại cách mạng tư sản 1789, trải qua bốn triều đại, hai lần cách mạng tư sản, hai lần cách mạng công nhân, xuất hiện hai lần phục hồi triều vua, đã xây dựng hai đế quốc, ba lần xây dựng nước cộng hòa, bảy lần tiến hành chiến tranh với "liên minh chống Pháp" ở châu Âu, tới năm 1875 mới xây dựng được nước Cộng hòa Pháp lần thứ ba, với sự độc quyền thống trị của giai cấp tư sản Pháp. v. v... Nếu cứ khiếm thị, giản đơn coi những khúc quẩn quanh, thành bại ấy làm căn cứ để đánh giá sự tồn tại - diệt vong thì chủ nghĩa tư bản chẳng đã bị diệt vong từ vài thế kỷ trước đó sao.

---

(4) Dẫn theo Trương Lôi Khắc - Tự Lập Bình : *Lịch sử, hiện trạng và tương lai của chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 310

(5) *Sđd*, tr 311

(6) V. Cô-lô-mi-xép : *Tư tưởng xã hội chủ nghĩa thế kỷ XX : Thử thách bởi thực tiễn*, Tạp chí *Đối thoại*, số 12 - 1996, tr 37 (tiếng Nga)

(7) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, t 6, tr 399

Digitized by Google

Sự vận động của lịch sử thế giới là tất yếu chủ nghĩa xã hội, xét từ bản chất và tiền đồ của chính chủ nghĩa tư bản [8] hay như chính tờ nhật báo "Phố U-ôn" (Mỹ) từng viết : "Mác không giải phẫu chủ nghĩa tư bản, mà bắt đầu bằng cấu trúc nền tảng của nó để làm nổi bật lên những vấn đề của nó và để cuối cùng dự báo sự sụp đổ của nó" [9]. Và nói như Mai-cơn Kha-rin-tơn : "Chủ nghĩa xã hội sẽ là người kế thừa các cuộc cách mạng tư sản vĩ đại, là phong trào hiện thực "tự do, bình đẳng, bác ái", những điều không thể thực hiện được trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản... Nhiều nhà tư bản lo sợ rằng, chủ nghĩa xã hội sẽ có một tương lai to lớn" [10]. Nhân loại đón nhận chủ nghĩa xã hội vì tất cả lô gíc của sự phát triển xã hội đó, mà Cách mạng Tháng Mười là cuộc khai phá mở đường ; và hiện nay, dù tan vỡ một bộ phận lớn nhưng vẫn còn đó hơn 1,2 tỷ người sống dưới các chế độ xã hội chủ nghĩa với bốn quốc gia ở hai châu lục. Con đường Cách mạng Tháng Mười vẫn là con đường các dân tộc đi theo để tổ chức một đại dương quần chúng sục sôi trong công cuộc cứu nước. Chủ nghĩa xã hội hoàn toàn không phải thuần túy là tư tưởng của một giai cấp, càng không phải là một phương kế của một giai cấp để trấn áp giai cấp khác, đó là tư tưởng đạo lý, tư tưởng giải phóng loài người thông qua các cuộc cải cách xã hội, giải phóng trí tuệ và bảo đảm chất lượng cuộc sống của con người.

Trước sự nghiệp vĩ đại song đầy khó khăn và quyết liệt đó, thì sao có thể tránh khỏi sự thăng trầm ; và thành bại ở lúc này hay khác, ở nơi này hay nơi kia âu cũng là lẽ hiển nhiên. Và như thế mới là biện chứng, mới là cách mạng. Nếu tính từ năm 1847 - thời điểm tổ chức Đồng minh những người cộng sản được thành lập tới nay, thực tiễn cho thấy chủ nghĩa xã hội đã trải qua sáu kỳ cao trào - thoái trào. Và lần này là lần nặng nề nhất - chủ nghĩa xã hội sụp đổ trên ngay trên quê hương của Cách mạng Tháng Mười. Cho dù vậy, cũng không nên ngạc nhiên hay bi quan, dao động và thất vọng bởi lẽ hiện tượng thoái trào chỉ là tạm thời. Kinh nghiệm lịch sử 150 năm qua của chủ nghĩa xã hội qua sáu kỳ thoái trào từng chỉ rõ, qua mỗi lần như vậy chủ nghĩa xã hội lại tiếp tục tự soát xét lại mình và tiếp tục lớn mạnh hơn, như những con sóng, lớp này tiếp lớp kia liên tục bồi đắp, tích tụ xung lực để tạo nên những ngọn sóng bạc đầu ngày càng mạnh mẽ hơn, tạo nên các vòng xoáy trôn ốc phát triển với chất lượng mới, cao hơn và sâu sắc hơn.

Xét một cách toàn cục, có thể hình dung và thấy hết sức rõ ràng, những mốc lớn của lịch sử chủ nghĩa xã hội thế giới qua những bước thăng - trầm khoảng 70 năm. Cụ thể là, nếu năm 1847 - năm ra đời của tổ chức Đồng minh những người cộng sản thì 70 năm sau - năm 1917, Cách mạng Tháng Mười vĩ đại thành công - chủ nghĩa xã hội hiện thực hiện diện và phát triển rực rỡ cho tới cuối những năm 80 của thế kỷ XX chủ nghĩa xã hội lâm vào khó khăn - tức cũng chừng 70 năm sau Cách mạng Tháng Mười. Nhưng tất cả những gì còn lại của chủ nghĩa xã hội với hơn 1,2 tỉ người ở bốn quốc gia xã hội chủ nghĩa, như đã nói, đang cho thấy những tín hiệu của sự phục hồi - và như ông R. Nich-xơn đã cảnh báo cho nước Mỹ (và tất nhiên cho cả thế giới tư bản chủ nghĩa), rằng : "Chủ nghĩa cộng sản cực quyền vùng dậy". Chủ nghĩa xã hội, dù muốn hay không, nhất định sẽ vượt qua cuộc khủng hoảng lần này và càng lớn mạnh hơn trong những thập kỷ tới. Tuyệt nhiên, đó không phải là sự võ đoán hay kiểu nói bừa của một ông thày bói mà đó là sự vận động tất yếu của lịch sử. Lịch sử ấy đã như vậy và lịch sử nhất định sẽ tiến lên như vậy, nhưng chắc chắn với tốc độ nhanh hơn và chất lượng mới cao hơn. Và do đó, *con đường mà cuộc Cách mạng Tháng Mười mở ra càng rõ ràng là con đường của thời đại xã hội chủ nghĩa bất diệt.* ❐

---

(8) Xem Tạp chí Cộng sản, số 23 - 12-1996, tr 26-30

(9) *Cái còn lại của Mác*, báo "Phố U-ôn" (Mỹ) ra ngày 25-11-1991. Dẫn theo *Thông tin những vấn đề lý luận*, số 4 - 1995, tr 6

(10) Mai-cơn Kha-rin-tơn : *Chủ nghĩa xã hội quá khứ và tương lai*. Tạp chí *Thời mới*, số 34-1994. Dẫn theo *Thông tin những vấn đề lý luận*, số 4-1995, tr 5

Digitized by Google

NỀN DÂN CHỦ NÀO ?

HOÀNG TÙNG

MẤY LỜI VỀ LỊCH SỬ

Xã hội loài người đã trải qua ba nền dân chủ, kể từ xã hội cổ đại.

Xã hội nguyên thủy của các bộ lạc, bộ tộc quy mô nhỏ, chưa phân hóa thành giai cấp, chưa có chính quyền, các tù trưởng được các thành viên bầu ra hoặc tự đứng ra trông nom công việc chung của cộng đồng.

Khi chế độ nô lệ hoặc công xã nông thôn ra đời, hình thành dân tộc sơ kỳ, một hình thức nhà nước của các chủ nô lệ hoặc của cộng đồng các công xã nông thôn xuất hiện với một bộ máy cai trị thô sơ kiểu Văn Lang, Âu Lạc của ta hay của thời Nghiêu, Thuấn của Trung Quốc. Nhà nước của các chủ nô lệ vùng Địa Trung Hải phát triển hơn cả, nhất là Hy Lạp. Nhà lý luận dân chủ nổi tiếng của nước này Aristote cuối thế kỷ thứ IV đầu thế kỷ thứ III trước Công nguyên đã trình một tư tưởng về một nền dân chủ. Từ *démocratie* xuất hiện từ đó. Hệ tư tưởng chính trị này tiến bộ hơn hệ tư tưởng, chính trị, đạo đức của Nho giáo được Khổng Tử hoàn thiện trước đó trên 200 năm lấy quyền vua là hạt nhân trung tâm. Dân của Aristote không bao gồm những người nô lệ, cũng như Nho giáo là học thuyết của tầng lớp sĩ quân tử, không bao gồm tầng lớp tiểu nhân (những người lao động).

Mặc dù mới dừng lại trên lý thuyết, quan điểm chính trị thời Hy Lạp tiến bộ nhất trong thời cổ đại với thể chế thiết lập nghị viện các đại biểu dân cử, phân quyền giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp... Quan điểm về thể chế ấy sau này được các học thuyết dân chủ cách mạng phát triển, hoàn thiện, đi vào cuộc sống của các dân tộc tư sản mấy thế kỷ vừa qua.

Nền dân chủ tư sản nhân danh quyền lực của toàn xã hội với một loạt quyền dân chủ công dân nhưng về thực chất mọi quyền lực đều thuộc về giai cấp cầm quyền. Nó tiến bộ xa hơn nhiều những thiết chế của thời cổ đại.

Từ các bước phát triển về tư tưởng và thực tiễn nói trên trong lịch sử, đến giữa thế kỷ XIX học thuyết về giải phóng xã hội ra đời với mục đích cao hơn là thiết lập quyền lực nhà nước của toàn dân, phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa đưa loài người vào kỷ nguyên tự do, giản đơn hóa bộ máy nhà nước thành thể chế quản lý trực tiếp của toàn xã hội.

Cũng như lịch sử phát triển của xã hội loài người, lúc phát triển lúc thụt lùi, nền dân chủ cũng trải qua những quá trình phức tạp, quanh co.

Buổi đầu sống từng bầy đàn, sống lang thang, mọi người đều bình đẳng tuân theo mệnh lệnh bằng cử chỉ của người lớn tuổi. Khi định cư theo huyết thống người ra lệnh là cha mẹ, ông bà. Chế độ mẫu hệ ra đời sớm nhất, quyền chỉ huy là mẹ, là bà. Cuộc tranh chấp địa bàn sinh tồn dẫn đến chiến tranh giữa các bộ lạc, thị tộc, do nhu cầu chiến đấu bảo vệ cộng đồng, thú dữ, tai họa thiên nhiên, vai trò chỉ huy của đàn ông nổi bật lên thành tù trưởng. Người này được bầu nắm quyền chỉ huy đời sống hằng ngày và chịu trách nhiệm về sự an toàn của cộng đồng, có một lực lượng chiến đấu có tổ chức. Những cuộc chiến tranh giữa các bộ tộc dẫn đến sự hình thành các liên minh bộ tộc rồi đến dân tộc.

Lãnh thổ mở rộng, dân cư đông đúc, cuộc sống phải được tổ chức chặt chẽ hơn, có bộ máy cai quản công việc nội bộ tổ chức cuộc

Digitized by Google

sống, bộ máy bảo vệ. Đến giai đoạn này, con người đã có tiếng nói (50 000 đến 100 000 năm), rồi đến chữ viết. Xã hội đã phát triển đến một trình độ cao, công cụ lao động tinh xảo từ chỗ hai tay không, chế tác được công cụ bằng đá, bằng kim loại, từng bước phân công lao động giữa trồng trọt và chăn nuôi, giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp. Việc trao đổi sản phẩm xuất hiện, xã hội có những nhu cầu mới như bảo đảm các điều kiện của hoạt động kinh tế, thí dụ công tác thủy lợi, đường giao thông, phương tiện đi lại, vận chuyển, và cả các điều kiện của đời sống văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, trông nom công việc thờ cúng...

Khoảng 3000 năm tính đến ngày nay xã hội loài người đã tiến tới một trình độ khá cao, nhiều dân tộc sơ kỳ ra đời với tổ chức nhà nước, xã hội có quy củ.

Trong thiên niên kỷ thứ nhất nhiều nền văn minh lần lượt ra đời như Hoa Hạ, Ấn Độ, Ai Cập, Lưỡng Hà, Hy Lạp, Ko mu, Ju ca. Các học thuyết, các tôn giáo, các nền văn hóa, nghệ thuật được truyền bá qua nhiều học viện. Việc tìm hiểu giới tự nhiên đã vươn tới số học, toán học, thiên văn, địa lý, lịch pháp, nhân học, y học. Nghệ thuật tạo hình, âm nhạc, văn học thần thoại, truyền thuyết, văn học thành văn từng bước phát triển và mở rộng giao lưu.

Đến cuối thiên niên kỷ này các nhà nước dân tộc sơ kỳ nhường bước cho các nhà nước dân tộc phong kiến tập quyền với những hoàng đế mở rộng lãnh thổ, thôn tính các dân tộc nhỏ bằng chiến tranh như Tần Thủy Hoàng, Acoke hoàng đế, Jules César, Cléopatre.

Nước Văn Lang của các Vua Hùng ra đời năm 696, nước Âu Lạc năm 297 vẫn ở trình độ nhà nước dân tộc sơ kỳ và bị đế chế Hán, kế tục đế chế Tần thôn tính.

CON ĐƯỜNG DÂN CHỦ ĐẦY CHÔNG GAI

Biết dùng lửa, năng lượng đầu tiên là điều kiện của cuộc sống định cư, mở đầu nền văn minh vật chất, tinh thần. Nhờ lửa mà chế tạo được công cụ lao động, phương tiện chiến đấu bằng kim loại, đồng, sắt, chì, kẽm, định cư vững vàng, chuyển lên định canh, định mục, tổ chức các cơ sở sản xuất và các sản phẩm cần thiết cho cuộc sống, làm nhà vững bền, kéo sợi dệt vải, nung đất làm đồ dùng và nhiều dụng cụ khác.

Phát hiện năng lượng thứ hai sức gió thổi và tốc độ chảy của nước từ cao xuống thấp là giai đoạn phát triển thứ hai làm cho nước chảy vào ruộng, xay giã ngũ cốc, chạy thuyền buồm...

Phát hiện thứ ba là dùng nhiệt lượng của nước đang sôi biến thành năng lượng, dùng năng lượng đó luyện kim, dùng làm nguyên liệu chế tạo máy công tác, phương tiện chuyển tải năng lượng, từ các bánh xe bằng gỗ chế tạo bánh xe bằng thép, chế tạo được các máy móc tinh xảo, mở ra nền văn minh công nghiệp.

Cuộc cách mạng kỹ thuật thứ nhất phát triển chuẩn bị cho cuộc cách mạng kỹ thuật thứ hai, thứ ba, đưa đến nền văn minh công nghệ cao với những năng lượng mới, nguyên liệu mới, biến những kiến thức khoa học tự nhiên lý, hóa, sinh, toán thành sức sản xuất trực tiếp.

Như thế là loài người đã trải qua ba hình thức hoặc ba giai đoạn lao động khác nhau ; bằng sức mạnh của bắp thịt và sự khôn ngoan của bộ óc ; bằng máy móc và năng lượng cổ điển ; bằng trí tuệ là chủ yếu, sử dụng các loại năng lượng, nguyên liệu, vật liệu nhân tạo làm ra những sản phẩm mới, đáp ứng mọi nhu cầu của sản xuất đời sống. Không những tạo ra những loại thực vật, động vật mới mà thậm chí tạo ra cả giống người mới, nếu loài người sẵn sàng sống chung với những đồng loại mới có khi hoàn thiện hơn.

Khái quát lại, chúng ta có thể nhận định rằng trải qua lịch sử phát triển lâu dài, nền văn minh vật chất tiến bộ nhanh hơn các chế độ xã hội và nền văn minh tinh thần.

Digitized by Google

Con người phát triển hơn, tách hẳn khỏi các loài vật, nhưng chính mình lại tha hóa mình. Loài vật, loài này lấy loài khác làm thức ăn, không giết đồng loại, ăn thịt lẫn nhau còn loài người thì giết nhau, áp bức, bóc lột chèn ép lẫn nhau để tranh giành quyền lực của cải. Hoài bão của con người cao thượng và hèn hạ lẫn lộn chính vì bị tha hóa.

TRẢ LẠI CON NGƯỜI QUYỀN TỰ NHIÊN CỦA NÓ

Sự tha hóa còn xảy ra đối với mọi người vì một bên bị tước đoạt tư liệu sản xuất là nguồn sống của mình, một bên khác tước đoạt nguồn sống của người khác đó, tước đoạt mọi quyền lực xã hội, và hai loại người này đều mất đi quyền bình đẳng đã có trong xã hội nguyên thủy. Tư liệu sản xuất là của cải tự nhiên không sinh ra cho riêng một loại người nào, những phương tiện sản xuất cũng là thành tựu chung của loài người do con người sáng tạo tích lũy từ thế hệ này sang thế hệ khác, bị các chủ ruộng, lãnh chúa, nhà tư sản chiếm đoạt làm của riêng để biến người lao động thành con bò sữa, được cho ăn ít, còn sữa thì người chủ ăn hết. Nền dân chủ dưới chế độ chủ nô - là quyền làm chủ của riêng những người này. Chế độ cai trị của các hoàng đế thì nhân danh thượng đế chi phối mọi tài nguyên và cả mọi con người : nhân dân chỉ là đám nô lệ phải làm việc cật lực để nuôi sống, làm giàu vua quan, lãnh chúa, địa chủ và cả bộ máy cai trị của chúng. Cả vua quan lẫn dân chúng cũng đều bị tha hóa vì không sống như con người bình thường như lúc mới sinh ra. Giữa nhà tư bản và người lao động cũng như vậy. Mọi quyền lực đều thuộc về giai cấp chi phối mọi nguồn sống của xã hội. Chân lý bao giờ cũng dễ hiểu đối với những con người bình thường. Các thế lực cầm quyền lại áp đặt chân lý của kẻ mạnh, đảo lộn lẽ phải tự nhiên. Họ không cần biết lịch sử mà đã có riêng nền triết học của họ và lợi dụng các tôn giáo lúc đầu vốn là triết lý giải thoát những con người bị đọa đày khốn khổ.

Quan niệm dân quyền, nhân quyền, tự do, pháp luật của giai cấp tư sản đều xuất phát từ quyền lực, lợi ích của nó, áp đặt trật tự của chủ nghĩa tư bản đối với tất cả các dân tộc, đặt loài người dưới sự lãnh đạo của họ.

Người ta nói nhiều về dân chủ tự do, nhân quyền nhưng không chấp nhận trật tự con đường phát triển của người khác. Họ thích thi hành chính sách dùng sức mạnh, gây áp lực bằng kinh tế, chính trị, quân sự, trừng phạt tẩy chay mà vẫn nhân danh dân chủ, tự do, nhân quyền và cả những gì gì nữa.

Xu thế của lịch sử, trước hết do tác động trực tiếp của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại, là dân chủ hóa, trả lại những quyền tự nhiên của con người, thực hiện công bằng xã hội, xóa bỏ tình trạng 1% dân số kiểm soát trên nửa của cải một nước, 1000 công ty xuyên quốc gia công nghiệp, tài chính kiểm soát đời sống của toàn nhân loại, tài nguyên các nước nghèo tuôn như nước về mấy nước giàu với giá rẻ mạt, nền công nghiệp ô nhiễm của mấy nước giàu đầu độc cả hành tinh.

Phải chăng đây là những vấn đề dân chủ, nhân quyền lớn nhất.

Vấn đề giản đơn nữa nhưng khó thực hiện. Lại vẫn là sự nghiệp của quần chúng, của con người. Ngày càng có nhiều tiếng nói thừa nhận rằng chế độ xã hội hiện hành phổ biến ở các nước phát triển không phù hợp với nền văn minh mới.

Giải pháp đúng đắn, phù hợp với xu thế lịch sử là trả lại con người những quyền vốn có của nó. Hoặc : trả lại Cézar những gì thuộc về ông ta ! Con đường tiến tới dân chủ, nội dung, hình thức dân chủ mỗi nước một khác. Không ai tự cho mình quyền làm thầy thiên hạ. Mỗi dân tộc làm chủ cuộc sống của mình và phải tôn trọng quyền làm chủ của nước khác. ❑

Digitized by Google

MỘT CÁCH TIẾP CẬN VỀ SỞ HỮU XHCN VÀ NỀN DÂN CHỦ XHCN

QUANG CẬN

1 - Nền dân chủ tư sản - với đại biểu của nó là nhà nước tư sản - có cơ sở kinh tế của nó là chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất. Do vậy, nhà nước tư sản - dù muốn hay không - cũng là đại biểu chính trị của giai cấp tư sản, là người lãnh đạo và người đầy tớ của giai cấp tư sản nắm trong tay những tư liệu sản xuất (TLSX) chủ yếu của xã hội.

Đôi khi "người đầy tớ nhà nước tư sản" cũng phản ứng lại với ông chủ của nó là giai cấp tư sản, nhưng cuối cùng thì giai cấp tư sản vẫn là người làm chủ, còn nhà nước tư sản vẫn là người đầy tớ, và phải là người đầy tớ trung thành nếu nó không muốn bị giai cấp tư sản lật đổ, thay thế đại biểu chính trị của nó và cũng là thay thế người đầy tớ của nó.

2 - Nền dân chủ XHCN - với đại biểu của nó là nhà nước XHCN - dựa vào cơ sở kinh tế nào ? Chế độ sở hữu thế nào ?

Đã từng có lý luận và thực tiễn dựa vào "chế độ công hữu XHCN" với hai hình thức là "sở hữu toàn dân" và "sở hữu tập thể". Song "sở hữu toàn dân" thực tế là "sở hữu nhà nước" nhân danh người lao động, chứ chưa phải là người lao động chủ sở hữu trực tiếp. Còn "sở hữu tập thể" (trong HTX) theo cơ chế quản lý cũ tự nhiên thành sở hữu của ban chủ nhiệm HTX, còn xã viên gần như là người đi làm thuê.

Do vậy, xét về cơ sở kinh tế của nó thì nền dân chủ XHCN mới được bảo đảm bằng "sở hữu nhà nước" là nhân danh người lao động, chứ chưa được bảo đảm bằng "sở hữu toàn dân" theo nghĩa sở hữu trực tiếp của người dân ; "dân làm chủ" chưa được bảo đảm bằng cơ sở kinh tế trực tiếp (theo quan điểm duy vật : kinh tế là cơ sở của chính trị).

3 - Lẽ ra - nếu như CNTB vô sản hóa người lao động, biến người lao động thành giai cấp vô sản làm thuê - thì CNXH phải hữu sản hóa trở lại người lao động, biến họ thành **những người lao động hữu sản làm chủ.** Nhưng không phải chỉ thông qua nhà nước của mình - tức hữu sản làm chủ một cách gián tiếp, **đương nhiên điều đó rất cần** - mà còn phải là **hữu sản làm chủ trực tiếp** thông qua nhiều hình thức : kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế cổ phần và cả kinh tế nhà nước (KTNN). Sở hữu nhà nước trong KTNN **là một hình thức đặc thù của sở hữu của người lao động giữ vai trò điều tiết, chỉ đạo, không có nó thì không có CNXH** (sẽ nói sau). Kinh tế hợp tác (KTHT) là kinh tế của những người lao động chủ sở hữu góp vốn cùng sản xuất kinh doanh, là một loại kinh tế cổ phần (KTCP).

4 - Cần chú ý :

a/ Đây không phải là sự tách rời giữa người lao động với người chủ sở hữu (để phát triển CNTB) mà là **sự thống nhất giữa người lao động và người chủ sở hữu** (tức người lao động chủ sở hữu, người lao động hữu sản).

b/ Người lao động chủ sở hữu không phải là để kinh doanh riêng lẻ - kinh tế cá thể, tiểu chủ là chính, mà chủ yếu là **liên hiệp nhau lại để sản xuất kinh doanh**, chủ yếu dưới các hình thức kinh tế hợp tác, **kinh tế tập thể, kinh tế cổ phần...** và cả kinh tế nhà nước (kinh tế tập thể là sở hữu tập thể của người lao động).

c/ Sự liên hiệp đó của những người lao động chủ sở hữu không phải trên cơ sở một trình độ phát triển thấp của LLSX (như phường hội thủ công), mà phải trên **cơ sở những thành tựu về kinh tế và kỹ thuật của CNTB, CNTB hiện đại** (đương nhiên phải từng bước trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa theo con đường XHCN). Quy mô của sự liên hiệp đó có thể : nhỏ, vừa, lớn và vươn cả ra ngoài nước.

Digitized by Google

d/ Sở hữu này của người lao động chủ yếu là nói sở hữu về vốn, tư liệu sản xuất..., là **sở hữu riêng, trực tiếp của người lao động trong sở hữu chung** của kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế cổ phần - nói chung dưới hình thức **cổ phần của người lao động** trong đơn vị sản xuất kinh doanh (kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế cổ phần). Như vậy, không phải sở hữu chung là vô chủ mà là có những người chủ cụ thể là những người lao động. Nó là **vốn không chia** của đơn vị sản xuất kinh doanh, đồng thời là **sở hữu riêng** của từng người lao động dưới hình thức cổ phần của họ trong đơn vị đó.

5 - Do vậy, cần có chủ trương tìm mọi cách **tạo vốn cho người lao động** để người lao động trở thành chủ sở hữu, cổ đông của đơn vị sản xuất kinh doanh. Người lao động đồng thời là "nhà đầu tư" ("đầu tư" là "góp vốn vào"). Thực hiện **phân phối theo lao động**, tức người lao động được hưởng toàn bộ giá trị do lao động của mình tạo ra, bao gồm giá trị (giá cả) sức lao động (tiền công) và M. Phần M này vừa có phần gián tiếp thông qua kinh tế nhà nước do nhà nước chi phối (trong KTNN), vừa có phần trực tiếp cả trong kinh tế nhà nước và trong các hình thức kinh tế hợp tác, tập thể, cổ phần... Phần M sau này chính là phần **lợi nhuận chuyển thành vốn không chia** của đơn vị sản xuất kinh doanh **để phát triển vốn, cũng đồng thời là phần chia cho từng người lao động để bổ sung vào cổ phần và phát triển cổ phần của từng người lao động.**

Đây chính là con đường tạo vốn cho người lao động, **con đường làm giàu của người lao động.** Như vậy, mục tiêu "dân giàu" mới trở thành hiện thực (nếu không thì chỉ có người giàu chứ không có dân giàu). Người lao động chỉ có thể làm giàu bằng lao động của mình. Từ 1947, Hồ Chí Minh đã từng nêu ý tưởng về chia một phần lợi nhuận của xí nghiệp cho công nhân.

Cổ phần hóa (CPH) doanh nghiệp nhà nước (DNNN) để phát triển vốn từ nhiều nguồn, mở rộng sản xuất kinh doanh, cũng đưa đến việc "hữu sản hóa" người lao động, làm cho người lao động trở thành chủ sở hữu, thành cổ đông của DNNN, thành những "nhà đầu tư" trong DNNN. Cần xử lý hợp lý số cổ phần giữa các thành viên để không gây phân cực giàu nghèo trong DNNN, nhất là không biến DNNN thành của tư nhân giám đốc.

Về KTHT, Đại hội VIII của Đảng chủ trương "HTX được tổ chức trên cơ sở đóng góp cổ phần và sự tham gia lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, mỗi xã viên có quyền ngang nhau đối với công việc chung".

Rõ ràng cả trong KTNN và KTHT (nền tảng của nền kinh tế nhiều thành phần) diễn ra quá trình "hữu sản hóa" người lao động, xác nhận "sở hữu riêng" (tư hữu) của người lao động dưới hình thức cổ phần. Đương nhiên cổ phần hóa DNNN không phải là tư nhân hóa, biến DNNN thành của tư nhân.

6 - Một khi người lao động làm chủ sở hữu,cả phần gián tiếp thông qua nhà nước và trực tiếp trong sản xuất kinh doanh, theo phương hướng nêu trên - tạo thành cơ sở kinh tế của CNXH về mặt sở hữu - **thì ta mới thực sự có dân làm chủ và bộ máy mới trở thành người đầy tớ của dân,** ta mới xây dựng được một **nền dân chủ XHCN** hơn hẳn nền dân chủ tư sản. Phải chăng đó là **tư duy mới về sở hữu XHCN.** Hoặc cách tiếp cận mới về **công hữu XHCN** (khác hoàn toàn với công hữu cộng sản chủ nghĩa và cũng khác với tư duy cũ về công hữu XHCN). Đó mới là cơ sở kinh tế (về mặt sở hữu) của nền dân chủ XHCN.

Tôi cho rằng cần suy nghĩ nghiêm túc về vấn đề này **nếu chúng ta thực sự muốn nhân dân làm chủ, còn bộ máy (Đảng, Nhà nước) chỉ là người lãnh đạo và người đầy tớ.**

7 - Nếu chấp nhận những điểm nêu trên đây thì :

a/ Chúng ta sẽ có *toàn dân vừa sản xuất vừa kinh doanh* theo con đường XHCN, "tự thân vận động", buơn chải vì cuộc sống mọi mặt của mình - đương nhiên trong vòng pháp luật và làm nghĩa vụ với đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (như chúng ta đã từng có chiến tranh toàn dân và toàn diện).

b/ Cả nước sẽ vừa là một *công trường* lao động sản xuất nhu cầu vật chất và phi vật chất của xã hội, cả nhu cầu trong nước và nhu cầu ngoài nước, dưới hình thức các *sản phẩm hàng hóa* (không phải tự cấp tự túc), vừa là một *thị trường* cạnh tranh giữa các sản quyền khác nhau ở trong nước và của cả

Digitized by Google

nước ngoài (không chỉ là một công trường lao động sản xuất như quan niệm cũ). Bởi ta đã chấp nhận kinh tế thị trường dưới CNXH ; ta cũng xuất khẩu và nhập khẩu ; ta không chỉ tiếp nhận đầu tư của nước ngoài mà cũng phải đầu tư ra nước ngoài ; thị trường mỗi nước ngày nay đều trở thành một bộ phận trong cơ cấu thị trường quốc tế do có nhu cầu tham gia sự phân công lao động quốc tế. Đương nhiên thị trường mỗi nước vẫn có tính độc lập tương đối của mình do biết phát huy ưu thế của mình sinh ra từ những điều kiện - hoàn cảnh lịch sử riêng của mỗi nước.

c/ Người lao động vừa là *người sản xuất* ra sản phẩm hàng hóa, vừa là *người tiêu thụ* sản phẩm hàng hóa, là "thượng đế" trong nền kinh tế thị trường XHCN.

d/ Theo mệnh lệnh của thị trường - cũng là theo nhu cầu của các loại "thượng đế", trong đó có bản thân người lao động, người lao động - trong tư cách người lao động sản xuất và người đầu tư kinh doanh - phải phấn đấu để *đứng vững trên thị trường*, theo "luật chơi" của thị trường - cả thị trường trong nước (có sự quản lý của nhà nước XHCN) và thị trường quốc tế - mở rộng sản xuất kinh doanh, qua đó mà *phát triển vốn không chia của đơn vị sản xuất kinh doanh* (mà mình là cổ đông), cũng là *phát triển cổ phần – sở hữu riêng của mình trong đó.* Vì thế, phải bằng mọi cách tăng năng suất, đổi mới công nghệ, cải tiến quản lý, thực hành tiết kiệm triệt để... để hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm, do đó mà phải không ngừng *phát huy mọi nỗ lực chủ quan, mọi sáng kiến của cá nhân và tập thể* đơn vị sản xuất kinh doanh.

e/ Chúng ta sẽ có *dân làm chủ thực sự*, quyền làm chủ đó được bảo đảm bằng kinh tế - *cơ sở kinh tế của quyền làm chủ* - để tự thỏa mãn mọi nhu cầu vật chất, tinh thần và trí tuệ rất đa dạng, phong phú của mình, không ỷ lại vào bộ máy, do đó mà cũng giữ được phẩm giá và nhân cách. Đương nhiên không loại trừ mà càng rất cần coi trọng các chính sách xã hội, "xóa đói giảm nghèo", thực hiện công bằng xã hội... của bộ máy. Do điều kiện - hoàn cảnh, phẩm chất, năng lực... của mỗi người, mỗi tầng lớp dân cư khác nhau mà bộ máy XHCN phải xử lý để không phân cực giàu nghèo (phân hóa giàu nghèo, thu nhập khác nhau là cái giá phải trả của sự phát triển).

Bộ máy sẽ có điều kiện khách quan (về kinh tế của dân, về tâm lý xã hội...) cùng nỗ lực chủ quan xây dựng bộ máy (điều này cũng cực kỳ quan trọng) để thực sự trở thành người lãnh đạo, người quản lý, người đầy tớ của nhân dân. Nếu không thì bộ máy trở thành người chủ của nhân dân chứ không phải người đầy tớ - mà lại là "người chủ bất lực" bởi không thể nào "bao cấp" nổi mọi nhu cầu vật chất và tinh thần theo thị hiếu rất phong phú, đa dạng của từng người, của mọi tầng lớp dân cư. Do đó cũng không thể bảo đảm cho nền kinh tế đất nước đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

8 - Đó là cách tiếp cận về một *nền kinh tế toàn dân* và *sở hữu toàn dân* theo con đường XHCN - đương nhiên còn gồm các thành phần kinh tế khác nữa, mà *nòng cốt là kinh tế nhà nước – sở hữu nhà nước* (như lực lượng vũ trang nhân dân nòng cốt của chiến tranh toàn dân). Kinh tế nhà nước (SHNN) cũng là "sở hữu của người lao động được giải phóng liên hiệp lại" nhưng thông qua người đại diện của mình là nhà nước XHCN (gọi là "sở hữu gián tiếp" của người lao động).

a/ Kinh tế nhà nước (SHNN) phải xây dựng cả *ở 3 cấp :* trung ương, địa phương và cơ sở (như ba thứ quân của lực lượng vũ trang nhân dân : bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân). Sở hữu nhà nước phải thâm nhập cả vào các thành phần kinh tế khác trong sự đan xen sở hữu, đa dạng sở hữu của các đơn vị kinh tế, của nền kinh tế nhiều thành phần.

b/ Trong KTNN, bộ phận có vai trò chủ đạo, điều tiết và quyết định nhất là *Kinh tế nhà nước (SHNN) ở trung ương* (như vai trò bộ đội chủ lực trong chiến tranh nhân dân). Kinh tế nhà nước (SHNN) ở trung ương do vậy *không thể dàn đều mà phải tập trung, với toàn bộ vốn* trong những doanh nghiệp phục vụ lợi ích công cộng và doanh nghiệp liên quan đến quốc phòng - an ninh ; giữ *cổ phần chi phối* trong các *doanh nghiệp then chốt* ở những *ngành then chốt* của nền kinh tế quốc dân (như xây dựng và sử dụng các binh đoàn chủ lực trong chiến tranh nhân dân).

9 - Như vậy quan tâm số 1 của bộ máy là, đi đôi với phát triển KTNN có trọng điểm, đẩy mạnh KTHT, KTCP, nhất là các loại KTHT trong các

Digitized by Google

ngành kinh tế quốc dân, đặc biệt là KTHT trong nông nghiệp, xây dựng từng bước các *HTX nông nghiệp theo con đường XHCN* (chứ không phải HTX theo con đường TBCN). Đó là đẩy mạnh "sự liên hiệp lại" của những người lao động chủ sở hữu trực tiếp. Kinh tế tư bản nhà nước, cả với tư bản trong nước và nước ngoài là rất quan trọng, không thể thiếu, đặc biệt trong hoàn cảnh của nước ta, nhưng nó chỉ là *cái cầu* để đi lên CNXH, có thể hiểu chủ yếu là *cái cầu để phát triển KTNN và KTHT, KTCP của người lao động* - bộ phận nền tảng của nền kinh tế XHCN. Lại có thể cho rằng, cũng trong điều kiện cụ thể của nước ta, đó không phải là cái cầu duy nhất. Bởi lẽ, chúng ta đã có những cơ sở nhất định của CNXH - thành tựu của cách mạng XHCN và xây dựng CNXH ở nước ta trong mấy thập kỷ qua.

Phát triển KTNN trong đó có cổ phần của người lao động, đi đôi với phát triển KTHT, KTCP của người lao động, nhất là trong nông nghiệp, kết hợp và phối hợp chặt chẽ hai thành phần kinh tế đó, chính là phát triển "sở hữu riêng trong sở hữu chung" của người lao động, của công nhân và nông dân, củng cố và tăng cường liên minh công nông về kinh tế, không để biến thành "liên minh công tư" (tư bản), đưa đến nguy cơ làm biến chất bộ máy và chệch sang con đường phát triển TBCN. Đã có ý kiến về những biểu hiện dường như là "liên minh công tư" (móc ngoặc giữa một số người có chức quyền trong bộ máy, KTNN với tư thương) trong thực tế để bóc lột nông dân ? !

10 - Quyết định trực tiếp trong nhiệm vụ xây dựng *chế độ sở hữu XHCN* theo cách tiếp cận của kiến nghị này, xây dựng quan hệ sản xuất/XHCN nói chung (cả sở hữu, quản lý và phân phối), chính là *năng lực và phẩm chất của bộ máy*. Trước hết bộ máy phải thật sự có tư tưởng và có tấm lòng lấy dân làm gốc, *nhất là lấy dân làm chủ, thực sự muốn dân làm chủ.*

Tư tưởng và tấm lòng ấy phải thể hiện trong đường lối, chủ trương, chính sách - thể hiện thành pháp luật - *tạo cơ sở vật chất, cơ sở kinh tế cho dân làm chủ,* coi đó là cái cơ bản nhất (đương nhiên không phải là tất cả), theo đúng quan điểm duy vật của chủ nghĩa Mác, để bộ máy làm tốt vai trò người lãnh đạo, người quản lý, người đầy tớ của nhân dân, của nhân dân lao động.

Chúng ta sẽ xây dựng được một *nền dân chủ XHCN với cơ sở kinh tế của nó* vững chắc và rộng khắp trong toàn dân, toàn dân tộc mà nòng cốt là KTNN (chứ không phải chỉ trong KTNN) cùng với bộ máy là nhà nước XHCN. Nền dân chủ XHCN như vậy ưu việt hơn CNTB ngay trong hoàn cảnh LLSX và năng suất lao động chưa bằng, chưa vượt qua được CNTB. Bởi nó giải phóng người lao động, biến người lao động vô sản làm thuê dưới CNTB thành *người lao động hữu sản làm chủ liên hiệp lại* dưới CNXH trên cơ sở những thành tựu kinh tế và kỹ thuật của CNTB. *Làm chủ tập thể* sẽ là có thể và cần thiết, *tức một tất yếu khách quan.* Nó không phải là vô chủ, bởi nó được cấu trúc trên cơ sở *những người lao động làm chủ cụ thể*, những người lao động chủ sở hữu trực tiếp cùng hợp tác sản xuất và kinh doanh dưới sự lãnh đạo của Đảng sự quản lý của nhà nước XHCN (đi đôi với chủ sở hữu "gián tiếp" thông qua bộ máy là người đại diện của mình).

Đương nhiên như vậy chưa phải là CNXH đã chiến thắng CNTB. Điều chỉ có thể xảy ra khi CNXH, đúng hơn là CNCS, tạo nên được một năng suất lao động cao hơn CNTB (hiện đại), như CNTB đã tạo nên một năng suất lao động cao hơn chủ nghĩa phong kiến để chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa phong kiến.

11 - Nếu chúng ta thận trọng chưa muốn nêu cách tiếp cận nói trên là sở hữu XHCN thì cũng có thể cho rằng đó là **sở hữu theo con đường XHCN.**

Những nội dung trên chỉ nói **phần sở hữu chủ yếu và nền tảng,** đặc trưng của CNXH, hoặc của con đường XHCN. Đó cũng chính là quan niệm của Đảng ta coi KTNN và KTHT là nền tảng của nền kinh tế nhiều thành phần theo con đường XHCN. Đương nhiên không phủ nhận đa sở hữu và sự đan xen, thâm nhập các hình thức sở hữu trong nền kinh tế nhiều thành phần, trong từng đơn vị sản xuất kinh doanh hiện nay ở nước ta.

Như vậy mới tạo nên **động lực mới - nội sinh là chính** của nền kinh tế theo con đường XHCN và của nền dân chủ XHCN. Nếu chúng ta thống nhất và kết luận như vậy thì đó là một bước tiến mới trong tư duy của chúng ta về con đường XHCN ở nước ta. ❑

Digitized by Google

TIẾP TỤC HOÀN THIỆN CÁC ĐIỀU KIỆN TIỀN ĐỀ ĐỂ THIẾT LẬP THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN Ở VIỆT NAM

TRẦN MẠNH DŨNG *

Sự ra đời của thị trường chứng khoán (TTCK) xuất phát từ nhu cầu thực tế của sản xuất và lưu thông hàng hóa. Tuy nhiên, đây là dạng thị trường bậc cao, là hình thức phát triển cao nhất của thị trường tài chính. Vì vậy, nó chỉ ra đời và hoạt động có hiệu quả khi hội đủ những điều kiện tiền đề cần thiết.

Từ kinh nghiệm thực tiễn xây dựng và phát triển TTCK trên thế giới, các chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước đều cho rằng để thiết lập TTCK cần phải có những điều kiện chủ yếu sau :

- Môi trường chính trị - kinh tế - xã hội ổn định
- Môi trường pháp lý đầy đủ
- Điều kiện vật chất - kỹ thuật bảo đảm
- Nhân tố con người đáp ứng được yêu cầu vận hành của thị trường.

Ở nước ta, sau 10 năm đổi mới, cùng với sự phát triển của kinh tế theo cơ chế thị trường, một số nhân tố cơ bản của thị trường vốn đã xuất hiện, những điều kiện chủ yếu để thiết lập TTCK đang được tạo lập từng bước. Tuy vậy, trước mắt còn có những khó khăn, còn một loạt vấn đề đang đặt ra cần tháo gỡ và khắc phục một cách tích cực hơn. Để TTCK có thể ra đời và vận hành có hiệu quả ở nước ta, theo tôi cần :

1 - Tiếp tục hoàn thiện cơ chế thị trường tạo ra môi trường thể chế chung cho sự vận hành của TTCK

Thị trường chứng khoán chỉ có thể vận hành trong môi trường của nền kinh tế thị trường. Mức độ phát triển và hoàn thiện của cơ chế thị trường là tiền đề và điều kiện để thúc đẩy TTCK ra đời và hoạt động một cách có hiệu quả. Bởi vậy, một trong những yếu tố quan trọng là sự nỗ lực tạo lập môi trường vận hành cho TTCK, tiếp tục hoàn thiện các thể chế thị trường, bảo đảm cho tất cả các loại hàng hóa mà đầu vào và đầu ra của nó trở thành hàng hóa được lưu thông trên thị trường và do thị trường quyết định. Trong một nền kinh tế như vậy, vốn cũng trở thành đối tượng mua bán và giá cả của nó được hình thành theo quan hệ cung - cầu trên thị trường. Nền kinh tế nước ta hiện nay đang trong bước chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước. Các yếu tố của cơ chế thị trường đang được hình thành còn ở trình độ sơ khai. Môi trường kinh doanh đang được tạo lập từng bước, song chưa hoàn thiện. Các loại hình thị trường đang được hình thành, nhưng chưa đồng bộ. Nhu cầu phát triển nền kinh tế nói chung và thiết lập TTCK nói riêng đang đặt ra yêu cầu phải chuyển mạnh nền kinh tế sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Muốn vậy, cần tiếp tục thực hiện phương hướng sau :

Một là, Nâng cao hơn nữa tính độc lập tự chủ của các chủ thể kinh tế tạo ra sự năng động trong việc huy động và sử dụng các nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thay phương thức cấp vốn theo kiểu "cấp phát, giao nộp" trước đây bằng phương thức cấp vốn theo cơ chế thị trường, làm cho vốn được dịch chuyển tự do và vận động linh hoạt, tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn theo quy luật cung cầu từ nơi thừa vốn đến nơi thiếu vốn một cách có hiệu quả nhất.

- *Hai là,* cấu trúc lại sở hữu nhà nước là đòi hỏi khách quan để phát triển cơ chế thị trường. Hiện nay, ở nước ta khu vực kinh tế thuộc sở hữu nhà nước còn chiếm tỷ trọng lớn trong khi hiệu quả sản xuất kinh doanh rất thấp. Nhiều doanh nghiệp nhà nước (DNNN) vẫn thua lỗ (DNNN chiếm hơn 80% tổng số vốn của nền kinh tế, trong khi đó chỉ đóng góp 44% cho GDP), do đó khả năng tái tạo vốn rất hạn chế. Vì vậy, cần chuyển đổi hình thức sở hữu của một bộ phận DNNN theo hướng đa dạng hóa thông qua việc cổ phần hóa nhằm huy động thêm vốn và đổi mới cơ chế quản lý nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh. Sự phát triển của các loại hình công ty cổ phần là nhân tố hết sức quan trọng thúc đẩy sự ra đời và phát triển của TTCK.

* Trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học Ngân hàng

Digitized by Google

Ba là, tiếp tục tháo gỡ những ách tắc trong quản lý vĩ mô và vi mô đang nổi lên như : cơ chế quản lý đất đai, tài sản, vốn, lao động và các dự án đầu tư nước ngoài, làm cho quá trình điều hành và điều tiết thị trường được thông suốt và có hiệu lực.

2 - Nâng cao vai trò Nhà nước thực hiện chức năng "bà đỡ" cho sự ra đời và phát triển của TTCK

Thị trường chứng khoán được hình thành dưới tác động của các nhân tố khách quan, theo quy luật vận động từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, đòi hỏi một quá trình tiến triển khá lâu dài. Để có thể rút ngắn đáng kể quá trình hình thành và phát triển về mặt thời gian, nhưng vẫn tuân theo quy luật tất yếu của thị trường, đòi hỏi phải phát huy tính tích cực của nhân tố chủ quan. Nhà nước cần trở thành nhân tố có vai trò quyết định đến sự hình thành và phát triển TTCK ở Việt Nam, trên những mặt chủ yếu sau :

- *Thứ nhất,* tích cực và chủ động hơn nữa trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp lý có liên quan đến chứng khoán và TTCK.

- *Thứ hai,* ban hành một hệ thống những chính sách mang tính khuyến khích, nhằm thúc đẩy sự ra đời và phát triển của TTCK. Mọi chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng phát triển TTCK cần được thể chế hóa và cụ thể hóa thông qua các chính sách như : chính sách khuyến khích về thuế, chính sách phát triển các doanh nghiệp và hỗ trợ cổ phần hóa các DNNN, chính sách khuyến khích thành lập các công ty cổ phần có phát hành chứng khoán rộng rãi ra công chúng, chính sách khuyến khích phát triển các tổ chức tài chính trung gian đa thành phần...

- *Thứ ba*, tiếp tục cải thiện môi trường kinh tế vĩ mô và tạo lập những cơ sở kinh tế cho sự ra đời và phát triển của TTCK.

- *Thứ tư,* Nhà nước cần tiếp tục đổi mới và hoàn thiện các công cụ điều tiết vĩ mô, đặc biệt là công cụ tài chính tiền tệ. Thông qua các công cụ tài chính tín dụng, công cụ lãi suất, công cụ thuế... để tác động thúc đẩy sự hình thành và phát triển của TTCK.

3 - Tiếp tục tạo lập khuôn khổ pháp lý và những luật lệ cho TTCK

Thị trường chứng khoán chỉ có thể ra đời và vận hành một cách an toàn, hiệu quả trong môi trường pháp lý được cải thiện so với hiện nay. Một mặt, cần xây dựng mới các văn bản pháp luật có liên quan đến chứng khoán và TTCK như Luật về hối phiếu, Luật thế chấp, Luật chứng khoán và Luật về sở giao dịch chứng khoán... Mặt khác, cần rà soát lại các bộ luật đã ban hành có liên quan để chỉnh lý, sửa, bổ sung cho phù hợp với các bộ luật mới. Cần thấy rằng vấn đề phát hành và kinh doanh chứng khoán là những hoạt động có liên quan đến rất nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội thuộc nhiều đối tượng điều chỉnh, trải rộng trên nhiều ngành luật khác nhau. Vì vậy, quan điểm xây dựng khung pháp luật cho TTCK phải mang tính hệ thống và đồng bộ ; đồng thời, cần chú trọng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp từng giai đoạn phát triển của thị trường và thông lệ quốc tế.

4 - Hoàn thiện thị trường tiền tệ làm tiền đề cho sự ra đời và phát triển của TTCK

Theo lô-gic khách quan, TTCK phải được hình thành và phát triển trên cơ sở sự phát triển của thị trường tiền tệ. Thị trường tiền tệ là nấc thang ban đầu vì nếu các quan hệ tín dụng cùng với các tổ chức tài chính trung gian chưa phát triển thì chưa thể nói đến sự ra đời và phát triển của TTCK. Để tiếp tục phát triển và hoàn thiện thị trường tiền tệ ở nước ta hiện nay, cần tập trung giải quyết một số vấn đề trọng tâm sau :

- *Một là,* nâng cao chất lượng tín dụng, bảo đảm sự an toàn cho hệ thống ngân hàng và sự hoạt động ổn định của thị trường tiền tệ.

- *Hai là,* củng cố và phát triển thị trường liên ngân hàng, mở rộng quy mô, nâng cao số thành viên tham gia, hoàn thiện dần quy chế và cơ chế hoạt động. Thông qua thị trường này tạo cơ hội tốt nhất cho các ngân hàng mua bán "vốn" lẫn nhau, giải quyết được tình trạng thừa thiếu vốn tạm thời, tăng tốc độ chu chuyển vốn và thực hiện điều tiết lãi suất theo mục tiêu của chính sách tiền tệ.

- *Ba là,* cần tổ chức tốt hơn và đi đến hoàn thiện thị trường đấu thầu tín phiếu kho bạc. Thúc đẩy thị trường mua bán lại tín phiếu kho bạc, đưa thị trường cấp hai đi vào hoạt động thường xuyên, đáp ứng tốt hơn yêu cầu lưu thông vốn. Hoạt động của thị trường đấu thầu tín phiếu kho bạc sẽ tạo điều kiện cho Ngân hàng nhà nước thực hiện mục tiêu của chính sách tiền tệ. Thông qua đấu thầu và mua lại tín phiếu kho bạc, Ngân hàng nhà nước có thể điều tiết các nguồn vốn nhàn rỗi giữa các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính trung gian khác, điều chỉnh lãi suất thị trường tiền tệ, phát triển nghiệp vụ thị trường mở, nghiệp vụ quản lý vốn. Đây "là nền tảng ban đầu cho việc tổ chức và sử dụng vốn có hiệu quả trong khuôn khổ một TTCK Việt Nam nay mai" (1). Rõ ràng sự hoạt động có hiệu quả của thị trường đấu thầu tín phiếu kho bạc là một trong những tiền đề cho sự ra đời của TTCK ở nước ta. Tuy nhiên, để thúc đẩy sự phát

(1) Tạp chí *Phát triển kinh tế*, số 74, tháng 12-1996, tr 5

Digitized by Google

triển của thị trường đấu thầu tín phiếu kho bạc, vấn đề mấu chốt là phải nâng cao tính hấp dẫn của thị trường này. Tính hấp dẫn chính là ở tính thanh khoản của thị trường, của mỗi loại tín phiếu kho bạc. Một chứng khoán được ưa chuộng (có chất lượng cao), không phải ở lãi suất phát hành trên thị trường cấp một, mà là ở chỗ nó có được dễ dàng khi chuyển nhượng, mua bán lại tại thị trường cấp hai hay không. Chỉ có qua thị trường cấp hai mới hình thành được thị giá tín phiếu, nghĩa là mới xác định được giá trị đích thực của nó.

– *Bốn là*, cần tiếp tục tạo lập và mở rộng phát hành các công cụ tiền tệ ngắn hạn cùng với tín phiếu kho bạc đó là kỳ phiếu ngân hàng thương mại, chứng chỉ tiền gửi, các loại séc, thẻ thanh toán, các loại hợp đồng giao nhận, thẻ điện tử... Việc phát triển thị trường các giấy tờ có giá ngắn hạn cũng là bước "tập dượt" cần thiết đối với các ngân hàng để chuẩn bị tham gia vào TTCK.

5 - Thiết lập hệ thống thông tin - kỹ thuật hiện đại đáp ứng nhu cầu vận hành của TTCK

Để có thể đáp ứng yêu cầu vận hành của TTCK cần tăng cường hơn nữa cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hệ thống ngân hàng nhằm hiện đại hóa công nghệ ngân hàng. Thực trạng trang thiết bị kỹ thuật tin học hiện nay còn mỏng và chưa đủ hiện đại để hệ thống ngân hàng có thể sẵn sàng tham gia hoạt động nghiệp vụ trên TTCK. Vì vậy, trong thời gian tới cần :

+ Đầu tư xây dựng hệ thống thanh toán bù trừ tự động trên phạm vi cả nước bằng cách tăng cường thêm mạng vi tính cao cấp kết hợp khai thác mạng thông tin viễn thông của bưu điện để liên kết thị trường vốn trong nước thành một thị trường thông suốt và tiến tới nối mạng với hệ thống thanh toán quốc tế.

+ Củng cố, hoàn thiện trung tâm thông tin tín dụng (CIC) của Ngân hàng nhà nước, để trung tâm này thực sự đóng vai trò cung cấp thông tin về tình hình tài chính doanh nghiệp làm chỗ dựa cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính trung gian và TTCK.

+ Thành lập hệ thống ngân hàng thông tin để cung cấp dữ liệu cần thiết cho hoạt động kinh doanh trên TTCK của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

+ Xây dựng các trung tâm tin học mạnh đủ sức lưu trữ, cập nhật và xử lý thông tin đáp ứng mọi yêu cầu nghiệp vụ của hệ thống ngân hàng và TTCK.

6 - Đào tạo nguồn nhân lực cho TTCK

Khi TTCK đi vào hoạt động đòi hỏi phải có một đội ngũ đông đảo những người làm việc ở những vị trí và chức năng khác nhau. Đó là các nhân viên môi giới chứng khoán (Brokers), các chuyên gia (Specialists), viên chức tại sàn mua bán (Floor official), các nhà phân tích (Analyst)... Đội ngũ này có ảnh hưởng rất lớn đến sự vận hành của TTCK : việc mua bán ở thị trường có năng động hay trì trệ là ở các nhân viên môi giới chứng khoán, thị trường được công bằng và trật tự nhờ có các chuyên gia, dịch vụ tư vấn mua bán của Full service Brokers cũng như các đề xuất mua bán của các nhà phân tích với công ty môi giới... Có thể nói đó là những thành viên không thể thiếu trên TTCK theo tiêu chuẩn quốc tế. Ngoài nghiệp vụ chuyên môn những người này phải đạt tiêu chuẩn đạo đức để tránh gây thiệt hại do gian lận, lợi dụng hoặc lừa đảo khách hàng. Ở các nước có TTCK phát triển đều chú trọng đào tạo đội ngũ này một cách kỹ càng và được sàng lọc qua các kỳ thi tuyển khắt khe. Chẳng hạn như ở Mỹ, những người làm việc trong TTCK đều phải qua các kỳ thi tuyển do NYSE (New York Stock Exchange) tổ chức và có đăng ký hoạt động với SEC (Securities and Exchange Commiosion). Qua đó mới thấy rằng ở nước ta khâu chuẩn bị về nhân sự, về con người cho TTCK làm chưa được là bao. Đây thực sự là vấn đề hết sức cấp thiết, nếu không làm tích cực thì chưa thể thiết lập TTCK trong một vài năm tới. Bởi vì, yêu cầu của chúng ta là "bắt buộc chủ thể của TTCK phải có đủ trình độ, bản lĩnh và kinh nghiệm hoạt động ngang tầm quốc tế ngay từ khi nhập cuộc" (2). Vì suy cho cùng sự vận hành của TTCK là do con người chi phối và quyết định. Để làm tốt khâu đào tạo nguồn nhân lực cho TTCK chúng tôi cho rằng :

- Ủy ban chứng khoán nhà nước cần tích cực tranh thủ các dự án đào tạo quốc tế để cử đi đào tạo các khóa ngắn hạn và dài hạn ở cả trong và ngoài nước đối với tất cả các đối tượng trên. Cần đặc biệt chú ý nguồn tuyển chọn từ cán bộ trẻ, từ sinh viên các trường đại học kinh tế để có khả năng tiếp thu nhanh những tri thức hiện đại về công nghệ và những nghiệp vụ chuyên môn phức tạp của TTCK.

- Quá trình tuyển chọn nguồn nhân lực cho TTCK cần thực hiện nghiêm ngặt, theo yêu cầu công việc bằng chế độ sát hạch qua thi tuyển một cách chặt chẽ, khách quan, nhằm xây dựng đội ngũ những nhân viên của TTCK thực sự có năng lực chuyên môn cao, có ngoại ngữ và có đạo đức trong sạch.

- Bộ Giáo dục - Đào tạo cần khẩn trương triển khai xây dựng giáo trình môn học về TTCK để đưa vào giảng dạy như một môn học chính thức trước hết cho các trường đại học và cao đẳng khối kinh tế. ❑

---

(2) "Thị trường chứng khoán - Những vấn đề hiện thực của một mục tiêu chiến lược ", Báo *Nhân Dân*, ngày 3-5-1997, tr 3

Digitized by Google

VỀ CHẾ ĐỘ BỘ CHỦ QUẢN VÀ CẤP HÀNH CHÍNH CHỦ QUẢN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

DƯƠNG QUANG TUNG *

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới một cách cơ bản phương thức hoạt động của hệ thống doanh nghiệp nhà nước (DNNN) trong điều kiện kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề xóa bỏ dần chế độ bộ chủ quản và cấp hành chính chủ quản đối với DNNN là một trong những nội dung quan trọng của công cuộc cải cách kinh tế và cải cách hành chính ở nước ta hiện nay. Chủ trương xóa bỏ dần chế độ bộ và cấp hành chính chủ quản đối với DNNN đã chính thức được đặt ra tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII) Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 1-1994) và được tiếp tục khẳng định trong Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) cũng như Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng vừa qua. Để thực hiện chủ trương này, trong những năm vừa qua chúng ta đã bắt đầu một số công việc rất quan trọng như ban hành Luật DNNN ; sắp xếp lại gọn hơn một số bộ quản lý ngành và bộ tổng hợp (từ 8 bộ và ủy ban thành 3 bộ) ; hình thành Tổng cục quản lý vốn và tài sản nhà nước tại DNNN (thuộc Bộ Tài chính). Thực hiện thống nhất việc quản lý vốn và tài sản tại DNNN trước đây do các bộ chủ quản và ủy ban nhân dân địa phương nắm giữ. Chúng ta cũng đã thành lập một số tổng công ty nhà nước theo Quyết định 90/TTg và 91/TTg ; ban hành một số chính sách, quy chế, điều lệ nhằm tăng cường một bước quyền tự chủ kinh doanh của DNNN ; giảm dần sự can thiệp trực tiếp của các cơ quan nhà nước vào việc điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ; đơn giản hóa một số thủ tục hành chính đối với DNNN v.v.

Tuy nhiên, việc thực hiện chủ trương xóa bỏ dần chế độ bộ và cấp hành chính chủ quản đối với DNNN hiện đang đứng trước nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn phức tạp. Tìm ra những câu trả lời thỏa đáng là đòi hỏi cấp bách của cuộc sống, trước hết là cho sự tồn tại và phát triển của các DNNN ở nước ta hiện nay. Sau đây tôi xin nêu lên một vài ý kiến trao đổi chung quanh vấn đề này.

Thực chất và nội dung của việc xóa bỏ chế độ bộ và cấp hành chính chủ quản đối với DNNN

Chế độ bộ chủ quản và cấp hành chính chủ quản với DNNN là một thiết chế gắn liền với mô hình kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp vốn đã tồn tại ở nước ta trong một thời kỳ tương đối dài, mà đặc trưng cơ bản của nó là ở chỗ một cơ quan chủ quản (bộ hoặc ủy ban nhân dân địa phương) tập trung trong tay mình 3 loại quyền chi phối DNNN : quyền quản lý nhà nước về hành chính - kinh tế ; quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN ; quyền quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNN (tức là sự can thiệp trực tiếp của cấp chủ quản vào hoạt động sản xuất các doanh nghiệp).

Trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, chế độ bộ và cấp hành chính chủ quản ngày càng bộc lộ những khuyết nhược điểm, không thích ứng với điều kiện mới, tỏ ra kìm hãm sự phát triển của kinh tế nhà nước nói chung và DNNN nói riêng.

Nhận thức được điều đó, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương biện pháp khắc phục, mà nội dung chủ yếu được thể hiện trên hai khía cạnh :

Một là, tăng cường quyền tự chủ kinh doanh của các DNNN, giảm dần sự can thiệp trực tiếp

* PTS Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ

Digitized by Google

của các cơ quan nhà nước vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nghị quyết 6 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IV (năm 1979) là cái mốc quan trọng về đổi mới cơ chế quản lý theo hướng mở rộng chế độ tự chủ của DNNN và sau đó là các quyết định 25/CP và 26/CP của Chính phủ và đặc biệt là từ sau Quyết định 217/HĐBT (ngày 14-11-1987) của Chính phủ, quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các DNNN như là một xu thế tất yếu trong cơ chế thị trường tuy vẫn còn những vấn đề phải bàn.

Hai là, từng bước điều chỉnh lại chức năng, nhiệm vụ của các bộ quản lý ngành và ủy ban nhân dân địa phương trong quản lý DNNN, phân tách dần chức năng quản lý nhà nước khỏi chức năng quản lý sản xuất - kinh doanh. Việc thay thế Nghị định 35/CP (9-12-1981) bằng Nghị định 196/HĐBT (11-12-1989) và sau đó ra đời Nghị định 15/CP (ngày 2-3-1993) thay cho Nghị định 196/HĐBT là những bước đi quan trọng trong quá trình đổi mới.

Sự ra đời Luật DNNN là mốc quan trọng trên con đường đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý nhà nước đối với DNNN theo hướng giảm dần vai trò "chủ quản" của bộ quản lý ngành và ủy ban nhân dân đối với DNNN, bảo đảm quyền tự chủ nhiều hơn cho DNNN, hình thành một số mô hình tổ chức mới theo kiểu tập đoàn mạnh, tổng công ty nhà nước, DNNN có hội đồng quản trị và không có hội đồng quản trị...

Quá trình đổi mới từng bước trong nhiều năm qua về mặt tổ chức và cơ chế quản lý kinh tế của nhà nước đối với DNNN là quá trình tách ra ngày càng rõ hơn 3 loại quyền năng mà cơ quan "chủ quản" nắm giữ trước đây. Tương đối rõ và dễ nhất trí là quyền quản lý nhà nước về hành chính - kinh tế thuộc các cơ quan nhà nước (bộ, ủy ban nhân dân) và quyền quản lý điều hành sản xuất kinh doanh chủ yếu là của bộ máy quản lý doanh nghiệp (hội đồng quản trị, tổng giám đốc hoặc giám đốc). Vấn đề còn lại đang gây nhiều tranh cãi là thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN trong điều kiện cụ thể, với hệ thống DNNN đồ sộ, chiếm tỷ trọng lớn, nắm giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân và bao gồm nhiều loại hình khác nhau.

Trước đây, trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung việc thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN nói chung đều nằm trong tay bộ chủ quản hoặc ủy ban nhân dân địa phương. Trong những năm gần đây, đứng trước sự sống còn của DNNN trong điều kiện nền kinh tế thị trường, các bộ và các cấp chủ quản buộc phải chuyển giao quyền quản lý điều hành sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp (tuy chưa đủ để bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh thực sự của các DNNN). Còn quyền của chủ sở hữu, bao gồm quyền quyết định về mặt tổ chức, nhân sự, phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, về quản lý vốn và tài sản doanh nghiệp, về phân phối và sử dụng lợi nhuận v.v... đều chủ yếu do bộ và cấp hành chính chủ quản quyết định. Như vậy, bộ chủ quản và cấp chủ quản đồng thời đóng 2 vai trò : vai trò quản lý hành chính - kinh tế và vai trò đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN. Trong thực tế còn có tình trạng là các bộ và ủy ban nhân dân, trong khi chưa làm đủ và làm tốt chức năng quản lý nhà nước (về luật pháp, chính sách, quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, kiểm tra giám sát...), thì lại quan tâm quá nhiều, quá sâu và với tay quá dài xuống các hoạt động của doanh nghiệp.

Do vậy, khi đặt vấn đề xóa bỏ chế độ "bộ và cấp hành chính chủ quản" có thể hiểu về thực chất đó là xóa bỏ việc tập trung toàn bộ (hay chủ yếu) quyền của chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN vào một bộ hoặc một cấp hành chính nhất định. Đó là xóa bỏ sự can thiệp trực tiếp của cơ quan hành chính nhà nước (bộ, ủy ban nhân dân) vào công việc quản lý điều hành sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

Như vậy, chủ trương xóa bỏ chế độ bộ và cấp hành chính chủ quản hoàn toàn không có nghĩa là tạo dựng một chế độ "vô chủ" đối với hệ thống DNNN mà là thiết kế một mô hình mới, thay thế mô hình bộ và cấp hành chính chủ quản, nhằm vừa bảo đảm đầy đủ quyền tự chủ kinh doanh của DNNN trong điều kiện nền kinh tế thị trường, vừa nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan nhà nước với tư cách là công quyền và là đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN.

Digitized by Google

Nội dung chủ yếu của việc xóa bỏ dần chế độ bộ và cấp hành chính chủ quản đối với DNNN có thể bao gồm :

1 - Xóa bỏ sự can thiệp trực tiếp của các cơ quan nhà nước vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bảo đảm quyền tự chủ đầy đủ cho các DNNN để chúng có thể hoạt động được và hoạt động có hiệu quả trong nền kinh tế thị trường.

2 - Tách bạch chức năng quản lý nhà nước và chức năng đại diện chủ sở hữu về một số mặt, mà chính một cơ quan nhà nước (bộ, ủy ban nhân dân) được ủy quyền ; hạn chế đến mức thấp nhất mức độ và nội dung ủy quyền cho bộ quản lý ngành và ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm đại diện chủ sở hữu đối với DNNN, để có thể tập trung làm tốt chức năng quản lý nhà nước về hành chính - kinh tế.

3 - Xác định rõ địa chỉ, quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân được nhà nước ủy quyền làm đại diện chủ sở hữu về từng mặt (tổ chức, nhân sự, vốn tài sản v.v...) đối với từng loại hình DNNN ; giảm đầu mối các cơ quan tham gia đồng thời với tư cách là đại diện chủ sở hữu đối với DNNN.

4 - Giảm thiểu các quy trình, thủ tục hành chính, đơn giản hóa các mối quan hệ giữa DNNN với các cơ quan nhà nước.

Điều kiện và biện pháp xóa bỏ dần chế độ bộ chủ quản và cấp hành chính chủ quản đối với DNNN

1 - Xóa bỏ dần chế độ bộ và cấp hành chính chủ quản đối với DNNN cần phải có những điều kiện chủ yếu sau đây :

Tạo lập được một cơ chế thị trường ngày càng hoàn thiện với đầy đủ các loại thị trường, trong đó thị trường tài chính - tiền tệ đóng vai trò rất quan trọng. Hiện nay ở nước ta hệ thống thị trường chưa được tạo dựng đầy đủ, nhất là chưa có được thị trường tài chính (vốn), nên hoạt động của các DNNN về cơ bản chưa theo sự chi phối, điều tiết của các quan hệ thị trường, mà chủ yếu vẫn theo sự điều chỉnh của các cơ quan nhà nước, (cụ thể là của các công chức) trong việc cấp phát, thu hồi vốn, giải thể, sáp nhập doanh nghiệp, phương án sử dụng vốn, đăng ký doanh nghiệp, bổ nhiệm, bãi miễn giám đốc v.v... Điều này có nghĩa là trong điều kiện hiện nay các DNNN chủ yếu vẫn hoạt động trong khuôn khổ của cơ chế quản lý kinh tế - tài chính gò bó và trong sự điều hành quan liêu của các cơ quan nhà nước, vẫn theo kiểu "cho phép, xin phép" là chính. Rõ ràng là cơ chế "chủ quản" sẽ chỉ mất dần đi cùng với sự hình thành ngày càng hoàn chỉnh một cơ chế vận hành nền kinh tế dưới sự tác động của các quy luật vốn có của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Hoàn thiện hệ thống luật pháp, trước hết là luật pháp kinh tế, tạo môi trường và hành lang pháp lý chặt chẽ và công khai bảo đảm cho DNNN hoạt động kinh doanh một cách tự chủ. Trong điều kiện còn thiếu các văn bản pháp lý, thể chế hóa quyền tự chủ kinh doanh thật sự của DNNN thì không những các cơ quan nhà nước vẫn còn muốn can thiệp trực tiếp vào các hoạt động của doanh nghiệp theo kiểu "chủ quản", mà ngược lại, các DNNN cũng vẫn cần có cấp trên chủ quản để được bảo lãnh, được cùng chịu trách nhiệm, được ưu đãi về tài chính và cơ chế, và được "cùng có lợi". Do vậy, để xóa bỏ dần mô hình bộ và cấp hành chính chủ quản, cần thiết phải hoàn thiện hệ thống luật pháp nói chung và luật pháp kinh tế nói riêng. Chẳng hạn việc ra đời Luật DNNN là một bước tiến đầu tiên, nhưng DNNN trước hết là doanh nghiệp (công ty) cũng cần phải hoạt động theo Luật công ty. Như vậy, nên chăng phải sửa đổi lại Luật công ty, trong đó có phần điều chỉnh DNNN. Thực tiễn cũng đang đòi hỏi phải sớm có các văn bản pháp quy dưới luật, cụ thể hóa luật để điều chỉnh các hoạt động của DNNN, nhất là đối với các tổng công ty nhà nước được thành lập theo quyết định 90/TTg và 91/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Nâng cao trình độ năng lực kinh doanh của đội ngũ cán bộ quản lý điều hành chủ chốt của doanh nghiệp nhà nước. DNNN hoạt động trong nền kinh tế thị trường đòi hỏi giám đốc và các chức danh chủ chốt của nó phải thực sự là những "doanh nhân" giỏi, thông thạo kinh doanh. Đồng thời với tư cách là những người đại diện cho lợi ích nhà nước, lợi ích toàn dân, họ còn phải là những cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, để có thể bảo vệ

Digitized by Google

được lợi ích chung và không bị đồng tiền chi phối, làm sa ngã, biến chất trong cơ chế thị trường. Thực tế việc lựa chọn, bổ nhiệm và điều chuyển các chức danh chủ chốt của DNNN hiện nay, chưa thực sự xuất phát từ tiêu chuẩn, yêu cầu nhiệm vụ mà vì nhiều lý do khác và chủ yếu lại từ đội ngũ cán bộ hiện có. Mặt khác, cho đến nay có lẽ cũng chưa có chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp cho đội ngũ giám đốc đương nhiệm để họ nhanh thích nghi với môi trường kinh doanh mới, có thể chủ động, độc lập hoạt động. Việc xóa bỏ mô hình bộ và cấp chủ quản chỉ trở thành hiện thực và có kết quả thực sự nếu chúng ta có được một đột ngũ "doanh nhân" có tay nghề ngày càng cao, đảm đương tốt các chức vụ quản lý, điều hành chủ chốt của DNNN.

2 - Một số biện pháp chủ yếu thực hiện chủ trương xóa bỏ dần chế độ bộ và cấp hành chính chủ quản đối với các DNNN :

Một là, tiếp tục sắp xếp lại hệ thống DNNN một cách khẩn trương và quyết liệt, giảm mạnh về mặt số lượng các DNNN, mạnh dạn đẩy mạnh việc áp dụng các hình thức đa sở hữu và chuyển đổi hình thức sở hữu đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường bản chất xã hội chủ nghĩa, nhà nước nhất thiết phải nắm giữ các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực sau :

- Các doanh nghiệp đóng vai trò chủ lực, then chốt trong nền kinh tế quốc dân, có tác dụng chi phối và tạo môi trường đầu tư cho các thành phần kinh tế khác như : dầu khí, năng lượng, xây dựng cơ sở hạ tầng và các ngành mũi nhọn có công nghệ tiên tiến...

- Các doanh nghiệp hoạt động công ích mang tính chất dịch vụ phi lợi nhuận cho nhân dân, bảo đảm công bằng và ổn định xã hội, hạn chế những bất hợp lý, tiêu cực của cơ chế thị trường và các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực an ninh - quốc phòng.

Ngoài ra, các DNNN không thuộc các đối tượng trên có thể chuyển đổi hoặc đa dạng hóa hình thức sở hữu nếu thấy có lợi hơn cho quốc kế, dân sinh.

Hai là, phân định lại chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan quản lý nhà nước (bộ, tổng cục, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố...) trong việc thực hiện quyền quản lý nhà nước về hành chính - kinh tế và quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN, kiện toàn lại về mặt tổ chức bộ máy một số cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế (một số bộ chức năng và bộ quản lý ngành).

Để có thể phân định được một cách hợp lý chức năng nhiệm vụ, thẩm quyền của các bộ quản lý ngành, bộ chức năng, ủy ban nhân dân địa phương,... trước hết cần thiết phải tách bạch rạch ròi chức năng quản lý nhà nước về hành chính - kinh tế đối với các DNNN (mà thực chất là làm cho các DNNN hoạt động bình đẳng trên cùng một "sân" như các thành phần kinh tế khác trong sản xuất kinh doanh) và chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước, mà từ trước đến nay đều tập trung vào bộ hoặc cấp hành chính chủ quản. Luật DNNN đã thể hiện sự phân tách hai chức năng này (điều 25 và điều 27), song vấn đề quan trọng hơn mà luật chưa định ra được là thẩm quyền của mỗi cấp, mỗi tổ chức, cơ quan nhà nước thực hiện từng nội dung của từng chức năng này như thế nào. Đây đang là một đòi hỏi cấp bách của việc thực hiện chủ trương xóa bỏ mô hình bộ và cấp hành chính chủ quản đối với DNNN.

Trong việc phân cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hành chính - kinh tế đối với DNNN nói riêng, và với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nói chung, cần phải giải quyết vấn đề kết hợp quản lý theo ngành và lãnh thổ, kết hợp giữa phân cấp và ủy quyền trong quản lý nhà nước một cách hợp lý, để giải phóng cho bộ máy nhà nước trung ương tập trung vào việc quản lý, điều hành kinh tế vĩ mô, đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các cấp chính quyền địa phương trong quản lý hành chính - kinh tế đối với các doanh nghiệp trên địa bàn. Hiện nay các cấp chính quyền địa phương được phân cấp quá ít về thẩm quyền và nhiệm vụ quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn, trong khi rất nhiều cơ quan nắm giữ quyền của trung ương còn nằm tại địa phương (Bộ Tài chính hiện có tới 5 đầu mối nằm tại các tỉnh, thành phố).

Việc phân cấp, ủy quyền thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN là một vấn đề có ý nghĩa then chốt trong việc thiết

Digitized by Google

kế mô hình quản lý DNNN không có bộ và cấp hành chính chủ quản. Hiện nay vẫn chưa có lời giải thỏa đáng cho câu hỏi : Ai (hoặc những ai) là người đại diện đích thực hay chủ yếu cho quyền chủ sở hữu nhà nước trong các DNNN ?

Hiện nay các chủ thể quản lý có thể được ủy quyền với tư cách là đại diện chủ sở hữu bao gồm : Chính phủ ; Thủ tướng Chính phủ ; bộ quản lý ngành, bộ chức năng và các cơ quan của chính phủ ; ủy ban nhân dân địa phương (tỉnh, thành phố) ; hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp quy mô lớn) hoặc giám đốc DNNN (doanh nghiệp không có hội đồng quản trị).

Phạm vi, mức độ ủy quyền cho từng cấp độ quản lý trên phụ thuộc vào từng nội dung cụ thể của quyền chủ sở hữu nhà nước, cũng như vào từng loại hình DNNN (loại doanh nghiệp hoạt động kinh doanh quy mô lớn có hội động quản trị, loại doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ, loại doanh nghiệp hoạt động công ích và thuộc lĩnh vực an ninh quốc phòng).

Ba là, xác định giới hạn về phạm vi và mức độ xóa bỏ chế độ bộ và cấp hành chính chủ quản phù hợp với từng loại hình DNNN ở nước ta. Sau khi tiến hành một số công việc điều chỉnh, sắp xếp lại DNNN, về cơ bản đã hình thành ba loại hình DNNN :

- Các tổng công ty nhà nước được thành lập theo Quyết định 90/TTg, 91/TTg, và các DNNN độc lập quy mô lớn.

- Các DNNN hoạt động công ích và trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng.

- Các DNNN hoạt động kinh doanh vừa và nhỏ.

Các tiêu chí để xác định quy mô DNNN đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư ấn định. Còn việc xác định những DNNN hoạt động công ích thì có phần phức tạp hơn ở hai khía cạnh : *Một là,* thế nào là những lĩnh vực hoạt động công ích ? *Hai là,* doanh nghiệp vừa có phần hoạt động công ích vừa có phần hoạt động kinh doanh thì xử lý thế nào ?

Trong ba loại hình DNNN nói trên, nên áp dụng ba mô hình tổ chức quản lý nhà nước khác nhau (ít nhất là ở giai đoạn hiện nay), theo tôi đại thể như sau :

- Đối với các tổng công ty nhà nước và DNNN độc lập quy mô lớn cần xóa bỏ mô hình bộ và cấp hành chính chủ quản, ủy quyền mạnh hơn cho hội đồng quản trị. Các bộ quản lý ngành và bộ chức năng làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về hành chính - kinh tế là chủ yếu và có thể được ủy quyền (với mức độ hạn chế) để đảm nhận một số nhiệm vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN.

- Đối với DNNN hoạt động công ích và an ninh - quốc phòng vẫn nên duy trì chế độ bộ và cấp hành chính chủ quản, trong khi chưa tìm ra mô hình mới hợp lý và hiệu quả hơn thay thế. Các doanh nghiệp này cần thiết phải hoạt động theo cơ chế "cứng" hơn, hạn hẹp hơn về quyền tự chủ, nhằm đáp ứng các nhiệm vụ chính trị - xã hội là chủ yếu. Nếu trong một doanh nghiệp vừa có phần hoạt động công ích vừa có phần hoạt động kinh doanh thì cần phải hoạt động theo hai cơ chế song song, hạch toán theo hai phần riêng, không được lẫn lộn với nhau và không nên coi cái nào là chính, cái nào là phụ.

Về mặt tổ chức các DNNN hoạt động công ích vẫn có thể hình thành các tập đoàn hay tổng công ty lớn và cũng có thể áp dụng hình thức đa dạng hóa sở hữu hoặc chuyển hình thức sở hữu như các loại hình doanh nghiệp khác.

- Đối với các DNNN quy mô vừa và nhỏ, trong khi tiếp tục sắp xếp lại và đẩy mạnh cổ phần hóa thì chủ yếu là phân cấp, ủy quyền cho ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện chức năng chủ sở hữu thông qua bộ máy các sở (sở Tài chính, sở Kế hoạch - Đầu tư, sở Công nghiệp, sở Thương mại...). Đồng thời có cơ chế giao quyền rộng hơn cho giám đốc các doanh nghiệp này trên cơ sở tổ chức lại công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước.

Tóm lại, vấn đề xóa bỏ dần chế độ bộ chủ quản và cấp hành chính chủ quản đối với DNNN ở nước ta là một cách làm mới mẻ cả về lý luận cũng như thực tiễn. Điều đó đặt ra sự cần thiết phải tiếp tục tìm tòi, thử nghiệm, nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm thực tiễn để hoàn thiện từng bước và kịp thời khắc phục những khiếm khuyết, nhằm thực hiện một cách có hiệu quả cơ chế quản lý, mở đường và tạo điều kiện phát huy tính chủ động, sáng tạo, phát huy sức mạnh của hệ thống DNNN trong nền kinh tế quốc dân. ❑

Digitized by Google

Vài suy nghĩ về truyền thống dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa

NGUYỄN MẠNH HƯỞNG *

Toàn cầu hóa, quốc tế hóa đang là xu thế nổi bật của thời đại, bao trùm lên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đó là quá trình chuyển hóa lẫn nhau đa dạng, nhiều chiều giữa các mối quan hệ cộng đồng nhân loại và các cộng đồng quốc gia dân tộc. Trong xu thế ấy các quốc gia dân tộc có mối quan hệ ngày càng phụ thuộc lẫn nhau và ngày càng gắn bó với nhau. Xu thế này ngày càng phát triển cả chiều rộng, chiều sâu và cả tầm cao, tính cộng đồng quốc gia dân tộc càng trở nên quan trọng. Trong xu thế hội nhập thế giới ấy, các quốc gia dân tộc, muốn không tự đánh mất mình thì phải giữ gìn được bản sắc dân tộc, trong đó có những giá trị truyền thống. Vì thế, vấn đề gìn giữ truyền thống hiện nay nổi lên như là một vấn đề quan trọng trong quá trình hội nhập với cộng đồng thế giới.

Ở nước ta, trong mấy năm gần đây, việc kế thừa di sản truyền thống dân tộc được đề cập một cách cấp bách và toàn diện hơn. Nhưng trên thực tế, cả mặt nhận thức lẫn trong hoạt động thực tiễn, có thể thấy một số xu hướng lệch lạc trong vấn đề này :

- Xem xét truyền thống như là một cái gì lỗi thời, lạc hậu "xưa cũ", không còn giá trị, cần phải vượt qua. Đây thực chất là sự quay lưng với lịch sử, coi truyền thống là sản phẩm, nguyên nhân của nghèo nàn, lạc hậu dẫn đến tư tưởng sùng bái nước ngoài, tự đánh mất bản sắc dân tộc, hủy hoại sức mạnh bên trong, mất đi tính bền vững của sự phát triển.

- Coi truyền thống chỉ đơn thuần là kinh nghiệm của quá khứ, cho nên kế thừa truyền thống kiểu "cha truyền con nối" nguyên dạng. Hoặc là, lý tưởng hóa những giá trị của truyền thống, nhấn mạnh tính bền vững, trường tồn của nó, không thấy truyền thống bao hàm cả sự kế thừa, phát triển và đổi thay, thiếu con mắt lịch sử và phát triển khi nhìn nhận di sản truyền thống.

- Kế thừa truyền thống thiếu quan điểm khoa học và đúng đắn, dẫn đến việc quay trở lại với các truyền thống lạc hậu, những phong tục tập quán lỗi thời và cả những hủ tục, mê tín dị đoan. Đây là biểu hiện của chủ nghĩa phục cổ máy móc.

- Nói đến truyền thống chỉ như một "mốt", một vật "trang sức", thực chất không có kế thừa và phát huy. Tiếp thu nền văn hóa thế giới một cách tràn lan, thiếu chọn lọc ; du nhập văn hóa phương Tây bừa bãi, hủy hoại bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

Những sai lầm trong nhận thức và hành động đều dẫn đến những ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của đất nước, đến sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà chúng ta đang tiến hành. Để kế thừa và phát huy truyền thống một cách đúng đắn và có hiệu quả hơn, trước hết cần phải có nhận thức đúng đắn về vấn đề truyền thống :

Thứ nhất : Phải xem xét truyền thống như là một cơ sở, sức mạnh nội sinh, một động lực cho sự phát triển, một yếu tố cơ bản bảo đảm đưa dân tộc hội nhập thế giới. Theo *Từ điển tiếng Việt*, truyền thống là "thói quen hình thành đã lâu đời trong lối sống và nếp nghĩ, được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác". Truyền thống là sản phẩm của lịch sử quốc gia dân tộc và là bản chất của quá trình lịch sử ấy. Mỗi dân tộc có di sản truyền thống

* PTS. Học viện Chính trị - Quân sự

Digitized by Google

riêng của mình, tạo thành nền tảng tinh thần cho cộng đồng dân tộc do những điều kiện tự nhiên - lịch sử với biết bao thế hệ con người của dân tộc ấy tạo nên, nó nói lên mặt mạnh và cả mặt hạn chế của lịch sử dân tộc. Con người sống trong cộng đồng dân tộc, dù có ý thức hay không đều mang trong mình di sản truyền thống dân tộc ấy. Di sản truyền thống là khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của chủ thể nhận thức, nhưng việc đánh giá truyền thống, xác định nấc thang giá trị của những truyền thống cụ thể lại do ý chí của chủ thể nhận thức. Ở đây có mối quan hệ giữa truyền thống với hiện tại, giữa quá khứ lịch sử với cuộc sống đương thời, giữa thế hệ cha ông với thế hệ con cháu. Các bậc tiền bối đã sản sinh ra truyền thống ; kế thừa và phát huy, phát triển là công việc của hậu thế. Và do vậy, truyền thống phát huy được sức mạnh như thế nào là do hậu thế có biết kế thừa hay không.

Trong xu thế quốc tế hóa, toàn cầu hóa, hơn lúc nào hết các quốc gia dân tộc cần tự khẳng định mình. Vì thế, vấn đề truyền thống càng trở nên quan trọng.

Thực tiễn lịch sử thế giới mấy thập kỷ qua cho thấy nhiều quốc gia trên con đường tìm kiếm sự phát triển đã giải quyết khá thành công giữa vấn đề hội nhập và truyền thống dân tộc (tuy rằng ở mỗi nước cũng có những vấn đề đặt ra cần tiếp tục giải quyết), do vậy đã đạt được những thành tựu đáng khâm phục. Hàn Quốc, Đài Loan, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a..., đặc biệt Nhật Bản, là những ví dụ sinh động. Trong diễn văn gửi "Hội nghị nghiên cứu con người, giáo dục, phát triển và thế kỷ XXI" tổ chức tại Hà Nội tháng 7-1994, Hội trưởng SGI I-ke-da Dai-sa-ku viết : "Dân tộc Nhật Bản, trong lịch sử đã bồi đắp Phật giáo đại thừa, lấy đó làm cột trụ để xây dựng nền tảng tinh thần, có tính tôn giáo, luân lý. Nước Nhật đã dùng nền tảng này làm nguồn động lực để hoàn thành công cuộc hiện đại hóa" (1).

Một bộ phim tư liệu về Nhật có lời thuyết minh : "Đất nước Nhật Bản tài nguyên nghèo nàn, đảo nhỏ manh mún, thiên nhiên khắc nghiệt nhưng cha ông chúng ta với trí thông minh và sự lao động cần cù, dũng cảm đã tạo nên cơ đồ tráng lệ ngày nay. Vậy các thế hệ con cháu muốn sống xứng đáng với cha ông thì phải có đôi đũa thần là trí tuệ với bàn tay" (2). Thành công của Nhật Bản là ở chỗ, biết xây dựng "nền tảng tinh thần", phát huy truyền thống "trí thông minh với sự lao động cần cù, dũng cảm" để tạo ra "nguồn động lực" cho sự phát triển đất nước, hoàn thành công cuộc hiện đại hóa.

Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng việc kế thừa và phát huy những giá trị của truyền thống dân tộc. Tổng Bí thư Đỗ Mười có nói : một dân tộc trên con đường phát triển phải luôn luôn gắn với cội nguồn, với truyền thống và bản sắc của mình (Bài nói chuyện tại Đại hội đảng bộ Đại học sư phạm ngày 19-1-1996). Tại Hội nghị Trung ương lần thứ hai (khóa VIII), một lần nữa, đồng chí nhấn mạnh : "Bước vào thời kỳ mới, chúng ta phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực tự cường đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, phát huy đầy đủ năng lực nội sinh của dân tộc... Chăm lo phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ chính là nhằm giữ gìn và phát huy truyền thống Nhân, Trí, Dũng, nhân lên gấp bội sức mạnh của cả dân tộc trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xóa bỏ lạc hậu, nghèo nàn, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, biến lý tưởng mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội thành hiện thực" (3).

Rõ ràng, bất cứ quốc gia dân tộc nào cũng không thể phát triển ổn định, bền vững nếu như không phát huy được "năng lực nội sinh" của cả dân tộc. Với đất nước ta, một trong những yếu tố bảo đảm thành công cho sự nghiệp đổi mới là chúng ta luôn khẳng định được cái "tôi" đặc thù của dân tộc trong cái chung nhân loại, luôn giữ gìn và phát huy được "truyền thống Nhân, Trí, Dũng, nhân lên gấp bội sức mạnh của cả dân tộc".

Thứ hai : Cần có quan điểm toàn diện, mang tính lịch sử và biện chứng khi đánh giá

---

(1) *Nghiên cứu con người, giáo dục, phát triển và thế kỷ XXI* Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế từ 27 - 29-7-1994 tại Hà Nội, Hà Nội, 1995, tr 17

(2) Báo *Quân đội nhân dân*, 12-12-1996, tr 4

(3) *Tạp chí Cộng sản*, số 1, 1997, tr 5 - 8

Digitized by Google

những di sản truyền thống, thấy mặt tích cực, mặt mạnh và cả mặt tiêu cực, mặt hạn chế của di sản truyền thống. Chỉ thấy mặt tích cực không thấy mặt hạn chế của di sản truyền thống, hoặc ngược lại đều là những nhận thức không đúng. Cả hai mặt này đều là sản phẩm của lịch sử. Quay lưng với lịch sử, coi truyền thống như là sức ỳ của quá khứ thì chúng ta sẽ đón nhận "phát đại bác" từ tương lai.

Chúng ta nhận thức truyền thống là tìm ra những giá trị đích thực, tinh hoa, bản sắc văn hóa dân tộc, để phát huy, chỉ ra mặt hạn chế, phong tục tập quán lạc hậu để khắc phục, sửa chữa hoặc xóa bỏ nhằm mục đích phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, đưa đất nước vào dòng văn minh nhân loại. Đó là thái độ khoa học và đúng đắn.

Di sản truyền thống Việt Nam là sản phẩm của quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước suốt mấy ngàn năm. Trong di sản ấy, có những truyền thống trở thành những giá trị bền vững, trường tồn, trở thành cốt cách, tạo nên sức sống mãnh liệt của dân tộc. Những truyền thống trở thành giá trị chủ đạo trong nấc thang giá trị truyền thống Việt Nam : tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc cao, tinh thần tự lực tự cường ; nhân đạo, vì nghĩa, "thương người như thể thương thân" ; lao động thông minh, cần cù, sáng tạo ; bất khuất, kiên cường, dũng cảm... đã được nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng phát huy đến độ rực rỡ, và cần nâng cao hơn nữa trong điều kiện mới. Những nhược điểm và hạn chế của di sản truyền thống là tư tưởng bình quân chủ nghĩa theo kiểu "cào bằng", cục bộ, địa phương, thói ghen ghét, đố ky, tùy tiện thiếu tinh thần pháp luật... không phù hợp với yêu cầu phát triển của thời đại, trở thành lực cản và cần phải khắc phục.

Như thế đã rõ, trở về với truyền thống, với cội nguồn dân tộc là trở về với chính mình, với bản sắc dân tộc. Điều đó tuyệt nhiên không phải là lý tưởng hóa di sản truyền thống và hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa phục cổ.

Thứ ba : Giá trị truyền thống không phải là cái gì bất biến, cố định, mà nội hàm và sự thể hiện của nó có sự phát triển khi điều kiện lịch sử đã đổi thay. Nội hàm của giá trị truyền thống không phải lúc nào cũng như nhau trong những điều kiện lịch sử, hoàn cảnh xã hội khác nhau, và do đó nấc thang giá trị của những di sản truyền thống cũng có sự thay đổi. Vì vậy, giá trị truyền thống phải được kế thừa và phát huy theo hướng hiện đại. Những giá trị truyền thống cơ bản tiêu biểu cho bản sắc, phẩm giá và sức sống dân tộc đóng vai trò chủ đạo định hướng cho nhận thức, hành vi và ứng xử của con người Việt Nam cũng cần phải có nội dung mới, chất lượng mới phù hợp với hiện đại.

Yêu nước, trung với nước là một giá trị truyền thống chủ đạo của dân tộc Việt Nam. Trong thời kỳ phong kiến đó là chủ nghĩa trung quân ái quốc, trung với vua có nghĩa là trung với nước, dù rằng vị vua ấy có thể bất tài, có thể làm trái với lợi ích quốc dân, nhưng bề tôi vẫn phải trung thành. Không thấy đất nước bao gồm cả lãnh thổ, quốc gia, dân tộc mà chỉ thấy vua với dòng họ đương quyền. "Yêu nước" như vậy không phải là cái để chúng ta kế thừa, phát huy.

Song chính tinh thần yêu nước nồng nàn, lòng tự tôn, ý thức dân tộc cao mà dân tộc ta đã làm nên những kỳ tích lịch sử : hơn 10 thế kỷ Bắc thuộc không bị đồng hóa, chiến thắng oanh liệt những đế chế phong kiến phương Bắc và đế quốc lớn phương Tây. Và chính tinh thần yêu nước đó đã sản sinh ra những nhân vật lịch sử : Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... trở thành những anh hùng dân tộc là niềm tự hào mãi mãi của dân tộc. Đây là giá trị yêu nước đích thực của truyền thống, tạo nên sức sống mãnh liệt của dân tộc Việt Nam, chúng ta cần kế thừa, phát huy và tôn vinh. Vấn đề quan trọng hiện nay là làm sao chuyển giá trị truyền thống này từ lĩnh vực chống ngoại xâm, bảo vệ đất nước, sang lĩnh vực lao động, xây dựng, chống nghèo nàn, lạc hậu vươn tới văn minh, hiện đại. Cho nên, yêu nước ngày nay phải bao hàm cả sự phấn đấu

Digitized by Google

đưa đất nước thoát khỏi cảnh nước chậm phát triển, đứng vào hàng ngũ các dân tộc văn minh.

Kế thừa truyền thống còn bao hàm cả sự sáng tạo ra những giá trị truyền thống mới. Mỗi một thế hệ chẳng những phải kế thừa, phát huy giá trị truyền thống mà còn cần phải sáng tạo ra những giá trị mới, bồi đắp, nâng cao chất lượng những giá trị cũ. Thế hệ hiện tại không thể đưa dân tộc phát triển được nếu như nó không biết sáng tạo ra những giá trị truyền thống mới. Công cuộc chấn hưng đất nước hiện nay, hơn lúc nào hết, đòi hỏi thế hệ chúng ta sáng tạo ra những phẩm chất giá trị mới.

Kiên định con đường xã hội chủ nghĩa của dân tộc, lối tư duy khoa học, nhạy bén, năng động, dám nghĩ, dám làm, sống có pháp luật, giàu tình người, đầy tính lương thiện... đã và đang là giá trị được tạo lập và ngày càng bền vững hiện nay.

Hội nhập vào xu thế toàn cầu hóa là để đón nhận tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần sáng tạo của mình vào nền văn minh ấy ; đồng thời để phát triển dân tộc, đưa đất nước tiến lên, chứ không phải là làm biến dạng dân tộc, hủy hoại bản sắc của mình. Tiếp thu văn hóa nhân loại chứ không phải du nhập bằng bất cứ giá nào văn hóa phương Tây, không phải để hạ thấp những giá trị truyền thống dân tộc. Thực tế đã chứng minh nhiều quốc gia đã phải trả giá đắt cho sự thiếu tỉnh táo khi lựa chọn chiến lược phát triển, cho sự thờ ơ, quay lưng với truyền thống. Ngay Nhật Bản cũng đã xảy ra hiện trạng "bị xâm lược" bởi "cái xấu" của nền văn minh vật chất đang "đứng trước nguy cơ về suy thoái luân lý, khô cạn về tinh thần" (4).

Dân tộc ta chỉ có thể phát triển và khẳng định được chính mình trong dòng chảy nhân loại khi biết giữ gìn, bảo vệ, phát huy và tôn tạo những giá trị truyền thống, bản sắc của mình !❑

(4) *Nghiên cứu con người, giáo dục, phát triển và thế kỷ XXI*. Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế từ 27 - 29-7-1994 tại Hà Nội, Hà Nội, 1995, tr 18

CÁCH MẠNG...

(Tiếp theo trang 9)

vẫn không đủ cơm ăn, áo mặc, không được học hành thì độc lập, tự do cũng chẳng có nghĩa lý gì. Chính vì vậy mà những suy tư trăn trở của Đảng ta để hình thành đường lối đổi mới mà trước nhất là đổi mới kinh tế (từng bước hoàn thiện cơ cấu kinh tế mới, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng GDP, chuyển sang thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước...) là một đóng góp cả về thực tiễn và lý luận làm phong phú thêm bài học sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười. Đề cập đến bước chuyển của cách mạng, Lê-nin đã chỉ ra hai nhiệm vụ phải nối tiếp nhau, nương tựa vào nhau. *Một là* thiết lập và tăng cường sức mạnh của chính quyền cách mạng. *Hai là*, phải bắt tay vào xây dựng một nền kinh tế mới. "Nếu chúng ta không giải quyết vấn đề thứ hai thì tất cả những thành quả, tất cả những thắng lợi chúng ta đã giành được trong việc lật đổ bọn bóc lột và vũ trang chống lại bọn đế quốc quốc tế, sẽ chỉ là vô ích ; và sự phục hồi chế độ cũ là điều không thể tránh khỏi". (9)

Có thể nói rằng đường lối của Đảng ta thể hiện trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII là bản tổng kết toàn diện những bài học kinh nghiệm của đảng cầm quyền sau Cách mạng Tháng Mười. Phát huy đầy đủ, cao độ những thành tựu đã đạt được và những quan điểm tư tưởng chỉ đạo về hành động, đồng thời khắc phục triệt để những khuyết điểm, thiếu sót và một vài biểu hiện lệch lạc mà Đại hội đã nghiêm khắc kiểm điểm, chắc chắn chúng ta sẽ bước tới những thành công to lớn hơn nữa. Kiên trì con đường của chủ nghĩa xã hội, trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh đó là bài học lớn nhất, tổng quát nhất sau Cách mạng Tháng Mười. Trong thời đại ngày nay, nói cho cùng, thực chất chỉ có hai hệ tư tưởng, đó là hệ tư tưởng tư sản và hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Mọi sự lơi lỏng, xa rời tư tưởng xã hội chủ nghĩa đều có nghĩa là tăng cường cho hệ tư tưởng tư sản - không có thứ tư tưởng trung dung nào khác. ❑

(9) Xem V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 42, tr 33

Digitized by Google

BẠC LIÊU ỔN ĐỊNH VÀ TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN

NGUYỄN VĂN ÚT*

ĐỨNG chân trên vùng đất 248 496 ha, trong đó có 176 ngàn ha đất sản xuất nông nghiệp đang trở mình mạnh mẽ theo tiến trình "ngọt hóa" từ dòng sông Hậu có 40 ngàn ha đất nuôi trồng thủy sản, có 54 km bờ biển với một ngư trường khai thác hải sản rộng lớn, ... Bạc Liêu, mảnh đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng hàm chứa rất nhiều tiềm năng cho một nền kinh tế toàn diện.

Kế thừa, phát huy những thành tựu đã đạt được và những kinh nghiệm quý báu của Minh Hải, bằng sức mạnh của chính mình, sự quan tâm giúp đỡ hiệu quả của trung ương, từ khi tái lập tỉnh đến nay (1-1-1997), Bạc Liêu đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, nhanh chóng ổn định về mọi mặt, nỗ lực giành được những kết quả quan trọng, trong đó có nhiều thành tích chưa từng có so với những năm qua, thật sự tạo cho tỉnh khởi sắc, đưa tình hình kinh tế - xã hội phát triển nhanh hơn, bước đầu không phụ lòng mong đợi của nhân dân trong tỉnh.

Nhìn lại một cách tổng thể chặng đường Bạc Liêu đã đi qua, từ những thành tựu cũng như những hạn chế, nhược điểm và khuyết điểm của mình, chúng tôi rút ra một số điều bổ ích đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành trước mắt để đưa tỉnh tiếp tục đi tới năm 2000.

1 - Tiếp tục giữ vững và phát huy tốt hơn nữa truyền thống cách mạng, đoàn kết chung sức chung lòng và tâm huyết xây dựng quê hương Bạc Liêu ngày càng giàu mạnh.

Đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc ta, của Đảng ta. Đối với Bạc Liêu - một vùng đất trẻ trung mới có tuổi sinh thành hơn một thế kỷ, dạn dày tôi luyện qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ, đoàn kết thống nhất càng hun đúc và trở thành ngọn nguồn của mọi sức mạnh, là quy luật của sự sinh tồn và phát triển. Đặc biệt, ở những buổi ban đầu đầy gian nan, thử thách vừa qua đối với 800 ngàn đồng bào bao gồm nhiều dân tộc anh em, nhất là với gần 7000 đảng viên, cán bộ của Bạc Liêu thì đoàn kết thống nhất không chỉ là một tất yếu, mà còn là một nhu cầu nội tại, là máu thịt của sự trưởng thành và là thước đo của lòng yêu quê hương, của tâm huyết vì một Bạc Liêu giàu mạnh.

Chúng tôi ý thức rõ rằng, muốn tạo ra và bảo đảm bầu không khí đoàn kết thống nhất trước hết phải từ trong nội bộ đảng và các cấp chính quyền. Ở đây, công tác tư tưởng đã đi trước một bước, các tổ chức đảng, các cấp chính quyền và các đoàn thể, theo chức năng của mình tổ chức học tập quán triệt đường lối của Đảng trong giai đoạn mới. Sự kiện tỉnh Bạc Liêu được tái lập (với những thuận lợi và khó khăn) cũng đã tạo ra luồng sinh khí mới quyết tâm đoàn kết thống nhất ý chí và hành động trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân làm cho mọi người thêm hăng hái thi đua lao động, học tập, khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện các mục tiêu chung. Tuy có rất nhiều công việc cần phải làm nhưng chúng tôi đã tập trung cao cho công tác sắp xếp, chấn chỉnh và ổn định tổ chức cán bộ, bởi đây là vấn đề nhạy cảm nhất, then chốt nhất đối với việc gìn giữ khối đoàn kết nhất trí. Đến nay ở Bạc Liêu đã kiện toàn một bước rất cơ bản 58 ban, ngành cấp tỉnh, 4 đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, 17 đảng đoàn và ban cán sự đảng, điều động, phân công, bố trí 303 cán bộ các loại...

* Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu

Digitized by Google

Việc sắp xếp tổ chức bộ máy và phân công, bố trí cán bộ được tiến hành đúng nguyên tắc, quy trình, quy định và phân cấp quản lý cán bộ, đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài. Đồng thời, chúng tôi cũng dành sự tập trung cao trong công tác xây dựng chính quyền, nhanh chóng đưa hoạt động của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp đi vào nền nếp, nhịp nhàng và hiệu quả. Đặc biệt, tỉnh đã xây dựng và kịp thời ban hành quy chế làm việc, quy chế công tác và phối hợp giữa ủy ban nhân dân với các ngành, với mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể... Từ đó chúng tôi đã tạo nên được sự thống nhất đã phát huy tác dụng tốt trong chỉ đạo và thực hiện.

Mặt trận và các đoàn thể đã nhanh chóng vượt qua những khó khăn ban đầu, vừa sắp xếp, ổn định về tổ chức, vừa đẩy mạnh hoạt động, đoàn kết, tập hợp, vận động, hướng dẫn các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các phong trào hành động. Hàng loạt các cuộc thi đua : "Xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" từ đô thị tới nông thôn ; "tuổi trẻ giữ nước và lập nghiệp" trong thanh niên ; "giúp nhau làm kinh tế gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan" trong phụ nữ ; "sản xuất giỏi" trong nông dân. Đặc biệt hai phong trào : xây dựng giao thông nông thôn và xây dựng "quỹ đền ơn đáp nghĩa" đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia và đạt kết quả cao nhất từ trước tới nay. Hội Nông dân và Hội Phụ nữ tiếp tục huy động và sử dụng có hiệu quả "quỹ hỗ trợ nông dân sản xuất" và "ngày tiết kiệm vì phụ nữ nghèo". Các phong trào này đã củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động và uy tín của Mặt trận và các đoàn thể. Đồng thời, cũng chính các phong trào đã hối thúc, yêu cầu Mặt trận và các đoàn thể phải nỗ lực hơn nữa đáp ứng ngang tầm nhiệm vụ của mình.

2 - Xác định rõ, đúng những công tác trọng yếu, những lĩnh vực bức xúc do thực tế đặt ra, lựa chọn trúng những bước đi, giải pháp phù hợp, giải quyết dứt điểm và hiệu quả, vừa bảo đảm thế ổn định trước mắt, vừa mở khâu đột phá cho yêu cầu phát triển lâu dài.

Cùng với cả nước, Bạc Liêu vẫn đang đương đầu với bốn nguy cơ mà Đảng ta đã xác định, đặc biệt là nguy cơ tụt hậu về kinh tế càng gay gắt hơn do nền kinh tế của tỉnh chủ yếu là nông nghiệp, sản xuất nhỏ là phổ biến, cơ sở hạ tầng thấp kém, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp nhỏ bé, nhiều vấn đề xã hội đang diễn ra ngày càng phức tạp. Hơn nữa, Bạc Liêu lại ở xa các trung tâm kinh tế - văn hóa của đất nước, việc tiếp nhận thông tin, thành tựu khoa học - kỹ thuật và tranh thủ sự đầu tư của nước ngoài... khó khăn hơn nhiều tỉnh bạn. Mặt khác, lực lượng cán bộ còn mỏng, trình độ quản lý, điều hành chuyên môn nghiệp vụ... còn nhiều hạn chế. Mật độ dân số khá cao so với nhiều tỉnh trong khu vực. Đời sống mọi mặt của nhân dân, nhất là nhân dân các vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng và vùng dân tộc còn gặp nhiều khó khăn. Những vấn đề đó đã, đang và sẽ tiếp tục là áp lực lớn cản trở tiến trình phát triển của Bạc Liêu.

Xuất phát từ tình hình và đặc điểm đó, chúng tôi xác định toàn thể đảng bộ, quân dân Bạc Liêu, hơn bao giờ hết phải khơi dậy và huy động mọi nguồn lực của nền kinh tế, phát huy sự năng động của các thành phần kinh tế phát triển lực lượng sản xuất, đổi mới tổ chức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế. Đồng thời, mở rộng liên doanh, liên kết kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài, coi trọng giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ, sử dụng và bồi dưỡng có hiệu quả nguồn năng lực và trí tuệ hiện có phục vụ sự phát triển ; xác lập, củng cố và nâng cao địa vị làm chủ của người lao động, kết hợp hài hòa mục tiêu phát triển kinh tế với tăng trưởng xã hội một cách bền vững và bảo vệ an ninh - quốc phòng ; tạo điều kiện để các vùng kinh tế, xã hội trong tỉnh đều phát triển tương xứng, ưu tiên đầu tư các vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng và vùng có nhiều khó khăn, hạn chế chênh lệch quá xa về nhịp độ tăng trưởng.

Để củng cố vững chắc những gì đã giành được, giữ vững thế ổn định, chúng tôi đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở kế thừa những thành tựu và tốc độ phát triển của tỉnh Minh Hải (cũ). Trước hết, tập trung tâm lực phát triển nhanh, vững chắc và toàn diện nông - ngư - lâm nghiệp, trên nền tảng gắn chặt với thị trường và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Do đó, việc xây dựng

Digitized by Google

và phát triển *một nền nông nghiệp toàn diện và bền vững*, nâng cao chất lượng hàng hóa, đa dạng hóa vật nuôi, cây trồng ; kết hợp sản xuất chuyên canh, với phát triển sản xuất tổng hợp là vấn đề trọng tâm vừa có ý nghĩa trước mắt, vừa mang ý nghĩa chiến lược. Cho nên, khẩn trương quy hoạch lại sản xuất cho từng vùng cụ thể, phù hợp với sự phát triển trước mắt và lâu dài được coi là một nhiệm vụ then chốt, quan trọng hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp, gắn với phát triển nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cụ thể là phải ổn định diện tích canh tác lúa gồm 140 000 ha theo quy hoạch ; sử dụng hợp lý đất đai ba vùng kinh tế : vùng "ngọt hóa" trong dự án Quản Lộ - Phụng Hiệp, vùng kinh tế biển và ven biển, và vùng kinh tế nước lợ.

Đồng thời xét về mặt chiến lược, chúng tôi coi kinh tế thủy sản là *thế mạnh*, là ngành *kinh tế mũi nhọn*, có khả năng tạo ra giá trị xuất khẩu lớn. Do đó, chúng tôi đã dành sự chỉ đạo và đầu tư từng bước tương xứng bảo đảm phát triển toàn diện và theo chiều sâu cả ba phương diện : khai thác, nuôi trồng và chế biến. Trước mắt, song song với việc quy hoạch lại diện tích nuôi tôm và những điều kiện cần và đủ cho lĩnh vực này, chúng tôi xúc tiến mạnh xây dựng đề án sử dụng hợp lý vùng đất bãi bồi ven biển, nuôi trồng thủy sản và đầu tư đúng mức cho việc đánh bắt xa bờ theo hướng ngoảnh mặt ra biển bằng những đội tàu có công suất lớn từ 90 CV trở lên. Nhanh chóng xây dựng và nâng cấp các làng cá tập trung gắn với dịch vụ nghề biển ở Gành Hào, Nhà Mát, Cái Cùng. Đồng thời, khuyến khích nhân dân phát triển mạnh nuôi cá, tôm nước lợ, chuyển đổi nhanh việc nuôi trồng thủy sản phù hợp với tiến trình "ngọt hóa" bảo đảm đạt hiệu quả kinh tế cao cả trước mắt và lâu dài.

Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng tôi chủ trương phát triển nhanh, vững chắc và có hiệu quả các ngành công nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế, *gắn chặt* với quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và nhu cầu của thị trường. Bạc Liêu hướng mạnh vào việc đẩy nhanh tốc độ phát triển các ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ, giải quyết nhiều việc làm kích thích tăng trưởng kinh tế - xã hội nông thôn. Đồng thời, dành điều kiện quan trọng thúc đẩy công nghiệp cơ khí phục vụ thiết yếu sản xuất nông - ngư nghiệp, tạo động lực mạnh mẽ cho sự chuyển dịch toàn diện khu vực quan trọng này theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thực tiễn hiện nay cơ sở hạ tầng của Bạc Liêu đang ở điểm xuất phát thấp nên nhiệm vụ xây dựng kết cấu hạ tầng được tỉnh coi là lĩnh vực trọng yếu, cấp bách. Bởi vậy, cùng với việc nhanh chóng hoàn chỉnh các dự án phát triển cơ sở hạ tầng có quy mô lớn, vượt quá khả năng của tỉnh để trình trung ương đưa vào kế hoạch nhà nước, chúng tôi bắt tay ngay vào việc nâng cấp, sửa chữa, xây mới các công trình thiết yếu, đặc biệt là hệ thống đường giao thông, điện, trường học, bệnh viện...

Trước mắt chúng tôi phối hợp chặt chẽ với hai tỉnh bạn : Sóc Trăng và Kiên Giang tranh thủ vốn đầu tư của nhà nước và huy động sức dân nâng cấp, xây dựng liên tỉnh lộ 38 đi qua thị xã Bạc Liêu nối liền tuyến lộ Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa thông với quốc lộ 63 ; đồng thời, phấn đấu xây dựng tuyến lộ Giá Rai - Gành Hào, Gành Hào - Nhà Mát tạo dựng một hành lang thông thương cần thiết. Nhanh chóng sử dụng các công trình thủy lợi vùng dự án "ngọt hóa" Quản Lộ - Phụng Hiệp đồng bộ, gắn chặt với phát triển hệ thống giao thông, kết hợp khăng khít giữa giao thông đường bộ với giao thông đường thủy và hệ thống bến cảng, tạo nên sự giao lưu cơ động, hiệu quả. Duy trì và đẩy mạnh phong trào làm thủy lợi giao thông nông thôn và các công trình hạ tầng cơ sở khác : chỉ đạo việc thực hiện huy động vốn và công sức của nhân dân cho xây dựng nông thôn mới, coi đây là nguồn vốn chủ yếu để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của Bạc Liêu, song song với việc tranh thủ nguồn vốn đầu tư của trung ương và huy động vốn từ ngoài nước. Vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm tiêu dùng, tăng tích lũy để phát triển nhà ở ; đồng thời, tranh thủ nguồn đầu tư của nhà nước và quốc tế cho chương trình nước sạch nông thôn và cung cấp nước sạch cho các khu vực đô thị.

3 - Xuất phát từ nhu cầu và lợi ích chính đáng của nhân dân kết hợp chặt chẽ giữa huy động sức dân với bồi dưỡng và tăng cường sức dân - cái gốc của sự ổn định và phát triển.

Digitized by Google

Muốn phát triển mạnh và bền vững trước hết phải giữ được thế ổn định, mà cái gốc của sự ổn định trước hết, nói như Nguyễn Trãi phải là sự "yên dân". Thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo vừa qua đã cho chúng tôi nhận thức rõ hơn điều giản dị đó. Một trong những yếu tố căn bản quyết định thắng lợi của sự chuyển động ở Bạc Liêu, đặc biệt trong buổi ban đầu mới đây, đó chính là sức mạnh của cộng đồng 800 ngàn người, trong đó có gần 7 000 đảng viên, đó cũng chính là sự chuyển động mạnh mẽ và sâu rộng từ cơ sở. Bởi vậy, điều gì đem lại lợi ích cho nhân dân, chúng tôi hết sức làm ; ngược lại điều gì làm tổn hại đến nhân dân phải hết sức tránh.

Có thể nói, thời gian vừa qua ở Bạc Liêu là thời gian của hàng loạt phong trào hành động *từ nhân dân, của nhân dân, xuất phát từ nhu cầu và lợi ích chính đáng của nhân dân* rộng khắp từ đô thị đến nông thôn, ở mọi đối tượng từ thanh niên, phụ nữ tới nông dân, học sinh. Đặc biệt, nổi bật là ba cuộc vận động lớn về xây dựng giao thông nông thôn, huy động quỹ "đền ơn đáp nghĩa" và "xóa trường lớp lụp xụp" đã thật sự tạo sắc thái mới cho Bạc Liêu, góp phần quan trọng đưa tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh hơn trên một số lĩnh vực, bước đầu đáp lại lòng mong đợi của đảng bộ và nhân dân. Vì thế, nhân dân đã tự nguyện đóng góp gần 4 tỉ đồng cho quỹ "đền ơn đáp nghĩa". Từ chính những phong trào trên đã có tác dụng lớn, tạo khí thế phấn khởi trong nhân dân, thắt chặt hơn mối liên hệ máu thịt giữa đảng, nhà nước và nhân dân.

Thực tiễn càng làm cho chúng tôi tâm đắc rằng : kết hợp chặt chẽ giữa huy động sức dân với bồi dưỡng và tăng cường sức dân - đó chính là *cái gốc* của thế ổn định và tiếp tục phát triển. Đây là điều đáng ghi nhận của Bạc Liêu vừa qua và nhất là trong tương lai. Bởi vậy, cùng với sự khuyến khích hợp tác, liên doanh giữa các thành phần kinh tế, tạo mọi điều kiện thuận lợi và bảo vệ lợi ích chính đáng của mọi thành phần kinh tế để họ yên lòng đầu tư sản xuất, kinh doanh, nhất là kinh doanh các ngành và lĩnh vực phù hợp với yêu cầu chung của tỉnh, chúng tôi tiến hành đồng bộ việc mở rộng tổ chức và đẩy mạnh hoạt động tín dụng đi đôi với khẩn trương hình thành mạng lưới tín dụng nhân dân rộng khắp, nhất là ở vùng nông thôn để mọi người đều được vay vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, "xóa đói giảm nghèo" nhằm từng bước kiềm chế tình trạng phân cực, phân hóa giàu nghèo. Trước mắt việc sử dụng tốt các nguồn vốn như quỹ quốc gia giải quyết việc làm, quỹ hỗ trợ người nghèo, tăng cường khả năng phục vụ của hệ thống ngân hàng người nghèo... có ý nghĩa vô cùng thiết thực. Nỗ lực thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục và đào tạo, tạo điều kiện huy động cao nhất trẻ em trong độ tuổi đến trường, nhất là người nghèo và con em các gia đình thuộc diện chính sách, con em đồng bào ở vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc. Thực hiện có hiệu quả việc xã hội hóa công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Trước mắt triển khai sâu rộng các chương trình y tế quốc gia, dân số kế hoạch hóa gia đình, giáo dục y tế cộng đồng và mở rộng y tế toàn dân. Điều cấp bách hiện nay là chúng tôi phải tập trung cải cách thủ tục hành chính, từng bước loại bỏ phiền hà, gây sách nhiễu nhân dân, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật những yêu cầu của quần chúng, xử lý kiên quyết những việc làm gây mất lòng tin trong nhân dân.

Với toàn bộ nỗ lực đó, cho đến hiện nay có thể nói Bạc Liêu đã nhanh chóng đi vào thế ổn định cơ bản và tiếp tục phát triển một cách toàn diện, một số mặt đạt tốc độ khá nhanh và tương đối vững chắc. Chúng tôi đang tiến tới Đại hội đại biểu lần thứ XI của đảng bộ tỉnh Bạc Liêu với quyết tâm : *Tiếp tục giữ vững sự ổn định về chính trị, nắm bắt thời cơ, vượt qua thử thách, tập trung mọi nguồn lực, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm sự phát triển toàn diện, bền vững và nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ hơn về văn hóa, xã hội cải thiện đời sống nhân dân, bảo vệ vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của bộ máy nhà nước... Trước hết, ưu tiên cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, đặc biệt là cơ sở hạ tầng cho phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn,* góp phần cùng cả nước thực hiện đạt và vượt các nhiệm vụ, mục tiêu thời kỳ 1996 - 2000 do Đại hội lần thứ VIII của Đảng đề ra, tạo tiền đề cho bước phát triển mới cao hơn vào đầu thế kỷ XXI.❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN DU LỊCH THỪA THIÊN - HUẾ THÀNH NGÀNH KINH TẾ MŨI NHỌN

NGUYỄN VĂN HÙNG * VÕ VĂN PHÚC **

TRONG những năm đổi mới, du lịch nước ta đã đạt được tiến bộ bước đầu, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế của đất nước. Xét trên tổng thể về du lịch, Thừa Thiên - Huế được xác định là một trong ba vùng trọng điểm du lịch của nước ta. Đây là tỉnh có tiềm năng phong phú, sản phẩm du lịch dồi dào có khả năng hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước. Tuy vậy, du lịch của Thừa Thiên - Huế vẫn còn nhiều mặt hạn chế chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu đặt ra. Làm thế nào để du lịch Thừa Thiên - Huế trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đó là nhiệm vụ quan trọng được xác định trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thừa Thiên - Huế là một tỉnh miền Trung nằm ở vị trí trung độ của cả nước, có diện tích tự nhiên là 5009 km^2, dân số 935 139 người, chiếm 1,5% diện tích và 1,4% dân số cả nước. Thừa Thiên - Huế có đầy đủ các dạng địa hình rừng núi, gò đồi, đồng bằng, bờ biển, (bờ biển dài 120 km). Huế là nơi duy nhất của Việt Nam còn bảo tồn tổng thể kiến trúc của một kinh đô lịch sử. Mặc dầu trải qua những biến đổi thăng trầm của lịch sử, Huế vẫn giữ được cho thế hệ hiện nay một kho tàng sử liệu đồ sộ, một di sản văn hóa độc đáo với đầy đủ hệ thống thành quách, cung điện, lăng tẩm, chùa chiền v.v... Quần thể di tích đó được sắp đặt trên một thiên nhiên ngoạn mục, với nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng như sông Hương, núi Ngự, cửa biển Thuận An, phá Tam Giang, Bạch Mã, Hải Vân... đan xen giữa thiên nhiên và con người, giữa quá khứ và hiện tại, giữa sự nhạy cảm kinh tế và sự bền vững trầm mặc vốn có. Quần thể di tích Huế trở thành di sản văn hóa không chỉ của Việt Nam mà của cả thế giới. Cuộc họp lần thứ nhất XVII của Ủy ban di sản thế giới ở Cô-lôm-bi-a (11-12-1993) UNESCO đã quyết định công nhận quần thể di tích Huế là tài sản văn hóa chung của nhân loại. Ngày 2-8-1994 tại lễ trao văn bằng công nhận được tổ chức trọng thể tại Hoàng cung Huế, ông Tổng giám đốc UNESCO đã ca ngợi : "Huế là thành phố độc quyền giữ trong lòng mình những kho tàng vô giá, một nhà bảo tàng kỳ lạ của nền văn hóa vật chất và tinh thần của Việt Nam". Các di tích lịch sử trước và sau cách mạng có ý nghĩa quan trọng đặc biệt như những dấu ấn không phai mờ của chặng đường lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. Nhóm di tích gắn liền cuộc đời niên thiếu của Bác Hồ khi Người ở Huế như : Trường Quốc học Huế, nhà lưu niệm của Bác tại Dương Nỗ... là hết sức quý giá. Ngoài ra ở Huế còn có di tích của Phan Bội Châu, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Chí Diểu, địa đạo Nam Sơn nhà ngục chín hầm..., có tiềm năng văn hóa độc đáo, đặc sắc như dân ca Huế, văn nghệ cung đình, các món ăn sang trọng như cơm Vua, món đặc sản chè có hương vị riêng như chè đậu ván, chè đậu ngự, chè bột lọc, chè đậu huyết, chè bông cau, chè xôi nước... Làng nghề và các sản phẩm truyền thống của Huế có từ rất lâu đời và phong phú. Với những ưu thế đó Thừa Thiên - Huế có thể phát triển nhiều loại hình du lịch như du lịch lịch sử, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch vui chơi giải trí.

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Đà Nẵng
** Cán bộ Thành ủy Huế

Digitized by Google

Trong những năm qua du lịch ở đây đã đạt được một số kết quả :

- Về số lượng khách du lịch tăng một cách đáng kể cả về số lượng và cơ cấu các loại khách. Từ năm 1989 trở về trước khách đến chủ yếu là từ các nước Đông Âu và Liên Xô (cũ), trong đó đa số là chuyên gia và khách đến theo ký kết giữa tổ chức công đoàn của các nước với Việt Nam. Số khách lúc bấy giờ ít, thời gian lưu lại không đáng kể. Từ năm 1990 trở lại đây nhờ chính sách mở cửa của Đảng ta, lượng khách quốc tế cũng như nội địa đến Thừa Thiên - Huế ngày càng đông. Năm 1991 khách quốc tế đến Thừa Thiên - Huế có 11 500 người, năm 1995 có 128 000 người (tăng hơn 11 lần). Khách du lịch đến Huế từ nhiều châu lục : Tây - Bắc Âu, Bắc Mỹ và châu Á - Thái Bình Dương, trong đó khách từ Tây - Bắc Âu là chủ yếu (chiếm 71,7%). Khách du lịch nội địa đã tăng từ 70 000 người (năm 1991) lên 159 200 người (năm 1995), gấp 3,5 lần. Số lượng khách đến Thừa Thiên - Huế từ năm 1991 đến năm 1995 liên tục phát triển (xem bảng 1).

Bảng 1 : Số lượng khách du lịch đến Thừa Thiên - Huế thời kỳ 1991 - 1995 (*)

Số lượng khách	1991	1992	1993	1994	1995	Tốc độ tăng bình quân năm (%)
Khách quốc tế	11 500	15 000	30 000	74 000	128 000	87,5
Khách nội địa	70 000	104 500	139 900	136 600	159 200	31,3
Tổng số	81 500	119 000	169 000	210 600	287 200	37,3

(*) *Nguồn* : Sở du lịch Thừa Thiên - Huế

- Du lịch tăng nhanh do đó doanh thu du lịch cũng tăng rõ rệt. Từ năm 1989 trở về trước doanh thu du lịch không đáng kể (1 tỷ đồng một năm). (Năm 1991 đạt 10,5 tỉ đồng và đến năm 1995 đạt 93,4 tỉ đồng, gấp 9 lần so với năm 1991). Cơ cấu doanh thu chủ yếu dựa vào nhà hàng lưu trú và khách sạn (chiếm 54,7%), trong đó doanh thu từ khách sạn 40,3%, du lịch ăn uống 14,4%. Đạt được kết quả đó là nhờ cơ sở vật chất phục vụ cho lưu trú nhà hàng tăng nhanh. Tính đến năm 1995 đã có 36 đơn vị kinh doanh khách sạn nhà hàng với 1 680 phòng (3 190 giường), trong đó trên 800 phòng đạt tiêu chuẩn quốc tế. Hầu hết các khách sạn nhà hàng đều có các món ăn Âu - Á và các món đặc sản mang sắc thái của Huế tùy theo nhu cầu của khách. Một số khách sạn đã có nhiều nhà hàng khác nhau như nhà hàng Cung đình, như khách sạn Hương Giang, Century... Các cửa hàng lưu niệm ở đây được phát triển nhanh chóng, các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ và đồ lưu niệm được bán nhiều ở khách sạn và các đường phố lớn, doanh thu các mặt hàng này chiếm 28,9%. Ngoài ra doanh thu từ vui chơi, giải trí chiếm 7,6%, tham quan danh lam thắng cảnh 4,8%, vận chuyển khách du lịch chiếm 31,1%.

- Lao động của ngành du lịch ở Thừa Thiên - Huế những năm qua đã được tăng lên. Hiện nay toàn ngành có 1 600 lao động, trong đó gần 40% lao động được đào tạo qua các hệ thống từ sơ cấp đến đại học.

Tuy nhiên ngành du lịch Thừa Thiên - Huế còn một số hạn chế, do đó doanh thu còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của tỉnh và với vai trò trung tâm trong mạng lưới các tuyến du lịch quốc gia và du lịch Bắc Trung bộ. Sản phẩm du lịch chưa phong phú về nội dung và chất lượng. Mối quan hệ giữa du lịch và văn hóa trong việc tôn tạo và khai thác các đối tượng du lịch phục vụ cho du khách chưa được chặt chẽ, thiếu nhiều cơ sở vui chơi giải trí. Các phương tiện vận chuyển chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác tiếp thị chưa được quan tâm đúng mức, chất lượng hiệu quả tuyên truyền quảng cáo chưa cao, cơ sở hạ tầng yếu kém... Tình trạng ăn xin, bán hàng rong, cò mồi giành giật khách ở một số điểm tham quan, làm ảnh hưởng rất lớn đến kinh doanh du lịch. Chính vì vậy số lượng khách đến cũng như doanh thu chưa cao. Cơ cấu doanh thu còn bất hợp lý, chủ yếu là doanh thu từ lưu trú và nhà hàng, còn vui chơi và giải trí thể thao doanh thu còn thấp. Danh lam thắng cảnh di tích là một ưu thế của Thừa Thiên - Huế nhưng doanh thu từ nguồn này mới đạt 4,8%. Ở các khách sạn, trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ kinh doanh còn yếu ; số cán bộ nhân viên chưa qua đào tạo còn chiếm tỷ lệ cao (60%). Về quản lý nhà nước

Digitized by Google

đối với du lịch còn yếu, chưa có biện pháp nhằm giải quyết những tiêu cực trong kinh doanh du lịch. Để phát huy được ưu thế, khắc phục những nhược điểm, ngành du lịch Thừa Thiên - Huế cần quán triệt một số phương hướng và nhiệm vụ sau đây :

1 - Tiếp tục khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch của địa phương, kết hợp việc hoàn thiện các sản phẩm du lịch đặc thù với phát triển cơ sở vật chất theo quy hoạch ; đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ nhân viên, nâng cao chất lượng hoàn thiện, đẩy mạnh công tác tiếp thị, khai thác thị trường từ xa... Nâng cao hiệu quả của kinh doanh, nhằm tạo điều kiện phát triển du lịch trong những năm còn lại của thế kỷ XX và chuẩn bị bước vào thế kỷ XXI đưa du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, tạo điều kiện thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phấn đấu GDP du lịch chiếm 17,8% trong tổng GDP của cả tỉnh vào năm 2000 và 30% GDP vào năm 2010.

2 - Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa du lịch và các ngành văn hóa - thông tin, giao thông - vận tải, nội vụ - hải quan... Phấn đấu tăng số lượng khách quốc tế vào năm 2000 là 560 - 650 nghìn lượt người, vào năm 2010 là 1,3 - 1,5 triệu lượt người, khách nội địa đạt khoảng 2,4 - 2,7 triệu lượt người vào năm 2010. Doanh thu dự kiến đến năm 2000 sẽ đạt khoảng 116 triệu USD và 606 triệu USD vào năm 2010.

3 - Dự báo trong những năm tới tốc độ tăng trưởng khách quốc tế đến Việt Nam sẽ cao. Nếu Thừa Thiên - Huế giữ được tỷ lệ khách so với Hà Nội và TP Hồ Chí Minh như hiện nay thì năm 1997 có khả năng đón được 325 nghìn lượt khách và năm 2000 sẽ là 560 000 lượt khách, bảo đảm tốc độ tăng bình quân một năm là 25% (cả nước là 22%). Sau năm 2000 tốc độ tăng về doanh thu sẽ cao hơn bao gồm các khoản lưu trú ăn uống vận chuyển, bán hàng lưu niệm và các dịch vụ khác. Theo thống kê của Sở Du lịch Thừa Thiên - Huế, một du khách quốc tế chi tiêu khoảng 60 USD/ngày, khách nội địa là 8 USD/ngày. Trong những năm tới khi các sản phẩm du lịch phong phú, chất lượng tăng sẽ có sức thu hút khách và mức độ chi tiêu của khách sẽ tăng lên.

Để đạt được mục tiêu trên, theo chúng tôi cần thực hiện một số giải pháp sau đây :

Một là, công tác quy hoạch, hoạch định chính sách xây dựng hành lang pháp lý cần được đổi mới và thực hiện tốt hơn. Mỗi dự án chương trình phát triển phải được xem xét đến khía cạnh môi trường hoặc văn hóa với du lịch. Quán triệt các hệ thống luật pháp nhà nước nói chung, đồng thời phải xem xét xây dựng các quy chế nội quy cụ thể về quản lý du lịch quy định bảo vệ môi trường du lịch.

Hai là, tăng cường xây mới nâng cấp tu sửa các cở hạ tầng phục vụ cho ngành du lịch, chú ý trước tiên đến hệ thống giao thông đường bộ, nâng cấp sân bay Phú Bài, tiếp tục nâng cấp các cơ sở lưu trú, tôn tạo và bảo quản các di tích và danh lam thắng cảnh.

Ba là, phát triển thị trường và nâng cao chất lượng cơ sở lưu trú vui chơi giải trí, tham quan và chất lượng phục vụ... Mặt khác, phải có nhiều hình thức tuyên truyền quảng cáo tăng cường công tác tiếp thị chuyên nghiệp, tham gia hội chợ triển lãm du lịch, mở văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài.

Bốn là, đa dạng các loại hình du lịch nhằm nâng cao sản phẩm du lịch và dịch vụ. Khai thác một cách hợp lý, sử dụng các tiềm năng tài nguyên và các điều kiện thiên nhiên kinh tế - xã hội của tỉnh, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch phù hợp với nhu cầu thị trường. Muốn vậy, cần phải hình thành ba cụm du lịch sau đây :

+ Cụm du lịch Huế và phụ cận với bán kính 20 km tính từ trung tâm. Đây là cụm du lịch lớn nhất giữ vị trí trung tâm vùng du lịch Bắc Trung bộ với trục tăng trưởng Huế - Đà Nẵng, có một ý nghĩa đặc biệt không chỉ đối với Thừa Thiên - Huế mà cả đối với du lịch Việt Nam. Sản phẩm du lịch của cụm này chủ yếu là du lịch văn hóa, tham quan các di tích, thưởng thức các loại nghệ thuật cung đình và dân gian, tham quan các danh lam thắng cảnh : sông Hương, núi Ngự, đồi Vọng Cảnh, đồi Thiên An, hồ Thủy Tiên... Ở đây, cần nâng cao trình độ tổ chức quản lý du

Digitized by Google

lịch, từng bước thực hiện đầu tư vốn để tôn tạo di tích, cải thiện điều kiện đón tiếp khách và cung cấp sản phẩm du lịch cao cấp.

+ Cụm du lịch Cảnh Dương - Bạch Mã - Lăng Cô và vùng phụ cận. Nét đặc trưng của cụm du lịch này là tài nguyên thiên nhiên với rừng nguyên sinh, bãi biển sạch đẹp, cảnh quan đèo Hải Vân, thưởng thức khí hậu mát mẻ của Bạch Mã. Sản phẩm du lịch chủ yếu là khu nghỉ mát, khu vui chơi giải trí thể thao, leo núi, thưởng thức các món ăn đặc sản biển và rừng. Vì vậy, khu vực này cần phát triển một số khách sạn cao cấp chuẩn bị điều kiện để xây dựng khu nghỉ mát ở Bạch Mã.

+ Cụm du lịch A Lưới - Đường mòn Hồ Chí Minh nối liền đường 9 - Khe Sanh - Lao Bảo - Đông Hà - cầu Hiền Lương - thành cổ Quảng Trị. Nét hấp dẫn chính của cụm du lịch này là di tích lịch sử cách mạng. Tài nguyên du lịch chủ yếu là tài nguyên nhân văn, tài nguyên thiên nhiên. Sản phẩm du lịch ở đây chủ yếu là tham quan nghiên cứu, du lịch sinh thái.

Năm là, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, nhân viên du lịch. Chú trọng đào tạo lại và đào tạo mới, kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng một cách hợp lý. Chú ý sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ, ưu tiên sử dụng lao động có trình độ chuyên môn cao và được đào tạo qua các hệ thống chính quy, tranh thủ những chuyên gia giỏi trong và ngoài nước.

Sáu là, để ngành du lịch Thừa Thiên - Huế thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn cần tạo điều kiện khuyến khích mọi thành phần kinh tế cùng phát triển, trong đó doanh nghiệp nhà nước về du lịch giữ vai trò chủ đạo. Muốn vậy, cần tổ chức sắp xếp, đổi mới hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp nhà nước về du lịch. Tập trung xây dựng một số doanh nghiệp có quy mô lớn, có đủ tiềm năng cơ sở vật chất kỹ thuật, có khả năng tạo ra sản phẩm du lịch cao cấp, có khả năng cạnh tranh phát triển vươn ra thị trường trong và ngoài nước. Ưu tiên đầu tư nước ngoài vào các dự án du lịch có quy mô lớn, đòi hỏi trình độ quản lý cao. Cần định hướng và quản lý các doanh nghiệp du lịch ngoài quốc doanh, phát triển các loại hình kinh doanh du lịch như : kinh doanh lữ hành, lưu trú, ăn uống, vận chuyển, hàng lưu niệm, vui chơi giải trí.❑

CÁNH SÓNG...

(Tiếp theo trang 52)

tư cở sở vật chất, xây dựng đội ngũ và biên tập, kỹ thuật sản xuất chương trình của Đài PT - TH Hà Nội trong gần một thập kỷ qua so với 40 năm ra đời và tồn tại đã có những bước "tiến bộ vượt bậc" (lời đánh giá và khen ngợi khi đồng chí Đỗ Mười đến thăm khu trưng bày của Đài Hà Nội tại Hội báo xuân đầu năm 1997). Để ghi nhận sự cố gắng tiến bộ của Đài nói chung và sự khởi sắc của cánh sóng truyền hình Hà Nội nói riêng, năm 1994, Đảng, Nhà nước đã tặng thưởng cho Đài Huân chương lao động hạng nhất và Huân chương lao động hạng ba, nhân làm tốt công tác tuyên truyền kỷ niệm 50 năm Ngày thương binh - liệt sĩ. Hầu hết các ngành có liên quan ở Trung ương và thành phố đều đã có hình thức khen thưởng đối với Đài. Nhiều chương trình tham gia liên hoan phát thanh và truyền hình toàn quốc đã được giải cao.

Để giữ vững và phát huy những kết quả bước đầu đã đạt được, làm cho cánh sóng Hà Nội có sức hút và lan tỏa hơn, xứng đáng là công cụ tuyên truyền đắc lực của Đảng bộ và chính quyền thành phố, Đài PT - TH Hà Nội còn phải tiếp tục phấn đấu : chăm lo xây dựng đội ngũ đủ về số lượng, mạnh về chất lượng ; hoàn thiện dần cơ sở vật chất - kỹ thuật nhanh chóng theo kịp trình độ tiên tiến ; tiếp tục mở rộng thời lượng, không ngừng nâng cao chất lượng nội dung các chuyên mục, chuyên đề và toàn bộ chương trình ; đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác tuyên truyền giáo dục và nhu cầu thông tin, thưởng thức nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân thủ đô và các địa phương nằm trong tầm phủ sóng của Đài.❑

Digitized by Google

Công ty giấy Bãi Bằng gắn chặt công tác xây dựng Đảng với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

TRẦN NGỌC QUẾ*

Từ năm 1996, giấy không còn là mặt hàng được đưa vào danh mục hàng hóa thiết yếu. Điều đó không có nghĩa là sản phẩm giấy không còn cần thiết nữa. Trái lại ngành sản xuất giấy ở nước ta vẫn được coi là ngành sản xuất có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp phát triển văn hóa giáo dục và kinh tế - xã hội. Theo tính toán của nhiều chuyên gia thì nhu cầu giấy của nước ta từ nay đến năm 2000 là vào khoảng từ 250 000 đến 350 000 tấn/năm. Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đã giao nhiệm vụ cho ngành sản xuất giấy : "Đầu tư chiều sâu các nhà máy hiện có và xây dựng mới một số nhà máy gắn với phát triển vùng nguyên liệu để đưa sản lượng giấy năm 2000 lên 30 vạn tấn"(1). Điều đó đòi hỏi trước hết các nhà máy giấy phải tổ chức quản lý, điều hành và khai thác hết công suất.

Song trong mấy năm qua, ngành giấy nước ta nói chung và Công ty giấy Bãi Bằng nói riêng đã và đang đứng trước những thách thức lớn. Từ năm 1996 đến nay các doanh nghiệp sản xuất giấy hết sức vất vả chống chọi với tình hình biến động của thị trường giấy thế giới. Giá giấy trên thị trường thế giới giảm mạnh (50% với bột giấy, 38% với giấy thành phẩm) so với thời điểm tháng 4-1994.

Trong khi đó Nhà nước ta lại chưa có chính sách bảo hộ sản phẩm giấy nội địa hợp lý và kịp thời nên đã tạo điều kiện cho giấy ngoại tràn vào theo nhiều con đường khác nhau. Hậu quả là thị trường giấy trong nước chững lại, thị trường xuất khẩu giấy bị thu hẹp. Cuộc cạnh tranh giành giật thị trường đã buộc các nhà sản xuất trong nước phải giảm giá tới mức thấp hơn giá thành mà tiêu thụ vẫn chậm. Vào thời điểm tháng 3-1996, Công ty giấy Bãi Bằng tồn đọng hơn 8 000 tấn trong tổng số 14 000 tấn giấy tồn đọng của Tổng công ty giấy Việt Nam. Điều đó buộc Công ty phải giảm sản lượng, thậm chí phải đóng máy, ngừng sản xuất trong một thời gian ngắn.

Từ những năm trước do nhiều nguyên nhân, nguồn nguyên liệu giấy trong vùng giảm 30 - 40% đã đặt Công ty vào tình trạng luôn luôn đói nguyên liệu. Tổng diện tích rừng trồng làm nguyên liệu giấy là 522 000 ha, trải rộng trên các tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang, Yên Bái, Lào Cai, Bắc Cạn, Thái Nguyên, nhưng cũng chỉ có khả năng cung cấp 184 000 m^3/năm, tức là mới đủ nguyên liệu cho sản lượng 40 000 tấn giấy/năm. Mặt khác do cơ chế quản lý chưa đồng bộ, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các địa phương, các ngành nên thị trường thu mua nguyên liệu giấy từng lúc, từng nơi đã trở nên hỗn loạn. Tình trạng này đặt Công ty vào chỗ chịu nhiều sức ép không đáng có, đẩy nguồn nguyên liệu giấy vào nguy cơ cạn kiệt do khai thác trước thời hạn và không kế hoạch, khó phục hồi, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất lâu dài.

Về mặt kỹ thuật, Công ty giấy Bãi Bằng phải đối mặt với tình trạng không đồng bộ về công suất thiết bị của hai khâu quan trọng là nấu bột và xeo giấy. Hai nguyên nhân chính là : *Thứ nhất* chất lượng nguồn nguyên liệu giấy trong nước thấp, tình trạng thiết bị và công nghệ nấu bột có nhiều hạn chế nên chất lượng bột không cao làm giảm độ bền, độ dai của giấy thành phẩm, làm cho tốc độ máy xeo chỉ đạt 360 - 380 mét/phút. *Thứ hai* thiết bị nấu bột giấy có công suất ban đầu là 48 000 tấn/năm nhưng do xuống cấp, chỉ đạt 40 000 tấn/năm, không đủ đáp ứng công suất máy

* Bí thư đảng ủy, Tổng giám đốc Công ty giấy Bãi Bằng

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1996, tr 181

Digitized by Google

xeo 55 000 tấn/năm. Khắc phục tình trạng này Công ty phải nhập bột ngoại, do đó luôn phải phụ thuộc vào thị trường giấy thế giới, bị động trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Mặt khác để duy trì sản xuất, Công ty cần một lượng tiền vốn khá lớn, phải vay ngân hàng nhiều, chịu một khoản lãi suất khá cao.

Một khó khăn đáng kể nữa là vấn đề đổi mới công nghệ. Sau 15 năm hoạt động (Công ty giấy Bãi Bằng chính thức đi vào hoạt động ngày 26-11-1982), Công ty chưa có sự đầu tư đáng kể nào để khôi phục, đổi mới thiết bị và công nghệ. Nhà nước vẫn chưa có chính sách đầu tư cho ngành giấy nói chung, cho Công ty giấy Bãi Bằng nói riêng. Trong khi công nghệ tẩy trắng của ta còn sử dụng phương pháp truyền thống với khí Clo và nước tẩy giaven thì nhiều nước trên thế giới đã sử dụng công nghệ tẩy trắng bằng ôxy hoặc ozôn là những chất không độc hại. Họ đã hiện đại hóa các công nghệ như xeo, cán láng. Công nghệ của Công ty giấy Bãi Bằng từng được coi là hiện đại nhất nước ta, song so với thế giới thì đã lạc hậu 15 - 20 năm.

*

Những khó khăn trên thực sự là những trở ngại lớn trên con đường phát triển của Công ty giấy Bãi Bằng. Đối mặt với những khó khăn đó, Ban giám đốc và Đảng ủy Công ty đã tiến hành phân tích, tổng kết, rút ra bài học, đồng thời nhất trí đề ra mục tiêu : *"phấn đấu đạt sản lượng từ 70% công suất thiết kế trở lên, bằng mọi biện pháp giảm giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm, giành ưu thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu, đạt lợi nhuận cao, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước"*.

Cuối năm 1996, Công ty đã đạt những kết quả khá toàn diện thể hiện qua một số chỉ tiêu chủ yếu sau : sản lượng giấy 57 027 tấn, đạt 104% kế hoạch năm ; tiêu thụ 53 057 tấn, vượt 4% kế hoạch năm và là mức kỷ lục từ trước tới nay. Giá trị sản lượng công nghiệp đạt 545 tỉ đồng, nộp ngân sách nhà nước 47 tỉ, lãi 42 tỉ đồng. Bình quân thu nhập 1 100 000 đ/người/tháng. Năm 1996 cũng là năm đầu tiên khai thác vượt công suất thiết kế trong khi chưa có đầu tư lớn để mở rộng và nâng cao công suất.

Trong nhiều nguyên nhân đưa đến sự thành công của Công ty có nguyên nhân quan trọng là *Công ty đã biết gắn chặt công tác xây dựng Đảng với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh*. Điều này được thể hiện trên một số khía cạnh cụ thể sau đây :

- Công tác quản lý điều hành được quan tâm đúng mức và có nhiều tiến bộ. Thực hiện chủ trương của đảng bộ Công ty, Ban giám đốc Công ty đã mạnh dạn đổi mới cơ chế quản lý, cải tiến tổ chức, sắp xếp lại lực lượng lao động hợp lý, bố trí đúng người, đúng việc, bảo đảm cho mọi người đều có công ăn việc làm. Công việc tưởng chừng đơn giản ấy lại chính là cuộc thử thách năng lực lãnh đạo của đảng bộ Công ty. Những biện pháp cụ thể được áp dụng như : xây dựng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị, rà xét lại định biên lao động và điều chỉnh cho hợp lý ; tăng cường công tác quản lý, nhất là quản lý lao động, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật trong cán bộ công nhân viên ; củng cố công tác bảo vệ v.v. Từng thời gian, Ban giám đốc có kế hoạch tập trung chỉ đạo các khâu trọng yếu trong dây chuyền sản xuất, đánh giá đúng hiện trạng thiết bị, chuẩn bị và thực hiện từng bước việc đầu tư, nâng cao sản lượng, nhằm đạt và vượt công suất thiết kế ; kịp thời giải quyết những mất cân đối nảy sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Công ty đã tìm biện pháp nâng năng suất nấu bột từ 14 nồi lên 19 nồi/ngày ; đưa tốc độ máy xeo từ 380 m lên 420 m, 520 m rồi 580 m/phút. Xí nghiệp cơ khí bảo dưỡng nâng chất lượng bảo dưỡng và sửa chữa lớn, rút ngắn 30 - 40% thời gian các đợt sửa chữa định kỳ, tăng thời gian chạy máy hữu ích. Định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu được tính toán lại cho hợp lý đã góp phần làm giảm giá thành sản phẩm. Công tác quản lý vốn có nhiều tiến bộ, vòng quay của đồng vốn được nâng từ 1,73 năm 1994 lên 2,73 trong năm 1996.

- Xác định rõ nguồn nguyên liệu ổn định có chất lượng tốt là điều kiện để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, Công ty đã có những biện pháp tích cực, phù hợp với đặc điểm của nhà máy và người làm nguyên liệu giấy. Giá thu mua nguyên liệu được áp dụng linh hoạt đã thu hút được nguồn nguyên liệu cả ở trong và ngoài vùng. Để nâng tốc độ máy xeo lên 580 m/phút, Công ty chủ động xin nhập thêm 30% bột giấy ngoại, bảo đảm cung cấp

Digitized by Google

ổn định cả về số lượng và chất lượng. Những vật tư, công nghệ có yêu cầu số lượng lớn đã được khai thác từ nguồn nội địa, nhằm chuyển vùng cung cấp phụ tùng thiết bị mua bằng ngoại tệ về thị trường trong nước. Thực hiện bước chuyển này, Công ty chủ động hơn trong sửa chữa và nâng cấp thiết bị ; đồng thời tiết kiệm được một lượng ngoại tệ lớn. Trong hai năm 1994 và 1995 tổng giá trị phụ tùng nhập ngoại trị giá 26,4 triệu cua ron Thụy Điển (SEK), giảm 41,9% so với hai năm 1992 và 1993. Giá trị phụ tùng mua trong nước trị giá 17,75 tỉ đồng, tăng 94%. Tỷ trọng hàng mua trong nước tăng từ 15 lên 40% trong tổng giá trị hàng hóa đã tiết kiệm được hơn 5 tỉ đồng, góp phần đáng kể trong việc hạ giá thành sản phẩm.

- Bám sát yêu cầu sản xuất, công tác khoa học, kỹ thuật, công nghệ đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của Công ty. Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật được phát động thường xuyên và được duy trì đều đặn. Nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng vào sản xuất. Sáng kiến cải tiến hệ thống điều chỉnh độ PH và chế độ sử dụng phụ gia cho giấy, tăng được độ bảo lưu cao lanh từ 50% lên 70%. Phong trào tiết kiệm, giảm 5% định mức tiêu hao vật tư cho 1 tấn sản phẩm được cán bộ công nhân viên tham gia đã tiết kiệm được 7,2 tỉ đồng.

- Xác định và thực hiện tốt phương châm : sản xuất và tiêu thụ là hai mặt của một vấn đề. Sản xuất mà không tiêu thụ được sản phẩm thì doanh nghiệp sẽ rơi vào vòng luẩn quẩn, thiếu vốn sản xuất, đóng máy, ngừng sản xuất, không bảo đảm công việc làm, sản lượng thấp, giá thành cao, tồn đọng sản phẩm và nợ ngân hàng cứ lớn dần lên dẫn đến nguy cơ bị phá sản. Do đó Công ty đã tích cực tập trung vào cải tiến mẫu mã, đa dạng hóa mặt hàng như giấy tờ, giấy tập, giấy phôtocopy..., cải tiến công tác bán hàng, có phương thức khuyến mại hợp lý. Năm 1996, đã bán được 53 057 tấn giấy, đạt mức kỷ lục từ trước đến nay. Sản phẩm tiêu thụ tốt, uy tín của Công ty được nâng cao là cơ sở thuận lợi để Công ty tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất.

- Quan tâm đến đời sống mọi mặt cho cán bộ công nhân viên, tạo động lực mạnh mẽ cho sản xuất kinh doanh. Đảng bộ Công ty giấy Bãi Bằng xác định : đảm bảo đủ việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên vừa là mục tiêu, vừa là động lực để thúc đẩy sản xuất phát triển. Nhiều biện pháp tích cực đã được thực hiện. Các hình thức thưởng như : thưởng năng suất cao hằng quý, hằng tháng, hằng ngày ; thưởng an toàn, thưởng đột xuất, v.v... được thực hiện gắn liền với việc nâng đơn giá tiền lương trên tấn sản phẩm đã thực sự là động lực thúc đẩy phong trào thi đua. Do sản xuất phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên được cải thiện rõ rệt, bình quân thu nhập hằng năm tăng 7 - 9%. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, sinh hoạt câu lạc bộ, vui chơi, giải trí có bước phát triển mới. Bể bơi, nhà văn hóa, khu thể thao đã được đầu tư hàng tỉ đồng để cải tạo, xây mới và nâng cấp trang thiết bị.

- Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được duy trì và phát huy như một công tác cấp thiết cả về trước mắt và lâu dài. Cơ sở đào tạo (Trường kinh tế - kỹ thuật giấy) được tăng cường đầu tư và trang bị thêm thiết bị thực hành. Quy mô, ngành nghề, loại hình và nội dung đào tạo được mở rộng . Riêng năm 1996 đã đào tạo nâng cao cho 185 công nhân công nghệ giấy ; 45 thuyền trưởng ; đào tạo tin học cho 154 người ; quản lý hành chính cho cán bộ lãnh đạo : 130 người. v.v.. Đảng ủy Công ty còn tổ chức bồi dưỡng cho 100% đảng viên có trình độ chính trị sơ cấp, 50% đảng viên hiện là cán bộ chủ chốt của Công ty đã qua lớp trung cấp lý luận chính trị. Đây là điều kiện thuận lợi để Công ty thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương II (khóa VIII), chuẩn bị nguồn lực cho yêu cầu phát triển của Công ty trước mắt cũng như lâu dài.

- Thực hiện đổi mới và chỉnh đốn Đảng về mọi mặt theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII là điều quan trọng và cốt lõi nhất của công tác xây dựng đảng. Nhận thức rằng nếu làm tốt công tác xây dựng Đảng trên cả 3 mặt *chính trị, tư tưởng* và *tổ chức* ; coi công tác xây dựng Đảng là then chốt thì sẽ là nhân tố quyết định mọi thành công, đảng bộ Công ty đã tích cực triển khai hoạt động trên các mặt :

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng đã đi sâu vào đổi mới cả nội dung và hình thức, lấy chất lượng giáo dục làm trọng tâm. Đảng ủy và Ban giám đốc tổ chức nhiều buổi báo cáo tình hình thời

Digitized by Google

sự, mở các đợt sinh hoạt chính trị học tập nghị quyết của Đảng nhất là những ngày lễ, ngày kỷ niệm hằng năm để giáo dục, nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm, phẩm chất và bản lĩnh chính trị của đảng viên, quần chúng. Tuyệt đại bộ phận đảng viên gương mẫu trong học tập, lao động, rèn luyện, có quan hệ tốt với quần chúng.

Đảng bộ đã mở lớp bồi dưỡng cho bí thư chi bộ, đảng bộ về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước. Công tác kiểm tra của Đảng và phương pháp lãnh đạo được cụ thể hóa bằng quy chế làm việc của chi bộ đảng. Nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, Đảng ủy quy định rõ lịch sinh hoạt thường kỳ và quy trình sinh hoạt chi bộ ; hướng dẫn nội dung từng đợt sinh hoạt chi bộ sao cho sát thực tế, sát với mục tiêu sản xuất kinh doanh. Công tác xây dựng chi bộ đảng trong sạch vững mạnh được Đảng ủy và các chi ủy quan tâm thực hiện. Các chi bộ đã đăng ký chương trình và mục tiêu phấn đấu cụ thể. Nhìn chung sinh hoạt chi bộ ở Công ty giấy Bãi Bằng đã có chuyển biến nhiều so với những năm trước, tính chiến đấu và tính giáo dục trong sinh hoạt chi bộ ngày càng được nâng cao. Công tác phát triển đảng có tiến bộ rõ rệt. Từ năm 1994 đến hết tháng 6-1997 đã có 96 quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng. Năm 1996 tỷ lệ đảng viên loại 1 tăng 3,8% so với năm 1995, tỷ lệ đảng viên xuất sắc chiếm 30,19% trong tổng số 553 đảng viên dự phân loại.

Trong môi trường kinh doanh mới, đảng bộ Công ty đã tập trung chỉ đạo việc sắp xếp lại tổ chức và cán bộ dựa trên nguyên tắc chung là : xây dựng một đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, thực sự có phẩm chất và năng lực, đáp ứng được đòi hỏi của nhiệm vụ được giao. Đảng ủy Công ty luôn quan tâm, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của cán bộ, đồng thời phân tích dư luận quần chúng đánh giá về cán bộ để kịp thời khuyến khích động viên hoặc uốn nắn nhắc nhở. Trong bố trí, đề bạt cán bộ Đảng ủy Công ty chỉ đạo : phải chú trọng kết hợp tốt cả ba độ tuổi, vừa bảo đảm tính kế thừa, đáp ứng yêu cầu trước mắt vừa chuẩn bị cán bộ cho sự phát triển của Công ty trong tương lai.

Giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo, đảng bộ Công ty giấy Bãi Bằng luôn quan tâm tới công tác lãnh đạo và giáo dục các đoàn thể quần chúng. Hoạt động của các đoàn thể như : công đoàn, thanh niên, phụ nữ có nhiều tiến bộ do đã biết đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động và ngày càng phù hợp với nền kinh tế thị trường. Trong khuôn khổ pháp luật cho phép, tổ chức công đoàn của Công ty đã thực hiện tốt chức năng đại diện và bảo vệ lợi ích cho đoàn viên ; đã tham gia và có năng lực quản lý các hoạt động của Công ty, đồng thời cũng thực hiện tốt công tác tuyên truyền chính sách, giáo dục pháp luật cho cán bộ công nhân viên. Nhiều đợt sinh hoạt chính trị, nhiều hoạt động văn hóa - thể thao được công đoàn tổ chức và hướng dẫn. Đảng bộ Công ty đã có nghị quyết về vấn đề xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn nhiệt tình, năng động. Đoàn thanh niên đã thông qua nhiều hình thức hoạt động phong phú để tập hợp giáo dục thanh niên. Thông qua tổ chức Đoàn, đảng bộ Công ty đã nắm được tâm tư, nguyện vọng của lớp trẻ, hướng thanh niên vào những phong trào cách mạng như "Thanh niên lập nghiệp" và "Tuổi trẻ giữ nước" ; chỉ đạo Đoàn thanh niên thực hiện tốt chức năng xây dựng Đảng, giáo dục và giới thiệu quần chúng ưu tú cho Đảng. Năm 1996 trong 40 đảng viên mới được kết nạp có 11 đồng chí là đoàn viên thanh niên. Các đoàn thể, các hội quần chúng khác như Hội phụ nữ, Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đều được sự quan tâm của đảng bộ nên có nhiều hoạt động tích cực.

Đảng bộ Công ty giấy Bãi Bằng có một truyền thống quý báu. Đó là truyền thống đoàn kết trong nội bộ các đồng chí lãnh đạo chủ chốt cũng như trong tập thể lao động của Công ty. Kinh nghiệm cho thấy tình trạng mất đoàn kết thường xảy ra ở khâu tuyển chọn và đề bạt cán bộ. Do đó chăm lo đến khối đoàn kết trong Công ty trước hết phải chăm lo đến việc kiện toàn cấp ủy chi bộ và đảng bộ Công ty, phải bảo đảm cơ cấu hợp lý và phải có tiêu chuẩn cụ thể. Hiện nay 100% cán bộ lãnh đạo chính quyền, đoàn thể, trưởng phó phòng của Công ty, giám đốc các xí nghiệp thành viên đều là đảng viên. Đây là những đồng chí có phẩm chất, năng lực, có tín nhiệm đối với đảng viên và quần chúng.

Hai nhiệm vụ : sản xuất kinh doanh và xây dựng Đảng phải gắn chặt với nhau. Thực tế ở Công ty giấy Bãi Bằng đã cho thấy, không thể làm tốt mặt này mà coi nhẹ mặt kia và ngược lại. Thực hiện tốt hai nhiệm vụ nói trên là chìa khóa bảo đảm cho doanh nghiệp thành công trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Công ty giấy Bãi Bằng đã thực hiện điều đó.❑

Digitized by Google

CÁNH SÓNG HÀ NỘI VƯƠN LÊN TRONG ĐỔI MỚI

VĂN HẢI *

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong 10 năm qua Hà Nội cũng như cả nước đã có nhiều đổi thay đáng mừng, chẳng những đem lại sự phấn chấn tin tưởng lớn trong nhân dân mà còn gây được sự chú ý hấp dẫn đối với bạn bè gần xa trên thế giới.

Sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội cũng đang được coi như là một nét đẹp trong bức tranh chung về sự đổi mới của thủ đô Hà Nội những năm qua.

Từ những chiếc xe loa theo đoàn quân giải phóng tiến về tiếp quản thủ đô, được định vị tại nhà Thủy Tạ bên bờ hồ Hoàn Kiếm phát đi tiếng nói "Đây là buổi phát thanh của Sở Tuyên truyền Hà Nội", Đài Truyền thanh Hà Nội nay là Đài Phát thanh - Truyền hình (PT - TH) Hà Nội chính thức khai sinh vào ngày 14-10-1954, tức là 4 ngày sau khi thủ đô Hà Nội được giải phóng. Cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu của Đài rất đơn sơ, nghèo nàn với một máy tăng âm 100W, một bộ Ampli Micro cùng hệ thống đường dây khoảng gần 1000 mét chắp nối đủ loại và hơn chục chiếc loa rải xung quanh Bờ Hồ và tỏa ra một số đầu trục đường chính của thành phố. Năm 1956 Đài được Chính phủ Liên Xô giúp đỡ trang bị 2 máy tăng âm lớn đưa tổng công suất lên 30kW đặt tại trung tâm 47 Hàng Dầu với hệ thống đường dây truyền thanh cao thế 960V đi trên nóc nhà xuống các đường dây hạ thế 240V và 30V chạy khắp trên các đường phố nội thành đến các huyện xã ngoại thành. Tổng số chiều dài hệ thống đường dây truyền thanh trong toàn thành phố lên đến gần 1000km với trên 5 vạn loa lớn nhỏ rải khắp địa bàn dân cư và đi vào tận các gia đình.

Với trung tâm tăng âm và hệ thống đường dây, loa nói trên, trong những năm từ 1956 đến 1975, Đài Hà Nội đã có những đóng góp đáng kể trong việc chuyển tải thông tin, tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và thành phố, phục vụ đắc lực cho công cuộc cải tạo, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của thủ đô và xây dựng hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, thống nhất Tổ quốc. Đặc biệt, Đài đã làm tốt nhiệm vụ truyền lệnh chỉ huy tác chiến và hướng dẫn nhân dân sơ tán, phòng tránh, góp phần đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Đế quốc Mỹ vào Hà Nội, lập nên chiến công lẫy lừng "Điện Biên Phủ trên không". Năm 1978, tức là sau 3 năm Tổ quốc thống nhất và trên 20 năm làm công tác truyền thanh, Đài Hà Nội mới bắt đầu được phát chương trình riêng của mình trên sóng trung (AM) 527m của Đài TNVN và cũng từ đấy được đổi tên thành Đài Phát thanh Hà Nội.

Đến năm 1979, Đài Hà Nội bắt đầu làm truyền hình, nhưng mỗi tháng chỉ có một chương trình 1 giờ, sau đó mỗi tuần một chương trình 15 phút rồi 30 phút vào tối thứ ba hằng tuần trên chương trình chung của Đài Truyền hình TU. Mãi đến ngày 19-5-1989, tức là sau 10 năm, Đài Hà Nội mới tách ra phát chương trình riêng hằng ngày của mình trên kênh 9 do Tổng cục Bưu điện quản lý, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố cho phép đổi tên Đài Phát thanh Hà Nội thành đài PT - TH Hà Nội. Lúc đầu mỗi ngày chỉ có một chương trình buổi chiều 30 phút, sau tăng lên 45 phút rồi 1 giờ (từ 18 giờ đến 19 giờ tối). Tuy đã có chương trình riêng nhưng vào giờ giữa chiều và tối không thuận cho mọi người theo dõi, không đủ giờ

* Giám đốc, Tổng biên tập Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội

Digitized by Google

đưa được những vấn đề văn hóa, nghệ thuật phục vụ nhu cầu của khán giả. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 35 ngày giải phóng thủ đô (10-10-1989), Đài Hà Nội đã tranh thủ chỗ kênh 9 còn bỏ trống phát thêm chương trình văn hóa - nghệ thuật vào sáng chủ nhật hằng tuần. Mặc dù còn rất khó khăn thiếu thốn cả về người và cơ sở vật chất, nhưng Đài Hà Nội đã quyết tâm đưa luôn chương trình buổi sáng vào thường xuyên với nội dung tin tức thành phố, trong nước, quốc tế và các thông tin khác thiết thực bổ ích cho đời sống xã hội, được mọi người hoan nghênh theo dõi (lúc này Truyền hình Việt Nam chưa làm chương trình buổi sáng). Nhưng cũng đã đến lúc không còn chỗ để phát nhờ, phát ké nữa, dù lãnh đạo và cán bộ công nhân viên (CBCNV) của Đài có cố gắng mấy nữa cũng không thể tăng thời lượng phục vụ trên sóng được, nếu như không có thêm thiết bị sản xuất chương trình và nhất là máy phát sóng. Vì vậy, UBND thành phố đã quyết định cho Đài Hà Nội được xây dựng trụ sở làm việc và trang thiết bị kỹ thuật cần thiết, tạo điều kiện khép kín nhiệm vụ của một Đài PT - TH từ khâu biên tập - sản xuất - truyền dẫn, phát sóng. Chương trình phát thanh truyền hình của Đài không phải đi thuê phát sóng nữa. Đúng ngày 10-10-1994 Đài Hà Nội đã bắt đầu có kênh phát sóng riêng, mở rộng thêm chương trình buổi tối - là thời điểm ưu việt có hiệu quả nhất trong ngày, đưa thời lượng truyền hình của Đài từ 2 tiếng/ngày (1 giờ buổi sáng và 1 giờ buổi chiều) lên 10 tiếng 30 phút/ngày (sáng 4 giờ 30 và chiều tối 6 giờ).Để tiếp tục phát huy hiệu quả của sóng, đáp ứng yêu cầu của công tác tuyên truyền giáo dục và nhu cầu thông tin thưởng thức văn hóa - nghệ thuật của nhân dân, Đài Hà Nội đã từng bước cố gắng nâng cao khả năng sản xuất chương trình, tăng thời lượng ở những chỗ có thể làm được như : Từ ngày 1-9- 1995 đã phát sớm chương trình buổi chiều từ 18 giờ lên 17 giờ để tăng thêm thời lượng 1 giờ. Đầu năm 1996 phát thêm chương trình buổi sáng chủ nhật hằng tuần từ 7 giờ sáng lên 6 giờ, tăng thêm 1 giờ. Để thiết thực kỷ niệm lần thứ 52 ngày Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, Đài đã nối tiếp chương trình buổi sáng với chương trình buổi trưa, tăng thêm 1 giờ trên sóng, đưa tổng thời lượng chương trình trong ngày của Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội hiện nay trên sóng truyền hình là 13 giờ và trên sóng phát thanh là 18 giờ 30 phút.

Để có được bước đi nói trên, cả lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, phóng viên, biên tập, kỹ thuật viên của Đài Hà Nội đã phải phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn với tinh thần "không đợi có rồi mới làm mà phải cứ làm rồi sẽ có". Thực tế đã diễn ra : không có sóng, không có trường quay thì đi thuê ; thiếu camera thì một máy chạy nhiều cuộc ; thiếu thiết bị sản xuất chương trình ban ngày thì làm thêm ban đêm; không có ô tô chạy thì chạy bằng xe máy ; nghiệp vụ yếu và thiếu kinh nghiệm thì vừa học vừa làm. Phóng viên, biên tập viên phát thanh phải học làm truyền hình và truyền hình phải học viết cho phát thanh, để Đài nhanh chóng bảo đảm làm tốt cả hai nhiệm vụ phát thanh và truyền hình. Kỹ thuật viên đang sử dụng thiết bị kỹ thuật thường (analog) phải tiếp cận và học để sử dụng cho được các thiết bị kỹ thuật số (digital). Đài Hà Nội cũng đã mở rộng quan hệ với các đài tỉnh, thành trong cả nước và nước ngoài, tổ chức nhiều đoàn tham quan các tỉnh và nước ngoài để mở rộng tầm mắt, học tập kinh nghiệm nâng cao trình độ nghiệp vụ quản lý và xây dựng chương trình ; chủ động mở các lớp kỹ thuật và ngoại ngữ, tin học tại Đài, cử 48 người trong tổng số 175 người biên chế đi học các lớp đại học tại chức báo chí, đạo diễn, pháp lý, điện tử, tin học để nhanh chóng phổ cập trình độ đại học trong CBCNV. Hiện đã có 18 người tốt nghiệp các lớp nói trên, làm việc, nâng dần hiệu quả và 30 người còn đang tiếp tục theo học.

Bằng những cố gắng của mình trong công tác tuyên truyền giáo dục, phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, Đài Hà Nội đã được thành phố đầu tư, các tổ chức UNESCO, SIDA Thụy Điển và chính phủ nước Cộng hòa Pháp giúp đỡ, tài trợ, từng bước tạo được sự thay đổi nhất định về cơ sở vật chất - kỹ thuật, thích ứng dần với nhu cầu phát triển của mình.

Được bổ sung đáng kể về cơ sở vật chất - kỹ thuật và phát triển không ngừng về thời lượng, vấn đề có ý nghĩa quyết định thu phục lòng mến mộ của khán giả chính là nội dung chương trình của Đài. Ý thức được vấn đề đó, gần 10 năm qua Đài Hà Nội đã xác định và phấn đấu theo định hướng

Digitized by Google

"Phải làm cho nội dung chương trình PT - TH của Đài ngày càng mang rõ sắc thái riêng của thủ đô, đậm đà tính nhân văn, tính văn hóa, phục vụ đắc lực cho công tác tuyên truyền, giáo dục của đảng bộ chính quyền thành phố, gắn bó chặt chẽ và phản ánh trung thực đời sống thường nhật của nhân dân". Đài coi đó là lý do tồn tại, phát triển và cũng là thế mạnh của mình. Về kết cấu nội dung, Đài xác định tin tức là đầu vị của chương trình. Hằng ngày trên truyền hình, Đài đã bố trí tới 5 bản tin : sáng, trưa, chiều, tối và cuối ngày. Ngoài ra còn có "tin điện" và bản tin "Dạo quanh phố phường, dạo qua thị trường" phản ánh tức thời những vấn đề đáng quan tâm trên đường phố, ngoài xã hội và trên thị trường. Về phát thanh, ngoài những bản tin chính phát vào các thời điểm như trên từ 9 giờ đến 11 giờ và từ 13 giờ đến 18 giờ, cứ cuối mỗi giờ lại có 5 phút tin. Nếu người nghe, người xem theo dõi chương trình phát thanh và truyền hình của Đài Hà Nội sẽ có thể biết được nhiều thông tin, nhất là những thông tin chung, cơ bản diễn ra ở thành phố, trong cả nước và trên thế giới trong ngày. Nhiều người rất hoan nghênh chương trình tin tức trên sóng phát thanh và truyền hình của Đài Hà Nội và cho rằng nó đã và đang ngày càng hướng tới sự gần gũi, nhanh gọn, phong phú, thiết thực và hiệu quả đối với cuộc sống. Song song với việc chú ý làm tin, Đài Hà Nội cũng đã hết sức coi trọng xây dựng những chuyên mục mang tính đặc thù làm rõ sắc thái thủ đô như ; chuyên mục "Hà Nội chúng ta" giới thiệu những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, những danh nhân và tài năng trẻ ; những làng nghề, phố nghề truyền thống, những sản phẩm, những đặc sản của thủ đô. Chuyên mục "Thủ đô ngàn năm văn hiến" giới thiệu những nét tiêu biểu về các mặt hình thành truyền thống văn hóa tốt đẹp của đất nước và thủ đô qua các thời kỳ lịch sử. Chuyên mục "Ngày này năm xưa" hằng ngày thông tin lại những địa danh, sự kiện đáng ghi nhớ diễn ra tại thủ đô cũng như trong nước và quốc tế, giúp cho mọi người hiểu biết, hồi tưởng, nhớ lại, nâng cao lòng tự hào, tự trọng, bồi dưỡng ý chí đấu tranh bảo vệ những giá trị vật chất tinh thần truyền thống cao đẹp và khích lệ không ngừng vươn tới tầm cao hơn.

Các chuyên mục "Tình thương và trách nhiệm" trên chương trình phát thanh và "Địa chỉ cho những tấm lòng từ thiện" trên chương trình truyền hình của Đài hằng tuần góp phần chăm sóc, phát huy truyền thống nhân ái trong nhân dân ta, giới thiệu cổ vũ mọi người nâng cao tình thương yêu giữa những con người. Và càng yêu thương càng phải có trách nhiệm đoàn kết, hợp tác, cưu mang giúp đỡ nhau theo truyền thống đạo nghĩa của dân tộc "Nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng". Các chuyên mục này chẳng những đã có tác động nhất định về mặt tư tưởng, tình cảm, trách nhiệm mà còn đem lại một hiệu quả vật chất đáng kể, giúp đỡ những người cần giúp đỡ được tới hàng tỉ đồng. Chuyên mục này của Đài đã được Hội nhà báo Việt Nam tặng giải báo chí toàn quốc năm 1993.

Cùng với việc tuyên truyền về những vấn đề chính trị, xã hội và sản xuất, quản lý kinh tế công, nông nghiệp, dịch vụ, xây dựng quản lý đô thị... Đài Hà Nội đã có các chuyên mục về khoa học - giáo dục "Thường thức gia đình", "Sức khỏe cộng đồng", "Giáo dục từ xa", "Văn hóa thể thao", "Trang văn nghệ chủ nhật" và phim truyện. Tất cả đều đề cập sâu tới những vấn đề của Hà Nội và những vấn đề tâm lý xã hội giàu tính nhân văn, góp phần cung cấp những kiến thức về văn hóa, giáo dục và những tri thức về khoa học, sức khỏe đời sống, kiến thức về thẩm mỹ và thưởng thức giải trí nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân thủ đô.

Tuy là đài địa phương nhưng lại là của thủ đô - nơi hội tụ của bốn phương, có nhiệm vụ thay mặt cả nước đón bè bạn quốc tế đến thăm và tiếp xúc mở rộng quan hệ với thế giới bên ngoài, nên trong nội dung chương trình, Đài Hà Nội cũng đã thực hiện các chuyên mục "Hà Nội với cả nước, cả nước với Hà Nội", "Hà Nội nhìn ra thủ đô các nước trên thế giới" trên truyền hình và "Hà Nội với bạn bè bốn phương" trên phát thanh. Các chuyên mục này đã góp phần mở rộng tầm mắt của người Hà Nội ra cả nước và thế giới, nâng cao sự hiểu biết và kinh nghiệm trong việc quản lý xây dựng thủ đô của chúng ta.

Có thể nói, nhờ chính sách đổi mới của Đảng và sự nỗ lực của đội ngũ CBCNV, phóng viên, biên tập, kỹ thuật viên, nhìn chung cả về quản lý, đầu

(Xem tiếp trang 45)

Digitized by Google

Một chặng đường nghiên cứu văn hóa ở nước ta trong "thập kỷ thế giới phát triển văn hóa"

NGUYỄN XUÂN KÍNH *

I - SỰ QUAN TÂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ VĂN HÓA

Ngày 8-12-1986, Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 41 đã chính thức thông qua Nghị quyết số 41/1987 tuyên bố thập kỷ 1988-1997 là "Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa". Ngày 21-1-1988, ông Mai-ơ (F. Mayor), Tổng giám đốc Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) long trọng tuyên bố phát động thập kỷ quan trọng này.

Việt Nam đã tích cực hưởng ứng cuộc phát động trên. Nghị quyết Bộ Chính trị số 09-NQ/TU ngày 18-12-1995 "Về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay" có đoạn : "Với tư cách là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực thúc đẩy sự phát triển, đồng thời là một mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội, văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, xây dựng xã hội mới và con người mới". Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng tiếp tục khẳng định : "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội" (1).

Quyết định số 25-TTg do Thủ tướng Võ Văn Kiệt ký ngày 19-1-1993 nêu rõ : "Phát triển văn hóa nghệ thuật mang bản sắc dân tộc Việt Nam là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn dân. Nhà nước tạo điều kiện, xây dựng cơ sở hạ tầng và trang bị phương tiện cho việc phát triển văn hóa nghệ thuật mang bản sắc dân tộc (...)". Nhà nước "đầu tư 100% kinh phí cho việc tu bổ, tôn tạo các di tích cách mạng, những di tích gắn với quá trình hoạt động của Đảng và cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc", "hỗ trợ một phần kinh phí và huy động mọi nguồn lực, kể cả thu hút viện trợ và vốn đầu tư của nước ngoài, để gìn giữ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa khác, kể cả các công trình mang tính chất tôn giáo đã được công nhận là di tích lịch sử văn hóa", "đầu tư 100% cho việc sưu tầm, chỉnh lý, biên soạn, bảo quản lâu dài, phổ biến các sản phẩm văn hóa tinh thần như : văn học dân gian, các điệu múa, các làn điệu âm nhạc của các dân tộc, gìn giữ các nghề thủ công truyền thống, các loại nhạc dân tộc (...)".

Ủy ban quốc gia về Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa của Việt Nam được thành lập. Nhiều cuộc hội thảo cấp quốc gia và quốc tế được tổ chức, nhiều chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước, nhiều đề tài khoa học cấp nhà nước về văn hóa được xét duyệt, được cấp kinh phí và triển khai.

II - SỰ PHONG PHÚ VÀ ĐA DẠNG CỦA CÁC MẢNG SÁCH VIẾT VỀ VĂN HÓA

Từ nhiều cuộc hội thảo, từ kết quả lao động của các nhà khoa học, từ sự năng động của các cơ quan xuất bản đã dẫn đến sự xuất hiện phong phú các mảng sách viết về văn hóa.

1 - Mảng sách chú ý đến những vấn đề lý luận, phương pháp luận và nghiên cứu văn hóa ở dạng tổng thể.

Cuốn sách *Văn hóa và đổi mới* (1994) của Cố vấn Phạm Văn Đồng thu hút sự chú ý của bạn đọc bởi đây

* PGS.PTS, Viện nghiên cứu văn hóa dân gian

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr110

Digitized by Google

là sự quan tâm có hệ thống, có căn cứ khoa học của một nhà hoạt động chính trị, hoạt động văn hóa lão thành đối với vấn đề văn hóa, đối với mối quan hệ giữa văn hóa và đổi mới ; ở đây không chỉ có tri thức, trí tuệ, mà có cả tinh thần trách nhiệm, tình cảm chân thành và tâm huyết của tác giả. Ngày 30-12-1994 tại Hà Nội, đã diễn ra cuộc hội thảo về công trình này với sự tham gia của gần 100 nhà trí thức, nhà hoạt động văn hóa, văn nghệ sĩ tên tuổi. Sau hội thảo cuốn sách *Văn hóa và đổi mới, Tác phẩm và bình luận* đã được xuất bản.

Cuốn sách *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới* (1994) của PGS Phan Ngọc nổi tiếng bởi vì tác giả đã sử dụng một thao tác luận độc đáo để khảo sát và đưa ra những nhận xét mới mẻ, (đôi khi có cả sự cực đoan) về nội dung văn hóa Việt với độ khúc xạ Nho giáo, về đặc trưng văn hóa Huế, về Nguyễn Trãi, về Chủ tịch Hồ Chí Minh...

Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam (1996, tái bản 1997) của PGS,TS Trần Ngọc Thêm vận dụng một cách nhất quán phương pháp hệ thống - cấu trúc, trình bày toàn diện và súc tích về văn hóa Việt Nam trên các phương diện : văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

Ngoài ra, còn có các cuốn *Sự chuyển đổi các giá trị trong văn hóa Việt Nam* (Đỗ Huy, Trường Lưu, 1989), *Mấy vấn đề văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay* (kỷ yếu hội thảo, 1993), *Phương pháp luận về vai trò của văn hóa trong phát triển* (kỷ yếu hội thảo, tái bản 1993), *Tìm về bản sắc dân tộc của văn hóa* (nhiều tác giả, 1993), *Văn hóa vì con người* (nhiều tác giả, 1993), *Văn hóa Việt Nam, một chặng đường* (nhiều tác giả, 1994), *Đến hiện đại từ truyền thống* (PGS Trần Đình Hượu, 1994, tái bản 1996), *Văn hóa gia đình Việt Nam và sự phát triển* (nhiều tác giả, 1994), *Tích hợp đa văn hóa đông tây trong một chiến lược giáo dục tương lai* (Nguyễn Hoàng Phương, 1995), *Một số vấn đề lý luận văn hóa thời kỳ đổi mới* (nhiều tác giả, 1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam* (Nguyễn Văn Huyên, viết bằng tiếng Pháp và xuất bản trước Cách mạng Tháng Tám 1945, được dịch và xuất bản, hai tập, 1995-1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người* (Nguyễn Từ Chi, 1996), *Vấn đề văn hóa và phát triển* (Hoàng Trinh, 1996), *Văn hóa trong phát triển của xã hội Việt Nam* (Thành Duy, 1996), *Văn hóa và kinh doanh* (kỷ yếu hội thảo, 1996), *Phụ nữ, giới và phát triển* (Trần Thị Vân Anh, Lê Ngọc Hùng, 1996)...

2 - Mảng sách viết về các vùng văn hóa

Nghiên cứu vùng văn hóa là phân vùng và khảo sát văn hóa ở từng vùng, tiểu vùng. Hiện nay trong giới nghiên cứu chưa có sự thống nhất trong việc xác định số lượng và ranh giới giữa các vùng, các tiểu vùng văn hóa ở nước ta. Những vấn đề lý luận về phân vùng và vùng văn hóa được thể hiện trong công trình tập thể *văn hóa vùng và vùng văn hóa ở Việt Nam* (1993). Trong mảng sách viết về vùng văn hóa, *Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh* (nhiều tác giả, đã in ba tập, 1987-1990), *Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Cửu Long* (nhiều tác giả, 1990) là những công trình có chất lượng cao.

3 - Mảng sách viết về văn hóa các dân tộc ít người

Về đề tài này có : *Văn hóa Chăm* (Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp, 1991), *Văn hóa truyền thống Tày Nùng* (nhiều tác giả, 1993), *Văn hóa Chăm pa* (Ngô Văn Doanh, 1994), *Văn hóa dân tộc Mường* (kỷ yếu hội thảo, 1995), *Văn hóa dân tộc Mông Hà Giang* (nhiều tác giả, 1996),...

Nghiên cứu văn hóa các dân tộc ít người là một công việc khó khăn. Vì vậy chúng ta hết sức trân trọng những công trình vừa nêu. Trong việc công bố, chúng ta đã không né tránh sự thật. Với tinh thần trách nhiệm và ý thức bảo vệ, giữ gìn tài sản văn hóa các dân tộc, chúng ta phản ánh cả cái được và cái chưa được, cả mặt thuận lợi và mặt khó khăn. Theo sự công nhận chính thức hiện nay, ngoài người Việt (Kinh), nước ta còn có 53 dân tộc ít người. Vẫn còn có văn hóa của nhiều dân tộc anh em khác chưa được nghiên cứu và công bố rộng rãi.

4 - Mảng sách viết về văn hóa dân gian

Một bộ phận rất quan trọng của văn hóa là văn hóa dân gian. Nghiên cứu bộ phận này có các cuốn sách : *Trên đường tìm hiểu văn hóa dân gian* (Đinh Gia Khánh, 1989), *Văn hóa dân gian. Những lĩnh vực nghiên cứu* (nhiều tác giả, 1989), *Văn hóa dân gian. Những phương pháp nghiên cứu* (nhiều tác giả, 1990), *Địa chí văn hóa dân gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội* (nhiều tác giả, 1991), *Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ* (nhiều tác giả, 1992), *Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông-Nam Á* (Đinh Gia Khánh, 1993), *Văn hóa dân gian Cao Bằng* (kỷ yếu hội thảo, 1993), *Tìm hiểu di sản văn hóa dân gian Hà Nội* (nhiều tác giả, 1994), *Văn hóa dân gian* (Folklore) và *phương pháp nghiên cứu liên ngành* (Chu Xuân Diên, 1995), *Các tác gia nghiên cứu văn hóa dân gian* (nhiều tác giả, 1995)...

Số lượng phong phú của các cuốn sách vừa nêu và chất lượng cao của không ít công trình cho thấy tầm

Digitized by Google

quan trọng của dòng văn hóa dân gian nước nhà, chứng tỏ khoa nghiên cứu văn hóa dân gian tuy mới ra đời đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Tuy vậy, không thể nghĩ rằng mọi vấn đề của khoa nghiên cứu văn hóa dân gian đã được giải quyết thỏa đáng.

5 - Mảng sách về văn hóa tâm linh, hội lễ

Mảng sách này rất phong phú : *Lễ hội dân gian* (Tôn Thất Bình, 1988), *Lễ hội cổ truyền của người Việt ở Bắc Bộ Việt Nam* (nhiều tác giả, 1992), *Bảo tàng - Di tích - Lễ hội* (Phan Khanh, 1992), *Đình miếu và lễ hội dân gian* (Sơn Nam, 1992), *Về tôn giáo* (nhiều tác giả, 1994), *Tín ngưỡng làng xã* (Vũ Ngọc Khánh, 1994), *Về tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam hiện nay* (nhiều tác giả, 1996), *Đạo Mẫu ở Việt Nam* (nhiều tác giả, hai tập, 1996), *Văn hóa tâm linh* (Nguyễn Đăng Duy, 1996),...

Đây là mảng sách bán chạy. Tuy số lượng nhiều nhưng chất lượng các cuốn sách không đều nhau. Nhiều tập sách mỏng được viết nhanh, biên tập vội để tung ra thị trường. Trong mảng sách này, *Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại* (1994) là một kỷ yếu có chất lượng khoa học, được in đẹp, *Tín ngưỡng dân gian Huế* (Trần Đại Vinh, 1995) là một công trình bề thế, nghiêm túc, *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam* (Nguyễn Duy Hinh, 1996) được chú ý tới quy mô của công trình, bởi sự phong phú, chính xác của các tư liệu.

6 - Mảng sách từ điển

Mảng sách này chưa có nhiều thành công. Nếu *Từ điển di tích văn hóa Việt Nam* (nhiều soạn thảo, Ngô Đức Thọ chủ biên, Nhà xuất bản Khoa học xã hội và Nhà xuất bản Mũi Cà Mau, 1993 là một công trình công phu, nghiêm túc thì các cuốn từ điển văn hóa khác lại bộc lộ nhiều nhược điểm và thiếu sót.

Từ điển văn hóa Việt Nam. Phần nhân vật chí (nhiều soạn giả, PGS Vũ Ngọc Khánh chủ biên, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1993) được biên soạn và xuất bản "nhằm giới thiệu các nhân vật đã có những đóng góp nhiều ít vào sự nghiệp văn hóa của đất nước" (Lời nhà xuất bản, tr 7). Nhược điểm lớn, dễ thấy nhất của cuốn sách là tiêu chí các nhân vật được đưa vào từ điển không rõ ràng. Thế nào là "có đóng góp nhiều ít" ? Ngoài ra, các soạn giả và nhà xuất bản đã thiếu thận trọng khi đưa một vài nhân vật vào từ điển gây nên phản ứng mạnh mẽ của một bộ phận độc giả. *Từ điển văn hóa cổ truyền Việt Nam* (nhiều soạn giả có tên tuổi, do nhà nghiên cứu văn hóa Hữu Ngọc chủ biên, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội, 1995) phản ánh những kiến thức văn hóa của người Việt (Kinh) bao gồm văn hóa bác học và văn hóa dân gian từ thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên cho đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. "Nhìn chung đây là cuốn sách giúp ích cho việc tra cứu, tìm hiểu về văn hóa cổ truyền Việt Nam cho nhiều đối tượng độc giả. Tuy nhiên, trong từng mục cụ thể, cuốn từ điển hãy còn nhiều điểm sai sót, thiếu chính xác, không nhất quán về nội dung giữa các mục từ có liên quan với nhau, nhiều mục từ cần thiết nhưng không có trong sách". (2)

Ngay cả *Từ điển bách khoa Việt Nam* (Trung tâm biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 1995, tập I), một công trình có ý nghĩa khoa học và văn hóa rất lớn cũng đã để lộ những sai sót đáng tiếc.

7 - Mảng sách giáo khoa đại học về văn hóa

Mảng sách giáo khoa đại học về văn hóa là mảng sách khá mới mẻ. Ngày 10-1-1995, Bộ Giáo dục - Đào tạo mới có công văn số 173/VP về việc "tăng cường giáo dục các giá trị văn hóa dân tộc và di sản văn hóa Việt Nam, yêu cầu các cơ quan có liên đới chuẩn bị hệ thống giáo trình, đưa vào chương trình đại học, cao đẳng môn Văn hóa học và cơ sở văn hóa Việt Nam, để phục vụ việc học tập của sinh viên" (3).

Năm 1995, Trường Đại học tổng hợp TP Hồ Chí Minh xuất bản cuốn *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (504 trang) của PGS, TS Trần Ngọc Thêm. Đây là giáo trình đại học, lưu hành nội bộ, song phạm vi lưu hành của nó không chỉ ở trong một trường đại học. Sách này là tập giáo trình đại học đầu tiên trình bày có hệ thống về văn hóa Việt Nam, nên đã được nhiều nơi sử dụng trong việc giảng dạy và học tập. Cuốn sách được viết công phu, nghiêm túc, nhưng lượng kiến thức đưa vào quá nhiều, chưa phù hợp với số tiết của môn học và khả năng tiếp thu của sinh viên năm thứ nhất. Năm 1997, sách này in lần thứ ba, có sửa chữa và rút gọn (còn 284 trang), do Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn (thuộc Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh) ấn hành. Lần in này ghi rõ : "Giáo trình cho sinh viên, biên soạn theo chương trình giáo dục đại học đại cương của Bộ Giáo dục - Đào tạo (Quyết định số 3224/GD-ĐT ngày 12-9-1995)". Ở TP Hồ Chí Minh còn có cuốn *Cơ sở văn hóa Việt Nam* của PTS Phùng Quý Nhâm (Trường Đại học sư phạm, lưu hành nội bộ, 1996) và cuốn *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (1996) của PTS Lê Văn Chưởng, Đại học Huế xuất bản, cuốn giáo trình cơ sở Lịch sử văn hóa

(2) Nguyễn Thanh Lợi : "Về cuốn *Từ điển văn hóa cổ truyền Việt Nam*", Tạp chí Văn hóa dân gian, Hà Nội, 1996, số 4, tr 101

(3). Trần Quốc Vượng (chủ biên) : *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr 3

Digitized by Google

Việt Nam của Huỳnh Công Bá (lưu hành nội bộ, 1994). Trong khi chưa có giáo trình chính thức, để đáp ứng nhu cầu cấp bách về tài liệu, Đại học quốc gia Hà Nội tổ chức biên soạn tập *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam* (tập tài liệu tham khảo để giảng dạy và học tập, nhiều tác giả, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996). Năm 1997, Nhà xuất bản Giáo dục công bố cuốn *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (năm tác giả, GS Trần Quốc Vượng chủ biên, 240 trang). Sách này phục vụ cho chương trình đại học đại cương đã trình bày kỹ một số khái niệm cơ bản, nêu lên diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam và giới thiệu sáu vùng văn hóa.

Năm 1997, Viện Văn hóa (thuộc Trường Đại học Văn hóa Hà Nội) và Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin công bố cuốn *Văn hóa học* của nhà giáo đã quá cố Đoàn Văn Chúc.

8 - Mảng sách dịch thuật, giới thiệu văn hóa nước ngoài

Trong "Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa", chúng ta không chỉ chú trọng nghiên cứu văn hóa Việt Nam, mà còn dịch thuật, giới thiệu, nghiên cứu văn hóa các nước khác. Công việc này không phải trước kia không làm, song chưa bao giờ được tiến hành rộng rãi và đạt chất lượng như mười năm gần đây.

Về văn hóa, văn minh Trung Quốc có : *Lịch sử văn minh Trung Quốc* (Will Durant, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, Trường Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh xuất bản, 1990), *Lịch sử văn hóa Trung Quốc* (Đàm Gia Kiện chủ biên, bản dịch của nhóm Trương Chính, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993), *Đại cương lịch sử văn hóa Trung Quốc* (Ngô Vinh Chính và Vương Miện Quý chủ biên, bản dịch của nhóm Lương DuyThứ, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1994). Về văn hóa Ấn Độ, bên cạnh bản dịch *Phát hiện Ấn Độ* (Jawaharlal Nehru, nhóm Phạm Thủy Ba dịch, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1990, ba tập) có tập tiểu luận Văn hóa Ấn Độ (Cao Huy Đỉnh, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1993). Về văn hóa Nhật Bản, bên cạnh bản dịch *Lược sử văn hóa Nhật Bản* (G.B.Sansom, bản dịch không đề tên dịch giả, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, hai tập) có cuốn *Chân dung văn hóa đất nước mặt trời mọc* (Hữu Ngọc, Nhà xuất bản Thế giới, 1993). Về văn hóa Pháp có *Phác thảo chân dung văn hóa Pháp* (1991) của Hữu Ngọc. Về văn hóa Thụy Điển có *Mảnh trời Bắc Âu* (1992) của Hữu Ngọc. Về văn hóa Phần Lan có *Đường vào văn hóa Phần Lan* (1996) do nhóm Nguyễn Huệ Chi tuyển soạn và dịch. Về văn hóa Mỹ có *Hồ sơ văn hóa Mỹ* (1995) của Hữu Ngọc. Về văn hóa Thái-lan, Lào, Cam-pu-chia có các cuốn sách do Viện nghiên cứu Đông - Nam Á tổ chức biên soạn.

Loại sách viết về văn hóa, văn minh nhiều nước có : *Văn minh phương Tây* (các tác giả ở Trường Đại học Havớt, Mỹ, bản dịch của Nguyễn Văn Lương, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1994), *Các phạm trù văn hóa trung cổ* (A.Gurêvích, bản dịch của Hoàng Ngọc Hiến, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1996), *Đại cương văn hóa phương Đông* (Lương Duy Thứ chủ biên, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1996).

III - ĐÁNH GIÁ MỘT CHẶNG ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

1 - Trong "Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa", Đảng ta đánh giá đúng đắn tầm quan trọng của văn hóa, Nhà nước đầu tư kinh phí thích đáng cho việc nghiên cứu và xuất bản. Cơ chế đổi mới, các nhà xuất bản năng động, công nghệ in có nhiều tiến bộ, điều kiện kinh tế của nhân dân được cải thiện hơn. Đó là hoàn cảnh rất thuận lợi cho việc xuất bản các công trình, các cuốn sách viết về văn hóa. Trong hoàn cảnh thuận lợi này, không chỉ có các bản thảo mới hoàn thành được công bố kịp thời, mà một số công trình, bản dịch về văn hóa được xuất bản từ những thập kỷ trước đến nay cũng được tái bản, một số bản thảo, bản dịch được hoàn thành từ hàng chục năm trước nhưng chưa có điều kiện công bố thì nay đã được ra mắt bạn đọc lần đầu.

2 - Qua sự phân tích tám mảng sách viết về văn hóa, chúng ta thấy sự phong phú về số lượng. Số sách này lớn hơn số sách về văn hóa của nhiều thập kỷ trước cộng lại. Đấy là chưa kể những bài viết đăng trên tạp chí. Về chất lượng phần lớn đây là những ấn phẩm có ích, số sách có giá trị đạt tỷ lệ đáng kể. Những tri thức từ các cuốn sách có ích này đã, đang và sẽ đi vào cuộc sống và ngày càng chứng tỏ : văn hóa vừa là động lực vừa là mục tiêu của phát triển.

3 - Trong số các công trình về văn hóa, còn ít sách chuyên luận ; sách kỷ yếu hội thảo và sách tập hợp các bài của một tác giả hoặc nhiều tác giả về một chủ đề là những sách chiếm đa số. Trong loại sách này thường có sự trùng lặp giữa các bài. Có những cuộc hội thảo, những cuốn sách được đặt tên theo thời thượng, chỉ cốt sao cho hòa vào không khí của "thập kỷ thế giới phát triển văn hóa" mà quên rằng nội dung hội thảo và sách chưa ăn khớp với những tên gọi ấy. Số công trình vừa sâu sắc vừa hoàn chỉnh chưa thật nhiều.

4 - Nhìn lại mặt được và mặt chưa được như trên, chúng tôi hy vọng rằng công việc nghiên cứu văn hóa sẽ vẫn còn được tiếp tục và sẽ hứa hẹn những thành tựu mới. ❑

Digitized by Google

LÒNG NGƯỜI ĐO ĐƯỢC

DỊ THẢO

Dân gian có câu : "Sông sâu còn có thể dò, lòng người ai có thể đo cho tường". Đúng là đo cho được lòng người thật không đơn giản. Khó đấy, song nếu chịu để ý một chút, nhất là khi có những tình huống đặc biệt xảy ra thì ta vẫn có thể "đo" được, mà đo chính xác nữa là khác. Xin dẫn ra đây một câu chuyện có thực.

Thủ trưởng tôi vốn là người có tiếng được cả cơ quan yêu mến. Không may, sau chuyến đi công tác dài ngày ở Tây Nguyên về, ông ngã bệnh nặng, phải nhập viện ngay để sau đó tiến hành phẫu thuật. Các bác sỹ cho biết là bệnh tình của ông rất trầm trọng, không thể tiếp tục làm việc được nữa. Cái tin dữ ấy chẳng bao lâu cả cơ quan đều biết. Và, thế là nảy sinh ba loại người với ba thái độ khác nhau.

Loại thứ nhất thật sự yêu thương lo lắng cho thủ trưởng. Họ tuyệt đại đa số thuộc loại "bạch đinh", chân trắng, không chức, không quyền. Anh chị em thương thủ trưởng vì ông ăn ở hiền lành, liêm khiết, đức độ, thương cán bộ dưới quyền và hết lòng vì công việc của cơ quan. Họ tự giác thay phiên nhau vào bệnh viện chăm sóc cho ông.

Loại thứ hai không nhiều, phần lớn là những cán bộ có chức, có quyền trong cơ quan, kể cả một vài cán bộ "kế cận". Họ cũng hầu như suốt ngày đêm có mặt ở bệnh viện. Có điều là họ một mặt tỏ ra "tận tình" chăm sóc ông ; mặt khác không bỏ lỡ dịp kể công, những mong ông "hiểu" cho lòng họ. Đôi, ba người còn bạo gan đề nghị ông bàn bạc với lãnh đạo xem xét, cất nhắc hoặc kiến nghị với cấp trên cử họ thay thế ông trước khi ông nghỉ hẳn. Họ giống hệt Võ Tán Đường dưới triều vua Lý Anh Tông ra sức chăm sóc thuốc thang cho Tô Hiến Thành khi ông lâm bệnh nặng những mong ông sẽ tiến cử thay ông làm tướng quốc.

Loại thứ ba rất ít, là những người đã từng mắc sai lầm, khuyết điểm bị cơ quan xử lý kỷ luật. Có người bị cách chức vì tham ô công quỹ. Có người đến hạn nhưng không được nâng lương vì kỷ luật lao động quá kém. Có người bị cảnh cáo vì lối sống buông thả... Xử lý kỷ luật đối với cán bộ tất nhiên phải do tập thể lãnh đạo của cơ quan quyết định. Song vì ông là thủ trưởng nên mọi vướng mắc cá nhân họ đều đổ cả lên đầu ông. Sở dĩ trước đây họ chỉ "nuôi hận" trong lòng, chưa dám trở mặt, bởi vì ông còn là thủ trưởng. Bây giờ thì họ trở cờ, chửi bới ông quyết liệt và thậm chí còn mong cho ông chết sớm.

Kể lại câu chuyện nêu trên, tôi cảm thấy lòng mình vừa vui, vừa buồn. Vui vì thấy xã hội ta nhiều người tốt lắm. Song cũng buồn bởi lẽ vẫn còn những kẻ sống cơ hội, lá mặt lá trái, thậm chí có thể suy nghĩ và hành động không chút gì là đạo đức. Ở đây, kẻ cơ hội giấu mặt đã trở thành kẻ cơ hội lộ mặt. Còn kẻ cơ hội lộ mặt thì đã trần trụi phơi lòng mình ra cho người đời đo... ❑

Digitized by Google

ĐẠI HỘI XV ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC - MỘT ĐẠI HỘI XUYÊN THẾ KỶ

LÝ GIA TRUNG *

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XV của Đảng Cộng sản Trung Quốc vừa bế mạc thắng lợi ở Bắc Kinh là một đại hội mang ý nghĩa trọng đại, có ảnh hưởng sâu xa, một đại hội giương cao ngọn cờ của lý luận Đặng Tiểu Bình, nối tiếp quá khứ, mở ra tương lai, cổ vũ toàn đảng và toàn dân hướng tới thiên niên kỷ mới với những thành tựu mới trong sự nghiệp cải cách mở cửa. Đại hội đã ôn lại lịch sử phấn đấu của nhân dân Trung Quốc suốt một thế kỷ qua, định hướng triển vọng phát triển trong 50 năm của thế kỷ tới, nghiêm chỉnh tổng kết những kinh nghiệm thực tiễn kể từ Hội nghị Trung ương 3 (khóa XI) đặc biệt là từ Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Trung Quốc đến nay, phác họa chiến lược phát triển xuyên thế kỷ của Trung Quốc trong công cuộc cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa.

Như các bạn đã biết, Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc tháng 10 năm 1987 đã xác định chiến lược phát triển của Trung Quốc chia thành ba bước. *Bước thứ nhất :* đến năm 1990, GDP tăng gấp đôi so với năm 1980, nhân dân có cuộc sống ấm no ; *bước thứ hai :* đến năm 2000, GDP tăng gấp đôi so với năm 1990, cuộc sống nhân dân đạt mức khá giả ; *bước thứ ba :* đến giữa thế kỷ XXI, cơ bản thực hiện hiện đại hóa đất nước. Do sự phấn đấu của nhân dân cả nước, đến năm 1995, chúng tôi đã thực hiện trước thời hạn 5 năm mục tiêu GDP tăng gấp 4 lần so với năm 1980. Vì thế, kỳ họp thứ 4 Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa VIII tháng 3 năm 1996 lại nêu ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2000 đạt GDP bình quân đầu người tăng gấp đôi so với năm 1990. Trên cơ sở này, Đại hội XV đã đề ra mục tiêu phấn đấu xuyên thế kỷ của Trung Quốc là : trong 10 năm đầu, GNP tăng gấp đôi so với năm 2000, làm cho đời sống của nhân dân càng dư dật hơn, hình thành cơ chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa tương đối hoàn thiện ; qua sự phấn đấu trong 10 năm nữa, đến khi kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc, làm cho nền kinh tế quốc dân càng thêm phát triển, các chế độ càng hoàn thiện hơn ; vào dịp kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, cơ bản thực hiện hiện đại hóa, xây dựng Trung Quốc thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, dân chủ và văn minh.

Để động viên toàn đảng và toàn dân cố gắng hoàn thành mục tiêu chiến lược nói trên, Đại hội XV đã đưa ra hàng loạt tư tưởng chỉ đạo nhất quán cả về lý luận lẫn chính sách, đi đến nhiều quyết định quan trọng. Trong bài này, tôi xin giới thiệu tóm tắt bốn nội dung sau đây.

Một, **khẳng định lại Trung Quốc vẫn ở vào giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội.** Đồng chí Đặng Tiểu Bình đã từng chỉ rõ : "Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản, Trung Quốc lại ở vào giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, tức là giai đoạn chưa phát triển, tất cả đều phải xuất phát từ thực tế này,

* Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước CHND Trung Hoa tại Việt Nam

Digitized by Google

căn cứ vào thực tế này để đặt ra quy hoạch". Sở dĩ Đảng Cộng sản Trung Quốc nêu lên khái niệm giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội một cách rõ ràng trong cương lĩnh của mình là dựa trên những phán đoán như sau : Từ khi nước Trung Hoa mới thành lập đến nay, đặc biệt là trong gần hai mươi năm nay, tuy sức sản xuất của Trung Quốc đã có những bước phát triển rất lớn và các lĩnh vực xã hội đều có những tiến bộ rõ rệt, nhưng thực trạng dân số đông, cơ sở yếu kém, sức sản xuất chưa phát triển, mức sống nhân dân vẫn còn thấp, sự phát triển về kinh tế - văn hóa giữa các vùng không đồng đều vẫn chưa được cải thiện về căn bản ; chế độ xã hội chủ nghĩa chưa hoàn thiện, cơ chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa chưa hoàn hảo, nền dân chủ và pháp chế xã hội chủ nghĩa chưa được kiện toàn v.v. Hiện nay và trong một thời gian khá dài về sau này, Trung Quốc vẫn ở vào giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội. Từ khi cơ bản hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa năm 1956 cho tới khi kết thúc giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, ít nhất cũng phải trải qua 100 năm. Đó là thực tế lớn nhất, là tình hình cơ bản nhất của Trung Quốc, là điểm xuất phát để xác định đường lối, chủ trương, chính sách. Nhìn nhận đúng tình hình cơ bản của đất nước là ở vào giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, đã làm cho sự hiểu biết của chúng tôi về chủ nghĩa xã hội từ "trên trời" trở về "mặt đất", bảo đảm không mắc lại những sai lầm đốt cháy giai đoạn, chủ quan nóng vội như thời kỳ những năm 50 - 70, làm cho chúng tôi luôn luôn tỉnh táo, tiến những bước vững chắc hơn trên con đường đi lên hiện đại hóa.

Hai, **Đại hội xác định Đảng Cộng sản Trung Quốc lấy lý luận Đặng Tiểu Bình làm kim chỉ nam cho hành động của mình.** Trong bản báo cáo, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân nêu rõ : Từ một thế kỷ nay, trên chặng đường tiến lên, nhân dân Trung Quốc đã trải qua ba cuộc biến đổi lịch sử lớn, và đã xuất hiện ba nhân vật vĩ đại đi trước thời đại là Tôn Trung Sơn, Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình.

Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, chúng tôi đã giành được nhiều thành tựu vĩ đại trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Song vì những lệch lạc về tư tưởng chỉ đạo và đường lối, đã dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng, thậm chí lâm vào cuộc xáo động trong phạm vi toàn quốc kéo dài hơn mười năm như "Cách mạng văn hóa". Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm, rút ra những bài học lịch sử, tập thể ban lãnh đạo thế hệ thứ hai của Trung ương Đảng do Đặng Tiểu Bình làm hạt nhân đã quả quyết chấm dứt "Cách mạng văn hóa", lãnh đạo nhân dân Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa, mở ra một con đường phát triển xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc, và đã giành được những thành tựu gây ấn tượng sâu sắc cho cả thế giới. Lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc của Đặng Tiểu Bình là tinh hoa được đúc kết từ kinh nghiệm thực tiễn và trí tuệ tập thể của Đảng và nhân dân. Chính vì vậy, Đại hội XV đã xác định trong Điều lệ Đảng lấy lý luận Đặng Tiểu Bình làm tư tưởng chỉ đạo. Trong Điều lệ Đảng được sửa đổi đã ghi rõ : Đảng Cộng sản Trung Quốc lấy Chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Mao Trạch Đông và lý luận Đặng Tiểu Bình làm kim chỉ nam cho hành động của mình. Tổng Bí thư Giang Trạch Dân đã nêu rõ, ở Trung Quốc ngày nay, chỉ có lý luận Đặng Tiểu Bình là sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lê-nin với thực tiễn thời nay của Trung Quốc và những đặc trưng của thời đại chứ không có lý luận nào khác có thể giải quyết vấn đề tương lai và vận mệnh của chủ nghĩa xã hội. Lý luận Đặng Tiểu Bình là chủ nghĩa Mác-Lê-nin ở Trung Quốc thời nay, là giai đoạn phát triển mới của chủ nghĩa Mác-Lê-nin ở Trung Quốc. Giương cao ngọn cờ vĩ đại của lý luận Đặng Tiểu Bình chính là linh hồn của Đại hội XV.

Ba, **Sự đột phá mới về lý luận cải cách thể chế kinh tế.** Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xác định mục tiêu chung của cuộc cải cách thể chế kinh tế là xây dựng cơ chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Để xây dựng thành công cơ chế kinh tế thị trường xã

Digitized by Google

hội chủ nghĩa tương đối hoàn chỉnh, Đại hội XV đã nêu ra một số giải pháp lớn về mặt cải cách thể chế kinh tế, trong đó có hai vấn đề quan trọng nhất, *một là* tiếp tục điều chỉnh và hoàn thiện cơ cấu chế độ sở hữu, *hai là* đẩy mạnh hơn nữa việc cải cách xí nghiệp quốc hữu.

Về vấn đề cơ cấu chế độ sở hữu, Đại hội XV đã có những đột phá mới về lý luận. Đại hội chỉ rõ, một chế độ kinh tế cơ bản của giai đoạn đầu xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc là lấy chế độ công hữu làm chủ thể, để kinh tế đa sở hữu cùng nhau phát triển. Chế độ công hữu có thể và cần phải có nhiều hình thức thực hiện, kinh tế công hữu không những bao gồm kinh tế quốc hữu và kinh tế tập thể, mà còn bao gồm những thành phần quốc hữu và thành phần tập thể trong kinh tế sở hữu hỗn hợp. Nhấn mạnh tính đa dạng của hình thức thực hiện chế độ công hữu không phải là chủ trương tư hữu hóa. Chúng tôi lâu nay vẫn kiên trì chế độ công hữu giữ vị trí chủ thể. Vị trí chủ thể của chế độ công hữu chủ yếu thể hiện ở chỗ nguồn vốn công hữu chiếm ưu thế trong tổng nguồn vốn xã hội. Kinh tế quốc hữu khống chế mạch máu của nền kinh tế quốc dân và giữ vai trò chủ đạo trong sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Vai trò chủ đạo của kinh tế quốc hữu chủ yếu thể hiện ở sức khống chế, nghĩa là kinh tế quốc hữu nhất thiết phải chiếm lấy vị trí chi phối trong các ngành nghề quan trọng và các lĩnh vực then chốt liên quan đến mạch máu của kinh tế quốc dân. Kinh tế phi công hữu là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc. Phải tiếp tục khuyến khích và hướng dẫn kinh tế phi công hữu như kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân v.v. để chúng được phát triển lành mạnh. Sự phát triển của kinh tế phi công hữu có tác dụng quan trọng cho việc thỏa mãn nhu cầu đa dạng của nhân dân và thúc đẩy nền kinh tế quốc dân không ngừng phát triển. Với tiền đề kiên trì lấy kinh tế công hữu làm chủ thể, nhà nước khống chế mạch máu của nền kinh tế quốc dân, sức khống chế và sức cạnh tranh của kinh tế quốc hữu được tăng cường, dù tỷ trọng của kinh tế quốc hữu có giảm đi chút ít cũng không ảnh hưởng đến tính chất xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc.

Về vấn đề cải cách xí nghiệp quốc hữu : Đại hội khẳng định, hình thức thực hiện chế độ công hữu có thể và cần phải được đa dạng hóa, tất cả mọi hình thức kinh doanh và hình thức tổ chức phản ánh quy luật sản xuất xã hội hóa đều có thể mạnh dạn áp dụng. Chế độ cổ phần là một hình thức tổ chức vốn của các xí nghiệp hiện đại, có lợi cho việc nâng cao hiệu quả vận hành của xí nghiệp cũng như hiệu quả sử dụng vốn, chủ nghĩa tư bản có thể áp dụng, chủ nghĩa xã hội cũng có thể áp dụng. Không thể nói một cách chung chung rằng chế độ cổ phần mang thuộc tính công hữu hay tư hữu. Điều then chốt là phải xem quyền khống chế cổ phần nằm trong tay ai. Vì vậy, chúng tôi ủng hộ và hướng dẫn kinh tế hợp tác cổ phần nhiều hình thức từng bước hoàn thiện và phát triển. Thiết lập chế độ xí nghiệp hiện đại là phương hướng cải cách xí nghiệp quốc hữu. Phải theo yêu cầu "xác định rõ quyền sở hữu tài sản, phân định rõ quyền lợi với trách nhiệm, tách rời hành chính với kinh doanh, quản lý một cách khoa học" để cải cách theo đúng quy chế các xí nghiệp quốc hữu lớn và vừa thành những công ty, làm cho các xí nghiệp trở thành thực thể pháp nhân và chủ thể cạnh tranh thích ứng với thị trường. Chúng tôi sẽ đi theo hướng này để nắm chắc những xí nghiệp lớn, thả nổi các xí nghiệp nhỏ, tiến hành cải tổ mang tính chiến lược đối với các xí nghiệp quốc hữu ; áp dụng các biện pháp như khuyến khích sáp nhập, quy phạm phá sản, đưa một số lao động rời khỏi cương vị sản xuất, phân tán và cắt giảm nhân viên, nâng cao hiệu quả kinh tế và thực thi công trình tạo việc làm mới, hình thành cơ chế cạnh tranh giữa các xí nghiệp là ai mạnh thì đứng vững, nếu không sẽ bị sa thải ; tích cực thúc đẩy những biện pháp cải cách đồng bộ. Thực hiện đường lối, chủ trương và chính sách do Đại hội XV xác định, Trung Quốc nhất định sẽ xây dựng thành công cơ chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, làm

Digitized by Google

cho nền kinh tế quốc dân phát triển một cách liên tục, nhanh chóng và lành mạnh.

Bốn, **Phán đoán về tình hình quốc tế và chính sách ngoại giao của Trung Quốc.** Đại hội nêu rõ, tình hình quốc tế hiện nay nhìn chung vẫn tiếp tục hướng về hòa dịu, hòa bình và phát triển. Sự phát triển mới của xu thế đa cực hóa trong phạm vi toàn cầu hoặc khu vực cũng như trong các lĩnh vực chính trị và kinh tế có lợi cho hòa bình, ổn định và phồn vinh của thế giới. Trào lưu chính của thời đại là đòi hỏi hòa bình, mưu cầu hợp tác, thúc đẩy phát triển. Trong một thời kỳ tương đối dài, tránh để xảy ra cuộc chiến tranh thế giới mới là điều có thể thực hiện được, nhưng tư duy chiến tranh lạnh vẫn còn tồn tại, chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền vẫn là nguồn gốc chủ yếu đe dọa hòa bình và ổn định của thế giới. Thế giới vẫn chưa yên ổn.

Trong những năm 90, sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, thế giới đi vào thời kỳ quá độ của sự chuyển tiếp giữa bố cục cũ và mới. Dưới sự chỉ dẫn của Tư tưởng ngoại giao Đặng Tiểu Bình, tập thể ban lãnh đạo thế hệ thứ ba của Trung Quốc đã đề ra và thực hiện hàng loạt chủ trương, chính sách trong việc xử lý quan hệ đối bên cũng như đa bên, đã giành được những thành tựu ngoại giao gây ấn tượng sâu sắc cho cả thế giới. Sau Đại hội XV, Trung Quốc sẽ tiếp tục kiên trì Tư tưởng ngoại giao của Đặng Tiểu Bình, trước sau như một, thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình, độc lập tự chủ ; không khuất phục trước bất cứ sức ép nào từ bên ngoài, không thiết lập quan hệ đồng minh với bất cứ nước lớn nào hoặc tập đoàn quốc gia nào, không gây dựng tập đoàn quân sự, không tham gia chạy đua vũ trang, không tiến hành bành trướng quân sự ; phản đối chủ nghĩa bá quyền, giữ gìn hòa bình thế giới ; đốc sức thúc đẩy việc thiết lập trật tự chính trị - kinh tế quốc tế mới công bằng và hợp lý ; tôn trọng tính đa dạng của thế giới, chủ trương để cho nhân dân các nước tự giải quyết công việc của mình ; kiên trì chính sách láng giềng thân thiện, chủ trương xuất phát từ đại cục giữ gìn hòa bình và ổn định, giải quyết những vấn đề tranh chấp tồn tại giữa Trung Quốc và các nước láng giềng thông qua hiệp thương và đàm phán hữu nghị ; những vấn đề chưa thể giải quyết ngay được, có thể tạm gác lại và cầu đồng tồn dị ; tăng cường hơn nữa tình đoàn kết và sự hợp tác với các nước thuộc thế giới thứ ba ; tiếp tục cải thiện và phát triển quan hệ với các nước phát triển trên cơ sở năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình ; kiên trì nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, triển khai rộng rãi sự trao đổi thương mại, hợp tác kinh tế - kỹ thuật và giao lưu khoa học - văn hóa với các nước và khu vực trên thế giới ; phát triển quan hệ giao lưu và hợp tác kiểu mới với tất cả các chính đảng của các nước muốn đi lại với Đảng Cộng sản Trung Quốc trên cơ sở các nguyên tắc độc lập tự chủ, hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Đại hội XV nhấn mạnh : Trung Quốc là một lực lượng kiên định giữ gìn hòa bình thế giới và ổn định khu vực ; sự phát triển của Trung Quốc không hề hình thành mối đe dọa đối với bất cứ nước nào. Sau này, khi Trung Quốc đã phát triển, cũng sẽ không bao giờ xưng bá. Nhân dân Trung Quốc nguyện cố gắng không mệt mỏi cùng với nhân dân các nước trên thế giới, thúc đẩy xu thế hòa bình và phát triển, mở ra một tương lai tốt đẹp hơn cho nhân loại.

Vào thời điểm bản lề giữa hai thế kỷ, Trung Quốc đang đứng trước những vận hội lịch sử hiếm có. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng với hạt nhân là đồng chí Giang Trạch Dân, 58 triệu đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc và 1,2 tỉ dân, các dân tộc Trung Quốc sẽ giương cao ngọn cờ của lý luận Đặng Tiểu Bình, nối tiếp quá khứ, mở ra tương lai, vững bước tiến lên, tái lập huy hoàng, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc hướng tới thế kỷ XXI một cách toàn diện. ❑

Digitized by Google

THUẾ NHÀ, ĐẤT

● ***Thuế nhà, đất*** là loại thuế gián thu, áp dụng cho các cá nhân, tổ chức (cơ quan hành chính sự nghiệp, hiệp hội) có quyền sở hữu và quyền sử dụng đất. Thuế nhà, đất còn gọi là thuế thổ trạch. Thuế nhà, đất đã bảo đảm được số thu đáng kể cho ngân sách nhà nước, đặc biệt đối với ngân sách địa phương. Trong nền kinh tế thị trường, thuế nhà,đất là mối quan tâm của nhiều chính phủ và các thành phần kinh tế của các nước.

Ở các nước tư bản, nhà, đất thuộc quyền sở hữu tư nhân, của nhà nước hay của các hiệp hội (tập thể). Nhà, đất phải chịu hai thứ thuế : *thuế sở hữu nhà, đất* (thuế tài sản) và *thuế sử dụng nhà, đất.* Ở Pháp, người sở hữu nhà, đất phải nộp thuế tài sản theo mức thuế do hội đồng tỉnh (hoặc thành phố) quy định. Còn người sử dụng nhà, đất phải chịu thuế theo mức 5% - 15%. Ở Thụy Điển người có tài sản (như nhà, đất, xe ô tô, tàu, thuyền, cổ phần, tiền gửi ngân hàng...) trị giá từ 800 000 curon trở lên phải nộp thuế hằng năm theo thuế suất từ 1,5% - 3%. Còn người sử dụng nhà, đất để tính thuế được xác định bằng 75% giá cả thị trường. Thời gian xét thuế là 6 năm/lần. Các nước trên thế giới coi bất động sản (nhà, đất) là hàng hóa đặc biệt, nhà nước độc quyền quản lý. Vì vậy, việc mua, bán chuyển nhượng bất động sản trên thị trường đều tuân thủ theo luật định của mỗi nước. Đây là hàng hóa có thế mạnh ở nhiều nước tư bản, vì sự gia tăng của dân số luôn tỷ lệ nghịch với đất đai.

Ở nước ta từ năm 1990 đến năm 1995 hệ thống chính sách thuế đã được cải cách bước I bằng việc ban hành mới các Luật thuế, Pháp lệnh thuế áp dụng cho các thành phần kinh tế trong đó có Pháp lệnh và thuế nhà, đất.

Pháp lệnh về thuế nhà, đất được Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 6 thông qua và có hiệu lực thi hành từ 1-10-1992. Nội dung của Pháp lệnh này nêu rõ : Thuế nhà, đất nhằm kiểm kê, kiểm soát tình hình quản lý, sử dụng nhà đất, hạn chế việc dùng đất canh tác vào các tác dụng không mục đích sản xuất nông nghiệp, làm nhà ở (thổ cư) hoặc xây dựng các xí nghiệp, công trình. Mặt khác, nó động viên một phần thu nhập của các chủ nhà đất cho ngân sách nhà nước, có thêm kinh phí xây dựng các công trình phúc lợi công cộng ở thành thị và nông thôn. Ở nước ta, thuế nhà, đất thuộc loại thuế tài sản, *bao gồm hai phần : phần thuế nhà* (bao gồm nhà sử dụng để ở, xí nghiệp hoặc cho thuê) ; *phần thuế sử dụng đất* vào mục đích phi nông nghiệp (bao gồm đất có xây nhà, đất vườn, đất bỏ không). Thuế này có phạm vi áp dụng mở rộng thống nhất cho các thành phố, thị xã, thị trấn, thị tứ và nông thôn. Đối tượng nộp thuế gồm : cá nhân, tổ chức (cơ quan hành chính sự nghiệp, xí nghiệp, đoàn thể, hiệp hội...) có quyền sở hữu và quyền sử dụng đất. Nếu trường hợp vắng chủ, hoặc không xác định rõ chủ thì cá nhân hoặc tổ chức hiện đang quản lý, sử dụng nhà, đất một cách hợp lý phải nộp thuế.

Những trường hợp sau đây được miễn giảm thuế nhà, đất :

Một là, *không thu* thuế nhà, đất đối với : nhà ở nông thôn ; đất thuộc diện chịu thuế nông nghiệp ; đất do xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuê (vì đã trả tiền thuê đất) ; đất đường sá, cầu cống, công viên, sân vận động, đê điều thủy lợi ; đất dùng làm trụ sở cơ quan hành chính, sự nghiệp của nhà nước, công trình văn hóa, doanh trại lực lượng vũ trang ; nhà đất do cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế sử dụng theo hiệp định ; nhà, đất dùng vào việc thờ cúng của tôn giáo ; nhà, đất dùng vào lợi ích công cộng mà chủ đất không thu tiền thuê.

Hai là, *được giảm* mức thuế nhà, đất trong các trường hợp : nhà tạm hoặc nhà xây dựng bằng vật liệu dễ hư hỏng ; nhà hư hỏng phải sửa chữa nhiều ; đất ở thuộc vùng rừng núi rẻo cao thuộc diện được miễn thuế nông nghiệp, vùng định canh định cư, vùng kinh tế mới ; đất ở của gia đình thương binh loại 1/4 loại 2/4, gia đình liệt sĩ được hưởng chế độ trợ cấp của nhà nước theo quy định ; người tàn tật, người chưa đến tuổi thành niên và người già không nơi nương tựa, không có khả năng nộp thuế ; nhà, đất của các đối tượng nộp thuế nhưng gặp khó khăn do thiên tai, địch họa, tai nạn bất ngờ.

Thuế nhà, đất được tính căn cứ theo diện tích nhà, đất của từng đối tượng và giá tính thuế đối với từng loại nhà, đất và thuế suất. Thuế nhà, đất là do Bộ Tài chính định giá. Đương nhiên, việc định giá tính thuế nhà, đất cần tham khảo giá cho thuê, giá mua bán, giá xây dựng. *Đối với nhà,* giá cả cần phân biệt theo loại xây dựng kiên cố hay bán kiên cố, biệt thự, một tầng hay nhiều tầng, xây dựng theo kiểu cổ điển hay hiện đại. *Đối với đất,* giá cả cần phân biệt theo tiêu chuẩn thuận lợi hay không thuận lợi về hoạt động kinh doanh, về sinh hoạt, ở trung tâm thành phố, thị xã hay ở vùng ngoại ô, nông thôn. Nguyên tắc chung về giá tính thuế nhà, đất bằng 75% giá cả thị trường. Hiện nay, ở các nước trên thế giới tính giá thuế nhà, đất đều áp dụng tỷ lệ này.

Việc hoàn thiện bước II hệ thống chính sách thuế trong thời gian tới sẽ sửa đổi thuế nhà, đất theo hướng : gộp cả thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế sử dụng đất ở, đất xây dựng công trình thành *Luật thuế sử dụng đất* ; nâng thuế tài sản thành *Luật thuế tài sản.*❑

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CÔNG TY NHỰA CẦN THƠ

CAN THO PLASTIC COMPANY

288 Cách mạng Tháng 8 - TP. Cần Thơ
ĐT: 071.821534 - 825710 - Fax: 071.826667





Ông VƯƠNG VĂN HÒA
Giám Đốc Công Ty Nhựa Cần Thơ.

*** CHUYÊN SẢN XUẤT :** Các loại sản phẩm nhựa (Plastic), có trên 200 chủng loại sản phẩm và quy cách khác nhau, phục vụ cho công, nông, ngư nghiệp, bao bì xuất khẩu gia dụng..., mẫu mã đẹp, bằng 100% nguyên liệu chính phẩm. Sản phẩm đạt HUY CHƯƠNG VÀNG Hội chợ Nông nghiệp Quốc tế Cần Thơ năm 1996.

*** TRỰC TIẾP XUẤT NHẬP KHẨU :**

Đặc biệt, năm 1996, Công ty đã góp vốn 40% liên doanh với Mỹ thành lập thêm một Công tyliên doanh có tên là :

CÔNG TY LIÊN DOANH NHỰA MIỀN TÂY

(MIENTAY PLASTIC JOINT-VENTURE COMPANY LTD)

288 Cách mạng Tháng 8 - TP. Cần Thơ. ĐT : 071.826668 - Fax: 071.826667

1. Công nghệ, máy móc thiết bị khuôn mẫu hiện đại hóa duy nhất hiện có tại Việt Nam.
2. Đặc tính kỹ thuật của sản phẩm : Sản xuất bằng nguyên liệu đặc chủng, sản phẩm có chất lượng cao với những ưu điểm như :
   - Không độc hại, chịu được cao độ chua, mặn.
   - Chịu được va đập, bền chắc, đẹp, chất lượng cao.
   - Chống được tia tử ngoại, nắng mưa.
   - Hội đủ các tiêu chuẩn chất lượng sử dụng cho công, nông, ngư nghiệp, xây dựng, hải sản và tiêu dùng...
3. Bảo hành theo yêu cầu của khách hàng.
4. Nhận cung cấp mọi sản phẩm nhựa theo yêu cầu khách hàng.
5. Nhận liên kết, liên doanh với mọi thành phần kinh tế.
6. Sản phẩm hiện có trên 100 chủng loại và quy cách khác nhau :
   - Chậu bông tròn, dài nhiều quy cách có khắc hoa văn nổi đẹp, hấp dẫn.
   - Quả cầu chụp đèn công viên, dinh thự, đường phố từ 8-20 inch đủ màu sắc lộng lẫy.
   - Pallet nhựa 1x1,2m, chất lượng và trọng lượng theo yêu cầu của khách hàng.
   - Hố xí tự hoại tiêu chuẩn, nhà vệ sinh di động thoáng đẹp văn minh.
   - Thấp nước từ 250 - 1100 lít.
   - Thùng chứa tròn, vuông, chữ nhựt từ 100 - 1200 lít.
   - Thùng giữ lạnh từ 20 lít - 400 lít.
   - Bồn nằm từ 250 lít - 1300 lít.
   - Thùng xe cút kích các cỡ, xe đẩy rác các cỡ.
   - Thùng rác công cộng, ống dẫn rác nhà cao tầng, vè xe tải, phao cứu sinh, lu nước 120l, phuy dầu 220 lít, thùng hóa chất...
   - Những sản phẩm cao cấp đa dạng phong phú khác...
7. Mạng lưới tiêu thụ: khắp các tỉnh phía Nam, có Tổng đại lý tại TP. HCM số 202-204 Hàn Hải Nguyên Q11 TP.HCM- ĐT: 08.8585838.

Công ty hoạt động với phương châm: *Uy tín - Chất lượng - Giá cả hợp lý.*

Hân hạnh được phục vụ quý khách.

TGĐ: LÊ HOÀNG YÊN

Digitized by Google

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MINH HẢI

SEAPRIMEXCO



Giám đốc:
LÝ VĂN THUẬN









***TRỤ SỞ CHÍNH :**
68 Phan Bội Châu, thị xã Cà Mau, tỉnh Cà Mau
ĐT : (078) 831615 - 831616 - 831230 - 831061.
FAX : (84-78) 831861.

***VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN:**
97A Cư xá Lê Đại Hành, Quận 11, TP Hồ Chí Minh.
ĐT : (08) 8550084 * FAX : (84) 8554757.

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyên ngành sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu thủy sản.

Công ty có 6 xí nghiệp trực thuộc kinh doanh, sản xuất chế biến các loại tôm đông BLOCK, I.Q.F. Sản xuất nước đá, nước mắm, các cơ sở liên doanh chế biến hàng thủy sản, bao bì phục vụ sản xuất chuyên ngành.

***XUẤT KHẨU:**
- Năm 1992 xuất khẩu 30,396 USD.
- Năm 1993 xuất khẩu 28,7 triệu USD.
- Năm 1994 xuất khẩu 35 triệu USD.
- Năm 1995 xuất khẩu 26 triệu USD.
- Năm 1996 xuất khẩu 18 triệu USD.

***NHẬP KHẨU:**
Những mặt hàng phục vụ cho sản xuất ngành thủy sản : Ngư lưới cụ, máy thủy, thiết bị đông lạnh, hàng tiêu dùng.

Công ty xuất nhập khẩu thủy hải sản rất hân hạnh, sẵn lòng đón tiếp quý khách hàng trong và ngoài nước.

Digitized by Google

Power Company II
Can Tho Power Company

CÔNG TY ĐIỆN LỰC II



ĐIỆN LỰC CẦN THƠ

Head office: 6 Nguyen Trai - Can Tho City
Tel: (071) 820007 - 820027 - 820028
Fax: 84 - 71 - 823359

Văn phòng: 6 Nguyễn Trãi - TP Cần Thơ
Điện thoại: (071) 820007 - 820027 - 820028
Fax: 84 - 71 - 823359

Major functions:

- Production of Diesel power and operation of a power trading network
- Construction, renewal and design of electric quipment
- Repair & overhauling of electric equipment
- Operate production services for power trading
- Other associated production services

- Sản xuất điện Diesel, nhận lưới kinh doanh điện năng
- Xây dựng, cải tạo, thiết kế lưới điện phân phối
- Sửa chữa, đại tu thiết bị điện
- Các hoạt động sản xuất trong kinh doanh điện năng
- Các hoạt động sản xuất khác









Digitized by Google

Kiên Giang



KIEN GIANG POST OFFICE

Địa chỉ: 530 Nguyễn Trung Trực - Rạch Giá
Điện thoại: (077) 862041 - Fax: (077) 866552
Address: 530 Nguyen Trung Truc Street, Town of Rach Gia
Tel: 862041 - Fax: 866552

Bưu điện tỉnh Kiên Giang với một mạng lưới bao gồm 56 cơ sở Bưu điện phục vụ đã được trang bị hệ thống thiết bị thông tin tự động trên toàn tỉnh, kể cả những vùng xa xôi biên giới, hải đảo (Phú Quốc, Thổ Chu, Nam Du...) 100% các xã đều có máy điện thoại.

- Tốc độ truyền tin nhanh, chất lượng đáp ứng mọi nhu cầu thông tin Bưu chính - Viễn Thông nội tỉnh, liên tỉnh và quốc tế.
- Về bưu chính: Mở đầy đủ các nghiệp vụ bưu phẩm bưu điện, thư điện chuyển tiền, thư phát nhanh EMS, phát hành báo chí trong nước và ngoài nước.
- Về viễn thông: Phục vụ tất cả các nghiệp vụ điện báo, điện thoại, Telex, Fax.
- Nhận cung ứng và lắp đặt các thiết bị viễn thông hiện đại phù hợp với mạng viễn thông trong nước và quốc tế.

Với phương châm phục vụ:

Nhanh chóng - Chính xác - An toàn - Tiện lợi - Văn minh - Lịch sự

Bưu điện tỉnh Kiên Giang
hân hạnh được phục vụ Quý khách.

The Kien Giang Post Office has a network of 56 postal stations. Being equipped with automatic infomation equipment system throughout the whole province including the remote areas of the borders and islands (Phu Quoc, Tho Chu, Nam Du...), all the communes have been equipped with telephone machines.

- Communications have been at a high speed, its quality meets all postal and telecommunications information needs intra provincially, interprovincially and internationally.
- For Postal Services: Opening all postal parcels & packages services, mails, money orders, express mail services foreign and domestic newspaper and magazine services.
- For Telecommunications Services: Serving telegram, telephone, telex, fax services...

Accepting to suplly and install all modern telecommunications equipment consitent with international and domestic telecommunications network.

All with a service motto:

Fast - Accurate - Safe - Convenient - Civilized - Polite.

The Kien Giang Post Office
is very Honoured to Serve You.

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 3000

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



22
11-1997

UNIV. OF MICH.
DEC 17 1997
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

Vietnam Coffee Corporation
Tổng công ty cà phê Việt Nam
CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG 333
Sugar Company 333





Add : Ea Knop Townlet, Eakar District
Km 64 Highway 26, Buon Ma Thuot, Daklak
Tel : (050) 829088 - 829110 - 829111
Fax : (050) 829089
Director : Nguyen Xuan Cuong

Main activities :

- Coffee production and processing for export.
- Sugarcane field planning and development.
- Livestock breeding.
- Trading in sugar and related products (beverage, beer, alcoholic wine, confectionery of various kinds, cattle food, fertilizer).
- Foodstuff processing, mechanical engineering, trading in petroleum, machinery and equipment for engineering businesses, and consumer goods for production and consumption.

Địa chỉ : Thị trấn Ea Knốp, Huyện Eakar
Km 64, Quốc lộ 26, Buôn Ma Thuột - Tỉnh Daklak
ĐT : (050) 829088 - 829110 - 829111
Fax : (050) 829089
Giám đốc : Nguyễn Xuân Cương

Chức năng :

Trồng chế biến cung ứng cà phê xuất khẩu, quy hoạch phát triển vùng mía, và chăn nuôi kinh doanh đường mật các sản phẩm nông nghiệp chế biến từ mía đường, mật (nước giải khát, bia, rượu cồn, bánh kẹo các loại, thức ăn gia súc, phân bón).

Chế biến thực phẩm, cơ khí sửa chữa, mua bán xăng dầu máy móc, thiết bị cơ khí, hàng hóa tiêu dùng khác, phục vụ sản xuất và đời sống

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 531 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA (7-11-1917 – 7-11-1997)	LÊ KHẢ PHIÊU - Cách mạng Tháng Mười và công cuộc đổi mới của nhân dân ta	3
	NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Cách mạng Tháng Mười tiếp tục soi sáng con đường chúng ta đi	10
PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	VŨ TRỌNG KIM - Công tác vận động thanh niên hiện nay	17
	TRẦN VĂN QUANG - Hội Cựu chiến binh Việt Nam, một chặng đường phấn đấu và trưởng thành	21
	NGUYỄN DUY HẠC - Công tác quốc phòng - an ninh trong nền kinh tế mở của thành phố Hải Phòng	24
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	HOÀNG MINH - Mở rộng dân chủ trực tiếp, thiết thực, đúng hướng và có hiệu quả	30
	NGUYỄN HOA THỊNH - Cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới hiện nay - thời cơ và thách thức đối với nền giáo dục ở nước ta	34
	ĐỖ TUYẾT BẢO - Nâng cao hiệu quả giáo dục thế hệ trẻ	37
	PHAN THANH PHỐ - NGUYỄN THỊ THƠM - Phát hành và lưu thông chứng khoán - một giải pháp quan trọng để hình thành và phát triển thị trường chứng khoán	41
	NGUYỄN SINH CÚC - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 1996 - 2000	44
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN THỊ MINH - Tây Ninh : mục tiêu chủ yếu và những giải pháp cho kế hoạch 5 năm 1996 - 2000	48
	PHÙNG VĂN TIẾN - Thanh Sơn tập trung sức mạnh tổng hợp để từng bước xóa đói giảm nghèo	51
	MAI HẢI OANH - Đội ngũ nhà văn trẻ đang tự khẳng định mình	55
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	NHÂN ĐĂNG - Cái sướng và cái khổ	58
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	*** Nhân tố "thế - lực - thời" trong quan hệ Việt Nam với cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp	59
	LA CÔN - Thị trường chứng khoán Niu-oóc từ chấn động này... đến chấn động khác	61
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội thảo khoa học "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Mười Nga" (7-11-1917 - 7-11-1997)	64

Bìa 1: Tượng đài ở Cà Mau — *Ảnh TTXVN*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ ХА ФИЕУ - Октябрьская Революция и курс обновления нашего народа. НГУЕН ДЫК БИНЬ - Октябрьская Революция продолжает освещать наш путь вперёд. ВУ ЧОНГ КИМ - Работа по мобилизации молодёжи в настоящем периоде. ЧАН ВАН КУАНГ - Один этап старания и возмужения Ассоциации Ветеранов Войны Вьетнама. НГУЕН ЗУЙ ХАК - Национальная оборона и безопастность города Хай Фонг при открытой экономике. ХОАНГ МИНЬ - Расширение непосредственной, практической, верной и эффективной демократии. НГУЕН ХОА ТХИНЬ - Научная и технологическая революция в мире на данном этапе - возможность и вызов образованию нашей страны. ДО ТУЕТ БАО - Повышение эффективности образования молодых поколений. НГУЕН ШИНЬ КУК - Сдвиг экономической структуры Восточной части Юга Вьетнама в 1996 - 2000 периоде. *** Фактор "позиция - сила - ситуация" в отношениях между Вьетнамом и сообществом стран исползующих Французский язык. ЛА КОН - Ньюйоркская биржа из потрясения к потрясению.

CONTENTS

LÊ KHẢ PHIÊU - The Russian October Revolution and the renovation cause of our people. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - The October Revolution keeps lighting up our way ahead. VŨ TRỌNG KIM - The work of youth mobilization at present. TRẦN VĂN QUANG - Vietnam Association of Veterans - a stage of striving and maturing. NGUYỄN DUY HẠC - The task of national defence and security of Haiphong City in open economic mechanism. HOÀNG MINH - Expansion of direct, practical, proper and effective democracy. NGUYỄN HOA THỊNH - Present scientific and technological revolution in the world - opportunities and challenges for education of our country. ĐỖ TUYẾT BẢO - Improvement of the effect of the education for the younger generation. NGUYỄN SINH CÚC - Economic structure shift of the eastern Nam Bo in the period 1996 - 2000. *** - The factor "position - power - situation" in the relationship between Vietnam and the community of francophone countries. LA CÔN - New York stock market from shake to shake.

SOMMAIRE

LÊ KHẢ PHIÊU - La Révolution d'Octobre et l'oeuvre de renouveau de notre peuple. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - La Révolution d'Octobre continue d'éclaircir notre chemin. VŨ TRỌNG KIM - Le travail actuel de mobilisation auprès de la jeunesse. TRẦN VĂN QUANG - L' Association des vétérans du Vietnam - un parcours d'efforts et de mûrissement. NGUYỄN DUY HẠC - Le travail de défense nationale et de sécurité dans l'économie d'ouverture de Hai Phong. HOÀNG MINH - Elargir la démocratie et la rendre directe, effective, bien orientée et efficace. NGUYỄN HOA THỊNH - La révolution scientifique et technologique dans le monde d'aujourd'hui - opportunité et défi pour notre éducation. ĐỖ TUYẾT BẢO - Elever l'efficacité de l'éducation de la jeune génération. NGUYỄN SINH CÚC - La transmutation de la structure économique du Nam Bo oriental dans la période 1996 - 2000. *** - Les facteurs "position - force - temps" dans les relations entre le Vietnam et les autres pays de la Francophonie. LA CÔN - Des bouleversements successifs à la Bourse de New York.

SUMARIO

LÊ KHẢ PHIÊU - La Revolución de Octubre y la obra de renovación del pueblo vietnamta. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - La Revolución de Octubre continúa alumbrando nuestro camino. VŨ TRỌNG KIM - El trabajo de movilización a la Juventud en la actualidad. TRẦN VĂN QUANG - La Asociación de Veteranos de Guerra de Vietnam - un período de esfuerzos y crecimento. NGUYỄN DUY HẠC -El trabajo de defensa y seguridad en la economía de abertura de la Ciudad de Haiphong. HOÀNG MINH - Ampliar la democracia de manera directa, efectiva, correcta y eficaz. NGUYỄN HOA THỊNH - La revolución científica y tecnológica en el mundo de hoy - la oportunidad y los retos respecto a la educación en Vietnam. ĐỖ TUYẾT BẢO - Elevar la eficiencia educacional de la joven generación. NGUYỄN SINH CÚC - Transmutación de la estructura económica en el Este de Nam Bo en el período 1996 - 2000. *** - El factor "posición - fuerza - momento oportuno" en la relación de Vietnam con los países francófonos.. LA CÔN - La Bolsa de Nueva York de un estremecimiento al otro.

目录

•黎可飘: 十月革命与越南人民的更新事业•阮德平: 十月革命继续照耀着我们前进的道路•武仲金: 目前的发动青年的工作•陈文光: 越南退伍军人会奋斗、成长的过程•阮维鹤: 海防市在经济开放时期的国防安全工作•黄明: 直接、切实、正确和有效地扩大民主•阮华盛: 当今世界的科学和工艺革命——对我国教育事业的契机与挑战•杜雪宝: 提高对年轻一代的教育效果•阮生菊: 在1996年——2000年阶段, 对南部东区进行经济结构的转移•*** 越南在与使用法语的国家共同体关系中的"势、力量和时机"因素•罗昆: 纽约证券市场从这个震动波及到另一个震动

Digitized by Google

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VÀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA NHÂN DÂN TA

LÊ KHẢ PHIÊU*

Cách đây vừa tròn 80 năm, dưới sự lãnh đạo thiên tài của V.I. Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích, giai cấp công nhân, nhân dân lao động Nga đã tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, chặt đứt mắt xích yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc, thiết lập nhà nước công - nông đầu tiên trên thế giới, mở ra một thời đại mới trong lịch sử nhân loại. Cách mạng Tháng Mười không chỉ lật đổ giai cấp bóc lột ở một quốc gia rộng lớn mà đã làm thay đổi phương hướng phát triển của lịch sử nhân loại được hình thành từ hàng nghìn năm - chuyển chế độ người bóc lột người hướng sang chế độ xã hội chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới. Từ đây, giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức đã có những điều kiện khách quan to lớn để đấu tranh giành quyền làm chủ vận mệnh của mình. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói : "Giống như mặt trời chói lọi, Cách mạng Tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu, hàng triệu người bị áp bức, bóc lột trên trái đất. Trong lịch sử loài người chưa từng có một cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế" (1).

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười cùng với sức mạnh và tính ưu việt của nhà nước công nông đầu tiên đã tạo ra điều kiện khách quan, chỗ dựa vững chắc, nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với giai cấp vô sản và nhân dân lao động trên khắp các châu lục.

Sau Cách mạng Tháng Mười, phong trào giải phóng dân tộc đã mở sang một giai đoạn mới, mang những tính chất mới. Từ đây nhiều dân tộc bị nô dịch đã bước vào con đường cách mạng mới, trong đó có nhân dân ta - con đường cách mạng của giai cấp công nhân, kết hợp mục tiêu giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc với mục tiêu giải phóng giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động, thực hiện lý tưởng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong tiến trình vận động của lịch sử nhân loại, mỗi một cuộc cách mạng đều có những đóng góp nhất định vào quá trình giải phóng xã hội và giải phóng con người. Các quyền tự do, dân chủ, nhân quyền mà các cuộc cách mạng dân chủ tư sản đem lại là một bước tiến của lịch sử. Tuy nhiên, những quyền đó đã không thể vượt qua được quyền chiếm hữu tư liệu sản xuất của giai cấp tư sản, mà ngày nay do các tập đoàn lớn, các ngân hàng lớn chi phối nên rút cuộc nhân dân lao động, những người làm công ăn lương vẫn bị bóc lột. Chủ nghĩa tư bản ngày nay đã có những điều chỉnh nào đó, do cuộc đấu tranh của nhân dân lao động, do phải tồn tại bên cạnh hệ thống xã hội chủ nghĩa hiện thực nhiều ưu việt, do tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, song xã hội đó vẫn không thay đổi được mối quan hệ giữa tư bản và lao động, giữa người bóc lột và người bị bóc lột. Ở đó, năng suất lao động càng cao thì bóc lột càng nhiều. Đó là một sự thật hiển nhiên.

Đối với các nước thuộc địa thì cách mạng dân chủ tư sản hầu như không đem lại sự thay đổi gì đáng kể. Hơn nữa, các thế lực xâm lược còn câu kết

---

* Ủy viên Thường vụ, thường trực Bộ Chính trị

(1) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1980, t 2, tr 461

Digitized by Google

với giai cấp phong kiến, duy trì chế độ cũ để bóc lột nhân dân lao động và cả dân tộc. Hơn 80 năm sống dưới chế độ thuộc địa của thực dân Pháp, hơn 30 năm tiến hành cuộc đấu tranh chống chế độ thực dân cũ, chế độ thực dân mới, hơn ai hết, nhân dân ta hiểu rõ thế nào là chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Ý nghĩa cao cả, sâu xa của Cách mạng Tháng Mười là ở chỗ, cuộc cách mạng đó đã giải phóng nhân dân lao động không những về chính trị mà cả về kinh tế, không những giải phóng những người lao động Nga mà còn giải phóng các dân tộc thuộc địa của Nga hoàng, đồng thời còn khẳng định mục tiêu hòa bình và ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, cách mạng Việt Nam ở trong thời kỳ khủng hoảng về đường lối, tình hình đen tối "như không có đường ra". Sau nhiều năm bôn ba khắp năm châu, với lòng yêu nước nồng nàn và thiên tài trí tuệ, Bác Hồ đã tiếp thu được học thuyết của Lê-nin, đem ánh sáng Cách mạng Tháng Mười soi sáng con đường của cách mạng Việt Nam - con đường gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Sau Cách mạng Tháng Mười, sự lớn mạnh vượt bậc và sự ủng hộ to lớn của Liên Xô đã tạo ra điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Thiếu những điều kiện đó dân tộc ta chưa thể bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội được. Nhưng mặt khác, chính *sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trên một nửa thế kỷ qua dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã góp phần làm phong phú thêm, sâu sắc thêm nội dung thời đại ngày nay*. Đó là chân lý độc lập tự do là giá trị cao nhất, đồng thời là cái có thể bảo vệ được của mỗi dân tộc - dù cho đó là một dân tộc nhỏ yếu. Đó là chân lý *độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội*. Bởi lẽ sự kết hợp đó vừa là mục tiêu vừa là động lực tiến bộ của lịch sử trong thời đại chúng ta.

Những người cộng sản và nhân dân Việt Nam có quyền tự hào rằng sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, đặc biệt là cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc là một trong những sự kiện chính trị đã để lại dấu ấn đẹp đẽ, sâu đậm trong lịch sử nhân loại thế kỷ XX.

Cái quý báu nhất, đáng tự hào nhất trong truyền thống của Đảng ta - đó là sự trung thành với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. Truyền thống đó được thể hiện trong *đường lối cách mạng độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng xuyên suốt lịch sử, từ 1930 đến nay*.

Cũng như trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, nhờ có thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã sớm nhận thấy con đường cách mạng của giai cấp công nhân là xu hướng cơ bản của thời đại. Trong những năm 80, Đảng ta đã sớm nhận thấy trào lưu cải cách, đổi mới là một tất yếu của chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, đường lối đổi mới của Đảng ta bắt nguồn từ những đòi hỏi của thực tiễn cách mạng Việt Nam và từ những sáng tạo của cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động ở cơ sở. Đường lối đổi mới toàn diện đất nước của Đảng ta đã từng bước được hoàn thiện trong sự tác động qua lại giữa trí tuệ tập thể của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, với phong trào cách mạng của nhân dân lao động do các đảng bộ địa phương, cơ sở lãnh đạo.

Đường lối đổi mới vừa phù hợp với quy luật khách quan vừa hợp lòng người, nên đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, khơi dậy năng lực sáng tạo của mỗi con người, từng cơ sở, từng địa phương, từng ngành, tạo nên sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc. Với sức mạnh tổng hợp này, đất nước của chúng ta đã vượt qua biết bao thử thách khó khăn. Sau hơn mười năm đổi mới, đất nước ta đã có những chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều mặt, giành được những thành tựu rất quan trọng về kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trong khu vực và quốc tế. Chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững và phát triển. Bên cạnh những thành tựu quan trọng, nhân dân ta vẫn đang đứng trước những thách thức không thể xem thường. Do đó, để tiếp tục công cuộc đổi mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta cần nắm vững và quán triệt sâu sắc hơn nữa các quan điểm của

Digitized by Google

Đảng, xử lý đúng đắn những vấn đề lý luận và thực tiễn trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đang nảy sinh trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Thực tiễn cách mạng mấy thập kỷ qua đã chỉ ra rằng, khi nào chúng ta xuất phát từ thực tế của đất nước để vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin thì khi đó cách mạng vượt qua được thử thách, giành được những thành tựu lớn. Ngược lại, nếu rơi vào chủ nghĩa giáo điều sách vở hoặc áp dụng máy móc kinh nghiệm của nước ngoài thì cách mạng sẽ trì trệ, thậm chí gặp khó khăn, tổn thất. Mặt khác, kinh nghiệm cũng đã chỉ ra rằng nếu không giải quyết được những vấn đề lý luận cơ bản, về học thuyết - nói một cách cụ thể là làm rõ quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - thì khó có thể tránh khỏi sai lầm khi hoạch định đường lối và chính sách trong mỗi thời kỳ cách mạng. Chính vì vậy, trong hai nhiệm kỳ qua, nhiệm kỳ Đại hội VI và Đại hội VII, Đảng ta đã có những cố gắng rất lớn để giải quyết nhiệm vụ lý luận cơ bản cho giai đoạn cách mạng mới - giai đoạn xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đó là việc xây dựng Cương lĩnh mới của Đảng. Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII là sự khái quát kinh nghiệm cách mạng Việt Nam, nhất là những kinh nghiệm trong nhiều thập kỷ qua của nhân dân ta ; là sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; là sự tham khảo kinh nghiệm thành, bại của các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới, cùng với việc phân tích những biến đổi to lớn và sâu sắc của tình hình quốc tế từ những năm 70 đến nay. Cương lĩnh là trí tuệ và ý chí sắt đá của toàn Đảng, toàn dân ta - của thế hệ những người Việt Nam hôm nay, tiếp nối truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, quyết tâm xây dựng thành công một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh.

Cục diện cách mạng nước ta hiện nay có cả thời cơ lớn và thách thức lớn. "Thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau. Chúng ta phải chủ động nắm thời cơ, vươn lên phát triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực mới, đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả những nguy cơ mới nảy sinh, bảo đảm phát triển đúng hướng"(2).

Trước hết, chúng ta phải quán triệt Nghị quyết của Đảng về hai nhiệm vụ chiến lược - xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Lịch sử bốn nghìn năm của dân tộc ta đã chỉ rõ quy luật dựng nước gắn chặt với giữ nước và ngày nay đã chuyển thành quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn chặt với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhận rõ quy luật và nắm vững thực tiễn cách mạng nước ta, Đảng ta đã khẳng định : trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng kinh tế, chúng ta không một chút lơi lỏng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh. Chính bởi vậy, *thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng phải trở thành nhiệm vụ thường xuyên* của tất cả các cấp ủy, tất cả các lực lượng vũ trang và của toàn dân. Bảo vệ Tổ quốc ngày nay không chỉ bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc mà còn là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ cuộc sống thanh bình của nhân dân. Chống xâm lược ngày nay không chỉ là chống lại các đội quân viễn chinh mà quan trọng còn chống "diễn biến hòa bình" và "tự diễn biến hòa bình" - nói cách khác là phải chống sự thoái hóa về chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống ngay trong hàng ngũ chúng ta. Kinh nghiệm cho thấy, các thế lực thù địch một khi đã "phi chính trị hóa" được quân đội và công an, tách được quân đội và công an ra khỏi sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng thì cho dù có trong tay các phương tiện kỹ thuật hiện đại, quân đội, công an cũng chỉ tồn tại trên danh nghĩa và không còn hiệu lực, thậm chí còn bị kẻ thù lôi kéo để chống lại nhân dân. Do đó, xây dựng các lực lượng vũ trang ngày nay phải nắm vững và thực hiện thắng lợi cả ba nội dung : nâng cao bản lĩnh cách mạng, xây dựng quân đội chính quy và từng bước đi lên hiện đại.

Bởi vậy, đồng thời với việc tăng cường tiềm lực vật chất, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, quân đội ta cũng như các lực lượng bảo vệ an ninh chính trị phải *nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng, mài sắc tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn và hành động xâm lược, lấn chiếm, bạo loạn phản cách mạng của các thế lực thù địch.*

---

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr 18

Digitized by Google

Tiếp tục hoàn thiện chế độ làm chủ của nhân dân lao động - vừa là một nhiệm vụ thường xuyên vừa là một nhiệm vụ bức thiết hiện nay của Đảng ta

Đặc trưng lớn nhất của chế độ xã hội chủ nghĩa là *"do nhân dân lao động làm chủ"* (Cương lĩnh). Một trong những bài học lịch sử lớn nhất của Đảng ta cũng chính là bài học về bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Tình trạng bộ máy Đảng và Nhà nước quan liêu hóa, cán bộ giành đặc quyền, đặc lợi và tham nhũng là một trong những nguyên nhân sâu xa dẫn đến khủng hoảng ở các nước xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là nguy cơ đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay của nhân dân ta. Muốn phát huy được nhiệt tình cách mạng của nhân dân, chúng ta phải kiên quyết đấu tranh với những tệ nạn nói trên, đồng thời ra sức tìm kiếm các hình thức, biện pháp phát huy quyền làm chủ - đặc biệt là *quyền làm chủ trực tiếp* và *làm chủ ở cơ sở* như đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã nhiều lần nhấn mạnh. Thể chế hóa một bước quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực to lớn của công cuộc đổi mới mà Đảng ta phải khơi dậy.

Các cơ quan kiểm tra, giám sát là một công cụ quan trọng của chế độ ta. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, của Nhà nước, của Mặt trận và các đoàn thể cần phải được đẩy mạnh. Muốn vậy, trước hết chính các cơ quan này và các cơ quan bảo vệ luật pháp nói chung phải tự kiểm tra lại chính mình, loại bỏ càng sớm càng tốt những kẻ thoái hóa. Thứ nữa, công tác kiểm tra, giám sát phải dựa vào nhân dân, những trường hợp phức tạp phải phối hợp nhiều cơ quan và báo cáo với các cấp lãnh đạo có thẩm quyền.

Đặc điểm tâm lý của dân tộc ta là rộng lượng, "thương người như thể thương thân", nhưng rất nhạy cảm với bất công và sự xúc phạm về danh dự. Nếu chúng ta không kiên quyết chống tham nhũng, quan liêu thì lòng tin, tình cảm của nhân dân đối với Đảng, với Nhà nước, với chế độ sẽ giảm sút. Vấn đề đặt ra là hiện nay không phải là thiếu sự phân tích, phê phán về tệ quan liêu, tham nhũng mà là thiếu hành động một cách kiên quyết, kiên trì và đồng bộ. Lời nói chưa đi đôi với việc làm. Các cấp ủy phải nghiêm chỉnh thực hiện Nghị quyết của Đảng về chống tham nhũng, quan liêu, trước hết tiến hành rà soát ở các cơ quan nắm các tài sản lớn của Nhà nước như đất đai, nhà ở, xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư, tài chính ngân hàng, xuất nhập khẩu, quản lý tài sản các doanh nghiệp... Quan điểm cho rằng nguồn gốc tham nhũng là do sơ hở trong các chủ trương, chính sách, quy định của Nhà nước tuy đúng nhưng không đầy đủ. Vì vậy, cùng với việc lấp kín các khe hở trong các quy định của Nhà nước thì việc tăng cường sự kiểm tra, kiểm soát, đẩy mạnh phê bình và tự phê bình, nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống, tự rèn luyện, tự sửa chữa của mỗi cán bộ, đảng viên là hết sức quan trọng. Về mặt xử lý, cần phải nghiêm khắc song phải có cách làm và tính toán bước đi thích hợp, không để cho kẻ xấu lợi dụng xuyên tạc, bôi nhọ, phá hoại sự thống nhất của Đảng. Chỉ có như vậy mới làm cho Đảng ta vừa trong sạch lại vừa đoàn kết, vững mạnh hơn lên.

Nhân dân thường cảm nhận bản chất của chế độ qua những quan hệ của mình với các cơ quan hành chính, với cán bộ nhà nước. Cải cách thể chế hành chính, trước hết là loại bỏ các thủ tục bất hợp lý, gây phiền hà, ngăn chặn tệ sách nhiễu, tham nhũng, đòi hối lộ đang là đòi hỏi bức thiết của nhân dân. Các cấp ủy đảng, các cơ quan chính quyền phải trực tiếp lãnh đạo, tổ chức cuộc đấu tranh đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng bằng những biện pháp kiên quyết và đồng bộ.

Đại đoàn kết dân tộc, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng là nhân tố cơ bản nhất bảo đảm sự vững mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa

Giai cấp công nhân là nòng cốt của khối liên minh giai cấp. Để giai cấp công nhân nước ta thực sự phát huy được vai trò lãnh đạo của mình, chúng ta phải biết gắn chặt quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để phát triển mạnh mẽ giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng. Trong điều kiện phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường, các cấp ủy đảng và cơ quan nhà nước cần chủ động thực hiện tốt các chính sách về việc làm, về cổ phần hóa, về đào tạo

Digitized by Google

và đào tạo lại nghề nghiệp cho những người lao động... Mặt khác, các tổ chức công đoàn phải đổi mới mạnh mẽ phương thức và nội dung hoạt động của mình để làm tròn chức năng vẻ vang là trường học cộng sản và người bảo vệ lợi ích chính đáng của giai cấp công nhân.

Cho đến nay, đại bộ phận dân cư nước ta vẫn là nông dân. *Thành công của công cuộc đổi mới tùy thuộc một phần rất quyết định vào chỗ chúng ta có kiên quyết thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với nông dân hay không ?* Ở Liên Xô, trong quá trình thực hiện chính sách kinh tế mới, Lê-nin đã sớm chỉ ra rằng không được xem nhẹ việc khuyến khích phát triển nông nghiệp, xem nhẹ "chế độ hợp tác". Theo Người, ở một nước nông nghiệp nếu không thực hiện các chính sách kinh tế mới như chính sách thuế lương thực thay cho chính sách thu mua và không thực hiện chế độ hợp tác thì không thể đưa nông dân vào con đường xã hội chủ nghĩa được và do đó cũng không thể có chủ nghĩa xã hội được. Trong những năm qua, Đảng ta đã có nhiều quyết định có ý nghĩa đột phá trong lĩnh vực nông nghiệp. Công cuộc đổi mới cũng bắt đầu từ đây. Chỉ thị 100 của Ban Bí thư khóa IV, Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị khóa VI đã tạo nên động lực mạnh mẽ phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới ở nước ta. Song kinh nghiệm cho thấy, do những điều kiện luôn luôn thay đổi, chúng ta phải luôn luôn tỉnh táo, phát hiện những mặt hạn chế và tiêu cực nảy sinh trong quá trình thực hiện các chính sách, tiếp tục đưa cách mạng tiến lên. Hiện nay, phương hướng đi lên của nông nghiệp, nông dân là vừa tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giúp đỡ nông dân về vốn và kỹ thuật, đẩy mạnh sự phân công lao động mới gắn với phát triển các hình thức hợp tác xã mới. Nói một cách cụ thể là mỗi bước tiến lên của nông nghiệp, nông thôn nước ta hoàn toàn tùy thuộc vào việc chúng ta thực hiện có hiệu quả chương trình điện khí hóa, phát triển giao thông, thủy lợi, đẩy mạnh cơ khí hóa, phát triển công nghiệp chế biến và mở rộng cuộc cách mạng sinh học, tạo cho được những giống cây, con có năng suất, có chất lượng cao.

Trí thức là người có công lớn gìn giữ và phát triển các giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc, là người tiếp nhận và truyền bá những sáng tạo khoa học, công nghệ tiên tiến của nhân loại, là lực lượng lao động ngày càng giữ vị trí quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Trong lịch sử, những trí thức trẻ là người tiếp thu và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở nước ta. Trí thức là vốn quý của dân tộc. Đối với trí thức, điều quan trọng là được tự do sáng tạo. Chúng ta phải đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, có những chính sách tích cực nhằm bồi dưỡng, phát huy và đãi ngộ xứng đáng các tài năng.

Thanh niên là tương lai của dân tộc. Chúng ta quan tâm chăm sóc, rèn luyện, giáo dục thế hệ trẻ hôm nay như thế nào thì xã hội ngày mai sẽ như thế ấy. Bác Hồ đã nói : "Vì lợi ích mười năm trồng cây. Vì lợi ích trăm năm trồng người" (3). Đảng và Nhà nước ta chủ trương giành tất cả những điều kiện tốt nhất cho thanh thiếu niên học tập, phấn đấu.

Những năm qua, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đã có nhiều sáng kiến phối hợp với các ngành, tạo ra nhiều phong trào thi đua sôi nổi trên các lĩnh vực học tập, lao động, văn hóa, thể thao, bồi dưỡng tinh thần yêu nước cho thế hệ trẻ. Tuy nhiên, trong điều kiện mở cửa hội nhập với thế giới, phát triển kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường, thế hệ cha anh cần giúp đỡ thanh thiếu niên biết chọn lọc cái hay, gạt bỏ cái dở, hướng tới những giá trị cao quý. Muốn vậy, chúng ta cùng với lớp trẻ phát huy mạnh mẽ truyền thống, vươn lên đón bắt tương lai, sáng tạo những giá trị mới, những giá trị trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Từng bước xây dựng cơ sở kinh tế của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta là phương hướng cho sự phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần

Một trong những đặc trưng rất quan trọng của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng là nền kinh tế phát triển cao dựa trên công nghệ hiện đại và chế độ công hữu những tư liệu sản xuất chủ yếu.

Theo quan điểm duy vật về lịch sử, cơ sở kinh tế quyết định kiến trúc thượng tầng. Trong thời kỳ quá độ, tất yếu phải phát triển một nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường,

(3) *Hồ Chí Minh, sđd*, t 2, tr 91

Digitized by Google

theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, một vấn đề có tính nguyên tắc là cùng với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta phải thực sự coi trọng việc đổi mới có hiệu quả các hình thức kinh tế để kinh tế nhà nước giữ được vai trò chủ đạo ; đổi mới và mở rộng các hình thức kinh tế hợp tác để cùng với kinh tế nhà nước đóng vai trò nền tảng trong nền kinh tế. Chỉ có thực hiện tốt phương hướng này, chúng ta mới có cơ sở kinh tế để từng bước xóa áp bức, bóc lột, bất công.

Ưu thế của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là ở khả năng kết hợp sức mạnh của mỗi thành phần kinh tế với sức mạnh của nhà nước. Nếu không phát huy được vai trò chủ động, tích cực trong việc sử dụng sức mạnh tập trung các nguồn lực thì chúng ta không thể nói đến đuổi kịp, vượt hoặc đi trước đón đầu bất cứ quốc gia nào.

Do những đặc điểm của tình hình thế giới, do xu thế chính trị giữa các quốc gia ngày nay, công cuộc công nghiệp hóa có thể và cần phải gắn với hiện đại hóa, tích cực ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải phát huy nhân tố con người, đặt khoa học - công nghệ, giáo dục, đào tạo lên vị trí quốc sách hàng đầu. Đại hội VIII đã xác định chúng ta phải xây dựng một nền kinh tế mở, thiết lập các quan hệ song phương và đa phương nhằm khai thác những mặt thuận lợi, đồng thời hạn chế các nhân tố tiêu cực khác, giữ vững độc lập, tự chủ, bình đẳng trong các quan hệ kinh tế với nước ngoài. Một trong những vấn đề lớn hiện nay là làm sao mở rộng được thị trường, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ Việt Nam. Người giải quyết vấn đề trên trước hết và chủ yếu là các cơ quan chức năng của Nhà nước.

Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, sử dụng cơ chế thị trường với vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một bước phát triển về chất tư duy kinh tế của Đảng ta. Chính vì vậy, cần phải khắc phục những nhận thức sai lệch về quan điểm này. Chúng ta phát triển nền kinh tế nhiều thành phần là để khai thác tất cả các tiềm năng của đất nước, để phát triển mạnh mẽ sức sản xuất của xã hội. Đồng thời cũng là để *từng bước hình thành cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội*. Đối với Đảng ta, mục tiêu phát triển kinh tế không chỉ là tăng trưởng, mà tăng trưởng phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội. Chính vì vậy, chúng ta khuyến khích, giúp đỡ kinh tế hợp tác, cải thiện môi trường đầu tư, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và giới chủ. Chúng ta hướng dẫn phát triển kinh tế tiểu chủ, khuyến khích và bảo hộ sở hữu và lợi ích hợp pháp kinh tế tư bản tư nhân. *Nói tóm lại, chúng ta bảo đảm các điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển ổn định, lâu dài.* Mặt khác, *Đảng ta chủ trương phải nắm công cụ kinh tế quan trọng* - đó là kinh tế nhà nước (với một số ngành, lĩnh vực, cơ sở có vị trí thần kinh, huyết mạch) *đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, đồng thời để trực tiếp, chủ động đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của xã hội.* Việc xác định vai trò quan trọng của kinh tế nhà nước không có nghĩa chúng ta phân biệt đối xử về mặt pháp luật hoặc hạn chế sự phát triển của các thành phần kinh tế khác. Đương nhiên mỗi một thành phần kinh tế có những phương thức kinh doanh khác nhau, Nhà nước phải có những phương pháp quản lý thích hợp trên cơ sở pháp luật. Chúng ta không vì tình trạng kém hiệu quả của kinh tế nhà nước hoặc những khó khăn trong kinh tế hợp tác hiện tại mà xa rời mục tiêu chiến lược xây dựng nền tảng vững chắc cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa yêu nước, lòng tự tôn, tự hào dân tộc là một động lực to lớn cần phải phát huy trong công cuộc xây dựng đất nước. Đã đến lúc phải có nhiều hình thức đánh giá, ghi nhận, biểu dương xứng đáng các doanh nghiệp, cá nhân, bao gồm những nhà quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân - không phân biệt thành phần kinh tế - có những cống hiến về trí tuệ, sức lực, tiền bạc, của cải cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Đảng ta đã xác định công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt

Khi đã trở thành đảng cầm quyền, trách nhiệm của Đảng trước lịch sử rất nặng nề. Đảng phải chịu trách nhiệm về sự hưng thịnh hay suy vong của cả dân tộc. Toàn bộ thành tựu và khuyết điểm của công cuộc đổi mới ngày nay đều gắn liền với trách nhiệm, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, gắn liền với bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói : "Một dân tộc, một Đảng

Digitized by Google

và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không còn trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân".(4)

Công tác xây dựng Đảng ngày nay đòi hỏi phải tập trung vào nhiệm vụ giữ vững bản chất giai cấp công nhân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đồng thời nâng cao trình độ trí tuệ, ngăn ngừa nguy cơ thoái hóa về chính trị, đạo đức và lối sống. Công tác tư tưởng - lý luận cần kết hợp bảo vệ, vận dụng với phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng ta phải làm sao cho công tác này trở thành nhiệm vụ thường xuyên của tất cả các cấp ủy, từ cơ quan lý luận tới các cấp ủy cơ sở và của tất cả cán bộ, đảng viên nhằm nâng cao sức "đề kháng", "miễn dịch" trong toàn Đảng và xã hội đối với sự xâm nhập của các tư tưởng thù địch.

Phục vụ nhân dân, bảo vệ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân là lý do tồn tại của Đảng. Điều đó đòi hỏi mỗi tổ chức, mỗi cán bộ, đảng viên phải củng cố mối quan hệ mật thiết với nhân dân. Đổi mới phương thức lãnh đạo, một mặt nhằm nâng cao hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng, mặt khác nhằm khắc phục và ngăn ngừa tình trạng quan liêu, độc đoán, đặc quyền, đặc lợi của cán bộ, đảng viên, tóm lại là những bệnh tật dẫn tới sự thoái hóa, biến chất của Đảng.

Kỷ niệm cuộc Cách mạng Tháng Mười năm nay, khi Liên Xô không còn nữa, chúng ta không chỉ biết ơn những chiến sĩ đi tiên phong trong sự nghiệp cộng sản chủ nghĩa mà còn tin tưởng sâu sắc vào công cuộc đổi mới - bởi vì không phải chỉ có những kinh nghiệm thành công mà cả những kinh nghiệm rút ra từ những sai lầm khuyết điểm trong sự nghiệp cách mạng đó cũng là những bài học vô giá đối với chúng ta.

Cách mạng Tháng Mười đã và đang cổ vũ nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu cao cả của nhân loại tiến bộ. ❑

(4) *Hồ Chí Minh, Sđd,* t 2, tr 491

CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ...

(Tiếp theo trang 20)

biết ơn đối với thế hệ đi trước, tinh thần trách nhiệm đối với gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công với nước.

Đồng thời với việc tập trung đẩy mạnh thực hiện có kết quả các nội dung chủ yếu của hai phong trào lớn vừa nêu trên cần tổ chức tốt các hoạt động khác như : hoạt động của thiếu nhi qua các phong trào và các cuộc vận động. Hoạt động đối ngoại của Đoàn và hội nhập quốc tế của tuổi trẻ. Hoạt động báo chí, xuất bản ; phát thanh, truyền hình phục vụ sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ.

Từ hai phong trào lớn nêu trên, tiếp tục phát triển các phong trào nhánh theo yêu cầu từng thời gian với mục tiêu, nội dung và biện pháp thiết thực. Tích cực đổi mới phương thức và có định hướng hoạt động phù hợp với từng đối tượng thanh niên. Ví dụ như : Thanh niên công nhân, cán bộ khoa học - kỹ thuật trẻ đi vào việc mới, việc khó, nhất là tiếp thu công nghệ mới... Thanh niên nông thôn tích cực tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu sản xuất... Học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động xây dựng nhà trường, xây dựng nếp sống văn hóa ở các ký túc xá. Trí thức trẻ tham gia cuộc vận động tình nguyện đi đến vùng sâu, vùng xa... Duy trì và phát triển các loại hình hoạt động như : Đội thanh niên tình nguyện, đội thanh niên xung phong, các hội thi tay nghề, thi sáng kiến, thi chuyên ngành... Nêu gương điển hình tiên tiến để động viên phong trào, củng cố và phát triển các loại quỹ của Đoàn, Hội, Đội, các hình thức tặng thưởng cho cá nhân và tập thể v.v...

*

Trong điều kiện mới, hoạt động của Đoàn và phong trào thanh niên cần có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm duy trì và phát triển thường xuyên. Đồng thời hình thành các chương trình hành động với nội dung và biện pháp cụ thể. Xây dựng các kế hoạch hoạt động theo yêu cầu của địa phương và đơn vị. Lập các dự án (có thể kết hợp với các ngành, các đoàn thể bạn) với sự hỗ trợ, bảo trợ của nhà nước hoặc của các chương trình quốc gia và quốc tế. Trong điều kiện mới cần có chiến lược phát triển thanh niên (từ nay đến năm 2020) ; cần có Luật thanh niên. Chính phủ cần thể chế hóa nhiều chủ trương, chính sách quan trọng của Đảng về công tác thanh niên và đối với thanh niên. Đó là yếu tố hàng đầu quyết định cho sự thành công của công tác vận động thanh niên trong thời kỳ mới.❑

Digitized by Google

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI TIẾP TỤC SOI SÁNG CON ĐƯỜNG CHÚNG TA ĐI**

NGUYỄN ĐỨC BÌNH*

Hôm nay giữa lúc toàn Đảng, toàn dân đang nỗ lực phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuẩn bị đưa đất nước vững bước vào thế kỷ XXI, chúng ta tổ chức cuộc hội thảo khoa học quan trọng kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Mười. Trong bối cảnh đặc biệt hiện nay, việc nghiên cứu những bài học lịch sử của Cách mạng Tháng Mười, của giai đoạn từ Cách mạng Tháng Mười đến nay, nhất là từ 10 năm lại đây, có ý nghĩa lớn đối với sự nghiệp cách mạng của chúng ta.

Sau sự kiện Liên Xô tan rã, các thế lực thù nghịch với chủ nghĩa xã hội càng ra sức xuyên tạc ý nghĩa của Cách mạng Tháng Mười. Họ nói Cách mạng Tháng Mười là một lỗi lầm bi thảm của lịch sử ! Có thật như vậy không ? Đương nhiên chúng ta không thể chờ đợi ở họ một thái độ nào khác. Điều đáng quan tâm là, trong số những người yêu mến Cách mạng Tháng Mười đôi khi cũng có một số ý kiến phân vân, thắc mắc : thực tiễn 80 năm qua có chứng minh tính tất yếu lịch sử của Cách mạng Tháng Mười không ? Có đúng là Cách mạng Tháng Mười đã mở đầu thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ? Do đó, Cách mạng Tháng Mười có tiếp tục soi sáng con đường phát triển cách mạng của loài người hay không ?

Tôi thiết nghĩ nội dung cuộc hội thảo này có thể đề cập về Cách mạng Tháng Mười trên nhiều phương diện, song tựu trung những vấn đề đặt ra trên đây là cơ bản nhất.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đánh giá : "Giống như mặt trời chói lọi, Cách mạng Tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu, hàng triệu người bị áp bức bóc lột trên trái đất. Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế" (Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, tr.300).

Ngày 7 tháng 11 năm 1917, lần đầu tiên, công nhân, nông dân, quần chúng lao động bị áp bức bóc lột, dưới sự lãnh đạo của chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, đã đứng lên đập tan ách thống trị của bọn địa chủ và tư bản, tự mình nắm lấy chính quyền, tự mình bắt tay xây dựng xã hội mới, xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội. Khác với các cuộc cách mạng tư sản thay thế ách thống trị phong kiến bằng ách thống trị của giai cấp tư sản, Cách mạng Tháng Mười thực hiện sứ mệnh giải phóng quần chúng lao động khỏi mọi chế độ áp bức bóc lột, đưa họ từ thân phận người nô lệ làm thuê lên địa vị người chủ chân chính của xã hội.

Với Cách mạng Tháng Mười, lần đầu tiên trong lịch sử quyền tự quyết của các dân tộc đã được thực hiện trên một phần hành tinh. Cách mạng Tháng Mười đem lại nhà máy cho công nhân, ruộng đất cho nông dân, hòa bình và hữu nghị cho các dân tộc, bình đẳng, tự do, hạnh phúc cho mọi người.

Cách mạng Tháng Mười không chỉ tuyên bố những lý tưởng cao cả mà nó thực sự hành động vì những lợi ích thiết thân nhất, bức xúc nhất của nhân dân. Cuộc khởi nghĩa ở Pê-téc-xbua vừa thành công, chính quyền Xô viết lập tức ban bố các sắc lệnh về hòa bình và ruộng đất !

---

* GS, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương

** Bài phát biểu đề dẫn tại Hội thảo khoa học kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Mười

Digitized by Google

Có kẻ vu khống Cách mạng Tháng Mười là say mê bạo lực. Sự thật thế nào ? Các giai cấp tư sản, địa chủ không tự nguyện rời bỏ địa vị thống trị, đã điên cuồng dùng bạo lực chống lại nhân dân. Trong điều kiện đó không có bạo lực cách mạng của quần chúng thì cách mạng không thể thành công. Để bảo vệ thành quả cách mạng, quần chúng công - nông Nga đã đáp lại một cách kiên quyết nhất đối với bạo lực phản cách mạng của bọn địa chủ, tư bản và bọn đế quốc can thiệp. Song, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích chủ trương hạn chế ở mức thấp nhất sự đổ máu, mà nếu tránh được thì tốt nhất. Như mọi người đều biết, khẩu hiệu "Toàn bộ chính quyền về tay các Xô viết" là khẩu hiệu của sự phát triển cách mạng một cách hòa bình, sự phát triển đó có khả năng thực hiện vào tháng 4, tháng 5, tháng 6. Cho đến đầu tháng 7-1917, khi chính quyền đã chuyển sang tay bọn độc tài quân phiệt thì khẩu hiệu ấy không còn đúng nữa và Lê-nin đã thay bằng khẩu hiệu "chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang". Nhưng đến đầu tháng 9-1917, khi có một động thái mới từ phía Đảng xã hội cách mạng và bọn men-sơ-vích, lại xuất hiện khả năng trở lại với khẩu hiệu "Toàn bộ chính quyền về tay các xô viết" nghĩa là trở lại khả năng hòa bình phát triển cách mạng, cái khả năng mà Lê-nin nói là ***"cực kỳ*** hiếm hoi trong lịch sử và ***cực kỳ*** quý báu", "cái khả năng đặc biệt hiếm hoi đó" "nếu còn dù chỉ là một phần trăm hy vọng thôi, thì hy vọng đó cũng rất đáng được níu lấy". Và, Lê-nin viết một bài báo ngắn cho tờ "Con đường công nhân" nói rõ : "Tôi viết những dòng trên đây hôm thứ sáu vừa rồi, ngày 1 tháng chín, nhưng do những hoàn cảnh ngẫu nhiên nên đã không gửi đến ban biên tập trong cùng ngày hôm đó được. Sau khi đã đọc báo thứ bảy và báo chủ nhật, hôm nay tôi tự nhủ : ...một vài ngày mà trong đó sự phát triển hòa bình của các sự biến vẫn còn có thể có được, có lẽ cũng đã thuộc về quá khứ rồi. Đúng, tất cả mọi cái đều chỉ rõ là những ngày mà ngẫu nhiên người ta có khả năng đi vào con đường phát triển một cách hòa bình, đều đã trôi qua mất rồi. Tôi chỉ còn có cách là gửi những dòng này đến ban biên tập và đề nghị đăng dưới đầu đề là "Những ý nghĩ muộn màng..." Có thể đôi khi những ý nghĩ muộn màng cũng đem lại một ích lợi nào đấy". (Lê-nin, Toàn tập, tập 34, các trang 180, 181, 186). Đến khi khởi nghĩa vũ trang đã không thể tránh khỏi, cách mạng còn ra sức bảo vệ các công trình văn hóa của nước Nga và của nhân loại. Một ví dụ rất điển hình là chiến hạm Rạng Đông khi nã pháo vào Cung điện Mùa Đông đã cố gắng tối đa để giữ gìn nguyên vẹn công trình văn hóa - lịch sử nổi tiếng thế giới này.

Vậy là, từ mục tiêu cho đến hành động, Cách mạng Tháng Mười thật sự là nhân đạo, văn hóa và văn minh. Không ai có thể bôi nhọ thanh danh của Cách mạng Tháng Mười !

Là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, Cách mạng Tháng Mười đã phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng, tinh thần hy sinh, lòng dũng cảm, nghị lực cách mạng phi thường, tài năng sáng tạo của giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân trong công cuộc đấu tranh giành chính quyền, bảo vệ chính quyền cũng như trong xây dựng xã hội mới. Lần đầu tiên trong lịch sử, những người lao động bị áp bức thực hiện vai trò làm chủ xã hội, làm chủ vận mệnh của mình. Đó là giá trị nhân bản lớn nhất, đích thực của Cách mạng Tháng Mười.

"Mười ngày rung chuyển thế giới" mở ra thời đại mới, làm thay đổi số phận hàng trăm triệu con người như Cách mạng Tháng Mười, một cuộc cách mạng khai sinh ra một nhà nước kiểu mới, một chế độ xã hội mới tồn tại ngót thế kỷ với biết bao chiến công và kỳ tích không chỉ trong sự nghiệp tự bảo vệ mà cả trong sự nghiệp sáng tạo, xây dựng nên tòa lâu đài xã hội mới về chất so với thế giới cũ, một cuộc cách mạng mà kết quả đưa đến sự thay đổi căn bản bộ mặt và tiến trình lịch sử thế giới ngót 100 năm - một cuộc cách mạng cực kỳ vĩ đại như vậy làm sao có thể nói là một biến cố ngẫu nhiên, một bước đi lầm lạc của lịch sử ? ! Cuộc cách mạng ấy thật sự có nguyên nhân sâu xa từ trong quy luật phát triển xã hội và trực tiếp từ một tình thế cách mạng đã chín muồi. Nó có tính tất yếu lịch sử vĩ đại. Nó là sản phẩm của những mâu thuẫn sâu sắc đến tột độ của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới và những mâu thuẫn nội bộ nước Nga đương thời, là kết quả sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng Nga và thế giới, trong đó giai cấp công nhân Nga là bộ phận giác ngộ nhất, có tổ chức nhất của phong trào công nhân quốc tế lúc bấy giờ.

Cách mạng vô sản không thể thành công trong giai đoạn trước đế quốc chủ nghĩa mặc dù

Digitized by Google

khi đó những mâu thuẫn đối kháng vốn có của chủ nghĩa tư bản đã bộc lộ rõ ràng. Công xã Pa-ri anh hùng chỉ đứng được 72 ngày. Lê-nin chứng minh rằng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn phát triển tột cùng là chủ nghĩa đế quốc. Người phân tích chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước, bản chất cực kỳ phản động, nhưng chính nó tạo ra những tiền đề đầy đủ nhất cho cách mạng vô sản và cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tính chất thối nát, phản động, bị lịch sử lên án của chủ nghĩa đế quốc thể hiện ở chỗ, để chia lại thế giới đã chia xong, các nước đế quốc, các tập đoàn tư bản lũng đoạn đã đẩy nhân loại vào cuộc chiến tranh tàn khốc chưa từng thấy, cướp đi sinh mệnh hàng chục triệu người, làm cho hàng trăm triệu người khác rơi vào cảnh khốn cùng, điêu đứng. Là nơi tập trung những mâu thuẫn gay gắt của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa tư bản kết hợp với các chế độ chuyên chế phong kiến, nước Nga Sa hoàng trở thành mắt xích yếu nhất trong sợi dây chuyền đế quốc chủ nghĩa. Ách áp bức tàn bạo của địa chủ và tư bản, cuộc chiến tranh thế giới mà Chính phủ Sa hoàng và Chính phủ tư sản là đồng lõa đã đưa đất nước đến thảm họa, đẩy trên một trăm triệu quần chúng vô sản, nửa vô sản, nông dân Nga vào tình cảnh không có sự lựa chọn nào khác ngoài con đường cách mạng. Nước Nga đế quốc chuyên chế của địa chủ và tư bản, nhà tù của các dân tộc, phải được thay thế bằng nước Nga dân chủ và cách mạng, đem lại hòa bình và quyền tự quyết cho các dân tộc, ruộng đất cho dân cày, chính quyền về tay công nhân, nông dân và binh lính cách mạng.

Theo Lê-nin, do quy luật phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản, nhất là trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, cách mạng vô sản có thể nổ ra và thắng lợi trước hết ở một số nước thậm chí ở một nước tư bản riêng lẻ, không nhất thiết là nước tư bản phát triển cao, nếu nước đó là khâu yếu nhất trong hệ thống chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Thật nông cạn, nếu không phải là cố tình xuyên tạc, khi ở đây, trên luận điểm này, có người đem đối lập chính Lê-nin - lãnh tụ vĩ đại Cách mạng Tháng Mười - với Mác. Thật ra ở đây Lê-nin thể hiện nổi bật là nhà mác xít vĩ đại, trung thành và chân chính nhất, là tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa Mác sáng tạo.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, chủ nghĩa tư bản đã bị chọc thủng một mảng lớn, không còn vai trò độc tôn thống trị toàn thế giới. Một thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội - đã bắt đầu.

Nước Nga xô viết đứng trước nhiệm vụ lịch sử rất bức xúc, có ý nghĩa sống còn nhưng cực kỳ khó khăn do bị cả thế giới tư bản bao vây, cô lập, là thực hiện công nghiệp hóa và phải thực hiện trong thời gian ngắn nhất để sớm biến một nước khổng lồ nhưng lạc hậu bậc nhất châu Âu trở thành một cường quốc công nghiệp. Phải tiến nhanh lên phía trước hay bị chủ nghĩa đế quốc đè bẹp. Vấn đề đặt ra ngặt nghèo như thế nhưng nhiệm vụ lịch sử đã được hoàn thành chỉ trong khoảng 15 năm ! Thế giới chứng kiến sự thần kỳ Xô viết. Như thế là chính chủ nghĩa xã hội chứ không phải chủ nghĩa tư bản đã giải quyết thành công nhiệm vụ xóa bỏ tình trạng lạc hậu triền miên của nước Nga. Sự phát triển kinh tế tạo điều kiện nâng cao dần đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Nhiều nhà trí thức lớn ở phương Tây như An-be Anh-xtanh, đã thừa nhận rằng chưa có chế độ xã hội nào ngoài chế độ Xô viết, chỉ trong một thời gian rất ngắn, trong hoàn cảnh khó khăn chồng chất, đã làm được nhiều việc đến thế vì lợi ích của quảng đại quần chúng. Thật vậy, trước đó có xã hội nào bảo đảm cho mọi người dân, người lao động bình thường, đều được sống no ấm, được hưởng một nền giáo dục chất lượng cao, được bảo đảm về y tế, được có nhà ở, có công ăn việc làm, yên tâm với ngày mai ? Chúng ta không thể không đau lòng trước thực tế là, đến khi trở thành một cường quốc vĩ đại, có tiềm lực kinh tế, quân sự, văn hóa và khoa học kỹ thuật khổng lồ, thì nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới lại sụp đổ một cách thật bất ngờ trong một cuộc khủng hoảng tuy nghiêm trọng nhưng hoàn toàn có thể vượt qua được, bởi lẽ cuộc khủng hoảng và những sai lầm dẫn đến khủng hoảng đều không bắt nguồn từ bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Mặc dầu chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô đã sụp đổ, song những thành tựu mấy chục năm của chủ nghĩa xã hội vẫn chỉ ra cho nhân dân lao động, cho các dân tộc thấy rằng loài người không thể chịu đựng mãi với chế độ tư bản đầy rẫy áp bức bất công, rằng tương lai vẫn thuộc về chế độ xã hội chủ nghĩa và rằng nhân dân các dân tộc hoàn toàn có khả năng xây dựng chế độ đó.

Digitized by Google

Chủ nghĩa xã hội mới ra đời được hơn 20 năm đã vượt qua một thử thách cực kỳ khắc nghiệt, đó là cuộc chiến tranh thế giới thứ hai do chủ nghĩa đế quốc - phát xít gây ra. Đây không chỉ là thử thách về quân sự, mà cả về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa, là thử thách khắc nghiệt đối với cả một chế độ xã hội. Và chế độ mới đã chiến thắng. Chính Liên Xô chứ không phải các cường quốc phương Tây đã đóng vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, cứu nền văn minh châu Âu và cả loài người khỏi sự hủy diệt, tạo điều kiện để chủ nghĩa xã hội vượt ra khỏi phạm vi một nước, trở thành hệ thống thế giới.

Sự tồn tại và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa trong nửa thế kỷ đã có tác động lớn đến toàn bộ tiến trình lịch sử nhân loại. Chí ít, sự có mặt của nó đã không cho phép mấy cường quốc đế quốc chủ nghĩa hay chỉ một siêu cường tự mình xếp đặt trật tự thế giới, làm mưa làm gió trên hành tinh.

Cách mạng Tháng Mười mở ra thời đại các dân tộc bị áp bức đứng lên tự giải phóng. Cách mạng giải phóng dân tộc trở thành một dòng thác lớn góp phần làm biến đổi cục diện chính trị thế giới. Các dân tộc bị áp bức tìm thấy ở Cách mạng Tháng Mười con đường mới cho sự nghiệp giải phóng, tìm thấy ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa một hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc. Sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa là thành quả đấu tranh của các dân tộc bị áp bức, song không thể nào hình dung được thành quả ấy nếu không có vai trò mở đường của Cách mạng Tháng Mười. Sau Cách mạng Tháng Mười, sự sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc là sự kiện lịch sử lớn thứ hai trong thế kỷ XX.

Cách mạng Tháng Mười, những thành tựu của chế độ xã hội chủ nghĩa, sự phát triển của phong trào công nhân, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào hòa bình dân chủ, còn buộc chính ngay chủ nghĩa tư bản phải thay đổi, sửa sang lại bộ mặt của nó để "thích nghi" với thời đại. Song dù được tân trang thế nào, những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản vẫn không hề mất đi, trái lại ngày càng sâu sắc hơn bao giờ hết.

Chưa bao giờ nhân loại chứng kiến rõ ràng như hiện nay một nghịch lý là chủ nghĩa tư bản đang nắm trong tay những nguồn lực khổng lồ về kinh tế, tài chính, khoa học, kỹ thuật và công nghệ v.v... vậy mà nó bất lực trong việc giải quyết những vấn đề có quan hệ đến vận mệnh của chính nó. Đó là những bất công, bất bình đẳng xã hội ngày càng gia tăng, hố ngăn cách giàu nghèo trong từng nước tư bản và giữa "trung tâm" với "ngoại vi" thế giới tư bản ngày càng sâu rộng ; những rối loạn và khủng hoảng kinh tế - xã hội thường xuyên... Chủ nghĩa tư bản không phải là chế độ xã hội cho phép khắc phục được những vấn đề toàn cầu rất gay gắt hiện nay, những nguy cơ đe dọa cuộc sống toàn nhân loại như nạn ô nhiễm môi trường sinh thái, việc khai thác đến cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, thảm họa đói nghèo ở các nước đang phát triển v.v... Chủ nghĩa tư bản làm sao có thể khắc phục nổi những nguy cơ và thảm họa đang đè nặng lên "thế giới thứ ba" và cả "thế giới thứ tư" ngay trong lòng các nước tư bản phát triển, khi nguồn gốc những nguy cơ và thảm họa ấy lại chính là bản thân chế độ tư bản ! Chủ nghĩa tư bản hiện đại mặc dù chưa hoàn toàn hết tiềm năng thúc đẩy tăng trưởng lực lượng sản xuất vì động cơ lợi nhuận tối đa, nhưng cứ mỗi bước đi nó lại càng dấn sâu hơn vào những mâu thuẫn nội tại cực kỳ nan giải giữa tăng trưởng và phát triển, giữa kinh tế và xã hội, càng đẩy tới xu thế tự phủ định, càng tiến gần giới hạn lịch sử cuối cùng của nó, đồng thời tạo ra những tiền đề khách quan ngày càng nhiều hơn cho chủ nghĩa xã hội. Đó là biện chứng của sự vận động lịch sử thế giới đang diễn ra. Việc một bộ phận quan trọng của chủ nghĩa xã hội hiện thực bị sụp đổ hoàn toàn không chứng minh cho sức sống "vĩnh cửu" của chủ nghĩa tư bản, không chứng tỏ rằng lý tưởng chủ nghĩa xã hội là một ước mơ phi thực tế, không bác bỏ quy luật khách quan của lịch sử là chủ nghĩa tư bản sớm muộn sẽ được thay thế bằng hình thái kinh tế xã hội cao hơn, đó là chủ nghĩa xã hội.

Thời đại do Cách mạng Tháng Mười mở ra chưa kết thúc mà mới chỉ là những bước đi đầu tiên. Những mục tiêu hợp quy luật của Cách mạng Tháng Mười vẫn là mục tiêu cơ bản của thời đại. Đó là tiến lên một xã hội không có chế

Digitized by Google

độ người áp bức bóc lột người, không có áp bức dân tộc và hận thù dân tộc, những mục tiêu trên thực chất là ***độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.*** Đó là một xã hội phát triển cao dựa trên sự phát huy toàn bộ thành tựu lịch sử thế giới, một xã hội công bằng và văn minh, trong đó những điều kiện được tạo ra ngày càng đầy đủ cho sự phát triển tự do và toàn diện con người. Con đường đi đến các mục tiêu ấy không thể ngắn mà rất dài, không bằng phẳng mà rất quanh co phức tạp. Với công cuộc đổi mới, chúng ta tiếp tục tiến lên trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, hoàn toàn phù hợp với quy luật của thời đại.

*

* *

Khi nhân dân Nga làm cách mạng vô sản thành công thì Việt Nam đang chìm trong đêm dài nô lệ. Cả đến cái tên Việt Nam cũng biến mất trên bản đồ thế giới. Tình hình đất nước đen tối như không có đường ra !

Với truyền thống yêu nước bất khuất, nhân dân ta không lúc nào ngừng đấu tranh chống đế quốc và tay sai. Song các phong trào yêu nước theo đường lối phong kiến hoặc theo khuynh hướng tư sản đều thất bại vì đường lối ấy không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của công nông chiếm hơn 90 phần trăm dân số. Đường lối ấy không phù hợp với tình hình đất nước và xu thế của thời đại. Giữa lúc đó, Nguyễn Ái Quốc, người con ưu tú của dân tộc, sau 10 năm bôn ba tìm đường cứu nước đã đến với ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười. Trong tác phẩm "Đường Cách mệnh" Người viết : "Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại phải theo chủ nghĩa Mác và Lê-nin" (Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 2, tr. 280). Đọc "Sơ thảo đề cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa" của Lê-nin, Nguyễn Ái Quốc sớm nắm bắt được cái cốt lõi trong tư tưởng Lê-nin là "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại". Nguyễn Ái Quốc đã đi đến chân lý về con đường giải phóng của Việt Nam, Người nói : "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản". Đó là con đường gắn mục tiêu độc lập dân tộc và mục tiêu chủ nghĩa xã hội, gắn cách mạng Việt Nam với xu thế của thời đại. Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam do Người sáng lập đã vận dụng và phát triển sáng tạo những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, những bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười vào điều kiện cụ thể nước ta, đưa cách mạng Việt Nam vượt qua muôn trùng thử thách tiến đến thắng lợi ngày nay.

Sự bắt gặp giữa yêu cầu giải phóng dân tộc, giữa chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, học thuyết cách mạng của thời đại, đỉnh cao của tư tưởng xã hội loài người, là cuộc gặp gỡ tự nhiên, tất yếu, thật điển hình. Đó tựa như một "cuộc hẹn gặp lịch sử tuyệt đẹp" (nói như Cố vấn Phạm Văn Đồng) giữa dân tộc và thời đại, giữa hai trào lưu cách mạng lớn là cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và những tư tưởng của Cách mạng Tháng Mười - qua Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - đến với dân tộc Việt Nam tuyệt nhiên không phải cái "chồi ghép" như ai đó cố tình xuyên tạc.

Mặc dầu Cách mạng Tháng Mười đã cách chúng ta bốn phần năm thế kỷ, song những tư tưởng vĩ đại của nó vẫn là nguồn sáng soi đường cho nhân dân ta giành những thắng lợi mới trên con đường tiến tới mục tiêu cao cả là xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, nhân dân ấm no hạnh phúc, tự mình làm chủ vận mệnh của mình và của đất nước.

Tám mươi năm qua kể từ Cách mạng Tháng Mười, sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của các dân tộc bị áp bức đã trải qua nhiều chặng đường với những thắng lợi và thành tựu vĩ đại, nhưng lại có những vấp váp, sai lầm, tổn thất hết sức nghiêm trọng. Toàn bộ thực tiễn cho thấy quả đúng như Lê-nin đã từng cảnh báo là nếu hình dung lịch sử thế giới như một con đường thẳng tắp, trơn tru, không có những bước gập ghềnh, khúc khuỷu, không có những bước lùi tạm thời, đôi khi rất lớn, thì không khoa học, không biện chứng, không đúng về mặt lý luận. Toàn bộ thực tiễn cho thấy : giành chính quyền đã khó, giữ cho được chính quyền càng khó hơn trăm ngàn lần. Thực tiễn cách mạng vô cùng phức tạp đòi hỏi chúng ta phải tổng kết, nghiên cứu thật sâu sắc.

Digitized by Google

Câu hỏi lớn đặt ra : vì sao khi còn tương đối non yếu, lại phải đương đầu với những thử thách cực kỳ nặng nề về chính trị, quân sự và kinh tế vào những năm 20 và những năm 40, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới vẫn đứng vững và ngày càng lớn mạnh ; vậy mà khi đã trở thành siêu cường, nó lại sụp đổ và sụp đổ quá dễ dàng, quá nhanh chóng trong một cuộc khủng hoảng tuy nghiêm trọng nhưng hoàn toàn có thể vượt qua được ?

Trên thế giới đã có không ít công trình nghiên cứu sự kiện Liên Xô tan rã. Điều đáng nói là, cả những người cộng sản và các học giả, chính khách tư sản đều cho rằng Liên Xô sụp đổ là điều bất ngờ, còn sự sụp đổ diễn ra dễ dàng như thế thì thậm chí không một ai nghĩ tới !

Trong lịch sử, một chế độ xã hội mới, đang lên, do nhiều nguyên nhân, vẫn có thể lâm vào khủng hoảng. Nhưng về căn bản đây là khủng hoảng của sự phát triển, khủng hoảng của trưởng thành. Loại khủng hoảng này chẳng những không tất yếu dẫn tới sụp đổ, trái lại, nếu được giải quyết đúng đắn, kịp thời, sẽ đưa xã hội mới tiến lên một giai đoạn phát triển cao hơn về chất. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô trong nhiều thập kỷ đã tự khẳng định và được thực tiễn lịch sử khẳng định là một chế độ xã hội giàu sức sống, có tiềm năng vô tận. Song về sau phương thức xây dựng chủ nghĩa xã hội đã phạm những sai lầm chủ quan nghiêm trọng, kéo dài làm suy giảm và triệt tiêu động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội là sức sáng tạo của quần chúng nhân dân.

Mác, Ăng-ghen, Lê-nin kiên quyết bác bỏ quan điểm cho rằng chủ nghĩa xã hội là nhất thành bất biến. Không ngừng đổi mới là bản chất của chủ nghĩa xã hội, là quy luật tồn tại, phát triển, đồng thời là nguyên lý tự bảo vệ của chủ nghĩa xã hội. Chỉ qua thường xuyên đổi mới đúng đắn, hợp quy luật, chủ nghĩa xã hội mới chiến thắng được chủ nghĩa tư bản, đặc biệt trên lĩnh vực quan trọng nhất là năng suất lao động.

Mác và Ăng-ghen từng nói : "Chủ nghĩa cộng sản không phải một trạng thái cần tạo ra, không phải một lý tưởng mà hiện thực phải khuôn theo". Ngay sau Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin đã nhấn mạnh rằng "tính sáng tạo sinh động của quần chúng, đó là nhân tố cơ bản của xã hội mới" và "chủ nghĩa xã hội không phải là kết quả của những sắc lệnh từ trên ban xuống. Tính chất máy móc, hành chính và quan liêu không dung hợp được với tinh thần của chủ nghĩa xã hội ; chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân" (Lê-nin, Toàn tập, t. 35, tr. 64). Những người xã hội chủ nghĩa thường chưa quán triệt đầy đủ quan điểm mác xít nói trên.

Chính Lê-nin đã nêu tấm gương ngời sáng nhất về tinh thần đổi mới, sáng tạo trong hoạt động thực tiễn cũng như trong tư duy lý luận. Phẩm chất hết sức nổi bật ở Người là luôn bám sát cuộc sống, một ly cũng không xa rời thực tiễn.

Đáp ứng nhu cầu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", trong cuộc đấu tranh vũ trang chống bọn bạch vệ và bọn can thiệp nước ngoài (những năm 1918 - 1921) chính sách cộng sản thời chiến đã được áp dụng. Song chính sách ấy, trong những điều kiện bình thường, không hợp quy luật kinh tế nên đã đưa nền kinh tế đến bờ vực thẳm. Lê-nin đã kịp thời và kiên quyết chấm dứt chính sách cộng sản thời chiến, chuyển sang chính sách kinh tế mới. Từ thực tiễn bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ những điều kiện mới của thời đại, Lê-nin đi đến kết luận hết sức quan trọng về vấn đề chưa từng đặt ra đối với Mác - Ăng-ghen. Đó là : con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước Nga với nền kinh tế mà tiểu nông còn phổ biến, phải thông qua chủ nghĩa tư bản nhà nước kiểu đặc biệt - một chủ nghĩa tư bản phục tùng nhà nước vô sản, được nhà nước vô sản kiểm soát và định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội. Kết luận này là một bước phát triển mới cực kỳ quan trọng về lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sau khi Lê-nin mất, những tư tưởng cách mạng và khoa học của Người tiếp tục được vận dụng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đưa đến những thành tựu không thể phủ nhận. Song những biểu hiện của tư duy giáo điều, xơ cứng, không phù hợp với tinh thần biện chứng của chủ nghĩa xã hội cũng xuất hiện và ngày càng chi phối đường lối, phương thức xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những biện pháp, cơ chế quản lý tập

Digitized by Google

trung cao đã phát huy tác dụng trong điều kiện phải gấp rút công nghiệp hóa, trong chiến tranh giữ nước, trong khôi phục kinh tế sau chiến tranh, nhưng từ những năm năm mươi, dần dà trở thành cơ chế kìm hãm đối với sự phát triển. Chủ nghĩa xã hội cần cơ chế mới năng động, đáp ứng đòi hỏi bức bách của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang diễn ra trên thế giới. Khi cơ chế cũ ngày càng tỏ ra không phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, biểu hiện ở sự trì trệ kéo dài thì vấn đề đặt ra là, vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội, nhất thiết phải đổi mới, cải cách, cải tổ. Khủng hoảng đã diễn ra thì đòi hỏi cải tổ càng bức bách.

Nhưng cải tổ thế nào ? Nhằm mục tiêu xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa ? Kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin hay chuyển sang hệ tư tưởng tư sản ? Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản hay xóa bỏ nó ? Giữ vững độc lập dân tộc hay lệ thuộc vào phương Tây ? Vận mệnh của chủ nghĩa xã hội phụ thuộc vào câu trả lời đối với các câu hỏi ấy hay nói cách khác, với câu hỏi khái quát hơn : có kiên quyết đổi mới hay không và đổi mới như thế nào, theo con đường nào ? Đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng.

Đảng ta chủ trương kiên quyết đổi mới nhưng ***đổi mới có nguyên tắc.*** Đổi mới không có nghĩa là từ bỏ chủ nghĩa xã hội mà cốt để đi tới những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội với những bước đi, hình thức, phương pháp thích hợp, đúng đắn và có hiệu quả hơn. Để cải cách, đổi mới thành công vì lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, thì tiền đề và điều kiện tiên quyết là phải giữ vững ổn định chính trị, giữ vững trận địa tư tưởng của chủ nghĩa xã hội, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố chính quyền nhân dân, phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng phải luôn luôn biết tự bảo vệ. Nguyên lý này càng đặc biệt quan trọng trong những thời điểm bước ngoặt của lịch sử. Rõ ràng là không tự đổi mới thường xuyên và đúng quy luật thì chủ nghĩa xã hội không thể tự bảo vệ có hiệu quả. Ngược lại, nếu cách mạng không biết tự bảo vệ, không kiên định trên nguyên tắc cách mạng, không giữ vững thành quả cách mạng mà nhân dân đã giành được với biết bao mồ hôi và xương máu ; nếu từ đội tiên phong đến các cấp chính quyền và tổ chức quần chúng bị rã rời, mất sức chiến đấu, thúc thủ và bất lực trước sức tấn công của kẻ thù thì sẽ chẳng còn gì để đổi mới, cải cách, cải tổ !

Cách mạng tự bảo vệ, trước hết có nghĩa là Đảng phải biết tự bảo vệ chính trị, tư tưởng và tổ chức, kiên quyết làm thất bại mưu toan "diễn biến hòa bình" của kẻ thù, trước hết là về mặt hệ tư tưởng. Kinh nghiệm Liên Xô cuối những năm 80 cho thấy, một khi hệ tư tưởng đã tan rã thì dẫu còn tồn tại, Đảng cũng chỉ như cái xác không hồn. Để bảo vệ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Đảng thì vấn đề căn bản nhất, sâu xa nhất, ***vấn đề của mọi vấn đề*** là Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn trên những nguyên tắc thật sự mác xít - lêninnít, phải kiên quyết chống tha hóa biến chất, chống quan liêu, tham nhũng dưới mọi hình thức, ở tất cả các cấp. Chỉ một Đảng thật sự trong sạch - trong sạch về phẩm chất đạo đức, cả về tổ chức và hệ tư tưởng - mới có thể trở thành một Đảng vững mạnh, một Đảng sáng suốt, không chệch hướng về chính trị, một Đảng có khả năng gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân tin yêu, một Đảng duy nhất có khả năng đưa nhân dân và dân tộc vượt qua mọi nguy cơ thử thách để tiến lên. Đó là bài học xương máu của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thế kỷ này.

Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Mười, toàn Đảng, toàn dân ta hướng tới thế kỷ XXI với niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, vào con đường đổi mới tiến lên chủ nghĩa xã hội do các Đại hội VI, VII và VIII vạch ra. Để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, chúng ta phải kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, trong đó nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội thông qua công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cách mạng Tháng Mười tiếp tục soi sáng con đường chúng ta đi. ❑

Digitized by Google

CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG THANH NIÊN HIỆN NAY

VŨ TRỌNG KIM *

Trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng ta luôn nhìn nhận, đánh giá đúng vai trò quan trọng của thanh niên và công tác thanh niên. Tiếp theo Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng (khóa V) và Nghị quyết 25 của Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng (khóa VI), Hội nghị lần thứ tư BCH Trung ương Đảng (khóa VII) ra *Nghị quyết về công tác thanh niên trong thời kỳ mới.* Sau Nghị quyết Trung ương 4, Chính phủ có Chỉ thị 145/TTg về việc Đoàn Thanh niên tham gia các chương trình kinh tế - xã hội của nhà nước ; các tỉnh, thành ủy đều có chương trình, kế hoạch hoặc chỉ thị, nghị quyết về công tác thanh niên ; nhiều bộ, ngành, đoàn thể đã xây dựng và thực hiện chương trình phối hợp với Đoàn Thanh niên, tạo điều kiện quan trọng để đẩy mạnh công tác thanh niên, xây dựng Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và tổ chức các phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ.

Quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VI ; trên cơ sở tổng kết thực tiễn và những kinh nghiệm của công tác Đoàn và phong trào thanh niên, BCH Trung ương Đoàn đã phát động hai phong trào lớn : "Thanh niên lập nghiệp" và "Tuổi trẻ giữ nước" ; triển khai đồng bộ các mặt công tác, các chương trình, dự án... thu hút đông đảo thanh niên tham gia.

Tất cả những yếu tố trên đây đã tác động tích cực đến tư tưởng, tình cảm và hành động của thanh niên, làm tăng thêm niềm tin của tuổi trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng, góp phần tạo nên diện mạo mới của lớp trẻ ngày nay.

Hiện nay, thanh niên (tính từ 15 - 35 tuổi) chiếm 35,6% dân số cả nước và trên 50% lực lượng lao động xã hội. Trong thời kỳ đổi mới, thanh niên thể hiện rõ tính năng động, nhạy bén, thích ứng nhanh với cơ chế mới, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, hăng hái tham gia công cuộc đổi mới đất nước ; không cam chịu đói nghèo, lạc hậu ; có ý chí tự lực, tự cường ; chủ động chuẩn bị hành trang cho mình vào đời, lập thân, lập nghiệp. Xuất hiện ngày càng nhiều điển hình, mô hình tập thể thanh niên tiên tiến và tài năng trẻ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thanh niên công nhân, viên chức và đô thị đang nỗ lực vượt qua khó khăn trước những biến đổi về cơ cấu lao động, ngành nghề và yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong cơ chế mới ; nhanh chóng tiếp cận và từng bước làm chủ kỹ thuật, công nghệ hiện đại ; tình nguyện tham gia và đảm nhận những khâu then chốt trên các công trình trọng điểm và trong các ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Đã và đang hình thành một lớp cán bộ, công nhân viên chức trẻ giỏi về kỹ thuật, nghiệp vụ, về tổ chức quản lý ; có đạo đức trong sáng, nếp sống lành mạnh. Thanh niên công nhân, viên chức và đô thị mong muốn được ổn định việc làm, học tập nâng cao kiến thức, tay nghề ; được tham gia các hoạt động xã hội và vui chơi, giải trí lành mạnh...

Thanh niên nông thôn là những người lao động cần cù, sáng tạo ; thích ứng nhanh với sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp ; đi đầu trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng, góp phần hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Đã và đang xuất hiện nhiều thanh niên sản xuất - kinh doanh giỏi, chủ trang trại trẻ. Thanh niên nông thôn mong muốn được mở mang kiến thức, hỗ trợ vốn và kỹ thuật để phát triển sản xuất, tạo việc làm tại chỗ ; được quan tâm nâng cao đời sống tinh thần, giảm bớt sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo.

Thanh niên trong các lực lượng vũ trang luôn giữ vững và phát huy truyền thống anh hùng của các thế hệ đi trước ; dũng cảm, mưu trí, sẵn sàng hy sinh, chịu đựng gian khổ để bảo vệ vững chắc biên cương, hải đảo, vùng biển, vùng trời của Tổ quốc ; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Đã xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu quên mình vì sự bình yên của nhân dân, vì sự vẹn toàn của Tổ quốc. Thanh niên trong các lực lượng vũ trang mong muốn được nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật để đáp ứng nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, từng

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Digitized by Google

bước hiện đại ; được học tập văn hóa, đào tạo nghề nghiệp, chuẩn bị cho tương lai sau khi hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương.

Thanh niên học sinh, sinh viên có nhiều cố gắng vượt khó khăn trong học tập, rèn luyện ; có ước mơ, tích cực, học thêm trường, thêm nghề, tham gia nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội. Nhiều học sinh, sinh viên đạt được các giải thưởng cao qua các kỳ thi trong nước và quốc tế ; nhiều tấm gương "vượt khó học giỏi" xuất hiện trong học sinh, sinh viên. Nguyện vọng chung của học sinh, sinh viên là muốn được sớm định hướng nghề nghiệp, giảm chi phí học đường ; được học tập, rèn luyện trong môi trường giáo dục lành mạnh, tiến bộ.

Đội ngũ trí thức trẻ là lớp người giàu tiềm năng và hoài bão trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ tiên tiến ; có quyết tâm cao trong học tập, rèn luyện nâng cao trình độ để làm việc có hiệu quả hơn ; xuất hiện nhiều tài năng trẻ trong lao động, nghiên cứu, học tập, làm chủ công nghệ mới. Thanh niên trí thức muốn được làm công việc phù hợp với ngành nghề đã học, có điều kiện và phương tiện làm việc hiện đại, đầy đủ các thông tin, được tiếp tục học tập, rèn luyện để vươn lên, được tôn trọng, ghi nhận và đánh giá đúng.

Thanh niên trong các ngành văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao đang nỗ lực phấn đấu, rèn luyện, lao động sáng tạo, đóng góp tích cực trong các phong trào văn hóa, thể thao quần chúng ở cơ sở. Không ít tài năng trẻ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục - thể thao đã xuất hiện và mang về cho Tổ quốc niềm vinh quang qua các kỳ thi, các giải quốc tế. Thanh niên hoạt động trong lĩnh vực này mong muốn được tạo điều kiện để học tập, rèn luyện chuyên môn, được giao lưu quốc tế để mở mang kiến thức, học hỏi kinh nghiệm.

Thanh niên các dân tộc ở miền núi và hải đảo có tiến bộ về nhiều mặt. Một bộ phận vượt qua khó khăn, có ý chí vươn lên trong học tập, nghiên cứu khoa học, năng động, thích ứng với cơ chế mới. Nhiều chủ trang trại trẻ là thanh niên các dân tộc đã xuất hiện. Thanh niên các dân tộc ở miền núi và hải đảo có nguyện vọng được học tập, nâng cao dân trí, được ổn định sản xuất và cải thiện đời sống.

Thanh niên tín đồ các tôn giáo phấn khởi trước chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước, có nhiều đóng góp trong các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện ; mong muốn được tham gia các hoạt động giao lưu, nâng cao dân trí, làm việc nghĩa, sống tốt đạo - đẹp đời.

Nữ thanh niên, chiếm khoảng 14% dân số cả nước, đã và đang cố gắng trong học tập, công tác, lao động sản xuất, xây dựng gia đình hạnh phúc. Không ít nữ thanh niên đã đạt được thành tích cao trong các lĩnh vực học tập, văn hóa - nghệ thuật, thể dục thể thao, quản lý kinh tế - xã hội. Nguyện vọng chung của nữ thanh niên là được gia đình, xã hội quan tâm, đối xử bình đẳng, được tạo điều kiện để học tập, làm việc, cống hiến nhiều hơn.

Thanh niên Việt Nam định cư ở nước ngoài (khoảng 30% trong tổng số hơn 2 triệu người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tự hào là người Việt Nam, là "Con Lạc cháu Hồng", có ý chí vươn lên trong học tập, nghiên cứu và trong phát triển kinh tế ; có tinh thần hướng về cội nguồn, mong muốn được giao lưu tìm hiểu thông tin về đất nước, được góp phần xây dựng quê hương.

Chúng ta có quyền tự hào rằng : trong thời kỳ mới, thanh niên nước ta luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, yêu nước nồng nàn ; kế tục và phát huy được truyền thống cách mạng của các thế hệ đi trước ; "mọi việc đều hăng hái tham gia, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ" ; sớm có ý chí lập thân, lập nghiệp ; khát khao sống có ích cho xã hội và ý thức được trách nhiệm của mình đối với Tổ quốc ; đã và đang lập nên những chiến công mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tuy nhiên, trong điều kiện mới, đứng trước những yêu cầu và thách thức mới, thanh niên cũng còn bộc lộ những hạn chế, nhược điểm, cũng như gặp phải không ít khó khăn. Đó là trình độ học vấn, nghề nghiệp và thể lực còn thấp. Hàng triệu thanh niên chưa có việc làm hoặc làm việc không ổn định. Tình trạng thất học, mù chữ trong thanh niên khá cao, nhất là ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa. Các tội phạm và tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan trong thanh niên đang phát triển. Một bộ phận thanh niên ít hiểu biết về pháp luật và thiếu ý thức chấp hành luật pháp ; thiếu ý chí khắc phục khó khăn, ỷ lại, lười biếng ; bàng quan và thiếu trách nhiệm với gia đình, với xã hội ; sống thực dụng, buông thả...

Có thể nói, bên cạnh những thuận lợi và ưu điểm cơ bản, thanh niên Việt Nam đang đứng trước nhiều khó khăn, thử thách và còn không ít nhược điểm, yếu kém, lại thiếu từng trải và thiếu kinh nghiệm trong cuộc sống. Họ cần sự tiếp sức của Đoàn và toàn xã hội để rèn luyện và trưởng thành.

Trong giai đoạn hiện nay, để triển khai có kết quả các mặt vận động, giáo dục, tổ chức và cổ vũ phong trào thanh niên, công tác vận động thanh niên phải có *cách tiếp cận,* có *nội dung và biện pháp vận động phù hợp.*

Thanh niên là đối tượng xã hội mang tính đặc thù, do đó cách tiếp cận thanh niên cũng phải mang tính

Digitized by Google

đặc thù. *Mối ảnh hưởng qua lại giữa các thế hệ, đặc biệt giữa hai thế hệ gần kề* là một đặc điểm hết sức quan trọng. Khi tiếp cận thanh niên cần chú ý cả hai mặt : tiếp nối đồng nhất (yêu nước, hiếu học, dũng cảm, lạc quan v.v...) và những mặt khác nhau về nhu cầu trong điều kiện mới. Chúng ta không né tránh trong việc tìm hiểu những khía cạnh khác nhau giữa các thế hệ, *đặc biệt là trong định hướng giá trị*. Đây chính là sự thể hiện tinh thần khách quan, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng ta chỉ ra rằng, *tiếp nối, kế tục và phát triển* là hoàn toàn đúng đắn trong hướng tiếp cận với thế hệ trẻ hiện nay.

Nhu cầu và lợi ích chính đáng của thế hệ trẻ, đặc biệt là những nhu cầu đặc thù như : học vấn, nghề nghiệp, việc làm, văn hóa, tình bạn, tình yêu, sinh hoạt tinh thần... ngày càng phát triển nhanh và hết sức phong phú, đa dạng. Không chú ý tới những nhu cầu đó thì rất khó tiếp cận thanh niên. Vì thế, Bác Hồ thường dạy : "Đoàn thanh niên phải luôn chăm lo đến lợi ích chính đáng của thanh niên".

Cũng có thể tiếp cận thanh niên qua *truyền thống lịch sử và văn hóa dân tộc*. Trước hết qua con đường tìm hiểu những yếu tố tạo thành bản sắc văn hóa dân tộc trong tiến trình lịch sử để bồi dưỡng cho thanh niên, làm cho họ thấy được và tiếp cận tự giác các giá trị văn hóa đó. Tiếp cận qua truyền thống không hoàn toàn là sự lặp lại mà là hướng dẫn, tuyên truyền, bồi dưỡng cho lớp trẻ hiểu rõ hơn, đúng hơn về truyền thống, để từ đó nâng các giá trị truyền thống lên tầm cao mới.

Cùng với cách tiếp cận mới ; *nội dung và biện pháp vận động* thanh niên cũng phải đổi mới cho phù hợp với tình hình hiện nay :

1 - Trước hết, phải đặc biệt chú ý bồi dưỡng lòng yêu nước, ý thức giác ngộ lý tưởng xã hội chủ nghĩa ; rèn luyện đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh ; nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp cho thanh niên.

Mục tiêu hàng đầu trong công tác thanh niên hiện nay là đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ thành lớp người kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, xung kích vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến thắng lợi.

Thanh niên là lớp người có ý chí mạnh mẽ, quyết tâm vươn lên, không cam chịu đói nghèo, lạc hậu, đem hết sức lực của tuổi trẻ nhanh chóng nâng cao trình độ để làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến ; là lớp người có năng lực hoạt động thực tiễn, có tài năng thực sự, làm chủ và sáng tạo khoa học công nghệ để đuổi kịp trình độ của các nước trong khu vực và thế giới trong thời gian nhanh nhất. Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng chỉ rõ : "Giáo dục và đào tạo phải thực sự trở thành quốc sách hàng đầu". Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh với chức năng là trường học xã hội chủ nghĩa của tuổi trẻ phải góp phần đắc lực thực hiện thắng lợi quốc sách hàng đầu này.

Lý tưởng của Đảng, của dân tộc cũng là lý tưởng của thanh niên. Trong cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, Bác Hồ đã dạy : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Lý tưởng ấy đã dẫn dắt hành động của thanh niên đi vào cuộc kháng chiến với niềm tin ở cuộc chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. Song sau khi đã giành được độc lập dân tộc, thống nhất đất nước chỉ có con đường đưa đất nước phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh mới có thể giữ vững được độc lập, chủ quyền và tự do. Vì vậy, trong sự nghiệp xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, lý tưởng của thanh niên ta giờ đây là : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Những năm vừa qua, cùng với thắng lợi to lớn do công cuộc đổi mới mang lại, Đoàn Thanh niên đã phối hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể, các "binh chủng" làm công tác tuyên truyền giáo dục thực hiện có kết quả bước đầu công tác giáo dục nói chung và giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ nói riêng. Biện pháp giáo dục và phương thức thực hiện cụ thể là : kết hợp giáo dục truyền thống với giáo dục lý tưởng cách mạng ; kết hợp giáo dục xây dựng nếp sống văn hóa với giáo dục lý tưởng cách mạng ; kết hợp các cuộc vận động chính trị lớn trong đoàn viên, thanh niên với giáo dục lý tưởng cách mạng.

Công tác giáo dục lý tưởng cách mạng của Đoàn ngày càng sinh động hơn, nội dung bao quát được nhiều mặt (lý tưởng chính trị - xã hội, lý tưởng đạo đức, lý tưởng thẩm mỹ...). Đông đảo thanh niên tiếp nhận quá trình giáo dục lý tưởng một cách tự giác. Họ cảm nhận được sự gần gũi giữa cuộc sống hiện thực, đời thường với mục tiêu lý tưởng sẽ hướng tới. Chúng ta coi giáo dục lý tưởng, bồi dưỡng hoài bão, ước mơ cao đẹp của tuổi trẻ là tiếp thêm nguồn sinh khí mới, tạo dựng động lực tinh thần để thanh niên vững bước tiến vào thế kỷ XXI với niềm tin mới. Đồng thời với việc giáo dục lý tưởng cách mạng, cần phải thường xuyên xây dựng, hướng dẫn cho thanh niên rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh, văn minh. Để việc giáo dục có hiệu quả thiết thực, cần thực hiện tốt một số nội dung sau đây :

- Bồi dưỡng cho thanh niên ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân theo những chuẩn mực đạo đức mà

Digitized by Google

Bác Hồ và Đảng ta đã nêu ra là : quyết tâm suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng.

- Bồi dưỡng ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm với cộng đồng và tập thể, không chỉ lo cho bản thân mình mà còn tích cực thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng, chống những biểu hiện cá nhân chủ nghĩa, lối sống ích kỷ...

- Bồi dưỡng, giáo dục ý thức tiết kiệm để góp phần xây dựng gia đình, quê hương, đất nước ; chống tệ nạn lãng phí, tham nhũng ; sống lành mạnh, giản dị, có ý thức giữ gìn kỷ cương, phép nước, tích cực chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Những nội dung trên, cần được thể hiện qua các cuộc vận động thực hiện tiết kiệm, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa ; vận động chống các tệ nạn xã hội... bằng sự phối hợp giữa các ngành, đoàn thể, gia đình và xã hội. Để thực hiện tốt các nội dung nêu trên, các cấp bộ Đoàn cần tích cực quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết 2 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ.

2 - Xây dựng tổ chức đoàn vững mạnh ; tập hợp và đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp thanh niên ; tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đoàn, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở.

Sau 10 năm tìm tòi, phấn đấu, đến nay tổ chức đoàn đã thoát khỏi những khó khăn, lúng túng kéo dài, ngăn chặn được sự giảm sút về số lượng và chất lượng đoàn viên ; giữ vững được hệ thống và đội ngũ cán bộ ; vị thế của tổ chức đoàn từng bước được nâng cao... Song, so với yêu cầu nhiệm vụ được giao, quá trình tổ chức xây dựng Đoàn còn nhiều vấn đề phải được tiếp tục đẩy mạnh, tìm ra biện pháp, tháo gỡ khó khăn.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là "cơ hội ngàn vàng" đối với thanh niên, đồng thời là thời cơ để đẩy mạnh công tác thanh niên, đẩy mạnh sự phát triển toàn diện của Đoàn thanh niên trong thời kỳ cách mạng mới. Công tác thanh niên, sự phát triển của Đoàn thanh niên cần tập trung làm tốt các yêu cầu sau :

- Vấn đề trước hết là phải kiên trì giữ vững và thực hiện tốt các chức năng cơ bản của Đoàn trong hoạt động, phát triển đúng với bản chất chính trị của mình.

- Củng cố tổ chức đoàn cơ sở ; đoàn kết, tập hợp thanh niên ; chú trọng công tác đoàn viên trong việc hoạt động, kiểm tra gắn với vấn đề dân chủ hóa sinh hoạt Đoàn.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đoàn, theo hướng tăng lên cả về chất và lượng để kịp thay thế, kịp rút ngắn khoảng cách giữa yêu cầu và sự đáp ứng của đội ngũ cán bộ đoàn ; khôi phục lại hệ thống đào tạo cấp tỉnh, thành (để phục vụ cho cơ sở) ; đồng thời khuyến khích, cổ vũ việc tự đào tạo, tự học tập nâng cao trình độ về mọi mặt của cán bộ đoàn các cấp.

3 - Vận động thanh niên tiếp tục thi đua thực hiện thắng lợi các phong trào hành động cách mạng

Quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng và các nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương, với tinh thần "đâu Đảng cần thanh niên có, việc gì khó thanh niên đi đầu", vận động tuổi trẻ cả nước tiếp tục thi đua thực hiện hai phong trào lớn : "Phong trào thanh niên lập nghiệp" và "Phong trào tuổi trẻ giữ nước".

Quan điểm chỉ đạo đối với các phong trào hành động của thanh niên hiện nay là : Thông qua hành động tạo ra hiệu quả kinh tế, góp phần đẩy mạnh sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, ứng dụng khoa học - kỹ thuật - công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Thông qua hành động, tạo ra phong trào học tập, rèn luyện trong đông đảo thanh niên, nhất là trong việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề..., đồng thời rèn luyện phẩm chất, đạo đức người lao động. Thông qua hành động, thực hiện việc xây dựng, củng cố tổ chức, phát huy tác dụng của tổ chức, nhất là ở cơ sở như tuyển chọn, bồi dưỡng đoàn viên mới, đào tạo cán bộ.

Trong chương trình hoạt động của Đoàn hiện nay, tập trung vào hai phong trào lớn, với những nội dung chủ yếu sau :

Phong trào thanh niên lập nghiệp được thể hiện bằng việc chăm lo bồi dưỡng về trình độ văn hóa, chuyên môn, nghề nghiệp, về khoa học - kỹ thuật và công nghệ, thể lực. Động viên thanh niên xung kích tham gia xây dựng các công trình lớn của đất nước, của địa phương, xây dựng kết cấu hạ tầng và chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Động viên, vận động thanh niên tự lập thân, lập nghiệp, giúp đỡ họ trong việc tạo việc làm, nâng cao thu nhập, từng bước cải thiện đời sống.

Phong trào tuổi trẻ giữ nước, giúp cho thanh niên nâng cao nhận thức về tình hình trong nước và quốc tế, về nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc ; nâng cao cảnh giác, chống âm mưu "diễn biến hòa bình". Tổ chức, động viên thanh niên tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh. Tích cực tuyên truyền, phổ biến pháp luật, ngăn chặn các hành vi gây rối trật tự công cộng, các tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh các hoạt động "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn", bồi dưỡng tình cảm và lòng

(Xem tiếp trang 9)

Digitized by Google

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM, MỘT CHẶNG ĐƯỜNG PHẤN ĐẤU VÀ TRƯỞNG THÀNH

TRẦN VĂN QUANG *

Hội Cựu chiến binh (CCB) Việt Nam chính thức thành lập ngày 6-12-1989 và đến tháng 11-1992 Hội tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất. Kể từ đó đến nay, Hội đã trưởng thành nhanh chóng, hoạt động đứng hướng và có hiệu quả.

Trước những thử thách của đất nước, trước những nhiệm vụ cấp bách và mới mẻ, mặc dầu rất non trẻ, nhưng ngay từ ngày đầu thành lập, do nắm vững và quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, được các cấp ủy đảng thường xuyên quan tâm chỉ đạo cho nên Hội đã làm được nhiều việc có ý nghĩa quan trọng, thực sự là một tổ chức chính trị - xã hội đáng tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Hội đã có nhiều hoạt động chính trị phong phú sôi nổi, góp phần tuyên truyền, bảo vệ đường lối, quan điểm đổi mới của Đảng ; xây dựng đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp vững mạnh. Trong dịp chuẩn bị tiến tới Đại hội VII của Đảng, các cấp Hội CCB đã đóng góp nhiều ý kiến bổ ích và thiết thực vào báo cáo chính trị của các cấp ủy đảng, sau đó lại tích cực phổ biến, tuyên truyền kết quả của các đại hội đến CCB và nhân dân. Nhiều CCB được tín nhiệm bầu vào cấp ủy, nhiều đồng chí là cán bộ chủ chốt của Đảng và chính quyền ở cơ sở. Hội đã phối hợp chặt chẽ với ngành công an củng cố và phát triển phong trào "an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc" ; phối hợp với hệ thống cơ quan quân sự địa phương tuyên truyền ý thức quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận nhân dân ; phối hợp với Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Hội đã có nhiều đóng góp tích cực vào việc đấu tranh chống tham nhũng, phòng chống các tệ nạn xã hội.

Bên cạnh các hoạt động chính trị, Hội CCB còn góp phần vận động nhân dân thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở các địa phương. Các cấp Hội đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, với Hội nông dân, vận động các hội viên tích cực tham gia thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Trong các cuộc hội nghị biểu dương "người làm kinh tế gia đình giỏi" hoặc "nông dân sản xuất giỏi" ở một số địa phương các hội viên CCB là những người đi đầu và số được biểu dương chiếm tỷ lệ cao. Các cấp Hội đã phối hợp chặt chẽ với ngành lao động thương binh và xã hội, với Hội phụ nữ... tích cực vận động nhân dân thực hiện tốt chính sách xã hội, đặc biệt là chính sách hậu phương quân đội, chính sách đối với các gia đình có công với cách mạng, đối với các thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ. Hội có nhiều việc làm sáng tạo, chân tình, cảm động thu hút được đại bộ phận nhân dân tham gia như : vận động tìm người thân, tôn tạo nghĩa trang liệt sĩ, chăm sóc các gia đình liệt sĩ, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các quân nhân bị nhiễm chất độc trong chiến tranh... Là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội CCB đã lấy cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của các cấp Hội. Các cấp Hội đã tham gia vận động nhân dân thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, các chương trình môi trường, chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình, chương trình chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học...

Phát huy bản chất tốt đẹp của "Bộ đội Cụ Hồ", phát huy tình đồng đội, đồng chí, Hội CCB đã phát động các hội viên giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo. Đến tháng 8-1997 Hội đã huy động từ các nguồn khác nhau được gần 300 tỉ đồng, đầu tư cho trên 550 dự án lớn, nhỏ, giúp gần 9 000 hội viên phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho gần 5 000 lao động là con em CCB.

---

* Thượng tướng, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam

Digitized by Google

Sau Đại hội lần thứ nhất, hệ thống tổ chức của Hội được kiện toàn, thống nhất và mở rộng, thu hút thêm nhiều CCB vào các tổ chức cơ sở của Hội. Trên cơ sở Điều lệ của Hội, Hội đã xây dựng được nền nếp công tác chặt chẽ, dân chủ, đoàn kết nội bộ. Mở rộng mối quan hệ với các quân, binh chủng, các quân đoàn, sư đoàn ; mở rộng liên kết hợp tác với các đoàn thể, các ngành, các cấp, các nhóm và các tổ chức CCB quốc tế. Qua các hoạt động đối ngoại, Hội đã tự khẳng định được vị trí quốc tế của mình trong khu vực và thế giới, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích kể trên, Hội CCB vẫn còn những mặt yếu kém và hạn chế. Đó là :

- Hội phát triển và hoạt động chưa đều ; chưa tập hợp được đông đảo CCB, nhất là ở khu vực cơ quan, trường học, doanh nghiệp nhà nước và chưa huy động được nhiều tiềm năng đa dạng của CCB đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Mọi lĩnh vực hoạt động của Hội trên các địa bàn dân cư đều đã có những mô hình chung, những điển hình tốt, những sáng kiến cần được phổ biến rộng rãi, nhưng các cấp Hội từ huyện trở lên chậm tổng kết, phổ biến, nhân rộng, phát triển.

- Hiểu biết của cán bộ, hội viên CCB về Cương lĩnh, đường lối đổi mới của Đảng, về kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, về luật pháp của Nhà nước còn hạn chế.

- Đời sống của hội viên CCB ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa nói chung còn rất khó khăn.

- Chưa có kế hoạch lựa chọn, bồi dưỡng cán bộ thay thế, nhất là cán bộ chuyên trách thường trực ở các cấp Hội. Cơ quan các cấp Hội chưa ổn định tổ chức và biên chế theo hướng bảo đảm hoạt động lâu dài.

Phân tích thành tựu và khuyết điểm của chặng đường vừa qua, Hội CCB sẽ có thêm nhiều kinh nghiệm để phấn đấu trong thời gian tới. Bước đầu, chúng tôi rút ra được một số vấn đề đáng chú ý sau đây :

1 - CCB Việt Nam là một lực lượng đông đảo trong dân cư, có trình độ giác ngộ chính trị, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, có kinh nghiệm trong đấu tranh cách mạng và cuộc sống. Một số khá đông có kiến thức trên nhiều mặt (khoa Học nghệ thuật quân sự, lý luận chính trị, các lĩnh vực y học, văn học nghệ thuật, khoa học kỹ thuật...) nhất là những CCB vốn là cán bộ trung cao cấp đã qua các cương vị lãnh đạo, chỉ huy, hoạt động trong các ngành chuyên môn của quân đội. Lực lượng CCB Việt Nam hiện nay bao gồm nhiều thế hệ. Số đông chí tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế ở các nước bạn, với tuổi đời từ 55 trở lại, còn khả năng lao động chiếm tỷ lệ trên 60% trong lực lượng CCB. Theo điều tra ở 127 xã, phường trên các địa bàn khác nhau, số CCB từ 56 đến 64 tuổi chiếm 22,5%, dưới 55 tuổi chiếm 60,2% ; CCB có lương hưu chiếm 21,5%, CCB sống bằng lao động là chủ yếu chiếm 78,5%. Hầu hết CCB là chủ gia đình.

Tuy đã trở về cuộc sống đời thường, nhưng nhiều CCB, kể cả những đồng chí tuổi cao, sức yếu vẫn mong được đem chút ít kinh nghiệm, kiến thức và sức lực đóng góp với Đảng, với xã hội ; quyết tâm giữ cho kỳ được độc lập của Tổ quốc, giữ cho được chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa. Và chính lực lượng CCB Việt Nam đã và đang sát cánh cùng với công nhân, nông dân, trí thức, các lực lượng vũ trang nhân dân, tạo thành một lực lượng to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tập hợp, khơi dậy, phát huy tối đa tiềm năng của CCB, động viên anh chị em tiếp tục tham gia đóng góp vào công cuộc đổi mới, bảo vệ đất nước, bảo vệ chế độ, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao cuộc sống tinh thần và vật chất của CCB và gia đình họ là trách nhiệm trước hết của Hội CCB Việt Nam.

Hội CCB Việt Nam ra đời làm tăng thêm lực lượng cách mạng, tăng thêm sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Với vai trò như vậy, Hội cần phát triển mạnh mẽ hơn nữa, thu hút nhiều hơn nữa CCB đang sinh sống và hoạt động trên mọi miền đất nước, nhất là những CCB đang công tác, hoạt động ở các cơ quan, trường học, các doanh nghiệp nhà nước. Hội cũng sẽ mở rộng đối tượng kết nạp hội viên tới các sỹ quan được về hưu, phục viên, chuyển ngành, các hạ sỹ quan, chiến sỹ đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ quân sự trở về địa phương.

2 - Hội CCB là một đoàn thể nhân dân vừa mang tính chính trị, vừa mang tính xã hội rộng lớn. Hoạt động của Hội là hoạt động chính trị - xã hội. Trong quá trình hoạt động, Hội phải nắm vững và kết hợp hài hòa hai mặt chính trị và xã hội.

Tôn chỉ mục đích của Hội đã xác định rõ : Hội CCB Việt Nam ra đời là để góp phần bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ; để chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của CCB Việt Nam.

Digitized by Google

Mỗi CCB nhận thức sâu sắc rằng, trong chiến tranh người chiến sĩ sẵn sàng chiến đấu hy sinh để cứu nước, cứu nhà, quyền lợi của từng người, từng gia đình gắn chặt với sự sống còn của Tổ quốc. Nước mất thì nhà tan. Ngày nay, người CCB cũng thấu hiểu rằng quyền lợi vật chất và tinh thần, địa vị xã hội, tương lai của họ và con cháu họ gắn chặt với chế độ xã hội chủ nghĩa, với sự lãnh đạo của Đảng. Có bảo vệ được chế độ này, có giữ vững được sự lãnh đạo của Đảng thì quyền lợi, địa vị, vinh dự của CCB Việt Nam mới được bảo vệ. Mặt khác, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ quyền lợi chính đáng của CCB, động viên họ phát triển kinh tế, cải thiện đời sống của họ là tạo điều kiện cho họ tham gia đóng góp tích cực hơn, có hiệu quả hơn vào các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước. Đây cũng là chất keo gắn hội viên với Hội, là sức thu hút những CCB chưa vào Hội đến với Hội.

Trong CCB Việt Nam, mỗi người có một hoàn cảnh khác nhau, có nhu cầu khác nhau, sức lực trí tuệ của mỗi người cũng khác nhau. Do đó, việc động viên phát huy trí tuệ của CCB vào các hoạt động chính trị - xã hội cũng phải đi vào từng đối tượng cụ thể và phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Đối với phần đông CCB trước đây là chiến sĩ, hạ sĩ quan, cán bộ sơ cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam và dân quân du kích, khi xuất ngũ trở về địa phương thường không có lương hưu hoặc lương hưu rất thấp, cho nên đời sống có nhiều khó khăn. Nguyện vọng của họ là có công ăn việc làm ổn định, có cuộc sống tạm đủ, con cái được học hành, bệnh tật được chăm sóc. Đó là yêu cầu rất khiêm tốn, cấp bách trước mắt của anh chị em. Các cấp lãnh đạo Hội phải có kế hoạch, chương trình, giải pháp cụ thể, giúp đỡ anh chị em nhanh chóng ổn định cuộc sống của bản thân và gia đình, hòa nhập vào cuộc sống mới của quê hương, xóm làng và của xã hội. Trên cơ sở đó mà động viên anh chị em phát huy truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", tích cực đóng góp vào các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội ở địa phương.

Đối với những CCB nguyên là cán bộ cao cấp trong quân đội về hưu, nói chung cuộc sống hằng ngày tạm ổn định. Nguyện vọng của các đồng chí đó là được đóng góp khả năng, trí tuệ, kinh nghiệm, kiến thức của mình cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trước hết là lĩnh vực công tác chính trị, tư tưởng, an ninh quốc phòng và một số ngành chuyên môn khác. Đây là một lực lượng hết sức lớn và quý của cách mạng, của Đảng. Hội CCB Việt Nam cần nghiên cứu để cùng các ngành, các cấp có giải pháp đáp ứng nguyện vọng chính đáng, khai thác được tối đa tiềm năng của họ để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ mới.

3 - Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của chính quyền ; liên kết chặt chẽ với các đoàn thể bạn.

Đảng lãnh đạo các đoàn thể nhân dân, trong đó có Hội CCB Việt Nam là một nguyên tắc lớn. Sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ của Đảng từ trung ương đến cơ sở đối với Hội CCB các cấp là nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm cho mọi hoạt động của Hội đúng hướng ; đoàn kết, phát huy được tối đa tiềm năng của CCB trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương. Thực tiễn xây dựng và hoạt động của Hội trong thời gian qua đã chứng minh rằng : địa phương nào mà cấp ủy đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ Hội CCB thì Hội sẽ phát huy được vai trò tích cực của mình, đóng góp có hiệu quả vào các nhiệm vụ của địa phương, góp phần tăng cường đoàn kết toàn dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Nhằm tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội CCB, một mặt đề nghị các tổ chức đảng thường xuyên phổ biến, quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cho Hội CCB cùng cấp, gợi ý về những nhiệm vụ của Hội hoặc phân công cho Hội phải thực hiện những công việc cụ thể phù hợp với vai trò, chính sách và nhiệm vụ của Hội, động viên cổ vũ và kiểm tra Hội thực hiện các nhiệm vụ mà cấp ủy đảng đã giao. Mặt khác, Hội phải phản ánh kịp thời với Đảng về tâm tư, nguyện vọng, những băn khoăn, thắc mắc của CCB và của nhân dân, tham mưu cho Đảng những biện pháp để thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng trong từng thời kỳ, xin ý kiến chỉ đạo khi có vấn đề mới phát sinh, và báo cáo kết quả khi hoàn thành nhiệm vụ, công tác. Với những kinh nghiệm đã có, với tinh thần khiêm tốn, chân thành, CCB đóng góp ý kiến trong việc xây dựng Đảng và xây dựng mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân cũng là góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Hội CCB Việt Nam cũng như các đoàn thể nhân dân khác đều phải đặt dưới sự quản lý của chính quyền. Mọi hoạt động của Hội phải đúng pháp luật và các quy định cụ thể của chính quyền. Mặt khác, Hội cũng như các đoàn thể nhân dân khác là một thành viên của hệ thống chính trị. Vì vậy, Hội phải cùng với các đoàn thể khác có trách nhiệm đóng góp vào việc xây dựng và bảo vệ chính quyền của dân, do dân, vì dân, xem đó là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của mình.

Trong hoạt động thực tiễn, phần lớn công tác của Hội muốn đạt được kết quả tốt phải có sự phối hợp chặt

(Xem tiếp trang 29)

Digitized by Google

CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH TRONG NỀN KINH TẾ MỞ CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

NGUYỄN DUY HẠC*

HẢI Phòng là một thành phố cảng lớn, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật của cả nước, đứng sau thủ đô Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, đồng thời là một đô thị có vị trí quốc phòng trọng yếu. Hải Phòng có điều kiện địa lý đa dạng và phong phú, có đồng bằng, biển đảo, đồi núi, sông ngòi, nằm trong địa bàn kinh tế tăng trưởng trọng điểm của Bắc Bộ, trong dải hành lang kinh tế ven biển, là một trong ba hành lang chiến lược phát triển nhanh về kinh tế của đất nước. Hải Phòng có cửa biển lớn, có 125 km bờ biển, có các con sông lớn như Nam Triệu, Cấm, Lạch Tray, Văn Úc, Thái Bình chảy qua ; có đường sắt, có quốc lộ 5 và quốc lộ 10 nối với thủ đô và các vùng đồng bằng Bắc Bộ ; có sân bay Cát Bi, sân bay Kiến An thuận tiện... Hải Phòng quả là nơi hội tụ những điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội, và đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chỉ trong vòng 10 năm đổi mới, đảng bộ và quân dân Hải Phòng đã phát huy được những tiềm lực, vượt qua được thời kỳ khó khăn, từng bước ổn định và phát triển nhanh, đời sống của nhân dân được cải thiện. Trong 5 năm (1991 - 1995) GDP tăng liên tục ở mức bình quân 12,4%/năm. Kinh tế đối ngoại phát triển. Đến năm 1995 thành phố đã cấp giấy phép cho 47 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng số vốn là 804 triệu USD, trong đó vốn đầu tư thực hiện đạt 63,8%. Công nghiệp tăng bình quân 24,27%/năm. Sản lượng lương thực quy thóc đạt 437 000 tấn (1995). Thu ngân sách đạt 3120,1 tỉ đồng (1995) tăng bình quân 77,8%/năm.

Tuy vậy, bên cạnh những điều kiện thuận lợi, Hải Phòng luôn gặp phải những thách thức của thiên tai, địch họa, như bão biển, sóng thần, nhiễm mặn... và những diễn biến phức tạp khác mà các thế lực bên ngoài lợi dụng để xâm nhập, phá hoại đất nước ta.

Nhân dân Hải Phòng từ bao đời nay rất coi trọng việc phát huy những điều kiện thuận lợi để xây dựng thành phố, làm giàu cho Tổ quốc và ra sức ngăn chặn những hiểm họa từ phía thiên nhiên và kẻ thù, bảo vệ vững chắc những thành quả quý giá của cách mạng mà quân dân Hải Phòng đã phải giành lấy bằng mồ hôi, nước mắt và cả xương, máu. Trong sự bộn bề của công việc, của những cái đã làm, đang làm và chưa làm, nhiệm vụ kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội lúc nào cũng nổi lên ở hàng đầu.

Quốc phòng - an ninh và kinh tế - xã hội, là những lĩnh vực khác nhau, mỗi cái có quy luật hoạt động riêng của nó, nhưng đều chung một mục tiêu là làm cho "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh là bảo đảm môi trường ổn định, hòa bình cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Ngược lại, phát triển

* Đại tá, Chỉ huy trưởng, Bộ chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng

Digitized by Google

kinh tế - xã hội sẽ tạo ra những thuận lợi mới, tiền đề mới cả về vật chất, kỹ thuật, chính trị, tinh thần cho củng cố quốc phòng - an ninh ngày càng vững chắc để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đảng bộ và quân dân TP Hải Phòng đã quán triệt các chủ trương, nghị quyết của các Đại hội VI, Đại hội VII và Đại hội VIII của Đảng, các nghị quyết của Trung ương Đảng về phát triển kinh tế - xã hội, về củng cố quốc phòng - an ninh, từng bước thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ kết hợp quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội.

Trong mỗi một bước phát triển kinh tế - xã hội, Hải Phòng đều phải cân nhắc, tính đến nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, bảo đảm cho hai nhiệm vụ này gắn kết chặt chẽ với nhau ở từng lĩnh vực, ngành, đơn vị, địa bàn, mà trọng tâm là ở các vùng ven biển, hải đảo, ở các ngành công nghiệp trọng điểm, các ngành giao thông vận tải, xây dựng cơ bản, bưu chính viễn thông, y tế, giáo dục - đào tạo. Trong quan hệ, lấy phương hướng "lưỡng dụng" làm chính để vừa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, vừa bảo đảm cho nhu cầu quốc phòng - an ninh. Đảng bộ và quân dân Hải Phòng thường xuyên chú ý xây dựng lực lượng quốc phòng - an ninh vững mạnh bao gồm : bộ đội địa phương, dự bị động viên, bộ đội biên phòng, dân quân tự vệ, công an, thực sự làm nòng cốt để bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Đảng, bảo vệ cuộc sống yên bình của nhân dân. Coi trọng giáo dục quốc phòng - an ninh, nâng cao trách nhiệm và sự hiểu biết cho mọi người về lĩnh vực quốc phòng - an ninh, xây dựng con người mới có kiến thức toàn diện để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chủ nghĩa. Do vậy, nền kinh tế - xã hội của Hải Phòng phát triển, đời sống của nhân dân từng bước được nâng lên. Công tác quốc phòng - an ninh ngày càng được củng cố, góp phần quan trọng vào việc chống và làm thất bại một bước âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của địch, bảo vệ vững chắc thành phố trong mọi tình huống, bảo đảm sẵn sàng nguồn động viên cho quốc phòng - an ninh, thực hiện nhiệm vụ tuyển quân làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, xây dựng lực lượng và thế trận khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới, mở cửa về kinh tế.

Tuy vậy, công tác kết hợp quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng trong thời gian qua còn có những hạn chế nhất định như : nhận thức về quốc phòng - an ninh còn có mặt chưa sâu sắc, chưa thấy hết được âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại chưa nhìn nhận được rõ đâu là đối tượng cạnh tranh tìm lợi nhuận, đâu là đối tượng lợi dụng để thực hiện phá hoại. Chưa thực sự chủ động tạo được phương thức kết hợp trong các thành phần kinh tế tư nhân và liên doanh với nước ngoài. Trong lĩnh vực giao thông thủy, bộ, xu hướng tư nhân hóa các phương tiện ngày một gia tăng, nhưng lực lượng dân quân tự vệ lại rất mỏng, chỉ có khoảng 3 dân quân tự vệ trên một tàu thuyền. Nếu có sự huy động các phương tiện này cho quốc phòng - an ninh thì sẽ gặp phải không ít khó khăn vướng mắc về chính sách, đăng ký, quản lý, kiểm tra v.v... Về tổ chức thực hiện kết hợp trong những trường hợp cụ thể ở các địa phương, đơn vị sản xuất kinh doanh còn nhiều trở ngại. Trong việc phối, kết hợp vấn đề quản lý nhà nước có mặt chưa đồng bộ và chặt chẽ, làm nảy sinh vướng mắc giữa lợi ích quốc phòng - an ninh với lợi ích kinh tế - xã hội.

Những tồn tại trên đòi hỏi Hải Phòng phải nghiên cứu, khắc phục, tạo sự kết hợp chặt chẽ trên cơ sở khoa học hơn, hiệu quả hơn. Tuy nhiên, từ những thực tế phong phú về kết hợp quốc phòng - an ninh với kinh tế - xã hội ở Hải Phòng trong những năm qua, đảng bộ và quân dân thành phố đã rút được những kết luận quan trọng có tính chất chỉ đạo cho công tác này trong thời gian sắp tới là :

1 – Kết hợp quốc phòng – an ninh với phát triển kinh tế – xã hội là một trong những giải pháp cơ bản để đẩy nhanh sự phát triển tổng thể về kinh tế – xã hội và tăng cường tiềm lực quốc phòng – an ninh của Hải Phòng.

Digitized by Google

Việc kết hợp quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội phải bảo đảm cho sự phát triển tổng thể về kinh tế - xã hội và tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh trong thời kỳ mới, phải nhận rõ được vai trò quyết định của nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố sẽ phản ánh sự thành công của xây dựng tiềm lực quốc phòng - an ninh. Cho nên, sự kết hợp quốc phòng - an ninh với kinh tế - xã hội sẽ đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội và tiến độ thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Sự kết hợp vừa qua đã làm cho nền kinh tế - xã hội phát huy được vai trò và tạo được cơ sở vật chất cho nền quốc phòng - an ninh, tăng cường tiềm lực cho quốc phòng - an ninh ngày càng vững mạnh. Sự kết hợp vừa qua đã làm cho khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc, vừa tạo khả năng tự bảo vệ và được bảo vệ trong xây dựng của thành phố.

Thực hiện sự kết hợp trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa là điều kiện thuận lợi cho quốc phòng - an ninh ngày càng hiện đại. Song, đây quả là một quá trình không ít khó khăn, phức tạp đòi hỏi chúng ta phải nhận biết được mối quan hệ hữu cơ, nhân quả của nó. Kinh tế - xã hội là cái gốc của quốc phòng - an ninh và quốc phòng - an ninh phải dựa vào điều kiện kinh tế - xã hội để phát triển tiềm lực và bảo đảm cho thành phố phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ nhanh có mức tăng trưởng cao. Sự kết hợp phải được thực hiện đồng bộ, nếu tách rời sẽ hạn chế lẫn nhau, thậm chí cả hai đều không được thực hiện.

2 – Sự kết hợp quốc phòng – an ninh với phát triển kinh tế – xã hội là sự kết hợp toàn diện và có trọng điểm.

Sự kết hợp toàn diện ở đây là sự kết hợp được thực hiện trên phạm vi toàn thành phố, ngành, đơn vị..., trong mọi hoạt động của đời sống xã hội, trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ, quân sự, an ninh... nhằm tạo nên và phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị để xây dựng kinh tế, củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc thành phố, bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, sự kết hợp cần có trọng điểm cho phù hợp với từng giai đoạn, hoàn cảnh, tầm quan trọng của từng địa bàn (biển, đảo, ven biển, đô thị...) để đáp ứng được cả yêu cầu trước mắt cũng như yêu cầu cơ bản, lâu dài về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh.

Đối với yêu cầu kết hợp cơ bản, lâu dài, cũng cần có trọng điểm trong từng bước, từng phần. Tùy theo hoàn cảnh cụ thể mà thực hiện các nội dung kết hợp cho phù hợp với thực tế, khả năng của từng đơn vị để đáp ứng yêu cầu của quốc phòng - an ninh.

Thực hiện sự kết hợp có trọng điểm cũng là thực hiện sự tập trung ưu tiên hàng đầu cho nhiệm vụ phát triển kinh tế. Song cũng không vì trọng điểm mà xem nhẹ về quốc phòng - an ninh.

Quan điểm toàn diện và có trọng điểm trong thực hiện kết hợp quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội cần được vận dụng nhằm phát huy tính năng động và sự sáng tạo của quần chúng nhân dân để sự kết hợp có chất lượng, hiệu quả cao và tiết kiệm nhất.

3 – Phát huy vai trò của lực lượng vũ trang làm nòng cốt trong củng cố, tăng cường quốc phòng – an ninh và tham gia xây dựng phát triển kinh tế – xã hội.

Lực lượng vũ trang thành phố (bộ đội địa phương, dự bị động viên, dân quân tự vệ, bộ đội biên phòng, công an) phải là lực lượng nòng cốt củng cố quốc phòng - an ninh. Thực hiện sự kết hợp quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội phải biết chủ động vào các cấp, các ngành, các đơn vị sản xuất kinh doanh và toàn dân để có hiệu quả ; phải bảo đảm ở đâu có dân, có hoạt động kết hợp thì ở đó có lực lượng vũ trang bảo vệ an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, chủ quyền lãnh thổ...

Lực lượng vũ trang thành phố cần phát huy hết khả năng tham gia xây dựng kinh tế, kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Đồng thời, cũng qua tham gia sản xuất kinh doanh mà lực lượng vũ trang làm kinh tế để đầu

Digitized by Google

tư, đổi mới cơ sở vật chất của đơn vị. Trong tham gia xây dựng kinh tế cũng cần có sự lựa chọn mặt hàng, những công trình xây dựng... gắn bó với quốc phòng - an ninh (cầu, đường giao thông, sân bay, bến cảng, vận tải...) khi cần thiết có thể phục vụ ngay cho quốc phòng - an ninh.

Lực lượng vũ trang tham gia xây dựng kinh tế không đơn thuần hạn hẹp là chỉ tận dụng khả năng sẵn có, mà ở những vùng chưa có dân hoặc thưa dân như vùng biển đảo Bạch Long Vĩ, đảo Cát Bà v.v... thì lực lượng vũ trang phải trở thành lực lượng xung kích để làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế, kết hợp với củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn. Đây là việc làm có ý nghĩa hết sức quan trọng, tạo ra những điều kiện thuận lợi để thu hút dân cư, mở mang kinh tế, gắn liền với củng cố quốc phòng - an ninh. Muốn làm tốt được điều này thì những ngành kinh tế của thành phố cũng phải có những cố gắng lớn lao trong việc đầu tư.

Một điều không kém phần quan trọng nữa trong vai trò nòng cốt củng cố quốc phòng - an ninh và tham gia xây dựng kinh tế của lực lượng vũ trang thành phố là : phải chọn đúng nơi, đúng việc cho phù hợp với điều kiện, khả năng để thực sự đem lại hiệu quả về kinh tế và tăng cường quốc phòng - an ninh.

4 – Thực hiện sự kết hợp quốc phòng – an ninh với phát triển kinh tế – xã hội là trách nhiệm của mọi cấp, mọi ngành và toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cần khẳng định dứt khoát rằng : thực hiện sự kết hợp quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội không phải là nhiệm vụ riêng của lực lượng vũ trang, mặc dù các lực lượng vũ trang có vai trò nòng cốt trong kết hợp. Đó là nhiệm vụ chung, nhiệm vụ trọng yếu và thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, của mọi cấp, mọi ngành và lực lượng vũ trang... Do đó, mỗi một lĩnh vực, mỗi một đơn vị phải có sự năng động và nỗ lực cao nhất của mình để hoàn thành nhiệm vụ. Tuy nhiên, lại cần phải có sự lãnh đạo tập trung thống nhất của các cấp ủy đảng một cách toàn diện, trực tiếp.

Phải có sự quản lý của Nhà nước ở các cấp chính quyền và phải tăng cường tổ chức quản lý, thực hiện quản lý bằng pháp luật theo những kế hoạch cụ thể, đồng thời, luôn luôn đổi mới cách quản lý hợp lý để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và sự kết hợp có hiệu quả nhất. Trong thực tiễn, giữa lợi ích quốc phòng - an ninh và lợi ích kinh tế - xã hội không phải lúc nào cũng đồng nhất và phù hợp với nhau. Nếu không có sự quản lý của Nhà nước thì khó có sự kết hợp hài hòa các lợi ích này với nhau được. Do vậy, vai trò quản lý của Nhà nước giữ một vị trí quyết định trong quá trình kết hợp.

Tuy nhiên, không được tuyệt đối hóa vai trò quản lý của Nhà nước trung ương, mà phải đề cao cả vai trò, trách nhiệm và sự tham gia quản lý tích cực của các cấp, các ngành, đơn vị, chú ý tăng cường quản lý nhà nước đối với các dự án kinh tế đối ngoại, củng cố được quốc phòng - an ninh, bảo vệ được lợi ích kinh tế - xã hội, tạo môi trường ổn định, lành mạnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ thành phố, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

*

Đảng bộ và quân dân Hải Phòng đã có nhiều cuộc hội thảo khoa học để bàn luận, tìm tòi những giải pháp tối ưu cho việc thực hiện những tư tưởng chỉ đạo lớn trong việc kết hợp quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, trong thời kỳ thành phố đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thực tế đây là một quá trình gắn kết của nhiều lĩnh vực rộng lớn , có quy luật phát triển riêng và nhiều đặc thù của thành phố, cần phải có một hệ thống giải pháp tổng thể và vận dụng nhiều giải pháp cụ thể, linh hoạt trong quá trình kết hợp. Trước mắt là một số giải pháp tổng thể như sau :

1 - Tăng cường sự lãnh đạo của thành ủy, các cấp ủy đảng, đổi mới quản lý nhà nước về kết hợp quốc phòng - an ninh với kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành trong thành phố.

Kết hợp quốc phòng - an ninh với kinh tế - xã hội đòi hỏi phải có ý chí nỗ lực cao, tập trung thống nhất cao và sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ,

Digitized by Google

thường xuyên của các cấp, ngành, lực lượng và toàn dân. Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mỗi một lĩnh vực kinh tế - xã hội, cũng như quốc phòng - an ninh của thành phố đều đứng trước những thời cơ vận hội lớn và những khó khăn thử thách không nhỏ. Sự kết hợp quốc phòng - an ninh với kinh tế - xã hội trong điều kiện mới mang tính toàn diện cả về nội dung, phương thức và mối quan hệ hữu cơ. Nếu sự kết hợp không đồng bộ và chặt chẽ sẽ dẫn đến những ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài cho cả quốc phòng - an ninh và kinh tế - xã hội của thành phố. Trên cơ sở nhiệm vụ quốc phòng - an ninh được giao, các cấp, các ngành phát huy trách nhiệm, ý thức, chủ động phối hợp, thảo luận, bàn biện pháp giải quyết những vướng mắc theo chức năng, tránh tư tưởng khép kín, thụ động hoặc xem nhẹ khâu kết hợp.

2 - Nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng - an ninh, chú trọng giáo dục việc kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh

Đây là nhiệm vụ thường xuyên, cơ bản và lâu dài của Đảng và Nhà nước ta. Thực tế hiện nay cho thấy, công tác giáo dục quốc phòng - an ninh chậm được đổi mới, trong khi đó mục tiêu của giáo dục quốc phòng - an ninh lại to lớn bởi tầm quan trọng và tính toàn dân, toàn diện của nó. Thành phố cùng cả nước đang đổi mới từng ngày, mỗi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh ngày càng được định hướng rõ hơn, quản lý chặt chẽ hơn trong quá trình cạnh tranh - hợp tác - đấu tranh - hội nhập vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng , văn minh". Để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, để đứng vững trong cạnh tranh và hội nhập quốc tế, đồng thời vừa bảo vệ được thành quả của cách mạng bằng những biện pháp tổng hợp, sức mạnh tổng hợp, mỗi người dân của thành phố cần được giáo dục, trang bị kiến thức toàn diện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ công tác đảm nhiệm.

Chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh, bảo đảm có nội dung, phổ cập, thường xuyên, có chương trình chuyên sâu thiết thực với từng đối tượng, nhưng phải có nội dung cơ bản chung cho mọi đối tượng. Đó là, đường lối, chủ trương, quan điểm, những chính sách lớn của Đảng, Nhà nước trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ và những chủ trương lớn về quốc phòng - an ninh ; âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của địch ; những nội dung cơ bản của Hiến pháp, các bộ luật ; tinh thần cơ bản của các nghị định, chỉ thị của Nhà nước, thành phố trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh ; những vấn đề cơ bản về kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh và quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh ; những trí thức phổ thông về phòng thủ quân sự, phòng chống cháy nổ ; truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường bất khuất, tinh thần tự lực tự cường của dân tộc, truyền thống "trung dũng - quyết thắng", năng động sáng tạo của quân và dân thành phố.

Giáo dục quốc phòng - an ninh hiện nay và những năm tiếp theo phần lớn mang tính bắt buộc với mọi đối tượng, song phải đưa vào nền nếp, bảo đảm trang bị những kiến thức cần thiết, hạn chế tình trạng bất cập hiện nay. Cần đầu tư kinh phí thỏa đáng cho giáo dục để phát huy tổng hợp các hình thức biện pháp phong phú, chú ý các hình thức hấp dẫn đi vào văn hóa bền vững để tăng cường ý thức quốc phòng - an ninh thường xuyên cho toàn đảng, toàn dân, thực hiện kết hợp chặt chẽ kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3 - Ưu tiên kết hợp đối với các địa bàn, ngành, đơn vị trọng điểm về quốc phòng - an ninh và kinh tế - xã hội của thành phố.

Tiềm lực quốc phòng - an ninh của thành phố là sức mạnh tổng hợp của các nhân tố chính trị, tinh thần, kinh tế, văn hóa khoa học - công nghệ về quân sự - an ninh được xây dựng, sẵn sàng chuyển hóa thành sức mạnh đấu tranh trong các tình huống thời bình và tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Tiềm lực ấy được củng cố, xây dựng theo một thế trận vững toàn diện, mạnh trọng điểm. Vì vậy, các cấp, các ngành, các lực lượng trong khi thực hiện kết hợp quốc phòng - an ninh với kinh tế - xã hội trước

Digitized by Google

hết phải xây dựng toàn diện khu vực phòng thủ thành phố, quận, huyện, thị xã ngày càng vững chắc ; xây dựng xã, phường, đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện, làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của địch và sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống, không để bị động, bất ngờ.

Mặt khác, củng cố, xây dựng tiềm lực quốc phòng - an ninh có quan hệ hữu cơ, chặt chẽ với sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa. Thành phố đã có chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2000 và 2010 là cơ sở cho việc đề xuất kế hoạch kết hợp quốc phòng - an ninh với kinh tế - xã hội cho đến những năm đó. Hướng ưu tiên đầu tư kết hợp đối với các đơn vị, địa bàn, ngành trọng điểm của thành phố là : vùng biển, đảo, ven biển, vùng nội thành, các vùng xa trung tâm đô thị và khu công nghiệp, một số ngành, lĩnh vực trong điểm v.v...

Bước đầu thực hiện những giải pháp tổng thể này, Hải Phòng đã gặp phải không ít những khó khăn như kinh phí, đầu tư cho các hoạt động quốc phòng - an ninh của các cấp, ngành, đơn vị chưa đồng bộ, thống nhất. Một số hoạt động ở cơ sở còn thông qua cơ chế "thương lượng", "vận động", thậm chí phải bỏ bớt những nội dung cần thiết vì thiếu kinh phí. Để các hoạt động quốc phòng - an ninh ngày càng có hiệu quả, bảo đảm được sự kết hợp chặt chẽ quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, thành phố đã có chủ trương xây dựng và thực hiện cơ chế đầu tư cho các hoạt động quốc phòng - an ninh trên cơ sở pháp luật của Nhà nước và những điều kiện cho phép của thành phố. Các lực lượng nòng cốt thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh từng bước được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, huấn luyện tinh thông nghiệp vụ ; đủ sức mạnh răn đe, phòng ngừa có hiệu quả, ứng phó kịp thời, nhanh gọn với sự chống phá của địch và bọn tội phạm. Trong điều kiện cho phép, không thể để trang bị của lực lượng quốc phòng - an ninh lạc hậu hơn khả năng của nền kinh tế. ❑

HỘI CỰU CHIẾN BINH...

(Tiếp theo trang 23)

chẽ với các ngành, các đoàn thể bạn. Thí dụ : Để nâng cao nhận thức tư tưởng, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, bồi dưỡng kiến thức thời sự, chính sách cho hội viên, Hội phải quan hệ mật thiết, chặt chẽ với các cơ quan phụ trách công tác tư tưởng - văn hóa. Để góp phần làm tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và tăng cường quốc phòng toàn dân, Hội phải quan hệ và liên kết với cơ quan công an và quân sự ; để bảo vệ quyền lợi của cựu chiến binh, và thực hiện các chính sách hậu phương quân đội, Hội phải quan hệ chặt chẽ với ngành lao động và thương binh - xã hội...

Sự liên kết, phối hợp đó là hết sức cần thiết. Nó tạo nên sức mạnh tổng hợp để góp phần thực hiện các nhiệm vụ chung. Muốn làm được như vậy, cả hai phía phải có sự thống nhất với nhau về nội dung hoạt động, mục tiêu, phương pháp công tác, các bước đi cụ thể. Sau đó phải có tổng kết, đánh giá kết quả, rút ra được những kinh nghiệm tốt cần phát huy và những nhược điểm cần khắc phục.

* * *

Từ nay đến năm 2000 là thời kỳ có ý nghĩa hết sức quan trọng của đất nước. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải nỗ lực vượt bậc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; thực hiện thắng lợi công cuộc CNH, HĐH đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm kỳ thứ hai của Hội CCB Việt Nam (1997 - 2002) nằm trong thời kỳ này. Nhiệm vụ sắp tới của Hội là phải tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng ; không ngừng phát huy bản chất tốt đẹp của "Bộ đội Cụ Hồ", góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân trong sạch, vững mạnh ; góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ; tiếp tục tham gia làm tốt công tác giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ. Đồng thời Hội phải hết sức chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần của các hội viên và các CCB, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo... Để phát huy tốt hơn nữa tiềm năng của CCB trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, Hội cần mở rộng tổ chức, đẩy mạnh việc kết nạp thêm nhiều hội viên mới.

Hội CCB Việt Nam sẽ luôn luôn phấn đấu để xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân. ❑

Digitized by Google

MỞ RỘNG DÂN CHỦ TRỰC TIẾP THIẾT THỰC, ĐÚNG HƯỚNG VÀ CÓ HIỆU QUẢ

HOÀNG MINH

1 – Quan điểm của Đảng ta về quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ IV (1976) Đảng ta khẳng định xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là vấn đề thuộc về bản chất của chế độ ta. Quyền làm chủ đó phải được thể hiện trên mọi mặt : làm chủ về chính trị, về kinh tế, về văn hóa ; làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân ; làm chủ trong phạm vi cả nước và làm chủ ở từng địa phương, từng cơ sở ; làm chủ bằng nhiều phương thức khác nhau nhưng chủ yếu là bằng nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng (1).

Đại hội lần thứ V giải thích rõ thêm : nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ tập thể chủ yếu bằng nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng... trước hết thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp... thông qua Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp (2).

Rút kinh nghiệm từ những thành tựu cũng như thiếu sót trong lãnh đạo xây dựng đất nước, đại hội lần thứ VI (1986) nêu lên bài học lấy dân làm gốc, xây dựng và phát huy tốt hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân lao động, thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Nghị quyết viết : "Đối với những chủ trương có quan hệ trực tiếp tới đời sống nhân dân trên phạm vi cả nước cũng như ở các địa phương và đơn vị cơ sở, cấp ủy đảng hoặc cơ quan chính quyền phải trưng cầu ý kiến nhân dân trước khi quyết định. *Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra,* đó là nền nếp hằng ngày của xã hội mới, thể hiện chế độ nhân dân lao động tự quản lý nhà nước của mình" (3).

Với tinh thần đó, sau 10 năm đổi mới, Đảng ta nhận định, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa của chúng ta đã có bước phát triển mới. Điều đó thể hiện ở chỗ hệ thống chính trị đã được đổi mới một bước theo hướng dân chủ hóa. Các sinh hoạt chính trị của đất nước dân chủ hơn. Tự do báo chí, tự do ngôn luận được mở rộng. Khẩu hiệu "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" được thực hiện ở nhiều nơi đem lại hiệu quả tốt về kinh tế, xã hội tạo nên bầu không khí lành mạnh và tin tưởng trong đời sống chính trị ở địa phương. Tuy nhiên chúng ta vẫn còn nhiều nhược điểm, còn nhiều biểu hiện quan liêu, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân lao động. Những sự kiện mới đây ở một số địa phương của Thái Bình là ví dụ của một tình trạng khá phổ biến ở nhiều địa phương trong cả nước. Đó là tình trạng cấp chính quyền quan liêu, cán bộ tham nhũng, làm việc thiếu dân chủ, gây nên sự bất bình trong dân chúng.

Để khắc phục nhược điểm, phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân lao động, Đại hội VIII của Đảng đề ra phương hướng : **"Xây dựng cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"** đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện tốt các cơ chế làm chủ của nhân dân ; làm chủ thông qua đại diện là các cơ quan

(1) Xem *Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, tr 50

(2) Xem *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, t 1, tr 111

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr 112

Digitized by Google

dân cử và các đoàn thể ; làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước" (4).

Phù hợp với quan điểm đó, Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII nhấn mạnh : "Điều quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng của chế độ dân chủ đại diện, mở rộng và có cơ chế từng bước thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp một cách thiết thực, đúng hướng và có hiệu quả".

2 – Dân chủ trực tiếp – khả năng và điều kiện thực hiện.

Dân chủ trực tiếp không phải là điều gì mới lạ. Nó đã từng là hình thức dân chủ đầu tiên mà con người biết đến. Đó là trong thời kỳ bộ lạc, các thành viên trưởng thành của bộ lạc trực tiếp bầu lên người đứng đầu hay các thủ lĩnh quân sự của mình. Sau này trong thời kỳ cổ đại, ở một số quốc gia thành bang, người ta vẫn sử dụng hình thức dân chủ trực tiếp. Ví dụ như ở Cộng hòa La Mã, các đại hội toàn dân thường được tổ chức ở quảng trường La Mã hay trên cánh đồng thần Mars (thần chiến tranh) để làm hai việc chính là thông qua các đạo luật và bầu các thủ lĩnh, hoặc có khi bàn cả những chuyện liên quan tới các vấn đề châu Âu (5). Việc thể hiện ý kiến của mỗi người có hai cách : hoặc là công khai nói ủng hộ hay phản đối, hoặc bỏ phiếu kín. Cuối cùng người ta sẽ tuân theo ý kiến chiếm đa số.

Vậy dân chủ trực tiếp là gì, khi nào thì được gọi là dân chủ trực tiếp ?

Dân chủ là sự thể hiện quyền lực và vai trò của cá nhân trong đời sống cộng đồng. Tùy thuộc phạm vi và mức độ ảnh hưởng của các cá nhân tới các quyết định chung của cộng đồng, tới việc giải quyết các công việc chung mà có thể thấy một xã hội dân chủ tới mức nào. Càng có nhiều người tham gia vào một quyết định chung và càng có nhiều quyết định chung được đưa ra cho mọi người xem xét, quyết định thì càng dân chủ. Việc thực hiện quyền dân chủ có hai phương thức : trực tiếp và gián tiếp. Để được coi là dân chủ trực tiếp phải có các yếu tố sau : *Thứ nhất* là yếu tố phổ thông, đại chúng, nghĩa là bất cứ ai có đủ tư cách (có năng lực pháp lý và năng lực hành vi) thì đều có quyền tự mình bày tỏ ý chí của mình. *Thứ hai* là yếu tố trực tiếp, nghĩa là không thông qua cá nhân hay tổ chức thay mặt mình. *Thứ ba* là yếu tố có hiệu lực thi hành, nghĩa là ý chí của các công dân là quyết định, chứ không phải chỉ có giá trị tham khảo. Thiếu một trong các yếu tố đó thì không phải là dân chủ trực tiếp. Ví dụ việc trưng cầu ý kiến nhân dân trước khi ban hành một quyết định, chủ trương nào đó, mặc dù mang tính phổ thông, trực tiếp, song vẫn thuộc cơ chế dân chủ gián tiếp vì ý kiến của nhân dân chỉ có giá trị tham khảo, chứ không có giá trị quyết định.

Kể từ khi nhà nước ra đời, nhất là khi các quốc gia dân tộc hình thành, do mức độ rộng lớn về không gian, dân số ngày càng đông, sự chênh lệch về trình độ dân cư, tính phức tạp và khẩn trương của công việc quản lý xã hội v.v.. mà dân chủ trực tiếp khó có điều kiện thực hiện. Đó là chưa kể do ý chí chủ quan của nhà nước, phương thức dân chủ trực tiếp lại càng ít khi được sử dụng. Dân chủ gián tiếp - hay dân chủ đại diện - trở thành phương thức dân chủ chủ yếu của các xã hội. Trong phạm vi quốc gia và địa phương, quyền dân chủ chủ yếu được thực hiện thông qua nhà nước (mà trước hết là thông qua quốc hội và các hội đồng nhân dân địa phương), thông qua các tổ chức chính trị - xã hội như đảng, công đoàn, mặt trận, các hội nghề nghiệp v.v..

Ở nhiều nước phát triển trên thế giới, quá trình mở rộng dân chủ trước hết là quá trình hoàn thiện các hình thức dân chủ đại diện và các thiết chế đại diện, sao cho các công dân có thể dễ dàng hơn trong việc bày tỏ chính kiến của mình và tham gia vào các quyết sách của nhà nước. Đồng thời họ cũng chú ý sử dụng các hình thức dân chủ trực tiếp để quyết định một số vấn đề rất quan trọng đối với quốc gia. Trường hợp Đan Mạch trưng cầu dân ý việc có nên tham gia Hiệp ước Ma-stơ-rích hay không là một ví dụ.

---

(4) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 127

(5) Xem : J. Rút-xô : *Bàn về khế ước xã hội*, Nxb TP Hồ Chí Minh, 1992, tr 167 - 168

Digitized by Google

Đối với chúng ta, mặc dù về mặt khách quan dân chủ đại diện vẫn là phương thức chủ yếu, và chúng ta phải bằng mọi cách nâng cao và hoàn thiện phương thức dân chủ đại diện, song dân chủ trực tiếp là cần thiết. Trước hết là xuất phát từ bản chất của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, một chế độ ngày càng mang lại nhiều quyền dân chủ tự do hơn cho đông đảo nhân dân lao động, một chế độ vươn tới thực hiện trên thực tế khẩu hiệu "mọi quyền lực thuộc về nhân dân". Mặt khác trong nhiều trường hợp cần thực hiện dân chủ trực tiếp và khi đó dân chủ trực tiếp có ưu điểm mà phương thức dân chủ qua đại diện không có được. Đó là khả năng thể hiện một cách khách quan nhất ý chí, nguyện vọng của nhân dân và thể hiện một cách thiết thực nhất quyền lực của nhân dân trong việc quản lý xã hội.

Tuy nhiên để dân chủ trực tiếp có thể phát huy được ưu điểm của mình, cần có những điều kiện nhất định. Trước hết nó đòi hỏi tầm dân trí nhất định của các công dân, thể hiện ngoài sự hiểu biết pháp lý cần thiết, phải có trình độ nhận thức, chính trị - xã hội, trình độ văn hóa nhất định. Lê-nin đã từng nói : người mù chữ đứng ngoài chính trị. Không những thế, nó còn đòi hỏi trước khi biểu lộ ý chí của mình, mỗi công dân phải có thông tin đầy đủ về vấn đề cần quyết định, có đủ thời gian bàn bạc trao đổi, cân nhắc. Mỗi người cần phải được tự do, không bị ép buộc, câu thúc, không bị mua chuộc, lôi kéo, nghĩa là cần phải được sống trong môi trường xã hội lành mạnh, tự do, bình đẳng. Về trình tự, thủ tục lại cần đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện đối với đông đảo quần chúng. Và về mặt tổ chức phải khoa học, chu đáo bảo đảm ý chí, nguyện vọng của mỗi người được phản ánh một cách trung thực, đầy đủ ; ý kiến đa số phải có hiệu lực thi hành. Tóm lại, những điều kiện này không chỉ thuộc về phía người dân, mà còn thuộc về phía tổ chức, tức là nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Do vậy, có thể nói dân chủ trực tiếp phụ thuộc và gắn bó chặt chẽ với dân chủ đại diện. Nếu không có một nền dân chủ đại diện được tổ chức tốt, vững vàng, trong sạch, tận tụy phục vụ nhân dân thì không thể thực hiện dân chủ trực tiếp đúng đắn mà có khi chỉ làm bộc lộ mặt tiêu cực của nó mà thôi.

Chính vì nó đòi hỏi những điều kiện chặt chẽ như vậy nên phương thức dân chủ trực tiếp không phải ở đâu và lúc nào cũng có thể sử dụng được, và trong điều kiện nước ta hiện nay phải thực hiện từng bước. Hiến pháp năm 1946 quy định nhân dân có quyền phúc quyết Hiến pháp sau khi Quốc hội đã thông qua là một quy định về quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân ở phạm vi quốc gia. Có thể nói đó là một quy định rất tiến bộ, một giá trị của nền dân chủ mà chúng ta đáng tự hào và kế tục.

3 – Từng bước thực hiện dân chủ trực tiếp một cách thiết thực, đúng hướng và có hiệu quả.

Quá trình mở rộng và phát triển nền dân chủ của chúng ta hiện nay tất yếu tiến tới chỗ phải sử dụng phương thức dân chủ trực tiếp, nhất là ở cấp cơ sở (phường, xã, thôn, xóm, đơn vị công tác...). Nếu thực hiện tốt thì nhiều vấn đề thường gây nên vướng mắc trong đời sống nhân dân sẽ được giải quyết ổn thỏa, phù hợp ý chí, nguyện vọng của nhân dân, thể hiện được quyền lực thực sự của nhân dân. Mặt khác, nó cũng sẽ hạn chế được tình trạng một số cán bộ, đảng viên có chức, có quyền thoái hóa, tham ô, ăn cắp của công, hạn chế được tình trạng quan liêu của cơ quan chính quyền ; tạo nên bầu không khí xã hội lành mạnh, phấn khởi, tin tưởng hơn vào chế độ, vào vai trò của Đảng, chính quyền, từ đó thúc đẩy kinh tế phát triển tốt hơn. Đó chính là vấn đề thiết thực, đúng hướng, có hiệu quả mà dân chủ trực tiếp cần hướng đến.

Hiện nay, để có được quyền dân chủ trực tiếp theo đúng nghĩa và đạt được những tiêu chuẩn như trên, chúng ta cần khắc phục một số trở ngại :

Trước hết là trở ngại về tư tưởng, mà không ai khác chính là từ phía cán bộ, đảng viên, những người đang nắm các chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan đảng, chính quyền. Nhiều người cho rằng xã hội ta chưa có đủ các điều kiện cần thiết để thực hiện dân chủ trực tiếp, với những lý do : trình độ dân trí thấp, trình độ tổ chức của cán bộ

Digitized by Google

chưa đủ, phương tiện vật chất, thông tin kém và lo rằng kẻ địch và các phần tử xấu lợi dụng phá hoại v,v..

Lại có ý kiến cho rằng dân chủ trực tiếp là không cần thiết, chỉ gây ra phiền phức cho các cấp chính quyền, khó khăn cho cán bộ. Thực chất đó là tư tưởng muốn giữ độc tôn quyền lực ở một số cán bộ có chức, có quyền.

Cũng có ý kiến cho rằng, chúng ta đã thực hiện dân chủ trực tiếp qua việc bầu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, hoặc mỗi công dân có quyền tự mình đưa kiến nghị, bày tỏ ý kiến của mình trên báo chí, trên các phương tiện thông tin đại chúng v.v.. Do đó, không cần nói tới cơ chế dân chủ trực tiếp. Thực ra ý kiến này xuất phát từ cách hiểu chưa đầy đủ về dân chủ trực tiếp, chưa phân biệt được dân chủ trực tiếp với dân chủ gián tiếp.

Đồng thời với việc khắc phục trở ngại về tư tưởng, cũng cần khắc phục trở ngại về cách làm việc. Đó là thói quen, nền nếp làm việc quan liêu, mệnh lệnh của không ít cán bộ đảng và chính quyền của nhiều cơ quan nhà nước. Từ năm 1947 trong cuốn "Sửa đổi lối làm việc" Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng phê bình cách làm việc thiếu dân chủ này là : "Vì cán bộ và đảng viên không hiểu rõ hai lẽ : vì ai mà làm, đối ai phụ trách. Khi gặp mỗi công việc không biết *tìm đủ cách giải thích* cho dân hiểu. Cho nên những việc trực tiếp lợi cho dân,... cán bộ chỉ làm theo cách *hạ lệnh*, cách cưỡng bức. Kết quả dân *không hiểu, dân oán*. Thì có gì lạ đâu ?" (6).

Tuy nhiên, chúng ta cũng cần đề phòng khuynh hướng ngược lại là muốn dân chủ trực tiếp tràn lan, điều gì cũng muốn để dân tự quyết định ; hoặc khuynh hướng nóng vội, chủ quan, đơn giản hóa dễ dẫn đến sai sót, hiệu quả thấp, từ đó có thể nảy sinh tư tưởng tiêu cực phủ nhận phương thức dân chủ trực tiếp. Đương nhiên cũng cần đề phòng những kẻ xấu lợi dụng quyền dân chủ trực tiếp mà phá hoại, gây mất an ninh chính trị.

Từ chỗ thấy rõ khả năng, ưu điểm, sự cần thiết của dân chủ trực tiếp những điều kiện cần thiết phải có để bảo đảm tính thiết thực, đúng hướng, có hiệu quả, thì *điều đầu tiên* là phải biết xác định vấn đề gì cần và vấn đề gì không cần sử dụng phương thức dân chủ trực tiếp. Thực tiễn ở các địa phương và cơ sở cho thấy những vấn đề liên quan mật thiết tới đời sống của nhân dân như các khoản đóng góp công ích, xây dựng đường sá, trường học..., các loại phí, lệ phí, phương án ăn chia, đền bù v.v.. là những vấn đề nhân dân cần được biết, được bàn, được tham gia quyết định và kiểm tra. Và họ có khả năng để làm việc đó. Vì thế có thể đưa những vấn đề đó vào phương thức dân chủ trực tiếp. Ngoài ra có những vấn đề mà người dân biết rõ, có thể lựa chọn chính xác như bầu, bãi miễn chủ nhiệm hợp tác xã, trưởng thôn... cũng có thể đưa vào phương thức dân chủ trực tiếp.

Thứ hai, sau khi đã có quyết định đưa vấn đề ra cho dân quyết định trực tiếp, phải có cách tổ chức chu đáo, từ việc cung cấp thông tin đầy đủ, tạo điều kiện cho người dân bàn bạc, trao đổi đến bố trí địa điểm, cách thức người dân bày tỏ ý chí (biểu quyết bằng tay hay bỏ phiếu kín...), cách thức kiểm phiếu sao cho chính xác, trung thực. Nói tóm lại cần có thái độ tích cực và cách làm việc khoa học của đảng bộ, chính quyền địa phương, cơ sở. Nghĩa là để có dân chủ trực tiếp đúng đắn cần đến sự hỗ trợ tích cực của hệ thống các thiết chế dân chủ đại diện. Nếu mỗi một việc được đưa ra cho dân quyết định đều được tổ chức tốt như các cuộc bầu cử Quốc hội hoặc Hội đồng nhân dân các cấp thì dân chủ trực tiếp sẽ có kết quả tốt đẹp, phản ánh mức độ dân chủ cao của xã hội.

Cuối cùng là trên tầm vĩ mô, cần có luật pháp về việc thực hiện quyền dân chủ trực tiếp. Nhà nước phải quy định những vấn đề bắt buộc phải sử dụng phương thức dân chủ này ; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, trình tự, thủ tục cần thiết nghĩa là phải xây dựng được thể chế làm chủ trực tiếp, xây dựng được quy chế cụ thể để thực hiện quyền này. Có như vậy dân chủ trực tiếp nói riêng và dân chủ nói chung ở nước ta mới ngày càng được hoàn thiện và nâng cao không ngừng.❑

(6) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 245 - 246

Digitized by Google

CÁCH MẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRÊN THẾ GIỚI HIỆN NAY - THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NỀN GIÁO DỤC Ở NƯỚC TA

NGUYỄN HOA THỊNH*

NGHỊ quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII và Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ hai (khóa VIII) của Đảng đã chỉ rõ : giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

Với cuộc cách mạng về khoa học và công nghệ đang diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn thế giới hiện nay, khoa học và công nghệ đã trở thành *"lực lượng sản xuất trực tiếp"* (C.Mác), trong đó tri thức và thông tin trở thành yếu tố quan trọng và nguồn tài nguyên đặc biệt, có giá trị cao. Do đó, vai trò của các yếu tố truyền thống trong sản xuất và cạnh tranh đã có sự thay đổi lớn : yếu tố trí tuệ có vai trò quyết định nhất trong mối tương quan với các yếu tố tài nguyên thiên nhiên, vốn và sức lao động. Đồng thời cũng chính từ nó đã hình thành nên nguồn lực nội sinh cho sự phát triển.

Như Đảng ta đã nhận định, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, tăng nhanh lực lượng sản xuất, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hóa nền kinh tế và đời sống xã hội ; các quốc gia lớn, nhỏ tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực khác. Tình hình đó đã tạo nên thời cơ thuận lợi để các nước có điều kiện phát triển ; sự hợp tác giữa các nước ngày càng tăng nhưng cạnh tranh cũng trở nên rất gay gắt...

Theo dự đoán của nhiều nhóm nghiên cứu ở phương Tây, chẳng hạn như nhóm Mê-ga-tren (Megatrend), trong trật tự kinh tế thế giới mới, nước nào đầu tư nhiều nhất cho giáo dục, thì nước đó có sức cạnh tranh mạnh nhất trên trường quốc tế.

Thành quả trong nhiều năm qua của nền giáo dục của chúng ta là đã tạo nên một đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có kiến thức cơ bản vững chắc và gắn bó chặt chẽ với thực tiễn. Họ đã có những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời đã góp phần đào tạo bồi dưỡng nên một thế hệ cán bộ khoa học - công nghệ trẻ kế tiếp, giàu trí tuệ và năng động. Đội ngũ này là lực lượng nòng cốt đáng tin cậy và đang tích cực góp phần chuẩn bị cho đất nước ta bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để nền giáo dục của chúng ta thực sự đóng vai trò là nền tảng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải giữ vững định hướng XHCN trong mục tiêu đào tạo. Cần giáo dục bồi dưỡng thế hệ trẻ trở thành những chiến sĩ kiên cường bảo vệ những giá trị và thành quả của cách mạng, trung thành với lý tưởng và sự nghiệp của Đảng và dân tộc, có sức đề kháng mạnh mẽ trước mọi ảnh hưởng của những tư tưởng độc hại đang xâm nhập, thẩm thấu làm biến chất thế hệ trẻ của chúng ta.

---

* *Thiếu tướng, GS, TS, Nhà giáo nhân dân, Giám đốc Học viện Kỹ thuật Quân sự*

Digitized by Google

Trong mối quan hệ giữa nhà trường và xã hội, cần phá vỡ bức tường ngăn cách đào tạo, khoa học với sản xuất ; phải làm cho quá trình giáo dục và đào tạo thực sự mềm dẻo, thích ứng với những đổi thay của thời đại mà nổi bật là xu thế quốc tế hóa nền kinh tế thế giới và hướng tới "xã hội thông tin" ; phải cân đối lại các nguồn nhân lực được đào tạo, chủ yếu là giữa những người trực tiếp sản xuất, những cán bộ thiết kế và kỹ thuật, những cán bộ làm công tác nghiên cứu và phát triển. Cần chú trọng đồng thời cả ba mặt : nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Làm như vậy chúng ta mới có thể tạo nên nguồn lực nội sinh dồi dào, mạnh mẽ và có khả năng kết hợp chặt chẽ được với nguồn lực ngoại sinh, thực hiện tốt nhiệm vụ trong giai đoạn đầu tiên của cả thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là : tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ bên ngoài, vận dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn bên trong, đồng thời đi thẳng vào công nghệ tiên tiến nhất ở những ngành, những lĩnh vực có tác động chi phối nền kinh tế quốc dân, và tiến tới sáng tạo ra công nghệ mới.

Ngoài ra, phải phấn đấu xây dựng xã hội ta thành một xã hội có trình độ dân trí và học vấn cao. Tùy theo điều kiện cụ thể từng giai đoạn mà nâng dần trình độ phổ cập giáo dục cho toàn dân theo độ tuổi quy định (trước mắt là phổ cập giáo dục tiểu học, tiến lên phổ cập ở bậc trung học cơ sở). Khuyến khích để ngày càng có nhiều người lao động trực tiếp sản xuất vươn tới trình độ học vấn cao đẳng, đủ khả năng làm việc trong một hệ thống dây chuyền công nghệ hiện đại. Cần tạo điều kiện cho con em công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, con em cán bộ, công nhân viên nhà nước có mức thu nhập thấp, con em các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa... được học hành, tiếp thu nền giáo dục tốt và có khả năng vươn lên trình độ học vấn cao. Như vậy, vừa bảo đảm được sự công bằng xã hội trong giáo dục, vừa góp phần bảo đảm sự phân bố cán bộ khoa học - công nghệ theo vùng và lãnh thổ một cách phù hợp, tạo lực lượng nòng cốt cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của các ngành và các địa phương.

Trong bối cảnh của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà đòi hỏi phải không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Hiện nay nhiều nước trên thế giới đã bước vào giai đoạn phát triển cao của khoa học và công nghệ, còn nước ta vẫn ở trong tình trạng khá lạc hậu, chưa ứng dụng được nhiều thành tựu của nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Để nước ta có thể rút ngắn được khoảng cách đối với các nước tiên tiến, có thể đi tắt, đi nhanh, đón đầu, tiến thẳng lên trình độ hiện đại, để thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển nền kinh tế, hội nhập được vào một thế giới đầy biến động có nhiều thời cơ, nhưng cũng lắm nguy cơ, thử thách, chúng ta cần phải có một đội ngũ cán bộ và nhân viên kỹ thuật được đào tạo tốt. Đặc biệt phải hết sức chú trọng bồi dưỡng *nhân lực tinh hoa* - các nhân tài làm nhiệm vụ chủ trì những hướng, ngành và lĩnh vực khoa học và công nghệ quan trọng, then chốt của đất nước. Do vậy, cùng với việc mở rộng quy mô đào tạo, việc nâng cao chất lượng đào tạo cũng là mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta.

Bên cạnh đó, để xây dựng tốt *năng lực công nghệ quốc gia*, phải chú trọng xây dựng *năng lực khoa học quốc gia*, vì hoạt động khoa học cho phép phát hiện quy luật của các sự vật và hiện tượng, vận dụng những qui luật ấy vào thực tiễn, và do đó tạo thành cơ sở của công nghệ. Hơn nữa, chỉ có trình độ khoa học cao mới có khả năng tiếp thu được công nghệ tiên tiến, hiện đại cũng như sáng tạo ra công nghệ mới. Vì thế, phải chú ý đào tạo, bồi dưỡng và thu hút các tài năng khoa học trẻ làm công tác nghiên cứu khoa học và phát triển, tạo ra một thế hệ đồng bộ đội ngũ chuyên gia - nhà khoa học, bao gồm những cán bộ có năng lực nghiên cứu, thiết kế giỏi và những cán bộ có năng lực công nghệ giỏi.

Trong giai đoạn phát triển hiện nay của cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới, chất lượng đào tạo còn gắn với việc trang bị cho người học khả năng khai thác được thông tin toàn cầu về khoa học và công nghệ như là một dạng tài nguyên đặc biệt qua hệ thống các mạng thông tin khổng lồ. Ở đây cần hết sức lưu ý việc

Digitized by Google

giáo dục cho thế hệ trẻ bản lĩnh chính trị vững vàng, biết lựa chọn thông tin cần thiết cho nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, loại trừ những tư tưởng độc hại và mọi âm mưu "diễn biến hòa bình" qua các dòng thác thông tin đó.

Ngày nay khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, chu kỳ từ lúc có phát minh khoa học đến lúc nó được ứng dụng trong thực tiễn ngày càng rút ngắn, thông tin đã trở thành một nguồn lực, một nguồn tài nguyên thực sự, luôn luôn thay đổi và phát triển. Trong điều kiện đó, giáo dục và đào tạo ở nhà trường dù cẩn thận đến đâu cũng chỉ được coi là giai đoạn mở đầu của một quá trình học tập liên tục, không bao giờ ngừng nghỉ trong suốt cuộc đời hoạt động của mỗi người. Giáo dục phải trở thành một hệ thống đa dạng, mềm dẻo hướng tới số đông nhưng lại trên *cơ sở cá biệt hóa và tự đào tạo,* chú ý đến năng lực và triển vọng của từng người. Mọi bằng cấp và học vị chỉ có giá trị ghi nhận trình độ đến một giai đoạn nhất định, còn tương lai phụ thuộc hoàn toàn vào việc tự học tập, tự hoàn thiện của mỗi người trước sự đổi thay và phát triển mạnh mẽ của nền khoa học và công nghệ hiện đại.

Mục tiêu phát triển xã hội một cách bền vững đang đặt ra cho giáo dục những yêu cầu mới. Trong nội dung, chương trình và tổ chức ngành nghề đào tạo, cần hết sức quan tâm đến các vấn đề về môi trường sinh thái và bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ; giải quyết tốt nhiệm vụ thúc đẩy phát triển kinh tế ; đồng thời với việc làm lành mạnh các quan hệ xã hội ; kết hợp tốt lợi ích của công cuộc phát triển trước mắt với lợi ích lâu dài của dân tộc và tương lai của đất nước ; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố an ninh, quốc phòng ; kết hợp xây dựng với bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ. Ngoài ra do văn hóa ngày càng có tầm quan trọng đặc biệt không những đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trước mắt, mà còn bảo đảm cho sự phát triển lâu dài và bền vững của xã hội, cho nên cần hết sức đề cao yêu cầu văn hóa trong mục tiêu giáo dục và đánh giá chất lượng giáo dục.

Với quan điểm giáo dục là nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước, là bộ phận quan trọng hàng đầu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc xã hội hóa giáo dục là một đòi hỏi mang tính tất yếu, trong đó Nhà nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta giữ vai trò chủ đạo. Nói vai trò chủ đạo của Nhà nước là nói đến vai trò của Nhà nước trong việc định hướng cho sự phát triển của giáo dục ; việc xây dựng đội ngũ những người thầy giáo - kỹ sư tâm hồn mà trách nhiệm và sứ mệnh của họ đối với sự nghiệp đào tạo thế hệ trẻ không đổi thay ngay cả trong xã hội thông tin hiện đại ; và trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chủ yếu nhất cho giáo dục. Nhưng để có một hệ thống giáo dục lan tỏa khắp toàn quốc, mọi địa phương, mọi ngành, mọi thành phần kinh tế và mọi người dân đều có nghĩa vụ chăm lo đến sự nghiệp giáo dục với những hình thức, tính chất và mức độ khác nhau. Ngoài hệ thống các trường công lập, khuyến khích mở các trường bán công, dân lập và trường tư thục để đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng, phong phú và ngày càng tăng của toàn xã hội. Áp dụng rộng rãi mô hình trường cao đẳng, cộng đồng nhằm phục vụ thiết thực cho lợi ích phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trong cả nước. Sinh viên của các trường cao đẳng cộng đồng phải được đào tạo nghề nghiệp tốt, đồng thời, trong sự liên thông của toàn bộ hệ thống, họ cần được tạo điều kiện để học chuyển tiếp lên đại học.

Tất cả các loại hình trường nói trên đều phải đặt dưới sự quản lý của Nhà nước và các cơ quan quản lý giáo dục. Các tổ chức kinh doanh, sản xuất, dịch vụ là những tổ chức trực tiếp sử dụng các sản phẩm của giáo dục và đào tạo đều phải có nghĩa vụ đóng góp cho sự nghiệp phát triển giáo dục của Nhà nước.

Tóm lại chúng ta cần nắm vững xu hướng vận động và phát triển nền giáo dục dưới tác động của cách mạng khoa học và công nghệ thế giới cũng như xu thế hội nhập khu vực và quốc tế hiện nay để tận dụng thời cơ, vượt qua thử thách, phấn đấu xây dựng một nền giáo dục Việt Nam tiên tiến, có bản sắc dân tộc đậm nét và tính định hướng xã hội chủ nghĩa rõ ràng, xứng đáng ngang tầm và đáp ứng đầy đủ yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.❑

Digitized by Google

NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC THẾ HỆ TRẺ

ĐỖ TUYẾT BẢO *

Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã dành kỳ họp thứ 2 thảo luận và ra Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000. Nội dung Nghị quyết rất phong phú và sâu sắc, có liên quan đến tất cả các mặt hoạt động của sự nghiệp giáo dục. Về nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục, Nghị quyết viết : "Nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục là nhằm xây dựng những con người và thế hệ thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại ; phát huy tiềm năng của dân tộc và con người Việt Nam, có ý thức cộng đồng và phát huy tính tích cực của cá nhân, làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp, có tính tổ chức và kỷ luật ; có sức khỏe, là những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên" như lời căn dặn của Bác Hồ".

Vậy là Nghị quyết đã khẳng định mô hình nhân cách, hay mẫu người, mà hệ thống giáo dục cần phải đào tạo trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từ nay đến hết 20 năm đầu của thế kỷ XXI. Mục tiêu được nêu ra không những thể hiện sự kỳ vọng có tính hiện thực của Đảng ta đối với sự nghiệp giáo dục các thế hiện kế tiếp, mà quan trọng hơn, còn là kết quả của sự phân tích một cách khoa học về nhu cầu và xu thế của quá trình phát triển đất nước trong cục diện phát triển chung của thế giới. Theo sự phân tích đó, có thể thấy ít nhất ba đặc điểm nổi bật sau :

Thứ nhất, sự phát triển với tốc độ vũ bão của khoa học và công nghệ cùng những thay đổi sâu sắc về kinh tế - văn hóa - xã hội tạo ra cho tất cả các dân tộc cơ may vượt nhanh về phía trước, đồng thời cũng đặt mỗi dân tộc trước hiểm họa tụt hậu xa hơn trong quan hệ so sánh với các dân tộc khác.

Thứ hai, ổn định về chính trị - xã hội và hiệu quả sự dụng tài nguyên, môi trường trở thành những yêu cầu thường trực đối với mỗi dân tộc, cần phải đáp ứng để bảo đảm quá trình phát triển liên tục và bền vững.

Thứ ba, việc phát triển thị trường trong nước, tham gia vào thị trường khu vực và quốc tế đòi hỏi mỗi nước, đặc biệt là các nước đang phát triển, phải có đủ năng lực hợp tác và cạnh tranh.

Rõ ràng, trong bối cảnh chung như vậy, xét trên tất cả các khía cạnh, nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm cho sự thành công của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh chính là phẩm chất, năng lực và ý chí của con người Việt Nam.

Mục tiêu giáo dục, muốn thực hiện, phải được cụ thể hóa qua nội dung, phương pháp và quy trình giáo dục. Việc lựa chọn nội dung và phương pháp giáo dục, thiết kế và triển khai quy trình giáo dục, tất yếu phải thấu suốt mục tiêu giáo dục, lấy mục tiêu giáo dục làm tiền đề ; bởi vì chỉ có làm như vậy mới có thể đào tạo được những con người có phẩm chất, năng lực và bản lĩnh như quy định của mục tiêu giáo dục.

* Hiệu trưởng Trường phổ thông trung học Phan Tây Hồ, TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Sự bất cập về nội dung và phương pháp giáo dục hiện nay đang là vấn đề gay cấn, cần đặc biệt quan tâm khi xem xét hệ thống giáo dục. Những yếu kém về nội dung và phương pháp giáo dục là một trong những nguyên nhân tạo ra những yếu kém về kết quả giáo dục.

Mục tiêu giáo dục có vai trò quyết định, song không phải cứ diễn dịch và khai triển mục tiêu giáo dục một cách giản đơn là có được nội dung, phương pháp và quy trình giáo dục đúng đắn. Muốn đạt mục tiêu giáo dục, việc đổi mới nội dung và phương pháp, thiết kế và tổ chức quy trình giáo dục phải dựa vào những nhận thức sâu sắc thậm chí cần phải có đổi mới trong nhận thức về các quy luật phát triển con người, phát triển nhân cách. Trong đó, tác động của các quan hệ xã hội, của hoạt động và giao lưu, đặc biệt, tác động của nhu cầu, là những tác động mang tính quy luật và có ý nghĩa quyết định.

Con người là một cá thể xã hội. Không có một hành vi nào của con người lại không mang dấu ấn của xã hội. Mác viết : "Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội" (1).

Có thể khẳng định rằng : nhân cách là thước đo về mặt xã hội trong quá trình phát triển cá thể của con người. Khi xem con người với tư cách một cá thể đại diện cho một cộng đồng, nhân cách phản ánh trình độ phát triển về mặt xã hội, tinh thần, văn hóa mà cộng đồng đã đạt được trong tiến trình văn minh. Nhưng nếu nhấn mạnh vào đặc điểm riêng biệt của từng cá nhân, so sánh giữa các cá thể với nhau, nhân cách phản ánh mức độ cá thể hóa, tự do và độc đáo của con người. Như vậy, sự phát triển của nhân cách có hai ý nghĩa :

Một mặt, con người là chủ thể của quá trình phát triển nhân cách trong đó mỗi người, với tư cách một cá thể, chiếm lĩnh các quan hệ xã hội, biến các quan hệ xã hội thành sở hữu của mình. Bởi vậy, quá trình phát triển nhân cách chính là quá trình cá thể hóa của những quan hệ xã hội.

Mặt khác, trong quá trình phát triển nhân cách, con người là đối tượng của các tác động xã hội, các tác động đó biến đổi con người, chuyển hóa con người sinh học đơn thuần thành con người xã hội. Bởi vậy, quá trình phát triển nhân cách chính là quá trình xã hội hóa cá thể.

Với nhận thức như vậy, sẽ có thêm cơ sở lý luận để hiểu rõ và hiểu sâu hơn vì sao Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) hết sức quan tâm đến việc "Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi và với yêu cầu giáo dục toàn diện" và nhấn mạnh đến sự cần thiết phải "Kết hợp giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, tạo nên môi trường lành mạnh ở mọi nơi, trong từng cộng đồng, từng tập thể".

Bản chất của con người, mà cũng là bản chất của nhân cách đòi hỏi sự nghiệp giáo dục phải có khả năng cộng hưởng với mọi tác động tích cực của xã hội, đồng thời có khả năng tôi luyện thế hệ trẻ trong cuộc đấu tranh chống những tác động tiêu cực của xã hội. Cái đúng, cái thiện, cái đẹp chỉ nẩy nở trong cuộc đấu tranh chống lại cái sai, các ác và cái xấu. Lao động, tình thương và lẽ phải chỉ tồn tại trên cơ sở chiến thắng hiện tượng ăn bám, thù địch và giả dối. Làm ngơ trước những cái tiêu cực thì dù có cố gắng thuyết lý đến mấy về cái cao cả cũng không thể nào tạo ra được sự hài hòa giữa lý tưởng và thực tiễn, và trong một điều kiện như thế, giáo dục sẽ tự tước mất khả năng thuyết phục và trở thành viển vông. Con đường duy nhất đúng đắn mà nhà trường phải lựa chọn là tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống các tác động tiêu cực của xã hội, bồi dưỡng cho thế hệ trẻ bản lĩnh chiến thắng những ham muốn thấp hèn và khơi dậy ở họ niềm tin vào xu thế tốt đẹp của xã hội.

Trong mười năm đổi mới, mức sống được nâng lên, con người năng động hơn, song bên cạnh sự phát triển của những nhân tố mới, cũng

(1) C.Mác - Ph Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, t 1, tr 257

Digitized by Google

có không ít những thói hư, tật xấu nảy sinh, lan rộng, gây nhức nhối cho xã hội, như Nghị quyết Trung ương 2 đã chỉ rõ : "trong một bộ phận học sinh, sinh viên có tình trạng suy thoái đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, theo lối sống thực dụng, thiếu hoài bão lập thân, lập nghiệp vì tương lai của bản thân và đất nước". Từ đó, Nghị quyết cũng đặt ra những yêu cầu có tính nguyên tắc : "Giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong nội dung, phương pháp giáo dục... Phát huy ảnh hưởng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế thị trường đối với giáo dục - đào tạo. Chống khuynh hướng "thương mại hóa", đề phòng khuynh hướng phi chính trị hóa giáo dục - đào tạo". Đây chính là những điều nhất thiết phải được quán triệt trong quá trình đổi mới giáo dục, chẳng những trong việc soát xét về nội dung và phương pháp mà ngay cả trong việc chấn chỉnh về quản lý và điều hành hoạt động giáo dục.

Bản chất xã hội của con người đòi hỏi giáo dục phải được tiến hành trong tập thể và bằng tập thể. Giáo dục trong tập thể và bằng tập thể là một nguyên lý, hơn nữa, đây còn là một nguyên lý đặc trưng của nền giáo dục xã hội, chủ nghĩa. Mác viết : Chỉ có trong cộng đồng thì cá nhân mới có những phương tiện để phát triển toàn diện những năng khiếu của mình ; chỉ có trong cộng đồng mới có tự do cá nhân.

Khi nhấn mạnh vai trò của tập thể trong giáo dục, đương nhiên không thể đánh giá thấp, dù chỉ là một chút thôi, tác dụng giáo dục mạnh mẽ của bản thân nhà giáo dục, của chính tấm gương trong sáng mà nhà giáo dục nêu ra cho học trò mình. Vấn đề là nhà giáo dục, ngoài quan hệ trực tiếp với học sinh, sinh viên còn có mối quan hệ với tập thể mà mỗi học sinh, sinh viên là một thành viên. Chính tập thể này, bằng sức mạnh của dư luận, của tình bạn, của kỷ luật, của truyền thống... sẽ tác động mạnh mẽ đến chiều hướng phát triển của tuổi trẻ học đường. Như vậy, lô gích của vấn đề là nhà giáo dục phải bằng khoa học và nghệ thuật sư phạm cố gắng xây dựng tập thể học sinh, sinh viên, nắm lấy và điều khiển các tác động của tập thể ấy nhằm đem lại cho tuổi trẻ học đường một môi trường hoạt động và giao tiếp giàu tính giáo dục, làm cho từng học sinh, sinh viên có điều kiện phát triển hài hòa nhân cách của mình. Xây dựng những tập thể học sinh, sinh viên hiện đang còn là một khâu yếu trong công tác giáo dục cần sớm được khắc phục để hoạt động giáo dục đạt hiệu quả cao.

Con người chỉ có thể phát triển nhân cách của mình trong hoạt động và trong giao lưu. Hoạt động thực tiễn của con người phối hợp với hoạt động của những con người khác trong cuộc sống cộng đồng và xã hội là động lực của sự phát triển nhân cách. Trong tất cả các loại hình hoạt động, lao động sản xuất đóng vai trò quan trọng vì tác động mạnh mẽ đến sự phát triển nhân cách. Mác đã từng viết : Sớm kết hợp lao động sản xuất với giáo dục là một trong những biện pháp mạnh nhất để cải biến xã hội. Thể hiện một nhận thức sâu sắc về vai trò quan trọng của hoạt động thực tiễn đối với sự phát triển nhân cách, khi nêu lên những tư tưởng chỉ đạo phát triển giáo dục, một lần nữa, Nghị quyết nhắc lại những nguyên lý giáo dục mà Đảng ta đã nhiều lần khẳng định : "Thực hiện giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nghiên cứu khoa học, lý luận gắn liền với thực tiễn, học đi đôi với hành...".

Hiện nay, hiện tượng thiên về lý thuyết, đồng nhất giữa giáo dục và thuyết giảng đang còn là tình trạng phổ biến trong nhà trường. Tuy rằng có chuyện thiếu thốn về cơ sở vật chất, có sự hạn chế về năng lực giáo viên, song cũng không phải là không có những vướng mắc về quan niệm.

Quá trình giáo dục phải bao gồm và chỉ bao gồm các hoạt động có tổ chức. Tất cả các hoạt động : lĩnh hội tri thức, rèn luyện thể chất, nghiên cứu khoa học, lao động công ích, phục vụ cộng đồng, vui chơi giải trí... phải được xem là những thành tố của quá trình giáo dục, phải được liên kết lại thành một chỉnh thể và phải được coi là chính quá trình giáo dục.

Digitized by Google

Giáo dục, muốn đạt hiệu quả phải thông qua các hoạt động. Song, không phải hễ cứ tiến hành các hoạt động với ý định tổ chức ra để giáo dục, thì dù cách thức và chất lượng của các hoạt động như thế nào, tự nó vẫn có tác dụng giáo dục. Để có tác dụng giáo dục, các hoạt động phải được tổ chức khoa học, có bài bản. Điều này cần lưu ý ngay cả với mọi hoạt động như những hoạt động trong nội bộ lớp, nội bộ nhà trường, quan hệ với gia đình, với xã hội, Song có lẽ quan trọng nhất là vấn đề hoạt động lao động sản xuất. Trong một thời gian dài, việc kết hợp giáo dục với lao động sản xuất đã được tổ chức ở hầu hết các trường học, nhưng tiếc rằng ở không ít nơi, việc thực hiện còn mang tính hình thức, chiếu lệ. Đáng lẽ hoạt động lao động công ích và sản xuất trong giáo dục phải có tổ chức, hợp lý, tự giác và hiệu quả, thì các buổi lao động lại không được tổ chức một cách chu đáo, thiếu dụng cụ, thiếu kỷ luật, năng suất thấp, nhất là nội dung giáo dục trực tiếp và gián tiếp của các buổi lao động đó không được chuẩn bị đầy đủ ; do đó học sinh không tự giác và hào hứng tham gia, dẫn đến không có tác dụng giáo dục, thậm chí có trường hợp còn phản tác dụng.

Sự phát triển của loài người cũng như của từng con người thể hiện rõ rệt trong việc nâng cao không ngừng nhu cầu vật chất và tinh thần. Đối với con người, không có nhu cầu thì không có hoạt động tự giác, do đó, không thể có sự phát triển nhân cách.

Giáo dục không phải là áp đặt các khuôn mẫu, dù là các khuôn mẫu cao đẹp đến mấy. Giáo dục càng không có nghĩa là ngăn chặn sự nẩy sinh các nhu cầu. Giáo dục, với ý nghĩa đích thực, là sự khơi dậy các nhu cầu chân chính, là tạo điều kiện nẩy nở những khát vọng và hoài bão lớn lao, là rèn luyện và bồi dưỡng năng lực thực hiện những nhu cầu chân chính.

Cuối cùng, khi đã thừa nhận : hoạt động là phương thức cơ bản để hình thành và phát triển nhân cách, nhu cầu tạo ra động lực hoạt động của con người, thì tất yếu phải thừa nhận : tính tự giác đóng vai trò quyết định trong quá trình giáo dục.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương (khóa VII) đã khẳng định người học là trung tâm ; trên cơ sở đó, Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) nhấn mạnh : "Bảo đảm thời gian tự học, tự nghiên cứu trong học sinh, nhất là sinh viên đại học", đồng thời đặt ra một yêu cầu "phát triển mạnh phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp trong toàn dân, nhất là trong thanh niên".

Thừa nhận hay không thừa nhận vị trí trung tâm của người học trong hệ thống giáo dục và vai trò chủ thể của người học trong quá trình giáo dục là một trong những sự khác biệt căn bản giữa nền giáo dục mới và nền giáo dục cũ. Trong lịch sử giáo dục, đã tồn tại một thời kỳ, người học được xem như một thứ bình rỗng mà quá trình giáo dục chẳng có gì khác là thao tác rót vào cái bình rỗng đó, càng nhiều càng tốt, những châm ngôn xử thế và những tri thức sách vở. Ngày nay, quan niệm thô thiển đó không còn được chấp nhận nữa, nhưng trên thực tế, chưa phải là dễ dàng gì các nhà giáo dục đã gạt bỏ một cách triệt để những tàn tích của nó. Sự thật là, trong nền giáo dục của chúng ta, học sinh, sinh viên vẫn giữ vai trò hết sức thụ động. Hệ quả rõ rệt là học sinh, sinh viên không chia sẻ đầy đủ trách nhiệm đối với kết quả của quá trình giáo dục. Đã từng có cả một thời, những chỉ tiêu phấn trăm lên lớp, tốt nghiệp, phấn trăm vào đội, vào đoàn, phấn trăm đạt hạnh kiểm tốt, khá được coi là trách nhiệm của riêng các nhà giáo dục. Kết quả đã xuất hiện sự song hành của tính vô trách nhiệm trong phần lớn học sinh, sinh viên và sự thiếu trung thực của một số nhà giáo chưa đủ bản lĩnh.

Một khi giáo dục không chuyển hóa thành quá trình tự giáo dục thì không thể có kết quả thật sự. Bởi vậy, trong việc hoạch định chương trình giáo dục, quản lý và chỉ đạo các hoạt động giáo dục nhất thiết phải nhấn mạnh đúng mức vai trò tự giác của thế hệ trẻ trong nhà trường và địa vị chủ thể của họ trong quá trình giáo dục. Điều này đúng cả trong lý luận và trong hoạt động thực tiễn. ❑

Digitized by Google

PHÁT HÀNH VÀ LƯU THÔNG CHỨNG KHOÁN-MỘT GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG ĐỂ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

PHAN THANH PHỔ * NGUYỄN THỊ THƠM **

I - Điểm xuất phát

Lô gích và lịch sử kinh nghiệm cho thấy muốn xây dựng thị trường chứng khoán (TTCK) phải chuẩn bị các điều kiện về nguồn chứng khoán, về con người, về cơ sở vật chất, về hệ thống pháp luật và hệ thống quản lý cần thiết cho sự ra đời và phát triển TTCK. Trong sự chuẩn bị đó, giải pháp đầu tiên và quan trọng nhất là thông qua phát hành để tạo ra nguồn chứng khoán với tư cách là đối tượng trao đổi, mua bán trên thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp ở nước ta.

Thị trường sơ cấp (thị trường phát hành) là nơi mua bán chứng khoán (CK) phát hành lần đầu. Tại đây, người phát hành là người bán (bao gồm chính phủ, chính quyền địa phương, các công ty và các tổ chức tài chính) và người đầu tư là người mua (bao gồm các cá nhân và các tổ chức đầu tư) gặp nhau xác định giá cả và số lượng chứng khoán. Thông qua phát hành, người bán huy động được vốn của các nhà đầu tư.

Thị trường thứ cấp (thị trường trao đổi) là nơi giao dịch CK đã phát hành trên thị trường sơ cấp. Tại đây diễn ra quan hệ mua bán lại CK, làm hình thành các tổ chức nghiệp vụ giao dịch, mua bán, chuyển nhượng CK. Sở giao dịch CK được hình thành và đi vào hoạt động.

Thị trường sơ cấp, do đảm nhận chức năng huy động vốn cho nền kinh tế, tạo ra hàng hóa cho TTCK, nên thường ra đời trước khi có thị trường thứ cấp và làm tiền đề cho sự ra đời thị trường thứ cấp. Thông qua mua bán CK do thị trường sơ cấp cung ứng, thị trường thứ cấp thực hiện vai trò điều hòa, lưu thông các nguồn vốn trong xã hội, chuyển hóa vốn ngắn hạn thành vốn dài hạn cho đầu tư phát triển. Như vậy, không thể xây dựng thị trường chứng khoán thứ cấp nếu trước tiên không xây dựng được thị trường chứng khoán sơ cấp.

Đối tượng mua bán trên TTCK nói chung mà trước hết là thị trường chứng khoán sơ cấp là các chứng khoán. Chúng là những chứng từ dưới dạng giấy tờ hoặc ghi trên hệ thống điện tử có giá trị làm bằng chứng xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu chứng khoán với tài sản hoặc vốn của người phát hành. Sở dĩ các chứng khoán là đối tượng mua bán được trên TTCK vì nó là đại biểu của một lượng vốn tiền tệ có giá trị làm người phát hành nó có thể huy động được vốn của xã hội cho đầu tư phát triển và người chủ sở hữu chứng khoán có quyền được hưởng một khoản thu nhập bằng tiền dưới hình thức lợi tức (nếu là trái phiếu) và lợi tức cổ phần (nếu là cổ phiếu).

Cần nhấn mạnh rằng không thể tồn tại thị trường, nếu ở đó không có đối tượng mua bán. Thị trường chứng khoán cũng vậy. Nó chỉ ra đời và tồn tại ở những nơi nào có CK mà những CK này được lưu hành rộng rãi, được mua bán trên TTCK theo các quy luật vốn có của kinh tế thị trường. Như vậy, việc nâng cao quy mô và chất lượng phát hành CK không chỉ là điều kiện tiên quyết, mà còn là giải pháp quan trọng để xây dựng thị trường sơ cấp nói riêng và TTCK nói chung.

* PGS, PTS kinh tế, Trường đại học Kinh tế quốc dân
** Thạc sĩ kinh tế

Digitized by Google

Cũng cần để ý rằng CK có nhiều loại, nhưng không phải mọi CK đều có vai trò như nhau trên TTCK. Chẳng hạn, cổ phiếu mặc dù có rủi ro cao hơn nhưng lại hấp dẫn hơn, bởi vì lợi tức cổ phần tùy thuộc vào tình hình kinh doanh của công ty ở từng thời điểm. Thực tế ở các nước, cổ phiếu được coi là đối tượng mua bán chính và là nguồn sống chủ yếu của TTCK.

Bên cạnh cổ phiếu, trái phiếu cũng là đối tượng mua bán khá quan trọng. Người phát hành trái phiếu có thể là chính phủ, chính quyền địa phương, các tổ chức tài chính và các công ty. Trong các nước có TTCK phát triển ở trình độ cao, tính hấp dẫn của trái phiếu về quy mô và giá trị chỉ đứng sau cổ phiếu. Tuy vậy, nếu ngược dòng lịch sử, có thể thấy các nước đi trước và kể cả một số nước đi sau (như Trung Quốc cách đây hơn một thập kỷ) thì trái phiếu thuộc loại đối tượng đầu tiên để hình thành TTCK. Tình hình trên cho ta một gợi ý là để thúc đẩy sự hình thành và phát triển TTCK, cái có ý nghĩa quan trọng bậc nhất là động viên, tạo điều kiện để các công ty và các chủ thể kinh tế khác tích cực phát hành và lưu thông cổ phiếu và trái phiếu trên TTCK.

II - Tình hình phát hành và lưu thông chứng khoán ở nước ta hiện nay

Hơn mười năm qua, kể từ khi đất nước chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường, cùng với sự phát triển của các thành phần kinh tế, các hình thức tổ chức kinh tế ngày càng phong phú và đa dạng. Việc huy động vốn dưới các hình thức phát hành cổ phiếu và trái phiếu theo đó cũng lần lượt ra đời, phát triển, đến nay đã đạt được những kết quả như :

- Đã phát hành được một số đợt trái phiếu như trái phiếu chính phủ, trái phiếu ngân hàng, trái phiếu kho bạc, trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị...

- Đã hình thành khoảng 170 công ty cổ phần (CTCP) có nguồn gốc thuộc khu vực kinh tế tư nhân. Vốn điều lệ của loại công ty này dao động trong khoảng 5 - 10 tỉ đồng. Cá biệt có một số ngân hàng cổ phần vốn điều lệ đã lên tới 70 tỉ đồng.

- Hàng chục doanh nghiệp nhà nước (DNNN) tiến hành cổ phần hóa (CPH), đến nay đã có 12 doanh nghiệp chính thức chuyển thành CTCP. Vốn điều lệ của các doanh nghiệp này từ gần 1 tỉ đến gần 40 tỉ đồng. Đến nay, có doanh nghiệp mà số vốn của cổ đông đã tăng lên gấp 6 lần so với số vốn ở thời điểm chuyển thành CTCP.

- Ngoài ra, một số bộ, địa phương đã thành lập các CTCP theo hình thức liên doanh giữa DNNN với DNNN, giữa DNNN với tư nhân. Một số DNNN thuộc ngành công nghiệp đã huy động vốn dưới hình thức vay của cán bộ công nhân viên, trả lãi cao hơn lãi vay ngân hàng...

Như vậy, cho đến nay nền kinh tế nước ta hiện đang lưu hành một số lượng đáng kể cổ phiếu và trái phiếu. Đấy là nguồn chứng khoán ban đầu rất quan trọng cho sự hình thành TTCK.

Tuy nhiên, quá trình phát hành và lưu thông các chứng khoán hiện nay, xét theo sự hạn chế của nó, nổi lên một số đặc điểm sau đây :

- Quy mô chứng khoán nhất là quy mô cổ phiếu còn nhỏ bé và manh mún, chưa đáp ứng đủ đòi hỏi của TTCK khi nó hình thành. Cho đến nay tổng giá trị của trái phiếu chưa thanh toán chỉ mới đạt khoảng 5% GDP. Tổng giá trị cổ phiếu chưa vượt quá 1% GDP. Số lượng công ty cổ phần hiện có còn quá ít, mới chỉ bằng khoảng 0,5% tổng số doanh nghiệp trong cả nước. Hình thức công ty cổ phần chưa đa dạng và chưa trở thành phổ biến trong đời sống kinh tế - xã hội ở nước ta.

- Chất lượng cổ phiếu và trái phiếu chưa đạt tiêu chuẩn để có thể thực hiện mua đi bán lại trên thị trường. Mệnh giá trái phiếu còn quá cao, có loại 1 triệu đồng, không ít trái phiếu loại 2 triệu đến 100 triệu đồng và chủ yếu phát hành ngắn hạn trong thời gian 1 năm hoặc dưới 1 năm. Đối với các cổ phiếu tuy mệnh giá có hợp lý (phổ biến là 100 ngàn đồng), có khả năng thu hút vốn đầu tư của quảng đại nhân dân, nhưng cũng như trái phiếu, việc phát hành mới chỉ dừng lại trong phạm vi những người sáng lập và tham gia lần đầu, chưa tính tới khả năng kinh doanh của người đầu tư ngay trong các đợt phát hành và chưa có thể mua bán rộng rãi ngoài công chúng.

- Các chuẩn mực về công khai hóa, kế toán kiểm toán và các bảo đảm pháp lý khác đối với hoạt động phát hành và lưu thông CK còn chưa rõ ràng, cụ thể, nhiều vấn đề chưa được quy định hoặc còn bị bỏ ngỏ.

Có thể nói, trên thực tế cho đến thời điểm hiện tại việc phát hành CK ở nước ta còn rất sơ khai, mới chỉ đáp ứng nhu cầu của thị trường phát hành chưa đáp ứng được đòi hỏi của thị trường mua đi bán lại (thị trường thứ cấp) giữa các nhà đầu tư với nhau và giữa công chúng với nhau.

Tình hình trên, ngoài những nguyên nhân do nền kinh tế chưa ra khỏi tình trạng của nước nghèo và

Digitized by Google

đang phát triển, lại đang trong quá trình chuyển sang phát triển kinh tế thị trường với hệ thống luật pháp chưa đầy đủ và chưa đồng bộ, còn chịu sự tác động trực tiếp bởi quá trình tạo nguồn chứng khoán - đối tượng mua bán của thị trường chứng khoán. Đáng chú ý là trong quá trình này, chúng ta chưa thật coi trọng việc phát hành loại trái phiếu trung hạn và dài hạn (mà những trái phiếu này mới là đối tượng mua bán của TTCK). Việc triển khai cổ phần hóa còn quá chậm (nếu không muốn nói là dậm chân tại chỗ) so với mong muốn. Hình thức tiến hành cổ phần hóa còn đơn điệu, mặc dù trong thực tế đã xuất hiện một số công ty cổ phần mới. Việc quản lý hoạt động của các công ty cổ phần này cũng còn nhiều vấn đề cần được tổng kết đánh giá một cách đầy đủ để lựa chọn mô hình thích hợp. Việc phát hành cổ phiếu và trái phiếu chỉ mới chú ý đến mục tiêu huy động vốn, mà chưa coi trọng mục tiêu chuẩn bị nguồn và điều kiện để xây dựng thị trường thứ cấp.

III - Một số kiến nghị

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đòi hỏi nhu cầu rất lớn về vốn nhất là vốn trung hạn và dài hạn. Theo các chuyên gia kinh tế, chỉ riêng giai đoạn 1997 - 2000, để duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm từ 9 - 10% GDP, lượng vốn đầu tư hằng năm ít nhất phải chiếm 27% GDP, tức là mỗi năm phải huy động tới trên 8 tỉ USD ; đến năm 2020 tỷ trọng đầu tư phải đạt 35% GDP. Tình hình đó, đòi hỏi chúng ta cần khẩn trương hoàn thiện các yếu tố của thị trường vốn tạo điều kiện đẩy nhanh sự hình thành và phát triển TTCK, trong đó việc phát hành các loại CK cho thị trường này phải được coi trọng ngay từ đầu và với nhịp độ khẩn trương. Để làm được điều đó, chúng tôi xin nêu một số kiến nghị :

Một là, sớm tổng kết lại các kiểu công ty cổ phần đã ra đời và hoạt động trong cả nước trong thời gian qua kể cả các công ty cổ phần có nguồn gốc từ công ty tư nhân cũng như từ doanh nghiệp nhà nước để lựa chọn các mô hình thích hợp, có hiệu quả từ đó nhanh chóng nhân rộng trong cả nước.

Hai là, sớm khắc phục sự chậm trễ và lúng túng trong tiến hành cổ phần hóa DNNN. Trên cơ sở chọn ra các doanh nghiệp không thuộc diện nhà nước giữ 100% vốn đầu tư để đưa vào danh sách CPH, với phương châm triển khai cụ thể, dứt điểm từng giai đoạn. Mở rộng các hình thức tiến hành CPH. Không nhất thiết chỉ bán một phần tài sản doanh nghiệp, mà có thể triển khai thêm các hình thức như phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn mở rộng và hiện đại hóa doanh nghiệp, đa dạng hóa các loại cổ phiếu và các lĩnh vực phát hành cổ phiếu (đây là những hình thức mà Trung Quốc đã áp dụng thành công).

Ba là, mở rộng việc phát hành nhiều dạng chứng khoán trung hạn và dài hạn ; mở rộng đối tượng mua trái phiếu bao gồm người Việt Nam trong nước và ngoài nước, nhằm huy động thêm nhiều vốn mở rộng và hiện đại hóa các doanh nghiệp, xây dựng các công trình và các dự án thuộc các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực kết cấu hạ tầng.

Bốn là, cùng với việc phát hành mới các CK theo tiêu chuẩn, cần thực hiện việc nâng cao chất lượng cổ phiếu và trái phiếu đã phát hành, chuyển các loại CK đã có theo tiêu chuẩn để có thể mua bán rộng rãi trên TTCK.

Năm là, ban hành luật CK và TTCK. Để cho hoạt động của loại hình thị trường mới này được hấp dẫn, công bằng, tin cậy và giảm được những rủi ro, tiêu cực có thể xảy ra, phải đặc biệt coi trọng việc thực thi pháp luật, có cơ chế xử lý nhanh nhạy và thích đáng. Tất nhiên, việc ban hành luật CK và TTCK là rất cần thiết vì giá trị pháp lý của loại thị trường này. Song trong điều kiện nước ta, việc ban hành ngay luật CK và TTCK là không dễ dàng. Nên chăng cần có các văn bản pháp lý quá độ, tức là ban hành pháp lệnh CK và TTCK trong thời gian đầu. Đồng thời tổ chức lực lượng nghiên cứu, xây dựng luật, theo dõi tổng kết tình hình thực hiện pháp lệnh CK và TTCK để đến khi có đủ điều kiện sẽ chuyển sang ban hành luật.

Sáu là, thông qua các hình thức và các công cụ thông tin đại chúng làm cho nhân dân sớm có sự hiểu biết về công ty cổ phần, CK và TTCK. Tuyên truyền sâu rộng chủ trương cổ phần hóa của Đảng và Nhà nước trong các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và toàn xã hội để có sự hưởng ứng tích cực.

Bảy là, tích cực đổi mới hệ thống tài chính, kho bạc, ngân hàng, ổn định tiền tệ ; tăng cường và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ và nhân viên để đáp ứng nhu cầu của sự phát triển công ty cổ phần, TTCK và cho sự ra đời các công ty kinh doanh CK và sở giao dịch CK trên TTCK.

Cuối cùng, song song với các giải pháp trên, để thúc đẩy công tác phát hành và lưu thông CK và TTCK, cần đặc biệt coi trọng việc xây dựng mô hình quản lý nhà nước thích hợp trên cơ sở tăng cường vai trò của Ủy ban CK nhà nước và đưa hoạt động của nó vào thực tiễn trong thời gian tới ở nước ta. ❑

Digitized by Google

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÙNG ĐÔNG NAM BỘ GIAI ĐOẠN 1996 - 2000

NGUYỄN SINH CÚC *

I - THỰC TRẠNG GIAI ĐOẠN 1991 - 1996

Đông Nam Bộ là vùng có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao của nước ta trong những năm đổi mới. Bình quân 6 năm (1991 - 1996) tốc độ tăng GDP của vùng đạt trên 11%, (của cả nước là 8,2%). Vùng Đông Nam Bộ có các tỉnh : Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, Sông Bé cũ (nay là Bình Dương và Bình Phước) và Tây Ninh. Với diện tích 23 467km2 (chiếm 7,1%), số dân 9,5 triệu người (chiếm 12,4%) so với cả nước, nhưng vùng Đông Nam Bộ đã tạo ra 31% GDP và 50% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Đây cũng là vùng có tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh nhất so với các vùng khác trong nước.

Nét nổi bật trong tăng tưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng trong những năm qua là vai trò "động lực" của hai nhóm ngành công nghiệp và dịch vụ. Hai khu vực này vừa chiếm tỷ trọng lớn, vừa tăng trưởng nhanh kéo theo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm nhanh tỷ trọng nông nghiệp trong GDP. Tỷ trọng công nghiệp trong GDP của vùng từ 30% năm 1991 lên 40% năm 1995. Tốc độ tăng trưởng của công nghiệp bình quân thời kỳ 1991 - 1996 đạt khoảng 18% (trong đó hai tỉnh tăng trên 30%/năm là Đồng Nai và Sông Bé cũ), của cả nước là 14%. Các cơ sở công nghiệp lớn ở TP. Hồ Chí Minh và khu công nghiệp Biên Hòa đã có từ trước, với những ngành nghề truyền thống như : dệt, da, may mặc, sành sứ, thủy tinh, chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng... Trong những năm đổi mới, vùng này đã phát triển nhanh các khu công nghiệp mới như Vũng Tàu, Sông Bé cũ, ngoại thành TP. Hồ Chí Minh với ngành nghề mới và đa dạng như khai thác dầu khí, sản xuất điện, tin học, lắp ráp ô tô, xe gắn máy, điện tử cao cấp, luyện kim, hóa chất với sự tham gia của các thành phần kinh tế, trong đó công nghiệp quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Đặc biệt là hai khu chế xuất Tân Thuận, Linh Trung đã đi vào hoạt động có hiệu quả. Khu công nghiệp kỹ thuật cao trong vùng "tam giác kinh tế động lực" phía Nam (TP.Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu), có trên 100 dự án liên doanh với nước ngoài với trang thiết bị hiện đại, công nghệ cao, sản xuất các mặt hàng có chất lượng cao chủ yếu để xuất khẩu. Chính khu công nghiệp kỹ thuật cao này đã tạo ra những tiền đề vật chất quan trọng thúc đẩy công nghiệp toàn vùng tăng tốc, tạo việc làm mới thu hút hàng vạn lao động nông thôn góp phần chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế của vùng và từng tỉnh, theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp trong GDP.

Năm 1996 tỉnh Đồng Nai có 75 doanh nghiệp quốc doanh, 4785 cơ sở ngoài quốc doanh (gấp 2,2 lần so với năm 1985) ; thu hút hơn 70 nghìn lao động, (gấp 4,9 lần so với năm 1976) ; tạo ra 42,8% GDP (so với năm 1991 là 24,1% và năm 1992 là 27,3%). Các cơ sở công nghiệp lớn như thủy điện Trị An, nhà máy đường La Ngà, giấy Tân Mai, điện tử Biên Hòa, gạch men Thanh Thanh, bột ngọt Vedan, ván ép Luks - Tie, v.v.. là những điểm sáng, đã góp phần quan trọng tạo nên sự tăng tốc của công nghiệp Đồng Nai những năm đổi mới.

Sông Bé cũ vốn là tỉnh nông nghiệp với cơ cấu GDP năm 1991 : nông nghiệp 60,5%, công nghiệp 14,2% và dịch vụ 25,3%, vậy mà năm 1995, ba tỷ lệ tương ứng là 50% ; 25,5% và 24,5%. Đáng chú ý là năm 1996, tỷ trọng nông nghiệp chỉ còn 45%, công nghiệp tăng lên 30% và dịch vụ 25% GDP. Thực tế cho thấy xu hướng chuyển dịch này còn tiếp tục với nhịp độ nhanh dưới tác động tích cực của quá trình công nghiệp hóa. Bên cạnh các ngành công nghiệp truyền thống như dệt, da, sành sứ, thủy tinh, vật liệu xây

* PGS, PTS, Vụ trưởng, Tổng cục thống kê

Digitized by Google

dựng, chế biến gỗ và cao su, Sông Bé cũ còn là địa bàn thu hút các nhà đầu tư nước ngoài với các dự án liên doanh sản xuất công nghiệp lớn với các ngành công nghiệp xenlulô, giấy, da, dệt, thu hút hàng chục nghìn lao động nông nghiệp từ mọi miền đất nước.

Công nghiệp khai thác dầu khí ở Vũng Tàu có sản lượng 8,6 triệu tấn dầu thô năm 1996 và có khả năng đạt trên 9 triệu tấn trong năm 1997 đã mở ra triển vọng mới về công nghiệp hóa dầu, sản xuất phân bón và nhiều ngành công nghiệp khác, có tác dụng chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn vùng, nâng tỷ trọng giá trị sản lượng công nghiệp của vùng lên trên 50% của cả nước, từ năm 1994 đến nay.

Công nghiệp tăng trưởng nhanh, tạo ra môi trường và điều kiện để phát triển thương mại và dịch vụ. Nếu trước đây chỉ có TP. Hồ Chí Minh là trung tâm thương mại, dịch vụ lớn nhất miền Nam, nay đã có thêm Biên Hòa, Vũng Tàu với các ngành nghề đa dạng như giao thông, bưu điện, bảo hiểm, ngân hàng, tài chính, xuất nhập khẩu, du lịch, tiếp thị, cung ứng vật tư hàng hóa cho các khu chế xuất, khu công nghệ cao ; chỉ riêng nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ công suất 600 MW và hệ thống thu gom khí từ mỏ Bạch Hổ vào Thủ Đức với số vốn 400 triệu USD đã đòi hỏi hàng loạt hoạt động dịch vụ, thương mại đi cùng với hàng nghìn lao động kỹ thuật. Tuy nhiên, so với công nghiệp, tốc độ tăng trưởng của các ngành dịch vụ và thương mại của vùng này có chậm hơn, tỷ trọng của ngành trong tổng GDP ít thay đổi : năm 1991 : 49,6%, năm 1992 : 49,7%, năm 1993 : 47,9% và năm 1996 : 48%. Đáng chú ý là TP. Hồ Chí Minh có tỷ trọng trên 55%, các tỉnh khác từ 30 - 40%, thấp nhất như Tây Ninh trên 20%.

Nét nổi bật trong các hoạt động dịch vụ ở Đông Nam Bộ những năm qua là đa dạng về ngành nghề, thành phần kinh tế và sản phẩm, gắn với các ngành sản xuất và xuất khẩu. Trong đó, lớn nhất là xuất nhập khẩu, kế đến là khách sạn, nhà hàng, vận tải, kho bãi bưu điện và dịch vụ tư vấn kinh doanh tài sản. Đặc biệt là ở TP. Hồ Chí Minh có dịch vụ tài chính, tín dụng phát triển mạnh với 18 ngân hàng thương mại quốc doanh, 17 ngân hàng cổ phần, 2 công ty tài chính, hàng chục ngân hàng liên doanh với nước ngoài hoạt động phục vụ sản xuất và đời sống.

Nông nghiệp vùng Đông Nam Bộ tuy chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu kinh tế vùng (vì các tỉnh có xu hướng giảm dần), nhưng cũng có thế mạnh về sản xuất cây công nghiệp gắn với xuất khẩu như cao su, cà phê, điều, mía, lạc, ngô... Đáng chú ý là vùng Đông Nam Bộ có miệt vườn bốn mùa cung cấp rau, quả, trái cây cho thành phố, khách sạn, nhà hàng, quán giải khát. Ngoài ra, vùng này còn có thế mạnh về chăn nuôi bò sữa. Trong những năm đổi mới, lao động nông nghiệp của vùng giảm dần cả số lượng và tỷ trọng, nhưng giá trị sản phẩm của ngành này vẫn tăng đều qua các năm với nhịp độ 5 - 6%/năm. Cho đến nay, lao động nông nghiệp chỉ chiếm 54% tổng số lao động nông thôn toàn vùng, trong đó TP. Hồ Chí Minh 47%, Đồng Nai 50%, Sông Bé 53%, Tây Ninh trên 60% và đang có xu hướng giảm dần, mà nguyên nhân chính là chuyển sang làm các hoạt động công nghiệp và dịch vụ. Một mô hình nông nghiệp hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu đã hình thành ở các tỉnh trong vùng. Đó là cao su, lạc, mía ở Sông Bé cũ và Tây Ninh ; cà phê, ngô ở Đồng Nai ; lạc, bò sữa ở TP. Hồ Chí Minh ; tôm, cá các loại ở Bà Rịa - Vũng Tàu. Nét đặc biệt của công nghiệp vùng Đông Nam Bộ là sản xuất gắn với thị trường, coi trọng chất lượng và hiệu quả kinh tế. Bởi vì, chỉ có sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý mới đem lại được hiệu quả kinh tế, mới chuyển dịch được cơ cấu kinh tế, theo hướng tích cực. Tỷ trọng diện tích gieo trồng và giá trị sản phẩm nhóm cây lương thực giảm dần, còn tỷ trọng các nhóm cây công nghiệp, cây ăn quả, rau đậu, hoa có hiệu quả kinh tế cao đang tăng dần.

Dù cơ cấu cây trồng, vật nuôi có thay đổi, nhưng số lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp toàn vùng vẫn tăng dần qua các năm. Nổi bật nhất là sản lượng cao su năm 1996 đạt 111 nghìn tấn, tăng gấp 2 lần so với năm 1991, trong đó riêng Sông Bé cũ từ 24 430 tấn (năm 1991) tăng lên 60 000 tấn (năm 1996). Các cây trồng khác như cà phê, điều, cây ăn quả, ngô... cũng trong xu hướng phát triển tốt.

Tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp thấp hơn nhiều so với công nghiệp và dịch vụ, nên tỷ trọng công nghiệp trong GDP giảm dần. Năm 1996, GDP từ nông nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh chỉ còn 2,7% tổng GDP của thành phố (năm 1995 là 3,1%). Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo

Digitized by Google

hướng tích cực là xu hướng chung của các tỉnh trong vùng.

Biểu 1 : Thực trạng và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế (GDP) vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 1991 - 1995 (giá trị thực tế)

Đơn vị tính %

Ngành \ Năm	1991	1992	1993	1994	1995
1 - Nông, lâm thủy sản	14,7	11,4	10,5	10,1	10,4
2 - Công nghiệp - xây dựng	31,7	35,4	37,0	40,0	41,3
3 - Dịch vụ	53,6	53,2	52,5	49,9	48,3

Trong 5 năm (1991 - 1995), tỷ trọng nông - lâm nghiệp và thủy sản toàn vùng giảm dần với tốc độ 1%/năm, trong khi giá trị tuyệt đối vẫn tăng đều 4 - 5%/năm, tỷ trọng công nghiệp tăng 2%/năm, và giá trị tuyệt đối tăng từ 17 đến 25%/năm ; tỷ trọng dịch vụ giảm 1%/năm nhưng giá trị tuyệt đối tăng 9 - 10%/năm. Như vậy, xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế như trên là tích lực, phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước. Nét nổi bật đáng quan tâm của vùng trong 5 năm qua là sự tăng nhanh của tỷ trọng công nghiệp, và sự giảm nhanh của tỷ trọng nông - lâm nghiệp trong cơ cấu GDP của vùng - trong điều kiện nông nghiệp vẫn tăng trưởng và phát triển ổn định. Ví dụ : tỉnh Đồng Nai tỷ trọng công nghiệp tăng từ 25,2% lên 38,5%, còn nông nghiệp giảm từ 48,1% xuống 31,7% trong 5 năm tương ứng. Năm 1996, ở TP. Hồ Chí Minh tỷ trọng nông nghiệp chiếm 2,8% GDP so với 41,4% công nghiệp và 55,8% dịch vụ.

Nguyên nhân của những tiến bộ trên là do đường lối đổi mới kinh tế đúng đắn của Đảng và Nhà nước, nhất là các chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, xây dựng vùng "tam giác kinh tế động lực phía Nam", xây dựng các khu chế xuất, khu công nghiệp kỹ thuật cao, công nghiệp dầu khí... Các chính sách đó đã thức dậy tiềm lực và ưu thế vốn có của vùng về công nghiệp, dịch vụ, hệ thống cơ sở hạ tầng và kinh nghiệm sản xuất hàng hóa của mọi thành phần kinh tế, khai thác tốt hơn các trung tâm công nghiệp, thương mại, sân bay, bến cảng và các cơ sở vật chất, kỹ thuật lớn khác tại TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu. So với các vùng kinh tế khác, Đông Nam Bộ là vùng có ưu thế tuyệt đối cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Không chỉ hiện nay mà những năm sau này, ưu thế vượt trội đó vẫn tiếp tục được phát huy trong cơ chế mới và chính sách mở cửa, hội nhập của Đảng và Nhà nước. Đến nay, vùng này đã thu hút hơn một nửa số vốn đầu tư nước ngoài của cả nước, trong đó nhiều dự án đã đi vào hoạt động có hiệu quả, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, dịch vụ có chất lượng cao phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu với số lượng ngày càng tăng. Ở TP. Hồ Chí Minh, hiện có 616 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực, với tổng số vốn đăng ký là 9 579 triệu USD, trong đó có 350 dự án đã đi vào hoạt động với doanh thu năm 1994 : 583 triệu USD, năm 1995 : 1038 triệu USD, năm 1996 : 1500 triệu USD. Năm 1996 giá trị xuất khẩu của các liên doanh đạt 489 triệu USD, (năm 1995 là 219 triệu USD), nộp ngân sách 180 triệu USD và tạo ra 13,8% GDP của TP. Hồ Chí Minh (năm 1995 là 11,1%). Đáng chú ý là đầu tư nước ngoài đã và đang là yếu tố tích cực, quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn vùng. Thực tế cho thấy nhờ đổi mới về tư duy kinh tế, nắm bắt được công nghệ mới, ứng dụng và tiếp cận với kỹ thuật cao của thế giới nên vùng Đông Nam Bộ đã khởi sắc, đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt.

Tuy vậy, Đông Nam Bộ cũng còn nhiều khó khăn và hạn chế, trong đó mất cân đối giữa yêu cầu và khả năng về cơ sở hạ tầng, về cán bộ và công nhân lành nghề, về sự phát triển không đồng đều giữa các tỉnh, các ngành là rất đáng quan tâm.

II - TRIỂN VỌNG ĐẾN NĂM 2000 VÀ GIẢI PHÁP

1 - Triển vọng đến năm 2000.

Triển vọng, xu hướng và tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 1996 - 2000 sẽ diễn ra theo chiều hướng tích cực với tốc độ ổn định hơn.

Biểu 2 : Dự báo cơ cấu GDP toàn vùng giai đoạn 1996 - 2000 (theo giá thực tế)

Đơn vị tính %

Ngành \ Năm	1996	1997	1998	1999	2000
Nông nghiệp	10,3	10,0	9,3	9,0	8,6
Công nghiệp	41,1	42,0	42,4	42,9	43,0
Dịch vụ	48,6	48,0	48,3	48,1	48,4

Digitized by Google

Dự báo tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế giữa 3 nhóm ngành chính sẽ diễn ra hằng năm như sau : nông - lâm nghiệp, thủy sản sẽ giảm dần tỷ trọng trong GDP từ 10,3% năm 1996 xuống 8,6% năm 2000, công nghiệp và xây dựng sẽ tăng tỷ trọng với tốc độ tương ứng, còn dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn, nhưng về cơ bản ổn định ở tỷ lệ khoảng 48% GDP. Đến năm 2000, Đông Nam Bộ sẽ là vùng kinh tế công nghiệp - dịch vụ.

Cơ sở của các dự báo trên đây là hàng loạt các khu công nghiệp kỹ thuật cao, khu chế xuất, các trung tâm công nghiệp lớn ở TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Sông Bé cũ, Vũng Tàu... sẽ đi vào hoạt động, tạo ra những tiền đề vật chất cơ bản để tăng tốc công nghiệp và mở rộng các hoạt động dịch vụ. Nông nghiệp tuy vẫn tăng dần về sản phẩm và giá trị, nhưng tỷ trọng sẽ giảm dần, do tốc độ tăng trưởng chậm hơn công nghiệp và dịch vụ. Đến năm 2000 nông nghiệp của vùng Đông Nam Bộ sẽ sản xuất nông sản nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến như cao su, cà phê, mía đường, trái cây, sữa bò, còn lương thực chủ yếu là ngô để chế biến thức ăn gia súc. Đây là đặc trưng nông nghiệp của vùng Đông Nam Bộ.

So với các vùng kinh tế khác của nước ta, Đông Nam Bộ là vùng có nhiều lợi thế và triển vọng chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Muốn thực hiện được chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng có hiệu quả, theo tôi cần tập trung vào mấy giải pháp sau :

1 - Trước hết, Nhà nước cần xác định Đông Nam Bộ là vùng kinh tế trọng điểm số một của cả nước để từ đó hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể và cụ thể cho toàn vùng và từng tỉnh. Về quy hoạch tổng thể đã đến lúc hình thành vùng "tứ giác kinh tế động lực" TP. Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu, thay thế vùng "tam giác kinh tế động lực" cũ. Việc điều chỉnh quy hoạch như trên là cần thiết, vì xét về mọi góc độ Bình Dương ngày nay đã hội tụ được các điều kiện cần và đủ để tham gia vào "tứ giác kinh tế động lực" phía Nam, góp phần tích cực và phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ toàn vùng. Bình Dương cũng là một trong 6 tỉnh, thành của cả nước có nhiều dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài hiện nay đang hoạt động có hiệu quả. Đương nhiên, trên cơ sở quy hoạch của trung ương, các địa phương trong vùng cần hoàn chỉnh quy hoạch kinh tế, dân cư, đô thị làm cơ sở để xây dựng, bổ sung các dự án đầu tư phù hợp với yêu cầu và điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện tại cũng như trong tương lai.

2 - Thực hiện đầu tư chiều sâu để đổi mới máy móc, thiết bị và quy trình công nghệ theo hướng hiện đại hóa. Đây là giải pháp quan trọng, vì Đông Nam Bộ là vùng công nghiệp lớn đa ngành, kỹ thuật cao, sản phẩm chủ yếu phục vụ xuất khẩu, nên yêu cầu về chất lượng, giá cả phải bảo đảm tính cạnh tranh cao. Bởi vậy, Nhà nước cần hoàn thiện các chính sách và cơ chế đồng bộ để vùng Đông Nam Bộ triển khai thu hút mạnh mẽ vốn và công nghệ tiên tiến của các nước khu vực và thế giới vào đầu tư chiều sâu có hiệu quả.

3 - Về quan hệ sản xuất, Đông Nam Bộ là vùng sản xuất hàng hóa lớn của cả nước, lại là nơi tập trung sản xuất các mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao, nên sự ổn định về quan hệ sản xuất có ý nghĩa quyết định. Do vậy, việc kiên trì chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, mở rộng cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, phát triển kinh tế hợp tác tự nguyện và tôn trọng quyền bình đẳng của các doanh nghiệp là quan trọng và cần thiết. Đối với các hộ sản xuất kinh doanh của mọi thành phần kinh tế chúng ta cần quán triệt và thực hiện các chính sách kinh tế nhằm khai thác phát huy được tiềm năng vốn có của mỗi đơn vị cơ sở. Vùng Đông Nam Bộ có nhiều doanh nghiệp lớn của nhà nước, cho nên việc cổ phần hóa cần được xúc tiến để nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu ngân sách. Để làm tốt việc này, đề nghị Chính phủ ủy quyền cho các tỉnh, thành phố trong vùng quyết định cơ cấu cổ phần và cải tiến thủ tục cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp có mức vốn dưới 10 tỉ đồng.

4 - Thu hút mạnh mẽ nguồn vốn và chất xám trong và ngoài nước để xây dựng vùng kinh tế trọng điểm theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa kinh tế với tốc độ nhanh và bền vững. Các tỉnh vùng Đông Nam Bộ có lợi thế là tiềm lực về vốn và chất xám trong dân, của Việt kiều yêu nước còn lớn. Nhà nước cần có chính sách, cơ chế "thoáng" để khuyến khích các thành phần

(Xem tiếp trang 50)

Digitized by Google

TÂY NINH : MỤC TIÊU CHỦ YẾU VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHO KẾ HOẠCH 5 NĂM 1996 - 2000

NGUYỄN THỊ MINH *

Tây Ninh là tỉnh miền Đông Nam Bộ ; có diện tích tự nhiên 4030 km^2, có chung đường biên giới với Cam-pu-chia dài 240 km, là hành lang nối liền giữa TP Hồ Chí Minh với Phnôm-pênh và Băng-cốc qua cửa khẩu quốc gia Mộc Bài. Tây Ninh cũng là tỉnh có vùng căn cứ địa cách mạng suốt hai thời kỳ kháng chiến chống thực dân. Kinh tế Tây Ninh chưa phát triển mạnh, GDP bình đầu người năm 1995 đạt khoảng 300 USD. Đại hội đảng bộ tỉnh lần VI vừa qua đã đề ra mục tiêu từ nay đến năm 2000 phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 16% và nâng mức GDP lên 600 USD/người (gấp 2 lần so với năm 1995). Để đạt được mục tiêu trên nhằm hoàn thành kế hoạch 5 năm (1996-2000), đưa kinh tế - xã hội của tỉnh đi lên, đảng bộ tỉnh đã đề ra và đang tổ chức thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu, những giải pháp lớn như sau :

1 - Về phương hướng chung : Tập trung mọi nguồn lực, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ trong GDP ; nâng cao hiệu quả và tăng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế nhằm từng bước chuyển từ nông - công nghiệp - dịch vụ sang công - nông nghiệp - dịch vụ. Tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo và điều hành, quản lý để phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ; tập trung củng cố, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, trước hết là các ngành mũi nhọn ; từng bước mở rộng các mô hình hợp tác mới. Nhanh chóng đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, quản lý kinh tế đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh những năm trước mắt và cả sau năm 2000.

Về nông nghiệp : Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông, phát triển thủy lợi để tăng thêm diện tích được tưới tiêu ứng dụng các thành tựu của khoa học - kỹ thuật ngày càng nhiều vào quá trình sản xuất, nâng cao trình độ thâm canh để tăng năng suất, chất lượng nông phẩm ; đặc biệt chú trọng đến công tác giống và bảo vệ thực vật, công nghiệp hóa, hiện đại hóa một bước sản xuất nông nghiệp ; điều chỉnh cơ cấu thời vụ, cơ cấu giống cho phù hợp với yêu cầu chế biến. Tổ chức lại ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp ; chăn nuôi quốc doanh chủ yếu là cung cấp giống và dịch vụ thú y ; có chính sách thích hợp để phát triển chăn nuôi gia đình, nhất là nuôi bò sữa. Phấn đấu đưa tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản lượng nông nghiệp lên 15-18% vào năm 2000.

Về công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp : Quy hoạch theo hướng ưu tiên và tập trung cho phát triển chế biến lương thực - thực phẩm. Phấn đấu đến năm 2000, mọi nông sản cần chế biến sẽ chế biến tại tỉnh. Phát triển ngành vật liệu xây dựng, cơ khí sửa chữa. Đồng thời đầu tư xây dựng mới, trang bị hiện đại và công nghệ tiên tiến, tích cực cải tạo và nâng cấp cơ sở hiện có. Kêu gọi đầu tư, liên doanh, liên kết trong và ngoài nước các ngành kỹ thuật cao (cơ điện, điện tử), hạn chế những ngành ô nhiễm môi sinh. Bên cạnh đó, phát triển các khu công nghiệp Trảng Bàng, Gò Dầu thành khu công nghiệp hàng tiêu dùng ; phát triển các cụm công nghiệp kỹ thuật cao xen với công nghiệp hàng tiêu dùng ở Hòa Thành và thị xã ; vùng nguyên liệu và các cụm công nghiệp chế biến, công nghiệp vật liệu xây dựng ở Tân Biên, Tân Châu, Dương Minh Châu, Châu Thành, Bến Cầu.

Về đầu tư xây dựng cơ bản : Trọng điểm thời kỳ 1996-2000 là tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng ; hoàn thành công trình thủy lợi Suối Đá - Tân Hưng kịp phục vụ nhà máy đường 8 000 tấn/ngày và vùng nguyên liệu mía. Quy hoạch, xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp Trảng Bàng, Gò Dầu, Hòa Thành và khu thương mại Mộc Bài, Sa Mát, Tân Đông. Quy hoạch hệ thống đô thị và phát triển đô thị ; bảo đảm tiến độ xây dựng công trình giao thông theo các trục lộ phục vụ phát triển kinh tế và các tuyến giao thông huyết mạch. Ngoài ra,

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh.

Digitized by Google

tiếp tục đưa điện lưới quốc gia đến các xã còn lại, mở rộng mạng hạ thế để đến năm 2000 có trên 70% số hộ sử dụng điện và hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc, bảo đảm thông suốt, thuận tiện.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước : Củng cố kịp thời để đủ sức đảm nhận hoạt động xuất nhập khẩu có hiệu quả và nắm được các mặt hàng thiết yếu, chiến lược. Hướng dẫn và quản lý tốt hơn hoạt động thương nghiệp - dịch vụ ngoài quốc doanh để ổn định thị trường. Phát triển bán lẻ và điểm dịch vụ các vùng sâu, vùng xa. Củng cố các đơn vị hoạt động thương mại theo hướng tập trung cơ sở vật chất và vốn để đủ sức mở rộng hoạt động, vươn ra các thị trường xa hơn, tốt hơn. Tăng cường cán bộ giỏi, giảm bớt chi phí, tổ chức nghiên cứu thị trường để nâng cao hiệu quả và khắc phục những sơ hở, hạn chế thất thoát trong kinh doanh. Quy hoạch và xây dựng, khai thác có hiệu quả các cửa khẩu biên giới. Kiên quyết xử lý bằng các biện pháp hành chính và kinh tế đối với các hành vi làm ăn phi pháp, lừa đảo, kinh doanh hàng giả, hàng lậu, hàng kém chất lượng làm phương hại đến trật tự an toàn xã hội và sức khỏe nhân dân.

2 - Mở rộng và nâng cao chất lượng khoa học - giáo dục - văn hóa xã hội ; giải quyết các vấn đề bức xúc, tiến tới một bước xây dựng xã hội công bằng, văn minh.

Giáo dục - đào tạo : Trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả đào tạo, từng bước hiện đại hóa ngành giáo dục, hoàn thành công tác xóa mù chữ, phổ cập tiểu học và tiến đến phổ cập trung học cơ sở cho thị xã và một số thị trấn. Đầu tư đúng mức và đa dạng hóa công tác đào tạo để đào tạo lại cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, trước mắt là các ngành kinh tế mũi nhọn và công tác quản lý nhà nước. Đến năm 2000 phải hoàn thành việc chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, các cấp học có đủ giáo viên dạy đúng chuyên môn được đào tạo. Củng cố hoạt động đoàn - đội trong nhà trường ; quan tâm hơn công tác đảng và phát triển đảng trong ngành giáo dục.

Y tế : Nâng cao chất lượng chuyên môn, mở rộng mạng lưới, đồng thời thực hiện tốt các biện pháp chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng ngừa dịch bệnh. Đầu tư phương tiện hiện đại cho tuyến tỉnh và huyện ; từng bước đổi mới trang bị, phương tiện cho y tế cơ sở. Thực hiện các chương trình y tế quốc gia hằng năm ; chấn chỉnh và mở rộng hoạt động bảo hiểm y tế, quản lý chặt chẽ hoạt động y tế tư nhân. Có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ y tế có chuyên môn cao, phấn đấu đến năm 2000 đạt 5-6 bác sĩ trên một vạn dân. Nâng chất lượng hệ thống tổ chức dân số - kế hoạch hóa gia đình để đến năm 2000 giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,6%.

Văn hóa và du lịch : Đến năm 2000 hoàn thành việc xây dựng khu di tích lịch sử căn cứ Trung ương Cục và khu du lịch Núi Bà. Tích cực kêu gọi đầu tư, liên doanh liên kết xây dựng khu Hồ Dầu Tiếng và đầu tư khai thác một số điểm khác kết hợp với Tòa thánh Cao đài thành tuyến du lịch hấp dẫn để thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài tỉnh... Tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và bài trừ các tệ nạn xã hội.

3 - Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ; nâng cao chất lượng hoạt động quân sự địa phương. Tiếp tục mở rộng dân chủ gắn với thi hành pháp luật nghiêm minh.

Trong công tác an ninh chính trị, cần phải nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, mở rộng mạng lưới, coi trọng việc tổ chức mạng lưới an ninh nhân dân. Xây dựng các phương án, kế hoạch bảo vệ các cơ quan, đơn vị trọng yếu. Các cơ quan chức năng có biện pháp phối hợp chặt chẽ nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời sự xâm nhập các tài liệu phản động, văn hóa phẩm độc hại. Tiếp tục nhân rộng và hoàn thiện các điển hình về bảo đảm trật tự an toàn xã hội ; có biện pháp hữu hiệu chống các tệ nạn xã hội ; nhất là cờ bạc, mại dâm, ma túy, văn hóa phản động, đồi trụy. Tiếp tục sắp xếp ổn định các khu dân cư để vừa bảo vệ được sản xuất và giữ vững an ninh biên giới. Công tác quân sự địa phương phải tập trung vào việc nâng cao chất lượng sẵn sàng chiến đấu và xây dựng lực lượng chính quy, hiện đại. Tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng địa phương và chủ lực trên địa bàn ; có phương án tác chiến thống nhất ở các địa bàn trọng điểm. Quan tâm chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang về mọi mặt, hỗ trợ về cơ sở vật chất, trang bị phương tiện hoạt động cho lực lượng vũ trang ngày càng tốt hơn. Phát động phong trào xây dựng lực lượng trong sạch vững mạnh ở từng đơn vị. Thường xuyên đào tạo cán bộ kết hợp với tổ chức diễn tập, thực hành các phương án, kế hoạch để nâng cao chất lượng hoạt động.

Về ngành tư pháp : Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đối với hoạt động của các cơ quan pháp luật. Chỉ đạo điều tra, xác minh nhanh những tố cáo của công dân, những vụ việc có dư luận ; xử lý nhanh, nghiêm minh, đúng người, đúng tội trong các vụ án, nhất là án tham nhũng, buôn lậu ; giảm đến mức thấp nhất tồn đọng trong xét xử và thi hành án. Các cấp, các ngành tiếp tục bổ sung đề án và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc chống tham nhũng, buôn lậu trong ngành, địa phương mình.

Digitized by Google

4 - Xây dựng bộ máy chính quyền trong sạch vững mạnh, hoạt động có hiệu lực và hiệu quả. Thường xuyên củng cố tổ chức và tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các đoàn thể, tiếp tục thực hiện tốt hơn nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn đảng.

Thực hiện Nghị quyết TƯ 8 (khóa VII) về : "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính", Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) "Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh", tỉnh tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp, nhất là trong việc quyết định các vấn đề lớn về phát triển kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng của địa phương ; việc giám sát hoạt động của chính quyền ; kiến nghị giải quyết các yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của cử tri, đẩy nhanh tiến độ thực hiện cải cách một bước nền hành chính. Bên cạnh đó, tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức các cơ quan đảng, xây dựng các cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao chất lượng hoạt động của các Đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng. Trong những năm đầu của nhiệm kỳ 1996-2000 phải ổn định về mặt tổ chức, củng cố được các cơ quan yếu kém. Nâng dần tỷ lệ cơ sở đảng trong sạch vững mạnh để đến năm 2000 cơ bản không còn cơ sở yếu kém. Về công tác cán bộ, thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về "chiến lược cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", tỉnh từng bước xây dựng qui hoạch, chương trình và kế hoạch công tác cán bộ ; tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm việc phân cấp quản lý cán bộ, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, đề bạt cho phù hợp với yêu cầu ; phải tuân thủ nghiêm ngặt của quy định, quy trình công tác cán bộ. Trong năm 1997 hoàn thành quy hoạch cán bộ chung và của từng ngành, trên cơ sở đó có kế hoạch đào tạo cụ thể hằng năm, chuẩn bị đội ngũ cán bộ hiện tại cũng như sau năm 2000 vững về chính trị, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ. Đi đôi với đào tạo, bồi dưỡng, phải kịp thời xử lý, thay thế những cán bộ không đảm đương được nhiệm vụ, thoái hóa, biến chất.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trên, các cấp, các ngành và mỗi đảng viên của Đảng bộ phải nghiên cứu quán triệt sâu sắc các Nghị quyết của Đảng trong giai đoạn hiện nay và tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng, làm cho đại bộ phận quần chúng nắm được Nghị quyết của Đảng, đưa Tây Ninh cùng với cả nước bước vào niên kỷ thứ ba trên tầm cao mới.❑

CHUYỂN DỊCH...

(Tiếp theo trang 47)

kinh tế đầu tư mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh, nhất là hiện đại hóa cơ sở hạ tầng đô thị, các khu công nghiệp và dịch vụ lớn. Thực hiện phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm sẽ tạo ra sức mạnh vật chất thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng theo hướng công nghiệp hóa.

5 - Trung ương và các tỉnh, thành phố trong vùng cần quan tâm hơn nữa đến tính đồng đều giữa các tỉnh về phát triển kinh tế, xã hội. Đi đôi với đầu tư tập trung cho vùng tứ giác kinh tế động lực, cần đầu tư thỏa đáng cho 2 tỉnh Tây Ninh và Bình Phước. Bởi vì, đến nay kinh tế của hai tỉnh này chủ yếu vẫn là nông nghiệp, còn công nghiệp và dịch vụ phát triển chậm, cơ cấu kinh tế mất cân đối, nhất là tỉnh Bình Phước. Để hỗ trợ thiết thực cho hai tỉnh này, đề nghị Chính phủ cho phép địa phương thực hiện cơ chế tạo vốn và xây dựng cơ sở hạ tầng quỹ đất, tạm giảm các khoản đóng góp cho trung ương, chỉ đạo các bộ, ngành giúp đỡ các địa phương bằng các dự án và việc làm thiết thực, tăng các dự án viện trợ, các khoản tín dụng ưu đãi (ODA, SIDA, v.v.).

6 - Tăng cường vai trò quản lý nhà nước trong các hoạt động kinh tế đối ngoại của vùng nhằm hướng các hoạt động xuất - nhập khẩu, đầu tư nước ngoài phát triển đúng hướng, đạt hiệu quả cao về kinh tế và xã hội. Đông Nam Bộ là vùng trọng điểm số một của cả nước về kinh tế đối ngoại, cho nên việc tăng cường vai trò quản lý nhà nước cần được chú trọng. Trước hết, cần tập trung vào việc hoàn thiện cơ chế giám định chất lượng và công nghệ, máy móc, thiết bị nhập khẩu để khắc phục tình trạng nhập máy móc thiết bị lạc hậu. Đối với các liên doanh, cần thuê các công ty kiểm toán quốc tế thực hiện kiểm tra các hoạt động đầu tư và xuất nhập khẩu nhằm tránh tình trạng tiêu cực, tham nhũng. Về đối tác đầu tư cần tăng cường quan hệ với các công ty đa quốc gia để tranh thủ được công nghệ nguồn, tiếp cận cách quản lý hiện đại phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn. ❑

Digitized by Google

Thanh Sơn tập trung sức mạnh tổng hợp để từng bước xóa đói, giảm nghèo

PHÙNG VĂN TIẾN *

Thanh Sơn là huyện lớn nhất của tỉnh Phú Thọ, với diện tích tự nhiên 1 306 km^2, địa hình tương đối phức tạp bởi sự chia cắt của sông, suối, thung lũng và những ngọn núi cao (trên 1 000m). Khí hậu ở Thanh Sơn mang tính tiểu vùng tương đối rõ nét, lượng mưa hằng năm khá cao, về mùa hè thường có mưa đá, mùa đông nhiệt độ có năm xuống dưới 10^{o}C và có sương muối. Diện tích của huyện tuy rộng nhưng đất sản xuất nông nghiệp chỉ chiếm 11,2%, trong khi đó đất lâm nghiệp chiếm tới 78%, riêng đất trống, đồi núi trọc trên 4 vạn ha. Là huyện miền núi, song Thanh Sơn được coi như một đầu mối giao thông đường bộ tương đối thuận lợi đi Hà Nội, Hòa Bình, Việt Trì và ngược lên các tỉnh thượng du Bắc Bộ.

Huyện Thanh Sơn có 39 xã phân bố tự nhiên khá đều giữa các vùng. Thị trấn Thanh Sơn là một trong những thị trấn miền núi có tốc độ phát triển khá nhanh trong vài năm trở lại đây. Trên địa bàn huyện có các đơn vị kinh tế quốc doanh hoạt động như Công ty Pi rít chuyên khai thác, cung cấp nguyên liệu cho Công ty Xupe-phốt phát và hóa chất Lâm Thao ; mỏ Quắc Zít, các lâm trường và 3 xí nghiệp chè : Phú Sơn, Minh Đài, Tân Phú đang quản lý khai thác trên 2 500 ha chè.

Thanh Sơn có nhiều dân tộc anh em như Kinh, Mường, Dao, Tày, Mông... cùng chung sống. Tính đến nay dân số toàn huyện xấp xỉ 18 vạn người (trên 6 vạn lao động), nhưng sự phân bố dân cư rất không đều. Đặc điểm này gây khó khăn cho việc quy hoạch và phát triển sản xuất, thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở quy mô lớn hơn.

Về mặt tiềm năng và thế mạnh, Thanh Sơn được đánh giá là địa phương có các điều kiện tương đối thuận lợi : Đất chưa được khai thác (chủ yếu đất lâm nghiệp) còn nhiều ; lực lượng lao động trẻ khá đông, nguyên vật liệu sẵn có. Nhưng đến nay Thanh Sơn vẫn được coi là huyện rất nghèo. Nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế (80,37%), lâm nghiệp chiếm tỷ trọng thấp, ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ không đáng kể. Lúa và sắn - 2 cây lương thực chủ yếu nhưng năng suất thấp. Sản lượng quy thóc chưa năm nào đạt 4 vạn tấn như dự kiến. Rừng bị khai thác chặt phá đến cạn kiệt, độ che phủ giảm từ 45% những năm 80, nay còn chưa tới 28%. Tập quán canh tác của đại đa số nông dân còn rất lạc hậu, đời sống vật chất và tinh thần thiếu thốn, trình độ dân trí thấp. Hệ thống đường giao thông nội huyện khó khăn. Đặc biệt, có 2 xã vùng cao chưa có đường ô tô đến được trung tâm, cơ sở phúc lợi công cộng hầu như không đáng kể. Thu nhập bình quân đầu người chỉ đạt xấp xỉ 70 USD/năm.

Tuy vậy, thời gian qua với nỗ lực của đảng bộ và nhân dân, Thanh Sơn đã từng bước vượt qua khó khăn đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Sản xuất nông nghiệp hằng năm tăng 3,4%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 12%. Đời sống, văn hóa, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện. Hầu hết các xã được xem các chương trình của Đài truyền hình Việt Nam. Huyện đã phổ cập giáo dục tiểu học theo tiêu chuẩn quốc gia. Nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội Thanh Sơn qua mấy năm đổi mới đã có những bước tiến đáng kể, tạo ra những tiền đề vật chất để chuyển đổi dần tập quán sản xuất, từng bước xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

* Phó bí thư thường trực huyện ủy Thanh Sơn, Phú Thọ

Digitized by Google

Đảng bộ Thanh Sơn chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, từng bước tạo những điều kiện cần thiết, nhằm duy trì và phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, xóa được đói, giảm được nghèo, trong đó điều quan trọng trước tiên là đẩy mạnh tốc độ phát triển nông nghiệp và bảo đảm an toàn lương thực.

Huyện đã tập trung vào một số khâu chủ yếu sau đây :

1 - Tập trung mọi nỗ lực cho mục tiêu sản xuất nông, lâm nghiệp, trọng tâm là lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, nguyên liệu, bảo vệ và phát triển rừng. Tuy là huyện thuần nông nhưng nhiều năm qua, kể cả những năm thực hiện cơ chế khoán mới trong nông nghiệp, phần lớn nhân dân Thanh Sơn vẫn luôn bị đói nghèo đe dọa. Năng suất các loại cây trồng đạt thấp. Riêng cây lúa chỉ đạt trên dưới 20 tạ/ha. Mức lương thực bình quân hằng năm chưa vượt quá 240 kg/người. Chăn nuôi phát triển chậm. Diện tích rừng trồng hằng năm thấp hơn nhiều so với diện tích rừng bị tàn phá.

Phương hướng giải quyết được đại hội đại biểu lần thứ 21 đảng bộ huyện Thanh Sơn nêu ra là quyết tâm tạo được bước tiến quan trọng trong sản xuất nông nghiệp bằng biện pháp chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cải tiến, đổi mới tập quán canh tác hướng tới một nền nông nghiệp đa canh, áp dụng các biện pháp khoa học - kỹ thuật trong việc bón phân và sử dụng các chế phẩm sinh học. Vấn đề khó khăn cho Thanh Sơn là diện tích canh tác hiện còn rất thấp (6 200 ha) và đang có nguy cơ bị thu hẹp. Ruộng đất phần lớn chua và lầy thụt, tập quán canh tác lạc hậu, sử dụng phân bón (vô cơ, vi sinh) mới ở một số ít hộ nông dân. Do đó, yêu cầu phải tăng được hệ số sử dụng đất và phấn đấu đạt năng suất lúa từ 27 tạ/ha/vụ trở lên. Để làm được điều đó, trong thời gian qua huyện đã tổ chức hướng dẫn cho nông dân thực hành áp dụng những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, mở các lớp tập huấn ngắn ngày, "hội thảo đầu bờ" các điểm trình diễn theo chương trình IPM, hình thành vùng chuyên sản xuất giống lúa cấp 1 ở 2 khu vực trong huyện, xúc tiến chương trình bò lai Sin bằng nuôi dưỡng con đực giống. Huyện cũng chỉ đạo các xã hoàn thành về cơ bản việc lập bản đồ địa giới hành chính, bản đồ nông hóa thổ nhưỡng, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, xác định cơ cấu tập đoàn cây trồng hợp lý phù hợp với đất đai và khí hậu tiểu vùng. Những cố gắng bước đầu đó đã đem lại những kết quả đáng kể. Đến nay, diện tích cây lúa đạt trên 10 200 ha, cây ngô đông 500 ha, sản lượng lương thực cả năm tương đối ổn định, đàn gia súc bước đầu được cải tạo, tình hình thiếu đói triền miên cơ bản được khắc phục. Nhưng điều quan trọng hơn cả là người nông dân bắt đầu có nhận thức mới trong cách nghĩ, cách làm, củng cố niềm tin vào kết quả do cách làm mới đem lại. Nếu như trước đây nông dân chỉ biết làm qua loa 2 vụ lúa (thậm chí chỉ làm 1 vụ) ruộng đất bỏ hoang, trâu, bò, lợn thả rông, hiện tượng chặt phá, thu hái gỗ, củi, măng trên rừng rất phổ biến và tự do, thì bây giờ họ đã biết quay vòng đất một năm từ 2 đến 3 vụ. Cây ngô đông khẳng định được chỗ đứng, phân bón hóa học, sinh học cũng được dùng phổ biến hơn. Người dân ngày càng nhận thức rõ hơn tác hại của việc phá rừng. Bên cạnh việc trồng cây lương thực, các loại cây ăn quả, cây đặc sản cũng từng bước được thử nghiệm phát triển. Tuy chưa thành vùng, nhưng một vài loại cây ăn quả như nhãn, vải thiều, hồng, na, cây đặc sản như trám, quế đã được nhiều hộ gia đình trồng, chăm sóc và đang phát triển tốt (chủ yếu được trồng trong vườn sau khi đã cải tạo vườn tạp) và trên phần diện tích đất được nhà nước giao quyền sử dụng lâu dài. Với cách làm khoa học, có tính toán, quy hoạch từng lô, từng loại cây, kỹ thuật trồng, chăm sóc, đến nay nhiều hộ đã bắt đầu có thu hoạch với giá trị đáng kể và chắc chắn sau vài ba năm nữa rất nhiều hộ sẽ có thu nhập ngày càng cao hơn.

Điều kiện tự nhiên đất đai rộng có nhiều bãi chăn thả, đường giao thông khá thuận tiện đi các nơi, không xa thủ đô Hà Nội và các khu công nghiệp, khu dân cư đông... là một thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi đại gia súc. Đàn gia súc của Thanh Sơn hiện có trên 42 500 con trâu, bò, 5 vạn con lợn và gần 1 vạn con dê. Tuy nhiên các giống gia súc như : trâu, bò, lợn phần lớn là giống địa phương, tầm vóc và trọng lượng nhỏ, tỷ lệ thịt thấp, khả năng chống chịu bệnh tật kém. Do đó, chúng tôi đặt vấn đề cải tạo đàn gia súc (chủ yếu đối với bò và lợn) là nhiệm vụ chính của chăn nuôi trong những năm tới bằng biện pháp lai giống, nhằm nâng cao thể trọng và chất lượng thịt ; tăng cường khả năng phòng bệnh, hướng cho sản phẩm của chăn nuôi đi vào sản xuất hàng hóa (hằng năm Thanh Sơn cung cấp cho nhu cầu vùng ngoài hàng ngàn con trâu, bò cày kéo và mỡ thịt, hàng trăm tấn thịt gia súc khác). Chăn nuôi vẫn do hộ nông dân tự đầu tư là chính, nhà nước giúp đỡ một phần giống,

Digitized by Google

kỹ thuật để trong vài năm tới có thể đạt tỷ lệ bò lai Sin và nạc hóa đàn lợn từ 18-20% so tổng số đàn, đồng thời chú trọng khuyến khích phát triển các con vật nuôi khác mà Thanh Sơn có nhiều ưu thế về các điều kiện nuôi thả như gà, vịt, cá, ong mật.

Nói đến chương trình xóa đói giảm nghèo của Thanh Sơn không thể không nói đến lâm nghiệp. Vì với đặc điểm của huyện, nếu chỉ riêng về nông nghiệp thì không thể giải quyết một cách triệt để tình hình nghèo đói. Do đó, chương trình lâm nghiệp được coi là một nhiệm vụ quan trọng của đảng bộ và nhân dân Thanh Sơn trước mắt cũng như lâu dài. Qua đầu tư vốn của "chương trình 327" kết hợp với đầu tư của ngân sách huyện và tự đầu tư của từng hộ gia đình, Thanh Sơn quyết tâm phủ xanh toàn bộ trên 4 vạn ha đất trồng, đồi núi trọc từ nay đến năm 2020. Song song với "chương trình 327", chương trình hợp tác lâm nghiệp Việt Nam - Thụy Điển (riêng phần thuộc Thanh Sơn), dự án kinh tế mới và định canh định cư, vốn xóa đói giảm nghèo, vốn quỹ quốc gia giải quyết việc làm đã đầu tư mỗi năm hàng chục tỷ đồng. Nhờ đó hằng năm huyện trồng thêm được trên 1 000 ha rừng (riêng năm 1996 là 1130 ha), 250 ha quế và hàng trăm ha cây lâm nghiệp các loại. Đó là chưa kể hàng chục ngàn ha rừng được chăm sóc giữ tái sinh và hàng triệu cây phân tán, giải quyết khó khăn tạm thời cho hàng trăm hộ thiếu đói, ổn định đời sống và việc làm cho hàng ngàn lao động nông thôn. So với cách làm trước, việc thực hiện các chương trình lâm nghiệp hiện tại có tác dụng rõ rệt. Trước hết và quan trọng nhất là làm cho người nông dân có được nhận thức mới, không còn coi rừng như một thứ của chung tha hồ phá, không còn coi sản phẩm của rừng là vô tận mà muốn có phải trồng, quản lý, chăm sóc. Trên cơ sở đất được giao quyền sử dụng lâu dài, hộ gia đình đã xây dựng được mô hình canh tác tổng hợp theo hướng lấy ngắn nuôi dài vừa có thu nhập, vừa góp phần cải tạo môi trường, bảo vệ nguồn nước. Kết quả thực hiện các chương trình lâm nghiệp xã hội ở Thanh Sơn không chỉ có ý nghĩa đơn thuần về kinh tế mà còn thể hiện một ý nghĩa xã hội quan trọng. Ngoài mục tiêu giải quyết việc làm, ổn định đời sống, sinh hoạt, học tập cho các hộ gia đình, còn tạo ra việc làm cho hàng ngàn lao động phổ thông và có thu nhập thường xuyên, cải tạo môi trường và hệ sinh thái, có tác động tích cực ngăn chặn các tệ nạn xã hội do thiếu việc làm và thu nhập thấp gây ra. Từ ý nghĩa kinh tế xã hội thiết thực đó, đảng bộ chúng tôi đặt ra mục tiêu phấn đấu điều chỉnh tỷ lệ giữa trồng trọt và chăn nuôi, nông - lâm hợp lý ; chú ý tăng dần tỷ trọng lâm nghiệp và chăn nuôi ; phát triển cây con có ưu thế. Quan trọng và cấp bách nhất là phải bảo đảm an toàn lương thực cho nhu cầu của địa phương.

2 - Xóa đói giảm nghèo không chỉ là nội dung lãnh đạo của đảng bộ của các cấp ủy và chính quyền từ huyện đến cơ sở mà phải trở thành nhận thức và hành động cụ thể của từng người dân. Khi đặt vấn đề này, đảng bộ Thanh Sơn ý thức rõ rằng đối với đa số nhân dân Thanh Sơn là người dân tộc, dân trí còn thấp, trình độ tiếp thu khoa học, kỹ thuật, các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước còn rất hạn chế, cho nên cải tạo tập tục cũ, thay đổi một nhận thức cố hữu là việc làm không dễ dàng. Do đó yêu cầu đặt ra trước tiên là phải làm cho cán bộ, đảng viên và đại đa số quần chúng tiến bộ có nhận thức đúng nội dung, tầm quan trọng và ý nghĩa thiết thực không chỉ đối với hôm nay mà cho cả các thế hệ mai sau của công việc xóa đói giảm nghèo, đồng thời xác định rõ cách giúp đỡ hiệu quả nhất để người dân thoát khỏi cảnh đói nghèo. Đó là tạo điều kiện để họ có khả năng tự giác sản xuất kinh doanh, tự nuôi sống và làm giàu cho bản thân cùng gia đình họ, thay vì trước đây cho họ "con cá" thì nay đưa cho họ chiếc cần câu cùng với việc hướng dẫn "cách thức câu cá".

Qua số liệu điều tra, tại thời điểm gần đây số hộ nghèo đói của Thanh Sơn chiếm khoảng 18% trong tổng số 35 000 hộ. Như vậy, có khoảng trên 6 300 hộ nghèo đói, nghèo. Thực tế này là một thách thức rất lớn đối với đảng bộ chúng tôi. Trong điều kiện nhà nước còn nhiều khó khăn nhưng thông qua hoạt động của các chương trình kinh tế, ngân hàng người nghèo, vốn hỗ trợ phụ nữ nghèo, khuyến nông, khuyến lâm, chương trình hợp tác lâm nghiệp, R-VAC... đã có tác dụng hỗ trợ rất đắc lực đối với các hộ nông dân. Chỉ tính trong 3 năm (1994-1996) tổng các nguồn vốn đã cho nông dân vay trên 40 tỉ đồng. Năm 1996 riêng ngân hàng người nghèo đã cho các hộ vay trên 3 tỉ đồng.

Trong quá trình chỉ đạo, một mặt chúng tôi tiến hành điều tra phân tích cụ thể tình hình, nguyên nhân nghèo đói, phân loại, sắp xếp hộ nghèo, hộ đói một cách khách quan, chính xác, sau đó có kế hoạch, biện pháp cụ thể để tập trung tháo gỡ. Mặt khác, chúng tôi cũng rất chú ý tới một đặc điểm tâm lý của đồng bào các dân tộc ở Thanh Sơn, đó là "chỉ làm theo cán bộ

Digitized by Google

làm, không làm theo cán bộ nói". Hay nói cách khác là không nghe nói suông mà phải được nhìn tận mắt để làm theo. Do đó người cán bộ phong trào phải sâu sát cơ sở làm cho người dân nhìn thấy tận mắt kết quả việc làm. Chính vì vậy các tổ chức đoàn thể có trách nhiệm trực tiếp đối với các đối tượng thuộc phạm vi ngành mình, hội mình, đặc biệt là các hộ nghèo đói thuộc hội viên hội phụ nữ, cựu chiến binh v.v...

Thông qua hoạt động trực tiếp của các đoàn thể, huyện ủy nắm chắc tình hình thực tế, diễn biến tâm lý và kết quả cũng như những khó khăn, vướng mắc để tìm biện pháp tháo gỡ. Cách làm như vậy đã khuyến khích, tạo cơ hội thuận lợi cho những hộ có khả năng sản xuất kinh doanh. Xây dựng mô hình kinh tế có hiệu quả là cách làm có ý nghĩa thuyết phục rất lớn, và từ những mô hình này sẽ được nhân rộng ra khắp các địa phương khác. Cũng chính với cách làm này mà chỉ trong vài ba năm trở lại đây số hộ làm ăn khá, giải quyết cơ bản đói nghèo và dần dần có tích lũy xuất hiện ngày càng nhiều ở tất cả các xã, kể cả các xã vùng cao khó khăn về nhiều mặt, góp phần động viên, lôi cuốn phong trào giảm tỷ lệ đói nghèo. Việc thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo ở cơ sở cũng có nhiều cách làm hết sức phong phú, tuy không giống nhau nhưng mục đích cuối cùng là làm cho người đói, hộ đói đủ ăn, hộ nghèo bớt nghèo có tích lũy trở thành khá, thành giàu, người giàu thành giàu thêm. Với cách tự làm giàu, có sự quản lý, hướng dẫn của chính quyền cùng với tình thân ái, tính cộng đồng dân tộc vốn rất sâu đậm ở Thanh Sơn, đã làm cho kết quả của cách làm này thực sự có tác dụng lan tỏa trên các địa phương, các xã, kể cả xóm bản vùng cao.

3 - Giải quyết tốt các chính sách xã hội, chăm lo phát triển nguồn lực con người vừa là đạo lý truyền thống, vừa là động lực trực tiếp cho việc thực hiện công bằng xã hội, phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo. Nhận thức sâu sắc ý nghĩa quan trọng của vấn đề này, đảng bộ chúng tôi thường xuyên coi trọng công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, đặc biệt coi công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, một mắt xích quan trọng để thoát khỏi cảnh đói nghèo. Thành tựu nổi bật trong lĩnh vực này là cho đến nay huyện đã thanh toán về cơ bản một số bệnh dịch nguy hiểm như sốt rét, ỉa chảy ; khống chế bệnh bướu cổ, đặc biệt hạ tỷ lệ tăng dân số xuống 2%/năm (năm 1991 là 2,56%). Những kết quả đạt được về kinh tế, xã hội còn phải kể đến đóng góp quan trọng của ngành giáo dục - đào tạo. Trong điều kiện chung còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, giáo viên thiếu nhưng các trường trong huyện đã có cố gắng lớn bảo đảm dạy và học, không còn tình trạng học 3 ca ; tỷ lệ chuyển cấp, chuyển lớp đạt cao không thua kém các nơi có nhiều điều kiện tốt hơn. Năm học 1995-1996 là năm huyện có số học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp cao nhất từ trước tới nay. Thanh Sơn cũng là một trong số ít các huyện trong tỉnh được tổ chức Trường phổ thông Dân tộc nội trú cấp II để đào tạo nguồn cán bộ cho các xã miền núi. Ngoài ra, đảng bộ cũng lãnh đạo tốt việc thực hiện *Pháp lệnh người có công*, cùng với các đơn vị trong và ngoài huyện nhận chăm sóc, phụng dưỡng 15 bà mẹ Việt Nam anh hùng. Các phong trào của các tổ chức quần chúng như "Uống nước nhớ nguồn" ; "Toàn dân thi đua xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư", "Thanh Sơn lập nghiệp, tuổi trẻ giữ nước", "Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình"... được coi là các cuộc vận động có tính chất thúc đẩy cho chương trình xây dựng làng xã tiến bộ, nông thôn mới trật tự, công bằng. Các phong trào đó được đảng bộ quan tâm, nhân dân hưởng ứng nhiệt tình, tạo nên bầu không khí ấm áp tình làng, nghĩa xóm, củng cố niềm tin của dân đối với Đảng. Tuy còn nhiều khó khăn, nhiều vấn đề nảy sinh tiếp tục cần được uốn nắn, khắc phục và giải quyết, nhưng những kết quả đạt được trên đây đã góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế phát triển, đẩy lùi dần đói nghèo và tiêu cực, dần dần mang lại sắc thái mới, diện mạo mới trên quê hương miền núi Thanh Sơn.

Đánh giá kết quả đạt được trong lĩnh vực kinh tế - xã hội nói chung, chương trình xóa đói giảm nghèo nói riêng của Thanh Sơn, đảng bộ chúng tôi cho rằng sự giúp đỡ động viên của nhà nước trong nhiều năm qua là rất quan trọng và không thể thiếu. Nhưng phải nói rằng chính sức mạnh từ nội lực mới là điều chủ yếu và có tính quyết định. Biết thoát ra khỏi căn bệnh cố hữu là tính tự ti để hình thành cách suy nghĩ mới, cách làm mới và vươn lên, Đảng bộ và nhân dân Thanh Sơn đang kiên trì phấn đấu, từng bước vượt qua khó khăn yếu kém, lạc hậu, đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực, khắc phục sai lầm khuyết điểm phát triển kinh tế, đẩy lùi nghèo đói, để đi lên. ❑

Digitized by Google

ĐỘI NGŨ NHÀ VĂN TRẺ ĐANG TỰ KHẲNG ĐỊNH MÌNH

MAI HẢI OANH

Thực ra cho đến nay, tên gọi "nhà văn trẻ", "nhà thơ trẻ" chưa phải đã là một tên gọi "êm tai". Vì rằng, có thể nhà văn đã cao tuổi mà vẫn cảm thấy mình còn rất trẻ. Thậm chí, ngay cả khi buộc lòng phải chia tay với cái nhân gian vừa "bé tí" vừa rộng lớn này, cố thi sĩ Xuân Diệu vẫn cảm thấy mình "si tình đến ngất ngư" kia mà. Lại nữa, không ít người, dẫu còn trẻ mà xem ra đã "toan về già". Sau vài ấn phẩm in báo tự nhiên cái hồn văn cứ khô đi, và khả năng sinh tạo tỏ ra không còn mấy. Vậy thì ai dám gọi là trẻ ? Nhưng thiết nghĩ, cái tên gọi nào mà chẳng mang ý nghĩa tương đối. Ở đây, chúng tôi muốn gọi các nhà văn trẻ, nhà thơ trẻ với ý vừa hàm chỉ tuổi đời, vừa hàm chỉ tuổi nghề.

Lẽ tất nhiên, không ai khác, chính các thế hệ nhà văn là người đã nối tiếp nhau để tạo ra dòng chảy văn học không ngừng. Mỗi thời, một cách nhìn, một nếp nghĩ, một hệ quy chiếu. Những cá nhân nào đủ sức vượt qua thời ấy, và còn trụ mãi về sau, đó chính là tài năng. Những ai đóng góp sản phẩm tinh thần cho đời với một sức sống mãnh liệt độc đáo là lúc ta nghĩ đến tầm cỡ thiên tài. Nói như thế để thấy rằng, văn học vừa là nghiệp dĩ, vừa là đam mê, vừa là cái cửa ải khắc nghiệt mà ai đã trót yêu, trót quý đều phải kiên gan mà gắng chịu. Khác với thế hệ cha anh đã kiến tạo "một thời đại thi ca" qua hai cuộc kháng chiến trước đây, thế hệ nhà văn trẻ hôm nay lại phải đứng trước những vấn đề khác. Và tiếp cận nó, người cầm bút phải có trình độ học vấn nhất định, đã thế vừa phải tinh nhạy, vừa cần đến lòng dũng cảm. Quả thực, nếu nhìn trên các mặt báo, dễ nhận thấy đội ngũ nhà văn trẻ hôm nay thật đông đảo và trong số họ đã có không ít gương mặt tạo được ấn tượng sâu sắc ; một số bắt đầu có tiếng nói riêng.

Năm 1991, báo Văn. nghệ phát động cuộc thi truyện ngắn đã thu hút 1334 tác giả với 1626 tác phẩm. Đến năm 1992, chỉ riêng cuộc thi do Hội nhà văn TP Hồ Chí Minh phát động đã có tới 3934 truyện ngắn. Người ta tính ở Hội nghị những người viết văn trẻ lần thứ nhất (1961) số đại biểu mới chỉ đếm trên đầu ngón tay, thì đến Hội nghị công tác nhà văn trẻ lần thứ tư, tổ chức tháng tư năm 1994, đại biểu chính thức (chọn trong số còn rất đông những người cầm bút) đã lên tới 154 người. Dĩ nhiên, trong sáng tạo nghệ thuật người ta trọng "chất" chứ đâu trọng "lượng", nhưng không có lượng lấy đâu ra chất, và lượng trên một ý nghĩa nào đó cũng là tín hiệu đáng mừng, đáng trân trọng.

Xét trên mặt bằng học vấn ở các nhà văn trẻ chúng ta cũng rất phấn khởi ; họ phần đông đã tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học và đang làm việc ở nhiều cơ quan văn hóa, báo chí, trường học, viện nghiên cứu...

Điều lý thú và cũng đáng tự hào là lực lượng trẻ, số người thuộc các dân tộc thiểu số và đặc biệt là nữ ngày một tăng. Nếu như ở Hội nghị nhà văn trẻ lần thứ ba (1985) số nữ chiếm 20% tổng số nhà văn trẻ thì ở Hội nghị thứ tư, số nữ đã lên tới 40%. Theo nhà thơ Nông Quốc Chấn, năm 1960 trong tổng số người làm thơ, viết văn, chỉ có 10 người thuộc các dân tộc Dao, Thái, Tày, Nùng, Mường. Đến năm 1995, có thêm tác giả các dân tộc Ê đê, Ba na, Chăm, Khơ me, Cao lan, Pa dí, Dáy, H'Mông..., đưa tổng số lên 47 người làm thơ và 17 người viết văn xuôi.

Nhìn nhận những cây viết cụ thể, về văn có thể kể đến Phan Thị Vàng Anh, Nguyễn Thị Thu Huệ, Phan Triều Hải, Phạm Ngọc Tiến, Y Ban, Võ Thị Xuân Hà, Trần Thanh Hà, Nguyễn Thị Châu Giang, Lưu Minh Sơn... Về thơ có Nguyễn Quang Thiều, Trương Nam Hương, Giáng Vân, Nguyễn Quyến, Mai Văn Phấn, Ngân Hoa, Ly Hoàng Ly...

Có ý kiến cho rằng các nhà văn trẻ hiện nay thông minh hơn, đề tài phản ánh đa dạng hơn, được giải phóng hơn trong cách nghĩ và cách trình bày... nhưng vẫn chưa tạo ra được đỉnh cao. Xét về một phương diện nào đó, nhận xét này có lý. Nhưng trên thực tế phải nhận rằng, những đóng góp của họ cho mặt bằng đời sống văn học hôm nay là đáng ghi nhận.

Digitized by Google

Trong lĩnh vực văn xuôi, liên tục trong mấy mùa giải của báo *Văn nghệ*, tạp chí *Văn nghệ quân đội*... các cây bút trẻ đã tạo được hệ thống giọng điệu mới. Đa số các cây bút trẻ đặt mối quan tâm của mình vào những vấn đề "cùng thời" và cảm nhận nó theo cách nhìn riêng của mình. Có người viết như một sự trải nghiệm, có người lại bất chợt chớp lấy một nét nào đó để khái quát. Tốc độ cuộc sống hôm nay khá nhanh, có lẽ bởi thế mà truyện ngắn chính là thể loại được ưa chuộng. Nhìn một cách tổng quát ít có cây bút trẻ nào dồn tâm sức cho tiểu thuyết và đạt được thành công ở thể loại này. Song điều đáng nói là ở chỗ, truyện ngắn hôm nay hàm chứa sức nén rất lớn và nó không trôi đi trong nhịp điệu chậm rãi như truyện ngắn trước đây. Đây là lý do để khi tiếp xúc với thế giới tự sự của các nhà văn trẻ, ta bắt gặp được những cảm nhận khá sâu sắc của họ qua lối kể nhanh, hoạt và căng. Lớp trẻ hiện nay có xu hướng mổ xẻ triệt để những vấn đề họ quan tâm, khai thác nó bằng thái độ thẳng thắn, ít e dè. Họ đã đem đến cho người đọc một cái nhìn tỉnh táo hơn trước những vấn đề nóng bỏng, phức tạp của xã hội đương đại. "Thế giới" truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ chẳng hạn. Chị không ngần ngại mở toang cánh cửa của cái gọi là "Hậu thiên đường" đầy bi kịch của một lớp người nào đó... Còn nhớ, khi những truyện ngắn đầu tiên của Thu Huệ được in, người ta thích chị bởi trước hết được tiếp xúc với một kênh cảm không uy nghiêm thơ mộng như những truyện ngắn thời trước, mà trái lại có phần gai góc và quyết liệt. Mấy năm qua người đọc thường chú ý đến giọng văn lạ của Phan Thị Vàng Anh. Truyện ngắn của Vàng Anh thường có khuynh hướng chắt lọc về dung lượng. Nhà văn có ý thức tiết kiệm lời. Tâm thế sáng tạo và đối tượng miêu tả của Vàng Anh chủ yếu là ở vùng "Khi người ta trẻ". Chị viết về cái thế giới xung quanh ấy bằng giọng văn có phần lạnh. Cứ như thể nó là thế, không thể khác. Nét đặc sắc của cây bút "nhà nòi" này là ở chỗ, không cần tạo dựng những đột biến, những lối rẽ bất ngờ trong truyện, thế mà những gì chị chạm đến đều ám ảnh người đọc thật khó dứt. Đâu đó, trong những con người mà chị nói đến có sự bất định, chơi vơi. Nó xuất phát từ một cái nhìn của một người "loay hoay" và "không yên" này. Rõ ràng sự đa dạng trong cách thể hiện dám nhìn thẳng vào cuộc đời bể bộn, đa sắc thực sự là một nỗ lực của các cây bút trẻ. Tuy nhiên, phía sau câu văn người đọc dễ nhận thấy sự xót xa, những lời cảnh báo về cái "vòng đời" đang chứa trong nó những nguy cơ bằng hoại giá trị con người. Ngay cả từ "Trò chơi giữa giờ", "Chuyện thường ngày" mà Vũ Đức Nghĩa cũng dự liệu về một nguy cơ phát triển của cái ác và sự vô cảm của con người. Rõ ràng cái tình của nhà văn đã là yếu tố tạo nên sức đằm của truyện.

Cuộc thi thơ và truyện ngắn của tạp chí *Văn nghệ quân đội* năm 1996 đã ra mắt nhiều cây bút văn xuôi mới bên cạnh những cây bút đã từng được giải lần trước. Người đọc phát hiện ra khuôn mặt trẻ, sắc sảo và khả ái của cô giáo dạy văn đất Quảng Trị Trần Thanh Hà. Nhờ "Liều mình" gửi cho *Văn nghệ quân đội* một truyện ngắn mà đến nay độc giả may mắn làm quen với một gương mặt văn xuôi có triển vọng này. Những truyện ngắn của Trần Thanh Hà chủ yếu xoay quanh vùng đất Vĩnh Linh của chị, nhưng trong tác phẩm, thật lạ, mặc dù sống trong thời bình (khi chiến tranh kết thúc thì chị mới là một đứa trẻ lên ba) mà cái dư vị của cuộc chiến khốc liệt vẫn bám dai dẳng. Bởi thế "Người đọc Đắc nhân tâm", "Miền cỏ hoang", "Sông có dài"... đều trĩu nặng những ưu tư. Theo ý tôi chính điều này đã tạo ra một chất thơ thật kín đáo trong truyện ngắn của Trần Thanh Hà : *"Phía đó, một làn khói bếp mỏng bay lên, vẽ một đường cong mềm mại, rồi tỏa vào trong chiều muộn"* (Miền cỏ hoang).

Dĩ nhiên là *trẻ* cho nên những trang văn dành cho đề tài tình yêu chiếm một tỷ trọng lớn (mà ngẫm ra thì với tình yêu, tuổi nào chẳng "lưu luyến") - Các cuộc tình thời vi tính hôm nay có phần khác xa với những thiên diễm tình trong văn học trước đây. Thuở ấy người ta đến với tình yêu trong cái nhìn lý tưởng ; những cay đắng riêng tư trong tình yêu ít được nói đến. Nay, không ít truyện tình diễn ra thật buồn, buồn vì nhiều lẽ, nhiều kiểu dạng được miêu tả khá kỹ và hay. Tuy nhiên, một số người quá mê say với những mối tình vụn, do đó, sức gợi của tác phẩm bị hạn chế ; những nỗi buồn héo, vì thế, rơi vào giả tạo, khiên cưỡng.

Có thể nói những thành công trong lĩnh vực truyện ngắn của các cây bút trẻ đã thực sự tạo ra sự sôi động của văn học hôm nay. Rồi ra, trong những cây bút đang được chú ý hôm nay có thể có người gắn với nghiệp văn lâu dài, có người sẽ rời xa nó (vì mưu sinh hoặc một lý do nào khác...) nhưng có thể tin rằng, họ chính là lực lượng tiếp bước thế hệ cha anh một cách đáng tin cậy.

Ở lĩnh vực thơ ca, các cây bút trẻ cũng tạo được những dấu ấn sắc nét. Dù có những ý kiến trái ngược nhau, song Nguyễn Quang Thiều vẫn là một gương mặt thơ đáng chú ý. Sự hấp dẫn của thơ Nguyễn

Digitized by Google

Quang Thiều trước hết là sự hấp dẫn của lối nhìn khác với những cái ta đã quen nhìn, ở cách nói khác với cách nói hôm nay vẫn thường được thơ ca ta ưa thích, là sự chải chuốt óng mượt và mềm mại. Thực ra ở thơ Nguyễn Quang Thiều và một phần thơ Nguyễn Quyến, sự đột phá của các liên tưởng là yếu tố có ý nghĩa hết sức quan trọng để tạo nên biểu tượng thơ. Thiết nghĩ, trong "Gánh nước sông" của Nguyễn Quang Thiều, dẫu chưa phải lúc nào cũng "đủ đầy" phù sa nhưng *sức vóc* của nó thì đã rõ.

Khi nhìn vào thơ mấy năm qua có một thực tế làm người đọc vừa mừng, vừa lo là hiện tượng tranh luận về thơ sôi nổi hơn nhiều so với việc chúng ta có được nhiều thơ hay. Điều đó cho thấy, thơ đang trong quá trình tìm kiếm một phương cách thể hiện mới để phản ánh được cuộc sống phức tạp đa chiều hôm nay. Rõ ràng, so với thơ giai đoạn trước, thơ ca hôm nay mở rộng dung lượng phản ánh hiện thực hơn và có xu hướng đi về phía *ảo hóa*. Gần đây, người ta hay nói về tâm linh. Một số còn đẩy thêm : khai thác tâm linh là các yếu tố cơ bản làm nên thơ hiện đại. Nhận xét này còn cần được bàn luận. Quả thật thơ ca lớp trẻ có xu hướng khai phá những giây phút không phải lúc nào cũng có thể giải thích rành rẽ theo lối hai lần hai là bốn. Song thực ra, với những tài năng cỡ lớn thì câu thơ nào chẳng chạm đến tâm linh. Vậy nên, tính hiện đại của thơ không chỉ nằm ở đối tượng được khám phá mà còn ở cách thức khám phá và biểu hiện nó. Và nữa, có ý kiến cho rằng ngôn ngữ không phải là cái đích của thơ ca, vì cái đích của thơ ca chính là tâm hồn. Nói như thế đúng nhưng chưa đủ. Ngôn ngữ thơ là phương tiện, nhưng cũng là một mục đích của thơ ca.

Thơ trẻ ngày nay nghiêng về hướng nội, phân tích mổ xẻ chính mình : *Ruổi rong khắp bốn phương trời - Câu thơ hành khất theo người hành hương - Ta gom nhặt giữa đời thường - Nỗi đau của mẹ nỗi buồn của cha* (Trương Nam Hương). Dĩ nhiên, cái gọi là *hướng nội* và *hướng ngoại* chỉ là một khái niệm có tính tương đối mà thôi.

Quả thực thơ trẻ hay nói về nỗi buồn. Có thời, ta rất ngại nói đến buồn. Nay ai cũng hiểu điều đó là ấu trĩ. Nhưng đó phải là nỗi buồn làm cho người ta thấy yêu cuộc sống hơn, thương con người hơn. Và điều quan trọng là giúp con người đứng vững trong cuộc sống mới. Đây là ý nghĩa "thanh lọc" của nỗi buồn mà học giả A-ri-xtốt đã từng nói khi bàn về bi kịch. Đạt được đến điều này chắc còn phải có thời gian. Tuy nhiên, ngoại trừ những nỗi "buồn giả" thơ trẻ không ít những câu thơ viết rất hay về nỗi buồn : *Ta về thăm lại dòng sông - Hoa bần liu riu phiên bồng mắt ai - Ta về tìm lại thời trai - Em chờ ta bóng đổ dài qua duyên - Bờ xưa còn bến còn thuyền - Ta như con nước lỡ quên em rồi.* (Phan Tùng Lưu). Kể ra hai chữ "phiên bồng" và "thời trai" còn "xốp" nhưng đây là những câu lục bát đầy thương cảm, đau xót. Cùng với nỗi buồn lại có những niềm vui và nỗi đau khai nở. Về điểm này Ngân Hoa là một gương mặt mới nhưng lại có được những câu thơ hay, đầy nữ tính : *Bao người đàn bà ốm nghén trở lại khu vườn chun chút chanh non. Làn môi nhợt chạm mùa xuân rôn rốt.* Nếu Ngân Hoa biết đầu tư xúc cảm, suy ngẫm nhiều hơn thì *Cánh đồng* của chị chắc chắn sẽ lúc lỉu quả.

Như đã nói, thơ tình của lớp trẻ hôm nay thể hiện nhiều cung bậc hơn thời chống Mỹ. Ở đó nước mắt có thể gắn với nụ cười, hy vọng đi liền với thất vọng... Nó là tâm trạng của một người, của một thời, để rồi ngay cả "Trên những ngày buồn" ta đâu dễ "Lãng quên" được cách nhìn muôn đời của tình yêu, cho dù ánh nhìn ấy lắm khổ đau bởi hạnh phúc (Giáng Vân).

Muốn hay không, cả văn xuôi lẫn thơ ca cần phải tạo ra sự bứt phá mới. Thế hệ nhà văn thứ tư và thứ năm sẽ là chủ nhân của văn học nước ta khi bước vào thiên niên kỷ thứ ba. Đây là thời kỳ họ phải vừa sáng tạo vừa dò tìm. So với các thế hệ nghệ sĩ trước đây, các nhà văn trẻ có nhiều thế mạnh : được học hành một cách cơ bản hơn, được tự do thể hiện hơn, được giao lưu nhiều hơn. Đó chính là những thuận lợi để các nhà văn có điều kiện tạo ra nhiều tác phẩm độc đáo, mới lạ và nhân bản. Tất nhiên, phải lưu ý rằng, lĩnh vực văn chương bao giờ cũng cần tài năng và bản lĩnh thực sự chứ không thể dựa dẫm hay ỷ vào xảo thuật ngôn từ. Nỗi lo vì chưa tạo được "đỉnh" vẫn còn đó. Đó là lý do đòi hỏi các nhà văn phải nỗ lực hết mình, "chịu chơi" hết mình vào một lĩnh vực đầy nghiêm túc nhưng đỏng đảnh, đầy đam mê, nhưng cũng phải rất tỉnh táo là văn chương. Sự xuất hiện của lực lượng viết trẻ và đóng góp của họ thật đáng quý. Tuy nhiên đây mới chỉ là những đường cày xới lên còn để đến mùa gặt thì các nhà văn trẻ phải đi tiếp một quãng đường rất xa nữa. Và hy vọng họ là những người bằng trái tim mình, bằng tài năng quan tâm nhiều hơn nữa đến cuộc sống sôi động, phong phú, phức tạp của một xã hội đang chuyển mình, nói lên tiếng nói của một thế hệ trong bối cảnh dân tộc đang đứng trước vận nội lớn lao ; vừa hội nhập với thế giới vừa phải giữ được bản sắc của chính mình. ❑

Digitized by Google

CÁI SƯỚNG VÀ CÁI KHỔ

NHÂN ĐĂNG

Từ thực tiễn công tác của chính mình, tôi rút ra nhận xét có tính kinh nghiệm : Làm thủ trưởng, không gì sướng bằng có những người phụ tá giỏi. Còn làm phụ tá (hay cán bộ nói chung) thì không gì khổ bằng có người thủ trưởng tồi. Tôi đem nhận xét ấy nói lại với một số đồng chí giống tôi ở chỗ, đã từng nhiều năm làm phụ tá (hoặc là phó), cũng từng nhiều năm làm thủ trưởng. Thế là một cuộc tranh luận nổ ra. Số tán thưởng khá đông. Nhưng không phải không có những người không đồng tình.

Đúng là làm thủ trưởng mà có người phụ tá giỏi thì sướng thật. Thủ trưởng nói một, người phụ tá có thể làm hai hoặc ba ; thủ trưởng có ý hay, người phụ tá phát triển và hiện thực hóa ý kiến đó trong cuộc sống ; thủ trưởng nói điều dở (chưa đúng), người phụ tá có thể góp ý để thủ trưởng điều chỉnh ; thậm chí có những điều thủ trưởng chưa nghĩ tới, người phụ tá có thể đề xuất và kiến nghị để thủ trưởng quyết định. Người phụ tá (hay người phó) giỏi thường là người có nhiều sáng kiến, có những đề xuất táo bạo. Vì sao ? Vì người phó không phải là người quyết định cuối cùng. Dù anh có sai, chủ trương không đúng thì đã có thủ trưởng sửa và chịu trách nhiệm. Cho nên, người phó có thể rất mạnh dạn.

Cũng đúng là làm phó mà có một vị thủ trưởng tồi thì khốn khổ thật. Thủ trưởng tồi thường không đưa ra được những chủ trương hay và đúng. Thủ trưởng chủ trương sai thì người phó phải gánh chịu trước hết, không thi hành là vô kỷ luật, còn thi hành thì trái lòng mình, lại mang lấy họa vào thân. Thủ trưởng không hơn người phó một cái đầu, hay nửa cái đầu chẳng hạn, sẽ có tình trạng "cá mè một lứa", không ai chịu ai. Thủ trưởng không giỏi, không có khả năng thuyết phục về những chủ trương mình đưa ra, tất nhiên phải dùng mệnh lệnh cưỡng ép. Chẳng những thế, thủ trưởng còn lầm lẫn giữa đúng và sai, tốt và xấu ; không biết cái gì là sai là xấu để bác bỏ, cái gì là đúng là hay để ủng hộ ; do đó mà làm nảy nở thói cơ hội chủ nghĩa, hoặc làm thui chột sáng kiến và tài năng của người phụ tá. Đó là chưa kể những thủ trưởng sợ cấp phó giỏi hơn mình nên cố tình đè xuống...

Lý lẽ về *cái sướng* và *cái khổ* của thủ trưởng và người phụ tá là như vậy. Thế nhưng khi nghe nhận xét nói trên có người không bàn cãi theo lô-gic thuận mà đặt câu hỏi ở một khía cạnh ngược : "Thế đối với một thủ trưởng tồi, có người phụ tá giỏi là họa hay phúc ?".

Họa hay phúc ư ? Điều đó tùy thuộc ở cả hai, cả thủ trưởng và phụ tá, nhưng có lẽ tùy thuộc nhiều hơn ở thủ trưởng. Và ở đây, đối với thủ trưởng, chữ *tôi* phải được hiểu trên cả hai mặt tài và đức. Nếu thủ trưởng kém tài mà có đức thì thủ trưởng có thể dùng cái giỏi của người phụ tá để bổ sung cho cái kém của mình, và trong trường hợp đó, người phụ tá không chỉ là người trợ thủ, người cộng sự đắc lực của thủ trưởng mà còn là người có thể thay thế thủ trưởng. Như vậy, có thể gọi là *phúc* được. Còn nếu như thủ trưởng kém cả tài lẫn đức thì khỏi phải nói. Ông ta sẽ thấy ở người phó một đối thủ cạnh tranh, người làm cho hình bóng của ông ngày một mờ nhạt đi trong cơ quan, đơn vị, người mà một ngày nào đó sẽ gạt bỏ ông khỏi chiếc ghế ông đang chiếm giữ. Và đối với ông, đó quả thật là cái *họa*. Đó là chưa nói, có những vị thủ trưởng lấy việc có người phó biết vâng dạ, dễ sai dễ bảo làm điều hạnh phúc của mình. Các vị ấy đã lầm to. Người phó không giỏi lại có thói xu nịnh, đầy tham vọng, đấy mới thật là cái họa.

Trong cuộc sống thường ngày, ta thường thấy có những cặp trưởng - phó rất ăn ý với nhau, cần cho nhau như hình với bóng, đoàn kết với nhau và dắt dìu nhau cùng tiến lên vì công việc. Lại có những cặp trưởng - phó gần như chỉ thấy mặt nhau trong hội nghị, ngoài ra chỉ thấy lưng nhau ; trưởng chê phó, phó chê trưởng và trưởng, phó cùng chê nhau trước cấp trên. Mối quan hệ giữa trưởng và phó, lẽ ra là hợp tác và hợp nhất, lại trở thành đối nghịch và phân ly. Đã đến lúc phải loại bỏ các nhân tố phi tính đảng ấy ra khỏi mối quan hệ này. Hãy loại bỏ sự cố kết theo cánh hẩu, và cả sự phân ly theo cánh hẩu. Hãy khôi phục lại sự đoàn kết và hợp tác có nguyên tắc giữa trưởng và phó. Có trưởng giỏi và phó giỏi là điều hạnh phúc nhất cho cả hai, cho cả cơ quan và đơn vị. ❑

Digitized by Google

NHÂN TỐ "THẾ - LỰC - THỜI" TRONG QUAN HỆ CỦA VIỆT NAM VỚI CỘNG ĐỒNG CÁC NƯỚC CÓ SỬ DỤNG TIẾNG PHÁP

NHÂN dịp **Hội nghị cấp cao lần thứ 7** (HNCC7) các nước có sử dụng tiếng Pháp được tổ chức tại Hà Nội, phóng viên (PV) **Tạp chí Cộng sản** đã có cuộc trao đổi ý kiến thân mật với đồng chí Tôn Nữ Thị Ninh (đ/c TNTN) trợ lý Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Phó trưởng ban chuẩn bị HNCC7.

- **PV** : Với tư cách là trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao, Phó trưởng ban chuẩn bị HNCC7, xin đồng chí cho vài nét về kết quả thực hiện chính sách đối ngoại của Việt Nam thời gian qua ?

- **Đ/c TNTN** : HNCC7 là Hội nghị thượng đỉnh quốc tế quy mô khá lớn đầu tiên mà Việt Nam đứng ra tổ chức (có sự giúp đỡ của một số nước và tổ chức trong Cộng đồng).

Thử nhìn lại tình hình nước ta vào đầu thập kỷ 90, khi chúng ta mới thực hiện chính sách ngoại giao của thời kỳ đổi mới :

- Nước ta vẫn ở tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, là nước đang phát triển, với số dân hơn 70 triệu người, vừa phải tiếp tục khắc phục hậu quả về vật chất và về con người sau nhiều thập kỷ chiến tranh ác liệt, vừa phải thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đồng thời tiến hành đổi mới cơ cấu và cơ chế kinh tế - xã hội ; về đối ngoại còn chịu sự bao vây cấm vận, phần nào bị cô lập do những diễn biến của thập kỷ 80.

- Bối cảnh quốc tế thay đổi sâu rộng và hết sức nhanh chóng với những xu thế phát triển mới đặc biệt là xu thế quốc tế hóa, đa dạng và đa phương hóa quan hệ đối ngoại, đặt tất cả các nước trước yêu cầu bức thiết là điều chỉnh chiến lược đối ngoại nhằm thích nghi với cục diện mới.

Đối với Việt Nam lúc đó, nhiệm vụ của chính sách đối ngoại phải chăng có thể mô tả cô đọng như sau : Xây dựng đồng bộ thế và lực đối ngoại để có thể tranh thủ thời cơ, vận hội phục vụ sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước, đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quả thật, có thể xem xét vị trí, vai trò mà Việt Nam ngày nay muốn và có khả năng xây dựng cho bản thân mình trên trường quốc tế và khu vực, cũng như mục tiêu và biện pháp nhằm đạt được vị trí vai trò đó qua cách tiếp cận tam giác "thế - lực - thời". Mục tiêu chung của chính sách quốc gia của chúng ta là đạt đến sự phát triển kinh tế - xã hội toàn diện và bền vững cho toàn thể dân tộc Việt Nam nói chung và từng người Việt Nam nói riêng. Do đó, chúng ta đang ra sức tạo nên một sự tương tác đầy năng động giữa tăng trưởng kinh tế, tăng cường nội lực, với việc xây dựng củng cố một môi trường khu vực và quốc tế thuận lợi, một thế đối ngoại tối ưu. Bối cảnh sau chiến tranh lạnh khi các nước đều mở rộng và đa dạng hóa quan hệ là một thời điểm, một thời cơ thuận lợi để ta thực hiện có hiệu quả sự tương tác nêu trên. Ngoài ra, tam giác "thế - lực - thời" sẽ mang dấu ấn độc đáo của bản sắc riêng từng dân tộc. Nói tóm lại, chính sách đối ngoại của từng nước sẽ là sự tổng hòa các mối quan hệ trong tam giác độc đáo đó.

- **PV** : Đồng chí vừa đề cập đến tam giác "thế - lực - thời". Vậy, từ cách tiếp cận này có thể lý giải việc tham gia Cộng đồng Pháp ngữ của ta thế nào ?

- **Đ/c TNTN** : Thế đối ngoại mà ta muốn tạo nên là một thế vừa vững chãi vừa linh hoạt dựa trên những mối quan hệ liên kết rộng rãi đa dạng. Nước ta có càng nhiều đối tác, càng nhiều chỗ đứng trong những tập hợp khác nhau, thì càng có điều kiện thực hiện nguyên tắc độc lập, tự chủ đi đôi với yêu cầu hội nhập, không bị lệ thuộc vào bất cứ một đối tác riêng lẻ nào mà biết vận dụng các mối quan hệ đó với nhau sao cho có lợi nhất cho ta. Đó là lý do nước ta chủ trương tham gia ngày càng nhiều vào các thể chế, khuôn khổ hợp tác đa phương toàn cầu (Liên hợp quốc và hệ thống tổ chức thuộc LHQ và sắp tới Tổ chức Thương mại thế giới - WTO), liên khu vực (phong trào không liên kết, Cộng đồng Pháp ngữ) và khu vực (ASEAN và sắp tới APEC). Đương nhiên do quy mô, tính chất và thực lực của mỗi tổ chức khác nhau, việc tham gia sẽ mang lại một lợi thế khác nhau cho chúng ta. Rõ ràng lợi thế, ý nghĩa thiết thực và tính chất cũng như mức độ tác dụng của việc tham gia LHQ, phong trào không liên kết, Cộng đồng Pháp ngữ, ASEAN và sau này WTO và APEC là khác nhau. Tuy nhiên, cần thấy rằng triển khai tích cực việc tham gia khuôn khổ này sẽ có tác động tích cực đến thế của ta trong khuôn khổ kia : Ví dụ khi ta gia nhập ASEAN, thế của ta trong nội bộ phong trào không liên kết được nâng lên ; hay trong nội bộ ASEAN ta có lợi thế là có cửa ngõ thuận lợi sang một phần lớn châu Phi ; tại LHQ, tư thế thành viên ASEAN, không liên kết và Cộng

Digitized by Google

đồng Pháp ngữ đều tạo cho ta những khuôn khổ tham khảo vận động, những "ăngten" (cái mà một đại sứ lâu năm ở LHQ gọi là "listening post") nắm bắt thông tin, quan điểm, xu thế của các nhóm nước khác nhau. Do vậy, lẽ nào ta lại bỏ qua, hoặc coi thường bất cứ khả năng, khuôn khổ nào có thể vun đắp cho thế tổng hợp của ta, dù đó là khả năng khiêm tốn. Cả những nước giàu mạnh và những nước nghèo trong cộng đồng Pháp ngữ đều không bỏ qua việc tranh thủ khả năng này.

- **PV** : Có ý kiến cho rằng tiếng Anh hiện đang là ngôn ngữ quốc tế, vậy mà ta lại đăng cai tổ chức một hội nghị tiếng Pháp ?

- **Đ/c TNTN** : Việt Nam nằm trong một khu vực mà tiếng Anh là ngôn ngữ quốc tế thông dụng. Không ai chối cãi điều đó. Có người phân vân liệu tích cực thúc đẩy việc học và sử dụng tiếng Pháp có thiết thực lắm không, và nó có tương lai như thế nào ? Theo tôi, vấn đề này thuộc sự nghiệp giáo dục, nên có cách xem xét một cách tổng thể, lâu dài, không quá "thực dụng". Đối với thế hệ thanh niên Việt Nam đi vào thế kỷ XXI, là đội ngũ chủ lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc biết một ngôn ngữ quốc tế (tiếng Anh) là cần thiết nhưng chưa đủ. Thanh niên Việt Nam nên và hoàn toàn có ý chí và khả năng trí tuệ để biết thêm một ngoại ngữ thứ hai. Đó có thể là ngôn ngữ quốc tế nhiều quốc gia, dân tộc sử dụng như tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng A-rập, tiếng Trung Quốc hoặc là ngôn ngữ có vị trí quan trọng trong quan hệ chính trị, kinh tế của ta như tiếng Nhật, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan v.v... Mô hình của một thanh niên Việt Nam "hiện đại" là biết 2 ngoại ngữ, nó sẽ tạo nên lợi thế so sánh với thanh niên châu Á nói chung. Tiếng Pháp có vị trí quan trọng sau tiếng Anh, vì dù sao nó cũng là một trong 6 ngôn ngữ chính thức và hơn thế nữa là một trong hai ngôn ngữ làm việc của LHQ. Vả lại, để duy trì và phát triển tiếng Pháp và các hoạt động có liên quan hoặc thông qua tiếng Pháp, về phía chúng ta có những thuật lợi, trong khi đó lại được Cộng đồng Pháp ngữ hỗ trợ qua con đường viện trợ và hợp tác kỹ thuật đa phương và song phương. Điều chúng ta phải tính là việc tiến hành một chính sách có ý thức và chủ đích nhằm tạo cho tiếng Pháp và quan hệ hợp tác trong khuôn khổ Pháp ngữ một vị trí thích hợp.

- **PV** : Việc tham gia cộng đồng Pháp ngữ mang lại những lợi ích gì cho Việt Nam ?

- **Đ/c TNTN** : Ngoài những điều lợi mà tôi đã nói qua ở trên, Cộng đồng Pháp ngữ bao gồm gần 500 triệu dân (khoảng 9% dân số thế giới), quy tụ 12% sản lượng thế giới và gần 17% trao đổi thương mại quốc tế. Mặt khác, Cộng đồng Pháp ngữ là một tập hợp Bắc - Nam, trong đó các nước phương Bắc đại diện cho 10,5% sản lượng thế giới và các nước phương Nam chỉ chiếm tỷ trọng 1,5%. Về khoa học - công nghệ, nếu Mỹ đã đạt 12 giải phin (...) Fields về toán học thì Pháp cũng đã có 7 giải. Ngày nay đối thủ duy nhất của Mỹ về công nghệ sản xuất máy bay là E-bớt (Airbus) một tập đoàn châu Âu mà Pháp là nòng cốt. Pháp, Ca-na-đa, Thụy Sĩ cũng nằm trong mũi nhọn của công nghệ viễn thông. Còn trong quan hệ kinh tế đối với Việt Nam thì như thế nào ? Hiện nay hằng năm các nước và tổ chức trong Cộng đồng Pháp ngữ viện trợ cho ta khoảng 87 triệu USD và đầu tư vào nước ta hiện nay khoảng 1 550 triệu USD, đào tạo bồi dưỡng cho ta gần 1 000 cán bộ mỗi năm.

Đó là những con số, những nguồn lực không phải là lớn nhất, nhưng cũng rất đáng kể mà ta phải biết phát huy qua con đường song phương, cũng như con đường đa phương của Cộng đồng Pháp ngữ. Khi nói rằng duy trì và củng cố thế của tiếng Pháp và Cộng đồng Pháp ngữ là một yêu cầu quan trọng trong chính sách đối ngoại của Pháp, Ca-na-đa và Bỉ chẳng hạn, chúng ta có thể dựa vào đòn bẩy này để thúc đẩy chính phủ các nước đó tăng cường hợp tác và hỗ trợ trên lĩnh vực văn hóa, ngôn ngữ, giáo dục và khoa học - kỹ thuật. Cũng do lợi ích gặp nhau giữa ta và các nước chủ lực trong Cộng đồng (Pháp, Ca-na-đa, Bỉ...) trong việc tổ chức HNCC7 tại Việt Nam, cho nên ta cũng tranh thủ được sự hậu thuẫn chính trị, tài chính và kỹ thuật của những nước này và những tổ chức như Tổ chức Pháp ngữ (ACCT), Hiệp hội các trường đại học có sử dụng tiếng Pháp (AUPELF-UREF), Hiệp hội thị trưởng các thành thị có sử dụng tiếng Pháp (AIMF)...

Ở đây còn có một vấn đề đáng suy ngẫm, lợi ích và lực do một mối quan hệ mang lại không phụ thuộc thuần túy vào trọng lượng của đối tác mà còn phụ thuộc ở khả năng phát huy một cách chủ động và có hiệu quả tác dụng của mối quan hệ đó. Trong quan hệ với Pháp, Ca-na-đa, Bỉ ta lấy nhân tố đa phương để thúc đẩy bình diện song phương, ngược lại, ta dựa vào quan hệ song phương tốt đẹp để phát huy tác dụng trong khuôn khổ đa phương.

- **PV** : Phải chăng đây chính là thời cơ để Việt Nam mở rộng các quan hệ song phương và đa phương ?

- **Đ/c TNTN** : Giai đoạn sau chiến tranh lạnh cho thấy những xu hướng, xu thế thuận lợi cho việc triển khai chính sách đa dạng hóa, đa phương hóa. Quan hệ đối ngoại của ta trong đó có quan hệ với Cộng đồng Pháp ngữ là :

- Xu hướng liên kết theo những trục khác nhau : việc tìm đến những tập hợp rất đa dạng từ những tập hợp địa - kinh tế như Tổ chức thị trường tự do Bắc Mỹ hoặc địa - chính trị như nhóm các nước Trung á mà I-ran làm nòng cốt, hoặc tổng hợp địa lý - kinh tế - an ninh như Hội nghị

(Xem tiếp trang 63)

Digitized by Google

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NIU-ÓC TỪ CHẤN ĐỘNG NÀY... ĐẾN CHẤN ĐỘNG KHÁC

LA CÔN

Hơn một tháng qua, giới kinh tế - tài chính Mỹ đã thảo luận sôi nổi về tình hình và triển vọng thị trường chứng khoán Niu-óóc, xoay quanh câu hỏi : liệu có xảy ra "ngày thứ hai đen tối" của "cú bất ngờ tháng mười", 19-10-1987, khi thị trường chứng khoán Niu-óóc sụp đổ không ? Cuộc tranh luận còn chưa ngã ngũ, thì ngày 27-10-1997, trên thị trường chứng khoán Niu-óóc, chỉ số Đạo Giôn đã sụt ghê gớm từ 7715 điểm xuống 7161 điểm, mất 554 điểm, bằng 7% giá trị. Đây là số điểm mất trong một ngày cao chưa từng thấy, vượt cả số 508, điểm mất trong "ngày thứ hai đen tối". Nhiều người cho rằng đây mới chính là "cú bất ngờ tháng mười". Ngay trong ngày 27, thị trường chứng khoán Niu-óóc phải ngưng hoạt động hai lần để chấn chỉnh lại. Và cũng ngay trong ngày đó, ông A-lân Grin-xpan, Chủ tịch Hội đồng Thống đốc ngân hàng trung ương (Fed) đã phải đến giải trình trước Quốc hội về thực trạng cơn chấn động này. Ý kiến giải trình của ông về cơ bản giống ý kiến ông đã đưa ra trước Quốc hội tháng 12 năm 1996 về "Tình trạng sôi động phi lý" của thị trường chứng khoán.

Tuy nhiên cơn chấn động này lại trùng hợp với sự sụp đổ thị trường chứng khoán Hồng Công ngày thứ năm 23 tháng 10, kéo dài cho đến đầu tuần sau đó. Nhiều nhà phân tích đã đặt câu hỏi : "Những diễn biến ở Hồng Công và Niu-óóc có liên quan gì với nhau ?".

Hồng Công - thiên đường thuế khóa

Hồng Công là một trung tâm tài chính quốc tế lớn, đứng hàng thứ 5 trên thế giới theo doanh số giao dịch ngân hàng và hối đoái. Thị trường chứng khoán Hồng Công có trị giá 350 tỉ USD, đứng hàng thứ 8 trên thế giới. Thế lực tài chính đó dựa trên nền kinh tế phát triển cao với GDP/đầu người là 25 300 USD và dự trữ ngoại tệ 66 tỉ USD (so với Mỹ 57 tỉ USD).

Song sức hấp dẫn mạnh mẽ nhất đối với giới kinh doanh là Hồng Công - thiên đường thuế khóa. Cho tới đầu thập kỷ 90, nhiều nhà nước phúc lợi phương Tây vẫn còn giữ mức thuế "đỉnh cao" đối với phần thu nhập vượt khung : 72% ở Đan Mạch, Thụy Điển ; 56% ở CHLB Đức. Thuế đỉnh cao thu được nguồn tài chính đồi dào phục vụ cho phúc lợi xã hội. Ở Hoa Kỳ, mức thuế đỉnh cao 70% còn được duy trì cho đến đầu thập kỷ 80 mới bị tổng thống Ri-gân hạ xuống 50% rồi lại xuống 28%. Thuế đỉnh cao giảm dần đến sự cần thiết phải cắt giảm phần lớn các khoản chi cho phúc lợi xã hội.

Ở Hồng Công, không có loại thuế trực thu hoặc gián thu nào ngoài hai loại thuế : thuế đánh vào công ty 16,5% và thuế đánh vào lương 15%. Vì thế các công ty đa quốc gia đã đổ xô vào Hồng Công kinh doanh kiếm lợi nhuận cao nhất. Có tới 816 công ty đa quốc gia đã mở văn phòng đại diện khu vực tại Hồng Công. Năm trăm công ty đa quốc gia lớn nhất thế giới có doanh thu từ 9 tỉ USD đến 168 tỉ USD, trong đó có 162 công ty Mỹ, 126 công ty Nhật và 41 công ty Đức đã mở chi nhánh ở Hồng Công và các nước có trình độ phát triển khác nhau trên khắp thế giới. Diện tích 403 dặm vuông đã chật chội đối với 6,4 triệu dân Hồng Công, càng quá chật đối với 816 công ty đa quốc gia lớn nhất thế giới. Vì thế ở đây giá nhà đất thuộc loại đắt nhất thế giới : 30 000 USD một mét vuông đất loại một.

Theo chính sách hướng về châu Á, các công ty đa quốc gia của Mỹ đã tăng vốn đầu tư vào Hồng Công và châu Á nói chung từ 185 triệu USD lên 24 tỉ USD (không tính Nhật Bản) trong mười năm qua. Một phần lớn số vốn đầu tư này thuộc về các Hội góp quỹ đầu tư (Mutual Funds, MF). Hoạt động của các MF hướng nhiều nhất vào việc đầu cơ bất động sản, tiền

Digitized by Google

tệ và chứng khoán. Loại hoạt động này thu được lãi lớn nhưng cũng dễ gặp rủi ro lớn. Giá nhà, đất tăng vọt trong năm mà Trung Quốc chuẩn bị tiếp quản Hồng Công, vì mọi người đều tin rằng Trung Quốc sẽ mở nhiều cơ sở kinh doanh ở đấy. Từ tháng 7, đầu cơ nhà đất thất bại ở Thái Lan đã làm bùng nổ cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ mà cả khu vực phải chịu hậu quả. Từ đó đến ngày sụp đổ thị trường chứng khoán Hồng Công các MF của Mỹ ở Hồng Công đã mất tới 30% vốn. Các công ty đa quốc gia của Mỹ nói chung đã phải chia phần tổn thất 10% ngày 23 tháng 10 của thị trường chứng khoán Hồng Công. Tổn thất đó đã tác động tiêu cực vào cổ phiếu của các công ty đa quốc gia đăng ký trên thị trường Niu-oóc, song cơn chấn động ghê gớm của thị trường chứng khoán Niu-oóc ngày 27-10-1997 còn có những nguyên nhân cơ bản khác.

Kinh tế Mỹ : kết quả làm ăn của 50 "siêu công ty"

Chỉ số Đao Giôn phản ánh giá trị cổ phiếu giao dịch hàng ngày của khoảng 9000 công ty đăng ký trên thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, còn có chỉ số S&P 500 phản ánh giá trị cổ phiếu của 500 công ty lớn nhất. Trong số 500 công ty này có 50 "siêu công ty" chiếm tới 50% tổng giá trị cổ phiếu của 500 công ty, và lại chiếm tới quá nửa số lợi nhuận mà 500 công ty thu được trong năm 1996 (1). Cái gọi là "nền kinh tế quốc gia" của Hoa Kỳ, chủ yếu là kết quả làm ăn của 50 "siêu công ty" đó.

Cuối tháng 3-1997 Hãng phân tích tài chính Bi-ri-ni (2) đã tính : giá trị cổ phiếu của 50 "siêu công ty" chiếm 11,2% trong tỷ số tăng 20,3% của 500 công ty năm 1996 so với năm 1995. Tổng giá trị cổ phiếu của 450 công ty còn lại trong S&P 500 năm 1996 chỉ chiếm 9,1% trong tỷ số tăng đó. Có thể thấy số công ty này bị thua lỗ hoặc lãi không đáng kể trong năm 1996.

Ông A-lân Xlôn (3), phóng viên tài chính của báo *Tuần tin tức* (Mỹ) tại thị trường chứng khoán Niu-oóc, đã phân tích chỉ số W 5000 (4) về kết quả làm ăn của 5000 công ty mà hãng này theo dõi. Ông Xlôn trừ đi thông số của 500 công ty lớn nhất đã nằm trong chỉ số S&P 500, còn lại 4 500 công ty thua lỗ trong năm 1996 đã mất 1,6% giá trị.

Đối chiếu chỉ số S&P 500 và chỉ số W 5000 có thể thấy : nền kinh tế Mỹ có hai bộ phận : bộ phận phát đạt gồm 50 "siêu công ty" và bộ phận thua lỗ gồm tất cả các công ty khác. Hai bộ phận này đã đưa ra hai cách đánh giá lạc quan và bi quan trái ngược nhau.

Nhân dịp kết thúc năm tài chính 1996 của Hoa Kỳ, báo *Bưu điện Oa-sinh-tơn* đã đưa ra nhận xét : "Có khoảng cách lớn giữa những người làm ăn phát đạt và những người làm ăn không phát đạt ở Mỹ. Những người trở nên giàu có thì tỏ ra lạc quan trước triển vọng nền kinh tế trong khi những người vừa bị mất việc làm và mắc nợ lại có quan điểm bi quan hơn về hoạt động kinh tế của nước này. Họ dường như có xu hướng hạ thấp nhịp độ phát triển kinh tế, đồng thời lại phóng đại tỷ lệ thất nghiệp. Gần nửa số người vấp phải khó khăn kinh tế trong những năm qua cho rằng nền kinh tế đang ở trong giai đoạn trì trệ hoặc thậm chí đang lún sâu vào một cuộc khủng hoảng kinh tế".

Trong cơn chấn động khủng khiếp ngày "xanh nước biển" 27-10-1997, tổng thiệt hại của thị trường chứng khoán trên thế giới lên tới 1 200 tỉ USD so với tổng số 55 000 tỉ USD chứng khoán giao dịch thường ngày của toàn thế giới. Con đường sống đối với 50 "siêu công ty" có vốn từ 9 tỉ USD đến 222 tỉ USD đã được vạch sẵn từ lâu : mua lại những cổ phiếu mà cổ đông tung ra bán trên thị trường chứng khoán. Công ty máy vi tính IBM lớn nhất nước Mỹ với số vốn 81 tỉ USD có cổ phiếu sụt 4,75 USD trong ngày đó, đã bỏ ra 3,5 tỉ USD để mua lại cổ phiếu. Những công ty có ít vốn hơn tất nhiên chỉ mua lại được một số ít cổ phiếu. Còn những công ty vừa và nhỏ vốn liếng quá ít, không có khả năng mua lại cổ phiếu, thì bắt buộc phải đi vào con đường phá sản. Bản thân họ và gia đình họ phải gia nhập hàng ngũ những người nghèo sống một cuộc đời thiếu thốn về mọi mặt.

Trong xã hội Mỹ cũng như xã hội các nước tư bản khác, số người giàu ngày càng giàu thêm và số người nghèo ngày càng nghèo hơn.

Công bằng xã hội với "toàn cầu hóa"

Bất công xã hội ngày càng tăng chẳng những là một vấn đề đạo lý làm nhức nhối lương tri loài

---

(1) Tạp chí Mỹ *Tài Phú* (Fortune, 21-7-1997, tr 94)
(2) Birinyi Associates : Standard and Poor's 500 index
(3) Allan Sloan, Newsweek, 7-4-1997
(4) Wiltshire 5000 index

Digitized by Google

người, mà còn là một thách thức đối với nền kinh tế "toàn cầu hóa". Nhà kinh tế nổi tiếng nước Mỹ Giôn Gôn-brết luôn luôn bảo vệ quan điểm đúng đắn của ông đã được nhiều nhà kinh tế tiến bộ tán thành : công bằng xã hội không chỉ là một đòi hỏi của đạo đức học mà "còn là một đòi hỏi của kinh tế học vì nó thực sự là một chức năng kinh tế đảm bảo sự cân bằng giữa cung và cầu, tức là đảm bảo sự ổn định của nền kinh tế".

Cơn chấn động của thị trường chứng khoán Niu-oóc hiện nay, theo nhận định của nhiều nhà phân tích Mỹ, mặc dù có thể tạm thời giảm bớt cường độ do sự can thiệp khẩn cấp của một số nhân tố ngoài thị trường, nhưng vẫn có khả năng bùng nổ trở lại với cường độ lớn hơn.

Sự bấp bênh của thị trường chứng khoán Mỹ, làm bấp bênh các thị trường chứng khoán khác ở châu Âu, châu Á, Mỹ la tinh, là một trong những biểu hiện tiêu cực bên cạnh những mặt tích cực của "toàn cầu hóa". Kinh tế châu Á là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế "toàn cầu hóa". Sự sụp đổ của thị trường chứng khoán Hồng Công đã làm chất xúc tác gây ra cơn chấn động khủng khiếp của thị trường chứng khoán Niu-oóc. Một số biện pháp khẩn cấp mà các cơ quan chức năng Mỹ tiến hành để nâng đỡ thị trường chứng khoán Hồng Công trong những ngày qua cũng mang ý nghĩa *tự cứu*. Các nhà lãnh đạo Mỹ từ tổng thống Bin Clin-tơn đến Chủ tịch Hội đồng thống đốc ngân hàng trung ương (Fed) A-lân Srin-xpan, Bộ trưởng Tài chính Bốp Ru-bin đều bày tỏ sự quan tâm đối với các vấn đề kinh tế phức tạp mà các nước châu Á đang phải đối phó, và coi những khó khăn hiện nay chỉ là tạm thời, mang tính chu kỳ của nền kinh tế thị trường, không ảnh hưởng nhiều đến vị trí là khu vực kinh tế năng động nhất của thế giới.

Phát huy những mặt tích cực của "toàn cầu hóa" đồng thời khắc phục những mặt tiêu cực của nó là trách nhiệm chung của tất cả các dân tộc trong cộng đồng quốc tế, chứ không phải của riêng một quốc gia hoặc một nhóm quốc gia nào. Những cố gắng chung của cộng đồng quốc tế theo hướng đó sẽ đem lại kết quả ngày càng tốt đẹp hơn. ❑

NHÂN TỐ...

(Tiếp theo trang 60)

các nước ven Địa Trung Hải, hay là văn hóa - chính trị như Cộng đồng Pháp ngữ, Hội nghị các nước I-bê-ri-cơ - I-xpa-ni-cơ tập hợp Tây Ban Nha và phần lớn các nước Trung và Nam Mỹ... là một nhu cầu phổ biến của giai đoạn hiện nay, ai cũng muốn tham gia, ít ai muốn đứng ngoài.

- Xu hướng các nước và các dân tộc muốn khẳng định chủ quyền quốc gia và bản sắc dân tộc, bảo vệ sự đa dạng chính trị, kinh tế, văn hóa trên thế giới trước quá trình toàn cầu hóa và xu thế áp đặt một kiểu mẫu chính trị - xã hội, sự lấn át của một ngôn ngữ, một lối sống, một văn hóa. Cộng đồng Pháp ngữ lấy sự đa dạng văn hóa, sự giao lưu giữa các văn hóa, chính sách đa ngôn ngữ làm một chủ trương hàng đầu và đã từng bảo vệ thành công quan điểm về "ngoại lệ văn hóa" (exception culturelle) trong quá trình thương lượng U-ru-guay nhằm thành lập Tổ chức Thương mại thế giới.

Cũng từ giác độ "thế - lực - thời", có thể lý giải tại sao ta đăng cai Hội nghị cấp cao Cộng đồng Pháp ngữ lần thứ 7 năm nay. Hội nghị cấp cao Hà Nội 1997 là sự hội tụ giữa lợi ích của Cộng đồng muốn khẳng định sự hiện diện tại châu Á (đây là Hội nghị cấp cao đầu tiên tại châu lục này) và lợi ích của ta theo phương châm "đóng góp và được hưởng" thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ một thành viên đầy đủ của một thể chế đa phương khi thế (đối ngoại), lực (đổi mới) và thời (quốc tế) đã chín muồi để cho phép làm chủ thể, nghĩa là trực tiếp tổ chức (chứ không chỉ tham dự hoạt động quốc tế lớn), đóng góp xây dựng "luật chơi" đa phương. Nói cách khác, việc ta nhận, hay nói chính xác hơn là có thể nhận đăng cai HNCC7 năm nay là biểu hiện của một quá trình vài thập kỷ tham gia và triển khai ngoại giao đa phương (nếu lấy mốc năm 1977 nước ta gia nhập LHQ). Tổ chức thành công HNCC7 các nước có sử dụng tiếng Pháp sẽ tạo tiền đề thuận lợi cho ta tổ chức Hội nghị cấp cao ASEAN năm 1998. Trên cơ sở đó, ta có điều kiện tính đến việc vào lúc thích hợp (phải chăng như năm giao thời giữa hai thế kỷ - năm 2000) đăng cai một Hội nghị của Phong trào không liên kết là một trong các thể chế đa phương mà ta tham gia rất sớm và tiếp theo là một Hội nghị của LHQ. Như vậy, ta sẽ thể hiện cân đối các "mũi giáp công" của ngoại giao đa phương của ta.❑

TRỊNH CƯỜNG
(thực hiện)

Digitized by Google

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN – THỰC TIỄN

HỘI THẢO KHOA HỌC "KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA" (7-11-1917 – 7-11-1997)

Hòa chung với những hoạt động sôi nổi của cả nước thiết thực kỷ niệm 80 năm cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, sáng 6-11-1997 tại Hà Nội, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã tổ chức Hội thảo khoa học : **"Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Mười Nga"**.

Chưa kể tới các cuộc hội thảo được tổ chức vừa qua ở các trung tâm nghiên cứu, giảng dạy, trung tâm khoa học với số lượng hàng trăm bản báo cáo, cuộc hội thảo lần này đã nhận được hơn 180 báo cáo của các cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, cán bộ quản lý... hoạt động trên nhiều lĩnh vực, thuộc Trung tâm Khoa học xã hội nhân văn quốc gia (cả Hà Nội và TP Hồ Chí Minh), Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban tổ chức Trung ương, Ban khoa giáo Trung ương, Học viện hành chính quốc gia, Đại học quốc gia, Học viện chính trị - quân sự, Hội khoa học lịch sử TP Hồ Chí Minh, Hội liên hợp văn học nghệ thuật... Điều đó chứng tỏ Cách mạng Tháng Mười Nga thực sự là nguồn cảm hứng vô tận để các nhà lý luận, khoa học và hoạt động thực tiễn nghiên cứu, tìm hiểu. Tại cuộc hội thảo Giáo sư Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương đã đọc bản báo cáo đề dẫn quan trọng : **"Cách mạng Tháng Mười tiếp tục soi sáng con đường chúng ta đi"** (bài đăng trong Tạp chí số ra kỳ này) trong đó có viết : "Với Cách mạng Tháng Mười, lần đầu tiên trong lịch sử quyền tự quyết của các dân tộc đã thực hiện trên một phần hành tinh. Cách mạng Tháng Mười đem lại nhà máy cho công nhân, ruộng đất cho nông dân, hòa bình và hữu nghị cho các dân tộc, bình đẳng, tự do, hạnh phúc cho mọi người.

Cách mạng Tháng Mười không chỉ tuyên bố những lý tưởng cao cả mà nó thực sự hành động vì những lợi ích thiết thân nhất, bức xúc nhất của nhân dân...

Vậy là, từ mục tiêu cho đến hành động, Cách mạng Tháng Mười thật sự là nhân đạo, văn hóa và văn minh. Không ai có thể bôi nhọ thanh danh của Cách mạng Tháng Mười !"

Nội dung các báo cáo khoa học của hội thảo tập trung vào 3 vấn đề lớn, cũng tức là trả lời 3 câu hỏi mà nhiều người quan tâm. Đó là :

- Thực tiễn 80 năm có chứng minh tính tất yếu lịch sử của Cách mạng Tháng Mười không ?
- Có đúng Cách mạng Tháng Mười đã mở đầu thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội không ?
- Cách mạng Tháng Mười có tiếp tục soi sáng con đường phát triển cách mạng hay không ?

Các báo cáo khoa học đều khẳng định Cách mạng Tháng Mười là sự kiện trọng đại, là mốc son không thể phai mờ trong lịch sử hiện đại, nó mở ra thời đại mới của xã hội loài người, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Cách mạng Tháng Mười khắc sâu trong ký ức nhân loại những giá trị bất diệt và những giá trị ấy vẫn đang tiếp tục tác động mạnh mẽ đến toàn bộ sự nghiệp cách mạng thế giới và công cuộc đổi mới của chúng ta.

Các báo cáo còn tập trung phê phán những ý kiến xuyên tạc ý nghĩa và những thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười ; góp phần làm rõ thêm những quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đặc biệt là về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất,...

Các báo cáo cũng đã nêu lên những bài học của Cách mạng Tháng Mười đối với cách mạng Việt Nam trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. ❑

PV

Digitized by Google

VIBARD

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CẦN THƠ



+ Trụ sở chính: Số 3 Phan Đình Phùng
Thành phố Cần Thơ
- Điện thoại: 823460 - 827831 - 827832
- FAX: 820877 - 821370
+ Các chi nhánh trực thuộc:
Chi nhánh Ngân hàng thành phố Cần Thơ, Châu Thành Ô-Môn, Thốt Nốt, Phụng Hiệp, Vị Thanh, Long Mỹ và 12 chi nhánh liên xã.



+ THỰC HIỆN CÁC NGHIỆP VỤ:

- Nhận tiền gửi, tiền tiết kiệm, kỳ phiếu có mục đích, có kỳ hạn và không kỳ hạn bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn đối với các thành phần kinh tế bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.
- Hùn vốn, liên doanh, liên kết bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.
- Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế, tài trợ xuất nhập khẩu.
- Cầm đồ các chứng chỉ có giá, vàng và các động sản.
- Thanh toán, chuyển vốn, chuyển tiền nhanh, trong và ngoài nước qua mạng lưới vi tính.
- Thu đổi ngân phiếu lấy tiền mặt và ngược lại, dịch vụ kiểm đếm.
- Kinh doanh ngoại tệ, chi trả kiều hối, đặc biệt có nhận và phát miễn phí nhắn tin đi Mỹ, Ca-na-đa.
- Bảo lãnh cho khách hàng trong quan hệ mua bán.

+ Đến với chi nhánh Ngân hàng và phát triển nông thôn Cần Thơ, khách hàng sẽ hài lòng với:
- Chương trình giao dịch bằng máy vi tính nhanh chóng, an toàn, chính xác.
- Tinh thần phục vụ văn minh, lịch sự và tận tụy của đội ngũ nhân viên năng lực, kinh nghiệm, luôn hết lòng vì quý khách.

RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC QUÝ KHÁCH CHỌN LÀM NGƯỜI PHỤC VỤ

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU
BÌNH LONG

THỊ TRẤN AN LỘC H. BÌNH LONG - TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐT: 065.866180 - 065.866324 FAX: 065.866222



Giám đốc Cty
NGUYỄN VĂN SAO





• *Vườn cây đang mùa thay lá*

• *Mủ cao su Bình Long xuất khẩu*

Hiện nay Công ty cao su Bình Long có gần 16.000 ha cao su, trong đó hơn 10.000 ha là vườn cây kinh doanh khai thác mủ đang độ sung sức. Từ 1982 đến 1996, công ty đã khai thác chế biến và tiêu thụ trên 100.000 tấn mủ cao su các loại, trong đó loại mủ có chất lượng cao chiếm tỷ lệ 95%. Các nhà máy chế biến cao su của công ty được trang bị công nghệ hiện đại, sản lượng, chất lượng sản phẩm không ngừng nâng cao, được khách hàng trong và ngoài nước ưa chuộng.

Công ty cao su Bình Long hân hạnh chào đón khách hàng và sẵn sàng cộng tác, liên doanh với quý khách hàng trong mọi lĩnh vực mà đôi bên cùng có lợi.

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 3000

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



23
12-1997

UNIV. OF MICH.
JAN 06 1998
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

Tổng Công Ty Cà Phê Việt Nam

Nông Trường Cà Phê 720



Địa chỉ : Xã Cư Ni - Eakar - Tỉnh Daklak
ĐT : (050) 825113 - Fax : (050) 825562

Nông trường cà phê 720 là doanh nghiệp nhà nước với chức năng chủ yếu là sản xuất, cung ứng cà phê cho xuất khẩu.
Diện tích tự nhiên của nông trường là : 1560 ha,
trong đó :
- Diện tích cà phê quốc doanh : 400 ha
- Diện tích cà phê của nhân dân : 100 ha
Năng suất bình quân : 2,5 - 3 tấn nhân/ha
- Diện tích lúa : 125 ha
- Diện tích màu : 300 ha
Ngoài ra nông trường còn có 120 ha ao hồ với trên 7.000.000 m^3 nước bảo đảm cho việc tưới tiêu và sinh hoạt.
Hiện nông trường đang mở rộng sản xuất thêm 300 ha cà phê và 960 ha cao su.

Đơn vị sẵn sàng liên doanh, liên kết với tất cả các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

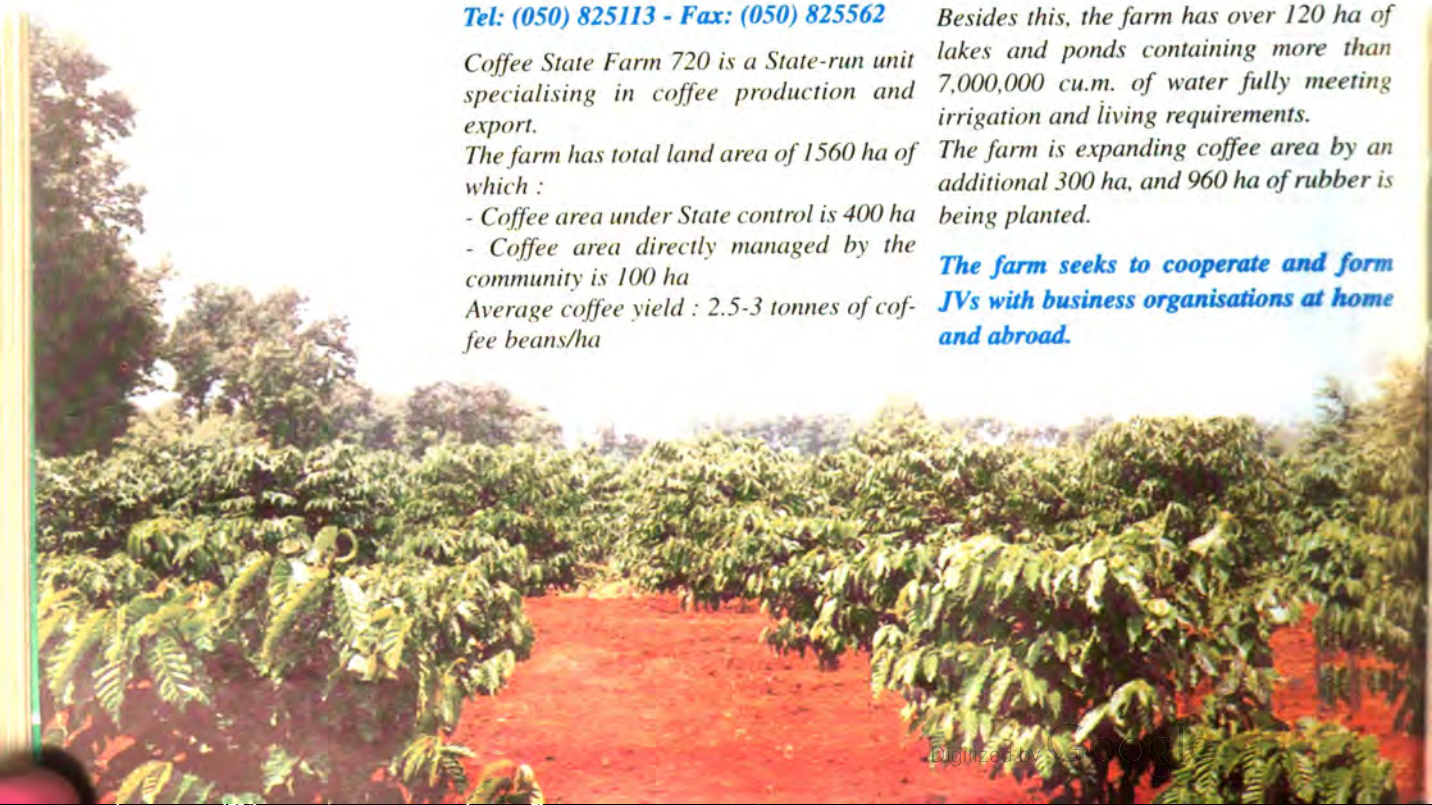
Vietnam Coffee Corporation

COFFEE STATE FARM 720

Add: Cu Ni Commune - Eakar
Daklak Province
Tel: (050) 825113 - Fax: (050) 825562

Coffee State Farm 720 is a State-run unit specialising in coffee production and export.
The farm has total land area of 1560 ha of which :
- Coffee area under State control is 400 ha
- Coffee area directly managed by the community is 100 ha
Average coffee yield : 2.5-3 tonnes of coffee beans/ha
Rice area : 125 ha
Cereal area : 300 ha
Besides this, the farm has over 120 ha of lakes and ponds containing more than 7,000,000 cu.m. of water fully meeting irrigation and living requirements.
The farm is expanding coffee area by an additional 300 ha, and 960 ha of rubber is being planted.

The farm seeks to cooperate and form JVs with business organisations at home and abroad.



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 533 — THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	PHAN VĂN KHẢI - Một số vấn đề chủ yếu trong nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế, xã hội năm 1998	3
	PHẠM VĂN TRÀ - Xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	14
	PHẠM VĂN TÁNH - Xây dựng lực lượng vũ trang thủ đô vững mạnh đáp ứng thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa	17
	NGÔ THƯỜNG SAN - Dầu khí Việt Nam - hướng tới thế kỷ XXI	20
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	PHẠM NGỌC QUANG - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và nhiệm vụ lãnh đạo của đảng bộ cơ sở	26
	MINH SÂM - Đào tạo nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở thành phố Hồ Chí Minh	29
	ĐỖ KIM THỊNH - Gia đình văn hóa, làng văn hóa trong phát triển nông thôn hiện nay	33
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN THANH TÚC - Mấy vấn đề về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Ninh Bình	36
	NHẬT TÂN - Xây dựng nông thôn mới ở một vùng chiêm trũng	40
	DƯƠNG VŨ - Đôi điều rút ra từ cơn bão số 5	45
ĐIỀU TRA	PHAN VĂN MINH - Chống buôn lậu và gian lận thương mại - nhiệm vụ cấp bách trong giai đoạn hiện nay	49
	VŨ KHANG - Tình hình công nhân và công đoàn trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	52
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	TRẦN TRỌNG - Hòa bình, mục tiêu đấu tranh cao cả, bức thiết của thời đại	56
	TRỊNH ĐÌNH TÙ - Một số nội dung mới của kinh tế học phát triển	59
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Đại hội đại biểu đảng bộ các tỉnh, thành mới được chia tách theo Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX	63
	- Trao đổi kinh nghiệm phát triển đảng trong các trường đại học và cao đẳng ở Hà Nội	64

Bìa 1 : *Chiến sĩ Trường Sa* — *Ảnh :* **XUÂN PHONG**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ФАН ВАН ХАЙ: Некоторые главные проблемы в задачах и решениях для социального и экономического развития в 1998 году.ФАМ ВАН ЧА: Укреплять и сделать народную революционую армию регулярной, обученной и модернизированной шаг за шагом в периоде ускорения индустриализации и модернизации.ФАМ ВАН ТАНЬ: Укреплять и сделать вооруженые силы стопицы сильными, способными отвечать требованиям периода индустриализации и модернизации.НГО ТХЫОНГ ШАН: Вьетнамская нефтьяная и газовая индустрия обращается к XX - ому веку.ФАМ НГОК КУАНГ: Индустриализация, модернизация сельского хозяйства, деревнии и задачи руководства базовых партийных организаций.МИНЬ ШАМЬ: Подготовка людских ресуров для индустриализации и модернизации в городе Хо Ши Минь.ДО КИМ ТХИНЬ : Культурная семья и культурная деревня в современном развитии деревни. НГУЕН ТХАНЬ ТУК : Некоторые проблемы индустриализации и модернизации сельского хозяйства и деревни в Нинь Бинь провинции. ФАН ВАН МИНЬ : Борьба против контрабанды и торгового мошеничества - насущная задача на данном этапе.ВУ ХАНГ : Ситуация рабочих и профсоюзов в предприятиях с иностранной инвестицией.ЧАН ЧОНГ : Мир - благородная и срочная цель борьбы эпохи.ЧИНЬ ДИНЬ ТЫ : Некоторые новые содержания развитой экономики.

CONTENTS

PHAN VĂN KHẢI: Some major problems emerged from tasks and solutions for socio-economic development in 1998. PHẠM VĂN TRÀ: Build up and make the revolutionary people's army standard, well-trained and gradually-modernized in the period of accelerating industrialization and modernization. PHẠM VĂN TÁNH: Build up and make Capital's armed forces strong, able to meet the demands of industrialization and modernization. NGÔ THƯỜNG SAN: Vietnam's Oil and Gas Industry looking towards the 21st century. PHẠM NGỌC QUANG: Industrialization and modernization of agriculture and rural areas and the leadership tasks of grassroots party organizations. MINH SÂM: Training man forces for industrialization and modernization in Ho Chi Minh City. ĐỖ KIM THỊNH: The model of cultural family and cultural village in the present rural development. NGUYỄN THANH TÚC: Some problems of industrialization and modernization of agriculture and rural areas in Ninh Binh province. PHAN VĂN MINH: Struggling against smuggling and trade deception - an urgent task at present. VŨ KHANG: Situation of employees and Trade Unions in foreign invested enterprises. TRẦN TRỌNG: Peace - noble and urgent struggling target of the era. TRỊNH ĐÌNH TỬ: Some new points of advanced economics.

SOMMAIRE

PHAN VĂN KHẢI - Sur quelques principaux problèmes dans les tâches et les mesures pour le développement socio-économique de 1998. PHẠM VĂN TRÀ - L'édification d'une armée populaire révolutionnaire, régulière, bien exercée et graduellement modernisée dans la période d'industrialisation et de modernisation accélérées. PHẠM VĂN TÁNH - L'édification des forces armées de la Capitale solides à la hauteur des demandes de la période d'industrialisation et de modernisation. NGÔ THƯỜNG SAN - L'industrie de pétrole et de gaz du Vietnam au seuil du XXIe siècle. PHẠM NGỌC QUANG - L'industrialisation et la modernisation de l'agriculture et de la campagne et la tâche des dirigeants des organisations de base du Parti. MINH SÂM - La formation de la main-d'œuvre pour l'industrialisation et la modernisation à Ho Chi Minh-ville. ĐỖ KIM THỊNH - La famille culturelle et le village culturel dans le développement rural à l'heure actuelle. NGUYỄN THANH TÚC- Quelques problèmes dans l'industrialisation et la modernisation de l'agriculture et de la campagne au Ninh Binh. PHAN VĂN MINH - Lutter contre la contrebande et la fraude commerciale - une tâche urgente dans la période actuelle. VŨ KHANG - La situation des ouvriers et du syndicat dans les entreprises au capital d'investissement étranger. TRẦN TRỌNG - La paix - objectif noble et indispensable de l'époque. TRỊNH ĐÌNH TỬ - Quelques nouveaux contenus de la science économique en développement.

SUMARIO

PHAN VĂN KHẢI - Algunos problemas esenciales en las tareas y soluciones del desarrollo socio-económico de 1998. PHẠM VĂN TRÀ - Edificación de un ejército popular revolucionario, regular, selecto y paulatinamente modernizado en el período de industrialización y modernización. PHẠM VĂN TÁNH - Edificación de las sólidas fuerzas armadas de la capital en correspondencia al período de industrialización y modernización. NGÔ THƯỜNG SAN - La industria petrolera de Vietnam hacia el siglo XXI. PHẠM NGỌC QUANG - La industrialización y la modernización de la agricultura y del campo y la tarea de dirección de las organizaciones del Partido de base. MINH SÂM - La formación de manos de obra para la industrialización y modernización en Ciudad Ho Chi Minh. ĐỖ KIM THỊNH - La familia cultural y la aldea cucltura en el actual desarrollo rural. NGUYỄN THANH TÚC - Algunos problemas sobre la industrialización y modernización de la agricultura en Ninh Binh. PHAN VĂN MINH - Combatir el contrabando y el fraude comercial - imprescindible tarea del período actual. VU KHANG - La situación de los obreros y el sindicato en las empresas de inversiones extranjeros. TRẦN TRỌNG - La paz, el noble e imprescindible objetivo de lucha de la época. TRỊNH ĐÌNH TỬ - Algunos nuevos contenidos de la crematistica desarrollada.

目录

•潘文凯: 1998年经济、社会发展的任务和措施的若干主要问题•范文茶: 在大力促进工业化、现代化时期, 建设一支革命化、正规化、精锐化、逐步现代化的人民军队•范文性: 建设稳固强大的首都武装力量, 满足工业化、现代化时期的要求•吴常珊: 越南油气工业迈向21世纪•范玉光: 农业、农村工业化、现代化及地方基层党委的领导任务•明森: 胡志明市为工业化、现代化事业培训人材•杜金盛: 目前农村发展中的文化家庭和文化村•阮青肃: 宁平省农业、农村的工业化、现代化的一些问题•潘文明: 反走私、反商业诈骗是当前的迫切任务•武康: 外资企业中的工人和工会状况•陈仲: 和平——时代崇高而迫切的斗争目标•郑亭泗: 经济发展学的若干新内容

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHỦ YẾU TRONG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI NĂM 1998 *

Thủ tướng PHAN VĂN KHẢI

TẠI kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa X, tôi đã trình bày báo cáo về định hướng chương trình hành động của Chính phủ trong nhiệm kỳ mới nhằm phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2000, tạo tiền đề cho bước tiến nhanh và bền vững hơn sau năm 2000. Định hướng đó cụ thể hóa tư tưởng chỉ đạo đã được Đại hội VIII của Đảng đề ra là "đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ", *nhằm tiếp thêm động lực và khơi dậy khí thế của toàn xã hội ra sức cần kiệm, dồn vốn đầu tư phát triển để vượt qua đói nghèo, làm giàu cho mình và cho đất nước, phát huy mọi nguồn lực để tạo ra bước đột phá trong sự chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đi kịp tiến trình hội nhập quốc tế.*

Báo cáo về định hướng chương trình hành động của Chính phủ đã nêu sáu vấn đề lớn, đồng thời là những nhiệm vụ công tác chính với các giải pháp lớn về kinh tế, xã hội và hành chính, vừa kế tục công việc của Chính phủ nhiệm kỳ trước, vừa có những nội dung mới theo yêu cầu của tình hình hiện nay, nhằm đáp ứng những mong muốn và đòi hỏi mà các tầng lớp nhân dân trong cả nước đã bày tỏ với Quốc hội khóa X. Sáu vấn đề đó là:

- *Một,* nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế ;

- *Hai,* phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ;

- *Ba,* đẩy mạnh việc sắp xếp và nâng cao hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước ;

- *Bốn,* đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ ;

- *Năm,* kết hợp tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường ;

- *Sáu,* xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, có năng lực và hiệu lực.

Trong việc triển khai thực hiện những nhiệm vụ và giải pháp đó, chương trình hành động năm 1998 của Chính phủ hướng vào những chủ trương, biện pháp ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy và tạo điều kiện cho các đơn vị kinh tế thuộc mọi thành phần phát triển sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời điều chỉnh cơ cấu đầu tư, cải cách một bước khu vực doanh nghiệp nhà nước nhằm duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, nâng cao một bước hiệu quả kinh tế, kết hợp tốt hơn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội và phát triển văn hóa, củng cố an ninh, quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị.

Dưới đây, tôi xin tập trung trình bày một số chủ trương, biện pháp quan trọng cần thực hiện trong năm 1998 trên những lĩnh vực chủ yếu về kinh tế, xã hội và hành chính.

VỀ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, KINH DOANH

1 - Tháo gỡ những trở ngại và phiền hà về thể chế và thủ tục đang cản trở việc đăng ký hành nghề, đầu tư phát triển và hoạt động

* Phần II Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa X

Digitized by Google

kinh doanh của các thành phần kinh tế coi đó là biện pháp rất quan trọng để khuyến khích tiết kiệm và đầu tư, phát huy các nguồn lực trong xã hội.

- Chính phủ sắp ban hành nghị định mới hướng dẫn thực hiện Luật khuyến khích đầu tư trong nước đối với mọi thành phần kinh tế, trong đó giải quyết cụ thể vấn đề đăng ký kinh doanh, đất kinh doanh, trợ giúp về vốn, công nghệ, tiếp thị và chính sách thuế ưu đãi. Sửa đổi, bổ sung các Luật và Nghị định về doanh nghiệp tư nhân, Luật Công ty và hộ kinh doanh cá thể, xây dựng Luật chung đối với các chủ thể kinh doanh theo tinh thần tạo thuận lợi cho mọi hoạt động đầu tư kinh doanh trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm hoặc không hạn chế, đồng thời bảo đảm sự kiểm soát của Nhà nước nhằm ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật.

- Quy định cụ thể nguyên tắc, thể lệ thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước đối với đơn vị kinh doanh, ngăn chặn tình trạng tùy tiện, sách nhiễu (việc thanh tra, kiểm tra phải có quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thanh tra xong phải có kết luận bằng văn bản; nghiên cứu mở rộng thẩm quyền xét xử của Tòa án hành chính đối với các quyết định xử phạt hành chính các đơn vị kinh doanh).

- Nhà nước và xã hội có thái độ và hình thức cụ thể khuyến khích các nhà kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, kể cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài và các nhà đầu tư nước ngoài, mạnh dạn đầu tư, tuân thủ pháp luật, cư xử tốt với người lao động ; đấu tranh với những hành vi trái pháp luật, đồng thời khắc phục những biểu hiện kỳ thị, phê phán một chiều.

2 - Thúc đẩy nâng cao sức cạnh tranh của hàng Việt Nam, kết hợp với chính sách bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước

- Các bộ và cơ quan quản lý ngành hướng dẫn, giúp đỡ các doanh nghiệp đánh giá cụ thể khả năng cạnh tranh về chất lượng và giá cả của từng hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, cung ứng, so sánh với hàng hóa, dịch vụ của nước ngoài ; từ đó, đề ra biện pháp cụ thể nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Một số cơ sở sản xuất trong nước, bao gồm cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đã làm ra nhiều sản phẩm không những đẩy lùi được sự xâm nhập của hàng nước ngoài cách đây không lâu còn tràn ngập thị trường nước ta mà còn xuất khẩu được sang nhiều nước. Từ thực tiễn đó, cần rút kinh nghiệm và nâng cao ý chí phấn đấu, nâng cao sức cạnh tranh của hàng Việt Nam ; các ngành, các cấp, nhất là các doanh nghiệp phải coi đó là giải pháp cơ bản và có ý nghĩa quyết định để bảo hộ sản xuất trong nước và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng với công tác vận động quần chúng để tiến hành có hiệu quả những biện pháp mạnh mẽ chống buôn lậu ở biên giới, ven biển và xử lý hàng nhập lậu đã đưa vào thị trường nội địa theo Chỉ thị mới ban hành. Thủ trưởng cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước (kể cả các đơn vị kinh doanh của Đảng, đoàn thể), thủ trưởng đơn vị lực lượng vũ trang phải có biện pháp kiểm tra, ngăn chặn và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật khi cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị mình hoặc thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình có hành vi buôn lậu, gian lận thương mại tiếp tay cho bọn buôn lậu hoặc để cho bọn buôn lậu sử dụng phương tiện, kho tàng của mình để vận chuyển, cất giữ hàng lậu.

3 - Điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng bảo đảm hiệu quả kinh tế

- Trong những năm trước mắt, cơ cấu đầu tư trong toàn bộ nền kinh tế (kể cả đầu tư của nước ngoài, đặc biệt là đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước) tập trung vào giải quyết những khâu then chốt trong kết cấu hạ tầng (điện, giao thông, thủy lợi và cấp thoát nước, thông tin liên lạc, một số cơ sở văn hóa, xã hội) ; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng thâm canh, gắn với công nghệ sau thu hoạch và công nghiệp chế biến ; sản xuất hàng xuất khẩu và các mặt hàng tiêu dùng (nông, lâm, thủy sản chế biến và hàng công nghiệp nhẹ, công nghiệp bao bì) ; đầu tư một số cơ sở công nghiệp nặng (năng lượng, nguyên - vật liệu, cơ khí, hóa chất - phân bón...) mà ta có điều kiện bảo đảm hiệu quả và tìm được nguồn vốn ; phát triển các ngành dịch vụ đang có nhu cầu lớn (bưu chính viễn thông, vận tải, thương mại, du lịch, tài

Digitized by Google

chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học - công nghệ, dịch vụ phần mềm trong công nghệ tin học, dịch vụ tư vấn...). Đầu tư quy mô vừa và nhỏ là chính, cân nhắc kỹ điều kiện và khả năng bảo đảm hiệu quả đối với công trình quy mô lớn, nhất là công trình đầu tư bằng vốn trong nước và vốn vay. Chú trọng các dự án và hình thức đầu tư tạo nhiều việc làm (kể cả việc làm trực tiếp tại cơ sở được đầu tư và việc làm được tạo ra ở các ngành và cơ sở khác qua tác động dây chuyền).

- Theo phương hướng đó, cần soát xét lại chủ trương và kế hoạch đầu tư của khu vực nhà nước (bao gồm cả đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước). Các dự án xây dựng hạ tầng bằng nguồn vốn nhà nước, kể cả vốn tài trợ không hoàn lại của nước ngoài, phải ưu tiên cho những mục tiêu phục vụ chung cho nền kinh tế và chú ý thích đáng các vùng chậm phát triển. Mọi dự án đầu tư vào sản xuất kinh doanh đều phải so sánh chất lượng và giá cả sản phẩm làm ra với hàng hóa trên thị trường quốc tế, bảo đảm có thị trường tiêu thụ, hiệu quả kinh tế và khả năng trả nợ.

- Chính sách khuyến khích đầu tư trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài phải quy định mức ưu đãi theo thứ tự ưu tiên ngành và vùng phù hợp với định hướng cơ cấu đầu tư, đặc biệt khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến và làm hàng xuất khẩu.

Đối với dự án đầu tư của nước ngoài vào sản xuất, phải nghiêm ngặt hơn nữa về yêu cầu bảo đảm chất lượng và giá cả đủ sức cạnh tranh với hàng nước ngoài, về thị trường tiêu thụ và tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu, về lịch trình tăng dần tỷ lệ giá trị được tạo ra ở Việt Nam trong sản phẩm. Tiến hành một đợt kiểm tra nhằm tháo gỡ các vướng mắc, đẩy nhanh việc thực hiện các dự án FDI đã cấp giấy phép và dự án ODA đã được cam kết ; thông qua đó rút ra những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung chính sách, thủ tục để cải thiện môi trường, tạo thêm thuận lợi cho việc thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài và tranh thủ nguồn ODA, đồng thời tăng cường quản lý nhà nước.

Đẩy mạnh việc xây dựng và nâng cao hiệu quả các khu chế xuất, khu công nghiệp. Xây dựng đề án thí điểm lập đặc khu kinh tế, khu mậu dịch tự do ở vị trí thích hợp.

4 - Mở rộng thị trường, tăng cường tiếp thị

Bảo đảm lưu thông hàng hóa thông thoáng trong nước ; quy định và công bố rõ quyền hạn kiểm soát dọc đường; nghiêm cấm và xử lý nghiêm việc tùy tiện lập trạm kiểm soát trên đường giao thông.

Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho xuất khẩu của mọi thành phần kinh tế, đối với mọi loại hàng hóa (trừ hàng cấm và hàng cần kiểm soát được quy định rõ) ; các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu được trực tiếp xuất khẩu và nhập khẩu thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất. Đối với những mặt hàng còn phải duy trì hạn ngạch xuất, nhập khẩu, chuyển từ việc phân phối hạn ngạch theo lối hành chính sang cơ chế đấu thầu công khai hạn ngạch. Bổ sung chính sách tín dụng khuyến khích xuất khẩu căn cứ vào kim ngạch xuất khẩu đã thực hiện. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu theo hình thức trả tiền chậm. Kiểm chế tỷ lệ nhập siêu.

Trên cơ sở phát triển mạnh hàng xuất khẩu có sức cạnh tranh, cần tích cực và chủ động thâm nhập thị trường thế giới, tạo thị trường ổn định cho các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu. Chú trọng đa phương hóa quan hệ thương mại, giảm sự tập trung cao vào một số đối tác, thu hẹp việc dựa vào thị trường trung gian. Đi đôi với việc duy trì và phát triển quan hệ thương mại đã tạo lập được với các nước trong khu vực và cộng đồng châu Âu, cần phát triển quan hệ thương mại chính ngạch với Trung Quốc, mở rộng quan hệ buôn bán và hợp tác với Ấn Độ, khôi phục thị trường Nga và các nước Đông Âu, tìm thị trường mới ở Trung Cận Đông, châu Phi, châu Mỹ la-tinh. Chủ động đàm phán để tiến tới ký hiệp định thương mại, khai thông thị trường Mỹ. Tích cực chuẩn bị các điều kiện để gia nhập WTO.

Nâng cao năng lực dự báo, thu thập, xử lý thông tin về thị trường trong và ngoài nước. Sắp xếp hợp lý các viện nghiên cứu và các trung tâm thông tin về thị trường thuộc các cơ quan nhà nước, các hiệp hội, hình thành hệ thống thông tin thương mại quốc gia nối mạng với các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp và mạng Internet. Xây dựng bước đầu Trung tâm xúc tiến thương mại trên cơ sở kết hợp các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước với các hiệp hội doanh nghiệp để

Digitized by Google

tổ chức hợp lý công tác nghiên cứu, phát triển thị trường, giúp các doanh nghiệp nâng cao năng lực tiếp thị và xuất khẩu hàng hóa.

VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ KINH TẾ NÔNG THÔN

Để thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp (bao gồm cả lâm, ngư nghiệp) và kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với phân công lại lao động ở nông thôn, năm 1998 phải tập trung giải quyết mấy vấn đề lớn và bức xúc :

1- Giúp đỡ nhân dân các vùng bị thiên tai, đặc biệt là vùng bị cơn bão lớn tháng 11 vừa qua mau chóng khôi phục và ổn định sản xuất, đời sống. Chúng ta tiếp tục vận động sự ủng hộ của nhân dân cả nước theo truyền thống "lá lành đùm lá rách" và tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế kết hợp với sự tài trợ của ngân sách nhà nước, đồng thời các tỉnh được giúp đỡ phải tổ chức, kiểm tra sự phân phối và sử dụng các nguồn tài trợ một cách công bằng, công khai, có hiệu quả. Việc khắc phục hậu quả thiên tai phải gắn với việc tiếp tục thực hiện các chương trình thoát lũ và xây dựng kết cấu hạ tầng ở đồng bằng sông Cửu Long, thủy lợi hóa đồng ruộng và phát triển nghề đánh cá xa bờ.

2- Tích cực giải quyết vấn đề tiêu thụ nông sản hàng hóa gắn với phát triển công nghệ sau thu hoạch và công nghiệp chế biến theo nhiều tầng công nghệ, thúc đẩy sự phát triển ngành, nghề và phân công lại lao động ở nông thôn. Coi trọng phát huy khả năng sản xuất cơ khí ở trong nước để phục vụ nông nghiệp và thu hút vốn, thiết bị, công nghệ nước ngoài vào những khâu chế biến tinh, sâu. Xây dựng các vùng chuyên canh cây, con với tỷ suất hàng hóa cao, ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất và chế biến, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ ; phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ gắn với quy hoạch các khu dân cư, hình thành các đô thị nhỏ ở nông thôn.

Phương hướng đó cần được cụ thể hóa thành chủ trương, biện pháp giải quyết đối với từng loại sản phẩm chủ yếu: lúa gạo, cà-phê, cao-su, chè, hạt điều , rau quả, thịt gia súc, gia cầm, sữa, thủy sản, lâm sản. Thực tiễn của một số mô hình như Hiệp hội mía đường Lam Sơn ở Thanh Hóa, Nông trường Sông Hậu ở Cần Thơ... cho thấy cách làm có hiệu quả nhất là liên kết chặt chẽ trên cơ sở điều hòa lợi ích thỏa đáng giữa các cơ sở quốc doanh với nông dân, ngư dân và lực lượng thương nghiệp , dịch vụ, tiểu công nghiệp tư nhân trong các khâu sản xuất nguyên liệu, dịch vụ kỹ thuật và hậu cần cho sản xuất, chế biến, lưu thông, xuất khẩu, nhằm khai thác mọi khả năng đưa lại hiệu quả cao nhất trong từng khâu và bảo đảm sự thông suốt từ khâu sản xuất nguyên liệu đến khâu tiêu thụ cuối cùng. Các cơ sở quốc doanh phát huy vai trò chủ đạo bằng cách kinh doanh có hiệu quả, thực hiện đúng chính sách của Đảng và Nhà nước, ưu tiên chăm lo lợi ích của nông dân, bảo đảm lợi ích thỏa đáng của những người tham gia vào quá trình phục vụ sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản.

Hoàn thiện quy chế và giúp đỡ xây dựng các quỹ bảo hiểm sản xuất dưới nhiều hình thức với sự tham gia của các hộ nông dân và các đơn vị kinh doanh nông sản, có sự trợ giúp một phần của Nhà nước lúc ban đầu để bù đắp thiệt hại cho nông dân khi mất mùa và khi giá thị trường xuống quá thấp. Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng phục vụ người nghèo có quy chế cho nông dân vay vào vụ thu hoạch để không phải vội bán nông sản ở thời điểm bất lợi về giá, vừa chịu thua thiệt, vừa gây thêm mất cân đối cung cầu trên thị trường.

3 - Phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ nông dân đi đôi với phát triển các hình thức hợp tác kiểu mới và đổi mới các cơ sở quốc doanh trong nông nghiệp và nông thôn

Để phát huy vai trò tự chủ và tính năng động của kinh tế hộ nông dân, cần khẩn trương hoàn thành công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ nông dân. Quá trình xúc tiến việc này cần kết hợp với việc khuyến khích và giúp đỡ các hộ nông dân chuyển đổi ruộng đất với nhau để khắc phục tình trạng ruộng đất quá phân tán và manh mún, tạo điều kiện thuận lợi cho thâm canh và tăng năng suất lao động. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng với chính quyền địa phương xem xét cụ thể tình hình các hộ thiếu đất hoặc không còn đất canh tác để có biện pháp giúp đỡ họ có việc làm

Digitized by Google

và thu nhập ổn định trên cơ sở khai thác đất chưa sử dụng, đẩy mạnh việc phát triển nền nông nghiệp hàng hóa và các ngành, nghề khác ở nông thôn. Ngăn chặn các hành vi cưỡng đoạt ruộng đất của hộ nông dân nghèo.

Khuyến khích, giúp đỡ và tạo điều kiện phát triển các hình thức kinh tế hợp tác ở nông thôn ; chuyển đổi các hợp tác xã cũ theo nội dung và phương thức hoạt động mới ; giải thể và thanh lý tài sản các hợp tác xã kém nát, không có khả năng chuyển đổi ; tạo điều kiện cho các hợp tác xã kiểu mới được thành lập và sớm vươn lên đóng vai trò nòng cốt trong việc cung ứng các dịch vụ sản xuất và chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Những công việc trên cần được xúc tiến mạnh mẽ hơn, song phải dựa trên sự đồng tình và tự nguyện của nông dân.

Củng cố và phát triển các cơ sở quốc doanh trong nông nghiệp và nông thôn làm dịch vụ, chế biến, tiêu thụ nông sản và chuyển giao kỹ thuật cho nông dân, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Theo hướng đó, các nông, lâm trường quốc doanh cần đổi mới tổ chức và nội dung kinh doanh để trở thành các trung tâm dịch vụ kinh tế, kỹ thuật hỗ trợ kinh tế hộ gia đình. Các quốc doanh đánh cá cũng đổi mới hoạt động theo hướng tăng nhanh khả năng bám trụ dài ngày ở biển khơi, làm tốt các dịch vụ ngoài biển và trên bờ để tạo điều kiện cho ngư dân có thể chuyển mạnh từ nghề lộng sang nghề khơi. Tiếp tục cho ngư dân vay vốn để sắm phương tiện đánh cá xa bờ.

Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết giữa các cơ sở quốc doanh với các hộ nông dân, ngư dân và các hợp tác xã cả trong sản xuất, chế biến, lưu thông và tiêu thụ sản phẩm.

VỀ KHU VỰC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Năm 1998, cần xúc tiến một số công tác chính dưới đây để tiếp tục đổi mới khu vực doanh nghiệp nhà nước.

1 - Đẩy mạnh việc củng cố và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước hiện có

Hoàn thành việc phân định các doanh nghiệp hoạt động công ích và các doanh nghiệp theo cơ chế kinh doanh.

Đối với các doanh nghiệp công ích, các doanh nghiệp kinh doanh hoạt động có hiệu quả cũng như một số doanh nghiệp kinh doanh giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế, Nhà nước tập trung tạo điều kiện cho các doanh nghiệp này có đủ vốn lưu động cần thiết, được vay vốn ưu đãi để đổi mới thiết bị, công nghệ, kiện toàn tổ chức và đổi mới cơ chế quản lý. Các doanh nghiệp kinh doanh chuyển sang hoạt động theo cơ chế công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần thật sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của mình.

Chủ trương nêu trên được thực hiện trước hết đối với các tổng công ty nhà nước và các doanh nghiệp thành viên, thúc đẩy các đơn vị này hoạt động ổn định và có hiệu quả ; xây dựng một số doanh nghiệp có vai trò đầu đàn về công nghệ và chất lượng sản phẩm, có sức cạnh tranh cao.

2 - Tích cực sắp xếp lại và đẩy mạnh thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Xác định loại doanh nghiệp được Nhà nước đầu tư 100% vốn (chủ yếu là các doanh nghiệp công ích), loại doanh nghiệp mà Nhà nước cần nắm số cổ phần chi phối, loại doanh nghiệp mà Nhà nước chỉ cần giữ tỷ lệ cổ phần ở mức thấp và đa dạng hóa sở hữu bằng nhiều hình thức thích hợp. Trên cơ sở đó, mở rộng diện các doanh nghiệp cần cổ phần hóa và khắc phục mọi trở ngại khách quan và chủ quan để đẩy mạnh tiến độ thực hiện. Bổ sung các quy định về bán cổ phần cho các đối tượng khác nhau theo hướng đa dạng hóa sở hữu ; thí điểm việc bán cổ phần cho người nước ngoài.

Kiện toàn tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc việc tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp theo danh mục đã xác định, bảo đảm tiến độ triển khai và kịp thời rút kinh nghiệm để tiến hành một cách vững chắc.

Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, công nghệ lạc hậu, không có vị trí quan trọng, lại kinh doanh thua lỗ kéo dài, tùy từng trường hợp mà áp dụng cách giải quyết thích hợp, như : sáp nhập vào doanh nghiệp khác, cổ phần hóa, đấu thầu công khai để cho tập thể hoặc cá nhân thuê khoán kinh doanh, cho phá sản theo quy định của pháp luật...

Digitized by Google

Chính phủ sẽ chỉ đạo thí điểm để từ đó tổng kết và ban hành quy định về việc áp dụng các hình thức đa dạng hóa sơ hữu, đấu thầu cho thuê doanh nghiệp.

Số tiền thu được (do cổ phần hóa, cho thuê, thanh lý tài sản) được sử dụng trước hết để giải quyết việc làm, thực hiện chính sách xã hội đối với người lao động và bổ sung vốn pháp định cho các doanh nghiệp nhà nước cần được ưu tiên củng cố và phát triển.

3 - Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước

- Thực hiện các biện pháp lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp ; bổ sung cơ chế quản lý tài chính và hạch toán ; mọi doanh nghiệp nhà nước đều phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán. Xây dựng quy chế về việc công khai hóa tài chính doanh nghiệp ; giám đốc doanh nghiệp phải báo cáo với cấp ủy đảng, thông báo cho tổ chức công đoàn và người lao động về tình hình tài chính doanh nghiệp, đặc biệt là việc phân bổ các quỹ, đầu tư, mua sắm trang thiết bị, chi phí hành chính v.v...

- Cùng với việc xác định cơ chế quản lý của Nhà nước với tư cách chủ sở hữu, quy định cụ thể trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan nhà nước đối với doanh nghiệp, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý trong nội bộ doanh nghiệp, trước hết là các tổng công ty nhà nước ; điều chỉnh quan hệ nội bộ giữa tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên theo hướng bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp thành viên.

Tiếp tục nghiên cứu cơ chế quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại các doanh nghiệp thông qua hình thức công ty tài chính.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và vai trò của các đoàn thể quần chúng. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ quản lý doanh nghiệp, trước hết là các giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, kế toán trưởng doanh nghiệp nhà nước và cán bộ quản lý Việt Nam trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Nâng cao chất lượng và tính thiết thực trong hoạt động của các câu lạc bộ giám đốc doanh nghiệp với sự tham gia của các cán bộ lãnh đạo cơ quan nhà nước trong các kỳ họp để lắng nghe và góp phần giải quyết các kiến nghị của các nhà kinh doanh đối với công tác quản lý nhà nước.

VỀ TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

1 - Ban hành pháp lệnh tiết kiệm chống lãng phí trong xây dựng, sản xuất và tiêu dùng để tăng tích lũy trong cả ba khu vực : nhà nước, doanh nghiệp và dân cư. Đi đôi với các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển để kích thích tiết kiệm trong nước, cần áp dụng các chính sách điều tiết tiêu dùng, đặc biệt là tiêu dùng hàng cao cấp, hàng xa xỉ, đồng thời phát triển các hình thức thu hút và bảo hiểm tiền gửi của nhân dân, tăng tỷ lệ huy động vốn trung hạn, dài hạn.

2 - Dự toán ngân sách năm 1998 được bố trí theo hướng nâng cao tính hiện thực của kế hoạch thu, đi đôi với tiết kiệm chi, thắt chặt chi cho tiêu dùng, kiềm chế bội chi ngân sách dưới 4% GDP, nhằm khắc phục một bước tình trạng bị động và căng thẳng của ngân sách nhà nước. Với mức thu này, việc đáp ứng các nhu cầu chi sẽ rất khó khăn, đòi hỏi phải phấn đấu thu đạt và vượt dự toán, đi đôi với thực hiện nghiêm chỉnh pháp lệnh tiết kiệm chi tiêu của công.

Tiếp tục rà soát và điều chỉnh chính sách thuế theo hướng vừa bảo đảm nguồn thu của ngân sách, vừa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tích tụ vốn để đầu tư phát triển nhằm bồi dưỡng nguồn thu. Mở rộng diện đánh thuế tiêu thụ đặc biệt đối với một số mặt hàng cần tiết chế tiêu dùng, khai thác các nguồn thu còn bỏ sót. Điều chỉnh giá tính thuế và thuế suất đối với hàng xuất, nhập khẩu phù hợp với tình hình thực tế và quy định hợp lý thời hạn áp dụng để các doanh nghiệp có thời gian chuẩn bị thực hiện. Chuẩn bị tốt các điều kiện để triển khai thực hiện Luật thuế giá trị gia tăng và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp từ 1-1-1999.

Ban hành và công bố rõ chế độ thu phí và lệ phí, quy chế huy động và quản lý, sử dụng tiền đóng góp của các tổ chức kinh tế, xã hội và dân cư, ngăn chặn tình trạng, lạm quyền, lạm thu, huy động quá mức và sử dụng tùy tiện. Đối với các khoản đóng góp của dân không thuộc chế độ thu ngân sách thì áp dụng hình thức quỹ do dân tự quản thu, chi dưới sự bảo hộ, giám sát của

Digitized by Google

chính quyền, như các quỹ công ích, quỹ khuyến học, quỹ trợ giúp người nghèo...

Tăng cường giáo dục ý thức của các doanh nghiệp và nhân dân về nghĩa vụ thuế ; đưa việc chấp hành chế độ hóa đơn chứng từ, sổ sách kế toán vào nền nếp trong mọi doanh nghiệp ; cải tiến công tác hành thu, mở rộng việc áp dụng hình thức doanh nghiệp tự khai nộp thuế, chịu xử phạt nếu gian lận ; nâng cao phẩm chất và trình độ nghiệp vụ, làm trong sạch đội ngũ cán bộ thuế, hải quan. Bằng các biện pháp đồng bộ và sự phối hợp các lực lượng, sự đồng tình, ủng hộ của quần chúng, tạo cho được chuyển biến rõ rệt trong cuộc đấu tranh chống trốn, lậu thuế và gian lận thương mại.

Về tiết kiệm chi ngân sách : Chi đầu tư phát triển phải được bố trí phù hợp với tiến độ thu ngân sách và chấp hành đúng các quy chế đã ban hành ; trên cơ sở đó, ngân sách phải bảo đảm thanh toán đúng hạn khối lượng xây dựng đã hoàn thành theo kế hoạch ; chấm dứt tình trạng nợ đọng kéo dài. Thực hiện quy chế thẩm định giá và đấu thầu trong việc dùng ngân sách mua sắm các thiết bị, vật tư có giá trị cao hoặc khối lượng lớn.

Dự toán chi thường xuyên năm 1998 được phân bổ cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và chính sách xã hội với mức tăng cao hơn so với mức tăng chi hành chính và các lĩnh vực khác ; song phải đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương xã hội hóa, huy động hợp lý các nguồn lực trong xã hội vào sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa thì mới nâng được mức đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng của các lĩnh vực này.

Cùng với việc ban hành pháp lệnh tiết kiệm, chống lãng phí của công, cần xây dựng chế độ quản lý tài sản công, chế độ sử dụng xe ô-tô, điện thoại, mua sắm trang bị trong các cơ quan Nhà nước ; tiến hành kiểm kê và điều chỉnh việc sử dụng tài sản của các cơ quan hành chính sự nghiệp theo chế độ đã ban hành.

Tăng cường kỷ luật chi ngân sách; thủ trưởng đơn vị thụ hưởng ngân sách chỉ được quyền chi đúng chế độ trong dự toán đã được duyệt ; kho bạc Nhà nước chỉ được phép thanh toán khi lệnh chi hợp lệ, đúng dự toán. Thực hiện chế độ thanh toán qua chuyển khoản, hạn chế tới mức thấp nhất việc chi bằng tiền mặt.

Ban hành chế độ kiểm toán bắt buộc đối với quyết toán tài chính hằng năm đi đôi với chế độ công khai tài chính trong mọi cơ quan, tổ chức thụ hưởng ngân sách.

3 - Ổn định lưu thông tiền tệ, lành mạnh hóa hoạt động tín dụng

Nâng cao vai trò và trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước trong việc kiểm soát lạm phát, quản lý vàng và ngoại tệ, bảo đảm an toàn hệ thống tín dụng ; năm 1998, giữ lạm phát ở mức khoảng 6 - 7%.

Kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động đi đôi với bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của các ngân hàng thương mại quốc doanh ; sắp xếp lại các ngân hàng cổ phần. Nâng cao năng lực và trách nhiệm của ngân hàng trong hoạt động tín dụng, giảm sự can thiệp hành chính. Đề nghị Quốc hội không quy định mức khống chế chênh lệch lãi suất, tăng quyền chủ động của ngân hàng trong việc quy định lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay. Áp dụng chế độ kiểm toán bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại. Phân loại và có phương án cụ thể xử lý nợ quá hạn. Xây dựng quỹ bảo hiểm tín dụng để sớm lành mạnh hóa và nâng độ an toàn trong hoạt động tín dụng.

Xúc tiến thành lập cơ sở giao dịch chứng khoán ở quy mô thích hợp để có kinh nghiệm thực tế hoàn chỉnh thể chế, đào tạo cán bộ, từng bước tổ chức thị trường chứng khoán một cách vững chắc.

Hoàn thiện chính sách, cơ chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài, kiểm soát chặt chẽ việc vay nợ nước ngoài của Nhà nước cũng như của các doanh nghiệp, bảo đảm sử dụng vốn vay có hiệu quả và trả được nợ đúng hạn ; chấm dứt sự giảm sút và nâng dần mức tín nhiệm của nước ta trong quan hệ tín dụng quốc tế.

Tổ chức nghiên cứu, phân tích sâu sắc cuộc khủng hoảng tiền tệ và biện pháp giải quyết của các nước trong khu vực để rút ra bài học về quản lý kinh tế vĩ mô, đánh giá và dự báo tác động của nó đối với kinh tế nước ta để có biện pháp ứng

Digitized by Google

phó chủ động ; đặc biệt là nghiên cứu một cách cơ bản chính sách tỷ giá và cơ chế quản lý ngoại hối.

VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI

Lĩnh vực này gồm nhiều ngành hoạt động rất đa dạng đang triển khai thực hiện Nghị quyết trung ương 2 về khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo, Nghị quyết của Chính phủ về xã hội hóa giáo dục, y tế, văn hóa và nhiều chương trình quốc gia về giải quyết việc làm, về xóa đói giảm nghèo kết hợp với định canh định cư, về kế hoạch hóa gia đình, về nước sạch và vệ sinh môi trường ở nông thôn, về thanh toán một số bệnh xã hội, phòng chống HIV/AIDS, về thể dục, thể thao...Tất cả hướng vào bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, nhân tố quyết định sự phát triển hiện tại và tương lai của đất nước. Mấy năm nay, các lĩnh vực hoạt động này đã có bước tiến trong sự kết hợp hài hòa với tăng trưởng kinh tế, song chưa đi kịp yêu cầu của thời kỳ phát triển mới và còn nhiều vấn đề bức xúc phải giải quyết.

Tư tưởng chỉ đạo của Chính phủ là tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội, đồng thời phải tạo cơ chế phát huy mạnh mẽ sức dân tự làm hoặc cùng làm với nhà nước.

Theo hướng đó, tôi xin nêu tinh thần đổi mới trong việc giải quyết một số vấn đề quan trọng và cấp bách trong năm 1998 trên một số lĩnh vực :

1 - Về phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

- Đi đôi với việc hoàn thành dự thảo Luật khoa học và công nghệ, xây dựng chiến lược đến năm 2020, tăng đầu tư và áp dụng một số chính sách, biện pháp thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ mới, điều rất quan trọng là tạo môi trường thuận lợi cùng với các điều kiện thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ tự thân phát triển. Đặt nền kinh tế trong môi trường cạnh tranh lành mạnh và sôi động khiến các đơn vị sản xuất kinh doanh phải tìm đến khoa học và công nghệ ; coi kết quả nghiên cứu khoa học - công nghệ (bao gồm cả khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ quản lý cũng như hoạt động tư vấn về khoa học, công nghệ) là sản phẩm dịch vụ có giá trị cao, phải được trả giá tương xứng với hiệu quả mà nó mang lại và phải được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Trên cơ sở đó, đổi mới cơ chế hoạt động khoa học hiện còn mang nặng tính chất hành chính, chuyển mạnh sang cơ chế nhận đề tài nghiên cứu thông qua đặt hàng và đấu thầu, kể cả các đề tài nghiên cứu cơ bản do Nhà nước đặt hàng và cấp kinh phí. Trước mắt, cần đặc biệt coi trọng khoa học ứng dụng trong khi vẫn chú ý đúng mức tới khoa học cơ bản, trong đó có khoa học xã hội và nhân văn. Thu nhập của các tổ chức và cán bộ khoa học phụ thuộc vào hiệu quả đạt được nhờ ứng dụng kết quả nghiên cứu, không phân phối bình quân, không hạn chế mức tối đa. Cơ chế mới thúc đẩy việc hợp lý hóa tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ theo hướng gắn nghiên cứu khoa học với giáo dục và đào tạo, gắn nghiên cứu ứng dụng công nghệ với các doanh nghiệp, trước hết là các tổng công ty. Các giải pháp cơ bản này cần được thiết kế cụ thể để thí điểm trong một số ngành khoa học - công nghệ có điều kiện, từ đó tổng kết thành thể chế để áp dụng phổ biến.

- Vấn đề bảo vệ môi trường, khắc phục sự ô nhiễm và hủy hoại môi trường cần phải trở thành ý thức thường xuyên của mọi người và phải có biện pháp thực hiện kiên quyết, hữu hiệu. Chính phủ sẽ tăng cường công tác kiểm tra môi trường, tăng năng lực các trạm quan trắc môi trường và kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng quỹ bảo vệ môi trường, đầu tư giải quyết một số vùng ô nhiễm môi trường nặng. Xử lý nghiêm các vụ phá rừng và hủy hoại môi trường. Đẩy mạnh công tác giáo dục về môi trường trong các tầng lớp nhân dân với sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị, các tổ chức xã hội, các cơ quan thông tin đại chúng.

2 - Về giáo dục - đào tạo

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị trung ương 2, tập trung giải quyết mấy vấn đề :

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, kiên quyết khắc phục các tiêu cực trong thi cử, cấp bằng và các chứng chỉ.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, ban hành quy chế trường dân lập và bán công ; xây dựng quy chế huy động sự đóng góp của dân một cách chính thức, công khai ; đổi mới chế độ học phí với

Digitized by Google

khung học phí quy định hợp lý cho từng vùng ; sửa đổi cơ chế tín dụng cho sinh viên nghèo sát với thực tế ; cải thiện thu nhập của giáo viên ; phát triển quỹ khuyến học trên cơ sở đóng góp tự nguyện của dân và nhà nước có chính sách trợ giúp cho con em nhà nghèo học tập và khuyến khích người học giỏi.

- Tiếp tục củng cố, tăng cường hệ thống các trường dân tộc nội trú ở miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Điều chỉnh cơ cấu và nội dung đào tạo phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế về nguồn nhân lực ; tăng tỷ trọng đào tạo công nhân kỹ thuật và nhân viên nghiệp vụ lành nghề.

- Đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo ; phân cấp cho chính quyền địa phương quản lý toàn diện giáo dục mầm non, phổ thông, trung học chuyên nghiệp; tăng cường công tác thanh tra giáo dục.

3 - Về y tế và thể dục, thể thao

- Đổi mới chế độ viện phí và chế độ bảo hiểm y tế, xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử trong khám, chữa bệnh theo chế độ viện phí và theo chế độ bảo hiểm y tế; cơ sở khám, chữa bệnh thu viện phí và được sử dụng một phần để tăng thu nhập cho cán bộ, nhân viên ; người nộp viện phí mà có bảo hiểm y tế thì thanh toán với quỹ bảo hiểm y tế với tỷ lệ thanh toán được quy định cho từng loại đối tượng, từng loại chi phí.

Ban hành chính sách khám, chữa bệnh cho người nghèo và người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi của nhà nước. Xây dựng các quỹ do dân tự nguyện đóng góp và nhà nước có chính sách trợ giúp người nghèo có tiền trả viện phí. Ngân sách nhà nước mua bảo hiểm y tế cho những người có công với nước. Xây dựng quy chế và tạo thuận lợi cho tập thể, cá nhân kể cả người nước ngoài, mở cơ sở khám, chữa bệnh trên cơ sở đáp ứng những điều kiện chuyên môn về y tế và tuân thủ các quy định chung của pháp luật.

Tăng cường công tác vệ sinh phòng bệnh tiêm chủng, thanh tra y tế.

- Đẩy nhanh việc xã hội hóa hoạt động thể dục, thể thao, kết hợp sự phát triển về bề rộng với việc bồi dưỡng thành tích cao. Quy định khung pháp lý cho các tổ chức và cá nhân đầu tư vào các cơ sở và hoạt động thể dục, thể thao, được thu phí. Việc quản lý các câu lạc bộ và cơ sở thể dục, thể thao hiện có của Nhà nước được đổi mới theo hình thức doanh nghiệp dịch vụ công ích hoặc đơn vị sự nghiệp có thu.

4 - Về văn hóa

Nhà nước tiếp tục đầu tư thích đáng cho những khâu trọng điểm, đồng thời ban hành quy chế thực hiện chủ trương xã hội hóa theo nhiều hình thức cụ thể phù hợp với đặc điểm, tính chất của từng loại hình hoạt động trong lĩnh vực này.

Đi đôi với việc tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa, cần triển khai sâu rộng cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa, gia đình văn hóa, làng xã, đường phố văn hóa ; tích cực phòng ngừa, ngăn chặn kết hợp với đấu tranh, truy quét, bài trừ văn hóa độc hại và các tệ nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc, bài trừ mê tín, dị đoan và các hủ tục cũ và mới trong ma chay, cưới xin.

5 - Xóa đói, giảm nghèo, thu hẹp dần khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng, các tầng lớp nhân dân

Chính sách của chúng ta là xóa đói giảm nghèo đi đôi với khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống các thủ đoạn làm giàu phi pháp (tham nhũng, buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại...), tăng tỷ trọng của tầng lớp trung lưu ở nông thôn và thành thị, trên cơ sở đó thu hẹp dần khoảng cách thu nhập giữa các vùng và các tầng lớp dân cư.

Chương trình xóa đói giảm nghèo phải kết hợp với chương trình giải quyết việc làm và các chương trình, dự án phát triển kinh tế. Nhà nước trợ giúp thiết thực cho các vùng nghèo, trước hết là 1 300 xã nghèo ở miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chủ yếu hướng vào đầu tư xây dựng các công trình thiết yếu về kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện cho việc phát huy các nguồn lực tại chỗ để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân. Các địa phương phải xây dựng kế hoạch giúp các xã nghèo khá dần lên với bước đi cụ thể trong một số năm, mỗi năm tập trung đầu tư cho một số xã để tạo được chuyển biến có hiệu quả thiết thực. Kết quả và kinh nghiệm tốt của các địa phương cần được tổng kết và phổ biến kịp thời.

Digitized by Google

Từng xã, thôn, phường, tổ dân phố phải nắm được cụ thể số hộ nghèo đói thuộc địa bàn của mình, phân công và phối hợp chính quyền, các đoàn thể, những người có khả năng và nhiệt tình trong việc hướng dẫn, giúp đỡ thiết thực từng hộ nghèo biết cách làm ăn. Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng phục vụ người nghèo phải mở rộng và nâng cao hiệu quả tín dụng, gắn sự trợ giúp về vốn với công tác khuyến nông, dạy nghề, chuyển giao công nghệ. Các chương trình, dự án giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động phải có chính sách ưu tiên đối với người nghèo và con em gia đình có công với nước.

ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ ĐỔI MỚI SỰ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA CHÍNH PHỦ

Trong bản Định hướng chương trình hành động của Chính phủ trình kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa X, Chính phủ đã đề xuất những nội dung và phương hướng chủ yếu về cải cách hành chính trong những năm tới. Đây là lĩnh vực hết sức khó khăn nhưng là một nhiệm vụ không thể trì hoãn. Năm 1998, chúng ta phải quyết tâm tạo ra những bước đột phá mới, những tiến bộ thật sự trên lĩnh vực công tác này, tập trung vào mấy vấn đề chính sau đây :

1. Tăng cường củng cố chính quyền địa phương, trước nhất là kiện toàn chính quyền cơ sở

Bên cạnh những biện pháp cần thiết đã và đang được nghiên cứu, triển khai để chấn chỉnh bộ máy hành chính ở trung ương, cần coi trọng việc chăm lo củng cố chính quyền địa phương, đặc biệt là việc kiện toàn chính quyền cấp cơ sở là nơi trực tiếp tổ chức thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong nhân dân, công việc nặng nề mà điều kiện làm việc của đội ngũ cán bộ còn nhiều khó khăn. Xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh đang là đòi hỏi cấp bách và nguyện vọng sâu sắc của nhân dân.

Vì vậy, cùng với việc xúc tiến và đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu, sửa đổi Luật tổ chức HĐND và UBND và Luật bầu cử HĐND các cấp chuẩn bị cho nhiệm kỳ mới của chính quyền địa phương vào năm 1999, chúng ta cần gấp rút chuẩn bị và ban hành một số văn bản thể chế mới nhằm kiểm soát chặt chẽ và bảo đảm quyền dân chủ của dân đối với việc thu chi ngân sách cũng như việc chính quyền các cấp huy động, sử dụng công sức và của cải của dân. Tiếp tục thi hành Nghị quyết của Quốc hội về chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, Chính phủ đề nghị áp dụng một số biện pháp như sau :

- Phân biệt rạch ròi các khoản thu ngân sách do chính quyền quản lý với các khoản thu huy động sức dân, hình thành các quỹ do dân tự quản lý như đã nêu ở phần trên. Chính phủ sẽ khống chế mức tối đa mà chính quyền địa phương các cấp được phép thu dưới hình thức huy động sức dân. Căn cứ vào quy định chung, HĐND tỉnh ấn định mức thu được phép của từng cấp trong địa phương.

- Thực hiện nghiêm chỉnh quy định về việc UBND phải đưa ra HĐND thảo luận hoặc báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất các khoản thu, chi ngân sách. Sau kỳ họp HĐND, báo cáo thu chi ngân sách của UBND phải được thông báo cho dân biết; ở cấp tỉnh thì phải đăng báo địa phương, ở cấp cơ sở thì phải niêm yết tại trụ sở UBND. Việc này đòi hỏi phải sửa đổi các văn bản thể chế không phù hợp.

- Chính quyền cấp trên phải tăng cường thanh tra chính quyền cấp dưới trong việc thu chi ngân sách; kiểm tra việc sử dụng và quản lý quỹ huy động sức dân. Đối với mọi biểu hiện hà lạm được phát hiện, nhất thiết phải báo cáo và chuyển giao hồ sơ cho cơ quan điều tra để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Phấn đấu đạt được một số tiến bộ cụ thể trong việc phân cấp giữa trung ương và địa phương, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính - ngân sách, giáo dục và y tế

Chính phủ đã yêu cầu các bộ hữu quan phải sớm trình đề án phân cấp cụ thể trên lĩnh vực mình quản lý và sẽ đôn đốc, chỉ đạo công việc này để thực hiện từng bước.

Nhằm bảo đảm sự phát triển công bằng, căn cứ vào các chỉ số phát triển, các địa phương được phân loại thành các nhóm tỉnh, thành phố có trình độ phát triển kinh tế - xã hội khác nhau. Trên cơ sở đó và trừ một số rất ít chương trình đặc biệt do các ngành trung ương trực tiếp thực hiện, kinh phí của các chương trình quốc gia khác sẽ được phân bổ thẳng cho các địa phương theo nguyên tắc tính trên đầu dân hoặc đầu người

Digitized by Google

thuộc nhóm đối tượng thụ hưởng, có hệ số chênh lệch theo hướng ưu tiên hơn cho các nhóm tỉnh có nguồn thu ngân sách khó khăn. Khi phân bổ tiếp trong phạm vi địa phương, HĐND cấp tỉnh cũng phải ưu đãi các huyện nghèo, xã nghèo. Các khoản chi của trung ương có thể coi như khoản hỗ trợ nhằm bảo đảm mức phúc lợi tối thiểu mà mọi người dân có quyền được hưởng; các địa phương có thể chi thêm từ nguồn ngân sách của mình. Các cơ quan trung ương phải tăng cường thanh tra các địa phương về việc sử dụng đúng mục đích các khoản ngân sách do trung ương cấp.

3. Tiếp tục đổi mới phương thức điều hành công tác, xử lý công việc của bộ máy hành chính phù hợp với tinh thần phân cấp

Chính phủ sẽ tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện Quy chế làm việc của Chính phủ theo mấy hướng sau đây :

Một là, các bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ phải giải quyết những việc thuộc thẩm quyền của mình theo luật định, không giải quyết việc của chủ tịch UBND cấp tỉnh và của cấp dưới. Thủ tướng Chính phủ sẽ trả lại các bộ trưởng và chủ tịch UBND những tờ trình xử lý công việc không thuộc thẩm quyền của Thủ tướng. Đối với những việc chưa có sự rõ ràng về thẩm quyền thì Thủ tướng sẽ xử lý hoặc nêu hướng giải quyết để bộ trưởng hoặc chủ tịch UBND quyết định và tự chịu trách nhiệm.

Hai là, Chính phủ tăng cường hơn nữa công tác xây dựng thể chế, điều hành kinh tế vĩ mô. Thủ tướng Chính phủ tập trung giải quyết tốt hơn những vấn đề liên ngành.

Ba là, đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra. Hiệu lực quản lý nhà nước hiện nay thấp có phần do công tác thanh tra còn yếu kém. Chính phủ đã yêu cầu và sẽ tiếp tục đôn đốc các bộ trưởng phải chấn chỉnh, kiện toàn bộ máy thanh tra ngành mình, đồng thời tăng cường các hoạt động thanh tra tại chỗ. Đối với những vấn đề bức xúc mà người dân và các doanh nghiệp kêu ca phàn nàn nhiều, đích thân lãnh đạo các ngành và địa phương phải trực tiếp xem xét và xử lý tại chỗ, không để nhân dân thất vọng, mất niềm tin vào cấp trên ; nếu không thể xử lý tại chỗ được thì phải kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để sửa đổi thể chế cho phù hợp. Tình hình thực tế đang đòi hỏi chúng ta phải có một số biện pháp tác chiến như vậy bên cạnh việc đổi mới thể chế, nếu không sẽ không thắng nổi bệnh quan liêu và sức ỳ của bộ máy hành chính, Mặt khác, Chính phủ kiến nghị Quốc hội sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan để kiện toàn bộ máy thanh tra hành chính theo hướng thanh tra ngành phải thật mạnh, do một thứ trưởng trực tiếp phụ trách, có quyền xử phạt hành chính tại chỗ thay cho việc kiến nghị lên xuống rất không có hiệu quả như hiện nay. Để bảo đảm lợi ích của đương sự, mọi quyết định đều có thể bị kiện ra tòa án hành chính.

Trên cơ sở thực hiện các chủ trương, chính sách đã trình bày trên và căn cứ vào sự phân tích khả năng thực tế cùng với các cân đối lớn của nền kinh tế, Chính phủ đề nghị Quốc hội xem xét và thông qua những mục tiêu phát triển chủ yếu của kế hoạch năm 1998 như sau :

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 9% so với năm 1997,
- Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 4,7%,
- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 13,5%,
- Tổng vốn đầu tư trong nền kinh tế quốc dân đạt 34,7% GDP,
- Tổng kim ngạch xuất khẩu 11 tỉ USD, tăng 25-26%,
- Tổng kim ngạch nhập khẩu 13,2 tỉ USD tăng 18%,
- Chỉ số giá tiêu dùng tăng khoảng 6-7%,
- Thu ngân sách Nhà nước bằng khoảng 20% GDP, bội chi ngân sách 3,5 - 4% GDP.
- Tốc độ tăng dân số 1,8%.

Năm 1998 là năm bản lề, có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1996-2000. Những nhiệm vụ, mục tiêu nêu trên đòi hỏi những nỗ lực lớn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và với sự ủng hộ của Quốc hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng, sự hưởng ứng của các nhà kinh doanh, nhà khoa học - công nghệ và các tầng lớp nhân dân lao động cũng như kiều bào ta ở nước ngoài, với sự ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, Chính phủ quyết tâm chỉ đạo các ngành, các cấp cùng toàn dân và toàn quân phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 1998, tiếp tục đẩy mạnh sự phát triển ổn định của đất nước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN CÁCH MẠNG, CHÍNH QUY, TINH NHUỆ, TỪNG BƯỚC HIỆN ĐẠI TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

PHẠM VĂN TRÀ *

QUÁN triệt đường lối cách mạng của Đảng và từ thực tiễn của cuộc đấu tranh cách mạng sau năm 1975 đến nay, tư duy bảo vệ Tổ quốc, tư duy quốc phòng của chúng ta đã từng bước phát triển và đổi mới mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.

Tư duy bảo vệ Tổ quốc từ chủ yếu là tư duy về quân sự, về chiến tranh quy mô lớn, về xây dựng quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang (LLVT) để đề phòng chiến tranh, đã chuyển dần sang tư duy một cách toàn diện hơn về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời bình, chủ động ứng phó trong mọi tình huống chiến tranh, sẵn sàng tiến hành thắng lợi chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, đồng thời ngày càng thấy rõ hơn vai trò của an ninh và đối ngoại, sự kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh, đối ngoại với xây dựng kinh tế, xây dựng đất nước theo đường lối đổi mới của Đảng. Trong khi tập trung xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, phải coi trọng tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh, xây dựng một nền quốc phòng mạnh thời bình, bảo vệ công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, góp phần tích cực đánh bại âm mưu và hoạt động của địch trong thời bình, ngăn ngừa và đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, củng cố hòa bình, sẵn sàng đối phó trong các tình huống chiến tranh.

Trong tình hình mới, an ninh sinh tồn và an ninh phát triển của Tổ quốc XHCN đòi hỏi không chỉ bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và chủ quyền quốc gia, mà quan trọng là bảo vệ chế độ, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ nhân dân và bản sắc dân tộc, bảo vệ các thành quả cách mạng, chống kẻ thù xâm lược bên ngoài và bọn phản động bên trong câu kết với nhau, chống "tự diễn biến", chệch hướng XHCN trong nội bộ. Bảo vệ và xây dựng đất nước gắn chặt với nhau, xây dựng CNXH gắn chặt với bảo vệ XHCN. Nếu xây dựng không tốt, chế độ mới không đem lại đời sống tốt đẹp cho con người thì tự nó không thể đứng vững và phát triển trong cuộc cạnh tranh và đấu tranh mới ngày nay. Hơn nữa, nếu không biết tự vệ ngay trong xây dựng để chệch hướng XHCN thì sẽ bị sụp đổ ngay trong hòa bình xây dựng. Cho nên xây dựng phải biết tự vệ và gắn với bảo vệ, bảo vệ phải nhằm mục đích xây dựng, phát triển tốt hơn.

Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc của chúng ta ngày nay là bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ CNH, HĐH. Sự nghiệp CNH, HĐH đặt ra cho quốc phòng toàn dân, LLVT nhân dân và quân đội ta là phải đáp ứng yêu cầu của CNH, HĐH ; củng cố môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện quốc tế và trong nước thuận lợi để đẩy mạnh CNH, HĐH và tập trung bảo vệ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước theo định hướng XHCN. Đồng thời CNH, HĐH tác động và xâm nhập vào mọi mặt của quốc phòng toàn dân, tạo những tiền đề mới cả về vật chất - kỹ thuật và chính trị - tinh thần cho công cuộc củng cố quốc phòng, xây dựng LLVT nhân dân và quân đội nhân dân (QĐND). Đó là điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của QĐND ; đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu mới đòi hỏi quân đội phải phát huy vai trò của

* Ủy viên Bộ Chính trị, Trung tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

Digitized by Google

mình trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Sự nghiệp CNH, HĐH đất nước không chỉ tác động đến việc xây dựng QĐND một cách toàn diện mà còn tạo ra những tiền đề vật chất, tinh thần hết sức quan trọng để chúng ta thực thi phương hướng xây dựng QĐND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại trong thời kỳ mới.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng và an ninh trong những năm tới, QĐND phải trở thành chủ thể tích cực góp phần đắc lực vào tiến trình CNH, HĐH đất nước. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới trước những thời cơ, vận hội và những nguy cơ thách thức mới đòi hỏi quân đội ta không chỉ là công cụ bạo lực vũ trang sắc bén, lực lượng chính trị trung thành và tin cậy của Đảng và Nhà nước, bảo vệ vững chắc sự nghiệp CNH, HĐH, chống lại có hiệu quả mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, mà còn phải tham gia tích cực vào quá trình xây dựng CNH, HĐH đất nước.

Để đáp ứng yêu cầu đó, phải giải quyết một loạt vấn đề trong xây dựng QĐND hiện nay : từ việc tổ chức lực lượng, đào tạo con người đến việc hình thành thế trận kết hợp giữa kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, kết hợp giữa xây dựng với bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN phù hợp với tư duy mới trong giai đoạn mới.

Trước hết phải xây dựng QĐND thực sự là một quân đội cách mạng, thể hiện đầy đủ bản chất giai cấp công nhân với tinh thần cách mạng tiến công, bản lĩnh chiến đấu kiên cường, đấu tranh bảo vệ đường lối quan điểm của Đảng ; là lực lượng xung kích trong cuộc chiến đấu mới chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch và những quan điểm lệch lạc, sai trái, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ sự nghiệp CNH, HĐH. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, nhân tố quyết định hàng đầu là phải tập trung xây dựng Đảng bộ quân đội thực sự trong sạch, vững mạnh, là hạt nhân lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt đối với quân đội, luôn luôn thể hiện bản lĩnh vững vàng, nhạy bén, sắc sảo trong mọi tình huống, nhất là trong những thời điểm mà cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc diễn ra quyết liệt, nhằm giữ vững định hướng XHCN trong CNH, HĐH đất nước. Đảng bộ quân đội phải là lực lượng tiêu biểu, đi đầu trong cuộc đấu tranh đó và phải góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp đó.

Tập trung xây dựng quân đội thực sự chính quy có trình độ tổ chức kỷ luật cao, tự giác và nghiêm minh, bảo đảm cho toàn quân, từ đơn vị cơ sở đến các học viện, nhà trường, các cơ quan chiến lược, là một khối thống nhất, vững chắc trong tư tưởng và hành động, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

Vấn đề mấu chốt hiện nay là tập trung sức tạo một bước chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng tổng hợp, toàn diện của QĐND trong đó lấy chất lượng chính trị làm cơ sở, bảo đảm cho QĐND luôn luôn là một lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành và tin cậy của Đảng, của Nhà nước và nhân dân.

Trong tình hình hiện nay, chất lượng chính trị của quân đội không chỉ là cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp, mà còn là một sức mạnh chiến đấu trực tiếp đấu tranh, ngăn đe và đánh bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực thù địch trên mặt trận lý luận, chính trị, tư tưởng, văn hóa, tâm lý, lối sống v.v... hòng "trung lập hóa", "phi chính trị hóa" đi đến "vô hiệu hóa" quân đội, chia rẽ quân đội với nhân dân, quân đội với công an nhân dân, quân đội với Đảng và Nhà nước. Trong cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của địch, QĐND phải tham gia vào cuộc đấu tranh phân rõ ranh giới giữa độc lập tự chủ và lệ thuộc, giữa CNXH và CNTB, giữa quan điểm, nguyên tắc của CNXH với các luận điệu trá hình khác của CNTB, chủ nghĩa cơ hội, bảo đảm cho quân đội ta thực sự "miễn dịch" đối với các thủ đoạn của chúng làm cho nội bộ ta tự chuyển hóa, thực hiện "phi chính trị hóa". Trên cơ sở xây dựng quân đội về chính trị, phấn đấu nâng cao và tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng tổng hợp, toàn diện của QĐND của các LLVT nhân dân.

Tiếp tục chấn chỉnh, ổn định tổ chức, biên chế quân đội, phù hợp với yêu cầu của thời bình và sẵn sàng đối phó có hiệu quả với các tình huống có thể xảy ra. Chú trọng tăng cường, củng cố, xây dựng lực lượng để đủ sức bảo vệ vùng trời, vùng biển, đảo của Tổ quốc ; tiếp tục chấn chỉnh các đơn vị lục quân theo hướng gọn, mạnh và cơ động phù hợp với yêu cầu sẵn sàng chiến đấu thời bình và cho thời chiến ; kiện toàn các cơ quan của Bộ Quốc

Digitized by Google

phòng theo yêu cầu cải cách hành chính, bảo đảm thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về quốc phòng và chỉ huy, quản lý các lực lượng vũ trang. Bộ đội địa phương và bộ đội biên phòng cần được tổ chức phù hợp với đặc điểm tình hình và nhiệm vụ của từng địa phương, địa bàn và vùng lãnh thổ, nhất là vùng biên giới, biển, đảo và vùng sâu, vùng xa.

Nâng cao chất lượng huấn luyện bộ đội theo yêu cầu mới. Trong huấn luyện hiện nay, trước đối tượng tác chiến có trang bị kỹ thuật hiện đại, huấn luyện bộ đội phải phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, sát với thực tiễn khả năng trang bị và cách đánh của ta. Huấn luyện và rèn luyện thuần thục những yêu cầu cơ bản cho cả cán bộ và chiến sĩ. Chiến sĩ phải thuần thục động tác chiến đấu, cán bộ phải thuần thục và sắc sảo về trình độ, bản lĩnh chỉ huy. Trong điều kiện trang bị kỹ thuật của quân đội ta hiện nay, phải lấy huấn luyện giỏi, tác chiến với vũ khí trang bị hiện có trong biên chế là chính, trên cơ sở đó huấn luyện tác chiến hiệp đồng quân binh chủng, phù hợp với quá trình từng bước đổi mới về mặt vũ khí trang bị. Phải từ sự nghiên cứu về đối tượng tác chiến và đặc điểm địa hình nước ta mà nâng cao trình độ tư duy khoa học, tư duy thực tiễn, đặt ra đúng và giải đáp đúng các vấn đề về nghệ thuật tác chiến. Coi trọng việc học tập các kinh nghiệm truyền thống và các nguyên tắc đã được đúc kết, nhưng không dừng lại ở kinh nghiệm cũ, hiểu biết cũ, mà phải phát triển phù hợp với điều kiện mới trong huấn luyện bộ đội.

Đi đôi với huấn luyện bộ đội về kỹ thuật, chiến thuật và chuyên môn nghiệp vụ, phải coi trọng việc giáo dục, rèn luyện kỹ thuật, đẩy mạnh xây dựng quân đội chính quy, xây dựng các đơn vị vững mạnh toàn diện đi vào chiều sâu, có chuyển biến mạnh mẽ và vững chắc về mọi mặt. Tiếp tục thực hiện có chất lượng Nghị quyết 93 của Đảng ủy Quân sự Trung ương về đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên kỹ thuật, và xây dựng nhà trường chính quy. Khắc phục mọi khó khăn ổn định và từng bước nâng cao đời sống bộ đội.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và vấn đề xây dựng QĐND hiện đại là cả một quá trình và phải căn cứ vào điều kiện khả năng của đất nước. Do đó phải phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính. Đồng thời phải biết tiếp cận với sự phát triển của KHKT, công nghệ mới, nghiên cứu phục hồi và cải tiến những vũ khí trang bị hiện có và từng bước tiến tới trang bị chính quy, hiện đại. Chúng ta phải bằng ý chí và trí tuệ của mình để nâng cấp chất lượng trang bị hiện có của quân đội lên cao hơn. Bài học vừa qua ở các quân chủng, binh chủng, các quân khu là với trang bị hiện có, với tinh thần không ỉ lại, ngồi chờ, các đơn vị đã có những sáng kiến cải tiến, bổ sung, thay thế các chi tiết, nên đã nâng cấp chất lượng nhiều phương tiện trang bị vũ khí, kỹ thuật. Nhờ đó, chúng ta không những đã hạn chế sự xuống cấp mà còn nâng cao chất lượng trang bị, vũ khí của quân đội. Đây là nhận thức và cách làm đúng đắn của quân đội với nhiệm vụ CNH, HĐH trong điều kiện và hoàn cảnh thực tế của đất nước ta hiện nay.

Yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và hiện đại hóa quân đội có mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại lẫn nhau. Quá trình thực hiện CNH, HĐH đất nước sẽ tạo ra sự bảo đảm về những trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại hơn cho quân đội. Do đó, hệ thống công nghiệp quốc phòng phải gắn bó chặt chẽ với nền công nghiệp quốc gia, tận dụng được mọi kết quả của nền công nghiệp quốc gia cũng như những phát triển về khoa học - công nghệ chung của thế giới, của quân đội các nước, để có bước đi và cách làm thích hợp, thúc đẩy nền công nghiệp quốc phòng phát triển. Nhiệm vụ có tính chiến lược để giải quyết vấn đề hiện đại hóa vũ khí, trang bị của quân đội hiện nay không thể tách rời sự nghiệp CNH, HĐH những ngành kỹ thuật then chốt nhất của nền kinh tế quốc dân. Chỉ có kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế mới thực sự có một nền công nghiệp quốc phòng hiện đại, vững mạnh.

Trong quá trình đó, công nghiệp quốc phòng cũng phải tự vươn lên đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và hiện đại hóa quân đội, sản xuất được những trang bị và vũ khí tiếp cận được với trình độ hiện đại của thế giới. Nhưng điều hết sức quan trọng là tìm được những yếu tố, biện pháp khoa học - kỹ thuật chống lại một cách có hiệu quả, hạn chế đến mức tối đa tính năng, tác dụng vũ khí, phương tiện hiện đại của đối phương. Bài học kinh nghiệm đó chúng ta đã phát huy tốt

(Xem tiếp trang 19)

Digitized by Google

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG THỦ ĐÔ VỮNG MẠNH ĐÁP ỨNG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA

PHẠM VĂN TÁNH *

Quán triệt Nghị quyết Trung ương (khóa VII), Nghị quyết Đảng ủy Quân sự Trung ương và Chương trình 05 của Thành ủy Hà Nội, về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, trước yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội ở Thủ đô, lực lượng vũ trang (LLVT) Thủ đô đã nỗ lực phấn đấu quyết tâm cao, tạo bước tiến bộ đồng đều, vững mạnh trên nhiều mặt. Đảng ủy, Bộ tư lệnh Quân khu đã chủ động đề xuất với Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, kết hợp ngày càng chặt chẽ hơn giữa xây dựng, phát triển kinh tế với tăng cường nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong tình hình mới ; tập trung nâng nhanh chất lượng chính trị và sức chiến đấu, khả năng hoàn thành nhiệm vụ của LLVT, trước hết là phòng chống "diễn biến hòa bình" bạo loạn lật đổ và sẵn sàng chiến đấu phòng thủ Thủ đô, bảo vệ tuyệt đối an toàn các hoạt động của Đảng, Nhà nước, đã cùng các lực lượng trên địa bàn giữ vững và củng cố ổn định chính trị Thủ đô, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị của đất nước, tạo điều kiện cho ổn định, phát triển kinh tế ; LLVT Quân khu thực sự là chỗ dựa của cấp ủy và chính quyền thành phố, tăng thêm niềm tin của nhân dân. Kết quả trên thể hiện cụ thể một số nội dung cơ bản sau :

- Đảng bộ Quân khu đã nắm vững tình hình, vị trí của Thủ đô đối với cả nước, sớm xác định : "Chống diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ" là nhiệm vụ chính trị hàng đầu và sẵn sàng chiến đấu phòng thủ Thủ đô trong mọi tình huống.

Từ đó lãnh đạo, chỉ huy các cấp tập trung làm chuyển biến mạnh nhận thức tư tưởng về âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, về nhiệm vụ bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN trong giai đoạn mới của cách mạng. Điều chỉnh tổ chức bố trí lại lực lượng, xây dựng và không ngừng bổ sung các phương án tác chiến, tăng cường các biện pháp nắm địch, tổ chức huấn luyện và diễn tập thực nghiệm, từ thành phố đến quận, huyện, xã, phường ; tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đối với quốc phòng và quân sự địa phương, chủ động tham gia cùng thành phố xử lý có hiệu quả các điểm nóng. Qua thực tiễn đã khẳng định : lãnh đạo đã dự kiến đúng tình hình, chuyển hướng nhiệm vụ kịp thời sát thực tiễn, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ.

- Nắm vững nguyên tắc nâng cao chất lượng chính trị làm cơ sở để xây dựng, nâng nhanh sức chiến đấu của lực lượng vũ trang, đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới.

Những năm vừa qua, Quân khu rất coi trọng xây dựng lực lượng, nâng nhanh chất lượng chiến đấu của cả bộ đội chủ lực, địa phương và dân quân tự vệ (DQTV), quản lý lực lượng dự bị ; trước hết xây dựng chất lượng và bản lĩnh chính trị, giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong LLVT. Nâng trình độ đấu tranh bảo vệ đường lối quan điểm của Đảng và năng lực lãnh đạo toàn diện của tổ chức đảng, năng lực trí tuệ và tổ chức hành động của đội ngũ cán bộ đảng viên, tạo sự đoàn kết thống nhất cao vì mục tiêu, nhiệm vụ, thực sự là hạt nhân lãnh đạo xây dựng Quân khu và đơn vị vững mạnh, toàn diện, đủ sức hoàn thành vững chắc nhiệm vụ trong mọi tình huống.

- Xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa Quân khu với Đảng bộ, chính quyền, các tổ chức trong hệ thống chính trị của thành phố và các đơn vị trên địa bàn.

Đảng ủy, Bộ tư lệnh Quân khu đã làm tham mưu cho thành phố thực hiện ngày càng hiệu quả hơn chức năng quản lý nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng ; kết hợp chặt chẽ hơn giữa sản xuất và bảo vệ sản xuất, giữa quốc phòng với an ninh, giữa thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội của thành phố với xây

* ...g.Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu Thủ đô

Digitized by Google

dựng cơ sở chính trị vững mạnh. Đến nay đã có hơn một nghìn cơ sở kết nghĩa với LLVT, góp phần tạo thế trận lòng dân vững chắc, đồng thời tranh thủ được sự hỗ trợ nhiều mặt có hiệu quả của thành phố để nâng nhanh chất lượng các mặt của LLVT Quân khu.

Kết quả quan trọng đã đạt được tạo ra tiền đề thuận lợi cho LLVT Thủ đô hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, cùng với Đảng bộ, chính quyền, nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ mà Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XII đã đề ra : "Xây dựng Thủ đô XHCN, giàu về kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, vững về chính trị, có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, an ninh - quốc phòng vững mạnh", góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để xứng đáng với sự quan tâm, tin tưởng của Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng và Đảng bộ, nhân dân Thủ đô, Đảng ủy Bộ tư lệnh Quân khu xác định cần tập trung xây dựng LLVT Thủ đô :

- Kiên định đường lối chính trị, quân sự của Đảng là yếu tố cơ bản để lãnh đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, đề cao cảnh giác, chủ động đối phó làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Phối hợp với các cơ quan chức năng của thành phố, tuyên truyền, giáo dục các tầng lớp nhân dân Thủ đô nhận rõ : Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, cần đề cao cảnh giác, không ngừng chăm lo nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ địa phương bằng chính lực lượng của mình. Kết hợp kinh tế với quốc phòng làm cho mỗi bước phát triển của kinh tế - xã hội là một bước tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh. Chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" bạo loạn lật đổ của kẻ thù, giữ vững ổn định chính trị ở Thủ đô, và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược trên các quy mô với các phương tiện vũ khí kỹ thuật công nghệ cao. Nắm vững phương châm xây dựng LLVT đồng bộ, toàn diện, có tổ chức chặt chẽ, cơ cấu hợp lý, có bản lĩnh chính trị và sức chiến đấu cao. Là đội quân chính trị, đội quân chiến đấu tại chỗ, đánh địch nhanh nhất, trước nhất, làm thất bại âm mưu thủ đoạn của kẻ thù ngay từ cơ sở.

Không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp và trình độ nhận thức lý luận, giữ vững trận địa tư tưởng. Đứng vững trên lập trường quan điểm của Đảng trong cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Tích cực tham gia cuộc đấu tranh trên lĩnh vực chính trị tư tưởng bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả của cách mạng. Do đó, vấn đề cốt lõi là phải tiếp tục xây dựng LLVT Thủ đô có bản lĩnh chính trị. Nhất trí cao với đường lối, quan điểm của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XII và Chương trình 05 của Thành ủy, về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhận rõ âm mưu, thủ đoạn mới của kẻ thù, tính phức tạp của cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong điều kiện mới, giữ vững lòng tin, vững vàng trước mọi khó khăn thử thách, có tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, nêu cao ý chí, tinh thần trách nhiệm, đạo đức cách mạng. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, kịp thời ngăn chặn những quan điểm sai trái, những luận điệu phản động thâm nhập và tác động vào đơn vị, bảo đảm LLVT trong sạch về chính trị - tư tưởng và tổ chức.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng huấn luyện - rèn luyện làm cơ sở nâng cao sức chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu, tạo ra sự chuyển biến nhanh và vững chắc của cả bộ đội chủ lực, địa phương và dân quân tự vệ, quản lý nguồn dự bị động viên.

Quá trình thực hiện phải luôn nắm vững nhiệm vụ huấn luyện đội ngũ cán bộ là trung tâm cơ sở để huấn luyện bộ đội có bản lĩnh chiến đấu và tác chiến thành thạo trên đường phố. Đồng thời, huấn luyện cho cán bộ, chiến sĩ làm tốt công tác tuyên truyền vận động chính trị trong nhân dân. Tổ chức luyện tập sát với nhiệm vụ của từng đơn vị và sự phát triển của thành phố đang trên đà đô thị hóa nhanh, và trong các tình huống phải chuyển thành phố vào tình trạng thời chiến và bảo vệ các mục tiêu trọng yếu. Thực hiện đồng bộ ba khâu huấn luyện với rèn luyện kỷ luật và xây dựng chính quy, khai thác mọi tiềm năng, phấn đấu từng bước, hiện đại hóa trang bị, nhất là phương tiện thông tin chỉ huy bảo đảm thông suốt, chính xác, kịp thời trong mọi hoàn cảnh, thực hiện tốt cuộc vận động "Quản lý, khai thác, sử dụng, vũ khí, trang bị, an toàn tiết kiệm" của Bộ Quốc phòng.

Trong điều kiện phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN, lãnh đạo chỉ

Digitized by Google

huy các cơ quan quân sự địa phương cần chủ động phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chủ quản để làm tốt công tác huấn luyện phù hợp với nhiệm vụ, đặc điểm tình hình sản xuất của cơ sở. Làm tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền xây dựng các tiểu đoàn bộ đội địa phương quận, huyện vững mạnh, sẵn sàng động viên làm nhiệm vụ cơ động tại chỗ và đáp ứng với yêu cầu bổ sung cho các đơn vị thường trực khi cần thiết.

- Tăng cường và củng cố sự lãnh đạo của Đảng với nhiệm vụ quốc phòng và xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô.

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định sự trưởng thành và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang Thủ đô. Thực tiễn những năm vừa qua dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy quân sự Trung ương và tổ chức đảng trong lực lượng vũ trang, sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng đã thường xuyên được tăng cường và có hiệu lực hơn. Cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp quốc phòng, bảo đảm mọi mặt công tác quân sự địa phương và xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô đều có sự thống nhất trong lãnh đạo, điều hành giám sát và kiểm soát của cấp ủy, chính quyền các cấp. Vì vậy, lực lượng vũ trang Thủ đô luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị ở Thủ đô.

Hơn bao giờ hết lúc này cần phải cảnh giác với âm mưu "phi chính trị hóa" LLVT của các thế lực thù địch. Do đó, cần không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao phẩm chất đạo đức, vai trò tiên phong gương mẫu, năng lực vận động quần chúng của đảng viên. Bảo đảm sự lãnh đạo vững chắc của Đảng đối với LLVT trước mọi diễn biến phức tạp; xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, lãnh đạo xây dựng đơn vị, cơ quan vững mạnh toàn diện hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Nâng nhanh chất lượng toàn diện đội ngũ cán bộ và cơ quan quân sự các cấp, phấn đấu đến năm 2000 có 68% trở lên cán bộ đạt trình độ đại học. Bảo đảm đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị kiên định, có trí tuệ và năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, lực lương vũ trang Thủ đô nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, xứng đáng với sự đùm bọc tin yêu của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân thành phố Hà Nội. ❑

XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI...

(Tiếp theo trang 16)

trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Hiện nay, chúng ta càng có nhiều yếu tố thuận lợi để thực hiện tốt hơn bài học này. Vấn đề là phải phát huy được tính năng động chủ quan, động viên, thu hút được các lực lượng đi sâu nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật để không ngừng nâng cao sức mạnh của mình, đồng thời có biện pháp chủ động ngăn ngừa, hạn chế sức mạnh của đối phương.

Cùng với việc tích cực tham gia cải tiến trang bị, vũ khí cho quân đội, vấn đề có ý nghĩa quan trọng nữa là công nghiệp quốc phòng phải tham gia tích cực vào quá trình CNH, HĐH đất nước. Các nhà máy, xí nghiệp quốc phòng sản xuất phục vụ nhu cầu của quân đội là chủ yếu, đồng thời phải vươn lên sản xuất ngày càng nhiều những mặt hàng dân dụng, dân sinh, đủ sức cạnh tranh được trong cơ chế thị trường. Trong những năm vừa qua, các nhà máy, xí nghiệp quốc phòng đã thực hiện nhiệm vụ đó, được Nhà nước, nhân dân thừa nhận và đã có những đóng góp quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Sự nghiệp xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại gắn bó chặt chẽ với sự nghiệp CNH, HĐH đất nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh vững bước đi lên CNXH. Yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH nước nhà và hiện đại hóa quân đội có quan hệ hữu cơ chặt chẽ tác động qua lại lẫn nhau. Tiến trình phát triển của CNH, HĐH sẽ tạo ra sự bảo đảm của đất nước về trang bị kỹ thuật, hậu cần... ngày càng cao cho quân đội. Nó sẽ thúc đẩy và tạo điều kiện từng bước hiện đại hóa quân đội, làm cho quân đội ngày càng vững mạnh để bảo vệ sự nghiệp CNH, HĐH, bảo vệ Tổ quốc XHCN. Vì vậy, QĐND phải xác định rõ trách nhiệm là một chủ thể thật sự góp phần tham gia vào sự nghiệp CNH, HĐH, đồng thời phải biết tận dụng những thành quả của CNH, HĐH đã đạt được để hiện đại hóa quân đội, xứng đáng là lực lượng nòng cốt bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước và chế độ XHCN, bảo vệ thành quả lao động của nhân dân và toàn vẹn lãnh thổ vùng đất, vùng trời, vùng biển của Tổ quốc. ❑

Digitized by Google

DẦU KHÍ VIỆT NAM - HƯỚNG TỚI THẾ KỶ XXI

NGÔ THƯỜNG SAN *

Dầu khí Việt Nam là ngành công nghiệp non trẻ, trong những năm gần đây đã phát triển đúng hướng, không ngừng vươn lên và trở thành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Sản lượng dầu thương phẩm ngày một tăng, thu ngoại tệ từ xuất khẩu dầu thô luôn đứng hàng đầu trong các ngành kinh tế. Điều đó đã góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng của nền kinh tế và đưa Việt Nam trở thành nước xuất khẩu dầu mỏ thứ 4 trong khu vực. Vào tháng 7 vừa qua, Tổng công ty dầu khí đã đạt được con số khai thác tấn dầu thương phẩm thứ 50 triệu. Đây là một trong những mốc đánh giá thành tựu mà ngành đã đạt được sau 22 năm xây dựng và trưởng thành, đồng thời khẳng định tiềm năng về dầu khí của Việt Nam, khẳng định sự đúng đắn của đường lối mà Đảng ta đã vạch ra cũng như khẳng định năng lực ngành dầu khí Việt Nam hiện nay.

CHẶNG ĐƯỜNG ĐÃ QUA

Có thể khẳng định, trên con đường xây dựng và trưởng thành của mình, ngành dầu khí luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng và Nhà nước. Qua từng giai đoạn, Đảng đều vạch rõ bước đi cụ thể cho sự phát triển của ngành dầu khí phù hợp với tiến trình phát triển chung của cả nước cũng như phù hợp với xu thế thời đại. Chặng đường đó cũng là quá trình phấn đấu vươn lên không ngừng của toàn ngành. Đi sâu phân tích sự hoạt động của Tổng công ty dầu khí trong thời gian qua, có thể nêu lên một số vấn đề cơ bản như sau :

1. Xác định đúng hướng, tập trung sức vào những lĩnh vực, nhiệm vụ chủ yếu

Là một doanh nghiệp nhà nước, Tổng công ty có nhiệm vụ nghiên cứu, thăm dò, khai thác kinh doanh sản phẩm dầu mỏ và khí đốt trên toàn lãnh thổ, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và hải đảo thuộc chủ quyền nước ta và được tiến hành các hoạt động dầu khí ở nước ngoài khi Chính phủ cho phép tiến hành chế biến, dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các sản phẩm dầu khí. Trên cơ sở chiến lược phát triển tổng thể các đề án phát triển các lĩnh vực hoạt động của ngành, Tổng công ty đã tập trung sức chỉ đạo trên các lĩnh vực chủ yếu.

Trước hết, *đẩy mạnh công tác tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí* nhằm phát hiện thêm nhiều mỏ mới, tăng trữ lượng, xác định tiềm năng cũng như tăng hệ số thu hồi dầu trong khai thác. Từ đó, tìm những biện pháp hữu hiệu kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh quốc phòng, tăng sản lượng khai thác, bảo đảm sơ đồ công nghệ khai thác tối ưu, hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên quí giá này cũng như góp phần bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của đất nước. Đi liền với công tác này là sự chỉ đạo chặt chẽ công tác giám sát các hợp đồng chia sản phẩm ; giải quyết nhanh nhạy hợp lý các vấn đề cụ thể phát sinh, thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát các hoạt động của nhà thầu theo đúng chương trình và hợp đồng đã ký kết. Nhờ đó, hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí được triển khai nhộn nhịp trên khắp lãnh thổ của đất nước từ vùng đồng bằng châu thổ tới các vùng thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế trên biển với sự góp mặt của nhiều công ty dầu lửa trên thế giới. Điểm nổi bật là Tổng công ty phấn đấu vươn lên tự lực trong hoạt động thăm dò khai thác. Đây là một đòi hỏi

* Tổng giám đốc Tổng công ty dầu khí Việt Nam

Digitized by Google

bức thiết và vô cùng nặng nề trước yêu cầu phát triển đất nước ; và cũng là điều mà các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước thường xuyên quan tâm.

Nhờ đó, trong những năm gần đây, hoạt động tìm kiếm thăm dò đã thu được những kết quả đáng phấn khởi, nhiều phát hiện về dầu khí có giá trị thương mại; trữ lượng dầu khí được gia tăng. Các mỏ dầu và khí đã lần lượt được phát hiện và đi vào khai thác như mỏ Bạch Hổ (1986), khu vực khai thác số 1 của mỏ Rồng, mỏ Đại Hùng (1994), mỏ Bunga Kelwa (7-1997) và sắp tới là khu vực khai thác thứ 2 của mỏ Rồng và lần lượt sẽ là các mỏ Ruby, Rạng Đông, Lan Tây - Lan Đỏ.

Để mang lại nhiều nguồn thu cho nền kinh tế, Tổng công ty đã nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở dịch vụ và *mở rộng công tác dịch vụ* với nhiều hoạt động dịch vụ kỹ thuật đặc biệt ở lĩnh vực công nghệ cao. Hoạt động dịch vụ từ chỗ chia sẻ, manh mún nay đã thống nhất, phát triển từ tự làm đến liên doanh liên kết để nâng cao chất lượng đạt chứng chỉ quốc tế. Kết quả thu được thật khả quan như mức tăng trưởng hằng năm cao, thị phần này càng mở rộng, hướng doanh thu từ dịch vụ cảng và dịch vụ tàu thuyền tăng nhanh : 55 triệu USD (1994), 890 tỉ đồng (1995), 1.162,3 tỉ đồng (1996) và tiếp tục giữ ở mức tăng trưởng cao trong năm (1997). Ngoài ra, các dịch vụ nhỏ lẻ, dịch vụ nghiên cứu khoa học, dịch vụ phân tích xử lý đều được chú trọng phát triển để tạo nguồn thu mới ổn định với các đơn vị không chuyên nghiệp (Viện dầu khí, PVSC, PVEP, Vietsovpetro...).

Để tạo sự phát triển toàn diện, Tổng công ty cũng đã chú trọng phát triển nhanh *các lĩnh vực hoạt động khác và thực hiện các đề án hạ nguồn lớn* như đề án sử dụng khí Bạch Hổ, khí Nam Côn Sơn, đề án lọc dầu và các đề án chế biến và phân phối sản phẩm khác. Những kết quả đạt được đã khẳng định thực lực và khả năng của ngành dầu khí Việt Nam. Và cũng từ đó, một nhiệm vụ quan trọng mà Đảng và Chính phủ đã giao cho Tổng công ty là xây dựng và đưa vào vận hành nhà máy lọc dầu số 1 tại Dung Quất, Quảng Ngãi theo hướng Việt Nam tự đầu tư. Đây là công trình trọng điểm quốc gia vì đó không chỉ là công trình lọc dầu đầu tay ở nước ta với số vốn đầu tư lớn, tập trung trong thời gian ngắn, đòi hỏi tiêu chuẩn quốc tế về kỹ thuật và công nghệ ; mà còn là công trình có ý nghĩa chiến lược hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế khu vực miền Trung cũng như của cả nước.

2. Mở rộng quan hệ quốc tế gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Vào cuối những năm 1980, Đảng và Nhà nước thực hiện chủ trương, chính sách mở cửa nền kinh tế, ban hành Luật đầu tư và đặc biệt đối với ngành là Nghị quyết 15/NQ-TƯ về phương hướng phát triển ngành dầu khí. Từ đó, ngành dầu khí Việt Nam đã bước vào giai đoạn mới, thời kỳ mở cửa hợp tác đa phương.

Nắm chắc thời cơ, Tổng công ty đã đẩy mạnh hợp tác kinh tế đối ngoại, mở rộng các hoạt động dầu khí với các loại hình hợp tác phong phú, đa phương, đa dạng nhưng giữ vững độc lập và chủ quyền. Công tác này gồm 2 mảng chính là hợp tác quốc tế và khu vực thông qua hiệp định liên chính phủ và các tổ chức phi chính phủ ; và hợp tác quốc tế thông qua các hợp đồng, dự án kinh tế - kỹ thuật dầu khí. Trên lĩnh vực hợp tác liên chính phủ và phi chính phủ, Tổng công ty đã thực sự hòa nhập vào một số hoạt động đối ngoại của Chính phủ và các bộ, ngành. Các hoạt động này đã xác lập quan hệ quốc tế lành mạnh với các bạn truyền thống như SNG, Ấn Độ, Cu ba, các nước Ban tích, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ả Rập, Trung Đông... và các tổ chức ASCOPE, CCOP cùng với các hội nghị quốc tế và khu vực. Các hoạt động ngày càng sôi động đã khẳng định vai trò, uy tín của ngành cũng như của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ kinh tế đối ngoại đi vào chiều sâu, tạo ra nhiều khả năng mới rộng mở cho hợp tác đầu tư nước ngoài, tăng cường sự hòa nhập ngành dầu khí vào thị trường quốc tế.

Trên lĩnh vực hợp tác quốc tế của ngành, Tổng công ty đẩy mạnh việc tham gia các hợp đồng kinh tế, các dự án lớn trên các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, lọc dầu, chế biến sản phẩm dầu khí. Đây là khâu trọng yếu của ngành, nên Tổng công ty đã tập trung chỉ đạo các khâu then chốt như xây dựng mục tiêu, dự án, lựa chọn đối tác... bảo đảm các hợp đồng, các dự án được thực hiện có hiệu quả kinh tế cao, đúng tiến độ,

Digitized by Google

tính khả thi cao. Yêu cầu đặt ra trong quá trình hợp tác là vừa phải giữ được sự cân đối, hài hòa, cân bằng trong đối tác, vừa giữ vững uy tín và quyền lợi của Việt Nam, phòng tránh nguy cơ phía nước ngoài đòi quyền áp đặt giá, ra điều kiện hợp tác... đồng thời chống tiêu cực trong nội bộ ngành. Từ 1988 trở lại đây, Tổng công ty đã ký kết trên 30 hợp đồng các loại về hợp tác tìm kiếm, thăm dò và khai thác, chưa tính đến một số thỏa thuận hợp tác nghiên cứu khảo sát tiềm năng dầu khí ở Việt Nam, các thỏa thuận hợp tác liên doanh thuộc các khâu dịch vụ kỹ thuật và khâu sau của ngành công nghiệp dầu khí. Vốn đầu tư của nước ngoài thu hút vào hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí hơn 2 tỷ USD.

Hoạt động dầu khí được gắn liền với công tác bảo vệ chủ quyền lãnh hải và biên giới quốc gia ; riêng phần lãnh hải trải dài trên 2.000 km lại tiếp giáp nhiều nước trong khu vực, thực tế còn nhiều vấn đề phức tạp. Bởi vậy, bên cạnh việc mở rộng hợp tác đối ngoại, Tổng công ty dầu khí cũng luôn luôn coi trọng công tác bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Tổ quốc. Vấn đề này được coi là nguyên tắc trong đàm phán, hợp tác cũng như trong thực hiện các hợp đồng, các dự án với nước ngoài và được quán triệt sâu rộng trong toàn thể cán bộ công nhân viên, đặc biệt là các cán bộ trực tiếp quan hệ với nước ngoài, làm việc trong các liên doanh và các nhà thầu. Ngành đã thành lập bộ phận giám sát kỹ thuật, bảo vệ chính trị nội bộ cũng như thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành hữu quan, lực lượng vũ trang, các địa phương trong công tác bảo vệ an ninh chính trị trong địa bàn. Từ 1989, Tổng công ty tham gia cùng Bộ Quốc phòng xây dựng các công trình biển vừa làm công tác nghiên cứu khoa học, vừa bảo vệ chủ quyền tại khu vực Trường Sa. Với nhiều đóng góp tích cực, Xí nghiệp Liên doanh dầu khí Vietsovpetro - một trong những đơn vị liên doanh của Tổng công ty đã được Nhà nước trao tặng Huân chương Chiến công hạng nhất.

3. Gắn công tác nghiên cứu khoa học vào sản xuất.

Là một ngành non trẻ, vấn đề mấu chốt để vươn lên ngang tầm và hội nhập với quốc tế đó là nâng cao việc nghiên cứu khoa học, ứng dụng vào các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ tiên tiến. Trong bối cảnh đó, Tổng công ty chủ trương đẩy mạnh và kết hợp chặt chẽ nghiên cứu khoa học theo hai hướng : nghiên cứu cơ bản và dịch vụ khoa học kỹ thuật - công nghệ, nhằm vừa đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài vừa đáp ứng yêu cầu sản xuất đang đặt ra.

Các đề tài cấp nhà nước vẫn được duy trì để bảo đảm định hướng chung cho công tác nghiên cứu khoa học - công nghệ. Các đề tài cấp ngành đã dần dần chuyển hóa thành đề tài ngắn hạn có mục tiêu cụ thể đi sâu vào những vấn đề mà thực tiễn sản xuất đang đặt ra, đề tài theo đơn đặt hàng của Tổng công ty và các đơn vị để giải quyết kịp thời yêu cầu của thực tế. Chẳng hạn như dịch vụ phân tích mẫu của Viện dầu khí, đã góp phần tăng doanh thu của Viện từ 7 tỉ đồng (1993) lên 11 tỉ đồng (1995).

Tổng công ty đã hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các cơ quan nghiên cứu khoa học, công nghệ của mình. Hệ thống này (gồm 4 đơn vị : Viện dầu khí, Trung tâm nghiên cứu phát triển chế biến dầu khí, Trung tâm an toàn và môi trường, Trung tâm thông tin tư liệu) cùng với các đơn vị trong ngành phối hợp chặt chẽ trong công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng các thành tựu kinh tế kỹ thuật tiên tiến. Ngoài việc giải quyết những yêu cầu đặt ra của ngành, các đơn vị này đã xác lập mối quan hệ hợp tác liên doanh với nhiều viện, trung tâm khoa học công nghệ trong nước và trên thế giới. Mục tiêu đang đặt ra là sử dụng tổng hợp lực lượng khoa học công nghệ trong nước, tạo môi trường sản xuất để ứng dụng thành quả, nghiên cứu và phát triển lực lượng khoa học Việt Nam, đồng thời cũng tạo điều kiện để các đơn vị nghiên cứu khoa học công nghệ của Tổng công ty dầu khí dần dần vươn tới đạt trình độ khu vực Đông - Nam Á và quốc tế.

Với 8 đề tài cấp nhà nước, 24 đề tài cấp ngành, 15 kỳ hội thảo đạt kết quả tốt đã khẳng định vai trò và khả năng hội nhập của công tác nghiên cứu khoa học của Việt Nam vào các hoạt động của quốc tế và khu vực. Nhiều đề án trong lĩnh vực nghiên cứu dầu khí Việt Nam và khu vực Đông - Nam Á, xử lý tài liệu địa chất, địa vật lý dầu khí, nghiên cứu về công nghệ tiên tiến trong chế biến

Digitized by Google

dầu khí, nghiên cứu về kỹ thuật an toàn và bảo vệ môi trường đã được các công ty và tổ chức nghiên cứu lớn của nước ngoài ký kết cùng hợp tác nghiên cứu với Tổng công ty. Cũng chính từ đó, trình độ chuyên môn, năng lực hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ trong ngành đã tăng trưởng một bước rất quan trọng. Một số lớn đã trở thành chuyên gia giỏi, lành nghề có uy tín với khách hàng. Đặc biệt, một số công nghệ chuyển đổi từ hệ tương tự sang ghi số, về khoan ngang và khoan với độ xiên lớn, xử lý cùng cận đáy giếng để tăng hệ số thu hồi dầu của Liên doanh dầu khí Việt Xô được coi là đóng góp lớn cả về lý thuyết và thực tiễn trong kỹ thuật, công nghệ dầu khí của thế giới.

4. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và xây dựng nguồn nhân lực.

Xác định đây là vấn đề chen chốt, có ý nghĩa quyết định đối với tổ chức thực hiện nhiệm vụ của toàn ngành cũng như mỗi đơn vị cơ sở, Tổng công ty luôn đặc biệt quan tâm đến công tác cán bộ và đổi mới công tác cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương ba (khóa VIII). Thực hiện các nghị quyết của Đảng, Tổng công ty đã và đang xây dựng chiến lược phát triển dầu khí đến năm 2000 và 2010 với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành công nghiệp dầu khí đi đôi với cải cách một bước nền hành chính quốc gia, đưa đội ngũ cán bộ công nhân viên từ phong cách lao động, quản lý hành chính đơn thuần sang lao động, điều hành sản xuất kinh doanh thích ứng với cơ chế mới ; đảm bảo tính hiệu quả và sớm xây dựng ngành thành một tập đoàn kinh tế mạnh.

Theo đó, hệ thống tổ chức của ngành dầu khí từng bước được sắp xếp kiện toàn phù hợp với yêu cầu phát triển toàn diện. Tổng công ty đang triển khai theo mô hình tổ chức mới và từng bước hoàn thiện cơ chế hoạt động cũng như cơ chế quản lý điều hành theo mô hình Tổng công ty mạnh của Nhà nước. Các đơn vị được sắp xếp lại, hoặc đổi tên cho phù hợp chức năng, nhiệm vụ, điều lệ tổ chức và hoạt động mới đã kiện toàn và đi vào hoạt động có hiệu quả (riêng Công ty tài chính còn tiếp tục nghiên cứu để có thể thành lập vào thời gian thích hợp). Điều nổi bật là các đơn vị sau khi sắp xếp, kiện toàn không gây sự xáo trộn lớn, ảnh hưởng đến sản xuất cũng như tư tưởng và đời sống người lao động. Bộ máy Tổng công ty tạo điều kiện tốt nhất cho các đơn vị thành viên thích ứng với cơ chế mới, năng động trong liên doanh liên kết sản xuất kinh doanh trên cơ sở tự chủ tài chính và hạch toán kinh tế dưới sự chỉ đạo, giám sát của Tổng công ty.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý và điều hành theo mô hình mới, công tác cán bộ được đổi mới một bước. Các cán bộ chủ chốt được bố trí hợp lý theo đúng yêu cầu nhiệm vụ trong bộ máy Tổng công ty cũng như từng thành viên. Trong công tác cán bộ ngành chủ trương "Đảng trực tiếp và thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ", thực hiện đúng nguyên tắc "tập trung dân chủ" đi đôi với việc xem xét, đánh giá tuyển chọn, đề bạt... và giải quyết chế độ chính sách với cán bộ theo đúng quy trình quy chế của Tổng công ty và của cấp trên. Gắn việc đánh giá phân loại cán bộ, đảng viên hằng năm với việc bố trí, sắp xếp cán bộ. Trong xem xét đề bạt cán bộ luôn chú trọng phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn nhất là với những người thực sự năng động, đổi mới, có quan hệ tốt với quần chúng, biết tổ chức và triển khai công việc có hiệu quả.

Bên cạnh việc bảo đảm đời sống với thu nhập được cải thiện hằng năm và thực hiện tốt các chính sách xã hội, các hoạt động văn hóa, thể thao được duy trì. Tổng công ty hết sức chú trọng rèn luyện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân lao động của mình về lập trường tư tưởng, đạo đức, năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ : "cán bộ là gốc của mọi công việc", Tổng công ty đã thường xuyên chăm lo giáo dục, đào tạo đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ chủ chốt bảo đảm đầy đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực. Bằng kinh phí của mình, Tổng công ty đã cấp kinh phí đào tạo dài hạn cho một số sinh viên xuất sắc ở một số trường, cũng như gửi đi đào tạo kỹ sư thực hành các sinh viên đã tốt nghiệp đại học để sau này trở về phục vụ cho ngành được tốt và có trách nhiệm cao. Giai đoạn 1991 - 1995, đã có trên 1000 lượt cán bộ được đào tạo cấp tốc, trên 800 lượt người tham gia hội thảo, hội nghị, tham quan... ở nước ngoài. Đội ngũ những người làm công tác dầu khí đã trưởng thành cả về số lượng và chất lượng. Từ 2000 cán bộ công nhân viên ban đầu, tới

Digitized by Google

nay đã có trên 10 000 người (trong đó 0,9% trình độ trên đại học, 28% có trình độ đại học, trên 50% công nhân kỹ thuật) với hàng trăm nghề khác nhau. Nhiều cán bộ chủ chốt đều thông thạo hai ngoại ngữ. Đây là vốn quý của ngành trong quá trình phát triển hiện nay cũng như trong tương lai.

Chặng đường hai mươi hai năm qua, Tổng công ty đã phấn đấu không ngừng để đưa ngành dầu khí non trẻ (từ lúc khởi đầu là một liên đoàn địa chất) trở thành một ngành kinh tế chủ lực, đóng góp đáng kể cho sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa nước nhà. Chỉ tính 3 năm (1995 - 1997) các chỉ số về phát triển sản xuất của ngành cho thấy rõ điều đó : Sản lượng dầu thô khai thác : 7 653 000 tấn ; 8 803 000 tấn và dự kiến 9,8 triệu tấn năm 1997. Thu ngoại tệ từ xuất khẩu dầu thô : 1 000 triệu USD. 1 350 triệu USD và năm 1997 sẽ cao hơn.

HƯỚNG TỚI THẾ KỶ XXI

Khai thác và chế biến dầu khí được xác định là ngành có lợi thế, ngành kinh tế mũi nhọn và cần được phát triển nhanh của nền kinh tế nước ta. Phương hướng mục tiêu phát triển chung của ngành dầu khí Việt Nam được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII của Đảng xác định : "Tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm, thăm dò, khai thác *dầu* và *khí*, năm 2000 đạt khoảng 20 triệu tấn dầu quy đổi, trong đó khoảng 16 triệu tấn dầu thô và 4 tỉ m^3 khí. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác, liên doanh ; nâng cao năng lực công nghiệp dầu khí quốc gia cả trong thăm dò, khai thác, chế biến và dịch vụ. Xây dựng quy hoạch tổng thể sử dụng khí thiên nhiên, khí đồng hành. Hoàn thành hai công trình đường ống dẫn khí để sử dụng 4,5 - 5 tỉ m^3/năm. Xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 (6,5 triệu tấn/năm). Chuẩn bị xây dựng nhà máy lọc dầu số 2 (hoặc mở rộng nhà máy số 1) và xây dựng ngành công nghiệp hóa dầu"(1)

Để thực hiện phương hướng mục tiêu trên và hướng tới thế kỷ XXI, Tổng công ty dầu khí Việt Nam đang đẩy nhanh tốc độ phát triển các hoạt động dầu khí từ tìm kiếm, thăm dò, khai thác đến vận chuyển, tàng trữ, dịch vụ, chế biến và phân phối sản phẩm.

- *Về tìm kiếm, thăm dò, khai thác.* Tiếp tục mở rộng khu vực tìm kiếm thăm dò và đánh giá tổng thể tiềm năng dầu khí trên toàn lãnh thổ và thềm lục địa Việt Nam gia tăng trữ lượng thông qua các hoạt động hợp tác với các công ty dầu khí nước ngoài dưới hình thức phân chia sản phẩm hoặc liên doanh. Mở rộng đầu tư nghiên cứu các vùng chưa hoặc còn ít được nghiên cứu, kể cả các bể trầm tích trước kỷ đệ tam, các vùng nước sâu xa bờ và các vùng chồng lấn với các nước láng giềng, mở rộng các hoạt động tìm kiếm thăm dò trong đất liền. Chuẩn bị tốt các mặt để mau chóng có thể tự lực triển khai công việc này trong tương lai gần. Đưa nhanh các mỏ đã phát hiện vào khai thác và áp dụng công nghệ khai thác tiên tiến để bảo đảm gia tăng sản lượng khai thác hợp lý, tăng hệ số thu hồi dầu và khí, đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường và tài nguyên.

- *Về khai thác khí.* Nếu như mỏ khí Tiền Hải (trữ lượng 1,3 tỉ m^3) được khai thác từ mùa hè 1981 là sự mở đầu đầy sức thuyết phục, thì đến những năm 90, với sản lượng khí đồng hành của mỏ Bạch Hổ (sản lượng trên 1,5 tỉ m^3/năm) là động lực mạnh mẽ để phát triển công nghiệp khí ở nước ta. Nhiều chào hàng được gửi tới, nhiều vòng đàm phán diễn ra và đã dần hình thành một dự án với qui mô công nghiệp có tổng dự toán gần 400 triệu USD (không kể những đầu tư khác cho các hộ tiêu thụ lớn nhỏ).

Nhu cầu khí đốt ở Việt Nam ngày càng tăng rõ rệt nhất là cho các ngành điện, đạm và các khu công nghiệp khác. Và theo đánh giá của hầu hết các chuyên gia nước ngoài thì nước ta có vị trí thuận lợi so với nhiều nước khác trong khu vực để có thể tham gia cạnh tranh trong xuất khẩu khí đốt. Đó cũng là tiềm năng và thế mạnh về khí đốt ở nước ta. Để khai thác tiềm năng này, Tổng công ty dầu khí đang khẩn trương triển khai các đề án sử dụng khí. Nâng công suất đưa khí vào bờ lên 2 triệu m^3/ngày vào đầu năm 1997 và 3 - 4 triệu m^3/ngày vào cuối năm để phục vụ cho phát điện. Xây dựng các công trình để mở rộng khả năng sử dụng khí từ mỏ Bạch Hổ như nhà máy khí hóa lỏng (LGP), triển khai nhanh đề án sử dụng khí Nam Côn Sơn quy hoạch sử dụng khí vùng biển Tây Nam đáp ứng yêu cầu cho cụm nhà máy điện,

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 181 - 182

Digitized by Google

đạm và các công trình khác trong qui hoạch tổng thể về khí. Theo tính toán, đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn dài 400 km nếu bảo đảm khả năng vận chuyển 5 - 6 tỉ m^3/năm sẽ là một cơ sở hạ tầng trọng yếu cho sự phát triển mạnh mẽ của các dự án trong mối quan hệ hữu cơ thành một ngành công nghiệp khí Việt Nam vào năm 2005.

- Về các hoạt động trong lĩnh vực hạ nguồn

Các hoạt động hạ nguồn - "khâu sau" của ngành dầu khí gồm : lọc dầu, hóa dầu, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu khí. Để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm dầu mỏ của Việt Nam đến năm 2000, Chính phủ đã quyết định xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 và nghiên cứu triển khai nhà máy số 2. Tổng công ty đã hoàn tất luận chứng khả thi và đang tiến hành công tác chuẩn bị xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 với mục tiêu sẽ hoạt động vào năm 2001, đồng thời chuẩn bị đầu tư cho nhà máy số 2 với công suất 6 - 7 triệu tấn/năm.

Hóa dầu - là một ngành rất mới ở Việt Nam. Do kinh tế chưa phát triển nên chưa có điều kiện để xây dựng một liên hợp lọc hóa dầu hoàn chỉnh. Để đáp ứng nhu cầu thị trường và xuất phát từ thực tế, Tổng công ty dầu khí chủ trương phát triển công nghiệp hóa dầu theo hướng nhập nguyên liệu từ nước ngoài về chế biến, sản xuất các sản phẩm hóa dầu ; sau đó dần dần phát triển công nghệ và tiến tới sử dụng nguyên liệu trong nước tạo thành một chu trình khép kín từ lọc dầu đến hóa dầu. Các dự án hóa dầu sẽ được thực hiện theo từng giai đoạn cho phù hợp để đến khoảng 2005 - 2010 có thể xây dựng một tổ hợp hóa dầu lớn, một nhà máy phân đạm ở phía Bắc trên cơ sở nguồn khí ở Vịnh Bắc Bộ và đồng bằng Sông Hồng.

Phân phối kinh doanh sản phẩm dầu khí là khâu quan trọng gắn liền với lĩnh vực chế biến và đòi hỏi vốn đầu tư lớn, cơ sở hạ tầng đồng bộ hoàn chỉnh nhưng lại có hiệu quả kinh tế cao và mang lại lợi nhuận lớn. Bởi vậy, Tổng công ty dầu khí đang lập qui hoạch phát triển tổng thể, xây dựng mạng lưới phân phối nhằm chiếm lĩnh thị trường và tiêu thụ, phân phối sản phẩm của nhà máy lọc dầu vào sau năm 2000.

- Về dịch vụ kỹ thuật

Với mục tiêu xây dựng công nghiệp dầu khí phát triển toàn diện, Tổng công ty dầu khí chú trọng những dự án phát triển năng lực dịch vụ kỹ thuật cao để nâng cao tỷ trọng doanh thu từ dịch vụ của mình. Trong những năm tới nhu cầu dịch vụ tăng cao do thăm dò khai thác và mở rộng chế biến dầu khí. Bởi vậy, ngành xác định phải giữ vai trò chủ đạo, hạt nhân trong dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Để làm được điều đó Tổng công ty tập trung đầu tư và phát triển trong những lĩnh vực chiếm tỷ trọng cao nhất, có tính chuyên ngành cao như dịch vụ công nghệ, dịch vụ ngoài khơi, dịch vụ thiết kế và xây dựng các công trình dầu khí... Hợp tác, phối hợp các ngành, các địa phương để tập trung phát triển và đa dạng hóa các dịch vụ kỹ thuật thông dụng. Mở rộng hợp tác quốc tế để nâng cao trình độ, từng bước làm chủ các lĩnh vực có công nghệ cao.

Từ đó, từng bước xây dựng chuyên ngành dịch vụ dầu khí mạnh đủ sức cạnh tranh và tham gia vào thị trường dịch vụ khu vực và thế giới.

Để bảo đảm các lĩnh vực hoạt động có hiệu quả, Tổng công ty tiếp tục triển khai và thực hiện các đề án về tổ chức và quản lý như nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ, mở rộng hợp tác ; hoàn thiện hệ thống tổ chức, cơ chế hoạt động của Tổng công ty, cơ chế tài chính và quản lý tiền tệ trong toàn ngành... Và đặc biệt là từng bước có lựa chọn để tham gia đầu tư ở nước ngoài.

Có thể thấy, các hoạt động trong các lĩnh vực của Tổng công ty dầu khí Việt Nam đang trên đà khởi động phát triển. Theo kế hoạch, vào đầu thế kỷ XXI Việt Nam sẽ có sản phẩm của nhà máy lọc dầu đầu tiên và sau đó là sản phẩm của nhà máy thứ hai. Khi đó, nhu cầu cơ bản về sản phẩm xăng dầu của thị trường Việt Nam sẽ được đáp ứng. Cùng với việc phát triển công nghiệp lọc dầu, các ngành công nghiệp khác đặc biệt là hóa dầu sẽ phát triển. Những năm cuối thập kỷ 90 này, các quá trình sản xuất bắt đầu từ khí thiên nhiên và khí đồng hành sẽ được triển khai và phát triển như nhà máy điện, nhà máy phân đạm... Song song với các hoạt động lọc, hóa dầu, các cơ sở chế biến dầu khí cũng như hệ thống tiếp nhận, phân phối sản phẩm sẽ được xây dựng và đi vào hoạt động. Có thể hy vọng vào thế kỷ XXI là sự ra đời và phát triển một ngành công nghiệp dầu khí hoàn chỉnh của Việt Nam. Vinh dự thật lớn lao, nhưng trách nhiệm cũng vô cùng nặng nề đối với Tổng công ty dầu khí Việt Nam trong những năm bản lề hiện nay. ❑

Digitized by Google

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ NHIỆM VỤ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ CƠ SỞ

PHẠM NGỌC QUANG *

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn tất yếu dẫn tới sự chuyển dịch một lượng lớn lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, từ nông thôn ra đô thị, hình thành ngày càng nhiều những điểm tập trung dân cư với quy mô ngày càng lớn, làm tăng quá trình đô thị hóa nông thôn... Những thay đổi đó phù hợp với quy luật của tiến bộ xã hội. Song, cũng chính từ đó sẽ xuất hiện một loạt vấn đề chính trị - xã hội mà đảng bộ cơ sở ở nông thôn cần giải quyết.

1 - Trước hết là tình trạng thiếu cán bộ. Sau hơn mười năm đổi mới, đội ngũ cán bộ cơ sở ở nông thôn đã có bước trưởng thành đáng kể, thích ứng tốt hơn đối với yêu cầu của cơ chế mới. Nhưng cũng không thể phủ nhận được một thực tế là, đa số cán bộ cơ sở nông thôn mới chỉ đáp ứng được nhu cầu quản lý một nền kinh tế sản xuất nhỏ và trong phạm vi hẹp, số lượng dân cư không nhiều. Rồi đây họ phải quản lý nền kinh tế đi vào quỹ đạo công nghiệp hóa, hiện đại hóa với tính tập trung cao, tính kỷ luật nghiêm ngặt, năng động ; họ phải quản lý địa bàn dân cư với mật độ ngày càng cao, nhu cầu dân chúng ngày càng đa dạng và với một chất lượng mới. Sự không ngang tầm giữa năng lực của cán bộ cơ sở ở nông thôn trước nhu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn là vấn đề đang diễn ra ngay trước mắt. Muốn có ngay một đội ngũ cán bộ cơ sở ở nông thôn mới về chất là một điều không dễ. Chúng ta thực hiện quá trình đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa nói chung, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn nói riêng không phải bằng ai khác, mà bằng chính những con người do lịch sử để lại. Khả năng khắc phục sự bất cập của đội ngũ cán bộ cơ sở nông thôn trước hết và chủ yếu phụ thuộc vào chủ trương và phương thức bồi dưỡng, đào tạo, cách thức sử dụng cán bộ của cấp ủy đảng và địa phương. Tiếc rằng ngay trên lĩnh vực này, ở nhiều nơi trình độ của cấp ủy cũng còn có hạn.

Yêu cầu ngày càng cao đối với cán bộ cơ sở lại đang gặp phải trở ngại không nhỏ. Số thanh niên có học ở nông thôn đang bị sức hút lớn của những ngành, nghề mới ở đô thị lôi cuốn. Vì thế, số đang công tác ở nông thôn có xu hướng lao ra đô thị bằng bất cứ giá nào ; số đang được đào tạo ở các trường học, khi tốt nghiệp đều không muốn về nông thôn công tác. Tình trạng "chảy chất xám" từ nông thôn ra đô thị là một thực tế.

2 - Để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, chúng ta phải phát triển mạnh kinh tế thị trường đặt dưới sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Dẫu rằng đã xác định rõ tính định hướng chính trị nghiêm túc như vậy, song cơ chế thị trường ngoài những mặt tích cực không thể phủ nhận, cũng có những mặt trái không thể xem thường như : tạo khả năng phân hóa giàu nghèo ; dễ sản sinh ra một lớp người chạy theo những lợi ích kinh tế tầm thường, xem kinh tế là tất cả, coi thường chính trị, làm hư hỏng nhiều truyền thống tốt đẹp của dân tộc... Làm sao để sự tăng trưởng kinh tế lại không làm băng hoại đạo đức, để tình làng nghĩa xóm ngày càng đẹp hơn ? Thực tế hơn mười năm đổi mới vừa qua cho thấy, đó là một bài toán không dễ tìm lời giải. Song, sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa xã hội, cái nói lên sự ưu việt của xã hội chúng ta so với chủ nghĩa tư bản lại được quyết định trước hết bởi việc tìm ra lời giải đáp những vấn đề đó sao cho phù hợp với sự tiến bộ xã hội.

3 - Nguy cơ thoái hóa biến chất và thiếu ổn định xã hội. Sống trong thời kỳ sôi động của công nghiệp hóa,

* GS, PTS, Vụ trưởng Vụ khoa học xã hội, Ban khoa giáo Trung ương

Digitized by Google

hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, một bộ phận thành viên ở nông thôn khó tránh khỏi tình trạng mất đi cảm quan cùng tồn tại, cùng quy thuận những chuẩn mực mang tính cộng đồng vốn là truyền thống tốt đẹp của nông thôn Việt Nam trong nhiều năm qua. Nếu mất đi quan hệ xóm làng truyền thống, xem nhẹ tình người, con người sẽ bị cô độc và dễ mất bản tính tốt đẹp, dễ bị sa đọa do vật chất và dục vọng lôi cuốn, tâm tưởng sẽ bất an, những thay đổi dị thường dễ xuất hiện.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở nước ta lại đang được thực hiện trong điều kiện đa dạng hóa thành phần kinh tế, sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước ở cả thành thị và nông thôn. Sử dụng các hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước là một tất yếu khách quan để phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng chính nó cũng "sản sinh ra tệ đầu cơ, buôn lậu, hối lộ, mua chuộc cán bộ, làm tha hóa con người" (1).

Nếu không giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, hiện đại hóa nông thôn thì sẽ tạo nên đường hướng làm xuất hiện lợi ích và quyền lực mới bất lợi cho sự ổn định xã hội, tạo ra khả năng nâng cao tần số sản sinh ra sự sa đọa mà một biến tướng có thể có là dùng quyền lực chính trị để đạt tới sự giàu sang cho cá nhân. Đó là hành vi thường gặp ở kẻ có chức quyền bị thoái hóa, biến chất.

4 - Để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, chúng ta cũng đã và đang chuyển sang mô hình hợp tác hóa kiểu mới. Với việc thành lập các hợp tác xã cổ phần, việc thừa nhận hộ là đơn vị kinh tế tự chủ, một số người cho rằng như thế là làm suy yếu chế độ công hữu và kinh tế hợp tác. Sự thật ruộng đất vẫn thuộc quyền sở hữu nhà nước. Nông dân được giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài không có nghĩa là tư hữu hóa ruộng đất đó. Việc không nhận thức đầy đủ về vấn đề này sẽ khó tránh khỏi những lệch lạc trong suy nghĩ và hành động ở một số người, gây ảnh hưởng tiêu cực đối với quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn...

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa có sức hấp dẫn không gì cưỡng nổi. Nó có khả năng tạo ra cuộc sống vật chất và tinh thần phong phú của con người. Tuy nhiên, cũng không thể nhìn nhận nó như một tiên cảnh chỉ có gió mát, trăng thanh, mùi thơm của hoa tươi quả lạ. Cần phải thấy rằng đó là một quá trình năng động, sáng tạo, nếu đi chệch hướng có thể phải trả giá đắt.

*

Để góp phần khắc phục những khó khăn và thách thức về phương diện chính trị - xã hội trên đây nhằm đưa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn tới thắng lợi, cần nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo của đảng bộ cơ sở ở nông thôn theo những nội dung cơ bản sau đây :

1 - Làm cho nhân dân nhận thức rõ sự cần thiết phải tìm tòi những mô hình kinh tế mới trong nông nghiệp, nông thôn để kích thích quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong lĩnh vực này.

Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII) xem việc tạo lập môi trường cho khoa học công nghệ là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển khoa học, công nghệ nói riêng, để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung. Trong số những yếu tố tạo thành cái gọi là "môi trường" đó, nhu cầu thực tiễn sản xuất - kinh doanh đối với khoa học và công nghệ là yếu tố có vị trí hàng đầu.

Để hiện thực hóa quan điểm nêu trên ở nông thôn, trước hết và chủ yếu phải xác lập và củng cố những mô hình sản xuất kinh doanh mới. Mô hình đó đòi hỏi muốn có lợi nhuận cao, người sản xuất phải tìm đến khoa học, đẩy mạnh áp dụng công nghệ mới. Hợp tác xã từ chỗ là một đơn vị quản lý sản xuất chuyển thành tổ chức dịch vụ. Trong mô hình hợp tác xã kiểu mới này, ban chủ nhiệm đảm đương trọng trách : mua vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu, bảo đảm giống mới (cây, con) ; quản lý hệ thống tưới tiêu ; dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp, tiếp nhận và phổ cập kỹ thuật mới ; thông tin thị trường, tổ chức tiêu thụ sản phẩm...

Từ đó, xác định lại chức năng của các nhân tố thực thể ở cơ sở.

Trong thời gian gần đây, Cần Thơ đã thí điểm cổ phần hóa trong nông nghiệp. Nhờ đó, tính tích cực của người nông dân được tăng lên đáng kể.

Rồi đây có thể xuất hiện nhiều mô hình kinh tế mới. Qua khảo nghiệm của thực tiễn mà từng mô hình tự khẳng định vị trí đích thực của mình trong cuộc sống. Chẳng hạn, chúng ta không loại trừ khả năng sẽ xuất hiện một số cơ sở công nghiệp liên kết với nông dân,thậm chí có cả xí nghiệp quốc doanh thu hút nông dân tham gia công ty cổ phần, phân chia lợi nhuận. Nhờ vậy, nhân tố tập thể xã hội chủ nghĩa gắn chặt với nhân tố cá nhân ; từ đó, hình thành các loại kết hợp giữa sản xuất của người nông dân với xí nghiệp quốc doanh để khai thác và tái tạo tự nhiên, khai thác sản phẩm thủ công truyền thống...

---

(1) Đỗ Mười : " Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa - một giải pháp cơ bản, cấp thiết để xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh", *Tạp chí Cộng sản*, số 14-1997, tr 9

Digitized by Google

Chính bằng những hình thức đa dạng đó mà thu hút được lao động dư dôi do đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, tăng thu nhập của người lao động, tăng cường khả năng đóng góp cho địa phương và nâng cao khả năng thu ngân sách của trung ương...

2 - Lãnh đạo đấu tranh chống lại mọi tư tưởng cản trở quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Trong khi khẳng định vai trò quyết định của sản xuất, của kinh tế đối với sự tồn tại và phát triển xã hội, quan điểm khoa học về sự phát triển xã hội không phủ nhận, trái lại, đánh giá cao sự tác động trở lại của tư tưởng, tinh thần đối với sự phát triển của sản xuất, của kinh tế. Tác động đó có thể là thúc đẩy, nếu đó là tư tưởng tiên tiến ; có thể là kìm hãm, nếu đó là tư tưởng lạc hậu.

Một mặt, cần đánh giá cao tính tích cực chính trị - kinh tế của nông dân khi đi vào đổi mới nói chung, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói riêng. Mặt khác, sự tồn tại trong một thời gian dài cơ chế bao cấp, chủ nghĩa bình quân cũng còn để lại trong một bộ phận lớn nông dân những di hại tiêu cực. Cơ chế thị trường ngay trong điều kiện định hướng xã hội chủ nghĩa cũng không tương dung được với chủ nghĩa bình quân, với tư tưởng trông chờ, ỷ lại. Trong khi chủ trương bằng nhiều chính sách và biện pháp để không cho phép xuất hiện tình trạng có khoảng cách quá lớn về thu nhập, chúng ta cũng không thể loại trừ hoàn toàn được sự phân hóa giàu nghèo. Xác nhận một thực tế không tránh khỏi đó, đồng chí Đỗ Mười viết : "chúng ta còn thừa nhận kinh tế tư bản tư nhân, tức là thừa nhận sự bóc lột, song đó phải là sự bóc lột trong khuôn khổ luật pháp" (2).

Hiện nay ở một số địa phương đã xuất hiện sự tích tụ ruộng đất. Bên cạnh người có hàng chục héc ta là một lượng không nhỏ người nông dân không có ruộng phải đi làm thuê. Sự hình thành trang trại với quy mô ngày một lớn là một triển vọng không xa. Không có sự sản xuất với quy mô tập trung nhất định, khó có thể đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Làm cho nông dân thấy được tính tất yếu và mang tính tiến bộ của nhiều phương thức và quy mô thu nhập, của sự chênh lệch mức sống trong giới hạn nhất định... là một nhiệm vụ bức thiết của cấp ủy địa phương. Bởi vì, chỉ như vậy, mọi người mới có thái độ đúng trước những thay đổi dường như không bình thường so với tư duy cũ trước đây và có tác động tích cực đối với sự phát triển của những cái "không bình thường" đó.

3 - Nâng cao dân trí, trình độ học vấn và trình độ văn hóa của dân cư nông thôn

Công nghiệp hóa nông nghiệp tất yếu đòi hỏi phải cơ giới hóa, hóa học hóa, sinh học hóa, thâm canh hóa, chuyên nghiệp hóa... Muốn vậy, vấn đề có vị trí hàng đầu là phải có con người với năng lực trí tuệ cao. Ở nông thôn hiện nay, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa đang rất thiếu giáo viên, thiếu cơ sở vật chất cho dạy và học. Thêm vào đó, một mặt, do những khó khăn kinh tế của gia đình, mặt khác, khi đi vào cơ chế thị trường do tính thiển cận của mình, một bộ phận nông dân không thấy hết sự bức thiết phải cho con em mình học lên cao. Những nhân tố đó đang tác động tiêu cực tới việc nâng cao mặt bằng dân trí, trình độ học vấn ở nông thôn, và dĩ nhiên, sẽ làm giảm khả năng tiếp nhận khoa học, công nghệ, kỹ thuật mới để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Trình độ dân trí, trình độ kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống văn hóa. Trong những năm gần đây, chúng ta chứng kiến đồng thời hai quá trình đan xen nhau : sự bảo tồn và phục hưng một số truyền thống tốt đẹp do lịch sử để lại đi liền với sự băng hoại một số giá trị văn hóa dân tộc ; sự hồi sinh tới mức thái quá một số hình thức hoạt động văn hóa và tín ngưỡng, tôn giáo đi liền với sự tiếp thu thiếu phê phán văn hóa nước ngoài, dẫn tới nguy cơ làm xói mòn bản sắc văn hóa dân tộc. Trong khi đó, như chúng ta biết, văn hóa và phát triển nói chung, văn hóa và công nghiệp hóa - hiện đại hóa nói riêng có mối quan hệ hết sức hữu cơ. Xét cho cùng, văn hóa là vấn đề con người. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn mà chúng ta thực hiện cũng vì con người và do con người. Trong mối tương quan giữa hai nhân tố đó, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Do vậy, để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, đảng bộ cơ sở không thể không dành sự quan tâm thỏa đáng tới việc xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh ở nông thôn. Liên quan tới vấn đề này, kinh nghiệm những năm qua cho thấy cần giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa "xây" và "chống". Không thể chấm dứt sự tồn tại của một hiện tượng văn hóa thiếu lành mạnh, khi chưa tìm được hình thức hay hơn thay thế nó. Ở đây cũng cần lưu ý rằng việc khôi phục, xây dựng những hương ước là cần thiết, nhưng nội dung của hương ước không thể trái với pháp luật, chứa

(2) Đỗ Mười :" Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa - một giải pháp cơ bản, cấp thiết để xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh", *Tạp chí Cộng sản*, số 14-1997, tr 9

(Xem tiếp trang 35)

Digitized by Google

ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CHO CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở TP HỒ CHÍ MINH

MINH SÂM *

THÀNH phố Hồ Chí Minh là một địa bàn có vị trí địa lý kinh tế, chính trị quan trọng đặc biệt đối với các tỉnh phía Nam và cả nước. Đại hội đảng bộ thành phố lần thứ VI đã đề ra nhiệm vụ : "Từ nay đến năm 2000 đẩy nhanh tiến trình hiện đại hóa công nghiệp và dịch vụ, công nghiệp hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn". Nghị quyết Đại hội cũng nhấn mạnh việc đào tạo lao động, chuẩn bị tốt nguồn nhân lực là yếu tố tiên quyết để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cơ bản nói trên.

Trong những năm qua, đảng bộ, chính quyền, các cơ quan, đơn vị của thành phố và các tổ chức, ban ngành trung ương và địa phương khác đóng trên địa bàn thành phố đã có nhiều cố gắng đầu tư, phát huy nguồn lực con người, góp phần tăng cường một bước cả số lượng và chất lượng nguồn nhân lực địa phương.

Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố vào năm 2000 và những năm tiếp theo, bên cạnh việc đầu tư về cơ sở vật chất kỹ thuật, cần phải có một chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nhằm tạo ra một cơ cấu đội ngũ cán bộ đồng bộ, cân đối và những người lao động được đào tạo đến trình độ chuyên môn lành nghề cần thiết đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp trong xã hội. Chiến lược ấy phải xuất phát từ những mục tiêu, nhiệm vụ, có các cơ chế, chính sách hợp lý trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội của thành phố.

1 - Vài nét về tình hình lao động ở TP Hồ Chí Minh

a - Về trình độ học vấn

Hiện nay, TP Hồ Chí Minh có trên 6 triệu dân[1] trong đó lực lượng lao động chiếm trên 40% dân số, bao gồm khoảng 100 000 người có trình độ đại học và cao đẳng, 400 000 người là công nhân trực tiếp sản xuất, còn lại là lực lượng lao động dịch vụ, nông nghiệp... Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ chiếm 10%, đội ngũ công nhân lao động được đào tạo có kỹ thuật chiếm 3,9%, còn lại là lao động phổ thông. Tuy là một địa bàn chiến lược, một trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và các tỉnh phía Nam, song nhìn chung lực lượng lao động ở đây có trình độ học vấn chưa cao, số được đào tạo, có bằng cấp chiếm tỷ lệ còn thấp.

Qua khảo sát 429 đơn vị sản xuất thuộc các ngành công nghiệp, thương mại, giao thông vận tải, tài chính, tín dụng... với tổng số 80 061 lao động cho thấy : số công nhân có trình độ học vấn cấp I chiếm 12,7%, cấp II chiếm 39,5% và cấp III là 30,7%. Như vậy, trên 50% lực lượng lao động được khảo sát có trình độ học vấn vào loại trung bình và dưới trung bình.

Trong một số ngành nghề cụ thể thì tỷ lệ này như sau :

Tên ngành	Cấp I (%)	Cấp II (%)	Cấp I + Cấp II (%)
- Sành sứ thủy tinh	16,84	54,73	71,57
- Dệt	12,32	53,06	65,38
- Giao thông vận tải	24,00	37,00	61,00
- Xây dựng cơ bản	26,00	49,00	75,00
- Chế biến thực phẩm	13,85	46,04	59,89
- Luyện kim	8,11	47,30	55,41
- Hóa chất cao su	18,60	34,54	53,14
- In	14,24	33,48	47,72
- Công nghiệp điện tử	2,22	25,43	27,65
- Năng lượng	2,80	22,64	25,44
- Bưu điện viễn thông	1,17	13,93	15,10
- Tài chính tín dụng	1,64	9,89	11,53

* PTS, Viện KHXH và nhân văn tại TP Hồ Chí Minh

(1) Ở nhiều tài liệu, số liệu này có khác nhau

Digitized by Google

Qua bảng trên ta thấy các ngành nghề, lĩnh vực làm việc đòi hỏi người lao động phải được đào tạo ở trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sâu như tài chính tín dụng, bưu điện viễn thông, công nghiệp điện tử, năng lượng thì từ 70 - 90% lao động đều có trình độ học vấn từ cấp III trở lên. Những ngành nghề thuộc lĩnh vực đòi hỏi kỹ thuật không cao, lao động phổ thông phổ biến như : xây dựng cơ bản, sành sứ thủy tinh, dệt, giao thông vận tải, chế biến lương thực, thực phẩm v.v... thì có từ 60 - 70% lao động trình độ học vấn cấp I, II.

Trong nền sản xuất hiện nay ở bất kỳ ngành nghề, lĩnh vực nào cũng đòi hỏi người lao động phải có trình độ học vấn cao, trình độ ngành nghề chuyên môn, nghiệp vụ sâu. Ở một thành phố với tính chất là trung tâm kinh tế - xã hội và chính trị ở phía Nam của đất nước trình độ học vấn của người lao động như trên là vào mức thấp. Đây là một khó khăn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung.

b - Về trình độ chuyên môn

Cũng khảo sát ở 429 đơn vị sản xuất với 80 061 lao động ở các ngành nghề lĩnh vực trên cho thấy lực lượng lao động có trình độ kỹ sư chiếm 7% ; thợ bậc 6 - 7 chiếm 6,98% ; thợ bậc 3 - 5, trung cấp kỹ thuật : 37,22% ; thợ bậc 1 - 2, sơ cấp kỹ thuật : 24,66% ; thợ không có tay nghề chuyên môn : 24,14%.

Như vậy, tỷ lệ công nhân có tay nghề thấp chiếm trên 2/3 tổng số công nhân ; đặc biệt số lao động ở lứa tuổi từ 18 đến 25 có trên 30% hầu như chưa được đào tạo, học nghề gì khi bắt đầu làm việc.

Trình độ chuyên môn của công nhân ở một số ngành nghề lĩnh vực cụ thể như sau :

Ngành	Không có nghề (%)	Tay nghề bậc 1 - 2 (%)
- Xây dựng cơ bản	62,80	11,80
- Chế biến gỗ	53,30	16,10
- Luyện kim	32,60	
- Cơ khí	32,60	25,00
- Sản xuất vật liệu xây dựng	31,60	21,10
- Hóa chất cao su	31,20	23,80
- Giao thông vận tải	28,30	19,40
Bình quân	38,91	15,78

Nhìn chung, kết quả khảo sát trong các ngành nghề sản xuất trên đây, lao động không có tay nghề chuyên môn và có tay nghề chuyên môn thấp chiếm trên 50% tổng số lao động. Cá biệt có một số ngành nghề như xây dựng cơ bản, chế biến gỗ đại đa số lao động làm việc chưa được đào tạo về nghề nghiệp chuyên môn. Thiếu kỹ sư, thiếu công nhân lành nghề bậc cao, lại quá đông công nhân chưa được đào tạo nghề nghiệp và trình độ nghề nghiệp quá thấp thể hiện sự mất cân đối nghiêm trọng trong quá trình sản xuất và yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm.

2 - Cần phải có các chính sách và giải pháp đồng bộ mang tính khả thi : đối với đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố ngoài yếu tố vốn và công nghệ, yếu tố nhân lực gắn với việc tiếp nhận, sử dụng công nghệ tiên tiến và hiện đại có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Một chiến lược phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đúng đắn đòi hỏi phải gắn liền với một chiến lược xây dựng nguồn nhân lực. Đây là vấn đề quan trọng hàng đầu, có tính chất quyết định thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã chỉ rõ : "Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo điều kiện cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên có việc làm, khắc phục những yếu kém trong giáo dục đào tạo".

Việc chuẩn bị nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa chính là việc xây dựng, đào tạo, đào tạo lại để có được một đội ngũ lao động tiên tiến gồm cả lao động trí óc và lao động chân tay. Nền sản xuất càng phát triển, công nghệ đầu tư càng đi vào chiều sâu, mức độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa càng cao thì đòi hỏi mọi người lao động phải có sự phát triển cao về trình độ học vấn, văn hóa, chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm cao trong lao động trên cơ sở giác ngộ XHCN, giàu lòng yêu nước, giàu tình nghĩa, có đầy đủ thể

Digitized by Google

lực, sức khỏe. Như vậy là, phải đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng để có được một thế hệ những người lao động kiểu mới với những tiêu chuẩn giá trị cao hơn, phù hợp với những yêu cầu chuẩn mực của nền kinh tế và xã hội hiện đại đặt ra. Phấn đấu về trình độ học vấn, khoa học kỹ thuật của lớp người lao động mới ngang hàng với các nước phát triển trong khu vực, có những nhân tài trên một số thế mạnh mũi nhọn.

Để đào tạo được đội ngũ lao động như vậy phải có một loạt biện pháp tổng hợp, đồng bộ về tổ chức, tư tưởng, giáo dục và đào tạo, hành chính và kinh tế, pháp chế và văn hóa... Nghị quyết của Hội đồng nhân dân TP Hồ Chí Minh khóa 5, kỳ họp thứ 7 đã ghi : "Đầu tư phát triển mạnh nguồn nhân lực bao gồm đội ngũ cán bộ đầu đàn, cán bộ nghiên cứu, chuyên gia công nghệ, chuyên viên kỹ thuật, công nhân kỹ thuật và thợ lành nghề, nâng dần trình độ phổ thông và chuyên môn nghiệp vụ cho công nhân".

Thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ trên đây cần phải triển khai các giải pháp sau :

- Cần phải chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo nhằm phổ cập học vấn phổ thông trung học cho những lực lượng lao động học vấn còn thấp, gắn liền với tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo trong các cấp học theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII). Những biện pháp này nhằm tạo ra một mặt bằng dân trí tối thiểu để cho người lao động có trình độ năng lực tiếp cận với các chương trình đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức sâu về chuyên môn nghiệp vụ, khoa học, công nghệ.

Các cơ sở sản xuất, các cơ quan đơn vị, các ngành các cấp cần phải có biện pháp tổ chức sắp xếp bố trí công việc hợp lý, tạo điều kiện thời gian, kinh phí cần thiết cho người lao động theo học các lớp bổ túc văn hóa để nâng dần trình độ học vấn, từng bước nâng học vấn cấp I lên cấp II, cấp II lên cấp III cho người lao động. Cần phải có quy định khuyến khích và bắt buộc mỗi người lao động hằng năm phải theo học những nội dung chương trình bức thiết nhất về văn hóa, khoa học, nghề nghiệp, ngoại ngữ, tin học... Ngành giáo dục - đào tạo của thành phố cần có chương trình xóa mù chữ, chống tái mù chữ cho những người trong độ tuổi ; phối hợp, kết hợp với các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tổ chức các lớp dạy văn hóa, bổ túc văn hóa thuận tiện, phù hợp đáp ứng nhu cầu nâng cao trình độ văn hóa cho người lao động. Các hình thức học tập phải đa dạng, phong phú, thích hợp với điều kiện của người lao động như : học tại trường, lớp, học tại nhà máy, xí nghiệp, học ngoài giờ, học tại chức, tại chỗ, học tập trung ngắn và dài hạn...

- Phải kết hợp giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp cho người lao động. Ngành giáo dục - đào tạo trên địa bàn cần tăng cường phối hợp với các tổ chức kinh tế, các cơ quan đơn vị mở mang các lớp dạy nghề, hướng nghiệp cho lao động trong độ tuổi, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp các kiến thức chuyên môn cho người lao động. Hằng năm có biện pháp khuyến khích người lao động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tổ chức luyện tay nghề, thi thợ giỏi, thi tuyển nâng cấp tay nghề cho người lao động. Phải nâng cao trình độ học vấn, tay nghề mới có điều kiện tiếp nhận, làm chủ công nghệ và sáng tạo ra công nghệ mới, làm nên sản phẩm có chất lượng cao, phấn đấu đến năm 2000 có 30 - 40% đội ngũ lao động được đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp, trong đó lao động có trình độ tay nghề bậc thợ 3/7 trở lên đạt tỷ lệ từ 6 - 10%. Giáo dục cũng cần phải trang bị cho người lao động những bản lĩnh và phẩm chất cần thiết như tính siêng năng, sáng tạo, cần cù lao động, đạo đức tốt, lòng yêu nghề, quyết tâm lao động giỏi với ý thức tổ chức kỷ luật cao, quyết tâm vươn lên chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu...

- Tổ chức học tập cho người lao động phải dựa vào các đoàn thể quần chúng như Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ. Cần tạo thành phong trào thi đua học tập sôi nổi, rộng khắp và liên tục trong mọi

Digitized by Google

địa phương, cơ quan, đơn vị. Cần phải tổ chức huy động tối đa đội ngũ trí thức trên địa bàn, các viện, các trường đại học, cao đẳng, những người có trình độ, năng lực giảng dạy làm giáo viên dạy văn hóa, khoa học, kỹ thuật cho công nhân lao động. Chú trọng phát triển giáo dục - đào tạo ở các quận, huyện ngoại thành, các vùng xa trung tâm.

Phát triển mạnh các trường dạy nghề để tạo ra một cơ cấu hợp lý giữa lực lượng lao động có trình độ đại học cao đẳng, chuyên viên kỹ thuật, công nhân lành nghề đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các trường dạy nghề cần chuẩn hóa các sách giáo khoa, giáo trình, bồi dưỡng giáo viên, đúc kết kinh nghiệm để có các phương pháp dạy nghề hiện đại, có hiệu quả.

- Động viên sự đóng góp công sức, trí tuệ, tài chính của toàn dân, của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp để hình thành quỹ phát triển nguồn nhân lực và các điều kiện khác phục vụ cho công tác này. Khuyến khích các lực lượng xã hội tham gia mở mang phát triển các trường dạy nghề. Các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nước ngoài có quy mô lớn cần tổ chức các trường lớp, các tổ chức dạy nghề, chuyển giao công nghệ cho người lao động trong đơn vị mình, kể cả cho xã hội.

- Nhà nước cần tăng dần tỷ trọng đầu tư từ ngân sách hỗ trợ cho các địa phương, đơn vị, các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, các trường phổ cập văn hóa, dạy nghề, hướng nghiệp cho lao động. Đặc biệt cần phải đầu tư kinh phí thỏa đáng đầu tư cho các trường đại học, viện nghiên cứu ở thành phố để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và trình độ của đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ khoa học công nghệ. Có chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ các nhà trường, các viện nghiên cứu mở rộng quy mô nghiên cứu khoa học, gắn khoa học với sản xuất, giảng dạy với thực tiễn, nhà trường với kinh tế - xã hội, thúc đẩy nền kinh tế - xã hội thành phố phát triển theo chiều sâu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tuyển chọn xây dựng, đào tạo bồi dưỡng để sớm có được đội ngũ cán bộ lãnh đạo chính trị, cán bộ quản lý kế cận đông đảo vững vàng, cán bộ khoa học công nghệ đầu đàn, các chuyên gia giỏi trên các lĩnh vực ngành nghề như điện tử, tin học, cơ khí, công nghệ, sinh học, kinh tế tài chính, thị trường vốn, đối ngoại, sư phạm, khoa học xã hội và nhân văn... Đây là những ngành nghề lĩnh vực đang rất hiếm. Có chính sách tăng cường giao lưu khoa học, kỹ thuật với bên ngoài, nhất là nước ngoài. Tuyển chọn cán bộ tốt đưa đi đào tạo cơ bản, dài hạn ở những nước có nền kinh tế, khoa học và công nghệ phát triển cao để tăng cường tiềm lực cán bộ đầu đàn cho những năm đầu thế kỷ XXI. Tiếp tục cụ thể hóa các chính sách để tăng cường cán bộ nữ trong mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội... của thành phố. Tiếp nhận, sử dụng có hiệu quả đội ngũ sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố tốt nghiệp hằng năm.

- Tăng cường quản lý nhà nước của chính quyền thành phố đối với giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, nhằm chấn chỉnh những hoạt động chệch hướng, chất lượng hiệu quả thấp ; thúc đẩy mở mang các mô hình giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học - công nghệ có chất lượng hiệu quả cao. Các cơ quan, đơn vị, thành phần kinh tế nên "xây dựng cơ chế đặt hàng" với giáo dục - đào tạo về đào tạo nguồn nhân lực dưới sự quản lý của nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu lao động trước mắt và lâu dài.

- Lãnh đạo các cấp, các ngành, mỗi cơ quan đơn vị trên địa bàn thành phố cần cụ thể hóa tiêu chuẩn cán bộ theo từng chức danh, đồng thời có quy hoạch, kế hoạch tuyển chọn đưa đi đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lao động của mình, khắc phục những mặt yếu kém của công tác này trong thời gian qua. Các cơ sở cần chú trọng đẩy mạnh phong trào thể dục - thể thao, rèn luyện thân thể để nâng cao thể lực và sức khỏe cho người lao động. Nhà nước cần triển khai các giải pháp chống sự xuống cấp của môi trường, cải thiện môi trường sống để tăng cường sức khỏe, chống các bệnh nghề nghiệp cho người lao động. ❑

Digitized by Google

GIA ĐÌNH VĂN HÓA, LÀNG VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HIỆN NAY

ĐỖ KIM THỊNH*

Ở Việt Nam hiện nay, nông thôn chiếm gần 80% dân số và 70% tổng số lao động trong cả nước. Nông thôn còn là cái nôi giữ gìn, bảo lưu những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Thế nhưng đây lại là nơi nhân dân có mức sống thấp ; điều kiện sinh hoạt thiếu thốn, thêm vào đó, nguy cơ các hủ tục lạc hậu tái diễn, trở thành lực cản không nhỏ trong tiến trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần nhân dân ở địa bàn nông thôn, tạo ra bộ mặt văn hóa mới trong cuộc sống của mỗi thành viên, mỗi gia đình, làng bản, tạo động lực góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội vì một nông thôn "giàu đẹp, tiến bộ và văn minh" là vấn đề lâu nay được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm.

Trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII, Đảng ta đã chỉ rõ nhiệm vụ của ngành văn hóa thông tin là phải tiếp tục "... xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, trong đó chú trọng vấn đề gia đình văn hóa, làng bản văn hóa, nếp sống văn minh đô thị".

Nhìn lại quá trình đổi mới của đất nước trong những năm vừa qua chúng ta dễ dàng nhận thấy những đổi thay tích cực trong cuộc sống ở nông thôn. Bên cạnh cơ cấu hành chính vốn có, vai trò của các trưởng thôn, trưởng bản góp phần tạo điều kiện cho các gia đình, làng, bản phát huy tính chủ động sáng tạo trong tổ chức cuộc sống và mở mang phát triển kinh tế. Đường làng, ngõ xóm khang trang sạch đẹp ; mức sống vật chất, mức hưởng thụ các giá trị văn hóa tinh thần được cải thiện rõ rệt, cơ sở vật chất hạ tầng như : điện - đường - trường - trạm được chăm lo xây dựng. Tính năng động xã hội của một bộ phận dân cư, đặc biệt lớp trẻ đã làm cho nhiều vùng quê sống động hẳn lên. Tuy vậy, mặt trái của kinh tế thị trường cũng in dấu ấn khá rõ trên nhiều vùng và để lại những hậu quả xã hội nghiêm trọng. Bên cạnh các tệ nạn, các hủ tục trỗi dậy thì sự xuống cấp đạo đức trong một số gia đình là hiện tượng có thật.

Nhằm định hướng củng cố, xây dựng gia đình - tế bào xã hội, gần đây Bộ Văn hóa - Thông tin đã hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

- Xây dựng gia đình no ấm, hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ
- Thực hiện kế hoạch hóa gia đình
- Đoàn kết tương trợ xóm giềng
- Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân

Nội dung các tiêu chuẩn trên rất ngắn gọn, sát thực, vừa là yêu cầu mỗi thành viên trong gia đình thực hiện, vừa hàm chứa yếu tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế, giữ gìn đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, gắn kết gia đình với cộng đồng làng, bản thành một thể thống nhất bền chặt.

Trong mối quan hệ tương tác giữa nhà - làng - nước thì việc củng cố, xây dựng gia đình được quan tâm trước tiên. Mỗi gia đình lành mạnh (trong đó các thành viên là các công dân tích cực, gương mẫu) sẽ là những viên gạch xây dựng làng - nước ổn định và phát triển vững chắc.

Xây dựng gia đình no ấm, hòa thuận, hạnh phúc và tiến bộ trong đó ông, bà, cha, mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo; các thành viên trong gia đình được học tập, sinh hoạt văn hóa, thỏa mãn nhu cầu về tinh thần ; không có người mắc các tệ nạn như nghiện hút, rượu chè, cờ bạc, mê tín dị đoan.

Gia đình văn hóa còn phải giữ được nếp sống giản dị, cao đẹp, thể hiện trong ma chay, cưới xin, thuần phong mỹ tục trong quan hệ ứng xử ; đoàn kết tương thân tương ái "lá lành đùm lá rách", "tối lửa, tắt đèn" có nhau trong cộng đồng làng xã, các thành viên thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, chấp hành nghiêm pháp luật của nhà nước.

Giữ được mức sống ổn định và phát triển từng bước, giảm số hộ nghèo, đưa hộ giàu tăng lên bằng cách làm ăn chính đáng ; mở mang phát triển kinh tế nhiều thành phần theo xu hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, chế biến sản phẩm hàng hóa, tăng việc làm cho người lao động.

Khôi phục các giá trị văn hóa truyền thống, kết hợp với tinh hoa văn hóa hiện đại. Chất lượng của sự

* PTS mỹ học, Cục văn hóa cơ sở Bộ Văn hóa - Thông tin

Digitized by Google

nghiệp này phải được thể hiện ở chỗ nâng cao nhận thức đến từng người dân, thấm sâu trong đời sống sinh hoạt của từng người dân. Từ hành vi ứng xử giao tiếp đến cách thức ăn, ở, đi lại, trang phục, sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng (như lễ tết, hội hè đến các hoạt động phù hợp tâm lý lứa tuổi, câu lạc bộ sở thích, thể dục thể thao).

Làng văn hóa bảo đảm những thiết chế văn hóa tối thiểu : có trung tâm sinh hoạt văn hóa (đình, đền, trụ sở hợp tác xã) ; xây dựng các sân, bãi, các nhà thể dục thể thao, tập dượt văn nghệ ; có những phương tiện phục vụ chung như : ti vi, loa, amli, mi-cơ-rô, nhạc cụ... Làng xã nên tổ chức các buổi chiếu phim, diễn văn nghệ thường kỳ hoặc vào những ngày lễ lớn để tuyên truyền cổ động đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ; đồng thời nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Việc thực hiện Nghị định 87/CP và Chỉ thị 814/Ttg lập lại trật tự kỷ cương hoạt động văn hóa, bài trừ tệ nạn xã hội nghiêm trọng cần duy trì thường xuyên và có sơ kết, tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm bổ ích.

Nếu đối chiếu với các tiêu chuẩn làng văn hóa thì nhiều nơi vẫn còn những điều bất cập. Có những làng giàu nhưng chưa sạch, đẹp. Có làng nghề môi trường bị ô nhiễm lên quá mức quy định (gấp 6, 7 lần tiêu chuẩn cho phép). Chẳng hạn các làng thuộc Hương Canh (tỉnh Vĩnh Phúc), Bát Tràng (Gia Lâm, Hà Nội). Người dân ở đây phải thở hít bầu không khí đầy bụi, khói từ các lò gạch, ngói, lò gốm tuôn ra suốt ngày đêm. Theo khảo sát của Bộ Y tế thì số người mắc bệnh phổi ở đây chiếm tỷ lệ cao nhất trong cả nước. Những nơi như xã Ninh Hiệp (Hà Nội) mức tăng trưởng kinh tế rất cao, nhưng công tác xây dựng mạng lưới giao thông trong xã còn lúng túng chưa phù hợp với sự phát triển kinh tế. Có những làng do quan niệm lệch lạc, đặt mục đích làm giàu lên trên hết, nhân lực tận dụng dồn vào làm ăn kinh tế, trẻ em phải bỏ học để lao động kiếm tiền. Tình trạng này xuất hiện chủ yếu ở những làng nghề. Đây là dấu hiệu đáng lo ngại ảnh hưởng đến sự phát triển thế hệ trẻ, đồng thời đang hạ thấp mặt bằng dân trí. Tiêu chuẩn làng văn hóa còn yêu cầu mỗi thành viên phải nhận thức đúng và nghiêm chỉnh thi hành pháp luật, chính sách của Nhà nước. Mỗi làng nên xây dựng các quy ước văn hóa trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc các "hương ước" trước đây. Nó phải phù hợp với nội dung pháp luật hiện hành, tránh hiện tượng "lệ làng cao hơn phép nước". Điều quan trọng là biết vận dụng sáng tạo tiêu chuẩn xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa của Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành. Đơn vị bản, làng, buôn, sóc... ở Việt Nam được hình thành từ rất lâu đời, trải qua lịch sử phát triển, vẫn còn in đậm dấu ấn văn hóa vùng, miền. Khi xây dựng nội dung, phương pháp tổ chức gia đình văn hóa, làng văn hóa phải dựa trên cơ sở đặc trưng vùng, miền, áp dụng linh hoạt uyển chuyển để làm sao ngoài "phần cứng" (cái chung nhất) còn có "phần mềm" (cái riêng của từng làng, bản). Ví như xây dựng nội dung quy ước nếp sống mới cho đồng bào H› Mông ở Bảo Thắng (tỉnh Lào Cai) văn bản phải được in bằng hai thứ tiếng (tiếng Kinh và H' Mông), tiêu chuẩn phải hết sức ngắn gọn, sát hợp với trình độ tư duy và thực tế đời sống của đồng bào.

Những việc cần làm

- Thực hiện định canh định cư, chăm lo phát triển sản xuất, giữ vệ sinh làng bản ; ốm đau đến trạm y tế xã khám chữa bệnh.

- Trẻ ở độ tuổi đi học phải đến trường, xây dựng gia đình theo luật hôn nhân gia đình ; sinh đẻ có kế hoạch.

- Đoàn kết giúp đỡ nhau và đoàn kết với các dân tộc anh em.

Những việc không làm

- Không thách cưới to, không ăn uống tốn kém trong đám tang. Không để linh cữu trong nhà dài ngày, bỏ tục bón cơm cho người chết. Chôn người quá cố ở nơi quy định xa đầu nguồn nước. Không nhờ thầy cúng thầy lang khi ốm đau.

- Không phá rừng làm nương, không trồng cây thuốc phiện và hút thuốc phiện

- Không trộm cắp, không nghe kẻ xấu tuyên truyền, không làm sai chính sách và vi phạm pháp luật của Nhà nước.

- Bỏ tục cướp vợ và tục con dâu phải lấy anh em nhà chồng khi chồng chết.

Như vậy, việc định hướng nội dung tiêu chuẩn gia đình văn hóa và làng văn hóa cũng như khi áp dụng trong thực tế đòi hỏi phải sáng tạo mới đạt hiệu quả. Việc bình xét cũng vậy, không thể lấy mức phát triển về các mặt cơ sở hạ tầng, điều kiện kinh tế, mặt bằng dân trí của khu vực đồng bằng làm thước đo cho việc đánh giá bình xét đối với khu vực miền núi, nơi có nhiều thiếu thốn khó khăn. Có như vậy mới động viên, khuyến khích phong trào từng bước đi lên.

Mới chỉ 5, 6 năm kể từ khi xuất hiện làng văn hóa đầu tiên là Trung Liệt (huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh), đến nay cả nước đã có rất nhiều làng đạt tiêu chuẩn làng văn hóa. Tiêu biểu là các làng Đông Cao (huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa), bản Ngườm Khang (huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng), làng Chăm, Raklay, làng văn hóa giáo xứ Hộ Diêm (huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận) các ấp văn hóa ở Trà Vinh, Cần Thơ...

Digitized by Google

Hiện nay ở nước ta có tới hàng ngàn làng, bản, hàng triệu hộ đã đăng ký xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa. Ấy thế mà kinh phí tài trợ của chương trình quốc gia về đời sống văn hóa cơ sở dành cho 2 mục tiêu này lại rất khiêm tốn, chỉ đáp ứng được phần nhỏ đủ để động viên, khuyến khích phong trào. Nhân dân ta đã ý thức công việc mình làm, tự nguyện bỏ tiền của cùng nhau chung sức xây dựng làng, bản ấm no, tươi vui, hạnh phúc. Điều đó đã phản ánh khuynh hướng xã hội hóa của công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở đang được đẩy mạnh, có hiệu quả. Và tự nó đã chứng minh sức mạnh của sự hợp lực giữa nhà nước và nhân dân, một chủ trương rất đúng đắn của Đảng ta. Kết quả qua các con số gia đình và làng văn hóa đã giúp cho các nhà nghiên cứu rút ra nhiều bài học quý giá, bổ sung cho nhiều đề tài khoa học.

Để có những kết quả cao hơn nữa, chúng tôi thiết nghĩ cần phải mở rộng và huy động sự tham gia của các tầng lớp nhân dân và các thành phần trong xã hội.

- Ban chỉ đạo xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa ở địa phương cần có sự tham gia của đại diện chi bộ đảng, chính quyền, chi hội phụ nữ, mặt trận Tổ quốc, hội cựu chiến binh, hội người cao tuổi, đoàn thanh niên...

- Chỉ đạo quản lý hoạt động văn hóa cơ sở chỉ dừng lại ở tầm vĩ mô sẽ dẫn đến sự quan liêu, thiếu thực tế. Chế độ nhà nước nên định rõ một cán bộ chuyên trách văn hóa ở cấp xã.

- Bộ Tư pháp nên nghiên cứu, ra văn bản dưới luật, cho phép trưởng bản, làng, buôn sóc... thay mặt nhân dân được quyền xử phạt vật chất đối với người vi phạm quy ước làng văn hóa. Cố nhiên các hình thức xử phạt này phải phù hợp với luật pháp Nhà nước và được nhân dân bàn bạc nhất trí.

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm và chỉ đạo rất sát vấn đề phát triển nông thôn. Trong bài phát biểu tại Hội nghị Trung ương 5 (khóa VII) của Đảng, đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã nêu rõ : "Nhà nước cần sớm nghiên cứu để ra quy chế thích hợp với chức năng và vai trò của thôn, xóm, làng, bản trong tình hình mới. Trong khuôn khổ pháp luật và dựa vào những quy định này xã có thể xây dựng hương ước".

Cùng với đà phát triển đi lên của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, làng quê Việt Nam từng ngày từng giờ đổi mới. Sự tiến triển tích cực này ngoài nội lực và tác động của xu thế xã hội và thời đại còn có sức mạnh của phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa mà phương thức hoạt động quản lý và tổ chức cơ sở do ngành văn hóa thông tin chỉ đạo. Đó là thực tế hiển nhiên đáng được ghi nhận.❑

CÔNG NGHIỆP HÓA...

(Tiếp theo trang 28)

đựng những yếu tố phản văn hóa, vi phạm quyền công dân, quyền con người...

4 - Lãnh đạo đổi mới hệ thống chính trị cơ sở để hệ thống đó có tác động tích cực tới quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên của hệ thống chính trị cơ sở ở nông thôn, cũng như giữa hoạt động của hệ thống đó với nhân dân trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một vấn đề hết sức quan trọng. Xuất phát từ tình hình thực tế hiện nay có thể thấy, một trong những nội dung trung tâm của đổi mới hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn là dân chủ hóa hệ thống đó, làm cho nó thực sự là thiết chế qua đó nhân dân thực hiện được quyền làm chủ của mình trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nông thôn. Điều bức bách hiện nay là làm sao hình thành một cơ chế hữu hiệu để mọi thành viên của hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng gần dân, nắm được tâm tư, tình cảm, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, và có giải pháp kịp thời giải tỏa những "điểm nóng" - một khi chúng xuất hiện.

Cần chú ý rằng tình hình tham nhũng đang có chiều hướng gia tăng, gây sự bất bình lớn của nhân dân ở một số nơi. Tham nhũng làm cho vốn đầu tư cho công nghiệp hóa nông nghiệp, hiện đại hóa nông thôn tự bản thân nó đã chưa nhiều lại còn bị thất thoát nghiêm trọng.

Đời sống xã hội nông thôn được bao bọc bởi một loạt những mối quan hệ họ hàng thân thích. Bên cạnh mặt tích cực của nó, mối quan hệ đó cũng cản trở không ít đối với cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Ở một số nơi, tình trạng "chi bộ họ ta", "đảng ủy làng ta" đã làm giảm sức chiến đấu của tổ chức đảng, làm tăng tính cục bộ địa phương...

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà chúng ta đang thực hiện là một quá trình mang tính tự giác cao. Bảo đảm và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở mọi ngành, mọi cấp là tiền đề chính trị không thể thiếu để có tính tự giác đó. Cũng chỉ với điều kiện như vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nói riêng mới đạt được mục tiêu mà chúng ta mong đợi. ❑

Digitized by Google

Mấy vấn đề về
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN Ở NINH BÌNH

NGUYỄN THANH TÚC*

NINH Bình là một tỉnh nông nghiệp, với diện tích tự nhiên 1 405 km², dân số 90 vạn người, diện tích đất nông nghiệp trên 66 000 ha, trong đó gần 55 000 ha canh tác, trên 92 000 ha gieo trồng hằng năm. Ninh Bình có gần 32 000 lao động và trên 70 vạn nhân khẩu nông nghiệp, nông thôn, chiếm 77% lao động và 80% dân số trong toàn tỉnh. Đến hết năm 1996, sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 47% GDP, công nghiệp - 22%, dịch vụ, du lịch - 31%.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XIII đã xác định phải "Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu, nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế, chú trọng xây dựng quan hệ sản xuất mới, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân...". Trước mắt, phấn đấu đến năm 2000 cơ cấu kinh tế của tỉnh sẽ hình thành như sau : Nông nghiệp chiếm 30%, công nghiệp 35%, du lịch, dịch vụ 35% GDP. Nhịp độ tăng trưởng hằng năm : GDP 16%, nông lâm, ngư nghiệp 6 - 7%, công nghiệp 26%, du lịch dịch vụ 20%, xuất khẩu 20%... Trong điều kiện cụ thể của nền nông nghiệp và nông thôn tỉnh Ninh Bình, theo chúng tôi, trước hết phải đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn theo hướng giảm nhanh tỷ trọng lao động sản xuất nông nghiệp, chuyển sang sản xuất công nghiệp, dịch vụ ; giảm số nhân khẩu sống chủ yếu bằng thu nhập từ nông nghiệp sang sống chủ yếu bằng thu nhập từ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, nhưng vẫn ở nông thôn, thực hiện "rời ruộng không rời làng" ; bảo đảm cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, nhất là trồng trọt, cây lương thực ngày càng tăng về giá trị tuyệt đối nhưng giảm về tỷ trọng ; xây dựng nông thôn mới theo hướng thành thị hóa nông thôn.

Xác định đúng mục tiêu và sát hợp với tiềm lực hiện có của tỉnh cũng có nghĩa là hành động đúng quy luật phát triển khách quan. Chính vì lẽ đó mà mấy năm qua, mặc dầu có lúc thời tiết không thuận lợi, nhưng sản xuất nông nghiệp ở Ninh Bình đã có bước phát triển tương đối toàn diện, với nhịp độ tăng trưởng khá và tương đối vững chắc, nhất là sản xuất lương thực. Tính từ 1992, khi tỉnh Ninh Bình tái lập đến hết năm 1996, nhịp độ tăng trưởng nông nghiệp bình quân hằng năm trên 11%. Năm 1991 năng suất lúa đạt 51 tạ/ha, năm 1996 đạt 81 tạ/ha mặc dù vụ mùa bị thiên tai lũ lụt nặng nề. Năm 1997, dự kiến năng suất lúa của toàn tỉnh có khả năng đạt bình quân trên 90 tạ/ha. Sản lượng lương thực quy thóc năm 1991 là 21 vạn tấn, năm 1995 là 34,5 vạn tấn và năm 1996 đạt 30,6 vạn tấn, năm 1997 có khả năng đạt gần 40 vạn tấn. Diện tích, sản lượng các cây công nghiệp hằng năm cũng tăng từ 5 974 ha (năm 1991) lên 7 563 ha (năm 1996), nhất là cói, mía, lạc... Nhiều nơi đã và đang phát triển thành vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Chăn nuôi có bước phát triển khá, nhất là đàn lợn, bò, dê, gia cầm, cá. Đã xuất hiện những mô hình chăn nuôi quy mô tương đối lớn theo hướng sản xuất hàng hóa. Nhiều loại cây ăn quả được trồng ở các vùng trong tỉnh khá tập trung.

* Phó Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Ninh Bình

Digitized by Google

Một số trang trại đã hình thành, nhất là ở vùng đồi núi Tam Điệp, Nho Quan. Nhiều làng nghề được khôi phục, phát triển như sản xuất chiếu cói (ở Kim Sơn), thêu ren, làm đá, đồ mộc... (ở Hoa Lư) và các địa phương khác. Nhìn chung ở huyện nào cũng có các cơ sở sản xuất các hàng tiêu dùng, xuất khẩu. Sự phát triển tương đối nhanh và đồng đều về mặt kinh tế ở các địa phương trong tỉnh đã góp phần quyết định làm cho bộ mặt nông thôn thay đổi khá nhanh chóng. Xe ô tô đã đến được tất cả các xã, kể cả miền núi và vùng đồng chiêm trũng. 100% số xã, 88% số hộ ở nông thôn đã thường xuyên có điện lưới quốc gia. Gần 90% số xã có điện thoại, trong đó gần 60% số xã đã có trạm điện thoại.

Tuy vậy, đối chiếu với yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và những mục tiêu đã đề ra, thì những chuyển biến đã đạt được là còn quá khiêm tốn và trước mắt còn có nhiều khó khăn thử thách. Cụ thể như về mặt nhận thức, ai cũng thấy cần phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng làm gì và làm thế nào thì còn nhiều lúng túng. Tỉnh cũng đã tổ chức các cuộc hội thảo bàn về vấn đề này, nhưng nhìn chung cũng mới chỉ dừng lại ở đánh giá tình hình và những nhận thức chung, thiếu những chủ trương, giải pháp cụ thể, có tính khả thi. Trong thực tế, cũng như trong hội thảo còn vướng mắc trên mấy vấn đề chủ yếu sau đây :

Một là, *về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn*. Đối với cơ cấu kinh tế nông nghiệp, Tỉnh ủy Ninh Bình chủ trương giữ sản lượng lương thực ở mức 40 vạn tấn, bình quân 400 kg/đầu người, còn dành diện tích phát triển các cây công nghiệp và chăn nuôi, để nâng cao giá trị thu nhập trên 1 ha canh tác và gắn với công nghiệp chế biến. Song, do tiếp thu các tiến bộ kỹ thuật trong thâm canh, nhất là giống mới, thời tiết tương đối thuận, nên sản lượng lương thực đã tăng nhanh. Trong khi đó, các cây công nghiệp và chăn nuôi tuy có tăng, nhưng tốc độ còn quá chậm so với mục tiêu đề ra. Nguyên nhân chính lại là do khó khăn về thị trường tiêu thụ, sản xuất ra không bán được, giá rẻ, hiệu quả kinh tế thấp. Vì vậy, cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch chậm. Cơ cấu kinh tế nông thôn cũng có bức tranh tương tự. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn chậm phát triển. Nguyên nhân chủ yếu cũng do khó khăn về thị trường tiêu thụ. Do đó, vừa làm cho tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn tăng chậm, vừa làm cho tỷ trọng dịch vụ ở nông thôn kém phát triển (vì dịch vụ cả đầu ra, đầu vào luôn luôn đi liền với sản xuất, với trao đổi sản phẩm), vừa không có điều kiện để giải quyết việc làm, tăng thu nhập, chuyển số lao động nhàn rỗi và dôi dư từ sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Trong khi đó công nghiệp, kể cả công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương trên địa bàn tỉnh còn trong tình trạng phát triển chậm. Dự án nhà máy xi măng 1,4 triệu tấn/năm chưa triển khai được. Dự án nhà máy đường 4 000 tấn mía/ngày đã tiến hành động thổ, nhưng chậm triển khai xây dựng do phụ thuộc lớn vào các bên đối tác nước ngoài...

Từ những ách tắc như đã nói ở trên mà lao động thiếu việc làm, thu nhập của nông dân bị hạn chế, tích lũy của nông dân để có vốn đầu tư tiếp thu tiến bộ khoa học công nghệ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa có khó khăn.

Hai là, *cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn còn nhiều hạn chế*. Mặc dù so với trước, mấy năm qua tỉnh Ninh Bình đã có một bước tiến đáng kể về xây dựng hệ thống tải điện, đường giao thông... Toàn tỉnh hiện nay có 5 300 máy kéo và máy nông nghiệp. Bình quân 1 hà đất canh tác đã được trang bị 1 mã lực cơ khí, chủ yếu là các khâu thủy lợi, làm đất (60% diện tích), tuốt lúa (80%), xay xát gạo (90%). Song, trong sản xuất nông nghiệp chủ yếu vẫn còn là lao động thủ công, nặng nhọc, năng suất lao động rất thấp, nhất là các khâu cấy, chăm sóc, thu hoạch. Một trở ngại lớn hiện nay là việc đưa máy móc vào nông nghiệp, nông thôn còn gặp nhiều khó khăn về vốn đầu tư, và nhất là số lao động dôi ra không có việc làm trong khi công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển.

Ba là, *về quan hệ sản xuất*. Với chủ trương phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ đã tạo điều kiện để từng hộ nông dân đề cao tính chủ động trong sản xuất và tiếp thu các tiến bộ khoa học - công nghệ, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy vậy, trong thực tế, để công nghiệp hóa, hiện đại

Digitized by Google

hóa nông nghiệp, nông thôn nhiều việc từng hộ khó hoặc không thể làm được mà phải có vai trò của tập thể và của Nhà nước. Thế nhưng trên thực tế hiện nay số đông các hợp tác xã ở Ninh Bình còn chưa được chuyển đổi, một số hợp tác xã tồn tại có tính hình thức, chưa làm tốt quy hoạch, kế hoạch sản xuất và các khâu dịch vụ cần thiết, chứ chưa nói đến tích lũy được vốn để có thể đầu tư cho yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa (vấn đề này từng hộ nông dân không thể làm được). Hệ thống dịch vụ của Nhà nước ở nông thôn cũng rất kém, có tình trạng bỏ trống trận địa. Dịch vụ đầu ra, đầu vào hiện nay đối với nông nghiệp, nông thôn chủ yếu là do tư nhân đảm nhận.

Bốn là, *đội ngũ cán bộ ở nông thôn, kể cả cán bộ lãnh đạo, quản lý, kỹ thuật hiện nay nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Qua khảo sát các xã của Ninh Bình ở 10 chức danh chủ yếu, thì 70% có trình độ cấp II ; 30% trình độ cấp III ; ở ba chức danh chủ chốt (bí thư, phó bí thư, chủ tịch UBND) chỉ có 25% đã học một số kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế và 22% đã học quản lý nhà nước. Nhiều chủ nhiệm hợp tác xã chưa được học về quản lý kinh tế. Số cán bộ có trình độ quản lý và khoa học kỹ thuật tham gia công tác ở nông thôn còn ít.

Từ tình hình thực tế ở Ninh Bình, phải chăng để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn cần tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu sau đây :

1- Muốn chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, công tác quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội trước hết phải tập trung vào các vấn đề sau :

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ, bảo đảm năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, gắn với công nghiệp chế biến theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, công nghiệp nông thôn, nhất là các ngành chế biến nông sản, thực phẩm, sản xuất hàng xuất khẩu để chế biến, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp cho tiêu dùng, xuất khẩu và giải quyết việc làm cho lao động dôi ra trong nông nghiệp, nông thôn.

- Quy hoạch lại và đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn (giao thông, thủy lợi, điện, nước, các công trình phúc lợi xã hội, khu dân cư).

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn phải được thể hiện cụ thể ở tỷ trọng lao động sản xuất nông nghiệp ngày càng giảm, lao động thủ công được thay bằng lao động cơ giới năng suất cao, sản xuất nông nghiệp ngày một tăng về giá trị tuyệt đối, nhưng giảm về tỷ trọng, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ngày càng tăng cả về giá trị tuyệt đối và tỷ trọng.

2 - Giải quyết vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải có vốn. Yêu cầu về vốn là rất lớn. Nguồn vốn chủ yếu phải là trên cơ sở phát triển sản xuất, nông dân tự tích lũy, tích tụ, tập trung vốn để công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhờ công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà sản xuất phát triển, tích lũy sẽ ngày càng tăng. Tuy nhiên, nhà nước cũng phải có chính sách đầu tư, hỗ trợ trực tiếp và thông qua tín dụng, giá cả, dịch vụ, tạo môi trường, nhất là tạo điều kiện giải quyết thị trường, tiêu thụ sản phẩm cho nông nghiệp, xây dựng các xí nghiệp công nghiệp ở nông thôn, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản.

3 - Giải quyết thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, phát triển sản xuất phụ thuộc trực tiếp ở việc giải quyết thị trường tiêu thụ sản phẩm. Không tiêu thụ được sản phẩm thì không thể đẩy mạnh sản xuất, cũng không thể tích lũy được vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Phải trên cơ sở phát triển sản xuất, tăng thu nhập, nâng cao sức mua của nông dân để mở rộng thị trường tại chỗ, đồng thời mở rộng giao lưu thị trường trong nước và xuất khẩu trên cơ sở nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.

4 - Giải quyết việc làm cho lực lượng lao động dôi ra trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cùng với việc áp dụng các công nghệ, kỹ thuật,

Digitized by Google

máy móc ngày càng tiên tiến, hiện đại thì lực lượng lao động dôi ra sẽ ngày càng nhiều. Nếu không giải quyết được việc làm cho số lao động này với thu nhập cao hơn hoặc ít nhất cũng bằng thu nhập khi làm nông nghiệp thì khó mà thực hiện được công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nông dân sẽ khó chấp nhận việc đưa máy móc, công nghệ tiên tiến vào thay mình để rồi mình thất nghiệp, làm cho thu nhập và đời sống thấp hơn. Vì vậy, phải giải quyết được việc làm cho nông dân bằng phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ... Đồng thời, chuyển một bộ phận lớn lao động nông thôn bổ sung cho các khu công nghiệp, cho thành thị, thực hiện bước phân công lao động cơ bản giữa nông nghiệp, nông thôn và công nghiệp, cải thiện, nâng cao đời sống của nông dân, giải quyết cả ba mặt : nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

5 - Gắn chặt công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trước hết bắt đầu từ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, nhưng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn không tách rời quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Rõ ràng là, vấn đề tiêu thụ sản phẩm, giải quyết lao động của nông nghiệp, nông thôn phụ thuộc vào tiến triển của toàn bộ nền kinh tế, vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung. Việc đưa công nghệ, khoa học - kỹ thuật, máy móc và vốn đầu tư của nhà nước vào nông nghiệp, nông thôn cũng phụ thuộc vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung. Cho nên nông nghiệp, nông thôn khó có thể công nghiệp hóa, hiện đại hóa nếu không đẩy mạnh toàn bộ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nếu như các ngành công nghiệp, du lịch, dịch vụ, kinh tế đối ngoại không được đẩy mạnh.

6 - Phải gắn chặt công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn với xây dựng hợp tác xã.

Để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có việc từng hộ nông dân làm được, nhiều việc từng hộ nông dân không làm nổi. Ví dụ như quy hoạch lại sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng, tiếp thị, tạo thị trường tiêu thụ sản phẩm, giải quyết việc làm cho số lao động dôi ra, giải quyết vốn... Do đó, phải rất coi trọng xây dựng, hoàn thiện các hình thức kinh tế hợp tác, phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế trên cơ sở khai thác tiềm năng, vai trò tự chủ của kinh tế hộ gia đình. Đổi mới tổ chức, quản lý, phát huy vai trò kinh tế hợp tác của hợp tác xã phải luôn luôn đi đôi với củng cố vai trò của kinh tế nhà nước. Bởi vì, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tất yếu sẽ thúc đẩy quá trình tích tụ ruộng đất, phân công và hợp tác lao động ở nông thôn.

7- Phải nâng cao trình độ dân trí, khoa học - kỹ thuật, xây dựng nếp sống mới ở nông thôn.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là quá trình đưa công nghệ, khoa học - kỹ thuật, máy móc, phương thức quản lý, nếp sống công nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn. Do đó đòi hỏi phải nâng cao dân trí, trình độ khoa học - kỹ thuật, trình độ quản lý và xây dựng nếp sống của nông dân, nông thôn, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây chính là vấn đề xây dựng con người, là yếu tố có tính chất quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tóm lại, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp lớn, là một quá trình cách mạng đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia tích cực, chủ động của đông đảo nhân dân, tức là của cả hệ thống chính trị. Mặt khác, lãnh đạo, quản lý nền kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng khác hẳn về chất với lãnh đạo, quản lý nền kinh tế lạc hậu, tự cấp, tự túc. Do đó, để công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công đòi hỏi phải nâng cao trình độ, năng lực, đổi mới phương pháp lãnh đạo, quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền, vai trò của các đoàn thể và trình độ, năng lực, phẩm chất của mỗi cán bộ, đảng viên, từ cơ sở đến các cấp, các ngành. Không giải quyết được vấn đề này thì cũng khó có thể thực hiện được công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nói chung và ở tỉnh Ninh Bình nói riêng.❑

Digitized by Google

Xây dựng nông thôn mới ở một vùng chiêm trũng

NHẬT TÂN

Từ những năm đổi mới, Kim Bảng đã vươn lên thành huyện mạnh của tỉnh Nam Hà và nay lại là huyện lá cờ đầu của tỉnh Hà Nam mới. Nơi đây nông thôn đầm ấm đang thay da đổi thịt, nông nghiệp đang phát triển manh mẽ, vững chắc, nông dân phấn chấn vì đời sống từng bước được nâng lên.

Đến huyện, đi từ làng này sang làng khác, xã này sang xã khác, chỉ thấy màu ngói đỏ, xen lẫn những tán cây xanh, không có hộ nông dân nào ở nhà tranh vách đất. Đường thôn, ngõ xóm, đường liên huyện, liên xã, đường ra đồng sản xuất, hầu hết được đổ bê tông, rải nhựa, lát gạch nghiêng hoặc rải đá cấp phối, phong quang sạch sẽ, ô tô, xe máy đi lại dễ dàng.

Hệ thống điện lưới quốc gia phục vụ sản xuất và sinh hoạt đã được hoàn tất từ mấy năm nay. 98% số hộ nông dân đã dùng điện trong sinh hoạt với giá 600 - 700 đ/1 kW giờ.

Công trình cấp nước sạch đã được triển khai ở 12/21 xã và thị trấn. Các xã như Nhật Tân, Nhật Tựu, Đồng Hóa, v.v. nhân dân đã được dùng nước sạch ở độ sâu 60 m trở lên. Nước sạch được bơm đến từng hộ bằng hệ thống ống kẽm với giá 1000 đ/m^3, tiện lợi không kém gì đô thị.

100% số xã có trường học cao tầng. 7 xã có 2 trường cao tầng trở lên. Các cháu từ mẫu giáo đến học sinh tiểu học, trung học đều được học tập trong điều kiện bảo đảm : "trường ra trường, lớp ra lớp". Toàn huyện đã phổ cập cấp I. 18/21 xã, thị trấn phổ cập cấp II. Số còn lại sẽ phổ cập cấp II vào năm 1998.

Y tế và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được chú trọng. Trong huyện có 50% trạm y tế mái bằng. 100% số xã có y sĩ, bác sĩ của huyện về tăng cường. Các trạm y tế xã đều có giường điều trị (5 giường/trạm). Người dân đến khám được miễn viện phí. Người thuộc diện chính sách, người nghèo nằm viện được miễn một phần hoặc toàn phần tiền thuốc chữa bệnh.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phát triển rộng khắp. Các hủ tục cũ, lạc hậu đang được đẩy lùi. Toàn huyện có 284 câu lạc bộ những người cao tuổi và các hội, đoàn thể đi vào hoạt động có nền nếp và hiệu quả. Các xã đều có ban hòa giải và các thôn có các tiểu ban hòa giải hoạt động tích cực. Truyền thống tốt đẹp, tình làng nghĩa xóm được khơi dậy và nhân lên. Nhân dân giúp đỡ nhau làm kinh tế, xóa đói giảm nghèo có hiệu quả. Đến nay không còn hộ đói, chỉ còn 7/21 xã có không đến 5% hộ nghèo.

Xét về kinh tế thì Kim Bảng không phải là huyện giàu, nhưng tại sao ở Kim Bảng lại có nhiều cái hay, cái nổi trội trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới như vậy ? Về Kim Bảng, khi đến Nhật Tân, Nhật Tựu, Đồng Hóa... người ta thấy vui và yên lòng vì những cơ sở, những điều kiện của chủ nghĩa xã hội đang được xuất hiện, được củng cố và phát triển. Trước kia, cố Tổng bí thư Lê Duẩn đã từng nói : Chúng ta có thể xây dựng được một cuộc sống đẹp không cần phải đợi đến lúc giàu có. Điều này nay đã bước đầu trở thành hiện thực ở Kim Bảng.

Có nhiều xã, nhiều huyện làm được điện, đường, trường, trạm... hiện đại, khang trang, nhưng lòng dân chưa trọn, còn nhiều băn khoăn, vướng mắc. Còn ở Kim Bảng thì dân lại vui vẻ, đồng tình ủng hộ. Tại sao vậy ? Lý giải được những điều này sẽ là những bài học cần thiết chẳng những để cho Kim Bảng tiếp tục vươn xa,

Digitized by Google

mà còn cho các địa phương, các huyện có thể tham khảo, học tập.

Trước hết có thể nói Kim Bảng đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo tinh thần Chỉ thị 69 của Ban Bí thư Trung ương về xây dựng nông thôn mới, *lấy phát triển kinh tế là trung tâm, lấy xây dựng Đảng là then chốt, lấy phát huy quyền làm chủ của người lao động là yếu tố quyết định.*

Ba yếu tố : phát triển kinh tế, xây dựng Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, mỗi cái có một chức năng và vai trò riêng, nhưng luôn gắn bó, phối hợp với nhau trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nông thôn mới. Kinh tế không phát triển tốt, không giải quyết được miếng cơm, manh áo và việc đi lại, học hành cho nhân dân... thì dân không có sức đóng góp, xây dựng các cơ sở hạ tầng ở nông thôn và không hào hứng tham gia các phong trào. Công tác xây dựng Đảng không tốt thì hệ thống cơ sở đảng, hệ thống chính quyền và đoàn thể sẽ yếu kém, không phát huy được vai trò lãnh đạo, dễ dẫn đến hiện tượng tự phát, mạnh ai người ấy làm, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, xã hội thiếu kỷ cương, mất trật tự, trị an... Công tác vận động quần chúng không tốt, dân không thông, không đồng tình thì các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước không thể vào được dân. Mọi việc dù dễ mấy mà dân không thông, không tham gia, không đồng tình ủng hộ, thì cũng không kết quả. Nhưng khi mọi việc dù khó mấy mà dân thông, dân tự giác tham gia thì đều có thể làm được. Bởi vì như người xưa nói : sức dân mạnh như nước, đẩy thuyền cũng là dân, mà lật thuyền cũng là dân.

Cái hay, cái khéo của Kim Bảng là nhận thức được ba yếu tố ấy, thực hành được ba yếu tố ấy và kết hợp được ba yếu tố ấy với nhau.

Về xây dựng kinh tế :

Kim Bảng đã sớm xác định : *Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.* Thực tế nguồn sống chính của nhân dân Kim Bảng từ bao đời nay đều dựa vào sản phẩm nông nghiệp là chủ yếu. Một số ngành nghề như mộc, thêu, dệt đũi, làm hàng sáo, gốm son, làm đất đấu, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác đá v.v. không nhiều, chủ yếu là tranh thủ lúc nông nhàn, chưa có điều kiện phát triển thành quy mô lớn, nên chỉ là thứ yếu. Ví dụ, năm 1995 tổng số GDP của huyện là 270 tỉ đồng thì nông nghiệp : 160 tỉ đồng (59,2%) ; công nghiệp 24 tỉ đồng (8,9%) ; xây dựng : 28 tỉ đồng (10,4%), dịch vụ 58 tỉ đồng (21,5%). Điều này cho thấy thu nhập từ nông nghiệp của huyện là cơ bản. Vậy muốn phát triển nông nghiệp thì phải bắt đầu từ đâu ? Kim Bảng có diện tích đất tự nhiên là 19 397 ha, diện tích đất canh tác là 8 500 ha, chủ yếu là đồng chiêm trũng, chỉ có 1 000 ha đất màu, còn lại là 8 000 ha đất đồi núi. Đồng đất của Kim Bảng lại cao thấp không đều. Vùng cao thì quanh năm hạn hán. Vùng thấp thì ngập úng. Chỉ cần mưa 300mm trong vài tiếng đồng hồ thì nước ở vùng cao trần xuống, nước ở nách núi tống ra làm cho 2/3 diện tích trồng cấy ngập nước. Vấn đề cấp bách nhất của Kim Bảng là chống hạn và tiêu úng. Kim Bảng đã tập trung các nguồn lực làm hệ thống thủy nông, đưa điện lưới quốc gia về, xây dựng lắp đặt được 115 trạm bơm các loại, trong đó có trạm bơm Quế với công suất 72 000 m^3/giờ ; bảo đảm nếu mưa từ 300 đến 500mm trong vòng một tuần mà có sự chủ động bơm trước thì sẽ không sợ úng. Vấn đề hạn và úng cơ bản đã được giải quyết, hệ số sử dụng đất tăng lên đến 2,5 lần. Đất từ hai vụ thành bốn vụ. Cây vụ đông được đưa vào. Cơ cấu giống lúa cũng được thay đổi, chọn những giống có năng suất cao. Nhờ vậy mà giá trị thu từ đất tăng lên. Trước đây 1 ha đất chỉ thu được 15 - 18 triệu đồng, thì nay thu được từ 25 - 30 triệu đồng.

Lương thực được giải quyết, huyện đẩy mạnh chăn nuôi, đưa đàn lợn từ 34 000 con năm 1990 lên 40 000 con năm 1996. Chăn nuôi đại gia súc như trâu, bò, dê và chăn nuôi gia cầm cũng được chú ý phát triển. Nhiều hộ do phát triển kinh tế từ ao vườn cũng bắt đầu khá giả. Có những hộ nuôi những con đặc sản như cá trê phi, ba ba thu lãi hàng trăm triệu đồng một năm.

Song song với phát triển nông nghiệp, chăn nuôi, ngành công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ cũng được tổ chức lại, tập trung phát triển các

Digitized by Google

ngành có nhiều lợi thế như sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất bột nhẹ, khai thác đá v.v.. Riêng năm 1996, tổng sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 15,5 tỉ đồng, bằng 106,8% kế hoạch, tăng 14% so với năm 1995. 6 tháng đầu năm 1997 tổng sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 35,5 tỉ đồng, bằng 51% kế hoạch.

Kinh tế phát triển, đời sống của nhân dân được cải thiện, mọi người đều phấn khởi bảo ban nhau tích cực tham gia vào các phong trào xây dựng quê hương mới.

Về công tác xây dựng Đảng :

Mục tiêu chung của công tác xây dựng Đảng ở Kim Bảng là :

Phát huy và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng trong mọi mặt, công tác và đời sống xã hội. Lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế - xã hội và nhiệm vụ chính trị của đảng bộ huyện đề ra, nhằm xây dựng huyện, xã vững mạnh, thực hiện xã hội công bằng, văn minh. Xây dựng tổ chức đảng vững mạnh về mọi mặt, nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra. Giữ vững mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng và nhân dân, xây dựng chính quyền và các đoàn thể nhân dân vững mạnh, thực hiện "Đảng gần dân, dân cần có Đảng".

Trong những năm gần đây đảng bộ Kim Bảng tập trung chỉ đạo thực hiện 3 vấn đề chính :

1 - Xây dựng, nâng cao sức chiến đấu cho các tổ chức đảng cơ sở, để mỗi tổ chức đảng ở cơ sở có những chủ trương, nghị quyết sát, đúng, trúng với chủ trương, nghị quyết của trung ương, tỉnh, huyện, đáp ứng được nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Tổ chức đảng ở cơ sở có đội ngũ cán bộ và cấp ủy mạnh, có chính quyền và các tổ chức quần chúng mạnh, chỉ đạo, vận động quần chúng thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị.

2 - Tập trung bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, cấp ủy về mọi mặt, có tâm huyết, tận tụy, xốc vác, gắn bó với cơ sở, với dân. Một lòng "vì dân - nhân nghĩa - kỷ cương". Nói - dân tin ; làm - dân theo. Làm được nhiều việc cho dân, uốn nắn, giáo dục, chấn chỉnh được những lệch lạc của dân, được dân tín nhiệm.

3 - Tập trung nâng cao chất lượng cho đội ngũ đảng viên. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đảng viên hưu trí và đảng viên đương chức, đảng viên nhiều tuổi với đảng viên ít tuổi, tạo sức mạnh chung trong toàn đảng bộ.

Để làm tốt những vấn đề này, mỗi đảng viên của Đảng bộ Kim Bảng đã thực hiện "tam bình".

Thứ nhất là bình đẳng trong sinh hoạt. Đảng viên nào cũng có trách nhiệm, cũng như có quyền tham gia sinh hoạt đảng và các ý kiến đóng góp để xây dựng nghị quyết đều được trân trọng. Mỗi đảng viên có một quyển sổ "kiểm tra đảng viên" do chi bộ quản lý, đến kỳ sinh hoạt đảng viên ghi các ý kiến của mình vào. Đây là cách làm đáng lưu ý của đảng bộ Kim Bảng nhằm quản lý đảng viên sinh hoạt đều và nêu cao trách nhiệm của đảng viên mỗi khi tham gia phát biểu.

Thứ hai là bình đẳng trong công tác. Đảng viên nào cũng phải nhận công tác hợp với sức khỏe và khả năng của mình như phụ trách hội, đoàn thể ; phụ trách thôn ; phụ trách cụm dân cư ; trực tiếp làm tổ trưởng an ninh v. v.. Đa số đảng viên phải phụ trách hộ, tức là chịu trách nhiệm quản lý 5 - 10 hộ với nội dung : tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho các hộ ; giúp các hộ xóa đói giảm nghèo bằng hành động cụ thể và vận động cộng đồng giúp đỡ ; vận động các hộ chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, làm tròn nghĩa vụ công dân ; vận động các hộ sinh hoạt và hoạt động trong các đoàn thể, tham gia công tác xã hội, xây dựng nông thôn mới ; tuyên truyền giúp đỡ con em các hộ phấn đấu vào Đoàn và vào Đảng.

Thứ ba là bình đẳng trong phấn đấu, rèn luyện. Đảng viên nào cũng phải rèn luyện, chấp hành nghiêm kỷ cương, kỷ luật và chế độ nguyên tắc sinh hoạt đảng. Đảng viên nào cũng phải trực tiếp sinh hoạt ít nhất ở tổ chức quần chúng, chịu sự kiểm tra, giám sát của quần chúng và để rèn luyện mình.

Digitized by Google

Tiếp xúc với đội ngũ cán bộ đảng viên của Kim Bảng, điều dễ nhận thấy đây là một đội ngũ cán bộ năng nổ, có tâm huyết, nhiệt tình với công việc, có nền nếp sinh hoạt đều đặn, chặt chẽ. Hằng tháng, vào ngày 30 huyện ủy họp giao ban, các bí thư đảng ủy xã phản ánh tình hình và nhận nhiệm vụ. Ngày mồng một, đảng ủy xã họp triển khai nghị quyết cho các bí thư chi bộ. Ngày mồng ba các chi bộ sản xuất ở các thôn họp. Ngày mồng bốn hoặc mồng năm các chi bộ quyết thắng (tức chi bộ bảo vệ, an ninh) họp. Mỗi tháng trong khoảng thời gian từ ngày 25 - 30, Ban tuyên giáo huyện ủy tổ chức nói chuyện thời sự một lần. Đảng bộ xã 3 tháng tổ chức nói chuyện thời sự một lần.

Các tổ chức đoàn thể, quần chúng của Kim Bảng như Đoàn thanh niên, Mặt trận Tổ quốc, Hội chữ thập đỏ, Hội cựu chiến binh, Hội nông dân, công đoàn, phụ nữ v.v. sinh hoạt cũng rất quy củ, nền nếp và có nội dung thiết thực.

Về công tác vận động quần chúng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Đảng bộ và các cấp chính quyền của Kim Bảng coi công tác vận động quần chúng vừa là nhiệm vụ, vừa là điều kiện để thực hiện công nghiệp hóa, hiên đại hóa, xây dựng nông thôn mới. Họ hiểu rằng : Thực chất của việc xây dựng điện, đường, trường, trạm, nước sạch... trên quê hương họ trước hết là cho dân, do đó nó là những công việc của dân. Cán bộ đảng, chính quyền là "công bộc của dân", đại diện cho dân đứng lên tổ chức, lãnh đạo dân làm. Do đó, nhất thiết dân phải được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra và được hưởng. Tức là dân phải được thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của mình. Xã hội của ta do nhân dân lao động làm chủ, nên mọi hoạt động của toàn bộ hệ thống tổ chức đảng, chính quyền phải nhằm vào xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân, mọi lợi ích đều thuộc về nhân dân.

Thực tế ở nhiều nơi cho thấy mọi công việc dù lớn, dù nhỏ của dân, có liên quan đến dân mà dân không được biết, không được tham gia, hoặc chỉ được tham gia theo kiểu dân chủ hình thức thì không thể có được kết quả tốt đẹp. Bác Hồ đã từng dạy : "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong". Ở Kim Bảng, những công trình nào cần làm nhưng dân chưa thông thì nhất thiết chưa làm. Chỉ khi nào dân thông và tự nguyện hưởng ứng, tham gia thì khi ấy Kim Bảng mới làm. Tuyệt đối không áp đặt, bổ đầu bắt dân phải đóng góp.

Thông suốt những nhận thức đó, tất cả các công trình xây dựng nông thôn mới ở 21 xã, thị trấn của Kim Bảng đều được triển khai thống nhất. Ở đâu có việc gì ở đó dân phải biết, phải bàn, phải giải quyết và tự quản. Khi dự toán, quyết toán công trình dân phải bàn bạc quyết định đóng góp. Dân cử ra ban quản lý vốn, vật tư và ban giám sát. Thành viên của các ban này có đại diện của tổ chức đảng, chính quyền, và đoàn thể. Nòng cốt của các ban này thường là Hội cựu chiến binh, một tổ chức được coi là có nhiều kinh nghiệm trong thực tế vận động quần chúng và trong sạch trong sinh hoạt. Công trình làm đến đâu đều được quyết toán công khai đến đó. Không huy động vốn của nhân dân một lúc, mà rải ra từng công trình, từng năm, từng vụ để "khoan thư sức dân". Khi tìm bên B thi công cũng phải để cho dân bàn bạc, lựa chọn và hướng vào những đơn vị có vốn, có kỹ thuật của nhà nước để vốn được trả dần, không phải trả lãi, phù hợp với đóng góp của dân.

Có thể tóm lại, mấu chốt của công tác vận động quần chúng, thực hiện tốt quyền dân chủ ở Kim Bảng trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới là :

- Biết phát huy tinh thần cách mạng của nhân dân, dựa hẳn vào dân, thực hiện chế độ dân tự quản, tự giám sát và công khai hóa để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân được hưởng.

- Quản lý vốn và sử dụng vốn của dân đúng mục đích. Triển khai các công trình thiết thực, có hiệu quả. Đảng đề ra chủ trương, chính quyền hướng dẫn, đoàn thể vận động, nhân dân tổ chức thực hiện và giám sát.

Digitized by Google

- Tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ. Cán bộ vì dân, biết làm việc cho dân, làm việc có tâm huyết, không tham ô, không lợi dụng của dân. Cán bộ, đảng viên đi đầu thực hiện các cuộc vận động xây dựng nông thôn mới và thấm nhuần nguyên tắc : "dân trước, nước sau, dưới trước, trên sau". Nghĩa là cán bộ cơ quan nhà nước phải tận tâm, tận lực phục vụ cho dân, chăm lo lợi ích cho dân trước, nghĩ đến mình sau.

- Tranh thủ vốn của bên B, của những người xa quê, của nhà nước và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, tiết kiệm chi tiêu ngân sách địa phương để hỗ trợ cho dân.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua giữa các địa phương, nhân nhanh các điển hình tiên tiến, thường xuyên nêu gương "người tốt, việc tốt", giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Bài học có tính chất xuyên suốt trong toàn bộ công tác xây dựng kinh tế, xây dựng Đảng, vận động quần chúng ở Kim Bảng đã được đảng bộ và nhân dân đúc kết thành câu khẩu hiệu rất dễ nhớ mà hầu như người dân nào ở Kim Bảng cũng thuộc lòng là : *"Tam hữu - Tứ kiên - Ngũ đồng"*. đúng hơn là "Ba có - Bốn kiên - Năm đồng".

Ba có : có Đảng - có dân - có bạn. Nhưng Đảng ; dân ; bạn ở đây phải được hiểu theo đúng nghĩa của nó.

- Đảng phải được đổi mới, chỉnh đốn, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, có kỷ cương, kỷ luật chặt chẽ. Đảng viên phải có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết, lăn lộn với phong trào cơ sở, luôn gương mẫu thực hiện vai trò tiên phong của mình.

- Dân phải được giác ngộ cách mạng, phát huy quyền làm chủ, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách và pháp luật, làm tròn nghĩa vụ công dân. Dân phải tin Đảng, tuân theo sự lãnh đạo của Đảng, gắn bó với đảng viên, tham gia xây dựng Đảng.

- Bạn là những người trung thành, chí cốt, tâm huyết, gắn bó ân tình và hết lòng giúp đỡ Kim Bảng. Ngược lại Kim Bảng cũng hết lòng vì bạn.

Bốn kiên : Kiên định - kiên trì - kiên quyết - kiên cường.

- Kiên định : khi đã đề ra nhiệm vụ đúng, trúng rồi thì phải làm bằng được, không nửa vời.

- Kiên trì : Đã làm phải quyết tâm, có tâm huyết, say mê với công việc. Công việc dù khó mấy cũng phải tìm cách vượt qua, nếu có gì trục trặc chưa thành công thì phải bàn bạc, tìm cách giải quyết không chần chừ, chán nản.

- Kiên quyết : Phải có thái độ dứt khoát, không phân tâm, chần chừ, đấu tranh thẳng thắn chống sự thờ ơ, xao nhãng đối với công việc, có thái độ dứt khoát xử lý những sai trái.

- Kiên cường : Không sợ va chạm, không ngại đấu tranh, ra sức bảo vệ cái đúng, cái mới tiến bộ, bảo vệ chân lý ; không để cho cái xấu, cái sai, cái lạc hậu làm lung lạc, chệch choạc sự chỉ đạo tập trung thống nhất của cấp ủy, chính quyền.

Năm đồng : Đồng tâm - đồng hướng - đồng lực - đồng ngôn - đồng hành. Tức là phải tạo nên được sự nhất trí cao, từ trong Đảng đến quần chúng ; từ huyện xuống xã và trong từng thôn xóm.

Trong "Năm đồng" thì đồng tâm là quan trọng hơn cả, nhưng chúng đều có liên quan đến nhau, bổ sung cho nhau.

- Đồng tâm : Mọi người phải cùng một tâm huyết xây dựng quê hương, nhất trí cao với chủ trương và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng.

- Đồng hướng : Tất cả có chung một mục đích ; khắc phục tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" và tình trạng cán bộ chỉ đạo theo sở thích của mình, mỗi người mỗi kiểu.

- Đồng lực : Tất cả đều phải làm, không để cảnh "cò vạc mỗi kẻ mỗi thưng".

- Đồng ngôn : Tất cả phải có cùng một tiếng nói, nói theo nghị quyết, theo sự chỉ đạo của cấp ủy.

- Đồng hành : Từ huyện đến xã, từ xã đến thôn, từ già đến trẻ, người nào việc ấy, ai cũng phải làm, không để người rảnh rỗi, thảnh thơi, chơi bời tách mình ra khỏi phong trào.❑

Digitized by Google

ĐÔI ĐIỀU RÚT RA TỪ CƠN BÃO SỐ 5

DƯƠNG VŨ

Bão số 5 (tên gọi quốc tế ; cơn bão Linda) ở vùng biển Nam Bộ trong ngày 2-11-1997 đã qua, nhưng dư âm của nó quả thật còn để lại rất sâu đậm trong lòng mỗi người dân Việt Nam ; có thể gọi đó là "cơn bão thế kỷ" bởi mấy lẽ :

- Kể từ năm 1904, trong sách "Khí hậu Đông Dương", người Pháp đã ghi lại trận bão lịch sử tràn vào vùng Mỹ Tho, kéo theo thiệt hại của hơn chục tỉnh, như vậy dễ đến hàng trăm năm nay, vùng Nam Bộ trù phú này mới lại có bão to như vậy.

- Cơn bão chuyển nhanh, đột ngột, bất ngờ và gây thiệt hại vô cùng lớn về người và của, khiến ai cũng phải bàng hoàng, sửng sốt. Tính đến 7 giờ ngày 10-11-1997, thiệt hại tập hợp được từ các địa phương cho biết : số người chết 435 ; số người chưa có tin tức 3 669 ; số người bị thương 833 ; số người đã được cứu sống : 3 867 ; số tàu thuyền bị chìm : 3 033 cái ; diện tích nuôi trồng thủy sản bị chìm ngập 122 712 ha ; nhà đổ sập 76 091 cái ; nhà hư hại 133 526 cái ; phòng học đổ 1 205 ; phòng học bị hư hại 3 899 ; diện tích lúa bị ngập và nát 321 195 ha ; đê điều bị ngập tràn 350 215 m.

Ước tính tổng thiệt hại lên tới gần 5 500 tỉ đồng.

Cơn bão diễn ra cuối thế kỷ XX, để lại bao niềm xót thương trong lòng người, để lại cho các nhà chức trách bao nỗi suy tư, trăn trở và từ đây rút ra nhiều bài học, nhưng có lẽ đắt giá nhất vẫn là những bài học :

1 – Biết đánh giá đúng thiên nhiên và sống thuận hòa với thiên nhiên.

Tự ngàn đời nay, con người có mặt trên trái đất. Trái đất và vũ trụ như mái nhà chung che chở, nuôi dưỡng con người. Khát khao sống thuận hòa với thiên nhiên song chính con người lại phá tan không khí thuận hòa đó. Bàn tay con người không ngừng tàn phá môi trường sinh thái đến mức làm cho thiên nhiên phải "nổi giận". Vô vàn các loại chất thải đã góp phần phá hủy tầng ôzôn, làm cho khí hậu biến đổi khôn lường : những trận cuồng phong có sức tàn phá ghê gớm đang tăng lên ở khắp các khu vực ; những tảng băng nguyên vẹn ở hai cực trái đất tự nhiên tan ra, làm nước biển dâng cao, gây ngập lụt lớn ở nhiều nơi ; bề mặt Thái Bình Dương miền Tây nước Mỹ nóng lên 1,5^{o}C khiến các loài phù du suy giảm và làm mất đi hàng triệu con chim biển ; những đợt hạn hán kéo dài trầm trọng từ vùng Đông Bắc Trung Quốc đến các quần đảo phía Nam, gây nên những thảm cảnh cháy rừng khủng khiếp.

Liên quan đến những biến đổi kỳ lạ đó của trái đất, từ những năm 60 của thế kỷ này, các nhà khoa học lưu ý đến một hiện tượng, gọi là hiện tượng En Ni-nô.

En Ni-nô là tên do ngư dân Pê-ru và Ê-cu-a-đo đặt ra từ nhiều thế kỷ trước để chỉ dòng hải lưu nóng chuyển từ xích đạo dọc theo bờ biển Nam Mỹ xuống phía Nam. Dòng hải lưu này thường đạt cường độ mạnh nhất vào dịp Lễ giáng sinh nên được gọi là En Ni-nô (tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là "con của Chúa").

En Ni-nô thường tái diễn vài ba năm một lần. Từ đầu thế kỷ đến nay người ta đã ghi nhận 25 lần xuất hiện En Ni-nô. Khi xuất hiện En Ni-nô, nhiệt độ nước biển ở nửa phía Đông xích đạo Thái Bình Dương tăng lên, có khi tới 5 -7^{o}C so với bình thường. Không khí ở đây cũng nóng

Digitized by Google

và ẩm hơn. Kèm theo đó là các hiện tượng giông, bão tố, lốc, mưa lớn, mưa dài và có xu hướng tăng vọt. Nhìn về phía Tây Thái Bình Dương bao gồm khu Nam Á, châu Phi hạn hán lại diễn ra rất trầm trọng. Những năm đối En Ni-nô (tức năm nhiệt độ mặt biển Thái Bình Dương ngoài khơi Nam Mỹ không nóng lên mà lại lạnh đi) người ta thấy hiện tượng xảy ra hoàn toàn ngược lại.

Gần đây, qua những năm En Ni-nô, đã xảy ra liên tiếp những trận gió xoáy và bão nhiệt đới, mưa to, úng lụt, sụt lở đất ở các đảo và quần đảo khu vực Đông Thái Bình Dương, Xây-sen, Nam nước Mỹ, Bắc Pê-ru, Nam Bra-xin, Tây và Trung Âu. Khô hạn gay gắt ở châu Phi, một phần Nam Mỹ, Ấn Độ, Đông Bắc Trung Quốc, các đảo, quần đảo Đông - Nam Á, Ô-xtrây-li-a, Bra-xin. Nóng trái mùa ở cực nam Nam Mỹ, Nam châu Phi, Tây Âu ; nóng chưa từng có vào mùa hè ở Mỹ...

Theo đánh giá của các chuyên gia về khí hậu, những thiên tai xảy ra trong thời gian của En Ni-nô là rất lớn, rất khốc liệt. Chẳng hạn, En Ni-nô 1982 - 1983 đã làm hơn 2000 người chết, thiệt hại kinh tế toàn cầu khoảng trên 13 tỉ đô la Mỹ.

Đối với Việt Nam, thời tiết mùa mưa bão năm nay có nét đặc thù : bão đến muộn và ít bão. Mưa bão ít và muộn là phù hợp với xu thế thời tiết của những năm xuất hiện hiện tượng En Ni-nô ở nước ta nói riêng và các nước trong khu vực Tây Thái Bình Dương nói chung. Cơn bão số 5 rất có thể là một trong những biểu hiện rõ nét của hiện tượng đó.

Theo tính toán của các nhà khoa học, nhiệt độ trung bình của nước ta có thể sẽ tăng lên từ 0,15 - 0,20^{O}C mỗi thập niên ở các vùng ven biển và tăng 0,25^{O}C đến 0,30^{O}C ở khu vực xa biển. Và do đó, dự đoán đến năm, bảy mươi năm sau, có thể có một phần diện tích ruộng đất ở đồng bằng sông Hồng và châu thổ sông Mê Công bị ngập lụt nặng.

Rõ ràng đánh giá đúng khí hậu và đối phó với biến đổi có quy luật và không có quy luật của khí hậu không chỉ là việc của một nhóm người, một quốc gia nào mà cần đến tất cả các nước trên thế giới, chung lòng hợp tác, có chương trình hành động thống nhất. Công việc phải được theo dõi, giải quyết bởi một quy trình khép kín, đồng bộ, không phải dăm ba năm mà phải hàng chục, hàng trăm năm. Vì vậy, ở thập niên 90 của thế kỷ này, 147 quốc gia đã nhóm họp Hội nghị thượng đỉnh về môi trường ở Bra-xin để suy ngẫm và bàn bạc, tìm ra phương thức cư xử với môi trường và khí hậu của trái đất. "Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu" đã được các nước thành viên ký kết. Việt Nam là một trong những nước sớm cam kết thực hiện công ước đó.

Vào cuối năm nay, Hội nghị thượng đỉnh thế giới về khí hậu dự kiến sẽ họp tại thành phố Ki-ô-tô (Nhật Bản). Nhân dịp này Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên (WWE) - một tổ chức phi chính phủ lớn nhất thế giới về bảo vệ thiên nhiên đã ra lời kêu gọi : "Tình trạng của khí hậu : Đã đến lúc phải hành động !"

2 – Biết hành động kịp thời và đúng đắn.

Việt Nam là một trong số ít nước thực hiện thí điểm chương trình huấn luyện về khí hậu, nhằm đẩy mạnh việc thực hiện "công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu" tại các nước đang phát triển. Những việc chúng ta cần làm là :

- Đẩy mạnh công tác trồng cây gây rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc, tham gia tích cực vào việc bảo tồn đa dạng sinh học.

- Tăng cường khai thác và sử dụng tốt các nguồn năng lượng ; lợi dụng thủy năng, gió, mặt trời ; có kế hoạch tái tạo, sử dụng tiết kiệm hợp lý các nguyên liệu, nhiên liệu trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, giao thông.

- Mở rộng mạng lưới quan trắc để theo dõi, phân tích sự biến đổi khí hậu trên toàn bộ vùng đất, vùng trời, vùng biển của nước ta.

- Tổ chức chỉ đạo tốt việc phòng chống và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Digitized by Google

Thực tế đối phó với cơn bão số 5 vừa qua đã cho chúng ta nhiều kinh nghiệm bổ ích :

Thứ nhất, công tác dự báo cơn bão và các thông tin về cấp gió bão, tốc độ, hướng di chuyển và dự kiến mức nước biển dâng cho các vùng ven biển phù hợp với diễn biến. Do bão hình thành, phát triển tăng cấp, di chuyển quá nhanh (với tốc độ 20 km/giờ), nên khi dự báo vị trí tâm bão phát đi thì tâm bão đã tiến sâu vào đất liền khoảng 50 km. Diễn biến từ lúc là áp thấp nhiệt đới thành bão gần, rồi bão khẩn cấp chỉ trong vòng 12 giờ.

Số tàu thuyền của ngư dân có trang bị nhận tin quá ít nên không kịp đối phó ; số tàu thuyền nhận được tin lại chưa có kinh nghiệm nên cấp tập lao về và neo đậu tập trung, khi bão đến gây va đập, dồn toa, tổn thất khá nặng nề.

Ban chỉ đạo phòng chống bão lụt Trung ương ngay từ đầu mùa mưa bão đã sớm có chủ trương và biện pháp chỉ đạo các địa phương phòng chống bão lụt. Lần này, trước cơn bão số 5, Ban đã chỉ đạo cụ thể, sát tình huống và do sự phục tùng nghiêm túc của các địa phương đã chuẩn bị phương án chống, sơ tán được hàng vạn dân, hạ thấp mức tổn thất. Phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, các ngành, với Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn kịp thời, ngay từ đêm 2-11-1997, với tinh thần "còn nước còn tát" các lực lượng liên tục cứu hộ đã lập công lớn, cứu hàng ngàn người khỏi tay thần chết.

Thứ hai, nhiều đồng chí lãnh đạo trong Bộ Chính trị, Chính phủ đã kịp thời xuống tận các địa phương bị bão chỉ đạo chặt chẽ việc khắc phục hậu quả, nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân. Đoàn đã xác định những nhiệm vụ cấp bách giúp các địa phương tháo gỡ khó khăn :

- Tiếp tục huy động các lực lượng tham gia vào việc tìm kiếm người mất tích ; tổ chức mai táng chu đáo người chết ; chăm lo thật tốt đối với người còn sống. Bằng nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước (50 tỉ đồng), tập trung mọi nỗ lực từ trung ương đến địa phương để cứu trợ người bị nạn một cách có hiệu quả. Các bộ, ngành có liên quan chỉ đạo và khẩn trương tổ chức việc trục vớt tàu thuyền bị đắm, hạn chế tối đa mức thiệt hại.

- Dành 40 tỉ đồng để sửa chữa ngay trường học, trạm y tế bị hư hỏng. Các bộ, ngành liên quan được phép tạm ứng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch 1998 cho các địa phương để bồi trúc đê điều trong tháng 11 và 12 năm 1997.

- Các ngân hàng nhà nước xem xét mức thiệt hại của dân về các mặt, khoanh nợ, dãn nợ và tiếp tục cho vay mới, đảm bảo đủ vốn để nhân dân nhanh chóng phục hồi sản xuất. Thực hiện miễn, giảm thuế nông nghiệp đối với vùng bị thiên tai.

- Nhà nước dành 2000 tỉ đồng với phương thức cho vay lãi suất thấp để đồng bào có tàu thuyền bị thiệt hại sau cơn bão, sửa chữa, mua sắm công cụ ngư lưới, đóng mới tàu thuyền, tiếp tục bám biển khai thác thủy sản.

- Trước đau thương, mất mát to lớn của Nam Bộ, khúc ruột cuối cùng của Tổ quốc, sáng 13-11-1997, tại Hội trường Ba Đình Hà Nội, Ban chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tổ chức lễ tưởng niệm đồng bào bị nạn và khẩn thiết ra lời kêu gọi "cả nước hướng về đồng bào bị nạn trong cơn bão số 5". Lời kêu gọi đã được đồng bào cả nước và bạn bè khắp nơi trên thế giới nhiệt liệt hưởng ứng. Những tấm lòng nhân hậu từ bốn phương đã ùa đến với Nam Bộ đau thương.

3 – Tình thương và sức mạnh cộng đồng.

Dân tộc ta có câu : "Qua cơn hoạn nạn mới hiểu lòng nhau !". Câu nói đó được đúc kết từ hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Câu nói đó đã được minh chứng trong máu lửa của những cuộc chiến tranh lâu dài và tàn khốc.

Digitized by Google

Ngày nay, trong hòa bình, cuộc sống mưu sinh của đồng bào qua những năm đất nước đổi mới đã khá lên, nhưng trước mắt vẫn còn bao nỗi vất vả, gian truân. Những tưởng hàng trăm năm nay trên mảnh đất này sóng yên biển lặng, không hề có bão tố. Ấy vậy mà phút chốc tai họa ập đến. Chỉ trong mấy tiếng đồng hồ, hàng trăm người mẹ mất con, người vợ mất chồng, anh em ly tán ; hàng ngàn tàu thuyền ngư lưới, của cải chắt chiu trong mồ hôi nước mắt tự nhiên biến mất. Ai mà không chua chát, xót xa.

Cuộc vật lộn với thiên tai dữ dội này đã tôi luyện tính độc lập, tự chủ, tự cường, tài thao lược, năng lực tổ chức khéo léo, chặt chẽ của chính quyền các địa phương bị nạn. Điều này đã được thực tế ghi nhận : ngay khi biển còn sóng to, gió lớn, các tỉnh đã lập tức tự tổ chức lực lượng cứu người trên biển. Huyện Côn Đảo huy động hàng chục tàu, tỉnh Cà Mau, Kiên Giang mỗi tỉnh xuất hàng trăm tàu. Chỉ sau hai ngày các nơi đã vớt được gần nghìn người trên biển. Sau khi cứu người, các địa phương lại nhanh chóng tổ chức ổn định ngay cuộc sống người bị nạn. Huyện Côn Đảo lo chỗ ở cho hàng ngàn người dân, cấp gạo, quần áo cho 500 người. Tỉnh Sóc Trăng lập ngay trạm cấp cứu, cứu sống kịp thời 37 người trôi dạt đang trong cơn nguy kịch. Tỉnh nào cũng thành lập Ban điều tra khắc phục hậu quả cơn bão và kêu gọi bà con trong địa phương đùm bọc cưu mang lẫn nhau.

Về phía Trung ương, trong bộn bề công việc trước Hội nghị thượng đỉnh các nước có sử dụng tiếng Pháp nhưng khi biết tin, Chính phủ đã lập tức cử đoàn công tác đặc biệt do một phó thủ tướng dẫn đầu đến Côn Đảo, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang. Đoàn trực tiếp chỉ đạo, chi tiền tức thời để các địa phương cứu trợ đồng bào.

Lời kêu gọi "Cả nước hướng về đồng bào bị nạn trong cơn bão số 5" của Trung ương đã khơi dậy một phong trào tương thân tương ái chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Những tấm lòng nhân nhủ tấm lòng : Một miếng khi đói bằng một gói khi no. Một con ngựa đau cả tàu ngậm cỏ. Lá lành đùm lá rách. Thương người như thể thương thân... Ngay khi chưa có lời kêu gọi của Trung ương, chỉ mới nghe tin qua các phương tiện truyền thông những ngày đầu, người Việt Nam ở nước ngoài, đồng bào các địa phương đã dồn dập gửi điện, gửi thư thăm hỏi, gửi tiền, gửi quà cứu trợ. Hệt như những năm thiên tai trước đây ở Hậu Lộc (Thanh Hóa), ở Sơn La, Lai Châu... đồng bào các tỉnh phía Nam đã lặn lội đường sá xa xôi đưa từng kiện quần áo, chăn màn ra giúp đồng bào miền Bắc bị nạn. Truyền thống nhân nghĩa thủy chung của người Việt Nam tác động ngay đến bạn bè thế giới. Ở Hội nghị thượng đỉnh các nước có sử dụng tiếng Pháp, nhiều nguyên thủ đã xúc động chia xẻ nỗi đau với dân tộc ta và sẵn sàng cứu giúp đồng bào các địa phương bị nạn. Đến khi có lời kêu gọi của Trung ương thì niềm xót thương chung đã biến thành hành động thống nhất. Chỉ trong ít ngày tổng số tiền và hàng hóa của các nơi quyên góp (kể cả bè bạn nước ngoài) ủng hộ đồng bào đã lên tới gần 40 tỉ đồng.

Tiền bạc dù lớn đến đâu cũng không bù đắp nổi những tổn thất to lớn của đồng bào. Nhưng đây là tấm lòng của cả nước, là chút tình động viên, an ủi làm dịu nỗi đau của người đang sống.

Chắc chắn các thế hệ cháu con sống giữa thế kỷ XXI sẽ nhớ ghi những năm tháng cuối cùng của thế kỷ XX, lịch sử đấu tranh với thiên tai của dân tộc ta có một trận bão thế kỷ và những bài học được khắc sâu từ cơn bão đó. Và chúng ta cũng hiểu rằng, với những biến động lớn lao về thời tiết diễn ra trên cả hành tinh, nước ta khó tránh khỏi sự tác động trực tiếp hay gián tiếp của những biến động đó. Hãy cảnh giác và luôn luôn sẵn sàng trong cuộc đấu tranh để phòng ngừa thiên tai, chống thiên tai và khắc phục hậu quả của thiên tai. ❑

Digitized by Google

CHỐNG BUÔN LẬU VÀ GIAN LẬN THƯƠNG MẠI - NHIỆM VỤ CẤP BÁCH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

PHAN VĂN MINH *

Buôn lậu (từ gốc tiếng La tinh là Contrabando) là hành vi buôn bán trái pháp luật qua biên giới những loại hàng hóa, ngoại tệ, kim khí, đá quý và những vật phẩm khác mà nhà nước cấm xuất khẩu và nhập khẩu, hoặc buôn bán hàng hóa nói chung qua biên giới mà trốn thuế, lậu thuế và trốn sự kiểm tra của hải quan. Buôn lậu hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả hành vi gian lận thương mại. Bởi vậy, kể cả những hành vi buôn bán trốn, lậu thuế những hàng hóa ở trong nước và những hàng hóa nhà nước cấm kinh doanh cũng được coi là hành vi buôn lậu. Do tính chất trục lợi và vi phạm pháp luật nên buôn lậu là một tệ nạn gây tác hại lớn đến nền kinh tế quốc dân và an ninh quốc gia, làm cho một số kẻ giàu lên nhanh chóng bằng thu nhập bất chính do trốn lậu thuế, hoặc buôn hàng quốc cấm, trong khi ngân sách nhà nước bị thất thu lớn, an ninh quốc gia bị xâm phạm. Buôn lậu còn gây ra tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, bóp chết các sản phẩm sản xuất trong nước. Vì thế, hành vi buôn lậu là loại tội phạm nghiêm trọng và phải chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 97 - Bộ Luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Những năm vừa qua, Chính phủ luôn coi công tác chống buôn lậu là một trong các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách và đã thường xuyên chỉ đạo một cách kiên quyết. Các lực lượng có chức năng chống buôn lậu như hải quan, công an, quản lý thị trường, bộ đội biên phòng... đã có nhiều cố gắng và đã thu được một số kết quả, như buôn lậu trên biển có giảm, buôn lậu gạo cơ bản được ngăn chặn v.v... Tuy nhiên, tình hình buôn lậu nói chung vẫn chưa giảm. Đặc biệt, trong 9 tháng đầu năm 1997, hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại có chiều hướng gia tăng với những thủ đoạn vừa tinh vi, vừa táo bạo. Thêm vào đó lại còn có sự móc nối giữa trong nước với nước ngoài và sự tiếp tay của một số phần tử thoái hóa, biến chất trong bộ máy quản lý nhà nước, đặc biệt là ở ngay trong các lực lượng chống buôn lậu. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, trong đó có cả của quân đội, công an, đơn vị kinh tế đảng, đoàn thể... cũng trực tiếp tham gia buôn lậu hoặc gián tiếp trở thành "chỗ dựa", chỗ núp bóng cho bọn buôn lậu. Do đó, công tác chống buôn lậu lại càng trở nên gay go và quyết liệt. Trong thời gian vừa qua tuy chúng ta đã phát hiện ra nhiều vụ buôn lậu, gian lận thương mại, nhưng cũng mới chỉ dừng lại ở các vụ nhỏ lẻ, chưa thọc sâu vào những ổ buôn lậu và gian lận thương mại lớn, có quy mô và có sự móc nối phức tạp với nhiều quan chức nhà nước.

Thực tế mấy năm qua, cũng như kinh nghiệm của nhiều quốc gia cho thấy đấu tranh chống tệ nạn buôn lậu đòi hỏi phải có sự chỉ đạo chặt chẽ, kiên quyết, không được chậm trễ và phải tạo được yếu tố bất ngờ. Trong hai tháng 8 và 9 năm 1997, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ, lực lượng chống buôn lậu của Tổng cục Hải quan đã phối hợp với lực lượng an ninh kinh tế của Bộ Nội vụ tiến hành kiểm tra những đối tượng có nghi vấn buôn lậu và gian lận thương mại. Kết quả thu được thật là bất ngờ và đáng được nghiên cứu để rút kinh nghiệm trong thời gian tới. Cụ thể là :

- Ngày 22-8-1997, kiểm tra 10 con-te-nơ nằm ở cảng Phước Long và Tân Cảng, trong đó có 8 con-te-nơ mang tên người nhận là Công ty dịch vụ thủy sản Tiền Giang. Hồ sơ chứng từ hàng hóa khai là hạt nhựa PE (thuế suất 0%), nhưng kết quả kiểm tra thực tế là hàng điện tử và hàng tiêu dùng như

* Vụ I - Văn phòng Chính phủ

Digitized by Google

ti-vi, ra-đi-ô cát-xét, đầu vi-đi-ô, tủ lạnh, băng cát xét trắng v.v... là những hàng có thuế suất cao (40% - 60%). Tổng trị giá lô hàng 8 con-te-nơ nói trên là khoảng 14 tỉ đồng (gồm cả thuế nhập khẩu) ; còn 2 con-te-nơ nữa là của Công ty thương mại Hòa Bình - Vĩnh Long, theo khai báo là sợi polyester 100% (thuế suất 0%), kiểm tra thực tế là 7 579 kg bánh bích quy RITS BITS SANDWICH (thuế suất 60%), trị giá lô hàng lên tới 25 000 USD.

- Ngày 9-9-1997 kiểm tra thêm 6 con-te-nơ tại cảng Sài Gòn với tổng trị giá lô hàng khoảng 7 tỉ đồng Việt Nam. Trong đó Công ty thương mại Hòa Bình - Vĩnh Long nhập 2 con-te-nơ khai báo là sợi polyester và máy hàn, máy thủy (thuế suất 0%), thực nhập là hàng điện tử và mỹ phẩm (có thuế suất cao), trị giá lô hàng hơn 4,5 tỉ đồng. Công ty CATACO - Cần Thơ, nhập 1 con-te-nơ khai là sợi polyester (thuế suất 0%), thực kiểm tra là hàng điện tử đã qua sử dụng có thuế suất cao, trị giá lô hàng hơn 1 tỉ đồng v.v...

- Ngày 25-9-1997, tại cảng TP Hồ Chí Minh, kiểm tra 6 con-te-nơ, đứng tên trên bảng kê khai hàng hóa (manifest) hàng gửi về là Công ty thương mại Hòa Bình - Vĩnh Long, theo khai báo là tủ lạnh (thuế suất 30 - 40%) nhưng thực kiểm tra toàn bộ là hàng ti vi, đầu vi-đi-ô, cát-xét (thuế suất 60%), trị giá lô hàng khoảng 6 tỉ đồng.

Cũng trong thời gian này, Tổng cục An ninh - Bộ Nội vụ phối hợp với lực lượng quản lý thị trường TP Hồ Chí Minh và An ninh,Quân đội tiến hành kiểm tra 15 điểm kho hàng của một số tư nhân và Công ty trách nhiệm hữu hạn phát hiện hàng nhập khẩu không có giấy tờ hợp pháp, phần lớn là hàng điện tử, trị giá số hàng tịch thu ngoài cảng cũng gần tương đương số hàng tịch thu trong cảng.

Trong số 15 điểm kho trên có 8 kho thuộc quân đội quản lý và 5 kho của công an. Kiểm tra trụ sở của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Trường Sanh tại địa điểm 594 Lê Hồng Phong, Quận 10, là nơi ở, nơi làm việc của Trần Quang Hữu - Tổng giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Trường Sanh, đã phát hiện và thu giữ nhiều tài liệu liên quan đến việc nhập lậu hàng hóa và một số lớn vàng, tiền Việt Nam, đô la Mỹ...

Kiểm tra kho hàng cũng của Công ty Tân Trường Sanh tại Z751, 557A Nguyễn Tri Phương, 295 Cách mạng Tháng Tám, cho thấy trong đó chứa một số lượng lớn tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, đầu máy ô tô, máy giặt, bếp ga, ti-vi v.v... Riêng cửa hàng 95 đường 3-2 thì hàng hóa bán tại đây là hàng của Công ty Thái Bình Dương, Công ty Đông Hải, Công ty lâm đặc sản xuất nhập khẩu Thừa Thiên - Huế và Công ty trách nhiệm hữu hạn Trần Thế cung cấp.

Công ty Tân Trường Sanh có quy mô hoạt động lớn, có 6 kho hàng lớn, 3 cửa hàng, 1 siêu thị và 5 căn nhà. Hiện nay Công ty đang dự trữ ở các kho một lượng hàng hóa ngoại nhập rất lớn, không có chứng từ chứng minh rõ ràng, hoặc không có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh là hàng nhập hợp pháp. Đáng chú ý là khi thi hành công vụ tại các kho này đoàn kiểm tra đã phát hiện nhiều tài liệu bị hủy một cách vội vàng và có dấu hiệu hàng hóa bị tẩu tán...

Qua đợt tập trung lực lượng đánh bất ngờ và đánh trúng vào các đường dây buôn lậu lớn đã có tác động tích cực đến tình hình sản xuất, lưu thông hàng hóa trong nước, nhất là hàng điện tử, điện máy. Đây là những mặt hàng, theo như phân tích của các nhà kinh tế, thì sản xuất trong nước đang bị bóp chết dần vì hàng buôn lậu tràn vào dưới đủ các hình thức tinh vi, mà một thời các cơ quan chức năng chống buôn lậu tưởng chừng như bất lực. Vì vậy, chỉ sau một đợt tấn công dứt điểm vừa qua, với thời gian kiểm tra phát hiện trong mấy ngày, chặn được các nguồn hàng buôn lậu, đã làm cho các mặt hàng điện tử do các xí nghiệp trong nước lắp ráp, sản xuất được tiêu thụ nhanh, giá cả tăng và hàng ngàn công nhân lao động lại có việc làm với thu nhập khá.

Qua những trường hợp cụ thể trên, bước đầu chúng tôi có một số nhận xét như sau :

1 - Buôn lậu và gian lận thương mại rõ ràng là hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Sự tồn tại của chúng trước hết bắt nguồn từ tình trạng thiếu nghiêm minh của công tác thi hành pháp luật, sự sa sút về đạo đức, kỷ luật, kỷ cương của chính ngay đội ngũ cán bộ của các cơ quan công quyền, hành pháp. Họ bị đồng tiền làm lóa mắt, đi đến chỗ ăn hối lộ, dung túng và móc nối với các đường dây buôn lậu để vụ lợi cá nhân, chà đạp lên kỷ cương phép nước, bất chấp những nguy hại của tệ nạn buôn lậu và gian lận thương mại.

2 - Buôn lậu, gian lận thương mại đã có từ nhiều năm nay, nhưng gần đây, nhất là từ đầu năm 1997, lại nổi lên tình trạng gian lận thương mại lớn với thủ đoạn hết sức tinh vi. Núp dưới danh nghĩa nhập

Digitized by Google

khẩu mặt hàng sản xuất gia công (hạt nhựa, sợi polyester...) do Chính phủ ta có chủ trương khuyến khích, với thuế suất thấp, nhưng thực tế bọn buôn lậu lại nhập hàng điện tử, hàng mỹ phẩm, hàng tiêu dùng cao cấp có thuế suất cao từ 50 - 60%, nhằm mục đích trốn thuế. Thực tế càng chứng tỏ gian lận thương mại là một dạng buôn lậu "ngang nhiên" bất chấp các cơ quan chức năng.

3 - Đối tượng buôn lậu phần lớn là tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn có sự thông đồng hoặc núp bóng các công ty quốc doanh, các tổ chức kinh tế đảng, tổ chức kinh tế thuộc Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng... tạo vỏ bọc khá dầy, có "uy thế" để đánh lừa, "qua mặt" các lực lượng kiểm soát, lực lượng chống buôn lậu. Bọn buôn lậu thường thuê kho của quân đội, của công an để cất giấu hàng buôn lậu, được bảo vệ chu đáo. Kho được bố trí tinh vi, có nhiều lối đi, khi bị phát hiện họ có thể tẩu tán hàng hóa nhanh chóng, thậm chí có những hành vi hết sức trắng trợn như đánh tráo con-te-nơ, dùng kẹp chì giả để đánh lừa cơ quan quản lý nhà nước ; ủy thác cho một số đơn vị làm kinh tế của các cơ quan và tổ chức kinh tế của nhà nước, đứng ra tổ chức bán buôn, bán lẻ hàng hóa cho các tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn ; dùng hóa đơn đỏ để hợp pháp hóa hàng buôn lậu.

4 - Có sự móc nối giữa trong nước với nước ngoài : bên ngoài gửi hàng về, thỏa thuận hình thức hợp đồng, chuyển hàng, phương thức thanh toán, và nếu hàng đi lọt qua cảng về kho an toàn, thì coi như hoàn thành vụ buôn lậu. Nếu có trục trặc, thì fax thư "xin lỗi" do gửi nhầm hàng và xin cơ quan có thẩm quyền cho phép tái xuất về nơi gửi. Thông qua một số doanh nghiệp nhà nước để nhập ủy thác hàng cho tư nhân, hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn lợi dụng danh nghĩa để lũng đoạn doanh nghiệp nhà nước.

5 - Có biểu hiện hữu khuynh, cố tình bao che và chạy tội cho buôn lậu. Ví dụ sau khi 6 con-te-nơ của Công ty dịch vụ thủy sản Tiền Giang bị phát hiện và bắt giữ, phía nước ngoài (Xin-ga-po) đã fax sang "xin lỗi", xin lại hàng do gửi nhầm. Cơ quan quản lý nhà nước lại đồng ý cho phép tái xuất, tỉnh ủy và ủy ban nhân dân địa phương lại xác nhận và đề nghị Tổng cục Hải quan cho tái xuất.

6 - Bọn buôn lậu móc nối với một số cán bộ hải quan, đại lý hãng tàu và một số lực lượng khác tiếp tay cho buôn lậu để đưa hàng gian lận thương mại đi trót lọt ra bên ngoài, chui vào các kho an toàn và bán ra thị trường. Mặc dù số người vi phạm chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ, nhưng vì bọn này nằm trong các lực lượng chức năng, làm nội ứng, tạo thuận lợi cho bọn buôn lậu đưa hàng lậu ra khỏi cảng trốn lậu thuế. Thực chất đây là những đường dây buôn lậu có tổ chức chặt chẽ, có kinh nghiệm đối phó khi bị phát hiện. Tổng cục An ninh - Bộ Nội vụ đang phối hợp chặt chẽ với Tổng cục Hải quan để xác định những cá nhân vi phạm trong các vụ án này.

Tình hình trên cho thấy, nếu không kịp thời ngăn chặn, trừng trị nghiêm khắc các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, thì diễn biến tình hình sẽ ngày càng xấu, sản xuất trong nước sẽ bị bóp chết, thị trường sẽ bị một số tư bản mới lũng đoạn, nhiều cán bộ đảng viên bị thoái hóa, nhân dân sẽ mất lòng tin, trong khi nhà nước thì thất thu một lượng lớn tiền thuế. Đó là chưa kể đến những loại hàng hóa quốc cấm đang đe dọa đến đạo đức và an ninh của quốc gia, như ma túy, tranh, phim ảnh đồi trụy...

Từ thực tế trên, để chống buôn lậu và gian lận thương mại có hiệu quả, theo chúng tôi, trước mắt cần có những giải pháp lớn và đồng bộ, như sau :

Thứ nhất, phải thống nhất quan điểm rằng chống buôn lậu và gian lận thương mại cũng là để góp phần phát triển sản xuất, tăng trưởng kinh tế. Do đó, việc chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại cũng phải được duy trì thường xuyên, nhất quán từ trên xuống dưới. Trước hết phải tập trung lực lượng tiến hành tổng kiểm tra đồng loạt hàng hóa đang làm thủ tục xuất, nhập khẩu tại các cảng biển cửa khẩu và hàng hóa nhập lậu đang lưu thông trên thị trường nội địa theo tinh thần Chỉ thị số 853/1997/CT - TTg ngày 11-10-1997 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện Chỉ thị 701/TTg của Thủ tướng Chính phủ về chống buôn lậu trên biển. Huy động tối đa lực lượng, phương tiện của các lực lượng chống buôn lậu nhằm tập trung đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả đối với các hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại.

Thứ hai, tiến hành kiểm tra toàn diện các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu. Ngừng làm thủ tục xuất nhập khẩu đối với những doanh nghiệp có hành vi buôn lậu, gian lận thương mại. Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và lãnh đạo các bộ, ngành có các đơn vị làm kinh tế phải chủ động kiểm tra, rà soát lại các đơn vị xuất, nhập khẩu thuộc quyền quản lý và phải có biện pháp xử lý

Digitized by Google

nghiêm minh đối với các tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp buôn lậu hoặc tiếp tay cho buôn lậu.

Thứ ba, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về tình hình buôn lậu tại địa phương và phải đích thân chỉ đạo, tổ chức phối hợp các lực lượng (Hải quan, Bộ đội biên phòng, Công an, quản lý thị trường, thuế vụ và các chủ tịch huyện) trong công tác đấu tranh chống buôn lậu, tạo mọi điều kiện cần thiết để các lực lượng chống buôn lậu của trung ương hoàn thành nhiệm vụ.

Thứ tư, rà soát và thanh lọc ngay đối với lực lượng kiểm tra, kiểm soát chống buôn lậu, chống gian lận thương mại để đội ngũ này thực sự có trình độ nghiệp vụ, trong sạch, vững mạnh. Tăng cường các loại phương tiện kỹ thuật cho các lực lượng chống buôn lậu, nhất là những phương tiện kỹ thuật kiểm tra, kiểm soát hàng trong con-te-nơ qua các cảng lớn.

Thứ năm, sửa đổi bổ sung khung hình phạt theo hướng nâng mức hình phạt đối với các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại lớn và các vụ buôn lậu có tổ chức.

Thứ sáu, đẩy mạnh sản xuất trong nước, đầu tư công nghệ mới để sản xuất các mặt hàng có chất lượng cao phục vụ cho xuất khẩu và có khả năng cạnh tranh với hàng ngoại nhập, dần dần đáp ứng và chiếm lĩnh thị trường trong nước và vươn ra thị trường ngoài nước.

Thứ bảy, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền cho toàn thể cán bộ, nhân dân về sự nguy hại của nạn buôn lậu ; tổ chức vận động quần chúng không tham gia tiếp tay buôn lậu dưới mọi hình thức ; đồng thời sắp xếp tạo công ăn việc làm, bảo đảm đời sống của nhân dân ở các vùng biên giới.

*

Yêu cầu của cuộc đấu tranh chống buôn lậu đòi hỏi công tác này phải được tiến hành một cách cấp bách, nhưng thường xuyên, với một thái độ kiên quyết và sự phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng chức năng, sự chỉ đạo sát sao, cụ thể của các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp. Tổ chức thực hiện tốt chỉ thị 853/1997/CT - TTg ngày 11-10-1997 của Thủ tướng Chính phủ, nhất định chúng ta sẽ tạo được chuyển biến tích cực trên mặt trận "nóng bỏng" này.❑

TÌNH HÌNH CÔNG NHÂN VÀ CÔNG ĐOÀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

VŨ KHANG *

I- Công nhân ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phần đông là trẻ tuổi, có sức khỏe, có văn hóa khá hơn công nhân ở các khu vực khác. Tổng liên đoàn lao động Việt Nam đã tiến hành điều tra xã hội học vào thời điểm tháng 3 - 1996 , với 5 303 phiếu ở các loại hình doanh nghiệp ; kết quả cho thấy : Ở các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, công nhân có lứa tuổi dưới 25 chiếm 43,42%, từ 26 đến 35 tuổi 34,65%, từ 36 đến 45 tuổi 14,04%. Tương ứng với cách phân chia ấy, ở các xí nghiệp quốc doanh là : 16,58%, 39,72%, 30,75% ; ở các xí nghiệp ngoài quốc doanh là : 24,14%, 33,58%, 23,23%. Khu chế xuất TP Hồ Chí Minh hầu hết công nhân có tuổi đời từ 18 đến 25. Công ty trách nhiệm hữu hạn đèn hình ORION - HANEL trong số 1 350 công nhân thì 90% độ tuổi từ 18 đến 25. Về trình độ văn hóa, ở các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài công nhân tốt nghiệp phổ thông trung học là 33,33%, trung cấp chuyên nghiệp là 14,91%, đại học là 7,02% ; tương ứng với cách phân chia như vậy, ở các xí nghiệp quốc doanh là : 32,25%, 14,01%, 4,38% ; ở xí nghiệp ngoài quốc doanh là : 26,13%, 6,72%, 2,90%. Ở công ty đèn hình ORION - HANEL công nhân tốt nghiệp phổ thông trung học chiếm 71%. Với đặc điểm như trên, công nhân ở khu vực các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nhiều thuận lợi trong việc tiếp thu khoa học, công nghệ mới,

* Ủy viên Ban chấp hành Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam

Digitized by Google

nâng cao năng suất lao động cũng như rèn luyện kỷ luật của lao động công nghiệp hiện đại. Do đặc thù của các doanh nghiệp này, quan hệ chủ - thợ rất rõ nét ; giới chủ luôn hướng đến lợi nhuận tối đa, dẫn đến không ít các doanh nghiệp quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động bị vi phạm. Cụ thể như tiền công, tiền lương trả chưa thỏa đáng, có nơi còn thấp hơn quy định tối thiểu của Nhà nước, thời gian cũng như cường độ lao động căng thẳng, điều kiện lao động chưa bảo đảm. Điều tra 14 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, thì tất cả 14 doanh nghiệp này yếu tố vệ sinh công nghiệp đều ở mức rất thấp, vượt quá tiêu chuẩn cho phép, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp gia tăng. Ở TP Hồ Chí Minh từ năm 1991-1996 đã có trên 120 vụ tai nạn lao động, làm 143 người chết và trên 40 người bị thương tật. Nhiều chính sách khác như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... chưa được thực hiện tốt. Một số doanh nghiệp, người quản lý còn đối xử thô bạo, xúc phạm đến nhân phẩm người lao động. Việc ký kết hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể chưa được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Luật lao động. Tình hình trên dẫn đến mâu thuẫn chủ - thợ và các cuộc đình công, lãn công ngày càng gia tăng. Từ năm 1989 đến tháng 6-1997, cả nước đã xảy ra trên 200 vụ đình công. Riêng 6 tháng đầu năm 1997 đã có 38 vụ đình công, trong đó 76% các vụ xảy ra ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp tư nhân.

Đến nay, cả nước mới thành lập được 485 tổ chức công đoàn cơ sở ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Công đoàn cơ sở ở đây hoạt động có nhiều khó khăn, song đã cố gắng hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, hướng đến bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của người thợ. Ở một số doanh nghiệp, quan hệ lao động đã được cải thiện... Tuy vậy, việc thành lập công đoàn ở khu vực này đạt tỷ lệ còn thấp, mới có 60,5% doanh nghiệp có đủ điều kiện thành lập công đoàn và mới thu hút được 58,75% lao động vào công đoàn. Nội dung và phương pháp hoạt động của công đoàn cơ sở còn nhiều lúng túng, quyền và trách nhiệm chưa được thực hiện theo quy định của pháp luật. Vai trò và vị trí của công đoàn trong doanh nghiệp chưa được thể hiện rõ, còn mang tính hình thức. Đoàn viên công đoàn chưa thực sự gắn bó với tổ chức của mình, không ít công nhân chưa muốn vào công đoàn. .. Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên chủ yếu do tổ chức công đoàn chưa có phương pháp hoạt động phù hợp, đáp ứng đúng những đòi hỏi mang tính đặc thù của khu vực này. Trình độ, năng lực cán bộ công đoàn còn hạn chế, chưa có kinh nghiệm hoạt động. Hơn nữa, không ít cán bộ công đoàn hoạt động kiêm nhiệm, bản thân họ là người thợ, là người làm hợp đồng, việc làm, đời sống của họ đang phụ thuộc vào người sử dụng lao động. Vì thế muốn thực hiện tốt chức năng của mình, họ cũng gặp không ít khó khăn. Đã có những cán bộ công đoàn bị giới chủ gây phiền phức và có người đã bị sa thải. Trong khi đó, những giải pháp để bảo vệ cán bộ công đoàn cũng còn đang bỏ ngỏ.

Mục tiêu chủ yếu của các nhà đầu tư nước ngoài là hiệu quả kinh doanh, là lợi nhuận. Do vậy, mọi vấn đề họ đề ra, xử lý đều xoay quanh mục tiêu đó. Vì thế không tránh khỏi những mâu thuẫn giữa họ với công nhân và công đoàn. Giải quyết những mâu thuẫn này, một số giới chủ có thái độ mềm dẻo, linh hoạt. Song cũng không ít tìm đến những giải pháp, thậm chí những thủ đoạn tăng lợi nhuận của mình bằng cách giảm lợi ích của người lao động, mua chuộc, đối xử không bình đẳng với công nhân nhằm chia rẽ, phân hóa đội ngũ công nhân, gây khó khăn cho hoạt động của công đoàn, làm cho công nhân thiếu một chỗ dựa tin cậy...

II - Phân tích thực trạng công nhân và công đoàn trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hiện nay, có thể rút ra một số vấn đề có tính kinh tế - chính trị là :

1 - Người công nhân làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trước hết là người làm thuê, sức lao động của họ được trả theo cơ chế thị trường, theo quan hệ cung cầu về lao động. Quan hệ của họ với người sử dụng lao động chủ yếu là quan hệ chủ - thợ. Họ đi làm ở đây với mục đích chủ yếu là kiếm sống. Do vậy, nhận thức của họ về giai cấp còn hạn chế. Có người cho rằng, công nhân làm việc ở đây chỉ là người làm thuê. Nhìn ở một góc độ nào đó, thì có thể là như vậy. Song trong điều kiện nước ta, xét trên bình

Digitized by Google

diện rộng và trên nhiều góc độ, thì người công nhân ở đây vừa là người làm thuê, vừa là người làm chủ. Họ là người lao động trong một đất nước độc lập, tự do, trong một xã hội mà chính quyền là của nhân dân lao động, nhân dân làm chủ vận mệnh đất nước mình, trong đó có họ. Người công nhân ở đây khác với người công nhân làm thuê trong các nước tư bản - nơi mà chính quyền, nhà nước thuộc về giai cấp tư sản. Ngay mối quan hệ chủ - thợ ở đây cũng khác ở các nước tư bản. Giới chủ ở đây phải chịu sự chi phối, điều tiết của Nhà nước ta. Họ không thể và không được làm những điều mà pháp luật và Bộ Luật lao động của nước ta nghiêm cấm. Trong phạm vi doanh nghiệp, người công nhân thực hiện quyền làm chủ của mình qua việc ký hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể với giới chủ và làm chủ thông qua người đại diện của mình là tổ chức công đoàn. Người công nhân hoàn toàn làm chủ sức lao động của mình ; giá cả sức lao động được trả cao hay thấp phụ thuộc vào số lượng, chất lượng của nó, cũng như quan hệ cung cầu về lao động, song cũng phải được người lao động thỏa thuận. Vì vậy, để có điều kiện làm chủ, người công nhân phải thường xuyên quan tâm nâng cao chất lượng lao động của mình về mọi mặt. Nắm được kỹ thuật, làm chủ công nghệ, điều này sẽ giúp công nhân làm chủ được sản phẩm họ làm ra, đồng thời tạo ra cơ sở, tạo ra sức mạnh để họ đấu tranh với giới chủ.

Tóm lại, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, do Đảng ta lãnh đạo, người công nhân làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc của tư nhân, không phải đơn thuần họ chỉ là người làm thuê, mà họ cần có và phải được Đảng, Nhà nước tạo điều kiện thông qua các chính sách, các quy định của luật pháp để thực hiện quyền làm chủ của mình. Nhà đầu tư phải thấy rõ đặc điểm này để tôn trọng quyền làm chủ của công nhân, phải hướng đến sự hài hòa giữa các lợi ích. Người công nhân cũng như tổ chức công đoàn phải thấy rõ vai trò, vị trí của mình, đấu tranh để có được quyền làm chủ và vươn lên thực hiện quyền làm chủ ấy.

2 - Đầu tư phát triển phải đi cùng với chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân, đối với người lao động. Hiện nay, đầu tư nước ngoài chủ yếu tập trung ở một số vùng, một số tỉnh, thành phố có điều kiện. Đó cũng là tất yếu. Song nó cũng đang đứng trước sức ép về sự di chuyển lao động, về hạ tầng cơ sở, về môi trường... Bởi vậy, Nhà nước cần có chính sách điều tiết, thu hút đầu tư nước ngoài vào một số vùng nông thôn, miền núi thông qua các chính sách như đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của Nhà nước, chính sách miễn giảm thuế, cũng như tạo điều kiện thuận lợi về đất đai cho các nhà đầu tư nước ngoài. Có những vùng, những khu vực phải lấy mục tiêu hàng đầu là giải quyết việc làm cho người lao động, những mục tiêu khác được xem xét một cách hợp lý hoặc cần thiết có thể không đặt ra. Phân bố đầu tư một cách hợp lý trên các vùng của đất nước sẽ tạo điều kiện cho sự phát triển đồng đều, sự phân bố lao động tốt hơn, môi trường thiên nhiên được giữ gìn bảo vệ khá hơn và cũng là một giải pháp quan trọng thực hiện công nghiệp hóa và phát triển kinh tế nông thôn.

Song song với chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư nước ngoài, Nhà nước cần có một hệ thống chính sách xã hội với công nhân ở khu vực này. Trước hết và quan trọng nhất là việc làm và tiền công. Mất việc làm, và bị sa thải đối với công nhân ở đây có nguy cơ nhiều hơn ở các khu vực khác. Do vậy, Nhà nước cần kiểm soát chặt chẽ việc sa thải công nhân, có quy định cho các chủ doanh nghiệp phải xây dựng một quỹ trợ giúp mất việc làm, trong đó Nhà nước có thể hỗ trợ một phần. Song, cái chính là phải có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư ổn định việc làm cho công nhân, cũng như tạo thêm được chỗ làm việc mới. Về tiền công, tiền lương Nhà nước chỉ nên đưa nguyên tắc chung, giới hạn tối thiểu, còn để chủ doanh nghiệp chủ động trong việc trả công, trả lương cho công nhân theo sự thỏa thuận giá cả sức lao động trên thị trường chung. Tiền lương tối thiểu cũng cần được nghiên cứu một cách chu đáo trên nhiều yếu tố. Song cái chính là dựa trên mặt bằng sức sống của xã hội Việt Nam (theo hướng ngày một tăng, do sự tăng trưởng kinh tế) và đặc thù lao động của khu vực này. Hiện nay có hiện tượng là giới chủ trả lương cho công nhân chủ yếu theo lương tối thiểu, mà chưa gắn tiền lương với hiệu quả kinh doanh của xí nghiệp. Kết quả là

Digitized by Google

giới chủ thu được nhiều lợi nhuận hơn, còn công nhân chưa được trả công tương xứng với sức lao động của họ bỏ ra. Nên chăng, Nhà nước cần có quy định thêm về mức thu nhập bình quân của các doanh nghiệp ở khu vực này. Ngoài ra, Nhà nước cần quan tâm đến một số vấn đề xã hội của công nhân như : nhà ở, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... theo hướng giới chủ phải có trách nhiệm phần chính, công nhân đóng góp, Nhà nước hỗ trợ một phần. Hiện nay có không ít công nhân làm ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, phải thuê nhà ở theo giá thị trường tự do. Sau khi trừ đi các khoản, thu nhập còn lại của họ chẳng được bao nhiêu, cuộc sống gặp nhiều khó khăn.

3 - Theo quy định của pháp luật, quyền hạn và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn là rõ ràng và nặng nề, không dễ gì thực hiện được, nếu tổ chức công đoàn không xác định rõ những nội dung và phương pháp hoạt động phù hợp. Với đặc thù ở khu vực này, công đoàn không thể coi nhẹ các chức năng bảo vệ người lao động theo các quy định của pháp luật. Muốn vậy cần tập trung vào những nội dung chủ yếu sau :

Một là, phải bằng nhiều biện pháp, nhiều hình thức tập hợp được người lao động xung quanh mình, gây ảnh hưởng tốt của tổ chức công đoàn đến đông đảo lao động trong doanh nghiệp. Có thể họ không là đoàn viên công đoàn, song vẫn ủng hộ công đoàn, hạn chế được những lực lượng đứng về giới chủ để phản đối, gây khó khăn cho công đoàn. Sức mạnh của công đoàn bắt nguồn từ sức mạnh của công nhân. Không tập hợp được họ, công đoàn sẽ suy yếu và nhiều khi bị vô hiệu hóa, mất đi vai trò của mình. Do vậy, việc tập hợp được lực lượng, nắm được lực lượng là nội dung sống còn của tổ chức công đoàn. Trên cơ sở tập hợp được công nhân, công đoàn cần tổ chức, giáo dục nâng cao ý thức giác ngộ giai cấp, lòng tự hào dân tộc, tình đoàn kết... làm cơ sở cho việc giúp đỡ lẫn nhau, bảo vệ lẫn nhau khi giới chủ có những vi phạm đến lợi ích của họ.

Hai là, công đoàn phải chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của công nhân : giúp công nhân ký được hợp đồng lao động, đại diện cho họ ký thỏa ước lao động tập thể - coi đó là những cơ sở pháp lý rất quan trọng để đấu tranh với giới chủ bảo vệ lợi ích hợp pháp của công nhân. Việc đấu tranh bảo vệ lợi ích cho người lao động cần được thực hiện theo từng bước, theo những cấp độ khác nhau và phải đúng luật. Khi cần thiết và đủ điều kiện phải lãnh đạo công nhân đình công, lãn công. Đây là giải pháp sau cùng, song nó có sức mạnh ; khi cần, phải chủ động sử dụng nó. Nói như vậy không có nghĩa là khuyến khích việc đình công, lãn công, mà phải đình công theo đúng quy định của pháp luật, tức là đình công một cách hợp pháp. Mặt khác, Nhà nước cần nghiên cứu sửa những quy định không hợp lý về trình tự, thủ tục đình công, tạo cho công nhân và công đoàn thực hiện quyền đình công của mình một cách đúng luật.

Ba là, công đoàn phải tạo mọi điều kiện, khi cần phải đấu tranh với giới chủ, để giúp công nhân học tập nâng cao trình độ văn hóa, tay nghề, đặc biệt là nắm được những kiến thức tiên tiến về quản lý, về tổ chức lao động, về kỹ thuật và công nghệ mới, vươn lên làm chủ được quá trình sản xuất của xí nghiệp.

Về phương pháp hoạt động, công đoàn phải thực sự sáng tạo, linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp với những yêu cầu, đòi hỏi hợp lý của nhà đầu tư, của giới chủ ; mặt khác phải phù hợp với trình độ, nhận thức, cũng như những điều kiện của người lao động. Hoạt động của công đoàn chỉ có hiệu quả khi thực hiện đúng luật và được sự đồng tình, hưởng ứng của đông đảo đoàn viên, công nhân lao động. Tuy vậy, trong mối quan hệ với giới chủ, công đoàn cần cố gắng giảm sự đối đầu với họ, vì sự đối đầu sẽ làm cho quá trình thương lượng đạt hiệu quả thấp. Nói vậy không có nghĩa là thỏa hiệp, mà vẫn phải đấu tranh trên cơ sở giữ những nguyên tắc cơ bản. Phương pháp thì mềm dẻo, linh hoạt nhằm đạt được những mục tiêu của công đoàn. Cán bộ công đoàn là khâu quyết định. Họ phải là người có trình độ, có năng lực, am hiểu pháp luật, và nếu biết ngoại ngữ càng tốt. Đồng thời, họ phải nhiệt tình, có bản lĩnh và gắn bó với đời sống của người lao động. Để có những cán bộ công đoàn như vậy, Đảng, Nhà nước, tổ chức công đoàn phải chăm lo, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng và phải có chính sách thỏa đáng đối với họ, bảo vệ họ trong những lúc khó khăn, vướng mắc. ❑

Digitized by Google

HÒA BÌNH, MỤC TIÊU ĐẤU TRANH CAO CẢ, BỨC THIẾT CỦA THỜI ĐẠI

TRẦN TRỌNG

Chỉ còn chưa đầy ngàn ngày nữa, nhân loại sẽ bước sang thiên niên kỷ mới.

Gần đây, trên các phương tiện truyền thông đại chúng, nhiều thành tựu mới nhất trong khoa học - kỹ thuật và công nghệ được công bố. Nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế đang gấp rút hoạch định và triển khai nhiều chương trình đồ sộ về hợp tác khoa học, về liên kết kinh tế theo nhiều qui mô khu vực hóa, toàn cầu hóa rộng lớn. Tại nhiều diễn đàn người ta không tiếc lời cầu nguyện cho hòa bình. Tất cả đang hứa hẹn mang lại cho hành tinh một kỷ nguyên hòa bình, phồn vinh, tốt đẹp nhất.

Nhưng, thế giới bước vào thế kỷ XXI sẽ ra sao ? Còn chiến tranh hay là có hòa bình ? Và liệu có những đối sách và biện pháp gì hữu hiệu để đối phó với các kiểu loại chiến tranh và giữ vững hòa bình ? Nhiều nhà nghiên cứu khoa học đang bị cuốn hút vào các đề tài thực tiễn nóng bỏng đó.

CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH

Hòa bình và chiến tranh là hai trạng thái đối lập nhau thường xảy ra kế tiếp trong đời sống xã hội loài người. Một số công trình nghiên cứu tổng kết cho thấy : Trong khoảng 5 164 năm (kể từ 3 200 năm trước công nguyên đến năm 1964 sau công nguyên) lịch sử nhân loại đã có 14 513 cuộc chiến tranh lớn, nhỏ. Tính trung bình, cứ mỗi năm có 2,8 cuộc chiến tranh. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, đấu tranh cho hòa bình trở thành nhiệm vụ chung cấp bách của tất cả các quốc gia, dân tộc. Nhưng cũng từ đó đến năm 1990, nghĩa là gần suốt cuộc "chiến tranh lạnh", trên thế giới đã có 138 cuộc chiến tranh. Tính ra, trung bình mỗi năm có 3,14 cuộc.

"Chiến tranh lạnh" kết thúc, yêu cầu hòa bình càng cấp bách hơn. Theo thống kê của một số trung tâm nghiên cứu, chỉ trong vòng 6 năm trở lại đây, trên thế giới đã xảy ra 49 cuộc chiến tranh cục bộ và xung đột vũ trang, nghĩa là tính trung bình mỗi năm có trên 8 cuộc, gấp hơn 2,5 lần trước đó.

Từ những tổng kết trên cho thấy, càng vào giai đoạn cuối thiên niên kỷ thứ 2, theo đà phát triển của cách mạng khoa học - công nghệ, khi các quốc gia rất cần có môi trường quốc tế hòa bình, ổn định để phát triển thì mật độ xuất hiện chiến tranh và xung đột ngày càng tăng lên. Dĩ nhiên, cách tính mật độ bình quân hằng năm như vậy hoàn toàn không có nghĩa là độ dài mỗi cuộc chiến tranh chỉ diễn ra trong mấy tháng. Nhiều tư liệu cho thấy trong lịch sử thế giới, có những lục địa, những khu vực hoặc quốc gia từng có những nền hòa bình kéo dài 60 - 70 năm, thậm chí đến vài trăm năm. Ngược lại có những cuộc chiến tranh rất dai dẳng. Trong các cổ thư viết về quân sự của Trung Quốc có ghi lại rằng ở Trung Quốc xưa kia từng có cuộc chiến kéo dài đến 873 năm. Trong lịch sử châu Âu đã có "cuộc chiến tranh một trăm năm".

Nhiều nơi khác ở Mỹ La-tinh, châu Phi... có những cuộc chiến tranh hai, ba chục năm. Có cuộc còn kéo dài đến tận ngày nay, chưa có khả năng sớm chấm dứt.

Digitized by Google

ĐẤU TRANH CHO HÒA BÌNH SAU "CHIẾN TRANH LẠNH"

Cùng với sự kết thúc của "chiến tranh lạnh", các xu thế thế giới đã hé mở nhiều khả năng khách quan thuận lợi cho hòa bình. Loại trừ tác động của những luận điệu phản tuyên truyền, nói chung người ta có cảm tưởng là có lẽ thế giới đã bước vào một thời kỳ hòa bình và hòa dịu mới. Và, có lẽ vì vậy mà suốt mấy năm đầu sau "chiến tranh lạnh", vấn đề đấu tranh cho hòa bình trên trường quốc tế không được chú trọng đề cao ngang tầm mà nó cần có. Nhìn lại cả giai đoạn đó, nhiều nhà nghiên cứu đã đánh giá rằng việc Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ đã đẩy chủ nghĩa xã hội lâm vào một cuộc khủng hoảng chưa từng có ; đồng thời ảnh hưởng to lớn tới cuộc đấu tranh cho hòa bình của nhân dân thế giới. Có thể nói, sau "chiến tranh lạnh", sức mạnh của phong trào đấu tranh cho hòa bình của nhân dân thế giới có sự giảm sút rất lớn cả bề rộng lẫn chiều sâu. Ở nhiều nơi, các tổ chức bảo vệ hòa bình, các phong trào quần chúng đấu tranh cho hòa bình hầu như bị tê liệt và tan rã. Trong lúc đó, như trên đã nói, các cuộc chiến tranh cục bộ và xung đột vũ trang bùng nổ khắp nơi ngay cả ở những khu vực rộng lớn mấy chục năm qua không hề có chiến tranh như ở các nước thuộc Liên Xô (cũ) và Đông Âu. Báo chí Mỹ cho biết, trong 5 năm (1991 - 1996) có 64 cuộc.

Thực tế nóng bỏng thôi thúc đấu tranh cho hòa bình, các loại hoạt động vì hòa bình diễn ra khá dồn dập, sôi nổi và tốn kém. Có một số việc quan trọng đã làm được như : Ký kết hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân, cấm tàng trữ sản xuất và sử dụng các vũ khí hóa học, sinh học... Liên hợp quốc đã đưa hàng chục vạn quân "giữ gìn hòa bình" đến nhiều nơi để can thiệp. Lúc căng thẳng nhất đội quân Liên hợp quốc đã đến 19 nơi có xung đột như : Xô-ma-li, Áp-ga-ni-xtan, Cam-pu-chia, Ăng-gô-la, Bô-xni-a - Héc-xê-gô-vi-na, v.v...

Trong lúc ngân sách của Liên hợp quốc ngày càng kiệt quệ thì chi phí về quân sự cho các hoạt động hòa bình của Liên hợp quốc mỗi ngày một tăng. Báo *Nước Mỹ ngày nay* vừa đưa ra con số về chi phí đó như sau :

- 1990 : 380 triệu đôla
- 1991 : 450 triệu đôla
- 1992 : 1 960 triệu đôla
- 1993 : 2 970 triệu đôla
- 1994 : 3 500 triệu đôla
- 1995 : 3 200 triệu đôla
- 1996 : 720 triệu đôla
- 1997 : 1 300 triệu đôla

Tổng cộng từ năm 1990 lại đây Liên hợp quốc đã chi về quân sự cho các hoạt động hòa bình này là 14 220 triệu đôla. Nhìn chung những hoạt động đó của Liên hợp quốc có thu được những kết quả nhất định, nhưng cũng còn nhiều hạn chế. Bên cạnh những hoạt động của Liên hợp quốc, mấy năm qua còn có nhiều nhóm nước hoặc tổ chức cũng tự đứng ra "dàn xếp", "kiến tạo hòa bình" đối với một số cuộc chiến tranh và xung đột như NATO với Bô-xni-a - Héc-xê-gô-vi-na, I-ta-li-a và 7 nước châu Âu trong cuộc dàn xếp sự khủng hoảng ở An-ba-ni, EU với cuộc khủng hoảng ở Xéc-bi-a, v.v...

Tuy một số ít hoạt động hòa bình loại này có góp phần chấm dứt một số cuộc chiến tranh và xung đột nhưng trên thực tế nó không đem lại hòa bình, ổn định bền vững thực sự cho các nơi đó. Điều dễ hiểu là các tổ chức và lực lượng đề xướng và chủ trì các loại hoạt động "dàn xếp" này chỉ nhằm tìm kiếm một kiểu hòa bình nào đó phục vụ cho lợi ích của họ mà ít quan tâm đến lợi ích chính đáng của nhân dân các bên tham gia xung đột.

Điển hình cho loại hoạt động này là nền "hòa bình kiểu NATO" được áp đặt cho các bên tham chiến ở Bô-xni-a - Héc-xê-gô-vi-na theo hiệp định Đây-tơn. Thực chất của loại "hòa bình kiểu NATO" ngày càng lộ rõ. Nhân dân các nước đó giờ đây càng thấy rõ cái giá mà họ phải trả cho nền hòa bình đó là quá đắt và hậu quả còn lâu dài chưa thể lường hết được.

Digitized by Google

Đáng chú ý hơn cả là mặc dầu tình hình quốc tế sau chiến tranh lạnh có nhiều diễn biến hết sức phức tạp, vẫn có những cuộc đấu tranh của đông đảo quần chúng bằng sức mạnh của chính mình, dập tắt chiến tranh và xung đột, đem lại hòa bình ổn định đất nước. Điều này cho thấy trong điều kiện tình hình quốc tế phức tạp sau "chiến tranh lạnh", vẫn tồn tại nhiều nhân tố thuận lợi rất cơ bản. Chỉ cần các lực lượng đấu tranh cho hòa bình và cách mạng biết tập hợp lực lượng của đông đảo các tầng lớp nhân dân, động viên và phát huy thành sức mạnh to lớn, hướng đúng mũi nhọn vào mục tiêu, kiên trì đấu tranh, nhất định giành được thắng lợi.

PHẤN ĐẤU VÌ MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN

Cho đến nay, các kế hoạch, phương hướng và nhiệm vụ của hầu hết các nước đề ra cho những năm 2000 đều có xác định một mục tiêu lớn bao trùm là quyết tâm phấn đấu cho hòa bình bền vững, ổn định và phát triển.

Hòa bình là nguyện vọng thiêng liêng của các dân tộc, là mục tiêu cao cả của thời đại. Tuy nhiên đang có những nguồn thông tin cho thấy có nhiều nguy cơ đáng lo ngại về hiểm họa đe dọa hòa bình đầu những năm 2000.

Tháng 5 vừa qua Lầu Năm Góc đệ trình quốc hội Mỹ chuẩn bị thông qua một chiến lược quân sự toàn cầu mới áp dụng cho từ nay đến năm 2010. Trong chiến lược mới đó có dự báo rằng đây là "thời kỳ chứa đựng một môi trường quốc tế nguy hiểm và rất không ổn định". Vì vậy, nước Mỹ phải chuẩn bị cho quân đội Mỹ "đủ sức thực hiện thành công hai cuộc chiến tranh khu vực lớn xảy ra gần như cùng một lúc trên hai hướng đại lục".

Ở hướng Đông, mùa hè vừa qua Thủ tướng Nhật Bản Ha-si-mô-tô vừa phải bay sang Oa-sinh-tơn để cam kết rằng "mùa thu này Nhật sẽ hoàn tất việc sửa đổi lại đường lối quốc phòng (đề ra từ năm 1978) bảo đảm cho lực lượng vũ trang Mỹ có quyền sử dụng các căn cứ quân sự trên đất Nhật để tác chiến và làm nhiệm vụ vận chuyển trong trường hợp chiến tranh lớn sắp nổ ra".

Ở hướng Tây, trung tâm nghiên cứu tác chiến của Hội đồng tham mưu NATO đang xúc tiến thử nghiệm các phương thức tiến hành chiến tranh mới bằng vũ khí phi sát thương áp dụng cho chiến trường châu Âu những năm 2000 !

Trong tình hình quốc tế đầy biến động hiện nay, cuộc đấu tranh cho hòa bình diễn ra rất quyết liệt và phức tạp. Với những thủ đoạn, biện pháp và kết quả thu được, các thế lực cường quyền quốc tế đang mưu toan xúc tiến những kế hoạch đầy tham vọng hòng kiểm soát và khống chế quyền thống trị thế giới. Nhằm mục đích đó, người ta đã tìm mọi cách để thúc ép mở rộng NATO. Hàng loạt các nước ở vùng Ban-căng, Ban tích cũng như Liên bang Nga, Bê-la-rút và nhiều nước SNG khác, từ đầu năm đến nay đang bị đẩy vào bao nhiêu chuyện rắc rối. Trong khi đó, những kẻ chủ mưu chính đứng ngoài vẫn dấu mặt, dấu tay điều hành kín đáo.

Ngày nay tình hình quốc tế đã có những nét khác với những năm đầu sau "chiến tranh lạnh". Trải qua thực tế, giờ đây nhân dân và các tổ chức ở nhiều quốc gia đã có cách nhìn tỉnh táo trong việc nhận dạng và phân biệt được đâu là kẻ thù của hòa bình, đâu là mục tiêu chân chính của dân tộc. Những thế lực chủ mưu ngấm ngầm kích động chia rẽ, gây bùng nổ xung đột và chiến tranh hòng "đục nước, béo cò" mà vẫn huyênh hoang "vì hòa bình" đã lộ mặt. Những kẻ cầm đầu các phe nhóm chính trị ly khai, cực đoan, quá khích đó nhân danh lợi ích dân tộc, tôn giáo này nọ để thực thi sự chỉ đạo của bên ngoài. Đến khi đất nước lâm vào khủng hoảng, xung đột, chiến tranh, hỗn loạn và mất ổn định thì họ chỉ cầu cứu và dựa vào các thế lực bên ngoài để đối phó. Các loại chính khách đó trên thực tế đã lộ rõ chân tướng là những con rối trong tay người khác.

Bài học nóng hổi về đấu tranh vì hòa bình vẫn là đoàn kết và cảnh giác. Vận mệnh của đất nước và dân tộc nào phải do chính nhân dân nước đó định đoạt. Mọi sự áp đặt từ ngoài không thể tạo ra hòa bình chân chính, bền vững. ❑

Digitized by Google

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA KINH TẾ HỌC PHÁT TRIỂN

TRỊNH ĐÌNH TỪ

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế các nước tư bản phương Tây được phục hồi và phát triển rất sôi động, nhất là thập kỷ 50-60. Cuối thập kỷ 80 đầu 90, chủ nghĩa xã hội khủng hoảng và sụp đổ một mảng lớn. Hai sự kiện trên đã khiến nhiều người ngộ nhận và đi đến bắt chước mù quáng mô hình kinh tế tư bản phương Tây và các học thuyết làm nền tảng cho các nền kinh tế ấy. Trong tình hình đó, sẽ là rất bổ ích nếu chúng ta tìm hiểu một số luận điểm của một số nhà kinh tế học phát triển trong thời gian gần đây. Các nhà kinh tế này xuất phát từ sự vận động khách quan của quan hệ kinh tế quốc tế và đứng trên góc độ bảo vệ lợi ích cơ bản của các nước đang phát triển, để đưa ra những cách nhìn nhận mới đối với quan hệ kinh tế giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển.

Hầu như tất cả các nhà kinh tế học phát triển đều nhất trí nhận định rằng, trong khi nền kinh tế và khoa học kỹ thuật trên thế giới đang đạt tới đỉnh cao, thì khoảng cách giữa các nước đang phát triển và các nước phát triển ngày càng mở rộng ; hơn nữa xu hướng này đang ngày càng tăng. Khi tiến trình toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế ngày càng đẩy mạnh, thì ưu thế của các nước phát triển ngày càng được tăng cường, sức mạnh mọi mặt của họ không ngừng được nâng cao. Trong khi đó, phần lớn các nước đang phát triển lại bị đẩy dần ra xa trung tâm của thị trường quốc tế và đời sống kinh tế thế giới, làm cho nền kinh tế các nước này đang bị "ngoại vi hóa", "phụ cận hóa". Kể từ thập kỷ 80, hầu hết các nước đang phát triển đều phải đương đầu rất gay gắt với nhiều vấn đề bức xúc như : nợ nước ngoài chồng chất, thiếu vốn nghiêm trọng, lạm phát nặng nề, giá sản phẩm sơ chế bị hạ thấp, thiệt hại do chính sách bảo hộ mậu dịch của các nước phát triển, thiếu lương thực do nông nghiệp quá lạc hậu, thị trường trong nước nhỏ hẹp do sức mua nói chung và nhất là sức mua của nông thôn quá thấp, môi trường sinh thái bị phá hoại, dân số tăng nhanh, phân phối không công bằng, 1/4 - 1/3 số dân phải luôn luôn sống trong đói nghèo, tệ nạn tham nhũng của bộ máy nhà nước... Những vấn đề trên đây gây trở ngại lớn đối với quá trình phát triển của các nước đang phát triển.

Vậy, nên nhìn nhận tình trạng không phát triển này như thế nào và đâu là lối thoát ?

Nhà kinh tế học người Ác-hen-ti-na Ra-un Prê-vít cho rằng : trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển có sự chênh lệch nhau về thành phần hữu cơ của tư bản, về cơ cấu kinh tế và về trình độ phát triển. Cho nên quá trình hội nhập kinh tế thế giới cũng đồng thời là quá trình phân hóa hai cực - một cực là các nước tư bản phát triển phương Tây, một cực khác là các nước đang phát triển. Prê-vít gọi đó là cơ cấu "trung tâm - ngoại vi". Trong quá trình giao lưu kinh tế hai chiều giữa "trung tâm" và "ngoại vi", lợi nhuận và của cải chỉ di chuyển theo một hướng từ "ngoại vi" đến "trung tâm". Tư bản được đầu tư và di chuyển khắp nơi, nhưng lợi nhuận chỉ di chuyển về "trung tâm". Trong quá trình tuần hoàn của tư bản quốc tế, các nước "trung tâm" thu lợi lớn nhờ dựa vào ưu thế mang tính chất độc quyền của mình về tư bản (vốn), kỹ thuật, thông tin, kinh nghiệm quản lý kinh doanh và

Digitized by Google

bằng cách trao đổi không ngang giá về sản phẩm, về kỹ thuật, vốn, sức lao động và thông tin... Nếu lấy chỉ số về điều kiện thương mại của các nước đang phát triển năm 1990 là 100, thì năm 1993 giảm xuống còn 96,5. Trong thời gian đó, các nước phát triển lại tăng lên đến 104,2 ; và năm 1995 là 105. Một bên tăng, một bên giảm, khoảng cách ngày càng lớn. Từ 1951 đến năm 1973, do chênh lệch "cánh kéo" giữa giá xuất thấp và giá nhập cao, các nước đang phát triển bị thiệt hại trên 130 tỉ USD. Đầu những năm 60, khoảng cách về GDP tính theo đầu người giữa các nước giàu nhất và các nước nghèo nhất là 31/1. Đến đầu những năm 90, tỷ lệ đó là 61/1. Trên thế giới, trong khi tỷ lệ giá trị thương mại so với GDP không ngừng gia tăng, thì ở 44 nước đang phát triển, tỷ lệ đó không ngừng giảm sút. Điều đó chủ yếu là do kết quả hoạt động mang tính chất độc quyền của các công ty xuyên quốc gia.

Tiến sĩ kinh tế người Ai Cập Xa-mia A-min cho rằng : cùng với sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa, kinh tế của "chủ nghĩa tư bản ngoại vi" chỉ được phát triển trong sự chi phối và theo nhu cầu của "chủ nghĩa tư bản trung tâm". Sự phát triển đó là không bình đẳng, và nó gắn liền với sự không bình đẳng trong quá trình chuyên môn hóa của phân công quốc tế. "Chủ nghĩa tư bản trung tâm" phát triển sớm hơn, sức sản xuất của lao động phát triển nhanh hơn, cho nên lợi thế kinh tế-kỹ thuật bao giờ cũng thuộc về phía "trung tâm". Trong khi đó "chủ nghĩa tư bản ngoại vi" phát triển chậm hơn, năng suất lao động được nâng lên một cách chậm chạp, một lượng lớn lợi nhuận bị di chuyển ra nước ngoài, do đó gây nên nạn thất nghiệp và kinh tế không phát triển. Như vậy, việc chuyên môn hóa không bình đẳng trong phân công quốc tế đã tạo nên sự phát triển không bình đẳng giữa "trung tâm" và "ngoại vi".

Mặc dù các nước "trung tâm" liên tục xuất khẩu tư bản đến các nước "ngoại vi", các nước "ngoại vi" tiếp nhận rất nhiều tư bản của các nước "trung tâm", nhưng thị trường nội địa của các nước "ngoại vi" rất nhỏ bé, do đó phải phát triển các ngành xuất khẩu nhằm sản xuất những sản phẩm có giá thành thấp hơn giá thành sản phẩm cùng loại của nước "trung tâm", nhằm thỏa mãn nhu cầu thị trường thế giới. Nhưng, các ngành xuất khẩu của nước "ngoại vi" không thể thu hút hết người thất nghiệp, lại phải nhập khẩu nguyên liệu và phụ liệu, nên tiền lương ở các ngành này vẫn thấp. Trên thị trường thế giới, chênh lệch tiền lương giữa các nước "trung tâm" và các nước "ngoại vi" lớn hơn chênh lệch về năng suất lao động. Vì vậy, dẫn đến sự trao đổi không bình đẳng triền miên giữa các nước "trung tâm" và các nước "ngoại vi". Cũng do đó, dẫn đến hiện tượng một lượng lớn lợi nhuận từ "ngoại vi" di chuyển đến "trung tâm", tạo sức mạnh và phồn vinh cho các nước thuộc khu vực "trung tâm", khiến khu vực "ngoại vi" luôn luôn ở địa vị phụ thuộc.

Theo A-min, "chủ nghĩa tư bản ngoại vi" là một cơ cấu xã hội đặc biệt, trong đó, công nghiệp và tư bản tiền tệ của "chủ nghĩa tư bản trung tâm" giữ vai trò thống trị, nông nghiệp vẫn là nền tảng kinh tế khiến toàn bộ tiến trình công nghiệp hóa bị kéo lùi. Trong khi đó, bộ máy nhà nước lại quan liêu, tham nhũng, biến chất, trở thành người đại diện quyền lợi của "trung tâm".

Ở châu Á và châu Mỹ la-tinh, tại một số nước đã đạt trình độ bán công nghiệp hóa, nền công nghiệp tuy có phát triển, nhưng không hề thu hẹp được khoảng cách giữa "trung tâm" và "ngoại vi". Trên thực tế, các công ty xuyên quốc gia đang lợi dụng khoảng cách đó để tăng cường khống chế và tìm kiếm lợi nhuận tối đa. Sự di chuyển quy mô lớn các ngành công nghiệp tập trung nhiều lao động sang khu vực "ngoại vi" đã thúc đẩy sự ra đời nhanh chóng của mô hình phân công mới, nhưng vẫn là không bình đẳng. Trong phân công mới đó, khu vực "ngoại vi" tuy có phát triển, nhưng khu "trung tâm" vẫn nắm những ngành công nghiệp có tiềm lực phát triển lớn nhất. Chừng nào còn cơ cấu "trung tâm - ngoại vi", thì sự phát triển của "ngoại vi" vẫn chỉ có thể là sự phát triển mang tính chất phụ thuộc, bị thống trị. Một số ít nước đang phát triển, nhờ lợi dụng được điều kiện thuận lợi trong nước và quốc tế đã chớp thời cơ tiến hành công nghiệp hóa khá thành công. Nhưng những

Digitized by Google

nước ấy chỉ là số ít, hơn nữa tiến trình công nghiệp hóa của các nước này hiện lại đang đứng trước nhiều khó khăn, chủ yếu do các nước "trung tâm" gia tăng chính sách bảo hộ mậu dịch và những điều kiện ngặt nghèo về chuyển giao công nghệ. Trong thập niên 80, các nước đang phát triển chiếm khoảng 25% thương mại thế giới, đến giữa thập niên 90, chỉ còn không đầy 20%. Điều kiện kinh tế quốc tế ngày càng bất lợi cho những nước tiến hành công nghiệp hóa bằng cách dựa vào kinh tế đối ngoại. Nhiều nhà kinh tế của các nước thuộc thế giới thứ ba cho rằng : về tổng thể, quá trình công nghiệp hóa của khu vực "ngoại vi" là "cơ hội vàng" cho khu vực "trung tâm", tạo ra thị trường rộng lớn và mang lại phát triển và phồn vinh cho khu vực "trung tâm". Chính vì vậy, cao trào công nghiệp hóa ở châu Á, châu Mỹ la-tinh sau chiến tranh được thế giới phương Tây gọi là "sự phát hiện địa lý" lần thứ hai !. Nhờ sự phát triển của khu vực "ngoại vi", khu vực "trung tâm" được cứu nguy bằng cách nhập nguyên liệu khoáng sản với giá rẻ - nguồn thu nhập chủ yếu của khu vực "ngoại vi". Nhu cầu nhập dầu mỏ và các nguyên liệu, khoáng sản khác từ các nước đang phát triển của Mỹ chiếm tới 60%, của Liên minh châu Âu (EU) là 90%, Nhật Bản - 92%. Từ các thập niên 60 - 80, giá trị sản lượng được sản xuất trong nước so với giá trị sản lượng được sản xuất tại nước ngoài của các nước "trung tâm" là 1,5/1 ; ở các nước này tốc độ tăng trưởng ngoại thương cao hơn tốc độ tăng trưởng công nghiệp.

Như vậy, trên một số lĩnh vực kinh tế nào đó và trong từng thời kỳ nào đó, "trung tâm" có sự phụ thuộc vào "ngoại vi". Nhưng đó chỉ là sự phụ thuộc về nguyên liệu và dầu mỏ. Trên tổng thể và lâu dài, "trung tâm" luôn ở thế mạnh và chủ động. Họ "mạnh về gạo, bạo về tiền", vả lại đã lão luyện trên thương trường, cho nên quan hệ "ngoại vi - trung tâm" luôn luôn là quan hệ không bình đẳng.

Nhà kinh tế học người Đức Ăng-đơ-rê Phơ-răng nhấn mạnh rằng, quan hệ móc xích "chính quốc - vệ tinh" tạo điều kiện cho chính quốc phát triển. Phương Tây có thể trải rộng sức mạnh khống chế đến tận nông thôn và vùng sâu, vùng xa của nước vệ tinh, khiến đại bộ phận, thậm chí toàn bộ, lợi ích kinh tế của các nước vệ tinh không ngừng tuôn chảy đến chính quốc. Nước vệ tinh thực hiện vai trò "một loại công cụ", tức là nước vệ tinh tự mình bòn rút tư bản hoặc lợi ích kinh tế của chính mình, rồi chuyển đến chính quốc. Tại mỗi mắt xích trong giây xích, cái mà chế độ của chủ nghĩa tư bản quốc tế, chủ nghĩa tư bản dân tộc và chủ nghĩa tư bản địa phương mang lại cho thiểu số chính quốc, là sự phát triển kinh tế. Còn cái mà chúng mang lại cho đa số "vệ tinh" là sự không phát triển.

Đốt-san, nhà xã hội học người Bra-xin, cũng đã luận chứng rằng, tính chất không bình đẳng của cơ cấu "trung tâm - ngoại vi" trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới được tái hiện dưới hình thức gay gắt nhất trong nội bộ các nước đang phát triển, tạo nên cơ cấu : vùng trung tâm gồm các "đại đô thị" và vùng ngoại vi "lạc hậu". Như vậy, bên trong nước đang phát triển cũng hình thành cơ cấu sản xuất không bình đẳng, thu nhập bị tập trung rất cao vào một bộ phận dân cư. Do đó, sự phát triển của nước đang phát triển là mô hình "phát triển mang đặc điểm phụ thuộc". Tại nhiều nước đang phát triển, quá trình phát triển nói chung và công nghiệp hóa nói riêng chủ yếu vẫn được thực hiện nhờ tích lũy từ nông nghiệp, nông thôn ; vẫn dựa vào chênh lệch "cánh kéo" giữa giá hàng nông nghiệp và giá nông sản, vẫn duy trì mức thu nhập thấp của nông dân. Tại Mê-hi-cô, thu nhập thấp nhất và thu nhập cao nhất chênh lệch nhau 25 lần. Tại châu Mỹ la-tinh, những nước được coi là đã công nghiệp hóa, khoảng cách giàu nghèo kể từ thập niên 70 đến nay ngày càng mở rộng. Theo con số của Liên hợp quốc công bố năm 1996, số người sống dưới mức nghèo khổ ở các nước đang phát triển thời kỳ 1965 - 1980 là khoảng 200 triệu, thời kỳ 1980 - 1993 lên đến 1 tỉ. Đó chẳng phải là "phát triển tình trạng không phát triển" hay sao ?

Nhà xã hội học người Bra-xin Phéc-năng-đô En-rích-cô Các-đô-xô cho rằng, các nền kinh tế "ngoại vi" có sự phát triển nhất định chứ không đơn thuần là "phát triển tình trạng không phát

Digitized by Google

triển". Tuy nhiên, đó là sự phát triển mang tính chất phụ thuộc. Sự phát triển đó không hề xóa bỏ mâu thuẫn giữa "trung tâm" và "ngoại vi". Các nước "trung tâm" vẫn nắm quyền khống chế tư bản trên phạm vi quốc tế, công ty xuyên quốc gia vẫn khống chế cơ cấu công nghiệp của các nước "ngoại vi", cơ cấu kinh tế phụ thuộc và biến dạng của vùng "ngoại vi" vẫn không thay đổi. Gần đây, thị trường tiền tệ của các "con hổ" ở Đông-Nam Á bị chao đảo nghiêm trọng. Điều đó cho thấy kinh tế khu vực "ngoại vi", dù đã phát triển vẫn rất dễ bị tổn thương trước sức ép của kinh tế "trung tâm".

Có thể thấy, các luận điểm của kinh tế học phát triển về các vấn đề : mâu thuẫn giữa "trung tâm" và "ngoại vi", giữa phát triển và không phát triển, giữa phát triển và phụ thuộc, sự phân hóa thành hai cực... là sự bổ sung thêm đối với các lý luận kinh tế chính trị đã từng vạch rõ rằng, sự vận động của tư bản trên phạm vi quốc nội hay quốc tế đều dẫn đến sự tích lũy của cải xã hội tại cực này và sự nghèo khổ tại cực khác. Đó chính là quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản trong mấy trăm năm qua. Quy luật đó vẫn tiếp tục thể hiện gay gắt trong quan hệ kinh tế quốc tế hiện nay giữa "trung tâm" và "ngoại vi", giữa các nước phát triển và các nước không phát triển.

Các nhà kinh tế học phát triển cho rằng, hiện tượng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu và sẽ ngày càng gia tăng. Nhưng khả năng đón nhận xu thế này như thế nào là tùy thuộc điều kiện cụ thể mỗi nước đang phát triển. Ngày nay, trong cộng đồng các nước đang phát triển đã có sự phân hóa. Có những nước giàu lên rất nhanh nhờ tài nguyên. Có một số nước, nhờ lợi dụng được cơ hội thuận lợi, đã giảm được những bất lợi do bị áp đặt và đã bứt lên thành những nước công nghiệp mới (NICs). Một số nước đang phát triển như Trung Quốc, Bra-xin, Mê-hi-cô, Ấn Độ... có nền kinh tế rất lớn. Nhưng đại đa số các nước đang phát triển vẫn trong tình trạng rất khó khăn. Liên hợp quốc đã xác định thế giới hiện có 48 nước chậm phát triển ; thậm chí, một tờ báo Mỹ còn nói : 4/5 nhân loại còn ở ngoài lề quá trình phát triển. Ngày nay, quan hệ về lợi ích giữa các nước, giữa các nhóm nước, giữa nước lớn và nước nhỏ, nước giàu và nước nghèo rất phức tạp và dễ biến đổi. Song người ta có thể thấy, chiến lược kinh tế quốc tế hiện hành của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước vẫn là vừa ra sức hỗ trợ có điều kiện cho những nền kinh tế suy yếu này, nhằm bảo đảm sự vận động bình thường của tư bản quốc tế ; vừa kiềm chế và điều chỉnh những nền kinh tế khác có xu hướng gây thiệt hại hoặc đi ngược lại lợi ích của tư bản quốc tế, cố hướng những nền kinh tế đó chuyển thành đối tượng tích lũy của tư bản quốc tế. Đó là xu hướng cơ bản trong quan hệ kinh tế quốc tế đương đại. Bởi lẽ, trong nền kinh tế thế giới hiện nay, các nước phát triển vẫn nắm quyền chi phối. Họ là lực lượng chủ đạo trong thị trường quốc tế, quyết định những điều luật và thông lệ quốc tế, có những lá phiếu thao túng các tổ chức kinh tế và tiền tệ quốc tế, luôn luôn hướng những tổ chức này phục vụ lợi ích của họ. Trật tự kinh tế quốc tế đương đại vẫn là do một thiểu số nước lớn lập nên. Trật tự đó chủ yếu phản ánh lợi ích của các cường quốc kinh tế, rất ít thể hiện lợi ích của các nước đang phát triển, thậm chí xâm hại lợi ích của các nước này. Đó là một trật tự không công bằng, không hợp lý. Điều đáng chú ý nữa là xu thế toàn cầu hóa kinh tế còn kéo theo sự gia tăng giao lưu, toàn cầu hóa về văn hóa, chính trị, xã hội, thế giới quan, hệ giá trị... Các nước lớn đang lợi dụng thế mạnh của mình về mặt này để áp đặt, gây sức ép, xâm hại các nước đang phát triển, thực hiện "diễn biến hòa bình". Các nhà kinh tế học phát triển, mà hầu hết trong số họ đều thuộc thế giới thứ ba, vạch rõ rằng các nước đang phát triển cần giữ vững độc lập, chủ quyền trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời tận dụng mọi cơ hội quốc tế và quan hệ kinh tế quốc tế có lợi để phát triển đất nước. Trong xu thế hội nhập và quốc tế hóa, không thể đóng cửa. Nhưng mở cửa và hội nhập phải trên tiền đề độc lập, sáng tạo, giữ vững bản sắc. Hết sức tránh mô hình phát triển "phụ thuộc" mà nhiều nước dân tộc chủ nghĩa đã và đang trải qua. ❑

Digitized by Google

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN – THỰC TIỄN

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ CÁC TỈNH, THÀNH MỚI ĐƯỢC CHIA TÁCH THEO NGHỊ QUYẾT KỲ HỌP THỨ 10 QUỐC HỘI KHÓA IX

Theo Quyết định của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, trong những tháng cuối năm nay, 16 tỉnh, thành phố mới được chia tách theo Nghị quyết của kỳ họp thứ mười, Quốc hội khóa IX (Bắc Cạn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Hà Nam, Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng, Bình Phước, Bình Dương, Cà Mau, Bạc Liêu) đều tiến hành đại hội đại biểu đảng bộ nhằm : kiểm điểm, đánh giá tình hình sau gần một năm chính thức đi vào hoạt động ; xác định mục tiêu, nhiệm vụ của địa phương đến năm 2000 và bầu Ban chấp hành đảng bộ mới.

Trong các tháng 9, 10 và 11-1997, hầu hết các tỉnh, thành phố nói trên đã họp xong đại hội. Mặc dù có nhiều khó khăn, nhưng hầu hết các đại hội đã được chuẩn bị chu đáo và thành công tốt đẹp.

Thảo luận Báo cáo chính trị ở các đại hội, hầu hết các ý kiến phát biểu đã khẳng định việc chia tách các tỉnh, thành phố trong thời gian qua là phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới và được tiến hành khẩn trương, tiết kiệm, bảo đảm sự đoàn kết. Sau một năm chia tách, đảng bộ các địa phương đã tập trung lãnh đạo khai thác các tiềm năng, động viên cán bộ, nhân dân thực hiện có hiệu quả cao các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, đoàn thể và chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Phân tích đặc điểm, tình hình của địa phương, các ý kiến phát biểu ở hầu hết các đại hội đều thống nhất nhận định : bên cạnh việc chủ động, tích cực từng bước, bền bỉ phấn đấu của từng tỉnh đòi hỏi sự lãnh đạo, hỗ trợ trực tiếp của Trung ương và sự phối hợp, liên kết của các địa phương với nhau là hết sức quan trọng. Trong báo cáo chính trị trình trước đại hội, hầu hết các đảng bộ này đều xác định mục tiêu phấn đấu đến năm 2000 là cố gắng tập trung mọi nguồn lực, tranh thủ mọi thời cơ, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện, đồng bộ, tạo sự phát triển về kinh tế - xã hội với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững ; cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ; bảo đảm quốc phòng - an ninh ; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh để cùng cả nước tiến vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000.

Nhằm thực hiện mục tiêu đó, các đại hội đã đưa ra nhiều biện pháp khá cụ thể, tích cực và thiết thực như : chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với đặc điểm của từng tỉnh theo hướng tăng nhanh tỷ lệ phát triển công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, bên cạnh giữ tỷ lệ phát triển nông nghiệp thích ứng ; quyết tâm phát triển nông nghiệp theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Nhiều tỉnh, thành như : Bình Dương, Bình Phước, Quảng Nam, Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, thành phố Đà Nẵng... đã quyết tâm phát triển các khu công nghiệp tập trung. Nhiều địa phương rất khó khăn về ngân sách nhưng đều quyết tâm phấn đấu đến năm 2000 về cơ bản bảo đảm tự cân đối thu chi...

Tăng cường vai trò lãnh đạo của các đảng bộ, các đại hội khẳng định quyết tâm tiếp tục "đổi mới, chỉnh đốn" Đảng và xây dựng đoàn thể nhân dân các cấp theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa VII, xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh, trong sạch theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII.

Các đại hội đã kiểm điểm, tự phê bình và phê bình sâu sắc một năm lãnh đạo của Ban chấp hành đảng bộ lâm thời và đã rút ra một số kinh nghiệm lãnh đạo bước đầu có ý nghĩa là :

- Khi mới chia, tách bao giờ cũng có nhiều khó khăn, thử thách. Vì thế đảng bộ, nhất là cấp ủy và thủ trưởng các ngành, các cấp phải nắm chắc, kiên định đường lối, quan điểm đổi mới của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh và vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào địa

Digitized by Google

phương mình một cách cụ thể, thiết thực nhằm tạo ra những bước phát triển đột biến ở một số lĩnh vực chủ yếu để tiến lên, tạo đà phấn khởi chung cho địa phương.

- Hơn lúc nào hết, từng đảng bộ phải nêu cao tinh thần gương mẫu, thật sự mở rộng dân chủ, đoàn kết thống nhất, dựa vào nhân dân, khơi dậy ý chí và các tiềm năng để tạo nên sức mạnh tổng hợp.

- Trong tiến trình phát triển của địa phương phải lấy phát triển kinh tế là trung tâm và xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Phát triển sức sản xuất, thực hiện cơ chế thị trường gắn liền với tăng cường quản lý, kiên quyết hạn chế những mặt tiêu cực như : phân hóa giàu nghèo, sùng bái đồng tiền, suy thoái đạo đức, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

Các đại hội đã bầu ra Ban chấp hành đảng bộ mới với tinh thần dân chủ, theo đúng Điều lệ của Đảng.

P.V

TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN ĐẢNG TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG Ở HÀ NỘI

Vừa qua, Thành ủy Hà Nội đã tổ chức trao đổi kinh nghiệm phát triển đảng ở các trường đại học và cao đẳng. Ủy viên Bộ Chính trị,Bí thư Thành ủy Lê Xuân Tùng và các phó bí thư Trần Văn Tuấn, Nguyễn Phú Trọng đã tới dự. Sau 3 năm thực hiện cuộc vận động đổi mới chỉnh đốn Đảng (1993 - 1997) đảng bộ các trường đại học và cao đẳng ở Hà Nội đã kết nạp trên 1000 đảng viên mới, tăng hơn 1,5 lần so với 3 năm trước (1991 - 1993).

Các ý kiến phát biểu đều khẳng định rằng : xu hướng phấn đấu vào Đảng của quần chúng ngày càng tăng và sâu rộng, nhất là trong cán bộ giảng dạy (nhiều giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ - ngay cả những người tuổi trên 50 đã được kết nạp vào Đảng) và trong sinh viên (566 sinh viên ưu tú đã được kết nạp vào Đảng, tăng 3,5 lần so với 3 năm trước). Nhiều đảng bộ làm tốt công tác phát triển đảng như các trường đại học : Nông nghiệp, Kinh tế quốc dân, Luật, Thủy lợi, Xây dựng, Sư phạm, Bách khoa, Y khoa, Cao đẳng Kiểm sát, Phân viện báo chí tuyên truyền... Hầu hết đảng viên mới được kết nạp đã phát huy tốt tác dụng, gương mẫu trong công tác, học tập và được quần chúng tín nhiệm. Nhiều đồng chí được bổ nhiệm vào các chức vụ chuyên môn, nhiều đồng chí được tín nhiệm bầu vào cấp ủy.

Kinh nghiệm của các đảng bộ làm tốt công tác phát triển đảng cho biết : ở đâu cấp ủy coi công tác phát triển đảng là một nhiệm vụ thường xuyên, trọng yếu của đảng bộ, chủ động tạo nguồn, tuyên truyền giáo dục quần chúng thì ở đó việc phát triển đảng có nền nếp, có kết quả. Ở đâu cấp ủy quan tâm lãnh đạo tốt các hoạt động đoàn thể quần chúng, và bản thân các đoàn thể quần chúng hoạt động mạnh thì ở đó phong trào phấn đấu vào Đảng của quần chúng sôi nổi, liên tục. Ở đâu cấp ủy và đảng viên gương mẫu, trong sạch, đoàn kết nhất trí, hoàn thành tốt các công việc được giao thì ở đó quần chúng hăng hái đóng góp ý kiến xây dựng Đảng và phấn khởi tin tưởng phấn đấu vào Đảng.

Nhiều đại biểu kiến nghị, để đẩy mạnh công tác phát triển đảng ở các trường đại học và cao đẳng, Trung ương và Ban cán sự đảng của các bộ chủ quản, Thành ủy Hà Nội cần phối hợp khẩn trương tháo gỡ một số vấn đề có liên quan đến việc xây dựng nền nếp công tác chính trị - tư tưởng và hoạt động chính trị của các đoàn thể, các tổ chức quần chúng trong các trường đại học và cao đẳng. Chẳng hạn như : tiêu chuẩn tuyển sinh, tiêu chuẩn tuyển chọn cán bộ đi học nước ngoài, chính sách đãi ngộ với cán bộ đoàn, cán bộ lớp ; cơ cấu đại học quốc gia, đào tạo đại học hai giai đoạn... đặc biệt là kinh phí hoạt động của các tổ chức đảng ở các trường đại học và cao đẳng.

VŨ PHÒNG

Digitized by Google



Tổng Công ty Cà Phê Việt Nam

Nông trường 715A

Địa chỉ : Xã EA RIÊNG, Huyện M'DRẮC, Tỉnh DAKLAK
ĐT : (050) 831352 - 831374

- Diện tích cà phê: 850 ha
- Năng suất bình quân: 1,2 tấn/ha
- Diện tích trồng lúa: 150 ha

- Toàn Nông trường có đàn trâu, bò 2.000 con (trong đó Nông trường có 150 con) và gia súc, gia cầm, cá.
- Ao hồ của Nông trường đủ tưới tiêu cho 90% diện tích cà phê và cây trồng, ngoài ra đơn vị còn có đường giao thông nội bộ, cùng với điện sinh hoạt dân dụng.

Giám đốc : Nguyễn Văn Mão







Vietnam Coffee Corporation

State Coffee Farm 715 A

Add : Ea Rieng Commune, M'Drac District, Daklak Province
Tel : (050) 831352 - 831374

Total coffee area: 850 ha
Average coffee yield: 1.2 tonnes/ha
Rice field area: 150 ha
The farm also has a herd of 2,000 cattle (cow and buffalo, of which 150 head area under the farm's direct management), poultry, fish etc.
The farm has a system of ponds and lakes providing irrigation water for 90 percent of coffee and crop areas. The farm has also developed a roadway system and electricity network to service coffee production and processing, and for domestic use by its workforce.

Director : Nguyen Van Mao.

Digitized by Google

CÔNG TY KINH DOANH & PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN TÂN BÌNH

(THE COMPANY OF HOUSING TRADING & DEVELOPMENT OF TAN BINH DIST)

- ĐỊA CHỈ : 205-207-209 LÝ THƯỜNG KIỆT - QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- ĐIỆN THOẠI : 8641033 - 8640129
  FAX : 8653290

GIÁM ĐỐC : NGUYỄN PHỤNG THIỀU



☆ *CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC*

- ✦ XÍ NGHIỆP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ NHÀ
- ✦ XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
- ✦ XƯỞNG THIẾT KẾ XÂY DỰNG
- ✦ CÁC ĐỘI CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG



Chung cư Hoàng Hoa Thám



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TY

- XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CÁC LOẠI NHÀ DÂN DỤNG - CÔNG NGHIỆP.
- XÂY DỰNG VÀ NÂNG CẤP CÁC LOẠI CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, MỞ ĐƯỜNG MỚI, LÀM NỀN MẶT ĐƯỜNG VỚI CÁC LOẠI KẾT CẤU VÀ QUY MÔ XÂY DỰNG.
- THỰC HIỆN VIỆC KHẢO SÁT THIẾT KẾ CÁC LOẠI CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG, QUY HOẠCH CHI TIẾT NHÓM NHÀ Ở ; THIẾT KẾ, CẢI TẠO VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT...
- SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH CÁC LOẠI VẬT LIỆU XÂY DỰNG.

MAIN ACTIVETIES OF THE COMPANY

- BUILD AND SELL ALL TYPES OF CIVILLIAN AND INDUSTRIAL HOUSES.
- BUILD AND UPGRADE COMMUNICATION WORKS, OPEN NEW ROAD, MAKE ROAD PAVEMENT WITH VARIOUS TYPES OF STRUCTURE AND SCALES OF CONTRUCTION.
- CARRY OUT THE STUDY AND PLANNING OF CIVILIAN WORKS, MAKE DETAILED PLANNING FOR CIVILIAN HOUSES, CARRY OUT THE PLANNING, RECONSTRUCTION AND INTERIOR DECORATION.
- PRODUCE AND SELL CONSTRUCTION MATERIALS.

IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 30000

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



24
12-1997

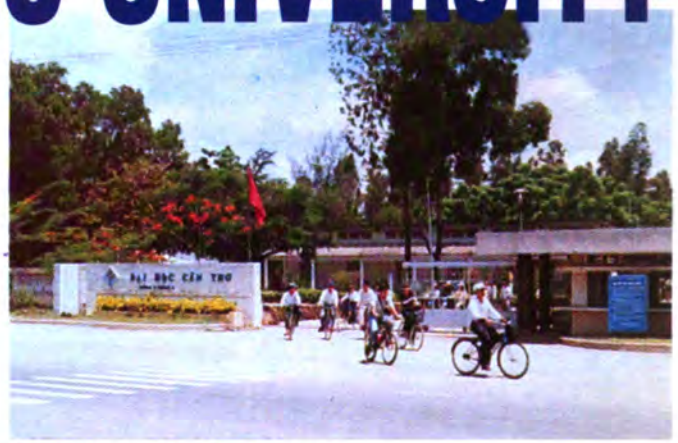
UNIV. OF MICH.
JAN 14 1998
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

Ministry of Education and Training

CAN THO UNIVERSITY

- Add: Block 1 - 30/4 Road - Can Tho City
  Block 2 - 3/2 Road Can Tho City.
- Tel: (071) 83 8667 - 838237 - 831634
- Fax: (071) 838474
- Principal: Dr. & Prof. Tran Phuoc Duong



An overview of Can Tho University



Medical Department - Can Tho University

* Can Tho University, now consisting of 7 departments, 3 institutes, and 3 scientific research centers, provides training for doctors, engineers and bachelors of 30 scientific specialties in pedagogy, agriculture technology, medicine and economics.

* Can Tho University organises diverse training courses, and conducts scientific research, technology transfer, improvement of people's cultural standards and the application of scientific & technological, economic, socio-cultural knowledge.

* Can Tho University is pround of having international relations with other institutions on five continents.

Can Tho University welcomes all distinguished guests!



IT Center - Can Tho University



Department of Sciences - Can Tho University

Địa chỉ: Khu I - Đường 30/4 - Thành phố Cần Thơ.
Khu II - Đường 3/2 - Thành phố Cần Thơ
Tel: (071) 83 8667, 838237, 831634
Fax: (071) 838474
Hiệu trưởng: GS. TS Trần Phước Đường

Hiện nay, Đại học Cần Thơ có: 7 khoa, 3 viện, 3 trung tâm nghiên cứu khoa học. Đào tạo các cử nhân, kỹ sư, bác sỹ thuộc 30 chuyên ngành khoa học trong các lĩnh vực sư phạm, nông nghiệp công nghệ, ý tế và kinh tế.

Đại học Cần Thơ là nơi đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, nâng cao dân trí, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, kinh tế, văn hóa xã hội.

Đại học Cần Thơ có mối quan hệ quốc tế khắp năm châu.

Đại học Cần Thơ hân hạnh chào đón quý vị!

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đại học Cần Thơ

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 534 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : HÀ ĐĂNG**

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 25 NĂM CHIẾN THẮNG "ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG" (12-1972 - 12-1997)	VĂN TIẾN DŨNG - "Đánh sập một thần tượng"	3
	LÊ XUÂN TÙNG - Chiến công oai hùng của Thủ đô Hà Nội	6
PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	NGUYỄN ĐÌNH HƯƠNG - Công tác bảo vệ chính trị nội bộ với chiến lược cán bộ	9
	PHẠM THANH NGÂN - Xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	11
	NGUYỄN VĂN THẢO - Nâng cao năng lực thể chế hóa, đổi mới quy trình lập pháp	14
	PHẠM SONG - Thực hiện vệ sinh môi trường để nâng cao chất lượng sống và phát triển bền vững	19
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGUYỄN ĐÌNH TỰ - Một số ý kiến về tăng cường quản lý và kiểm soát các ngân hàng ở nước ta	24
	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO - Vài nét về kinh tế nông hộ Đông Nam Bộ hiện nay	28
	BÙI CHÍ KIÊN - Vấn đề phân tầng xã hội ở Lâm Đồng	31
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	ĐOÀN VĂN KIỂN - Tổng công ty than Việt Nam trên đường đi tới năm 2000	35
	NGUYỄN QUỐC ANH - Về việc trí thức trẻ tham gia phát triển nông thôn, miền núi	40
	NGUYỄN XUÂN KÍNH - Chặng đường 30 năm của Hội văn nghệ dân gian Việt Nam	45
ĐỌC SÁCH	HUY CẬN - Một công trình nghiên cứu sâu về quá trình hình thành tư tưởng chính trị của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh	48
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	HOÀI PHƯƠNG - Hối lộ	50
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN VIẾT THẢO - Đại hội V Đảng Cộng sản Cu Ba - Đại hội của sự đoàn kết và kiên định chủ nghĩa xã hội	51
	TRẦN VĂN TÙNG - LÊ DANH TỐN - Giáo dục với tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ở Đông Á và Đông - Nam Á	55
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	LƯƠNG VINH - Sản nghiệp hóa nông nghiệp : bản chất, hiệu quả và sự thực hiện	59
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Chỉ số giá cả, chỉ số Đao-Jôn	61

Ảnh bìa 1 : *Bên cột cờ Hà Nội*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ВАН ТЬЕН ЭУНГ - "Разрушение одного идола". ЛЕ СУАН ТУНГ - Славный подвиг столицы Ханоя. НГУЕН ДИНЬ ХЫОНГ - Работа внутренней политической защиты и кадровая стратегия. ФАМ ТХАНЬ НГАН - Оформление контингента армейских офицеров в периоде ускорения индустриализации и модернизации страны. НГУЕН ВАН ТХАО - Повышение способности процедуры регламентирования. ФАМ ШОНГ- Окружающая среда должна быть держана в чистоте чтобы мы могли улучшить наши жизненные уровни и прочно развиваться. НГУЕН ДИНЬ ТЫ - Некоторые суждения по усиленному управлению и контролю в отношении к банкам в нашей стране. НГУЕН ТХИ ФЫОНГ ТХАО - Некоторые наброски семейного сельского хозяйства в восточных районах Южного Вьетнама в настоящее время. БУЙ ТЬИ КИЕН - Проблемы социальной диффиренциации в Лам Донге. ДОАН ВАН КИЕН - Вьетнамская Угольная Генеральная Компания на пути к 2000ому году. НГУЕН ВЬЕТ ТХАО - Vth сьезд Кубинской Коммунистической Партии - сьезд сплочённости и твердого социалистического курса. ЧАН ВАН ТУНГ и ЛЕ ЗАНЬ ТОН - Образование и экономический рост и социальная справедливость в Восточной Азии и Восточно - южной Азии.

CONTENTS

VĂN TIẾN DŨNG - "Demolition of an idol". LÊ XUÂN TÙNG - Glorious victory of Hanoi Capital. NGUYỄN ĐÌNH HƯƠNG - The work of interior political protection and strategy of cadre. PHẠM THANH NGÂN - Building up the contingent of army officers in the period of strengthening the country's industrialization and modernization. NGUYÊN VĂN THẢO - Improving the capacity of institutionalization and renovating the procedures of legislature. PHẠM SONG - Preservation of environmental sanitation for the sake of improving living quality and sustainable development. NGUYÊN ĐÌNH TỰ - Some opinions on strengthening management and control of bank system in our country. NGUYÊN THỊ PHƯƠNG THẢO - Sketches for household economy in Eastern provinces of South Vietnam at present. BÙI CHÍ KIÊN - The problem of social differentiation in Lâm Đồng province. ĐOÀN VĂN KIÊN - Vietnam Coal Corporation on the way towards the year 2000. NGUYÊN VIỆT THẢO - The Vth Congress of Cuban Communist Party - the Congress of solidarity and steadfastness to the socialist orientation. TRẦN VĂN TÙNG - LÊ DANH TỒN - Education and economic growth and social justice in East and Southeast Asia.

SOMMAIRE

VĂN TIẾN DŨNG - "Abattre une idole". LÊ XUÂN TÙNG - Un brillant exploit de Hanoi. NGUYỄN ĐÌNH HƯƠNG - Le travail de défense politique intérieure et la stratégie sur le travail à l'intention des cadres. PHẠM THANH NGÂN - Edifier le contigent de cadres militaires dans la période d'industrialisation et de modernisation accélérées. NGUYÊN VĂN THẢO - Elever la capacité d'institutionnalisation, renouveler le processus de travail législatif. PHẠM SONG - Respecter l'hygiène environnemental pour une amélioration de la vie et un développement durable. NGUYÊN ĐÌNH TỰ - Quelques avis sur l'intensification de la gestion et du contrôle des banques dans notre pays. NGUYÊN THỊ PHƯƠNG THẢO - Quelques traits de l'économie des foyers paysans au Nam Bộ oriental à l'heure actuelle. BÙI CHÍ KIÊN - Le problème d'hiérarchisation sociale au Lâm Đồng. ĐOÀN VĂN KIÊN - La compagnie générale de houille du Vietnam en route vers l'an 2000. NGUYÊN VIỆT THẢO - Le Ve Congrès du Parti communiste cubain - un Congrès de la solidarité et de la fermeté dans l'orientation socialiste. TRẦN VĂN TÙNG - LÊ DANH TỒN - L'éducation et la croissance économique et la justice sociale en Asie orientale et au Sud-Est asiatique.

SUMARIO

VĂN TIẾN DŨNG - "Derribar a un ídolo". LÊ XUÂN TÙNG - Una brillante hazaña de Hanoi. NGUYỄN ĐÌNH HƯƠNG - El trabajo de defensa política interior y la estrategia de cuadros. PHẠM THANH NGÂN - Edificación del contingente de cuadros militares en el período de industrialización y modernización del país. NGUYÊN VĂN THẢO - Elevar la capacidad de industrialización y renovación del proceso legislativo. PHẠM SONG - Realizar la higiene medio ambiental por un mejoramiento de la vida y un sólido desarrollo. NGUYÊN ĐÌNH TỰ - Algunas opiniones sobre la intensificación de la gestión y el control de los bancos en Vietnam. NGUYÊN THỊ PHƯƠNG THẢO - Algunos rasgos actuales de la economía de las familias campesinas en Nam Bo Oriental . BÙI CHÍ KIÊN - El problema de jerarquización social en Lam Dong. ĐOÀN VĂN KIÊN - La Coorporación de Carbón de Vietnam hacia el año 2000. NGUYÊN VIỆT THẢO - El Quinto Congreso del Partido Comunista de Cuba - un congreso de solidaridad y firmeza en la orientación socialista. TRẦN VĂN TÙNG - LÊ DANH TỒN - La educacaión con el crecimiento económico y la justicia social en Asia Oriental y en Sureste Asiático.

目录

•文进勇：打垮一个偶像•黎春松：首都河内的英雄战功•阮庭香：内部政治保卫与干部战略•范清银：在推动国家工业化、现代化时期建设军队干部队伍•阮文章：提高体制化能力、改革立法程序•范双：搞好环保以提高生活质量和持续发展•阮庭绪：对我国银行加强管理和监督的若干意见•阮氏芳章：我国东南部农户经济目前状况点滴•裴志坚：林同省社会分层问题•段文奎：煤炭总公司在通往2000年的道路上•阮日章：吉共五大一团结与坚定社会主义方向的大会•阮文松－黎铭逊：东亚和东南亚地区的教育与经济增长和社会公平

Digitized by Google

ĐÁNH SẬP MỘT THẦN TƯỢNG

Đại tướng VĂN TIẾN DŨNG

THÁNG 12 năm nay, chúng ta vui mừng và tự hào kỷ niệm một sự kiện lịch sử trọng đại mà ý nghĩa và ảnh hưởng đã vượt ra ngoài phạm vi nước ta và ngày càng được khẳng định với thời gian.

Trận "Điện Biên Phủ trên không" này là một mốc son chói lọi trên bước đường trưởng thành và chiến thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam, một biểu tượng nổi bật của trí tuệ, tài thao lược và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam .

Đó là thắng lợi của chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ - một loại hình chiến tranh chưa từng có trong lịch sử quân sự.

Và thất bại của Mỹ không phải chủ yếu ở số máy bay và người lái bị tiêu diệt, ở sự bất lực của các loại vũ khí tối tân, mà là thất bại trên toàn bộ các mục tiêu chiến lược đặt ra, là sự sụp đổ của con chủ bài không quân chiến lược, của "thần tượng không lực Hoa Kỳ", một thất bại chiến lược toàn diện về quân sự và chính trị.

Đó cũng là sự phá sản của chiến lược dựa vào kỹ thuật và hỏa lực, dựa vào không quân để đảo ngược tình hình quân sự trên bộ.

Chúng ta đều biết, sau sự phá sản của chiến lược toàn cầu phản ứng linh hoạt của Ken-nơ-đi - Giôn-xơn, khi Ních-xơn lên làm tổng thống, ông ta đã công bố "học thuyết Ních-xơn" và "chiến lược quân sự toàn cầu mới", chiến lược "ngăn đe thực tế" mà bước chủ chốt đầu tiên để thực hiện là "Việt Nam hóa chiến tranh". Mỹ đề ra kế hoạch chiến lược ba bước :

1 - Chuyển nhiệm vụ chiến đấu trên bộ cho quân ngụy, bắt đầu rút một phần quân Mỹ, tiến hành "bình định nông thôn". Đây là bước chủ yếu, quyết định.

2 - Làm cho quân ngụy mạnh lên đủ sức đương đầu với ta.

3 - Đóng chặt cửa miền Nam, làm cho lực lượng ta suy yếu nặng và do đó chiến tranh "tàn lụi" dần.

Cái "mới" về mặt quân sự ở đây là chuyển nhiệm vụ quân Mỹ sang quân ngụy làm cho quân ngụy thành lực lượng nòng cốt trên chiến trường Đông Dương, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, bao vây, phong tỏa các cửa biển miền Bắc, cô lập ta, lợi dụng sự bất hòa của phe xã hội chủ nghĩa để làm suy yếu cuộc kháng chiến của ta. Đó là sự kết hợp của ba loại chiến tranh : chiến tranh giành dân, chiến tranh bóp nghẹt và chiến tranh hủy diệt.

Trải qua 4 năm thực hiện, chiến lược này đã không đạt được những ý đồ quân sự, không giành được một thắng lợi nào có ý nghĩa chiến lược, mặc dù có đạt một số kết quả trong "bình định nông thôn". Đặc biệt biện pháp phản kích ra vòng ngoài đã bị bẻ gãy qua thất bại lớn ở Nam Lào và đông bắc Cam-pu-chia. Quân đội ngụy, cái xương sống của "Việt Nam hóa" suy yếu thêm một bước.

Nhạy bén với tình hình, Bộ Chính trị ta cho rằng thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của ta trong năm 1971, việc Mỹ phải rút thêm quân cuối năm 1971 và cuộc bầu cử tổng thống năm 1972 là những sự kiện do trùng hợp với nhau mà tạo nên một thời cơ lớn. Ta phải nhân đó đẩy mạnh đấu tranh trên các mặt, giành lấy thắng lợi cao nhất buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trong thế thua,

Digitized by Google

rút hết quân, đánh cho ngụy quân, ngụy quyền sụp đổ một bước nghiêm trọng, thay đổi hẳn cục diện chiến tranh ở miền Nam và Đông Dương. Bộ Chính trị ra nghị quyết mở cuộc tấn công chiến lược năm 1972 trên các hướng Đông Nam Bộ, Quân khu V, Trị Thiên, Tây Nguyên và hình thành cuộc tổng tiến công toàn miền.

Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược này đã đưa đến việc Mỹ phải thỏa thuận văn bản Hiệp định Pa-ri và hạn ngày ký kết. Nhưng sau khi trúng cử tổng thống nhiệm kỳ 2, Ních-xơn ít bị ràng buộc hơn về chính trị, đã trì hoãn việc ký kết, chuẩn bị bước phiêu lưu quân sự mới giành thế mạnh về quân sự và ngoại giao, ép ta phải nhân nhượng theo điều kiện có lợi cho Mỹ. Mỹ đã tung con chủ bài cuối cùng là không quân chiến lược, mở chiến dịch "Lai-nơ-bếch-cơ II", tức cuộc tập kích đường không chiến lược quy mô lớn nhất vào miền Bắc nước ta, nhằm mục đích "làm tê liệt đời sống hằng ngày của Hà Nội, Hải Phòng và phá hủy khả năng chi viện của Bắc Việt Nam cho các lực lượng Nam Việt Nam".

Âm mưu thâm độc này của Mỹ chẳng phải là điều bất ngờ đối với chúng ta. Chúng ta hãy cùng nhau ngược dòng lịch sử để càng thấy rõ sự chỉ đạo chiến lược của Bộ thống soái tối cao ta là chính xác, sắc bén và linh hoạt để đánh bại những âm mưu và hành động chiến tranh của Mỹ ngay trong từng thời kỳ.

Mấy năm trước, Bác Hồ đã dự đoán trước khi chịu thua thế nào Mỹ cũng tàn phá Hà Nội như chúng đã làm với Bình Nhưỡng, thủ đô nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên trước khi chuẩn bị ký Hiệp định đình chiến. Tháng 2-1968 trong tiến trình cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, Quân ủy Trung ương đã giao nhiệm vụ cho Quân chủng Phòng không - Không quân xây dựng kế hoạch tác chiến phòng không chống địch tập kích bằng máy bay B52 vào Thủ đô Hà Nội. Bản dự thảo cách đánh máy bay chiến lược B52 đã ra đời tháng 1 năm 1969. Bước vào cuộc tiến công chiến lược 1972, tháng 1-1972, Bộ Tổng tham mưu đã chỉ thị cho Quân chủng Phòng không - Không quân tiếp tục nghiên cứu và triển khai kế hoạch đánh B52, biên soạn tài liệu huấn luyện và tiến hành huấn luyện bộ đội đánh B52 trong các tình huống phức tạp. Đầu tháng 9-1972, Bộ Tổng tham mưu và Bộ Tư lệnh quân chủng hoàn thành việc xây dựng kế hoạch chiến dịch phòng không đánh B52, nêu nhiệm vụ của Quân chủng là chủ động, không để bị bất ngờ, xác định việc bố trí đội hình, cách đánh và công tác bảo đảm.

Như vậy, vào những tháng cuối năm 1972, những vấn đề cơ bản về nghệ thuật chiến dịch phòng không của quân đội đã được xác định. Nếu bị bất ngờ thì làm sao có thắng lợi to lớn, giòn giã đến như vậy ?

Sau khi thông qua kế hoạch tác chiến, Bộ Tổng tham mưu đã khẩn trương sắp xếp, bố trí, điều chỉnh lực lượng, nâng cao sức mạnh chiến đấu của Quân chủng lên ngang tầm nhiệm vụ, xây dựng thế trận của lực lượng phòng không ba thứ quân, chuẩn bị kế hoạch phòng không nhân dân, chấn chỉnh các mặt công tác bảo đảm phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân. Không chỉ chuẩn bị về mặt vật chất mà quan trọng hơn là đã chuẩn bị tốt về chính trị tinh thần, đi đôi với sơ kết và rút kinh nghiệm, đẩy mạnh công tác huấn luyện thống nhất tư tưởng và cách đánh. Ngày 24-11-1972 Tổng Tham mưu trưởng đã cùng Bộ Tư lệnh nghiên cứu, phê chuẩn kế hoạch tác chiến và ra lệnh cho Quân chủng hoàn thành mọi công tác chuẩn bị vào ngày 3-12-1972. Từ đó cho đến ngày 17 là công tác kiểm tra, đôn đốc cực kỳ căng thẳng và cùng ngày đó ra lệnh cho Quân chủng chuyển sang trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao nhất.

Chẳng những chúng ta không bị bất ngờ về chiến lược và chiến dịch mà còn không bị bất ngờ về chiến thuật và chiến đấu. Bộ Tổng tham mưu đã phát lệnh báo động B52 cho toàn miền Bắc vào lúc 19 giờ 15 tức là 25 phút trước khi máy bay B52 bắt đầu ném bom xuống Hà Nội.

Digitized by Google

Diễn biến của chiến dịch như thế nào, chúng ta đều đã biết. Sau đợt địch tạm ngừng lấy cớ nghỉ Nô-en, Bộ Tổng tham mưu nhận định địch sẽ đánh lớn hơn với thủ đoạn thay đổi và vẫn nhằm mục tiêu chủ yếu là Hà Nội nên đã tăng cường lực lượng và thế trận cho Hà Nội. Đúng như dự liệu, địch đổi cách đánh, đổi đường bay, đánh nhiều hướng cùng một lúc, song vẫn không tránh khỏi bị tiêu diệt.

Sáng 22-12-1972, nhân Ngày thành lập quân đội, Thủ tướng Phạm Văn Đồng xuống thăm sở chỉ huy Quân chủng Phòng không - Không quân. Sau khi nghe Bộ Tư lệnh báo cáo tình hình, Thủ tướng đã động viên cán bộ chiến sĩ : Chiến công của các đồng chí giá trị lắm. Chúng nó muốn ép ta nhưng các đồng chí đã cho chúng bài học đích đáng. Bây giờ chính chúng ta lại ép nó.

Ngày 28-12 trong lúc địch đang còn đánh phá, đồng chí Tổng Tư lệnh đã xuống sở chỉ huy Quân chủng, động viên cán bộ, chiến sĩ và xem kế hoạch dự định đánh địch tiếp. Đồng chí nói : Các anh em đánh giỏi lắm ! Bị thất bại nặng nề thế này Ních-xơn sẽ không chịu nổi và sẽ phải sắp ngừng cuộc.

7 giờ 30 sáng ngày 30-12-1972, chính phủ Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom từ bắc vĩ tuyến 20 trở ra và đề nghị gặp lại đại biểu Chính phủ ta tại Pa-ri bàn việc ký Hiệp định. Mưu đồ của địch đã bị đập tan.

Đúng như đồng chí Lê Duẩn đã từng kết luận : "Chính trong những lúc địch tưởng có thể làm xoay chuyển tình thế và đi gần đến thắng lợi thì chúng phải chịu những thất bại nặng nề không lường hết được ; trái lại trong những lúc gặp vô vàn khó khăn và đứng trước tình thế hiểm nghèo, nhờ sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Đảng ta, nhờ sức chiến đấu anh dũng và sự nỗ lực phi thường của quân và dân ta, cách mạng Việt Nam đã vượt qua mọi thử thách, tiến lên những bước nhảy vọt".

Chúng ta đánh thắng, bởi vì luôn nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công. Ta đã dám đánh B52, không quân chiến lược hiện đại nhất lúc bấy giờ, đã phán đoán đúng các bước leo thang của địch, không bị động chờ địch đến mà chủ động nắm địch, phát hiện kịp thời, đánh địch từ vòng ngoài xa Hà Nội, nghiên cứu cách đánh có hiệu quả nhất, tạo cho mình một thế trận có lợi nhất, tìm ra chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, lực lượng nào cũng hạ được máy bay địch, vũ khí nào của ta cũng phát huy tác dụng cao. Ngay cả cách phòng tránh của chúng ta cũng không phải là kiểu phòng thủ thụ động mà là tích cực, chủ động, bền bỉ phòng tránh để tiếp tục giữ vững sản xuất, chiến đấu, chi viện miền Nam. Chẳng những thế, trong những ngày địch đánh phá ác liệt, khối lượng hàng tiếp tế vận chuyển vào chiến trường vẫn tăng đều đặn, liên tục.

Trong chỉ đạo chiến lược, chưa bao giờ đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị, đấu tranh ngoại giao lại kết hợp chặt chẽ đến như vậy, không chỉ trong các tình huống chiến lược, mà cả trong những tình huống then chốt của chiến dịch. Hoạt động quân sự trên chiến trường cũng như cuộc đàm phán trên bàn hội nghị đều chịu sự chi phối trực tiếp của chỉ đạo chiến lược.

Sự chỉ đạo chiến lược của chúng ta đã nắm vững quy luật phát triển của đấu tranh vũ trang trong chiến tranh giải phóng ở giai đoạn kết thúc. Muốn thực hiện đánh to, thắng lớn, giành thắng lợi làm chuyển biến cục diện chiến tranh, trên cơ sở phát triển sâu rộng chiến tranh nhân dân ở từng địa phương, nhất thiết phải có những trận đánh tiêu diệt lớn bằng tác chiến hợp đồng quân, binh chủng của bộ đội chủ lực. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 với những chiến dịch quy mô cấp quân đoàn hoặc tương đương, chiến dịch phòng không quy mô lớn chống tập kích đường không chiến lược của địch là những bằng chứng sinh động khẳng định điều này.

Sẽ là một thiếu sót lớn, nếu không đề cập đúng mức đến vai trò hết sức quan trọng của quyết tâm, tinh thần tổ chức thực hiện tích cực, sáng tạo, chủ động của các cấp chỉ huy, cán bộ,

(Xem tiếp trang 8)

Digitized by Google

CHIẾN CÔNG OAI HÙNG CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI

LÊ XUÂN TÙNG *

Sau cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân và dân ta ở miền Nam, học thuyết "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ có nguy cơ phá sản hoàn toàn. Để cứu vãn tình thế, đế quốc Mỹ điên cuồng quay trở lại dùng không quân phá hoại miền Bắc, đỉnh cao của cuộc chiến tranh phá hoại lần này là 12 ngày đêm từ 18-12 đến 30-12-1972. Đế quốc Mỹ đã huy động đến mức tối đa máy bay chiến lược B52 và hàng nghìn lượt máy bay chiến thuật tập trung đánh phá Hà Nội, Hải Phòng. Trong lịch sử Thủ đô, đây là một trong những thử thách lớn nhất, quyết liệt nhất. Với những phương tiện chiến tranh hiện đại, Mỹ đã tiến hành cuộc không kích quy mô lớn vào trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế, ngoại giao và là đầu mối giao thông quan trọng của cả nước. Trong 12 ngày đêm, máy bay Mỹ đã đánh phá ồ ạt, dồn dập, trên diện rộng, khắp nội thành và ngoại thành. Điều đó chứng tỏ chính quyền Níchxơn đã tính toán kỹ với hy vọng bằng sức mạnh của không lực Hoa Kỳ, buộc chúng ta phải khuất phục. Nhưng chúng đã lầm và cuối cùng đã gánh lấy thất bại cay đắng.

Cuộc chiến đấu 12 ngày đêm ở Hà Nội là chiến dịch phòng không đạt tới mức cao nhất, oanh liệt nhất trong sự nghiệp bảo vệ miền Bắc, cũng như sự nghiệp chống Mỹ nói chung của nhân dân ta. Trước thử thách, càng thấy rõ tiềm năng và sức mạnh to lớn của cuộc chiến tranh nhân dân ở Thủ đô chống chiến tranh phá hoại bằng B52 của Mỹ. Cuộc chiến đấu diễn ra phong phú có những nét đặc sắc tạo ra hiệu quả chiến đấu cao. Không chỉ tên lửa, pháo tầm cao bắn rơi máy bay mà cả những cây súng trường cũng diệt được chúng. Ngoài lòng dũng cảm, quân dân Thủ đô đã phát huy cao độ khả năng trí tuệ, làm chủ tình huống, làm chủ phương tiện vũ khí hiện đại bắn rơi nhiều máy bay B52 và máy bay cường kích, trong đó có cả máy bay F111 - cánh cụp cánh xòe, bắt sống nhiều giặc lái.

Chiến thắng B52 là một trong những đỉnh cao thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Nó đã chôn vùi ý đồ "đàm phán trên thế mạnh" của tập đoàn Níchxơn, buộc chúng phải ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Hội nghị Pari. Thắng lợi đó một lần nữa khẳng định quan điểm "không quân quyết định thắng lợi trong chiến tranh" mà giới quân sự Mỹ thường khoe khoang đã hoàn toàn phá sản. Nó chứng tỏ không quân Mỹ không thể giữ vai trò quyết định trong chiến tranh và cũng không thể cứu nguy cho chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" đang sụp đổ. Chiến thắng vĩ đại này đã góp phần đưa cách mạng nước ta chuyển sang thời kỳ mới.

Thắng lợi của 12 ngày đêm chiến đấu ở Hà Nội là thắng lợi của sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, Chính phủ, Quân ủy Trung ương thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Trung ương Đảng đã đánh giá đúng tình hình, quyết định và chỉ đạo chiến lược cho Hà Nội chiến đấu, huy động được sức mạnh to lớn của cả nước cho cuộc đụng đầu lịch sử.

Việc Mỹ dùng B52 đánh vào Hà Nội cuối năm 1972, đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh dự kiến trước đó 5 năm. Người chỉ rõ : "Sớm muộn đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B52 đánh ra Hà Nội trước khi chúng chịu thua trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam" (1).

---

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội

(1) *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 2 tr 556 (1954 - 1975)

Digitized by Google

Tháng 10-1972, khi chính quyền Ních-xơn lật lọng đòi sửa hết những điều khoản trong dự thảo hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam, Bộ Chính trị đã khẳng định : âm mưu của địch là tiếp tục kéo dài chiến tranh trong một thời gian nữa, cố giành một thắng lợi quân sự, nhằm kết thúc chiến tranh trên thế mạnh... cho nên ta phải đề phòng Mỹ tăng cường hành động quân sự. Tuyệt đối ta không thể lơ là, mất cảnh giác. Miền Bắc phải tiếp tục đánh bại chiến tranh bằng không quân và hải quân của Mỹ ở "mức độ cao hơn". Những tư tưởng chỉ đạo đó đã soi sáng cho quân dân cả nước và Thủ đô tích cực, chủ động bước vào cuộc chiến đấu quyết liệt và giành thắng lợi.

Thắng lợi của 12 ngày đêm chiến đấu ở Hà Nội cũng là thắng lợi của sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Đảng bộ Hà Nội. Bám sát tình hình, vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng, Đảng bộ Hà Nội tiến hành sâu rộng công tác tư tưởng, tổ chức lực lượng, phát huy sức mạnh của toàn dân bao gồm công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp lao động ở Thủ đô tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Đảng bộ đã chú trọng lãnh đạo công tác củng cố trận địa, sửa chữa hầm hố phòng không, bảo đảm giao thông, bảo vệ tính mạng và tài sản, giữ vững trật tự trị an ; tập trung chỉ đạo việc chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Vào thời điểm cao nhất đã đưa được 54 vạn trên 64 vạn dân ra khỏi thành phố. Tham gia vào chiến dịch sơ tán này còn có các cơ quan nhà nước, xí nghiệp, cửa hàng, trường học, bệnh viện, v.v... Ở lại chỉ là những người có nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, công tác. Đó là kỳ tích lớn lao. Hà Nội làm tốt công tác phòng không nhân dân đã hạn chế đến mức thấp nhất thương vong, tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực rảnh tay đánh máy bay Mỹ.

Thắng lợi của 12 ngày đêm chiến đấu ở Hà Nội còn là thắng lợi của sự hiệp đồng chiến đấu cao giữa lực lượng dân quân tự vệ và nhân dân Thành phố với bộ đội phòng không quốc gia. Trong chiến đấu quân, dân một ý chí, đoàn kết một lòng, hiệp đồng chặt chẽ, hình thành thế trận nhiều tuyến, nhiều tầng đánh địch trên các hướng, ở mọi độ cao. Hàng vạn tay súng của dân quân, tự vệ các nhà máy, xí nghiệp, đường phố, thôn xóm tạo nên lưới lửa bắn máy bay địch tầm thấp, bố trí đón lõng bắn máy bay địch theo các hướng chúng có thể bay đến bất ngờ, làm hậu thuẫn cho bộ đội pháo cao xạ, tên lửa và không quân đánh địch trên cao.

Cùng với Hà Nội làm nên chiến thắng còn có quân, dân các tỉnh tổ chức phối hợp chiến đấu bảo vệ Hà Nội từ xa. Nhân dân các tỉnh quanh Hà Nội đã cưu mang giúp đỡ hàng vạn dân Hà Nội về sơ tán.

Thật là tuyệt diệu trong những ngày chiến đấu vô cùng ác liệt đã xuất hiện hàng trăm tấm gương sáng ngời của tập thể và cá nhân, thể hiện đức hy sinh và lòng dũng cảm trên các lĩnh vực chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo vệ sản xuất, bảo vệ trật tự, tính mạng và tài sản của nhân dân ; trong cứu thương, cứu hỏa thắm tình quân dân đồng đội. Đã có nhiều đảng bộ, chi bộ, đảng viên phát huy vai trò tiền phong gương mẫu, đứng mũi chịu sào suốt trong cuộc chiến. Tất cả các tầng lớp nhân dân Thủ đô già, trẻ, gái, trai đã góp sức tạo nên chiến công vĩ đại này.

Trong đại hội mừng công của quân dân Thủ đô ngày 26-1-1973 Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định : "Quân dân Thủ đô đã có vinh dự làm nên một trong những chiến thắng to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chiến thắng vang dội đó đã làm rạng rỡ thêm truyền thống vẻ vang của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. Cả nước ta rất tự hào về Thủ đô anh hùng của mình". Phần thưởng cao quý mà Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên dương quân và dân Hà Nội lập công xuất sắc xứng đáng là Thủ đô anh hùng của cả nước, sẽ mãi mãi là niềm tự hào đối với chúng ta và các thế hệ mai sau. Hà Nội chiến thắng B52 đã được bạn bè năm châu ca ngợi là Thủ đô "phẩm giá con người".

Một phần tư thế kỷ đã trôi qua, nhìn lại 12 ngày đêm chiến đấu hào hùng và trí tuệ, người Hà Nội càng tự hào với chiến công to lớn này.

Digitized by Google

Kẻ thù đã bị đánh bại, Tổ quốc thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân Hà Nội đang cùng cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện công cuộc đổi mới và hôm nay đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Song các thế lực thù địch vẫn đang tìm mọi cách chống phá cách mạng nước ta. Chúng âm mưu phá ta về nhiều mặt, từ kích động gây mất đoàn kết nội bộ, trước hết là nội bộ Đảng, gây chia rẽ giữa Đảng với nhân dân đến gây rối loạn xã hội, mất ổn định chính trị nhằm đưa nước ta đi chệch quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Hình thức, thủ đoạn có thể thay đổi ít nhiều, nhưng âm mưu chống phá, tiêu diệt chế độ ta của chúng không bao giờ thay đổi. 25 năm trôi qua, những bài học kinh nghiệm từ cuộc chiến đấu 12 ngày đêm của quân và dân ta đánh thắng cuộc tập kích chiến lược bằng B52 của Mỹ cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Từ cuộc chiến đấu 12 ngày đêm cuối năm 1972, đã nhắc chúng ta phải luôn nêu cao cảnh giác cách mạng, không mơ hồ với bản chất của chủ nghĩa đế quốc ; phải kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng. Trong khi đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao nhịp độ tăng trưởng kinh tế, mở rộng quan hệ đối ngoại, chúng ta không một chút lơi lỏng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, luôn luôn coi trọng quốc phòng, an ninh. Cũng qua 12 ngày đêm chiến đấu, đánh thắng B52 cho thấy, để chiến thắng kẻ thù phải phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân. Ngày nay, trong điều kiện mới, chúng ta lại càng phải khai thác phát huy thế mạnh của toàn xã hội, mọi thành phần kinh tế, mọi ngành, mọi cấp, mọi nhà để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tự hào với chiến công oanh liệt cách đây 25 năm, với truyền thống yêu nước, cách mạng của Hà Nội, Đảng bộ và nhân dân Thủ đô quyết vượt lên khó khăn, đồng tâm nhất trí, hăng hái xây dựng Thủ đô giàu về kinh tế, vững về chính trị, mạnh về quốc phòng và an ninh, đẹp về văn hóa, cao về trí tuệ, xứng đáng với niềm tin yêu của cả nước. ❑

ĐÁNH SẬP MỘT THẦN TƯỢNG

(Tiếp theo trang 5)

chiến sĩ quân đội nhân dân nói chung và Quân chủng Phòng không - Không quân nói riêng. Nhờ đó, ta đã có thể tạo thế bất ngờ trong việc sử dụng các binh chủng, sáng tạo ra nhiều hình thức tác chiến và chiến thuật phong phú, vừa chiến đấu vừa xây dựng, càng đánh càng mạnh, chủ động tổng kết kinh nghiệm, không ngừng hoàn thiện chiến thuật, kỹ thuật, chiến đấu chống những phương tiện kỹ thuật hiện đại nhất của địch. Không quân địch thua không phải vì ta có phương tiện hiện đại hơn và nhiều hơn, mà bởi vì không đối phó nổi với hàng vạn bộ óc ngày đêm suy nghĩ cách đánh chúng có hiệu quả nhất với tinh thần "Nhằm thẳng quân thù. Bắn !".

Cuối cùng, mấu chốt quyết định thắng lợi của chiến dịch nói riêng và của chủ trương đánh cho Mỹ cút nói chung là sự nhất trí cao độ về chính trị và tinh thần của nhân dân, là lòng yêu nước nồng nàn của nhân dân. Địch đã gây cho ta những tổn thất hết sức nặng nề, nhưng nhân dân ta kiên cường vượt qua mọi thử thách, mưa bom bão đạn không hề làm lung lay ý chí quyết chiến, quyết thắng của nhân dân cả nước. Toàn dân bắn máy bay địch, toàn dân làm giao thông vận tải. Những ngày lịch sử cuối năm 1972 đã cho thế giới chứng kiến sức sống mãnh liệt, khí phách hiên ngang của một dân tộc sinh hoạt và chiến đấu một cách có tổ chức, bình tĩnh và tự tin cao độ trong tiếng gầm rít man rợ của máy bay và bom đạn kẻ thù.

Một phần tư thế kỷ đã trôi qua, nhưng hồi ức về những ngày hào hùng đó vẫn luôn luôn là nguồn động lực thúc đẩy chúng ta vững bước tiến lên vượt qua những thử thách mới, giành những thắng lợi mới trong sự nghiệp đổi mới mà Đảng khởi xướng. Bài học rút ra từ quá khứ nóng hổi đó vẫn là nguồn trí tuệ để chúng ta vận dụng vào vận hội mới của dân tộc. ❑

Digitized by Google

CÔNG TÁC BẢO VỆ CHÍNH TRỊ NỘI BỘ VỚI CHIẾN LƯỢC CÁN BỘ

NGUYỄN ĐÌNH HƯƠNG *

TRONG quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn coi công tác bảo vệ Đảng là bộ phận không thể thiếu của quá trình xây dựng Đảng. Trong chiến tranh cũng như trong hòa bình, Đảng đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết để tăng cường công tác bảo vệ Đảng, nâng cao cảnh giác, ngăn chặn và đập tan âm mưu của các thế lực thù địch xâm nhập vào nội bộ Đảng, nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh cả về tư tưởng và tổ chức, cán bộ. Nhờ đó mà Đảng ta đã kịp thời phát hiện những phần tử xấu chui sâu, leo cao vào cơ quan lãnh đạo của Đảng, xử lý các vụ án chính trị trong nội bộ Đảng, tạo thêm sức mạnh để Đảng ta vượt qua mọi khó khăn, giành nhiều thắng lợi to lớn.

Hiện nay trong bối cảnh quốc tế và trong nước rất phức tạp, có nhiều thuận lợi và khó khăn, thời cơ - nguy cơ đan xen nhau. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường đang diễn ra dưới những hình thức mới. Mở cửa, hội nhập với quốc tế, đồng thời giữ vững độc lập, tự chủ và bản sắc dân tộc..., đó là những công việc rất hệ trọng, khó khăn, phức tạp, chứa đựng nhiều mâu thuẫn. Trong khi đó các thế lực thù địch lại đang thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" nhằm thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng, làm chuyển hóa chế độ chính trị, xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Lợi dụng sự mở cửa, hội nhập, thông qua các quan hệ kinh tế - văn hóa - ngoại giao, họ muốn làm cho chúng ta "tự diễn biến" đi chệch quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Về nội bộ ta, đại bộ phận cán bộ đã được rèn luyện thử thách trong chiến tranh cách mạng và thực tiễn xây dựng đất nước, bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần độc lập, tự chủ, kiên định với lập trường và mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội, quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, có tinh thần đấu tranh bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa... Đó là một trong những nguyên nhân có ý nghĩa quyết định bảo đảm thành công của sự nghiệp đổi mới. Qua hơn 10 năm thực hiện cơ chế thị trường và mở cửa đã có nhiều cán bộ được trưởng thành, song cũng có không ít cán bộ đã thoái hóa biến chất, giao động về chính trị, cá biệt đã có cán bộ quay lưng lại với Đảng, chống lại Đảng ; một số từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xuyên tạc, không thừa nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, đòi đa nguyên, đa đảng... Tình hình sa sút và suy thoái phẩm chất đạo đức và lối sống cũng đáng lo ngại. Không ít cán bộ lợi dụng chức quyền và những sơ hở trong cơ chế quản lý để thu vén cá nhân làm giàu bất chính, chạy theo lối sống thực dụng, tham nhũng, làm cho nhân dân bất bình. Đó cũng là miếng đất tốt để cho địch đánh vào nội bộ ta.

Nhận thức rõ vấn đề cán bộ là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ đã chỉ rõ nhiệm vụ xây dựng Quy chế bảo vệ chính trị nội bộ nhằm :

- Bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ cương lĩnh và đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước ; chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch ;

- Bảo vệ sự trong sạch chính trị nội bộ, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các phần tử chống đối và cơ hội chính trị ;

- Thẩm tra kết luận các cán bộ có vấn đề lịch sử chính trị hoặc có quan hệ phức tạp ;

---

* Phó trưởng Ban Bảo vệ chính trị nội bộ

Digitized by Google

- Phát hiện kịp thời các tổ chức chống đối ngay từ khi chúng nhen nhóm hoạt động ;

- Bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước.

Hơn bao giờ hết bảo vệ chính trị nội bộ là vấn đề sống còn của Đảng, gắn liền với sứ mệnh lãnh đạo của Đảng, là một nhiệm vụ quan trọng không thể thiếu trong nhiệm vụ củng cố và chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới. Để hoàn thành sứ mệnh của mình Đảng phải tự bảo vệ khỏi sự thoái hóa và biến chất. Đảng phải vững mạnh và trong sạch về chính trị mới ngăn ngừa được nguy cơ chệch hướng và nguy cơ kẻ địch thực hiện âm mưu cài cắm các phần tử xấu chui sâu, leo cao vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Bài học kinh nghiệm của một số đảng đã chứng minh điều đó.

Bảo vệ chính trị nội bộ phải đặt trọng tâm là bảo vệ đường lối, bảo vệ tổ chức và bảo vệ cán bộ, trong đó bảo vệ cán bộ cấp chiến lược và cán bộ đứng đầu trong các tổ chức của hệ thống chính trị là quan trọng hàng đầu. Kiên quyết không để lọt các phần tử cơ hội chính trị, lập trường không kiên định, có khuynh hướng lệch lạc hoặc thoái hóa biến chất, đặc biệt là do địch cài cắm chui vào các cơ quan tham mưu, cơ quan lãnh đạo, nhất là cấp lãnh đạo chiến lược.

Phương châm của công tác bảo vệ chính trị nội bộ trước hết phải lấy xây là chính, làm cho đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị luôn vững mạnh và trong sạch cả về mặt tư tưởng và tổ chức, cả về phẩm chất chính trị và cả về lối sống. Phải tăng cường việc giáo dục rèn luyện cán bộ đảng viên, yêu cầu mỗi cán bộ đảng viên phải tự mình tu dưỡng và rèn luyện về phẩm chất chính trị, về đạo đức cá nhân, về kiến thức nghiệp vụ để không bị tụt hậu với yêu cầu phát triển của đất nước, đồng thời không bị tác động tiêu cực của bên ngoài và không bị kẻ địch lợi dụng.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ đòi hỏi mỗi cơ quan, mỗi cấp ủy đảng phải làm tốt từ khâu tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Tránh tình trạng thiên vị và cảm tình cá nhân, hoặc không khách quan và không nắm chắc cán bộ dẫn đến chọn nhầm người không tốt, bố trí sai lệch và không đúng sở trường của cán bộ. Chúng ta đã có bài học là trong cơ chế thị trường và mở cửa sẽ có cán bộ trưởng thành lên, có cán bộ lên rất nhanh, đột xuất không nằm trong dự kiến của lãnh đạo, song cũng không ít cán bộ bị quy luật đào thải do nhiều lý do khác nhau mà cũng không nằm trong dự kiến. Vì vậy, phải thường xuyên tiến hành rà soát lại đội ngũ cán bộ giúp Đảng phát hiện được những cán bộ tốt để bồi dưỡng, kịp thời phát hiện cán bộ xấu kể cả phần tử cơ hội chính trị chui vào Đảng để đưa ra khỏi bộ máy cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể.

Quản lý tốt cán bộ trước hết là nắm chắc lý lịch cán bộ là việc làm thiết thực để bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ cán bộ. Vì hiểu được một cán bộ có thực sự trung thành với Đảng, với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, với chủ nghĩa xã hội hay không không thể chỉ căn cứ vào lời nói và cử chỉ nhất thời mà phải có thời gian. Có cán bộ khi lợi ích cá nhân được thỏa mãn thì biểu hiện tốt, nhưng khi tham vọng cá nhân không được thỏa mãn thì nảy sinh tiêu cực quay lưng lại với Đảng. Trong điều kiện giao lưu với nước ngoài, tiếp xúc với tiêu cực ngoài xã hội, nếu cán bộ không thật vững vàng và không đủ bản lĩnh thì dễ bị sa ngã. Nhiều bài học kinh nghiệm cho thấy phải rất coi trọng và làm tốt khâu xét kết nạp Đảng, và khi xét chọn cán bộ từ cơ sở để đề bạt vào chức vụ lãnh đạo và quản lý cấp trên. Qua tiến hành rà soát một số điểm từ cấp quận trở xuống ở một vài địa phương cho thấy việc kết nạp Đảng sau 30-4-1975 là ồ ạt, thiếu chặt chẽ, kể cả việc bố trí cán bộ vào chức vụ lãnh đạo cũng không được chọn lọc kỹ và đã phát hiện con số đáng lo ngại những người không đủ tiêu chuẩn chính trị.

Bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ cán bộ là nhiệm vụ của toàn Đảng, của các cấp ủy đảng và của cả quần chúng, đảng viên. Qua kinh nghiệm thực tế cho thấy biết dựa vào đảng viên, vào quần chúng, chúng ta sẽ phát hiện được nhiều cán bộ không đủ tiêu chuẩn, kể cả những phần tử cơ hội chính trị, phần tử xấu.

Tình hình quốc tế và trong nước đang diễn ra nhiều tình huống rất phức tạp có tác động nhiều vào nội bộ đảng và đội ngũ cán bộ. Song nếu ta có một đảng vững mạnh, trong sạch cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, có một đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nhất là cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược mạnh, vững vàng, kiên định có bản lĩnh, thì nhất định Đảng ta sẽ lãnh đạo nhân dân ta giành được thắng lợi trong sự nghiệp đổi mới đưa đất nước tiến lên.❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUÂN ĐỘI TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

PHẠM THANH NGÂN *

Đội ngũ cán bộ quân đội (ĐNCBQĐ) là một bộ phận quan trọng trong đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước ta. Xây dựng ĐNCBQĐ là khâu then chốt trong xây dựng lực lượng vũ trang, làm nòng cốt xây dựng nền quốc phòng toàn dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. ĐNCBQĐ vững mạnh là cơ sở quan trọng bảo đảm cho sự ổn định chính trị của đất nước, bởi đây là lực lượng đi tiên phong trong bảo vệ sự toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ nền độc lập dân tộc và không thể tách rời nhiệm vụ bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN. Do yêu cầu nhiệm vụ đặc thù của quân đội nên trong ĐNCBQĐ có đầy đủ các loại hình cán bộ : cán bộ thường trực và cán bộ dự bị, cán bộ chỉ huy và cán bộ lãnh đạo, cán bộ Đảng và đoàn thể, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế... Chính vì vậy, xây dựng ĐNCBQĐ vững mạnh sẽ góp phần rất quan trọng cho việc thực hiện chiến lược cán bộ của Đảng.

Trải qua hơn 50 năm chiến đấu và trưởng thành, được Đảng và Bác Hồ dày công xây dựng và vun đắp, được nhân dân chở che, đùm bọc và tin yêu, Quân đội nhân dân Việt Nam đã xây dựng được lớp lớp cán bộ trung kiên, tận tụy, dũng cảm, sáng tạo ; lãnh đạo, chỉ huy quân đội cùng với toàn dân đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Hơn thế nữa, nhiều cán bộ được đào luyện, trưởng thành từ môi trường quân đội đã trở thành những cán bộ chủ chốt của các cấp ủy, chính quyền, cán bộ chuyên viên đầu ngành quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật của đất nước ; nhiều tướng lĩnh quân đội đã trở thành những nhà lãnh đạo, quản lý đất nước.

Thực tiễn trên đã xác định vai trò, vị trí của việc xây dựng ĐNCBQĐ trong chiến lược cán bộ của Đảng.

Bước vào thời kỳ đổi mới của đất nước, đứng trước những khó khăn thử thách mới, ĐNCBQĐ vẫn luôn phát huy truyền thống vẻ vang của mình. Ngoài những mặt mạnh, mặt trưởng thành chung của đội ngũ cán bộ cả nước, đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang được Đảng đánh giá : "Có lập trường chính trị kiên định, có ý thức cảnh giác cao, chịu đựng gian khổ, vượt qua khó khăn bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội" (1). Tại Hội nghị cán bộ quân chính toàn quân tháng 10 năm 1997 đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười cũng đã biểu dương : "Trong những năm đất nước đổi mới theo con đường XHCN, trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những khó khăn trong nước, quân đội ta luôn tỏ rõ sự vững vàng về chính trị, là một lực lượng trung kiên đấu tranh bảo vệ đường lối quan điểm của Đảng, chấp hành nghiêm túc các nghị quyết của Đảng, pháp luật của nhà nước... bảo đảm thực hiện thắng lợi

* Ủy viên T.U Đảng, Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ 3 BCHTU Khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 69

Digitized by Google

các nhiệm vụ được giao đồng thời chủ động vươn lên đáp ứng những yêu cầu mới của thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước". ĐNCBQĐ rất đáng tự hào về những thành tích và kết quả đã đạt được.

Tuy nhiên, là một bộ phận cán bộ của Đảng và Nhà nước, ĐNCBQĐ không tránh khỏi những mặt yếu kém, những bất cập chung của đội ngũ cán bộ cả nước. Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba BCHTU Đảng (khóa VIII), soi rọi và thẳng thắn nhìn vào thực trạng, Hội nghị tổng kết công tác cán bộ quân đội trong 10 năm đổi mới đã đánh giá về những yếu kém của ĐNCBQĐ là : Một số cán bộ giảm sút ý chí, niềm tin vào CNXH và sự lãnh đạo của Đảng ; có hiện tượng cơ hội, thực dụng, thoái hóa biến chất về đạo đức lối sống, vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, cục bộ địa phương, phe cánh gia trưởng, độc đoán lấn át tập thể ; nhiều cán bộ chưa thật nghiêm túc tiếp thu phê bình và tự phê bình, tính chiến đấu kém, không muốn làm công tác đảng - công tác chính trị. Một bộ phận cán bộ trình độ kiến thức còn thiếu hệ thống, cơ bản toàn diện, tư duy lý luận chưa phát triển kịp với chức năng của quân đội trong thời kỳ mới, năng lực tổ chức chỉ huy, quản lý, năng lực giáo dục thuyết phục, đấu tranh phi vũ trang còn hạn chế, chưa năng động nhạy bén xử lý các tình huống phức tạp. Một số cán bộ sống buông thả, rượu chè nẩy sinh tính quân phiệt, thô bạo với chiến sĩ. Cán bộ tại chỗ phía Nam, dân tộc ít người, vùng cao, vùng sâu tỉ lệ và trình độ học vấn còn thấp. Cơ cấu còn mất cân đối, có tình trạng vừa thừa lại vừa thiếu. Nguồn bổ sung cho đội ngũ sĩ quan dự bị đang có nhiều khó khăn...

Rõ ràng, ĐNCBQĐ còn có nhiều mặt chưa ngang tầm với đòi hỏi của nhiệm vụ xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại trong thời kỳ đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước.

Cụ thể hóa chiến lược cán bộ của Đảng thời kỳ đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước vào quân đội, mục tiêu chung của việc xây dựng ĐNCBQĐ là : ***Xây dựng ĐNCBQĐ có bản lĩnh chính trị vững vàng ; có phẩm chất đạo đức và năng lực toàn diện, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại ; luôn có đủ số lượng và cơ cấu đồng bộ, hợp lý ; đảm bảo được sự chuyển tiếp liên tục, vững chắc giữa các thế hệ cán bộ.***

Trước hết ĐNCBQĐ phải có bản lĩnh chính trị vững vàng kiên định, trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân ; sẵn sàng chiến đấu hy sinh để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN. Đây vừa là bản chất và truyền thống của quân đội, vừa xuất phát từ những đòi hỏi của thực tiễn cách mạng. Bản lĩnh chính trị và lòng trung thành của ĐNCBQĐ trong thời kỳ mới phải được thể hiện ở chỗ : nắm vững và biết vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương của Đảng vào nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng ; nhạy bén và sắc sảo trong tư duy chính trị, luôn nhận rõ âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, đồng thời phát hiện và biết đấu tranh không khoan nhượng với những nhân tố diễn biến gây mất ổn định về chính trị, làm chệch hướng XHCN... Bất luận trong hoàn cảnh nào, cán bộ quân đội cũng phải là lực lượng chính trị trung kiên nhất, trụ vững nơi tiền tiêu của cuộc đấu tranh bảo vệ sự toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, bảo vệ chế độ XHCN.

Về năng lực trình độ của ĐNCBQĐ phải toàn diện, phát triển lên một tầm cao mới. Phải nắm vững và chắt lọc được những kinh nghiệm truyền thống chiến đấu của dân tộc, những tinh hoa của nghệ thuật quân sự Việt Nam và thế giới. Giỏi trong tổ chức chỉ huy quản lý bộ đội ở điều kiện mới ; trong tuyên truyền và vận động nhân dân. Tiếp cận được khoa học công nghệ hiện đại, ứng dụng được những thành tựu của khoa học - công nghệ vào phát triển công nghiệp quốc phòng, phát huy hiệu quả khai thác, sử dụng, bảo quản vũ khí trang bị kỹ thuật, từng bước hiện đại hóa quân đội. CBQĐ cũng phải hiểu biết và có khả năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội, có trình độ ngoại ngữ và tin học cần thiết... Đến năm 2005

Digitized by Google

trở đi, nói chung sĩ quan phải có trình độ đại học, một phần sau đại học và được qua đào tạo, bồi dưỡng cấp lãnh đạo chỉ huy quản lý đúng cương vị.

Về tổng thể, ĐNCBQĐ cả thường trực và dự bị phải luôn có đủ số lượng theo yêu cầu của từng giai đoạn. Cơ cấu về trình độ, ngành nghề, quân binh chủng ; cơ cấu về cấp bậc, chức vụ, độ tuổi... phải cân đối, đồng bộ, phù hợp với quá trình phát triển của quân đội, với nhịp độ CNH - HĐH đất nước ; phù hợp với xây dựng quân đội thời bình và sẵn sàng thích ứng nhanh với các tình huống có thể xảy ra. Từng bước trẻ hóa đội ngũ, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục và vững chắc giữa các thế hệ cán bộ.

Thực hiện mục tiêu xây dựng ĐNCBQĐ nói trên, trước hết các cấp bộ đảng trong quân đội cần tích cực chủ động cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp của chiến lược cán bộ mà Hội nghị lần thứ ba của BCHTU (khóa VIII) đã đề ra : Phải xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc để xác định tổ chức lực lượng quân đội hợp lý, từ đó dự kiến đúng nhu cầu và khả năng phát triển của từng loại cán bộ, từng ngành, từng binh chủng... hoạch định tổng thể về số lượng, cơ cấu và chất lượng cho từng giai đoạn. Chủ động xây dựng kế hoạch tạo nguồn, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng ; xử lý "đầu vào" và "đầu ra" nhịp nhàng ăn khớp, không để có tình trạng thiếu hụt hoặc bị ùn tắc cục bộ làm ảnh hưởng đến việc bố trí, sử dụng và nâng cao chất lượng. Phải luôn xây dựng được quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ trì, cán bộ đầu ngành theo phân cấp quản lý. Phải nhận rõ đây là nhiệm vụ cực kỳ trọng yếu của các cấp ủy đảng. Nắm vững vấn đề mấu chốt của quy hoạch là nhận xét đánh giá đúng cán bộ. Đổi mới quy trình, phương pháp tiến hành xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ chủ trì. Nghiên cứu xây dựng quy trình phát hiện, tuyển lựa và đào tạo bồi dưỡng nhân tài để quân đội luôn có những lớp cán bộ trẻ phát triển vững chắc. Thực hiện một cách khoa học và có nền nếp việc bố trí luân chuyển cán bộ giữa các khu vực, các khối công tác ; chủ lực với địa phương ; cơ quan, nhà trường với đơn vị để đào luyện cán bộ. Chú trọng tạo nguồn từ những cán bộ được rèn luyện thử thách trong chiến đấu và trong thực tiễn, làm các nhiệm vụ trọng điểm, trong điều kiện khó khăn phức tạp, làm việc có hiệu quả, có thành tích, sáng kiến trong công tác ; từ những học viên tốt nghiệp xuất sắc, các nhà khoa học, chuyên gia giỏi thuộc các lĩnh vực. Khi bổ nhiệm cán bộ phải kết hợp cả độ tuổi theo cấp bậc và chức vụ, thời gian giữ một chức vụ cán bộ chủ trì không để quá hai nhiệm kỳ, có thể bố trí tuần tự hoặc không nhất thiết phải tuần tự đối với những cán bộ có tài năng. Thực hiện chế độ miễn nhiệm đối với những cán bộ sau một thời gian bổ nhiệm mà không phát huy được.

Trong đào tạo bồi dưỡng cán bộ, vấn đề hàng đầu là phải xuất phát từ yêu cầu, tiêu chuẩn từng loại cán bộ để xây dựng nội dung chương trình đào tạo hợp lý. Kết hợp đào tạo theo chức vụ với trình độ học vấn tương ứng ; đặc biệt chú trọng những vấn đề rút ra từ tổng kết thực tiễn và những kiến thức mới để bổ sung hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo ; tránh sự trùng lắp kiến thức giữa các bậc học. Kết hợp giữa tuyển chọn nâng cao chất lượng "đầu vào" với việc đào tạo cán bộ theo địa chỉ sử dụng. Kết hợp đào tạo chính quy với các hình thức đào tạo lại, bổ sung kiến thức cho từng loại cán bộ. Các trường quân đội tập trung đào tạo các chuyên ngành đặc thù quân sự, đồng thời huy động năng lực các trường dân sự đào tạo đáp ứng nhu cầu cán bộ cho quân đội. Dành ngân sách thích đáng để cử những cán bộ giỏi đi nghiên cứu, học tập các ngành khoa học công nghệ mũi nhọn ở các nước phát triển. Kết hợp đào tạo tại trường, lớp với rèn luyện trong thực tiễn. Cán bộ cấp trên phải thường xuyên bồi dưỡng, giao việc, hướng dẫn kiểm tra cán bộ cấp dưới trực tiếp. Hiệu quả của việc bồi dưỡng người kế nhiệm phải được coi là một trong những nội dung đánh giá nhận xét việc hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ. Thực hiện chế độ khuyến khích và bắt buộc đối với việc tự học, tự nghiên cứu của mỗi cán bộ. Củng cố và từng

(Xem tiếp trang 23)

Digitized by Google

NÂNG CAO NĂNG LỰC THỂ CHẾ HÓA, ĐỔI MỚI QUY TRÌNH LẬP PHÁP

NGUYỄN VĂN THẢO*

XÂY dựng pháp luật là một hoạt động nghiên cứu tổng hợp, liên quan đến sự phối hợp của nhiều cơ quan : Quốc hội, Chính phủ, các bộ, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, sự đóng góp ý kiến của các đoàn thể, của từng công dân. Đó là quá trình nhận thức các quy luật xã hội, xác định phạm vi các quan hệ xã hội cần điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh các quan hệ đó. Thông qua các hoạt động xây dựng pháp luật, Nhà nước ta thể chế hóa đường lối của Đảng và nguyện vọng của nhân dân thành các chuẩn mực hành vi chung, được ghi nhận trong các văn bản quy phạm pháp luật, có tác dụng hướng dẫn con người hành động, ứng xử với các quan hệ xã hội theo định hướng của pháp luật.

Xây dựng và ban hành pháp luật lại phải làm theo một trình tự hợp lý, khoa học, liên quan đến một loạt vấn đề về tổ chức hoạt động của Quốc hội, Chính phủ và các bộ, các cơ quan biên soạn.

Đó là những vấn đề về sáng kiến lập pháp, lập chương trình làm luật, về chuẩn bị và biên soạn các dự án luật, việc trình dự án luật, việc thẩm tra dự án luật của các cơ quan có thẩm quyền, về hoạt động thông qua dự án luật của Quốc hội, về công bố luật của Chủ tịch nước và ban hành các văn bản dưới luật nhằm tổ chức tốt việc thi hành luật.

Xây dựng pháp luật còn phải tuân theo nghiêm ngặt các quy định của Hiến pháp và luật về thẩm quyền lập pháp, lập quy, về lựa chọn các hình thức văn bản, bảo đảm sự thống nhất cao của hệ thống pháp luật và khả năng thực thi tốt pháp luật.

Đổi mới quy trình lập pháp tuy liên hệ đến nhiều vấn đề hệ trọng, nhưng tựu trung lại đó là nhiệm vụ nâng cao chất lượng của pháp luật, phát huy quyền làm chủ của nhân dân ngày một cao hơn, huy động và khai thác triệt để năng lực và trí tuệ của dân, của các nhà chuyên môn, các giới, các tầng lớp làm cho pháp luật ngày càng phản ánh đầy đủ lợi ích của nhân dân.

1. Văn bản quy phạm pháp luật. Hệ cấp thẩm quyền.

Khác với nhiều loại văn bản của các cơ quan nhà nước, đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật là có hiệu lực lâu dài về mặt thời gian, có hiệu lực rộng rãi với số đông nhân dân và các tổ chức, thể hiện dưới nhiều hình thức : luật, hiến pháp, các bộ luật và đạo luật, pháp lệnh, nghị quyết, lệnh, nghị định, quyết định, chỉ thị, thông tư.

Luật về văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội mới ban hành đã nêu rõ những đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật.

Văn bản quy phạm pháp luật ban hành nhằm đặt ra mới hoặc thay đổi, chấm dứt các quy tắc hành vi, các quy tắc này hướng dẫn hành động của con người, những điều cho phép và ngăn cấm, được làm hay không được làm, bắt buộc hay không bắt buộc.

Các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, các bộ, tổng cục và chính quyền địa phương là những văn bản tổ chức thực hiện luật và pháp lệnh. Nhưng trong điều kiện hiện nay và truyền thống lập pháp, lập quy hơn 50 năm của Nhà nước, văn bản lập quy của Chính phủ có thể đưa ra những quy phạm mới mà chưa có luật và Pháp lệnh nào quy định.

---

* Luật sư

Digitized by Google

Giữa văn bản lập pháp và văn bản lập quy có sự khác nhau rất cần phải phân biệt rõ. Vì vậy, cần có một *cơ chế phân biệt văn bản lập pháp và văn bản lập quy* làm cơ sở pháp lý cho việc xây dựng pháp luật, làm cho mối quan hệ phân công và phối hợp quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp rõ hơn, sáng hơn, cụ thể hơn. Đó cũng là một việc cần thiết để thực hiện các nghị quyết của Đảng, nhất là nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 khóa VII, Đại hội VIII của Đảng và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 vừa qua về xây dựng và hoàn thiện nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cơ chế phân biệt văn bản lập pháp, văn bản lập quy có thể gồm 3 điểm :

- Những vấn đề gì nhất thiết phải ban hành bằng luật.

- Những vấn đề gì có thể được ban hành bằng hình thức pháp lệnh.

- Văn bản lập quy và hệ cấp thẩm quyền lập quy của hệ thống hành chính nên giới hạn đến đâu.

Về những vấn đề nhất thiết phải ban hành dưới hình thức văn bản luật, đó là những vấn đề sau đây :

1 - Ban hành các thứ thuế và sửa đổi thuế.

2 - Các quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân.

3 - Tội phạm và hình phạt, tố tụng hình sự và các thủ tục tố tụng khác tại tòa án.

4 - Quy định về Quốc hội.

5 - Quy định về huân chương, huy chương và danh hiệu nhà nước.

6 - Quy định đặc xá, đại xá.

7 - Chế độ bầu cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp.

8 - Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp.

9 - Ngân sách nhà nước hằng năm và các quy định về quản lý ngân sách và công tác kiểm toán.

10 - Quy định về quản lý đất đai.

11 - Chế độ công chức, công vụ.

12 - Những nguyên tắc tổ chức, hoạt động và quản lý các lĩnh vực quan trọng.

Có thể có một số vấn đề khác trong quá trình xây dựng chương trình làm luật, Chính phủ thấy cần thiết trình Quốc hội.

Những lĩnh vực có thể ban hành văn bản dưới hình thức pháp lệnh. Đó là những vấn đề được Quốc hội quyết định giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong chương trình làm luật hằng năm, việc giải thích Hiến pháp và giải thích luật.

Giải thích Hiến pháp và giải thích luật chỉ được thực hiện trong hai trường hợp : Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước, đoàn thể, công dân và có những vướng mắc hoặc có những cách hiểu khác nhau trong quá trình thực hiện và áp dụng Hiến pháp và luật.

Giải thích Hiến pháp và luật không được đưa ra những quy định mới.

Về văn bản lập quy và hệ cấp thẩm quyền lập quy của hệ thống hành chính. Nếu làm rõ được giới hạn văn bản lập quy của Chính phủ và hệ cấp thẩm quyền lập quy của hệ thống hành chính sẽ làm cho mối quan hệ lập pháp lập quy, lập pháp hành pháp tư pháp chặt chẽ hơn, rành mạch hơn, hiệu quả hơn. Trước hết phải dựa vào nguyên tắc cơ bản, Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp. Vì vậy, quyền lập quy của Chính phủ nên giới hạn trong những trường hợp cụ thể, nhất định. Có hai trường hợp :

- Văn bản lập quy của Chính phủ quy định chi tiết những điểm đã có ghi trong luật, pháp lệnh.

- Văn bản lập quy của Chính phủ có thể ban hành những quy định mới trong một lĩnh vực nào đó đang có nhu cầu đòi hỏi cấp bách phải được điều chỉnh bằng pháp luật nhưng chưa có luật, pháp lệnh nào quy định. Gặp những trường hợp này, Chính phủ có thể ra nghị định quy định cho các ngành, các cấp thực hiện một thời gian sau đó tổng kết lại, báo cáo với Quốc hội chuyển nghị định đó thành một đạo luật. Việc ban hành những quy định loại này là cần thiết để kịp thời điều chỉnh các quan hệ xã hội mới nảy sinh trong cuộc sống. Tuy nhiên, việc ban hành những văn bản lập quy loại này cần được bảo đảm bằng thủ tục xem xét trước và nguyên tắc thuận ý của Quốc hội.

Như vậy *quyền lập quy của Chính phủ* bao gồm hai loại hoạt động, cần được phân biệt để

Digitized by Google

tránh tình trạng vi phạm thẩm quyền. Hoạt động lập quy gồm những quy định chi tiết hóa, cụ thể hóa quy định của luật là thẩm quyền hiến định của Chính phủ. Hoạt động lập quy mới (chưa có quy định của luật, pháp lệnh) thì Chính phủ với tư cách là cơ quan hành chính cao nhất có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh, nhưng cần phải bảo đảm những thủ tục, trình tự nhất định.

Chính phủ còn có thẩm quyền ban hành những chủ trương, chính sách cụ thể mang tính bắt buộc đối với toàn xã hội, nhưng không hoàn toàn mang tính chất quy phạm như những văn bản về cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, về phong trào tiết kiệm, phong trào thi đua...

Quyền lập quy của các bộ nên giới hạn ở mức độ nhất định, không nên để quá rộng như hiện nay.

Nói chung, văn bản quy phạm của bộ chỉ có hiệu lực trong nội bộ của ngành : cơ quan chuyên môn cùng hệ thống ở các cấp địa phương. Bộ không đặt ra những quy định bắt buộc ngành khác thực hiện. Nếu cần ban hành những văn bản có hiệu lực ngoài ngành cần xin ý kiến và phải được sự chấp nhận của Chính phủ. Cũng vì giới hạn quyền lập quy của bộ nên kiến nghị cần xử dụng hình thức *Thông tư liên bộ* một cách phổ biến hơn để giải quyết những vấn đề liên ngành.

Quyền lập quy của cấp chính quyền địa phương, nói chung chỉ nên giới hạn trong hai trường hợp sau :

Một là, chính quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý đô thị về trật tự, vệ sinh, giao thông đô thị, bảo vệ môi trường và quản lý các hoạt động văn hóa thông thường.

Hai là, chính quyền cấp xã có quyền ban hành bản quy tắc (hoặc bản hương ước) nông thôn. Bản hương ước phải được ban hành trên cơ sở đã đưa ra trước toàn thể nhân dân xã thảo luận và nhất trí, do hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

Trong mối quan hệ lập pháp, lập quy giữa cơ quan Quốc hội với hệ thống hành chính, cũng cần đề cập đến vấn đề lập quy của cơ quan xét xử và cơ quan kiểm sát.

Về *thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Tòa án nhân dân tối cao.* Nếu xét về cơ sở pháp lý, luật về văn bản quy phạm pháp luật đã giao cho Tòa án nhân dân tối cao quyền này.

Xét về thực tiễn lập pháp, lập quy hiện nay Tòa án nhân dân tối cao đang sử dụng hình thức nghị quyết, thông tư để hướng dẫn đường lối xét xử cho tòa án nhân dân các cấp. Do vậy, theo chúng tôi việc ban hành văn bản của Tòa án nhân dân tối cao nên hướng vào những văn bản tổng kết kinh nghiệm xét xử, như là bản *Án lệ* theo kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới. Qua đó, Tòa án nhân dân tối cao có thể nêu lên những vụ án điển hình, mẫu mực, có thể áp dụng ; nếu tòa án các cấp gặp các trường hợp tương tự thì bắt buộc phải *quy chiếu Án lệ.*

Án lệ có hiệu lực đối với tòa án các cấp, nên có thể coi án lệ cũng là một văn bản quy phạm.

Việc lựa chọn các vụ án mẫu mực, điển hình để xây dựng án lệ có tính bắt buộc đối với các tòa án.

Dùng hình thức đó là phù hợp với tính chất cơ quan xét xử cao nhất và tránh được một cách hiểu đồng nhất "Tòa án nhân dân tối cao cũng ra Thông tư như các bộ, cũng chỉ như một bộ thuộc hệ thống cơ quan hành chính".

Về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cũng như Tòa án nhân dân tối cao, Luật về văn bản quy phạm đã giao quyền cho Viện.

Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao được quy định trong Hiến pháp 1992, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có thẩm quyền lập quy giống như thẩm quyền lập quy của một bộ : có thẩm quyền ban hành quyết định, thông tư, chỉ thị để điều chỉnh những quan hệ xã hội nảy sinh trong phạm vi nội bộ ngành và giải quyết công việc liên ngành bằng Thông tư liên bộ với các bộ trong Chính phủ.

2 - Quy trình lập pháp.

Chương trình làm luật là một hoạt động lớn của Chính phủ, Quốc hội. Một chương trình làm luật 5 năm cần thiết phải dựa chủ yếu vào chương trình kinh tế - xã hội dài hạn mà Đảng đã quyết

Digitized by Google

định trong các kỳ đại hội. Mặt khác phải tính toán các nhu cầu của xã hội về sự điều chỉnh bằng pháp luật. Nhu cầu nào cấp bách, đòi hỏi phải làm trước. Phải xem xét đến hệ thống pháp luật hiện có, đến khả năng của các cơ quan biên soạn, và quỹ thời gian của các cơ quan lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

Một chương trình đã được thông qua, phải làm vội vàng cho đạt thời gian của chương trình, cho sự hoàn thành chương trình sẽ có thể làm cho các đạo luật thiếu chất lượng, ít hiệu quả trong việc thi hành hoặc không thể thi hành được.

Khi chương trình làm luật đã được thông qua, cần *tổ chức các ban dự thảo luật, pháp lệnh* với những mô hình đổi mới nhằm nâng cao chất lượng pháp luật.

Trừ Hiến pháp có phương pháp soạn thảo đặc biệt, các bộ luật, đạo luật, pháp lệnh nên dần dần tiến tới sử dụng *phương pháp chuyên gia* là phương pháp chủ yếu trong quá trình soạn thảo.

Để thực hiện tốt phương pháp này, mỗi dự luật sẽ thành lập một ban dự thảo gồm những chuyên gia đầu ngành, am hiểu sâu về lĩnh vực đó trực tiếp nghiên cứu và soạn thảo, đưa ra dự án.

Cùng với phương pháp chuyên gia, nên nghiên cứu từng bước việc huy động các hội nghề nghiệp (Hội Luật gia, Hội Y học, Hội Kinh tế, Hội Dân tộc học, Hội Nhà báo...) đứng ra chủ trì soạn thảo các dự luật thuộc các lĩnh vực chuyên môn.

Đây mới chỉ là một mô hình, chúng ta còn có thể tìm kiếm những mô hình khác, miễn là những người soạn thảo phải là chuyên gia lành nghề, và là người có vai trò khách quan trong việc đưa ra những quy định quản lý lĩnh vực chuyên môn đó.

Các bộ, tổng cục sẽ có một vai trò mới hơn, lớn hơn đối với những dự luật thuộc lĩnh vực của mình, vì họ sẽ không trực tiếp soạn thảo nhưng có quyền thẩm định, đánh giá chất lượng của dự thảo trước khi đưa lên trình Chính phủ xem xét.

Từ trước đến nay, việc soạn thảo luật, pháp lệnh đều do các bộ, tổng cục đảm nhận. Việc lấy ý kiến các ngành, các cấp, và các đối tượng cần thiết đều do bộ, tổng cục tiến hành. Một vài đạo luật lớn, quan trọng, liên quan đến nhiều ngành có lập ra ban dự thảo nhưng thành phần là đại diện các bộ, tổng cục và một số đoàn thể nên thực chất cũng do bộ, tổng cục chủ quản tổ chức biên soạn.

So với *mô hình chuyên gia* và *mô hình huy động các đoàn thể, các hội quần chúng* đứng ra trực tiếp đảm nhận việc soạn thảo với mô hình hiện nay : *mô hình bộ chủ quản*, mặc dù chưa có thực tiễn để chứng minh, ta cũng có thể thấy tính khách quan của việc soạn thảo sẽ được bảo đảm, hạn chế được những quy định có tính cục bộ, bản vị nghiêng về lợi ích bộ phận, ít chú ý đến lợi ích toàn cục và lợi ích nhân dân. Việc này cũng góp phần rất lớn vào cải cách thể chế, nhất là cải cách thủ tục hành chính.

Với mô hình mới, *vai trò của các bộ, tổng cục lại ở tầm cao hơn*, thẩm định các dự thảo, xem xét khả năng thực thi, điều chỉnh những nội dung cần thiết, chuẩn bị kế hoạch thực hiện kể cả việc xây dựng các văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện Luật.

Cùng với việc nâng cao vai trò mới của bộ, tổng cục trong việc soạn thảo pháp luật, cần khẳng định vai trò thẩm định pháp lý của Bộ Tư pháp đối với các dự luật, pháp lệnh.

Sự thẩm định về mặt pháp lý phải bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật nước ta, sự so sánh và hội nhập với pháp luật các nước, tính hợp pháp, hợp hiến của các dự thảo và những vấn đề pháp lý quan trọng của mỗi dự thảo.

Nếu các bộ, tổng cục là người *thẩm định về nội dung* thì Bộ Tư pháp là người *thẩm định về pháp lý*, chịu trách nhiệm kết luận dự thảo đã có khả năng trình ra Chính phủ thảo luận và xem xét hay chưa.

Năng lực thể chế của Chính phủ đóng một vai trò quyết định về tầm vóc chất lượng của các dự thảo. Thời gian của Chính phủ cần dành nhiều hơn nữa, dài hơn nữa cho các cuộc họp thảo luận dự thảo. Nội dung thảo luận cần bảo đảm cho các quy định thể hiện được tư tưởng đổi mới của Đảng. Thảo luận thể chế, chỉ đạo việc xây dựng thể chế, chỉnh lý thể chế một cách kỹ lưỡng trước khi đưa sang Quốc hội phải được xem là nhiệm vụ quan trọng, không kém gì việc chỉ đạo các vấn đề kế hoạch, tài chính, tiền tệ v.v...

Digitized by Google

Sự thẩm định các dự luật của các ủy ban, hội đồng của Quốc hội lại ở một tầm vóc khác so với sự thẩm định của bộ, tổng cục chủ quản và Bộ Tư pháp.

Khi Chính phủ đã trình sang Quốc hội một dự luật thì sự thẩm định của các cơ quan Quốc hội bao gồm hai giai đoạn : kiểm tra trước và kiểm tra sau :

Kiểm tra trước nhằm chủ yếu vào việc đánh giá dự luật có phù hợp với đường lối chính sách của Đảng, phù hợp với nguyện vọng nhân dân, lợi ích của nhân dân có được đặt lên trên lợi ích của các ngành, các bộ phận hay lợi ích của dân, lợi ích toàn cục lại mờ nhạt hơn so với lợi ích bộ phận. Hoạt động kiểm tra trước của các cơ quan, của Quốc hội cũng cần đặt ra một câu hỏi đối với Chính phủ : Nếu dự luật được thông qua thì việc thực hiện dự luật có khả năng như thế nào, việc thực hiện đó tốn bao nhiêu ngân sách, và bao nhiêu công sức của dân. Các cơ quan của Quốc hội cũng cần quan tâm đến tính hợp hiến với dự luật, mặc dù quá trình chuẩn bị các cơ quan Chính phủ đã làm, nhưng trách nhiệm chính về bảo đảm tính hợp hiến của một dự luật thuộc về Quốc hội.

Kiểm tra sau là việc đánh giá chất lượng của các quy định trong các đạo luật, pháp luật mới ban hành. Một đạo luật, dù được chuẩn bị kỹ, được biên tập chu đáo, được tiến hành theo một tiến trình hợp lý, nhưng khi ban hành vẫn có khả năng bị nhân dân không đồng tình hoặc có những điều khoản không thể thi hành được.

Sửa đổi, bổ sung, tu chỉnh pháp luật là những công việc cần thiết phải bắt đầu ngay khi mới ban hành một đạo luật, được xem như là một công việc tất yếu, từ nhu cầu của cuộc sống.

Công việc kiểm tra sau nhằm vào các mục tiêu đó, thực chất là nhằm vào hoàn thiện hệ thống pháp luật, một bộ phận quan trọng của việc hoàn thiện nhà nước ta.

Công việc kiểm tra sau của Quốc hội được tiến hành với sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Chính phủ.

3. Lấy ý kiến nhân dân

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khóa VIII đã quyết định việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên cơ sở của việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Hiến pháp nước ta ghi nhận nguyên tắc "trưng cầu dân ý" trong việc quản lý các lĩnh vực của đời sống đất nước.

Năm 1989, Hội đồng Nhà nước đã ra một quy chế về lấy ý kiến của nhân dân trong quá trình soạn thảo các đạo luật.

Lấy ý kiến nhân dân, trưng cầu dân ý là một bộ phận của cơ chế dân chủ trực tiếp, thể hiện được bản chất của Nhà nước ta, qua đó còn nâng thêm chất lượng pháp luật, trình độ làm luật, của các cơ quan soạn thảo, góp phần rất hiệu quả trong việc giáo dục ý thức pháp luật cho nhân dân, nâng thêm trình độ hiểu biết pháp luật, tạo điều kiện thi hành tốt pháp luật.

Lấy ví dụ về việc lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Bộ luật dân sự. Việc lấy ý kiến được tổ chức khá quy mô, được làm đến tận cơ sở, là đợt lấy ý kiến dài nhất, tổ chức nghiên cứu tiếp thu một cách nghiêm túc, cẩn thận, ý kiến của nhân dân rất nhiều, nhưng qua đó đã bổ sung thêm được 10 điều nói về quyền nhân thân, thêm 12 điều về vấn đề pháp luật, thêm 46 điều về vấn đề sở hữu, 20 điều về nghĩa vụ và hợp đồng dân sự vào bản dự thảo lần cuối cùng trước khi trình ra Quốc hội.

Có thể nói việc lấy ý kiến nhân dân là không thể thiếu được của quá trình lập pháp. Thông qua việc lấy ý kiến Bộ luật dân sự và các luật khác trong thời gian gần đây, cần xây dựng một cơ chế mới về việc huy động trí tuệ của nhân dân vào việc làm luật.

Cơ chế đó bao gồm cả việc hỏi ý kiến đối với những dự luật, pháp lệnh cần thiết, cả việc trưng cầu dân ý đối với các luật rất quan trọng và đối với những vấn đề hệ trọng của đất nước.

Đã đến lúc nên nghiên cứu việc thiết lập Ủy ban dân nguyện của Quốc hội để thu thập những sáng kiến lập pháp, những dự thảo luật và cả việc đánh giá của nhân dân đối với các đạo luật đã ban hành.❑

Digitized by Google

THỰC HIỆN VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SỐNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PHẠM SONG*

Ba vấn đề xã hội cơ bản mà bất cứ một quốc gia nào cũng phải quan tâm là : Phát triển - Dân số - Môi trường. Ba vấn đề này liên quan, tác động lẫn nhau ; nhưng chưa có một nước nào có thể tự hào là đã hài hòa được cả ba mặt để phát triển trong hạnh phúc và trường tồn.

Phần lớn các nước phát triển đều vi phạm việc bảo vệ môi trường của nước họ, góp phần chủ yếu vào phá hủy tầng ôzôn, tạo ra mưa axít và khai thác tài nguyên môi trường của các nước kém phát triển đến mức cạn kiệt. Tốc độ phát triển dân số ở nhiều nước phát triển có chiều hướng giảm nên lực lượng lao động trẻ ngày một giảm sút, nếu không điều chỉnh sẽ là một tai họa lớn cho tương lai ; môi trường xã hội tại các nước đó có mặt cũng không lấy gì để tự hào. Tai họa phải gánh chịu nặng nề nhất thuộc về các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước kém phát triển, vì cả ba mặt đều ở tình trạng nan giải. Phát triển kém không thoát được cảnh đói nghèo, lạc hậu ; dân số tăng quá cao mà không điều chỉnh nổi ; môi trường bị phá hủy do nhu cầu cấp bách để tồn tại nên sa vào thế bất khả kháng. Nếu lại gặp cảnh nội chiến do nhiều nguyên nhân : tôn giáo, chủng tộc, tranh chấp quyền lực giữa các phe phái thì không kể sao cho hết nỗi thương đau của thân phận con người trong các nước đó.

Nhân loại từ lâu đã biết đến tại họa này của con người và những người thiện chí, hiểu biết đã đấu tranh và đề ra được 13 công ước quốc tế về bảo vệ môi trường. Nhưng sự hưởng ứng cũng không đồng đều ; và sau 5 năm kể từ Hội nghị thượng đỉnh Ri-ô Đờ Gia-nê-rô (Rio De Janero) tháng 2 năm 1992, thì môi trường toàn cầu vẫn tiếp tục bị hủy hoại. Tuy vậy, xu thế tất yếu đòi hỏi phải bảo vệ môi trường ngày càng phát triển, các cuộc đấu tranh quy mô lớn về bảo vệ môi trường cũng đã hình thành. Ở nhiều nước phát triển, nhân dân đã thành lập chính đảng và lấy khẩu hiệu bảo vệ môi trường làm cương lĩnh hoạt động với cái tên là Đảng xanh, có vị trí trong quốc hội. Tương lai chắc chắn con người sẽ hiểu được rằng chỉ có sự hài hòa giữa phát triển, dân số và môi trường mới đem lại chất lượng sống cao và sự phát triển bền vững.

Như vậy, môi trường là một vấn đề mà thế giới và Việt Nam đang quan tâm trước sự suy thoái của nó. Vậy môi trường là gì ? Nên đối xử như thế nào với môi trường ?

Môi trường là các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và của thiên nhiên. Có thể diễn đạt tầm quan trọng của môi trường như : Cá thì phải sống trong nước ; nước là môi trường sinh thái của cá. Chim thì bay trên trời, đậu trên cây, trên các đảo chim, vườn chim ; vậy trời xanh, bãi đậu, thức ăn của chim là môi trường quyết định sự sống còn của chim. Con người thì cần nước, cần thức ăn, cần không khí để sống, nhà ở, cơ quan để sản xuất nuôi sống con người... Nói tóm lại, con người cũng là một sinh vật mà sự sống phụ thuộc vào môi trường chung quanh.

Nếu đánh giá cho công bằng thì đất nước Việt Nam là một đất nước nhiều cảnh đẹp, môi trường thiên nhiên thuận lợi. Nhiều người nước ngoài đến thăm nước ta đều ca ngợi non sông gấm vóc của Việt Nam. Nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, nhưng do nhiều yếu tố dẫn đến nhiều người dân

* GS, Phó trưởng ban thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường

Digitized by Google

chưa cảm nhận hết được vẻ đẹp cảnh quan của đất nước và chưa có ý thức đầy đủ đến việc bảo vệ môi trường. Vì vậy, đang có nhiều hành động làm ảnh hưởng đến môi trường, phá vỡ cảnh quan thiên nhiên kỳ thú của đất nước. Có thể kể ra đây 4 điểm đáng lưu ý :

1. Tài nguyên nước quốc gia chưa được quản lý tốt và đang bị ô nhiễm nặng nề do tập quán vệ sinh làm cầu tiêu trên sông, rạch, đi tiêu bừa bãi và nuôi cá bằng phân người, chăn vịt trên kênh rạch, vứt bỏ đủ các loại rác trên kênh rạch ; chất thải của bệnh viện, trạm y tế, của các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chưa được xử lý cũng được thải ra sông rạch. Các hóa chất dùng trong nông nghiệp gây hại cho môi trường nước không ít. Đó là điều làm cho phần lớn kênh rạch, hồ, ao, đồng ruộng và nhiều con sông lớn, nhỏ bị ô nhiễm nặng nề. Tài nguyên nước - tài nguyên sống còn của quốc gia mà thế giới coi là dòng máu sinh học chưa được quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý và bồi phụ đúng mực. Chúng ta cũng chưa đưa ra được các giải pháp có hiệu quả để ngăn chặn mặt tác hại của nước như : hạn hán, lũ lụt... hằng năm đã gây ra nhiều thiệt hại to lớn về người và của. Một thực tế ở nước ta hiện nay là nước mặt sinh trong nội địa chỉ có 36%, còn 64% là chảy từ ngoài vào, nên quản lý nước trên bình diện liên quốc gia đang được đặt ra cấp bách và phải tìm cho được giải pháp công bằng, hợp lý.

2. Chúng ta đang có những hành động làm lãng phí, cạn kiệt tài nguyên đất nước. Thí dụ : việc khai thác tùy tiện, bừa bãi các vườn chim ở Đồng Tháp Mười, Cà Mau và rừng tràm U Minh Thượng ở Kiên Giang. Đặc biệt là loại sếu cổ đỏ ở Đồng Tháp Mười là một loại chim quý hiếm ít nơi có, nhưng chưa được bảo vệ chu đáo. Ở Minh Hải có ít nhất 22 bãi chim, với những bãi chim nổi tiếng như Đầm Dơi, U Minh, Cái Nước. Nhưng hiện nay chim ít về sinh sản do chúng ta khai thác lấy chim non, lấy trứng lúc chim ấp, làm chim bỏ hẳn nơi sinh sống. Việc khai thác bừa bãi, thu hẹp vùng đệm nơi chim ăn và tệ nạn săn bắt không được ngăn chặn đã làm cho đàn chim giảm đi trông thấy.

Rừng Tràm U Minh Thượng có diện tích 178 000 ha. Do bị chất độc hóa học tàn phá nên sau ngày giải phóng chỉ còn lại 35 000 ha. Do giữ gìn không tốt nên đã gây ra nhiều vụ cháy rừng. Trong vòng 10 năm (từ 1982 - 1992) đã tiêu hủy 13 958 ha rừng tràm tự nhiên và 4 017 ha rừng tràm do nuôi trồng. Mất rừng nên việc điều hòa khí hậu tiểu vùng bị ảnh hưởng, ít khả năng để làm giảm nguồn nước đỏ sẫm, có lợi cho sinh hoạt và sản xuất ; làm mất hẳn các động vật quý hiếm như nai, gấu, còn các loài chim, cá giảm đáng kể về số lượng. Mật ong tự nhiên trở nên khan hiếm vì lượng bông tràm ít dần. Kết cục là làm mất đi tính đa dạng sinh học mà thế giới bảo vệ môi trường đang tích cực khuyến cáo. Việc phá rừng đước để nuôi tôm có lợi trước mắt thì đã rõ, nhưng lâu dài thì cái hại lại nhiều hơn, vì mất đi môi trường sinh thái để chống nước mặn lấn sâu, đồng thời mất đi hàng rào chắn sóng và gió, mất nguồn thủy sản quý giá. Do đó, phải làm thế nào để vừa nuôi tôm, nhưng vừa bảo vệ được rừng đước.

3. Sự cố môi trường ngày càng nhiều, nhất là lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long. Nhịp độ lũ lụt tăng, nước lũ đến nhanh hơn, ngập cao hơn, rút chậm hơn trong những năm gần đây. Đồng bằng sông Cửu Long nhận nước từ sông Mêcông với lưu lượng bình quân rất lớn 14 100m^3/s. Vì vậy, sự cố có thể do rừng đầu nguồn bị hủy hoại, nên giảm khả năng giữ nước ; cũng có thể do khí hậu khu vực thay đổi... làm gia tăng lũ lụt.

4. Môi trường sống, lao động của nhân dân ta bị ô nhiễm nặng nề. Việc quản lý phân người ở đô thị còn rất yếu. Tại Hà Nội vẫn còn 1 đến 2 triệu hố xí thùng. Tập quán sử dụng phân tươi nuôi cá, bón hoa màu vẫn tồn tại. Vấn đề quản lý chất thải còn thả nổi. Tổng chất thải hằng ngày trong cả nước khoảng 19 315 tấn. Trong đó chất thải công nghiệp 10 162 tấn, chất thải bệnh viện 212 tấn, chất thải sinh hoạt 8 665 tấn. Vậy mà phần lớn các tỉnh, thành phố chưa có quy hoạch bãi chôn chất thải. Đặc biệt trên toàn quốc chưa có tỉnh nào có bãi chôn lấp chất thải được xây dựng đúng quy cách, bảo đảm vệ sinh môi trường. Trong các chất thải đáng lo ngại nhất là chất thải bệnh viện và một số chất thải nguy hiểm sản sinh do hoạt động của các ngành hóa chất như thuốc trừ sâu, in nhuộm, dược phẩm. Những chất thải này thường chưa được xử lý hoặc xử lý chưa đạt yêu cầu đã thải

Digitized by Google

ra các nguồn nước. Về số lượng chất thải, trong thực tế chúng ta mới chỉ giải quyết được 50% nên đã dẫn đến môi trường một số đô thị, một số khu vực bị ô nhiễm nghiêm trọng ; có lúc, có nơi tình trạng ô nhiễm đã ở mức báo động. Có thể nêu một vài thí dụ :

- Khu vực bãi chôn lấp chất thải của TP Hà Nội tại xã Mễ Trì, huyện Thanh Trì hiện nay đã quá tải. Chất độc hại từ sản xuất công nghiệp, từ các bệnh viện và chất thải sinh hoạt được chôn lấp chung đã gây ô nhiễm nặng nề môi trường đất, nước, không khí tại khu vực này. Đó là chưa kể đến việc ô nhiễm môi trường do hoạt động của nghĩa trang Văn Điển gây ra. Riêng TP Hà Nội có khoảng 20 bệnh viện, mỗi ngày thải ra khoảng 11 tấn chất thải và khoảng 200m^3 nước thải có chứa các chất độc hại và các loại vi trùng gây bệnh chưa được xử lý. Các chất thải này cũng chính là một trong các nguyên nhân gây nên các bệnh tật nguy hiểm và các dịch bệnh. Nếu không được phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời có thể gây tác hại nghiêm trọng tới sức khỏe con người, ảnh hưởng xấu tới sản xuất và sự phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội nước ta.

- Vấn đề vệ sinh thực phẩm cũng đáng lo ngại. Có 40 - 50% các mẫu thực phẩm qua kiểm tra không đạt yêu cầu. Hàng ăn uống đạt tiêu chuẩn vệ sinh không quá 20%. Sức khỏe của người lao động công nghiệp và nông nghiệp do môi trường lao động trong công nghệ lạc hậu cũng rất bức xúc. Điều tra trên 2 189 đơn vị sản xuất chúng ta thấy : nguyên nhân tác hại đến sức khỏe do bụi là 43%, hóa học 30%, tiếng ồn 11%, mùi khí khó chịu 11% và chất thải lỏng có độc 5%. Một điều tra khác trên 370 xí nghiệp cho thấy : 18% là có tìm cách cải tiến điều kiện lao động, còn 80% điều kiện lao động ngày càng càng tệ hại hơn. Các xí nghiệp tư nhân điều kiện lao động kém hơn xí nghiệp quốc doanh. Sức khỏe công nhân khá và trung bình là 62%. Công nhân công nghiệp nặng có sức khỏe khá và trung bình chỉ bằng 1/2 công nhân công nghiệp nhẹ. Lao động nông nghiệp ở nông trường quốc doanh sức khỏe loại khá và trung bình là 41%, loại kém là 31%...

Để khắc phục tình trạng nói trên, tiến tới mục tiêu thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải sản sinh hằng ngày, giữ gìn môi trường ngày càng xanh, sạch, đẹp, bảo vệ sức khỏe con người, góp phần nâng cao chất lượng sống, thúc đẩy công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, chúng ta cần triển khai thực hiện một số vấn đề sau :

***Một là :* Chống ô nhiễm nguồn nước từ phân người, rác hữu cơ nông thôn.** Cần xử lý theo hướng : *kết hợp vệ sinh môi trường với lợi ích sức khỏe và sản xuất, tăng thu nhập*

Từ ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến nay, phong trào vệ sinh môi trường mới chỉ gắn vấn đề phân - nước - rác với lợi ích sức khỏe. Điều này đúng nhưng chưa đủ, thiếu hấp dẫn nên không bền vững. Ngày nay, phải kết hợp khâu bảo đảm vệ sinh phân - nước - rác với lợi ích sản xuất. Mô hình "từ nhà ra ngõ" đang được thực hiện ở xã Tây Tựu (Từ Liêm, Hà Nội), xã An Mỹ (Bình Lục, Hà Nam), xã Phương Tú (Ứng Hòa, Hà Tây)... Với mô hình này, hộ nông dân thực hiện vệ sinh môi trường nông thôn bằng cách tự sản xuất phân vi sinh hữu cơ trên nền than bùn và Biogaz. Trữ lượng than bùn ở nước ta rất lớn, có đến 7 155 triệu m^3, phân bố khá đều trên cả ba miền. Để hỗ trợ nông dân tự làm phân vi sinh hữu cơ, cần tổ chức các trung tâm than bùn với quy mô nhỏ và vừa nhằm dễ dàng cung cấp cho họ. Cần nhân rộng mô hình này để giải quyết phân rác hữu cơ nông thôn, góp phần thực hiện nền nông nghiệp sạch, làm giảm chặt củi và nạn đốt phá rừng đang xảy ra hàng ngày ở nước ta, nhất là ở các vùng núi. Nếu trở thành một dự án quốc gia, có vốn ban đầu cho nông dân vay, thì việc thực hiện vệ sinh môi trường ở nông thôn chắc chắn sẽ giành được nhiều thành tựu tốt đẹp.

Cần xóa bỏ thói quen dùng phân tươi để bón hoa màu, không làm cầu tiêu trên sông rạch, cầu tiêu ao cá. Xử lý phân rác cho dân vạn đò lâu đời sống trên sông và dân sống nửa trên kênh rạch, nửa trên đất liền ; xây dựng cầu tiêu công cộng. Tuy nhiên, để thực hiện được điều này cần phải kết hợp phạt hành chính với giáo dục và tìm cách thay thế thích hợp. Tìm nguồn thức ăn khác cho cá. Phát triển cầu tiêu công cộng nơi bãi chợ, bến xe, cho dân vạn đò, nơi nhiều khách vãng lai, các sân vận động ; các bãi

Digitized by Google

rộng khi tập trung đông người phải có cầu tiêu lưu động. Đưa công nghệ thủy phân nhanh phân để giảm thời gian ủ phân cho thích hợp với thời vụ. Đưa công nghệ thủy phân nhanh phân và sát khuẩn cho thuyền bè các vạn đò trên sông. Cải tạo điều kiện sống của dân vạn đò và dân sống trên kênh rạch là vấn đề lớn. Điều cơ bản là phải quy hoạch lại cụm dân cư, đưa họ sống trên đất, nhưng phải bảo đảm cuộc sống về kinh tế cho họ, trước mắt là giải quyết nạn ô nhiễm phân và thu gom rác. Chúng ta đang thực hiện một cách quy mô bảo vệ dòng sông Hương qua 5 giai đoạn : chống ô nhiễm phân, rác ; chuyển dân cư vạn đò ; nạo vét dòng sông và tạo rừng đầu nguồn. Từ thí điểm này, năm tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Dương và Bắc Ninh đã lập dự án bảo vệ dòng sông Cầu. Đây là một sáng kiến đáng khích lệ trong việc *bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và cứu vãn dòng sông quê hương.*

Hai là : Đẩy mạnh giáo dục truyền thông, nhằm đưa giáo dục truyền thông đi vào sâu rộng trong đời sống nhân dân, làm cho họ chủ động, tự giác tham gia vệ sinh môi trường. Thực tế cho thấy chỉ khi nào có sự tham gia tích cực và rộng lớn của quần chúng thì mọi việc có liên quan đến vệ sinh môi trường mới được thực hiện triệt để và đạt yêu cầu bền vững. Tuy nhiên, mục tiêu cần đạt được trước mắt là từ nhận thức chuyển biến thành hành vi và tạo ra nếp sống sinh hoạt văn minh mới. Đó là : thực hiện vệ sinh ở mọi nơi sinh hoạt, rửa tay trước khi ăn ; uống nước đã đun sôi để nguội hay nước qua công nghệ lọc các vi trùng ; năng tắm giặt, quần áo sạch sẽ, năng luyện tập thân thể ; dùng nước tương đối sạch để vo gạo ; giữ nhà cửa, chuồng gia súc sạch sẽ, bếp ít khói ; sử dụng hợp lý và bảo quản tốt hóa chất trừ sâu để có nông phẩm chất lượng cao, giữ độ mầu của đất được bền vững ; không nuôi cá bằng phân người ; sinh đẻ có kế hoạch, nuôi con khỏe, cho con đi tiêm chủng đủ liều, dạy con ngoan. Trên cơ sở đó mà vận động một phong trào rộng lớn "gia đình sạch, khu phố sạch, cảnh quan xung quanh sạch, bệnh viện trường học sạch". Chính phủ đã có quyết định : thực hiện *Tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường quốc gia* từ ngày 29-4 - 5-5 hằng năm. Tuần lễ này đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân tích cực hưởng ứng.

Ba là : Thực hiện cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường theo hướng Biogaz và phân vi sinh có kết quả, sẽ có tác dụng rất lớn trong việc tăng cường vai trò của quần chúng nhân dân bảo vệ vùng biên giới, giữ vững an ninh quốc gia ; tránh được tình trạng chặt phá rừng làm chất đốt. Điều quan trọng hơn là thông qua việc làm này, nhân dân sẽ tham gia tích cực trồng rừng, bảo vệ rừng là nguồn bồi phụ nước và chống làm hẹp các dòng sông, hạn chế lũ lụt, góp phần quan trọng vào sự ổn định và phát triển xã hội ở cả miền núi và miền xuôi.

Bốn là : Xây dựng các dự án bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và bảo vệ các dòng sông. Nước ta có nhiều di tích lịch sử, nhiều nơi là lễ hội có tầm quốc gia như cố đô Huế, Đền Hùng, Chùa Hương... có nhiều cảnh quan thiên nhiên kỳ thú đã được xếp vào danh mục bảo tồn quốc tế như vịnh Hạ Long, các vườn chim vùng rừng ngập nước. Đáng tiếc là ở những địa danh này, vệ sinh môi trường còn quá thấp kém. Cần có những dự án lớn để động viên nhân dân đứng ra góp công, góp của ; kêu gọi sự hỗ trợ vốn của các kiều bào, các tổ chức trong và ngoài nước ; kết hợp với sự đầu tư của Nhà nước, chúng ta mới hy vọng giải quyết vệ sinh môi trường ở những nơi danh lam thắng cảnh sạch đẹp. Mặt khác, cần tích cực thực hiện các công ước quốc tế về môi trường. Đây vừa là nghĩa vụ, vừa là quyền lợi của quốc gia, làm cho giang sơn chúng ta ngày càng thêm gấm vóc ; dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Năm là : Tạo cơ chế để phát triển và củng cố Công ty vệ sinh môi trường đô thị. Nghiên cứu, điều tra kỹ để nhân rộng mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn vệ sinh môi trường như Công ty Huy Hoàng ở thị xã Lạng Sơn, hiện đang phát huy tác dụng và có kết quả tốt về vệ sinh môi trường ở thị xã.

Để thúc đẩy việc thực thi luật pháp đã ban hành về vệ sinh môi trường, cần tổ chức thanh tra việc thực hiện các tiêu chuẩn môi trường đô thị như : *20 tiêu chuẩn không khí và khí thải, 35 tiêu chuẩn về nước và nước thải, 11 tiêu chuẩn về đất, 4 tiêu chuẩn về tiếng ồn và 1 tiêu chuẩn về giống loại, 8 tiêu chuẩn về ô nhiễm của các phương tiện giao thông đường bộ.* Xây dựng các labô giám sát môi trường khởi đầu từ các đô thị lớn nhằm kịp thời xác định mức độ, sự tiến triển để có giải pháp kịp thời.

Digitized by Google

Xây dựng luật pháp chi tiết về các phương tiện xử lý các sự cố tràn dầu ở vùng ven biển. Trong thực tế đã xảy ra 6 sự cố tràn dầu : Quy Nhơn (năm 1989), Bạch Hổ (năm 1992), Vũng Tàu (năm 1993), Cần Giờ (năm 1994), Cát Lái (năm 1994 và 1996). Thẩm định và kiểm tra chặt chẽ tác động môi trường của các khu chế xuất, vùng công nghiệp tập trung...

Cung cấp nước sạch và thực hiện vệ sinh môi trường là một vấn đề rộng lớn nằm trong ba vấn đề cơ bản của đất nước : Phát triển - Môi trường - Dân số. Môi trường và nước lại liên quan đến 100% dân số, kể từ lúc lọt lòng cho đến khi chết. Do tầm quan trọng như vậy, nên cần có sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước, của các cấp, các ngành và toàn thể xã hội. Chúng ta thấy rằng : người đứng đầu các cấp chính quyền quyết tâm thực hiện với phương thức tiếp cận tổng thể, gắn kết các chương trình, các dự án nước sạch với các chương trình phát triển, xoá đói giảm nghèo, định cư, trồng rừng... thì chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường mới đạt được tỷ lệ phục vụ cao cho các điểm dân cư và phát triển bền vững.

Thực hiện nước sạch và môi trường cũng cần có cách tiếp cận mới như gắn liền lợi ích sức khỏe với lợi ích kinh tế, tăng thu nhập cho người dân, biết áp dụng công nghệ cao, đơn giản, rẻ tiền, thích hợp với sự phát triển của Việt Nam. Đó cũng là cách tiếp cận tổng thể, không giải quyết tách rời từng thành tố : cầu tiêu - giếng nước - hố ủ phân vi sinh. Kinh nghiệm từ những năm 1960 đến nay cho thấy : có lúc chúng ta đã đạt được xã dứt điểm, huyện dứt điểm, tỉnh dứt điểm 3 công trình vệ sinh, nhưng không bền vững được. Cho nên, điều cơ bản là phải làm sao để dân tiếp cận được cách làm mới và hưởng ứng, tham gia. Theo hướng đó, qua hai năm phấn đấu thực hiện, tỉnh Sóc Trăng đã đạt 90% hộ nông dân có nước sạch và 80% có cầu tiêu hợp vệ sinh. Nhưng để phong trào phát triển bền vững, cần phải tiếp tục cách làm mới : ***gắn lợi ích sức khỏe với lợi ích kinh tế.*** Đó cũng là nguyên nhân của sự thành công trong việc thực hiện cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, nâng cao chất lượng sống cho nhân dân ta, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ môi trường chung của toàn thế giới.❑

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ...

(Tiếp theo trang 13)

bước sắp xếp hợp lý hệ thống đào tạo cán bộ quân đội. Kết hợp chặt chẽ công tác nghiên cứu khoa học với giảng dạy ; tập trung cơ sở vật chất và năng lực hiện có để hình thành và phát triển những trung tâm đào tạo có chất lượng cao cho quân đội. Chủ động, tích cực nâng cao chất lượng toàn diện đội ngũ giáo viên, xây dựng và thực hiện nghiêm túc các quy chế quản lý giáo dục, tuyển sinh, quản lý học viên, cấp văn bằng, chứng chỉ, công nhận tốt nghiệp...

Về chính sách cán bộ : Tiếp tục đổi mới chính sách tiền lương, nhà ở, bảo hiểm xã hội với cán bộ quân đội để trong điều kiện mới vẫn thu hút được người tài vào phục vụ quân đội. Trước hết trong phạm vi và khả năng của mình, cấp ủy đảng và người chỉ huy các cấp trong quân đội phải rất coi trọng việc nắm vững và thực hiện tốt chính sách cán bộ, nhất là những chính sách nhằm thu hút giữ gìn chất lượng cán bộ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ. Quan tâm đáp ứng lợi ích vật chất và tinh thần cho cán bộ, nhất là những cán bộ đang công tác ở những ngành đặc biệt, vùng sâu, vùng xa, địa bàn khó khăn gian khổ và những cán bộ có công, có quá trình cống hiến xây dựng quân đội.

Những mục tiêu và nội dung nhiệm vụ nêu trên chính là những vấn đề cơ bản trong chiến lược cán bộ của Đảng trong quân đội. Phát huy bản chất, truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, toàn Đảng bộ quân đội cần tích cực, chủ động, sáng tạo tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng ĐNCBQĐ thời kỳ đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước. Tuy nhiên, đây cũng là một nhiệm vụ lớn và rất trọng yếu của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị. Sự quan tâm lãnh đạo và tạo điều kiện của Đảng, nhà nước ; sự phối hợp, hỗ trợ thường xuyên và đắc lực của các ngành, các đoàn thể, các địa phtương là nhân tố quyết định sự tiến bộ, trưởng thành của ĐNCBQĐ.❑

Digitized by Google

Một số ý kiến về TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÁC NGÂN HÀNG Ở NƯỚC TA

NGUYỄN ĐÌNH TỰ *

Từ khi chuyển ngân hàng sang kinh doanh theo cơ chế thị trường và triển khai thực hiện *Pháp lệnh ngân hàng* đến nay, các ngân hàng, tổ chức tín dụng (từ đây gọi chung là các ngân hàng) đã phát triển nhanh chóng, đa dạng, phong phú và cũng không kém phần phức tạp. Nó đòi hỏi phải có các chính sách, công cụ và biện pháp quản lý, kiểm soát thích hợp để phòng ngừa rủi ro, bảo đảm an toàn và nâng cao chất lượng hoạt động, duy trì sự ổn định của hệ thống ngân hàng, góp phần vào sự ổn định của nền kinh tế.

Để thực thi có hiệu quả chính sách tiền tệ, đồng thời tăng cường hoạt động quản lý và kiểm soát của mình, Ngân hàng nhà nước đã ban hành khá đầy đủ các cơ chế và quy chế quản lý, bao gồm cả về quản trị điều hành, quy chế cấp và thu hồi giấy phép, các thể lệ tín dụng, thanh toán, ngoại tệ, vàng bạc ; các quy định về thanh tra, kiểm soát... Nhìn chung, môi trường pháp lý cho hoạt động của các tổ chức tín dụng ở nước ta bước đầu đã đáp ứng trong giai đoạn đầu chuyển đổi. Tuy nhiên vẫn còn khá nhiều khó khăn và vướng mắc trong quá trình thực hiện, cần được nghiên cứu, tháo gỡ. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin đề cập hai vấn đề sau đây :

1 - Những vấn đề nổi lên làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động ngân hàng trong cơ chế thị trường ở nước ta hiện nay.

Một là, năng lực vay nợ của khách hàng hạn chế : Đặc điểm nổi bật của các doanh nghiệp quốc doanh và ngoài quốc doanh ở Việt Nam là vốn tự có nhỏ bé, vốn phục vụ sản xuất kinh doanh chủ yếu phải vay của ngân hàng (khoảng trên 80%). Năng lực, trình độ và kinh nghiệm quản lý sản suất kinh doanh của các doanh nghiệp còn đang bất cập.

Hai là, môi trường kinh tế chưa ổn định : Chính sách và cơ chế quản lý kinh tế vĩ mô của Nhà nước đang trong quá trình điều chỉnh, đổi mới và hoàn thiện. Sản xuất kinh doanh trong nước phải cạnh tranh gay gắt với hàng lậu và hàng ngoại. Các doanh nghiệp chuyển hướng và điều chỉnh phương án sản xuất kinh doanh không theo kịp với sự thay đổi của cơ chế và chính sách vĩ mô. Vì vậy, một số doanh nghiệp và ngành sản xuất kinh doanh gặp khó khăn, tồn kho ứ đọng hàng hóa vật tư, thua lỗ, mất khả năng thanh toán, làm phát sinh nợ quá hạn và nợ khó đòi.

Ba là, môi trường pháp lý cho kinh doanh tín dụng - ngân hàng chưa đầy đủ, thiếu các luật về sở hữu và những văn bản dưới luật về lĩnh vực này. Việc cấp chứng thư và các giấy tờ sở hữu tài sản gặp khó khăn, nên việc thế chấp và xử lý tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng có nhiều ách tắc. Tín dụng thương mại (mua, bán chịu hàng hóa) trở thành phổ biến trong giao dịch kinh doanh trên thị trường, nhưng chưa có luật lưu thông kỳ phiếu thương mại, nên xảy ra tình trạng chiếm dụng vốn,

* PTS, Phó Chánh thanh tra Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Digitized by Google

công nợ dây dưa, lừa đảo, trốn thuế, lậu thuế, sử dụng vốn vay ngân hàng sai mục đích mà pháp luật không thể kiểm soát được. Pháp lệnh kế toán thống kê có nhiều nội dung không còn phù hợp, lại chưa được quan tâm kiểm tra, uốn nắn và có biện pháp bắt buộc các doanh nghiệp thực hiện chế độ hạch toán thống kê chính xác, kịp thời, nhất là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh - Báo cáo tài chính của doanh nghiệp chưa thực hiện chế độ kiểm toán bắt buộc, số liệu phản ánh không chính xác thực trạng tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính của khách hàng.

Bốn là, các thủ đoạn lừa đảo mới của khách hàng như : Làm giấy tờ giả mạo chứng nhận quyền sở hữu nhà để lừa đảo vay vốn nhiều ngân hàng ; thông đồng với cán bộ có thẩm quyền cơ quan quản lý nhà đất cấp nhiều bản chứng thư sở hữu nhà đất cho khách hàng đi lừa đảo ngân hàng. Có nơi đã cấp nhiều bản giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đất hợp pháp của một ngôi nhà để đi lừa đảo vay 6 ngân hàng. Lập phương án sản xuất kinh doanh giả để vay vốn ngân hàng rồi bỏ trốn... Cơ chế trích lập và sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro chậm được triển khai, chưa phù hợp với nguyên tắc hạch toán kinh doanh theo thông lệ quốc tế và không bình đẳng với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh khác.

Năm là, khách hàng thiếu các điều kiện cần và đủ để thực hiện các nguyên tắc và quy định cho vay, thế chấp của ngân hàng. Trên thực tế, hơn 80% tài sản của các pháp nhân và thể nhân khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và 100% tài sản của doanh nghiệp nhà nước không có giấy chứng nhận sở hữu. Mặt khác, các doanh nghiệp nhà nước vốn tự có rất nhỏ bé, tài sản cố định phần lớn là nhà xưởng, máy móc, thiết bị lạc hậu, không đủ tiêu chuẩn để thế chấp. Trong khi đó, chức năng, nhiệm vụ trong giấy phép đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp rất lớn. Yêu cầu vay vốn của nhiều khách hàng gấp nhiều lần vốn tự có, cá biệt có doanh nghiệp gấp hàng trăm lần. Nếu ngân hàng cứ tiếp tục cho vay như hiện nay, khi xảy ra rủi ro sẽ vi phạm tội cố ý làm trái hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

Sáu là, quan hệ giữa doanh nghiệp với ngân hàng có nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến quản lý và kiểm soát, cụ thể là : Vốn tín dụng ngân hàng chưa đúng với bản chất là bổ sung vốn thiếu cho doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh, mà trở thành bộ phận vốn quan trọng cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (vốn tín dụng hình thành tới 85% vốn luân chuyển và 70% tài sản của doanh nghiệp). Đặc biệt là vốn vay ngân hàng lớn gấp nhiều lần vốn tự có của nhiều doanh nghiệp nhà nước (ít thì gấp 3 hoặc 4 lần, nhiều thì gấp hàng chục lần). Từ hiện trạng này nền kinh tế và các doanh nghiệp có khó khăn sẽ tác động ngay tới hoạt động ngân hàng, tới chất lượng tín dụng. Ngược lại, nếu hoạt động ngân hàng có sự "co lại" cũng sẽ ảnh hưởng ngay tới tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

Do thực tế phát triển kinh tế trong những năm gần đây, nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp (nhất là các tổng công ty nhà nước) tăng nhanh với những khoản vay lớn nhằm đầu tư cho các dự án. Trong khi đó, năng lực tài chính (vốn tự có) của các ngân hàng còn rất hạn hẹp. Pháp lệnh ngân hàng quy định mức cho vay một khách hàng lớn nhất không quá 10% vốn tự có không còn phù hợp, khó kiểm soát, khó xử lý vi phạm.

Mức vốn hoạt động của các ngân hàng thương mại (cả quốc doanh và cổ phần) quá nhỏ bé so với mức rất bình thường của ngân hàng thương mại các nước khu vực. Tổng số vốn được cấp và vốn điều lệ của các ngân hàng Việt Nam chỉ bằng 74% so với các chi nhánh ngân hàng nước ngoài ở Việt Nam. Riêng 4 ngân hàng thương mại quốc doanh có mức vốn điều lệ được cấp mới được 26% số phải cấp. Nếu tính cả vốn tự bổ sung thì so với nợ

Digitized by Google

khoanh chưa được xử lý và nợ quá hạn có khả năng khó thu hồi có thể nói vốn tự có, thực có trong thực tế không còn bao nhiêu. Điều đó sẽ hạn chế đến khả năng cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam nói chung và ngân hàng thương mại quốc doanh nói riêng.

Bảy là, quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp còn nhiều sơ hở. Điều này thể hiện : Nhiều doanh nghiệp quốc doanh và ngoài quốc doanh được nhà nước cấp giấy phép thành lập và cho đăng ký kinh doanh với chức năng nhiệm vụ vượt quá năng lực tài chính, trình độ kỹ thuật, trình độ quản lý sản xuất, kinh doanh. Đây là nguyên nhân sâu xa dẫn đến rủi ro, thua lỗ, phá sản, lừa đảo trong hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.

Tám là, các hình thức kinh doanh tiền tệ trái phép vẫn đang phát triển và hoạt động tự do. Đó là các tổ chức cho vay nặng lãi, cho vay nóng, chủ đề, chủ hụi... Thủ đoạn của chúng là móc nối với khách hàng để lừa đảo vay tiền ngân hàng về cho vay lại, cho vay nóng giúp các khách hàng đảo nợ ở các tổ chức tín dụng...

Chín là, việc quản lý tiền vay ngân hàng của các doanh nghiệp còn lỏng lẻo dẫn đến rủi ro hoặc lừa đảo, không trả được nợ ngân hàng.

Mười là, năng lực quản lý tín dụng và cơ chế cho vay của Ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại tuy đã được chấn chỉnh một bước, nhưng vẫn còn bất cập. Qua kết quả kiểm tra, thanh tra và các vụ việc mà báo chí đã nêu, có thể thấy những khuyết điểm chủ yếu thường xảy ra của bản thân ngân hàng thương mại là : thẩm định phương án vay vốn chưa chặt chẽ ; thủ tục hồ sơ pháp lý còn có những thiếu sót ; chấp hành quy trình nghiệp vụ cho vay, bảo lãnh, thế chấp chưa nghiêm túc ; kiểm tra, kiểm soát và theo dõi việc sử dụng vốn vay của ngân hàng chưa chặt chẽ, chưa ngăn chặn kịp thời những trường hợp sử dụng vốn sai mục đích của khách hàng ; công tác thanh tra, kiểm soát nội bộ trong ngành ngân hàng chưa đáp ứng được yêu cầu mới.

2 - Một số ý kiến nhằm góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động kiểm soát các ngân hàng và tổ chức tín dụng ở nước ta.

Thứ nhất, hoàn thiện chính sách, cơ chế vĩ mô của Nhà nước. Sớm ban hành Luật ngân hàng, Luật sở hữu tài sản, quản lý quá trình mua bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố, bảo lãnh về tài sản cho các pháp nhân và thể nhân, Luật lưu thông hối phiếu và kỳ phiếu thương mại để kiểm soát quan hệ tín dụng thương mại trong cơ chế thị trường.

Mặt khác, ban hành các văn bản dưới luật hướng dẫn thực hiện xử lý phát mại tài sản tài chính, cầm cố, bảo lãnh ; xử lý công nợ của doanh nghiệp thua lỗ, phá sản, giải thể.

Thứ hai, tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp và các ngân hàng.

Đối với các doanh nghiệp : Cần quy định rõ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập, giấy phép đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tư cách pháp nhân, vốn tự có thực tế, năng lực trình độ của doanh nghiệp đó. Giấy phép kinh doanh và quy mô hoạt động phải phù hợp với vốn sở hữu và năng lực, trình độ quản lý thực tế. Thực hiện chế độ kiểm toán bắt buộc hằng năm đối với tất cả các doanh nghiệp. Quy định các cơ quan thanh tra nhà nước chuyên ngành được quyền chỉ định cơ quan kiểm toán để kiểm toán toàn bộ hay một phần hoạt động của doanh nghiệp phục vụ công tác giám sát và thanh tra.

Đối với các ngân hàng : Cấp đủ vốn điều lệ cho các ngân hàng quốc doanh để tạo điều kiện tốt hơn trong kinh doanh, có điều kiện phòng ngừa rủi ro, và làm tốt vai trò chủ đạo trong lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, thanh toán.

Thứ ba, tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành chế độ tài chính đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp. Sớm ban hành cơ chế tài chính cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (hiện mới có cơ chế tài chính cho khối các doanh nghiệp nhà nước) nhằm đưa hoạt

Digitized by Google

động tài chính của các doanh nghiệp đi vào nền nếp, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng vốn tín dụng ngân hàng một cách có hiệu quả hơn.

Thứ tư, xác định rõ trách nhiệm quản lý và kiểm soát của các cơ quan.

Trách nhiệm quản lý vốn và tài sản, kết quả hoạt động kinh doanh, bảo đảm đời sống người lao động, trước hết phải là do các doanh nghiệp, cụ thể là Hội đồng quản trị và ban lãnh đạo. Vì vậy, các doanh nghiệp phải áp dụng các biện pháp tự bảo vệ mình và xử lý những hậu quả xảy ra. Cơ quan làm chức năng quản lý và kiểm tra vĩ mô (Ngân hàng nhà nước, các bộ, ngành) có trách nhiệm trong việc tạo môi trường pháp lý, tạo điều kiện để các doanh nghiệp được tự chủ trong kinh doanh ; đồng thời phải tăng cường các hoạt động kiểm soát để phát hiện vi phạm, có biện pháp uốn nắn và xử lý kịp thời theo các quy định của pháp luật.

Thứ năm, nên xác định rõ ranh giới và mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan bảo vệ pháp luật để tránh chồng chéo, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, gây tâm lý lo ngại cho cả doanh nghiệp và khách hàng, đặc biệt là đối với người gửi tiền vào ngân hàng. Cụ thể là :

- Hoạt động kiểm soát nội bộ (của Hội đồng quản trị và ban điều hành) : Phát hiện, uốn nắn, chỉnh sửa và báo cáo lên trên, khởi kiện vụ việc khi thấy cần.

- Hoạt động của Thanh tra nhà nước chuyên ngành : Phát hiện, chấn chỉnh, yêu cầu khắc phục và xử lý. Phối hợp với các cơ quan pháp luật để điều tra, xử lý những vụ việc, những tổ chức và cá nhân vi phạm nghiêm trọng.

- Các cơ quan bảo vệ pháp luật : Phối hợp với doanh nghiệp, với cơ quan thanh tra chuyên ngành để điều tra và xử lý (nếu cần) ; thực hiện tố tụng theo trình tự pháp luật.

Không nên hình sự hóa quá sớm các vụ việc khi còn khả năng giải quyết về kinh tế : Xử vi phạm hợp đồng, xét xử của tòa án kinh tế, thực hiện các biện pháp xử lý tài sản (xiết nợ, phát mại...) để thu nợ... Sau đó sẽ xem xét trách nhiệm tập thể và cá nhân liên quan.

Thứ sáu, phân định rõ hơn trách nhiệm kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước, ngành đối với một doanh nghiệp : Cơ quan thuế, kiểm tra các nội dung thu chi tài chính và như vậy có thể khai thác báo cáo kiểm toán của cơ quan kiểm toán bên ngoài. Cơ quan quản lý công sản (đối với doanh nghiệp nhà nước) kiểm tra việc quản lý vốn và tài sản nhà nước cấp. Cơ quan quản lý về lao động, tiền lương kiểm tra theo chức năng quản lý nhà nước qua cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, nếu cần có thể kiểm tra đến đơn vị. Thanh tra nhà nước chỉ nên làm chức năng quản lý nhà nước và quản lý vĩ mô về tổ chức, hoạt động thanh tra, kiểm tra. Khi thật cần thiết có thể tổ chức một số cuộc thanh tra diện hẹp để phúc tra hoặc kiểm tra.

Thứ bảy, nên áp dụng cơ chế "bốn mắt, sáu mắt" (*) và bỏ phiếu tập thể để tăng cường hoạt động kiểm soát lẫn nhau, kể cả việc phán quyết các khoản chi tiêu lớn, quyết định cho vay và bảo lãnh những món tín dụng lớn. Thực hiện các quy định luân phiên công việc, nghỉ phép bắt buộc, kiểm tra chéo... để đề phòng gian lận.

Thứ tám, quan tâm củng cố tổ chức và hoạt động kiểm soát nội bộ (bao gồm môi trường kiểm soát tích cực, một hệ thống, một tổ chức kiểm soát có hiệu lực...). Đây là thanh tra vòng trong giúp ban lãnh đạo kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm, bảo vệ an toàn tài sản doanh nghiệp. Mặt khác, cùng phối hợp với cơ quan chức năng trong các hoạt động kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm.

Thứ chín, tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức đảng, giáo dục, quản lý và kiểm tra đối với cán bộ, đảng viên nhằm hạn chế tiêu cực phát sinh. Mặt khác, cần có thái độ kiên quyết trong việc xử lý vi phạm thì mới có tác dụng răn đe. ❑

(*) Nghĩa là 2 người, 3 người xem

Digitized by Google

Vài nét về kinh tế nông hộ Đông Nam Bộ hiện nay

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO*

Cho tới nay, kinh tế nông hộ vẫn tồn tại ở nước ta như một tế bào của nền nông nghiệp. Hộ cá thể hay hộ trong kinh tế hợp tác là đơn vị sản xuất tự chủ, là lực lượng chủ yếu và trực tiếp tạo ra các nông sản phẩm cho nền kinh tế quốc dân. Trong bức tranh chung đó, nông hộ ở miền Đông Nam Bộ lại có những đặc thù riêng của kinh tế vườn trong bát ngát cây trái với những địa danh nổi tiếng như Lái Thiêu, Long Thành, Xuân Lộc, Đồng Xoài, Bến Cát... Bước vào thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn được coi là nhiệm vụ hàng đầu, thì kinh tế nông hộ ở Đông Nam Bộ - một vùng kinh tế chiến lược của nông nghiệp nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi mới để phát triển, đồng thời cũng có nhiều thách thức mới. Nhiều câu hỏi đang đặt ra như : Tình hình và đặc điểm của kinh tế nông hộ Đông Nam Bộ trong giai đoạn mới như thế nào ? Kinh tế nông hộ khu vực này sẽ phát triển ra sao ? Những vấn đề gì đang đặt ra cần phải giải quyết ?... Đi sâu nghiên cứu kinh tế nông hộ Đông Nam Bộ trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa to lớn trong việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn của vùng này ở nước ta.

Lợi thế và đặc điểm kinh tế nông nghiệp Đông Nam Bộ

Đông Nam Bộ vùng đất giàu tiềm năng bao gồm các tỉnh: Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và TP Hồ Chí Minh. So với cả nước diện tích toàn vùng chiếm 7,1% (hơn 23 467km^2), dân số chiếm trên 12% (khoảng 9 triệu người) nhưng là vùng kinh tế phát triển cao và năng động. Bình quân hằng năm GDP tăng 11,1% trong khi cả nước là 7,9% ; hằng năm tạo ra khoảng 30% tổng sản phẩm trong nước. Mật độ dân số cao (khoảng 378 người / km^2, trong khi ở Tây Nguyên 54 người/km^2), với khoảng 787 nghìn ha đất nông nghiệp và chừng 4 triệu dân cư sinh sống ở nông thôn. Đông Nam Bộ có thể được chia thành *ba tiểu vùng* kinh tế sinh thái nông nghiệp chủ yếu :

- *Vùng đồi rừng* : Gồm phần lớn lãnh thổ phía Tây và Tây Bắc các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai. Đây là vùng đất có địa hình tương đối bằng phẳng, phần lớn là đất đỏ, độ mầu mỡ cao, rất thích hợp với các loại cây cao su, hồ tiêu, cà phê, điều, dâu tằm, bông, cây ăn quả và các loại cây công nghiệp ngắn ngày khác. Vùng này có khoảng 576 nghìn ha rừng và đất rừng (chiếm gần 1/4 lãnh thổ tự nhiên toàn vùng), tiềm năng về lâm nghiệp và chăn nuôi gia súc khá lớn.

- *Vùng đồng bằng nội địa :* Gồm phần lớn lãnh thổ của Tây Ninh, Bình Dương, TP Hồ Chí Minh. Hầu hết đất đai ở đây là phù sa do hệ thống sông Đồng Nai bồi đắp. Hệ thống canh tác nông nghiệp chủ yếu là lúa, màu, rau đậu, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày (mía, lạc, đậu tương) và cây ăn quả.

- *Vùng đồng bằng ven biển :* Chủ yếu thuộc các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Đồng Nai. Việc nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy hải sản khá phát triển. Những yếu tố điều kiện tự nhiên cho phép nông dân ở vùng này phát triển kinh tế một cách đa dạng và tổng hợp, chủ lực là : cây công nghiệp, cây ăn quả, rau đậu thực phẩm, chăn nuôi gia súc và gia cầm.

Ngoài lợi thế về môi trường, điều kiện tự nhiên trên, nông dân Đông Nam Bộ còn có lợi thế về điều kiện kinh tế - xã hội. Đó là : điều kiện lưu thông, trao đổi vật tư, nông sản hàng hóa thuận lợi, gần thành phố, đô thị, hải cảng và các trung tâm công nghiệp, thương mại du lịch và dịch vụ. Tác động của công nghiệp và thương mại dẫn đến quá trình đô thị hóa nông thôn làm cho các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ của nông dân phát triển mạnh mẽ. Nông dân đã có trình độ và thói quen sản xuất kinh doanh hàng hóa kể cả trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ... Do vậy, đã hình thành những vùng tập trung chuyên môn hóa nông nghiệp hàng hóa và những chủ doanh nghiệp nông - lâm - ngư nghiệp. Từ những lợi thế trên dẫn đến bình quân đất đai nông nghiệp trên một nhân khẩu trong nhóm nông hộ giàu ở Hóc Môn, Thủ Đức, Củ Chi thuộc TP Hồ

* TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Chí Minh hầu như tương đương với bình quân một nhân khẩu (nhóm hộ giàu) ở Nam Hà, Tiền Giang, Khánh Hòa, nhưng thu nhập bình quân nhân khẩu cao gấp 3, 4 lần so với Nam Hà và gấp 4,8 lần so với Tiền Giang.

Thực trạng kinh tế nông hộ Đông Nam Bộ.

Kinh tế nông hộ ở Đông Nam Bộ là mô hình kinh tế lấy gia đình làm đơn vị và tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp dựa trên cơ sở sức lao động của gia đình là chính với quyền sử dụng ruộng đất lâu dài.

Có thể xem xét thực trạng nông hộ ở Đông Nam Bộ trên các khía cạnh sau :

Một là, các yếu tố sản xuất của nông hộ.

Về ruộng đất : là yếu tố sản xuất cơ bản của các hộ nông dân. Nghị quyết 10 và các chính sách tiếp sau đó đã làm thay đổi căn bản quan hệ ruộng đất trong nông nghiệp. Từ chỗ hoàn toàn phụ thuộc vào hợp tác xã, người nông dân đã được giao ruộng đất ổn định để sử dụng lâu dài và tự quyết định việc sản xuất kinh doanh. Theo thống kê của Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì diện tích canh tác bình quân nhân khẩu của các nhóm hộ ở Đông Nam Bộ : nghèo 702 m^2/khẩu, trung bình : 810 m^2/khẩu ; khá : 1 445 m^2/khẩu ; giàu : 2 145 m^2/khẩu. Chênh lệch giữa hai nhóm giàu - nghèo 5,17 lần.

Về nhân khẩu và lao động : bình quân 1 hộ ở Đông Nam Bộ có 6 nhân khẩu và số lao động là 2,5. Tỷ lệ lao động/khẩu là 0,42. Các hộ giàu thường có nhiều lao động và tỷ lệ lao động/nhân khẩu cao hơn các hộ nghèo.

Về tư liệu sản xuất : 5 năm qua, từ chỗ hoàn toàn phụ thuộc vào tư liệu sản xuất của tập thể, các hộ nông dân đã tích cực chủ động mua sắm, trang bị các tư liệu sản xuất cho mình. Bình quân 1 ha đất canh tác của nhóm hộ giàu được trang bị 4 trâu bò cày, 3,06 máy bơm nước, 2,12 bình phun thuốc sâu. Trong khi đó nhóm hộ nghèo tương ứng chỉ có 2,53 trâu bò, 1,79 máy bơm nước và 1,1 bình bơm thuốc trừ sâu.

Về vốn và khả năng tích lũy vốn : Các cuộc điều tra đều cho thấy chỉ có khoảng 30% - 35% nông hộ tự bảo đảm đủ vốn cho sản xuất kinh doanh, số còn lại cần vay thêm vốn. Nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vay của các nông hộ là các ngân hàng, hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã nông nghiệp và tư nhân. Những năm gần đây, do ngân hàng mở rộng cho vay vốn đến các nông hộ, số vốn vay của ngân hàng đã chiếm 35% - 40% tổng số vốn vay của hộ nông dân. 55% số nông hộ có nhu cầu vay vốn trong đó 55,5% số hộ nghèo cần vay vốn để bảo đảm sản xuất kinh doanh, 58,5% số hộ giàu cần vay vốn để mở rộng sản xuất. Ở Đông Nam Bộ khả năng tích luỹ vốn để đầu tư cho tái sản xuất mở rộng khá lớn. Tổng giá trị sản phẩm 6 523 nghìn đồng/hộ/năm, trong đó tổng chi phí sản xuất : 1 993 nghìn đồng ; chi phí cho đời sống sinh hoạt 2 151 nghìn đồng ; khả năng đầu tư vốn cho tái sản xuất 2 377 nghìn đồng ; chiếm 36,4% so với tổng giá trị sản phẩm, 119,2% so với chi phí sản xuất ; 57,4% so với tổng chi tiêu.

Về trình độ văn hóa của các chủ hộ : theo điều tra của Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, trình độ văn hóa của các hộ nghèo ở Đông Nam Bộ là lớp 4, hộ giàu là lớp 7. Nhóm hộ giàu : trình độ cấp 1 : 31,1% ; cấp 2 : 42,7% ; cấp 3 : 26,2%. Nhóm hộ nghèo : không biết chữ 24,3% ; cấp 1 : 53,6% ; cấp 2 : 20,3% ; cấp 3 : 1,8%.

Hai là, những nét tích cực trong sự phát triển của kinh tế hộ.

Các nông hộ mạnh dạn đầu tư vốn để phát triển sản xuất. Từ năm 1990 đến nay mức đầu tư vốn cho sản xuất kinh doanh của các nông hộ tăng rất nhanh. Có hàng nghìn hộ nông dân với mức đầu tư hàng trăm triệu đồng để mở rộng sản xuất. Điển hình như hộ Hồ Văn Sinh, chủ trang trại 22 ha ở xã Đức Liễu, Bù Đăng, Bình Phước, đầu tư hơn 100 triệu đồng mua sắm máy móc, thu nhập hơn 60 triệu đồng/năm sau khi đã trừ hết chi phí. Những sản phẩm nông nghiệp sau khi thu hoạch sẽ dùng một phần đem chế biến để chăn nuôi, và ngược lại từ chăn nuôi này sẽ có thêm nguồn phân bón động vật để bón cho cây trồng. Máy cày, máy chà gạo, máy phát cỏ và xe cải tiến... ngoài việc phục vụ cho trang trại khép kín của mình còn dành để phục vụ một số hộ nông dân có nhu cầu khác để tạo thêm nguồn thu. Sắp tới ông còn trồng khoảng 31 ha cao su ở địa bàn khác. Mô hình nông hộ của ông Điển Điêng dân tộc Xtiêng ở xã Đoàn Kết, Bù Đăng, Bình Phước, với 10 ha điều đã đoạn tuyệt với cuộc sống du canh du cư nghèo khó và thu nhập hằng năm vào khoảng 45 triệu đồng...

Kinh tế nông hộ bước đầu khắc phục tính tự cấp tự túc, phát triển theo hướng chuyên môn hóa, sản xuất hàng hóa. Tỷ lệ hộ thuần nông ngày càng giảm, hiện còn khoảng 70,4% còn lại là các hộ kinh doanh nông nghiệp kèm ngư nghiệp, lâm nghiệp hoặc ngành nghề dịch vụ.

Tiến bộ khoa học - kỹ thuật đi vào sản xuất kinh doanh của các nông hộ một cách nhanh chóng và có hiệu quả. Khoảng 70% số hộ giàu cần mua máy móc các loại, 55% số hộ có nhu cầu học sử dụng máy móc, 62 - 67% số hộ quan tâm theo dõi các thông tin khoa học - kỹ thuật trên các phương tiện thông tin.

Các hình thức hợp tác tự nguyện giữa các nông hộ phát triển rất phong phú và đa dạng. Đã hình

Digitized by Google

thành các tổ đoàn kết góp vốn xây dựng cơ cở vật chất chung, các hiệp hội làm vườn, nuôi ong, các hợp tác xã dịch vụ sản suất, chăm lo đầu vào, đầu ra của quá trình sản xuất... Hoạt động của các loại hình hợp tác xã theo hướng thiết thực và hiệu quả, phát triển theo hướng tích cực.

Ba là, những bức xúc hiện nay của kinh tế nông hộ Đông Nam Bộ.

Năng suất cây trồng, vật nuôi còn thấp, hiệu quả kinh doanh các hộ chưa cao, chưa đồng đều giữa các hộ, giữa các vùng. Thực trạng của việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa cũng chỉ mới là bước đầu. Việc nhân các mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến còn chậm, dừng lại ở cấp huyện. Do nghèo, văn hóa còn thấp nên việc đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất có nhiều khó khăn.

Giá cả hàng hóa nông sản, vật tư thường thấp, không ổn định và các mặt hàng nông sản tiêu thụ lại bấp bênh nên thu nhập của nông dân không đáng là bao. Cơ cấu nông nghiệp chưa thoát khỏi thế độc canh và thuần nông, khâu chế biến và các hoạt động kinh doanh dịch vụ chưa được các nông hộ khai thác tốt. Các hoạt động dịch vụ mới chủ yếu bung ra ở lĩnh vực phục vụ sinh hoạt, cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm, còn lĩnh vực dịch vụ về vốn, kỹ thuật, kết cấu hạ tầng còn yếu.

Tình hình biến động ruộng đất và giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân còn một số vấn đề cần giải quyết. Dân cư nhiều vùng trong cả nước đến Đông Nam Bộ lập nghiệp ngày càng đông. Trên địa bàn tỉnh, có những vùng quy hoạch phát triển của trung ương như ở Đồng Nai có 100 000 ha cao su và nhiều nông lâm trường quốc doanh khác. Mâu thuẫn giữa quy mô hạn hẹp của ruộng đất trong điều kiện sức lao động dồi dào với sử dụng ruộng đất lãng phí, không đúng mục đích ngày càng nhiều...

Tỷ lệ số hộ nghèo còn chiếm từ 10 - 20%, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, không có tài sản thế chấp nên khó khăn trong việc vay vốn, hoặc sử dụng vốn vay không hiệu quả.

Trong sản xuất kinh doanh các nông hộ chưa có ý thức bảo vệ tốt các nguồn tài nguyên đất nước, khai thác bừa bãi, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái.

Một số giải pháp phát triển kinh tế nông hộ Đông Nam Bộ.

Đông Nam Bộ hiện nay là vùng có nền kinh tế nông nghiệp giàu nhất cả nước, nằm trong khu vực kinh tế công nghiệp - dịch vụ và đô thị lớn nhất của nước ta. Bởi vậy, kinh tế hộ ở đây cần phải được thúc đẩy mạnh mẽ để tạo ra sự phát triển phù hợp, đáp ứng yêu cầu của vùng cũng như của cả nước. Có thể nêu một số giải pháp cơ bản sau :

Một là : Tạo sự ổn định về đất đai, hoàn thiện việc cấp giấy quyền sử dụng đất cho các nông hộ đầy đủ ở các vùng và tạo điều kiện cho đất đai "di chuyển" dễ dàng trên cơ sở pháp luật của Nhà nước. Hộ nông dân là người sử dụng ruộng đất trực tiếp đóng góp các nghĩa vụ (thuế, thủy lợi phí), xóa bỏ mọi quy định của các địa phương về các khoản đóng góp khác tính trên đầu sào, không liên quan đến kinh doanh ruộng đất của các hộ. Đất đai, tài nguyên thuộc sở hữu nhà nước. Tuy nhiên khi nhà nước lấy lại đất đai để xây dựng các công trình theo quy hoạch cần bồi hoàn thỏa đáng cho các hộ đang sử dụng ruộng đất.

Hai là : Tạo điều kiện cho nông hộ được vay vốn đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh thông qua quỹ cho vay của ngân hàng nông nghiệp, củng cố và phát triển các hợp tác xã tín dụng trong nông thôn, phát triển các quỹ xóa đói giảm nghèo. Đồng thời hoàn thiện các quy định, thể lệ cho vay hợp lý như cho vay đúng đối tượng, áp dụng hình thức thế chấp phù hợp với các loại hộ nông dân. Có thể áp dụng hình thức "tín chấp" đối với hộ không có tài sản thế chấp nhưng phải có bảo đảm của chính quyền hoặc các tổ chức quần chúng mà hộ nông dân tham gia.

Ba là : Thúc đẩy mạnh mẽ các quan hệ hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn. Đổi mới, củng cố hoạt động của các hợp tác xã. Các khâu dịch vụ hợp tác xã đảm nhận như trực tiếp sản xuất, thủy lợi cung cấp giống cây trồng, phòng trừ sâu bệnh, bao tiêu sản phẩm... Thành lập các tổ, đội dịch vụ theo quy mô thôn xóm. Tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ và hướng nông hộ tham gia các hợp tác xã trên cơ sở tự nguyện. Thúc đẩy phát triển nhiều loại hình hợp tác sản xuất dịch vụ gắn kết giữa nông dân với nông dân, giữa nông dân với các xí nghiệp quốc doanh chế biến nông sản, sản xuất hàng tiêu dùng và kể cả những xí nghiệp công nghiệp cơ khí... Để làm tốt việc này cần có sự quan tâm đúng mức của Nhà nước, của các ngành, các cấp, các cơ quan đoàn thể. Bên cạnh sự hỗ trợ về vật chất như vốn, trang thiết bị công nghệ... cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục nông dân.

Bốn là : Từng bước xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở trong nông nghiệp, nông thôn.

Năm là : Hoàn thiện hệ thống các chính sách hỗ trợ, đặc biệt là bảo hộ giá nông sản và chính sách tiêu thụ nông sản phẩm để tạo điều kiện cho nông hộ trụ vững trước những diễn biến tiêu cực, bất lợi trong cơ chế thị trường.

Sáu là : Đẩy mạnh công tác khuyến nông, đào tạo cán bộ kỹ thuật, quản lý cho nông thôn, thông tin thị trường để đẩy nhanh mức độ cũng như tốc độ sản xuất hàng hóa. ❑

Digitized by Google

Vấn đề PHÂN TẦNG XÃ HỘI Ở LÂM ĐỒNG

BÙI CHÍ KIÊN *

Phân tầng xã hội là phạm trù của xã hội học và các khoa học xã hội, mà nội dung của nó là sự phân chia, sắp xếp khách quan các cá nhân hoặc nhóm người trong xã hội vào một *tầng xã hội* nhất định trên cơ sở bất bình đẳng về quyền sở hữu, quyền sử dụng, đặc biệt là đối với tư liệu sản xuất, quyền phân phối của cải, về địa vị, quyền lực và uy tín trong xã hội.

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi ở Nam Tây Nguyên, có diện tích xấp xỉ 1 triệu ha, dân số khoảng 810 000 người, trong đó có 20% là đồng bào dân tộc thiểu số. Dưới tác động của quá trình thực hiện cơ chế kinh tế thị trường, sự phân tầng xã hội ở đây diễn ra tuy không thật sôi động, phức tạp như một số địa phương khác, nhưng cũng đã nẩy sinh những vấn đề cần phải quan tâm nghiên cứu, giải quyết.

Trong phạm vi bài viết này, xin tập trung xem xét hai vấn đề : *Một là* phân tầng về sở hữu, sử dụng những tài sản chủ yếu, về thu nhập và mức sống. *Hai là,* một số giải pháp cơ bản phát huy mặt tích cực của phân tầng xã hội nhằm phát triển kinh tế - xã hội.

I - Phân tầng về sở hữu, sử dụng những tài sản chủ yếu và về mức sống.

1. Phân tầng về sở hữu, sử dụng những tài sản chủ yếu.

Kết quả khảo sát, điều tra 720 hộ, với 3 891 khẩu, 2 362 lao động cho thấy:

- Về nhà ở : Trong 720 hộ khảo sát chỉ có 8,75% số hộ xây dựng được nhà ở kiên cố ; 68,80% nhà nửa kiên cố, 22,45% số hộ còn lại ở tạm bợ trong các nhà tranh, tre, nứa lá ; đáng chú ý là trong đó có 0,82% số hộ phải sống ở các lều, chòi, chưa thật sự là nhà ở theo đúng nghĩa. Khu vực đô thị, số hộ có nhà tốt (kiên cố và nửa kiên cố) có tỷ lệ gấp 7 lần khu vực nông thôn.

- Về trang bị và sử dụng điện : mới chỉ có 64,30% số hộ có dùng đồ điện và có điện để sử dụng, trong đó khu vực đô thị là 95,33%, nông thôn mới có 42,14% (khu vực đô thị gấp gần 2,3 lần khu vực nông thôn).

- Về điều kiện vệ sinh: vẫn còn 22,37% số hộ chưa có hố tiêu hợp vệ sinh, trong đó phần lớn là ở khu vực nông thôn.

- Về diện tích đất thuộc quyền sử dụng của hộ : đất thổ cư bình quân của 1 hộ ở đô thị là 443m², ở nông thôn là 1124m², gấp 4,02 lần khu vực đô thị.

Đất nông nghiệp bình quân của 1 hộ khu vực đô thị là 2 487m², khu vực nông thôn là 7 695m², gấp 3,09 lần.

- Về đồ dùng trong gia đình như : xa lông đệm, ti vi màu, radiô cát-xét, xe máy, điện thoại, máy giặt, máy sấy, bếp gas, bếp điện... các hộ khu vực đô thị có gấp từ 3 tới 9 lần số hộ ở nông thôn (tùy từng vùng).

- Về giá trị tài sản và vốn hiện có của hộ : Bình quân tổng giá trị tài sản và vốn của 1 hộ là 55,166 triệu đồng (giá thời điểm năm 1996). Trong đó 1 hộ ở khu vực nông thôn là 32,422 triệu đồng, ở đô thị là 87,008 triệu đồng (gấp 2,68 lần giá trị tài sản, vốn khu vực nông thôn).

Các chỉ báo trên cho thấy : Phân tầng xã hội ở Lâm Đồng diễn ra khá rõ nét giữa hai khu vực. Nhìn chung, các hộ ở khu vực đô thị có quy mô sở hữu sử dụng các của cải, tài sản, tư liệu sản xuất, tiền vốn lớn hơn nhiều so với các hộ ở khu vực nông thôn. Đây vừa là một tất yếu khách quan trong quá trình hình thành nền kinh tế thị trường, vừa là một vấn đề đáng quan tâm trong khi hoạch định chính sách kinh tế - xã hội ở cả tầm vĩ mô và trong khi thực hiện các chủ trương, chính sách ở địa phương, nhằm nâng cao mức sống của đông đảo dân cư và rút ngắn sự chênh lệch giữa các vùng dân cư.

2. Năng động nghề nghiệp và phân tầng các thành phần kinh tế.

- Phân tầng xã hội trong nền kinh tế thị trường

* PTS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

không chỉ diễn ra giữa các khu vực thành thị và nông thôn, mà còn diễn ra giữa các ngành nghề khác nhau, và phụ thuộc vào sự năng động nghề nghiệp của người lao động.

Kết quả khảo sát điều tra cho thấy : Ở Lâm Đồng hộ làm nghề kinh doanh dịch vụ vận tải có giá trị tài sản và vốn cao nhất, gấp 3,53 lần hộ làm nông nghiệp, 2,25 lần hộ làm nghề dịch vụ thương mại, 2,01 lần hộ làm nghề xây dựng, 1,63 lần hộ làm ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Những hộ có vốn lớn, lại ở các vị trí địa lý thuận lợi, chớp được thời cơ, có cơ may chuyển đổi nghề nghiệp một cái có lợi mà phần đông các hộ khác không có điều kiện, khả năng chuyển đổi. Những hộ không có cơ may và thiếu năng động nghề nghiệp thì vẫn tiếp tục làm trong các ngành nghề nông nghiệp.

- Phân tầng xã hội đối với các thành phần kinh tế.

Thực tiễn kinh tế - xã hội ở Lâm Đồng cho thấy, hộ chuyên làm kinh tế tư nhân có giá trị tài sản và vốn bình quân vào loại cao nhất 258,608 triệu đồng, gấp 6,03 lần hộ làm các ngành nghề hỗn hợp, gấp 5,40 lần hộ cán bộ, công nhân viên khu vực nhà nước, và gấp gần 5 lần hộ kinh tế tập thể và kinh tế nông dân cá thể.

Các tầng xã hội hình thành nhanh chóng gắn liền với nhịp độ hình thành của nền kinh tế thị trường. Ở đó có sự tích tụ, tập trung sản xuất, hình thành các tổ chức kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, đặc biệt là sự ra đời thành phần kinh tế tư bản tư nhân. Sự hoạt động của thành phần kinh tế này làm cho sự phân tầng xã hội diễn ra nhanh chóng hơn.

Khoảng cách phân tầng về tổng giá trị tài sản và vốn bình quân giữa thành phần kinh tế tư bản tư nhân và thành phần kinh tế hỗn hợp là 6,03 lần ; ở đây chỉ tính ở mức bình quân, nếu tính ở từng trường hợp cụ thể cá biệt, thì khoảng cách này còn tăng hơn nhiều lần.

3. Phân tầng thu nhập, mức sống

Những người thiếu ăn, nghèo đói là những người có mức thu nhập bình quân đầu người dưới 100 ngàn đồng/tháng ; mức đủ ăn từ 100 ngàn đồng tới dưới 300 ngàn đồng ; mức khá giả và giàu có thu nhập trên 300 ngàn đồng/tháng trở lên.

a) Phân tầng thu nhập, mức sống theo khu vực hành chính

Kết quả khảo sát 720 hộ cho thấy :

	Bình quân		Khu vực đô thị		Khu vực nông thôn	
	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%
1 - Giàu có và khá giả	169	23,47	23	31,66	67	16,00
2 - Đủ ăn	432	60,00	182	60,66	232	55,20
3 - Thiếu ăn, nghèo đói	119	16,52	95	7,66	121	28,80
Tổng cộng	720	100	300	100	420	100

Qua bảng trên ta thấy : Khu vực đô thị số hộ khá giả, giàu có, có tỷ lệ cao gấp gần 2 lần khu vực nông thôn ; Tỷ lệ số hộ đủ ăn ở đô thị cao hơn ở khu vực nông thôn một chút ; tỷ lệ số hộ thiếu ăn, nghèo đói ở khu vực nông thôn còn tới 28,80%, nhiều gấp 3,8 lần khu vực đô thị. Rõ ràng, trong cơ chế kinh tế thị trường, thương mại, dịch vụ và các ngành nghề ở khu vực đô thị mở mang phát triển, do đó những hộ sống ở đô thị có nhiều cơ may làm ăn phát đạt hơn ở nông thôn ; tính năng động xã hội ở khu vực đô thị rõ rệt hơn, việc làm được giải quyết tốt hơn, thu nhập và mức sống cao hơn.

b) Phân tầng thu nhập, mức sống theo tầng lớp dân cư trong xã hội.

Kết quả khảo sát 720 hộ cho thấy :

	Tư nhân		Cá thể		Tập thể		CBCNV nhà nước		Hỗn hợp	
	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%
1 - Giàu có và khá giả	1	33,33	143	21,25	0	0	9	23,34	0	25
2 - Đủ ăn, trung bình	2	66,67	383	56,91	1	100	25	64,10	3	75
3 - Thiếu ăn, nghèo đói	0	0	147	21,84	0	0	5	12,56	0	0
Tổng cộng	3	100	673	100	1	100	39	100	4	100

Bảng trên cho ta thấy, những hộ làm kinh tế tư nhân và kinh tế hỗn hợp có thu nhập mức sống cao nhất, không có hộ nào dưới mức trung bình, trong đó có 1/3 ở mức giàu có, khá giả ; những hộ

Digitized by Google

cán bộ, công nhân viên chức nhà nước có thu nhập, đời sống vào loại thứ hai trong 5 thành phần kinh tế trong bảng, trong đó đại đa số có thu nhập, mức sống trung bình, trên 20% có thu nhập và mức sống khá giả ; hộ kinh tế tập thể có mức thu nhập, đời sống trung bình ; thành phần kinh tế cá thể có tỷ lệ hộ giàu có khá giả tương đương với tỷ lệ hộ thiếu ăn, nghèo đói, còn lại trên 50% số hộ có thu nhập mức sống vào loại trung bình.

Tóm lại : ở Lâm Đồng, phân tầng xã hội đã và đang diễn ra, tuy nhiên về quy mô, tốc độ chưa sâu rộng, mức độ chưa gay gắt, chưa làm phức tạp các quan hệ kinh tế, xã hội ở địa phương. Khoảng cách giữa tầng giàu và tầng nghèo về vốn, giá trị tài sản tương đối rõ nét, nhưng về thu nhập, đời sống thì lại chưa thật rõ. Điều này cho thấy tính năng động xã hội ở đây còn hạn chế ; sự chuyển đổi nghề nghiệp, giải quyết việc làm để tăng thêm thu nhập cho người lao động diễn ra chưa mạnh. Bản chất nền kinh tế vẫn là nông nghiệp ; các ngành nghề phát triển còn yếu ; tổ chức phân công lại lao động xã hội và trình độ xã hội hóa sản xuất vừa còn thấp ; vừa chưa đều, nhiều vùng còn trì trệ kéo dài, nhất là vùng dân tộc ít người, vùng kinh tế mới...

II - Phân tầng xã hội và sự phát triển kinh tế xã hội Lâm Đồng

1. Phân tầng xã hội là một hiện tượng có mặt tích cực cần phát huy, bởi vì nó tạo ra tính cơ động xã hội - tức là tạo ra động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội. Song cũng chính trong quá trình tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội đó, nó tạo ra sự phân hóa xã hội, làm cho một bộ phận trở nên giàu có, do họ có năng lực tận dụng được các cơ hội nhờ chuyển đổi cơ chế kinh tế tạo ra, do có ý chí, bản lĩnh vượt trội lên trở thành giàu có, trong khi một bộ phận không nhỏ trong dân cư ngày càng nghèo đói hơn. Và đương nhiên trong đói nghèo, có người dễ đánh mất mình và trở nên đối lập với xã hội bằng những hành vi tiêu cực lưu manh, bạo lực, trộm cắp...

Phân tầng xã hội là hiện tượng phổ biến mang tính qui luật. Mỗi cá nhân hay nhóm xã hội đều thuộc một tầng xã hội nhất định. Các tầng xã hội có sự vận động, biến đổi nhiều hay ít là tùy thuộc ở các phần tử (cá nhân) có tính năng động trong nhận thức và hoạt động thực tiễn nhằm thực hiện lợi ích của mình. Xã hội không thể dàn hàng ngang cùng tiến, mà được sắp xếp tự nhiên trong trật tự các tháp phân tầng ; các tầng trong tháp có sự cơ động và toàn bộ hệ thống tháp phân tầng cùng vận động hướng tới văn minh. Chấp nhận phân tầng xã hội không có nghĩa là coi nó, nhất là những mặt trái của nó, như một định mệnh phải tuân theo, mà phải tìm cách khai thác mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của nó nhằm hoàn thiện cơ cấu xã hội, tạo ra một xã hội ngày càng công bằng, văn minh.

Ở Lâm Đồng, quá trình phân tầng xã hội và phân hóa xã hội, bộ phận giàu có, khá giả số đông không phải dựa vào bóc lột lao động của người khác, mà nhờ vào vốn, tài sản có từ trước và trí tuệ, ý chí, nghị lực của mình. Bộ phận nghèo đói số đông không phải do bị bóc lột, mà chủ yếu là do tư duy kinh tế còn non kém, hoặc do những khó khăn riêng như tài sản, vốn liếng ít ỏi, thiếu thốn, các điều kiện khách quan chưa thích hợp, không có khả năng chớp thời cơ và tận dụng những thuận lợi trong hoạt động kinh tế ; có một bộ phận thiếu may mắn trong làm ăn.

Từ thực trạng phân tầng xã hội trong tỉnh, đặt ra trước các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức xã hội, trước mọi giai tầng xã hội, những vấn đề cần phải quan tâm giải quyết.

Với chức năng lãnh đạo, quản lý điều hành ở tầm vĩ mô các tổ chức đảng, chính quyền cần phải nắm vững thực tiễn, vận dụng sát hợp các chủ trương, chính sách của Trung ương vào địa phương, hoàn thiện chính sách, cơ chế, xây dựng nền tảng vật chất, hạ tầng cơ sở, tạo ra các điều kiện thuận lợi cho mọi người, thuộc các tầng xã hội, các thành phần kinh tế có điều kiện vươn lên làm giàu chính đáng, thu hẹp tiến tới xóa bỏ tầng xã hội cùng túng đói nghèo, mở rộng quy mô tầng xã hội khá giả, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

Đối với tầng xã hội có mức thu nhập, mức sống khá giả cần phải tiếp tục đúc kết kinh nghiệm làm ăn, vươn lên hơn nữa để mở rộng, tăng thêm sở hữu vốn, tài sản, nâng cao thu nhập, bảo đảm sự giàu có chính đáng, vững chắc, lành mạnh trong điều kiện kinh tế thị trường chuyển biến nhanh chóng. Để phòng những rủi ro, bị rơi xuống tầng xã hội có mức sống trung bình, thậm chí nghèo túng.

Digitized by Google

Tầng xã hội có mức thu nhập trung bình đòi hỏi phải trăn trở, học hỏi, tìm tòi các cách thức, biện pháp làm ăn có hiệu quả của nhóm xã hội giàu có khá giả, để có cơ may chuyển đổi từ tầng xã hội trung lưu lên tầng xã hội khá giả, bảo đảm sự giàu có bằng chính công sức, trí tuệ, tài sản vốn liếng của mình, hết sức tránh rủi ro rơi xuống tầng xã hội nghèo túng.

Đặc biệt, nhóm xã hội ở tầng cuối cùng của tháp phân tầng, hiện đang sống nghèo khổ, cần phải có bản lĩnh, nêu cao ý chí tự lực tự cường; cần nhận thức đói nghèo không phải là một định mệnh. Từ đó, ra sức khắc phục những yếu kém chủ quan, tìm ra nguyên nhân đói nghèo, có biện pháp thiết thực, cụ thể để khắc phục; cần phải nâng cao tính năng động chủ quan, tìm tòi việc làm và ra sức làm việc, tạo nguồn thu nhập mới để vươn lên tầng trung lưu.

2. Nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp trong tỉnh, bảo đảm đúng chức năng quản lý điều tiết vĩ mô, làm cho cơ chế thị trường vận động có hiệu quả, đồng thời tác động, điều chỉnh sự phân tầng xã hội trong tỉnh theo hướng thúc đẩy tính năng động xã hội của người lao động, khai thác có hiệu quả tiềm năng, phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục tốt những mặt trái, tiêu cực của sự phân tầng xã hội ở địa phương. Kinh tế thị trường không phải là nguyên nhân của phân tầng xã hội, nhưng lại là điều kiện để làm cho phân tầng xã hội bộc lộ rõ ràng, nhanh chóng. Nhà nước có vai trò to lớn tác động điều chỉnh sự phân tầng xã hội làm cho cơ cấu giai tầng xã hội ngày càng hoàn thiện, đưa xã hội tiến tới văn minh.

Trước hết, các cấp chính quyền trong tỉnh cần tăng cường các biện pháp bảo đảm sự ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế yên tâm sản xuất. Mặt khác, cần ngăn ngừa tình trạng "tái ngăn sông, cấm chợ" trá hình, hoặc "kiểm tra","kiểm soát tùy tiện, không đúng"... để cho hàng hóa, dịch vụ lưu thông thông suốt, tạo lập đồng bộ các loại thị trường. Thúc đẩy hình thành thị trường thông tin, tư vấn, tài chính, pháp lý, kiểm toán, bảo hiểm v.v... để tạo điều kiện đẩy mạnh sản xuất hàng hóa. Có chính sách đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tự tạo việc làm mới, giải quyết việc làm cho lao động nhàn rỗi. Phối hợp với các tổ chức xã hội, các cơ quan chức năng kiểm tra việc thuê mướn, sử dụng và trả công lao động, bảo đảm thu nhập, đời sống và các điều kiện làm việc, sinh hoạt, học tập của người lao động trong các doanh nghiệp. Cần tập trung làm tốt khâu cải cách thủ tục hành chính giúp cho các tổ chức, các thành phần kinh tế, người lao động thuận lợi trong khai thác sử dụng vốn, tài sản, lao động, tài nguyên, mở mang ngành nghề sản xuất, khuyến khích các nhóm xã hội tự phát huy các yếu tố sở hữu, trí tuệ và quyền lực, tạo uy tín trong kinh doanh, để có những điểm nổi trội trong nền kinh tế - xã hội, lôi kéo các tổ chức kinh tế cùng phát triển.

3. Để khắc phục những mặt tiêu cực của tình trạng phân tầng xã hội, đồng thời phát huy mặt tích cực của nó đòi hỏi phải xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần ở địa phương theo định hướng XHCN. Muốn vậy, phải xây dựng, củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, trong đó các tổ chức kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo, vai trò đòn bẩy nhằm đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế; giải quyết việc làm và những vấn đề xã hội khác; hướng dẫn, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển ; làm lực lượng vật chất để nhà nước thực hiện các chức năng điều tiết và quản lý vĩ mô, tạo nền tảng vật chất cho chế độ xã hội mới. Xây dựng, củng cố và mở rộng các tổ chức kinh tế hợp tác; phát huy các thành phần kinh tế tư nhân cá thể, tư bản nhà nước... để tăng cường lực lượng sản xuất.

4. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, đô thị hóa và hiện đại hóa nền kinh tế - xã hội ở địa phương. Đây thực chất là quá trình phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất trên cơ sở trang bị lại công nghệ kỹ thuật mới cho nền kinh tế và di dời một bộ phận dân cư ở nông thôn trong ngành nghề nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp và dịch vụ ở các khu đô thị tập trung. Mặt khác, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế nông nghiệp, thực chất là đưa công nghệ, kỹ thuật tiến bộ, cùng với phương pháp quản lý, phương thức sản xuất mới về nông thôn, làm biến đổi kinh tế - xã hội và bộ mặt nông thôn theo hướng đô thị hóa gắn với công nghiệp hóa và hiện đại hóa ; làm cho nông thôn tiến gần thành thị, miền núi tiến gần miền xuôi, đồng bào dân tộc thiểu số tiến gần đồng bào kinh, làm cho sự lạc hậu, trì trệ ngàn đời của các vùng miền núi, dân tộc xa xôi bị đẩy lùi, nhường bước cho sự giàu có và văn minh.❑

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY THAN VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐI TỚI NĂM 2000

ĐOÀN VĂN KIỂN*

TỔNG công ty than Việt Nam là một trong ba tổng công ty nhà nước được Chính phủ quyết định thành lập đầu tiên vào tháng 10-1994, nhằm thực hiện chủ trương tiếp tục củng cố đổi mới doanh nghiệp nhà nước phù hợp với định hướng nền kinh tế theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sau ba năm hoạt động trong cơ chế mới, đến nay Tổng công ty than đã vượt qua nhiều khó khăn, trụ vững và tạo được những tiền đề cho bước phát triển tiếp theo.

Ngay từ khi mới ra đời, Tổng công ty than đã xác định trách nhiệm, nghĩa vụ với Đảng, Nhà nước phấn đấu thực hiện 3 mục tiêu chính : *Một là,* tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm thỏa mãn nhu cầu than cho nền kinh tế quốc dân. *Hai là*, hoàn thiện và xây dựng Tổng công ty than trở thành một tập đoàn kinh tế đa ngành đứng vững trong nền kinh tế thị trường. *Ba là,* không ngừng xây dựng và phát triển đội ngũ công nhân ngành than cả về chất và lượng ; giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Từ nhận thức cơ bản đó, Tổng công ty than đã khẩn trương tập trung triển khai một số công việc cơ bản sau :

1. Đẩy mạnh sản xuất trên cơ sở củng cố và mở rộng thị trường.

Cần phải thấy rằng, Tổng công ty được thành lập trong thời điểm ngành than, ngành công nghiệp lâu đời nhất của đất nước đang "bên bờ vực thẳm" do hậu quả của sự buông lỏng quản lý kéo dài, thị trường tiêu thụ sản phẩm giảm sút nghiêm trọng. Sản xuất bị thu hẹp đẩy đội ngũ công nhân viên lâm vào cảnh thiếu việc làm, cuộc sống bấp bênh. Bởi vậy, bước đột phá đầu tiên của Tổng công ty là vấn đề thị trường. Việc mở rộng và giữ ổn định thị trường tiêu thụ sản phẩm là điều kiện tiên quyết để Tổng công ty thực hiện phương án tổ chức sản xuất mới cũng như tiếp cận thị trường tài chính, tín dụng để bảo đảm vốn cho sản xuất kinh doanh và vốn cho các dự án đầu tư phát triển. Rõ ràng, than làm ra phải tiêu thụ được. Đây còn là việc làm cấp bách vì cuộc sống của hơn 7 vạn lao động trong ngành và cả chục vạn người ăn theo. Nhận thức sâu sắc điều đó, Tổng công ty đã xây dựng và thực hiện chiến lược thị trường đồng bộ cả trước mắt và lâu dài với phương châm "cùng phát triển với bạn hàng".

Về thị trường trong nước, Tổng công ty tiến hành tổ chức lại lực lượng tiêu thụ, cung ứng than theo kế hoạch trước đây thành những công ty kinh doanh khu vực, chủ động đến với các khách hàng chính như ngành điện, xi măng, giấy, phân bón... mở hội nghị khách hàng, ký kết các hợp đồng và hằng năm theo hướng cung cấp ổn định về khối lượng, chất lượng, giá cả và bảo đảm tiến độ, tạo điều kiện cho người sử dụng than ổn định sản xuất, giảm định mức tồn kho dự trữ, qua đó giảm được chi phí sản xuất. Theo đó, Tổng công ty đã phối hợp với Tổng công ty đường sông miền Bắc cung cấp than đến tận nơi sử dụng của ngành điện, ngành giấy, phân bón và nhà máy xi măng Chinh Phong.

Về thị trường xuất khẩu, Tổng công ty trực tiếp đảm nhận công tác tiếp thị, đàm phán ký kết hợp đồng với khách hàng nước ngoài, phân bổ chỉ tiêu xuất khẩu cho các doanh nghiệp thành viên trên nguyên tắc "chỉ những doanh nghiệp trực tiếp sản xuất than mới được xuất khẩu" và theo tỷ lệ sản lượng hàng hóa trong kế hoạch. Sự điều hành tiêu thụ bằng cơ chế dân chủ, công bằng của Tổng công ty,

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng giám đốc Công ty than Việt Nam.

Digitized by Google

đã tạo ra sự thống nhất trong các doanh nghiệp thành viên. Mặt khác, chúng tôi còn tạo điều kiện cho các đơn vị trực tiếp sản xuất nắm bắt được thị trường, hiểu rõ yêu cầu về chất lượng sản phẩm của khách hàng... để từ đó tổ chức sản xuất cho phù hợp và đạt hiệu quả cao. Bằng sự cố gắng vươn lên, năm 1995 là năm đầu tiên hoạt động theo mô hình mới, mặc dù còn phải ổn định tổ chức, khắc phục các hậu quả trước đó và chưa có đầu tư thêm, nhưng sản lượng than sạch và tiêu thụ của Tổng công ty đã đạt 7,6 triệu tấn, tăng 1,4 triệu tấn so với 1994.

. Khi thị trường đã bước đầu thống nhất và ổn định, vấn đề vốn dần được giải quyết, Tổng công ty tiếp tục hoàn thiện một bước về tổ chức và cơ chế hoạt động của các doanh nghiệp chuyên làm dịch vụ kinh doanh tiêu thụ trong nước và xuất khẩu ; thống nhất việc cấp chứng chỉ chất lượng hàng hóa vào Trung tâm đo lường và giám định sản phẩm. Công ty cảng kinh doanh than vừa chuyên lo quy trình, thủ tục xuất khẩu than, vừa là doanh nghiệp thực hiện các dự án cải tạo và phát triển hệ thống cảng, nâng cao năng lực bốc xếp hàng hóa để thu hút khách hàng. Công ty vật tư vận tải vừa xếp dỡ, vừa làm dịch vụ cung ứng vật tư, nguyên liệu cho sản xuất và triển khai các dự án phát triển năng lực vận tải, đáp ứng nhu cầu vận chuyển nội địa và xe chuyển tải xuất khẩu. Do sự đổi mới mang tính chiến lược lâu dài của mô hình tập đoàn ; do chất lượng sản phẩm được cải thiện và giữ vững, uy tín với khách hàng ngày càng tăng nên sản lượng than xuất khẩu tiếp tục tăng từ 2 triệu tấn (1994) tăng lên gần 3,7 triệu tấn (1997) ; đặc biệt đã có khách hàng ký hợp đồng mua than dài hạn. Khởi đầu từ thị trường tiêu thụ, sản xuất dần được ổn định và phát triển. Kết thúc năm 1996 toàn Tổng công ty đã sản xuất và tiêu thụ hơn 9,6 triệu tấn than thương phẩm. Sản lượng than năm 1996 đã gấp 2 lần năm 1993 và hơn 1,5 lần năm 1994 - thời điểm trước khi Tổng công ty ra đời. Đây cũng là con số mà những năm cuối thập kỷ 80 là niềm mơ ước và tốn không ít thời gian sức lực để tìm cách đạt tới. Kết quả sản xuất kinh doanh 2 năm 1995 và 1996, đặc biệt là tăng nhanh sản lượng khai thác và tiêu thụ than là tiền đề quan trọng để đưa tình hình sản xuất và kinh doanh than dần vào thế ổn định, giảm dần căng thẳng về cân đối tài chính, tăng thêm việc làm và cải thiện thêm một bước đời sống người lao động.

2 - Tổ chức lại ngành và lập lại trật tự trong khai thác và kinh doanh than.

Đây là yếu tố rất quan trọng giúp cho ngành than đi vào thế ổn định và phát triển. Có thể khẳng định, những chủ trương chính sách cụ thể về lập lại trật tự trong khai thác và kinh doanh than của Chính phủ cũng như Nghị định 27/CP phê chuẩn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, đã mở đường, tạo điều kiện cho ngành than triển khai đổi mới toàn diện, giải phóng năng lực sản xuất và vươn lên phát triển.

. Cuối năm 1995, đầu năm 1996 tình hình khai thác than trái phép ở Quảng Ninh tái phát khá rầm rộ. Nhà nhà làm than, người người làm than, các thành phần kinh tế làm than... vừa gây rối loạn cung - cầu than trên thị trường, vừa không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng than, vừa gây nhiều tai nạn nghiêm trọng do khai thác bừa bãi, không bảo đảm an toàn. Có tới 19 doanh nghiệp trên địa bàn (không thuộc ngành than) tham gia kinh doanh than. Tổng công ty đã tăng cường quản lý nội bộ, đồng thời phối hợp chặt chẽ với chính quyền, công an địa phương để lập lại trật tự trong khai thác và kinh doanh than theo tinh thần chỉ đạo của thủ tướng chính phủ. Cuối tháng 4-1996, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ra quyết định đình chỉ kinh doanh than đối với các doanh nghiệp không thuộc Tổng công ty than Việt Nam ; tổng kiểm kê toàn bộ sản lượng than khai thác trái phép từ trong vườn, nhà dân đến các bến bãi (được hơn 20 000 tấn) giao cho Tổng công ty than tiêu thụ. Về phía ngành than, Tổng công ty đã thực sự bắt tay vào việc chấn chỉnh tổ chức hoạt động. Từ hơn 20 đơn vị trực thuộc ngành nay tổ chức thành hơn 50 đơn vị thành viên của Tổng công ty, trong đó có hơn 30 doanh nghiệp trực tiếp đối mặt với cơ chế thị trường, chủ động trong sản xuất kinh doanh.

Sau khi các mỏ lớn tách khỏi Công ty "siêu quốc gia" tưởng chừng các công ty sẽ gặp nhiều khó khăn, nhưng thực tế cho thấy các công ty và các mỏ đều tăng trưởng. Cụ thể : các mỏ hầm lò, mỏ nhỏ, mỏ mới thuộc các công ty than Cẩm Phả, Hòn Gai, Uông Bí đều có sản lượng tăng đến 20%. Các mỏ lớn như Cọc 6, Đèo Nai, Cao Sơn, Hà Tu, Mạo Khê, Vàng Danh, XN tuyển than Cửa Ông... sau khi trở thành các doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập đã chủ động trong sản xuất kinh doanh và có điều kiện bắt tay vào đổi mới công nghệ, ứng dụng các giải

Digitized by Google

pháp kỹ thuật... để duy trì và tăng sản lượng. Những doanh nghiệp thành viên khác như Công ty Đông Bắc, Công ty than Quảng Ninh... cũng đều tăng trưởng cao. Đặc biệt với Công ty Đông Bắc, đơn vị kinh tế quân đội đầu tiên là thành viên trong mô hình Tổng công ty nhà nước, đã thực hiện hài hòa hai nhiệm vụ kinh tế và quốc phòng, sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao.

Sau 3 năm hoạt động theo mô hình mới, ngành than đã dần lấy được thế ổn định. Sản xuất kinh doanh của Tổng công ty có mức tăng khá, các chỉ tiêu kinh tế năm sau tăng hơn năm trước 15-20%. Năm 1997, Tổng công ty có thể sản xuất và tiêu thụ trên 10 triệu tấn than thương phẩm. Toàn Tổng công ty kinh doanh bảo toàn được vốn và có lãi. Trật tự khai thác kinh doanh than tiếp tục được giữ vững. Các quan hệ hợp tác quốc tế, hợp tác với các tổng công ty, các doanh nghiệp trong nước được mở rộng và phát triển, việc bảo vệ môi trường được quan tâm cả trong nhận thức của cán bộ, công nhân đến triển khai thực hiện cụ thể trong quá trình sản xuất và trên mọi lĩnh vực.

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu 1994 - 1997.

Chỉ tiêu	Đơn vị	1994	1995	1996	1997 (ước tính)
1 - Sản xuất than sạch...	triệu tấn	6,18	8,1	9,65	10,5
2 - Tiêu thụ than	triệu tấn	6,23	7,6	9,64	10,2 - 10,5
3 - Bóc đất đá	triệu m^3	19,3	26	31	34,5
4 - Đào lò CBSX	km	36,4	71	81,5	76
5 - Tổng doanh thu	tỉ đồng		2402	3296	3510
6 - Doanh thu từ than	tỉ đồng	1668	1917	2546	2720
7 - Nộp ngân sách nhà nước	tỉ đồng		98,8	152	131,4
8 - Lao động	người	71 000	74 177	73 287	70 304
9 - Thu nhập bình quân người/tháng	đồng	483 000	669 000	841 000	1 010 000

Từ thực tiễn hoạt động của ngành than trong thời gian qua, có thể rút ra một số kết luận cơ bản như sau :

Một là, những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước với ngành than, đặc biệt là việc lập lại trật tự trong khai thác, kinh doanh than và mô hình Tổng công ty nhà nước là đúng đắn, kịp thời và đã tạo cơ hội lớn cho ngành than ổn định, phát triển.

Hai là, ngành than đã tranh thủ thời cơ, tranh thủ sự giúp đỡ của đảng bộ, chính quyền và nhân dân các địa phương, sự giúp đỡ của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhanh chóng vươn lên nắm bắt kịp những yêu cầu mới, đoàn kết nhất trí, có những phương hướng và biện pháp thích hợp để tăng sản lượng khai thác và tiêu thụ than, sản phẩm than Antracit Việt Nam đã có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Ba là, đến nay, ngành than đã đi qua chặng đường ban đầu, thế đứng đã vững chắc, đội ngũ ngày càng mạnh, hướng đi đã rõ và cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược phát triển thành một tập đoàn kinh tế mạnh.

*

Là một doanh nghiệp nhà nước, được giao quản lý một ngành kinh tế, lãnh đạo Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên nhận thức rằng : phải phát triển sản xuất lành mạnh, ổn định, đáp ứng nhu cầu than theo nhịp độ phát triển chung của nền kinh tế đất nước. Muốn vậy, phải không ngừng tăng cường sức mạnh của chính mình.

Trên đường đi tới năm 2000 với mục tiêu xây dựng Tổng công ty thành một tập đoàn kinh tế mạnh, chúng tôi xác định tập trung giải quyết một số vấn đề hết sức cơ bản đối với sự phát triển ngành như sau :

1. Đồng bộ hóa và hiện đại hóa ngành than theo hướng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái.

Đây là một dự án then chốt của ngành trong thời gian từ nay đến năm 2010. Hiện nay, tình trạng thiết bị lạc hậu ở các mỏ hầm lò và lộ thiên, các nhà máy cơ khí và lao động quá nặng nhọc trong hầm lò dẫn tới năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm không cao, giá trị mang lại không lớn ; do vậy phải đổi mới để hướng tới hiệu quả kinh tế cao hơn và giảm nhẹ cường độ lao động cho công nhân.

Điều quan trọng hơn là than không chỉ là nhiên liệu cung cấp năng lượng mà còn là nguồn nguyên liệu cho các ngành công nghiệp khác của nền kinh tế quốc dân, đồng thời lại là nguồn tài nguyên không tái sinh. Bởi vậy, vấn đề đặt ra không phải chỉ là khối lượng than khai thác được mà là hiệu quả sử dụng than, nâng cao giá trị của việc khai thác tài nguyên. Lượng than khai thác hằng năm trên thế giới khoảng trên 3 tỉ tấn, nhưng giao lưu thương mại chỉ khoảng

Digitized by Google

12% con số đó. Điều đó chứng tỏ việc sử dụng than cho nội bộ nền kinh tế của các nước là rất lớn. Trong khi đó, trữ lượng than không khói có đặc tính hóa nhiệt có giá trị làm nguyên liệu cho các ngành công nghiệp như than Antracit Việt Nam, ở trên thế giới không nhiều. Đây là một lợi thế lớn về tài nguyên của đất nước. Do vậy, đồng bộ hóa, hiện đại hóa ngành than trong thời gian tới, ngoài việc cung cấp nhiên liệu cho các ngành sản xuất, còn phải đặc biệt chú trọng tới việc Tổng công ty vừa tham gia đầu tư cùng các ngành khác, vừa trực tiếp nghiên cứu công nghệ cao chế biến than tạo ra các sản phẩm cao cấp, tăng giá trị của tài nguyên đất nước. Muốn làm được điều đó, Tổng công ty than đang lập các dự án cụ thể về quản trị tài nguyên và môi trường, xác định cho được công nghệ khai thác thích hợp, trữ lượng của các khoáng sản than, giảm tổn thất than trong quá trình khai thác và các giải pháp xử lý hậu quả cũng như ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

2. Phát triển sản xuất đa ngành.

Ngành khai thác than của Việt Nam được hình thành từ năm 1888 và không ngừng phát triển trong hơn 100 năm qua. Nhưng do đặc điểm kiến tạo địa tầng khoáng sản, nên lực lượng thợ mỏ và lao động dân cư theo đó phát triển tập trung ở những vùng nhất định như Quảng Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn... Sau nhiều biến động và chuyển đổi cơ chế, đến 1995 khi thành lập Tổng công ty than Việt Nam, thì lực lượng lao động trong biên chế vẫn còn hơn 7 vạn người, chưa kể đến hàng vạn người khác ở vùng than chưa có việc làm. Dư thừa lao động, nhu cầu việc làm đã và đang là thách thức, sức ép lớn đối với Tổng công ty. Trong tương lai, khi hiện đại hóa ngành than thì lực lượng lao động lại càng dư thừa, nhất là lao động nữ.

Trong quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế mới , nhiều đơn vị đã tìm lối thoát bằng tổ chức sản xuất các ngành nghề khác như sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất hàng hóa tiêu dùng, dịch vụ và du lịch... với quy mô nhỏ, manh mún và phân tán. Giá trị và hiệu quả kinh tế tuy không cao nhưng đã góp phần đáng kể trong giải quyết khó khăn về việc làm và đời sống người lao động.

Năm 1995, chuyển sang mô hình mới, Tổng công ty đã bắt đầu thực hiện ngay chủ trương kinh doanh đa ngành. Trong việc tổ chức lại lực lượng, cân đối kế hoạch... đã hình thành hẳn một lực lượng lao động, vốn và cơ sở vật chất cho một số ngành sản xuất như vật liệu nổ công nghiệp, xi măng, gạch, may mặc, nước giải khát, sản xuất và sửa chữa cơ khí, xây lắp, dịch vụ vận tải, kinh doanh khách sạn, du lịch, thương mại, tư vấn đầu tư, tin học,... Từ chủ trương đến các biện pháp chỉ đạo cụ thể đã mang lại những kết quả đáng khích lệ. Doanh thu từ các ngành này năm 1996 đã đạt 670 tỉ đồng, vượt 17% so kế hoạch và chiếm 22% giá trị tổng doanh thu của toàn Tổng công ty. Từ giữa năm 1996, thực hiện tổ chức lại các doanh nghiệp thành viên, lực lượng sản xuất kinh doanh đa ngành lại được đầu tư chiều sâu, được củng cố và tăng cường thêm một bước. Năm 1997 sẽ phấn đấu đạt doanh thu khoảng 800 tỉ đồng, chiếm khoảng 23% doanh thu của Tổng công ty.

Có thể khẳng định, kinh doanh đa ngành của ngành than là một yêu cầu khách quan, phù hợp với xu thế chung và phù hợp với định hướng xây dựng Tổng công ty than thành một tập đoàn kinh tế mạnh. Để đạt mục tiêu sau 2005, thu nhập từ sản xuất kinh doanh ngoài than chiếm khoảng 40% tổng thu nhập, Tổng công ty than đã và đang hợp tác với các ngành, các cấp và các địa phương để triển khai các dự án : phát triển tổ hợp than điện ở Nà Dương (Lạng Sơn), Cao Ngạn (Thái Nguyên) ; thành lập các công ty liên doanh : xi măng Quảng Ninh - Hoàn Cầu, xi măng Hải Long (Quảng Ninh), Làng Tân Cảng Olimpic (TP Hồ Chí Minh), Cung Thành (Hà Nội)... ; đang tự đầu tư sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng với sản phẩm chủ yếu là xi măng, gạch ; sản xuất hàng tiêu dùng với các sản phẩm may mặc, bia, nước khoáng ; trồng cây lấy gỗ chống lò ; phát triển kinh doanh thương mại, dịch vụ và du lịch. Vấn đề đặt ra trong phát triển kinh doanh đa ngành là phải sản xuất kinh doanh có hiệu quả dựa trên tiềm năng sẵn có về vốn, lao động, kỹ thuật, đặc biệt là máy móc thiết bị và năng lực của các cơ sở trong ngành ; giải quyết được nhiều việc làm, tạo ra được sản phẩm cho xã hội và có thể tham gia xuất khẩu.

3. Xây dựng phát triển đội ngũ công nhân mỏ

Đội ngũ công nhân mỏ Việt Nam đã từng là lực lượng cơ bản trong cao trào cách mạng trước và trong những năm 1936 - 1939 của Đảng ta. Hơn 60 năm qua, giai cấp công nhân mỏ luôn hoàn thành mọi

Digitized by Google

nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho, góp phần không nhỏ trong cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Những năm đầu chuyển đổi nền kinh tế sang hoạt động theo cơ chế thị trường, giai cấp công nhân mỏ đã dũng cảm đương đầu với những thử thách khắc nghiệt để đứng vững và phát triển theo định hướng mới. Bước sang thế kỷ XXI, việc duy trì và phát triển đội ngũ công nhân mỏ trong nền kinh tế thị trường là điều không đơn giản. Để thích ứng và tồn tại trong nền kinh tế thị trường, để đóng góp đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì hình ảnh người công nhân mỏ sẽ có những thay đổi quan trọng. Người thợ mỏ của những năm 1936 - 1939 là hậu quả của quá trình phân hóa tan rã của thể chế kinh tế thấp, là kết quả của quá trình khai thác bóc lột tài nguyên của chế độ thực dân xâm lược. Họ sinh ra đã là vô sản và bị bóc lột thậm tệ. Còn người công nhân mỏ hiện nay là kết quả của cách mạng công nghiệp. Họ là chủ nhân trong quá trình xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Điều đó có nghĩa phải có sự phát triển về chất của giai cấp công nhân mỏ Việt Nam. Có thể khái quát chân dung người thợ mỏ trong tương lai với những đặc điểm : có trình độ văn hóa, trình độ nghề nghiệp cao hơn, có nhận thức xã hội sâu rộng hơn, có tác phong công nghiệp và năng suất cao hơn, có thu nhập và đời sống cao hơn. Trên cơ sở đó, mới giữ vững và phát huy được vai trò của giai cấp công nhân - người tiêu biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến. Để làm được điều đó phải có chiến lược xây dựng và phát triển toàn diện đội ngũ công nhân mỏ từ việc xác định khái niệm đến quan điểm định hướng chiến lược, cũng như các giải pháp thực hiện. Nhiều chương trình cần được đẩy mạnh như tổ chức lại hệ thống các trường đào tạo, đầu tư chiều sâu cho bồi dưỡng cán bộ quản lý ; mở trường đại học, cao đẳng, kỹ thuật ở vùng than ; đưa công nghệ tin học phục vụ quản lý ; triển khai các chương trình phát triển văn hóa nghệ thuật quần chúng, thể dục thể thao ; xây dựng các cụm văn hóa thợ mỏ, cũng như các trung tâm, câu lạc bộ lớn ; các chương trình phòng chống các tệ nạn xã hội...

4- Hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất và cơ chế hoạt động trong ngành than.

Sau nhiều năm đổi mới, đến nay nhà nước đã tổ chức ngành than thành Tổng công ty như một tập đoàn kinh tế. Mô hình đó hiện đã và đang phát huy tác dụng. Tuy nhiên, trong tương lai cần phải tiếp tục hoàn thiện với nhiều vấn đề đặt ra như : từ nhất thể hóa chiều dọc sang nhất thể hóa chiều ngang ; từ quy mô lớn sang quy mô nhỏ ; từ tập trung, độc quyền, khép kín sang phân tán có hợp tác chặt chẽ và mở cửa ; chuyển đổi cơ cấu ngành công nghiệp than theo hướng đa dạng hóa...

Trong thời gian trước mắt, Tổng công ty than xác định cần tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác quản lý doanh nghiệp, mở rộng kinh doanh. Mục tiêu cơ bản của quá trình này là bảo toàn vốn nhà nước giao, tạo nhiều thuận lợi hơn để tái đầu tư phát triển, kể cả khi giá bán sản phẩm khó tăng hoặc không tăng. Để thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu trên cần tiến hành đồng bộ các biện pháp sau : kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, lưu thông ; tăng cường hiệu quả đầu tư bằng việc nâng cao chất lượng lập và thực hiện các dự án ; tiếp tục mở rộng ngành nghề kinh doanh khác trên cơ sở tận dụng kinh nghiệm, lợi thế của ngành than và trên cơ sở phát triển than ; tăng cường công tác an toàn và bảo hộ lao động, chú trọng xây dựng tác phong công nghiệp, nghiêm túc kiểm điểm và xử lý thích đáng những vi phạm nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các vụ sự cố và tai nạn ; hoàn thiện cơ chế quản lý tài nguyên môi trường ; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực quản lý ở các cấp.

Đường đi tới tương lai đã rõ, nhưng để tới đích còn phải vượt qua nhiều gian nan thử thách, đặc biệt phải vượt lên chính mình (vượt qua những yếu kém, trì trệ trong nội bộ ngành, nội bộ mỗi đơn vị và trong cá nhân mỗi người), song chắc rằng ngành than sẽ vượt qua. Niềm tin ấy có cơ sở vững chắc xuất phát từ truyền thống đi đầu vượt khó vươn lên của những người thợ mỏ Việt Nam qua các giai đoạn cách mạng. Những giai đoạn thử thách khó khăn đều có những dấu ấn của ngành than. Năm 1949 có "Đại đội Hồ Chí Minh" tham gia kháng chiến chống Pháp ; năm 1967 có "Binh đoàn than" vượt Trường Sơn đi giải phóng miền Nam ; năm 1979 có "Sư đoàn than" bảo vệ biên cương... Trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của thế kỷ XXI, chúng ta sẽ có "Tập đoàn kinh tế than" vững mạnh tham gia xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.❑

Digitized by Google

Về việc trí thức trẻ tham gia phát triển nông thôn, miền núi

NGUYỄN QUỐC ANH*

Đại hội VIII của Đảng đã quyết định chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) với mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta căn bản trở thành một nước công nghiệp. Một trong những nội dung cơ bản của chiến lược này là thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn và miền núi. Chiến lược này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải bổ sung, tăng cường nguồn nhân lực trí thức trẻ hiện đang rất thiếu ở các vùng, miền này, góp phần vào việc đưa công nghệ mới vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ; tham gia quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng ; góp phần phát triển giáo dục, đào tạo và nâng cao dân trí, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ; từng bước bổ sung đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, kỹ thuật, văn hóa cho nông thôn, miền núi, góp phần làm thay đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng lao động tại chỗ, bảo đảm cho sự phát triển nhanh và bền vững của sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn và miền núi.

I - Thực trạng tình hình đào tạo và sử dụng trí thức trẻ ở nông thôn, miền núi

1 - Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có chính sách và đã đào tạo được đội ngũ trí thức khá đông đảo, trong đó có nhiều sinh viên xuất thân từ nông thôn, miền núi. Nhưng số trí thức này trực tiếp về công tác tại các thôn, bản, xã, huyện chiếm tỷ lệ rất thấp. Kết quả điều tra, khảo sát cho thấy : ở các vùng nông thôn, miền núi trong năm học 1995 - 1996 còn thiếu 58 026 giáo viên tiểu học, 45 049 giáo viên trung học cơ sở, 3 099 giáo viên trung học phổ thông. Trong khi đó hàng ngàn cử nhân sư phạm tốt nghiệp chuyển nghề sang làm cho các công ty tư nhân, các công ty liên doanh với nước ngoài, hoặc làm một việc gì đó ở thành thị. Đến tháng 5-1995 nước ta còn 2 148 bác sĩ chưa có việc làm, khoảng 6 000 bác sĩ làm không ăn lương tại các bệnh viện ở thành phố ; hàng trăm bác sĩ chuyển sang làm tiếp thị cho các hãng thuốc nước ngoài, trong khi ở 8 188/8 930 xã toàn quốc đã có trạm y tế, nhưng trên 50% số trạm y tế đó chưa có bác sĩ (ngay ngoại thành TP Hồ Chí Minh vẫn còn 34/95 xã chưa có bác sĩ).

Chúng ta đang đứng trước một nghịch lý là thiếu nghiêm trọng đội ngũ trí thức ở nông thôn, miền núi và thừa giả tạo trí thức trẻ ở các thành phố, thị xã. Cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, xu hướng các học sinh khá, giỏi lao vào các trường "mốt" như ngoại ngữ (tiếng Anh), kinh tế, luật, tin học... ngày càng tăng, tỷ lệ sinh viên vào các trường cần cho nông thôn, miền núi (nông, lâm, ngư nghiệp, sư phạm...) ngày càng giảm cả về số lượng và chất lượng. Từ năm 1991-1996, mỗi năm có khoảng từ 20 000 đến 25 000 sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, thì các trường "mốt" có tỷ lệ tăng dần từ 30% đến 40%. Điều này có thể dẫn đến sự mất cân đối ngay trong đội ngũ trí thức trẻ : thiếu trí thức phục vụ các ngành trực tiếp sản xuất, thừa trí thức trên lĩnh vực quản lý, dịch vụ.

Sở dĩ có tình trạng như trên, theo chúng tôi là do :

- Về chủ quan, bản thân một bộ phận trí thức trẻ còn ngại khó, ngại khổ, không muốn đến những nơi khó khăn, gian khổ mà đất nước yêu cầu ; tâm lý muốn thoát ly nông thôn, miền núi của bộ phận lớn thanh niên "có học" của nông thôn, miền núi...

- Về khách quan, một phần do chính sách tuyển chọn đào tạo chưa chú ý đúng mức, nên nguồn đầu vào - sinh viên từ các vùng này, chiếm tỷ lệ thấp ; chính sách đãi ngộ, sử dụng trí thức trẻ ở các vùng này chưa phù hợp với cơ chế mới nên chưa động viên được nhiệt tình và khát vọng cống hiến của tuổi trẻ ; chưa có giải pháp hữu hiệu để tuyên truyền, vận động, tổ chức lực lượng trí thức trẻ tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, miền núi ; để kéo

* PTS, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Trung ương Hội sinh viên Việt Nam

Digitized by Google

dài tình trạng "thả nổi" sinh viên sau khi tốt nghiệp, chưa có một cơ quan chăm lo giải quyết...

2 - Một trong những nguyên nhân làm cho trí thức nói chung, trí thức trẻ nói riêng không muốn trở về sống và làm việc ở nông thôn, miền núi là do số lượng sinh viên xuất thân từ nông thôn, miền núi ít và có xu hướng giảm dần.

Do sự phát triển chênh lệch về các điều kiện kinh tế, xã hội, nên hiện nay cả nước mới có 24/61 tỉnh, thành phố hoàn thành chỉ tiêu quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học (XMC và PCGDTH). Đại bộ phận các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng Nam Bộ và một số tỉnh miền Trung thuộc diện này. Điều đó dẫn đến một bộ phận thiếu niên ở nông thôn, miền núi sẽ không có điều kiện tiếp tục học ở bậc cao hơn. Mặt khác, càng học lên bậc cao hơn, điều kiện học tập của học sinh các vùng, miền này càng khó khăn hơn, do điều kiện sinh hoạt, đời sống của gia đình còn nhiều khó khăn, không đáp ứng được các chi phí cho việc học tập.

Với các chính sách và nhu cầu sinh hoạt, học tập như hiện nay, một sinh viên nông thôn, miền núi nếu theo học các trường đại học, cao đẳng ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh phải tự chi các khoản từ 350 000đ đến 400 000đ/tháng ; ở các thành phố, thị xã khác từ 250 000đ đến 300 000đ/tháng. Trong khi đó, thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn năm 1995 là 120 USD (khoảng 1,3 triệu đồng/năm). Với chi phí như trên thì khả năng theo học đại học của sinh viên xuất thân từ nông thôn, miền núi sẽ rất khó khăn nên số lượng theo học ngày càng giảm dần. Điều này đã tạo ra sự mất cân đối ngày càng lớn trong việc phân bổ, đào tạo cán bộ giữa nông thôn và thành thị, ở các vùng cao, nơi xa xôi hẻo lánh và dân tộc có số dân ít.

Mặt khác, với chính sách hệ "cử tuyển" đối với con em dân tộc ít người ở các vùng cao, vùng sâu được bao cấp hoàn toàn, đào tạo theo địa chỉ, đã có tác dụng nhất định trong việc tạo nguồn cán bộ cho các vùng này. Song chính sách này cũng làm cho ý thức học tập, rèn luyện của sinh viên hệ "cử tuyển" chưa cao, chất lượng đào tạo còn thấp.

3 - Vấn đề giải quyết việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp và chính sách ưu đãi đối với cán bộ, trí thức công tác ở nông thôn, miền núi.

Trước 1985, vấn đề này chưa đặt ra, do nhu cầu cán bộ vẫn chưa đáp ứng đủ, số lượng "đầu vào" và "đầu ra" được phân bổ theo kế hoạch. Phần lớn trí thức trẻ chấp hành tốt sự phân công, song sự phân công, bố trí đó hầu hết ở các thành phố, thị xã, thị trấn. Kết hợp tình nguyện với sự phân công một bộ phận giáo viên về giảng dạy ở các tỉnh miền núi, vùng sâu với thời hạn 5 năm, được hưởng một số chế độ, chính sách trợ cấp : phụ cấp khu vực, trợ cấp đất đai, tiền tàu xe về phép v.v...

Do quy mô đào tạo ngày càng mở rộng, số lượng sinh viên tốt nghiệp tăng nhanh hằng năm nên vấn đề giải quyết việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp đặt ra ngày càng gay gắt. Nguyên nhân của tình hình đó là :

- Trong điều kiện đất nước chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần quan niệm về việc làm thay đổi. Sinh viên tốt nghiệp có tình trạng đi tìm việc làm ở những nơi có thu nhập cao hơn, lại ở các thành phố, thị xã, khu công nghiệp..., không chấp hành sự phân công của nhà nước. Từ năm 1988, Bộ Giáo dục - Đào tạo chủ trương "chỉ chịu trách nhiệm đào tạo, còn sử dụng do nhu cầu của xã hội, của thị trường". Điều đó dẫn đến tình trạng "thả nổi đầu ra", không có cơ quan nhà nước nào chịu trách nhiệm chăm lo giải quyết việc làm cho sinh viên tốt nghiệp.

- Do biên chế trong các cơ quan, doanh nghiệp của nhà nước và các đoàn thể đã bão hòa ; sinh viên trí thức trẻ chưa ý thức được trách nhiệm sẵn sàng nhận nhiệm vụ ở nông thôn, miền núi hoặc các cơ quan mà nhà nước đang có nhu cầu.

- Các chính sách ưu đãi đối với trí thức, cán bộ về công tác ở nông thôn, miền núi theo Nghị định 25, 26/CP ngày 1-4-1993 chưa có tác dụng rõ nét trong việc thu hút trí thức trẻ phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn.

4 - Thực trạng tâm tư, nguyện vọng của sinh viên hiện nay trong việc tham gia phát triển nông thôn, miền núi.

Theo kết quả khảo sát, điều tra xã hội học của Hội sinh viên Việt Nam (1996), trong số 735 sinh viên năm cuối (trong đó có 47 quê ở Hà Nội, còn lại là các tỉnh), ở các trường đại học : Nông nghiệp I (Hà Nội), Sư phạm Hà Nội , Thủy lợi, Y Hà Nội, Giao thông vận tải, Xây dựng, Kinh tế quốc dân Hà Nội, và Đại học Thái Nguyên, về định hướng chọn việc

Digitized by Google

làm sau khi ra trường, về các tiêu chí lựa chọn công việc khi ra trường, cho thấy:

Bảng 1: Dự định làm việc của sinh viên sau khi ra trường

Nguyện vọng nơi làm việc	ĐH Kinh tế	Sư phạm	Thủy lợi	Giao thông	Nông nghiệp	Y Hà Nội	ĐH Thái Nguyên	ĐH Xây dựng
Ở Hà nội	41,8	18,9	29,2	48,8	45,5	39,5	11,7	37,3
Về các tỉnh	17,6	31,8	26,0	11,0	22,8	24,9	22,3	7,8
Về các huyện	9,9	13,5	3,1	1,2	5,0	0,0	17,6	0,0
Về các xã, bản	3,3	4,1	0,0	1,2	0,0	0,0	0,0	3,9
Làm bất cứ nơi đâu	9,9	18,9	24,0	19,5	19,8	11,6	10,0	25,5
Chưa xác định	17,6	12,8	17,7	18,3	6,9	20,9	8,2	25,5

Kết quả trên cho thấy : mặc dù đối tượng được lựa chọn đại đa số là sinh viên nông thôn, miền núi học trong các ngành nghề phù hợp và rất cần thiết cho nhu cầu ở nông thôn, miền núi nhưng đại bộ phận sinh viên đó lại có nguyện vọng được công tác ở thành thị, nguyện vọng về huyện rất thấp, về xã hầu như không có.

Bảng 2 : Tiêu chí lựa chọn công việc khi ra trường

Lựa chọn công việc khi ra trường	Kinh tế quốc dân	Sư phạm Hà Nội	Thủy lợi	Giao thông	Y Hà Nội	Nông nghiệp	ĐH Thái Nguyên	ĐH Xây dựng
Có thu nhập cao	72,8	48,6	75,0	75,9	60,5	51,0	47,0	61,8
Được xã hội coi trọng	28,3	54,1	28,1	19,3	45,3	23,0	32,9	23,6
Đúng chuyên môn	60,9	73,6	60,4	74,7	73,3	72,0	83,5	76,4
Hợp với sở thích	45,7	52,0	46,9	32,5	47,7	46,0	40,4	47,3
Có công việc ổn định	54,3	56,1	53,1	49,4	41,9	54,0	67,0	60,0
Dễ thăng quan tiến chức	18,5	6,8	14,6	21,7	4,7	19,0	7,0	14,5

So sánh kết quả hai bảng trên, chúng ta thấy có mâu thuẫn giữa nguyện vọng được làm đúng chuyên môn và lựa chọn nơi làm việc của sinh viên. Điều này cho thấy, sinh viên từ nông thôn, miền núi chưa tin tưởng rằng, trên thực tế, nếu về nông thôn, miền núi họ sẽ được sử dụng đúng và phát huy được khả năng chuyên môn.

II - Mô hình, giải pháp và chính sách huy động trí thức trẻ tham gia phát triển nông thôn, miền núi

1 - Trước thực trạng nêu trên, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 334/TTg ngày 1-6-1995 về việc : "Tổ chức các đội trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn" (sau này gọi tắt là chương trình 334) và giao cho Ban thường vụ Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện thí điểm. Dự án 334 phải trả lời được ba câu hỏi chính sau :

a - Trong điều kiện kinh tế thị trường, có còn một bộ phận trí thức trẻ (là những sinh viên mới tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng), sẵn sàng tình nguyện đến những nơi gian khổ, khó khăn mà Tổ quốc yêu cầu ?

b - Biện pháp huy động, tổ chức và phương thức hoạt động như thế nào để bảo đảm thiết thực, hiệu quả ?

c - Đề xuất chính sách, chế độ cụ thể vừa phù hợp với yêu cầu của đội viên đội tình nguyện, vừa phù hợp với khả năng đáp ứng của nhà nước ?

Mô hình tổ chức của chương trình 334 là một mô hình hoàn toàn mới. Nội dung công việc là tham gia phát triển nông thôn, chứ không phải làm thay các cơ quan chức năng ở địa phương, tức là phải "hòa nhập" vào các công việc ở địa phương, nhưng không "hòa tan" trong đó. Các công việc tham gia cụ thể là :

+ Các hoạt động kinh tế : tham gia điều tra, quy hoạch xây dựng và triển khai các dự án phát triển kinh tế, xã hội ; hướng dẫn các hoạt động, mô hình chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật cho thanh niên nông thôn, miền núi và nông dân, giới thiệu phổ biến cây trồng, vật nuôi mới, định hướng quy hoạch lại cơ cấu sản xuất, ngành nghề theo hướng chuyên canh sản xuất hàng hóa, quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn...

+ Các hoạt động văn hóa - giáo dục : tham gia xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, dạy học tại các trường ở địa phương ; tuyên truyền các hoạt động văn hóa, xây dựng nếp sống mới, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan...

+ Các hoạt động xã hội : tuyên truyền, hướng dẫn và trực tiếp tham gia thực hiện hoặc tổ chức thực hiện các chương trình của Chính phủ ở địa phương về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, y tế cơ sở

Digitized by Google

và chăm sóc sức khỏe ban đầu, dùng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, phòng chống AIDS và các tệ nạn xã hội ; tham gia thực hiện các công tác nhằm đoàn kết, tập hợp thanh thiếu niên trên địa bàn...

Thông qua các hoạt động trên, nhằm đạt được mục tiêu góp phần vào việc phát triển kinh tế, xã hội nông thôn, miền núi ; đồng thời làm cho đội ngũ trí thức trẻ gắn bó hơn với các vùng quê họ đến, động viên, tạo điều kiện để sau thời gian tình nguyện, một bộ phận này sẵn sàng phục vụ lâu dài ở đó, góp phần bổ sung trí thức, cán bộ trẻ cho địa phương.

Qua thực tế triển khai tại 27 xã, thuộc 23 huyện của 6 tỉnh, thành phố : Bắc Thái (cũ), Nghệ An, Hà Tĩnh, Phú Yên, Tiền Giang, TP Hồ Chí Minh với thời gian hoạt động của đội viên là 2 năm cho thấy : đã có sự thống nhất phối hợp với các ngành ở địa phương triển khai thực hiện dự án ; hoạt động của các đội trí thức trẻ trên tất cả các lĩnh vực nêu trên đã góp phần vào việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở các thôn, xã, bản ; được nhân dân địa phương tin yêu, được chính quyền địa phương ghi nhận và đánh giá tốt. Thực tế khẳng định mô hình tham gia Dự án 334 là phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm. Tuy nhiên, các chế độ hiện đang áp dụng chưa đáp ứng được nhu cầu của công tác quản lý nếu dự án được mở rộng. Mô hình sử dụng tập trung theo từng lĩnh vực chuyên môn (chuyên môn hóa) có ưu điểm là các đội viên có điều kiện phát huy hết chuyên môn đã học, có điều kiện vừa làm việc, vừa học tập, nghiên cứu, đạt hiệu quả công tác cao, nhưng lại có nhược điểm là các đội viên ít có điều kiện sinh hoạt thường xuyên với nhân dân, ít có điều kiện tham vào các hoạt động xã hội tại địa phương.

Thực tế cho thấy, trong giai đoạn trước mắt, cần tuyển chọn trí thức trẻ chủ yếu là các kỹ sư nông, lâm, ngư nghiệp, bác sĩ, giáo viên. Các vùng cao, vùng sâu có thể chỉ cần chọn số có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp phù hợp hơn. Các chế độ, chính sách đã áp dụng cần nghiên cứu, cải tiến theo hướng tăng thêm chế độ chính sách theo lũy tiến đặc biệt (theo mức độ khó khăn của các vùng) nhằm khuyến khích để thu hút trí thức trẻ về phục vụ lâu dài tại nông thôn, miền núi. Hiện tại qua số liệu điều tra mới chỉ có 37,8% trí thức trẻ có nguyện vọng tiếp tục ở lại địa phương sau thời gian tình nguyện ; 11,8% không muốn ở lại, 50,3% chưa xác định.

Đánh giá chung về mô hình thí điểm tổ chức các đợt trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, chúng tôi có nhận xét sau :

- Mô hình đã khẳng định ý thức trách nhiệm, sẵn sàng tham gia và khát vọng được cống hiến, đóng góp của trí thức trẻ vào sự nghiệp CNH, HĐH nông thôn, miền núi.

- Bài học kinh nghiệm của Dự án 334 là sự thống nhất tổ chức và quản lý từ trung ương tới xã, sự phân nhiệm rõ ràng và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành ; thông tin đầy đủ và rõ ràng về chế độ, chính sách và điều kiện làm việc cho đội viên ; thường xuyên chăm lo bảo đảm các chế độ đối với họ, tạo sự quan tâm ủng hộ của chính quyền và nhân dân địa phương.

- Các chế độ, chính sách thử nghiệm nhìn chung là phù hợp với thực tiễn (khả năng đáp ứng của nhà nước và yêu cầu tối thiểu của đội viên), có thể giới thiệu để các địa phương chủ động vận dụng. Tuy nhiên, cần tiếp tục nghiên cứu theo hướng nâng cao hơn nữa các chế độ đối với đội viên và tạo cơ chế để đội viên tham gia trên nhiều lĩnh vực - tức là thực sự tạo được chính sách thu hút trí thức trẻ phục vụ nông thôn, miền núi.

III - Các chính sách và giải pháp thu hút, tổ chức trí thức trẻ tham gia phát triển nông thôn, miền núi.

1- Cải tiến công tác quản lý đào tạo, tăng cường công tác giáo dục đào tạo học sinh - sinh viên theo hướng ưu tiên cho nhu cầu cán bộ phục vụ nông thôn, miền núi. Các giải pháp chính là :

- Điều tiết ngân sách nhà nước chi cho giáo dục đào tạo, theo hướng chỉ tập trung cho giáo dục phổ thông, dạy nghề và các trường đại học, cao đẳng có ngành nghề mà đất nước có nhu cầu cao như sư phạm, nông - lâm - ngư nghiệp, thủy lợi...

- Chấm dứt tình trạng "thả nổi đầu ra". Các chính sách về học bổng, học phí, tín dụng học tập phải gắn với trách nhiệm của sinh viên đối với nhà nước và được thể chế hóa trong các văn bản của nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện chính sách "cử tuyển", kiểm tra bảo đảm tuyển chọn đúng đối tượng, có sự hỗ trợ thêm thường xuyên của các địa phương đối với con em mình.

Digitized by Google

2 - Một số đề xuất về phương thức huy động, biện pháp tổ chức trí thức trẻ về nông thôn, miền núi.

- Ban quản lý điều hành dự án phải thành lập Ban chỉ đạo chương trình sử dụng, bổ sung trí thức trẻ cho nông thôn, miền núi trực thuộc Chính phủ, có sự tham gia của các bộ, ngành có liên quan và giao cho Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh làm thường trực, giúp Chính phủ tổ chức thực hiện chương trình này.

- Lập kế hoạch đầu tư ngân sách cho việc huy động và tổ chức lực lượng trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi.

- Tổ chức bộ máy chỉ đạo và quản lý gọn nhẹ, thực hiện sự quản lý và điều tiết thống nhất của trung ương và ủy ban nhân dân các tỉnh.

- Bộ Giáo dục - Đào tạo, Trung ương Đoàn, Trung ương Hội sinh viên Việt Nam cần tăng cường công tác giáo dục để sinh viên hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn và giáo dục ý thức trách nhiệm tham gia vào sự nghiệp đó của họ sau khi tốt nghiệp. Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu ở các địa phương và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các ngành trong việc tạo điều kiện sử dụng có hiệu quả các trí thức trẻ ở các cấp từ trung ương tới địa phương.

- Thực hiện chế độ hợp đồng trách nhiệm đối với các đội viên trí thức trẻ, tạo sự ràng buộc trách nhiệm pháp lý của các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng.

- Hình thức tổ chức các đội trí thức trẻ cần vận dụng (tùy theo yêu cầu nhiệm vụ, khả năng tiếp nhận và năng lực điều hành của địa phương) việc tổ chức theo phân đội, tổ gồm một số đội viên theo các lĩnh vực khác nhau về huyện xã ; tổ chức các phân đội tập trung theo một nhiệm vụ chuyên môn nhất định ; tổ chức đưa từng đội viên về từng xã.

- Ngoài phần chi tiêu do ngân sách trung ương cấp, các tỉnh cần tự xây dựng và tổ chức các đội trí thức trẻ từ nguồn ngân sách địa phương.

3 - Các đề xuất chính sách đối với các đội viên trí thức trẻ :

a - Chế độ, chính sách cho công tác chỉ đạo quản lý chương trình : mở rộng dự án, cần có một số cán bộ chuyên trách. Đối với cán bộ kiêm nhiệm được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm, chế độ bồi dưỡng làm ngoài giờ và các chế độ vật chất khác. Các ban chỉ đạo, quản lý chương trình ở trung ương và các địa phương được tạo điều kiện về phương tiện vật chất phục vụ công tác chỉ đạo gồm chi phí đi lại, công tác phí, trao đổi thông tin, các chi phí văn phòng, tổ chức tập huấn, sơ kết, tổng kết hằng năm, khen thưởng, tuyên truyền cổ động v.v...

b - Chế độ, chính sách đối với đội viên trí thức trẻ :

- Trong thời hạn tình nguyện 2 năm : được bảo đảm các điều kiện tối thiểu về vật chất gồm trợ cấp tương đương lương, bảo hiểm y tế, xã hội, phụ cấp khu vực, trợ cấp thu hút, hỗ trợ sinh hoạt văn hóa - thể thao, hỗ trợ tiền thuê nhà ở, trang cấp đồng phục, tiền về phép, trang bị một số phương tiện phục vụ công tác và nhu cầu nâng cao hiểu biết văn hóa - xã hội (xe đạp, radiô, catset...), chế độ phụ cấp công tác lưu động, kinh phí cho hoạt động dân vận trên địa bàn... Có cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho trí thức trẻ tham gia các chương trình, dự án khác của nhà nước tại địa phương và được hưởng các chế độ quy định cho những người tham gia các chương trình, dự án đó.

Tạo điều kiện để họ thường xuyên được tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nếu công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế mới thì được hưởng thêm các chế độ nhà nước quy định cho các vùng này. Trong thời bình, nam đội viên được miễn nghĩa vụ quân sự. Các chế độ, chính sách đối với đội viên sau thời gian tình nguyện : cần có kế hoạch bố trí, tiếp nhận trí thức trẻ vào các cơ quan đảng, nhà nước tại địa phương ; coi đội ngũ này là nguồn cán bộ quan trọng của địa phương. Nếu đội viên trí thức trẻ tình nguyện lập nghiệp tại địa phương thì được tạo điều kiện bố trí nơi cư trú, tiếp tục phát huy khả năng chuyên môn, hỗ trợ làm kinh tế hộ gia đình... Nếu về địa phương cũ thì được cấp tiền tàu xe và phụ cấp đi đường, kinh phí hỗ trợ tìm việc làm, được chính quyền địa phương giúp đỡ, hỗ trợ giải quyết việc làm, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Được cấp giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ trong đội tình nguyện, và được miễn nghĩa vụ quân sự, trừ thời gian thực hiện nghĩa vụ lao động công ích.

- Về lâu dài, cần xây dựng chế độ tham gia làm việc tại nông thôn, miền núi thành chế độ lao động bắt buộc đối với các trí thức trẻ được hưởng học bổng và chế độ học tập do nhà nước đài thọ và là tiêu chuẩn để tuyển chọn vào biên chế nhà nước, luân chuyển đội ngũ công chức, cán bộ nhà nước giữa các vùng, miền. Thời gian thực hiện nghĩa vụ ở các vùng, miền cần được quy định cụ thể và thực hiện nghiêm túc. ❑

Digitized by Google

CHẶNG ĐƯỜNG 30 NĂM CỦA HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM

NGUYỄN XUÂN KÍNH *

Kho tàng văn hóa, văn nghệ dân gian nước ta rất phong phú và đặc sắc. Việc sưu tầm, nghiên cứu văn hóa, văn nghệ dân gian có mầm mống từ khá sớm. Ở thế kỷ XIV, Lý Tế Xuyên dựa vào những bản thần tích, vào lời truyền tụng trong dân gian, biên soạn sách *Việt điện u linh*. Đến thế kỷ XV, Vũ Quỳnh và Kiều Phú biên soạn sách *Lĩnh Nam chích quái*. Đây chính là một sưu tập truyện kể dân gian - có giá trị với hàng loạt truyện như "Truyện bánh chưng", "Truyện cây cau", "Truyện Phù Đổng Thiên Vương", "Truyện núi Tản Viên",... Cũng trong thế kỷ XV, Trạng nguyên Lương Thế Vinh biên soạn sách *Hý phường phả lục*, một cuốn sách viết về nghệ thuật hát chèo. Trong những năm ba mươi, bốn mươi của thế kỷ XX, Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn Huyên là nhà nghiên cứu văn hóa dân gian nổi tiếng với nhiều công trình viết bằng tiếng Pháp về lễ hội, về nhà sàn, về dân ca các dân tộc ít người,...

Chỉ sau Cách mạng Tháng Tám 1945, đặc biệt là sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954), miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, các nhà nghiên cứu mới có điều kiện cần thiết để từng bước xây dựng bộ môn khoa học mác xít về văn học dân gian. Từ cuối những năm năm mươi, việc giảng dạy văn học dân gian một cách hệ thống đã được tiến hành ở bậc đại học. Thực tế hoạt động cho thấy việc sưu tầm và nghiên cứu nếu chỉ hạn chế ở phạm vi văn học dân gian thì sẽ chưa thỏa đáng. Vì vậy, tháng 11 năm 1966, tại Hà Nội, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam đã tổ chức Đại hội thành lập, mà những người sáng lập là Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Huyên, Nguyễn Đỗ Cung, Hoài Thanh, Đặng Thai Mai, Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Xuân Khoát, Cù Huy Cận, Nông Quốc Chấn, Bảo Định Giang và với 200 hội viên tham gia. Tháng 3 năm 1967, tổ chức này được Chính phủ công nhận. Từ sau sự kiện này, mỗi tỉnh đều có Tiểu ban văn nghệ dân gian trực thuộc ty hoặc sở văn hóa - thông tin.

Sau một số năm thay đổi về mặt tổ chức và do hoàn cảnh chiến tranh, mãi tới tháng 12 năm 1989, Đại hội lần thứ hai của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam mới được triệu tập và tiến hành thành công.

Nếu "Đại hội một là đại hội *dựng nghiệp*, Đại hội hai là đại hội của *hồi sinh*" thì Đại hội ba là "đại hội của nhiệm vụ lịch sử *giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc*" (1). Đại hội ba được tổ chức tại Hà Nội, tháng 1 năm 1995.

Theo Điều lệ (sửa đổi) 1995, "Hội lấy tên là Hội những người sưu tầm, nghiên cứu và phổ biến văn hóa - văn nghệ dân gian Việt Nam, gọi tắt là Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam". Hội "là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của những công dân Việt Nam tự nguyện hoạt động sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến văn hóa - văn nghệ dân gian và tích cực tham gia các hoạt động của Hội".

Tính đến tháng 12 năm 1996, Hội đã có 819 hội viên. Họ ở khắp các tỉnh, thành trong cả nước, từ Hà Giang đến Minh Hải, thuộc các dân tộc Kinh (Việt), Thái, Tày, Mường, Dao, Nguồn, Dáy, H'Mông, Ê đê, M'nông, Chăm, Ba na, Giơ rai.

Có hội viên là nhà khoa học xã hội nổi tiếng như Nguyễn Khánh Toàn, Đinh Gia Khánh,... Nhiều bài viết của Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn có ý nghĩa phương pháp luận, vận dụng một cách đúng đắn và có hệ thống lý luận mác xít trong việc nghiên cứu văn học dân gian nước ta. (Xin xem một số bài trong hai cuốn sách của tác giả : *Xung quanh một số vấn đề về văn học và giáo dục*, 1972 ; *Cách mạng và khoa học xã hội*, 1987). Giáo sư Đinh Gia Khánh (sinh năm 1925) là nhà nghiên cứu văn học dân gian nổi tiếng với các cuốn sách : *Sơ bộ tìm hiểu những vấn đề của truyện cổ tích qua truyện "Tấm Cám"* (1968), *Văn học dân gian* (chủ biên, hai tập, 1972 - 1973, được tái bản nhiều lần : 1977, 1991, 1997). Ông là Viện trưởng đầu tiên của Viện Nghiên cứu văn hóa dân gian, là người đặt nền móng cho Khoa

* PGS, PTS, Viện Văn hóa dân gian

(1) *Kỷ yếu Đại hội ba*, Hội văn nghệ dân gian Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 1995, tr 37

Digitized by Google

nghiên cứu văn hóa dân gian nước nhà, với các công trình : *Trên đường tìm hiểu văn hóa dân gian* (1989), *Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông - Nam Á* (1993), *Văn hóa dân gian Việt Nam với sự phát triển của xã hội Việt Nam* (1995). Trong dịp Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng giải thưởng Hồ Chí Minh đợt một (năm 1996) cho các công trình của tám nhà khoa học xã hội, các công trình của Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn và Giáo sư Đinh Gia Khánh đã được nhận vinh dự cao quý đó.

Có những hội viên là những nhà nghiên cứu và biên soạn có ảnh hưởng rộng rãi như nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan (1902 - 1987), Giáo sư Nguyễn Đổng Chi (1915 - 1984). *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* của Vũ Ngọc Phan là công trình đồ sộ, vừa có giá trị về mặt nghiên cứu, vừa tập hợp được nhiều tinh hoa tục ngữ, ca dao của dân tộc. Từ năm 1956 đến nay, cuốn sách này đã được xuất bản mười lần. Không những nổi tiếng bởi các cuốn sách *Lược khảo về thần thoại Việt Nam* (1956), *Hát giặm Nghệ Tĩnh* (hai tập, 1962 - 1963, chủ biên), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh* (1995, chủ biên), Giáo sư Nguyễn Đổng Chi còn để lại cho đời *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (năm tập, 1958 - 1982). Lại có hội viên thường đi tiên phong, mở ra những hướng nghiên cứu mới. Nhà nghiên cứu đã quá cố dưới tuổi 50, Cao Huy Đỉnh (1927 - 1975) với các công trình *Người anh hùng làng Dóng* (1969), *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam* (1974, tái bản : 1976) chính là một cây bút như vậy. Năm 1996, các cuốn sách của ba hội viên Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Đổng Chi, Cao Huy Đỉnh đều đã được trao giải thưởng Hồ Chí Minh.

Có những hội viên đã giảng dạy nhiều năm ở bậc đại học và viết nhiều sách như Giáo sư Bùi Văn Nguyên (sinh năm 1923), Phó giáo sư Đỗ Bình Trị (sinh năm 1932), Phó giáo sư Chu Xuân Diên (sinh năm 1934), Phó giáo sư Hoàng Tiến Tựu (sinh năm 1934),... Lại có hội viên dành bốn chục năm say mê sưu tầm, nghiên cứu văn hóa dân gian một vùng đất như trường hợp Phó giáo sư Ninh Viết Giao (sinh năm 1933 ở Thanh Hóa), lập sự nghiệp ở Nghệ An.

Bên cạnh các hội viên nổi tiếng, lại có rất nhiều hội viên âm thầm, bền bỉ sưu tầm, nghiên cứu văn hóa, văn nghệ dân gian ở các địa phương, các vùng cao, vùng sâu. Họ có thể là thầy giáo dạy văn, dạy sử ở trường phổ thông, có thể là những cán bộ hoạt động văn hóa ở cơ sở đang tại chức hoặc đã về hưu. Các hội viên tuy khác nhau về trình độ (do quá trình đào tạo và tự đào tạo), về môi trường công tác ; chênh lệch về tuổi đời, tuổi nghề, nhưng tất cả đều vượt khó, đều thiết tha với công việc và quyết tâm gìn giữ, phát huy văn hóa dân tộc. Đa số hội viên không được đầu tư kinh phí, phương tiện để hoạt động sưu tầm, nghiên cứu văn hóa văn nghệ dân gian, nhưng họ luôn ý thức rằng, đây là nhiệm vụ của mình, nên đã không đòi hỏi gì trong lúc cả nước có chiến tranh, cũng như khi đất nước đã chuyển mình sang thời bình. Một trong số rất nhiều tấm gương trong sáng đó là cụ hội viên Đinh Xuân Vịnh (sinh năm 1915) ở Hà Tĩnh. Cụ Đinh Xuân Vịnh là tác giả công trình *Việt Nam trong lòng thế giới*. Bản thảo lần thứ nhất bị chiến tranh làm thất lạc, bản thảo lần thứ hai bị thời tiết, khí hậu làm hoen ố. Bản thảo hiện nay chép tay lần thứ ba gồm 40 cuốn vở học trò, khổ 19 x 27 cm, mỗi cuốn 120 trang. Nội dung bản thảo tựa như một bộ từ điển, có khoảng bốn vạn mục từ. Ở đây người đọc có thể tra cứu về địa lý , lịch sử Việt Nam và các nước trên thế giới có liên quan đến nước ta ; về các tổ chức chính trị, quân sự, tôn giáo, kinh tế, văn hóa ; về các hội hè, các hình thức vui chơi giải trí ; về tài nguyên, sản vật, thực vật, động vật của Việt Nam và Đông Dương ; về các mỏ, các suối khoáng, các nghề truyền thống ; về các loại tiền tệ, các đơn vị đo lường cũ, mới ở Việt Nam, Trung Quốc, Anh, Pháp, Mỹ... Kèm theo 40 cuốn vở vừa nêu là 50 bản đồ tự vẽ, trong đó có bản đồ thế giới qua các thời kỳ phát triển địa lý, bản đồ Việt Nam và các nước lân cận, bản đồ các thành trì ở Việt Nam,...

Cụ Đinh Xuân Vịnh rất kiệm lời về bản thân. Đến khi có vị giáo sư ở gần nhà biết được và hỏi cụ về mục đích của công trình, cụ trả lời rằng vì lòng yêu văn hiến nước nhà mà làm, và cụ cũng không dám nghĩ đến việc công bố, xuất bản.

Công trình của cụ là kết quả lao động nghiệp dư của một con người không được đào tạo chuyên sâu, không được đầu tư kinh phí và phương tiện chỉ có tấm lòng yêu dân tộc ; do vậy khó mà toàn bích. Nhưng ở đây, đúng như Giáo sư Nguyễn Đình Chú đã nhận xét, ai ai cũng có thể nhận thấy "sự tinh khiết của một nhân cách văn hóa lớn" (2).

*
* *

Những con người say mê sưu tầm, nghiên cứu và phổ biến văn hóa, văn nghệ dân gian khi được tập

(2) Trích bài viết "Hiện tượng Đinh Xuân Vịnh" của Giáo sư Nguyễn Đình Chú, in trong cuốn sách của tác giả Đinh Xuân Vịnh : *Sổ tay địa danh Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1996, tr 6. Những thông tin về cụ Đinh Xuân Vịnh là chúng tôi dựa vào bài viết này

Digitized by Google

hợp, đoàn kết trong Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam thì kết quả lao động của họ đã được phát huy, nghiệp vụ chuyên môn của họ được bồi dưỡng và từng bước nâng cao.

Trong các năm 1969 - 1970, phối hợp với Viện Văn học, Hội phát động cuộc thi sưu tầm văn học dân gian và đã tổng kết, trao giải vào ngày 9-3-1971 tại Hà Nội.

Tháng 9 năm 1975 tại Thanh Hóa, Hội tổ chức hội nghị bồi dưỡng kinh nghiệm sưu tầm văn nghệ dân gian toàn miền Bắc và đã xuất bản kỷ yếu *Để đẩy mạnh hoạt động văn nghệ dân gian.*

Trung ương Hội đã đề xuất và cùng nhiều tỉnh tổ chức các cuộc hội thảo về chủ đề giữ gìn và phát huy tài sản văn hóa các dân tộc nhằm củng cố đầy đủ và sâu sắc hơn trách nhiệm của toàn dân trong lĩnh vực này. Các cuộc hội thảo này đã được tiến hành ở Đắc Lắc (1991) cho khu vực Tây Nguyên, ở Nghệ An (1994) cho các tỉnh Bắc Trung Bộ, ở Hà Nội (1994) cho Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, ở Sơn La (1995) cho khu vực Tây Bắc, ở Phú Yên (1996) cho các tỉnh Nam Trung Bộ, ở Đồng Nai (1997) cho khu vực Đông Nam Bộ.

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam đã phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức các hội thảo chuyên đề, kịp thời góp tiếng nói trước vấn đề "nóng" của văn hóa xã hội như vấn đề lễ hội (1993), vấn đề Mẫu Liễu Hạnh (1993), vấn đề Bà Chúa Kho (1994), Sơn Tinh và vùng văn hóa cổ Ba Vì (1996), nghề cổ truyền Việt Nam (1994, 1995, 1996).

Liên tục từ năm 1993 đến nay, được Nhà nước cấp kinh phí cho việc trao giải thưởng, Hội đã tổ chức xét và trao giải hằng năm cho các công trình của hội viên, động viên xứng đáng công sức lao động của họ. *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh* (công trình tập thể, Giáo sư Nguyễn Đổng Chi chủ biên), *Dân ca Quan họ* (nhạc sĩ Phạm Hồng Thao), *Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông - Nam Á* (Giáo sư Đinh Gia Khánh), *Kho tàng ca dao người Việt* (tập thể),... là những công trình được tặng giải cao. Đặc biệt, một phần công trình *Việt Nam trong lòng thế giới* của cụ Đinh Xuân Vịnh đã được Hội tổ chức thẩm định và trao giải nhất (12 triệu đồng) năm 1994.

Trước hiện tượng có nhiều hội viên âm thầm, bền bỉ sưu tầm, nghiên cứu văn hóa, văn nghệ dân gian, năm 1995, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam đã thành lập Hội đồng phát hiện và bảo trợ tác giả, tác phẩm. Hội đồng gồm các nhà nghiên cứu có uy tín và nhiệt tâm, do Giáo sư Nguyễn Đình Chú (Đại học quốc gia Hà Nội) làm chủ tịch, Hội đồng có nhiệm vụ phát hiện, tổ chức việc thẩm định các công trình sưu tầm, nghiên cứu và phổ biến văn hóa, văn nghệ dân gian, tổ chức việc huy động tài chính ở các cơ quan, các tổ chức và cá nhân để hỗ trợ tác giả, và trong điều kiện cho phép, để xuất bản những công trình có giá trị đang tiềm tàng trong nhân dân. Năm 1996, với sự tài trợ của Đại học quốc gia Hà Nội và Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, cuốn sách *Sổ tay địa danh Việt Nam,* 612 trang, một phần công trình của cụ Đinh Xuân Vịnh đã được ra mắt bạn đọc.

Từ năm 1995, Hội viên thường xuyên cung cấp các ấn phẩm như *Nghề thủ công truyền thống Việt Nam và các vị tổ nghề, Sổ tay địa danh Việt Nam, 50 năm sưu tầm phổ biến văn hóa văn nghệ dân gian,* các số tạp chí Nguồn sáng và phụ san Thông tin văn hóa văn nghệ dân gian đến từng hội viên.

Trong dịp thống kê đầu năm 1997 ở 400 hội viên (chiếm 50% tổng số hội viên), đã có 476 công trình in thành sách riêng, 1019 công trình in trong các tập sách cùng với các tác giả khác, 3 620 tiểu luận khoa học đăng ở các tạp chí khoa học ; gần 4 000 công trình ở dạng bản thảo chưa có điều kiện xuất bản. Ngoài ra, hội viên còn sưu tầm được trên 10 000 bài dân ca, bản nhạc dân gian (khoảng 500 giờ băng hình) về phong tục, tập quán, kiến trúc dân gian, hội lễ, múa, trò diễn, sân khấu dân gian. Những tư liệu, bản thảo này đang được lưu giữ một phần tại văn phòng Hội, phần lớn do các tác giả bảo quản tại gia đình. Đây là một tài sản vô cùng quý giá, có những tư liệu ngày nay muốn sưu tầm cũng không được nữa vì các nghệ nhân cao tuổi đã qua đời (3).

Chính vì những thành tích xuất sắc của từng hội viên và tổ chức Hội trong công cuộc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, năm 1997, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã tặng thưởng Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam Huân chương Độc lập hạng nhất. ❑

(3) Các số liệu và nhận định là theo Báo cáo của Ban chấp hành Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam do Giáo sư, Tiến sĩ Tô Ngọc Thanh, Tổng thư ký Hội, đọc tại lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Hội, tổ chức ngày 16-8-1997 tại Hà Nội

Digitized by Google

MỘT CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU SÂU VỀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH

HUY CẬN

Đó là công trình "Chân dung một người Bôn-sơ-vích da vàng" của A-lanh Rút-xiô (Alain Ruscio). Chữ "Bôn-sơ-vích da vàng" là do Nguyễn Thế Truyền đặt ra để chỉ Nguyễn Ái Quốc trên tờ Le Paria (Người cùng khổ, số ngày 1-12-1922). Nguyễn Thế Truyền lúc đó là bạn chiến đấu của Nguyễn Ái Quốc.

Công trình này tập trung nghiên cứu tư tưởng và hành động của Nguyễn Ái Quốc trong 6 năm (1917-1923). A-lanh Rút-xiô thuật lại tỉ mỉ, với những xuất xứ chính xác (báo, sách, báo cáo của mật thám Pháp ở Pháp và ở Đông Dương, báo cáo của toàn quyền Đông Pháp...), qua đó theo dõi sự hình thành và quá trình phát triển tư tưởng chính trị của Nguyễn Ái Quốc. A-lanh Rút-xiô không theo cách nói nhiều người đã dùng là "Từ chủ nghĩa dân tộc đi đến chủ nghĩa cộng sản...". Theo ông thì nên nói "chủ nghĩa cộng sản bởi vì chủ nghĩa dân tộc" hoặc là "chủ nghĩa dân tộc cộng với chủ nghĩa cộng sản". Cách suy nghĩ đó ta có thể bàn thêm, nhưng đó là một nhận định độc đáo, có suy nghĩ, nghiền ngẫm. Tài liệu nghiên cứu cũng nói rõ là thiếu tư liệu về phản xạ, suy nghĩ của Nguyễn Ái Quốc về Cách mạng Tháng Mười Nga ; chỉ biết những năm 1919-1920 Nguyễn Ái Quốc đã tham gia những cuộc tranh luận nội bộ của Đảng Xã hội Pháp (SFIO-Đệ nhị quốc tế) - trong những cuộc tranh luận ấy Nguyễn Ái Quốc chưa hiểu rõ lắm những khái niệm : giai cấp vô sản, bóc lột, chủ nghĩa xã hội, cách mạng không tưởng, chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa vô chính phủ, luận để, phản luận để, giải phóng, chủ nghĩa tập thể, chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa khách quan, chủ nghĩa chủ quan v.v... Và những tên Phua-ri-ê (Fourier), Các Mác (Karl Marx) cũng làm Nguyễn Ái Quốc bỡ ngỡ... Vậy điều gì làm cho người thanh niên "An-na-mít" nghiêng về Đệ tam quốc tế, về chủ nghĩa cộng sản ?

Ngày 11-1-1920 báo L'Humanité đưa tin "Nguyễn Ái Quốc diễn thuyết về "chủ nghĩa Bôn-sơ-vích ở các thuộc địa", diễn thuyết ở quận 20 thủ đô Pa-ri, nhưng không có tư liệu gì về nội dung cuộc diễn thuyết ấy... Điểm nút trong sự tiến triển tư tưởng chính trị của Nguyễn Ái Quốc là báo L'Humanité ngày 16 và 17 tháng 7 - 1920 đăng đầy đủ "Những luận để về vấn đề dân tộc và thuộc địa" của Lê-nin, đưa ra ở Đại hội lần thứ 2 của Quốc tế cộng sản. Nguyễn Ái Quốc đọc đi đọc lại và cảm thấy đó là con đường giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc cảm động đến khóc. (chỗ này A-Rút-xiô tin theo lời Trần Dân Tiên kể lại, tin vì đối với Nguyễn Ái Quốc lúc đó điều quan trọng nhất là sự gắn chặt hoạt động của Đảng (SFIO) với nguyện vọng vô cùng thiết tha giải phóng Tổ quốc - ở Đại hội Tua (Tours) tháng 12-1920, bài phát biểu của "đại biểu Đông Dương", bài phát biểu duy nhất có nêu vấn đề thuộc địa, nhưng tập trung nêu những xâm phạm các quyền tự do, và sự cực khổ của nhân dân thuộc địa (làm cho Đại hội chú ý) chứ chưa đụng đến chủ nghĩa đế quốc, mà cũng chưa nêu vấn đề độc lập của đất nước. Nguyễn Ái Quốc khẳng định là theo Đệ tam quốc tế thì Đảng sẽ đặt những vấn đề thuộc địa với vị trí quan trọng của nó.

Sau Đại hội Tua (thành lập Đảng Cộng sản Pháp) Nguyễn Ái Quốc chiến đấu mạnh mẽ trong liên minh "những người cùng khổ" (báo Le Paria ra đời tháng 4-1922). Nguyễn Ái Quốc thực sự trở thành một người theo chủ nghĩa quốc tế thực sự, bênh vực tất cả những người bị áp bức, ủng hộ nhân dân Ai-len (Irlande) đòi độc lập, bênh vực những người da đen ở Mỹ, tham gia "Ủy ban hành động chống đế quốc và chiến tranh". Một điểm đặc biệt đáng chú ý : Năm 1921, Xta-lin, tại Mát-xcơ-va đăng một bài nêu "các dân tộc lạc hậu" và các "dân tộc tiên tiến", và nói rằng "những dân tộc tiến tiến" có sứ mạng (trong khi tự giải phóng) giải phóng "các dân tộc lạc hậu". Nguyễn Ái Quốc tỏ rõ không đồng tình với quan điểm ấy. Nguyễn Ái Quốc nói thẳng là cách mạng cộng sản có thể thực hiện ở Viễn Đông. Hơn thế nữa : cách mạng cộng sản tìm thấy ở Viễn

Digitized by Google

Đông một miếng đất phì nhiêu hơn ở các nước tư bản chủ nghĩa lớn.

"Người Á Đông hiểu sâu hơn sự cần thiết của một cuộc cải tạo hoàn toàn xã hội ngày nay"... Rồi đến 1923, Nguyễn Ái Quốc quyết định rời Pháp sang Nga. Tại sao ? Có 3 giả thuyết (có thể bổ sung cho nhau) :

1. Quốc tế cộng sản thiếu những chiến sĩ là người các thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc rõ ràng là một chiến sĩ hăng hái, có lập trường sắc bén về vấn đề thuộc địa.

2. Nguyễn Ái Quốc ngày càng bị mật thám Pháp bám riết, có nguy cơ bị bắt giam, trục xuất về Đông Dương, và tính mệnh bị đe dọa.

3. Nguyễn Ái Quốc cũng chắc chắn đã thất vọng trong việc cố gắng lôi kéo số đông trong Đảng Cộng sản Pháp vào hành động cụ thể chống chủ nghĩa thực dân...

Và từ đây bắt đầu hình thành một truyền thuyết về Nguyễn Ái Quốc. Nguyễn Thế Truyền đã viết "cái tên Nguyễn Ái Quốc được lan truyền sâu trong các làng xã". Một đứa bé hỏi : Ông Nguyễn Ái Quốc có phải là một con người bằng xương bằng thịt không ?". Bản "Những yêu sách (1919) của nhân dân Việt Nam", báo "Le Paria" tung về Đông Dương, về Việt Nam, rồi "Bản án chế độ thực dân Pháp... giúp hình thành truyền thuyết Nguyễn Ái Quốc, với vòng hào quang, ăn sâu vào tâm trí nhân dân. Đoạn kết công trình nghiên cứu, A-lanh Rút-xiô viết: "người ta thường tự hỏi nguyên nhân gì làm cho chủ nghĩa cộng sản thắng thế trong phong trào dân tộc ở Việt Nam, một điều trái với tất cả những điều thấy ở các thuộc địa. Nhiều lý do đã được nêu ra một cách có lý. Có một lý do làm chúng ta phải chú ý và cần được nghiên cứu đầy đủ hơn : Đó là bản lĩnh khá phi thường của Nguyễn Tất Thành, tức Nguyễn Ái Quốc, tức Hồ Chí Minh. Đến đây tôi rất muốn mượn lời của nhà thơ lớn An-giê-ri Kateb Yacine để kết luận : "Tôi được tin Bác Hồ từ trần, và lòng tôi đau quặn thắt. Trong tất cả những chiến sĩ của phong trào cộng sản, theo tôi Hồ Chí Minh là người vĩ đại nhất, bởi vì Người đã trọn đời là một con người giản dị, và đã chết như đã từng sống : như là một nhà thơ cũng như là một chiến sĩ, không mảy may có lòng ích kỷ hay lòng kiêu ngạo dân tộc. Hồ Chí Minh là người kế thừa trực tiếp của Lê-nin, và không có một con người như Hồ Chí Minh, thì những nước thuộc địa không tìm đâu ra sức mạnh để nổi dậy. Quả thật như theo thuyết chính thống mác xít, chính quần chúng làm nên lịch sử, nhưng vai trò của những cá nhân phi thường cũng phải được đánh giá lại".

Công trình nghiên cứu này của A-lanh Rút-xiô là một đóng góp rất quý vào việc tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh. ❑

SẢN NGHIỆP HÓA ...

(Tiếp theo trang 60)

thụ, tiêu dùng. Trong điều kiện mới đó, hàng hóa nông sản mới thực hiện được giá trị, nông nghiệp mới thu được lợi nhuận bình quân, mới trở thành một ngành sản xuất lớn thực thụ.

Thị trường hóa sản xuất nông sản còn bao gồm việc điều chỉnh cơ cấu nông sản theo nhu cầu thị trường, việc tiêu thụ nông sản phải thông thoáng, không thể có ách tắc ; giá cả nông sản phải phản ánh chuẩn xác mức độ khan hiếm của nông sản, phải căn cứ theo quy luật giá trị để định giá nông sản, phải để cho sản xuất nông nghiệp được hưởng lợi nhuận bình quân và lợi nhuận siêu ngạch, từ đó mà nâng cao sản lượng và chất lượng nông sản. Đó cũng chính là biện pháp cơ bản để hiện đại hóa nông nghiệp, tăng cường sức quy tụ và hấp dẫn của nông nghiệp đối với toàn xã hội. Đưa khẩu hiệu "nông nghiệp là cơ sở" đi vào cuộc sống thực tế, không dừng lại ở khẩu hiệu đơn thuần như trước đây.

Thực hiện sản nghiệp hóa nông nghiệp : sản nghiệp hóa nông nghiệp là một công việc rất mới, có liên quan không chỉ đến nông nghiệp mà cả công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ, ngân hàng, trung ương, địa phương, các cấp, các ngành trong và ngoài nước. Vì vậy, nó đòi hỏi phải có sự quan tâm chỉ đạo đúng đắn của trung ương, sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, sự nhiệt tình ủng hộ của đông đảo nông dân, công nhân, viên chức, đòi hỏi sự tham góp ý kiến và sáng kiến của giới lý luận, các nhà khoa học trên mọi lĩnh vực. Cần khẳng định rằng, cốt lõi của sản nghiệp hóa là "lợi ích". Cần bảo đảm cho các xí nghiệp công thương nghiệp và đông đảo nông dân tham gia sản nghiệp hóa, đều nhận được lợi nhuận bình quân. Như vậy, mới tạo động lực bền vững để mọi người chủ động và tích cực tham gia. Hết sức tránh dùng biện pháp hành chính. Về mặt này, chính phủ cần có các chính sách thích hợp về tín dụng, thuế quan, giá cả, về thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, phát hành "trái phiếu sản nghiệp hóa nông nghiệp", xây dựng "quỹ sản nghiệp hóa nông nghiệp", cổ phần hóa...❑

Digitized by Google

Hối lộ

HOÀI PHƯƠNG

Hối lộ, theo từ điển tiếng Việt, có nghĩa là "đút lót kẻ có thế lực để cầu cạnh một việc gì". Như vậy, tham gia vào tội hối lộ nhất thiết phải có hai nhân vật chính : kẻ nhận hối lộ và người đưa hối lộ. Song, trong nhiều trường hợp còn có thêm nhân vật thứ ba nữa, đó là kẻ môi giới hối lộ.

Trong các xã hội mà chân lý phổ biến là "nén bạc đâm toạc tờ giấy", "có tiền mua tiên cũng được" hoặc "trong tay đã sẵn đồng tiền. Dẫu lòng đổi trắng thay đen khó gì !" thì hối lộ được coi là chuyện bình thường.

Nhưng dưới chế độ ta, hối lộ bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, bị dư luận xã hội nghiêm khắc lên án. Chính vì vậy cho nên phương thức hoạt động của nó cũng có sự thay đổi, kín mà hở, hở mà kín.

Trong khá nhiều trường hợp, việc hối lộ được diễn ra một cách tinh vi. Người nhận hối lộ và kẻ đưa hối lộ đều mang cái vẻ bề ngoài rất "cao thượng". Anh A có cô con gái rượu vừa mới tốt nghiệp đại học. Vì không phải là một sinh viên giỏi cho nên cô đã gửi đơn xin việc tới hàng chục cơ quan nhưng không nơi nào nhận cả ; hoặc có nhận đơn nhưng phải thi tuyển, cô đều trượt. Thế rồi, có một người nào đó đóng vai là bạn "rất thân" của anh và hứa sẽ xin việc cho con anh ngay tại Hà Nội. Sau nhiều lần gặp gỡ, trao đổi thân tình, cuối cùng công việc được giải quyết một cách trót lọt. Cô con gái rượu của anh A được nhận thẳng vào làm việc tại một tổng công ty vào loại mạnh và có rất nhiều "màu", không phải qua thi tuyển chi cả. Để trả cái ơn đó, anh A đã "tặng" cậu con cả của "bạn" mình một chiếc xe máy DREAM II mới toanh. Một bên chẳng tiếc công, một bên không thiếu của. Mới nghe tưởng như đây là một trường hợp thể hiện tình bạn đẹp đẽ, nhưng đi sâu vào thực chất của vấn đề mới biết người ta đã vận dụng một cách rất khôn khéo cái nguyên tắc : "tôi bỏ chiếc chân giò, anh phải thò chai rượu".

Cũng không ít trường hợp, người ta hối lộ mà không cần đến tiền, của. Anh ở cơ quan có thẩm quyền cấp đất, tôi ở đơn vị có thẩm quyền xét duyệt người đi tu nghiệp ở nước ngoài. Anh "giúp" tôi được cấp một suất đất theo ý muốn, tôi sẽ "giúp" anh có quyết định cho con đi tu nghiệp ở một nước tư bản, kinh phí hoàn toàn do nhà nước chịu. Họ không trao cho nhau một số lượng tiền, của nào cả ; nhưng chắc chắn suất đất và cái giấy gọi đi tu nghiệp ở nước ngoài phải là những vật ngang giá.

Bên cạnh những trường hợp hối lộ có phần kín đáo như trên, ta còn thấy có khá nhiều trường hợp hối lộ diễn ra một cách công khai. Anh là người của cơ quan thi hành pháp luật ; tôi là kẻ buôn bán hàng quốc cấm. Tôi bị anh bắt quả tang. Tôi đề nghị, nếu anh lờ đi, tôi sẽ biếu anh một lượng USD tương ứng. Thế là ô kê ! Những chuyện đại loại như thế không hiếm.

Hiện nay, tệ hối lộ đã đi vào mọi ngõ ngách của đời sống xã hội, gây thành tâm lý hầu như cứ có tiền thì việc gì cũng có thể giải quyết được.

Trong việc hối lộ, cả ba nhân vật : đưa hối lộ, nhận hối lộ và môi giới hối lộ đều cần đến nhau và nương tựa vào nhau để tồn tại. Tôi cần một một việc gì đó, biết anh là người có quyền giải quyết, tôi tìm đến anh. Anh là người có chức, có quyền, biết tôi đang cần một việc mà không nhờ anh không xong, thế là anh tìm đến tôi. Nếu tôi không biết anh, hoặc anh không biết tôi thì đã có kẻ môi giới. Họ sẽ tự tìm đến anh và tôi, giới thiệu để chúng ta làm quen với nhau. Và, tất nhiên khi bà mối ấy đã tốn nước bọt thì cũng phải có khoản gì bù đắp chứ.

Những người phạm tội hối lộ trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đều đáng phê phán và đều là đối tượng bị pháp luật trừng trị. Song cũng cần phân biệt những trường hợp cụ thể. Thông thường thì những kẻ đòi hối lộ và môi giới hối lộ đều là những kẻ cố ý. Còn những người đưa hối lộ thì có trường hợp do chủ động, nhưng cũng có trường hợp do bị động. Họ bị ép buộc đưa hối lộ, hoặc vì bí quá mà can tội một cách không tự giác. Họ vừa là thủ phạm, vừa là nạn nhân. Những trường hợp ấy người ta thấy có cả nước mắt kèm theo vật hối lộ.

Tệ hối lộ (bao gồm cả hối lộ, nhận hối lộ và môi giới hối lộ) hiện nay là mặt tệ hại nhất của tệ tham nhũng. Hậu quả do nó gây ra không thể lường hết được. Tệ hối lộ đang làm xói mòn bản chất ưu việt của chế độ xã hội ta, làm cho một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân viên nhà nước trở nên thoái hóa, biến chất. Nó làm cho các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước không được chấp hành nghiêm chỉnh ; uy tín của Đảng và Nhà nước bị tổn thương, lòng tin của nhân dân đối với các tổ chức đảng và chính quyền bị giảm sút.

Còn người hối lộ bởi vì vẫn còn những người có chức, có quyền thích nhận hối lộ. Họ lợi dụng chức trách, lợi dụng tổ chức để mưu cầu lợi ích bất chính trong khi thực hiện công việc của Đảng và Nhà nước giao cho. Còn tệ hối lộ bởi vì kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong nhiều trường hợp không được nghiêm minh ; nhiều mặt quản lý đang bị buông lỏng...

Tệ hối lộ hoàn toàn trái ngược với bản chất của chế độ ta, hoàn toàn trái ngược với truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Phải chặn đứng nó lại, loại trừ nó khỏi đời sống xã hội. Chống tệ hối lộ phải được coi là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của công cuộc đấu tranh chống tiêu cực hiện nay. ❑

Digitized by Google

ĐẠI HỘI V ĐẢNG CỘNG SẢN CU BA - ĐẠI HỘI CỦA SỰ ĐOÀN KẾT VÀ KIÊN ĐỊNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NGUYỄN VIẾT THẢO*

CÁCH mạng Cu Ba, mở đầu từ cuộc tấn công pháo đài Môn-ca-đa (26-7-1953), đến nay đã trải qua gần 45 năm trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn đã khẳng định, Đảng Cộng sản Cu Ba là đội tiền phong chiến đấu, người tổ chức và lãnh đạo nhân dân Cu Ba vượt qua mọi khó khăn, thử thách, vươn lên đạt nhiều thành tựu to lớn. Những năm vừa qua, Đảng và nhân dân Cu Ba nỗ lực thực hiện thắng lợi nhiều nhiệm vụ quan trọng do Đại hội IV (tháng 10-1991) vạch ra nhằm bảo vệ chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh của "thời kỳ đặc biệt". Từ ngày 8 đến ngày 10-10-1997, Đảng Cộng sản Cu Ba tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V tại Thủ đô La Ha-ba-na. Với 1 482 đại biểu thay mặt hơn 780 000 đảng viên cả nước, Đại hội V có nhiệm vụ đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IV và vạch chiến lược, phương hướng, nhiệm vụ của Đảng, của cách mạng Cu Ba trong những năm tới.

Chặng đường dài của những khó khăn và của những năm tháng anh hùng nhất.

Đảng cộng sản Cu Ba đánh giá như vậy đối với quãng thời gian vừa qua, từ Đại hội IV đến nay. Con thuyền cách mạng Cu Ba đã từng trải qua nhiều cơn sóng gió, nhưng chưa bao giờ phải đương đầu với dồn dập sóng cồn, gió cả như từ năm 1991 đến nay. Mặc dù ban lãnh đạo Đảng dự báo được trước sự tan ra của Liên Xô, nhưng nền kinh tế Cu Ba vẫn không tránh được khủng hoảng. Trước kia, quan hệ kinh tế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu chiếm 80 - 85% kim ngạch ngoại thương của Cu Ba, cung cấp 86% nguyên liệu, 98% nhiên liệu, 80% máy móc, linh kiện và trên 70% hàng công nghiệp. Việc đột ngột mất đi những mối quan hệ chủ yếu đã đẩy kinh tế Cu Ba vào suy thoái, khủng hoảng. Trong vòng 3 năm (1990 - 1993), tổng sản phẩm quốc nội giảm 35%, nhập khẩu giảm 75% và xuất khẩu giảm 79%. Khả năng nhập khẩu năm 1993 chỉ còn 1,7 tỉ USD, so với 8,2 tỉ USD năm 1989, trong đó phải dành 750 triệu USD cho nhập khẩu nhiên liệu, 400 triệu USD cho lương thực - thực phẩm và 80 triệu USD để mua sữa cho người già và trẻ em... Những vụ đường "tồi tệ nhất trong lịch sử" kế tiếp nhau xuất hiện : 6,7 triệu tấn năm 1992 ; 4,2 triệu tấn năm 1993 ; 4,5 triệu tấn năm 1994 và 1 triệu 155 ngàn tấn năm 1995... (Trước kia trung bình gần 10 triệu tấn/năm). Khẩu phần hằng tháng của người dân giảm xuống mức tận cùng : 2 kg gạo, 2 kg khoai tây, 12 quả trứng, 0,5 kg đỗ, 1 kg cá và rau quả... Báo chí Cu Ba cũng đã phải dùng đến những từ ngữ : "năm chạm đáy", "năm ở cuối đường hầm", "năm đặc biệt"... để đặt tên cho

* Viện Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

năm 1993. Đời sống kinh tế Cu Ba rơi vào tình thế cam go, nghiệt ngã. Lợi dụng cơ hội này, đế quốc Mỹ xiết chặt gọng kìm bao vây, cấm vận bằng các đạo luật Tô-ri-xen-ly (1993) và Hem-xơ Bơ-tơn (1996). Ngay từ đầu thập kỷ 60, khi cách mạng Cu Ba tuyên bố đi theo con đường xã hội chủ nghĩa (17-4-1961), chính quyền Mỹ đã áp dụng chính sách bao vây, cô lập về ngoại giao và cấm vận về kinh tế - thương mại chống Hòn đảo Tự do. Mục tiêu chiến lược được xác định ngay từ đầu và không thay đổi là : ngăn chặn, chống phá, tiêu diệt sự hiện diện của chủ nghĩa xã hội ở Tây bán cầu. Chính sách thù địch này đã gây thiệt hại xấp xỉ 50 tỉ USD cho nền kinh tế của đất nước Cu Ba nhỏ bé. Nhà trắng đã dùng những thủ đoạn cực đoan xiết chặt gọng kìm cấm vận. Bị kẹp giữa "cuộc bao vây, cấm vận song trùng" này, cách mạng Cu Ba thật sự đứng trước thách thức lịch sử mang tính sống còn, nhiều lần nghiêm trọng hơn thách thức ở Hy-rôn (4-1961) và ở cuộc khủng hoảng tháng 10-1961.

Trong những năm qua, các thế lực đế quốc, phản động bao lần mơ tưởng cách mạng Cu Ba phải khuất phục, hoặc bị bóp nát. Bạn bè của Cu Ba ở khắp năm châu cũng đã có nhiều phút giây lo lắng. Nhưng, vẫn với sự **hiên ngang Cu Ba,** Đảng và nhân dân Hòn đảo Anh hùng đã biến "năm chạm đáy" (1993) thành năm mở đầu của hàng loạt cải cách sáng tạo, đúng đắn được áp dụng ở các lĩnh vực trọng yếu như chế độ và hình thức sở hữu, cơ chế quản lý, cơ chế phân phối, tiền tệ, mô hình tổ chức sản xuất... Nhờ tháo gỡ được các khâu then chốt này, đất nước Cu Ba không những chặn được đà suy thoái kinh tế, mà còn tạo được nhiều bước tăng trưởng đáng phấn khởi : 0,7% năm 1994 ; 2,5% năm 1995 ; 7,8% năm 1996 và dự kiến 3,5% năm 1997. Mức thâm hụt ngân sách giảm từ trên 5 tỉ pê-xô (39,5%) năm 1993 xuống còn 580 triệu pê-xô năm 1996. Các ngành kinh tế mũi nhọn được phục hồi và phát triển như : sản xuất đường, khai thác niken, dầu khí, xi măng, du lịch, phân bón, chế biến hoa quả... Đại hội V Đảng Cộng sản Cu Ba đánh giá việc ngăn chặn suy thoái và đạt tăng trưởng kinh tế là *thành tựu nổi bật rất quan trọng* của quá trình cải cách những năm vừa qua. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân Cu Ba một lần nữa lại ngời sáng.

Một thành tựu cực kỳ quan trọng mà Đảng và nhân dân Cu Ba đạt được trong những năm vừa qua là giữ vững ổn định chính trị, tăng cường dân chủ hóa xã hội và duy trì bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Sự ổn định chính trị, bao gồm chế độ chính trị, đường lối chính trị, hệ thống chính trị, lập trường chính trị và đời sống chính trị, đã một lần nữa làm phá sản kỳ vọng của đế quốc Mỹ và các lực lượng phản động về "hội chứng Liên Xô" ở Cu Ba.

Trên cơ sở ổn định chính trị, quá trình dân chủ hóa xã hội được tăng cường thực hiện, tạo ra xung lực bảo vệ và thúc đẩy cách mạng Cu Ba vượt qua được các đợt sóng gió hiểm nguy. Không những Hiến pháp được bổ sung (1992) theo hướng mở rộng đại đoàn kết dân tộc, mà các chủ trương, đường lối, quyết sách của Đảng và Nhà nước đều được hình thành và hoàn thiện thông qua quá trình thảo luận dân chủ, rộng rãi của toàn dân. Dự thảo các văn kiện trình Đại hội V đã được hơn 6,5 triệu dân Cu Ba thảo luận, góp ý kiến. Đây là bằng chứng sinh động về sự tham gia đông đảo của quần chúng lao động Cu Ba vào việc quyết định các quá trình kinh tế - xã hội và chính trị của đất nước. Đảng, Nhà nước và nhân dân cùng nhau kiên quyết bảo vệ những thành quả cách mạng và duy trì bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội trước hết trên các lĩnh vực: chính trị, giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, thể thao, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi và một số vấn đề xã hội khác. Ở Cu Ba, kiên trì chủ nghĩa xã hội không chỉ bao hàm lòng trung thành với lý tưởng cộng sản, mà còn là thiết thực bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động.

Digitized by Google

Thành tựu lớn thứ ba là Đảng và Nhà nước Cu Ba đã có đường lối đối ngoại đúng đắn, vừa bảo đảm, củng cố được quy tín của Cu Ba trên trường quốc tế, vừa cải thiện môi trường quốc tế hữu nghị cho quốc gia dân tộc. Đối với chính quyền Mỹ, Cu Ba vừa không ảo tưởng, vừa có sự mềm dẻo cần thiết ; vừa kiên cường bản lĩnh vừa sẵn sàng có những bước đi thực tế. Đối với thế giới nói chung, Cu Ba vẫn thủy chung với tinh thần quốc tế cao cả, tích cực mở rộng quan hệ hữu nghị và đổi mới quan hệ hợp tác phù hợp với điều kiện cụ thể. Quan hệ của Cu Ba với các nước cùng khu vực Mỹ la tinh chưa bao giờ tốt như hiện nay ; quan hệ với các nước đang phát triển được mở rộng, củng cố ; quan hệ với các nước lớn trên thế giới tương đối cân bằng ; quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa được hết sức coi trọng. Đến nay, Nhà nước Cu Ba có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước (trong đó có quan hệ kinh tế - thương mại với trên 120 nước), Đảng Cộng sản Cu Ba có quan hệ với trên 300 đảng trên thế giới. Ở khắp các châu lục, thậm chí ngay trên đất Mỹ, đã xuất hiện một phong trào với quy mô thế giới ủng hộ, giúp đỡ, bảo vệ Cu Ba. Điều này hoàn toàn trái ngược với các kịch bản "Tô-ri-xen-ly" và "Hem-xơ Bơ-tơn", bạo ngược, lỗi thời.

Đại hội của sinh lực cách mạng và kiên định chủ nghĩa xã hội.

Vẫn như mọi lần, trên phông của Đại hội V lần này nổi bật chân dung của các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học Mác, Ăng-ghen, Lê-nin ; của anh hùng dân tộc Hô-xê Mác-ti ; của lãnh tụ Đảng Cộng sản đầu tiên của Cu Ba H. An-tô-ni-ô Mê-gia và của người anh hùng Chê Ghê-va-ra. Sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội với độc lập dân tộc và chủ nghĩa quốc tế vô sản ; giữa những mục tiêu cao cả của thời đại với truyền thống quý báu của dân tộc là nguồn lực không bao giờ vơi cạn của cách mạng Cu Ba. Đại hội V bổ sung cho nguồn động lực thường trực này một sinh lực mới của sự đoàn kết bằng khẩu hiệu trung tâm: "Nhân dân và Đảng chúng ta không bao giờ từ bỏ khối đoàn kết của mình". Sau 3 ngày làm việc, Đại hội thông qua 3 nghị quyết quan trọng : Nghị quyết về văn kiện "Đảng của khối đoàn kết, nền dân chủ và các quyền con người mà chúng ta bảo vệ"; Nghị quyết về Chính sách kinh tế, được coi như chiến lược khắc phục khủng hoảng, phát triển đất nước và Nghị quyết về Điều lệ Đảng (sửa đổi).

Tại diễn đàn Đại hội, vấn đề dân chủ và quyền con người được đề cập nhiều lần. Đảng cộng sản Cu Ba xác định dân chủ và quyền con người trước hết là các quyền được sống, được chăm sóc về lương thực, thực phẩm ; được trưởng thành một cách khỏe khoắn, lành mạnh ; được trở thành những người có ích cho xã hội ; được hưởng sự bình đẳng, nhân phẩm và phát triển. Với quan điểm đúng đắn và quan niệm cụ thể như vậy, Đảng và Nhà nước Cu ba luôn luôn dành nguồn đầu tư lớn nhất cho việc bảo đảm cho nhân dân lao động được hưởng những quyền con người thiết thực nhất. Năm 1959, cả nước chỉ có 6 000 bác sĩ, trong đó có 3 000 người lần lượt bỏ chạy sang Mỹ ; 24% dân số mù chữ ; số người học cấp I mới đạt 45%, cấp II chỉ chiếm 8% dân số trong độ tuổi đi học ; giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp hầu như là đặc quyền của tầng lớp giàu có. Đến nay, toàn dân Cu Ba đã được phổ cập lớp 9 ; cả nước có hàng trăm trường kỹ thuật dạy nghề, hàng chục trường đại học và trên 1000 trường mẫu giáo ; có gần 600 000 giáo viên, hơn 60 000 bác sĩ ; trung bình cứ 7 người dân có một người đạt trình độ đại học, 250 dân có 1 bác sĩ ; tuổi thọ trung bình đạt 72 tuổi (trước cách mạng dưới 60 tuổi)... Cu Ba là một trong những nước đứng đầu thế giới về chăm sóc con người, vượt Mỹ và một số nước tư bản phát triển khác. Trước đây 36 năm, nhân dân Cu Ba đã quyết tử làm nên một Hy-rôn để bảo vệ những lợi ích cực kỳ to lớn mà chính quyền cách mạng đem lại. Ngày nay, sinh lực vô địch của cách mạng tạo ra từ việc bảo vệ, duy trì những thành quả chính trị, kinh tế - xã hội và tinh thần mà nhân dân lao động đã giành được

Digitized by Google

trong gần 4 thập kỷ qua. Đảng và Nhà nước Cu Ba tiếp tục duy trì chế độ giáo dục từ mầm non đến đại học không mất tiền và chế độ y tế miễn phí cho toàn dân ngay trong những năm tháng chồng chất khó khăn, thiếu thốn hiện nay đã làm cho nhiều nước khâm phục. Đại hội Đảng V vừa qua nhấn mạnh: sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa là điều không thể hy sinh trong quá trình cải cách kinh tế. Chỉ những ai đứng trong hoàn cảnh tương tự mới thấy hết tầm cỡ của sự kiên định xã hội chủ nghĩa mà Cu Ba giữ vững.

Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế trong những năm tới, Nghị quyết về chính sách kinh tế xác định 4 tư tưởng chỉ đạo là: không nêu chỉ tiêu cụ thể ; sử dụng nỗ lực trong nước là chính ; nhấn mạnh nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh như nhiệm vụ trọng tâm và bảo đảm bản chất xã hội chủ nghĩa của các quá trình cải cách. Nhà nước tiếp tục được khẳng định là chủ sở hữu xã hội ở các xí nghiệp quốc doanh, bổ nhiệm ban lãnh đạo, duyệt chỉ tiêu, ngân sách, kiểm soát và yêu cầu báo cáo về công tác quản lý ở mỗi doanh nghiệp. Tuy vậy, nhà nước không trực tiếp quản lý các cơ sở doanh nghiệp, mà giao quyền tự hạch toán cho các doanh nghiệp và yêu cầu mọi doanh nghiệp tuân thủ các chính sách, quy định của Chính phủ, nhất là các quy định về tài chính. Duy trì và phát triển kinh tế quốc doanh được xác định trong Chính sách kinh tế là vấn đề có tính nguyên tắc và cơ sở kinh tế của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa. Phát biểu tại Đại hội, Chủ tịch Phi-đen Ca-xtrô nhiều lần nói đến kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa như Việt Nam, Lào; đồng thời tuyên bố Cu Ba không đi theo con đường tự do hóa, tư nhân hóa. Đại hội V nhận định kinh tế Cu Ba vẫn chưa thoát khỏi khủng hoảng. Bởi vậy, nhiệm vụ kinh tế hàng đầu của cả nước trong những năm tới là khắc phục khủng hoảng để phát triển.

Trong quá trình khắc phục khủng hoảng, nhiều biện pháp và cơ chế kinh tế tư bản chủ nghĩa sẽ tiếp tục được áp dụng. Đời sống kinh tế - xã hội của đất nước sẽ có nhiều biến chuyển. Đây chính là lý do để Đại hội V nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường công tác đảng, công tác chính trị - tư tưởng trong giai đoạn hiện nay. Đại hội khẳng định nội dung công tác đảng, công tác chính trị - tư tưởng được Trung ương Đảng (khóa IV) ban hành từ tháng 10 năm 1995 là : giải thích và thuyết phục toàn dân, nhất là đối với thế hệ trẻ, để mọi người không bị lầm lẫn rằng chủ nghĩa tư bản là một lối thoát đối với Cu Ba; không thể có chủ nghĩa tư bản mang bộ mặt nhân đạo, không thể có một chủ nghĩa tư bản với công bằng xã hội cũng như không thể có một chủ nghĩa tư bản tạo thuận lợi cho tất cả mọi người. Trên lĩnh vực kinh tế, có thể kết hợp sử dụng một số yếu tố tư bản chủ nghĩa nhưng trên lĩnh vực tư tưởng, không thể có sự chia sẻ, nhượng bộ.

Tại Đại hội V của Đảng Cộng sản Cu Ba, đồng chí Phi-đen Ca-xtrô tiếp tục được bầu làm Bí thư thứ nhất của Đảng và đồng chí Ra-un Ca-xtrô được bầu lại làm Bí thư thứ hai. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương gồm 18 ủy viên chính thức, trong đó 50% ở độ tuổi 41 - 46. Ban chấp hành Trung ương có 150 đồng chí, trong đó nhiều đồng chí dưới 40 tuổi. Xét về cơ cấu độ tuổi và trình độ học vấn, Đảng Cộng sản Cu Ba hiện nay tràn đầy sinh lực : 52% đảng viên dưới 45 tuổi, 26% từ 45 đến 55 tuổi. Ngoài ra, 58% đảng viên có trình độ từ đại học trở lên, 30% là công nhân, 51% đảng viên được kết nạp từ hàng ngũ Đoàn thanh niên cộng sản. Số lượng đảng viên mới kết nạp trong những năm qua là : 30 000, năm 1991 ; 44 000, năm 1992 ; 49 000, năm 1993 ; 46 700, năm 1994 ; 44 800, năm 1995 và 47 180, năm 1996, tổng cộng trên 260 ngàn đảng viên mới trong tổng số 780 000 đảng viên toàn quốc.

Mục tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn phía trước, giai đoạn khắc phục khủng hoảng kinh tế và phát triển đất nước, được Đại hội V vạch rõ là : "Tồn tại và phát triển trên cơ sở không từ bỏ chủ nghĩa xã hội, không từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hô-xê Mác-ti". ❑

Digitized by Google

GIÁO DỤC VỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI Ở ĐÔNG Á VÀ ĐÔNG - NAM Á

TRẦN VĂN TÙNG* - LÊ DANH TỐN**

Từ năm 1965 đến nay, các nền kinh tế Đông Á đã lập kỷ lục tăng trưởng cao và bền vững, nhanh hơn tất cả các khu vực khác trên thế giới. Xuất phát điểm là những nước nghèo về tài nguyên thiên nhiên và công nghệ, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, tại sao Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan có thể đuổi kịp các nước công nghiệp phát triển phương Tây một cách nhanh chóng như vậy, trong khi nhiều nước có các cơ hội ngang hàng hoặc tốt hơn về tài nguyên và công nghệ lại thất bại ?

Chắc chắn đây không phải là một câu hỏi mới, nhưng chúng ta nên bắt đầu từ câu hỏi này để giải thích thành quả đạt được của các nền kinh tế Đông Á, giải thích vai trò của nguồn nhân lực đối với tăng trưởng và công bằng xã hội tại các quốc gia này.

I - Giáo dục góp phần hình thành và phát triển vốn nhân lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Lâu nay, nhiều lý thuyết được đưa ra giải thích tại sao Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Công, Xin-ga-po lại thành công trong quá trình công nghiệp hóa và không có lý thuyết nào không nêu đặc điểm các quốc gia này kiên trì học tập và học tập với tốc độ nhanh để tiếp thu công nghệ hiện đại từ bên ngoài.

Vào những năm 40 của thế kỷ này dòng người châu Á di cư sang Hoa Kỳ và châu Âu ngày càng đông. Sau chiến tranh thế giới thứ II các quốc gia Đông Á và Đông - Nam Á coi việc đưa người ra nước ngoài (nhất là Hoa Kỳ và châu Âu) học tập là một quốc sách. Các nước Đông Á điểm xuất phát đều là những nước nghèo, đông dân, muốn nâng cao mức sống, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế chỉ có một con đường là xây dựng một xã hội có học vấn cao. Do đó đã xuất hiện một hiện tượng đua tranh trong chiến lược phát triển giáo dục giữa nước này với nước khác, giữa khu vực này với khu vực khác.

Thông qua số liệu về tình hình phát triển giáo dục có thể thấy ngân sách đầu tư cho giáo dục ở từng nước rất khác nhau, dẫn đến tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học đến trường ở từng bậc học cũng rất khác nhau. Năm 1992, ta thấy ngân sách dành cho giáo dục so với tổng ngân sách tiêu dùng cả năm của Xin-ga-po là 22,9%, của Hàn Quốc là 20,1%, Nhật Bản là 8,2%, Ma-lai-xi-a là 19,6%, Thái Lan là 21,1%. In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin có mức đầu tư thấp hơn, tỷ lệ tương ứng là 9,8% và 15%.

Ở Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Công, Xin-ga-po học sinh vào học các cấp II, III và đại học, cao đẳng cao. Hàn Quốc là 88% , 40% và 29%, Nhật Bản : 70%, 40% và 30%, Xin-ga-po : 70%, 36% và 20%. Nhưng nếu như chỉ so sánh mức đầu tư ngân sách cho giáo dục của Đông Á với các khu vực khác trên thế giới, thậm chí cả với khu vực châu Phi cận Xa-ha-ra, ta không thể lý giải được một cách đầy đủ quá trình hình thành và phát triển nhanh vốn nhân lực tại Đông Á. Bởi lẽ mức đầu tư này so với các khu vực khác là không vượt trội hẳn. Có một số cách lý giải khác nhau.

Thứ nhất, có người ngộ nhận là nhờ điều kiện ban đầu, vì thấy Hàn Quốc những năm 50 tỷ lệ học sinh đến trường đã cao hơn các nền kinh tế đang phát triển khác nên mức gia tăng tiếp tục sau đó ở các trường ở cấp II và cấp III trong ba thập kỷ qua là khá cao. Nhưng thực ra không

* PTS, Viện kinh tế thế giới
** PTS, Đại học Quốc gia Hà Nội

Digitized by Google

phải như vậy. Nếu đem so sánh In-đô-nê-xi-a và Pa-ki-xtan với điểm xuất phát như nhau thì năm 1987, In-đô-nê-xi-a đã thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và tỷ lệ học sinh đi học trung học cơ sở là 48%. Ngược lại tỷ lệ này ở Pa-ki-xtan là 52% đối với bậc tiểu học và 19% ở bậc trung học cơ sở. Nhìn lại từ năm 1950 đến năm 1989 ở bậc tiểu học của In-đô-nê-xi-a tỷ lệ học sinh đến trường tăng 80%, trong khi đó ở Pa-ki-xtan chỉ tăng 34%. Điều này lý giải sự khác biệt về quá trình hình thành vốn nhân lực chính là do tốc độ gia tăng chứ không phải do điều kiện ban đầu.

Thứ hai, sự hình thành vốn nhân lực nhanh ở Đông Á một phần còn do truyền thống văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó cũng có tác động rõ nét của Đạo Khổng mà tinh thần của đạo này hiểu một cách đơn giản là con người phải tu thân, phải tranh thủ để thu nhận kiến thức, để tiến tới hoàn thiện bản thân mình. Và con người ưu việt chính là con người có học vấn. Theo ý tưởng đó, quyền lực chính trị, trật tự xã hội, sự phồn vinh, sự hoàn thiện cá nhân (đạo đức và kiến thức) đều quy về học tập. Có thể nói một trong những tài sản quý giá nhất mà các quốc gia Đông Á khi bước vào thời kỳ công nghiệp hóa là xu hướng học tập mạnh mẽ để đuổi kịp phương Tây thông qua tiến trình vay mượn, thích ứng nhanh chóng và làm chủ công nghệ mới.

Thứ ba, giáo dục nhằm đạt mục tiêu hình thành một đội ngũ nhân công lành nghề. Phần chi tiêu công cộng cho giáo dục tiểu học và trung học cơ sở ở Đông Á cao hơn bất kỳ nơi nào khác trên thế giới. Vào năm học 1985, khi Vê-nê-xu-ê-la đã dành 45% ngân sách giáo dục cho giáo dục đại học và cao đẳng thì Hàn Quốc chỉ dành tỷ lệ khiêm tốn là 10%. Cũng trong thời kỳ đó ngân sách đầu tư cho giáo dục tại Vê-nê-xu-ê-la là 4,3% GDP, và ở Hàn Quốc là 3% GDP. Tiêu dùng công cộng cho giáo dục cấp III ở Đông Á trong suốt 3 thập kỷ qua cũng tương đối thấp, tỷ lệ trung bình khoảng 15%, (trong khi tỷ lệ này ở Mỹ la tinh, Nam Á và châu Phi là 24%). Nhờ vậy, đáy hình tháp về trình độ học vấn của nhân lực Đông Á mở rộng, nghĩa là rất đông người có trình độ phổ thông cơ sở. Điều đó có hai lý do. Thứ nhất, cấp cơ sở quyết định chất lượng của các cấp tiếp theo. Thứ hai, trình độ học vấn cấp cơ sở tạo tiền đề hình thành một đội ngũ nhân công lành nghề. Như vậy, không có nghĩa là các chính phủ Đông Á xem nhẹ giáo dục đại học, cao đẳng mà đã lựa chọn chính sách kích thích nhu cầu của mọi người đối với nền giáo dục bậc cao bằng cách huy động vốn từ tư nhân (gia đình, người đi học và công ty). Thực hiện chính sách đó tạo ra sự bình đẳng trước các cơ hội được giáo dục của phần đông con em các gia đình có thu nhập thấp. Điều này lý giải tại nhiều nước Pa-ki-xtan, Kê-ni-a, Bra-xin do tiêu dùng công cộng cho giáo dục cấp trung học cơ sở ở mức thấp cho nên con nhà nghèo không được đi học và phải bỏ học giữa chừng. Phải thừa nhận nền giáo dục của các nước Đông Á mang lại hiệu quả thiết thực.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu đánh giá mô hình nào xác định chính xác sự khác biệt trong tốc độ tăng trưởng kinh tế hơn 3 thập kỷ qua ở Đông Á. Cuối cùng thì các kết quả nghiên cứu đi đến kết luận : không có mô hình nào hoàn hảo và vượt trội cả. Song cuộc tranh luận đã làm sáng tỏ một số yếu tố quyết định tăng trưởng. Về tích lũy tư bản nhiều người cho rằng không phải là nguồn gốc cơ bản quyết định toàn bộ quá trình tăng trưởng kinh tế ; yếu tố khác (yếu tố vô hình) có tham gia vào một phần, đó là tiến bộ kỹ thuật mà lý thuyết kinh tế tân cổ điển coi nó là yếu tố ngoại sinh. Trong lý thuyết mới về sự tăng trưởng kinh tế đều thống nhất nhận định : tăng năng suất lao động kéo theo tăng trưởng kinh tế là do sự kết hợp giữa tích lũy vốn tư bản và vốn nhân lực, trong đó vai trò nhân lực là cơ bản (theo nhà kinh tế học nổi tiếng Pôn Rôm-mơ (P. Romer), 1993).

Kiến thức về công nghệ của nước ngoài là yếu tố quan trọng để thay đổi năng suất lao động ở những nước có thu nhập vừa và thấp (thí dụ trường hợp Đông Á thập niên 50). Các nước này có thể tiến nhanh vì họ có quyền lựa chọn từ kho tàng công nghệ có sẵn chứ không phải tìm kiếm, phát triển công nghệ mới. Khi các nền kinh tế tiến tới gần đường giới hạn về công nghệ thì các nước kém phát triển hơn có thể mặc cả giá nhập khẩu công nghệ và tiến bộ nhanh hơn. Người ta gọi đó là quá trình đuổi kịp bằng năng suất.

Nghiên cứu sự vận động phát triển của 87 nền kinh tế trên thế giới và các nền kinh tế

Digitized by Google

Đông Á thời kỳ 1960 - 1985 cho thấy tích lũy vốn vật chất và vốn nhân lực đã góp phần đáng kể vào tốc độ tăng GDP và tăng năng suất lao động. Tại Đông Á, nếu tỷ lệ đầu tư trong GDP tăng 10% thì GDP đầu người sẽ tăng thêm 0,5%. Nếu tỷ lệ trẻ em đi học tiểu học hoặc trung học tăng 10% thì thu nhập bình quân đầu người tăng 0,3%. Nhờ những kết quả này mà chúng ta có thể xem xét hai vấn đề về vai trò của vốn vật chất và vốn nhân lực đối với tăng trưởng ở Đông Á một cách chi tiết hơn.

Bằng việc ước lượng tham số của các nền kinh tế, ta thấy 60% tốc độ tăng trưởng thực tế của Đông Á nhờ tích lũy vốn vật chất và vốn nhân lực, (riêng Ma-lai-xi-a tốc độ này là 87%). Giáo dục tiểu học là yếu tố có đóng góp nhiều nhất vào tốc độ tăng trưởng ở Đông Á. Tại In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po yếu tố đầu tư máy móc có nổi trội hơn. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Thái Lan tỷ lệ học sinh trung học tăng chậm nên đóng góp của nó vào tăng trưởng còn thấp, chưa vượt quá 15%. Còn ở Nhật Bản có điều kiện đầu tư vào trung học nên đóng góp đến 41%.

Ảnh hưởng của tích lũy đã được nghiên cứu khi so sánh giữa Đông Á với Mỹ la tinh hoặc châu Phi cận Xa-ha-ra. Theo tính toán, sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng giữa Đông Á với Mỹ la tinh tới 34% do mức đầu tư cao hơn và lên tới 38% do tỷ lệ đi học cao hơn. Khác biệt về tốc độ tăng trưởng giữa Đông Á và châu Phi phụ thuộc nhiều vào tỷ lệ học sinh đi học tiểu học. Cơ cấu dân số và tỷ lệ tăng dân số của châu Phi cận Xa-ha-ra lại rất cao, cũng góp phần kéo lùi tốc độ tăng trưởng và thu nhập bình quân đầu người. Song xét cho cùng vẫn phụ thuộc nhiều vào yếu tố giáo dục. Nhiều khu vực khác trên thế giới đầu tư trực tiếp nước ngoài không phải thấp, nhưng vốn nhân lực yếu kém đã ngăn cản dòng đầu tư hoặc đầu tư không mang lại hiệu quả.

II - Giáo dục với công bằng xã hội

Trước hết cần thống nhất quan niệm thế nào là công bằng ? Ở đây công bằng không có nghĩa là đem chia đều các thành quả phát triển của xã hội cho mọi người. Vì nếu vậy thì sẽ không có ai đem hết sức lực và trí tuệ ra làm việc, không ai dám chịu rủi ro để đầu tư phát triển sản xuất.

Công bằng cần được hiểu là sự bình đẳng trước các cơ hội về việc làm, đầu tư, bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội thuận lợi để nâng cao năng lực của con người và vươn tới mức sống cao hơn. Mặt khác xã hội phải có nhiều hơn các cơ hội để đáp ứng yêu cầu của mọi tầng lớp dân cư. Nói khác đi nếu mọi người đều có các cơ hội tham gia vào quá trình phát triển và được hưởng các thành quả do mình đóng góp tương ứng với năng lực của mình thì đó là sự phát triển trong công bằng.

Một chỉ tiêu thông dụng để đo sự bình đẳng trong việc phân phối lợi tức của một số nước người ta dùng bội số của mức lợi tức trung bình của nhóm dân số giàu nhất so với mức lợi tức trung bình của nhóm dân số nghèo nhất (bội số giàu nghèo). Dân số được chia ra làm 5 nhóm, và so sánh hai nhóm đầu cuối. Theo thống kê của Ngân hàng thế giới (1993) tính trung bình trong thời kỳ 1965 - 1989, bội số lợi tức trung bình của 20% dân số thuộc lớp trên cùng so với 20% dân số của lớp dưới cùng tại một số nước Đông Á thì Nhật Bản 4,8 lần, Đài Loan 5 lần, Hàn Quốc 7 lần, Thái Lan 8 lần và In-đô-nê-xi-a 6,5 lần. Tại các khu vực khác : Ác-hen-ti-na 16 lần, Mê-hi-cô 20 lần, Bra-xin 26 lần.

Ở Nhật Bản và Đài Loan, 20% dân số thuộc tầng lớp nghèo nhất chiếm 10% lợi tức quốc gia. Còn ở Bra-xin, 20% dân số thuộc tầng lớp nghèo nhất chỉ chiếm 2% lợi nhuận quốc gia.

Như vậy các nước châu Á - Thái Bình Dương, mà rõ ràng nhất là Đông Á và Đông - Nam Á đi gần với lý tưởng phát triển công bằng hơn so với các nước Mỹ la-tinh. Khảo sát sự biến đổi của tỷ lệ người nghèo so với tổng số dân ta cũng thấy các nước Đông Á và Đông - Nam Á đạt được những kết quả đáng chú ý. Để phân biệt người giàu và người nghèo, Ngân hàng thế giới đã đưa ra giới tuyến nghèo. Ranh giới đó là mức lợi tức tối thiểu để bảo đảm cho những nhu yếu phẩm tối thiểu duy trì cuộc sống con người. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới từ năm 1970 đến 1990 tỷ lệ người ở dưới giới tuyến nghèo trong tổng số dân cư ở Ma-lai-xi-a đã giảm từ 18% xuống 2%, ở Thái Lan đã giảm từ 26% xuống 16% và ở In-đô-nê-xi-a đã giảm từ 60% xuống 15%.

Digitized by Google

Một câu hỏi được đặt ra là trong thành tựu phát triển công bằng đạt được ở Đông Á, ngoài sự đóng góp của chính sách nhà nước, còn có yếu tố gì ? Nghiên cứu trường hợp Đông Á cho thấy nếu như phân phối thu nhập càng công bằng thì tỷ lệ học sinh đi học cấp tiểu học và trung học tăng. Điều đó chứng tỏ rằng giữa tỷ lệ học sinh đi học (lao động có giáo dục) với sự bất bình đẳng được đo bằng hệ số Gini có quan hệ chặt chẽ với nhau. Khi sự bất bình đẳng về thu nhập giảm, một số đông con em các hộ nghèo chủ yếu sinh sống ở nông thôn được đến trường. Kiến thức thu được trong trường học đã làm cho năng suất lao động nông nghiệp tăng lên, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Điều này thấy rất rõ ở Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Pa-ki-xtan, Ấn Độ. Nếu một lao động nông thôn được qua trường học từ 5 đến 7 năm thì năng suất lao động trung bình của họ tăng 20%. Trong quá trình công nghiệp hóa, các công ty, các hãng nhỏ ở thành phố, thị trấn rất cần lao động. Một bộ phận lớn thanh niên nông thôn có học vấn vừa phải đã làm việc tại các công ty loại này. Có hai điều lợi : Thứ nhất, phần đông lao động nông thôn có cơ hội trước việc làm mới và có thu nhập cao. Thứ hai, nhờ lực lượng lao động đông và rẻ này mà trong thời kỳ công nghiệp hóa ở Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc nâng cao hơn khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu trên thị trường thế giới. Chuyển dịch lao động làm tăng tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Hiện nay trên thế giới, bất bình đẳng về giới khá sâu sắc. Chỉ số phát triển nhân lực của nam luôn cao hơn nữ. Số người mù chữ là nữ chiếm tới 2/3 tổng số người mù chữ của cả thế giới. Phụ nữ mù chữ hầu hết thuộc các nước nghèo, chậm phát triển. Cho nên chênh lệch về thu nhập, về tuổi thọ và cơ hội có việc làm giữa nam và nữ hiện ở mức cao. Theo thống kê của Liên hợp quốc, chỉ có Thụy Sĩ là nước mà thu nhập bằng tiền lương của phụ nữ cao (xấp xỉ 80 - 90% tiền lương của nam giới). Còn lại hầu hết các nước khác mức lương trung bình của phụ nữ chỉ bằng 1/3 hoặc 1/2 lương trung bình của nam giới. Thậm chí ở Pa-ki-xtan, Ấn Độ, Bra-xin còn thấp hơn nhiều. Giáo dục tạo cơ hội giảm bất bình đẳng giữa nam và nữ về địa vị xã hội, về mức sống, làm giảm quá trình tái sản xuất dân số, một mục tiêu phấn đấu mà nhiều quốc gia đặt ra.

Khảo sát tốc độ tăng trưởng kinh tế và sự bất bình đẳng về thu nhập của các khu vực khác nhau trên thế giới, chúng ta thấy Đông - Nam Á và Mỹ la-tinh vào đầu thập kỷ 50 có tỷ lệ lao động không qua giáo dục đào tạo rất khác nhau. Số tuyệt đối lao động không qua đào tạo của các nước Đông - Nam Á khoảng 48 triệu người. Số người lao động có trình độ giáo dục đại học ở Mỹ la-tinh tăng cao hơn ở Đông - Nam Á. Nhưng 4 thập kỷ qua tỷ lệ người biết chữ và tỷ lệ lao động có trình độ giáo dục cấp II ở Đông - Nam Á tăng nhanh hơn khu vực Mỹ la-tinh. Điều này dẫn đến số người nghèo khổ ở Đông - Nam Á giảm đi, ngược lại người nghèo đói ở Mỹ la-tinh lại tăng lên (vào năm 1980 khoảng 120 triệu, năm 1990 khoảng 170 triệu), chủ yếu do không biết chữ. Như vậy, tăng trưởng và công bằng xã hội thu thành quả tốt trong 3 thập kỷ qua không chỉ riêng Đông Á mà cả Đông - Nam Á được quyết định bởi yếu tố lao động qua đào tạo (chủ yếu là lao động có trình độ giáo dục ở mức trung bình).

Tuy nhiên, nếu không nhìn nhận vấn đề theo xu thế động, cho rằng lao động có văn hóa bậc trung sẽ bảo đảm giữ tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, sẽ tác động tích cực đến quá trình giảm nghèo đói và giảm bất bình đẳng xã hội thì sẽ sai lầm. Bởi lẽ từ đầu thập kỷ 90, các nước NIC mong muốn có bước nhảy vọt trong quá trình công nghiệp hóa. Trong điều kiện phát triển mới, công nghệ cao là yếu tố quan trọng bảo đảm cho một quốc gia phồn vinh và ngày càng có vị thế trên trường quốc tế. Những ngành công nghiệp tinh xảo, ứng dụng công nghệ cao, đòi hỏi phải có đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn cao. Bất bình đẳng mới trong thu nhập lại bắt đầu xuất hiện. Có thể nhìn thấy xu thế này rõ ràng ở Hồng Công, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Hàn Quốc. Bất bình đẳng về thu nhập, về cơ hội có việc làm sẽ giảm xuống nếu các quốc gia tập trung phát triển hệ thống giáo dục ở trình độ cao. Sự đầu tư mạnh hơn cho loại trình độ này sẽ đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và làm cho tốc độ tăng trưởng ở các ngành công nghiệp chế tạo cao hơn. Hàng hóa sản xuất ra chất lượng tốt hơn, có hàm lượng chất xám cao hơn.❑

Digitized by Google

SẢN NGHIỆP HÓA NÔNG NGHIỆP : BẢN CHẤT, HIỆU QUẢ VÀ SỰ THỰC HIỆN

LƯƠNG VINH*

Kể từ năm 1949 đến năm 1978, nông nghiệp Trung Quốc đã trải qua các thời kỳ : cá thể, tổ đổi công, hợp tác xã bậc thấp, hợp tác xã bậc cao, công xã nhân dân. Từ 1978 đến nay là khoán đến hộ. Khoán đến hộ là hình thức kinh doanh nông nghiệp đáp ứng được yêu cầu khách quan : quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Vì vậy, khoán đến hộ đã có tác dụng lớn. Tuy nhiên khoán đến hộ có một số nhược điểm khó khắc phục : 1) Quy mô nhỏ, phân tán, không đáp ứng được yêu cầu phân công hợp tác sản xuất theo hướng xã hội hóa ; lợi ích so sánh của nông nghiệp thấp so với ngành khác, sản xuất nông nghiệp không nhận được lợi nhuận bình quân. Do đó, trong điều kiện của kinh tế thị trường, nông nghiệp rất khó có thể nâng cao tổng sản lượng và chất lượng nông sản. 2) Nông sản rất khó thâm nhập thị trường, thường xuyên xẩy ra hiện tượng hàng hóa nông sản bị thừa ế. 3) Trình độ ứng dụng khoa học rất thấp. 4) Một lượng lớn sức lao động ứ đọng trong nông nghiệp, gây lãng phí lớn về tài nguyên sức lao động, đời sống nông dân không được nâng cao.

Trong tình hình trên, một hình thức mới trong kinh doanh nông nghiệp ra đời : "sản nghiệp hóa nông nghiệp".

Sản nghiệp hóa nông nghiệp có mấy hình thức chủ yếu như sau : công ty (xí nghiệp) + hộ nông dân ; thị trường chuyên ngành (chợ chuyên ngành) + hộ nông dân ; cơ sở sản xuất (thị trường) + hộ nông dân ; hội hoặc hiệp hội nông dân + hộ nông dân ; thị trường chuyên ngành + nông trường gia đình...

Một số ví dụ : Huyện Từ (tỉnh Sơn Tây) là một trong những huyện đã thực hiện sản nghiệp hóa nông nghiệp sớm nhất và có hiệu quả bước đầu trong cả nước. Trong số các tổ hợp sản nghiệp hóa của huyện Từ có công ty cổ phần hữu hạn đồ uống Thiên Thiên. Công ty này được lựa chọn làm "đầu rồng" của tổ hợp. Nó đã nhận được quyền khai thác khoảng 20 000 ha cây ăn quả, trong đó có hơn 1 000 hộ nông dân. "Đầu rồng" ký hợp đồng giao khoán cho từng hộ nông dân, nhưng mọi việc gieo trồng, chăm bón, thu hoạch, chế biến, bảo quản, tiêu thụ, đều do nó quy hoạch và điều hành thống nhất. Năm 1996, Công ty Thiên Thiên chế biến được 3 750 tấn hoa quả, dự kiến năm 2000 đạt trên 20 000 tấn. Tập đoàn rượu bia Ngọ Thành cũng thuộc huyện Từ, nhận được quyền khai thác 100 000 mẫu (mẫu Trung Quốc = 0,15 ha) cây lương thực hàng hóa. Tất cả các hộ nông dân sử dụng diện tích này đều tham gia tổ hợp sản nghiệp hóa. Năm 1996, tập đoàn Ngọ Thành thu hoạch 22 000 tấn lương thực, chế biến được 943 tấn rượu và các loại đồ uống. Thành phố Nam Dương (tỉnh Hà Nam) đã xây dựng được 6 612 tổ hợp sản nghiệp hóa, bao gồm 1 711 000 hộ nông dân, chiếm 76% số nông hộ của thành phố. Trong đó có 12% số nông hộ thu nhập trên 10 000 nhân dân tệ mỗi năm. Sơn Đông là tỉnh dẫn đầu cả nước về sản nghiệp hóa, đến nay đã có 30% số huyện và thành phố trong tỉnh thực hiện sản nghiệp hóa. Hình thức chủ yếu của các tổ hợp sản nghiệp hóa là tìm một công ty (hoặc xí nghiệp, tập đoàn công ty, trạm trại dịch vụ nông nghiệp, hội hoặc hiệp hội nông dân, thị trường...) làm nòng cốt. Trung Quốc gọi đơn vị nòng cốt này là "đầu rồng", toàn bộ tổ hợp là "con rồng". Công ty nòng cốt này liên kết với cộng đồng nông hộ chung quanh bằng hợp đồng dài hạn, từ đó hình thành tổ hợp sản nghiệp nông nghiệp. Chế độ sở hữu cơ bản của tổ hợp là hợp tác, hợp tác xã. Chế độ phân phối cơ bản của tổ hợp là phân phối theo lao động, thống nhất giữa các khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ, dịch vụ... Chế độ vận hành cơ

* Bài đăng trên tạp chí "Lĩnh Nam học san", Quảng Đông, số 1-1997, đăng lại trên tạp chí "Tân Hoa văn trích", Bắc Kinh, số 7-1997.

Digitized by Google

bản của tổ hợp là khoán đến hộ, "đầu rồng" là chủ thể thực hiện việc giao khoán.

So sánh với hình thức khoán đến hộ, sản nghiệp hóa nông nghiệp có những đặc điểm như sau : 1) Sản nghiệp hóa kế thừa và cải tạo khoán đến hộ. Vì vậy, nó là một hình thức kinh doanh mới trong sản xuất nông nghiệp. Sản nghiệp hóa giữ lại những yếu tố tích cực của khoán đến hộ như có khả năng huy động tối đa tính tích cực lao động sản xuất của nông dân. Mặt khác, sản nghiệp hóa có thể khắc phục những nhược điểm của khoán đến hộ như : quy mô sản xuất quá nhỏ, trình độ sản xuất thấp, tách khỏi thị trường, lợi ích so sánh thấp. Sản nghiệp hóa nông nghiệp sẽ làm cho sản xuất nông nghiệp liên hệ trực tiếp với ngành sản xuất II (công nghiệp nói chung) và ngành sản xuất III (dịch vụ nói chung) trong phạm vi rộng lớn hơn và ở trình độ cao hơn. Sản nghiệp hóa cũng phát triển sản xuất nông nghiệp vượt ra ngoài giới hạn nông nghiệp, mở rộng thành một liên ngành. Trong sản nghiệp hóa, quyền sở hữu ruộng đất không thay đổi, nhưng quyền giao nhận khoán và quyền sử dụng ruộng đất có thay đổi. Như vậy, sản nghiệp hóa nông nghiệp là chế độ khoán mới trong nông nghiệp, khoán ở quy mô lớn hơn, cao hơn ; thông qua khoán mới để gắn sản xuất nông nghiệp với khu vực sản xuất II và III, chế độ khoán mới này được thực hiện trong cơ chế thị trường và trong điều kiện thâm canh sản xuất nông nghiệp. Có thể nói sản nghiệp hóa là một hình thức kinh doanh mới, cơ bản, đã kế thừa và cải tạo khoán đến hộ, là một cuộc cách mạng về hình thức kinh doanh sản xuất nông nghiệp.

Trong sản nghiệp hóa, hộ nông dân (hoặc nông trường gia đình) là đơn vị sản xuất kinh doanh cơ bản, và nhận khoán ruộng đất để kinh doanh. Đó vẫn là một trong những nội dung cơ bản của sản nghiệp hóa. Như vậy, sản nghiệp hóa vẫn là khoán, nhưng không giao khoán bình quân cho từng hộ ; và từng hộ cũng không làm ăn riêng lẻ trên từng mảnh đất nhỏ hẹp manh mún như trước. Trong sản nghiệp hóa, có sự tập trung hóa quyền sử dụng và quyền nhận khoán ruộng đất, thực hiện khoán ở quy mô rộng hơn, phạm vi lớn hơn, đẳng cấp cao hơn.

Ngoài ra, ở nông thôn Trung Quốc, vẫn còn có kinh tế tập thể của thôn như công trình thủy lợi, trạm trại dịch vụ... Đối với những tài sản tập thể này, nói chung vẫn giữ nguyên quyền sở hữu tập thể, ngoại trừ những bộ phận có thể đưa vào tổ chức sản nghiệp hóa.

Sản nghiệp hóa nông nghiệp là hình thức thị trường hóa và thâm canh hóa liên ngành đối với sản xuất nông nghiệp.

Nội dung và đặc trưng chủ yếu của sản nghiệp hóa nông nghiệp là liên ngành hóa, thị trường hóa, thâm canh hóa.

Liên ngành hóa : tất cả các hình thức kinh doanh từ cá thể đến khoán hộ trước đây, đều làm việc trong nội bộ nông nghiệp, không vượt ra ngoài phạm vi sản xuất nông nghiệp. Trong tình hình đó, sản xuất nông nghiệp thường xuyên bị ngành sản xuất II và III chiếm dụng mất lợi nhuận bình quân, nông nghiệp trở thành ngành sản xuất không sinh lợi hoặc ít sinh lợi, một ngành "kém chất", trong đó, đông đảo nông dân thu nhập thấp ; thu nhập của nông nghiệp và công nghiệp cách xa nhau, hình thành một cơ cấu kinh tế có hai nhánh tách biệt nhau : thành phố và nông thôn.

Sản nghiệp hóa nông nghiệp đưa nông nghiệp thoát ra ngoài phạm vi của khu vực sản xuất I, gắn chặt với khu vực sản xuất II và III. Trong đó, vừa có sản xuất, vừa có chế biến, vừa có tiêu thụ, và còn có cộng đồng người tiêu dùng trong những phạm vi nào đó. Nhờ phát triển liên ngành, sản xuất nông nghiệp giành lại được lợi nhuận bình quân, nông nghiệp trở thành ngành sản xuất có lãi.

Thị trường hóa : thị trường hóa có nghĩa là các yếu tố sản xuất nông nghiệp, cơ cấu sản xuất nông nghiệp, cơ chế quản lý kinh doanh nông nghiệp, phương hướng sản xuất nông sản... đều phải được vận hành theo nhu cầu thị trường, hoàn toàn theo quy luật thị trường, dưới sự điều hành vĩ mô của nhà nước. Thị trường hóa này cũng tức là xã hội hóa. Trong đó, phải thị trường hóa các yếu tố sản xuất như tư liệu sản xuất, vốn, sức lao động, khoa học kỹ thuật nông nghiệp. Thị trường hóa cả cơ chế quản lý, có nghĩa là thực hiện hình thức quản lý xã hội theo cơ chế thị trường. Điều này cũng có nghĩa là liên kết 4 khâu sau đây vào một đầu mối : sản xuất, trao đổi, phân phối, tiêu dùng ; thống nhất các khâu sau đây vào một mối : sản xuất, chế biến, lưu thông, cung cấp vốn. Muốn vậy, cần phải cải cách cơ chế quản lý trước đây đã chia cắt các khâu nói trên, đưa một số đơn vị có liên quan của ngành công nghiệp và dịch vụ trực tiếp tham gia sản xuất, trao đổi, phân phối và tiêu dùng nông sản ; biến sản xuất nông nghiệp thành một dây chuyền liên hoàn bao gồm sản xuất, chế biến, tiêu

(Xem tiếp trang 49)

Digitized by Google

CHỈ SỐ GIÁ CẢ, CHỈ SỐ ĐAO-JÔN

• **Chỉ số giá cả** là phản ánh sự thay đổi của tổng mức giá cả của các nhóm hàng hóa nhất định trong một thời kỳ này so với thời kỳ khác làm gốc (thường lấy thời kỳ gốc là 100). Các chỉ số giá cả quan trọng là chỉ số giá mua nông sản phẩm, chỉ số giá bán lẻ hàng tiêu dùng và dịch vụ, chỉ số giá bán tư liệu sản xuất, chỉ số giá hàng xuất khẩu, chỉ số giá hàng nhập khẩu, chỉ số giá thị trường theo không gian (thế giới, khu vực, địa phương ...). Các hệ thống giá cả phản ánh tình hình sản xuất, lưu thông, tài chính - tiền tệ, đời sống và các mặt khác của tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ. Chỉ số giá cả giúp cho việc nghiên cứu những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội tổng hợp, qua đó nhà nước đề ra những chủ trương, chính sách kinh tế thích hợp nhằm tác động tích cực đến sản xuất, đời sống và nền tài chính quốc gia. Trong nền kinh tế thị trường, chỉ số giá cả luôn là mối quan tâm của nhiều chính phủ, các thành phần kinh tế, các nhà kinh doanh ở các nước. Bởi vì, thông tin kinh tế càng nhanh thì các nhà sản xuất kinh doanh có cơ sở ký kết hợp đồng kinh tế, điều chỉnh được giá mua, bán hợp lý trong từng ngày, từng thời điểm nhất định. Việc hình thành các trung tâm thông tin kinh tế ở các nước là một vấn đề bức thiết. Nó đáp ứng nhu cầu thông tin nhiều mặt như chỉ số biến động giá cả, vốn của các công ty, các mặt hàng mới... đối với các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế trong nước, các đơn vị liên doanh với nước ngoài.

• **Chỉ số Đao-Jôn** là biểu hiện sự diễn biến của giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Niu-oóc, là một chỉ tiêu quan trọng phản ánh tình trạng nền kinh tế Mỹ trong một thời điểm nhất định. Chỉ số này do hai nhà kinh tế Mỹ là Đao (Charles Henry Dọw) và Jôn (Edward David Jones) đề ra và được công bố trên báo chí lần đầu tiên vào ngày 3-7-1884. Sau đó, từ ngày 5-6-1916 đến nay được công bố trên Nhật báo phố Uôn (Wall Street Journal). Hằng ngày, Công ty Đao-Jôn công bố bốn chỉ tiêu về giá cổ phiếu : xe lửa, dịch vụ, công nghiệp, hỗn hợp ; trong đó chỉ số bình quân về công nghiệp được mọi người quan tâm nhiều nhất. *Vì vậy, khi nói đến chỉ số Đao–Jôn chủ yếu là chỉ số Đao–Jôn công nghiệp.*

Phương pháp tính chỉ số Đao-Jôn là lấy mức giá cổ phiếu của các công ty được lựa chọn chia cho chính số lượng các công ty được lựa chọn ấy, số trung bình đó cộng với giá cổ phiếu của các công ty được lựa chọn. Từ sau chiến tranh thế giới thứ II (nhất là từ năm 1960 trở lại đây), do chỉ số Đao-Jôn biểu tượng cho việc đầu tư kinh tế, cho nên người ta đã xác định điểm "giới hạn" và "điểm liệt" của chỉ số Đao-Jôn. Chỉ số Đao-Jôn hằng ngày được xác định 800 điểm, nếu vượt trên mức 800 điểm thì nền kinh tế phát triển theo hướng đi lên, còn ở dưới 800 điểm sẽ báo hiệu sự suy thoái ; ở mức 700 điểm được xác định là điểm liệt, báo hiệu nền kinh tế bị lâm nguy.

Nền kinh tế của Mỹ cũng như nhiều nước tư bản phát triển theo cơ chế thị trường, trong đó thị trường chứng khoán có vai trò rất quan trọng. Do vậy, thông qua chỉ số Đao-Jôn người ta có thể biết chiều hướng vận động của nền kinh tế. Tuy nhiên, sự vận động của nền kinh tế, nhất là sự biến động của chỉ số Đao-Jôn không chỉ chịu sự tác động đơn thuần của nhân tố kinh tế trong nước Mỹ mà còn chịu sự tác động tổng hợp của nhiều yếu tố cả chủ quan lẫn khách quan ở trong nước và nước ngoài.

Trong xu hướng hội nhập thị trường tài chính tiền tệ của các nước khu vực và thế giới, giá mua, bán ngoại tệ được xác định trên cơ sở một số đồng tiền chính như đồng đô la (Mỹ), bảng (Anh), frăng (Pháp), yên (Nhật), mác (Đức)... được nhiều quốc gia quan tâm. Việc xác định tỷ giá ngoại tệ ở mỗi nước còn tính đến diễn biến tỷ giá của các đồng tiền ở các thị trường quốc tế theo chỉ số Đao-Jôn (Mỹ), Níc-ken (Nhật), Thời báo tài chính (Anh) ... Ở nước ta, chỉ số Đao-Jôn luôn là mối quan tâm của Ban điều hành Quỹ bình ổn hối đoái nói riêng và Ngân hàng trung ương nói chung để tham gia hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá đối với nền kinh tế. Đây là thể hiện tính đặc thù của ngành ngân hàng, vì ngành này có tính quốc tế hóa cao. ❑

GIÁ TẠP CHÍ
Từ tháng 1-1998, giá **Tạp chí Cộng sản** mỗi số 4 000đ

Digitized by Google

Nông trường 722

State Farm 722

Add : Km 64, EaKnop Townlet, Eakar, Daklak
Tel : (050) 8.29077



Director : Dang Khac Coi

Farm 722, a State-run enterprise, manages 850 ha of farming land, in which

Coffee area : 135 ha

Sugarcane area : 150 ha

Cashew nut area : 300 ha

In the next few years, the farm together with local farmers of Eaknop will develop an additional 1,000 ha of cashew nut.

At present the farm functions as a cashew nut varietal center, studying the breeding and planting of improved cashew nut varieties for mass cultivation in the area. The district is expected to have 7,000 ha of cashew nut by year 2000.

- The farm has built an export cashew nut processing workshop with capacity of 2,000 tonnes/year in 1996 - 1997, to rise to 6,000 tonnes in 1998 - 1999, and 10,000 tonnes/year from 2000-2010.

The farm seeks to cooperate with both domestic and foreign partners.

Nông trường 722 là một doanh nghiệp Nhà nước hiện đang quản lý 850 ha đất tự nhiên

Trong đó có diện tích cây cà phê : 135 ha

- Diện tích cây mía 150 ha
- Diện tích cây điều (đào lộn hột) : 300 ha

Trong một vài năm tới, nông trường sẽ cùng bà con nông dân ở EaKnốp tăng diện tích cây điều 1.000 ha. Hiện tại Nông trường đang làm trung tâm giống cây điều ghep để thay thế giống cũ bằng giống có năng suất cao để đầu tư cho nông dân phát triển cây điều trên địa bàn huyện Eakar, phấn đấu đến năm 2000 toàn huyện có 7.000 ha cây điều.

- Nông trường đã xây dựng xưởng chế biến hạt điều xuất khẩu với công suất năm 1996-1997 là 2.000 tấn /năm, năm 1998-1999 là 6.000 tấn và từ năm 2000 đến 2010 là 10.000 tấn/năm.

Nông trường mong muốn hợp tác đầu tư với các đơn vị trong và ngoài nước





Digitized by Google

NÔNG TRƯỜNG 715[B]

ĐỊA CHỈ : XÃ EARIÊNG, HUYỆN M'DRẮC, TỈNH DAKLAK
ĐIỆN THOẠI : (050) 831368. GIÁM ĐỐC : LÊ TRỌNG THÂM



Tổng diện tích 1489 hécta, trong đó cà phê là 180 hécta. Cây công nghiệp 130 hécta.

Hân hạnh được đón tiếp quý vị

NÔNG TRƯỜNG 715[C]

ĐỊA CHỈ : XÃ EARIÊNG, HUYỆN M'DRẮC, TỈNH DAKLAK
ĐIỆN THOẠI : (050) 831385. GIÁM ĐỐC : NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG

- Tổng diện tích tự nhiên 1500.
- Đất sản xuất cà phê quốc doanh 122 hécta.

Hân hạnh được đón tiếp quý vị



Digitized by Google

AGRICULTURAL MATERIALS COMPANY

LAM DONG PROVINCE

ADDRESS : Hiep Thanh Village, Duc Trong District, Lam Dong Province
Telephone : 840359; 840506; Fax : 840432

- **TRADING IN :** Local and imported fertilizers, pesticide.
- **SCOPE OF ACTIVITY :** Providing agricultural materials to all in Lam dong Province and in Southern Provinces as well.

The company is seeking joint venture cooperation in the agricultural materials business.



TRỤ SỞ CÔNG TY

Địa chỉ : xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
ĐT : 840359; 840506; Fax : 840432

CÔNG TY VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG



GIÁM ĐỐC : ĐẶNG ĐÌNH HÒA

- **KINH DOANH CÁC MẶT HÀNG :** Phân bón nội địa và ngoại nhập, thuốc trừ sâu.
- **PHẠM VI HOẠT ĐỘNG :** Cung ứng vật tư nông nghiệp trong toàn tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh bạn ở phía Nam.

Công ty nhận hợp tác và liên doanh trong ngành về vật tư nông nghiệp

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẾN TRE

Địa chỉ : 20, Cách Mạng Tháng Tám, Thị xã Bến Tre
Điện thoại : 822186 - 822241 : Fax : 829422

*** Mua vé số kiến thiết tỉnh Bến Tre là góp phần xây dựng các công trình phúc lợi xã hội.**
*** Trúng thưởng quý khách sẽ được lãnh trọn tiền mặt một lần tại Công ty Xổ số kiến thiết tỉnh Bến Tre.**
*** Kết quả mở số vào lúc 16 giờ 15 ngày thứ ba hàng tuần.**
*** Công ty XSKT báo kết quả trên hệ thống máy FAX.**



Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV kính chúc quý khách năm mới an khang và thịnh vượng

Digitized by Google

CÔNG TY BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT CẦN THƠ

CAN THO BEER AND BEVERAGE COMPANY

NƯỚC GIẢI KHÁT CẦN THƠ THƠM NGON - BỔ DƯỠNG, SẢN XUẤT TIÊU THỤ CÓ UY TÍN TRÊN THỊ TRƯỜNG MIỀN TÂY VỚI CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN

CAN THO SOFT DRINKS FOR REFRESHMENT : SWEET SMELLING - GOOD - TASTING FORTIFIED (TONIC) PRODUCED CONSUMED WITH ITS PRESTIGE IN THE WESTERN MARKET WITH MODERN TECHNOLOGY

NƯỚC GIẢI KHÁT

Huy chương vàng hội chợ NNQT Cần Thơ 93



Địa chỉ : 152 - ĐƯỜNG 30 THÁNG 4 - TP. CẦN THƠ
ĐT : 838477 - 838900 - 838180 - FAX: 84.71.838225

Digitized by Google

5/30

VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TÂY NGUYÊN

Institute of hygiene and epidemiology Tay Nguyen SRV

ĐC : 60 Hai Bà Trưng,TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Daklak
ĐT : (050) 852695 - 852694 * Fax : (050) 852423
Q. Viện trưởng : TS. VŨ ĐỨC VỌNG

Add : 60 Hai Ba Trung st., Buon Ma Thuot City, Daklak province
Tel : (050) 852695 - 852694 * Fax : (050) 852423
Dr. Med. VU DUC VONG

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

1. Điều tra, nghiên cứu tình hình vệ sinh dịch tễ (trọng tâm là các bệnh dịch nguy hiểm và bệnh sốt rét ở Tây Nguyên) tổ chức các biện pháp phòng chống, tiêu diệt các bệnh dịch.
2. Hướng dẫn, chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ cho các cơ sở vệ sinh phòng dịch, sốt rét ở Tây Nguyên.
3. Hướng dẫn, giúp đỡ y tế các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên tiến hành công tác tuyên truyền, giáo dục vệ sinh cho nhân dân; xây dựng các thị xã, buôn làng có phong trào giữ gìn vệ sinh, phòng chống bệnh tật, góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh thần của các dân tộc trong vùng Tây Nguyên.
4. Đào tạo cán bộ chuyên khoa cho viện và cho mạng lưới vệ sinh phòng dịch các tỉnh trong vùng Tây Nguyên.
5. Xây dựng Viện về mọi mặt, không ngừng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn để làm tròn nhiệm vụ của một Viện.
6. Hợp tác nghiên cứu khoa học với các nhà chuyên môn trong và ngoài nước để ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc phòng ngừa và tiêu diệt dịch bệnh vùng Tây Nguyên.



IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 3000Đ

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
H68B
Index

UNIV. OF MICH.
JAN 14 1998
CURRENT SERIALS

MỤC LỤC
TẠP CHÍ CỘNG SẢN NĂM 1997

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
I - Những vấn đề chung		
- Tập trung mọi cố gắng, dành ưu tiên cao nhất cho phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ	Đỗ Mười	1
- Vững tin bước vào năm 1997 với thế và lực mới	***	1
- Học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội - cơ sở lý luận của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nguyễn Thế Nghĩa	1
- Phơi phới sức xuân đất nước	Xã luận	2
- Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, phấn đấu đưa nhanh Nghị quyết Đại hội VIII vào cuộc sống	Xã luận	3
- Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, mãi mãi là Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh	Đỗ Mười	3
- Những cống hiến xuất sắc của đồng chí Trường Chinh đối với cách mạng Việt Nam	Đức Vượng	3
- Đánh giá tổng quát và kinh nghiệm của 4 năm đổi mới, chỉnh đốn Đảng	Nguyễn Văn An	3
- Lê-nin và đảng theo học thuyết Lê-nin trong tư tưởng, tình cảm Hồ Chí Minh	Trịnh Gia Ban	3
- Tiếp tục thực hiện tốt cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước	Nguyễn Tấn Dũng	4
- Quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Nguyễn Duy Quý	6
- Nâng cao chất lượng công tác tư tưởng - văn hóa, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Đỗ Mười	7
- Vấn đề sản xuất kinh doanh của các tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước ở Hà Nội	Lê Xuân Tùng	7
- Chúng ta đã tự khẳng định mình bằng những thành tựu to lớn đạt được trong 5 năm qua	Lê Đức Anh	8
- Nhìn lại sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	Võ Văn Kiệt	8
- Một số nội dung trong tư tưởng nhân văn, đạo đức, văn hóa Hồ Chí Minh	Võ Nguyên Giáp	9
- Về tính đa dạng của khả năng đi lên chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Các Mác	Nhị Lê	9

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Quốc hội của chúng ta	Xã luận	10
- Hồ Chí Minh - nhân cách tiêu biểu của con người văn hóa tương lai	Tô Huy Rứa	10
- Bác Hồ đem mùa xuân về cho dân tộc	Hà Huy Giáp	10
- Về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với phụ nữ	Lê Ngọc Thắng	10
- Làm sáng tỏ hơn nữa lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Nguyễn Đức Bình	11
- Vận dụng tư tưởng đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay	Lê Văn Yên	11
- Bác Hồ với học thuyết Nho giáo	Lê Văn Quán	11
- Thực hiện tốt chính sách đối với thương binh - liệt sĩ và người có công với cách mạng, góp phần tạo động lực ổn định và phát triển đất nước, xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng	Đoàn Khuê	12
- Tăng cường xây dựng nhà nước và đội ngũ cán bộ vững mạnh, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Đỗ Mười	13
- Cuộc Tổng tuyển cử lần thứ X	Xã luận	14
- 50 năm Ngày thương binh - liệt sĩ	Xã luận	14
- Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa - một giải pháp cơ bản, cấp thiết để xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh	Đỗ Mười	14
- Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, nhà lãnh đạo mẫu mực và tài năng	Lê Khả Phiêu	14
- Tăng cường và đổi mới công tác kiểm tra của Đảng	Nguyễn Thị Xuân Mỹ	15
- Nhân dân làm chủ thực sự và trực tiếp sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự - vấn đề có ý nghĩa chiến lược	Lê Minh Hương	15
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự chuyển biến từ cách mạng giải phóng dân tộc lên cách mạng xã hội chủ nghĩa	Nguyễn Thế Hinh	15
- Xây dựng từng bước quan hệ sản xuất mới	Lê Xuân Tùng	16
- Giá trị bền vững của học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội	Nguyễn Duy Quý	16
- Chiến lược cán bộ	Hà Đăng	17
- Chào mừng Quốc hội khóa X	Xã Luận	18
- Nâng cao chất lượng chính trị, văn hóa và khoa học của báo chí - xuất bản	Đỗ Mười	18
- Nắm vững các quan điểm cơ bản về công tác báo chí - xuất bản	Nguyễn Đức Bình	18
- Xây dựng nhà nước và Quốc hội thật sự của dân, do dân và vì dân, hoạt động có hiệu lực và hiệu quả	Đỗ Mười	19
- Định hướng chương trình hành động của Chính phủ trong nhiệm kỳ mới	Phan Văn Khải	20
- V. I. Lê-nin trong sinh hoạt nội bộ đảng và đời thường	Đỗ Tư	20

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Cách mạng Tháng Mười và công cuộc đổi mới của nhân dân ta	Lê Khả Phiêu	22
- Cách mạng Tháng Mười tiếp tục soi sáng con đường chúng ta đi	Nguyễn Đức Bình	22
- Một số vấn đề chủ yếu trong nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 1998	Phan Văn Khải	23
II - Kinh tế		
- Bàn về năng lực và hiệu quả quản lý vĩ mô của nhà nước trong nền kinh tế thị trường	Lại Ngọc Hải	1
- Công nghiệp nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Nguyễn Văn Phúc	1
- Đảng bộ Lạng Sơn chỉ đạo thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa	Hoàng Tanh	1
- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa dưới góc nhìn của một đơn vị sản xuất cơ sở	Nguyễn Trần Nam	1
- Vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Tào Hữu Phùng	2
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1996 - 2000	Nguyễn Sinh Cúc	2
- Kế hoạch hóa trong nền kinh tế thị trường	Lê Hồng Tiễn	2
- Người lao động và vấn đề tiền lương hiện nay	Trần Văn Tá	2
- Một số giải pháp cơ bản để đẩy nhanh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	Trần Quốc Tuấn	2
- Vấn đề người lao động ngoại tỉnh ở Thủ đô Hà Nội	Phạm Tất Thắng và Vũ Bình	2
- Vấn đề vùng - lãnh thổ trong chiến lược cơ cấu kinh tế	Trần Đình Thiên	3
- Sóc Sơn khắc phục khó khăn để khẳng định mình	Nguyễn Văn Kết	3
- Mấy vấn đề về công tác tài chính năm 1997	Nguyễn Sinh Hùng	4
- Tỉnh ủy Thái Bình với nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa địa phương	Vũ Đình Thành	4
- Vì sao công ty dịch vụ hậu cần thủy sản Bà Rịa - Vũng Tàu sản xuất - kinh doanh có hiệu quả ?	Xuân Lê	4
- Ngành công nghiệp đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Đặng Vũ Chư	5
- Mấy vấn đề về phát triển khu công nghiệp trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nguyễn Quang Thái	5
- Vì sao chống tham nhũng kém hiệu quả ?	Lê Xuân Lưu	5
- Phú Yên phát triển sản xuất hàng hóa	Lê Xuân Đình	5
- Đổi mới hoạt động ngân hàng phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Cao Sỹ Kiêm	6

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn	Nguyễn Đắc Hưng	6
- Một số suy nghĩ về nội dung và bước đi công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Nghệ An	Lê Doãn Hợp	6
- Bắc Sơn trên đường đổi mới	Thái Sơn	6
- Về kinh tế tư bản nhà nước ở nước ta	Phạm Chí Dũng	7
- Giai đoạn mới của đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam	Lê Bộ Lĩnh	7
- Bắc Ninh phấn đấu cho bộ mặt của tỉnh thật sự thay đổi theo chiều hướng tốt	Ngô Đình Loan	7
- Di cư tự do : Thực trạng và kiến nghị	Nguyễn Hữu Tiến	7
- *Hội thảo khoa học :* Hoàn thiện môi trường thể chế cho phát triển bền vững các hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở nông thôn đồng bằng sông Hồng	Nguyễn Vũ Bình (thực hiện)	8
- Mười năm đổi mới kinh tế - nhìn lại và bước tiếp	Nguyễn Ngọc Tuân	9
- Thực hiện một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Lê Văn Dỹ	9
- Phát triển dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở huyện Gia Lâm, Hà Nội	Lê Quý Đôn	9
- Để ngành xe đạp, xe máy đủ sức cạnh tranh và vươn lên làm chủ thị trường	Lê Thước	9
- An toàn và chất lượng tín dụng - nhìn từ góc độ vĩ mô	Phạm Ngọc Phong	10
- Công tác giám định hàng hóa trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta	Phạm Thắng	10
- Yếu tố quyết định hiệu quả, sản xuất kinh doanh ở Công ty kính Đáp Cầu	Võ Hữu Lộc	10
- Đẩy mạnh huy động vốn cho đầu tư và phát triển	Nguyễn Văn Doãn	11
- Khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung là một giải pháp về vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Nguyễn Nhâm	11
- Những biến đổi quan trọng của nông nghiệp và nông thôn ở Quảng Ninh	Phan Hùng	11
- Sự phân hóa giàu nghèo ở các tỉnh Tây Nguyên	Nguyễn Sinh	11
- Thị trường các sản phẩm phi nông nghiệp xuất khẩu - chính sách và giải pháp	Nguyễn Thường Lạng	12
- Vai trò của trang trại gia đình trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn	Trần Đức	12
- Chính sách tỷ giá hối đoái với sự phát triển kinh tế xã hội ở nước ta	Phạm Văn Bốn	12
- Công ty viễn thông quốc tế đi lên trong sự nghiệp đổi mới	Ngô Đệ	12
- Tổng công ty xây dựng cầu Thăng Long phát triển trong cơ chế thị trường	Nguyễn Hải Thoại	12

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ	Dương Bá Phượng	13
- Kinh nghiệm về đô thị hóa ở các nước và sự vận dụng vào nước ta	Trần Ngọc Hiên	13
- OSC Việt Nam 20 năm thử thách, trưởng thành	Trịnh Gia Ban	13
- Hà Giang khai thác tiềm năng, thế mạnh tiến tới năm 2000	Hoàng Thừa	14
- Một số vấn đề về phát triển công nghiệp nông thôn ở nước ta hiện nay	Hồ Văn Vĩnh	15
- Về giải pháp ổn định giá lúa đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn Sinh Cúc	15
- Công ty phát triển khu công nghiệp Biên Hòa, một mô hình mới và hiệu quả ở Việt Nam	Trịnh Gia Ban và Nguyễn Kinh Đính	15
- Quận 11 TP Hồ Chí Minh trên đà phát triển	Bùi Thiện Tích	16
- Từ thực tế một xã, suy ngẫm về sự đóng góp của nông dân	Lê Trọng	16
- Phát triển nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Phan Xuân Dũng	17
- Đảng bộ Yên Bái lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội ở vùng cao	Nguyễn Như Ý	17
- Vấn đề thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam	Nguyễn Thường Lạng	17
- Về chính sách tiền lương	Lê Xuân Đình	17
- Quản lý nhà nước về giá cả	Nguyễn Đình Bích	18
- Xây dựng cơ cấu hạ tầng ngành ngân hàng và tài chính	Nguyễn Xuân Oánh	18
- Vai trò của các doanh nghiệp nhà nước đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn	Hồ Văn Vĩnh	19
- Mấy suy nghĩ về rừng và kinh tế rừng ở Tây Nguyên hiện nay	Đỗ Thanh Phương	19
- Đồng bằng sông Cửu Long mùa này, con nước...	Vũ Hiền và Phạm Thắng	19 - 20
- Thủ đô Hà Nội trên đường đổi mới	Hoàng Văn Nghiên	20
- Cà Mau hướng tới năm 2000	Đặng Thành Học	20
- Vĩnh Phúc phát huy truyền thống vững bước đi lên	Bùi Hữu Hải	20
- Con đường phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở nước ta	Trần Đức	20
- Tiếp tục hoàn thiện các điều kiện tiền đề để thiết lập thị trường chứng khoán ở Việt Nam	Trần Mạnh Dũng	21
- Về chế độ bộ chủ quản và cấp hành chính chủ quản đối với doanh nghiệp nhà nước	Dương Quang Tung	21
- Bạc Liêu ổn định và tiếp tục phát triển	Nguyễn Văn Út	21
- Phát triển du lịch Thừa Thiên - Huế thành ngành kinh tế mũi nhọn	Nguyễn Văn Hùng và Võ Văn Phúc	21
- Công ty giấy Bãi Bằng gắn chặt công tác xây dựng Đảng với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh	Trần Ngọc Quế	21

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Phát hành và lưu thông chứng khoán - một giải pháp quan trọng để hình thành và phát triển thị trường chứng khoán	Phan Thanh Phố và Nguyễn Thị Thơm	22
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 1996 - 2000	Nguyễn Sinh Cúc	22
- Tây Ninh : mục tiêu chủ yếu và những giải pháp cho kế hoạch 5 năm 1996 - 2000	Nguyễn Thị Minh	22
- Thanh Sơn tập trung sức mạnh tổng hợp để từng bước xóa đói giảm nghèo	Phùng Văn Tiến	22
- Dầu khí Việt Nam hướng tới thế kỷ XXI	Ngô Thường San	23
- Mấy vấn đề về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Ninh Bình	Nguyễn Thanh Túc	23
- Chống buôn lậu và gian lận thương mại - nhiệm vụ cấp bách trong giai đoạn hiện nay	Phan Văn Minh	23
- Một số ý kiến về tăng cường quản lý và kiểm soát các ngân hàng ở nước ta	Nguyễn Đình Tự	24
- Vài nét về kinh tế nông hộ Đông Nam Bộ hiện nay	Nguyễn Thị Phương Thảo	24
- Tổng công ty than Việt Nam trên đường đi tới năm 2000	Đoàn Văn Kiển	24
III - Chính trị - triết học		
- Phát huy yếu tố con người trong lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay	Phương Kỳ Sơn	1
- Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài ngày càng hướng về Tổ quốc	Nguyễn Dy Niên	1
- Lý thuyết phát triển và những bài học cần suy ngẫm	Hồ Văn Thông	2
- Giữ vững và nâng cao bản lĩnh chính trị của Đảng trong thời kỳ phát triển mới	Hồ Kiếm Việt	3
- Những yêu cầu của lãnh đạo chính trị đối với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	Nguyễn Đăng Thành	3
- Vài suy nghĩ về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội hiện nay	Bùi Đình Thanh	4
- Tham nhũng : nhận diện từ các khía cạnh pháp lý và cơ sở pháp lý mới	Đào Trí Úc	4
- Một số suy nghĩ và bài học rút ra từ các cuộc cải cách hành chính trong lịch sử Việt Nam	Đinh Văn Tiến	4
- Cải cách nền hành chính quốc gia trong thời kỳ đổi mới	Nguyễn Duy Gia	5
- Những tín hiệu mới của thời đại chúng ta	Khổng Doãn Hợi	6
- Về bản chất của chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường	Nguyễn Thanh Hào và Lê Thị Hồng	6
- Lê Duẩn, nhà chiến lược chính trị, quân sự có tầm cỡ	Hoàng Tùng	7

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- "Làm chủ", một tư tưởng cao đẹp	Vũ Hiền	7
- Mấy vấn đề thực tiễn và lý luận của việc cải cách bộ máy hành chính	Chu Thành và Hoàng Công	7
- Nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ	Xuân Thạch	8
- Nghệ thuật đánh thắng địch từng bước, tạo thời cơ giành thắng lợi hoàn toàn	Lê Xuân Lựu	8
- Về vấn đề "phát triển vượt cấp" trong lý luận tiến bộ xã hội mác xít	Phạm Văn Chúc	8
- Kinh tế thị trường và công tác tư tưởng	Lê Hữu Nghĩa	9
- Một vụ án - đôi điều suy ngẫm	Vũ Xuân Kiều	9
- Xu hướng và các nhân tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế nhiều thành phần	Nguyễn Chí Mỳ	10
- Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính	Nguyễn Văn Thảo	11
- Dân chủ : phương tiện hay mục đích ?	Nghiêm Hưng	11
- Một số vấn đề về luật bầu cử đại biểu Quốc hội	Phùng Văn Tửu	12
- 50 năm thực hiện chính sách người có công với cách mạng ở Thủ đô Hà Nội	Trần Văn Tuấn	14
- Cải cách tư pháp ở nước ta	Nguyễn Văn Thảo	14
- Nâng cao hiệu quả chất lượng công tác giáo dục chính trị trong quân đội	Phạm Thanh Ngân	15
- Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân lao động	Lưu Văn Sùng	15
- Xây dựng cơ sở trên địa bàn quân khu IV	Nguyễn Quốc Thước	15
- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của ngành tòa án nhân dân	Phạm Hưng	16
- Tăng cường bản chất cách mạng của Nhà nước ta trong tình hình mới	Trần Đình Huỳnh	16
- Về đặc điểm nổi bật và xu thế chủ yếu của thế giới ngày nay	Quang Cận	16
- Sở hữu và phát triển	Lưu Hà Vỹ	16
- Một số vấn đề về tôn giáo hiện nay	Nguyễn Thế Thắng	16
- Mấy vấn đề về đào tạo cán bộ cho các cơ quan hành chính nhà nước	Trần Quang Minh và Hà Quang Ngọc	17
- Xu thế vận động tất yếu của chủ nghĩa xã hội hiện thực ngày nay	Nhị Lê	17
- Thế nào là bóc lột ?	Vũ Hiền	17
- Quốc hội trong điều kiện phát triển mới của đất nước	Nguyễn Văn Thảo	18
- Một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giám sát của Quốc hội	Bùi Ngọc Thanh	18

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu để vùng dân tộc và miền núi đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Hoàng Đức Nghi	18
- Tiếp tục nghiên cứu, đẩy mạnh hoạt động lập pháp trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa X	Nguyễn Quốc Thắng	19
- Để thực hiện dân chủ trực tiếp trên địa bàn làng xã	Bùi Ngọc Trình	19
- Sự phát triển của các quan hệ sản xuất trong công cuộc đổi mới hiện nay	Trần Xuân Trường	20
- Đôi điều rút ra từ tình hình phức tạp ở một số địa phương tỉnh Thái Bình	Xuân Hải và Hà Nhân	20
- Mấy kinh nghiệm quản lý rút ra từ một vụ án trọng điểm	Nguyễn Thị Vy	20
- Nền dân chủ nào ?	Hoàng Tùng	21
- Một cách tiếp cận về sở hữu xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa	Quang Cận	21
- Hội cựu chiến binh Việt Nam, một chặng đường phấn đấu và trưởng thành	Trần Văn Quang	22
- Công tác quốc phòng - an ninh trong nền kinh tế mở của thành phố Hải Phòng	Nguyễn Duy Hạc	22
- Mở rộng dân chủ trực tiếp, thiết thực, đúng hướng và có hiệu quả	Hoàng Minh	22
- Xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Phạm Văn Trà	23
- Xây dựng lực lượng vũ trang thủ đô vững mạnh đáp ứng thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Phạm Văn Tánh	23
- "Đánh sập một thần tượng"	Văn Tiến Dũng	24
- Chiến công oai hùng của Thủ đô Hà Nội	Lê Xuân Tùng	24
- Công tác bảo vệ chính trị nội bộ với chiến lược cán bộ	Nguyễn Đình Hương	24
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Phạm Thanh Ngân	24
- Nâng cao năng lực thể chế hóa, đổi mới quy trình lập pháp	Nguyễn Văn Thảo	24
IV - Văn hóa - xã hội		
- Phát triển giáo dục và đào tạo nhân tài để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Nguyễn Văn Hiệu	1
- Một số vấn đề về nghèo đói và việc xóa đói giảm nghèo	Vũ Hiền	1
- Hải Phòng phấn đấu làm cho giáo dục thực sự là quốc sách hàng đầu	Trần Xuân Đình	1
- Chủ nghĩa xã hội và văn minh trí tuệ	Vũ Đình Cự	2

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Phát huy sức mạnh tổng hợp của các khoa học liên ngành phục vụ sự nghiệp đổi mới đất nước	Phạm Xuân Nam	2
- Di sản cố đô Huế với quá trình công nghiệp hóa và phát triển đô thị ở Thừa Thiên - Huế	Ngô Yên Thi	2
- Vấn đề mới và cấp bách trong công tác bảo vệ môi trường	Nguyễn Thế Thôn	2
- Công tác giáo dục đạo đức, chính trị cho học sinh, sinh viên	Nguyễn Quốc Anh	2
- Trường Chinh, một tư duy văn hóa sáng tạo	Hà Xuân Trường	3
- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc	Lương Quỳnh Khuê	3
- Phát triển khoa học và công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở miền Trung	Trương Minh Dục	3
- Thực hiện công ước quốc tế quyền trẻ em ở Việt Nam	Trần Thị Thanh Thanh	4
- Khoa học tự nhiên và văn hóa truyền thống	Nguyễn Văn Trọng	4
- Củng cố và phát triển đội ngũ trí thức các dân tộc thiểu số	Phan Thanh Khôi	4
- Trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước	Chu Thái Thành	4
- Phấn đấu đưa nghị quyết Trung ương 2 vào cuộc sống	Phạm Gia Khiêm	5
- Suy ngẫm về tương lai đất nước	Hoàng Xuân Sính	5
- Đi thẳng vào khoa học và công nghệ hiện đại	Phan Xuân Dũng	5
- Góp phần tìm hiểu sự thay đổi môi trường nhân văn trong đô thị hóa ở Việt Nam hiện nay	Trần Bạch Đằng	5
- Văn hóa luật pháp - truyền thống và bài học hôm nay	Đặng Cảnh Khanh	5
- Báo chí Thành phố Hồ Chí Minh trên đường tự đổi mới	Nguyễn Sơn	5
- Nguồn lực trí tuệ và sức mạnh đột phá	Nguyễn Đình Cự	6
- Khoa học dự báo và một vài dự báo khoa học - công nghệ đầu thế kỷ XXI	Trần Bá Khoa	6
- Xây dựng ý thức quốc phòng - một vấn đề có ý nghĩa xã hội rộng lớn	Nguyễn Thế Lực	6
- Một số vấn đề về văn hóa và nếp sống đô thị ở nước ta hiện nay	Nguyễn Khoa Điềm	7
- Nâng cao đạo đức nghề nghiệp của người thầy thuốc	Đỗ Nguyên Phương	7
- "Diễn biến hòa bình" nhìn từ góc độ văn hóa	Nguyễn Hòa	7
- Chính sách cung ứng thuốc cho người nghèo	Nguyễn Thị Hoài Thu	7
- Khắc phục sự sa sút của giáo dục	Phan Thị Xuân Chi	7
- Giáo dục Việt Nam - mười năm đổi mới và chặng đường trước mắt	Trần Hồng Quân	8
- Từ trong di sản Lê-nin về trí thức	Chu Thái Thành	8
- Bốn mươi năm qua, thử nhìn lại	Hữu Mai	8
- Những tác động ban đầu của công nghiệp hóa, đô thị hóa tới gia đình ở TP Hồ Chí Minh	Nguyễn Minh Hòa	8

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Văn hóa Mỹ qua con mắt của một nhà nghiên cứu Việt Nam	Đỗ Đức Thảo	9
- Cảm nhận nhỏ trước 40 năm văn học	Hữu Thỉnh	10
- Bốn mươi năm Hội nhà văn và sự phát triển đội ngũ văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam	Nông Quốc Chấn	10
- Long An chăm lo xây dựng và phát triển nguồn lực con người	Phạm Thanh Phong	10
- Vấn đề tự học trong sự phát triển tài năng	Trường Giang	10
- Bước phát triển của báo chí trong quá trình đổi mới ở nước ta	Phạm Quang Nghị	11
- Ý nghĩa thức tỉnh từ vụ án đường dây ma túy	Dương Vũ và Võ Đăng Thiên	11
- Vận hội và thách thức báo chí trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Tạ Ngọc Tấn	12
- Những vấn đề của một nền báo chí đang phát triển	Hồ Bất Khuất	12
- Xem xét nhân tố người lao động trong cấu trúc của lực lượng sản xuất	Trương Giang Long	13
- Đổi mới quan niệm về thể dục, thể thao	Nguyễn Toán	13
- Thu hút và sử dụng trí thức trẻ ở nông thôn và miền núi	Hà Quang Ngọc	13
- Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học "đầu đàn"	Phạm Gia Khiêm	14
- Tiến bộ xã hội - mục tiêu quan trọng của hệ thống chính sách xã hội	Trần Đình Hoan	14
- Hai pháp lệnh quan trọng đi vào cuộc sống	Nguyễn Đình Liêu	14
- Con người và cốt lõi của chính sách xã hội vì con người	Dương Tùng	14
- Hợp tác giáo dục và đào tạo với các nước Đông - Nam Á	Trần Văn Nhung và Nguyễn Văn Khôi	14
- Đa dạng văn hóa và sự phát triển xã hội hiện nay	Ngô Đức Thịnh	15
- Huyện Yên Mô thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội	An Viết Vân	15
- Tính xã hội của trật tự an toàn giao thông	Trần Đào	15
- Cần có một chiến lược về văn hóa	Từ Sơn	16
- Bộ trưởng Trần Hồng Quân trả lời phóng viên Tạp chí Cộng sản : "Nghiêm túc lắng nghe để không ngừng hoàn thiện các chủ trương đổi mới trong giáo dục - đào tạo"	PV	17
- Thời đại ngày nay và vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc	Nguyễn Hòa	17
- Xã hội hóa giáo dục và bài toán tăng nguồn lực cho giáo dục	Võ Đăng Thiên	17
- Vài suy nghĩ về tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội	Hiền Anh	18
- Thực trạng bức xúc về mặt xã hội, văn hóa và nhân văn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nguyễn Thế Nghĩa	18
- Thay đổi việc cưới, việc tang ở một vùng quê	Vũ Ngọc Ấn	18
- Bảo hiểm xã hội - một vấn đề nhân văn và tiến bộ xã hội	Nguyễn Huy Ban	19
- Nâng cao đời sống văn hóa tinh thần vùng núi các tỉnh miền Trung	Hồ Tấn Sáng	19

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Điện ảnh - niềm vui ... nỗi buồn	Vũ Chính	19
- Thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa ở Việt Nam	Nguyễn Khánh	20
- Vài suy nghĩ về truyền thống dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa	Nguyễn Mạnh Hưởng	21
- Cánh sóng Hà Nội vươn lên trong đổi mới	Văn Hải	21
- Một chặng đường nghiên cứu văn hóa ở nước ta trong "thập kỷ thế giới phát triển văn hóa"	Nguyễn Xuân Kính	21
- Cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới hiện nay - thời cơ và thách thức đối với nền giáo dục ở nước ta	Nguyễn Hoa Thịnh	22
- Nâng cao hiệu quả giáo dục thế hệ trẻ	Đỗ Tuyết Bảo	22
- Đội ngũ nhà văn trẻ đang tự khẳng định mình	Mai Hải Oanh	22
- Đào tạo nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở TP Hồ Chí Minh	Minh Sâm	23
- Gia đình văn hóa, làng văn hóa trong phát triển nông thôn hiện nay	Đỗ Kim Thịnh	23
- Xây dựng nông thôn mới ở một vùng chiêm trũng	Nhật Tân	23
- Đôi điều rút ra từ cơn bão số 5	Dương Vũ	23
- Thực hiện vệ sinh môi trường để nâng cao chất lượng sống và phát triển bền vững	Phạm Song	24
- Vấn đề phân tầng xã hội ở Lâm Đồng	Bùi Chí Kiên	24
- Về việc trí thức trẻ tham gia phát triển nông thôn, miền núi	Nguyễn Quốc Anh	24
- Chặng đường 30 năm của Hội văn nghệ dân gian Việt Nam	Nguyễn Xuân Kính	24
V - Xây dựng Đảng		
- Những bước trưởng thành của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên đảng bộ Hà Nội	Lê Xuân Tùng	1
- Về xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh	Lê Quang Thưởng	2
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nguyễn Kim Khánh	3
- Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt, trước nhất là người đứng đầu	Chu Văn Ry	5
- Công tác cán bộ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Vương Thị Hanh	5
- Cán bộ là cái gốc của mọi công việc	Tiến Hải	6
- Tuổi trẻ Việt Nam xung kích trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Vũ Trọng Kim	6
- Về nâng cao chất lượng của các tổ chức cơ sở đảng	Đức Lượng	8
- Xây dựng chiến lược cán bộ cho thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhìn từ thực trạng đội ngũ cán bộ hiện nay	Đào Trọng Cảng và Nguyễn Quang Du	8
- Mười năm đổi mới của Công đoàn Việt Nam	Nguyễn Văn Tư	9

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Công tác xây dựng Đảng trong các trường đại học và cao đẳng ở Hà Nội	Nguyễn Phú Trọng	9
- Mấy yêu cầu cơ bản về trình độ trí tuệ và phẩm chất cách mạng của người cán bộ hiện nay	Trần Xuân Sầm	9
- Cán bộ - đầy tớ của dân	Hoàng Tùng	10
- Một chặng đường hoạt động sôi động của phụ nữ Việt Nam	Trương Mỹ Hoa	10
- Cán bộ xã, phường : vấn đề và giải pháp	Nguyễn Hữu Khiển	11
- Đánh giá và sử dụng cán bộ	Xuân Hải	12
- Công nghiệp hóa và hiện đại hóa nhìn từ vấn đề cán bộ	Trần Viết Hoàn	12
- Đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở ở tỉnh Lâm Đồng : thực trạng và kiến nghị	Bùi Chí Kiên	12
- Nguyễn Văn Cừ - nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta	Nguyễn Trọng Thụ	13
- Chăm lo "công việc gốc của Đảng"	Tô Huy Rứa	13
- Đức và tài, tiêu chuẩn và cơ cấu trong công tác cán bộ	Tiến Hải	13
- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng như thế nào ?	Lê Văn Lý	13
- Tấm gương chiến sĩ cách mạng tiền bối Châu Văn Liêm	Vũ Lân và Phương Hạnh	14
- Mấy vấn đề trong nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng hiện nay	Xuân Hải	14
- Dấu ấn rõ nét của đảng bộ Công ty Xu-pe phốt phát và hóa chất Lâm Thao	Nguyễn Vũ Cân	14
- Vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại - một cách tiếp cận	Đan Tâm	15
- Công tác tổ chức của Đảng sau ngày Tổng khởi nghĩa (19-8-1945)	Bùi Ngọc Thanh	16
- Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân	Vũ Hiền	16
- Đảng bộ huyện Đông Anh với chương trình nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các chi bộ đảng	Nguyễn Huy Diến	16
- Lê Hồng Phong, người lãnh đạo chủ chốt của Đảng những năm 1932 - 1938	Nguyễn Trọng Thụ	17
- Lào Cai xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở vùng cao	Nguyễn Nghĩa Vụ	17
- Công tác xây dựng Đảng ở các trường học	Lê Quang Thưởng	18
- Đọc tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" của Chủ tịch Hồ Chí Minh	Nguyễn Trọng Phúc	18
- Mấy vấn đề về xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn	Tiến Hải	19
- Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở ở vùng có đồng bào công giáo	Trần Duy Hưng và Nguyễn Thắng Lợi	19
- Công tác vận động thanh niên hiện nay	Vũ Trọng Kim	22

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và nhiệm vũ lãnh đạo của đảng bộ cơ sở	Phạm Ngọc Quang	23
- Tình hình công nhân và công đoàn trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Vũ Khang	23
VI - Sinh hoạt tư tưởng		
- Chỗ ngồi	Tiến Hải	1
- Phức tạp của phức tạp	Vũ Lân	2
- Để cho con cháu cái gì ?	Tăng Đô	3
- Hội thảo, cái mốt ?	Vũ Phòng	4
- "Cơ chế thiện chí"	Vũ Phòng	6
- "Sơn đầu chủ nghĩa"	Mai Ninh	8
- Đàm thoại	Hồng Ngọc	9
- Đâu phải chuyện riêng	Vũ Phòng	10
- Lên chức !	Từ Thanh Thường	12
- Thế nào là đoàn kết ?	Phú Hồ	13
- Đề bạt tạm ứng	Kỳ Hoa	14
- Thủ trưởng "hướng ngoại", thủ trưởng "hướng nội"	Vũ Phòng	15
- Một kiểu giữ ghế	Nguyễn Trọng Thụ	16
- Nhưng...	Mai Ninh	17
- Chuyện "quan lộ"	Công Vũ	18
- Xin mãi, lấy gì để cho ?	Tú Uyên	19
- "Dân trước, nước sau"	Mai Ninh	20
- Lòng người đo được	Dị Thảo	21
- Cái sướng và cái khổ	Nhân Đăng	22
- Hối lộ	Hoài Phương	24
VII - Những vấn đề quốc tế		
- Thế giới 1996 : một năm nhìn lại	Võ Thủ Phương	1
- Hàn Quốc mùa tuyết trắng	Vũ Hiền	2
- Một số vấn đề trong quá trình hội nhập Việt Nam - ASEAN	Trương Giang Long	3
- Kinh tế thương mại thế giới năm qua và triển vọng năm 1997	Đào Huy Giám	4
- Về xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc	Nguyễn Huy Quý	4
- Nền kinh tế Mỹ hiện nay : Sự phát triển và vấn đề đặt ra	Nguyễn Hoàng Giáp	4
- Tại Sao NATO ?	Trần Trọng	5
- Liên kết Á - Âu vì phát triển và phồn vinh	Lê Bá Thuyên	6
- Luật cấm vận, lưỡi gươm Đê-mô-clét	Nguyễn Viết Thảo	6
- Giao lưu và hội nhập văn hóa trong khu vực	Phạm Đức Thành	8

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Tham nhũng và chống tham nhũng ở một số nước trên thế giới	Trịnh Cường	9
- INTERNET : Cơ hội và thử thách	Phạm Thế Long và Đào Kiến Quốc	10
- Thử nhìn vào châu Á trong thế kỷ XXI	Phan Doãn Nam	11
- Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với các nước lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương hiện nay	Nguyễn Hữu Cát	11
- Những xu thế chủ yếu của thế giới hiện nay và tính chất của thời đại	Võ Nguyên Giáp	12
- NATO điều chỉnh chiến lược và cuộc "Đông tiến" ở châu Âu	Lê Bá Thuyên	12
- Cộng hòa dân chủ Công-gô - chặng đường mới	Võ Thủ Phương	12
- Hồng Công - lịch sử sang trang	Nguyễn Huy Quý	13
- Về những cuộc bầu cử vừa qua	Nguyễn Thị Hoa	13
- Hai mươi năm Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa DCND Lào và Cộng hòa XNCN Việt Nam (18-7-1977 - 18-7-1997)	Khămsing Sayakone	14
- Hành trình hội nhập Việt Nam - ASEAN	Vũ Dương Ninh	15
- ASEAN sau 30 năm trưởng thành	Nguyễn Văn Luật	15
- Hội nghị cấp cao lần thứ 7 của Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp	Nguyễn Đình Bin	16
- Cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc hiện nay	Trịnh Đình Từ	16
- Cuộc khủng hoảng tiền tệ ở một số nước ASEAN và sự cảnh báo đối với Việt Nam	Phương Nam	17
- Việt Nam với AFTA	Nguyễn Hữu Cát	18
- Cam-pu-chia, theo dòng sự kiện	Tam Nhân	18
- Đại hội XV Đảng cộng sản Trung Quốc	Nguyễn Huy Quý	19
- Việt Nam trước cuộc khủng hoảng tài chính tiểu khu vực	Đào Huy Giám	19
- Cách mạng Tháng Mười Nga và thế giới hiện đại	Hồng Long	20
- Cách mạng Tháng Mười và ý nghĩa thời đại của nó	Nguyễn Duy Quý	21
- Cách mạng Tháng Mười và bài học cho hôm nay	Bùi Ngọc Thanh	21
- Bài học từ Cách mạng Tháng Mười - xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân	Hoàng Công	21
- Giá trị Cách mạng Tháng Mười - qua những hệ giá trị quy chiếu và dưới góc nhìn ngược phía phản diện	Nhị Lê	21
- Đại hội XV Đảng cộng sản Trung Quốc - một đại hội xuyên thế kỷ	Lý Gia Trung	21
- Nhân tố "thế - lực - thời" trong quan hệ Việt Nam với cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp	***	22

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Thị trường chứng khoán Niu-oóc từ chấn động này... đến chấn động khác	La Côn	22
- Hòa bình, mục tiêu đấu tranh cao cả, bức thiết của thời đại	Trần Trọng	23
- Một số nội dung mới của kinh tế học phát triển	Trịnh Đình Từ	23
- Đại hội V Đảng Cộng sản Cu Ba - đại hội của sự đoàn kết và kiên định chủ nghĩa xã hội	Nguyễn Viết Thảo	24
- Giáo dục với tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ở Đông Á và Đông - Nam Á	Trần Văn Tùng và Lê Danh Tốn	24
VIII - Qua sách báo nước ngoài		
- Phải chăng tăng trưởng chậm là điều đáng lo ngại ?	Trịnh Cường (tổng thuật)	2
- Triển vọng của chủ nghĩa xã hội dưới ánh sáng tư tưởng Lê-nin		8
- Phân phối công bằng sự thịnh vượng quốc gia cũng là một mặt bảo đảm nhân quyền	Trịnh Cường (lược dịch và giới thiệu)	10
- Nga không chấp nhận thế giới một cực dưới sự lãnh đạo của Mỹ		13
- Nước và vấn đề sử dụng nước quá tải	Hà Trung (dịch thuật)	20
- Sản nghiệp hóa nông nghiệp : bản chất, hiệu quả và sự thực hiện	Lương Vinh	24
IX - Tìm hiểu khái niệm		
- INTERNET, tác dụng và hạn chế		1
- Hợp đồng dân sự. Hợp đồng lao động. Hợp đồng kinh tế		1
- Cấm vận. Các hình thức cấm vận		4
- Thư tín dụng thương mại (L/C). Các loại L/C		5
- Thị trường ngoại tệ liên ngân hàng. Thị trường tiền tệ		6
- Thuế trị giá gia tăng		7
- Văn bản quản lý nhà nước và các hình thức của nó		10
- Xét xử và các cấp xét xử của tòa án		11
- Bầu cử, ứng cử, bổ nhiệm, bãi nhiệm		12
- Khu công nghiệp. Khu chế xuất. Khu công nghệ cao		15
- Thuế thu nhập cá nhân		16
- Thuế xuất khẩu. Thuế nhập khẩu		18
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		19
- Thuế nhà, đất		21
- Chỉ số giá cả. Chỉ số Đao - Jôn		24

Digitized by Google

190

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
X - Tin hoạt động lý luận - Thực tiễn		
- Hội nghị tổng kết thí điểm đào tạo kỹ thuật viên cấp cao		1
- Hội nghị triển khai nhiệm vụ kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 1997		2
- Hội thảo "Sân khấu Đông - Nam Á"		3
- Họp mặt cộng tác viên Tạp chí Cộng sản		4
- Hội nghị tổng kết thực hiện chính sách tiền tệ năm 1996		4
- Hội thảo khoa học : Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác bảo vệ sức khỏe		5
- Hội nghị bàn về văn hóa và nếp sống đô thị trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa		7
- Hội thảo "Báo đảng các tỉnh, thành vùng duyên hải Bắc Bộ với việc tuyên truyền công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn"		8
- Hội nghị sơ kết rút kinh nghiệm xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh		9
- Bắc Ninh triển khai thực hiện chỉ thị 11 CT/TƯ của Bộ Chính trị về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng		12
- Hội nghị cộng tác viên, bạn đọc, phát hành Tạp chí Cộng sản		14
- Hội nghị triển khai xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 1998		15
- Bắc Ninh tổ chức hội nghị xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh		16
- "Tiếp tục đổi mới và phát triển báo chí - xuất bản vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước"		18
- Đại hội đảng bộ tỉnh Bắc Kạn		19
- Hội thảo khoa học "Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Mười Nga" (7-11-1917 - 7-11-1997)		22
- Đại hội đại biểu đảng bộ các tỉnh, thành mới được chia tách theo Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX		23
- Trao đổi kinh nghiệm phát triển đảng trong các trường đại học và cao đẳng ở Hà Nội		23
XI - Văn kiện - Tư liệu		
- Thông báo Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII		1
- Hồng Công		12
- Xây dựng nhà nước và đội ngũ cán bộ		13
- Tự chỉ trích		13
- Một công trình nghiên cứu sâu về quá trình hình thành tư tưởng chính trị của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh	Huy Cận	24

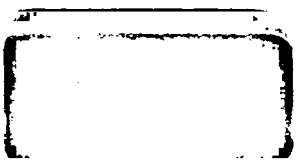
Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 08172 5841





Digitized by Google

